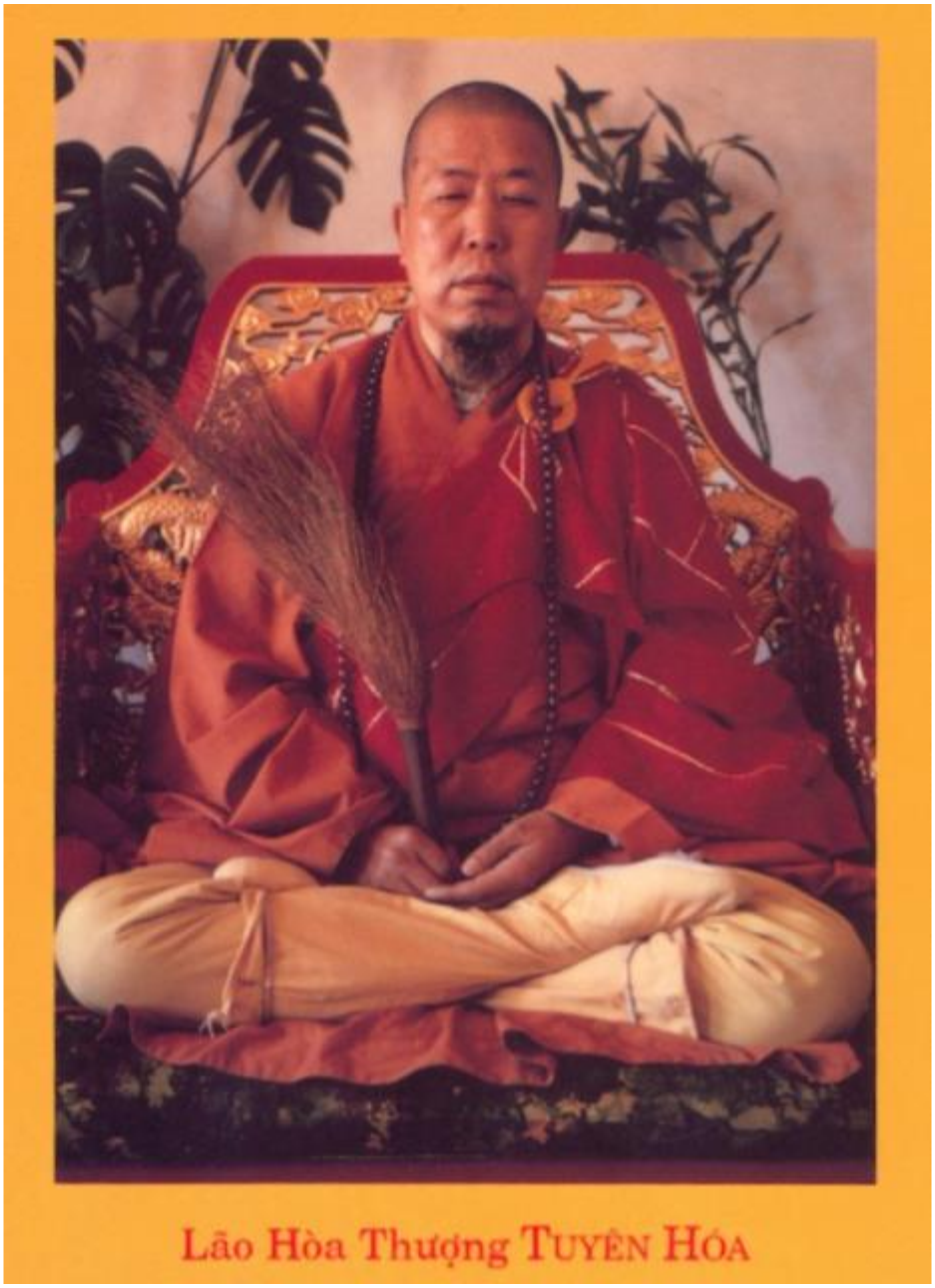
GIẢNG GIẢI KINH LĂNG THỦ NGHIÊM



www.bothiphap.blogspot.com

GIẢNG GIẢI KINH LĂNG NGHIÊM – HÒA THƯỢNG TUYÊN HÓA

➔ Tải Kinh Thủ Lăng Nghiêm Giảng Giải Tuyên Hóa Thượng Nhân MP3



KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH NHƯ LAI MẬT NHƠN
TU CHỨNG LIỄU NGHĨA
CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH
THỦ LĂNG NGHIÊM

KINH LĂNG NGHIÊM - LÊ ĐÌNH THÁM DỊCH .PDF

Tải Kinh Về Máy ➔ **Download MP3**



KINH LĂNG NGHIÊM

Dịch từ Hán sang Việt và lược giải Từ Ân Thiền Đường,

Santa Ana Hoa Kỳ Xuất Bản 1990.

Việt Dịch : **HT. Thích Duy Lực**

➔ Download MP3

(PHẦN ĐẦU)

— o0o —

TUYÊN HÓA THƯỢNG NHÂN

giảng thuật

– Sa-môn Bát-thích-mật-đế người Trung Thiên Trúc, dịch vào đời Đường.
– Sa-môn Di-già Thích-ca, người nước Ô Trành dịch ngữ.
– Sa-môn Hoài Địch, chùa Nam Lâu, núi La Phù, chứng minh bản dịch.
– Đệ tử thọ Bồ-tát giới tên Phòng Dung, hiệu Thanh Hà, chức Tiền Chánh Nghị Đại Phu đồng Trung Thư Môn Hạ Bình Chương Sự bút thọ (nhuận bút).
– TUYÊN HÓA Thượng Nhân, Vạn Phật Thánh Thành, Bắc Mỹ Châu Hoa Kỳ lược giảng.
– Đệ tử thọ Bồ-tát giới Phương Quả Ngộ ghi chép.
– Sa-môn Thích Vân Đàm dịch Hán Văn qua Phiên Âm Việt Ngữ
– Sa-môn Thích Nhuận Châu chuyển ngữ tiếng Việt

KHAI KINH KỆ

無上甚深微妙法
百千萬刼難遭遇。
我今見聞得受持
願解如來真實義。

Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp
Bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ

Ngã kim kiến văn đắc thọ trì
Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa

Phật pháp rộng sâu rất nhiệm mầu
Trăm ngàn muôn kiếp khó tìm cầu
Con nay nghe được chuyên trì tụng
Nguyện rõ Như Lai nghĩa nhiệm mầu.

TÁM QUY LUẬT CỦA VIỆN PHIÊN DỊCH KINH ĐIỂN

1. Dịch giả phải thoát mình ra khỏi động cơ tự truy cầu danh lợi.
2. Dịch giả phải tu thân dưỡng tánh, dứt bỏ thói cao ngạo.
3. Dịch giả phải tự chế, không được tự khen ngợi nhưng lại chê bai kẻ khác.
4. Dịch giả không được tự cho mình là tiêu chuẩn, là thước đo, rồi hạ thấp kẻ khác bằng cách tìm lỗi lầm nơi tác phẩm của họ.
5. Dịch giả phải lấy tâm Phật làm tâm mình.
6. Dịch giả phải dùng trạch pháp nhãn để phán xét đâu là chân lý.
7. Dịch giả phải cung kính cầu thỉnh Cao tăng, Đại đức ở mười phương chứng minh cho bản dịch.
8. Dịch giả phải hoan hỷ truyền bá giáo nghĩa nhà Phật bằng cách in Kinh, Luật, Luận một khi phần phiên dịch của mình được chứng minh là đúng.

— o0o —

BÀI TỰA 1

Trong Phật giáo có rất nhiều bản kinh quan trọng, nhưng quan trọng nhất là kinh Thủ-lăng-nghiêm. Nếu nơi nào có kinh Thủ-lăng-nghiêm đang được lưu hành, có nghĩa là chánh pháp đang còn ở thế gian. Nếu không còn kinh Thủ-lăng-nghiêm nữa, có nghĩa đã đến thời mạt pháp. Do vậy, người Phật tử chúng ta, mỗi người cũng như tất cả, phải đem hết sức lực, đem hết tâm huyết, đem hết mồ hôi nước mắt để giữ gìn kinh Thủ-lăng-nghiêm.

Trong kinh Pháp Diệt Tận có nói rất rõ ràng: “Vào thời mạt pháp kinh Thủ-lăng-nghiêm bị hoại diệt trước hết, sau đó, các kinh khác dần dần biến mất.”

Nếu như kinh Thủ-lăng-nghiêm không bị biến mất thì thời kỳ chánh pháp vẫn còn tồn tại. Do đó hàng Phật tử chúng ta phải đem tất cả tính mạng để hộ trì kinh Thủ-lăng-nghiêm, phải đem hết tâm huyết để thọ trì kinh Thủ-lăng-nghiêm, phải đem hết hạnh nguyện để hộ trì kinh Thủ-lăng-nghiêm làm cho kinh Thủ-lăng-nghiêm mãi mãi tồn tại ở thế gian, xiển dương sâu rộng khắp nơi, lưu truyền đến mọi ngóc ngách ở trên thế gian, cho đến từng hạt vi trần, khắp tận

hư không pháp giới. Nếu chúng ta làm được như vậy thì nay vẫn còn thời chánh pháp đang tỏa chiếu ánh sáng đại quang minh.

Tại sao lại nói kinh Thủ-lăng-nghiêm bị tiêu hủy trước tiên? Vì một điều quá chân thực, kinh Thủ-lăng-nghiêm là chân thân của Đức Phật, kinh Thủ-lăng-nghiêm là xá-lợi của Đức Phật, kinh Thủ-lăng-nghiêm là tháp miếu chân thực của Đức Phật. Do vì đạo lý trong kinh Thủ-lăng-nghiêm quá chân thực, nên toàn thể ma vương đều dùng mọi cách để phá hủy kinh Thủ-lăng-nghiêm. Họ bắt đầu đưa ra những lời đồn đại, xuyên tạc, cho rằng kinh Thủ-lăng-nghiêm là giả mạo. Vì sao thiên ma ngoại đạo cho rằng kinh Thủ-lăng-nghiêm là ngụy tạo? Vì kinh Thủ-lăng-nghiêm nói quá chính xác, đặc biệt là phần nói về Bốn lời khai thị về bản tánh thanh tịnh sáng suốt (Tứ chủng thanh tịnh minh hối), phần Hai mươi lăm vị Thánh nói về pháp tu chứng viên thông, và phần Năm mươi tướng trạng ấm ma. Ngoại đạo tà giáo, yêu ma quỷ quái không thể nào chịu nổi giáo lý này, nên họ kéo theo rất nhiều người thiếu hiểu biết tuyên bố rằng kinh Thủ-lăng-nghiêm là ngụy tạo.

Những đạo lý được đề xuất trong kinh Thủ-lăng-nghiêm, một mặt đúng là chánh pháp, mặt khác lại phù hợp với đạo lý, nên bọn tà ma, quỷ quái, bàng môn ngoại đạo không thể ẩn dấu tung tích được. Một số người thiếu ý thức, cụ thể là những học giả kém thông thái, những giáo sư chuyên thu thập kiến thức tạp nham "chuyên đuổi mồi bắt bóng", với sự hiểu biết cực kỳ hẹp hòi và hạn chế, họ hoàn toàn bị mê muội và nhầm lẫn, họ không có được sự uyên bác thực sự và không có trí tuệ chân thực, thế nên họ phê phán một cách hồ đồ.

Chúng ta là những người tu học Phật pháp, nên nhận thức sâu sắc về những trường hợp này, do đóbất kỳ đi đâu chúng ta cũng phải xiển dương kinh Thủ-lăng-nghiêm. Bất kỳ đi đâu chúng ta cũng nên truyền bá kinh Thủ-lăng-nghiêm. Bất kỳ đến đâu chúng ta cũng giới thiệu kinh Thủ-lăng-nghiêm cho mọi người. Sao vậy? Vì chúng ta muốn làm cho chánh pháp tồn tại lâu dài ở thế gian. Nếu kinh Thủ-lăng-nghiêm là ngụy tạo, tôi xin có cam đoan này với quý vị:

Nếu kinh Thủ-lăng-nghiêm là chân thực thì dĩ nhiên chẳng có vấn đề gì, còn nếu kinh Thủ-lăng-nghiêm là ngụy tạo, thì tôi nguyện rằng tôi là kẻ trước tiên đọa vào Vô gián địa ngục, vì tôi không nhận thức được Phật pháp, nhận vọng làm chân. Còn nếu kinh Thủ-lăng-nghiêm là chân thực, thì tôi nguyện đời đời kiếp kiếp truyền bá đại pháp Thủ-lăng-nghiêm, nghĩa là mọi nơi mọi lúc tôi sẽ xiển dương đạo lý chân thật của kinh Thủ-lăng-nghiêm.

Mọi người nên chú tâm vào điểm này. Nếu kinh Thủ-lăng-nghiêm không do từ kim khẩu đức Phật nói ra, thì chẳng còn một ai có thể giảng nói được, chẳng

còn một người nào khác có thể nói được một giáo lý chính xác như kinh Thủ-lăng-nghiêm.

Vì thế tôi hy vọng rằng những người thiếu ý thức đã có các suy nghĩ sai lầm này, sớm thức tỉnh, dừng lại việc tạo ra cái nhân sai lạc, sẽ chiêu cảm quả báo ở địa ngục Bạt thiệt bất luận học giả đó là ai, bất luận những nhà nghiên cứu Phật pháp ở bất cứ quốc gia nào, tất cả nên nhanh chóng sửa đổi cách nhìn, nhận ra lỗi lầm của mình và tìm cách điều chỉnh. Chẳng có việc thiện nào lớn lao hơn thế nữa. Tôi chắc rằng khi tất cả mọi người đều đọc kinh Thủ-lăng-nghiêm, mọi người đều nghe giảng kinh Thủ-lăng-nghiêm, mọi người đều tham cứu kinh Thủ-lăng-nghiêm, thì tất cả đều sẽ chóng thành Phật đạo.

— o0o —

PHÁP SƯ KIM SƠN SA-MÔN TAM TẠNG THÍCH TUYÊN HÓA
Bản dịch tiếng Anh: Tỷ-khưu ni HENG HSIEN

BÀI TỰA 2
ĐỨC PHẬT THUYẾT KINH PHÁP DIỆT TẬN

Như thật tôi nghe, một thời đức Phật ở thành Câu-thi-na. Như Lai sẽ nhập niết-bàn trong vòng ba tháng nữa, nên các tỷ-khưu, tỷ-khưu ni cũng như vô số các loài hữu tình đến để cung kính quy y và đảnh lễ. Thế tôn an trú trong định, ngài không nói một lời và hào quang không còn xuất hiện. Ngài A-nan cung kính đảnh lễ và hỏi:

"Bạch Thế tôn, từ trước đến nay bất kỳ khi nào Thế tôn thuyết pháp, ánh sáng từ oai nghi của Thế tôn tự nhiên xuất hiện, nhưng hôm nay trong đại chúng, không thấy ánh hào quang ấy từ Thế tôn tỏa ra nữa, chắc hẳn có nhân duyên gì, chúng con muốn nghe đức Thế tôn giảng giải."

Đức Phật vẫn im lặng không trả lời, cho đến khi A-nan cầu thỉnh đến ba lần, lúc đó đức Phật mới bảo A-nan: "Sau khi Như Lai nhập niết-bàn, khi giáo pháp bắt đầu suy yếu, trong đời ngũ trược ác thế, ma đạo sẽ rất thịnh hành, ma quỷ biến thành sa-môn, nó sẽ xuyên tạc và phá hoại giáo pháp của ta. Nó mặc y phục của hàng cư sĩ, ưa thích y phục đẹp đẽ và giới y thì may bằng loại vải có màu sặc sỡ. Nó uống rượu, ăn thịt, giết hại các sinh vật khác và tham đắm thọ hưởng cao lương mỹ vị. Nó không có lòng từ bi và thường mang lòng sân hận, đố kỵ lẫn nhau.

"Vào lúc ấy, sẽ có các vị Bồ-tát, Bích-chi Phật, A-la-hán hết sức tôn kính và siêng năng tu tập tịnh giới, các vị này sẽ được mọi người kính trọng. Lời dạy của họ rất hoàn hảo và bình đẳng, những người tu đạo này thường cứu giúp

những người nghèo, lưu tâm đến những người già yếu, và họ thường cứu giúp và khuyên giải cho những người gặp hoàn cảnh khó khăn vào mọi lúc. Họ thường khuyến khích mọi người thờ phượng, hộ trì kinh pháp và quán tưởng đến đức Phật. Họ thường làm các việc lành, tâm kiên định, đầy lòng từ bi và không bao giờ nhiễu hại kẻ khác. Họ thường không ích kỷ mà thường nhẫn nhục, nhu nhuyến, từ bi và hòa ái.

"Nếu những vị này hiện hữu, thì các loại tỷ-khưu tà ma này sẽ ganh ghét họ, ma quỷ sẽ quấy rối, phỉ báng họ, đánh đuổi họ ra khỏi trụ xứ và hạ nhục họ, nó đánh đuổi các vị tỷ-khưu chân chính ra khỏi tăng viện. Sau đó, các tỷ-khưu ác ma này không tu đạo thanh tịnh, các tu viện sẽ bị hoang vắng, cỏ dại mọc đầy. Thay vì phải chăm sóc và bảo trì già lam khỏi trôi vào hoang phế và lãng quên, các tỷ-khưu ác ma sẽ chỉ tham lam lợi dưỡng và tích chứa vô số của cải, khước từ việc chia sẻ cho người khác, hoặc sử dụng tài sản vào việc tu tạo phước đức.

"Vào lúc đó các ác ma tỷ-khưu sẽ mua và mướn nô lệ để cày ruộng, chặt cây và đốt phá rừng núi, sát hại các sinh vật mà không cảm thấy một chút thương xót. Những nam nô lệ này sẽ trở thành các tỷ-khưu tăng và nữ nô lệ thành tỷ-khưu ni hoàn toàn không có đạo hạnh, điên cuồng đắm mình trong dâm loạn. Trong sự mê muội dơ bẩn ấy, họ không thể nào phân biệt được đàn ông, đàn bà ở trong tu viện. Từ sự việc này, chánh đạo bị suy yếu dần, những người chạy trốn luật pháp sẽ tìm đến quy y trong đạo của Như Lai, muốn làm sa-môn nhưng không chịu quán sát và thực hành luân lý đạo đức. Giới luật vẫn được tụng đọc hai lần mỗi tháng, nhưng chỉ là trên danh nghĩa. Do lười biếng và phóng dật, không còn ai muốn nghe nữa.

Những ác sa-môn này sẽ không muốn đọc toàn văn bản kinh, tóm tắt đoạn đầu và cuối bản kinh theo ý của nó. Chẳng bao lâu, việc tụng tập kinh điển cũng sẽ chấm dứt. Cho dù vẫn còn nhiều người tụng kinh, nhưng họ lại không biết đọc. Tuy thế, những người vô tư cách vẫn khăng khăng cho họ là đúng đắn, đầy tự phụ, kiêu căng, ngạo mạn. Những người này thấy mình nổi tiếng và đầy danh vọng. Nó bày đặt phong cách tao nhã để mong thu hút nhiều của cúng dường từ mọi người. Khi mạng căn của các ma ác tỷ-khưu này chấm dứt, thần thức của họ liền đọa vào địa ngục A-tỳ. Đã phạm phải 5 tội trọng, nên họ phải chịu khổ và tái sinh liên tục trong loài quỷ đóvà súc sinh. Họ sẽ nếm vô vàn nỗi thống khổ khi họ phải trải qua cảnh giới như thế trong vô số kiếp nhiều như cát sông Hằng. Khi đã thanh toán các chướng nạn xong, họ sẽ tái sinh ở những vùng biên địa, nơi Tam bảo chưa được lưu hành.

“Khi chánh pháp sắp biến mất, phụ nữ sẽ trở nên tinh tấn và họ dành nhiều thời gian để làm việc thiện. Đàn ông sẽ trở nên lười biếng và sẽ không còn ai giảng pháp nữa. Những vị sa-môn chân chính sẽ bị họ xem như cọc cây khô và không ai tin ở các vị ấy nữa. Khi chánh pháp sắp suy tàn, chư Thiên sẽ bắt đầu khóc lóc, sông sẽ khô cạn và năm loại ngũ cốc không có để thu hoạch (mất mùa, đói kém). Các bệnh dịch thường xuyên xảy ra, cướp đi vô số mạng người. Số đông dân chúng phải làm việc quần quật khổ sai, trong khi các quan chức địa phương mưu tính lợi riêng, không ai màng đến đạo lý. Mặt khác, dân số gia tăng còn nhiều hơn cả cát trên bờ đại dương, nhưng khó tìm thấy người có thiện tâm, hầu như chỉ có được một hoặc hai người.

“Khi kiếp giảm đến gần, vòng quay của mặt trăng và mặt trời trở nên ngắn hơn và mạng sống của con người thu ngắn lại. Tóc của người trở nên bạc vào lúc bốn mươi tuổi vì họ tham đắm trong dâm dục, họ mau bị cạn kiệt tinh dịch nên sẽ chết vào lúc còn rất trẻ, thường là trước 50 tuổi. Khi mạng sống của nam giới giảm, thì mạng sống cuả nữ giới tăng đến 70, 90 hay đến 100 tuổi.

Những dòng sông lớn sẽ phát sinh dòng chảy bất thường không đúng với chu kỳ tự nhiên, nhưng con nguời không để ý hoặc không quan tâm. Khí hậu khắc nghiệt được xem là điều dĩ nhiên. Người thuộc các chủng tộc bị lai tạp nhau một cách ngẫu nhiên, họ không còn tôn trọng danh dự và trung đạo nữa. Họ sẽ bị xoay vần, chìm đắm và trôi nổi như những sinh vật được thuần dưỡng.

Lúc đó các vị Bồ-tát, Bích-chi Phật, A-la-hán không còn cùng tu tập với nhau trong một hội chúng chưa từng có như trước nữa, vì họ đều bị ma quỷ quấy rối. Họ không còn cộng trú trong tăng đoàn, nhưng giáo lý Tam thừa vẫn được lưu hành ở vùng hẻo lánh, những người tu tập vẫn tìm thấy sự an tịnh, an lạc và trường viễn. Chư thiên sẽ bảo hộ cho họ và mặt trăng sẽ chiếu sáng họ, giáo pháp Tam thừa sẽ có dịp hòa nhập và chính đạo sẽ hưng thịnh. Tuy nhiên, kinh Thủ-lăng-nghiêm và Kinh Bát-chu Tam-muội sẽ bị sửa đổi trước tiên rồi biến mất. Mười hai bộ kinh sẽ dần dần bị tiêu trầm cho đến khi hoại diệt hoàn toàn và không bao giờ xuất hiện lại nữa. Văn tự kinh điển sau đó hoàn toàn bị lãng quên, giới y của sa-môn bị biến thành màu trắng.

Khi giáo pháp của Như Lai sắp biến mất, cũng giống như ngọn đèn dầu tỏa sáng lên trong chốc lát trước khi tàn lụi, chánh pháp cũng bừng tia sáng hưng thịnh như thế rồi suy tàn, sau thời kỳ này khó nói được điều gì chắc chắn sẽ xảy ra.

Thời kỳ này sẽ kéo dài suốt mười triệu năm. Khi Đức Phật Di-lặc sắp thị hiện ở thế gian để thành vị Phật tiếp theo, các cõi nước đều được hoàn toàn an vui. Ma khí sẽ bị tiêu tán, mưa nhiều và đều đặn, vụ mùa sẽ được bội thu, cây cối

sum suê cao lớn, và loài người sẽ cao to đến hơn 24 mét, tuổi thọ trung bình của con người sẽ đến 84.000 năm, khó có thể tính đếm được bao nhiêu chúng sanh đạt được sự giác ngộ giải thoát.

Ngài A-nan thưa thỉnh Đức Phật : Bạch Thế tôn, chúng con nên gọi Kinh này là gì, và làm thế nào để phụng trì kinh ấy?»

Đức Phật bảo : Này A-nan, kinh này gọi là Pháp Diệt Tận. Hãy dạy cho mọi người truyền bá rộng rãi kinh này. Những ai truyền bá kinh nầy, công đức của những người ấy không thể nghĩ bàn, không thể nào tính đếm được.

Khi bốn chúng đệ tử nghe nói kinh này rồi, họ đều rất đau lòng và buồn tủi, mỗi người đều phát tâm tu đạo để đạt đến quả vị tối thượng, họ cung kính đảnh lễ Đức Phật rồi lui ra.

— HẾT —

Trích từ sao lục của SENG YU
Bản dịch Việt ngữ: THÍCH NHUẬN CHÂU (Tịnh thất Từ Nghiêm, Đại Tòng Lâm)

— o0o —

KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH NHƯ LAI MẬT NHƠN TU CHỨNG LIỄU NGHĨA CHƯ BỒ-TÁT VẠN HẠNH THỦ LĂNG NGHIÊM

Giảng Giải Tên Kinh

Giảng:
Toàn bộ dòng này là tên kinh, để phân biệt với những bộ kinh khác. Chữ Kinh là tên chung để gọi tất cả những lời Đức Phật đã giảng nay được ghi chép lại. Các đề kinh trong Tam tạng đều được chia thành bảy loại: ba loại đơn đề, ba loại song đề và một loại toàn đề (nhân-pháp-dụ).

Ba loại đơn đề gồm:
Đề kinh chỉ nói đến tên người (Nhân): như Kinh Phật thuyết A-di-đà. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni và Đức Phật A-di-đà đều là tên người được đề cập trong tên Kinh này.
Đề kinh chỉ nói đến pháp. Như Kinh Đại Bát Niết-bàn. Niết-bàn là pháp bất sinh bất diệt.
Đề kinh chỉ liên quan đến thí dụ như Kinh Phạm Võng. Liên quan đến những

thí dụ được giảng nói trong kinh là màn lưới rộng khắp của Đại Phạm Thiên vương.

Ba loại song đề gồm:
Đề kinh liên quan đến người và pháp: như Kinh Văn-thù vấn Bát-nhã. Văn-thù-sư-lợi là người, hỏi về Bát-nhã là pháp.
Đề kinh liên quan đến người và dụ, như Kinh Như Lai Sư Tử hống. Như Lai là tên người (nhân), Sư tử hống là dụ.
Đề kinh liên quan đến pháp và dụ, như Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Trong đó Diệu pháp là pháp, Liên hoa là dụ.

Kinh toàn đề là:
Đề kinh liên quan đến cả nhân, pháp và dụ, như Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Trong đó Đại Phương Quảng là pháp, Phật là nhân, Hoa Nghiêm là dụ.

Mỗi kinh đều thuộc vào một trong bảy loại này. Người giảng kinh đều phải thấu hiểu cả bảy loại đề mục này để giảng giải cho người khác nghe. Nếu quý vị không hiểu, làm sao có thể giảng cho người khác hiểu được? Làm sao mà giáo hóa cho người khác giác ngộ trong khi mình chưa giác ngộ?

Quý vị đừng nên như những người tự gọi mình là Pháp sư sau khi chỉ đọc một vài cuốn sách, mà thực tế là chẳng nói được một trong bảy loại đề kinh này hay Ngũ trùng huyền nghĩa, hoặc chỉ nói rõ được một trong Thập môn phân biệt.

Đây thực là trường hợp vội vã thiếu chín chắn. Do người đọc kinh và giảng kinh không thông đạt được chân nghĩa của kinh. Những người giảng kinh này sẽ dẫn đệ tử của mình xuống địa ngục và người giảng cũng xuống theo.

Khi đã xuống địa ngục rồi, người giảng kinh cũng như đệ tử không ai hiểu được lý do tại sao mình bị rơi xuống đây. Thật đáng thương! Chỉ có sau khi đã đạt được một trí tuệ chân chính thông qua nghiên cứu Phật pháp thì mới có thể giáo hóa chúng sinh mà không bị nhầm lẫn.

Để giảng giải cho trọn vẹn chân lý vô cùng vô tận trong bộ kinh Thủ-lăng-nghiêm này. Tôi sẽ dùng Thập môn phân biệt của tông Hiền Thủ hơn là dùng Ngũ chủng huyền nghĩa của tông Thiên Thai.

Hiền Thủ và Thiên Thai là hai tông phái lớn của Phật giáo Trung Hoa. Các Pháp sư khi giảng kinh đều chỉ nghiên cứu một trong hai tông phái này. Nên lời giảng của họ không đạt đến chỗ viên dung vô ngại được.

Thập môn phân biệt của tông Hiền Thủ là:

1- Giải thích tổng quát đề kinh (Tổng thích danh đề).

2- Nhân duyên phát khởi giáo lý (Giáo khởi nhân duyên).

3- Phân loại kinh thuộc tạng nào và thừa nào (Tạng giáo sở nhiếp).

4- Khảo sát nghĩa lý sâu mầu của kinh (Nghĩa lý phần tể).

5- Diễn bày thể tính của giáo pháp (Năng thuyên giáo thể).

6- Sự khế hợp của từng căn cơ với giáo lý trong kinh (Sở bị cơ nghi).

7- Sự thông dụng và cá biệt về tông thú của kinh (Tông thú thông biệt).

8- Xác định thời gian giảng kinh (Thuyết thời tiền hậu).

9- Lịch sử truyền bá phiên dịch kinh (Lịch minh truyền dịch).

10- Phần giải thích yếu nghĩa của kinh (Biệt giải văn nghĩa).

1. GIẢI THÍCH TỔNG QUÁT ĐỀ KINH.

"Kinh Đại Phật Đảnh Như Lai Mật Nhơn Tu Chứng Liễu Nghĩa Chư Bồ-tát Vạn Hạnh Thủ-lăng-nghiêm" là tên của bộ kinh này.

ĐẠI 大 nghĩa là to lớn. Đề cập đến bốn khía cạnh lớn lao của kinh :
1 -Nguyên nhân (nhân因)
2- Nghĩa lý (lý理).
3- Tu tập hành trì (hạnh行).
4 – Kết quả (quả果).

Nguyên nhân lớn lao chính là mật nhân. Nhân này hoàn toàn khác với những nguyên nhân bình thường mà hàng phàm phu không thể nào hiểu được, hàng ngoại đạo không thể nào hiểu được, và hàng Nhị thừa, Thanh văn, Duyên giác chưa giác ngộ được. Cho nên nguyên nhân ra đời của bộ kinh này rất lớn. Nghĩa lý siêu việt của kinh to lớn chính là liễu nghĩa. Đây là chỗ rốt ráo của người tu đạo, dẫn đến sự chứng ngộ. Hạnh tu tập to lớn vì bao gồm vô số công hạnh của hàng bồ-tát.

Kết quả to lớn là đại định Thủ-lăng-nghiêm, Do bốn phương diện này nên đề kinh được mở đầu bằng tiếng Hán là Đại 大 ; nghĩa là to lớn, siêu việt.

PHẬT: tiếng Phạn là Buddha. Phiên âm sang tiếng Trung Hoa là Phật-đà-da 佛陀耶, gọi tắt là Phật. Nhiều người cứ nghĩ rằng chữ Phật là tiếng Hán chuyển

ngữ, phát xuất từ chữ Buddha, nhưng thực ra đó chỉ là âm đầu của toàn bộ tiếng phiên âm từ chữ Buddha mà thôi. Buddha nghĩa là giác ngộ, tỉnh thức. Có ba hình thức giác ngộ: tự giác, giác tha và giác hạnh viên mãn.

Đức Phật là người tự mình giác ngộ. Trạng thái giác ngộ ấy khác xa với trạng thái hiện thời của người phàm phu, là kẻ chưa được giác ngộ. Tự mình giác ngộ chưa đủ, mà còn phải giúp cho kẻ khác được giác ngộ. Việc giác ngộ người khác có nghĩa là tìm một phương pháp để giúp cho họ được giác ngộ. Giữa tự giác và giúp cho người khác được giác ngộ phải trải qua rất nhiều giai đoạn và có nhiều trình độ khác nhau. Giác ngộ có hai trường hợp: đại ngộ và tiểu ngộ. Tiểu ngộ là giác ngộ chưa được hoàn toàn. Đại ngộ là giác ngộ hoàn toàn. Đức Phật đã tự tu tập và giác ngộ hoàn toàn và Ngài còn giúp cho người khác được giác ngộ. Đức Phật là người đã có đầy đủ ba phương diện giác ngộ nên Ngài được gọi là người có vạn đức trang nghiêm.

"Tam giác viên, vạn đức bị."
(Khi ba phương diện giác ngộ đã được viên mãn thì có đầy đủ muôn vạn công đức trang nghiêm, nên được gọi là Phật).

Có người tự hỏi tại sao ta lại tin vào Đức Phật. Do vì chính chúng ta xưa nay vốn là phật rồi. Chẳng qua hiện nay chúng ta bị mê mờ, không thể chứng được quả vị Phật. Do đâu mà nói chúng sinh xưa nay vốn là phật? Chính là do Đức Phật đã từng nói: "Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh… nhưng chỉ do vọng tưởng, chấp trước nên không thể chứng đắc được. Vọng tưởng đã đưa con người chúng ta từ Đông sang Tây, rồi đưa từ Nam sang Bắc; đưa ta từ dưới đất lên trên trời; vọng tưởng ấy bỗng chốc đưa ta lên thiên đàng, bỗng chốc đưa ta xuống địa ngục. Nó đưa ta đến những nơi bất khả tư nghì và không thể suy lường được. Quý vị có biết mình có khởi lên bao nhiêu vọng tưởng trong một ngày không? Nếu quý vị biết thì mình trở thành bồ-tát. Còn nếu không biết thì mình vẫn là phàm phu. Con người trở nên chấp trước vào sự sở hữu, thường xuyên lập nên sự phân biệt về "tôi" và "cái của tôi."

Họ không thể dẹp sang một bên sự sở hữu những của cải vật chất hay sự hưởng thụ thú vui tinh thần. "Đó là máy bay của tôi", "Đây là chiếc xe của tôi, bạn biết không nó thuộc về model mới nhất." Bất luận khi người ta sở hữu một vật gì, thì đều bị dính mắc vào vật ấy. Đàn ông có sự dính mắc của đàn ông, phụ nữ có sự chấp trước của phụ nữ. Người lương thiện có sự chấp trước của người lương thiện. Kẻ xấu ác có sự chìm đắm của kẻ xấu ác. Bất luận những chấp trước ấy thuộc loại gì người ta cũng khó lòng xả bỏ được nó. Họ chiếm đoạt rồi níu giữ, kiên trì bám riết lấy nó. Càng lúc càng trở nên cố chấp hơn. Tiến trình này vô tận vô biên. Những khoái lạc như thức ăn ngon, nhà cửa tiện

nghi, những món giải trí hấp dẫn và những thứ thường được xem như là lợi nhuận. Những thứ này không bền vững trường cửu như nó đang hiện hữu. Mặc dù quý vị chưa nhận ra điều ấy. Nhưng đó chỉ là sự tham đắm dục lạc làm chướng ngại việc chứng đạt Phật tánh của quý vị mà thôi. Nên Đức Phật đã dạy: “Chỉ vì vọng tưởng, chấp trước mà chúng sinh không thể nhận ra được Phật tánh.

Trong kinh Thủ-lăng-nghiêm, Đức Phật dạy: “Cuồng tâm đốn yết, yết tức bồ-đề ” Nghĩa là: “Khi tâm cuồng chợt dừng hẳn thì ngay lúc ấy là giác ngộ”

Tâm cuồng được giải thích là tâm ích kỷ giả dối, là tâm ưa thích địa vị trong xã hội, là tâm đầy dẫy những hy vọng hảo huyền vô ích, là tâm khinh thường người khác nên không nhìn thấy được những thành quả và sự thông minh của họ. Ngay cả như có người được xem tương tự như loài bát quái cũng sẽ tự cho mình là đẹp lắm. Nên những loại cố chấp lớn lao này sẽ không sinh khởi nữa khi tâm cuồng si kia dừng hẳn. Chỗ dừng đó chính là bồ-đề. Bồ-đề là gì? Là giác ngộ được đạo, là khai ngộ. Từ đây, việc thành Phật không còn xa nữa. Nếu quý vị có thể làm cho tâm cuồng của mình dừng bặt, nghĩa là quý vị đã có công phu rất tốt rồi. Trong ba hình thức giác ngộ. Sự giác ngộ của hàng A-la-hán và Bích-chi Phật là để phân biệt họ với hàng phàm phu chưa giác ngộ. Bích-chi Phật ngộ đạo thông qua tu tập mười hai nhân duyên. Hàng A-la-hán ngộ đạo nhờ tu tập Tứ diệu đế. Chư vị Bồ-tát khác hẳn hàng Bích-chi Phật và A-la-hán. Họ kiên quyết giúp cho mọi chúng sinh được giác ngộ, và cũng được gọi là làm lợi lạc quần sinh.

Nói tóm lại, A-la-hán, Bích-chi Phật, Bồ-tát là người đã tu tập giác ngộ. Ở đây, chúng ta có thể nói một người tu tập lần lượt đạt được các quả vị A-la-hán, rồi Bích-chi Phật, rồi đến quả vị bồ-tát thông qua phương tiện Lục độ ba-la-mật và vô số công hạnh. Như một người hiện thân ở cả ba trình độ tu tập khác nhau. Có người dù tu tập đã đạt đến quả vị A-la-hán rồi nhưng không muốn tiến xa hơn nữa, tự nghĩ mình đã có được giác ngộ rồi, như có người tự cho rằng: “Ta đã được khai ngộ. Ta chẳng cần quan tâm đến ai cả.” Anh ta dừng lại ở sự thành tựu quả vị A-la-hán chứ không muốn tiến đến quả vị Bích-chi Phật nữa. Một số người khác tiếp tục tu tập để được đạt quả vị Bích-chi Phật, nhưng chẳng quan tâm đến tiến trình xa hơn nữa. Thế nên ta có thể xem đó chỉ là một người hay là cả ba người cũng được.

Còn Bồ-tát là người đã tự mình giác ngộ còn giúp cho mọi người khác được giác ngộ. Tu tập lục độ ba-la-mật và tự trang nghiêm mình bằng vô số công hạnh. Bồ-tát phải tiếp tục lộ trình tu tập cho đến khi hoàn thành bồ-tát đạo. Đến đây mới được gọi là giác hạnh viên mãn, là thành Phật. Khi đạt được giác hạnh

viên mãn của một đức Phật rồi thì hành giả hoàn toàn khác hẳn một vị bồ-tát. Ba hình thức giác ngộ có thể thảo luận rất dài. Còn nếu muốn thực hành thì có rất nhiều sự sai biệt. Trong mỗi trình độ lại có nhiều cấp độ khác nhau. Trong sự phân biệt lại có thêm nhiều phân biệt. Tiến trình của hình thức giác ngộ này rất nhiều giai đoạn. Cho đến khi ba hình thức giác ngộ này được viên mãn mới gọi là hoàn thành.

ĐẢNH: là điểm cao nhất. Điểm cao nhất trên đầu gọi là đảnh, trên đảnh chỉ còn có trời. Nên người ta thường nói: “Đầu đội trời, chân đạp đất.” Tóm lại, Đại Phật đảnh là nói về điểm nổi lên cao nhất trên đỉnh đầu của Đức Phật. Quý vị thắc mắc: “Đức Phật lớn chừng nào? Có phải như một pho tượng cao sáu feet chăng?” Không, pho tượng Đức Phật chỉ như một giọt nước trong biển cả, hay chỉ như một hạt vi trần trong thế giới này. Nên chẳng có gì lớn hơn Đức Phật, lớn nhưng chẳng phải lớn, đó mới chân thực là lớn.

Quý vị liền hỏi :
–Thế thì Ngài là ai?
– Ngài là Đức Phật, hiển hiện khắp mọi nơi. Chẳng có nơi nào là Phật mà không có nơi nào chẳng phải là Phật. Bất luận quý vị nói nơi đâu là Phật, thì nơi đó chẳng phải là Phật. Bất luận nơi đâu mà quý vị nói không phải là Phật, thì nơi đó chính là Phật. Quý vị có biết kích thước của Phật như thế nào không? Chẳng có cách nào tính kể được đức Phật to lớn bao nhiêu. Nên Đức Phật thật sự rất lớn, quá lớn đến nỗi Ngài vượt qua tất cả.
-Làm thế nào mà vượt qua mọi thứ được cho là lớn?
– Là không có cái vĩ đại nào có thể đem ra so sánh với Đức Phật được. Sự lớn lao của Đức Phật là tuyệt đối.

– Thế thì Đức Phật là ai?
– Là Đại Phật.

– Thế Đại Phật này là ai?
Là quý vị, mà Phật cũng là tôi. Nhưng tôi chẳng lớn được như thế. Đến như tôi biết, quý vị cũng chẳng lớn được như vậy. Tại sao quý vị lại nói Phật là quý vị mà Phật cũng là tôi?

Quý vị lại hỏi:
– Tại sao lại so sánh Đức Phật như thế?
– Nếu Đức Phật chẳng có liên quan gì đến quý vị và tôi, thì ta chẳng cần bàn luận gì đến Đức Phật cho mất công.

Quý vị lại hỏi:
-Làm sao mà tôi lại lớn như thế?

Phật tánh rất lớn, vốn có sẵn trong tất cả mỗi chúng ta. cũng như cái không thể so sánh của Đại Phật vậy. Bây giờ chúng ta không chỉ nói về Đại Phật nữa, mà chúng ta sẽ liên hệ đến đảnh tướng trên đầu của Đức Phật. Chỉ có một vật cao hơn vị Đại Phật, đó chính là đảnh đầu của Ngài. Và Đại Phật đảnh sẽ có liên quan đến sự xuất hiện của những vị Đại Phật khác sắp được hiện ra.

Quý vị liền hỏi:
– Đức Phật ấy lớn cỡ nào?
– Đức Phật ấy không thể thấy được. Ngài được diễn tả trong bài kệ chúng ta thường đọc trước khi tụng chú Lăng Nghiêm:

"Vô kiến đảnh tướng, phóng quang Như Lai tuyên thuyết thần chú. " Điều gì không thể thấy được có thể nói là nó không hiện hữu. Làm sao người ta có thể tin được sự hiện hữu của một vị Đại Phật khi họ không thấy được Ngài? Cái không thể thấy được ấy mới là thật sự là lớn. Nếu nó chẳng lớn đến nỗi không thể thấy đuợc. Tại sao quý vị lại thấy được những vật khác mà chẳng thấy được Đại Phật?

– Không chỉ riêng những vật lớn mà những vật rất nhỏ cũng không thể thấy được. Thực chứ? Bầu trời rất rộng lớn. Nhưng quý vị có thể thấy khắp hết chăng? Không. Trái đất thì mênh mông bao la. Quý vị có thể thấy khắp giáp bề mặt của nó chăng? Cũng không. Đó là những gì lớn thực sự mà không thể thấy được.

Từ đảnh đầu (không thể thấy được) của Đức Đại Phật Như Lai phóng ra hào quang.
– Hào quang ấy lớn đến chừng nào?

Hãy nghĩ rằng: Chẳng lẽ một vị Đại Phật lại phóng ra một đạo hào quang nhỏ nhoi. Tất nhiên hào quang Ngài phóng ra phải vô cùng vĩ đại, chiếu khắp mọi nơi.
– Có chiếu đến tôi không?
Nó đã chiếu đến quý vị từ rất lâu rồi!
– Thế tại sao tôi không biết gì cả?
Bây giờ quý vị có muốn biết không?
Tâm thanh thủy hiện nguyệt
Ý tịnh thiên vô vân.
(Khi tâm thanh tịnh thì trăng phản chiếu trên mặt nước. Khi ý tĩnh lặng thì như bầu trời không gợn tí mây.
Nếu tâm quý vị hết sức thanh tịnh, hào quang của Đức Phật sẽ chiếu đến và sẽ tỏa sáng trong tâm quý vị như ánh trăng soi chiếu trên mặt hồ tĩnh lặng.. Nếu tâm quý vị còn nhiễm ô, cũng như một vũng nước bùn đục ngầu, chẳng có thứ

ánh sáng nào chiếu dọi qua được. Tâm định giống như bầu trời không mây, là trạng thái vi diệu không thể diễn tả được. Nếu quý vị tự thanh tịnh tâm mình rồi, thì quý vị sẽ có được sức mạnh của Thủ-lăng-nghiêm đại định.

NHƯ LAI

Xuất phát từ chữ tathāgata trong tiếng Phạn, có nghĩa là đến như vậy
Như nghĩa là không có gì mà chẳng như.
Lai là không có nơi nào mà chẳng đến.
Như là bản thể của Phật pháp.
Lai là dụng của Phật pháp.
Như là cảnh giới như như bất động của Phật.
Lai là đến rồi đi (đi mà chẳng đi).

Nên nói: Như như bất động, lai nhi diệc lai, lai nhi bất lai (Như như bất động. đến rồi lại đến. Đến mà chẳng đến).
– Thế Ngài đi đâu?
– Chẳng đi đâu cả.

Thế Ngài đến nơi đâu?
Chẳng có nơi nào để đến cả.

Nên Kinh Kim Cương nói :
"Như Lai giả, vô sở tòng lai diệc vô sở khứ, cố danh Như Lai."
Đức Phật chẳng đến với quý vị, cũng chẳng đến với tôi. Mà Đức Phật ở ngay đó với quý vị, và Đức Phật cũng ở ngay đây với tôi.

Như Lai là một trong mười danh hiệu của Đức Phật. Thông thường, mỗi Đức Phật đều có mười ngàn danh hiệu. Về sau rút lại chỉ còn một trăm danh hiệu vì chúng sinh thường bị lẫn lộn khi cố gắng nhớ cho hết. Trong một thời gian khá dài, Đức Phật có một nghìn danh hiệu, nhưng chúng sinh lại vẫn không nhớ hết được. Nên lại giảm xuống mỗi Đức Phật chỉ còn một trăm danh hiệu. Đến khi mỗi Đức Phật còn lại một trăm danh hiệu rồi mà chúng sinh vẫn khó khăn khi nhớ hết các danh hiệu ấy. Nên lại giảm xuống chỉ còn mười danh hiệu. Đó là:
Ứng cúng: xứng đáng được hưởng sự cúng dường của loài người và trời.
Chánh biến tri: hiểu biết chân chính bao trùm khắp.
Minh hạnh túc: Sự giác ngộ cũng như công hạnh hoàn toàn trọn vẹn.
Thiện thệ thế gian giải : vượt qua mọi kiến giải thế gian một cách tự tại.
Vô thượng sĩ : Bậc không ai sánh bằng.
Điều ngự trượng phu: Bậc trượng phu khéo điều phục chính mình.
Thiên nhân sư: Thầy của trời và người
Phật

Thế Tôn
Tất cả các Đức Phật đều có mười danh hiệu này.

MẬT NHÂN

Mật nhân là bản thể của định lực mà mọi người đều tự có sẵn. Gọi là mật chứ không gọi là hiển vì mặc dù vốn có đầy đủ bên trong mỗi người, không ai thiếu sót cả, nhưng chẳng ai biết được điều ấy. Thế cho nên gọi là mật.
Mật nhân này là định lực của Như Lai và cũng là bản thể định lực của toàn thể chúng sinh. Khác nhau ở điểm là bản thể định lực của chúng sinh chưa được hiển bày nên vẫn còn một điều ẩn mật.

TU CHỨNG LIỄU NGHĨA

Mật nhơn ấy phải được tu chứng qua tham thiền hay niệm Phật, cả hai đều là phương tiện tu tập. Sự tu tập đề cập ở đây là tinh chuyên tham thiền. Qua tham thiền miên mật, hành giả mới chứng quả và đạt được liễu nghĩa, đó cũng chính là không nghĩa.
Nói như thế thì mọi chuyện là vô nghĩa hay chăng?

"Liễu nghĩa là thực chứng được một cách trọn vẹn không thiếu sót các pháp thế gian và xuất thế gian." Đến lúc ấy nó chẳng còn pháp nào để tu, chẳng còn pháp nào để chứng nữa cả.

Vĩnh Gia Huyền Giác Đại sư có viết trong Chứng Đạo ca:
Quân bất kiến
Tuyệt học vô vi nhàn đạo nhân.
Bất trừ vọng niệm, bất cầu chân.

Người tu đạo từ nay không còn phải làm việc gì nữa cả, chẳng cần liệng bỏ những vọng niệm vì đã trừ dẹp xong hết rồi. Chỉ còn những ai chưa hoàn toàn trừ sạch vọng tưởng mới phải cần liệng bỏ nó. Người tu đạo không cần phải tìm cầu chân lý vì đã thể nhập và đã chứng nghiệm được chân lý rồi. Chỉ có những người chưa đạt được mới tìm cầu chân lý. Những dòng này diễn tả về liễu nghĩa. Chứng được liễu nghĩa cũng còn được gọi là liễu vì đạo lý Đức Phật giảng dạy quá siêu việt, phải cần nghiên cứu toàn diện mới mong đạt được chỗ cùng tận của nghĩa lý.

Khi một người đã dốc hết sức để mong nghiên cứu cùng tận mọi giáo nghĩa Đức Phật đã dạy, đến khi họ không còn nữa mà nghĩa lý hoàn toàn còn đó. Vấn đề bất liễu nghĩa vẫn còn có một ý nghĩa chưa thông suốt còn lại ở đó. Liễu nghĩa là chẳng còn nghĩa gì trong đó cả. Hoàn toàn "thanh tịnh" khi đạt đến chỗ liễu nghĩa nên gọi là mật nhơn, là bản thể của định lực. Khi đạt được bản thể này, có nghĩa là quý vị đã tu và chứng được liễu nghĩa. Nếu quý vị

không tu thì chẳng chứng được liễu nghĩa, là nghĩa bao trùm tất cả các nghĩa khác.

Quý vị lại hỏi: "Nhưng Thầy lại bảo rằng liễu nghĩa ấy không hiện hữu? Đúng vậy, nhưng cái không hiện hữu ấy mới thực sự hiện hữu.

Sự tồn tại tương quan không phải là hiện hữu thực sự. Khi quý vị đã chứng thực được liễu nghĩa, không còn thêm một ý nghĩa nào để chứng đắc nữa, là quý vị đã đạt đến chỗ rốt ráo.
"Điểm thành tựu rốt ráo ấy là gì?"

Đó là cảnh giới Phật, là quả vị Phật. Nhưng nếu quý vị muốn đạt đến cảnh giới Phật, quý vị phải tiếp tục tu tập Bồ-tát đạo, cho nên trong tên kinh lại có đề cập đến.

CHƯ BỒ-TÁT VẠN HẠNH

Chư nghĩa là tất cả, là vô số. Công hạnh của hàng bồ-tát nhiều không thể tính đếm được. Nói tóm lại, có tất cả 55 quả vị của hàng bồ-tát. Sẽ được giải thích chi tiết trong kinh văn. Gồm có: Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Tứ gia hạnh, Thập địa, Đẳng giác và Diệu giác. Năm mươi lăm quả vị này không phải là chỉ đề cập đến 55 vị bồ-tát, đúng hơn là nói đến 55 trình tự mà người phát tâm tu bồ-tát đạo phải trải qua mới chứng đạt Phật quả.

Vạn hạnh là vô số phương pháp mà các vị bồ-tát tu tập. Có tám mươi bốn nghìn pháp môn. Nhưng trong đề mục kinh chỉ nói đến vạn hạnh. Để bổ sung cho vạn hạnh, các vị bồ-tát còn phải tu tập Lục độ ba-la-mật. Ba-la-mật (pāramitā) là phiên âm từ tiếng Sanskrit, có nghĩa "đến bờ bên kia," là hoàn thành viên mãn công hạnh của người tu hành. Nếu quý vị quyết tâm tu tập thành Phật, chứng đạt Phật tánh thì đó là ba-la-mật. Nếu quý vị muốn vào Đại học và lấy bằng Tiến sĩ, thì khi đạt được học vị ấy được gọi là ba-la-mật. Nếu quý vị đang đói, muốn ăn, mà được ăn đó là ba-la-mật. Khi quý vị buồn ngủ mà được nằm xuống ngủ một giấc thì đó gọi là ba-la-mật. Chữ ba la (bwo lwo) trong tiếng Hán nghĩa là trái thơm (dứa); mật (mi) là mật ong. Nên ba-la-mật còn có nghĩa là ngọt hơn cả vị ngọt của trái thơm. Các vị bồ-tát đều tu tập sáu hạnh ba-la-mật. Đó là: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ.

Bố thí: có ba dạng:
1- Tài thí : bố thí tiền của, tài sản
2- Pháp thí: bố thí pháp
3- Vô úy thí: bố thí sự không sợ hãi.

-Bố thí tài sản: Mặc dù tiền bạc là thứ mọi người ưa thích nhất, nhưng nó cũng là thứ dơ bẩn nhất trên đời. Chỉ cần nghĩ xem nó đã được chuyền tay qua bao

nhiêu người và nó chứa bao nhiêu thứ vi trùng thì sẽ biết. Trong đạo Phật, tiền bạc được xem là thứ bất tịnh. Trước hết, nguồn gốc của nó thường là bất tịnh hoặc là do trộm cắp, hoặc là biển thủ, tham ô mà có Có người không bằng lòng, nói rằng: "Tiền này do tôi kiếm được từng đồng bằng nghề nghiệp hoàn toàn trong sạch." Nay dù quý vị kiếm được tiền bằng cách hợp pháp đi nữa thì quý vị vẫn không thể từ chối được rằng đồng tiền tự nó rất bẩn và chứa rất nhiều mầm vi trùng gây bệnh. Vậy mà rất nhiều người thích nó. Khi tiền được chuyền tay nhau, nhiều người đã thấm nước miếng của mình vào ngón tay để đếm, việc này tạo nên mối nghi ngờ cao độ, chính tiền đã truyền mầm bệnh truyền nhiễm.

Nhưng mặc dù sự bất tịnh của nó tác hại đến thế, mà người ta vẫn không ngại kiếm cho được nhiều tiền. Nếu quý vị cho tôi toàn bộ tiền bạc của nước Mỹ này, tôi sẽ không cho đó là quá nhiều. Và nếu đem tất cả khoản tiền ấy cho quý vị, thì tôi tin là quý vị cũng chẳng phản đối. Nhưng khi quý vị đã có nhiều tiền rồi thì sẽ có luôn một số vấn đề rắc rối. Ban đêm quý vị không thể ngủ ngon giấc. Quý vị bận tâm phải tìm nơi an toàn để cất giữ. Vì tiền bạc đã làm cho quý vị bận tâm, nên bản chất nó là bất thiện. Nhưng dù cho nó không tốt mà nhiều người vẫn ưa thích, không thể từ bỏ nó được. Người có thể thực hành việc bố thí ba-la-mật tài sản, tiền bạc là người đang tu tập bồ-tát đạo.

Người ta không dễ gì thực hành việc bố thí. Tâm con người là nơi giao nhau của hai cực âm và dương, là đấu trường của lý trí và tình cảm. Ví dụ như khi thấy có người gặp hoạn nạn, bị đói khát, theo đạo lý làm người, quý vị quyết định cho người ấy một đô-la nhưng khi thò tay vào túi lấy tiền, thì tâm tham lam đã níu giữ ta lại, khiến khởi dậy niệm thứ hai: "Hãy đợi một chút, ta không thể cho nó đô-la này được. Đây là đồng tiền lẻ cuối cùng ta vừa đổi được. Nếu ta cho nó, ta sẽ hết tiền đi xe buýt và ta phải đi bộ. Ta không thể cho được." Tâm niệm đầu tiên thúc dục mình phải có lòng bao dung với người khác; nhưng lập tức nó lại bị dẫn dắt bởi tâm niệm tiếp theo, tính toán cho sự lợi lạc riêng của chính mình. Nên anh ta bỏ tiền lại vào túi, không cho nữa. Điều này xảy ra hoàn toàn giống nhau từ tầm mức nhỏ cho đến mức độ to lớn; từ một đồng xu cho đến cả triệu đô la.

Niệm đầu tiên là cho, niệm thứ hai là lo lắng cho chính mình. Bố thí tài vật không phải dễ dàng gì. Ngay cả có người khi làm việc gì cũng nghĩ: "Thật ngu đần mới đem tiền cho các người. Tại sao các người chẳng đem tiền của quý vị đến cho tôi." Rất dễ dàng khi nói đến bố thí nhưng đến khi thực hành thì khó. Từ hồi còn trẻ tôi không biết đếm. Bất kỳ khi nào tôi có tiền, tôi đều bố thí sạch. Nếu tôi có được một đô-la, tôi cho một đô-la, nếu có hai đô-la, tôi cũng cho cả

hai, tôi không thích tiền. Nhiều người xem cách đối xử của tôi là ngu đần vì tôi chẳng nghĩ gì đến việc lo cho mình cả. Tôi chỉ biết cách giúp đỡ người khác. Bằng cách làm lợi ích cho người khác thì mới có thể làm sinh khởi tâm bồ-tát trong mình. Những người đã phát tâm bồ-tát thường thích làm lợi ích cho mọi người hơn là làm lợi ích cho chính mình. Họ cho rằng: "Nếu tôi phải chịu khổ và chịu mọi tai họa của mọi người thì tốt hơn. Tôi không muốn mọi người chịu khổ nạn."

Các vị bồ-tát thường làm lợi ích cho chúng sinh bằng cách thực hành các việc thiện mà chẳng bận tâm đến sự thiệt thòi của mình. Có một số người phí thời gian để chắc chắn mình mua sắm được giá rẻ. Khi họ dự định mua một thứ gì họ so sánh giá cả ở các siêu thị cho đến khi họ mua được với giá hời nhất. Những thứ họ mua hóa ra chỉ rẻ hơn với những thứ làm bằng nguyên liệu tái sinh được chế biến từ sự thử nghiệm khoa học, trông bên ngoài rất hào nhoáng nhưng hư hỏng ngay khi dùng lần đầu. Thế nên, mặc dù quý vị nghĩ rằng mình đã có một ý tưởng tuyệt diệu, nhưng cuối cùng chính mình lại bị thiệt thòi. Nên thay vì thói quen tính toán ích kỷ như vậy, quý vị nên làm việc tốt lành cho người khác.

Bố thí pháp: Như việc tôi giảng kinh và thuyết pháp cho quý vị nghe đây gọi là bố thí pháp. Kinh nói: "Trong tất cả các việc bố thí. Bố thí pháp là cao cả nhất" Tiền bạc quý vị đem ra bố thí có thể tính đếm được, còn Pháp không thể tính toán được. Nếu có người đến pháp hội nghe giảng kinh, rồi tu tập và được giác ngộ, được chánh tri kiến. Quý vị thử tưởng tượng công đức phát xuất từ bố thí pháp lớn đến ngần nào? Vì bố thí chỉ một lời pháp cũng có thể khiến cho người ta chứng được Phật quả, nên đó là bố thí cao cả nhất. Bố thí sự không sợ hãi (vô úy thí): khi quý vị đem sự bình thản, trầm tĩnh đến cho những nạn nhân của những vụ cướp đoạt, hỏa hoạn hay những tai ương khác khiến họ không còn hoảng hốt và kinh hãi, quý vị trấn an họ và khuyên giải bằng cách nói: "Đừng sợ! bất luận khó khăn nào cuối cùng rồi cũng qua thôi"

Chẳng hạn, cách đây vài hôm, một nữ ca sĩ đánh mất ví tiền. Tôi để ý đến khuôn mặt lo âu của cô ta nên hỏi cô ta gặp phải chuyện gì. Cô ta trả lời: "Con mất ví tiền, không biết phải làm sao bây giờ." Tôi nói với cô ta một cách chắc chắn: "Cô sẽ tìm được lại thôi, đừng băn khoăn nữa." Hóa ra lời tôi nói như có phép thần thông. Cô ta trở lại nơi đánh mất, thấy ví tiền nằm ngay nơi cô ta vừa bỏ đi. Đó là một ví dụ về vô úy thí.

Tôi nói với cô ta:
"Đó chỉ là chuyện nhỏ, chắc chắn cô sẽ gặp những chuyện to tát hơn. Nếu cô hiểu được chuyện nhỏ, thì cô sẽ giải quyết được việc lớn."

– Trì giới: Ba-la-mật thứ hai mà bồ-tát phải thực hành là trì giới. Điều này liên quan đến giới luật, một trong những phương diện quan trọng nhất của sự tu tập Phật pháp.

Giới là gì? Giới là những phép tắc về sinh hoạt mà hàng đệ tử Phật phải tuân theo. Giới có tác dụng ngăn ngừa không cho việc ác sinh khởi và đề phòng những điều lỗi lầm không cho nó xảy ra. Khi quý vị trì giới thì quý vị không còn phóng tâm mình vào những việc ác; thay vào đó quý vị tự hành xử một cách chân chính và cúng dường các hạnh lành ấy lên chư Phật.

Có bao nhiêu giới điều? Những người cư sĩ đã quy y Tam bảo: Phật, Pháp,Tăng; muốn hoàn thiện hơn nữa thì nên thọ năm giới, đó là: không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và không dùng các chất độc hại gây kích thích. Phải phát nguyện giữ những giới này đến suốt đời. Sau khi thọ năm giới thì phát nguyện thọ Bát quan trai giới. Ngoài ra còn có mười giới của sa-di. Thọ giới sa-di mới chính thức làm người xuất gia. Từ đó mới có thể tiến lên thọ giới Cụ túc, tức là hai trăm năm mươi giới dành cho tỷ-khưu tăng và ba trăm bốn mươi tám giới cho tỷ-khưu ni.

Còn có giới của hàng bồ-tát gồm mười giới trọng và bốn mươi tám giới khinh. Mười giới đầu tiên được gọi là giới trọng, vì khi một người đã phạm một trong mười giới trọng này thì không thể tự mình sám hối được, nếu phạm một trong những giới khinh thì có thể tự sửa đổi lỗi lầm và bắt đầu lại. Khi Đức Phật gần nhập niết-bàn, Ngài A-nan thưa hỏi bốn câu hỏi, một trong số đó là: “Khi Thế tôn còn tại thế, Như Lai là thầy của chúng con. Khi Thế tôn nhập diệt rồi, chúng con nhận ai làm thầy?”

Thế tôn trả lời:
“Sau khi Như Lai nhập diệt, các ông nên lấy giới luật làm thầy của mình.”

Đức Phật chỉ rõ cho hàng xuất gia: tỷ-khưu, tỷ-khưu ni phải nên nhận giới luật làm thầy của mình. Cư sĩ muốn thọ giới pháp nên tìm đến một vị Sư trưởng – là người xuất gia đã thọ giới tỷ-khưu – để cầu giới pháp. Các giới căn bản phải được một vị xuất gia đã thọ giới tỷ-khưu trao truyền. Theo giới luật của Đức Phật, tỷ-khưu ni không được truyền giới. Đối với người tu hành, việc thọ giới là tuyệt đối cần thiết. Người giữ gìn giới hạnh thanh tịnh sẽ có vẻ đẹp sáng rỡ như viên minh châu. Vào đời Đường có Đạo Tuyên Luật sư ở núi Chung Nam, Ngài giữ giới luật rất tinh nghiêm đến mức chư thiên đến cúng dường. Phước đức của việc giữ giới rất lớn. Nếu quý vị học Phật pháp mà không giữ giới thì cũng giống như cái bình bị lỗ rò. Giữ giới cũng như bít lỗ rò ấy lại. Thân thể con người có nhiều lỗ thoát, nó rỉ chảy ra. Nếu quý vị giữ gìn giới luật trong một thời gian dài, thì nó sẽ không chảy thoát ra nữa.

Trong pháp hội Thủ-lăng-nghiêm này quý vị sẽ được nghe giảng kinh Thủ-lăng-nghiêm, được hướng dẫn trực tiếp, kết hợp cả học hỏi, nghiên cứu và tu tập hành trì. Thời khóa tu học rất căng thẳng, từ sáu giờ sáng đến chín giờ tối mỗi ngày. Nghiêm ngặt hơn ở trường học bên ngoài nhiều. Đây là trường học để giải quyết vấn đề sinh tử. Khi nghe giảng kinh Thủ-lăng-nghiêm quý vị sẽ hiểu được ý kinh và thực hành tu tập thông qua tham thiền. Thông qua sự kết hợp giữa nghiên cứu cho hiểu thấu ý kinh rồi thực hành, chúng ta có thể bước đi vững chãi trên mặt đất và tiếp xúc với công việc không bằng sự bất cẩn và thờ ơ như trước đây nữa, mà bằng sự nỗ lực tinh tấn trong tu học. Quý vị sẽ giải quyết được vấn đề sinh tử, đạt được sự lợi ích vô cùng to lớn.

Một ví dụ sẽ minh họa giúp cho chúng ta hiểu được giá trị khi kết hợp giữa hiểu biết và thực hành. Một người bị mù và một người bị què chân sống chung với nhau trong một gia đình, trong đó có vài người khác cùng chung sống để giúp đỡ cho họ. Song, một hôm những người kia đều có việc phải đi ra ngoài, người đi câu cá, người đi mua sắm, người đi chơi, người mù và người què là những người còn lại trong nhà. Trong cái ngày đặc biệt ấy căn nhà bỗng xảy ra hỏa hoạn, người mù không thấy được đường nên không thể thoát ra được. Người què thấy được, nhưng không có đôi chân lành lặn để đi ra. Thật nan giải! Chắc chắn họ sẽ bị chết cháy thôi!

Lúc đó, có một vị thiện tri thức cho họ lời khuyên: “Các anh đều có thể thoát được nạn cháy, có thể thoát ra được ngôi nhà lửa này. Làm cách nào để thoát? Người mù hãy sử dụng đôi mắt của người què và người què sử dụng đôi chân của người mù.” Họ liền theo lời chỉ dẫn của thiện tri thức. Có phải người què móc mắt của mình ra rồi gắn vào hốc mắt của người mù chăng? Bất kỳ một cuộc giải phẫu nào với phương pháp như thế đều thất bại cả. Nếu như người ta tìm cách gắn đôi chân của người mù vào thân của người què cũng đều là vấn đề nan giải, vượt qua ngoài quy luật tự nhiên. Thế họ làm như thế nào? Họ tạo ra được một tình huống tốt nhất bằng cách người mù cõng người què. Người què có mắt nên hướng dẫn: “Quẹo phải, quẹo trái, đi thẳng,” người mù có đôi chân, tuy không thấy đường nhưng có thể nghe được lời chỉ dẫn của người què. Nhờ nghe lời khuyên đúng lúc và hợp lý, cả hai người đều tự xoay xở để tự cứu được mình.

Khi quý vị nghe chuyện này, xin đừng hiểu lầm là tôi ví quý vị như người mù và què. Chẳng phải quý vị là người mù và què đâu mà tôi mới là mù và què. Nhưng nhờ có hiểu biết được đạo lý nên tôi mượn ví dụ để giảng, chẳng phải là nói về quý vị và tôi. Quý vị không nên quá tự cao, đừng có dựa vào sự hiểu

biết độc đáo của mình hoặc là trí thức rộng lớn của mình. Thế tại sao quý vị không chứng được Phật quả? Chỉ vì quý vị quá ư ngạo mạn.

Quý vị nghĩ: “Ta có kiến thức rất uyên bác.” Nhưng bất kỳ những thứ gì mà quý vị học được đều làm chướng ngại quý vị. Nếu quý vị có nhiều kiến thức, thì quý vị sẽ bị gánh nặng của kiến thức ấy, nếu quý vị có nhiều năng lực thì năng lực ấy sẽ làm chướng ngại khiến quý vị không thể chứng đạo được. Chúng ta nên loại trừ hết những ảo tưởng về kiến thức thông minh ấy của quý vị, của tôi và của mọi người. Hãy để cho những tư tưởng ấy an định, phóng xả và làm cho nó thanh tịnh. Hãy để cho lòng mình trở nên trống rỗng. Để làm gì? Để quý vị có thể hưởng được trọn vẹn hương vị nhiệm mầu của đề hồ. Đó là Phật pháp vi diệu tối thượng. Một hôm có một phụ nữ trẻ đang làm luận án Tiến sĩ thú nhận rằng trong đầu của cô ta chứa đầy rác. Nay chúng ta sẽ dùng lời của cô ta để nói lại: “Hãy liệng sạch rác rến ấy ra khỏi đầu, thì cô ta sẽ nghe được kinh. Lúc ấy, mỗi điều nghe sẽ được ngàn điều ngộ.

– Nhẫn nhục : có ba loại nhẫn nhục: sinh nhẫn, pháp nhẫn và vô sinh pháp nhẫn.
– Tinh tấn : nghĩa là thường xuyên tiến lên phía trước không lui sụt trong công phu tu tập. Ví dụ về hạnh tinh tấn cao nhất đã được nói trong kinh Pháp Hoa, phẩm Dược Vương Bồ-tát Bổn sự. Bồ-tát Dược Vương quấn mình trong vải tẩm dầu hương rồi cung kính đến trước Đức Phật đốt mình để cúng dường.

Quý vị thắc mắc: “Ngài đốt mình như vậy để làm gì vậy?” Vì Bồ-tát Dược Vương thấy rằng lòng từ của Đức Phật quá tối thượng, quá sâu mầu, quá vĩ đại, không có cách nào có thể báo đáp được ân đức ấy. Nên Bồ-tát đã đem hết thân tâm và tánh mạng của mình cúng dường lên Đức Phật.

Quý vị hỏi: “Ngài đốt thân trong bao lâu?”
– Trong một thời gian rất dài, không có cách nào tính đếm được khoảng thời gian ấy. Khi Đại sư Trí Giả, vị tổ thứ ba của tông Thiên Thai được đọc phẩm Dược Vương Bồ-tát bổn sự trong Kinh Pháp Hoa đến đoạn “…Thị chân tinh tấn, thị danh chân pháp cúng dường Như Lai” (tâm chân chánh tinh tấn ấy, mới được gọi là pháp chân thật cúng dường Như Lai), thì Ngài liền nhập vào định. Trong định, Ngài Trí Giả thấy pháp hội do Đức Phật giảng kinh Pháp Hoa trên núi Linh Thứu vẫn chưa tan. Đại sư Trí Giả thấy Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vẫn đang ngồi giảng pháp ở đó, chuyển bánh xe đại pháp giáo hóa vô lượng chúng sinh. Ngay đó, Đại sư Trí Giả hoát nhiên nhập vào Pháp Hoa Tam-muội và đạt được Nhất triền đà-la-ni. Sau khi Ngài xuất định, với trí tuệ lớn lao mà ngài đã tự khai mở được, Ngài lập tông Thiên Thai. Đó là cảm ứng do niệm tưởng công đức của Bồ-tát Dược Vương khi đốt thân cúng dường Đức Phật.

Một số người sẽ phản đối: “Nếu có nhổ một sợi tóc trên đầu tôi mà làm lợi cho cả thế giới, tôi cũng không làm.” Đó là họ chỉ biết riêng mình mà không cần biết làm lợi ích cho người khác. Họ không thể được gọi là chân thực tinh tấn.

– Ba-la-mật thứ năm là Thiền định: có bốn loại thiền và tám thứ định. Còn Cửu thứ đệ định đã có đề cập trong phần kinh văn của kinh Thủ-lăng-nghiêm nên tôi sẽ không giảng ở đây. Nay chỉ giảng vắn tắt về Tứ thiền.

– Sơ thiền: gọi là Ly sanh hỷ lạc địa. Trong trạng thái thiền đầu tiên, người đạt đến cảnh giới này có thể làm cho mạch ngưng đập.

– Nhị thiền: gọi là Định sinh hỷ lạc địa. Trạng thái định này vững chãi hơn ở Sơ thiền. Đạt đến cảnh giới này có thể dừng được hơi thở. Nhưng không có nghĩa là chết. Thay vào đó là một cảnh giới khác của ý thức. Hơi thở bên ngoài đình chỉ nhưng hơi thở bên trong vẫn còn. Hàng phàm phu chỉ sử dụng được hơi thở bên ngoài. Nếu người có thể sử dụng hơi thở bên trong thì họ được trường sinh bất tử, muốn sống bao lâu cũng được. Tuy nhiên, dù có sống đến bao lâu cũng chỉ trở thành con quỷ giữ thây vô dụng, chỉ lo giữ cái túi da hôi hám này mà thôi.

– Tam thiền: gọi là Ly hỷ diệu lạc địa. Mọi người tu tập đều thích chứng được “diệu lạc” này. Tuy vậy, niềm vui (phước lạc) ở cõi thiền thứ ba này tách biệt hẳn với niềm vui thông thường, vì nó cực kỳ vi diệu. Trong cảnh giới này ý thức hoàn toàn đình chỉ.

– Tứ thiền: còn gọi là Xả niệm thanh tịnh địa. Đến đây, tất cả mọi niệm tưởng đều được xả trừ. Hành giả chỉ còn biết những gì xảy ra ở cõi trời và người nhưng hành giả không nên dính mắc, ngưng trệ ở cảnh giới này. Đạt được cảnh giới thiền thứ tư chỉ là bước đầu tiên của lộ trình tu đạo. Hành giả nên nhớ rằng đến cảnh giới thiền thứ tư mới chỉ là một bước tiến đặc biệt thôi. Đó chỉ là bước đầu tiên trên đường hướng tới Phật quả, chẳng phải là thành tựu quả vị đầu tiên của hàng a-la-hán.

– Ba-la-mật thứ sáu là bát-nhã (prajñā), là phiên âm từ tiếng Sanskrit, tạm dịch là trí tuệ. Có nhiều người xem trí thông minh thế gian là trí tuệ. Không phải thế. Trí thông minh là kiến thức thế gian xuất phát từ học hỏi các môn khoa học, triết lý và những môn khác mà có. Còn trí tuệ là hiểu biết xuất thế gian, do chứng được Phật quả mà được. Đây là bát-nhã. Từ bát-nhã (prajñā) không dịch được vì nó có quá nhiều nghĩa, nằm trong năm loại thuật ngữ không nên phiên dịch (ngũ chủng bất phiên).

Đó là:
1. Những thuật ngữ liên quan đến tính chất huyền bí thâm mật (bí mật chi).

2. Những thuật ngữ có nhiều nghĩa (hàm đa nghĩa).
3. Những thuật ngữ liên quan đến những vật mà ngôn ngữ địa phương không có (thử phương vô).
4. Những thuật ngữ theo truyền thống đã không phiên dịch (thuận cổ lệ).
5. Những thuật ngữ khiến người đọc phát khởi thiên tâm (vi sinh thiện). Năm nguyên tắc này được Ngài Huyền Trang đời Đường đề xướng ra trước tiên.

Bát-nhã có ba nghĩa:
1. Văn tự bát-nhã: là những điều ghi chép trong kinh tạng.
2. Quán chiếu bát-nhã: là trí tuệ có được qua sự hồi quang phản chiếu, qua công phu "phản văn văn tự tánh" – hướng tánh nghe vào tự tâm để nhận ra tự tánh của chính mình. Trí tuệ này phát sinh khi mắt tâm không còn tìm kiếm bên ngoài nữa, mà quay trở lại quán sát bên trong mình. Với ánh sáng trí tuệ quán chiếu, quý vị có thể chiếu soi và quét sạch mọi tối tăm mê muội chung quanh mình. Khi trí tuệ lưu xuất từ tâm, quý vị trở nên rất sáng suốt và thanh tịnh, không còn bị vây phủ bởi trần cấu ô nhiễm nữa.
3. Thực tướng bát-nhã: là bát-nhã vi diệu nhất, bất khả tư nghì. Đồng nghĩa với từ liễu nghĩa trong đề kinh này. Thực tướng ấy không chứa đựng hình tướng nào trong đó cả mà chẳng có gì ở ngoài thực tướng ấy. Khi quý vị cho là vô tướng thì mọi pháp đều do đó mà biểu hiện, nên gọi là thực tướng. Nếu quý vị nhận ra được điều này thì quý vị rất gần với Đức Phật, chỉ còn cách Ngài có một bước.

Kinh Kim Cương nói: "Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng, nhược kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai." Mọi pháp nếu được biểu hiện qua hình tướng đều là hư giả. Nếu như ngay trong sự biểu hiện của các pháp, mà quý vị nhận ra được tính chất vô tướng của nó thì lúc ấy quý vị thấy được Phật. Thực tướng bát-nhã là nhận rõ được bản thể của các pháp và thâm nhập vào căn nguyên của các pháp. Đạt đến cội nguồn của các pháp rồi tức là như thấy được Phật. Rất dễ khi bàn về những kinh nghiệm như vậy, nhưng rất khó thể nhập. Quý vị không thể hiểu được bằng cách chỉ nghe giảng kinh mà phải tự mình dấn bước vào con đường tu đạo, dù việc ấy không dễ dàng gì, chúng ta cũng phải nghĩ cách đi trên con đường đó.

Ví dụ có người nói: "Tôi rất muốn đi Nữu-ước, nhưng đường quá xa và vé máy bay quá đắt nên tôi do dự không muốn đi." Song, nếu quý vị không bao giờ đi thì chẳng bao giờ quý vị biết thành phố Nữu-ước như thế nào cả. Chứng ngộ quả vị Phật cũng như vậy. Một mặt quý vị muốn thành Phật nhưng mặt khác có một lực trì trệ kéo ngược lại, khiến quý vị không bao giờ đạt đến đích cả. Cũng như nhìn biển mênh mông rồi buông tiếng thở dài: "Tu học Phật pháp thật là

khó, ta sẽ tìm đạo gì đó dễ tu hơn.” Nếu quý vị có thái độ đó quý vị sẽ không bao giờ chứng được quả vị Phật. Nếu quý vị không muốn thành Phật thì không nói làm gì, nhưng nếu quý vị muốn thành Phật thì phải dấn mình vào khó khăn, vì chỉ trong khó khăn thì mới thấy được cái dễ.

Thiền ngữ Trung Hoa có câu:
“Bất lịch nhất phiên hàn triệt cốt
Yên đắc mai hoa phác tị hương”

Tạm dịch:
Nếu chẳng một phen xương thấm lạnh
Hoa mai đâu dễ tỏa mùi hương.
Nhờ chịu đựng những cơn lạnh khắc nghiệt vào giữa mùa Đông ở Trung Hoa mà có được mùi hương rất ngọt ngào thanh khiết như thế.

Mọi chúng sinh đều thừa hưởng được Thực tướng bát-nhã trong mình. Nhưng cũng như “mật nhơn” trong kinh này. Thực tướng bát-nhã ấy chưa được hiển bày. Thế nên họ không nhận ra tự tánh vốn có sẵn nơi mình. Chúng ta không nhận ra tự tánh bát-nhã trong ta, là thực tướng bát-nhã vốn đầy đủ trong mình, nên chúng ta như kẻ nghèo nàn trong Phật pháp. Bát-nhã là trí tuệ mà chúng ta luôn luôn có sẵn, chúng ta phải nên mở cánh cửa kho tàng trí tuệ này ra thì khuôn mặt xưa nay sẽ hiển bày. Khi chúng ta chưa nhận ra mình có sẵn Thực tướng bát-nhã trong mình thì cũng như mang một kho tàng chưa khai quật ở trong lòng. Tuy nhiên, khai quật kho vàng lên vẫn chưa đủ, còn phải ra sức luyện vàng mới sử dụng được. Kinh nói rằng mỏ vàng bát-nhã có sẵn trong mỗi người nhưng nếu ta không tinh luyện thì ta chẳng dùng được. Chúng ta phải phát tâm luyện chất vàng ròng thực tướng bát-nhã, khi ấy Phật tánh bản hữu sẽ tự xuất hiện.

Đức Phật dạy: Tất cả mọi chúng sinh đều có Phật tánh và đều có thể tu tập thành Phật. Nhưng quý vị không nên nghĩ rằng: “Đức Phật nói rằng ai cũng có thể làm Phật. Vậy tôi là Phật rồi, chẳng cần tu hành gì nữa cả.” Điều này cũng giống như biết mỏ vàng nằm đó nhưng không muốn đào lên để dùng. Đây là những giải thích sơ lược về lục độ ba-la-mật trong hạnh nguyện của hàng bồ-tát. Mọi người đều có thể quyết định tu tập hạnh bồ-tát để trở thành bồ-tát. Nếu quý vị có chủng tử bồ-tát thì quý vị đã là một vị bồ-tát sơ phát tâm. Một vị bồ-tát không thể nói một cách ích kỷ rằng: “Chỉ có tôi mới có thể trở thành bồ-tát, còn quý vị thì không bao giờ! Các ông không thể như tôi được.” Không những mọi người chỉ có thể trở thành bồ-tát mà họ còn có thể trở thành Phật nữa. Tôi tin rằng mọi người trong pháp hội này, một ngày nào đó sẽ thành Phật.

THỦ LĂNG NGHIÊM

Thủ-lăng-nghiêm (Śūraṃgama) là tiếng Sanskrit, có nghĩa là "Bền chắc nhất trong tất cả mọi thứ." Tất cả mọi hiện tượng, mọi vật thể, như núi, sông, đất đai, nhà cửa, người, vật, các loài sinh từ bào thai, từ trứng, từ nơi ẩm thấp hoặc loài hóa sinh. Tất cả những hiện tượng đều phải được thể nghiệm qua chiều sâu và tính vững chãi mới có thể đạt được bản thể của định, bản thể của "mật nhơn." Khi hành giả đạt được "đại định" của "mật nhơn", người ấy là một bằng chứng của "liễu nghĩa." Khi một hành giả đã đạt được liễu nghĩa, nghĩa là hành giả ấy đã tu tập lục độ vạn hạnh của bồ-tát, đã chứng được "đại hạnh." Chứng được "đại hạnh" rồi sau đó mới thành tựu được loại định cứu cánh kiên cố nhất trong các hiện tượng, đó là "đại quả"– kết quả lớn nhất trong tất cả các kết quả.

ĐẠI PHẬT ĐẢNH

Là đạt đến chỗ vi diệu của bốn sự vĩ đại. Đó là nhân-nghĩa-hạnh-quả vĩ đại. Bốn loại ấy còn có thể được gọi là Diệu nhân, Diệu nghĩa, Diệu hạnh, Diệu quả. Tuy nhiên, chữ "Diệu" không diễn tả toàn vẹn được nghĩa này, nên chữ "Đại" được dùng để diễn tả sự to lớn của bốn thứ ấy. Hiện tượng kiên cố rốt ráo nhất là đại định, không có định thì thân và tâm bị phân tán không phối hợp chặt chẽ với nhau được. Quý vị dự tính đi về hướng Nam nhưng chân quý vị lại muốn đi về hướng Bắc. Hoặc là quý vị muốn làm việc thiện, nhưng mình không tự chủ được và thay vì đó là dẫn đến sự phạm pháp. Sự thiếu sót một tấm lòng thành khẩn, thường hằng để thành tựu đạo nghiệp cũng giống như không có yếu tố định. Nên trong khi nghiên cứu Kinh Thủ-lăng-nghiêm mọi người nên hết sức "chân, thành, hằng." Quý vị phải phát tâm nguyện: "Tôi quyết tâm học cho đến khi hiểu được cốt tủy của kinh Thủ-lăng-nghiêm." Quý vị không nên dừng lại nửa đường và quay về hướng khác, không nên đánh trống giải tán buổi họp quá sớm. Đừng nên nói: "À, ta đã học quá nhiều ngày mà chẳng hiểu gì cả. Đây là một loại rất khó học. Tôi chẳng muốn học tí nào nữa cả."

Với lòng thành khẩn, quý vị sẽ học kinh trong tinh thần rất nghiêm túc và vẫn giữ gìn được tâm ý khi đang làm bất kỳ việc gì khác. Hoàn toàn để hết tâm ý vào việc học tập nên mọi vọng tưởng tiêu tan sạch. Phải học một cách siêng năng đến nỗi quên cả ăn, đến tối khi nằm xuống ngủ, chẳng còn một vọng niệm nào sinh khởi lên nữa, chỉ còn những giáo nghĩa. Với sự thường xuyên (hằng) quý vị không nên học vài ba ngày rồi nghỉ. Đừng có thấy rằng học Phật pháp thì khó khăn và chán nản. Đừng có trù tính đi dạo công viên hay đến những nơi giải trí hấp dẫn. Đừng nên bịa ra để tự bào chữa cho mình: "Chẳng có giá trị thực tế khi học môn này cả. Nó đã quá cổ xưa trong thời đại khoa học này", rồi bỏ học, không có tâm hằng viễn, quý vị sẽ không có được cứu cánh kiên cố. Tu tập với tâm nguyện "chân-thành-hằng," quý vị sẽ đạt được sự "kiên cố" và

đạt được định lực, quý vị sẽ không bị xoay chuyển bởi hoàn cảnh nữa. Không bị ảnh hưởng, tác động bởi môi trường chung quanh. Đây là giải thích tổng quát về đề kinh này.

Kinh: là dịch chữ Sūtra trong tiếng Sanskrit. Người Trung Hoa dùng chữ kinh có nghĩa là khế kinh. Khế nghĩa là trên thì khế hợp với đạo lý của chư Phật, dưới thì phù hợp với căn cơ của mọi chúng sinh, để giáo hóa chúng sinh trong mọi lúc, mọi thời. Kinh nghĩa là “con đường”, có thể dẫn dắt người phàm phu tiến lên thành Phật. Kinh còn có bốn nghĩa:

Quán: xuyên suốt. Nghĩa lý Đức Phật giảng trong kinh ví như một sợi chỉ hồng xuyên suốt qua chuỗi hạt.

Nhiếp: Kinh có thể giáo hóa thích hợp bao gồm hết mọi căn cơ. Tức là đối với mọi căn cơ chúng sinh đều có pháp riêng biệt để giáo hóa. Nên nói “tùy căn cơ để bố thí pháp, tùy người bệnh mà cho thuốc.” Kinh cũng như thỏi nam châm, mọi chúng sinh được ví như sắt vụn, đều bị hút về thỏi nam châm. Kinh Thủ-lăng-nghiêm được ví như thỏi nam châm, nên được gọi là kiên cố. Nhưng Kinh Thủ-lăng-nghiêm còn mạnh hơn cả thỏi nam châm. Nó có thể giúp cho con người không bị trầm luân trở lại. Vì kinh nhiếp phục hết tất cả chúng sinh, giúp cho họ không đọa lạc trở lại vào trong địa ngục ngạ quỷ, súc sinh. Họ bị mê mờ đến nỗi dù muốn thoát ra khỏi hoàn cảnh ấy cũng không được. Nên kinh Phật vi diệu biết bao! Phật tử đến đây nghe giảng kinh, một khi nghe liền được thu hút vào niềm thích thú. Khi nghe được đoạn đầu rồi thì thích nghe cho đến đoạn cuối. Họ tán thán: “Thật có ý nghĩa, thật là bổ ích.”

Thường: là từ xưa đến nay, ý kinh vẫn không thay đổi không thể thêm hay bớt một chữ nào được cả. Kinh vẫn thường hằng, không biến đổi.

Pháp: Kinh được gọi là pháp, được chúng sinh trong cả ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai tôn trọng là vì kinh chứa đựng phương pháp tu đạo chứng quả vị Phật và giáo hóa chúng sinh. Kinh điển Phật giáo được trình bày qua mười hai thể loại. Mười hai thể loại này đều được trình bày trong mỗi một bộ kinh. Mỗi một bộ kinh đều có một trong mười hai thể loại này:

1. Trường hàng: Phần kinh văn, gồm nhiều hàng rất dài nên gọi là trường hàng.

2. Trùng tụng: Phần thi kệ, tóm lại nghĩa lý đã diễn bày trong phần trường hàng.

3. Thọ ký: Trong kinh văn, khi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nói với một vị bồ-tát: “Trong chừng đó kiếp, các ông sẽ được thành Phật, huệ mạng của ông rất dài,

trong quốc độ đó ông sẽ giáo hóa vô số chúng sinh.” Một ví dụ là Đức Phật Nhiên Đăng đã thọ ký cho Đức Phật Thích-ca Mâu-ni sẽ được thành Phật. Trong đời quá khứ, khi còn tu hành trong “nhân địa”, Đức Phật Thích-ca đã tu tập bồ-tát đạo rất tinh nghiêm. Trong khi Ngài khẩn cầu được học tập giáo pháp, Ngài đã “trải tóc mình phủ kín mặt đường bùn lầy.” Để làm gì?

Trong một kiếp vào thời quá khứ, khi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đang đi trên đường, thấy phía trước mình cũng có một vị tỷ-khưu đang đi về phía mình. Ngài không biết đó chính là một vị Phật. Con đường dưới chân vị tỷ-khưu đầy bùn lầy: “Nếu vị tỷ-khưu già kia đi qua vũng bùn này ngài sẽ bị ướt sũng.” Đức Phật Thích-ca Mâu-ni tương lai nghĩ như vậy. Xuất phát từ lòng kính trọng Tam bảo, nhà khổ hạnh đã trải mình nằm phủ trên đường lầy, dùng thân như chiếc chiếu phủ trên vũng nước bùn rồi cầu thỉnh vị tỷ-khưu già hãy bước qua thân mình mà đi. Thấy vẫn còn một khoảng đường bị sình lầy, sợ rằng vị tỷ-khưu già phải lội qua vũng lầy ấy, Ngài xỏa tóc mình ra rồi trải qua vũng bùn cho vị tỷ-khưu già đi qua. Không biết người tỷ-khưu già ấy là một vị Phật. Chứng kiến việc cúng dường cung kính như vậy, Đức cổ Phật Nhiên Đăng hài lòng vô cùng.

Ngài nói: “Như thị, Như thị.” Chữ “Như thị” thứ nhất có nghĩa là : “Ông đã làm việc cúng dường bằng cách đem thân trải con đường bùn lầy để cho tôi bước đi. Chữ “Như thị” thứ hai có nghĩa: “Trong quá khứ, tôi cũng đã từng làm như thế, tôi cũng đã từng tu hạnh bồ-tát, nay ông làm như vậy.” Rồi Đức Phật Nhiên Đăng thọ ký cho Ngài: “Vào đời tương lai, ông sẽ thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni. Tại sao Đức Phật Nhiên Đăng thọ ký như vậy? Vì Ngài xúc động với lòng chân thành của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni tương lai. Dù Đức Phật Nhiên Đăng thường ít để ý đến chuyện của người khác, nhưng Ngài đã đặc biệt chú ý đến hành vi cung kính này và thọ ký cho Ngài sẽ thành Phật.

4. Nhân duyên: do có nhiều nhân duyên nên Đức Phật giảng giải bằng nhiều loại pháp khác nhau.

5. Thí dụ: những thí dụ được dùng để minh họa cho tính chất vi diệu của Phật pháp.

6. Bổn sự: Phần này nói đến những công hạnh trong kiếp trước của chư Phật và các vị Bồ -tát.

7. Bổn sinh: ghi chép những công hạnh của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni trong kiếp này hay công hạnh của những vị Bồ-tát.

8. Phương quảng: phương là bốn phương, quảng là lớn rộng, biểu thị cho Phật pháp vô cùng rộng lớn và tinh thâm vi diệu.

9. Vị tằng hữu: phần kinh văn đề cập đến những việc chưa từng được nói đến từ trước tới nay.

10. Tự thuyết : không cần có sự cầu thỉnh, mà Đức Phật tự phóng quang làm chấn động thế giới rồi giảng nói kinh pháp.

11. Cô khởi: còn gọi là phúng tụng. Đây là phần kệ mà ý nghĩa không có sự liên tục với nhau giữa đoạn đầu và đoạn giữa cùng đoạn cuối.

12. Luận nghị: phần kinh đề cập đến việc nghiên cứu bàn luận về sự sâu mầu của Phật pháp. Có bài kệ tóm tắt mười hai thể loại như sau:

Trường hàng, trùng tụng tinh thọ ký
Cô khởi, vô vấn nhi tự thuyết.
Nhân duyên thí dụ cập bổn sự.
Bổn sinh phương quảng vị tằng hữu.
Luận nghị cọng thành thập nhị bộ. Mỗi bộ kinh đều có đủ mười hai thể loại này. Điều này không phải có nghĩa là kinh tạng Phật giáo chỉ có mười hai bộ, nhưng mỗi phần trong kinh văn đều có đủ, hoặc có ít nhất là một trong mười hai thể loại này.

1. NHÂN DUYÊN PHÁT KHỞI KINH NÀY.

Giáo lý là những lời dạy của bậc Thánh, của Đức Phật, hoặc của bồ-tát để giáo hóa chúng sinh. Giáo lý phát khởi từ nhân và duyên. Những nhân duyên này hình thành là do ở chúng sinh. Nếu không có chúng sinh sẽ không có chư Phật. Nếu không có chư Phật sẽ không có giáo lý. Nhân duyên và lý do khởi phát giáo lý là để giúp cho chúng sinh chấm dứt sinh tử. Đây là lý do Đức Phật Thích-ca Mâu-ni thị hiện ở thế gian. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa nói rõ: “Đức Phật chỉ vì một đại sự nhân duyên, một việc lớn lao nhất mà thị hiện trên thế gian này.” Việc lớn lao ấy là gì? Đó là vấn đề sinh tử của con người. Vì con người không hiểu tại sao họ sinh ra, rồi tại sao họ lại chết đi? Họ tiếp tục trôi qua cuộc sống chết. Một khi họ hiểu ra, thì họ đã cận kề với sinh tử. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni thị hiện ở thế gian là để chỉ cho chúng sinh hiểu được tại sao họ lại sinh ra và tại sao họ lại chết đi?
Anh sẽ về đâu sau khi chết?
Anh sẽ đi đâu khi được sinh ra?

Một khi được sinh ra trong đời, chúng sinh bị bận rộn suốt đời, phải tìm nơi để ở, kiếm áo quần để mặc, kiếm thực phẩm để ăn… đến nỗi họ chẳng còn thì giờ để giải quyết việc sinh tử. Đây là điều mà mọi người đều phải vướng bận. Họ nói: “Tôi phải làm việc khổ nhọc và bận rộn để có được ngày hai bữa ăn, áo

quần, nhà ở…" Chẳng ai bận tâm tìm cách làm sao để chấm dứt sinh tử. Họ chẳng biết thắc mắc: "Tại sao ta đến trần gian này. Tại sao tôi ở đây? Ta từ đâu đến đây? Khi quý vị gặp người nào đó, quý vị thường hỏi: "anh từ đâu tới? anh ở đây bao lâu rồi?" Nhưng người ta không bao giờ tự đặt những vấn đề cho chính mình. Họ quên mất mình từ đâu tới. Họ quên mất rồi mình sẽ về đâu? Họ quên mất không tự hỏi ở chính mình: "Tôi sẽ đi đâu khi tôi chết?" Chỉ vì người ta quên mất việc phải tự hỏi mình vấn đề trên. Cho nên Đức Phật mới đến thế giới này để nhắc nhở, thúc giục chúng ta giải quyết được vấn đề sinh tử. Kinh Pháp Hoa nói rằng: "Đức Phật Thế Tôn, duy chỉ một đại sự nhân duyên mà thị hiện nơi thế gian này là khiến cho chúng sinh khai mở được tri kiến phật, để chỉ bày cho chúng sinh tri kiến phật, để giúp cho chúng sinh giác ngộ được tri kiến phật và khiến cho chúng sinh thể nhập vào tri kiến phật…"

Nói chung, tất cả mọi chúng sinh xưa nay vốn đều có sẵn tri kiến phật. Trí tuệ sẵn có xưa nay của chúng sinh vốn đồng một thể tánh với chư Phật. Nhưng trí tuệ ấy ở chúng sinh được ví như vàng thô đang còn nằm trong mỏ như đã đề cập ở trên. Trước khi được khai quật lên thì vàng vốn chưa được hiển bày. Một khi quý vị đã nhận thức được Phật tánh vốn thường hằng, thường hiện hữu trong mình, ắt là quý vị mới như pháp tu hành, mới có thể khai quật mỏ vàng, mới tinh luyện được chất vàng ròng không còn dính tí quặng hoặc cấu bẩn trong đó.
"Bổn hữu Phật tánh của bạn ở đâu?
Bổn hữu trí tuệ của chúng ta ở đâu?"

Phật tánh được hiện hữu từ ngay trong phiền não của chúng ta. Một người ai cũng có phiền não và ai cũng có Phật tánh. Trong hàng phàm phu, thì phần phiền não hiển lộ nhiều hơn là Phật tánh. Phiền não ví như tảng băng, trí tuệ ví như nước, Phật tánh được ví như hơi nước. Tánh ướt của hơi nước đều có sẵn trong cả hai thứ băng và nước. Cũng thế, Phật tánh hiện hữu trong cả trí tuệ và phiền não. Nhưng khi tánh ướt của nước còn có chung trong cả hai dạng băng và nước, thì tính chất vật lý của nó có sự khác biệt. Một cục nước đá nhỏ thì cứng và có thể gây thương tích nếu người ta va phải vào nó. Cũng thế, quý vị có thể làm tổn thương người khác bằng phiền não của mình, nhưng một vài giọt nước thì vô hại nếu quý vị tưới nó lên mọi người.

Cũng như thế, người có trí tuệ dùng lời nói từ hòa của họ có thể làm cho mọi người vui vẻ ngay cả khi quở trách người khác. Nếu quý vị dùng phiền não của mình để làm phiền người khác, thì sự si mê của mình cũng như đống lửa cháy lan tới người khác ngay khi vừa thốt ra lời nói. Thực vậy, quý vị có thể làm người khác bực bội rất nhiều nếu một trong hai người nổi nóng và chắc chắn

người ấy sẽ bị tổn thương. Người ta có thể trở về với bản tâm của mình nếu tự chuyển hóa được phiền não thành trí tuệ. Sự chuyển hóa đó được ví dụ như khi băng tan thành nước. Bạn không thể cho rằng băng chẳng phải là nước vì băng tan rồi mới thành nước. Bạn cũng không thể nói rằng nước chẳng phải là băng vì nước đông lại thì thành băng. Tính chất chung nhất của hai thứ ấy là tánh ướt.

Tương tự như vậy, không ai có thể phủ nhận rằng chúng sanh kia chẳng phải là Phật, hay Đức Phật kia chẳng phải là chúng sinh. Đức Phật là phật trong chúng sinh và chúng sanh là chúng sanh trong Phật. Quý vị nên nhận thức rõ nguyên lý này. Quý vị chỉ cần chuyển hóa, tức là làm cho băng tan. Việc này rất có ích cho mọi người. Tôi nói rằng nước không thể làm hại người, nhưng có người sẽ không đồng ý, vì mọi người đều biết sự nguy hiểm của sự chết đuối và nạn lũ lụt.

Thật sự là quá nhiều nước cũng làm hại con người. Nhưng trong khi ví dụ, tôi chỉ đề cập đến một lượng nước nhỏ. Nếu quý vị muốn đưa ra những điều vô lý để phản bác những chuyện vô lý thì có thể kể đến vô cùng tận. Quý vị nên nắm bắt cho được ý chính chứ đừng bị chướng ngại bởi những cá biệt. Nếu quý vị luôn luôn tìm ra những lý lẽ để phản bác, thì dù tôi có nói gì quý vị vẫn không tin được. Nếu quý vị có niềm tin thì khi tôi nói trứng mọc trên cây, quý vị cũng tin tôi. Với niềm tin như vậy, quý vị mới phát sinh được trí tuệ. Nếu không có niềm tin như thế, trí tuệ chân chính bao giờ mới được hiển lộ? Trí tuệ chân chính phát sinh từ sự si độn, chính là khi băng tan thành nước, đó là trí tuệ. Khi nước đông thành băng đó là si độn. Phiền não chẳng là gì khác ngoài si độn. Nếu quý vị thông minh sáng suốt hoàn toàn thì quý vị không còn phiền não nữa. Khi tôi giảng kinh là làm cho đạo lý được sáng tỏ.

Đừng bận tâm tìm tòi những cá biệt để phê phán, bình phẩm về đạo lý. Hai việc này hoàn toàn khác biệt nhau. Quý vị nên tiếp tục lắng lòng nghe, khi nghe kỹ rồi quý vị sẽ hiểu được những gì tôi nói là chính xác. Còn nếu chỉ nghe qua loa, quý vị không thể nắm bắt được. “Ông ta nói gì vậy?”, quý vị thắc mắc: “Tôi chẳng hiểu gì cả.” Trước đây, quý vị chưa từng được nghe làm sao nay có thể hiểu được?” Nếu quý vị có khả năng hiểu được Phật pháp khi trước đây chưa từng nghe giảng nói một lần nào cả, thì trí tuệ của quý vị thật là kỳ đặc. Có lẽ quý vị đã từng nghe pháp từ trong đời trước. Nhưng đây là lần đầu tiên trong đời này quý vị được nghe. Lần đầu tiên mới nghe thấy có vẻ quen thuộc nhưng dần dần càng nghe càng thấy quen hơn. Cũng như vậy, khi quý vị gặp một người nào đó lần đầu, thấy họ có vẻ quen quen, nhưng nếu trước đó đã gặp nhau vài lần rồi thì quý vị liền nhận ra họ ngay.

Khi quý vị nhận ra được tự tánh mình chính là Phật tánh, là quý vị chuyển hóa được phiền não thành bồ-đề. Chứng bồ-đề có nghĩa là giác ngộ. Giác ngộ chân chính là không chấp trước vào một pháp nào cả. Nếu quý vị còn chấp trước là còn chưa giác ngộ. Mặc dù nay tôi chưa được giác ngộ nhưng tôi không chấp trước. Có người sẽ thắc mắc: “Hòa thượng nói rằng Hòa thượng không có chấp trước, nhưng Hòa thượng cũng nói rằng mình chưa được giác ngộ. Như thế phải chăng Hòa thượng cũng giống như chúng con?” Tôi không giống như quý vị, nếu quý vị đã hết sạch chấp trước, quý vị sẽ trở thành người giác ngộ. Tôi chưa giác ngộ là vì tôi chưa muốn giác ngộ. Tôi muốn được sống cùng với mọi người. Nhưng tâm thức của quý vị không giống như của tôi, vì tôi không thể từ bỏ mọi loài chúng sinh nên tôi nhìn mọi người đều hoàn thiện cả.

Vì lý do này nên tôi chưa muốn giác ngộ. Nói thật ra, tôi có trái tim của một bồ-tát ước nguyện cho mọi loài được lợi lạc, chớ chẳng quan tâm gì đến chính mình. Tôi đã nói với quý vị rằng để đạt được sự giác ngộ thì dù có xuống địa ngục hay phải chịu vô hạn khổ đau tôi cũng vui lòng. Nếu có thức ăn ngon tôi cũng chỉ ăn tí chút rồi biếu cho người khác dùng. Cũng như vậy, tôi đã nếm được chút hương vị giải thoát rồi, và bây giờ tôi muốn để cho toàn thể quý vị nếm trải hương vị ấy. Để nếm được hương vị giải thoát, quý vị phải nghiêm khắc với phiền não trong chính mình. Khi quý vị không còn phiền não nữa và đã chuyển hóa được vô minh, trí tuệ sẽ phát sinh và quý vị trở nên tự tại. Đây gọi là khai mở được tri kiến phật trong mình rồi, là quý vị đã khai quật được mỏ vàng rồi, đến lúc quý vị cần phải hiển bày tri kiến phật ấy ra.

Quý vị cần siêng năng chăm chỉ, cũng như cần phải có sức người để đào đất lấy vàng lên vậy. Trước tiên, quý vị phải gạn bỏ bùn đất, rồi dần dần đãi vàng ra từ trong cát. Hiển bày tri kiến phật là hướng dẫn chúng sinh phương pháp chân thật tinh tấn tu hành. Để được hiển bày tri kiến phật cần phải hành trì tĩnh tọa, tham thiền hằng ngày. Cho đến một lúc nào đó, tâm bỗng nhiên thấu thoát, quán thông mọi sự. Đó là lúc quý vị đã được khai ngộ. Quý vị hiểu ra: “Ồ! xưa nay chỉ là cái đó ư? ” Khi ấy mọi vấn đề sinh tử của con người đều được giải quyết một cách minh bạch. Đây được gọi là ngộ tri kiến phật. Tri kiến phật hoàn toàn không giống như tri kiến chúng sinh phàm phu của chúng ta. Chúng sinh dùng tri kiến của mình để khởi dậy không ngừng vọng tưởng, phát sinh tâm chấp trước. Chỉ cần ai đối xử với mình không tốt một chút, mình cũng sinh ra phiền não rồi. Thực ra, nếu mình đối xử với mọi người tốt đẹp, thì làm sao mà người ta lại đối xử không đẹp đối với mình? Hiểu rõ quy luật này rồi ta mới biết chẳng phải do người ta đối xử không tốt với mình mà chính là do mình đối xử không tốt với người ta.

Đó là: Một tay vỗ chẳng nên kêu
Hai tay gộp lại vang rền âm thanh.
Mọi người đều đảnh lễ Đức Phật với lòng cung kính tột cùng vì Đức Phật là bậc toàn thiện. Đây là lý do tại sao chẳng ai mà không phát khởi thiện tâm khi nghĩ đến Đức Phật.

Có người nói: “Tôi không tin như vậy, vẫn có người phỉ báng Đức Phật thôi!” Ai mà phỉ báng Đức Phật thì người ấy không được kể là người, đơn giản là họ không hiểu vì sao mình được làm thân người, vì thế nên họ phỉ báng Phật, Pháp, Tăng. Họ không hiểu được vấn đề cốt tủy của cuộc đời mình là gì? Nếu họ biết tại sao họ được làm thân người, họ sẽ không phỉ báng Tam bảo. Chúng ta thể nhập vào tri kiến phật ngay khi ta được giác ngộ. Điều này cần phải có công phu hành trì. Quý vị cần phải tham cứu và phải thực hành nhiều hơn nữa, rồi hồi quang phản chiếu. Khi chơn tánh sáng suốt chiếu sáng bản tâm mình rồi, quý vị sẽ trở thành người có trí tuệ đó là nhập tri kiến phật, không hai không khác. Đức Phật giảng kinh thuyết pháp chỉ là để giúp cho chúng sinh khai, thị, ngộ, nhập tri kiến phật này. Nói tóm lại, đây là lý do mà Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã giảng kinh, thuyết pháp trong hơn 300 hội, suốt bốn mươi chín năm trong thế gian. Nếu đem bộ kinh Thủ-lăng-nghiêm xét kỹ, có sáu nhân duyên Đức Phật thuyết kinh nầy:

1. Ỷ vào đa văn, không tu tập định lực.

A-nan là đệ tử vừa là em họ của Đức Phật, A-nan rất thông minh, đọc rất nhiều và biết rất nhiều. A-nan theo Đức Phật xuất gia hàng chục năm rồi, nên nhớ được toàn bộ lời Đức Phật đã thuyết trong các pháp hội. Trí nhớ của Ngài rất phong phú, khi nghe qua một lần rồi thì không bao giờ quên được. A-nan không phải gắng sức để nhớ, vậy mà thông thường các học giả phải tự mình học kỹ những nguyên lý mà họ đọc được trong kinh sách, rồi mới vận dụng được những điều mình đã học. Thái độ của những học giả này là: “Hãy xem sự hiểu biết của tôi đây nè! Tôi biết rõ hơn quý vị nhiều. Tôi đã có bằng Tiến sĩ khoa học, triết học, văn chương…” Mặc dù A-nan có được khả năng thông minh một cách tự nhiên. Nhưng ỷ vào khả năng ấy quá nhiều mà thờ ơ với việc công phu tu tập phát triển tuệ giác và định lực. A-nan cho rằng định lực không quan trọng: “Tôi biết rất nhiều điều, và tôi có tri thức, chừng đó là đủ rồi. Định lực chẳng có gì quan trọng, nói rằng nhờ có định nên huệ được phát sinh, còn tôi đã có được trí huệ rồi.” Nên A-nan hoàn toàn bỏ quên công phu tu tập định lực.

Kinh Thủ-lăng-nghiêm được Đức Phật giảng do lời thỉnh cầu của A-nan. Phát xuất từ việc A-nan không tu tập định lực. Khi đại chúng tọa thiền, tham công

án, thì A-nan đọc sách hoặc viết lách gì đó. Sự thù thắng của pháp hội giảng kinh Thủ-lăng-nghiêm lần đầu này bao gồm cả việc thực hành tọa thiền, chiêm nghiệm lại những hiểu biết đã thu nhận được khi nghe giảng kinh. Quý vị thực tập thiền quán để có được sự tương ưng với tri kiến thu nhận từ chỉ thú của kinh. Thông qua nỗ lực công phu thiền định và quán chiếu như vậy, quý vị có thể được khai ngộ. Nhưng chủ yếu là quý vị phải phát huy song song cả hai mặt định lực và chiêm nghiệm lại những điều đã được học.

Ngài A-nan thì khác, Ngài không tu tập thực tướng bát-nhã. Ngài nghĩ rằng mình sẽ đạt được quả vị Phật thông qua văn tự bát-nhã, Ngài nghĩ rằng mình là em họ của Đức Phật, người đã đạt được Phật quả rồi thì thế nào cũng giúp cho mình được quả vị Phật thôi, nên chẳng phải bận tâm tu tập làm gì. Nên A-nan đã tiêu phí thời giờ vào việc học tập đa văn như vậy. Theo Kinh Thủ-lăng-nghiêm, một hôm A-nan đang trên đường khất thực, mang bình bát đến từng nhà theo thứ tự. Trong khi một mình trên đường đi thì gặp con gái của Ma-đăng-già. Đó là một phu nữ theo “mốt sống mới.” Đặc biệt A-nan rất đẹp trai. Khi con gái của Ma-đăng-già thấy A-nan, cô ta liền mê đắm, nhưng không biết làm sao cám dỗ A-nan được.

Cô ta về nhà nói với mẹ rằng “Mẹ phải giúp con lấy A-nan làm chồng. Nếu không con chết mất.” Bấy giờ Ma-đăng-già là một tín đồ ngoại đạo, thuộc phái Ta-tỳ-ca-la, còn gọi là Kim đầu. Bà ta có một loại chú thuật gọi là Tiên Phạm thiên. Bà ta tu luyện chú thuật ngoại đạo này và sử dụng nó rât linh nghiệm. Do bà Ma-đăng-già rất thương con gái mình, nên bà ta dùng chú Tiên Phạm thiên để mê hoặc A-nan. Do thiếu định lực, nên A-nan không thể tự chủ được, bị chú thuật dẫn dắt đến nhà cô con gái của Ma-đăng-già, nơi A-nan suýt bị phạm giới dâm.

Trong năm giới, quan trọng nhất là giới giết hại, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu thì Ngài A-nan gần như sắp phạm vào giới tà dâm. Đức Phật biết được toàn bộ những gì sắp xảy ra. Biết rằng người em của mình đang gặp nạn. Ngài liền trì chú Thủ-lăng-nghiêm để giải trừ chú thuật Tiên Phạm thiên của ngoại đạo Ta-tỳ-ca-la. A-nan mê muội đến mức như người say rượu hoặc say ma túy. Ngài hoàn toàn quên bẵng mọi việc trước đây. Nhưng khi Đức Phật trì chú Thủ-lăng-nghiêm thì năng lực của minh chú liền phát khởi trong A-nan và quét sạch mọi mê muội trong tâm, khiến A-nan liền thức tỉnh. A-nan mới nhận ra được tại sao mình bị vướng vào tình huống như thế này. A-nan trở về tinh xá, quỳ trước chân Đức Phật, khóc lóc thảm thiết:

“Con từ trước đến nay, con chỉ ỷ lại vào học rộng hiểu nhiều, mà không chịu tu tập để hoàn chỉnh đạo lực. Kính mong Thế tôn chỉ bày cho con phương pháp

tu tập định lực của chư Phật trong mười phương để được thành tựu đạo lực." Nhân đó, Đức Phật mới nói kinh Thủ-lăng-nghiêm. Đây là nguyên nhân thứ nhất mà kinh này được ra đời. Nhân duyên thứ hai là:

2. Cảnh giác đối với cuồng huệ

Bảo hộ cho chúng sinh khỏi rơi vào tà kiến. Có nhiều người thông minh trong đời, mặc dù họ có tri thức mà vẫn không vận hành theo chánh đạo được. Thay vì vậy, họ sử dụng tri thức ấy để làm hại con người. Họ ngập sâu vào tà kiến và không muốn sửa đổi để quay về với chính kiến. Họ cứ cho rằng họ đúng. Họ tự cho mình là kẻ thông minh xuất chúng rồi xử sự theo cách rất hồ đồ, mê muội. Nên Kinh Thủ-lăng-nghiêm là một lời cảnh cáo cho lớp người này. Ngạn ngữ có câu: Thông minh nãi thị âm chất chủng
Âm chất dẫn nhập thông minh lộ
Thiện dục nhân kiến, bất thị chân thiện
Ác khủng nhân tri, cánh thị đại ác"

Nghĩa là: Do đời trước có gieo trồng chút ít nhân đức hạnh, có thể họ đã học hành siêng năng chăm chỉ, hoặc đã tụng đọc Kinh Phật rất nhiều, nhưng tính thông minh này được tựu thành do các việc thiện này. Đó gọi là âm chất, người bình thường không thể thấy được. Tính thông minh này không thể nào thành tựu ở trong những người không hề làm việc thiện, hoặc những người đánh trống khua chiêng, quảng cáo trên truyền hình, trên báo chí rằng: "Tôi đã từng làm những việc thiện như thế, như thế…." Những người này có làm việc thiện thật, nhưng đây không phải là "chân thiện." Việc thiện chỉ được công nhận khi người làm một cách âm thầm–đó là chân thiện. Nên nói: "Làm việc thiện mà muốn người ta biết đến, thì chẳng phải là chân thiện.

Làm việc ác mà sợ người khác biết được đó là việc đại ác." Những người làm việc thiện mà muốn mọi người đều biết việc thiện của mình thì đó không phải là việc chân chính. Họ chỉ là những người ham thích sự nổi danh. Việc ác lớn nhất là người ta âm thầm làm nhưng lo sợ người khác phát hiện được nên tìm mọi cách để che dấu.

Hạt nhân đức hạnh đã âm thầm gieo trong những đời trước sẽ cho chúng ta hưởng quả báo thông minh trong đời này. Nhưng nếu chúng ta không vận dụng sự thông minh đó vào việc thăng hoa và lợi lạc, trong việc trau dồi đức hạnh và làm việc thiện, mà làm những việc ác thì sự thông minh lanh lợi ấy là trí thông minh của thứ kiến giải nửa vời, không phải là tri kiến chân chính. Chẳng hạn, vào thời Tam quốc ở Trung Hoa có viên tướng Tào Tháo được xem là cực kỳ thông minh, nhưng lại đa nghi như quỷ. Và vua Nghiêu được gọi là người thông minh nhưng ác độc. Cũng thế, ở Mỹ, một người thông thái

thường được gọi là người ác. Thực vậy, người ta đồn đãi với nhau gọi tôi là thần là thánh. Mà thực ra tôi chẳng thích ai gọi tôi là thần cả. Những người này nghĩ rằng khi gọi như vậy có nghĩa là khen ngợi tôi, nhưng trong Phật pháp,tôi xem đó là lời phỉ báng. Quý vị không nên đánh giá các vị thần quá cao, họ chưa đạt được một quả vị gì lớn lao cả. Họ chỉ là những vị Hộ pháp, công việc chính của Hộ pháp là hộ trì Tam bảo: Phật, Pháp, Tăng.

Những bậc đại thiện nếu bị đọa lạc cũng sẽ đọa vào hàng quyến thuộc ma. Nếu có người làm những việc đại ác mà thức tỉnh và sửa đổi thì người ấy được xem là bậc đại thiện vì họ đã có can đảm tự sửa chính mình. Tuy nhiên, có người đã từng gieo trồng hạt giống tốt trong khi đó, họ không để ý đến những cảm ứng đặc biệt từ hạnh nghiệp của mình, mà lại làm những việc ác và lừa lọc người khác; do vậy nên họ trở thành những kẻ cực ác, vì họ là những người đã biết rõ điều hay lẽ phải mà lại cố ý làm điều tà vạy.

Người có càn huệ thường làm những việc điên đảo, những việc kỳ quặc mà vẫn cảm thấy rằng mình đúng đắn. Đến mức có thể giết người và tự cho rằng: “Nếu ta không giết người ấy, nó sẽ giết những người khác. Nhưng vì ta đã giết nó rồi, nó sẽ không còn giết người khác được nữa.” Thực ra, anh ta không phải là một kẻ mang bản tính sát nhân chút nào cả, nhưng anh ta lại có thành kiến với nạn nhân. Đây là một ác ý. Có nhiều kẻ vốn đã phạm sai lầm, lại thường tạo ra một lý do chính đáng cho hành vi sai trái của mình, họ thường tạo ra câu chuyện có tình tiết rất hay để tránh khỏi sự buộc tội của luật pháp. Mặc dù anh ta sai trái, nhưng anh ta lại tin chắc rằng mình sẽ thắng. Đây là “cuồng huệ.” Kinh Thủ-lăng-nghiêm góp phần thức tỉnh cho mọi người, giúp họ đối trị lại những bào chữa phát xuất từ ác ý. Kinh cảnh báo cho những kẻ này hãy thay đổi lối suy nghĩ, đừng mang giữ các tà ý đó nữa, đừng tin chắc rằng các tà ý ấy là đúng nữa, và sửa đổi lại những ý nghĩ ấy để có thể trở về chính đạo, với tư tưởng chân thật.

3. Chỉ rõ chân tâm, hiển bày căn tánh.

Kinh Thủ-lăng-nghiêm là bộ kinh chỉ thẳng vào tâm để cho chúng ta nhận ra được bản tâm, và chứng nhập được Phật tánh. Thế tâm ấy là gì? Đó là chân tâm, vốn không thể thấy được. Tâm nằm trong lồng ngực mà quý vị có thể trông thấy được, đó chỉ là trái tim, nhiệm vụ nó là để giúp cho quý vị sống còn. Đó không phải là chân tâm. Trái tim ấy chắc chắn không thể nào dẫn quý vị đến sự hiểu biết chân chính. Nếu trái tim trong lồng ngực quý vị là chân tâm, thì lẽ ra nó phải cùng đồng hành với quý vị khi chết đi. Vậy mà sau khi chết thân xác quý vị còn đó mà trái tim vẫn nằm yên trong thân. Thế nên trái tim thịt ấy không phải là chân tâm. Tâm chân thật của quý vị chính là Phật tánh.

“Thế Phật tánh ở nơi đâu?”
Phật tánh chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở giữa. Kinh văn sẽ giải thích đạo lý này rất chi tiết. Trong kinh cũng sẽ giải thích “Thập phiên hiển kiến” (mười lần chỉ bày tánh thấy), đó là “chân tâm.” Đây là nguyên nhân thứ ba khiến Đức Phật tuyên thuyết bộ kinh này, là để chỉ bày rõ cho chúng sinh Thường Trụ Chân Tâm Tánh Tịnh Minh Thể (thể tánh thanh tịnh sáng suốt thường trụ của chân tâm). Chơn tâm này vốn không đi, không đến, không biến đổi, không dao động. Chơn tâm ấy là bản thể, không bị nhiễm ô. Bản chất của chân tâm hoàn toàn thanh tịnh. Thể tánh của chân tâm hoàn toàn sáng suốt.

4. Hiển thị chân tánh của định lực và khuyến khích việc tu chứng.

Có rất nhiều pháp môn trong việc tu tập định lực. Ngoại đạo cũng có nhiều loại định. Vậy nên trong khi tu tập định lực, chỉ cần:

“Sai chi hào ly,
Thất chi thiên lý” (chỉ cần sai lầm bằng một mảy tóc, thì sẽ uổng công đi xa cả ngàn dặm)

Do vậy nên quý vị nên tu tập theo chánh định, tránh tu tập theo lối tà định. Các loại định do ngoại đạo và Tiểu thừa tu tập đều là tà định, chẳng phải là chánh định. Vì các loại định ấy không lưu xuất từ chân tánh, nên sẽ không bao giờ đạt được Thánh quả, bất luận tu tập dụng công lâu hay mau. Nên nói:
Tánh định ma phục triêu triêu lạc
Vọng niệm bất khởi xứ xứ an”
(Chân tánh an định, ma chướng bị hàng phục, nên ngày ngày đều sống trong an vui. Vọng niệm không sinh, mọi nơi chốn đều an nhiên.)

Tại sao hành giả bị ma chướng khi tu tập? Tại sao nghiệp chướng sinh khởi. Chỉ vì trong tự tánh của họ chưa có được định lực. Nếu tự tánh thường an trú trong định, tất cả ma sự đều bị hàng phục. Có rất nhiều loại ma, trong kinh Thủ-lăng-nghiêm giảng giải về Năm mươi loại ấm ma. Thực ra, có rất nhiều, rất nhiều loại ma: thiên ma, địa ma, nhân ma, quỷ ma, yêu ma. Thiên ma là ma ở các cõi trời, thường đến đây để nhiễu loạn những người tu tập thiền định. Địa ma cùng với các loài nhân ma, quỷ ma, yêu ma thì ở trên đất và các loài quái dị khác thường quấy phá thiền định của quý vị.
“Tại sao nó làm việc ấy?”

Vì trước khi quý vị chứng được Phật quả, quý vị đã từng là quyến thuộc với ma. Khi quý vị quyết định xa lìa quyến thuộc nhà ma để tu tập thiền định, chấm dứt sinh tử, phá vỡ vòng luân hồi, thì ma vương vẫn còn yêu thích quý vị. Nó yêu thương quý vị, không muốn quý vị bỏ đi. Thế nên nó đến não loạn tinh

thần và nhiễu loạn công phu thiền định của quý vị. Nếu không có đủ định lực, quý vị có thể bị xoay chuyển bởi ma sự và kết cuộc là thành đồ chúng của ma. Nếu quý vị có được định lực thì không bị nó sai sử, quý vị sẽ được “như như bất động, liễu liễu thường minh.” Như như bất động là có định lực, liễu liễu thường minh là có năng lực trí tuệ sáng suốt. Có được đầy đủ năng lực trí tuệ và có định lực thì chẳng có loài ma nào có thể xoay chuyển được quý vị. Nhưng nếu không có được đầy đủ năng lực định huệ, quý vị sẽ thành quyến thuộc với ma, thành con cháu của chúng. Điều ấy cực kỳ nguy hiểm.

Lý do ngoại đạo không có được tánh định vì họ chỉ dụng công ở ngành ngọn chứ không dụng công ở phần gốc rễ, họ công phu ngay nơi xác thân hư huyễn. Sai lầm của họ là đồng nhất thức thứ sáu, là tâm thức thường nghiệm với chân tâm. Kết quả của sự dụng công ấy là đạt được một chút ít kinh nghiệm ở cảnh giới tịch diệt, nhưng những gì họ cảm nhận được đều là không thực. Họ bắt ép mình không được sinh khởi vọng tưởng nhưng họ không khai quật ra được căn nguyên của vọng tưởng ấy, nên không thể nào chấm dứt sinh tử được. Điều ấy cũng giống như dùng đá đè cỏ vậy… khi dời đá đi, cỏ mọc lại ngay. Khi những người tu theo ngoại đạo buông xả nỗ lực ngăn ngừa vọng niệm, thì cũng như dời đá đi nơi khác. Phương pháp tu tập ấy không đạt được cứu cánh rốt ráo. Trong công phu thiền định, hành giả nên tham thoại đầu “Ai là người niệm Phật?”

Do tham cứu miệt mài đề tài ấy nên hành giả quét sạch tất cả các pháp và lìa tất cả các tướng. Khi tham cứu “ai”, hành giả thâm nhập vào cội nguồn của vọng tưởng và chuyển hóa chúng. Nếu quý vị công phu theo chiều hướng này, sẽ có ngày quý vị hoát nhiên khai ngộ. Lúc ấy quý vị mới biết được mặt mũi mình dọc hay ngang. Còn khi chưa khai ngộ, quý vị chẳng thể biết được mặt mũi mình hướng về phía nào. Nhưng một khi đã khai ngộ rồi, quý vị sẽ biết được hết thảy và đạt được tự tại. Khi Đức Phật giảng kinh Thủ-lăng-nghiêm này, có rất nhiều phái ngoại đạo ở Ấn Độ không quan tâm đến ý nghĩa giác ngộ, họ thích bắt chước những thói quen của bò và chó, đây là một pháp tu do một số người khi nhập định, thấy được một con bò được tái sinh trong cõi trời, nên họ kết luận. “Ta phải tập theo thói quen của loài bò.” Anh ta bắt đầu ăn cỏ, sống trong chuồng bò, học cả cách ngủ như bò. Khi không ngủ, anh ta có được chút định lực, nhưng anh ta không đạt được kết quả chân thực, vì đó hoàn toàn là tà định.

Thời ấy cố ngoại đạo làm như vậy là vì trong khi ngủ, họ mơ thấy một con chó được tái sinh trên cõi trời. Người này quyết định rằng nếu mình bắt chước những hành vi của loài chó thì mình cũng có thể được sinh ở cõi trời. anh ta tự

rập khuôn mình theo loài chó, canh chừng cổng nhà, dùng thức ăn và ngủ như loài chó. Nhưng cuối cùng cũng không thành tựu rốt ráo. Có những ngoại đạo kỳ cựu khác tu tập Vô tưởng định, khi ấy hành giả không còn suy nghĩ về một điều gì cả. Hành giả không còn vọng niệm nữa, cuối cùng hành giả được sinh vào Vô tưởng thiên.

Nhưng tái sinh ở Vô tưởng thiên không phải là cứu cánh tối hậu, cuối cùng cũng phải đọa lạc. Đây cũng được xem là một loại tà định. Tất cả phương pháp tập định do ngoại đạo truyền dạy đều không rốt ráo, không có căn bản, không như công phu tu tập chân chính là để nhận ra tự tánh vốn sẵn có nơi mình. Đem tâm phân biệt (thức) và vọng tưởng mà tu học Phật pháp cũng giống như nấu cát mà mong thành cơm, không thể nào thành tựu được, dù quý vị có tu hành như thế trải qua vô số kiếp, cũng không thể nào thoát khỏi vòng luân hồi, chẳng thể nào thành Phật được. Điều cần yếu cho những người thiết tha tu tập là phải thân cận một bậc minh sư có tri kiến chân chánh, để giúp cho hành giả đạt được định lực chân chính.

Để đạt được năng lực chánh định, có khi hành giả cũng phải trải qua sự khảo nghiệm của ma vương. Như tôi đã đề cập trước đây, có rất nhiều loại ma: nội ma và ngoại ma. Ngoại ma thì hàng phục không khó mấy, nhưng loài ma phát sinh từ trong tâm mình thì rất khó hàng phục. Có loại ma thường gây bệnh tật cũng rất khó hàng phục. Khi tôi vào khoảng mười bảy, mười tám tuổi, đang học Phật pháp nên rất tự cao. Tính tự cao đã sai sử tôi phát biểu những lời ngông cuồng như sau: “Ai cũng sợ ma, nhưng tôi chẳng sợ. Đúng ra ma phải sợ tôi.”

Quý vị có bao giờ nói những lời ngông cuồng như thế không? “Bất luận là loại ma gì, thiên ma, địa ma, nhân ma, yêu ma, quỷ ma, tinh ma… tôi đều chẳng sợ.” Sau khi tôi vừa tuyên bố như thế xong, quý vị đoán biết điều gì xảy đến không? Tôi liền bị ma bệnh tấn công. Sau đó chính tôi là kẻ sợ ma, không phải ma sợ tôi. Vì căn bệnh làm cho tôi không thể nào cử động được, giống như bị kẹp trong cái ách, thân tôi không tuân theo sự điều khiển của tôi nữa. Tôi bảo nó đi nhưng nó không thể đi, tôi bảo nó ngồi cũng không ngồi được. Từ sáng đến tối, tôi phải nằm trên giường, không ăn uống gì được cả. Tôi đã bị mắc vào bẫy ma. Tôi nhận ra những gì tôi đã tuyên bố đều là sai trái.

Tôi đã huênh hoang rằng mình không sợ ma, nhưng bây giờ khi gặp ma bệnh, tôi chẳng còn chút sức lực nào cả. Tôi bệnh đến nỗi quên hết mọi chuyện, như thể là sắp chết đến nơi. Nhưng ngay khi tiến dần đến hơi thở cuối cùng–khi tôi hầu như chết rồi–thì một việc xảy ra, tôi thấy ba vị Vương hiếu tử ở Mãn Châu gồm một tăng sĩ, một đạo sĩ và một cư sĩ, cả ba đến rủ tôi đi chơi. Tôi theo họ ra ngoài. Ngay khi ra khỏi cửa, tôi liền bước đi, nhưng chân tôi không hề chạm

đất dù chẳng phải ở trên máy bay mà thấy như ở trong khoảng không. Cũng chẳng phải như đằng vân giá vũ, mà giống như mình được bao bọc bởi một lớp hư không. Tôi như bước đi trên những nóc nhà và chẳng bao lâu thấy mọi vật ở phía dưới đều rất nhỏ.

Tôi đi qua rất nhiều ngôi chùa danh tiếng, những rặng núi cao, những dòng sông rộng lớn. Tôi đến được Tứ đại danh sơn của Trung Hoa: Ngũ đài sơn, Nga mi sơn, Cửu hoa sơn và Phổ-đà sơn. Bất kỳ ở đâu, tôi cũng đến được rất nhiều chùa và gặp rất nhiều người. Chúng tôi không dừng lại ở Trung Hoa, một lát sau chúng tôi đi qua nước khác, nơi ấy người dân có tóc vàng và mắt xanh. Chúng tôi đi nơi này đến nơi khác rất nhanh tựa như xem phim, từng cảnh từng cảnh chớp nhoáng trên màn hình, chuyển cảnh thường xuyên, nhưng đây chẳng phải là màn ảnh hoặc máy chiếu phim, thực sự là tôi thấy mình từ nơi này đến nơi khác rõ ràng. Sau khi được thấy và nghe nhiều nơi, nhiều việc, tôi trở về lại trước cửa phòng mình.

Tôi mở cửa rồi nhìn vào căn nhà của mình, trên giường là một người như tôi. Ngay đó, tôi nhận ra mình mang hai thực thể hoàn toàn giống nhau. Hơi thở đã kéo tôi nhập lại làm một. Cha mẹ tôi kêu lên “chưa chết.” Họ đang ngồi bên xác tôi mừng rỡ nói: “Còn sống.” Rồi tôi nhận ra được, biết mình đang nằm bất động trên giường. Tôi biết mình đang bị bệnh, tôi hỏi cha mẹ tôi chuyện gì đã xảy ra. Song thân tôi bảo rằng tôi đã bất tỉnh nặng suốt bảy tám ngày nay, dường như đã chết. Thế nên tôi là xác chết biết đi. Tôi nghĩ rằng mình đã chết và cũng vừa như mới sinh ra. Sau đó tôi không còn dám ngông cuồng nữa. Tôi không bao giờ nói rằng tôi chẳng sợ ma mà ma phải sợ tôi nữa.

Hãy nhớ lời khuyên nhủ này: “Bất luận làm việc gì cũng đừng tuyên bố những lời như tôi nói. Nếu quý vị tuyên bố: “Tôi chẳng sợ gì cả.” thì trong tương lai quý vị sẽ gặp ngay những sự kiện làm cho quý vị phải hốt hoảng. Còn nói: “Tôi thận trọng trong tất cả mọi việc.” thì rất tốt. Nói chung đừng nuôi dưỡng ngay cả những chuyện vô ích như thế.” Trước khi tôi bị bệnh, tôi là giảng viên ở Hội Đạo Đức. Tôi thuyết giảng về sự lợi ích của lòng khoan dung, hạnh đoan chính. Không những tôi chỉ khuyến khích mọi người khác làm việc thiện, mà chính tôi cũng thực hành hạnh lợi tha. Tôi thực hành đến mức độ cảm thấy mình có đạt được chút ít công phu.

Có lần tôi đọc bài viết về mẫu mực trong đời sống của Chang-Yu-Husuan, tôi quyết định được làm theo như ông ta. Tôi nguyện thề với trời rằng tôi sẽ thực hành giống như Chang-Yu-Hsuan. Nhưng sau khi tôi phát lời thề rồi tôi lại tiếc. Tôi tự vấn mình một cách nghi ngờ rằng: “Có ích gì khi bắt chước như ông ta?” Và lạ thay, ngay vào chiều đó ma liền đến để thử xem tôi có thực sự giữ vững

lời thề hay không? Nếu quý vị có lời phát nguyện, chư vị bồ-tát sẽ đến để thử nghiệm quý vị. Cốt yếu là quý vị đừng tuyên bố một cách ngạo mạn. Cẩn trọng tránh xa những điều dễ dãi làm mình hài lòng và cả những điều khiến mình bực bội, bằng cách giữ tâm mình thường hướng vào việc tu đạo. Đừng sống với tâm phàm phu và đem tâm chân chính hướng vào công phu. Tu có nghĩa là đi ngược chiều với hư vọng. Người tu tập với tâm mong cầu hư vọng thường nghĩ rằng: "Ta phải chứng được quả vị Phật ngay." Nên trong khi ngồi thiền, anh ta thấy thân thể của mình như thân thể của Đức Phật đang phóng hào quang làm chấn động quả đất. Thực ra, chẳng có điều gì xảy ra cả. Sự chứng nghiệm ấy chỉ là hư vọng, chẳng phải là thành tựu đạo nghiệp.

Có người nghĩ rằng: "Khi tôi ngồi thiền, tôi thấy Đức Phật thọ ký cho tôi rằng: "Ông sẽ thành Phật, đừng bận tâm tu hành làm gì nữa. Ông đã là Phật rồi." Đây cũng là một sự chứng nghiệm hư vọng, không phải là chân thật thành tựu đạo quả. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni thành đạo khi ngồi thiền dưới cây bồ-đề. Ngài thiền định suốt bốn mươi chín ngày, đến một sáng khi Ngài thấy sao mai vừa ló dạng, Ngài bừng ngộ. Ngài nói: "Lạ thay! Lạ thay! Lạ thay! Tất cả mọi chúng sinh đều có Phật tánh. Tất cả đều có thể thành Phật." Tuy nhiên, trước khi Ngài thành Phật, thiên ma đã khảo nghiệm Ngài. Nó biến thành gái đẹp đến trước Ngài, nói những lời quyến rũ, tìm cách làm cho Ngài từ bỏ con đường tu đạo để kết hôn với cô ta. Nhưng Đức Phật thường ở trong chánh định, không hề lay động bởi cái nhìn của loài yêu quái này. Ngài chỉ có tâm niệm: "Cô tưởng mình đẹp lắm sao? Thực ra, cô chỉ là đàn bà xấu xa ác độc. Có vô số nếp nhăn chạy trên khuôn mặt cô, từ mắt mũi cô đang chảy ra những nước mắt, ghèn, đầy nước và đờm dãi trong mũi, và nước miếng trong cổ họng. Toàn thân cô thật dơ bẩn, thế mà cô còn đến để lừa tôi."

Đức Phật đã quán sát được tâm niệm của Ma vương từ trong chánh định, và hóa giải ma lực ấy, bắt nó hiện thành người đàn bà già nua xấu xí, tóc bạc, răng long, mũi chảy đầy dãi, bà ta trông thật ác độc. "Bà hãy tự nhìn ngắm mình xem."– Đức Phật bảo. Ma vương nhìn lại mình, xấu hổ bỏ chạy. Có rất nhiều ma vương đến để thử thách Đức Phật, nhưng Đức Phật không hề bị xoay chuyển. Do không bị ma vương xoay chuyển nên Đức Phật thành tựu giác ngộ. Khi hành giả tận lực công phu tu đạo cũng giống như vậy. Giai đoạn quan trọng nhất là trải qua sự khảo nghiệm của ma vương. Khi quý vị chưa có được công phu, ma vương chẳng cần thử thách. Nhưng một khi đã có được chút ít công phu rồi, thì ma vương rất thích thử thách. Nếu không nhận ra ma sự đến như một cuộc khảo nghiệm, thì quý vị liền bỏ cuộc tu hành và theo làm đồ chúng của ma.

Nếu quý vị muốn công phu đến mức thành tựu thực sự, quý vị phải có được tánh định, thì chân tánh của quý vị không hề lay động, tự nhiên quý vị sẽ có được định lực và sự thành tựu của quý vị là rất chân thực, không phải là hư vọng. Còn nếu quý vị bị xoay chuyển bởi ma, thì định lực của quý vị không phải chánh định mà là tà định, không bao giờ đưa quý vị đến quả vị Phật được. Trước đây, tôi đã đề cập đến tà định do những người học theo hành vi của bò và chó. Làm sao loài bò và chó mà họ bắt chước lại tái sinh được ở cõi trời? Vì trong một đời kiếp trước, con bò ấy đã tu tập mười thiện nghiệp, nhưng trước đó nó hoàn toàn làm những việc ác. Quả báo của ác nghiệp khiến nó phải thọ thân bò, còn quả báo của việc tu tập mười thiện nghiệp khiến sau khi chết được tái sinh ở cõi trời. Con chó cũng như thế. Họ không biết những nhân duyên trong quá khứ đã dẫn con bò và chó tái sinh ở cõi trời, những người nầy tưởng rằng nó chỉ làm bò và chó trong kiếp hiện tại rồi hưởng được phước báo sinh ở cõi trời thôi. Thế nên họ mù quáng bắt chước theo bò và chó. Họ chẳng được gì khi tu tập như vậy, dĩ nhiên là chẳng thành tựu được điều gì cả. Thực ra, thành tựu đạo nghiệp có nghĩa là chân thực nhận ra năng lực chánh định và trí tuệ sáng suốt vốn tự có sẵn, đầy đủ, tròn đầy, trong mỗi người. Năng lực chánh định và trí tuệ ấy hỗ tương dung nhiếp, hoàn chỉnh cho nhau, không ngăn ngại nhau. Đó là nhận ra thể tánh chân thực vốn có của chính mình. Đó có nghĩa là nhận ra được chân tâm của mình.

5. Tiêu hủy vọng tưởng điên đảo, phá trừ mê lầm nhỏ nhiệm vi tế.

Vọng tưởng điên đảo là những tâm niệm không chân chính. Thực ra, mọi người đều bị vướng trong vòng điên đảo. Hãy xem suy nghĩ của họ thì rõ, khi A-nan và con gái của Ma-đăng-già trở về đảnh lễ Đức Phật, A-nan cầu thỉnh Đức Phật xin được chỉ dạy phương pháp tu tập định lực. Sau khi nghe Đức Phật dạy bảo rồi, A-nan trình bày bài kệ, mở đầu là:
Diệu trạm, tổng trì, bất động tôn
Thủ-lăng-nghiêm vương thế hy hữu
Bất động tôn là Thủ-lăng-nghiêm đại định, toàn câu này xưng tán Đức Phật Thích-ca Mâu-ni là hy hữu, hiếm có. Như ý trong câu thứ ba của bài kệ:
Tiêu ngã ức kiếp điên đảo tưởng
(Làm tiêu tan vọng tưởng điên đảo từ ức kiếp của con).

Từ đời này sang đời khác, từ vô lượng vô biên kiếp, A-nan đã sống với vọng tưởng điên đảo, suy nghĩ về những việc không chân chính. Vọng tưởng điên đảo này là vô số vọng tưởng mà hàng phàm phu chúng ta thường khởi dậy. Yếu chỉ của kinh Thủ-lăng-nghiêm là phá hủy và làm tiêu tan những vọng tưởng điên đảo này và phá trừ những mê lầm rất vi tế nhỏ nhiệm từ tâm thức.

Những mê lầm vi tế này rất nhỏ nhiệm vì không thể nhìn thấy được. Tai không thể nghe được, tâm ý không thể hình dung được. Ngay khi ta vừa khởi dậy một niệm tưởng vô minh, thì ba món vi tế hoặc liền phát sinh theo, cho dù khoảnh khắc một niệm rất nhanh và ngắn ngủi. Vi tế hoặc được ví như bụi trần. Nếu trong một căn phòng có đặt một tấm kính, ta sẽ thấy các hạt bụi nhỏ li ti bay khắp căn phòng, tấm kính tức thời dính ngay các hạt bụi lăng xăng ấy. Những hạt bụi trần này sẽ bám vào kính một cách vô tình cho đến khi dày như một đám mây. Những mê lầm vi tế của chúng ta cũng giống như những hạt vi trần bám trên kính vậy. Căn bản, tự tánh của ta giống như một tấm kính vi diệu là Đại viên cảnh trí. Vì tâm ta luôn khởi dậy những niệm mê mờ vi tế (vi tế hoặc), nên tấm gương trở nên bị nhuốm bụi và càng ngày càng mờ đi. Đại sư Thần Tú có bài kệ:

Thân thị bồ-đề thọ
Tâm như minh kính dài
Thời thời cần phất thức
Vật sử nhạ trần ai.

Tạm dịch:
Thân như cây bồ-đề
Tâm như đài gương sáng
Luôn luôn siêng lau phủi
Chớ để nhuốm bụi trần
Có người cho rằng bài kệ này không đúng. Tôi cho rằng bài kệ này rất hay. Tại sao? Đại sư Thần Tú dạy chúng ta phải thường siêng năng tu tập, thường lau chùi đài gương tâm cho thật sáng, đừng để đài gương tâm bị bám bụi trần. Phải siêng lau chùi vào buổi sáng rồi buổi tối. Vì khi quý vị lau chùi sạch những bụi trần vi tế nhỏ nhiệm thì đài gương sáng từ tự tánh sẽ chiếu diệu. Trước khi được giác ngộ, quý vị phải tôn trọng và phải nên tu tập theo tinh thần này.

Lục Tổ Đại sư Huệ Năng lại có bài kệ:
Bồ-đề bổn vô thọ
Minh kính diệc phi đài
Bổn lai vô nhất vật
Hà xứ nhạ trần ai

Tạm dịch:
Tánh giác chẳng gốc ngọn
Gương sáng cần chi đài

Xưa nay thể vắng lặng
Đâu có gì trần ai

Một Lời kệ này lưu xuất từ một bậc đã hoàn toàn chứng ngộ. Người khai ngộ bản tâm mới có thể nhận ra và tu tập theo tinh thần của bài kệ này.

Nên nói:
"Nhất niệm bất sinh toàn thể hiện
Lục căn hốt động bị vân già" (Khi một niệm không sinh, thì định lực và Phật tánh liền hiển hiện.

Khi mắt tai, mũi, lưỡi, thân, ý bỗng dưng khởi dậy đòi làm chủ, khi ấy cũng giống như bầu trời bỗng dưng bị mây che.) Vậy nên quý vị phải nên chấm dứt sạch mọi điên đảo vọng tưởng và tiêu trừ sạch mọi mê mờ vi tế thì quý vị mới mau chứng ngộ Phật tánh. Vậy mà, bất hạnh thay, không mấy ai muốn chứng ngộ Phật tánh. Người ta thích trôi nổi trong vòng ngũ trược, trôi lăn trong sinh tử và quên mất đường về. Họ lấy sự đau khổ làm niềm vui, quay lưng lại với giác ngộ, kết dính với trần lao phiền não. Dù họ chưa chấm dứt được vòng luân hồi sinh tử, nhưng họ cứ nghĩ một cách vô lý rằng họ tốt đẹp. Họ tự cho rằng: "Hãy xem, tôi rất thông minh và đẹp trai, ai nhìn tôi cũng yêu thích và tôi biết rằng mọi người không được như tôi" Thực ra, những người như vậy cũng giống như tấm gương bị bụi bám. Bụi bám càng nhiều, gương càng mờ cho đến khi không còn sáng trong nữa. Họ có thể nghĩ rằng họ thông minh lanh lợi trong đời này, nhưng hãy chờ mà xem, có khi mười đời sau, tính thông minh ấy sẽ không còn nữa và họ sẽ ngu đần như loài heo. Thế nên trong đời này, chúng ta phải quyết định chúng ta sẽ hướng về đâu. Chúng ta phải nhận định rõ ràng nơi đâu ta sẽ đến, đường nào ta phải đi. Đó là niềm tin tưởng, hy vọng.

6. Mở bày hai pháp môn Vì lợi ích cho chúng sinh đời này và đời vị lai.

Đức Phật mở bày hai pháp môn: bình đẳng là pháp "thật" và pháp môn phương tiện là pháp "quyền." Pháp quyền thì không thực, chỉ dùng tạm thời và không thường xuyên. Còn pháp thật thì chân thực và không bao giờ biến đổi. Đó là hai pháp quyền và thật. Có thể minh họa hai pháp đó bằng câu chuyện sau đây:

Một hôm Đức Phật thấy một đứa bé đang chập chững đi về hướng một cái giếng, chỉ còn một chút xíu nữa là rơi xuống nước, chắc chắn nó sẽ chết đuối trước khi người lớn đến cứu được. Đức Phật biết nếu Ngài gọi đứa bé quay trở lui chưa chắc nó đã nghe lời, mà vẫn cứ đi. Thay vì vậy nên Ngài nói: "Trong tay Như Lai có cây kẹo, hãy trở lui nhanh, Như Lai sẽ cho con cây kẹo ấy." Khi đứa bé nghe nói được cho kẹo để ăn, liền quay trở lại. Thực ra chẳng có gì

trong tay Đức Phật cả. Nhưng Đức Phật có nói dối không? Ngài có đánh lừa đứa bé không? Không. Đứa bé gần như sắp rơi xuống giếng. Nếu Đức Phật không thuyết phục đứa bé bằng cách như thế để khiến nó quay lui tức khắc thì nó sẽ bị chết đuối. Nên Đức Phật đã nắm bàn tay lại và bảo rằng có kẹo ở trong ấy. Đứa bé đến với Ngài chỉ vì muốn ăn kẹo. Pháp quyền được dùng để giáo hóa chúng sinh. Vốn là chẳng có gì cả, nhưng Đức Phật lại khéo léo nói với mọi chúng sinh rằng:

“Như Lai có một kho báu, hãy đến đây, Như Lai sẽ cho quý vị một viên ngọc minh châu vô giá và các thứ trân quý khác…” Vốn chúng sanh còn nhiều tâm tham nên họ liền đến với Như Lai để được giáo hóa, được món lợi. Nên chúng sinh được thuyết phục bằng pháp môn phương tiện. Đó là pháp quyền, là phương tiện thiện xảo để cứu độ chúng hữu tình. Pháp bình đẳng – pháp thật, và pháp phương tiện – pháp quyền đều được dùng để giảng kinh Thủ-lăng-nghiêm. Nhờ vào hai pháp môn này, chúng sinh đều được thoát khỏi khổ đau và có được sự an lạc rốt ráo, đạt được kết quả chứng ngộ Phật tánh. Hai pháp này đều làm lợi lạc cho mọi chúng sinh đời này và đời sau. Đời “hiện tại” ở đây có thể là thời Đức Phật giáo hóa, cũng có thể là thời bây giờ. Chúng sinh trong đời hiện tại và vị lai đều có được sự lợi lạc và được thăng hoa nhờ giáo pháp ấy. Khiến cho chúng sinh hiểu được ý nghĩa và sự lợi ích của hai pháp quyền và thật cho chúng sinh đời nay và đời sau là mục đích cuối cùng trong sáu duyên khởi của giáo lý Như Lai.

III. PHÂN TÍCH RÕ KINH NÀY THUỘC TẠNG VÀ THỪA NÀO

“Tạng” tức là Tam tạng, là ba kho tàng kinh điển Đức Phật đã giảng thuyết. Gồm tạng Kinh, tạng Luận và tạng Luật. Ba tạng kinh này biểu thị cho ba môn học vô lậu: Giới, Định, Huệ. Tạng Kinh là môn học về Định, tạng Luật là môn học về Giới, tạng Luận là môn học về Huệ. Quý vị thường nhìn thấy tiêu đề ghi trên các cuốn kinh là Tam tạng Pháp sư, có nghĩa là nói đến người thông thạo cả ba tạng này. Mặc dù kinh tạng có nhiều chương liên quan đến Giới học và Huệ học nhưng kinh cũng đề cập nhiều đến Định học. Ví dụ như Kinh Thủ-lăng-nghiêm là dạy chúng ta tu tập thiền định. điều này đã được giảng rõ ở lý do thứ tư, khi Đức Phật giảng thuyết kinh này là để hiển bày tánh định của chúng sinh và khuyến khích mọi người đạt được thực chứng.

Có một chương rất quan trọng trong kinh này là chương đức Phật giảng nói về “Tứ chủng thanh tịnh minh hối.” Đây là lời dạy về giới luật. Nhưng kinh này chủ yếu giảng giải cho việc tu định, nên không được xếp vào tạng Luật, mà được xếp vào tạng Kinh. “Thừa” có nghĩa là hai thừa trong đạo Phật: Đại thừa và

Tiểu thừa. Tiểu thừa giống như cỗ xe nhỏ chỉ có thể chở được một vài người, đó là cỗ xe của hàng Thanh văn và Bích-chi Phật. Đại thừa là Bồ-tát thừa, ví như xe limousine có thể chở rất nhiều người. Kinh này Đức Phật giảng nói pháp Đại thừa cho hàng bồ-tát, được Chư Phật hộ niệm. Vì là lời dạy cho hàng bồ-tát nên khiến cho hàng a-la-hán bỏ pháp nhỏ hướng về pháp lớn, phát tâm bồ-đề và tu tập đạo bồ-tát.

Chẳng hạn, khi A-nan từ nhà con gái Ma-đăng-già trở về tịnh xá rồi thỉnh cầu Đức Phật chỉ dạy con đường mà chư Phật Như Lai trong quá khứ đã tu đạo giác ngộ. Toàn Kinh Thủ-lăng-nghiêm là Đức Phật giảng giải, đáp ứng cho sự thỉnh cầu của A-nan. Đó là pháp tu tập cho hàng bồ-tát. Do vậy, kinh này được xếp vào pháp Đại thừa hơn là pháp Tiểu thừa.

IV. KHẢO SÁT SỰ SÂU MẦU CỦA GIÁO LÝ

Giáo lý trong kinh Thủ-lăng-nghiêm này thuộc giáo lý nào? Tông Thiên Thai có phân loại bốn giáo lý:
1. Tạng giáo
2. Thông giáo
3. Biệt giáo
4. Viên giáo

Tạng giáo: hay Tam tạng giáo, là thuộc giáo lý Tiểu thừa. Bao gồm Luận tạng A-tỳ-đạt-ma và Tạng Kinh A-hàm. A-hàm có nghĩa là không có pháp nào sánh bằng. Nhưng dù vậy, kinh A- hàm vẫn là giáo lý Tiểu thừa.
Thông giáo: có nghĩa là gạch nối giữa giáo lý Tam tạng (Tạng giáo) vừa nói trên và Biệt giáo ở thời kỳ kế tiếp theo.

Biệt giáo: khác hẳn hoàn toàn với Thông giáo trước đó và Viên giáo kế theo sau.

Viên giáo: là giáo lý thứ tư được Thiên Thai tông phân định.
Trong bốn giáo lý này, Kinh Thủ-lăng-nghiêm thuộc về Biệt giáo.

Theo Tông Hiền Thủ, phân thành năm loại giáo lý:
1. Tiểu giáo
2. Thủy giáo
3. Chung giáo
4. Đốn giáo
5. Viên giáo

Giáo lý Tiểu thừa (Tiểu giáo) trùng hợp với Tạng giáo của tông Thiên Thai. Thủy giáo bao gồm cả Thông giáo và Biệt giáo của tông Thiên Thai. Chung giáo, Đốn giáo và Viên giáo tương đương với Viên giáo của tông Thiên Thai. Dù tên gọi không đồng, nhưng đạo lý thì giống nhau. Tiểu giáo có nghĩa là giáo lý Tiểu thừa. Thủy giáo nghĩa là giáo lý khởi đầu của Đại thừa, giáo lý này được giảng nói cho những căn cơ chỉ có khả năng hiểu được nhân không, mà chưa có khả năng tiếp nhận được pháp không. Chung giáo là pháp Đại thừa. Pháp này dành cho những người đã nhận ra được nhân không và pháp không. Đó là giáo lý Đại thừa. Tôi nhớ câu chuyện trong một tắc công án:

Thời Đức Phật còn tại thế, mọi người thường thỉnh Đức Phật đến để cúng dường trai phạn. Sau khi thọ trai xong, trai chủ thường đến trước Đức Phật, đảnh lễ thỉnh cầu Đức Phật giảng pháp. Nếu Đức Phật không tham dự thì trai chủ cung thỉnh các đệ tử lớn đến để cúng dường và rồi các vị ấy sẽ giảng pháp cho gia đình trai chủ nghe. Một hôm Đức Phật và các trưởng lão tỷ-khưu rời Tinh xá Kỳ- hoàn trong thành Xá-vệ để đến nơi thọ trai theo lời thỉnh cầu của trai chủ. Chỉ còn lại một chú sa-di nhỏ tuổi ở lại trông tịnh xá. Sau khi Đức Phật đi rồi, có một cư sĩ đến tinh xá thỉnh cầu chư Tăng đến nhà để gia đình được dịp cúng dường trai tăng. Nhận thấy Đức Phật cùng chư tỷ-khưu đã rời tinh xá hết rồi, vị cư sĩ thỉnh cầu vị sa-di còn lại: “Thế thì tôi xin mời chú, xin chú hãy đến cho gia đình tôi được cúng dường.” Chú sa-di nhỏ bối rối nhận lời cùng đi với vị cư sĩ. Bối rối vì từ trước đến nay chú chưa từng đi thọ trai cúng dường bên ngoài một mình cả mà thường đi với những vị tỷ-khưu lớn. Nay chú đi theo trai chủ, người rất thành tâm thỉnh chú đến nhà để cúng dường trai phạn. Sau khi thọ trai xong, chuyện không may lại xảy ra. Trai chủ rất cung kính hướng về vị sa-di nhỏ tuổi đảnh lễ thỉnh cầu giảng pháp. Khi nhận ra mình có nhiệm vụ giảng pháp, chú thấy mình không biết nói điều gì cả, mặc dù điều này quan hệ rất mật thiết với chú. Để thể hiện lòng cung kính của mình, trai chủ đã quỳ xuống, cúi lạy dập đầu sát đất trước chân của sa-di, trông chờ chú giảng pháp. Chú sa-di ngồi đó, nhìn chăm chăm vào vị trai chủ đang cung kính đảnh lễ mình. Quý vị đoán thử việc gì sẽ xảy ra? Không nói một lời, chú sa-di lặng lẽ rời khỏi ghế, nhanh chân chạy về tịnh xá Kỳ-hoàn. Tự nhiên chú ta thấy xấu hổ vì đã ăn một bụng no nê rồi bỏ về mà không nói được một lời pháp nào.

Vị trai chủ quỳ một hồi lâu, cúi đầu sát đất chờ đợi, nhưng vẫn không nghe thấy gì cả, ông ta bèn ngẩng đầu lên liếc nhìn trộm, ông ta thấy chẳng còn ai ngồi trước mặt mình nữa. Chú sa-di đã biến mất. Vừa khi ông ta nhận ra vị sa-di đã đi, cũng là lúc ông ta bừng ngộ. Ông ta nhận ra nhân không và pháp không, Ông ta la lên: “A! thì ra là như vậy.” Ngay tức khắc, ông ta muốn kiếm người để ấn chứng cho ngộ giải này. Tự nhiên ông ta hướng về Tinh xá Kỳ-hoàn để tìm

vị sa-di trẻ. Phút chốc, vị sa-di trẻ lo sợ vị trai chủ sẽ đuổi theo mình để đòi nghe pháp, nên khi trở lại tinh xá, vào ngay phòng mình khóa chặt cửa lại. Chú lại nghe tiếng gõ cửa. Chú đứng trân người với sự sợ hãi, đứng im lìm sau cánh cửa, chú vô cùng sửng sốt. Dù sao chú đã nạp thọ phẩm vật trai chủ cúng dường rồi, bây giờ họ đến để yêu cầu chú ban bố pháp thí. Sự bối rối của chú đã lên đến cực điểm. Đột nhiên chú giải ngộ, chú ta cũng nhận ra nhân không và pháp không.

Chuyện này minh họa rằng không phải chỉ với một trường hợp nhất định nào đó, người ta mới chứng ngộ được. Có người được giải ngộ vào lúc đang căng thẳng, hoặc khi có niềm vui cũng sẽ tạo nên sự giải ngộ. Bất kỳ sự thực chứng bất ngờ gặp phải đều có thể khiến cho quý vị giải ngộ. Có người nghe gió mà ngộ. Có người nghe tiếng nước chảy và ngộ. Có người nghe tiếng chuông ngân mà ngộ. Có người nghe tiếng gió rung mà ngộ.

Quý vị sẽ hỏi: "Tôi đã từng nghe âm thanh này nhiều lần rồi, tại sao tôi không thấy ngộ?." Làm sao mà tôi có thể biết được tại sao quý vị chưa được khai ngộ. Quý vị phải đợi thức ăn chín trước khi ăn vậy. Quý vị phải đợi giây phút chín muồi, khi giây phút chín muồi đó đã đến, mọi điều mà quý vị vấp phải đều có thể khiến cho quý vị được khai ngộ. Các Tổ sư thiền Trung Hoa hồi xưa đã chứng ngộ qua rất nhiều tình huống khác nhau. Điều cần thiết là quý vị phải công phu liên tục, tham cứu Phật pháp với tâm kiên định và nỗ lực tinh cần. Nếu quý vị công phu như vậy, có ngày sẽ được khai ngộ. Nếu quý vị đã ngộ rồi, thì quá tốt. Còn nếu chưa khai ngộ, quý vị phải công phu từng bước và kiên định, đừng nóng vội, đừng quá căng thẳng đến nỗi không ăn không ngủ được.

Chung giáo là giáo lý dành cho những người đã ngộ lý nhân không, pháp không. Đó là cửa ngõ dẫn vào giáo lý Đại thừa. Chung giáo là giáo lý dành cho hàng bồ-tát. Tuy vậy, vẫn chưa phải là giáo lý tối thượng. Còn phải trải qua Đốn giáo và Viên giáo nữa mới đến nơi cứu cánh. Viên giáo giảng giải về sự viên dung vô ngại của tất cả các pháp tương dung tương nhiếp lẫn nhau. Mọi vật đều có bản tánh là Phật. Kinh Pháp Hoa, một bộ kinh thuộc về viên giáo nói rằng mọi chúng sinh trong tương lai đều sẽ thành Phật. Kinh nói:

"Nếu có chúng sinh lúc tâm tán loạn bối rối vào nơi tháp miếu và niệm dù chỉ một lần niệm Nam-mô Phật. Thì họ đều đã chứng thành Phật đạo." Khi người ta vào tháp miếu hoặc chùa lễ Phật, họ đều có sẵn lòng thành và dự tính những gì mình sẽ làm. Nhưng trong kinh Pháp Hoa lại đề cập đến người khi vào chùa tháp mà không có sẵn lòng thành, chỉ cần thốt nhiên niệm lên "Nam-mô Phật." Do chỉ một lần tình cờ niệm "Nam-mô Phật" ấy họ đã được thành

Phật trong đời sau rồi. Tôi nhớ một câu chuyện trong một tắc công án: Khi quý vị niệm Phật, quý vị không nên niệm Phật để chỉ cầu cho mình, khi quý vị niệm Phật dù chỉ một niệm và hồi hướng công đức đã tích lũy được cho toàn thể chúng sinh nhờ đó mà công đức của việc niệm Phật càng tăng trưởng. Đó gọi là niệm Phật viên dung vô ngại.) Có một lần Đức Phật cùng chư tăng đi vào một quốc gia khác để khất thực, chỉ thiếu Ngài Mục-kiền-liên. Ở đó, chẳng có người nào cúng dường cho Đức Phật và chư tăng cả. Quốc vương, các quan đại thần, kể cả cư dân cũng không ai dâng cúng cho Đức Phật và chư tăng. Thế mà sau đó, khi Ngài Mục-kiền-liên đến quốc gia ấy thì mọi thần dân đều rất cung kính vây quanh để chào mừng và đảnh lễ Ngài. Họ thỉnh cầu Ngài cho biết cần thứ gì để họ cúng dường các vị. Các vị đệ tử không hiểu tại sao một vị đức hạnh tột vời như Đức Phật lại không được thần dân nước ấy cúng dường mà khi đệ tử của Đức Phật đến lại được toàn dân trong nước chào mừng và dâng cúng. Họ hỏi Đức Phật: "Việc ấy nguyên nhân ra sao?"

Đức Phật bảo các đệ tử: "Các quan đại thần và thần dân ở nước ấy không cúng dường Như Lai là vì trong quá khứ Như Lai đã không gieo thiện duyên với họ, kết quả là không có sự lưu tâm mật thiết với nhau. Nhiều kiếp lâu xa về trước, Mục-kiền-liên là một vị tiều phu, một hôm đang lượm củi thì đụng nhầm một tổ ong và bị đàn ong tấn công. Mục-kiền-liên chỉ biết niệm Phật và nguyện rằng: "Nam-mô Phật, xin đàn ong đừng đốt tôi, kiếp sau khi tôi thành Phật, trước hết tôi sẽ độ thoát cho các bạn cho đến khi các bạn tu tập thành Phật. Hãy chuyển đổi tâm niệm xấu ác trong mình, đừng nên hại người nữa." Như kết quả của lời nguyện, đàn ong không đốt Mục-kiền-liên nữa. Cuối cùng, ong chúa trở thành quốc vương của nước này, những ong thợ, ong đực trở thành quan đại thần và thần dân nước ấy. Khi Mục-kiền-liên, bây giờ là một tỷ-khưu, đến thành ấy, những con ong mà Ngài đã phát nguyện độ thoát đã đến đảnh lễ chào mừng Ngài. Năng lực của lời nguyện trong kiếp trước mạnh như vậy đó. Nhớ nằm lòng chuyện này, chúng ta nên thường xuyên gieo thiện duyên với toàn thể chúng sinh. Chúng ta nên phát nguyện độ thoát hết thảy chúng sinh mọi loài, giúp họ thành tựu đạo nghiệp. Lời nguyện vô hình nhưng chúng sinh mọi loài đều có đài tiếp sóng vô tuyến tương ứng trong tâm họ, nên họ đều có thể nghe được. Lời nguyện tuy vô hình và không thực thể, nhưng mọi loài chúng sinh đều tự nhiên cảm nhận nếu mình phát khởi thiện tâm với họ. Quý vị nên phát tâm cứu độ tất cả chúng sinh. Người luôn luôn giữ vững sự phát tâm này sẽ thường có nhiều quyến thuộc bất kỳ nơi đâu mà họ đến.

Có người hỏi:
"Con đến nơi nào cũng chẳng có ai giúp đỡ cho con cả. Vì sao như vậy?"
Là vì trong quá khứ, quý vị chưa từng gieo thiện duyên với những người đó.

Gieo thiện duyên với chúng sinh đặc biệt rất quan trọng cho những người tu đạo. Nên nói:
“Vị kết bồ-đề quả
Tiên kết chúng sinh duyên”
(Để đạt được kết quả giác ngộ, thì trước hết phải nên gieo duyên lành với chúng sinh.)

Cư xử tốt đẹp với mọi người. Tại sao việc ấy lại cần thiết vậy? Vì chúng sinh là Phật. Gieo duyên lành với họ là kết duyên lành với chư Phật. Nếu quý vị không gieo duyên lành với chúng sinh, thì quý vị không có duyên lành với chư Phật
“Dục kết bồ-đề quả,
Quảng kết chúng sinh duyên”

Nghĩa là: muốn có được quả giác ngộ thì nên gieo duyên rộng rãi với toàn thể chúng sinh. Mọi người nên đem hết sức mình để gieo nhân lành, như phát tâm bồ-tát Đại thừa, đừng nên tu tập thành quả vị a-la-hán Tiểu thừa, chỉ biết đến mình, không biết cứu độ người khác. Nếu quý vị nhìn thấy được chúng sinh là Phật, thì chúng sinh cũng sẽ nhận ra quý vị là Phật. Nếu quý vị nhìn chúng sinh là ma vương, thì chúng sinh cũng nhìn quý vị là ma vương. Cũng như mình mang kính khi nhìn, nếu quý vị mang kính màu xanh sẽ thấy mọi vật màu xanh, nếu mang kính màu hồng, sẽ thấy vạn vật màu hồng. Không phải chỉ như vậy thôi, mà cách quý vị nhìn người khác cũng chính là cách người khác nhìn quý vị. Đó là lý do trước đây tôi có nói là mọi người đều có một đài đón nhận tín hiệu vô tuyến ở trong tim mình, khiến họ có thể nhận ra được mọi điều đang diễn biến trong tâm người khác. Đừng nghĩ người khác không biết được tâm niệm xấu ác của mình. Dù họ không biết chính xác những gì quý vị đang suy nghĩ, những tự tánh của họ nhận biết rõ những điều ấy. Khi mình có thiện tâm với người thì (thân thể và mặt) phát ra ánh sáng – dương; khi khởi ác tâm với người thì phát ra bóng tối – âm.

Nghĩa lý giáo thuyết trong kinh Thủ-lăng-nghiêm sâu như biển. Đã có nhiều người tuyên bố đã thăm dò được chiều sâu của biển, thực ra chiều sâu của biển thay đổi rất nhiều tùy theo từng nơi, nên khó có thể nói chính xác độ sâu của biển. Giáo nghĩa Kinh Thủ-lăng-nghiêm cũng như vậy. Không dễ dò chừng được. Mọi người đều đạt được những sự lợi ích riêng biệt từ trong kinh, sự lợi lạc của riêng mỗi người đều khác biệt nhau, nhưng tất cả sự lợi ích ấy đều xuất phát từ trí tuệ trong kinh. Vì nghĩa lý của kinh rất sâu mầu, nên trí tuệ thâu nhận được từ trong kinh rất lớn và có thể đạt được định lực rất kiên cố, nên kinh được gọi là Thủ-lăng-nghiêm: nhất thiết sự cứu cánh kiên cố .” (Bền vững, cứng chắc nhất trong tất cả vạn vật). Nếu mỗi chúng ta đều gặt hái được những ích lợi từ kinh, liệu giáo nghĩa của kinh có phai mờ đi chút nào chăng? Không,

giáo nghĩa của kinh cũng như nước trong đại dương, khi có người đến bên bờ biển múc đầy một xô nước, lượng nước còn lại trong đại dương vẫn lớn như thường. Nếu có người dùng nước cho mục đích riêng của họ, lượng nước trong đại dương vẫn còn nhiều, không bao giờ cạn kiệt. Giáo nghĩa của kinh Thủ-lăng-nghiêm cũng không bao giờ thăm dò hết được. Ngay cả khi quý vị đã giác ngộ, giáo nghĩa của kinh cũng vẫn sung mãn như trước khi quý vị chứng ngộ. Quý vị có thể đạt được chút ít trí tuệ nhưng trí tuệ vốn hàm chứa tròn đầy trong kinh vẫn không tăng không giảm.

1. **TUYÊN BÀY GIÁO THỂ**

Tất cả các giáo pháp Đức Phật diễn nói đều có giáo thể. Giáo thể của kinh này là gì? Đó là âm thanh (thanh), tên gọi (danh), câu (cú), văn tự, chữ nghĩa (văn). Như trong bài kệ của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi cung thỉnh Đức Phật Thích-ca Mâu-ni thị hiện ở thế gian.
Thử phương chân giáo thể
Thanh tịnh tại âm văn.

Tạm dịch:
Giáo thể chân thực ở nơi này, làm thanh tịnh (tâm ý) nhờ do âm thanh và văn cú. Phương này chính là cõi ta-bà, thế giới của đau khổ. Tuy vậy, chỉ âm thanh không thôi không được xem là chân giáo thể. Gió và nước cũng tạo nên âm thanh, nhưng không được xem là chân giáo thể. Cụ thể hơn, giáo thể bao gồm âm thanh, ngôn ngữ, câu và văn tự. Âm thanh là khi đầu tiên Đức Phật giảng nói kinh này. Khi đã nói ra, âm thanh biến thành ngôn ngữ, ngôn ngữ biến thành câu và lời, lúc đó còn phải được viết thành câu và chữ. Một khi đã được viết thành văn tự, thì giáo lý đã được ứng dụng. Vậy nên giáo thể của kinh này bao gồm âm thanh, ngôn ngữ câu lời và văn tự.

Điều này cũng có thể chia làm bốn môn:

– Thứ nhất là tùy tướng môn: trong trường hợp này là âm thanh, ngôn ngữ, câu cú và văn tự. Giáo thể trong kinh Thủ-lăng-nghiêm cũng căn cứ vào duy thức môn và khi quy về Như Lai Tạng. Tánh quy về chân như, thì không liên quan đến hiện tượng nữa mà nói thẳng đến bản thể nên gọi là quy tánh môn. Còn có vô ngại môn mà Kinh này cũng lấy làm giáo thể.

– Thứ hai, duy thức môn cho rằng: tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni quán sát các nhân duyên để chọn pháp môn có thể độ thoát chúng sinh. Nên từ tâm thanh tịnh Ngài thuyết pháp để giáo hóa chúng

sinh, khiến cho chính tâm thức chúng sinh được chuyển hoá và được lợi lạc. Đây là duy thức môn, xem duy thức là giáo thể.

– Thứ ba, quy tánh môn là hoàn toàn viên dung không ngăn ngại, vì thức tâm có thể tánh nhất định, nên tất cả đều quy về chơn tánh. Vậy nên quy tánh cũng là giáo thể.

– Thứ tư, vô ngại môn là gì? Là bao gồm cả hiện tượng lẫn bản thể. Quy tánh môn là quay về với thể tánh của chúng sinh. Khi bốn môn dung nhiếp với nhau không ngăn ngại, sự lý vô ngại chính là giáo thể của bộ kinh này.

VI. SỰ THÍCH NGHI CỦA TỪNG CĂN CƠ CHÚNG SINH VỚI GIÁO NGHĨA KINH NÀY

Điều này liên quan đến những chúng sinh được giáo hóa. Kinh này nhắm đến giáo hóa những chúng sinh nào? Kinh Thủ-lăng-nghiêm nhắm đến giúp các loài hữu tình lẫn vô tình đồng thời hoàn mãn tuệ giác, cả loài hữu tình và vô tình đều chứng đạt Phật đạo. Hàng Thanh văn, Duyên giác cũng được đặc biệt nhắm đến để giáo hóa như hàng hữu học.

Hàng Thanh văn (a-la-hán), là nghe lời Đức Phật thuyết pháp mà ngộ đạo. Họ tu tập pháp Tứ diệu đế: khổ, tập, diệt, đạo.

Những vị Duyên giác là Bích-chi Phật, họ sinh ra nhằm lúc Phật không xuất hiện ở thế gian. Họ tu tập pháp mười hai nhân duyên mà ngộ đạo. Khi Đức Phật không thị hiện ở thế gian, họ được gọi là Độc giác Phật. Những vị này sống nơi núi non, trong thung lũng hẻo lánh, ẩn mình trong những nơi hang động. Nơi đó, họ quán sát sự sinh diệt bất tận của vô số hiện tượng trong trời đất. Vào mùa xuân, trăm hoa đua nở, vào mùa thu lá vàng rơi rụng. Nhờ quán sát tường tận sự biến chuyển này mà họ ngộ đạo.

Ngoài giáo lý cho hàng Thanh văn, Duyên giác ra, kinh này còn nhắm vào giáo hóa hàng hữu học, trong kinh này là nhắm đến hàng bồ-tát. Chỉ có chư Phật mới được gọi là vô học. Kinh này còn giáo hóa hàng định tánh Thanh văn, là những người không muốn từ bỏ quả vị nhỏ để hướng về Đại thừa. Bất định tánh Thanh văn là người có thể từ bỏ quả vị nhỏ hướng đến Đại thừa, có thể vượt qua vị trí của hàng Thanh văn, Duyên giác để trở thành bồ-tát. Không chỉ Thanh văn được gọi là đương cơ chủ yếu của kinh này, mà tất cả chúng sinh trong ba cõi: dục giới, sắc giới và vô sắc giới đều là đương cơ chủ yếu của kinh. Kinh này khế hợp tất cả mọi căn cơ và nhằm độ thoát cho hết thảy chúng sinh khắp mọi loài.

VII. PHÂN ĐỊNH RÕ TÔNG THÚ CỦA KINH

Tông có nghĩa là tôn sùng, quý trọng.

Thú là chỗ quy hướng sùng thượng.

Giáo lý của Đức Phật dạy cho hàng Nhị thừa (Thanh văn, Duyên giác) liên quan chủ yếu đến nhân quả. Đây là giáo pháp quyền thừa. Đức Phật thuyết gồm cả hai giáo pháp: quyền thừa và thật thừa. Thật thừa có nghĩa là giáo lý bất biến, hằng vĩnh. Trong giáo pháp quyền thừa, Nhân là ‘tông”, Quả là “thú.” Khi đạt đến chân tướng, thật thừa, có nghĩa là đã có được chỗ ngộ nhập. Do vậy, ngộ là “tông”, nhập là “thú.”
Trong kinh này, A-nan đại diện cho đương cơ hỏi và nghe pháp. A-nan gặp nạn, Đức Phật giải cứu xong rồi dạy A-nan từ bỏ pháp tu Tiểu thừa hướng về Đại thừa. Đó là tông. Sự chứng ngộ quả vị tối thượng của A-nan là thú.

Tông và thú đồng thời thông suốt đến Phật đạo và là con đường dẫn đến Phật quả. Vậy nên khác biệt rõ ràng với các kinh điển Tiểu thừa, chỉ nói về quả vị nhỏ nên không thể nào đạt được quả vị Phật.

VIII. XÁC ĐỊNH RÕ THỜI GIAN THUYẾT KINH

Điều này nói đến thời gian Kinh này được thuyết. Đức Phật giảng pháp suốt bốn mươi chín năm. Khi Ngài giảng kinh Thủ-lăng-nghiêm, vua Ba-tư-nặc được sáu mươi hai tuổi, Đức Phật và vua Ba-tư-nặc sinh đồng một năm, nên Kinh này được xếp vào Phương Đẳng. Nghĩa là “rộng khắp, bình đẳng,” là thời kỳ thuyết giáo thứ ba của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, đó là theo phán giáo của tông Thiên Thai. Còn theo phán giáo của tông Hiền Thủ, thì kinh này được xếp vào thời Chung giáo. Như vậy hợp lý hơn.

IX. LỊCH SỬ TRUYỀN BÁ VÀ PHIÊN DỊCH KINH

Sau khi Đại sư Thiên Thai Trí Giả đọc Kinh Pháp Hoa, Ngài phân chia các kinh ra làm ba phần. Phần tựa, phần chính văn, là phần chứa trọn tông thú của kinh và phần lưu thông, là phần cuối cùng trong kinh văn, khuyến khích mọi người lưu hành kinh này khắp thế gian. Sau đó có một vị Pháp sư người Ấn Độ đến Trung Hoa, nghe rằng Đại sư Trí Giả đều đã chia các bộ kinh thành ba phần. Pháp sư này rất ngạc nhiên nói rằng: “Ở Ấn Độ, Kinh Thủ-lăng-nghiêm cũng như các bộ kinh khác đều được phân chia như vậy.” Khi Đại Sư Trí Giả nghe có Kinh Thủ-lăng-nghiêm đang lưu hành mà Ngài chưa từng được thấy, Ngài

xúc động hướng về phương Tây lễ bái với ước nguyện có ngày thấy được kinh này.

Hằng ngày, Ngài hướng về phương Tây lễ bái suốt mười tám năm nhưng cuối cùng, Ngài chỉ mong có được phước duyên thấy được bộ kinh này mà thôi; còn chúng ta có được nhân duyên thù thắng biết bao, chưa từng lạy kinh mà nay được học, và được đọc tụng kinh này. Cuối cùng, quốc vương Ấn Độ thông báo cho thần dân biết kinh Thủ-lăng-nghiêm là quốc bảo vì đó là bổn kinh do Bồ-tát Long Thọ mang từ long cung về. Sau khi Vua tuyên bố như vậy, không ai được phép mang kinh từ Ấn Độ sang nước khác. Lúc đó Pháp sư Bát-thích-mật-đế dự tính đem kinh ra khỏi nước Ấn Độ truyền vào một nước khác, đặc biệt là Trung Hoa. Ngài sắp đặt cho thương nhân Trung Hoa mang đi bản sao của kinh, bị thuế quan ở biên giới giữ lại, không cho phép mang ra khỏi nước. Ngài trở về cố gắng nghĩ cách đưa kinh đi.

Cuối cùng tìm ra được giải pháp, Ngài chép kinh bằng chữ rất nhỏ trên một tấm lụa cực mỏng, cuốn lại rồi phủ bên ngoài tấm lụa một lớp sáp. Ngài tự xẻ thịt nơi cánh tay mình nhét cuộn lụa vào trong đó, rồi dùng dược liệu đắp lên cho vết thương lành lặn. Có người nói rằng Ngài dấu kinh trong bắp đùi, nhưng tôi nghĩ rằng dấu kinh ở đó không thể hiện lòng tôn quý kinh điển nên có lẽ Ngài đã chọn một nơi nhiều thịt ở phần trên cơ thể để dấu kinh. Khi vết mổ đã lành, Ngài lại lên đường sang Trung Hoa. Khi đi, lính gác biên giới không chút nghi ngờ vì kinh được dấu rất kỹ. Cuối cùng Ngài đến được tỉnh Quảng Đông, nơi Ngài thường được Thừa tướng Phòng Dung tiếp kiến. Ngài được mời về trú ở một ngôi chùa ở Quảng Đông phiên dịch kinh này. Đây là những khó khăn xảy ra vào thời kinh được truyền bá và phiên dịch. Thật phước đức cho chúng ta khi Pháp sư Bát-thích-mật-đế quyết tâm mang kinh sang Trung Hoa. Quý vị có thể hiểu được tầm quan trọng của kinh Thủ-lăng-nghiêm đến mức nào.

X. NGƯỜI DỊCH:

SA-MÔN BÁT-THÍCH MẬT-ĐẾ NGƯỜI TRUNG ẤN ĐỘ DỊCH VÀO ĐỜI ĐƯỜNG.

Đó là vào triều đại nhà Đường, sau khi Võ Tắc Thiên thoái vị. Vào năm đầu tiên của Hoàng đế Trung Tông, niên hiệu Thần Long nguyên niên. Sa-môn Bát-thích-mật-đế đã dịch kinh này từ tiếng Phạn sang tiếng Trung Hoa. Ngài hoàn tất bản dịch này rất nhanh để trở về lại Ấn Độ trước khi viên quan giữ cửa ải có thể bị phạt vì để ngài lén mang kinh ra nước ngoài, Pháp sư muốn trở về Ấn Độ tự thú, để cho những người lính gác ở biên giới khỏi bị tội. Sau khi Ngài hoàn thành bản dịch, ngài trở về Ấn Độ, đến thú tội với nhà vua, xin nhận bất

kỳ mọi hình phạt nào. Công đức của Pháp sư đã lưu tâm đến kinh này cực kỳ to lớn, vì nhờ vào nỗ lực trong bước đầu của Ngài mà nay chúng ta mới có được may mắn tham cứu kinh. Chúng ta trước hết nên tri tạ công đức của Sa-môn Bát-thích-mật-đế. Sa-môn" là tiếng Phạn, tiếng Hán nghĩa là "cần tức." "Cần" nghĩa là siêng năng tu tập Giới-Định-Huệ, "tức" nghĩa là đình chỉ, dừng nghỉ, diệt trừ tham sân si. Hành xử như thế, được gọi là sa-môn. Đức Phật cũng được gọi là sa-môn. Một lần ở Ấn Độ, khi Đức Phật còn tại thế, tỷ-khưu Mã Thắng (Āsvajit – A-thuyết-thị), đắp y với dáng vẻ rất trang nghiêm, đi qua trên đường. Dáng vẻ oai nghiêm của tỷ-khưu rất khả kính nên khi mới gặp Ngài, Tôn giả Xá-lợi-phất, liền xúc động nói: "Ngài quá nghiêm túc, oai nghi của Ngài quá hoàn chỉnh, chắc chắn thầy của ngài là một bậc đại đạo sư. Vị ấy là ai vậy?

Tỷ-khưu Mã Thắng đáp:
"Chư pháp tùng duyên sinh
Diệc tùng nhân duyên diệt
Ngã Phật đại sa-môn
Thường tác như thị thuyết"

Dịch nghĩa:
(Các pháp do nhân duyên sinh
Cũng từ nhân duyên diệt
Đức Phật, vị đại sa-môn
Thường dạy lời như thế).

Khi Tôn giả Xá-lợi-phất nghe những lời này, liền đi theo Tỷ-khưu Mã Thắng trở về tinh xá Kỳ-hoàn trong vườn ông Cấp Cô Độc, đảnh lễ Đức Phật xin xuất gia, nhận Đức Phật làm bổn sư. Chúng ta nên học hạnh tinh cần của sa-môn, tu tập giới, định, huệ. Trước hết phải quy y Tam bảo và thọ trì năm giới. Năm giới là không sát sanh, không trộm cắp, không tà hạnh dâm dục, không nói dối, không dùng rượu hoặc chất kích thích. Sau khi thọ nhận năm giới, chúng ta nên thực sự thi hành, có nghĩa là không bao giờ hủy phạm. Năm giới rất là quan trọng. Giữ gìn năm giới một cách nghiêm túc, bảo đảm sẽ được tái sinh làm người. Nếu quý vị tu tập theo năm giới, quý vị sẽ không bị mất cơ hội được tái sinh làm người. Vậy mà có người nói: "Tôi biết tại sao người ta không nên giết hại. Dù sao, tất cả mọi chúng sinh đều có phật tánh, mọi chúng sinh đều sẽ thành Phật, thế nên mọi sinh mạng của chúng sinh đều phải được bảo trọng.

Tôi cũng hiểu trộm cắp là không tốt. Không buông thả trong tà hạnh dâm dục và không nên nói dối. Nhưng tại sao việc dùng các chất kích thích lại bao gồm trong năm giới? Tôi thường uống rượu và hút thuốc. Mọi người cũng uống

rượu, cũng hút thuốc. Có gì sai trái? Thực vậy, tôi đang xem lại có nên từ bỏ việc tu học Phật pháp chỉ vì việc cấm sử dụng các chất kích thích hay không?" Quý vị nên dừng lại và suy nghĩ kỹ về điều ấy. Thay vì chạy theo đám đông, thấy nhiều người thích hút thuốc nên quý vị hút theo họ, nhiều người thích uống rượu nên quý vị cũng uống luôn. Quý vị bị dính mắc vào thói quen của mọi người và làm những việc họ thường làm cho đến rốt cuộc mang lấy thói quen như họ. Đa số mọi người ít bị những căn bệnh nghiêm trọng, chỉ bị chút ít bệnh nhẹ và một số vấn đề rắc rối nhỏ. Nhưng chỉ y cứ vào một số vấn đề nhỏ nhặt mà dự tính bỏ việc học tập Phật pháp thì thật là điên rồi!

Quý vị có muốn biết tại sao có giới cấm uống rượu không? Tôi sẽ kể cho quý vị nghe một câu chuyện chân thực để minh họa. Có một người đã thọ năm giới, anh ta lại rất thích uống rượu, thế nên sau đó, anh ta không còn giữ được giới nào cả. Chuyện gì đã xảy ra? Một hôm anh ta nghĩ: "Có lẽ ta nên dùng tí rượu." Anh ta cầm chai rượu lên và uống vài ngụm. Thường khi uống rượu thì phải ăn một thứ gì đó, thế nên anh ta đặt chai rượu xuống, bước ra ngoài trông chừng kiếm thứ gì để ăn. Thấy có con gà nhà hàng xóm đi lạc qua vườn nhà mình. anh ta nghĩ: "Tốt, nó sẽ là thức nhắm rất ngon." Anh ta vồ lấy con gà. Lúc ấy anh ta đã phạm giới trộm cắp. Khi đã bắt được gà rồi, anh ta phải giết gà mới ăn được, thế là anh ta phạm thêm giới sát sanh. Khi thịt gà đã được nấu chín rồi, anh ta nhấm thịt gà với rượu, chẳng bao lâu anh ta uống say mèm, như vậy anh ta phạm phải giới dùng chất độc tố kích thích. Lúc ấy, có tiếng gõ cửa, đó là người phụ nữ hàng xóm đi tìm gà. Anh ta liền buột miệng nói: "Tôi chẳng thấy!" thế là, anh ta phạm luôn giới nói dối.

Khi liếc nhìn người phụ nữ lần thứ hai, vẻ đẹp của cô ta đã khơi dậy trong anh ta ham muốn tình dục mãnh liệt, anh ta liền hãm hiếp cô ta. Sau đó anh ta bị kiện. Tất cả các việc xảy đến với anh đều do ham uống rượu. Chỉ vì uống vài hớp rượu mà sau đó anh ta phạm hết tất cả bốn giới còn lại, và vướng vào vòng lao lý. Chất kích thích làm cho con người mê mờ và tán loạn, nên đó là một đối tượng mà đạo Phật lập nên giới cấm. Một người uống rượu thì thiếu tự chủ; bất thần, anh ta bỗng dưng nhận ra mình đang ở thiên đàng, hốt nhiên lại ở dưới đất, đằng vân giá vũ… anh ta chẳng ra tích sự gì cả. Vì nó khiến cho người ta đánh mất tất cả mọi điều ngăn cấm, nên nó được xếp vào trong số năm giới cấm. Nếu quý vị thọ nhận năm giới mà không hủy phạm, thì quý vị sẽ được hộ trì của các vị Hộ pháp thiện thần, là những vị bảo hộ cho từng điều giới. Nếu quý vị hủy phạm giới luật, các vị hộ pháp thiện thần sẽ tránh xa, không còn bảo hộ cho quý vị nữa. Đây là lý do tại sao trong Phật pháp, việc thọ nhận giới luật là rất quan trọng. Có người sẽ hỏi: "Như thế nào mới được gọi là thọ trì giới?"

Nếu chỉ đọc trong sách, biết rằng không nên sát hại, trộm cắp, tà hạnh dâm dục, nói dối và dùng chất kích thích… đó chưa được là giữ giới. Cũng chẳng phải là đến trước tượng Phật, đốt nhang hoặc đốt vài liều hương trên thân thể mình rồi tự nhận giới theo cách ấy là được. Không! Thọ giới hoàn toàn chẳng phải theo cách ấy. Nếu một cư sĩ muốn thọ trì năm giới, phải tìm một vị cao tăng có đức độ để chứng minh, để trao truyền giới thể cho người cư sĩ. Vị cao tăng sẽ giảng rằng: "Từ nay con đã thọ trì năm giới. Công đức do thọ trì năm giới lớn lao vi diệu bất khả tư nghì." Nên để cho đúng như pháp, mọi người đều phải đến trước chư Đại đức tăng để cầu được truyền thọ giới pháp. Bên cạnh việc tu tập giới luật, các vị sa-môn còn tu tập thiền định. có nhiều loại định, nhưng nói tổng quát, nếu quý vị không bị xoay chuyển bởi bất kỳ ngoại cảnh, thì đó gọi là định. "Làm thế nào một người có thể đạt được chánh định?."

Trước tiên quý vị phải lắng tâm bằng cách tĩnh tọa và tham cứu các công án thiền. Lý do khiến mọi người chạy ngược chạy xuôi, chạy Đông chạy Tây là vì họ không đạt được định lực. Buổi sáng họ chạy đến cửa ông Ch'u, chiều họ đến lớp ông Ch'in; họ chạy đi khắp nơi, vì họ không có được chút định nào. Để có được định lực, quý vị phải chịu khổ nhọc, khi quý vị chịu khó tu tập như thế, quý vị sẽ đạt được một số kinh nghiệm khác nhau. Nhưng ngay khi có được chút ít kinh nghiệm này, quý vị phải thận trọng đừng để cho nó xoay chuyển mình. Đó được gọi là định lực. Nếu chỉ bị một tình huống xoay chuyển tâm thức, thì quý vị chưa có định lực, chẳng hạn như khi quý vị nhận được một bức thư báo tin xấu khiến cho quý vị bận lòng, như vậy là chưa đủ định lực, là chưa qua được cuộc khảo nghiệm. Hoặc nếu quý vị gặp chuyện vui và quý vị truy đuổi theo việc ấy, như thế cũng là chưa có được định lực. Nếu quý vị đối đầu với một tình trạng bất như ý và quý vị nổi sân, cũng là do chưa có định lực. Quý vị nên không vui cũng chẳng buồn; không phấn khích cũng chẳng buồn rầu. Có định lực là ứng xử mọi việc mà tâm không dao động. Đó là quý vị ứng xử theo tâm đạo. Khi tu tập định lực, quý vị khai mở được trí huệ nếu không có định lực, thì không thể nào có được trí huệ lực. Không có năng lực của trí tuệ, làm sao quý vị tu học Phật pháp được?

"Định lực và trí huệ lực do đâu mà có?" Do giữ giới mà có. Hằng ngày quý vị phải thường hộ trì giới luật, rốt cuộc quý vị sẽ có được sự hành xử tương ứng với Phật pháp một khi được tưới tẩm dòng nước pháp. Sa-môn phải tinh tấn tu tập giới định huệ, dừng hẳn tham, sân, si. Ba món độc này là lý do khiến cho quý vị không chứng được Phật quả. Nếu quý vị đình chỉ hẳn ba món độc này thì sẽ rất mau thành Phật. Bất luận thứ gì, hễ quý vị muốn được càng nhiều càng tốt, thì đó gọi là tham. Quý vị gặp một vài tình huống không thích rồi nổi giận, đó gọi là sân hận. Si là những vọng tưởng phát sinh từ tâm niệm vô minh

vậ lang thang trong những tâm niệm này với tinh thần bối rối. Nếu quý vị chuyển hóa sạch ba món độc này sẽ tương hợp với đạo, là rất dễ dàng thành tựu đạo nghiệp.

Có bốn loại sa-môn:
1. Thắng đạo sa-môn: là những vị tu hành chứng được cả hai quả vị a-la-hán và bồ-tát.
2. Thuyết đạo sa-môn: là những vị thường hoằng pháp lợi sinh.
3. Hoạt đạo sa-môn: là những vị trì giữ giới luật, phạm hạnh thanh tịnh, không bao giờ hủy phạm giới cấm.
4. Ô đạo sa-môn: là những kẻ phá giới phạm trai, sống trái nghịch với luật Phật chế. Không những mình hủy phạm giới mà còn khiến cho mọi người sinh khởi ấn tượng không đẹp khi thấy có người xuất gia mà không giữ gìn giới luật, nên mất niềm tin vào Phật pháp. Do vì họ khiến cho người khác mất lòng tin, nên được gọi là người xuất gia mà làm nhiễm ô Phật pháp.

Bát-thích-mật-đế (Pramiti) là tiếng Phạn, Hán dịch là “Cực Lượng” nghĩa là “rất nhiều.” Ý nói rằng tài năng và trí tuệ của Ngài cực kỳ phong phú và rộng lớn. Pháp sư Bát-thích-mật-đế là người phiên dịch chính bộ kinh Thủ-lăng-nghiêm. Ngài là người chủ trì, hướng dẫn cho hơn hai trăm pháp sư cùng nhau phiên dịch bộ kinh này. Công việc phiên dịch được tiến hành tại chùa Chih Chih (Chế Chỉ), một ngôi chùa lớn thuộc tỉnh Quảng Châu do các vị cao tăng hướng dẫn. Sự truyền thừa và phiên dịch bản kinh đã được giải thích chi tiết qua chín đề mục trước khi giảng giải chính thức vào kinh văn.

SA-MÔN DI-GIÀ THÍCH CA, NGƯỜI NƯỚC Ô-TRÀNH DỊCH NGỮ.

Pháp sư Bát-thích-mật-đế được phụ tá bởi một vị sa-môn người nước Ô-trành (Udyana), là một xứ ở phía Bắc Ấn Độ. Trước khi vùng đất trở thành nơi dân cư, xưa vốn là vườn hoa của vua A-dục (Aśoka). Nên khi dịch chữ Udyana sang tiếng Hán, người Trung Hoa đã dùng chữ Carambola, Hán dịch Ưu đàm, là tên một loài hoa. Di-già Thích-ca, Hán dịch Hàng phục, nghĩa là ngài đã điều phục được mọi phiền não, mọi ma chướng và hết thảy mọi chướng ngại. Khi rời Udyana đến Trung Hoa, Ngài đọc lại bản dịch, chú ý đặc biệt đến sự diễn đạt văn nghĩa, câu cú và cách dùng những thành ngữ tiếng Hán. Ngài là một pháp sư lỗi lạc nhất tham gia việc phiên dịch bộ kinh này.

SA-MÔN HOÀI ĐỊCH (Huai Ti 懷迪), CHÙA NAM LÂU, NÚI LA PHÙ, CHỨNG MINH BẢN DỊCH.)

Thường các bản kinh đang lưu hành không ghi tên vị Pháp sư này. Nhưng các bản in trước đây đều có ghi. Về sau, trong tương lai nên nhớ ghi tên ngài vào ở đầu phần kinh văn khi ấn tống. Nhớ đừng quên việc này.

– Núi La Phù là ngọn núi nổi tiếng ở tỉnh Quảng Đông. – Chùa Nam Lâu là nơi Sa-môn Hoài Địch trú trì. Có lẽ khi sư phụ của Pháp sư Hoài Địch đặt tên cho Ngài, đã mong mỏi Ngài siêng năng tinh tấn tu tập. Chữ Địch 迪 là tiến tới, không dừng lại hoặc giãi đãi lười biếng. Pháp sư học rất giỏi và chăm chú vào giáo nghĩa kinh tạng, nên Ngài rất thông thạo giáo lý. Ngài cũng thông thạo tiếng Phạn, thế nên Ngài được mời chứng nghĩa cho bản dịch. Vì sao hai Pháp sư Bát-thích-mật-đế và Di-già Thích-ca vốn rất thông thạo tiếng Sanskrit, lại phải mời thêm một người Trung Hoa chứng nghĩa bản dịch? Dù hai Pháp sư này thông thạo cả tiếng Phạn lẫn Hán nhưng họ chỉ vừa mới đến Trung Hoa, các vị sợ rằng mình không hiểu được tiếng Trung Hoa hoàn hảo cho lắm; nên phải mời một vị Pháp sư ở địa phương chứng nghĩa bản dịch. Vị ấy là Pháp sư Hoài Địch. Tôi chưa nghiên cứu được lý do tại sao những ấn bản đương thời của kinh này không ghi tên Pháp sư Hoài Địch, dù các ấn bản đời trước đều có ghi đầy đủ. Nay tôi muốn nhắc đến Pháp sư để quý vị biết đến Ngài là một vị Pháp sư chứng nghĩa cho bản dịch kinh này.

ĐỆ TỬ THỌ BỒ-TÁT GIỚI TÊN PHÒNG DUNG, HIỆU THANH HÀ, CHỨC TIỀN CHÁNH NGHỊ ĐẠI PHU, ĐỒNG TRUNG THƯ MÔN HẠ BÌNH CHƯƠNG SỰ, NHUẬN BÚT.

Giới bồ-tát có thể truyền cho cả hai hàng xuất gia và tại gia. Bộ kinh trình bày rõ ràng về giới bồ-tát là Kinh Phạm Võng. Kinh này nói rằng:

“Bất kỳ quốc vương hay quan đại thần khi bắt đầu nhận chức vụ mới, nên phát nguyện thọ giới bồ-tát.” Vì ngài Phòng Dung rất thông hiểu Phật pháp, Ngài nhận Đức Phật làm cha, nhận bồ-tát làm thầy, thọ trì mười giới trọng và bốn mươi tám giới khinh của giới bồ-tát. Sau đó, ngài tự xem mình như một đệ tử của Phật. Ngài thọ giới bồ-tát rồi trở thành Quan chánh nghị Đại phu, là chức quan chuyên can gián Vua khi ban hành chính sách sai trái nào đó. Trong kinh văn dùng chữ “Tiền” có nghĩa là chức vụ trước đây của ông, khi nhuận sắc bản dịch Kinh Thủ-lăng-nghiêm, ông không còn giữ chức đó nữa. Chữ “Đồng” có nghĩa ông ta kiêm luôn hai chức: Môn hạ là chức vụ phụ tá cho Hoàng đế, trông coi và thực thi các sắc lệnh đã ban.

Trung thư là chức vụ như Bộ trưởng, có quyền ban hành một số chỉ thị. Bình chương sự là nhiệm vụ, ông ta có trách nhiệm điều hành cho công việc triều chính luôn luôn đúng với pháp độ và thực sự bình đẳng.

Phòng Dung: là do gia đình có họ Phòng và tên Dung. Thanh Hà là phương danh, quê hương của Phòng Dung. Bút thọ có nghĩa Phòng Dung dùng tài năng văn chương của mình để làm cho kinh văn thêm ý nghĩa. Chương cú, ngữ pháp được tao nhã, sáng sủa, rõ ràng chính xác hơn. Tại sao phải làm như vậy? Vì Thừa tướng Phòng Dung là một người có tài văn chương và kiến thức rất uyên bác. Chính việc nhuận sắc của ông đã làm cho Kinh Thủ-lăng-nghiêm có giá trị rất đặc sắc. Nếu quý vị muốn học tiếng Hán, thì nên học thuộc Kinh Thủ-lăng-nghiêm. Đây là một tác phẩm hoàn hảo nhất bằng tiếng Hán. Ngay cả người Trung Hoa đọc cũng khó lãnh hội hết ý kinh. Nay chín tiết mục đầu tiên đã được giảng rõ. Phần quan trọng nhất là giải thích

KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH NHƯ LAI MẬT NHƠN
TU CHỨNG LIỄU NGHĨA
CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH
THỦ LĂNG NGHIÊM

QUYỂN 1 – DUYÊN KHỞI

— o0o —

TUYÊN HÓA THUỢNG NHÂN
giảng thuật

— o0o —

Kinh văn:
XI. GIẢNG GIẢI KINH VĂN

Kinh văn: 如是我聞

Phiên âm: Như thị ngã văn

Việt dịch: Như thật tôi nghe

Giảng: Như thật là nhấn mạnh đến niềm tin A-nan là em họ và là đệ tử của Đức Phật, là người thông minh bậc nhất, là người kiết tập kinh tạng. Mở đầu các bộ kinh, ngài đều nói: "Như thật tôi…," có nghĩa là mọi chữ mọi câu trong kinh đều đúng như lời Phật đã dạy. "Như" có nghĩa là "các pháp xưa nay vốn như vậy. Mười cuốn Kinh Thủ-lăng-nghiêm chính là do tôi, A-nan, đã nghe như vậy."

Chính tôi, đã nghe Đức Phật dạy như vậy. Do đó, pháp là "như". Phải tin như thế. Pháp mà chẳng "như" thì không thể tin được. Nên "như" chính là nghĩa của kinh văn. "Như" đáp ứng trọn vẹn chứng tín. Tất cả kinh tạng do Đức Phật thuyết đều bắt đầu bằng lục chủng thành tựu: tín thành tựu, văn thành tựu, thời thành tựu, chủ thành tựu, xứ thành tựu, chúng thành tựu.

1. Tín thành tựu: Có người sẽ tự hỏi: "Tại sao trước tiên phải có niềm tin?" "Tín vi đạo nguyên công đức hải Trưởng dưỡng nhất thiết chư thiện pháp."

Nghĩa là: Tín là nguồn gốc của đạo, là biển cả công đức, có thể nuôi lớn tất cả thiện pháp. Tín đặc biệt quan trọng như vậy.

Lại nữa, Luận Đại Trí Độ nói: "Phật pháp đại hải, duy tín năng nhập."

Nghĩa là: Biển Phật pháp mênh mông, chỉ có lòng tín mới thấm nhuần được. Chẳng có cách nào khác để vào được biển Phật pháp ngoại trừ lòng tin. Chỉ với phương tiện là niềm tin người ta mới có thể: "Thâm nhập kinh tạng, trí tuệ như biển" được. Chẳng hạn như bây giờ, tôi đang giảng kinh và quý vị nên tin vào những gì tôi nói. Đừng móng khởi tâm nghi ngờ. Một khi quý vị có nghi ngờ, dù tôi có nói đúng đi nữa, quý vị cũng cho rằng tôi nói sai. Tại sao vậy? Vì quý vị thiếu niềm tin, rồi dù tôi có làm sai quý vị cũng tán thành với tôi. Làm sao mà quý vị tin tưởng được những việc tôi nói sai mà có đạo lý? Bằng phương tiện là niềm tin. Khi chẳng có niềm tin, quý vị sẽ nghĩ rằng những gì tôi nói là sai khi nó đúng. Khi có niềm tin, quý vị sẽ chấp nhận là đúng ngay cả khi tôi giảng sai. Rốt cục tôi nói đúng hay không? Hãy tin tưởng đừng sợ hãi. Tôi chắc chắn sẽ nói với quý vị những điều đúng đắn. Tất cả những điều tôi đang làm là minh họa cho niềm tin mà quý vị nên phát huy. Niềm tin của quý vị phải bền chắc, đừng có nghe theo bản ngã mình. Hãy tin vào tôi, khi tôi nói rằng Kinh Thủ-lăng-nghiêm cực kỳ vi diệu, thì quý vị nên tin thuận. Đó là có niềm tin. Đây là ý nghĩa của tín thành tựu.

2. Văn thành tựu: Những người đã có tín thành tựu còn phải cần đến nghe giảng. Nếu quý vị chỉ cần có tín thành tựu, mà đến khi giảng pháp thì quý vị dạo chơi ngoài công viên hay ngồi quán cà phê, bỏ qua thời giảng pháp thì đó là trường hợp không có văn thành tựu. Nhưng thay vì quý vị không đi uống cà phê, lại đến đây để nghe tôi giảng kinh. Còn gì hơn thế nữa, nếu quý vị không nghĩ đến chuyện ăn – vì quý vị nhịn không ăn buổi tối và dù đang bận túi bụi vào việc nào đó, mà vẫn nghe giảng kinh, thì đó là văn thành tựu. Thế nên bất luận bận việc gì, quý vị vẫn chú tâm đến để nghe giảng và làm phát khởi tín thành tựu với hết lòng thành, thì tôi sẽ chứng nhận văn thành tựu cho quý vị.

3. Thời thành tựu: Nếu quý vị đã có được tín thành tựu và văn thành tựu, mà không có thời giờ, nên không có cách nào để nghe kinh, thì cần phải có một thời gian hợp lý để nghe kinh. Thông thường, quý vị phải đi học hoặc đi làm nên không có thời gian để nghe giảng kinh. Nhưng bây giờ quý vị phải dành ra một thời gian để thâu thập và tham cứu kinh điển.

4. Chủ thành tựu: Cần phải có một vị chủ trì thuyết giảng Phật pháp, chẳng hạn như khi muốn nghe giảng kinh, quý vị phải thỉnh một Pháp sư giảng kinh cho quý vị nghe. Tuy vậy, nếu muốn mời một trong những vị "Pháp sư nước Mỹ" (một cư sĩ dùng danh xưng này dù không xuất gia theo đúng chính pháp) đến giảng, thì quý vị nên tự mình giảng cho mình nghe còn hay hơn. Quý vị đã biết được họ giảng những gì rồi. Vậy nên quý vị phải tìm cho được một vị chủ trì có khả năng giảng pháp chân chính. Chính vì lý do này mà quý vị kéo tôi ra khỏi hầm mộ. Người đời gọi tôi là "Mộ trung tăng–Thầy tu ở trong mộ," quý vị đã mời tôi ra giảng kinh thuyết pháp cho quý vị nghe. "Ai là chủ hội kinh này?" Đức Phật Thích-ca Mâu-ni giảng kinh Thủ-lăng-nghiêm, Ngài là chủ thành tựu.

5. Xứ thành tựu: Quý vị hỏi: "Một khi đã có chủ thuyết pháp rồi, thì mọi việc đều đã sẵn sàng làm cho pháp được biểu hiện, đúng như thế chăng?" Không, quý vị vẫn phải cần một nơi để giảng kinh. "Ở công viên được không? Đó rất rộng. Chúng ta có thể đến đó để nghe pháp." Nơi ấy có thể được, nhưng chỉ một hay hai ngày, đến ngày thứ ba-nhà chức trách sẽ ngăn cấm. "Đây là nơi công cộng, quý vị không thể tụ họp nơi đây để làm việc đó." Vậy nên quý vị phải tìm một nơi nào đó hợp lý để nghe giảng kinh mới có được xứ thành tựu.

6. Chúng thành tựu: Cuối cùng, phải có người đến nghe giảng pháp. Nếu không có người đến nghe giảng kinh, quý vị có thể hướng về phía trước mà nói cho bàn ghế nghe, nó có nghe được không? Không! Có một thính chúng là điều rất cần thiết. Với hội Kinh Thủ-lăng-nghiêm, nơi giảng là Tịnh xá Kỳ-hoàn, trong vườn Ông Cấp Cô Độc, trong thành Xá-vệ (Śravāsti), nơi Đức Phật cùng các đệ tử tu tập. Trong hội kinh này, thính chúng là những Đại tỷ-khưu và Đại bồ-tát. Khi A-nan nói: "Như thật tôi nghe." "Tôi" có nghĩa là muốn đề cập đến "giả ngã" của hàng bồ-tát.

Có bốn nghĩa khác nhau về Ngã: Hàng phàm phu vọng kế chấp trước thân mình cho đó là Ngã. Hàng ngoại đạo do vọng tưởng hư huyễn cho rằng có một thần ngã gọi là ngã nên họ cho ngã chính là Thượng Đế. Hàng bồ-tát tùy thuận thế gian mà thị hiện nên gọi là "giả ngã." Đối với Đức Phật, đó là chân ngã pháp thân. Hàng phàm phu chấp thân của mình là thật ngã, thực ra thân này chỉ là nơi trú ngụ tạm thời, giống như ở khách sạn. Quý vị có thể ở trong khách sạn một thời gian, nhưng rồi cũng phải ra đi, không thể ở đó mãi mãi được.

Hàng phàm phu không hiểu được đạo lý này. Họ cho rằng: “Thân xác này là tôi”, nên họ cố gắng tẩm bổ và trang sức cho thân thể thật nhiều, tìm kiếm sự hưởng thụ cho bản thân.

Họ ham muốn có nhà sang vườn đẹp. Họ bận rộn trong việc trang sức áo quần sang trọng, ăn uống chất bổ dưỡng và sống thật xa hoa, cốt chỉ để bồi bổ thêm cho túi da hôi thối của họ. Thân thể con người chỉ là cái túi da hôi thối. Quý vị đừng có tin vào nó. Hãy thử nhìn xem: ghèn tiết ra từ mắt, chất ráy tai đều là thứ bất tịnh. Mũi đầy chất nước nhờn và miệng đầy nước miếng và đờm giãi bất tịnh. Nếu quý vị không đánh răng trong ba ngày, hơi thở sẽ có mùi hôi thối nồng nặc. Nếu trong ba đến bốn ngày, không tắm rửa, thân thể quý vị bắt đầu hôi thối và nếu thân thể tiết ra mồ hôi, thì thân ấy sẽ dơ bẩn chỉ trong một đến hai ngày. Phân và nước tiểu rất là dơ bẩn. Những thứ bất tịnh thường xuyên tiết ra từ cửu khiếu (chín bộ phận trên thân thể) là: mắt, tai, mũi, miệng, hậu môn và bộ phận sinh dục, những thứ ấy đều là bất tịnh. Có gì để yêu quý cái thân ấy?

Quý vị có thể khoác vào cho nó những thứ đẹp đẽ, ướp đầy nước hoa, làm nô lệ săn sóc cho nó suốt ngày với những thứ son phấn như một cô phụ nữ có thói quen thường trang sức cho mình. Tất cả là để làm đẹp cho cái vỏ sò hư huyễn gọi là thân thể này. Bất luận thức ăn dù ngon bổ đến mấy, nó cũng biến thành phân. Trang điểm cho thân thể cũng như trang hoàng cho cái phòng vệ sinh bằng những vật liệu quý báu. Bất luận nhà vệ sinh có sang trọng chừng nào, nó cũng chỉ là nơi chứa đựng những chất dơ bẩn. Quý vị còn nghĩ rằng bên trong cơ thể con người là sạch sẽ nữa không? Hãy cho tôi biết cái gì tốt đẹp của thân xác? Khi gần đến lúc chết, nó chẳng còn lưu luyến tình cảm gì với quý vị cả. Nó chẳng nói: “Vừa qua bạn đã quá tốt với tôi, nay tôi sẽ sống thêm vài ngày nữa để giúp đỡ bạn.” Nó chẳng thể nào làm như thế. Vậy rốt cục, cái thân có tốt đẹp gì đâu? Vậy mà kẻ phàm phu phải chấp trước vào cái thân ấy và còn cho rằng thân ấy chính là ngã, là ta.

“Đây là thân thể của tôi.” Họ nói:
“Anh đánh tôi! Tôi không cho phép anh làm vậy! Sao anh dám nhục mạ tôi?” Rốt ráo thì ai là “anh”? Anh ta còn chưa biết được mình là ai, còn nói rằng người khác nhục mạ hoặc đánh đập mình. Anh ta không nhận ra được mặt mũi chân thật của mình mà chỉ biết cái cái thân thật chính là tôi. Tinh thần và chân ngã mới là cái ngã chân thật, nhưng anh ta không nhận ra được điều đó. Ngay cả anh ta còn chưa biết cách để nhận ra chúng, anh ta chỉ ra vẻ mình đang làm những việc chính đáng bằng cách làm nô lệ cho thân xác mình. Nếu sự quan tâm trước tiên của quý vị là nên dành hơn một nửa cho mình, thì quý vị

sẽ không có được suy nghĩ chính xác về cuộc đời. Bất kỳ người nào sống như vậy đều sẽ không thể nào làm được điều gì hợp lý. Anh ta bận tâm vì bản thân mình đến mức loại bỏ hết những người khác. Thế nên tôi chẳng bao giờ bận tâm về mình. Tôi chỉ bận tâm vì lợi ích cho mọi người. Nếu ai cần tôi giúp đỡ, tôi sẽ sẵn sàng giúp họ bất luận trong tình huống nào.

• Ngoại đạo chủ trương Thần ngã. Họ nói: “Ngã là cái gì? Ngã là Thượng đế. Có rất nhiều dạng khác nhau của loại thần ngã này, nhưng ở đây không bàn luận nhiều”

• Giả ngã của hàng bồ-tát là gì? Khi A-nan nói: “Như thật tôi nghe,” A-nan là người đã giác ngộ, lúc đó A-nan giúp cho chúng ta nhớ lại lời Phật dạy, A-nan đã chứng quả a-la-hán rồi, thế nên a-nan không còn chút “tự ngã” nào nữa. Khi nói “Như thật tôi nghe,” A-nan chỉ tùy thuận thế gian, đưa ra một giả ngã để cảnh tỉnh cho hàng phàm phu được biết tường tận họ đang bị dính mắc vào tự ngã. Bồ-tát thì không có một tự ngã riêng biệt, các vị biết rõ hàng phàm phu vướng mắc vào ý niệm sai lầm xem thân xác là ngã. Các vị tu tập để nhận ra chân ngã từ tự tánh. Đó là từ cái ngã hư dối, mà đạt đến chân ngã. Chỉ cần nhận biết ngã là hư vọng, thì quý vị liền nhận ra cái ngã chân thật. Tại sao bây giờ chúng ta tham cứu Phật pháp? Là vì chúng ta đang tìm cầu đạo lý chân thực này. Tại sao chúng ta tìm cầu đạo lý chân thực? Vì chúng ta nhận ra tất cả mọi hiện tượng trên thế gian đều là hư giả và chúng ta muốn tìm cái chân thật trong cái hư giả.

• Chân ngã từ trong tự tánh mà hàng bồ-tát nhắm tới là gì?
Đó là thành Phật. Thành Phật là chân ngã.

Trước khi quý vị thành Phật, cái “tôi” của quý vị là hư vọng. Bồ-tát biết cái “tôi” là hư dối, nhưng kẻ phàm phu lại cho rằng : “Cái ông nói rằng cái “tôi” là hư dối, nhưng như tôi thấy, thân thể tôi rất tuyệt hảo. Nó rất mạnh khỏe, rất cao, rất cân đối và đẹp trai. Các ông nói nó hư dối, nhưng tôi thấy nó rất thực.” Anh ta không thể nhìn xuyên suốt, nên không thể buông bỏ được chấp trước. Không xả bỏ được, nên anh ta không thể tự tại được. Câu “Như thật tôi nghe” biểu thị sự chứng ngộ của hàng Thanh văn.

Quý vị có thể nói : “Bây giờ, về cơ bản, là tai nghe. Tại sao không nói “tai nghe như vậy” lại nói “Như thật tôi nghe.” Dĩ nhiên là tai chẳng thể nào nghe được. Tai chỉ là một bộ phận của bộ máy nghe. Cái thực sự nghe được là tánh nghe, nó luôn luôn hiện hữu. Đó là tâm của cái nghe, cái nghe được là “pháp như thị.”

Quý vị sẽ hỏi: “Pháp nào là như?” Đó là Kinh Thủ-lăng-nghiêm, bản kinh mà Pháp sư Bát-thích-mật-đế chép lại trên tấm lụa mỏng rồi xẻ thịt trên cánh tay và dấu vào trong đó. Ngài mang kinh đến Trung Hoa, được dịch sang tiếng Hán, và bây giờ kinh đã được truyền sang Mỹ quốc và sẽ được dịch sang tiếng Anh. Đó là những gì chính A-nan đã nghe Đức Phật giảng. Đó là tất cả những gì đạo Phật đã truyền sang Trung Hoa, đó chẳng phải là chuyện A-nan dựng nên với tư cách cá nhân. Đó là pháp mà Đức Phật đã giảng nói. Tất cả kinh do Đức Phật thuyết đều bắt đầu bằng bốn chữ Như thật tôi nghe. Việc này có bốn nguyên nhân:

1. Dứt trừ nghi ngờ của chúng sinh.
Sau khi Đức Phật nhập niết-bàn, đến khi kiết tập kinh tạng, A-nan bước lên pháp tòa để tuyên lại giáo pháp. Tức thì A-nan hiện tướng thể nhập vào chánh định. Ngồi lâu giây lát không nói, khi đã vào sâu trong định, thân tướng của A-nan đồng như thân Phật. A-nan cũng có được 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp như Đức Phật. A-nan phóng quang và lòng đất chấn động. Đại chúng tức thì khởi ba mối nghi: Có người nghĩ rằng Đức Phật thị hiện lại thế gian vì họ thấy A-nan có thân tướng hoàn hảo như Đức Phật. Các vị đệ tử có lẽ đã nhớ Đức Phật quá nhiều đến nỗi óc não quá căng thẳng, nên rơi vào suy luận như vậy. Có người tưởng rằng bây giờ A-nan có được thân tướng hoàn hảo như thế do A-nan đã thành Phật. Một số người tưởng rằng Đức Phật đã trở về cõi giới tịch diệt và A-nan thì chưa được thành Phật. Họ nghĩ rằng: “Có lẽ đó là Đức Phật từ phương Bắc, phương Nam, phương Đông, phương Tây hoặc từ một nơi nào đó trong mười phương thị hiện đến đây. Nhưng ngay khi A-nan nói lên: “Như thị ngã văn – Như thật tôi nghe” thì ba mối nghi của đại chúng liền được giải trừ. Lý do thứ hai khi Kinh được bắt đầu bởi câu Như thị ngã văn là:

2. Tôn trọng lời phó chúc của Đức Phật.
Khi Đức Phật sắp nhập niết-bàn, Ngài thông báo ý định đó cho các vị đệ tử và họ bắt đầu khóc. A-nan là em họ của Đức Phật, khóc nhiều nhất. A-nan khóc lóc thảm thiết đến nỗi nước mắt rửa mặt được. Cuối cùng, Trưởng lão A-nậu-lâu-đà đến bảo: “Thầy đừng khóc nữa, không thể khóc mãi khi Đức Phật sắp nhập niết-bàn, Thầy nên thưa thỉnh Thế tôn những việc phải làm sau khi Thế tôn nhập niết-bàn.”

A-nan thưa: “Thưa Trưởng lão, con nên hỏi điều gì?”

Trưởng lão A-nậu-lâu-đà đáp:
– Thứ nhất, trong tương lai kinh điển sẽ được kiết tập, Thầy nên hỏi phải ghi lời mở đầu mỗi bộ kinh như thế nào?

Thứ hai, Trưởng lão A-nậu-lâu-đà tiếp tục nói: Khi Đức Phật còn tại thế, chúng ta nương nơi Thế tôn mà an trụ. Khi Đức Phật nhập diệt rồi, tăng đoàn nương vào đâu mà an trụ? Hãy hỏi Đức Phật điều ấy.

Thứ ba, nay chúng ta hoàn toàn nương tựa vào Thế tôn là bậc Đạo sư. Sau khi Thế tôn nhập diệt, giáo đoàn sẽ nhận ai làm thầy?

Thứ tư, khi Đức Phật còn tại thế, người thường quở trách và hàng phục các vị tỷ-khưu tánh ác. Sau khi Thế tôn nhập diệt, giáo đoàn nên xử sự như thế nào với các vị tỷ-khưu này? Việc chính của thầy là đến thỉnh Thế tôn chỉ dạy bốn sự việc như vậy”

A-nan vâng lời, đến bên Đức Phật và thưa:
– Khi Thế tôn còn tại thế, chúng con nhận Thế tôn làm đạo sư. Sau khi Thế tôn nhập niết-bàn, giáo đoàn nên nhận ai làm thầy?

Đức Phật trả lời: “Nhận giới luật làm thầy, tỷ-khưu và tỷ-khưu ni phải nhận giới luật làm bậc đạo sư của mình.”
– Khi Thế tôn còn tại thế, chúng con nương nơi Đức Phật mà an trụ. Sau khi Thế tôn vào niết-bàn, chúng con nương nơi đâu mà an trụ?

Đức Phật trả lời: “Khi Như Lai nhập diệt, các tỷ-khưu nên nương vào Tứ niệm xứ mà an trụ”

Tứ niệm xứ là:
Quán thân bất tịnh: để khỏi yêu mến thân xác mình.
Quán thọ thị khổ: để khỏi tham luyến sự hưởng thọ dục lạc.
Quán tâm vô thường: để khỏi chấp trước vào những vọng tưởng sinh khởi từ tâm thức.
Quán pháp vô ngã: tất cả các Pháp là sắc, thọ, tưởng, hành, thức tức ngũ uẩn của các pháp, tự nó đều không chân thực tồn tại.

– Thứ ba, A-nan hỏi Đức Phật: “Trong tương lai, khi kiết tập kinh điển, chúng con nên bắt đầu ra sao?”

Đức Phật trả lời: “Dùng những lời này: Như thị ngã văn – Như thật tôi nghe.” Những lời này là lục chủng thành tựu, biểu tượng cho sự hoàn hảo của ý nghĩa trong kinh tạng và chứng minh rõ ràng kinh tạng là do Đức Phật giảng nói:

A-nan thưa: “Con còn một câu hỏi nữa. Khi Thế tôn còn tại thế, người thường điều phục các vị tỷ-khưu tánh ác, Đức Thế tôn nhập diệt rồi, chúng con nên xử sự với các vị đó ra sao?

Đức Phật đáp: “Với các vị ấy, hãy lờ họ đi, họ sẽ tự tránh xa. Đừng để ý tới họ. Đừng nói chuyện với họ, đừng ngồi với họ. Nói chung, hãy đối xử với họ như một người bình thường. Nếu không ai để ý đến họ nữa thì họ không thể làm được gì cả, dù họ có xấu ác đến mức độ nào đi nữa.” Tỳ-khưu tánh ác là những người đã xuất gia mà còn nói và làm những điều không hợp đạo lý. Khi Đức Phật còn tại thế, có sáu vị tỳ-khưu tính rất xấu. Quý vị nên nghĩ rằng người xuất gia nào cũng tốt. Cũng có những người không sống đúng luật nghi trong tăng đoàn. Đức Phật dạy chúng ta “lơ họ đi và họ sẽ tránh xa.” Hãy im lặng và không để ý đến họ. Bằng cách ấy quý vị sẽ hàng phục được họ. Lý do thứ ba khi kinh này được bắt đầu bởi “Như thị ngã văn – Như thật tôi nghe” là:

3. Hóa giải những tranh luận trong đại chúng: Đức Phật có nhiều đệ tử đều là những bậc lão tham, là những bậc thượng tọa trong đại chúng. Có nhiều vị đạo hạnh cao hơn A-nan rất nhiều, A-nan chỉ vừa mới chứng được quả vị thứ tư của hàng a-la-hán, trong khi trong đại chúng, có nhiều người đã chứng quả vị này lâu rồi. Nếu A-nan trùng tuyên lại kinh tạng, có nhiều vị sẽ không tôn trọng. Bằng cách đưa ra: “Như thị ngã văn–Như thật tôi nghe.” Đức Phật đã làm cho kinh có một ý nghĩa rõ ràng, những gì đại chúng sắp nghe không phải là kinh do chính A-nan giảng, mà là kinh do A-nan nghe Đức Phật giảng. Do đó không còn ai tranh luận. Mọi người đều biết rằng A-nan là người có trí nhớ rất tốt và mạch lạc, không bao giờ nhầm lẫn, tất cả các kinh mà Đức Phật đã giảng trong suốt bốn mươi chín năm. Nhờ vậy các cuộc tranh luận trong đại chúng sẽ chấm dứt.

4. Để phân biệt kinh Phật với các sách của ngoại đạo: Sách học của ngoại đạo thường bắt đầu bằng chữ O nghĩa là “hữu – có”, hoặc là chữ E: “vô–không.” Họ cho rằng tất cả hiện tượng đều là có hoặc là không. Nhưng kinh Phật nói đến pháp chân không diệu hữu, và giáo lý trung đạo. Kinh Phật không nói đến các giáo lý cực đoan “có” và “không”, nên kinh được bắt đầu bởi “Như thị ngã văn” để phân biệt với sách của ngoại đạo.

Kinh văn: **一時佛在室羅筏城,祇桓精舍。**

Phiên âm: Nhất thời Phật tại Thất-la-phiệt-thành, Kì-hoàn tinh xá.

Việt dịch: Lúc ấy Đức Phật ở tại Tinh xá Kỳ-hoàn, trong thành Thất-la-phiệt.

Giảng: Lúc ấy là khi Kinh Thủ-lăng-nghiêm được Đức Phật giảng nói. Đó là lúc người thuyết pháp, thú hướng của người nghe và đạo đã hòa thành một. Là lúc hoàn toàn hợp thời để giảng kinh. Quý vị sẽ hỏi: “Tại sao không ghi rõ thời

gian, tháng năm?” Vì lịch của Ấn Độ và Trung Hoa không đồng nhau, nên không có cách nào để khẳng định chính xác thời gian Đức Phật giảng kinh Thủ-lăng-nghiêm. Thế nên mới chọn cụm từ Lúc ấy. Trong lục chủng thành tựu, lúc ấy là biểu thị cho thời thành tựu. Đức Phật là chủ thành tựu, là người chủ trì của thời giảng pháp. Nói rốt ráo, chữ Phật nên giải thích như thế nào? Hầu hết người Trung Hoa đều quá hiểu rõ chữ Phật (佛). Gốc tiếng Phạn là Budd-haya hoặc Buddha, phiên âm sang tiếng Hán là Phật-đà-da hoặc là Bố-đại-da. Người Trung Hoa thích nói giản lược, nên gọi là Phật. Cũng giống như người Mỹ thích gọi phone thay vì nói đầy đủ là telephone vậy. Có thể quý vị thấy buồn cười về lối phân tích thường tình như thế, nhưng nếu quý vị hiểu được đạo lý thông qua ví dụ trên, thì có thể nói rằng quý vị đã có chút ít giác ngộ. Giác ngộ điều gì?

Là đã hiểu ra chữ Phật. Quý vị nhận ra: Ồ! Phật là như thế! Ngài như thế nào?. Ngài là Phật. Đó là tất cả. Nếu quý vị muốn thành như Phật, thì nên học theo như Đức Phật. Thế Đức Phật giống như điều gì? Đức Phật thì an lạc, không ưu sầu suốt từ sáng đến tối. Ngài không còn phiền não, Ngài nhìn thấy tất cả chúng sinh đều là Phật, quý vị cũng là Phật. Nghĩa của chữ Phật là gì?

Chữ Phật có nghĩa là giác ngộ. Đức Phật có đủ ba tính giác: tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn. Điều này đã được giải thích rõ ở trên. Ở trong kinh này thuật ngữ “ba tính giác” chính là bản giác, thủy giác và cứu cánh giác. Nhưng đây cũng là những tên gọi khác của tự giác, giác tha và giác hạnh viên mãn. Trong kinh Phật, có nhiều nơi tên gọi khác nhau nhưng nghĩa lý thì giống nhau. Quý vị không nên lúng túng khi không nhận ra ý nghĩa chỉ vì tên gọi không đồng. Nếu như có người nào đó đổi tên, quý vị sẽ không rõ được ông ta là ai khi có người nhắc đến ông ta với một tên mới, nhưng khi quý vị gặp mặt ông ta rồi quý vị mới nhận ra :“Ồ! thì ra là anh.” Ba tính giác của Đức Phật cũng giống như vậy. Nếu quý vị không nghiên cứu sâu Phật pháp, thì quý vị không thể nào biết được bản giác, thủy giác, cứu cánh giác là gì, nhưng nếu quý vị tham cứu Phật pháp kỹ lưỡng, quý vị biết ngay nó có cùng ý nghĩa với ba đặc tính giác ngộ. Đó là giải thích tổng quát về chữ Phật. Nếu giảng giải chữ Phật chi tiết, dù hết ba năm cũng không thể nói trọn vẹn được chứ đừng nói ba tháng. Bây giờ tôi chẳng có cách nào hơn là giảng về chữ Phật trong vòng ba phút rồi cho qua đi, vì người Mỹ thích tốc độ, họ thích mọi việc phải nhanh. Thế nên nay giảng kinh tôi phải trình bày nhanh, như hỏa tiễn phóng lên mặt trăng. Ở trong hỏa tiễn nghe “vút” một tiếng là quý vị đã ở cung trăng rồi. Cơ bản là tôi vẫn giữ truyền thống xưa nay, nhưng không thể dùng những phương pháp đã lỗi thời.

Đức Phật trú tại Tinh xá Kỳ-hoàn, trong thành Thất-la-phiệt. Thất-la-phiệt phiên âm từ tiếng Phạn, là tên của kinh đô nơi vua Ba-tư-nặc đang trị vì, còn gọi là thành Xá-vệ. Đức Phật đã giáo hóa rất nhiều hạng chúng sinh trong thời gian trú tại Tinh xá Kỳ-hoàn, rất gần nơi kinh đô. Thành Thất-la-phiệt khác hẳn rất nhiều so với các thành phố khác, nơi đó thường có rất nhiều thú vui ngũ dục: sắc, thanh, hương, vị, xúc. Tất cả những thứ ấy rất là phong phú. Như về sắc; ở đây có rất nhiều phụ nữ đẹp và kinh đô có nhiều màu sắc sặc sỡ. Về âm thanh, âm nhạc ở đó có lẽ rất tuyệt vời. Về hương, ở đó có mùi cà ri Ấn Độ, chẳng hạn như ngày nay ở nước Mỹ này cũng có, và có thể ngửi được từ mọi phía khi người ta nấu nướng. Về mùi vị, ở Ấn Độ có loại bơ lỏng, nhưng do tôi chưa bao giờ nếm được loại bơ ấy nên không biết rõ mùi vị nó ra sao. Cứ cho là nó như một loại sữa vậy. Dù tôi có muốn nếm thử nó, tôi cũng không rõ nó có thích hợp ở đất nước này hay không. Về sự xúc chạm, có lẽ ở thành Thất-la-phiệt có loại lụa mịn nhất, biểu tượng cho sự quý phái. Kinh đô ấy có rất nhiều của cải và rất giàu có. Dân chúng ở đó sống có đạo đức, có giáo dục và rất tự do, nên chữ Thất-la-phiệt dịch sang tiếng Hán là Phong Đức. Người dân ở đó có rất nhiều kiến thức và kinh nghiệm. Họ thừa hưởng được tri thức và thông đạt mọi thứ học thuật và hiểu biết. Họ cũng là người rất tự do, không bị lệ thuộc bởi thế lực nào khác. Có lần một vị pháp sư tìm đến một pháp sư Trưởng lão xin có lời khai thị. Khi đến, ông ta vạch vai áo quỳ xuống trước vị Trưởng lão thỉnh cầu.

Trưởng lão pháp sư hỏi: “Ông đến đây cầu thỉnh điều gì?”

Vị pháp sư trẻ đáp: “Con đến để cầu pháp giải thoát”

Pháp sư Trưởng lão hỏi: “Ai trói buộc ông?” Ngay khi vừa nghe câu hỏi ấy, vị pháp sư trẻ nhận ra chẳng có ai trói buộc mình cả, lúc ấy thoát nhiên khai ngộ “Con có tự do rồi, khỏi cần tìm kiếm tự do ở đâu nữa.”

Tri giác đó lưu xuất từ sự khai ngộ của ông ta. Có người sẽ đặt vấn đề:

“Nếu tôi cũng đi cầu người khai thị cho pháp giải thoát và có người chỉ cho rằng chẳng có ai trói buộc mình thì tôi cũng sẽ được khai ngộ hay sao?” Điều đó hoàn toàn khác vì thời cơ của quý vị chưa đến. Năng lực tiềm tàng của quý vị chưa chín mùi. Khi đã đến lúc, chỉ một lời nói, có thể khiến cho quý vị thức tỉnh, tâm hoát nhiên thông suốt và khai ngộ liền. Người dân ở thành Thất-la-phiệt rất tự do, siêng năng công phu nên rất dễ ngộ đạo vì kinh đô ấy được thừa hưởng rất nhiều của cải và đức hạnh. Đức Phật thường trụ ở đó khi Ngài còn tại thế. Tinh xá Kỳ hoàn tức là “Rừng cây của Thái tử Kỳ-đà trong vườn của ông Cấp Cô Độc.” Câu này có ghi trong kinh Kim Cương, ở đoạn mở đầu. Ở trong thành Thất-la-phiệt, có một vị trưởng giả tên là Tu-đạt-đa, thừa hưởng được rất nhiều phước báo. Không ai có thể biết được ông giàu có đến mức

nào. Một hôm có người bạn nói với Tu-đạt-đa: “Đức Phật đang thuyết pháp ở nơi đó.” Khi nghe đến tên Đức Phật, tóc của vị trưởng giả dựng đứng và ông ta mất khả năng tự chủ.

Ông ta nói: “Tôi muốn đi gặp Đức Phật liền ngay bây giờ.” Vì ông ta muốn gặp Đức Phật, nên Đức Phật liền phóng hào quang chiếu đến nơi Tu-đạt-đa, mặc dù ông ta ở nơi rất xa. Lúc ấy là nửa đêm, nhưng nhờ Đức Phật phóng quang nên Tu-đạt-đa tưởng như trời rạng sáng, nên ông ta liền trở dậy và chuẩn bị lên đường đi gặp Đức Phật. Vì lúc ấy đúng vào giữa đêm, cổng thành còn đóng kín, nhưng nhờ vào thần lực của Phật mà cổng thành tự mở ra khi Tu-đạt-đa đến và tự đóng lại khi ông đi qua. Ông ta đến nơi, gặp được Đức Phật, rồi được nghe Đức Phật thuyết pháp. Ông ta vui thích không thể nào nói được. Ông hỏi Đức Phật: “Thế tôn có quá nhiều đệ tử, thế họ trú ở đâu?” Lúc ấy chưa có Tinh xá trong vườn Kỳ-đà. Đức Phật đáp: “Như Lai và tăng đoàn không ở một nơi thường xuyên.” Vị trưởng giả đáp: “Con sẽ xây dựng một Tinh xá để cúng dường cho Thế tôn và tăng đoàn.”

Do ông quá giàu, nên lời nói của ông rất có thẩm quyền. Ông nói: “Khi con trở về con sẽ tìm một địa điểm và sẽ xây dựng tinh xá. Khi Tu-đạt-đa trở về thành Thất-la-phiệt, ông ta dò tìm khắp nơi, cuối cùng tìm được vườn cây của Thái tử Kỳ-đà, cách kinh thành chừng một dặm rưỡi. Ông ta thấy khu vườn là nơi rất thích hợp để dâng cúng cho Đức Phật. Nhưng nó là sở hữu của Thái tử Kỳ-đà, nên ông ta tìm gặp Thái tử Kỳ-đà để thương lượng:

Thái tử hỏi:
“Tại sao ông lại muốn mua vườn của tôi?”

Trưởng giả đáp:
“Để tôi xây dựng Tinh xá rồi thỉnh Đức Phật và chư tăng đến ở.” Thái tử nói đùa: “Được rồi. Tôi sẽ bán cho ông, nếu ông lấy tiền vàng phủ đầy khắp khoảnh đất mà ông muốn mua.” Thái tử Kỳ-đà không ngờ là Trưởng giả Tu-đạt-đa thực sự làm được việc đó. Không thể ngờ rằng Tu-đạt-đa trở về và cho chở toàn bộ tiền vàng có trong kho nhà mình đến trải đầy mặt đất khu vườn.
-Tôi chỉ nói giỡn với ông thôi! Thái tử la lên khi thấy khu vườn mình đã được lát đầy tiền vàng. -Sao mà tôi lại bán khu vườn của mình đi? Ông không nên đối xử với tôi thiếu nghiêm túc như vậy.

Trưởng giả đáp lại:
-Nay ông là một Thái tử, trong tương lai ông sẽ lên ngôi vua. Một vị vua không bao giờ nói đùa. Ông không thể đùa giỡn với tôi như vậy. Bất luận ông có nói gì đi nữa, ông cũng không thể từ chối việc bán khu vườn cho tôi.” Khi Thái tử nghe được những lời này, biết mình không thể làm gì hơn được nữa, nên phải

nhượng bộ: “Được rồi! Ông đã phủ đầy mặt đất bằng tiền vàng, nhưng tiền vàng không phủ được các gốc cây. Đây là những gì chúng ta sẽ thỏa thuận. Chúng ta sẽ chia ra. Đất đã phủ bằng tiền vàng sẽ thuộc về ông nhưng cây cối sẽ thuộc về tôi. Tôi sẽ cúng dường hết và ông có thể cúng dường nơi này cho Đức Phật. Trưởng giả Tu-đạt-đa không có cách nào chọn lựa nữa, chỉ còn biết chấp nhận điều kiện của Thái tử Kỳ-đà.

Thế nên địa điểm đó được gọi là “Kỳ thọ Cấp Cô Độc viên – Rừng cây của Thái tử Kỳ-đà, vườn của ông Cấp Cô Độc.” Trưởng giả Tu-đạt-đa còn được gọi là Cấp Cô Độc, là người luôn luôn cấp dưỡng cho những trẻ mồ côi, kẻ góa bụa và những người không nơi nương tựa và những người già cả không có con cái. Đức hạnh lớn lao đã tạo nên một danh xưng xứng đáng với ông ta. Còn tên gọi Thái tử Kỳ-đà nghĩa là sao? Thái tử Kỳ-đà sinh nhằm ngày vua cha Ba-tư-nặc chiến thắng sau trận đánh với quân của nước láng giềng trở về, nên hoàng tử vừa mới sinh ra được vua cha đặt tên là Jeta–Kỳ-đà, nghĩa là chiến thắng. Đây là sự tích của “Tinh xá Kỳ-hoàn.” Sau khi mua được vườn của Thái tử Kỳ-đà, Trưởng giả Tu-đạt-đa chi thêm số tiền rất lớn kiến trúc tinh xá.

Kinh văn: **與大比丘眾千二百五十人俱。**

Phiên âm: Dữ đại tỉ-khưu chúng thiên nhị bách ngũ thập nhân câu.

Việt dịch: Với chúng đại tỷ-khưu, gồm một ngàn hai trăm năm mươi người đến dự.

Giảng:
Sự tham dự của các vị đại tỷ-khưu với các đại a-la-hán, các vị đại bồ-tát ở khắp mười phương được đề cập sau đây là biểu hiện của chúng thành tựu. Kinh do Đức Phật giảng nói rất rõ ràng và mạch lạc. Đức Phật không giảng kinh một cách ngẫu nhiên. Chỉ khi nào có đủ sáu điều thành tựu này thì một pháp hội mới được hình thành và giáo pháp mới được Đức Phật tuyên thuyết. Đại tỷ-khưu khác với các vị tiểu tỷ-khưu. Đại tỷ-khưu là các vị đã có công phu tu tập lâu năm, sắp sửa chứng ngộ. Tỷ-khưu là phiên âm từ chữ bhikṣu trong tiếng Phạn. Có ba nghĩa: khất sĩ, bố ma và phá ác. Tỷ-khưu là người sống bằng hạnh khất thực, hằng ngày ôm bình bát đi vào trong thành để xin thực phẩm. Họ không chỉ xin những nhà giàu mà còn xin ở những nhà nghèo, hoặc ngược lại. Một vị tỷ-khưu phải thực hành hạnh bình đẳng trong khi khất thực, có nghĩa là phải nghiêm túc đi từ nhà này đến nhà khác, và không được đến hơn một nhà. Nên có lời dạy rằng: Vị tỷ-khưu không được tránh nhà nghèo đến khất thực ở nhà giàu, không được vờ đi chậm để tìm kiếm người sang trọng (mà

khất thực). Khi một người đăng đàn thọ giới tỷ-khưu, họ hướng về Tam sư và bảy vị Tôn chứng (để thỉnh cầu). Tam sư là Hòa thượng Đường đầu truyền giới, Hòa thượng yết-ma và Hòa thượng Giáo thọ. Bảy vị Tôn chứng là những vị bảo chứng cho giới hạnh thanh tịnh của một vị tăng. Một người thọ giới tỷ-khưu rồi sẽ đời đời không phá hoại luật nghi, phá trai, phạm giới.

Khi truyền giới, Hòa thượng yết-ma hỏi:
– Quý vị đã phát tâm bồ-đề chưa?

Giới tử trả lời:
– Bạch Hòa thượng, con đã phát tâm bồ-đề.

Hòa thượng yết-ma hỏi tiếp:
-Quý vị có phải là kẻ đại trượng phu không?

Giới tử đáp:
-Bạch Hòa thượng, con là kẻ đại trượng phu. Khi những câu hỏi được trả lời theo tinh thần như vậy, thì loài quỷ địa hành la-sát–một loại chúng sinh chuyên ghi chép các việc xấu tốt trên thế gian liền nói: “Bây giờ đệ tử của Phật tăng thêm một người và đệ tử của ma vương giảm đi một người.” Quỷ địa hành la-sát truyền tin này cho quỷ không hành dạ-xoa, loài quỷ này lại truyền tin này lên cõi trời Lục dục. Thiên ma, là vua của các ma cõi trời, nghe tin này liền hoảng sợ. Đó là lý do thứ hai tỷ-khưu có nghĩa là bố ma, là làm cho ma hoảng sợ. Tỷ-khưu cũng là người phá trừ các việc ác, dẹp trừ vô minh và phiền não.

Do chữ tỷ-khưu có ba nghĩa như vậy, nên nó rơi vào phạm trù của những thuật ngữ “không phiên dịch vì có nhiều nghĩa” (đa sinh nghĩa). Căn cứ theo nguyên tắc phiên dịch do Pháp sư Huyền Trang đời Đường lập ra, chữ ấy được giữ nguyên âm Phạn ngữ, không dịch sang tiếng Trung Hoa. Đúng ra, có một nghìn hai trăm năm mươi lăm (1255) vị đại tỷ-khưu trong pháp hội ở Tịnh xá Kỳ-hoàn. Những vị đệ tử này bao gồm những đệ tử “thường tùy chúng.” Trước đây, hầu hết họ là những người tu theo ngoại đạo, nhưng sau nhờ Đức Phật giáo hóa nên thành đạo nghiệp, họ cảm ân đức của Phật nên theo Phật xuất gia, thường thân cận bên Phật.

Trong số một nghìn hai trăm năm mươi lăm đệ tử, trước hết Đức Phật thâu nhận Ngài A-nhã Kiều-trần-như và bốn huynh đệ của Ngài ở vườn Lộc Uyển. Kế tiếp, Đức Phật độ ba anh em ông Ca-diếp, là những người thờ lửa. Khi họ quy y với Đức Phật, họ đem theo một nghìn đệ tử của mình cùng quy y với Đức Phật thành ra một nghìn không trăm linh năm (1005) đồ chúng. Mục-kiền-liên và Xá-lợi-phất mỗi người có một trăm đệ tử, nâng tổng số lên một nghìn hai trăm linh năm người. Rồi Da-xá con của một vị trưởng giả cùng năm mươi

người đến xin xuất gia, nâng tổng số các đệ tử của Phật là một nghìn hai trăm năm mươi lăm vị tất cả.

Thế nào gọi là chúng? Một người không được gọi là chúng. Hai, ba người cũng không được gọi là chúng. Phải có bốn người hoặc hơn mới thành một chúng. Ở đây hội chúng bao gồm không những chỉ có hơn bốn người mà còn có hơn một nghìn hai trăm năm mươi người. Nguyên nhân A-nhã Kiều-trần-như trở thành đệ tử đầu tiên của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni như sau: Trong một đời trước, Đức Phật là một vị tiên tu hạnh nhẫn nhục. Một hôm vua Ca-lợi lên núi tổ chức một cuộc săn bắn, mang theo cả đoàn thê thiếp, thể nữ, các quan văn võ đại thần. Trong khi vua mãi mê săn bắn, các cô tỳ thiếp dạo chơi trong núi và gặp vị tỷ-khưu già, là vị tiên đang tu hạnh nhẫn nhục. Cô hầu thiếp vốn ít khi ra khỏi hoàng cung chưa bao giờ thấy một vị tỷ-khưu già với râu tóc dài và lởm chởm như vậy.

Đây vốn là một vị đạo sĩ nhưng các cô hầu thiếp tưởng là một người kỳ dị nên bò sát đến bên cạnh rồi hỏi:
– Ông đang làm gì vậy?

Vị tỷ-khưu già đáp:
– Tôi đang công phu tu tập theo Phật pháp. Các cô tỳ thiếp chưa từng bao giờ nghe nói đến Phật pháp cũng như về Đức Phật nên hoàn toàn ngơ ngác trước câu trả lời này. Sự tò mò khiến các cô đến gần sát hơn để lén nhìn vị tỷ-khưu già. Họ vây quanh ngài thành một vòng tròn. Khi vua Ca-lợi đi săn về, thấy các cô mỹ nữ của mình biến mất cả, ông ta đi tìm và thấy các cô đang vây quanh một người đàn ông râu tóc rậm rạp, cảnh đó khiến nhà vua phát ghen tức. Ông ta nghĩ: "Vị này đã quyến rũ các hầu thiếp của ta. Họ chẳng còn để ý gì đến ta nữa, thế là ông ta quyến rũ được họ rồi."

Vua lớn tiếng hỏi:
– Ông đang làm gì vậy?

Người đàn ông đáp:
– Tôi đang tu tập hạnh nhẫn nhục.
– Tu hạnh nhẫn nhục nghĩa là sao?
– Tu hạnh nhẫn nhục có nghĩa là bất luận ông đối xử như thế nào với tôi, dù ông vô lễ với tôi, dù ông đối xử ác độc với tôi, tôi vẫn chịu đựng được.

Vua Ca-lợi hỏi: "Thật chứ? Có thật đó là cách ông đang tu không? Tôi không tin là ông làm được việc đó. Nếu ông thực sự tu hạnh nhẫn nhục, cớ sao ông lại quyến rũ các thể nữ của tôi? Bây giờ họ đã quá gắn bó với ông và họ quá yêu ông rồi, trong tương lai chắc chắn họ sẽ rời bỏ hoàng cung để theo ông."

– Không, tôi không hề quyến rũ họ, tôi vừa giảng pháp cho họ, dạy họ biết nhẫn nhục.

– Nhẫn nhục, Vua Ca-lợi bực dọc đáp lại: Thế ông có thể nhẫn nhục. À được rồi, Ta sẽ thử xem sao, Hãy xem thử ông nhẫn nhục được không… Vua cắt đứt vành tai của vị tỷ-khưu già rồi hỏi: "Ông chịu đựng được không? Ông có giận không? Phiền não có khởi dậy không? Ông có ghét tôi không?" Tỷ-khưu đáp lại: "Tôi chẳng hề phiền não, tôi cũng chẳng có gì giận ông cả."

Vua Ca-lợi la lên:
"Thật vậy chăng? Thật là ông không giận dữ sao? Thế thì tốt, ta sẽ chặt tay ông." Nói xong vua Ca-lợi liền cắt đứt một tay rồi hỏi:
– Ông vẫn không giận tôi chứ?

Vị tỷ-khưu già ấy là tiền thân của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, nói với vua Ca-lợi:
– Tôi không hề ghét ông.
– Thế thì ta sẽ cắt luôn tay kia.
Vua vung kiếm lần nữa xuống cánh tay còn lại của vị tỷ-khưu rồi hỏi:
-Ông có giận không?
– Tôi vẫn không giận ông.

Vị tỷ-khưu đáp lại.
– À! ông vẫn không nhận ra sự thực từ sai lầm, vậy ta sẽ chặt chân ông luôn. Bây giờ ông có giận không?
– Tôi không giận.

Vua Ca-lợi chặt đứt chân kia, đến lúc này tứ chi của vị tỷ-khưu đã bị chặt đứt hết. Vua hỏi: "Ông vẫn không giận tôi chứ?" Vị tỷ-khưu già đáp: "Tôi vẫn không giận ông." "Ông nói dối." Vua Ca-lợi hét lên "Chẳng có người nào trên thế gian này bị chặt đứt cả tứ chi mà không giận dữ. Tôi chẳng tin, tôi không tin ông thực sự tu tập được như vậy."

Lúc đó, vị tỷ-khưu già phát lời nguyện:
– Nếu tôi không khởi tâm sân hận, thì tứ chi của tôi sẽ liền lại và thân thể tôi sẽ lành lặn như trước. Còn nếu như tôi có tâm sân hận thì tay chân tôi chẳng thể nối liền và mũi, tai không mọc lại được nữa. Ngay sau khi vị tỷ-khưu vừa phát lời nguyện, tay chân mắt mũi liền có đủ và lành lặn như xưa. Vua Ca-lợi la lên: "Ông là loại yêu quái gì vậy? Loại yêu quái nào có thể làm cho tay chân ông dính liền lại? Ông là ma quái !."

Vua Ca-lợi kết luận, tuyên bố với quần thần và các tỳ nữ của mình như vậy. Nhưng ngay khi tâm niệm này vừa móng khởi trong tâm vua thì các vị Hộ

pháp thiện thần liền giáng một trận mưa đá dữ dội xuống đoàn tùy tùng của vua.

Lúc ấy vị tỷ-khưu già phát lời nguyện khác:
“Xin quý vị Hộ pháp thiện thần thôi trừng phạt nhà vua, tôi đã tha thứ cho ông ta rồi.”

Vị tỷ-khưu nói với Vua Ca-lợi:
“Trong đời sau, khi tôi tu thành Phật, tôi sẽ độ thoát cho ông trước hết.” Kết quả của lời nguyện này là khi Đức Phật Thích-ca thành chánh giác, người đầu tiên được Đức Phật độ là A-nhã Kiều-trần-như, người đó chẳng ai khác hơn là vua Ca-lợi trong kiếp tái sinh. Nhờ Ngài đã thành Phật, năng lực của lời phát nguyện đã đưa Đức Phật tức khắc trở về vườn Lộc Dã để độ năm vị tỷ-khưu mà người đầu tiên là A-nhã Kiều-trần-như. Khi một người phát lên lời nguyện, liền tạo nên sự cảm thông. Thế nên quý vị nên lập hạnh nguyện thân thiện và cứu độ hết tất cả mọi loài chúng sinh và thận trọng đừng sát hại sinh mạng chúng sinh cho đến khi họ tựu thành Phật đạo, chúng ta sẽ cùng nhau tựu thành chánh giác và sẽ cùng nhau hưởng được niềm an lạc ở cõi Thường tịch quang Tịnh Độ. Còn nếu quý vị phát lời nguyện sẽ giết hại chúng sinh thì trong đời sau, người ta sẽ giết quý vị trở lại, thế là sẽ không thể nào chấm dứt vòng luân hồi vì nghiệp sát cả. Hãy đối xử tốt với mọi người, dù họ không tốt với mình. Chúng ta nên có một tinh thần bền bỉ như vị tiên nhẫn nhục đã có. Khi thoát khỏi tâm sân hận ngài còn phát nguyện cứu người đã xúc não mình, dù người ấy đã chặt đứt tứ chi của mình. Những người đang tu học Phật pháp nên học theo tinh thần cao thượng này.

Kinh văn: **皆是無漏大阿羅漢,佛子住持,善超諸有。能於國土成就威儀。**

Phiên âm: Giai thị vô lậu đại a-la-hán, phật tử trú trì, thiện siêu chư hữu. Năng ư quốc độ thành tựu oai nghi.

Việt dịch: Tất cả các vị đều là bậc đại a-la-hán đã chứng quả vô lậu, phật tử trú trì, khéo vượt qua các cõi, thường ở nơi các cõi nước thành tựu các uy nghi.

Giảng:
Những vị đại tỷ-khưu này không chỉ đơn thuần là đại tỷ-khưu, họ là những vị bồ-tát hiện thân tỷ-khưu nên nói rằng:
Nội bí bồ-tát hạnh
Ngoại hiện Thanh văn thân.
(Bên trong tâm nguyện Bồ-tát
Bên ngoài hiện tướng Thanh văn).

Các ngài đúng là bồ-tát, tự bản tâm đã sẵn có căn tánh Đại thừa. Bên ngoài các ngài thực hành pháp của hàng Tiểu thừa và hiện thân Đại a-la-hán đã chứng quả vô lậu. Một người chứng được quả vị đầu tiên được gọi là tiểu a-la-hán, người chứng được quả vị thứ tư được gọi là đại a-la-hán. Tuy vậy, nếu một vị a-la-hán đã chứng được quả vị thứ tư mà không chịu tiếp tục tiến lên trong việc tham cứu và công phu tu tập thì họ được gọi là hàng định tánh Thanh văn, họ dừng lại ở vị trí cố định ấy. Họ đạt được chút ít thành quả và tự hài lòng. Mặc dù những gì họ đạt được chẳng có gì lớn lắm, nhưng họ cho như thế đã đầy đủ và không quan tâm đến việc tiến bộ hơn nữa. Nếu họ tiếp tục tham cứu và công phu tu tập, họ có thể đạt được quả vị bồ-tát. Đây là ý nghĩa của chữ đại a-la-hán trong pháp hội Thủ-lăng-nghiêm. Như đã giải thích ở trên, a-la-hán là tiếng Phạn. Có ba nghĩa: sát tặc, vô sinh và ứng cúng. Trong khi các vị tỷ-khưu chỉ có thể nhận được đồ cúng dường từ cõi của loài người, thì một vị sơ quả a-la-hán có thể nhận vật phẩm cúng dường của người và trời, chẳng hạn như của quốc vương hay thiên chủ.

Các vị đại a-la-hán có thể nhận vật phẩm cúng dường không những chỉ của người và trời ở cõi thế gian mà còn nhận vật phẩm cúng dường từ cõi xuất thế gian tức là từ chư Thiên đã vượt qua cõi trời Lục dục. Đại a-la-hán có thể nhận của cúng dường của hàng bồ-tát, vì họ đã cắt đứt tất cả phiền não ngoài tam giới, trong khi các vị sơ quả a-la-hán chỉ mới cắt đứt được các phiền não trong tam giới. Thế nên các vị đại a-la-hán có thể nói là có thể được các vị bồ-tát cúng dường. Mặc dù họ hiện thân tỷ-khưu và không thực hành đạo bồ-tát, nhưng trong tâm họ đã có lòng cao thượng của bồ-tát, và họ có thể dần dần đạt đến quả vị bồ-tát. Trong kiếp trước, họ đã thành Phật rồi, nhưng do họ phát tâm hộ trì cho Đức Phật Thích-ca Mâu-ni hoằng truyền Phật pháp, nên họ hiện thân tỷ-khưu lập hạnh a-la-hán. Về cơ bản, những vị a-la-hán này là những đại bồ-tát.

A-la-hán còn được gọi là vô sinh, có nghĩa là đã chứng được vô sinh pháp nhẫn. A-la-hán còn được gọi là sát tặc vì họ hoàn toàn dẹp sạch được kẻ cướp là vô minh. Người đã chứng được đạo quả rồi thì không còn những lậu hoặc nữa: không còn dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu nữa. Khi đạt được vô lậu nghĩa là không còn rơi vào ba cõi: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới nữa. Chúng ta đang sống trong cõi Dục, mặc dù chúng ta đang sống trên trái đất, nhưng thực ra chúng ta là một phần của cõi trời ở Dục giới. Gọi là cõi Dục là vì con người ở đó luôn luôn có tâm niệm ham muốn mà không lúc nào biết dừng lại. Họ tham muốn hai thứ: vật chất của cải và tình dục. Tham muốn của cải vật chất là thích sử dụng và có được mọi thứ. Chẳng hạn như khi quý vị chưa có nhà, thì thích

mua một cái nhà. Còn khi quý vị đã có một cái nhà rồi, thì thích mua một cái khác đẹp hơn.

Đó là tham muốn nhà cửa. Trong quá khứ, người ta thường thích mua nhiều ngựa quý để cỡi, ngày nay họ thích mua xe hơi sang trọng. Đầu tiên, họ mua một chiếc xe cũ nát, nhưng khi họ lái chiếc xe ấy đi khắp nơi, mọi người đều nhìn với vẻ khinh khi, nên họ quyết định mua một chiếc đẹp hơn, nhưng họ vẫn chưa mua được một chiếc xe đời mới nhất. Một khi họ so sánh xe của họ với những chiếc xe đời mới nhất, họ lại thấy xe của mình chưa được tốt cho lắm, thế nên họ mua ngay một chiếc mới. Đó là ham muốn xe hơi. Cuối cùng, tham vọng của họ lên đến mức khi đã có xe hơi rồi, họ lại quyết định mua máy bay. Khi đã có máy bay rồi, họ lại muốn mua tàu thủy. Họ ham muốn vật chất không bao giờ chán. Họ không bao giờ nói: "Ta đã thỏa mãn rồi, ta đã có đầy đủ rồi, ta không muốn thêm thứ gì nữa cả. Ta không ham muốn điều gì nữa cả."
"Những ham muốn ấy do đâu mà có?"
Nó đến từ vô minh.

Tham muốn sắc dục là điều mà có lẽ quý vị đều đã hiểu rõ, khỏi cần tôi phải nói. Có nghĩa là tham muốn sắc đẹp. Điều ấy cũng vậy, không thể nào thỏa mãn được. Một vợ chưa đủ, muốn có hai, rồi hai vợ chưa đủ muốn có ba. Có kẻ cần đến mười hoặc hai mươi người vợ. Các vị vua chúa thường có vài trăm vài ngàn phụ nữ sống trong cung. Quý vị có cho rằng như thế là không công bằng chăng? Nay trong chế độ dân chủ, người dân chỉ được phép có một vợ. Tục lệ đa thê bị cấm đoán, nhưng vẫn có nhiều người lén lút quan hệ bất chính. Bị sai sử bởi ham muốn sắc dục, nhiều nam nữ lén lút quan hệ với nhau một cách phóng đãng, chẳng theo luật pháp, đạo đức gì cả. Bên cạnh dục lậu còn có hữu lậu. Lậu này xảy ra ở cõi trời của sắc giới, cõi này ở trên Dục giới. Hữu có nghĩa là có tất cả mọi thứ, bất kỳ món gì. Nếu quý vị tham lạm sự hiện hữu ấy mà không tự làm chủ lấy mình được thì quý vị sẽ bị lậu hoặc bất kỳ lúc nào mình có quá nhiều thứ. Lớn nhất trong ba món lậu này là vô minh lậu. Vô minh lậu là gốc rễ của phiền não. Trong ba thứ lậu đó, nếu vô minh lậu được tiêu trừ thì hai lậu kia cũng dứt sạch. Phật tử, nghĩa là con của Phật, đây không phải là La-hầu-la, con trai của Đức Phật. Thuật ngữ này đề cập đến các vị đại tỷ-khưu, đại a-la-hán đã nói ở trước. Kinh Phạm Võng có nói:
Chúng sinh thọ Phật giới
Tức nhập chư Phật vị
Vị đồng đại giác dĩ
Chân thị chư Phật tử.

Nghĩa là:
Khi chúng sinh đã thọ nhận giới luật Phật chế rồi, tức là có được những phẩm chất cần thiết để bước lên quả vị Phật. Khi đã đồng một quả vị với các bậc đại giác rồi, thì đó mới chân thực là Phật tử.

Kinh Pháp Hoa nói:
Tùng Phật khẩu xuất, tùng pháp hóa sinh
Đắc Phật pháp phần, giai kham tác Phật.

Nghĩa là:
Từ giáo pháp của Phật mà ra đời; từ pháp mà hóa sinh, đạt được sự giác ngộ từ Phật pháp, nên đều có thể thành Phật.

Quý vị sẽ hỏi: "Thế nào là hóa sinh từ miệng của Đức Phật?" Đó là kết quả nhờ Đức Phật giáo hóa, nên được giác ngộ nên như được gọi là sinh ra từ Phật pháp. Chẳng hạn ngày quý vị quy y Tam bảo là ngày sinh thứ hai của quý vị, là ngày khởi đầu của một cuộc sống mới. Những người đã quy y Tam bảo đều là đệ tử của Phật, đều được gọi là Phật tử. Trú trì là an trú trong Phật pháp.

Trì là gìn giữ, là y cứ vào Phật pháp mà tu hành. Đặc biệt trong kinh Thủ-lăng-nghiêm, trú trì có nghĩa là an trụ trong Như Lai tạng tánh và giữ được Đại định cứu cánh kiên cố. Chúng ta phải nên hộ trì cho đại định được kiên cố, không để tán thất. Trong chùa, vị phương trượng còn được gọi là Trú trì. Trú trì là một chức vụ đứng đầu một ngôi chùa, nghĩa đơn giản là người đang an trú và giữ gìn giáo pháp của Phật, vì nhiệm vụ của vị trú trì là làm cho Phật pháp được lưu truyền rộng rãi từ nơi này đến nơi khác không dứt đoạn, làm cho huệ mạng của Đức Phật được diên trường, giống như các vị đại a-la-hán trong pháp hội Thủ-lăng-nghiêm vậy. Các vị đại a-la-hán khéo vượt qua các cõi, đó là 25 cõi hữu trong tam giới. Thường ở nơi các cõi nước. Họ có thể ở khắp mọi nơi, trong cả mười phương, không chỉ ở cõi Ta-bà, vì họ là những vị a la-hán, có năng lực thần thông biến hóa, nên họ có thể bay trên không hay đi đứng tự tại như ý muốn.

Có người hỏi: "Nếu họ có thể đi khắp mọi nơi tại sao tôi không bao giờ thấy họ ở nước Mỹ?" Dù họ có đến nước Mỹ, quý vị cũng không thể nào thấy hay biết được, vì lúc Đức Phật còn tại thế, quý vị chưa được sinh ra đời. Họ thường được thành tựu các uy nghi.

Dáng vẻ tôn nghiêm đáng kính sợ gọi là oai. Phong cách mẫu mực, mọi người đều quý trọng, muốn noi theo gọi là nghi. Họ là những người đáng tôn kính vì họ hoàn toàn khác biệt với kẻ phàm phu về mọi mặt, mọi người khi gặp họ đều kính trọng. "Ồ! Vị này là bậc chí thiện, xứng đáng được kính trọng và tán thán."

Các vị đại tỷ-khưu ấy dù có đi đâu, họ đều không nhìn một cách tò mò vào mọi sự việc, không liếc nhìn chung quanh như dự tính ăn cắp một vật gì. Mắt họ thường nhìn ngay sống mũi, nhìn thẳng xuống miệng rồi khéo quan sát tâm mình, khi đi, họ nhìn không quá ba feet về phía trước. Với phong thái ấy, họ có thể tự hồi quang phản chiếu. Do họ giữ oai nghi như thế, họ không bao giờ phóng túng, đùa cợt, cười giỡn. Họ đạt được vẹn phần trang nghiêm, nên gọi là thành tựu các oai nghi.

Kinh văn: **從佛轉輪,妙堪遺囑。嚴淨毘尼弘範三界。應身無量,度脫眾生。拔濟未來,越諸塵累。**

Phiên âm: Tòng Phật chuyển luân, diệu kham di chúc. Nghiêm tịnh tì-ni, hoằng phạm tam giới. Ứng thân vô lượng độ thoát chúng sanh. Bạt tế vị lai, việt chư trần lụy.

Việt dịch: Theo Đức Phật chuyển pháp luân, khéo kham nhận lời di chúc của Đức Phật. Giữ giới luật tinh nghiêm, làm bậc mô phạm trong ba cõi. Ứng thân vô số lượng để độ thoát chúng sinh trong đời vị lai, cứu giúp họ vượt khỏi các ràng buộc nơi cõi trần.

Giảng: Các câu này tán thán các vị đại a-la-hán có được đầy đủ bốn đức tánh tốt đẹp. Câu đầu tiên là tán thán đức tánh trí tuệ của các a-la-hán, câu thứ hai là khen ngợi đức hành trì giới luật, câu thứ ba tán thán đức Từ và các câu cuối cùng khen ngợi đức bi (karuṇā) của các a-la-hán. Theo Đức Phật chuyển pháp luân. Các vị a-la-hán thường thân cận với Đức Phật, không phải là họ chỉ làm thị giả cho Đức Phật, lấy khăn hoặc mang trà để báo đáp ân của Đức Phật mà họ còn giúp Đức Phật hoằng dương Phật pháp, gọi là chuyển pháp luân. Đây không có nghĩa là chuyển pháp luân trong lục đạo mà là chuyển bánh xe đại pháp. Quý vị sẽ hỏi: "Sao gọi là pháp luân?"

Vì bánh xe ấy có thể nghiền nát các vật. Cối xay có thể nghiền nát gạo và ngũ cốc. Pháp luân có thể nghiền nát cả bàng môn tả đạo và đập tan, phá hủy mọi tà kiến. Bánh xe cũng có công năng vận chuyển, như tàu thuyền chuyên chở hàng hóa từ Úc châu sang Mỹ châu. Cũng vậy, pháp luân có thể chuyển hóa con người từ biển sinh tử đến bờ giải thoát, niết-bàn. Thuyết pháp cũng giống như con thuyền đưa con người từ nơi này đến nơi khác vậy. Khéo kham nhận lời di chúc của Đức Phật. Họ đều chứng được cảnh giới bất khả tư nghì nên đều có thể khéo léo nhận lãnh lời phó chúc của chư Phật. Kham nhận là nhờ cảnh giới bất khả tư nghì đã chứng được mà quý vị có khả năng và trách nhiệm

nhận lãnh lời di chúc của Đức Phật. Đó là lời chỉ dạy cho các đệ tử những việc phải làm sau khi Đức Phật nhập niết-bàn. Cũng giống như trong một gia đình thường dân, khi người cha sắp chết, họ dặn lại các con trai, con gái những việc phải làm trong tương lai, những việc gì phải nên canh tác và buôn bán.

Đức Phật cũng dặn dò các đệ tử rằng: “Các con nên làm như thế, nên đi đến nơi đó để chuyển pháp luân và giáo hóa toàn thể chúng sinh.” Đó được gọi là di chúc. Các vị đại tỷ-khưu xứng đáng nhận lãnh những lời di chúc ấy vì tất cả các vị đều có một trí tuệ bất khả tư nghì để có thể chuyển pháp luân làm lợi lạc cho chính họ và cho mọi người. Câu kinh này tán thán trí tuệ đã giúp cho họ giáo hóa được chúng sinh và đồng thời cũng giúp cho mình đạt được trí tuệ. Câu kinh này khen ngợi đức tánh trí tuệ của hàng a-la-hán. Giữ gìn giới luật tinh nghiêm để làm mô phạm trong ba cõi.

Nghiêm nghĩa là phong cách rất nghiêm túc, chính xác, chân thực và không có một chút nào bừa bãi. Có nghĩa là các vị ấy rất đáng kính trọng và mến phục. Họ rất nghiêm trang, nên khi quý vị gặp các vị ấy, quý vị không dám làm điều thất thố hoặc không vâng phục. Quý vị cũng không dám liếc nhìn chung quanh, vì các vị đại a-la-hán rất nghiêm trang. Vì sao quý vị luôn luôn cười đùa? Vì tôi là sư phụ quý vị mà tôi không nghiêm. Do vậy nên khi sư phụ nói thì quý vị cười giỡn, khi gặp một vị sư phụ nghiêm khắc thì quý vị chẳng dám cười giỡn. Các vị đại a-la-hán đều rất sáng suốt và thanh tịnh, vì họ đã dứt trừ ác nghiệp và các tập khí xấu.

Tịnh có nghĩa là các vị đã chuyển hóa sạch sẽ các kiến hoặc, tư hoặc và trần sa hoặc. Có nghĩa là các vị không còn vô minh nữa. Thanh tịnh trong sáng, không còn bợn dơ, các vị đã lìa hoàn toàn các tập khí xấu ác.

Quý vị sẽ hỏi: “Làm sao có thể xa lìa các tập khí xấu ác, đoạn trừ hết thảy các việc ác?” Tuy vậy, sự tinh nghiêm đề cập ở kinh này là thoát khỏi ngay cả ý niệm đoạn trừ tất cả việc ác. Nếu quý vị còn nghĩ đến việc đoạn trừ việc ác thì quý vị vẫn chưa được gọi là thanh tịnh. Nếu quý vị còn phải nhớ vào lúc đó, lúc kia, mình phải đoạn trừ chừng đó việc ác này; rồi vào lúc đó, lúc kia mình phải đoạn trừ việc ác kia. Vì sao? vì trong tâm của quý vị vẫn còn những tạp niệm. Nếu tâm quý vị thanh tịnh, thì những tạp niệm ấy phải vắng bặt. Khi những tạp niệm ấy không còn hiện hữu. Đó được gọi là thanh tịnh.

Giới luật, tiếng Phạn là vinaya – phiên âm là tỳ-nại-da hoặc là tỳ-ni, có nghĩa là thiện điều phục. Giới luật có năng lực uốn dẹp các lỗi lầm của quý vị. Nghiêm tinh giới luật có nghĩa là các vị đại a-la-hán, thông qua sự hành trì thực sự, đã thành tựu được giới pháp cao tột, có công năng điều phục các lỗi lầm. Làm bậc mô phạm trong ba cõi là tiêu chuẩn không có gì sánh bằng trong tam giới: dục

giới, sắc giới và vô sắc giới. Họ là bậc đạo sư của trời và người. Thế nên câu kinh này là tán thán công đức trì giới của hàng a-la-hán. Ứng thân vô số lượng để độ thoát chúng sinh. Ứng thân còn được gọi là hóa thân. Thông thường, các đại a-la-hán không có ứng thân, nhưng họ tạo ra bằng cách biến hóa thành vô số lượng thân.

Họ có thể hóa thành cả ngàn thân, lần khác có thể biến thành năm ngàn thân, mười ngàn thân một trăm ngàn thân, một triệu, một tỷ thân. Các ngài tạo ra ứng thân để làm gì? Phải chăng làm như thế là để các vị đại a-la-hán có thể đi khắp nơi thi triển thần thông khiến cho mọi người đều biết các vị có thần thông hay sao? Không, các vị đại a-la-hán tạo ra ứng thân là để giáo hóa chúng sinh, để giúp những người cần được độ thoát đến nơi giác ngộ. Khi có những chúng sinh cần được Đức Phật độ thoát, các vị a-la-hán liền hiện thân Phật để cứu giúp cho họ. Khi chúng sinh muốn được các vị Bích-chi Phật độ thoát, thì các vị đại a-la-hán liền hiện thân Bích-chi Phật để cứu độ họ. Hoặc cần hiện thân Phạm vương, Đế thích, tỷ-khưu, tỷ-khưu ni, các vị liền có các ứng thân tùy nguyện để độ thoát chúng sinh. Như Quán Thế Âm Bồ-tát là vị bồ-tát có lòng từ rất lớn đối với các chúng sinh cùng có nghiệp cảm với bồ-tát và lòng đại bi với những chúng sinh có đồng thể đại bi với Ngài. Các vị đại a-la-hán hiện vô số ứng thân để giúp cho chúng sinh xa lìa các khổ đau và đạt được an lạc. Các vị khuyến khích chúng sinh an trụ trong phước lạc mà họ đã chứng nghiệm được. Lòng từ có khả năng mang đến niềm vui cho muôn loài. Các vị đại a-la-hán là những người có lòng đại từ đại bi rất lớn.

Trong đời vị lai, cứu giúp họ vượt thoát mọi ràng buộc ở cõi trần. Ví như có người đang bị lún cả hai chân dưới bùn, khi ấy, họ kéo một chân lên thì chân kia bị lún sâu hơn cho đến cuối cùng, họ không thể nào nhấc được một bước chân nào. Hoặc như có người bị vây hãm trong vùng nước ngập lụt, không thể nào ra khỏi cho đến khi quý vị đến và giải cứu họ. Do vì những vị a-la-hán này kéo họ ra và cứu thoát "những chúng sinh trong đời vị lai." Chúng ta bây giờ đều có hy vọng được cứu thoát, vì chúng ta là những chúng sinh trong đời vị lai. Nếu quý vị chỉ cần tin vào giáo pháp do các vị a-la-hán giảng dạy, thì quý vị sẽ được độ thoát. Tại sao bây giờ quý vị không biết bay? Tại sao quý vị không đi được trong không trung?

Do vì bụi trần còn bám vào quý vị. Nó đeo bám vào quý vị vào cõi này, làm cho thân quý vị nặng nề. Đó là nói về lực hấp dẫn vạn vật của trái đất. Nếu quý vị không bị bụi trần bám vào, thì lực hút của quả đất không còn tác dụng đến quý vị, và quý vị có thể đạt được sự tự tại. Vì có quá nhiều khách trần lôi kéo và bám vào áo quần khiến quý vị khó có thể bay được. Tuy vậy, các vị đại a-la-

hán còn nghĩ cách khuyến khích chúng sinh vượt thoát mọi thứ bụi trần, để bụi trần không còn bám vào họ được nữa, thế nên lực hút của quả đất không còn trì giữ họ được nữa. Khi đã được tự do, họ sẽ nhấc bổng lên trời như quả bóng bay, quý vị có thể đi đâu tùy ý – lên cung trăng, đến các vì sao, và du hành khắp các lục địa, chẳng cần phải mua vé máy bay. Nếu quý vị đạt được trình độ như thế, được gọi là "vượt thoát mọi ràng buộc ở cõi trần." Câu kinh trước xưng tán đức từ mang lại niềm vui cho chúng sinh của các vị đại a-la-hán. Câu sau tán thán đức đại bi của hàng đại a-la-hán, thường cứu thoát chúng sinh khỏi mọi khổ đau.

Kinh văn: **其名曰大智舍利弗,摩訶目乾連,摩訶拘絺羅,富樓那彌多羅尼子,須菩提,優波尼沙陀等而為上首.**

Phiên âm: Kì danh viết Đại trí Xá-lợi-phất, Ma-ha Mục-kiền-liên, Ma-ha Câu-hi-la, Phú-lâu-na-di-đa-la-ni-tử, Tu-bồ-đề, Ưu-bà-ni-sa-đà đẳng nhi vi thượng thủ.

Việt dịch: Các vị ấy là Đại trí Xá-lợi-phất, Ma-ha Mục-kiền-liên, Ma-ha Câu-hi-la, Phú-lâu-na-di-đa-la-ni-tử, Tu-bồ-đề, Ưu-bà-ni-sa-đà làm thượng thủ.

Giảng: Tên của Xá-lợi-phất, Śāriputra có thể được dịch thành ba nghĩa: Thân tử: vì mẹ của ngài rất đẹp. Thu tử: mẹ của ngài có đôi mắt đẹp như mắt của loài chim diệc. Con của châu ngọc: vì mắt của mẹ ngài sáng long lanh như ngọc.

Xá-lợi-phất có trí tuệ lớn nhất trong số các vị Thanh văn. Thực ra, trí tuệ tuyệt luân của Xá-lợi-phất đã hiển lộ rõ trước khi sinh ra. Ma-ha Câu-hi-la là cậu của Xá-lợi-phất, thường tranh luận với chị là Sa-ri-ca (Śārika) – mẹ của Xá-lợi-phất. Ma-ha Câu-hi-la thường không bao giờ gặp khó khăn để thu phục chị mình cho đến khi bà ta mang thai Xá-lợi-phất. Lúc đó, bà ta thường thắng em mình vào mọi lúc tranh luận. Nhận ra chị mình mới có khả năng kỳ diệu trong khi tranh luận chắc hẳn phải nhờ đứa bé đang nằm trong bào thai của chị ấy. Ma-ha Câu-hi-la liền tự mình đến các trường để học các pháp của tất cả các vị luận sư ngoại đạo, chuẩn bị cho ngày ông ta sẽ gặp người cháu được sinh ra để tranh luận.

Ông ta đã bỏ ra nhiều thời gian ở Nam Ấn Độ để theo đuổi việc học và khi ông ta trở lại để tìm kiếm người cháu, mới biết cháu mình là Đại trí Xá-lợi-phất, đã xuất gia theo học với Đức Phật, đã hàng phục nhiều luận sư khắp năm miền ấn Độ. Khi tranh luận, Xá-lợi-phất chỉ vừa mới 8 tuổi. Ma-ha Câu-hi-la bất bình khi biết cháu mình là đệ tử của Đức Phật, bởi vì ông ta đã thường hy vọng rằng

sau những năm học tập và với tài năng tranh luận vô địch của mình thì ông ta sẽ giành được sự kính trọng và trung thành của Xá-lợi-phất. Ông ta quyết định sẽ đến thách thức tranh luận cùng với Đức Phật. Nghĩ rằng nếu mình thắng thì Đức Phật sẽ giao Xá-lợi-phất lại cho mình. Để biểu hiện sự tự tin của mình, ông ta chẳng ngượng ngùng tuyên bố thêm rằng ông ta sẽ cắt đứt đầu mình dâng lên Đức Phật nếu ông ta thua trong cuộc tranh luận.

Vậy mà khi đến trước Đức Phật, sự tự tin của ông ta bị lay động và ông ta lo lắng đến cực điểm. Ông lo âu tìm kiếm nguyên lý trong giáo pháp của mình những luận thuyết để lập nên căn cứ cho cuộc tranh luận rất quan trọng này. Cuối cùng, Đức Phật bảo: "Ông hãy nói đi, hãy lập luận thuyết của ông rồi tôi sẽ xem xét lời thỉnh cầu của ông."

"Cơ bản là tôi không chấp nhận một đạo lý nào cả."
Cuối cùng, Câu-hi-la nói với một chút lòng háo thắng, nghĩ rằng lời nói này sẽ làm cho Đức Phật không có lời nào đáp trả lại.

"Ồ !" Đức Phật đáp lại không chút do dự "Thế ông có chấp nhận lời ông nói hay không?" Cậu của Xá-lợi-phất bối rối, suy nghĩ: "Nếu ta trả lời ta không chấp nhận là ta sẽ phá hủy căn cứ luận thuyết của mình, thế là ta sẽ bị thua cuộc. Còn nếu ta chấp nhận thì sự chấp nhận ấy sẽ phản lại trực tiếp với cơ bản luận thuyết của mình." Bị đứng trước sự lựa chọn hai đầu đều kẹt, Câu-hi-la do dự trong một phần giây rồi chẳng nói một lời, ông ta quay gót chân rồi chạy rất nhanh ra khỏi phòng, rời khỏi đạo tràng của Đức Phật, ra khỏi khu vườn, chạy ra đường, xa đến vài dặm vẫn không dừng lại.

Cuối cùng, ông ta lấy lại được chút tự chủ, nhớ lại mình là người biết tôn trọng lời hứa, thấy rằng mình phải trở lại nơi Đức Phật để dâng đầu. Khi ông ta đến trước Đức Phật, hỏi mượn con dao. Lúc ấy Đức Phật mới giải thích rằng trong Phật pháp, không ai xử sự như vậy cả. Rồi Đức Phật giảng pháp cho Câu-hi-la nghe và giúp cho ông ta mở được con mắt pháp. Một khi huệ nhãn đã được khai mở, ông ta mới thấy rõ sự ngụy biện trong luận thuyết của ngoại đạo mà ông ta đã học rất nghiêm túc. Ông ta xin được theo Phật xuất gia. Ma-ha Câu-hi-la Hán dịch là đại tất, có nghĩa là đầu gối lớn (tức là Trường trảo Phạm chí). Có nơi nói rằng tổ tiên của Câu-hi-la có xương bánh chè lớn, có nơi cho rằng chỉ riêng Câu-hi-la là có đầu gối lớn. Nói chung, xương bánh chè lớn là một đặc điểm di truyền. Ma-ha Câu-hi-la là người luận nghị giỏi nhất trong số đệ tử của Đức Phật.

Ma-ha Mục-kiền-liên (Mahā Maudgalyayana) nghĩa là:
Ma-ha là đại, có nghĩa là lớn.
Mục-kiền-liên, Hán dịch là Thái thúc thị, đó là họ. Xưa tổ tiên của Ngài vào

trong núi tu đạo, chuyên hái rau để ăn nên có họ như vậy. Còn tên ông vốn có nghĩa là Câu-luật-đà, nghĩa là cây không có đốt. Do vì cha mẹ ngài tuổi đã lớn mà chưa có con, mới đến cầu đảo ở thần cây, sau mới sinh hạ được ông. Nên đặt tên là Câu-luật-đà. Mục-kiền-liên là người có thần thông đệ nhất trong số các đệ tử của Đức Phật. Phú-lâu-na là tiếng Phạn, Hán dịch là Mãn từ tử, có nghĩa là: "con của người có lòng từ rộng khắp." "Purna" – Hán dịch là "Mãn" nghĩa là rộng khắp. Do tên của thân phụ ngài có nghĩa là "lời nguyện rộng lớn." Tên mẹ của ngài là Maitreyani, dịch là "Từ" nghĩa là "Người phụ nữ có lòng từ." Putra, có nghĩa là người con. Hán dịch là tử.

Phú-lâu-na là người thuyết pháp bậc nhất. Không ai có thể giảng kinh một cách vi tế và sâu sắc như Phú-lâu-na. Khi Phú-lâu-na giảng kinh, các thiên nữ rải hoa và hoa sen vàng trồi lên khỏi mặt đất. Bất kỳ ai muốn có được khả năng giảng pháp thông thạo nên niệm danh hiệu: Nam mô Trưởng lão Phú-lâu-na nhiều lần, Ngài Phú-lâu-na sẽ dùng trí tuệ và biện tài giúp cho quý vị giảng pháp lưu loát đến mức quý vị có thể chuyển hóa được chúng sinh. Lời giảng tác động đến họ như thế nào? Họ không bị buồn ngủ khi nghe pháp. Khi Phú-lâu-na giảng kinh không ai muốn ngủ cả. Ngài diễn tả chi tiết tính chất của các Pháp rất sinh động nên Ngài được gọi là vô ngại biện tài. Tu-bồ-đề là tên của một vị đại đệ tử khác, là người thông hiểu tánh không sâu sắc nhất. Tên ngài có ba nghĩa: Không sinh, Thiện hiện và Thiện kiết. Khi Tu-bồ-đề sinh ra thì tất cả tài sản trong nhà cũng như vàng bạc ngọc quý đều biến mất, kho tàng trống trơn. Không ai biết được những thứ ấy đi đâu. Nhưng do sự biến mất của cải trùng hợp với sự ra đời của ông, nên được đặt tên là Không sinh.

Bảy ngày sau khi sinh ra, tất cả kho tàng tài sản châu báu xuất hiện trở lại, nên đứa bé được đặt tên lại là Thiện hiện. Cha mẹ ngài muốn biết sự ra đời của con mình là tốt hay xấu, mới tìm đến một vị chiêm tinh để đoán xem. Bất kỳ lúc nào người ta gặp phải vấn đề gì, họ đều tìm đến tham khảo ở kinh Dịch. Nhưng ở Ấn Độ thì tìm đến một cuốn sách gọi là Cố Sự – Ancient Matters. Khi cha mẹ Tu-bồ-đề xin các vị chiêm tinh đoán giúp cho sư ra đời của con mình là tốt hay xấu, các quẻ hiện ra cho biết vừa tốt lành vừa may mắn, nên Ngài được đặt tên là Thiện kiết. Tu-bồ-đề là người hiểu sâu sắc nhất về không. Nên trong kinh Kim Cương (Vajra Sutra), Ngài Tu-bồ-đề là đại diện cho đương cơ trong pháp hội, có nghĩa Ngài là người thay mặt cho đại chúng đứng ra thưa thỉnh Đức Phật giảng giải về giáo lý Bát-nhã. Ưu-ba-ni-sa-đà (Upanishad) là tiếng Phạn, nghĩa là Trần tánh. Do Ưu-ba-ni-sa-đà ngộ đạo khi nhận ra bản chất của các trần cảnh, bổn lai vốn là không, xưa nay vốn là vô thường. Cùng các vị khác có nghĩa là không chỉ có sáu vị tỷ-khưu này trong chúng hội. Có ít nhất là một ngàn hai trăm năm mươi vị đệ tử trong chúng hội. Nhưng sáu vị này là các vị

thượng thủ, ngồi ở vị trí cao nhất, nên các vị được nêu lên để đại biểu cho các vị đại a-la-hán và hàng đại tỷ-khưu.

Kinh văn: **復有無量辟支,無學,并其初心,同來佛所。屬諸比丘休夏自恣。**

Phiên âm: Phục hữu vô lượng bích chi, vô học, tinh kì sơ tâm, đồng lai Phật sở. Thuộc chư tỉ-khưu hưu hạ tự tứ.

Việt dịch: Lại có vô lượng các bậc Bích chi, các bậc vô học và hàng sơ phát tâm cùng đến chỗ Phật. Nhằm lúc các tỷ-khưu làm lễ tự tứ mãn hạ.

Giảng:
Lại có vô lượng các bậc Bích-chi là những vị Độc giác Phật, thuộc về Duyên giác thừa. Độc giác thừa và Thanh văn thừa thường được gọi chung là Nhị thừa, họ đạt đến quả vị vô học, do đã chứng được quả vị thứ tư của hàng a-la-hán. Bích-chi Phật có thể dịch là Độc giác, là người tự mình tu tập giác ngộ vào thời không có Đức Phật tại thế. Nhưng cũng để chỉ cho các vị Duyên giác, tu tập giác ngộ khi Đức Phật tại thế. Những vị Duyên giác theo Đức Phật tu hành pháp mười hai nhân duyên mà ngộ đạo. Đó là:
Vô minh duyên hành
Hành duyên thức
Thức duyên danh sắc
Danh sắc duyên lục nhập
Lục nhập duyên xúc
Xúc duyên thọ
Thọ duyên ái
Ái duyên thủ
Thủ duyên hữu
Hữu duyên sinh
Sinh duyên lão tử.

Khi vô minh diệt thì hành diệt.
Hành diệt thì thức diệt,
thức diệt thì danh sắc diệt,
danh sắc diệt thì lục nhập diệt,
lục nhập diệt thì xúc diệt,
xúc diệt thì thọ diệt,
thọ diệt thì ái diệt,
ái diệt thì thủ diệt,
thủ diệt thì hữu diệt.

hữu diệt thì sinh diệt,
sinh diệt thì lão tử diệt.
Đó là chiều hoàn diệt của mười hai nhân duyên.

Một vị Bích-chi Phật sống vào thời Đức Phật tại thế thì được gọi là Duyên giác. Tuy thế, trong pháp hội Thủ-lăng-nghiêm, những vị tu tập theo pháp ấy được gọi là Độc giác. Sao vậy? Vì có những vị Thánh đã tu đạo trong núi sâu trước khi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni chứng đạo. Khi không có Đức Phật xuất hiện ở đời, họ nhìn hoa trắng nở vào mùa xuân, vào mùa thu họ nhìn lá vàng rơi, họ quán sát vô số hiện tượng sinh diệt trong chính tự thân của nó và qua đó họ ngộ đạo. Nhưng sau khi Đức Phật Đức Phật Thích-ca Mâu-ni thành đạo, họ rời bỏ những hang động, những mỏm đá sâu trong núi, những thung lũng cô tịch để đến trợ giúp với Đức Phật Thích-ca Mâu-ni hoằng truyền Phật pháp. Có vô số người đã trở nên thành viên của giáo đoàn rất có ảnh hưởng lúc ấy. Bên cạnh các vị Bích-chi Phật đạt đến trình độ vô học, còn có những vị Bích-chi Phật sơ phát tâm. Các vị a-la-hán và tỷ-khưu sơ phát tâm là những người chưa chín muồi đạo nghiệp. Tất cả cùng đến chỗ Phật, khi ấy nhằm ngày các tỷ-khưu mãn hạ tự tứ.

Theo đạo Phật, luật của hàng xuất gia là phải an cư trong mùa hạ, suốt 90 ngày, từ ngày 15 tháng tư đến ngày 15 tháng 7 âm lịch, các thành viên trong tăng già phải tĩnh cư ở một nơi và hạn chế việc đi lại, họ không được đi du lịch hay nghỉ hè. Có hai lý do: Một là thời tiết rất nóng, bất tiện cho việc đi lại. Điều đó đặc biệt rất hợp lý với thời tiết ở Ấn Độ. Thứ hai, côn trùng và các loài sinh vật nhỏ nhít sinh sôi nảy nở rất nhiều trên mặt đất đặc biệt là vào mùa này, nên để tránh khỏi dẫm đạp chúng chết, để nuôi dưỡng lòng từ và bảo hộ mạng sống của chúng, nên các tỷ-khưu, tỷ-khưu ni và Đức Phật tĩnh cư ở một nơi, không đi ra ngoài. “Mãn hạ” là ngày cuối cùng của thời kỳ 90 ngày trong kỳ an cư. Suốt trong ba tháng an cư, chư Tăng có thể sẽ phạm phải những quy định hoặc phạm giới luật, nên đến lúc chấm dứt kỳ an cư, hết 90 ngày, rất cần thiết phải cử hành một buổi lễ sám hối, trong đó, mọi thành viên đều hoan hỷ thành tâm tỏ bày những lỗi lầm của mình và khẩn cầu các vị khác chỉ bày lỗi lầm của mình. Nghi thức đó gọi là lễ Tự tứ (s: pravarana).

Nếu có người phạm phải lỗi lầm mà không nhận ra thì đại chúng sẽ được thỉnh cầu để chất vấn cũng như chỉ bày lỗi lầm cho những người khác và giúp cho họ nhận ra lỗi lầm sai trái của mình. Không có điều gì phải che dấu cả, mọi người đều hoan hỷ trả lời những vấn đề đại chúng cần biết và chấp nhận lỗi lầm của mình mà không tranh cãi. Lễ tự tứ được diễn ra trong không khí cởi mở và trong phong cách rất từ tốn, không một ai khởi tâm phiền não hoặc giận dữ về

lỗi lầm của mình khi được người khác chỉ bày ra. Bằng cách này chư tăng từ bỏ mọi sai lầm của mình rất dễ dàng. Hình thức sám hối giữa đại chúng này được lập ra để giúp cho chư tăng chuyển hóa lỗi lầm của mình và hướng về điều thiện. Mọi chuyện đã xảy ra trước đây được xem như là đã biến mất từ hôm qua và họ có thể tạo nên một niềm hy vọng mới cho tương lai, như thể họ mới được sinh ra từ hôm nay. Họ được khuyến khích làm những việc có lợi lạc và ngăn ngừa không nên làm những việc có hại cho thân tâm.

Kinh văn: **十方菩薩諮決心疑。欽奉慈嚴將求密義。**

Phiên âm: Thập phương bồ-tát tư quyết tâm nghi. Khâm phụng từ nghiêm tương cầu mật nghĩa.

Việt dịch: Các vị bồ-tát trong mười phương đến cầu thỉnh giải quyết tâm nghi. Đồng kính phụng đức tử nghiêm, thỉnh cầu được chỉ dạy nghĩa lý thâm mật.

Giảng:
Bên cạnh hàng Nhị thừa, Thanh văn và Duyên giác, còn có các vị Bồ-tát trong mười phương đến dự pháp hội thuyết kinh Thủ-lăng-nghiêm. Mười phương là Bắc, Nam, Đông, Tây, Đông Bắc, Đông Nam, Tây Bắc, Tây Nam, phương trên và phương dưới.

Quý vị sẽ hỏi:
"Tôi tưởng rằng chỉ có các bồ-tát đến từ tám hướng và phương trên. Nhưng cũng có bồ-tát đến từ phương dưới hay sao?" Vâng, đó là Địa Tạng Bồ-tát chẳng hạn. Ngài đặc biệt chăm sóc mọi chúng sinh ở cõi ta-bà và các cõi giới ở phương dưới. Chúng ta đã thảo luận về chữ Bồ-tát trong phần giới thiệu, nên bây giờ chỉ nói vắn tắt. Bồ-tát là tiếng Phạn–Boddhisattva. Bồ-đề (bodhi) nghĩa là giác ngộ. Tát-đoả (sattva) nghĩa là hữu tình. Bồ-đề tát-đỏa là người đã tự giác ngộ và giác ngộ cho mọi chúng sinh. Chính họ cũng là một hữu tình cũng giống như mọi chúng sinh khác, nhưng là người đã đạt được giác ngộ. Bồ-tát là người đã tự mình tu tập giác ngộ và có năng lực giác ngộ cho người khác. Họ có thể làm lợi lạc cho chính mình và lợi lạc cho mọi loài chúng sinh. Nhưng họ chưa chứng quả vị Phật nên được gọi là bồ-tát.

Quý vị sẽ hỏi:
"Có bao nhiêu vị bồ-tát từ khắp mười phương đến câu hội?"
– Vô số lượng.

“Họ câu hội đến đó để làm gì? Có phải họ đến đó để gây sự kích động? Để xem kịch hay đi dự hội chợ?”
– Không, họ đến đây vì trong tâm có một số vấn đề về giáo lý còn nghi nan, chưa thông hiểu. Họ đến cầu thỉnh Đức Phật giải quyết tâm nghi cho họ. Họ có những thắc mắc về giáo lý tu tập, họ muốn hỏi Đức Phật những điều mà họ không thể nào giải quyết được. “Đặc biệt là giáo lý nào?”
– Giáo lý có ý nghĩa vi mật nhiệm mầu, liên quan đến “mật nhân” đã nói ở đầu kinh này. Họ đều đồng kính phụng đức từ nghiêm, thỉnh cầu được chỉ dạy nghĩa lý thâm mật. Các vị bồ-tát không hiểu nổi giáo lý vi diệu thâm mật nên khi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni tuyên thuyết thần chú Thủ-lăng-nghiêm vang khắp mười phương, họ liền đến để thỉnh cầu xin được Đức Phật chỉ dạy pháp môn “mật nhân” để hiểu được diệu nghĩa.

Quý vị sẽ hỏi:
“Có phải Kinh Thủ-lăng-nghiêm đang được Đức Phật giảng nói hiện nay là kinh mà ngay cả hàng bồ-tát cũng không hiểu được?” Thực sự là hàng bồ-tát muốn được giải trừ tâm nghi, vì họ không hiểu được lý kinh này, nhưng nếu quý vị bây giờ nghe kinh mà hiểu và giác ngộ thì quý vị cũng là bồ-tát. Quý vị đừng nên tự khinh thường mình. Đừng nên nghĩ rằng:

“Làm sao tôi có thể hiểu được một giáo lý mà hàng bồ-tát không thể nào hiểu nổi. Bây giờ quý vị đang được chỉ dạy. Chúng ta có duyên với Đức Phật Thích-ca Mâu-ni và giáo pháp của Ngài nay còn lưu truyền trên thế gian, nên bây giờ chúng ta mới có dịp đến nghe và hiểu được giáo lý mà ngay cả hàng bồ-tát cũng không hiểu được. Chúng ta hiện nay đang ở trong hoàn cảnh rất thuận lợi, dù chúng ta sinh ra sau thời Đức Phật giảng kinh thuyết pháp. Ai có thể biết được đoạn đường mà các vị bồ-tát đã trải qua để đến dự pháp hội Thủ-lăng-nghiêm dài bao xa? Có lẽ chẳng phải từ phương Bắc, Nam, Đông, Tây mà từ khắp mọi nơi trên thế giới. Bây giờ chúng ta đã có được thiện căn rất lớn và duyên lành rất lớn khiến ta nghe được kinh này. Đừng sợ hãi và đừng nghĩ rằng hàng bồ-tát còn chưa hiểu nỗi kinh nên quý vị không chịu cố gắng nghiên cứu học hỏi kinh này. Đó là một suy nghĩ sai lầm.

Kinh văn: **即時如來敷座宴安,為諸會中,宣示深奥。法筵清眾得未曾有。**

Phiên âm: Tức thời Như Lai phu tòa yến an, vị chư hội trung, tuyên thị thâm áo. Pháp diên thanh chúng đắc vị tằng hữu.

Việt dịch: Khi ấy Như Lai trải tòa ngồi an nhiên, vì đại chúng tuyên bày ý nghĩa thâm áo. Chúng hội thanh tịnh, được điều chưa tưng có.

Giảng: Khi ấy là khoảng thời gian Kinh Thủ-lăng-nghiêm đã được Đức Phật giảng nói. Đó là lúc mọi nhân duyên đều đã đầy đủ, lúc mà thần chú Thủ-lăng-nghiêm sắp được tuyên thuyết. Như Lai trải tòa Như Lai là một trong mười danh hiệu của Phật đã được giảng giải từ trước. Trải tòa nghĩa là Như Lai mở tấm tọa cụ, trải ra và ngồi lên đó. Ngồi an nhiên: nghĩa là Như Lai ngồi an tĩnh bằng tư thế của người lắng mình trong thiền định, có nghĩa là ngồi trong sự tỉnh giác. An nhiên nghĩa là tự tại, thoải mái. Ngài không nhíu chặt lông mày lại, ra sức phô diễn tư thế tọa thiền, nhưng rất là thanh thản, với một nụ cười hàm tiếu trên khuôn mặt. Khiến cho ai nhìn thấy Ngài cũng đều có an lạc. Phong thái an tịnh này khiến ai nhìn thấy Ngài cũng được hài lòng, khiến cho họ muốn phát tâm tu tập theo hạnh của Ngài.

Vì đại chúng, Tại sao Đức Phật trải tòa rồi ngồi một cách an nhiên? Là vì Ngài muốn nhập vào chánh định. Trong sự an tĩnh ấy, Ngài quán sát căn tánh của mỗi chúng sinh. Trong chúng hội, có một nghìn hai trăm năm mươi vị tỷ-khưu vô số bích-chi Phật đạt đến trình độ vô học, vô số bồ-tát trong khắp mười phương; hàng trăm, hàng ngàn, hàng triệu người vây quanh Đức Phật. Mặc dù số người dự pháp hội này chưa được đông lắm, nhưng hội chúng vẫn rất lớn là vì có vô số quỷ thần, ở bên ngoài đang lắng nghe pháp và vô số thiện thần đang đứng bên ngoài để hộ trì cho pháp hội này. Nếu quý vị không tin, hãy nhìn xem, quý vị không thể nào đếm hết được. Tuyên bày ý nghĩa thâm áo. "Tuyên bày" nghĩa là giảng giải và chỉ dạy rõ ràng "thâm" nghĩa là "mật nhân" sâu mầu. "áo" nghĩa là vi diệu, liên quan đến "liễu nghĩa," nghĩa là rốt ráo.

Đức Phật giảng dạy Pháp môn mật nhơn liễu nghĩa. Nếu Đức Phật không giảng dạy về mật nhơn, quý vị chẳng có cách nào để hiểu được cả. Áo diệu là do quý vị không hiểu được nó. Những gì quý vị hiểu rồi thì sẽ xem nó rất bình thường Nhưng nếu quý vị thấy được điều gì mà trước đây chưa từng trải qua thì quý vị sẽ muốn được thử nghiệm bất luận như thế nào. Chư Bồ-tát muốn hiểu đuợc giáo lý đó một cách trọn vẹn và Đức Phật Thích-ca Mâu-ni biết tâm niệm của các vị Bồ-tát trong pháp hội nên tuyên bày giáo nghĩa thâm áo.

Hội chúng thanh tịnh được điều chưa từng có. Giảng pháp được ví như cho chúng sinh hưởng hương vị của Pháp. Khi quý vị hưởng được trọn vẹn hương vị Phật pháp, thì quý vị được thành Phật. Hội chúng thanh tịnh có nghĩa là không một thành viên nào tham dự trong pháp hội mà còn tạp niệm nhiễm ô. Tất cả các vị đều có thân tâm thanh tịnh, tâm họ không khởi vọng niệm bất tịnh và thường kính vâng thực hành các việc thiện. Do họ không tham dự vào những việc bất chính và không lành mạnh, nên họ được gọi là "hội chúng thanh tịnh." Đây là lần đầu tiên họ nghe được Phật pháp vi diệu, nên họ đạt

được những điều trước nay chưa từng có (vị tằng hữu). "Vị tằng hữu" cũng là một trong mười hai thể loại của khế kinh.

Kinh văn: **迦陵仙音遍十方界。恒沙菩薩來聚道場。文殊師利而為上首。**

Phiên âm: Ca-lăng tiên âm biến thập phương giới. Hằng sa Bồ-tát lai tụ đạo tràng. Văn-thù sư-lợi nhi vì thượng thủ.

Việt dịch: Như tiếng chim ca-lăng-tần-già vang khắp mười phương cõi nước. Các vị bồ-tát nhiều như số cát sông Hằng cùng đến đạo tràng, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi làm thượng thủ.

Giảng:
Ca-lăng-tần-già (Kalavinka) là tiếng Phạn, nghĩa là "âm thanh vi diệu." Đó là tên của một loài chim, tiếng hót của nó nghe vang rất xa, ngay cả khi nó còn đang ở trong trứng. Một khi chim con được ra đời rồi, tiếng hót của nó càng trong lành hơn, tiếng hót của nó khiến người nghe rất hoan hỷ. Điều muốn nói đến ở đây không phải là về tiếng chim mà về tiếng giảng Pháp của Đức Phật, cũng trong lành, vi diệu và vang rất xa như tiếng hót của chim ca-lăng-tần-già. Đức Phật được gọi là "Tiên" (người bất tử) vì trong quá khứ, Đức Phật tu hành như một "nhẫn nhục tiên nhân", nên khi Đức Phật chứng đạo. Ngài còn có tên là Đại giác Kim tiên. Âm thanh của Đức Phật vang khắp mười phương, mọi nơi đều nghe đuợc. Ví dụ khi Đức Phật giảng pháp ở Ấn Độ mà chúng ta ở Mỹ đều có thể nghe được. Nhưng chúng ta phải có thiện duyên, nếu không có đủ duyên lành, chúng ta không thể nào nghe đuợc. Nếu có đủ nhân duyên, chúng ta có thể nghe được còn rõ hơn cả radio và âm thanh truyền nhanh hơn cả điện tín.

Một hôm ngài Mục-kiền-liên, đệ tử của Đức Phật nổi tiếng thần thông đệ nhất, muốn biết pháp âm của Phật vang xa đến những nơi đâu. Nên Ngài vận thần thông đi qua cùng tận các cõi nước ở phương Đông, qua cả trăm ngàn triệu quốc độ không thế tính đếm được. Nhưng khi Ngài đến một nơi cách xa vô cùng Ngài vẫn nghe lời giảng của Đức Phật như ngay ở bên tai vậy. Âm thanh đó vẫn rất rõ ràng. Cư dân ở cõi nước phía Đông xa tít ấy có thân thể rất lớn. Người thấp bé nhất ở đó cũng cao vào khoảng ba mươi đến bốn mươi feet. Ngài Mục-kiền-liên đến đó vào lúc họ đang ăn trưa, cái bát của họ dùng để ăn lớn bằng ngôi nhà của chúng ta. Số lượng thực phẩm họ dùng vượt quá xa những gì chúng ta tiêu thụ hằng ngày. Ngài Mục-kiền-liên đáp xuống trên miệng của chiếc bình bát, đứng nhìn người khổng lồ ăn trưa. Cuối cùng, người

khổng lồ thấy được Ngài và la lên: “Ồ, loài côn trùng có đầu người từ đâu đến vậy kìa?”

Nhưng Đức Phật đang giáo hóa cõi nước này bảo:
“Các ông không nên nói vậy. Đó là Mục-kiền-liên, từ cõi Ta-bà đến. Ngài là đệ tử có thần thông đệ nhất của Đức Phật Thích-ca. Đừng chế giễu và gọi Ngài là “loài côn trùng có đầu người.” Phật tử ở cõi nước ấy rất ngạc nhiên khi thấy đệ tử của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni có hình dáng nhỏ như loài côn trùng. Các vị bồ-tát nhiều như số cát sông Hằng cùng đến đạo tràng. Sông Hằng ở Ấn Độ rộng chừng mười lăm dặm, cát ở bờ sông ấy mịn như bột mì, nên cát sông Hằng thường được lấy làm ví dụ cho số đông bồ-tát không thể tính đếm được đến dự pháp hội Thủ-lăng-nghiêm này. Đạo tràng trong tiếng Phạn có nghĩa là nơi chốn để tu tập giác ngộ. Các vị bồ-tát đến để hộ trì cho pháp hội thuyết kinh Thủ-lăng-nghiêm. Đạo tràng cũng có nghĩa là đạo tràng hiện thời nơi tôi đang giảng kinh Thủ-lăng-nghiêm. Các vị bồ-tát thượng thủ trong đạo tràng cũng đến dự. Quý vị không nên nhìn thoáng qua đạo tràng này, rồi cho rằng căn phòng quá nhỏ. ở đây có rất nhiều vị đại bồ-tát đang nghe kinh, hộ trì cho đạo tràng và khiến cho họ được tăng tiến lợi lạc hàng ngày.

Quý vị có muốn gặp họ không?
Tôi sẽ báo cho quý vị biết đạo tràng ấy có Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi làm thượng thủ. Văn-thù-sư-lợi là vị bồ-tát có đạo hạnh cũng như công phu tu tập thâm sâu nhất. Ở Trung Hoa, đạo tràng của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi là ở Ngũ đài sơn. Ngài thường được gọi là Đại Trí Văn-thù-sư-lợi vì trí tuệ của ngài siêu tuyệt nhất trong hàng bồ-tát. Trong hàng a-la-hán, Xá-lợi-phất là người có trí tuệ nhất nhưng vẫn thấp hơn so với ngài Văn-thù-sư-lợi. Văn-thù-sư-lợi (Mañjuśrī) là tiếng Phạn, Hán dịch là Diệu Đức, có nghĩa là đức hạnh của Ngài rất vi tế và mầu nhiệm không thể nghĩ bàn. Ngài cũng được gọi là Diệu Cát Tường. Vì Ngài đến nơi đâu thì nơi đó đều trở nên tốt lành. Hôm nay Ngài cũng có hiện hữu nơi đạo tràng này nên nơi đây cũng rất tốt lành.

Kinh văn: **時波斯匿王,為其父王,諱日營齋,請佛宮掖。自迎如來,廣設珍羞無上妙味。兼復親延,諸大菩薩。**

Phiên âm: Thời Ba-tư-nặc vương, vị kì phụ vương, húy nhật dinh trai, thỉnh Phật cung dịch. Tự nghinh Như Lai, quảng thiết trân tu vô thượng diệu vị. Kiêm phục thân diên, chư Đại bồ-tát.

Việt dịch: Khi ấy vua Ba-tư-nặc nhân ngày giỗ của vua cha, thiết lễ trai nghi, thỉnh Đức Phật vào cung cúng dường. Vua đích thân nghinh đón

Như Lai, dâng cúng nhiều thức ăn ngon quý. Tự mình thỉnh mời các vị Đại bồ-tát.

Giảng:

Vua Ba-tư-nặc (Prasenajit), Hán dịch là Nguyệt Quang. Vua sinh cùng ngày với Đức Phật. Do khi Đức Phật đản sinh, có một đạo hào quang chiếu sáng cả thế giới. Phụ thân của Vua Ba-tư-nặc tưởng rằng ánh sáng đó là điềm lành báo hiệu cho sự ra đời của con mình, nên đặt tên hoàng nam là Nguyệt Quang – nghĩa là ánh trăng. Hoàng tử sau này kế vị vua cha trị vì một quốc gia ở Ấn Độ Nhân ngày giỗ của vua cha, ngày 15 tháng 7 âm lịch là ngày mãn kỳ an cư kiết hạ của chư tăng, những người xuất gia. Vào ngày 14, 15 và 16 tháng 7 là ngày lễ Tự-tứ, như tôi đã giải thích từ trước. Ngày 15 tháng 7 âm lịch là ngày lễ Vu-lan. Ngày đó cũng là lúc vua Ba-tư-nặc cúng giỗ kỷ niệm ngày vua cha qua đời.

Do người ta thường tránh nói về ngày chết của cha mình vì ngại chạm đến sự đau buồn. Những người con có hiếu thường rất khổ tâm khi được nhắc đến ngày cha mình qua đời, nhớ đến lòng thương yêu của cha mẹ đã dành cho mình và thấy không có cách nào báo đáp trọn vẹn ân sâu đó được nên họ hối tiếc vô hạn. Dù tránh nhắc đến ngày mất của vua cha, mọi người đều biết điều ấy nên vua Ba-tư-nặc chọn ngày rằm tháng bảy để cúng dường Tam bảo và làm những việc phước thiện. Tại sao người Phật tử cúng dường Tam bảo và làm việc phước thiện trong ngày đó? Là để cầu nguyện cho cha mẹ của mình đang chịu khổ ở địa ngục được siêu thoát và cầu nguyện cho họ được sinh về cõi giới lành Khi ngài Mục-kiền-liên vừa mới đạt được thần thông, Ngài liền tìm kiếm xem mẹ mình hiện đang ở đâu, Ngài thấy mẹ đang bị hãm trong địa ngục. Tại sao mẹ ngài Mục-kiền-liên bị đọa trong địa ngục?

Vì khi còn sống, mẹ ngài thích ăn cá biển, món bà thích nhất là trứng cá. Quý vị thử tưởng tượng có bao nhiêu sinh mạng trong bọc trứng cá? Một con số khổng lồ. Vì bà ta đã ăn vô số trứng cá, bởi đã ăn vô số sinh mạng như vậy, và vì bà ta không tin vào Tam bảo, không tin Phật, Pháp, không kính trọng Tăng, nên bà ta rơi ngay vào địa ngục sau khi bà chết. Nên ngài Mục-kiền-liên dù có đủ sáu món thần thông cũng không cứu nổi mẹ mình. Ngài Mục-kiền-liên rất đau buồn khi thấy mẹ mình phải chịu vô số cảnh khổ trong địa ngục quỷ đói. Định lực của ngài bị lay động. Thế nên ngài dùng thần thông đi đến địa ngục mang theo một bát cơm dâng cho mẹ ăn để đỡ cơn đói lòng. Khi còn sống, mẹ ngài rất keo kiết, nếu có ai xin tiền, bà thấy tim gan mình mẩy của bà đau nhức, người ta nói rằng bà ta bố thí người khác ít tiền thì bà ta đau đớn như cắt

thịt vậy. Bà ta chẳng chịu bố thí một thứ gì cả. Do kết quả của thói keo kiệt ấy, nên khi Mục-kiền-liên dâng bát cơm cho mẹ mình.

Quý vị tưởng tượng thử bà ta làm gì? Bà ta chụp lấy bát cơm bằng tay trái và tay phải che bát cơm lại. Tại sao lại che? Bà ta sợ những người chung quanh bà cướp lấy chén cơm đó đi. Nơi đó đầy những quỷ đói, nhưng bà ta tìm thấy một nơi không có ai và ba ta rón rén bốc cơm ăn. ai có thể ngờ rằng ngay khi bà đút cơm vào miệng thì cơm ấy biến thành than hồng khiến bà chẳng ăn được? Sao vậy? Loài ngạ quỷ có bụng to như cái trống và cổ họng lại nhỏ như đầu kim, thế nên nó chẳng ăn được, dù có cố gắng hết sức. Nghiệp báo của bà ta đã khiến cho thức ăn biến thành lửa. Gặp phải cảnh này ngài Mục-kiền-liên dù có thần thông cũng chịu bất lực. Ngài chẳng còn niệm được câu thần chú nào cả. Thế nên ngài trở về tìm sư phụ của mình. Ngài dùng thần thông đến trước Đức Phật, quỳ xuống và thưa: “Bạch Thế Tôn, mẹ con bị đọa vào địa ngục. Ngưỡng mong Thế tôn đem lòng từ bi cứu giúp cho mẹ con.”

Đức Phật đáp: “Mẹ ông đọa vào địa ngục vì hủy báng Tam bảo, không kính trọng Tam bảo, không tin vào Tam bảo. Việc cứu thoát mẹ ông không chỉ do một mình ông mà thành tựu được. Ông phải cầu thỉnh chư tăng khắp trong mười phương cùng chú nguyện mới mong cứu được mẹ ông. Vào ngày rằm tháng bảy ông nên sắm sửa những thực phẩm tươi ngon, tinh khiết để dâng cúng cho chư tăng. Qua đó, chư tăng trong khắp mười phương mới đem đạo nghiệp và đức hạnh của mình chú nguyện mới mong cứu độ được mẹ ông. Ngoài ra không còn cách nào hơn nữa.” Vào ngày rằm tháng bảy, Ngài Mục-kiền-liên làm theo lời Đức Phật chỉ dạy, Ngài thỉnh các vị Đại đức cao tăng khắp mười phương đến để cứu độ cho mẹ mình. Ngài sắm sửa vô số cao lương mỹ vị, những thực phẩm quý báu nhất trên thế gian để dâng cúng lên chư Phật và chư tăng. Mẹ Ngài liền được sinh lên cõi trời nhờ vào nguyện lực của chư Đại đức tăng trong khắp mười phương. Từ đó, Lễ Vu-lan-bồn được cử hành hằng năm, là ngày mà mọi người có dịp để cầu nguyện cứu độ hết thảy cha mẹ mình trong bảy đời. Vu-lan-bồn là phiên âm từ tiếng Phạn, Hán dịch là “Giải đảo huyền” nghĩa là “cứu thoát cho những tội nhân đang bị treo ngược.” Đây có nghĩa là những ngạ quỷ cực kỳ đau đớn khổ cực ở địa ngục đang bị hành hình bằng cách treo ngược người xuống. Thế nên lễ Vu-lan-bồn đặc biệt để giải cứu cho những ngạ quỷ thoát khỏi những đau khổ đói khát và giúp cho họ sanh lên cõi trời.

Ngày 15 tháng 7 là ngày Phật-đà hoan hỷ, ngày chư tăng tự tứ. Công đức cúng dường Tam bảo trong ngày rằm tháng bảy lớn hơn gấp triệu lần so với công đức cúng dường Tam bảo vào những ngày khác. Nên đó là ngày vua Ba-

tư-nặc chọn để thiết trai nghi cúng dường nhân ngày húy kỵ của cha mình. Vật phẩm cúng dường không có thịt, không dùng ngũ vị tân: hành, tỏi, ba rô, nén, hẹ, vì những thứ này làm cho con người hôn trầm và thiếu sáng suốt. Vua thỉnh Đức Phật vào cung. Tại sao buổi lễ cúng dường không được tổ chức ở đại sảnh chính? Vì sảnh đường là nơi để ban bố các mệnh lệnh, nơi các việc triều chính được ban hành, là nơi ký kết những văn kiện vì lợi ích và chính sách nhân đạo. Trong cung là nơi thích hợp và trang nghiêm hơn để thiết lễ cúng dường. Đích thân nghinh đón, dâng cúng nhiều thức ăn ngon quý.

Đức vua tự thân ra nghênh đón Như Lai. Phẩm vật cúng dường gồm các thứ cao lương mỹ vị, các vật ngon quý nhất trên đời. Bây giờ khi tôi đang giảng kinh này, miệng tôi còn tiết ra nước bọt. Sao vậy? Vì tôi nghĩ ước gì được ăn uống các món cao lương mỹ vị này mà chẳng có cách nào ăn được, nên miệng tôi tiết ra nước bọt. Tuy vậy, tôi sẽ nuốt nước bọt thay cho các món cao lương mỹ vị ấy vậy. Nếu quý vị cũng muốn tưởng tượng đến vị ngon của các vật phẩm ấy ra sao thì hãy theo phương pháp của tôi thử xem sao. Tự mình cung thỉnh các vị Đại bồ-tát Vua Ba-tư-nặc đích thân ký thiệp thỉnh hoặc tự thân ngài đến để cung thỉnh các vị Đại bồ-tát: “Chúng con xin cung thỉnh chư vị đại bồ-tát đến dự lễ cúng dường của chúng con.” Vua cung thỉnh vô số Bồ-tát nhiều như cát sông Hằng. Quý vị tưởng tượng xem vua phải sắm sửa bao nhiêu vật phẩm cho buổi lễ cúng dường này. Chắc hẳn là phải cần rất nhiều tiền, nhưng vua Ba-tư-nặc chắc là không keo kiệt như mẹ của ngài Mục-kiền-liên, nên vua đã thiết lễ cúng dường rất lớn.

Kinh văn: **城中復有長者居士同時飯僧,佇佛來應。**

Phiên âm: Thành trung phục hữu trưởng giả cư sĩ đồng thời phạn tăng, trữ Phật lai ứng.

Việt dịch: Trong thành cũng có các vị trưởng giả cư sĩ đồng thời thiết lễ trai tăng, mong được thỉnh Phật đến cúng dường.

Giảng:
Cần phải có đủ mười đức hạnh mới được gọi là Trưởng giả
Tánh quý: dòng dõi vua chúa hoặc quý tộc.
Vị cao: giữ địa vị cao trong hàng quan chức
Đại phú: rất giàu của cải vật chất.
Oai mãnh: Tác phong oai vệ lẫm liệt, phong cách dõng mãnh, khẳng khái, trọng nghĩa. Là người rất quyết đoán, không chần chừ do dự.
Trí thâm: trí tuệ thập phần cao siêu.

Niên kỳ: tuổi từ 50 – 70, tuổi cao, đức trọng.
Hạnh tịnh: Hành vi đặc biệt thanh tịnh và giữ giới luật tinh nghiêm.
Lễ bị: Rất nhã nhặn với mọi người, không bao giờ tỏ ra thô lỗ hoặc phải hạ mình. Dù phong cách là đại trượng phu, nhưng không bao giờ làm tổn thương người khác. Khi gặp nhau họ cúi mình xá chào rồi hỏi thăm sức khỏe, họ không bao giờ bộc lộ dù chỉ chút thô lỗ.
Thượng thán: được những người thuộc tầng lớp quý trọng tán thán đức hạnh.
Hạ tâm: những người dưới đều đặt hết niềm tin tưởng vào họ, đều mong muốn những điều tốt đẹp nhất đến với họ, mong muốn cho họ trở thành quan đại thần, hoặc được giàu có. Sao vậy? Vì đáp lại kẻ thuộc hạ sẽ được hưởng tài sản và địa vị từ gia chủ của mình. Kẻ trưởng giả rất hoan hỷ trong việc bố thí nên trưởng giả càng có nhiều của cải, thì thuộc hạ càng vui mừng. Với cương vị quan đại thần, mọi nỗ lực của trưởng giả là hết lòng làm vui lòng người dân và số đông dân chúng càng trông cậy vào người trưởng giả.

Cư sĩ là những người tu đạo nhưng vẫn ở tại gia đình mình. Các vị trưởng giả, cư sĩ đồng thời thiết lễ trai tăng. Các vị cư sĩ, trưởng giả đều biết công đức do việc cúng dường Tam bảo vào ngày quan trọng ấy, ngày Phật-đà hoan hỷ, ngày chư Tăng tự tứ. Có thể phẩm vật trai nghi họ sửa soạn không thể so sánh được với cao lương mỹ vị do nhà vua cúng dường, tuy nhiên, Kinh văn không đề cập đến phẩm vị của thực phẩm cúng dường của họ. Mong được thỉnh Phật đến để cúng dường. Họ đứng ngoài cửa trông chờ Đức Phật đến để họ làm lễ dâng cúng. Họ suy đoán: “Hôm nay Thế tôn sẽ đến nhà ta.” Không những chỉ có họ mới mong Đức Phật mà họ còn mong chờ các vị đại đức cao tăng đến để họ được cúng dường, vì họ rất chân thật, thành tâm nên họ vẫn đứng trong suốt thời gian chờ đợi. Ngày nay ở Thái Lan, Miến Điện và Tích Lan, những thí chủ kính cẩn hồ quỳ khi dâng cúng phẩm vật cho chư Tăng. Khi có thành viên trong tăng đoàn đến, họ đặt phẩm vật vào trong bình bát rồi cúi mình đảnh lễ cúng dường. Vị tăng thọ nhận rồi trở về tu viện để thọ trai.

Kinh văn: **佛勅文殊分領菩薩及阿羅漢應諸齋主。**

Phiên âm: Phật sắc Văn-thù phân lãnh bồ-tát cập a-la-hán ứng chư trai chủ.

Việt dịch: Đức Phật bảo ngài Văn-thù-sư-lợi phân lãnh các vị bồ-tát và a-la-hán đến nhà trai chủ dự lễ cúng dường.

Giảng:
Đức Phật bảo Ngài Văn-thù-sư-lợi, vua có thể ban hành lệnh, các Pháp vương

cũng thế, nên trong kinh văn nói rằng Đức Phật "bảo" Ngài Văn-thù-sư-lợi phân lãnh các vị bồ-tát và a-la-hán. Ngài phân phó thế nào? Ngài căn cứ vào số các vị bồ-tát ở trong chúng. Có khi họ được phân phó đi một mình (biệt thỉnh), hoặc chia thành từng nhóm hai hoặc ba người. Các Đại tỷ-khưu a-la-hán, cùng các vị bồ-tát đều được phân phó đi dự lễ cúng dường ở nhà các trai chủ. Có nghĩa là họ đi đến nhà của các vị trưởng giả và cư sĩ để dự lễ cúng dường. Mặc dù Đức Phật có hằng triệu hóa thân, Ngài không bao giờ dùng thần thông chỉ vì để đi khất thực hoặc để đi đến nhà trai chủ bằng hình tướng của hóa thân Phật. Không cần thiết phải làm theo cách đó. Nếu Đức Phật thích làm như vậy, thì năng lực thần thông sẽ rẻ hơn miếng đậu phụ nên Đức Phật bảo ngài Văn-thù-sư-lợi: "Ông nên phân lãnh các vị bồ-tát và đại a-la-hán đi đến mỗi nhà trai chủ để dự lễ cúng dường.

Kinh văn: **唯有阿難先受別請。遠遊未還,不遑僧次。既無上座及阿闍黎,途中獨歸,其日無供。**

Phiên âm: Duy hữu A-nan tiên thọ biệt thỉnh. Viễn du vị hoàn, bất hoàng tăng thứ. Kí vô thượng tọa cập a-xà-lê, đồ trung độc quy, kì nhật vô cúng.

Việt dịch: Chỉ có A-nan đã nhận lời biệt thỉnh. Đi xa chưa về, nên không kịp dự vào hàng tăng chúng. Không có các vị thượng tọa và a-xà-lê cùng đi. Hôm ấy không có người cúng dường, A-nan chỉ một mình trên đường về.

Giảng:
Chỉ có A-nan, đây là toàn bộ lý do mà A-nan gặp phải chướng ngại. A-nan chỉ có một mình, A-nan đã làm gì? Ngài đã nhận lời biệt thỉnh. Có lẽ chừng một tháng trước, có người đã thỉnh ngài: "Vào ngày tháng 15 tháng 7, con xin thỉnh Đại đức đến nhà để chúng con được dịp cúng dường." Nên A-nan đi, thực ra A-nan đã đi sớm hơn nên vào ngày rằm tháng bảy, ngày mà chư Tăng đều được mời dự lễ cúng dường trong cung, thì A-nan đã đi xa chưa về kịp. Cơ bản là chư Tăng không nên nhận lời biệt thỉnh. Chẳng hạn, nếu có mười thành viên trong Tăng chúng, mà quý vị chỉ mời một người đến nhà để cúng dường. Người được thỉnh riêng như thế không nên đi. Tại sao? Luật Phật chế là tất cả chư Tăng trong cùng đạo tràng nên cùng nhận lời thỉnh cúng dường (trong tinh thần đại chúng). Nhưng đôi khi có người thích thức ăn ngon nên làm lơ luật này và nhận lời biệt thỉnh, họ nghĩ rằng: "Việc gì tôi phải trông chừng nơi các huynh? Cốt yếu là tôi nhét được đầy bụng mình khi người ta mời tôi, đó là do phước đức của tôi." Họ chẳng cần để ý gì người khác nữa.

Thế nên có lẽ A-nan hơi thích thực phẩm ngon quý. Nay hãy thử nghĩ lại: Trong ngày tự tứ sau mùa an cư, hoàn toàn tuyệt đối không không cho phép ai được đi ra ngoài, thế mà A-nan lại nhận lời biệt thỉnh đi xa. Thế nên A-nan đã phạm luật. Có lẽ A-nan được mời dự lễ cúng dường vào ngày 14 tháng 7, thế nên A-nan đã lên đường vào ngày 13, sau khi dự lễ xong, A-nan ở lại đêm, dự tính sẽ trở về vào sớm ngày hôm sau và A-nan đã bị trễ nên không kịp dự vào hàng Tăng chúng. Ông chỉ một mình trên đường về, không có các vị thượng tọa và a-xà-lê cùng đi. Khi người xuất gia muốn đi xa, họ phải đi cùng với hai hoặc ba người. Ba người có thể gồm có một tỷ-khưu trẻ, một vị thượng tọa và một vị a-xà-lê. A-xà-lê (ācārya) là tiếng Phạn, Hán dịch quỹ phạm sư, là bậc thầy làm phép tắc, mô phạm về giới luật trong tăng chúng. Đó là bậc thầy hiểu và hành trì nghiêm túc giới luật. Có năm loại a-xà-lê:

Xuất gia a-xà-lê: Vị a-xà-lê giúp cho người khác được xuất gia và truyền thọ giới pháp (như mười giới sa di…) Truyền giới a-xà-lê: khi truyền giới, vị a-xà-lê chỉ dạy cho giới tử những điều họ cần biết những gì phải nói khi giới tử thọ nhận giới pháp. Vị a-xà-lê sẽ hỏi giới tử có phạm giới điều trong khi giới tử còn là cư sĩ không?. Yết-ma a-xà-lê: là người có thể tác pháp yết-ma để cho giới tử được sám hối các tội nghiệp trong quá khứ.

Y chỉ a-xà-lê: là người quý vị xin được thân cận để học hỏi và tu tập Phật pháp.

Giáo độc a-xà-lê: là người dạy cho quý vị học tập Kinh luận và trì chú. Một người có thể gồm đủ năm chức năng của a-xà-lê đã nêu trên. Chẳng hạn, bây giờ tôi đang giảng kinh Thủ-lăng-nghiêm và dạy cho quý vị trì tụng chú Thủ-lăng-nghiêm, như vậy quý vị gọi tôi là Giáo độc a-xà-lê. Còn quý vị về tu tập cùng với tôi nơi đạo tràng này, như vậy gọi tôi là Y chỉ a-xà-lê. Tôi cũng dạy giới luật cho quý vị, hằng ngày trước chư Phật, tôi thường truyền dạy đạo hạnh cho quý vị: “khiến cho nghiệp chướng tiêu trừ và thiện căn tăng trưởng.” Khi đó tôi là yết-ma a-xà-lê. Tôi cũng thường giảng giải và trao truyền giới luật trong Phật pháp cho quý vị, đó là Truyền giới a-xà-lê. Khi có người đến cầu xin được xuất gia, tôi tiếp độ họ, đó là xuất gia a-xà-lê. A-xà-lê là người giúp mình tu tập chứng ngộ. Ngài thường ở bên cạnh mình và khuyên can: “Đừng phạm vào các chướng nạn.” Đó là a-xà-lê, nhưng A-nan không có được một vị thượng tọa và vị a-xà-lê cùng đi với mình để “ngăn ngừa vọng niệm, xa rời tội chướng.” Thế nên A-nan liền rơi vào chướng nạn. Điều sai lầm nhất A-nan mắc phải là trở về một mình trên đường. Cơ bản người xuất gia đi đâu cũng phải nên đi hai người. Nếu đã có đủ định lực, tự mình lo liệu được mọi chuyện thì không có vấn đề gì. Nhưng nếu định lực của quý vị chưa đầy đủ, thì rất dễ vướng vào ma chướng. Dễ bị xoay chuyển bởi ngoại cảnh. Ngày nay có rất nhiều tu sĩ trẻ một

mình đi khắp nơi, đó là điều rất nguy hiểm. Chúng ta vẫn phải cảm ơn A-nan, nếu Ngài không đi một mình và không mắc phải chướng nạn, làm sao chúng ta hiểu được Kinh Thủ-lăng-nghiêm. Chúng ta sẽ không có cơ hội để tự mình hiểu được Kinh này vì Đức Phật Thích-ca sẽ không có được nhân duyên giảng kinh Thủ-lăng-nghiêm để dạy cho chúng ta phương pháp tu tập chánh định. Thế nên chính hành động của A-nan thực sự đã giúp ích cho chúng ta rất nhiều. Do A-nan hôm ấy không về kịp cùng với tăng chúng dự lễ trong cung, nên không được ai cúng dường.

Kinh văn: **即時阿難執持應器, 於所遊城, 次第循乞。**

Phiên âm: Tức thời A-nan chấp trì ứng khí, ư sở du thành, thứ đệ tuần khất.

Việt dịch: Lúc ấy A-nan mang bát, vào thành khất thực theo thứ tự từng nhà.

Giảng:
A-nan mang theo bình bát, vào thành khất thực theo thứ tự từng nhà. Bình bát, tiếng Phạn là pattra. Hán dịch ứng lượng khí, là vật đựng thức ăn, hợp với nhu cầu cần dùng vừa đủ của mỗi người. Mang bát vào thành khất thực theo thứ tự từng nhà. A-nan đi lần lượt từ nhà này đến nhà khác trong thành Thất-la-phiệt. Do vì có nhà cúng dường nhiều, có nhà cúng dường ít, nên phải đi nhiều nhà, nhưng theo luật là không được đến hơn bảy nhà. Nếu sau khi đã khất thực qua bảy nhà mà vẫn không có ai cúng dường, vị tỷ-khưu ấy phải chịu đói ngày hôm đó.

Kinh văn: **心中初求最後檀越以為齋主。無問淨穢,**剎利**尊姓,及旃陀羅,方行等慈, 不擇微賤。發意圓成一切眾生無量功德。**

Phiên âm: Tâm trung sơ cầu tối hậu đàn việt dĩ vi trai chủ. Vô vấn tịnh uế, sát-lợi tôn tánh, cập chiên-đà-la, phương hành đẳng từ, bất trạch vi tiện. Phát ý viên thành nhất thiết chúng sanh vô lượng công đức.

Việt dịch: Ban đầu, trong tâm mong được gặp người đàn việt cuối cùng để làm trai chủ, A-nan không kể sang hèn, dòng dõi sang trọng, hay chiên-đà-la thấp hèn, đều thực hành tâm từ bi bình đẳng. Mong được thành tựu viên mãn công đức vô lượng cho tất cả chúng sinh.

Giảng:
Ban đầu, trong tâm mong được gặp người đàn việt cuối cùng để làm trai chủ… Khi A-nan mang bình bát đi khất thực, tâm niệm trước tiên của ông là: "chỉ mong gặp người đàn việt rốt sau để làm trai chủ." Đàn việt, tiếng Phạn là dānapti, Hán dịch là đàn việt, do ghép lại ý nghĩa của mỗi từ. Chữ đàn xuất phát từ chữ dāna của tiếng Phạn và việt 越, tiếng Hán nghĩa là vượt qua. Nghĩa của chữ đàn việt xuất phát từ chuyển ngữ trên nghĩa là "làm việc bố thí có thể vượt thoát qua khỏi sinh tử."

Người cư sĩ cúng dường tứ sự cho người xuất gia được gọi là đàn việt (dānapati), là người "bố thí cúng dường để được vượt thoát sinh tử." Người đàn việt cuối cùng, ý của A-nan mong có người cuối cùng cúng dường cho mình vật phẩm cần thiết đủ dùng trong một ngày. A-nan không kể họ là người sang hèn, dòng dõi sát-đế-lợi sang trọng hay chiên-đà-la thấp hèn. A-nan không bận tâm đến họ là người giàu hay nghèo, sát-đế-lợi (kṣatriyas) là tầng lớp quý tộc hoặc vua chúa ở Ấn Độ. Chiên-đà-la là người bán thịt, dịch sang tiếng Trung Hoa là "đồ tể" nghĩa là "người chuyên giết súc vật để bán thịt." Vì ở Ấn Độ, việc kinh doanh bằng cách giết hại súc vật bị cấm. Nên hầu hết mọi người xem nghề hàng thịt là thấp kém, thế nên khi hàng chiên-đà-la đi trên đường, nhiều người tránh xa, không đi chung đường với họ. Hàng chiên-đà-la phải đi trên một con đường riêng biệt. Để chứng tỏ họ thấp kém hơn người thường, họ bị buộc phải đeo vào mình cái linh và cầm một lá cờ hiệu mỗi khi đi ra đường.

Đều thực hành tâm từ bi bình đẳng. Mong được thành tựu viên măn công đức vô lượng cho tất cả chúng sinh. A-nan không chủ ý chỉ đến khất thực ở những người sang giàu, cũng chẳng chuyên biệt đến khất thực ở những gia đình thấp hèn. Ngài chỉ phát khởi tâm niệm nguyện cho tất cả chúng sinh có được cơ hội gieo trồng phước đức. Khi kẻ đàn việt cúng dường bố thí, họ gieo trồng hạt giống phước đức, mong nó sẽ thành quả và chín muồi trong tương lai. Thế nên người xuất gia được gọi là "phước điền tăng." Người có được nhiều phước báo là người toại tâm mãn ý. Còn nếu khi quý vị cảm thấy phước báo của mình còn ít, thì quý vị phải nên cúng dường Tam bảo và gieo trồng thêm nhiều phước đức hơn nữa. A-nan quyết tâm làm cho mọi ước nguyện của mọi chúng sinh đều được thành tựu. Đó là Ngài phát nguyện khiến cho tất cả chúng sinh đều được viên thành vô lượng công đức.

Kinh văn: **阿難已知如來世尊,訶須菩提及大迦葉,為阿羅漢心不均平,欽仰如來開闡無遮,度諸疑謗。**

Phiên âm: A-nan dĩ tri Như Lai Thế tôn ha Tu-bồ-đề cập đại Ca-diếp, vi a-la-hán tâm bất quân bình, Khâm ngưỡng Như Lai khai xiển vô giá, độ chư nghi báng.

Việt dịch: A-nan biết Như Lai quở trách Tu-bồ-đề và Đại Ca-diếp, là bậc a-la-hán mà tâm không bình đẳng, A-nan kính vâng lời khai thị không phân biệt của Đức Phật, để giúp chúng sinh thoát khỏi nghi ngờ và hủy báng.

Giảng: Tại sao A-nan muốn thực hành lòng từ bình đẳng trong khi khất thực? Vì trước đây Ngài đã nghe Đức Phật quở trách Tu-bồ-đề và Đại Ca-diếp, gọi các Ngài là a-la-hán, có nghĩa là hàng a-la-hán quả vị nhỏ của Tiểu thừa, chứ không phải là đại a-la-hán của Đại thừa. Tại sao Ngài A-nan làm như vậy? Là vì Tu-bồ-đề nghĩ rằng chỉ chuyên khất thực ở những nhà quý tộc, sang trọng giàu có. Tu-bồ-đề nghĩ rằng: "Người có nhiều tiền nên tạo thêm nhiều phước đức. Nếu họ tiếp tục làm việc thiện, thì đời sau họ sẽ tiếp tục có nhiều tiền bạc của cải. Nếu họ không bố thí ngay ở đời này, thì đời kế tiếp họ sẽ không có tiền bạc. Để giúp cho người giàu ta phải khất thực ở nơi họ. Lối khất thực của Tu-bồ-đề là một ví dụ của "tránh người nghèo và tìm đến người giàu." Ngài Đại Ca-diếp thì hoàn toàn khác hẳn, chuyên khất thực từ những nhà nghèo. Ngài nghĩ rằng: "Người nghèo nên gieo trồng phước đức và làm những việc thiện, để đời sau có được của cải giàu sang. Nếu mình không giúp họ bằng cách khất thực nơi họ thì vào đời sau và nhiều kiếp trong tương lai, họ sẽ tiếp tục bị nghèo khổ."

Cả hai vị Tu-bồ-đề và Đại Ca-diếp đều là A-la-hán. Tôi tin là có một lý do khác ẩn sau tâm nguyện của từng người. Dường như chắc chắn là Tu-bồ-đề thích dùng thực phẩm ngon quý, còn Ngài Đại Ca-diếp là vị thực hành khổ hạnh đệ nhất trong số các đệ tử của Đức Phật. Ngài thường ăn những thứ khó nuốt nỗi, khiêm hạ nhất trong cách sống mà người khác không thể làm được. Cố nhiên Ngài chẳng hề bận tâm đến việc mình dùng thực phẩm ngon hay dở, nên Ngài chuyên khất thực ở những gia đình nghèo hèn, để giúp cho họ có cơ hội gieo trồng phước đức. Phẩm vật cúng dường từ người nghèo không bao giờ ngon lành như phẩm vật của người giàu có. Đồ ăn của người giàu thải ra ngoài đường chắc chắn còn ngon hơn vật phẩm dâng cúng của người nghèo. Đức Phật biết hai vị đệ tử này không thực hành tâm từ bình đẳng trong khi khất thực. Đức Phật biết được tâm niệm phân biệt của họ. Thế nên Như Lai đã quở trách Tu-bồ-đề và Đại Ca-diếp đã là bậc a-la-hán mà tâm không bình đẳng.

A-nan kính vâng lời khai thị không phân biệt của Đức Phật, để giúp chúng sinh thoát khỏi sự nghi ngờ và hủy báng. A-nan rất tôn trọng pháp môn bình đẳng, khuyên dạy mình không nên chọn lựa kẻ đàn việt giàu nghèo. Tâm phân biệt

như thế không phải là người tu tập pháp Đại thừa, mà là theo pháp tịch diệt của hàng a-la-hán (ngã không). Nhớ lại lời quở trách Tu-bồ-đề và Đại Ca-diếp của Đức Phật nên A-nan không muốn bắt chước như vậy, nên A-nan cẩn trọng thực hành lòng từ bình đẳng. Pháp môn của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni là pháp môn phương tiện rộng rãi, thoát khỏi mọi chướng ngại dù nhỏ nhất và vượt lên trên mọi giới hạn. Nếu chỉ chuyên khất thực ở nhà giàu hoặc nhà nghèo, họ sẽ khởi tâm nghi ngờ, khiến họ hủy báng Phật pháp. Khất thực với tâm không phân biệt sẽ làm cho lòng nghi ngờ hủy báng Phật pháp đều được tiêu trừ, khiến cho mọi người đều hoan hỷ gieo trồng phước đức và tâm nguyện của họ được thành tựu.

Kinh văn: **經彼城隍, 徐步郭門, 嚴整威儀 肅恭齋法.**

Phiên âm: Kinh bỉ thành hoàng, từ bộ quách môn, nghiêm chỉnh oai nghi túc cung trai pháp.

Việt dịch: A-nan thong thả đi qua hoàng thành rồi vào cổng, uy nghi nghiêm chỉnh theo đúng pháp hóa trai.

Giảng: Thành Thất-la-phiệt được bao bọc bởi hào sâu giống như ta thường thấy những thành cổ ở Trung Hoa vậy. Trong hào luôn luôn chứa nước rất sâu tạo nên hệ thống bảo vệ cho thành. Khi A-nan đã đi qua hào nước là đã đi vào trong phạm vi của đại thành Thất-la-phiệt. A-nan thong thả đi qua hoàng thành rồi vào cổng, uy nghi nghiêm chỉnh theo đúng pháp hóa trai. A-nan bước đi chững chạc, mắt nhìn thẳng phía trước. Lúc ấy, oai nghi của Ngài rất nghiêm chỉnh. Với phong thái nghiêm trang như vậy, ngài thong thả đi qua cổng thành, ngài biểu hiện phong cách oai nghi, mắt ngài không nhìn ngang liếc dọc, tai không nghe lén. Mọi khi mang bát khất thực, ngài đều thể hiện nghiêm túc và kính cẩn đối với pháp hóa trai, không hề có chút khinh suất hay phóng dật khi đi vào thành phố.

Kinh văn: **爾時阿難因乞食次經歷婬室,遭大幻術摩登伽女。以娑毘迦羅先梵天呪,攝入婬席。**

Phiên âm: Nhĩ thời A-nan nhân khất thực thứ, kinh lịch dâm thất, tao đại huyễn thuật Ma-đăng-già nữ. Dĩ Ta-tỳ-ca-la-tiên Phạm thiên chú, nhiếp nhập dâm tịch.

Việt dịch: Khi ấy A-nan theo thứ tự khất thực từng nhà, đi qua nhà dâm nữ, gặp phải đại huyễn thuật Ma-đăng-già. Dùng thần chú Ta-tì-ca-la tiên Phạm thiên bắt A-nan, ép làm chuyện dâm dục.

Giảng: Khi ấy A-nan rất nghiêm chỉnh tôn trọng đúng pháp hóa trai bằng cách theo thứ tự khất thực từng nhà, Ngài đi qua nhà một dâm nữ, vì A-nan không phân biệt nhà của người sang trọng, kẻ nghèo nàn trong khi khất thực nên khi đến trước cửa-nhà dâm nữ gặp phải đại huyễn thuật, A-nan bị cám dỗ bởi huyễn thuật. Nó không thực, như là ma thuật. Người con gái của Ma-đăng-già đã đòi mẹ cô ta dùng thần chú do Ta-tỳ-ca-la Tiên Phạm thiên đem xuống thi thố ở cõi người. Nhưng chú này đều là giả huyễn, là hư vọng nên nó được gọi là "huyễn thuật." Ma-đăng-già là tiếng Phạn, Hán dịch là "hạ tiện chủng" nghĩa là giòng dõi thấp hèn, chứng tỏ rằng cô ta không đáng được coi trọng. Đây là tên của người mẹ, còn cô con gái tên là Bát-kiết-đế, Hán dịch là Bổn tánh, nghĩa là tuy cô ta đọa vào hàng dâm nữ, nhưng bản tánh trong sáng không hề mất.

A-nan bị cám dỗ bởi thần chú Ta-tỳ-ca-la (Kapila) Tiên Phạm thiên. Kapila là loại ngoại đạo tóc vàng. (Kim đầu) Bà Ma-đăng-già học được tà chú này từ nhóm ngoại đạo tóc vàng. Thực ra biểu tượng của thần chú là danh xưng hư dối vì nó không được truyền thụ từ Phạm thiên. Chỉ có người đề xướng tự tuyên xưng nó như vậy khiến người nghe phải tin. Tuy vậy, khi bà ta trì chú cũng khiến cho tinh thần của A-nan bối rối và rơi vào cơn hôn mê như là buồn ngủ, như uống rượu say hay là như nằm mơ, chẳng còn biết chuyện gì đang xảy ra. A-nan bị sai sử bước vào phòng dâm, bị chú "Ta-tỳ-ca-la tiên phạm thiên" hoàn toàn chi phối, tự tánh của A-nan hoàn toàn bị che mờ.

Quý vị sẽ hỏi: "Vốn A-nan là một vị Thánh, đã chứng được sơ quả a-la-hán rồi, cớ sao tà chú Ta-tỳ-ca-la tiên phạm thiên có thể làm mê mờ được?" (Thực ra A-nan chưa chứng sơ quả trước khi gặp nạn.) Vì A-nan chỉ biết tập trung vào việc học kinh mà không chú tâm vào việc tu tập định lực, nên dù A-nan đã chứng được sơ quả, nhưng định lực vẫn chưa đủ, vậy nên khi gặp loại ma này, A-nan liền bị mê hoặc, bị cô ta bắt vào phòng riêng, ép làm chuyện dâm dục. A-nan rất đẹp trai, thân thể hoàn hảo như thân của Phật, cũng có 32 tướng tốt. Da trắng như tuyết, sáng bóng như bạc, lấp lánh như có sương phủ. Hầu hết người Ấn Độ đều có nước da màu đen sạm nhưng da của A-nan rất mềm mịn, đặc biệt là rất sáng. Đó là lý do khiến cho con gái của Ma-đăng-già si mê mãnh liệt ngay từ phút giây đầu tiên để mắt đến A-nan. Cô ta liền chạy đến bên mẹ mình nói rằng cô ta muốn lấy A-nan. < >Mẹ cô ta nói: "Ông ta là đệ tử của Đức

Phật, làm sao con có thể cưới ông ta được? Ông ta là tăng sĩ và không thể cưới vợ. Con không thể cưới ông ta được.”

Cô gái đáp lại: “Điều ấy đối với con chẳng có gì khác lạ. Sao mẹ không nghĩ ra một cách để gài bẫy A-nan cho con. Nếu con cưới A-nan không được, con sẽ không muốn sống nữa.” Cô gái nói một cách cương quyết. Ham muốn của cô ta quá mãnh liệt đến mức xem đó là vấn đề sống chết. Có lẽ những vụ tự tử vì tình yêu ngang trái thời nay đều xuất phát như sự kiện con gái Ma-đăng-già.

Bà Ma-đăng-già nghĩ rằng: “À! con ta đã yêu A-nan quá rồi! Ta phải nghĩ ra cách giải quyết việc gay go này.” Bà ta đã sử dụng tà chú của ngoại đạo. Chú Tiên phạm thiên là của ngoại đạo Ta-tỳ-ca-la (Kapila). Bà trì chú cho đến khi A-nan trở nên mê muội, A-nan đi theo cô ta với bộ dạng như kẻ say rượu, mê muội đến mức không thể phân biệt được nam bắc đông tây nữa, A-nan đi thẳng vào nhà, theo cô gái vào phòng riêng rồi nằm lên giường.

Kinh văn: **婬躬撫摩,將毀戒體。**

Phiên âm: Dâm cung phủ ma tương hủy giới thể

Việt dịch: Dựa kề vuốt ve khiến A-nan sắp hủy phạm giới thể.

Giảng: Đây là lúc nguy hiểm nhất mà A-nan gặp phải. Cô con gái Ma-đăng-già đến bên A-nan, cởi áo quần ông ra. Rồi hai bàn tay cô ta bắt đầu vuốt ve thân thể của A-nan , dựa kề vuốt ve khiến A-nan sắp hủy phạm giới thể. A-nan vẫn chưa bị hủy phạm giới thể. Đây là điều rất quan trọng. Khi người đã thọ giới, họ tiếp nhận được giới thể rất thanh tịnh (vô tác giới thể). Nếu hủy phạm giới thể, cũng giống như mạng sống của mình bị cắt đứt. Nên những người xuất gia xem việc giữ gìn, không hủy phạm giới thể là cực kỳ quan trọng. Nếu quý vị phạm giới chẳng khác gì những người chết rồi. Ví như A-nan, nếu kinh văn nói rằng giới thể của A-nan đã bị hủy phạm, có nghĩa là mọi chuyện đều chấm dứt với A-nan. A-nan sẽ bị đoạ lạc, và trong tương lai chắc hẳn phải rất khó khăn trong tu tập mới được tiến bộ. Tại sao con gái của Ma-đăng-già lại có một sức hấp dẫn níu kéo A-nan đến như thế? Xuất phát từ chuyện A-nan và con gái Ma-đăng-già trong 500 đời trước đã là vợ chồng của nhau, vì họ đã kết hôn với nhau từ nhiều đời trước, nên ngay khi cô ta thấy A-nan, tập khí cũ liền trỗi dậy, cô liền cảm thấy yêu A-nan điên cuồng. A-nan đã là chồng của cô ta trong nhiều đời trước nay cô ta lại dứt khoát muốn A-nan làm chồng cô ta lại. Vì những hạt giống này đã gieo trồng từ đời này qua đời khác, nên bây giờ cô ta muốn hy sinh ngay cả mạng sống của mình để có được tình yêu của A-nan.

Kinh văn: **如來知彼婬術所加。齋畢旋歸。王及大臣長者居士。俱來隨佛願聞法要.**

Phiên âm: Như Lai tri bỉ dâm thuật sở gia, trai tất tuyền quy. Vương cập đại thần trưởng giả cư sĩ câu lai tùy Phật, nguyện văn pháp yếu.

Việt dịch: Như Lai biết A-nan bị dâm thuật kia gia hại, nên thọ trai xong liền trở về. Vua cùng các quan đại thần trưởng giả cư sĩ đều theo Phật, mong được nghe pháp yếu.

Giảng: Bất kỳ lúc nào Đức Phật nhận lời thỉnh cầu trai chủ cúng dường, sau khi thọ trai xong, Đức Phật đều giảng pháp vì lợi ích cho trai chủ. Sau khi giảng pháp xong Đức Phật mới trở về an trú ở rừng Kỳ-đà. Nhưng lần này là một trường hợp đặc biệt. Như Lai biết A-nan bị dâm thuật kia gia hại nên thọ trai xong liền trở về. Biết A-nan đang gặp lúc rất khó khăn, đang sắp sửa bị hủy phạm giới thể. Đức Phật thọ trai xong rồi lập tức trở về tinh xá ở Kỳ viên. Thực ra, tôi tưởng tượng Thế tôn chẳng ăn uống gì được nhiều, vì Thế tôn thương người đệ tử của mình, người em họ và là thị giả của mình đang gặp nạn. Đức Phật nghĩ rằng: "À! Đệ tử của mình đang bị ma cám dỗ, anh ta sắp bị rơi vào lưới ma. Sao lại để xảy ra như thế được?" Vua cùng các quan đại thần trưởng giả cư sĩ đều theo Phật, mong được nghe pháp yếu. Mọi người ai cũng biết có những lý do rất quan trọng khiến Đức Phật không giảng pháp cho trai chủ sau khi thọ trai xong. Họ nghĩ lý do chắc hẳn là thông báo về kỳ an cư sắp được chấm dứt. Thế nên mọi người – vua, quan đại thần, trưởng giả, cư sĩ đều theo Đức Phật trở về tinh xá ở Kỳ viên. Tại sao vậy? Mọi người đã quên hết mọi chuyện chỉ còn nhất tâm mong ước được nghe những pháp yếu do Đức Phật giảng. Họ không biết những việc bất thường vừa xảy ra nên mọi người đều nóng lòng được nghe giáo pháp do Đức Phật sắp giảng dạy.

Kinh văn: **于時世尊頂放百寶無畏光明。光中出生千葉寶蓮,有佛化身結跏趺坐,宣說神呪.**

Phiên âm: Vu thời Thế tôn đảnh phóng bách bảo vô úy quang minh. Quang trung xuất sanh thiên diệp bảo liên, hữu Phật hóa thân kiết già phu tọa, tuyên thuyết thần chú.

Việt dịch: Khi ấy, trên đảnh Thế tôn phóng ra trăm đạo hào quang vô úy quý báu sáng rỡ. Trong hào quang hiện ra hoa sen báu nghìn cánh, trên đó có hóa thân Phật đang ngồi kiết già, tuyên thuyết thần chú.

Giảng: Khi ấy, trên đảnh Thế tôn phóng ra trăm đạo hào quang quý báu sáng rỡ, biểu tượng cho một trăm cõi giới, và trong hào quang hiện ra hoa sen báu nghìn cánh là biểu tượng cho chân như. Những nghĩa này sẽ được khảo sát dần dần. Từ trên đảnh của Thế tôn phóng ra hàng trăm đạo hào quang quý báu và từ những đạo hào quang báu này phát ra ánh sáng rực rỡ, vô úy. Ánh sáng vô úy biểu hiện sự kế thừa phong thái đại oai đức, chẳng sợ hãi điều gì. Có năng lực, hàng phục mọi loài thiên ma ngoại đạo. Bất kỳ thần chú nào cũng không thể sánh được hào quang này, sá gì thần chú của Ta-tỳ-ca-la Tiên phạm thiên hoặc là của hậu phạm thiên đi nữa. Trong đạo hào quang báu cũng làm hóa hiện ra hoa sen báu nghìn cánh, trên đó có hóa thân Phật đang ngồi kiết già. Ngồi trong tư thế kiết già là ngồi với tư thế hai chân đan chéo vào nhau. Ngồi với tư thế kiết già này sẽ được phát sinh vô lượng công đức. Hoá thân của Đức Phật tuyên thuyết thần chú.

Đức Phật tuyên thuyết thần chú bí mật đó là thần chú Thủ-lăng-nghiêm. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni dùng hóa thân Phật để thuyết thần chú là biểu hiện mật nhân ở trong mật nhân, vua trong các vua của thần chú. Thần chú Thủ-lăng-nghiêm rất là quan trọng. Quý vị tu học Phật pháp nên phải học thần chú Thủ-lăng-nghiêm, quý vị sẽ thấy mình không phải là hạng người vô dụng. Nếu quý vị không học chú Thủ-lăng-nghiêm, cũng sẽ giống như quý vị leo lên ngọn núi bằng bảy báu: vàng, bạc, pha lê, lưu ly, xà cừ, xích châu, mã não mà trở về với hai bàn tay không. Quý vị đã lên đến đỉnh núi, nghĩ rằng lên lấy một ít vàng, hoặc ngọc rồi do dự hay là nên lấy bạc thì hơn, cuối cùng không quyết định nên lấy thứ gì là hay nhất, thế nên đành trở về tay không.

Đó là tình trạng của người không học thuộc chú Thủ-lăng-nghiêm. Thế nên tôi mong quý vị ít nhất là chịu khó học thuộc lòng chú Thủ-lăng-nghiêm. Không nói là chỉ nỗ lực vài tuần mà có thể phải mất vài năm để học thuộc lòng chú Thủ-lăng-nghiêm cũng được. Việc ấy rất có giá trị, và cơ hội mà quý vị gặp được như bây giờ rất hiếm có, rất khó mà thâm nhập được. Đó là “vô thượng thậm thâm vi diệu pháp.” Chẳng có điều gì sâu hơn, cao siêu hơn pháp này nữa. Đức Phật dùng thần chú Thủ-lăng-nghiêm để cứu A-nan là người đã chứng được quả vị đầu tiên của hàng a-la-hán. Nay chúng ta hãy nghe nói về công đức của tư thế ngồi kiết già. Có một vị tăng bị thúc ép buộc phải tụng kinh và sám hối, có nghĩa là vị tăng này thường phải nhận lời tụng kinh sám hối khi gia đình có người chết đến chùa thỉnh cầu để giúp cho người chết vượt qua biển khổ.

Chư tăng ở Trung Hoa thường thích gọi những người này là “tang-tang-p’i”, xuất phát từ âm thanh của một loại pháp khí. Lý do của sự mời thỉnh tụng kinh

này, dĩ nhiên là gia chủ sẽ phải trả một số tiền sau mỗi lần tụng kinh. Chẳng hạn mức giá hiện thời ở Hồng Kông cho một ngày tụng kinh ít nhất là một trăm đô-la Hồng Kông và dù muốn thỉnh một vị tăng cũng rất khó kiếm. Các vị tăng thích xoay xở tụng kinh như thế thực sự phải luân phiên đến nhiều nơi trong ngày, vì số người chết quá đông nên chư tăng thường được mời đảm nhiệm những buổi lễ cầu nguyện cho người chết. Không đơn giản như ở nước Mỹ, chỉ cần một vị linh mục hoặc một vị mục sư cử hành lễ tang và chỉ như thế là đủ. Ở Hồng Kông, họ muốn thỉnh cho được năm hoặc bảy hoặc mười hoặc bốn mươi, năm mươi vị tăng đến nhà để tụng kinh cầu siêu cho người chết.

Vậy mà, hôm đó có một vị tăng thuộc dạng này trở về chùa sau một ngày tụng kinh cầu nguyện cho người chết. Khi đi qua một ngôi nhà, con chó trong sân sủa vang. Ông nghe tiếng người vợ từ trong nhà nói với người chồng vọng ra: Ông ra xem thử ai?" Vị tăng thấy người chồng nhìn qua bức màn rồi đáp: "Ồ! Chỉ là con ma chuyên xoay xở tụng kinh đám." Vị tăng đã qua, nhưng lời nói ấy cứ vang mãi trong tai ông. Tại sao người ấy gọi vị tăng là "con ma chuyên xoay xở tụng kinh đám." Tại sao ông ta không gọi là "Đức Phật chuyên xoay xở tụng kinh đám"? Khi vị tăng tiếp tục trên đường về chùa thì bất chợt trời mưa ông ta phải núp mưa dưới một cây cầu. Vị tăng suy nghĩ: "Ta nên ngồi thiền." Rồi ông ta ngồi thiền theo tư thế kiết già. Sau khi ngồi một lúc, có hai con quỷ đi tới. Khi nó đến nơi vị tăng đang ngồi thiền thì bọn quỷ đột nhiên dừng lại. Một con quỷ nói với con kia: "Có một ngôi chùa vàng ở đây. Nhanh lên! Hãy đảnh lễ đi! Có xá-lợi của Đức Phật ở trong ngôi chùa vàng. Nếu chúng ta đảnh lễ xá-lợi Phật, nghiệp chướng của chúng ta sẽ được tiêu trừ." Thế là hai con quỷ bắt đầu đảnh lễ, sau khi chúng nó đảnh lễ hồi lâu thì cái chân của vị tăng được gọi là "con ma chuyên xoay xở tụng kinh đám" bắt đầu bị đau. Để có thể ngồi thoải mái hơn, vị tăng chuyển thế ngồi kiết già thành thế ngồi bán già, đó là tư thế chân trái nằm trên bắp đùi phải. Lần này hai con quỷ đến đảnh lễ, nó thấy có chuyện lạ. "Nè"! Một con quỷ nói: "Ngôi chùa vàng kia vừa chuyển thành ngôi chùa bạc. Mày có nhận ra không?"

"Thì sao nào?", con quỷ kia đáp lại "chùa bằng bạc vẫn quý rồi, chúng ta nên đảnh lễ đi!" Rồi cả hai con quỷ đồng đảnh lễ, nó đảnh lễ một giờ rưỡi hoặc một giờ hay chỉ 20 phút, chẳng có đồng hồ nên không thể nào biết được. Dù vậy, cho đến khi chân của vị tăng lại bị đau và ông ta uể oải duỗi ra nghỉ, giống như khi quý vị từng làm mỗi khi ngồi thiền mệt mỏi. Vị tăng suy nghĩ: "Ta nên nằm nghỉ chốc lát." Nhưng ngay lúc đó, hai con quỷ thoáng thấy ngôi chùa mình đang lạy biến thành một vũng bùn. Một con quỷ kêu lên: "Nè! Coi kìa, nhanh lên! Hãy đánh nó đi!" Nhận thấy hai con quỷ sắp đánh mình, vị tăng sững người vì sợ hãi, nhẹ nhàng trở lại ngồi gọn gàng trong tư thế kiết già. Vừa đúng

lúc hai con quỷ đồng thanh la lên: “Ồ! Thật đúng là xá-lợi của Đức Phật ở trong đó. Thật là trò biến hóa như yêu quỷ. Phút trước đó là ngôi chùa vàng, phút sau là chùa bạc, rồi trở thành vũng bùn. Chúng ta tốt hơn chỉ nên đảnh lễ bất luận chuyện gì xảy ra.”, rồi chúng lạy không nghỉ cho đến khi trời sáng. Sự kiện này có một ảnh hưởng tác động đến vị tăng – “con ma chuyên xoay xở tụng kinh đám.” Ông ta ngồi suy nghĩ: “Nếu ta ngồi trong tư thế kiết già thì đó là ngôi chùa bằng vàng, nếu ta ngồi với tư thế bán già thì đó là ngôi chùa bằng bạc, còn nếu ta không ngồi với hai tư thế ấy thì chẳng có gì khác ngoài một vũng bùn. Tốt hơn là nên bắt đầu tu tập, không nên xoay xở tụng kinh đám nữa.” Rồi ông ta vùi mình trong đề tài ấy ngay và công phu tham cứu rất nghiêm mật. Sau một thời gian, ông được ngộ đạo, được tặng danh hiệu “Quỷ Bức Thiền Sư.” Vì nếu vị ấy không bị hai con quỷ dọa đánh, vị ấy chắc hẳn sẽ còn trì hoãn công phu và sẽ không bao giờ thành công trong việc tu tập.

Kinh văn: **勅文殊師利將呪往護, 惡呪銷滅, 提奘阿難及摩登伽歸來佛所。**

Phiên âm: Sắc Văn-thù-sư-lợi tương chú vãng hộ. Ác chú tiêu diệt. Đề tưởng A-nan cập Ma-đăng-già quy lai Phật sở.

Việt dịch: Đức Phật dạy ngài Văn-thù-sư-lợi đem thần chú đến cứu A-nan, khiến tà chú liền bị tiêu diệt, rồi dẫn A-nan và con gái Ma-đăng-già về chỗ Phật.

Giảng: Cần phải có một vị có được trí tuệ rộng lớn mới cứu được một người si mê. Mặc dù A-nan đã chứng được sơ quả a-la-hán, nhưng định lực của ông chưa đủ để khỏi bị mê hoặc bởi tà chú của Ma-đăng-già. Để cứu A-nan, Đức Phật phải thị hiện phóng hào quang trăm báu với hoa sen ngàn cánh trong đó có hóa thân Phật ngồi tuyên thuyết thần chú Thủ-lăng-nghiêm. Thế nhưng A-nan đang ở nơi xa, nên Đức Phật cần một thành viên trong Tăng-già mang thần chú đi Đức Phật chọn Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát mang thần chú đi cứu hộ A-nan. Ngài đến nhà dâm, nhà của Ma-đăng-già để cứu hộ A-nan. Thần chú Thủ-lăng-nghiêm chỉ có vài dòng mà rõ ràng phá hủy ngay tức khắc pháp thuật của ngoại đạo. ở đây, hiệu quả của thần chú thì không có gì sánh bằng. Thế nên khi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đến nhà Ma-đăng-già tuyên đọc thần chú Thủ-lăng-nghiêm, khiến ác chú liền tiêu diệt. Chú của Tiên phạm thiên không còn hiệu lực nữa, A-nan liền thức tỉnh. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi còn phải dẫn A-nan và con gái Ma-đăng-già về nơi chỗ Phật. A-nan đã bị mê muội bởi tà chú và sắp sửa bị rơi vào bẫy, thế nên A-nan bị mất phương hướng và chẳng biết mình đang ở nơi đâu, giống như vừa mới tỉnh dậy sau một cơn mơ. Thế nên Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đến giúp đỡ cho A-nan, nắm lấy và kéo A-nan dậy.

Quý vị sẽ hỏi: "Tại sao Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại khuyến khích cô con gái của Ma-đăng-giầ?" Nếu ngài Văn-thù-sư-lợi không khuyến khích Ma-đăng-già vào lúc ấy, thì cuộc đời của cô ta có lẽ sẽ gặp nhiều nguy nan và có lẽ nguyên nhân là do nơi ngài. Cô ta quá quẫn trí, có thể cô sẽ giết ngài Văn-thù-sư-lợi vì đã lấy đi người nàng rất yêu. Lúc đó, chính ngài đã làm cho cô ta yên tâm, cô ta sẽ chỉ còn lại một mình với riêng mình. Ai biết được cô ta sẽ làm những gì khi trong cơn ghen. Thế nên Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói: "Cô ta là người con gái rất đẹp. Tôi thấy cô là người phụ nữ lương thiện, hãy đi với tôi và chúng ta sẽ thưa chuyện với Đức Phật và sẽ xin Thế tôn giúp cô thỏa mãn ý nguyện. Tôi sẽ nói giúp cho cô, mọi việc sẽ ổn cả, tôi chắc như vậy."

Ngài rất thận trọng lời nói, khéo léo dùng phương tiện, rất kín đáo và khôn khéo, thế nên cô ta không nổi giận và muốn hủy hoại thân mạng của mình. Nhờ ngài Văn-thù-sư-lợi giúp đỡ cho A-nan và khuyên nhủ con gái của Ma-đăng-giầ, họ cùng trở về nơi Đức Phật, là tinh xá trong vườn Kỳ-đà. Từ câu "Như thị ngã văn–Như thật tôi nghe" tới câu "quy lai Phật sở –về nơi chỗ Phật" được gọi là "Phần tự." Phần tự gồm có:

Chứng tín tự: là phần nêu ra đầy đủ sáu món thành tựu, chứng tỏ kinh này là đích thực do Đức Phật thuyết. Toàn phần "tự" này cũng có thể gọi là phần "tái bút" mặc dù nó nằm ngay phần đầu của kinh.

Quý vị sẽ hỏi: "Như vậy sẽ mâu thuẫn chăng – sao kinh lại có hai phần "tự" và "tái bút" cùng một nơi?" Vì khi Đức Phật nói kinh này, phần "tự" không có. Đến khi Ngài A-nan kiết tập Kinh tạng, phần tự này mới có, từ lý do này nên phần ấy được gọi là phần "tái bút."

Phần tự này cũng còn được gọi là "Thông tự" vì các kinh khác cũng có phần tự y như vậy. Nó còn được gọi là "Kinh tiền tự", phần tự khởi đầu của kinh văn, cho dù phần ấy đến khi A-nan kiết tập kinh điển rồi mới có "Kinh hậu tự" (phần tự được viết thêm sau khi kiết tập kinh). Phần thứ hai của phần "tự" được gọi là "phát khởi tự" giải thích nhân duyên liên hệ giữa A-nan và con gái của Ma-đăng-già dẫn đến việc Đức Phật nói kinh này.

Đây là điều rất quan trọng cho những người học Phật pháp để dễ phân biệt những phần khác nhau của kinh văn. Với cách này, quý vị có thể dễ dàng "thâm nhập kinh tạng", làm cho quý vị sẽ được "trí tuệ như biển." Thực ra, quý vị nên suy nghĩ như vậy: "Chính mình đã giảng nói bộ kinh này, đạo lý trong kinh đều lưu xuất từ tâm mình." Nếu nghĩ được như vậy thì kinh và bản tâm của quý vị đã hợp thành một phiến, thế nên chẳng có "sâu" chẳng có "cạn." Quý vị sẽ không còn thấy học kinh là khổ nữa, mà chỉ là một việc rất bình thường. Pháp hành văn trong kinh Thủ-lăng-nghiêm này rất hay rất tuyệt diệu.

Trong tất cả các tác phẩm cổ văn của Trung Hoa, như Tứ thư và Ngũ kinh đều rất hay. Nhưng trong đời tôi, tôi thích bản kinh này nhất. Thầy Hằng Định, đệ tử của tôi ở Hồng Kông có thể đọc thuộc lòng kinh này từ đầu đến cuối không vấp một chữ. Thầy cũng đọc thuộc lòng được Kinh Pháp Hoa. Thầy đã học các kinh ấy trong năm năm. Tôi xem Kinh Thủ-lăng-nghiêm là áng văn chương tuyệt diệu nhất. Người nào muốn học Trung văn thì không nên bỏ qua cơ hội thâm nhập vào Kinh Thủ-lăng-nghiêm này. Bất kỳ ai muốn thông thạo văn pháp tiếng Trung Hoa đều phải thông hiểu toàn bộ văn học Trung Hoa.

Kinh văn: **阿難見佛,頂禮悲泣,恨無始來。一向多聞,未全道力。殷勤啟請十方如來得成菩提, 妙奢摩他三摩禪那最初方便。**

Phiên âm: A-nan kiến Phật, đảnh lễ bi khấp, hận vô thủy lai. Nhất hướng đa văn, vị toàn đạo lực. Ân cần khải thỉnh thập phương Như lai đắc thành bồ-đề, diệu xa-ma-tha tam-ma thiền-na tối sơ phương tiện.

Việt dịch: A-nan đảnh lễ Đức Phật, hối hận từ vô thỉ đến nay, chỉ một hướng thích học rộng nhớ nhiều, nên chưa được toàn vẹn đạo lực. Nay A-nan ân cần cung kính thỉnh Phật truyền dạy pháp tu xa-ma-tha (chỉ), tam-ma (quán) và thiền-na (thiền) là phương tiện vi diệu ban đầu của mười phương các Đức Như Lai đã tu tập mà chứng được bồ-đề.

Giảng: Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đã mang thần chú Thủ-lăng-nghiêm đi giải cứu A-nan. Sau một thời gian trên đường về, khi có ngọn gió mát thổi qua, vỗ nhẹ lên mặt làm cho A-nan tỉnh khỏi giấc mơ. Họ đã về đến Tinh xá Kỳ hoàn. A-nan thấy Đức Phật, đảnh lễ rồi hối hận. Nỗi đau của A-nan rất mãnh liệt, nỗi buồn từ trong tâm dâng lên và A-nan khóc không thành tiếng. Lòng rất ân hận. Chữ hay nhất trong đoạn kinh này là chữ hận (恨), biểu hiện A-nan đã thức tỉnh. Nếu A-nan không ân hận thì khi trở về Tinh xá Kỳ hoàn, A-nan đã không thành tâm nhận ra những lỗi lầm của mình. A-nan có thể trở về tịnh xá làm ra vẻ như không có việc gì xảy ra, có thể tạo một bức bình phong để che dấu việc đã rồi. Nhưng điều hay nhất của A-nan là Ngài không dựng lên bức bình phong che dấu. A-nan trở về đến nơi Đức Phật và đảnh lễ chẳng dấu diếm chuyện gì cả, vì biết mình phải sửa chữa lỗi lầm và thay đổi lối tu tập trước đây. A-nan mong muốn được Đức Phật chỉ dạy con đường tu đạo chân chính. Nhờ vậy, sau này A-nan mới được chứng ngộ. Từ vô thỉ đến nay nghĩa là không chỉ vào lần này trong đời này, nhưng từ rất nhiều đời nhiều kiếp trong quá khứ, từ lúc A-nan vừa mới thọ thân người. Không ai có thể biết được lúc ấy là lúc nào, thế nên

thời gian ấy được xem như là vô thủy (không có chỗ khởi đầu). Chỉ một hướng thích học rộng nhớ nhiều.

Đời này sang đời khác, thời này sang thời khác, A-nan chỉ chuyên tâm vào việc học, đến mức đạt được "học rộng, nhớ nhiều" nhưng thờ ơ với việc tu tập. Nên chưa được toàn vẹn đạo lực.

Đó là định lực, định lực của A-nan rất yếu kém, cực kỳ non nớt. May thay, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã giải cứu A-nan, nên A-nan cung kính gieo năm vóc sát đất, thể hiện sự kính trọng Đức Phật bằng cả thân và tâm. Nay A-nan ân cần cung kính Phật truyền dạy pháp tu Samatha (chỉ), Tam ma (quán) và Dhyana (thiền) là phương tiện vi diệu ban đầu của mười phương Như Lai đã tu tập chứng đạo Bồ-đề. A-nan cung kính đảnh lễ Đức Phật nhiều lần, không còn một chút biếng trễ. Rồi A-nan cung kính cầu thỉnh Đức Phật giảng bày đạo lý mà chư Phật trong mười phương đã tu tập và chứng được Bồ-đề. A-nan không khải thỉnh các Đức Như Lai trong khắp mười phương chỉ bày giáo lý; quý vị không nên đọc lướt qua đoạn kinh này. Nếu A-nan khải thỉnh các Đức Như Lai trong mười phương chỉ bày giáo lý thì thử hỏi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni làm gì ở đây? A-nan là đệ tử của Đức Phật.

Chẳng lẽ A-nan bỏ quên Đức Phật đang ở ngay trước mắt mình mà đi tìm những Đức Phật khác ở xa cách tận mười phương? Không, kinh nói rằng A-nan trở về cầu thỉnh Đức Phật giảng bày giáo lý mà các Đức Như Lai trong mười phương đã nương vào đó mà tu tập để chứng ngộ được đạo bồ-đề. A-nan không biết cách phải dụng công tu tập để được khai ngộ. Nhưng A-nan đã biết ba loại định: xa-ma-tha (samatha) (chỉ), tam-ma-bát-đề (samāpatti, quán) và thiền-na (dhyana). Nên A-nan nêu ra, tán thán đề cao ba loại định ấy là vi diệu. Ngay khi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nghe lời thỉnh cầu ấy, Ngài biết A-nan là người ngoài cuộc: A-nan không biết về việc tu tập định lực để được khai ngộ. Tu tập loại định gì để được chứng đạo? Đó là Thủ-lăng-nghiêm đại định. Chỉ vì A-nan không biết được Thủ-lăng-nghiêm đại định đến nỗi suýt gây nên chướng ngại như kinh văn đã nói đến. Phương tiện vi diệu ban đầu:

A-nan muốn biết pháp môn phương tiện cho kẻ sơ cơ, đó là phương pháp dễ nhất để bắt đầu tu tập, phương pháp đơn giản nhất để bước vào công phu.

Một số người liền phán xét: "A-nan chỉ chú tâm vào việc học rộng nhớ nhiều và cuối cùng gần như bị kết thúc bằng đọa lạc."

Họ nói: "Cho nên học nhiều chỉ vô ích. Tôi chỉ chú tâm chuyên vào việc tập định, chẳng cần học làm gì." Đây là quan điểm thiên lệch, không đúng với tinh thần Trung đạo. Đạo lý khế hợp với Trung đạo là không quá nghiêng lệch về

bên phải và cũng chẳng nghiêng lệch về bên trái. Không coi trọng phía trước cũng chẳng coi trọng phía sau. A-nan bị phê phán vì đã chú tâm vào việc học mà xao lãng việc tu định. Còn nếu quý vị chuyên tập trung vào việc tu định và xao lãng việc học thì trí tuệ không được phát sinh. Quý vị phải học tập để có được trí tuệ, đồng thời cũng phải tu định để có được định lực, hai năng lực ấy mới được hợp nhất. Tại Phật giáo Giảng đường chúng ta vừa nghiên cứu kinh điển vừa ngồi thiền. Bằng cách gạt ra ngoài tất cả mọi chuyện, không để cho tâm ý mình lang thang khắp mọi phương Nam Bắc Đông Tây, quý vị mới có thể hoàn toàn tập trung tâm ý mình vào Phật pháp được. Đừng để phí thời gian quý báu. Đừng tán gẫu những chuyện huyên thiên, đừng làm những việc vô ích. Quý vị không thể vẽ được khối vuông và hình tròn nếu không có được cái compas (vô quy củ bất thành phương viên). Cũng thế quý vị phải theo quy luật công phu tu tập hằng ngày. Trong thiền đường, khi bảng gỗ bõ ba hồi, đó là hiệu lệnh chỉ tịnh. Trong suốt thời gian đó, không ai được nói chuyện, ai vi phạm sẽ nhận một cú đập (bạch đả công) của Kim Cương Chùy Bồ-tát.

Quý vị nói rằng: "Ông ta không được đánh tôi như thế." Bồ-tát Kim Cương không hề đánh vì giận dữ. Nhưng các Ngài làm như vậy để mọi việc trở nên nghiêm túc hơn. Nên mọi người phải thận trọng, thành tâm theo đúng quy luật. Khi thanh quy được tuân thủ nghiêm túc, thì tu tập rất dễ thành tựu. Đừng quá xem thường. Những người đến dự pháp hội này căn bản đều có tư cách rất tốt, nhưng chỉ để ngăn ngừa một vài người quên mất quy luật nên tôi phải nhắc lại. Trong thời gian gạt qua tất cả mọi việc để học kinh Thủ-lăng-nghiêm, mọi người nên tự mình áp dụng nhất tâm vào việc tọa thiền. Nếu quý vị làm được như vậy, tôi bảo đảm sẽ có sự cảm ứng và quý vị sẽ đạt được thành quả. Nếu không đạt được đại ngộ thì cũng được tiểu ngộ. Quý vị sẽ không bị hao tổn phước đức. Nếu quý vị thành ý và nhất tâm trong suốt thời gian nghiên cứu và công phu, chắc chắn quý vị sẽ được nhiều lợi lạc. Tôi không dối gạt quý vị. Tuy vậy, nếu quý vị không tuân theo những quy củ, quý vị sẽ giống như người "Mông Cổ đi xem hát" và hoàn toàn không nhớ được gì cả. (Khi có người hoàn toàn ngơ ngác không biết được điều gì, thì người Trung Hoa dùng thuật ngữ này để diễn tả như người Mông Cổ vào rạp hát xem người Trung Hoa diễn kịch rồi đi ra mà chẳng hiểu gì cả).

Quý vị đã từ mọi nơi rất xa xôi đến đây, không cầu việc gì khác hơn là được học hỏi Phật pháp. Điều ấy làm tôi rất vui, vui đến nỗi bất luận tôi phải chịu khó nhọc đến mấy tôi cũng không ngại. Trong suốt thời kỳ pháp hội giảng kinh Thủ-lăng-nghiêm, tôi nguyện sẽ đem hết sức mình nghiên cứu và giảng giải Kinh Thủ-lăng-nghiêm, khai triển ý kinh cho quý vị hiểu rõ. Nguyện vọng của tôi là mong tất cả quý vị đều đạt được lợi lạc từ Phật pháp. Tuy nhiên, dù tôi có

giảng, nhưng nghe hay không là do ở quý vị. Nếu quý vị không thích nghe thì tôi cũng chẳng giúp gì được cho quý vị vì tôi không phải là quý vị và quý vị chẳng phải là tôi. Quý vị có thể nói rằng quý vị là tôi và tôi là quý vị. Sao vậy? Vì chúng ta đều có tương quan với nhau, chúng ta cùng thở một bầu không khí như nhau. Suy nghĩ được như thế thì mọi người trở nên đồng nhất bản thể, quý vị chẳng chướng ngại tôi và tôi cũng chẳng chướng ngại quý vị. Mọi người cùng tham cứu Phật pháp với nhau và cùng nhau khai ngộ. Nếu còn một người trong quý vị chưa được chứng ngộ thì lời phát nguyện của tôi chưa được hoàn thành. Quý vị nên để tâm tìm hiểu xem Phật pháp sâu mầu hay cạn cợt. Quý vị nên nghĩ rằng: "Nếu tôi hiểu được, tôi sẽ tham cứu được sâu xa hơn, còn nếu tôi chưa hiểu được ý kinh, tôi càng muốn được hiểu rõ hơn nữa." Hiểu được một chút ít vẫn tốt hơn rất nhiều so với không hiểu được chút nào cả. Quý vị nên tự nhủ lòng: "Nếu như tôi hiểu được chỉ một chữ trong kinh mà Pháp sư đang giảng về những điều mà trước đây tôi chưa hiểu ra, thật là đáng giá. Tôi đã hưởng được sự lợi lạc." Giá trị của một chữ thôi cũng khó diễn tả hết được.

Tại sao A-nan không thể chống chọi nổi với tà chú của Tiên phạm thiên? dù A-nan đã đạt được sơ quả a-la-hán rồi? Đó là vì trong quá khứ, khi tu tập định lực, A-nan đã dùng tâm ý thức để công phu, mà tâm ý thức cũng là đối tượng của sinh diệt, nên không đạt được triệt để cứu cánh. Khi dụng công tu tập định lực bằng cách điều phục tâm ý thức như pháp tu "chỉ quán" của giáo lý Thiên thai, đó là thuộc về thức thứ tám. Phương pháp ấy làm hiển lộ bản tánh bất sinh bất diệt. Khi quý vị nhắm vào bản tánh bất sanh bất diệt ấy mà tu tập định lực bất sanh bất diệt thì đó mới thật là chân định, mới khỏi bị xoay chuyển bởi ngoại cảnh. Nhưng trong tất cả mọi việc, A-nan chỉ biết vận dụng bằng tâm ý thức. Cho đến cả việc nghe Đức Phật thuyết kinh, A-nan cũng dùng ý thức để ghi nhớ những điều Đức Phật dạy. Nhưng mà tâm ý thức không thể nào đưa ta đến một giải pháp rốt ráo được. Thế nên khi A-nan gặp ma sự, A-nan không nhận thức được ngay tình huống. Những người tu đạo rất cần thiết phải nhận ra được rõ ràng ngay tức khắc mọi cảnh giới đang xảy ra. Nếu quý vị nhận thức rõ được mọi cảnh giới khi nó vừa hiện ra, quý vị không thể nào bị sai sử bởi nó. Cảnh duyên không thể nào làm quý vị dao động được. Định lực sẽ chiến thắng bất kỳ cảnh giới nào dù cảnh giới ấy có tốt, xấu, như ý hoặc bất như ý. Ngay trong tất cả mọi tình huống ấy, tâm quý vị đều: "Như như bất động, liễu liễu thường minh." Đó chính là chân định.

Nếu cảnh vui làm cho quý vị sướng thích, thế là quý vị đã bị cảnh chuyển. Nếu quý vị giữ tâm mình, đừng nhảy từ trạng thái vui sang giận dữ, từ buồn bã sang an lạc, thế là tâm quý vị không bị dao động bởi hoàn cảnh. Tâm không bị ảnh hưởng bởi hoàn cảnh bên ngoài cũng ví như tấm gương trong; khi vật đến

liền phản chiếu, khi vật không còn, gương vẫn là gương "vật lai tắc hiện, vật khứ tắc ẩn." Bản thể của gương luôn luôn trong suốt, không hề nhiễm ô. Có được định lực, tâm không dao động là có được trí tuệ chân chính, thông đạt mọi sự. Rất quan trọng khi hiểu được điều này. Xa-ma-tha là tiếng Phạn, Hán dịch là tịch tĩnh. Tuy vậy, đó là sự "tịch tĩnh" do nỗ lực gắng sức dụng công mà có được, hành giả đạt được loại định lực này bằng cách đè nén, đình chỉ tâm ý thức, không cho phát khởi vọng tưởng. Nên đó không phải là định rốt ráo. Đó chỉ là pháp môn phương tiện của hàng Nhị thừa mà Đức Phật giảng dạy vào thời kỳ đầu tiên. Tam-ma (samāpatti) là tiếng Phạn, Hán dịch là "quán chiếu", chẳng hạn quán chiếu mười hai nhân duyên hoặc quán pháp Tứ diệu đế.

Thiền-na: tiếng Phạn là (dhyāna), Hán dịch là "tư duy tu" nghĩa là dụng tâm để tư duy và quán tưởng, cũng gọi là tu "chỉ quán." Hành giả dùng tâm để theo dõi sự đến và đi, sinh và diệt của ý tưởng. Rất giống pháp tu "chỉ quán" của tông Thiên thai, chủ trương tam chỉ, tam quán: quán không, quán giả, quán trung. Cơ bản giáo lý vốn không sai khác, nhưng pháp quán này không thể so sánh được với Thủ-lăng-nghiêm đại định. Thiền-na là tĩnh lự. Nay tu theo pháp tĩnh tọa, cũng còn được gọi là thiền na. Nhưng tu theo thiền-na có pháp triệt để và cũng có pháp không triệt để. Hàng Tiểu thừa dùng tâm thức để tu thiền, nhưng thức tâm vốn là đối tượng của sinh diệt, nên pháp tu này không kiên cố.

Quý vị sẽ hỏi: – Vậy thì chúng tôi nên tu theo pháp gì? – Tu theo pháp Thủ-lăng-nghiêm đại định. – Làm sao để có thể tu tập theo pháp Thủ-lăng-nghiêm đại định? Kinh văn sẽ dần dần giải thích rõ ràng. Nếu quý vị tham dự pháp hội giảng kinh và hiểu rõ được ý kinh, thì quý vị sẽ biết được phải tu tập thế nào để có được Thủ-lăng-nghiêm đại định. Quý vị không nên để mình bị rơi vào trạng thái bàng hoàng lơ lững. Đó là khi quý vị không biết mình phải bắt đầu từ chỗ nào.

Kinh văn: **於時復有恒沙菩薩及諸十方大阿羅漢,辟支佛等。俱願樂聞。 退坐默然承受聖旨。**

Phiên âm: Ư thời phục hữu hằng sa bồ-tát cập chư thập phương đại a-la-hán, Bích-chi Phật đẳng, câu nguyện nhạo văn. Thối tọa mặc nhiên thừa thọ thánh chỉ.

Việt dịch: Khi ấy có hằng hà sa Bồ-tát, các vị Đại a-la-hán, Bích-chi Phật… trong khắp mười phương, đều mong mỏi được nghe. Tất cả ngồi im lặng chờ nghe lời Phật chỉ dạy.

Giảng: Khi ấy nghĩa là lúc A-nan thỉnh cầu Đức Phật giảng dạy pháp tu của các Đức Như Lai trong khắp mười phương đã tu tập như thế nào để chứng được đạo quả bồ-đề? Đó là sự giác ngộ chân chánh. Quý vị đã được nghe giảng về các vị bồ-tát nhiều như số cát sông Hằng đến dự hội rồi, nghĩa là có rất nhiều bồ-tát đến dự hội. Sông Hằng rộng hằng muôn dặm và cát ở bờ sông mịn như bột mì, nhỏ như các hạt vi trần. Khi có bão, cát đá bay mù mịt, nguy hiểm như bão cát ở sa mạc. Bây giờ quý vị tính xem có bao nhiêu hạt cát nhỏ mịn, như thế ở trong bờ sông rộng chừng 15 dặm. Ngay cả máy điện toán hiện đại nhất có lẽ cũng không thể tính được phép toán như vậy. Do vì số cát sông Hằng không thể nào tính đếm được, nên nó thường được biểu thị cho con số không có thực, con số vượt qua mọi sự tính đếm. Bồ-tát (Bodhisattva), Hán dịch là “hữu tình giác” là người đã giác ngộ, còn gọi là “giác hữu tình” là người giúp cho chúng sinh được giác ngộ.” Dù người ta có đối xử xấu với bồ-tát ra sao, bồ-tát vẫn không chống đối lại họ. Bồ-tát không bao giờ tức giận, không bao giờ nổi nóng. Đạo tâm của bồ-tát rộng lớn và kiên định. Bồ-tát còn được gọi là bậc “đại sĩ”, vì họ đã có phát nguyện rộng lớn để trở thành một vị bồ-tát .

Mười phương, trong kinh A-di-đà có đề cập đến chư Phật trong sáu phương, chứ không đề cập đến mười phương. Sáu phương là Đông Tây Nam Bắc, trên và dưới. Có thêm bốn hướng nữa là Đông Bắc, Đông Nam, Tây Bắc, Tây Nam. Tuy vậy, chứ xưa nay vốn một phương cũng không có. Trái đất vốn tròn, thế phương nào lập được. Nhưng Đức Phật nói đến mười phương. Ngoài ra, tôi nói quả đất tròn là một dữ kiện không có căn cứ, nên đừng y cứ vào những gì tôi nói. Kỳ thực, thế giới được sinh hóa từ một nguồn năng lực duy nhất, mọi vật đều lưu xuất từ Đại quang minh tàng, tức là Như Lai tạng tánh, trong đó không có Đông, Tây, Nam, Bắc hay bốn phương hoặc phương trên, phương dưới. Đó là kiến giải của tôi, có thể nó chưa được đúng đâu. Trong pháp hội này, không phải chỉ có những a-la-hán nhỏ đến dự mà còn có những Đại a-la-hán, đạo lực của họ rất lớn, không có nghĩa là thể chất của họ lớn, mà có nghĩa pháp tánh của họ rất to lớn, pháp lực và đạo đức của họ lớn lao vô cùng.

A-la-hán có ba nghĩa: 1. Ứng cúng: Họ xứng đáng được thọ hưởng vật phẩm của chư thiên và loài người cúng dường. Nay làm tỷ-khưu thường ngày khất thực là đang ở nhân địa. Còn quả địa là a-la-hán, là “xứng đáng hưởng được vật cúng dường từ chư thiên và loài người.”

2. Sát tặc: Đức Phật dạy chúng ta không được sát sinh. Như vậy phải chăng là phạm giới hay sao? Không. Trong trường hợp này là trừ diệt giặc ở bên trong tâm mình chứ không phải là giặc bên ngoài. Quý vị sẽ hỏi: “Giặc ở bên trong mình là gì?

Đó là giặc vô minh, giặc phiền não và sáu loại giặc: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Chúng nó cướp phá mà quý vị không hề biết. Quý vị không nhận ra tên giặc cướp ấy, nhưng khi mắt quý vị nhìn cảnh vật, vốn năng lực tinh thần của quý vị thường sung mãn, nhưng khi quý vị bắt đầu tiếp xúc với quá nhiều cảnh thì giặc cướp từ trong mắt quý vị sẽ cướp đi kho tàng quý báu của mình. Khi quý vị nghe quá nhiều âm thanh vào mọi lúc, thì tánh nghe của quý vị bị phân tán và sinh lực cũng bị đánh cắp theo luôn. Quý vị không nên nói: “Mắt tôi là người bạn tốt nhất và tai tôi luôn luôn giúp đỡ cho tôi, mũi tôi đánh hơi được mọi vật và lưỡi tôi phân biệt được mùi vị, họ đều rất có ích.” Không phải vậy đâu, sáu tên giặc cướp này đánh cắp kho tàng chân thực tối thượng của quý vị. Nó cướp đoạt tài sản của mình mà quý vị không hề hay biết. Quý vị đã nhận kẻ giặc cướp làm bạn láng giềng nhưng chẳng nhận ra.

Quý vị còn nói: “Đừng la mắng nó vì nó chỉ cướp đoạt tài sản của tôi thôi!” Đây là điểm rất quan trọng mà tôi muốn đề cập đến. Đừng nhầm lẫn cho rằng tôi chỉ nói đùa. Nếu quý vị không bị mất những thứ này, quý vị đã thành Phật từ lâu rồi. Hãy nhìn thử xem, suy nghĩ thật kỹ. Quý vị thấy mình không mất gì cả hay sao? Tốt, tôi biết vật quý vị bị mất là của cải vô giá. Tiền bạc không thể nào mua nổi. Quý vị đã đánh mất vật quý giá ấy và vẫn nghĩ rằng mọi thứ đều tốt đẹp. “Mắt tôi còn nhìn xa rất rõ và sáng hơn mắt của mọi người khác.” Quý vị nói như vậy và nghĩ điều này là tốt, nhưng mắt quý vị càng nhìn rõ thì tinh thần của quý vị càng bị đánh mất nhiều hơn. Đến đây quý vị sẽ nói: “Thưa Pháp sư, Ngài chỉ cần giảng một thời pháp là đủ quá rồi, Ngài chưa nói được điều gì có chút ít đạo lý cả.” Bởi vì quý vị chưa hiểu được những gì tôi nói, nên dĩ nhiên quý vị nghĩ rằng lời giảng ấy không có chút nào đạo lý. Hãy đợi đến khi nào quý vị hiểu được điều tôi nói rồi mới thấy những gì tôi nói đều là đạo lý chân chính hết thảy.

3. Vô sinh: A-la-hán vốn không sinh và cũng không diệt. Họ không phải là một đối tượng của sự sinh diệt. Họ đã chứng được vô sinh pháp nhẫn. Họ không còn phải trải qua sinh tử nữa. Đó là: “những việc cần làm đã xong, không còn thọ thân sau nữa” (sở tác dĩ biện, bất thọ hậu hữu). Họ không còn ở trong tam giới nữa, mặc dù họ chưa chứng được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Trong kinh Tứ thập nhị chương, Đức Phật dạy “không nên tin vào tâm ý của mình, tâm ý của mình không đáng tin. Đến khi chứng được a-la-hán rồi, mới có thể tin tâm của mình được.”

Quý vị sẽ hỏi: “Tại sao lại không nên tin vào tâm ý của chính mình?” Vì tâm ý của quý vị đều là vọng tưởng, tin vào vọng tưởng, quý vị sẽ làm theo vọng

tưởng. Nếu quý vị không tin vào vọng tưởng, nếu quý vị không tin vào tâm ý của mình, thì quý vị sẽ thoát khỏi được sinh tử.

"Khi nào thì có thể tin vào tâm mình?" Khi đã chứng được quả vị thứ tư của hàng a-la-hán thì quý vị mới có thể tin vào tâm mình. Khi chưa được như vậy thì quý vị không nên tin nơi mình mà phải nương vào lời khuyên của các vị Thiện tri thức. Đều cần phải làm là hãy lắng nghe lời dạy của các bậc Thiện tri thức. Bích-chi Phật là những vị Độc giác, giác ngộ nhờ tu tập pháp mười hai nhân duyên. Đều mong mỏi được nghe, tất cả lui về chỗ ngồi im lặng chờ nghe Phật chỉ dạy. Có rất nhiều, không phải chỉ một hay hai người, đều muốn nghe pháp âm, là thánh giáo vi diệu, bí mật của Đức Thế tôn được vang lên. Họ lắng lòng thực sự muốn nghe, họ ngồi im lặng một bên để nghe Đức Phật giảng nói.

Kinh văn: **爾時世尊在大眾中, 舒金色臂, 摩阿難頂, 告示阿難及諸大眾: 有三摩提名大佛頂首楞嚴王具足萬行十方如來一門超出妙莊嚴路。汝今諦聽。阿難頂禮伏受慈旨。**

Phiên âm: Nhĩ thời Thế tôn tại đại chúng trung. thư kim sắc tí ma A-nan đảnh. Cáo thị A-nan cập chư đại chúng: "Hữu tam-ma-đề danh Đại Phật đảnh Thủ-lăng-nghiêm vương, cụ túc vạn hạnh thập phương Như Lai nhất môn siêu xuất diệu trang nghiêm lộ, nhữ kim đế thính." A-nan đảnh lễ phục thọ từ chỉ.

Việt dịch: Khi ấy trong hội chúng, Đức Thế tôn duỗi cánh tay màu vàng xoa đảnh A-nan, nói với A-nan cùng đại chúng: "Có pháp tam-ma-đề, gọi là Đại Phật đảnh Thủ-lăng-nghiêm vương, đầy đủ vạn hạnh, là pháp môn trang nghiêm vi diệu mà mười phương Như Lai đều từ đó lưu xuất, nay ông nên nghe kỹ." A-nan đảnh lễ, cung kính lắng nghe lời dạy từ bi của Thế tôn.

Giảng: Thông thường, đoạn kinh này nằm ở phần sau, nhưng Lão Pháp sư Viên Anh nhận thấy nếu để ở phía sau thì không phù hợp nên đưa vào nơi đây. Tôi (HT. Tuyên Hóa) đọc kỹ nhiều lần, thấy cũng hợp lý nên đưa vào đoạn này để giảng. Khi ấy nghĩa là khi các vị Đại a-la-hán và các vị Đại bồ-tát nhiều như số cát sông Hằng trong khắp mười phương đều đến dự pháp hội, đều mong muốn lắng nghe lời dạy vi diệu của Như Lai. Và khi A-nan cầu khẩn Đức Phật giảng giải phương tiện tối sơ mà các đức Như Lai trong mười phương đã tu tập để chứng được các món xa-ma-tha, tam-ma và thiền-na vi diệu. Đó là lúc Đức Thế tôn duỗi cánh tay màu vàng xoa đảnh A-nan. Cánh tay của Đức Phật vốn có sắc vàng, chẳng phải màu vàng do kim loại mạ vào. Trong đạo

Phật, việc xoa đầu biểu tượng lòng từ bi che chở bảo hộ cho toàn thể chúng sinh. Nay Đức Phật cũng thế, biểu hiện lòng thương yêu, nhưng không phải lòng thương yêu thông thường mà hơn thế nữa, đó là lòng tư bi rộng lớn, che chở, bảo hộ bao trùm khắp mọi loài chúng sinh, khiến cho các ma chướng bị tiêu trừ. Đó không phải là tình thương ích kỷ, bi lụy mà mọi người thường nghĩ đến. Quý vị hãy lưu ý kỹ điểm này. Trong tất cả các loại tình yêu trên đời, tình yêu cha mẹ dành cho con cái là thứ tình yêu lớn mạnh nhất. Bất luận con cái có đối xử tệ hại với cha mẹ đến mức nào, họ cũng đều tha thứ cho cả. “Nó là trẻ con mà!” Cha mẹ thường tự an ủi như vậy. “Nó có hiểu biết điều gì đâu!” Ngay cả khi con cái đánh cha và mắng chửi mẹ, cha mẹ chỉ nhìn chúng một cách buồn cười, không nghĩ là nó đang làm điều gì sai trái.

Quý vị sẽ hỏi: “Tại sao cha mẹ lại suy nghĩ như vậy? Vì họ quá thương yêu con mình. Tình thương cha mẹ dành cho con cái sâu thẳm hơn, mạnh mẽ hơn tình yêu giữa vợ chồng nhiều. Về phương diện này, tôi rất lấy làm ngạc nhiên đối với người Mỹ. Đến khi con cái mười tám tuổi, nó hoàn toàn được phép tự lập. Đôi khi cha mẹ không còn để ý gì đến con cái vào lứa tuổi ấy nữa. Đó là điều rất hay, rất tốt để khuyến khích con cái tự lập. Vấn đề quan trọng là con cái vào tuổi ấy thường không đủ kinh nghiệm để có những nhận định chính chắn nên chúng dễ dàng vướng vào định hướng sai lầm. Nó dễ bị cuốn hút vào những cám dỗ hiện thời hay bị lôi cuốn bởi những bạn bè không đứng đắn. Một khi đã bị chìm ngập trong bùn rồi thì không dễ gì trở về lại với chính mình. Kết quả hiện nay ở Mỹ có rất nhiều lớp trẻ không thừa nhận quốc gia của mình. Họ không thèm đếm xỉa gì đến ý nghĩa của gia đình, thậm chí họ còn không biết chính họ là gì. Từ sáng đến tối, họ chỉ biết hút LSD và hút cần sa cùng những loại ma túy khác đến mức họ đánh mất toàn bộ bản chất trong sáng của mình, hoàn toàn bị mê mờ. Nếu hỏi họ đã làm gì được cho đất nước mình. Họ sẽ nói: “Tổ quốc đã làm được gì cho tôi nào?” Nếu quý vị hỏi họ về gia đình. Họ sẽ trả lời: “Tôi chẳng có gia đình.”

Quý vị có thể hiểu rằng họ vừa rời bỏ gia đình, nên tất nhiên là họ không có gia đình nữa, nên họ tuyên bố là họ không có gia đình. Họ bị rơi vào một khoảng không to lớn. Tôi thấy họ thật đáng thương. Đức Phật thương yêu và che chở cho toàn thể mọi chúng sinh còn mạnh hơn cả tấm lòng của cha mẹ thương con. Đức Phật xoa đảnh đầu là biểu tượng cho lòng thương yêu che chở đó. Chỉ cần một mũi thuốc chích vào người thôi là đã tiếp truyền sinh khí cho máu huyết và sinh lực mình rồi, thế nên khi Đức Phật xoa đảnh đầu, hào quang phóng ra từ bàn tay của Ngài sẽ xua tan tất cả những u ám trong tâm. Bằng cách đó, Đức Phật đã đưa quý vị ra khỏi ác đạo và làm tăng trưởng thiện căn trong tâm quý vị.

Quý vị sẽ than thở: “Con đã lỡ mất dịp may, nếu con được sinh ra trong thời Đức Phật còn tại thế, thì có lẽ con sẽ thỉnh cầu Đức Phật xoa đảnh đầu con, mọi ác nghiệp sẽ được tiêu trừ và thiện căn sẽ được tăng trưởng.” Ai bảo rằng quý vị không được sinh ra trong thời Phật tại thế? ai bảo rằng đến bây giờ quý vị mới được sinh ra? Quý vị không nên trách cứ ai cả mà chỉ nên trách mình. Có than tiếc cũng vô ích thôi. Đừng nên hối tiếc nữa, không thể oán trách người khác, không thể oán trách trời và càng không nên oán trách Phật.

Nay chúng ta được sinh ra, nên bây giờ chúng ta phải học Phật pháp. Nếu chúng ta có lòng chí thành cao độ. Đức Phật sẽ thị hiện và xoa đảnh để biểu lộ lòng từ bi che chở mọi chúng sinh. Mặc dù Đức Phật đã nhập niết-bàn, nhưng giáo pháp chân chính của Ngài vẫn còn phổ biến khắp nơi trên thế gian. Quý vị không nên nghĩ rằng Đức Phật đã từ bỏ chúng ta, Đức Phật luôn luôn hiện hữu quanh chúng ta, chỉ do vì chúng ta không thấy được Ngài mà thôi. Nếu trong mọi công việc hằng ngày, nằm ngồi, ăn cơm, mặc áo đều được thực hành trong pháp thân Phật, thế là chúng ta đã được sống cùng với Đức Phật. Đó chỉ là vì mắt trần của người thường chưa có được thần thông để nhìn thấy Đức Phật. Đức Phật xoa đảnh A-nan, nói với A-nan cùng với đại chúng: “Có một loại định (tam-ma-đề) gọi là Đại Phật đảnh Thủ-lăng-nghiêm vương, đầy đủ muôn hạnh, là pháp môn trang nghiêm vi diệu, mà mười phương Như Lai đều từ đó lưu xuất.” Không những A-nan mà tất cả mọi người trong pháp hội, các vị đại tỷ-khưu đại bồ-tát, quốc vương đại thần, trưởng giả cư sĩ đều được Đức Phật chỉ dạy môn đại định cứu cánh kiên cố là định bao trùm tất cả loại định trong các pháp môn tu tập. Tất cả các Đức Như Lai trong khắp mười phương đã chứng được Phật quả nhiệm mầu đều nhờ vào pháp môn vi diệu thù thắng này.

Nay ông nên lắng nghe kỹ: Đức Phật bảo A-nan “Hãy chú tâm lắng nghe cho kỹ! Đừng lơ đãng khi nghe Như Lai giảng kinh, hãy đem hết năng lực tinh thần mà chú ý lắng nghe. Đừng khởi dậy vọng tưởng. Đừng ngồi đây trong suốt thời giảng kinh mà tâm ý lang thang xem cảnh ngoài phố.” A-nan đảnh lễ, cung kính lắng nghe lời dạy từ bi của Thế tôn. Khi A-nan nghe Đức Thế tôn chỉ dạy như vậy, A-nan đứng dậy cung kính đảnh lễ Đức Phật, lễ phép chờ đợi lời chỉ dạy cao quý, A-nan vẫn cung kính quỳ trước Đức Phật chờ nghe giáo pháp vi diệu của Thế tôn về Thủ-lăng-nghiêm đại định, là vua trong tất cả các môn định.

Kinh văn: **佛告阿難: “汝我同氣, 情均天倫,當初發心, 於我法中, 見何勝相, 頓捨世間深重恩愛?”**

Phiên âm: **Phật cáo A-nan, nhữ ngã đồng khí, tinh quân thiên luân, đương sơ phát tâm, ư ngã pháp trung kiến hà thắng tướng, đốn xả thế gian thâm trọng ân ái?”**

Việt dịch: Đức Phật bảo A-nan: “Ông với Như Lai là anh em cùng một dòng họ, khi mới phát tâm tu tập trong giáo pháp của Như Lai, ông thấy điểm thù thắng nào mà từ bỏ ân ái sâu nặng thế gian để xuất gia?”

Giảng: A-nan cung kính chờ đợi được nghe lời chỉ dạy từ bi của Đức Phật. Nhưng trước tiên Đức Phật lại gạn hỏi nguyên nhân ban đầu khiến A-nan phát tâm xuất gia ra sao. Đức Phật bảo A-nan “Ông với Như Lai là anh em cùng một dòng họ.” A-nan và Đức Phật là anh em chú bác. Đức Phật nói với A-nan “Ông và tôi như là anh em ruột.” Khi người ta nói “anh em cùng một dòng họ”, có nghĩa là ở trên đời, tình bà con dòng họ là đều quan trọng hơn tất cả mọi thứ khác. Những dạng quan hệ bà con như thế tạo nên một vòng luân hồi tự nhiên. Sau khi mình làm con trai hoặc con gái trong một gia đình, quý vị sẽ trở thành cha hoặc mẹ trong gia đình ấy. Còn nếu quý vị hiếu thảo với cha mẹ mình thì sau này con cái mình sẽ có lòng hiếu thuận với quý vị. Nếu quý vị không có lòng hiếu thảo với cha mẹ, thì con cái quý vị sau này cũng không có hiếu thảo với quý vị. Nên nói rằng: “Bách thiện hiếu vi tiên Cực ác dâm tối trọng” (Trong các điều thiện, lòng hiếu thuận là hàng đầu. Trong các điều ác, tà dâm là tội rất nặng).

ỞTrung Hoa, lòng hiếu thuận được xem là căn bản của các điều thiện. Trong văn học Trung Hoa, có ghi chuyện của Hai mươi bốn người con hiếu thảo, như chuyện: “Đường Tương khóc cầu dưa” sau đây: Cha mẹ của Đường Tương bị bệnh, thích ăn dưa hấu, một loại dưa được trồng nhiều ở miền Bắc Trung Hoa. Tuy nhiên, lúc ấy là mùa Đông, tuyết phủ đầy mặt đất, làm sao có được dưa hấu? Nên Đường Tương phải gieo hạt giống dưa xuống đất đóng băng, rồi nằm phủ thân mình trên đất để làm cho băng tan, rồi bắt đầu khóc than kể lể: “Cầu mong cho hạt giống dưa này chóng nẩy mầm, kết trái để cho cha mẹ tôi ăn mà khỏi bệnh.” Đường Tương vừa than vãn, vừa khóc thảm thiết cho đến khi có phép lạ xảy ra. Chẳng gì khác hơn, đó là sự cảm ứng từ các vị bồ-tát, chư Phật hoặc là từ quỷ thần. Ngay lúc ấy, có một quả dưa mọc ra, lớn lên, chín dần để cho Đường Tương hái đem về dâng cho cha mẹ dùng. Đó là sự cảm ứng mầu nhiệm đáp lại lòng mong cầu chân thành của người con chí hiếu. Nên người ta thường dẫn chuyện: “Đường Tương khốc qua” để nói về hạnh hiếu. Còn chuyện “Mạnh Tông khóc măng” như sau: cha mẹ của Mạnh Tông thích ăn măng tre, anh ta không thể tìm đâu ra. anh ta đến bên bụi tre ngồi khóc. Anh khóc cho đến khi có một mụt măng mọc lên từ chỗ nước mắt của anh giọt xuống. Sự tình

lạ lùng ấy không thể nào hiểu nỗi. Đừng có mong dùng tâm suy lường mà hiểu được. Từ đó có tích "Mạnh Tông khóc măng."

Lại có Vương Tường, cả cha mẹ đều bị bệnh nặng Trong tiết mùa đông băng giá, cha mẹ ăn cá chép. Vương Tường nghèo quá không có tiền để mua. Nước ở các sông hồ đều đóng băng, thế nên ông ta cởi áo nằm trên băng tuyết. ở miền Bắc Trung Hoa băng đóng rất dày vào mùa đông, nhưng thân nhiệt trong người ông đã làm cho băng tan. Làm thế, ông ta mới câu được cá chép từ kẽ băng nứt. Nhưng bỗng dưng có một con cá chép từ kẽ băng tan nhảy lên. Vương Tường ôm cá chạy về nhà kể cho cha mẹ nghe chuyện xảy ra. Cha mẹ Vương Tường nói: "Chúng ta sẽ không ăn con cá này nữa, vì có thể cá này là con trai của Long Vương gởi đến cho chúng ta." Rồi đem cá phóng sinh. Dù họ không ăn, nhưng bệnh tình của họ vẫn được thuyên giảm liền. Đó là chuyện "Vương Tường." Lòng hiếu thuận chân thực có thể cảm động đến Trời. Con trai, con gái nên chú tâm đặc biệt thực hành hạnh hiếu thuận. Vua Thuấn của Trung Hoa là người chí hiếu, đến nỗi voi trên rừng cũng xuống giúp ông cày ruộng, chim cũng giúp ông gieo hạt.

Khi mới phát tâm tu tập trong giáo pháp của Như Lai, ông thấy được điểm thù thắng nào mà từ bỏ ân ái sâu nặng thế gian mà xuất gia? Đức Phật hỏi A-nan, trước hết điều gì đã khiến ông từ bỏ tình cảm thế gian để sống đời xuất gia ông đã cảm nhận được trạng thái thù thắng nào trong tâm thức khiến ông phát tâm xuất gia? Trên đời này, tình thương của cha mẹ và con cái rất lớn lao và tình yêu giữa vợ chồng cũng rất mãnh liệt. Nếu con người có khả năng chuyển hóa tình cảm giữa vợ chồng với nhau sang sự yêu thích học tập Phật pháp, thì chẳng có ai mà không được chứng ngộ. Bất hạnh thay, hầu hết mọi người đều không làm như vậy. Nếu quý vị làm được như thế, đó thật là điều tốt đẹp bất khả tư nghì.

Kinh văn: **阿難白佛:我見如來三十二相, 勝妙殊絕, 形體映徹猶如瑠璃。**

Phiên âm: A-nan bạch Phật: Ngã kiến Như Lai tam thập nhị tướng, thắng diệu thù tuyệt, hình thể ánh triệt do như lưu li.

Việt dịch: A-nan bạch Phật: "Bạch Thế tôn, do con thấy ba mươi hai tướng tốt thù thắng vi diệu tuyệt vời của Như Lai, hình thể sáng chói trong suốt như ngọc lưu ly."

Giảng: "Nói nhanh" Đức Phật bảo:"Không được suy nghĩ, hãy nói ngay điều gì đó đã khiến ông xuất gia?" Do A-nan đã chuẩn bị để trả lời một cách đơn giản

nên A-nan bạch Phật: “Bạch Thế tôn, do con thấy ba mươi hai tướng tốt thù thắng vi diệu của Như Lai” Từ “vô kiến đảnh tướng” ở trên đảnh đầu nổi lên như nhục kế, cho đến dáng dấp cân đối tuyệt hảo, đến ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm của thân Phật, ba mươi hai tướng tốt ấy rất thù thắng, vi diệu, tuyệt vời, đẹp hơn tất cả những gì mà A-nan đã thấy được. A-nan nói: “Không có gì trên đời có thể so sánh được với dáng dấp trang nghiêm, tuyệt hảo như thân tướng Như Lai.” Báo thân Phật là hình thể sáng chói, trong suốt như ngọc lưu ly.

Kinh văn: **常自思惟, 此相非是欲愛所生. 何以故? 欲氣麁濁腥臊交遘, 膿血雜亂。不能發生勝淨妙明紫金光聚。是以渴仰從佛剃落.**

Phiên âm: Thường tự tư duy, thử tướng phi thị dục ái sở sanh. Hà dĩ cố? dục khí thô trược, tinh tháo giao cấu, nùng huyết tạp loạn. Bất năng phát sanh thắng tịnh diệu minh tử kim quang tụ. Thị dĩ khát ngưỡng tòng Phật thế lạc.

Việt dịch: Con thường tự suy nghĩ những tướng tốt này không phải do ái dục mà sanh ra. Sao vậy? Vì dục khí thì thô nặng và dơ bẩn. Từ sự uế tạp và thối tha ấy giao hợp với nhau tạo thành một thứ tinh huyết hỗn tạp. Từ đó không thể sinh ra một thân thể thù thắng, thanh tịnh, sáng chói vi diệu như khối vàng tía này, do đó mà con khắt ngưỡng, theo Phật xuất gia.

Giảng: Khi A-nan thường tự suy nghĩ những tướng tốt này không thể do ái dục sinh ra. A-nan thường dùng tâm thức phân biệt của hàng phàm phu, tâm phàm phu là chủ thể của sự sinh diệt. A-nan nghĩ : làm sao mà ba mươi hai tướng tốt kia lại có thể được sinh ra từ sự đam mê, dâm dục và tình yêu luyến ái được? Vì dục khí thì thô nặng và dơ bẩn. Từ sự uế tạp và thối tha ấy giao hợp với nhau tạo thành một thứ tinh huyết hỗn tạp. Đàn ông, đàn bà giao hợp với nhau và cho việc ấy là tốt, nhưng thực chất là làm phóng ra những dục khí cực kỳ hôi thối. Không thể tin từ thân thể do ái dục của nam nữ sinh ra một thân thể thù thắng thanh tịnh, sáng chói, vi diệu như khối vàng tía này. Suy nghĩ như vậy, A-nan khát ngưỡng theo Phật xuất gia.

A-nan đã từ bỏ một thứ tình yêu, đó là tình luyến ái của gia đình để lấy một tình yêu khác đó là yêu vẻ đẹp phát ra từ thân tướng trang nghiêm vi diệu của Đức Phật. Đó là lý do khiến A-nan xuất gia. Ngay đây, A-nan đã phát khởi sai lầm.

A-nan xuất gia không phải vì ước nguyện chân chính là tu tập đạo lý nên sau khi xuất gia rồi, A-nan chỉ tập trung vào việc học tập kinh điển. Trước đây tôi đã

khuyên quý vị nên chuyển tình yêu vợ chồng trai gái thành lòng yêu thích học tập Phật pháp. Nhưng điều ấy không có nghĩa là chỉ bằng tình yêu không thôi mà có thể chấm dứt được sinh tử. Quý vị sẽ hỏi: “Chúng con phải làm điều gì?” Quý vị phải chân thực tu tập chính pháp. Quý vị phải ý thức trọn vẹn những việc quý vị đang làm vào mọi lúc mọi nơi. Quý vị không nên xao nhãng dù chỉ trong thoáng chốc mà phải thường hành trì Phật pháp. Từ sáng sớm cho đến đêm phải nghiên cứu thực hành Kinh Thủ-lăng-nghiêm, phải siêng năng ngồi thiền và nghe giảng Pháp. Đừng khởi vọng tưởng và đừng nói chuyện nhiều, vì chẳng ai có thể giúp được quý vị trong khi học kinh và khi tham thiền. Quý vị nên buộc mọi sinh hoạt của mình vào trong công phu và hy sinh mọi thứ khác để tu học Phật pháp. Như thế thì những kiến thức thu thập được sẽ giúp quý vị có được trí tuệ và chánh kiến.

Nhưng vì A-nan chỉ quan tâm duy nhất đến tình yêu nơi thân thể của Đức Phật, nên không lo tu tập định lực. A-nan nghĩ rằng (như A-nan đã thú nhận trong kinh văn)“Đức Phật là anh em chú bác với con, trong tương lai Đức Phật sẽ trao cho con định lực.” A-nan không nhận ra rằng chẳng ai có thể thay thế cho mình trong khi tu tập, cả thân lẫn tâm. A-nan rất thông minh, có lẽ còn thông minh hơn bất kỳ người nào ở đây. Nhưng khi A-nan tập trung vào việc học tập kinh điển thay vì phí thời giờ vào việc thiền định, tư chất A-nan lại tỏ ra quá lanh lợi. A-nan thông thạo ngôn từ nhưng đó không phải là cốt tủy. A-nan có thể thuộc lòng tất cả các bài pháp Đức Phật đã giảng dạy không hề sai một chữ, nhưng chẳng có được chút định lực nào cả, nên A-nan đã bị hàng phục bởi tà chú “Tiên phạm thiên” của con gái Ma-đăng-già.

Thay vì học hỏi từ trí tuệ, học hỏi sự tỉnh giác, đạo đức của Đức Phật, A-nan chỉ tự mình mô phỏng theo hình tướng của Như Lai. Trong đời trước, có lẽ A-nan quá đắm chấp vào hình tướng, thế nên A-nan chỉ chú ý vào khía cạnh hời hợt của sự vật. Mặc dù A-nan thuộc lòng các kinh Đức Phật đã giảng, nhưng không chú tâm vào chỉ thú Kinh muốn nhắm đến. A-nan quá bận tâm đến hình tướng của Đức Phật đến nỗi ngày nào mà không được nhìn thấy Đức Phật thì ngày đó A-nan không được vui. Bất kỳ ai muốn đạt được năng lực chánh định, trước hết họ phải từ bỏ luyến ái. Nhưng thay thế tình yêu bằng sự ghét bỏ lại là một lỗi lầm khác. Quý vị nói rằng: “Tôi chẳng yêu thương ai hết cả, tôi xem thường bất kỳ mọi người mà tôi gặp. Hãy tránh xa tôi ra! Tôi muốn ở một mình. Tôi chỉ muốn tự mình tu tập thôi!” Với thái độ này, quý vị sẽ chẳng bao giờ đạt được chánh định. Quý vị phải không được quá yêu hoặc quá ghét. Phải nên như là chẳng có gì khác biệt giữa quý vị và mọi người khác. Mọi người đều bình đẳng. Nếu quý vị là một, là bình đẳng với mọi người thì còn có ai để yêu thương, còn ai để ghét bỏ?

Quý vị sẽ nói: “Tôi chẳng thể nào làm nổi chuyện đó được, quá khó!” Nếu quý vị chịu khó khổ nhọc, quý vị sẽ đạt được tánh chân thực. Nếu quý vị không chịu khổ nhọc, quý vị không thể nào đạt được. Hãy theo những lời dạy này, đừng nghe theo những suy tưởng của riêng cá nhân mình.

“Bình thường tâm thị đạo.” Tâm bình đẳng mới khế hợp với đạo. Vì A-nan ưa thích thân tướng trang nghiêm của Đức Phật, nên A-nan có thể từ bỏ sức hấp dẫn sâu đậm của tình ái thế tục và xả bỏ râu tóc để xuất gia. Khi Đức Phật còn tại thế, những vị theo Phật xuất gia, không cần phải cạo tóc. Đức Phật chỉ cần nói : “Lành thay, lành thay, ông nay đã từ bỏ cuộc sống thế tục, để sống đời xuất gia; hãy để cho râu tóc tự rụng và đắp y hoại sắc vào người.” Ngay sau khi Đức Phật nói xong, râu tóc của vị tỷ-khưu ấy tự rơi xuống, vì Đức Phật đã dùng thần thông khiến cho râu tóc tự rụng. Nay Đức Phật đã nhập niết-bàn, chúng ta phải phát nguyện thọ giới tại giới đàn. Nhưng khi Đức Phật còn tại thế, các tỷ-khưu có được giới thể ngay sau khi Đức Phật nói những lời vắn tắt “Thiện lai! Tỷ-khưu,” họ được đắp giới y liền. Ở Trung Hoa giới đàn thường kéo dài trong vòng ba năm. Nhưng rồi ba năm rốt cục cũng được xem là quá dài nên có một phương pháp khoa học được chấp nhận để đẩy nhanh tiến trình đó, đến nỗi có người được thọ giới chỉ trong vòng năm mươi ba ngày. Hiện nay có giới đàn chỉ truyền giới trong vòng mười tám ngày, thậm chí có giới đàn chỉ truyền giới trong vòng bảy ngày. Thời đại cơ giới đang tiến đến thời đại điện tử, đến mức ở Ta Yu San, Hồng Kông, giới đàn chỉ cần thời gian ba ngày để truyền giới. Thực ra, giới đàn truyền giới trong ba ngày là không đúng pháp.

Kinh văn: **佛言:“善哉阿難。汝等當知一切眾生,從無始來生死相續,皆由不知常住真心性淨明體,用諸妄想; 此想不真故有輪轉。**

Phiên âm: Phật ngôn:“Thiện tai A-nan. Nhữ đẳng đương tri nhất thiết chúng sanh, tòng vô thủy lai sanh tử tương tục, giai do bất tri thường trụ chân tâm tính tịnh minh thể, dụng chư vọng tưởng; thử tưởng bất chân, cố hữu luân chuyển.

Việt dịch: Đức Phật nói: “Lành thay! A-nan. Các ông nên biết tất cả chúng sinh từ vô thỉ đến nay chịu sanh tử tương tục do vì không nhận ra chơn tâm thường trụ, thể tánh vốn trong sạch sáng suốt, mà nhận lầm các vọng tưởng; các vọng tưởng này vốn chẳng chân thật, thế nên bị luân chuyển.”

Giảng: Đức Phật nói: “Lành thay! A-nan.” Đức Phật khuyến khích A-nan, bảo rằng A-nan đã làm một việc rất tốt là đã phát tâm xuất gia trở thành một vị tỷ-

khưu Rồi Đức Phật nói với các vị Đại tỷ-khưu Đại a-la-hán, đại bồ-tát và tất cả mọi người có mặt trong hội chúng rằng: Các ông nên biết tất cả chúng sinh từ vô thỉ đến nay chịu sanh tử tương tục. Chúng sanh phải trải qua vòng sống chết nối tiếp theo nhau không hề dừng nghỉ, rồi bỏ lại đằng sau một đống xương cao ngất như núi. Sinh ra rồi chết, chết rồi lại sinh ra, rồi lại chết đi. Quý vị từ đâu đến? Quý vị sẽ đi về đâu? quý vị chẳng thể nào biết được. Quý vị bị sai sử bởi các nghiệp duyên, nghiệp chướng. Quý vị sẽ tái sinh ở chốn nào? Từ trước đến nay quý vị ở nơi đâu? Quý vị chẳng hề biết được mình từ đâu đến đây và rồi mình sẽ đi về đâu sau khi chết? Quý vị sẽ hỏi: “Tại sao lại có chuyện sống chết?” Vì quý vị hoàn toàn không hiểu.

Do vì không nhận ra chơn tâm thường trụ Chơn tâm thường trụ ấy vốn không lay động, không sinh không diệt, không dơ không sạch, chẳng thể thêm vào hoặc vơi bớt đi. Vì “tâm” này không lay động nên được gọi là “thường trụ.” Vì chẳng có gì làm cho tâm ấy lớn thêm hoặc nhỏ bớt đi nên gọi là “chân.” Chỉ nhận biết “chân tâm” không thôi, chưa đủ, quý vị còn phải nhận ra: Thể tánh vốn trong sạch, sáng suốt của chơn tâm thường trụ đó. Đây chính là tự tánh, là Pháp tánh của quý vị. Tự tánh ấy vốn trong suốt và thanh tịnh, soi khắp cả mười phương. Quý vị đã quên bẵng chơn tâm ấy đi. Giống như viên ngọc minh châu dấu trong chéo áo vậy. Trong kinh Pháp Hoa kể chuyện một trưởng giả rất giàu, có người con bất hạnh bỏ nhà đi lang thang. Nhưng trước khi người con ra đi, người cha sợ con mình sẽ bị nghèo túng, khi hết sạch tiền bạc sẽ trở thành kẻ sống đầu đường xó chợ, nên người cha bí mật khâu một viên ngọc như ý vào trong chéo áo của người con.

Sau thời gian sống lang thang, như dự đoán của người cha, người con hết sạch tiền bạc, thành một kẻ đói rách lang thang. Nhưng người con không hề biết mình có được một viên ngọc minh châu vô giá nằm trong chéo áo. Thế nên anh ta không thể nào sử dụng của quý báu ấy vào lợi ích cho cuộc đời mình. Bản tánh trong sạch sáng suốt, thường trụ, không dao động, chân thật của chân tâm cũng giống như viên ngọc quý giá ấy vậy. Do vì không biết về nó nên quý vị không thể sử dụng nó vào việc lợi lạc được. Mà nhận lấy các vọng tưởng. Quý vị đã sử dụng tâm ý thức để sống, đó là đối tượng của sinh diệt. Các vọng tưởng này vốn chẳng chơn thật. Nhưng các vọng tưởng này lại điều khiển quý vị khiến cho quý vị mê muội. Nó sai sử quý vị chạy loanh quanh rồi dìm quý vị xuống vũng bùn. Do vì sự hành xử của quý vị đã lấy vọng tưởng làm cội gốc. Thế nên bị luân chuyển trong vòng luân hồi bất tận. Nhưng nếu một khi vọng tưởng ấy bị loại trừ, được chuyển hóa hết sạch trong tâm thì quý vị sẽ nhận ra ngay chân tâm của mình. Khi ấy sinh tử cũng chấm dứt luôn.

Kinh văn: **汝今欲研無上菩提真發明性。應當直心詶我所問。十方如來同一道故, 出離生死皆以直心。心言直故,如是乃至終始,地位中間,永無諸委曲相。**

Phiên âm: Nhữ kim dục nghiên vô thượng bồ-đề chân phát minh tính. Ưng đương trực tâm thù ngã sở vấn. Thập phương Như Lai đồng nhất đạo cố, xuất li sanh tử giai dĩ trực tâm. Tâm ngôn trực cố, như thị nãi chí chung thủy, địa vị trung gian, vĩnh vô chư ủy khúc tướng.

Việt dịch: Nay ông muốn thấu rõ quả vị vô thượng bồ-đề và phát minh chân tánh, ông phải dùng trực tâm đáp ngay lời Như Lai hỏi. Mười phương Như Lai ra khỏi sinh tử, đều nhờ trực tâm. Do tâm và lời nói đều ngay thẳng như thế, cho đến khoảng thời gian trước, sau, và thời kỳ trung gian tuyệt nhiên không có lời nói cong vạy.

Giảng: Kinh Duy-ma-cật nói: "Trực tâm là đạo tràng," nên Đức Phật dạy A-nan rằng: Nay ông muốn thấu rõ quả vị vô thượng bồ-đề và phát minh chơn tánh, ông phải trực tâm đáp ngay lời tôi hỏi. Đức Phật muốn nói: "Đừng suy nghĩ, đừng dùng vọng tưởng mà cố gắng tìm ra lời giải đáp đúng đắn. Đừng vật lộn với nó như thể ông đang đánh nhau với tôi và ông phải tìm thủ đoạn nào đó để đánh bại tôi, như thể là trong nghệ thuật quân sự, người ta phải quyết định tính toán phương thức phản công như thế nào để thắng." Đức Phật e ngại rằng nếu A-nan cố tìm cách trả lời quanh co, thì sẽ khó đạt được chân lý. Tại sao trực tâm là đạo tràng? Ngay trước khi quý vị khởi dậy một niệm tưởng, đó gọi là chân tâm, đó là trực tâm, là đạo tâm, tức đệ nhất nghĩa đế. Đó còn gọi là "đệ nhất niệm," là sự thật tối sơ ngay trước khi lời nói phát ra. Ngay khi quý vị khởi niệm suy nghĩ mình nên nói điều gì thì ngay đó đã khởi dậy vọng tưởng, không còn bóng dáng của chân tâm nữa. Đó là tâm ý thức, đã hoàn toàn rơi vào "đệ nhị niệm" rồi. Thay vì trả lời tức khắc, dùng trực tâm để biểu hiện điều mình muốn nói thì quý vị suy tính: "A! Ta không nên trả lời như thế kia. Nếu ta nói như thế, ta bị cho là sai. Ta nên nói như thế này đúng hơn." Rồi quý vị lại suy nghĩ và lại thay đổi ý định lần nữa. Tại sao khi quý vị nói phải nên dùng "đệ nhất niệm." Vì mười phương Như Lai ra khỏi sinh tử đều nhờ trực tâm. Có một bài thơ mô tả về chữ tâm 心 : "Tam điểm như tinh tượng Hoành câu tợ nguyệt tà Phi mao cập đới giác Tố giác giả do tha.

Tạm dịch : Ba điểm như vì sao sáng Nét cong như mảnh trăng non Từ loài mang lông đội sừng Cho đến bậc giác ngộ cũng đều do tâm kia mà thành tựu. Mười pháp giới đều không vượt ra ngoài một niệm lưu xuất từ tâm kia mà có được. Tâm niệm ấy không những khiến cho quý vị rơi vào cõi giới súc sinh mà cũng khiến cho quý vị tu tập thành Phật. Không những chỉ có Đức Phật được thành tựu từ "tâm" này mà cả các loài quỷ thần cũng được tạo nên từ tâm; cho

đến chư thiên, các vị a-la-hán và bồ-tát cũng thế. Chẳng hạn như bây giờ quý vị đang tham cứu Phật pháp, đang học kinh Thủ-lăng-nghiêm mà chẳng hề sợ hãi bất kỳ điều gì khó khăn xảy đến. Đó là vì quý vị liên tục gieo trồng hạt giống tâm niệm vào mảnh đất tâm kiên cố từ vô lượng đời trước. Một hạt giống bồ-đề đã bén rễ nên bây giờ quý vị được học Phật pháp. Dĩ nhiên đây chỉ là một niệm từ chân tâm đã được trợ duyên nhờ huân tập và thường xuyên suy nghĩ về nó. "Ta có nên theo học Phật pháp hay không?"

Quý vị suy nghĩ đề tài này lui tới mãi cho đến cuối cùng quý vị có quyết định dứt khoát. Do tâm và lời nói đều ngay thẳng như thế.

"Như thế," tiếng Hán là như thị 如是, nó có liên quan đặc biệt với "trực tâm," nó không có nghĩa như cụm từ xuất hiện ở đầu kinh văn này. Cho đến khoảng thời gian đầu, thời gian cuối và cả thời kỳ trung gian.

"Thời gian cuối" có nghĩa là sự giác ngộ nhiệm mầu, chứng được quả vị Phật. "Thời gian đầu" có nghĩa là càn huệ địa, đứng đầu trong Thập tín, những quả vị này sẽ được bàn kỹ trong phần kinh văn sau.

"Thời kỳ trung gian" là thời gian tu tập dài lâu giữa đoạn càn huệ địa đến khi chứng được quả vị Phật, trải qua các quả vị bồ-tát cho đến Đẳng giác và Diệu giác. Qua suốt thời gian đó, chư Phật trong quá khứ đều tuyệt nhiên không nói lời cong vạy. Các Đức Phật đều chỉ vận dụng trực tâm, vì thế nên các Ngài đều thành Phật.

A-nan sẽ không vận dụng được trực tâm để trả lời câu hỏi của Đức Phật, lại trả lời quanh co khiến ông không thể đạt được chân lý. Thế nên Đức Phật trước hết muốn giải thích rõ ràng, đã khuyên A-nan nên trả lời thẳng mà không nên trả lời lộn lạo. Đức Phật bảo: "Nay Như Lai sẽ giảng bày yếu chỉ pháp môn tu tập cho ông nghe; Như Lai sẽ giảng giải cách phát minh chơn tánh, giáo lý ban đầu liên quan đến việc tu chứng quả vị Phật, thế nên ông không nên quá thờ ơ hoặc tìm những lời quanh co tránh né khi trả lời câu hỏi của Như Lai. Ông nên dùng trực tâm mà trả lời.

Kinh văn: **阿難,我今問汝:當汝發心,緣於如來三十二相。將何所見誰為愛樂?**

Phiên âm: A-nan ngã kim vấn nhữ. Đương nhữ phát tâm, duyên ư Như Lai tam thập nhị tướng. Tương hà sở kiến thùy vị ái nhạo?

Việt dịch: A-nan, nay tôi hỏi ông: "Ngay khi ông vừa mới phát tâm là do ông thích ba mươi hai tướng tốt của Như Lai. Vậy ông lấy gì để thấy và ông ưa thích cái gì?

Giảng: Một lần nữa Đức Phật lại hỏi A-nan: A-nan, nay tôi hỏi ông: ngay khi vừa mới phát tâm. Khi quyết định xuất gia tu đạo, khi A-nan dùng tâm thức suy nghĩ về hình tướng của Như Lai là do ông thích ba mươi hai tướng tốt của Như Lai. A-nan bị bất ngờ gặp phải câu hỏi này. Đây là ý nghĩa của sự ưa thích ba mươi hai tướng tốt. Thế nên Đức Phật hỏi: Ông lấy gì để thấy và ông ưa thích cái gì?"

Kinh văn: **阿難白佛言: 世尊如是愛樂用我心目。由目觀見如來勝相心生愛樂,故我發心願捨生死。**

Phiên âm: A-nan bạch Phật ngôn: Thế tôn! Như thị ái nhạo dụng ngã tâm mục. Do mục quán kiến Như Lai thắng tướng tâm sanh ái nhạo, cố ngã phát tâm nguyện xả sanh tử.

Việt dịch: A-nan bạch Phật: "Bạch Thế tôn! Sự yêu thích như thế là do tâm và mắt của con. Do mắt thấy tướng thù thắng của Như Lai nên tâm ưa thích và phát tâm nguyện xả bỏ sinh tử."

Giảng: A-nan bạch Phật: "Bạch Thế tôn! Sự yêu thích như thế là do tâm và mắt của con." Hầu hết mọi người sẽ cho rằng A-nan trả lời rất đúng, A-nan đã dùng mắt và tâm để thấy Đức Phật. Nhưng theo kinh văn, quý vị sẽ thấy câu trả lời này hoàn toàn sai lầm. Do mắt thấy tướng thù thắng của Như Lai nên tâm ưa thích.

Con dùng mắt để nhìn ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của Như Lai nên tâm con phát sinh lòng ưa thích. Con yêu thích cái gì ở thân tướng Như Lai? Con thấy những tướng thù thắng và trang nghiêm tinh khiết nơi thân Như Lai; thân đó chắc chắn chẳng phải được sinh ra từ ái dục. Và phát tâm xả bỏ sinh tử. Con muốn theo Phật xuất gia tu đạo, lý do con xuất gia là như thế. Đó là nội dung câu trả lời của A-nan trước Đức Phật.

Kinh văn: **佛告阿難: 如汝所說,真所愛樂因于心目,若不識知心目所在, 則不能得降伏塵勞.**

Phiên âm: Phật cáo A-nan: "Như nhữ sở thuyết, chân sở ái nhạo nhân vu tâm mục, nhược bất thức tri tâm mục sở tại, tắc bất năng đắc hàng phục trần lao.

Việt dịch: Đức Phật bảo A-nan: "Như ông nói, thật chỗ yêu thích là do tâm và mắt, nếu ông không biết tâm và mắt ở đâu thì không thể nào hàng phục được trần lao."

Giảng: A-nan thưa với Đức Phật rằng lý do khiến A-nan quyết định xuất gia là vì A-nan thấy những tướng tốt thù thắng của Đức Phật nên tâm khởi niệm yêu thích. Đức Phật bảo A-nan: "Như ông nói, thật chỗ yêu thích là do tâm và mắt. Tuy vậy, quý vị có biết tâm mình ở đâu không? Quý vị có biết mắt mình có khả năng thấy được hay không? Quý vị có biết mắt ở nơi nào không?

Quý vị phản đối: "Những câu hỏi ấy hoàn toàn là vô lý, mắt ở trên mặt và tâm thì ở trong thân. ai mà chẳng biết điều đó!" Nhưng đó không phải là chân tâm của quý vị, cũng chẳng phải là cái thấy chân thật của quý vị. Ẩn đằng sau câu hỏi của Đức Phật là tri kiến Như Lai. Nếu ông không biết tâm và mắt ở đâu thì không thể nào hàng phục được trần lao. "Trần" có nghĩa là dơ bẩn, "lao" có nghĩa là nhiễu loạn, xáo trộn. Sự dơ bẩn, ô uế, làm nhiễu loạn tâm quý vị, nó quấy rối tự tánh của quý vị. Thế nên quý vị không thể nào chuyển hóa vọng tưởng thành chân tâm được. Nó giống như khi hai đạo quân giao chiến với nhau, sẽ có một bên thắng trận. Quý vị sẽ chiến thắng nếu quý vị hàng phục được trần lao, nghĩa là khi quý vị cắt đứt được vòng sinh tử.

Kinh văn: **譬如國王為賊所侵,發兵討除,是兵要當知賊所在。**

Phiên âm: Thí như quốc vương vi tặc sở xâm, phát binh thảo trừ, thị binh yếu đương tri tặc sở tại.

Việt dịch: Ví như quốc vương, khi có giặc đến xâm chiếm nước mình, muốn phát binh đi trừ dẹp, thì cần phải biết giặc ở nơi đâu.

Giảng: Đức Phật trình bày một ví dụ: Ví như quốc vương khi có giặc đến xâm chiếm nước mình. Giặc muốn xâm chiếm lãnh thổ, vua muốn phát binh đi trừ dẹp. Chế ngự chúng và đuổi chúng ra khỏi nước mình, nhưng quân đội do vua phái đi cần phải biết giặc ở nơi đâu. Cũng như vậy, lý do khiến quý vị không chấm dứt được sinh tử từ vô lượng kiếp là vì quý vị không biết tâm và mắt ở đâu.

Kinh văn: **使汝流轉心目為咎。吾今問汝唯心與目今何所在？**

Phiên âm: Sử nhữ lưu chuyển tâm mục vi cữu. Ngô kim vấn nhữ duy tâm dữ mục kim hà sở tại?

Việt dịch: Lỗi lầm là ở tâm và mắt khiến ông bị lưu chuyển. Nay tôi hỏi ông, riêng tâm và mắt nay ở chỗ nào?

Giảng: Đức Phật càng nói càng thấy đạo lý trong ấy thật đơn giản: "Như Lai sẽ nói rõ hơn cho các ông biết rằng lỗi lầm là ở tâm và mắt khiến ông bị lưu chuyển. Tại sao các ông phải chịu sinh tử? Nguyên nhân nào khiến quý vị bị luân chuyển trong sinh tử, triền chuyển luân hồi vô cùng tận trong vòng lục đạo? Tâm và mắt quý vị phải chịu trách nhiệm. Tâm và mắt đã phạm sai lầm khi làm cho quý vị phải trải qua sinh tử và làm cho quý vị không thể nào đạt được sự tự do. Do chính nó là thủ phạm. Nay tôi hỏi ông, riêng tâm và mắt nay ở chỗ nào? "Nói nhanh lên!" Đức Phật khuyến khích A-nan.

Kinh văn: **阿難白佛言:世尊,一切世間十種異生,同將識心居在身內。縱觀如來青蓮花眼,亦在佛面.**

Phiên âm: A-nan bạch Phật ngôn: Thế tôn! Nhất thiết thế gian thập chủng dị sanh, đồng tương thức tâm cư tại thân nội. Túng quán Như lai thanh liên hoa nhãn diệc tại Phật diện.

Việt dịch: A-nan bạch Phật : "Bạch Đức Thế tôn, tất cả mười loài dị sinh ở trong thế gian đồng cho rằng tâm ở trong thân. Con thấy dù con mắt sen xanh của Như Lai, cũng nằm ở trên mặt."

Giảng: Trong phần này của kinh văn, A-nan đã không trả lời với trực tâm. A-nan đang trả lời quanh co. Khi A-nan được Đức Phật hỏi: "Tâm ông ở đâu, mắt ông ở đâu." A-nan ngơ ngác và không biết phải trả lời ra sao cho đúng. A-nan liền nắm lấy tình huống và nói: Bạch Đức Thế Tôn… Tôi tin rằng lúc ấy A-nan nói rất nhỏ. Tại sao? Vì A-nan không tự tin nơi mình, A-nan không biết mình sẽ nói đúng hay sai, A-nan chỉ đoán mò dựa trên hiểu biết của mình. A-nan còn do dự nói ngập ngừng chứ không dám nói mạnh. A-nan đưa ra: Tất cả mười loài dị sanh ở trong thế gian. Những điều này sẽ được giảng kỹ ở phần kinh văn sau nên tôi sẽ không nói ở đây. Các loài chúng sinh bao gồm: thai sanh, noãn sanh, thấp sanh và hóa sanh, loài có tưởng, loài không có tưởng… tất cả đều có ghi rõ trong Kinh Kim Cương. Căn bản là như vậy, có tất cả mười hai loại chúng sinh, nhưng ở đây loại chúng sinh không có sắc tướng (vô sắc) và loại không có tưởng (vô tưởng) không được đề cập đến. Thế nên A-nan nói nhỏ nhẹ: "tất cả mười loài dị sinh ở trong thế gian đồng cho rằng tâm ở trong thân.

Tâm ở đây là “thức tâm”, là tâm phải chịu sinh diệt, là tâm phân biệt, tâm suy lường. A-nan chẳng chú trọng đến mình, chỉ đề cập đến mười loại chúng sinh, A-nan không nói đến mình vì sợ rằng mình có chút nào sai khác với các loài chúng sinh ấy. Nên A-nan nói: “Tất cả chúng sinh trong mười phương cũng đều như thế cả, không phải chỉ riêng mình con là A-nan , cũng giống như vậy thôi.” Giọng nói của A-nan hơi hạ thấp xuống một tí, hàm ý rằng: “Rốt cục, tất cả mọi người đều biết rằng tâm ở bên trong…” Con thấy dù con mắt sen xanh của Như Lai cũng nằm ở trên mặt. A-nan nói: “khi con cúi về phía trước chăm chú nhìn vào đôi mắt của Như Lai trong sáng và lớn như hoa sen, nó cũng ở trên mặt của Đức Phật.” Sự ghi nhận của A-nan ám chỉ một cách vi tế: “thật là đơn giản, mắt của Như Lai cũng ở trên mặt Như Lai đó thôi, tại sao Như Lai còn hỏi con” Nhưng A-nan thực sự không dám quả quyết nói ra lời nói ấy.

Kinh văn: **我今觀此浮根四塵,秖在我面。如是識心實居身內.**

Phiên âm: Ngã kim quán thử phù căn tứ trần, chỉ tại ngã diện. Như thị thức tâm thật cư thân nội.

Việt dịch: Nay con quan sát các căn thô phù của tứ trần này, chỉ ở trên mặt con. Và cũng quán sát như vậy, thức tâm thực là ở trong thân con.

Giảng: A-nan thưa: “Bạch Thế Tôn, con mắt sen xanh của Thế tôn là ở trên mặt của Ngài. Nay con quán sát các căn thô phù của tứ trần này đều ở trên mặt của con. Các “phù căn” là mắt, tai, mũi, lưỡi đều ở trên mặt. Còn tứ trần là: sắc, hương, vị, xúc. Nó rất rõ rệt và dễ nhận ra.

Và cũng quán sát như thế, thức tâm thực là ở trong thân con. Khi con suy nghĩ về điều ấy sâu hơn, tâm thức phân biệt của con có thể nhận biết sự thoải mái hay bực bội, tốt hay xấu. Thực sự thức tâm ấy là ở trong thân con.” Đó là cách A-nan trả lời câu hỏi của Đức Phật.

Kinh văn: **佛告阿難:汝今現坐如來講堂。觀祇陀林今何所在? 世尊,此大重閣清淨講堂在給孤園。今祇陀林實在堂外。**

Phiên âm: Phật cáo A-nan: “Nhữ kim hiện tọa Như lai giảng đường, quán Kì-đà lâm kim hà sở tại?” Thế tôn thử đại trùng các thanh tịnh giảng đường, tại Cấp Cô viên. Kim Kì-đà lâm, thực tại đường ngoại.

Việt dịch: Đức Phật bảo A-nan: “Nay ông hiện đang ngồi trong giảng đường cùng Như Lai, ông xem thấy vườn cây Kỳ-đà đang ở chỗ nào?” –

Bạch Thế tôn, giảng đường thanh tịnh nhiều tầng rộng lớn này là ở trong vườn ông Cấp Cô Độc. Còn rừng Kỳ-đà, đúng là ở bên ngoài giảng đường.

Giảng: Vừa nghe A-nan trả lời rằng tâm ở trong thân còn mắt thì ở trên mặt. Đức Phật không trả lời ngay mà hỏi A-nan câu khác: Đức Phật bảo A-nan: "Nay ông hiện đang ngồi trong giảng đường cùng Như Lai. Ông xem thấy vườn cây Kỳ-đà đang ở chỗ nào? Ngay khi ông nhìn thấy rừng của "Kỳ-đà–Hoàng tử chiến thắng." Khu rừng ấy ở nơi nào? Đức Phật không có một chỉ định rõ ràng tâm thức ở trong hay ở ngoài thân, chỉ đưa ra câu hỏi khác để ngăn chặn vọng tưởng của A-nan.

A-nan trả lời Đức Phật: "Bạch Đức Thế Tôn, giảng đường thanh tịnh, nhiều tầng, rộng lớn này là ở trong vườn ông Cấp Cô Độc. Giảng đường rộng lớn, thanh tịnh của Đức Phật là ở trong vườn của ông Cấp Cô Độc. Còn rừng Kỳ-đà thực là ở ngoài giảng đường. Giảng đường nơi chúng con đang ngồi là ở trong vườn. Còn rừng Kỳ-đà thực là ở bên ngoài giảng đường. Rồi Đức Phật bảo A-nan:

Kinh văn: **阿難,汝今堂中,先何所見? 世尊,我在堂中,先見如來,次觀大眾。如是外望,方矚林園。**

Phiên âm: A-nan, nhữ kim đường trung, tiên hà sở kiến? Thế tôn, ngã tại đường trung, tiên kiến Như lai thứ quán đại chúng. Như thị ngoại vọng, phương chúc lâm viên.

Việt dịch: A-nan, nay đang ngồi trong giảng đường, trước hết ông thấy gì? – Bạch Thế tôn, con nay trong giảng đường, trước hết thấy Như Lai, rồi thấy đại chúng. Như thế nhìn ra ngoài, con thấy được rừng cây.

Giảng: Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nghe A-nan nói rằng các phù căn: mắt, tai, mũi, lưỡi và tứ trần: sắc, thanh, hương, vị là bên ngoài thân (trên thân). Trong khi thức tâm thì A-nan bảo rằng ở trong thân. Rồi Đức Phật lại hỏi vườn Kỳ-đà ở đâu. Nay Đức Phật lại hỏi: "A-nan , nay ông đang ngồi trong giảng đường, trước hết ông thấy gì?" A-nan vốn đã cho rằng tâm ở trong thân, thế nên Đức Phật hỏi A-nan thấy gì trước tiên khi ngồi trong giảng đường.

A-nan trả lời: "Bạch Thế Tôn, con nay trong giảng đường, trước hết thấy Như Lai." Người đầu tiên con thấy được trong giảng đường là Như Lai, rồi thấy đại chúng, sau đó, con thấy các Đại bồ-tát, Đại a-la-hán, các vị Thanh văn. Khi

nhìn ra ngoài con thấy được rừng cây. Con thấy được rừng cây Kỳ-đà và vườn của ông Cấp Cô Độc.

Kinh văn: **阿難,汝矚林園,因何有見? 世尊,此大講堂戶牖開豁,故我在堂得遠瞻見。**

Phiên âm: A-nan, nhữ chúc lâm viên, nhân hà hữu kiến? -Thế tôn, thử đại giảng đường hộ dũ khai hoát, cố ngã tại đường đắc viễn chiêm kiến.

Việt dịch: A-nan, khi ông thấy rừng cây là nhờ vào đâu mà thấy được? – Bạch Thế tôn, do các cửa của giảng đường này mở rộng, nên con ở trong giảng đường thấy suốt ra ngoài xa.

Giảng: Đức Phật tiếp tục hỏi: A-nan khi ông thấy rừng cây là nhờ vào đâu mà thấy được? Bằng cách nào mà ông thấy được rừng cây? Nhờ vào cái gì mà ông có thể thấy được nó? Quý vị sẽ có nhận xét: Dường như Đức Phật càng về sau càng ít giảng nói đạo lý hơn. Nhưng thực ra trong lời nói của Đức Phật có ý nghĩa rất sâu xa. Khi chúng ta tham cứu thật sâu sắc, ta sẽ nhận ra đạo lý ấy.

A-nan trả lời: – Bạch Thế Tôn, do các cửa của giảng đường này mở rộng, nên con ở trong giảng đường thấy suốt ra ngoài xa. Từ bên trong giảng đường, con có thể nhìn thấy được rừng cây của Kỳ-đà và vườn của ông Cấp Cô Độc.

Kinh văn: **佛告阿難,如汝所言,身在講堂。戶牖開豁遠矚林園。亦有眾生在此堂中,不見如來見堂外者。阿難答言世尊在堂。不見如來能見林泉。無有是處。阿難,汝亦如是.**

Phiên âm: Phật cáo A-nan, như nhữ sở ngôn, thân tại giảng đường, hộ dũ khai hoát, viễn chúc lâm viên. Diệc hữu chúng sanh tại thử đường trung, bất kiến Như Lai kiến đường ngoại giả? A-nan đáp ngôn: Thế tôn, tại đường bất kiến Như Lai, năng kiến lâm tuyền, vô hữu thị xứ. A-nan, nhữ diệc như thị.

Việt dịch: Đức Phật bảo A-nan: “Như ông vừa nói, ở trong giảng đường, do cửa mở rộng, nên có thể nhìn ra thấy được vườn rừng. Liệu có người ở trong giảng đường không thấy Như Lai, mà thấy được vật bên ngoài không? A-nan thưa: “Bạch Thế tôn, ở trong giảng đường, không thấy Như Lai, mà thấy được rừng suối là điều không thể có.” ¬– Này A-nan, ông cũng như vậy.

Giảng: Đoạn kinh này Đức Phật muốn hỏi vặn lại A-nan. Đức Phật bảo A-nan: "Như ông vừa nói, ở trong giảng đường, do cửa mở rộng, nên có thể nhìn ra thấy được vườn rừng." Ông trả lời hoàn toàn đúng. Ông đang ở trong giảng đường và ông có thể nhìn thấy được rừng Kỳ-đà và vườn ông Cấp Cô Độc.

Liệu có người ở trong giảng đường không thấy Như Lai mà thấy được vật bên ngoài không? Liệu có người nào không thấy được Như Lai mà thấy được vườn rừng bên ngoài giảng đường chăng? Điều ấy có thể được không?" Đức Phật hỏi A-nan như vậy.

A-nan thưa: "Bạch đức Thế tôn, ở trong giảng đường, chẳng thấy Như Lai, mà thấy được rừng suối là điều không thể có." "Nếu có người ở trong giảng đường," A-nan đáp: "Người ấy chắc chắn sẽ thấy Như Lai, không có lý gì người ấy thấy được cảnh vật bên ngoài giảng đường mà không thấy được Đức Phật ở trong giảng đường." A-nan trả lời rất quả quyết.

Đức Phật đáp: Này A-nan, ông cũng như vậy. A-nan nói rằng không thể có được chuyện một người ngồi trong giảng đường mà không thấy Như Lai trong đó, Đức Phật tiếp tục bảo với A-nan rằng, A-nan cũng giống như người ở trong giảng đường mà không thấy được Như Lai, chỉ thấy những cảnh tượng bên ngoài giảng đường.

Kinh văn: **汝之心靈一切明了。若汝現前所明了心實在身內。爾時先合了知內身。頗有眾生先見身中後觀外物?**

Phiên âm: Nhữ chi tâm linh nhất thiết minh liễu. Nhược nhữ hiện tiền sở minh liễu tâm thực tại thân nội, nhĩ thời tiên hợp liễu tri nội thân. Phả hữu chúng sanh tiên kiến thân trung hậu quán ngoại vật?

Việt dịch: Tâm linh của ông thông suốt rõ ràng tất cả mọi vật. Nếu tâm hiện tiền thông suốt rõ ràng ấy thật là ở trong thân ông, thì trước hết nó phải biết được những gì trong thân ông. Liệu có nơi nào thấy được trong thân trước rồi sau mới thấy cảnh vật bên ngoài chăng?

Giảng: "Tâm linh" có nghĩa tâm là vật tối linh trong tất cả vạn vật và tâm có cái dụng là hiểu biết rõ ràng, rộng khắp mọi vật. Thế mà tâm linh của ông thông suốt rõ ràng tất cả mọi vật thì đó chỉ là cái biết của thức tâm. Nếu tâm hiện tiền thông suốt rõ ràng ấy thực là ở trong thân ông, thì trước hết nó phải biết được những gì ở trong thân ông.

Đức Phật đồng ý rằng nếu tâm của A-nan thực ở trong thân, như A-nan nói thì A-nan trước tiên phải biết tất cả những thứ trong thân mình ra sao, cũng giống như người ở trong giảng đường có thể thấy được những gì đang ở trong đó. Nhưng liệu có người nào thấy được trong thân trước rồi sau mới quan sát được cảnh vật bên ngoài chăng? Đức Phật hỏi A-nan như vậy. Đức Phật biết rằng A-nan chưa hiểu được, A-nan vẫn hoàn toàn chưa biết được bản thể chơn tâm ra sao. A-nan vẫn khéo léo vận dụng vọng tưởng, tức thức tâm của mình để trả lời. Thế nên Đức Phật tiếp tục giảng giải.

Kinh văn: **縱不能見心肝脾胃,爪生髮長,筋轉脈搖。誠合明了,如何不知。必不內知,云何知外?**

Phiên âm: Túng bất năng kiến tâm can tỳ vị, trảo sanh phát trưởng, cân chuyển thân dao, thành hợp minh liễu, như hà bất tri? Tất bất nội tri, vân hà tri ngoại?

Việt dịch: Dù chẳng thấy tim, gan, tỳ, vị… nhưng móng tay mọc ra, tóc dài, gân chuyển, mạch đập, lẽ ra phải biết rõ. Tại sao chẳng biết? Nếu đã không biết chuyện bên trong thân, làm sao biết vật ngoài thân?

Giảng: Đức Phật bảo A-nan: "Ông nói tâm ông ở trong thân và khả năng thấy thì ở nơi mắt ông, nhưng nếu tâm ông với tính biết, nằm ở trong thân thì lẽ ra ông biết tim, gan, tỳ, vị… ra sao. Dù chẳng thấy tim, gan, tỳ, vị… lẽ ra ông phải biết những hiện tượng xảy ra bên ngoài như móng tay mọc ra, tóc dài, gân chuyển, mạch đập. Lẽ ra ông phải biết rõ mỗi giây nó mọc được bao nhiêu phần của inch. Thực vậy ông phải biết tất cả về chúng. Nếu đã không biết những chuyện xảy ra ở bên trong thân, làm sao biết vật ngoài thân? Tâm ở bên trong mà ông không hay biết những thứ đang diễn ra bên trong. Thế tại sao ông không biết những gì đang xảy ra ở bên trong.

Kinh văn: **是故應知,汝言覺了能知之心,住在身內,無有是處。**

Phiên âm: Thị cố ưng tri, nhữ ngôn giác liễu năng tri chi tâm, trú tại thân nội, vô hữu thị xứ.

Việt dịch: Thế nên phải biết, ông nói tâm hiểu biết này ở bên trong thân, là không hợp lý.

Giảng: Đức Phật bảo A-nan, "Lý lẽ của ông không đứng vững." Vì ông không biết được những gì ở bên trong ông. Thế nên phải biết, ông nói tâm hay hiểu biết này ở bên trong thân, là không hợp lý. Sau khi dùng những ví dụ và lý lẽ khác nhau. Đức Phật nói thẳng với A-nan thật là sai lầm khi cho cái tâm suy lường hiểu biết ấy là ở trong thân ông.

Kinh văn: **阿難稽首而白佛言: 我聞如來如是法音,悟知我心實居身外。**

Phiên âm: A-nan khể thủ, nhi bạch Phật ngôn: Ngã văn Như Lai như thị pháp âm, ngộ tri ngã tâm thật cư thân ngoại.

Việt dịch: A-nan cúi đầu đảnh lễ bạch Phật: "Bạch Đức Thế tôn, con nghe lời khai thị của Như Lai như thế, nên nhận ra tâm con đúng là ở ngoài thân."

Giảng: Ýcủa A-nan cho rằng tâm ở trong thân thì không thể đứng vững. Đức Phật đã xốc cho A-nan bật ra khỏi sự mê dại và phá hủy sự cố chấp của A-nan. Thế nên A-nan vốn rất thông thạo lễ nghi, liền cúi đầu đảnh lễ, nghĩa là gieo năm vóc sát đất đảnh lễ Thế Tôn. Rồi bạch Phật "Bạch Thế Tôn, con nghe lời khai thị của Như Lai như thế, nên nhận ra tâm con thực ở ngoài thân." "Tâm con không ở trong thân con, nó đã chạy ra ngoài, con biết chắc nó ở đâu rồi." A-nan tuyên bố như vậy. Người ta không thể nào biết chắc chắn tâm của họ chạy ra ngoài lúc nào nhưng bây giờ A-nan bỗng nhiên nói rằng đã biết tâm mình ở nơi nào rồi.

Kinh văn: **所以者何? 譬如燈光然於室中, 是燈必能先照室內,從其室門後及庭際。一切眾生不見身中,獨見身外。亦如燈光居在室外,不能照室.**

Phiên âm: Sở dĩ giả hà? Thí như đăng quang nhiên ư thất trung, thị đăng tất năng tiên chiếu thất nội, tòng kì thất môn hậu cập đình tế. Nhất thiết chúng sanh bất kiến thân trung, độc kiến thân ngoại. Diệc như đăng quang cư tại thất ngoại bất năng chiếu thất.

Việt dịch: Tại sao? Ví như có ngọn đèn sáng ở trong nhà, trước tiên chắc chắn phải soi chiếu trong nhà, rồi theo cửa mở, mới chiếu ra ngoài sân. Tất cả chúng sinh sở dĩ không thấy trong thân, mà chỉ thấy ngoài thân. Cũng giống như ngọn đèn sáng để ngoài nhà, nên không thể soi chiếu trong phòng được.

Giảng: Tại sao? “Tại sao con nói tâm con đã chạy ra ngoài?.” Ví như có ngọn đèn sáng ở trong nhà, trước tiên chắc chắn phải soi chiếu trong nhà, rồi theo cửa mở, mới chiếu ra ngoài sân. A-nan lý luận: “Nếu tâm con ở trong thân, chắc hẳn nó sẽ thấy những gì đang diễn ra bên trong thân con, cũng vậy ngọn đèn ở trong phòng chắc chắn sẽ chiếu sáng căn phòng.” Tất cả các chúng sinh sở dĩ không thấy trong thân, mà chỉ thấy ngoài thân, cũng giống như ngọn đèn sáng để ngoài nhà, nên không thể soi chiếu trong phòng được. Đức Phật chỉ rõ ràng người ta không thể thấy được tim, gan, tỳ, vị…; thế nên A-nan kết luận rằng tâm ở bên ngoài cũng giống như ngọn đèn để ở ngoài nhà. Đèn ở phía ngoài nhà nên không thể chiếu sáng được đồ vật ở trong phòng.

Kinh văn: **是義必明將無所惑,同佛了義.得無妄耶?**

Phiên âm: Thị nghĩa tất minh tương vô sở hoặc, đồng Phật liễu nghĩa. Đắc vô vọng da?

Việt dịch: Nghĩa này chắc đã rõ ràng, không có gì nghi ngờ và hoàn toàn đúng với nghĩa rốt ráo của Đức Phật. Như thế không biết có đúng chăng?

Giảng: Nghĩa này chắc đã rõ ràng. A-nan xác định “lý lẽ con trình bày chính xác lắm rồi,” không có gì nghi ngờ. A-nan tiến sâu vào sự phán đoán hoàn toàn đúng với nghĩa rốt ráo của Đức Phật. “Ý của con trùng hợp với nghĩa rốt ráo của Đức Phật. Con chẳng suy nghĩ sai lầm chút nào. Đó chẳng phải là ý kiến của con hay sao? Con tin là Đức Phật sẽ tán thành. Như thế không biết có đúng chăng? Thực ra, A-nan vẫn chưa xác quyết: “Con tin chắc rằng lý lẽ này không sai.”

Kinh văn: **佛告阿難,是諸比丘適來從我,室羅筏城循乞摶食歸祇陀林。我已宿齋。汝觀比丘一人食時諸人飽不? 阿難答言不也世尊。何以故。是諸比丘。雖阿羅漢軀命不同.云何一人能令眾飽?**

Phiên âm: Phật cáo A-nan, thị chư tỉ-khưu thích lai tòng ngã, Thất-la-phiệt thành tuần khất đoàn thực, quy kì-đà lâm. Ngã dĩ túc trai, nhữ quán tỉ-khưu, nhất nhân thực thời chư nhân bão phủ? A nan đáp ngôn: Phất dã, Thế tôn! Hà dĩ cố? Thị chư tỉ-khưu, tuy a-la-hán, xu mạng bất đồng. Vân hà nhất nhơn, năng linh chúng bão?

Việt dịch: Đức Phật bảo A-nan: “Các vị tỷ-khưu vừa rồi cùng Như Lai tuần tự khất thực trong thành Thất-la-phiệt, nay đã trở về rừng Kỳ-đà. Như Lai đã thọ trai xong, nay hỏi các tỷ-khưu, khi một người ăn, các người khác

có no không?” A-nan thưa: “Bạch Thế tôn, không thể. Tại sao? Các vị tỷ-khưu này tuy đã chứng quả a-la-hán, nhưng thân mạng không đồng. Làm sao một người ăn mà tất cả đều no được?

Giảng: A-nan chắc chắn rằng Đức Phật sẽ tán thành với quan điểm tâm ở ngoài thân. ai cũng tin chắc Đức Phật sẽ không phê phán quan điểm này.

Đức Phật bảo A-nan: “Các vị tỷ-khưu vừa rồi cùng Như Lai tuần tự khất thực trong thành Thất-la-phiệt, nay đã trở về rừng Kỳ-đà. Các vị tỷ-khưu theo thứ tự khất thực từng nhà, rồi trở về nghỉ ở vườn cây do Thái tử Kỳ-đà cúng dường. Ở Ấn Độ người dân ăn bằng cách vo tròn từng miếng thực phẩm bằng tay rồi ăn (gọi là đoàn thực), đó cũng là cách mà Đức Phật và các vị tỷ-khưu ăn. Ngày nay ở nước Miến Điện, người ta dùng bình bát, nhưng những người xuất gia vẫn dùng rau và cơm bằng tay phải, không dùng thìa (muỗng) và đũa. Họ nhặt thức ăn bằng tay và vo tròn lại rồi ăn. Đối với họ, ăn lối đó trông rất ngon lành, dù rất ngon nhưng tôi chẳng biết vì tôi chưa ăn thử. Như Lai đã thọ trai xong, nay hỏi các tỷ-khưu khi một người ăn, các người khác có no không?”

Như Lai đã thọ trai xong rồi, quan sát đại chúng đang ăn: có một vài vị tỷ-khưu thọ trai chưa xong. Bây giờ nếu chỉ có một người ăn thì những người kia có được no không? Nếu có ai còn nghi ngờ về điều này, ngày mai chúng ta hãy thử xem. Chỉ để một mình tôi dùng cơm thôi còn những vị khác hãy nhìn tôi ăn một lúc rồi xem thử quý vị có no không? Lúc ấy sẽ chứng minh được nghĩa lý trong kinh.

A-nan thưa: “Bạch Thế tôn không thể. Tại sao? Câu trả lời có ý phủ định. A-nan e ngại Đức Phật không hiểu ý nên A-nan tiếp tục diễn giải: “Tại vì sao mà con nói họ không thể no khi chỉ có một người ăn.” Các vị tỷ-khưu này tuy đã chứng quả a-la-hán nhưng thân mạng không đồng.

Mặc dù các vị tỷ-khưu ấy đã được khai ngộ, họ đều đã có được thần thông, nhưng thân mạng họ vẫn không giống nhau. Hình dáng, khuôn mặt của họ đều khác nhau. Nếu họ là một thì khi một người ăn tất cả đều no. Nhưng họ chưa phải là một, mỗi người có một thân mạng khác nhau. Làm sao mà một người ăn mà tất cả đều no được?

Kinh văn: **佛告阿難:若汝覺了知見之心,實在身外,身心相外,自不相干。則心所知身不能覺;覺在身際,心不能知。**

Phiên âm: **Phật cáo A-nan: Nhược nhữ giác liễu tri kiến chi tâm, thật tại thân ngoại, thân tâm tương ngoại, tự bất tương can. Tắc tâm sở tri, thân bất năng giác; giác tại thân tế, tâm bất năng tri.**

Việt dịch: Đức Phật bảo A-nan: “Nếu cái tâm thấy nghe hiểu biết của ông thực ở ngoài thân, thì thân tâm tách biệt nhau, tự nó không liên quan với nhau. Vậy điều gì tâm biết thì thân ắt không biết, và những gì thân biết thì tâm không thể biết.”

Giảng: Đức Phật bảo A-nan “Nếu cái tâm thấy nghe hiểu biết của ông thực ở ngoài thân, thì thân tâm tách biệt nhau, không liên quan với nhau. Nếu cái tâm hiểu biết, tính toán, phân biệt, ấy mà ở bên ngoài thân thì chẳng có gì liên quan giữa hai thực thể với nhau. Nó phải chia ra hai đường, nó không cùng với nhau một nơi. Thân là thân mà tâm là tâm, thân phải tách rời hoàn toàn với tâm: “Ông không nên để ý đến việc của tôi”–chúng nói với nhau như vậy– “và tôi cũng chẳng thèm để ý gì đến ông.”

Vậy điều gì tâm biết thì ắt thân không biết được và những gì thân biết được thì tâm không thể biết. Thân sẽ không biết đến tâm hoặc bị ảnh hưởng bởi tâm, còn nếu cái tâm hiểu biết ấy ở trong thân thì tâm sẽ không biết gì về thân cả.

Kinh văn: **我今示汝兜羅綿手,汝眼見時,心分別不? 阿難答言,如是世尊。佛告阿難,若相知者,云何在外?**

Phiên âm: **Ngã kim thị nhữ đâu-la miên thủ, nhữ nhãn kiến thời, tâm phân biệt phủ? A-nan đáp ngôn, như thị Thế-tôn. Phật cáo A-nan, nhược tương tri giả, vân hà tại ngoại?**

Việt dịch: Nay Như Lai đưa cánh tay đâu-la miên cho ông xem, khi mắt ông thấy, tâm ông có phân biệt chăng?” A- nan thưa: Bạch Thế tôn, đúng vậy. Đức Phật bảo A-nan: Nếu thân tâm cùng biết nhau, thế sao ông nói tâm ở ngoài thân?”

Giảng: Đâu-la miên là tiếng Pali, Hán dịch là tế hương miên. Cánh tay của Đức Phật có sắc trắng như tuyết, rất mềm và mịn như vải lụa.

Nay tôi sẽ liên hệ đến một chi tiết trong môn nhân tướng học. Nếu quý vị cầm bàn tay của một người nào mà thấy nó mềm mịn như vải lụa thì người đó có một tương lai rất tốt, đầy hứa hẹn, hậu vận sẽ rất sang quý. Tay của những người bình thường rất thô cứng. Chẳng hạn như bàn tay tôi, cứng và thô như tấm gỗ, không mịn mềm như vải lụa. Tuy nhiên chỉ có bàn tay mềm thôi không đủ biểu hiện một tương lai tốt đẹp. Sắc diện mới có khả năng quan trọng biểu lộ

vấn đề này. Cái gì là những nét đặc điểm của người anh hùng? Có phải là dáng dấp mạnh mẽ chăng?

Nói chung, bàn tay phụ nữ mềm hơn bàn tay đàn ông rất nhiều. Nếu quý vị chưa tin điều này quý vị có thể để ý xem khi lần tới có dịp bắt tay phụ nữ. Về nam giới tôi đã gặp hai người có bàn tay rất mềm. Vậy mà suốt thời gian tôi gặp họ, không có người nào biểu hiện dấu hiệu họ là bậc vĩ nhân, vì thân tướng của họ không tương xứng. Tôi cũng có một vị đệ tử có bàn tay rất mềm dịu, anh ta không làm việc lao động nặng nhọc, nhưng anh ta cũng rất bình thường. Một người học trò của tôi, cũng là người bà con, có bàn tay rất mềm nhưng trước khi tôi đến nước Mỹ anh ta chẳng làm được điều gì vĩ đại. Tôi chẳng biết anh ta đã thành tựu được trong lãnh vực gì không trong thời đó.

Đức Phật bảo A-nan Nay tôi đưa cánh tay Đâu-la-miên cho ông xem, khi mắt ông thấy, tâm ông có phân biệt không? Khi mắt ông thấy cánh tay tôi, tâm ông có biết rằng cánh tay tôi là tay Đâu-la-miên ?

A-nan thưa: “Bạch Thế tôn, đúng thế” Vâng, mắt con thấy và tâm con phân biệt. Tâm con liền phân định ngay điều mình ưa thích. Mắt liền biết: “à, cánh tay Đâu-la-miên của Đức Phật rất đẹp. Đây là ba mươi hai tướng tốt của Như Lai.”

Đức Phật bảo A-nan “Nếu thân tâm cùng biết nhau, thế sao ông nói tâm ở ngoài thân?” Nếu tâm ông biết được mắt thấy gì, sao ông lại nói tâm ông ở ngoài thân? Nếu nó ở ngoài thân làm sao nó lại nhận biết những gì mắt thấy? Dù vậy hãy chú ý Đức Phật không nói tâm ở bên trong. Nếu tâm đã được xác định rõ ràng như thế rồi thì đó là sai lầm.

Kinh văn: **是故應知,汝言覺了能知之心,住在身外,無有是處 。**

Phiên âm: Thị cố ưng tri, nhữ ngôn giác liễu năng tri chi tâm trú tại thân ngoại, vô hữu thị xứ.

Việt dịch: Thế nên phải biết, ông nói tâm thấy nghe hiểu biết ở ngoài thân, thật không có lý.

Giảng: Do vì ý kiến của A-nan cho rằng tâm là ở bên trong thân không dứt khoát, nên A-nan chuyển sang ý định cho rằng tâm ở ngoài thân. Đức Thế tôn đã dùng rất nhiều ví dụ để chỉ dạy cho A-nan , nhưng bất hạnh thay, A-nan chỉ biết dùng tâm ý thức của mình để phân tích Phật pháp, mà tâm ấy là đối tượng của sinh diệt. A-nan chưa nhận ra được thể tánh thanh tịnh sáng suốt của chơn tâm thường trụ. Thế nên Đức Phật phê phán A-nan một lần nữa. Thế nên

phải biết, ông nói tâm thấy nghe hiểu biết ở ngoài thân, thật không có lý. Đức Phật nói: “Ông sai rồi. Tâm tính toán và tâm hiểu biết ấy không ở bên ngoài thân ông. Ông hiểu không? Ông lầm rồi!”

Kinh văn: **阿難白佛言:世尊,如佛所言,不見內故,不居身內。身心相知,不相離故,不在身外。我今思惟知在一處。**

Phiên âm: A-nan bạch Phật ngôn: Thế tôn! Như Phật sở ngôn, bất kiến nội cố, bất cư thân nội. Thân tâm tương tri, bất tương ly cố, bất tại thân ngoại. Ngã kim tư duy, tri tại nhất xứ.

Việt dịch: A-nan bạch Phật: Bạch Thế tôn, như lời Phật dạy, vì chẳng thấy bên trong, nên tâm con chẳng phải ở trong thân. Vì thân tâm đều biết nhau, mà chẳng rời nhau nên tâm con chẳng phải ở ngoài thân. Nay con suy nghĩ, biết nó ở tại một chỗ.

Giảng: A-nan suy xét. ‘Nó lại ở đây rồi’ ! Do vì A-nan còn lo ngại rằng mình sẽ sai lầm.

A-nan bạch Phật: “Bạch Thế tôn như lời Phật dạy,” A-nan nghĩ rằng: “con theo Phật xuất gia đã lâu, con lắng nghe những lời chỉ dạy của Đức Phật, bao gồm những giáo lý mà Đức Phật đã giảng, là những lời khai thị đã được hiển bày.

Vì thân, tâm đều biết nhau mà chẳng rời nhau, nên tâm con chẳng phải ở ngoài thân. Nay Đức Phật bảo nó chẳng phải ở ngoài. Nay con suy nghĩ, biết nó ở tại một chỗ. Ở bên ngoài thì không đúng. Nay con có một suy nghĩ khác. ở bên trong cũng không đúng, vậy thì tâm con chắc hẳn phải có một chỗ riêng biệt.

Kinh văn: **佛言處今何在。阿難言。此了知心。既不知內而能見外。如我思忖潛伏根裏。**

Phiên âm: Phật ngôn: Xứ kim hà tại? A-nan ngôn: Thử liễu tri tâm, ký bất tri nội, nhi năng kiến ngoại, như ngã tư thổn, tiềm phục căn lý.

Việt dịch: Đức Phật hỏi: “Nay ở nơi nào?” A-nan thưa: “Do tâm rõ biết này chẳng biết những gì bên trong, mà lại thấy được những thứ bên ngoài. Như con suy xét, thì nó núp bên trong con mắt.”

Giảng: Đức Phật hỏi: “Nay tâm ở nơi nào?” À, ông nói tâm chắc là ở một nơi nào đó. Nơi ấy là gì? Tâm ông ở đâu? Nói nhanh lên!” Đó là nội dung Đức Phật hỏi A-nan.

A-nan thưa: “Do cái tâm rõ biết này không biết những gì bên trong mà lại thấy được những vật bên ngoài. Như con suy xét thì… Trước đây, A-nan nói: “Như con suy nghĩ.” A-nan lại nói: “Nay con suy xét.” Đó cũng vẫn là công việc của thức tâm. “Suy nghĩ” hay “suy xét” cả hai đều là cái dụng của tâm ý thức, là đối tượng của sinh diệt. A-nan suy điều gì? tâm nó núp ở trong con mắt Mắt tức là nhãn căn. Tâm ẩn dấu trong bộ phận này. A-nan nói: Tâm bị ẩn dấu nơi đó, khiến người ta không thể nhìn thấy nó được. Nghĩa của chữ “ẩn núp” là như vậy. Đức Phật không đáp lại ý này ngay lúc đó. Thực ra ý kinh muốn để cho quý vị rơi vào nơi lơ lững một hồi lâu. Ngày nay, tôi nghe nhiều người cho rằng họ không hiểu được kinh. Quý vị không hiểu thì chẳng phải nói làm gì, mà cần một phải nghe trọn vẹn hết kinh văn, thì mới có thể hiểu được. Nếu quý vị nghe không hết thì làm sao mà hiểu được? Dĩ nhiên là quý vị không thể nào hiểu được. Nếu quý vị đã hiểu kinh rồi, tại sao đây là lần đầu tiên quý vị đến nghe giảng kinh? Quý vị không nên nói: “Tôi không hiểu gì cả, tôi không nghe nữa.” Đó chỉ là vì quý vị không hiểu những điều quý vị đang nghe giảng.

Kinh văn: **猶如有人取瑠璃椀 合其兩眼,雖有物合,而不留礙。彼根隨見,隨即分別。**

Phiên âm: Do như hữu nhơn, thủ lưu-ly uyển, hiệp kỳ lưỡng nhãn, tuy hữu vật hiệp, nhi bất lưu ngại. Bỉ căn tùy kiến, tùy tức phân biệt.

Việt dịch: Vínhư có người lấy chén lưu ly úp lên con mắt, tuy có vật phủ lên mà mắt chẳng bị ngăn ngại. Khi mắt thấy được, liền theo đó có sự phân biệt.

Giảng: A-nan liền đưa ra cho Đức Phật một ví dụ để biện minh cho luận điểm của mình. Ví như có người lấy chén lưu ly úp lên con mắt, tuy có vật phủ lên mà mắt chẳng bị ngăn ngại. Thực ra, chẳng có ai làm như thế, nhưng A-nan phát kiến ra có người đeo kính là sát với nghĩa trong kinh văn hơn. Vào thời Đức Phật, kính đeo mắt bây giờ được gọi là chén lưu ly. Kính tuy đeo vào phía trước mắt, nhưng không ngăn ngại, khiến mắt vẫn có thể thấy được vật. Trong ví dụ của A-nan, tâm được biểu thị bằng mắt. Và mắt, nơi A-nan cho rằng tâm ẩn núp trong đó, được biểu thị bằng kính (chén lưu ly). Tâm ta, theo ý của A-nan, là nằm ẩn sau mắt, nhưng mắt không làm cho tâm bị chướng ngại không thể thấy được. Khi mắt thấy được, theo đó liền có sự phân biệt.

Đó là ngay khi quý vị thấy, tâm liền biết. Sự phân biệt ấy xảy ra nơi nhãn căn (mắt), nơi mà theo A-nan nói, là tâm ẩn núp trong đó. A-nan nghĩ rằng: “Lần này, lý thuyết mà ta vừa phát hiện ra chắc là phải đúng.” A-nan vẫn còn nghĩ mình rất là thông minh: “Hãy xem tôi thông minh chưa! Mọi điều Đức Phật gạn hỏi, tôi đều trả lời được.” Tại sao A-nan vẫn tiếp tục mắc phải sai lầm? Bởi vì A-nan đã sử dụng thức tâm sinh diệt. Bất kỳ tình huống nào, A-nan luôn luôn dùng cái tưởng để suy xét mọi khía cạnh của sự việc. Sự suy nghĩ của A-nan đã dựa trên sự tưởng tượng phát khởi từ tâm ý thức và A-nan đã tưởng rằng tâm ý thức ấy là chân tâm. A-nan không hề biết rằng chân tâm thì chẳng hiện hữu cũng chẳng không hiện hữu. Chân tâm chính là tự tánh. A-nan giống như người đã lạc đường, nên càng đi, càng bị lạc xa hơn; càng đi lạc, càng nghĩ là mình đã đi đúng đường. Thế nên bây giờ A-nan lại đưa ra những lý lẽ khác với Đức Phật để biện minh cho ý của mình.

Kinh văn: **然我覺了能知之心,不見內者,為在根故。分明矚外,無障礙者,潛根內故。**

Phiên âm: Nhiên ngã giác liễu năng tri chi tâm bất kiến nội giã, vị tại căn cố. Phân minh chúc ngoại, vô chướng ngại giả, tiềm căn nội cố.

Việt dịch: Song cái tâm rõ biết của con chẳng thấy được bên trong, là vì nó ở trong con mắt. Nhưng nó vẫn thấy được vật bên ngoài rõ ràng không bị chướng ngại, là vì tâm núp sau con mắt.

Giảng: Song cái tâm rõ biết của con chẳng thấy được bên trong là vì nó ở trong con mắt. Tại sao tôi không thể thấy được bên trong thân tôi? Là vì tâm tôi núp trong con mắt rồi?

Nhưng vẫn thấy được vật bên ngoài rõ ràng không bị chướng ngại, là vì tâm núp sau con mắt. Tại sao tôi chỉ nhìn thấy bên ngoài chứ không nhìn thấy được bên trong? Là do ở tâm tôi cũng tức là tánh thấy; khả năng để thấy được, đang ẩn nấp trong con mắt, thế nên không có gì ngăn ngại khi nhìn ra ngoài. Liệu A-nan có đúng không trong lý luận này? Đoạn kinh văn sau đây sẽ chỉ bày sáng tỏ vấn đề ấy.

Kinh văn: **佛告阿難,如汝所言,潛根內者,猶如瑠璃。彼人當以瑠璃籠眼,當見山河,見瑠璃不? 如是世尊,是人當以瑠璃籠眼,實見瑠璃。**

Phiên âm: Phật cáo A-nan, như nhữ sở ngôn, tiềm căn nội giả, do như lưu ly. Bỉ nhơn đương dĩ lưu ly lung nhãn, đương kiến sơn hà, kiến lưu ly phủ? Như thị Thế tôn, thị nhơn đương dĩ lưu ly lung nhãn, thật kiến lưu ly.

Việt dịch: Đức Phật bảo A-nan: Như ông vừa nói, tâm núp sau con mắt, như con mắt núp sau chén lưu ly. Vậy người kia sau khi úp chén lưu ly lên mắt, mà xem thấy núi sông, thật có thấy chén lưu ly không? Bạch Thế tôn: Đúng thế, khi người ấy úp chén lưu ly lên mắt, thật có thấy chén lưu ly.

Giảng: Khi nghe A-nan dùng ví dụ về chén lưu ly, Đức Phật bảo A-nan: Như ông vừa nói tâm núp sau con mắt, như mắt núp sau chén lưu ly. "Giả sử đúng như cách ông nghĩ." Đức Phật nói: "và tâm thì núp sau mắt. Vậy người kia sau khi úp chén lưu ly lên mắt mà xem thấy núi sông, thật có thấy chén lưu ly không? Khi người trong ví dụ này mang kiếng vào để nhìn, rồi họ quan sát núi sông và đất liền và anh ta vẫn nhìn thấy cặp mắt kiếng. Đó là điều Đức Phật muốn hỏi A-nan và cách A-nan trả lời câu hỏi của Đức Phật.

Kinh văn: **佛告阿難:汝心若同瑠璃合者,當見山河,何不見眼。**

Phiên âm: Phật cáo A-nan: Nhữ tâm nhược đồng lưu ly hiệp giả, đương kiến sơn hà, hà bất kiến nhãn?

Việt dịch: Đức Phật bảo: "Nếu tâm ông giống như con mắt núp sau chén lưu ly, thì khi xem thấy núi sông, sao ông không thấy con mắt?"

Giảng: Đức Phật bảo A-nan "Khi ông mang kính, ông có thể thấy được núi sông, đất liền và ông cũng có thể thấy được cả mắt kiếng. Nếu tâm ông giống như con mắt núp sau chén lưu ly. Nếu tâm ông ở trong con mắt thì mắt ông sẽ giống mắt kiếng ở trong ví dụ này. Thế nên khi tâm ông thấy được núi sông, đất liền. Thì khi xem thấy núi sông, sao ông không thấy con mắt?"

Có người sẽ nói: "Con thấy được mắt mình." Tôi cũng thấy được mắt tôi nếu như tôi nhìn vào gương. Nếu quý vị có thể nhìn được con mắt của chính mình bằng cách hồi quang phản chiếu thì ở đây Đức Phật sẽ tán thành với chúng ta chẳng cần phải tu tập gì nữa cả. Nhưng con mắt thịt của người phàm phu không thể tự thấy chính mắt mình được. Nên mặc dù A-nan đã chứng được quả vị thứ nhất của hàng a-la-hán thì con mắt thịt của A-nan vẫn không thể nào thấy con mắt của chính mình. Nên Đức Phật hỏi A-nan "Ông lập nên sự so sánh tâm ẩn núp trong mắt giống như mắt bị úp lên chén lưu ly, phải không? Thế thì mắt ông sẽ giống như chén lưu ly trong ví dụ ấy, và vì ông nói rằng ông

có thể thấy được chén lưu ly, thế tại sao vào mọi lúc, ông đều không thấy được mắt của chính mình?” Đó là điều Đức Phật gạn hỏi A-nan .

Kinh văn: **若見眼者,眼即同境,不得成隨。若不能見云何說言此了知心。潛在根內如瑠璃合?**

Phiên âm: Nhược kiến nhãn giả, nhãn tức đồng cảnh, bất đắc thành tùy. Nhược bất năng kiến, vân hà thuyết ngôn, nhữ liễu tri tâm, tiềm phục căn nội, như lưu ly hiệp?

Việt dịch: Nếu thấy được mắt thì mắt đồng như cảnh bị thấy. Như vậy chẳng thành nghĩa tùy thấy. Còn nếu chẳng thấy con mắt thì tại sao ông lại nói tâm hiểu biết này núp trong con mắt như con mắt núp sau chén lưu ly?

Giảng: Đức Phật Thích-ca Mâu-ni gạn hỏi A-nan thêm: “Nếu thấy được mắt thì mắt đồng như cảnh bị thấy.” Đó thật rõ ràng là A-nan không thấy được mắt mình, nhưng Đức Phật ngại rằng A-nan sẽ trở nên lầm lẫn khi A-nan quyết đoán rằng A-nan thấy được mắt mình. Thế nên Đức Phật chỉ ra rằng nếu A-nan thấy được mắt mình, có nghĩa mắt của A-nan là vật ở bên ngoài A nan, không phải là một bộ phận trên thân thể của A-nan . Như vậy chẳng thành nghĩa tùy thấy. A-nan, ông không nên quyết đoán như vậy, vì khi ông nghĩ như thế thì “nhãn căn theo đó mà thấy được ngay và sự phân biệt cũng theo đó có liền.” Còn nếu chẳng thấy mắt, tại sao ông nói tâm hiểu biết này núp trong con mắt như con mắt núp sau chén lưu ly? Nếu ông không thấy được mắt mình? Thì làm sao ông lại quyết đoán tâm ông ẩn núp sau con mắt như cách mắt mang kính? Ví dụ về chén lưu ly úp trên con mắt ấy không ổn. Nó hoàn toàn không hợp lý.

Kinh văn: **是故應知,汝言覺了能知之心潛伏根裏,如瑠璃合。無有是處。**

Phiên âm: Thị cố ưng tri, nhữ ngôn giác liễu năng tri chi tâm tiềm phục căn lý, như lưu ly hiệp. Vô hữu thị xứ.

Việt dịch: Thế nên phải biết, ông nói cái tâm hiểu biết suốt khắp núp trong con mắt giống như con mắt nấp sau chén lưu ly. Điều đó vô lý.

Giảng: Thế nên–do những lời Đức Phật giảng giải ở trước–phải biết ông nói cái tâm hiểu biết suốt khắp ấy. Núp trong con mắt giống như con mắt nấp sau

chén lưu ly là điều vô lý. A-nan nói rằng cái tâm hiểu biết rõ ràng suốt khắp ấy núp trong con mắt là điều vô lý. Lý lẽ của ông không đúng. Ông lại sai lầm một lần nữa rồi!

Kinh văn: **阿難白佛言,世尊我今又作如是思惟。是眾生身藏腑在中,竅穴居外。有藏則暗,有竅則明。**

Phiên âm: A-nan bạch Phật ngôn: Thế tôn! Ngã kim hựu tác, như thị tư duy, thị chúng sanh thân, phủ tạng tại trung, khiếu huyệt cư ngoại, hữu tạng tắc ám, hữu khiếu tắc minh,

Việt dịch: A-nan bạch Phật: "Bạch Thế tôn, nay con có suy nghĩ như vậy: thân thể con người, tạng phủ ở trong, khiếu huyệt ở ngoài. Nơi tạng phủ thì tối, nơi khiếu huyệt thì sáng.

Giảng: A-nan bị Đức Phật quở trách nên liền đưa ra lý luận khác để trả lời câu hỏi của Thế Tôn. A-nan bạch Phật: "Bạch Thế tôn, nay con suy nghĩ như vậy. Bây giờ con suy nghĩ theo cách này: Thân thể con người, tạng phủ ở trong, khiếu huyệt ở ngoài. Chữ "con người" trong các câu này nghĩa là sao? chữ này xuất hiện rất nhiều trong kinh văn nhưng chưa được giải thích. Nguyên nghĩa trong kinh văn là chúng sinh (衆 生) có nghĩa là sinh nhiều lần. Nghĩa là đã gây ra vô số nghiệp duyên nên có kết quả là sự sinh ra. Mỗi một quý vị đều không phải được sinh ra từ chỉ một nghiệp duyên mà từ nhiều nhân duyên. Như một vụ mùa cần phải có rất nhiều nhân duyên ngoài yếu tố đơn giản là gieo hạt giống – phải có yếu tố đất đai, ánh sáng mặt trời, mưa. Con người chúng ta cũng được sinh ra từ rất nhiều nhân duyên khác nhau.
"Ngũ tạng" gồm có: tim, gan, tỳ, phổi, thận."Lục phủ" gồm: ruột già, ruột non, tam tiêu, túi mật, bao tử, bàng quang.
"Lục phủ" nằm ẩn bên trong, được gọi là "dơ bẩn" vì mọi thứ ở trong đó đều là phân và nước tiểu.

Còn về khiếu huyệt, con người có bảy khiếu huyệt đó là hai mắt, hai mũi, hai lỗ tai và một miệng – nơi mà quý vị không ngừng tìm cách lấp đầy cho nó. Ngày hôm nay quý vị ăn vào thật no, nhưng ngày mai lại đói. Thế nên quý vị lại ăn để lấp đầy lỗ trống đó nhưng ngày hôm sau quý vị lại đói nữa. Mọi thứ đều đã tiêu mất rồi. Bên trong là sự tiêu hóa những chất mới và loại trừ những chất cũ. Tiến trình này gây cho con người vô số phiền nhiễu. Ăn cũng là việc quá phiền phức. Hãy nghĩ xem nếu quý vị không bỏ ra ba tiếng đồng hồ một ngày để ăn ba bữa thì chúng ta có thể sử dụng thời giờ phụ trội đó để nghe giảng kinh hoặc ngồi thiền. Nhưng vì quý vị phải ăn ba bữa một ngày quý vị phải bị bận

rộn suốt ngày chỉ vì để nhét vào lỗ miệng ấy. Nhưng cuối cùng quý vị không bao giờ lấp đầy nó được cả. Ở nơi tạng phủ thì tối, nơi khiếu huyệt thì sáng. Vì tạng phủ nằm ẩn trong thân, nên nó bị tối. Làm sao mà người ta biết được những thứ bên ngoài? Vì nhờ những khiếu huyệt, nên nơi đó thì sáng. Nay A-nan không đề cập việc ấy như là mắt trong ví dụ trước mà liên hệ với khiếu huyệt. A-nan quả thật lanh lợi và rất thông minh.

Kinh văn: **今我對佛,開眼見明,名為見外,閉眼見暗名為見內。是義云何 ?**

Phiên âm: Kim ngã đối Phật, khai nhãn kiến minh, danh vi kiến ngoại; bế nhãn kiến ám, danh vi kiến nội, thị nghĩa vân hà?

Việt dịch: Nay con đối trước Phật, mở mắt thấy sáng, gọi là thấy bên ngoài, khi nhắm mắt thấy tối gọi là thấy bên trong. Nghĩa ấy đúng chăng?

Giảng: A-nan thông minh hơn chúng ta rất nhiều. Chúng ta không thể suy nghĩ được nhiều cách để trả lời như thế. Có biết bao nhiêu phương án đã có sẵn trong đầu A-nan rồi. A-nan đưa ý kiến này tiếp theo ý kiến khác. Bất kỳ khi nào Đức Phật hỏi, A-nan đều có được câu trả lời. A-nan luôn luôn có chuyện để nói. Trong đầu A-nan luôn luôn đầy ắp những lý lẽ, ý kiến, tưởng tượng và sự suy xét. A-nan là người nổi bật nhất trong hàng đệ tử Phật về học rộng. Chỗ nào không có đạo lý, A-nan sẽ tạo ra đạo lý. Ông ta có lẽ là một luật sư hạng nhất. Nay con đối trước Phật, mở mắt thấy sáng gọi là thấy bên ngoài, khi nhắm mắt thấy tối gọi là thấy bên trong. “Khi con thấy ánh sáng đó gọi là thấy bên ngoài còn khi thấy tối gọi là thấy bên trong.” A-nan hỏi Phật: nghĩa ấy có đúng chăng?

Kinh văn: **佛告阿難:汝當閉眼,見暗之時,此暗境界,為與眼對,為不對眼? 若與眼對,暗在眼前,云何成內?**

Phiên âm: Phật cáo A-nan: Nhữ đương bế nhãn, kiến ám chi thời, thử ám cảnh giới, vi dữ nhãn đối, vi bất đối nhãn? Nhược dữ nhãn đối, ám tại nhãn tiền, vân hà thành nội?

Việt dịch: Đức Phật bảo A-nan: Khi ông nhắm mắt thấy tối, bóng tối có sẵn ở trước mắt ông hay sao? Nếu có sẵn trước mắt ông thì bóng tối ấy là ở trước mắt ông, sao lại nói ở là bên trong?

Giảng: Thay vì nói cho A-nan biết lập luận mới nhất của A-nan là đúng hay sai. Đức Phật chỉ hỏi A-nan câu hỏi khác. Đức Phật bảo A-nan: "Khi ông nhắm mắt thấy tối…" Ông nói rằng khi ông nhắm mắt lại và thấy tối cho rằng đó là thấy bên trong. Nhưng bóng tối ấy có sẵn ở trước mắt ông hay sao? Nói cho tôi biết. Nhanh lên!

Nếu có sẵn ở trước mặt ông thì bóng tối ấy là ở trước mặt ông. Sao lại nói là bên trong. Sao ông lại nói thấy tối là thấy bên trong?

Kinh văn: **若成內者。居暗室中無日月燈。此室暗中皆汝焦府。若不對者,云何成見?**

Phiên âm: Nhược thành nội giả, cư ám thất trung, vô nhựt nguyệt đăng, thử thất ám trung, giai nhữ tiêu phủ? Nhược bất đối giả, vân hà thành kiến?

Việt dịch: Nếu thật ở bên trong thì khi ông vào trong nhà tối không có ánh sáng mặt trời, mặt trăng hay đèn thì bóng tối trong phòng ấy là từ tam tiêu và ngũ tạng của ông hay sao? Còn nếu nó chẳng có trước mắt ông thì làm sao có nghĩa thấy?

Giảng: Nếu thật ở bên trong, Đức Phật tiếp tục "Nếu ông lý luận rằng bóng tối trước mặt ông thực là từ bên trong ông. Thì khi ông vào trong nhà tối, không có ánh sáng của mặt trời, mặt trăng và đèn thì bóng tối trong phòng ấy là do từ tam tiêu và tạng phủ của ông phát ra. Bóng tối ấy chắc là xuất phát từ tam tiêu, lục phủ, ngũ tạng của ông. Toàn căn phòng sẽ trở thành các bộ phận trong cơ thể và trong ruột của ông. Tại sao? Vì rất tối và vì ông vừa nói rằng bóng tối mà ông thấy được là bên trong thân ông. Tam tiêu bao gồm thượng tiêu, trung tiêu, hạ tiêu. Tam tiêu thuộc về lục phủ. Chức năng của tam tiêu rất quan trọng trong thân thể con người. Nếu bộ phận này bị hỏng, chắc chắn sẽ gây ra bệnh tật rất khó chữa. Còn nếu nó chẳng phải ở trước mặt ông, làm sao có nghĩa thấy? Nếu bóng tối chẳng phải ở trước mặt ông, làm sao mà ông thấy được nó? Nếu ông chỉ có thể thấy được những gì ở mắt, thì làm sao ông có thể thấy được những gì phía sau mắt ông? Đức Phật đang đánh đổ lập luận mới nhất của A-nan từ mọi khía cạnh và A-nan khó có thể đưa ra thêm một dòng lý lẽ nào để tiếp tục trả lời Đức Phật.

Kinh văn: **若離外見,內對所成。合眼見暗,名為身中。開眼見明,何不見面?**

Phiên âm: **Nhược ly ngoại kiến, nội đối sở thành; hiệp nhãn kiến ám, danh vi thân trung, khai nhãn kiến minh, hà bất kiến diện?**

Việt dịch: Nếu bỏ qua cái thấy bên ngoài, mà cho rằng con mắt hướng vào bên trong nên thấy tối, thì khi nhắm mắt thấy tối, gọi là thấy trong thân. Vậy khi mở mắt thấy sáng sao chẳng thấy được khuôn mặt?

Giảng: Đức Phật tiếp tục hỏi: Nhưng giả sử bỏ qua cái thấy bên ngoài mà cho rằng mắt hướng vào bên trong nên thấy tối. Giả sử có hai loại cái thấy và quý vị có thể hướng vào bên trong để thấy. Thì khi nhắm mắt thấy tối, gọi là thấy trong thân. Vậy khi mở mắt thấy sáng, sao chẳng thấy được khuôn mặt. "Ông đồng ý là khi thấy được bóng tối có nghĩa là thấy được bên trong thân, thế khi ông mở mắt để nhìn ra bên ngoài, tại sao ông không thể nhìn thấy được khuôn mặt của mình và bảo cho tôi biết nó ra sao?" Lưu ý rằng A-nan không phản đối rằng ông ta có thể thấy khuôn mặt của chính mình trong gương, đó là điều mà người khác thường làm khi nghe qua cuộc thảo luận này. Có khi họ còn không có được tấm gương!

Kinh văn: **若不見面,內對不成。 見面若成,此了知心及與眼根,乃在虛空。 何成在內?**

Phiên âm: **Nhược bất kiến diện, nội đối bất thành. Kiến diện nhược thành, thử liễu tri tâm, cập dữ nhãn căn, nãi tại hư không, hà thành tại nội?**

Việt dịch: Nếu chẳng được thấy mặt thì chẳng có cái thấy bên trong. Nếu thấy được mặt thì cái tâm rõ biết này và con mắt phải ở ngoài hư không, làm sao ở phía trong được?

Giảng: Nếu chẳng thấy được mặt, thì chẳng có cái thấy ở bên trong. Tôi chỉ hỏi ông nếu ông có thể thấy được mặt mình, thì ông chẳng có gì phải nói nữa cả. Nhưng nếu ông chẳng thể thấy được mặt mình với đôi mắt mở rộng, thì làm sao mà ông có thể nhắm mắt mà thấy được bên trong? Đây là điều ông phải chứng minh. Nhưng lập luận của ông không có nguyên lý căn bản. Nếu thấy được mặt thì cái tâm rõ biết này và con mắt phải ở ngoài hư không, làm sao ở phía trong được? "Nếu ông cho rằng ông thực sự có thể thấy khuôn mặt của ông được, thế thì cái tâm phân biệt và mắt ông không thể nào ở trên mặt ông, thì ông không thể nào thấy được mặt mình. Nhưng nếu ông thấy được mặt mình thì tại sao ông nói tâm và cái thấy là ở bên trong?"

Kinh văn: **若在虛空,自非汝體,即應如來,今見汝面,亦是汝身?**

Phiên âm: **Nhược tại hư không, tự phi nhữ thể, tức ưng Như lai, kim kiến nhữ diện, diệc thị nhữ thân?**

Việt dịch: Nếu ở ngoài hư không thì nó chẳng phải là tự thể của ông, thế nay Như Lai thấy được mặt ông, Như Lai cũng là thân của ông hay sao?

Giảng: Nếu ở ngoài hư không thì nó chẳng phải là tự thể của ông. Hư không chẳng phải là thân thể của ông nếu tâm và mắt ông đều ở trong hư không thì chúng chẳng có chút nào liên quan với ông. Vậy mà–nếu ông nói chúng nó có sự liên quan với ông. Như ông nói những thực thể tách biệt kia ở trong hư không là bộ phận của thân thể ông. Thế nay Như Lai thấy được mặt của ông, Như Lai cũng là thân của ông hay sao? Đức Phật bảo A-nan "Nếu ông muốn nói thân và tâm ông đều ở ngoài hư không thì chúng nó không phải là bộ phận của thân thể ông. Còn nếu ông nói tâm và mắt của ông đang treo lơ lững ngoài hư không và nó cũng là bộ phận của thân thể ông thì lẽ ra, Như Lai đang nhìn thấy được gương mặt ông từ vị trí thuận lợi trong không gian thì nó cũng là một phần của thân thể ông hay sao? Trong trường hợp đó Như Lai đã hóa thành ông, điều ấy hợp lý chăng?"

Kinh văn: **汝眼已知,身合非覺。必汝執言身眼兩覺,應有二知。即汝一身應成兩佛。**

Phiên âm: **Nhữ nhãn dĩ tri, thân hiệp phi giác. Tất nhữ chấp ngôn, thân nhãn lưỡng giác, ưng hữu nhị tri. Tức nhữ nhứt thân ưng thành lưỡng Phật.**

Việt dịch: Trong trường hợp đó, khi mắt ông biết thì thân ông vẫn không biết. Ắt là ông cho thân và mắt đều biết, thì phải thành hai cái biết. Tức là một thân của ông có thể thành hai vị Phật.

Giảng: Trong trường hợp đó, khi mắt ông biết thì thân ông vẫn không biết. Phải chăng đó là cách đúng đắn? Nếu ông cho thân và mắt đều biết thì phải thành hai cái biết. Nếu ông khăng khăng cho lý lẽ này là đúng thì theo đó sẽ có hai cái biết, một của thân và một của mắt, mỗi bộ phận phải có một cái biết riêng biệt khác nhau. Tức là một thân ông có thể thành hai vị Phật. Tại sao? Vốn chỉ có một cái biết duy nhất để chứng ngộ Phật tánh. Nay ông có hai cái biết thì ông sẽ trở thành hai vị Phật. Liệu quý vị có thể trở thành hai vị Phật được không?

Kinh văn: **是故應知,汝言見暗,名見內者,無有是處。**

Phiên âm: **Thị cố ưng tri, nhữ ngôn kiến ám, danh kiến nội giả, vô hữu thị xứ.**

Việt dịch: Thế nên phải biết, khi ông nói thấy tối là thấy trong thân, điều ấy vô lý.

Giảng: Thế nên phải biết vì những lý lẽ khác nhau vừa được bàn luận, ông nên biết rằng khi ông nói thấy tối là thấy trong thân, điều ấy vô lý. Một lần nữa, lý lẽ của ông là không đúng.

Kinh văn: **阿難言,我常聞佛開示四眾,由心生故種種法生,由法生故種種心生。**

Phiên âm: **A-nan ngôn: Ngã thường văn Phật, khai thị tứ chúng, do tâm sanh cố, chủng chủng pháp sanh, do pháp sanh cố, chủng chủng tâm sanh.**

Việt dịch: A-nan thưa: Con thường nghe Đức Phật dạy tứ chúng, do tâm sinh nên các pháp sinh; do pháp sinh nên các thứ tâm sinh.

Giảng: Nay A-nan lại hỏi Phật: A-nan thưa: Con thường nghe Đức Phật dạy tứ chúng. Trước đây, A-nan thường đem ý riêng của mình để tưởng tượng ra nơi chỗ của tâm và mắt. Mỗi ý tưởng đều bị Đức Phật bác bỏ. Nên nay không dám trình bày ý riêng của mình nữa mà trích dẫn lời khai thị của Đức Phật. nói: "Con nghe Đức Phật thường khai thị cho tứ chúng." Tứ chúng là tỷ-khưu, tỷ-khưu ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di. Tỷ-khưu và tỷ-khưu ni là những nam nữ đã xuất gia. Còn ưu bà tắc, ưu-bà-di là những Phật tử tại gia đã thọ nhận năm giới (không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không uống rượu). Ưu bà tắc, Ưu-bà-di còn được gọi là cư sĩ. Do tâm sinh nên các pháp sinh.

Vì quý vị có tâm – Đức Phật đang nói về tâm ý thức–nên các pháp theo tâm ý thức ấy mà sinh khởi. Đây có nghĩa là sự biểu hiện của thức (thức biến) hiện bày ra mọi hiện tượng. Các pháp vốn không có tự tánh, nó chỉ hiện hữu bởi nhiều yếu tố nhân duyên. Vì các pháp sinh nên các thứ tâm sinh. "Vì nhân duyên sinh ra các pháp, nên mọi tâm ý thức đều sinh khởi. Đây là giáo pháp mà Thế tôn giảng giải cho con nên chẳng cần nghi nghờ gì nữa." A-nan nói: "Nay căn cứ vào giáo pháp Đức Thế tôn đã dạy, con có một suy nghĩ khác."

Kinh văn: **我今思惟,即思惟體實我心性, 隨所合處,心則隨有。亦非內外中間三處 。**

Phiên âm: Ngã kim tư duy, tức tư duy thể, thật ngã tâm tánh, tùy sở hiệp xứ, tâm tắc tuỳ hữu, diệc phi nội ngoại trung gian tam xứ.

Việt dịch: Nay con suy nghĩ, thì cái thể của suy nghĩ ấy thực là tâm con, tuỳ chỗ hoà hợp, tâm theo đó mà có, chẳng phải ba chỗ trong, ngoài và ở giữa.

Giảng: Nay con suy nghĩ –A-nan lại suy nghĩ nữa. Ông ta suy nghĩ điều gì? Thì cái thể của suy nghĩ ấy thực là tâm con. Cái thể của suy tưởng ấy là tánh của tâm con. Cái nhận thức, hiểu biết ấy là tánh của tâm con (tánh mà A-nan nêu ra đây không phải là tự tánh, thể tánh) mà vẫn còn là tâm ý thức. Tùy chỗ hòa hợp, tâm theo đó mà có.

Bất kỳ lúc nào tâm ấy gặp đủ yếu tố nhân duyên, nó liền kết hợp với những yếu tố nhân duyên đó mà hiện hữu. Bất kỳ khi nào những yếu tố này kết hợp với nhau, ở đó có sự hiện hữu của tâm. Nếu không có sự kết hợp của các yếu tố nhân duyên thì tâm không hiện hữu. Chẳng phải ba chỗ trong ngoài và chặng giữa. Tâm chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, chẳng phải ở giữa. Đúng hơn, bất kỳ khi nào hội đủ yếu tố nhân duyên thì tâm hiện hữu. Nếu không hội đủ nhân duyên thì có lẽ chẳng có tâm. Một lần nữa, những gì A-nan trình bày dường như đúng nhưng lại sai. A-nan vẫn chưa nhận thức được về tâm một cách rõ ràng. Thế nên:

Kinh văn: **佛告阿難,汝今說言由法生故種種心生。隨所合處,心隨有者。是心無體,則無所合。若無有體而能合者,則十九界因七塵合。是義不然。**

Phiên âm: Phật cáo A-nan: Nhữ kim thuyết ngôn do pháp sinh cố chủng chủng tâm sanh. Tuỳ sở hợp xứ, tâm tuỳ hữu giả. Thị tâm vô thể, tắc vô sở hợp. Nhược vô hữu thể nhi năng hợp giả, tắc thập cửu giới nhân thất trần hợp. Thị nghĩa bất nhiên.

Việt dịch: Đức Phật bảo A-nan: Nay ông nói do pháp sanh nên các thứ tâm sanh, tùy chỗ hòa hợp, tâm tùy theo đó mà có. Tâm ấy nếu có tự thể, chắc là không có chỗ hòa hợp. Nếu không có tự thể mà hòa hợp thì cũng giống như giới thứ mười chín hòa hợp với trần thứ bảy. Nghĩa ấy không đúng.

Giảng: Đức Phật sử dụng lại lập luận của A-nan để trả lời. Đức Phật bảo A-nan: Nay ông nói do pháp sanh nên các thứ tâm sanh, tùy chỗ hòa hợp, tâm tùy theo đó mà có. Ông nói rằng tâm hiện hữu bất kỳ lúc nào hòa hợp với các pháp. Nếu không có sự hòa hợp thì dĩ nhiên tâm không hiện hữu. Đó là cách ông lập luận. Nhưng tâm ấy nếu không có tự thể, chắc là không có chỗ hòa hợp. Nhưng cái tâm ông đang đề cập đến ấy có tự thể chăng? Nếu nó không có tự thể hoặc không có hình tướng thì nó không thể hòa hợp với các thứ khác. Nếu nó không có sắc tướng thì nó sẽ nương vào đâu mà hòa hợp? Nếu không có tự thể mà hòa hợp được,

Sẽ vô lý nếu cứ khăng khăng rằng nó có thể hòa hợp được với mọi vật mặc dù nó không có tự thể, nhưng giả sử ông cứ khăng khăng như thế thì cũng giống như giới thứ mười chín hòa hợp với trần thứ bảy. Nghĩa ấy không đúng. "Vốn chỉ có mười tám giới nay thành ra có mười chín giới. Giới vừa mới phát sinh thêm, như ông vừa lập luận, là do tâm ông hiện hữu. Mười tám giới là gì? Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý là sáu căn cộng với sáu trần là: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp và khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần sẽ sinh ra khởi sáu thức là: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức. Tổng cộng là mười tám giới. Sáu căn và sáu trần tiếp xúc nhau gọi là mười hai xứ (thập nhị xứ) hay mười hai lối vào (thập nhị nhập)." Đức Phật chỉ ra sự thêm thắt hợp lý trong lập luận của A-nan là sự hiện hữu của giới thứ mười chín, nơi mà giả sử như cái tâm-không-có-tự-thể ấy "hiện hữu khi nó hòa hợp với vật." Những vật mà tâm hòa hợp cũng giống như trần thứ bảy, nghĩa này vẫn không đúng. A-nan phạm sai lầm thêm một lần nữa.

Kinh văn: **若有體者如.汝以手自挃 其體。汝所知心為復內出為從外入。若復內出還見身中。若從外來先合見面.**

Phiên âm: Nhược hữu thể giả, như nhữ dĩ thủ tự trất kỳ thể, nhữ sở tri tâm vi phục nội xuất, vi tùng ngoại nhập? Nhược phục nội xuất, hoàn kiến thân trung. Nhược tùng ngoại lai tiên hợp kiến diện.

Việt dịch: Nếu tâm có tự thể, khi ông lấy tay gãi trên thân thì tâm ông có nhận ra cái biết từ bên trong thân ra, hay do ngoài thân mà có? Nếu từ trong thân ra thì phải trở lại thấy trong thân. Nếu từ ngoài vào thì trước hết phải thấy được mặt của ông.

Giảng: Bây giờ Đức Phật giải thích lý do tại sao ngài cho rằng A-nan mắc sai lầm một lần nữa. Nếu tâm có tự thể Đức Phật nói rõ thật là vô lý khi nói tâm

không có tự thể. Nhưng nếu như tâm có tự thể, nếu tâm quý vị có tâm thể thì: Khi ông lấy tay tự gãi trên thân thì tâm ông có nhận ra cái biết là từ trong thân ra hay do ngoài thân mà có? Có phải chăng tâm xuất hiện từ bên trong hay thể tánh của tâm là từ bên ngoài đi vào? Trước tiên ông cứ cho rằng tâm ông là ở bên trong. Nhưng bây giờ thì ông không cho nó là ở bên trong, bên ngoài hay ở giữa nữa. Thế thì nó ở đâu? Phải chăng tâm ông sẽ hiện hữu khi tùy chỗ hòa hợp với vật? Tâm ông có biết khi mình gãi trên thân, thì cái biết ấy là từ ngoài vào hay từ trong ra?

Nếu nó từ trong thân ra thì nó phải thấy trở lại trong thân. Đã chứng tỏ được rằng tâm không thể ở bên trong, vì nếu ở bên trong thì nó phải thấy được những thứ ở trong thân. Nếu nó từ ngoài vào thì trước hết nó phải thấy được mặt của ông.

Nếu tâm ông ở bên ngoài thì lẽ ra nó phải thấy được mặt ông, trước khi nhận ra chỗ ông gãi vì ngứa, tâm ông có thấy được mặt của mình không? A-nan trở nên bối rối khi Đức Phật nêu lên điểm này.

Kinh văn: **阿難言:見是其眼,心知非眼,為見非義。**

Phiên âm: A-nan ngôn: Kiến thị kỳ nhãn, tâm tri phi nhãn, vi kiến phi nghĩa.

Việt dịch: A-nan thưa: Thấy là ở con mắt, còn cái biết nơi tâm thì không phải do mắt, (Thế tôn nói) tâm thấy là không hợp lý.

Giảng: A-nan quyết đoán rằng lời giải thích của Đức Phật là quá phi lý bởi vậy nên A-nan không đồng ý và bắt đầu phản bác: A-nan thưa: Thấy là ở con mắt. Còn cái biết nơi tâm thì không phải do mắt”

Mắt thấy sự vật, tâm chỉ biết các sự vật ấy mà thôi. (Thế tôn nói) tâm thấy là không hợp lý. Quý vị cho rằng tâm thấy là hoàn toàn sai lầm, hoàn toàn không hợp lý. Trước đây, Đức Phật đã quở trách A-nan và nói: “Thật không có nghĩa ấy.” Nay A-nan đáp lại với lời phê phán y như vậy. “Như Lai nói rằng nếu tâm có từ bên ngoài thì lẽ ra nó phải thấy khuôn mặt. Nhưng tâm chỉ có thể biết, nó không thể thấy được, thấy được là do mắt.” A-nan càng lý luận càng lạc xa mục tiêu.

Kinh văn: **佛言:若眼能見,汝在室中門能見不? 則諸已死,尚有眼存,應皆見物。若見物者,云何名死。**

Phiên âm: **Phật ngôn: Nhược nhãn năng kiến, nhữ tại thất trung, môn năng kiến phủ? Tắc chư dĩ tử, thượng hữu nhãn tồn, ưng giai kiến vật. Nhược kiến vật giả, vân hà danh tử?**

Việt dịch: Đức Phật bảo: Giả sử như mắt có thể thấy thế khi ông ở trong nhà, cái cửa có thể thấy được chăng? Cũng thế, khi người chết, mắt họ vẫn còn, lẽ ra vẫn còn thấy được vật. Nếu thấy được vật, sao gọi là chết?

Giảng: Đức Phật bảo: Giả sử như mắt có thể thấy thế khi ông ở trong nhà, cái cửa có thể thấy được chăng? Những cánh cửa trong phòng có thể nhìn thấy được cảnh vật chăng? Cũng thế, khi người chết mắt họ vẫn còn, lẽ ra vẫn còn thấy được vật. Nếu thấy được vật sao gọi là chết?

Thực vậy, dĩ nhiên khi quý vị chết rồi thì mắt không còn thấy được nữa, cho dù thể trạng của mắt vẫn còn nguyên. Nếu như sau khi chết mắt vẫn còn thấy được thì làm sao mà gọi là chết? Nhưng thời đại ngày nay, mắt của người chết lại được móc ra rồi cất vào ngân hàng mắt. Nó vẫn còn sử dụng được. Điều này có chứng minh được gì về lý giải của Đức Phật trong kinh này chăng khi nói mắt không thể nhìn thấy được nữa sau khi chết ? Cho dù mắt ấy còn có thể thấy được, cũng cần phải có thêm năng lực của tánh giác sáng suốt của con người nữa mới khiến cho mắt có thể thấy được. Mắt cũng giống như những khung cửa, tự nó không thể thấy được. Nó như cơ thể trong suốt, giống như những cửa sổ, qua đó người ta có thể nhìn thấy được cảnh vật. Còn trong cơ thể của người đã chết, không còn sinh lực gì nữa.

Kinh văn: **阿難又汝覺了能知之心,若必有體,為復一體,為有多體? 今在汝身,為復遍體,為不遍體?**

Phiên âm: **A-nan, hựu nhữ giác liễu năng tri chi tâm, nhược tất hữu thể, vi phục nhứt thể, vi hữu đa thể? Kim tại nhữ thân, vi phục biến thể, vi bất biến thể?**

Việt dịch: Lại nữa A nan, nếu tâm hiểu biết của ông có tự thể, thì có một thể hay nhiều thể? Nó ở nơi thân ông là khắp cả thân hay chẳng khắp cả thân?

Giảng: Đức Phật tiếp tục giảng giải cho đệ tử: Lại nữa, A-nan, nếu tâm hiểu biết của ông là có tự thể. Nếu ông quả quyết cho rằng cái tâm suy lường phân biệt được mọi thứ ấy có tự thể, thì (tâm ấy) có một thể hay có nhiều thể? Cái tâm của ông ấy chỉ có một thể hay có nhiều thể? Tâm ấy ở nơi thân ông, là khắp cả

thân hay chẳng khắp cả thân? Cái thể này nó ở nơi đâu trong thân ông? Nó có ở khắp nơi thân ông hay không?

Kinh văn: **若一體者。則汝以手挃一肢時。四肢應覺。若咸覺者,挃應無在。若挃有所,則汝一體,自不能成。**

Phiên âm: Nhược nhứt thể giả, tắc nhữ dĩ thủ, trất nhứt chi thời, tứ chi ưng giác. Nhược hàm giác giả, trất ưng vô tại, nhược trất hữu sở, tắc nhữ nhứt thể, tự bất năng thành.

Việt dịch: Nếu tâm chỉ có một thể thì khi ông lấy tay gãi một chỗ trên thân thì lẽ ra các nơi khác trên thân đều có cảm giác. Nếu tất cả thân phần đều có cảm giác, thì chỗ gãi không nhất định. Nếu chỗ gãi nhất định thì nghĩa tâm có một thể là không hợp lý.

Giảng: Nếu tâm chỉ có một thể thì khi ông lấy tay gãi một chỗ trên thân thì lẽ ra các nơi khác trên thân đều có cảm giác. Chúng ta hãy giả định rằng nếu như tâm có một thể, cư trú ngay trong tâm mình. Thì khi quý vị dùng tay gãi lên một chỗ trên chân hoặc tay mình, lẽ ra cả hai tay và hai chân đều phải có cảm giác. Tại sao? Vì quý vị nói rằng chỉ có một tâm duy nhất. Nhưng thực ra, nếu quý vị gãi lên một chi phần thân thể thì lẽ ra chỉ có riêng chi phần ấy có cảm giác thôi, ba chi phần kia phải hoàn toàn không biết chỗ gãi. Nếu tất cả thân phần đều có cảm giác thì chỗ gãi không nhất định.

Nếu ông nói rằng khi gãi vào một chân, thì chân kia và cả hai tay đều biết, cớ sao ông lại cho rằng chỉ có một chỗ gãi duy nhất trên thân? Vì toàn thân có cảm giác như thể được gãi khắp nơi trên thân. Nếu chỗ gãi không nhất định, thì nghĩa tâm có một thể không hợp lý. Nếu quý vị có cảm giác chỗ gãi chỉ là một nơi nhất định trên thân thì quý vị không thể lập luận rằng tâm chỉ là một thể duy nhất trong toàn thân.

Kinh văn: **若多體者,則成多人。 何體為汝?**

Phiên âm: Nhược đa thể giả, tắc thành đa nhân. Hà thể vi nhữ?

Việt dịch: Nếu có nhiều thể thì thành ra có nhiều người. Vậy thể nào là của ông?

Giảng: Nếu có nhiều thể. Đoạn này giải thích tại sao ba chi phần thân thể kia không nhận được cảm giác khi ta gãi ở chi phần thứ tư. Nếu nhận được cảm

giác ấy thì thành ra có nhiều người. Nếu tâm ông có nhiều tâm thể thì trong ông không chỉ là một người. Vậy trong trường hợp ấy, Thể nào là của ông?

Kinh văn: **若遍體者,同前所挃。若不遍者,當汝觸頭,亦觸其足。頭有所覺足應無知。今汝不然。**

Phiên âm: Nhược biến thể giả, đồng tiền sở trất; Nhược bất biến giả, đương nhữ xúc đầu, diệc xúc kỳ túc. Đầu hữu sở giác, túc ưng vô tri. Kim nhữ bất nhiên.

Việt dịch: Nếu ở khắp thân thì như đã nói trước đây (chỗ gãi không nhất định), nếu chẳng khắp thân thì khi ông xoa đầu rồi sờ chân, nếu đầu biết thì chân phải không biết. (Nhưng) trường hợp này không đúng với ông.

Giảng: Nếu ở khắp thân thì như đã nói trước đây (chỗ gãi không nhất định). Đức Phật kiên nhẫn nhắc lại lời giải thích ở trước. Nếu ông nói rằng tâm ông là một thể duy nhất biến khắp thân ông thì lẽ ra khi ông gãi ở một nơi thì toàn thể mọi phần thân thể phải nhận được cảm giác. Nếu chẳng khắp thân thì khi ông xoa đầu rồi sờ chân, nếu khi đầu biết thì chân phải không biết. Nhưng trường hợp này không đúng với ông. Nhưng nếu ông nói rằng tâm ông không bao trùm khắp thân thì chân ông sẽ không có được cảm giác khi ông xoa đầu. Nhưng dù ông có xoa đầu hay không thì chân ông vẫn có cảm giác khi tiếp xúc với mọi vật. Thế nên không thể nói tâm ở khắp trên thân và cũng không thể nói tâm chẳng bao trùm khắp thân.

Kinh văn: **是故應知,隨所合處,心則隨有,無有是處。**

Phiên âm: Thị cố ưng tri, tùy sở hiệp xứ, tâm tắc tùy hữu, vô hữu thị xứ.

Việt dịch: Thế nên phải biết, tùy chỗ hòa hợp, tâm theo đó mà hiện hữu là không hợp lý.

Giảng: Thế nên phải biết, tùy chỗ hòa hợp, tâm theo đó mà hiện hữu là không hợp lý. Đây là lần thứ năm A-nan cố gắng hết sức mình để xác định tâm mình ở đâu và Đức Phật một lần nữa chỉ bày những lý lẽ của hàng đệ tử đưa ra là không có căn cứ.

Kinh văn: **阿難白佛言:世尊我亦聞佛與文殊等諸法王子談實相時,世尊亦言:心不在內,亦不在外。**

Phiên âm: **A-nan bạch Phật ngôn: Thế tôn, ngã diệc văn Phật dữ Văn-thù đẳng chư pháp vương tử, đàm thật tướng thời, Thế tôn diệc ngôn: Tâm bất tại nội, diệc bất tại ngoại.**

Việt dịch: A-nan bạch Phật: Bạch Thế tôn, con được nghe khi Thế tôn cùng với ngài Văn-thù-sư-lợi và các vị pháp vương tử bàn về nghĩa thực tướng, Thế tôn nói: Tâm chẳng phải ở trong, cũng không phải ở ngoài.

Giảng: A-nan lại dùng lời Phật dạy để làm căn cứ cho luận điểm của mình, để chứng minh cho ý kiến của mình là thông lợi. A-nan bạch Phật: "Bạch Thế tôn con được nghe Thế tôn cùng với Ngài Văn-thù-sư-lợi và các vị Pháp vương tử bàn về nghĩa thực tướng. "Đây chính là những lời Đức Phật đã giảng giải chứ không phải là những lời con bịa ra. Chính Thế tôn đã nói như vậy."

Ngay khi A-nan vừa mở miệng trình bày, A-nan liền muốn biện minh cho luận điểm của mình bằng cách viện dẫn lời dạy của Đức Phật. Quả là A-nan có rất nhiều biện tài. Văn-thù-sư-lợi là Bồ-tát Diệu Cát Tường, còn gọi là Bồ-tát Diệu Đức. Ngài cùng với Bồ-tát Quán Thế Âm, vị Bồ-tát thường lắng nghe âm thanh ở thế gian và Bồ-tát Phổ Hiền, vị Bồ-tát biểu tượng cho nguyện lực vĩ đại, là các vị Đại Bồ-tát, là những Pháp vương. Thế nào là nghĩa "thực tướng"? Thực tướng nghĩa là tướng chân thực, cũng còn gọi là chân tâm hằng có của chúng ta xưa nay.

Thực tướng có ba nghĩa: Vô tướng tức là thực tướng. Tức là không có một tướng hư vọng nào cả. Nhưng mà bản thể của nó chẳng phải là không. Nhưng không có gì là không có tướng. Vô tướng chính là thực tướng. Tức là tùy duyên mà hiện hữu. Hết thảy các sự hiện hữu mầu nhiệm trên thế gian vốn đều chẳng phải là không có tướng. Nhưng chẳng phải vô tướng là thực tướng. Tức là chân không nhưng chẳng ngại diệu hữu. Diệu hữu chẳng ngại chân không. Như thật muốn nói đến sự hiện hữu chân thực, ắt phải dứt tuyệt hẳn các tướng, rời hẳn các danh xưng, vì thực tướng vốn chẳng dính một vật.

Như thật muốn nói đến hết thảy đều là không thì điểm linh quang từ chân tâm vốn chẳng phải mê mờ, ứng dụng thảy đều tự tại. Thế tôn cùng Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói về thực tướng, nó chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, tức nói về chân tâm vốn không hình tướng, bản nhiên vốn thường thanh tịnh, rời xa tất cả hình tướng. Chân tâm vốn đã vô tướng, vốn không có nơi chốn, nên không thể nói ở trong hay ở ngoài được. Lại nữa, chân tâm vốn tròn đầy, bao trùm khắp chốn, giống như hư không. Nên tuy không ở nơi nào, nhưng không nơi nào mà chẳng có.

Thế tôn nói: “Tâm chẳng phải ở trong, cũng không phải ở ngoài.” Hàm ý của A-nan trong câu này là: “Bạch Thế tôn đây chính là lời của Thế tôn từng nói. Nay con chỉ lặp lại. Sao Thế tôn cho đó là sai?”

Kinh văn: **如我思惟,內無所見,外不相知。內無知故,在內不成。身心相知,在外非義。今相知故,復內無見,當在中間。**

Phiên âm: Như ngã tư duy, nội vô sở kiến, ngoại bất tương tri, nội vô tri cố, tại nội bất thành, thân tâm tương tương tri, tại ngoại phi nghĩa, kim tương tri cố, phục nội vô kiến, đương tại trung gian.

Việt dịch: Theo con suy nghĩ, nếu tâm ở bên trong mà không thấy được vật bên trong, còn ở ngoài thì tâm và thân chẳng biết nhau. Vì tâm không biết ở trong, nên nghĩa ở trong không hợp lý. Vì thân tâm biết nhau, nên nói tâm ở ngoài cũng chẳng phải. Nay vì thân tâm biết nhau, và lại cũng không thấy được bên trong, nên tâm chắc chắn ở giữa.

Giảng: Theo con suy nghĩ: Nay con suy nghĩ kỹ một lần nữa. Nếu tâm ở bên trong mà không thấy được vật bên trong. Khi nói tâm ở bên trong, phải hàm ý rằng tâm có thể thấy được trong thân. Còn ở ngoài thì thân và tâm chẳng biết nhau.

Đức Phật đã chỉ rằng nếu tâm ở ngoài thân thì thân tâm lẽ ra chẳng biết nhau. Vì tâm không biết ở trong, nên nghĩa ở trong không hợp lý. Do tâm không biết được những gì ở bên trong thân, nên không thể nói được rằng tâm ở trong thân. Vì thân và tâm biết nhau nên nói tâm ở ngoài cũng chẳng phải.

Thân và tâm cùng chia xẻ với nhau cái biết. Như Đức Phật vừa giảng giải, chỉ ra cho A-nan rõ thân tâm cùng biết nhau khi mắt thấy bàn tay Phật và tâm nhận biết bàn tay ấy. Nếu thân tâm ngoài nhau, thì sẽ không có cùng tánh biết ấy. Thế nên thân tâm không thể ở ngoài nhau được. Nay vì thân tâm biết nhau, và lại cũng không thấy được bên trong. Bây giờ con mới hiểu được điều này. Con nhận ra tâm con chắc chắn là ở giữa. A-nan bây giờ quả quyết rằng tâm mình ở giữa. Nói chắc chắn ở giữa là chỗ nào thì A-nan không nói được. Đó là chỗ ở giữa trong thân, hay là ở giữa phía ngoài của thân. Đó là lý do mà Đức Phật tiếp tục gạn hỏi A-nan.

Kinh văn: **佛言:汝言中間,中必不迷,非無所在。今汝推中,中何為在? 為復在處,為當在身?**

Phiên âm: **Phật ngôn: Nhữ ngôn trung gian, trung tất bất mê, phi vô sở tại. Kim nhữ suy trung, trung hà vi tại? Vi phục tại xứ, vi đương tại thân?**

Việt dịch: Đức Phật bảo: Ông nói tâm ở giữa, chỗ ấy hẳn là không phải bỗng dưng mà có, hoặc không có vị trí nhất định. Nay ông phải xét kỹ, điểm giữa ấy là nơi nào? Là tại cảnh bên ngoài, hay là ở trên thân?

Giảng: Đức Phật bảo: Ông nói tâm ở giữa, chỗ ấy hẳn là không phải bỗng dưng mà có, hoặc không có vị trí nhất định. Chỗ giữa mà ông nói phải có một nơi chốn nhất định, phải biết chắc chắn về nó. Do vậy nay ông phải xét kỹ điểm giữa ấy là nơi nào? Phải suy nghĩ về câu hỏi này thật kỹ. Đức Phật nhấn mạnh vào điểm này.

Điểm giữa ấy là nơi nào? Là tại cảnh bên ngoài hay là ở trên thân? Điểm giữa ấy là một nơi nào đó ở cảnh vật bên ngoài hay là ở nơi thân ông?

Kinh văn: **若在身者,在邊非中,在中同內。若在處者,為有所表,為無所表? 無表同無,表則無定。**

Phiên âm: **Nhược tại thân giả, tại biên phi trung, tại trung đồng nội. Nhược tại xứ giả, vi hữu sở biểu, vi vô sở biểu? Vô biểu đồng vô, biểu tắc vô định.**

Việt dịch: Nếu điểm giữa ấy ở nơi thân, khi ở một bên thân thì chẳng phải là ở giữa, nếu ở giữa thân thì đồng như ở trong thân. Nếu điểm giữa là nơi cảnh (xứ), thì điểm ấy nêu ra được hay không nêu ra được? Nếu không nêu ra được thì đồng như không có, còn nêu ra được thì điểm ấy không có vị trí nhất định.

Giảng: Nếu điểm giữa ấy ở nơi thân, khi ở một bên thân thì chẳng phải là ở giữa, nếu ở giữa thân thì đồng như ở trong thân. Giả sử như điểm giữa mà ông cho là vị trí của tâm là ở trong thân, phải chăng nó ở một bên thân? Thế thì chẳng phải là ở giữa. Phải chăng nó ở giữa thân? Đó là nói tâm ở trong thân và chúng ta đã phủ nhận điều ấy không hợp lý. Nếu điểm giữa là nơi cảnh thì điểm ấy nêu ra được hay không nêu ra được? Nếu ông nói điểm giữa ấy là một nơi nào đó thì ông có thể chỉ ra nó ở đâu không? Có một điểm nào cho phép chúng ta có thể liên tưởng đến nó? Nếu không nêu ra được thì đồng như không có.

Nếu không xác định được sự hiện hữu của điểm giữa ấy, nếu ông không thể nào chỉ ra được nó hiện hữu ở một vị trí nào đó thì nó chẳng tồn tại. Là ông

vẫn chưa chỉ được ra điểm giữa ấy. Còn nêu ra được thì điểm ấy không có vị trí nhất định. Tại sao Đức Phật lại nói điều này?

Kinh văn: **何以故? 如人以表,表為中時。東看則西南觀成北。表體既混,心應雜亂 。**

Phiên âm: Hà dĩ cố? Như nhơn dĩ biểu, biểu vi trung thời, đông khán tắc tây, nam quan thành bắc. Biểu thể ký hỗn, tâm ưng tạp loạn.

Việt dịch: Tại sao? Ví như có người cắm cây nêu để làm điểm giữa, nếu nhìn từ phương Đông thì cây nêu ở phía Tây, nếu nhìn từ phương Nam thì cây nêu ở phía Bắc. Tiêu điểm đã không rõ ràng thì tâm ông cũng thành rối loạn.

Giảng: Tại sao? Ví như có người cắm cây nêu. Có người cắm một dấu hiệu trên mặt đất rồi nói: "Nơi đây là điểm giữa." Nếu nhìn từ phương Đông thì cây nêu ở phương Tây. Nếu nhìn từ phương Nam thì cây nêu ở phương Bắc. Tiêu điểm ấy có thể nói là "ở giữa." Nhưng nếu khi ông đứng ở phía Đông của cây nêu thì tiêu điểm ấy lại ở phía Tây của ông. Làm sao nói nó ở giữa được? Còn khi ông phải đứng ở phía Nam của tiêu điểm ấy thì điểm ấy lại nằm ở phía Bắc của ông. Điểm này cũng không phải là ở giữa. Điều cốt yếu là như tôi đã nói trước đây, cả mười phương đều không thực có. Quý vị có thể cho rằng nơi nào đó là ở phía Nam của quý vị nhưng nếu khi quý vị đi về hướng Nam của điểm ấy thì nó trở thành phía Bắc, nhưng khi quý vị đi về hướng Bắc của điểm ấy thì nó lại nằm ở phía Nam. Thế nên điểm ấy là ở hướng nào? Không có cách nào xác định được. Nghĩa lý trong đoạn kinh này cũng tương tự như vậy. Tiêu điểm đã không rõ ràng thì tâm ông cũng thành rối loạn. Tiêu điểm không biểu thị cho một điều gì hết thảy, nó không thể xác định cho một vị trí ở giữa. Nếu tâm ở giữa, nó cũng sẽ không xác định được, cũng như tiêu điểm ấy, sẽ bị nhầm lẫn. Nói rốt ráo, nơi nào là điểm giữa? Chẳng có nơi nào là điểm giữa cả. Thế nên điểm giữa mà ông đề cập đến cũng là sai lầm.

Kinh văn: **阿難言:我所說中.非此二種,如世尊言,眼色為緣生於眼識。眼有分別,色塵無知。識生其中,則為心在。**

Phiên âm: A-nan ngôn: Ngã sở thuyết trung, phi thử nhị chủng, như Thế tôn ngôn, nhãn sắc vi duyên, sanh ư nhãn thức. Nhãn hữu phân biệt, sắc trần vô tri. Thức sanh kì trung, tắc vị tâm tại.

Việt dịch: A-nan thưa: Con nói điểm giữa, chẳng phải là hai thứ ấy. như Thế tôn dạy, mắt gặp sắc trần, duyên sanh nhãn thức. Mắt thì có phân biệt, còn sắc trần thì vô tri. Thức phát sinh trong khoảng giữa ấy, đó chính là tâm con.

Giảng: A-nan thưa: Con nói điểm giữa, chẳng phải là hai thứ ấy. "Không xác định được tâm là trong hay ngoài. Bạch Thế tôn, ý con muốn nói là như vậy."

Như lời Thế tôn dạy: Mắt gặp sắc trần, duyên sanh nhãn thức. "Bạch Thế tôn đó chính là điều Thế tôn đã giảng giải trước đây." A-nan vẫn vận dụng những lời Thế tôn đã giảng giải từ trước để làm luận điểm cho mình. "Bạch Thế tôn, Thế tôn đã từng nói rằng khi mắt thấy sắc trần, thức liền sinh khởi trong khoảng trung gian." Mắt thì có phân biệt. Tại sao có sự duyên sinh của nhãn thức và của cái thấy khi mắt gặp sắc trần? Bởi vì mắt khởi phân biệt Sắc trần thì vô tri, thức phát sinh trong khoảng giữa ấy đó chính là tâm con.

Sắc trần tự nó không thể biết, nhưng khi mắt tiếp xúc với sắc trần, tâm phân biệt liền sinh khởi ở trong khoảng trung gian (của sắc trần và mắt). Nơi đó chính là tâm con. Khoảng giữa mà con nói đến ấy là nơi mà mắt và tâm tiếp xúc với nhau làm sinh khởi nhãn thức. Đó chính là tâm.

Kinh văn: **佛言:汝心若在,根塵之中,此之心體,為復兼二,為不兼二?**

Phiên âm: Phật ngôn: Nhữ tâm nhược tại, căn trần chi trung, thử chi tâm thể, vi phục kiêm nhị, vi bất kiêm nhị?

Việt dịch: Đức Phật bảo: Tâm ông nếu ở khoảng giữa căn và trần, vậy tâm thể ấy gồm cả hai bên, hay không gồm cả hai bên.?

Giảng: Đức Phật lắng nghe A-nan trình bày luận giải của A-nan và phản bác: "Tâm ông nếu ở khoảng giữa căn và trần, vậy tâm thể ấy gồm cả hai bên hay không gồm cả hai bên" Giả sử như ông nói, tâm ở giữa mắt và sắc trần. Vậy tâm bao gồm cả hai bên, tâm nằm ở một bên hay nằm cả hai bên?

Kinh văn: **若兼二者,物體雜亂。物非體知,成敵兩立。云何為中? 兼二不成,非知不知,即無體性。中何為相?**

Phiên âm: Nhược kim nhị giả, vật thể tạp loạn. Vật phi thể tri, thành địch lưỡng lập, vân hà vi trung? Kiêm nhị bất thành, phi tri bất tri, tức vô thể tánh. Trung hà vi tướng?

Việt dịch: Nếu gồm cả hai bên thì căn trần lẫn lộn. Trần thì không biết, căn thì có biết, hai thứ đối lập nhau. Chỗ nào gọi là điểm giữa? Gồm cả hai bên cũng không được, vì không phải có biết và cũng không phải không có biết, tức là không có thể tánh. Điểm giữa ấy lấy gì làm tướng?

Giảng: Nếu gồm cả hai bên–Nếu tâm ông, cái tâm ông nói nằm ở điểm giữa, nó bao gồm cả căn và trần thì căn trần lẫn lộn. Thế thì bên nào là thể của tâm (căn) ông và bên nào là vật (trần)? Ông có phân biệt rõ được không? Nếu không thể phân biệt được thì nó là một hỗn hợp rối loạn, tập hợp với nhau một cách vô trật tự. Trần thì không biết, căn thì có biết, hai thứ ấy đối lập nhau. Trần (vật) thì không biết gì cả, trong khi nhãn căn của ông có một tâm thể. Hai điều ấy mâu thuẫn nhau. Chỗ nào gọi là điểm giữa?

Điểm giữa mà ông nói là ở đâu? Có phải tâm ông ở giữa–nhãn căn? Hay ở giữa vật mà con mắt ông đã thấy được? Gồm cả hai bên cũng không được vì không phải có biết và cũng không phải không có biết tức là không có thể tánh. Nếu tâm ông không bao gồm cả hai bên mắt (nhãn căn) và sắc trần thì sẽ không biết được điều gì cả. Vậy tâm ấy không có được tánh biết. "Điểm giữa" ấy lấy gì làm tướng? Phân tích đến chỗ cùng cực. Đâu là tâm ông?

Kinh văn: **是故應知當在中間無有是處.**

Phiên âm: Thị cố ưng tri, đương tại trung gian, vô hữu thị xứ.

Việt dịch: Thế nên phải biết tâm ở chặng giữa là không có lý.

Giảng: Thế nên phải biết tâm ở chặng giữa là không có lý. Này A-nan từ những lý do đã nêu trên, ông nên biết rằng những lập luận của ông, cho rằng tâm ở chặng giữa là không đứng vững, không có nguyên lý nào như vậy cả.

Kinh văn: **阿難白佛言世尊。我昔見佛與大目連。須菩提.富樓那, 舍利弗四大弟子,共轉法輪。常言覺知分別心性,既不在內,亦不在外,不在中間,俱無所在。一切無著,名之為心。則我無著,名為心不 ?**

Phiên âm: A-nan bạch Phật ngôn: Thế tôn, ngã tích kiến Phật dữ đại Mục-kiền-liên, Tu-bồ-đề, Phú-lâu-na, Xá-lợi-phất tứ đại đệ tử, cộng chuyển pháp luân. Thường ngôn giác tri phân biệt tâm tánh, kí bất tại nội, diệc bất tại ngoại, bất tại trung gian, câu vô sở tại. Nhất thiết vô trước, danh chi vi tâm. Tắc ngã vô trước danh vi tâm phủ ?

Việt dịch: A-nan bạch Phật: Bạch Thế tôn, xưa nay con thấy Phật cùng bốn vị đệ tử lớn là ngài Đại Mục-kiền-liên, Tu bồ-đề, Phú-lâu-na, Xá-lợi-phất cùng chuyển pháp luân. Đức Phật thường nói: tâm tánh hiểu biết phân biệt không phải ở trong, không phải ở ngoài, không phải ở chặng giữa, đều không có nơi chỗ. Hết thảy đều không dính mắc, đó gọi là tâm. Vậy cái không dính mắc của con có được gọi là tâm chăng?

Giảng: Người ta cho rằng A-nan bắt đầu lúng túng khi nghe Đức Phật phản bác lập luận của A-nan lại một lần nữa. A-nan đã cạn kiệt hết kiến thức của mình đến mức hết biện bác được nữa. Lúc này A-nan không còn lối thoát nào nữa, chẳng còn cách nào nữa cả. Thế nên, một lần nữa A-nan vận dụng những đạo lý mà Đức Phật đã giảng trước đây vào tình huống hiện tại với một nỗ lực cứu thoát mình ra khỏi bế tắc. A-nan bạch Phật: “Bạch Thế tôn xưa nay con thấy Phật cùng bốn vị đệ tử lớn là Ngài Mục-kiền-liên. Hán dịch là “Thái thúc thị”, nghĩa là người con của dòng họ chuyên ăn rau đậu.” Tu-bồ-đề (Subhuti), Hán dịch là “Không sinh.” Phú-lâu-na (Purna), Hán dịch là “Mãn từ tử”, nghĩa là người con của lòng từ. Xá-lợi-phất cùng chuyển pháp luân.

Chuyển pháp luân có nghĩa là đem giáo pháp Đức Phật đã giảng dạy mà giáo hóa chúng sinh, làm cho giáo pháp ấy được lưu truyền bằng cách này hoặc bằng cách khác ở khắp mọi nơi. Cũng như đạo lý trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nay được giảng giải khắp mọi đạo tràng vậy. Đó là lý do được gọi là pháp luân “bánh xe pháp.” Việc chuyển bánh xe pháp khiến cho đạo lý được hiển bày và quét sạch thiên ma ngoại đạo. Khi những tà phái ngoại đạo nào gặp bánh xe pháp này, những tà kiến đó liền bị nghiền nát. Đức Phật thường giảng trong tạng A-hàm và Phương đẳng rằng: “Tâm tánh hiểu biết phân biệt không phải ở trong, không phải ở ngoài, không phải ở chặng giữa, đều không có nơi chỗ. Nếu bản tánh của tâm tính toán, hiểu biết, phân biệt ấy không ở phía trong, chẳng ở bên ngoài, có lẽ nó ở giữa hai vị trí ấy, nhưng mà cũng không ở một nơi chốn nhất định, chẳng có một nơi chốn nào cả. Hết thảy đều không dính mắc, đó gọi là tâm.

Cái tâm hiểu biết ấy không hề dính mắc. Cái tâm mà con đang đề cập tới cũng không dính mắc. Nhưng con không biết người ta có gọi đó là “tâm” không? A-nan nghĩ rằng nếu mình hỏi với cách như thế, chắc có lẽ Đức Phật sẽ đồng ý với điều mà A-nan cho là “tâm.” Vì chính Đức Phật cũng đã nói như vậy. Nhưng những điều Đức Phật đã nói trước đây chỉ khế hợp với pháp thế gian. Giáo pháp của Đức Phật vào thời ấy tương hợp với sự hiểu biết của căn cơ người nghe vào thời ấy. Căn cơ hàng Tiểu thừa không hiểu được giáo pháp Đại thừa nếu nói về chơn tâm mà không có lời giảng giải cho họ thì họ không thể

nào tin được, thế nên Đức Phật giảng nói cho họ về thức tâm (tâm phân biệt). Đức Phật tùy thuận theo pháp thế gian, nhưng nay A-nan lại muốn nhận lấy thức tâm phân biệt của hàng phàm phu ấy làm tâm mình. A-nan có đúng chăng? Cơ bản quan điểm của A-nan cũng xuất phát từ cái nhìn của hàng phàm phu. Nhưng "tâm" mà Đức Phật đang nói đến lại không phải là thức tâm, "tâm" ấy chính là "chân tâm thường trụ." Không phải là tâm chứa đầy vọng tưởng. Thế mà A-nan cứ cho rằng tâm sinh khởi vọng tưởng ấy chính là chân tâm của mình, A-nan tiếp tục phạm sai lầm như nhận kẻ cướp làm con mình.

Kinh văn: **佛告阿難:汝言覺知分別心性,俱無在者。世間虛空,水陸飛行,諸所物象,名為一切。汝不著者,為在為無?**

Phiên âm: Phật cáo A-nan: Nhữ ngôn giác tri phân biệt tâm tánh, câu vô tại giả. Thế gian hư không, thủy lục phi hành, chư sở vật tượng, danh vi nhất thiết; nhữ bất trước giả, vi tại vi vô?

Việt dịch: Đức Phật bảo A-nan: Ông nói bản tánh của tâm hiểu biết phân biệt này đều không ở tại đâu cả. Vậy các vật có hình tướng trên thế gian như hư không và các loài thủy, lục, không, hành… tất cả các vật. Cái dính mắc mà ông nói đó là hiện hữu hay không hiện hữu?

Giảng: Một lần nữa, Đức Phật lại phản bác lời giải thích của A-nan bằng câu hỏi: Đức Phật bảo A-nan Ông nói bản tánh của tâm hiểu biết phân biệt này nó đều không ở tại đâu cả. Không có sự dính mắc thì sẽ không có một nơi chốn nhất định.

Vậy các vật có hình tướng trên thế gian như hư không và các loài thủy, lục, không, hành… tất cả các vật. Có hai loại thế gian: hữu tình thế gian và khí thế gian. Thế gian hữu tình gồm các loại chúng sinh. Khí thế gian gồm các hiện tượng và vật thể như núi, sông, đất liền và nhà cửa các loại. Những vật này cùng với hư không và các loại trần cảnh đều được tạo thành bởi hai loại: y báo và chánh báo. Y báo là khí thế gian, gồm núi sông đất liền, chánh báo là các loại chúng sinh. Thế giới này đều tạo thành bởi hai loại này. Trong tất cả các hiện tượng trên thế gian, nay được ông xếp vào loại nào? Nơi nào mà ông không bị dính mắc? Cái dính mắc mà ông nói là hiện hữu (mà không dính mắc), hay không hiện hữu (mà không dính mắc) Có nơi nào để nói ông không dính mắc hay không? Nếu như chỗ dính mắc ấy không có thì đồng như chỗ ấy không hiện hữu.

Kinh văn: **無則同於龜毛兔角。云何不著?**

Phiên âm: Vô tắc đồng ư quy mao thố giác. Vân hà bất trước?

Việt dịch: Nếu không hiện hữu thì đồng như lông rùa sừng thỏ. Sao gọi là không dính mắc?

Giảng: Nếu không hiện hữu thì đồng như lông rùa sừng thỏ. Quý vị có bao giờ thấy được lông rùa và sừng thỏ chưa? Nói cách khác là những thứ ấy không hiện hữu trên thế gian. Sao gọi là không dính mắc. Nếu nó không hiện hữu thì quý vị thử nghĩ nó dính mắc vào cái gì?

Kinh văn: **有不著者,不可名無。無相則無,非無則相。相有則在,云何無著?**

Phiên âm: Hữu bất trước giả, bất khả danh vô. Vô tướng tắc vô, phi vô tắc tướng. Tướng hữu tắc tại, vân hà vô trước?

Việt dịch: Nếu đã có cái không dính mắc thì không thể gọi là không. Không tướng thì không. Chẳng không thì phải có tướng. Có tướng thì phải có chỗ nơi, làm sao lại nói là không dính mắc?

Giảng: Nếu đã có "cái không dính mắc" thì không thể gọi là không. Ông hãy giả định rằng có một nơi nào đó có cái gọi là không dính mắc. Thế thì ông không thể nói chẳng có gì hết thảy ở nơi chỗ ấy cả. Ông đã nói là không dính mắc, nhưng nếu đã có một nơi gọi là không dính mắc thì vẫn còn có sự hiện hữu, thì làm sao lại nói là không dính mắc được? Nhưng nếu sự thực là không có gì hiện hữu cả. Nếu ở đó không có gì hết – tại sao ông lại muốn gán cho nó cái tên "không dính mắc"? Đây thực là đặt thêm một cái đầu trên đầu hay cưỡi lừa tìm lừa vậy. Không tướng thì không

Nếu ông không có gì dính mắc thì không hiện hữu. Chẳng không thì phải có tướng. Có tướng thì phải có chỗ nơi, sao gọi là không dính mắc? Nhưng nếu nó không hiện hữu tức nó phải có hình tướng. Nếu một vật đã có sắc tướng, chắc chắn nó phải có nơi chốn hiện hữu. Nếu nó đã có nơi chốn, sao nói nó không có sự dính mắc.

Kinh văn: **是故應知,一切無著,名覺知心,無有是處。**

Phiên âm: Thị cố ưng tri, nhất thiết vô trước, danh giác tri tâm, vô hữu thị xứ.

Việt dịch: Thế nên phải biết tất cả cái không dính mắc mà gọi là tâm hiểu biết (của ông), là không có lý.

Giảng: Đã qua bảy lần A-nan hết sức cố gắng xác định vị trí của tâm nhưng đều thất bại. Đức Phật nói: Thế nên phải biết tất cả cái không dính mắc mà gọi là tâm hiểu biết (của ông), thật không có lý. Nói rằng tâm ông là hết thảy những gì không dính mắc là không đúng. Lập luận của ông không đứng vững, nó hoàn toàn không hợp lý.

Kinh văn: **爾時阿難在大眾中,即從座起,偏袒右肩,右膝著地,合掌恭敬,而白佛言:**

Phiên âm: Nhĩ thời A-nan tại đại chúng trung, tức tòng tòa khởi, thiên đản hữu kiên, hữu tất trước địa, hiệp chưởng cung kính, nhi bạch Phật ngôn:

Việt dịch: Khi ấy A-nan ở trong đại chúng, đứng dậy bày vai áo bên phải, đầu gối bên phải quỳ xuống đất, chắp tay cung kính bạch Phật:

Giảng: Trong suốt thời gian đối thoại với Đức Thế tôn, A-nan đã lập luận một cách quanh quẩn không có lối ra. A-nan đã đi lòng vòng mà không tìm ra được lý lẽ chính xác, vì A-nan đã dùng tâm thức phân biệt bỏ quên chân tâm của mình. Thế nên từ vô thỉ đến nay. A-nan không thể nào thể nhập vào pháp giới nhiệm mầu. A-nan đã không thấu thoát được, không qua được cuộc khảo nghiệm. Khi ấy A-nan ở trong đại chúng từ chỗ ngồi đứng dậy.

Lúc ấy trong hội chúng có rất nhiều vị Đại a-la-hán, Đại tỷ-khưu Đại bồ-tát. Bày vai áo bên phải có nghĩa là khi đắp y, A-nan để cho phía vai bên phải của mình bày ra. Như quý vị thấy tôi đang đắp y là hình ảnh đúng như trong kinh mô tả: bày vai áo bên phải. Ở Trung Hoa, việc đắp y bày vai bên phải không được xem là biểu hiện sự tôn kính, nhưng theo phong tục ấn Độ, đặc biệt là trong truyền thống Đạo Phật, việc bày vai áo bên phải là biểu lộ lòng tôn kính tối cao. Khi A-nan bày vai áo bên phải và đầu gối bên phải quỳ xuống đất, cử chỉ này biểu trưng cho sự thanh tịnh của thân nghiệp. Thân không thể nào tạo ác nghiệp khi thân ở trong tư thế ấy. Chắp tay cung kính

Điều này biểu hiện cho sự thanh tịnh của ý nghiệp. Bạch Phật, việc này biểu hiện sự thanh tịnh của khẩu nghiệp. Khi A-nan cung kính cầu thỉnh Đức Phật chỉ dạy giáo pháp, ba nghiệp thân khẩu ý hoàn toàn thanh tịnh.

Kinh văn: **我是如來最小之弟,蒙佛慈愛,雖今出家,猶恃憍憐,所以多聞未得無漏。**

Phiên âm: **Ngã thị Như Lai tối tiểu chi đệ, mông Phật từ ái, tuy kim xuất gia, du thị kiêu lân, sở dĩ đa văn, vị đắc vô lậu,**

Việt dịch: Con là em nhỏ nhất của Thế tôn. Nhờ Thế tôn thương yêu, nay tuy con đã xuất gia, nhưng vẫn còn ỷ lại lòng yêu thương của Thế tôn, do đó chỉ được đa văn mà chưa được quả vô lậu.

Giảng: Nay A-nan suy xét lại tại sao ông ta đã hoài phí thời gian từ khi theo Phật xuất gia. A-nan thưa: Con là em nhỏ nhất của Thế tôn. Trong dòng họ của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni có bốn vị vua và tám người con trai. Vua cha của Đức Phật là một trong bốn vị vua ấy. Mỗi vị vua có hai người con trai. A-nan là người nhỏ tuổi nhất trong số các anh em đó. Nhờ Thế tôn thương yêu nay tuy đã xuất gia "Con đã theo Đức Phật, theo đời sống của người xuất gia" Khi xuất gia, có nghĩa là rời khỏi ngôi nhà vô minh. Có thể nói đó là ngôi nhà mà mọi người đang cư ngụ. Người xuất gia rời khỏi ngôi nhà tam giới là dục giới, sắc giới và vô sắc giới. Người xuất gia phải rời khỏi ngôi nhà phiền não và rời khỏi ngôi nhà thế gian, đó là gia đình người ấy đang sinh sống. Khi quý vị đã xuất gia có nghĩa là quý vị phải rời xa ngôi nhà thế tục và luôn cả những ngôi nhà vô minh, ngôi nhà phiền não và ngôi nhà tam giới. Nhưng mặc dù A-nan đã rời ngôi nhà thế tục, A-nan vẫn chưa chế ngự được những tình cảm luyến ái của mình. A-nan vẫn chưa ra khỏi ngôi nhà vô minh phiền não và ngôi nhà tam giới. Nhưng vẫn còn ỷ lại lòng yêu thương của Thế tôn.

A-nan thú nhận mình đã quá ỷ lại vào sự quan hệ gia đình với Đức Phật. Đôi khi A-nan tự cho phép mình phóng túng đôi chút để tạo sự chú ý ở Đức Phật. Đôi khi A-nan hành xử như một chú điệu nghịch ngợm có chủ ý, hoặc A-nan cố ý phạm lỗi không tuân thủ oai nghi. A-nan trông cậy ở cảm tình của Đức Phật chăm sóc đến mình. Do đó chỉ được đa văn mà chưa được quả vô lậu. A-nan tập trung vào việc học rộng nhớ nhiều mà ít siêng năng tu tập định lực. A-nan chỉ mới đạt được quả vị đầu tiên của hàng A-la-hán, chưa đạt được quả vị thứ tư nên chưa được quả vị vô lậu. Đến quả vị thứ tư mới đoạn trừ hẳn sinh tử và không bị tái sinh trở lại trong tam giới. Nhưng ở quả vị thứ nhất vẫn còn bị sinh tử trở lại trong tam giới, vẫn còn trong địa vị hữu lậu.

Kinh văn: **不能折伏娑毘羅呪,為彼所轉溺於婬舍。當由不知真際所詣。**

Phiên âm: **Bất năng chiết phục Sa-tỳ-la chú, vi bỉ sở chuyển, nịch ư dâm xá. Đương do bất tri chơn tế sở nghệ.**

Việt dịch: Nên con không thể chiết phục được chú thuật Sa-tỳ-ca-la, bị nó xoay chuyển và sa vào nhà dâm, tất cả chỉ vì không biết chỗ quy hướng chân tâm.

Giảng: Nên con không thể chiết phục được chú thuật Ta-tỳ-ca-la. Con không thể nào chống chọi nổi với tà chú của Tiên phạm thiên mà ngoại đạo tóc vàng thường sử dụng, đó là tà pháp của bàng môn tả đạo. Con không có đủ đạo lực để hàng phục được chúng. Bị nó xoay chuyển và sa vào nhà dâm

"Tà chú đã làm cho con bị đắm chìm trong mê muội như thể con bị chìm trôi trong biển." Còn có một cách giải thích khác trong Hán ngữ, chữ nịch (溺) có nghĩa là "chìm đắm" và còn có nghĩa là "nước tiểu." A-nan đang diễn tả rằng ông ta bị dính mắc những thứ bất tịnh. A-nan đã bước vào nơi nhà thổ dơ bẩn, nơi mà chính phụ nữ bán thân cho người hành lạc. A-nan nhận ra mình bị kẹt dính trong đó như thể bị rơi vào hầm nước thải không có lối nào thoát ra được. Nếu Đức Phật không dùng chú Thủ-lăng-nghiêm để giải cứu thì A-nan không còn có cơ hội để sau này được kiết tập Kinh tạng. Nếu như Kinh tạng đã được kiết tập trọn vẹn, chắc hẳn là do một người nào khác chớ không phải do A-nan. May mắn thay, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã dùng chú Thủ-lăng-nghiêm để giải cứu A-nan, thế nên A-nan mới có thể kiết tập Kinh Thủ-lăng-nghiêm và ghi lại cho chúng ta biết nhân duyên Đức Phật thuyết kinh này. Tất cả chỉ vì không biết chỗ quy hướng chân tâm.

Chơn tế là một tên gọi khác của chơn tâm. Tại sao con lại bị sa vào nhà dâm? Vì con không biết được cội nguồn của chơn tâm nơi đâu. Đến chính lúc này, A-nan vẫn còn cố gắng xác định cho được tâm ở nơi nào. A-nan đang bị chùng lại bởi trí thông minh của mình. A-nan vẫn bị xoay chuyển loanh quanh mà không biết đường ra.

KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH NHƯ LAI MẬT NHƠN TU CHỨNG LIỄU NGHĨA CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH THỦ LĂNG NGHIÊM

QUYỂN 1 – CHÁNH VĂN

— o0o —

TUYÊN HÓA THƯỢNG NHÂN
giảng thuật

— o0o —

Kinh văn: 唯願世尊大慈哀愍,開示我等奢摩他路。令諸闡提,隳彌戾車。

Phiên âm: Duy nguyện Thế tôn đại từ ai mẫn, khai thị ngã đẳng, xa-ma-tha-lộ, linh chư xiển-đề, huy di-lệ-xa.

Việt dịch: Cúi mong đức Thế tôn mở rộng lòng từ, thương xót chỉ dạy cho chúng con, pháp tu thiền định (xa-ma-tha), khiến cho hàng nhất-xiển-đề và miệt-lệ-xa thoát khỏi tà kiến.

Giảng: Cúi mong đức Thế tôn mở rộng lòng từ. Nay con chỉ có một ước nguyện, cúi mong Đức Thế tôn mở rộng lòng đại từ đại bi cứu độ con thoát khỏi khổ đau, ban cho con niềm vui giải thoát. Cúi mong Thế tôn thương xót chỉ dạy cho chúng con pháp tu thiền định (xa-ma-tha) khiến cho kẻ nhất-xiển-đề và miệt-lệ-xa thoát khỏi tà kiến.

Cúi mong Thế Tôn, không những chỉ dạy cho riêng mình con mà còn cho toàn thể mọi người trong đại chúng này, những người thường khởi tâm nghi ngờ trong khi nghe pháp. Xin Thế tôn chỉ dạy cho chúng con cách tu tập chánh định, chỉ bày cho chúng con pháp môn tu tập chỉ quán. Nhất-xiển-đề là phiên âm từ tiếng Sanskrit, Hán dịch là “tín căn bất cụ túc” nghĩa là “chưa có lòng tin đầy đủ.” Nhất-xiển-đề là những người mà chưa có niềm tin đầy đủ đối với Phật pháp. Niềm tin chưa đầy đủ đồng nghĩa với không có niềm tin. Nhất-xiển-đề còn có nghĩa là “phần thiêu thiện căn– đốt cháy sạch các căn lành.” Điều gì sẽ còn lại khi các căn lành bị cháy sạch? Chắc chắn là các nghiệp ác. Pháp sư Trúc Đạo Sinh (Tao Sheng) khi giảng kinh Đại Bát Niết-bàn ở Trung Hoa.

Lúc ấy, Kinh Niết-bàn lưu hành ở Trung Hoa chưa được trọn bộ. Chỉ có được cuốn thượng, chưa có cuốn hạ. Trong những cuốn đầu, Kinh dạy: “Nhất-xiển-đề không có Phật tánh, không thể thành Phật.” Các Pháp sư đương thời hầu hết đều giảng theo ý kinh là hàng nhất-xiển-đề không thể tu tập thành Phật được. Thực ra, những cuốn Kinh cuối cùng của bộ kinh này lại nói rằng nhất-xiển-đề cũng có Phật tánh, cũng có thể tu tập thành Phật. Nhưng lúc ấy, những cuốn kinh sau cùng này chưa được lưu truyền ở Trung Hoa. Tuy vậy, Pháp sư Trúc Đạo Sinh đã thông đạt được ý kinh ngay từ đầu, nên Pháp sư không giảng kinh theo trào lưu đương thời. Thay vào đó Ngài giảng rằng kẻ nhất-xiển-đề cũng có Phật tánh, cũng có thể thành Phật. Kết quả là các Pháp sư khác chống đối, hiềm khích Trúc Đạo Sinh.

Họ cho rằng Trúc Đạo Sinh điên rồ khi giảng giải nghịch với ý kinh và đã làm sai khác với lời Phật dạy. Thực ra, Pháp sư Trúc Đạo Sinh không nói ý kinh là sai hoặc cho là Đức Phật giảng nói không đúng. Mà Trúc Đạo Sinh thấu hiểu

được đạo lý ẩn đằng sau lời kinh, nên mặc dù chưa đọc được những cuốn sau cùng của bộ kinh mà Pháp sư đã hiểu được rằng giáo pháp của Đức Phật không hề mang tinh thần như vậy. Nhưng vì sự hiềm khích đã sinh khởi, không còn có ai đến nghe Trúc Đạo Sinh giảng kinh nữa, thế nên Pháp sư vào núi Hổ Khâu, thuộc Tô Châu, gần Thượng Hải, gom đá núi lại rồi giảng kinh cho đá nghe, xiểng dương tinh thần nhất-xiển-đề cũng có Phật tánh. Pháp sư hỏi đá núi: “Tôi nói nhất-xiển-đề cũng có Phật tánh, quý vị nghĩ sao. Tôi nói có đúng không?” Những tảng đá núi lặng lẽ gật đầu tán thành. Thế nên nói:

Sinh công thuyết pháp
Ngoan thạch điểm đầu
(Trúc Đạo Sinh giảng pháp
Đá thán phục cúi đầu!)

Cơ bản là, dĩ nhiên đá thì vô tri, không thể cựa động, vậy mà đá cũng biết xúc động với lời giảng kinh chân thực của Pháp sư Đạo Sinh nên lặng lẽ cúi đầu tán thán. Có rất nhiều nguyên nhân để có kết quả như thế, tôi tin rằng có rất nhiều quỷ thần và nhiều linh hồn đến ngồi trên các tảng đá núi để nghe giảng kinh. Chuyện này có nhiều nguyên nhân: Tôi tin là có rất nhiều quỷ thần đang ngồi hoặc nằm trên các tảng đá núi. Trong một giây suy nghĩ, họ không thể nằm trên đá mà phải ngồi khi lắng nghe kinh. Khi nghe Pháp sư Đạo Sinh hỏi như thế các vị quỷ thần rất phấn khích biểu lộ sự đồng tình nên đã làm cho các tảng đá lay động. Hoặc là có khi trong các đời trước, tiền thân của các tảng đá này cũng có linh tánh, nay ẩn tàng trong hình dạng một tảng đá. Đây là lý do bảo chứng cho đá tán thán chỉ thú của ý kinh. Thế nên người đời sau truyền tụng:
Sinh công thuyết pháp
Ngoan thạch điểm đầu

Tuy vậy, kẻ nhất-xiển-đề rất khó giáo hóa và cứu độ. Khi quý vị giảng giải đạo lý cho họ, họ không bao giờ tin hẳn ngay. Họ sẽ nói: “Này, ai thèm nghe những lời như thế!” Bất luận quý vị có nói hay cỡ nào họ cũng không tin. Họ giống như ngoại đạo Ma-ha Câu-hi-la (*) nhận “vô chấp” làm luận thuyết của mình. Bất luận quý vị có nói với họ điều gì họ đều không nghe, họ đều không chấp nhận. Đó là hàng nhất-xiển- đề. Miệt-lệ-xa hay di-lệ-xa1 là phiên âm từ tiếng Sanskrit, Hán dịch là “ái trược” nghĩa là thích làm việc xấu ác. Kẻ miệt-lệ-xa thường thích những nơi chốn bất tịnh. Miệt-lệ-xa còn có nghĩa là “ác kiến.” Hầu như tri kiến của mọi người đều chân chính, nhưng tri kiến của hạng người này thì rất xấu ác. Họ không thải ra thứ gì ngoại trừ độc dược, không những chỉ tai hại cho riêng họ thôi mà còn ảnh hưởng đến nhiều người khác muốn bắt chước

họ. Thế nên mọi người nên tự sống thức tỉnh và trong sáng, đừng tìm thú vui trong các hành vi xấu ác. A-nan cầu thỉnh Đức Phật cứu vớt hàng miệt-lệ-xa và ngăn ngừa cho mọi người khỏi bị rơi vào nơi ác xấu, thoát khỏi những tình huống như đã nêu trên.

Kinh văn: **作是語已,五體投地,及諸大眾,傾渴翹佇,欽聞示誨.**

Phiên âm: Tác thị ngữ dĩ, ngũ thể đầu địa, cập chư đại chúng, khuynh khát kiều trử, khâm văn thị hối.

Việt dịch: Sau khi thưa thỉnh, A-nan gieo năm vóc xuống đất, cùng toàn thể đại chúng kính cẩn đứng trông chờ được nghe lời chỉ dạy của Đức Phật.

Giảng: Sau khi thưa thỉnh, A-nan gieo năm vóc xuống đất
"Năm vóc" gồm hai tay, hai chân và đầu. Tư thế này là biểu hiện sự kính trọng cao tột nhất trong tất cả. A-nan đảnh lễ gieo năm vóc xuống đất, cùng toàn thể đại chúng.

Không những chỉ có A-nan đảnh lễ Đức Phật sau khi thưa thỉnh xong mà toàn thể đại chúng cũng đều đảnh lễ Đức Phật. Kính cẩn đứng trông chờ được nghe lời chỉ dạy của Đức Phật.

"Kính cẩn trông chờ" là biểu hiện đại chúng lắng nghe một cách chăm chú, theo dõi những lời chỉ dạy mà Đức Phật sẽ ban cho đại chúng, theo dõi giáo lý tu tập thiền định mà A-nan đã thỉnh cầu. Họ đều khao khát giáo pháp một cách nhiệt thành không thể nào diễn tả được, như thể khát nước đang trông chờ được uống. Huệ mạng pháp thân của những vị này đang bị khô úa, nên họ trông chờ Đức Phật rưới nước pháp để nuôi lớn pháp thân huệ mạng cho họ. Câu "kính cẩn đứng trông chờ" có một nghĩa khác nữa là mọi người đang đứng ở cuối gian phòng đều mong ngóng sẵn sàng được nghe rõ hơn lời dạy của Đức Phật. Những người kiết tập Kinh dùng những thuật ngữ đầy biểu tượng để nói đến sự vui mừng của thính chúng khi được nghe thuyết pháp.

"Đứng trông chờ" cũng có nghĩa là những người đứng xa nơi Đức Phật, khi chờ nghe giảng pháp họ phải đứng nhón chân lên có thể nhìn thấy được Đức Phật. Tại sao họ muốn thấy Đức Phật? Vì mọi người đều ưa nhìn ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của Như Lai. Mọi người ai cũng muốn chiêm ngưỡng. Kể cả các vị Đại bồ-tát, a-la-hán, tỷ-khưu, cư sĩ trong hội Thủ-lăng-nghiêm. Tôi nghĩ là các vị ấy đều có nhiều ít tâm niệm như tâm niệm của A-nan. Bởi vì lý do A-nan xuất gia là quá ưa thích ba mươi hai tướng tốt của Đức Phật và cũng

vì ưa thích tám mươi vẻ đẹp của Đức Phật mà nhiều người khác trong chúng hội đến nghe Đức Phật thuyết kinh Thủ-lăng-nghiêm. Từ “cung kính” là dùng để nhắc lại một lần nữa các quốc vương, quan đại thần, trưởng giả, cư sĩ đều đứng chờ với lòng tôn kính tối cao để nghe Đức Phật giảng nói về giáo lý tu tập chánh định.

Kinh văn: **爾時世尊從其面門,放種種光,其光晃耀,如百千日。**

Phiên âm: Nhĩ thời Thế tôn tòng kì diện môn, phóng chủng chủng quang, kỳ quang hoảng diệu, như bách thiên nhật.

Việt dịch: Khi ấy từ trên cửa mặt (khoảng giữa hai chân mày) của Đức Thế tôn phóng ra các thứ hào quang. Các hào quang ấy sáng chói như trăm ngàn mặt trời.

Giảng: Khi ấy khi A-nan gieo năm vóc sát đất và đại chúng chú tâm, khát ngưỡng đứng chờ kính cẩn lắng nghe lời chỉ dạy của Thế tôn. Đức Thế tôn từ diện môn (khoảng giữa hai chân mày) phóng ra các thứ hào quang. Diện môn 面門 là tiếng Hán, ở đây là nói đến khuôn mặt. Quí vị không nên tìm kiếm một cánh cửa nào đó trên gương mặt của Đức Phật. Chẳng có cánh cửa nào trên gương mặt của Đức Phật cả, mà chỉ có các cửa sổ. Mắt của Đức Phật là cửa sổ, và mũi Ngài là những hang động mà nơi đó, người ta có thể ngồi thiền và tập định. Không những điều ấy có thể xảy ra nơi lỗ mũi của Đức Phật mà có thể xảy ra nơi mũi của chúng ta. Nếu quý vị muốn gọi đó là cửa, nhưng chẳng cần phải chẻ sợi tóc làm tư làm gì.

Từ khuôn mặt của Đức Phật, phóng ra các thứ hào quang, các hào quang ấy sáng chói như trăm ngàn mặt trời. Đức Phật phóng ra không những chỉ một loại mà gồm rất nhiều loại hào quang từ diện môn của mình. Nói chung hào quang thường có năm màu, nhưng trong năm màu ấy, có rất nhiều màu hòa hợp có thể phân tích ra được. Hào quang của Đức Phật mạnh và sáng hơn điện chớp, soi chiếu khắp nơi. ánh sáng mặt trời chiếu xuống trái đất với năng lượng rất lớn và rất mạnh, nhưng Đức Phật phóng hào quang có ánh sáng rất mãnh liệt, gấp ngàn lần so với ánh sáng mặt trời. Quý vị thử nói trong đó có bao nhiêu đạo hào quang? Khi A-nan kiết tập kinh này, A-nan đã diễn tả hào quang của Đức Phật sáng chói như vậy vì chính A-nan đã chứng kiến được cảnh tượng ấy.

Kinh văn: **普佛世界六種震動。如是十方微塵國土一時開現。**

Phiên âm: Phổ Phật thế giới, lục chủng chấn động. Như thị thập phương, vi trần quốc độ, nhất thời khai hiện.

Việt dịch: Sáu điệu chấn động khắp các cõi Phật. Mười phương cõi nước như số vi trần đồng thời hiện ra.

Giảng: Sáu điệu chấn động khắp các cõi Phật. Đức Phật trụ thế không chỉ riêng ở thế giới Ta-bà của chúng ta, mà khắp cả các thế giới khác. Cả hàng triệu thế giới đều trải qua sáu loại chấn động. Có ba loại hình chấn động là: Động, dõng, khởi. Động là sự chuyển động của trái đất giống như một cơn động đất vậy. Dõng là đột nhiên bị rung động, khiến cho lòng đất từ từ phóng vọt lên giống như nước phun lên từ dòng suối.

Khởi là sự chấn động dữ dội trên mặt đất. Đôi khi trái đất có thể bị chấn động dữ dội trồi lên thành chỗ cao hoặc chìm sâu xuống chỗ thấp. Hiện nay trái đất của chúng ta đang ở giữa thời kỳ biến chuyển của sáu loại chấn động. Ba loại khác là thanh chấn động: gọi là chấn, hống và kích.

Chấn không giống như động mà chỉ là một dạng rung nhẹ của quả đất. Khi dạng chấn động này xảy ra, thì mặt đất bị nứt nẻ ra từng mảng và thường làm nhà cửa sụp đổ. Hống là khi từ trong lòng đất phát ra những âm thanh mà thế gian chưa từng nghe.

Kích là âm thanh vang ra khi mặt đất bị tách ra thành từng mảnh và hai phần của khối nứt va chạm vào nhau. Sáu điệu chấn động xảy ra bởi nhiều nguyên nhân: khi có người trên thế gian tu hành sắp thành Phật hoặc khi có người tu tập được giác ngộ, nhưng chưa chứng được quả vị Phật, như khi chứng được quả vị a-la-hán hoặc khi ma vương muốn phá hủy tâm đạo của người tu hành ở thế gian. Thế nên sáu điệu chấn động ấy lại có thiện cảnh và ác cảnh. Khi xảy ra các cảnh chấn động tốt lành và hay đẹp là khi ở nơi thế gian có một Đức Phật vừa thành đạo hoặc có người được chứng ngộ. Khi ấy bất luận sự chấn động của sáu dạng ấy dữ dội đến ngần nào cũng không làm cho mọi loài chúng sinh trên thế gian bị tổn thương.

Khi Ma vương muốn thi thố ma lực nhiễu hại tâm đạo của người tu hành nơi thế gian, nó có thể sát hại nhiều người và trút cơn giận dữ bằng sự phá hoại. Khi có một cơn động đất ở một nước nào đó làm cho nhiều người bị chết và bị nạn, rồi ở các nước khác cũng bị xảy ra những tai nạn như vậy. Đó là khi ma vương muốn khoe sức mạnh cơ bắp của mình để hăm dọa loài người ở thế gian, và muốn bành trướng phạm vi quyền lực của mình. Cũng giống như một cuộc phô diễn thế lực chính trị, ma vương biễu diễn thế lực với loài người chúng ta như muốn nói: “Hãy xem thần lực của ta lớn mạnh dường nào. Ta có

thể chuyển trời, lật đất.” Bởi vậy nên quý vị phải biết phân biệt kỹ lưỡng khi ta gặp những hiện tượng xảy ra là tốt lành hay xấu ác vì có rất nhiều hiện tượng sai biệt nhau. Nói về chuyện động đất, tôi nhớ mình đã trải qua một trận động đất vào một đêm sau khi mẹ tôi qua đời.

Khi ấy tôi đang thực hành hạnh báo hiếu cư tang bên cạnh mộ mẹ tôi. Tôi đang lúc tĩnh tọa, thấy mọi vật đều rỗng không, chẳng còn thấy gì là vật, chẳng còn thấy gì là tôi nữa. Lúc ấy tôi chợt cảm nhận một sự rung chuyển làm xúc động toàn thân. Tôi tự nghĩ “A! Loài ma nào mà có khả năng làm lay động thân tôi như thế này? Sức mạnh của nó chắc phải dữ dội lắm.” Tôi không biết đó chỉ là một cơn động đất. Ngày hôm sau có người đến bảo cho tôi biết có một cơn động đất vừa mới xảy ra – một trận động đất kỳ quặc. Cái giếng gần nơi tôi ngồi thiền bỗng phun vọt lên những tia lửa. Đây là những dòng nước bằng lửa phun ra từ miệng giếng. Chứ không phải là nham thạch phun ra từ núi lửa. Thật là có quá nhiều chuyện quái lạ trên thế gian này.

Tôi biết có nhiều người suy nghĩ: “Chắc là lòng giếng thông với mỏ lưu huùnh, là chất nham thạch phun ra trên mặt đất mỗi khi có núi lửa. Đó là lý do dòng lửa phun vọt ra từ miệng giếng.” Có thể suy nghĩ của họ đúng như vậy. Một khi trên mặt đất xảy ra sáu điệu chấn động thì mười phương cõi nước như số vi trần đồng thời hiện ra. Có bao nhiêu số vi trần hết thảy? Không thể nào tính kể được, nên các cõi nước xuất hiện nhiều như số vi trần không thể nào tính đếm được. Các vị Đại a-la-hán, Đại bồ-tát, Đại tỷ-khưu, Trưởng lão, Cư sĩ, quốc vương, quan đại thần đều trông thấy các cõi nước này đồng thời xuất hiện. Quý vị có thể biết được cảm giác của mọi người lúc ấy ra sao không?

Kinh văn: **佛之威神 ,令諸世界 合成一界。**

Phiên âm: Phật chi oai thần, linh chư thế giới, hợp thành nhất giới.

Việt dịch: Do oai thần của Phật, khiến các thế giới vi trần ấy hợp thành một cõi.

Giảng: Do oai thần của Phật. Đức Phật dùng năng lực tinh thần và năng lực thần thông khiến các thế giới vi trần ấy hợp thành một cõi. Mặc dù các cõi nước nhiều không tính kể được mà chúng vẫn hiệp lại làm một. Chẳng hạn như ngày nay chúng ta có thể phóng một bức ảnh từ kích cỡ rất nhỏ thành bức ảnh có kích thước rất lớn, hoặc thu hẹp lại một bức ảnh cực kỳ lớn thành một tấm ảnh rất nhỏ. Quý vị có cho rằng đó là nhờ thần thông không? Cũng tương tự như vậy, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni dùng năng lực thần thông làm cho những nơi chốn xa xôi gần sát nhau lại bằng cách gom lại vô số cõi nước khắp cả tam

thiên đại thiên thế giới lại thành chỉ một quốc độ như thể ngày nay ta thu hẹp lại một bức ảnh lớn.

Và tuy thế, mặc dù các cõi nước hiệp lại thành một nhưng mỗi quốc độ vẫn còn giữ được toàn bộ tinh túy từ trong trật tự nguyên ủy của chúng. Mỗi quốc độ đều trụ trong vị trí riêng biệt của chúng không hề lẫn lộn. Nguyên nhân mà Đức Phật làm cho các thế giới hiệp lại với nhau là để cho mọi loài chúng sinh khắp các cõi nước có thể được nghe Đức Phật giảng nói diệu pháp mầu nhiệm không thể nghĩ bàn.

Kinh văn: **其世界中,所有一切諸大菩薩,皆住本國,合掌承聽.**

Phiên âm: Kì thế giới trung, sở hữu nhất thiết chư đại bồ-tát, giai trụ bổn quốc, hợp chưởng thừa thính.

Việt dịch: Trong các cõi nước ấy, các vị Đại bồ-tát ở nơi quốc độ của mình đều chắp tay lắng nghe lời Phật dạy.

Giảng: Đức Phật Thích-ca Mâu-ni gom tất cả các cõi nước lại thành một vì Đức Phật muốn cho mọi loài chúng sinh có thể nghe được Đức Phật giảng nói về Đại định Thủ-lăng-nghiêm, để cho các vị Đại bồ-tát ở khắp các quốc độ đến để học hỏi giáo pháp này. Thế nên Đức Phật phóng hào quang từ diện môn, là ánh sáng rực rỡ như ngàn mặt trời chiếu khắp cả mọi quốc độ. Trong các cõi nước ấy các vị Đại bồ-tát ở nơi quốc độ của mình đều chắp tay lắng nghe lời Phật dạy. Lắng nghe Đức Phật Thích-ca Mâu-ni giảng kinh Thủ-lăng-nghiêm.

Kinh văn: **佛告阿難,一切眾生,從無始來,種種顛倒。業種自然,如惡叉聚。**

Phiên âm: Phật cáo A-nan: Nhất thiết chúng sanh tòng vô thỉ lai, chủng chủng điên đảo, nghiệp chủng tự nhiên, như ác-xoa tụ.

Việt dịch: Đức Phật bảo A-nan: Tất cả chúng sinh từ vô thỉ đến nay, theo các thứ điên đảo, tự nhiên tạo thành các giống nghiệp như chùm hạt ác-xoa.

Giảng: Sau khi Đức Phật gom tất cả thế giới nhiều như hạt vi trần lại thành một thế giới mà trong mỗi một thế giới đều chứa đủ những trật tự của toàn thể, các Đại bồ-tát ở trong mỗi cõi nước này đều khát ngưỡng, trông ngóng, ngẩng mặt trông chờ Đức Phật thuyết pháp. Cũng như các vị bồ-tát đều mang tâm khát ngưỡng không thể diễn tả được. Hết thảy họ đều ước mong được uống được nước pháp từ nơi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Tất cả quý vị có lẽ đều trải qua

cái khát khắc nghiệt. Khi đói, sau một thời gian ngắn, quý vị có thể cảm thấy cảm giác đói sẽ dịu đi một chút.

Nhưng nếu quý vị khát nước, có thể là do hậu quả của việc ăn quá mặn mà không có nước để uống thì rất khó chịu. Tại sao các vị Đại bồ-tát lại vô cùng khát ngưỡng? Vì họ đã ăn quá nhiều muối phiền não. A-nan là người đã chú tâm đặc biệt vào việc học rộng hiểu nhiều mà thờ ơ với việc tu tập định lực, là người đã ăn quá nhiều muối học rộng nghe nhiều. Nay họ muốn uống nước thiền định để hóa giải cơn khát để làm dịu mát tấm lòng. Thế nên đại chúng đều khát ngưỡng ngước nhìn trông đợi nơi Đức Phật.

Khi tôi giảng giải điều này, cổ họng tôi cũng cảm thấy khô khát. Nhưng cảm giác khát khao ấy xuất phát từ việc giảng nói. Trong khi sự khát khao của các vị Đại bồ-tát lại xuất phát từ việc chưa được thấm nhuần giáo pháp của Đức Phật. Một số người ở đây chưa thông hiểu việc này nên nói: "Tôi không hiểu nổi những điều tôi đọc được trong kinh." Nếu quý vị biết được rằng điều không hiểu đó chính là quý vị đã hiểu. Nếu quý vị thực sự không hiểu thì ngay đó mới biết được là mình thiếu trí tuệ. Quý vị ngồi đó và không biết mình có hiểu hay không. Nay quý vị đã biết rằng mình không hiểu được ý kinh mà quý vị vừa mới đọc, điều đó có nghĩa là quý vị đã hiểu được chút ít.

Nếu quý vị có ước nguyện sẽ hiểu được rõ ràng minh bạch từng ý kinh, nếu quý vị hiểu ý kinh thông suốt ngay bây giờ thì chẳng còn điều gì đáng nói. Trong trường hợp đó, Pháp sư này chẳng còn để lại món gì cho quý vị dùng cả. Nếu quý vị hiểu được ý kinh trước khi tôi giảng thì tôi còn có ích gì cho đời sau. Tôi hoàn toàn vô dụng. Tuy nhiên, để hiểu được ý kinh ngay tức khắc thì không dễ gì. Cũng không dễ gì hiểu được mọi việc, dù là muốn biết mọi việc thế gian chỉ trong vòng một ngày. Đôi khi việc ấy rất cần. Khi quý vị đọc nhiều kinh, quý vị hoàn toàn biết được một cách tự nhiên. Tại sao quý vị chưa hiểu? Vì quý vị chưa đọc được nhiều. Đức Phật bảo A-nan.

Ngay bây giờ tôi giảng kinh cho quý vị. Quý vị là những người đang đọc đến đoạn kinh này. Như trong kinh văn, Đức Phật đang giảng giải cho A-nan. Nhưng tôi không phải là Đức Phật và quý vị không phải là A-nan. Tôi chỉ là người giải thích những sử liệu về A-nan cho quý vị. "Tất cả chúng sinh từ vô thỉ đến nay." Tất cả mọi loài chúng sinh từ noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh, loài có hình sắc, loại không có hình sắc, loài có tưởng, loài không có tưởng, loài không hoàn toàn có tưởng, loài không hoàn toàn không có tưởng. Khi Đức Phật giảng kinh, chính Đức Phật không thể hoàn toàn giải thích rõ ràng tường tận mọi chỉ thú của kinh. Khi Đức Phật nói: "Từ vô thỉ đến nay," nghĩa là từ một thời gian mà không có điểm khởi đầu chính xác. Quý vị có thể

nói thời điểm ấy là lúc nào không? Nếu quý vị muốn tìm kiếm một sự hợp lý thì đoạn kinh trên hoàn toàn không đáp ứng cho quý vị được.

Nhưng thực ra, không có cách nào để xác định được con người xuất hiện ở thế gian bắt đầu từ lúc nào. Khởi thủy là gì? Để giải thích đơn giản là hãy lấy ví dụ trong một gia đình. Khi quý vị nói "Tôi là cha của con tôi" thì cha quý vị là con của ai? Cha của quý vị là ông nội của con quý vị. Vậy thì ông nội là con của ai? Quý vị truy tìm gốc gác của gia đình mình cho đến khi không thể truy tìm được nữa. Quý vị có thể nói: "Người này là vị tổ đầu tiên khai sinh ra gia đình tôi." Nhưng ai là cha của vị tổ đầu tiên ấy? Truy chỗ này tìm chỗ kia, quý vị vẫn không thể nào tìm ra được. Nên có người nói rằng con người phát sinh từ loài khỉ, vậy loài khỉ phát sinh từ cái gì?

Nếu loài khỉ có thể chuyển thành người, làm sao quý vị biết được toàn thể loài người đều phát sinh từ khỉ. Liệu có người nào phát sinh từ heo, từ chó, từ bò không? Nếu từ khỉ có thể làm phát sinh ra loài người thì loài người cũng có thể được phát sinh từ bò, heo, ngựa. Mọi người ai cũng đều phải trải qua vô số lần biến chuyển. Thế nên truy tìm kỹ lưỡng, quý vị sẽ thấy rằng mình không có chỗ khởi đầu. Nay với thành tựu của khoa học và khám phá của ngành khảo cổ, người ta biết được những việc đã xảy ra cách đây hàng ngàn năm về trước, về những hiện tượng đã xảy ra như thế nào vào hàng chục ngàn năm về trước. Họ biết những nơi nào còn sót lại xương của loài người sống cách đây hàng vạn hoặc hàng triệu năm. Để làm gì? Có phải đó là bằng chứng của mọi việc? Chẳng thể như thế được. Nó chẳng chứng minh được một điều gì hết.

Quý vị sẽ nói: "Nếu nó chẳng chứng tỏ được điều gì cả, tại sao xã hội lại đầu tư rất nhiều tiền để nghiên cứu và thí nghiệm?" Đó là một sự điên đảo của thế gian này. Không còn việc gì để làm nên họ kiếm việc để làm. Nếu họ không làm những việc điên đảo này, tại sao tài nguyên thế giới trở nên cạn kiệt và bị lãng phí như vậy? Nếu quý vị thực sự hiểu, quý vị có thể nói được thực chất của thế giới này là gì không? Phải tìm cho ra được những điều chân thực và mang đến đây cho tôi nhìn thấy mới được. Tôi nói mọi người đều sinh ra từ một trạng thái mơ hồ (vô minh) và chết đi trong một giấc mộng.

Quý vị nói: "Nhưng họ cũng đã làm cho đất nước lợi lạc." Họ chỉ là những con người hồ đồ làm những việc hồ đồ mà thôi. Họ cho rằng mình là những người thông minh nhưng thực ra họ đang đánh lừa họ vì họ không thể nào tìm ra được nơi khởi đầu. "Từ vô thỉ đến nay." Người ta không thể nói được điều gì hơn cuộc đời của một con người và một phả hệ không biết nơi khởi đầu, không có chỗ kết thúc của người ấy. Cũng như sinh mạng của quý vị thử nói nó bắt đầu lúc nào?

Quý vị liền trả lời: “Sinh mạng của tôi bắt đầu khi tôi được sinh ra.” Nếu cuộc đời thực sự được bắt đầu từ khoảng thời gian ngắn ngủi ấy thì không sao, nhưng chỉ e ngại sinh mạng quý vị không được khởi đầu từ một khoảng thời gian ngắn ngủi như thế. Đó mới là vấn đề. Theo các thứ điên đảo

Điều ngu muội mà tôi có đề cập trước đây chính là sự điên đảo, là sinh ra trong sự mơ hồ (vô minh) và chết đi trong giấc mộng. Quý vị lại nói: “Tôi đã dành những thực phẩm quý giá nhất để nuôi dưỡng thân này và những y phục tốt đẹp nhất để trang sức cho nó mà!” Thế có nghĩa là gì? Rốt ráo điều ấy có nghĩa gì?

Như tôi đã nói từ trước, quý vị chỉ làm một việc là trang sức một mớ quần áo lộng lẫy cho một cái nhà vệ sinh. Vậy việc ấy có gì lớn lao chăng? Đó chính điên đảo. Thích bày ra một số việc để làm trong khi chẳng có việc gì để làm cả đó là hành động xuất phát từ “các thứ điên đảo.” Đó là không nhận ra được chơn tánh thanh tịnh của mình mà bị rơi vào vọng tưởng phân biệt.

“À!”– quý vị nói – “Như thế nầy mới thực sự là hay.” Nói như thế thì điều ấy thực sự là tốt chăng? Hoặc quý vị nói: “Như thế kia thì mới thực là dở.” Nói thế thì điều kia thực sự là xấu xa chăng? Nếu quý vị quán chiếu sâu sắc hơn, quý vị sẽ nhận ra những thứ điên đảo này không có thực. Cái gì là tốt, cái gì là xấu? Đó là sự phân biệt từ cái nhìn của con người, họ phân chia hiện tượng thành ra có tốt và xấu, thiện và ác, phải và trái. Trong tánh Như Lai tạng, không có sự phân biệt như vậy, vốn không có một ý kiến gì cả ở trong tánh Như Lai tạng. Trong ấy hoàn toàn thanh tịnh. Mắt ta có thể thấy được núi sông, đất liền, cây cối thảo mộc, vô số hiện tượng nhưng đó chỉ là sự biểu hiện của thức.

Khi quý vị đã thực sự nhận ra lý không sinh không diệt của các pháp thì quý vị sẽ hiểu được xưa nay vốn không có một pháp nào cả. Nhưng đạo lý này không phải dễ nhận ra. Chúng ta chỉ có thể hiểu được đạo lý này một cách dần dần thôi. Tự nhiên tạo thành các giống nghiệp như chùm hạt ác-xoa. Sự vô minh của chúng sinh dẫn họ hành động một cách điên đảo và những thứ hành động điên đảo ấy lại tạo ra vô số loại nghiệp. Tùy theo những loại nghiệp khác nhau mà họ phải trải qua những quả báo khác nhau. Tại sao chúng sinh tạo ra những nghiệp ác? Vì vô minh, vì thiếu trí tuệ, vì điên đảo trong mộng tưởng. Vọng tưởng khiến họ tạo các ác nghiệp và do họ tạo ác nghiệp nên họ phải chịu quả báo đau khổ.

Có ba tiến trình: Vọng tưởng dẫn đến tạo nghiệp ác rồi dẫn đến thọ quả báo khổ đau. Đức Phật so sánh tiến trình liên tục ấy như chùm hạt ác-xoa. Ác-xoa là một loại trái cây ở ấn Độ chúng mọc thành chùm, mỗi chùm gồm ba quả.

Mặc dù quý vị chưa bao giờ thấy chùm trái ác-xoa nhưng kinh văn đã giảng giải rất rõ ràng, ai cũng đều có thể hiểu được chùm ác-xoa gồm ba trái dính nhau tượng trưng cho ba thứ: vô minh, nghiệp và quả. Nó liên kết với nhau, dính liền nhau cùng một cuống. Quý vị không thể thấy quả nào ở trước quả nào, từng hạt kế tiếp nhau như vòng tròn liên tục từ đời này qua đời khác, kiếp này qua kiếp khác. Quý vị nói chúng bắt đầu ở nơi đâu? Nó chẳng có chỗ khởi đầu. Là một chu kỳ bất tận của vòng luân hồi sinh tử trong lục đạo.

Mỗi người chúng ta đều sinh ra nơi thế gian này, giống như hạt vi trần bỗng chốc nổi lên cao, bỗng chốc chìm xuống thấp, chợt chìm chợt nổi, thoắt còn thoắt mất. Khi gieo nhiều nghiệp nhân tốt lành, quý vị sẽ được sinh trong tầng lớp cao quý. Khi tạo nhiều nghiệp bất thiện thì sẽ bị đọa lạc. Do vậy, quý vị đừng nên làm những việc ác vì thế giới này được vận hành bởi đạo lý nhân quả, bởi quy luật của nghiệp và quả. Và hạt giống nghiệp sẽ vận hành đạo lý này một cách tự nhiên, nghĩa là quý vị sẽ phải nhận lấy quả báo từ những nghiệp nhân do quý vị đã tạo. Có một vài điểm khác biệt giữa “nghiệp” và “nhân.” Nghĩa là bất kỳ lúc nào quý vị gieo trồng một nghiệp nhân thì quý vị sẽ gặt hái lấy “nghiệp quả.” “Nhân” là một hành vi đặc biệt dẫn đến một kết quả tương ứng trong tương lai.

Còn “nghiệp” là một tiến trình chung nhất trong đó những sự kiện tất yếu này phải xảy ra. Cũng giống như khi gieo một hạt giống vào lòng đất trong mùa xuân. Đây là nguyên nhân mà kết quả là vào cuối mùa trồng trọt, sẽ mang lại sự gặt hái vào mùa thu. Toàn bộ tiến trình từ gieo trồng cho đến khi trổ hạt và gặt hái phải trải qua hằng tháng, đó là “nghiệp.” Cái nhân quý vị gieo trồng dứt khoát sẽ gặt hái được kết quả. Nếu quý vị gieo trồng những hạt giống tốt, quý vị sẽ gặt hái được vụ mùa tốt. Nếu quý vị gieo trồng những hạt giống xấu, chắc chắn quý vị sẽ thu hoạch một vụ mùa kém cỏi. Nghiệp được tạo nên bởi những việc mà quý vị thường làm nhất trong đời. Ví dụ như khi quý vị điều hành công việc buôn bán, nghĩa là quý vị dự vào “thương nghiệp.”

Nghề nghiệp có thể là nghiệp tốt hoặc nghiệp xấu. Nếu quý vị làm nghề hàng thịt chẳng hạn, như vậy nghề của quý vị là nghiệp sát. Nếu quý vị làm trộm cướp thì đó là nghiệp đạo (ăn trộm). Nếu quý vị chẳng làm gì hết ngoài tà hạnh dâm dục thì quý vị đã tạo nghiệp dâm. Nếu quý vị không bao giờ nói lời chân thật đó là quý vị đã tạo nghiệp vọng ngữ. Nói chung, bất kỳ quý vị thường làm một việc gì thì đó là nghiệp của quý vị và quả báo sẽ đi theo liền, tương ứng với nghiệp của quý vị đã tạo. Như vậy, nghiệp được tạo ra do từ một niệm vô minh từ vô thỉ. Từ vô minh tạo ra nghiệp, từ nghiệp dẫn đến thọ quả khổ. Ba

món này như một chùm quả ác-xoa. Đây là lý do tại sao Đức Phật giảng giải rõ ràng tiến trình của nghiệp cho A-nan trong đoạn kinh văn này.

Kinh văn: **諸修行人不能得成無上菩提,乃至別成聲聞緣覺。及成外道,諸天魔王,及魔眷屬。**

Phiên âm: Chư tu hành nhân, bất năng đắc thành vô thượng bồ-đề, nãi chí biệt thành thanh văn, duyên giác cập thành ngoại đạo, chư thiên, ma vương, cập ma quyến thuộc.

Việt dịch: Những người tu hành không thành được đạo vô thượng bồ-đề, mà chỉ thành thanh văn, duyên giác hoặc thành ngoại đạo, chư thiên, ma vương và quyến thuộc của ma…

Giảng: Những người tu hành không thành được đạo Vô thượng bồ-đề. Ở đây bao gồm tất cả hàng ngoại đạo cũng như hàng Phật tử. Những người khi tu đạo mà mong cầu chứng được điều gì đó, thành tựu điều gì đó. Những gì họ mong cầu là đạt được quả vị Vô thượng bồ-đề. Bồ-đề là sự thành tựu Phật quả. Bồ-tát được gọi là bậc Thượng sĩ, còn Đức Phật được gọi là Vô thượng sĩ và Vô thượng bồ-đề là cảnh giới đã thành tựu quả vị Phật. Mà chỉ thành Thanh văn, Duyên giác.

Liệu những người tu hành có thể đạt được quả vị nào khác Phật quả? Thanh văn là những người nghe Phật thuyết pháp mà giác ngộ. Họ tu tập pháp Tứ diệu đế. Duyên giác là những người tu tập theo pháp Thập nhị nhân duyên. Hoặc thành ngoại đạo, chư Thiên, Ma vương và quyến thuộc của ma…

Thế nào nghĩa là ngoại đạo? Từ này rất thường được đề cập trong kinh này. Những ai mà "mong cầu ở ngoài tâm có pháp" thì được xem như ngoại đạo. Thực vậy, những người mà chưa đạt được sự giác ngộ hay chưa chứng được Phật quả có thể nói theo một ý nghĩa khác, là còn ở bên ngoài đạo. Có rất nhiều cõi trời, cõi trời gần chúng ta nhất là cõi trời Tứ thiên vương. Cõi trời này nằm phía trên núi Tu-di, bao trùm một nửa núi Tu-di, ở bốn phía Đông – Nam – Tây – Bắc. Bốn vị vua cai quản các cõi trời này là Trì Quốc Thiên vương, Tăng Trưởng Thiên vương, Quảng Mục Thiên vương và Đa Văn Thiên vương. Thọ mạng của chư Thiên trong các cõi trời này là năm trăm năm. Thế nên đối với loài người chúng ta, năm mươi năm chỉ bằng một ngày một đêm nơi các cõi trời này.

Phía trên cõi trời Tứ thiên vương là cõi trời Tam thập tam thiên. Thọ mạng của chư Thiên cõi trời này là một nghìn năm. Cõi nhân gian một trăm năm tương

đương một ngày một đêm trên cõi trời này. Có tất cả ba mươi ba cõi trời hết thảy, mỗi phương Nam, Bắc, Đông, Tây của núi Tu-di có tám cõi trời – tất cả là ba mươi hai và cõi trời thứ ba mươi ba nằm trên núi Tu-di. Chủ của cõi trời Tam thập tam thiên nguyên là một phụ nữ. Một hôm bà ta thấy tượng Phật ở trong một ngôi chùa bị dột nát. Bà ta phát tâm lợp lại mái chùa khiến cho mưa không giọt xuống tượng Phật nữa. Bà ta vốn là một người nghèo, nhưng bà khuyến khích ba mươi hai người bạn của bà cùng phát tâm cúng dường lo việc sửa chùa. Do phước đức phát sinh từ hạnh nguyện này khiến cho ba mươi ba người này được sinh vào cõi trời và trở thành thiên chủ của ba mươi ba cõi trời này.

Trong thần chú Thủ-lăng-nghiêm, câu “Nam mô nhân đà ra da.” “Nam mô” nghĩa là quy y, “Nhân đà ra da” nghĩa là thiên chủ của cõi trời Tam thập tam thiên. Cõi Trời Tứ thiên vương và cõi trời Tam thập tam thiên vương là hai cõi trời đầu tiên ở Lục dục thiên. Các cõi trời còn lại sẽ được giải thích chi tiết ở phần sau. Ma vương cư ngụ ở Lục dục thiên. ở đó không chỉ có Ma vương mà toàn bộ ma dân cũng cư ngụ ở đó gồm: ma nữ, ma con, ma cháu và rất nhiều quyến thuộc. Ma quỷ cũng có quyến thuộc, con cháu, đồ đệ. Nó làm bá chủ một cõi trời, lập thành ma cung. Phần nhiều những người tu theo ngoại đạo đều dẫn đến kết cuộc là sinh trong các cõi này. Bậc thượng thì làm Ma vương, bậc trung thì làm ma dân, bậc hạ thì làm ma nữ. Ma nữ đặc biệt là rất đẹp và rất quyến rũ. Bất luận quý vị là ai, như A-nan chẳng hạn dù đã chứng được quả vị thứ nhất của hàng a-la-hán, mà cũng không có đủ định lực để làm chủ mình khi nhìn thấy một ma nữ, nên A-nan đã gần như muốn thử bất cứ món gì. Ma nữ rất có quyền lực. Quý vị là những người tu đạo nên hết sức cẩn trọng đừng để loài ma này quyến rũ mình. Điều đó có ý nghĩa như thế nào?

Nếu quý vị không có đủ định lực thì quý vị sẽ không thể duy trì được sự an định, khi gặp tình huống này sẽ bị ma xoay chuyển và quý vị sẽ thấy mình bị kéo lê lết theo sau một con ma nữ rồi rơi xuống hố ma. Nếu tôi nói nhiều ma vương sẽ than phiền: “Ngài nói nhiều quá và cứ phơi bày xấu xa của chúng tôi.” Thế nên tôi xin dừng. Nói chung là hãy nên thận trọng, hãy phát huy định lực tối cao, lúc ấy chẳng có gì để sợ hãi. Đây là sự thử nghiệm tuyệt duyệt nhất mà tôi xin ban tặng cho quý vị.

Kinh văn: **皆由不知二種根本,錯亂修習。猶如煮沙欲成嘉饌。縱經塵劫,終不能得。**

Phiên âm: Giai do bất tri nhị chủng căn bản, thố loạn tu tập. Dụ như chử sa dục thành gia soạn. Túng kinh trần kiếp, chung bất năng đắc.

Việt dịch: Đều do không biết hai món căn bản, nên tu tập sai lầm. Họ cũng như người nấu cát mà mong thành cơm. Dù có trải qua nhiều kiếp như vi trần nhưng rốt ráo vẫn không thể đạt được những gì mong muốn.

Giảng: Tại sao họ không thể thành Phật hoặc lại còn trở thành ma vương?

Đều do không biết hai món căn bản, nên tu tập sai lầm. Hai món căn bản này rất là quan trọng sẽ được giảng giải trong đoạn văn sau. Và do vì họ không hiểu được nên họ bị sai lầm trong khi tu tập. Kết quả thành ra mê mờ. Họ không biết làm sao hành trì cho đúng pháp chân chính. Ví dụ như ở Ấn Độ có một phái ngoại đạo chuyên thực hành pháp tu khổ hạnh bằng cách ngủ trên giường đinh. Họ cho rằng người ta sẽ được công đức nhờ dám tu tập hạnh khổ nhọc như vậy. Có công đức gì trong việc làm ấy? Dù quý vị có ngủ trên dao đi nữa, cũng vô ích mà thôi. Có một số người khác cố làm cho được những thói quen của loài bò và loài chó.

Họ bắt chước y hệt cử chỉ của các loài vật này. Tại sao vậy? Đó cũng như là tình trạng nhầm lẫn mê mờ phương pháp tu hành chân chính. Họ thực hành lối tu khổ hạnh vô ích chẳng đạt được kết quả gì cả, dù họ có tu hành khổ nhọc đến đâu đi nữa. Họ giống như việc gì? Bây giờ Đức Phật mới đưa ra một ví dụ. Họ cũng như người nấu cát mà mong muốn thành cơm. Dù có trải qua nhiều kiếp như vi trần nhưng rốt ráo vẫn không thể đạt được những gì mong muốn. Cát hoàn toàn chỉ biến thành cát, cát không thể biến thành thức ăn được. Những người này không hiểu được hai món căn bản nên mê mờ, nhầm lẫn trong công phu tu tập. Chung quy sẽ dẫn đến những việc tương tự như vậy.

Kinh văn: **云何二種。阿難一者無始生死根本。則汝今者與諸眾生。用攀緣心為自性者.**

Phiên âm: Vân hà nhị chủng? A-nan, nhất giả vô thỉ sanh tử căn bản, tắc nhữ kim giả, dữ chư chúng sanh, dụng phan duyên tâm vi tự tánh giả.

Việt dịch: Những gì là hai món căn bản? Một là căn bản sinh tử, từ vô thỉ, chính là tâm phan duyên mà hiện nay ông và toàn thể chúng sinh nhận làm tự tánh.

Giảng: “Những gì là hai thứ căn bản?”

Nay Đức Phật sẽ giảng rõ hai món căn bản cho A-nan, tôi nghĩ mọi người đều muốn biết hai món căn bản ấy là gì. Tuy nhiên, tôi sẽ không giải thích về ý này vội.

Trước hết, tôi muốn đề cập đến người em cùng cha khác mẹ của Đức Phật là Tôn-đà-la Nan-đà (Sundarananda), vì trước đây tôi chưa nói về nhân vật này. Ông ta rất yêu vợ mình là nàng Tôn-đà-lợi (Sundari). Hai người có thể nói là như keo sơn. Họ ở bên nhau suốt ngày, chẳng hề rời nhau. Do đó để phân biệt ông ta với Ngài A-nan, Nan-đà được gắn thêm tên vợ mình là Tôn-đà-lợi, thành ra Tôn-đà-la Nan-đà. Một hôm Đức Phật đi ngang qua nơi Tôn-đà-la Nan-đà đang ở. Đức Phật đến vương cung khất thực, gặp lúc vợ chồng Tôn-đà-la Nan-đà đang ăn cơm. Khi Tôn-đà-la Nan-đà thấy Đức Phật đang đến, ông ta rời khỏi người vợ và dặn lại:
– Hãy đợi một lát, tôi ra cúng dường cho Đức Phật.

Người vợ liền bảo:
– Ông đi cúng dường cho Đức Phật thì rất tốt nhưng hãy trở lại đây tức thì, đừng có đi luôn!

Tôn-đà-la Nan-đà đáp:
– Dĩ nhiên. Tôi trở lại liền.

Nàng Tôn-đà-lợi liền nhỗ một bãi nước miếng xuống đất rồi nói:
– Nếu ông không trở lại trước khi bãi nước miếng này khô, thì tôi sẽ không để cho ông vào giường với tôi.

Tôn-đà-la Nan-đà cũng lưu tâm đến lời khuyên này và hứa:
– Chắc chắn tôi sẽ trở về ngay.

Rồi ông ta liền mang thức ăn, rau quả đến cúng dường Đức Phật. Ông ta đến dâng bình bát cho Đức Phật, nhưng ông thấy sao mà Đức Phật làm những việc kỳ lạ quá? Đức Phật đã dùng thần thông. Mỗi khi Tôn-đà-la Nan-đà bước đến một bước để dâng bát cho Đức Phật thì Đức Phật lùi lại một bước. Thế nên Tôn-đà-la Nan-đà vẫn cứ tiến tới để theo kịp Đức Phật, nên chỉ còn vài bước nữa là cả hai về đến Tinh xá Kỳ hoàn. Mặc dù thực tế là từ Tinh xá về đến nhà Tôn-đà-la Nan-đà rất xa. Khi đã về đến Tinh xá rồi, Đức Phật bảo Tôn-đà-la Nan-đà:

– Đừng về nhà nữa, hãy ở đây với tôi, sống cuộc đời của người xuất gia. Tôn-đà-la Nan-đà vô cùng sửng sốt, đến nỗi toàn thân ông ta nổi da gà. Ông ta nói rõ ràng dứt khoát:

– Tôi không thể nào ở lại đây được. Tôn-đà-lợi đang đợi tôi ở nhà. Tôi chẳng thể nào lưu lại đây được. Tôi phải về nhà thôi.

Đức Phật bảo:
– Ông chẳng thể nào về nhà được, để tôi chỉ cho ông xem một số cảnh rồi hãy xét lại suy nghĩ của mình.

Đức Phật dẫn Tôn-đà-la Nan-đà đến nơi có đàn khỉ đang sinh sống, rồi hỏi:
– Những con khỉ này và nàng Tôn-đà-lợi, ai đẹp hơn?

Tôn-đà-la Nan-đà đáp ngay:
– Dĩ nhiên là nàng Tôn-đà-lợi đẹp hơn. Sao lại có thể so sánh như vậy được?

Đức Phật xác định việc so sánh ấy là hoàn toàn đúng rồi đưa ông ta lên cung trời. Khi đi dạo, họ chú ý đến cung điện rực rỡ, nơi những cung nữ đang bận rộn trong việc chùi rửa và trang hoàng. Có khoảng năm trăm thiên nữ đang ở trong cung điện này, người nào cũng đẹp, không thể nào so sánh được. Tôn-đà-la Nan-đà hỏi một cung nữ:
– Tại sao các người làm những việc này?

Họ đáp:
– Chúng tôi trang hoàng cung điện chuẩn bị để đón người em họ của Đức Phật là Tôn-đà-la Nan-đà. Sau khi ông ta tu tập, ông ta sẽ sinh lên cõi trời để hưởng phước. Năm trăm thiên nữ ở đây sẽ là vợ của ông ta. Tôn-đà-la Nan-đà rất lấy làm vui thích.

Đức Phật hỏi:
– Này Nan-đà, những thiên nữ ở đây và nàng Tôn-đà-lợi ai đẹp hơn?

Tôn-đà-la Nan-đà đáp liền :
– Dĩ nhiên là những thiên nữ này đẹp hơn. Làm sao lại có thể so sánh như thế được. Nàng Tôn-đà-lợi chỉ đáng như con khỉ dưới kia thôi.

Đức Phật bảo: – Đúng vậy, cung điện này đang chuẩn bị sẵn sàng để đón ông. Sau khi đi dạo khắp hoàng cung, Đức Phật đưa người em mình xuống dạo chơi ở địa ngục. ở đây, họ thấy hai con quỷ đang đun một chảo dầu. Một con thì đang ngủ say và con kia dù đã tỉnh ngủ rồi nhưng hai mắt còn mở chưa ra. Tôn-đà-la Nan-đà thấy vậy đoán chừng: “Những con quỷ này đang muốn chụm lửa đun sôi vạc dầu, nhưng nó không muốn làm. Thì ra là những con quỷ lười.” Nghĩ vậy rồi ông ta thúc vào một con quỷ và hỏi: Các ông đun bếp này để nấu gì vậy?

Con quỷ nhỏ nhất tròn xoe đôi mắt mệt mỏi nhìn chăm ông ta rồi gắt gỏng hỏi lại:
– Việc ấy có can hệ gì đến ông?

Tôn-đà-la Nan-đà đáp lại:
– Tôi chỉ muốn biết thôi.
– Muốn biết hả, được rồi, tôi sẽ nói cho mà biết.

Đức Phật có một người em trai đang tu tập mà chỉ mong được hưởng phước báo ở cõi nhân thiên. Ông ta sẽ sinh ở cõi trời và hưởng phước báu ở đó năm trăm năm. Đến khi hưởng hết phước rồi ông ta sẽ bị đọa vào địa ngục. Khi ông ta đến đây thì cũng vừa lúc bọn tôi đun sôi vạc dầu này. Ông ta sẽ bị luộc trong ấy. Tôn-đà-la Nan-đà sững sốt đến nỗi tóc dựng đứng. Đột nhiên ông ta hiểu được toàn bộ tình huống và nghĩ: “Những thiên nữ ở cõi trời này thì đáng giá thật, nhưng hưởng phước báu ở nơi đây với họ năm trăm năm thì cũng chẳng quý báu gì, khi hết phước lại phải kết thúc đời mình trong chảo dầu sôi. Tốt hơn hết là ta nên theo Đức Phật xuất gia trở thành tỷ-khưu. Thế nên ông ta quên bẵng nàng Tôn-đà-lợi và đồng ý xuất gia với Phật.

Để độ thoát cho Tôn-đà-la Nan-đà, Đức Phật cùng đi với ông ta lên trời rồi xuống địa ngục. Nhưng việc độ thoát cho A-nan anh của Tôn-đà-la Nan-đà lại tỏ ra khó hơn. Đức Phật giải thích một đạo lý mà A-nan không hiểu được. Đức Phật lại giảng giải thêm một đạo lý khác nữa mà A-nan vẫn không hiểu được. Đức Phật vẫn tiếp tục giảng giải và A-nan vẫn còn trong mơ hồ. Nay Đức Phật khai thị hai món căn bản giúp cho mọi người vốn đã bị mê mờ trong công phu tu tập. Đức Phật muốn giúp cho A-nan hiểu trực tiếp rõ ràng công phu của mình để A-nan có thể chứng được Phật quả trong tương lai. A-nan, một là căn bản sinh tử từ vô thỉ,

Từ vô thỉ kiếp đến nay, quý vị đã phải chịu sinh rồi sinh, chết rồi chết, chết rồi sinh, sinh lại chết… Tôi đã giảng giải đạo lý này cho quý vị rồi: “Do không nhận ra chơn tâm thường trụ, thể tánh thanh tịnh sáng suốt mà nhận lầm các vọng tưởng. Các vọng tưởng này vốn chẳng chân thật, nên bị luân chuyển.” Căn bản sinh tử đã được khai thị một lần nữa trong đoạn văn này rồi. Nó chính là tâm phan duyên mà hiện nay ông và toàn thể chúng sinh – không chỉ riêng mình ông, mà tất cả mọi loài – nhận làm tự tánh.

“Nhận tâm phan duyên” là chuyên hành xử dựa trên vọng tưởng. Chẳng hạn như quý vị đi học nhưng lại đem hết sức mình ra để mong được điểm tốt với thầy dạy của bạn bằng cách nịnh nọt thầy. Quý vị tâng bốc giáo sư bằng những tước hiệu của họ và tặng những mỹ từ với hy vọng giáo sư sẽ hài lòng. Sao vậy? Vì mong mỏi giáo sư sẽ cho quý vị nhiều điểm. Quý vị nghĩ rằng: “Rõ ràng giáo sư sẽ cho ta điểm tám mươi, nhưng nếu mình tử tế với thầy, tặng quà cho thầy hay chút đồ vật gì đó thì có thể ông ta sẽ tăng điểm cho mình gấp đôi.” Quý vị thủ lợi bằng một cách vi tế như vậy. Đó là một ví dụ của tâm phan

duyên. Một ví dụ khác xảy ra trong khi ứng cử Tổng thống hoặc Dân biểu hoặc Tỉnh trưởng.

Các ứng cử viên đi lại khắp nơi để cổ động giành phiếu cho mình và nài nỉ, khẩn khoản cầu viện sự ủng hộ từ phía bạn bè phe cánh của mình. Đó cũng là một trường hợp của "tâm phan duyên." Thay vì để cho mọi việc diễn biến một cách tự nhiên. Nếu theo diễn biến tự nhiên, quý vị sẽ trở thành Tổng thống, thì lẽ ra quý vị chẳng cần phải mở chiến dịch vận động rùm beng để cho mọi người biết quý vị xứng đáng là Tổng thống. Đạo đức của quý vị quá hiển nhiên rồi và mọi người đều ngưỡng mộ bạn. Bạn khỏi phải cần thuyết phục mọi người, họ tự nhiên sẽ đề cử quý vị làm Tổng thống. Đó là phương cách lý tưởng để tiến hành, còn ngoài ra đều rơi vào lãnh vực của tâm phan duyên.

Một sự kiện khác minh họa cho điểm này là chuyện vua Nghiêu của nước Trung Hoa, khi vua Nghiêu đã già, ông muốn tìm kiếm người có tài đức xứng đáng để giao việc trị nước cho người ấy. Vua Nghiêu nghe rằng có Sào Phụ và Hứa Do là người hiền tài đức hạnh trong thiên hạ nên quyết định giao việc trị nước lại cho Sào Phụ. Tại sao lại gọi là Sào Phụ, Sào (巢) nghĩa là tổ chim. Do ông ta sinh sống ở một nơi rất kỳ quặc. Ông ta làm một cái chòi tranh ở trên cây giống như tổ chim rồi ở trên đó. Cách sống của ông ta rất đơn giản, đến nỗi ông ta dùng hai bàn tay úp lại múc nước để uống. Có người thấy ông ta uống nước như vậy, mới nghĩ rằng ông ta không có vật dụng để đựng nước nên cho ông ta một cái vỏ trái bầu.

Ông ta treo vỏ trái bầu khô trên một cành cây nhưng nó lại gây nên tiếng lóc cóc ầm ĩ mỗi khi gió thổi qua, thấy nó quá phiền toái nên cuối cùng ông ta lại vứt nó đi. Vua Nghiêu nghe đức hạnh, tài năng cùng sự thanh bạch của Sào Phụ, quyết định nhường ngôi cho ông ta. Vua đến gặp ông để thông báo ý định của mình: "Trẫm nay đã già, ông nên thay trẫm nhận việc trị dân, trẫm sẽ nhường ngôi cho ông." Ngay sau khi câu nói của vua Nghiêu vừa thoát ra khỏi miệng, Sào Phụ liền lấy tay bịt tai mình lại, bỏ đi nói một cách dí dỏm:

¬Tôi chẳng có một chút thích thú gì khi nghe nói những nói những lời như vậy. Thực ra, những lời nói của Ngài đã làm bẩn tai tôi. Sào Phụ đi về hướng bờ sông để rửa tai thực. Bấy giờ, rất tình cờ Sào Phụ lại gặp Hứa Do cũng đang ở bến sông, ông ta đang tắm cho trâu. Hứa Do hỏi:
– Tại sao ông xuống đây để rửa tai?
– Ông vua Nghiêu kia thật là điên rồ, –Sào Phụ trả lời khi đã rửa tai xong–Ông ta đến tìm tôi, nói rằng muốn giao đất nước cho tôi, muốn tôi trị vì quốc gia này. Lời nói của ông đã làm bẩn tai tôi, nên tôi xuống đây để rửa.

Nghe vậy, Hứa Do la lên:
– Thế thì làm sao mà trâu của tôi lại phải uống thứ nước dơ bẩn mà ông đã dùng để rửa tai xong. Trâu của tôi không thể nào uống thứ nước bẩn thỉu ấy được.

Nói xong, Hứa Do dẫn trâu lên phía trên dòng sông để cho trâu được uống nước trong sạch. Quý vị thấy vào thời xưa, bậc hiền nhân không những từ chối ngôi vua mà còn có những lời phản ứng khẳng khái khi tai mình bị bôi nhọ bởi những lời như vậy.

Thế mà ngày nay người ta lại nói:
"Nè, quý vị hãy bỏ phiếu bầu cử cho tôi làm Tổng thống. Hãy chọn tôi làm dân biểu cho quý vị." Các ứng cử viên mở những cuộc vận động chính trị, tạo sự liên kết xuyên quốc gia, thương lượng đi đêm, mặc cả cửa sau, ngay cả mua chuộc cả phiếu bầu. Nhưng Sào Phụ và Hứa Do lại không bị "tâm phan duyên." Họ đã biểu hiện đức hạnh cao quý và vô cùng thanh khiết. Nhận lấy tâm phan duyên này, quý vị lầm cho rằng đó chính là tự tánh. Quý vị nhận lầm tâm phàm phu làm bản tâm của mình, vậy nên làm sao mà chẳng bị luân hồi trong sinh tử? Quý vị không nhận ra được bản tâm là gì, thay vì vậy, quý vị nhận giặc làm con, trong tương lai nó sẽ lấy sạch châu báu trong nhà cửa của quý vị. Đó chẳng gì khác hơn là vọng tưởng, nó khiến cho quý vị nghĩ rằng mình có chút thành tựu bởi đã dùng tâm phan duyên. Đây chính là sai lầm mà A-nan đã mắc phải.

Kinh văn: **二者,無始菩提涅槃元清淨體。則汝今者識精元明,能生諸緣,緣所遺者。**

Phiên âm: Nhị giả, vô thỉ bồ-đề niết bàn nguyên thanh tịnh thể. Tắc nhữ kim giả thức tinh nguyên minh, năng sanh chư duyên, duyên sở di giả.

Việt dịch: Thứ hai là nguyên thể thanh tịnh của bồ-đề niết-bàn từ vô thỉ. Đó chính là cái thức tinh nguyên minh của ông. Hiện nay hay sinh khởi các duyên bị ông quên mất.

Giảng: Thứ hai là nguyên thể thanh tịnh của bồ-đề niết-bàn từ vô thỉ.
Chẳng có khởi đầu nên Đức Phật gọi là "vô thỉ"; ngay cả những gì xảy ra trước lúc khởi đầu.

Bồ-đề là tiếng Phạn (bodhi), dịch nghĩa là giác ngộ được đạo lý. Có ba nghĩa:
1. Chơn tánh bồ-đề: tức là Phật tánh mà mọi chúng sanh đều vốn có sẵn. Thông thường mọi chúng sanh đều có chơn tánh bồ-đề này.

2. Thật trí bồ-đề: tức là trí tuệ chân chính chẳng phải là tà tuệ.
3. Phương tiện bồ-đề: Tức là phương tiện của những người sau khi đã chứng đạo, họ quán sát căn cơ, nghiệp lực của chúng sinh mà có phương cách thích hợp để giáo hóa.

Ba dạng bồ-đề này có thể xem là một, phân ra gọi là ba, thực ra chỉ là một. Cả ba chính là chân tánh bồ-đề và do nơi chân tánh bồ-đề mà có được. Thật trí bồ-đề và phương tiện bồ-đề. Rốt ráo, bồ-đề do đâu mà có? Bồ-đề chẳng từ đâu mà có mà cũng chẳng đi về đâu. Mỗi người chúng ta xưa nay vốn đã từng có sẵn tánh bồ-đề trong mình rồi. Chẳng người nào có tánh bồ-đề ít hơn hay nhiều hơn người kia. Tánh bồ-đề ấy không tăng thêm không giảm bớt; không sinh ra, không mất đi chẳng thanh tịnh, chẳng dơ uế. Nhiều người nghĩ rằng sau khi chết mới chứng được niết-bàn. Nhưng thực ra không nhất thiết phải sau khi chết mới đạt được cảnh giới niết-bàn. Niết-bàn chính là sự chứng đạo,

Niết-bàn (nirvana) là tiếng Phạn dịch nghĩa là "không sinh, không diệt." Do không sinh không diệt nên sinh tử không còn nữa. Một người chứng được niết-bàn là khi họ đạt đến tình trạng không bị đối kháng bởi vấn đề sống và chết nữa. Nhưng niết-bàn không chỉ có nghĩa là sự nhập diệt của Đức Phật. Khi Đức Phật nhập diệt gọi là Ngài nhập niết-bàn, Đức Phật chứng nhập vào niết-bàn với đầy đủ bốn đức: thường, lạc, ngã, tịnh. Có một số người học Phật có cái nhìn chưa rõ ràng, cho rằng niết-bàn chính là chết nhưng niết-bàn là còn nhấn mạnh đến cái không phải chết. Những ai vướng mắc vào quan điểm này chưa phải là người thông hiểu Phật pháp. Đó chính là thức tinh nguyên minh của ông.

Chữ "nguyên" có nghĩa là cội gốc của bản thể thanh tịnh. Nghĩa là cái mà chẳng phải nhiễm ơ, chẳng phải thanh tịnh, không thêm, không bớt. Ánh sáng của nó vốn thường soi chiếu khắp nơi. Chữ "thức" ở đây không phải là tám thức, chẳng phải mạt-na hay a-lại-da thức. Nó chẳng liên quan gì đến tám thức ấy cả. Nó chính là cái tối tinh, tối diệu của thức, thể tánh của nó bản nguyên thanh tịnh, nó chỉ là tên gọi khác của bồ-đề niết-bàn. Cụm từ được dùng ở đây là nhờ vào lối văn chương bóng bẩy tránh sự lặp lại. Nó chính là khía cạnh rất tinh vi và mầu nhiệm của thức, của Phật tánh bản hữu của chân tâm thường trụ, tánh tịnh minh thể. Hiện nay hay sinh khởi các duyên mà bị ông quên mất.

Vì những nhân duyên này sinh khởi, nên quý vị phải bị đẩy đi xa, xa mãi nơi quý vị muốn trở thành, cũng giống như người càng chạy càng xa mãi nơi mình đứng. Tôi đã từng nói trước rằng A-nan càng trả lời những vấn nạn của Đức Phật thì càng đi xa dần mục tiêu cần nhắm đến đó sao? Tất cả các duyên này đều lưu xuất từ thức tinh nguyên minh mà có, nhưng sau một thời gian dài

chấp giữ các duyên này, nên dường như bỏ quên mất thức tinh nguyên minh. Cái gì bị bỏ quên?

Chẳng cái gì cả. Thực vậy. Thức tinh nguyên minh dường như bị bỏ quên nhưng không phải như vậy. Bản thể bổn nguyên vốn thanh tịnh. Bồ-đề niết-bàn là của báu chân thực trong nhà quý vị. Cơ bản là nó ở ngay bên cạnh quý vị nhưng quý vị không biết cách sử dụng nó để làm lợi ích cho mình. Bởi vì quý vị không biết cách sử dụng của báu ấy nên nó dường như bị bỏ quên. Như thể quý vị có một viên ngọc quý vô giá mà quý vị đem cất giấu vào nơi rất kín đến nỗi sau một thời gian dài quý vị không còn nhớ mình cất giấu viên ngọc ở đâu nữa. Khi quý vị đã quên không biết nó ở đâu thì không thể biết cách sử dụng nó cho có lợi ích. Mặc dù quý vị bị khốn quẫn nhưng không thể nào sử dụng được viên ngọc và hưởng được lợi ích từ viên ngọc quý ấy. Cũng giống như thể viên ngọc không có ở trong nhà quý vị vậy. Nên quý vị phải dùng thứ gì để thay thế? Quý vị dùng vọng tưởng của quý vị, dùng tâm phan duyên của mình để thay thế. Trong khi quý vị quên mất chơn tâm của mình và một khi chơn tâm đã bị bỏ quên thì nó cũng hoàn toàn giống như bị mất. Đây chính là lý do tại sao quý vị không thể thành Phật, thay vì vậy lại bị trói buộc trong vòng sinh tử, do vì quý vị không nhận ra chơn tâm.

Kinh văn: **由諸眾生遺此本明,雖終日行,而不自覺,枉入諸趣。**

Phiên âm: Do chư chúng sanh di thử bổn minh, tuy chung nhật hành, nhi bất tự giác, uổng nhập chư thú.

Việt dịch: Do các chúng sinh bỏ quên tánh bản minh này, tuy trọn ngày mình sử dụng nó mà chẳng tự biết, nên bị trôi lăn oan uổng trong các cõi.

Giảng: Do các chúng sinh bỏ quên tánh bản minh này. Chúng sinh dường như bỏ quên thể tánh thường trụ thanh tịnh sáng suốt của chơn tâm. Nhưng thật sự chơn tâm không mất. Tuy trọn ngày mình sử dụng mà chẳng tự biết.

Chúng sinh sống trong thể tánh thanh tịnh, trong chân tâm thường trú hằng ngày. Bởi vì vọng tưởng vốn xuất phát từ chơn tâm, đó chính là tâm phan duyên lưu xuất từ một niệm sinh khởi từ vô thỉ. Tất cả mọi hiện tượng đều chỉ là sự biểu hiện từ chân tâm và niệm khởi này theo sát quý vị từ sáng đến tối, nhưng quý vị không thể nào nhận biết được niệm ấy. Quý vị chỉ biết làm thế nào để vận dụng tâm vọng tưởng của mình mà thôi. Chơn tâm được biểu hiện qua tánh thấy, tánh nghe, tánh ngửi, tánh nếm, tánh biết. Có người từng hỏi: “Phật tánh là gì?”

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đáp:
– Tại mắt gọi là tánh thấy
– Tại tai gọi là tánh nghe
– Tại mũi gọi là tánh ngửi
– Tại lưỡi gọi là tánh nếm
– Tại thân gọi là tánh biết (do xúc chạm)
– Tại nơi ý gọi là tánh nhạy bén linh lợi

Đức Phật đã trả lời như vậy. Cái gì là Phật tánh? Đó là tánh thấy, tánh nghe… Đó là cách thế tự nhiên như khi tay mình cầm đồ vật. Tất cả những điều này đều là biểu hiện sự vi tế, bất khả tư nghì của chân tâm. Nhưng không ai biết được điều này. Bây giờ A-nan vẫn còn mê mờ, thế nên Đức Phật dùng rất nhiều cách ví dụ để giảng giải cho A-nan. Nên bị trôi lăn oan uổng trong các cõi.

Vì chúng sinh mãi chấp cứng vào tâm phan duyên nên phải trôi lăn vào trong các cõi mà chẳng biết những nghiệp mình tạo ra hằng ngày. Nơi thọ sanh là nơi mà quý vị mong mỏi nhắm đến. Quý vị đi thẳng một mạch đến đó. Rồi quý vị sẽ kết thúc đời mình ở nơi đâu? ở trong các cõi. Đó là trong sáu nẻo luân hồi. Có ba cảnh giới lành là: cõi trời, a-tu-la và cõi người. Có ba cảnh giới không lành là súc sinh, ngạ quỷ và địa ngục. Bất kỳ quý vị tạo ra nghiệp gì, thì quý vị phải nhận chịu quả báo của việc ấy. Do không nhận ra được chân tâm bổn tánh, nên chấm dứt đời mình trong sáu nẻo luân hồi, dù không muốn vào đó mà cũng vẫn phải vào. Cảnh giới a-tu-la có khi được xem như cảnh giới không lành. A-tu-la được gọi là những kẻ thích đánh nhau. Họ luôn luôn sẵn sàng cãi vã, nổi nóng với tất cả mọi người. a-tu-la (asuras) là tiếng Phạn, tiếng Hán dịch là vô thù 無 酬–không có rượu–cũng có nghĩa là tác bất đoan chính 作不端正 là làm những việc không đúng đắn. A-tu-la vốn thích uống rượu, nhưng khi họ sống ở cõi trời họ không có rượu để uống.

Còn nghĩa tác bất đoan chính, là có liên quan đến các vị a-tu-la nam, họ có thân hình xù xì, mặt mày xấu xí, môi sứt, răng vẩu. Nhưng a-tu-la nữ thì rất đẹp. Ngọc hoàng Thượng đế một khi gặp a-tu-la nữ đẹp lộng lẫy như thế liền lấy làm vợ. Một hôm Ngọc hoàng Thượng đế tức Đế thích (sakra), muốn đi nghe Đức Phật giảng kinh, ông ta có thể biến thành thân người để đến thế giới ta-bà này để nghe Đức Phật giảng kinh. Nhưng bà vợ a-tu-la đanh đá chua ngoa của ông ta lại nổi cơn ghen: “Ông chỉ được đến đó mỗi một ngày thôi. Chẳng biết loài yêu mỵ hay hồ ly tinh nào đã hớp hồn ông. Ông đang chạy theo con hồ ly tinh nào phải không?” Bà ta buộc tội ông chồng léng phéng với một phụ nữ khác. Không chỉ phụ nữ ở thế gian là giới duy nhất biết ghen tuông

với chồng của họ. Cuối cùng bà vợ của Đế thích quyết định tự mình theo dõi chồng để xem thử ông làm gì (thời đại ấy chưa có thám tử tư để thuê mướn làm việc ấy, nên bà ta phải tự mình tiến hành cuộc điều tra). Khi Đế thích vào trong pháp hội nghe kinh ông ta đảnh lễ cung kính Pháp sư rồi tìm chỗ ngồi.

Thật tình cờ, hôm ấy có một người phụ nữ ngồi bên cạnh Đế thích. Khi người vợ a-tu-la thấy vậy, bà ta liền hiện nguyên hình đối diện với Đế thích rồi ca thán: "Thảo nào ngày nào ông cũng đến đây kết bè bạn với đám phụ nữ này." Ngọc đế rất giận dữ: "Tôi đến đây để nghe giảng kinh, bà lại chen vào quấy rầy làm náo động cả đạo tràng. Bà gây chướng ngại thật là trầm trọng." Nói xong Ngọc đế đánh bạt tai vào bà ta, bà ta khóc chạy đi tìm cha của mình, đòi ly dị và không trở về nhà chồng nữa. Cha bà ta liền bênh vực và hứa sẽ tiến hành cuộc chiến tranh với Ngọc đế. "Ta sẽ đánh bại hắn ta và chiếm ngôi." Ông an ủi con mình "Đừng bận tâm gì cả!" Chiến tranh xảy ra. Mỗi ngày vua a-tu-la đều đánh nhau với Ngọc hoàng. Ngọc hoàng trưng dụng hết biểu chương của mình (gồm vương miện, quả cầu và nghi trượng) nhưng lực lượng dữ dội hung bạo của a-tu-la chế ngự được cả ba thành phần này của Ngọc hoàng, dần dần Ngọc hoàng bị đánh bại, ông ta bị mất vị thế rất nhanh. Là một Phật tử có tín tâm, Ngọc hoàng đến đảnh lễ Đức Phật cầu cứu. Đức Phật ban cho ông tấm y ca-sa và bảo ông:

"Mang y ca-sa này về rồi cắt rọc ra thành từng giải băng nhỏ, phát cho mỗi người lính của ông một giải, ra lệnh họ cột vào cánh tay, rồi bảo họ đọc câu: "Ma-ha Bát-nhã ba-la-mật-đa" (Trí tuệ cao tột để đưa qua bờ giải thoát). Ngọc Hoàng làm đúng như lời Phật dạy. Toàn bộ lính trời đều học thuộc lòng câu "Ma-ha Bát-nhã ba-la-mật-đa." Khi cuộc chiến kế tiếp xảy ra, vua a-tu-la bị lính trời đánh bại. Họ hoàn toàn không tiên liệu được sức mạnh của đạo quân trời như vũ bão, chấp nhận thua cuộc một lần và mãi mãi. A-tu-la còn được gọi là "làm những việc không đúng đắn." Họ có phước báu ở cõi trời, nhưng không có quả báo về đức hạnh. a-tu-la không những chỉ có trong cõi trời mà ở cõi nhân gian cũng có. Quân đội, thổ phỉ và trộm cướp là a-tu-la ở trong cõi người. Nhưng ở đây phải có một sự phân biệt rõ. Ở quốc độ này (nước Mỹ) quân đội là một nghĩa vụ mà mọi người dân bắt buộc phải tham gia.

Nên một số binh lính không phải là a-tu-la. Một số người này bị buộc vào quân đội lúc còn quá nhỏ tuổi. Mười tám tuổi họ đã phải vào lính, với lứa tuổi ấy, họ chưa có được một chút ít định lực nào cả. Chỉ nghe nói đến chiến tranh, họ đã hoảng sợ rồi. Quân đội chiến đấu được huấn luyện năm năm, thông thường, họ được hai mươi ba tuổi nếu vào lính năm mười tám tuổi và được huấn luyện năm năm, với khoảng thời gian ấy, họ có một ít định lực và Kinh nghiệm, nếu ra

chiến trường, họ cũng có được một ít can đảm để đối phó. Nếu họ quá trẻ, định lực chưa được mạnh, thiếu kinh nghiệm, không có được can đảm và quyết tâm. Thế nên tôi nghĩ tình trạng quân đội hiện nay, không phải người lính nào cũng là a-tu-la. Thời xưa, ai mà thực sự muốn làm lính hoặc muốn làm thổ phỉ mới được liệt vào hàng a-tu-la.

Ngoài binh lính thổ phỉ ra còn có một loại a-tu-la khác. Chẳng hạn những người có tính nóng nảy, luôn luôn xung đột với người khác, những người ấy cũng mang bản tính của a-tu-la. Nói chung, a-tu-la là những kẻ có tập khí nóng nảy. Ngựa hoang là một loại a-tu-la. Trong giới quỷ đói (ngạ quỷ) cũng có a-tu-la. Phần nhiều chúng sinh phải đọa vào bốn đường ác này. Đây là ý chính của đoạn kinh văn này. Một số chúng sinh không quên mất chân tánh của mình nên sinh lại trong loài người hay loài trời, nhưng đó vẫn là "trôi lăn vào trong các cõi mà không hề biết." Nghĩa là quý vị đã chọn lầm đường mà không biết.

Kinh văn: **阿難,汝今欲知奢摩他路,願出生死,今復問汝。即時如來舉金色臂,屈五輪指,語阿難言: 汝今見不? 阿難言:見。**

Phiên âm: A-nan ! Nhữ kim dục tri xa-ma-tha lộ, nguyện xuất sanh tử, kim phục vấn nhữ. Tức thời Như lai cử kim sắc tý, khuất ngũ luân chỉ, ngữ A-nan ngôn ! Nhữ kim kiến phủ? A-nan ngôn: Kiến.

Việt dịch: A-nan, nay ông muốn biết con đường tu tập thiền định (samatha), với ước nguyện được thoát khỏi sinh tử, tôi lại hỏi ông. Như Lai đưa cánh tay sắc vàng lên, co năm ngón tay lại rồi hỏi A-nan:
– Ông có thấy chăng?

A-nan thưa :
– Bạch Thế tôn, con có thấy.

Giảng: Như Lai đưa cánh tay sắc vàng lên. Khi Như Lai sắp hỏi A-nan, Như Lai đưa cánh tay sắc vàng lên phía trước và co năm ngón tay lại rồi hỏi A-nan. Ông có thấy chăng?

Quý vị có thể thấy cách Đức Phật đối xử với A-nan như trẻ con, bằng cách hỏi A-nan một câu quá đơn giản là có thấy Như Lai đưa cánh tay lên rồi co năm ngón tay lại hay không. Những ngón tay của Đức Phật được gọi là luân chỉ 輪指 vì nơi bàn tay và bàn chân của Phật có thiên bức luân tướng 千幅輪 相– nhiều vân tay như hình bánh xe. Quý vị có thể cho rằng "luân chỉ" có nghĩa là khi co năm ngón tay lại lần lượt từng ngón: một-hai-ba-bốn-năm. Đó là điều mà mọi người đều có thể thấy được. Tại sao Đức Phật lại hỏi một câu đơn giản như

thế? Bây giờ thì quý vị có thể cho câu hỏi đó là đơn giản, nhưng thực ra thì không phải như vậy. Càng chiêm nghiệm sâu vào câu hỏi của Đức Phật trong phần kinh văn, càng thấy nghĩa thâm sâu vi diệu hơn. Đó chính là động dụng bình thường hàng ngày mà quý vị có thể nhận ra từ Phật tánh vốn có sẵn bên trong.

Những giác quan thường nghiệm mà quý vị giao tiếp hằng ngày với trần cảnh đều là biểu hiện của Phật tánh. Nhưng quý vị không hiểu rõ được rằng những biểu hiện ấy một khi đi qua sự cảm nhận của quý vị, những gì sai dường như có vẻ đúng, những gì đúng thì dường như sai, những gì không mất thì dường như mất. Nhưng cơ bản là quý vị chưa từng đánh mất nó mà dường như nó bỏ rơi quý vị. Vốn quý vị chưa từng quên mất nó, nhưng mà quý vị hoàn toàn không thể nào nhớ đến nó cả. Thế nên của báu trong nhà quý vị, là sự tĩnh lặng trên mảnh đất tâm mà quý vị không dễ gì nhận ra được. Sao vậy? Vì từ vô thỉ đến nay, cội gốc sinh tử – tâm phan duyên đã quá mạnh. Nếu tâm phan duyên biến mất, liền ngay đó quý vị nhận ra Phật tánh sẵn có của mình liền. A-nan thưa: Bạch Thế tôn, con có thấy.

Hãy quán sát thật kỹ điểm này. Tại sao Như Lai đưa cánh tay sắc vàng của Ngài lên rồi co năm ngón tay lại? Đó là Như Lai muốn khai thị cho A-nan thấy được thường trụ chân tâm, tánh tịnh minh thể được hiển bày qua nhãn căn, qua tánh thấy. Và đó là lý do Như Lai chú tâm trong việc khai triển ý nghĩa của cái thấy trong đoạn kinh văn tiếp theo. Đức Phật muốn khai thị cho A-nan được giác ngộ bản tâm thông qua tánh thấy. Thế nên các vị Tổ Trung Hoa, các bậc Đại đức cao tăng trong Thiền tông thường đưa lên một ngón tay khi có người xin được khai thị. Đó cũng là một cách khai thị cho môn đệ được chứng ngộ thông qua tánh thấy. Có khi quý vị thỉnh cầu được khai thị, chư Tổ chỉ đưa mắt tròn xoe nhìn trừng trừng không nói.

Qua đó, họ ngầm ý bảo quý vị phải ngay nơi tánh thấy, phải trực tiếp nhận ra tất cả mọi vấn đề. Thế nên trong Thiền tông, các vị Tổ thường có cái nhìn rất là dữ dội. Các vị Thiền sư thường có những cử chỉ những hành động để giúp cho đệ tử của mình đạt được giác ngộ. Nếu quý vị nhận ra, thì quý vị tức khắc được chứng ngộ nếu không thì đành bỏ lỡ cơ hội. Đa số các vị Tổ Trung Hoa đã vận dụng lối khai ngộ đệ tử như vậy. Nhưng họ là những người đã chứng ngộ, nên họ hoàn toàn thích ứng khi dùng cách dạy người như vậy. Còn quý vị thì không thể nói: “Tôi nghe các vị Tổ chỉ cần đưa một ngón tay, thế nên ai gặp tôi, chỉ cần tôi đưa lên một ngón tay là họ ngộ liền.”

Quý vị đã ngộ chưa? Nếu quý vị chưa ngộ thì làm sao dạy họ như thế được. Nếu quý vị chưa giác ngộ, thì quý vị không nên giúp người khác trong khi

không biết được một sự thực là chính mình vẫn còn trong vòng hữu lậu. Cố gắng cứu giúp người khác trong khi trước hết, chẳng thèm để ý mình là người đã thành tựu đạo nghiệp chưa. Cũng giống như một vị bồ-tát bằng đất sét đi qua sông, vị này đã có một thời gian rất nghiêm túc để phòng hộ cho chính mình. Cho đến trước khi cố gắng tìm cách vượt sông, vị ấy vẫn còn toàn vẹn, nhưng ngay khi vị ấy gặp nước, vị ấy bị phân ra và tiêu tán mất. Nếu quý vị chưa đạt đến tình trạng vô lậu, mà quý vị lại thích đi ra giúp đỡ mọi người thì quý vị sẽ bị cuốn hút bởi môi trường xã hội, quý vị sẽ thấy mình bị đắm chìm ở trong đó.

Quý vị sẽ bị môi trường thế gian xoay chuyển mình chứ mình không thể nào chuyển hóa người khác được. Quý vị sẽ bị dục lạc thế gian xoay chuyển chứ không xoay chuyển được thế gian. Thế nên trước khi quý vị chứng ngộ, có được năng lực vô lậu thì quý vị luôn luôn còn ở trong tình trạng nguy hiểm. Chẳng hạn như đối với kinh này, nếu chính tôi không thông hiểu ý chỉ của kinh thì tôi sẽ không thể nào giảng giải cho quý vị được. Tôi không dám nói rằng tôi hiểu thông suốt ý kinh, nhưng thành thực mà nói, tôi hiểu rõ ý kinh hơn quý vị. Do vì tôi hiểu rõ hơn quý vị, nên tôi giảng nói những gì tôi biết để cho quý vị cũng được biết theo. Nhưng dù vậy, tôi cũng chỉ giảng nói một phần ít thôi. Nếu tôi giảng hết những gì tôi biết, sợ sẽ không có đủ thời gian, nên tôi chỉ đưa ra những điểm chính yếu.

Kinh văn: **佛言: 汝何所見? 阿難言:我見如來舉臂屈指,為光明拳,曜我心目。佛言: 汝將誰見? 阿難言: 我與大眾同將眼見 。 佛告阿難汝今答我,如來屈指為光明拳,耀汝心目汝目可見,以何為心,當我拳耀?**

Phiên âm: Phật ngôn: Nhữ hà sở kiến? A-nan ngôn: Ngã kiến Như lai cử tý khuất chỉ, vi quang minh quyền, diệu ngã tâm mục. Phật ngôn: Nhữ tương thuỳ kiến? A-nan ngôn: Ngã dữ đại chúng đồng tương nhãn kiến. Phật cáo A-nan: Nhữ kim đáp ngã, Như lai khuất chỉ, vi quang minh quyền, diệu nhữ tâm mục. Nhữ mục khả kiến, dĩ hà vi tâm, đương ngã quyền diệu?

Việt dịch: Đức Phật hỏi:
– Ông thấy cái gì?

A-nan đáp:
– Con thấy Như Lai đưa cánh tay lên và co năm ngón lại thành nắm tay sáng chói chiếu vào tâm và mắt của con.

Đức Phật hỏi:
– Ông lấy cái gì để thấy?

A-nan thưa:
– Cả đại chúng và con đều thấy bằng mắt.

Đức Phật bảo A-nan;
– Như ông vừa trả lời, nói rằng Như Lai co năm ngón lại thành nắm tay sáng chói chiếu vào tâm và mắt ông. Mắt ông có thể thấy được, nhưng ông lấy gì làm tâm để cho nắm tay sáng chói chiếu vào?

Giảng: Đức Phật hỏi:
– Ông thấy cái gì? Đức Phật vẫn đang còn giảng pháp. Ngài chưa nhập định.

A-nan đáp:
– Con thấy Như Lai đưa cánh tay lên và co năm ngón lại thành nắm tay sáng chói chiếu vào tâm và mắt của con. Bạch Thế Tôn, con thấy Ngài duỗi cánh tay ra, co năm ngón lại thành nắm tay chói sáng. Những ánh sáng ấy quá chói chang chiếu vào mắt con khiến con không mở mắt ra được. Tâm con cũng bị chói chang như vậy. Đức Phật hỏi:
– Ông lấy cái gì để thấy? Ông thấy bằng cái gì?

A-nan thưa:
– Cả đại chúng và con đều thấy bằng mắt. A-nan không trả lời chỉ cho riêng mình mà cho tất cả mọi người trong đại chúng. Ông ta còn đưa ra những nhân chứng. Như cách các luật sư trong tòa án trưng bày những chứng cớ để chứng minh cho bị cáo không phải là kẻ cắp. Họ viện dẫn cả bạn bè và người thân đóng vai nhân chứng. Thế nên nếu A-nan chỉ trả lời cho riêng một mình ông thôi, xác định rằng ông thấy là do chính mắt của ông thì câu trả lời vẫn có thể sai lạc với câu hỏi. Thế nên A-nan lôi kéo thêm người ủng hộ bằng cách gom vào cả đại chúng. “Mọi người trong đại chúng đều cho rằng mắt thấy, họ đều dùng mắt để nhìn thấy.”

Đức Phật bảo A-nan:
– Ông vừa trả lời câu hỏi, nói rằng Như Lai co năm ngón lại thành nắm tay sáng chói chiếu vào tâm và mắt ông. Mắt ông có thể thấy được, nhưng ông lấy cái gì làm tâm để cho nắm tay sáng chói chiếu vào? Điều đó là sai lầm, mắt ông có khả năng thấy được, nhưng ông cho cái gì là tâm để nó bị chiếu bởi nắm tay sáng chói của Như Lai? Ông nhận cái gì làm tâm? Đức Phật tiến sang một bước khác.

Kinh văn: **阿難言:如來現今徵心所在,而我以心推窮尋逐。即能推者,我將為心。 佛言: 咄,阿難.此非汝心。**

Phiên âm: A-nan ngôn: Như Lai hiện kim trưng tâm sở tại, nhi ngã dĩ tâm suy cùng tầm trục. Tức năng suy giả, ngã tương vi tâm. Phật ngôn: Đốt, A-nan. Thử phi nhữ tâm.

Việt dịch: A-nan thưa:
– Đức Phật gạn hỏi tâm ở chỗ nào, nay con dùng tâm suy xét cùng tột để tìm kiếm. Con cho rằng chính cái biết suy nghĩ tìm kiếm ấy là tâm con.

Đức Phật bảo:
– Sai rồi A-nan, đó chẳng phải là tâm ông.

Giảng: A-nan thưa:
– Đức Phật gạn hỏi tâm ở chỗ nào. Bạch Thế tôn, Ngài gạn hỏi tâm con ở nơi nào, nay con dùng tâm suy xét cùng tột để tìm kiếm. A-nan tìm kiếm tâm mình "Con đã tìm kiếm mọi nơi, khắp mọi chốn, đem hết sức cùng lực kiệt ra tìm kiếm. Con đã truy tìm ra tâm con." Con cho rằng chính cái biết suy nghĩ tìm kiếm ấy chính là tâm con. Con có khả năng suy nghĩ, tìm kiếm mọi vật, thế nghĩa là có một cái tâm. Thế nên cái năng lực truy tìm mọi vật có lẽ là tâm của con. A-nan nói "cho rằng" có nghĩa là chưa tin chắc là đúng. Nhưng A-nan nghĩ rằng những gì Ngài nói cũng có được chút ít đạo lý và A-nan tin tưởng mình sẽ thành công trong việc tìm kiếm tâm. Lát sau A-nan mới biết mình bị Đức Phật quở trách.

Đức Phật bảo:
– Sai rồi! A-nan!

Đây cũng chính là lời mà Đức Phật dùng để quở trách ông A-nậu-lâu-đà. "Không được rồi! Không được rồi! Sao ông lại ngủ?." Đức Phật quở trách ông và kết quả của lời trách mắng ấy là A-nậu-lâu-đà không ngủ suốt một tuần lễ, mắt ông phải bị mù. Với sự trợ lực của Đức Phật, ông đạt được thiên nhãn. Ở đây, Đức Phật cũng dùng những lời tương tự để trả lời A-nan . Đức Phật không nói A-nan là đúng hay sai, Ngài chỉ dùng lời như vậy để quở trách A-nan . Tại sao Đức Phật quở trách A-nan? Vì câu trả lời của A-nan là một sai lầm nghiêm trọng, nó hoàn toàn sai. Trước đây, A-nan đã khăng khăng nhận thức tâm phân biệt làm chơn tâm, đó đã là một sai lầm rồi. Nay A-nan vẫn chưa nhận ra.

Đôi lúc có người tỉnh ngộ khi họ thấy một điều gì trong lúc tâm họ đang hoàn toàn tập trung cao độ. A-nan đã hết sức chú tâm trong khi thưa hỏi Đức Phật, và ngay lúc đó, Đức Phật chỉ cho A-nan thấy nắm tay sáng chói với hy vọng A-nan sẽ nhận ra rằng chính nhờ và tánh thấy mà nhận ra được chơn tâm.

Nhưng A-nan đã khiến cho Đức Phật thất vọng một lần nữa, khi nói rằng nhờ vào tâm và mắt mà thấy được. Đức Phật tiếp tục hướng dẫn A-nan bằng cách chỉ dạy: “Được rồi, đúng là mắt có thể thấy được, nhưng ông cho cái gì là tâm?” Lại một lần nữa A-nan nói rằng cái biết suy nghĩ tìm kiếm là tâm. Nhưng thực ra đó chỉ là thức tâm phân biệt. Thế nên Đức Phật dùng âm thanh để dẫn dắt A-nan đến chỗ ngộ đạo thông qua tánh nghe.

Đức Phật gọi lớn: “Sai rồi!” bằng âm điệu rất nghiêm khắc, Ngài dùng oai đức để giúp cho A-nan được giác ngộ khi nghe được âm thanh này. Nhưng A-nan đã bị trượt xuống dốc mê mờ quá sâu dày. A-nan chỉ biết có tri kiến mà hoàn toàn thờ ơ với việc tu tập định lực. Đức Phật đã dành nhiều công sức để khai thị cho A-nan , nhưng A-nan vẫn chưa nhận ra được. Khi Đức Phật biết được điều này, Đức Phật đã dùng tâm từ bi để hướng dẫn A-nan bằng cách giảng giải rất từ tốn: A-nan, đây chẳng phải là tâm ông.

Kinh văn: **阿難矍然,避座合掌.起立白佛: 此非我心,當名何等?**

Phiên âm: A-nan quắc nhiên, tị tọa hợp chưởng, khởi lập bạch Phật: Thử phi ngã tâm, đương danh hà đẳng?

Việt dịch: A-nan giật mình, rời chỗ ngồi, đứng dậy chắp tay bạch Phật: – Đó chẳng phải là tâm của con, vậy thì nó là gì?

Giảng:
A-nan quá sững sốt đến nỗi bật đứng dậy. Kinh ngạc và lo lắng, A-nan đứng dậy để tránh khỏi phạm lỗi bất kính khi bạch với Đức Phật:

A-nan giật mình, rời chỗ ngồi, chắp tay đứng dậy bạch Phật:
– Cái ấy chẳng phải là tâm con, vậy thì nó là gì? Nếu cái biết suy nghĩ tìm kiếm ấy chẳng phải là tâm thì Thế tôn gọi nó là gì? A-nan không còn biết phải làm gì nữa. Bỗng nhiên như người mất hồn.

Kinh văn: **佛告阿難,此是前塵,虛妄相想,惑汝真性。由汝無始至于今生,認賊為子 ,失汝元常,故受輪轉 。**

Phiên âm: Phật cáo A-nan, thử thị tiền trần, hư vọng tướng tưởng, hoặc nhữ chân tánh. Do nhữ vô thỉ, chí vu kim sanh, nhận tặc vi tử, thất nhữ nguyên thường, cố thọ luân chuyển.

Việt dịch: Đức Phật bảo A-nan
– Đó là sự tưởng tượng những tướng giả dối của tiền trần, nó làm mê mờ

chân tánh của ông. Do từ vô thỉ đến nay, ông nhận giặc này làm con, bỏ mất tánh nguyên thường nên phải chịu luân hồi.

Giảng: Đoạn kinh văn này không những chỉ giải thích riêng cho vấn nạn của A-nan mà còn cho cả tôi, cho quý vị và cho tất cả mọi người khác. Mọi người nên biết rằng từ vô thỉ đến nay, chúng ta đã nhận giặc làm con, chúng ta đã bị che mờ bản tánh, tánh giác không hiển bày được nên bị luân hồi trong sinh tử.

Đức Phật bảo A-nan:
"A-nan, đừng lo lắng, đừng bối rối. Ông vừa hỏi cái khả năng hay biết, suy xét của ông gọi là gì phải không? Nay Như Lai sẽ chỉ dạy chi tiết rõ ràng cho ông."

– Đó là sự tưởng tượng những tướng giả dối của tiền trần. "Giả dối" có nghĩa là không thật. Cái tâm hay suy xét ấy không phải là tự tánh của ông, chẳng phải là chơn tâm của ông. Nó chỉ là một dạng rất vi tế của vọng tưởng tạo nên sự phân biệt. Bóng dáng của tiền trần. Nó làm mê mờ chân tánh của ông. Do từ vô thỉ cho đến nay, ông nhận tên giặc này làm con.

Ông đã nhận lầm tướng hư vọng của tiền trần làm con mình, thế nên bỏ mất tánh nguyên thường. Ông đánh mất toàn bộ viên ngọc quý của mình, đánh mất toàn bộ gia sản, đánh mất tâm bản nguyên, đánh mất thường trụ chơn tâm. Ý nghĩa đoạn kinh văn này cũng giống như đoạn trên. Thực ra không phải quý vị đánh mất bản tâm; mà chỉ là dường như đánh mất. Điều này khiến cho quý vị phải chịu luân hồi. Bởi vì quý vị không nhận ra của báu trong nhà mình, không biết cách sử dụng của báu ấy, thế nên quý vị mãi bị chìm nổi trôi lăn trong vòng sống chết. Vòng sinh tử ấy xoay chuyển quý vị, khiến quý vị không thể nào vượt qua được. Đó là lý do tại sao quý vị hiện hữu nơi thế gian, đời này, đời sau rồi đời này nối tiếp đời khác, xoay vần bất tận, chợt chìm chợt nổi, chợt cao, chợt thấp. Có khi quý vị sinh ra trong cõi trời, có khi rơi xuống cõi nhân gian. Nên có bài kệ:

Xuất mã phúc, nhập lư thai
Diêm vương điện thượng kỷ độ hồi
Thủy tùng Ngọc đế điện tiền quá
Hựu đáo Diêm quân oa lý lai.

Nghĩa là:
Ra khỏi bụng ngựa, lại vào thai lừa
Biết bao lần lui tới chỗ Diêm vương
Vừa mới theo nhau qua trước điện Ngọc hoàng
Lại thấy vào trong chảo dầu của Diêm vương.

Đôi khi quý vị trở thành ngựa, lúc khác lại làm lừa. Quý vị lê gót qua lại trước điện Diêm vương không biết bao nhiêu lần. Quý vị cũng giống như Tôn-đà-la Nan-đà, người mà Đức Phật đã đưa thăm cung trời, nói rằng nếu ông ta chịu tu hành, ông ta sẽ được hưởng phước báo tái sinh ở đó, với năm trăm thiên nữ hầu hạ. Tôn-đà-la Nan-đà canh cánh bên lòng niềm hỷ lạc ấy. Nhưng ông ta quên mất cái chảo dầu của Diêm vương, vì một khi hưởng phước báu ở cõi trời hết thì ông sẽ rơi xuống địa ngục, nơi ông sẽ bị nấu trong chảo dầu sôi. Con đường luân hồi rất là nguy hiểm. Một khi quý vị đã bắt đầu luân chuyển trong ấy, nếu quý vị có chút ít cẩn trọng, quý vị sẽ chấm dứt việc đi vào con đường dữ; còn nếu khi quý vị đã đặt chân vào nẻo ác rồi thì khó mà trở lui được nữa. Thế nên bây giờ khi quý vị đã được sinh ở cõi người rồi, quý vị phải mau mau giác ngộ. Đừng tiếp tục như A-nan mãi nhận giặc làm con.

Kinh văn: **阿難白佛言世尊我佛寵弟。心愛佛故令我出家。我心何獨供養如來,乃至遍歷恒沙國土,承事諸佛,及善知識發大勇猛,行諸一切難行法事,皆用此心。縱令謗法,永退善根,亦因此心。若此發明不是心者,我乃無心,同諸土木,離此覺知更無所有。云何如來說此非心? 我實驚怖,兼此大眾,無不疑惑。唯垂大悲,開示未悟.**

Phiên âm: A-nan bạch Phật ngôn: Thế tôn, ngã Phật sủng đệ, tâm ái Phật cố, linh ngã xuất gia. Ngã tâm hà độc cúng dường Như lai, nãi chí biến lịch, hằng-sa quốc độ, thừa sự chư Phật, cập thiện tri thức, phát đại dõng mãnh, hành chư nhất thiết nan hành pháp sự, giai dụng thử tâm. Túng linh báng pháp vĩnh thối thiện căn, diệc nhân thử tâm. Nhược thử phát minh bất thị tâm giả, ngã nãi vô tâm, đồng chư thổ mộc, ly thử giác tri cánh vô sở hữu. Vân hà Như lai, thuyết thử phi tâm? Ngã thật kinh bố, kiêm thử đại chúng, vô bất nghi hoặc. Duy thùy đại bi, khai thị vị ngộ.

Việt dịch: A-nan bạch Phật:
–Bạch Đức Thế tôn, con là em của Phật, vì tâm kính yêu Phật nên con xuất gia. Tâm con chẳng những cúng dường Như Lai mà còn trải qua nhiều quốc độ như cát sông Hằng, thừa sự chư Phật và thiện tri thức; phát tâm đại dõng mãnh, làm tất cả những pháp sự khó làm, là đều vận dụng tâm này. dù con có hủy báng phật pháp, rời bỏ thiện căn, cũng do tâm này. Nay Đức Phật chỉ rõ cái ấy không phải là tâm, thì con thành ra không có tâm, như gỗ như đá, vì ngoài cái hay biết ấy ra, con chẳng còn gì khác nữa. Sao Như Lai lại bảo cái ấy chẳng phải là tâm? Con thật kinh

sợ và trong đại chúng ai cũng nghi hoặc. Cúi xin Đức Phật rủ lòng từ bi chỉ dạy cho những người chưa được giác ngộ.

Giảng: Sau khi nghe Đức Phật giảng giải A-nan vẫn không hiểu, vẫn muốn tranh luận từng chi tiết.
A-nan bạch Phật:
– Con là em của Phật.

A-nan nói rằng: "Con là người em họ nhỏ nhất và được Đức Phật cưng chìu yêu thương nhất. Khi con đứng bên cạnh Đức Phật, con giống như đứa trẻ thơ. Chữ "cưng chìu" có nghĩa là Đức Phật để cho A-nan tự ý mặc tình sống theo cách của mình. A-nan không cố gắng kiềm chế chính mình, muốn làm gì tùy ý. Vì tâm kính yêu Phật nên con xuất gia.

A-nan nói rằng chính do tâm ông yêu thích ba mươi hai tướng đẹp của Đức Phật. Khuôn mặt của Đức Phật giống như vầng trăng tròn sáng và giống như ngàn mặt trời chiếu sáng. Ba mươi hai tướng tốt của Đức Phật là tuyệt hảo. "Thế nên khi Đức Phật khuyên con xuất gia, con liền đồng ý, vì con yêu mến đức tính trang nghiêm và ba mươi hai tướng đẹp của Đức Phật." A-nan đã quên bẵng nhân duyên khiến cho mình xuất gia là do A-nan thấy ba mươi hai tướng tốt của Đức Phật. Tâm con chẳng những cúng dường Như Lai.

Tâm của con không những chỉ cúng dường Thế Tôn, mà còn trải qua nhiều quốc độ như cát sông Hằng thừa sự chư Phật và Thiện tri thức. Khi A-nan nói "thừa sự" có nghĩa là "con đã từng đến để phụng sự toàn thể chư Phật, cúng dường chư Phật, cung kính đảnh lễ chư Phật, và con cũng đã từng làm như thế đối với vô số chư vị Thiện tri thức. Phát tâm đại dõng mãnh, làm tất cả những pháp sự khó làm, là đều vận dụng tâm này. Con làm tất cả mọi việc mà mọi người khác không thể làm được. Mọi người thường sợ khổ, nhưng con không hề sợ khổ. Con phụng thờ chư Phật và quan tâm đến những việc mà chư Phật cần đến. Con nhẫn chịu những việc mà người khác không thể thực hành và kham nhẫn. Tất cả những điều mà con làm được ấy đều là do ở tâm con. Nguyên nhân mà con có thể làm phát sinh công đức nhờ vào việc cúng dường Tam bảo đều là do vận dụng tâm này. Dù con có hủy báng Phật pháp, rời bỏ hẳn thiện căn, cũng do tâm này.

Dù Thế tôn cho rằng con hủy báng Phật pháp mà nói những điều này. Dù con có thối chuyển hoặc dứt bỏ hẳn thiện căn đến mức không còn gì nữa cả thì con vẫn dùng cái tâm này. Có thể nói lại ý này như sau: giả sử A-nan có hủy báng Phật pháp, thì A-nan vẫn cho rằng chính tâm của A-nan làm việc ấy.

Nay Đức Phật chỉ rõ đó không phải là tâm, thì con thành ra không có tâm, như gỗ như đá. Vì ngoài cái hay biết ấy ra con chẳng còn gì khác nữa. A-nan thực sự bối rối khi nói như vậy, "Con đã trở thành vật vô tri vô giác, con chẳng khác gì đất đá hoặc cỏ cây vì con không có tâm. Nếu con tách biệt hẳn với thức tâm phân biệt này thì ngoài đó ra còn có cái gì khác chăng? Chẳng có gì khác nữa cả. Khả năng hiện thời của con lắng nghe được Kinh pháp chính là nhờ tâm này. Ngoài nó ra, con chẳng có gì nữa cả." Sao Như Lai lại bảo cái ấy chẳng phải là tâm? Con thật kinh sợ và trong đại chúng ai cũng đều nghi hoặc.

"Nay con thực sự lo lắng. Thế tôn vừa bảo rằng đó chẳng phải là tâm con. Và chẳng riêng gì con, con tin rằng mọi người đều có nhiều nghi hoặc khi nghe Thế tôn bảo như thế. Và sự lo lắng sợ hãi của con cũng như sự nghi hoặc của đại chúng thực là khó chịu đựng nổi." Do chữ "nghi hoặc" có nghĩa là đại chúng chưa thông hiểu được lời dạy của Như Lai và chưa hỏi được điều ấy. Tại sao A-nan nói rằng đại chúng có nhiều nghi hoặc và chính A-nan rất là sửng sốt? Đó là vì tất cả thành viên trong pháp hội chỉ đóng vai khán giả, thế nên họ không có ý tự đặt mình vào trong tình trạng như A-nan. Nhưng A-nan lại đặc biệt hoàn toàn rất chú tâm vào lời giảng. Thế nên khi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni bảo rằng A-nan không có tâm thì ông ta hoàn toàn sửng sốt.

"Không có tâm ư? Chưa có gì đâu! Đoạn sau ông sẽ thấy ta còn không có cả thân mạng nữa kìa!" A-nan nói rằng mọi người trong pháp hội nghe lời đối thoại giữa Đức Phật và A-nan thảy đếu có nhiều nghi hoặc, nhưng thực ra đó quả là điều A-nan suy diễn bằng tâm ý thức của mình. A-nan nghĩ rằng: "Có lẽ những người này vẫn còn chưa hiểu." Nhưng A-nan không biết được rằng còn có các vị Đại bồ-tát đang có mặt trong pháp hội, mặc dù họ không nói gì cả, nhưng họ đã quá thông hiểu. Với sự đánh giá hời hợt của mình, A-nan đã suy diễn mọi việc theo chiều hướng trầm trọng hơn. Thực vậy, tôi tin các thành viên trong pháp hội như Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Đại Thế Chí, không lẽ các Ngài lại có những nghi hoặc ấy hay sao? Cúi xin Đức Phật rủ lòng từ bi chỉ dạy cho những người chưa được giác ngộ. Lòng từ bi có năng lực giải thoát cho mọi người thoát khỏi khổ đau. A-nan thưa: "Xin Thế tôn cứu giúp cho chúng con thoát khỏi sự thất vọng; và khai thị cho chúng con, những người chưa thông hiểu được giáo lý, đến được chỗ giác ngộ."

Kinh văn: **爾時世尊,開示阿難,及諸大眾, 欲令心入無生法忍。**

Phiên âm: Nhĩ thời Thế tôn, khai thị A-nan, cập chư đại chúng, dục linh tâm nhập vô sanh pháp nhẫn.

Việt dịch: Lúc bấy giờ Đức Thế tôn chỉ dạy cho A-nan và cả đại chúng, muốn cho tâm họ được vô sanh pháp nhẩn.

Giảng: Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn. Là lúc A-nan thưa thỉnh Đức Phật khai thị cho những người chưa được giác ngộ. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni thương mến người em họ và phát khởi lòng yêu thương che chở cho A-nan. Thế nên Đức Thế tôn chỉ dạy cho A-nan và cả đại chúng, muốn cho tâm họ đạt được vô sinh pháp nhẫn. “Vô sanh pháp nhẫn” nghĩa là gì? Có ba loại “nhẫn.” Sinh nhẫn, pháp nhẫn và vô sinh pháp nhẫn. Là trạng thái chẳng có sinh mà cũng chẳng có pháp. Tức là trạng thái chẳng có pháp sinh ra, cũng chẳng có pháp diệt đi. Khi quý vị đã đạt được vô sinh pháp nhẫn, quý vị sẽ thấy mỗi một pháp giới trong lục phàm và tứ thánh chẳng có một pháp nào được sinh ra và cũng chẳng có một pháp nào hoại diệt. Pháp giới tứ thánh siêu việt hẳn dục giới, sắc giới và vô sắc giới. Trong khi sáu cõi giới phàm phu lại nằm trong tam giới, nhưng trong ấy chẳng có cõi giới nào sinh ra hoặc diệt đi.

Vậy nên bản thể của các pháp là như như bất động. Vì các pháp vốn như như bất động nên các pháp chẳng sinh chẳng diệt. Trước khi được khai ngộ, quý vị nghĩ: “Ồ! Không, chẳng có sinh cũng chẳng có diệt, vạn pháp đều tan biến thành không cả.” Khi một nỗi sợ hãi len vào tâm tư quý vị: quý vị không thể nào chịu đựng nổi ý niệm về sự sợ hãi ấy. Nhưng nếu một khi quý vị đã chứng được cảnh giới bất sinh bất diệt – thực ra thì cảnh giới ấy chẳng có vẻ gì là khác lạ như quý vị thường nghĩ và khó có thể chịu đựng nổi về cảnh giới ấy, vì quý vị đã chứng được vô sinh pháp nhẫn rồi. Nên chắc chắn là quý vị sẽ có được sự cảm ứng rất lớn với đạo không thể nghĩ bàn được. Trạng thái cảm ứng đạo giao xảy ra khi quý vị sắp sửa đạt đến sự giác ngộ nhưng chưa có được sự biểu hiện.

Khi sự cảm ứng đạo giao xảy ra, chỉ còn có một cách duy nhất là quý vị ôm ấp nó trong tim mình. Chỉ một mình mình biết, không thể đi quanh nói cho người nào khác biết được. Đó được gọi là cảnh giới vô sinh pháp nhẫn. Khi quý vị thấy được rằng tất cả núi sông đất liền đều lưu xuất từ tự tánh của mình: thấy được rằng ba cõi chỉ là biểu hiện của tâm, thấy được rằng vạn pháp chỉ là biến hiện của thức. Một khi quý vị chứng được cảnh giới ấy thì mọi sự, mọi pháp đều thoát khỏi ý niệm sinh diệt. Mọi hiện tượng mà quý vị thấy được như núi sông đất liền, cỏ cây hoa lá đều chỉ là một hiện hữu nhất như. Đó chính là vô sanh pháp nhẫn vậy.

Đức Bồ-tát Quan Thế Âm có nói:
“Sinh diệt ký diệt, tịch diệt hiện tiền”
(Khi đã vượt qua cảnh giới sinh diệt rồi thì cảnh giới tịch diệt chính ở ngay

trong hiện tại.) Tức là do A-nan không thể nào nhập vào được món nhẫn này, nên bây giờ Đức Phật mới chỉ dạy cho toàn thể đại chúng, mong muốn cho mọi người trong chúng và tất cả chúng sinh đều chứng được vô sinh pháp nhẫn.

Kinh văn: **於師子座,摩阿難頂,而告之言: 如來常說諸法所生,唯心所現。一切因果世界微塵,因心成體。**

Phiên âm: Ư sư tử tòa, ma A-nan đảnh, nhi cáo chi ngôn: Như lai thường thuyết, chư pháp sở sanh, duy tâm sở hiện, nhất thiết nhân quả, thế giới vi trần, nhân tâm thành thể.

Việt dịch: Từ nơi toà sư tử, đức phật xoa đầu A-nan rồi bảo rằng: Như Lai thường nói các pháp phát sinh đều do từ tâm biểu hiện. Tất cả nhân quả và thế giới nhiều như vi trần đều nhân nơi tâm mà có thể tính (hiện hữu)

Giảng: Từ nơi tòa sư tử: đây không có nghĩa là Đức Phật ngồi trên lưng sư tử hoặc là chỗ ngồi của Đức Phật được khắc chạm hình dáng của sư tử mà do pháp âm của Đức Phật được ví như tiếng gầm của loài sư tử, thế nên nơi mà Đức Phật giảng pháp được gọi là tòa sư tử.

Đức Phật xoa đầu A-nan Đức Phật lấy tay Ngài xoa đảnh đầu A-nan. Trong đạo Phật việc xoa đảnh đầu là biểu hiện lòng từ ái cao tột nhất, phát ra một năng lực lớn lao để nhiếp thọ chúng sinh. Rồi bảo rằng: “Như Lai thường nói các pháp phát sinh đều do từ tâm biểu hiện.” Như Lai từ lâu nay đã thường nói rằng hết thảy mọi pháp, đều là sự biểu hiện của tâm. Tất cả nhân quả nhân tiếp liền nhân, quả nối liền quả, hết thảy các pháp trên thế gian và suốt khắp thế giới nhiều như vi trần đều nhân nơi tâm mà có. Tất cả đều là sự hiển bày từ tâm chúng ta. Thế nên cổ văn Trung Hoa có câu:

Nhược nhân thức đắc tâm Đại địa vô thốn thổ. (Nếu người nào nhận ra được bản tâm của mình, thì dưới chân mình không còn có một tấc đất). Vậy thì đó là cái gì? Đất dưới chân mình đi đâu mất rồi? Đó là một cách diễn tả của Thiền tông về sự trớ trêu của điều bất khả tư nghì. Thật là không may khi chưa nhận ra được bản tâm của mình, nên trái đất vẫn là một hạt bụi rất lớn.

Kinh văn: **阿難,若諸世界,一切所有,其中乃至草葉縷結。詰其根元,咸有體性。縱令虛空亦有名貌。**

Phiên âm: A-nan, nhược chư thế giới, nhất thiết sở hữu, kỳ trung nãi chí thảo diệp lự kiết, cật kỳ căn nguyên, hàm hữu thể tánh. Túng linh hư không diệc hữu danh mạo.

Việt dịch: A-nan, như tất cả sự vật hiện hữu trong thế giới từ ngọn cỏ, lá cây, sợi dây, nút thắt… khi gạn xét cội gốc của nó, mỗi thứ đều có thể tánh. Cho đến như hư không cũng có tên gọi và dáng mạo.

Giảng: Đức Phật lại gọi tên A-nan một lần nữa, A-nan, như tất cả sự vật hiện hữu trong thế giới từ ngọn cỏ, lá cây, sợi dây, nút thắt… khi gạn xét cội gốc của nó, mỗi thứ đều có thể tánh, cho đến như hư không cũng có tên gọi và dáng mạo. Hết thảy mọi thứ trên thế gian này gồm cả núi sông đất liền, tất cả vạn tượng như cây cỏ, thảo mộc, sợi dây, nút thắt cho đến như cả hư không, nó vẫn có cái tên là "hư không" và dáng mạo về "hư không." Tất cả đều có một thể tánh.

Kinh văn: **何況清淨妙淨明心,性一切心,而自無體?**

Phiên âm: Hà huống thanh tịnh diệu tịnh minh tâm, tánh nhất thiết tâm, nhi tự vô thể?

Việt dịch: Huống gì bản tâm thanh tịnh sáng suốt nhiệm mầu này là bản chất của tất cả mọi tâm niệm mà tự nó lại không có thể tánh hay sao?

Giảng: Huống chi bản tâm thanh tịnh sáng suốt nhiệm mầu mà lại không có thể tánh. Tâm ấy chắc chắn phải có thể tánh.

Kinh văn: **若汝執恪 .分別覺觀,所了知性,必為心者,此心即應離諸一切色香味觸,諸塵事業別有全性。**

Phiên âm: Nhược nhữ chấp kháp, phân biệt giác quán, sở liễu tri tánh, tất vi tâm giả, thử tâm tức ưng ly chư nhứt thiết, sắc hương vị xúc, chư trần sự nghiệp, biệt hữu toàn tánh,

Việt dịch: Nếu ông chấp chặt tánh phân biệt hiểu biết, cho đólà tâm, thì tâm này khi rời tất cả sắc thanh, hương, vị, xúc, thì tâm ấy phải riêng có toàn tánh.

Giảng: Nếu ông chấp chặt nếu ông nhất quyết chấp giữ mọi ý kiến, mọi ý niệm, mọi suy đoán cố hữu, như một kẻ keo kiệt giữ kho vàng. Bảo rằng tánh hiểu biết phân biệt là tâm thì tâm này khi rời tất cả sắc, thanh, hương, vị, xúc (tách

rời hẳn các hoạt dụng của các trần) thì tâm ấy phải riêng có toàn tánh. Nếu cái tâm phân biệt ấy là chân tâm thì lẽ ra nó sẽ hiện hữu mà không cần bất kỳ sự liên hệ nào với sắc, thanh, hương, vị, xúc. Mặc dù chỉ đề cập đến năm món. Nhưng đều hàm ý đến cả sáu trần. Nếu thức tâm phân biệt thực là chân tâm thì lẽ ra tâm ấy sẽ tiếp tục tồn tại ngay cả khi cái tâm có toàn tánh kia, siêu việt hẳn các cảm giác khi tiếp xúc với sáu trần. Lẽ ra phải có một cái tâm khác, ngoài cái tâm hình thành ngay khi các căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân ý tiếp xúc với các trần sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp). Có phải đó chính là giải pháp chăng? Không? Đức Phật chỉ đưa ra giả thiết này để khai thị cho A-nan.

Kinh văn: **如汝今者,承聽我法。此則因聲而有分別。**

Phiên âm: Như nhữ kim giả, thừa thính ngã pháp, thử tắc nhơn thanh, nhi hữu phân biệt.

Việt dịch: Như ông nay nghe pháp của Như Lai, đó là nhân âm thanh mà có sự phân biệt.

Giảng: Bây giờ Đức Phật bắt đầu giải thích rằng A-nan không có một thức tâm phân biệt nào hiện hữu mà tách rời hẳn sự nhận thức về nó. Còn như hiện nay, khi ông nghe pháp của tôi, đó là nhân âm thanh mà có sự phân biệt. "A-nan, ông đang ở đây, nghe tôi giảng pháp và nhờ có âm thanh mà ông có được sự phân biệt. Đó không phải là trường hợp mà ông có thể nghe khi không có âm thanh" Đức Phật chủ yếu khai thị cho A-nan biết rằng chơn tâm chính là ở tại ngay nơi căn tánh của sáu căn: mắt, tai, mũi, thân, ý. Vốn không dao động.

Còn sáu thức là do sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp duyên theo trần cảnh mà có, nên các thức ấy là dao động, nên chẳng phải chân thực, nên các thức ấy thuộc về vọng tưởng. Thực ra, nhờ vào sáu căn và sáu thức mà có cái dụng của thấy, nghe, hay, biết. Thực là rất khó phân tích cho rõ điểm này. Chẳng qua là khi sáu căn tiếp xúc với các cảnh, cũng như tấm gương trong liền phản chiếu hình ảnh, vốn chẳng có phân biệt gì cả. Còn sáu thức khi duyên với các cảnh thì liền sinh khởi phân biệt. Nên mới có sự phân biệt và không phân biệt. Đó chính là sự khác nhau giữa thức và căn.

Kinh văn: **縱滅一切見聞覺知,內守幽閑,猶為法塵,分別影事。**

Phiên âm: Túng diệt nhứt thiết kiến văn giác tri, nội thủ u nhàn, do vi pháp trần, phân biệt ảnh sự.

Việt dịch: Dù có diệt hết cái thấy, nghe, hiểu, biết mà giữ được sự thanh thản, lặng lẽ bên trong, đều do bóng dáng của sự phân biệt pháp trần vẫn còn.

Giảng: Dù có diệt hết cái thấy, nghe, hiểu, biết mà giữ được sự thanh thản, lặng lẽ bên trong. Cho dù tạm thời quý vị ngưng hẳn lại việc thấy, nghe, hiểu, biết, đó cũng chỉ là trạng thái của sự vắng lặng. Chứng đạt được trạng thái này cũng cần phải có công phu. Một khi quý vị đã diệt được hẳn sự thấy, nghe, hiểu, biết, là quý vị có thể an trụ trong trạng thái khinh an. Đó là cảm giác lặng lẽ không có niệm vọng động và quý vị không phải làm gì trong đó cả. Tâm quý vị hoàn toàn vắng lặng và không còn phải lo ngại điều gì cả. Ngoại đạo cho đây là cảnh giới cao tột nhất mà người tu hành có thể đạt được. Họ ngồi yên lặng và không còn thấy mình (vô ngã), thấy người (vô nhân) nữa. Thấy mọi vật đều trống không, kể cả thân thể họ cũng tan biến luôn và họ cho đó là chỗ dụng công đắc lực. Đó là ý nghĩa của "sự thanh thản lặng lẽ bên trong" ở trong phần chánh văn.

Thực ra, đây là chỉ có được chút cảm ứng nhờ vào công phu đắc lực, nhờ vào sự đào luyện tâm linh nên giữ được "sự thanh thản, lặng lẽ bên trong" này. Vậy nên hàng ngoại đạo cho trạng thái này là tột đỉnh, họ hết sức cố gắng để duy trì trạng thái định này. Không để nó tiêu tán mất. Họ không muốn công phu của mình trở nên vô dụng. Nhưng thực ra trong dạng cảnh giới này, đều do bóng dáng của sự phân biệt pháp trần vẫn còn. Cảnh giới "thanh thản lặng lẽ" bên trong ấy chỉ là hoạt dụng của thức thứ sáu (ý thức) và tâm thức. Chữ pháp ở trong chánh văn có nghĩa là đối tượng của tâm ý thức. Đến đây thì năm thức trước (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân) biến mất.

Cái nghe và cái thấy không còn hướng ra bên ngoài nữa, tánh ngửi và tánh nếm không còn tác động đến quý vị nữa và thân xác không còn bị ảnh hưởng bởi sự xúc chạm nữa. Thức thứ sáu (ý thức) lúc này được gọi là "độc đầu ý thức." Nó chỉ hoạt động khi năm thức trước ngưng hoạt động. Chẳng hạn như trong mơ là một biểu hiện của độc đầu ý thức. Còn trạng thái "thanh thản, lặng lẽ" đề cập trong kinh văn là một trường hợp khác. Đó là khi năm thức trước đã hoàn toàn vắng bặt rồi, quý vị cảm thấy cái thấy nghe, hiểu biết của mình hoàn toàn biến mất, nhưng quý vị vẫn còn ý thức. Trong đó vẫn còn bóng dáng của pháp trần rất nhỏ nhiệm vi tế, rất khó nhận biết tường tận được. Đó chính là sự phân biệt pháp trần còn rơi rớt lại trong tâm.

Đó không phải là cảnh giới chân thực, khi quý vị đến được trạng thái này sẽ thấy mọi việc diễn ra rất tốt đẹp, nhưng với cái nhìn từ Phật pháp thì quý vị chưa đạt được ngay cả bước đầu tiên. Đừng tự thỏa mãn, hãy nên cứu xét lại

mình cẩn thận hơn. “Ồ! Đây là cảnh giới tuyệt diệu do ngồi thiền.” Thay vì vậy, quý vị nên tiếp tục công phu tiến tới. Nếu quý vị dừng lại ở đây thì rất dễ rơi vào ngoan không, nơi mà cái thấy, nghe, hiểu, biết biến mất và không còn một thứ gì nữa cả. Nhưng cảnh giới ngoan không ấy chẳng ích lợi gì cho việc phát triển kinh nghiệm thiền của quý vị cả. Thức thứ sáu (ý thức) và độc đầu ý thức là cái dễ dàng dẫn quý vị đến con đường tẻ và sự sai lầm.

Độc đầu ý thức có bốn loại:
Tán vị độc đầu: tâm tán loạn hàng ngày thường sinh khởi niệm phân biệt.
Cuồng loạn độc đầu: khi có người phát điên và nói năng cuồng loạn. Thức thứ sáu (ý thức) của họ lúc ấy ở trong sự cuồng loạn, họ không điều khiển ý thức được nữa.
Mộng trung độc đầu: khi trong mơ, quý vị thấy mọi thứ với đầy đủ sắc màu và những vật kỳ dị là độc đầu ý thức đang tác yêu tác quái.
Định trung độc đầu: đó là trạng thái “thanh thản lặng lẽ” mà Kinh văn đang nói đến. Trong đó cái thấy, nghe, hiểu, biết hoàn toàn vắng bặt, nhưng định trung độc đầu ý thức vẫn đang còn hoạt dụng.

Kinh văn: **我非勅汝,執為非心。但汝於心,微細揣摩,若離前塵,有分別性,即真汝心。**

Phiên âm: Ngã phi sắc nhữ, chấp vi phi tâm. Đãn nhữ ư tâm, vi tế sủy ma, nhược ly tiền trần, hữu phân biệt tánh, tức chơn nhữ tâm.

Việt dịch: Chẳng phải tôi bảo ông chấp cái ấy không phải là tâm. Nhưng ông phải suy xét chính chắn, nếu có một thể tánh phân biệt khi rời hẳn tiền trần thì đó chính là tâm ông.

Giảng: Đức Phật bảo A-nan: Chẳng phải tôi bảo ông chấp cái ấy không phải là tâm. Như Lai không ra lệnh cho ông phải đồng ý với những gì Như Lai nói. Nhưng ông phải suy xét chính chắn, nếu có một thể tánh phân biệt khi rời hẳn tiền trần thì đó chính là tâm ông. Nếu khi lìa hẳn tiền trần ông vẫn còn thể tánh phân biệt thì đó là tâm chân thật của ông.

Kinh văn: **若分別性離塵無體,斯則前塵分別影事。**

Phiên âm: Nhược phân biệt tánh ly trần vô thể, tư tắc tiền trần phân biệt ảnh sự

Việt dịch: Nếu tánh phân biệt này khi rời hẳn tiền trần mà không còn tự thể thì đó chỉ là bóng dáng phân biệt của tiền trần.

Giảng: Nếu tâm phân biệt này khi rời hẳn tiền trần mà không còn tự thể. Nếu quý vị không thể nào tìm thấy được tự thể của tánh phân biệt khi tách rời hẳn tiền trần thì đó chỉ là bóng dáng phân biệt của tiền trần. Đó không phải là chân tâm.

Kinh văn: **塵非常住,若變滅時,此心則同龜毛兔角。則汝法身同於斷滅。其誰修證無生法忍?**

Phiên âm: Trần phi thường trụ, nhược biến diệt thời, thử tâm tắc đồng qui mao thố giác. Tắc nhữ pháp thân, đồng ư đoạn diệt. Kỳ thuỳ tu chứng vô sanh pháp nhẫn?

Việt dịch: Trần ấy chẳng phải là thường trụ, khi nó biến diệt thì cái tâm ấy cũng như lông rùa sừng thỏ. Ắt pháp thân ông cũng đồng như đoạn diệt. Ai là người tu chứng vô sinh pháp nhẫn?

Giảng: Đoạn kinh văn này đã giải thích vấn đề rõ ràng hơn một chút. Trần chẳng phải là thường trụ, khi nó biến diệt thì cái tâm ấy cũng như lông rùa sừng thỏ. Khi đối diện với tiền trần mà quý vị móng khởi tâm niệm, quý vị sẽ cho rằng ở đó có một niệm phân biệt và niệm phân biệt chính ấy là tâm của mình. Nếu khi đối diện tiền trần lại có tâm phân biệt, còn khi không đối diện tiền trần thì không có tâm phân biệt. Tâm phân biệt ấy cũng biến diệt luôn vậy. Vậy nên khi không gặp tiền trần thì không khởi tâm niệm, khi không có tâm phân biệt, thì tâm ông ở đâu?

Tâm ấy cũng giống như lông rùa sừng thỏ. Khi nào rùa mọc lông? Không bao giờ. Khi nào thì thỏ mọc sừng? Không bao giờ. Như thế ông hoàn toàn chẳng có tâm. Ắt pháp thân của ông đồng như đoạn diệt. Bởi vì ông chẳng có tâm nên pháp thân của ông cũng không hiện hữu. Làm sao mà ông lại có được pháp thân khi chẳng có tâm? Ai là người tu chứng vô sinh pháp nhẫn. Quý vị sẽ lấy cái gì để tu chứng đạo quả, để đạt được giác ngộ? Nếu quý vị không có thân cũng chẳng có tâm, ai là người tu tập để chứng được vô sinh pháp nhẫn?

Kinh văn: **即時阿難與諸大眾,默然自失。**

Phiên âm: Tức thời A-nan, dữ chư đại chúng, mặc nhiên tự thất.

Việt dịch: Lúc ấy A-nan cùng toàn thể đại chúng đều im lặng, ngơ ngác (thấy mình như mất điều gì).

Giảng: Đức Phật giải thích rằng nếu tâm hiện hữu khi có sự phân biệt với tiền trần, thì khi tách khỏi tiền trần ra thì tâm sẽ không còn phân biệt nữa. Như thế phải chăng có nghĩa là không có tâm? Nếu không có tâm thì cũng không có pháp thân, thì ai là người tu chứng vô sinh pháp nhẫn? A-nan và đại chúng đều suy nghĩ như thế và thấy rằng mình đúng.

Lúc ấy A-nan và toàn thể đại chúng đều im lặng ngơ ngác (thấy mình như mất điều gì). Không ai còn biết nói điều gì nữa cả. Họ chỉ biết nhìn nhau, nhưng lần này không phải là do họ đã nhập vào đại định.

Kinh văn: **佛告阿難:世間一切諸修學人,現前雖成九次第定,不得漏盡,成阿羅漢,皆由執此生死妄想,誤為真實。是故汝今雖得多聞,不成聖果.**

Phiên âm: Phật cáo A-nan: Thế gian nhất thiết chư tu học nhân, hiện tiền tuy thành cửu thứ đệ định, bất đắc lậu tận thành A-la-hán, giai do chấp thử sanh tử vọng tưởng, ngộ vi chơn thiệt, thị cố nhữ kim, tuy đắc đa văn, bất thành Thánh quả.

Việt dịch: Đức Phật bảo A-nan: Tất cả mọi người tu học trong thế gian, mặc dù nay đã được cửu thứ đệ định, nhưng không hết sạch mê lầm, thành bậc a-la-hán, đều do vì chấp vào vọng tưởng sinh diệt, lầm cho đó là tính chân thực. Thế nên nay ông tuy được học rộng nghe nhiều mà chưa thành thánh quả.

Giảng: Đức Phật bảo A-nan Đức Phật thấy mọi người trong pháp hội đều bồn chồn lo lắng, hoàn toàn mất khả năng tự chủ. Họ đều như kẻ mất hồn. Giáo lý Khổng Mạnh nói về tâm như sau:

Tâm đến và đi không có thời gian nhất định
Chẳng biết ở nơi đâu.
Nên được gọi là tâm

Quý vị không thể nào biết được giờ nào thì tâm móng khởi, khi nào thì tâm lặng yên và quý vị không biết được tâm đi đâu. Có lẽ vì vậy nên nó là tâm. Tuy nhiên cái tâm mà Khổng Tử nói đến ở đây cũng chỉ là tâm vọng tưởng, không phải là chân tâm. Đã là chân tâm thì làm sao lại có ra vào? Nó chẳng có một lối ra hoặc cổng vào nào cả. Mạnh Tử cũng nói:

“Khi người ta có con gà, con chó bị mất, người ta tìm mọi cách để bắt về lại biết có thể tìm lại được. Nhưng khi thoạt mất tâm mình rồi thì họ chẳng biết phải tìm kiếm nơi đâu.”

Ởđây cũng vậy, Mạnh Tử đang nói về cái tâm sinh khởi vọng tưởng suốt từ sáng tới tối, cái tâm chạy đông, chạy tây, chạy tới, chạy lui. Mạnh Tử hoàn toàn chưa biết cách chiêm nghiệm kỹ vào tâm của chính mình để có thể bảo tâm ấy đừng có chạy loanh quanh nhiều đường vô ích. Tôi đã nói với quý vị rằng cái tâm vọng tưởng có thể khiến cho quý vị chỉ trong khoảng một niệm tưởng là quý vị có mặt ngay ở Nữu Ước mà không cần phải có tiền mua vé máy bay hay tàu lửa, quý vị có thể dạo chơi trên cầu Brooklyn mà không cần phải đáp xe buýt đến đó. Thực là một cách đi du lịch mà không tốn tiền, nhưng đó là một nỗ lực rất lớn lao của tâm. Những lời nói về tâm của Mạnh Tử cũng là đề cập đến tâm thức phân biệt, cái tâm mà đã quá quen thuộc với A-nan. Tâm thức phân biệt thì vô thường, còn chân tâm thì thường hằng. Tất cả mọi người tu học trong thế gian mặc dù nay đã được cửu thứ đệ định. Tức là Tứ thiền: Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền và Tứ không, gồm:
– Không vô biên xứ
– Thức vô biên xứ
– Vô sở hữu xứ
– Phi phi tưởng xứ
cộng thêm Diệt thọ tưởng định, thành tất cả là chín món.

Nhưng không diệt hết sạch mê lầm hay thành bậc a-la-hán, đều do vì chấp vào vọng tưởng sinh diệt. Tại sao khi họ tu tập đã đạt được chín bậc thiền định rồi mà không vượt qua, không chuyển hóa hết sạch mọi mê lầm và chứng được a-la-hán? Đó là vì họ dính mắc quá sâu vào vọng tưởng sinh diệt. Lầm cho đó là tánh chân thực.

Họ phạm phải lỗi lầm cho vọng tưởng là chân thực. Thế nên nay ông tuy được học rộng nghe nhiều mà chưa được thành Thánh quả. Vào thời điểm Đức Phật giảng kinh này, A-nan đã chứng được sơ quả a-la-hán, nhưng tại sao Đức Phật lại nói mặc dù A-nan đã đạt quả vị ấy cùng với học vấn uyên thâm nhưng A-nan vẫn chưa hoàn toàn chứng được quả vị Thánh? Đức Phật có ý muốn nói rằng A-nan chưa chuyển hóa sạch hết được mọi mê lầm, A-nan chưa hết sạch hữu lậu. Đối với Tiểu thừa, sơ quả a-la-hán được xem như là dự vào bậc Thánh rồi nhưng với bồ-tát thừa thì chưa.

Kinh văn: **阿難聞已,重復悲淚,五體投地,長跪合掌而白佛言:自我從佛發心出家,恃佛威神。常自思惟無勞我修,將謂如來,惠我三昧。不知身心,本不相代。失我本心,雖身出家心不入道。譬如窮子捨父逃逝。**

Phiên âm: A-nan văn dĩ, trùng phục bi lệ, ngũ thể đầu địa, trường quỵ hiệp chưởng, nhi bạch Phật ngôn: Tự ngã tùng Phật, phát tâm xuất gia, thị Phật oai thần. Thường tự tư duy, vô lao ngã tu, tương vị Như lai, huệ ngã tam muội. Bất tri thân tâm, bổn bất tương đại. Thất ngã bổn tâm, tuy thân xuất gia, tâm bất nhập đạo. Thí như cùng tử, xả phụ đào thệ.

Việt dịch: A-nan nghe rồi đau xót khóc lóc, gieo năm vóc sát đất, quỳ xuống chắp tay bạch Phật: – Từ khi con phát tâm xuất gia theo Phật, chỉ biết ỷ lại vào oai thần của Phật. Con thường nghĩ rằng, khỏi phải nhọc công tu hành làm gì, hy vọng Như Lai sẽ ban cho con chánh định. Con không tự biết thân và tâm của Phật và con chẳng thay thế cho nhau được. Vậy nên con tự đánh mất bản tâm, tuy thân đã xuất gia mà tâm chẳng nhập đạo. Con như người cùng tử bỏ cha trốn đi.

Giảng: Đức Phật bảo rằng A-nan bị chướng ngại bởi đa văn nên không chứng được Thánh quả. A-nan đã thờ ơ trong việc tu tập định lực và chú tâm trong việc truy cầu học thức uyên thâm. A-nan nghe rồi đau xót khóc lóc,

Tại sao A-nan lại khóc? Vì A-nan nhận ra đã phí phạm thời gian và thực tế là khi A-nan thấy mình chưa chứng được quả vị Thánh nên rất buồn tủi. Thế nên A-nan bật khóc. Lại nữa, biết Đức Phật đã khai thị cho mình về chân tâm, A-nan dâng tràn sự biết ơn lòng từ bi của Đức Phật, nên A-nan cảm động rơi nước mắt. A-nan gieo năm vóc sát đất, quỳ xuống chắp tay bạch Phật

A-nan gieo năm chi phần thân thể gồm hai tay, hai chân và đầu xuống sát đất. Sau khi thành tâm đảnh lễ Đức Phật rồi, A-nan quỳ gối, chắp tay hướng về Đức Phật. A-nan đau xót khóc than cùng một lúc như thể đứa trẻ ham chơi đùa và bị bắt nạt. Bắt nạt cái gì? A-nan bị đánh mất hoàn toàn hệ thống suy luận căn bản trong tâm mình như A-nan đã giải thích. Từ khi con phát tâm xuất gia theo Phật chỉ biết ỷ lại vào oai thần của Phật.

A-nan là thị giả của Đức Phật, làm những việc như giúp vén y ngay ngắn mỗi khi Đức Phật bước lên pháp tòa. A-nan tuy đã xuất gia, nhưng như tôi đã giảng trước đây, người xuất gia là phải phát tâm, dõng mãnh thoát ra khỏi ngôi nhà thế tục, ngôi nhà tam giới và ngôi nhà phiền não. A-nan mới ra khỏi được ngôi nhà thế tục mà thôi. A-nan thú nhận rằng, mặc dù đã xuất gia, đảnh lễ Đức Phật xin nhận làm Bổn sư, nhưng A-nan vẫn chưa thay đổi được nếp suy nghĩ. Đó là gì? là ỷ lại vào oai đức của Đức Phật. A-nan nghĩ rằng: “Phần tôi, tôi có

Đức Phật là anh em họ. Còn ai trên thế gian này có Đức Phật là anh em họ như tôi?." A-nan cực kỳ kiêu mạn, A-nan nghĩ rằng mình có cả oai lực lẫn thế lực để nương tựa vào.

A-nan ỷ vào oai đức của Đức Phật. Con thường nghĩ rằng "khỏi phải nhọc công tu hành làm gì, hy vọng Như Lai sẽ ban cho con chánh định. A-nan tự nghĩ: "Mình có Đức Phật là anh em chú bác, mình khỏi phải tu hành làm gì. khỏi phải nhọc công khổ hạnh trong công phu tu tập. Sao vậy? vì anh họ của mình đã thành Phật, tại sao mình phải tu hành? Đức Phật có thể ban cho mình chánh định." A-nan nghĩ như thế nên tự mình thấy không cần thiết phải tu tập chánh định. Đức Phật có thể ban cho A-nan ngay, suy nghĩ như thế có ngây thơ không? Con không tự biết thân và tâm của Phật và con chẳng thay thế cho nhau được.

A-nan nói như vậy. Tôi tin chắc chẳng ai trong chúng ta có thể suy nghĩ như thế được. Chúng ta đều biết rằng người này không thể thay thế cho người kia được. Nhưng A-nan nói rằng A-nan thực sự không biết thân Đức Phật là thân của Đức Phật và thân của A-nan là thân của A-nan; tâm của Đức Phật là tâm của Đức Phật còn tâm của A-nan là tâm của A-nan. Chúng không thể thay thế cho nhau được. Đức Phật không thể đại diện cho cả thân và tâm của A-nan và A-nan không thể nào biểu hiện thành thân và tâm Phật được. A-nan không nhận thức được rằng chính mình phải tu tập định lực. Vậy nên con đánh mất bổn tâm của con,

Vì con đã đánh mất một vật rất lớn lao. A-nan thú nhận. Tuy thân đã xuất gia đó là tuy A-nan đã trở nên một vị tỷ-khưu mà tâm chẳng nhập đạo – đó là A-nan chưa có được định lực. Con như người cùng tử bỏ cha trốn đi.

A-nan ám chỉ bằng phương pháp so sánh – với trường hợp người trưởng giả giàu sang có nhiều phước báo, ông ta có người con, nhưng con ông chẳng màng tới của cải của cha mình mà còn bỏ nhà ra đi, sống khổ cực trong nhân gian. A-nan muốn nói điều gì? "Con xuất gia theo Phật nhưng con chẳng tu đạo, vì con còn thiếu định lực nên con là đứa con nghèo nàn, túng thiếu." Thực vậy, đáng lẽ ra con được dự phần vào việc nhà của Như Lai, nhưng vì không có định lực, nên con không đủ thẩm quyền để nhận lãnh kho tàng Phật pháp giàu có được tích lũy từ phước đức của chư Phật. Thế nên A-nan buồn rầu than khóc như trẻ con.

Kinh văn: **今日乃知雖有多聞,若不修行,與不聞等。如人說食,終不能飽。**

Phiên âm: **Kim nhật nãi tri, tuy hữu đa văn, nhược bất tu hành, dữ bất văn đẳng, như nhơn thuyết thực, chung bất năng bão**

Việt dịch: Ngày nay mới biết, tuy được nghe phật pháp nhiều, nếu chẳng tu hành thì cũng như chưa nghe. Như người chỉ nói đến thức ăn, rốt cục chẳng được no bụng.

Giảng: Ngày nay mới biết: đến bây giờ con mới nhận ra được điều này, trước đây con chưa từng được biết. Tuy được nghe Phật pháp nhiều, nếu chẳng tu hành thì cũng như chưa nghe. Nếu con đơn giản chỉ biết một số điều nhưng không đem ra thực hành thì con sẽ giống như người say, chỉ biết nói chứ không thực hành. Nói cách khác, A-nan có thể nhớ nhiều thứ, A-nan là người học rộng và nhớ nhiều, nhưng không chịu dụng công tu hành, không chịu công phu, đem những điều hiểu biết ấy ra thực hành, A-nan thực sự chưa từng làm điều ấy. Nếu A-nan không đem những điều mình hiểu biết ra thực hành, thì cũng giống như A-nan không biết một điều gì cả. Giống như người chỉ nghe nói đến thức ăn, rốt cục chẳng được no bụng.

Giống như người huyên thuyên nói về thức ăn. Chẳng hạn như những người thích ăn chay nói rằng: “Hãy làm bánh hấp nhân hoa quả, món đó rất ngon.” Hoặc nói: “Hãy làm bánh rán như ở Mãn Châu, bánh này còn ngon hơn.” Những người thích ăn mặn lại nói: “Nhà hàng Trung Hoa nọ, kia… là tuyệt nhất trong tỉnh, thức ăn ở đó thực là ngon. Chúng ta hãy đi đến ăn món Tàu.” Người Mỹ rất thích ăn cơm Tàu. Thế nhưng họ bàn luận về món ăn thôi, khi không đi ăn thì chẳng có cách nào no cả. Nên có bài kệ:

Chung nhật sổ tha bảo
Tự vô bán phân tiền
Ư pháp bất tu hành
Đa văn diệc như thị.

Nghĩa là: hằng ngày lo đếm tiền cho người khác nhưng riêng mình chẳng được nửa đồng xu. Cũng như không tu hành đúng theo chánh pháp thì dù có được học rộng biết nhiều thì cũng như người đếm tiền cho kẻ khác vậy. Bất luận là quý vị hiểu biết được giáo pháp gì, nếu quý vị không tu hành theo chánh đạo thì cũng giống như người đếm tiền cho kẻ khác. Quý vị chẳng có phần trong đó. Nếu quý vị không thật sự hạ thủ công phu tu tập thì sẽ chẳng có kết quả nào từ sự nỗ lực dụng công đó cả.

Kinh văn: **世尊,我等今者,二障所纏,良由不知,寂常心性。唯願如來哀愍窮露,發妙明心,開我道眼。**

Phiên âm: **Thế tôn, ngã đẳng kim giả, nhị chướng sở triền, lương do bất tri, tịch thường tâm tánh. Duy nguyện Như Lai ai mẫn cùng lộ, phát diệu minh tâm, khai ngã đạo nhãn.**

Việt dịch: Bạch Thế tôn, nay chúng con đều bị trói buộc bởi hai thứ chướng ngại, do chẳng biết tâm tánh vốn thường hằng vắng lặng. Cúi mong Như Lai thương xót kẻ nghèo cùng cơ cực, làm phát khởi tâm nhiệm mầu sáng suốt, mở bày mắt đạo cho chúng con.

Giảng: A-nan lại thưa: Bạch Thế tôn, nay chúng con đều bị trói buộc bởi hai thứ chướng ngại. Mọi người trong đại chúng đều bị trói buộc bởi hai thứ chướng ngại. Thứ nhất là phiền não chướng, Thứ hai là sở tri chướng. Phiền não chướng sinh khởi do chấp ngã. Sở tri chướng sinh khởi do chấp pháp. Về sở tri chướng, nếu quý vị nghĩ: "Tôi biết rất nhiều" thì đó là một chướng ngại. Chẳng phải là người ta càng học thì hiểu biết càng gia tăng đâu, mà trái lại họ càng học nhiều thì họ lại càng bị chướng ngại bởi những gì họ biết. Vì sao mà kiến thức là chướng ngại? Vì nó làm cho người ta kiêu ngạo và thường nghĩ: "Quý vị nhìn tôi xem. Tôi biết mọi thứ mà không ai trong các ông biết được. Tôi vượt xa các ông. Tôi chẳng thể nào so sánh với các ông được. Các ông đều là kẻ ngu đần. Nhưng còn tôi, tại sao sở học của tôi lại có một không hai trên thế gian này, đời này thật là hiếm có." Ngay khi tâm kiêu mạn này trổi dậy thì đó chính là sở tri chướng.

Khi chấp ngã, sẽ làm sinh khởi nên phiền não chướng. Bất luận điều gì xảy ra, quý vị đều không thể nào nhìn được thông suốt về nó cả, quý vị chẳng phóng xả sự việc đó được, vì thế nên quý vị bị vướng mắc với chúng. Và một khi sự vướng mắc sinh khởi, thì phiền não chướng theo sau liền. Đó là phiền não chướng. Đây là hai món chướng ngại mà A-nan cho rằng toàn thể mọi người trong hội chúng đều bị ràng buộc. "Trói buộc" nghĩa là không có được tự tại. Họ không có được sự tự do bởi vì họ bị hai thứ chướng ngại này. Do vì chẳng biết tâm tánh vốn thường hằng vắng lặng.

Con chưa từng biết được chơn tâm thường trụ vắng lặng của con. Bây giờ vì con chưa hiểu được nguyên lý này. Cúi mong Như Lai thương xót kẻ nghèo cùng cơ cực, làm phát khởi tâm tánh nhiệm mầu sáng suốt, mở bày mắt dạo cho chúng con. "Xin hãy thương xót con, xin hãy thương xót con." A-nan vẫn còn ỷ lại vào Đức Phật, vẫn chưa có lập trường riêng của mình. "Nghèo cùng và cơ cực" có nghĩa là chưa đạt được kho tàng Phật pháp quý giá là Thủ-lăng-nghiêm đại định. A-nan mong muốn Đức Phật sẽ thương xót chỉ bày cho chân tâm sáng suốt nhiệm mầu, ngay đó mở bày con mắt đạo, trí tuệ sẽ được tăng

trưởng và chứng được thánh quả. Điều thiết yếu đối với A-nan là được dự vào trong dòng Thánh.

Kinh văn: **即時如來,從胸卍字,涌出寶光,其光晃昱,有百千色十方微塵普佛世界一時周遍。遍灌十方,所有寶剎,諸如來頂 。旋至阿難,及諸大眾。**

Phiên âm: Tức thời Như Lai, tùng hung vạn tự, dũng xuất bảo quang, kỳ quang hoảng dục, hữu bá thiên sắc thập phương vi trần phổ Phật thế giới nhứt thời châu biến. Biến quán thập phương sở hữu bảo sát, chư Như Lai đảnh. Tuyền chí A-nan, cập chư đại chúng.

Việt dịch: Khi ấy từ chữ vạn ở trên ngực Như Lai phóng ra hào quang báu, ánh sáng rực rỡ với trăm ngàn màu sắc, chiếu sáng đồng thời suốt khắp mười phương thế giới chư Phật nhiều như số vi trần. Hào quang ấy rót xuống trên đảnh các đức Như Lai ở các cõi Phật trong khắp mười phương. Xoay về soi đến A-nan và toàn thể đại chúng.

Giảng: Trong đoạn kinh trước, Đức Phật đã phóng hào quang từ diện môn. Hào quang ấy chiếu sáng như cả trăm ngàn mặt trời. Hào quang ấy biểu tượng cho điều gì? Biểu tượng cho sự phá tan mê lầm: vọng tâm. Nay một lần nữa, Đức Phật lại phóng hào quang, lần này hào quang được phóng ra từ chữ Vạn1 phía trước ngực của Đức Phật. Điều này biểu tượng cho việc hiển bày chân nghĩa: chơn tâm. Khi ấy từ chữ vạn trên ngực Như Lai phóng ra hào quang báu.

Quý vị có thể nhìn thấy chữ Vạn ở trên tượng Phật. Chữ vạn biểu tượng cho vô số đức tướng trang nghiêm của Đức Phật, do đức hạnh của Đức Phật đã đạt đến mức hoàn mãn. Ánh sáng rực rỡ với trăm ngàn màu sắc chiếu sáng đồng thời suốt khắp mười phương thế giới chư Phật, như số vi trần. Từ chữ Vạn phóng ra đạo hào quang báu chiếu sáng khắp nơi. Đó là đạo hào quang với ánh sáng óng ánh, lấp lánh với trăm ngàn màu sắc, chiếu soi khắp cả, không riêng cõi ta-bà mà đồng thời chiếu khắp các cõi nước của chư Phật. Rồi hào quang ấy rót xuống trên đảnh các Đức Như Lai ở các cõi nước chư Phật trong khắp mười phương. Hào quang ấy chiếu xuống đảnh của các Đức Như Lai ở các Phật độ trong khắp mười phương nhiều như số vi trần.

Điều ấy có nghĩa là từ các đảnh của các Đức Phật phóng hào quang chiếu sáng lẫn nhau. Rồi xoay về soi đến A-nan và toàn thể đại chúng Sau khi hào quang chiếu soi các Đức Như Lai khắp trong mười phương, hào quang từ Đức Phật phóng ra lại trở về rồi rót xuống đảnh đầu của A-nan và đảnh đầu của các

vị đại bồ-tát, đại a-la-hán, đại tỷ-khưu các vị quốc vương, các quan đại thần, các vị trưởng giả trong pháp hội. Đức Phật phóng đạo hào quang này như là dấu hiệu khiến cho mọi người nhận ra được thể tánh thanh tịnh sáng suốt và thường trụ của chân tâm.

Kinh văn: **告阿難言:吾今為汝,建大法幢,亦令十方一切眾生。獲妙微密,性淨明心,得清淨眼。**

Phiên âm: Cáo A-nan ngôn: Ngô kim vị nhữ, kiến đại pháp tràng, diệc linh thập phương nhứt thiết chúng sanh, hoạch diệu vi mật tánh tịnh minh tâm, đắc thanh tịnh nhãn.

Việt dịch: Rồi Đức Phật bảo A-nan: Nay Như Lai vì ông dựng lập pháp tràng lớn khiến cho tất cả chúng sinh khắp mười phương đạt được tâm tánh trong sạch, sâu kín nhiệm mầu và đạo nhãn thanh tịnh.

Giảng: Rồi Đức Phật bảo A-nan “Nay Như Lai vì ông dựng lập pháp tràng lớn khiến cho chúng sinh khắp mười phương đạt được tâm tánh trong sạch, sâu kín nhiệm mầu. Đức Phật bảo A-nan “Như Lai dựng lập pháp tràng lớn này không phải chỉ cho riêng ông mà cho cả các chúng sinh trong khắp mười phương, để họ có thể đạt được cảnh giới vô cùng vi diệu nhiệm mầu, đó là cảnh giới sâu kín vi mật đã được nói đến trong đề tựa tên kinh. Sâu kín vi mật vì trước khi Đức Phật chỉ bày thì chẳng có một ai có thể biết được. Cũng như khi các nhà địa chất chưa khám phá ra mạch vàng thì chẳng ai biết có vàng nằm ở trong đó. Một khi đã phát hiện ra vàng thì các nhà địa chất mới đến tại điểm ấy khảo sát, khi biết chắc ở đó có mỏ vàng rồi mới khai thác. Sự “vi mật sâu kín” cũng giống y như vậy.

Như Lai sẽ giúp cho toàn thể chúng sinh đạt được tâm tánh thanh tịnh sâu kín nhiệm mầu và đạt được đạo nhãn thanh tịnh. Bản tánh vốn thanh tịnh và trong sáng. Chơn tâm vốn thường sáng suốt. Do nhờ tâm tánh trong sạch, sáng suốt, thanh tịnh nên quý vị có được con mắt đạo thanh tịnh. Đó chính là đạo nhãn mà A-nan thỉnh cầu Đức Phật mở bày cho. Đạo nhãn này cũng còn gọi là huệ nhãn (con mắt trí huệ). “Thanh tịnh” có nghĩa là tự tại thoát khỏi mọi nhiễm ô dù vi tế nhất. Với cái nhìn bằng huệ nhãn thấy đạo lý rất trong sáng và chân thực. Nếu quý vị có đạo nhãn thanh tịnh thì quý vị sẽ không bị chướng ngại và có thể hiểu tường tận mọi đạo lý.

Kinh văn: **阿難,汝先答我,見光明拳,此拳光明,因何所有,云何成拳,汝將誰見? 阿難言:由佛全體閻浮檀金赩如寶山。清淨所生故有光明。我實眼觀五輪指端,屈握示人,故有拳相 .**

Phiên âm: A-nan, nhữ tiên đáp ngã, kiến quang minh quyền, thử quyền quang minh, nhơn hà sở hữu, vân hà thành quyền, nhữ tương thuỳ kiến? A-nan ngôn: Do Phật toàn thể diêm-phù-đàn kim, xích như bảo sơn, thanh tịnh sở sanh, cố hữu quang minh. Ngã thật nhãn quan, ngũ luân chỉ đoan, khuất ác thị nhơn, cố hữu quyền tướng.

Việt dịch: A-nan, trước đây ông đã trả lời rằng thấy nắm tay chói sáng. Vậy nắm tay này nhân đau mà có? Làm sao nắm tay trở nên sáng chói? Ông lấy cái gì để thấy?
A-nan thưa:
– Thân của Phật như vàng diêm-phù-đàn sáng ngời như núi báu, do đức tính thanh tịnh sinh ra, vậy nên có hào quang chói sáng. Con thật đã dùng mắt xem thấy năm ngón tay Phật co lại thành nắm tay, đưa lên cho mọi người xem.

Giảng: Đức Phật lại gọi A-nan. A-nan, trước đây ông đã trả lời rằng thấy nắm tay chói sáng. Vậy nắm tay này nhân đâu mà có? Làm sao nắm tay trở nên sáng chói? Hãy nói cho Như Lai biết tại sao nắm tay của Như Lai lại phát ra ánh sáng? Ông lấy cái gì để thấy? Ông dùng cái gì để thấy?

A-nan thưa:
– Thân của Phật như vàng Diêm-phù-đàn sáng ngời như núi báu. Thân này do đức tính thanh tịnh sinh ra, nên có hào quang chói sáng. Toàn thân của Đức Phật là màu vàng của diêm-phù-đàn. Diêm-phù-đàn là tiếng Phạn. Tiếng Hán dịch là Thắng kim. Ở phía Nam núi Tu-di có con sông, ở đó có loại cây diêm-phù mọc rất nhiều, quả của cây này khi chín rụng xuống sông thì cát dưới sông nhuốm thành màu vàng, màu vàng này có màu đậm hơn sắc vàng thường. Hạt sa thạch vàng này cũng nặng hơn vàng thường, khi đem một ít hạt vàng này vào để trong phòng tối thì phát ra ánh sáng như ban ngày. Thân của Đức Phật có màu vàng giống như màu của vàng ở sông diêm-phù. Màu vàng nơi thân Phật là hỗn hợp giữa màu vàng và đỏ. Thân thể Đức Phật với dạng hình tướng ấy là kết tinh từ đức tính thanh tịnh nên thân ấy phát ra ánh sáng. Con thật đã dùng mắt xem thấy. A-nan nói: “con thực sự đã dùng mắt để thấy.” Năm ngón tay của Đức Phật co lại thành nắm tay đưa lên cho mọi người xem.

Kinh văn: **佛告阿難:如來今日,實言告汝。諸有智者,要以譬喻,而得開悟.**

Phiên âm: Phật cáo A-nan: Như Lai kim nhật, thật ngôn cáo nhữ. Chư hữu trí giả, yếu dĩ thí dụ, nhi đắc khai ngộ.

Việt dịch: Đức Phật bảo A-nan: Hôm nay Như Lai chân thật nói với ông, những người có trí cần phải dùng ví dụ mới được khai ngộ.

Giảng: Đức Phật bảo A-nan: Hôm nay Như Lai chân thật nói với ông.” Bây giờ Như Lai sẽ nói cho ông biết một sự thực tuyệt đối. Ông có lắng nghe không? Những người có trí, cần phải dùng ví dụ mới được khai ngộ. Hàng trí thức thích dùng những thí dụ để được khai ngộ. Vì khi quý vị thực sự có trí tuệ thì quý vị có thể hiểu được mười điều khi chỉ cần nghe một điều. Tôi chỉ nói một cách mà quý vị có thể suy luận ra mười hay cả một trăm cách. Đó là có trí tuệ chân chính. “Người trí” mà trong kinh văn nói đến không phải là người có trí tuệ chân chánh mà là những người có trí thức thông thường, không cao không thấp. Những người này có thể được giác ngộ thông qua việc sử dụng những thí dụ. Nhưng nếu những người chậm lụt, thiếu trí tuệ, nếu đưa cho họ một ví dụ, họ sẽ không hiểu nổi và sẽ hỏi: “Chuyện gì vậy?”

Kinh văn: **阿難,譬如我拳,若無我手,不成我拳。若無汝眼,不成汝見。以汝眼根,例我拳理。其義均不?**

Phiên âm: A-nan, thí như ngã quyền, nhược vô ngã thủ, bất thành ngã quyền, nhược vô nhữ nhãn bất thành nhữ kiến. Dĩ nhữ nhãn căn, lệ ngã quyền lý, kỳ nghĩa quân phủ?

Việt dịch: A-nan, ví như nắm tay của Như Lai, nếu không có bàn tay thì chẳng thành nắm tay. Nếu không có mắt thì ông không thể thấy. Áp dụng ví dụ nắm tay của Như Lai và cái thấy tư mắt ông có giống nhau chăng?

Giảng: A-nan, ví như nắm tay của Như Lai, nếu không có bàn tay thì chẳng thành nắm tay. Cũng như một biểu hiện khác. Nếu không có mắt thì ông không thể thấy. Áp dụng ví dụ nắm tay của Như Lai và cái thấy từ mắt ông có giống nhau chăng? Đức Phật hỏi A-nan có phải chúng ta đang so sánh hai sự việc giống nhau hay không?

Kinh văn: **阿難言:唯然,世尊。既無我眼,不成我見。以我眼根,例如來拳,事義相類。**

Phiên âm: A-nan ngôn: Duy nhiên, Thế tôn. Ký vô ngã nhãn, bất thành ngã kiến. Dĩ ngã nhãn căn, lệ Như Lai quyền, sự nghĩa tương loại.

Việt dịch: A-nan thưa: Bạch Thế tôn, đúng như vậy. Nếu không có mắt thì không thành cái thấy. Nếu đem ví dụ nắm tay của Phật so với cái thấy từ mắt của con, nghĩa ấy như nhau.

Giảng: A-nan không có thời gian để suy nghĩ kỹ. Bây giờ A-nan không cần suy nghĩ.
A-nan thưa: "Bạch Thế tôn, đúng như vậy. Nếu không có mắt thì không thành cái thấy. Nếu đem ví dụ nắm tay của Phật so với cái thấy từ mắt của con, nghĩa ấy như nhau. Thưa vâng, Bạch Thế Tôn, nếu Thế tôn so sánh hai trường hợp này, ý nghĩa không khác.

Kinh văn: **佛告阿難:汝言相類,是義不然。何以故? 如無手人,拳畢竟滅,彼無眼者,非見全無。**

Phiên âm: Phật cáo A-nan: Nhữ ngôn tương loại, thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Như vô thủ nhân, quyền tất cánh diệt, bỉ vô nhãn giả, phi kiến toàn vô.

Việt dịch: Đức Phật bảo A-nan: Ông nói giống nhau, nghĩa ấy không đúng. Sao vậy? Nếu một người không có tay thì hẳn nhiên là không có nắm tay, nhưng những người mù, chẳng phải họ hoàn toàn không có cái thấy.

Giảng: Ở đây Đức Phật phê bình A-nan, báo cho A-nan biết ý tưởng của A-nan không đúng.
Đức Phật bảo A-nan: "Ông nói giống nhau, nghĩa ấy không đúng."

Ông cho rằng cả hai trường hợp ấy trong ví dụ đưa ra đều giống nhau. Không phải. Sao vậy? Nếu một người không có tay thì hẳn nhiên không có nắm tay. Nếu người không có bàn tay thì họ cũng không có nắm tay. Nhưng những người mù, chẳng phải là họ hoàn toàn không có cái thấy. Nhưng nếu người không có mắt thì đó chẳng phải là trường hợp họ không thấy được cái gì hết, họ vẫn có thể thấy được. Người không có mắt có thể thấy được. Quý vị tin không?

Kinh văn: **所以者何? 汝試於途,詢問盲人,汝何所見? 彼諸盲人,必來答汝:我今眼前唯見黑暗,更無他矚。**

Phiên âm: **Sở dĩ giả hà? Nhữ thí ư đồ, tuân vấn manh nhơn, nhữ hà sở kiến? Bỉ chư manh nhơn, tất lai đáp nhữ: Ngã kim nhãn tiền, duy kiến hắc ám, cánh vô tha chúc.**

Việt dịch: Bởi tại sao? Ông thử ra đường hỏi những người mù mắt:
– Ông thấy gì không?
Các người mù chắc chắn sẽ đáp:
– Nay tôi chỉ thấy một màu tối đen trước mắt, ngoài ra không thấy gì khác.

Giảng: Bởi tại sao? Tại sao Như Lai lại nói với ông như vậy?

Ông thử ra đường hỏi những người mù mắt:
– Ông thấy gì không?

Hãy ra ngoài chợ, gặp một người mù rồi hỏi thử ông ta thấy gì?

Các người mù chắc chắn sẽ đáp:
– Nay tôi chỉ thấy một màu tối đen trước mắt ngoài ra không thấy gì khác.
Người mù sẽ đáp rằng họ không thấy gì khác ngoài một màu tối đen.

Kinh văn: **以是義觀,前塵自暗,見何虧損.**

Phiên âm: **Dĩ thị nghĩa quan, tiền trần tự ám, kiến hà khuy tổn.**

Việt dịch: Theo nghĩa ấy mà quán xét thì đã rõ, người mù thấy màu tối đen phía trước, chứ cái thấy của họ đâu có thiếu mất.

Giảng: Theo nghĩa ấy mà quán xét thì đã rõ. Nếu quý vị hiểu được ý này, nếu quý vị quán xét kỹ nghĩa ấy, thì sẽ biết. Người mù thấy màu tối đen phía trước, chứ cái thấy của họ đâu có thiếu mất. Nếu quý vị thấy màu tối đen ở phía trước mình thì cái thấy của quý vị không bị mất, cái thấy ấy chẳng tăng chẳng giảm.

Kinh văn: **阿難言:諸盲眼前,唯覩黑暗,云何成見?**

Phiên âm: **A-nan ngôn: Chư manh nhãn tiền, duy đổ hắc ám, vân hà thành kiến?**

Việt dịch: A-nan thưa: Cái duy nhất mà người mù có thể thấy được trước mắt là màu tối đen. Sao có thể gọi là thấy được?

Giảng: A-nan thưa: “Cái duy nhất mà người mù có thể thấy được trước mắt là màu tối đen. Sao có thể gọi là thấy được?” A-nan lặp lại ví dụ của Đức Phật:

người mù không sử dụng đôi mắt của họ được. Họ chỉ nhìn thấy một màu tối đen. Nhưng theo A-nan cái thấy tối đen này không thực sự là thấy, A-nan cho rằng người nào mù mắt thì không thể thấy được. A-nan hỏi Đức Phật: "Tại sao Như Lai bảo rằng người mù thấy được?"

Kinh văn: **佛告阿難:諸盲無眼,唯觀黑暗,與有眼人,處於暗室,二黑有別,為無有別?**

Phiên âm: Phật cáo A-nan: Chư manh vô nhãn, duy quan hắc ám, dữ hữu nhãn nhơn, xử ư ám thất, nhị hắc hữu biệt, vi vô hữu biệt?

Việt dịch: Đức Phật bảo A-nan có gì khác nhau giữa màu tối đen mà người mù thấy được và màu tối đen mà người sáng mắt nhìn thấy khi họ ở trong phòng tối?

Giảng: Đức Phật bảo A-nan có gì khác nhau giữa màu tối đen mà người mù thấy được và màu tối đen mà người sáng mắt nhìn thấy khi họ ở trong phòng tối? Bóng tối mà người sáng mắt thấy được trong phòng tối không có ánh sáng mặt trời, mặt trăng hay đèn đuốc có gì khác với bóng tối mà người mù thấy được chăng? Nếu một người mù và một người sáng mắt cùng ở trong một căn phòng tối, hai màu tối đen mà hai người nhìn thấy có khác nhau chăng?

Kinh văn: **如是世尊.此暗中人,與彼群盲,二黑校量,曾無有異。**

Phiên âm: Như thị, Thế tôn. Thử ám trung nhân, dữ bỉ quần manh, nhị hắc hiệu lượng, tằng vô hữu dị.

Việt dịch: Bạch Thế tôn, đúng vậy. Hai màu tối đen, một do người ở trong phòng tối thấy và một do người mù thấy được không có gì khác nhau.

Giảng: A-nan trả lời câu hỏi của Thế tôn. Bạch Thế tôn, đúng vậy. Giữa hai màu tối đen, một do người ở trong phòng tối thấy được bởi người sáng mắt và một do người mù thấy được không có gì khác. Hai màu tối đen ấy đều giống nhau. Đức Phật đáp: Đúng vậy!

Kinh văn: **阿難,若無眼人全見前黑,忽得眼光,還於前塵。見種種色,名眼見者。彼暗中人全見前黑,忽獲燈光亦於前塵,見種種色,應名燈見。**

Phiên âm: A-nan! Nhược vô nhãn nhơn toàn kiến tiền hắc, hốt đắc nhãn quang, hoàn ư tiền trần, kiến chủng chủng sắc, danh nhãn kiến giả. Bỉ ám

trung nhân, toàn kiến tiền hắc, hốt hoạch đăng quang, diệc ư tiền trần, kiến chủng chủng sắc, ưng danh đăng kiến.

Việt dịch: A-nan, nếu người mù chỉ thấy được màu tối đen khi bỗng dưng được sáng mắt lại, thấy được đủ loại sắc tướng, ông gọi đó là do mắt thấy. Và khi người ở trong phòng tối kia, chỉ thấy phía trước hoàn toàn tối đen, bỗng dưng thấy được mọi vật nhờ có đèn sáng, lẽ ra nên gọi đèn thấy là đúng hơn.

Giảng: Đức Phật bảo A-nan: A-nan nếu người mù chỉ thấy được màu tối đen, khi bỗng dưng được sáng mắt lại, thấy được đủ loại sắc tướng… Ông nói chẳng có gì khác nhau giữa hai thứ màu tối đen. Nhưng sẽ là gì nếu người mù trong ví dụ này bỗng dưng được sáng mắt lại, mắt họ thấy được đủ vật tượng ở khắp mọi nơi? Ông gọi đó là do mắt thấy

Đó là ý kiến của ông, nhưng còn trường hợp khi người ở trong phòng tối kia thấy được mọi vật nhờ có đèn sáng thì sao? Người sáng mắt ở trong phòng tối cũng chỉ thấy được một màu đen tối, nhưng một khi bật đèn sáng lên thì người ấy vẫn có thể thấy được tất cả mọi thứ. Theo luận điểm của ông, lẽ ra ông nên nói đèn thấy là đúng hơn. Tại sao Đức Phật nói như vậy? Người ở trong phòng tối thì không thể thấy, nhưng khi đèn sáng lên thì họ có thể thấy được. Người mù thì không thể thấy được nhưng nếu họ được sáng mắt trở lại thì họ vẫn có thể thấy được. Nếu khi người mù kia chợt sáng mắt lại rồi khi người ở trong phòng tối kia thấy được nhờ đèn sáng thì lẽ ra nên gọi là cái thấy ấy là đèn. Đức Phật hỏi: Có đúng vậy không?

Kinh văn: **若燈見者燈能有見自不名燈;又則燈觀,何關汝事?**

Phiên âm: Nhược đăng kiến giả, đăng năng hữu kiến, tự bất danh đăng; hựu tắc đăng quan, hà quan nhữ sự?

Việt dịch: Nếu cái thấy do đèn thì đèn đã có được cái thấy, nên chẳng gọi là đèn; và nếu là đèn thấy thì quan hệ gì đến ông?

Giảng: Nếu cái thấy từ đèn thì đèn đã có được cái thấy, nên chẳng gọi là đèn. Và nếu là đèn thấy thì quan hệ gì đến ông? Nếu thực sự đèn có thể nhìn thấy và quan sát được thì chẳng có việc gì quan hệ đến ông cả.

Kinh văn: **是故當知,燈能顯色。如是見者是眼非燈。眼能顯色,如是見性 是心非眼.**

Phiên âm: **Thị cố đương tri, đăng năng hiển sắc. Như thị kiến giả, thị nhãn phi đăng, nhãn năng hiển sắc, như thị kiến tánh thị tâm phi nhãn.**

Việt dịch: Thế nên phải biết, đèn làm hiển lộ các vật thể. Còn cái thấy đó là do ở mắt, chứ không phải đèn. Khi mắt nhận rõ các vật thể thì tánh thấy đó chính là tâm, chẳng phải là mắt.

Giảng: Thế nên phải biết, đèn làm hiển lộ các vật thể, còn cái thấy là do ở mắt, chứ không phải đèn. Đèn làm cho hình dáng các vật thể hiển hiện rõ ràng nhưng nhờ mắt mới nhận ra được các vật thể ấy. Cùng một biểu tượng như vậy, khi mắt nhận rõ các vật thể, thì tánh thấy đó chính là tâm, chẳng phải là mắt. Chúng ta đang nghiên cứu nghĩa thứ nhất trong mười biểu hiện của tánh thấy mà Đức Phật đã mười lần khai thị tánh thấy, bảy lần gạn hỏi về tâm. Đây là lần thứ nhất. Đức Phật chỉ bày tánh thấy là do tâm, không phải từ mắt.

Kinh văn: **阿難雖復,得聞是言,與諸大眾,口已默然,心未開悟。猶冀如來,慈音宣示。合掌清心佇佛悲誨**

Phiên âm: **A-nan tuy phục đắc văn thị ngôn, dữ chư đại chúng, khẩu dĩ mặc nhiên, tâm vị khai ngộ. Du kí Như Lai, từ âm tuyên thị. Hiệp chưởng thanh tâm, trữ Phật bi hối.**

Việt dịch: Mặc dù A-nan và đại chúng được nghe Đức Phật chỉ dạy như vậy, nhưng tâm chưa được khai ngộ nên vẫn im lặng, mong Như Lai dùng lời từ bi chỉ dạy thêm. Nên đứng chắp tay, lắng lòng trông chờ Đức Phật thương xót chỉ bày.

Giảng: Mặc dù A-nan và đại chúng được nghe Đức Phật chỉ dạy như vậy, nhưng tâm chưa được khai ngộ nên vẫn im lặng. A-nan và mọi người khác trong pháp hội đều lặng im không nói được lời nào. Tại sao họ im lặng? Vì họ đang suy nghĩ: "Ồ! Như thế là mắt ta không thể thấy được vật hay sao? ồ! chính tâm ta thấy được hay sao?" Các ông có thể cho đó là không đúng, nhưng Đức Phật đã giải thích như vậy. Nếu các ông cho rằng mắt thấy là đúng. Tại sao trước đây tôi chưa từng được biết như vậy?" Đó là những gì đại chúng đang suy nghĩ vì họ chưa được hiểu. Tâm của đại chúng chưa được khai ngộ. Mong Như Lai dùng lời nói từ bi chỉ dạy thêm, họ suy nghĩ "chúng ta hy vọng Như Lai sẽ đem lòng từ bi chỉ dạy thêm cho chúng ta. Nên đứng chắp tay.

Tại sao đại chúng chắp tay cung kính? Điều ấy biểu thị sự nhất tâm thành ý. Trong họ chỉ còn tồn tại một tâm duy nhất, chẳng phải hai. Khi hai tay của quý vị tách rời ra, người ta bảo rằng quý vị có đến mười tâm và khi hay tay chắp lại

thì chỉ còn có một tâm. Vì khi hai tay chắp lại với nhau thì các tâm niệm gom lại trở thành một. Lắng lòng tức là làm cho tâm ý trở thành trong sáng, yên tĩnh. Không chứa nhiều rác rến trong đầu nữa. Dọn dẹp sạch sẽ rác bẩn trong đầu ra rồi đổ đi nơi khác. Trông chờ Đức Phật thương xót chỉ bày. Đại chúng vẫn trông chờ Đức Phật đem lòng từ bi chỉ dạy thêm, nhờ đó mà đại chúng được khai ngộ, thoát khỏi mê mờ.

Kinh văn: **爾時世尊,舒兜羅綿,網相光手開五輪指。誨勅阿難及諸大眾。我初成道於鹿園中。為阿若多五比丘等,及汝四眾言:一切眾生不成菩提及阿羅漢。皆由客塵煩惱所誤。汝等當時因何開悟今成聖果？**

Phiên âm: Nhĩ thời Thế tôn, thư đâu-la miên, võng tướng quang thủ, khai ngũ luân chỉ, hối sắc A-nan, cập chư đại chúng: Ngã sơ thành đạo ư Lộc viên trung, vị A-nhã-đa, ngũ tỷ-khưu đẳng, cập nhữ tứ chúng ngôn: Nhất thiết chúng sanh, bất thành bồ đề, cập a-la-hán giai do khách trần, phiền não sở ngộ. Nhữ đẳng đương thời, nhơn hà khai ngộ, kim thành Thánh quả?

Việt dịch: Khi ấy, Đức Thế tôn duỗi cánh tay đâu-la miên sáng chói, xòe năm ngón tay, bảo A-nan cùng toàn thể đại chúng:
– Khi mới thành đạo, Như Lai đến vườn Lộc uyển, có dạy cho năm anh em tỷ-khưu A-nhã Kiều-trần-như cùng ông và tứ chúng rằng: Tất cả chúng sinh bị mê hoặc bởi khách trần phiền não nên chẳng được giác ngộ, chứng quả a-la-hán. Lúc đó các ông nhân đâu mà được khai ngộ, thành tựu quả vị thánh?

Giảng: Khi ấy là khi mọi người trong pháp hội đều đứng chờ được nghe lời chỉ dạy và sự giáo hóa từ bi của Đức Phật. Đức Thế Tôn: Đức Phật Thích-ca Mâu-ni duỗi cánh tay Đâu-la-miên sáng chói, xòe năm ngón tay… Trên mỗi bàn tay của Đức Phật có một nghìn dấu vân hình như bánh xe. Bàn tay của Đức Phật rất mềm và mịn như lụa quý, lấp lánh sáng ngời.

Bảo A-nan cùng toàn thể đại chúng:
– Khi mới thành đạo. Vào khuya ngày tám tháng mười hai (âm lịch), khi ngồi dưới cội cây bồ-đề, Đức Phật nhìn thấy sao mai lấp lánh vừa ló dạng liền hoát nhiên khai ngộ, chứng được đạo quả. Như Lai đến vườn Lộc uyển.

Đó là một khu vườn rất rộng chuyên dành riêng để nuôi nai. Chuyện này duyên khởi từ đâu? Nó hoàn toàn bắt nguồn từ một kiếp xa xôi vô hạn, khi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni có tiền thân là một con nai. Ngài là nai chúa trong một đàn nai gồm năm trăm con. Quý vị thử đoán còn có người nào khác nữa lúc đó?

Chính Đề-bà-đạt-đa, lúc ấy cũng là một con nai chúa với năm trăm nai trong đoàn. Trong kiếp sau khi Đức Phật đã thành chánh giác, Đề-bà-đạt-đa là em họ của Đức Phật, ghen tỵ với Đức Phật, luôn tìm cách hãm hại Ngài. Nhưng vào khi xa xưa cả hai đều là nai chúa. Có một vị vua của loài người thích dùng quyền lực và phương tiện sẵn có để dồn các loài vật sống hoang dã vào một vùng nhất định.

Vị vua ấy dự định lập thành một nơi có rất nhiều động vật hoang dã cho dễ săn bắt chúng. Thế nên Đức Phật Thích-ca Mâu-ni lúc ấy dưới hình tướng nai chúa đến gặp nai chúa kia là Đề-bà-đạt-đa. Họ bàn bạc với nhau rằng: “Chúng ta phải tìm cách để bảo vệ dòng giống của mình, không thể nào để cho nhà vua giết sạch. Chúng ta phải có cách để tự bảo vệ cho mình? Chúng ta hãy đến chỗ nhà vua và thỉnh cầu vua đừng tàn sát chúng ta nữa.” Mặc dù họ là nai nhưng nói được tiếng người. Hai nai chúa đi gặp nhà vua. Khi họ gặp lính gác ở cổng thành. Họ nói như ra lệnh: “Chúng tôi muốn gặp nhà vua. Ông báo tin giùm!” Lính gác nghe nai nói được tiếng người liền vào tâu ngay với nhà vua. Nhà vua cũng lấy làm lạ vì nghe nai nói được tiếng người. Vua đồng ý cho họ tiếp kiến. Họ được đưa ra lời thỉnh cầu.

Hai nai chúa đến trước nhà vua nói: “Chúng tôi là nai, mỗi ngày nhà vua giết đến bảy-tám đồng loại của chúng tôi, nhiều hơn số lượng thịt nhà vua cần dùng một ngày, những thứ ăn không hết thì bỏ lại cho thối rữa. Nếu chúng ta thỏa thuận theo cách này có lẽ tốt hơn chăng? Hằng ngày chúng tôi sẽ thay phiên nhau cung cấp cho nhà vua một con nai, như vậy ngày nào nhà vua cũng có được thịt tươi để ăn mà không cần phải tàn sát dòng dõi chúng tôi. Nếu nhà vua đồng ý phương thức này thì nguồn cung cấp thịt cho vua sẽ không bao giờ cạn. Từ nay đến vài trăm năm sau vẫn còn thịt để ăn.”

Nhà vua thấy được sự thành khẩn của hai nai chúa trong lời thỉnh cầu và cũng vì nghe nai nói được tiếng người, nên vua cảm động, thỏa mãn lời thỉnh cầu của hai nai chúa. Từ đó mỗi ngày hai nai chúa thay phiên nhau gởi đến nhà vua một con nai trong đàn của mình. Cho đến một hôm, đến phiên một con nai mẹ đang mang thai trong đàn của nai chúa Đề-bà-đạt-đa phải hiến mạng cho vua. Cái thai con trong bụng đã quá nặng nề chưa biết sẽ sinh trong ngày nay hay mai. Nên nai mẹ năn nỉ nai chúa Đề-bà-đạt-đa: “Ngài có thể gởi vị khác đi thay thế cho tôi ngày hôm nay chăng? Hôm sau nai con được sinh xong, tôi sẽ đếp nộp mạng cho nhà vua.”

Đề-bà-đạt-đa đáp: “Không thể được, đã đến phiên của mày, mày phải đi. Không có chần chừ gì trong chuyện này cả. Mày không muốn chết vậy ai sẽ chết thay cho mày? Không ai muốn đi đến chỗ chết cả. Mày muốn sống thêm

vài ngày trong khi đã đến phiên của mày phải chết. Chuyện ấy không thể được.” Mắt của nai mẹ đang mang thai đầm đìa nước mắt, nó tìm đến nai chúa là tiền thân Đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Mặc dù nó không ở trong đàn này nhưng nó đến năn nỉ nai chúa Thích-ca xin một giải pháp tạm thời thay thế nai khác cho nó được sống thêm vài ngày để sinh nai con. Sau khi nghe lời thỉnh cầu, nai chúa Thích-ca biết rằng năm trăm con nai trong đàn của mình sẽ không có con nào muốn thế mạng cho nai mẹ kia.

Tuy nhiên nai chúa Thích-ca vẫn nói với nai mẹ: “Được rồi con hãy ở lại trong đàn của ta, khỏi phải đi đâu cả.” Rồi nai chúa Thích-ca tự mình đi nạp mạng thế cho nai mẹ. Nhà vua hỏi nai chúa: “Ông có việc gì mà đến đây? Phải chăng nai trong đàn của ông đã bị ăn thịt hết rồi sao? Tại sao ông phải đến?” Vì có thể nói được tiếng người, nai chúa Thích-ca đáp: “Hỡi nhà vua, ông không thể nào ăn hết được đàn nai của tôi đâu! Ngược lại đàn nai của tôi đang phát triển mạnh, càng ngày càng đông dần. Ông chỉ ăn được một ngày một con, nhưng mỗi ngày đàn nai của tôi đẻ thêm rất nhiều con.” Nhà vua hỏi: “Thế tại sao đến phiên ông phải đến đây?”

Nai chúa Thích-ca giải thích: “Có một nai mẹ mang thai, đến ngày nay hay mai sẽ đẻ. Nhưng hôm nay lại đến phiên nai mẹ phải nộp mạng, Bởi vì nai mẹ muốn đợi đến khi đẻ xong rồi mới đến nộp mạng cho nhà vua, nai mẹ đến tôi nài nỉ xin cử nai khác tạm thời thay thế cho nó. Tôi thông cảm lời thỉnh cầu này nhưng biết không có nai nào chịu chết trước khi đến phiên mình cả, thế nên tự tôi đến đây nộp mạng thế cho nai mẹ.” Khi nhà vua nghe như vậy, ông xúc động vô cùng và nói: “Từ nay đừng gởi một con nai nào đến đây nữa cả.” Rồi nhà vua nói bài kệ:
“Nhữ thị lộc đầu nhân
Ngã thị nhân đầu lộc
Ngã tùng kim nhật hậu
Bất thực chúng sinh nhục”

Nghĩa là:
“Mặc dù ông mang thân xác của loài nai nhưng ông có tấm lòng của con người. Còn tôi tuy mang thân người nhưng có lòng dạ của loài nai. Từ đây về sau tôi nguyện sẽ không ăn thịt của chúng sinh nữa.” Do vậy loài nai ở trong khu rừng ấy gia tăng rất nhanh. Khu rừng được gọi là Lộc dã uyển. Cũng còn được gọi là Tiên uyển, vì phong thủy ở đây cực kỳ tươi tốt nên có rất nhiều vị tiên đến đây tu đạo. Thế nên khi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni thành đạo, trước tiên Ngài đến Lộc dã uyển để độ cho năm vị tỷ-khưu Dạy cho năm anh em tỷ-

khưu A-nhã Kiều-trần-như ba trong năm vị tỷ-khưu này là bà con trong dòng họ cha của Đức Phật và hai người là bà con trong họ mẹ của Đức Phật.

Khi Đức Phật vừa rời hoàng cung để xuất gia tu đạo trong núi Hy-mã-lạp-sơn (núi Tuyết), cha của Ngài đã phái những người này đi theo Ngài để cố gắng thuyết phục Ngài trở về. Lúc ấy, năm vị này chưa phải là tỷ-khưu mà là quan đại thần. Mặc dù họ đã hết sức khuyên can Đức Phật hãy trở về, nhưng Ngài không về. Năm vị quan đại thần này không thể nào trở về hoàng cung gặp đức vua cha của Đức Phật được khi họ không hoàn thành sứ mạng, thế nên họ phải ở lại cùng với Đức Phật và theo Ngài tu đạo.

Trong ba vị có họ hàng với vua cha, có một vị tên là Át-bệ̣ (Aśvajit) nghĩa là Mã Thắng; một vị tên là Bạt-đề (Bhadrika) nghĩa là Tiểu Hiền, vị thứ ba tên là Ma-ha-nam (Mahanama Kulika) còn gọi là Câu-lợi. Còn hai vị bà con bên họ mẹ của Đức Phật một vị tên là A-nhã-đa Kiều-trần-như, vị thứ hai là Thập Lực Ca-diếp (Daśabala Kāśyapa) còn gọi là Ẩm Quang. Có tên ấy vì trước kia Ngài là ngoại đạo thờ lửa. Năm vị này ở lại với Đức Phật đồng tu theo lối khổ hạnh. Nhưng cuối cùng ba người trong đó chịu không nổi nên bỏ đi. Họ thối tâm nửa chừng, còn hai người kia tiếp tục tu tập cùng với Đức Phật. Lúc ấy, Đức Phật mỗi ngày chỉ ăn một hạt mè, Ngài trở nên quá gầy yếu, thân thể chẳng còn gì ngoài da bọc lấy xương. Một hôm thiên nữ đến dâng cúng cho Ngài một bát cháo sữa, Ngài dùng cháo sữa xong thấy thân thể khỏe mạnh trở lại. Hai vị đồng tu cùng Ngài thấy vậy tỏ ra bất bình.

Họ nói với nhau rằng: “Tại sao một người tu khổ hạnh lại còn dùng cháo sữa?” Rồi họ cũng từ bỏ Ngài ra đi. Đó là Đức Phật Thích-ca Mâu-ni trong thời kỳ đang tu khổ hạnh và năm người trong họ hàng bên cha và mẹ của Ngài được phái đi theo Ngài đã hoàn toàn rời bỏ Ngài. Ba người vì không chịu nổi khổ cực và hai người không đồng ý khi thấy Đức Phật nhận của cúng dường. Chỉ còn lại Đức Phật tiếp tục một mình tu hành. Sau khi Ngài tu ở đó suốt sáu năm, Ngài đến ngồi dưới cội cây bồ-đề. Vào rạng ngày mồng tám tháng mười hai, khi thấy sao Mai xuất hiện, Ngài hoát nhiên chứng ngộ (Dạ đổ minh tinh, nhi thành chánh giác).

Sau khi Đức Phật giác ngộ, Ngài quán sát xem ai là người nên hóa độ trước tiên, Ngài thấy người đó chính là A-nhã Kiều-trần-như, là một trong năm vị tỷ-khưu cùng tu khổ hạnh với Ngài. Người mà trong một kiếp trước đã làm vua tên Ca-lợi (Kaliṅga), đã từng cắt đứt tay chân của Đức Phật rời khỏi thân thể. Lúc ấy, Đức Phật đã phát nguyện đến khi nào thành Phật Ngài sẽ độ cho vua Ca-lợi trước tiên. Đó là lý do tại sao Đức Phật Thích-ca Mâu-ni khi được chứng đạo, trước hết liền đến Lộc Uyển để hóa độ cho năm vị tỷ-khưu. Đức Phật

Thích Ca nói rằng: độ thoát cho năm anh em tỷ-khưu A-nhã Kiều-trần-như, cùng ông và tứ chúng. Tứ chúng gồm có tỷ-khưu (tăng), tỷ-khưu ni (ni), ưu-bà-tắc (nam cư sĩ), ưu-bà-di (nữ cư sĩ).

"Tất cả chúng sinh đều bị mê hoặc bởi khách trần phiền não, nên chẳng được giác ngộ thành a-la-hán." Tại sao chúng sinh không thành tựu Phật quả hoặc được khai ngộ? Tại sao chúng sinh không chứng được sơ quả a-la-hán?

Chữ "khách trần" cũng có nghĩa là vọng tưởng của quý vị. Vọng tưởng chính là khách trần và phiền não. Quý vị cũng có thể gọi khách trần là hai món hoặc (惑) kiến hoặc và tư hoặc. Phiền não cũng còn được gọi là vô minh hoặc hay là trần sa hoặc. Tại sao con người bị mê mờ bởi khách trần và phiền não? Vì con người là một động vật vô cùng kỳ quái suốt ngày họ chỉ thích ăn phiền não. Giao cho họ thức ăn thật ngon, cho họ bánh mì và bơ sữa mà họ vẫn không muốn ăn. Họ chỉ muốn ăn nuốt phiền não, thứ mà họ thấy ăn ngon hơn là bánh rán chay. Ngay cả dù có người khuyên bảo họ đừng có ăn phiền não, họ vẫn thấy khó có thể từ bỏ được. Từ sáng tới tối họ chẳng ăn gì cả ngoài khách trần và phiền não, ngốn đầy bụng sân hận thay vì thức ăn. Những người như thế thật đáng thương xót. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nói rằng: "Lý do khiến cho chúng sinh các ông không thể thành Phật, thành a-la-hán bởi vì các ông bị mê hoặc bởi khách trần và phiền não. Lúc đó các ông nhân đâu mà được khai ngộ; thành tựu quả vị Thánh?

"Lúc đó" nghĩa là thời gian khi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đến Lộc uyển giảng pháp. "Các ông" nghĩa là Đức Phật nói đến năm vị tỷ-khưu và tứ chúng tỷ-khưu, tỷ-khưu ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di. Đức Phật hỏi họ được khai ngộ khi nào và nhờ đâu mà được giác ngộ khi nghe Đức Phật khai thị về khách trần và phiền não. Họ đã hiểu nghĩa gì khiến cho họ chứng được quả vị a-la-hán?

Kinh văn: **時憍陳那起立白佛: 我今長老,於大眾中,獨得解名。因悟客塵二字成果。**

Phiên âm: Thời Kiều-trần-na, khởi lập bạch Phật, ngã kim trưởng lão ư Đại chúng trung, độc đắc giải danh. Nhân ngộ khách trần nhị tự thành quả.

Việt dịch: Rồi A-nhã Kiều-trần-na đứng dậy bạch Phật: Nay hàng trưởng lão trong đại chúng, chỉ riêng con được danh hiệu là Giải (hiểu). Nhờ ngộ được nghĩa hai chữ khách trần mà thành tựu quả vị.

Giảng: A-nhã Kiều-trần-như là một trong năm vị tỷ-khưu đầu tiên được Phật hóa độ. Tên của Ngài dịch sang tiếng Hán là Giải bổn tế 解本 際, cũng có nghĩa là Tối sơ giải 最初解, vì Ngài là người đầu tiên giải ngộ khi nghe Đức Phật giảng Tứ diệu đế và được Đức Phật công nhận đã chứng quả a-la-hán. Rồi A-nhã Kiều-trần-như đứng dậy bạch Phật: Nay trong hàng trưởng lão trong đại chúng, chỉ riêng con được danh hiệu là giải (hiểu). Nhờ ngộ được nghĩa hai chữ khách trần mà thành tựu quả vị. Kiều-trần-như thưa: "Nay ở trong đại chúng này con là hàng trưởng lão, con đã lớn tuổi và có nhiều kinh nghiệm trong tu tập. Tại sao con nhận được danh hiệu là giải (hiểu)? Vì khi nghe Đức Phật giảng về nghĩa "khách trần," con liền hiểu nghĩa ấy nên được khai ngộ." A-nhã Kiều-trần-như sẽ giải thích nghĩa "khách trần" trong đoạn kinh văn tiếp theo.

Kinh văn: **世尊,譬如行客投寄旅亭,或宿或食,食宿事畢,俶裝前途,不遑安住。若實主人自無攸往。**

Phiên âm: Thế tôn, thí như hành khách, đầu ký lữ đình, hoặc túc hoặc thực, thực túc sự tất, thúc trang tiền đồ, bất hoàng an trụ. Nhược thật chủ nhân tự vô du vãng,

Việt dịch:Bạch Thế tôn, như người du khách dừng chân nghỉ lại một quán trọ bên đường để ngủ qua đêm hoặc chỉ ăn một bữa. Khi việc lưu trú hoặc ăn uống đã xong, họ liền chuẩn bị hành lý lên đường, không ở lại nữa. Nếu họ thật là người chủ thì chẳng phải đi đâu.

Giảng: Bạch Thế Tôn, A-nhã Kiều-trần-như thưa: "Bạch Thế tôn, vì sao hai chữ "khách trần" lại mang đến cho con sự giác ngộ? Như người du khách, dừng chân nghỉ lại quán trọ bên đường để ngủ qua đem hoặc chỉ ăn một bữa. Khách là người đi du lịch trong một kỳ nghỉ, tìm kiếm khách sạn để nghỉ lại, có thể họ ngủ lại qua đêm, có thể họ đến quán để ăn uống. Khi việc lưu trú hoặc ăn uống đã xong, họ liền chuẩn bị hành lý lên đường. Khi việc ăn ngủ của họ đã xong họ, sửa soạn hành lý và tiếp tục lên đường.

Họ không ở lại nữa Họ là khách, họ không thể nào ở đó lâu được. Nếu họ thật là người chủ thì chẳng phải đi đâu Ông chủ nghĩa là thể tánh thanh tịnh thường trụ chân tâm. "Khách" nghĩa là vọng tưởng, phiền não, khách trần. Tại sao vọng tưởng phiền não lại được so sánh với khách trần? Vì đối với chúng ta vọng tưởng phiền não là một thứ gì đó không chắc chắn, không bền vững. Thân thể chúng ta vốn thường thanh tịnh. Nhưng nếu chúng ta đi ra ngoài trong một ngày có gió thì bụi sẽ bay mù trời vây phủ lấy người, làm bẩn thân

thể mình. Khi chúng ta dùng tay phủi bụi đi thì nó biến mất. Điều này biểu tượng cho việc gì? Nó biểu tượng cho phiền não và vô minh của chúng ta cũng giống như khách trần. Phiền não vọng tưởng ấy không thực sự hiện hữu. Người khách chính là phiền não và vô minh, phiền não chướng và sở tri chướng, là kiến hoặc và tư hoặc. Thế nên A-nhã Kiều-trần-như đã hiểu được người khách đến quán trọ chỉ dừng chân tạm thời, trong khi người chủ quán trọ thì luôn luôn sống ở đó.

Kinh văn: **如是思惟不住名客住名主人。以不住者名為客義。**

Phiên âm: Như thị tư duy, bất trụ danh khách, trụ danh chủ nhơn, dĩ bất trụ giả, danh vi khách nghĩa.

Việt dịch: Như thế mà suy xét, người chẳng dừng nghỉ lâu gọi là khách, người dừng trụ lâu gọi là chủ. Do không dừng trụ, nên có nghĩa là khách.

Giảng: A-nhã Kiều-trần-như kết luận: Như thế mà suy xét, người chẳng dừng nghỉ lâu gọi là khách, người dừng trụ lâu gọi là chủ. Chúng ta cũng có thể nói rằng chúng ta lưu trú trong thân xác ta một cách tạm thời như người khách dừng chân trong quán trọ. Chúng ta nên hiểu rằng thân thể mình chỉ là một quán trọ, không phải là một ngôi nhà thực sự. Thân thể ấy không phải là ngôi nhà của chính mình, thế nên chúng ta không nên quá chấp trước vào chúng. Còn ông chủ của chúng ta là thường trụ chân tâm thì không bao giờ bỏ đi đâu xa cả. Ông chủ ấy không bao giờ chấm dứt sự hiện hữu. Do không dừng trụ, nên có nghĩa là khách.

Kinh văn: **又如新霽清暘昇天光入隙中。發明空中諸有塵相。塵質搖動,虛空寂然。**

Phiên âm: Hựu như tân tể, thanh dương thăng thiên, quang nhập khích trung, phát minh không trung chư hữu trần tướng. Trần chất diêu động, hư không tịch nhiên,

Việt dịch: Lại như khi mưa vừa mới tạnh, mặt trời lấp lánh trên cao, tia sáng chiếu vào nhà thông qua khe cửa, làm hiện rõ các hạt bụi trong hư không. Bụi trần lay động, còn hư không thì yên lặng.

Giảng: Lại như khi mưa vừa mới tạnh, mặt trời lấp lánh trên cao, tia sáng chiếu vào nhà thông qua khe cửa, làm hiện rõ các hạt bụi trong hư không. Khi mặt trời vừa mới xuất hiện vào một buổi sáng sớm trong lành hay là vào buổi bình

minh sau cơn mưa, ánh sáng mặt trời sẽ chiếu qua khe cửa hay những lỗ trống ở vách tường, ánh sáng ấy sẽ soi chiếu rõ các hạt bụi li ti trôi bập bềnh lên xuống trong hư không, chuyển động lăng xăng trong tia sáng mặt trời. Bụi trần thì lay động, còn hư không thì yên lặng. Nếu ánh sáng mặt trời không chiếu qua các khe cửa, thì quý vị không thể nào thấy được bụi trần, cho dù thực sự có rất nhiều bụi trần khắp mọi nơi. Nhưng khi bụi trần nhiễu động lăng xăng thì hư không vẫn tĩnh lặng, hư không chẳng hề dao động.

Khả năng thấy được bụi trần trong tia sáng mặt trời chiếu soi qua khe cửa biểu tượng cho năng lực của ánh sáng trí tuệ. Khi quý vị chứng được sơ quả a-la-hán, đoạn diệt được tám mươi tám món kiến hoặc thì sẽ có được trí tuệ chân chính. Lúc ấy quý vị có thể thấy được các niệm vô minh sinh khởi phiền não trong mình cũng nhiều như cát sông Hằng. Mặt trời trí tuệ chiếu soi vào khách trần phiền não – qua ví dụ của A-nhã Kiều-trần-như – cũng như ánh sáng mặt trời chiếu qua khe cửa. Hang động âm u của vô minh sẽ được chiếu sáng, lúc ấy quý vị sẽ nhận ra khách trần phiền não, và quý vị sẽ được giác ngộ.

Kinh văn: **如是思惟,澄寂名空,搖動名塵。以搖動者名為塵義。**

Phiên âm: Như thị tư duy, trừng tịch danh không, diêu động danh trần. Dĩ diêu động giả, danh vi trần nghĩa.

Việt dịch: Thế nên con suy nghĩ, trong lặng gọi là hư không lay động là trần. Do lay động mà có nghĩa là trần.

Giảng: Vô minh, phiền não nhiều vô số như những hạt bụi trần đang lay động. Nhưng hư không thì không lay động. Hư không biểu thị cho tánh thấy của ta, vốn luôn luôn không lay động. Tánh thấy đó là người chủ chân thực, là chân tâm thường trụ của chúng ta, vốn chẳng đến, chẳng đi. Thế nên con suy nghĩ, trong lặng gọi là hư không, trong suốt và lặng lẽ, không lay động, đó được gọi là hư không. Lay động là trần, do lay động mà có tên gọi là trần.

Quý vị hãy nhìn đám bụi trong dải tia sáng mặt trời đang nhảy múa lăng xăng không ngừng ấy. Cái gì là bụi? Bụi ấy biểu tượng cho phiền não, vô minh, phiền não chướng, sở tri chướng. Khi một ai bị chấp dính vào những thứ này được gọi là vướng "bụi trần." Hằng ngày quý vị nghe giảng kinh, tôi khuyên quý vị đừng có phiền não, nhưng những gì quý vị có được toàn là phiền não. Tôi khuyên quý vị đừng có vô minh nhưng những gì quý vị thể hiện ra đều là vô minh. Quý vị xem như vậy có phải là vâng lời không? Càng giảng giải về vô minh là điều không tốt bao nhiêu thì vô minh càng trở nên lớn hơn bên trong

quý vị. Khi quý vị được giải thích là phiền não là không tốt thì phiền não lại càng lớn mạnh.

Trước khi đề cập đến thì không có phiền não, nhưng một khi đã đưa ra bàn luận, thì phiền não lại sinh khởi và càng tăng. Thế nên có lẽ việc giảng giải kinh điển của tôi chẳng phải là lối giảng giải hay, vì tôi không có thể bao che, thanh minh cho phiền não của quý vị. Tôi hy vọng rằng quý vị sẽ liệng quách phiền não của quý vị xuống Thái Bình Dương cho xong, để đừng có xem phiền não của mình như một kho tàng quý giá nữa. Đừng nâng niu chiều chuộng chúng. Quý vị nên liệng hết phiền não xuống biển, cho dù phiền não có quá nhiều đến nỗi chúng có nguy cơ lấp tràn cả đại dương. Phiền não là ma quỷ, quý vị có thể tìm thấy yêu tinh ma quỷ nơi đâu? Nói đơn giản, hễ có phiền não là có yêu quỷ. Quý vị và phiền não đang đi cùng nhau. Phiền não cực kỳ tệ hại, kinh này được giảng cũng chỉ để dạy cho mọi người biết cách từ bỏ phiền não. Thế nên khi tôi nói về phiền não chẳng phải là để cho nó càng nhiều hơn đâu.

Kinh văn: **佛言如是**

Phiên âm: Phật ngôn: Như thị!

Việt dịch: Đức Phật bảo: Đúng như thế!

Giảng: Sau khi A-nhã Kiều-trần-như nói xong, Đức Phật xác nhận cho lời nói của ông. Đức Phật nói: "Những điều ông vừa nói hoàn toàn đúng." Đức Phật bảo: Đúng như thế! Những gì lay động là trần, những gì tĩnh lặng là hư không. Lý luận của ông là xác đáng.

Kinh văn: **即時如來於大眾中屈五輪指;屈已復開開已又屈。謂阿難言:汝今何見? 阿難言:我見如來百寶輪掌眾中開合。**

Phiên âm: Tức thời Như lai, ư đại chúng trung, khuất ngũ luân chỉ; khuất dĩ phục khai, khai dĩ hựu khuất, vị A-nan ngôn: Nhữ kim hà kiến? A-Nan ngôn: Ngã kiến Như Lai bách bảo luân chưởng, chúng trung khai hiệp.

Việt dịch: Khi ấy ở trong đại chúng, Như Lai co năm ngón tay lại; co rồi lại mở, mở rồi lại co. Hỏi A-nan rằng: – Nay ông thấy gì? A-nan thưa : -Con thấy bàn tay bách bảo luân của Như Lai, xòe ra nắm lại giữa hội chúng.

Giảng: Đức Phật lo ngại rằng mọi người trong đại chúng vẫn chưa hiểu được tánh thấy chân thật. Khi ấy ở trong đại chúng, đức Như Lai co năm ngón tay lại, co rồi lại mở, mở rồi lại co.

Lúc ấy, Đức Thế tôn xòe năm ngón tay ra rồi nắm lại, rồi mở ra, xòe nắm bàn tay lại nhiều lần như vậy và hỏi A-nan rằng: – Nay ông thấy gì? Ngay bây giờ ông thấy gì?

A-nan thưa: – Con thấy bàn tay bách bảo luân của Như Lai. Trên bàn tay của Như Lai có một nghìn đường vân xoáy như hình bánh xe. A-nan gọi đó là bàn tay bách bảo luân. Xòe ra nắm lại giữa hội chúng.

Kinh văn: **佛告阿難:汝見我手眾中開合,為是我手有開有合,為復汝見有開有合? 阿難言:世尊,寶手眾中開合 。我見如來手自開合,非我見性自開自合。**

Phiên âm: Phật cáo A-nan: Nhữ kiến ngã thủ chúng trung khai hiệp, vi thị ngã thủ,, hữu khai hữu hiệp? Vi phục nhữ kiến, hữu khai hữu hiệp. A-nan ngôn: Thế tôn bảo thủ, chúng trung khai hiệp. Ngã kiến Như lai, thủ tự khai hiệp, phi ngã kiến tánh, tự khai tự hiệp.

Việt dịch: Đức Phật bảo A-nan – Ông thấy tay Như Lai xoè ra nắm lại trong đại chúng, đó là tay Như Lai xoè ra nắm lại, hay cái thấy của ông có xoè ra nắm lại?

A-nan thưa : – Bàn tay báu của Thế tôn có xòe nắm trong đại chúng, con thấy bàn tay của Như Lai tự xòe ra nắm lại, chớ chẳng phải tánh thấy của con có xòe nắm.

Giảng: Đức Phật bảo A-nan Ông thấy tay Như Lai xòe ra nắm lại trong đại chúng. đó là tay như lai xòe ra nắm lại hay cái thấy của ông có xòe ra nắm lại? Khi ông thấy nắm tay của Như Lai xòe ra, nắm lại có phải là nắm tay xòe ra nắm lại hay cái thấy của ông về nắm tay có xòe ra nắm lại?

A-nan thưa: – Bàn tay báu của Thế tôn có xòe nắm ở trong đại chúng. Con thấy bàn tay của Như Lai tự xòe ra nắm lại.

A-nan thưa: "Bạch Thế Tôn, đó chính là bàn tay báu bách luân chỉ của Thế tôn tự xòe ra nắm lại. Chớ chẳng phải tánh thấy của con có xòe nắm. Tánh thấy của con, nơi lưu xuất ra cái thấy thì không xòe nắm. Chính Thế tôn đã làm cho bàn tay co mở khiến cho mắt con thấy được bàn tay của Thế tôn có xòe nắm.

Kinh văn: **佛言:誰動誰靜?**

Phiên âm: Phật ngôn: Thùy động thùy tịnh?

Việt dịch: Đức Phật hỏi: Cái nào động, cái nào tịnh?

Giảng: Đức Phật vẫn còn quan tâm đến việc A-nan chưa có được giác ngộ chân chính. Thế nên Thế tôn hỏi thêm:
Đức Phật hỏi: Cái nào động, cái nào tịnh?”

Kinh văn: **阿難言:佛手不住。而我見性, 尚無有靜,誰為無住?**

Phiên âm: A-nan ngôn: Phật thủ bất trụ. Nhi ngã kiến tánh, thượng vô hữu tịnh, thuỳ vi vô trụ?

Việt dịch: A-nan thưa: Bàn tay Phật không dừng nghỉ. Còn tánh thấy của con còn chẳng có ý niệm về sự yên tĩnh, làm sao còn có động?

Giảng: A-nan thưa: “Bàn tay Phật không dừng nghỉ, Nói cách khác, nó động. Còn tánh thấy của con còn chẳng có ý niệm về sự yên tĩnh, làm sao còn có động?” Tại sao A-nan trả lời rằng tánh thấy của mình vốn vượt qua cả ý niệm về sự tĩnh lặng. Vì tĩnh là do động mà có. Nếu chẳng có chút dao động thì vốn chẳng có gì là tĩnh cả. Thế nên nói rằng chẳng có gì thoát ra khỏi ngoài Đại định Thủ-lăng-nghiêm và cũng chẳng có gì thêm vào đó được cả. Đạo lý chính là ở điểm này. Na-già (nāga) thường ở trong đại định, không có lúc nào là không an trụ trong đại định. Na-già là một loài rồng luôn luôn ở trong định. Do nó luôn luôn an trụ trong định nên chẳng bao giờ có chuyện nhập hay xuất định cả.

Nên A-nan thưa: “Tánh thấy của con, nhờ đó mà thấy được Thế Tôn, vượt thoát cả ý niệm về tĩnh động. Nó siêu việt cả tính chất dao động hoặc ngược lại là yên tĩnh. Không có động thì chẳng có tĩnh, cả hai tính chất đó đều được siêu việt. Ý niệm đó vốn là không tồn tại, không hiện hữu, không thể lập được. Thì làm sao mà nó có thể là không dừng trụ? A-nan nói rằng: vì tánh thấy vốn không có cả đặc tính tĩnh lặng, thì làm sao mà nó có sự lay động. Tánh thấy hoàn toàn không dao động.

Kinh văn: **佛言:如是!**

Phiên âm: Phật ngôn: Như thị!

Việt dịch: Đức Phật đáp: Đúng như vậy!

Giảng: Một lần nữa, Đức Phật đồng ý với A-nan .
Đức Phật đáp: Đúng như vậy! Những gì ông nói đều đúng cả. Đúng là như thế đó.

Kinh văn: **如來於是,從輪掌中,飛一寶光,在阿難右,即時阿難,迴首右 盼。又放一光,在阿難左,阿難又則迴首左。佛告阿難。汝頭今日,何因搖動? 阿難言:我見如來出妙寶光來我左右,故左右觀,頭自搖動。**

Phiên âm: Như Lai ư thị, tùng luân chưởng trung phi nhứt bảo quang, tại A-nan hữu, tức thời A-nan hồi thủ hữu phán. Hựu phóng nhứt quang tại A-nan tả, A-nan hựu tắc hồi thủ tả phán. Phật cáo A-nan! Nhữ đầu kim nhật, nhơn hà diêu động? A-nan ngôn: Ngã kiến Như Lai, xuất diệu bảo quang, lai ngã tả hữu, cố tả hữu quan, đầu tự diêu động.

Việt dịch: Bấy giờ từ trong lòng bàn tay, Như Lai phóng ra một đạo hào quang báu chiếu đến vai bên phải của A-nan, A-nan liền quay đầu qua bên phải để nhìn. Đức Phật lại phóng hào quang khác qua phía vai bên trái. A-nan liền quay đầu về bên trái để nhìn. Đức Phật bảo A-nan:
-Nay đầu ông tại sao lay động?

A-nan thưa :
-Con thấy Như Lai phóng đạo hào quang báu chiếu vào vai bên phải rồi vai bên trái của con, nên đầu con tự lay động.

Giảng: Bấy giờ từ trong lòng bàn tay, Như Lai phóng ra một đạo hào quang báu chiếu đến vai bên phải của A-nan. Từ bàn tay báu có trăm vòng xoáy như bánh xe, ánh sáng phóng ra bay nhanh như chim hoặc như đèn pha phóng ánh sáng vào không trung để tìm kiếm một vật gì từ xa. Có thể hơi giống như vậy một chút. Hào quang ấy cũng có thể ví như đèn nháy(*), ngay khi bật lên thì ánh sáng chiếu ra liền. Tuy nhiên đạo hào quang báu Đức Phật phóng ra từ tay Ngài sáng hơn ánh sáng của đèn nháy. Ngay khi đạo hào quang báu này bay đến bên vai phải của A-nan. A-nan liền quay đầu qua bên phải để nhìn. A-nan xoay đầu qua để nhìn xem hào quang chiếu xa tới đâu. Đức Phật lại phóng đạo hào quang khác qua phía vai bên trái.

Từ bàn tay báu của Đức Phật lại phóng ra một đạo hào quang khác. Phóng đến nơi nào? Đến vai bên trái của A-nan. A-nan liền quay đầu qua bên trái để nhìn. A-nan nhìn phía bên vai trái của mình.

Đức Phật hỏi A-nan:
– Nay đầu ông tại sao lay động?

Đức Phật lại hỏi A-nan “Tại sao đầu của ông lại quay qua quay về bên phải rồi bên trái như vậy?”

A-nan thưa:
– Con thấy Như Lai phóng một đạo hào quang báu chiếu vào bên phải rồi bên trái của con. Nên đầu con tự lay động. Đạo hào quang ấy chiếu vào vai bên phải, rồi vai bên trái của con. Đầu con lay động vì con đang nhìn các đạo hào quang báu ấy.

Kinh văn: **阿難,汝盼佛光,左右動頭,為汝頭動,為復見動?世尊,我頭自動,而我見性,尚無有止,誰為搖動?**

Phiên âm: A-nan! Nhữ phán Phật quang, tả hữu động đầu, vi nhữ đầu động, vi phục kiến động? Thế tôn! Ngã đầu tự động, nhi ngã kiến tánh, thượng vô hữu chỉ, thuỳ vị diêu động?

Việt dịch: A-nan, khi ông nhìn hào quang của Như Lai, đầu ông xoay qua hai bên vai, thì đầu ông động hay cái thấy của ông động? – Bạch Thế tôn, chính đầu con động, bởi tánh thấy của con còn không có ý niệm dừng chỉ, làm sao có động?

Giảng: Đức Phật lại hỏi A-nan. A-nan, khi ông nhìn hào quang của Phật rồi đầu ông xoay qua hai bên vai thì đầu ông động hay cái thấy của ông động? Khi xoay chuyển qua về, thì đó là đầu ông di động hay tánh thấy của ông di động? – Bạch Thế tôn, chính đầu con động. Bởi tánh thấy của con còn không có ý niệm dừng chỉ, làm sao có động? A-nan trả lời là chính đầu ông ta lay động. Bởi vì tánh thấy, nơi lưu xuất khả năng thấy thì nó vốn đã không có tính chất dừng chỉ nữa. Nghĩa này y như đoạn trước. Nếu tánh thấy siêu việt hẳn tính chất dừng chỉ–hoặc có thể nói là không còn có tính chất yên tĩnh nữa thì nó cũng không thể nào còn tính chất diêu động. Đây là ý mà A-nan muốn trả lời cho Đức Phật: tánh thấy là hoạt dụng của tâm thái như như bất động.

Kinh văn: **佛言如是!**

Phiên âm: Phật ngôn: Như thị!

Việt dịch: Đức Phật nói: Đúng như vậy!

Giảng: Đức Phật bảo: “Những gì ông vừa trả lời là đúng.” Đức Phật nói: Đúng như vậy! Ông vừa hiểu được đạo lý một cách đúng đắn. Trước đây, ông đã nhận lầm giặc làm con khi ông cứ khăng khăng nhận vọng tưởng làm chân tâm. Nhưng bây giờ ông đã hiểu rằng tánh thấy của ông không hề lay động.

Nay đã có chút ít hy vọng về ông.”
Như thế Đức Phật hài lòng lặp lại với lời khen ngợi.

Kinh văn: **於是如來普告大眾:若復眾生以搖動者,名之為塵。以不住者,名之為客。**

Phiên âm: **Ư thị Như Lai phổ cáo đại chúng: Nhược phục chúng sanh dĩ diêu động giả danh chi vi trần, dĩ bất trụ giả danh chi vi khách.**

Việt dịch: Khi ấy Đức Phật lại bảo khắp đại chúng: Giả sử có người khác gọi cái động là trần, cái không dừng trụ gọi là khách.”

Giảng: Lúc này, Đức Phật nói với đại chúng “Nay quý vị đã nghe Như Lai giải thích về ý nghĩa này. Chắc chắn là các ông đã hoàn toàn hiểu rõ ràng rồi. Như Lai không cần thiết phải nói nhiều nữa. Nhưng “giả sử có người khác gọi cái động là trần”, cái không dừng trụ là khách. Có khi những chúng sinh khác gọi là trần là những thứ dao động, còn gọi những gì không dừng trụ một nơi gọi là khách. Như thế là tại sao?

Kinh văn: **汝觀阿難,頭自動搖,見無所動。又汝觀我手自開合見無舒卷。**

Phiên âm: **Nhữ quan A-nan, đầu tự động diêu, thần vô sở động, hựu nhữ quan ngã, thủ tự khai hiệp, kiến vô thư quyển.**

Việt dịch: Các ông lưu ý rằng chính đầu của A-nan dao động chứ cái thấy không dao động. Các ông cũng để ý rằng tay Như Lai có co mở, chứ cái thấy không co mở.

Giảng: Các ông lưu ý rằng chính đầu của A-nan dao động chứ cái thấy không dao động. Trong đại chúng đều nhìn thấy rõ đầu của A-nan quay qua quay lại và A-nan cũng đã xác nhận là tánh thấy không hề dao động. Các ông cũng để ý rằng tay Như Lai có co mở, chứ cái thấy không co mở. Chẳng phải tánh thấy có sự mở ra rồi nắm lại.

Kinh văn: **云何汝今,以動為身,以動為境? 從始洎終,念念生滅。**

Phiên âm: **Vân hà nhữ kim, dĩ động vi thân, dĩ động vi cảnh? Tùng thủy kịp chung, niệm niệm sanh diệt,**

Việt dịch:Tại sao nay các ông vẫn còn nhận cái động làm thân và nhận các cảnh làm hiện thể? Nên từ đầu đến cuối, các ông ở trong niệm niệm sinh diệt.

Giảng: Đoạn này, Đức Phật quở trách đại chúng. Ngài bảo: "Nay các ông đã thấy rõ ràng tánh thấy không dao động. Thế tại sao nay các ông vẫn nhận cái động làm thân và nhận các cảnh làm hiện thể. Quý vị không thể nào nhận ra được tánh thấy chân thật của chính mình. Quý vị nhận sắc thân vật chất của mình và các cảnh chung quanh cho đó làm thực thể. Quý vị ứng xử với sự dao động của sắc thân và cảnh vật môi trường chung quanh như thể là nó đều có thực. Những cái dao động này vốn hoàn toàn ở bên ngoài. Nó là thứ vốn không thuộc về tánh thấy của quý vị.

Nên từ đầu đến cuối các ông đều ở trong niệm niệm sinh diệt. Các ông chấp chặt vào thân tâm các ông, cho đó là ông chủ của mình. Các ông dùng thức tâm phân biệt làm suy nghĩ của mình. Niệm tưởng từ thức tâm là chủ thể của sinh diệt. Niệm đầu tiên sinh rồi diệt, niệm tưởng kế tiếp theo nhau sinh diệt. Sinh diệt tiếp nối sinh diệt. Quý vị hết sức chú tâm vào cảnh giới sinh diệt nên không có được sự hiểu biết chân chính về tánh thấy.

Kinh văn: **遺失真性,顛倒行事。性心失真,認物為己。輪迴是中,自取流轉.**

Phiên âm: Di thất chơn tánh, điên đảo hành sự. Tánh tâm thất chơn, nhận vật vi kỷ, luân hồi thị trung, tự thủ lưu chuyển.

Việt dịch: Các ông bỏ mất chân tánh, làm những việc điên đảo. Đã đánh mất tâm tánh chân thật rồi, còn nhận vật làm chính mình, nên chính mình bị trôi lăn theo vòng lưu chuyển.

Giảng: Bây giờ Đức Phật quở trách mọi người trong đại chúng là sai lầm. Các ông bỏ mất chân tánh

Từ vô thỉ đến nay, quý vị đã hoàn toàn quên mất chân tánh của mình. Không phải quên thực sự, chỉ dường như quên mà thôi. Tại sao vậy? Vì chúng sinh không nhận ra được cảnh giới không hề dao động của tự tánh. Thế nên họ không thể nào hiểu được lý này. Nên chân tánh dường như bị mất. Làm những việc điên đảo

Cơ bản là mỗi khi làm việc gì, quý vị thường làm rất tốt, nhưng khi quý vị liên tục làm hỏng công việc thì đó gọi là làm việc một cách điên đảo. "Điên đảo" có nghĩa là gì? Tôi sẽ đưa ra một ví dụ. Một người gọi là điên đảo khi đầu ở dưới chân và chân thì ở phía trên đầu. Hay nói khác hơn chân mang giày, đầu đội

nón nhưng quý vị lại đem giày dép mang vào trên đầu và mang mũ vào dưới chân. Đó cũng gọi là điên đảo. Khi mọi người đang tìm cách dỗ giấc ngủ mà quý vị làm huyên náo, la hét khiến họ không thể ngủ được đó là quý vị đang làm chuyện điên đảo. Nói chung, mọi việc không phù hợp với lợi ích chung được gọi là điên đảo. Đó là quay lưng hẳn với Đạo.

Quý vị muốn đi về hướng Nam Cựu Kim Sơn nhưng quý vị lại bước chân về phía Bắc Cựu Kim Sơn. Đó là bị điên đảo và đi ngược lại phía sau. Đã đánh mất tâm tánh chân thật rồi, lại còn nhận vật làm chính mình. Vì quý vị tự mình hành xử theo lối điên đảo nên tâm tánh của quý vị không hòa hợp với nhau, thế nên quý vị đánh mất dấu tích của tâm tánh chân thực. Quý vị nhân lầm cảnh vật bên ngoài là chính mình, có nghĩa là nhận quán trọ của mình làm chính mình. Quý vị không nên nghĩ rằng quán trọ là mình. “Vật” có nghĩa là tất cả “tiền trần.” Nên tự mình bị trôi lăn theo vòng lưu chuyển.

Vì quý vị nhận vật làm chính mình nên quý vị làm sinh khởi nhiều thứ chấp trước. Quý vị không nhận được tường tận mọi tướng trạng của vật. Quý vị chưa thông suốt đạo lý, vì thế nên quý vị bị dính mắc và trôi lăn trong luân hồi –có nghĩa là trong vòng sinh tử –chính quý vị sẽ bị dính mắc trong ấy cho đến chết. Quý vị hãy quán sát sinh tử thật kỹ, nếu chính mình không điên đảo, không nhận lầm giặc làm con và không nhận vật làm chính mình, thì quý vị sẽ chấm dứt được sinh tử. Nếu quý vị muốn chấm dứt sinh tử, đó là việc rất dễ làm. Tất cả mọi việc cần phải làm là chính mình quay ngược lại. Nếu quý vị hướng về phía trước thì sẽ đối diện ngay với sinh tử. Còn nếu quý vị quay ngược lại hướng khác, thì quý vị sẽ chấm dứt sinh tử. Điều ấy không khó. Quý vị sẽ có kết quả ngay khi dõng mãnh thực hành như vậy. Chỉ cần quý vị quay ngược lại, quay đầu lại và quay tâm niệm của mình lại. Đó là tất cả những điều cần yếu nhất. Bởi có câu:

“Khổ hải mang mang, hồi đầu thị ngạn.”
“Biển khổ mênh mông, quay đầu là bờ.”

HẾT QUYỂN MỘT



KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH NHƯ LAI MẬT NHƠN TU CHỨNG LIỄU NGHĨA CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH THỦ LĂNG NGHIÊM

QUYỂN 2 PHẦN 1

— o0o —

TUYÊN HÓA THƯỢNG NHÂN
giảng thuật

Kinh văn: 爾時阿難及諸大眾。聞佛示誨身心泰然。念無始來失卻本心。妄認緣塵分別影事。今日開悟, 如失乳兒忽遇慈母。合掌禮佛

Phiên Âm: **Nhĩ thời A-nan, cập chư đại chúng, văn Phật thị hối, thân tâm thái nhiên. Niệm vô thủy lai, thất khước bản tâm, vọng nhận duyên trần, phân biệt ảnh sự. Kim nhật khai ngộ, như thất nhũ nhi, hốt ngộ từ mẫu, hợp chưởng lễ Phật.**

Việt dịch: Khi ấy A-nan và cả đại chúng nghe Phật chỉ dạy, thân tâm thư thái, nghĩ mình từ vô thủy đến nay quên mất bản tâm, nhận lầm bóng dáng duyên trần phân biệt. Hôm nay được khai ngộ, như trẻ thơ khát sữa bỗng gặp được mẹ hiền, liền chắp tay lễ Phật.

Giảng: Khi ấy A-nan và cả đại chúng nghe Phật chỉ dạy. Khi A-nan và các đại Bồ-tát, đại A-la-hán, đại tỳ-khưu và các vị khác nghe lời dạy nầy, thân tâm thư thái. Họ cảm thấy thân tâm mình cực kỳ thanh thản, đến mức họ không cảm thấy còn chút nào khổ đau. Họ chưa từng bao giờ có được cảm giác như vậy và chưa từng bao giờ biết được điều gì tuyệt diệu hơn thế nữa. Nhưng cùng lúc đó, họ nghĩ mình từ vô thủy đến nay quên mất bản tâm, nhận lầm bóng dáng duyên trần phân biệt.

Từ vô thủy đến nay, họ đã bỏ quên bản tâm, chỉ quen sống với vọng tâm, tâm thức của mình, là tâm tạo ra mọi sự phân biệt và dấy lên mọi chuyện. Họ chưa từng bao giờ nhận ra chân tâm thường hiện tiền; họ nhận vọng tâm làm chân tâm thường trú. Họ đắm mình vào trong vọng nghiệp ngay nơi sáu căn, và chẳng có chút công phu nào trong hoạt dụng của tự tính. Trong động dụng hằng ngày, họ đặc biệt chỉ đem vọng tâm, với tâm chấp trước, tâm kiêu mạn, tâm phan duyên, tâm hư dối để hành xử mọi công việc.

Hôm nay được khai ngộ, như trẻ thơ khát sữa bỗng gặp được mẹ hiền, liền chắp tay lễ Phật. Họ như trẻ thơ bị khát sữa mẹ đã lâu ngày và rất đau khổ. Nay bỗng nhiên được gặp lại mẹ hiền và được sữa; điều ấy cũng như trong đại chúng được nghe lời Phật khai thị và được tỏ ngộ. Họ cùng chắp tay đảnh lễ Đức Phật để tri ân Ngài đã từ bi ban bố giáo pháp vi diệu cho mình.

Kinh văn: 願 聞 如 來, 顯 出 身 心, 真 妄 虛 實, 現 前 生 滅 與 不 生 , 滅 二 發 明 性.

Phiên Âm: **Nguyện văn Như Lai, hiển xuất thân tâm, chân vọng hư thật, hiện tiền sanh diệt, dữ bất sanh diệt, nhị phát minh tánh.**

Việt dịch: Mong được nghe Như Lai chỉ bày cái chân vọng hư thực và phát minh tánh sinh diệt cùng không sinh diệt nơi thân tâm.

Giảng: Tại sao đại chúng đảnh lễ Đức Phật? Vì họ mong được nghe Như Lai chỉ bày. Họ mong được Ngài nói ra và miêu tả rõ ràng cái chân vọng hư thực. Đó là cái giả dối và cái chân thật, cái gì hư vọng và cái gì hiện thực. Họ mong được Như Lai chỉ bày để cho họ nhận rõ ra từng cái như vậy. Họ mong được Đức Phật khai thị cho họ phát minh tính sinh diệt cùng không sinh diệt nơi thân tâm – chỉ bày hai tính chất của tâm, tâm sinh diệt và tâm không sinh diệt.

Cái gì là tâm sinh diệt? Đó là thức tâm, là tâm phan duyên, do hướng ra ngoài để tìm cầu, thay vì hướng vào trong tự tâm mình mà công phu. Thế nào là tâm không sinh diệt? Quý vị phải hướng vào trong bản tâm mà ứng dụng công phu, để nhận ra tất cả núi sông đất liền, cỏ hoa, sum la vạn tượng… đều là pháp thân của chư Phật. Pháp thân Phật thì chẳng sinh chẳng diệt. Chân tâm thường trú bản tính thanh tịnh sáng suốt của mọi chúng sinh cũng không sinh không diệt.

Thế tại sao chúng ta phải chịu sinh diệt? Tại vì chúng ta không nhận ra được Chân tâm thường trú bản tính thanh tịnh sáng suốt của mình. Vì tâm cuồng của quý vị chưa dừng nghỉ. Nên kinh dạy: Cuồng tâm đốn yết
狂 心 頓 歇
Yết tức bồ-đề.
歇 即 菩 提

Khi tâm cuồng dừng bặt, ngay đó liền hiển bày tâm giác ngộ. Vì tâm vọng tưởng hiện hành mãi không dừng, nên tâm giác ngộ không thể nào hiển lộ được, vì tâm cuồng đã bao phủ tâm giác ngộ rồi. Những gì được giải thích hôm nay, và trong từng đoạn kinh văn khác cũng không ngoài mục đích chỉ bày chân tâm cho mọi chúng sinh.

Kinh văn: **時波斯匿王起立白佛。我昔未承諸佛誨敕。見迦旃延毘羅胝子。咸言此身死後斷滅名為涅槃。我雖值佛今猶狐疑。云何發揮證知此心不生滅地。令此大眾諸有漏者咸皆願聞.**

Phiên Âm: Ba tư nặc Vương khởi lập bạch Phật: Ngã tích vị thừa, chư Phật hối sắc, kiến Ca-chiên-diên, Tỳ-la chi tử. Hàm ngôn thử thân, tử hậu đoạn điệt, danh vi Niết-Bàn. Ngã tuy trị Phật, kim do hồ nghi. Vân hà phát huy, chứng tri thử tâm, bất sanh diệt địa. Lệnh thử đại chúng, chư hữu lậu giả, hàm giai nguyện văn.

Việt dịch: Khi ấy vua Ba-tư-nặc đứng dậy bạch Phật: “Xưa khi chưa được Đức Phật chỉ dạy, con gặp nhóm Ca-chiên-diên Tỳ-la-chi-tử, cả hai đều

nói rằng thân nầy sau khi chết sẽ mất hẳn (đoạn diệt), gọi là niết-bàn. Con nay tuy được gặp Phật nhưng còn hồ nghi. Làm sao để phát huy thực chứng tánh không sinh không diệt nơi tâm nầy. Nay hàng hữu lậu trong đại chúng đều mong được nghe điều ấy. ”

Giảng: Khi ấy – trước khi Đức Phật giảng giải – vua Ba-tư-nặc liền từ trong hội chúng đứng dậy. Tên của vua Ba-tư-nặc theo tiếng Phạn có nghĩa là “Nguyệt quang– ánh trăng” như đã được giảng ở trước. Là vị vua sinh ra cùng lúc Đức Phật thị hiện. Khi thị hiện nơi cõi ta-bà, Đức Phật phóng ra hào quang, nhưng vua cha của Ba-tư-nặc vương cho rằng con mình phát ra ánh sáng khi chào đời, nên đã đặt tên con mình là “Nguyệt quang– Ánh trăng”. Vua Ba-tư-nặc bạch Phật: “

Xưa khi chưa được Đức Phật chỉ dạy, con gặp nhóm Ca-chiên-diên Tỳ-la-chi-tử, trước khi con có phước duyên được Đức Phật giáo hóa, con theo ngoại đạo.” Vua Ba-tư-nặc tin vào thuyết đoạn diệt của Ca-chiên-diên. Ca-chiên-diên trong tiếng Phạn có nghĩa là tiễn phát – 剪 髮, vì trước kia người này theo ngoại đạo, họ không cắt tóc và móng tay, thế nên họ còn được gọi là “Trường trảo ngoại đạo”. Tỳ-la-chi-tử có nghĩa là con trai của dòng họ Tỳ-la-chi. Tỳ-la-chi là tên mẹ, tiếng Phạn có nghĩa là bất tác – 不 作: không làm. Họ không làm những việc lành, nhưng họ chẳng do dự khi làm việc ác.

“Cả hai đều nói rằng thân nầy sau khi chết sẽ mất hẳn (đoạn diệt), gọi là niết-bàn. Họ cho rằng sau khi thân nầy mất đi thì chẳng còn gì nữa cả. Chẳng có nhân và chẳng có quả, chẳng có đời trước và chẳng có đời sau.” Cơ bản cái chết của con người cũng như ngọn đèn tắt. Nó biến mất hẳn, chẳng còn gì cả. Mọi thứ hòan toàn tan biến. Đoạn diệt có nghĩa là không có tâm thức, không có cái biết, không có bản tính, không tất cả, và đó là cái mà họ gọi là niết-bàn.

Đó là những gì thuyết đoạn diệt hiểu về không sinh không diệt; vì không tất cả mọi thứ nên không sinh không diệt. Đó là ngoại đạo chủ trương. Nhưng nay tôi sẽ trình bày cho quý vị biết rằng đó thật là một sai lầm nghiêm trọng. Khi con người chết đi không phải là mất hẳn. Thế nên, ngay nơi điểm nầy là điểm khác biệt giữa Phật giáo và ngoại đạo. Một số phái ngoại đạo chủ trương đoạn diệt, một số chủ trương thường hằng; cả hai phái đều làm cho chúng sinh mê lầm nghiêm trọng nhất.

“Con nay tuy được gặp Phật nhưng còn hồ nghi.
Đức Phật đã thị hiện ở thế gian và giáo hóa cho con, nhưng con vẫn còn hồ nghi và chưa tin vào giáo lý của Đức Phật”. Ông ta vẫn thấy rằng con người sau khi chết là hòan toàn mất hẳn và sự dừng bặt mọi hiện hữu như vậy chính

là niết-bàn. Nghi ngờ được gọi là "hồ" nghi vì loài chồn có bản tính hay nghi ngờ. Bất luận quý vị có nói gì đi nữa, nó vẫn không tin.

Chẳng hạn như khi một con chồn bước qua tảng băng vào mùa đông, nó sẽ đi từng bước, từng bước, rồi dừng lại, dựng đứng hai lỗ tai lên lắng nghe, rồi đi bước khác, rồi lại dỏng tai lên lắng nghe. Nếu nó nghe tiếng băng rạn nứt, nó tức khắc rút lui. Nó biết rằng nếu băng rạn nứt có nghĩa là độ dày của băng không đủ để nó làm điểm tựa mà nhảy qua sông. Nó rất linh lợi. Nên nó được ví như một người lanh lẹ. "Anh ta tinh ranh như chồn". Anh ta có nhiều mối nghi trong lòng và hay thích cãi lý. Anh ta mâu thuẫn với mọi người, bất kể ai, luôn luôn giữ thế thủ, giống như tính đa nghi của loài chồn.

"Làm sao để phát huy thực chứng tính không sinh không diệt nơi tâm nầy. Nay hàng hữu lậu trong đại chúng đều mong mỏi được nghe điều ấy. Ước gì con hiểu được giáo lý chân thực không sinh không diệt và nhận ra bản tâm mình không sinh không diệt. Trong đại chúng, những vị chưa đạt được trí huệ vô lậu đều mong được hiểu rõ giáo lý nầy. Hữu lậu có nghĩa là còn trôi lăn trong ba cõi – cõi Dục, cõi Sắc, và cõi Vô sắc. Khi chúng sinh bị trôi lăn trong ba cõi ấy, họ phải chịu sinh tử.

Những người chưa chấm dứt được sinh tử được gọi là chúng sinh hữu lậu. Thế nên những ai trong chúng hội chưa chứng được quả vị, vẫn còn trong vòng hữu lậu thì rất muốn được nghe giáo lý không sinh không diệt, để họ có thể nhận ra chân tâm mình, để được giác ngộ và chấm dứt sự trôi lăn trong dòng hữu lậu.

Kinh văn: **佛告大王, 汝身現存, 今復問汝。汝此肉身為同金剛常住不朽。為復變壞。世尊我今此身終從變滅.**

Phiên Âm: Phật cáo Đại Vương: nhữ thân hiện tồn, kim phục vấn nhữ. Nhữ thử nhục thân, vi đồng Kim Cang, thường trụ bất hủ. Vi phục biến hoại.

Việt dịch: Đức Phật bảo: "Đại vương! Ngay nơi thân ông đang tồn tại, nay Như Lai hỏi ông: Thân thịt nầy của ông có giống như thân kim cương bất hoại hay sẽ bị biến hoại?" – Bạch Thế tôn! Thân con hiện nay, rốt cục rồi sẽ bị biến hoại.

Giảng: Trong đoạn kinh nầy, Đức Phật hỏi vua Ba-tư-nặc thân thể của nhà vua có bị biến hoại chăng, và vua trả lời nó sẽ hòan toàn biến hoại. Đức Phật bảo: "Đại vương! Như ngay nơi thân ông hiện đang tồn tại, nay Như Lai hỏi ông:

Thân thịt nầy của ông có giống như thân kim cương bất hoại hay sẽ bị biến hoại?” Nếu chúng ta quán sát kỹ thân mình, quý vị có thấy nó cứng chắc như kim cương không? Nó có thường hằng bất hoại như kim cương chăng? Trong sự phân tích tối hậu nầy, nó giống cái gì? Có thể biến hoại chăng?

Nói ngay!”
– Bạch Thế tôn! Thân con hiện nay, rốt cục rồi sẽ bị biến hoại. Ngay khi nghe câu hỏi của Thế tôn, vua Ba-tư-nặc đáp ngay không chút do dự, “Bạch Thế tôn! Thân con hiện nay, cuối cùng sẽ hòan toàn biến hoại. Kết cục nó sẽ không còn nữa, đó là điều chắc chắn.”

Kinh văn: **佛言大王, 汝未曾滅云何知滅。**

Phiên Âm: Ba tư nặc Vương: Thế Tôn! Ngã kim thử thân, chung tùng biến diệt.
Việt dịch: Đức Phật bảo: “Đại vương! Ông chưa từng diệt, làm sao biết mình sẽ biến diệt?”

Giảng: Để trả lời, Đức Phật bảo: “Đại vương! Ông chưa từng diệt. Ông chưa từng chết; làm sao biết trong tương lai mình sẽ biến diệt?” Ông chưa đến lúc bị biến diệt, thế cái gì khiến ông biết được ông sẽ còn tồn tại cho đến khi ông chết? Nói ngay! Do đâu mà ông biết nhiều điều như vậy?”

Kinh văn: **世尊, 我此無常變壞之身。雖未曾滅, 我觀現前。念念遷謝新新不住。如火成灰漸漸銷殞。殞亡不息。決知此身當從滅盡.**

Phiên Âm: **Phật ngôn Đại Vương: nhữ vị tằng diệt, vân hà tri diệt.**

Ba tư nặc Vương: Thế Tôn! Ngã thử vô thường, biến hoại chi thân. Tuy vị tằng diệt, ngã quán hiện tiền. Niệm niệm thiên tạ, tân tân bất trụ. Như hỏa thành hôi, tiệm tiệm tiêu vẫn. Vẫn vong bất tức. Quyết tri thử thân, đương tùng diệt tận.

Việt dịch: – Bạch Thế tôn! Cái thân biến hoại vô thường của con hiện nay tuy chưa từng diệt, nhưng con thấy trước mắt, từng niệm dời đổi mãi không dừng, như lửa tàn thành tro, dần dần tiêu tan. Vì tàn hoại không dừng, nên con biết chắc thân nầy sẽ diệt mất.

Giảng: Vua Ba-tư-nặc trả lời: “Bạch Thế tôn! Cái thân biến hoại vô thường của con hiện nay tuy chưa từng diệt, nhưng con thấy trước mắt… Mặc dù thân nầy chưa hoại diệt, nhưng thân của con không phải là thường hằng, cùng lắm là nó

sống được 80 hoặc 90 năm. Dù có giỏi lắm cũng không thể nào sống đến trăm năm được."

"Thấy" có nghĩa là ông ta quán sát, chiêm nghiệm toàn thể và chi tiết, bên trong và bên ngoài, từ trước ra sau, từ gần cho đến xa. "Con quán sát người khác rồi nhìn lại chính mình, thấy mọi người đều phải chết và biết mình cũng sẽ phải như họ vậy."

"Từng niệm dời đổi mãi không dừng". Bây giờ vua Ba-tư-nặc quán sát trong tâm mình, thấy niệm nầy dừng bặt rồi niệm khác sinh khởi. Niệm sau thay thế niệm trước rồi niệm kế tiếp thay thế niệm trước đó. Nó giống như những cơn sóng. Dù con không thể thấy được chúng, nhưng biết chúng như thể là sóng nối nhau không dứt. Nó liên tục dấy lên rồi tan biến. Niệm tưởng không dừng trụ mãi mãi. Khi một niệm tưởng mới sinh khởi, đó là niệm đã có trước hằng thế kỷ, và không ai có thể kéo dài niệm ấy mãi mãi. Cũng giống như khi đốt hương.

"Như lửa tàn thành tro dần dần tiêu tan." Tro rơi xuống và lửa hiện ra, nhưng rồi sau một lát, tro lại bao phủ lấy lửa. Tro biểu tượng cho cái cũ, lửa biểu tượng cho cái mới. Nhưng cái mới thì liên tục không gián đoạn chuyển sang dạng tro. Tro dần dần rơi xuống, hóa thành bụi và biến mất.

"Vì tàn hoại không dừng, nên con biết chắc thân nầy sẽ diệt mất. Thế nên con hòan toàn chắc chắn không chút nghi ngờ." Vua Ba-tư-nặc nói: "Trong tương lai, thân con sẽ trở thành tan biến."

Kinh văn: **佛言, 如是大王。**

Phiên Âm: Phật ngôn: Như thị Đại Vương:

Việt dịch: Đức Phật nói: "Đại vương, đúng như vậy!"

Giảng: Đức Phật nói: "Đại vương, đúng như vậy!" Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói với nhà vua rằng ông đã giải thích rất đúng. Mỗi niệm trôi qua không dừng trụ và cuối cùng sẽ hòan toàn biến mất.

Kinh văn: **汝今生齡已從衰老。顏貌何如童子之時。**

Phiên Âm: Nhữ kim sanh linh, dĩ tùng suy lão. Nhan mạo hà như, Đồng tử chi thời.

Việt dịch: Nay ông tuổi đã già yếu, dung mạo so với lúc trẻ như thế nào?

Giảng: Mặc dù Đức Phật tán thành sự giải thích của vua Ba-tư-nặc, nhưng Ngài vẫn còn điều để hỏi. Đại vương, nay ông tuổi đã già yếu. Ông nay đã già, sắc mặt ông đã nhăn nheo, râu tóc đã bạc trắng như tuyết. Tướng suy lão đã xuất hiện. Dung mạo so với lúc trẻ như thế nào. “Nhan mạo”, nhan là nước da, còn có nghĩa là dáng dấp, mạo là nét mặt. “Có gì khác nhau giữa dáng dấp, diện mạo của ông bây giờ và khi còn trẻ? Có sự thay đổi nào chăng?” Đức Phật hỏi vua Ba-tư-nặc.

Kinh văn: **世尊我昔孩孺膚腠潤澤。年至長成血氣充滿。而今頹齡迫於衰耄。形色枯悴精神昏昧。髮白面皺逮將不久。如何見比充盛之時.**

Phiên Âm: Ba tư nặc Vương: Thế Tôn! Ngã tích hài nhụ, phu thấu nhuận trạch. Niên chí trưởng thành, huyết khí sung mãn. Nhi kim đồi linh, bách ư suy mạo. Hình sắc khô tụy, tinh thần hôn muội. Phát bạch diện trứu, đãi tướng bất cửu. Như hà kiến tỉ, sung thịnh chi thời.

Việt dịch: – Bạch Thế tôn! Xưa khi con còn bé, da dẻ tươi nhuận, đến tuổi trưởng thành, khí huyết sung mãn, nay tuổi đã già, hình sắc cũng theo đó già yếu khô gầy, tinh thần không còn sáng suốt, tóc bạc mặt nhăn, sống chẳng còn bao lâu. Làm sao có thể so sánh với khi còn trẻ mạnh.

Giảng: Vua Ba-tư-nặc trả lời: “Bạch Thế tôn! Xưa khi con còn bé, da dẻ tươi nhuận.” Chuyện nầy liên hệ đến khi vua đang còn trẻ. Đôi khi trẻ con hư hỏng, ngỗ nghịch, không vâng lời cha mẹ, và cha mẹ nuông chiều chúng. “Da dẻ” ở đây có nghĩa là da mặt và cũng là lớp biểu bì giữa da và thịt. Má của trẻ con thì hồng hào–và đó là lý do khiến vua Ba-tư-nặc trả lời mạnh mẽ:

“Đến tuổi trưởng thành, khí huyết sung mãn.” Vua nghĩ rằng thân thể mình rất khoẻ mạnh. “Nay tuổi đã già”, đã đến lúc thân ông không giúp gì cho ông được nhiều nữa. Thân thể đè nặng và làm trở ngại khi di chuyển. Nó sẽ không tồn tại bao lâu nữa. Có 3 điều hạn chế nơi con người: “Lúc thiếu thời, khí huyết sung mãn, nên biết tiết chế sắc dục.” Thanh niên nên biết tiết chế sắc dục, biết hạn chế sự ham muốn tình dục. Nếu quý vị không biết điều ấy, quý vị sẽ khiến cho thân thể mình tiêu tán sức khỏe và nghị lực. “Khi tuổi tráng niên, khí huyết phương cương, nên biết tiết chế sự đua tranh.”

Quý vị không nên bỏ phí thì giờ để tranh cãi với nhau. Nếu có ai đánh quý vị, hãy nhường họ một bước. Đừng tranh đua với mọi người. “Khi đã già lão, khí huyết suy kém, nên hạn chế lòng tham cầu.” Tâm tham cầu đó là lòng tham lam vô độ. Người già cả không nên tham lam mong cầu có được nhiều thứ.

Tuổi già mà vua Ba-tư-nặc đang đối diện là bảy mươi hoặc hơn. Chẳng phải Vua Nghiêu (堯 Yao) đã từng nói: “Bảy mươi tuổi rồi, ta phải nghỉ thôi” đó sao? Vì vua đã quá bảy mươi tuổi, trở nên uể oải không muốn trông coi việc nước nữa.

“Hình sắc cũng theo đó già yếu khô gầy.” Vua Ba-tư-nặc nói “tinh thần không còn sáng suốt”. Trí óc khô cằn không còn nhớ được gì nhiều. Không còn như thời trai trẻ, khi vua còn nhớ được mọi việc rất rõ ràng. “Mê mờ” là không còn nhận biết minh bạch về sự việc nữa; vua có hơi chút kỳ quặc, hơi bị lão suy. Nhưng tôi không cho rằng như thế có nghĩa là vua bị mất trí.

“Tóc bạc mặt nhăn, sống chẳng còn bao lâu. Ở Ấn Độ ít người có tóc vàng hoe khi còn trẻ, nhưng khi về già, tóc họ trở nên bạc trắng. Khi còn trẻ, tóc họ đen tốt và rất đẹp trai, nhưng khi tuổi già mặt họ có nhiều nếp nhăn, còn nhăn nheo hơn da gà. Thế nên trông họ rất xấu xí.

“Và chẳng còn sống được bao lâu nữa” Khi thốt lên những lời nầy, vua hối tiếc vô cùng và chắc chắn kèm theo một tiếng thở dài: “Ta rồi sẽ chết; chẳng còn phải chờ đợi bao lâu nữa”. Như người Quảng Đông thường hay nói: “Thời gian sống chết kề cận trong tầm tay”. “Làm sao có thể so sánh với khi còn trẻ mạnh? Làm sao có thể so sánh với lúc tráng niên? Hai giai đoạn hòan toàn khác nhau.

Kinh văn: **佛言, 大王, 汝之形容應不頓朽。王言, 世尊, 變化密移我誠不覺。寒暑遷流漸至於此。**

Phiên Âm: Phật ngôn Đại Vương: Nhữ chi hình dung, ưng bất đốn hủ. Vương ngôn Thế Tôn: Biến hóa mật di, ngã thành bất giác. Hàn thử thiên lưu, tiệm chí ư thử.

Việt dịch: Đức Phật bảo: Đại vương! Thân thể của ông đâu phải già liền? Vua Ba-tư-nặc thưa: “Bạch Thế tôn, nó âm thầm thay đổi, con thật chẳng biết, lạnh nóng đổi dời, cho đến ngày nay.”

Giảng: Đức Phật nghe vua Ba-tư-nặc diễn tả niềm hối tiếc vô hạn và thở dài buồn bã. Vua đang tiến dần đến sự chung cuộc. Tuổi thanh xuân đã đi qua và có lẽ vua đã không còn sức sống của tuổi thiếu thời. Khi còn trẻ, vua thích tập thể thao, thích đá bóng, và có lẽ còn thích khiêu vũ. Vua luôn luôn trên đà đi lên. Nay khi đã già, vua không còn làm những việc như thế được nữa. Thế nên vua thấy mình rất thừa thải. Nên vua nói: “Nay tôi già rồi, không như hồi còn trẻ nữa. Thời gian ấy thật là hạnh phúc. Lối sống của tôi bây giờ thật là vô vị và

buồn chán.” Đức Phật bảo: “Đại vương! Thân thể của ông đâu phải già liền? Thân ông đâu phải hòan toàn trở nên già cỗi liền đâu. Ông vẫn còn cái gì đó trong ông không hề già cỗi. Ông nói rằng ông đang biến đổi và trở nên suy kém, nhưng vẫn còn cái gì đó trong ông không biến đổi và già đi. Hãy nhìn kỹ trong mình mà nhận ra.”

Vua Ba-tư-nặc thưa: “Bạch Thế tôn, nó âm thầm thay đổi, con thật chẳng biết.” Vấn đề con người trở nên già cỗi là ở chỗ thay đổi âm thầm. Ông không để ý đến nó đó thôi. Thiếu niên trở thành trung niên rồi già cả, và ông chẳng biết chuyện ấy đang xảy ra. Sự thay đổi lặng lẽ xảy ra, không thể nhận biết được. Thế nên vua Ba-tư-nặc lập lại: “Thực tình mà nói, con không biết đến tuổi tác và không biết tôi đã già như thế nào, và bây giờ vẫn chưa biết triệu chứng già lão đã xuất hiện nơi mình.

Nhưng con không biết con trở nên già khi nào nữa? Lạnh nóng đổi dời, cho đến ngày nay. Mùa hạ rồi mùa đông, đông rồi hạ; người ta thu hoạch vào mùa thu rồi tích trữ cho mùa đông: xoay vần, thăng trầm, nối tiếp theo nhau năm nầy sang năm khác.” Thế nên ông ta dần dần trở nên già cỗi, với tóc bạc mặt nhăn. Lông mi mọc dài đến nỗi mỗi khi ông ta muốn nhìn, ông phải dùng tay vén lên. Tưởng tượng phiền toái biết dường nào.

Kinh văn: **何以故? 我年二十, 雖號年少。顏貌已老初十年時。三十之年又衰二十。于今六十又過于二。觀五十時宛然強壯。**

Phiên Âm: Hà dĩ cố? Ngã niên nhị thập, tuy hiệu niên thiểu. Nhan mạo dĩ lão, sơ thập niên thời. Tam thập chi niên, hựu suy nhị thập. Vu kim lục thập, hựu quá vu nhị. Quán ngũ thập thời, uyển nhiên cường tráng.

Việt dịch: Vì sao? Lúc hai mươi tuổi, tuy tuổi còn nhỏ, nhưng sắc mặt đã già hơn lúc mười tuổi. Đến khi ba mươi tuổi lại già hơn khi hai mươi tuổi. Nay đã sáu mươi hai tuổi, so với lúc năm mươi tuổi, rõ ràng lúc năm mươi tuổi cường tráng hơn.

Giảng: “Vì sao? Sao con dần dần trở nên lụ khụ già yếu như thế? Già đến nỗi chân không nhấc nổi khi muốn bước đi, và tay run khi muốn ăn. Lúc hai mươi tuổi, tuy tuổi còn nhỏ, nhưng sắc mặt đã già hơn lúc 10 tuổi. Khi hai mươi tuổi, con không còn là đứa bé lên mười nữa, con đã là một người thanh niên trưởng thành. Đến khi ba mươi tuổi lại già hơn khi hai mươi tuổi.

Nay đã sáu mươi hai tuổi, so với lúc năm mươi tuổi, rõ ràng lúc năm mươi tuổi cường tráng hơn. Khi ba mươi tuổi, con đã già hơn khi tuổi hai mươi, và lúc

năm mươi tuổi, con thấy mình còn mạnh hơn bây giờ nhiều. Lúc năm mươi tuổi, con có thể nhấc bổng 100 pounds bằng tay không, nhưng bây giờ khó có thể mang được ba hay bốn chục pounds.” Ở đây vua Ba-tư-nặc nhận ra rằng tuổi già đã đẩy ông ta vào tình trạng vô dụng.

Kinh văn: **世尊, 我見密移雖此殂落。其間流易且限十年。若復令我微細思惟。其變寧唯一紀二紀, 實為年變。豈唯年變亦兼月化。何直月化兼又日遷。**

Phiên Âm: Thế Tôn! Ngã kiến mật di, tuy thử tồ lạc. Kỳ gian lưu dịch, thả hạn thập niên. Nhược phục lệnh ngã, vi tế tư tánh. Kỳ biến ninh duy, nhất kỉ nhị kỉ, thật vị niên biến. Khởi duy niên biến, diệc kiêm nguyệt hóa. Hà trực nguyệt hóa, kiêm hựu nhật Thiên.

Việt dịch: Bạch Thế tôn! Con thấy nó âm thầm dời đổi, tuy cái già nua nầy thay đổi trong vòng mười năm. Nếu con suy nghĩ kỹ hơn, chẳng những nó thay đổi trong khoảng một kỷ, hai kỷ, mà thực ra nó thay đổi trong mỗi năm; chẳng những nó thay đổi trong từng năm, mà thực ra nó thay đổi trong từng tháng; chẳng những nó thay đổi trong từng tháng, mà thực ra nó thay đổi trong từng ngày.

Giảng: Vua Ba-tư-nặc lại thưa với Đức Phật: “Bạch Thế tôn! Con thấy nó âm thầm dời đổi. Con nhận thấy rằng giáo lý về sự âm thầm biến hóa dời đổi nầy thực không thể nào dễ biết được. Tuy cái già nua nầy thay đổi trong vòng mười năm. Nếu con suy nghĩ kỹ hơn, chẳng những nó thay đổi trong khoảng một kỷ, hai kỷ, mà thực ra nó thay đổi trong mỗi năm. Từng ngày con bị già đi trong một tiến trình như dòng nước liên tục chảy mãi.

Nên nói: “Ánh sáng thời gian trôi qua, mạng sống giảm dần. ” Thời gian đã làm cho con trở nên già nua. Bây giờ thử so sánh theo từng kỷ, nếu Ngài yêu cầu con suy gẫm chi tiết, thực sự thấy rằng sự thay đổi không chỉ diễn ra trong một kỷ (12 năm) hoặc 2 kỷ (24 năm), mà thay đổi từng năm. Chẳng những nó thay đổi trong từng năm, mà thực ra nó thay đổi trong từng tháng. Lẽ nào nó chỉ thay đổi trong từng tháng? Chẳng những nó thay đổi trong từng tháng, mà thực ra nó thay đổi trong từng ngày. Mỗi ngày, con thấy mình già đi hơn trước nhiều.

Kinh văn: **沈思諦觀剎那剎那。念念之間不得停住。故知我身終從變滅.**

Phiên Âm: Trầm tư đế quán, sát-na sát-na. Niệm niệm chi gian, bất đắc đình trụ. Cố tri ngã thân, chung tùng biến diệt.

Việt dịch: Chiêm nghiệm thật sâu, quán sát thật kỹ, thấy nó thay đổi trong từng sát-na, trong từng mỗi niệm, không hề dừng nghỉ. Thế nên con biết thân nầy cuối cùng phải chịu sự biến đổi và hoại diệt.

Giảng: "Chiêm nghiệm thật sâu, quán sát thật kỹ, thấy nó thay đổi trong từng sát-na, trong từng mỗi niệm, không hề dừng nghỉ. Lắng lòng suy nghĩ kỹ càng, con tự hỏi, vì sao mình trở nên già nua? Ngày nào năm nào, tháng nào, lúc nào mình trở nên già cỗi?"

"Sát-na" là gì? Trong Kinh Bát-nhã Hộ quốc Nhân Vương giải thích rằng trong mỗi niệm, vắn tắt là trong mỗi suy nghĩ, có 90 sát-na. Trong 1 sát-na có 900 lần sinh diệt. Không dễ dàng hiểu, không dễ dàng gì nhận ra được. Giải thích đến mức nầy cần phải đi vào nhiều chi tiết vi tế. Ngay cả trong cực vi của mỗi sát-na, tiến trình già nua vẫn không dừng nghỉ.

Thế nên bây giờ tôi trở nên già cỗi. Tôi trở thành vô dụng. Ăn uống chẳng thấy mùi vị gì; khi ngủ tôi thấy da mình rời khỏi thịt và rất đau nhức, biểu hiện của tuổi già thật là đau khổ! "Thế nên con biết …" vua Ba-tư-nặc đã giải thích xong đạo lý sinh diệt–thế nào là mỗi khoảnh khắc đều là ở trong trạng thái luân chuyển, để biết tính chất sinh diệt luôn luôn có trong mọi hiện tượng– ông nói rằng ông đã biết thân mình "cuối cùng phải chịu sự biến đổi và hoại diệt."

Kinh văn: **佛言大王, 汝見變化遷改不停。悟知汝滅亦於滅時。知汝身中有不滅耶。波斯匿王合掌白佛我實不知。佛言我今示汝不生滅性。**

Phiên Âm: Phật ngôn Đại Vương: Nhữ kiến biến hóa. Thiên cải bất đình. Ngộ tri nhữ diệt, diệc ư diệt thời. Tri nhữ thân trung, hữu bất diệt da.

Ba tư nặc Vương hợp chưởng bạch Phật: Ngã thật bất tri.

Phật ngôn: Ngã kim thị nhữ, bất sanh diệt tánh.

Việt dịch: Đức Phật bảo: "Đại vương, ông thấy sự biến hóa thay đổi không dừng, nên biết thân mình hoại diệt. Vậy ngay chính khi hoại diệt ấy, ông có biết trong thân cái gì không hoại diệt chăng?" Vua Ba-tư-nặc chắp tay bạch Phật: "Thật con chẳng biết." Đức Phật bảo: "Nay tôi sẽ chỉ cho ông tánh chẳng sinh diệt."

Giảng: Sau khi vua Ba-tư-nặc trình bày vì sao thân mình chắc chắn sẽ phải biến đổi và trở nên hoại diệt, Đức Phật bảo: "Đại vương, ông thấy sự biến hóa

thay đổi không dừng. Ông lưu ý rằng từ khi ông thơ ấu rồi trở thành tráng niên, từ tráng niên trở nên già lão. Già rồi sẽ đến lúc chết. Thế nên biết thân mình sẽ hoại diệt. Ông biết rằng trong tương lai mình chắc chắn sẽ chấm dứt tất cả. Vậy ngay chính khi hoại diệt ấy, ông có biết trong thân cái gì không hoại diệt chăng?"

Vua Ba-tư-nặc chắp tay bạch Phật. Khi vua nghe Đức Phật nói như vậy, ông cung kính thưa: "Thật con chẳng biết. Con thật chưa biết đạo lý nầy." Đức Phật bảo: "Nay Như Lai sẽ chỉ cho ông tánh chẳng sinh diệt. Tự tánh của ông vốn chẳng sinh diệt, nhưng ông không nhận ra được điều ấy. Bây giờ Như Lai sẽ giải thích cho ông rõ điều ấy."

Kinh văn: **大王, 汝年幾時見恒河水。王言, 我生三歲, 慈母攜我。謁耆婆天, 經過此流。爾時即知是恒河水。**

Phiên Âm: Đại Vương! Nhữ niên kỷ thời, kiến hằng hà thủy.

Ba tư nặc Vương ngôn: ngã sanh tam tuế, từ mẫu huề ngã. Yết Kì-bà Thiên, kinh quá thử lưu. Nhĩ thời tức tri, thị hằng hà thủy.

Việt dịch: "Đại vương! Ông thấy nước sông Hằng lúc ông mấy tuổi?" Vua Ba-tư-nặc thưa: "Khi lên ba tuổi, mẹ con dẫn đến lễ bái Kỳ-bà thiên, có đi qua sông nầy. Con được thấy nước sông Hằng khi ấy."

Giảng: Đức Phật bảo: "Đại vương! Ông thấy nước sông Hằng lúc ông mấy tuổi?" Vua Ba-tư-nặc thưa: "Khi lên ba tuổi, mẹ con dẫn đến lễ bái Kỳ-bà thiên. "Yết – 謁" có nghĩa là lễ bái. Kỳ-bà thiên. Hán dịch là Trường thọ thiên. "Mẹ con dẫn đến đền thờ Kỳ-bà thiên để làm lễ cầu mong được sống lâu. Có đi qua sông nầy. Con được thấy nước sông Hằng khi ấy. Con biết đó là lúc con thấy được sông Hằng."

Kinh văn: **佛言大王, 如汝所說。二十之時衰於十歲。乃至六十日月歲時念念遷變。則汝三歲見此河時。至年十三其水云何。王言, 如三歲時宛然無異。乃至于今年六十二亦無有異。**

Phiên Âm: Phật ngôn: Đại Vương! Như nhữ sở thuyết. Nhị thập chi thời, suy ư thập tuế. Nãi chí lục thập, nhật nguyệt tuế thời, niệm niệm Thiên biến. Tắc nhữ tam tuế, kiến thử hà thời. Chí niên thập tam, kỳ thủy vân hà.

Ba tư nặc Vương ngôn: Như tam tuế thời, uyển nhiên vô dị. Nãi chí vu kim, niên lục thập nhị, diệc vô hữu dị.

Việt dịch: Đức Phật bảo: "Đại vương, như ông vừa nói khi hai mươi tuổi thấy mình đã già hơn khi mười tuổi, cho đến khi sáu mươi tuổi, ngày qua tháng lại, niệm niệm đổi dời. Vậy khi ông thấy sông Hằng lúc ba tuổi, so với cái thấy nước sông Hằng lúc mười ba tuổi như thế nào?' Vua thưa: "Cái thấy ấy không khác so với khi con ba tuổi, cho đến nay con đã 62 tuổi, cái thấy ấy vẫn không khác."

Giảng: Đức Phật bảo với vua Ba-tư-nặc: "Đại vương, như ông vừa nói, hãy xét kỹ lời ông vừa nói, khi hai mươi tuổi thấy mình đã già hơn khi mười tuổi. Ông biến dạng nhiều so với khi 10 tuổi, ông già hơn. Cho đến khi sáu mươi tuổi, ngày qua tháng lại, niệm niệm đổi dời. Mỗi niệm mỗi niệm đều tạo nên sự đổi dời. Vậy khi ông thấy sông Hằng lúc ba tuổi, so với cái thấy nước sông Hằng lúc mười ba tuổi như thế nào? Thế khi ông lên ba, thấy sông Hằng lần đầu tiên, ông thấy nước sông Hằng lúc ấy có khác với cái thấy vào lúc 13 tuổi không?

Vua thưa: "Cái thấy ấy không khác so với khi con ba tuổi." Vua Ba-tư-nặc thưa: "Cũng như con thấy nước sông Hằng vào lúc ba tuổi. Cái thấy ấy không khác. Cho đến nay con đã 62 tuổi, cái thấy ấy vẫn không khác. Chẳng có hai cái thấy khác nhau, hòan toàn chỉ là một." Có nhiều học giả phí nhiều công sức vô lối và bảo rằng có nhiều vấn đề liên quan đến tuổi tác của vua Ba-tư-nặc đề cập trong kinh nầy. Đó thực là muốn kiếm chuyện để làm khi không có việc gì cần phải làm cả. Chẳng có việc gì hay để làm nên họ đã nhặt phân trong nhà vệ sinh. Hẳn vậy; thật đáng với họ!

Kinh văn: **佛言, 汝今自傷髮白面皺。其面必定皺於童年。則汝今時觀此恒河, 與昔童時觀河之見有童 耄不。王言不也世尊.**

Phiên Âm: Phật ngôn: Đại Vương! Nhữ kim tự thương, phát bạch diện trứu. Kỳ diện tất định, trứu ư đồng niên. Tức nhữ kim thời, quán thử hằng hà. Dữ tích đồng thời, quán hà chi kiến, hữu đồng mạo phủ?

Ba tư nặc Vương ngôn: Phất dã Thế Tôn.

Việt dịch: Đức Phật bảo: "Nay ông tự cảm thương tóc bạc mặt nhăn, mặt ông nhất định là nhăn hơn lúc trẻ. Vậy cái thấy sông Hằng của ông hiện nay và cái thấy sông Hằng của ông hồi nhỏ có già có trẻ chăng? Vua Ba-tư-nặc thưa: "Bạch Thế tôn, không vậy."

Giảng: Đức Phật lại bảo vua Ba-tư-nặc: “Nay ông tự cảm thương tóc bạc mặt nhăn, mặt ông nhất định là nhăn hơn lúc trẻ. Vậy cái thấy sông Hằng của ông hiện nay và cái thấy sông Hằng của ông hồi nhỏ có già có trẻ chăng? Có sự khác biệt nào chăng giữa những gì ông thấy vào lúc nhỏ và những gì ông thấy hiện nay khi ông đã già? Có sự khác nhau nào chăng trong cái thấy của ông, cái thấy giúp ông biết sông Hằng vào lúc ba tuổi và cái thấy của ông bây giờ, phải chăng không có sự thay đổi già trẻ trong cái thấy đó sao? Phải vậy không?”

Vua Ba-tư-nặc thưa: “Bạch Thế tôn, không vậy.” Mặc dù vua Ba-tư-nặc cũng mê mờ như hàng học giả, nhưng vua biết nó không phải như thế; vua biết chẳng hề thay đổi. Thế nên vua quả quyết “Bạch Thế tôn, không.” Cái thấy của ông không hề thay đổi.

Kinh văn: **佛言大王,汝面雖皺,而此見精性未曾皺。皺者為變不皺非變。**

Phiên Âm: Phật ngôn: Đại Vương! Nhữ diện tuy trứu, nhi thử kiến tinh, tánh vị tằng trứu. Trứu giả vi biến, bất trứu phi biến.

Việt dịch: Đức Phật bảo: “Đại vương, mặt ông tuy nhăn, nhưng tánh thấy nầy chưa từng bị nhăn. Cái bị nhăn thì biến đổi, còn cái không bị nhăn thì chẳng biến đổi.

Giảng: Đức Phật bảo: “Đại vương, mặt ông tuy nhăn, nhưng tánh thấy nầy chưa từng bị nhăn. Cái thấy của ông nhìn nước sông Hằng không hề bị nhăn. Tánh thấy không hề bị nhăn; nó vẫn như vậy. Cái bị nhăn thì biến đổi. Vết nhăn trên mặt ông biểu hiện sự biến đổi. Còn cái không bị nhăn thì chẳng biến đổi. Vì cái thấy không bị nhăn, sao ông gọi nó biến đổi? Nó không biến đổi bao giờ.”

Kinh văn: **變者受滅彼不變者元無生滅。云何於中受汝生死。而猶引彼末伽梨等。都言此身死後全滅。**

Phiên Âm: Biến giả thọ diệt, bỉ bất biến giả, nguyên vô sanh diệt. Vân hà ư trung, thọ nhữ sanh tử. Nhi do dẫn bỉ, mạt già lê đẳng. Đô ngôn thử thân, tử hậu toàn diệt.

Việt dịch: “Cái biến đổi thì phải bị hoại diệt, cái không biến đổi kia vốn chẳng sinh diệt, làm sao trong ấy nó nhận chịu sự sinh tử của ông?, mà ông còn dẫn lời của ngoại đạo Mạt-già-lê rằng: thân nầy sau khi chết là hòan toàn mất hẳn.”

Giảng: "Cái biến đổi thì phải bị hoại diệt, cái không biến đổi kia vốn chẳng sinh diệt, làm sao trong ấy nó nhận chịu sự sinh tử của ông? Vì nó không sinh không diệt, làm sao ông bảo tánh thấy sẽ phải chịu sinh tử như thân của ông? Mà ông còn dẫn lời của ngoại đạo Mạt-già-lê rằng: thân nầy sau khi chết là hòan toàn mất hẳn." Mạt-già-lê, Hán dịch là bất kiến đạo –不 見 道, chủ trương không nhân không quả, tự nhiên và đoạn diệt, sau khi chết là biến mất hẳn.

Kinh văn: **王聞是言,信知身後捨生趣生。與諸大眾踊躍歡喜得未曾有。**

Phiên Âm: Vương văn thị ngôn, tín tri thân hậu, xả sanh thú sanh. Dữ chư đại chúng, dõng dược hoan hỉ, đắc vị tằng hữu.

Việt dịch: Vua nghe lời ấy, tin rằng thân nầy sau khi chết sẽ sinh thân khác, nên vua cùng đại chúng vui mừng đứng phắt dậy, như được điều chưa từng có.

Giảng: Vua Ba-tư-nặc nghe lời ấy, ông tin rằng thân nầy sau khi chết, sau khi chấm dứt mạng căn nơi thân nầy, khi thân nầy đã bỏ đi rồi, sẽ sinh thân khác. Người ta sẽ đi vào một cõi giới khác để tái sinh một thân mới. Nên vua cùng đại chúng vui mừng đứng phắt dậy– họ rất vui mừng nên reo hò nhảy nhót– như được điều chưa từng có. Họ nói rằng: "Chúng con chưa từng bao giờ nghe được đạo lý nầy. Chúng con hòan toàn mê lầm về thuyết sinh tử, thường hằng và đoạn diệt."

Kinh văn: **阿難即從座起禮佛。合掌長跪白佛。世尊,若此見聞必不生滅。云何世尊名我等輩。遺失真性顛倒行事。願興慈悲洗我塵垢.**

Phiên Âm: A-nan tức tùng, tòa khởi lễ Phật. Hợp chưởng trường quỳ, bạch Phật Thế Tôn: Nhược thử kiến văn, tất bất sanh diệt. Vân hà Thế Tôn, danh ngã đẳng bối. Di thất chân tánh, điên đảo hành sự. Nguyện hưng từ bi, tẩy ngã trần cấu.

Việt dịch: A-nan từ chỗ ngồi liền đứng dậy, chắp tay quỳ xuống bạch Phật: "Bạch Thế tôn, nếu cái thấy nghe nầy thật là không sinh diệt, tại sao Thế tôn gọi chúng con bỏ quên chân tánh, làm việc điên đảo? Nguyện xin Thế tôn đem lòng từ bi rửa sạch trần cấu cho chúng con."

Giảng: Lúc nầy A-nan có câu hỏi khác. Nên A-nan từ chỗ ngồi liền đứng dậy, chắp tay quỳ xuống bạch Phật: "Bạch Thế tôn, nếu cái thấy nghe nầy thật là không sinh diệt, tại sao Thế tôn gọi chúng con bỏ quên chân tánh, làm việc

điên đảo? Thế tôn bảo rằng chúng con ‘bỏ mất’ chân tánh, toàn làm những chuyện điên đảo. Chúng con thực sự đã làm những việc trái nghịch. Nguyện xin Thế tôn đem lòng từ bi rửa sạch trần cấu cho chúng con. Tẩy trừ những cấu bẩn của nghi lầm mê muội trong tâm chúng con.”

Kinh văn: **即時如來垂金色臂。輪手下指,示阿難言。汝今見我母陀羅手為正為倒。阿難言,世間眾生以此為倒。而我不知誰正誰倒。**

Phiên Âm: Tức thời Như Lai thùy kim sắc tý. Luân thủ hạ chỉ, thị A-nan ngôn: Nhữ kim kiến ngã, mẫu đà la thủ, vi chánh vi đảo.

A-nan bạch Phật ngôn: Thế gian chúng sanh, dĩ thử vi đảo. Nhi ngã bất tri, thùy chánh thùy đảo.

Việt dịch: Liền khi ấy Đức Phật buông cánh tay sắc vàng, năm ngón tay chỉ xuống, bảo A-nan rằng: “Nay ông thấy cánh tay mẫu-đà-la của Như Lai là thuận hay là nghịch?” A-nan thưa: “Chúng sinh trong thế gian cho đó là nghịch, riêng con chẳng biết thế nào là thuận, thế nào là nghịch”

Giảng: Đức Phật nghe A-nan trả lời như vậy rồi. Liền khi ấy Đức Phật buông cánh tay sắc vàng, năm ngón tay chỉ xuống, bảo A-nan rằng: “Nay ông thấy cánh tay mẫu-đà-la của Như Lai là thuận hay là nghịch? Khi Như Lai làm như thế, cánh tay của Như Lai là xuôi hay ngược?” A-nan thưa: “Chúng sinh trong thế gian cho đó là nghịch, mọi chúng sinh trong thế gian, mọi người ai cũng cho đó là nghịch. Riêng con chẳng biết thế nào là thuận, thế nào là nghịch. Con, A-nan, không biết gọi thế nào là thuận và thế nào là nghịch.” A-nan không tự quyết định được, thật là nan giải. Trả lời theo cách nầy, nếu sai, thì chẳng phải đó là ý của A-nan. Đó là ý tưởng của ‘chúng sinh’ trong thế gian.

Kinh văn: **佛告阿難,若世間人以此為倒.即世間人將何為正.阿難言如來豎臂兜羅綿手。上指於空則名為正.**

Phiên Âm: Phật cáo A-nan nhược thế gian nhân, dĩ thử vi đảo. Tắc thế gian nhân, tướng hà vi chánh.

A-nan bạch Phật ngôn: Như Lai thọ tý, đâu la miên thủ. Thượng chỉ ư không, tắc danh vi chánh.

Việt dịch: Đức Phật bảo A-nan: “Nếu người thế gian cho đây là nghịch, vậy họ cho thế nào là thuận?” A-nan thưa: “ Khi Như Lai đưa cánh tay đâu-la miên lên, các ngón tay chỉ lên hư không, đó gọi là thuận.”

Giảng: Đức Phật bảo A-nan: “Nếu người thế gian, ông bảo chúng sinh trong thế gian cho đây là nghịch, vậy họ cho thế nào là thuận, Như Lai hỏi ông?” A-nan thưa: “ Khi Như Lai đưa cánh tay đâu-la miên lên, các ngón tay chỉ lên hư không, đó gọi là thuận. Khi Như Lai đưa cánh tay lên phía đầu, đó gọi là thuận.

Kinh văn: **佛即豎臂告阿難言。若此顛倒首尾相換。諸世間人一倍瞻視。**

Phiên Âm: Phật tức thọ tý, cáo A-nan ngôn: Nhược thử điên đảo, thủ vĩ tướng hoán. Chư thế gian nhân, nhất bội chiêm thị.

Việt dịch: Đức Phật liền đưa cánh tay lên rồi bảo A-nan: “Điên đảo là như thế, lấy đầu làm đuôi. Chúng sinh trong thế gian đều nhìn thấy như vậy.”

Giảng: Đức Phật liền đưa cánh tay lên rồi bảo A-nan: “Điên đảo là như thế, lấy đầu làm đuôi. Chúng sinh trong thế gian đều nhìn thấy như vậy.” Thật là mê mờ khi gọi chiều thuận là nghịch và gọi chiều nghịch là thuận chỉ vì vị trí hóan đổi.

Kinh văn: **則知汝身與諸如來。清淨法身比類發明。如來之身名正遍知。汝等之身號性顛倒。**

Phiên Âm: Tắc tri nhữ thân, dữ chư Như Lai. Thanh tịnh Pháp thân, tỉ loại phát minh. Như Lai chi thân, danh Chánh-biến-Tri. Nhữ đẳng chi thân, hiệu tánh điên đảo.

Việt dịch: Nên biết thân ông cùng với pháp thân thanh tịnh của các Đức Như Lai, theo đó mà phát minh, thì thân Như Lai gọi là chính biến tri, còn thân của ông gọi là tánh điên đảo.

Giảng: “Một khi đã có mê lầm trong mê lầm, thì chúng sinh liền cho rằng thân họ và pháp thân thanh tịnh của Như Lai là khác nhau. Nên biết thân ông cùng với pháp thân thanh tịnh của các Đức Như Lai, theo đó mà phát minh. Trên cái mê lại chồng thêm mê, nên chúng sinh không hiểu được đạo lý nầy. “Thân Như Lai gọi là chính biến tri, còn thân của ông gọi là tánh điên đảo. Họ cho rằng thân Như Lai là thân chính biến tri, tức tự biết rõ chân tâm bao trùm khắp mọi pháp giới, là tâm giác ngộ chân chính. Và họ cho rằng tâm mình là điên đảo vì mê mờ và vô minh. Họ sẽ cho rằng bản tánh mình là điên đảo.”

Kinh văn: **隨汝諦觀汝身佛身。稱顛倒者名字何處號為顛倒.于時阿難與諸大眾。瞪瞢瞻佛目精不瞬。不知身心顛倒所在.**

Phiên Âm: Tùy nhữ đế quán, nhữ thân Phật thân. Xưng điên đảo giả, danh tự hà xứ, hiệu vi điên đảo.

Vu thời A-nan, dữ chư đại chúng. Trừng trừng chiêm Phật, mục tinh bất thuấn. Bất tri thân tâm, điên đảo sở tại.

Việt dịch: "Ông nên quán sát kỹ thân ông và thân Phật, tên gọi điên đảo ấy, chỗ nào là điên đảo? Khi ấy A-nan và toàn thể đại chúng chăm chăm nhìn Phật không chớp mắt, không biết nơi thân tâm mình chỗ nào là điên đảo."

Giảng: "Ông nên quán sát kỹ thân ông và thân Phật, tên gọi điên đảo ấy. Hãy chiêm nghiệm thật sâu, quán sát thật kỹ." Đức Phật bảo, "đối với cái điên đảo nầy. Chỗ nào là điên đảo? " Khi ấy A-nan và toàn thể đại chúng chăm chăm nhìn Phật không chớp mắt, cũng giống như cách người mù chăm chăm nhìn mà không thấy được gì. Họ không rời mắt khỏi Đức Phật. Không biết nơi thân tâm mình chỗ nào là điên đảo. Họ không thể nhận ra được trong thân họ, chỗ nào là điên đảo. Họ lại bối rối một lần nữa.

Kinh văn: **佛興慈悲哀愍阿難及諸大眾。發海潮音遍告同會.**

Phiên Âm: Phật hưng từ bi, ai mẫn A-nan, cập chư đại chúng. Phát hải triều âm, biến cáo đồng hội.

Việt dịch: Đức Phật khởi lòng từ bi, thương xót A-nan và cả đại chúng, nên phát ra lời nói với âm thanh như tiếng hải triều, dạy bảo hội chúng.

Giảng: Đức Phật khởi lòng từ bi, thương xót A-nan và cả đại chúng. Khi Đức Phật thấy A-nan cùng cả hội chúng đều ngơ ngác không biết mình điên đảo chỗ nào, Đức Phật bèn khởi lòng từ phát ra lời nói với âm thanh như tiếng hải triều, dạy bảo hội chúng. Tập hợp đại chúng lại bằng năng lực âm thanh cực kỳ to lớn, Đức Phật đã hòan toàn thu hút sự chú tâm của họ và bắt đầu giảng pháp cho họ.

Kinh văn: **諸善男子,我常說言。色心諸緣及心所使諸所緣法唯心所現.**

Phiên Âm: Chư Thiện nam tử, ngã thường thuyết ngôn. Sắc tâm chư duyên, cập tâm sở sử, chư sở duyên Pháp, duy tâm sở hiện.

Việt dịch: Này các thiện nam tử! Như Lai thường nói: "Sắc, tâm, các duyên, các tâm sở sử cùng các pháp sở duyên, đều do tâm biến hiện."

Giảng: Khởi lòng từ rộng lớn, Đức Phật bảo: "Này các thiện nam tử!" tức là số đông các nam nữ cư sĩ Phật tử có mặt trong pháp hội. "Như Lai thường nói: Sắc, tâm, các duyên, các tâm sở sử cùng các pháp sở duyên." Đức Phật nói rằng: " Trước đây, Như Lai đã nói rất nhiều lần." "Sắc" là chỉ cho các sắc pháp, và "tâm" là chỉ cho tâm pháp. Theo Bách pháp minh môn luận, có 11 sắc pháp và 8 tâm pháp. Tâm pháp thuộc về 8 thức tâm vương.

Có 51 thứ thuộc về tâm sở pháp, 24 thứ thuộc về tâm bất tương ưng pháp, có nghĩa là không tương ưng với sắc pháp, không tương ưng với tâm pháp, hay với vô vi pháp. Cùng với 6 pháp vô vi, tạo thành tất cả 100 pháp.

Các duyên có nghĩa là 4 duyên:
– Thân nhân duyên 親 因 緣: duyên dựa trên nhân tức thời.
– Tăng thượng duyên 增 上 緣.
– Thứ đệ duyên 次 弟 緣: còn gọi là đẳng vô gián duyên.
– Sở duyên duyên 所 緣 緣.
"Đều do tâm biến hiện." Tất cả các pháp đều sinh khởi từ nhân duyên và không pháp nào vượt ra ngoài biểu hiện dù chỉ trong một niệm tưởng từ chân tâm. Từ đó mà tất cả các pháp – núi sông, đất liền, cỏ cây cùng vô số hiện tượng sinh thành. Chúng đều xuất sinh từ tâm; tất cả các pháp ấy đều bao gồm trong tâm. Chẳng phải các pháp nầy chứa đựng bản tâm mà trái lại: tuyệt đối tất cả các pháp chung quanh ta, cả tự nhiên lẫn nhân tạo, tất cả đều lưu xuất từ bản tâm. Nếu quý vị nhận ra chân tâm thường trú của mình, thì tất cả các pháp nầy không còn hiện hữu nữa.

Kinh văn: **汝身汝心皆是妙明真精妙心中所現物。**

Phiên Âm: Nhữ thân nhữ tâm, giai thị diệu minh, chân tinh diệu tâm, trung sở hiện vật.

Việt dịch: Thân tâm ông đều là vật hiện ra từ trong diệu minh chân tinh diệu tâm.

Giảng: "Thân tâm ông đều là vật hiện ra từ trong diệu minh chân tinh diệu tâm." "Thân ông" có nghĩa là thân thể ông đang mang hiện nay, và "tâm ông" có nghĩa là tâm thức của ông. Cả 2 đều là biểu hiện từ diệu minh chân tinh diệu tâm. Đó có phải là vượt lên trên và bên ngoài thức tâm mà có một diệu minh chân tâm khác hay sao? Không phải vậy. Đó chính là thức tâm của quý

vị, nó vốn ở trong diệu minh chân tâm, nhưng vì chúng sinh không biết vận dụng diệu minh chân tâm nầy, nhận lầm thức tâm làm chân tâm. Thực là sai lầm, họ đã nhận giặc làm con. Do đó khiến họ phát sinh vô số điên đảo.

Kinh văn: **云何汝等遺失本妙圓妙明心寶明妙性。認悟中迷.**

Phiên Âm: Vân hà nhữ đẳng, di thất bổn diệu, viên diệu minh tâm, bảo minh diệu tánh?

Việt dịch: Tại sao các ông lại bỏ mất tâm tánh vốn nhiệm mầu sáng suốt ấy, mà nhận cái mê trong ngộ?

Giảng: "Tại sao các ông, tất cả mọi chúng sinh, lại bỏ mất tâm tánh vốn nhiệm mầu sáng suốt ấy là chân tâm thường trú xưa nay vốn vi diệu, vốn đã sáng suốt nhiệm mầu viên mãn, là tự tánh cực kỳ trong sáng và quý báu, mà nhận cái mê trong ngộ?" Các ông cho rằng mình đã hiểu rõ về chân tâm thường trú, bản tính vốn thanh tịnh sáng suốt ấy, nhưng thực ra quý vị chưa hiểu được chút nào cả.

Các ông hòan toàn chưa nhận ra rằng mình có được chân tâm vốn thường viên mãn sáng suốt nhiệm mầu, là bản tánh vi diệu trong sáng và quý báu. Các ông nhận thức tâm của mình làm chân tâm. Các ông cho đó là cái tâm mà mình đã biết rõ, đã hiểu và tâm ấy sẽ giác ngộ. Nhưng thực ra đó chỉ là mê trong mê, các ông chưa thực sự hiểu được. Đó là điên đảo, đó là các ông nhận lầm giặc cướp làm con.

Kinh văn: **中迷晦昧為空。空晦暗中, 結暗為色。**

Phiên Âm: Nhận ngộ trúng mê, hối muội vi không. Không hối ám trung, kiết ám vi sắc.

Việt dịch: Mê muội thành ra có hư không, trong hư không mê muội ấy, kết cái tối tăm thành sắc.

Giảng: "Mê muội thành ra có hư không." Chân tâm thanh tịnh sáng suốt vốn siêu việt ngộ và mê, thế tại sao chúng ta bỗng dưng "bỏ quên" tâm tánh của mình? Là vì một niệm vô minh từ vô thuỷ, ở đây có nghĩa là "mê muội," . Mê muội tức là vô minh hắc ám, giống như hư không xuất hiện trong giấc mơ, nên nói đồng như hư không.

Do vô minh hắc ám làm cho hư không linh minh đỗng triệt biến thành hư không tối tăm mông muội, trong cái ngoan không tối tăm mờ ám ấy, lại nương vào lực của vô minh, chuyển cái trí sáng suốt vốn thường có thành vọng kiến của trí năng kiến. Đây là nghiệp tướng, tướng đầu tiên trong tam tế. "Trong hư không mê muội ấy, kết cái tối tăm thành sắc–dạng kết tinh từ hôn ám. Đây cũng là khởi đầu của pháp Thập nhị nhân duyên: vô minh duyên hành.

Ngoan không, tâm vọng tưởng mê muội, lại nương vào nơi lực vô minh, nên chuyển trí tuệ sáng suốt bản hữu thành cái thấy sai lầm từ năng giác. Đây gọi là chuyển tướng, tướng thứ nhì trong tam tế. Vì nơi khởi đầu của nghiệp tướng không thể thấy được, nên năng kiến (cái thấy- subjective seeing) nhìn quá lâu khiến cho vọng kiến sinh khởi thành sắc chất mà nó ánh hiện ra.

Đó còn gọi là Nhìn lâu hóa ra mỏi mệt . Cũng như trong giấc mơ, người nằm mê thường thấy mình có thân trong mơ, tâm trong mơ, và cảnh tượng hư giả chung quanh mà họ thấy mình đang sống trong đó, bao gồm những ảo ảnh – như núi sông đất liền. Đây là hiện tướng, tướng thứ ba trong tam tế.

Kinh văn: **色雜妄想,想相為身。**

Phiên Âm: Sắc tạp vọng tưởng, tưởng tướng vi thân.

Việt dịch: Sắc xen tạp với vọng tưởng, nhận tướng vọng tưởng làm thân.

Giảng: Sắc xen tạp với vọng tưởng, nhận tướng vọng tưởng làm thân. Trong ngoan không và vô minh, cái tối tăm mông muội kết lại thành sắc–dạng như cảnh tượng hiện hữu trong giấc mơ. Sắc xen tạp với vọng tưởng. Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc. Vọng tưởng là thức tâm, và khi nó nhận sắc làm thân, đó gọi là danh sắc. Chúng ta có thân vì chính vọng tưởng của chúng ta đã tạo ra nó.

Kinh văn: **聚緣內搖,趣外奔逸。昏擾擾相,以為心性。**

Phiên Âm: Tụ duyên nội diêu, thú ngoại bôn dật. Hôn nhiễu nhiễu tướng, dĩ vi tâm tánh.

Việt dịch: Nhóm các duyên dao động bên trong, rong ruổi theo cảnh vật bên ngoài, nhận tướng mờ mịt lăng xăng đó làm tâm tánh.

Giảng: "Nhóm các duyên dao động bên trong, rong ruổi theo cảnh vật bên ngoài." Có nhiều duyên kết hợp lại với nhau tạo thành thân tâm. Vào thời điểm

tụ hội các duyên bên ngoài nầy, quý vị có thể nói rằng từ nơi 6 căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; danh sắc duyên theo 6 lối vào ấy, rồi 6 lối vào (căn) ấy duyên với xúc. Khuynh hướng rong ruổi ra bên ngoài là tướng trạng thô của tri giác, vốn thường có nơi trẻ con.

Trong trường hợp nầy, đề cập đến các giác quan bị lôi cuốn ra bên ngoài do trần cảnh. Xúc và vọng tưởng phóng ra bên ngoài lăng xăng nhiễu động khắp mọi nơi do vì không có trí huệ. Họ không biết mình đã chạy đi đến đâu nữa; họ không thể nói cho người khác biết là mình đang ở phía Đông , Tây, Nam hay Bắc. Đây thực là tình trạng hỗn loạn và mất tự chủ. “Nhận tướng mờ mịt lăng xăng đó làm tâm tánh.”

Quý vị cho rằng tình trạng mờ mịt lăng xăng đó là tâm tánh của mình. Quý vị ở trong tình trạng mờ mịt lăng xăng, không được sáng suốt như thể là quý vị đã bị đánh mất nó–quên mất bản tâm vốn thường sáng suốt quý báu tròn đầy vi diệu. Nhưng thực sự chẳng mất đi đâu; quý vị chỉ dường như quên mất chân tâm của mình thôi, vì quý vị nhận tướng trạng mờ mịt lăng xăng làm tâm tánh của mình, là chân tâm vốn thường hằng sáng suốt tròn đầy vi diệu, thế nên quý vị bị lăng xăng nhiễu động.

Kinh văn: **一迷為心。決定惑為色身之內。**

Phiên Âm: Nhất mê vi tâm. Quyết định hoặc vi, sắc thân chi nội.

Việt dịch: Một khi đã lầm là tâm thì chắc chắn nhận lầm tâm ở trong thân.

Giảng: Quý vị đã mê lầm do chấp trước vì thiếu trí huệ. “Một khi đã lầm là tâm thì chắc chắn nhận lầm tâm ở trong thân.” Quý vị cho rằng chân tâm mình nằm ở trong sắc thân nầy. Đây là mê lầm đầu tiên.

Kinh văn: **不知色身外泊山河虛空大地。咸是妙明真心中物。**

Phiên Âm: Bất tri sắc thân, ngoại bạc sơn hà, hư không đại địa. Hàm thị diệu minh, chân tâm trung vật.

Việt dịch: Chẳng biết rằng từ sắc thân cho đến núi sông, hư không và thế giới đều là vật ở trong diệu minh chân tâm.

Giảng: Nhiều người cho rằng tâm là ở trong thân. Đây là một sai lầm nghiêm trọng nhất. Thế tâm ở ngoài thân chăng? Nó cũng chẳng ở ngoài. Nhưng như tôi đã nói, cũng chẳng phải là tâm ở trong thân. Mọi người chúng ta đều ở

trong chân tâm. Thế nên Kinh dạy: “Các ông chẳng biết rằng từ sắc thân cho đến núi sông, hư không và thế giới đều là vật ở trong diệu minh chân tâm.”

Tất cả những hiện tượng nầy đều lưu xuất từ chân tâm sáng suốt vi diệu của quý vị. Nó chẳng ở bên ngoài thân. Thế nên quý vị phải nhận ra rằng chân tâm của chúng ta bao trùm cả hư không và sum la vạn tượng; chẳng phải là hư không và sum la vạn tượng bao trùm chúng ta. Nếu quý vị hiểu được đạo lý nầy thì quý vị không còn là người bị quên mất bản tâm nữa.

Kinh văn: **譬如澄清百千大海。棄之唯認一浮漚體。目為全潮窮盡瀛渤。**

Phiên Âm: Thí như trừng thanh, bách thiên đại hải. Khí chi duy nhận, nhất phù ẩu thể. Mục vi toàn triều, cùng tận doanh bột.

Việt dịch: Ví như bỏ đi trăm ngàn biển lớn trong lặng, chỉ nhận một hòn bọt nổi mà cho là toàn thể biển lớn.

Giảng: “Ví như điều gì? Như Lai sẽ cho ông một thí dụ. Ví như bỏ đi trăm ngàn biển lớn trong lặng, chỉ nhận một hòn bọt nổi.” Quý vị chỉ nhận một hòn bọt nổi trên mặt đại dương mênh mông và cho rằng: “Hòn bọt nầy là biển cả.” Có phải sai lầm nghiêm trọng không? Trường hợp nầy cũng giống như A-nan cho rằng tâm ở trong thân vậy.

Cái tâm ở trong thân quý vị cũng chỉ nhỏ như hòn bọt trên mặt biển. Chân tâm chúng ta, là tâm siêu việt ngoài thân, là rộng lớn mênh mông như trăm ngàn đại dương mà quý vị chưa từng nhận ra nó; quý vị chưa nhận ra được chân tâm mình cũng rộng lớn mênh mông như trăm ngàn đại dương kia. Quý vị chỉ nhận hòn bọt nhỏ nhoi làm biển lớn.

Cũng vậy, chân tâm thường trú thể tính thanh tịnh sáng suốt vi diệu, là bản thể pháp tánh, vốn trùm khắp pháp giới, nó ở khắp mọi nơi; đó chính là chân tâm chúng ta. Nhưng quý vị không nhận ra đó chính là chân tâm mình. Điều nầy giống như nhìn hòn bọt nhỏ nhoi mà cho là toàn thể biển lớn. Đây cũng là sai lầm khi nhận cái tâm nhỏ nhoi ở trong thân mình cho là chân tâm. Chân tâm không nằm ở bên trong cũng chẳng ở bên ngoài. Tất cả quý vị đều có đầy đủ và trọn vẹn, chỉ vì quý vị không nhận ra nó. Quý vị không nhận ra chân tâm nơi chính mình.

Kinh văn: **汝等即是迷中倍人。如我垂手等無差別。如來說為可憐愍者.**

Phiên Âm: **Nhữ đẳng tức thị, mê trung bội nhân. Như ngã thùy thủ, đẳng vô sai biệt. Như Lai thuyết vi, khả lân mẫn giả.**

Việt dịch: Các ông là những người trong đám người mê, (cũng điên đảo) như cánh tay Như Lai rủ xuống không khác. Như Lai nói các ông thật là đáng thương xót.

Giảng: "Các ông là người mù trong những kẻ mù. Các ông là những người chưa chứng được quả vị hay chưa đạt được quả vị vô lậu, các ông đều là những người mù trong đám mù. (Cũng điên đảo) như cánh tay Như Lai rủ xuống không khác. Khi Như Lai duỗi cánh tay xuống, các ông cho đó là ngược. Khi Như Lai đưa tay lên, các ông gọi đó là thuận. Thực ra cánh tay chẳng có gì là thuận hay nghịch cả.

Chẳng có gì là thuận hay nghịch, nhưng các ông lập ra rồi gọi đó là 'thuận' hay 'nghịch'. Đây là mê mờ ở trong mê mờ. Vốn chẳng có chuyện gì cả, nhưng các ông làm ra chuyện. Vốn chẳng có gì rắc rối cả, nhưng các ông kiếm cho ra cái rắc rối. Đó nghĩa là người mù trong đám mù. Cũng giống như nhận lầm hòn bọt nhỏ nhoi cho là biển cả không khác. "Như Lai nói các ông thật là đáng thương xót." Đức Phật nhìn những người bị mê mờ trùng điệp như vậy với lòng rất thương xót. Những người chồng chất cái mê nầy trên cái mê kia thật đáng buồn thay.

Kinh văn: **阿難承佛悲救深誨。垂泣叉手而白佛言。我雖承佛如是妙音。悟妙明心元所圓滿常住心地。**

Phiên Âm: **A-nan thừa Phật: bi cứu thâm hối. Thùy khấp xoa thủ, nhi bạch Phật ngôn: Ngã tuy thừa Phật, như thị Diệu-Âm. Ngộ diệu minh tâm, nguyên sở viên mãn, thường trụ tâm địa.**

Việt dịch: A-nan nghe lời chỉ dạy từ bi cứu độ sâu mầu của Đức Phật, khóc lóc rồi chắp tay bạch rằng: "Tuy con nghe được pháp âm vi diệu của Phật, ngộ được tâm vốn thanh tịnh sáng suốt viên mãn thường trú,"

Giảng: Như trong phần mở đầu kinh văn đã đề cập đến, A-nan rơi vào nhà ngoại đạo và gặp nguy hiểm nghiêm trọng, gần đến bờ vực hủy phá giới thể. Đức Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi dùng chú Thủ Lăng Nghiêm để giải cứu A-nan rồi đưa A-nan trở về, rồi Đức Phật chỉ dạy cho A-nan rất kỹ lưỡng không biết đã bao nhiêu lần. Thế nên Kinh nói: A-nan nghe lời chỉ dạy từ bi cứu độ sâu mầu của Đức Phật, khóc lóc rồi chắp tay bạch rằng.

A-nan quá biết ân Đức Phật đến nỗi không biết phải làm gì nữa, nên A-nan chỉ biết khóc. Nước mắt chảy ràn rụa khi A-nan nói. “Tuy con nghe được pháp âm vi diệu của Phật, ngộ được tâm vốn thanh tịnh sáng suốt viên mãn thường trú. Con đã được Đức Phật chỉ dạy giáo lý nhiệm mầu như con vừa nói, với pháp âm vi diệu như vậy, bây giờ con mới giác ngộ ra chân tâm mình vốn sáng suốt nhiệm mầu, xưa nay vốn viên mãn, thường trú và không hề thay đổi. Bây giờ con mới nhận ra đó là chân tâm thường trú, thể tánh sáng suốt thanh tịnh của mình.”

Kinh văn: **而我悟佛現說法音。現以緣心允所瞻仰。徒獲此心未敢認為本元心地。**

Phiên Âm: **Nhi ngã ngộ Phật, hiện thuyết Pháp âm. Hiện dĩ duyên tâm, duẫn sở chiêm ngưỡng. Đồ hoạch thử tâm, vị cảm nhận vi, bổn nguyên tâm địa.**

Việt dịch: Song con ngộ được pháp âm của Phật vừa dạy, con cũng dùng tâm phan duyên để nhận biết điều ước mong. Con dù có được tâm nầy, cũng chưa dám nhận là tâm tánh xưa nay hằng có.

Giảng: “Song con ngộ được pháp âm của Phật vừa dạy, con cũng dùng tâm phan duyên để nhận biết điều ước mong.” A-nan nói rằng khi giác ngộ ra pháp âm vi diệu và chiêm ngưỡng uy đức của Đức Phật, A-nan vẫn còn dùng tâm phan duyên của mình để nhận biết. “Con dù có được tâm nầy, cũng chưa dám nhận là tâm tánh xưa nay hằng có.” A-nan nói rằng tuy mình đã ngộ ra điều ấy, nhưng ông chưa dám nhận mình có tâm ấy. A-nan không dám hòan toàn thừa nhận rằng đó chính là chân tâm của mình.

Đức Phật đã giảng giải cho A-nan rằng: “Núi sông đất liền, sum la vạn tượng, tất cả đều hiện ra từ tâm ông. Tất cả đều ở trong chân tâm của ông.” Đức Phật giảng giải rằng tánh thấy chính là chân tâm thường trú của mỗi chúng ta. A-nan nhận ra được đạo lý nầy, nhưng A-nan vẫn chưa dám nhận nó và cho đó là chân tâm mình. A-nan chưa chịu hồi đầu tức thì. Vì thế nên đến đây A-nan lại hỏi nữa. A-nan luôn luôn có chuyện để hỏi.

Kinh văn: **願佛哀愍,宣示圓音。拔我疑根歸無上道.**

Phiên Âm: **Nguyện Phật ai mẩn, tuyên thị viên âm. Bạt ngã nghi căn, quy vô thượng đạo**

Việt dịch: “Cúi mong Đức Phật thương xót, tuyên dạy viên âm, nhổ sạch gốc nghi ngờ trong con, để quay về đạo vô thượng.”

Giảng: Tại sao A-nan không nhận ra được đạo lý nầy? A-nan nói rằng khi nghe Đức Phật giảng pháp, A-nan đã dùng tâm phan duyên để nghe pháp. A-nan lầm tưởng rằng chẳng có tâm phan duyên, chẳng có pháp để được nghe. Đây là một sai lầm lớn. Sai lầm nầy A-nan đã mắc phải cũng như nhiều cư sĩ khác. A-nan nói: “Thật đúng là con phải loại bỏ tâm phan duyên đi, nhưng khi con đã không còn tâm phan duyên nữa, thì lấy gì để nghe pháp? Con sẽ không còn tâm nữa hay sao?”

A-nan vẫn tin rằng tâm phan duyên chính là chân tâm mình. A-nan không biết rằng tâm phan duyên của mình, là tâm đã tạo nên mọi phân biệt, kế chấp, là thức tâm, là đối tượng của sinh diệt. Nếu quý vị loại bỏ tâm phan duyên mà nghe pháp, thì mới gọi là chân chính nghe pháp. Nếu quý vị nghe pháp bằng chân tâm, thì tất cả các pháp đều là chính pháp. Nếu quý vị nghe pháp bằng tâm phan duyên, bất luận quý vị có nghe nhiều bao nhiêu, thì dường như luôn luôn có cái đúng và có cái chưa đúng. Đó là tâm nghi ngờ tương tục. Quý vị nên nghe pháp bằng chân tâm.

Nhưng A-nan đã biết vậy, nên A-nan không dám nhận những gì Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói về chân tâm. A-nan sợ rằng nếu mình nhận ra chân tâm, thì mình không còn nghe pháp được nữa, vì nghe pháp là điều quan trọng nhất đối với ông. A-nan nghĩ: “Đối với tôi, tâm sinh diệt hay tâm gì đó chẳng thành vấn đề, điều quan trọng là tôi được nghe pháp.” Đó chính là điểm mà A-nan không hiểu được và khiến cho A-nan nghi ngờ. Do vì A-nan không nhận ra đạo lý nầy, nên bạch Phật: “”

“Cúi mong Đức Phật thương xót, tuyên dạy lời viên âm.” Viên âm là âm thanh viên dung không ngăn ngại. Viên âm tức là nhất âm. Nên nói rằng: “Đức Phật chỉ dùng một âm thanh mà thuyết pháp, chúng sinh tuỳ theo căn cơ nghiệp lực mình đều được hiểu.” Khi loài người nghe nhất âm, họ cũng hiểu được; khi chư thiên nghe nhất âm, chư thiên cũng hiểu được; khi loài ngạ quỷ nghe nhất âm, ngạ quỷ cũng hiểu được; ngay cả khi loài súc sinh nghe nhất âm, loài súc sinh cũng hiểu được.

Mọi loài chúng sinh– người, trời, Bồ-tát, A-la-hán, đại tỷ-khưu, loài vật, loài ở địa ngục, quỷ đói–mỗi loài đều hiểu được giáo lý Đức Phật giảng giải bằng nhất âm. Khi Đức Phật giảng pháp, chúng sinh chỉ cần có duyên với Đức Phật, bất luận họ ở xa Đức Phật bao nhiêu, họ đều có thể nghe lời nói của Đức Phật như thể họ đang ở ngay bên cạnh Ngài vậy. Không cần bận tâm đến khoảng cách. Quý vị xem đó có vi diệu không? Thế nên A-nan cầu thỉnh Đức Phật dùng viên

âm chỉ dạy, để “nhổ sạch gốc nghi ngờ trong con, để quay về đạo vô thượng. Con chưa giải trừ được mối nghi trong lòng. Cội gốc nghi ngờ vẫn còn trong tâm con. Nếu Đức Phật giúp cho con nhổ sạch gốc rễ ấy, thì con mới có thể nhận ra đạo vô thượng.”

Kinh văn: **佛告阿難,汝等尚以緣心聽法。此法亦緣非得法性。**

Phiên Âm: Phật cáo A-nan! Nhữ đẳng thượng dĩ, duyên tâm thính pháp. Thử pháp diệc duyên, phi đắc pháp tánh.

Việt dịch: Đức Phật bảo A-nan: “Các ông vẫn còn dùng tâm phan duyên để nghe pháp, thì pháp ấy chỉ là sở duyên (hư vọng), chẳng phải là pháp tánh.”

Giảng: Đáp lời cầu thỉnh của A-nan để giải trừ mối nghi của ông, Đức Phật bảo: “Các ông vẫn còn dùng tâm phan duyên để nghe pháp, thì pháp ấy chỉ là sở duyên (hư vọng), chẳng phải là pháp tánh.” Các ông vẫn còn tâm phan duyên, thế nên khi các ông nghe pháp thì pháp ấy cũng sẽ thành pháp sở duyên. Nó trở thành pháp sinh diệt, chẳng phải là pháp tánh. Các ông chưa nhận ra được bản thể chân tánh của các pháp.”

Kinh văn: **如人以手指月示人。彼人因指當應看月。**

Phiên Âm: Như nhân dĩ thủ, chỉ nguyệt thị nhân. Bỉ nhân nhân chỉ, đương ưng khán nguyệt.

Việt dịch: Như người dùng ngón tay chỉ mặt trăng cho người khác xem, người kia phải nhờ ngón tay mới thấy được mặt trăng.

Giảng: “Như người dùng ngón tay chỉ mặt trăng cho người khác xem, người kia phải nhờ ngón tay mới thấy được mặt trăng. Như Lai sẽ cho ông một ví dụ. Tôi chỉ mặt trăng rồi hỏi ông: ‘ Đó là mặt trăng. Ông có thấy không?’ Việc ấy cốt là để cho ông nhìn thấy mặt trăng.”

Kinh văn: **若復觀指以為月體。此人豈唯亡失月輪亦亡其指。何以故。以所標指為明月故。**

Phiên Âm: Nhược phục quán chỉ, dĩ vi nguyệt thể. Thử nhân khởi duy, vong thất nguyệt luân, diệc vong kỳ chỉ. Hà dĩ cố? Dĩ sở tiêu chỉ, vi minh nguyệt cố.

Việt dịch: Nếu lại nhìn ngón tay nhận là mặt trăng, thì người ấy không những quên mất mặt trăng mà còn mất luôn cả ngón tay. Vì sao? Vì cho ngón tay là mặt trăng sáng.

Giảng: "Nếu lại nhìn ngón tay nhận là mặt trăng, thì người ấy không những quên mất mặt trăng mà còn mất luôn cả ngón tay. Nhưng ông không chịu nhìn mặt trăng mà Như Lai đã chỉ; ông lại nhìn vào ngón tay rồi nói: 'A! Đó là mặt trăng. Mặt trăng là giống như vậy.' Ông đã nhận ngón tay làm mặt trăng, thế nên ông bỏ quên mất mặt trăng. Ông đã bỏ quên mất rồi!"

Trong đoạn kinh văn trước đã có nói: "bỏ quên mất bản tâm", ở đây có người nhìn ngón tay và nhận nó làm mặt trăng, thế nên không những họ không nhìn thấy mặt trăng, mà còn không nhận ra ngón tay của người kia. Vì sao? Vì lầm cho ngón tay là mặt trăng sáng. Họ không nhận ra được cả mặt trăng lẫn ngón tay. Họ là ai? A-nan cũng như vậy. Mặt trăng là chân tâm. Ngón tay được ví như pháp được giảng nói, vì Đức Phật giảng pháp là để chỉ bày chân tâm.

Thế nên khi ánh sáng chân tâm bị bỏ quên mất, thì ngay cả pháp cũng không lĩnh hội được. Thế nên Đức Phật bảo: "Các ông vẫn còn dùng tâm phan duyên để nghe pháp, thì pháp ấy cũng là sở duyên" Quý vị xem một người như thế thì thật có đáng thương xót không? Tôi cho rằng những người như vậy rất đáng thương.

Kinh văn: **豈唯亡指。亦復不識明之與暗。何以故。即以指體為月明性。明暗二性無所了故,汝亦如是.**

Phiên Âm: Khởi duy vong chỉ. Diệc phục bất thức, minh chi dữ ám.

Hà dĩ cố? Tắc dĩ chỉ thể, vi nguyệt minh tánh. Minh ám nhị tánh, vô sở liễu cố. Nhữ diệc như thị

Việt dịch: Không những quên mất ngón tay, mà còn không biết đến tối và sáng. Sao vậy? Vì cho ngón tay là tánh sáng của mặt trăng. Thế là không rõ được tánh sáng và tối. Các ông cũng như vậy.

Giảng: "Không những quên mất ngón tay, mà còn không biết đến tối và sáng." Họ không nhận ra được mặt trăng và ngón tay là gì, thế nên cả ngón tay và mặt trăng đều bị bỏ quên mất. Nhưng tuy vậy, không có gì bị mất cả. Nó vẫn còn đó. Chỉ vì họ không hiểu. Anh ta không hiểu hoặc nhận ra được cái sáng và cái tối. Nói cách khác, người nầy cơ bản là không hiểu được gì là giác ngộ và đâu là mê lầm; cái gì là vô minh và cái gì là chánh kiến. "Sao vậy? Vì cho ngón tay là tánh sáng của mặt trăng."

Anh ta nhận lầm cho thể dạng của ngón tay là tánh sáng tối của mặt trăng. Vậy có điên đảo không? Mọi người đều biết như vậy. Nhưng dù sao anh ta cũng muốn như thế. "Thế là không rõ được tánh sáng và tối." Ngay cả anh ta chưa hiểu được ý niệm sáng và tối. Thật là u mê, có phải vậy không? "Các ông cũng như vậy. A-nan, ông cũng giống như người nhận lầm ngón tay cho là mặt trăng và hòan toàn không hiểu được cái gì là sáng và tối.

Ông nghe pháp với tâm phan duyên, và ông sợ rằng nếu ông nhận ra giáo lý về chân tâm thì ông sẽ không còn nghe pháp được nữa. Ông cho rằng chân tâm chỉ là ở trong giáo pháp, thế nên ông lầm cho ngón tay là mặt trăng. Ông không thể nào chỉ ra ánh sáng từ trong bóng tối, có nghĩa là ông chưa có được trí huệ chân chính. Hãy đi mà nghe pháp với tâm phan duyên cho nhiều nếu ông cần, nhưng càng nghe ông càng trở nên ngu muội hơn. Ông càng rong ruổi tìm cầu, càng xa chân tâm."

Không ai biết được khi ấy A-nan cảm nhận như thế nào. Trước đó, khi A-nan lạc mất dấu tích tâm mình, ông ta bối rối không biết phải làm gì. A-nan nhấp nhổm trên chỗ ngồi. Nay Đức Phật bảo ông bỏ quên mất cả ngón tay lẫn mặt trăng, không biết A-nan suy nghĩ thế nào. Đức Phật nói pháp là để chỉ bày chân tâm. Nhưng A-nan hiểu lầm rằng chân tâm chỉ là giáo pháp. Thế nên Đức Phật đã dùng thí dụ ngón tay và mặt trăng để chỉ bày điều nầy cho A-nan.

Kinh văn: **若以分別我說法音為汝心者。此心自應離分別音有分別性。譬如有客寄宿旅亭。暫止便去終不常住。而掌亭人都無所去名為亭主。**

Phiên Âm: Nhược dĩ phân biệt, ngã thuyết Pháp âm, vi nhữ tâm giả. Thử tâm tự ưng, ly phân biệt âm, hữu phân biệt tánh. Thí như hữu khách, kí túc lữ đình. Tạm chỉ tiện khứ, chung bất thường trụ. Nhi chưởng đình nhân, đô vô sở khứ, danh vi đình chủ.

Việt dịch: Nếu lấy cái phân biệt pháp âm của Như Lai làm tâm của ông, thì tâm ấy lẽ ra khi tự tách rời cái phân biệt âm thanh nói pháp, nó phải có tánh phân biệt. Như người khách ngủ trọ trong lữ quán, tạm nghỉ rồi đi, không dừng lại mãi; mà người chủ quán thì chẳng đi đâu, nên gọi là chủ.

Giảng: "Nếu lấy cái phân biệt pháp âm của Như Lai làm tâm của ông, thì tâm ấy lẽ ra khi tự tách rời cái phân biệt âm thanh nói pháp, nó phải có tánh phân biệt. Nếu cái tâm ông đang hoạt dụng– tâm phan duyên và tạo ra các phân biệt– thực sự là chân tâm, thì lẽ ra nó phải có một sự phân biệt – làm nên tánh phân biệt từ cái mà nó phân biệt. Khi ông không nghe pháp, lẽ ra ông vẫn còn

có tánh phân biệt; sao nó lại như vậy?" "Như người khách ngủ trọ trong lữ quán, tạm nghỉ rồi đi, không dừng lại mãi. Khách nghỉ lại chừng hai ba ngày;

Họ không thể ở trong khách sạn mãi mãi. Mà người chủ quán thì chẳng đi đâu, nên gọi là chủ. Người trông coi lữ quán thì không thể đi đâu. Tâm phân biệt cũng giống như người khách dừng nghỉ tạm thời trong lữ quán, trong khi chân tâm, cũng như người chủ quán, không hề đi đâu."

Kinh văn: **此亦如是,若真汝心則無所去。云何離聲無分別性。**

Phiên Âm: Thử diệc như thị! Nhược chân nhữ tâm, tắc vô sở khứ. Vân hà ly thanh, vô phân biệt tánh.

Việt dịch: Đây cũng như vậy, nếu thật là tâm của ông thì chẳng đi đâu, làm sao rời tiếng lại không có tánh phân biệt?

Giảng: "Đây cũng như vậy, nếu thật là tâm của ông thì chẳng đi đâu. Khi không có âm thanh, thì tâm phân biệt không còn có nữa. Và nếu thật là chân tâm phân biệt được âm thanh, thì có nghĩa là khi âm thanh dừng bặt, cũng không còn chân tâm nữa. Làm sao rời tiếng lại không có tánh phân biệt? Nhưng chân tâm là ông chủ, không phải là khách; nên không rời đi đâu. Do vậy nên chẳng phải chân tâm làm nên sự phân biệt. Ông lầm rồi."

Kinh văn: **斯則豈唯聲分別心。分別我容離諸色相無分別性。**

Phiên Âm: Tư tắc khởi duy, thanh phân biệt tâm. Phân biệt ngã dung, ly chư sắc tướng, vô phân biệt tánh.

Việt dịch: Thế thì, chẳng những tâm phân biệt các âm thanh, mà ngay phân biệt hình dung của Như Lai, khi rời các sắc tướng, cũng không có tánh phân biệt.

Giảng: "Thế thì, chẳng những tâm phân biệt các âm thanh. Khi có âm thanh thì có phân biệt, và khi không có âm thanh thì không có sự phân biệt. Nguyên lý nầy không chỉ áp dụng đối với âm thanh, mà còn áp dụng trong sự phân biệt hình dáng của Như Lai, khi rời các sắc tướng, cũng không có tánh phân biệt. Khi ông nhìn thấy 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp của Như Lai, ông cũng khởi tâm phân biệt trong đó; còn khi ông rời các tướng ấy ra, thì các tánh phân biệt không còn nữa."

Có người không đồng ý: " Tôi nghe âm thanh giảng pháp đến khi về đến nhà tôi vẫn còn nghe tiếng ấy bên tai. Tôi nhìn mọi vật, và khi nhắm mắt lại tôi vẫn còn ấn tượng về âm thanh ấy. Như thể tôi đang nhìn thấy nó vậy."

Quý vị bảo rằng âm thanh chân thật hay hư vọng? Quý vị thực sự nghe được nó chăng? Đó chỉ là ấn tượng từ trong thức thứ 8 của quý vị, đó là ký ức, còn gọi là "bóng dáng tiền trần phân biệt của tâm thức;" Nó không thật. Nó là một ảo giác. Nó không phải là tướng tạo ra phân biệt, vì rời tướng phân biệt (sở phân biệt), thì chẳng có tánh phân biệt (năng phân biệt).

Kinh văn: **如是乃至分別都無,非色非空。拘舍離等昧為冥諦,離諸法緣無分別性。**

Phiên Âm: Như thị nãi chí, phân biệt đô vô, phi sắc phi không. Câu xá ly đẳng, muội vi minh đế, ly chư pháp duyên, vô phân biệt tánh.

Việt dịch: Như thế cho đến cái phân biệt đều không, chẳng phải sắc, chẳng phải không, mà nhóm Câu-xá-ly…lầm cho là minh đế. Rời các pháp trần, không còn tánh phân biệt.

Giảng: Đức Phật đã giảng giải rằng rời âm thanh không còn tánh phân biệt, và rời sắc trần, cũng không còn tánh phân biệt. "Như thế –sự thật như nhau– cho đến cái phân biệt đều không, chẳng phải sắc, chẳng phải không," Khi quý vị đạt đến tình trạng mọi phân biệt đều không, quý vị chẳng thể nào gọi đó là sắc hoặc là không; chẳng phải là cả hai. Đó là tình trạng giữ sự điềm tĩnh trong tâm. Ngoại đạo tu tập loại minh đế nầy là lãng quên hòan toàn. Họ cho rằng sự chứng đắc cao tột và vi diệu nhất là như vậy.

Đây là "nhóm Câu-xá-ly…lầm cho là minh đế. " Câu-xá-ly , tiếng Phạn nghĩa là "chuồng bò. " Có thể ngoại đạo Câu-xá-ly sống bên cạnh chuồng bò, hoặc có lẽ họ ở ngay trong chuồng bò, thế nên họ được gọi là "chuồng bò." Có người cho rằng Câu-xá-ly là tên mẹ. Nhưng tôi không tin mẹ của họ là loài bò. Câu-xá-ly là tên của một trong Lục sư ngoại đạo. Ông ta cùng những người khác đều rơi vào tình trạng mờ mịt tối tăm, có nghĩa là mê muội thiếu trí huệ.

Họ ở trong trạng thái hòan toàn không còn sự phân biệt, và căn bản là thiếu trí huệ , nên họ trở nên mờ mịt tối tăm. Chữ muội (昧) trong tiếng Hán có nghĩa là mờ tối, là một trong 2 từ dùng để dịch chữ samādhi (chánh định) trong tiếng Sanskrit. Nhưng riêng chữ muội (昧) lại không có nghĩa là chánh định . Đúng hơn là giống như ngủ nhưng không phải ngủ. Quý vị nói rằng mình đang thức nhưng thật ra là đang ở trong cơn ngầy ngật.

Đức Phật nói về trạng thái nầy trong đoạn kinh trên không phải là chánh định. Khi thể nhập vào chánh định, thì tâm hành giả thường rõ ràng sáng suốt (liễu liễu thường minh), nhưng ngoại đạo mà Đức Phật nói đến ở đây lại mê muội tối tăm. Khi họ ở trong cảnh giới ấy, họ thấy mình có đồng một sinh lực với trời đất; thân của họ đồng nhất với sinh lực ấy. Trời đất thì rất bền vững, và họ cũng rất bền vững. Nhưng họ không hiểu rằng, họ chỉ có chút ít năng lực tinh thần thuộc dạng ấy, giống như sơ quả A-la-hán, mà họ chưa đạt được năng lực thần thông của quả vị viên mãn. Khi có người nói về thần thông mà họ chứng được, chúng ta phải phân biệt thật rõ ràng. Có nhiều dạng thần thông chứ không phải chỉ một loại.

Loại ngoại đạo nầy gọi trạng thái không hay biết kia là minh đế. Minh có nghĩa là trống không mọi thứ. Mọi cái đều không, nhưng đó chẳng phải là chân không , mà chính là ngoan không, trạng thái như nửa tỉnh nửa mê, trong đó quý vị ‘không cảm nhận được cái mình đang cảm nhận và không biết được cái mình đang nhận biết.’ Họ gọi đó là minh đế, là cảnh giới cao nhất mà họ đạt được. Đó là học thuyết của họ. “Rời các pháp trần, không còn tánh phân biệt.” “Minh đế” của họ là tách rời các pháp sở duyên, và không có tánh phân biệt khi các pháp sở duyên không còn. Ngay khi các pháp sinh khởi, ngoại đạo nầy vẫn còn tánh phân biệt. Minh đế” của ngoại đạo nầy là như vậy đó.

Kinh văn: **則汝心性,各有所還,云何為主.**

Phiên Âm: Tắc nhữ tâm tánh, các hữu sở hoàn, vân hà vi chủ?

Việt dịch: Thì tâm tánh của ông đều có chỗ trả về, vậy lấy gì làm chủ?

Giảng: Đức Phật bảo A-nan: “Ông cho rằng chính tâm phan duyên của ông đang nghe pháp. Nếu ông nghe pháp với tâm phan duyên, thì thể tánh của pháp cũng là phan duyên. Tâm của ông không có phân biệt khi rời tiền trần. Tự tâm vốn chẳng có tánh phân biệt. Thì tâm tánh của ông đều có chỗ trả về, vậy lấy gì làm chủ? Mọi thứ thuộc về tâm tánh ông đều có chỗ để trả về, giống như khi ông mượn vật gì của ai rồi trả lại cho họ vậy. Nếu tâm hiện hữu nhờ vào tiền trần, thế thì sẽ được trả lại cho tiền trần. Nếu mọi vật đều có nơi để trả về, thế thì ai là chủ?”

Kinh văn: **阿難言,若我心性各有所還。則如來說妙明元心云何無還。惟垂哀愍為我宣說.**

Phiên Âm: A-nan bạch Phật ngôn: nhược ngã tâm tánh, các hữu sở hoàn. Tắc Như Lai thuyết, diệu minh nguyên tâm, vân hà vô hoàn. Duy thùy ai mẩn, vi ngã tuyên thuyết.

Việt dịch: A-nan thưa: "Nếu tâm tánh của con đều có chỗ trả về, thì tại sao Như Lai dạy tâm diệu minh sẵn có ấy không trả về đâu? Cúi mong Như Lai thương xót chỉ bày điều ấy."

Giảng: Bấy giờ A-nan càng mờ mịt, càng thấy bối rối hơn. A-nan thưa: "Nếu tâm tánh của con đều có chỗ trả về, Nếu mọi thứ trong tâm con không phải là của con, thì nó phải có chỗ để trả về–thì tại sao Như Lai dạy tâm diệu minh vốn có không trả về đâu? Thế tại sao chân tâm thường trú vốn xưa nay thanh tịnh sáng suốt nhiệm mầu. Bạch Thế tôn, không có nơi trả về hay sao?

Việt dịch: Càng lắng nghe Thế tôn giảng giải đạo lý nầy, con càng bối rối và càng khó hiểu. Cúi mong Như Lai thương xót chỉ bày điều ấy." Pháp thân, Báo thân và Ứng thân của Như Lai đều rất rộng lớn. "Nay ước nguyện của con." A-nan thưa: "Xin Như Lai rủ lòng thương xót chúng con, xin Như Lai từ bi chỉ bày đạo lý không có chỗ trả về của chân tâm."

Kinh văn: **佛告阿難,且汝見我,見精明元。此見雖非妙精明心。如第二月,非是月影。**

Phiên Âm: Phật cáo A-nan: thả nhữ kiến ngã, kiến tinh minh nguyên. Thử kiến tuy phi, diệu tinh minh tâm. Như đệ nhị nguyệt, phi thị nguyệt ảnh.

Việt dịch: Đức Phật bảo A-nan: "Vả lại, khi ông thấy Như Lai bằng cái thấy nhiệm mầu sáng suốt của ông, cái thấy ấy tuy chưa phải là diệu tinh minh tâm, mà nó như mặt trăng thứ 2, không phải là bóng của mặt trăng."

Giảng: Đức Phật bảo A-nan: "Vả lại, khi ông thấy Như Lai bằng cái thấy nhiệm mầu sáng suốt của ông, Cái tánh thấy của ông khi nhìn thấy 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp của Như Lai vốn có bản tính thanh tịnh sáng suốt. Cái thấy ấy tuy chưa phải là diệu tinh minh tâm, mà nó như mặt trăng thứ 2, không phải là bóng của mặt trăng. Tánh thấy cơ bản là nương vào thức thứ 8, còn được gọi là tâm vương. Cái thấy của tâm vương có thể đi từ phía thiện hoặc về bên phía ác.

Nếu nó thăng hoa, nó siêu việt thành Phật tánh. Nếu nó đi xuống, nó thành thức thứ 7. Mặc dù thể tánh của thức thứ 8 tự nó không phải là chân tâm, mà chân tâm bao hàm trong thức thứ 8. Thế nên ngay chỗ nầy đừng lầm lẫn rồi nghĩ rằng khi nói tánh thấy không phải là diệu tinh minh tâm, Đức Phật cũng không dám nhận đó là chân tâm. Tánh thấy chính là chân tâm. Đức Phật đã

chứng minh điều ấy. Tính thấy mà chúng ta thấy được chính là chân tâm, nhưng nó giống như mặt trăng thứ 2, không giống như ảnh của mặt trăng.

Sao vậy? Nếu quý vị dùng tay dụi vào mắt, quý vị sẽ thấy ngay có 2 mặt trăng. Nhưng 2 mặt trăng kia chỉ là một, một mặt trăng chân thực, chứ không phải là bóng của mặt trăng như khi ta thấy nó hiện ra dưới nước, Đức Phật gọi đó là thức thứ 8, là tâm vương, là bản thể chân tâm. Quý vị đừng nhầm lẫn cho rằng thức thứ 8 không phải là chân tâm."

Kinh văn: **汝應諦聽,今當示汝無所還地。**

Phiên Âm: Nhữ ưng đế thính, kim đương thị nhữ, vô sở hoàn địa.

Việt dịch: Ông nay hãy lắng nghe, Như Lai sẽ chỉ cho ông cái không thể trả về.

Giảng: " A-nan, Ông nay hãy lắng nghe, Như Lai sẽ chỉ cho ông cái không thể trả về. A-nan, ông hãy chú tâm nghe kỹ. Đừng mơ hồ khi nghe Như Lai nói. Hãy lắng lòng nghe. Nay Như Lai sẽ chỉ bày cho ông, như ông vừa hỏi, vì sao chân tâm lại không có chỗ trả về." Đức Phật bắt đầu gạn hỏi A-nan.

Kinh văn: **阿難,此大講堂,洞開東方。日輪昇天則有明耀。中夜黑月雲霧晦暝則復昏暗。戶牖之隙則復見通。牆宇之間則復觀擁。分別之處則復見緣。頑虛之中遍是空性。鬱[土*孛]之象則紆昏塵。澄霽斂氛又觀清淨。**

Phiên Âm: A-nan! Thử đại giảng đường, đỗng khai Đông phương. Nhật luân thăng thiên, tắc hữu minh diệu. Trung dạ hắc nguyệt, vân vụ hối minh, tắc phục hôn ám. Hộ dũ chi khích, tắc phục kiến thông. Tường vũ chi gian, tắc phục quán ủng. Phân biệt chi xứ, tắc phục kiến duyên. Ngoan hư chi trung, biến thị không tánh. Uất bụi chi tượng, tắc hu hôn trần. Trừng tễ liệm phân, hựu quán thanh tịnh.

Việt dịch: A-nan, cửa đại giảng đường nầy mở thông về hướng Đông, khi mặt trời lên thì có ánh sáng, giữa đêm không trăng mây mù mờ mịt thì tối tăm; chỗ có các cửa thì thấy thông suốt, chỗ có tường ngăn thì thấy bít lấp; chỗ phân biệt được thì thấy cảnh sở duyên, trong chỗ trống rỗng, toàn là hư không; cảnh tượng mù mịt khi bụi dấy lên; mưa tạnh trời quang lại thấy trong lặng.

Giảng: “A-nan, cửa đại giảng đường nầy mở thông về hướng Đông, khi mặt trời lên thì có ánh sáng.” Ngôi giảng đường lớn Đức Phật thuyết Kinh Thủ Lăng Nghiêm chứa một số đông các đại Bồ-tát, đại A-la-hán, đại tỷ-khưu, đến từ tam thiên đại thiên thế giới khắp 10 phương. Khi mặt trời lên cao, nó chiếu ánh sáng vào trong giảng đường. “Giữa đêm không trăng mây mù mờ mịt thì tối tăm.” Mặt trời lên cao biểu tượng cho trí huệ của mọi người, có thể chiếu phá bóng tối.

Mây và sương mù biểu tượng cho sự ngu độn của con người. Khi trên trời có mây và dưới đất có sương mù thì quý vị không thấy được gì cả. Điều ấy biểu tượng cho con người trong tình trạng ngu đần cao độ, họ hòan toàn không có trí huệ và không hiểu được chút nào đạo lý ẩn đằng sau mọi việc. Họ không hiểu đâu là đường đi, đâu là Đạo. Họ muốn tu đạo nhưng không biết tìm ở đâu. Họ muốn làm việc thiện, nhưng không biết tiến hành như thế nào cho đúng như chánh pháp.

Trí huệ thì sáng còn ngu muội thì tối tăm. Nhưng làm sao để phân biệt được chúng? Có thể nào mình tự nghĩ: “A! Ta là người thông thái. Ta thật là thông minh,” thế là mình có được trí huệ chăng? Không. Quý vị càng tự cho mình thông minh linh lợi bao nhiêu thì quý vị càng ngu đần bấy nhiêu, ngu đần như heo vậy. Heo thì không có khả năng tự cho nó là thông minh. Còn nếu quý vị tự cho mình là thông minh thì quý vị là kẻ ngu đần nhất trần gian, vì quý vị là người quá tự mãn.

“Hãy xem tôi,” quý vị nói: “Chẳng có ai bằng tôi cả.” Nếu chẳng có ai bằng quý vị cả, thì đúng quý vị chẳng phải là loài người. Còn nếu quý vị là người, thì không có trường hợp chẳng có người bằng mình, vì mọi người ai cũng giống nhau cả. Quý vị có hiểu vậy không? Đây là điều rất quan trọng. Nếu quý vị không phải là người ngu đần, thì bất luận quý vị giống như ai, cũng đừng bao giờ tự cho mình là vô song. Quý vị không nên quá kiêu mạn và tự mãn.

“Hãy xem tôi, tôi là độc nhất.” Đây là điều cực kỳ ngu xuẩn. Điều nầy cũng như là người đứng thứ nhất nên người ta không biết tính kể vào đâu được cả. Vì sao? Vì nếu quý vị muốn mình là người thứ nhất, mà mọi người ai cũng có con số của họ cả. Nếu quý vị là người chân thực thứ nhất, thì chẳng có con số nào gán cho nó được cả. Đứng thứ nhất chẳng có nghĩa gì đối với những người thực sự là tài giỏi.

Những người cực kỳ ngu xuẩn thường tự cho mình là người thông minh, nhưng những người thông minh thường không biết về sự thông minh của mình. Họ không thể nào suy gẫm những vấn đề về tính thông minh của họ. Trong bóng

tối người ta chẳng thấy được điều gì cả, cũng như người mù, người tự cho mình thông minh hơn người khác cũng như vậy.

“Chỗ có các cửa thì thấy thông suốt. Từ bên trong, người ta có thể nhìn thấy ra bên ngoài. Quý vị có thể thông đạt mọi thứ không chướng ngại vì quý vị có ngũ nhãn và lục thông.” Một hôm có vị đệ tử nói với tôi: “Sau khi ăn trưa, mọi người thay vì đi làm việc, họ lại đi ngủ.” Làm sao anh ta biết mọi người đi ngủ? Có ai báo cho anh ta chăng? Vì anh ta có Phật nhãn, thế nên anh ta biết được mọi người đang làm gì.

“Thế ông để ý đến công việc của người khác để làm gì?” Vốn thông thường, khi chỉ có mình tôi, mọi người thường làm việc và không báo cho tôi, họ cho rằng tôi không hay biết gì. Để cho tôi khỏi bận tâm đến họ. Nay tôi đã có một phụ tá. Tôi nhờ anh ta báo cho tôi biết những sai phạm của người khác. Bây giờ mọi người báo cáo công việc cho tôi, tôi đã có bằng chứng, thế nên tôi có thể đối chất với những người phạm sai lầm. Nhưng quý vị đừng sợ. Tôi không cố ý vặn hỏi những tiểu tiết đâu. Chỉ những điều nghiêm trọng xảy ra tôi mới hỏi.

Vị đệ tử nầy là người giúp việc của tôi và nếu có ai trộm cắp vật gì, anh ta đều biết; nếu có ai sát sinh, anh ta cũng biết. Nếu tôi có tâm để ý chuyện lặt vặt, tôi có thể làm việc ấy bất kỳ lúc nào. Nếu tôi không có tâm để ý chuyện lặt vặt, cũng có thể để cho mọi chuyện qua đi. Thế nên trong quý vị có ai nghĩ đến chuyện trộm cắp, đừng nên sợ hãi, và trong quý vị có ai muốn làm điều gì mà không thích tôi biết đến cũng đừng sợ hãi.

Từ hồi nào đến giờ tôi vẫn không hề bận tâm đến những tiểu tiết. “Chỗ có tường ngăn thì thấy bít lấp. Nơi nào có khoảng hở, thì thấy được bên ngoài, nơi nào ngăn bít, thì không thấy được. Chỗ phân biệt được thì thấy cảnh sở duyên. Những nơi đặc biệt đều là tướng trạng mà ông thấy được, cho dù đó là núi sông đất liền, lùm rừng khe suối, mỗi mỗi đều được phân biệt: cao thấp, tốt xấu, nhà, cổng, mái hiên, nhà tranh, đường sông… Đều là những tướng phân biệt do từ tâm, vậy nên nó là cảnh sở duyên. Trong chỗ trống rỗng, toàn là hư không.

Tối tăm, ngoan không, nơi vô dụng, đều là những chỗ không nhận biết; đó là hư không. Cảnh tượng mù mịt khi bụi dấy lên.” “Mù mịt” là khi bụi hoặc hơi nước dấy lên từ mặt đất. Vào ngày không có mặt trời, bụi và hơi nước trông giống như khói, nhưng khi mặt trời lên, thì không thấy gì cả. “Bụi” là khi gió cuốn đất cát rồi thổi tung lên. Bụi và mù làm cho không gian tối tăm và hỗn độn, giống như cái nhìn bị khúc xạ do nhìn thấy bóng nước, khiến cho cảnh vật uốn lượn như sóng chập chờn trước mắt. Mưa tạnh trời quang lại thấy trong

lặng. Kinh văn đề cập đến sự trong sáng như cảnh trời quang đãng trong lặng sau cơn mưa.

Kinh văn: **阿難汝咸看此諸變化相。吾今各還本所因處。云何本因。阿難此諸變化明還日輪。何以故。無日不明,明因屬日。是故還日暗還黑月。通還戶牖擁還牆宇。緣還分別頑虛還空。鬱[土*孛]還塵清明還霽。則諸世間一切所有不出斯類.**

Phiên Âm: A-nan! Nhữ hàm khán thử, chư biến hóa tướng. Ngô kim các hoàn, bổn sở nhân xứ. Vân hà bổn nhân?

A-nan! Thử chư biến hóa, minh hoàn nhật luân.

Hà dĩ cố? Vô nhật bất minh, minh nhân chúc nhật. Thị cố hoàn nhật, ám hoàn hắc nguyệt. Thông hoàn hộ dũ, ủng hoàn tường vũ. Duyên hoàn phân biệt, ngoan hư hoàn không. Uất bụi hoàn trần, thanh minh hoàn tễ. Tắc chư thế gian, nhất thiết sở hữu, bất xuất tư loại.

Việt dịch: A-nan, ông hãy xem các tướng biến hóa nầy, nay Như Lai đều trả về nơi xuất phát của nó. Thế nào là nơi xuất phát? A-nan, các tướng biến hóa nầy, sáng trả về cho mặt trời. Vì sao? Vì nếu không có mặt trời thì không có sáng. Nguyên nhân cái sáng là do mặt trời, nên trả về cho mặt trời. Cái tối trả về cho đêm không trăng; thông suốt trả về cho cửa; ngăn bít trả về cho tường vách; cảnh sở duyên trả về cho phân biệt; trống rỗng trả về cho hư không; mù mịt trả về cho bụi; trong lặng trả về cho trời tạnh. Tất cả mọi vật có trong thế gian đều không ngoài các thứ nầy.

Giảng: Đức Phật tiếp tục giảng giải: "A-nan, ông hãy xem các tướng biến hóa nầy, nay Như Lai đều trả về nơi xuất phát (bản nhân) của nó. Dù chúng sáng hay tối, thông hay bít, cảnh sở duyên hay trống rỗng, trong lặng hay mù mịt, tất cả 8 tướng nầy đều có thể trả về nơi mà chúng xuất phát (bản nhân). Thế nào là nơi xuất phát? Cái gì là nơi mà chúng xuất hiện?

A-nan, các tướng biến hóa nầy: Ông nên lắng nghe kỹ và đặc biệt chú tâm đến những điều tôi sắp giảng về tám tướng biến hóa nầy. Sáng trả về cho mặt trời. Vì sao? Vì nếu không có mặt trời thì không có sáng. Tôi sẽ trả ánh sáng về lại cho mặt trời. Nếu không có mặt trời thì không có cái sáng; khi tối tăm là lúc ánh sáng đã được trả về lại cho mặt trời. Nguyên nhân cái sáng là do mặt trời, nên trả về cho mặt trời.

Do vậy, Như Lai đem ánh sáng trả lại cho mặt trời. Quý vị có đồng ý không? A-nan, ông có ý kiến gì không?" A-nan không nói được điều gì, cho dù nếu A-nan có thêm những điều nghi ngờ khác hoặc muốn hỏi thêm điều gì đó, A-nan có thể hỏi vào lúc nầy. Nhưng A-nan im lặng. Thế nên Đức Phật giảng giải: "Cái tối trả về cho đêm không trăng." Sẽ trả cái tối về cho đêm không trăng. Ở Trung Hoa, đêm trăng sáng được gọi là "bạch nguyệt" và đêm không trăng được gọi là 'hắc nguyệt', điều nầy không có nghĩa là mặt trăng phát ra ánh sáng màu đen.

Đó là dịch quá sát nên làm hỏng luôn ý nghĩa. Khi ăn, quý vị nên tiêu hóa thức ăn, trường hợp ấy cũng giống như đối với ý nghĩa đoạn kinh nầy. Đừng nghĩ rằng Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói rằng mặt trăng phát ra ánh sáng màu đen; đó cũng có nghĩa là ăn mà không tiêu. Thế có ích lợi gì?

"Thông suốt trả về cho cửa; ngăn bít trả về cho tường vách. Nơi có thể nhìn thấy nay trả về cho cửa lớn và cửa sổ vì nó có khoảng hở; trong khi những chỗ bít lấp không nhìn thấy được thì nay trả về cho tường vách." "Cảnh sở duyên trả về cho phân biệt. Cảnh sở duyên nay trả về cho tâm phân biệt. Trống rỗng trả về cho hư không. Nơi trống rỗng trả về cho hư không rộng lớn. Mù mịt trả về cho bụi. Bụi và mù đều làm ô nhiễm không khí nên nay trả nó về cho đất bụi.

Trong lặng trả về cho trời tạnh. Sự trong lặng được trả về cho bầu trời trong lặng. Tất cả mọi vật có trong thế gian đều không ngoài các thứ nầy. Tám tướng biến hóa mà Như Lai vừa giảng, gồm 4 cặp, bao trùm cả mọi thứ từ cái đơn giản nhất trên thế gian cho đến cái ít, cái nhiều, cái xa, cái gần mà ông thấy được, tất cả đều có chỗ để trả về."

Kinh văn: **汝見八種見精明性,當欲誰還。何以故。若還於明。則不明時無復見暗。雖明暗等種種差別見無差別。**

Phiên Âm: Nhữ kiến bát chủng, kiến tinh minh tánh, đương dục thùy hoàn? Hà dĩ cố? Nhược hoàn ư minh. Tắc bất minh thời, vô phục kiến ám. Tuy minh ám đẳng, chủng chủng sai biệt, kiến vô sai biệt.

Việt dịch: Còn tánh thấy sáng suốt của ông thấy 8 tướng kia, ông muốn trả về đâu? Vì sao? Vì nếu trả về cho sáng, thì khi chẳng có ánh sáng cũng không thấy tối. Tuy sáng tối mỗi mỗi đều sai khác, nhưng cái thấy không hề sai khác.

Giảng: "Còn tánh thấy sáng suốt của ông thấy 8 tướng kia, ông muốn trả về đâu?" Thế còn bản tánh thanh tịnh sáng suốt của ông thấy được 8 tướng biến

hóa mà Đức Phật vừa giảng thì như thế nào? “Nên trả nó về đâu?”- Đức Phật hỏi A-nan – “Vì sao? Nói nhanh.” Đức Phật bảo. Tánh thấy sáng suốt của ông trả về nơi đâu trong những thứ nầy? Điều Đức Phật muốn nói là: “Ông định trả tánh thấy ấy về đâu, vì không có nơi nào để trả nó về cả?”

Vì nếu trả về cho sáng, thì khi chẳng có ánh sáng cũng không thấy tối. Vì nếu quý vị trả tánh thấy cho sáng, thì lẽ ra nó sẽ không thấy được tối; nhưng thực ra thì nó thấy được tối. Do vậy, nó không được trả về cho sáng. Quý vị không thể nói rằng cái thấy trả về cho tối, vì khi sáng đến, tánh thấy vẫn thấy được. Tuy sáng tối mỗi mỗi đều sai khác, nhưng cái thấy không hề sai khác. Dù chỉ riêng sáng và tối được thảo luận ở đây, nhưng nó cũng đồng với 6 thứ khác.

Mọi hiện tượng, mọi tướng biến hóa đều có thể tánh riêng của nó. Nhưng sự khác biệt mà ông bảo là hiện hữu trong cái thấy là gì? Cái gì khác biệt? Khi thấy sáng, cũng là thấy; khi thấy tối, cũng là thấy; khi thấy trong lặng, cũng là thấy; khi thấy mờ mịt, cũng là thấy; khi thấy thông suốt, cũng là thấy; khi thấy ngăn bít, cũng là thấy. Có gì khác nhau ở đây?

Có người nói: “Chắc chắn có gì khác nhau trong tánh thấy. Khi ông thấy sáng, tánh thấy biết đó là sáng, Khi ông thấy tối, tánh thấy biết đó là tối. Không phải đó là phân biệt chăng?” Không sai. Phân biệt phát sinh do khi ông nhận biết sáng và tối, chứ không phải do tánh thấy của ông; đó là do tâm phân biệt, tâm phan duyên của ông đã tạo ra nó.

Đừng nhận nó làm tánh thấy. Cái biết về sáng và tối là chuyên của tâm thức. Cái thấy của quý vị nhìn thấy mọi vật cũng giống như khi nhìn vật mà không cần phân biệt. Vốn không có phân biệt. Sự phân biệt có là do tâm thức quý vị. Mọi người phải nên đặc biệt chú ý điểm nầy. Đừng cho rằng tâm phân biệt là cội nguồn sáng suốt từ tánh thấy của mình.

Kinh văn: **諸可還者自然非汝。不汝還者非汝而誰。**

Phiên Âm: Chư khả hoàn giả, tự nhiên phi nhữ. Bất nhữ hoàn giả, phi nhữ nhi thùy?

Việt dịch: Các thứ có thể trả về được, đương nhiên chẳng phải là ông. Cái không trả về được, chẳng phải ông thì là ai?

Giảng: Đoạn kinh văn đặc biệt nầy giảng giải đạo lý cực kỳ hay chỉ bằng vài chữ. “Các thứ có thể trả về được, đương nhiên chẳng phải là ông. Cái không trả về được, chẳng phải ông thì là ai?” Mọi tướng biến hóa đều được trả về chỗ của nó. Các tướng ấy không phải là ông. Cái gì ở cùng với ông thì chẳng đi

đâu khác nữa, là cái ông chẳng trả về đâu– nó chẳng phải của ông thì của ai? Nếu nó không phải là của ông, lẽ ra thì phải được trả về nơi nào đó. Nhưng ông không trả được. Ông muốn cho ai họ cũng không nhận. Ông trả nó về cho sáng, nhưng sáng không cần.

Ông trả nó về cho tối, nhưng tối không thích. Ông trả nó về cho trong lặng, nhưng trong lặng không nhận. Ông trả nó về cho mù mịt, nhưng mù mịt không cần. Giá như quý vị có thể liệng bỏ nó được, nếu thế thì quý vị sẽ không còn thấy được nữa. Nó là cái mà quý vị không thể liệng bỏ đi. "Cho dù ông đã chứng được sơ quả, ông cũng không làm thế được. Ông không có được thần thông để liệng bỏ tánh thấy mình cho người khác để rồi ông không còn thấy được nữa,"

Đức Phật nói với A-nan: "Nếu tánh thấy ấy không phải của ông thì của ai? Ông vẫn không dám nhận nó là của mình, ông vẫn còn chưa hiểu. A-nan, ông thật đáng thương xót." Chỉ vài chữ nầy đã giải thích đạo lý ấy rất rõ ràng, và bản kinh văn chữ Hán rất hay. Nếu quý vị muốn học Hán văn mà không nghiên cứu kinh Thủ Lăng Nghiêm thì cái học của quý vị chưa hòan chỉnh. Nếu quý vị đã nghiên cứu kinh Thủ Lăng Nghiêm rồi, thì khi quý vị viết luận văn bằng tiếng Hán, có lẽ các học giả cổ điển Trung Hoa cũng khó sánh bằng với khả năng viết tiếng Hán của quý vị.

Chỉ hiểu một phần kinh Thủ Lăng Nghiêm thôi, thì chỗ dụng cũng vô tận rồi. Trong quý vị ai thích nghiên cứu Hán văn thì không nên bỏ qua cơ hội học hỏi bản kinh siêu tuyệt nầy. Đừng vào trong núi châu báu rồi trở về tay không. Đừng như con gấu khi vào ruộng để ăn bắp. Gấu bẻ một trái bắp kẹp dưới nách mình rồi bẻ trái khác kẹp vào nách kia. Khi làm thế, nó thả rơi trái bắp thứ nhất, rồi nó đến bẻ trái thứ ba, lại bỏ vào nách thứ nhất, và nó lại thả rơi trái bắp thứ hai.

Mọi lúc nó đều nghĩ rằng mình đang mang rất nhiều bắp, nhưng nó nhìn lại sau khi rời ruộng bắp, thấy mình chỉ có được một trái. Khi quý vị đi vào núi châu báu, đừng bị chóang ngợp khi nhìn thấy quá nhiều thứ, để khi quý vị quyết định nhặt một thứ mang về, thì thả rơi vật mà quý vị đã nhặt từ trước. Điều này giải thích rằng kinh mà quý vị đang nghe là dụ cho núi châu báu. Thực sự kinh nầy còn quý hơn châu báu trong núi ấy, kinh quý hơn cả vàng, bạc, pha-lê, xa cừ, hồng ngọc.

Sao vậy? Vì nếu quý vị hiểu được chỉ một câu kinh rồi tinh tấn tu tập và nỗ lực áp dụng vào trong đời sống không hề gián đoạn, nếu quý vị tiến hành công phu một cách dũng mãnh, thì quý vị sẽ thành Phật. Thế nên giá trị ấy vượt xa

cả núi châu báu. Đừng như “con gấu đen hái rồi thả mất ngay khi có được bắp”. Kinh văn tiếng Hán lẫn ý nghĩa kinh nầy đều siêu tuyệt.

Chẳng có điều gì về kinh Thủ Lăng Nghiêm mà không hay. Chỉ nên xem kinh nếu quý vị chấp nhận điều nầy. Nếu quý vị chấp nhận học kinh, thì dù bất luận điều gì xảy ra, ngay cả tôi có đánh quý vị và đuổi quý vị ra ngoài, quý vị cũng không đi. Đó là những gì xảy ra nếu quý vị thực sự thông hiểu, và đó là trạng thái bất khả tư nghì.

Kinh văn: **則知汝心本妙明淨。汝自迷悶,喪本受輪。於生死中常被漂溺。是故如來名可憐愍.**

Phiên Âm: Tắc tri nhữ tâm, bổn diệu minh tịnh. Nhữ tự mê muộn, tang bổn thọ luân. Ư sanh tử trung, thường bị phiêu nịch. Thị cố Như Lai, danh khả lân mẫn.

Việt dịch: Vậy nên biết tâm ông vốn nhiệm mầu thanh tịnh sáng suốt mà ông tự mê muội, bỏ mất tánh bản nhiên, đành chịu luân hồi, thường bị chìm đắm trong biển sinh tử. Nên Như Lai cho là đáng thương xót.

Giảng: Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói: “Vật có thể trả về không phải là ông, trong khi những cái của ông thì không được trả về, nó là gì nếu chẳng phải là của ông?”

Vậy nên biết tâm ông vốn nhiệm mầu thanh tịnh sáng suốt. Nhưng ông vẫn không nhận ra. Cái ông không nhận ra chính là chân tâm của ông. Mà ông tự mê muội, bỏ mất tánh bản nhiên. Chân tâm của ông chẳng có chỗ trả về, nhưng ông tự mê muội–ông không hiểu, ông mê lầm–nó như thể đúng và cũng như thể sai. Đó là ý nghĩa mà trước đây tôi đã nói là ông bỏ quên mất chân tâm. Đó là cái vốn thường thuộc về ông, nhưng ông không nhận ra, thế nên dường như bị bỏ mất.

Đành chịu luân hồi. Chân tâm của ông đã bỏ rơi ông. Nếu ai không nhận ra chân tâm của mình, thì đời đời họ bị chìm đắm không thăng hoa được. Dù chân tâm không thực sự bị mất, nhưng sự chìm đắm là thực có. Người ta bị rơi vào biển khổ, loay hoay trong đường nọ đường kia, thường bị chìm đắm trong biển sinh tử. Ở trong biển khổ sinh tử cũng như thể bị tung lên trên mặt biển rồi bị nhận chìm. Nếu không chấm dứt được sinh tử, dù quý vị có cầm được nước và biết bơi, thì sau khi bị tung lên xuống nhiều lần rồi quý vị cũng bị chìm.

Nên Như Lai cho là đáng thương xót. Nước trong biển sinh tử dụ cho nghiệp chướng mà quý vị đã tạo. Trong dòng nước nầy, quý vị bị trồi lên trụt xuống

trong thân người. Điều ấy biểu tượng cho sự sinh khởi của vô minh và tạo nghiệp. Chúng sinh tạo nghiệp vì không nhận ra chân tâm. Nên kinh nói: "Biển nghiệp mênh mông." Nó không có giới hạn. Có khi quý vị bị hất tung trên mặt biển, có khi bị dìm xuống đáy sâu. Thật nguy hiểm khi ở trong biển ấy. Điều ấy khiến cho A-nan thật đáng thương xót.

Kinh văn: **阿難言,我雖識此見性無還.云何得知是我真性**

Phiên Âm: A-nan bạch Phật ngôn: ngã tuy thức thử, kiến tánh vô hoàn. Vân hà đắc tri, thị ngã chân tánh.

Việt dịch: A-nan thưa: "Con tuy biết tánh thấy nầy không trả về đâu. Nhưng làm sao biết nó là chân tánh của con?"

Giảng: Đức Phật đã giải thích một lần cho A-nan nhưng A-nan không hiểu. Đức Phật giảng lần thứ hai và A-nan cũng không hiểu. Đức Phật giảng đến ba, bốn, năm, sáu lần nhưng A-nan vẫn không hiểu. A-nan vẫn không nhận ra chân tâm mình rõ ràng. Bây giờ A-nan lại có mối nghi ngờ khác. A-nan thưa: "Con tuy biết tánh thấy nầy không trả về đâu." Chữ "nhận ra" tiết lộ mối nghi của A-nan.

Thực ra, A-nan nói rằng ông ta biết tánh thấy không trả về nơi đâu như Đức Phật vừa giải thích, nhưng trong thực tế A-nan không biết rốt ráo là như thế nào. Trong "cái biết" của ông thì tánh thấy không có chỗ trả về, một mối nghi liền sinh khởi, mối nghi nằm sẵn trong đó và xuất phát từ cái gọi là biết. "Nhưng làm sao biết nó là chân tánh của con?"

Bây giờ A-nan trình bày rõ ràng hơn. "Con biết tánh thấy không có chỗ trả về, nhưng cái không trả về là một vật, làm sao con biết cái ấy là chân tâm con?" Nếu A-nan không nghi ngờ, nếu A-nan thực sự nhận ra, tại sao A-nan lại không biết đó là chân tánh của ông? A-nan đã biết đạo lý không thể trả lại tánh thấy về nơi nào cả, nhưng A-nan vẫn không biết rằng tánh thấy thực sự là bản tánh của tâm. Rốt cùng, sau khi Đức Phật giảng giải, A-nan vẫn chưa có được chân tâm. Nó vẫn bị bỏ quên mất. Tôi tin rằng ngay điểm này trong kinh văn, A-nan đang ở trong tình trạng quên mất chân tâm hòan toàn.

Kinh văn: **佛告阿難,吾今問汝。今汝未得無漏清淨。承佛神力見於初禪,得無障礙。而阿那律見閻浮提。如觀掌中菴摩羅果。**

Phiên Âm: **Phật cáo A-nan: ngô kim vấn nhữ. Kim nhữ vị đắc, vô lậu thanh tịnh. Thừa Phật thần lực, kiến ư sơ Thiền, đắc vô chướng ngại. Nhi A-na-luật, kiến Diêm-phù-đề. Như quán chưởng trung, am ma la quả.**

Việt dịch: Đức Phật bảo A-nan: "Nay Như Lai hỏi ông, hiện nay ông chưa chứng quả vô lậu thanh tịnh, nhưng do nương oai thần chư Phật mà thấy được cõi Sơ thiền không ngăn ngại. Còn ông A-na-luật-đà thì thấy cõi Diêm-phù-đề như xem trái am-ma-la trong lòng bàn tay."

Giảng: Đức Phật thấy A-nan thật là đáng thương xót, vì A-nan chỉ chuyên tâm vào việc học tập văn tự. A-nan hỏi đi hỏi lại nhiều lần, và chẳng hiểu được sau khi được Đức Phật giải thích cặn kẽ nhiều lần. Vấn nạn nầy phát sinh theo sau vấn nạn khác. Như người ta thường nói: "Cành lá thường mọc từ đốt mắt. " Chẳng có cành lá gì, nhưng A-nan thích tạo ra lá bằng cách chắp cành từ các đốt mắt. Thế nên A-nan thật đáng thương xót, Đức Phật đã dùng tâm vô duyên đại từ và đồng thể đại bi để chỉ dạy cho A-nan.

Quý vị phải nên hết lòng thương yêu bất luận những ai dù người ấy ít thân thiện với mình nhất. Đó có nghĩa là "vô duyên đại từ. " Cho dù họ không có duyên với quý vị, họ không hợp với quý vị, quý vị cũng phải có lòng từ đối với họ. Tôi đã từng nói với quý vị rằng: "Một người là tất cả mọi người; tất cả mọi người chỉ là một người." Tất cả là một, một là tất cả. Đó có nghĩa là đồng thể đại bi. Chẳng hạn, tôi xem những khó khăn của quý vị cũng như là của chính mình. Bất luận khi nào tôi cũng nghĩ cách làm vơi bớt hoạn nạn của quý vị.

Như khi tôi thường thấy các đệ tử tôi hút thuốc, tôi hy vọng rằng có lúc họ sẽ không hút nữa. Nếu quý vị không hút thuốc, quý vị có thể hít thở được không khí đồng như chư Phật. Nếu quý vị không chịu bỏ thuốc, thì mây đen mà quý vị hít vào và sương mù mà quý vị thở ra sẽ ngăn che ánh sáng Đức Phật chiếu soi vào quý vị. Tập khí hút thuốc gây nên sự đau khổ, và đó là việc làm không tương ưng với Phật pháp. Nếu đệ tử tôi thực lòng muốn tu học theo chính pháp, mà không nhanh chóng bỏ hút thuốc, thì tôi sẽ xem việc ấy như chính tôi đang làm một việc không tương ưng với Phật pháp và gây nên sự đau khổ.

Sao vậy? Vì tôi đặt mình trong tâm nguyện đồng thể đại bi của chư Phật. Thế nên tôi mong mỏi chẳng có ai làm việc xấu. Tôi mong ai cũng là người hòan hảo. Khi có một ai trong quý vị không được là người hòan thiện, tôi cảm thấy rằng chính mình chưa phải là người hòan thiện, vì tôi cũng giống như quý vị. Do vậy, vì tôi mong mình được là người tốt, nên tôi cũng nghĩ ra cách để quý vị cũng trở thành người tốt luôn. Đó là ý nghĩa đồng thể đại bi . Nếu người đời nay ai cũng có tâm nguyện như vậy, thì thế giới sẽ chẳng có chiến tranh, giành giật,

thù hận. Đức Phật bảo A-nan: “Nay Như Lai hỏi ông, hiện nay ông chưa chứng quả vô lậu thanh tịnh.

Ông chưa chứng được quả vị thứ tư của A-la-hán, ông chỉ mới chứng được Sơ quả, chưa đạt đến quả vị vô lậu. Sự thanh tịnh trong quả vị vô lậu là thanh tịnh nhất trong sự thanh tịnh. Chẳng còn chút nhiễm ô. Nói thì rất dễ nhưng đó là cảnh giới rất khó đạt được. Trong cảnh giới ấy, mắt tai mũi lưỡi thân ý đều không bị nhiễm ô. Khi mắt quý vị nhìn thấy cảnh rồi rong ruổi chạy theo, đó là bị nhiễm ô (lậu thóat). Nếu tai quý vị nghe điều gì đó, mà quý vị không áp dụng công phu phản văn văn tự tánh mà rong ruổi chạy theo để nghe, đó cũng là bị nhiễm ô (lậu thóat).

Mũi chạy theo hương thơm, lưỡi thích nếm mùi vị, thân thích xúc chạm, tâm ý thích phan duyên với các pháp: đây là các trường hợp tương tự như nhiễm ô (lậu thóat). Tôi đã giải thích từ trước, lậu thóat là giống như cái bình bị thủng ở đáy, nó sẽ bị rò rỉ khi chứa nước. Nếu quý vị không tu tập và chưa chứng được quả vô lậu, thì quý vị cũng giống như cái bình rò rỉ. Quý vị trôi chảy thường xuyên từ cõi trời cho đến cõi người. Từ cõi người chảy xuống cõi súc sinh và từ cõi súc sinh chảy xuống cõi ngạ quỷ và địa ngục. Quý vị trôi lăn lên xuống trong sự lậu thóat, chẳng biết mình trôi về đâu nữa, còn tùy theo nghiệp mà quý vị đã tạo. “Nhưng do nương oai thần chư Phật mà thấy được cõi Sơ thiền không ngăn ngại.”

Mặc dù A-nan chưa chứng được quả vị thanh tịnh vô lậu, nhưng A-nan có thể nhờ sức oai thần của Đức Phật mà nhìn thấy được cõi Sơ thiền. A-nan đã mở được Phật nhãn, nhưng ông vẫn không thấy được cõi Sơ thiền. Khi được khai Phật nhãn, có cả ngàn cấp độ sai khác nhau. Cũng chỉ đơn giản là mở mắt và nhìn thấy được mọi vật như thấy bằng mắt thường. Có người thấy xa 3 dặm, có người thấy 7 dặm, có người thấy 10 dặm, có người thấy 30 hay 300, 3000 dặm.

Cao nhất, có người thấy được 84.000 dặm và có thể quán sát mọi hiện tượng xảy ra trong 80.000 đại kiếp . Đó không phải là trường hợp ngay khi mắt quý vị mở ra và thấy được vật. Chỉ có nhờ vào năng lực thần thông của Đức Phật, A-nan mới thấy được cõi Sơ thiền trong suốt rõ ràng không chướng ngại, như ông A-na-luật-đà thì thấy cõi Diêm-phù-đề Trưởng lão A-na-luật-đà là bậc có thiên nhãn đệ nhất. Tên ngài trong tiếng Phạn nghĩa là “không nghèo”.

Hán dịch là Vô bần – 無 貧 . Trong đời nầy và những đời sau, đời sau nữa, A-na-luật-đà không bao giờ nghèo. Thượng toạ A-na-luật-đà là anh em họ với Đức Phật. Tôi đã đề cập từ trước, Thượng toạ A-na-luật-đà có một tật rất lạ: bất

kỳ khi nào Đức Phật giảng kinh, Thượng toạ đều ngủ gật. Thế nên Đức Phật trách mắng:

Này ông! Sao quá mê ngủ
Như con sò trong vỏ cứng?
Ông ngủ suốt cả ngàn năm
Tên Phật rồi chẳng nghe thấy.

Con sò nằm trong vỏ cứng và chẳng bao giờ thò đầu ra ngoài. Khi Đức Phật trách mắng như vậy, ông liền phát khởi nhiệt tâm: không bao giờ ngủ nữa! Thượng tọa mở mắt trừng trừng và ngày đêm chẳng ngủ. Sau 7 ngày đêm không ngủ, Thượng toạ hóa mù. Thượng toạ đến Đức Phật xin được giúp đỡ, Đức Phật bảo Thượng toạ đừng buồn rồi dạy tu pháp Kim cương chiếu minh tam muội. Do chuyên tâm tu tam muội này, A-na-luật-đà đạt được thiên nhãn thông, có thể thấy được cõi Diêm-phù-đề, tức thế giới ta-bà nầy như xem trái am-ma-la trong lòng bàn tay.

Có nhiều cõi Diêm-phù-đề, cõi mà chúng ta đang sống chỉ là một. Trái am-ma-la mọc ở Ấn Độ, ở Trung Hoa không có trái nầy. Tôi không biết trái nầy có ở nước Mỹ không. Nhưng điểm chính là thế giới rộng như vậy, được A-na-luật-đà nhìn thấy rõ ràng như một miếng trái cây nằm trong bàn tay. Tôi xin nói thêm về Thượng toạ A-na-luật-đà. Trong một kiếp trước, ngài là một nông dân rất nghèo. Hằng ngày ngài dùng một loại mễ cốc có chất lượng rất kém và rẻ để ăn.

Ngài không có tiền mua thịt, sữa hoặc những thứ khác ngoài mễ cốc thô nầy. Một hôm A-na-luật-đà gặp một vị tỷ-khưu già tu trong núi. Vị tỷ-khưu già nầy đã chứng Bích chi Phật. Vào mỗi ngày thứ bảy, vị tỷ-khưu xuống núi đi khất thực. Ông ta mang bình bát theo thứ tự chỉ khất thực trong vòng 7 nhà, nếu đến nhà cuối cùng mà không có ai cúng dường gì, vị tỷ-khưu già cũng mang bát không về núi và chịu nhịn ăn.

Một hôm, nạn đói hòanh hành vùng ấy, không ai có đủ lương thực để sống. Lương thực rất đắt. Vị Bích chi Phật lại xuống núi khất thực, đến hết nhà thứ 7 vẫn không có ai cúng dường. Theo tâm nguyện của ngài, đành mang bát không về. Trên đường về núi, vị tỷ-khưu già gặp một người nông dân, ông ta chào hỏi: “Thưa thầy, ngài có khất thực được thực phẩm để dùng hôm nay không?”

Vị tỷ-khưu già đáp: “Không, tôi đành chịu nhịn.” Người nông dân suy nghĩ: “Thầy không khất thực được gì hôm nay, có nghĩa là thầy sẽ phải chịu đói trong 7 ngày nữa cho đến khi thầy lại xuống núi khất thực. Không thể để thầy chịu

đói được. Nếu thầy không chê mễ cốc của mình thô xấu, mình sẽ nhịn phần và xin cúng dường cho thầy.”

Vị Bích chi Phật rất hoan hỷ. Vì sao? Vì ngài đã chịu đói suốt 7 ngày rồi, và nếu ngài trở về núi với bát không thì ngài phải chịu đói suốt 2 tuần lễ. Mặc dù ngài đã chứng ngộ, nhưng đời nầy, ngài vẫn còn cần đến lương thực. Ngài quá đói nếu không có gì để ăn. Thế nên ngài rất hài lòng. “Cảm niệm công đức to lớn của ông.”- Vị tỷ-khưu già nói, rồi hồi hướng công đức cho người nông dân: sở vị bố thí giả

所 謂 布 施 者
tất hoạch kỳ lợi ích
必 獲 其 利 益
nhược vị lạc cố thí
若 為 樂 故 施
hậu tất đắc an lạc.
後 必 得 安 必.

Nghĩa: Bây giờ quý vị thử đoán xem điều gì xảy đến cho người nông dân đã cúng dường cho vị Bích chi Phật? Một điều rất kỳ lạ đã xảy ra. Nếu tôi nói với quý vị, chắc hẳn khó tin. Tôi cũng thấy khó tin. Nhưng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói chuyện ấy trong kinh, nên chẳng có lý gì không tin được. Quý vị phải tin điều khó tin ấy. Chuyện gì đã xảy ra?

Khi anh ta cuốc đất, một con thỏ từ mặt đất nhảy vọt lên vai anh ta rồi nằm ở đó không nhúc nhích. Anh ta hoảng sợ, không hiểu tại sao con thỏ lại nhảy lên nằm trên vai mình. Anh cố gắng tìm mọi cách đuổi nó đi, nó vẫn nằm yên đó. Thế nên anh ta bỏ về nhà ngay khiến người vợ ngạc nhiên không hiểu vì sao. Khi đến nhà, người vợ thấy con thỏ đã biến thành vàng. Sau đó, mỗi khi anh ta lấy vàng từ mình thỏ đi đổi thành tiền, thì chỗ vàng vừa lấy tự đắp đầy lại.

Từ đó anh thành người giàu có, anh ta không dám đem nguyên con thỏ vàng đi bán. Thế nên anh cắt bốn chân thỏ đi bán, khi trở về nhà, bốn chân lại mọc ra nguyên vẹn như cũ. Thế nên của cải anh ta nhiều vô tận. Không những anh ta giàu có trong đời nầy mà cả trong đời sau, đời sau nữa cho đến 91 đại kiếp, dù sinh trong cõi trời hay trong cõi người, hay bất kỳ anh ta sinh vào nơi nào. Thế nên được gọi là A-na-luật-đà, có nghĩa là không bao giờ nghèo (vô bần – 無 貧).

Trong đạo Phật, bố thí là “phóng xả một, hưởng được cả ngàn.” Trong Kinh Địa Tạng Bồ-tát Bổn nguyện cũng dạy như vậy. Quý vị phải tin sâu đạo lý nầy, chớ nghi ngờ chút nào. Hãy nhìn công hạnh của A-na-luật-đà, giúp cho vị Bích chi

Phật qua cơn đói bằng cách cúng dường khẩu phần mễ cốc thô xấu của mình hằng ngày, và vị Bích chi Phật đã hồi hướng công đức nên A-na-luật-đà đã nhận được phước báo giàu có vô tận.

Ở Trung Hoa, khi có 1000 vị tăng câu hội thì chắc chắn thế nào trong ấy cũng có một vị A-la-hán. Quý vị nên nghĩ rằng mọi vị tăng mình gặp đều là A-la-hán, mặc dù không dễ gì gặp được, và A-la-hán là một trong cả ngàn. Nhưng vẫn có thể gặp được A-la-hán nếu quý vị nhận ra ngài. Thượng tọa A-na-luật-đà chỉ cúng dường cho một vị tăng, nhưng vị tăng ấy là Bích chi Phật, nên A-na-luật-đà nhận được phước báo to lớn như vậy. Thế tại sao vị Bích chi Phật lại không được ai cúng dường chút lương thực trong ngày khất thực ấy? Một lần nữa, điều nầy lại được giải thích theo lý nhân quả:

Tu phước không tu huệ,
Voi đeo ngọc anh lạc.
Tu huệ không tu phước,
La-hán về bát không.

Nếu quý vị chỉ biết tu huệ, cho rằng: "Tôi sẽ học kinh và nghiên cứu Phật pháp." Việc ấy rất tốt, quý vị sẽ có được trí huệ. Nhưng quý vị cũng nên tu hạnh bố thí. Quý vị phải biết tu tập cả phước lẫn trí. Quý vị nên tu phước bằng cách cúng dường Tam bảo. Nếu quý vị không gieo trồng phước đức, thì trong tương lai khi quý vị là A-la-hán đi khất thực, sẽ không ai cúng dường chút thực phẩm nào vì quý vị chưa từng gieo nhân tu phước.

Mặt khác, nếu quý vị chỉ lo tu phước mà không tu tập trí huệ, nếu quý vị chỉ biết làm việc thiện, tu hạnh bố thí, thì trong tương lai quý vị sẽ như con voi được trang sức bằng ngọc anh lạc. Quý vị sẽ bỏ thân nầy và trở thành con voi câm to lớn, thân mang đầy ngọc ngà châu báu. Thời xưa, phụ nữ trang sức loại ngọc nầy trên tóc. Ngọc anh lạc thì đẹp bề ngoài nhưng bên trong lại rỗng tuếch. Người mà tu phước không tu huệ sẽ như con voi mang chuỗi ngọc anh lạc vậy. Thế nên khi quý vị tu đạo, nên tu cả phước và trí, bên ngoài tu phước, bên trong tu huệ cho đến khi đạt được ánh sáng giác ngộ. Thế là quý vị có được cảm ứng hỗ tương với đạo.

Kinh văn: **諸菩薩等見百千界。十方如來窮盡微塵清淨國土無所不矚。眾生洞視不過分寸。**

Phiên Âm: Chư Bồ-tát đẳng, kiến bách thiên giới. Thập phương Như Lai, cùng tận vi trần, thanh tịnh quốc độ, vô sở bất chúc. Chúng sanh đỗng thị, bất quá phân thốn.

Việt dịch: Các vị Bồ-tát…thấy được cả trăm ngàn thế giới. Mười phương Như Lai đều thấy cùng tận các cõi nước thanh tịnh như số vi trần không sót chỗ nào, còn chúng sinh thấy rõ không quá gang tấc.

Giảng: Trình độ của cái thấy sai biệt với nhau rất nhiều. Sơ quả A-la-hán chưa thấy được cõi Sơ thiền, trong khi hàng Nhị quả A-la-hán có thể thấy được cõi Sơ thiền nhưng chưa thấy được cõi Nhị thiền thiên. Hàng Tam quả A-la-hán có thể thấy được cõi Nhị thiền nhưng chưa thấy được cõi Tam thiền thiên; trừ phi họ có được gia hộ sức oai thần của chư Phật, trong trường hợp đó, họ có thể thấy được Tứ thiền thiên và cõi trời Tứ không. Hàng Bồ-tát ma-ha-tát, những bậc đã giác ngộ, thì khác; Các vị Bồ-tát …thấy được cả trăm ngàn thế giới.

Sơ địa Bồ-tát có thể thấy được 100 thế giới, Nhị địa Bồ-tát có thể thấy được 1000 thế giới, Tam địa Bồ-tát có thể thấy được 10.000 thế giới. Những gì họ thấy được ở mỗi quả vị giác ngộ đều không giống nhau. Mười phương Như Lai đều thấy cùng tận các cõi nước thanh tịnh như số vi trần không sót chỗ nào. Chỉ có Đức Phật trong 10 phương là có thể nhìn thấy suốt cõi nước thanh tịnh trang nghiêm của các chư Phật; các ngài thấy rất rõ ràng thông suốt.

Như kinh Kim Cương nói: " Hết thảy mọi chúng sinh, nếu có bao nhiêu tâm niệm, Như Lai đều hay biết." Khi Bồ-tát có được tha tâm thông, họ đều biết được những gì đang diễn ra trong tâm quý vị mà quý vị không cần phải nói ra. Chư Phật cũng biết được tâm niệm quý vị rõ ràng như vậy. Còn chúng sinh thấy rõ không quá gang tấc.

"Chúng sinh" là chỉ người phàm phu. So sánh với cái thấy của bậc thánh, hay của chư Phật, quý vị không thể nhìn xa quá 1 phần 10 inch hay cao nhất là 1 inch, cho dù quý vị phải vận dụng hết sức để thấy. Chư Phật có thể nhìn suốt các cõi nước thanh tịnh nhiều như vô số vi trần, còn quý vị thì không thể nào nhìn thấy được một nước. Quý vị không thể nhìn thấy được toàn thể Cựu Kim Sơn (San Francisco) nầy.

Nếu nhìn bên phải, thì không thấy được bên trái; nếu nhìn bên trái, thì không thấy được bên phải; Nếu nhìn phía trước thì không thấy được phía sau; và nếu cố gắng nhìn phía sau thì không thấy được phía trước. Mắt phàm phu có rất nhiều chướng ngại. Cho dù tánh thấy không sinh không diệt, mà thân thể quý vị lại có giới hạn, đó là lý do mà quý vị không thấy được.

Các vị A-la-hán, Bồ-tát và chư Phật đều có năng lực thần thông của thiên nhãn, nên tính thấy siêu việt của họ không có giới hạn. Nay hãy xem xét cái thấy của hàng phàm phu: nay tôi thấy được quý vị, nhưng nếu đem tờ giấy để trước mắt, thì tôi không còn thấy được nữa. Tờ giấy chỉ dày bằng 1 phần 10

tấm bảng mà còn ngăn không cho thấy huống gì tấm bảng. Đó là hạn chế về cái thấy của hàng phàm phu. Nếu quý vị mở được thiên nhãn, dĩ nhiên là quý vị không còn bị giới hạn và có thể nhìn được mọi hiện tượng. So sánh với Đức Phật, thật chúng ta còn cách Ngài quá xa.

Kinh văn: **阿難,且吾與汝觀四天王所住宮殿。中間遍覽水陸空行。雖有昏明種種形像。無非前塵分別留礙。**

Phiên Âm: A-nan! Thả ngô dữ nhữ, quán Tứ Thiên Vương, sở trụ cung điện. Trung gian biến lãm, thủy lục không hành. Tuy hữu hôn minh, chủng chủng hình tượng. Vô phi tiền trần, phân biệt lưu ngại.

Việt dịch: A-nan, tôi lại cùng ông xem cung điện của Tứ thiên vương, và xem khắp các loài trong nước, trên đất, trong hư không, tuy có nhiều hình tượng tối sáng khác nhau, nhưng chúng đều là tiền trần phân biệt ngăn ngại.

Giảng: Đức Phật giảng giải thêm cho A-nan: “A-nan, tôi lại cùng ông – nay chúng ta, ông với Như Lai– xem cung điện của Tứ thiên vương…” Cõi trời Tứ thiên vương là cõi trời gần chúng ta nhất, nằm ở lưng chừng giữa núi Tu-di. Bốn vị Đại thiên vương gồm: phía Đông là Trì Quốc thiên vương, phía Tây là Quảng Mục thiên vương, phía Nam là Tăng Trưởng thiên vương, phía Bắc là Đa Văn thiên vương. Mạng sống của chúng sinh trong cõi trời Tứ thiên vương là 500 năm;

Sau 500 năm, họ phải chịu đoạ lạc, năm tướng suy xuất hiện, như tôi đã giảng từ trước. Một ngày một đêm ở cõi trời Tứ thiên vương bằng 50 năm ở cõi người. Quý vị sẽ thắc mắc: “Vì sao như vậy?” Tôi sẽ đưa ra ví dụ cho quý vị dễ hiểu. Nếu chúng ta cảm thấy vui thích thoải mái, thì thời gian trôi qua khi nào mà ta không hề biết. Chúng ta cảm thấy ngày quá ngắn. Chúng ta ai cũng như vậy. Vì ở cõi trời ấy quá sung sướng, nên một ngày một đêm ở đó bằng 50 năm ở cõi nhân gian.

Tại sao 50 năm là một khoảng thời gian dài ở cõi người? Vì trong cõi người thường có ưu sầu phiền não khổ đau, tranh giành, cãi vã. Con người bận rộn từ sáng đến tối, họ chẳng có khái niệm gì về những việc họ đang làm. Họ như con ruồi bay lơ lửng khắp đông tây nam bắc mà không biết mình đang làm gì. Quý vị không có phước đức gì ở cõi nầy, nên thời gian sống rất ngắn. Lại nữa, một ngày một đêm ở cõi nhân gian bằng 50 năm ở cõi địa ngục, vì khổ đau ở địa ngục quá căng thẳng, thế nên chúng sinh đang thọ hình ở đó cảm thấy thời gian rất dài. Từ điểm nầy quý vị nên biết thời gian chẳng dài chẳng ngắn.

Trước đây có vị đệ tử hỏi tôi: “Thời gian là gì?” Tôi đáp: “Không có thời gian” Thời gian chỉ là ý niệm dài ngắn của riêng từng người, chỉ có vậy thôi. Nếu quý vị vui vẻ suốt ngày, thì 50 năm trôi qua mà quý vị không hề cảm thấy đó là khoảng thời gian dài. Nếu cuộc đời con người đầy phúc lạc, nếu họ không lo âu, giận dữ, phiền muộn, sân hận, phiền não, thì cuộc đời như thể là một khoảng thời gian ngắn ngủi– chỉ trong nháy mắt. Rốt ráo, thời gian chẳng gì khác hơn là sự phân biệt căn cứ trên ý niệm riêng của từng người. Khi tôi nói đối với tôi không có thời gian có nghĩa là tôi không còn biết thời gian nữa, là tôi quá bận rộn đến nỗi tôi không còn biết thời gian, và tôi không có ý định nhận biết nó nữa. Và xem khắp các loài trong nước, trên đất, trong hư không–

Có nghĩa là, xem xét khắp hết thảy các loài chúng sinh, các sinh vật không sót loài nào. Tuy có nhiều hình tượng tối sáng khác nhau, nhưng chúng đều là tiền trần phân biệt và ngăn ngại. Nó đều chỉ là bụi trần trước mắt, chỉ sinh khởi lưu ngại từ sự phân biệt của ông. Nó chẳng phải là vật riêng của ông: nó chỉ là cõi giới bụi trần bên ngoài. Bụi trần nầy là một ‘lưu ngại.’ Nó vướng vất trong tâm trí ông, nhưng nó không thuộc về ông.

Kinh văn: **汝應於此分別自他。今吾將汝擇於見中。誰是我體誰為物象。**

Phiên Âm: Nhữ ưng ư thử, phân biệt tự tha. Kim ngô tướng nhữ, trạch ư kiến trung. Thùy thị ngã thể, thùy vi vật tượng.

Việt dịch: Ông nên ngay nơi đó phân biệt cái gì là mình, cái gì là vật. Nay Như Lai để cho ông lựa ra trong cái thấy, cái gì là tâm thể, cái gì là vật tượng.

Giảng: Vì A-nan vẫn chưa nhận ra đạo lý về chân tâm, A-nan vẫn chưa phân biệt được giữa chân tâm và vọng tâm. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã dạy cho A-nan: “ Trong tất cả các thứ vật tượng nầy, chẳng gì khác hơn là tiền trần. Nó là trần cảnh trước mắt ông– vốn thường phân biệt và ngăn ngại.” Ông nên ngay nơi đó phân biệt cái gì là mình, cái gì là vật. A-nan, ngay nơi đây, ông phải nên phân biệt cho được cái gì là thể tính của ông và cái gì là thể của các hiện tượng. “Ngã” ở đây chỉ cho chân tâm của mình. “Cái khác” chỉ cho thể của các hiện tượng. “Nay Như Lai để cho ông lựa ra trong cái thấy, cái gì là tâm thể, cái gì là vật tượng.”

“Ngã thể” là chỉ cho thể của tánh thấy. Quý vị có thể nào chỉ ra được thể ấy từ đặc tính của các hiện tượng? Hãy chiêm nghiệm lại chính mình và tự hỏi mình phân biệt được chăng? Nếu quý vị phân biệt được, thế thì quý vị thông minh

hơn A-nan. Nếu không, quý vị chẳng linh lợi bằng A-nan. Mọi người ai cũng có thể trắc nghiệm lại nhận thức của mình.

Kinh văn: **阿難,極汝見源。從日月宮,是物非汝。至七金山,周遍諦觀。雖種種光,亦物非汝。漸漸更觀,雲騰鳥飛。風動塵起,樹木山川,草芥人畜,咸物非汝.**

Phiên Âm: A-nan! cực nhữ kiến nguyên. Tùng nhật nguyệt cung, thị vật phi nhữ. Chí thất kim sơn, chu biến đế quán. Tuy chủng chủng quang, diệc vật phi nhữ. Tiệm tiệm cánh quán, vân đằng điểu phi. Phong động trần khởi, thụ mộc sơn xuyên. Thảo giới nhân súc, hàm vật phi nhữ.

Việt dịch: A-nan, cùng tột cội nguồn cái thấy của ông, từ cung nhật nguyệt, đều chính là vật chứ chẳng phải ông; cho đến cả bảy ngọn núi bằng vàng, xem xét cùng khắp, tuy phát ra vô số ánh sáng, cũng là vật chứ chẳng phải ông. Lần lần quan sát mây nổi chim bay, gió động bụi mù, rừng cây, núi sông, rau cỏ, người thú, đều là vật chứ chẳng phải ông.

Giảng: Giáo lý trong kinh Thủ Lăng Nghiêm rất vi diệu khó có thể diễn nói được, khó có thể hình dung ra được. Chỉ bằng cách tự lĩnh ngộ lấy mà thôi. Giống như cái gì? Không thể diễn tả được. Sao ông lại hỏi nó giống như cái gì? A-nan, cùng tột sức thấy của ông. Xem xét nó đến mức cùng tột, tận cùng tánh thấy của ông. Từ mặt trời mặt trăng, đều chính là vật chứ chẳng phải ông; cho đến cả Bảy ngọn núi bằng vàng. Bảy ngọn núi bằng vàng (Thất kim sơn). Bảy ngọn núi nầy bao quanh núi Tu-di. Bao quanh 4 phía núi Tu-di là bảy ngọn núi bằng vàng, mỗi ngọn lại được bao quanh bởi bảy biển lớn chứa bảy loại nước hương.

"Những ngọn núi nầy ở đâu?" – Quý vị hỏi: "Tôi sẽ đến lấy ít vàng về làm giàu." Tôi sẽ không nói. Nếu nói, quý vị sẽ đến lấy vàng, rồi vàng ở núi đó sẽ cạn kiệt dần, làm sao còn được gọi là núi vàng nữa? Tu-di trong tiếng Phạn có nghĩa là Diệu cao – 妙 高. Bao quanh 4 phía núi Tu-di là bảy lớp núi vàng. Bây giờ tôi sẽ nói cho quý vị nghe vài điều. Cho dù quý vị chưa thọ Năm giới, quý vị cũng không được ăn trộm vàng ở núi ấy. Vàng trong núi nầy là của tôi. Nếu quý vị ăn trộm vàng ở núi của tôi, tôi sẽ đọc thần chú và đầu của quý vị liền bị đau nhức khiến cho quý vị không thể nào lấy trộm được vàng. Đừng tìm cách bắt nạt vị sư nầy; ông ta có rất nhiều năng lực.

"Hãy nhìn mọi nơi thật kỹ. Hãy dùng thiên nhãn của mình để nhìn, hãy dùng Phật nhãn của mình để nhìn, hãy dùng huệ nhãn của mình để nhìn. Xem xét cùng khắp, tuy phát ra vô số ánh sáng, cũng là vật chứ chẳng phải ông. Trong tất cả những hiện tượng nầy, nói cho tôi biết, cái gì là của ông? Tìm nhanh.

Lần lần quan sát mây nổi, bồng bềnh trôi qua lại trên bầu trời, chim bay qua đầu, gió động.” Tôi chẳng biết cách nào hơn để giảng giải những dòng nầy trong kinh văn. Tôi phải dừng lại và thưa hỏi Lục Tổ Đại Sư. Ở đây Kinh văn nói rất rõ là gió động , nhưng Lục Tổ Pháp Bảo Đàn kinh nói rằng: “Chẳng phải gió động, chẳng phải phướn động…” Rốt ráo cái gì động?

Lục Tổ Pháp Bảo Đàn kinh nói: “Tâm nhân giả động . ” Ở đây, dù vậy, cũng chưa rõ được tâm ai động. Tâm quý vị động hay tâm tôi động? Phải chăng tâm người nào khác động? Thế tâm ai động? Tôi phải làm sao để giải thích câu kinh nầy? Chẳng có cách nào để giải thích. Người ta không biết cái gì động. Lục Tổ Pháp Bảo Đàn kinh nói rằng chẳng phải gió động. Ở đây, kinh Thủ Lăng Nghiêm nói gió động. Quý vị cho chỗ nào đúng? Nếu quý vị nói tâm động, chẳng phải gió động, thế thì tâm ai động? Quý vị trả lời: “Con không biết.”

“Quý vị không biết, thế thì chẳng phải tâm quý vị động. Nếu tâm quý vị không động thì tâm ai động? Được rồi, tôi sẽ giải thích theo nghĩa của kinh văn nầy theo khía canh nôm na nhất. Chúng ta chỉ nói đơn giản là gió động. Tâm quan niệm không động, tâm tôi không động. Tâm người khác không động. Gió động và thổi khói đen cùng hơi nước. Sự chuyển động của gió biểu thị cho sự nổi nóng. Ngọc hòang nổi giận làm gió bão nhổ bật rễ cây và thổi tung nhà cửa.”

Bụi mù. Làm sao bụi dấy mù lên được? Bụi tự dấy lên được không? Không. Bụi dấy mù trời là do gió thổi. Ban đầu bụi nằm yên hiền lành trên mặt đất. Bụi rất an tường tự tại, nhưng gió đến đuổi đi: “thức dậy, thức dậy và đi ngay!” Thế nên bụi trở mình và tung bay mù mịt. “Thế bụi làm việc gì?”- Quý vị hỏi.

“Nó bám vào mọi thứ trên thế gian nầy, nó làm cho mọi thứ dơ bẩn. Đó là công việc của bụi. Bụi khiến cho mọi nơi đều dơ bẩn. Quý vị hiểu không?” Rừng cây, núi sông, rau cỏ, người thú. Vẫn còn nhiều vật khác: rau cỏ và nhiều loại vô sinh, cùng người và súc vật. Tất cả đều là vật chứ chẳng phải ông. Trong lần phân tích cuối cùng, có phải những hiện tượng nầy, có phải chúng chính là tánh thấy của ông? Trả lời ngay! Nói nhanh! Đoạn kinh nầy có phong thái gạn hỏi. “

Nay tôi hỏi quý vị, phải trả lời thật nhanh! Sao quý vị không chịu nói? Vì sao ý nầy được diễn đạt ở đây? Có phải đó chính thực là vật chứ không phải là quý vị?” Đây gọi là “đánh cho một hèo khiến bừng tỉnh” – thức tỉnh những người đang trong cơn mê muội. Anh ta bi đem ra thẩm vấn, như thể là trước quan tòa khi xử án. “Anh có ăn trộm không ? Nếu có, hãy tự thú nhanh. Nếu không, hãy tự biện minh.”

Kinh văn: **阿難,是諸近遠諸有物性。雖復差殊,同汝見精,清淨所矚。則諸物類自有差別,見性無殊。此精妙明,誠汝見性。**

Phiên Âm: A-nan! Thị chư cận viễn, chư hữu vật tánh, tuy phục sai thù, đồng nhữ kiến tinh, thanh tịnh sở chúc. Tắc chư vật loại, tự hữu sai biệt, kiến tánh vô thù. Thử tinh diệu minh, thành nhữ kiến tánh.

Việt dịch: A-nan, tính chất của các vật xa gần tuy có sai khác, cũng đều là do tánh thấy thanh tịnh của ông nhìn thấy được. Vậy nên vật thể tự có sai biệt mà tánh thấy chẳng khác, cái tánh thấy nhiệm mầu sáng suốt nầy chính thật là tánh thấy của ông.

Giảng: Qua nhiều cách diễn đạt về giáo lý, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã hỏi A-nan: "Ông hãy tìm khắp trong các vật nầy, cái gì là tánh thấy của ông? Hãy tìm đi." Bây giờ Đức Phật đưa ra sự phân biệt giữa tánh thấy và vật tượng, vì A-nan sợ rằng mình không thể tách bạch rõ ràng về chúng. A-nan cho rằng vật tượng và cái thấy lẫn lộn cùng nhau, và A-nan không biết rõ cái nào ra cái nào. Thế nên Đức Phật mở đầu phần gạn hỏi nầy để hiển bày tánh thấy, và phần kinh văn nầy chỉ thẳng về tánh thấy. "

A-nan, tánh chất của các vật xa gần tuy có sai khác." Mọi vật đều có hình tượng và tánh chất của nó, nhưng đều khác biệt nhau. Gió là gió, bụi là bụi. Chim là chim, mây là mây. Cây là cây, núi là núi. Cỏ là cỏ, người là người, vật là vật. Trong tiếng Hán, chữ sai (差 – ch'a) lẽ ra nên phát âm là ch'ih. Đây là điểm rất quan trọng đối với giới học giả. Hầu như những người đến trường học vài ngày hay vài năm không hiểu được điều nầy. Để biết được sự khác nhau trong ý nghĩa của chữ nầy phải cần đến ít nhất 15 năm học hành. "Thế ngài đã học bao nhiêu năm?" Có người hỏi.

"Nói thật với quý vị, tôi chỉ cắp sách đến trường chỉ hai năm rưỡi. Tôi được học ít hơn quý vị nhiều." "Thế tại sao ngài lại hiểu được?"

"Tôi cũng không rõ tại sao tôi lại hiểu. Ngay khi hội đủ mọi yếu tố, tôi liền được hiểu. Quý vị không nên hỏi tại sao. Đúng như thế không?" "Cũng đều là do tánh thấy thanh tịnh của ông nhìn thấy được."

Tánh thấy của quý vị có thể nhìn thấy được những vật tượng nầy một cách rõ ràng, " Vậy nên vật thể tự có sai biệt mà tánh thấy chẳng khác." Vật tượng mà cái thấy của ông gặp phải vốn hòan toàn khác biệt nhau, nhưng cái gì phân biệt tự nằm bên trong tánh thấy? Khi quý vị thấy ông Trương Tam, đó là tánh thấy, khi quý vị thấy ông Lý Tứ, đó cũng là tánh thấy. Cái thấy như nhau,

không có chút nào phân biệt. Con mèo, con người, bất luận quý vị thấy gì, đó là cái thấy. Cái thấy có thay đổi không? Cái thấy có phân biệt không?

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni hỏi A-nan, "Ông có thấy chút phân biệt nào trong cái thấy không?" A-nan không có gì để nói. Không phải là A-nan bị câm, mà chỉ bị líu lưỡi. Nếu A-nan bị câm, ông ta vẫn có thể phát ra âm thanh ú ớ được, nhưng ngay cả A-nan cũng không làm như vậy vào lúc nầy. "Cái gì là thể tánh nhiệm mầu trong sáng nhất?" Đức Phật hỏi A-nan. "Đó là cái gì? Nói mau!" Nếu quý vị quan tâm về chuyện nầy, quý vị nhận ra rằng Đức Phật hỏi đi hỏi lại A-nan ngay điểm nầy nhiều lần, "Ông nói cái đó là gì?"

Nhưng A-nan vẫn không nói được một lời. Đức Phật là bậc đại từ đại bi nên khi Đức Phật thấy mình đã đẩy đệ tử đến nơi không thể nói được một lời thì ngài mới liền bảo: "Như Lai sẽ chỉ cho ông. Cái tánh thấy nhiệm mầu sáng suốt nầy chính thật là tánh thấy của ông. Ông có biết không? Ông có hiểu không?" Đó là phong cách giáo hóa của Đức Phật.

Kinh văn: **若見是物則汝亦可見吾之見。**

Phiên Âm: Nhược kiến thị vật, tắc nhữ diệc khả, kiến ngô chi kiến.

Việt dịch: Nếu tánh thấy là vật thì ông cũng có thể thấy được tánh thấy của Như Lai.

Giảng: Đoạn kinh nầy diễn đạt cực kỳ hay. "Nếu tánh thấy là vật thì ông cũng có thể thấy được tánh thấy của Như Lai. A-nan, ông vừa nói rằng cái thấy và vật tượng xen tạp lẫn nhau, đến nỗi khó phân biệt rạch ròi được. Ông nói rằng tánh thấy là vật. Nếu thật như vậy, lẽ ra ông phải thấy được cái thấy của Như Lai như thế nào. Ông thấy được chăng? Như Lai không cho là ông phải thấy được những gì Như Lai thấy, nhưng ông có thể thấy được tánh thấy mà Như Lai đang thấy chăng? Nó giống như cái gì? Nó màu đen, màu trắng, màu đỏ, hay vàng? Nó màu gì?"

Đến đây A-nan líu lưỡi một lần nữa. "Nó dài, ngắn, hay vuông, hay tròn? Mọi vật nhất định đều có hình tướng, và nếu nhìn vật mà không phân biệt được vật nào với vật nào, như ông vừa nói, thì cái gì đang thấy được hình sắc? Hãy nhìn xem: núi có hình dáng của núi, cây có hình dáng của cây, sông có hình dáng của sông. Rốt ráo, tánh thấy của ông giống như cái gì? Ông đã thấy nó chưa?" Đức Phật hỏi A-nan.

Kinh văn: **若同見者,名為見吾。吾不見時,何不見吾不見之處。**

Phiên Âm: Nhược đồng kiến giả, danh vi kiến ngô. Ngô bất kiến thời, hà bất kiến ngô, bất kiến chi xứ.

Việt dịch: Nếu khi cùng thấy sự vật, gọi là thấy cái thấy của Như Lai, vậy khi Như Lai không thấy, sao ông không thấy được chỗ không thấy của Như Lai?

Giảng: Kinh nầy thật là khó giảng giải. Vì phải nói lui nói tới để hiển bày đạo lý, quý vị có thể bị lúng túng khi chỉ cố gắng đọc kinh cứ không lưu tâm tìm cách giải thích ý kinh. "Kinh nói gì?"- Quý vị hỏi – " Đại khái nội dung kinh là gì?" Tôi sẽ chỉ cho quý vị: "Nếu khi cùng thấy sự vật, gọi là thấy cái thấy của Như Lai, vậy khi Như Lai không thấy, sao ông không thấy được chỗ không thấy của Như Lai?"

Khi quý vị thấy vật tượng mà tôi không thấy, tại sao quý vị không thấy được cái không thấy của tôi? Lẽ ra quý vị cũng phải biết tôi không thấy được vật. Nhưng quý vị không biết. Quý vị không thể biết được cái thấy của tôi có thể thấy được vật hay không. Đây là cách diễn đạt đạo lý nầy: quý vị bảo rằng tánh thấy là vật, và khi quý vị và tôi cùng nhìn một vật, quý vị bảo rằng quý vị thấy được cái thấy của tôi.

Do vậy, khi tôi không thấy được vật, lẽ ra quý vị phải thấy được cái không thấy của tôi đã không thấy vật đó. Nhưng quý vị đã không thấy được cái không thấy vật tượng của tôi, do vậy quý vị cũng không thấy được cái thấy của tôi. Đây là một phép so sánh. Dường như điểm nầy rất khó hiểu, phải không? Nhưng nếu quý vị hiểu được rõ ràng đạo lý nầy, thì đoạn kinh văn trên rất dễ hiểu.

Nếu quý vị không hiểu được đạo lý nầy thì quý vị sẽ giải thích nó theo nhiều cách khác nhau và những gì quý vị nói đều làm mê lầm chúng sinh. Khi quý vị giải thích, họ sẽ hỏi: "Rốt ráo ý nghĩa đoạn kinh trên nói gì? Nói quá nhiều về 'thấy'. Thấy cái thấy nào?".Tôi thực sự thích Kinh Thủ Lăng Nghiêm vì sự giải thích trong đoạn kinh văn nầy rất vi diệu. Vi diệu hơn cả núi Diệu cao.

Kinh văn: **若見不見,自然非彼不見之相。若不見吾不見之地。自然非物,云何非汝。**

Phiên Âm: Nhược kiến bất kiến, tự nhiên phi bỉ, bất kiến chi tướng. Nhược bất kiến ngô, bất kiến chi địa. Tự nhiên phi vật, vân hà phi nhữ.?

Việt dịch: Nếu ông thấy được cái không thấy, thì tự nhiên nó không phải là tướng của cái không thấy kia. Nếu ông không thấy được chỗ không thấy của Như Lai, thì cái thấy rõ ràng không phải là vật, sao chẳng phải ông?

Giảng: Đoạn kinh văn nầy rất dễ giải thích. Nếu quý vị đã hiểu đoạn trước thì quý vị sẽ dễ hiểu đoạn nầy ngay khi nghe đọc qua. Không cần phải nghe giải thích mà mọi người đều có thể hiểu, thế nên tôi chỉ thông qua. Tuy nhiên, sẽ có người nói: “Tôi chưa hiểu. Làm ơn giải thích lại.” Nên tôi sẽ giải thích. Lần nầy tôi không thông qua nữa.

“Nếu ông thấy được cái không thấy, thì tự nhiên nó không phải là tướng của cái không thấy kia. Tôi đã giảng tánh thấy không phải là vật, nhưng ông không tin như vậy. Tôi sẽ giải thích rõ hơn. Nếu tánh thấy không phân biệt của tôi nhìn thấy một vật được phân biệt, và nếu tánh thấy trở thành là vật phân biệt ấy, như ông nói, thì tánh thấy lẽ ra sẽ được nhìn thấy. Do vậy nên lẽ ra ông sẽ nhìn thấy tánh thấy của tôi, vì nếu tánh thấy là vật, thì lẽ ra nó sẽ có đặc tính để phân biệt được.

Tuy vậy, chẳng có gì đích xác khi tôi nhìn thấy vật. Đôi khi cái nhìn của tôi tiếp xúc với vật tượng, thế nên ông nói, cái thấy chính là vật ấy. Nhưng có khi tôi thu cái nhìn của mình lại và không thấy vật ấy nữa. Nếu ông vẫn cho rằng khi tôi nhìn thấy vật thể, cái thấy của tôi chính là vật thể, và nếu ông nói rằng khi ông nhìn vật ấy và cũng thấy được tánh thấy của tôi, thế thì khi tôi thu cái thấy lại, không còn nhìn thấy vật tượng nữa, tại sao ông cũng không thấy cái thể tính không thấy của tôi?

Tại sao ông không chỉ ra nó nằm ở đâu? Vì ông không thấy được cái không thấy của tôi, thế ông có thực sự thấy được cái thấy của tôi khi cả ông và tôi cùng nhìn vật thể? Tuy nhiên, ông vẫn khăng khăng cho rằng ông thấy được cái không thấy của tôi ở đâu khi tôi không nhìn thấy vật tượng. Thể tính cái không thấy của tôi vẫn là tánh thấy. Cái tôi không nhìn thấy được vẫn là vật thể. Khi tánh thấy của tôi đã tách rời khỏi vật thể, và ông vẫn tiếp tục thấy được tánh thấy của tôi như ông nói, thì lẽ ra nó đã rõ ràng không cần giải thích thêm là thể tánh cái không thấy của tôi chắc chắn là cái không thấy được.

“Nếu ông không thấy được chỗ không thấy của Như Lai, thì cái thấy rõ ràng không phải là vật. Nếu ông không thấy được thể tánh cái không thấy của tôi ở đâu, nếu ông không thấy được tướng cái không thấy của tôi, thì cái thấy không phải là vật. Ông đã hồ nghi, và ông cho rằng cái thấy và vật thể (được nhìn thấy) lẫn lộn với nhau và không thể phân biệt được rõ ràng; nhưng bây giờ ông đã hiểu chưa? Ông không thể thấy được đâu là cái không thấy của tôi, ông

không biết được tôi có thấy hay không. Tại sao? Vì tánh thấy của tôi không có sắc tướng.

Nó chẳng xanh vàng đỏ trắng; chẳng dài ngắn vuông tròn; nó chẳng là gì cả, thế nên ông không nhìn thấy nó được. Nếu ông không nhìn thấy nó được, chắc chắn nó chẳng phải là vật.” Khi người Trung Hoa mắng ai, họ thường nói: “Mầy chẳng là cái tích sự gì cả.” Nhưng thực là tốt khi chẳng phải là gì cả. Tánh thấy của quý vị chẳng là cái gì cả. Thế nên khi có người mắng nhau mà nói : “Mầy chẳng là cái tích sự gì cả.” thì có một ý nghĩa thực là rất vi diệu trong đó.

Hầu hết mọi người chỉ cho đó là lời sỉ nhục và không tìm thấy nghĩa lý gì cả. Sao vậy? Vì họ không hiểu được Kinh Thủ Lăng Nghiêm. Nếu họ hiểu được, họ sẽ nhận ra rằng “chẳng là cái tích sự gì cả” chính là tánh thấy của chúng ta.

“Nếu ông không thấy được tánh thấy của tôi, thế thì rõ ràng nó không phải là vật.” Đoạn kinh văn nầy cũng giống như đoạn trước: “Cái gì có thể trả lại thì không phải là ông, nhưng cái gì là của ông thì không thể trả lại cho nơi khác được, vì nó không phải của ông thì của ai?” Đoạn kinh văn nầy có cùng đạo lý như trên. Cái mà quý vị nhìn thấy được thì hiển nhiên là vật, còn cái mà không nhìn thấy được thì hiển nhiên chẳng phải là vật.

Quý vị không thể xếp cái thấy mà quý vị không thể nhìn thấy được cùng chung một loại với vật thể. Tánh thấy và vật thể không thể trộn lẫn cùng với nhau. Quý vị cho rằng: “Nếu cái thấy không thể được xếp vào cùng chung một loại với vật thể, thế thì tánh thấy là cái gì? Nó cùng loại với cái gì?” Quý vị hãy thử tìm xem. Đoán thử nó như thế nào. Những người tu Thiền thường khán thoại đầu, là một đề mục để quán chiếu, và vấn đề tôi đưa ra ở đây cũng là một thoại đầu để cho quý vị tham cứu. Quý vị biết rằng tánh thấy không phải là vật. Vậy thì quý vị biết nó là cái gì không? Công án: “Ai đang niệm Phật ?” đơn giản là để tham cứu vấn đề nầy.

Nếu quý vị nhận ra được tánh thấy là gì ngay lúc nầy– nếu quý vị nói được: “Ồ! Cơ bản là tánh thấy vốn chẳng đến chẳng đi, chẳng sinh chẳng diệt. Nó vốn siêu việt mọi chướng ngại.”– nếu quý vị hiểu được đạo lý nầy, có nghĩa là quý vị đã nhận ra được tánh thấy Trong đoạn văn trước, Đức Phật có hỏi A-nan: “Nó chẳng phải của ông thì của ai?”

Đoạn kinh văn nầy Đức Phật lại hỏi: “Sao chẳng phải ông? Tại sao ông nói tánh thấy đó không phải là của ông? Sao ông lại nói nó bị xen tạp trong vật tượng? Sao ông lại cho rằng ở đó không có sự phân biệt rõ ràng? Nay ông đã hiểu được chưa? Ông phải nhận ra ngay bây giờ. Như Lai đã giảng giải cho ông rất nhiều đạo lý, nếu ông không hiểu, ông thực sự là một con trùng mê muội.”

Kinh văn: **又則汝今見物之時。汝既見物物亦見汝。體性紛雜則汝與我。并諸世間不成安立.**

Phiên Âm: Hựu tắc nhữ kim, kiến vật chi thời. Nhữ ký kiến vật, vật diệc kiến nhữ. Thể tánh phân tạp, tắc nhữ dữ ngã. Tinh chư thế gian, bất thành an lập.

Việt dịch: Lại như cái thấy là vật, thì khi ông nhìn thấy vật, ông đã thấy vật thì vật cũng thấy được ông. Thế là thể tánh xen tạp, nên ông với Như Lai cùng cả thế gian đều không an lập được.

Giảng: Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói: “Vì ông không thể thấy được tánh thấy của tôi, vì tánh thấy không có sắc tướng riêng biệt để thấy được, rốt ráo có cái thấy không? Tánh thấy vẫn có đó, nhưng dù nó có hiện hữu, nó vốn không có hình trạng và không có thể tánh, cũng không có nơi chốn để trả về. Thế nên ông hãy nói cho Như Lai biết, vì sao ông không nhận ra tánh thấy ấy là của ông?

Nếu ông vẫn khăng khăng không nhận, nếu ông vẫn còn chấp trước, thì ông nên biết rằng: Lại như cái thấy là vật, thì khi ông nhìn thấy vật, ông đã thấy vật thì vật cũng thấy được ông. Nếu ông vẫn khăng khăng cho rằng tánh thấy của ông dứt khóat là vật, thì lẽ ra vật cũng thấy được tánh thấy của ông. Rốt ráo, ông nói rằng tánh thấy chỉ là vật, một vật có thể thấy được vật khác. Trong trường hợp đó, vật kia cũng sẽ thấy được, và các vật ấy lẽ ra sẽ thấy được tánh thấy của ông.

Thế là thể tánh xen tạp – ông nhìn thấy vật và vật nhìn thấy ông; rốt cuộc ai nhìn thấy ai? Nói nhanh! Cái nào thấy cái nào? Có lẽ A-nan sẽ trả lời: “Cũng như hai người thấy nhau. Con thấy người ấy, và người ấy thấy con.” Nhưng khi người nầy nhìn thấy người kia, là có sự nhận biết lẫn nhau; như khi tôi nhìn thấy quý vị, quý vị biết được điều ấy; và khi quý vị nhìn tôi, tôi cũng biết được điều ấy. Nhưng khi vật thể nhìn quý vị, liệu vật thể có biết chăng?

Khi tánh thấy của quý vị mà quý vị đã cho nó là vật, khi nhìn thấy vật tượng, thì liệu vật tượng có nhận biết về cái nhìn ấy chăng? Đây đúng là thể tánh lẫn lộn. Đều ở trong tình trạng xen tạp. Vật thấy được quý vị và quý vị thấy vật, và vật thấy được các thứ khác. Điều nầy gây nên nhiều sự nhầm lẫn. Đem gộp mọi thứ vào cùng một loại. Thế nên ông cùng Như Lai và cả thế gian đều không an lập được. “Thế gian” có nghĩa là thế giới hữu tình và thế giới vô tình (khí thế gian)– đó là, người và các vật tượng như núi sông, đất đai, nhà cửa.

Mọi loài chúng sinh bao gồm cả loài người, được gọi là chính báo. Núi sông, đất đai, nhà cửa… được gọi là y báo. Gọi là chính báo vì sinh mệnh mà chúng sinh có được bây giờ chính là quả báo do họ đã tạo ra trong vô số đời trước. Tóm lại, nếu tánh thấy của quý vị là vật, thì chẳng có gì để nói nữa cả, và mọi việc sẽ ở trong tình trạng hỗn loạn. Sẽ không có thế gian; mọi hiện tượng trong thế gian sẽ không tạo thành một thế giới. Ý nghĩa đoạn kinh văn nầy là như vậy.

Kinh văn: **阿難,若汝見時,是汝非我。見性周遍,非汝而誰。**

Phiên Âm: A-nan! Nhược nhữ kiến thời, thị nhữ phi ngã. Kiến tánh chu biến, phi nhữ nhi thùy ?

Việt dịch: A-nan, như khi ông thấy, thì chính ông chứ chẳng phải Như Lai, tánh thấy trùm khắp đó chẳng phải ông thì ai?

Giảng: Đức Phật Thích Ca Mâu Ni một lần nữa lại gọi đệ tử: "A-nan, bây giờ ông đã hiểu chưa? Như Lai đã giải thích cho ông rất nhiều giáo lý mà nay ông vẫn còn mê muội. Ông chưa được thông đạt. Như khi ông thấy, thì chính ông chứ chẳng phải Như Lai – cái thấy mà ông có thể thấy được là tánh thấy của ông, chứ chẳng phải của Như Lai – tánh thấy trùm khắp đó chẳng phải ông thì ai? Ông có tánh thấy, Như Lai có tánh thấy, và mọi người đều có tánh thấy. Tánh thấy bao trùm khắp tất cả, và thực chất tánh thấy nơi chúng sinh và tánh thấy của chư Phật là giống nhau."

Nên nói: "Nơi thánh không tăng, nơi phàm không giảm". Đến địa vị bậc thánh, tánh thấy ấy không tăng thêm một mảy may. Ở địa vị phàm phu, tánh thấy ấy chẳng giảm bớt một chút ít nào. "Ông có tánh thấy của ông, Như Lai có tánh thấy của Như Lai, mọi người đều có tánh thấy của họ, và thực chất tánh thấy ấy là đồng như nhau; đó chính là điều quan trọng mà mọi người đang vận dụng, nó không bao giờ thiếu sót. Điều kỳ diệu là nằm ở điểm nầy.

Vì mọi người đều có tánh thấy của mình– vì tánh thấy bao trùm khắp tất cả – thế thì ông định cho ai tánh thấy nầy nếu ông không muốn nhận nó? Nếu ông không dám nhận tánh thấy của mình, thế thì tánh thấy ấy là của ai? Nếu tánh thấy ấy không phải là của ông, hãy nói cho Như Lai biết ngay nó là của ai?" Đến đây A-nan lại lúng túng không trả lời được. A-nan bị líu lưỡi một lần nữa.

Kinh văn: **云何自疑汝之真性。性汝不真,取我求實.**

Phiên Âm: **Vân hà tự nghi, nhữ chi chân tánh. Tánh nhữ bất chân, thủ ngã cầu thật.**

Việt dịch: Sao ông tự nghi chân tánh của mình là chẳng chân mà bám vào Như Lai cầu cái chân thật?

Giảng: "Sao ông tự nghi chân tánh của mình là chẳng chân mà bám vào Như Lai cầu cái chân thật? Tại sao ông nghi ngờ những gì của mình? Ông nghi ngờ tánh thấy của ông, nhưng tánh thấy của ông là chân thực, không một chút hư vọng nào cả. Nhưng ông cứ nghĩ rằng tánh thấy ấy không chân thực, nên ông quay sang cầu mong Như Lai chứng minh cho tánh thấy ấy là của ông. Với suy nghĩ như vậy, ông càng chạy càng xa mục tiêu.

Ông đang quay lưng với đạo, lạc mất lối về. Ông thật đáng thương xót." Đến lúc nầy Đức Phật chẳng còn cách nào để giúp A-nan được nữa. Cũng giống như khi đệ tử không vâng lời tôi nữa; tôi cũng chẳng có cách nào giúp họ. Đức Phật đã giải thích rất nhiều đạo lý, nhưng A-nan không chịu nghe. Đức Phật càng giảng giải cho ông, ông càng không hiểu. Không còn cách nào giúp A-nan nữa, Đức Phật trông chờ vào lời đáp của A-nan.

Kinh văn: **阿難白佛言,世尊。若此見性必我非餘。我與如來觀四天王勝藏寶殿,居日月宮。此見周圓遍娑婆國。退歸精舍,只 見伽藍。清心戶堂但瞻簷廡。**

Phiên Âm: **A-nan bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Nhược thử kiến tánh, tất ngã phi dư. Ngã dữ Như Lai, quán Tứ Thiên Vương, thắng tạng bảo điện, cư nhật nguyệt cung. Thử kiến châu viên, biến Ta-bà quốc. Thoái quy Tịnh Xá, chỉ kiến già lam. Thanh tâm hộ đường, đãn chiêm diêm vũ.**

Việt dịch: A-nan bạch Phật: "Bạch Đức Thế tôn, nếu tánh thấy nầy nhất định là con chứ chẳng phải là gì khác, thế khi con và Như Lai xem lầu các bảo điện thù thắng của Tứ thiên vương trong cung nhật nguyệt, cái thấy nầy bao trùm cả cõi Ta-bà. Quay về tinh xá chỉ thấy vườn chùa, nơi giảng đường thanh tịnh thì chỉ thấy hành lang."

Giảng: A-nan bạch Phật: "Bạch Đức Thế tôn, nếu tánh thấy nầy nhất định là con chứ chẳng phải là gì khác– Như Lai chắc chắn bảo rằng tánh thấy có thể thấy được vật nầy hiển nhiên là của con và của mọi người; mà chẳng phải là cái gì khác. Thế khi con và Như Lai xem kho tàng bảo điện thù thắng của Tứ thiên vương – Như Lai đã dùng thần thông đề giúp cho con thấy được cung điện của Tứ thiên vương. "Thù thắng" có nghĩa là rất tốt đẹp và vi diệu, "lầu các" có nghĩa là những châu ngọc đặc biệt quý báu được dùng để làm cung

điện. “Trong cung nhật nguyệt, chúng ta cũng đang cùng đi tới cung nhật nguyệt. Cái thấy nầy bao trùm cả cõi Ta-bà.”

Bây giờ tánh thấy nầy có thể nhìn thấy được rất xa và rộng; có thể thấy được mọi thứ ở khắp nơi. Điều nầy chứng tỏ rằng tánh thấy hòan toàn bao trùm khắp. Đến đây có người sẽ bảo rằng cụm từ “cõi ta-bà” và “cõi Diêm-phù-đề” như vừa nói ở trước nên được thay đổi, nhưng thực ra nó có cùng ý nghĩa như nhau, không cần phải thay đổi. Điều ấy không quan trọng. Vấn đề chính là quý vị phải hiểu được lý trong đoạn kinh văn nầy.

Có người cho rằng “cõi ta-bà” là chỉ cho thế giới chúng ta đang sống, còn “cõi Diêm-phù-đề” là bao gồm rất nhiều thế giới. Nhưng có thể xem “cõi ta-bà” với ý nghĩa là có nhiều thế giới cũng được. Theo ý nghĩa tôi đang giảng kinh nầy, thì 2 thuật ngữ trên là không có gì thay đổi. “Quay về tinh xá chỉ thấy vườn chùa, nơi thiền đường thanh tịnh thì chỉ thấy hành lang.”

Chữ già-lam trong Kinh văn là chỉ cho Tinh xá Trúc Lâm. Già-lam dịch sang tiếng Hán có nghĩa là chúng viên – vườn chùa, là nơi có các vị Hộ pháp như Kuan Ti Kung (Quan Công) với bộ râu dài và gương mặt đỏ. A-nan nói rằng : “Con thấy có rất nhiều vị Bồ-tát Hộ pháp Già-lam đang ở quanh đây.” Trong cụm từ thiền đường thanh tịnh – thanh tâm hộ đường, chữ tâm (心) không có nghĩa là con tim mà có nghĩa là trung tâm của khu già-lam.

A-nan nói: “Khi con vào bên trong, con chỉ thấy hành lang, hiên nhà trước mặt con chứ không có gì nữa cả. Còn khi nhìn lên trời, con thấy rất nhiều, bây giờ trong phòng nầy, con thấy ít hơn!” Rốt cục, cái thấy của con co rút vào đâu? Tại sao không thấy được bên ngoài?” A-nan vẫn còn lý lẽ để thắc mắc. A-nan vẫn còn muốn tranh luận với Đức Phật và muốn Đức Phật phải quan tâm đến lý lẽ của mình. Những lý lẽ A-nan sẽ trình bày tiếp sau đây rất là kỳ đặc.

Kinh văn: **世尊,此見如是。其體本來周遍一界。今在室中,唯滿一室.為復此見縮大為小。為當牆宇夾令斷絕**。我今不知斯義所在。願垂弘慈為我敷演.

Phiên Âm: Thế Tôn! Thử kiến như thị. Kỳ thể bản lai, chu biến nhất giới. Kim tại thất trung, duy mãn nhất thất. Vi phục thử kiến, súc đại vi tiểu. Vi đương tường vũ, giáp lệnh đoạn tuyệt. Ngã kim bất tri, tư nghĩa sở tại. Nguyện thùy hoằng từ, vi ngã phu diễn.

Việt dịch: Bạch Thế tôn, cái thấy nầy như vậy, bản thể của nó trùm khắp cả pháp giới. Nay tại trong phòng thì chỉ khắp một phòng. Vậy cái thấy nầy rút lớn thành nhỏ, hay bị tường vách xen vào giữa làm cho đứt đoạn?

Nay con chẳng biết nghĩa ấy như thế nào? Kính mong Như Lai từ bi dạy rõ.

Giảng: Dạy một đệ tử như A-nan thì thật là mệt nhọc, thật quá nhức đầu. Anh ta hỏi xa rồi hỏi gần, hỏi lớn rồi nhỏ, hỏi vuông rồi lại hỏi tròn. A-nan hỏi tánh thấy tại sao có thể thấy được nhiều thứ mà lại nhỏ như vậy? Phải chăng tường vách ép lại hay cắt đứt đoạn tánh thấy ấy đi? "Bạch Thế tôn, cái thấy nầy như vậy. Khi con ở cõi trời Tứ thiên vương, con thấy được rất nhiều và nay con ở trong phòng, con lại thấy rất ít. Bản thể của nó trùm khắp cả pháp giới.

Thể tính của tánh thấy nầy vốn trùm khắp cả hư không pháp giới. Nay tại trong phòng thì (tánh thấy) chỉ khắp một phòng. Bây giờ cái thấy chỉ còn lại trong pham vi căn phòng nầy. Vậy cái thấy nầy rút lớn thành nhỏ chăng? Phải chăng cái thấy đã lớn nay bị co rút lại nên hóa thành nhỏ? Từ bao la như pháp giới nay rút nhỏ lại bằng kích thước trong một căn phòng. Rốt ráo, tánh thấy ấy đã bị rút nhỏ lại như thế nào? Con không hiểu được đạo lý nầy. Trái banh thì lớn khi nó chứa đầy không khí, nhưng khi xả không khí ra thì nó trở thành nhỏ. Không khí biến mất, hành dáng trái banh cũng không còn. Phải chăng tánh thấy cũng như trái banh?

A-nan vẫn lẫn lộn tánh thấy với vật thể. A-nan vẫn nghĩ rằng: "À! Tánh thấy là một vật. Con vừa nghĩ ra một cách dùng thí dụ để tranh luận với Thế tôn và đã thắng. Con sẽ nghĩ ra cách để vô hiệu hóa lý lẽ của Thế tôn. Con sẽ tìm ra cách chứng minh cho lập luận của con đưa ra là đúng, và Thế tôn sẽ chứng minh cho con." Đó là những gì đang diễn biến trong đầu A-nan. "Thế tôn bảo rằng mọi điều con nói đều sai. Con dứt khóat sẽ tìm ra cách chứng tỏ đó là đúng và Thế tôn phải công nhận." Người ta cho rằng ngã chấp của A-nan bấy giờ quá kiên cố. "Sao Thế tôn bảo rằng mọi điều con nói đều sai?"

Thế nên A-nan bảo rằng tánh thấy bị co rút nhỏ lại, "hay bị tường vách xen vào giữa làm cho đứt đoạn? Khi con từ ngoài đi vào trong nhà, thì tường vách ép lại và cắt đứt đoạn tánh thấy của con. Nếu không thì tại sao tánh thấy bị nhỏ lại khi nó vốn rộng lớn trùm khắp bao la như thế?" Nhân đây tôi xin kể một câu chuyện. Thuở xưa, ở Trung Hoa có một gia đình rất giàu có, thấy cậu con trai lớn của mình rất tối dạ, nên mời một vị thầy rất giỏi đến nhà dạy cho con mình học.

Phú ông thấy con mình quá chậm lụt sẽ sợ khổ nhọc khi học chữ, nên ông nói với thầy giáo: "Đừng nghiêm khắc quá, nếu thầy dạy được cho nó dù chỉ một ngày một chữ thôi, tôi xin tạ ơn thầy rất hậu hỹ. Thực vậy, thầy chỉ cần dạy cho nó biết được một chữ cũng là đủ lắm rồi."

“Việc ấy quả dễ!” Vị thầy trả lời. Rồi ông ta bắt đầu dạy. Cậu học trò thật là quá ngu. Thầy dạy cho cậu ta chữ nhất (一), trong tiếng Hán đó là một nét ngang. Thầy viết ra giấy nhiều lần và bảo: “Này, nhìn đây! Đây là chữ nhất. Đọc là yi. Hãy nhớ nằm lòng.” Ông thầy dạy như thế suốt mấy ngày và cuối cùng cậu học trò không quên. Cậu nhớ được chữ nhất.

Một hôm phú ông mời vị thầy đến nhà mình dùng cơm. Sau khi ăn xong, họ cùng đi dạo ngắm hoa trong vườn. Vị thầy rất tự hào nói với phú ông: “Ông bảo con trai ông rất ngu đần nhưng tôi thấy nó rất thông minh, tôi đã dạy cho nó biết được chữ.” Phú ông vui mừng hỏi: “Nó biết được chữ rồi sao? Hãy hỏi thử nó xem sao?”

Vị thầy bèn dùng chân mình viết một chữ nhất thật lớn trên mặt đất. Rồi hỏi cậu học trò mình: “Đó là chữ gì?” Cậu học trò ngẩng đầu lên nhìn săm soi hết bên nầy đến bên kia rồi nói: “Con chẳng biết.”

Vị thầy bảo: “Tôi đã dạy cậu chữ nầy mấy ngày nay rồi không nhớ sao! Đó là chữ nhất, có nhớ không?” Quý vị có đoán được cậu học trò trả lời như thế nào không?: “Chữ nhất mà thầy dạy cho con đâu có lớn như thế!” A-nan cũng như cậu học trò ấy. A-nan nói: “Khi con ở bên ngoài, con thấy được rất nhiều; tại sao khi ở trong phòng lại thấy được ít như vậy?

Lạ thật! Có phải tường vách đã ép lại và cắt đoạn tánh thấy đi chăng?” Nay con chẳng biết nghĩa ấy như thế nào? Nay con không hiểu được. Càng nghe giải thích con càng thấy mờ mịt. Chuyện ấy như thế nào? Rốt ráo, làm sao mà tánh thấy lớn rồi nhỏ? Con không hề rút nó lại; sao nó trở thành nhỏ. Nếu có thể rút nhỏ nó lại được, thì ít nhất cũng có người đã rút nó rồi. Hay có lẽ là do tường vách chắn đứt đoạn tánh thấy ấy đi! Con không hiểu được điều nầy. Đơn giản đó là gì? Kính mong Như Lai từ bi dạy rõ.

Bạch Thế tôn! Cúi mong Ngài rủ lòng đại từ bi thương xót giải từ mối nghi nầy cho chúng con và từng lúc giảng bày rõ ràng giáo lý thâm diệu.” A-nan mê muội hơn tôi nhiều. Bây giờ tôi đã thông hiểu được giáo lý nầy, nhưng lúc ấy, A-nan chưa rõ được điều ấy.

Kinh văn: **佛告阿難一切世間大小內外。諸所事業各屬前塵。不應說言見有舒縮 .**

Phiên Âm: Phật cáo A-nan: nhất thiết thế gian, đại tiểu nội ngoại. Chư sở sự nghiệp, các chúc tiền trần. Bất ưng thuyết ngôn, kiến hữu thư súc.

Việt dịch: Đức Phật bảo A-nan: “Tất cả các thứ trong ngoài, lớn nhỏ trên thế gian đều thuộc về tiền trần. Chẳng nên cho rằng cái thấy có co giãn.”

Giảng: A-nan chỉ nói rằng tánh thấy của A-nan bỗng dưng lớn ra rồi bỗng dưng nhỏ lại. Tánh thấy ấy co rút lại rồi giãn lớn ra chăng? Có thể như vậy không? Đức Phật bảo A-nan: “Tất cả các thứ trong ngoài, lớn nhỏ trên thế gian. Bao gồm chúng hữu tình và khí thế gian, đều thuộc về tiền trần. Chúng có thể lớn, có thể nhỏ, có thể ở trong, có thể ở ngoài: “Tất cả các thứ ” có nghĩa là những đặc tính nầy và các hiện tượng khác, tất cả đều là tướng trạng của tiền trần. Chẳng nên cho rằng tánh thấy có co giãn.”

Kinh văn: **譬如方器中見方空。吾復問汝此方器中所見方空。為復定方為不定方.**

Phiên Âm: Thí như phương khí, trung kiến phương không. Ngô phục vấn nhữ, thử phương khí trung, sở kiến phương không. Vi phục định phương, vi bất định phương.

Việt dịch: Thí như trong vật hình vuông, ta thấy hư không trong ấy có hình vuông. Nay Như Lai lại hỏi ông, hư không hình vuông được nhìn thấy trong vật vuông ấy là vuông cố định hay vuông không cố định?

Giảng: “ Tại sao Như Lai bảo ông không nên cho rằng tánh thấy có co giãn? Thí như trong vật hình vuông. Như Lai sẽ đưa ra ví dụ. Có một đồ vật hình vuông, một cái hộp chẳng hạn, ta thấy hư không trong ấy có hình vuông. Vì cái hộp có hình vuông, nên hư không trong ấy có hình vuông. Nay Như Lai lại hỏi ông: Nay Như Lai lại hỏi ông câu khác: hư không hình vuông được nhìn thấy trong vật vuông ấy, khối vuông hư không bên trong cái hộp, là hình vuông cố định hay hình vuông không cố định?

Có phải hình dáng của hư không trở nên bị vuông trong cái hộp chứa nó hay chăng? Nếu đúng như thế, thì khi vật chứa bị thay đổi, thì hình dáng khối vuông hư không sẽ không còn ăn khớp với khoảng không hiện thời của vật thể khác.” Thế nên Đức Phật hỏi: “Hư không có hình dáng vuông là cố định hay không cố định? Nếu nó không vuông, thì nó rộng lớn trùm khắp, hòan toàn giống như tánh thấy của ông. Sao ông còn nghi ngờ nó trở nên lớn hoặc nhỏ, co hoặc giãn?”

Kinh văn: **若定方者,別安圓器,空應不圓。若不定者,在方器中,應無方空.**

Phiên Âm: **Nhược định phương giả, biệt an viên khí, không ưng bất viên. Nhược bất định giả, tại phương khí trung, ưng vô phương không.**

Việt dịch: Nếu cố định vuông, thì khi ở trong vật tròn, hư không lẽ ra chẳng tròn. Nếu không cố định vuông, thì khi ở trong vật vuông, lẽ ra hư không chẳng phải vuông.

Giảng: "Nếu cố định vuông, thì khi ở trong vật tròn, hư không lẽ ra chẳng tròn. Nếu ông cho rằng hư không có hình dáng nhất định vuông, thế khi nó được chứa trong vật hình tròn, thì hư không lẽ ra chẳng trở nên có hình dáng tròn, mà nó vẫn giữ hình dáng vuông. Nếu không cố định vuông, nếu ông bảo rằng khoảng trống mà hư không chóan chỗ ấy không cố định, thì khi ở trong vật vuông, lẽ ra hư không chẳng phải vuông.

Nếu ông bảo rằng không có hình dạng vuông cố định, thì tại sao hư không lại có hình dạng vuông khi nằm trong vật vuông? Đạo lý ở điểm nầy là sao?"- Đức Phật hỏi A-nan- "Rốt ráo, ông nói hư không vuông hay tròn? Hư không dụ cho tánh thấy. Ông nói tánh thấy có co giãn, có nghĩa là trở thành lớn hoặc nhỏ. Như thế, ông có cho rằng hư không trở nên vuông hay tròn được chăng?" Quý vị có nhận ra rằng tại sao câu hỏi Đức Phật đưa ra càng lúc càng khó giải đáp không? A-nan càng hỏi, càng trở nên mờ mịt.

Kinh văn: **汝言不知斯義所在。義性如是,云何為在。**

Phiên Âm: **Nhữ ngôn bất tri, tư nghĩa sở tại. Nghĩa tánh như thị, vân hà vi tại.**

Việt dịch: Ông nói chẳng biết nghĩa nầy thế nào. Nghĩa tánh là như vậy. Sao còn hỏi như thế nào nữa?

Giảng: Ông nói chẳng biết nghĩa nầy thế nào. A-nan, ông nói ông không hiểu được nghĩa lý nầy và không biết nghĩa lý ấy nằm ở đâu. Rốt ráo, tánh thấy, nghĩa tánh là như vậy. Nếu ông cho rằng tánh thấy và hư không là đồng như nhau, thế thì ông hãy nói là hư không tròn hay vuông? Trên đã giải thích rằng nếu ông cho hư không vuông, thì khi nó ở trong vật tròn thì lẽ ra nó phải trở nên tròn; nếu ông cho hư không tròn, thì khi nó ở trong vật vuông thì lẽ ra nó phải trở nên vuông.

Trong lần phân tích sau cùng, ông có nói được hư không tròn hay vuông chăng? Thể tính nghĩa lý của hư không cũng giống như vậy. Thể tính của tính thấy mà ông đề cập đến cũng giống như nghĩa lý về thể tính của hư không. Vậy

nên ông cho rằng tánh thấy co rút lại từ lớn thành nhỏ hoặc là bi tường vách ép lại và bị cắt rời từng đoạn? Nghĩa lý nầy đã được giải thích rất rõ ràng.

Sao còn hỏi như thế nào nữa? Nay ông đã nhận rõ đạo lý về hư không; vậy sao ông còn hỏi tánh thấy chỗ nào làm gì nữa? Tánh thấy bao trùm khắp mọi nơi. Sao ông còn giả định cho tánh thấy một nơi chỗ rồi hỏi Như Lai tánh thấy ở chỗ nào nữa?"

Kinh văn: **阿難,若復欲令入無方圓。但除器方,空體無方。不應說言更除虛空方相所在.**

Phiên Âm: A-nan! Nhược phục dục lệnh, nhập vô phương viên. Đãn trừ khí phương, không thể vô phương. Bất ưng thuyết ngôn, cánh trừ hư không, phương tướng sở tại.

Việt dịch: A-nan, nếu muốn nhận ra tính chẳng vuông tròn, thì chỉ cần trừ bỏ cái vuông của đồ vật, thể hư không vốn chẳng vuông; không nên nói phải bỏ đi tướng vuông của hư không.

Giảng: "Tại sao? A-nan, nếu muốn nhận ra tính chẳng vuông tròn– ông muốn hư không trong đồ vật chẳng có hình dạng vuông hay tròn và không cần phải thích ứng với khối vuông hay tròn của đồ vật. Thì chỉ cần trừ bỏ cái vuông của đồ vật, vì thể hư không vốn chẳng vuông. Thể tánh của hư không vốn chẳng vuông hay tròn. Nó có thể là vuông hay tròn.

Vậy ông không nên nói phải bỏ đi tướng vuông của hư không. Đem hư không từ tướng vuông tạm thời mà nó có được khi thích ứng với hình dáng đồ vật chứa nó. Đơn giản là chỉ cần thay đổi vật chứa. Ông chẳng cần phải làm điều gì hết đối với chính hư không; ông chẳng cần phải cố gắng làm thay đổi hình dáng hư không, vì hư không vốn không có hình dáng. Nó thích ứng với đồ vật chứa nó, hư không bên trong chẳng bị cắt rời với hư không bên ngoài. Nó vẫn dung thông với nhau.

A-nan, ông nghĩ rằng vật chứa là chướng ngại như cách ông nghĩ về tường vách đã ngăn che và cắt đứt tánh thấy của ông. Nhưng thực ra hư không chẳng trở thành vuông hay tròn do vật chứa, và tánh thấy của ông cũng chẳng trở nên lớn hay nhỏ do tường vách. Chẳng còn đạo lý nào khác hơn như vậy nữa. Sao ông còn muốn nêu ra nữa? Ông không nên nói như vây!" Đây là lời Đức Phật quở trách A-nan.

Kinh văn: **若如汝問,入室之時。縮見令小,仰觀日時。汝豈挽見齊於日面。若築牆宇能夾見斷。穿為小竇寧無竇跡。是義不然。**

Phiên Âm: Nhược như nhữ vấn, nhập thất chi thời. Súc kiến lệnh tiểu, ngưỡng quán nhật thời. Nhữ khởi vãn kiến, tề ư nhật diện. Nhược trúc tường vũ, năng giáp kiến đoạn. Xuyên vi tiểu đậu, ninh vô đậu tích? Thị nghĩa bất nhiên.

Việt dịch: "Nếu như ông hỏi, khi vào trong nhà, tánh thấy đã rút nhỏ lại, vậy khi ông ngước xem mặt trời, phải chăng tánh thấy đã giãn ra để tiếp xúc với mặt trời? Nếu bị tường vách ngăn ép khiến cho tánh thấy phải đứt đoạn, thì khi xoi một lỗ nhỏ sao không thấy dấu nối? Nghĩa ông nói chẳng đúng."

Giảng: " Nếu như ông hỏi, khi vào trong nhà, tánh thấy đã rút nhỏ lại – ý của ông cho rằng tánh thấy của ông là cái gì đó có thể trải ra, có thể gấp lại và cũng có thể vứt bỏ đi–vậy khi ông ngước xem mặt trời, phải chăng tánh thấy đã giãn ra để tiếp xúc với mặt trời? Thực vậy, tất cả những gì ông cần nhìn thấy mặt trời là ngẩng mặt lên và nhìn.

Nhưng, nếu như ông vừa nói, tánh thấy của ông co rút lại khi ông vào trong nhà, vì lẽ ấy, liệu ông có thể cầm tánh thấy trong tay rồi kéo giãn nó ra như cách khi ông nhìn mặt trời được chăng? Nếu bị tường vách ngăn ép khiến cho tánh thấy phải đứt đoạn, thì theo ý ông, khi ông làm nhà, tường vách có thể ép lại và cắt đứt đoạn tánh thấy của ông. Nếu tánh thấy của ông có thể được cắt rời ra, thì lẽ ra nó cũng sẽ được nối liền lại khi ông khoét một lỗ nhỏ trên tường để nhìn xuyên qua, thì khi xoi một lỗ nhỏ sao không thấy dấu nối?

Chẳng hạn, nếu áo bị rách, sau khi vá xong sẽ còn thấy vết mạng trên đó. Cũng vậy, nếu tánh thấy của ông tự nó bị cắt đứt bởi tường nhà rồi lại được nối liền lại, sao chẳng thấy chút dấu vết nào? Lẽ ra chắc chắn phải có vết tích còn lại. Do vậy, nghĩa ông nói chẳng đúng. Lý lẽ mà ông giả định là hòan toàn sai lầm."

Kinh văn: **一切眾生從無始來,迷己為物。失於本心,為物所轉。故於是中觀大觀小.**

Phiên Âm: Nhất thiết chúng sanh, tùng vô thỉ lai, mê kỷ vi vật. Thất ư bản tâm, vi vật sở chuyển. Cố ư thị trung, quán đại quán tiểu.

Việt dịch: Tất cả chúng sinh từ vô thuỷ đến nay, mê mình là vật, lạc mất bản tâm, bị vật xoay chuyển, nên trong ấy xem có lớn nhỏ.

Giảng: “Tất cả chúng sinh từ vô thuỷ đến nay, mê mình là vật.” “Tất cả chúng sinh” là bao gồm các loài sinh từ bào thai, sinh từ trứng, sinh từ nơi ẩn thấp, và do hóa sinh, các loài có sắc tướng, không có sắc tướng, các loài có tưởng, các loài không có tưởng, loài chẳng phải hữu sắc, loài chẳng phải vô sắc, loài chẳng phải hữu sắc, loài chẳng phải vô sắc, loài chẳng phải hữu tưởng, loài chẳng phải vô tưởng. Tất cả các loài chúng sinh ấy đều quên mất chính mình và xem mình là vật.

Họ không biết rằng các vật ấy đều vốn là vật lưu xuất từ chân tâm. “Lạc mất bản tâm, bị vật xoay chuyển. Chân tâm vốn chưa từng bị lạc mất, nhưng dường như họ bỏ quên mất chân tâm. Họ không biết rằng họ vẫn còn có bản tâm. Thế nên chân tâm thường trú đã bị vật xoay chuyển, thay vì vật bị xoay chuyển bởi chân tâm. Nên trong ấy xem có lớn nhỏ. Ông xem xét rồi cho rằng tánh thấy là lớn rồi biến thành nhỏ. Điều ấy chứng tỏ rằng ông hòan toàn điên đảo. A-nan, ông thật đáng thương xót.”

Kinh văn: **若能轉物,則同如來。身心圓明,不動道場.**

Phiên Âm: Nhược năng chuyển vật, tắc đồng Như Lai. Thân tâm Viên Minh, bất động đạo tràng.

Việt dịch: Nếu chuyển được vật, tức đồng Như Lai. Thân tâm tròn đầy sáng suốt, là đạo tràng bất động.

Giảng: “Nếu chuyển được vật, tức đồng Như Lai. Nghĩa lý câu nầy như thế nào? Bị vật xoay chuyển có nghĩa là dính mắc với bất kỳ cảnh vật bên ngoài nào mà ông gặp phải, bất kỳ hòan cảnh nào mà ông đang ở trong đó, và bị kẹt dính trong đó. Ngay khi ông bị dính mắc, là ông bị chạy theo vật. Tâm tánh của ông bị mất tự chủ và chạy đuổi theo cảnh vật bên ngoài. Một khi đã chạy đuổi theo cảnh vật bên ngoài rồi thì càng chạy đuổi theo, càng xa mục đích.

Và càng xa mục đích, càng chạy đuổi theo. Cũng như khi quý vị bị lạc đường, càng khó tìm ra lối về càng trở nên bực dọc, càng trở nên bực dọc, càng đi xa lối về. Càng đi xa lối về, càng rơi vào con đường lầm lạc. Chạy theo vật và bị vật xoay chuyển cũng có cùng ý nghĩa như vậy.” Thế nào là ý nghĩa của “chuyển được vật?” Có nghĩa là không chạy theo cảnh vật; mà thay vì vậy, khiến vật phải xoay chuyển theo mình và chạy theo mình.

“Vật thì vô tri,” – quý vị nói – “Làm sao nó chạy theo con được?” Nhưng vật hữu tình có thể chạy theo con người, và con người chúng ta có thể chạy theo vật, vì chúng ta đều là sinh vật. Nhưng làm sao mà vật có thể chạy được?

Đừng nên quá cứng ngắt trong kiến giải của mình. Vật xoay chuyển quý vị, hoặc quý vị xoay chuyển vật; nếu quý vị không chạy theo vật, thì vật sẽ bị xoay chuyển bởi quý vị: ý nghĩa ở chỗ nếu quý vị nhận ra chân tâm, thì tất cả mọi cảnh giới bên ngoài chỉ là biểu hiện từ tâm. Nó chỉ là vật hiện ra từ trong chân tâm quý vị. Vì nó là vật trong tâm quý vị, tại sao quý vị còn muốn chạy theo nó nữa? Đừng chạy theo chúng nó nữa.

Cơ bản là vốn chẳng có sự phân cách giữa quý vị và vật. Chuyển được vật có nghĩa là nhận ra mọi vật chỉ là lưu xuất từ tâm. Bị xoay chuyển bởi hòan cảnh có nghĩa là "quay lưng lại với giác ngộ và hòa nhập vào trần cảnh. " Đi ngược lại với giáo lý giác ngộ và tạo mối quan hệ với cảnh trần, với thế gian, đó là bị vật xoay chuyển. Quay lưng lại với giác ngộ và hòa nhập vào trần cảnh là tạo mối quan hệ với vật. Cũng như khi có người muốn mở một dịch vụ thương mãi mà không có đủ vốn, và có người khác giúp đỡ bằng cách đề nghị mua chứng khóan.

Khi quý vị quay lưng lại với giác ngộ và hòa nhập vào trần cảnh, đó là cũng như thể quý vị hùn chung phần với cảnh trần. Quý vị đã tham gia cùng với nó. Có nghĩa là quý vị đã bị vật xoay chuyển. Nếu quý vị xoay chuyển được vật thì quý vị sẽ là "quay lưng lại với trần cảnh và hòa nhập cùng giác ngộ. " Quý vị khác hẳn với những vật mà quý vị hiện đang nhìn thấy, quý vị tự tách biệt hẳn chúng và hòa nhập cùng tánh giác.

Cũng giống như khi quý vị xoay bàn tay mình. Lưng bàn tay biểu tượng cho sự quay lưng lại với giác ngộ và hòa nhập vào trần cảnh. Lật ngửa bàn tay biểu tượng cho sự quay lưng lại với trần cảnh và hòa nhập cùng tánh giác. Chỉ là trở bàn tay. Đó là ý nghĩa chuyển được vật. Nếu quý vị có thể chuyển được vật thì quý vị đồng với Như Lai. Tại sao Như Lai được gọi là Như Lai? Vì Ngài đã hồi đầu thị ngạn. Ngài là Đấng hiểu biết chân chánh, thế nên được gọi là Như Lai. Nếu quý vị đã nhận ra được chân tâm mình, thì quý vị tức đồng Như Lai. " Làm sao mà thân tâm được tròn đầy sáng suốt? Ông đã đạt được sự giác ngộ và có đồng thể tánh với Như Lai, thế nên ông có được sự sáng suốt và hòan toàn viên mãn, là đạo tràng bất động."

Thế nên bất kỳ quý vị ở đâu thì đó cũng là đạo tràng. Mọi nơi đều là Pháp thân. "Đạo tràng" là nơi để công phu tu tập. Chẳng hạn như nơi Đức Phật ngồi dưới cây bồ-đề, tu tập thiền định, được khai ngộ, nên gọi nơi đó là Bồ-đề đạo tràng. Nay chúng ta đang ở trong Phật giáo Giảng đường, nên đây được gọi là Đạo tràng Phật giáo Giảng đường. Nếu quý vị có thể chuyển được vật, thì bất kỳ ở đâu cũng là Pháp thân. Bất luận quý vị ở đâu đều là như như bất động. Bất luận đi đâu cũng là vô ngại. Bất luận đi đâu cũng là bất động đạo tràng. "Bất

động” là biểu thị cho một loại định lực. Quý vị chuyển được vật vì quý vị có định lực, là năng lực của Thủ Lăng Nghiêm đại định.

Kinh văn: **於一毛端,遍能含受十方國土.**

Phiên Âm: Ư nhất mao đoan, biến năng hàm thọ, thập phương quốc độ.

Việt dịch: Trên đầu mảy lông có thể chứa trọn cả cõi nước trong mười phương.

Giảng: “Trên đầu mảy lông” , không chỉ đề cập đến tóc trên đầu mà còn cả lông trên thân. Nó có thể chứa trọn cả cõi nước trong mười phương.” Các cõi nước khắp mười phương đều có thể chứa trọn trên đầu một mảy lông. Một điểm nhỏ như thể lại chứa được cả mười phương cõi nước. Quý vị có thể nói được những cõi nước nầy rộng lớn như thế nào không? “Tôi không tin nghĩa lý nầy được.”- Quý vị nói – “Sợi lông nhỏ của tôi còn không thể chứa nổi một người, huống gì cả mười phương cõi nước. Nói gì đến một người, nó còn không thể chứa nổi một phần tử nhỏ bé của vật nào đó. Làm sao nó có thể chứa được cả mười phương cõi nước?”

Đơn giản đó là sự vi diệu của Phật pháp. Sự không liễu đạt Phật pháp của quý vị nằm ở đây. Dù trên đầu mảy lông là nhỏ, nhưng cái nhỏ lại chứa đựng được cái lớn. Trong cái nhỏ ấy có thể hiện ra cảnh giới các cõi nước khắp mười phương. Nếu quý vị khai được Phật nhãn, quý vị thấy được cảnh giới nầy rất rõ ràng. Quý vị đã có được thần thông, lực dụng bất khả tư nghì. “Trong cái nhỏ hiển bày cái lớn. ” Chỗ tuy nhỏ, nhưng có thể hiển bày cảnh giới rộng lớn vô cùng. Sao vậy?

Vì quý vị có đồng thể tánh với Như Lai. Như Lai có thể: Ư nhất mao đoan hiện bảo vương sát 於 一 毛 端 現 寶 王 刹

Toạ vi trần lý chuyển đại pháp luân.
坐 微 塵 裡 轉 大 法 輪
Trên đầu mảy lông hiện ra vô số bảo vương quốc độ.
Ở trong hạt bụi mà chuyển đại pháp luân.
Vi diệu của Phật pháp là như vậy.

Kinh văn: **阿難白佛言世尊。若此見精必我妙性。令此妙性現在我前。見必我真。我今身心復是何物。而今身心分別有實。彼見無別分辨我身.**

Phiên Âm: **A-nan bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Nhược thử kiến tinh, tất ngã diệu tánh. Lệnh thử diệu tánh, hiện tại ngã tiền. Kiến tất ngã chân. Ngã kim thân tâm, phục thị hà vật. Nhi kim thân tâm, phân biệt hữu thật. Bỉ kiến vô biệt, phần biện ngã thân.**

Việt dịch: A-nan bạch Phật: "Bạch Đức Thế tôn! Nếu tánh thấy nầy nhất định là chân tánh nhiệm mầu của con, thì diệu tánh đó phải ở ngay trước mắt. Tánh thấy đó chắc thật là con, vậy thân tâm con hiện nay là vật gì? Nhưng nay thân tâm con thật có sự phân biệt, còn tánh thấy kia không phân biệt được thân con."

Giảng: Đức Phật giảng bày giáo lý thậm thâm, pháp vi diệu, định lực nhiệm mầu, nhưng A-nan vẫn chưa thể nhập được, ông vẫn còn thích hỏi. A-nan bạch Phật: "Bạch Đức Thế tôn! Nếu tánh thấy nầy nhất định là chân tánh nhiệm mầu của con, thì diệu tánh đó phải ở ngay trước mắt. Tánh thấy có thể thấy được chắc chắn là chân tánh nhiệm mầu của con, thì nó phải ở trước mắt con."

Bấy giờ A-nan cho rằng tánh thấy ở trước mặt mình: "Nếu tánh thấy đó chắc thật là con, vậy thân tâm con hiện nay là vật gì? Nếu tánh thấy của con thấy được con, thế thì thân tâm con hiện nay được gọi là gì? Nó là vật gì? Nhưng nay thân tâm con thật có sự phân biệt, còn tánh thấy kia không phân biệt được thân con. Thân tâm con có sự phân biệt, trong khi tánh thấy của con không có sự phân biệt nên không thể biết được thân con."

Kinh văn: **若實我心,令我今見,見性實我,而身非我。**

Phiên Âm: **Nhược thật ngã tâm, lệnh ngã kim kiến, kiến tánh thật ngã, nhi thân phi ngã.**

Việt dịch: Nếu thật là tâm con, khiến cho con nay thấy được, thì tánh thấy ấy thật là con, còn thân chẳng phải là con.

Giảng: "Nếu thật là tâm con, khiến cho con nay thấy được, thì tánh thấy ấy thật là con, còn thân chẳng phải là con. Nếu Như Lai bảo rằng tánh thấy thật là tâm con, nó có thể khiến cho con thấy được và tánh thấy khiến có thể thấy được thật sự là con.

Con thấy được, và do con thấy, nên con biết đó thực sự là tâm con. Nhưng con không thấy được tánh thấy của con, nên thực tế con không biết được nó có phải là của con hay không. Nếu tánh thấy là con, thì thân này không phải là của con. Nó trở thành là vật. Nó trở nên một vật khác." Khi A-nan nói, thực là

A-nan đã khiến cho người khác khó hiểu nổi. May nhờ Đức Phật có đại trí huệ nên đã giúp cho A-nan trả lời được như A-nan đã làm.

Kinh văn: **何殊如來先所難言物能見我。惟垂大慈開發未悟.**

Phiên Âm: Hà thù Như Lai, tiên sở nan ngôn, vật năng kiến ngã. Duy thùy đại từ, khai phát vị ngộ.

Việt dịch: Khác nào trước kia Như Lai gạn hỏi: "Vật có thể thấy được con chăng?" Cúi mong Đấng đại từ bi chỉ bày cho kẻ chưa ngộ.

Giảng: Khác nào trước kia Như Lai gạn hỏi: "Vật có thể thấy được con chăng? Vì sao điều nầy lại khác với điều mà Thế tôn đã hỏi con trước đây? Thế tôn bảo, 'nếu tánh thấy là vật, thì lẽ ra vật phải thấy được con.' Bây giờ cái thấy đang ở trước mặt con, và nó đồng với nghĩa lý mà Thế tôn đã nói cho con trước đây. Cúi mong Đấng đại từ bi chỉ bày cho kẻ chưa ngộ. Nguyện xin Thế tôn đem lòng đại từ bi giảng giải cho chúng con đạo lý chưa được tỏ ngộ."

Kinh văn: **佛告阿難,今汝所言。見在汝前,是義非實.**

Phiên Âm: Phật cáo A-nan: kim nhữ sở ngôn. Kiến tại nhữ tiền, thị nghĩa phi thật.

Việt dịch: Đức Phật bảo A-nan: "Nay ông nói cái thấy ở trước mặt ông, nghĩa ấy không đúng."

Giảng: Quý vị có thể cho rằng A-nan là người mê trong mê. Thực vậy, mặc dù A-nan chắc chắn là không mê. Nhưng A-nan thị hiện tướng chúng sinh đang mê muội để giúp cho chúng sinh giải trừ sự mê muội ấy. A-nan hành xử với hành vi của mọi chúng sinh. A-nan khiến họ thấy rằng A-nan mê muội đến mức độ như vậy mà cũng được giác ngộ . Nay chúng ta hãy xem xét ý nghĩa của kinh văn, có nhiều người thông minh hơn A-nan rất nhiều, và cũng ít mê mờ hơn.

Trước đây trong kinh văn, A-nan đã nói rằng cái thấy đang ở trước mắt mình và không liên quan gì đến thân A-nan. Rồi A-nan cầu xin Đức Phật chỉ dạy cho ông đạo lý nầy. Đức Phật bảo A-nan: – Do A-nan hỏi, nay Đức Phật Thích Ca Mâu Ni sắp trả lời. "Nay ông nói cái thấy ở trước mặt ông, nghĩa ấy không đúng." Ông nói rằng tánh thấy có thể thấy được vật là ở trước mặt ông, nhưng sự khẳng định của ông là hòan toàn nhầm lẫn, hòan toàn sai lầm. Đức Phật tức thì chỉ thẳng cho A-nan.

Kinh văn: **若實汝前,汝實見者。則此見精既有方所非無指示。**

Phiên Âm: Nhược thật nhữ tiền, nhữ thật kiến giả. Tắc thử kiến tinh, ký hữu phương sở, phi vô chỉ thị.

Việt dịch: Nếu tánh thấy thực sự ở trước mặt ông, và ông thật thấy được, thì tánh thấy nầy đã có chỗ nơi, chẳng phải không chỉ ra được.

Giảng: Nếu tánh thấy thực sự ở trước mặt ông– nếu trường hợp ấy thực sự là cái thấy ở trước mặt ông và ông thật thấy được. Thì lẽ ra ông phải thấy được cái thấy. Nhưng ông đã không thấy được cái thấy, thế nên điều ông nói là sai. Nếu ông thực sự thấy được nó, thì tánh thấy nầy đã có chỗ nơi. Ở phía trước mặt nghĩa là phải có một vị trí. Chẳng phải không chỉ ra được. Nếu cái thấy là ở trước mặt ông, điều gì biểu hiện ở đó khiến cho ông nghĩ rằng nó hiện hữu ở đó.

Kinh văn: **且今與汝坐祇陀林。遍觀林渠及與殿堂。至日月前對恒河。汝今於我師子座前。舉手指陳是種種相。陰者是林,明者是日。礙者是壁,通者是空。如是乃至草樹纖毫大小雖殊。但可有形無不指著。**

Phiên Âm: Thả kim dữ nhữ, tọa Kì-đà lâm. Biến quán lâm cừ, cập dữ điện đường. Thượng chí nhật nguyệt, tiền đối hằng hà. Nhữ kim ư ngã, sư tử tòa tiền. Cử thủ chỉ trần, thị chủng chủng tướng. Uẩn giả thị lâm, minh giả thị nhật. Ngại giả thị bích, thông giả thị không.

Việt dịch: Vậy nay Như Lai cùng ông đang ngồi trong vườn Kỳ-đà, xem khắp rừng suối, nhà cửa; xa đến mặt trời mặt trăng, phía trước là sông Hằng. Nay ông dang ở trước toà sư tử của Như Lai, hãy dùng tay chỉ rõ ra các tướng loại ấy: chỗ mát là rừng cây, chỗ sáng là mặt trời, chỗ ngăn ngại là vách, chỗ thông suốt là hư không. Như thế cho đến cỏ cây, mảy lông lớn nhỏ tuy có sai khác, nhưng đã có hình tướng thì đều chỉ ra được.

Giảng: Đức Phật nói đoạn kinh văn nầy để phá trừ chấp trước của A-nan. “Vậy nay Như Lai cùng ông đang ngồi trong vườn Kỳ-đà, xem khắp rừng suối, nhà cửa; xa đến mặt trời mặt trăng, phía trước là sông Hằng.” Ngồi trong vườn cây của Thái tử Kỳ-đà, từ các hồ nước nhỏ ở đây trong khu già-lam, xem đến các cung điện mặt trời mặt trăng, đối diện với sông Hằng, Nay ông đang ở trước toà sư tử của Như Lai, hãy dùng tay chỉ rõ ra các tướng loại ấy.

Ông hãy dùng tay chỉ ra các loại tướng trạng khác nhau nầy. Chỗ mát là rừng cây– chỗ râm mát là rừng cây; chỗ sáng là mặt trời– là nơi được mặt trời chiếu sáng; chỗ ngăn ngại là tường vách – nơi chướng ngại không cho các vật xuyên qua; chỗ thông suốt là hư không– nơi xuyên qua được và không chướng ngại. Như thế cho đến cỏ cây, mảy lông lớn nhỏ. Như Lai nói tổng quát; 'và như thế' có nghĩa là bao gồm hết thảy các vật chưa được đề cập đến, từ ngọn cỏ cho đến mảy lông. Như tôi đã giảng ở trước: Ư nhất mao đoan hiện bảo vương sát
於 一 毛 端 現 寶 王 剎
Toạ vi trần lý chuyển đại pháp luân.
坐 微 塵 裡 轉 大 法 輪

Vi trần, có nghĩa là, một hạt bụi rất nhỏ, và một mảy lông, đều biểu tượng cho vật nhỏ nhít nhất. Tuy có sai khác, nhưng đã có hình tướng thì đều chỉ ra được. Lớn hay nhỏ, tất cả nhưng vật đã có hình tướng đều có thể chỉ ra được. Nay trong số đó quý vị có thể chỉ ra tánh thấy là vật nào chăng? Cái nào là tánh thấy của quý vị? Tánh thấy đã được nói đến rất nhiều lần, nhưng A-nan vẫn không hiểu được, thế nên tánh thấy vẫn còn được giải thích nữa.

Có 10 biểu tượng của tánh thấy, 10 dạng đặc điểm để chỉ ra tánh thấy không sinh diệt, không đến đi. Thực sự có lẽ A-nan đã nhận ra rồi, nhưng vì chúng sinh mà A-nan hỏi pháp, vì có nhiều chúng sinh vẫn chưa hiểu được. Như khi A-nan tham vấn về tánh thấy với Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, như thể đang đối đáp từng lời trong một vở kịch, mỗi ý đều ăn khớp với nhau.

Kinh văn: **若必有見,現在汝前。汝應以手,確實指陳,何者是見。阿難當知,若空是見。既已成見,何者是空。若物是見。既已是見,何者為物.**

Phiên Âm: Như thị nãi chí, thảo thọ tiêm hào, đại tiểu tuy thù. Đãn khả hữu hình, vô bất chỉ trước. Nhược tất hữu kiến, hiện tại nhữ tiền. Nhữ ưng dĩ thủ, xác thật chỉ trần, hà giả thị kiến?

Việt dịch: Nếu nhất định có cái thấy hiện ở trước mắt ông, thì ông phải dùng tay chỉ chính xác cái nào là cái thấy. A-nan nên biết, nếu hư không là cái thấy, đã thành cái thấy rồi, thì cái gì là hư không? Nếu vật là cái thấy, đã thành cái thấy rồi, thì cái gì là vật?

Giảng: Nếu nhất định có cái thấy hiện ở trước mắt ông: nếu ông nhất định muốn cho rằng tánh thấy của ông là vật hiện ra trước mặt ông, thì nó chắc chắn giống như một vật đã được đặt ở đây, thì ông phải dùng tay chỉ chính xác cái nào là cái thấy. Nếu nó ở trước mắt ông, thì lẽ ra ông phải chỉ ngay nó ra.

Đúng vậy không? Nói nhanh! Nhưng A-nan không nói được một tiếng. Sao vậy? A-nan không tự chủ được. A-nan muốn đưa ra vấn đề khác để tranh luận, nhưng A-nan chưa có một ý tưởng mới nào trong đầu cả, thế nên A-nan vẫn líu lưỡi.

"A-nan nên biết, nếu hư không là cái thấy, đã thành cái thấy rồi, thì cái gì là hư không? Ông phải biết điều nầy! Ông đã hiểu chưa? Đến đây, Đức Phật có hơi sốt ruột. Vốn Đức Phật không bao giờ sốt ruột nhưng bây giờ dường như cơn sốt ruột trong Ngài trỗi dậy. "Nếu hư không là cái thấy thì lẽ ra nó không có tên 'hư không'. Thế hư không tự nó đã biến đi đâu? Nơi nào có cái thấy, nơi ấy lẽ ra chẳng có hư không. Nếu tánh thấy của ông nằm ở đó, thì ở đó chẳng có hư không. Vậy cái gì là hư không – hư không hay tánh thấy? "

"Nếu vật là cái thấy, đã thành cái thấy rồi, thì cái gì là vật? Có lẽ ông sẽ nói, 'chẳng phải tánh thấy của tôi là hư không. Đúng ra mọi thứ mà tôi thấy được phía trước đều là cái thấy của tôi.' Thế thì, cái gì là vật? Nếu vật là tánh thấy của ông thì lẽ ra nó không được gọi là vật. Nếu nó không phải là vật thì nó là cái gì? Nói nhanh!" Đức Phật đối chất trực tiếp với A-nan và buộc A-nan phải trả lời.

Kinh văn: **汝可微細披剝萬象。析出精明淨妙見元,指陳示我。同彼諸物分明無惑.**

Phiên Âm: A-nan đương tri, nhược không thị kiến. Ký dĩ thành kiến, hà giả thị không. Nhược vật thị kiến. Ký dĩ thị kiến, hà giả vi vật. Nhữ khả vi tế, phi bác vạn tượng. Tích xuất tinh minh, tịnh diệu kiến nguyên, chỉ trần thị ngã. Đồng bỉ chư vật, phân minh vô hoặc.

Việt dịch: Ông nên phân tích kỹ càng trong vạn vật, chọn ra tánh thấy vốn thanh tịnh sáng suốt nhiệm mầu, chỉ rõ ra ngã thể cùng các vật kia một cách phân minh không nhầm lẫn.

Giảng: "Ông nên phân tích kỹ càng trong vạn vật. Ông hãy vận dụng bộ não một cách tinh tế để nghiên cứu thật chi tiết, để đừng nói một cách vô tình và nhầm lẫn nữa. Đừng trả lời ngay không chút do dự. Nay ông nên vắt kiệt trí lực của ông để tham cứu kỹ câu hỏi nầy. Suốt hết thảy mọi hiện tượng – chọn ra trong số hình tượng của cả ngàn vật thể như cách ông đi xuyên suốt qua nó và giải phẫu nó ra bằng dao, bóc nó ra từng mảnh, như thể ông dùng dao tách dần từng lớp da ra vậy.

“Chọn ra tánh thấy vốn thanh tịnh sáng suốt nhiệm mầu, chọn ra rõ ràng tánh thấy sáng suốt mà mọi người có thể thấy và nhận ra được, tánh thấy vốn thanh tịnh sáng suốt nhiệm mầu nhất có thể thấy được. Chỉ rõ ra ngã thể cùng các vật kia. Ông nói xem; hãy chỉ ra rõ ràng ngay cái gì là tánh thấy của ông và cái gì là vật một cách phân minh không nhầm lẫn. Ông phân biệt điều nầy được chăng? Hãy thử xem!”

Kinh văn: **阿難言,我今於此重閣講堂。遠洎恒河,上觀日月。舉手所指,縱目所觀。指皆是物,無是見者。 世尊如佛所說。況我有漏初學聲聞。乃至菩薩,亦不能於萬物象前剖出精見。離一切物,別有自性.佛言:如是如是。**

Phiên Âm: A-nan bạch Phật ngôn: ngã kim ư thử, trọng các giảng đường. Viễn kịp hằng hà, thượng quán nhật nguyệt. Cử thủ sở chỉ, túng mục sở quán. Chỉ giai thị vật, vô thị kiến giả.

Thế Tôn! Như Phật sở thuyết. Huống ngã hữu lậu, sơ học Thanh văn. Nãi chí Bồ Tát, diệc bất năng ư, vạn vật tượng tiền, phẩu xuất tinh kiến. Ly nhất thiết vật, biệt hữu tự tánh.

Phật ngôn: Như thị Như thị.

Việt dịch: A-nan bạch Phật: “ Nay con ở trong giảng đường Trùng Các, nhìn ra xa thấy sông Hằng, trên thấy mặt trời mặt trăng. Cái mà tay chỉ ra được và mắt thấy được, thảy đều là vật, chẳng phải là tánh thấy. ”

“Bạch Thế tôn, đúng như lời Phật vừa dạy, chẳng những hàng hữu lậu sơ học Thanh văn chúng con, cho đến hàng Bồ-tát cũng không thể nào trước các hiện tượng mà chỉ ra được cái thấy khi lìa tất cả vật riêng có tự tính.”

Đức Phật bảo: “Đúng thế! Đúng thế!”

Giảng: A-nan bạch Phật – Đáp lại lời yêu cầu của Thế tôn, “ Nay con ở trong giảng đường Trùng Các, giảng đường có hai tầng, nhìn ra xa thấy sông Hằng. Khi nhìn ra xa, con thấy sông Hằng, trên thấy mặt trời mặt trăng. Cái mà tay chỉ ra được và mắt thấy được, thảy đều là vật, chẳng phải là tánh thấy.” Khi mí mắt rũ xuống hay nhắm lại thì được gọi là ‘không thấy’, nhưng khi mắt mở lớn thì được gọi là ‘nhìn thấy’. “Mọi vật mà con nhìn thấy khi mở mắt ra, mọi thứ có thể chỉ ra được đều là vật, không phải là tánh thấy. Chẳng có vật gì chỉ ra được là tánh thấy cả.”

“Bạch Thế tôn, đúng như lời Phật vừa dạy. Như giáo lý Như Lai đã dạy trước đây, chẳng những hàng hữu lậu sơ học Thanh văn chúng con, cho đến hàng Bồ-tát cũng không thể nào trước các hiện tượng mà chỉ ra được cái thấy khi lìa tất cả vật riêng có tự tính. Con là hàng Thanh văn sơ học, là Thanh văn vừa mới chứng được Sơ quả và năng lực thần thông của con còn rất yếu. Cho nên con vẫn còn trong hàng hữu lậu, vì hàng vô lậu là những bậc đã chứng được quả vị thứ tư của hàng A-la-hán. Nhưng Đức Phật dạy rằng ngay cả hàng Bồ-tát cũng không ai có thể đập vỡ ra từng cái trong vô số vật tượng, như thể có người dùng dao tách nó ra rồi tìm xem tánh thấy trong đó.

‘Vì tánh thấy của ông không phải là vật, nên ông không thể đặt để nó như là vật trong vô số vật tượng.” Đức Phật bảo: “Đúng thế! Đúng thế! Lần nầy ông nói rất đúng. Đạo lý như vậy đó.” Đức Phật lập lại hai lần: “Đúng thế! Đúng thế!” Đức Phật muốn nhấn mạnh điểm ấy bằng cách lập lại. Điều nầy chứng tỏ Ngài rất hài lòng với ý kiến của A-nan. Đức Phật nói: “Bây giờ ý kiến của ông không sai lầm nữa. Không như ông đã trình bày trước đây.”

Kinh văn: **佛復告阿難。如汝所言,無有精見。離一切物,別有自性。則汝所指,是物之中無是見者.**

Phiên Âm: Phật cáo A-nan! Như nhữ sở ngôn, vô hữu tinh kiến. Ly nhất thiết vật, biệt hữu tự tánh. Tắc nhữ sở chỉ, thị vật chi trung, vô thị kiến giả.

Việt dịch: Đức Phật lại bảo A-nan: “Như ông đã nói không có cái thấy khi lìa tất cả vật riêng có tự tánh, thì trong tất cả vật ông chỉ ra được chỉ là vật chứ không phải là cái thấy.”
Giảng: Đức Phật sẽ hỏi câu hỏi khác để hiển bày tánh thấy. Đức Phật lại bảo A-nan: “Như ông đã nói không có cái thấy khi lìa tất cả vật riêng có tự tánh. Không có cái gì đặc biệt gọi là tánh thấy. Thì trong tất cả vật ông chỉ ra được chỉ là vật chứ không phải là cái thấy. Trong tất cả mọi vật tượng mà ông chỉ ra được đều là vật. Trong những thứ nầy không có gì là tánh thấy.

Kinh văn: **今復告汝,汝與如來。坐祇陀林更觀林苑。乃至日月種種象殊。必無見精受汝所指。汝又發明此諸物中,何者非見.**

Phiên Âm: Kim phục cáo nhữ, nhữ dữ Như Lai. Tọa Kì-đà lâm, cánh quán lâm uyển. Nãi chí nhật nguyệt, chủng chủng tượng thù. Tất vô kiến tinh, thọ nhữ sở chỉ. Nhữ hựu phát minh, thử chư vật trung, hà giả phi kiến?

Việt dịch: Nay Như Lai lại hỏi ông, ông cùng Như Lai ngồi trong rừng Kỳ-đà lại xem vườn rừng, cho đến mặt trời mặt trăng, các loại vật tượng sai khác, nhất định không có tánh thấy mà ông có thể chỉ ra được. Ông hãy phát minh trong các vật nầy, cái gì chẳng phải là tánh thấy?

Giảng: "Nay Thế tôn sẽ giảng bày đạo lý khác cho ông. Nay Như Lai lại hỏi ông, ông cùng Như Lai ngồi trong rừng Kỳ-đà"– A-nan cùng Thế tôn cùng cả đại chúng đang ngồi trong vườn Kỳ-đà– "lại xem vườn rừng, cho đến mặt trời mặt trăng– vườn hoa, mọi thứ có thể nhìn xem được từ đây cho đến mặt trời mặt trăng trên bầu trời– các loại vật tượng sai khác, nhất định không có tánh thấy mà ông có thể chỉ ra được. Ông hãy phát minh trong các vật nầy, cái gì chẳng phải là tánh thấy. Cái gì trong số những vật tượng nầy không phải là cái thấy của ông? "Đức Phật đang nói đùa."

– Quý vị có thể cho là như vậy. "Trước đây Ngài nói rằng vật không phải là cái thấy, và bây giờ Ngài bảo A-nan chỉ ra vật nào không phải là cái thấy." Đó là cái khó trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm: nếu quý vị không hiểu được điểm nầy trong kinh một cách rõ ràng, thì quý vị sẽ trở nên nhầm lẫn. "Trước đây đã nói rằng vật không phải là tánh thấy, nay lại nói rằng đó là tánh thấy." – Quý vị sẽ nói như vậy – "Nay hỏi rằng cái gì không phải là tánh thấy, nhưng trước đó lại bảo rằng chúng chẳng phải là tánh thấy."

Kinh văn: **阿難言,我實遍見此祇陀林。不知是中何者非見.**

Phiên Âm: A-nan bạch Phật ngôn: Ngã thật biến kiến, thử Kì-đà lâm. Bất tri thị trung, hà giả phi kiến.

Việt dịch: A-nan thưa: "Con thật xem khắp trong rừng Kỳ-đà nầy, không biết trong ấy cái gì chẳng phải là cái thấy."

Giảng: A-nan trước đây đã biết rằng đó không phải là tánh thấy của mình, nhưng nay Đức Phật hỏi cái nào lại chẳng phải là tánh thấy, nên A-nan lại lúng túng một lần nữa. A-nan cũng không hiểu được câu hỏi. A-nan thưa: "Con thật xem khắp trong rừng Kỳ-đà nầy.

Con thấy khắp nơi quanh rừng cây của Thái tử Chiến thắng nầy, và con không biết trong ấy cái gì chẳng phải là cái thấy. Cái gì lại chẳng phải là tánh thấy của con? Nay con chẳng biết." Ngay khi Đức Phật hỏi câu hỏi cuối cùng ấy, A-nan vẫn còn mờ mịt. Vậy nên Kinh Thủ Lăng Nghiêm đến tận cùng chỉ là mờ mịt chồng trên mịt mờ cho đến khi được giảng bày rõ ràng. Thế nên đừng hoảng

sợ vì mờ mịt rồi nói: “Tôi không hiểu nổi. Tôi không biết ý kinh ra đường nào nữa.”

Đức Phật trước sau chỉ nói về đạo lý của kinh, giảng giải hết lần nầy đến lần khác. Đó là cách tham cứu tỉ mỉ ý chỉ của kinh. Đức Phật đưa ra một đạo lý rồi hỏi: “Các ông có thấy điều ấy đúng chăng?” Rồi Đức Phật cũng chỉ bày tại sao nó không đúng. Đơn giản chỉ là để hiển bày chân lý. “Cái gì lại không phải là tánh thấy?”– Đức Phật hỏi– “Nói nhanh!”

A-nan thưa: “Con không biết cái gì lại không phải là tánh thấy. Con đang bị bối rối.”

Kinh văn: **何以故,若樹非見,云何見樹。若樹即見,復云何樹。如是乃至,若空非見。云何見 空。若空即見,復云何空。**

Phiên Âm: Hà dĩ cố? Nhược thọ phi kiến, vân hà kiến thọ. Nhược thọ tức kiến, phục vân hà thọ. Như thị nãi chí, nhược không phi kiến. Vân hà vi không. Nhược không tức kiến, phục vân hà không.

Việt dịch: Vì sao? Nếu cây chẳng phải là cái thấy thì làm sao thấy được cây? Nếu cây là cái thấy thì sao lại gọi là cây? Như thế cho đến nếu hư không chẳng phải là cái thấy, thì làm sao thấy được hư không? Nếu hư không là cái thấy thì làm sao lại gọi là hư không?

Giảng: “Vì sao? Nếu cây chẳng phải là cái thấy thì làm sao thấy được cây?” A-nan nói rằng nếu cây không phải là cái thấy, thì A-nan không thể thấy được cây. Thế nên A-nan không thể nói rằng cây không phải là cái thấy. “Nếu cây là cái thấy thì sao lại gọi là cây? Nếu tôi nói rằng cây là cái thấy, thì cây sẽ biến mất đi đâu?” Cây vốn đơn giản chỉ là cây, nhưng nay A-nan nói rằng nó là cái thấy, thế nên A-nan không tìm ra cho nó được một cái tên gọi.

Như đối với tôi, tôi sẽ gọi nó là gỗ. “Như thế cho đến nếu hư không.” Cây vốn bản chất của nó là vật có sắc tướng. Nhưng sự thật nó không chỉ là vật với sắc tướng, nó cũng đồng như hư không, và tất cả mọi vật trung gian, dù chưa được đề cập đến bằng tên gọi vì không có thời gian để giải thích tất cả. Cũng như khi tôi giảng giải kinh nầy, giảng toàn bộ kinh trong vòng ba tháng có nghĩa là có rất nhiều giáo lý phải nói lược qua.

“chẳng phải là cái thấy, thì làm sao thấy được hư không? Cái thấy của con thấy được hư không là tánh thấy. Nếu con bảo rằng hư không chẳng phải là tánh thấy, thì làm sao con thấy được hư không? Nếu hư không là cái thấy, thì làm

sao lại gọi là hư không? Thế nên con không biết đạo lý nầy như thế nào.” Bây giờ A-nan đã mở được miệng nhưng rất khó nói.

Kinh văn: **我又思惟是萬象中。微細發明無非見者.**

Phiên Âm: Ngã hựu tư tánh, thị vạn tượng trung. Vi tế phát minh, vô phi kiến giả.

Việt dịch: Con lại suy xét kỹ càng, phát minh trong muôn vật, không có cái nào chẳng phải là tánh thấy.

Giảng:“Con lại suy xét kỹ càng.” A-nan một lần nữa còn chấp giữ thức tâm phân biệt. Trước đây, A-nan thường bị vướng mắc vào thức thứ 6 để tranh luận đối đáp với Đức Phật, và bây giờ A-nan lại đem ra một lần nữa. Nên A-nan nói xét rất chi tiết; suy nghĩ lui tới nhiều lần trước sau, trên dưới, và con thấy rằng mình đã đạt được. Trong khía cạnh vi tế nhất của tất cả các hiện tượng, không có cái nào chẳng phải là tánh thấy. Tất cả đều như là tánh thấy. Chẳng có cái gì không phải là tánh thấy. Thứ đơn giản cũng là tánh thấy. Có nghĩa là, con thấy được tất cả.”““Con suy nghĩ lại rồi, và con phát minh trong muôn vật.” Con suy

Kinh văn: **佛言“如是,如是.**

Phiên Âm: Phật ngôn: Như thị Như thị.

Việt dịch: Đức Phật bảo “Đúng vậy! Đúng vậy!”

Giảng: Đức Phật chứng minh cho A-nan một lần nữa. “À! Nhưng điều ông nói là đúng. Đạo lý như vậy đó. Ông đã hiểu những gì Như Lai muốn nói.” Đức Phật vui mừng bảo: Đúng vậy! Đúng vậy! Rốt ráo quý vị nói sao? Cái gì là tánh thấy và cái gì là vật? Có phải vật là tánh thấy không?

Kinh văn: **於是大眾非無學者。聞佛此言茫然不知是 義終始。一時惶悚失其所守。**

Phiên Âm: Ư thị đại chúng, phi vô học giả. Văn Phật thử ngôn, mang nhiên bất tri, thị nghĩa chung thủy. Nhất thời hoàng tủng, thất kỳ sở thủ.

Việt dịch: Khi ấy những vị chưa chứng quả vô học trong đại chúng, nghe Đức Phật nói lời nầy đều mờ mịt chẳng hiểu nghĩa ấy đầu đuôi như thế nào. Họ đều lo lắng, sợ đánh mất những điều hiểu biết xưa nay.

Giảng:Đại chúng nghe lời đối đáp nầy, nghe rằng tánh thấy vừa là vật vừa là chẳng phải vật. Thế thì nó là cái gì? Tất cả mọi ý kiến mà mọi người đã có trước đây bây giờ không còn giá trị nữa. " Khi ấy những vị chưa chứng quả vô học trong đại chúng." Hàng Bồ-tát được gọi là bậc "vô học." Quả vị thứ tư của hàng A-la-hán cũng được gọi là quả vị "vô học." Có rất nhiều vị trong pháp hội nghe giảng Kinh Thủ Lăng Nghiêm chưa chứng được quả vị thứ tư của hàng A-la-hán. Họ chỉ vừa chứng được Sơ quả, đệ nhị quả hoặc đệ tam quả–quả vị còn phải học. "Nghe Đức Phật nói lời nầy đều ngơ ngác."

Khi Đức Phật giảng giải đó là tánh thấy rồi đó chẳng phải là tánh thấy, nói nó là vật rồi nó chẳng phải là vật, suy xét trước sau như vậy, họ không thể nào hiểu nổi, họ đều ngơ ngác. Họ có mắt nhưng họ không thấy được. Họ có tai nhưng họ không nghe được. Họ không hiểu được điều gì cả. Tôi sẽ cho quý vị một thí dụ. Khi người ta bị vướng vào bóng ma mê mờ, họ không biết được điều gì cả. Họ quên mất mọi điều trước đó. Tuy nhiên, đây chỉ là ví dụ; đừng cho rằng đại chúng trong pháp hội kinh Thủ Lăng Nghiêm là bị vướng vào bóng ma mê mờ thực sự.

Tôi chỉ nói họ giống như người bị vướng vào bóng ma mê mờ, và bây giờ tôi nói rằng họ không giống như người bị vướng vào bóng ma mê mờ. Cũng như nói rằng tánh thấy và vật là một rồi lại nói tánh thấy và vật không phải là một. Chuyện ấy giống nhau. Họ đều chóang váng và chẳng hiểu nghĩa ấy đầu đuôi như thế nào. Họ không biết điểm khởi đầu và kết thúc của đạo lý nầy như thế nào. Họ tự hỏi "Đức Phật đang nói về điều gì vậy?" Họ không hiểu nỗi. Họ đều lo lắng, sợ đánh mất những điều hiểu biết xưa nay. Mọi người đều sợ hãi.

Tim họ đập thình thịch như thỏ nhảy quanh. Họ không tin nổi những lời họ nghe. Mọi ý niệm đã có từ trước nay đều bị mất hiệu lực và bị phá huỷ. Như thể họ bị đánh mất kho báu mà từ trước đến nay họ làm chủ, thế nên họ cố gắng phát hiện xem mình phải tìm kiếm nơi đâu. Có nên báo nhà chức trách không? Có nên gọi cảnh sát không? Nhưng thời ấy chắc là không có cảnh sát. Hơn nữa vật mà họ đánh mất lại vô hình. Nên cho dù họ có gọi cảnh sát, thì cảnh sát cũng không giúp được gì. Họ cũng không thể tìm ra được.

Kinh văn: **如來知其魂慮變慴,心生憐愍。安慰阿難及諸大眾。諸善男子,無上法王是真實語。如所如說不誑不妄。非末伽梨四種不死矯亂論議。汝諦思惟,無忝哀慕.**

Phiên Âm: Như Lai tri kỳ, hồn lự biến triệp, tâm sanh lân mẫn. An ủy A-nan, cập chư đại chúng. Chư Thiện nam tử, vô thượng Pháp Vương, thị chân thật ngữ. Như sở như thuyết, bất cuống bất vọng. Phi mạt già lê, tứ chủng bất tử, kiểu loạn luận nghị. Nhữ đế tư tánh, vô thiểm ai mộ.

Việt dịch: Như Lai biết đại chúng lo sợ, nên trong lòng thương xót, an ủi A-nan và đại chúng "Các thiện nam tử! Những lời Đấng Vô thượng pháp vương nói đều là lời chân thật, nói những lời như thật, không cuống dối, không hư vọng. Chẳng phải như ngoại đạo Mạt-già-lê dùng 4 thứ luận nghị "bất tử kiểu loạn". Ông nên chín chắn suy nghĩ, chớ phụ lòng lân mẫn của Như Lai.

Giảng: Khi Đức Phật biết đại chúng đều bối rối, Ngài khởi từ tâm thương xót."À! Chúng sinh các ông thật đáng thương xót." Như Lai biết đại chúng lo sợ, nên trong lòng thương xót, an ủi A-nan và đại chúng.

Như Lai biết tinh thần của đại chúng không được bình ổn nên Ngài từ bi ban cho món quà nhỏ vô uý thí. Ngài bảo: "Các ông không nên sợ hãi. Như Lai sẽ giảng giải cho các ông." "Các thiện nam tử!"– Đức Phật thường gọi mọi người trong đại chúng là Thiện nam tử . "Các thiện nam tử! Hãy lắng nghe cho kỹ. Đừng lúng túng như vậy. Bây giờ Như Lai sẽ nói cho các ông nghe những lời mà Đấng Vô thượng pháp vương nói–những điều Đức Phật nói– đều là lời chân thật.

Những gì Đức Phật nói đều là chân thực. Quý vị không nên nghi ngờ gì cả. Có một đạo lý nhất định trong những gì tôi từng nói trước đây, rằng tánh thấy là vật và không phải là vật. Tôi thực sự nói với quý vị những điều đáng tin. Tôi không dối gạt quý vị. Nói những lời từ như thật. Những điều Như Lai nói đều khế hợp với đạo lý. Như Lai dựa vào đạo lý mà diễn bày giáo pháp nầy. Sẽ không chấp nhận được với những điều không tương ưng với đạo lý. Không cuống dối, không hư vọng. Như Lai không nói những lời luống dối, những lời không chân thật. Chẳng phải như ngoại đạo Mạt-già-lê.

Mạt-già-lê từ tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán có nghĩa là Bất kiến đạo. Mẹ ông ta có tên là Gośāli (Câu-xa-li). Mạt-già-lê Câu-xa-li tử là một trong 6 Lục sư ngoại đạo. Ông ta được gọi là Bất kiến đạo vì ông ta không hiểu được đạo. Ông ta không thấy và không đi đúng theo đạo. Những gì ông làm là đi theo một đường lối mê lầm. Ông ta chạy quanh với đôi mắt nhắm và cuối cùng ông ta

bước ngay xuống biển, và bị chết chìm ở đó. Kết quả như vậy vì ông không thấy được Đạo. Đó là điều suy nghĩ của riêng tôi sau vài nghìn năm. Chắc chắn là nước biển rất khó chịu, không dễ uống như rượu hoặc nước lọc. Một khi ông ta đã uống nước biển, chắc chắn là không có bác sĩ nào có thể chữa trị cho ông ta được. " Dùng 4 thứ luận nghị 'bất tử kiểu loạn'".

Ông ta nói điều gì? "Các pháp thường và cũng vô thường." Vạn vật là thường biến đổi và cũng thường hằng. "Các pháp là thanh tịnh và cũng là nhiễm ô; các pháp cũng sinh và cũng diệt; các pháp cũng tăng và cũng giảm." Đó là 4 loại lý luận của ông ta. Vốn Đức Phật đã dạy, "bất sinh bất diệt," nhưng Mạt-già-lê nói: "Cũng sinh cũng diệt". Lý thuyết của ông ta xa rời sự thực biết chừng nào. Đức Phật dạy: "Các pháp đều vô thường. Chuyển biến, thay đổi tuỳ thuộc vào nhân duyên; thay đổi tuỳ theo nhân duyên nhưng lại bất biến. " Nhưng Mạt-già-lê lại bảo: "Cũng thường, cũng vô thường."

Lý thuyết của Mạt-già-lê chỉ là lời nói suông hai chiều. Ông ta bảo vật có một nguyên lý rồi cũng bảo rằng nó có một nguyên lý ngược lại. Và ông ta đứng trong hàng những người chống đối trực tiếp với giáo lý Đức Phật đã giảng dạy. Thế nên Đức Phật gọi 4 loại lý luận của ông ta là 'bất tử kiểu loạn'. Kiểu loạn có nghĩa là cực đoan và làm cho người khác mê lầm. Nhưng lý thuyết của ông ta không đúng. Đức Phật xác quyết một lần nữa với đại chúng giáo pháp của Như Lai không hư dối như lý thuyết của ngoại đạo Mạt-già-lê. "Ông nên chín chắn suy nghĩ. Ông nên suy nghĩ kỹ lưỡng. Chớ phụ lòng lân mẫn của Như Lai. Đừng bận tâm. Đừng sợ. Đừng buồn."Lòng lân mẫn" là nói đến những gì Đức Phật biểu hiện. " Như Lai rất thương cảm các vị trong hội chúng."

KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH NHƯ LAI MẬT NHƠN
TU CHỨNG LIỄU NGHĨA
CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH
THỦ LĂNG NGHIÊM

QUYỂN 2 – PHẦN 2

— o0o —

TUYÊN HÓA THƯỢNG NHÂN
giảng thuật

Kinh văn: **是時文殊師利法王子愍諸四眾。在大眾中 即從座起。頂禮佛足合掌恭敬。而白佛言世尊。此諸大眾。不悟如來發明二種精見色空是非是義。**

Phiên Âm: Thị thời Văn-thù-sư-lợi pháp vương tử, mẫn chư tứ chúng. Tại đại chúng trung, tức tùng toạ khởi, đảnh lễ Phật túc, hợp chưởng cung kính, nhi bạch Phật ngôn:

Thế Tôn! Thử chư đại chúng. Bất ngộ Như Lai, phát minh nhị chủng, tinh kiến sắc không, thị phi thị nghĩa.

Việt dịch: Khi ấy Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử thương xót bốn chúng, từ chỗ ngồi ở trong đại chúng đứng dậy đảnh lễ dưới chân Phật, chắp tay cung kính bạch Phật rằng: "Bạch Đức Thế tôn, đại chúng đây chưa nhận ra chỗ Như Lai phát minh hai nghĩa 'phải' và 'chẳng phải' của 'tánh thấy' và 'sắc không'."

Giảng: Khi ấy Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử– Đại trí Văn-thù Sư-lợi Bồ Tát , vốn đã hiểu rồi, nhưng Ngài thấy trong đại chúng, gồm hàng hữu học, hàng Sơ quả, Nhị quả, Tam quả A-la-hán, thấy rằng họ thật đáng thương xót. Thế nên Ngài đưa ra câu hỏi. Văn-thù-sư-lợi tiếng Phạn có nghĩa là "Diệu Đức", còn có tên là "Cát Tường." Đức Phật là Pháp vương, và Bồ-tát là con của Pháp vương. Văn-thù-sư-lợi là đứng đầu trong số các Pháp vương tử; là thượng thủ trong hàng Bồ-tát.

Ngài thương xót bốn chúng – tỷ-khưu, tỷ-khưu ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di – từ chỗ ngồi ở trong đại chúng đứng dậy đảnh lễ dưới chân Phật. Ngài đứng dậy đảnh lễ Đức Phật rồi phủ phục xuống đỡ chân Phật bằng hai tay. Đây là cử chỉ biểu lộ lòng cung kính nhất. Chân người là nơi dơ bẩn nhất, nên dùng tay nâng chân Phật có nghĩa là: "Con đang phủ phục dưới chân Phật." Thế nên khi lạy Phật, quý vị để ngửa lòng bàn tay, và trong tư thế nầy, quý vị nên quán tưởng hai bàn tay mình đang đỡ dưới chân Phật. Điều nầy biểu hiện cho thân nghiệp thanh tịnh, vì khi thể hiện lòng kính trọng theo cách nầy, thì thân thể quý vị không phạm một lỗi lầm nào cả.

Chắp tay cung kính. Điều nầy biểu tượng cho ý nghiệp thanh tịnh. Trong tâm ý quý vị vẫn sinh khởi lòng kính trọng chân thành. Chắp tay lại với 10 ngón tay dính sát vào nhau biểu tượng cho nhất tâm quy kính. Có nghĩa là quý vị "trở về

nhất tâm” và một lòng quy ngưỡng tôn kính Đức Phật. Chắp tay lại còn được gọi là “hợp 10 thành một.” Bạch Phật rằng: Điều nầy biểu tượng cho khẩu nghiệp thanh tịnh. Thân khẩu ý tất cả đều biểu hiện sự cung kính. Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp đều thanh tịnh. Đây là ba nghiệp thanh tịnh. tại sao con người lại phạm vào nghiệp chướng? Nghiệp chướng thường bị gây ra do khẩu nghiệp. Nên nói:

Bệnh tùng khẩu nhập
Họa tùng khẩu xuất.

Khi tai hoạ rơi xuống đầu chúng ta, khi nghịch cảnh sinh khởi, nó thường phát xuất từ cửa miệng mình. Quý vị nói người nào đó sai lầm, rồi người ấy đến mắng quý vị rất nặng nề. Đó chẳng phải là tai hoạ đến từ cửa miệng hay sao? Còn khi chúng ta ăn, hãy nên cẩn thận với những gì ta dùng. Nếu không thận trọng với thực phẩm đang dùng, quý vị có thể sẽ mắc bệnh. Bệnh nói ở đây không phải là bệnh do thời khí. Nó có nghĩa là qua một thời gian dài, những thứ quý vị ăn vào kết hợp những yếu tố khác sẽ khiến cho đường hô hấp và máu huyết của quý vị mất quân bình.

Khi ấy điều gì sẽ xảy ra? Chắc chắn là bệnh phát khởi. “Bạch Đức Thế tôn, đại chúng đây chưa nhận ra Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa rằng không có ai hiểu cả. Nhưng Văn-thù-sư-lợi có hiểu không? Ngài đã hiểu, nhưng ngài hỏi là cho những người có cơ duyên hiện hữu trong pháp hội. Nếu Ngài không thưa hỏi, thì không ai biết cách trình bày vấn đề. Đức Phật sẽ giảng giải, nhưng nếu không có ai biết cách thưa hỏi, thì sẽ không ai biết cách để tiếp nhận những lợi lạc từ trí huệ của Phật.

Chúng ta biết rằng Văn-thù-sư-lợi đã nhận ra ý chỉ vì Kinh văn nói rằng Ngài “thương xót tứ chúng.” Nhưng nếu cho dù đó không phải là cách diễn đạt, thì chúng ta vẫn hiểu là Văn-thù-sư-lợi đã nhận ra ý chỉ vì Ngài là bậc có trí huệ siêu việt qua danh xưng Đại trí Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát. Câu hỏi của Ngài là hỏi cho những người chưa hiểu ra được chỗ Như Lai phát minh hai nghĩa ‘phải’ và ‘chẳng phải’ của ‘tánh thấy’ và ‘sắc không’. Điểm nầy đề cập đến giáo lý về tánh thấy, vật, và hư không. Rốt ráo, tánh thấy là vật hay là hư không? Không có ai biết cách tham thỉnh về giáo lý nầy, thế nên Văn-thù-sư-lợi quyết định hỏi về vấn đề nầy.

Kinh văn: **世尊,若此前緣色空等象。若是見者應有所指。若非見者應無所矚。而今不知是義所歸,故有驚怖。**

Phiên Âm: Thế Tôn! Nhược thử tiền duyên, sắc không đẳng tượng. Nhược thị kiến giả, ưng hữu sở chỉ. Nhược phi kiến giả, ưng vô sở chúc. Nhi kim bất tri, thị nghĩa sở quy, cố hữu kinh phố.

Việt dịch: Bạch Đức Thế tôn, như các hiện tượng sắc không ở trước mắt, nếu là tánh thấy thì đáng lẽ ra phải chỉ được; nếu chẳng phải là tánh thấy thì không thể được nhìn thấy. Nay chẳng biết nghĩa nầy do đâu, nên sinh tâm lo sợ.

Giảng: Quý vị có thấy cách Văn-thù-sư-lợi trình bày vấn đề hòan toàn khác với A-nan không? A-nan thì không rõ được vấn đề đang diễn biến như thế nào. Nhưng khi Văn-thù-sư-lợi trình bày thì lý lẽ của Ngài rất hòan chỉnh. Ngài nói: " Bạch Đức Thế tôn, như các hiện tượng sắc không ở trước mắt, nếu là tánh thấy thì đáng lẽ ra phải chỉ được." "Cảnh duyên ở trước mắt" là chỉ cho tiền trần, là nhân duyên đã nói ở trên. "Không" tức là hư không. "Như" là nói đến cả hai đặc tính nầy. "Tướng" ở đây không chỉ có nghĩa là một vật, nhưng đó là dùng để thí dụ.

Văn-thù-sư-lợi nói rằng nếu sắc và không là tánh thấy thì sẽ có những biểu tượng cho sắc và không, nên người ta có thể chỉ bày ra được cái ấy. Nếu chẳng phải là tánh thấy thì không thể được nhìn thấy. Ban đầu Thế tôn nói rằng tánh thấy không phải là vật. Về sau, Thế tôn bảo tánh thấy là vật–có nghĩa là, Thế tôn đặt vấn đề rằng vật nào lại chẳng phải là tánh thấy. Không ai hiểu được Thế tôn muốn nói gì cả. Nay chẳng biết nghĩa nầy do đâu. Đơn giản là điều gì đang xảy ra ở đây? Rốt ráo, có tánh thấy hay không có tánh thấy? Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi dùng chữ "chúng con" là vì Ngài không vì riêng mình. Ngài hỏi vì những người chưa hiểu.

Câu hỏi của Văn-thù-sư-lợi đưa ra có phần nào rõ ràng hơn của A-nan. Quý vị thấy Ngài trình bày thật là đơn giản, vì ý nghĩa rất là vi diệu. Nên sinh tâm lo sợ. Đây là điểm trước đây chúng ta chưa để ý đến và bây giờ chúng ta mới chú ý đến, giáo lý thì rất là vi diệu đến nỗi chúng ta không biết chắc ý nghĩa cứu cánh là nơi đâu. Chẳng hạn, như khi ta nhìn ngọn đèn nầy, tánh thấy là đèn hay đèn là tánh thấy? Đạo lý nầy chưa được giải thích rõ ràng. Nếu quý vị bảo đèn không phải là tánh thấy, thì tôi không thể thấy được đèn. Còn quý vị bảo rằng đèn là tánh thấy, nhưng tự thân cây đèn thì không thể thấy được. Thế nên quý vị nói rằng đó là tánh thấy và rồi lại bảo đó chẳng phải là tánh thấy.

Kinh văn: **非是疇昔善根輕尟。唯願如來大慈發明此諸物象。與此見精,元是何物。於其中間無是非是.**

Phiên Âm: **Phi thị trù tích, thiện căn khinh thiểu, duy nguyện Như Lai, đại từ phát minh, thử chư vật tượng. Dữ thử kiến tinh, nguyên thị hà vật. Ư kỳ trung gian, vô thị phi thị.**

Việt dịch: Chứ chẳng phải trước đây căn lành mỏng ít. Cúi mong Như Lai từ bi chỉ bày các vật tượng này cùng tánh thấy vốn là cái gì mà trong ấy không có cái 'phải' và 'chẳng phải'?

Giảng: Chứ chẳng phải trước đây căn lành mỏng ít. Nguyên nhân khiến chúng con sửng sốt và lo sợ chẳng phải là vì căn lành trong đời trước của chúng con mỏng và ít. Chẳng phải mọi người trong đại chúng đều có ít căn lành. Mà chỉ vì tất cả đều không hiểu được đạo lý ấy. Đôi khi những người có ít thiện căn sẽ trở nên sợ hãi khi họ tu đạo. Quý vị sẽ làm gì khi gặp tình trạng nầy? Hãy làm thật nhiều công đức để vun trồng căn lành cho mình.

Khi căn lành của mình đã được nuôi dưỡng và bám sâu, thì quý vị sẽ có được định lực. Nếu căn lành của quý vị mỏng manh, thì định lực cũng yếu kém. Thế nên chúng ta phải nuôi dưỡng căn lành của mình. Cúi mong Như Lai từ bi chỉ bày các vật tượng này cùng tánh thấy vốn là cái gì mà trong ấy không có cái 'phải' và 'chẳng phải'?

Rốt ráo, phải chăng chẳng có cái 'phải' và 'chẳng phải' trong lòng của vật thể, trong hư không và trong tánh thấy? Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi rất thông suốt nghĩa nầy nên Ngài đã suy luận như vậy.

Kinh văn: **佛告文殊及諸大眾。十方如來及大菩薩。於其自住三摩地中。見與見緣并所想相。如虛空花本無所有。**

Phiên Âm: **Phật cáo Văn Thù: Cập chư đại chúng. Thập phương Như Lai, cập đại Bồ-tát. Ư kỳ tự trụ, tam-ma-địa trung. Kiến dữ kiến duyên, tinh sở tưởng tướng. Như hư không hoa, bổn vô sở hữu.**

Việt dịch: Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi và cả đại chúng : "Mười phương Như Lai và các Đại Bồ-tát khi tự an trụ trong chánh định kia, cái thấy và cảnh bị thấy đều là tưởng tướng, đều như hoa đốm giữa hư không."

Giảng: Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi và cả đại chúng : "Mười phương Như Lai và các Đại Bồ-tát khi tự an trụ trong chánh định kia– trong Thủ Lăng Nghiêm đại định – cái thấy và cảnh bị thấy – chỉ là nhân duyên sinh khởi trong cái thấy ấy– đều là tưởng tướng – cũng như các vật tượng mà mình nghĩ tưởng đến– đều như hoa đốm giữa hư không." Vốn là chẳng có hoa nào giữa hư không cả, khi mắt của quý vị bị nhặm, thì quý vị thấy có hoa đốm giữa hư không. Hoặc có

khi quý vị nhìn mặt trời quá lâu, thì quý vị thấy được hoa đốm tràn ngập cả hư không. Đó là một cách giải thích.

Giải thích theo cách khác là một khi quý vị đã mở được Phật nhãn, thì bất luận loài hoa nào mà quý vị muốn nhìn đều có trong hư không. Đây cũng là hoa đốm giữa hư không. Đây có hai cách giải thích như vậy. Phải chăng hoa đốm giữa hư không là chỉ có những ai đã mở được Phật nhãn mới thấy được? Không. Nó vốn chẳng có thật. Nó chỉ là huyễn hóa. Nhưng nếu quý vị tưởng tượng muốn thấy nó thì nó liền hiện hữu.

Thế có hoa đốm giữa hư không hay không? Không. Vốn chẳng có gì cả. Cơ bản là nó không hiện hữu. Vốn là chẳng có gì cả. Thế quý vị muốn tìm kiếm cái gì? Tại sao quý vị nỗ lực tìm kiếm nếu cái thấy là vật hoặc cái thấy là hư không hoặc là cái gì đi nữa? Quý vị tìm kiếm cái gì? Quý vị đều là kẻ hướng ngoại tìm cầu–rong ruổi tìm kiếm bên ngoài mình.

Kinh văn: **此見及緣,元是菩提,妙淨明體。云何於中,有是非。**

Phiên Âm: Thử kiến cập duyên, nguyên thị Bồ-đề, diệu tịnh minh thể. Vân hà ư trung, hữu thị phi thị.

Việt dịch: Cái thấy và cảnh bị thấy nầy đều vốn là thể giác ngộ thanh tịnh sáng suốt nhiệm mầu. Cớ sao trong ấy lại có nghĩa 'phải' và 'chẳng phải'? Đức Phật đáp: " Cái thấy và cảnh bị thấy nầy đều vốn là thể giác ngộ thanh tịnh sáng suốt nhiệm mầu."

Giảng: Cái thấy và cảnh bị thấy (kiến duyên) chính nó đều là thể giác ngộ thanh tịnh sáng suốt nhiệm mầu. Đó cũng là chân tâm thường trú thanh tịnh thể tánh thanh tịnh nhiệm mầu sáng suốt. Ở đây theo cách nói nôm na nên thuật ngữ bồ-đề đã được thay vào. "Cớ sao trong ấy lại có nghĩa 'phải' và 'chẳng phải'? Tại sao ông lại nói rằng trong chân tâm lại có thể tìm thấy cái nghĩa 'phải' và 'chẳng phải', thách thức cả tính nhị nguyên? Chân tâm chẳng có tính nhị nguyên; chân tâm là cảnh giới tuyệt đối, hòan toàn không có đối đãi, thế nên tại sao ông lại mê lầm khi bảo rằng có cái nghĩa 'phải' và 'chẳng phải' trong đó?"

Kinh văn: **文殊吾今問汝。如汝文殊更有文殊。是文殊者為無文殊。**

Phiên Âm: Văn Thù! Ngô kim vấn nhữ. Như nhữ Văn Thù, cánh hữu Văn Thù. Thị Văn Thù giả, vi vô Văn Thù.

Việt dịch: Này Văn-thù-sư-lợi, nay Như Lai hỏi ông: “Như ông là Văn-thù, lại có đúng là Văn-thù hay chẳng phải là Văn-thù chăng?”

Giảng: Bây giờ Đức Phật mới hỏi Văn-thù-sư-lợi một câu hỏi, Này Văn-thù-sư-lợi, nay Như Lai hỏi ông: “Như ông là Văn-thù, lại có đúng là Văn-thù hay chẳng phải là Văn-thù chăng? Ông bảo: ‘Đây là Văn-thù-sư-lợi.’ Thế thì ngoài ông ra, còn có ai là Văn-thù-sư-lợi nữa? Thế thì có một người chẳng phải Văn-thù-sư-lợi nữa hay sao? Hãy trả lời ngay!” Đó là những gì Đức Phật hỏi Văn-thù-sư-lợi, và Ngài trông chờ Văn-thù-sư-lợi trả lời ra sao. Quý vị nên học hỏi cách đặt câu hỏi của Văn-thù-sư-lợi. Đừng bắt chước cách hỏi như A-nan. Câu hỏi của A-nan thật là tối nghĩa.

Kinh văn: **如是,世尊,我真文殊,無是文殊。何以故若有是者則二文殊。然我今日非無文殊於中實無是非二相。**

Phiên Âm: Văn Thù bạch Phật: Như thị Thế Tôn! Ngã chân Văn Thù, vô thị Văn Thù. Hà dĩ cố?

Nhược hữu thị giả, tắc nhị Văn Thù. Nhiên ngã kim nhật, phi vô Văn Thù, ư trung thật vô, thị phi nhị tướng.

Việt dịch: Đúng vậy! Bạch Đức Thế tôn! Con chính là Văn-thù. Chẳng có Văn-thù ‘thật’. Tại sao? Nếu có một Văn-thù khác là Văn-thù ‘thật’, thì sẽ có hai Văn-thù. Nhưng hiện nay chẳng phải con không phải là Văn-thù. Trong ấy thật không có hai tướng ‘phải’ và ‘chẳng phải’.”

Giảng: “Đúng vậy! Bạch Đức Thế tôn!”–

Văn-thù-sư-lợi đáp – “ Đúng như Thế tôn đã giải thích. Không có Văn-thù-sư-lợi ‘thật’ và không có Văn-thù-sư-lợi ‘chẳng phải là Văn-thù.’ Vốn không có tướng ‘phải’ và ‘chẳng phải’. ” Con chính là Văn-thù. Con thực sự là Văn-thù. Chẳng có Văn-thù ‘thật’. Chẳng có ai khác ngoài con ra gọi là Văn-thù-sư-lợi cả. Chẳng có ai khác. Chỉ có con là Văn-thù-sư-lợi. Chẳng có ‘Văn-thù-sư-lợi thật’ và ‘ chẳng phải là Văn-thù-sư-lợi’ nào cả. Tại sao? Tại sao con nói như vậy? Nếu quý vị bảo rằng đây ‘Văn-thù-sư-lợi thật’, thì cái gì ‘chẳng phải Văn-thù-sư-lợi’. Nếu có hai Văn-thù-sư-lợi thì điều ấy có thể chấp nhận được? Nếu có một Văn-thù khác là Văn-thù ‘thật’, thì sẽ có hai Văn-thù.

Nếu có một ‘Văn-thù-sư-lợi thật’ và một ‘chẳng phải Văn-thù-sư-lợi’ thì sẽ có hai Văn-thù-sư-lợi. Nhưng hiện nay chẳng phải con không phải là Văn-thù. Nhưng chắc chắn nay con chẳng phải là Văn-thù-sư-lợi. Có một Văn-thù-sư-lợi; nhưng chẳng có ‘Văn-thù-sư-lợi thật’.Trong ấy thật không có hai tướng ‘phải’ và ‘chẳng

phải'. Theo nghĩa con hiểu, Văn-thù-sư-lợi, là một người riêng biệt, hai phạm trù 'phải' và 'chẳng phải' đều không hiện hữu, nên nói có một 'Văn-thù-sư-lợi thật' và một 'chẳng phải Văn-thù-sư-lợi' là hòan toàn sai lầm."

Ngay lúc ấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi khiến cho mọi người trong đại chúng nhận ra rằng chẳng có cái gì được gọi là 'cái thấy' và có cái gì đó 'chẳng phải là cái thấy'. Cái thấy mãi mãi vẫn là cái thấy. Chẳng có vật nào như thế được gọi là cái thấy hoặc hư không kia là cái thấy. Cái thấy chính là thể giác ngộ thanh tịnh sáng suốt nhiệm mầu. Thế nên quý vị chẳng nên đưa ra hai phạm trù 'phải' và 'chẳng phải' rồi bận tâm đến nó làm gì nữa.

Kinh văn: **佛言,此見妙明與諸空塵**

Phiên Âm: Phật ngôn! Thử kiến diệu minh, dữ chư không trần.

Việt dịch: Đức Phật bảo: "Tánh thấy nhiệm mầu sáng suốt nầy, cùng với hư không và tiền trần. Đúng là như vậy."

Giảng: Đức Phật càng giảng giải, giáo lý Kinh Thủ Lăng Nghiêm càng trở nên hòan thiện. Không chỉ tánh thấy là thể giác ngộ thanh tịnh sáng suốt nhiệm mầu, mà cả hư không và hết thảy trần lao cũng lại như vậy. Nó cũng hòan toàn giống như tánh thấy. Đức Phật bảo: "Tánh thấy nhiệm mầu sáng suốt nầy, cùng với hư không và tiền trần, cũng đều như vậy."

Nó cũng mầu nhiệm như tánh thấy. Tánh thấy không có 'phải' và 'chẳng phải'. Chẳng phải vật là tánh thấy hoặc hư không là tánh thấy. Đúng hơn, hư không và vật tượng– tiền trần – cũng đều như tánh thấy, là bản thể của chân tâm. Kinh văn sau sẽ nói về tứ đại, đất nước lửa gió, đều được giải thích là tánh chân như nhiệm mầu của Như Lai tạng.

Thế nên Kinh văn nầy càng được giải thích, càng thấy vi diệu. Càng được giải thích, quý vị càng thấy khó hiểu, nên quý vị nói: "Vì tôi chẳng hiểu được ý kinh, nên tôi không học nữa." Nếu quý vị không học kinh nữa, thì quý vị sẽ không bao giờ hiểu được ý kinh. Sẽ không bao giờ quý vị mở được trí huệ. Bây giờ quý vị đang học kinh, thế nên nay quý vị sẽ mở được trí huệ. Quý vị sẽ nhận ra rằng giáo lý vi diệu của Đức Phật là vô cùng tận. Thế nên Kinh Thủ Lăng Nghiêm là thù thắng hơn cả.

Kinh văn: **文殊,亦復如是. 本是妙明。無上菩提淨圓真心。妄為色空及與聞見**

Phiên Âm: Văn Thù: Diệc phục như thị. Bổn thị diệu minh. Vô thượng Bồ-đề, tịnh viên chân tâm. Vọng vi sắc không, cập dữ văn kiến.

Việt dịch: Đúng là như vậy. Vốn là chân tâm viên mãn thanh tịnh vô thượng giác ngộ sáng suốt nhiệm mầu, vọng làm ra sắc không và thấy nghe.

Giảng: Vốn là chân tâm viên mãn thanh tịnh vô thượng giác ngộ sáng suốt nhiệm mầu. Các pháp vốn là tánh giác ngộ vi diệu, là Vô thượng bồ-đề, sáng suốt tròn đầy, là chân tâm viên mãn thanh tịnh. Chân tâm vốn thường sáng suốt. Vọng làm ra sắc không và thấy nghe. Bản thể vốn là chân tâm thanh tịnh. Nhưng chỉ do sinh khởi một niệm vô minh –vọng trần – nên bị xoay chuyển bởi sắc trần, có nghĩa là bị xoay chuyển bởi vật và bị xoay chuyển bởi hư không.

Quý vị bị vật xoay chuyển. Trước đây tôi đã nói: "Nếu quý vị chuyển được vật, thì quý vị đồng với Như Lai." Vì có vọng niệm, nên người ta bị xoay chuyển bởi sắc không. Nên quý vị cũng không thể nào nhận ra được tánh nghe và tánh thấy của mình. Tại sao quý vị không nhận ra được? Vì vọng niệm sinh khởi. Khi một niệm mê lầm, thì niệm niệm nối tiếp sẽ sai lầm theo. Nên nói: "Đi sai một nước, thua cả ván cờ." Cũng vậy, vì vọng tưởng, nên quý vị nhận vọng làm chân. Quý vị lấy cái mê lầm làm cái chân thật.

Kinh văn: **如第二月,誰為是月又誰非月。文殊但一月真。中間自無是月非月。**

Phiên Âm: Như đệ nhị nguyệt, thùy vi thị nguyệt, hựu thùy phi nguyệt.

Văn Thù! đãn nhất nguyệt chân. Trung gian tự vô, thị nguyệt phi nguyệt.

Việt dịch: Ví như mặt trăng thứ hai, thì cái nào là mặt trăng thật, cái nào chẳng phải là mặt trăng. Nầy Văn-thù, chỉ có một mặt trăng chân thật. Trong ấy vốn không có cái nào là mặt trăng thật, cái nào chẳng phải là mặt trăng.

Giảng: Ví như mặt trăng thứ hai: Cơ bản, đó chỉ là một mặt trăng, nhưng nếu quý vị nhìn bằng con mắt bị nhặm, thì quý vị thấy có 2 mặt trăng. Thì cái nào là mặt trăng thật, cái nào chẳng phải là mặt trăng. Mặt trăng nào không phải là mặt trăng? Nầy Văn-thù, chỉ có một mặt trăng chân thật. Trong ấy vốn không có cái nào là mặt trăng thật, cái nào chẳng phải là mặt trăng." Khi quý vị có cái 'phải' và cái 'chẳng phải', nghĩa là quý vị có pháp đối đãi. Nhưng vấn đề nay đang nói là tuyệt đối. Bản thể của bồ-đề là siêu việt mọi đối đãi.

Kinh văn: **是以汝今觀見與塵。種種發明名為妄想。不能於中出是非是。**

Phiên Âm: Thị dĩ nhữ kim, quán kiến dữ trần. Chủng chủng phát minh, danh vi vọng tưởng. Bất năng ư trung, xuất thị phi thị.

Việt dịch: Thế nên nay ông hãy xem cái thấy và trần cảnh cùng các thứ phát minh ra được đều là vọng tưởng, trong ấy không thể chỉ ra nghĩa 'phải' và 'chẳng phải'.

Giảng: "Thế nên, do vấn đề nầy, nay ông hãy xem cái thấy và trần cảnh cùng các thứ phát minh ra được đều là vọng tưởng." Ông hãy quán sát tánh thấy của ông cùng vật tượng, và các thứ sắc không mà ông phát minh ra được, nó đều là vọng tưởng; nó xuất hiện ra do vì vọng tưởng của ông. Trong ấy không thể chỉ ra nghĩa 'phải' và 'chẳng phải'.

Trong hư không, quý vị không thể nào tìm ra cái gì là thật hư không và cái gì chẳng phải là hư không. Hư không đơn giản chỉ là hư không; làm sao lại có thêm một thật hư không và một cái chẳng phải là hư không. Quý vị cũng không thể nói về vật là có một vật thật và một cái chẳng phải vật. Tánh thấy cũng như vậy. Quý vị không thể nói có tánh thấy thật và chẳng phải tánh thấy. Điều nầy không thể có được. Trong đó quý vị không thể nào tìm ra được cái 'phải' và 'chẳng phải'.

Kinh văn: **由是精真妙覺明性。故能令汝出指非指.**

Phiên Âm: Do thị tinh chân, diệu Giác minh tánh. Cố năng lệnh nhữ, xuất chỉ phi chỉ.

Việt dịch: Bởi do tánh giác sáng suốt nhiệm mầu ấy, nên khiến ông vượt ra khỏi cái 'chỉ ra được' và cái 'chẳng chỉ ra được' vậy.

Giảng: Bởi do tánh giác chân thật, tánh thấy chân thật, sáng suốt nhiệm mầu ấy, thể tánh sáng suốt nhiệm mầu bất khả tư nghì, nên khiến ông vượt ra khỏi cái 'chỉ ra được' và cái 'chẳng chỉ ra được' vậy. Chân tánh sáng suốt có thể dạy cho ông các vượt qua được sự cố gắng để chỉ ra vật tượng hiện hữu hay không hiện hữu. Quý vị cảm thấy lý luận của mình đúng khi nói rằng tánh thấy là vật, rồi quý vị lại bảo rằng tánh thấy không phải là vật.

Nhưng rốt ráo, tánh thấy là vật hay không phải là vật? Đức Phật đã hỏi A-nan. Vốn chẳng có sự khác biệt nào như thế giữa 'phải' và 'chẳng phải'. Vì lý luận của quý vị sai lầm, nên quý vị cố gắng chỉ ra vật tượng có cái 'phải' và 'chẳng

phải', nhưng cơ bản là điều ấy không thể có được. Đó là một nỗ lực hòan toàn sai lầm. Nay quý vị có thể vượt qua điều ấy.

Kinh văn: **阿難白佛言世尊。誠如法王所說,覺緣遍十方界,湛然常住性非生滅。與先梵志娑毘迦羅所談冥諦。及投灰等諸外道種。說有真我遍滿十方。有何差別。**

Phiên Âm: A-nan bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Thành như pháp vương, sở thuyết giác duyên, biến thập phương giới. Trạm nhiên thường trụ, tánh phi sanh diệt. Dữ tiên Phạm-chí, sa Tì Ca la, sở đàm minh đế. Cập đầu hôi đẳng, chư ngoại đạo chủng. Thuyết hữu chân ngã, biến mãn thập phương. Hữu hà sái biệt?

Việt dịch: A-nan bạch Phật: "Bạch Đức Thế tôn! Nếu thật như Đấng Pháp vương đã nói, tánh giác duyên khắp 10 phương cõi nước, tánh giác ấy thanh tịnh vắng lặng, thường trú, không sinh không diệt. (Điều ấy) so với thuyết Minh đế của Phạm chí Ta-tỳ-ca-la, hoặc các thuyết của ngoại đạo Đầu hôi v.v…, nói có một chân ngã trùm khắp cả 10 phương thì có gì sai khác?

Giảng: Để đáp lời giảng của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni về vấn đề 'phải' và 'chẳng phải', A-nan bạch Phật: "Bạch Đức Thế tôn! Đúng như Đấng Pháp vương đã nói, tánh giác duyên khắp 10 phương cõi nước, tánh giác ấy thanh tịnh vắng lặng, thường trú, không sinh không diệt. 'Trạm nhiên' là chỉ cho những gì thanh tịnh và vắng lặng. Lấy ví dụ như một bát nước đục.

Chúng ta không thể nói đó là 'Trạm nhiên'. Nhưng sau khi bùn và cát đã lắng lại, quý vị có thể thấy được tận đáy, chúng ta nói đó là 'trạm nhiên'. Thể tánh của giác duyên là thanh tịnh vắng lặng thường trú và không sinh không diệt.

"(Điều ấy) so với thuyết Minh đế của Phạm chí Ta-tỳ-ca-la, hoặc các thuyết của ngoại đạo Đầu hôi v.v…, nói có một chân ngã trùm khắp cả 10 phương thì có gì sai khác?" Phạm chí Ta-tỳ-ca-la nói rằng ông ta giáng sinh từ cõi trời Đại Phạm thiên, là vị thần trong loài người, và trong tương lai ông ta sẽ sinh vào cõi trời Đại Phạm thiên theo quyết định của ông ta.

Ông nói: "Trong tương lai, chúng ta đều sẽ trở về cõi trời Đại Phạm thiên." Ông ta là người cỗ vũ cho Phạm thiên. 'Phạm ' có nghĩa là thanh tịnh, và Ta-tỳ-ca-la, như tôi đã giảng trước đây, tuy vậy, tôi tin là chẳng có ai còn nhớ– có nghĩa là 'ngoại đạo tóc vàng '. Quý vị có nhớ con gái của Ma-đăng-già không? Cô ta

đòi mẹ mình sử dụng thần chú của Tiên Ta-tỳ-ca-la Phạm thiên, chính là ngoại đạo đang đề cập ở đây. Thuyết 'Minh đế ' do ngoại đạo rao giảng cũng sẽ được giải thích. Trong trạng thái tối tăm hỗn độn bất động ấy, người ta không nhận biết cái gì hết thảy.

'Minh' có nghĩa là hòan toàn không có ý thức. Quý vị có thể nói rằng người ta bị say rượu, rồi lại nói họ không bị say. Quý vị có thể nói rằng người ta dùng ma tuý, rồi lại nói họ không hút gì cả. Đơn giản là họ hòan toàn không biết gì cả. Ở Ấn Độ có một phái ngoại đạo thực hành khổ hạnh. Họ nhiệt thành nói rằng họ muốn sống theo lối 'tự nhiên', thế nên họ không mặc nhiều áo quần và không tắm rửa, rồi họ nằm lăn trên tro cho đến khi toàn thân lấm đầy tro.

Có những phái ngoại đạo ném tro vào chính mình. Có những ngoại đạo khác lại nằm trên giường đinh. Họ đóng đinh trên giường rồi nằm ngủ trên đinh. Đinh không đâm vào da thịt họ và họ bảo rằng vì họ có 'thân kim cương bất hoại.' Quý vị có nghĩ rằng đó là trò lừa bịp thiên hạ không? Có những ngoại đạo khác trung thành với phép tu khổ hạnh vô ích, như họ không ăn thực phẩm ngũ cốc mà chỉ dùng cỏ và lá cây.

Các ngoại đạo nầy đều bao gồm trong ý A-nan đề cập đến những ai đã tin có một Chân ngã bao trùm khắp cả 10 phương. Nhưng bõ công tu tập của họ, dù họ chịu đựng cực kỳ khó chịu, việc ấy cũng không đưa đến sự thành tựu rốt ráo. Chẳng hạn, lối tu khổ hạnh vô ích khi ngủ trên giường đinh và làm cho đinh không làm rách da thịt chẳng đáng giá chút nào cả, vì da heo thì ít nhiều gì đinh cũng chẳng thể nào xuyên thủng được; mà heo có tu như vậy đâu?

Đinh không thể xuyên thủng da bò, mà bò có tu như vậy không? Không! Nên đây là lối tu khổ hạnh không ích lợi gì cả. Thế nên quý vị không nhầm lẫn ở đây và nghĩ rằng họ ắt là có được thân kim cương bất hoại chỉ vì họ tự cho mình có được thân ấy. Thực ra đây là một quan niệm sai lầm. Cũng như có được lớp da heo hay tấm da bò thì chẳng có gì là đặc biệt.

Họ tu tập theo lối nầy hằng ngày, thế nên họ thành tựu kết quả ấy và có được năng lực đặc biệt. Nhưng đó không được xem như bất kỳ loại năng lực thần thông nào cả, cũng chẳng có nghĩa là họ đã đắc đạo. A-nan thưa hỏi Đức Phật: "Thế tôn bảo rằng giác duyên trùm khắp 10 phương; có khác với chân ngã mà ngoại đạo ấy cho rằng trùm khắp cả 10 phương hay không?"

Kinh văn: **世尊亦曾於楞伽山。為大慧等敷演斯義。彼外道等常說自然。我說因緣非彼境界。**

Phiên Âm: **Thế Tôn diệc tằng, ư Lăng-già sơn. Vị đại tuệ đẳng, phu diễn tư nghĩa. Bỉ ngoại đạo đẳng, thường thuyết tự nhiên. Ngã thuyết nhân duyên, phi bỉ cảnh giới.**

Việt dịch: Thế tôn đã từng ở núi Lăng-già, vì ngài Đại Huệ v.v… giảng rộng nghĩa nầy: ngoại đạo kia thường nói tự nhiên, còn Như Lai nói nhân duyên, chẳng phải là cảnh giới của hàng ngoại đạo kia.

Giảng: A-nan thưa tiếp: "Thế tôn đã từng ở núi Lăng-già, vì ngài Đại Huệ v.v… giảng rộng nghĩa nầy: Khi Đức Phật giảng Kinh Lăng-già, thì Bồ-tát Đại Huệ là đương cơ trong pháp hội ấy, cũng như trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm, A-nan là đương cơ. Và không chỉ có Bồ-tát Đại Huệ, mà còn có nhiều Bồ-tát câu hội. "Thế tôn đã giảng rằng các ngoại đạo kia thường nói tự nhiên." Thời ấy có nhiều ngoại đạo thường nói về thuyết tự nhiên. Học thuyết ấy là gì? Đây là những gì họ chủ trương:

Thuỳ khai hà hải đôi sơn nhạc?
Thuỳ tước kinh cức hoạ cầm thú?
Nhất thiết vô hữu năng sinh giả,
Thị cố ngã thuyết vi tự nhiên.

Nghĩa:
Ai đào sông biển đắp đồi núi?
Ai vót chông gai vẽ cầm thú?
Hết thảy đều không do ai sinh.
Thế nên ta nói tự nhiên sinh.

Ai tạo nên biển cả? Quý vị không thể nào kể ra tên người đã tạo nên biển. Quý vị cũng chẳng thể nào tìm ra người đã tạo ra sông. Mặc dù ở Trung Hoa có Vua Vũ trị thuỷ, có lẽ Vua Vũ chẳng phải thuộc loại ngoại đạo tinh khôn đó ở Ấn Độ. Ai dồn đất lại rồi đắp thành núi? Ai tạo nên những ngọn núi? Làm sao mà núi cao như vậy? Khi hỏi ai đã tạo ra chúng, họ đi đến kết luận rằng nó sinh khởi tự nhiên. Tự nhiên mà sông xuất hiện, tự nhiên mà biển ra đời. Tự nhiên mà núi thành hình. Chông gai, chim thú– tất cả mọi vật, không cần người giúp đỡ, mà tự nó sinh ra.

"Trong tất cả vật tượng ấy, không có một đấng tạo nên, do vậy tôi nói nó tự nhiên sinh." Còn Như Lai nói nhân duyên. Ở đây A-nan trích dẫn lời Đức Phật đã nói trước đây. Bạch Thế tôn, trước đây Thế tôn đã giảng về nhân duyên sanh, đó chẳng phải là cảnh giới của hàng ngoại đạo kia. Đó không giống như quan niệm về tự nhiên của hàng ngoại đạo kia. Tuy nhiên, giáo lý mà con nghe Như Lai đang nói có vẻ giống như lý thuyết mà ngoại đạo chủ trương.

Như Lai bảo rằng giác duyên trùm khắp 10 phương, còn ngoại đạo chủ trương Chân ngã của họ cũng trùm khắp 10 phương. Thế có giống nhau chăng? Tên gọi có khác nhau. Nhưng giác duyên mà Như Lai nói lại rất giống với Chân ngã. Và Chân ngã của ngoại đạo lại có vẻ rất tương đồng với giác duyên. Phải chăng chẳng có đạo lý gì trong đó cả?

Nghĩa của 'nhân' và 'duyên' mà Đức Phật nói là gì? Tôi đã từng giảng cho quý vị rồi. Nhân là hạt giống. Cái góp phần vào cho sự tăng trưởng hạt giống ấy là duyên. Gieo hạt giống vào lòng đất là nhân, duyên là những yếu tố trợ giúp góp phần cho sự tăng trưởng– bùn, đát, nước, phân bón, mặt trời, và những yếu tố khác được gọi là duyên góp phần giúp cho sự tăng trưởng của hạt giống.

Bạch Thế tôn, Thế tôn nói mọi vật hiện hữu đều có nhân duyên, và thế là nhân duyên ấy đã phá vỡ thuyết tự nhiên của ngoại đạo rồi. Nhân duyên chẳng giống như tự nhiên, thế nên nó phá huỷ toàn triệt lý thuyết tự nhiên của ngoại đạo. Nhưng giác duyên và Chân ngã của ngoại đạo đều trùm khắp cả 10 phương. Mười phương trải dài xa lắm. Nếu giác duyên của quý vị trùm khắp cả 10 phương và chân ngã của ngoại đạo cũng trùm khắp cả 10 phương thì ắt hẳn nó phải tương đồng.

Kinh văn: **我今觀此覺性自然非生非滅。遠離一切虛妄顛倒。似非因緣與彼自然。云何開示不入群邪。獲真實心妙覺明性.**

Phiên Âm: Ngã kim quán thử, giác tánh tự nhiên, phi sanh phi diệt. Viễn ly nhất thiết, hư vọng điên đảo. Tợ phi nhân duyên, dữ bỉ tự nhiên. Vân hà khai thị, bất nhập quần tà. Hoạch chân thật tâm, diệu Giác minh tánh.

Việt dịch: Nay con quán sát kỹ, thấy tánh giác vốn tự nhiên, không sinh không diệt, xa lìa mọi hư vọng điên đảo nầy, dường như chẳng phải nhân duyên hoặc tự nhiên của ngoại đạo kia. Xin Thế tôn chỉ dạy cho chúng con làm sao để khỏi rơi vào tà kiến, đạt được tâm tánh chân thật giác ngộ sáng suốt nhiệm mầu.

Giảng: "Nay con quán sát kỹ, thấy tánh giác nầy vốn tự nhiên– con quán sát kỹ lưỡng tánh giác mà Thế tôn nói như thể là tự nhiên ấy. Nó không sinh không diệt; có phải đó là tự nhiên chăng? Nó xa lìa mọi hư vọng điên đảo– nó xa rời hẳn mọi hiện tượng điên đảo và tâm điên đảo. Dường như chẳng phải nhân duyên hoặc tự nhiên của ngoại đạo kia. Đó như thể chẳng phải là nhân duyên và cũng khác với tự nhiên. Vậy thì, nó lại có vẻ giống nhau." Đây là ý nghĩa của "dường như giống dường như khác."

“ Xin Thế tôn chỉ dạy cho chúng con làm sao để khỏi rơi vào tà kiến. Bạch Đức Thế tôn, xin Ngài chỉ dạy cho chúng con khỏi tin vào tà kiến kia.” “Tà kiến” là chỉ cho hàng ngoại đạo.

“Đạt được tâm tánh chân thật giác ngộ sáng suốt nhiệm mầu. Làm sao để con nhận ra chân tâm của mình? Nguyện xin Đức Phật rủ lòng từ bi chỉ dạy cho con.”

Kinh văn: **佛告阿難,我今如是開示方便。真實告汝。汝猶未悟,惑為自然。**

Phiên Âm: Phật cáo A-nan: Ngã kim như thị, khai thị phương tiện. Chân thật cáo nhữ. Nhữ do vị ngộ, hoặc vi tự nhiên.

Việt dịch: Đức Phật bảo A-nan: “Nay Như Lai dùng phương tiện chỉ dạy như vậy, chân thật dạy ông mà ông còn chưa ngộ, lầm cho là tự nhiên.”

Giảng: Đức Phật không nóng giận, nhưng có lẽ Đức Phật phải cau mày khi Ngài nói điều nầy, vì người đệ tử nhỏ của Ngài quá mê muội. Đức Phật bảo A-nan: “Nay Như Lai dùng phương tiện chỉ dạy như vậy, chân thật dạy ông. Như Lai đã giảng giải điều nầy và các khía cạnh khác của nó–Như Lai đã giảng giải đến 7 hoặc 8 lần rồi. Nay là lần thứ 9 trong 10 lần chỉ bày tánh thấy, mà ông vẫn chưa hiểu. Sao ông lại như vậy?”

“Phương tiện” có nghĩa là những pháp môn quyền xảo, không phải là thật pháp. Đó là những trường hợp “quán sát căn cơ chúng sinh và vận dụng giáo pháp thích hợp để dạy cho họ.” Đức Phật tìm xem nên dùng giáo lý nào để dạy cho A-nan, rồi Ngài dùng pháp môn phương tiện quyền xảo khéo léo vi diệu, chẳng hạn như dùng vô số ví dụ khác nhau và nhiều cách để chỉ bày tánh thấy như Ngài đã dùng, và như cách Ngài gạn hỏi A-nan về tâm. “Mà ông còn chưa ngộ.”

Đức Phật rất hết lòng với A-nan khi Ngài nói như vậy. “Rốt ráo những Như Lai đã nói với ông, toàn bộ những giáo lý Như Lai đã giảng giải, mà ông vẫn không chịu lắng nghe, và ông vẫn chưa nhận ra được chút nào cả. Thay vì vậy, ông vẫn lầm cho là tự nhiên. Ông vẫn so sánh giáo lý mà Như Lai giảng giải cho ông với thuyết tự nhiên của ngoại đạo. Ông thực là sai lầm. Sao ông đần độn như vậy? Sao ông so sánh như vậy? Nó chẳng giống nhau chút nào cả.”

Kinh văn: **阿難,若必自然自須甄明有自然體。**

Phiên Âm: **A-nan! Nhược tất tự nhiên, tự tu ngoan minh, hữu tự nhiên thể.**

Việt dịch: A-nan, nếu chắc là tự nhiên, thì cần phải xét rõ có cái thể tự nhiên chăng.

Giảng: "A-nan, Như Lai sẽ giải thích cho ông: nếu chắc là tự nhiên– nếu ông nhất định cho rằng giáo lý mà Như Lai giảng giải giống như thuyết tự nhiên của ngoại đạo, thì cần phải xét rõ có cái thể tự nhiên chăng. Nay chúng ta sẽ khảo sát thuyết thuật ngữ nầy và làm cho nó sáng tỏ và vạch rõ ra. Chẳng hạn, họ nói rằng tự nhiên ấy có thể tính.

Thế thì 'Ai tạo ra sông?' Sông tự nhiên mà có, vậy sông vốn đã có sẵn đó rồi. 'Ai tạo ra biển?' Họ nói rằng biển tự nhiên mà có, vậy biển vốn đã có sẵn đó rồi. Thế thì biển là bản tính của tự nhiên. Vậy là nó vẫn có một thể tính. Họ nói rằng: "Ai đắp thành núi?" Chẳng có ai đắp thành núi cả, vậy là núi tự nhiên có. Vậy là vốn có một thể tính của núi. Thể tính của núi là thể tính tự nhiên. Vậy nay đâu là thể tính của Phật pháp? Nói mau!

Kinh văn: **汝且觀此妙明見中,以何為自。此見為復以明為自以暗為自。以空為自以塞為自。**

Phiên Âm: **Nhữ thả quán thử, diệu minh kiến trung, dĩ hà vi tự. Thử kiến vi phục, dĩ minh vi tự, dĩ ám vi tự. Dĩ không vi tự, dĩ tắc vi tự.**

Việt dịch: Ông hãy quán sát trong tánh thấy sáng suốt nhiệm mầu nầy, lấy gì làm tự thể? Tánh thấy nầy lấy sáng làm tự thể hay lấy tối làm tự thể; lấy không làm tự thể, hay lấy ngăn bít làm tự thể?

Giảng: "Ông vẫn chưa hiểu được. Nên Như Lai sẽ giải thích rõ hơn cho ông. Hãy lắng nghe."

Đức Phật trình bày lập luận khác để chỉ bày cho A-nan thấy rằng đó là sự sai khác trong mọi cái thấy thông thường. "Ông hãy quán sát trong tánh thấy sáng suốt nhiệm mầu nầy, lấy gì làm tự thể? Hãy dùng tâm của ông quán sát một lần nữa. Có tự thể trong tánh thấy giác ngộ sáng suốt nhiệm mầu không? Bản thể tánh thấy của ông là gì? Ông bảo tánh thấy là tự nhiên?

Nếu tánh thấy là tự nhiên, thì nó ắt phải có thể tính. Thế bản thể của tánh thấy là gì? Nói nhanh! Tánh thấy nầy lấy sáng làm tự thể. Có phải tánh thấy nhận sáng làm tự thể hay không? Hay lấy tối làm tự thể. Có phải cái tối tạo nên tự thể của tánh thấy hay không? Lấy không làm tự thể. Có phải tánh thấy nhận

không làm tự thể hay chăng? Hay lấy ngăn bít làm tự thể? Có phải sắc chất tạo nên tự thể của tánh thấy hay không? Nói nhanh!" Bây giờ Đức Phật gạn hỏi A-nan, A-nan mới chịu quay trở lại. Nhưng trước khi A-nan trả lời, Đức Phật lại đưa ra ngay lời phản bác của chính Ngài.

Kinh văn: **阿難,若明為自,應不見暗。若復以空為自體者,應不見塞。如是乃至諸暗等相以為自者。則於明時,見性斷滅,云何見明.**

Phiên Âm: A-nan! Nhược minh vi tự, ưng bất kiến ám. Nhược phục dĩ không, vi tự thể giả, ưng bất kiến tắc. Như thị nãi chí, chư ám đẳng tướng, dĩ vi tự giả. Tắc ư minh thời, kiến tánh đoạn diệt, vân hà kiến minh?

Việt dịch: A-nan, nếu lấy sáng làm tự thể, thì đáng lẽ (khi tối đến) chẳng thấy tối. Nếu lấy không làm tự thể, thì đáng lẽ chẳng thấy ngăn bít. Như thế cho đến lấy các tướng tối làm tự thể, thì khi sáng, tánh thấy phải diệt mất, làm sao thấy được sáng?

Giảng: Đức Phật giảng giải cho A-nan sâu hơn một chút: "A-nan, nếu lấy sáng làm tự thể, thì đáng lẽ (khi tối đến) chẳng thấy tối." Nếu ông lấy sáng làm thể tính của tự nhiên, và nếu ông cho rằng tánh thấy cũng là tự nhiên, thì khi tối đến, lẽ ra ánh sáng phải tắt đi và biến mất hẳn, nghĩa là ánh sáng không xuất hiện nữa; vậy nên ông không còn thấy tối nữa. Lại nữa, ông nói rằng sáng là tự thể, thế tại sao lại thấy được khi tối đến? Nếu lấy không làm tự thể, thì đáng lẽ chẳng thấy ngăn bít. Ngăn bít có nghĩa là nơi mà không nhìn xuyên qua được. Nếu ông lấy không làm tự thể của tánh thấy, thì tánh thấy của ông phải biến mất khi ông đối diện với vật ngăn bít. Nếu chẳng có rỗng không, thì tự thể ấy không còn. Như thế cho đến lấy các tướng tối làm tự thể, thì khi sáng, tánh thấy phải diệt mất, làm sao thấy được sáng? Đạo lý nầy chặt chẽ trong mọi trường hợp. Tánh thấy lẽ ra bị diệt mất khi sáng đến. Cho nên nói rằng tối là tự thể cũng là sai lầm.

Kinh văn: **阿難言,必此妙見性非自然。我今發明是因緣生 。心猶未明,諮詢如來 。是義云何合因緣性。**

Phiên Âm: A-nan bạch Phật ngôn: Tất thử diệu kiến, tánh phi tự nhiên. Ngã kim phát minh, thị nhân duyên tánh. Tâm do vị minh, ti tuân Như Lai. Thị nghĩa vân hà, hợp nhân duyên tánh?

Việt dịch: A-nan thưa: "Tánh thấy nhiệm mầu nầy chắc chẳng phải tự nhiên. Nay con phát minh là do nhân duyên sinh. Nhưng tâm vẫn còn

chưa rõ. Xin hỏi Đức Như Lai nghĩa ấy như thế nào mới hợp với tánh nhân duyên?"

Giảng: Trước đây A-nan đã nói rằng tánh thấy chẳng phải là nhân duyên; nay A-nan nói rằng đó là nhân duyên. A-nan cũng thay đổi bất thường. A-nan thưa: "Tánh thấy nhiệm mầu nầy chắc chẳng phải tự nhiên. Chắc hẳn như vậy, như Thế tôn nói, tánh thấy vi diệu nhiệm mầu thấy được mọi vật chẳng phải là tự nhiên, vì nó không có thể tính. Nay con phát minh là do nhân duyên sinh."

Bây giờ A-nan không nói tự mình xem xét nữa, mà nói là do tự mình phát minh. "Nhưng tâm vẫn còn chưa rõ. Con nghĩ rằng tánh thấy do từ nhân duyên sinh, nhưng rồi lại thấy dường như nó không tương ưng với đạo lý nầy. Như thể chẳng hề có cái như vậy. Đó là những gì con suy nghĩ, nhưng tâm con hòan toàn không rõ ràng về chuyện ấy."

Quý vị nghĩ thế nào về A-nan? A-nan vẫn chưa hiểu, nhưng A-nan vẫn cố bám vào ý riêng của mình. Nay A-nan đang cố bám vào chiếc mũ nhân duyên. "Xin hỏi Đức Như Lai nghĩa ấy như thế nào mới hợp với tánh nhân duyên? Bạch Thế tôn, giáo lý nầy nên được giải thích như thế nào? Làm sao để nó tương ưng với tánh nhân duyên?

Nguyện xin Thế tôn giảng giải cho con." Bây giờ không phải Đức Phật là người nói tánh thấy là do nhân duyên sinh; mà chính A-nan là người nói điều ấy, và chính A-nan vẫn chưa hiểu được. A-nan mong Đức Phật Giảng giải điều ấy. Cơ bản là những gì A-nan nói đều thiếu đạo lý. A-nan không hiểu được giáo lý. Ban đầu A-nan nói tánh thấy là tự nhiên, rồi nay nói tánh thấy là tự nhiên sinh, nói thế là do vì A-nan không hiểu được giáo lý ra sao, A-nan đang mong có ai giảng rõ điều ấy. Gặp người như A-nan thật dễ nhức đầu.

Kinh văn: **佛言,汝言因緣,吾復問汝。汝今因 見,見性現前。此見為復因明有見,因暗有見。因空有見,因塞有見。**

Phiên Âm: Phật ngôn! Nhữ ngôn nhân duyên, ngô phục vấn nhữ. Nhữ kim đồng kiến, kiến tánh hiện tiền. Thử kiến vi phục, nhân minh hữu kiến, nhân ám hữu kiến. Nhân không hữu kiến, nhân tắc hữu kiến.

Việt dịch: Đức Phật bảo: "Ông nói nhân duyên, Như Lai lại hỏi ông , nay ông nhân thấy, tánh thấy hiện tiền. Vậy cái thấy nầy nhân nơi sáng mà có thấy hay nhân nơi tối mà có thấy, nhân nơi hư không mà có thấy hay nhân nơi ngăn bít mà có thấy?"

Giảng: Đức Phật bảo: “Ông nói nhân duyên. Ông mong Như Lai giải thích cho ông biết làm sao để nó khế hợp với tánh nhân duyên. Nhưng chính ông là người nói rằng tánh thấy là nhân duyên sinh. Được rồi, Như Lai sẽ giảng giải về nhân duyên cho ông rõ. Nhưng trước hết, Như Lai muốn hỏi ông một số vấn đề. Như Lai lại hỏi ông, nay ông nhân thấy, tánh thấy hiện tiền. Tánh thấy đang hiện hữu trước mắt ông.

Vậy cái thấy nầy nhân nơi sáng mà có thấy hay nhân nơi tối mà có thấy, nhân nơi hư không mà có thấy hay nhân nơi ngăn bít mà có thấy? Cuối cùng, làm thế nào mà tánh thấy của ông hiện hữu?” Đức Phật thực sự là Đấng đại từ đại bi. Ngài thách thức với những ai vẫn giữ “cái đầu đặc cứng ” – cứ nói lui nói tới rồi nói vòng vo– và với lòng từ bi vô cùng tận, Ngài vẫn giảng giải cho A-nan. Có lẽ trong trường hợp nầy Đức Phật đã quá nuông chiều A-nan.

A-nan là em họ thân yêu của Đức Phật, A-nan có thói quen được nói và làm những gì mình thích. A-nan giống như những đệ tử của tôi hiện nay không biết sợ sư phụ của mình. họ dám nói mọi điều– ngay cả trước mặt sư phụ mình. Khi tôi còn ở Hồng Kông, đệ tử tôi không dám mở miệng khi họ ở quanh tôi. Họ rất sợ tôi. Đệ tử người Mỹ các ông không biết sợ thầy. Và tôi cũng không muốn khiến các ông sợ tôi. Nên bây giờ là “tốt”. “OK?!”

Kinh văn: **阿難,若因明有,應不見暗。如因暗有,應不見明。如是乃至因空因塞,同於明暗。**

Phiên Âm: A-nan! Nhược nhân minh hữu, ưng bất kiến ám. Như nhân ám hữu, ưng bất kiến minh. Như thị nãi chí, nhân không nhân tắc, đồng ư minh ám.

Việt dịch: A-nan, nếu nhân nơi sáng mà có, thì đáng lẽ chẳng thấy được tối. Nếu nhân nơi tối mà có, thì đáng lẽ chẳng thấy được sáng. Như thế cho đến nhân nơi hư không, nhân nơi ngăn bít, cũng đồng như sáng và tối.

Giảng: “A-nan, ông nên biết rằng Như Lai đã giải thích giáo lý giống nhau nầy nhiều lần rồi, Nay Như Lai sẽ giảng giải một lần nữa cho ông. A-nan, nếu nhân nơi sáng mà có – nếu ông nói rằng tánh thấy hiện hữu do nơi sáng – thì đáng lẽ chẳng thấy được tối. Khi tối, lẽ ra ông không thấy được tối. Nếu nhân nơi tối mà có, thì đáng lẽ chẳng thấy được sáng. Nếu ông nói, ‘A! chẳng phải tánh thấy là do vì có sáng, mà do vì tối. Tánh thấy có là do tối.’ Thế thì khi sáng, tánh thấy của ông phải biến mất.

Sao vậy? Ông nương nhờ tối mới thấy được; nay cái tối ấy đã biến mất, nên tánh thấy của ông cũng biến mất luôn. Lý lẽ tương tự cũng được áp dụng cho các trường hợp khác. Như thế cho đến nhân nơi hư không, nhân nơi ngăn bít, cũng đồng như sáng và tối. Nếu nhờ vào hư không mà có tánh thấy, thì nơi nào có ngăn bít thì tánh thấy phải biến mất.

Nếu nhờ vào ngăn bít mà có tánh thấy, thì nơi nào có hư không thì tánh thấy phải biến mất. Nhưng đó không phải là cách đối với quý vị. Khi sáng quý vị thấy được, khi tối quý vị vẫn thấy được, nơi hư không quý vị thấy được, nơi ngăn bít quý vị cũng thấy được. Tại sao ông có ý kiến rằng tánh thấy nương vào nhân duyên là đúng?"

Kinh văn: **復次阿難,此見又復緣明有見,緣暗有見。緣空有見,緣塞有見。**

Phiên Âm: Phục thứ A-nan, thử kiến hựu phục, duyên minh hữu kiến, duyên ám hữu kiến. Duyên không hữu kiến, duyên tắc hữu kiến?

Việt dịch: Lại nữa A-nan, cái thấy nầy lại duyên nơi sáng mà có thấy, hay duyên nơi tối mà có thấy? Duyên nơi hư không mà có thấy, hay duyên nơi ngăn bít mà có thấy?

Giảng: " Trước đây Như Lai đã nói về nhân, nay Như Lai sẽ hỏi ông về duyên. Như Lai sẽ giảng giải rõ hơn một chút cho ông." Quý vị có thấy Như Lai từ bi như thế nào không?

Ngài thấy A-nan vẫn đứng trơ hai con mắt ra nhìn, A-nan vẫn chưa hiểu, thế nên Như Lai giảng giải thêm một lần nữa. "Lại nữa A-nan, cái thấy nầy lại duyên nơi sáng mà có thấy, hay duyên nơi tối mà có thấy? Cái thấy nương theo sáng hay nương theo tối? Duyên nơi hư không mà có thấy, hay duyên nơi ngăn bít mà có thấy? Có phải do nơi nhân duyên của hư không mà có tánh thấy hay do nơi nhân duyên của ngăn bít mà có tánh thấy?

Kinh văn: **阿難,若緣空有,應不見塞。若緣塞有,應不見空。如是乃至緣明緣暗,同於空塞。**

Phiên Âm: A-nan! Nhược duyên không hữu, ưng bất kiến tắc. Nhược duyên tắc hữu, ưng bất kiến không. Như thị nãi chí, duyên minh duyên ám, đồng ư không tắc.

Việt dịch: A-nan, nếu duyên nơi hư không mà có, lẽ ra không thấy chỗ bít lấp; nếu duyên nơi bít lấp mà có, lẽ ra không thấy hư không. Như thế cho đến duyên nơi sáng, duyên nơi tối, cũng đồng như hư không và bít lấp.

Giảng: A-nan, nếu duyên nơi hư không mà có – nếu nhờ vào hư không mà có tánh thấy, thì lẽ ra không thấy chỗ bít lấp. Đạo lý ở đây cũng giống như đã giảng giải trên kia. Nhưng vì lòng từ bi của Như Lai mà Ngài giải thích rất chi tiết, không ngại phiền hà. Nếu duyên nơi bít lấp mà có – nếu nhờ vào bít lấp mà có tánh thấy, lẽ ra không thấy hư không. Như thế cho đến duyên nơi sáng, duyên nơi tối, cũng đồng như hư không và bít lấp. Lý luận về tánh thấy hiện hữu do duyên nơi sáng hoặc duyên nơi tối đều giống như lý luận về tánh thấy hiện hữu do duyên nơi hư không hoặc duyên nơi bít lấp.”

Kinh văn: **當知如是精覺妙明非因非緣。亦非自然.**

Phiên Âm: Đương tri như thị, tinh giác diệu minh, phi nhân phi duyên. Diệc phi tự nhiên

Việt dịch: Phải biết tánh thấy sáng suốt nhiệm mầu nầy chẳng phải nhân chẳng phải duyên, chẳng phải tự nhiên

Giảng: Nay một lần nữa Đức Phật lại khuấy động A-nan từ trong mê muội của ông. Phải biết – đừng tiếp tục mê muội nữa! Tánh thấy sáng suốt nhiệm mầu nầy , tánh thấy, chẳng phải nhân chẳng phải duyên. Nó chẳng phải nhân chẳng phải duyên, và nó chẳng phải tự nhiên. Nay ông hiểu không?

Kinh văn: **非不自然。無非不非,無是非是。**

Phiên Âm: Phi bất tự nhiên. Vô phi bất phi, vô thị phi thị.

Việt dịch: Chẳng phải không tự nhiên, không có cái chẳng phải (phi) và chẳng chẳng phải (bất phi), không có cái phải (thị) và chẳng phải (phi thị).

Giảng: Đó là cái siêu việt mọi đối đãi, mọi so sánh, mọi thiên chấp. “ Chẳng phải không tự nhiên.” Bây giờ không thể nói chắc chắn rằng tánh thấy sinh khởi tự nhiên. Hai lần phủ định có nghĩa là ngay cả không tự nhiên cũng chẳng có luôn. “ Không có cái chẳng phải (phi) và chẳng chẳng phải (bất phi).” Chẳng có sự phủ định và cũng chẳng có cái không phủ định. Không có cái chẳng phải, và không có cả cái chẳng chẳng phải. Không có cái phải (thị) và chẳng phải (phi thị).

Chẳng có gì là đúng hoặc sai. Quý vị không nên dùng vọng tâm để đo lường phân biệt. Một khi quý vị nghĩ về phải (thị) và chẳng phải (phi thị), là quý vị đã bỏ mất đạo lý về tánh thấy. Thế đó là cái gì?

Kinh văn: **離一切相,即一切法。**

Phiên Âm: Ly nhất thiết tướng, tức nhất thiết pháp.

Việt dịch: Lìa tất cả tướng, tức tất cả pháp.

Giảng: Nếu quý vị xa lìa được hết thảy mọi thứ hư vọng, thì đó chính là pháp chân thật. Đừng dụng công tu tập trên tính hư vọng của các pháp. Lìa tất cả tướng, tức tất cả pháp. Nếu quý vị có thể xa lìa được hết thảy mọi thứ hư vọng, thì đó chính là tánh thấy chân thật của quý vị, đó chính là pháp vi diệu chân thật. Những tướng hư vọng ấy là gì? Nó là những tướng biểu hiện của vọng tưởng. Xa lìa mọi vọng tưởng tức đó là diệu pháp chân như. Nếu quý vị không tự mình xa lìa hết thảy mọi thứ vọng tưởng, thì không thể nào thể nhập được cùng diệu pháp chân như.

Kinh văn: **汝今云何於中措心。以諸世間戲論名相而得分別。如以手掌撮摩虛空。只益自勞。虛空云何隨汝執捉.**

Phiên Âm: Nhữ kim vân hà, ư trung thố tâm. Dĩ chư thế gian, hí luận danh tướng, nhi đắc phân biệt. Như dĩ thủ chưởng, toát ma hư không. Chỉ ích tự lao. Hư không vân hà, tùy nhữ chấp tróc.

Việt dịch: Nay ông sao ở trong chỗ bỏ mất bản tâm, nhận các danh tướng hý luận thế gian mà vọng khởi phân biệt? Như lấy tay chụp bắt hư không chỉ thêm tự nhọc, hư không làm sao để ông bắt được?

Giảng: Thế tôn tiếp tục nói với A-nan: Nay ông sao còn ở trong ấy nhận lầm các danh tướng hý luận thế gian mà vọng khởi phân biệt? Tại sao ông vẫn ở trong vọng tưởng và dùng thức tâm phân biệt? Sao ông vẫn cứ nương vào vọng tưởng mà dụng công tu tập? Lý thuyết thế gian về tự nhiên, nhân duyên đều là nguỵ biện. Là nhạy bén và hý luận về những điều không thực tế. Ông dùng thuật ngữ và đặc điểm hý luận là để phân biệt với diệu pháp của Như Lai, là để phân biệt với đại định vi diệu Thủ Lăng Nghiêm. Sao ông làm như vậy?

Như lấy tay chụp bắt hư không. Dùng tâm vọng tưởng, dùng thức tâm phân biệt để đo lường đại định vi diệu Thủ Lăng Nghiêm thì cũng giống như dùng tay nắm bắt hư không. Làm sao ông nắm giữ hư không được? Ông hãy hỏi đứa trẻ

con thử xem có nắm bắt được hư không chăng? Ngay đứa trẻ cũng nói là không thể nào nắm bắt hư không được. Những điều ông đang làm hiện nay là nắm bắt hư không. Cũng như trước đây Thiền sư Đặng Ẩn Phong có nói: "Trước tiên hãy bắt cho được hư không, rồi mới bắt được Đặng Ẩn Phong nầy."

Sư nói như vậy với một con ma muốn bắt sư. Trước khi để cho ma bắt, Sư đấu lý với nó. Sư bảo: "Đợi ta một chút được chăng? Ta có chút việc nhỏ chưa làm xong. Khi nào xong việc, ta sẽ theo ngươi đi gặp Diêm vương." Đặng Ẩn Phong là ai? Là một Thiền sư có định lực rất cao. Khi Sư đang ở trong định, thì quỷ thần không thể thấy được Sư, nhưng Sư có thể thấy được quỷ thần khi Sư xuất định. Lúc ấy quỷ Vô thường đến thăm Sư. Quỷ Vô thường là gì?

Khi quý vị sắp đến giờ lâm chung, quỷ vô thường là bạn đồng hành đến để đưa quý vị đi gặp Diêm vương. Ngài bạn đồng hành ấy đến bắt Đặng Ẩn Phong và nói rằng: "Mạng sống của ông hết rồi. Hãy đi gặp Diêm vương với tôi." Rồi nó còng tay bằng xích sắt Đặng Ẩn Phong lại. Đặng Ẩn Phong nói với quỷ: "Này ông bạn, đừng có vô lễ như vậy. Ta vẫn còn một việc chưa làm xong, khi nào xong rồi ta sẽ đi với ngươi." Quỷ vô thường suy nghĩ, ngươi cố cưỡng lại lệnh Diêm vương. Được rồi, lịch sự với nhà ngươi một chút cũng chẳng sao. Nên quỷ nói: "Ông có việc gì chưa xong nào?"

Đặng Ẩn Phong liền xếp chân ngồi thiền theo thế kiết già, ngay đó Sư liền nhập vào đại định. Định mà Sư nhập vào là Vô tướng Tam muội. Trước vào định, Sư nói: "Hãy đi mà bắt hư không rồi mới đem Đặng Ẩn Phong nầy theo được." Sư nói với quỷ vô thường tiếp: "Nếu ngươi bắt được hư không, thì hãy trở lại đây đưa ta đi gặp Diêm vương." Một khi Sư đã nhập định rồi, thì quỷ vô thường không còn cách nào bắt Sư được nữa. Nên quý vị phải biết rằng định lực cực kỳ quan trọng. Định lực có nghĩa là không bị vật xoay chuyển. Trong Kinh văn trước đã có nói: "Nếu chuyển được vật, tức đồng Như Lai." Tu tập đạt được định lực cũng như vậy.

Tôi sẽ giải thích đạo lý nầy cho quý vị biết đó là điều chân thật chứ không phải là chuyện đùa. Nếu là người có định lực, thì khi thấy phụ nữ, bất luận cô ta đẹp đến cỡ nào, thì anh ta vẫn kiềm chế được tâm mình. Anh ta không móng khởi dục vọng. Đó là định lực. Nếu khi vừa thấy phụ nữ mà quý vị trở nên loạng choạng chao đảo và thấy như có bàn tay chặn ngang họng, thì đó là không có định lực. Quý vị có thể đảo ngược chủ ngữ trong câu văn, có nghĩa là tương tự như khi phụ nữ gặp đàn ông.

Quý vị phải giữ trạng thái như như bất động, và nếu quý vị có thể giữ mình không bị xoay chuyển bởi dục vọng, thì quý vị có được định lực. Đó mới chỉ là bước đầu tiên. Bước đầu tiên là đạt được năng lực không bị xoay chuyển bởi

dục vọng, thế nên thấy đồng nghĩa với không thấy. Quý vị đối đầu với hòan cảnh mà không móng tâm. Quý vị nếm mùi chịu đựng mà vẫn không động tâm. Đó là định lực. Quý vị có thể đo lường định lực của mình đến đâu.

Chẳng hạn, nếu quý vị giữ được tâm bất động không khởi ham muốn dục vọng nam nữ trong tâm, thế là quý vị đã có chút ít định lực. Xa hơn, nếu quý vị có thể giữ không sinh khởi chút rắc rối nào khi đi với bạn gái mình, thì đó là công phu chân chính. Nhưng công phu nầy không thể dễ đạt được. Nếu quý vị đạt được định lực ấy, có nghĩa là quý vị có khả năng tu tập và đạt được thân kim cương bất hoại. Nếu quý vị thiếu định lực ấy, thì phải làm gì? Là đừng bao giờ thỏa mãn với hòan cảnh hạn hẹp nầy, rồi nói: “Tôi chẳng cần định lực ấy nhiều như thế đâu. Tôi chẳng cần tu.

Tôi chịu thua thôi.” Thật là uổng công. Quý vị chỉ chuốc lấy sự thất bại thôi. Quý vị càng có ít định lực thì càng phải tu tập nhiều. Chẳng hạn, ‘Tôi ngồi thiền là thấy đau nhức. Càng đau, tôi càng muốn ngồi thiền. Tôi phải tự nỗ lực làm những việc khó làm.’ Đó cũng là định lực. Chỉ thêm tự nhọc. Đức Phật bảo A-nan rằng dùng tâm thức để phát minh những hý luận về tánh thấy cũng như cố gắng nắm bắt hư không. Những gì ông làm đều là lao nhọc vô ích.

Ông tự làm mình mòn mỏi và cạn kiệt sinh lực. Ông tự phí sức mình. Rốt ráo, nếu ông tiếp tục sờ soạng hư không bằng tay mình, tay ông có tránh khỏi bị mỏi không? Cuối cùng, tay ông sẽ nhức mỏi và sẽ bắt đầu chuyển từ tình trạng đau nhức sang kiệt sức. Ông vật lộn chụp bắt hư không nhưng không thể nào nắm bắt được hư không. Ông chụp bắt mà không có được gì cả.

Ông lại chụp bắt và lại không có được gì cả. Cũng giống như không có việc gì để làm và đi tìm xem có việc gì để làm. Và đó là cách A-nan đang làm. A-nan không có việc gì để làm cả. Có lẽ đó là trường hợp của một vị tăng ăn no rồi không biết làm việc gì nên bắt đầu chụp bắt hư không. Hư không làm sao để ông bắt được?

Làm sao mà hư không lại để cho ông nắm bắt được? Hư không cơ bản vốn là hư không. Làm sao ông bắt được nó? Nếu nó có cái gì đó để ông nắm bắt được, thì nó không phải là hư không. Nó phải là vật thì ông mới có thể bắt được nó. Chẳng hạn, cái tách nầy: vì nó là cái tách, nên tôi có thể cầm lấy nó. Nếu cái tách không có ở kia thì không thể nào cầm nắm rồi đưa tách lên xuống, và sẽ không có chuyện gì hết cả.

Thế nên Đức Phật ví A-nan, người chuyên công phu tu tập bằng thức tâm phân biệt, với những người chụp bắt hư không. Đạo lý nầy giống nhau. Quý vị chỉ tăng thêm nhọc mệt, chẳng có lợi lạc chút nào cho bản tâm cả.

Kinh văn: **阿難白佛言,世尊。必妙覺性非因非緣。世尊云何常與比丘。宣說見性具四種緣。所謂因空因明因心因眼.是義云何。**

Phiên Âm: A-nan bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Tất diệu giác tánh, phi nhân phi duyên. Thế Tôn vân hà, thường dữ Tỳ-kheo. Tuyên thuyết kiến tánh, cụ tứ chủng duyên. Sở vị nhân không, nhân minh nhân tâm, nhân nhãn. Thị nghĩa vân hà?

Việt dịch: A-nan bạch Phật: "Bạch Đức Thế tôn! Nếu tánh giác nhiệm mầu nầy chẳng phải nhân chẳng phải duyên, tại sao Thế tôn thường chỉ dạy các tỷ-khưu: tánh thấy gồm đủ bốn thứ nhân duyên, nghĩa là nhân nơi hư không, nhân nơi sáng, nhân nơi tâm, và nhân nơi mắt. Nghĩa ấy như thế nào?"

Giảng: Quý vị nói A-nan đã xúc phạm nhiều ít? A-nan đã bất kính với đạo sư của mình. A-nan thô tháo muốn tranh luận công khai với Đức Phật. Giống như đấu một ván cờ không hơn không kém. A-nan bạch Phật: "Bạch Đức Thế tôn! Nếu tánh giác nhiệm mầu nầy chẳng phải nhân chẳng phải duyên, tại sao Thế tôn thường chỉ dạy các tỷ-khưu: tánh thấy gồm đủ bốn thứ nhân duyên."

A-nan vay mượn giáo lý của Đức Phật. "Chính Như Lai đã dạy điều nầy, chứ không phải con tự nói. Như Lai đã nói về tánh thấy như vậy." Hãy lắng nghe A-nan nói! A-nan đang phản bác lại Đức Phật. A-nan luồn lách bên nầy rồi bên kia nhiều lần và chưa nói được đều gì đúng cả– lúc ấy có lẽ A-nan lơ là không nghe giảng. "Tôi sẽ được nghe Đức Phật giảng."

Thế nên A-nan nói: "Bạch Thế tôn, Ngài thường nói rằng tánh thấy phải có đầy đủ bốn duyên, sao nay Thế tôn lại nói tánh thấy chẳng phải nhân chẳng phải duyên?" Chắc có lẽ mật của A-nan phải lớn bằng cả bầu trời mới dám tranh luận với Đức Phật như vậy. Bốn duyên ấy là gì?

"Nghĩa là nhân nơi hư không, nhân nơi sáng, nhân nơi tâm, và nhân nơi mắt. Nghĩa ấy như thế nào? Thế tôn giải thích nghĩa nầy như thế nào? Trước đây Thế tôn giảng giải tánh thấy căn cứ vào bốn duyên nầy, nay Thế tôn nói ngược lại. Sao Thế tôn làm như vậy? Phải chăng là Phật thì có thể nói những điều không cần phải cân nhắc trước? Đức Phật thì không bao giờ nói dối.

Sao trước đây Thế tôn nói như thế mà nay lại nói khác?" Quý vị có thể thấy được rằng pháp hội gồm những đệ tử như A-nan thật là nan giải. Thật may mắn

Đức Phật là Phật. Nếu tôi ở trong pháp hội đó, tôi cũng chẳng có cách nào để luận giải cho A-nan.

Kinh văn: **佛言.阿難,我說世間諸因緣相,非第一義。**

Phiên Âm: Phật ngôn A-nan: Ngã thuyết thế gian, chư nhân duyên tướng, phi đệ nhất nghĩa.

Việt dịch: Đức Phật bảo A-nan: "Như Lai nói các tướng nhân duyên trong thế gian, chẳng phải là đệ nhất nghĩa."

Giảng: Khả năng tranh luận của A-nan thật giỏi đến nỗi A-nan có thể thuyết phục được Đức Phật. Đức Phật bảo A-nan: "Như Lai nói các tướng nhân duyên trong thế gian, chẳng phải là đệ nhất nghĩa."

Đó không phải là giáo lý nền tảng. Những gì Như Lai nói lúc ấy là pháp quyền và phương tiện. Ông không nên nghĩ rằng những điều Như Lai nói khi ấy là giáo pháp chân thật. Lúc ấy, như thể Như Lai dỗ trẻ con bằng cách nói rằng các con nên ngoan ngoãn, đừng nên bướng bỉnh. "Khi lớn lên, các con sẽ là một quan chức. Các con sẽ làm được nhiều việc quan trọng."

Đó là pháp quyền, pháp môn phương tiện. Nghe qua, như thể chẳng phải là Đức Phật bị A-nan phản bác, phải không? Trong Kinh Duy-ma-cật, Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát hỏi Cư sĩ Duy-ma-cật, "Thế nào là đệ nhất nghĩa?"

Quý vị biết Cư sĩ Duy-ma-cật trả lời như thế nào không? Quý vị thử đoán xem? Nếu có ai biết được, thì người ấy là Duy-ma-cật tái thế. Có ai trong quý vị biết đệ nhất nghĩa là gì không? Bất kỳ ai đã đọc Kinh Duy-ma-cật đều biết. Nhưng nếu tôi nói, quý vị phải đừng nên đi quanh làm dáng ra vẻ ta đây hiểu biết đối với mọi người, bắt chước phong cách của Cư sĩ Duy-ma-cật, vì quý vị chưa đạt đến cảnh giới như Ngài. Đừng như những người phạm sai lầm khi làm ra vẻ như mình biết những điều thực sự chưa biết. Duy-ma-cật nhắm mắt và ngậm miệng im lặng.

Ngài không nói một lời. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói: "Ồ! Ngài đã hiểu." Cách Ngài trả lời là như vậy. Nhưng quý vị không nên làm như thế khi đi đâu và có ai hỏi về Đệ nhất nghĩa. Điều ấy không thể chấp nhận được. Rất tốt khi hiểu được, nhận ra được nghĩa lý ấy, nhưng quý vị không nên đi quanh làm ra vẻ ngây ngô, như thể mình cũng giống như Duy-ma-cật.

Điều ấy không được phép. Cũng như khi đọc Pháp Bảo Đàn Kinh, bộ kinh có rất nhiều nghĩa lý, có người đã thành 'khẩu đầu thiền ' khi đọc xong những

nghĩa lý nầy. Nếu quý vị là người chân thật hiểu được đạo lý thì rất tốt, nhưng chẳng tốt chút nào khi quý vị chỉ ham thích 'khẩu đầu thiền.' Tôi nhắc lại vì điều nầy rất quan trọng. Thế nào là "Sự đùa cợt trong Thiền? "

Có người đưa một ngón tay hoặc nắm tay lên hoặc có những hành động tương tự như vậy. Điều ấy quý vị dứt khóat không nên làm. Sao vậy? Vì quý vị chưa đạt đến cảnh giới ấy, quý vị chưa chứng ngộ, nên quý vị không làm những việc như thế được. Người làm được những cử chỉ nầy là người đã chứng ngộ. Người đã chứng ngộ rồi họ thông suốt mọi sự.

Gần đây tôi có gặp một số người rất mê mờ đến nỗi họ hành xử như người say rượu mà tưởng rằng mình đã chứng ngộ. Thế nên tôi bảo anh ta hãy giải thích về Thất chủng lập đề và Lục chủng thành tựu, anh ta không thể nói được dù chỉ một điều. Thế quý vị nghĩ xem anh ta chứng ngộ cái gì? Nếu anh ta là người chứng ngộ, cho dù anh ta không trả lời được câu hỏi, thì ít ra cũng giải thích được nghĩa lý. Sao vậy? Vì tất cả nghĩa lý đều lưu xuất từ tâm.

Nếu anh ta là người chứng ngộ, thì tâm anh ta hòan toàn sáng suốt, và anh ta sẽ thông đạt mọi đạo lý, thế nên dù anh ta không hiểu được chi tiết, thì cũng có thể giải thích về nguyên lý được. Sự chứng ngộ có nghĩa là như vậy. Thế nên quý vị đừng ngâm trà trong nước lạnh rồi uống phần cặn bã. Có người đăng báo quảng cáo rằng mình đã chứng ngộ, điều ấy hòan toàn không biết xấu hổ, hòan toàn không có chút liêm sỉ. Đó không phải là người Phật tử. Họ thật là vô dụng.

Kinh văn: **阿難,吾復問汝。諸世間人說我能見。云何名見,云何不見。阿難言,世人因於日月燈光。見種種相,名之為見。若復無此三種光明,則不能見。**

Phiên Âm: A-nan! Ngô phục vấn nhữ, chư thế gian nhân, thuyết ngã năng kiến: Vân hà danh kiến, vân hà bất kiến?

A-nan bạch Phật ngôn: Thế nhân nhân ư, nhật nguyệt đăng quang. Kiến chủng chủng tướng, danh chi vi kiến. Nhược phục vô thử, tam chủng quang minh, tắc bất năng kiến.

Việt dịch: A-nan, nay Như Lai lại hỏi ông, người trong thế gian thường nói: "Tôi thấy được." Thế nào gọi là thấy? Thế nào là không thấy? A-nan thưa: "Bạch Đức Thế tôn! Người thế gian nhờ có ánh sáng mặt trời, mặt trăng và đèn mà thấy được mọi vật; nên gọi là thấy. Nếu không có ba thứ ánh sáng nầy thì không thể thấy được."

Giảng: Đức Phật thấy rằng A-nan là chú em họ thân yêu của mình nên Ngài luôn luôn ân cần với A-nan. Thế nên, một lần nữa Ngài bảo: “A-nan, nay Như Lai lại hỏi ông.” Chú em, nay Như Lai hỏi: “Người trong thế gian thường nói: ‘Tôi thấy được.’ Mọi người đều nói họ thấy được. Kinh văn không ghi Đức Phật nói rằng Ngài thấy được.

Đó là mỗi người tự nói là chính mình thấy. Thế nào gọi là thấy? Cái gì là thấy? Thế nào là không thấy? Hãy nói cho Như Lai nghe ý nghĩa của nó. Bây giờ A-nan nghe Đức Phật đã bị mình thuyết phục. Thấy mình là kẻ chiến thắng, thế nên anh ta không dừng lại để suy nghĩ, mà nói ngay.

A-nan thưa: “Bạch Đức Thế tôn! Người thế gian nhờ có ánh sáng mặt trời, mặt trăng và đèn mà thấy được mọi vật. Nên gọi là thấy. Nếu không có ba thứ ánh sáng nầy thì không thể thấy được.”

Kinh văn: **阿難,若無明時,名不見者。應不見暗。若必見暗此但無明,云何無見。**

Phiên Âm: Phật ngôn A-nan: Nhược vô minh thời, danh bất kiến giả. Ưng bất kiến ám. Nhược tất kiến ám, thử đãn vô minh, vân hà vô kiến.

Việt dịch: A-nan, nếu khi không có ánh sáng gọi là không thấy, thì lẽ ra không thấy được tối. Nếu thực thấy tối chỉ vì không có ánh sáng, sao gọi là không thấy?

Giảng: Bất luận khi nào A-nan nói điều gì, A-nan cũng tự mâu thuẫn với chính mình, như điều đang nói ở trên. A-nan đã đi ngược lại với lập luận của chính mình. Như A-nan nói nếu không có ba thứ ánh sáng nầy, thì chẳng có cái thấy. Đức Phật không thừa nhận luận điểm chính của A-nan. “Ông nói không có cái thấy, nay Như Lai sẽ hỏi ông. A-nan, nếu khi không có ánh sáng gọi là không thấy, thì lẽ ra không thấy được tối.

Không phải ông đã nói khi không có ánh sáng phát ra của ba thứ mặt trời, mặt trăng, và đèn thì không thể thấy được đó sao? Thực ra giáo lý nầy đã được giải thích rồi, nhưng e rằng với tài học rộng nghe nhiều của A-nan sẽ nhớ không được lâu, thế nên Đức Phật giảng lại cho A-nan nghe một lần nữa. “Nếu ông nói không thấy được khi không có ánh sáng, thì lẽ ra ông cũng không thấy được tối. Khi giảng phần kinh văn trước, Như Lai đã đã hỏi A-nan rằng người mù thấy gì, và A-nan đã trả lời rằng người mù thấy ‘tối đen.’ Đây cũng vậy. Thấy tối đen cũng gọi là thấy.” Nếu thực thấy tối chỉ vì không có ánh sáng, sao gọi là không thấy?

Ông không thể phản bác lý lẽ nầy vì nó đã được xác minh rằng chính ông cũng thấy tối đen, đó đơn giản chỉ là do không có ánh sáng. Nên ông không thể nói rằng không có cái thấy. Hòan toàn đúng khi nói rằng không có ánh sáng, chứ không thể nói rằng không có tánh thấy. A-nan lại rơi vào nỗi khó khăn khác.

Kinh văn: **阿難,若在暗時不見明,故名為不見。今在明時,不見暗相,還名不見。如是二相俱名不見。**

Phiên Âm: A-nan! Nhược tại ám thời, bất kiến minh cố, danh vi bất kiến. Kim tại minh thời, bất kiến ám tướng, hoàn danh bất kiến.

Việt dịch: A-nan, nếu khi tối, không thấy sáng, mà gọi là không thấy được; vậy đang lúc sáng, không thấy có tối, lẽ ra đều phải gọi là không thấy.

Giảng: A-nan, nếu khi tối, không thấy sáng, mà gọi là không thấy được– Ở trong chỗ tối ông không thấy được ánh sáng. Và ông cho rằng không thấy được gì cả. Vậy đang lúc sáng– nay ông đang trong lúc sáng, khi có đèn, mặt trời, mặt trăng– và ông không thấy có tối, lẽ ra đều phải gọi là không thấy. Khi có ánh sáng, bóng tối biến mất, ông không còn thấy tối nữa. Do lý lẽ của ông, lẽ ra trong cả hai trường hợp đều không có cái thấy.” Cả hai trường hợp đều đã lý giải xong, sáng và tối, cả hai đều không có cái thấy hay sao? Nói nhanh. Có phải ý ông như vậy không?

Kinh văn: **若復二相,自相陵奪。非汝見性於中暫無。如是則知二俱名見。云何不見。**

Phiên Âm: Như thị nhị tướng, câu danh bất kiến. Nhược phục nhị tướng, tự tướng lăng đoạt. Phi nhữ kiến tánh, ư trung tạm vô. Như thị tắc tri, nhị câu danh kiến. Vân hà bất kiến?

Việt dịch: Nếu hai tướng sáng tối tự xâm đoạt nhau, thì tánh thấy của ông trong đó chẳng phải tạm không. Như thế ắt biết trong cả hai trường hợp đều gọi là thấy. Sao gọi là không thấy?

Giảng: Quý vị thấy Đức Phật là bậc rất giỏi trong tranh luận, và nay quý vị có lẽ cũng sẽ chiến thắng trong các cuộc tranh luận, bất luận quý vị tranh luận với ai. Nếu hai tướng sáng tối tự xâm đoạt nhau: hai tướng là sáng và tối tranh đoạt lẫn nhau. Sáng tuyên bố rằng nó là cái thấy, rồi tối tranh giành nó mới chính là cái thấy. A-nan, ông nói cả hai đều chẳng phải là cái thấy.

Cái gì mới thực sự là tánh thấy? Tánh thấy của ông trong đó chẳng phải tạm không. Sự tương tục của sáng và tối không ảnh hưởng đến khả năng thấy của tánh thấy. Đó chắc chắn là tánh thấy của quý vị không tăng cũng không giảm, không sinh không diệt. Cũng chẳng phải tánh thấy quý vị tạm thời biến mất. Như thế ắt biết trong cả hai trường hợp đều gọi là thấy.

Quý vị thấy sáng, và quý vị thấy tối, không thể nói rằng mỗi một cái nào là không có tánh thấy. Sao gọi là không thấy? Vì có tánh thấy trong cả hai trường hợp. Sao ông nói là không có cái thấy? Nói nhanh! Đức Phật hỏi ở mức độ thâm sâu hơn. Nói nhanh!

Kinh văn: **是故阿難,汝今當知。見明之時見非是明。見暗之時見非是暗。見空之時見非是空。見塞之時見非是塞。**

Phiên Âm: Thị cố A-nan, nhữ kim đương tri.

Kiến minh chi thời, kiến phi thị minh.

Kiến ám chi thời, kiến phi thị ám.

Kiến không chi thời, kiến phi thị không.

Kiến tắc chi thời, kiến phi thị tắc.

Việt dịch: Thế nên A-nan! Nay ông phải biết, khi thấy sáng thì cái thấy không phải là sáng, khi thấy tối thì cái thấy không phải là tối, khi thấy hư không thì cái thấy không phải là hư không, khi thấy ngăn bít thì cái thấy không phải là ngăn bít.

Giảng: Thế nên, A-nan! Do nghĩa lý vừa được giải thích, nay ông phải biết, khi thấy sáng thì cái thấy không phải là sáng. Khi ông nhìn thấy sáng, thì cái thấy của ông chắc chắn không phải là sáng, tánh thấy của ông chắc chắn không phải là sáng, chắc chắn tánh thấy của ông không nhờ ánh sáng mà có được; tánh thấy của ông hòan toàn không bị cảnh ấy xoay chuyển. Khi thấy tối thì cái thấy không phải là tối, khi thấy tối đen thì cái thấy của quý vị chắc chắn không phải là cái tối. Cái thấy của quý vị vẫn không thay đổi. Nó cũng giống như cái thấy khi thấy được sáng; cái thấy là đồng nhất, chẳng có gì khác biệt.

Khi thấy hư không thì cái thấy không phải là hư không. Khi quý vị thấy hư không thì cái thấy của quý vị chắc chắn không bị xoay chuyển bởi hư không. Cái thấy ấy không chạy theo hư không. Khi thấy ngăn bít thì cái thấy không phải là ngăn bít.

Khi quý vị thấy nơi bị ngăn bít thì chắc chắn cái thấy của quý vị không phải theo đó mà trở nên ngăn bít. Tánh thấy không thể nào bị biến chuyển theo hòan cảnh bên ngoài. Tánh thấy không hề bị lay động bởi ngoại cảnh. Đó chính là tánh thấy thường trụ bất sinh bất diệt của quý vị.

Kinh văn: **四義成就.汝復應知。見見之時見非是見。見猶離見見不能及。云何復說因緣自然及和合相。**

Phiên Âm: Tứ nghĩa thành tựu, nhữ phục ứng tri. Kiến kiến chi thời, kiến phi thị kiến. Kiến do ly kiến, kiến bất năng cập. Vân hà phục thuyết, nhân duyên tự nhiên, cập hòa hợp tướng.

Việt dịch: Bốn nghĩa đã thành tựu. Ông lại nên biết khi ông thấy (biết) được tánh thấy, thì tánh thấy không phải là cái (bị) thấy. Tánh thấy còn vượt xa cả cái thấy và cái thấy còn không thể bắt gặp tánh thấy được. Làm sao ông còn nói nhân duyên tự nhiên và tướng hòa hợp?

Giảng: Bốn nghĩa đã thành tựu. Đó là 4 nghĩa đã giảng từ trước, tức là 4 nhân duyên để thành tựu tánh thấy. Bây giờ ông mới nhận ra rằng tánh thấy không tuỳ thuộc vào 4 phương diện: sáng, tối, hư không, ngăn bít. Ông lại nên biết khi ông thấy (biết) được tánh thấy, thì tánh thấy không phải là cái (bị) thấy.

Ở đây chữ kiến thứ nhất là tánh thấy chân thật (chân kiến), là tính giác chân chính của chúng ta. Chữ kiến thứ nhì là tánh thấy (kiến tinh), dù nó cũng được gọi là tánh thấy, nhưng vẫn còn là cái thấy có chút hư vọng (vọng kiến). Chữ kiến thứ nhất là tánh thấy thanh tịnh. Đó là tánh thấy chân chính.

Chữ kiến thứ nhì còn vướng một chút hư vọng. Thế nên khi tánh thấy chân thực thấy được cái thấy hư vọng, thì tánh thấy không còn là tánh thấy nữa. Tánh thấy chân thực của quý vị cũng phải tách rời hết thảy mọi thể tánh. Tánh thấy phải không dính một thể tánh nào cả. Không có một thể tánh nào hết. Thế nên nói: tánh thấy không phải là cái thấy. Không có cái thấy nào để nhằm đạt đến cả. Vì xưa nay không vốn có gì cả, nên quý vị không thể gán cho tánh thấy cái tên nào cả. Đây chính là chỗ: “ Xa lìa tướng nói năng, dứt hẳn tướng ngôn ngữ .” Nên nói:

Khẩu dục ngôn nhi từ táng,
Tâm dục duyên nhi lự vong.

Miệng muốn nói nhưng ngôn từ mất hẳn. Tâm muốn phan duyên nhưng vọng niệm hết sạch rồi. Tâm muốn suy lường nhưng không còn cách nào dấy khởi

lên được. Đây là tình trạng xa lìa hẳn tướng nói năng – quý vị không còn cách nào để diễn đạt bằng lời nói được cả– và xa lìa hẳn tướng ngôn ngữ văn tự. Nó không còn được diễn đạt bằng bất kỳ hình thức văn tự nào.

Ngôn ngữ đạo đoạn
Tâm hành xứ diệt.

Lối diễn đạt bằng ngôn ngữ bị dứt sạch. Tâm không khởi vọng niệm nữa; đây có nghĩa là lúc tâm phan duyên không còn nữa. Đến cảnh giới nầy được gọi là tánh thấy không phải là cái thấy. Đạo lý nầy không phải dễ hiểu, Tuy vậy, nếu quý vị quen học Phật pháp rồi, thì điều nầy lại rất dễ hiểu. Vì vốn xưa nay không một vật, sao ông lại nói rằng tánh thấy là do nhân duyên, hoặc là do tự nhiên? Tánh thấy còn vượt xa cả cái thấy và cái thấy còn không thể bắt gặp tánh thấy được.

Vì tánh thấy của quý vị khác xa hẳn cái thấy, cái thấy không thể bắt kịp tánh thấy ấy được. Vốn không một vật, thế thì ông thấy cái gì?” Cái thấy còn không thể bắt gặp có nghĩa là cái thấy hư vọng (vọng kiến) không thể thấy được tánh thấy chân thật (chân kiến). Cái gì mà cái thấy của quý vị không thể trông thấy được? Đó là tánh thấy chân thật (chân kiến) của quý vị.

Làm sao ông còn nói nhân duyên tự nhiên và tướng hòa hợp? Tại sao ông vẫn còn muốn nói tánh thấy chân thật, tuyệt đối, trực giác chân chính của ông là nhân duyên mà tôi đã nói trước đây? Sao ông lại đưa điều đó ra như một ví dụ? và tại sao ông lại so sánh giáo lý nầy với thuyết tự nhiên của ngoại đạo? Và tại sao ông lại đưa tướng hòa hợp ra bằng cách cho rằng ai cũng pha trộn với nhau trong một thể hòa hợp?

Tướng hòa hợp cũng giống như khi chao-tze – một loại bánh bao của người Trung Hoa – bị tan rã ra khi đun sôi. Quý vị không nên nhầm lẫn. Đức Phật bảo A-nan rằng khi Ngài nói về pháp nhân duyên, là để dành cho hàng sơ phát tâm học Phật, cho hàng Tiểu thừa, có nghĩa là pháp môn quyền thừa cho hàng Thanh văn và Duyên giác, và cũng là cho hàng ngoại đạo, để bác bỏ thuyết tự nhiên. Nay Như Lai giảng kinh Thủ Lăng Nghiêm để chỉ bày đại định Thủ Lăng Nghiêm.

Ý nghĩa thâm mật vi diệu nầy không thể đem so sánh với nhân duyên. Sao ông vẫn còn đem nhân duyên ra so sánh với đệ nhất nghĩa? Sao ông vẫn còn đem nhân duyên ra so sánh với đại định Thủ Lăng Nghiêm? Cũng như nhầm lẫn đồng thau với vàng. Ông quá chấp trước. Ông không nên suy nghĩ như vậy nữa!

Kinh văn: **汝等聲聞狹劣無識。不能通達清淨實相。吾今誨汝當善思惟。無得疲怠妙菩提路.**

Phiên Âm: Nhữ đẳng Thanh văn, hiệp liệt vô thức. Bất năng thông đạt, thanh tịnh thật tướng. Ngô kim hối nhữ, đương thiện tư duy. Vô đắc bì đãi, diệu Bồ-đề lộ.

Việt dịch: Các ông là hàng Thanh văn hẹp hòi không hiểu biết, không thông đạt được thật tướng thanh tịnh. Nay Như Lai bảo ông phải biết chiêm nghiệm, không nên trì hoãn trên đường tu đạo giác ngộ nhiệm mầu.

Giảng: Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói: "Các ông là hàng Thanh văn. Các ông là hàng Nhị thừa, hiểu biết hẹp hòi. Tâm của các ông cạn cợt và nhỏ nhoi, trí thức của các ông rất thấp kém. Các ông hòan toàn vô trí. Hàng Thanh văn các ông chỉ biết lợi mình mà không biết làm lợi lạc cho người khác. Các ông chỉ biết đến mình mà không đoái hòai khổ đau của các loài chúng sinh khác.

Các ông là hàng 'Ngã không A-la-hán ." 'Vô minh' là không có trí huệ chân chính. Tri thức nói ở đây, tuy vậy không phải là tri kiến của hàng phàm phu, mà là trí huệ chân chính của Phật pháp Đại thừa. Các ông không có trí huệ chân chính của Phật pháp Đại thừa. Điều nầy cũng liên quan đến Đệ nhất nghĩa của đại định vi diệu Thủ Lăng Nghiêm. Hàng Thanh văn các ông không thể nào hiểu được điều nầy, và không thông đạt được thật tướng thanh tịnh.

"Thông đạt" có nghĩa là nhận thức được. Nay tâm các ông chấp trước nặng nề, tâm phân biệt các ông tạo ra quá lớn, nên các ông cần phải nhận biết những tinh tuý của giáo lý Đại thừa, là Phật pháp Đại thừa, tức thật tướng thanh tịnh. Thật tướng là gì? Thật tướng tức vô tướng. Đây là giải thích thứ nhất. Mà không vật nào là không có thật tướng. Hết thảy các pháp đều xuất sinh từ thật tướng.

Đó là ý nghĩa Thật tướng tức vô tướng, và không vật nào là không có thật tướng. Nghĩa thứ ba là vô tướng mà không có vật nào chẳng phải là thật tướng. Hết thảy các pháp đều xuất sinh từ thật tướng. Thế nên "thật tướng" là bản thể của các pháp.

Thế quý vị có muốn tìm thấy thật tướng, vì nó là bản thể của các pháp chăng? Rốt ráo nó giống như cái gì? Quý vị không nhìn thấy nó được. Như thể nó được gán cho cái tên "thật tướng" thế thôi. Như Lão Tử nói: "Đạo khả đạo, phi thường đạo." Nếu có thể nói về đạo của mình, nếu quý vị có thể giải thích được đạo ấy, thì đó không còn là đạo thường hằng nữa.

“Danh khả danh phi thường danh.” Nếu quý vị có một cái tên để gọi ra, thì đó không còn là cái tên bất diệt nữa. Rồi ông nói thêm: “Vô danh thiên địa chi thuỷ. Hữu danh vạn vật chi mẫu.” Triết học của Lão Tử là như vậy. Những gì tôi trình bày hôm nay là giúp cho quý vị dễ hiểu giáo lý mình đang học hơn. Thật tướng tức là chân không và cũng tức là diệu hữu. Quý vị cho rằng chân không là hư không chăng? Không phải. Vì trong chân không xuất sinh diệu hữu.

Diệu hữu chắc chắn không phải là sự hiện hữu (thông thường). Chân không chẳng phải là hư không, và diệu hữu không phải lúc nào cũng hiện hữu. Vì nó không thực có, nên được gọi là diệu hữu. Thật tướng cũng có đạo lý y như vậy. Nếu quý vị thông đạt được nghĩa nầy, thông suốt được việc nhỏ thì thông suốt được hết mọi việc. Thế tự tánh của quý vị giống như cái gì?

Tự tánh giống như hư không. Quý vị nói xem trong hư không có vật gì chăng? Có rất nhiều thứ trong hư không, nhưng quý vị không thấy được. Sự hiện hữu trong hư không gọi là diệu hữu. Tướng không trong hư không chính là chân không. Vì chân không chẳng phải không, nên được gọi là diệu hữu. Vì diệu hữu mà không hiện hữu, nên gọi là chân không. Hai tên vốn chỉ là một. Tuy nhiên, khi quý vị quán chiếu thâm sâu thì sẽ thấy một tên cũng không có.

Đặt cho nó một cái tên cũng như gắn thêm trên đầu một cái đầu nữa. Quý vị nói: “Đây là chân không, đây là diệu hữu, đây là thật tướng.” Điều ấy càng tăng thêm chấp trước nơi quý vị. Vì bản thể chân thật của các pháp vốn không có một thứ gì cả. Khi quét sạch tất cả các pháp, tức là xa lìa được các tướng. Như văn kinh trước đã nói: “Ly nhất thiết tướng, tức nhất thiết pháp.” Lìa tất cả các tướng thế gian tức là Pháp. Nhưng nhiều người không thể nào tự mình xa lìa được các tướng thế gian nầy.

Và vì họ không thể nào tự mình xa lìa được các tướng thế gian nầy, nên họ không thể nhập được vào các pháp. “Tôi có thể xa lìa được các tướng.” Quý vị nói. “Tôi không chấp trước một thứ gì cả.” Quý vị không chấp trước một thứ gì cả hay chăng? Như một lát nữa đây có trận động đất, quý vị có sợ hãi không? Tôi tin ở đây có rất ít người bối rối khi động đất đến.

Chỉ vì chúng ta không chịu xa lìa các tướng. Nếu chúng ta có thể xa lìa được các tướng, thì dù núi Thái sơn có sụp đổ trước mắt, quý vị cũng không hề lay động. Người đã chuyển được vật rồi thì chẳng sợ hãi khi gặp điều gì. Nếu quý vị không sợ hãi, thì chẳng có cảnh giới nào cả. Làm sao mà các cảnh giới kia còn tồn tại được nữa? Sao còn có các ma chướng được nữa?

Sao ma vương còn có thể đến để quấy rối định lực của quý vị được nữa? Chỉ vì quý vị dao động, nên ma có dịp lẻn vào ngay. Nếu quý vị không dao động,

chẳng có ma nào tìm được cách để chen vào quý vị. Chẳng có câu chú nào mà nó đọc lên để làm lay động quý vị cả.

Quý vị sẽ nói: "Thế tại sao Ma-đăng-già lại đọc được thần chú để mê hoặc A-nan như trong kinh Thủ Lăng Nghiêm?" Chỉ vì A-nan không có định lực. Nếu A-nan có định lực, nếu A-nan có đại định Thủ Lăng Nghiêm, thì có lẽ chẳng cần Đức Phật phải nói kinh Thủ Lăng Nghiêm hoặc thần chú Thủ Lăng Nghiêm; quý vị và tôi bây giờ có lẽ khỏi cần phải nghe hay học kinh Thủ Lăng Nghiêm.

Thế nên đó là nhân duyên. Nhưng nếu ai đã có định lực, bất luận cảnh giới nào sinh khởi, họ vẫn không hề lay động. "Nay Như Lai bảo ông. Như Lai sẽ chỉ dạy cho ông. Phải biết chiêm nghiệm." "Biết chiêm nghiệm" đây không có nghĩa là loại suy nghĩ thông thường mà A-nan đã sử dụng và trình bày từ trước. Chữ thì giống nhau, nhưng nghĩa của nó từng lúc có khác. "Biết chiêm nghiệm" đây có nghĩa là A-nan phải nên dùng chân tâm mà quán chiếu tường tận. Chẳng phải là đem thức tâm để phân biệt.

"Không nên trì hoãn trên đường tu đạo giác ngộ nhiệm mầu. Đừng làm biếng và thiếu nhiệt thành. Đừng hời hợt hoặc đại khái qua loa. Đừng luẩn quẩn trên đường tu đạo giác ngộ nhiệm mầu. Ông nên diệc phục như thị, chú tâm và đặc biệt ý thức đây là con đường dẫn đến sự giác ngộ nhiệm mầu. Đó là Thủ Lăng Nghiêm diệu định. Nếu ông có được Thủ Lăng Nghiêm diệu định, thì ông có thể đi trên con đường dẫn đến quả vị giác ngộ nhiệm mầu, có nghĩa là quả vị Phật."

Chư Phật được gọi là Diệu giác, và chư Bồ-tát được gọi là Đẳng giác; Bồ-tát cũng có đủ năng lực đạt đến Diệu giác. Có năm mươi lăm giai vị từ Thanh văn, Bồ-tát thẳng đến quả vị Diệu giác. Năm mươi lăm giai vị sẽ được giảng giải trong phần sau của Kinh văn.

Kinh văn: **阿難白佛言,世尊。如佛世尊為我等輩。宣說因緣及與自然。諸和合相與不和合。心猶未開。而今更聞,見見非見,重增迷悶。**

Phiên Âm: A-nan bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Phật Thế Tôn, vị ngã đẳng bối. Tuyên thuyết nhân duyên, cập dữ tự nhiên. Chư hòa hợp tướng, dữ bất hòa hợp. Tâm do vị khai. Nhi kim cánh văn, kiến kiến phi kiến, trọng tăng mê muội.

Việt dịch: A-nan bạch Phật: "Bạch Đức Thế tôn! Như Phật Thế tôn vì chúng con giảng nói về nhân duyên, tự nhiên và các tướng hòa hợp và

chẳng hòa hợp, trong tâm chúng con vẫn còn chưa rõ, mà nay lại nghe thấy được cái thấy chẳng phải là tánh thấy, con càng thêm mê muội.”

Giảng: A-nan bạch Phật: “Bạch Đức Thế tôn! Như Phật Thế tôn vì chúng con giảng nói. Kính bạch Đức Phật, Ngài đã vì chúng con, hàng Thanh văn, và vì hàng Duyên giác mà giảng giải về nhân duyên, tự nhiên và các tướng hòa hợp và chẳng hòa hợp– các hiện tượng mà không hòa hợp và thống nhất cùng với nhau. Trong tâm chúng con vẫn còn chưa rõ. Kính bạch Đức Phật, sau khi nghe giảng giải, chúng con vẫn chưa giác ngộ. Chúng con vẫn không hiểu được.

Tâm chúng con vẫn chưa được khai ngộ. Mà nay lại nghe thấy được cái thấy chẳng phải là tánh thấy, con càng thêm mê muội.” A-nan lại chất vấn Đức Phật một lần nữa. A-nan nói rằng cách diễn đạt giáo lý trên đã khiến cho mình càng tăng thêm sự tối tăm mờ mịt, khó hiểu trong tâm. A-nan cũng như những người đã nhiều lần nghe giảng kinh kinh Thủ Lăng Nghiêm rồi mà vẫn nói: “Đoạn nầy nói gì vậy? Tôi chẳng hiểu chút nào. Tôi đã nghe giảng suốt mấy ngày nay, càng nghe càng thấy trở nên mờ mịt.”

Kinh văn: **伏願弘慈施大慧目。開示我等覺心明淨。作是語已,悲淚頂禮,承受聖旨.**

Phiên Âm: Phục nguyện hoằng từ, thí đại tuệ mục. Khai thị ngã đẳng, giác tâm minh tịnh. Tác thị ngữ dĩ, bi lệ đảnh lễ, thừa thọ Thánh chỉ.

Việt dịch: Cúi mong Thế tôn mở rộng lòng từ, ban cho con mắt đại trí huệ, chỉ dạy cho chúng con cách giác ngộ tâm tánh sáng suốt và thanh tịnh. Nói xong, A-nan buồn khóc rồi đảnh lễ, vâng nhận thánh chỉ.

Giảng: Cúi mong Thế tôn mở rộng lòng từ. Con quỳ trước Thế tôn và mong Ngài mở rộng lòng đại từ bi ban cho con mắt đại trí huệ. Ban cho chúng con Phật nhãn. Chỉ dạy cho chúng con cách giác ngộ tâm tánh sáng suốt và thanh tịnh. Bạch Đức Thế tôn, cúi mong Ngài giảng giải về tâm giác ngộ với thể tánh thanh tịnh cho hàng Nhị thừa,Thanh văn, Duyên giác chúng con.”

Nói xong– đến lúc nầy, A-nan thực là bối rối. Thế nên khi nói xong, quý vị biết A-nan như thế nào không? A-nan buồn khóc rồi đảnh lễ. A-nan khóc. A-nan sử dụng đến ngón nghề của trẻ con là đứng khóc trước mặt Đức Phật, và A-nan vừa khóc vừa dập đầu cúi lạy giống như trẻ thơ bị lấy mất đi phần sữa nên khóc la nhìn mẹ nó đòi cho được sữa. Thỉnh cầu được nghe pháp cũng giống như đòi được uống sữa. Vâng nhận thánh chỉ. A-nan trông chờ Đức Phật Thích

Ca Mâu Ni ban cho mình chút pháp nhũ để thỏa lòng cơn khát và giải trừ tâm đang bối rối.

Kinh văn: **爾時世尊,憐愍阿難及諸大眾。將欲敷演大陀羅尼,諸三摩提妙修行路。**

Phiên Âm: Nhĩ thời Thế Tôn, lân mẫn A-nan, cập chư đại chúng. Tướng dục phu diễn, đại Đà-la-ni, chư tam ma đề, diệu tu hành lộ.

Việt dịch: Khi ấy Thế tôn thương xót A-nan cùng đại chúng, đang muốn chỉ dạy pháp đại tổng trì, con đường tu tam-ma-đề vi diệu.

Giảng: A-nan khóc lóc van nài Đức Phật xuất định. Đức Phật ra khỏi định để giảng giải cho A-nan giáo lý tu đạo, pháp môn tam-ma-đề vi diệu. Khi ấy Thế tôn thương xót A-nan. “Khi ấy” là khi A-nan sắp chết khát và mong có sữa để uống. Đó là khi sự bối rối của A-nan quá cao độ nên A-nan cố mong tìm kiếm cho được sự hóa giải. Đó là khi A-nan khóc lóc và cúi xuống đảnh lễ. Cơ bản là Đức Phật vốn có sẵn tâm đại từ bi, nên khi thấy A-nan khóc lóc van nài, Đức Phật lại phát khởi tâm đại từ bi một lần nữa, Ngài mong được giảng giải giáo lý ngay cho A-nan.

Vì A-nan là người em họ thương yêu của Đức Phật, dường như ở đây Đức Phật bày tỏ lòng thương yêu và che chở đặc biệt đối với A-nan. Cùng cả đại chúng. Tuy nhiên, Đức Phật làm việc ấy không phải chỉ vì A-nan, mà vì lợi lạc cho nhiều người trong đại chúng– Ngài đang muốn chỉ dạy pháp đại tổng trì, con đường tu tam-ma-đề vi diệu.

Trong tiếng Phạn, chữ đà-la-ni có nghĩa là thần chú. Có lọai đà-la-ni gồm nhiều chữ, như thần chú Thủ Lăng Nghiêm, thần chú Phật đảnh tôn thắng. Có lọai đà-la-ni gồm ít chữ, như thần chú Lục tự đại minh. Có khi dùng chữ man-tra. Có khi dùng chữ đà-la-ni. Khi dùng chữ đà-la-ni, thì có nghĩa là “tổng trì.” Nghĩa là “Tổng nhất thiết pháp, trì vô lượng nghĩa.”

Tất cả các pháp đều bao hàm trong man-tra. Vô lượng diệu nghĩa đều xuất sinh từ man-tra. Đây là một cách giải thích. Tôi còn có một cách giải thích khác. “Tổng trì” có nghĩa là giữ cho ba nghiệp thân khẩu ý được hòan toàn thanh tịnh. Tam vô lậu học giới, định, huệ được thọ trì. Đại đà-la-ni khác với tiểu đà-la-ni. Tiểu đà-la-ni là những câu chú nhỏ, công năng của nó không lớn lắm. Điều đang nói đây là đại đà-la-ni. “Tam-ma -đề ” là định . A-nan muốn tu tập pháp môn đại tổng trì tam-ma-đề vi diệu. Nay Đức Phật Thích Ca Mâu Ni sắp sửa giảng bày diệu pháp.

Kinh văn: **告阿難言,汝雖強記,但益多聞。於奢摩他　微密觀照,心猶未了。汝今諦聽,吾今為汝分別開示。**

Phiên Âm: Phật cáo A-nan: Nhữ tuy cường kí, đãn ích đa văn. Ư xa ma tha, vi mật quán chiếu, tâm do vị liễu. Nhữ kim đế thính, ngô kim vi nhữ, phân biệt khai thị.

Việt dịch: Bèn bảo A-nan: "Ông tuy nhớ giỏi, chỉ có ích cho việc học rộng. Đối với sự quán chiếu vi diệu của pháp xa-ma-tha, tâm ông còn chưa rõ. Nay ông hãy lắng nghe kỹ, Như Lai sẽ vì ông phân biệt khai thị."

Giảng: Đức Phật đưa ra vấn đề. Ngài báo trước những điều sẽ giảng giải cho A-nan. Bèn bảo A-nan: "Ông tuy nhớ giỏi, chỉ có ích cho việc học rộng. Trí nhớ của ông rất giỏi, ông học rất rộng nhờ vận dụng trí nhớ ấy. Sự việc gì đã đi qua trước mắt ông là ông không thể nào quên được. Nhưng trí nhớ ấy chỉ giúp ông trong việc học, trong việc khai mở trí huệ thông qua cái nghe.

"Đối với sự quán chiếu vi diệu của pháp xa-ma-tha, tâm ông còn chưa rõ." "Xa-ma-tha " là giáo pháp quán chiếu vi mật. Nhưng tâm ông vẫn chưa được hiểu. Ông vẫn chưa nhận ra được chút nào cả. Nay ông hãy lắng nghe kỹ, Như Lai sẽ vì ông phân biệt khai thị. Nay ông phải đặc biệt chú ý lắng nghe khi Như Lai vì ông giảng nói từng điểm, từng phần một. A-nan, đừng khóc nữa. Hãy yên tâm. Như Lai sẽ dạy cho ông. Như Lai sẽ giảng giải cho ông ngay. Đừng buồn."

Kinh văn: **亦令將來諸有漏者獲菩提果。**

Phiên Âm: Diệc lệnh tương lai, chư hữu lậu giả, hoạch Bồ-đề quả.

Việt dịch: Cũng là giúp cho hàng hữu lậu trong tương lai chứng được quả vị bồ-đề.

Giảng: "Cũng là giúp cho hàng hữu lậu trong tương lai." "Hàng hữu lậu trong tương lai" bao gồm cả chúng ta, những người đang ngồi học trong pháp hội nầy. Chúng ta bây giờ chính là "Hàng hữu lậu trong tương lai" được đề cập lúc ấy. Ai cũng phải trải qua quá trình "hữu lậu" trước khi được công nhận là chứng được quả vị thứ tư của hàng A-la-hán. "Hữu lậu" có nghĩa là những điều sai lầm.

Chẳng hạn, nếu có ai thích uống rượu, người ấy được gọi là tửu lậu, nếu có ai thích hút thuốc, người ấy được gọi là yên lậu, nếu có ai thích ăn ngon, người ấy được gọi là thực lậu, nếu có ai thích mặc đẹp, người ấy được gọi là y lậu. Nếu

những ví dụ nầy chưa được rõ ràng, tôi sẽ nói theo cách khác. Nói chung, bất luận quý vị thích cái gì nhất thì đó gọi là lậu. Quý vị sẽ có ý kiến: “Tôi thích ngồi thiền nhất, nên được gọi là thiền lậu chăng?”

Điều ấy khác hẳn. Thiền định giúp quý vị hướng thượng. Khi tôi nói đến cái gì quý vị thích nhất, đó là những thứ gì làm quý vị chìm đắm. Nếu quý vị thích những thứ khiến mình bị chìm đắm, thì đó gọi là lậu. Hữu lậu không chỉ có nghĩa là những việc quý vị đã làm trong quá khứ. Nếu có một vọng niệm cứ khuấy động trong tâm, quý vị nghĩ rằng “ta vốn đã có sai lầm như vậy, nay ta đã thay đổi, nhưng ta vẫn nghĩ về nó và muốn tái phạm lại.” Đó là một ý tưởng hữu lậu. Nên nó thật là mãnh liệt. Lúc ấy quý vị chỉ biết để mặc cho vọng niệm khuấy động tâm mình, và quý vị sẽ bị chìm đắm. Còn nếu tâm quý vị bất động, thì quý vị sẽ được thăng hoa.

Quả vị thứ nhất, thứ hai, và thứ ba của hàng A-la-hán chưa được gọi là vô lậu, khi chứng được quả vị thứ tư của hàng A-la-hán rồi mới được gọi là vô lậu. Bây giờ Đức Phật nói để khiến cho mọi người còn trong hàng hữu lậu chứng được quả vị bồ-đề. Làm sao để chứng được quả vị bồ-đề? Quý vị cần phải đạt được vô lậu. Nếu quý vị còn hữu lậu, thì không thể nào mong chứng được quả vị bồ-đề. Quý vị có muốn thử chẳng? Quý vị đã là kẻ hữu lậu vì quý vị đã thử từ vô thuỷ đến nay rồi.

Thế nên đừng tiếp tục mê mờ nữa. Đừng hành xử như thể chưa từng bao giờ nghe tôi giảng, rồi cho rằng: “Có lẽ Sư phụ chẳng đề cập đến sai trái của mình. Ở đây có rất nhiều người nên chắc chắn sư phụ nói về một người nào đó. Lỗi lầm nhỏ nhặt của mình đâu có vấn đề gì nghiêm trọng. Ta còn yêu thích thói quen ấy và chưa muốn từ bỏ nó. Sao vậy? Vì sư phụ chưa đề cập đến mình. Có lẽ sư phụ nói đến người nào khác.”

Nhưng quý vị không nên tự mình làm trò ngu xuẩn, vì quý vị sẽ đánh mất cơ hội thành Phật. Từ vô thuỷ đến nay, quý vị đã trôi lăn sinh tử trong cõi ta-bà nầy, sống rồi lại chết, chết rồi lại sống, lang thang mãi không thấy lối quay về. Thật là điên đảo. Nay quý vị đã gặp được Phật pháp, quý vị nên nhanh chóng quay đầu, dũng mãnh và tinh tấn thức tỉnh. Đừng tiếp tục rong ruổi lang thang mà quên đường về.

Kinh văn: **阿難,一切眾生輪迴世間。由二顛倒分別見妄。當處發生當業輪轉。**

Phiên Âm: A-nan! Nhất thiết chúng sanh, luân-hồi thế gian. Do nhị điên đảo, phân biệt kiến vọng. Đương xứ phát sanh, đương nghiệp luân chuyển.

Việt dịch: A-nan, tất cả chúng sinh luân hồi trong thế gian, là do hai thứ vọng kiến điên đảo phân biệt, ngay đó phát sinh, ngay đó mà nghiệp luân chuyển.

Giảng: Ngay khi đọc xong đoạn kinh văn nầy, quý vị sẽ khiếp sợ ngay. Quý vị sẽ bị sửng sốt. A-nan, tất cả chúng sinh luân hồi trong thế gian. Đức Phật gọi A-nan và nói: "Tất cả mọi chúng sinh trong thế giới nầy trôi lăn trong vòng sinh tử, lưu chuyển sống chết. Họ quay như bánh xe, có khi họ sinh ở cõi trời, có khi đoạ vào địa ngục. Có khi họ thành A-tu-la, có khi họ làm người, có khi họ làm súc sanh, có khi họ làm quỷ đói.

Bánh xe quay mãi trong lục đạo luân hồi không bao giờ ngưng nghỉ là do hai thứ vọng kiến điên đảo phân biệt. Bánh xe luân hồi sinh tử ấy được xoay chuyển bởi hai thứ điên đảo do thức tâm phân biệt và khởi tà kiến. Những tà kiến nầy xuất phát từ biệt nghiệp và cộng nghiệp. Ngay đó phát sinh– bất kỳ lúc nào, bất kỳ ở đâu, khi mà những tà kiến nầy sinh khởi – thì ngay đó mà nghiệp luân chuyển.

Bất kỳ cái gì được xem hư vọng có nghĩa là nó không chân thật. "Tà kiến" nghĩa là sao? Nếu chúng ta có sự hiểu biết chân chính, thì núi sông đất liền, nhà cửa, lầu các… đều chẳng hiện hữu. "Đó là biểu hiện của thực tại, thế thì, vì vốn xưa nay chẳng có vật gì cả, vậy tôi sẽ sống ở đâu?" – Quý vị sẽ hỏi– Đừng bận tâm! Quý vị vẫn sống trong nhà đó thôi! "Bất kỳ lúc nào những tà kiến ấy phát khởi, vòng luân hồi sinh tử liền theo nghiệp luân chuyển ngay."

Nghĩa là quý vị nhận ngay quả báo tương ưng với những việc quán chiếu đã tạo – cả biệt nghiệp lẫn cộng nghiệp. Nếu quý vị làm việc thiện, sống đạo đức, thì quý vị sẽ được sinh ở cõi trời. Nếu quý vị gây tội ác, quý vị sẽ bị đoạ vào địa ngục. Bất kỳ quý vị đã tạo nghiệp gì, nó đều dẫn đến một quả báo tương xứng mà quý vị phải trải qua. Trong bất kỳ nơi nào, dù quý vị có tạo một nghiệp cá nhân riêng biệt, thì quý vị sẽ phải chịu quả bảo tương ứng trong vòng sinh tử luân hồi. Phật pháp rất là vi diệu.

Những ai ở trong Phật pháp có thể chưa nhận biết được sự lợi lạc của Phật pháp đối với mình. Những ai chưa phải là người Phật tử cũng sẽ không tìm thấy được điều gì sai trái khi chưa thâm nhập Phật pháp. Nhưng trong đạo Phật, một mảy may việc thiện hoặc mảy may việc ác mà quý vị tạo nên đều có quả báo, và quả báo ấy không bao giờ sai sót dù chỉ bằng một mảy lông. * * *

Phật giáo hòan toàn tự do và bình đẳng. Tuyệt đối không thiên vị. Tại sao nói không thiên vị? Vì hết thảy mọi loài chúng sinh, từ loài ngạ quỷ cho đến chúng sinh trong địa ngục, đều có thể thành Phật nếu họ phát tâm tu đạo. Ngay cả

những người xấu ác nhất cũng có thể thành Phật. Ngay cả những loài vật ác nhất cũng có thể thành Phật. Ngoại đạo nói rằng người cực ác thì luôn luôn là kẻ ác và chẳng có cách nào độ họ được cả.

Nhưng vào đời Minh, có con hổ đã lạy Đại sư Liên Trì xin làm đệ tử và xin được hộ vệ cho Ngài. Bất kỳ Đại sư Liên Trì đi đâu, hổ đều đi theo. Không ai sợ Đại sư Liên Trì, nhưng khi thấy dáng hổ, mọi người đều tránh xa. Họ vừa thấy bóng hổ là bỏ chạy và la “Hổ đến!” rồi tìm chỗ ẩn náu. Chư tăng đều phải khất thực để sống. Đại sư Liên Trì cũng như vậy. Ngài cũng phải đi khất thực. Khi nào Ngài không còn gì để dùng, Ngài bảo đệ tử hổ đi khất thực. Quý vị sẽ hỏi: “Nhưng mọi người ai cũng sợ hổ, ai dám mang vật phẩm đến cúng dường?”

Quý vị hỏi rất đúng, nhưng Đại sư Liên Trì đã dạy con hổ này phải hiền từ không được hại người. Thế nên sau thời gian dài, ai cũng biết con hổ nầy là một con hổ hiền lành, không ai còn sợ nó nữa. Lại nữa, Đại sư Liên Trì lại dạy nó khi đi vào trong làng thì phải quay lưng lại mà đi, thế nên ban đầu người ta không sợ hãi khi thấy cái đuôi hổ hơn là thấy cái đầu. Lại nữa, các đệ tử của Đại sư Liên Trì đều công nhận ‘pháp lữ hổ’ của mình đã đến.

Người đã quy y trước thì xem hổ là ‘sư đệ hổ’, người quy y sau thì xem hổ là ‘sư huynh hổ’. Khi hổ đến, ai cũng tìm cách cúng dường. Người nầy cúng 3 đô-la, người kia cúng 5 đô-la, người cúng 8 đô-la, người cúng 10 đô-la. Sau khi đã lần lượt khất thực khắp mọi nhà, thầy trò cũng vừa đủ thực phẩm để dùng suốt một năm. Thế nên mặc dù hổ là loài rất dữ, nhưng cũng biết quy y và hộ trì Tam bảo. Nó không hẳn là ác lắm, và trong tương lai, nó sẽ được thành Phật.

Đây là một ví dụ về sự bình đẳng trong Phật pháp. Phật pháp cũng rất tự do. Việc thiện ác do quý vị làm là quyền của quý vị; không ai ngăn cấm quý vị được cả. Không ai bảo quý vị phải tuyệt đối làm điều thiện và không được làm việc ác cả. Tôi chỉ có thể khuyến khích quý vị không nên làm điều ác, nhưng nếu quý vị dứt khóat làm ác thì tôi cũng chẳng thể nào làm một nhà tù riêng để giam những đệ tử tôi không nghe lời dạy. Chẳng có luật lệ nào như vậy trong Phật pháp cả. Không có chuyện bắt người ta vào tù để khiến họ phải cải tạo tâm tính cả.

Kinh văn: **云何二見。一者眾生別業妄見。二者眾生同分妄見.**

Phiên Âm: Vân hà nhị kiến? Nhất giả chúng sanh, biệt nghiệp vọng kiến. Nhị giả chúng sanh, đồng phần vọng kiến.

Việt dịch: Thế nào là hai thứ vọng kiến? Một là biệt nghiệp vọng kiến của chúng sinh. Hai là đồng phận vọng kiến của chúng sinh.

Giảng: Hai thứ vọng kiến nói trên khiến cho mọi loài chúng sinh phải trôi lăn luân hồi sinh tử trong lục đạo. Sinh ra rồi chết, chết rồi lại sinh. Sống chết không hề gián đoạn. Vòng luân hồi sinh tử không bao giờ dứt hẳn. Do vì các thứ vọng kiến nầy sai sử con người phải trôi lăn trong vòng sống chết. Thế nào là hai thứ vọng kiến? Một là biệt nghiệp vọng kiến của chúng sinh.

Có thể gọi vọng kiến do nghiệp riêng của từng chúng sinh và vọng kiến đồng phận còn được gọi là vọng kiến do cộng nghiệp. Biệt nghiệp là những gì khiến cho quý vị khác hẳn với mọi người. Đó là nghiệp riêng của chính quý vị, không giông như nghiệp của những người khác. “Biệt nghiệp vọng kiến” có nghĩa là quý vị có riêng quan niệm và cách hành xử riêng biệt, nên nghiệp quý vị tạo tác cũng riêng biệt đối với quý vị.

Biệt nghiệp vọng kiến của con người khiến cho họ “kiêu kỳ lập dị”. Có nghĩa là họ tự thấy mình không giống như những người khác. Họ luôn luôn thấy mình khác hơn những người tầm thường. Và nghiệp họ tạo ra cũng rất đặc biệt. Sao vậy? Vì ai cũng muốn mình là “đệ nhất”. Ai cũng muốn mình đứng đầu cả. Là vì nghiệp của mỗi người đều khác biệt nhau.

Đây cũng là một thứ vọng kiến. Biểu hiện sự kiêu kỳ lập dị đều là những ví dụ cho vọng kiến. Nó cũng là biểu hiện của vọng tưởng, vọng nghiệp, tà hạnh. Biệt nghiệp mà có đều được tạo ra từ tâm vọng tưởng– vọng tưởng có một bản ngã. Càng cao càng tốt. Con người tự gán cho mình một dạng đặc biệt, và nghiệp riêng là kết quả từ đó. Hai là đồng phận vọng kiến của chúng sinh.

Đồng phận là những gì giống như mọi người khác. Còn được gọi là “cộng nghiệp,” gồm những hiện tượng như thiên tai, hạn hán, đói khát, chiến tranh. Trời tối, động đất khiến vô số người bị chết, hằng trăm ngàn, hoặc triệu ngay cả đến 10 triệu người chết một lúc ở chỉ một nơi. Đó là “cộng nghiệp.” “Đồng phận vọng kiến” là vọng kiến tạo ra loại cộng nghiệp nầy.

Vì chúng sinh mê mờ xem vật là mình và nhận giặc làm con, tạo ra Đồng phận vọng kiến, có nghĩa là tạo ra cộng nghiệp. Đó là vọng kiến được tạo ra từ vọng tưởng. “Kiến” ở đây không nhất thiết có nghĩa là ‘thấy’, mà có nghĩa là quan điểm, quan niệm. Quan niệm chung của nhiều người, quan điểm của mọi người đều giống nhau. Vọng tưởng của chúng sinh tạo nên cộng nghiệp nầy. Và thế nên họ phải chịu quả báo sai lầm. Nên nói khởi vọng tưởng, tạo vọng nghiệp, và phải chịu quả báo. Xưa nay họ vốn không hiểu, đó là cách họ tạo ra nghiệp.

Một khi đã tạo nghiệp rồi thì phải chịu quả báo. Tôi sẽ kể cho quý vị nghe về quả báo do cộng nghiệp. Ở Trung Hoa vào năm Dân Quốc thứ 33 (1944), tỉnh Hà Nam trải qua một trận hạn hán. Không những trời không mưa, mà còn xuất hiện từng đàn châu chấu. Mỗi khi nó đến là bầu trời trở nên tối tăm. Mỗi con châu chấu dài khoảng 3-4 inches . Nó bay trên trời, chẳng làm gì cả, chỉ ăn cây cỏ ngoài đồng. Nó bổ nhào xuống và ăn sạch những chồi non, bất kể loại cây gì đang mọc. Đám châu chấu thật hung tợn. Nó đến từng đàn, che kín cả bầu trời, đất trời trở nên tối tăm.

Chỉ một cái lưới bắt bướm, với một cú vớt nhẹ là người ta bắt được rất nhiều châu chấu. Họ mang về nhà để ăn, vì lúc ấy chẳng có chút thực phẩm nào cả, họ đành phải ăn châu chấu. Châu chấu phá hại mùa màng, thế nên người ta ăn châu chấu. Phần nhiều, Phật nhãn của trẻ con dễ khai mở hơn, vào lúc ấy, nhiều đứa trẻ thấy không biết vì sao mà có quá nhiều châu chấu trên trời. Chúng nó thấy có một ông già trên không trung với râu tóc bạc phơ, miệng ông đang phun ra châu chấu.

Không biết cách nào để tính thử xem một lần ông phun ra thì có bao nhiêu con châu chấu rơi xuống đất. Dày hơn cả gót chân– không những chỉ một nơi mà khắp trong vòng bán kính vài trăm dặm. Quý vị không cho sự kiện nầy lạ kỳ hay sao? Đây thực là ví dụ cho cộng nghiệp, cho vọng kiến đồng phận. Người ta bắt châu chấu đem về nhà nấu ăn, nhưng khi dọn lên bàn để ăn, thì chúng biến thành phân người. Châu chấu tự hóa thành phân người.

Nó không đợi đến khi người ăn xong mới biến thành phân. Không lạ kỳ hay sao? Dù người ta có đói bao nhiêu chăng nữa, họ cũng không thể nào ăn phân của chính mình. Nghiệp chướng của họ như vậy đó. Kinh khủng như vậy đó. Việc ấy làm sao chẳng phải do vọng kiến? Người ta lánh nạn từ Hà Nam sang Tràng An, kinh đô về hướng Tây, khoảng cách chừng hơn 800 dặm. Hằng ngày số người chết đói trên đường nhiều không thể nào tính được. Khi người chết vì đói, càng đói họ càng cười. Họ chết cười trên đường. Thế nên tôi nói chết đói không có gì là xấu.

Đó là những gì đã xảy ra ở Trung Hoa vào năm Dân Quốc thứ 33. Không chỉ một người, mà nhiều người đã kể cho tôi nghe chuyện ấy. Tôi không chứng kiến chuyện ấy một mình, còn có nhiều Pháp sư đã chứng kiến và kể lại, họ là những người đã có mặt trong thời gian đó và chịu đựng trận đói kinh hoàng. Tôi không hỏi các vị lúc ấy có ăn châu chấu hay không, thế nên bây giờ quý vị cũng đừng hỏi tôi chuyện ấy làm gì.

Kinh văn: **云何名為別業妄見。阿難如世間人目有赤眚,夜見燈光。別有圓影五色重疊。**

Phiên Âm: Vân hà danh vi biệt nghiệp vọng kiến? A-nan! Như thế gian nhân, mục hữu xích sảnh, dạ kiến đăng quang. Biệt hữu viên ảnh, ngũ sắc trọng điệp.

Việt dịch: Thế nào gọi là biệt nghiệp vọng kiến? A-nan, như người thế gian bị bệnh nhặm mắt, ban đêm nhìn đèn sáng, riêng thấy quanh đèn có vòng tròn năm màu bao phủ.

Giảng: Phần trên tôi đã giải thích tổng quát biệt nghiệp vọng kiến và đồng phận vọng kiến. Bây giờ Đức Phật sắp sửa giải thích chi tiết về biệt nghiệp vọng kiến. "Thế nào gọi là biệt nghiệp vọng kiến? A-nan, như người thế gian, giống như mọi người đang sống trên đời, bị bệnh nhặm mắt. Tức là bị một lớp màng màu đỏ phát sinh và bao phủ lấy tròng mắt, nên ban đêm nhìn đèn sáng, riêng thấy quanh đèn có nhiều lớp vòng tròn năm màu bao phủ."

Biệt nghiệp khiến cho con người đặc biệt khác hẳn với những người chung quanh. Vì dạng người trong ví dụ của Đức Phật muốn bày tỏ tính kiêu kỳ lập dị của mình, họ đã thọ nhận quả báo không giống như mọi người chung quanh. Mắt của người nầy bị bệnh, nên khi nhìn thấy đèn, ánh sáng bị biển đổi, nó phát ra những quầng sáng. Bao quanh đèn là một vòng tròn ngũ sắc– vàng, đỏ, xanh, trắng, đen– các màu sắc rất đẹp. "Trùng điệp- nhiều lớp" có nghĩa là không phải chỉ có năm màu, mà có hàng ngàn màu tím, hàng ngàn màu đỏ, những màu ấy quý vị chưa từng thấy bao giờ.

Quý vị cho rằng những màu và các vòng ngũ sắc ấy có thật hay hư giả? Chẳng hạn, vốn không có vấn đề gì đối với con mắt của mọi người cả, nhưng con người lại tạo nên vấn đề. Vấn đề gì? Họ thấy không rõ. Họ phát khởi vọng kiến. Họ nhìn bức tường và thấy nó biến thành vô số màu– thấy năm màu rồi biến thành trắng đục. Làm sao tôi biết được chuyện ấy? Có lần tôi gặp một người có lẽ đã dùng LSD hay một thứ ma tuý nào khác không rõ, nhưng anh ta cứ nhìn vào tường rồi cười ha hả thật lớn tiếng không dứt. Tôi hỏi anh ta: "Sao anh lại cười như vậy?"

"Nhìn kìa!" Anh ta đáp. "Vô số màu sắc! Ồ! nhiều màu rất đẹp!" Bây giờ chắc quý vị biết anh ta cũng giống như trường hợp người bị nhặm mắt rồi chứ?

Cơ bản là mắt vốn chẳng có gì sai lầm cả, người anh ta đã dùng ma tuý hoặc thuốc kích thích nên chính anh ta điên đảo đến nỗi khi nhìn vào tường thì thấy nó quằn quại trong vô số màu sắc. Nhưng anh ta thấy loại màu sắc khác. Ai không dùng thuốc nầy sẽ cho rằng anh ta nằm mơ và nói nhảm. Mắt anh ta

vốn chẳng có bệnh gì, chính anh ta gây ra vấn đề nầy. Bây giờ Đức Phật giải thích câu hỏi nầy chi tiết hơn.

Kinh văn: **於意云何,此夜燈明所現圓光。為是燈色,為當見色。**

Phiên Âm: Ư ý vân hà? Thử dạ đăng minh, sở hiện viên quang. Vi thị đăng sắc, vi đương kiến sắc.

Việt dịch: Ý ông nghĩ sao? Đèn sáng ban đêm nầy hiện ra quầng sáng, đó là màu sắc của đèn hay là màu sắc của cái thấy?

Giảng: Ý ông nghĩ sao? Ý kiến của ông về vấn đề nầy như thế nào? Đèn sáng ban đêm nầy hiện ra quầng sáng, đó là màu sắc của đèn hay là màu sắc của cái thấy? Quầng sáng phát ra quanh đèn ấy là gì? Trong từng vòng ngũ sắc ấy, màu sắc phát ra từ đèn hay phát ra từ cái thấy? A-nan, nói nhanh!

Kinh văn: **阿難,此若燈色,則非眚人,何不同見。而此圓影唯眚之觀。若是見色,見已成色。則彼眚人見圓影者名為何等。**

Phiên Âm: A-nan! Thử nhược đăng sắc, tắc phi sảnh nhân, hà bất đồng kiến. Nhi thử viên ảnh, duy sảnh chi quán. Nhược thị kiến sắc, kiến dĩ thành sắc. Tắc bỉ sảnh nhân, kiến viên ảnh giả, danh vi hà đẳng?

Việt dịch: A-nan, nếu màu sắc nầy là của ngọn đèn, thì người không bị nhặm mắt sao chẳng cùng thấy, mà quầng sáng ấy chỉ riêng người nhặm mắt mới thấy? Nếu đó là màu sắc của cái thấy, thì cái thấy đã thành màu sắc, còn người nhặm mắt kia thấy quầng sáng thì gọi là gì?

Giảng: Ở đây Thế tôn lại hỏi A-nan câu khác: “A-nan, nếu màu sắc nầy là của ngọn đèn– nếu ông nói quầng sáng với vô số vòng ngũ sắc kia là phát ra từ đèn– thì người không bị nhặm mắt sao chẳng cùng thấy, mà quầng sáng ấy chỉ riêng người nhặm mắt mới thấy? “Người không bị nhặm mắt” là chỉ cho Đức Phật và các Bồ-tát. Người bị nhặm mắt là chỉ cho hàng chúng sinh. Đèn là biểu tượng cho chân lý. Khi Đức Phật và Bồ-tát nhìn, các Ngài thấy chân lý.

Khi chúng sinh nhìn, thì thấy quầng sáng. Chúng sinh vẫn thấy được đèn, nhưng nhìn thấy luôn chung quanh đèn có những quầng sáng với vô số vòng tròn ngũ sắc. Đó là những gì hàng phàm phu và các loài chúng sinh thấy được. Năm màu biểu tượng cho ngũ uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

Nếu đó là màu sắc của cái thấy, thì cái thấy đã thành màu sắc, còn người nhặm mắt kia thấy quầng sáng thì gọi là gì?

Kinh văn: **復次阿難,若此圓影離燈別有。則合傍觀屏帳几筵有圓影出。離見別有應非眼矚。云何眚人目見圓影。**

Phiên Âm: Phục thứ A-nan, nhược thử viên ảnh, ly đăng biệt hữu. Tắc hợp bàng quán, bình trướng kỷ diên, hữu viên ảnh xuất. Ly kiến biệt hữu, ưng phi nhãn chúc. Vân hà sảnh nhân, mục kiến viên ảnh?

Việt dịch: Lại nữa A-nan! Nếu quầng sáng nầy rời đèn mà có, thì khi nhìn những vật chung quanh như bình phong, ghế, màn, cũng thấy quầng sáng hiện ra. Nếu rời cái thấy mà có quầng sáng, thì lẽ ra chẳng phải mắt thấy. Tại sao người nhặm mắt mới thấy quầng sáng?

Giảng: Lại nữa A-nan! Nếu quầng sáng nầy rời đèn mà có: Nếu quầng sáng ngũ sắc hòan toàn không do ngọn đèn mà có, thì khi người ta nhìn các vật khác trong phòng như bình phong, ghế, màn, thì cũng thấy quầng sáng hiện ra. Nhưng thực sự họ chẳng thấy cái gì chung quanh các đồ vật ấy cả. Thế nên phải chăng quầng sáng ấy hòan toàn không do ngọn đèn mà có? Nếu rời cái thấy mà có quầng sáng, thì lẽ ra chẳng phải mắt thấy.

Nếu quý vị muốn tranh luận và cho rằng quầng sáng ấy hòan toàn do ngọn đèn mà có, thì lẽ ra nó chẳng dính dáng gì với con mắt. Tại sao người nhặm mắt mới thấy quầng sáng?

Con mắt, mặc dù nó bị mờ và bị bệnh nhặm, cũng vẫn là phương tiện để nhìn thấy được quầng sáng. Vì quầng sáng chính là do mắt nhặm mà nhìn ra, sao ông lại nói quầng sáng ấy hòan toàn không do cái thấy mà có?

Kinh văn: **是故當知,色實在燈,見病為影。影見俱眚,見眚非病。終不應言是燈是見。於是中有非燈非見。**

Phiên Âm: Thị cố đương tri, sắc thật tại đăng, kiến bệnh vi ảnh. Ảnh kiến câu sảnh, kiến sảnh phi bệnh. Chung bất ưng ngôn, thị đăng thị kiến. Ư thị trung hữu, phi đăng phi kiến.

Việt dịch: Thế nên phải biết, màu sắc thực là do tại đèn, và cái thấy do bệnh nhặm nên nhìn ra quầng sáng; quầng sáng và cái thấy đều do mắt bị nhặm, chứ cái nhận biết mắt bị nhặm kia thì không bệnh. Rốt ráo chẳng

nên nói quầng sáng kia là đèn hay là cái thấy, hoặc trong đó chẳng phải đèn cũng chẳng phải cái thấy.

Giảng: Thế nên phải biết – A-nan, ông phải nên nhìn kỹ điều nầy–màu sắc thực là do tại đèn. Khi một người có con mắt thanh tịnh nhìn vào bóng đèn, họ chỉ thấy ánh sáng đèn, họ không thấy quầng sáng. Và cái thấy do bệnh nhặm nên nhìn ra quầng sáng.

Thế nên quầng sáng là do vì có vòng tròn ngũ sắc trong mắt người. Cái thấy của con người bị bệnh nên nhìn thấy quầng sáng chung quanh đèn khi họ nhìn thấy đèn. Bởi "màu sắc thực là do tại đèn," nên ông không thể nói quầng sáng là tách khỏi đèn mà có hoặc nó chỉ do mắt mà có. Bởi "cái thấy do bệnh nhặm nên nhìn ra quầng sáng," nên ông không thể nói quầng sáng là tách khỏi cái thấy mà có hoặc nó chỉ do đèn mà có. Quầng sáng và cái thấy đều do mắt bị nhặm.

"Cái thấy" nói ở đây là cái thấy sai lầm. Quầng sáng của đèn và cái thấy sai lầm cả hai đều là do mắt bị bệnh nhặm– bị màng đỏ. Chứ cái nhận biết mắt bị nhặm kia thì không bị bệnh. Cái nhận biết (thấy) ở đây là chỉ cho tánh thấy thanh tịnh có thể thấy được con mắt nhặm (bị màng đỏ) như chư Phật và Bồ-tát thấy được chúng sinh.

Rốt ráo chẳng nên nói quầng sáng kia là đèn hay là cái thấy, hoặc trong đó chẳng phải đèn cũng chẳng phải cái thấy. Quý vị không nên khởi chấp trước ở đây rồi tìm cách xác định bằng cách quả quyết rằng đó là đèn hoặc là cái thấy. Vì màu sắc có được là do đèn và mắt bị nhặm đã tạo ra quầng sáng, nên quý vị không thể xác quyết cái nầy hay cái kia là nguyên nhân duy nhất.

Lại nữa, màu sắc có là do đèn, thế thì chẳng phải đèn không phải là nguyên nhân. Quầng sáng là do bệnh nhặm của con mắt thấy đèn, thế thì không thể nói rằng cái thấy chẳng dính dáng gì việc nầy. Đức Phật tiếp tục trình bày rất thẳng tắt với tấm lòng từ bi chỉ dạy cho A-nan.

Kinh văn: **如第二月,非體非影。何以故,第二之觀,揑 所成故。諸有智者不應說言此揑根元。是形非形,離見非見。**

Phiên Âm: **Như đệ nhị nguyệt, phi thể phi ảnh. Hà dĩ cố? đệ nhị nguyệt chi, quán sở thành cố. Chư hữu trí giả, bất ưng thuyết ngôn, thử nê căn nguyên. Thị hình phi hình, ly kiến phi kiến.**

Việt dịch: Ví như mặt trăng thứ hai, chẳng phải là thể của mặt trăng (mặt trăng chính), cũng chẳng phải là bóng của mặt trăng. Vì sao? Mặt trăng thứ hai là do khi dụi mắt mà thấy có. Những người có trí không nên nói rằng căn nguyên của cái dụi mắt ấy là có hình tướng hay không hình tướng, là rời cái thấy hay chẳng rời cái thấy.

Giảng: "Ví như mặt trăng thứ hai, chẳng phải là thể của mặt trăng (mặt trăng chính), cũng chẳng phải là bóng của mặt trăng. Vì sao? Mặt trăng thứ hai là do khi dụi mắt mà thấy có." "Mặt trăng thứ hai" là dụ cho quầng sáng mà người bị nhặm mắt nhìn thấy. Mặt trăng thứ hai chẳng phải là bản thể, cũng như cách mà quầng sáng không do chỉ riêng cái thấy tạo ra.

Cũng chẳng phải mặt trăng thứ hai là bóng mặt trăng như cách quầng sáng không chỉ riêng có được do màu sắc của đèn. "Dụi mắt" là dụ cho bệnh nhặm của con mắt. Quý vị có thể tự mìmh thử nghiệm nếu thấy ý nghĩa của ví dụ chưa được rõ ràng. Hãy dùng ngón tay ấn vào một bên mắt, sẽ khiến cho quý vị thấy có hai hình ảnh, thế là quý vị thấy được mặt trăng thứ hai.

Những người có trí – nếu quý vị dùng trí huệ để nhìn sự kiện nầy, quý vị không nên nói rằng căn nguyên của cái dụi mắt ấy là có hình tướng hay không hình tướng, là rời cái thấy hay chẳng rời cái thấy." Cơ bản kết quả do dụi mắt là sai từ bước đầu. Dùng nó như là căn cứ để chứng minh thêm nó có hình tướng hay không hình tướng chỉ là trên cái sai lầm tạo thêm cái sai lầm. Người trí có làm như thế không?

Kinh văn: **此亦如是目眚所成。今欲名誰是燈是見。何況分別非燈非見.**

Phiên Âm: Thử diệc như thị, mục sảnh sở thành. Kim dục danh thùy, thị đăng thị kiến. Hà huống phân biệt, phi đăng phi kiến.

Việt dịch: Cũng giống như quầng sáng tạo thành do mắt nhặm. Nay ông muốn gọi cái gì là đèn, cái gì là thấy, huống gì phân biệt không phải đèn, không phải cái thấy?

Giảng: Cũng giống như quầng sáng tạo thành do mắt nhặm. Mặt trăng thứ hai là không thật. Nó chỉ có do vì dụi tay vào mắt. Quầng sáng không có thật. Nó chỉ có vì mắt nhặm. Cả hai thứ trên hòan toàn hư dối.

Nay ông muốn gọi cái gì là đèn, cái gì là thấy, huống gì phân biệt không phải đèn, không phải cái thấy? Nó hòan toàn xuất phát từ mắt nhặm của con người, thế nên ông không nên nói rằng nó có là do đèn hoặc là do cái thấy. Nhưng quầng sáng chỉ hiện ra chung quanh đèn và chỉ khi người ta dùng mắt để nhìn,

thế nên ông không thể nói rằng nó chẳng từ đèn mà có hoặc là chẳng từ cái thấy mà có. Khởi thuỷ, quầng sáng vốn là đã hòan toàn hư vọng rồi, sao còn nguỵ biện về cái gì là có cái gì là không nữa?

Kinh văn: **云何名為同分妄見。阿難,此閻浮提除大海水。中間平陸有三千洲。正中大洲東西括量。大國凡有二千三百。其餘小洲在諸海中。其間或有三兩百國。或一或二至于三十四十五十。**

Phiên Âm: A-nan! Thử Diêm-phù-đề, trừ đại hải thủy. Trung gian bình lục, hữu tam thiên châu. Chánh trung đại châu, Đông Tây quát lượng. Đại quốc phàm hữu, nhị thiên tam bách. Kỳ dư tiểu châu, tại chư hải trung. Kỳ gian hoặc hữu, tam lưỡng bách quốc. Hoặc nhất hoặc nhị, chí vu tam thập, tứ thập ngũ thập.

Việt dịch: Thế nào gọi là đồng phận vọng kiến? Này A-nan! Cõi Diêm-phù-đề nầy trừ biển ra, trong đó đất bằng gồm 3000 châu. Châu lớn ở giữa, bao quát từ đông sang tây, có đến 2300 nước lớn. Ngoài ra các châu nhỏ nằm trong các biển, trong đó có châu gồm hai trăm ba trăm nước, hoặc mười, hai mươi, ba mươi, bốn mươi cho đến năm mươi nước.

Giảng: Đoạn kinh nầy nói về đồng phận vọng kiến. Biệt nghiệp vọng kiến khiến cho mỗi người có một quan niệm khác nhau. Còn đồng phận vọng kiến là mọi người đều có cái nhìn hư vọng về cùng một hiện tượng hầu như trong cùng một thời gian. Thế nên một quốc gia được dùng cho ví dụ nầy. Thế nào gọi là đồng phận vọng kiến? Cái gì được xem là tạo nên đồng phận vọng kiến?

Này A-nan! Hãy lắng nghe cho kỹ. Như Lai sẽ giảng giải cho ông. Cõi Diêm-phù-đề nầy, về phía nam của đại lục nầy, trừ nước biển ra, trong đó đất bằng gồm 3000 châu. Bên ngoài biển lớn là đất bằng, chia thành 3000 đại lục. Châu lớn ở giữa, bao quát từ đông sang tây. Ở giữa 3000 đại lục nầy là một châu lớn, và từ đông, tây, nam, bắc, tính tất cả có đến 2300 nước lớn. Ngoài ra các châu nhỏ nằm trong các biển, trong đó có châu gồm hai trăm ba trăm nước, hoặc mười, hai mươi, ba mươi, bốn mươi cho đến năm mươi nước. Không thể nào xác định được số lượng là bao nhiêu.

Kinh văn: **阿難,若復此中有一小洲只有兩國。唯一國人同感惡緣。則彼小洲當土眾生。睹諸一切不祥境界。或見二日或見兩月。其中乃至暈蝕 珮玦彗勃飛流。負耳虹蜺種種惡相。**

Phiên Âm: **A-nan! Nhược phục thử trung, hữu nhất tiểu châu, chỉ hữu lưỡng quốc. Duy nhất quốc nhân, đồng cảm ác duyên. Tắc bỉ tiểu châu, đương độ chúng sanh. Đổ chư nhất thiết, bất tường cảnh giới. Hoặc kiến nhị nhật, hoặc kiến lưỡng nguyệt. Kỳ trung nãi chí, vựng thực bội quyết, tuệ bột phi lưu. Phụ nhĩ hồng nghê, chủng chủng ác tướng.**

Việt dịch: A-nan, lại nếu trong đó, một châu nhỏ chỉ có hai nước, mà riêng người trong một nước cùng chiêu cảm ác duyên, thì tất cả chúng sinh trong nước đó đều xem thấy hết thảy cảnh giới không lành; hoặc họ thấy 2 mặt trời, hai mặt trăng, cho đến thấy nhiều ác tướng như vựng, thích, bội, quyết, tuệ, bột, phi lưu, phụ nhĩ, hồng nghê.

Giảng: Đức Phật gọi A-nan một lần nữa, "A-nan, lại nếu trong đó, một châu nhỏ chỉ có hai nước."

Giả sử như châu Diêm-phù-đề là một châu nhỏ, là một đại lục nhỏ, trong đó chỉ có hai nước. Mặc dù hai nước nầy đều nằm chung trong một châu, nhưng có chung một đường ranh giới giữa hai nước, nên nghiệp báo mà cư dân hiện sống trên đó nhận chịu lại khác nhau. "Mà riêng người trong một nước cùng chiêu cảm ác duyên."

Người trong một nước phải chịu chung một nghiệp báo, và họ cùng chiêu cảm ác duyên. "Ác duyên" chỉ cho những hiện tượng có điềm xấu cùng nhiều loại thiên tai hoạn nạn– như cuồng phong hoặc mưa đá chẳng hạn. Gần đây ở Mỹ có một cơn lốc xoáy cuốn người lên không trung, sát hại chừng vài trăm người. Đó là một ví dụ của những hiện tượng có điềm xấu. Đó là nghĩa của "ác duyên." Quý vị thấy đó, trong một nước, có một số người phải chịu quả báo xấu, một số người khác lại không.

Cũng vậy, người dân ở Cựu-kim-sơn (San Francisco) lại không chịu quả báo ác duyên của cơn lốc xoáy, và họ không bị khổ nạn ấy. Nhưng ở miền Trung tây, nhà cửa bị cuốn bay lên không, cây cối bị bật rễ và bị thổi văng ra xa, còn có lụt lội và hoả hoạn. Những thiên tai như thế là rất thường thấy. "Thì tất cả chúng sinh trong nước đó đều xem thấy hết thảy cảnh giới không lành." Họ thấy cái gì?

Đôi khi cây cối biết nói. Cây cối nghe người nói chuyện, và nó hóa thành cây, chẳng có người nào quanh đó cả. Đó là một điềm không lành. Trong những sự kiện siêu nhiên, có rất nhiều hiện tượng không lành. "Hoặc họ thấy 2 mặt trời."

Có khi người trong cùng một nước thấy có hai mặt trời, điềm báo có một sự biến động lớn trong nước ấy. Đó là điềm không lành. Có khi nguyên thủ quốc gia bị chết hoặc bị ám sát để chiếm đoạt quyền bính. Đó là vì:

Thiên vô nhị nhật
Quốc vô nhị quân.

Một thái dương hệ không thể có hai mặt trời. Đất nước không thể có hai vua. Không thể có hai mặt trời trên không trung. Nếu quý vị thấy có hai mặt trời, đó là điềm xấu. Hoặc có thể vua nầy giết hại vua kia. "Hai mặt trăng." Bất luận đất nước đó như thế nào, thì cũng chỉ có một mặt trời và một mặt trăng. Nhưng người trong nước nầy thấy có hai mặt trăng xuất hiện. Đó cũng là biểu hiện của điềm không lành trong nước sẽ xảy đến trong tương lai. Cho đến thấy nhiều ác tướng như vựng, thích, bội quyết,

Trăng có quầng là sắp có gió
Nền đất ẩm là sắp có mưa.

Khi mặt trăng có một quầng sáng bao quanh, như thể nó bị chìm trong nước, tức là sắp có một trận bão. Và khi nền nhà bị ẩm ướt thì sẽ có mưa. Vựng là chỉ cho hắc khí bao chung quanh mặt trăng. Chỉ nhìn thấy là biết nó gây rắc rối cho con người rồi. Nó rất khác thường. Thích là chỉ cho hắc khí u ám bao quanh mặt trăng. Ánh trăng không chiếu qua màn đen u ám nầy được, nhưng nó không phải là đám mây.

Bội quyết , luồng khí màu trắng xuất hiện bên cạnh mặt trăng mặt trời gọi là bội, có dạng nửa hình tròn nên gọi là quyết, trông giống như đồ trang sức của phụ nữ thường đeo ngang thắt lưng. Nói chung, mặt trăng mặt trời vốn chẳng có gì bao quanh nó cả. Nếu có vật gì quanh nó, thì đó không phải là điềm lành. Tuệ bột là sao chổi. Ánh sáng của sao chổi trải dài một khoảng rất rộng. Vào triều đại Tần Thuỷ Hòang Đế Trung Hoa (255-206 ttl.), sao chổi xuất hiện rất thường xuyên, như là kết quả, người dân chịu nhiều nỗi khổ cùng cực và tai ương trong suốt triều đại đó.

Phi lưu là sao băng, cũng phóng ra một vệt ánh sáng dài. Dù không dài như sao chổi, nhưng nó xuất hiện rất nhanh. Nó giống như lửa chớp; cái nầy biến mất rồi cái khác xuất hiện; rồi cái nầy biến mất và cái khác xuất hiện. Sao băng phóng qua bầu trời, và đôi khi rơi xuống thành mưa đá, và thiên thạch rơi từ trời xuống giống như mưa rào đổ xuống. Lịch sử Trung Quốc có ghi: Bảy lần hắc khí bao quanh mặt trăng, Hán Cao Tổ tại Bình Thành, bị nạn Hung nô vây hãm. Phụ nhĩ là ác khí khi hiện ra phía trên vầng thái dương gọi là phụ, hiện ra phía một bên gọi là nhĩ.

Hồng nghê là cầu vồng (ráng trời) hiện ra sau cơn mưa. Có người cho rằng cầu vồng hiện ra vào buổi sáng được gọi là hồng, cầu vồng hiện ra vào buổi chiều được gọi là nghê. Nói chung đó là âm và dương. Nó biểu thị cho trời và đất mất

thế quân bình. Tuy nhiên, nếu quý vị chuyển hóa được tâm thức mình, nếu người dân ở nước ấy tu dưỡng thay đổi tâm tánh, thì mọi sự đều có thể được tốt lành. “Nhiều ác tướng” có nghĩa là không chỉ một vài hiện tượng được nêu ra ở đây, mà còn rất nhiều hiện tượng lớn nhỏ khác hiện ra.

Nếu quốc gia thịnh vượng, thì mọi hiện tượng nhỏ nhặt đều là tốt lành. Nếu đất nước suy thóai, thì mọi hiện tượng dù nhỏ nhặt đều là không lành. Nếu chỉ một người có được phước báo, thì những người còn lại đều được hưởng ánh sáng lành ấy. Nếu người dân sống dưới sự dẫn dắt của người thiếu phước báo, thì họ phải chịu nhiều đau khổ. Hãy nhìn vào người lãnh đạo quốc gia, tổng thống của một nước, nếu ông ta có phước báo, thì người dân sẽ tuân hành theo ông ta và đều hưởng được phước báo. Nếu ông ta không có phước báo, thì người dân theo ông ta đều phải chịu đau khổ. Nên có thể nói rằng vị nguyên thủ quốc gia là phải chịu trách nhiệm về mọi hòan cảnh.

Kinh văn: **但此國見,彼國眾生。本所不見亦復不聞。**

Phiên Âm: Đãn thử quốc kiến, bỉ quốc chúng sanh. Bổn sở bất kiến, diệc phục bất văn.

Việt dịch: Chỉ có nước nầy thấy, còn chúng sinh nước khác, vốn chẳng thấy cũng chẳng nghe.

Giảng: Hai nước nầy cùng nằm trên một châu lục nhỏ như nhau, lẽ ra phải có cùng chung quả báo, nhưng trong một nước thì có xuất hiện các hiện tượng không lành biểu hiện cho thiên tai và khổ nạn, mọi người trong nước nầy đều thấy các hiện tượng ấy. “Chỉ có nước nầy thấy, còn chúng sinh nước khác, vốn chẳng thấy cũng chẳng nghe.”

Nhưng nước kia cùng nằm trên một châu lục nhỏ như nhau, người dân trong nước ấy lại không thấy và không nghe những hiện tượng không lành nầy. Đây gọi là đồng phận vọng kiến. Nghiệp lực của chúng sinh trong cùng một nước thì giống nhau, nên họ thấy được hiện tượng không lành nầy. Những người dân ở nước khác không có cùng nghiệp lực, nên họ không thấy những hiện tượng ấy.

Kinh văn: **阿難,吾今為汝。以此二事進退合明。**

Phiên Âm: A-nan! Ngô kim vi nhữ. Dĩ thử nhị sự, tấn thoái hợp minh.

Việt dịch: A-nan, nay Như Lai vì ông lấy hai việc đó, kết hợp lui tới để chỉ rõ.

Giảng: Sợ rằng A-nan không chú ý, nên Đức Phật lại gọi ông lần nữa. “A-nan, nay Như Lai vì ông lấy hai việc đó, kết hợp lui tới để chỉ rõ. Như Lai sẽ so sánh nhân duyên của hai sự kiện, kết hợp trước sau để diễn tả với nhau. Hai sự kiện là chỉ cho người mắt nhặm thấy có quầng sáng quanh đèn, và toàn thể người dân trong nước thấy mọi thứ hiện tượng không lành và ác duyên mà người ở nước kia không thấy. Như Lai sẽ so sánh những nguyên lý khác nhau nầy để chỉ cho ông được rõ hơn.

Kinh văn: **阿難,如彼眾生別業妄見。矚燈光中所現圓影,雖現似境。終彼見者目眚所成。例汝今日以目觀見山河國土及諸眾生。皆是無始見病所成。**

Phiên Âm: A-nan! Như bỉ chúng sanh, biệt nghiệp vọng kiến. Chúc đăng quang trung, sở hiện viên ảnh, tuy hiện tợ cảnh. Chung bỉ kiến giả, mục sảnh sở thành.

Việt dịch: A-nan, như biệt nghiệp vọng kiến của chúng sinh kia, thấy nơi đèn có quầng sáng hiện ra, tuy giống như là cảnh, nhưng cái thấy đó rốt ráo là do mắt nhặm mà thành.

Giảng: Đức Phật lại gọi A-nan một lần nữa. A-nan, như biệt nghiệp vọng kiến của chúng sinh kia: những chúng sinh đã đề cập ở văn trước, có biệt nghiệp riêng khiến họ thấy những hiện tượng vốn không có thật. Như chúng ta đã nghe giải thích từ trước, thấy nơi đèn có quầng sáng hiện ra, tuy giống như là cảnh. Họ thấy có quầng sáng hiện ra quanh đèn, như thể đó là cảnh thật, nhưng cái thấy đó rốt ráo là do mắt nhặm mà thành. Nhưng khi quý vị tham cứu giáo lý nầy thật sâu xa, sẽ thấy ra rằng người thấy quầng sáng quanh đèn là do mắt mình bị nhặm và đó cũng là nguyên do anh ta thấy bóng (mặt trăng).

Kinh văn: **眚即見勞,非色所造。然見眚者終無見咎。**

Phiên Âm: Sảnh tức kiến lao, phi sắc sở tạo. Nhiên kiến sảnh giả, chung vô kiến cữu. Lệ nhữ kim nhật, dĩ mục quán kiến, sơn hà quốc độ, cập chư chúng sanh. Giai thị vô thủy, kiến bệnh sở thành.

Việt dịch: Mắt nhặm tức cái thấy lao nhọc, không phải do màu sắc tạo ra. Song người biết được mắt nhặm thì cái thấy của họ không bị lầm lỗi.

Giống như ông hôm nay dùng mắt xem thấy núi sông, cõi nước và các chúng sinh, đều do cái thấy bị bệnh từ vô thuỷ mà thành.

Giảng: Mắt nhặm tức cái thấy lao nhọc. Mắt bị bệnh nhặm, nên trong cái thấy có một cái thấy sai lầm sinh khởi. Cái thấy sai lầm là sự lao nhọc, mệt mỏi của cái thấy. Không phải do màu sắc tạo ra. Thực ra nó không phải là cảnh tượng có thực trước mắt. Thực sự chẳng có cảnh tượng nào mà tạo ra do sự lao nhọc của cái thấy cả. Song người biết được mắt nhặm thì cái thấy của họ không bị lầm lỗi. Tuy nhiên, thấy quầng sáng quanh đèn, và bệnh nhặm vốn chẳng dính dáng gì đến gốc của cái thấy, tức tánh thấy cả. Chẳng phải tánh thấy bị bệnh. Đó chỉ là mắt bệnh. Giống như ông hôm nay dùng mắt xem thấy núi sông, cõi nước, đất liền, nhà cửa, dinh thự, công trình, cư xá, và các chúng sinh, A-nan, như lấy ông làm ví dụ, tất cả mọi vật mà ông thấy bằng mắt đều do cái thấy bị bệnh từ vô thuỷ mà thành.

Kinh văn: **見與見緣,似現前境。元我覺明見所緣眚。覺見即眚,本覺明心。覺緣非眚.**

Phiên Âm: Kiến dữ kiến duyên, tợ hiện tiền cảnh. Nguyên ngã giác minh, kiến sở duyên sảnh. Giác kiến tức sảnh, bổn giác minh tâm. Giác duyên phi sảnh,

Việt dịch: Cái thấy và cảnh vật bị thấy, như thể có cảnh trước mắt, nguyên là tâm giác ngộ sáng suốt (giác minh), do phân năng kiến sở kiến mà thành bệnh. Nhận rõ cái thấy (giác kiến) sinh khởi từ bệnh nhặm. Chứ bản giác minh tâm rõ biết các duyên thì không bệnh.

Giảng: Cái thấy và cảnh vật bị thấy Kiến 見- cái thấy là chỉ cho phạm trù thấy, có nghĩa là khả năng thấy được. Kiến duyên 見緣 chỉ cho phạm trù hiện tượng giới, tức là cảnh vật bị thấy. Phạm trù thấy, là khả năng thấy, và phạm trù hiện tượng là cảnh bị thấy như thể hiện ra trước mắt. Cảnh tượng hiện ra giống như mô tả ở trên trong ví dụ người bị mắt nhặm nhìn thấy quầng sáng quanh đèn, và ví dụ của người bị nghiệp chướng nên thấy toàn bộ điềm ác hiện ra nơi quốc gia mình.

Hai ví dụ đó tương đương nhau. Cũng như người không bị nhặm mắt thì không thấy quầng sáng quanh đèn, và người ở nước láng giềng thì không thấy các điềm ác hiện ra nơi quốc gia mình. Quầng sáng và hiện tượng không lành biểu tượng cho nghiệp quả. Nghiệp báo làm phát sinh những hiện tượng này.

Chúng sinh tạo nghiệp nên phải chịu quả bảo nầy. Nguyên là tâm giác ngộ sáng suốt (giác minh).

Những hiện tượng không lành sinh khởi ra nầy vốn không quan hệ gì đến bản tánh giác ngộ cả. Do phân năng kiến sở kiến mà thành bệnh. Vì mắt bị bệnh nên thấy những cảnh tượng sai lệch (kiến bệnh) nầy. Nhận rõ cái thấy (giác kiến) sinh khởi từ bệnh nhặm– nếu như ông nhận ra được rằng cái thấy là kết quả của mắt bị bệnh nhặm, chứ bản giác minh tâm rõ biết các duyên thì không bệnh. Vốn tánh thấy của mọi chúng sinh, bản giác diệu minh chân tâm, tánh thấy có thể biết được cái thấy, vốn là tâm tánh giác ngộ, là không có bệnh. Không thiếu sót điều gì cả.

Kinh văn: **覺所覺眚。覺非眚中此實見見。云何復名覺聞知見。**

Phiên Âm: Giác sở giác sảnh. Giác phi sảnh trung, thử thật kiến kiến. Vân hà phục danh, giác văn tri kiến.

Việt dịch: Có năng giác sở giác mới thành bệnh. Nếu bổn giác không ở trong bệnh, đây mới thật là nhận ra tánh thấy (kiến tánh). Sao còn gọi nó là thấy, nghe, hay, biết?

Giảng: Có năng giác sở giác mới thành bệnh. Nếu bổn giác không ở trong bệnh, đây mới thật là nhận ra tánh thấy (kiến tánh). Ý nầy cũng như đoạn kinh văn trước: Kiến kiến chi thời, kiến phi thị kiến – Khi thấy (biết) được tánh thấy, thì tánh thấy không phải là cái (bị) thấy. Cái biết được mắt bệnh của ông bệnh tự nó chẳng hề thiếu sót sai lầm. Đó chính là cái biết chân thật của ông. Cái thấy chân thật của tánh thấy.

Cái thấy thiếu sót sai lầm là như khi đang ở trong nước mà không thấy nước. Như sinh vật trầm mình trong nước mà không biết đến nước. Cái gì tách rời hẳn nước mà có thể thấy được đó là nước thì gọi là cái thấy chân thực. Cái thấy sáng suốt, biết được bệnh, không phải là cái thấy thiếu sót sai lầm. Chỉ khi ông tách rời hẳn những thiếu sót sai lầm mà vẫn thấy biết được. Thì đây chính là cái biết chân thực. Sao còn gọi nó là thấy, nghe, hay, biết?

Sao ông vẫn còn muốn đắm chấp nơi các giác quan kia mà tìm cầu sự phân biệt? Đây chính là cái thấy. Còn cái thấy nào khác để ông tìm kiếm nữa? Chúng ta không nên lấy vọng làm chân. Cũng không nên biến chân thành vọng. Quả thật nếu nhận kiến văn giác tri làm tâm, thì sẽ bị kiến văn giác tri che mờ, không thể nào nhận ra thể của tánh thấy giác ngộ sáng suốt (kiến tinh giác

minh). Phải biết rằng chân tâm vốn tách rời, chẳng phải kiến văn giác tri, cũng chẳng thuộc về kiến văn giác tri.

Kinh văn: **是故汝今見我,及汝并諸世間。十類衆生,皆即見眚。非見眚者.**

Phiên Âm: Thị cố nhữ kim, kiến ngã cập nhữ, tinh chư thế gian. Thập loại chúng sanh, giai tức kiến sảnh. Phi kiến sảnh giả,

Việt dịch: Thế nên nay ông thấy Như Lai và ông cùng với mười loại chúng sinh trong thế gian, đều do mắt nhặm, chứ không phải cái thấy (biết) mắt nhặm bị bệnh.

Giảng: Cái thấy sai lầm của người trong một nước – đồng phận vọng kiến – và biệt nghiệp vọng kiến của một người đều là hư vọng và như nhau. "Thế nên – do nguyên lý nầy – nay ông thấy tôi," A-nan, Thế tôn nói. "Ông thấy Như Lai" và ông, chính ông, cùng với mười loại chúng sinh trong thế gian đều do mắt nhặm, cùng tất cả các sắc tướng trong thế gian. Thật ra có đến mười loài chúng sinh, nhưng ở đây không có loài vô tưởng và loài vô sắc vì chúng không thấy được.

"Tất cả các sắc tướng nầy đều là hư dối và thiếu sót sai lầm đối với cái thấy của ông, là đồng phận vọng kiến và biệt nghiệp vọng kiến, Nó chính là vọng kiến của chúng ta, ý thức phân biệt của chúng ta, là vấn đề phát sinh trong cái thấy. Chứ không phái cái thấy (biết) mắt nhặm bị bệnh. Không phải cái thấy chân thật của ông, chân tâm thường trú giác ngộ sáng suốt của ông có vấn đề. Vấn đề chính là cái thấy hư vọng, sinh khởi từ biệt nghiệp vọng kiến khiến cho các ông thấy ra các tướng hư dối."

Kinh văn: **彼見真精。性非眚者, 故不名見。**

Phiên Âm: Bỉ kiến chân tinh. Tánh phi sảnh giả, cố bất danh kiến.

Việt dịch: Tánh thấy chân thật đó không bị nhặm, nên chẳng gọi là thấy.

Giảng: Tánh thấy chân thật đó không bị nhặm. Tánh thấy không có vấn đề gì cả. Bản thể của nó không có gì thiếu sót, thế nên mắt thấy quầng sáng thì đó chẳng phải là tánh thấy. Vì tánh thấy không có vấn đề gì, nên chẳng gọi là thấy. Nó không những chẳng có vấn đề gì mà còn chẳng có cái gì hết thảy. Thế thì cái gì được gọi là "chẳng gọi là thấy?" Không! Vốn chẳng có cái gì thấy và không có cái gì chẳng gọi là thấy. Thế điều đang nói ở đây là gì?

Đó là tánh thấy bản hữu chân thật của ông, lưu xuất từ bản tánh giác ngộ của chúng ta. Nó lưu xuất từ bản giác. Nhưng “bản giác” cũng chỉ là cái tên, mà xưa nay vốn một cái tên cũng chẳng có. Nếu quý vị cho nó cái tên, có nghĩa là trên đầu quý vị lại gắn thêm một cái đầu nữa. Nếu quý vị gọi đó là bản giác, là đã nói quá nhiều rồi đó.

Kinh văn: **阿難,如彼眾生同分妄見。例彼妄見別業一人。**

Phiên Âm: A-nan! Như bỉ chúng sanh, đồng phần vọng kiến. Lệ bỉ vọng kiến, biệt nghiệp nhất nhân.

Việt dịch: A-nan, nếu so sánh đồng phận vọng kiến của chúng sinh với biệt nghiệp vọng kiến của một người.

Giảng: “A-nan, sao Như Lai nói rằng tất cả đều chỉ là biểu hiện từ vọng kiến của chúng sinh? Như Lai sẽ giảng giải cho ông. Nếu so sánh đồng phận vọng kiến của chúng sinh với biệt nghiệp vọng kiến của một người.” Cái thấy mà thấy được quầng sáng với nhiều vòng tròn ngũ sắc bao quanh đèn chính là do biệt nghiệp vọng kiến. Đồng phận vọng kiến chính là mọi người dân trong nước thấy được những điềm ác. Họ thấy hai mặt trời, hai mặt trăng, sao chổi, sao băng, cầu vồng, và các loại hiện tượng không lành khác.

Hồi xưa, ở Trung Hoa, mỗi khi có sự thay đổi đế chế, khi thay đổi chính sách cai trị thì những hiện tượng bất tường nầy thường hay xảy ra. Có lần một vị Vua thấy những điềm bất tường liền hỏi Ch’in T’ien Chien, một quan Thái sư coi việc chiêm tinh. Ch’in T’ien Chien trả lời rằng nó báo cho biết trước Vua sắp băng hà. Quan Thái sư nói: “Nhưng hạ thần có cách giải quyết là bệ hạ chuyển vận hạn này sang cho quan Tể tướng.”

“Không thể được.”–Vua trả lời – “Nếu ta đến lúc phải chết, sao ta lại bắt quan Tể tướng phải gánh chịu? Quan Tể tướng còn trông coi những việc quan trọng của quốc gia. Ông ta cần phải sống.” Quan Thái sư nói: “Bệ hạ không muốn quan Tể tướng phải chết thay cho bệ hạ, thì ngài có thể để dân chịu thay. Tai hoạ có thể chuyển sang dân chúng.” “Dân là nền tảng của quốc gia.”– Vua nói– “Nếu dân chết hết, thì vương quốc nầy có ý nghĩa gì? Điều ấy cũng không thể được.” Vua cũng không tán đồng giải pháp ấy.

Quan Thái sư nói: “ Thế Bệ hạ có thể chuyển tai hoạ này cho một năm. Năm nay người dân phải chịu đói khát đến chết. Đó là một giải pháp.” “Điều nầy cũng không được.” Vua nói. “Ta không muốn để cho dân phải chết đói. Làm vua như thế thật là vô nghĩa.”

Rồi Quan Thái sư cúi lạy nhà vua: “Bệ hạ thật là bậc minh quân. Với lòng nhân từ quá lớn như thế, hạ thần chắc chắn rằng Bệ hạ sẽ không phải chết. Có một ngôi sao băng, nhưng có thể nó sẽ thay đổi và biến thành điềm tốt.” Ngày hôm sau hung tinh biến mất. Chuyện nầy chứng tỏ rõ ràng rằng dù cho ác tinh xuất hiện, việc xấu cũng có thể chuyển thành việc tốt.

Hòan toàn do chỉ một tâm niệm của con người. Nếu tâm niệm thay đổi, những gì lẽ ra xấu sẽ chuyển thành tốt. Tu tập bằng cách thắp hương niệm Phật trước khi có chuyện gì xảy ra là một phương pháp tạo sự thay đổi. Hoạ và phước chỉ nằm trong một niệm. Lão Tử nói:

“Khi nghĩ đến điều thiện, điều thiện ấy sẽ ảnh hưởng đến những việc chưa xảy ra và đem đến sự tốt lành. Khi nghĩ đến điều ác, điều ác ấy sẽ ảnh hưởng đến những việc chưa xảy ra và đem đến sự rắc rối.” Trong mối liên hệ nầy, có loại quỷ thần thiện và có loại quỷ thần ác. Quý vị không nên nghĩ rằng quỷ thần nào cũng tốt. Công việc của ác thần là trả lại cho mình cái đúng như vậy. Họ xử phạt bất kỳ người nào làm điều sai trái.

Thiện thần bảo hộ những người làm điều thiện. Mỗi loại quỷ thần đều có nhiệm vụ khác nhau. Thế nên chỉ cần thay đổi một niệm là điều cực kỳ quan trọng. Thực tế là một vị Vua có thể khiến người khác chịu chết thay cho mình, Vua không để cho quan Tể tướng hoặc thần dân chịu chết thế mình, hoặc để cho dân chịu mất mùa đói kém một năm, mà tự mình chịu tai hoạ và đã chuyển xấu thành tốt. Thế nên những vấn đề nầy đều có thể thay đổi. Nó không dứt khóat cố định.

Tôi nhớ đến Yuan Lao Fan, thường gọi là Yuan Hsiao Hai, làm quan trong triều Minh. Sau khi anh ta học xong, người cha bảo anh nên học ngành y, vì làm thầy thuốc có thể cứu người và dễ kiếm sống. Sau khi anh học thuốc xong, anh ta gặp một lão già có bộ râu dài tên K’ung, rất giỏi xem tướng và bói toán. Khi lão già K’ung thấy Yuan Hsiao Hai, lão nói: “Anh nên đi học. Anh sẽ làm quan.” Yuan Hsiao Hai nói: “Nhưng cha mẹ tôi và toàn gia đình đều mong muốn tôi thành thầy thuốc.”

Lão K’ung đáp: “Đừng học thuốc. Anh nên đi học chữ. Vào chừng ấy năm, anh sẽ đỗ được học vị như vậy như vậy trong kỳ thi Đình, và trong chừng ấy năm anh sẽ trở thành một vị quan lớn. Rồi vào năm đó năm đó, ngày đó tháng đó, anh sẽ trở thành quan án sát, anh sẽ trở nên rất có danh vọng. Khi anh 45 tuổi, vào ngày 14 tháng 8, lúc nửa khuya, vợ anh sẽ qua đời. Anh không có con nối dõi.”

Lão già K'ung không những định được ngày tháng cho những sự kiện lúc sinh thời mà còn biết được cả ngày chết của anh ta. Sau khi gặp lão K'ung, Yuan Hsiao Hai đi học. Chuyện xảy ra chính xác một cách khó tin. Học vị mà anh ta đỗ được trong kỳ thi Đình đúng y như Lão già K'ung đã tiên đoán. Quẻ bói chính xác không sót một mảy may nào.

Thực vậy, nó quá chắc chắn đến nỗi Yuan Hsiao Hai không cần đọc sách nữa. Anh ta làm gì? Anh ta đợi. Anh ta ngồi và đợi người ta đưa thức ăn tới. Có câu ngạn ngữ nổi tiếng ở Trung Hoa: "Ngồi chờ sung rụng", như vậy nghĩa là không làm gì cả, chỉ trông mong vào sự sắp đặt của tự nhiên, chỉ mong số mệnh hiển bày. Đó thật là sai lầm. Yuan Hsiao Hai đã làm như vậy. Anh ta không làm gì cả. Ngay cả chẳng đọc sách. Anh ta nghĩ rằng, bất luận số phận diễn ra như thế nào, chắc chắn ta sẽ không thể nào thi hỏng được. Ta không cần phải học gì cả.

Ta chẳng phải mong cầu gì cả. Chắc chắn ta sẽ đạt được mục đích. Thế nên anh dạo chơi khắp nơi, vui thú thưởng ngoạn sơn thuỷ. Anh ta rong chơi dài ngày và chẳng học hành gì cả. Cuối cùng, cuộc lãng du đưa anh đến núi Ch'i Sha ở Nan Ching, nơi anh nghe có Thiền sư Yuan Ku đang trụ ở đó. Nên anh ta mong đến đó để được gặp. Thiền sư Yuan Ku trao cho anh ta cái bồ đoàn và cả hai cùng ngồi thiền. Cả hai ngồi đối diện nhau bất động suốt 3 ngày. Thiền sư Yuan Ku rất ngạc nhiên.

"Ồ!" –Thiền sư Yuan Ku nói – "Ông thật là bậc pháp khí, có khả năng nhập đạo. Ông đã ngồi thiền suốt ba ngày mà không nhúc nhích hoặc thay đổi tư thế." Yuan Hsiao Hai đáp lại: "Tôi biết mọi việc đều do nhân duyên tiền định. Thế nên tôi không mong cầu gì cả. Đó là nguyên nhân khiến tôi không có chút vọng tưởng nào khi ngồi ở đây, thế nên tôi chẳng thấy đau chân chút nào cả."

Chân nhức mỏi do đâu? Do vọng tưởng, có nghĩa là vọng kiến mà kinh nầy đang nói đến. Vì vọng kiến, nên chân đau. Nếu quý vị không có chút vọng kiến nào, thì chân chẳng đau. Yuan Hsiao Hai nói thế do vì anh ta không có chút tham muốn mong cầu nào, anh ta không có chút vọng tưởng nào, thế nên khi ngồi, anh ta không cần thiết phải cử động. Thiền sư Yuan Ku nói: "Tôi nghĩ rằng anh là người kỳ đặc. Nhưng như điều anh vừa cho biết, thì anh chỉ là kẻ phàm phu."

Điều ấy làm cho Yuan Hsiao Hai nổi nóng: "Sao ông nói tôi là phàm phu?" Mọi người ai cũng muốn lên tận đỉnh cao nhất, Yuan Hsiao Hai cũng chẳng muốn rơi xuống hàng thứ hai. Ngay khi nghe mình bị gọi là phàm phu, anh ta liền phẫn nộ. Thiền sư Yuan Ku nói: "Nếu ông chẳng phải là phàm phu, thì ông đã

không bị trói buộc vào số mệnh sẽ xảy ra trong vài chục năm tới. Ông đã bị dính chặt vào định mệnh và chẳng có cách nào thóat ra được cả.”

Yuan Hsiao Hai hỏi: “Người ta có thể thóat khỏi số mệnh không? Đừng để cho định mệnh trói buộc được chăng?” Thiền sư Yuan Ku đáp: “Anh là người có học. Anh không nghe Kinh Dịch nói: “Phát khởi điều tốt lành và tránh việc ác” đó sao? Sau đó Yuan Hsiao Hai đổi tên mình là Dương Liễu Phàm, “không còn làm kẻ phàm phu nữa”. Ta không phải là kẻ phàm phu nữa. Ta không còn là phàm phu nữa. Sau đó lời tiên đoán của Lão K’ung không còn đúng nữa.

Lão ta nói rằng Yuan Hsiao Hai sẽ chết vào ngày 14 tháng 8, lúc 54 tuổi, nhưng đến đó anh ta không chết. Tử vi nói rằng anh ta không có con, nhưng anh ta lại có hai người con. Anh ta sống đến 80 tuổi. Nên số mệnh của con người không phải là nhất định. Làm việc thiện là tất cả những gì quý vị cần phải thực hành, vì ngay khi thay đổi tâm niệm thì mọi thứ đều thay đổi. Tại sao có việc không lành? Vì có tâm niệm không lành của quý vị trong đó. Đó là lý do tại sao quý vị gặp việc chẳng lành. Điều này chứng tỏ rằng vọng kiến làm sinh khởi các nhân duyên hư dối. Nếu quý vị có chánh kiến, thì nhân duyên hư dối kia sẽ biến mất.

Kinh văn: **一病目人同彼一國。彼見圓影眚妄所生。此眾同分所現不祥。同見業中瘴惡所起。**

Phiên Âm: Nhất bệnh mục nhân, đồng bỉ nhất quốc. Bỉ kiến viên ảnh, sảnh vọng sở sanh. Thử chúng đồng phần, sở hiện bất tường. Đồng kiến nghiệp trung, chướng ác sở khởi.

Việt dịch: Một người nhặm mắt cũng giống như người trong cả nước kia. Người thấy quầng sáng là do mắt nhặm mà có. Còn trong nước kia hiện ra những tướng không lành là do cộng nghiệp mà cùng thấy trong đó các điềm ác hiện ra.

Giảng: Một người nhặm mắt cũng giống như người trong cả nước kia. Một người bị bệnh nhặm và toàn thể người dân trong nước kia đều có cái thấy hư vọng. Người thấy quầng sáng là do mắt nhặm mà có. Người thấy quầng sáng, và toàn thể người dân trong nước kia thấy những tướng không lành, tất cả đều do vì sai lầm do hư vọng sinh khởi. Còn trong nước kia hiện ra những tướng không lành,

Còn những người trong nước kia, với đồng phận vọng kién của mình, thấy những ác tinh trong nước mình mà chẳng thấy điều gì xảy ra bên nước láng

giềng cả. Là do cộng nghiệp mà cùng thấy trong đó các điềm ác hiện ra. Nghiệp chướng, ác duyên tạo nên dịch bệnh và ác tướng, vì nhiều vọng kiến tích tập và trở thành tai hoạ.

Kinh văn: **俱是無始見妄所生。例閻浮提三千洲中。兼四大海娑婆世界。并洎十方諸有漏國及諸眾生。同是覺明無漏妙心。見聞覺知虛妄病緣。和合妄生和合妄死。**

Phiên Âm: Câu thị vô thủy, kiến vọng sở sanh. Lệ Diêm-phù-đề, tam thiên châu trung. Kiêm tứ đại hải, Ta Bà thế giới. Tinh kịp thập phương, chư hữu lậu quốc, cập chư chúng sanh. Đồng thị giác minh, vô lậu diệu tâm. Kiến văn giác tri, hư vọng bệnh duyên. Hòa hợp vọng sanh, hòa hợp vọng tử.

Việt dịch: Cả hai đều do vọng kiến từ vô thuỷ phát sinh. Giống như 3000 châu trong cõi Diêm-phù-đề, gồm bốn biển lớn và thế giới Ta-bà, cho đến các nước và các chúng sinh hữu lậu trong mười phương, đều là tâm giác ngộ sáng suốt vô lậu nhiệm mầu. Kiến văn giác tri là bệnh duyên hư vọng, khiến hư dối hòa hợp sinh ra, hư dối hòa hợp chết đi.

Giảng: Biệt nghiệp vọng kiến và đồng phận vọng kiến, hai lọai nghiệp báo khác nhau đã được nói ở trên nầy, Cả hai đều do vọng kiến từ vô thuỷ phát sinh.

Đều do từ một niệm bất giác mà có vô minh, và các cảnh giới hư vọng đều sinh khởi từ vô minh, từ vô thuỷ đến nay nó phát khởi thành cái thấy hư vọng. Đó là cách mà các cảnh giới nầy (biệt nghiệp vọng kiến và đồng phận vọng kiến) hiện hữu. “Cái thấy hư vọng” chính là phát sinh do vọng tưởng. Vốn chẳng có cái thấy hư vọng nào để bội trần hợp giác cả, và để loại trừ vọng tưởng cả, mà chỉ là chân tâm. Tai sao quý vị đều có chân tâm mà chẳng dùng được nó?

Tại sao quý vị mãi cứ bị vật xoay chuyển? Đó là vì vọng kiến. Giống như 3000 châu trong cõi Diêm-phù-đề, gồm bốn biển lớn. Người và cõi nước được đề cập ở trên là so sánh Diêm-phù-đề với 3000 châu, với thế giới Ta-bà, cho đến mười phương các nước hữu lậu– có nghĩa là các cõi nước, mà chúng sinh trong đó chưa chấm dứt được sinh tử–và các chúng sinh, đều là tâm giác ngộ sáng suốt vô lậu nhiệm mầu. Đó là kiến văn giác tri có trong tâm giác ngộ sáng suốt vô lậu nhiệm mầu.

Kiến văn giác tri là bệnh duyên hư vọng, khiến hư dối hòa hợp sinh ra, hư dối hòa hợp chết đi. Tất cả mọi chúng sinh và các cõi nước đều do kiến văn giác tri sinh khởi từ một niệm phan duyên ban đầu, sinh vọng niệm thủ xả. Khi có đầy

đủ yếu tố nhân duyên hòa hợp, sẽ cho các hiện tượng ấy khiến hư vọng sinh ra, Khi có đầy đủ yếu tố nhân duyên hòa hợp, chúng sẽ hư vọng diệt mất.

Kinh văn: **若能遠離諸和合緣及不和合。則復滅除諸生死因。圓滿菩提不生滅性。清淨本心本覺常住.**

Phiên Âm: Nhược năng viễn ly, chư hòa hợp duyên, cập bất hòa hợp. Tắc phục diệt trừ, chư sanh tử nhân. Viên mãn Bồ-đề, bất sanh diệt tánh. Thanh tịnh bản tâm, bổn giác thường trụ.

Việt dịch: Nếu có thể xa lìa các duyên hòa hợp và không hòa hợp, thì diệt trừ được các nhân sinh tử, đó chính là tánh giác ngộ tròn đầy không sinh không diệt, chính là chân tâm bản giác thanh tịnh thường trú.

Giảng: Văn trên đã nói về y báo và chánh báo. “Y báo” là núi sông, đất bằng, nhà cửa, lầu các, phòng xá. “Chính báo” là thân người. Y báo thì phải chịu trải qua các tiến trình thành, trụ, họai, không. Chánh báo thì phải trải qua các tiến trình sinh, lão, bệnh, tử. Thế nào là thành, trụ, họai, không? Trong thế giới nầy, một lần tăng một lần giảm được gọi là một kiếp. Khi mạng sống của con người đạt đến đỉnh cao nhất là 84.000 năm, cứ 100 năm, chiều cao của con người sẽ giảm trung bình mỗi năm 1 inch, và mạng sống của con người giảm mỗi năm trung bình 1 tuổi, tiếp tục giảm như thế cho đến khi mạng sống con người chỉ còn 10 tuổi; rồi tiếp tục tăng lại cho đến khi 84.000 tuổi, đó được gọi là một kiếp.

Một ngàn kiếp là một tiểu kiếp. Hai mươi tiểu kiếp là một trung kiếp. Bốn trung kiếp là một đại kiếp. Giai đoạn hình thành thế giới mất 20 tiểu kiếp. Giai đoạn trụ kéo dài 20 tiểu kiếp. Giai đoạn hoại 20 tiểu kiếp. Giai đoạn không 20 tiểu kiếp. Đó có nghĩa là tiến trình thành, trụ, họai, không. Hai mươi tiểu kiếp thành là 1 trung kiếp.

Hai mươi tiểu kiếp trụ là 1 trung kiếp. Hai mươi tiểu kiếp hoại là 1 trung kiếp. Hai mươi tiểu kiếp không là 1 trung kiếp. Thế là tất cả hai mươi tiểu kiếp của các tiến trình thành, trụ, họai, không tạo thành 4 trung kiếp. Gom lại 4 trung kiếp là 1 đại kiếp. Đối với chánh báo thì trải qua các tiến trình sinh, lão, bệnh, tử. Con người cần 20 năm để sinh ra lớn lên, 20 năm để học tập trưởng thành, 20 năm bệnh và già yếu, 20 sau cùng họ tiến dần đến cái chết.

Có hai loại sinh tử: phần đoạn sinh tử– sự sống chết, sinh diệt của xác thân– và biến dịch sinh tử. Thuật ngữ phần đoạn sinh tử xuất phát từ thực tế là mỗi người đều có một thọ mạng riêng và mỗi người có một thân tướng khác nhau.

Chẳng hạn, chiều cao của quý vị có thể là 5 feet 6 inches, và chiều cao của tôi là 5 feet 9 inches, trong khi người khác thì cao 3 feet. Mọi người đều có một thân tướng khác nhau. Hàng phàm phu là đối tượng của phần đoạn sinh tử.

Các vị thuộc hàng Nhị thừa, Thanh văn, Duyên giác, đã chấm dứt được phần đoạn sinh tử, nhưng họ vẫn còn trong vòng biến dịch sinh sinh tử. Thế nào là "biến dịch sinh sinh tử?" Có nghĩa là niệm này kế tiếp niệm khác sinh khởi mãi không dừng. Niệm niệm kế tiếp sinh khởi, niệm niệm kế tiếp hoại diệt. Nhân của sinh tử chính là vô minh, duyên của sinh tử chính là nghiệp thức.

Khi nhân – vô minh, và duyên –nghiệp thức nầy hòa hợp với nhau thì có sinh tử. Như Đức Phật dạy trong kinh nầy: Nếu có thể xa lìa các duyên hòa hợp–sự hòa hợp của nhân vô minh và duyên nghiệp thức–và không hòa hợp– và sự kết hợp của bất kỳ các nhân duyên không hòa hợp– thì diệt trừ được các nhân sinh tử. Khi ấy quý vị thóat khỏi phần đoạn sinh tử và biến dịch sinh tử.

Đó chính là tánh giác ngộ tròn đầy không sinh không diệt. Khi xa lìa sạch mọi nguyên nhân sinh tử thì quý vị đạt được quả niết-bàn vi diệu, tánh giác ngộ tròn đầy không sinh không diệt. Chính là chân tâm bản giác thanh tịnh thường trú. Đó chính là chân tâm, là bản tánh giác ngộ thường trú không sinh không diệt: nghĩa là Tự tánh.

Kinh văn: **阿難,汝雖先悟本覺妙明。性非因緣非自然性。而猶未明如是覺元。非和合生及不和合**

Phiên Âm: A-nan! Nhữ tuy tiên ngộ, bổn giác diệu minh. Tánh phi nhân duyên, phi tự nhiên tánh. Nhi do vị minh, như thị giác nguyên. Phi hòa hợp sanh, cập bất hòa hợp.

Việt dịch: A-nan, tuy trước đây ông đã ngộ được bản giác sáng suốt nhiệm mầu, tánh giác ấy chẳng phải nhân duyên, chẳng phải tự nhiên, nhưng ông vẫn chưa rõ được cội nguồn của tánh giác ấy vốn chẳng phải hòa hợp và cũng chẳng phải không hòa hợp mà sinh.

Giảng: Đoạn Kinh văn nầy Đức Phật nói ra là để phá trừ ý niệm hòa hợp và không hòa hợp. A-nan vẫn còn nghi ngờ về điều nầy, nên Đức Phật giảng rõ giáo lý nầy lại một lần nữa. Đức Phật một lần nữa nói rõ tánh thấy chỉ là như vậy. Trước tiên Đức Phật quở trách A-nan: " A-nan, tuy trước đây ông đã ngộ được bản giác sáng suốt nhiệm mầu, tánh giác ấy chẳng phải nhân duyên, chẳng phải tự nhiên–A-nan, ông đã hiểu giáo lý nầy từ khi Như Lai giảng lần trước đây rồi.

Tánh giác ngộ sáng suốt nhiệm mầu không thuộc về nhân duyên, không thuộc về tự nhiên. Nhưng ông vẫn chưa rõ được." Đức Phật quở trách A-nan: " Ông vẫn chưa hiểu được rằng cội nguồn của tánh giác ấy vốn chẳng phải hòa hợp và cũng chẳng phải không hòa hợp mà sinh. Nó cũng không phát xuất từ chẳng hòa hợp. Hòa hợp đây có nghĩa là sự kết hợp của vô minh và nghiệp thức. Quý vị có thể nghĩ rằng nó phát sinh từ sự kết hợp ấy hoặc là từ chẳng hòa hợp, nhưng cả hai ý niệm ấy đều không đúng.

Ngoại đạo chủ trương thuyết tự nhiên được gọi là Thần ngã. Họ xem cái ngã là Thần ngã. Quan niệm của họ là như thế nầy: Bên ngoài phạm trù của tướng phần (của A-lại-da thức) có một phạm trù thấy, và đó chính là cái mà họ cho là Thần ngã. Thần ngã ấy chuyển thành sự nhận thức và hiểu biết theo chủ trương của Thần ngã ngoại đạo. Còn nhóm ngoại đạo chủ trương thuyết nhân duyên chấp vào luận điểm trên cho rằng không có phạm trù thấy nào vượt qua tướng phần, nên họ cho rằng không có ngã, chỉ có tướng phần (tức vật bị thấy), tức phạm trù của cảnh vật được nhận biết.

Cũng còn có những người chủ trương thuyết hòa hợp. Họ cho rằng khi vô minh và nghiệp thức kết hợp với nhau thì liền có sinh diệt. Tướng là đối tượng của sinh diệt, và tánh chẳng phải là đối tượng sinh diệt, không giống và chẳng dính dáng gì đến những thứ khác. Thế nên họ cho là không hòa hợp. Đây là bốn quan niệm do ngoại đạo chủ trương, chứ không phải do Đức Phật dạy. Thế nên bây giờ Đức Phật ngại rằng A-nan sẽ bị nhầm lẫn giáo lý nầy, nên giảng giải thêm một lần nữa. Đức Phật biết A-nan vẫn còn nghi ngờ.

Cũng giống như khi có cái sai thì cái đúng vẫn không tách rời với cái sai. Và khi có cái đúng thì cái sai vẫn còn đó, nó chẳng hề thiếu sót. Cũng như bàn tay, có lòng bàn tay và lưng bàn tay: mặc dù lòng bàn tay và lưng bàn tay là hai, nhưng cả hai đều là một; khi cần làm việc gì thì quý vị phải xoay cả bàn tay lại. Cũng như tướng là đối tượng của sinh diệt, và tánh chẳng phải là đối tượng sinh diệt, nhưng tánh tướng là một. Cũng như phiền não và bồ-đề, sinh tử và niết-bàn; tất cả đều có cùng một đạo lý. Những ai đã học Phật pháp chắc chắn phải nên tham cứu kỹ Kinh Thủ Lăng Nghiêm và phải thông đạt nghĩa lý kinh nầy. Kinh Thủ Lăng Nghiêm khiến phát sinh đại trí huệ.

Nếu quý vị muốn có chánh tri chánh kiến và khai mở đại trí huệ thì dứt khóat phải thông đạt kinh Thủ Lăng Nghiêm. Tác dụng của kinh Thủ Lăng Nghiêm là phá tà hiển chánh. Kinh phá trừ sạch mọi loài thiên ma ngoại đạo, cùng khai thị năng lực chánh tri chánh kiến vốn có trong mỗi chúng sinh. Nhưng vào thời kỳ Phật pháp sắp hoại diệt thì Kinh Thủ Lăng Nghiêm sẽ bị tiêu hủy trước hết.

Thế nên nếu chúng ta nuốn hộ trì chánh pháp thì chúng ta nên tham cứu kinh Thủ Lăng Nghiêm.

Để được thông đạt và thấm nhập kinh Thủ Lăng Nghiêm, và hộ trì kinh Thủ Lăng Nghiêm. Khi đến thời kỳ Phật pháp sắp hoại diệt, thì yêu ma quỷ quái hiện hành ở thế gian nầy, cùng với những người có tà tri tà kiến. Chúng rất thông thạo pháp thế gian, nó có rất nhiều năng lực biện tài và rất thông minh lanh lợi. Nó dùng lý lẽ để thuyết phục mọi người rằng kinh Thủ Lăng Nghiêm là giả mạo – ngụy tạo – và bảo mọi người đừng tin kinh nầy.

Vì sao nói Kinh Thủ Lăng Nghiêm là giả mạo? Vì Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói rõ về những sai lầm của chúng. Vì kinh nói về những tà tri tà kiến của chúng. Nếu Kinh Thủ Lăng Nghiêm còn lưu hành ở thế gian, thì sẽ không có ai tin vào tà tri tà kiến.

Nếu kinh Thủ Lăng Nghiêm không còn được lưu hành nữa, thì những tà tri tà kiến nầy của chúng tiếp tục làm mê hoặc con người. Thế nên họ cho rằng Kinh Thủ Lăng Nghiêm là nguỵ tạo. Điều này là hiện tướng của ma vương. Những ai đã tu học Phật pháp đặc biệt phải chú ý điểm nầy. Hãy hết sức thận trọng, đừng để mình bị tà tri tà kiến của ma vương kia xoay chuyển. Đừng để cho ma vương thay đổi tư tưởng và quan niệm của quý vị.

Có quý vị nào có ý kiến gì muốn hỏi không? Hỏi: Kinh Lăng-già so sánh với Kinh Thủ Lăng Nghiêm như thế nào? Đáp: Yếu chỉ Kinh Lăng-già là nói về giáo lý Thiền tông. Khác với Kinh Thủ Lăng Nghiêm. Sơ Tổ Bồ-đề Đạt-ma đã dùng Kinh Lăng-già như là nền tảng khi Ngài truyền bá Thiền tông ở Trung Hoa. Kinh Thủ Lăng Nghiêm biểu tượng cho trí huệ chân chính của toàn bộ giáo lý Phật giáo.

Hỏi: Có thể các vị Bồ-tát thị hiện với thân tướng của một đạo sư ngoại đạo không? Đáp: Tất cả các pháp đều là Phật pháp. Không có điều gì chẳng có thể xảy ra cả. Chỉ cần đừng chấp trước. Nếu quý vị chấp trước, thì chẳng phải là Phật pháp. Nếu quý vị không chấp trước, thì đó chính là Phật pháp. Nếu quý vị chấp trước, thì đó là pháp ma.

Hỏi: Các bản dịch Kinh Thủ Lăng Nghiêm khác đã được ấn hành. Cơ bản có được chính xác không? Nếu không, xin Sư phụ cho biết những người đọc tiếng Anh như chúng con nên đọc bản kinh nào? Đáp: Bây giờ chúng ta đang trong tiến trình dịch Kinh Thủ Lăng Nghiêm. Với những bản dịch mà quý vị đề cập, thì có bản đúng ở phần nầy, có bản thiếu chính xác phần kia, và có bản hòan toàn không tương ứng với ý chỉ cơ bản của kinh.

Chẳng hạn, có dịch giả nói rằng Ngài Tây phương không thích Chú Thủ Lăng Nghiêm nên họ không nghiên cứu phần Chú. Đó thật là hòan toàn sai lầm. Nên họ đã bỏ phần Chú trong bản dịch của họ. Nhưng nếu không có phần thần Chú Thủ Lăng Nghiêm trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm, thì cơ bản là chẳng có lý do gì để nói Kinh Thủ Lăng Nghiêm cả. Quan trọng của Kinh Thủ Lăng Nghiêm là chỉ để tán thán Chú Thủ Lăng Nghiêm. Nếu có dịch giả nào theo ý mình mà bỏ phần Chú Thủ Lăng Nghiêm, điều ấy hòan toàn ngược lại với mục đích của Đức Phật khi nói Kinh Thủ Lăng Nghiêm.

Hỏi: Con có nghe nói về Kinh Pháp Hoa rằng Đức Phật thuyết tất cả các kinh trong tất cả các thời khác đều là giảng bày giáo lý phương tiện, và giáo lý được giảng dạy đó chỉ để khiến mọi người tin nhận Kinh Pháp Hoa, rằng vào giai đoạn mạt pháp, mọi kinh khác sẽ không còn hiệu lực, chỉ Kinh Pháp Hoa là thực sự còn năng lực ấy mà thôi. Đáp: Không sai, mọi kinh khác đều được nói từ yếu chỉ của Kinh Pháp Hoa. Nhưng Kinh Pháp Hoa là để khiến cho mọi chúng sinh đều được thành Phật.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm là để khai mở trí huệ. Kinh Pháp Hoa là để nhận ra Phật tánh. Kinh Thủ Lăng Nghiêm là để phá trừ tà tri tà kiến. Cũng có thể nói rằng nhờ có Kinh Pháp Hoa mà Kinh Thủ Lăng Nghiêm mới phá trừ được tà tri tà kiến của thiên ma ngoại đạo–có nghĩa là khiến chúng sinh tu tập Diệu Pháp Liên Hoa Kinh. Chúng sinh nghiên cứu Kinh Pháp Hoa và hành trì pháp môn đã được giảng giải trong kinh là để nhận ra Phật tánh.

Tuy nhiên, về lâu dài, khi Phật pháp sắp vào thời kỳ hoại diệt, không phải Kinh Pháp Hoa còn lưu truyền trên thế gian, mà là Kinh A-di-đà. Vào thời kỳ cuối, khi Phật pháp hoại diệt, chỉ còn Kinh A-di-đà còn lưu truyền trên thế gian, và sau khi Kinh A-di-đà lưu truyền trên thế gian chừng 100 năm nữa thì Kinh A-di-đà cũng biến mất, chỉ còn lại một câu, đó là sáu chữ hồng danh Nam mô A-di-đà Phật vẫn còn lưu truyền.

Kinh văn: **阿難,吾今復以前塵問汝。汝今猶以一切世間。妄想和合諸因緣性。而自疑惑。證菩提心和合起者。**

Phiên Âm: A-nan! Ngô kim phục dĩ, tiền trần vấn nhữ. Nhữ kim do dĩ, nhất thiết thế gian. Vọng tưởng hòa hợp, chư nhân duyên tánh. Nhi tự nghi hoặc. Chứng Bồ-đề tâm, hòa hợp khởi giả.

Việt dịch: A-nan, nay Như Lai lại lấy tiền trần để hỏi ông. Nay ông còn lấy tất cả vọng tưởng hòa hợp với tánh nhân duyên trong thế gian mà tự nghi lầm rằng chứng được tâm bồ-đề là do hòa hợp mà phát khởi.

Giảng: Lý do Đức Phật không giải quyết một trong các lý thuyết chính của ngoại đạo, là vì Ngài e rằng tâm trí người đệ tử nhỏ của mình sẽ lang thang theo chiều hướng ấy. Thế nên Ngài nói: "A-nan, nay Như Lai lại lấy tiền trần để hỏi ông. Nay ông còn lấy tất cả vọng tưởng hòa hợp với tánh nhân duyên trong thế gian mà tự nghi lầm rằng chứng được tâm bồ-đề là do hòa hợp mà phát khởi. Ông vẫn cứ đem học thuyết của ngoại đạo ra so sánh với pháp của Như Lai, thế nên nay Như Lai sẽ phân tích cho ông rõ."

Kinh văn: **則汝今者妙淨見精。為與明和,為與闇和。為與通和為與塞和。若明和者且汝觀明。當明現前何處雜見。見相可辨雜何形像。**

Phiên Âm: Tắc nhữ kim giả, diệu tịnh kiến tinh. Vi dữ minh hòa, vi dữ ám hòa. Vi dữ thông hòa, vi dữ tắc hòa. Nhược minh hòa giả, thả nhữ quán minh. Đương minh hiện tiền, hà xứ tạp kiến. Kiến tướng khả biện, tạp hà hình tượng?

Việt dịch: Vậy nay tánh thấy thanh tịnh nhiệm mầu của ông là cùng với sáng hòa hợp hay cùng với tối hòa hợp? Là cùng với thông hòa hợp hay cùng với bít hòa hợp? Nếu cùng với sáng hòa hợp, thì khi ông đang thấy sáng, cái sáng hiện trước mặt, vậy chỗ nào xen lẫn với cái thấy. Nếu có thể phân biệt được tướng của cái thấy, thì hình tượng của cái xen tạp là thế nào?

Giảng: Đức Phật hỏi A-nan: "Vậy nay tánh thấy thanh tịnh nhiệm mầu của ông là cùng với sáng hòa hợp hay cùng với tối hòa hợp? Là cùng với thông hòa hợp hay cùng với bít hòa hợp? Như ông hiện nay, tánh thấy thanh tịnh nhiệm mầu của ông là cùng với sáng hòa hợp hay cùng với tối hòa hợp? Là cùng với thông hòa hợp hay cùng với bít hòa hợp? Nó hòa hợp với cái gì? Nếu cùng với sáng hòa hợp, thì khi ông đang thấy sáng, cái sáng hiện trước mặt, vậy chỗ nào xen lẫn với cái thấy?

Nếu ông nói tánh thấy hòa hợp với ánh sáng, thì khi ông nhìn ánh sáng trước mặt ông, thì hãy nói cho Như Lai biết trong đó phần nào là sáng? Hãy chỉ nó ra! Chỗ nào là hòa hợp với sáng? Nếu có thể phân biệt được tướng của cái thấy, thì hình tượng của cái xen tạp là thế nào? Nếu ông có thể xác định được hình tướng của cái thấy, nếu ông có thể nhận ra được nó, thì hình tướng của nó sẽ ra sao khi nó hòa hợp với sáng? Chẳng hạn, khi ông hòa màu trắng với màu đỏ, kết quả là chẳng còn màu đỏ lẫn màu trắng. Khi ông hòa lẫn cái thấy và sáng, thì kết quả cuối cùng sẽ giống như thế nào?

Kinh văn: **若非見者,云何見明。若即見者云何見見。**

Phiên Âm: **Nhược phi kiến giả, vân hà kiến minh. Nhược tức kiến giả, vân hà kiến kiến?**

Việt dịch: Nếu chẳng phải là cái thấy, thì làm sao thấy được sáng? Còn nếu chính là cái thấy, thì làm sao thấy được cái thấy?

Giảng: Nếu chẳng phải là cái thấy, thì làm sao thấy được sáng? Nếu ông nói rằng ông thấy được sáng và đó chính là cái thấy, thì lẽ ra ông thấy được cái thấy. Còn nếu chính là cái thấy, thì làm sao thấy được cái thấy? Sao ông lại như thế được? Phương cách như thế nào?”

nh văn: **必見圓滿,何處和明。若明圓滿不合見和。**

Phiên Âm: **Tất kiến viên mãn, hà xứ hòa minh. Nhược minh viên mãn, bất hợp kiến hòa.**

Việt dịch: Nếu cái thấy cùng khắp, thì chỗ nào hòa với cái sáng? Nếu sáng cùng khắp thì không thể hòa với cái thấy.

Giảng: Nếu cái thấy cùng khắp, thì chỗ nào hòa với cái sáng? Nếu ông biết rằng cái thấy hòan toàn viên mãn, không hề thiếu sót, chẳng thiếu chẳng dư, sao ông có thể hòa với sáng được? Nếu sáng cùng khắp thì không thể hòa với cái thấy. Nếu ông cho rằng cái thấy không cùng khắp nhưng cái sáng cùng khắp, thì cái sáng lẽ ra không hòa được với cái thấy. Nếu cái thấy chẳng thiếu chẳng dư, nó chẳng thể nào nhận thêm vào một vật nào khác nữa.

Kinh văn: **見必異明,雜則失彼性明名字。雜失明性,和明非義。彼暗與通及諸群塞亦復如是.**

Phiên Âm: **Kiến tất dị minh, tạp tắc thất bỉ, tánh minh danh tự. Tạp thất minh tánh, hòa minh phi nghĩa. Bỉ ám dữ thông, cập chư quần tắc, diệc phục như thị.**

Việt dịch: Cái thấy đã khác với cái sáng, thì khi xen tạp, ắt phải mất tên gọi của tính sáng. Cái thấy xen lẫn vào làm mất tính chất của cái sáng, mà nói hòa với cái cái sáng là không có nghĩa. Đối với cái tối, thông, bít lấp kia cũng lại như vậy.

Giảng: “Cái thấy đã khác với cái sáng, thì khi xen tạp, ắt phải mất tên gọi của tính sáng. Nếu ông cho rằng cái thấy và cái sáng là hai thực thể riêng biệt, thì

theo đó, chúng phải đánh mất tính chất riêng của chúng khi chúng hòa lẫn với nhau. Tính đồng nhất của tánh thấy và tính đồng nhất của cái sáng–bản thể của cái sáng– cả hai lẽ ra phải bị biến mất. “Cái thấy xen lẫn vào làm mất tính chất của cái sáng, mà nói hòa với cái cái sáng là không có nghĩa. Thế nên Như Lai bảo rằng không có cái gì giống như cái gọi là hòalẫn giữa tánh thấy của ông và cái sáng. Để nói rằng việc hòa hợp kia không có nghĩa lý xác thực.

Đối với cái tối, thông, bít lấp kia cũng lại như vậy. Đạo lý là ở điểm tánh thấy không thể nào hòa lẫn với cái sáng, đều có thể áp dụng với tiền đề là có thể hòa lẫn với cái tối, thông, bít, lấp. Tánh thấy không thể nào hòa lẫn với những thứ ấy. Sao ông lại nói chứng được tâm bồ-đề là do hòahợp mà được? Đó là một sai lầm.” Trước đây, A-nan đã nghi ngờ rằng tánh thấy có phát sinh từ nhân duyên hay chăng? Đức Phật đã phá trừ quan niệm nầy. Nay A-nan lại kết luận rằng tánh thấy là kết quả từ sự hòa hợp. Từng bước từng bước, Đức Phật đã giải trừ sự mê lầm cho A-nan.

Ngay khi Đức Phật giải trừ được mối mê lầm này, thì A-nan lại vướng vào mối mê làm khác. A-nan vẫn chưa nhận ra được giáo lý chân thật. Đức Phật dạy rằng tất cả mọi chúng sinh đều có Phật tánh. Tất cả đều có thể thành Phật. Có người nghe như vậy rồi phát cuồng lên, nói rằng: “Ta là Phật. Mọi người đều là Phật.” Tại sao họ không nói rằng mọi người là ma quỷ? Mà lại nói mọi người đều là Phật? Nếu mọi người đều là Phật, thế thì ông có thành Phật không? Đức Phật thì có Tam thân, Tứ trí, Ngũ nhãn, Lục thông. Còn ông thì có được bao nhiêu thân? Đức Phật có Thanh tịnh pháp thân, Viên mãn báo thân, Thiên bá ức hóa thân. Còn ông có được mấy thân?

Đức Phật có Đại viên cảnh trí, Bình đẳng tánh trí, Diệu quan sát trí, và Thành sở tác trí– làm thành Tứ trí. Còn ông có được mấy trí? Đức Phật có Ngũ nhãn: Phật nhãn, pháp nhãn, huệ nhãn, nhục nhãn và thiên nhãn. Ông có được bao nhiêu mắt? Ông không có được một con mắt nào cả. Ông chưa mở được con mắt nào cả mà dám nói: “Ồ! Ta là Phật.” Thế ông là Phật gì? Chư Phật đều có danh xưng. Thế tên vị Phật của ông là gì?

“Đơn giản, tôi chỉ là Phật.” – Quý vị nói. Nếu ngay cả cái tên cũng không có, thì ông là loại Phật nào? Phật nào cũng có danh xưng, chẳng có Phật nào vô danh cả. Thế nên ai đi quanh mà nói: “Mọi người đều là Phật,” thì đó chỉ là người bị cuồng thôi! Vâng, đúng thật mọi người đều là Phật, nhưng phải tu tập Phật pháp mới thành được. Sau sáu năm ngồi thiền dưới cây Bồ-đề trong núi Tuyết, một hôm, Ngài thấy sao Mai mọc và hóat nhiên chứng ngộ. Đó là công phu tu tập đã khiến cho Đức Phật thành Đạo. Nhưng nay ông suốt từ sáng đến

tối chỉ làm những gì mình thích, nếu ông thích uống rượu, ông liền đi uống. Nếu ông thích hút thuốc, ông rút thuốc ra hút.

Ông thích xem phim, ông liền đi xem. Nếu ông thích khiêu vũ, ông liền đi khiêu vũ, sau đó ông về nhà với vợ ông. Phật của ông như vậy đó. À! Quá dễ! Thế nên ông hãy xem biết bao nhiêu khổ nhọc và khó khăn mà Đức Phật phải trải qua mới được thành Phật, còn ông thì suốt ngày chỉ biết nằm trên giường và đi quanh nhà. Chẳng cần nói phải ngồi thiền suốt sáu năm, chỉ cần sáu ngày ông cũng không thể nào ngồi được trong trạng thái bất động.

Tôi sẽ xem ông là Phật nếu ông ngồi thiền trong trạng thái bất động trong sáu ngày. Nhưng ông không thể nào ngồi yên được dù chỉ trong sáu giờ, thế mà ông nói mình đã là Phật. Thế có phải là điên đảo không? A-nan có thể gọi là điên đảo, nhưng suy nghĩ trên của quý vị còn điên đảo hơn A-nan. Thế nên tôi gọi những người có hành động như trên là ma vương. Từ nay trở đi, khi quý vị gặp những người như vậy, quý vị có thể gọi họ là ma vương.

Kinh văn: **復次阿難,又汝今者妙淨見精。為與明合為與暗合。為與通合為與塞合。**

Phiên Âm: Phục thứ A-nan, hựu nhữ kim giả, diệu tịnh kiến tinh. Vi dữ minh hợp, vi dữ ám hợp. Vi dữ thông hợp, vi dữ tắc hợp.

Việt dịch: Lại nữa A-nan, tánh thấy thanh tịnh sáng suốt nhiệm mầu hiện nay của ông lại hợp với sáng hay hợp với tối? Hợp với thông hay hợp với bít?

Giảng: Hòa khác với hợp. Hòa là khi hai thứ pha trộn hòa tan lẫn với nhau. Hợp là giống như khi đem cái nắp đặt vừa khít trên miệng nồi vậy. Nắp và nồi đã hợp thành một. Thế nên Đức Phật nói: “Lại nữa A-nan, tánh thấy thanh tịnh sáng suốt nhiệm mầu hiện nay của ông. Bản thể của tánh thấy vốn thanh tịnh sáng suốt nhiệm mầu, nó có hợp với sáng? Hay hợp với tối? Hợp với thông hay hợp với bít?

Kinh văn: **若明合者,至於暗時,明相已滅。此見即不與諸暗合,云何見暗。若見暗時,不與暗合。與明合者,應非見明。既不見明,云何明合。了明非暗.**

Phiên Âm: Nhược minh hợp giả, chí ư ám thời, minh tướng dĩ diệt. Thử kiến tức bất, dữ chư ám hợp, vân hà kiến ám? Nhược kiến ám thời, bất dữ

ám hợp. Dữ minh hợp giả, ưng phi kiến minh. Ký bất kiến minh, vân hà minh hợp?

Việt dịch: Nếu hợp với sáng, thì khi tối đến, tướng sáng đã mất, cái thấy nầy không hợp với tối, thì làm sao thấy tối được? Nếu khi thấy tối mà không hợp với tối, mà hợp với sáng, thì lẽ ra cũng không thấy được sáng, thì làm sao gọi là hợp với sáng? Rõ ràng chẳng phải là tối.

Giảng: Nếu hợp với sáng–nếu ông nói rằng tánh thấy và cái sáng hợp cùng nhau, thì khi tối đến, tướng sáng đã mất, cái thấy nầy tức không hợp với tối, thì làm sao thấy tối được? Khi có cái tối, tính chất của cái sáng biến mất, vì tánh thấy không hợp với cái tối, làm sao thấy được cái tối? Nếu khi thấy tối mà không hợp với tối, nếu ông nói rằng khi ông thấy tối, thì cái thấy không hợp với cái tối–cho dù nó không thấy cái tối, thì nó cũng không hợp với tối–mà hợp với sáng, thì lẽ ra cũng không thấy được sáng. Nếu ông nói rằng cái thấy hợp với sáng, thì lẽ ra nó phải hợp với sáng.

Có nghĩa là, nếu ông nói rằng nó có thể thấy được những gì nó không hợp – trong trường hợp nầy là tối– thì lẽ ra nó sẽ không thấy được gì mà nó hợp với– có nghĩa là sáng. Thì làm sao gọi là hợp với sáng? Rõ ràng chẳng phải là tối. Quý vị có thể thấy sáng và hòan toàn biết rõ ràng chắc chắn rằng đó chẳng phải là tối. Thế thì, theo lập luận của ông, lẽ ra ông không thấy được sáng, nhưng đó không phải là thực tế, vì ông có thể phân biệt được khác nhau giữa sáng và tối. Thế nên phân tích rốt ráo, ông nói tánh thấy hợp với sáng hay hợp với tối?”

Kinh văn: **彼暗與通。及諸群塞亦復如是.**

Phiên Âm: Liễu minh phi ám, bỉ ám dữ thông. Cập chư quần tắc, diệc phục như thị.

Việt dịch: Đối với cái tối, cái thông, cái bít kia cũng lại như vậy.

Giảng: “Đối với cái tối, cái thông, cái bít kia cũng lại như vậy.” Đạo lý hòan toàn giống nhau đối với khả năng của tánh thấy khi hợp với tối, với thông hay mọi thứ ngăn bít khác. Quý vị không thể nói rằng tánh thấy hợp với tất cả mọi tướng. Nhưng cũng không thể nói rằng tánh thấy chẳng hợp với tất cả mọi tướng. Thực tế là sáng và tối là đối tượng của sinh diệt, trong khi tánh thấy chẳng phải là đối tượng của sinh diệt. Cái gì không sinh không diệt thì không thể nào hợp với cái sinh diệt được. A-nan không hiểu được đạo lý nầy, thế nên

Như Lai đã đem lòng từ bi dùng kế phương tiện, phải dùng nhiều thí dụ để khai thị cho A-nan.

Kinh văn: **阿難白佛言世尊。如我思惟此妙覺元。與諸緣塵及心念慮非和合耶。**

Phiên Âm: A-nan bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như ngã tư tánh, thử diệu giác nguyên. Dữ chư duyên trần, cập tâm niệm lự, phi hòa hợp da?

Việt dịch: A-nan bạch Phật: "Bạch Đức Thế tôn! Nay con suy nghĩ, cái tâm vốn giác ngộ nhiệm mầu nầy, cùng các duyên trần và các tâm niệm nghĩ suy không hòa hợp chăng?"

Giảng: Vừa nghe xong lời giảng của Đức Phật, A-nan liền có mối nghi khác. A-nan lại suy nghĩ và bận tâm về mối nghi ấy. A-nan bạch Phật: "Bạch Đức Thế tôn! Nay con suy nghĩ, cái tâm vốn giác ngộ nhiệm mầu nầy– điều nầy liên quan đến tánh thấy –cùng các duyên trần. Nó chẳng hòa hợp với các trần lao vốn sinh khởi từ các duyên hay chăng? Và các tâm niệm nghĩ suy không hòa hợp chăng?" A-nan hỏi: "Có phải những thứ khác nhau nầy thực sự không hòa hợp hay sao?"

Câu hỏi của A-nan biểu lộ lời nói của A-nan không dứt khóat. Trước đây, những lời A-nan nói rất là quả quyết. A-nan nói rằng tánh thấy là do tự nhiên, rồi do nhân duyên, và A-nan viện dẫn đến rất nhiều học thuyết. A-nan nói với tâm trạng rất tự tin, nhưng lập luận của A-nan không đứng vững, tất cả những ý tưởng đó đều bị Đức Phật bác sạch. Nên bây giờ A-nan đã biết vấn đề nan giải. Khi nói điều gì, A-nan không kết luận một cách dứt khóat. "Chẳng phải là nó không hòa hợp hay sao?" A-nan dã dùng lối nghi vấn. "Con nghĩ là đạo lý đúng như vậy, nhưng có thể cũng chẳng phải như vậy?"

Kinh văn: **佛言汝今又言覺非和合。吾復問汝此妙見精非和合者。為非明和為非暗和。為非通和為非塞和。**

Phiên Âm: Phật ngôn: Nhữ kim hựu ngôn, giác phi hòa hợp. Ngô phục vấn nhữ, thử diệu kiến tinh, phi hòa hợp giả. Vi phi minh hòa, vi phi ám hòa. Vi phi thông hòa, vi phi tắc hòa.

Việt dịch: Nay ông nói tánh giác chẳng phải hòa hợp. Như Lai lại hỏi ông, (nếu) tánh thấy nhiệm mầu nầy chẳng hòa, là chẳng hòa với cái sáng, hay chẳng hòa với cái tối, chẳng hòa cùng cái thông, hay chẳng hòa với cái bít?

Giảng: Tánh thấy vốn không sinh không diệt. A-nan đang cố công so sánh cái không sinh không diệt với cái sinh diệt. A-nan muốn so sánh cái không sinh không diệt (tánh thấy) với sáng và tối, với thông và bít, với nhân duyên, với tâm niệm suy lường. A-nan vẫn muốn xếp vào dạng đó. Bây giờ ý tưởng của A-nan có rất nhiều, và A-nan nói: "Nó không hòa hợp hay sao?". Đáp lại,

Đức Phật nói: "Nay ông nói tánh giác chẳng phải hòa. Trước đây ông nói rằng tánh giác là hòa hợp."Nay Như Lai lại hỏi ông – Nay Như Lai sẽ hỏi ông những vấn đề khác. (Nếu) tánh thấy nhiệm mầu nầy chẳng hòa: Ông nói rằng tánh thấy nhiệm mầu không sinh không diệt nầy không hòa hợp. Là chẳng hòa với cái sáng, hay chẳng hòa với cái tối, chẳng hòa cùng cái thông, hay chẳng hòa với cái bít? Nói nhanh!"

Kinh văn: **若非明和,則見與明必有邊畔。**

Phiên Âm: Nhược phi minh hòa, tắc kiến dữ minh, tất hữu biên bạn.

Việt dịch: Nếu chẳng hòa cùng cái sáng, thì giữa cái thấy và cái sáng ắt phải có ranh giới.

Giảng: Nếu chẳng hòa cùng cái sáng, thì giữa cái thấy và cái sáng ắt phải có ranh giới. Nếu ông muốn nói rằng không có sự hòa hợp với sáng, thì tánh thấy của ông và cái sáng chắc hẳn phải có một ranh giới. Cái gì là ranh giới trong cái thấy của ông? Nếu ông nói rằng nó không hòa hợp với sáng, thế thì ông hãy tìm cho ra ranh giới giữa chúng. Cái gì biểu thị cho sự phân cách giữa chúng?

Kinh văn: **汝且諦觀,何處是明,何處是見。在見在明自何為畔。**

Phiên Âm: Nhữ thả đế quán, hà xứ thị minh, hà xứ thị kiến. Tại kiến tại minh, tự hà vi bạn.

Việt dịch: Ông hãy xem kỹ, nơi nào là cái sáng, nơi nào là cái thấy? Nơi đâu là ranh giới của cái thấy và cái sáng?

Giảng: Ông hãy xem kỹ. Hãy nhìn cho kỹ. Nơi nào là cái sáng? Nơi nào là giới hạn của sáng? Nơi nào là cái thấy? Nơi nào là giới hạn của cái thấy? Nơi đâu là ranh giới của cái thấy và cái sáng? Hãy nói cho Như Lai biết đường phân cách giữa hai cái ấy là đâu?

Kinh văn: **阿難,若明際中,必無見者,則不相及。自不知其明相所在。畔云何成。**

Phiên Âm: A-nan! Nhược minh tế trung, tất vô kiến giả, tắc bất tướng cập. Tự bất tri kỳ, minh tướng sở tại. Bạn vân hà thành?

Việt dịch: A-nan, nếu bên cái sáng, ắt không có cái thấy, thì hai cái chẳng tiếp xúc được với nhau. Cái thấy tự chẳng biết tướng sáng ở đâu thì làm sao thành lập được ranh giới?

Giảng: A-nan, nếu bên cái sáng, ắt không có cái thấy. Nếu trong tướng sáng quả thực là không có tánh thấy, thì hai cái chẳng tiếp xúc được với nhau. Cái thấy và sáng chẳng tiếp xúc với nhau. Hai cái không hề gặp nhau. Cái thấy tự chẳng biết tướng sáng ở đâu. Vì cả hai cái không tiếp xúc với nhau, hiển nhiên là người ta chẳng thể nào biết được tướng sáng ở đâu? Thì làm sao thành lập được ranh giới? Nếu ông không biết ngay cả tướng sáng ở đâu, thì làm sao chỉ ra được ranh giới?

Kinh văn: **彼暗與通,及諸群塞亦復如是.**

Phiên Âm: Bỉ ám dữ thông, cập chư quần tắc, diệc phục như thị.

Việt dịch: Đối với cái tối, cái thông, cái bít kia cũng lại như vậy.

Giảng: "Đối với cái tối, cái thông, cái bít kia cũng lại như vậy. Đạo lý nầy cũng giống như trường hợp đối với cái tối, cái thông, cái bít. Nay ông hãy phân chia chúng ra cho Như Lai. Ông nói chúng không hòa hợp; đâu là ranh giới chỉ ra sự không hòa hợp của chúng? Nói nhanh!"

Kinh văn: **又妙見精非和合者。為非明合為非暗合。為非通合為非塞合。**

Phiên Âm: Hựu diệu kiến tinh, phi hòa hợp giả. Vi phi minh hợp, vi phi ám hợp. Vi phi thông hợp, vi phi tắc hợp?

Việt dịch: Lại nữa, tánh thấy nhiệm mầu không hòa hợp, là chẳng hợp với cái sáng, hay chẳng hợp với cái tối, là chẳng hợp với cái thông, hay chẳng hợp với cái bít?

Giảng: Văn trên đã luận về hòa. Nay sẽ luận về hợp. Lại nữa, tánh thấy nhiệm mầu không hòa hợp, ông nói rằng tánh thấy nhiệm mầu nầy là không hòa hợp, là chẳng hợp với cái sáng, hay chẳng hợp với cái tối, là chẳng hợp với cái thông, hay chẳng hợp với cái bít?

Kinh văn: **若非明合,則見與明,性相乖角。如耳與明,了不相觸.**

Phiên Âm: Nhược phi minh hợp, tắc kiến dữ minh, tánh tướng quai giác. Như nhĩ dữ minh, liễu bất tướng xúc kiến.

Việt dịch: Nếu chẳng hợp với cái sáng, thì cái thấy và cái sáng có tánh trái nghịch nhau. Ví như lỗ tai và cái sáng, hoàn toàn không tiếp xúc với nhau được.

Giảng: "Nếu chẳng hợp với cái sáng, thì cái thấy và cái sáng có tánh trái nghịch nhau." Nếu cái thấy không hợp với tướng sáng, thì nó trái nghịch với cái khác. Do nó không hợp, nên nó phải bất hòa và trái nghịch lẫn nhau.

Ví như lỗ tai và cái sáng, hoàn toàn không tiếp xúc với nhau được. Cũng như lỗ tai, nếu khi quý vị nhìn, quý vị có thể thấy được ánh sáng, nếu quý vị che mắt lại, thì tai quý vị không biết được sáng hay tối. Lỗ tai không phân biệt được sáng và tối. Cái sáng và tánh nghe không quan hệ gì với nhau cả.

Kinh văn: **見且不知明相所在。云何甄明合非合理。**

Phiên Âm: Thả bất tri kiến, minh tướng sở tại. Vân hà chấn minh, hợp phi hợp lý.

Việt dịch: Cái thấy còn chẳng biết tướng sáng ở đâu. Làm sao phân biệt được rõ ràng nghĩa hợp hoặc không hợp?

Giảng: Cái thấy còn chẳng biết tướng sáng ở đâu. Làm sao phân biệt được rõ ràng nghĩa hợp hoặc không hợp? Không thể thấy được cái sáng vì tánh thấy không hợp với sáng, thế làm sao mà phân biệt được? Làm sao có thể biết được sự hiện hữu hay vắng mặt của cái sáng?

Kinh văn: **彼暗與通及諸群塞亦復如是。**

Phiên Âm: Bỉ ám dữ thông, cập chư quần tắc, diệc phục như thị.

Việt dịch: Đối với cái tối, cái thông, cái bít kia cũng lại như vậy.

Giảng: "Đối với cái tối, cái thông, cái bít kia cũng lại như vậy. Đạo lý nầy cũng giống như trường hợp đối với cái tối, cái thông, cái bít.

Kinh văn: **阿難,汝猶未明一切浮塵諸幻化相。當處出生,隨處滅盡,幻妄稱相。其性真為妙覺明體。**

Phiên Âm: A-nan! Nhữ do vị minh, nhất thiết phù trần, chư huyễn hóa tướng. Đương xứ xuất sanh, tùy xử diệt tận, huyễn vọng xưng tướng. Kỳ tánh chân vi, diệu giác minh thể.

Việt dịch: A-nan, ông còn chưa rõ tất cả các tướng huyễn hóa nơi tiền trần, ngay đó sinh ra, ngay đó diệt mất. Huyễn vọng nên gọi là tướng, nhưng tánh chân thật vốn là thể giác ngộ sáng suốt nhiệm mầu.

Giảng: "A-nan, ông còn chưa rõ." Có phải ông vẫn còn chưa rõ hay sao? "Tất cả các tướng huyễn hóa nơi tiền trần"–hết thảy các cảnh giới phù trần bên ngoài– huyễn hóa có nghĩa là không có thực, hóa có nghĩa là dường như có dường như không. Chợt xuất hiện, rồi bỗng dưng diệt mất. Các tướng huyễn hóa là những hiện tượng không thật, quý vị thấy nó dường như đang hiện hữu, nhưng thật sự nó hòan toàn là huyễn hóa. "Những tướng huyễn hóa nầy ngay đó sinh ra, ngay đó diệt mất."

Nó chẳng sinh khởi từ nơi nào cả. Bất kỳ nơi nào mà nó được hình thành nên, thì cũng nơi ấy là chỗ nó hoại diệt. Sự sinh khởi của các hiện tượng ấy là hư huyễn, sự hoại diệt của chúng cũng là hư huyễn. Chúng sinh khởi trong hư huyễn và hoại diệt trong hư huyễn. "Huyễn vọng nên gọi là tướng." Nó có tên gọi là huyễn vọng. Nhưng tánh chân thật vốn là thể giác ngộ sáng suốt nhiệm mầu. Nó được gọi là hư vọng, nhưng căn nguyên các hư vọng nầy sinh khởi là ở đâu?

Cũng vậy, nó lưu xuất từ thể tánh chân thật sáng suốt nhiệm mầu. Nó sinh khởi từ chân tâm của chúng ta. Do từ chân mà khởi vọng, từ hư vọng mà có kiến phần và tướng phần. Kiến phần là khả năng thấy. Tướng phần là tất cả các hiện tượng, vật thể, đối tượng của cái thấy. Tướng phần và kiến phần cũng đều lưu xuất từ thể tánh chân thật sáng suốt nhiệm mầu, đều lưu xuất từ chân tâm thường trụ thể tánh thanh tịnh sáng suốt. Nó chẳng đến từ đâu cả.

Kinh văn: **如是乃至五陰六入。從十二處至十八界。因緣和合虛妄有生。因緣別離虛妄名滅。**

Phiên Âm: Như thị nãi chí, ngũ uẩn lục nhập. Tùng thập nhị xứ, chí thập bát giới. Nhân duyên hòa hợp, hư vọng hữu sanh. Nhân duyên biệt ly, hư vọng danh diệt.

Việt dịch: Như vậy cho đến ngũ ấm, lục nhập, từ thập nhị xứ cho đến thập bát giới, khi nhân duyên hòa hợp thì hư vọng sinh ra, khi nhân duyên tách rời, hư vọng gọi là diệt.

Giảng: “Như vậy.”

Tại sao Như Lai nói rằng các tướng huyễn hóa sinh khởi hư vọng? Đạo lý mà Như Lai đã giảng giải cũng giống như vậy đối với mọi phần loại khác nhau của ngũ ấm– sắc, thọ, tưởng, hành, thức–lục nhập– có nghĩa là 6 căn , mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý

– từ thập nhị xứ– 6 căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý cùng với 6 trần: sắc, thanh hương, vị, xúc, pháp

– cho đến thập bát giới– 6 căn, 6 trần và 6 thức phát sinh ra do khi căn và trần tiếp xúc nhau: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, và ý thức. Sáu căn và 6 trần kết hợp thành 12 xứ, cùng với 6 thức tạo thành 18 giới.

Các thứ sắc pháp và tâm pháp nầy, đều do nhân duyên hòa hợp mà hư vọng sinh ra, khi nhân duyên hòa hợp thì hư vọng sinh ra, khi nhân duyên tách rời, hư vọng gọi là diệt. Khi nhân duyên không hòa hợp thì hư vọng diệt mất. Đây là tánh của sinh diệt. Các sắc pháp và tâm pháp nầy đều chỉ biến hiện từ tâm. Nên Đức Phật bảo A-nan: “Thân tâm của ông, đều là vật biến hiện từ trong diệu minh chân tâm.” Lại nữa: “Ông không biết rằng sắc thân của ông, cho đến núi sông, hư không, đất liền đều là vật bao hàm trong diệu minh chân tâm.”

Kinh văn: **殊不能知生滅去來。本如來藏常住妙明。不動周圓妙真如性。性真常中求於去來。迷悟死生了無所得 .**

Phiên Âm: Thù bất năng tri, sanh diệt khứ lai. Bổn Như Lai tạng, thường trụ diệu minh. Bất động châu viên, diệu chân như tánh. Tánh chân thường trung, cầu ư khứ lai. Mê ngộ tử sanh, liễu vô sở đắc.

Việt dịch: Mà ông chẳng biết sinh, diệt, đến, đi, vốn là Như Lai tạng thường trú sáng suốt nhiệm mầu, là tánh chân như vi diệu tròn khắp, không lay động. Trong tánh chân thường ấy mà cầu những cái đến đi, mê ngộ, sinh tử hoàn toàn không thể được.

Giảng: Mà ông chẳng biết sinh, diệt, đến, đi, vốn là Như Lai tạng thường trú sáng suốt nhiệm mầu, là tánh chân như vi diệu tròn khắp, không lay động. Trong tánh chân thường ấy mà cầu những cái đến đi, mê ngộ, sinh tử hoàn

toàn không thể được. Tất cả những hiện tượng ấy đều không hiện hữu. Vốn không có một vật nào cả.

Khi quý vị chưa nhận ra, thì có đến và đi, có mê và ngộ, có sinh và tử. Nhưng nếu quý vị đã nhận ra chân tâm thường trú rồi, nếu quý vị nhận ra thể tánh chân thật thanh tịnh sáng suốt của chính mình rồi, thì quý vị chấm dứt được mọi sinh diệt hư vọng ấy. Lúc ấy nếu quý vị kiếm tìm những tướng trạng như đến đi, mê ngộ, sinh tử, thì đều không thể thấy. Không thể nào tìm ra những thứ ấy cả.

Kinh văn: **阿難,云何五陰本如來藏妙真如性。**

Phiên Âm: A-nan! Vân hà ngũ uẩn, bổn Như Lai tạng, diệu chân như tánh?

Việt dịch: A-nan, tại sao ngũ ấm vốn là Như Lai tạng, là tánh chân như nhiệm mầu?

Giảng: A-nan, tại sao ngũ ấm vốn là Như Lai tạng, là tánh chân như nhiệm mầu? A-nan, Như Lai sẽ giảng rõ cho ông.

Kinh văn: **阿難,譬如有人。以清淨目觀晴明空。唯一精虛,迥無所有。**

Phiên Âm: A-nan! Thí như hữu nhân. Dĩ thanh tịnh mục, quán tình minh không. Duy nhất tinh hư, huýnh vô sở hữu.

Việt dịch: A-nan, thí như có người dùng mắt thanh tịnh để nhìn bầu trời quang đãng, chỉ thấy một khoảng không trong vắt.

Giảng: "A-nan, thí như có người dùng mắt thanh tịnh để nhìn bầu trời quang đãng, chỉ thấy một khoảng không trong vắt." Mắt của A-nan không bị bệnh, không giống như mắt của những người bị một lớp màng bao phủ. A-nan nhìn vào hư không–trong lặng suốt cả nghìn dặm,

"A-nan chẳng thấy gì khác ngoài hư không trong lặng." Chỉ có hư không, ngoài ra không có gì khác nữa. Chẳng có chút mây nào trong đó cả. Trong hư không ấy không còn có một thứ gì khác nữa cả. Như Lai tạng cũng giống như vậy, nếu quý vị thực sự nhận ra thì vốn chẳng có gì khác. Đó là ý của Lục Tổ khi Ngài nói: Bổn lai vô nhất vật

本 來 無 一 物
Hà xứ nhạ trần ai.

何 處 惹 塵 埃
Xưa nay thể vắng lặng
Đâu có gì trần ai .1
Ví dụ trên cũng như vậy, cũng chính là Như Lai tạng.

Kinh văn: **其人無故不動目睛。瞪以發勞,則於虛空別見狂花。復有一切狂亂非相。**

Phiên Âm: Kỳ nhân vô cố, bất động mục tình. Trừng dĩ phát lao, tức ư hư không, biệt kiến cuồng hoa. Phục hữu nhất thiết, cuồng loạn phi tướng.

Việt dịch: Người kia vô cớ nhìn sững chẳng nháy mắt, nhìn lâu phát ra mỏi mệt, nên trong hư không riêng thấy có hoa đốm lăng xăng và tất cả các tướng giả dối không thật.

Giảng: Người được đề cập ở đây là người có con mắt thanh tịnh đã nói ở trên, họ nhìn thấy hư không trong lặng và thấy trong đó không có một vật nào khác. Trong đó toàn là hư không. "Người kia vô cớ nhìn sững chẳng nháy mắt – nếu mắt người ấy cứ nhìn sững vào hư không mà không lay động– nhìn lâu phát ra mỏi mệt." Anh ta nhìn trừng trừng vào hư không mà mắt không hề nhấp nháy, nên một lúc lâu sau đó anh ta thấy mỏi mắt. Nên trong hư không riêng thấy có hoa đốm lăng xăng.

Sau khi nhìn sững vào hư không một thời gian, anh ta thấy trong đó có những vật lăng xăng– chẳng hạn, những dạng hoa đốm, có nghĩa là những vật không có thật. Tại sao trong đó lại có những hoa đốm lăng xăng? Vì anh ta đã nhìn trừng trừng vào hư không quá lâu nên mắt anh ta sinh ra mỏi mệt, nên thấy có các tướng hoa đốm lăng xăng xuất hiện, cũng như tất cả các tướng giả dối không thật."

Trong đó không chỉ là các tướng hoa đốm lăng xăng, còn có những vật khác mà trước nay chưa từng thấy. Trong muôn hồng ngàn tía của màu sắc cầu vồng, mọi vật tượng dường như là có nhưng thật ra thì không. Đôi khi thấy đầu con vật trên thân con người, đôi khi lại thấy đầu người trên thân con vật. Nhiều vật tượng phi lý được nhìn thấy trong hư không– vì mắt trở nên mập mờ do nhìn chăm chú quá lâu. Trường hợp nầy được ví như ngũ ấm vậy.

Kinh văn: **色陰當知亦復如是。**

Phiên Âm: Sắc uẩn đương tri, diệc phục như thị.

Việt dịch: Nên biết sắc ấm cũng lại như vậy.

Giảng: Bây giờ khi ta nhìn vào mọi vật có hình tướng trên thế gian, chúng ta nghĩ rằng các vật ấy đều là có thật. Thực ra, các vật ấy cũng cùng chung một nguyên lý như ví dụ về người nhìn sững vào hư không quá lâu đến mức "trừng phát lao tướng" và nhìn thấy hoa đốm lăng xăng giữa hư không. Nên biết sắc ấm cũng lại như vậy.

Kinh văn: **阿難,是諸狂花。非從空來,非從目出。**

Phiên Âm: A-nan! Thị chư cuồng hoa. Phi tùng không lai, phi tùng mục xuất.

Việt dịch: A-nan, các hoa đốm lăng xăng ấy chẳng phải từ hư không mà đến, cũng chẳng phải từ mắt mà ra.

Giảng: A-nan, ông có biết rằng ngũ uẩn cũng chính là Như Lai tạng diệu chân như tánh hay không? A-nan, ông nên biết rằng không chỉ các hoa đốm lăng xăng ấy – mà còn tất cả các tướng huyễn hóa không thật khác – chẳng phải từ hư không mà đến, cũng chẳng phải từ mắt mà ra.

Kinh văn: **如是阿難,若空來者。既從空來還從空入。若有出入即非虛空。空若非空自不容其花相起滅。如阿難體不容阿難。**

Phiên Âm: Như thị A-nan, nhược không lai giả. Ký tùng không lai, hoàn tùng không nhập. Nhược hữu xuất nhập, tức phi hư không. Không nhược phi không, tự bất dung kỳ, hoa tướng khởi diệt. Như A-nan thể, bất dung A-nan.

Việt dịch: Đúng vậy, A-nan. Nếu từ hư không đến, đã từ hư không đến thì phải trở về với hư không. Nếu có ra có vào tức chẳng phải là hư không. Hư không nếu chẳng không thì chẳng dung chứa được tướng hoa đốm sinh diệt kia. Như thân thể A-nan thì chẳng dung nạp thêm một A-nan nào được nữa.

Giảng: "Như vậy, A-nan. Cũng như nguyên lý mà Như Lai đac giải thích ở trên. Nếu từ hư không đến, nếu ông cho rằng hoa đốm lăng xăng và tất cả các tướng huyễn hóa không thật phát khởi từ hư không, chúng đã từ hư không đến thì phải trở về với hư không. Vì nó sinh khởi từ hư không, thì phải trở về với hư không.

Nếu có ra có vào tức chẳng phải là hư không. Nếu các tướng hoa đốm lăng xăng từ hư không mà ra và trở về lại với hư không thì nó chẳng phải là hư không nữa. Hư không được gọi là hư không vì trong đó không có một thứ nào khác cả. Nếu còn có bất kỳ vật gì từ trong ấy sinh ra rồi trở về nhập vào trong ấy thì đó chẳng được gọi là hư không vì vốn chẳng có gì trong hư không cả. Hư không nếu chẳng không thì chẳng dung chứa được tướng hoa đốm sinh diệt kia. Nếu hư không chẳng không, thì các tướng hoa đốm lăng xăng kia chẳng thể nào có nơi chốn để xuất sinh và tiêu trầm.

Như thân thể A-nan thì chẳng dung nạp thêm một A-nan nào được nữa.” Hư không vốn chẳng có một vật nào trong đó cả, nên hoa đốm chẳng lưu xuất từ hư không. Nếu không thì hư không sẽ cho là hư không, cũng giông như thân thể của ông vậy đó A-nan, thân ấy không thể nào chứa thêm một A-nan nào khác nữa cả. Chẳng thể nào có thêm một A-nan nào khác nhập vào thân ông cả, cũng vậy, nếu hư không chẳng không thì nó không thể nào dung chứa được vật.

Kinh văn: **若目出者既從目出還從目入。**

Phiên Âm: Nhược mục xuất giả, ký tùng mục xuất, hoàn tùng mục nhập.

Việt dịch: Nếu hoa đốm từ mắt mà có, đã từ mắt mà ra thì phải trở về trong mắt.

Giảng: Có khi ông lại cho rằng vì con mắt nhìn sững quá lâu hóa ra mỏi mệt, nên chính con mắt sinh ra hoa đốm lăng xăng và các tướng huyễn hóa không thật. “Nếu hoa đốm từ mắt mà có, đã từ mắt mà ra thì phải trở về trong mắt.”

Kinh văn: **即此花性從目出故,當合有見。若有見者去既花空,旋合見眼。若無見者出既翳空旋當翳眼。**

Phiên Âm: Tắc thử hoa tánh, tùng mục xuất cố, đương hợp hữu kiến. Nhược hữu kiến giả, khứ ký hoa không, toàn hợp kiến nhãn. Nhược vô kiến giả, xuất ký ế không, toàn đương ế nhãn.

Việt dịch: Nếu tánh của hoa đốm từ mắt mà có, thì lẽ ra nó phải thấy được. Nếu nó thấy được thì khi ra làm hoa đốm giữa hư không, khi trở về nó phải thấy con mắt. Nếu không thấy được, thì khi ra làm mờ hư không và khi trở về phải làm mờ con mắt.

Giảng: Nếu tánh của hoa đốm từ mắt mà có, thì lẽ ra nó phải thấy được. Nếu cho rằng hoa đốm phát sinh từ mắt, thì lẽ ra nó phải có tánh thấy. Nếu nó thấy được – nếu hoa đốm giữa hư không có được tánh thấy thì khi ra làm hoa đốm giữa hư không, khi trở về nó phải thấy con mắt. Khi nó đi ra ngoài, thì lẽ ra chẳng còn hoa đốm nào trong con mắt cả, và khi trở về, thì hoa đốm phải thấy được con mắt. Nếu không thấy được,

– Nếu khi trở về mà không thấy được mắt, thì khi ra làm mờ hư không và khi trở về phải làm mờ con mắt. Như thể là có một lớp màng che mờ con mắt và như thể lớp màng ấy sẽ biến mất khi hoa đốm đi ra. Nhưng khi nó trở về, nó sẽ che mờ con mắt. Con mắt của quý vị vốn không lưu giữ một vật nào cả, thế khi hoa đốm giữa hư không lui trở về trong mắt quý vị, thì mắt cất giữ hoa đốm vào chỗ nào?

Kinh văn: **又見花時目應無翳。云何晴空,號清明眼。**

Phiên Âm: Hựu kiến hoa thời, mục ưng vô ế. Vân hà tình không, hiệu thanh minh nhãn.

Việt dịch: Lại nữa, khi thấy hoa đốm, lẽ ra mắt không mờ. Tại sao khi thấy hư không trong lặng, mới gọi là con mắt trong sáng?

Giảng: Lại nữa, khi thấy hoa đốm, lẽ ra mắt không mờ. Lại nữa, nếu ông cho rằng hoa đốm từ mắt mà ra, thì khi ông nhìn thấy hoa đốm đi ra trong hư không, lẽ ra mắt ông sẽ không bị như có màng che phía trước; sẽ không có gì che mờ cả. Tại sao khi thấy hư không trong lặng, mới gọi là con mắt trong sáng? Tại sao mắt được gọi là thanh tịnh sáng suốt khi nhìn thấy hư không trong lặng, không có những tướng hoa đốm lăng xăng? Mắt ông được gọi là thanh tịnh sáng suốt vì không có lớp màng che mờ trước nó.

Kinh văn: **是故當知色陰虛妄。本非因緣非自然性。**

Phiên Âm: Thị cố đương tri, sắc uẩn hư vọng. Bổn phi nhân duyên, phi tự nhiên tánh.

Việt dịch: Do vậy nên biết sắc ấm không thật, vốn chẳng phải nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

Giảng: Do vậy nên biết– từ những điều vừa được giảng giải, ông nên nhận ra rằng sắc ấm vốn là không thật, vốn chẳng phải nhân duyên, nó không thật sự hiện hữu nhờ vào nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

Kinh văn: **阿難,譬如有人。手足宴安百骸調適。忽如忘生,性無違順。其人無故以二手掌於空相摩。於二手中,妄生澀滑冷熱諸相。**

Phiên Âm: A-nan! Thí như hữu nhân. Thủ túc yến an, bách hài điều thích. Hốt như vong sanh, tánh vô vi thuận. Kỳ nhân vô cố, dĩ nhị thủ chưởng, ư không tướng ma. Ư nhị thủ trung, vọng sanh sáp hoạt, lãnh nhiệt chư tướng.

Việt dịch: A-nan, ví như có người, tay chân rảnh rang, thân thể điều hòa, bỗng dưng quên mình vì tâm tánh chẳng có gì chống trái nhau. Người nầy vô cớ xoa hai bàn tay giữa hư không, trong lòng bàn tay vọng sanh các tướng trơn, rít, lạnh, nóng.

Giảng: "A-nan, ví như có người, tay chân rảnh rang." Anh ta đang nhàn rỗi, không có việc gì quan trọng phải làm. Thân thể điều hòa– tiếng Hán trong kinh văn là bách hài – 百骸. Có nghĩa là anh ta rất tự nhiên. Bỗng dưng quên mình vì tâm tánh chẳng có gì chống trái nhau. Trong phút chốc như thể anh ta quên mất thân tâm mình đang hiện hữu. Chữ vi 違 trong nguyên bản chữ Hán có nghĩa là sự đau khổ. Chữ thuận 順 trong nguyên bản chữ Hán có nghĩa là sự an vui. Người nầy vô cớ xoa hai bàn tay giữa hư không.

Tự nhiên người ấy xoa hai bàn tay của mình giữa hư không, nhưng khi anh ta làm như vậy thì trong lòng bàn tay vọng sanh các tướng trơn, rít, lạnh, nóng. Bàn tay của một số người thì thô ráp, có người thì bàn tay rất mềm mại, như thể có xoa chút dầu, đó là dạng bàn tay mà trong kinh gọi là 'trơn'. Hoặc là họ có cảm giác lòng bàn tay mình lành lạnh; khi họ xoa bàn tay với nhau thì thấy ấm nóng. Đó đều là những tác dụng của cảm giác. Cảm thọ phát sinh khi quý vị có một niệm tri giác móng khởi trong tâm. Kinh văn nói rằng vô cố : có nghĩa là các tướng trơn, rít, lạnh, nóng đều là hư vọng, không thật.

Kinh văn: **受陰當知,亦復如是。**

Phiên Âm: Thọ uẩn đương tri, diệc phục như thị.

Việt dịch: Nên biết thọ ấm cũng giống như vậy.

Giảng: Trong ngũ uẩn. Ông nên biết thọ ấm cũng giống như vậy.

Kinh văn: **阿難,是諸幻觸。不從空來不從掌出。**

Phiên Âm: **A-nan! Thị chư huyễn xúc. Bất tùng không lai, bất tùng chưởng xuất.**

Việt dịch: A-nan, các cảm xúc không thật ấy, chẳng từ hư không mà đến, cũng chẳng từ bàn tay mà ra.

Giảng: Ở trên đã nói về sắc uẩn, nay nói về thọ uẩn. A-nan, các cảm xúc không thật ấy– cảm xúc hư vọng, không thật ấy– chẳng từ hư không mà đến, cũng chẳng từ bàn tay mà ra.

Kinh văn: **如是阿難,若空來者。既能觸掌,何不觸身。不應虛空選擇來觸。**

Phiên Âm: **Phật cáo: Như thị A-nan, nhược không lai giả. Ký năng xúc chưởng, hà bất xúc thân. Bất ưng hư không, tuyển trạch lai xúc.**

Việt dịch: Đúng vậy, A-nan. Nếu từ hư không đến, đã xúc chạm với bàn tay, sao chẳng xúc chạm với thân? Chẳng lẽ hư không biết chọn lựa nơi chốn để xúc chạm?

Giảng: Đúng vậy, A-nan. Nếu từ hư không đến– nếu xúc giác, cảm thọ đó đến từ hư không, nó đã xúc chạm với bàn tay, sao chẳng xúc chạm với thân? Tại sao cảm thọ đó không đến tiếp xúc với cả toàn thân? Chẳng lẽ hư không biết chọn lựa nơi chốn để xúc chạm? Cơ bản là hư không chẳng có tri giác, hư không chẳng biết chọn lựa bàn tay hay thân thể để mà tiếp xúc. Hư không chẳng có niệm phân biệt ấy. Thế nên cảm thọ chẳng đến từ hư không, cũng chẳng đến từ bàn tay.

Kinh văn: **若從掌出,應非待合。**

Phiên Âm: **Nhược tùng chưởng xuất, ưng phi đãi hợp.**

Việt dịch: Nếu nó đến từ bàn tay thì lẽ ra chẳng đợi hai bàn tay hợp lại mới có.

Giảng: Nếu nó đến từ bàn tay– nếu các cảm giác trơn, rít, lạnh, nóng đều đến từ bàn tay thì lẽ ra chẳng đợi hai bàn tay hợp lại mới có. Nếu các cảm giác đều từ bàn tay mà có, thì lẽ ra không cần phải chờ đến khi hai bàn tay tiếp xúc với nhau trước rồi mới sinh ra cảm giác ấy.

Kinh văn: **又掌出故。合則掌知,離即觸入。臂腕骨髓應亦覺知入時蹤跡。**

Phiên Âm: Hựu chưởng xuất cố. Hợp tắc chưởng tri, ly tức xúc nhập.

Tý oản cốt tủy, ưng diệc giác tri, nhập thời tung tích.

Việt dịch: Lại nữa, nếu (cảm thọ) từ trong lòng bàn tay mà ra thì khi bàn tay hợp lại mới biết có cảm xúc, đến khi hai tay rời nhau thì cảm xúc phải trở vào. Vậy cánh tay, cổ tay, xương tủy lẽ ra phải biết tung tích khi ra vào của cảm xúc.

Giảng: Lại nữa, nếu (cảm thọ) từ trong lòng bàn tay mà ra–đây là một giả thiết khác nữa. Nếu cảm thọ xuất phát từ lòng bàn tay, thì khi bàn tay hợp lại mới biết có cảm xúc, thì khi quý vị xoa 2 bàn tay với nhau thì bàn tay mới nhận biết. Đến khi hai tay rời nhau thì cảm xúc phải trở vào. Khi quý vị tách rời hai bàn tay ra, cảm giác xúc chạm lẽ ra phải trở về lại với bàn tay thông qua cánh tay, cổ tay, xương tủy. Vậy cánh tay, cổ tay, xương tủy lẽ ra phải biết tung tích khi ra vào của cảm xúc. Tại sao cảm xúc ấy vẫn ở bên ngoài mà không biết cảm giác trơn, rít, lạnh, nóng? Sao quý vị không biết được tiến trình của nó, đường của nó đi, và khi nào thì cảm giác ấy đi qua cánh tay?

Kinh văn: **必有覺心,知出知入。自有一物身中往來。何待合知要名為觸。**

Phiên Âm: Tất hữu giác tâm, tri xuất tri nhập. Tự hữu nhất vật, thân trung vãng lai. Hà đãi hợp tri, yếu danh vi xúc.

Việt dịch: Còn phải có tâm hay biết, biết khi nó ra, khi nó vào, cho đến phải biết có một vật qua lại trong thân. Đâu cần phải đợi khi hai tay hợp nhau mới gọi là cảm xúc?

Giảng: Còn phải có tâm hay biết, biết khi nó ra, khi nó vào, cho đến phải biết có một vật qua lại trong thân. Chắc chắn trong tâm phải biết khi nào xúc giác đi ra và khi nào xúc giác trở về, vì đương nhiên là tâm phải biết bất kỳ vật nào đi ra hay đi vào qua đường thân thể. Đâu cần phải đợi khi hai tay hợp nhau – tại sao ông phải đợi đến khi hai bàn tay xoa vào nhau rồi mới biết sự xúc chạm– mới gọi là cảm xúc?

Kinh văn: **是故當知受陰虛妄。本非因緣非自然性**

Phiên Âm: **Thị cố đương tri, thọ uẩn hư vọng. Bổn phi nhân duyên, phi tự nhiên tánh.**

Việt dịch: Do vậy nên biết thọ ấm không thật, vốn chẳng phải nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

Giảng: Do vậy nên biết– từ những điều vừa được giảng giải, ông nên nhận ra rằng thọ ấm vốn là không thật, vốn chẳng phải nhân duyên, nó không thật sự hiện hữu nhờ vào nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

Kinh văn: **阿難,譬如有人。談說醋梅口中水出。思踏懸崖足心酸澀。**

Phiên Âm: **A-nan! Thí như hữu nhân. Đàm thuyết thố mai, khẩu trung thủy xuất. Tư đạp huyền nhai, túc tâm toan sáp.**

Việt dịch: A-nan, như có người khi nghe nói đến me chua thì trong miệng nước bọt chảy ra, nghĩ đến khi đứng trên dốc cao thì lòng bàn chân cảm thấy rờn rợn. Nên biết tưởng ấm cũng giống như vậy.

Giảng: A-nan, nay Như Lai tiếp tục nói về tưởng ấm cho ông. Tưởng ấm cũng là tánh Như Lai tạng, cũng là diệu chân như tánh. Hãy xem, chẳng hạn như có người khi nghe nói đến me chua thì trong miệng nước bọt chảy ra. A-nan, tưởng ấm cũng giống như khi có người nghe nói đến me chua thì trong miệng liền tiết ra nước bọt, hoặc là nghĩ đến khi đứng trên dốc cao thì lòng bàn chân cảm thấy rờn rợn. Nghĩa là khi đứng trên ngọn núi cao, rất cao, phía dưới núi là một khe núi sâu chừng 10.000 foot;

Nếu quý vị đứng ngay mỏm đá cạnh bờ vực ấy, thì lòng bàn chân của quý vị sẽ thấy rờn rợn. Thực vậy, không cần phải đi đến nơi bờ vực ấy, chỉ cần nghĩ về nó thôi, một khi sự tưởng tượng đó len vào tâm trí quý vị thì quý vị liền thấy gan bàn chân mình rờn rợn. Cảm giác ấy từ đâu mà có? Nó sinh khởi từ tưởng ấm. Không cần phải ăn me chua, nhưng chỉ cần nghĩ tưởng đến chúng "A! me chua thật là chua!", quý vị liền chép miệng, và nước bọt trong miệng liền tiết ra. Thế nên người Trung Hoa có câu ngạn ngữ: Nghĩ đến me chua có thể làm dịu cơn khát

Nhưng bánh vẽ thì không thể làm no bụng. Tại sao me chua có thể làm dịu cơn khát? Vì tưởng ấm làm phát sinh loại cảm giác như thế nầy. Vào thời Tam quốc ở Trung Hoa, Tào Tháo thống lĩnh hơn một triệu quân xuất chinh, cách Ch'u Cheng chừng 10 dặm thì quân lính bị lạc đường. Họ không biết hiện mình

đang ở đâu và không có nước để uống, không có lương thực để ăn. Họ bị cái khát ám ảnh, cảm thấy mệt mỏi, không thể nào lê bước nổi.

Họ hầu như sắp chết khát. Tào Tháo là một viên tướng tinh ranh như cáo, liền truyền lệnh: "Không được dừng nghỉ, phía trước có rừng me. Khi đến đó, mọi người sẽ được ăn me." Ngay khi ông ta nói đến me, miệng của quân lính liền tiết ra nước bọt, và cơn khát liền được chế ngự. Quân lính bước nhanh để đến rừng me. Hóa ra chẳng có rừng me nào cả, nhưng Tào Thào nhanh trí nói vậy để xoa dịu cơn khát của quân lính.

Kinh văn: **想陰當知亦復如是。**

Phiên Âm: **Tưởng uẩn đương tri, diệc phục như thị.**

Việt dịch: Nên biết tưởng ấm cũng giống như vậy.

Giảng: Nên biết tưởng ấm cũng giống như vậy. Nói đến bánh vẽ khiến tôi nhớ một câu chuyện. Một hôm có anh chàng keo kiệt quyết định làm một món quà. Anh ta nói với người bạn mình: "Khi nào đến sinh nhật của anh, tôi sẽ tặng anh một món quà đáng giá 1 đô-la." Người bạn kia vốn cũng là một người keo kiệt, liền nói: "Cảm ơn anh rất nhiều! Đến ngày sinh nhật của anh, tôi cũng sẽ tặng anh một món quà." Người keo kiệt thứ nhất hỏi: "Thế anh sẽ tặng tôi cái gì?"

"Tôi sẽ tặng anh một cái bánh." Nói xong, người keo kiệt thứ hai liền lấy giấy vẽ ngay lên đó cái bánh sinh nhật. "Đây! Xin tặng anh món quà sinh nhật." Vào lúc ấy, có một chàng keo kiệt thứ ba cũng đang đứng ở đó, nghe toàn bộ câu chuyện trên, anh ta nói:

"Thế cũng còn quá phiền toái. Khi nào đến sinh nhật của anh, tôi sẽ tặng anh một cái bánh sinh nhật lớn như thế nầy nè. Thực vậy. Bây giờ tôi sẽ mô tả cho anh tưởng tượng nó lớn cỡ nào, rồi tôi tặng cái bánh ấy cho anh luôn. Chẳng cần phải mất công vẽ nó ra làm gì!" Người keo kiệt thứ ba chẳng cần phải tốn một đô-la mới mua được quà, trong khi người thứ hai phải cần vẽ một bức tranh, thế nên anh ta chỉ cần làm một động tác tượng trưng và xem đó như là đã trao tặng bánh sinh nhật rồi.

Kinh văn: **阿難如是醋說。不從梅生非從口入。**

Phiên Âm: **A-nan! Như thị thố thuyết. Bất tùng mai sanh, phi tùng khẩu nhập.**

Việt dịch: A-nan, cái tiếng chua nầy chẳng từ me sinh ra, chẳng phải từ miệng vào.

Giảng: A-nan, cái tiếng chua nầy chẳng từ me sinh ra, chẳng phải từ miệng vào. Tình trạng trong miệng chảy nước bọt khi nghe nói đến me chua không phải sinh khởi từ me, mà phát xuất từ tác dụng của tưởng ấm.

Kinh văn: **如是阿難,若梅生者。梅合自談,何待人說。若從口入,自合口聞, 何須待耳。若獨耳聞此水何不耳中而出。**

Phiên Âm: Như thị A-nan, nhược mai sanh giả. Mai hợp tự đàm, hà đãi nhân thuyết. Nhược tùng khẩu nhập, tự hợp khẩu văn, hà tu đãi nhĩ. Nhược độc nhĩ văn, thử thủy hà bất, nhĩ trung nhi xuất.

Việt dịch: Thật vậy A-nan, nếu từ me sanh ra thì me tự biết nói, đâu cần đợi người nói. Nếu từ miệng mà vào thì tự miệng đã nghe tiếng, đâu cần đến tai nghe. Nếu riêng tai nghe được thì nước bọt nầy tại sao không tiết ra từ lỗ tai ?

Giảng: Thật vậy A-nan– cũng như trường hợp Như Lai đã trình bày ở trên, nếu từ me sanh ra– nếu miệng tiết ra nước bọt là do me chua thì me tự biết nói, đâu cần đợi người nói. Trái me tự nó có thể nói được, không cần phải nhờ có người nói thay cho nó. Nhưng trái me không thể nào tự nói được, phải nhờ một người nào khác nói rằng me chua nên miệng người kia mới tiết ra nước bọt. Nếu từ miệng mà vào – nếu phát xuất từ miệng vì nước bọt từ miệng tiết ra– thì tự miệng đã nghe tiếng. Như thế là do miệng đã nghe được ai đó nói về me chua, không phải là do tai đã nghe.

Đâu cần đến tai nghe. Đâu cần đợi đến tai nghe, miệng nghe là đủ rồi. Nếu riêng tai nghe được– nếu tánh nghe có tác dụng chỉ khi nào có vật gì đi vào lỗ tai thì nước bọt nầy tại sao không tiết ra từ lỗ tai ? Nếu lỗ tai và miệng không liên quan với nhau gì cả thì khi nghe người ta nói về me chua, lẽ ra nước bọt phải tiết ra từ lỗ tai. Rốt ráo, chính lỗ tai đã nghe. Sự thực về nguyên lý nầy như thế nào?

Kinh văn: **想踏懸崖,與說相類。**

Phiên Âm: Tưởng đạp huyền nhai, dữ thuyết tướng loại.

Việt dịch: Việc nghĩ tưởng mình đứng trên dốc cao cũng giống như vậy.

Giảng: Việc nghĩ tưởng – quý vị tưởng tượng mình đang đứng trên một mỏm đá, dưới chân là bờ vực sâu 10.000 foot, chân quý vị run lên, mềm nhũn và thấy gan bàn chân có cảm giác rờn rợn. Có một vị bác sĩ đang học kinh nơi đây. Bác sĩ có đồng ý rằng có sự việc như vậy xảy ra không? Quý vị nên biết tại sao lòng bàn chân có cảm giác rờn rợn trong tình huống như vậy. Không nhất thiết phải đi đến đứng trên bờ vực; chỉ cần quý vị tưởng tượng đến chuyện ấy thôi.

"Bây giờ tôi đang đứng trên mỏm đá của bờ vực sâu 10.000 foot, chỉ cần bất cẩn một chút thôi, ta sẽ rơi xuống hố sâu không đáy nầy ngay." Ngay khi ấy chân của quý vị liền trở nên yếu đi và lòng bàn chân rờn rợn. Người ta thường hay nói về năng lực ám thị. Năng lực ám thị do đâu mà có? Quý vị suy từ chuyện này ra thì sẽ rõ. Thế nên, việc nghĩ tưởng mình đứng trên dốc cao cũng giống như vậy. Cũng giống như miệng tiết ra nước bọt khi nghe nói về me chua. Cả hai đều là kết quả của tưởng ấm.

Kinh văn: **是故當知想陰虛妄。本非因緣非自然性**

Phiên Âm: Thị cố đương tri, tưởng uẩn hư vọng. Bổn phi nhân duyên, phi tự nhiên tánh.

Việt dịch: Do vậy nên biết tưởng ấm không thật, vốn chẳng phải nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

Giảng: Nếu tưởng ấm chẳng phải từ nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên, thì rốt ráo tánh của nó là gì? Đó là tánh Như Lai tạng, là diệu chân như tánh của Như Lai tạng. Do vậy nên biết– ông nên phải biết tưởng ấm không thật. Tưởng ấm, một trong ngũ ấm, là hư vọng, không thật, hư vọng sinh ra rồi hư vọng diệt mất. Cội nguồn sinh khởi của cái hư vọng nầy là gì?

Nó sinh khởi từ trong diệu chân như tánh của Như Lai tạng. Từ chân mà khởi vọng. Thế nên các tướng hư vọng hiện ra. Các lý lẽ về miệng tiết ra nước bọt và lòng bàn chân có cảm giác rờn rợn phát sinh từ đâu? Chúng phát sinh từ hư vọng. Hư vọng từ đâu sinh ra? Nó sinh ra từ diệu chân như tánh của Như Lai tạng. Do vậy nó vốn chẳng phải nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

Kinh văn: **阿難,譬如暴流波浪。相續前際後際不相踰越。行陰當知亦復如是。**

Phiên Âm: A-nan! Thí như bạo lưu, ba lãng tướng tục, tiền tế hậu tế, bất tướng du việt.

Việt dịch: A-nan, ví như dòng nước chảy mạnh, các làn sóng nối tiếp, lớp trước lớp sau chẳng vượt khỏi nhau.

Giảng: Trên đã giảng về tưởng ấm. Phần nầy của kinh văn sẽ nói về hành ấm. Trong tiếng Hán, chữ hành – 行 còn đọc là heng. Hành ấm giống như một dòng nước chảy xiết. A-nan, ví như dòng nước chảy mạnh, các làn sóng nối tiếp, lớp trước lớp sau chẳng vượt khỏi nhau. Các ngọn sóng chồm lên phía trước, phía sau vô số các ngọn sóng khác liên tục phủ lên nhau. Khi quý vị nhìn vào sóng, quý vị thấy sóng chồm về bên phải, rồi chồm về bên trái, rồi nghĩ rằng chẳng có ai theo dõi đến chúng, sóng rất có trật tự. Phần lớn, sóng chỉ có một dạng, nhưng ngọn sóng lớn lại phát tán ra thành nhiều ngọn sóng trong cùng một lúc. Những ngọn sóng ấy giống như các niệm tưởng trong tâm của con người. Trong tâm thức, trong thức thứ tám, niệm nầy sinh khởi, niệm khác hoại diệt theo sau các niệm khác dấy khởi. Sự sinh khởi và hoại diệt của các niệm trong tâm thức cũng giống như sóng trên mặt nước. Nó liên tục nối tiếp nhau, ngọn nầy kế tiếp ngọn kia, giống như niệm tưởng trong tâm con người vậy: niệm nầy dừng, niệm khác sinh khởi, niệm kia dừng, liền có niệm kế tiếp nối theo. Một niệm vừa diệt, niệm khác liền sinh, niệm kia vừa sinh, niệm sau liền diệt. Nó liên tục trình hiện như sóng, không bao giờ vượt qua nhau. Ngọn sóng đi sau không bao giờ phủ lên đầu ngọn sóng trước. Cũng vậy, niệm tưởng sau của quý vị không bao giờ phóng vọt lên trước niệm hiện tiền. Thế nên giữa các niệm có một hoạt động rất trật tự, không một chút sai lầm. Mới nhìn qua thấy các ngọn sóng tưởng như không có ranh giới, nhưng thực ra sóng di chuyển từng ngọn từng ngọn rất có trật tự và liên tục không bao giờ dừng nghỉ.

Kinh văn: 行陰當知亦復如是

Phiên Âm: **Hành uẩn đương tri, diệc phục như thị.**

Việt dịch: Nên biết hành ấm cũng lại như vậy.

Giảng: Hành ấm, món thứ tư trong ngũ ấm, cũng giống như dòng nước chảy mạnh. Sóng thức trong tâm con người cũng liên tục không dừng nghỉ trong một tiến trình trật tự khiến cho con người chuyển biến trưởng thành từ thiếu niên đến tráng niên, từ trung niên đến già lão, từ già đến chết. Điều nầy tương tự như các ngọn sóng liên tục nối tiếp theo nhau.

Kinh văn: 阿難如是流性。不因空生不因水有。亦非水性非離空水。

Phiên Âm: **A-nan! Như thị lưu tánh. Bất nhân không sanh, bất nhân thủy hữu. Diệc phi thủy tánh, phi ly không thủy.**

Việt dịch: A-nan, tánh của dòng nước như vậy chẳng do hư không sinh ra, chẳng phải do nước mà có, cũng chẳng phải tánh nước, cũng chẳng lìa hư không và nước.

Giảng: A-nan, ông phải nên biết đạo lý nầy là gì. Tánh của dòng nước như vậy, dòng nước dồn theo nhau chảy xiết chẳng do hư không sinh ra. Chẳng phải vì hư không mà có dòng nước chảy xiết; cũng chẳng phải do nước mà có. Mặc dù sóng là ở trong nước, nhưng không phải nhờ nước mà có sóng. Cũng chẳng phải tánh nước– Sóng tự nó chẳng phải là nước – cũng chẳng lìa hư không và nước. Thế thì, nó đến từ đâu?

Kinh văn: 如是阿難,若因空生。則諸十方無盡虛空成無盡流。世界自然俱受淪溺。

Phiên Âm: **Như thị A-nan, nhược nhân không sanh. Tức chư thập phương, vô tận hư không, thành vô tận lưu. Thế giới tự nhiên, câu thọ luân nịch.**

Việt dịch: Thật vậy, A-nan. Nếu nhân hư không mà sinh thì mười phương hư không vô tận sẽ thành dòng nước vô tận. Thế giới tự nhiên sẽ bị chìm đắm.

Giảng: A-nan, Như Lai sẽ giải thích cho ông rõ hơn. Tại sao Như Lai nói rằng dòng nước chảy xiết như sóng mòi ấy lại không do hư không sinh ra? Như Lai sẽ nói cho ông rõ. Thật vậy, A-nan. Nếu nhân hư không mà sinh thì mười phương hư không vô tận sẽ thành dòng nước vô tận. Không chỉ trong thế giới nầy mới có hư không, mà khắp cả mười phương cõi nước đều có hư không. Nếu dòng nước chảy xiết như sóng mòi ấy do hư không sinh ra thì vô cùng vô tận hư không trong khắp mười phương cõi nước– hư không thì hòan toàn không có ngằn mé– sẽ trở thành một dòng nước dữ dội. Và, do dòng nước mênh mông dữ dội ấy mà thế giới tự nhiên sẽ bị chìm đắm.

Toàn thể mười thế giới sẽ bị đắm chìm trong cơn đại hồng thuỷ, và mọi loài chúng sinh sống trong đó đều sẽ bị chết đuối.

Kinh văn: 若因水有。則此暴流性應非水。有所有相今應現在。若即水性則澄清時應非水體。

Phiên Âm: **Nhược nhân thủy hữu. Tắc thử bạo lưu, tánh ưng phi thủy. Hữu sở hữu tướng, kim ưng hiện tại. Nhược tức thủy tánh, tắc trừng thanh thời, ưng phi thủy thể.**

Việt dịch: Nếu do nước mà có thì dòng nước nầy tánh nó lẽ ra không phải là nước nữa, và hiện nay có thể chỉ ra tướng của nước và dòng nước khác nhau. Nếu dòng nước tức là tánh nước thì khi nước trong lặng, sẽ không còn là thể của nước nữa?

Giảng: Nếu do nước mà có – nếu ông nói rằng do nước mà có dòng chảy xiết vô tận ấy thì dòng nước nầy tánh nó lẽ ra không phải là nước nữa và hiện nay có thể chỉ ra tướng của nước và dòng nước khác nhau. Vốn thể tánh của dòng nước ấy sẽ không phải là nước nữa. Lẽ ra nó phải có một nơi chốn và tướng trạng để hiện hữu. Nhưng dòng nước chảy xiết lại không có một tướng trạng thực sự. Nếu dòng nước tức là tánh nước– nếu ông cho rằng dòng nước chảy xiết chỉ vốn là nước, thì khi nước trong lặng – khi không có sóng – sẽ không còn là thể của nước nữa? Nếu vậy, không có sóng thì sẽ không có nước. Nếu ông cho rằng dòng chảy xiết ấy là nước, thì khi sóng lặng, nước sẽ không còn nữa. Sự thay đổi về tánh chất tất nhiên sẽ ảnh hưởng đến sự thay đổi về thực thể.

Kinh văn: 若離空水。空非有外,水外無流。

Phiên Âm: **Nhược ly không thủy. Không phi hữu ngoại, thủy ngoại vô lưu.**

Việt dịch: Nếu lìa hư không và nước thì hư không vốn chẳng có trong và ngoài; ngoài nước ra vốn chẳng có dòng nước.

Giảng: Nếu lìa hư không và nước – ông muốn nói rằng dòng chảy ấy tách rời hẳn hư không và nước mà có. Nhưng hư không vốn chẳng có trong và ngoài; ngoài nước ra vốn chẳng có dòng nước. Tách rời khỏi nước thì chẳng có dòng chảy nào cả. Nên nói lìa khỏi nước mà có dòng chảy là không đúng. Ông sẽ cho rằng chẳng lìa (khỏi nước mà có dòng chảy), điều ấy cũng sai luôn. Phân tích rốt ráo, A-nan, ông nói như thế nào về việc nầy? Đó chẳng phải là cái gì hiện hữu do nước hoặc hư không. Cội nguồn của nó là Như Lai tàng diệu chân như tánh.

Kinh văn: 是故當知行陰虛妄。本非因緣非自然性.

Phiên Âm: **Thị cố đương tri, hành uẩn hư vọng. Bổn phi nhân duyên, phi tự nhiên tánh.**

Việt dịch: Do vậy nên biết hành ấm không thật, vốn chẳng phải nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

Giảng: Do vậy– trước đây ông đã từng cho rằng điều nầy có liên quan đến nhân duyên và tự nhiên. Nay ông nên biết hành ấm không thật– dòng nước chảy xiết vốn là hư vọng, không thực–vốn chẳng phải nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên. Điều nầy đã được trình bày trong phần nói về hành ấm. Cội nguồn của nó vốn là Như Lai tạng diệu chân như tánh. Nhưng do một niệm vô minh sinh khởi, nên chúng sinh bị mê mờ nên từ chân mà khởi ra vọng. Ông bỏ quên mất cái chân thật mà chạy đuổi theo cái hư giả, do đây nên hết thảy mọi tướng hư vọng trên thế gian được hình thành.

Kinh văn: 阿難,譬如有人,取頻伽瓶。塞其兩孔滿中擎空。千里遠行用餉他國。識陰當知亦復如是

Phiên Âm: **A-nan! Thí như hữu nhân, thủ tần già bình. Tắc kỳ lưỡng khổng, mãn trung kình không. Thiên lý viễn hành, dụng hướng tha quốc. Thức uẩn đương tri, diệc phục như thị.**

Việt dịch: A-nan, ví như có người lấy một cái bình tần già, bịt kín hai đầu lại, trong đó đựng đầy hư không, đem đi xa ngàn dặm, đến cho nước khác. Nên biết thức ấm cũng lại như vậy.

Giảng: Sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm, hành ấm đã được trình bày, bây giờ sẽ giải thích về thức ấm. Trước hết tôi sẽ tóm lược lại về 4 ấm đầu tiên.

– Sắc ấm đề cập đến những cái có hình tướng, có vật thể. Khi mắt trừng trừng nhìn vào hư không, thì thấy xuất hiện những hoa đốm. Dù những hoa đốm ấy là hư vọng, không có thực, nhưng nó vẫn có hình sắc.

– Thọ ấm là sự tiếp nhận, lĩnh hội. Khi hai bàn tay xoa vào nhau sẽ làm phát sinh các cảm giác thô ráp, trơn mịn, hoặc lạnh, nóng.

– Tưởng ấm đơn thuần là do niệm tưởng. Chẳng hạn, khi tai quý vị nghe ai nói về me chua, rồi quý vị bắt đầu nghĩ tưởng về me. Ngay khi quý vị nghĩ tưởng, thì trong miệng liền tiết ra nước bọt. Đây là kết quả của tưởng ấm. Nghĩ tưởng ở đây có nghĩa là vọng tưởng.

– Hành ấm có nghĩa là sự biến dịch, vận động. Nó không dừng nghỉ. Đầu tiên con người trẻ trung, rồi trở thành trung niên, rồi già và chết. Niệm nầy sinh khởi

tiếp theo sau niệm kia diệt mất, niệm nầy nối tiếp niệm kia không dừng nghỉ. Đó là hành ấm.

– Thức ấm có liên quan đến sự phân biệt. Nó nhận rõ sự khác nhau giữa các sự việc; nó xem xét, suy tính, và tìm kiếm sự lợi thế trong mọi hòan cảnh. Chẳng hạn như A-nan, không phát huy công phu tu tập, không có được định lực, nhưng ham thích đa văn, có nghĩa là tìm cầu lợi thế trong hòan cảnh. Sự hoạt dụng của tâm tìm cầu lợi thế trong hòan cảnh là không có thực.

Nay sẽ giảng giải về thức ấm.

A-nan, ví như có người lấy một cái bình tần già. Tần -già[81] là tiếng Phạn, có nghĩa là tên một loài chim ở Ấn Độ, có tiếng hót rất hay. Nó có thể hót khi đứng bằng một chân. Tiếng hót của nó hay hơn hẳn những loài chim khác nên người ta rất thích nghe. Cái bình nầy có hình dáng như loài chim ấy nên có tên như vậy. Bình nầy có hai lỗ ở hai đầu .

Người trong ví dụ của Đức Phật bịt kín hai đầu lại. Anh ta nút kín hai lỗ ở hai đầu của chiếc bình tần-già lại. Trong đó đựng đầy hư không, đem đi xa ngàn dặm, đến cho nước khác. Một dặm (lý – 里) của người Trung Hoa tương đương một phần ba hải lý (mile).[82] Có thể anh ta đi bộ, có thể anh ta đi thuyền. Vào thời ấy, chưa có máy bay, xe hơi hoặc tàu lửa. Ngày nay chúng ta có thể đi được ngàn dặm trong vòng một ngày mà chẳng bận tâm gì cả. Nhưng thời đó, muốn vượt một ngàn dặm thì chỉ bằng cách đi bộ. Anh ta làm gì với hư không trong bình tần-già? Anh ta mang tặng cho nước láng giềng. Quý vị nghĩ xem việc nầy hợp lý chăng?

Nên biết thức ấm cũng lại như vậy.

Thức ấm, tâm phân biệt, cũng giống như câu chuyện cất giữ hư không rồi đem đi xa ngàn dặm tặng cho người khác vậy.

Kinh văn: 阿難如是虛空。非彼方來, 非此方入。

Phiên Âm: **A-nan! Như thị hư không. Phi bỉ phương lai, phi thử phương nhập.**

Việt dịch: A-nan, hư không nầy chẳng phải từ phương kia đến, cũng chẳng phải từ phương nầy vào.

Giảng: A-nan, hư không nầy chẳng phải từ phương kia đến, cũng chẳng phải từ phương nầy vào.

Người kia mang hư không đi tặng, nhưng hư không từ nơi nầy và hư không nơi kia là hai thứ chăng? Vốn là không khác. Hư không chỉ là một thứ. Nếu quý vị nhốt hư không nơi nầy vào trong cái bình rồi mang đi xa ngàn dặm, qua một quốc gia khác rồi đổ nó ra, thì nó sẽ hợp với hư không nơi đó. Có gì khác nhau giữa chúng? Hư không vốn chẳng đến chẳng đi.

Kinh văn: 如是阿難,若彼方來。則本瓶中既貯空去。於本瓶地應少虛空。

Phiên Âm: **Như thị A-nan, nhược bỉ phương lai. Tắc bổn bình trung, ký trữ không khứ. Ư bổn bình địa, ưng thiểu hư không.**

Việt dịch: Như vậy A-nan, nếu hư không từ phương kia lại, thì trong bình nầy đã đựng hư không đem đi, thì ở chỗ chiếc bình phải thiếu đi một ít hư không.

Giảng: Như vậy A-nan. Tại sao Như Lai nói hư không chẳng đi từ nơi nầy đến nơi kia? Hư không vốn chẳng đến chẳng đi.

Nếu hư không từ phương kia lại, thì trong bình nầy đã đựng hư không đem đi – trong chiếc bình tần-già, người ấy chứa đầy hư không, rồi đem chiếc bình ấy đi đến một nơi khác– thì ở chỗ chiếc bình phải thiếu đi một ít hư không. Quý vị lấy đi một ít hư không chứa vào trong bình, thế nên hư không ở nơi đó phải bị ít đi, phải không? Nơi quý vị mang chiếc bình có chứa hư không đến thì hư không ở đó có tăng thêm không? Đây là trường hợp làm chuyện vô ích và kiếm chuyện để làm. Thức ấm cũng giống như vậy. Vốn chẳng có việc gì để làm, nó phân biệt bên đông, phân biệt bên tây, phân biệt mọi thứ khác nhau trong mọi tình huống khác nhau. Cũng giống như chuyện nhốt hư không vào trong cái bình rồi mang sang nước khác làm quà.

Kinh văn: 若此方入,開孔倒瓶,應見空出.

Phiên Âm: **Nhược thử phương nhập, khai khổng đảo bình, ưng kiến không xuất.**

Việt dịch: Nếu hư không từ phương nầy vào, thì khi mở miệng bình đổ ra, phải thấy hư không đi ra.

Giảng: Nếu hư không từ phương nầy vào, thì khi mở miệng bình đổ ra, phải thấy hư không đi ra.

Nếu hư không có sự đi ra đi vào, nếu ông nói rằng hư không được đem từ nơi nầy đến nơi khác thì ông phải thấy được hư không đi ra khi mở nút và chúc

ngược cái bình xuống. Nếu nói không thể thấy được hư không thì hư không chẳng hiện hữu. Nếu ông thấy được hư không thì nó sẽ không phải là hư không. Vì ông không thể nào di chuyển được hư không. Ông không thể nào đem hư không từ nơi nầy đến nơi khác được.

Kinh văn: 是故當知識陰虛妄。本非因緣非自然性.

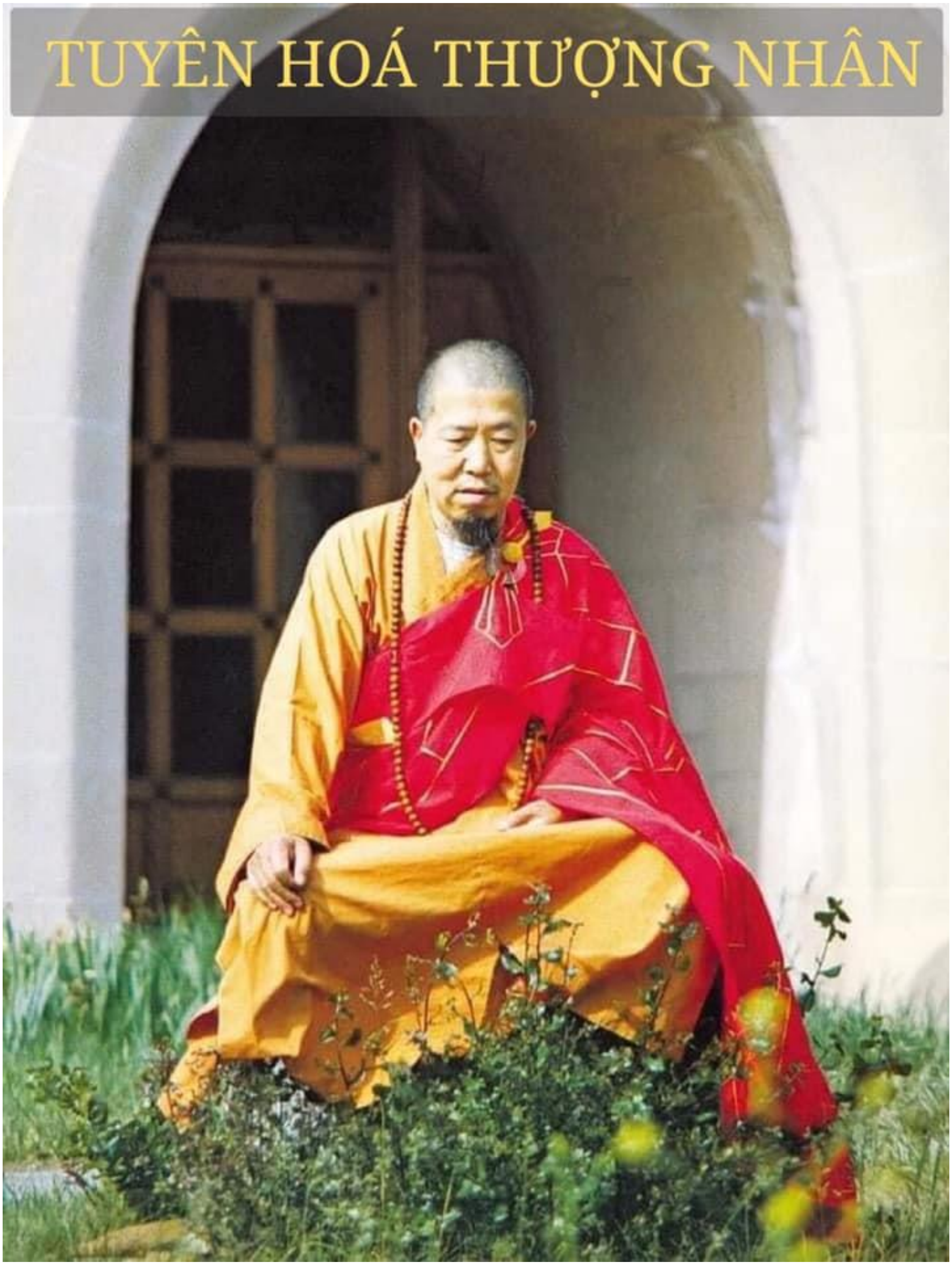
Phiên Âm: **Thị cố đương tri, thức uẩn hư vọng. Bổn phi nhân duyên, phi tự nhiên tánh.**

Việt dịch: Do vậy nên biết hành ấm không thật, vốn chẳng phải nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

Giảng: Do vậy– A-nan, do vì điều ấy– ông nên biết hành ấm không thật– nó cũng vậy, hư vọng, không thật–vốn chẳng phải nhân duyên.

Chẳng phải do nhân duyên mà thức ấm hiện hữu– chẳng phải tánh tự nhiên. Cũng chẳng phải do tánh tự nhiên mà thức ấm hiện hữu. Nguồn gốc phát sinh của nó vốn là Như Lai tạng diệu chân như tánh.

HẾT QUYỂN 2


TUYÊN HOÁ THƯỢNG NHÂN

KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH NHƯ LAI MẬT NHƠN
TU CHỨNG LIỄU NGHĨA
CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH
THỦ LĂNG NGHIÊM

QUYỂN 3 – PHẦN 1

— o0o —

TUYÊN HÓA THƯỢNG NHÂN
giảng thuật

Kinh văn: 復次阿難, 云何六入 本如來藏 妙真如性?

Phiên âm: Phục thứ A-nan, vân hà lục nhập bổn Như Lai tàng diệu chân như tánh?

Việt dịch: Lại nữa, A-nan, tại sao lục nhập vốn là tánh chân như nhiệm mầu từ Như Lai tạng ?

Giảng: Ngũ uẩn gồm sắc, thọ, tưởng, hành, thức đã được giảng rồi. Tất cả năm uẩn ấy đều là biểu hiện của tánh chân như mầu nhiệm từ Như Lai tạng. Nay Đức Phật lại gọi A-nan, "Lại nữa, A-nan, tại sao lục nhập vốn là tánh chân như nhiệm mầu từ Như Lai tạng?"

Tại sao lại nói rằng lục nhập–mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý– đều là tánh chân như mầu nhiệm từ Như Lai tạng? Lục nhập sẽ được phân tích và giải thích dưới đây.

Kinh văn: **阿難, 即彼目精, 瞪 發勞者。兼目與勞, 同是菩提。**

Phiên âm: A-nan, tức bỉ mục tinh, trừng phát lao giả. Kiêm mục dữ lao, đồng thị bồ đề.

Việt dịch: A-nan, như mắt kia nhìn chăm chú lâu khiến cho mỏi mệt. Con mắt và tướng mỏi mệt đều là bồ-đề.

Giảng: Đức Phật gọi A-nan, "A-nan, như mắt kia nhìn chăm chú lâu khiến cho mỏi mệt."– Ý nầy đã được giải thích ở trước, là do mắt nhìn sững quá lâu vào hư không khiến cho phát sinh tướng mỏi mệt. Con mắt nhìn trừng trừng mãi quá lâu cũng sinh ra mỏi mệt. "Con mắt và tướng mỏi mệt đều là bồ-đề." Cả hai

tướng biểu hiện (con mắt, tướng mỏi mệt do nhìn) đều không ngoài bồ-đề mà riêng có. Chính ở trong chân tánh bồ-đề mà tướng mỏi mệt phát sinh.

Kinh văn: **瞪發勞相, 因于明暗 二種妄塵, 發見居中。吸此塵象名為見性。此見離彼明暗二塵畢竟無體。**

Phiên âm: Trừng phát lao tướng, nhân vu minh ám nhị chủng vọng trần, phát kiến cư trung, hấp thử trần tượng, danh vi kiến tánh. Thử kiến ly bỉ minh ám nhị trần, tất cánh vô thể.

Việt dịch: Tướng nhìn sững quá lâu hoá ra mỏi mệt nhân nơi sáng tối, phát ra cái thấy từ trong hai thứ vọng trần kia, thu nạp trần cảnh, gọi là tánh thấy. Tánh thấy nầy rời hai trần cảnh sáng tối kia, hoàn toàn không có tự thể.

Giảng: “A-nan, Tại sao Như Lai bảo rằng chính trong chân tánh bồ-đề mà nhìn sững quá lâu khiến sinh ra mỏi mệt? Ông nên nhớ rằng đó là do tướng nhìn sững quá lâu hoá ra mỏi mệt nhân nơi sáng tối, phát ra cái thấy từ trong hai thứ vọng trần kia”– nó trở nên dính mắc với hai tướng sắc trần là sáng và tối, là hai thứ trần cảnh hư vọng, không thật. Sáng và tối là một phần của không hư nằm phía trước mặt ông. Trong sự hiện hữu của không hư, vọng trần giả dối nầy mà phát sinh ra tánh thấy.

“Thu nạp trần cảnh”– tánh thấy nhận lấy hình sắc và tướng của vọng trần đang có trước mặt ông. “Đây gọi là tánh thấy.” Đó là bản chất của cái thấy. “Tánh thấy” nầy không phải là “minh tâm kiến tánh” như thường được đề cập trong Thiền tông. Tánh thấy ở đây chỉ là tính chất cái thấy thông thường của con người. Còn minh tâm kiến tánh có nghĩa là thấy được bản tâm và nhận ra chân tánh của chính mình. Kiến tánh (seeing the nature) trong trường hợp ấy có nghĩa là nhận ra được tánh Phật vốn có trong chính mình. Còn ‘tánh thấy’(seeing-nature) ở đây chỉ là nói đến tính chất của cái thấy thông thường.

“Tánh thấy nầy rời hai trần cảnh sáng tối kia.”– Khi tánh thấy (seeing-nature) nầy tách rời hẳn hai tướng trần cảnh sáng và tối kia, thì hoàn toàn không có tự thể.” Nó chẳng có một thực thể nào. Chẳng có gì thực sự hiện hữu.

Kinh văn: **如是阿難,當知是見, 非明暗來, 非於根出,不於空生。**

Phiên âm: Như thị A-nan, đương tri thị kiến, phi minh ám lai, phi ư căn xuất, bất ư không sinh.

Việt dịch: Như vậy, A-nan! phải biết cái thấy đó, chẳng phải do sáng hay tối mà có, chẳng phải từ mắt mà ra, chẳng phải do hư không phát sinh.

Giảng: “Như vậy, A-nan! phải biết cái thấy đó, chẳng phải do sáng hay tối mà có.” Tánh thấy chẳng đến từ sang, cũng chẳng đến từ tối. “Cũng chẳng phải từ mắt mà ra”– tánh thấy ấy cũng chẳng phải từ con mắt mà có, “cũng chẳng phải do hư không phát sinh.” Nó cũng chẳng phát sinh từ hư không.

Kinh văn: **何以故,若從明來, 暗即隨滅, 應非見暗。若從暗來, 明即隨滅, 應無見明。**

Phiên âm: Hà dĩ cố? Nhược tùng minh lai, ám tức tuỳ diệt, ưng phi kiến ám. Nhược tùng ám lai, minh tức tuỳ diệt, ưng vô kiến minh.

Việt dịch: Sao vậy? Nếu tánh thấy từ sáng đến, thì cái tối phải theo đó mà biến mất, lẽ ra không còn thấy được cái tối nữa. Nếu tánh thấy từ tối mà đến, thì cái sáng phải theo đó mà biến mất, lẽ ra không còn thấy được cái sáng nữa.

Giảng: “Sao vậy? Nếu tánh thấy từ sáng mà đến”– Nếu tánh thấy đến từ trần tướng là sáng– “thì cái tối phải theo đó mà biến mất.” Hai trần tướng sáng và tối không hiện hữu đồng thời. Khi cái nầy xuất hiện, thì cái kia biến mất. Nó không thể cùng nhau tồn tại. Nếu ông muốn nói rằng tánh thấy do từ sáng mà có, thì sẽ không còn chút bóng tối nào cả.

“Thì lẽ ra không còn thấy được cái tối nữa.” Và như thế tánh thấy sẽ không thấy được tướng của tối. Nhưng thực ra khi có ánh sáng, thì cái thấy lại thấy được cái tối. Thế nên tánh thấy không đến từ sáng, cũng chẳng đến từ tối. “ Nếu tánh thấy từ tối mà đến, thì cái sáng phải theo đó mà biến mất, lẽ ra không còn thấy được cái sáng nữa.” Nếu tánh thấy do từ tướng tối mà có, thì sẽ không còn có chút sáng nào cả. Chúng ta sẽ chẳng thể nào thấy được tướng của sáng.

Kinh văn: **若從根生, 必無明暗。如是見精本無自性。**

Phiên âm: Nhược tùng căn sinh, tất vô minh ám. Như thị kiến tinh bổn vô tự tánh.

Việt dịch: Nếu (cái thấy) từ mắt sinh ra, ắt hẳn không có sáng và tối. Thế nên cái thấy vốn không có tự tánh.

Giảng: Nếu ông nói rằng cái thấy phát xuất từ con mắt, "Nếu (cái thấy) từ mắt sinh ra, ắt hẳn không có sáng và tối." Nếu (cái thấy) từ mắt phát sinh, thì lẽ ra nó không bao gồm cả hai trần tướng sáng và tối. Theo giải thích nầy, "Thế nên tánh thấy vốn không có tự tánh." Nếu (cái thấy) đến từ mắt, thì lẽ ra nó phải có thể tánh riêng. Thế nên cái thấy chẳng phải xuất phát từ mắt.

Kinh văn: **若於空出, 前矚塵象, 歸當見根。又空自觀, 何關汝入?**

Phiên âm: Nhược ư không xuất, tiền chúc trần tượng, quy đương kiến căn. Hựu không tự quán, hà quan nhữ nhập?

Việt dịch: Nếu (cái thấy) từ hư không mà ra thì khi nhìn, trước tiên sẽ thấy trần cảnh, khi xoay trở về lại, (cái thấy) phải thấy được con mắt. Còn như nếu tự hư không thấy được thì có quan hệ gì đến nhãn nhập (con mắt) của ông?

Giảng: "Nếu (cái thấy) từ hư không mà ra". Giả sử như ông cho rằng cái thấy từ hư không mà ra, thì khi nhìn, trước tiên sẽ thấy trần cảnh." Nhìn ra phía trước, phải thấy được trần cảnh. "Khi xoay trở về lại, (cái thấy) phải thấy được con mắt. Khi cái thấy quay trở về lại, lẽ ra nó phải thấy được con mắt của ông. Nó thấy được phía trước, sao nó lại không thấy được khi nhìn phía sau?

Còn như nếu hư không tự thấy được–Lại nữa, nếu ông cho rằng cái thấy xuất phát từ hư không, nếu hư không tự thấy được hư không, thì có quan hệ gì đến nhãn nhập (con mắt) của ông? Liệu rằng cái thấy ấy có quan hệ gì đến bản tánh của ông? Ông có dính dấp chút nào đến hư không chăng? Thế nên cái thấy chẳng phải xuất phát từ hư không.

Kinh văn: **是故當知, 眼入虛妄。本非因緣, 非自然性。**

Phiên âm: Thị cố đương tri, nhãn nhập hư vọng. Bổn phi nhân duyên phi tự nhiên tánh.

Việt dịch: Thế nên phải biết, nhãn nhập là hư vọng. Vốn chẳng phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

Giảng: A-nan, thế nên phải biết nhãn nhập, cái đầu tiên trong sáu nhập, tức nhãn căn, con mắt của ông, là hư vọng. Sự phát sinh của nó là hư vọng, giả dối, không thật; và sự hoại diệt của nó cũng hư vọng, giả dối, không thật. Vốn chẳng phải tánh nhân duyên, nó chẳng sinh khởi từ nhân duyên, và sự hoại diệt của nó cũng chẳng dựa vào nhân duyên. Chẳng phải tánh tự nhiên. Nó

cũng chẳng xuất phát từ tánh tự nhiên. Nguồn gốc xuất sinh của nó là từ tánh Như Lai tạng.

Kinh văn: **阿難, 譬如有人, 以兩手指, 急塞其耳, 耳根勞故頭中作聲。兼耳與勞同是菩提, 瞪發勞相.**

Phiên âm: A nan, thí như hữu nhân, dĩ lưỡng thủ chỉ, cấp tắc kỳ nhĩ. Nhĩ căn lao cố, đầu trung tác thanh. Kiêm nhĩ dữ lao, đồng thị bồ đề, trừng phát lao tướng.

Việt dịch: A-nan, thí như có người lấy hai ngón tay bít chặt hai lỗ tai, do lỗ tai mỏi mệt nên nghe trong đầu phát ra âm thanh. Cả lỗ tai và cái mỏi mệt đều là tánh bồ-đề, do chăm chú mà phát ra tướng mỏi mệt.

Giảng: Nay sẽ nói về nhĩ nhập, tức nhĩ căn. "A-nan, thí như có người"– cơ bản là chẳng có người nào đóng vai như vậy cả. Đức Phật chỉ giả định như là có người – "lấy hai ngón tay bít chặt hai lỗ tai." Anh ta bịt chặt hai lỗ tai của mình lại. Do lỗ tai mỏi mệt nên nghe trong đầu phát ra âm thanh." Sau khi quý vị bịt chặt lỗ tai một lúc lâu, quý vị sẽ không còn nghe được âm thanh bên ngoài, nhưng bên trong có cái gì đó rất lùng bùng. Có âm thanh phát ra từ bên trong. Thường thì ta nghe được âm thanh từ bên ngoài, nhưng nay quý vị đã bít chặt tai lại và không nghe được âm thanh bên ngoài nữa, nhưng lại nghe có âm thanh ở bên trong.

Bít chặt tai một hồi lâu cũng giống như ở lâu trong phòng không đi ra và nhìn thấy cảnh vật bên ngoài. Sau một thời gian dài quý vị sẽ thấy rất mỏi mệt, và quý vị thấy muốn ra ngoài đi dạo hoặc thư giãn. Cũng vậy, lỗ tai thường lắng nghe những tiếng phát ra từ bên ngoài. Nếu quý vị không cho nó nghe nữa, nhưng thay vì ngăn không cho nó nghe bên ngoài nữa, thì nó lại lắng nghe vào bên trong. Loại âm thanh gì phát ra trong đầu? Hãy thử làm xem.

Bít chặt lỗ tai mình lại vài ngày rồi sẽ biết mình nghe được loại âm thanh gì. Thế là quý vị biết được ngay. Thế nên nay tôi không nói nữa loại âm thanh nào mà người ở trong ví dụ nầy sẽ nghe được. "Cả lỗ tai và cái mỏi mệt đều là tánh bồ-đề." Tướng mỏi mệt và lỗ tai đều là tánh bồ-đề trong Như Lai tạng. "do chăm chú mà phát ra tướng mỏi mệt." Chỉ do một niệm vô minh mà làm phát sinh vô số tướng trạng hư vọng, thế rồi ảnh hưởng luôn đến cả chức năng của nhĩ căn.

Kinh văn: **因于動靜。二種妄塵發聞居中。吸此塵象名聽聞性。此聞離彼動靜二塵畢竟無體。**

Phiên âm: Nhân vu động tĩnh, nhị chủng vọng trần phát văn cư trung. Hấp thử trần tượng, danh thính văn tánh. Thử văn ly bỉ động tĩnh nhị trần tất cánh vô thể.

Việt dịch: Nhân nơi động tỉnh, phát ra cái nghe từ trong hai thứ vọng trần, thu nạp trần tướng nầy, gọi là tánh nghe. Tánh nghe nầy rời hai trần tướng động tĩnh kia hoàn toàn không có thật thể.

Giảng: "Nhân nơi động tỉnh, phát ra cái nghe từ trong hai thứ vọng trần,"– Cái nghe ở trong hai thứ vọng trần động tĩnh nầy. Từ ở trong hai thứ vọng trần động tĩnh ấy mà phát sinh ra tánh nghe– "thu nạp trần tướng nầy." Hai trần tướng động tĩnh ấy đã khiến cho tánh nghe sinh khởi từ nhĩ căn. Tánh nghe cũng giống như thỏi nam châm hút những miếng kim loại. Những trần tướng nầy là nhiễm ô không thanh tịnh. Tiếng Hán gọi là trần 塵,

Tại sao tự tánh mọi người chúng ta lại có nhiễm ô nầy? Tôi sẽ giảng rõ cho quý vị. Là vì mắt nhìn vật tượng rồi đắm chấp những tướng nhiễm ô ấy nên làm cho tự tánh không còn được thanh tịnh. Tai nghe âm thanh và dính mắc với những tướng nhiễm ô ấy nên làm cho tự tánh không còn được thanh tịnh. Tự tánh vốn thanh tịnh, không chút nhiễm ô, nhưng vì tai và mắt dính với những cảnh trần không thanh tịnh, nên tự tánh cũng trở nên bị nhiễm ô.

Trong tiếng Hán, chữ hấp 吸 còn có nghĩa là hít vào, như hút thuốc lá vậy. Khi hút thuốc lá, khói vào trong phổi, dù người thông thường không thấy được bên trong của mình, nhưng thực tế là cổ họng, khí quản, và phổi trở nên bị phủ bởi một lớp nhựa ni-cô-tin. Quý vị có thấy lớp mồ hóng đen khi nạo ống khói bao giờ chưa? Những người hút thuốc lá cũng giống như là cái kho chứa nhựa ni-cô-tin trong phổi vậy. Nhưng vì không có cuộc giải phẩu để phơi bày điều ấy ra, thực ra ruột non ruột già, cổ họng, nội tạng quý vị đều bị phủ bởi nhựa ni-cô-tin nhưng quý vị không thấy.

"Thu nạp trần tướng" cũng giống như vậy. Vì quý vị thu nạp trần tướng bên ngoài vào bên trong , nên tự tánh mình cũng bị phủ một lớp nhựa mặc dù quý vị không nhìn thấy được lớp nhựa ấy. Vì tự tánh mình bị nhiễm ô bởi những thứ ấy, bị lớp nhựa đen bao phủ, nên không có ánh sáng. Ngài Thần Hội có bài kệ:

Thân thị bồ-đề thọ
Tâm như minh kính dài

Thời thời cần phất thức
Vật sử nhạ trần ai.

Dịch:
Thân như cây bồ-đề
Tâm như đài gương sáng
Luôn siêng năng lau phủi
Chớ để nhuốm bụi trần.

Bài kệ nầy là một diễn đạt rất hay cho ý trên, nhưng đó không phải là lời của người đã chứng ngộ. Bài kệ nầy nói về giai đoạn ban đầu công phu tu tập để được kiến tánh. Ví công phu tu đạo cũng như lau gương, phải luôn luôn giữ cho gương được sáng. Người tu đạo cũng giống như lau bụi trên gương. Sau khi Đại sư Thần Hội làm bài kệ nầy, Lục tổ Đại sư Huệ Năng đáp lại bằng bài kệ sau:

Bồ-đề bổn vô thọ
Minh kính diệc phi đài
Bổn lai vô nhất vật
Hà xứ nhạ trần ai.

Tạm dịch:
Tánh giác chẳng gốc ngọn
Gương sáng cần chi đài
Xưa nay thể vắng lặng
Đâu có gì trần ai.

Có nghĩa là mọi sự đều phải cẩn trọng. Trong công phu tu đạo, ngài Huệ Năng đã chứng tỏ mình đã chứng ngộ. Khi một hành giả đã được chứng minh là ngộ rồi thì họ không nhất thiết phải làm những việc như trong bài kệ ngài Thần Tú nêu ra nữa. Nhiều người cho rằng bài kệ của ngài Huệ Năng rất hay và bài kệ của ngài Thần Tú thì dở. Nhưng thật ra cả hai bài kệ đều hay.

Vì đối với những người hiểu được Phật pháp, thì mọi pháp đều là Phật pháp. Khi quý vị nói pháp cho những người không am hiểu, họ sẽ không nhận ra đó là Phật pháp. Thế nên quý vị phải thẩm sát tường tận đạo lý nầy. Nếu quý vị nhận ra điều nầy, quý vị sẽ nhận ra tất cả mọi điều.

“Đây gọi là tánh nghe”– Khi nhĩ căn thu nạp trần tướng. “Tánh nghe nầy rời hai trần tướng động tĩnh kia”– Nếu tánh nghe nầy tách rời hai trần tướng động tĩnh”– tánh nghe này sẽ hoàn toàn không có thật thể.” Nó chẳng có tự tánh riêng.

Kinh văn: **如是阿難, 當知是聞, 非動靜來。非於根出, 不於空生。**

Phiên âm: Như thị A-nan, đương tri thị văn, phi động tỉnh lai, phi ư căn xuất, bất ư không sinh.

Việt dịch: Như vậy, A-nan! phải biết cái nghe đó, chẳng phải do động hay tĩnh mà có, chẳng phải từ lỗ tai mà ra, chẳng phải do hư không phát sinh.

Giảng: "Như vậy" nghĩa là trường hợp đang đề cập ở văn trên, là "lỗ tai và tướng mỏi mệt đều là tánh bồ-đề, "do chăm chú mà phát ra tướng mỏi mệt." "A-nan! phải biết cái nghe đó, chẳng phải do động hay tĩnh mà có," chẳng phải từ tướng động tĩnh mà tánh nghe kia được phát sinh. "Chẳng phải từ lỗ tai mà ra," Tánh nghe cũng chẳng đến từ nhĩ căn. "Chẳng phải do hư không phát sinh." Tánh nghe cũng chẳng đến từ hư không.

Kinh văn: **何以故? 若從靜來, 動即隨滅, 應非聞動。若從動來, 靜即隨滅, 應無覺靜。**

Phiên âm: Hà dĩ cố? Nhược tùng tĩnh lai, động tức tuỳ diệt, ưng phi văn động. Nhược tùng động lai, tĩnh tức tuỳ diệt, ưng vô giác tĩnh.

Việt dịch: Sao vậy? Nếu tánh nghe từ tĩnh mà đến thì cái động phải theo đó mà biến mất, lẽ ra không còn thấy được cái động nữa. Nếu tánh nghe từ động mà đến, thì cái tĩnh phải theo đó mà biến mất, lẽ ra không còn biết được cái tĩnh nữa.

Giảng: "Sao vậy? Nếu tánh nghe từ tĩnh mà đến"–Điểm nầy có ý nghĩa hơi giống với tánh thấy đã trình bày ở trên, nhưng quý vị đừng nên bực mình khó chịu. Các đạo lý đều phải được giải thích tường tận từng chi tiết. Đức Phật giảng giải lục nhập rất chi tiết. "Thì cái động phải theo đó mà biến mất, lẽ ra không còn thấy được cái động nữa." Nếu tánh nghe đến từ trạng thái tịnh, thì khi động lẽ ra tánh nghe bị tiêu diệt, sẽ không còn tánh nghe nữa. Nhưng vẫn có tánh nghe khi ở trong trạng thái tịnh, và vẫn có tánh nghe khi ở trong trạng thái động.

"Nếu tánh nghe từ động mà đến, thì cái tĩnh phải theo đó mà biến mất, lẽ ra không còn biết được cái tĩnh nữa." Nếu tánh nghe đến từ trạng thái động, thì lẽ ra phải không còn trạng thái tịnh nữa. Lẽ ra sẽ không nghe được cái tịnh nữa. Nếu tánh nghe đến từ cái tịnh, thì lẽ ra quý vị sẽ không biết gì về cái động nữa. Do vậy, tánh nghe không phát xuất từ hai trần tướng động tĩnh.

Kinh văn: **若從根生, 必無動靜。如是聞體本無自性。**

Phiên âm: **Nhược tùng căn sinh, tất vô động tĩnh. Như thị văn thể bổn vô tự tánh.**

Việt dịch: Nếu (cái nghe) từ tai sinh ra, ắt hẳn không có động và tĩnh. Thế nên tánh nghe vốn không có tự tánh.

Giảng: “Nếu (cái nghe) từ tai sinh ra, ắt hẳn không có động và tĩnh.” Hai trần tướng động và tĩnh lẽ ra không còn. “ Thế nên tánh nghe” như đã nói ở trên: “vốn không có tự tánh.” Sao vậy? Nếu nó có một tính chất, lẽ ra nó phải có thể tánh, nhưng quý vị đã không thể nào tìm ra được thể tánh của tánh nghe.

Kinh văn: **若於空出, 有聞成性,即非虛空。又空自聞, 何關汝入。**

Phiên âm: **Nhược ư không xuất, hữu văn thành tánh, tức phi hư không; hựu không tự văn, hà quan nhữ nhập.**

Việt dịch: Nếu (tánh nghe) từ hư không mà ra, đã có tánh nghe, tức không phải là hư không nữa; còn nếu hư không tự nghe được, thì quan hệ gì đến nhĩ nhập (nhĩ căn) của ông.

Giảng: “Nếu (tính nghe) từ hư không mà ra –Nếu (tánh nghe) phát sinh từ hư không–tức hư không đã có tánh nghe, tức không phải là hư không nữa.” Giả sử như tánh nghe đến từ hư không. Hư không thì tuyệt nhiên không hay không biết gì cả; hư không vô tri, nên nếu hư không có được tính nghe, thì nó sẽ không còn được gọi là hư không nữa. Do vậy, tánh nghe không phát xuất từ hư không.

“Còn nếu hư không tự nghe được–Còn nếu cho rằng tánh nghe phát sinh từ hư không, thì quan hệ gì đến nhĩ nhập (nhĩ căn) của ông?” Nó có dính dáng gì đến quý vị? Chắc hẳn là chẳng dính dấp gì đến ai cả.

Kinh văn: **是故當知, 耳入虛妄, 本非因緣, 非自然性.**

Phiên âm: **Thị cố đương tri, nhĩ nhập hư vọng, bổn phi nhân duyên, phi tự nhiên tánh.**

Việt dịch: Thế nên phải biết nhĩ nhập là hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

Giảng: "Thế nên phải biết nhĩ nhập là hư vọng. Do vậy, ông phải nên biết nhĩ nhập–dạng thức của tánh nghe– là hư vọng, vì nó vốn chẳng phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên." Nó vốn chẳng phải phát sinh từ tính nhân duyên, cũng chẳng phải phát sinh từ tánh tự nhiên.

Kinh văn: **阿難, 譬如有人, 急畜其鼻, 畜久成勞。則於鼻中, 聞有觸冷。因觸分別, 通塞虛實。如是乃至諸香臭氣, 兼鼻與勞,同是菩提 瞪發勞相.**

Phiên âm: A-nan, thí như hữu nhân, cấp súc kỳ tị, súc cửu thành lao. Tắc ư tị trung, văn hữu xúc lãnh, nhân xúc phân biệt, thông tắc hư thật. Như thị nãi chí chư hương xú khí, kiêm tị dữ lao, đồng thị bồ-đề trừng phát lao tướng.

Việt dịch: A-nan, ví như có người bít chặt hai lỗ mũi, bít lâu thành ra mỏi mệt. Trong lỗ mũi nghe có cảm giác lạnh, do cảm giác như vậy mà phân biệt được là thông, là ngăn bít, là rỗng, là đặc; cho đến các mùi hương thơm khí thối, cả cái ngửi cùng tướng mỏi mệt đều là thể tánh bồ-đề, do chăm chú mà phát ra tướng mỏi mệt.

Giảng: Mắt và tai đã được giải thích ở trên. Bây giờ sẽ nói về tị nhập. "A-nan," Đức Phật gọi tên A-nan là để cho A-nan phải đặc biệt chú tâm nghe giảng. "Ông phải hết sức lắng nghe những đạo lí mà Như Lai sắp giảng bày cho ông. Ví như có người–giả sử như có một người. Người ấy làm gì? Anh ta bít chặt hai lỗ mũi." Anh ta hít mạnh vào, hít thở rất khó khăn. Thông thường chúng ta dùng khứu giác để ngửi mỗi khi có mùi hương xuất hiện, nhưng người nầy đang gặp rất khó khăn khi hít thở qua đường mũi của mình. Anh ta không chỉ bị như vậy trong một lúc, mà phải chịu vậy rất lâu.

"Bít lâu thành ra mỏi mệt." Nếu thở như vậy trong một thời gian lâu, quý vị sẽ thấy mỏi mệt. Lỗ mũi sẽ mỏi mệt. Và khi mỏi mệt thì vọng tưởng sinh khởi. Lỗ mũi sinh khởi nên vọng tưởng. Loại vọng tưởng gì vậy? Có khi nó bảo, " Hãy ngừng lại đi! Dừng lại đi!" Nhưng người ta không chịu dừng. Thế nên nó phát sinh một cảm giác. Cảm giác gì? "Trong lỗ mũi nghe có cảm giác lạnh." Thấy hơi thở kéo theo một cảm giác lạnh. Cực kỳ lạnh.

"Do cảm giác như vậy mà có sự phân biệt." Trong hơi thở lạnh ấy, dấy lên sự phân biệt cảm giác hơi thở đi vào lỗ mũi. Phân biệt như thế nào? "Phân biệt được là thông, là ngăn bít." "A! lỗ mũi tôi bị nhgẹt rồi." Hoặc là, "Tôi thở được bằng lỗ mũi bên trái nhưng bên phải lại thở không được." Anh ta bắt đầu dấy lên sự phân biệt. Không có chuyện gì để làm, anh ta tìm việc gì đó để làm, đó là khởi lên những phân biệt như thế.

“Là rỗng, là đặc.” Hư 虛ở đây có nghĩa là rỗng, thông suốt; thật 實ở đây có nghĩa là đặc, bế tắc. Anh ta nghĩ rằng: “A! phải chăng mình đang bị cảm lạnh, vì không thể nào thở bằng mũi được?” Anh ta khởi những phân biệt như vậy. “Cho đến các mùi hương thơm khí thối.”

Nghĩa của thối–chữ xú 臭 trong tiếng Hán là gì? Nó gồm hai chữ hợp lại, chữ tự 自nghĩa là ta, mình và chữ đại 大nghĩa là lớn; nên thối– xú 臭 được giải thích là “cái ta lớn”. Xem mình rất lớn có nghĩa là thối. Nên chữ xú 臭có nghĩa là “cái ta lớn thối hoắc.”

Có người không hiểu được nghĩa của “các mùi hương thơm khí thối.” Tôi sẽ giải thích rõ. Lấy ví dụ như cá, để nó một nơi nào đó rồi chẳng thèm để ý đến nữa, sau một thời gian cá sẽ trở nên ươn thối. Khi nó thối, sẽ sinh ra giòi. Vốn cá là thứ mình ăn được, nhưng khi đã có giòi trong đó rồi thì chẳng ai còn muốn ăn nữa. Đừng nói chuyện ăn, quý vị chỉ cần nghĩ đến sao mà nó bốc mùi quá ghê là đủ khiến mình muốn nôn rồi.

Ngay khi có ai đó nói đến me chua thì miệng quý vị liền tiết ra nước bọt, hoặc khi quý vị nghĩ mình đang đứng trên mép vực sâu ngàn dặm thì chân bỗng run run, và gan bàn chân thấy rờn rợn; ở đây cũng giống như vậy, khi nghĩ đến mùi thối, quý vị liền cảm thấy muốn dợn mửa.

Có điều rất lạ: người ở Thượng Hải rất thích ăn những thứ có mùi thối. Họ thích ăn một loại đậu phụ có mùi thum thủm như phân trong nhà vệ sinh. Quý vị có cho đó là chuyện lạ không? Tôi không có ý giễu cợt người Thượng Hải, nhưng sự thật là như vậy. Tôi đã từng đến Ngũ Đài Sơn, ở tại chùa Fa Yu và chùa P’u T’i, người dân vùng nầy không ăn gì ngoài một thứ đường mía có mùi thum thủm.

Đường vốn được làm ra từ mía, tôi không hiểu tại sao người dân ở đây lại ăn như vậy, nó bốc mùi thối đến tận trời. Tôi vốn chẳng kén ăn. Đối với tôi, thức ăn ngon dở đều như nhau. Khi nó đã thành thực phẩm rồi, tôi chẳng bận tâm kén chọn gì nữa. Nhưng món đường mía có mùi thối đến tận trời ấy thì quá sức, không dễ gì nuốt trôi. Thế nhưng người dân ở đó sẽ không thân thiện với mình nếu mình không ăn thứ đó.

Họ thích ăn đường mía, và nếu quý vị không ăn, họ sẽ cho rằng quý vị khinh thường họ. Trên thế giới có rất nhiều thứ để ăn, và mỗi dân tộc lại thích ăn những thứ có những mùi vị khác nhau. Bản tính của người dân mỗi địa phương quý vị đi qua đều khác biệt nhau.

Quý vị chẳng cần bận tâm gì đến những thứ hôi thối nếu như quý vị không có một “cái ta lớn”. Tự xem cái ngã của mình lớn là rất thối, còn thối hơn cả mùi thối của cá và mùi thối của phân cầu. Không còn ai dám gần mình nữa. Sao vậy? Vì không phải quý vị lớn. Mà vì quý vị đã biến mình thành một thứ gì thối hoắc.

Kinh văn: **因于通塞, 二種妄塵, 發聞居中。吸此塵象, 名嗅聞性。此聞離彼通塞二塵,畢竟無體.**

Phiên âm: Nhân vu thông tắc, nhị chủng vọng trần phát văn cư trung. Hấp thử trần tượng danh khứu văn tánh. Thử văn ly bỉ thông tắc nhị trần, tất cánh vô thể.

Việt dịch: Nhân nơi hai thứ vọng trần thông và bít, phát ra cái ngửi ở trong, thu nạp các trần tượng đó, gọi là tánh ngửi. Tánh ngửi đó rời hai thứ vọng trần thông và bít kia, hoàn toàn không có tự thể.

Giảng: “Nhân nơi hai thứ vọng trần thông và bít”– hai thứ vọng trần thông suốt và ngăn ngại, những tướng không thanh tịnh nầy trở nên lưu hiện, và từ trong sự bất tịnh ấy sinh khởi tánh ngửi. Trong tiếng Hán chữ văn 聞 có hai nghĩa là nghe và ngửi. Ở đây không đề cập đến nghe, chỉ nói đến ngửi.

“Thu nạp các trần tượng.” Vì tánh ngửi hấp thu vào cả hai trần tướng thông và bít,

“Gọi là tánh ngửi.” Lại nữa, tánh nghe–văn tánh聞性 không có nghĩa là quay cái nghe trở lại để nghe được tự tánh của mình. Tánh nghe–văn tánh聞性 nầy không có nghĩa như Bồ-tát Quán Thế Âm nói: “Phản văn văn tự tánh, đắc thành Vô thượng đạo. ” Ngài lắng nghe tự tánh, và tu tập để được thành tựu Vô thượng đạo.

Ngài đạt được nhĩ căn viên thông. Kinh văn đoạn nầy đề cập đến khả năng của khứu giác. “Tánh ngửi đó rời hai thứ vọng trần thông và bít kia, hoàn toàn không có tự thể.” Tách rời hai trạng thái thông suốt và ngăn ngại, tách rời hai thứ vọng trần ấy, cái tánh biết ngửi vốn không có thực thể.

Kinh văn: **當知是聞,非通塞來,非於根出,不於空生。**

Phiên âm: Đương tri thị văn, phi thông tắc lai, phi ư căn xuất, bất ư không sinh.

Việt dịch: Như vậy, A-nan! phải biết cái ngửi đó, chẳng phải từ thông hay bít mà có, chẳng phải do lỗ mũi mà ra, chẳng phải từ hư không phát sinh.

Giảng: Đoạn nầy có cùng ý nghĩa như điều đã giải thích ở trên. "A-nan! phải biết cái ngửi đó, tánh ngửi ấy, chẳng phải từ thông hay bít mà có." Chẳng phải từ sự thông suốt và ngăn ngại mà tánh ngửi ấy phát sinh. "Chẳng phải do lỗ mũi mà ra." Cũng chẳng phải do từ lỗ mũi mà có tánh ngửi. " Cũng chẳng phải từ hư không phát sinh." Thế nó do đâu mà có?

Kinh văn: **何以故?若從通來, 塞自隨滅, 云何知塞。如因塞有,通則無聞。云何發明香臭等觸。**

Phiên âm: Hà dĩ cố, nhược tùng thông lai, tắc tự tuỳ diệt, vân hà tri tắc. Như nhân tắc hữu, thông tắc vô văn. Vân hà phát minh hương xú đẳng xúc?

Việt dịch: Sao vậy? Nếu (tánh ngửi) từ cái thông mà đến, thì khi bít, (tánh ngửi) đã tự biến mất rồi, làm sao còn biết được bít. Nếu nhân nơi bít mà có (tánh ngửi), thì khi thông sẽ không còn tánh ngửi. Làm sao biết được các mùi thơm thối?

Giảng: "Sao vậy? Xuất phát từ đạo lý nào để Như Lai nói rằng tánh ngửi chẳng đến từ thông hay bít, chẳng đến từ lỗ mũi, cũng chẳng do hư không mà phát sinh? Như Lai sẽ giảng giải cho các ông. Hãy lắng nghe.

Nếu (tánh ngửi) từ cái thông mà đến, thì khi bít, (tánh ngửi) đã tự biến mất rồi." Thông và bít là hai trạng thái đối nghịch nhau, thế nên nếu tánh ngửi đến từ trạng thái thông thì trong trạng thái bít sẽ không có tánh ngửi. Tánh ngửi trong trạng thái bít sẽ bị biến mất. "Làm sao còn biết được bít.?" Nếu tánh ngửi trong trạng thái bít không hiện hữu thì làm sao mà biết được có sự ngăn bít?

"Nếu nhân nơi bít mà có (tánh ngửi) – nếu tánh ngửi có được là nhờ vào trạng thái ngăn bít, thì khi thông sẽ không còn tánh ngửi. Ông sẽ không thể nào ngửi được nhờ tánh ngửi. Làm sao ông nhận ra được trạng thái thông và trạng thái bít? Do vậy, tánh ngửi chẳng đến từ trạng thái thông cũng như chẳng đến từ trạng thái bít. Ông phải biết rõ bản chất của tánh ngửi.

Trong trường hợp đó, làm sao biết được các mùi thơm thối?" Vì tánh ngửi chẳng phải do từ thông hay bít mà có, thì làm sao mà có sự nhận biết các mùi hương thơm thối?

Kinh văn: **若從根生,必無通塞。如是聞體本無自性。**

Phiên âm: Nhược tùng căn sinh, tất vô thông tắc. Như thị văn thể bổn vô tự tánh.

Việt dịch: Nếu (tánh ngửi) từ lỗ mũi sinh ra, hẳn không còn có cái thông cái bít. Nên tánh ngửi như vậy vốn không có tự tánh.

Giảng: “Nếu (tánh ngửi) từ lỗ mũi sinh ra”– Nếu (tánh ngửi) phát sinh từ lỗ mũi– “Hẳn không còn có trạng thái thông cũng như chẳng đến từ trạng thái bít. “Cái thông cái bít.” Tánh ngửi không còn liên quan gì đến với các trạng thái thông cũng như trạng thái bít. “Nên tánh ngửi như vậy vốn không có tự tánh,” Dù quý vị có muốn giải thích kiểu nào, nó cũng không có tự tánh.

Kinh văn: **若從空出, 是聞自當 迴嗅汝鼻。空自有聞,何關汝入?**

Phiên âm: Nhược tùng không xuất, thị văn tự đương hồi khứu nhữ tị. Không tự hữu văn, hà quan nhữ nhập?

Việt dịch: Nếu (tánh ngửi) do hư không mà ra, thì cái ngửi đó phải xoay trở lại ngửi được lỗ mũi của ông. Lại nếu như hư không tự ngửi được, thì có dính dáng gì đến chỗ thu nạp (tị nhập) của ông?

Giảng: “Nếu do hư không mà ra” – Nếu tánh ngửi phát sinh từ hư không– “thì cái ngửi đó phải xoay trở lại ngửi được lỗ mũi của ông.” Trước tiên nó phải ngửi được lỗ mũi của ông. “Lại nếu như hư không tự ngửi được, thì có dính dáng gì đến chỗ thu nạp (tị nhập) của ông? ” Lại nữa, còn một cách giải thích khác. Hãy cho rằng giả sử cái ngửi ấy đến từ hư không, thì nó có liên quan gì với lỗ mũi, là chỗ thu nạp (tị nhập) của ông? Hãy suy nghĩ kỹ. Có đạo lý gì trong đó chăng?

Kinh văn: **是故當知, 鼻入 虛妄, 本非因緣, 非自然性.**

Phiên âm: Thị cố đương tri, tị nhập hư vọng, bổn phi nhân duyên, phi tự nhiên tánh.

Việt dịch: Thế nên phải biết tị nhập là hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

Giảng: “Thế nên phải biết”– ông phải nên biết bề sâu của đạo lí nầy– tị nhập là hư vọng.” Lỗ mũi, cùng với tánh ngửi phát sinh từ đó, đều là hư vọng, không thật, “Vốn chẳng phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.” Vì theo căn

để của nó, vốn không được xem đó như là một pháp do nhân duyên sinh. Cũng chẳng phải từ tự nhiên sinh ra. Vậy rốt ráo nó từ đâu sinh ra? Có phải tôi đã giải thích từ trước rồi đó sao?

Ngũ uẩn, lục nhập, mười hai xứ, mười tám giới–tất cả đều là tác dụng của tánh giác–đều không ngoài tánh chân như nhiệm mầu của Như Lai tạng. Tất cả đều phát xuất từ tánh chân như nhiệm mầu của Như Lai tạng. Vì một niệm vô minh vọng động sinh khởi, nên mọi tướng vọng tưởng đều sinh khởi theo, phân ra có cái thấy và cảnh bị thấy. "Cái thấy " là khả năng nhận biết; 'cảnh bị thấy ' là những vật tượng có hình dáng, màu sắc mà 'cái thấy' nhận biết được. Tất cả đều được tạo ra từ một niệm vô minh của tâm vọng tưởng ban đầu.

Kinh văn: **阿難, 譬如有人。以舌舐吻, 熟舐令勞。其人若病則有苦味。無病之人 ,微有甜觸。由甜與苦, 顯此舌根。不動之時淡性常在。兼舌與勞同是菩提。瞪發勞相**

Phiên âm: A-nan, thí như hữu nhân, dĩ thiệt chỉ vẫn, thục chỉ linh lao. Kỳ nhân nhược bệnh, tắc hữu khổ vị, vô bệnh chi nhân, vi hữu điềm xúc. Do điềm dữ khổ, hiển thử thiệt căn, bất động chi thời, đàm tánh thường tại. Kiêm thiệt dữ lao, đồng thị bồ đề, trừng phát lao tướng.

Việt dịch: A-nan, ví như có người dùng lưỡi liếm mép, liếm mãi sinh ra mỏi mệt. Nếu người đó có bệnh thì thấy có vị đắng, nếu người không bệnh thì thấy có chút vị ngọt. Do những cảm giác ngọt, đắng mà hiện bày tính nếm, còn khi không động (không liếm mép) thì thường thấy tính nhạt. Cả tính nếm và cái mỏi mệt đều là tánh bồ-đề do chăm chú mà phát ra tướng mỏi mệt.

Giảng: Trước đây mỗi khi quý vị học kinh, hằng ngày quý vị đều sống cùng với mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý của mình, nhưng trong mọi thời quý vị đều không biết được những cái ấy từ đâu đến. Ai thử đoán tại sao lại có quá nhiều thứ như thế trong Như Lai tạng?

Như Lai tạng lớn đến chừng nào để có thể chứa được chừng ấy thứ?

Như Lai tạng lớn hơn tất cả mọi thứ, thế nên mới chứa được mọi vật. Nếu nó không lớn hơn tất cả mọi thứ thì nó không thể nào chứa được nhiều đến vậy.

Nó để nhiều thứ như vậy ở đâu?
Hãy phân chia Như Lai tạng ra nhiều ngăn. Quý vị có nhãn nhập, người khác cũng có nhãn nhập; quý vị có nhĩ nhập, người khác cũng có nhĩ nhập; quý vị có tị nhập, người khác cũng có tị nhập; quý vị có thiệt nhập, người khác cũng

có thiệt nhập. Nếu tất cả đều trộn lẫn với nhau, thì đến khi cần dùng nó, làm sao quý vị sử dụng nó được? Nếu đơn giản nó gom lại thành một khối, nhưng được phân chia đều nhau để chỗ thu nạp (nhập) của riêng mỗi người đều ở trong một vị trí riêng, thế cần phải có rất nhiều chỗ.

Nên nó phải là một khoảng không gian rất lớn. Đó là lí do tại sao tôi nói Như Lai tạng lớn hơn tất cả mọi thứ nên mới chứa trọn được cả mọi vật. Chẳng có thứ gì mà không chứa được trong đó. Bây giờ chúng ta đang ở đâu? Chúng ta đều đang ở trong Như Lai tạng.

Quý vị liền nói: “Tôi chẳng hiểu Như Lai tạng giống như cái gì cả.”

Hằng ngày quý vị đều thấy Như Lai tạng. Nhưng quý vị không nhận ra. Trong mọi động dụng hằng ngày quý vị đều ở trong Như Lai tạng. Những gì mắt quý vị thấy, những gì tai nghe–mọi cái hoàn toàn đều ở trong Như Lai tạng. Quý vị vẫn chưa hình dung Như Lai tạng giống như thế nào. Tô Đông Pha có thơ rằng:

Bất thức Lô sơn chân diện mục
Chỉ duyên thân tại thử sơn trung.
不 識 盧 山 真 面 目
只 緣 身 在 此 山中

Nghĩa là: Chẳng biết mặt mũi chân thật của Lô sơn như thế nào, vì chính mình đang đứng trên đỉnh Lô sơn.

Tại sao quý vị không thể nào diễn tả được mặt mũi chân thật của Lô sơn? Vì chính quý vị đang ở trên đỉnh Lô sơn, và vì thế nên quý vị không nhìn thấy được Lô Sơn toàn diện. Những gì quý vị nhận biết được đều là sự biểu hiện từ Như Lai tạng. Những ai không hiểu được Phật pháp đều không nhận ra được nghĩa Như Lai tạng như thế nào. Những người như vậy liền báng bổ Phật pháp.

Họ nói: “Đạo Phật thường nói đến Như Lai tạng, Như Lai tạng, làm sao mà nó chứa được tất cả mọi thứ. Lòng tham của Đức Phật thật là lớn hơn mọi thứ trên đời. Ông ta gom chứa hầu như hết thảy mọi thứ.” Nhưng đây là một sai lầm. Như Lai tạng không phải là của Đức Phật. Mọi người ai cũng có phần trong đó. Nên loại suy nghĩ trên là một sai lầm.

“A-nan, ví như có người dùng lưỡi liếm mép.” Anh ta dùng lưỡi để liếm mép của mình. Tôi sẽ kể cho quý vị nghe một chuyện vui. Cũng gần giống như người không có bạn gái, nên anh ta tự hôn mình vậy. Quý vị có tin không? Thật là như vậy! “Liếm mãi sinh ra mỏi mệt.” Anh ta không những chỉ liếm một

lần rồi thôi, mà liên tục liếm nhiều lần khiến sinh ra mệt mỏi. “Nếu người đó có bệnh”

– Nếu người liếm mép bị bệnh, “thì thấy có vị đắng.” Sau khi liếm mép một hồi lâu, anh ta nhận ra có vị đắng. Người nầy mắc phải bệnh gì? Có khi anh ta bị bệnh tương tư, có nghĩa là anh ta nghĩ về phụ nữ. Thế nên anh ta tự liếm mép mình một hồi lâu và thấy vị đắng. Anh ta thấy rằng: “A! đây chẳng phải là mùi vị hấp dẫn–chẳng thích thú gì.” Quý vị có để ý rằng khi tôi giảng giải Phật pháp thì dường như ít người hiểu được, nhưng khi tôi bắt đầu giảng về những đề tài như thế nầy thì mọi người lại hiểu được ngay!

“Nếu người không bệnh thì thấy có chút vị ngọt.” Những người không bệnh sẽ cảm thấy có hơi chút vị ngọt. “Do những cảm giác ngọt, đắng mà hiện bày tính nếm.” Do hai mùi vị nầy, mà chức năng nếm của cái lưỡi được hiển bày. “Còn khi không động thì thường thấy tính nhạt.” Khi cái lưỡi nằm yên, thường thấy có vị nhạt trên đầu lưỡi. “Vị nhạt” có nghĩa là mọi thứ đều không có hương vị gì cả.

“Cả tính nếm và cái mỏi mệt, đều phát xuất từ thể tánh bồ-đề.” Tại sao lưỡi lại trở nên mệt mỏi như vậy? “Chăm chú mà phát ra tướng mỏi mệt.” Nó xảy ra khi, trong thể tánh bồ-đề, khi có một niệm vọng tưởng dấy lên, kết hợp cùng sự diên trì nên phát sinh ra tướng mỏi mệt.

Kinh văn: **因甜苦淡, 二種妄塵, 發知居中。吸此塵象, 名知味性。此知味性離彼甜苦及淡二塵畢竟無體。**

Phiên âm: Nhân điềm khổ đàm, nhị chủng vọng trần, phát tri cư trung. Hấp thử trần tượng, danh tri vị tánh. Thử tri vị tánh, ly bỉ điềm khổ, cập đàm nhị trần, tất cánh vô thể.

Việt dịch: Nhân hai thứ vọng trần nhạt và ngọt đắng, phát ra cái biết bên trong, thu nạp các trần tượng đó, gọi là tính biết nếm. Tính biết nếm ấy rời hai thứ vọng trần ngọt đắng và nhạt kia, rốt ráo không có tự thể.

Giảng: “Nhân hai thứ vọng trần nhạt và ngọt đắng, phát ra cái biết bên trong, thu nạp các trần tượng đó, gọi là tính biết nếm.” Ở đây có chữ nếm – vị 味 ở đây, nhưng quý vị có thể cho rằng nó không được xem như là một mùi vị, nên kinh văn chỉ nói, “hai thứ vọng trần”. ‘Cải bắp suông luộc trong nước sôi thì chẳng có mùi vị gì.’ Nếu người ta không thêm chút muối hay dầu mà chỉ nấu cải bắp trơn với nước lạnh thì nó chẳng có mùi vị gì.

Trong cảm giác đắng và ngọt, có tính biết nếm phát sinh và hấp thu lấy hai trần tướng ấy. “Tính biết nếm ấy rời hai thứ vọng trần ngọt đắng và nhạt kia, rốt ráo

không có tự thể.” Mặc dù tính biết nếm kia vốn không có mùi vị, song nó sinh khởi từ cảm giác ngọt và đắng, thế nên quý vị cho rằng kia là ngọt, đây là đắng, và đó là lí do tại sao kinh văn đề cập đến “hai thứ vọng trần.” Tách rời khỏi hai thứ vọng trần ấy, tính nếm kia thực sự chẳng có tự thể.

Kinh văn: **如是阿難,當知如是嘗苦淡知, 非甜苦來非因淡有。又非根出, 不於空生。**

Phiên âm: Như thị A-nan, đương tri như thị thường khổ đàm tri, phi điềm khổ lai, phi nhân đàm hữu. Hựu phi căn xuất, bất ư không sinh.

Việt dịch: Thật vậy, A-nan, ông nên biết rằng cái biết đắng, biết nhạt như vậy, không phải từ vị ngọt, vị đắng mà đến; không phải do tính nhạt mà có; chẳng phải từ lưỡi sinh ra, cũng chẳng phải từ hư không phát sinh.

Giảng: Đoạn nầy có cùng ý nghĩa như điều đã giải thích ở trên. “Thật vậy, A-nan, ông nên biết rằng ”– tính biết nếm như đã giải thích ở trên– “Cái biết đắng, biết nhạt như vậy– khi lưỡi của ông nhận biết mùi vị đắng hoặc nhạt– không phải từ vị ngọt, vị đắng mà đến.” Tính biết nếm ấy không phát xuất từ vị đắng hoặc vị ngọt.

“không phải do tính nhạt mà có.” Cũng chẳng phải do vị nhạt mà tính biết nếm kia phát sinh. “Chẳng phải từ lưỡi sinh ra.” Nó cũng chẳng sinh ra từ lưỡi. “Cũng chẳng phải từ hư không phát sinh.”

Kinh văn: **何以故, 若甜苦來, 淡即知滅, 云何知淡。若從淡出,甜即知亡。復云何知甜苦二相?**

Phiên âm: Hà dĩ cố, nhược điềm khổ lai, đàm tức tri diệt, vân hà tri đàm? Nhược tùng đàm xuất, điềm tức tri vong. Phục vân hà tri điềm khổ nhị tướng?

Việt dịch: Sao vậy? Nếu (tính nếm) từ các vị ngọt đắng mà đến, thì khi nhạt, cái biết nếm đã biến mất rồi, làm sao biết được nhạt? Nếu từ cái nhạt mà ra thì khi ngọt, cái nếm đã biến mất rồi, làm sao biết được hai vị ngọt và đắng?

Giảng: “Sao vậy? Nếu (tính nếm) từ các vị ngọt đắng mà đến”– Nếu tính biết nếm đến từ vị ngọt và đắng– “thì khi nhạt, cái biết nếm đã biến mất rồi.” Sẽ không còn tính biết nếm nữa khi có vị nhạt. “Làm sao biết được nhạt?” Thế thì làm sao người ta nhận biết được vị nhạt? “Nếu từ cái nhạt mà ra”

– Nếu tính biết nếm sinh khởi từ vị nhạt– “Thì khi ngọt, cái nếm đã biến mất rồi.” Thì tính biết nếm nhận ra vị ngọt sẽ biến mất. “Làm sao biết được hai vị ngọt và đắng.” Nếu trong thực tế, không có sự nhận biết vị ngọt, thì làm sao nhận biết được cả hai vị ngọt và đắng?

Kinh văn: **若從舌生, 必無甜淡, 及與苦塵。斯知味根本無自性.**

Phiên âm: Nhược tùng thiệt sinh, tất vô điềm đàm, cập dữ khổ trần. Tư tri vị căn, bổn vô tự tánh.

Việt dịch: Nếu (tính biết nếm) do lưỡi sinh ra, hẳn không có những vị ngọt đắng và nhạt, thì cái tính biết nếm ấy vốn không có tự tánh.

Giảng: “Nếu do lưỡi sinh ra, hẳn không có những vị ngọt đắng và nhạt.” Nếu (tính biết nếm) ấy đến từ lưỡi, thì sẽ chẳng có vị ngọt đắng và nhạt. Tại sao lại không có? Vì chính cái lưỡi vốn không có cái vị ngọt đắng hoặc vị nhạt. “Thì cái tính biết nếm ấy vốn không có tự tánh.” Cái tính biết nếm kia chắc hẳn là không có tự tánh.

Kinh văn: **若於空出, 虛空自味非汝口知。又空自知, 何關汝入?**

Phiên âm: Nhược ư không xuất, hư không tự vị, phi nhữ khẩu tri. Hựu không tự tri, hà quan nhữ nhập?

Việt dịch: Nếu (tính biết nếm) do hư không mà ra, thì hư không tự nếm, chứ không phải lưỡi biết nếm. Lại nữa nếu hư không tự biết, thì có quan hệ gì đến chỗ thu nạp (thiệt nhập) của ông?

Giảng: “Nếu (tính biết nếm) do hư không mà ra.” Nếu tính biết nếm đến từ hư không, “Thì hư không tự nếm, chứ không phải lưỡi biết nếm.” Tự nhiên hư không sẽ biết được nó nếm cái gì. Nếu tính biết nếm là do từ hư không, thì hư không tự nó sẽ biết được, và miệng ông sẽ không còn nhận biết được nữa. “Lại nữa nếu hư không tự biết”– Nếu hư không tự nó biết được tính biết nếm nầy, “Thì có quan hệ gì đến chỗ thu nạp (thiệt nhập) của ông.” Sẽ chẳng có quan hệ gì đến chỗ thu nạp (thiệt nhập) của ông cả.

Kinh văn: **是故當知,舌入虛妄, 本非因緣,非自然性.**

Phiên âm: Thị cố đương tri thiệt nhập hư vọng, bổn phi nhân duyên phi tự nhiên tánh.

Việt dịch: Vậy nên biết rằng thiệt nhập là hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

Giảng: "Do vậy, ông nên biết rằng. A-nan, đừng mê mờ nữa; đừng tiếp tục u mê, đừng tiếp tục mê muội. Ông phải biết rằng thiệt nhập là hư vọng." Nó là một thứ hư vọng. Đừng xem nó như là tánh nhân duyên. Nó "vốn chẳng phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên." Cũng vậy, nó phát sinh từ thể tánh bồ-đề, tánh chân như nhiệm mầu của Như Lai tạng.

Kinh văn: **阿難,譬如有人, 以一冷手觸於熱手。若冷勢多熱者從冷。若熱功勝,冷者成熱。如是以此合覺之觸顯於離知。涉勢若成因于勞觸。兼身與勞同是菩提 瞪發勞相**

Phiên âm: A-nan, thí như hữu nhân, dĩ nhất lãnh thủ, xúc ư nhiệt thủ. Nhược lãnh thế đa, nhiệt giả tùng lãnh; nhược nhiệt công thắng, lãnh giả thành nhiệt. Như thị dĩ thử, hợp giác chi xúc, hiển ư ly tri. Thiệp thế nhược thành, nhân vu lao xúc. Kiêm thân dữ lao đồng thị bồ-đề trừng phát lao tướng.

Việt dịch: A-nan, ví như có người dùng bàn tay lạnh chạm bàn tay nóng. Nếu bên tay lạnh thấy lạnh nhiều hơn, thì bên tay nóng sẽ lạnh theo; nếu bên nóng thấy nóng hơn, thì tay bên lạnh cũng thành ra nóng. Như vậy, do cảm xúc nhận biết khi hợp lại này mà rõ được sự nhận biết lúc rời ra. Nếu cái thế chênh lệch hình thành giữa nóng và lạnh, thì do đó mà phát ra tướng mỏi mệt và có cảm xúc. Cả tính biết xúc cảm cùng cái mỏi mệt đều là tính bồ-đề chăm chú mà phát ra tướng mỏi mệt.

Giảng: "A-nan, ví như có người dùng bàn tay lạnh chạm bàn tay nóng. Nếu bên tay lạnh thấy lạnh nhiều hơn"– nếu bên bàn tay này lạnh hơn–"thì bên tay nóng sẽ lạnh theo." Bàn tay kia đang ấm cũng sẽ bị lạnh theo. "Nếu bên nóng thấy nóng hơn, thì tay bên lạnh cũng thành ra nóng." Bàn tay lạnh sẽ trở thành ấm. "Như vậy, do cảm xúc nhận biết khi hợp lại này mà rõ được sự nhận biết lúc rời ra." Sự tiếp xúc của hai bàn tay nóng và lạnh gây nên nhận biết về sự hợp lại. Sự nhận biết về tách rời, được gọi là không có sự xúc chạm được mới được hiển bày.

"Nếu cái thế chênh lệch hình thành giữa nóng và lạnh, thì do đó mà phát ra mỏi mệt và có cảm xúc." Nếu cái ấm và lạnh phát sinh, đó là do sự mỏi mệt như là kết quả từ sự tiếp xúc của hai bàn tay. "Cả tính biết xúc cảm cùng cái mỏi mệt đều là tính bồ-đề." Thân thể (bàn tay), cùng tính biết xúc chạm đều là

thể tính bồ-đề. Do “chăm chú mà phát ra tướng mỏi mệt.” Đây là trường hợp diên trì, kéo dài quá lâu trong thể tính bồ-đề khiến phát sinh ra tướng mỏi mệt.

Kinh văn: **因于離合, 二種妄塵, 發覺居中。吸此塵象, 名知覺性。此知覺體, 離彼離合, 違順二塵,畢竟無體。**

Phiên âm: Nhân vu ly hợp, nhị chủng vọng trần, phát giác cư trung, hấp thử trần tượng, danh tri giác tánh. Thử tri giác thể, ly bỉ ly hợp, vi thuận nhị trần, tất cánh vô thể.

Việt dịch: Nhân nơi hai vọng trần ly và hợp, phát ra cái hay biết ở bên trong, thu nạp các trần tượng nầy, gọi là tính biết cảm xúc. Tính biết cảm xúc nầy, rời hai vọng trần ly và hợp, trái và thuận kia, rốt ráo không có tự thể.

Giảng: “Nhân nơi hai vọng trần ly và hợp, phát ra cái hay biết ở bên trong, thu nạp các trần tượng nầy, gọi là tính biết cảm xúc.” Vì có sự ly và hợp – hai loại nhận biết do xúc chạm, là hai thứ vọng trần– nên có một cảm giác phát sinh trong đó, và hai bàn tay của thân bị lôi cuốn vào cảm giác từ hai thứ vọng trần ly và hợp nầy.

“Tính biết cảm xúc nầy, rời hai vọng trần ly và hợp, trái và thuận kia, rốt ráo không có tự thể.” “ Trái– khó chịu” là nói đến trạng thái khổ; “thuận–dễ chịu” là nói đến trạng thái vui. Điều mà người ta thích là trạng thái vui. Điều mà người ta không thích là trạng thái khổ. Thế nên tách rời hẳn hai thứ vọng trần ly và hợp, thì tính biết cảm xúc sẽ không có một thể tính căn bản. Nó không có tự thể.

Kinh văn: **如是阿難,當知是覺, 非離合來, 非違順有, 不於根出, 又非空生。**

Phiên âm: Như thị A-nan, đương trị thị giác, phi ly hợp lai, phi vi thuận hữu; bất ư căn xuất, hựu phi không sinh.

Việt dịch: Như vậy, A-nan, ông nên biết cái cảm xúc đó không phải từ cái ly, cái hợp mà đến; không phải từ cái trái, cái thuận mà có; không phải do nơi thân (căn) mà ra, cũng không phải do hư không phát sinh.

Giảng: “Như vậy, A-nan, từ đây, ông nên biết cái cảm xúc đó không phải từ cái ly, cái hợp mà đến.” Mặc dù nói cảm giác về sự hiện hữu của hai thứ vọng trần ly và hợp, nhưng tính biết cảm xúc đó cũng không do từ ly và hợp. “Không phải từ cái trái, cái thuận mà có; không phải do nơi thân (căn) mà ra”– nó cũng chẳng phát sinh từ căn thân, “cũng không phải do hư không phát sinh.”

Kinh văn: **何以故, 若合時來, 離當已滅, 云何覺離?違順二相亦復如是.**

Phiên âm: Hà dĩ cố? Nhược hợp thời lai, ly đương dĩ diệt, vân hà giác ly? Vi thuận nhị tướng diệc phục như thị.

Việt dịch: Sao vậy? Nếu từ cái hợp mà đến thì khi xa lìa, cái biết đã mất rồi, làm sao biết được sự xa lìa? Với hai tướng trái và thuận kia cũng giống như vậy.

Giảng: "Sao vậy?" Nghĩa lý như thế nào? "Nếu từ cái hợp mà đến."– nếu nó nhân cái hợp mà có được tính biết cảm xúc – "thì khi xa lìa, cái biết đã mất rồi." Khi hai bàn tay tách rời nhau; không còn tính biết cảm xúc nữa, nhưng tính ấy vẫn còn đó. "làm sao biết được sự xa lìa." Nếu tính biết cảm xúc biến mất khi có sự tách rời, thì tại sao ông lại biết được có sự tách rời? "Với hai tướng trái và thuận kia cũng giống như vậy." Trạng thái khổ (trái) và vui (thuận) cũng giống như vậy.

Kinh văn: **若從根出, 必無離合, 違順四相, 則汝身知,元無自性。**

Phiên âm: Nhược tùng căn xuất, tất vô ly hợp, vi thuận tứ tướng, tắc nhữ thân tri, nguyên vô tự tánh.

Việt dịch: Nếu (tính biết cảm xúc) từ thân thể mà ra, hẳn không có bốn tướng ly hợp trái thuận, thì tính biết cảm xúc nơi thân của ông vốn không có tự tánh.

Giảng: "Nếu (tính biết cảm xúc) từ thân thể mà ra– nếu ông muốn nói rằng tính biết cảm xúc từ thân thể mà ra– hẳn không có bốn tướng ly hợp trái thuận." Làm sao chỉ ra được tính xúc chạm ấy không phát xuất từ thân thể? Nếu đúng như vậy, thì thân thể chắc sẽ không có cách nào để nhận biết sự hợp ly, trái thuận. Nếu vậy thì "tính biết cảm xúc nơi thân của ông"– sự nhận biết của chính ông–"vốn không có tự tánh." Tánh biết cảm xúc ắt cũng không có tự thể.

Kinh văn: **必於空出。空自知覺, 何關汝入?**

Phiên âm: Tất ư không xuất, không tự tri giác, hà quan nhữ nhập?

Việt dịch: Nếu (tính biết cảm xúc) từ hư không mà ra, thì hư không tự biết, quan hệ gì đến chỗ thu nạp (thân nhập) của ông?

Giảng: “Nếu (tính biết cảm xúc) từ hư không mà ra– còn nếu ông nói rằng tính biết cảm xúc nầy phát sinh từ hư không; thì hư không tự biết, quan hệ gì đến chỗ thu nạp (thân nhập) của ông.” Chắc là tính biết cảm xúc ấy chẳng dính dáng gì đến chỗ thu nạp (thân nhập) của ông. Do mọi tiền đề đều không hợp lý, ta rút ra được kết luận như thế nào?

Kinh văn: **是故當知, 身入虛妄。本非因緣, 非自然性.**

Phiên âm: Thị cố đương tri, thân nhập hư vọng, bổn phi nhân duyên, phi tự nhiên tánh.

Việt dịch: Vậy nên biết rằng thân nhập là hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

Giảng: “Vậy nên biết rằng thân nhập là hư vọng – do vậy A-nan, ông nên biết rằng lãnh vực của thân nhập cũng là hư vọng, không thật, nó vốn chẳng phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.” Thân nhập cũng là phát sinh từ trong chân tánh bồ-đề mầu nhiệm.

Kinh văn: **阿難,譬如有人, 勞倦則眠, 睡熟便寤。覽塵斯憶, 失憶為忘。是其顛倒 ,生住異滅。吸習中歸,不相踰越, 稱意知根。兼意與勞 同是菩提, 瞪發勞相.**

Phiên âm: A-nan, thí như hữu nhân, lao quyện tắc miên, thụy thục tiện ngộ; lãm trần tư ức, thất ức vi vong. Thị kỳ điên đảo, sinh trụ dị diệt, hấp tập trung quy, bất tương du việt. Xưng ý tri căn. Kiêm ý dữ lao đồng thị bồ-đề trừng phát lao tướng.

Việt dịch: A-nan, ví như có người mệt nhọc thì ngủ, ngủ rất sâu rồi thức dậy, nhìn trần cảnh để nhớ lại (những gì đã hiện ra trong giấc ngủ), những gì không nhớ được thì gọi là quên. Các thứ sinh trụ dị diệt điên đảo đó, quen thói thu nạp vào bên trong mà không lẫn lộn nhau. Đó gọi là ý căn. Cả ý căn cùng cái mỏi mệt đều là thể tính bồ-đề do chăm chú mà phát ra tướng mỏi mệt.

Giảng: “A-nan, ví như có người mệt nhọc thì ngủ.” Anh ta quá mệt và muốn ngủ. “Ngủ rất sâu rồi thức dậy, nhìn trần cảnh để nhớ lại (những gì đã hiện ra trong giấc ngủ), những gì không nhớ được thì gọi là quên.” Khi thức dậy, anh ta nhìn cảnh trần trước mặt mình, anh ta cố gắng nhớ lại những cảnh đã diễn ra trong khi ngủ và không thể nào nhớ được một số cảnh khác vì anh ta đã quên.

“Các thứ sinh trụ dị diệt điên đảo đó,”– đây là các thứ điên đảo trong dòng tâm thức, là bốn tướng sinh, trụ, dị, diệt.

Lấy chuyện đi ngủ làm ví dụ: Khi nghĩ đến việc ngủ là sinh, ngủ thực sự là trụ, trạng thái sắp tỉnh giấc gọi là dị, tỉnh giấc và không còn muốn ngủ nữa gọi là diệt. Thế nên ngay trong việc ngủ cũng đã có đủ là bốn tướng sinh, trụ, dị, diệt. Đối với niệm tưởng của con người cũng có sinh, trụ, dị, diệt. Suy nghĩ ban đầu về điều gì đó gọi là sinh, thực sự đang nghĩ về điều gì đó và sự theo đuổi vọng tưởng mà mình đã chú ý gọi là trụ, khi suy nghĩ về điều ấy sắp xong gọi là dị, khi không còn suy nghĩ về điều ấy nữa gọi là diệt.

Chỉ ngay trong một niệm cũng có đủ bốn tiến trình. Một khi quý vị quán sát thật kỹ sẽ thấy Phật pháp vô cùng vô tận. Hãy lấy việc gọi điện thoại làm thí dụ: Sinh là khi chuông diện thoại reo, trụ là khi quý vị đang nói chuyện qua diện thoại, dị là khi sắp sửa chấm dứt cuộc điện đàm, diệt là khi cuộc nói chuyện đã xong. Đối với mọi thứ, bất luận là gì, đều có đủ bốn tiến trình sinh, trụ, dị, diệt.

Trong mạng sống của con người, cũng có đủ bốn tiến trình sinh, trụ, dị, diệt. Sự ra đời là sinh, giai đoạn sống nơi trần gian là trụ, bệnh tật là dị, và chết là diệt. Thế con người có trở thành hư vô sau một tiến trình sinh, trụ, dị, diệt không? Không. Sinh mạng trong đời sống tương lai cũng vẫn chi phối theo tiến trình sinh, trụ, dị, diệt.

Trong đời sống tương lai, môi trường thay đổi, nhưng vẫn có tiến trình sinh, trụ, dị, diệt. Thế nên sinh, trụ, dị, diệt là một ý niệm rất quan trọng trong Phật pháp. Hầu như mọi vật đều có thể được dùng để minh hoạ cho nguyên lý nầy. Cái bàn nầy là một ví dụ khác. Khi những miếng gỗ nầy được xẻ ra, nó đã được dự tính dùng để làm nên cái bàn, đó gọi là sinh, khi đã làm thành cái bàn rồi gọi là trụ, nó sẽ chẳng luôn luôn tồn tại mãi như hiện giờ. Sau một thời gian dài sử dụng nó sẽ hư hoại từng phần, đó gọi là dị, một khi đã bị rời ra từng phần thì không thể dùng được nữa, nó sẽ bị đem đốt, đó là diệt.

Thế giới cũng trải qua bốn tiến trình sinh, trụ, dị, diệt. Thế giới trải qua một thời gian rất dài trong quá trình sinh. Phải qua một thời gian 20 tiểu kiếp cho tiến trình sinh thành thế giới. Giai đoạn trụ gồm 20 tiểu kiếp. Nó trải qua giai đoạn biến dịch trong 20 tiểu kiếp, và quá trình hoại diệt thành không trong 20 tiểu kiếp. Đó là tiến trình thành, trụ, hoại, không của thế giới, cũng tương tự như tiến trình sinh, trụ, dị, diệt.

Một kiếp gồm bao nhiêu năm?
Một kiếp gồm 139.600 năm. Một ngàn kiếp bằng một tiểu kiếp, Hai mươi tiểu kiếp bằng một trung kiếp. Bốn trung kiếp bằng một đại kiếp. Một tiến trình

thành, trụ, hoại, không kéo dài trong một đại kiếp. Kiến thức, sự hiểu biết về lịch sử của mình chỉ dò lui được đến chừng vài ngàn năm– ngay cả không được một kiếp. Tầm hiểu biết của chúng ta rất nhỏ nhoi. Kiếp, cũng vậy, có đủ các tiến trình thành, trụ, hoại, không – sinh, trụ, dị, diệt.

"Quen thói thu nạp vào bên trong." Tâm thức thu nạp các trần tướng sinh, trụ, dị, diệt, trong khi đang ngủ. Những tướng trạng nầy xuất hiện trở lại trong bộ nhớ của con người, "mà không lẫn lộn nhau." Tiến trình sinh, trụ, dị, diệt của niệm tưởng trong tâm thức hoàn toàn giống như sóng trong nước.

"Đó được gọi là ý căn." Trong sáu giác quan mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; nay ý được đề cập. "Cả ý căn cùng cái mỏi mệt đều là thể tính bồ-đề do chăm chú mà phát ra tướng mỏi mệt." Đây cũng là sự chăm chú, tính diên trì trong chân tánh bồ-đề khiến phát sinh ra tướng mỏi mệt.

Kinh văn: **因于生滅, 二種妄塵,集知居中。吸撮內塵, 見聞逆流, 流不及地,名覺知性。**

Phiên âm: Nhân vu sinh diệt, nhị chủng vọng trần, tập tri cư trung. Hấp toát nội trần, kiến văn nghịch lưu. Lưu bất cập địa, danh giác tri tánh.

Việt dịch: Nhân nơi hai thứ vọng trần sinh và diệt, nhóm cái biết bên trong. Thu nạp pháp trần bên trong, dòng thấy nghe đi ngược vào trong. Dòng nầy đi vào nơi không cùng tận, gọi là cái ý hay biết.

Giảng: "Nhân nơi hai thứ vọng trần sinh và diệt, nhóm cái biết bên trong." Các thứ vọng trần của tâm thức nằm ngay trong tâm. Tâm phan duyên chính là đối tượng của sinh diệt. Cũng có những pháp không phải là đối tượng của sinh diệt nhưng pháp do tâm phan duyên chính là pháp sinh diệt, đó chính là vọng trần, tánh hay biết tập hợp và trú ở bên trong vọng trần nầy, và "Thu nạp pháp trần bên trong, dòng thấy nghe đi ngược vào trong." Vọng trần của cái thấy, cái nghe quay trở lại với tâm ý thức (thức thứ 6). "Dòng nầy đi vào nơi không cùng tận." Trước khi dòng nầy đến được nơi chốn, có nghĩa là trước khi dòng tâm thức với cái thấy cái nghe quay trở lại đến nhập vào thức thứ tám, "gọi là cái ý hay biết."

Thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm và ý thức, thức thứ 6, chính là tính giác tri của ý căn. "Trước khi dòng nầy đến được nơi chốn," đây cũng gọi là dòng nghịch lưu. Dòng nghịch lưu là gì? Khi tâm phan duyên khởi niệm, như thể có một dòng chảy ngược lại vào tâm thức. Trước khi dòng chảy ngược nầy đến

nhập vào thức thứ 8 (cập địa), thì có phát sinh một cái ý hay biết (tánh giác tri) ở trong thức thứ 6.

Kinh văn: **此覺知性, 離彼寤寐, 生滅二塵,畢竟無體**

Phiên âm: Thử giác tri tánh, ly bỉ ngộ mị sinh diệt nhị trần, tất cánh vô thể.

Việt dịch: Cái ý hay biết nầy rời hai trần thức và ngủ, sinh và diệt kia thì rốt ráo không có tự thể.

Giảng: "Cái ý hay biết nầy rời hai trần thức và ngủ"– của tướng ngủ và tướng thức– "sinh và diệt"– và của hai vọng trần sinh và diệt– "thì rốt ráo không có tự thể." Cái ý hay biết nầy, cũng vậy, không có một thể tính riêng.

Kinh văn: **如是阿難, 當知如是覺知之根。非寤寐來,非生滅有。不於根出, 亦非空生。**

Phiên âm: Như thị A-nan, đương tri như thị giác tri chi căn, phi ngộ mị lai, phi sinh diệt hữu, bất ư căn xuất, diệc phi không sinh.

Việt dịch: Thật vậy, A-nan nên biết cái ý căn hay biết như thế, không phải do từ nơi thức, nơi ngủ mà đến; không phải do nơi sinh, nơi diệt mà có; không phải từ nơi ý căn mà ra, cũng không phải từ nơi hư không mà phát sinh.

Giảng: "Thật vậy, A-nan– từ đạo lý vừa được giải thích, A-nan, ông nên biết cái ý căn hay biết như thế– tánh hay biết– không phải do từ nơi thức, nơi ngủ mà đến; không phải do nơi sinh, nơi diệt mà có; không phải từ nơi ý căn mà ra– cũng chẳng xuất phát từ ý căn. cũng không phải từ nơi hư không mà phát sinh." Nó cũng chẳng phát sinh từ trong hư không.

Kinh văn: **何以故? 若從寤來, 寐即隨滅,將何為寐?必生時有。滅即同無令誰受滅,若從滅有。生即滅無, 孰 知生者?**

Phiên âm: Hà dĩ cố? Nhược tùng ngộ lai, mị tức tuỳ diệt, tương hà vi mị? Tất sinh thời hữu, diệt tức đồng vô, linh thuỳ thọ diệt. Nhược tùng diệt hữu, sinh tức diệt vô, thục tri sinh giả?

Việt dịch: Vì cớ sao? Nếu (cái ý căn hay biết) từ nơi thức mà đến, thì khi ngủ đã theo cái thức mà diệt rồi, còn lấy cái gì làm cái ngủ? Nếu chắc lúc sinh mới có, thì khi diệt, đã hoá như không có rồi, thì lấy cái gì mà biết là diệt? Nếu do cái diệt mà có, thì khi sinh sẽ không có cái diệt, lấy cái gì mà biết là sinh?

Giảng: "Vì cớ sao? Nếu (cái ý căn hay biết) từ nơi thức mà đến"– Tại sao như vậy? Nếu tính hay biết từ nơi thức mà đến,– "thì khi ngủ đã theo cái thức mà diệt rồi." Lẽ ra nó phải biến mất khi người ta ngủ, "Còn lấy cái gì làm cái ngủ?" Nếu tính hay biết không hiện hữu khi người ta đang ngủ, thì thế nào là nghĩa của ngủ?

"Nếu chắc lúc sinh mới có, thì khi diệt, đã hoá như không có rồi." Khi diệt, tính hay biết đó sẽ không có nữa rồi, "lấy cái gì mà biết là diệt?" Còn ai là người biết được cái diệt? "Nếu do cái diệt mà có, thì khi sinh sẽ không có cái diệt, lấy cái gì mà biết là sinh?" Trong trường hợp đó, tính hay biết phải biến mất khi có cái sinh, còn nếu không có tính hay biết, làm sao mà biết được là có cái sinh?

Kinh văn: **若從根出,寤寐二相, 隨身開合。離斯二體, 此覺知者。同於空花,畢竟無性。**

Phiên âm: Nhược tùng căn xuất, ngộ mị nhị tướng, tuỳ thân khai hợp, ly tư nhị thể, thử giác tri giả, đồng ư không hoa, tất cánh vô tánh.

Việt dịch: Nếu do ý căn mà ra, thì hai tướng thức ngủ thay đổi lẫn nhau nơi thân thể, nếu rời hai tướng ấy ra, thì cái ý hay biết ấy cũng đồng như hoa đốm giữa hư không, rốt ráo không có tự tánh.

Giảng: "Nếu do ý căn mà ra– nếu ông muốn cho rằng cái ý hay biết ấy đến từ ý căn, thì hai tướng thức và ngủ thay đổi lẫn nhau nơi thân thể." Có sự mở và đóng tương hợp với nhau trong thân thể ông. "Nếu rời hai tướng thức và ngủ ấy ra, thì ấy cũng đồng như hoa đốm giữa hư không, rốt ráo không có tự tánh." Tách rời hẳn hai thứ mở và đóng đó ra, thì cái ý hay biết ấy cũng đồng như không hiện hữu, nó hoàn toàn không có tự tánh.

Kinh văn: **若從空生, 自是空知, 何關汝入?**

Phiên âm: Nhược tùng không sinh, tự thị không tri, hà quan nhữ nhập?

Việt dịch: Nếu (cái ý hay biết) do hư không mà sinh thì tự hư không ấy biết, có quan hệ gì đến chỗ thu nạp (ý nhập) của ông?

Giảng: “Nếu do hư không mà sinh”– nếu do từ hư không mà phát sinh ra cái tánh hay biết – “thì tự hư không ấy biết.” Nếu chính tự hư không biết được, thì “có quan hệ gì đến chỗ thu nạp (ý nhập) của ông?” Thì nó có dính dáng gì đến ông?

Kinh văn: **是故當知, 意入虛妄。本非因緣, 非自然性.**

Phiên âm: Thị cố đương tri, ý nhập hư vọng, bổn phi nhân duyên, phi tự nhiên tánh.

Việt dịch: Do vậy nên biết, ý nhập là hư vọng, vốn không phải tính nhân duyên, chẳng phải tính tự nhiên.

Giảng: “Do vậy nên biết, ý nhập là hư vọng.” Ý nhập cũng là hư vọng, không thật. “Vốn không phải tính nhân duyên,”– Nó chẳng phải phát sinh từ tính nhân duyên– “chẳng phải tính tự nhiên.”– Vậy thì, rốt ráo, tại sao nay quý vị lại có được tánh hay biết? Nó phát ra từ sự chăm chú trong tánh chơn như nhiệm mầu của Như Lai tạng khiến phát sinh ra tướng mỏi mệt.

Kinh văn: **復次阿難, 云何十二處本如來藏妙真如性。**

Phiên âm: Phục thứ A-nan, vân hà thập nhị xứ bổn Như Lai tạng diệu chân như tánh?

Việt dịch: Lại nữa, A-nan, vì sao bản tính của 12 xứ vốn là tánh chân như nhiệm mầu của Như Lai tạng?

Giảng: “Lại nữa, A-nan, Như Lai sẽ giảng giải rõ hơn cho ông. Ông phải lắng nghe cho kỹ. Tại sao Như Lai nói rằng bản tính của 12 xứ vốn là tánh chân như nhiệm mầu của Như Lai tạng?” “Xứ” là chỉ cho một vị trí đặc biệt. Mười hai vị trí đặc biệt nầy là gì? Đó là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý– và sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp– Có khi chúng được gọi là 12 nhập (thập nhị nhập), cũng như lục nhập đề cập ở trên, Nhưng, 12 nhập còn có thêm sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Sự phối hợp của sáu căn và sáu trần được gọi là 12 xứ.

Kinh văn: **阿難, 汝且觀此祇陀樹林, 及諸 泉 池。**

Phiên âm: A-nan, nhữ thả quán thử Kỳ-đà thọ lâm, cập chư tuyền trì.

Việt dịch: A-nan, ông hãy xem rừng cây Kỳ-đà và các suối hồ nầy.

Giảng: “A-nan, ông hãy xem rừng cây Kỳ-đà và các suối hồ nầy.”
Hãy xem kỹ rừng cây của Thái tử Kỳ-đà.

Kinh văn: **於意云何, 此等為是色生眼見, 眼生色相 ?**

Phiên âm: Ư ý vân hà, thử đẳng vi thị sắc sinh nhãn kiến, nhãn sinh sắc tướng?

Việt dịch: Ý ông nghĩ sao. Có phải những sắc trần nầy sinh ra cái thấy, hay cái thấy sinh ra sắc tướng?

Giảng: “Ý ông nghĩ sao.” Đức Phật thăm dò ý kiến của A-nan. “Có phải những sắc trần nầy sinh ra cái thấy, hay cái thấy sinh ra sắc tướng? Phải chăng sắc tướng phát sinh ra nên mắt nhìn thấy chúng, hay chính từ con mắt phát sinh ra những sắc tướng nầy? Ông hãy giải thích rõ đạo lý nầy. Như Lai đang lắng nghe.” Đức Phật lại hỏi một lần nữa, và tôi tin chắc rằng đến đây A-nan có hơi chút nhức đầu. Sao tôi nói như vậy? Vì A-nan không nói được điều gì cả. A-nan không trả lời. Thế nên Đức Phật tiếp tục:

Kinh văn: **阿難, 若復眼根生色相者, 見空非色,色性應銷. 銷則顯發,一切都無。色相既無,誰明空質。空亦如是。**

Phiên âm: A-nan, nhược phục nhãn căn sinh sắc tướng giả, kiến không phi sắc, sắc tánh ưng tiêu. Tiêu tắc hiển phát, nhất thiết đô vô. Sắc tướng ký vô, thuỳ minh không chất? Không diệc như thị.

Việt dịch: A-nan, nếu cái thấy sinh ra sắc tướng, thì khi thấy hư không chẳng có sắc tướng, lẽ ra tính thấy sinh ra sắc tướng đã tiêu mất rồi. Đã tiêu mất thì hiển bày rõ hết thảy đều không. Sắc tướng đã không, thì lấy gì rõ bày tướng không? Đối với hư không cũng lại như vậy.

Giảng: “A-nan, nếu cái thấy sinh ra sắc tướng– nếu ông bảo rằng sự hiện hữu của cái thấy sinh ra các ngoại trần, tức là sắc tướng – thì khi thấy hư không chẳng có sắc tướng, lẽ ra tính thấy sinh ra sắc tướng đã tiêu mất rồi. Đã tiêu mất thì hiển bày rõ hết thảy đều không. Tính của sắc sẽ biến mất, và khi sắc tướng bị tiêu rồi, thì mọi thứ đều biến mất. Sắc tướng đã không, thì lấy gì rõ bày tướng không?” Ai có thể biết được hư không? “Đối với hư không cũng lại như vậy.” Giả định do nhãn căn mà phát sinh ra các tướng không là không đúng do những lý lẽ như trên.

Kinh văn: **若復色塵生眼見者, 觀空非色,見即銷亡。亡則都無, 誰明空色?**

Phiên âm: Nhược phục sắc trần sinh nhãn kiến giả, quán không phi sắc, kiến tức tiêu vong. Vong tắc đô vô, thuỳ minh không sắc?

Việt dịch: Lại nữa nếu sắc trần sinh ra cái thấy, khi thấy hư không chẳng có sắc tướng, thì cái thấy liền bị tiêu mất. Tiêu rồi thì tất cả đều không, còn ai để rõ được không và sắc tướng?

Giảng: "Lại nữa nếu sắc trần sinh ra cái thấy– nếu ông muốn nói rằng sắc trần sinh ra cái thấy, thì khi chẳng có sắc tướng gì thì mắt sẽ không thấy được, khi thấy hư không chẳng có sắc tướng, thì cái thấy liền bị tiêu mất. Không thì chẳng phải là sắc, nó chẳng có sắc tướng. Nếu ông mặc nhiên công nhận rằng cái thấy là do từ sắc phát sinh, thì lẽ ra ông chẳng thể nào thấy được không; và khi không có sắc tướng, thì lẽ ra chẳng có cái thấy. Một khi cái thấy tiêu rồi thì tất cả đều không."

Khi cái thấy chẳng còn, thì mọi thứ đều không được nhìn thấy nữa. "Còn ai để rõ được không và sắc tướng? Ai sẽ biết được rằng cái nầy là không và cái kia là sắc? Nếu không còn có cái thấy nữa, thì ai sẽ nhận biết được?"

Kinh văn: **是故當知, 見與色空, 俱無處所。即色與見, 二處虛妄。本非因緣,非自然性.**

Phiên âm: Thị cố đương tri, kiến dữ sắc không câu vô xứ sở. Tức sắc dữ kiến, nhị xứ hư vọng, bổn phi nhân duyên, phi tự nhiên tánh.

Việt dịch: Do vậy nên biết rằng cái thấy cùng sắc không đều chẳng có nơi chốn. Tức là sắc trần cùng với cái thấy, hai xứ đó đều là hư vọng không thật, vốn chẳng phải tính nhân duyên, cũng chẳng phải tính tự nhiên.

Giảng: "Do vậy, A-nan, ông nên biết rằng cái thấy cùng sắc không đều chẳng có nơi chốn. Tức là sắc trần cùng với cái thấy– ngay cả đối với sắc trần và cái thấy, nơi chốn của hai cái ấy, hai xứ đó đều là hư vọng không thật." Sắc cũng không có tự tánh và cái thấy cũng không có tự tánh. "Vốn chẳng phải tính nhân duyên, cũng chẳng phải tính tự nhiên." Đúng ra, tất cả đều là vọng kiến phát sinh từ tánh chân như nhiệm mầu của Như Lai tạng.

Kinh văn: **阿難, 汝更聽此祇陀園中, 食辦擊鼓, 眾集撞鐘。鐘鼓音聲, 前後相續.**

Phiên âm: **A-nan, nhữ cánh thính thử Kỳ-đà viên trung, thực biện kích cổ, chúng tập chàng chung. Chung cổ âm thanh, tiên hậu tương tục.**

Việt dịch: A-nan, ông hãy nghe trong vườn Kỳ-đà nầy, khi bữa ăn được bày dọn xong thì đánh trống, đại chúng sẽ nhóm lại khi nghe tiếng chuông. Tiếng chuông trống trước sau theo nhau.

Giảng: Đoạn kinh nầy giải thích về hai xứ của tai (nhĩ căn) và âm thanh. "A-nan, ông hãy nghe trong vườn Kỳ-đà nầy, khi bữa ăn được bày dọn xong thì đánh trống–khi đến bữa, đã bày dọn thức ăn xong thì tiếng trống được đánh lên và tăng chúng đến dùng cơm. Đại chúng sẽ nhóm lại khi nghe tiếng chuông." Nếu muốn tập họp đại chúng lại thì đánh chuông. Ngày nay khi đến giờ ăn, không dùng trống để đánh mà dùng cái "mõ cá. " Đó là một khúc gỗ lớn có hình con cá được đục rỗng ruột. Khi đến giờ ăn, tiếng mõ cá được đánh lên, làm thành âm thanh bong bong bong.

Cho nên ở Trung Hoa, cái mõ cá nầy được gọi theo âm thanh của nó là cái bong. Trong những đại tòng lâm, có nhiều tăng sĩ, nếu không có hiệu lệnh, chư tăng sẽ không biết đến giờ thọ trai. Thực ra, có nhiều vị ngủ quên trong phòng, như tôi có một số đệ tử ham ngủ vậy. Nếu không có hiệu lệnh gì để đánh thức họ, họ sẽ quên mất bữa quá đường. Thế nên ở tòng lâm nơi có đến hằng trăm hằng ngàn chư tăng, khi đến giờ thọ trai cái bong sẽ được đánh lên.

Nó được đánh rất nhiều hồi, càng lớn tiếng càng tốt. Sao vậy? Để đánh thức mọi người. Và, ngay khi người đang ngủ nghe tiếng bong, họ liền nhảy dậy, đắp y hậu và nhanh chân đi đến trai đường. Khi chư tăng thọ trai, họ đắp y hậu theo đúng nghi thức, oai nghi rất trang nghiêm. Họ không nói chuyện trong lúc thọ trai. Trong trai đường có thể đến cả ngàn vị tăng thọ trai, nhưng chẳng có ai lên tiếng. Mọi người đều im lặng.

Khi đã xuất gia, chư tăng phải giữ oai nghi chỉ ăn một lần. Không được đứng dậy đi rồi trở lại ngồi ăn nữa. Khi vị thị giả hành đường đi qua, họ sẽ đưa cho chư tăng những thức ăn nào họ muốn dùng thêm. Quý vị thị giả sẽ cung ứng tùy lượng người dùng. Nếu quý vị muốn bát đầy, họ sẽ sớt cho nhiều, nếu quý vị muốn dùng lưng bát, họ sẽ sớt ít lại. Quý vị chỉ cần ra hiệu bằng ngón tay hoặc bằng đũa, vị thị giả hành đường sẽ đáp ứng như ý.

Thời quá khứ, có một lão cư sĩ, chứ không phải là người xuất gia, đã thọ trì năm giới và đồng thời cũng giữ giới không nói chuyện trong lúc ăn. Nhưng rồi lão cư sĩ ấy đã phạm cả năm giới, chỉ còn giữ được giới không nói chuyện trong lúc ăn là không vi phạm. Vị hộ pháp hộ trì giới luật vẫn theo hộ trì cho lão cư sĩ ấy, nhưng trong thâm tâm ngài hộ pháp lại muốn lão cư sĩ phạm giới ấy

để ngài rời bỏ lão cư sĩ, khỏi phải hộ trì ông ta nữa. Nhưng lão cư sĩ không bao giờ phạm giới còn lại.

Khi ăn, lão không bao giờ nói. Sau cùng, vị hộ pháp phải xuất hiện trong chiêm bao của lão cư sĩ để báo rằng, "Ông nên nói chuyện trong lúc ăn. Ông đã phạm năm giới trên rồi, tại sao ông không phạm luôn giới không nói chuyện trong lúc ăn? Hãy huỷ phạm giới ấy nhanh đi, vì tôi muốn rời khỏi ông, không muốn hộ trì ông nữa."

Điều xảy ra trong giấc mơ khiến lão cư sĩ phải suy nghĩ, "Mình chỉ giữ giới không nói chuyện trong lúc ăn mà đã được thiện thần hộ giới bảo hộ cho mình rồi." Sau đó lão cư sĩ tìm đến một vị minh sư đạo hạnh cầu xin thọ năm giới lại. Từ đó vị cư sĩ nghiêm túc giữ giới, kiên quyết không phạm. Kết quả là sau đó lão cư sĩ tu tập cho đến thành tựu đạo nghiệp. Mỗi người đều có những nhân duyên riêng biệt, nhưng trong đạo Phật, giữ giới là một điều rất quan trọng đối với tất cả mọi người.

Như đã nói trên là cái bong sẽ được đánh lên khi đến giờ ăn, cái bong xưa vốn là một người ác bị đoạ làm con cá sống trong biển. Có một thân cây mọc lên từ thân con cá. Nó dùng công phu tu luyện khiến gốc cây đập mạnh vào tàu thuyền qua lại trên biển cho chìm. Tàu thuyền bị chìm đắm rồi con cá mới ăn những người bị chết đuối. Về sau con cá gặp được một vị A-la-hán đi qua biển khai ngộ cho, gốc cây được làm thành cái bong có hình dáng như con cá.

Đó là lý do tại sao cái bong được đánh lên mỗi khi đến giờ ăn trong chốn tòng lâm, tự viện. Nó biểu tượng sự giải cứu cho con cá thoát khỏi nghiệp chướng để kiếp sau được sinh làm người. Không biết xuất xứ câu chuyện nầy ở đâu, nó chỉ là một truyền thuyết, tôi chỉ kể lại cho quý vị nghe.

"Tiếng chuông trống trước sau theo nhau." Có thể tiếng chuông được đánh trước, có thể tiếng trống được đánh trước. Dù sao, các âm thanh trên cũng tiếp nối liên tục, liên tiếp theo nhau.

Kinh văn: **於意云何? 此等為是聲來耳邊, 耳往聲處?**

Phiên âm: Ư ý vân hà? Thử đẳng vi thị thanh lai nhĩ biên, nhĩ vãng thanh xứ?

Việt dịch: Ý ông nghĩ sao? Như thế là âm thanh đến bên cái nghe, hay cái nghe đến chỗ âm thanh?

Giảng: Để giải thích về cái nghe, Đức Phật có nhiều điều để gạn hỏi A-nan. “Ý ông nghĩ sao về âm thanh của chuông và trống? A-nan, ý ông như thế nào? Như thế là âm thanh đến bên cái nghe? Âm thanh đến bên tai của ông khiến ông nghe được? Hay cái nghe đến chỗ âm thanh? Hay là tai của ông đến nơi chỗ của âm thanh?”

Đức Phật hỏi ngài A-nan, và A-nan chưa biết phải trả lời như thế nào. A-nan không còn nhanh nhẩu như trước, đáp lại ngay tức thời những câu Đức Phật vừa hỏi nữa. Bây giờ không nghe A-nan nói lời nào. A-nan trông chờ Đức Phật giải thích.

Kinh văn: **阿難, 若復此聲, 來於耳邊, 如我乞食, 室羅筏城, 在祇陀林, 則無有我。此聲必來阿難耳處。目連迦葉應不俱聞。何況其中, 一千二百, 五十沙門, 一聞鐘聲, 同來食處。**

Phiên âm: A-nan, nhược phục thử thanh lai ư nhĩ biên, như ngã khất thực Thất-la-phiệt thành, tại Kỳ-đà lâm tắc vô hữu ngã. Thử thanh tất lai A-nan nhĩ xứ, Mục-liên, Ca-diếp ứng bất câu văn. Hà huống kỳ trung, nhất thiên nhị bách ngũ thập sa-môn, nhất văn chung thanh đồng lai thực xứ.

Việt dịch: A-nan, nếu như âm thanh đến bên cái nghe, như khi Như Lai khất thực trong thành Thất-la-phiệt, thì ở rừng Kỳ-đà ắt là không có Như Lai. Âm thanh đó đã đến bên cái nghe của A-nan, thì lẽ ra ông Mục-kiền-liên, ông Ca-diếp đều không cùng nghe được. Huống gì trong đây có đến 1250 sa-môn, một khi nghe được tiếng chuông, họ đều cùng đến trai đường cả.

Giảng: Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói, “A-nan, nếu như âm thanh đến bên cái nghe, như khi Như Lai khất thực trong thành Thất-la-phiệt, thì ở rừng Kỳ-đà ắt là không có Như Lai.” Ở đây Đức Phật đề cập đến chính mình. Thất-la-phiệt là tiếng Sanskrit; có vị nào còn nhớ nghĩa của chữ nầy như thế nào không? Tôi đã giải thích rất kỹ trong phần đầu của kinh, khi đề cập đến Lục chủng thành tựu. Chắc quý vị đã quên hết rồi? Phải không? Tốt thôi, tôi cũng không còn nhớ nữa. Thế là tất cả chúng ta đều quên. Tôi chưa từng giảng giải điều đó, và quý vị cũng chưa từng nghe điều đó. Không ai nói và chẳng có ai nghe chính là thực tướng Bát-nhã.

Thành Thất-la-phiệt là nơi có đầy đủ năm thứ dục lạc, giàu sang và rất sung túc, người dân ở đó có đạo đức, tri thức và tự do. Nên được gọi là thành Phong Đức (豐德). Quý vị nên nhớ ký điều nầy. Ở Trung Hoa, chữ Thất-la-phiệt

trong tiếng Sanskrit có khi còn được gọi là Xá-vệ quốc (舍衛國) hoặc Thất-la-phiệt thành (室羅伐城). Nếu quý vị không thể nhớ được ngay cả chuyện rất nhỏ nhặt nầy, như có ai nhờ quý vị giảng giải về Lục chủng thành tựu, khi nói đến thành tựu thứ 5 tức xứ thành tựu, đó là thành Thất-la-phiệt, tức Xá-vệ quốc; tất cả những gì quý vị có thể nói được là "tôi không rõ," nếu như có ai hỏi nghĩa của Thất-la-phiệt là gì?

Lúc đó quý vị mất mặt biết bao! Quý vị là người đang hoằng truyền giáo pháp của chư Phật, mà bỗng dưng thấy mình bị bí không trả lời được một câu hỏi. Nếu như có ai đặt ra một vấn đề thật nan giải, quý vị không muốn trả lời cũng được. Nhưng đây là vấn đề quan hệ đến những gì mà quý vị phải biết về kinh luận Phật học, và quý vị lại không thể nào lý giải vấn đề nêu ra được, thật là rất ngượng ngùng.

"Khi Như Lai khất thực trong thành Thất-la-phiệt," Đức Phật nói, "Thì ở rừng Kỳ-đà ắt là không có Như Lai." Đây là một ví dụ thực tế một vật không thể cùng có mặt một lúc trong hai nơi. "Thì lẽ ra ông Mục-kiền-liên, ông Ca-diếp đều không cùng nghe được." (Lỗ tai, cái nghe đến bên âm thanh là một khả năng khác, sẽ được thảo luận ở đoạn sau.) "Nếu như âm thanh đến bên cái nghe của ông, A-nan! Thì Mục-kiền-liên, vị đệ tử có thần thông đệ nhất, và Ca-diếp sẽ không còn nghe được. Sao vậy? Vì âm thanh đã di đến bên tai của ông rồi."

Thực ra không phải Đức Phật nói chuyện đâu đâu. Âm thanh vốn là vang khắp mọi nơi. Mọi người ai cũng đều nghe được. Ngài chưa giải thích theo nguyên lý nầy. Ngài đang cố tình làm cho tâm ý A-nan phải hoá ra đần độn đi. Ngài không nói những điều hợp lý, cốt để thử xem A-nan trả lời ra sao. "Huống gì trong đây có đến 1250 sa-môn, một khi nghe được tiếng chuông, họ đều cùng đến trai đường cả." Huống gì có đến 1250 vị tị-khưu, ngay khi nghe tiếng chuông, tất cả đều cùng đến trai đường."

Kinh văn: **若復汝耳, 往彼聲邊, 如我歸住, 祇陀林中, 在室羅城, 則無有我。汝聞鼓聲, 其耳已往, 擊鼓之處, 鐘聲齊出, 應不俱聞。何況其中, 象馬牛羊, 種種音響。**

Phiên âm: Nhược phục nhữ nhĩ vãng bỉ thanh biên, như ngã quy trú Kỳ-đà lâm trung, tại Thất-la thành tắc vô hữu ngã. Nhữ văn cổ thanh, kỳ nhĩ dĩ vãng kích cổ chi xứ, chung thanh tề xuất, ưng bất câu văn. Hà huống kỳ trung, tượng mã ngưu dương, chủng chủng âm hưởng.

Việt dịch: Lại nếu như cái nghe của ông đến bên âm thanh, cũng như khi Như Lai về ở trong rừng Kỳ-đà rồi, thì trong thành Thất-la-phiệt ắt là không có Như Lai nữa. Vậy khi ông nghe tiếng trống, cái nghe của ông đã đến nơi tiếng trống rồi, thì khi tiếng chuông cùng phát ra, lẽ ra ông không thể nghe được cả hai thứ, huống gì ông còn nghe được cả tiếng voi, ngựa, trâu, dê và nhiều thứ âm thanh khác quanh ông.

Giảng: Trước đã giải thích không hợp lý khi nói rằng âm thanh chạy đến bên tai của quý vị. Nếu thật là âm thanh chạy đến bên tai của quý vị, thì mọi người khác sẽ không nghe được; mà thực tế là mọi người đều nghe được âm thanh của chuông và trống. Điều này chứng tỏ tiếng chuông và trống không chạy đến nơi chỗ cái nghe của quý vị. " Lại nếu như cái nghe của ông đến bên âm thanh. Có lẽ ông sẽ nói rằng cái nghe của ông sẽ chạy đến nơi chỗ âm thanh để nghe được nó."

"Cũng như khi Như Lai về ở trong rừng Kỳ-đà rồi, thì trong thành Thất-la-phiệt ắt là không có Như Lai nữa. A-nan, ông thừa nhận điều nầy là đúng chứ? Như Lai nói điều nầy hoàn toàn chính xác chứ? Ông thể nào bác bỏ lý lẽ nầy được. Do vậy, khi ông nghe tiếng trống, cái nghe của ông đã đến nơi tiếng trống rồi, thì khi tiếng chuông cùng phát ra– thế khi tiếng chuông được đánh lên–lẽ ra ông không thể nghe được cả hai thứ. Cái nghe của ông đã đi mất rồi, đã chạy đến bên cái nghe để nghe được tiếng trống rồi, nên khi có một âm thanh khác vang lên, ông không còn nghe được nữa, vì đâu còn có cái gì ở đó để nghe?

Cũng tương tự như khi Như Lai từ thành Thất-la-phiệt trở về, thì lúc ấy trong thành sẽ không còn Như Lai nữa. Nên ông nói rằng cái nghe của ông đã đi, mà thực ra, ông vẫn còn nghe được. Khi tiếng chuông vang lên, ông vẫn nghe được như khi ông nghe tiếng trống. Làm sao mà được như thế? Huống gì ông còn nghe được cả tiếng voi, ngựa, trâu, dê và nhiều thứ âm thanh khác quanh ông.

Không những ông chỉ nghe được tiếng chuông tiếng trống, mà còn nghe được cả tiếng rống của voi, ngựa, trâu, dê và nhiều thứ âm thanh khác. Rốt ráo, cái nghe của ông có chạy đi đến bên chỗ cái tiếng để nghe hay không? Nếu như thế, làm sao ông có được nhiều tai, có nhiều cái nghe để chạy đến chỗ tất cả âm thanh kia? Ông chỉ có hai tai, sao ông có được nhiều cái nghe như vậy?

Kinh văn: **若無來往, 亦復無聞。**

Phiên âm: Nhược vô lai vãng, diệc phục vô văn.

Việt dịch: Còn nếu (cái nghe) không chạy đi chạy lại, thì cũng không có cái nghe.

Giảng: "Nếu ông nói rằng cái nghe không chạy đến nơi chỗ của cái tiếng, và cái tiếng cũng không chạy đến chỗ của cái nghe–nếu (cái nghe) không chạy đi chạy lại–thì ông nghe cái gì? Thì cũng không có cái nghe. Ông cũng chẳng nghe được điều gì cả."

Rốt ráo đạo lý nầy muốn chỉ bày điều gì? Chỉ ra rằng tánh chân như nhiệm mầu của Như Lai tạng vốn không sinh không diệt. Nó bao trùm mọi nơi, có trong mọi vật. Nó không như một con người, khi ở một nơi nào đó thì gọi là có mặt, và khi ông ta rời khỏi chỗ đó rồi thì gọi là không hiện hữu ở đó nữa. Đúng hơn, tánh chân như nhiệm mầu của Như Lai tạng là không sinh không diệt. Điều ấy chỉ ra rằng căn tánh vốn là chân thật và vọng tưởng là hư vọng, không thật.

Kinh văn: **是故當知, 聽與音聲, 俱無處所。即聽與聲, 二處虛妄。本非因緣, 非自然性.**

Phiên âm: Thị cố đương tri, thính dữ âm thanh, câu vô xứ sở. Tức thính dữ thanh, nhị xứ hư vọng, bổn phi nhân duyên, phi tự nhiên tánh.

Việt dịch: Do vậy nên biết rằng cái nghe và âm thanh đều không có nơi chốn; tức cái nghe và thanh trần hai thứ đều là hư vọng, vốn chẳng phải tính nhân duyên, chẳng phải tính tự nhiên.

Giảng: " Do vậy – theo đạo lý mà Như Lai vừa giải thích– A-nan, ông nên biết rằng cái nghe và âm thanh đều không có nơi chốn. Chẳng có nơi nào mà thanh trần và tánh biết nghe của ông cư ngụ cả. Nó không có nơi chốn. Có lẽ nó ít nhiều gì giống như kẻ hành khất–họ không có nơi chốn để trú ngụ. Thế nên cái nghe và thanh trần hai thứ đều là hư vọng." Cả hai nơi chốn đều là hư vọng không thật.

Nguồn gốc của chúng vốn chẳng phải tính nhân duyên, chẳng phải tính tự nhiên. Nó chẳng phát sinh từ tánh nhân duyên, và cũng chẳng phát sinh từ tánh tự nhiên. Nó là biểu hiện của tánh chân như nhiệm mầu của Như Lai tạng. thế nên ông đừng đem tâm phân biệt theo đuổi, tạo nên sự phân biệt trong những thứ vọng trần nầy."

Kinh văn: **阿難,汝又嗅此鑪中栴檀, 此香若復, 然於一銖, 室羅筏城 四十里內, 同時聞氣。**

Phiên âm: A-nan, nhữ hựu khứu thử lô trung chiên đàn, thử hương nhược phục nhiên ư nhất thù, Thất-la-phiệt thành tứ thập lý nội, đồng thời văn khí.

Việt dịch: A-nan, ông hãy ngửi mùi hương chiên đàn trong lò, hương ấy nếu đốt đến một thù, thì cả thành Thất-la-phiệt trong khoảng 40 dặm đều ngửi được mùi thơm.

Giảng: Bây giờ sẽ đề cập đến mùi hương và lỗ mũi với tính biết ngửi. "Lại nữa, A-nan, ông hãy ngửi mùi hương chiên đàn trong lò. Ông hãy ngửi mùi hương được đốt lên. Khi hương ấy nếu đốt đến một thù." Theo đơn vị đo lường Trung Hoa, một thù (chu– 銖) gồm 24 lượng (liang– 兩), và 16 lượng là một cân (chin – 斤) , khoảng chừng 1⅓ pound. Nên một thù là một miếng trầm hương rất nhỏ. Chiên-đàn hương còn gọi là ngưu đầu chiên-đàn. Tương truyền hương nầy xuất xứ từ Bắc Câu Lô châu. Khi quý vị đốt một miếng rất nhỏ hương chiên-đàn nầy thì mùi thơm liền xông khắp một vùng bán kính chừng 40 lý– khoảng chừng 13 dặm Anh.

Ở đây chúng ta không nói là khói bay lên thấu trời, nhưng thực là mùi hương đã xông lên thấu khắp. Hơn nữa, các dịch bệnh và bệnh hay lây đều được xua tan khi hương thơm nầy tràn ngập trong không khí. Các loại vi trùng đều biến mất cả. "Cả thành Thất-la-phiệt trong khoảng 40 dặm đều ngửi được mùi thơm."

Kinh văn: **於意云何? 此香為復, 生栴檀木, 生於汝鼻, 為生於空?**

Phiên âm: Ư ý vân hà? Thử hương vi phục, sinh chiên đàn mộc, sinh ư nhữ tị, vi sinh ư không?

Việt dịch: Ý ông nghĩ như thế nào? Mùi hương ấy sinh ra do cây chiên đàn, do nơi mũi ông hay do hư không?

Giảng: "Ý ông nghĩ như thế nào? A-nan, trong trường hợp nầy, ý ông nghĩ như thế nào? Mùi hương ấy sinh ra do cây chiên đàn? Có phải mùi hương ấy phát sinh từ cây chiên-đàn? Do nơi mũi ông? Hay là nó phát sinh từ nơi mũi của ông? Hay do hư không? Hay là nó có từ hư không?"

Kinh văn: **阿難,若復此香生於汝鼻, 稱鼻所生當從鼻出,鼻非栴檀, 云何鼻中有栴檀氣。稱汝聞香當於鼻入。鼻中出香,說聞非義.**

Phiên âm: A-nan, nhược phục thử hương sinh ư nhữ tị, xưng tị sở sinh đương tùng tị xuất, tị phi chiên đàn, vân hà tị trung hữu chiên đàn khí? Xưng nhữ văn hương, đương ư tị nhập. Tị trung xuất hương thuyết văn phi nghĩa.

Việt dịch: A-nan, nếu như mùi hương ấy sinh ra do từ mũi ông, nói do mũi sinh ra thì hương phải từ mũi phát ra, mà lỗ mũi không phải là chiên-đàn, làm sao trong mũi lại có hương chiên-đàn? Còn nói rằng ông ngửi được mùi hương thì mùi thơm phải đi vào trong mũi ông. Còn như trong mũi đã phát ra mùi hương, mà nói do mũi ngửi được thì không đúng nghĩa.

Giảng: "A-nan, nếu như mùi hương ấy sinh ra do từ mũi ông. Ông cho rằng mùi hương ấy phát sinh từ mũi của ông. Nói do mũi sinh ra thì hương phải từ mũi phát ra. Nếu như trường hợp nó phát sinh từ mũi, thì lẽ ra mùi hương phải từ lỗ mũi đi ra. Mà lỗ mũi không phải là chiên-đàn. Nhưng lỗ mũi của ông chắc chắn không phải là gỗ chiên-đàn. Làm sao trong mũi lại có hương chiên-đàn? Không có chuyện như thế.

Còn nói rằng ông ngửi được mùi hương thì mùi thơm phải đi vào trong mũi ông. Nếu ông cho rằng ông ngửi được mùi hương, đó là mùi mà ông biết được nhờ tánh ngửi của ông, thì lẽ ra mùi ấy phải đi vào trong mũi của ông. Còn như trong mũi đã phát ra mùi hương, mà nói do mũi ngửi được thì không đúng nghĩa. Còn nếu ông nói mùi hương phát ra từ mũi của ông, thì không đúng với điều ông đã nói là mũi ông ngửi được mùi hương, vì mũi ông chỉ có thể ngửi được những gì đi vào trong nó. Không thể có trường hợp mùi hương phát ra từ mũi của ông."

Đến đây, cơ bản là mọi người đều hiểu được rằng mùi hương phát sinh từ gỗ chiên-đàn. Khi chiên-đàn được đốt lên, khói lan toả trong không khí. Tuy nhiên, mùi thơm không hẳn chỉ có trong khói hương, vì ngay khi chiên-đàn vừa được đốt lên, thì người ta có thể ngửi được mùi hương từ trong vòng 40 dặm. Nói đơn giản là khói hương đã lan toả vào trong không gian.

Tại sao Đức Phật lại hỏi A-nan như vậy? Ngài hỏi là hương chiên-đàn phát sinh từ lỗ mũi hay là từ gỗ chiên-đàn? Mọi người ai cũng nhận ra được ngay mà không cần phải giải thích, là nếu hương chiên-đàn không được đốt lên, thì sẽ không có mùi thơm; điều đó chứng minh rằng mùi thơm phát sinh từ hương chiên-đàn.

Đức Phật cố ý gạn hỏi A-nan như vậy để xem thử A-nan trả lời ra sao. Tuy nhiên, mặc dù mùi thơm phát sinh từ hương chiên-đàn, nhưng tánh biết ngửi lại xuất phát từ Như Lai tạng. Thế nên ý chính là chỉ ra nó không phải do mùi hương, mà do tánh ngửi. Tánh ngửi nầy bao trùm khắp và không sinh không diệt. Đó là điểm then chốt.

Kinh văn: **若生於空, 空性常恒, 香應常在, 何藉鑪中爇此枯木?**

Phiên âm: Nhược sinh ư không, không tánh thuờng hằng, hương ưng thường tại, hà tạ lô trung nhiệt thử khô mộc?

Việt dịch: Nếu mùi hương sinh ra từ hư không, thì tính của hư không là thường hằng, nên lẽ ra mùi hương cũng phải thường có, đâu cần phải nhờ đốt gỗ chiên-đàn trong lò mới có mùi hương?

Giảng: "Nếu mùi hương sinh ra từ hư không, thì tính của hư không là thường hằng. Nếu ông cho rằng mùi hương xuất phát từ hư không , nên lẽ ra mùi hương cũng phải thường có. Lẽ ra mùi hương phải luôn luôn hiện hữu, không hề biến mất. Không cần phải đợi đến khi gỗ chiên-đàn được đốt lên mới có hương thơm. Lẽ ra mùi hương phải có trong mọi lúc rồi. Đâu cần phải nhờ đốt gỗ chiên-đàn trong lò mới có mùi hương?"

Chữ "tạ 藉– nhờ" có nghĩa là phải cần đốt gỗ chiên-đàn lên mới có hương thơm. Đoạn kinh văn nầy chứng minh rằng mùi hương không phải phát xuất từ hư không.

Kinh văn: **若生於木, 則此香質,因爇成煙。若鼻得聞, 合蒙煙氣, 其煙騰空, 未及遙遠, 四十里內, 云何已聞?**

Phiên âm: Nhược sinh ư mộc, tắc thử hương chất, nhân nhiệt thành yên. Nhược tị đắc văn, hợp mông yên khí; kỳ yên đằng không, vị cập dao viễn, tứ thập lý nội, vân hà dĩ văn?

Việt dịch: Nếu mùi hương sinh ra từ gỗ chiên-đàn, thì mùi hương ấy nhân đốt mà thành khói. Nếu lỗ mũi ngửi được, thì lẽ ra khói phải xông đến lỗ mũi; làm sao khói đó xông vào không trung chưa được bao xa, mà trong 40 dặm đều ngửi được cả?

Giảng: "Nếu mùi hương sinh ra từ gỗ chiên-đàn, thì mùi hương ấy nhân đốt mà thành khói." Khi gỗ chiên-đàn được đốt lên, nó biến thành khói. "Nếu lỗ mũi

ngửi được, thì lẽ ra khói phải xông đến lỗ mũi.” Khi mũi ngửi được mùi hương, lẽ ra phải có ít khói ở nơi lỗ mũi. Nhưng mùi thơm nầy không phải do ở khói.

“Làm sao khói đó xông vào không trung chưa được bao xa, mà trong 40 dặm đều ngửi được cả?” Mùi hương xông khắp mọi nơi, ngay cả những nơi không có khói. Khói không thể nào lan toả đến 40 lí, nhưng mùi hương lại lan đến khoảng cách xa như vậy, và mọi người ở trong vòng bán kính ấy đều có thể ngửi được. Đức Phật hỏi A-nan: “Theo ông, nó đến từ đâu?”

Kinh văn: **是故當知,香臭與聞, 俱無處所。即嗅與香, 二處虛妄。本非因緣, 非自然性.**

Phiên âm: Thị cố đương tri, hương xú dữ văn, câu vô xứ sở. Tức khứu dữ hương, nhị xứ hư vọng, bổn phi nhân duyên, phi tự nhiên tánh.

Việt dịch: Thế nên biết rằng hương trần và cái ngửi đều không có nơi chốn. Tức là nơi phát sinh cái ngửi và hương trần đều là hư vọng, vốn không phải tánh nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

Giảng: “Thế nên biết rằng hương trần và cái ngửi đều không có nơi chốn. Do như những điều đã được giải thích, ông nên biết rằng cả mùi hương và tánh biết ngửi dều không có nơi chốn phát sinh. Nó đều không có một nơi chỗ nhất định. Tức là nơi phát sinh cái ngửi và hương trần– tánh biết ngửi nơi lỗ mũi và mùi hương đều là hư vọng, vốn không phải tánh nhân duyên, không phải tánh tự nhiên. Tất cả chúng đều là biểu hiện cho sự lưu xuất từ tánh chân như nhiệm mầu của Như Lai tạng.”

Kinh văn: **阿難,汝常二時, 眾中持缽。其間或遇酥酪醍醐, 名為上味。**

Phiên âm: A-nan, nhữ thường nhị thời chúng trung trì bát, kỳ gian hoặc ngộ, tô lạc đề hồ, danh vi thượng vị.

Việt dịch: A-nan, ông thường ở trong chúng, hai thời mang bình bát khất thực. Trong đó, khi gặp tô, lạc, đề hồ, gọi là những món quý.

Giảng: Từ sữa làm thành sữa đông (lạc), từ sữa đông làm thành bơ (sinh tô), từ bơ (sinh tô) làm thành phó-mát (thục tô), từ thục tô làm thành đề-hồ , là chất tinh túy nhất được tinh chế từ sữa.

Thời kỳ thuyết giáo đầu tiên của Đức Phật được gọi là Thời Hoa Nghiêm.

Thời Hoa Nghiêm được ví như lúc mặt trời mới mọc, ví khi mặt trời mới mọc thì chiếu ánh sáng đầu tiên cho các đỉnh núi cao. Đỉnh núi cao biểu tượng cho các vị Đại Bồ-tát. Kinh Hoa Nghiêm (Avataṃsaka sutra) là để giáo hóa hàng Bồ-tát. Thế nên khi Đức Phật nói Kinh Hoa Nghiêm, những vị thuộc hàng Nhị thừa, Thanh văn, Duyên giác, đều "có mắt mà như mù."

Họ không nhận ra được Đức Phật thị hiện thành thân Đức Phật Lô-xá-na lớn một trượng sáu. Hàng Nhị thừa chỉ nhìn được kim thân Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cao một trượng sáu như một lão tỉ-khưu già bình thường. Họ "có tai không nghe được giáo pháp viên đốn của Như Lai. " Họ không nghe được giáo lý viên đốn vi diệu trong Kinh Hoa Nghiêm.

Năm thời kỳ thuyết giáo của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni được ví như sự tinh chế sữa. Giáo pháp trong Kinh Hoa Nghiêm cũng giống như sữa nguyên chất. Người lớn có thể tiêu hóa được sữa nầy, người trẻ con thì không thể nào dùng sữa nguyên chất nầy thường xuyên được. Giáo pháp thời kỳ Hoa Nghiêm là để giáo hóa riêng cho hàng Bồ-tát. Cũng giống như sữa được lấy trực tiếp từ bò.

Thời kỳ thuyết giáo thứ hai của Đức Phật là Thời A-hàm. A-hàm là tiếng Sanskrit, Hán dịch là Vô tỉ pháp, có nghĩa là không một pháp ngoại đạo nào có thể sánh được. Còn gọi là A-tỳ-đạt-ma, có nghĩa là pháp Tiểu thừa. Trong ví dụ về sự tinh chế sữa, Thời A-hàm được ví như sữa đông (lạc), được tinh chế từ sữa nguyên chất. Tính chất của sữa đông (lạc) không đậm đặc lắm, trẻ con dùng rất tốt. Nó rất dễ tiêu hóa. Ví như mặt trời mới mọc, thời kỳ thuyết giáo thứ hai được biểu tượng cho ánh sáng mặt trời chiếu đến vùng thung lũng, có nghĩa là vùng đất thấp hơn, ánh sáng mặt trời cũng chiếu đến được.

Thời kỳ thuyết giáo thứ ba của Đức Phật là Thời Phương đẳng. Trong ví dụ về sự tinh chế sữa, Thời Phương đẳng được ví như bơ (sinh tô), do trích từ sữa đông (lạc) mà ra. Ví như ánh sáng mặt trời chiếu rộng khắp mọi nơi trên mặt đất.

Thời kỳ thuyết giáo thứ tư của Đức Phật là Thời Bát-nhã. Trong ví dụ về sự tinh chế sữa, Thời Bát-nhã được ví như phó-mát (thục tô), do tinh chế từ sữa bơ (sinh tô) mà ra. Ví như ánh sáng mặt trời vào lúc gần trưa.

Thời kỳ thuyết giáo thứ năm của Đức Phật là Thời Pháp Hoa –Niết-bàn. Trong ví dụ về sự tinh chế sữa, thời nầy được ví như đề-hồ, là chất được tinh chế từ phó-mát (thục tô). Hương vị của Kinh Pháp Hoa–Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, có khi còn gọi là Kinh Hoa Sen – là vô thượng diệu vị. Trong ví dụ về ánh sáng mặt trời, Kinh Pháp Hoa được ví như mặt trời chiếu ngay trên đỉnh đầu. Lúc

chính ngọ, mặt trời chiếu khắp mọi vật, cả đỉnh núi cao, cả thung lũng, và khắp cả mặt đất nơi đồng bằng.

Kinh Pháp Hoa là bộ kinh rất quan trọng trong đạo Phật. Kinh Thủ Lăng Nghiêm là để khai mở trí huệ, chỉ ra con đường tu tập. Kinh Pháp Hoa là để tựu thành Phật đạo. Mọi người y theo giáo nghĩa Kinh Pháp Hoa mà tu hành thì đều được thành Phật. Như trong Kinh Pháp Hoa nói: “Chỉ cần niệm một câu Nam-mô Phật, là đều được tựu thành Phật đạo. ” Kinh Pháp Hoa là để khai quyền hiển thật – mở ra phương tiện để hiển bày thật tướng. Giáo lý trong kinh chỉ hiển bày pháp chân thật, các thứ hư vọng đều được loại trừ. Kinh Thủ Lăng Nghiêm và Kinh Pháp Hoa rất huyền diệu, rất quan trọng. Đại sư Trí Khải của Tông Thiên Thai đã ngộ đạo khi tụng kinh nầy.

Sau khi Đại sư Trí Khải ngộ đạo, ngài nghe nói đến Kinh Thủ Lăng Nghiêm, nên hằng ngày ngài hướng về phương tây (Ấn Độ) lễ bái với bổn nguyện được đọc tụng kinh nầy. Nhưng mặc dù ngài đã lễ bái phát nguyện suốt 18 năm, ngài vẫn chưa được trông thấy và đọc tụng kinh nầy. Quý vị có cho rằng đáng tiếc không? Thật là các vị Cổ đức xưa nay có tâm cung kính Phật pháp biết bao!

Có người đã từng lạy Kinh Pháp Hoa và Kinh Hoa Nghiêm. Cứ một chữ trong kinh, họ lạy một lạy; lạy suốt ngày từ sáng đến tối. Có người đã được khai ngộ khi lạy kinh. Như vậy có rất nhiều pháp môn để tu hành. Bất luận tu tập theo pháp môn nào, quý vị cũng phải chuyên chú nhất tâm vào pháp môn đó. Đừng nên một mặt tu tập, còn mặt kia thì khởi dậy vọng tưởng. Chẳng hạn, tôi biết ở đây có một số vị nghe giảng kinh mà thực sự là chẳng nghe.

Họ nghĩ rằng: “Một lát mình sẽ gọi điện cho cô bạn gái.” hoặc “Làm sao để trả lời bức thư mình vừa nhận được?” Với sự chú tâm vào những chuyện ấy, làm sao mong có được chút nào tương ưng trong Phật pháp? Nhưng họ vẫn chưa tỉnh ngộ. Họ không nhận ra rằng: “À! Nay mình đang tu học Phật pháp, nên buông bỏ mọi chuyện và nên tập trung chuyên nhất vào việc tu học.” Thế nên cuối cùng họ vẫn không hình dung ra được điều tôi vừa giải thích. Và đôi khi nếu họ nhận ra được điều ấy, họ lại nói rằng đó là điều vô ích. Lại là một loại sai lầm khác.

Kinh văn: **於意云何? 此味為復, 生於空中, 生於舌中為生食中?**

Phiên âm: Ư ý vân hà? Thử vị vi phục, sinh ư không trung, sinh ư thiệt trung, vi sinh thực trung?

Việt dịch: Ý ông nghĩ thế nào? Vị ấy sinh ra do trong hư không, do nơi lưỡi hay do thức ăn?

Giảng: "A-nan, ông nghĩ như thế nào về những thức ăn mà ông cho rằng đó là thượng vị? Ý ông nghĩ thế nào? Vị ấy sinh ra do trong hư không? Có phải hư không phát ra những thứ vị trần nầy chăng? Do nơi lưỡi? Có phải những thứ vị trần nầy phát sinh từ lưỡi của ông? Hay do thức ăn? Hay những thứ vị trần ấy phát sinh ra do thức ăn?"

Kinh văn: **阿難, 若復此味生於汝舌, 在汝口中, 秖有一舌。其舌爾時已成酥味, 遇黑石蜜, 應不推移。**

Phiên âm: A-nan, nhược phục thử vị sinh ư nhữ thiệt, tại nhữ khẩu trung, chỉ hữu nhất thiệt. Kỳ thiệt nhĩ thời dĩ thành tô vị, ngộ hắc thạch mật, ưng bất suy di.

Việt dịch: Lại nữa A-nan, nếu vị ấy sinh ra do lưỡi của ông, thì trong miệng ông chỉ có một cái lưỡi; cái lưỡi ấy bấy giờ đã thành vị tô rồi, nếu gặp đường phèn, lẽ ra cái vị phải không thay đổi.

Giảng: "Lại nữa A-nan, ông cho rằng các vị nầy phát xuất từ đâu? Nó phát sinh từ hư không hay từ cái lưỡi? Nói ngay. Nếu vị ấy sinh ra do lưỡi của ông. Thì ông có thể bảo rằng cái lưỡi của ông sinh ra vị nầy, thế khi ông ăn gì đó, ví dụ như là thục tô, thì lẽ ra lưỡi ông phải biến thành thục tô rồi. Thì trong miệng ông chỉ có một cái lưỡi; cái lưỡi ấy bấy giờ đã thành vị tô rồi, nếu gặp đường phèn, lẽ ra cái vị phải không thay đổi. Đường phèn được làm từ đường mía và cứng như đá.

Có lẽ là do một phương pháp làm kẹo từ thời cổ đại. Lưỡi của ông đã biến thành vị thục tô rồi, thế nên khi ông ăn kẹo vào lẽ ra sẽ không còn thấy ngọt nữa. Sao vậy? Vì ông chỉ có một cái lưỡi, thế nên chỉ biết được một vị. Ông không thể biến một cái lưỡi thành ra nếm được nhiều vị."

Kinh văn: **若不變移,不名知味。若變移者,舌非多體。云何多味, 一舌之知?**

Phiên âm: Nhược bất biến di, bất danh tri vị. Nhược biến di giả, thiệt phi đa thể, vân hà đa vị, nhất thiệt chi tri?

Việt dịch: Nếu không dời đổi, thì không được gọi là biết vị. Còn nếu dời đổi, thì lưỡi không có nhiều tự thể, làm sao một lưỡi mà biết nhiều vị được?

Giảng: "Nếu không dời đổi. Nếu khi ông ăn đường phèn, trong lưỡi không biến đổi thành vị ngọt, thì không được gọi là biết vị. Thì lưỡi ông không có được chức năng nhận biết mùi vị. Còn nếu dời đổi, giả sử như khi ông ăn thục tô chẳng hạn, thì sẽ thấy có mùi vị của sinh tô; và khi ông ăn đường phèn thì trong lưỡi biến thành vị ngọt. Như thế lưỡi không có nhiều tự thể. Vốn chỉ có một lưỡi, làm sao một lưỡi mà biết nhiều vị được? Nếu có nhiều vị đến từ một lưỡi, thì làm sao ông nhận ra được nhiều vị? Còn nếu ông có thể nhận ra được, thì lập luận nầy không đứng vững."

Kinh văn: **若生於食, 食非有識, 云何自知。又食自知, 即同他食。何預於汝, 名味之知?**

Phiên âm: **Nhược sinh ư thực, thực phi hữu thức, vân hà tự tri. Hựu thực tự tri tức đồng tha thực; hà dự ư nhữ danh vị chi tri?**

Việt dịch: Nếu sinh ra do thức ăn, thì thức ăn không có tri giác, làm sao tự biết được vị? Còn nếu thức ăn tự biết, Tức giống như người khác ăn, có dính dáng gì đến ông?

Giảng: "Nếu sinh ra do thức ăn." Giả sử như tánh biết mùi vị phát sinh từ thức ăn. "Thức ăn không có tri giác." Thức ăn vốn chẳng có thức giác, nó không thể nào tự nhận biết được. "Làm sao tự biết được vị?" Bởi thức ăn không có tri giác, không tự nhận biết được, nên làm sao nó tự biết được vị? "Còn nếu thức ăn tự biết."– Nếu thức ăn tự nhận biết được mùi vị của chính nó–"Tức giống như người khác ăn." Cũng giống như thể nó tự nếm được mùi vị. Thì "Có dính dáng gì đến ông?" Làm sao được gọi là người ăn nhận biết được mùi vị?

Kinh văn: **若生於空, 汝噉虛空,當作何味? 必其虛空,若作鹹味。既鹹汝舌,亦鹹汝面。則此界人同於海魚。既常受鹹,了不知淡。若不識淡,亦不覺鹹。必無所知, 云何名味。**

Phiên âm: **Nhược sinh ư không, nhữ đạm hư không, đương tác hà vị? Tất kỳ hư không, nhược tác hàm vị, ký hàm nhữ thiệt, diệc hàm nhữ diện. Tắc thử giới nhân đồng ư hải ngư, ký thường thọ hàm, liễu bất tri đàm. Nhược bất thức đàm, diệc bất giác hàm, tất vô sở tri, vân hà danh vị?**

Việt dịch: Nếu sinh ra do hư không, thì ông hãy nếm hư không xem nó có vị gì? Nếu hư không có vị mặn, thì nó đã làm mặn cái lưỡi của ông, và cũng làm mặn cái mặt của ông; ắt mọi người trong cõi giới nầy cũng giống như cá biển, đã thường chịu cái mặn, không còn biết thế nào là

mặn nữa. Nếu đã không biết nhạt, thì cũng không biết mặn; làm sao được gọi là biết vị?

Giảng: "Nếu sinh ra do hư không. Có lẽ ông muốn nói rằng tính biết vị ấy sinh ra do hư không. Thì ông hãy nếm hư không xem nó có vị gì? Ông hãy nếm hư không thử xem. Hãy thử ăn hư không, xem thử nó có mùi vị gì. Nếu hư không có vị mặn. Chẳng hạn, ông thấy hư không đó có vị mặn như muối. Thì nó đã làm mặn cái lưỡi của ông. Thế thì cái lưỡi của ông đã bị hoá thành muối do vị mặn ấy rồi. Và cũng làm mặn cái mặt của ông; ắt mọi người trong cõi giới nầy cũng giống như cá biển. Nếu vị mặn phát sinh từ hư không, chắc hẳn không chỉ riêng cái lưỡi của ông nhận được mùi vị mặn ấy; nếu nó đã khiến cho cái lưỡi của ông hoá thành mặn, thì nó cũng sẽ làm cho mặt của ông mặn luôn. Thân thể ông cũng bị mặn, và mọi người khác cũng như vậy. Nếu thân thể mọi người đều hoá mặn cả, thì mọi người trên thế gian nầy cũng trở nên giống như loài cá sống trong biển. Ai cũng mang trên mình mùi vị của muối mặn.

Đã thường chịu cái mặn. Ông sẽ nhận thấy rằng nếu ông thường ngâm mình trong muối, thì sẽ không còn biết thế nào là mặn nữa. Sao vậy? Nếu ông không biết vị nhạt, thì ông cũng không biết được mùi vị; vì ông không biết được mùi vị, nên ông cũng không biết được vị muối mặn. Đã không biết gì. Cơ bản là ông không nhận ra được mùi vị gì cả. Làm sao được gọi là biết vị? Làm sao mà ông lại đặt cho nó cái tên và gọi nó là vị ? "

Kinh văn: **是故當知, 味舌與嘗, 俱無處所。即嘗與味, 二俱虛妄。本非因緣, 非自然性.**

Phiên âm: Thị cố đương tri, vị thiệt dữ thường, câu vô xứ sở. Tức thường dữ vị, nhị câu hư vọng, bổn phi nhân duyên, phi tự nhiên tánh.

Việt dịch: Vậy nên biết rằng mùi vị và cái lưỡi biết nếm đều là không có xứ sở. Tức là tính biết nếm cùng với mùi vị, hai thứ đều là hư vọng, không thật; vốn chẳng phải tính nhân duyên, chẳng phải tính tự nhiên.

Giảng: "Vậy nên biết rằng mùi vị và cái lưỡi biết niếm đều là không có xứ sở." Nó đều không có một nơi chốn nhất định. "Tức là tính biết nếm cùng với mùi vị, hai thứ đều là hư vọng, không thật." Tính biết nếm và mùi vị– cả hai cái nầy đều không có gốc gác– đều là không thật, đều là hư giả, hư vọng sinh khởi và hư vọng biến diệt.

"Vốn chẳng phải tính nhân duyên"– Nó chẳng phải sinh khởi từ tính nhân duyên, cũng "chẳng phải tính tự nhiên." Nó cũng chẳng phải sinh khởi từ tính

tự nhiên. Nó đều là biểu hiện cho sự lưu xuất từ tánh chân như nhiệm mầu của Như Lai tạng chớ không có gì khác hơn.”

Kinh văn: **阿難, 汝常晨朝, 以手摩頭。**

Phiên âm: A-nan, nhữ thường thần triêu, dĩ thủ ma đầu.

Việt dịch: A-nan, ông thường mỗi sáng, lấy tay xoa đầu.

Giảng: Mỗi buổi sáng, tăng sĩ Phật giáo thường phải tự lấy tay xoa đầu mình ba lần, để xem thử trên đầu có tóc hay không? Nếu như không có. Sao lại không có? Ồ! Họ là tăng sĩ. Họ là những người đã xuất gia. Phép thực hành nầy được chư tăng ứng dụng do từ hồi Đức Phật còn tại thế, khi có nhiều đệ tử vốn xuất thân từ ngoại đạo nay trở lại quy y với Đức Phật. Từ đó Đức Phật dạy các tăng sĩ phải xoa đầu mình ba lần vào mỗi sáng sớm để nhắc nhở rằng mình là tăng sĩ.

A-nan rất lưu tâm đến lời dạy nầy nên ngài thành tâm đưa lời giáo huấn nầy vào công phu tu tập vào lúc sáng sớm hằng ngày không hề lơi lỏng. “A-nan, ông thường mỗi sáng, lấy tay xoa đầu. Ông thường lấy tay xoa đầu để tự nhắc nhở mình tại sao không còn tóc nữa.” Việc làm ấy cốt là để nhắc nhở mọi người đừng có quên thực tại mình đang sống. Đức Phật nhắc nhở A-nan như vậy là để bắt đầu giảng giải về hai xứ của thân căn và xúc trần – xứ thứ 9 và 10 trong 12 xứ.

Kinh văn: **於意云何。此摩所知, 唯為能觸。能為在手, 為復在頭?**

Phiên âm: Ư ý vân hà? Thử ma sở tri, duy vị năng xúc. Năng vi tại thủ, vi phục tại đầu?

Việt dịch: Ý ông nghĩ sao? Trong sự biết xoa ấy, lấy gì làm biết cảm xúc? Cái biết ấy do nơi tay hay nơi đầu?

Giảng: “Tính biết cảm xúc nầy nằm ở đâu? A-nan, nay Như Lai hỏi ông. Khi ông xoa đầu, có cảm giác biết xúc chạm sinh khởi. Ý ông nghĩ sao? Trong sự biết xoa ấy, lấy gì làm biết cảm xúc? Bàn tay của ông biết sự xoa ấy và đầu ông cũng biết như vậy. Bên nào là nơi có thể tạo nên cảm xúc? Bên nào là nơi được xúc chạm? Cái biết ấy do nơi tay hay nơi đầu? Cái khả năng tạo nên tính biết cảm xúc là nằm ở nơi tay hay nơi đầu?”

Kinh văn: **若在於手, 頭則無知, 云何成觸? 若在於頭, 手則無用,云何名觸。**

Phiên âm: Nhược tại ư thủ, đầu tắc vô tri, vân hà thành xúc? Nhược ư tại đầu, thủ tắc vô dụng, vân hà danh xúc?

Việt dịch: Nếu nó ở nơi tay, ắt là đầu không biết, thì làm sao thành cảm xúc ấy? Còn nếu nó ở nơi đầu, ắt là tay vô dụng, làm sao gọi là cảm xúc được?

Giảng: "Nếu nó ở nơi tay, ắt là đầu không biết. Nếu ông nói rằng cái cảm xúc ấy ở chỗ bàn tay, thì lẽ ra cái đầu phải không biết khi ông dùng tay xoa đầu. Thì làm sao thành cảm xúc ấy?" Nếu cái đầu không biết, thì đó không thành là sự cảm xúc. "Còn nếu nó ở nơi đầu, ắt là tay vô dụng. Còn nếu ông nói rằng năng lực của sự xúc chạm nằm ở nơi đầu ông, thì cái tay trở thành vô dụng, bàn tay sẽ không biết một cảm giác nào cả. Làm sao gọi là cảm xúc được? A-nan, ông hãy giải thích điều ấy xem."

Mỗi khi chư tăng xoa đầu ba lần, họ phải đọc một bài kệ rất có ý nghĩa, tôi nhớ bài kệ đó như sau:

Thủ khẩu nhiếp ý thân vô phạm
Mạc não nhất thiết chư hữu tình
Vô ích chi khổ đương viễn ly
Như thị hành giả đắc độ thế.

守 口 攝 意 身 無 犯
莫 惱 一 切 諸 眾 生
無 益 之苦 當 遠 離
如 是 行 者 得 度 世

Nghĩa là: Thận trọng lời nói, giữ gìn tâm ý, hành vi chớ thô tháo. Đừng gây xúc não cho hết thảy mọi loài chúng sinh. Hãy xa lìa các pháp tu khổ hạnh vô ích. Người tu hành đúng như vậy sẽ cứu độ được cả thế gian.

"Thận trọng lời nói" có nghĩa là đừng mặc tình nói những gì mà mình thích nói. "Giữ gìn tâm ý" có nghĩa là giữ cho tâm ý mình đừng lang thang, giữ cho tâm không sinh vọng tưởng. Đừng truy cầu sự thuận lợi. "Hành vi chớ thô tháo." Giữ cho thân không phạm những nghiệp xấu.

Khi mình thận trọng từng lời nói, thì mình sẽ tránh được những nghiệp xấu như: không nói những lời thô ác, không nói dối, không nói lời thị phi, không nói lời thêu dệt. Với tâm ý được thường xuyên hộ trì, ta tránh được lòng tham lam, sân hận, si mê. Thân không làm những việc ác, nghĩa là không phạm phải việc

giết hại, trộm cắp, tà hạnh dâm dục. Ngay cả suy nghĩ đến những việc ấy cũng không có.

“Đừng gây xúc não cho hết thảy mọi loài chúng sinh.” Có nghĩa là đối với hết thảy mọi người cũng như mọi loài chúng sinh nào tiếp xúc với mình, đừng khiến cho họ sinh khởi phiền não. Đừng gây não loạn cho mọi loài chúng sinh. Ngay cả những người đồng tu với mình, cũng đừng gây phiền nhiễu cho họ. Đôi khi mình vô tình gây ra những lỗi lầm khiến cho sinh hoạt của họ phải bị xáo trộn; trong trường hợp như vậy, quý vị nên tìm cơ hội thuận tiện để giải thích và đừng để tình trạng đó tiếp diễn nữa.

“Hãy xa lìa các pháp tu khổ hạnh vô ích.” Có những lối tu khổ hạnh không mang đến sự lợi lạc. Chẳng hạn, cách tu của một số người Ấn Độ thuở xưa, họ bắt chước thói quen của loài chó, loài bò; ngủ trên giường đinh, lăn mình trong tro bụi bẩn. Ý nghĩa của lối tu ấy là gì? Tu như vậy thì thêm được gì? Thân càng bẩn thỉu, tâm càng nhiễm ô. Khi ngoài thân ô uế và quý vị cứ luôn luôn nghĩ về sự dơ bẩn, thì tâm cũng bị nhiễm ô theo luôn. Đây được gọi là ”lối tu khổ hạnh vô ích.” Đừng vướng mắc vào pháp tu ấy. Quý vị nên làm những điều đem lại lợi lạc cho nhiều người. Đừng làm những điều không có lợi cho mọi người. Hãy tránh xa lối tu khổ hạnh vô ích ấy.

“Người tu hành đúng như vậy sẽ cứu độ được cả thế gian.”

‘Tu hành đúng như vậy’ có nghĩa là không gây phiền não cho tất cả chúng sinh, không theo lối tu khổ hạnh vô ích, không theo pháp tu của hàng ngoại đạo. Thế nào là nghĩa pháp tu của hàng ngoại đạo?

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thực hành theo Trung đạo. Theo pháp tu của Ngài, các đệ tử được dạy là chỉ ăn rau quả, không được ăn thịt. Hoặc là nếu ăn thịt, thì phải ăn ba loại thịt thanh tịnh.

Như vậy, Đức Phật dạy đệ tử mình ăn rau quả, và quý vị có biết Đề-bà-đạt-đa đã làm những gì với tà tri tà kiến của mình không? Ông ta nghĩ: “Hừ! Đức Phật dạy đệ tử ăn rau quả. Phải không? Ta sẽ dạy đệ tử mình không ăn muối.” Họ kiêng luôn cả muối. Lối kiêng cử nầy cũng được đạo Lão áp dụng, và được họ xem đó là người giữ trai giới thanh tịnh đệ nhất. Nhưng thực tế, lối ăn uống đó không thích hợp với Trung đạo. Nhưng đó là cách Đề-bà-đạt-đa đề xướng. Đức Phật dạy đệ tử không ăn thêm gì nữa sau buổi trưa. Vào buổi sáng sớm họ ăn cháo và buổi trưa là bữa ăn chính. Họ ăn hai lần trong ngày mặc dù Đức Phật chỉ dùng có một bữa vào buổi trưa.

Ngài không ăn vào buổi sáng cũng như buổi tối. Đề-bà-đạt-đa dạy đệ tử làm những gì? Ông ta bắt đệ tử ăn kiêng trong vòng 100 ngày. “Các ông chỉ ăn một

bữa trong ngày. Tôi chỉ ăn một bữa trong cả trăm ngày. Thấy tôi tu hành cao hơn mấy ông chưa? Các ông kiêng thịt, chỉ ăn rau củ; còn chúng tôi thì kiêng cả muối. Tôi lúc nào cũng tu hành cao hơn mấy ông." Đề-bà-đạt-đa luôn luôn muốn tranh đua hơn thua với Đức Phật. Ông ta muốn chống lại giáo pháp của Đức Phật, ông luôn luôn nói rằng Đức Phật không bằng ông.

Nên Đề-bà-đạt-đa xúi giục vua A-xà-thế giết cha và mẹ mình để chiếm ngôi vua, và Đề-bà-đạt-đa tuyên bố rằng mình sẽ là một vị Phật mới, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã quá già, đã lụ khụ rồi–Đề-bà-đạt-đa muốn lật đổ Đức Phật để thống lĩnh tăng đoàn. Nhưng cuối cùng, ông ta gây xáo trộn mọi việc một cách tệ hại đến mức ông phải đoạ vào địa ngục ngay khi đang còn sống. Ông ta phải mang theo cái thân thịt với mình xuống địa ngục.

Ông ta có mưu đồ những việc khác hẳn với Đức Phật, khác hẳn với đường lối của Đức Phật. Đây là cách mà ngoại đạo tiến hành. Quý vị cũng có thể nói rằng Đề-bà-đạt-đa muốn tranh giành để trở thành độc tôn. Ông ta muốn mình là đệ nhất–ông ta hết muốn điều nầy lại muốn điều kia– và cuối cùng quả báo là đoạ vào địa ngục! Thế nên tu tập theo lối khổ hạnh thật là vô ích.

Người xưa đã nói về chuyện ăn thịt như sau:
Thiên bách niên lai oản lý canh
Oán thâm tợ hải, hận nan bình
Dục tri thế thượng đao binh kiếp
Thí thính đồ môn dạ bán thanh.

千 百 年 來 碗 裡 羹
怨 深 似 海 恨 難 平
欲 知 世 上 刀 兵 劫
試 聽 屠 門 半夜 聲.

Nghĩa là: Trong bát canh quen nấu bằng thịt ngàn đời nay, có sự thù oán sâu như biển và mối hận thật khó kiềm chế được. Nếu (bạn) muốn biết nguyên nhân của nạn đao binh chiến trận trên thế gian nầy, thì hãy lắng nghe tiếng kêu than ở nhà người đồ tể vào lúc nửa khuya.

"Trong bát canh quen nấu bằng thịt ngàn đời nay," là nói đến bát canh thịt, nồi súp thịt mà người ta quen nấu ăn cả hằng ngàn năm nay. Trong nồi thịt ấy, "Có sự thù oán sâu như biển và mối hận thật khó kiềm chế được." Trong nồi thịt bò hầm ấy, chứa đựng cả mối hận sâu như biển. Mối hận sâu dày như thế thật khó hoá giải được. "Nếu (bạn) muốn biết nguyên nhân của nạn đao binh chiến trận trên thế gian nầy." Thời cổ đại, trong chiến trường chỉ có vũ khí được chế tạo

thủ công. Không như ngày nay, khi hoả tiễn, bom, súng, được chế tạo để có thể bắn từ xa.

Thời trước đó, binh lính giao tranh với vũ khí cầm tay đối mặt nhau. Ngày nay người ta cho đó là phương thức chiến tranh không hợp thời nữa. Nếu quý vị muốn biết nguyên nhân nạn chiến tranh đang diễn ra trên cõi này, thì hãy "Lắng nghe tiếng kêu la ở nhà người đồ tể vào lúc nửa khuya." Đến nhà người làm nghề giết thịt vào lúc nửa khuya–đến nơi mà heo, bò, cừu bị giết thịt và lắng nghe những tiếng kêu rống của chúng.

Quý vị sẽ thấu rõ điều gì qua tiếng kêu vào lúc nửa khuya đó? Ngày nay, các nhà giết thịt thường nằm ở xa vùng dân cư, nên khó nghe được những âm thanh từ lò mổ. Nhưng chúng ta có thể hình dung ra được cảnh tượng bi thiết. Người ta đã giết hại quá nhiều sinh vật! Và những sinh vật nầy lại tái sinh làm người, họ lại muốn trả thù. Đó là lý do tại sao mối hận thù càng ngày càng sâu, càng ngày càng tăng trưởng. Chẳng có cách nào để hoá giải điều ấy,

Đã lên đến mức mà vòng vay trả không cần phải đợi đến lúc người giết hại súc vật chết rồi hoá thành súc vật để cuộc báo thù được thể hiện, mà đơn giản là người ta sát hại ngay đồng loại mình để trả thù. Anh giết tôi và tôi giết anh. Anh giết tôi lúc xưa, bây giờ tôi sẽ giết lại anh. Thảm hoạ của binh đao chiến trận có nền tảng là từ nghiệp sát, ngoài ra chẳng có gì khác. Đó là lý do tại sao đạo Phật dạy chúng ta tránh việc sát hại. Thay cho việc giết hại, chúng ta nên phóng sinh và giữ giới.

Nếu con người tránh được nghiệp sát, thì thế giới sẽ giảm được nhiều lực bạo động–có nghĩa là càng ít đi ảnh hưởng của nghiệp ác. Nếu có 10 người không sát hại, thì sẽ có 10 điều lành xuất hiện trên thế gian. Những điều lành nầy không có những tác dụng tiêu cực mà hoàn toàn chứa đựng những yếu tố tích cực. Đối với một cá nhân cũng thế mà đối với toàn thể thế giới cũng vậy. Nếu quý vị thảm sát mọi loài chúng sinh, thì chúng sinh ấy sẽ không có chút nào cảm tình thân thiện đối với quý vị. Nếu quý vị thương yêu mọi loài chúng sinh, thì chúng sinh sẽ thân thiện với quý vị. Thế nên nhất định có một mối tương quan mật thiết giữa cõi người với cõi giới của loài vật.

Thời gian không cho phép tôi giảng giải chi tiết hơn về nghiệp sát, phóng sinh và giữ giới. Tôi có thể giảng giải đề tài nầy một cách thoải mái trong suốt ba tháng. Thực vậy, dù có nói trong ba năm cũng không cạn đề tài. Nhưng nay tôi xin dừng lại để tiếp tục đi vào kinh văn.

Kinh văn: **若各各有, 則汝阿難, 應有二身。**

Phiên âm: **Nhược các các hữu, tắc nhữ A-nan, ưng hữu nhị thân.**

Việt dịch: Nếu cả đầu và tay, mỗi cái đều có biết; thì A-nan, một mình ông có đến hai thân.

Giảng: "Nếu cả đầu và tay, mỗi cái đều có biết– nếu ông cho rằng cả tay và đầu ông đều có khả năng biết được sự xúc chạm, thì sẽ có cảm xúc ở cả hai nơi, thì A-nan, một mình ông có đến hai thân. Nên ông phải có đến hai thân, vì ông có đến hai cái biết cảm giác xúc chạm."

Kinh văn: **若頭與手,一觸所生, 則手與頭當為一體。若一體者觸則無成。**

Phiên âm: **Nhược đầu dữ thủ, nhất xúc sở sinh, tắc thủ dữ đầu đương vi nhất thể. Nhược nhất thể giả, xúc tắc vô thành.**

Việt dịch: Nếu đầu và tay đều do một cảm xúc sinh ra, thì tay và đầu lẽ ra chỉ có một tự thể. Nếu chỉ có một tự thể, thì không thành cảm xúc được.

Giảng: "Nếu đầu và tay đều do một cảm xúc sinh ra,–Giả sử trước đó có hai nguồn xúc chạm, một từ đầu và một từ tay; nay giả định rằng chỉ có một nguồn xúc chạm– chỉ một nơi có cảm xúc–không phải hai. "Thì tay và đầu lẽ ra chỉ có một tự thể. Sẽ chỉ có một. Nếu thực như vậy, thì lẽ ra không có cảm giác xúc chạm. Nếu chỉ có một tự thể, thì không thành cảm xúc được." Nếu chỉ có một cảm giác xúc chạm ở bàn tay hoặc nơi đầu, thì làm sao biết có cảm xúc được? Quý vị có hiểu được khi nguyên lý nầy được giảng giải chăng? – Thật vi diệu khi đạt được chỗ cứu cánh.

Kinh văn: **若二體者, 觸誰為在? 在能非所, 在所非能。不應虛空 與汝成觸?**

Phiên âm: **Nhược nhị thể giả, xúc thuỳ vi tại? Tại năng phi sở, tại sở phi năng. Bất ưng hư không dữ nhữ thành xúc?**

Việt dịch: Còn nếu là hai thể, thì cảm xúc do ở đâu? Nếu ở bên năng thì không có bên sở, nếu ở bên sở thì không có bên năng. Không lẽ giữa hư không và ông mà tạo thành cảm xúc?

Giảng: "Còn nếu là hai thể, thì cảm xúc do ở đâu?" Đức Phật đã chỉ ra rằng chỉ một thể duy nhất thì không được gọi là cảm xúc. "Thế thì, nếu giả định như ông cho rằng cái đầu và tay ông là hai thể, sẽ tạo nên hai cảm xúc, thế thì cảm xúc ấy sẽ ở tại bên nào? Thực tế là cảm giác xúc chạm sẽ nằm ở vào một bên. Vậy nó nằm ở phía nào? Rõ ràng là một bên là năng xúc (tạo nên sự xúc chạm),

và bên kia là sở xúc (vật được xúc chạm). Nếu ở bên năng thì không có bên sở, nếu ở bên sở thì không có bên năng. Ông không thể nói rằng cả hai đều là năng xúc.

Chẳng hạn như khi tôi sờ vào cái bàn nầy. Vốn cái bàn không có tri giác, nhưng bàn tay tôi là vật thể có khả năng xúc giác; trong khi cái bàn là vật được xúc chạm đến (đối tượng được xúc chạm). Trong trường hợp bàn tay và cái đầu, cái nào là năng xúc, cái nào là sở xúc (đối tượng được xúc chạm)? Vật có khả năng xúc giác không thể đồng thời là vật (đối tượng được xúc chạm) đến. Thế thì, ông nói cái nào xúc chạm cái nào. Tay xúc chạm đầu hay đầu xúc chạm tay? Nói nhanh! Không lẽ giữa hư không và ông mà tạo thành cảm xúc? Vì vốn hư không chẳng có gì cả."

Kinh văn: **是故當知,覺觸與身, 俱無處所。即身與觸二俱虛妄。本非因緣非自然性.**

Phiên âm: Thị cố đương tri, giác xúc dữ thân, câu vô xứ sở. Tức thân dữ xúc, nhị câu hư vọng, bổn phi nhân duyên, phi tự nhiên tánh.

Việt dịch: Vậy nên biết rằng cảm xúc và thân đều không xứ sở. Tức là thân biết cảm xúc và cái cảm xúc, cả hai đều là hư vọng, không thật, vốn không phải tánh nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

Giảng: "Vậy nên biết rằng – do từ vô số đạo lý mà Như Lai vừa giảng giải, ông nên biết rằng cảm xúc và thân–chẳng phải sự hiện hữu của phản ứng khi xúc chạm cũng chẳng phải thân– đều không xứ sở. Cái cảm xúc đó không có một gốc gác rõ ràng. Ông không thể nói rằng nó giống như thế nào. Tức là thân biết cảm xúc và cái cảm xúc– nơi chốn của thân và nơi chốn của cảm xúc – cả hai đều là hư vọng." Nó đều không thật. Đừng trở nên dính mắc vào đối tượng của sự xúc chạm. Đừng trở nên chấp trước rồi nghĩ:

"Như thế nầy như thế kia là điều tuyệt diệu nhất," rồi sinh khởi tham luyến. Nó hoàn toàn hư giả, không thật, thế nên ông khởi tâm đắm chấp chúng làm gì?

"Vốn không phải tính nhân duyên." Tính biết cảm xúc không phải phát sinh từ tính nhân duyên, "không phải tính tự nhiên."

" Cũng chẳng phải tự nhiên chúng phát sinh từ trong hư không. Nó lưu xuất từ tánh chân như nhiệm mầu của Như Lai tạng. Nhưng, chúng cũng hư vọng và không thực như nhau. Đừng đắm chấp với nó. Quý vị phải phản bổn hoàn nguyên, quay về lại với tánh chân như nhiệm mầu từ Như Lai tạng của chính

mình. Hãy buông bỏ những tướng hư vọng nầy vả quay về nhận ra chân tánh bản hữu của mình. Đó chính là của báu trong nhà, là bổn địa phong quang.

Kinh văn: **阿難, 汝常意中, 所緣善惡無記三性, 生成法則。**

Phiên âm: A-nan, nhữ thường ý trung, sở duyên thiện ác vô ký tam tánh, sinh thành pháp tắc.

Việt dịch: A-nan, trong tâm ý ông thường duyên với ba tánh: thiện, ác, vô ký; khiến sinh ra các pháp tắc.

Giảng: Bây giờ tôi sẽ giảng giải đạo lý làm sao mà tâm ý tạo thành các duyên cho các pháp trần. "A-nan, trong tâm ý ông thường duyên với ba tánh." Có những duyên thường xuyên ở trong tâm ý ông. Ở đây chính là tâm phan duyên. Điều quan trọng nhất những người tu đạo phải tránh đó là tâm phan duyên. Khi tâm ý bắt đầu phan duyên, thì liền có chướng ngại. Thức thứ 6, thức thứ 7, mất đi sự an tĩnh và toàn bộ cảm nhận đều bám vào tâm phan duyên.

Do đó không dễ dàng công phu tu đạo chút nào. Nên bất luận bao nhiêu công đức lành thành tựu được đều chỉ là giả dối nếu như quý vị đạt được điều ấy với tâm phan duyên. Cũng chỉ là giả dối nếu quý vị cứu độ chúng sinh–bất luận nhiều bao nhiêu đi nữa–với tâm phan duyên.

"A-nan, trong tâm ý ông thường duyên với ba tánh: thiện, ác, vô ký." Thiện là chỉ cho toàn bộ các pháp lành. Ác là chỉ cho toàn thể các pháp bất thiện. Vô ký là chỉ cho toàn bộ các pháp không ác không thiện. Ba pháp nầy khiến sinh ra các pháp tắc." Điều nầy chỉ cho những phản ứng thông thường đối với pháp trần, chớ không phải đối với Phật pháp. "Pháp tắc" là những quy phạm nhất định phát sinh từ pháp trần.

Kinh văn: **此法為復, 即心所生, 為當離心, 別有方所?**

Phiên âm: Thử pháp vi phục tức tâm sở sinh, vi đương ly tâm, biệt hữu phương sở?

Việt dịch: Các pháp trần nầy tức do tâm sinh ra, hay là rời tâm có chỗ riêng biệt?

Giảng: “Có phải ông cho rằng các pháp do tâm sở duyên là phát sinh ra ngay từ trong tâm (ý căn)? Các pháp trần nầy tức do tâm sinh ra, hay là rời tâm có chỗ riêng biệt?” “Tâm” ở đây có nghĩa là thức thứ 6.

“Phải chăng nó có một nơi chốn riêng biệt ngoài thức thứ sáu chăng? A-nan, trình bày cái hiểu của ông ở điểm nầy xem. Nói mau!”

Bây giờ A-nan không ước lượng được chiều cao và không dò được chiều sâu. A-nan không dám đoán thử xem cảnh giới của Đức Phật như thế nào. A-nan-không dám trả lời câu hỏi của Đức Phật, nên Đức Phật gọi ông lần nữa để biết chắc ông vẫn còn đang chú tâm theo dõi. Nếu A-nan đang ngủ gà ngủ gật thì dù cho Đức Phật có nói cũng vô ích. Thế nên Ngài gọi A-nan để lay động A-nan ra khỏi cơn mê ngủ mơ màng.

Kinh văn: **阿難,若即心者。法則非塵,非心所緣,云何成處?**

Phiên âm: A-nan, nhược tức tâm giả, pháp tắc phi trần, phi tâm sở duyên, vân hà thành xứ?

Việt dịch: A-nan, nếu tức nơi tâm, thì pháp trần không phải là trần cảnh nữa, thế nên nó không phải là sở duyên của tâm, làm sao thành một xứ được?

Giảng: “A-nan, nếu tức nơi tâm–nếu ông đơn giản cho rằng các pháp phát sinh từ tâm, rằng nó phát sinh từ thức thứ 6–thì pháp trần không phải là trần cảnh nữa. Các pháp trần mà do tâm sở duyên sinh khởi không còn là trần cảnh (đối tượng của ý thức) nữa.”

“Thế nên nó không phải là sở duyên của tâm– những gì mà tâm ông phan duyên chính là trần cảnh. Tuy nhiên, theo lý lẽ của ông thì các pháp nầy không phải là trần cảnh; trong trường hợp đó, tâm ông không thể nào phan duyên với nó được. Thế nên, nó làm sao thành một xứ được? Vì chẳng có một duyên (điều kiện) nào cho nó tồn tại trong tâm cả, thì làm sao nó có được một gốc gác, nơi chốn được? Thế nên các pháp từ tâm sở duyên là không có gốc gác.”

Kinh văn: **若離於心, 別有方所。則法自性, 為知非知?**

Phiên âm: Nhược ly ư tâm, biệt hữu phương sở, tắc pháp tự tánh, vi tri phi tri?

Việt dịch: Nếu rời tâm mà riêng có một chỗ riêng biệt, thì tự tính của pháp trần là biết hay không biết?

Giảng: "Nếu rời tâm mà riêng có một chỗ riêng biệt. Nó sẽ có một nơi chốn riêng. Nhưng nếu nó có một nơi khác, thì tự tính của pháp trần là biết hay không biết? Bản tính của pháp như vậy có tự biết nó chính là pháp hay không? Nói nhanh!"

Kinh văn: **知則名心, 異汝非塵, 同他心量. 即汝即心, 云何汝心,更二於汝。**

Phiên âm: Tri tắc danh tâm, dị nhữ phi trần, đồng tha tâm lượng, Tức nhữ tức tâm, vân hà nhữ tâm, cánh nhị ư nhữ?

Việt dịch: Nếu có biết thì gọi là tâm, nhưng nếu nó khác với ông và không phải là trần cảnh thì cũng như tâm của người khác. Còn nếu nó tức là ông và cũng là tâm, thì làm sao cái tâm nơi ông lại thành hai được?

Giảng: "Nếu có biết thì gọi là tâm. Giả sử ông cho rằng các pháp ấy biết được– các pháp ấy có tri giác; mà những gì có biết thì được gọi là tâm. Nhưng nếu nó khác với ông và không phải là trần cảnh. 'Khác với ông' có nghĩa là nó tách biệt hẳn với ông. Nó sẽ ở bên ngoài ông. Nhưng theo lý lẽ của ông, thì nó không phải là trần cảnh, vì nó có tri giác, thì cũng như tâm của người khác.

Còn nếu nó tức là ông và cũng là tâm– Có lẽ ông khăng khăng cho rằng những cái gì tách hẳn bên ngoài ông mà có tri giác thì thực sự là tâm ông. Thì làm sao cái tâm nơi ông lại thành hai được? Nếu ông giải thích bằng cách cho rằng nó là tâm người khác nhưng thực ra là của ông, thì tại sao nó không thành một với ông? Nếu nó có biết, tức nó là tâm; nhưng tại sao giữa ông và tâm ông lại là hai?"

Kinh văn: **若非知者, 此塵既非色聲香味, 離合, 冷煖。及虛空相, 當於何在?**

Phiên âm: Nhược phi tri giả, thử trần ký phi sắc thanh hương vị, ly hợp, lãnh noãn, cập hư không tướng, đương ư hà tại?

Việt dịch: Lại nếu như không có biết, ly, hợp, lạnh, nóng và tướng hư không, thì nó sẽ ở chỗ nào?

Giảng: "Lại nếu như không có biết. Nếu ông tán đồng đạo lý Như Lai vừa giảng giải, ông sẽ nói rằng tự tánh của pháp trần là không biết. Thì "pháp trần đó đã không phải sắc, thanh, hương, vị." Thì chúng khác với phạm vi năm trần đã nói

ở trên– sắc, thanh, hương, vị, xúc. Điều Đức Phật đang giảng giải ở đây là pháp– pháp trần mà không có sắc, chẳng có thanh, cũng chẳng có hương, cũng chẳng có vị. “Ly, hợp, lạnh, nóng.” Nó cũng chẳng có tính biết cảm xúc để nhận ra sự tách rời, sự hợp lại, cảm giác nóng, cảm giác lạnh.

“Và tướng hư không” Nó cũng chẳng có tướng của hư không. “Thì nó sẽ ở chỗ nào? Thế thì, ông bảo các pháp ấy có gốc gác ở đâu?” Đó là những gì Đức Phật hỏi A-nan. Nhưng bây giờ A-nan không dám trả lời.

Kinh văn: **今於色空, 都無表示。不應人間, 更有空外。心非所緣, 處從誰立?**

Phiên âm: Kim ư sắc không, đô vô biểu thị. Bất ưng nhân gian, cánh hữu không ngoại. Tâm phi sở duyên, xứ tùng thuỳ lập?

Việt dịch: Nay nơi sắc không, chẳng thể nào chỉ nó ra được. Không lẽ trong nhân gian lại có cái ngoài hư không? Chẳng có cảnh sở duyên, thì ý căn do đâu mà lập thành một xứ được?

Giảng: Chúng ta đã xác định rằng các pháp ấy chẳng thể nào chỉ ra được là nó ở nơi sắc hoặc nơi không. “Nay nơi sắc không, chẳng thể nào chỉ nó ra được.” Ở cả hai trần cảnh không và sắc, đều không có sự biểu hiện của chúng. “Không lẽ trong nhân gian lại có cái ngoài hư không?” Không lẽ nào các pháp ấy tồn tại ở một nơi nào đó ngoài hư không? “Chẳng có cảnh sở duyên,” vì tâm không phải là các pháp tạo ra các duyên, thế “thì ý căn do đâu mà lập thành một xứ được?” Các pháp do đâu mà thành lập được? Ai lập nên các pháp ấy?

Kinh văn: **是故當知, 法則與心, 俱無處所。則意與法, 二俱虛妄, 本非因緣, 非自然性.**

Phiên âm: Thị cố đương tri, pháp tắc dữ tâm, câu vô xứ sở. Tắc ý dữ pháp nhị câu hư vọng, bổn phi nhân duyên phi tự nhiên tánh.

Việt dịch: Vì vậy nên biết pháp trần cùng ý căn đều không có xứ sở; tức ý căn cùng với pháp trần, hai xứ đều là hư vọng, không thật; vốn không phải tính nhân duyên, cũng chẳng phải tính tự nhiên.

Giảng: “Vì vậy A-nan, vì đạo lý nầy – nên biết pháp trần cùng ý căn đều không có xứ sở. Cả hai cái nầy đều không tìm thấy được nơi chốn. Tức ý căn cùng với pháp trần, hai xứ đều là hư vọng, không thật.” Theo đạo lý về các pháp do tâm sở duyên, cả hai đều là hư giả, luống dối. “Vốn không phải tính nhân duyên, cũng chẳng phải tính tự nhiên.” Cả hai đều chỉ là danh tướng hư vọng, như hoa

đốm giữa hư không, hoàn toàn không có thực thể, chỉ là sự biểu hiện từ tánh chân như nhiệm mầu của Như Lai tạng.

KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH NHƯ LAI MẬT NHƠN
TU CHỨNG LIỄU NGHĨA
CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH
THỦ LĂNG NGHIÊM

QUYỂN 3 – PHẦN 2

— o0o —

TUYÊN HÓA THƯỢNG NHÂN
giảng thuật

— o0o —

THẬP BÁT GIỚI

Kinh văn: **復次阿難, 云何十八界, 本如來藏妙真如性?**

Phiên âm: Phục thứ A-nan, vân hà thập bát giới bổn Như Lai tạng diệu chân như tánh?

Việt dịch: Lại nữa, A-nan, thế nào mà 18 giới vốn là tánh chân như nhiệm mầu của Như Lai tạng?

Giảng: Đức Phật Thích Ca Mâu Ni bảo A-nan, "Thế nào mà 18 giới vốn là tánh chân như nhiệm mầu của Như Lai tạng?"

Mười tám giới là những gì? Là sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý–cùng với sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; cộng thêm sáu thức nữa: nhãn thức, nhĩ thức, tị thức, thiệt thức, thân thức và ý thức. Cả ba nhóm gộp lại thành 18. Sáu căn đi với sáu trần, giữa hai cái nầy phát sinh ra sáu thức. Thức được định nghĩa như là tạo nên sự phân biệt, Căn (các giác quan) được xem là nơi các chức năng tri giác ấy phát xuất, nó có gốc là thân thể của chúng ta. Trần (cảnh, đối tượng) được định nghĩa như vậy là do phẩm tính của nó là nhiễm ô.

Nó không thanh tịnh, nên nó làm nhiễm ô bản tính của sáu căn. Khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần thì các thức sinh khởi. Mắt thấy sắc liền sinh khởi phân biệt như đẹp hoặc là xấu xí. Khởi tâm thích hoặc không thích hình sắc ấy, nên có sự phân biệt. Ở tai cũng như vậy: nghe tiếng êm dịu hoặc không êm dịu, hoặc thích nghe hoặc không thích nghe âm thanh ấy. Khi sinh khởi tâm phân biệt như vậy được gọi là nhĩ thức. Mũi ngửi được mùi thơm và mùi thối.

Hai hương trần thơm và thối cũng được phân biệt như trên vậy. Quý vị có thể thích hương thơm và không thích những mùi hương khác, như vậy là trong quý vị đã sinh khởi tị thức. Lưỡi phân biệt được mùi vị. Khi lưỡi (thiệt căn) đi chung với mùi vị (vị trần) liền có sự phân biệt về mùi vị, hoặc là dễ chịu hoặc là ghê tởm–mình có thể thích hoặc không thích, Thân căn đi chung với xúc trần–trơn láng hoặc xù xì, thô ráp hoặc mịn màng, có nhiều dạng cảm giác khác nhau, hoặc ưa thích hoặc không ưa thích. Thân căn đi chung với xúc trần sẽ làm phát sinh thân thức để phân biệt những cảm giác nầy.

Ý căn đi chung với pháp trần. Năm trần vừa mới đề cập ở trên– sắc, thanh, hương, vị, xúc– tất cả đều có sắc tướng biểu hiện. Chỉ có pháp trần là không được biểu hiện qua sắc tướng. Chúng không có một biểu tượng nào. Tuy nhiên, khi ý căn tiếp xúc với pháp trần, tâm ý liền khởi phân biệt, thế nên trong tâm cũng có ý thức phân biệt. Đó là cách mà sáu căn tiếp xúc với sáu trần khiến sinh khởi sáu thức và cùng lập nên 18 giới.

Tất cả chúng đều chứa trọn trong tánh chân như nhiệm mầu của Như Lai tạng.

Kinh văn: **阿難, 如汝所明, 眼色為緣, 生於眼識。**

Phiên âm: A-nan như nhữ sở minh, nhãn sắc vi duyên, sinh ư nhãn thức.

Việt dịch: A-nan, như ông đã rõ, nhãn căn và sắc trần làm duyên, phát sinh nhãn thức.

Giảng: “A-nan, như ông đã rõ–Như đạo lý mà ông đã được hiểu rõ–nhãn căn và sắc trần làm duyên, phát sinh nhãn thức. Nhãn căn tiếp xúc với sắc trần là duyên.”

Kinh văn: **此識為復, 因眼所生,,以眼為界? 因色所生, 以色為界?**

Phiên âm: Thử thức vi phục, nhân nhãn sở sinh, dĩ nhãn vi giới; Nhân sắc sở sinh, dĩ sắc vi giới?

Việt dịch: Thức đó nhân nơi nhãn căn mà sinh ra, lấy nhãn căn làm giới; hay nhân sắc trần mà sinh ra, lấy sắc trần làm giới?

Giảng: "Khi thức nầy phát sinh do sáu căn tiếp xúc với sáu trần, thức đó nhân nơi nhãn căn mà sinh ra, lấy nhãn căn làm giới?" Có phải do nơi mắt mà thức ấy được phát sinh, rồi nhận mắt làm giới của nó? "Hay nhân sắc trần mà sinh ra, lấy sắc trần làm giới?" Có phải do nơi sắc trần mà thức ấy được phát sinh, rồi nhận sắc trần làm giới?

Kinh văn: **阿難, 若因眼生, 既無色空, 無可分別。縱有汝識, 欲將何用?**

Phiên âm: A-nan, nhược nhân nhãn sinh, ký vô sắc không, vô khả phân biệt. Túng hữu nhữ thức, dục tương hà dụng?

Việt dịch: A-nan, nếu nhân nhãn căn phát sinh mà không có sắc trần và hư không thì không thể phân biệt được. Dù có thức của ông, thì dùng được vào việc gì?

Giảng: "A-nan, nếu nhân nhãn căn phát sinh – A-nan, nếu như nhân nơi nhãn căn mà nhãn thức được phát sinh, thì lẽ ra nó chẳng liên quan gì đến sắc trần và hư không. Như vậy, nhân duyên của sắc trần và hư không sẽ xem như không tồn tại đối với nhãn thức. Mà không có sắc trần và hư không thì không thể phân biệt được. Nếu không có sắc trần và hư không, thì cũng sẽ không có cái gì được phân biệt. Đó là do ông chấp vào sắc trần khiến cho sự phân biệt phát sinh.

Hoặc là, nếu ông chấp vào hư không, cũng liền có sự phân biệt phát sinh. Nhưng, điều ông giả định ở đây là không có sắc trần và hư không. Thế thì sự phân biệt lấy gì để được sinh ra? Chẳng có thứ gì để tạo ra sự phân biệt cả. Dù có thức của ông, thì dùng được vào việc gì? Giả sử rằng quý vị có tâm thức; quý vị sẽ dùng nó vào việc gì? Nó sẽ thành vô dụng."

Kinh văn: **汝見又非青黃赤白, 無所表示. 從何立界?**

Phiên âm: Nhữ kiến hựu phi thanh hoàng xích bạch, vô sở biểu thị. Tùng hà lập giới?

Việt dịch: Lại nữa cái thấy của ông, ngoài những sắc xanh vàng đỏ trắng thì không thể biểu hiện được. Vậy do đâu mà lập giới?

Giảng: "Cái thấy của ông– có nghĩa là khả năng nhìn của ông. Mắt ông nhìn thấy được sắc tướng và phát khởi nên thức phân biệt. Cái thấy của ông, khả năng nhìn của ông cũng chẳng phải là màu xanh vàng đỏ trắng. Nó chẳng phải là những màu nầy, nên nó không thể biểu hiện được. Vậy do đâu mà lập giới? Do đâu mà ông lập nên giới?"

Kinh văn: **若因色生, 空無色時,汝識應滅。云何識知是虛空性?**

Phiên âm: Nhược nhân sắc sinh, không vô sắc thời, nhữ thức ứng diệt. Vân hà thức tri thị hư không tánh?

Việt dịch: Nếu nhân sắc trần sinh ra, khi có hư không thì chẳng có sắc, lẽ ra cái thức của ông phải diệt. Làm sao thức ấy biết được tánh hư không?

Giảng: "Nếu nhân sắc trần sinh ra. Nếu ông muốn nói rằng, 'A! nhãn thức sinh ra do sắc trần.' Khi có hư không thì chẳng có sắc, lẽ ra cái thức của ông phải diệt. Khi chẳng có sắc trong hư không thì chẳng có gì để ông phân biệt, lẽ ra thức ông phải bị diệt rồi. Nếu nhãn thức xuất sinh từ sắc, thì khi chẳng có sắc để thấy, nhãn thức của ông phải bị biến mất. Làm sao thức ấy biết được tánh hư không?

Thế thì, làm sao mà ông biết được đó là hư không? Vì ông biết được đó là tánh hư không, nên thức của ông rõ ràng là không biến mất. Ông vẫn còn có thức. Do vậy, cái thấy của ông không phát sinh từ sắc trần. Thế nên, thức của ông từ đâu mà có?"

Kinh văn: **若色變時, 汝亦識其色相遷變。汝識不遷,界從何立?**

Phiên âm: Nhược sắc biến thời, nhữ diệc thức kỳ sắc tướng thiên biến. Nhữ thức bất thiên, giới tùng hà lập?

Việt dịch: Nếu khi sắc tướng biến đổi, ông cũng biết rằng sắc tướng ấy biến đổi. Nhưng cái thức của ông thì không biến đổi, thế do đâu mà giới được lập?

Giảng: " Ông cho rằng do sắc mà nhãn thức phát sinh. Nếu khi sắc tướng biến đổi, ông cũng biết rằng sắc tướng ấy biến đổi. Ông cũng biết điều ấy. Nhưng cái thức của ông thì không biến đổi. Nhưng nhãn thức của ông thì không biến đổi. Nếu nó phát sinh từ sắc, thì thức của ông sẽ biến đổi khi sắc thay đổi. Nhưng nó không như vậy. Thế nên giới của thức được lập ở chỗ nào? Nếu thức phát sinh từ sắc, thì giới phải được lập từ sắc. Nhưng khi sắc biến đổi thì

thức đã không chạy theo sắc và biến đổi theo nó. Rốt ráo, đâu là giới của tâm thức ông?”

Kinh văn: **從變則變, 界相自無。不變則恒。 既從色生, 應不識知, 虛空所在。**

Phiên âm: Tùng biến tắc biến, giới tướng tự vô. Bất biến tắc hằng. Ký tùng sắc sinh, ưng bất thức tri, hư không sở tại.

Việt dịch: Nếu nhãn thức biến đổi khi sắc trần biến đổi, thì tự nhiên sắc trần không thành giới được. Nếu nhãn thức không biến đổi thì sẽ thường hằng, thức đã từ sắc sinh ra, lẽ ra nó phải không biết được hư không ở đâu.

Giảng: “Nếu nhãn thức biến đổi khi sắc trần biến đổi.” Cách lập luận ở đoạn trên là khi nhãn thức không biến đổi. ” Nếu ông cho rằng nhãn thức biến đổi khi nó gặp sự biến đổi nơi sắc trần, thì tự nhiên sắc trần không thành giới được.” Thì sẽ không có giới. Nó sẽ thường xuyên biến đổi. “Nếu nhãn thức không biến đổi thì sẽ thường hằng.” Nếu nó không theo sự biến đổi, thì nó sẽ thường hằng.

“Thức đã từ sắc sinh ra”–vì đã nói rằng nhãn thức phát sinh từ sắc trần–”Lẽ ra nó phải không biết được hư không ở đâu?” Nếu nhãn thức phát sinh từ một cái gì đó có hình tướng, thì nó sẽ không biết được đâu là hư không, vì giới của nó sẽ nằm trong phạm vi của sắc. Thuộc về sắc tướng thì có bản tính vật chất, nên nếu đó là dạng của thức thì chắc sẽ không biết được hư không.

Kinh văn: **若兼二種, 眼色共生。合則中離,離則兩合。體性雜亂, 云何成界?**

Phiên âm: Nhược kiêm nhị chủng, nhãn sắc cộng sinh, hợp tắc trung ly, ly tắc lưỡng hợp. Thể tánh tạp loạn, vân hà thành giới?

Việt dịch: Giả sử nhãn thức cùng phát sinh từ cả hai thứ nhãn căn và sắc trần, thì khi hợp lại, phải có một điểm nối ở giữa; khi rời ra thì phải còn một điểm tiếp giáp của hai bên. Như thế là thể tính tạp loạn, làm sao thành giới?

Giảng: “Giả sử nhãn thức cùng phát sinh từ cả hai thứ nhãn căn và sắc trần. Giả sử như nhãn căn, kết hợp với sắc trần, hai cái cùng nhau sinh ra nhãn thức. Thì khi hợp lại, phải có một điểm nối ở giữa. Nếu cả hai cùng kết hợp để sinh ra nhãn thức, thì khi cả hai hợp lại, chắc hẳn phải có một lằn ranh giới giữa hai cái, vì chúng không phải là một thực thể độc nhất. Giả định rằng nhãn

căn phát sinh ra nhãn thức rồi đồng thời sắc trần cũng sinh ra nhãn thức; sắc trần thì vô tri, trong khi nhãn căn lại có tính hay biết; những gì từ sắc trần sinh ra thì sẽ không hay biết gì; những gì từ nhãn căn sinh ra thì sẽ có được tính hay biết.

Khi một cái gì đó có tính hay biết hợp với một cái gì đó không có tính hay biết, do tính không tương đồng, chắc chắn sẽ phải có một lằn ranh giữa hai cái. Chắc chắn phải có một điểm nối ở giữa chúng. "Khi rời ra thì phải còn một điểm tiếp giáp của hai bên." Nếu khi chúng rời ra, một bên là nhãn căn, một bên là sắc trần. Một nửa có tính hay biết, một nửa không có tính hay biết. Đó là một hợp thể của hai thứ. "Như thế là thể tính tạp loạn, làm sao thành giới?" Nếu giải thích theo cách nầy, thì thể tính lộn xộn, chẳng có cơ cấu nào cả. Do vậy, nếu thể tính của chúng không được phân biện rõ ràng, làm sao mà giới của nhãn thức tồn tại được? Giới không thể nào thành lập được.

Kinh văn: **是故當知, 眼色為緣, 生眼識界。三處都無。則眼與色, 及色界三。本非因緣, 非自然性.**

Phiên âm: Thị cố đương tri, nhãn sắc vi duyên, sinh nhãn thức giới. Tam xứ đô vô. Tắc nhãn dữ sắc, cập sắc giới tam, bổn phi nhân duyên, phi tự nhiên tánh.

Việt dịch: Do vậy, ông nên biết nhãn căn và sắc trần làm duyên, sinh ra giới của nhãn thức. Cả ba chỗ nầy đều không thực có. "Nên cả ba giới của nhãn căn, sắc trần và nhãn thức đều vốn không phải tính nhân duyên, cũng chẳng phải tính tự nhiên."

Giảng: "Do vậy, ông nên biết– Vậy nên, A-nan– nhãn căn và sắc trần làm duyên– sự kết hợp giữa nhãn căn và sắc trần–làm thành duyên khiến sinh ra giới của nhãn thức. Cả ba chỗ nầy đều không thực có. Nếu ông tham cứu kỹ đạo lý nầy, ông sẽ thấy rằng không có cái nào có một gốc gác nhất định. Cả ba giới – của nhãn căn, sắc trần và nhãn thức–đều vốn không phải tính nhân duyên." Ngay từ căn để, nó vốn không phát xuất từ tính nhân duyên. "Cũng chẳng phải tính tự nhiên." Nó chỉ là biểu hiện của tánh chân như nhiệm mầu từ Như Lai tạng.

Kinh văn: **阿難, 又汝所明, 耳聲為緣, 生於耳識。**

Phiên âm: A-nan hựu nhữ sở minh, nhĩ thanh vi duyên, sinh ư nhĩ thức.

Việt dịch: A-nan, như ông đã rõ, nhĩ căn và thanh trần làm duyên, sinh ra nhĩ thức.

Giảng: "A-nan, như ông thường biết được rằng, như ông đã rõ, nhĩ căn và thanh trần làm duyên, sinh ra nhĩ thức." Nhĩ căn nghe được thanh trần, kết hợp với nhau thành nhân duyên. Qua đó nhĩ thức phát sinh. Từ nhĩ căn sinh ra một bản tánh tạo nên sự phân biệt, đó chính là nhĩ thức.

Kinh văn: **此識為復, 因耳所生, 以耳為界。因聲所生, 以聲為界?**

Phiên âm: Thử thức vi phục, nhân nhĩ sở sinh, dĩ nhĩ vi giới? Nhân thanh sở sinh, dĩ thanh vi giới?

Việt dịch: Thức nầy do nhĩ căn sinh ra, lấy nhĩ căn làm giới; hay do thanh trần sinh ra, lấy thanh trần làm giới?

Giảng: "Thức nầy do nhĩ căn sinh ra, lấy nhĩ căn làm giới? Ý ông nghĩ sao? Phải chăng thức nầy được gọi là nhĩ thức vì nó phát sinh ra do nhờ ở nhĩ căn? Hay do thanh trần sinh ra, lấy thanh trần làm giới? Hay là nó được sinh ra do vì âm thanh (thanh trần), rồi nhận thanh trần làm giới? Ông hãy nói xem giới của nó là gì?"

Đức Phật thử xem A-nan có hiểu được ý nghĩa trên không? Nhưng Đức Phật càng giảng giải, A-nan càng cảm thấy rối mù. Thế nên, một lần nữa A-nan không dám trả lời. Đức Phật tiếp tục giảng giải:

Kinh văn: **阿難, 若因耳生, 動靜二相, 既不現前, 根不成知。必無所知, 知尚無成, 識何形貌?**

Phiên âm: A-nan, nhược nhân nhĩ sinh, động tĩnh nhị tướng, ký bất hiện tiền, căn bất thành tri. Tất vô sở tri, tri thượng vô thành, thức hà hình mạo?

Việt dịch: A-nan, nếu nhĩ thức do nhĩ căn sinh ra, mà không có hai tướng động tĩnh hiện tiền, thì nhĩ căn cũng không có cái biết. Mà đã không biết gì, cái biết còn không thành, thì thức có hình tướng gì?

Giảng: "A-nan, nếu nhĩ thức do nhĩ căn sinh ra. Giả sử ông nói rằng nhĩ thức được sinh ra do nhĩ căn, thế thì hai tướng động tĩnh phải hiện hữu, có khi tướng động, có khi tướng tĩnh. "Mà không có hai tướng động tĩnh hiện tiền, thì nhĩ căn

cũng không có cái biết.” Khi hai tướng động tĩnh chẳng có cái nào hiện hữu, thì nhĩ căn tự nó chẳng nghe được gì cả. Chính nó chẳng có được tính biết.

“Mà đã không biết gì.” Nhĩ căn hoàn toàn không biết gì sự hiện hữu của thanh trần. Nếu chẳng có sự hiện hữu của hai tướng động tĩnh, thì sẽ không có thanh trần, đã không có thanh trần, hiển nhiên là không có gì làm đối tượng của nhận biết cả. “Cái biết còn không thành.”– Vì không có khả năng nhận biết được, “Thì thức có hình tướng gì? Thức của ông từ đâu mà có? Nó giống như thế nào? Thức nầy cũng không hiện hữu.”

Kinh văn: **若取耳聞。無動靜故, 聞無所成。云何耳形雜色觸塵名為識界。則耳識界復從誰立。**

Phiên âm: Nhược thủ nhĩ văn, vô động tĩnh cố, văn vô sở thành. Vân hà nhĩ hình, tạp sắc xúc trần, danh vi thức giới? Tắc nhĩ thức giới, phục tùng thuỳ lập?

Việt dịch: Nếu cho rằng tai nghe, vậy khi không động tĩnh, cái nghe cũng không thành. Làm sao mà lỗ tai, chỉ là hình sắc, tiếp xúc với trần cảnh để được gọi là thức giới. Vậy giới nhĩ thức do đâu mà lập?

Giảng: “Nếu cho rằng tai nghe. Giả sử ông cho rằng nhĩ thức không phát sinh do nhĩ căn, mà đúng ra là do lỗ tai có được tánh nghe, và do đó, nhĩ thức phát sinh từ trong tánh nghe. Vậy khi không động tĩnh, cái nghe cũng không thành. Nếu khi không có động tĩnh, thì ông không nghe được gì cả. Do ông không nghe được, nên cái nghe không thành. Làm sao mà lỗ tai, chỉ là hình sắc, tiếp xúc với trần cảnh để được gọi là thức giới?

Ông có thể xem lỗ tai như là một trong các sắc trần, thế làm sao khi nó hợp với trần cảnh, cũng là sắc tướng, mà lại phát sinh ra giới? Điều nầy không thể được. Vậy giới nhĩ thức do đâu mà lập? Thế thì ở đâu, rốt ráo, phát sinh ra giới của nhĩ thức? Có phải nó được lập do hợp với nhĩ căn hay hợp với thanh trần? Chắc chắn phải do hợp với một cái. Nhưng cái nào?”

Kinh văn: **若生於聲, 識因聲有, 則不關聞。無聞則亡, 聲相所在。**

Phiên âm: Nhược sinh ư thanh, thức nhân thanh hữu, tắc bất quan văn. Vô văn tắc vong, thanh tướng sở tại.

Việt dịch: Nếu nhân thanh trần mà sinh, thì nhĩ thức cũng nhân thanh trần mà có, ắt không dính líu gì đến cái nghe. Không nghe thì cũng không biết các tướng thanh trần ở đâu.

Giảng: "Giả sử ông cho rằng giới của nhĩ thức nhân thanh trần mà sinh, thì nhĩ thức cũng nhân thanh trần mà có. Nếu thanh trần phát sinh ra giới của nhĩ thức, thì nhĩ thức cũng do nơi thanh trần mà có

Ắt không dính líu gì đến cái nghe. Không nghe thì cũng không biết các tướng thanh trần ở đâu." Nếu không có cái nghe, thì chẳng có thanh trần, không có thanh trần thì nhĩ thức cũng không có. Khi tánh nghe không có thì tướng âm thanh cũng không. Không có cái nghe, làm sao có nhĩ thức, làm sao có được tánh nghe?

Kinh văn: **識從聲生。許聲因聞,而有聲相。聞應聞識.**

Phiên âm: Thức tùng thanh sinh, hứa thanh nhân văn, nhi hữu thanh tướng, văn ưng văn thức.

Việt dịch: Giả sử nhĩ thức do thanh trần sinh ra, dù cho thanh trần nhân cái nghe mà có tướng, thì cái nghe lẽ ra phải nghe được nhĩ thức.

Giảng: "Giả sử nhĩ thức do thanh trần sinh ra. Có lẽ ông muốn cho rằng nhĩ thức sinh khởi từ thanh trần. Dù cho thanh trần nhân cái nghe mà có tướng – chúng ta có thể cho rằng thanh trần có tướng hiện hữu là nhờ tánh nghe; đó là cách mà tướng thanh trần sinh ra.

Nhưng, nếu đúng như vậy, thì cái nghe lẽ ra phải nghe được nhĩ thức. Cái nghe lẽ ra phải nghe được âm thanh của nhĩ thức giống như thế nào. Ông cho rằng nhĩ thức phát sinh từ thanh trần, rằng không có thanh trần thì không có nhĩ thức; thế thì, do ông nghe được thanh trần, nên ông cũng phải nghe được nhĩ thức."

Kinh văn: **不聞非界。 聞則同聲。識已被聞, 誰知聞識? 若無知者, 終如草木。**

Phiên âm: Bất văn phi giới. Văn tắc đồng thanh. Thức dĩ bị văn, thùy tri văn thức? Nhược vô tri giả, chung như thảo mộc.

Việt dịch: Nếu không nghe được nhĩ thức, thì thanh trần không phải là giới của nhĩ thức. Nếu nghe được thì nhĩ thức đồng như thanh trần. Nhĩ

thức đã bị nghe, thì lấy gì để biết là nghe được cái thức? Còn nếu không biết, thì rốt ráo cũng như cây cỏ.

Giảng: “Nếu không nghe được nhĩ thức, thì thanh trần không phải là giới của nhĩ thức. Nếu nhĩ thức phát sinh do từ thanh trần, thế thì sẽ có nhĩ thức khi có thanh trần. Khi không có thanh trần thì không có nhĩ thức. Nên khi ông nghe được thanh trần thì ông sẽ nghe được nhĩ thức; và cũng như vậy, khi không nghe được nhi thức thì sẽ không có nhĩ thức giới.

Nếu nghe được thì nhĩ thức đồng như thanh trần. Những gì nghe được chính là thanh trần. Những gì nghe được không thể gọi là nhĩ thức. Nó là thanh trần. Nhĩ thức đã bị nghe, thì lấy gì để biết là nghe được cái thức?” Nhĩ thức có khả năng tri giác. Nhưng, nếu nhĩ thức đã bị nghe rồi, thì nhĩ thức của ai sẽ nghe được nó? Của người khác chăng? Nhĩ thức của người nào biết được nhĩ thức của người nào? Ai là người biết được: “Ồ! bây giờ tôi đang nghe được nhĩ thức.”

“Còn nếu không biết– nếu ông nói rằng không ai biết được cả, rằng không có một thức nào khác để biết được tình trạng của nhĩ thức, thì rốt ráo cũng như cây cỏ. Nếu cái nghe không biết được, thì nó cũng giống như cây cỏ. Thế nên, giả định nầy không đứng vững.”

Kinh văn: **不應聲聞, 雜成中界。界無中位。則內外相復從何成。**

Phiên âm: Bất ưng thanh văn, tạp thành trung giới. Giới vô trung vị, tắc nội ngoại tướng, phục tùng hà thành?

Việt dịch: Không lẽ thanh trần và cái nghe xen tạp thành giới ở giữa? Không có vị trí của giới ở giữa, thì các tướng trong ngoài làm sao mà lập được?

Giảng: “Không lẽ thanh trần và cái nghe xen tạp thành giới ở giữa? Cũng không thể nói rằng thanh trần và cái nghe được thanh trần xen lẫn với nhau một cách hỗn tạp, không có sự phân định một cách rõ rệt chút nào. Trong trường hợp đó, lằn ranh của giới sẽ không được rõ ràng, vì một vật không rõ ràng không thể nào được xác định là sắc tướng trong một phạm vi (giới) trung gian.

Không có vị trí của giới ở giữa, nếu không có một biểu thị rõ rệt cho vị trí của giới, thì các tướng trong ngoài làm sao mà lập được?” Các tướng trong, ngoài, ở giữa của thức sẽ không vạch ra được – ranh giới giữa nhĩ căn, thanh trần, và

chỗ tiếp xúc giữa hai cái đó không được xác lập ở nơi nào cả. Thế nên, nhĩ thức không có tướng của giới.

Kinh văn: **是故當知, 耳聲為緣, 生耳識界。三處都無。則耳與聲, 及聲界三。本非因緣, 非自然性.**

Phiên âm: Thị cố đương tri, nhĩ thanh vi duyên, sinh nhĩ thức giới. Tam xứ đô vô, tắc nhĩ dữ thanh, cập thanh giới tam, bổn phi nhân duyên, phi tự nhiên tánh.

Việt dịch: Do vậy nên biết, nhĩ căn và thanh trần làm duyên, sinh ra giới nhĩ thức. Cả ba chỗ nầy đều không thực có. Nên cả ba giới của nhĩ căn, thanh trần và nhĩ thức đều vốn không phải tính nhân duyên, cũng chẳng phải tính tự nhiên.

Giảng: “”Do vậy, nên biết– Vậy nên, A-nan– nhĩ căn và thanh trần làm duyên– nhĩ căn và thanh trần tạo thành nhân duyên hỗ tương cho nhau–sinh ra giới nhĩ thức. Cả ba chỗ nầy đều không thực có.” Giới của nhĩ thức, giới của nhĩ căn, giới của thanh trần, tất cả đều không thực sự hiện hữu; nó đều không có một gốc gác nhất định.

“Nên cả ba giới của nhĩ căn, thanh trần và nhĩ thức đều vốn không phải tính nhân duyên, cũng chẳng phải tính tự nhiên.”

Cả ba giới trên, cũng vậy, chẳng gì khác hơn chính là sự biểu hiện tánh chân như nhiệm mầu của Như Lai tạng.

Kinh văn: **阿難, 又汝所明。鼻香為緣, 生於鼻識。**

Phiên âm: A-nan, hựu nhữ sở minh, tị hương vi duyên sinh ư tị thức.

Việt dịch: A-nan, như ông đã rõ, tị căn và hương trần làm duyên, sinh ra tị thức.

Giảng: ” Lại nữa, A-nan, như ông thường biết được rằng, như ông đã rõ, ông đã được nghe giáo lý quyền thừa trước đây. Giáo lý quyền thừa đề cập đến năm uẩn, sáu nhập, mười hai xứ, mười tám giới. Ông đã hiểu được toàn bộ giáo lý nầy. Nhưng, giáo lý về mười tám giới chỉ được diễn bày như là một pháp môn phương tiện cho hàng Nhị thừa và ngoại đạo để dẫn dắt họ. Nay Như Lai sẽ giảng giải giáo lý ấy thật chi tiết. Đừng trở nên chấp trước với những pháp trần nầy.

"Tị căn và hương trần làm duyên, sinh ra tị thức. Tị căn và hương trần hỗ tương tạo thành nhân duyên, nghĩa là tị căn ngửi được hương trần, hương trần tiếp xúc với tị căn. Cả hai cùng tạo nhân duyên để sinh ra tị thức. Khi tị thức đã sinh khởi, ông nói nó từ đâu mà ra theo như trong sự phân tích sau cùng? Rốt ráo, có chăng một thực thể như thế được gọi là tị thức?"

Kinh văn: **此識為復, 因鼻所生, 以鼻為界。因香所生以香為界**

Phiên âm: Thử thức vi phục nhân tị sở sinh, dĩ tị vi giới? Nhân hương sở sinh, dĩ hương vi giới?

Việt dịch: Thức nầy do tị căn sinh ra, lấy tị căn làm giới; hay do hương trần sinh ra, lấy hương trần làm giới?

Giảng: "Thức nầy do tị căn sinh ra. Ý ông nghĩ sao? Ông có cho rằng tị thức phát sinh do tị căn không? Rồi lấy tị căn làm giới? hay do hương trần sinh ra, lấy hương trần làm giới? Cái gì là giới của tị thức?

Kinh văn: **阿難, 若因鼻生。則汝心中以何為鼻。為取肉形, 雙爪之相? 為取嗅知, 動搖之性?**

Phiên âm: A-nan, nhược nhân tị sinh, tắc nhữ tâm trung, dĩ hà vi tị? Vi thủ nhục hình, song trảo chi tướng? Vi thủ khứu tri, động dao chi tánh?

Việt dịch: A-nan, nếu tị thức nhân tị căn sinh ra, Ông lấy cái mũi thịt có hình tướng như hai móng tay, hay lấy cái tính biết ngửi khi mũi lay động làm tị căn?

Giảng: "A-nan, nếu tị thức nhân tị căn sinh ra. Giả sử là tị căn phát sinh ra tị thức, nó nằm trong khoảng giữa khi tị căn tiếp xúc với hương trần. Thì trong tâm ông lấy gì làm tị căn? Trong trường hợp đó, ông nhận cái gì để làm tị căn của ông khi ông nghĩ về tị căn?" Cơ bản cái mũi vốn chỉ là cái mũi, thế nên Đức Phật hỏi A-nan rằng ông ta nhận cái gì làm tị căn của mình. Có lẽ Đức Phật muốn thử A-nan để A-nan nói rằng mình đã nhận mắt làm tị căn hoặc nhận tai làm tị căn của mình.

Nhưng A-nan vẫn không hiểu được đạo lý nầy. "Ông lấy cái mũi thịt có hình tướng như hai móng tay? Có phải ông nhận cái mũi như miếng thịt có hình dáng như hai móng tay? Hay lấy cái tánh ngửi biết lay động làm tị căn?

Hay là ông nhận cái tính biết ngửi, khả năng khứu giác làm tị căn? Khi mũi có sự khụt khịt (lay động), tức là khả năng khứu giác hoạt động. Có phải ông nhận tánh nầy làm tị căn?”

Kinh văn: **若取肉形, 肉質乃身,身知即觸。名身非鼻,名觸即塵。鼻尚無名, 云何立界?**

Phiên âm: Nhược thủ nhục hình, nhục chất nãi thân; thân tri tức xúc. Danh thân phi tị, danh xúc tức trần. Tị thượng vô danh, vân hà lập giới?

Việt dịch: Nếu nhận hình tướng mũi thịt, thì chất thịt là thân căn; thân biết tức là cảm xúc. Đã gọi thân căn thì không phải tị căn, đã gọi là cảm xúc tức là xúc trần đối với thân căn. Vậy tị căn còn không có tên gọi, làm sao lập thành giới?

Giảng: Đức Phật giảng giải thêm cho A-nan, “Nếu nhận hình tướng mũi thịt. Giả sử ông cho rằng tị thức có cái tính chất của thịt–thì chất thịt là thân căn.” Những gì có tính chất thịt đều thuộc về thân thể. Mà “thân biết tức là cảm xúc.” – những gì mà thân nhận biết được gọi là cảm xúc; không gọi là tị thức– “Đã gọi thân căn thì không phải tị căn, đã gọi là cảm xúc tức là xúc trần đối với thân căn.”

Cái gì có tính chất thịt thì thuộc về thân, và điều mà thân nhận biết được thì gọi là xúc trần. “Vậy tị căn còn không có tên gọi, làm sao lập thành giới?” Trong trường hợp nầy, không có cái gì được gọi là nhĩ thức. Ngay cả không có tên nhĩ căn, làm sao ông lập nên một giới cho nó?”

Đức Phật không đưa ra điều không được hợp lý cho lắm. Chúng ta ai cũng đều biết mình có mũi. Nay Đức Phật đã khiến cho mũi của A-nan biến mất. Rốt ráo, mũi của con người chĩa lên hay xuống? Đức Phật không hỏi A-nan như vậy. Nhưng nay tôi hỏi quý vị là những người đang học Kinh Thủ Lăng Nghiêm trong pháp hội nầy, rằng mũi của quý vị chĩa lên hay xuống? Nếu quý vị trả lời được câu hỏi nầy là đã vượt qua được kỳ khảo sát hàng tháng.

Kinh văn: **若取嗅知, 又汝心中, 以何為知? 以肉為知, 則肉之知, 元觸非鼻。**

Phiên âm: Nhược thủ khứu tri, hựu nhữ tâm trung dĩ hà vi tri? Dĩ nhục vi tri, tắc nhục chi tri, nguyên xúc phi tị.

Việt dịch: Nếu lấy cái ngửi biết làm tị căn, thì trong tâm ông lấy cái gì làm cái nhận biết? Nếu lấy mũi thịt làm cái nhận biết, thì cái biết của chất thịt vốn là xúc trần chứ không phải là của tị căn.

Giảng: "Nếu lấy cái ngửi biết làm tị căn. Giả sử ông cho rằng tánh ngửi biết của mũi, một dạng của tính giác tri, là nhĩ thức. Thì trong tâm ông lấy cái gì làm cái nhận biết? Ông lấy gì làm cái nhận biết? Nếu lấy mũi thịt làm cái nhận biết. Có phải ông nói rằng ông ngửi biết được là do cái mũi thịt chăng? Thì cái biết của chất thịt vốn là xúc trần chứ không phải là của tị căn." Những gì mà chất thịt nhận biết được thì được gọi là xúc giác. Thế nên, nó không thể được gọi là tị căn.

Kinh văn: **以空為知, 空則自知, 肉應非覺。如是則應, 虛空是汝。汝身非知, 今日阿難, 應無所在。**

Phiên âm: Dĩ không vi tri, không tắc tự tri, nhục ưng phi giác. Như thị tắc ưng hư không thị nhữ. Nhữ thân phi tri, kim nhật A-nan ưng vô sở tại.

Việt dịch: Nếu lấy hư không làm cái ngửi biết, thì hư không tự biết, còn xác thịt lẽ ra không biết. Như thế, lẽ ra hư không là ông. Thân của ông mà ông không biết, thì A-nan hiện nay lẽ ra cũng không tồn tại.

Giảng: "A-nan, nếu lấy hư không làm cái ngửi biết." Hư không mà Đức Phật đề cập đến là hư không ngay trong lỗ mũi. Đức Phật giả định rằng tị thức sinh ra ngay nơi lỗ mũi (tị căn) và hư không tiếp xúc nhau. "Thì hư không tự biết, còn xác thịt lẽ ra không biết. Nếu ông lấy hư không làm tị thức, có được tánh ngửi biết, thì hư không sẽ tự biết chính nó, trong khi xác thịt sẽ không biết được. Như thế, lẽ ra hư không là ông. Nếu ông nói rằng tị thức sinh ra từ hư không, thì hư không sẽ là thân ông, A-nan.

Tại sao như vậy? Vì tị thức của ông lẽ ra phải ở trong hư không ngay trước mũi của ông. Hư không nầy lẽ ra phải tự biết được. Nếu ông không có cùng cái biết với hư không nầy, thì nó chẳng có gì dính dáng với ông cả. Nhưng nếu ông có cùng cái biết với hư không, nếu ông biết rằng chính nó là thức tạo nên sự phân biệt, thì thân của ông cũng sẽ thành hư không cùng với nó. Thân của ông mà ông không biết, thì A-nan hiện nay lẽ ra cũng không tồn tại. Trong trường hợp đó, A-nan, ngay cả ông cũng không có chỗ để đứng. Chẳng có nơi chốn nào để ông tồn tại, bởi vì, rốt ráo, ông là hư không."

Kinh văn: **以香為知, 知自屬香, 何預於汝?**

Phiên âm: **Dĩ hương vi tri, tri tự thuộc hương, hà dự ư nhữ?**

Việt dịch: Nếu lấy hương làm cái ngửi biết, thì cái ngửi biết thuộc về hương trần, có can dự gì đến ông?

Giảng: “Nếu lấy hương làm cái ngửi biết–nếu ông cho rằng tị thức của ông do từ hương trần sinh ra, thì cái ngửi biết thuộc về hương trần. Nếu như hương trần phát sinh ra cái tánh ngửi biết, thì tị thức sẽ thuộc về hương trần chứ không thuộc về ông. Thế nên, nó có can dự gì đến ông? Chẳng có việc gì quan hệ đến ông cả.”

Kinh văn: **若香臭氣, 必生汝鼻。則彼香臭二種流氣。不生伊蘭及栴檀木。二物不來, 汝自嗅鼻為香為臭。臭則非香,香應非臭。**

Phiên âm: **Nhược hương xú khí, tất sinh nhữ tị, tắc bỉ hương xú, nhị chủng lưu khí, bất sinh y lan cập chiên đàn mộc. Nhị vật bất lai, nhữ tự khứu tị, vi hương vi xú. Xú tắc phi hương, hương ưng phi xú.**

Việt dịch: Nếu các mùi thơm thối sinh ra do tị căn của ông, thì hai mùi thơm thối kia không sinh ra do cây y lan và cây chiên đàn. Mùi hương từ hai cây đó không đi đến mũi ông, ông tự ngửi mũi ông để biết là thơm hay thối. Nếu thối thì không phải thơm, thơm thì không phải thối.

Giảng: Trong tiếng Hán, chữ xú臭 (hsiu–ch’ou) có nghĩa là hôi thối. Ở đây cơ bản có thể đọc là ch’ou, nhưng khi nghe như vậy, người ta liền có ấn tượng xấu, nên ta sẽ đọc là hsiu. “Nếu các mùi thơm thối sinh ra do tị căn của ông–nếu ông cho rằng các mùi dễ chịu và khó chịu đều sinh từ mũi của ông– thì hai mùi thơm thối kia–có nghĩa là, mùi hương thơm và mùi hôi khó chịu– không sinh ra do cây y lan và cây chiên đàn.” Trong trường hợp nầy, mùi thối sẽ không phải do từ cây y lan, là một loại cây cực kỳ hôi thối.

Mùi thối của nó như thế nào? Cây y lan phát ra mùi thối như mùi xác chết từ 3 đến 5 tuần lễ đang bị thối rữa dưới ánh mặt trời, và mùi hôi thối đó lan đi rất xa. Hoa y lan màu đỏ, rất đẹp nhưng cũng rất độc, nếu ăn phải nó, có thể chết ngay tức khắc. Cây chiên-đàn đã được đề cập trước đây rồi. Còn được gọi là ngưu đầu chiên-đàn, nó phát sinh từ Bắc-câu-lô châu. Ngay khi gỗ chiên-đàn hương được đốt lên, thì mùi hương thơm của nó bay xa đến 30 dặm.

Có khi cây y lan mọc gần cây chiên-đàn, nếu điều nầy xảy ra thì cây y lan không có mùi thối nữa. Đây là một ví dụ cực thối thành thơm, cực thơm thành thối. Đối với con người cũng đúng như vậy. Nơi chỉ có người xấu ác thì thường có một mùi hôi thối–ai cũng ngửi thấy khó chịu. Nhưng, có khi chỉ cần một

người tốt trong đó, họ lan toả đức hạnh của mình tạo nên sự chuyển hoá người xấu thành tốt. Sự hiện diện của họ ví như hương chiên-đàn.

Nên nói: khi sự việc đạt đến cực điểm của nó ắt sẽ thay đổi trở lại. Khi bế tắc cùng cực thì sẽ có sự hanh thông. Khi điều gì đạt đến mức tồi tệ nhất, thì nó trở nên tốt đẹp. Và khi việc gì đạt đến mức tốt đẹp nhất, thì nó trở nên tồi tệ. Chẳng hạn, khoa học tiến bộ của thế giới ngày nay đưa đến rất nhiều khám phá mới. Nhưng khi sự phát minh ấy đã đạt đến cực điểm, thì thế giới sẽ bị huỷ hoại. Và, sau đó con người sẽ hoàn toàn ngu si. Thế thì, sau thời gian dài ở trong ngu muội, họ sẽ bắt đầu phát minh ra nhiều thứ trở lại, và khi họ phát minh ra được nhiều thứ, thế giới sẽ bị huỷ hoại trở lại. Phương thức tồn tại của thế giới nầy là như vậy. Nó biến chuyển theo từng chu kỳ.

"Mùi hương từ hai cây đó không đi đến mũi ông,"– nếu cây y lan và chiên-đàn không phát ra mùi hương, "Ông tự ngửi mũi ông để biết là thơm hay thối. Nếu thối thì không phải thơm, thơm thì không phải thối." Nếu thấy mùi hương khó chịu, thì đó là mùi thối.

Nếu thấy mùi hương dễ chịu, thì đó là mùi thơm.

Kinh văn: **若香臭二俱能聞者, 則汝一人, 應有兩鼻。對我問道有二阿難。誰為汝體?**

Phiên âm: Nhược hương xú nhị câu năng văn giả, tắc nhữ nhất nhân ưng hữu lưỡng tị. Đối ngã vấn đạo, hữu nhị A-nan. Thuỳ vi nhữ thể?

Việt dịch: Nếu cả hai mùi thơm thối đều ngửi được cả, thì một mình ông phải có hai tị căn, ở trước tôi hỏi đạo phải có hai ông A-nan. Vị nào là tự thể của ông?

Giảng: "Nếu cả hai mùi thơm thối đều ngửi được cả– Nếu ông cho rằng tự mình có thể ngửi được và đều có thể ngửi được cả mùi thơm lẫn mùi thối, thì một mình ông phải có hai tị căn." Sao vậy? Đức Phật đã từng nói rằng những gì thơm thì không thối, những gì thối thì không thơm đó sao? Nếu ông nói rằng ông có thể ngửi được cả hai mùi, và nếu ông cho rằng cái ngửi ấy sinh từ mũi ông, thì lẽ ra ông phải có hai tị căn. Làm sao mà một tị căn lại ngửi được hai mùi hương? "Ở trước tôi hỏi đạo phải có hai ông A-nan. Rốt cuộc ông có hai tị căn, lẽ ra phải có hai ông A-nan đang hỏi tôi về Phật pháp. Vị nào là tự thể của ông? Cái nào là thân của ông?"

Kinh văn: **若鼻是一, 香臭無二。臭既為香, 香復成臭。二性不有, 界從誰立?**

Phiên âm: Nhược tị thị nhất, hương xú vô nhị. Xú ký vi hương, hương phục thành xú. Nhị tánh bất hữu, giới tùng thuỳ lập?

Việt dịch: Còn nếu tị căn là một, thì thơm thối không hai. Thối đã thành thơm, thơm đã thành thối. Hai tánh đó đã không có, giới do đâu mà lập?

Giảng: "Còn nếu tị căn là một. Có lẽ ông sẽ khăng khăng cho rằng chỉ có một tị căn, không có hai, rằng ông không hề có hai thân, nên chỉ có một tị căn. "Thì thơm thối không hai. Thơm đơn giản chỉ là thối, thối không gì khác hơn là thơm, không có gì phân biệt giữa hai mùi ấy. Thối đã thành thơm, thơm đã thành thối. Hai tánh đó đã không có. Nếu hai mùi thơm thối đã trộn lẫn với nhau rồi, thì tánh của nó cũng không còn nữa. Mùi thơm không phải là thơm và mùi thối không còn thối nữa. Không có hai tánh nầy, thì tị thức từ đâu mà có? Ông lập thành giới ấy ở đâu?

Kinh văn: **若因香生,識因香有。如眼有見,不能觀眼。因香有故應不知香。**

Phiên âm: Nhược nhân hương sinh, thức nhân hương hữu. Như nhãn hữu kiến, bất năng quán nhãn. Nhân hương hữu cố, ưng bất tri hương.

Việt dịch: Nếu tị thức nhân hương trần mà sinh, thì tị thức đã nhân hương trần mà có. Cũng như con mắt thấy, nhưng không thể nào thấy được chính nó. Tị thức nhân hương trần mà có, lẽ ra không biết được hương trần.

Giảng: "Nếu tị thức nhân hương trần mà sinh– Nếu ông nói rằng tị thức nhân hương trần mà sinh–thì tị thức đã nhân hương trần mà có. Giả sử rằng tị thức có được là do hương trần. Cũng như con mắt thấy, nhưng không thể nào thấy được chính nó. Sức nhìn của con mắt không thể nào quay ánh sáng trở lại chiếu soi để nhìn thấy được chính nó– Cũng vậy, tị thức nhân hương trần mà có, lẽ ra không biết được hương trần. Nếu thực do hương trần mà tị thức hiện hữu, thì lẽ ra ông phải không biết được hương trần trong tị thức của ông. Làm sao mà ông vẫn còn biết nó? Thực tế, tuy vậy, ông biết được hương trần, thế nên không phải do hương trần mà tị thức sinh ra."

Kinh văn: **知則非生。不知非識。香非知有,香界不成。識不知香。因界則非 從香建立。**

Phiên âm: **Tri tắc phi sinh. Bất tri phi thức. Hương phi tri hữu, hương giới bất thành. Thức bất tri hương, nhân giới tắc phi, tùng hương kiến lập.**

Việt dịch: Nếu biết được hương trần, thì không phải do hương trần sinh ra. Nếu không biết được hương trần, thì không phải là tị thức. Hương trần mà không biết có tánh ngửi, thì hương giới không thành. Tị thức mà không biết hương trần, thì giới của nó ắt không phải do hương trần lập nên.

Giảng: "Nếu biết được hương trần, thì không phải do hương trần sinh ra. Nếu có một cái tính biết ngửi, thế tại sao mà cái biết lại sinh ra từ hương trần? Một tị thức mà sinh ra từ cả hai nơi, là từ hương trần và từ tính biết ngửi thì sẽ giống như mắt có thể thấy được chính nó. Nếu ông nói rằng nó là tính biết ngửi, thì nó không phải sinh ra từ hương trần. Mặt khác, nếu ông nói rằng nó không có tính biết ngửi, thì nó không thể nào là tị thức. Có những thứ không có tính biết ngửi mà cũng không phải là tị thức. Nghĩa của thức là tạo ra sự phân biệt, nên nó phải có tính biết."

"Hương trần mà không biết có tánh ngửi–vì hương trần không có tính biết ngửi– thì hương giới không thành. Không thể nào cái hương trần ấy, vốn không có tính biết ngửi, là cái có thể lập thành được giới của tị thức. "Tị thức mà không biết hương trần, thì giới của nó ắt không phải do hương trần lập nên." Lại nữa, đã chứng minh rằng nếu tị thức sinh ra từ hương trần, thì nó không thể nào biết được hương trần. Nếu nó biết được hương trần, thì nó không thể nào có được nhờ hương trần cả.

Kinh văn: **既無中間,不成內外。彼諸聞性畢竟虛妄。**

Phiên âm: **Ký vô trung gian, bất thành nội ngoại, bỉ chư văn tánh, tất cánh hư vọng.**

Việt dịch: Đã không có thức trung gian thì nội căn ngoại trần cũng không thành, và những điều ngửi biết kia, tất cả đều là hư vọng.

Giảng: "Đã không có thức trung gian thì nội căn ngoại trần cũng không thành, và những điều ngửi biết kia, tất cả đều là hư vọng. Nó không có xứ sở. Ông bảo nó từ đâu mà sinh khởi?" Vì nó không phải phát sinh từ hương trần, chẳng phải từ tị căn, cũng chẳng phải từ hư không, rốt ráo đều là luống dối, không thật.

Kinh văn: **是故當知,鼻香為緣,生鼻識界,三處都無。則鼻與香,及香界三。本非因緣, 非自然性.**

Phiên âm: Thị cố đương tri, tị hương vi duyên, sinh tị thức giới, tam xứ đô vô. Tắc tị dữ hương, cập hương giới tam, bổn phi nhân duyên phi tự nhiên tánh.

Việt dịch: Vậy nên biết rằng tị căn, hương trần làm duyên, sinh ra giới tị thức. Cả ba chỗ đều không. Cả ba giới của tị căn, hương trần, và tị thức đều vốn không phải tính nhân duyên, cũng không phải tính tự nhiên.

Giảng: "Vậy nên biết rằng – do những điều đã giảng giải, A-nan, ông nên biết rằng–tị căn, hương trần làm duyên, tị căn và hương trần tạo thành nhân duyên hỗ tương cho nhau–sinh ra giới tị thức. Cả ba chỗ đều không. Không có giới của tị căn, không có giới của hương trần, cũng chẳng có giới của tị thức, cả ba giới nầy đều không hiện hữu. Như vậy cả ba giới của tị căn, hương trần, và tị thức–thức phân biệt khiến cho ông biết được hương trần – đều vốn không phải tính nhân duyên, cũng không phải tính tự nhiên." Tất cả cũng đều là biểu hiện của tánh chân như nhiệm mầu từ Như Lai tạng. Chúng đều không có một gốc gác nhất định.

Quý vị đừng dính mắc vào pháp phương tiện mà tôi đã giải thích trước đây; mười tám giới, mười hai xứ đều là hư vọng, luống dối, không thực có. Nhưng, để dẫn dắt hàng Nhị thừa nên cần phải giảng nói mọi điều từ trong pháp môn phương tiện nầy. Cơ bản là nó không thực có.

Bây giờ, để giải thích nguyên lý nầy, tôi sẽ giảng giải pháp môn Thật tướng, tức Đệ nhất nghĩa đế, tức Thủ Lăng Nghiêm đại định . Và như thế, quý vị không thể đem toàn bộ giáo lý tôi đã giảng giải trước đây mà so sánh với pháp môn Đệ nhất nghĩa đế mà tôi sắp giảng giải. Như thế, không có một giới nào trong tất cả những gì được giảng giải trước đây được giữ lại cả; nó hoàn toàn hư vọng. Nó không hề có trong Phật pháp.

Khi nào có một ngày không có pháp hội giảng kinh thì đừng xem đó là một ngày nghỉ. Nếu quý vị cho là vậy thì tâm ý quý vị sẽ bị phân tán. Khi có được ngày nghỉ, quý vị nên giữ cho thân tâm được thúc liễm, đừng để bị tán loạn. Quý vị nên đặt toàn tâm toàn ý để tham cứu chứ đừng làm qua loa.

Lại nữa, còn có vấn đề thọ giới. Trong Pháp hội giảng giải và tu tập Kinh Thủ Lăng Nghiêm, còn có nhiều người phát nguyện thọ Năm giới, Tám giới của người cư sĩ tại gia, và thọ giới Bồ-tát. Những người thọ Năm giới, Tám giới của người cư sĩ tại gia được gọi là Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di, tức là Nam cư sĩ và Nữ cư sĩ đã thọ giới. Những ai đã thọ giới Bồ-tát rồi được gọi là một vị Bồ-tát. Vốn

người xuất gia mới được thọ Bồ-tát giới, nhưng do ý nghĩa của Bồ-tát là những ai làm lợi cho mình và lợi cho người, nên cư sĩ tại gia cũng được thọ Bồ-tát giới.

Thọ giới là điều cực kỳ quan trọng trong đạo Phật. Tất cả quý vị muốn thọ giới đừng nên bỏ lỡ dịp may. Quý vị có thể thọ một giới, hai giới, ba giới, bốn giới, năm giới, tám giới, mười giới trọng và 48 giới khinh. Cư sĩ không được thọ 10 giới vì đó là giới của Sa-di. Thọ nhận và giữ một giới điều được gọi là thọ bán tiểu giới. Nhận hai giới được gọi là thọ bán giới. Nhận ba giới được gọi là thọ quá bán giới. Nhận năm giới được gọi là thọ toàn giới.

Giới thứ nhất là không sát sinh; nhưng, nếu quý vị chưa thể dừng hẳn việc giết hại được, thì quý vị có thể thọ nhận giới thứ hai, là không được trộm cắp. Nếu quý vị vẫn còn thích uống rượu, như tôi có một vị đệ tử uống rượu; và nếu quý vị chưa muốn thọ giới thứ năm, là không được dùng rượu và những chất gây nghiện, thì quý vị có thể thọ nhận giới thứ nhất là không sát hại, giới thứ hai là không trộm cắp và giới thứ ba là không tà dâm. Giới thứ tư là không nói dối.

Nếu quý vị thấy rằng, “Tôi còn thích nói đối, tôi chưa thể thọ giới không được nói dối,” thì quý vị có thể nhận 4 giới: không sát hại, không trộm cắp, không tà dâm và không uống rượu. Có khi quý vị nói rằng mình không thể ngừng sự giết hại được – đôi khi vô ý giết phải kiến, muỗi– nếu đã thọ giới rồi mà phạm phải thì về sau mang tội rất nặng. Thì quý vị có thể quyết định chưa thọ nhận riêng giới sát. Điều ấy tuỳ thuộc vào quý vị, nhưng đừng bỏ lỡ cơ hội thọ giới.

Tôi không ngại khi nói cho quý vị biết rằng ở Trung Hoa, nếu muốn thọ giới, quý vị phải trả 200 đô-la. Sao vậy? Vì ở đó có người xem việc ấy như là một dịch vụ buôn bán. Quý vị phải trả tiền. Tiền mà tôi nói đó không phải là để may giới y mà quý vị thấy các Phật tử đã thọ giới sử dụng. Hai trăm đô-la là chi phí phải trả cho pháp sư và chùa. Tuy vậy, tôi chẳng để ý đến chuyện đó.

Quý vị có tiền hay không chẳng thành vấn đề. Thực vậy, với mọi người tham dự Pháp hội giảng Kinh Thủ Lăng Nghiêm nầy, tôi đều tặng mỗi người một đôi giày la-hán. Nhưng đôi giày la-hán nầy không phải là để khuyến khích quý vị tu tập thành A-la-hán–chỉ lợi mình mà không lợi cho người–Nó có ý nghĩa nhắc nhở quý vị nhớ rằng pháp tu thành A-la-hán là con đường của hàng Tiểu thừa, và nhắc quý vị nên đi theo con đường Đại thừa. Quý vị nên mang đôi giày của A-la-hán và tu tập theo Bồ-tát hạnh.

Kinh văn: **阿難, 又汝所明, 舌味為緣, 生於舌識。**

Phiên âm: A-nan, hựu nhữ sở minh, thiệt vị vi duyên, sinh ư thiệt thức.

Việt dịch: A-nan, như ông đã rõ, thiệt căn và vị trần làm duyên, sinh ra thiệt thức.

Kinh văn: **此識為復因舌所生,以舌為界。因味所生,以味為界?**

Phiên âm: Thử thức vi phục, nhân thiệt sở sinh, dĩ thiệt vi giới; nhân vị sở sinh, dĩ vị vi giới?

Việt dịch: Thức nầy lại nhân thiệt căn sinh ra, lấy thiệt căn làm giới; hay nhân vị trần sinh ra, lấy vị trần làm giới?

Giảng: Đức Phật gọi A-nan, "Lại nữa, A-nan, như ông đã rõ–trong quá khứ, khi Như Lai giảng giải giáo pháp Tiểu thừa cho ông, đó là giáo lý quyền thừa để giáo hoá mọi hàng căn cơ chúng sinh. Như Lai đã nói về giới của thiệt căn và vị trần trong 18 giới. Thiệt căn và vị trần làm duyên, sinh ra thiệt thức." Hai thứ trên cùng nhau tạo thành duyên. Nhờ có lưỡi (thiệt căn), nên nhận biết được mùi vị (vị trần). Khi có mùi vị, thì lưỡi mới nhận biết được chúng. Hai cái kết hợp với nhau để sinh ra thiệt thức. Thiệt căn và vị trần vẫn đi thành cặp với nhau, và ở giữa chúng phát sinh ra cái thức tạo nên sự phân biệt; đó gọi là thiệt thức.

Nhưng, rốt ráo, đâu là giới của thiệt thức? "Thức nầy lại nhân thiệt căn sinh ra, lấy thiệt căn làm giới?" Có phải thức nầy được sinh ra từ thiệt căn, và có phải thiệt thức ấy lại dùng thiệt căn làm giới? "Hay nhân vị trần sinh ra, lấy vị trần làm giới? Có khi nó được sinh ra do vị trần và nhận vị trần làm giới chăng? Hãy nói xem, A-nan!"

Kinh văn: **阿難, 若因舌生, 則諸世間甘蔗, 烏梅,黃連,石鹽, 細辛薑桂,都無有味。汝自嘗舌為甜為苦。**

Phiên âm: A-nan, nhược nhân thiệt sinh, tắc chư thế gian cam giá, ô mai, hoàng liên, thạch diêm, tế tân, khương, quế, đô vô hữu vị. Nhữ tự thường thiệt, vi điềm vi khổ?

Việt dịch: A-nan, nếu nhân thiệt căn sinh ra, thì trong thế gian, các loại mía (ngọt), mơ (chua), hoàng liên (đắng), muối (mặn), tế tân, gừng quế (cay), đều không có vị. Ông hãy tự nếm lưỡi mình xem là ngọt hay đắng?

Giảng: "A-nan, nếu nhân thiệt căn sinh ra." Nếu thiệt thức được sinh ra từ thiệt căn, "thì trong thế gian, các loại mía (ngọt), mơ (chua)"– mơ là trái rất chua mà đã đề cập trong quyển trước, Đức Phật nói rằng chỉ cần nghĩ đến nó là nước miếng tiết ra. Hoàng liên là một loại dược phẩm rất đắng. Thạch diêm là muối mà chúng ta thường dùng. Tế tân cũng là một loại dược phẩm rất đắng.

Khương, quế là gừng và quế, một loại dược phẩm rất cay. "Tất cả mọi thứ ấy trong thế gian đều không có vị." Nếu thiệt thức được sinh ra từ thiệt căn, thì vị của những loại thuốc nầy sẽ không hiện hữu.

"Ông hãy tự nếm lưỡi mình xem là ngọt hay đắng?" Lại nữa, ông nói rằng thiệt thức được sinh ra từ thiệt căn. Thế thì hãy thử xem. Ông hãy nếm lưỡi của ông xem thử nó có vị gì?" Đức Phật hỏi A-nan.

Kinh văn: **若舌性苦,誰來嘗舌? 舌不自嘗,孰為知覺。舌性非苦,味自不生,云何立界。**

Phiên âm: Nhược thiệt tánh khổ, thuỳ lai thường thiệt? Thiệt bất tự thường, thục vi tri giác? Thiệt tánh phi khổ, vị tự bất sinh, vân hà lập giới?

Việt dịch: Nếu thấy lưỡi đắng, thì lấy gì để nếm được lưỡi? Lưỡi đã không tự nếm được, lấy gì để mà hay biết? Còn nếu lưỡi không đắng, thì vị trần vốn không tự sinh, làm sao mà lập thành giới?

Giảng: "Nếu thấy lưỡi đắng. A-nan, nếu nếm lưỡi mình thấy có vị đắng, thì lấy gì để nếm được lưỡi? Lưỡi đã không tự nếm được, lấy gì để mà hay biết?" Ai sẽ là người nhận biết được về thiệt thức?

"Còn nếu lưỡi không đắng, thì vị trần vốn không tự sinh." Nếu cái lưỡi không có mùi vị gì, thì thiệt căn tự nó không tự sinh ra được mùi vị gì. Như thế "làm sao mà lập thành giới?" Giới của thiệt thức sẽ do đâu mà lập được? Do đâu mà có?

Kinh văn: **若因味生,識自為味。同於舌根,應不自嘗。云何識知, 是味非味?**

Phiên âm: Nhược nhân vị sinh, thức tự vi vị. Đồng ư thiệt căn, ưng bất tự thường. Vân hà thức tri thị vị phi vị?

Việt dịch: Nếu nhân vị trần sinh ra, thì thiệt thức đã là vị rồi, nó cũng giống như thiệt căn, lẽ ra không tự nếm được. Làm sao còn biết là có vị hay không có vị?

Giảng: "Nếu nhân vị trần sinh ra, thì thiệt thức đã là vị rồi. Nếu ông nói rằng vị trần sinh ra thiệt thức, thì thiệt thức cũng trở thành vị trần. Thì nó cũng giống như thiệt căn, lẽ ra không tự nếm được. Nếu ông cho rằng thiệt thức tự nó chính là vị trần, nhưng vị trần không thể tự biết được vị trần, cũng như cái lưỡi không thể tự nếm được lưỡi. Như đắng chẳng hạn, nó không thể tự nếm nó rồi nói, 'Ồ! Tôi rất đắng' được. Vị trần vốn không có tính hay biết. Làm sao còn biết là có vị hay không có vị? "Vì vị trần không có tính hay biết, làm sao trong nó lại có thiệt thức để làm nên sự phân biệt? Làm sao nó biết được là ngọt hay đắng? Vị trần không thể tự nếm được.

Kinh văn: **又一切 味, 非一物生。味既多生,識應多體**

Phiên âm: Hựu nhất thiết vị phi nhất vật sinh. Vị ký đa sinh, thức ưng đa thể.

Việt dịch: Lại tất cả các vị không phải do một vật sinh ra. Các vị đã do nhiều vật sinh ra, thì thiệt thức cũng phải có nhiều tự thể.

Giảng: "Ông nói thiệt thức phát sinh từ vị trần, nhưng không phải chỉ có một vị, mà có rất nhiều vị. Lại tất cả các vị không phải do một vật sinh ra." Chua, ngọt, đắng, nóng, mặn–có rất nhiều vị được sinh ra từ nhiều vật. Chẳng hạn như tiêu sọ thì cay, ô mai thì chua, đường thì ngọt, hoàng liên thì đắng, muối thì dĩ nhiên phải mặn. "Các vị đã do nhiều vật sinh ra, thì thiệt thức cũng phải có nhiều tự thể. Nhưng thể của thiệt thức thì không có nhiều cái đa dạng như vậy."

Đoạn kinh nầy chỉ ra một thực tế thiệt thức là bất biến. Nó 'tuỳ duyên bất biến, bất biến tuỳ duyên.' Vậy nên dù có rất nhiều thứ sinh ra rất nhiều vị, nhưng thiệt thức không theo vô số vị trần để có nhiều tự thể. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng giải điều nầy một cách có chủ ý để khiến cho A-nan phải hiểu rằng thiệt thức vốn phát sinh từ Như Lai tạng. Không phải do một vị trần riêng biệt nào hoặc thiệt căn sinh ra thiệt thức.

Kinh văn: **識體若一, 體必味生。鹹淡甘辛和合俱生。諸變異相同為一味, 應無分別。**

Phiên âm: Thức thể nhược nhất, thể tất vị sinh, hàm đạm cam tân hòa hợp câu sinh, chư biến dị tướng đồng vi nhất vị, ưng vô phân biệt.

Việt dịch: Nếu tự thể của thiệt thức là một và thể đó thật do vị trần sinh ra, thì các vị mặn nhạt chua cay cùng hòa hợp mà sinh ra, các vị khác nhau ấy sẽ biến thành chỉ cùng một vị, lẽ ra phải không có sự phân biệt.

Giảng: "Nếu tự thể của thiệt thức là một và thể đó thật do vị trần sinh ra." Văn trên đã xác định rằng một tự thể ắt không thể nào được sinh ra từ nhiều vị; Tuy nhiên, nếu cho rằng thiệt thức, vốn chỉ là một thể và được sinh ra từ nhiều vị khác nhau, thì ta phải nói rằng nhiều vị khác nhau hòa hợp lại và biến thành chỉ một vị. "Thì các vị mặn nhạt chua cay cùng hòa hợp mà sinh ra, các vị khác nhau ấy sẽ biến thành chỉ cùng một vị." Trong trường hợp đó, lẽ ra phải không có sự phân biệt." Lẽ ra sẽ không có những vị chua, ngọt, đắng, cay, mặn, mà chỉ có một vị duy nhất.

Kinh văn: **分別既無,則不名識。云何復名, 舌味識界。**

Phiên âm: Phân biệt ký vô, tắc bất danh thức. Vân hà phục danh, thiệt vị thức giới?

Việt dịch: Không có phân biệt thì không được gọi là thức. Làm sao còn gọi là thiệt, vị và thức giới?

Giảng: Nhiều vị hòa hợp lại thành một thể, mỗi thứ đề đánh mất đi mùi vị ban đầu. Chẳng hạn như khi quý vị thêm thứ gì ngọt vào trong thứ gì đó có vị cay, thì nó sẽ không còn cay nữa, và vị ngọt sẽ không còn ngọt nữa. Vị của nó đã thay đổi. Nếu quý vị trộn lẫn các vị chua, ngọt, đắng, cay, mặn với nhau, nghĩa là quý vị đã làm thay đổi mùi vị ban đầu. Và trong hỗn hợp đó, không thể nào phân biệt được mùi vị. "Không có phân biệt"– nếu không có mùi vị để có thể phân biệt được–"Thì không được gọi là thức." Thức là vốn tạo nên sự phân biệt, nhưng đây nó không tạo ra sự phân biệt, nên nó không được gọi là thức. "Làm sao còn gọi là thiệt, vị và thức giới ?"

Kinh văn: **不應虛空, 生汝心識。**

Phiên âm: Bất ưng hư không sinh nhữ tâm thức?

Việt dịch: Chẳng lẽ hư không sinh ra tâm thức ông?

Giảng: "Chẳng lẽ hư không sinh ra tâm thức ông? Thiệt thức của ông không thể nào được sinh ra từ hư không. Không thể nào hư không sinh ra tâm thức ông."

Kinh văn: **舌味和合,即於是中, 元無自性。云何界生?**

Phiên âm: Thiệt vị hòa hợp, tức ư thị trung, nguyên vô tự tánh. Vân hà giới sinh?

Việt dịch: Nếu thiệt căn và vị trần hòa hợp thì giữa nó vốn không tự tánh. Làm sao giới được sinh ra?

Giảng: "Nếu thiệt căn và vị trần hòa hợp thì giữa nó vốn không tự tánh." Nếu thiệt căn và vị trần hòa hợp, chẳng thể nào còn lưu giữ được tự tánh. "Làm sao giới được sinh ra? Làm sao ông có thể cho nó cái tên và ghép nó thành giới của thiệt thức? Không thể nào được."

Kinh văn: **是故當知,舌味為緣,生舌識界,三處都無。則舌與味及舌界三。本非因緣,非自然性.**

Phiên âm: Thị cố đương tri, thiệt vị vi duyên, sinh thiệt thức giới, tam xứ đô vô. Tắc thiệt dữ vị, cập thiệt giới tam, bổn phi nhân duyên, phi tự nhiên tánh.

Việt dịch: Vậy nên biết rằng thiệt căn, vị trần làm duyên, sinh ra giới thiệt thức. Cả ba chỗ đều không. Cả ba giới của thiệt căn, vị trần, và thiệt thức đều vốn không phải tính nhân duyên, cũng không phải tính tự nhiên.

Giảng: "Vậy nên biết rằng – do những điều đã giảng giải, A-nan, ông nên biết rằng–thiệt căn, vị trần làm duyên–thiệt căn và vị trần tạo thành nhân duyên hỗ tương cho nhau–sinh ra giới thiệt thức. Cả ba chỗ đều không. Ông cho rằng thiệt thức sinh ra từ thiệt căn, nhưng không phải như vậy. Cũng chẳng phải tự sinh ra từ chính nó.

Như vậy, cả ba xứ nầy đều không có tự thể. Vậy nếu nó được giải thích theo cách nầy thì ông có thể nhận ra rằng. Cả ba giới của thiệt căn, vị trần, và thiệt thức đều vốn không phải tính nhân duyên, cũng không phải tính tự nhiên."

Nó không phải được sinh ra từ nhân duyên, cũng chẳng phải được sinh ra từ tự nhiên. Vì nếu nó được sinh ra từ nhân duyên thì sẽ bị rơi vào phạm trù có (hữu). Còn nếu nó được sinh ra từ tự nhiên thì sẽ bị rơi vào phạm trù không (vô). Có (hữu), không (vô) đều chẳng phải là nghĩa rốt ráo của Trung đạo. Đó là nghĩa nhân duyên được giảng dạy trong giáo lý Quyền thừa, và là chủ thuyết tự nhiên của hàng ngoại đạo. Rốt ráo, giới của thiệt thức từ đâu sinh ra? Cũng vậy, đó là biểu hiện tánh chân như nhiệm mầu của Như Lai tạng.

Kinh văn: **阿難,又汝所明。身觸為緣生於身識。**

Phiên âm: A-nan, hựu nhữ sở minh, thân xúc vi duyên sinh ư thân thức.

Việt dịch: A-nan, như ông đã rõ, thân căn và xúc trần làm duyên, sinh ra thân thức.

Giảng: "A-nan, như ông đã rõ– trong giáo lý Tiểu thừa, giáo lý Quyền thừa mà ông đã được nghe, thân căn và xúc trần làm duyên, sinh ra thân thức." Thân căn và xúc trần tiếp xúc hòa hợp với nhau, tạo thành các duyên, và sự hiện hữu của các duyên nầy sinh ra thân thức. Do đây sự phân biệt của thân thức được phát sinh.

Kinh văn: **此識為復, 因身所生, 以身為界? 因觸所生, 以觸為界?**

Phiên âm: Thử thức vi phục nhân thân sở sinh, dĩ thân vi giới? Nhân xúc sở sinh, dĩ xúc vi giới?

Việt dịch: Thức nầy lại nhân thân căn sinh ra, lấy thân căn làm giới; hay nhân xúc trần sinh ra, lấy xúc trần làm giới?

Giảng: "Thức nầy lại nhân thân căn sinh ra?" Phải chăng thức nầy hiện hữu do nhờ thân căn sinh ra, rồi nhận lấy thân căn làm giới? Phải chăng thân căn là giới của thân thức? Hay nhân xúc trần sinh ra? Hay là do xúc trần sinh ra thân thức, là cái tạo ra sự phân biệt?

Kinh văn: **阿難,若因身生,必無合離。二覺觀緣,身何所識。**

Phiên âm: A-nan, nhược nhân thân sinh, tất vô hợp ly nhị giác quán duyên, thân hà sở thức?

Việt dịch: A-nan, nếu do thân căn sinh ra, ắt là không có cái biết về hai duyên hợp và ly, thì thân căn còn biết được gì?

Giảng: "A-nan, nếu do thân căn sinh ra. Giả sử ông cho rằng thân thức sinh ra do thân căn. Ắt là không có cái biết về hai duyên hợp và ly, thì thân căn còn biết được gì?" Thế khi chẳng có sự tiếp xúc và cũng chẳng có sự tách rời khiến thân cảm xúc được thì sẽ ra sao? Khi ấy thân căn biết được gì? Thân thức lẽ ra sẽ như thế nào? Như vậy, làm sao mà thân thức lại sinh ra từ thân căn được?

Kinh văn: **若因觸生, 必無汝身。誰有非身, 知合離者?**

Phiên âm: Nhược nhân xúc sinh, tất vô nhữ thân. Thuỳ hữu phi thân, tri hợp ly giả?

Việt dịch: Nếu nhân xúc trần sinh ra, ắt không cần đến thân của ông. Lẽ nào không có thân mà biết được hợp li?

Giảng: "Nếu nhân xúc trần sinh ra. Nếu ông cho rằng xúc trần sinh ra thân thức, thì nó không phải sinh ra từ thân của ông. Ắt không cần đến thân của ông. Chẳng cần có thân ông để làm gì. Lẽ nào không có thân mà biết được hợp li?" Có ai trên thế gian nầy nói rằng, 'Chẳng phải tôi là người biết được vật xúc chạm với thân thể tôi, mà thân thể người khác nhận biết được cảm giác tiếp xúc và tách rời của thân.' Điều nầy chẳng hề xảy ra. Tại sao tôi nói như vậy?

Kinh văn: **阿難, 物不觸知, 身知有觸。**

Phiên âm: A-nan, vật bất xúc tri, thân tri hữu xúc.

Việt dịch: A-nan, vật thì không biết cảm xúc, thân căn có biết, nên có cảm xúc.

Giảng: "A-nan, ông nên biết rằng vật thì không biết cảm xúc, thân căn có biết, nên có cảm xúc. Nó không có bản tánh tạo nên sự phân biệt. Ông nói rằng thân thức tạo nên sự phân biệt sinh ra từ vật. Đó là một sai lầm. Nếu ông có thể nhận biết sự hiện hữu của xúc trần, đối tượng của cảm xúc, thì đó là do thân ông nhận biết. Nếu nó không phải là do thân ông, làm sao ông biết được đó là đối tượng của cảm xúc. Đó là do đối tượng của cảm xúc đến tiếp xúc với thân ông để có tính biết. Rốt ráo, đâu là giới của thân thức được sinh ra ở trung gian của đối tượng cảm xúc và thân ông? Nó ở nơi thân ông hay ở nơi xúc trần?"

Kinh văn: **知身即觸,知觸即身。即觸非身,即身非觸。**

Phiên âm: Tri thân tức xúc, tri xúc tức thân. Tức xúc phi thân, tức thân phi xúc.

Việt dịch: Những gì thân biết được chính là xúc trần, những gì biết được về xúc trần chính là thân căn. Đã là cảm xúc thì không phải thân căn, mà đã là thân căn thì không phải cảm xúc.

Giảng: "Những gì thân biết được chính là xúc trần. Thức tạo ra phân biệt thì nhận biết được xúc trần nhờ vào thân của ông. Cái biết của thân có được là do xúc trần. Như vậy, xúc là những gì được nhận biết, và thân là vật cảm nhận được sự xúc chạm. Thế nên thân thức của ông biết có thân căn là nhờ vào sự xúc chạm. Sự nhận biết phát sinh từ cảm xúc."

"Những gì biết được về xúc trần chính là thân căn." Ở đây, 'biết' có nghĩa là thân thức. 'Do thân thức mà ông biết được cảm giác xúc chạm, và cảm xúc ấy do từ thân căn.'

"Tuy nhiên, đã là cảm xúc thì không phải thân căn." Nói riêng về thân căn, xúc trần đơn giản chỉ là xúc trần–nó chẳng phải là thân căn. "Mà đã là thân căn thì không phải cảm xúc. Và thân căn của ông chẳng phải là xúc trần. Hai cái cùng hoạt động với nhau, nhưng không giống nhau.

Thế nên, nếu chúng ta nỗ lực xác định rằng thân thức nằm ở đâu, giữa thân căn và xúc trần, thì nếu ông cho rằng thân thức đúng là nằm bên nầy hay bên kia của thân căn hay ngay cả nằm bên nầy hay bên kia của xúc trần– thì ông cũng không thể nào tìm ra được nó. Nếu ông không thể nào tìm ra được thân thức ở giữa thân căn và xúc trần, thì ông đã không xác định được nơi chốn thực tế của thân thức. Thế ông định sẽ tìm thân thức ở đâu?"

Kinh văn: **身觸二相元無處所。合身即為身自體性。離身即是虛空等相。**

Phiên âm: Thân xúc nhị tướng, nguyên vô xứ sở. Hợp thân tức vi thân tự thể tánh. Ly thân tức thị hư không đẳng tướng.

Việt dịch: Cả hai tướng thân căn và xúc trần vốn không có xứ sở. Nếu xúc trần hợp với thân căn, tức là tự thể của thân căn. Còn nếu rời hẳn thân căn, thì cũng như các tướng hư không.

Giảng: "Cả hai tướng thân căn và xúc trần không có một vị trí nhất định. Ông cố gắng tìm cho ra rốt ráo đâu là tướng của thân căn và đâu là tướng của xúc trần, nhưng chúng vốn không có xứ sở. Nếu xúc trần hợp với thân căn, tức là tự thể của thân căn. Nếu thân thức hợp với thân căn, nếu ông muốn nói rằng thân thức sinh ra từ thân căn, thì lẽ ra nó phải là tự thể của thân căn. Còn nếu rời hẳn thân căn, thì cũng như các tướng hư không. Giả sử ông cho rằng thân thức tách rời hẳn với thân căn. Nhưng những gì đã tách rời hẳn với thân căn là hư không, nên ông chẳng thể nào tìm ra được tướng của thân thức. Thế nên, thân thức không có một tự thể."

Kinh văn: **內外不成,中云何立? 中不復立,內外性空。即汝識生,從誰立界。**

Phiên âm: **Nội ngoại bất thành, trung vân hà lập? Trung bất phục lập, nội ngoại tánh không. Tức nhữ thức sinh, tùng thuỳ lập giới?**

Việt dịch: Trong ngoài đã không thành, làm sao mà thức lập được ở giữa? Giữa đã không lập được, thân thức ông sinh ra, do đâu mà lập thành giới?

Giảng: "Trong ngoài đã không thành, làm sao mà thức lập được ở giữa? Ông nói rằng thân thức ở trong, nhưng không đúng như vậy; ông nói rằng thân thức ở ngoài, nhưng cũng không phải như vậy; ông nói rằng thân thức ở nơi xúc trần, nhưng cũng không phải như vậy; ông nói rằng thân thức ở nơi thân căn, nhưng cũng không phải như vậy. Thế thì, ở trong ngoài đều không có được. Hay có thể nào thân thức ở giữa? Ở giữa cũng không lập được. Giữa đã không lập được.

Ông không thể nào phân biệt được đâu là chỗ giữa. Bản tính của nội căn, ngoại trần đều là không. Chẳng có cái gì là giữa, cũng chẳng có gì là trong hay ngoài, bản tánh nó đều là không. Giữa đã không lập được, thân thức ông sinh ra, do đâu mà lập thành giới? Chẳng có cái gì trong, cũng chẳng có cái gì ngoài, cũng chẳng có cái ở giữa. Thế rốt ráo thân thức dùng cái gì để lập thành giới? Nó lập thành giới ở đâu?

Kinh văn: **是故當知,身觸為緣, 生身識界, 三處都無。則身與觸及身界三。本非因緣,非自然性.**

Phiên âm: **Thị cố đương tri, thân xúc vi duyên, sinh thân thức giới tam xứ đô vô. Tắc hữu dữ xúc cập thân giới tam, bổn phi nhân duyên, phi tự nhiên tánh.**

Việt dịch: Vậy nên biết rằng thân căn, xúc trần làm duyên, sinh ra giới thân thức. Cả ba chỗ đều không. Cả ba giới của thân căn, xúc trần, và thân thức đều vốn không phải tính nhân duyên, cũng không phải tính tự nhiên.

Giảng: Những đạo lý đa dạng được giải thích ở trên đều nhằm chỉ ra rằng giới của thân thức không thể nào tìm thấy được. Nó vốn không có giới.

"Vậy nên biết rằng – do những điều đã giảng giải, A-nan, ông nên biết rằng – thân căn, xúc trần làm duyên–thân căn và xúc trần tạo thành nhân duyên hỗ

tương cho nhau–sinh ra giới thân thức.” Trước đây, theo giáo lý Quyền thừa, đã giải thích về sự phát sinh của thân thức giới– “Cả ba chỗ đều không.

Cả ba giới của thân căn, xúc trần, và thân thức đều vốn không phải tính nhân duyên, cũng không phải tính tự nhiên. Nó là biểu hiện của tánh chân như nhiệm mầu của Như Lai tạng, không thể nào tìm thấy một gốc gác có thực của chúng. Thế nên, không được so sánh pháp môn phương tiện Quyền thừa với Thiệt pháp. ”

Những gì được giảng giải trước đây đều là pháp phương tiện. Pháp đang được giảng nói bây giờ là Đệ nhất nghĩa đế, là giáo lý rốt ráo của Trung đạo, hoàn toàn khác với pháp môn được giảng nói trước đây. Năm uẩn, sáu nhập, 12 xứ, 18 giới–tất cả các pháp nầy đều không sinh khởi do nhân duyên, cũng chẳng sinh khởi do tự nhiên.

Trước đây Đức Phật đã dùng pháp nhân duyên để phá tan thuyết tự nhiên do ngoại đạo chủ trương. Đây là lí do tại sao A-nan chấp trước vào pháp nhân duyên sinh mà chưa thể nào giải trừ được. A-nan không thể nào từ bỏ được ý tưởng ấy. Ông nghĩ rằng pháp mà Đức Phật giảng nói trước đây sẽ không bao giờ thay đổi, không bao giờ khác đi. Tại sao bây giờ Đức Phật lại phủ nhận những đạo lý trước đây ngài đã giảng nói?

Vì chính Đức Phật cũng không công nhận rằng các pháp ngài đã nói trước đây là mâu thuẫn, Đúng vậy không? Ngài nói ngược lại với những điều đã giảng trước đây. Đến mức A-nan phải phát sinh vô số nghi nan và còn muốn hỏi rất nhiều điều. Thế nên bây giờ Đức Phật bảo A-nan rằng trước đây ngài nói pháp nhân duyên sinh là để phá trừ thuyết tự nhiên sinh của ngoại đạo; pháp ấy chưa phải là rốt ráo.

Đó không phải là pháp môn cứu cánh. Bây giờ đã đến lúc giảng nói pháp Trung đạo liễu nghĩa, pháp Đệ nhất nghĩa đế. Những pháp Như Lai giảng nói trước đây không còn hợp thời nữa; đừng tiếp tục chấp dính vào nó nữa. A-nan vẫn chưa hiểu được điều nầy; thế nên ông tiếp tục hỏi.

Kinh văn: **阿難, 又汝所明。意法為緣, 生於意識。**

Phiên âm: A-nan hựu nhữ sở minh, ý pháp vi duyên sinh ư ý thức.

Việt dịch: A-nan, như ông đã rõ, ý căn và pháp trần làm duyên, sinh ra ý thức.

Giảng: Lại nữa, A-nan, như ông đã rõ – ông đã nghe được giáo pháp nầy trước đây–ý căn và pháp trần làm duyên–Ý căn và pháp trần tiếp xúc với nhau, tạo thành các duyên– sinh ra ý thức."

Kinh văn: **此識為復, 因意所生, 以意為界? 因法所生, 以法為界?**

Phiên âm: Thử thức vi phục, nhân ý sở sinh, dĩ ý vi giới? Nhân pháp sở sinh, dĩ pháp vi giới?

Việt dịch: Thức nầy lại nhân ý căn sinh ra, lấy ý căn làm giới; hay nhân pháp trần sinh ra, lấy pháp trần làm giới?

Giảng: Ở trong các duyên nầy, ý thức phát sinh. Thức nầy lại nhân ý căn sinh ra. Do nhờ ý căn mà ý thức được sinh ra, "lấy ý căn làm giới; hay nhân pháp trần sinh ra– hay nó là pháp trần đã sinh ra ý thức– rồi lấy pháp trần làm giới?"

Kinh văn: **阿難,若因意生, 於汝意中。必有所思, 發明汝意。若無前法, 意無所生。離緣無形,識將何用?**

Phiên âm: A-nan, nhược nhân ý sinh, ư nhữ ý trung, tất hữu sở tư, phát minh nhữ ý. Nhược vô tiền pháp, ý vô sở sinh, ly duyên vô hình, thức tương hà dụng?

Việt dịch: A-nan, nếu nhân ý căn sinh ra, thì trong ý ông, chắc phải có chỗ suy nghĩ mới phát ra được ý ông. Nếu không có các pháp trần, thì ý căn không sinh ra cái gì cả. Rời các pháp trần, ý căn sẽ không có hình tướng, lấy ý thức dùng vào việc gì?

Giảng: "A-nan, nếu nhân ý căn sinh ra. Giả sử ông cho rằng ý thức sinh ra là do nhờ ý căn. Thì trong ý ông, chắc phải có chỗ suy nghĩ. Trong ý căn của ông ắt phải có những suy nghĩ. Và chính những suy nghĩ nầy của ông mới phát ra được ý ông. Nó đã làm phát sinh ra ý thức từ ý căn của ông. Nếu không có các pháp trần– 'pháp trần' ở đây có nghĩa là các niệm tưởng hiện tiền của ông. Nếu ông không suy nghĩ, nếu ông không khởi một niệm tưởng nào, thì ý căn không sinh ra cái gì cả.

Trong ý căn của ông, sẽ không có pháp trần–không có những niệm tưởng. Không có pháp sinh khởi. "Rời các pháp trần, ý căn sẽ không có hình tướng." Tách rời khỏi những nhân duyên nầy– ý căn và pháp trần– thì ý căn sẽ không có hình tướng. Vốn nó chẳng có hình tướng, vì pháp trần do duyên với ý căn mà có. Thế thì, hình tướng của nó là gì? Nó chẳng có hình tướng. Tách khỏi

tâm phan duyên, thì ý căn chẳng có hình tướng. Vậy nên “lấy ý thức dùng vào việc gì?” Khi không có hình tướng thì ý thức ở đâu? Nó có công dụng là gì khi tạo cho nó một chức năng riêng là ý thức?

Kinh văn: **又汝識心, 與諸思量, 兼了別性, 為同為異。同意即意, 云何所生? 異意不同, 應無所識? 若無所識, 云何意生? 若有所識, 云何識意? 唯同與異, 二性無成, 界云何立?**

Phiên âm: Hựu nhữ thức tâm, dữ chư tư lượng, kiêm liễu biệt tánh, vi đồng vi dị? Đồng ý tức ý, vân hà sở sinh? Dị ý bất đồng, ưng vô sở thức. Nhược vô sở thức, vân hà ý sinh? Nhược hữu sở thức, vân hà thức ý? Duy đồng dữ dị, nhị tánh vô thành, giới vân hà lập?

Việt dịch: Lại nữa, thức tâm của ông với các thứ suy nghĩ, cùng tánh rõ biết phân biệt, là đồng hay khác? Nếu đồng với ý căn thì nó tức là ý căn. Sao lại do ý căn sinh ra? Nếu khác, không đồng như ý căn, thì lẽ ra sẽ không biết gì. Nếu không biết gì, thì làm sao mà do ý căn sinh ra? Còn nếu có biết, thì làm sao lại phân ra ý thức và ý căn? Chỉ hai tính đồng và khác mà không thành, thì làm sao lập giới?

Giảng: Đức Phật nói với A-nan,”Lại nữa, thức tâm của ông với các thứ suy nghĩ, cùng tánh rõ biết phân biệt, là đồng hay khác?” Có nghĩa là bản tánh của ý thức và ý căn của ông là giống nhau chăng? “Nếu đồng với ý căn thì nó tức là ý căn. Ông có thể cho rằng ý thức là giống như ý căn, nhưng cái gì đã đồng như ý căn thì chính là ý căn và không thể gọi là ý thức. “Sao lại do ý căn sinh ra? Nếu ý thức là ý căn, thì sao ông nói rằng ý thức sinh ra từ trong ý căn? Nếu khác, không đồng như ý căn, thì lẽ ra sẽ không biết gì. Nếu không biết gì, thì làm sao mà do ý căn sinh ra?

‘Dị ý bất đồng–khác, không đồng với ý căn’, có nghĩa đồng như pháp trần. Vì pháp trần không có khả năng phân biệt. Ý căn lại có khả năng phân biệt. Ý thức cũng có khả năng phân biệt. Nếu nó khác với ý căn, và nếu nó sinh ra từ ý căn, thì nó sẽ không đồng với ý căn. Nếu không đồng, thì nó sẽ không biết gì cả.

“Còn nếu có biết– nếu ông nói rằng có biết– thì làm sao lại phân ra ý thức và ý căn? Làm sao ý căn của ông lại biết được ý căn? Chỉ hai tính đồng và khác mà không thành– Vì trong bản chất vốn không có tính đồng hay khác–thì làm sao lập giới? Ông nói rằng ý thức và ý căn của ông là đồng, nhưng điều ấy không hợp lý; Ông nói rằng ý thức và ý căn của ông là khác, nhưng điều ấy cũng không hợp lý. Chẳng có trường hợp nào đúng cả. Và vì điều ấy vô lý, làm sao

ông có thể lập nên một giới ở giữa hai cái ấy và nói rằng có một giới của ý thức?"

Kinh văn: **若因法生, 世間諸法, 不離五塵。汝觀色法及諸聲法香法味法。及與觸法相狀分明。以對五根非意所攝。**

Phiên âm: Nhược nhân pháp sinh, thế gian chư pháp bất ly ngũ trần. Nhữ quán sắc pháp, cập chư thanh pháp, hương pháp vị pháp, cập dữ xúc pháp, tướng trạng phân minh, dĩ đối ngũ căn phi ý sở nhiếp.

Việt dịch: Nếu nhân pháp trần sinh ra, thì các pháp trong thế gian, không ngoài năm trần. Ông hãy xem các pháp sắc, thanh, hương, vị, xúc, có tướng trạng rõ ràng đối với năm căn, đều không thuộc về phần thu nhiếp của ý căn.

Giảng: "Nhược nhân pháp trần sinh ra. Có thể ông muốn cho rằng ý thức phát sinh do pháp trần sinh ra, vì ý căn được duyên bởi pháp trần. Nhưng, các pháp trong thế gian, không ngoài năm trần." 'Thế gian' ở đây là hữu tình thế gian tức chúng sinh và khí thế gian, tức núi sông đất liền. Không một pháp nào trong thế gian mà tách rời khỏi giới của sắc, thanh, hương, vị, xúc.

Ông hãy xem các pháp sắc, thanh, hương, vị, xúc. Ông hãy quán sát kỹ xem. Mỗi thứ đều có tướng trạng rõ ràng đối với năm căn"– nhãn, nhĩ, tị, thiệt, thân đều tương ứng với năm trần sắc, thanh, hương, vị, xúc. "Đều không thuộc về phần thu nhiếp của ý căn. Nó đều không thuộc về ý căn của ông."

Kinh văn: **汝識決定, 依於法生, 汝今諦觀, 法法何狀。**

Phiên âm: Nhữ thức quyết định, y ư pháp sinh, nhữ kim đế quán, pháp pháp hà trạng.

Việt dịch: Nếu ý thức của ông thực là nương nơi pháp trần mà sinh ra, thì nay ông xét kỹ từng pháp xem nó có hình trạng như thế nào.

Giảng: "Ý thức của ông chẳng có tương quan gì với năm trần trước. Nay nếu ý thức của ông thực là nương nơi pháp trần mà sinh ra. Có lẽ ông tin rằng pháp trần sinh ra ý thức. Thì nay ông xét kỹ từng pháp–ông nên quán sát thật kỹ, thật tường tận từng pháp. Xem nó có hình trạng như thế nào. Xem thử các pháp mà sinh ra ý thức nó giống như thế nào? Nó có hình tướng hay không có hình tướng?"

Kinh văn: **若離色空。動靜通塞, 合離生滅。越此諸相, 終無所得。**

Phiên âm: Nhược ly sắc không, động tĩnh, thông tắc, hợp ly, sinh diệt. Việt thử chư tướng, chung vô sở đắc.

Việt dịch: Nếu rời hẳn các tướng sắc không, động tĩnh, thông tắc, hợp ly, sinh diệt thì rốt ráo không có một pháp nào cả.

Giảng: "Nếu ông tách rời hẳn các trần tướng sắc không, động tĩnh, thông tắc, hợp ly, sinh diệt– vô số các pháp nầy–rốt ráo không có một pháp nào cả." Chữ 'ly – 離' có nghĩa là không có một sự liên quan nào với tất cả các pháp vừa được đề cập. Nếu ông tách rời những trần tướng nầy và bỏ qua những mối liên hệ với chúng, 'thì rốt ráo không có một pháp nào cả.' Bất luận ông nhìn nó như thế nào, chỉ ngại là ông không tiếp cận được cái gì cả. Các pháp trần đều không thể nhìn thấy được. Thế nên quý vị có thể tìm kiếm tướng trạng của chúng, nhưng không thể nào nhìn ra được.

Kinh văn: **生則色空諸法等生。滅則色空諸法等滅。所因既無, 因生有識, 作何形相? 相狀不有, 界云何生?**

Phiên âm: Sinh tắc sắc không chư pháp đẳng sinh. Diệt tắc sắc không chư pháp đẳng diệt. Sở nhân ký vô, nhân sinh hữu thức, tác hà hình tướng? Tướng trạng bất hữu, giới vân hà sinh?

Việt dịch: Nếu sinh thì các pháp sắc không cũng đều sinh ra, nếu diệt thì các pháp sắc không cũng đều diệt. Các nguyên nhân đã không thành thì cái thức do nó sinh ra sẽ có hình tướng gì? Tướng trạng đã không có thì giới do đâu mà sinh?

Giảng: "Nếu sinh thì các pháp sắc không cũng đều sinh ra." Nếu các pháp sắc không cũng như các pháp nêu trên sinh ra, thì chúng đều đồng thời được sinh ra. "Nếu diệt thì các pháp sắc không cũng đều diệt." Khi có sự hoại diệt thì các pháp sắc, thanh, hương, vị, xúc đều diệt cùng một lúc. "Các nguyên nhân đã không thành thì cái thức do nó sinh ra sẽ có hình tướng gì?" 'Sở nhân所因' là chỉ cho các pháp trần. Nó đã biến mất, ông không thể tìm thấy được.

Vì các pháp trần đã không có, làm sao có sự nhận biết được? Cơ bản là nó không hiện hữu. Cơ bản là các pháp trần được sinh ra vốn không có tự thể. Như vậy, ông tìm ý thức ở đâu? Vốn ý thức cũng không hiện hữu. Giả sử như ý thức hiện hữu, thì hình tướng như thế nào? Ý thức ấy sẽ giống như cái gì? Nó

có hình tướng hay không có? Tướng trạng– của ý thức– đã không có thì giới do đâu mà sinh?

Ý thức vốn không có một tướng trạng nào, làm sao mà lập thành giới cho nó? Do vậy, giới của ý thức cũng không hiện hữu.

Kinh văn: **是故當知,意法為緣,生意識界,三處都無。則意與法及意界三。本非因緣,非自然性.**

Phiên âm: Thị cố đương tri, ý pháp vi duyên, sinh ý thức giới, tam xứ đô vô. Tắc ý dữ pháp, cập ý giới tam, bổn phi nhân duyên, phi tự nhiên tánh.

Việt dịch: Vậy nên biết rằng ý căn, pháp trần làm duyên, sinh ra giới ý thức. Cả ba chỗ đều không. Cả ba giới của ý căn, pháp trần, và ý thức đều vốn không phải tính nhân duyên, cũng không phải tính tự nhiên.

Giảng: "Vậy nên biết rằng–A-nan, do vậy, ông nên hiểu đạo lý nầy là– ý căn, pháp trần làm duyên, sinh ra giới ý thức. Cả ba chỗ đều không. Cơ bản là chính ông, không thể tìm ra được giới của ý căn và ông cũng không thể tìm ra được giới của ý thức, cũng không thể tìm ra được giới của pháp trần. Cả ba chỗ nầy, trong số 18 giới, đều không hiện hữu.

Như vậy nên " Cả ba giới của ý căn, pháp trần, và ý thức đều vốn không phải tính nhân duyên. Cơ bản là chúng không thuộc về những gì được bao gồm trong pháp nhân duyên sinh–cũng không phải tính tự nhiên. Chúng không thuộc về những pháp được gọi là tự nhiên như thuyết của hàng ngoại đạo chủ trương."

Thế thì chúng là gì? Ý căn, pháp trần, và ý thức được sinh ra khi ý căn và pháp trần tiếp xúc nhau đều là lưu xuất từ tánh chân như nhiệm mầu của Như Lai tạng.

Kinh văn: **阿難白佛言世尊。如來常說和合因緣。一切世間種種變化。皆因四大和合發明。**

Phiên âm: A-nan bạch Phật ngôn, Thế tôn. Như Lai thường thuyết hòa hợp nhân duyên. Nhất thiết thế gian chủng chủng biến hoá, giai nhân tứ đại hòa hợp phát minh.

Việt dịch: A-nan bạch Phật: Bạch Thế tôn, Như Lai thường nói về nhân duyên hòa hợp rằng: Tất cả các thứ biến hoá trong thế gian đều nhân bốn thứ 'đại' mà phát sinh.

Giảng: "A-nan bạch Phật: Bạch Thế tôn, Như Lai thường nói– Bạch Thế tôn, Như Lai thường nói về các pháp nhân duyên và các pháp hòa hợp rằng. Thế tôn nói rằng Tất cả các thứ biến hoá trong thế gian–'thế gian' ở đây là chỉ cho hữu tình thế gian và khí thế gian–tất cả mọi thứ biến hoá trong thế gian đều nhân bốn thứ 'đại' mà phát sinh."

Thế nào là bốn thứ 'đại' (tứ đại)? Đó là đất, nước, lửa, gió. Thân thể con người là hợp thể của tứ đại. Thế nào mà thân thể ấy là hợp thể của tứ đại? Những phần cứng và chắc trong thân thể là thuộc về địa đại (đất), hơi nóng trong cơ thể thuộc về hoả đại (lửa). Nước dãi, đàm dịch, nước mắt thuộc về thuỷ đại (nước). Hơi thở thuộc về phong đại (gió). Khi chúng ta còn sống, thân thể chịu sự điều khiển của mình, nhưng sau khi chết thì tứ đại tan rã. Hơi ấm trong thân trở về với lửa. Các chất dịch trở về với nước. Các chất rắn trở về với đất. Hơi thở trở về với gió.

Những người không hiểu biết gì về thân thể thường muốn tìm cách trợ giúp thêm cho cái thân bằng mọi cách. Họ không biết rằng theo cách nầy thì bản tâm mình trở thành nô lệ cho một thân xác hư giả. Hằng ngày người ta sống trong điên đảo, vội vã tới lui một cách cực nhọc và tán loạn. Rốt ráo là để đạt đến điều gì? Rốt ráo trong đó có ý nghĩa gì trong đó? Quý vị thử hỏi mọi người điều nầy xem và thấy họ sẽ giống như A-nan, há hốc mồm ra và chẳng nói được lời nào.

Họ không thể nào tìm ra được một nguyên do. Vì mọi người đều không hiểu về thân thể của mình, họ dành hết sức lực cho một chuyện chết. Họ không biết vận dụng năng lực họ vào trong việc sống. 'Chuyện chết' đề cập ở đây là như thế nào? Mặc dù chúng ta còn đang sống, nhưng thân xác chúng ta được xem như là đã chết rồi. Cái đang sống được nói đến là gì? Mặc dù chúng ta không biết là nó đang sống, nhưng tinh thần chúng ta rất trẻ và đầy sức sống– đó chính là Phật tánh hằng có của chúng ta.

Nhưng người ta không biết là họ phải nhận ra Phật tánh của mình, thay vì vậy, họ lại đem hết sức lực dồn vào thân xác mình. Từ sáng đến tối họ giúp cho thân thể có những thứ của ngon vật lạ để ăn. Họ bị thân xác sai sử. Họ giúp cho thân thể có áo quần đẹp để mặc. Dù sao, thì nó cũng chỉ là thân xác. Tôi sẽ nói với quý vị, cho dù có chấp nhận hay không là việc của quý vị. Nếu người nào thích uống rượu, thì thân xác họ biến thành cái túi đựng rượu. Nếu người nào thích ăn đồ ngon, thì thân xác họ biến thành cái rổ đựng bánh mì.

Nếu người nào thích mặc áo quần đẹp, thì thân xác họ biến thành cái giá phơi quần áo. Cái thân vốn không có gì để bám víu lấy cả. Đừng xem nó quá quan trọng. Nhưng quý vị không thể nào buông bỏ nó được, không thể nào nhìn thấu nó được. Cho dù quý vị có thể nhìn thấu nó được thì quý vị cũng không thể nào buông bỏ nó được. Đến khi quý vị chết và tứ đại tan rã, thì quý vị sẽ nhìn thấu suốt được những gì mà quý vị chưa từng nhìn được. Thời gian không chờ đợi ai cả. Quý vị không thể bảo thời gian: "Hãy chờ tôi một chút. Chậm lại chút!" Nó chẳng biết đợi.

Kinh văn: **云何如來, 因緣自然, 二俱排擯? 我今不知斯義所屬.**

Phiên âm: Vân hà Như Lai, nhân duyên tự nhiên, nhị câu bài tẩn? Ngã kim bất tri tư nghĩa sở thuộc.

Việt dịch: Vì sao Như Lai bác bỏ cả hai nghĩa nhân duyên tự nhiên? Nay con không biết nghĩa đó như thế nào?

Giảng: "Bạch đức Thế tôn, ngài đã nói rằng mọi thứ trên thế gian đều được sinh ra và tạo thành do nhân duyên hòa hợp của tứ đại. Tại sao bây giờ Thế tôn nói rằng nhân duyên, tự nhiên đều là sai lầm?" Sự cố chấp của A-nan thật là sâu nặng. Trước đây ông đã được nghe Đức Phật giảng giải về lý nhân duyên và tự nhiên. Cơ bản đó là giáo lý quyền thừa, pháp phương tiện, là phương tiện thiện xảo; pháp ấy chưa phải là pháp chân thật. Bây giờ Đức Phật mới giảng giải pháp môn chân thật, mà A-nan lại chẳng dám tin. A-nan đã tin chắc vào pháp môn phương tiện Đức Phật đã giảng trước đây, đến nỗi bây giờ A-nan phải nghi ngờ cả pháp chân thật.

Nên A-nan hỏi, "Vì sao Như Lai bác bỏ cả hai nghĩa nhân duyên tự nhiên? Bạch Thế tôn, ngài vừa phê phán lý nhân duyên và tự nhiên, và tuyên bố rằng thuyết ấy sai lầm. Vậy có mâu thuẫn với chính lời của Như Lai chăng? Ngài đang phá hủy đạo lý do chính ngài đã lập ra. Ngài đang bác bỏ tiền đề do chính ngài đã nêu ra. Nay con không biết nghĩa đó như thế nào? Bây giờ con không hiểu nghĩa nầy như thế nào. Nghĩa ấy thuộc về pháp môn gì? Con thật chưa hiểu ra."

Kinh văn: **惟 垂哀愍, 開示眾生。中道了義, 無戲論法 。**

Phiên âm: Duy thuỳ ai mẫn, khai thị chúng sinh, trung đạo liễu nghĩa, vô hí luận pháp.

Việt dịch: Xin Thế tôn rủ lòng thường xót, chỉ bày cho chúng sinh nghĩa rốt ráo Trung đạo, không còn các điều hí luận.

Giảng: "Xin Thế tôn rủ lòng thường xót – Nay con chỉ mong Thế tôn đem lòng từ bi thương xót chúng con, những chúng sinh hữu tình– chỉ bày cho chúng sinh nghĩa rốt ráo Trung đạo, pháp môn thẳng tắt. Chúng con ước mong được nghe giảng giải giáo lý chân thật, giáo pháp không còn các điều hí luận."

Thế nào là nghĩa 'hí luận? ' Tất cả các pháp môn quyền thừa và lý thuyết của ngoại đạo đều được gọi là hí luận. Giáo pháp đang được giảng giải bây giờ, Thật pháp, được gọi là nghĩa rốt ráo của Trung đạo (Trung đạo liễu nghĩa). Trung đạo là không rơi vào không, chẳng rơi vào có. Thuyết tự nhiên của hàng ngoại đạo rơi vào chấp không. Thuyết nhân duyên lại thuộc về có. Bây giờ cái chẳng không chẳng có đã được giải nghĩa; đó là nghĩa rốt ráo của Trung đạo, là pháp môn vượt qua mọi hí luận.

Kinh văn: **爾時世尊, 告阿難言。汝先厭離, 聲聞緣覺, 諸小乘法。發心勤求無上菩提。故我今時, 為汝開示第一義諦。**

Phiên âm: Nhĩ thời Thế tôn cáo A-nan ngôn, nhữ tiên yếm ly Thanh văn Duyên giác chư Tiểu thừa pháp. Phát tâm cần cầu Vô thượng bồ đề. Cố ngã kim thời vi nhữ khai thị đệ nhất nghĩa đế.

Việt dịch: Bấy giờ Thế tôn bảo A-nan rằng: "Trước đây ông nhàm chán các pháp Tiểu thừa Thanh văn Duyên giác, phát tâm cầu đạo Vô thượng Bồ-đề. Nên nay là lúc Như Lai sẽ chỉ bày cho ông Đệ nhất nghĩa đế."

Giảng: Bấy giờ Thế tôn bảo A-nan rằng: "Trước đây ông nhàm chán các pháp Tiểu thừa Thanh văn Duyên giác. Ông đã quyết định từ bỏ hẳn pháp môn của hàng Nhị thừa, Thanh văn, Duyên giác, giáo pháp của thời A-hàm, phát tâm cầu đạo Vô thượng Bồ-đề. Nay ông phát tâm siêng năng cầu đạo giác ngộ Vô thượng, đạo giác ngộ của hàng Bồ-tát. Do vậy, nên nay là lúc Như Lai sẽ chỉ bày cho ông Đệ nhất nghĩa đế. Như Lai sẽ giảng giải pháp môn Thật tướng cho ông. Đệ nhất nghĩa đế chính là Thật tướng.

Có ba loại Thật tướng:

1. Thật tướng vô tướng (vô tướng chi thật tướng): Không còn các tướng hư vọng, tất cả đều là Nhất chân bình đẳng thật tướng. Tức là Không Như Lai tạng.

2. Thật tướng của cái chẳng phải vô tướng (vô bất tướng chi thật tướng): Hoàn toàn đều chẳng phải là vô tướng, chỉ tuỳ duyên mà biến hiện ra tất cả tướng.

3. Thật tướng của chẳng tướng nào không phải là tướng (vô tướng vô bất tướng chi thật tướng): Tức là Không bất không Như Lai tạng. Cũng gọi là diệu hữu chân không, chân không diệu hữu.

Dù kể là ba, nhưng chỉ là một, đó là Thật tướng. Thật tướng là không có tướng, nhưng chẳng có gì là không có tướng cả. Đó là lý chân không diệu hữu, diệu hữu chân không. Nếu cứu xét đến tột cùng, thì vốn chẳng có tướng gì cả. Nhưng trong cái chẳng có tướng gì ấy lại có tất cả. Thế nên chẳng có tướng gì chính là chân không, và có tất cả là diệu hữu.

Đạo lý đang được giảng giải sẽ đưa đến sự giải thích về Bảy đại–đất, nước, lửa, gió, không, kiến và thức– trùm khắp cả pháp giới. Năm uẩn, sáu nhập, 12 xứ, 18 giới đã đề cập trước đây được giải thích là tánh chân như nhiệm mầu của Như Lai tạng, nhưng chúng chưa được nói là trùm khắp cả pháp giới.

Kinh văn: **如何復將世間戲論, 妄想因緣而自纏繞?**

Phiên âm: Như hà phục tương thế gian hí luận, vọng tưởng nhân duyên, nhi tự triền nhiễu?

Việt dịch: Sao ông lại còn đem những nhân duyên vọng tưởng hí luận thế gian mà tự ràng buộc mình?

Giảng: Đức Phật bảo A-nan, “Ông đã quyết định từ bỏ pháp tu của hàng Tiểu thừa, phát tâm tu tập theo Đại thừa– Bồ-tát thừa–cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Do vậy, Như Lai sẽ chỉ bày cho ông đạo lý Thật tướng. Tại sao–giọng nói lúc nầy có ý trách móc–Ông lại còn đem những nhân duyên vọng tưởng hí luận thế gian– những lý luận giải thích theo khuynh hướng thế gian là không chân thật dúng đắn– mà tự ràng buộc mình? Cũng giống như ông dùng sợi dây rồi tự trói mình. Ông không thể nào được tự tại. Sao ông lại muốn như vậy? Những gì Như Lai đang giải thích cho ông là tuyệt đối chân thật. Sao ông vẫn còn chưa hiểu?”

Kinh văn: **汝雖多聞, 如說藥人。真藥現前, 不能分別。如來說為真可憐愍。**

Phiên âm: Nhữ tuy đa văn, như thuyết dược nhân, chân dược hiện tiền bất năng phân biệt. Như Lai thuyết vi chân khả lân mẫn.

Việt dịch: Ông tuy nghe nhiều, nhưng cũng như người nói tên vị thuốc, mà không phân biệt được thuốc thật ở trước mắt. Như Lai cho là rất đáng thương xót.

Giảng: "Mặc dù ông nghe nhiều– A-nan, dù ông nghe nhiều, nhớ kỹ và nhớ được nhiều bộ kinh–nhưng cũng như người nói tên vị thuốc. Ông tuy học nhiều, nhưng giống như cái gì? Giống như người đọc được tên thuốc và biết được vị thuốc nào chữa lành được bệnh gì và thuốc có tác dụng ra sao–cũng như người có thể đọc được Yao Hsing Fu. Ông cũng vậy, có trí nhớ rất tốt, nhưng ông cũng giống như người không phân biệt được thuốc thật ở trước mắt.

Khi ông nhìn thấy thuốc thật thì ông không biết được, ông không biết được đó là thuốc tốt. Vì sao ông không có được sự phân biệt nầy? Vì suốt ngày ông chỉ thích luận về thiền. Ông nói về thiền rất giỏi, nhưng khi ông tham cứu đệ nhất nghĩa đế, thì ông hoàn toàn mù tịt. Nên Như Lai cho là rất đáng thương xót."

Kinh văn: **汝今諦聽。吾當為汝, 分別開示。亦令當來, 修大乘者, 通達實相。阿難默然, 承佛聖旨.**

Phiên âm: Nhữ kim đế thính, ngô đương vị nhữ phân biệt khai thị. Diệc linh đương lai, tu đại thừa giả, thông đạt thật tướng. A-nan mặc nhiên thừa Phật thánh chỉ.

Việt dịch: Nay ông hãy nghe kỹ, Như Lai sẽ vì ông mà chỉ bày tường tận. Và cũng để cho những người tu Đại thừa sau nầy thông đạt thật tướng. A-nan yên lặng, chờ nghe thánh chỉ của Đức Phật.

Giảng: "Nay ông hãy nghe kỹ. Đừng có bối rối nữa. Hãy hết sức chú ý, hãy tỉnh táo mà lắng nghe, Như Lai sẽ vì ông mà chỉ bày tường tận. A-nan, vì ông, Như Lai sẽ giảng giải từng chi tiết rõ ràng. Như Lai sẽ phân tích rồi giải thích cho ông từng chi tiết. Và cũng để cho những người tu Đại thừa sau nầy." Quý vị và tôi ở đây là thuộc về 'những người tu Đại thừa sau nầy'. Bây giờ chính là thời tương lai mà Đức Phật đã đề cập trong kinh. Chúng ta là những người đang tu tập theo Đại thừa, không phải là Tiểu thừa, để thông đạt Thật tướng." Như tôi đã giảng giải trước đây, Thật tướng là vô tướng. Trong vô tướng thì cái gì hiện hữu? Mọi thứ đều hiện hữu. 'Vô tướng' có nghĩa là chẳng có tướng nào hư vọng. Thật tướng hoàn toàn là chân tướng.

"A-nan yên lặng. A-nan nghe nói rằng Đức Phật sẽ giảng giải giáo lý Thật tướng, nhưng A-nan chẳng biết nghĩa ấy như thế nào. Thật tướng là một từ ngữ mới, trong thời điểm Đức Phật đưa ra từ nầy thì A-nan vẫn chưa hiểu được

nghĩa của nó. Thế nên A-nan chờ nghe thánh chỉ của Đức Phật. A-nan nhón gót. đứng trên đầu ngón chân, mắt A-nan dính chặt vào Đức Phật chờ nghe giáo pháp.

Kinh văn: **阿難, 如汝所言, 四大和合, 發明世間種種變化。**

Phiên âm: A-nan như nhữ sở ngôn, tứ đại hòa hợp, phát minh thế gian chủng chủng biến hoá.

Việt dịch: A-nan, như ông đã nói, tứ đại hòa hợp phát ra các thứ biến hoá trong thế gian.

Giảng: "A-nan, như ông đã nói, như ông đã hiểu rằng, tứ đại hòa hợp – đất, nước, lửa, gió kết hợp với nhau– phát ra các thứ biến hoá trong thế gian."

Kinh văn: **阿難,,若 彼大性, 體非和合, 則不能與諸大雜和。猶如虛空, 不和諸色 。**

Phiên âm: A-nan, nhược bỉ đại tánh, thể phi hòa hợp, tắc bất năng dữ chư đại tạp hòa. Du như hư không, bất hòa chư sắc.

Việt dịch: A-nan, nếu tánh của các đại kia không hòa hợp nhau, thì không thể lẫn lộn với các đại khác. Cũng như hư không, không thể hòa hợp với các sắc tướng.

Giảng: "A-nan, nếu tánh của các đại kia– Nếu thể tánh của tứ đại không hòa hợp nhau– cơ bản là thể tánh của từng thứ một trong tứ đại kia không hòa hợp nhau được– thì không thể lẫn lộn với các đại khác. Các đại không thể nào hòa lẫn từng cái một vào với nhau. Cũng như đối với hư không, nó chẳng thể nào hòa hợp với những vật có sắc tướng. Nếu hòa hợp được, thì nó chẳng phải là hư không. Sự mâu thuẫn nầy cũng là điều hiển nhiên đối với bản chất của tứ đại."

Kinh văn: **若和合者,同於變化。始終相成, 生滅相 續。生死死生, 生生死死。如旋火輪,未有休 息**

Phiên âm: Nhược hòa hợp giả, đồng ư biến hoá, thuỷ chung tương thành, sinh diệt tương tục, sinh tử tử sinh, sinh sinh tử tử, như tuyền hoả luân, vị hữu hưu tức.

Việt dịch: Nếu tính của tứ đại là hòa hợp, thì cũng đồng như các thứ biến hoá, trước sau biến thành nhau, sinh diệt nối nhau, sinh rồi diệt, diệt rồi sinh, sinh sinh diệt diệt, như vòng lửa quay tròn chưa hề dừng nghỉ.

Giảng: “Nếu tính của tứ đại là hòa hợp– Giả sử ông muốn cho rằng tứ đại hòa hợp–thì cũng đồng như các thứ biến hoá, trước sau biến thành nhau.” Nó hòa hợp với mọi thứ và là đối tượng của sự biến đổi. “Trước sau biến thành nhau, từ thuỷ đến chung, từ khởi đầu cho đến kết thúc, nó biến đổi rồi hiện hữu. Sinh diệt nối nhau, sinh rồi diệt, nối nhau bất tận. Sinh rồi diệt, diệt rồi sinh, sinh sinh diệt diệt, như vòng lửa quay tròn chưa hề dừng nghỉ.” Không bao giờ dừng. Cách đó như thế nào?

Kinh văn: **阿難, 如水成冰, 冰還成水。**

Phiên âm: A-nan, như thủy thành băng, băng hoàn thành thủy.

Việt dịch: A-nan, như nước thành băng, băng tan thành nước.

Giảng: A-nan, ông nên biết rằng chân như tự tánh tuỳ duyên nhưng bất biến, bất biến nhưng tuỳ duyên. Điều ấy được giải thích như thế nào? Chân như tự tánh cũng chính là tánh Như Lai tạng, cũng là Thật tướng, và cũng là chân tâm, như nước thành băng, băng tan thành nước.

Cũng như nước đóng thành băng: nghĩa là tuỳ duyên. Nhưng băng cũng có thể tan thành nước. Tôi đã từng giải thích đạo lý nầy rồi. Phật tánh của mọi người chính là chân tánh. Tâm bồ-đề giác ngộ chính là nước; phiền não là băng. Tâm bồ-đề của ông được ví như nước, hữu ích, lợi lạc cho mọi người, nó không hề làm hại ai. Mọi người đều cần nước.

Quý vị liền có ý kiến: “Thưa Pháp sư, con chưa đồng ý với điều Pháp sư vừa đưa ra, vì nước có khi cũng làm cho người ta chết đuối.”

Quý vị rất thông minh. Quý vị biết rằng nhiều nước quá cũng có thể làm cho người chết. Nhưng khi không có nước, thì con người có chết vì khát không? Thế nên nước rất cần thiết cho mọi người. Dĩ nhiên là quá nhiều nước cũng khiến cho người ta bị nguy hiểm. Nếu quý vị không ăn thì sẽ bị đói, nhưng nếu cứ ngày này qua ngày khác ăn mãi không thôi, thì hãy xem bao tử của mình có chỗ chứa hết mọi thứ không. Có quá nhiều cũng đồng như không có đủ. Ăn quá no cũng tai hại như bị đói dữ dội.

Thế nên, nước có thể đóng thành băng. Tôi thường nói rằng nếu quý vị dội một gáo nước trên đầu người nào đó, thì anh ta chẳng thấy đau đớn gì. Nhưng nếu

quý vị dùng một cục nước đá đánh vào đầu người nào đó thì có thể làm họ chết được. Một cục nước đá cũng có thể làm chết người, nhưng một gáo nước thì chẳng làm chết ai. Nước và nước đá thực sự là một chất giống nhau, nhưng trong dạng nước đá thì có thể làm chết người, nhưng trong dạng nước thì không. Do vậy nên phiền não được ví như băng (nước đá), Bồ-đề được ví như nước. Trong kinh Đức Phật dạy. "Phiền não tức bồ-đề." Băng chính là nước. Ngoài nước ra không thể nào có băng. Nước ở trong băng và băng ở trong nước.

Như trong Kinh nói "Băng trở lại thành nước." Nhưng để biến băng ấy thành nước, thì quý vị cần phải có một số yếu tố kỹ thuật. Cần có điều gì? Quý vị phải dùng ánh sáng dương để chiếu vào băng, như thế băng mới tan thành nước được. Điều nầy chỉ cho việc công phu toạ thiền quán chiếu hằng ngày của chúng ta. Công phu ấy sẽ chiếu phá tảng băng phiền não khiến cho nó tan thành nước.

Có một điều quan trọng khác mà bây giờ tôi muốn giải thích cho quý vị. Pháp hội mà chúng ta tham dự là rất vi diệu. Điều nầy được hiểu như thế nào? Tôi giảng kinh bằng tiếng Hoa, rồi từ tiếng Hoa được phiên dịch sang tiếng Anh. Thế nên tôi đã giảng nói Phật pháp bằng hai thứ tiếng. Nhưng khi quý vị nghe giảng kinh, bất luận quý vị nghe và hiểu được qua ngôn ngữ nào thì cũng phải hết sức chú tâm.

Trước hết, mọi người nghe giảng kinh phải tri ân Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Sao vậy? Vì cách đây vài ngàn năm, chính Đức Phật đã thuyết giảng giáo pháp vi diệu nầy, đã thắp lên ngọn đèn sáng trong đêm dài tối tăm, vì chúng sinh đang ở trong khổ nạn. Ngài trình bày giáo pháp vi diệu ấy cốt để cho chúng ta có thể dẹp trừ khổ đau và đạt được niềm vui, để xa lìa mọi phiền não trên thế gian, và để hiểu được Đạo, dẫn đến an lạc giải thoát.

Đức Phật giảng nói diệu pháp khiến cho những người đầy phiền não như chúng ta được thoát khỏi phiền não, để làm cho tảng băng trong chúng ta tan thành nước, để cho chúng ta có thể quay về nguồn cội, trở lại với bổn tâm. Thế nên chúng ta phải nhớ ơn Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Thứ hai, chúng ta phải tri ân Đại đức A-nan. Sao vậy? Nếu thời ấy, ngài A-nan giả bộ thông minh và nói: "Bạch Thế tôn, Ngài khỏi cần phải giải thích điều ấy nữa, con đã hiểu rồi," thì Đức Phật sẽ không còn giảng nói diệu pháp nầy nữa, Đức Phật sẽ không giảng Kinh Thủ Lăng Nghiêm. Chúng ta cũng sẽ không dễ dàng gì để hiểu được những đạo lý nầy. Thế nên chúng ta phải tri ân Đại đức A-nan vì đã sớm vì chúng ta mà thưa hỏi. Ngài đã cầu thỉnh Đức Phật Thích Ca Mâu Ni chỉ bày diệu pháp cho chúng ta.

Tôi cũng có đôi điều khác ít quan trọng hơn muốn nói với quý vị. Đó là gì? Quý vị cũng nên cảm ơn Pháp sư đang giảng kinh nầy. Đó là tôi. Đừng thờ ơ điều ấy. Tôi nói việc nầy không quan trọng, nhưng quý vị cũng không nên xem nhẹ. Cơ bản tôi chỉ là một Pháp sư mới có được một nửa sự thông hiểu. Tôi giảng kinh không hay. Quý vị có thể nói: "Ồ! Vốn ông ta giảng kinh chẳng hay, nhưng ông đã đến đây để giảng nói cho chúng tôi, những người chưa thông hiểu được Phật pháp. Thảo nào chúng tôi không hiểu được những gì đã nghe. Cơ bản là chính ông cũng mới chỉ hiểu được một nửa."

Nhưng nếu quý vị có thể hiểu được một nửa Phật pháp thì thực là không đến nỗi tồi. Sao vậy? Vì Phật pháp sâu như biển. Quý vị muốn hiểu được tường tận, nhưng đó là điều không phải dễ. Tôi đã học Phật pháp vài chục năm–ba mươi đến bốn mươi năm–thế mà tôi cảm thấy như mình chưa uống trọn được một giọt nước trong cái biển lớn ấy, vì Phật pháp rất sâu, rất vi diệu. Đó là lí do tại sao tôi nói mình là vị Pháp sư mới có được một nửa sự thông hiểu.

Nhưng quý vị cũng nên biết rằng bây giờ quý vị đã hiểu được khá nhiều, vì quý vị cũng như màu xanh lục được trích ra từ màu xanh dương, có nghĩa là, có học trò bậc nhất nhưng không có thầy giáo bậc nhất. "Thầy tôi chỉ là Pháp sư mới có được một nửa sự thông hiểu, nhưng tôi, đệ tử của ngài, đã học hỏi rất tốt." Đó là điều quý vị phải biết.

Sau cùng, quý vị nên biết ơn người đã dịch kinh. Bất luận ai là người đang phiên dịch kinh điển, quý vị cũng phải thân cận và đặc biệt kính cẩn lắng nghe. Quý vị phải đặc biệt chú ý đến từng chữ, từng câu. Vì tôi giảng kinh bằng tiếng Hoa và hầu hết quý vị đều không hiểu được, nên quý vị cần phải nhờ vào công đức của người phiên dịch để hiểu được đạo lý trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm. Thế nên quý vị phải nhớ ơn người phiên dịch; hãy thận trọng đừng xem thường họ.

Tại sao hôm nay tôi nói đến chuyện nầy? Vì trong bài tổng kết mà tôi yêu cầu quý vị làm, tôi thấy có người đã viết rằng: "Ở đây tôi nghe Pháp sư giảng Kinh nhưng không hiểu ngài nói gì cả, và người phiên dịch thì chẳng rõ ràng nên tôi sẽ không đến đây để học nữa." Người viết những dòng nầy là người rất thông minh, nhưng không may là cô ta hơi có ý đánh lừa chính mình. Vì sao tôi nói như vậy? Vì cô ta không có tính kiên nhẫn chút nào.

Khi quý vị nghe giảng kinh, quý vị nên có tâm kiên nhẫn, bất luận quý vị có hiểu được hay không. Khi quý vị đang ở trong Pháp hội giảng kinh, quý vị trở nên được xông ướp bởi giáo pháp, cũng như hương thơm xông vào không gian, cuối cùng ánh sáng trí huệ sẽ chiếu rạng. Những người được giác ngộ

khi nghe kinh thực sự là rất nhiều. Quý vị không nên xem thường việc nghe giảng.

Khi tôi còn ở Hồng Kông, có một nữ cư sĩ không nghe giảng kinh được, vì bà ta bị điếc. Nhưng mỗi khi có thuyết pháp bà ta đều đến dự. Bà ta trèo hơn ba trăm tầng cấp để lên chùa mặc dù bà ta đã hơn bảy mươi tuổi và chỉ đi một mình. Khi buổi giảng vừa xong là chín giờ tối, bà ta lại từ trên núi xuống tới đườngđón xe buýt về nhà một mình. Nhưng bà ta bị điếc, làm sao nghe được? Thật lạ! Sau khi bà ta đến nghe giảng chừng non một tháng, bỗng nhiên bà ta nghe được. Người phụ nữ bị điếc đã nghe được và không còn bị chướng nạn đó nữa.

Quý vị nghe điều nầy và hãy suy nghĩ thật sâu, nhưng thực sự chuyện nầy chẳng có chút nào bất thường. Đơn giản là do bà ta quá thành tâm. “Cho dù mình không nghe được, mình cũng đến dự.” Bà ta tự nhủ với mình như vậy. Và kết quả là bà ta nghe được. Thế nên, nếu một bà già bảy mươi tuổi còn có được sự cảm ứng như vậy, thì nếu quý vị ở đây đều có lòng chân thành, bất luận quý vị có hiểu được kinh hay không, thì rốt cuộc quý vị đều sẽ được hiểu. Đừng có lo rằng mình không hiểu ngay được ý kinh.

Việc quý vị cần phải làm là thành tâm, và cái ngày quý vị hiểu được kinh sẽ đến. Nếu quý vị không có sự thành tâm, quý vị sẽ nói rằng:”Tôi đã nghe hòai nghe mãi nhưng chẳng hiểu được gì cả. Thế nên tôi sẽ trở thành một trong 5000 người rời bỏ pháp hội. ” Nếu quý vị rời bỏ Pháp hội, là do công hạnh của quý vị chưa đủ.

Nói chung, để tham dự một Pháp hội, quý vị phải có công đức trong tu đạo. Những ai không có công đức tu đạo thì không thể nào ngồi được trong Pháp hội. Họ ngồi rồi đứng, đứng rồi lại ngồi, họ rất nóng ruột, và họ muốn đi. Sao vậy? Vì con ma nghiệp chướng lôi kéo họ. Ma nghiệp chướng nói: “Ông không nên ngồi đây, mình là bạn thân với nhau, hãy ra ngoài kia làm bậy chơi.”

Thế nên quý vị phải nên chú tâm vào bốn điều trên khi nghe giảng kinh. Thực ra, không những quý vị phải tri ân người phiên dịch, mà còn phải hòa hợp, thân mật với mọi người đồng dự Pháp hội giảng kinh với mình. Mọi người đều nên hoan hỷ với nhau. Đây là điều quan trọng nhất trong khi nghe kinh, quý vị đừng lơ là chuyện nầy.

Kinh văn: **汝觀地性, 麤為大地,細為微塵, 至鄰虛塵.**

Phiên âm: Nhữ quán địa tánh, thô vi đại địa, tế vi vi trần, chí lân hư trần.

Việt dịch: Ông hãy quán sát tính của địa đại, thô làm thành đất liền, tế làm thành vi trần, cho đến lân hư trần;

Giảng:

Giảng:"Ông hãy quán sát tính của địa đại. A-nan, nay Như Lai sẽ giảng giải về địa đại cho ông, ông phải nên lắng lòng nghe cho kỹ. Đừng có như trước đây, ông chỉ chú tâm học hiểu mà không công phu trau dồi định lực. Nay Như Lai sẽ chỉ cho ông giáo lý nền tảng để công phu trau dồi định lực. Hãy xem xét đặc tính của đất: Thành phần thô làm thành đất liền." 'Thô' có nghĩa sự cấu thành của đất phần lớn là do sự hợp lại của nhiều hạt bụi. "Tế làm thành vi trần." Phần nhỏ nhất làm thành vi trần, cho đến lân hư trần.

'Lân hư trần ' là những phân tử nhỏ nhất, mắt thường không thấy được. Nó là bạn láng giềng với hư không, ít nhiều gì nó chính là hư không, chứ không là gì khác. Có người nói rằng: "Khi ánh sáng mặt trời chiếu qua khe cửa, tôi thấy những hạt vi trần nhảy múa trong hư không." Đó là cái mà quý vị thấy được. Còn lân hư trần thì không thể nhìn thấy được bằng mắt thường.

Kinh văn: **析彼極微,色邊際相,七分所成。更析鄰虛, 即實空性.**

Phiên âm: Tích bỉ cực vi, sắc biên tế tướng, thất phần sở thành. Cánh tích lân hư, tức thật không tánh.

Việt dịch: Nếu chẻ chất cực vi có sắc tướng vô cùng nhỏ ra làm bảy phần. Càng chẻ lân hư trần đó nữa, thì thật là tánh hư không.

Giảng: "Nếu chẻ chất cực vi có sắc tướng vô cùng nhỏ."

Lân hư trần là vật vô cùng nhỏ, là vật vi tế nhất trong tất cả mọi vật có hình tướng. Chẳng có gì nhỏ hơn nó nữa. Vậy mà, nó vẫn có một sắc tướng để có thể nhận biết được. "Ra làm bảy phần. Nếu quý vị chia chẻ những lân hư trần này ra làm bảy phần, thì nó rất gần với hư không. Càng chẻ lân hư trần đó nữa, thì thật là tánh hư không. Những lân hư trần đã được chia chẻ ra nầy thực sự là hư không." Cơ bản là không có sắc tướng. Đây là giải thích về tánh của địa đại.

Kinh văn: **阿難, 若此鄰虛, 析成虛空, 當知虛空, 出生色相。**

Phiên âm: A-nan, nhược thử lân hư, tích thành hư không, đương tri hư không, xuất sinh sắc tướng.

Việt dịch: A-nan, nếu lân hư trần đó chẻ thành hư không, thì nên biết hư không cũng sinh ra sắc tướng.

Giảng: “A-nan, nếu lân hư trần đó chẻ thành hư không”– mặc dù lân hư trần rất nhỏ, nhưng nó vẫn có một hình tướng để có thể nhận ra được. Vẫn có một vật hiện hữu ở đó. Nhưng, nếu chia nhỏ lân hư trần nầy thành bảy phần, thì chính nó chân thực là hư không. Do vậy, “nên biết hư không cũng sinh ra sắc tướng.” Sắc tướng có thể biến thành hư không, và hư không cũng chứa đựng sắc tướng trong nó.

Kinh văn: **汝今問言,由和合故, 出生世間, 諸變化相。**

Phiên âm: Nhữ kim vấn ngôn, do hòa hợp cố, xuất sinh thế gian, chư biến hoá tướng.

Việt dịch: Nay ông hỏi rằng do hòa hợp mà sinh ra các tướng biến hoá trong thế gian.

Giảng: “Nay ông hỏi rằng”– Nay A-nan lại hỏi– Nếu “Do hòa hợp mà sinh ra các tướng biến hoá trong thế gian.” Có phải đó là lý do tại sao có tất cả các sắc tướng biến hoá trong thế gian chăng?

Kinh văn: **汝且觀此一鄰虛塵。用幾虛空和合而有。不應鄰虛合成鄰虛?**

Phiên âm: Nhữ thả quán thử nhất lân hư trần. Dụng kỷ hư không hòa hợp nhi hữu. Bất ưng lân hư hợp thành lân hư?

Việt dịch: Ông hãy xét kỹ lân hư trần nầy, phải dùng bao nhiêu hư không hợp lại mới thành? Không lẽ lân hư hợp lại sẽ thành lân hư trần?

Giảng: “Ông hãy xét kỹ– ông hãy xem xét thật kỹ lân hư trần nầy–phải dùng bao nhiêu hư không hợp lại mới thành? Khi ông chia lân hư trần ra làm bảy phần, thì nó biến thành hư không. Nhưng, làm ngược lại, thì phải cần đến bao nhiêu hư không hợp lại mới thành được một lân hư trần? Không lẽ lân hư hợp lại sẽ thành lân hư trần? Chẳng lẽ nói rằng các lân hư trần hợp lại sẽ thành lân hư trần. Chính hư không hợp lại mới thành lân hư trần. Nhưng ông nói cần phải có bao nhiêu hư không? Ông sẽ cần đến bảy phần hư không chăng? Vì chia lân hư trần ra làm bảy phần thì thành hư không. Vậy phải cần bao nhiêu hư không?” Đây là điều Đức Phật muốn hỏi A-nan.

Kinh văn: **又鄰虛塵, 析入空者。用幾色相, 合成虛空?**

Phiên âm: Hựu lân hư trần, tích nhập không giả. Dụng kỷ sắc tướng, hợp thành hư không?

Việt dịch: Lại nữa, lân hư trần chẻ đã thành hư không được, thì phải dùng bao nhiêu sắc tướng hợp lại mới thành cả hư không?

Giảng: "Lại nữa, lân hư trần chẻ đã thành hư không được" –Khi lân hư trần được chia ra làm bảy phần thì thành hư không– "phải dùng bao nhiêu sắc tướng hợp lại mới thành cả hư không? Phải cần bao nhiêu sắc tướng hợp lại mới thành cả hư không được? Phải cần có bao nhiêu lân hư trần hợp lại mới thành hư không? Chắc chẳng phải là số nhỏ. Ở đây chữ "sắc " là để chỉ cho địa đại.

Kinh văn: **若色合時, 合色非空。若空合時, 合空非色。 色猶可析, 空云何合?**

Phiên âm: Nhược sắc hợp thời, hợp sắc phi không. Nhược không hợp thời, hợp không phi sắc. Sắc do khả tích, không vân hà hợp?

Việt dịch: Nhưng nếu khi hợp sắc tướng lại, thì sắc tướng hợp lại, không thành được hư không. Nếu hợp hư không lại, khi hư không hợp lại thì không thành được sắc tướng. Sắc tướng còn chẻ được, chứ hư không làm sao hợp lại được?

Giảng: "Nhưng nếu khi hợp sắc tướng lại, thì sắc tướng hợp lại, không thành được hư không. Ông vừa cho rằng các phần tử sắc tướng hợp lại với các phần tử sắc tướng để thành hư không; nhưng thực tế thì sự hợp lại các phần tử sắc tướng không thể nào làm thành hư không." Có phải Đức Phật đã từng nói: 'Không lý nào lân hư trần hợp lại sẽ thành lân hư trần' đó sao? Nay Đức Phật nói rằng lân hư trần không thể hợp với lân hư trần để làm thành hư không. Những hạt lân hư trần đã biến thành hư không rồi, thì làm sao vẫn còn những lân hư trần để hợp với nhau được nữa?

"Nếu hợp hư không lại– giả sử ông cho rằng có thể hợp hư không lại để thành lân hư trần– khi hư không hợp lại thì không thành được sắc tướng. Vì nó vốn là hư không, làm sao nó còn có hình sắc, tướng mạo? Sắc tướng còn chẻ được– Khi ông có được sắc tướng, ông có thể chẻ nó ra nhiều phần rất nhỏ–chứ hư không làm sao hợp lại được? Hư không vốn là trống rỗng, bằng cách nào ông khiến cho hư không hợp lại với nhau được? Làm sao ông làm cho hư không hợp lại với hư không? Nó đã trở thành hư không rồi, liệu ông có thể kết hợp hư không lại với nhau để tạo thành lân hư trần chăng?"

Kinh văn: **汝元不知,如來藏中, 性色真空性空真色。清淨本然周遍法界。隨眾生心應所知量。**

Phiên âm: Nhữ nguyên bất tri, Như Lai tạng trung, tánh sắc chơn không, tánh không chơn sắc, thanh tịnh bản nhiên châu biến pháp giới, tùy chúng sinh tâm ứng sở tri lượng.

Việt dịch: Ông vốn không biết rằng trong Như Lai tạng, tánh sắc là chơn không, tánh không là chơn sắc, xưa nay vốn thường thanh tịnh, trùm khắp pháp giới, biến hiện tuỳ theo mức độ hiểu biết từ tâm chúng sinh.

Giảng: "Ông vốn không biết, A-nan, trong Như Lai tạng–Như Lai tạng là Chân tâm, là Thật tướng. Ông không biết rằng nếu ông cứu xét kỹ cho đến tận nguồn cội hư không và lân hư trần, ông sẽ thấy rằng mình không thể nào biết được nó cả. Mà đạo lý ấy lại được tìm thấy trong Như Lai tạng: tánh sắc là chơn không, tánh không là chơn sắc." Ở điểm rốt ráo, sắc tướng chính là chơn không; và tánh không cũng chính là chơn sắc. Nó vốn không nhiễm ô, không thanh tịnh, không sinh, không diệt, không tăng, không giảm. Cơ bản là bất biến. Tự tánh của nó vốn là thường thanh tịnh, trùm khắp pháp giới, chẳng có gì làm cho nó tăng thêm, cũng chẳng bớt đi chút nào.

"Tánh sắc là chơn không, tánh không là chơn sắc." Đây là một hoạt dụng vi diệu "tuỳ theo mức độ hiểu biết từ tâm chúng sinh." Nó đáp ứng tuỳ theo mọi năng lực nhận thức từ tâm chúng sinh: mức độ của sự nhiệm mầu sẽ hiển bày tương ứng với năng lực nhận thức của mỗi chúng sinh.

Kinh văn: **循業發現。世間無知, 惑為因緣及自然性。皆是識心分別計度。但有言說,都無實義.**

Phiên âm: Tuần nghiệp phát hiện. Thế gian vô tri, hoặc vi nhân duyên, cập tự nhiên tánh. Giai thị thức tâm phân biệt kế đạt. Đãn hữu ngôn thuyết, đô vô thật nghĩa.

Việt dịch: Theo nghiệp mà biến hiện ra các cảnh giới hiện hữu. Thế gian không biết, lầm cho là tánh nhân duyên và tự nhiên. Tất cả đều là do thức tâm phân biệt suy lường. Chỉ là lời nói, hoàn toàn không có nghĩa chân thật.

Giảng: "Theo nghiệp mà biến hiện ra các cảnh giới hiện hữu." Nó tương ưng với tâm thức của mỗi chúng sinh và biến hiện ra thành các hiện tượng tương

ưng với nghiệp mà mỗi chúng sinh đã tạo. Tánh của sắc là chơn không, tánh của không là chơn sắc. Vốn hằng thanh tịnh từ trong thể tánh và bao trùm khắp pháp giới. Hoạt dụng mầu nhiệm nầy có được là do nghiệp cảm của mỗi chúng sinh và sẽ kết thành quả báo mà mỗi người sẽ nhận được.

“Thế gian không biết, lầm cho là tánh nhân duyên.”

Thế gian là ai? Họ là những người tu tập theo ngoại đạo và hàng phàm phu theo pháp môn quyền thừa. Họ là những người mê mờ về tánh Như Lai tạng, vốn hằng thanh tịnh từ trong thể tánh và bao trùm khắp pháp giới. Họ không nhận ra được điều nầy. Họ cho rằng nó xuất phát từ tánh nhân duyên và tự nhiên. Đây là kiến chấp của hàng Tiểu thừa: pháp nhân duyên sinh. “Hoặc tánh tự nhiên.”

Dính mắc vào kiến chấp của hàng ngoại đạo là tánh tự nhiên. Làm thế nào mà họ bị lừa mị vào kiến chấp nầy? “Tất cả đều là do thức tâm phân biệt suy lường.” Đó là do sự dính mắc của thức tâm phân biệt suy lường trong giáo lý Tiểu thừa, của hàng ngoại đạo và của hàng phàm phu đã tạo nên sự tính toán phân biệt. Họ chỉ tưởng tượng những cái mà không hề có, họ suy nghĩ đến những thứ mà

“Chỉ là lời nói, hoàn toàn không có nghĩa chân thật.” Đó chính là thức tâm vọng tưởng, phân biệt, suy tính–dù quý vị cho nói đó là tánh nhân duyên hay tự nhiên–cũng chỉ là ngôn từ. Chẳng có thật. Trong đó chẳng có chút nào đạo lý chân thật đáng nói cả.

Kinh văn: **阿難, 火性無我, 寄於諸緣。汝觀 城中,未食之家, 欲炊爨時。手執陽燧,日前求火。**

Phiên âm: A-nan, hoả tánh vô ngã, kí ư chư duyên. Nhữ quán thành trung, vị thực chi gia dục xuy thoán thời. Thủ chấp dương toại, nhật tiền cầu hoả.

Việt dịch: A-nan, tánh của hoả đại không có tự thể, nhờ các trợ duyên mà phát sinh. Ông hãy xem các nhà trong thành khi chưa đến bữa ăn, muốn nhóm bếp thì tay cầm tấm kính đưa trước ánh sáng mặt trời để lấy lửa.

Giảng: “A-nan, tánh của hoả đại không có tự thể, nhờ các trợ duyên mà phát sinh.” Lửa tự nó vốn không có tánh chất riêng biệt. Phải có các yếu tố nhân duyên nó mới phát sinh được. ‘Tự thể’ ở đây không đề cập đến người mà chỉ cho thể tánh của lửa. Đoạn kinh nầy không nên hiểu rằng: ‘Tôi không có lửa.’

Có nghĩa là 'Tôi không có tánh nóng giận.' Nếu tự tánh quý vị không có chút lửa nào cả, thì quý vị sẽ là một vị Bồ-tát.

Lửa nhờ các trợ duyên mà phát sinh. Nó không có tự thể riêng. Nó có trong tất cả mọi yếu tố, khi đầy đủ yếu tố nhân duyên để tạo ra lửa, thì lửa sẽ phát sinh. Nếu không có đủ yếu tố nhân duyên, thì sẽ không có lửa. Thể tánh của lửa ở đâu? Tánh lửa ở khắp mọi nơi. Dù nó không có tự thể riêng, nhưng chẳng có nơi nào mà không có lửa.

"Ông hãy xem các nhà trong thành khi chưa đến bữa ăn." A-nan, khi chưa đến giờ ăn, ông hãy xem các gia đình trong thành Ca-tì-la-vệ. Khi họ muốn nhóm bếp, họ vào nhà bếp lấy gạo và rau. Lúc ấy, đang còn mặt trời, nếu không, thì chẳng có lửa để nấu thức ăn. Tay cầm tấm kính đưa trước ánh sáng mặt trời để lấy lửa.

Đây là loại kính dùng để lấy lửa từ ánh sáng mặt trời, kính được làm bằng kim loại. Một tay họ cầm kính hướng về mặt trời, tay kia họ giữ một miếng bùi nhùi. Ánh sáng mặt trời gom vào mặt kính, tạo ra sức nóng phóng vào miếng bùi nhùi cho đến khi bùi nhùi phát ra lửa. Phương pháp lấy lửa của thời cổ xưa được vận dụng ở đây. Kinh văn đoạn sau Đức Phật sẽ hỏi lửa phát sinh là do mặt trời, do tấm kính hay là do bùi nhùi.

Kinh văn: **阿難, 名和合者。如我與汝, 一千二百五十比丘, 今為一眾。眾雖為一, 詰其根本各各有身, 皆有所生, 氏族名字。如舍利弗, 婆羅門種。優樓頻螺, 迦葉波種。乃至阿難, 瞿曇種姓。**

Phiên âm: A-nan, danh hòa hợp giả, như ngã dữ nhữ, nhất thiên nhị bách ngũ thập tỷ-khưu, linh vi nhất chúng. Chúng tuy vi nhất, cật kỳ căn bổn, các các hữu thân, giai hữu sở sinh, thị tộc danh tự. Như Xá-lợi-phất bà-la-môn chủng. Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp-ba chủng, nãi chí A-nan Cồ-đàm chủng tánh.

Việt dịch: A-nan, cái gọi là hòa hợp, cũng như Như Lai và ông cùng 1250 tỷ-khưu họp thành một chúng. Chúng tuy chỉ một, nhưng xét từ căn gốc, thì mỗi người đều có thân riêng biệt, đều có tên gọi họ hàng riêng của mình. Như Xá-lợi-phất thuộc dòng Bà-la-môn, ông Ưu-lâu-tần-loa thuộc dòng Ca-diếp-ba, cho đến A-nan thì thuộc dòng Cồ-đàm.

Giảng: "A-nan, cái gọi là hòa hợp. Nếu có sự hòa hợp, thì bằng cách nào đó, nó phải có tướng trạng. Một số chất kết hợp lại với nhau được gọi là hòa hợp. Giống như cái gì? Như Như Lai và ông cùng 1250 tỷ-khưu họp thành một

chúng. A-nan, giống như đại chúng ở đây, ông và Như Lai, cùng 1250 vị tỷ-khưu hòa hợp thành một chúng, nhưng chúng ấy không phải là một thực thể đơn nhất. Chúng tuy chỉ một, nhưng xét từ căn gốc, thì mỗi người đều có thân riêng biệt.

Nhóm người nầy kết hợp lại với nhau để thành một chúng, được gọi là hòa hợp. 'Giả sử ông tìm hiểu và khảo sát căn gốc của từng người. Tuy là một đại chúng, nhưng mỗi người đều có thân thể riêng biệt. Không những vậy, mọi người đều có tên gọi họ hàng riêng của mình.'" Những ai sinh trong gia đình Smith thì được gọi là Smith, những ai sinh trong gia đình họ Lý thì được gọi là Ông Lý.

"Như Xá-lợi-phất …"Tôi đã giảng về Xá-lợi-phất trước đây. Mắt của mẹ ngài đẹp như mắt của loài chim diệc trắng. Chim diệc, tiếng Phạn là Śāri. Đọc là Xá-lợi. Còn chữ 'phất弗' trong tiếng Phạn là putra, Hán dịch là tử子, có nghĩa là 'con trai'. Nên chữ Śāriputra (Xá-lợi-phất) có nghĩa là 'Người con trai của bà Śāri.' Ông ta thuộc dòng họ Bà-la-môn. Bà-la-môn là một trong bốn tầng lớp cao nhất của xã hội Ấn Độ. 'Bà-la-môn ' là tiếng Phạn có nghĩa là 'dòng dõi trong sạch', chủng tử thanh tịnh.

Nhưng thực ra, chủng tử của loài người thì không mấy thanh tịnh. 'Bà-la-môn' còn được giải thích với ý nghĩa là 'mục đích thanh tịnh.' Họ cho rằng thuỷ tổ của họ xuất thân từ cõi trời Phạm thiên (Brahma Heaven) thế nên họ cho rằng họ thuộc dòng họ cao quý và thanh tịnh.

"Ưu-lâu-tần-loa thuộc dòng Ca-diếp-ba." Ưu-lâu-tần-loa (s: Uruvilvā) có nghĩa là 'rừng cây papayad'. Ông ta thường tu tập bên rừng cây papayad nên có tên như vậy. Còn chữ Ca-diếp (s: Kāśyapa) có nghĩa là 'bộ tộc của loài rùa '. Có tên như vậy là do trong thời quá khứ, tổ tiên của ông đã tìm thấy một con rùa với đồ hình trên lưng nó.

"Cho đến A-nan thì thuộc dòng Cồ-đàm." Tên A-nan có nghĩa là 'Khánh Hỷ'. A-nan với Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đều thuộc dòng họ Cồ-đàm.

Về sau Đức Phật có họ là Thích-ca.

Đoạn kinh nầy chỉ ra rằng mọi người đều có họ hàng dòng tộc và tên gọi riêng. Cho dù họ đã kết hợp với nhau thành một đại chúng, mỗi người vẫn có cái riêng biệt. Mỗi người đều có tên, tướng mạo, thân thể riêng. Đức Phật đưa ra một lời mở đầu để giải thích cho hoả đại, vốn là hòa hợp, nhưng vẫn có cái riêng ở trong nó.

Kinh văn: **阿難, 若此火性, 因和合有。彼手執鏡,於日求火。此火為從鏡中而出。為從艾出為於日來。**

Phiên âm: A-nan, nhược thử hoả tánh, nhân hòa hợp hữu, bỉ thủ chấp kính, ư nhật cầu hoả, thử hoả vi tùng kính trung nhi xuất, vi tùng ngải xuất, vi ư nhật lai?

Việt dịch: A-nan, nếu lửa ấy do hòa hợp mà có, thì khi người kia cầm kính lấy ánh sáng mặt trời, lửa đó từ kính ra, từ bùi nhùi có, hay từ mặt trời mà đến?

Giảng: "A-nan, nếu lửa ấy do hòa hợp mà có." Có nghĩa là hội đủ các yếu tố nhân duyên với nhau–tức là khi trên tay có kính viễn vọng phản xạ, có mặt trời và có bùi nhùi– ba thứ nhân duyên nầy hòa hợp lại, tức liền có lửa.

"Thì khi người kia cầm kính lấy ánh sáng mặt trời–khi người ta cầm kính viễn vọng phản xạ trên tay để lấy lửa–lửa đó từ kính ra. Ông cho rằng lửa ấy từ kính viễn vọng phản xạ phát ra? Hay từ bùi nhùi có– Phải chăng bùi nhùi làm bằng ngải cứu phát sinh ra lửa? Hay từ mặt trời mà đến? Hoặc là lửa từ mặt trời đến? Hãy nói xem lửa từ đâu mà có?" Đây cũng là một dạng hòa hợp: có kính viễn vọng phản xạ, mặt trời, và bùi nhùi bằng ngải cứu, nó rất dễ bắt lửa.

"Trong trường hợp do hòa hợp mà có, rốt ráo ông cho rằng lửa từ đâu mà ra? Giả sử như ông cho rằng chính do mặt trời phát sinh ra lửa chứ không có gì khác, nếu vậy thì mặt trời có thể đốt cháy cả thế gian. Thế nên không thể nào nói lửa có là do mặt trời được. Còn nếu ông nói lửa có là do kính; thế thì, khi kính được người cầm trên tay, nó cũng chẳng nóng lên chút nào. Song lửa thì rất nóng, mà kính thì chẳng nóng chút nào cả. Thế nên nói rằng lửa phát xuất từ kính là vô lý. Còn nếu ông nói rằng lửa có từ bùi nhùi , thì khi không có kính và mặt trời, sao bùi nhùi kia lại không phát ra lửa? Vậy nên đây là một trường hợp hòa hợp, nhưng trong đó vẫn còn nhiều điểm độc đáo."

Kinh văn: **阿難, 若日來者。自能燒汝手中之艾。來處林木, 皆應受焚。**

Phiên âm: A-nan, nhược nhật lai giả, tự năng thiêu nhữ thủ trung chi ngải. Lai xứ lâm mộc, giai ưng thọ phần.

Việt dịch: A-nan, nếu lửa từ mặt trời mà có, thì lửa ấy đã đốt được bùi nhùi trong tay ông rồi. Những rừng cây mà có ánh sáng mặt trời đi qua lẽ ra đều bị thiêu cháy cả.

Giảng: “A-nan, nếu lửa từ mặt trời mà có–giả sử ông cho rằng lửa đến từ mặt trời–không những lửa ấy đã đốt được bùi nhùi trong tay ông–lửa từ mặt trời sẽ thiêu cháy nắm bùi nhùi trong tay của ông–Nhưng rừng cây mà có ánh sáng mặt trời đi qua lẽ ra đều bị thiêu cháy cả.” Mặt trời ở rất xa, sức nóng bao trùm mọi rừng cây. Nếu như lửa phát ra từ mặt trời, thì những cây rừng ấy đều bị đốt cháy. Nếu mặt trời đốt cháy được bùi nhùi, lẽ nào nó chẳng đốt được rừng cây? Nhưng thực tế thì mặt trời chẳng thiêu cháy rừng cây.

Kinh văn: **若鏡中出,自能於鏡。出然于艾, 鏡何不鎔。紆汝手執, 尚無熱相, 云何融泮?**

Phiên âm: Nhược kính trung xuất, tự năng ư kính, xuất nhiên vu ngãi, kính hà bất dung? Vu nhữ thủ chấp, thướng vô nhiệt tướng, vân hà dung phán?

Việt dịch: Nếu lửa từ kính mà ra, thì lửa ấy có thể từ kính đốt cháy bùi nhùi, tại sao kính lại không bị chảy? Cho đến tay ông cầm kính còn không thấy nóng, làm sao kính chảy được?

Giảng: “Nếu lửa từ kính mà ra, thì lửa ấy có thể từ kính đốt cháy bùi nhùi–giả sử ông cho rằng lửa vốn từ trong kính phản xạ mặt trời ra đốt cháy bùi nhùi bằng ngải cứu, nhưng nếu lửa ở trong kính, thì tại sao kính lại không bị chảy?” Theo giải thích của người Trung Hoa về ngũ hành, thì hỏa khắc kim, lửa có thể thiêu chảy kim loại như vàng bạc, đồng, sắt. “Tuy nhiên, tay ông cầm kính còn không thấy nóng, làm sao kính chảy được? Ngay cái kính còn không thấy nóng, làm sao mà nó chảy ra được?”

Kinh văn: **若生於艾, 何藉日鏡, 光明相接,然後火生。**

Phiên âm: Nhược sinh ư ngải, hà tạ nhật kính, quang minh tương tiếp, nhiên hậu hoả sinh?

Việt dịch: Nếu lửa do từ bùi nhùi bằng ngải cứu sinh ra, thì đâu cần gì đến mặt trời, kính và ánh sáng tiếp xúc với nhau mới sinh được lửa?

Giảng: ” Giả sử ông cho rằng lửa sinh ra từ bùi nhùi bằng ngải cứu. Nếu lửa do từ bùi nhùi bằng ngải cứu sinh ra, thì đâu cần gì đến mặt trời, kính và ánh sáng tiếp xúc với nhau mới sinh được lửa?

” Ánh sáng mặt trời và tia sáng từ kính phản xạ mặt trời chiếu vào bùi nhùi bằng ngải cứu khiến phát ra lửa. Nếu lửa phát ra từ bùi nhùi bằng ngải cứu, thì

bùi nhùi có thể tự phát ra lửa, không cần đợi phải có ánh sáng mặt trời và kính mới có bắt được lửa. Thế nên vô lý khi nói rằng lửa có do bùi nhùi.

Kinh văn: **汝又諦觀, 鏡因手執。日從天來, 艾本地生。火從何方, 遊歷於此?**

Phiên âm: Nhữ hựu đế quán, kính nhân thủ chấp. Nhật tùng thiên lai, ngải bổn địa sinh. Hoả tùng hà phương, du lịch ư thử?

Việt dịch: Ông hãy suy xét kỹ, kính do tay cầm, mặt trời thì ở trên cao, bùi nhùi bằng ngải cứu thì từ đất sinh ra, vậy lửa từ đâu mà đến đây?

Giảng: "Ông hãy suy xét kỹ–ông hãy quán sát chuyện nầy thật chi tiết–kính do tay cầm, mặt trời thì ở trên cao, bùi nhùi bằng ngải thì từ đất sinh ra, vậy lửa từ đâu mà đến đây? Cả ba thứ–kính, ánh sáng mặt trời, bùi nhùi bằng ngải cứu–đều có xuất xứ từ ba nơi khác nhau. Vậy thì, rốt ráo, lửa từ phương nào đến? Nó vừa đi từ nơi nào đến đây?" Đức Phật hỏi A-nan. Thật là không hợp lý khi nói rằng lửa xuất phát từ ba nơi vừa nêu ra–từ tay, từ mặt trời, hay từ kính.

Kinh văn: **日鏡相遠, 非和非合。不應火光, 無從自有?**

Phiên âm: Nhật kính tương viễn, phi hòa phi hợp. Bất ưng hoả quang, vô tùng tự hữu.

Việt dịch: Mặt trời và kính xa cách nhau, không hòa không hợp. Không lẽ lửa chẳng do đâu mà tự có?

Giảng: "Mặt trời và kính xa cách nhau, không hòa không hợp. Mặt trời và kính hoàn toàn cách xa nhau. Không thể nói chúng hòa hay hợp nhau. Sao vậy? Nó không thể đến gần nhau, làm sao mà hòa hợp được? Nay 1250 vị tỷ-khưu đang có mặt ở đây, nhưng làm sao ông có thể nói rằng mặt trời và kính hòa hợp nhau được? Vì chúng hoàn toàn cách xa nhau. Lại nữa, 'Ông hãy suy xét kỹ, kính do tay cầm, mặt trời thì ở trên cao, bùi nhùi thì từ đất sinh ra, vậy lửa từ đâu mà đến đây?'

"Không lẽ lửa chẳng do đâu mà tự có?" Nhưng không lẽ lửa chẳng từ đâu đến cả, chính nó tự có hay sao?

Kinh văn: **汝猶不知,如來藏中, 性火真空,性空真火。清淨本然, 周遍法界。隨眾生心, 應所知量。**

Phiên âm: **Nhữ do bất tri, Như Lai tạng trung, tánh hoả chân không, tánh không chân hoả, thanh tịnh bản nhiên châu biến pháp giới, tuỳ chúng sinh tâm ứng sở tri lượng.**

Việt dịch: Ông vẫn chưa biết trong Như Lai tạng, tánh lửa là chơn không, tánh không là chơn hỏa, xưa nay vốn thường thanh tịnh, trùm khắp pháp giới, biến hiện tuỳ theo mức độ hiểu biết từ tâm chúng sinh.

Giảng: "A-nan, Ông vẫn chưa biết rằng đạo lý đang được giảng giải trên đây đều có trong Như Lai tạng. Ông phải kiếm tìm nó ở đâu? Tánh lửa là chơn không." Tự tánh của lửa là chơn không. Và "Tánh không là chơn hỏa." Tự tánh của không cũng chính thực là lửa. "Xưa nay vốn thường thanh tịnh– tự thể của nó vốn hằng thanh tịnh– trùm khắp pháp giới." Hỏa đại nầy có khắp trong cả pháp giới, bao trùm mọi nơi. Biến hiện tuỳ theo mức độ hiểu biết từ tâm chúng sinh.

Kinh văn: **阿難, 當知世人, 一處執鏡, 一處火生。遍法界執, 滿世間起。起遍世間, 寧有方所。**

Phiên âm: **A-nan, đương tri thế nhân, nhất xứ chấp kính, nhất xứ hoả sinh. Biến pháp giới chấp, mãn thế gian khởi. Khởi biến thế gian, ninh hữu phương sở.**

Việt dịch: A-nan, ông không biết rằng người đời cầm kính ở đâu, thì ở đó phát ra lửa. Khắp pháp giới cầm kính, thì cả pháp giới có lửa. Lửa khắp cả thế gian, đâu có nơi chốn.

Giảng: "A-nan, ông không biết rằng người đời cầm kính ở đâu, thì ở đó phát ra lửa. Khắp pháp giới cầm kính, thì cả pháp giới có lửa."

Nếu mọi người trong thế gian đều cầm kính viễn vọng phản xạ hướng về mặt trời thì lửa sẽ phát ra khắp mọi nơi. "Lửa khắp cả thế gian, đâu có nơi chốn. Ông cho rằng lửa từ đâu mà ra? Nó từ đâu đến? Do vậy nên biết hỏa đại trùm khắp cả thế gian."

Kinh văn: **循業發現。 世間無知, 惑為因緣, 及自然性。皆是識心分別計度。但有言說,都無實義 。**

Phiên âm: **Tuần nghiệp phát hiện. Thế gian vô tri, hoặc vi nhân duyên, cập tự nhiên tánh. Giai thị thức tâm phân biệt kế đạt. Đãn hữu ngôn thuyết, đô vô thật nghĩa.**

Việt dịch: Theo nghiệp mà biến hiện ra các cảnh giới hiện hữu. Thế gian không biết, lầm cho là tánh nhân duyên và tự nhiên. Tất cả đều là do thức tâm phân biệt suy lường. Chỉ là lời nói, hoàn toàn không có nghĩa chân thật.

Giảng: Đức Phật bác bỏ hai lý lẽ trên vì đó chỉ là sự ước đoán.

Kinh văn: **阿難, 水性不定, 流息無恒。如室羅城, 迦毘羅仙, 斫迦羅仙。及缽頭摩, 訶薩多等, 諸大幻師。求太陰精, 用和幻藥。是諸師等, 於白月晝, 手執方諸, 承月中水。**

Phiên âm: **A-nan, thuỷ tánh bất định, lưu tức vô hằng. Như Thất-la thành, Ca-tỳ-la tiên, Chước-ca-la tiên, cập Bát-đầu-ma, Ha-tát-đa đẳng, chư đại huyễn sư, cầu Thái âm tinh, dụng hòa huyễn dược. Thị chư sư đẳng ư bạch nguyệt trú, thủ chấp phương chư, thừa nguyệt trung thuỷ.**

Việt dịch: A-nan, tánh nước không nhất định, khi dừng khi chảy không chừng. Như trong thành Thất-la-phiệt, các vị tiên Ca-tỳ-la, Chước-ca-la và các vị đại huyễn thuật Bát-đầu-ma, Ha-tát-đa v.v… muốn cầu tinh thái âm để pha chế huyễn dược. Các vị ấy vào đêm trăng sáng, tay cầm hạt châu phương chư, hứng nước từ mặt trăng.

Giảng: "A-nan, tánh nước không nhất định." Hỏa đại và địa đại đã được giảng rõ. Nay sẽ nói đến thủy đại. Mỗi một yếu tố nầy, người Trung Hoa gọi là đại **大** , có nghĩa là lớn. Những thành tố nầy được gọi là lớn do vì nó trùm khắp cả pháp giới, vô cùng vô tận.

Tính chất của nước là bất định. Nên nói:
Khơi dòng phía đông thì nước tràn về đông
Khơi dòng phía bắc thì nước tràn về bắc.

Khi quý vị xẻ bờ chắn của một cái hồ, con sông, suối, hay biển thì nước sẽ chảy tràn về hướng mà quý vị đã mở. Tướng của nước không có ranh giới, thế nên trong kinh văn nói rằng tánh nước bất định. "Khi dừng khi chảy không chừng." Nó dừng rồi chảy; nước không có dạng chung nhất bất biến. "Như trong thành Thất-la-phiệt, các vị tiên Ca-tỳ-la, Chước-ca-la và các vị đại huyễn thuật Bát-đầu-ma, Ha-tát-đa v.v…"

Vị tiên Ca-tỳ-la ở thành Thất-la-phiệt nầy là môn đệ của ngoại đạo Kim đầu. Trước đây (quyển 1) tôi đã giảng rằng Ma-đăng-già là đệ tử của ngoại đạo Tóc vàng và bà ta đã học được chú thuật ‘tiên Phạm thiên ‘ từ ông ta.

Ngoài bốn vị Đại huyễn sư nầy ra, còn có rất nhiều người nữa–rất nhiều đến nỗi không kể hết tên ra được. Nên trong kinh nói ‘và các vị đại huyễn thuật’. Huyễn thuật là những pháp thuật lừa mị, vốn là hư vọng.

“Muốn cầu thái âm tinh để pha chế huyễn dược. Các vị ấy vào đêm trăng sáng, tay cầm hạt châu phương chư, hứng nước từ mặt trăng.”

Họ muốn dùng thái âm tinh pha chế thành một loại huyễn dược để mê hoặc lòng người. Loại huyễn dược nầy giống như loại LSD ngày nay vậy, tuy không pha chế bằng thái âm tinh nhưng rất gần với loại huyễn dược đề cập trong kinh. Thuốc nầy khiến cho người uống thấy mọi thứ rất kỳ ảo và nghĩ rằng mình cũng biến thành các thứ kỳ ảo ấy. Thuốc khiến cho não trạng con người rối lọan, điên đảo và không còn được tin cậy nữa.

Vào đêm trăng rằm, tức ngày 15 âm lịch mỗi tháng, họ đem dụng cụ ra–một cái mâm vuông và hạt châu phương chư –để hứng nước tinh khiết. Khi hạt châu phương chư hướng về mặt trăng đêm rằm, nước sẽ tiết ra và đọng lại trong mâm. Nước nầy sẽ dùng để pha chế huyễn dược. Chắc là không có được nhiều.

Kinh văn: **此水為復, 從珠中出? 空中自有, 為從月來?**

Phiên âm: Thử thuỷ vi phục, tùng châu trung xuất, không trung tự hữu, vi tùng nguyệt lai?

Việt dịch: Nước ấy từ hạt châu mà có, từ hư không ra hay từ mặt trăng đến?

Giảng: Nước tiết ra trong đêm trăng rằm và đọng lại trong mâm. “Nước ấy từ hạt châu mà có, từ hư không ra . Có phải nước ấy từ hư không mà ra? Hay từ mặt trăng đến? Phải chăng nước ấy từ mặt trăng tiết ra?”

Kinh văn: **阿難, 若從月來。尚能遠方, 令珠出水。所經林木, 皆應吐流。流則何待方珠所出。不流明水 非從月降。**

Phiên âm: **A-nan, nhược tùng nguyệt lai, thượng năng viễn phương linh châu xuất thuỷ. Sở kinh lâm mộc, giai ưng thổ lưu. Lưu tắc hà đãi phương châu sở xuất. Bất lưu minh thuỷ phi tùng nguyệt giáng.**

Việt dịch: A-nan, nếu nước từ mặt trăng mà có, thì từ xa mặt trăng có thể làm cho hạt châu ra nước. Những rừng cây mà ánh trăng đi qua, lẽ ra đều phải ra nước. Đã ra nước thì đâu cần đợi có hạt châu mới tiết ra nước được. Còn nếu không ra nước thì rõ ràng nước ấy không phải từ mặt trăng mà có.

Giảng: “A-nan, nay ông nên suy xét điều nầy; nước từ đâu mà có? Nếu nước từ mặt trăng mà có, thì từ xa mặt trăng có thể làm cho hạt châu ra nước. Nếu ông nói rằng nước từ mặt trăng tiết ra, đó là nước tinh khiết, nước thái âm tinh, những rừng cây mà ánh trăng đi qua, lẽ ra đều phải ra nước. Mặt trăng phải đi rất xa để khiến cho vật hứng nước tiết ra. Đoạn kinh trên đã giải thích khi lửa đi qua rừng cây sẽ làm cho cây cối thiêu cháy. Bây giờ thì rừng cây sẽ đều chảy ra nước.

Có nghĩa là nước chảy ra từ rừng cây. Bất kỳ ánh trăng đi qua chỗ nào, thì chỗ ấy đều sẽ tiết ra nước. Đã ra nước thì đâu cần đợi có hạt châu mới tiết ra nước được. Nếu rừng cây đã phun ra nước rồi, thì lý gì lại đợi phải có hạt châu để lấy được nước? Còn nếu không ra nước thì rõ ràng nước ấy không phải từ mặt trăng mà ra. Nên ông phải hiểu rằng nước không phải nước phun ra từ mặt trăng.”

Kinh văn: **若從珠出, 則此珠中, 常應流水。何待中宵, 承白月晝?**

Phiên âm: **Nhược tùng châu xuất, tắc thử châu trung, thường ưng lưu thuỷ. Hà đãi trung tiêu, thừa bạch nguyệt trú?**

Việt dịch: Nếu nước từ hạt châu thì trong hạt châu ấy thường chảy ra nước. Sao còn phải đợi mặt trăng lúc nửa đêm?

Giảng: “Nếu nước từ hạt châu–nếu ông nói rằng nước chảy ra từ hạt châu–thì trong hạt châu ấy thường chảy ra nước. Sao còn phải đợi mặt trăng lúc nửa đêm? Sao còn phải đợi đến ngày rằm mỗi tháng mới lấy nước được? Nếu tự hạt châu tiết ra nước được thì lẽ ra mọi lúc nó đều chảy ra nước. Thế nên đến đây chứng tỏ được rằng nước không chảy ra từ mặt trăng, và cũng chẳng được tiết ra từ các dụng cụ để hứng nước.”

Kinh văn: **若從空生, 空性無邊, 水當無際。從人洎天,皆同陷溺。云何復有水陸空行**

Phiên âm: Nhược tùng không sinh, không tánh vô biên, thuỷ đương vô tế. Tùng nhân kị thiên, giai đồng hãm nịch. Vân hà phục hữu, thuỷ lục không hành?

Việt dịch: Nếu nước do hư không sinh ra, hư không vốn chẳng ngằn mé, nước cũng vô cùng. Từ cõi người đến cõi trời, lẽ ra đều phải chìm ngập cả. Làm sao còn có thủy lục không hành?

Giảng: "Nếu nước do hư không sinh ra, hư không vốn chẳng ngằn mé. Ông có thể nói được ranh giới của hư không ở đâu không? Ông có tìm ra ranh giới ấy không? Do vì hư không chẳng có ngằn mé, nên nước cũng vô cùng… Nếu thực là nước sinh ra từ hư không, thì nước cũng không có ngằn mé. Tánh của hư không là vô cùng, như ông nói rằng nước phát sinh từ hư không, thế nên nước cũng vô cùng… Từ cõi người đến cõi trời, lẽ ra đều phải chìm ngập cả. Vạn vật sẽ biến thành đại dương cả, và mọi loài, mọi người, từ nhân gian cho đến cõi trời đều bị chết đuối cả. Làm sao còn có thủy lục không hành?"

Cách đây cả vài ngàn năm, Đức Phật đã nói về việc đi bằng máy bay và du hành trong không gian. Ngài nói rằng nếu mọi thứ từ cõi người đến cõi trời đều biến thành đại dương, thì chỉ còn có cách đi bằng đường thủy; vì không còn đất liền và không gian. Nhưng đây không phải là điều xảy ra.

Kinh văn: **汝更諦觀, 月從天陟, 珠因手持。承珠水盤本人敷設。水從何方, 流注於此?**

Phiên âm: Nhữ cánh đế quán, nguyệt tùng thiên trắc, châu nhân thủ trì. Thừa châu thuỷ bàn, bổn nhân phu thiết. Thuỷ tùng hà phương, lưu chú ư thử?

Việt dịch: Ông suy xét thật kỹ, mặt trăng từ trên trời xa, hạt châu do tay người cầm, mâm hứng nước do người sắp đặt. Thế nước từ phương nào mà chảy đến đây?

Giảng: "Ông suy xét thật kỹ–ông phải quán sát thật chi tiết–mặt trăng từ trên trời xa." Ở đây không nhất thiết phải giả định rằng mặt trăng đi qua bầu trời, nhưng đó là cách mà trong kinh diễn tả. Phân tích rốt ráo, khi nào thì mặt trăng đi qua bầu trời, mỗi bước nó đi được bao xa? Và mỗi lần muốn đi thì sẽ đi được bao xa? Xin đừng chú ý đến điểm nầy. "Hạt châu do tay người cầm, mâm hứng nước do người sắp đặt." Cái mâm do người dặt sẵn. Mặt trăng, hạt châu và

mâm đều có chỗ nhất định. “Thế nước từ phương nào mà chảy đến đây?” Đức Phật chỉ hỏi rằng nước đến từ hạt châu hay từ mặt trăng, hay đến từ hư không? Thế thì nó từ đâu đến? Làm thế nào mà nước đọng lại trong mâm?

Kinh văn: **月珠相遠, 非和非合。不應水精, 無從自有?**

Phiên âm: Nguyệt châu tương viễn, phi hòa phi hợp. Bất ưng thuỷ tinh vô tùng tự hữu?

Việt dịch: Mặt trăng và hạt châu cách xa nhau, không phải hòa, không phải hợp. Không lẽ nước kia chẳng do đâu mà tự có?

Giảng: “Mặt trăng và hạt châu cách xa nhau, không phải hòa, không phải hợp. Ông có thể nói rằng mặt trăng và hạt châu hòa hợp cùng nhau để phát sinh ra nước; Tuy nhiên, cách xa nhau như thế, làm sao chúng hòa hợp được? Điều ấy không hợp lí. Không lẽ nước kia chẳng do đâu mà tự có?” Đạo lý nầy cũng giống như hỏa đại. Không thể nào nước chẳng từ đâu đến, chỉ tự nhiên xuất hiện trong mâm. Không thể nào có chuyện như vậy.

Kinh văn: **汝尚不知, 如來藏中, 性水真空性空真水, 清淨本然周遍法界, 隨眾生心應所知量。**

Phiên âm: Nhữ thượng bất tri, Như Lai tạng trung, tánh thuỷ chân không, tánh không chân thuỷ, thanh tịnh bổn nhiên, châu biến pháp giới, tuỳ chúng sinh tâm ứng sở tri lượng.

Việt dịch: Ông vốn không biết rằng trong Như Lai tạng, tánh nước là chơn không, tánh không là chơn thủy, xưa nay vốn thường thanh tịnh, trùm khắp pháp giới, biến hiện tuỳ theo mức độ hiểu biết từ tâm chúng sinh.

Giảng: “A-nan, Ông vốn không biết rằng trong Như Lai tạng, tánh nước là chơn không.” Cũng vậy, thể tánh của nước chính là chơn không. “Tánh không là chơn thủy.” Thế ông cho rằng nó từ đâu mà có? Nó vốn từ trong Như Lai tạng.” Nó có trong chân tâm của mỗi chúng sinh như chúng ta. Chúng ta có đầy đủ không những thủy đại, mà còn có hỏa đại, địa đại, phong đại. Hoàn toàn có đủ trong tâm chúng ta địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại, không đại, kiến đại , và thức đại là bảy đại, tất cả đều có đủ trong tâm chúng ta.

Nhưng, mặc dù chúng hiện hữu ở đó, chúng vẫn không lẫn lộn hay ngăn ngại nhau. “Xưa nay vốn thường thanh tịnh, trùm khắp pháp giới. Tánh của nước

vốn thường thanh tịnh và trùm khắp cả pháp giới. Ông nên biết rằng trong thể tánh thanh tịnh là sự hiện hữu mầu nhiệm (diệu hữu).” Trong chơn không là diệu hữu. Nếu ông quán chiếu sâu vào đạo lý nầy, ông sẽ liễu ngộ được. Nói cách khác, khi chính ông có công phu – khi ông tọa thiền, có được định lực và phát khởi trí huệ, thì ông sẽ nhận ra rằng đạo lý được giảng giải trong kinh nầy là chân thật, không hư ngụy. Nhưng, đạo lý nầy không dễ gì hiểu được nếu ông cố dò tìm nó bằng thức tâm.

“Biến hiện tuỳ theo mức độ hiểu biết từ tâm chúng sinh.” Bất kỳ các loài chúng sinh trong 9 pháp giới nếu có tâm mong cầu điều gì đều được đáp ứng đúng theo sở nguyện. Bất luận họ muốn điều gì, bất kỳ họ muốn bao nhiêu, đều được thỏa nguyện. Nếu quý vị muốn có một ly nước, sẽ có ly nước để uống. Nếu quý vị muốn có hai ly nước, sẽ có hai ly nước để uống. Mọi ước nguyện của mọi loài chúng sinh đều được đáp ứng xứng theo tâm lượng của họ.

Kinh văn: **一處執珠, 一處水出。遍法界執, 滿法界生。生滿世間, 寧有方所。**

Phiên âm: Nhất xứ chấp châu, nhất xứ thuỷ xuất, biến pháp giới chấp, mãn pháp giới sinh. Sinh mãn thế gian, ninh hữu phương sở.

Việt dịch: Một nơi cầm hạt châu thì nơi ấy nước chảy ra, khắp nơi cầm hạt châu thì khắp pháp giới có nước. Thủy đại sinh khắp thế gian, đâu có nơi chốn.

Giảng: Ông nói nước từ đâu mà có? Đến đây kinh văn sẽ chỉ bày cho ông rõ. Vì sao lại nói rằng nó ở trong Như Lai tạng? “Một nơi cầm hạt châu”– có người muốn có chút nước nên cầm hạt châu– “thì nơi ấy nước chảy ra, khắp nơi cầm hạt châu”–nếu khắp mọi nơi trên trái đất, mọi người đều cầm hạt châu để lấy nước–thì khắp pháp giới có nước.” Nước có thể chảy ra khắp cả triệu cõi giới. Tất cả đều đáp ứng cho người mong cầu có nước. “Thủy đại sinh khắp thế gian, đâu có nơi chốn.”

Nếu nước có khắp cả mọi nơi, thì ông nói nó sinh ra từ đâu. Nếu nó sinh ra từ một nơi nào đó, thì nó sẽ sinh ra cho tôi chứ không sinh ra cho ông. Nếu nó sinh ra cho ông thì nó sẽ không sinh ra cho tôi nữa. Nhưng nếu mọi người đều cầm hạt châu, thì nước sẽ sinh ra cho tất cả mọi người.

Hoàn toàn chính xác khi nói rằng tánh nước thường ở trong Như Lai tạng–nó không ở một nơi nào cả, nhưng có khắp mọi nơi. Hoàn toàn có ở khắp pháp giới, nhưng cũng có thể nói rằng nó không ở một nơi nào cả, vì nếu ông không

có hạt châu trên tay, nếu ông không muốn dùng hạt châu để lấy nước, thì nước sẽ không có. Điều nầy hoàn toàn giống như tánh lửa.

Kinh văn: **循業發現,世間無知,惑為因緣,及自然性。皆是識心分別計度。但有言說, 都無實義 .**

Phiên âm: Tuần nghiệp phát hiện, thế gian vô tri, hoặc vi nhân duyên, cập tự nhiên tánh, giai thị thức tâm phân biệt kế đạt. Đãn hữu ngôn thuyết, đô vô thật nghĩa.

Việt dịch: Theo nghiệp mà biến hiện ra các cảnh giới hiện hữu. Thế gian không biết, lầm cho là tánh nhân duyên và tự nhiên. Tất cả đều là do thức tâm phân biệt suy lường. Chỉ là lời nói, hoàn toàn không có nghĩa chân thật.

Giảng: Đức Phật bác bỏ hai lý lẽ trên vì đó chỉ là sự suy lường phân biệt.

Kinh văn: **阿難, 風性無體, 動靜不常。汝常整衣, 入於大眾。僧伽梨角, 動及傍人。則有微風,拂彼人面。**

Phiên âm: A-nan, phong tánh vô thể, động tĩnh bất thường. Nhữ thường chỉnh y nhập ư đại chúng, tăng-già-lê giác, động cập bàng nhân, tắc hữu vi phong, phất bỉ nhân diện.

Việt dịch: A-nan, phong đại không có tự thể, động tĩnh không chừng. Như ông thường chỉnh y để vào trong đại chúng, khi chéo y tăng-già-lê chạm vào người bên cạnh, thì có chút gió phất qua mặt người kia.

Giảng: Đức Phật một lần nữa lại bảo A-nan,"A-nan, phong đại không có tự thể. Như Lai sẽ giảng giải cho ông về phong đại. Động tĩnh không chừng." Có khi nó lay động, có khi nó tĩnh lặng.

"Như ông thường chỉnh y để vào trong đại chúng, khi chéo y tăng-già-lê chạm vào người bên cạnh, thì có chút gió phất qua mặt người kia."

Tăng-già-lê là tiếng Sanskrit, có nhiều cách dịch. Thứ nhất nghĩa là tạp toái y, vì y nầy được may bằng 108 mảnh vải ghép theo kiểu bốn miếng dài một miếng ngắn. Nghĩa thứ hai là Tổ y. Nghĩa thứ ba là Đại y. Là y được đắp bởi các vị tôn túc chủ trì các pháp hội. Trong ba y của người xuất gia, gồm một y năm điều (ngũ điều y), một y bảy điều (thất điều y), và y tăng-già-lê tức đại y, gồm có nhiều điều (từ 9 đến 25 điều).

Khi quý vị đi bên cạnh người nào, chéo y chạm vào người khác, tạo thành hơi gió thoảng qua. Khi quý vị đi qua, hơi gió phất qua mặt người ấy.

Kinh văn: **此風為復, 出袈裟角, 發於虛空, 生彼人面?**

Phiên âm: Thử phong vi phục xuất cà sa giác, phát ư hư không sanh bỉ nhân diện?

Việt dịch: Gió nầy do chéo áo ca-sa mà ra, do hư không phát sinh, hay do mặt người kia?

Giảng: "Gió nầy do chéo áo ca-sa mà ra?" Phải chăng gió thoảng qua mặt người bên cạnh là do chéo áo ca-sa, có nghĩa là y tăng-già-lê? " Do hư không phát sinh". Phải chăng gió sinh ra do từ hư không? "Hay do mặt người kia?" Hay là gió sinh ra do từ mặt người bên cạnh? Ca-sa, là tiếng Sanskrit, Hán dịch là hoại sắc, biểu thị cho ý nghĩa 'li trần phục', y phục của người tìm cầu sự giải thoát.

Kinh văn: **阿難, 此風若復, 出袈裟角。汝乃披風。其衣飛搖, 應離汝體。我今說法會中垂衣。汝看我衣風何所在? 不應衣中有藏風地?**

Phiên âm: A-nan, thử phong nhược phục, xuất cà sa giác, nhữ nãi phi phong, kỳ y phi diêu, ưng ly nhữ thể. Ngã kim thuyết pháp, hội trung thuỳ y, nhữ khán ngã y, phong hà sở tại? Bất ưng y trung, hữu tàng phong địa?

Việt dịch: A-nan, nếu gió phất ra do chéo áo ca-sa, thì ông đã mặc gió, lẽ ra áo ấy phải bay ra rời khỏi thân ông rồi. Nay Như Lai đang giảng pháp, đại chúng thấy y của Như Lai rũ xuống, hãy xem trong đó gió ở chỗ nào? Không lẽ trong y lại có chứa gió?

Giảng: "A-nan," Đức Phật lại gọi A-nan, "A-nan, nếu gió phất ra do chéo áo ca-sa, thì ông đã mặc gió, lẽ ra áo ấy phải bay ra rời khỏi thân ông rồi. Lẽ ra y phải bay ra khỏi thân ông rồi, trong trường hợp đó thì gió phát ra từ chéo y tăng-già-lê. Nay Như Lai đang giảng pháp, đại chúng thấy y của Như Lai rũ xuống." Ở đây Đức Phật đề cập đến chính mình là Như Lai. 'Nay Như Lai đang giảng pháp trong pháp hội và y của Như Lai vẫn đang rũ xuống bất động.' Hãy nhìn xem. "Hãy xem trong đó gió ở chỗ nào? Các ông thấy y của Như Lai đang rũ

xuống, gió ở chỗ nào? Không lẽ trong y lại có chứa gió? Không lẽ ông nói rằng trong y Như Lai có một nơi để chứa gió và giữ ở đó chờ đến lúc thổi ra?"

Kinh văn: **若生虛空, 汝衣不動, 何因無拂? 空性常住, 風應常生。若無風時, 虛空當滅。滅風可見, 滅空何狀? 若有生滅,不名虛空。名為虛空, 云何風出?**

Phiên âm: Nhược sanh hư không, nhữ y bất động, hà nhân vô phất? Không tánh thường trụ, phong ưng thường sanh, nhược vô phong thời, hư không đương diệt. Diệt phong khả kiến, diệt không hà trạng? Nhược hữu sanh diệt, bất danh hư không. Danh vi hư không, vân hà phong xuất?

Việt dịch: Nếu gió do hư không sinh ra, thì khi y ông bất động, cớ sao không phất ra gió? Tánh hư không là thường hằng, gió lẽ ra phải thường sinh; khi không có gió, thì hư không phải diệt. Gió biến mất, thì có thể biết được, còn hư không diệt, thì hình trạng sẽ như thế nào? Lại nếu có sinh diệt, thì không gọi là hư không. Đã gọi là hư không, làm sao lại phát ra gió được?

Giảng: "Nếu gió do hư không sinh ra– nếu ông cho rằng gió đến từ hư không– thì khi y ông bất động, cớ sao không phất ra gió? Gió đến từ hư không, nhưng sao khi y của ông bất động, thì lại không có gió? Tại sao không? Sao ông không thấy gió thổi? Tánh hư không là thường hằng" Tánh của hư không là thường hằng bất biến. Vậy nên "gió lẽ ra phải thường sinh." Nếu gió sinh ra từ hư không, thì lẽ ra phải thường có gió, vì hư không vốn thường hằng bất biến. Không thể nào khi có gió khi thì không được.

"Khi không có gió, thì hư không phải diệt." Đức Phật chỉ ra rằng nếu gió sinh ra từ hư không, thì lẽ ra phải luôn luôn có gió. Ngược lại là khi không có gió thì hư không phải diệt. Không có gió, hư không sẽ bị tiêu vong hoàn toàn.

"Gió biến mất, thì có thể biết được, còn hư không diệt, thì hình trạng sẽ như thế nào?" Khi gió không thổi thì tĩnh lặng, mọi người đều cảm nhận được điều ấy, họ đều nhận biết được là không có gió. Nhưng với sự biến diệt của hư không thì sẽ như thế nào? Nếu hư không bị biến hoại hoàn toàn thì sẽ ra sao? Hư không có thể diệt mất chăng? Vốn hư không là vô hình vô tướng, làm sao mà biến diệt được? Vốn hư không chẳng thể nào bị tiêu hủy. Thế nên Đức Phật có chủ ý khi hỏi A-nan vấn đề nầy.

"Lại nếu có sinh diệt, thì không gọi là hư không. Đã gọi là hư không, làm sao lại phát ra gió được?"

Nếu có sự sinh diệt trong hư không, thì nó đã không được gọi là hư không, nó sẽ được gọi là cái có sắc có tướng. Chẳng hạn, gió có thể động có thể tĩnh, vì gió là đối tượng của sinh diệt. Vậy nên gió được xem là một loại sắc tướng, không phải là hư không. Hư không được gọi là hư không vì trong nó chẳng có gì hết thảy; làm sao gió sinh khởi trong đó được? Có vết tích nào của gió biểu hiện nó sinh khởi từ hư không chăng? Có còn dấu tích nào trong đó chăng? Dấu tích ấy như thế nào? Chẳng thấy gì cả. Đây là bằng chứng cho thấy gió không sinh ra từ hư không.

Kinh văn: **若風自生, 彼拂之面。從彼面生,當應拂汝。自汝整衣, 云何倒拂?**

Phiên âm: Nhược phong tự sanh, bỉ phất chi diện, tùng bỉ diện sanh, đương ưng phất nhữ. Tự nhữ chỉnh y, vân hà đáo phất?

Việt dịch: Nếu gió sinh ra do nơi mặt người bị chéo y phất, đã do nơi mặt người kia sinh ra, lẽ ra phải phất lại ông. Sao tự ông chỉnh y mà gió phất ngược lại người kia?

Giảng: "Nếu gió sinh ra do nơi mặt người bị chéo y phất–Nếu ông cho rằng gió sinh ra từ khuôn mặt của người bên cạnh bị chéo y phất qua–đã do nơi mặt người kia sinh ra, lẽ ra phải phất lại ông. Có lý khi gió phất vào mặt người kia là sẽ phất vào ông. Sao tự ông chỉnh y mà gió phất ngược lại người kia? Vì sao mỗi khi ông tự chỉnh y thì gió lại phất qua mặt người khác? Nếu gió phát sinh từ mặt người bên cạnh, thì lẽ ra nó phải phất vào ông trước. Thế thì tại sao khi ông chỉnh y thì gió từ chéo y trước hết lại thổi qua mặt người bên cạnh?"

Kinh văn: **汝審諦觀, 整衣在汝, 面屬彼人, 虛空寂然, 不參流動。風自誰方, 鼓動來此?**

Phiên âm: Nhữ thẩm đế quán, chỉnh y tại nhữ, diện thuộc bỉ nhân, hư không tịch nhiên, bất tham lưu động. Phong tự thuỳ phương, cổ động lai thử?

Việt dịch: Ông hãy xét kỹ, sửa áo là do ông, mặt thuộc người kia, hư không tịch lặng, không dự vào sự lay động. Vậy gió từ phương nào giong ruổi đến đây?

Giảng: "A-nan, Ông hãy xét kỹ– ông hãy suy xét điều nầy tường tận tỉ mỉ–sửa áo là do ông. Chính ông là người chỉnh lại y phục của mình. Mặt thuộc người kia. Khuôn mặt là của người khác. Hư không tịch lặng. Không có chút nào lay

động từ hư không, như thể đang ngủ, ngủ rất ngon không một chút động đậy. Ngay cả hơi thở cũng lắng luôn. Có người nói rằng giống như người chết, nhưng người chết còn có hình tướng, trong khi hư không chẳng có hình tướng. Nó tịch nhiên bất động, và hoàn toàn "không dự vào sự lay động," trong khi gió thổi tới thổi lui, lưu chuyển như nước. "Vậy gió từ phương nào giong ruổi đến đây?" Phong đại từ đâu đến?

Kinh văn: **風空性隔,非和非合。不應風性. 無從自有?**

Phiên âm: Phong không tính cách, phi hòa hợp, bất ưng phong tánh, vô tùng tự hữu?

Việt dịch: Tánh gió và tánh hư không khác biệt nhau, chẳng hòa chẳng hợp. Không lẽ tánh gió kia, không do đâu mà có?

Giảng: "Tánh gió và tánh hư không khác biệt nhau, chẳng hòa chẳng hợp."– Tánh gió và tánh hư không chẳng hòa hợp với nhau được. Gió là gió và hư không là hư không. "Không lẽ tánh gió kia, không do đâu mà có?" Vốn tánh gió không có tự thể. Nếu có, chẳng lẽ tánh ấy sinh khởi từ chỗ không đâu? Thế thì, tánh ấy từ đâu mà có? Tôi đã giảng cho ông rất nhiều lần, nhưng ông vẫn chưa hiểu. Tánh gió lưu xuất từ Như Lai tạng."

Kinh văn: **汝宛不知, 如來藏中, 性風真空, 性空真風, 清淨本然,周遍法界, 隨眾生心, 應所知量。**

Phiên âm: Nhữ uyển bất tri, Như Lai tạng trung, tánh phong chân không, tánh không chân phong. Thanh tịnh bản nhiên châu biến pháp giới, tuỳ chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng.

Việt dịch: Ông vẫn chưa biết trong Như Lai tạng, tánh gió là chơn không, tánh không là chơn phong, xưa nay vốn thường thanh tịnh, trùm khắp pháp giới, biến hiện tuỳ theo mức độ hiểu biết từ tâm chúng sinh.

Giảng: "A-nan, Ông vẫn chưa biết trong Như Lai tạng tánh gió là chơn không, tánh không là chơn phong." Tánh gió là chơn không, tánh không là cội nguồn của chân phong. "Xưa nay vốn thường thanh tịnh, trùm khắp pháp giới." Tánh nó xưa nay thường thanh tịnh và bao trùm khắp cả pháp giới.

"Biến hiện tuỳ theo mức độ hiểu biết từ tâm chúng sinh." Tánh nầy bao trùm khắp cả pháp giới, tùy theo tâm nguyện của mỗi chúng sinh mà ứng hiện tùy

theo sở nguyện của họ. Sự cảm ứng đạo giao này khiến cho mỗi chúng sinh trong chín pháp giới đều có riêng y báo chánh báo của họ.

Kinh văn: **阿難, 如汝一人。微動服衣, 有微風出。遍法界拂, 滿國土生。周遍世間, 寧有方所。**

Phiên âm: A-nan, như nhữ nhất nhân, vi động phục y, hữu vi phong xuất. Biến pháp giới phất, mãn quốc độ sanh, châu biến thế gian, ninh hữu phương sở.

Việt dịch: A-nan, như một mình ông, khẽ động y áo, gió liền phát ra. Khắp pháp giới đều phất thì cả pháp giới đều có gió. Tánh gió đầy khắp thế gian, đâu có nơi chốn.

Giảng: "A-nan, như một mình ông, khẽ động y áo, gió liền phát ra–ông động y áo và gió sinh ra–Khắp pháp giới đều phất thì cả pháp giới đều có gió." Nếu mọi người khắp cả pháp giới đều lay động y phục thì mọi cõi nước đều có gió sinh khởi. "Tánh gió đầy khắp thế gian, do mọi người gây ra khắp mọi nơi, đâu có nơi chốn." Rốt ráo, ông nói gió từ đâu đến?

Kinh văn: **循業發現,世間無知。惑為因緣, 及自然性。皆是識心, 分別計度。但有言說, 都無實義.**

Phiên âm: Tuần nghiệp phát hiện, thế gian vô tri, hoặc vi nhân duyên, cập tự nhiên tánh, giai thị thức tâm, phân biệt kế đạt. Đãn hữu ngôn thuyết, đô vô thật nghĩa.

Việt dịch: Theo nghiệp mà biến hiện ra các cảnh giới hiện hữu. Thế gian không biết, lầm cho là tánh nhân duyên và tự nhiên. Tất cả đều là do thức tâm phân biệt suy lường. Chỉ là lời nói, hoàn toàn không có nghĩa chân thật.

Giảng: "Theo nghiệp mà biến hiện ra các cảnh giới hiện hữu. " Gió sinh khởi như là kết quả của quả báo chiêu cảm nơi mỗi người. Nhưng những người thuộc hàng ngoại đạo, những kẻ phàm phu và hàng Nhị thừa đều "không biết, lầm cho là tánh nhân duyên và tự nhiên." Những người mê mờ không có trí huệ đều cho rằng nguồn gốc của gió là do nhân duyên. Những người tu theo pháp môn quyền thừa cũng nhầm lẫn như vậy. Môn đệ của ngoại đạo thì sai lầm khi cho đó là tánh tự nhiên–một số người nghĩ rằng gió sinh khởi tự nhiên. Loại suy nghĩ như vậy chỉ là sự đoán mò.

“Tất cả đều là do thức tâm phân biệt suy lường, tất cả đều là hoạt dụng của sự phân biệt tính toán của thức tâm. Đó chỉ là lời nói, hoàn toàn không có nghĩa chân thật. Đó chỉ là những thứ để bàn luận chứ không có nghĩa chân thật. Có phải ở đây kinh văn muốn nói rằng vấn đề nầy là tách rời hẳn ngôn thuyết? Kinh văn muốn nhấn mạnh rằng những gì hàng ngoại đạo và Nhị thừa chủ trương chỉ là lời nói suông. Những gì họ đề cập đến đều không có thực nghĩa. Nó hoàn toàn không thực, không đúng.

Kinh văn: **阿難, 空性無形, 因色顯發。如室羅城,去河遙處。諸剎利種, 及婆羅門。毘舍,兼頗羅墮,旃陀羅等。新立安居, 鑿井求水。出土一尺, 於中則有一尺虛空。如是乃至, 出土一丈。中間還得一丈虛空。空虛淺深, 隨出多少。**

Phiên âm: A-nan, không tánh vô hình, nhân sắc hiển phát. Như Thất la thành, khứ hà du xứ. Chư sát-lợi chủng, cập bà-la-môn, tỳ-xá, thủ-đà, kiêm phả-la-đoạ, chiên-đà-la đẳng, tân lập an cư, tạc tỉnh cầu thuỷ, xuất thổ nhất xích, ư trung tắc hữu nhất xích hư không. Như thị nãi chí, xuất thổ nhất trượng, trung gian hoàn đắc nhất trượng hư không. Hư không thiển thâm, tuỳ xuất đa thiểu.

Việt dịch: A-nan, tánh hư không chẳng có hình, nhân sắc tướng mà hiển bày. Như trong thành Thất-la-phiệt, nơi xa bờ sông. Những người thuộc dòng sát-đế-lợi, Bà-la-môn, dòng Tì-xá, dòng Thủ-đà-la hay dòng Phả-la-đọa, dòng chiên-đà-la v.v…, khi dựng nhà mới, họ đào giếng lấy nước. Đào một thước đất, thì có được một thước hư không. Như vậy cho đến đào được một trượng đất, thì có một trượng hư không. Hư không sâu hay cạn là tùy theo đào đất nhiều hay ít.

Giảng: “A-nan, tánh hư không chẳng có hình, nhân sắc tướng mà hiển bày.” Đã giảng về phong đại rồi, nay Đức Phật giải thích về không đại.

Vì sao hư không cũng được xem là một đại? Vì hư không cũng bao trùm khắp pháp giới. Nó cũng giống như đất, nước, lửa, gió đã được đề cập. Đức Phật nói rằng ‘Tánh hư không chẳng có hình.’ Nếu nó có hình tướng, nó chẳng phải là hư không. Có chút hư không nào nơi có sắc tướng hay không? Vâng, hư không chẳng ít đi ở nơi có hình tướng và hư không cũng chẳng nhiều hơn ở nơi không có hình tướng.

Ông nói rằng, ‘Nếu tôi đào một cái hố trên mặt đất, thì hố ấy sẽ có đầy hư không.’ Phải chăng đó là trường hợp hư không nhiều hơn thêm?’

“Trước khi ông đào đất, thì hư không vẫn chẳng ít đi. Hư không vẫn bao hàm trong đất.” Cũng giống như đạo lý ‘nước là băng và băng là nước.’ Mặc dù băng thì cứng, nhưng nước vẫn có trong băng. Trong trường hợp nầy, đất được đào lên mới hiển bày ra hư không, nhưng thực tế là bất kỳ chỗ nào có hình tướng là chỗ ấy có hư không trong đó. Không thể nào có chuyện chẳng có hư không chỉ vì nơi ấy có cái bàn.

Chính nó có trong cái bàn. Như vậy, hư không bao trùm khắp pháp giới. Nó ở khắp mọi nơi. Kinh văn nói, “Nó hiển bày vì có sắc tướng.” Hư không chẳng có sắc tướng; nên ông không thấy được. Chỉ nhờ sự hiển bày sắc tướng mà ông có thể phân biệt được nơi nào có hư không. Nếu không có sắc tướng, ông sẽ không biết được hư không.

“Như trong thành Thất-la-phiệt, nơi xa bờ sông.” Những người trong thành ấy không dùng nước sông được. Thế nên những người thuộc dòng sát-đế-lợi, hàng vua chúa, dòng bà-la-môn, hàng tăng lữ, dòng tì-xá, hàng thương gia, dòng thủ-đà-la, giới lao động thủ công, làm thuê, hay dòng phả-la-đọa, dòng chiên-đà-la v.v…, là những người thuộc giai cấp cùng đinh, hạ tiện. Chiên-đồ-la là những người làm nghề giết thịt, là giai cấp thấp nhất trong xã hội Ấn Độ. Ở Ấn Độ thời đó, người thuộc hàng chiên-đồ-la phải mang một ống sáo và khi ra đường phải thổi lên để cho mọi người thuộc giai cấp khác biết mà tránh xa. Họ bị tách rời hẳn với người trong các giới khác.

“Khi dựng nhà mới, họ đào giếng lấy nước. Đào một thước đất, thì có được một thước hư không.” Nếu quý vị đào được một thước đất, thì sẽ có một thước hư không hiện ra. Như vậy cho đến đào được một trượng đất, thì có một trượng hư không. Càng đào sâu nhiều đất, thì càng có nhiều hư không. Hư không sâu hay cạn là tùy theo đào đất nhiều hay ít. Đó là điều ta thấy ở nơi đào giếng.

Kinh văn: **此空為當, 因土所出, 因鑿所有, 無因自生?**

Phiên âm: Thử không vi đương, nhân thổ sở xuất, nhân tạc sở hữu, vô nhân tự sanh?

Việt dịch: Hư không đó nhân đất mà ra, nhân đào mà có, hay chẳng do đâu mà tự sinh ra?

Giảng: “A-nan, nay Như Lai hỏi ông, Khi đào giếng, hư không được sinh ra. Ý ông như thế nào? Hư không đó nhân đất mà ra? Nhờ đất mà hư không sinh ra. Nhân đào mà có? Hay hư không có là do đất được đào lên? Hay chẳng do

đâu mà tự sinh ra? Hay là hư không tự sinh ra không do nguyên nhân nào khác? Ông nói hư không sinh ra từ đâu?”

Kinh văn: **阿難, 若復此空, 無因自生, 未鑿土前, 何不無礙, 唯見大地, 迥無通達?**

Phiên âm: A-nan, nhược phục thử không, vô nhân tự sanh, vị tạc thổ tiền, hà bất vô ngại, duy kiến đại địa, huýnh vô thông đạt?

Việt dịch: A-nan, nếu hư không ấy vô nhân tự sinh, sao nơi đó chẳng vô chướng ngại, mà chỉ thấy đất, chẳng thấy thông suốt?

Giảng: “A-nan, nếu hư không ấy vô nhân tự sinh.” Giả sử hư không tự sinh ra không cần có điều kiện nhân duyên gì hết. “Thì trước khi chưa đào đất, sao nơi đó chẳng không chướng ngại.” Tại sao nơi chỗ khi chưa đào giếng lại không có sự thông suốt, vô chướng ngại? Khi đất chưa được đào là có sự chướng ngại, có nghĩa là có gì đó ngăn chặn hư không lại. Mà ngược lại, “chỉ thấy đất, chẳng thấy thông suốt?” Chẳng có chỗ nào trống không để xuyên suốt. Nó hoàn toàn trái hẳn với sự trống rỗng.

Kinh văn: **若因土出, 則土出時, 應見空入。若土先出, 無空入者。云何虛空, 因土而出?**

Phiên âm: Nhược nhân thổ xuất, tắc thổ xuất thời, ưng kiến không nhập. Nhược thổ tiên xuất, vô không nhập giả, vân hà hư không, nhân thổ nhi xuất?

Việt dịch: Nếu hư không nhân đất mà ra, thì khi đào ra đất, ắt phải thấy hư không vào. Nếu đất ra trước, mà chẳng thấy hư không vào, thì làm sao hư không nhân đất mà sinh ra được?

Giảng: “Nếu hư không nhân đất mà ra–Nếu hư không lợi dụng sự đào đất để mà có ra –thì khi đào ra đất, ắt phải thấy hư không vào. Lẽ ra ông phải thấy được hư không ra vào như thế nào. “Hư không ra như thế nào? Cơ bản là hư không chẳng có hình tướng, làm sao thấy nó được? Hư không chẳng thể nào ra vào, hư không chẳng thể nào được sinh ra và không phân biệt được hư không, Nó chẳng đến chẳng đi.

“Nếu đất ra trước, mà chẳng thấy hư không vào,”–nếu người ta chẳng thấy hư không đi vào khi đất được đào lên–”Thì làm sao hư không nhân đất mà sinh ra được? Nếu ông không thấy hư không đi vào khi thấy đất đào lên thì làm sao

nói hư không có ra là do đào đất? Ông không thể giải thích theo cách nầy được."

Kinh văn: **若無出入, 則應空土。元無異因, 無異則同。則土出時, 空何不出?**

Phiên âm: Nhược vô xuất nhập, tắc ưng không thổ, nguyên vô dị nhân, vô dị tắc đồng. Tắc thổ xuất thời, không hà bất xuất?

Việt dịch: Còn nếu không ra không vào, thì hư không và đất vốn không khác nhau, không khác tức đồng. Thì khi đất ra, sao hư không chẳng ra?

Giảng: "–Nếu ông muốn nói rằng hư không chẳng ra chẳng vào…" Đức Phật muốn thăm dò xem A-nan có lý lẽ nào khác không: "Hư không chỉ là hư không, nó vốn chẳng ra chẳng vào." Tuy nhiên, nếu nó chẳng ra chẳng vào, "Thì hư không và đất vốn không khác nhau. Nếu chúng ta thừa nhận lý lẽ của ông rằng hư không chẳng ra chẳng vào, thì chẳng có gì khác nhau giữa hư không và đất. Nếu chẳng có gì khác nhau thì hư không chính là đất và đất chính là hư không. Hư không và đất là một. Hư không và đất là bất nhị. Vì nó đồng. Thì khi đất ra, sao hư không chẳng ra? Ông bảo rằng đất và hư không là đồng, sao khi đất được đào ra, không thấy hư không ra theo?"

Kinh văn: **若因鑿出, 則鑿出空, 應非出土。不因鑿出。鑿自出土, 云何見空?**

Phiên âm: Nhược nhân tạc xuất, tắc tạc xuất không, ưng phi xuất thổ. Bất nhân tạc xuất, tạc tự xuất thổ, vân hà kiến không?

Việt dịch: Nếu nhân đào đất mà có hư không, thì phải đào ra hư không, chứ chẳng đào ra đất. Nếu không nhân đào mà ra, thì đào là ra đất, làm sao thấy được hư không?

Giảng: "Giả sử ông cho rằng nhân đào đất mà có hư không. Nếu điều nầy hợp lý, thì thì phải đào ra hư không, chứ không đào ra đất." Việc đào đất sẽ làm ra hư không, chứ không đào ra đất. Thế thì tại sao? Nếu không nhân đào mà ra– Nếu ông nói rằng không phải do dào giếng mà sinh ra hư không– thì đào là ra đất, làm sao thấy được hư không? Vì khi đào giếng là đào ra đất, sao ông lại thấy hư không? Hư không có được bằng cách nào?

Kinh văn: **汝更審諦, 諦審諦觀。鑿從人手, 隨方運轉, 土因地移。如是虛空, 因何所出?**

Phiên âm: **Nhữ cánh thẩm đế, đế thẩm đế quán. Tạc tùng nhân thủ, tuỳ phương vận chuyển, thổ nhân địa di. Như thị hư không, nhân hà sở xuất?**

Việt dịch: Ông nên suy xét thật kỹ, quán sát thật sâu. Việc đào là do tay người, theo phương hướng mà vận chuyển, đất thì theo việc đào mà dời chỗ. Vậy hư không từ đâu mà ra?

Giảng: Đức Phật bảo A-nan,"Ông nên suy xét thật kỹ, Khảo sát tường tận điều nầy, quán sát thật sâu và chi tiết. Việc đào là do tay người, theo phương hướng mà vận chuyển." Việc đào đất được làm bằng một cái thuổng. "Đất thì theo việc đào mà dời chỗ." Có nghĩa là đất vụn được đào ra khỏi lòng đất để thành cái giếng. "Vậy hư không từ đâu mà ra? Hư không có ra như thế nào?"

Kinh văn: **鑿空虛實, 不相為用, 非和非合。不應虛空, 無從自出?**

Phiên âm: **Tạc không hư thật, bất tương vi dụng, phi hòa phi hợp. Bất ưng hư không, vô tùng tự xuất?**

Việt dịch: Việc đào đất là có thật thể, hư không là vô thể, chẳng có tác dụng gì với nhau, chẳng hòa chẳng hợp. Không lẽ hư không chẳng do đâu mà tự ra?

Giảng: "Việc đào đất là có thật thể, hư không là vô thể, chẳng có tác dụng gì với nhau." Việc đào và hư không chẳng có cùng tác dụng. "Chẳng hòa chẳng hợp." Thế nên trong đó chẳng có hòa cũng chẳng có hợp. "Không lẽ hư không chẳng do đâu mà tự ra?" Nhưng, rốt ráo, hư không giống như thế nào? Nó sinh khởi như thế nào? Không thể nào nó tự sinh ra. Không thể nào nó hiện hữu mà chẳng có nguyên nhân nào cả?

Kinh văn: **若此虛空, 性圓周遍, 本不動搖, 當知現前, 地水火風, 均名五大, 性真圓融, 皆如來藏, 本無生滅。**

Phiên âm: **Nhược thử hư không, tánh viên châu biến, bổn bất động diêu, đương tri hiện tiền, địa thuỷ hoả phong, quân danh ngũ đại, tánh chân viên dung, giai Như Lai tạng, bổn vô sanh diệt.**

Việt dịch: Nếu hư không đó, tánh tròn đầy trùm khắp, vốn không lay động, thì nên biết hiện tiền hư không và bốn thứ đất, nước, lửa, gió đều gọi là năm đại, tánh thật viên dung, vốn là tánh Như Lai tạng, không sinh không diệt.

Giảng: “Nếu hư không đó, tánh tròn đầy trùm khắp, vốn không lay động, thì nên biết hiện tiền hư không và bốn thứ đất, nước, lửa, gió đều gọi là năm đại, tánh thật viên dung.” Tánh của hư không là chân thật chứ không hư vọng, chân thật tròn đầy và bao trùm khắp, không chướng ngại. Tất cả đều “vốn là tánh Như Lai tạng. Tại sao nó tròn đầy, bao trùm khắp, không chướng ngại? Vì nó lưu xuất từ Như Lai tạng, và vốn không sinh không diệt.” Thế nên hư không chẳng sinh ra, chẳng tan biến đi.

Kinh văn: **阿難, 汝心昏迷, 不悟四大, 元如來藏。當觀虛空, 為出為入,為非出入?**

Phiên âm: A-nan, nhữ tâm hôn mê, bất ngộ tứ đại, nguyên Như Lai tạng. Đương quán hư không, vi xuất vi nhập, vi phi xuất nhập?

Việt dịch: A-nan, tâm ông mê muội, chẳng ngộ được tứ đại vốn là Như Lai tạng. Ông hãy quán sát hư không là ra hay vào, hoặc chẳng ra vào?

Giảng: “A-nan, tâm ông mê muội. Ông quá mê lầm! Tâm ông quá u mê, qua thiếu hiểu biết, chẳng ngộ được tứ đại vốn là Như Lai tạng. Như Lai đã giảng giải tứ đại: địa, thủy, hỏa, phong cho ông rõ trước đây rồi, nhưng ông vẫn chưa liễu ngộ. Ông vẫn còn mê muội. Ông vẫn không nhận ra rằng tứ đại: địa, thủy, hỏa, phong vốn là Như Lai tạng. Do vậy, bây giờ Ông hãy quán sát hư không là ra hay vào, hoặc chẳng ra vào? Rốt ráo hư không là đi ra hay đi vào? Hoặc nó chẳng ra chẳng vào? Hãy quán sát, suy xét thật kỹ.”

Kinh văn: **汝全不知, 如來藏中, 性覺真空, 性空真覺, 清淨本然, 周遍法界.**

Phiên âm: Nhữ toàn bất tri, Như Lai tạng trung, tánh giác chân không, tánh không chân giác, thanh tịnh bản nhiên châu biến pháp giới.

Việt dịch: Ông hoàn toàn không biết, trong Như Lai tạng, tánh giác là chơn không, tánh không là chơn giác, xưa nay vốn thường thanh tịnh, trùm khắp pháp giới.

Giảng: “Ông hoàn toàn không biết…”Bây giờ đã đến mức A-nan chẳng biết gì cả. ”…trong Như Lai tạng, tánh giác là chơn không.” Bản tánh của giác ngộ chính là bản tánh của chân không.”Tánh không là chơn giác.” Và bản tánh của hư không chính là bản tánh của giác ngộ chân thật, của diệu giác. “Xưa nay vốn thường thanh tịnh–trạng thái nầy vốn thường thanh tịnh và trùm khắp pháp giới.” Như vậy, hư không và tứ đại được đề cập ở trên đều vốn thường thanh

tịnh, bao trùm khắp cả pháp giới. Vốn như vậy rồi, làm sao có chuyện ra hay vào?

Kinh văn: **隨眾生心, 應所知量.**

Phiên âm: Tuỳ chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng.

Việt dịch: "Ứng hiện tuỳ theo mức độ hiểu biết từ tâm chúng sinh."

Giảng:Đáp ứng với sự hiểu biết tùy theo tâm lượng của mỗi chúng sinh; nhiều ít, lớn nhỏ đều được thỏa nguyện.

Kinh văn: **阿難,如一井空, 空生一井。十方虛空, 亦復如是。圓滿十方, 寧有方所。**

Phiên âm: A-nan, như nhất tỉnh không, không sanh nhất tỉnh. Thập phương hư không, diệc phục như thị. Viên mãn thập phương, ninh hữu phương sở.

Việt dịch: A-nan, như đào một giếng thì có một giếng hư không. Vậy mười phương hư không cũng lại như thế. Tánh không cùng khắp mười phương, đâu có nơi chốn.

Giảng: "A-nan, Nay Như Lai sẽ giảng giải cho ông được rõ. Như đào một giếng thì có một giếng hư không– hư không sẽ lấp đầy lỗ trống của giếng. Vậy mười phương hư không cũng lại như thế." Nếu khắp cả mười phương đều có giếng, thì cả mười phương đều sẽ tràn đầy hư không. Hư không sẽ bao trùm khắp mọi nơi như đạo lý vừa được giảng giải ở trên. "Tánh không cùng khắp mười phương–vì hư không bao trùm khắp mọi nơi, vì nơi nào có giếng thì nơi ấy có hư không. Đâu có nơi chốn. Làm sao ông có thể nói được có một nơi chốn để hư không đi ra hay đi vào. Nó chẳng ra hoặc vào."

Kinh văn: **循業發現, 世間無知。惑為因緣, 及自然性。皆是識心, 分別計度。但有言說, 都無實義。**

Phiên âm: Tuần nghiệp phát hiện, thế gian vô tri, hoặc vi nhân duyên, cập tự nhiên tánh, giai thị thức tâm phân biệt kế đạt. Đãn hữu ngôn thuyết, đô vô thật nghĩa.

Việt dịch: Theo nghiệp mà biến hiện ra các cảnh giới hiện hữu. Thế gian không biết, lầm cho là tánh nhân duyên và tự nhiên. Tất cả đều là do thức tâm phân biệt suy lường. Chỉ là lời nói, hoàn toàn không có nghĩa chân thật.

Giảng: "Theo nghiệp mà biến hiện ra các cảnh giới hiện hữu." Theo nghiệp chướng của từng chúng sinh đã tạo ra, sẽ có những nghiệp báo tương ưng sinh khởi. Nó biến hiện ra nhờ hoạt dụng vi diệu của tánh Như Lai tạng. Nhưng người thế gian không biết– những người tu theo ngoại đạo, có hạng người tu theo giáo lý quyền thừa, có hàng phàm phu, những người thiếu trí huệ– lầm cho là tánh nhân duyên và tự nhiên. Họ mê mờ đạo lý nầy, gọi đó là tánh nhân duyên, hàng ngoại đạo thì gọi đó là tánh tự nhiên; họ gán cho sự sinh khởi của không đại là do tự nhiên.

Những sai lầm nầy, tất cả đều là do thức tâm phân biệt suy lường–đó là trường hợp dùng thức tâm để suy nghĩ, tính toán, suy lường, phân biệt. Đó "chỉ là lời nói, hoàn toàn không có nghĩa chân thật." Nhưng, đó chỉ là đạo lý tự nó thích nghi với sự hý luận, không phải là đạo lý chân thực. Những gì hý luận thì không phải là chân thực, mà chỉ là sự suy đoán mơ hồ.

Kinh văn: **阿難,見覺無知, 因色空有。如汝今者在祇陀林, 朝明夕昏。設居中宵, 白月則光,黑月便暗。則明暗等, 因見分析。**

Phiên âm: A-nan, kiến giác vô tri, nhân sắc không hữu. Như nhữ kim giả, tại Kỳ-đà lâm, triêu minh tịch hôn, thiết cư trung tiêu, bạch nguyệt tắc quang, hắc nguyệt tiện ám. Tắc minh ám đẳng, nhân kiến phân tích.

Việt dịch: A-nan, kiến giác không tự nhận thức được, nhân các thứ sắc không mà hiện hữu. Như ông nay đang ở trong vườn Kỳ-đà, sớm mai thấy sáng, chiều hôm thấy tối, nếu lúc nửa đêm, trăng tròn thì sáng, không trăng thì tối. Những tướng sáng tối ấy, do cái thấy phân tích ra được.

Giảng: "A-nan, kiến giác không tự nhận thức được." Kiến giác không có khả năng nhận biết hoặc cảm giác. Tự trong cái thấy, vốn không có tính tri giác. Thấy đơn giản chỉ là thấy. Kiến đại chính là tánh Như Lai tạng. Kiến giác (seeing-awarness) liên quan đến tính thấy (seeing-essence) nầy vốn tròn đầy, sáng suốt, không dựa vào đối đãi năng sở, chủ thể, đối tượng; thế nên nó vốn vượt qua mọi 'năng tri–perception' và 'sở tri– which is perceived.'

“Nhân các thứ sắc không mà hiện hữu.” Nhờ có sắc và không mà có sự nhận biết. Nhưng chẳng phải tự thể của tính thấy có sự nhận biết; chính trong sự hiện hữu của sắc và không mà sự phân biệt nầy sinh khởi. “Như ông nay đang ở trong vườn Kỳ-đà–nay A-nan, chính ông đang ở trong vườn của Thái tử Chiến Thắng, – Sớm mai thấy sáng, chiều hôm thấy tối, nếu lúc nửa đêm– nếu ông ở đó vào lúc nửa đêm–trăng tròn thì sáng, không trăng thì tối. Đêm không có trăng thì ông thấy trời tối.

Cả hai trường hợp nầy. Những tướng sáng tối ấy.” Làm sao chúng ta biết được sáng hoặc tối? Cái thấy phân biệt được sáng và tối. “Do cái thấy phân tích ra được.” Do có sắc và không mà có sự nhận biết. Nhưng đó không phải là tính thấy trong tự thể của tính giác, mà nó có do sự hiện hữu của sắc không đã sinh khởi nên sự phân biệt nầy.

Kinh văn: **此見為復, 與明暗相, 并太虛空, 為同一體, 為非一體, 或同非同, 或異非異.**

Phiên âm: Thử kiến vi phục, dữ minh ám tướng, tịnh thái hư không, vi đồng nhất thể, vi phi nhất thể? Hoặc đồng phi đồng, hoặc dị phi dị?

Việt dịch: A-nan, nếu cái thấy đó cùng với sáng tối và hư không là một thể hay chẳng phải một thể? Hoặc đồng chẳng đồng? Hoặc khác chẳng khác?

Giảng: “A-nan, nếu cái thấy đó cùng với sáng tối và hư không là một thể hay chẳng phải một thể? Liệu ông cho rằng cái thấy và hư không là đồng một thể hay chăng? Hoặc đồng chẳng đồng? Hoặc khác chẳng khác? Có thể nó đồng nhất và có thể không đồng nhất; Có thể nó khác và có thể chẳng khác. A-nan, ông giải thích xem. Cái thấy và hư không là một hay hai?”

Kinh văn: **阿難, 此見若復, 與明與暗。及與虛空, 元一體者。則明與暗, 二體相亡。暗時無明, 明時非暗。若與暗一, 明則見亡。必一於明, 暗時當滅。滅則云何, 見明見暗。若暗明殊, 見無生滅, 一云何成?**

Phiên âm: A-nan, thử kiến nhược phục, dữ minh dữ ám, cập dữ hư không, nguyên nhất thể giả, tắc minh dữ ám, nhị thể tương vong, ám thời vô minh, minh thời phi ám. Nhược dữ ám nhất, minh tắc kiến vong. Tất nhất ư minh, ám thời đương diệt. Diệt tắc vân hà, kiến minh kiến ám. Nhược ám minh thù, kiến vô sanh diệt, nhất vân hà thành?

Việt dịch: A-nan, nếu cái thấy đó cùng với sáng, tối và hư không vốn là một thể, thì cái sáng cái tối sẽ tiêu diệt lẫn nhau. Khi tối thì chẳng sáng, khi sáng thì chẳng tối. Nếu cái thấy cùng một thể với cái tối, thì khi sáng, cái thấy phải biến mất. Nếu cái thấy cùng một thể với cái sáng, thì khi tối, cái thấy phải biến mất. Đã diệt rồi, làm sao thấy được sáng tối? Còn nếu sáng tối khác nhau, cái thấy thì chẳng sinh diệt, làm sao thành một thể được?

Giảng: Đức Phật lại gọi, "A-nan, nếu cái thấy đó –khả năng có thể thấy được– cùng với sáng, tối và hư không vốn là một thể. Giả sử không có sự phân biệt giữa chúng. Nhưng, thì cái sáng cái tối sẽ tiêu diệt lẫn nhau. Khi tối thì chẳng sáng, khi sáng thì chẳng tối. Sáng thì không tối, tối thì không sáng. Làm sao ông nói sáng và tối là đồng một thể được? Tính chất của hai thực thể nầy tiêu diệt lẫn nhau. Khi sáng thì chắc chắn không có tối; và khi tối thì chắc chắn không có sáng. Nếu cái thấy cùng một thể với cái tối– Nếu ông cho rằng cái thấy và tối cùng một thể, là đồng nhất– thì khi sáng, cái thấy phải biến mất. Cái thấy để thấy được cái tối phải tiêu mất.

Nếu cái thấy cùng một thể với cái sáng– Nếu ông nhất định cho rằng cái thấy và sáng là đồng nhất, là cùng một thể, thì khi tối, cái thấy phải biến mất. Đến khi tối, cái thấy của ông lẽ ra phải bị biến mất. Đã diệt rồi, làm sao thấy được sáng tối? Nếu cái thấy của ông đã bị tiêu mất rồi, làm sao ông còn thấy được cả sáng lẫn tối?"

"Còn nếu sáng tối khác nhau– giả sử, thay vì vậy, sáng và tối là hai thứ khác nhau, không đồng–cái thấy thì chẳng sinh diệt, làm sao thành một thể được? Sáng và tối là khác nhau, cái thấy thì không sinh diệt. Làm sao ông bảo hư không là đồng một thể với cái thấy được? Làm sao hai tính chất khác biệt nhau (sáng, tối) lại có thể đồng nhất với cái không sinh không diệt (cái thấy) được?"

Kinh văn: **若此見精, 與暗與明, 非一體者, 汝離明暗及與虛空。分析見元, 作何形相?**

Phiên âm: Nhược thử kiến tinh, dữ ám dữ minh, phi nhất thể giả, nhữ ly minh ám, cập dữ hư không, phân tích kiến nguyên, tác hà hình tướng?

Việt dịch: Nếu cái thấy đó không đồng một thể với sáng và tối, thì ngoài cái sáng tối và hư không ra, ông hãy phân tích tánh thấy có hình tướng gì?

Giảng: “Nếu cái thấy đó không đồng một thể với sáng và tối, – rằng cái thấy không cùng một thể với chúng– thì ngoài cái sáng tối và hư không ra– ông tách rời mình ra khỏi sáng tối và hư không ra. Ông hãy phân tích tánh thấy có hình tướng gì? Tánh thấy giống như thế nào? Nó có hình tướng không? Nó có phải là cái gì mà ông thấy được chăng?”

Kinh văn: **離明離暗,及離虛空, 是見元同龜毛兔角。明暗虛空, 三事俱異, 從何立見?**

Phiên âm: Ly minh ly ám, cập ly hư không, thị kiến nguyên đồng quy mao thố giác. Minh ám hư không, tam sự câu dị, tùng hà lập kiến?

Việt dịch: Rời cái sáng, tối và hư không ra, tánh thấy đó cũng đồng như lông rùa sừng thỏ. Sáng, tối và hư không, ba cái đều khác biệt, do đâu mà lập thành cái thấy?

Giảng: “Rời cái sáng, tối và hư không ra, tánh thấy đó cũng đồng như lông rùa sừng thỏ. Điều ấy chỉ là vô lý. Nếu ông tách mình ra khỏi cái sáng, tối và hư không, thì ông sẽ không có được cái thấy. Sáng, tối và hư không, ba cái đều khác biệt, do đâu mà lập thành tánh thấy? Nếu ba cái nầy không đồng nhất với cái thấy của ông, thì ông lập tánh thấy ở nơi nào?”

Kinh văn: **明暗相背, 云何或同。離三元無, 云何或異?**

Phiên âm: Minh ám tương bội, vân hà hoặc đồng? Ly tam nguyên vô, vân hà hoặc dị?

Việt dịch: Sáng tối nghịch nhau, làm sao nói đồng được. Lìa ba thứ vốn chẳng có, làm sao nói khác được?

Giảng: “Sáng tối nghịch nhau, làm sao nói đồng được.” Làm sao ông nói cái thấy là đồng với cái sáng và tối khi tính sáng và tối đối nghịch nhau? Khi có sáng thì không có tối. Khi có tối thì không có sáng. Hai cái không đồng hiện hữu. Ông có thể thấy được cái tối do bóng của ông ở một bên thân còn phía bên kia thì thấy sáng, nhưng lúc đó hai cái sáng tối cũng không phải là một– chúng đối nghịch nhau. Vì chúng nghịch nhau, làm sao ông nói chúng đồng nhất được? Lìa ba thứ vốn chẳng có, làm sao nói khác được? Nếu ông tách rời mình ra khỏi ba thứ sáng tối và hư không, thì chẳng có cái thấy chút nào. Làm sao nói chúng khác hoặc chẳng khác?

Kinh văn: **分空分見, 本無邊畔,云何非同? 見暗見明, 性非遷改, 云何非異?**

Phiên âm: Phần không phần kiến, bổn vô biên bạn, vân hà phi đồng? Kiến ám kiến minh, tánh phi thiên cải, vân hà phi dị?

Việt dịch: Bên hư không, bên cái thấy, vốn không có bờ mé, sao lại chẳng đồng? Thấy cái tối, thấy sáng, tánh chẳng dời đổi, sao lại chẳng khác?

Giảng: "Bên hư không, bên cái thấy, vốn không có bờ mé, sao lại chẳng đồng?" Giữa chúng chẳng có ranh giới? Ông có nói được đâu là lằn ranh của cái thấy và đâu là ranh giới của hư không chăng? Chẳng thấy có ranh giới nào giữa hai thứ ấy. Nếu nó chẳng đồng, lẽ ra phải có đường ranh giữa chúng. Thấy cái tối, thấy sáng, tánh chẳng dời đổi, sao lại chẳng khác?

Ông thấy được tối rồi thấy được sáng, nhưng tánh thấy không thay đổi. Tại sao ông nói nó chẳng phải là hai?

Kinh văn: **汝更細審, 微細審詳, 審諦審觀。明從太陽, 暗隨黑月, 通屬虛空, 擁歸大地。如是見精, 因何所出?**

Phiên âm: Nhữ cánh tế thẩm, vi tế thẩm tường, thẩm đế thẩm quán. Minh tùng thái dương, ám tuỳ hắc nguyệt, thông thuộc hư không, ủng quy đại địa. Như thị kiến tinh, nhân hà sở xuất?

Việt dịch: Ông hãy xét cho kỹ, suy gẫm từng chi tiết, quán sát cho tường tận. Sáng là do mặt trời, tối là do đêm không trăng, thông suốt thuộc hư không, bưng bít thuộc đất liền. Như vậy tánh thấy nhân đâu mà ra?

Giảng: "A-nan, Ông hãy xét cho kỹ, kỹ hơn lần trước suy gẫm từng chi tiết, với sự chú tâm đặc biệt. Sáng là do mặt trời– tướng sáng là đến từ mặt trời– tối là do đêm không trăng. Vào đêm không trăng thì trời tối. Thông suốt thuộc hư không, bưng bít thuộc đất liền." Những nơi không được thông suốt, như vách tường hoặc đất liền–tánh ngăn ngại và không thông suốt. Như vậy tánh thấy nhân đâu mà ra? Nhưng, hãy xem xét tánh thấy có khả năng thấy được của ông, nó đến từ đâu? Ông xem thử có tìm ra được không?

Kinh văn: **見覺空頑, 非和非合。不應見精, 無從自出?**

Phiên âm: Kiến giác không ngoan, phi hòa phi hợp, bất ưng kiến tinh, vô tùng tự xuất?

Việt dịch: Cái thấy thì có biết , hư không thì chẳng hay biết, chẳng hòa chẳng hợp. Không lẽ tánh thấy chẳng do đâu mà tự có?

Giảng: "Cái thấy thì có biết, hư không thì chẳng hay biết." Có tính biết để thấy, trong khi hư không thì vô tri, không có cái biết. Một bên thì biết, một bên thì không, chẳng hòa chẳng hợp. Hai cái chẳng kết hợp với nhau được. "Không lẽ tánh thấy chẳng do đâu mà tự có?" Nhưng không thể nào tánh thấy tự nó phát sinh không cần đến một duyên cớ nào. Không có đạo lý như vậy.

Kinh văn: **若見聞知, 性圓周遍, 本不動搖, 當知無邊, 不動虛空, 并其動搖, 地水火風, 均名六大。性真圓融, 皆如來藏, 本無生滅。**

Phiên âm: Nhược kiến văn tri, tánh viên châu biến, bổn bất động diêu; đương tri vô biên, bất động hư không, tịnh kỳ động diêu, địa thuỷ hoả phong, quân danh lục đại. Tánh chân viên dung, giai Như Lai tạng, bổn vô sanh diệt.

Việt dịch: Nếu như các sự thấy, nghe, hay, biết, bản tính viên mãn cùng khắp, vốn không lay động; thì nên biết kiến đại cùng với hư không vô biên chẳng dao động và bốn thứ vốn lay động là địa, thủy, hỏa, phong, gọi là sáu đại, vốn thật viên dung, đều là tánh Như Lai tạng, vốn không sinh không diệt.

Giảng: "Nếu như các sự thấy, nghe, hay, biết, bản tính viên mãn cùng khắp, vốn không lay động– tánh vốn viên dung, trùm khắp pháp giới–thì nên biết kiến đại cùng với hư không vô biên chẳng dao động và bốn thứ vốn lay động là địa, thủy, hỏa, phong– đất, nước, lửa, gió, không và kiến– gọi là sáu đại, vốn thật viên dung, đều là tánh Như Lai tạng." Đó đều là biểu hiện của tánh Như Lai tạng. "Vốn không sinh không diệt."

Kinh văn: **阿難, 汝性沈淪, 不悟汝之見聞覺知, 本如來藏。汝當觀此見聞覺知 , 為生為滅,為同為異, 為非生滅,為非同異?**

Phiên âm: A-nan, nhữ tánh trầm luân, bất ngộ nhữ chi kiến văn giác tri, bổn Như Lai tạng. Nhữ đương quán thử kiến văn giác tri, vi sanh vi diệt, vi đồng vi dị, vi phi sanh diệt, vi phi đồng dị?

Việt dịch: A-nan, tánh ông chìm đắm, không ngộ được tánh thấy, nghe, hay, biết của chính ông vốn là Như Lai tạng. Ông hãy xem xét thử tánh

thấy, nghe, hay, biết đó là sinh hay diệt, là đồng hay khác, là chẳng sinh diệt, là chẳng đồng chẳng khác?

Giảng: Đến lúc nầy thì Đức Phật lại quở trách ngài A-nan một lần nữa, "A-nan, tánh ông chìm đắm… A-nan, tâm tánh ông đắm chìm trong hôn mê. Ông không nghĩ cách tự thăng hoa cho mình, ông chỉ làm cho mình chìm đắm. Như người ta thường nói:
" Người cao thượng nhắm đạt mục đích cao.
Người nhỏ nhen nhắm mục tiêu thấp."
Đức Phật trách mắng A-nan, "Luận điểm của ông không giải thích thỏa đáng toàn bộ. Ông thật là không có chính kiến rõ ràng. Ông thực vô tích sự; chẳng còn gì để giúp ông được nữa." Khi Đức Phật bảo ông là kẻ chìm đắm, cũng giống như bảo ông là người thiếu nghị lực. A-nan giống như là người thích ngủ–bất kỳ lúc nào có cơ hội là ngủ. Đây cũng là một biểu hiện của sự chìm đắm.
"…không ngộ được tánh thấy, nghe, hay, biết của chính ông vốn là Như Lai tạng. Ông chưa được giác ngộ. Tất cả cái thấy, nghe, hay biết của ông đều là tánh Như Lai tạng.
"Vì ông vẫn chưa hiểu, nay Như Lai sẽ cho ông một cơ hội để hiểu. Ông hãy xem xét thử tánh thấy, nghe, hay, biết đó– ông hãy suy xét– là sinh hay diệt. Tánh thấy, tánh nghe, và tánh hay biết là sinh hay diệt? Là đồng hay khác, là chẳng sinh diệt, là chẳng đồng chẳng khác? Hãy phân biệt vấn đề nầy thật chi tiết.

Kinh văn: **汝曾不知, 如來藏中。性見覺明, 覺精明見。清淨本然, 周遍法界。**

Phiên âm: Nhữ tằng bất tri, Như Lai tạng trung, tánh kiến giác minh, giác tinh minh kiến, thanh tịnh bổn nhiên, châu biến pháp giới.

Việt dịch: Ông chưa từng biết, trong Như Lai tạng, tánh thấy là giác ngộ sáng suốt, tánh giác ngộ là cái thấy sáng suốt, vốn tự nhiên thanh tịnh, cùng khắp pháp giới.

Giảng: "Ông chưa từng biết, trong Như Lai tạng, tánh thấy là giác ngộ sáng suốt." Nó chính là thể tính sáng suốt của giác ngộ, "Tánh giác ngộ là cái thấy sáng suốt. Giác ngộ cứu cánh mà ông đạt được chính là sự nhận biết sáng suốt. Là tinh minh của bản giác, tức là cái thấy chân thật sáng suốt vi diệu. Vốn tự nhiên thanh tịnh–bản tính vốn thường thanh tịnh, và cùng khắp pháp giới."

Kinh văn: **隨眾生心, 應所知量。如一見根, 見周法界。聽, 嗅, 嘗觸, 覺觸, 覺知。妙德瑩然, 遍周法界。圓滿十虛, 寧有方所。**

Phiên âm: Tuỳ chúng sanh tâm ứng sở tri lượng. Như nhất kiến căn, kiến châu pháp giới. Thính, khứu, thường xúc, giác xúc, giác tri, diệu đức oánh nhiên, biến châu pháp giới. Viên mãn thập hư, ninh hữu phương sở.

Việt dịch: Biến hiện tuỳ theo mức độ hiểu biết từ tâm chúng sinh. Như ở nhãn căn, cái thấy trùm khắp pháp giới. Tánh biết nghe, ngửi, biết nếm, biết xúc chạm, tánh nhận biết các pháp, có công năng, diệu dụng rõ ràng cùng khắp, viên mãn mười phương pháp giới, đâu có xứ sở.

Giảng: "Tánh thấy nầy biến hiện tuỳ theo mức độ hiểu biết từ tâm chúng sinh. Như ở nhãn căn, cái thấy trùm khắp pháp giới. Tánh biết nghe, ngửi, biết nếm, biết xúc chạm, tánh nhận biết các pháp." Hoạt dụng của tánh thấy ấy vô cùng vi diệu, công đức của nó không thể nghĩ bàn, sáng rực rỡ như ngọc bích, chiếu soi vô ngại. "Có công năng, diệu dụng rõ ràng cùng khắp, viên mãn mười phương pháp giới–nó hiện hữu khắp cả 10 phương, tận hư không pháp giới. Đâu có xứ sở."

Có một nơi chốn nhất định nào để gán cho nó được? Nó chẳng ở đó cũng chẳng phải không ở đó. Vì nó không có một nơi chốn nhất định. Mà nơi nào cũng là xứ sở của nó. Nó có thể tánh viên mãn và diệu dụng vô cùng.

Kinh văn: **循業發現, 世間無知。惑為因緣, 及自然性。皆是識心, 分別計度。但有言說, 都無實義.**

Phiên âm: Tuần nghiệp phát hiện, thế gian vô tri, hoặc vi nhân duyên, cập tự nhiên tánh, giai thị thức tâm phân biệt kế đạt. Đãn hữu ngôn thuyết, đô vô thật nghĩa.

Việt dịch: Theo nghiệp mà biến hiện ra các cảnh giới hiện hữu. Thế gian không biết, lầm cho là tánh nhân duyên và tự nhiên. Tất cả đều là do thức tâm phân biệt suy lường. Chỉ là lời nói, hoàn toàn không có nghĩa chân thật.

Giảng: "Theo nghiệp mà biến hiện ra các cảnh giới hiện hữu. " Theo nghiệp cảm của mỗi chúng sinh, mà các hoạt dụng của tánh thấy sẽ ứng hiện ra. "Thế gian không biết–là hàng phàm phu, những người theo giáo lý quyền thừa, những người theo ngoại đạo–lầm cho là nhân duyên, hoặc họ mê lầm gán cho

đó là tánh tự nhiên. Lối suy nghĩ nầy đều sinh khởi từ "Thức tâm phân biệt suy lường. Chỉ là lời nói, hoàn toàn không có nghĩa chân thật. Đạo lý mà họ suy luận ra là không chân thực, nó không căn cứ từ Đệ nhất nghĩa đế, cũng chẳng phải là Thật tướng mà Như Lai đã giảng trước đây."

Kinh văn: **阿難, 識性無源。因於六種根塵妄出。汝今遍觀, 此會聖眾。用目循歷, 其目周視。但如鏡中, 無別分析。**

Phiên âm: A-nan, thức tánh vô nguyên, nhân ư lục chủng căn trần vọng xuất. Nhữ kim biến quán, thử hội thánh chúng, dụng mục tuần lịch, kỳ mục châu thị, đãn như kính trung, vô biệt phân tích.

Việt dịch: A-nan, tánh của thức đại không có nguồn gốc, duyên theo sáu căn trần hư vọng mà có. Nay ông nhìn khắp thánh chúng trong hội nầy, khi mới dùng mắt xem qua; nhìn chung, chỉ thấy như bóng trong gương, chưa phân tích rõ được.

Giảng: Sáu đại: địa, thủy, hỏa, phong, không, kiến đã được giảng rõ. Nay thêm thức đại để thành bảy đại. 'Thức' là gì? Là sự nhận biết hoặc không nhận biết. Biết cái gì và không biết cái gì? Không biết gì cả chính là biết.

Tại sao tôi nói thức không biết gì cả? Ông nghĩ rằng ông biết được cái gì? Quý vị trả lời: "Con biết được ông Smith là thứ ba. Con biết được ông Lee là thứ tư. Con biết được ông Wang là thứ năm. Con biết được ông Brown là thứ sáu." Tôi hỏi: "Thế đó là những cái gì?" Quý vị đáp: "Con biết họ. Họ là bạn con." Đó là do ông biết họ là bạn ông, họ đã kéo ông đi quá xa và ông đã nhận lấy cái giả làm cái thật. Ông đã nhận người bạn hư giả làm người bạn chân thật.

Và ông đã quên người bạn chân thật của mình. Ông Smith là thứ ba, ông Lee thứ tư, ông Wang thứ năm, ông Brown thứ sáu. Không có ai là người 'thứ bảy' vì vốn thức nầy là anh cả 'thứ bảy' rồi. Thế nên, sáu đại được giảng giải trên đây và đại thứ bảy nầy–thức đại– cũng giống như bảy anh em ruột. Nhưng quý vị đã chạy ra ngoài để nhận những người bạn mà quên mất người anh em thứ bảy của mình. Quý vị không nhận biết được địa đại, không nhận biết được thủy đại, không nhận biết được hỏa đại, không nhận biết được phong đại,

Đó là quý vị không nhận biết được tứ đại; và quý vị không nhận biết được không đại. Quý vị cũng chẳng nhận biết được kiến đại. Không những quý vị không nhận biết được chúng, mà ngay cả ngài A-nan cũng không nhận biết được chúng. Thế nên Đức Phật, chẳng ngại lao nhọc, đã tìm ra cho quý vị từng cái một. Ngài đã tìm ra bảy anh em của quý vị. Đây là những anh em ruột thịt

cùng máu huyết trong gia đình, là những người bạn đồng hành cùng tu tập một pháp môn với mình.

Nhưng quý vị không nhận ra chúng. Quý vị chỉ đeo đuổi theo Ông Smith thứ ba, ông Lee thứ tư, ông Wang thứ năm, ông Brown thứ sáu, quý vị đeo bám những người bạn thiết này mà bỏ rơi người người thân ruột thịt ở nhà. Thế nên tôi hỏi quý vị biết được cái gì? Quý vị chẳng biết được cái gì cả. Và những gì quý vị không nhận biết được đều là của quý vị. Quý vị đã từ bỏ của báu vốn có của mình, phong cảnh quê hương của mình. Nên khi quý vị đi xa, quý vị lìa bỏ cội gốc mà bám lấy cành nhánh.

Quý vị từ bỏ những gì thân thiết gần gũi mà tìm cầu những thứ xa xôi. Quý vị đi ra và kết thân với nhiều người. Vậy chẳng phải điên đảo hay sao? Tại sao quý vị hướng ra bên ngoài kết bạn với người khác mà không nhận ra những người anh em ruột thịt của mình? Vì quý vị nhận cái hư giả làm cái chân thật. Quý vị nhận giặc làm con. Quý vị nhận giặc cướp làm bạn mình và hướng ra bên ngoài dùng thức tâm để ứng xử mọi việc.

Quý vị nói rằng: “Những gì tôi đang vận dụng ngay bây giờ chính là thức tâm.” Tốt thôi! quý vị rất thông minh. Quý vị thông minh hơn tôi nhiều. Nay tôi đang giảng kinh, và tôi không nhận ra được đó là thức tâm. Nhưng nay quý vị nói như vậy, tôi đã nhận ra. Nên tôi nói thêm ít điều nữa. Trong giáo lý Tiểu thừa, khi quý vị nhận những gì hư giả làm cái chân thật và dùng thức tâm để ứng xử mọi việc thì rất là tai hại. Nay quý vị đã nhận ra cái hư giả và cái chân thật.

Đã nhận ra được bảy anh em ruột thịt trong nhà, thế là bây giờ, mặc dù thức tâm là hư giả, nhưng nó đã chuyển thành Như Lai tạng. Nó vốn biến hiện từ Như Lai tạng. Đó được gọi là ‘chuyển tướng thành tánh.’ Trong quá khứ, quý vị đã dính mắc hoàn toàn vào tướng, nhưng nay quý vị đã nhận ra được tự tánh, quý vị sẽ không còn từ bỏ cái thân thiết gần gũi để tìm kiếm cái xa xôi nữa, không còn từ bỏ gốc để chạy theo nắm bắt nhành ngọn nữa, hoặc không còn nhận giặc làm con nữa. Thế thì còn chút hy vọng cho quý vị. Quý vị còn được chút ít của báu trong nhà.

Tôi đã nói với quý vị về việc tụng chú Lăng Nghiêm. Nếu quý vị tụng được chú Lăng Nghiêm, thì quý vị sẽ là một trong những người giàu nhất thế giới trong bảy kiếp sau. Thực vậy, nếu ngay bây giờ, nếu quý vị tụng được chú Lăng Nghiêm, thì quý vị sẽ là một trong những người giàu nhất thế giới vì quý vị nhận ra được Pháp bảo tạng nầy. Và khi quý vị đặt Pháp bảo tạng nầy vào trong tâm quý vị rồi thì còn có ai đánh cắp ra khỏi được? Bất kỳ loại kẻ cắp nào cũng không lấy được.

Pháp bảo tạng nầy ở trong tự tánh của quý vị. Nó đã được cất giữ trong vòm trời Như Lai tạng của quý vị. Chẳng ai có thể tìm đến đó để lấy cắp được. Chẳng thể diễn tả nó vi diệu đến chừng nào. Nếu quý vị thâm nhập được Phật pháp, thì ngay bây giờ quý vị là một trong những người giàu nhất thế gian. Nhưng bây giờ thì quý vị chưa sử dụng tài sản đó được. Khi nào quý vị thành Phật rồi thì điều ấy sẽ thuộc về quý vị. Bây giờ gia tài ấy chỉ mới được kí thác với tên của quý vị, nhưng quý vị chưa đến tuổi trưởng thành, thế nên bây giờ chưa dùng được.

“A-nan, tánh của thức đại không có nguồn gốc.”–Nó không đến từ nơi nào cả. Nói cách khác, nó không có nguồn gốc.

“Thế thì, nó là cái gì?” Quý vị liền hỏi.

Nó “duyên theo sáu căn trần hư vọng mà có.” Để hiện hữu, nó phải mượn nhờ sáu căn: nhãn, nhĩ, tị, thiệt, thân, ý và sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp– là ‘kiến phần’ và ‘tướng phần. ‘

“Nay ông nhìn khắp thánh chúng trong hội nầy, A-nan, nay hãy nhìn qua đại chúng trong pháp hội giảng Kinh Thủ Lăng Nghiêm, những người đã chứng được thánh quả. Khi mới dùng mắt xem qua–nhìn lướt qua từ đầu đến cuối–Nhìn chung, chỉ thấy như bóng trong gương, chưa phân tích rõ được. Nhìn quanh một lượt, những gì thấy được chỉ như bóng trong gương.” Trong đó có gì khác biệt. Đến đây kinh văn sẽ đề cập đến hoạt dụng của thức.

Kinh văn: **汝識於中, 次第標指, 此是文殊, 此富樓那, 此目乾連, 此須菩提, 此舍利弗。**

Phiên âm: Nhữ thức ư trung, thứ đệ tiêu chỉ, thử thị Văn-thù, thử Phú-lâu-na, thử Mục-kiền-liên, thử Tu-bồ-đề, thử Xá-lợi-phất.

Việt dịch: Rồi trong tâm thức ông, theo thứ tự chỉ ra, đây là Văn-thù, Phú-lâu-na, đây là Mục-kiền-liên, đây là Tu-bồ-đề,

Giảng: “Rồi trong tâm thức ông, theo thứ tự chỉ ra. Nhìn kỹ những người trong Pháp hội nầy, và lần lượt chỉ rằng từng người. Đây là Văn-thù, là Bồ-tát Diệu Cát Tường. Đây là Phú-lâu-na, đó là ngài Phú-lâu-na Mãn Từ Tử, tên ngài có nghĩa là ‘Con của người có lòng từ bi rộng khắp.’ Đây là Mục-kiền-liên, tên ngài có nghĩa là ‘con của dòng họ ăn rau đậu–Thái thúc thị’. Đây là Tu-bồ-đề, tên ngài có nghĩa là ‘Không Sinh,’ Vì sao Tu-bồ-đề có tên là ‘Không Sinh’? vì khi ngài sinh ra, tất cả của cải quý báu trong nhà đều biến mất.

Không có nghĩa là của cải bị kẻ trộm lấy mất. Các kho báu đều được bảo mật và khóa rất kỹ; nhưng của báu bên trong tự ra đi. Nên ngài được đặt tên là Không Sinh. Sau bảy ngày, tất cả những của báu ấy lại hiện ra, nên ngài lại được đặt tên là Thiện Hiện. Cha ngài đến một thầy tướng số để xem tử vi cho ngài, tử vi cho biết là 'tốt lành may mắn'. Thế nên ngài được gọi là Thiện Kiết. Đó là ba tên của ngài.

"Đây là Xá-lợi-phất. " Xá-lợi-phất là ai? Ngài là người đã thắng trong cuộc tranh luận với cậu ruột của mình khi ngài còn ở trong bụng mẹ. Ông cậu khiếp sợ tư tưởng của đứa cháu mình khi nó chào đời, thấy rằng mình sẽ bị mất mặt nếu bị thua khi cùng với cháu mình tranh luận. thế nên ông cậu đi khắp Ấn Độ để học nhiều luận thuyết, rồi ông ta trở về để luận nghị với cháu mình. Nhưng cháu ông ta đã xuất gia theo Đức Phật rồi. Ông cậu muốn kéo đứa cháu về, nên thách thức tranh luận với Đức Phật. Không ai đoán được rằng ông ta bị thất bại, không thắng được một ván nào. Ông ta thua cuộc ngay trong trò chơi do mình đặt ra.

Kinh văn: **此識了知, 為生於見, 為生於相, 為生虛空, 為無所因, 突然而出?**

Phiên âm: Thử thức liễu tri, vi sanh ư kiến, vi sanh ư tướng, vi sanh hư không, vi vô sở nhân, đột nhiên nhi xuất?

Việt dịch: Thức nhận biết đó sinh ra do cái thấy, do các tướng, do hư không hay không nhân gì cả mà đột nhiên sinh ra?

Giảng: "Thức nhận biết đó…" Cái thức có tánh hay biết; hiểu biết và phân biệt được các hiện tượng. Nhưng bản thể của thức nầy sinh khởi từ đâu sinh ra? Nó từ đâu đến? Cái gì là mẹ sinh ra thức nầy? Có phải nó sinh ra do cái thấy? Có phải cái thấy là mẹ sinh ra thức nầy? Có phải năng lực thấy được là mẹ của thức nầy? Có phải nó sinh ra do các tướng? Có phải những vật có hình tướng là mẹ sinh ra thức ấy? Có phải nó sinh ra do hư không? Hay hư không là mẹ sinh ra thức nầy? Rốt ráo cái gì là mẹ sinh ra thức ấy? Hay không nhân gì cả mà đột nhiên sinh ra? Hay là bỗng dưng mà nó được sinh ra, chẳng do mẹ sinh? Trong thế gian có vật nào bỗng nhiên sinh ra chẳng cần có mẹ hay không? Thức nầy từ đâu sinh ra?

Kinh văn: **阿難, 若汝識性,生於見中, 如無明暗,及與色空, 四種必無,元無汝見。見性尚無從何發識?**

Phiên âm: **A-nan, nhược nhữ thức tánh, sanh ư kiến trung, như vô minh ám, cập dữ sắc không, tứ chủng tất vô, nguyên vô nhữ kiến. Kiến tánh thượng vô, tùng hà phát thức?**

Việt dịch: A-nan, nếu thức tánh của ông sinh ra do cái thấy, mà không có bốn tướng sáng tối, cùng sắc không, thì chắc không có được cái thấy. Tánh thấy còn không có, do đâu phát sinh ra thức?

Kinh văn: 若汝識性, 生於相中。不從見生。既不見明亦不見暗。明暗不矚, 即無色空。彼相尚無, 識從何發?

Phiên âm: **Nhược nhữ thức tánh, sanh ư tướng trung, bất tùng kiến sanh. Ký bất kiến minh, diệc bất kiến ám. Minh ám bất chúc, tức vô sắc không. Bỉ tướng thượng vô, thức tùng hà phát?**

Việt dịch: Nếu thức của ông sinh ra do các tướng mà không do cái thấy. Đã không thấy sáng, thì cũng không thấy tối. Sáng tối đã không thấy được, tức là chẳng thấy sắc không. Các tướng kia còn chẳng có thì thức từ đâu mà phát sinh?

Giảng: "Nếu thức của ông sinh ra do các tướng mà không do cái thấy…Trên đã xác định cái thức ấy không sinh ra bởi cái thấy. Vậy thì có lẽ ông bảo nó sinh ra từ sắc tướng. Đã không thấy sáng, thì cũng không thấy tối– Nếu nó không sinh ra từ cái thấy, thì nó không thể thấy được sáng hay tối. Do vậy, sáng tối đã không thấy được, tức là chẳng thấy sắc không. Nếu không thấy được sáng tối, làm sao thấy được sắc tướng và hư không? Các tướng kia còn chẳng có thì thức từ đâu mà phát sinh? Nếu không có tướng làm mẹ, thì làm sao sinh ra được đứa con gọi là thức? Ông thử nói xem!"

Kinh văn: **若生於空, 非相非見。非見無辯。自不能知, 明暗色空。非相滅緣, 見聞覺知, 無處安立。**

Phiên âm: **Nhược sanh ư không, phi tướng phi kiến. Phi kiến vô biện, tự bất năng tri, minh ám sắc không. Phi tướng diệt duyên, kiến văn giác tri, vô xứ an lập.**

Việt dịch: Nếu thức sinh ra do hư không, chẳng phải sắc tướng, chẳng phải cái thấy. Nếu chẳng phải là cái thấy thì không thể phân biệt, vốn tự không biết được các tướng sáng tối và sắc không. Nếu chẳng có sắc tướng thì sở duyên tự diệt mất, nên kiến văn giác tri chẳng có nơi an lập.

Giảng: "Nếu thức sinh ra do hư không–Ông có thể cho rằng mẹ sinh ra thức chính là hư không. Trong trường hợp đó, chẳng phải sắc tướng, chẳng phải cái thấy." Chẳng phải do bất kỳ sắc tướng nào, và cũng chẳng do cái thấy nào cả. "Nếu chẳng phải là cái thấy thì không thể phân biệt, vốn tự không biết được các tướng sáng tối và sắc không." Không có được khả năng phân biệt, nó không biết được gì cả.

Nếu chẳng có sắc tướng thì sở duyên tự diệt mất. Nếu không có các sắc tướng thì các duyên tiền trần cũng biến mất. Chẳng có sở duyên nào cả. Do vậy, nên kiến văn giác tri chẳng có nơi an lập. Vì không có kiến văn giác tri, trường hợp ấy như đã được giải thích ở trên: Không có mẹ thì con chẳng thể nào được sinh ra đời.

Kinh văn: **處此二非。空非同無, 有非同物。縱發汝識, 欲何分別?**

Phiên âm: Xử thử nhị phi, không phi đồng vô, hữu phi đồng vật. Túng phát nhữ thức, dục hà phân biệt?

Việt dịch: Giữa hai thứ chẳng phải nêu trên, nếu 'không' thì tâm thức đồng như chẳng có, nếu 'có' thì tâm thức đồng như các vật. Dù cho phát ra tâm thức của ông thì nó sẽ phân biệt được gì?

Giảng: "Giữa hai thứ chẳng phải nêu trên, nếu 'không' thì tâm thức đồng như chẳng có. Nếu ông giả sử rằng thức ấy sinh ra từ hư không, thì nó chẳng có khả năng thấy và không có sắc tướng riêng của nó. Thế nên nếu nó sinh ra từ hư không, thì nó cũng đồng như không hiện hữu. Sẽ không đúng đối với trường hợp hiện hữu, và không đúng đối với trường hợp hư không. Nếu ông thấy được, có nghĩa là chẳng có thức sinh ra trong đó. Còn nếu không thấy được–nếu ông không thấy được gì cả, làm sao lại có thức được?"

Nếu thức sinh khởi từ hư không, lẽ ra nó phải hiện hữu, còn nếu thức không hiện hữu, thì làm sao nói thức sinh ra từ hư không? "Nếu 'có' thì tâm thức đồng như các vật. Ông có thể nói nó hiện hữu, rằng nó phát sinh từ một cái gì đó đang hiện hữu, nhưng thức lại không như một vật thể. Ông không thể nào thấy thức được. Thế nên nó là cái gì? Dù cho phát ra tâm thức của ông – Giả sử như tâm thức của ông phát sinh ra từ hư không–thì nó sẽ phân biệt được gì?

Tâm thức ông làm sao có được chức năng phân biệt?"

Kinh văn: **若無所因, 突然而出, 何不日中, 別識明月?**

Phiên âm: Nhược vô sở nhân, đột nhiên nhi xuất, hà bất nhật trung, biệt thức minh nguyệt?

Việt dịch: Nếu thức không do đâu mà phát sinh, tại sao không phân biệt được ánh trăng lúc ban ngày ?

Giảng: "Ông nói rằng, 'A! Thức tự nhiên xuất hiện.' Nếu thức không do đâu mà phát sinh, không do một nguyên nhân nào cả, tại sao không phân biệt được ánh trăng lúc ban ngày? Ông có thể thấy được mặt trăng khi mặt trời đang lên không? Tại sao mặt trăng không thể xuất hiện? Vì không thể nào được, tâm thức ông không thể nào nhận biết mặt trăng trong khi mặt trời đang chiếu sáng. Thế nên, thật là sai lầm khi ông nói rằng thức bỗng nhiên xuất hiện. Điều ấy không đúng."

Đức Phật đang đưa ra điều nghịch lý. Vốn không có đạo lý như vậy, nhưng ngài đặt ra để gạn hỏi A-nan và khiến cho A-nan không biết đâu là sự thật.

Kinh văn: **汝更細詳, 微細詳審。見託汝睛, 相 推 前境。可狀成有, 不相成無。如是識緣, 因何所出?**

Phiên âm: Nhữ cánh tế tường, vi tế tường thẩm. Kiến thác nhữ tình, tướng thôi tiền cảnh. Khả trạng thành hữu, bất tướng thành vô. Như thị thức duyên, nhân hà sở xuất?

Việt dịch: Ông phải suy xét thật kỹ, quán sát thật tường tận. Cái thấy phải nương nhờ con mắt ông, sắc tướng là cảnh của tiền trần. Những gì có tướng mới thành có, chẳng có tướng ắt thành không. Cái thức như vậy, do đâu mà có?

Giảng: ""A-nan, bây giờ Ông phải suy xét thật kỹ, quán sát thật tường tận. Đến chỗ phải có sự phân tích vi tế tường tận chi tiết nhất, ông càng phải suy xét kỹ lưỡng hơn. Cái thấy phải nương nhờ con mắt ông. Cái thấy phát xuất từ mắt ông. Sắc tướng là cảnh của tiền trần. Những gì có sắc tướng thì thuộc về trần cảnh trước mắt ông. Những gì có tướng mới thành có, chẳng có tướng ắt thành không. Cái gì không có sắc tướng được gọi là không hiện hữu. Cái thức như vậy, do đâu mà có?" Thức do đâu mà ra?

Kinh văn: **識動見澄,非和非合。聞聽覺知, 亦復如是。不應識緣, 無從自出?**

Phiên âm: **Thức động kiến trừng, phi hòa phi hợp. Văn thính giác tri, diệc phục như thị. Bất ưng thức duyên, vô tùng tự xuất?**

Việt dịch: Thức thì linh động, cái thấy trong lặng, chẳng hòa chẳng hợp. Tánh ngửi, tánh nghe và tánh hay biết cũng đều như vậy. Chẳng lẽ tâm thức không do đâu mà có?

Giảng: "Thức thì linh động, cái thấy trong lặng." Tâm thức tạo ra sự phân biệt, bản tánh của nó là một trong những thứ linh hoạt. Tánh của 'cái thấy tĩnh lặng,' không dao động. Chúng nó chẳng hòa chẳng hợp. Thế nên, ông cho rằng chúng có thể hòa hợp, nhưng không thể được. Tánh ngửi, tánh nghe và tánh hay biết cũng đều như vậy.

Tánh biết ngửi, tánh biết nghe và tánh nhận biết được cũng giống như vậy, chẳng hòa chẳng hợp. "Bất ưng thức duyên, vô tùng tự xuất?" Mặc dù thực trạng của thức không hòa hợp nhau được, nhưng chẳng lẽ nào thức duyên (tâm thức phân biệt) ấy không phát sinh từ một nguyên nhân nào? Lập luận nầy lại được áp dụng: không có mẹ làm sao đứa bé ra đời được?

Kinh văn: **若此識心, 本無所從。當知了別, 見聞覺知, 圓滿湛然, 性非從所。兼彼虛空, 地水火風, 均名七大, 性真圓融, 皆如來藏, 本無生滅。**

Phiên âm: **Nhược thử thức tâm, bổn vô sở tùng, đương tri liễu biệt, kiến văn giác tri, viên mãn trạm nhiên, tánh phi tùng sở. Kiêm bỉ hư không, địa thuỷ hoả phong, quân danh thất đại, tánh chân viên dung, giai Như Lai tạng, bổn vô sanh diệt.**

Việt dịch: Nếu thức ấy chẳng do đâu sinh ra, thì nên biết tác dụng của kiến văn giác tri vốn vắng lặng cùng khắp, tánh chẳng do đâu mà có. Hai đại ấy (thức đại và kiến đại) cùng với hư không, địa, thủy, hỏa, phong, đều gọi là bảy đại, tánh thật viên dung, đều là tánh Như Lai tạng,

Giảng: "Nếu thức ấy – Nếu thức tâm tạo nên phân biệt– chẳng do đâu sinh ra– nếu nó vốn chẳng do đâu sinh ra–thì nên biết tác dụng của kiến văn giác tri– tánh biết thấy, tánh biết nghe, tánh biết ngửi, tánh biết nếm và tánh hay biết– vốn vắng lặng cùng khắp. Tất cả đều bao trùm khắp, tịch lặng và hoàn toàn thanh tịnh. Tánh nầy chẳng do đâu mà có." Tánh ấy chẳng từ đâu đến và chẳng đi về đâu.

"Hai đại ấy (thức đại và kiến đại) cùng với hư không, địa, thủy, hỏa, phong, đều gọi là bảy đại, tánh thật viên dung, và không ngằn mé. Đều là tánh Như Lai

tạng, vốn không sinh diệt.” Nó lưu xuất từ Như Lai tạng và vốn chẳng sinh chẳng diệt. Đó là lí do tại sao nó không do sinh ra và cũng không bị tiêu diệt.

Kinh văn: **阿難汝心, 麤浮不悟見聞, 發明了知, 本如來藏。汝應觀此六處識心, 為同為異, 為空為有, 為非同異, 為非空有?**

Phiên âm: A-nan nhữ tâm, thô phù bất ngộ kiến văn, phát minh liễu tri, bổn Như Lai tạng. Nhữ ưng quán thử lục xứ thức tâm, vi đồng, vi dị, vi không, vi hữu, vi phi đồng dị, vi phi không hữu?

Việt dịch: A-nan, tâm ông nông cạn, không ngộ được cái kiến văn, không rõ được cái giác tri vốn là tánh Như Lai tạng. Ông nên quán sát sáu chỗ thức tâm nầy là đồng hay khác, là không hay là có, là chẳng đồng chẳng khác, là chẳng không chẳng có?

Giảng: “A-nan, tâm ông nông cạn.” Đức Phật lại quở trách A-nan một lần nữa. “Tâm ông quá thô thiển, nông cạn.” Thô thiển có nghĩa là ‘không tinh tế,’ lơ mơ. Có nghĩa là A-nan không chịu dừng lại để suy gẫm và quán sát sự việc. A-nan không chịu chiêm nghiệm. A-nan bốc đồng, vội vã, cẩu thả khi suy xét mọi việc. ‘Nông cạn’ là chỉ cho tâm A-nan– tâm này ngược với thâm tâm. Đoạn kinh sau A-nan sẽ nói: ‘Tương thử thâm tâm phụng trần sát, thị tắc danh vi báo Phật ân.’ Nhưng nay tâm A-nan quá nông cạn. Có nghĩa là A-nan chẳng để ý gì đến những gì đang diễn ra.

“Không ngộ được cái kiến văn–và tánh biết ngửi, tánh biết nếm và tánh hay biết, tác dụng của chúng, và không rõ được cái giác tri đều vốn là tánh Như Lai tạng. Ông không nhận ra được đạo lý Đức Phật đã giảng giải về địa, thủy, hỏa, phong, không và kiến, ông không nhận ra được cái tánh hay biết cũng đồng là tánh Như Lai tạng. Ông không hiểu được rằng tất cả đều là tác dụng lưu xuất từ Như Lai tạng.”

“Ông nên quán sát sáu chỗ thức tâm.” Sáu chỗ của thức tâm là địa, thủy, hỏa, phong, không và kiến. Sáu lĩnh vực của thức tâm nầy là đồng hay khác, là không hay là có, là chẳng đồng chẳng khác? Nó chẳng đồng hay chẳng khác? Là chẳng không chẳng có? Có phải nó chẳng không mà cũng chẳng hiện hữu? Ông nói sáu thức nầy như cái gì?

Kinh văn: **汝元不知, 如來藏中, 性識明知, 覺明真識。妙覺湛然, 周遍法界。**

Phiên âm: **Nhữ nguyên bất tri, Như Lai tạng trung, tánh thức minh tri, giác minh chơn thức. Diệu giác trạm nhiên, châu biến pháp giới.**

Việt dịch: Ông vốn không biết, trong Như Lai tạng tánh của thức là rõ biết sáng suốt, tính giác ngộ sáng suốt chính là chơn thức. Bản giác trong sáng nhiệm mầu, vắng lặng cùng khắp pháp giới.

Giảng: "Ông vốn không biết, trong Như Lai tạng tánh của thức là rõ biết sáng suốt." Tánh của thức là trong sáng, chính là giác ngộ. "Tính giác ngộ sáng suốt chính là chơn thức. Bản giác trong sáng nhiệm mầu, vắng lặng cùng khắp pháp giới." Thể tánh bất khả tư nghì của giác ngộ là thanh tịnh vắng lặng và cùng khắp pháp giới."

Kinh văn: **含 吐十虛, 寧有方所?**

Phiên âm: **Hàm thổ thập hư, ninh hữu phương sở?**

Việt dịch: Bao gồm và hiển bày trong khắp mười phương hư không, đâu có phương hướng xứ sở?

Giảng: "Thức ấy bao gồm và hiển bày trong khắp mười phương hư không."

'Bao gồm' có nghĩa là thức chứa đựng trọn cả hư không; 'hiển bày' có nghĩa là lưu hiện ra trong hư không. Chứa đựng và lưu hiện ra khắp trong mười phương hư không, thức ấy hiện hữu khắp mọi nơi. "Đâu có phương hướng xứ sở?" Làm sao mà thức ấy lại ở một chỗ nhất định hoặc có một phương hướng nhất định đư

Kinh văn: 循業發現，世間無知惑為因緣及自然性，皆是識心分別計度，但有言說都無實義。

Phiên âm: **Tuần nghiệp pháp hiện, thế gian vô tri, hoặc vi nhân duyên, cập tự nhiên tánh, giai thị thức tâm, phân biệt kế độ, đản hữu ngôn thuyết, đô vô thật nghiã**

Việt dịch: Theo nghiệp mà biến hiện ra các cảnh giới hiện hữu. Thế gian không biết, lầm cho là tánh nhân duyên và tự nhiên. Tất cả đều là do thức tâm phân biệt suy lường. Chỉ là tên gọi, hoàn toàn không có nghĩa chân thật.

Giảng: Theo nghiệp mà biến hiện ra các cảnh giới hiện hữu." Tùy theo nghiệp cảm của chúng sinh đã tạo mà những quả báo nầy hiện ra. "Thế gian không biết"– môn đệ của ngoại đạo, những người theo giáo lý quyền thừa, và hàng Tiểu thừa, những kẻ phàm phu, những người thiếu trí huệ, 'lầm cho là tánh nhân duyên và tự nhiên." Họ không rõ có phải đạo lý nầy xuất phát từ lý nhân duyên hay không. Họ mê mờ và nghi hoặc, không nhận ra được rõ ràng. Hoặc là họ cho đó là tánh tự nhiên, đó là lý thuyết tự nhiên luận của hàng ngoại đạo.

"Tất cả đều là do thức tâm phân biệt suy lường." – Đó là hoàn toàn do thức tâm khởi lên phân biệt và suy lường–hoạt dụng đến mức độ đó– Chỉ là tên gọi, hoàn toàn không có nghĩa chân thật."

*Có người hỏi: Ban đầu kinh này phá trừ thức tâm, cho rằng nó chỉ là danh nghĩa hư vọng, rốt ráo không có tự thể, cho đến chỉ bày trong kiến văn giác tri cũng gồm cả sắc tướng để phá. Cho đến 18 giới, đều nói là lưu xuất từ tánh Như Lai tạng. Đến khi nói về thất đại, lại nói là trùm khắp pháp giới, hàm biến cả mười phương hư không, tức là tánh toàn thể rộng lớn trùm khắp. Tại sao trước đã nói thức là cực vọng, sau lại nói nó toàn chơn?

Đáp: Ban đầu mới tu đạo, cần phải nhờ vào phương tiện để quyết trạch chân vọng mà xả bỏ đi căn bản sinh tử để đạt được niết-bàn diệu tâm. Sở dĩ ban đầu cần phải phá trừ thức là để dứt khoát không dùng nó nữa. Khi đã nhận ra được thức vốn là hư vọng rồi, từ đó mới nói rõ nghĩa rốt ráo viên dung, để chỉ rõ chẳng pháp nào mà không chân, pháp nào mà chẳng như. Cho đến ức kiếp cõi nước như vi trần, cũng chẳng ngoài nhất chân pháp giới cả.

Kinh văn: 爾時阿難,及諸大眾,蒙佛如來,微妙開示,身心蕩然,得無罣礙,是諸大眾各各自知心徧十方見十方空 如觀掌中所持葉物一切世間諸所有物皆是菩提妙明元心

Phiên âm: Nhĩ thời A-Nan cập chư đại chúng, mông Phật Như Lai,vi diệu khai thị, thân tâm thản nhiên, đắc vô quái ngại. Thị chư đại chúng, các các tư tri, tâm biến thập phương, kiến thập phương không, như quán chưởng trung, sở trì thái vật.

Việt dịch: Lúc bấy giờ A-nan và cả đại chúng, được sự khai thị nhiệm mầu của Đức Phật, khiến thân tâm vắng lặng, chẳng còn ngăn ngại. Trong đại chúng, mọi người đều tự nhận ra tâm mình trùm khắp mười phương. Thấy mười phương hư không như xem một lá cây hay đồ vật trong bàn tay.

Giảng: “Lúc bấy giờ, sau khi giảng giải về bảy đại, A-nan và cả đại chúng, các vị Đại A-la-hán, các bậc vô lậu trong chúng, các vị Đại tỷ-khưu tăng và vô số người khác, được sự khai thị nhiệm mầu của Đức Phật. Lời dạy vi diệu, giáo lý bất khả tư nghì nầy, giáo pháp nầy, là lời khai thị cho đại chúng. Những thành viên trong tăng chúng, đã thấm nhuần được lời khai thị vi diệu nhiệm mầu của Như Lai, khiến thân tâm vắng lặng, chẳng còn ngăn ngại.” ‘Vắng lặng,’ cơ bản có nghĩa là chẳng có chuyện gì cả. Mọi sự đều rỗng rang, bụi bặm đã được rửa sạch bằng nước, những gì còn lại bây giờ là ánh sáng của Phật tánh. Đây là cảnh giới hoàn toàn thanh thoát, không vướng bận chút gì cả. Mọi việc đều là không. Trong không thấy thân tâm, ngoài chẳng có thế giới. Khi đã đạt được cảnh giới nầy, quý vị sẽ thấy không có gì hết thảy.

Tại sao chúng ta không được thanh thản? Vì bên trong chúng ta vẫn còn chấp vào thân mình. Nếu có ai nói lời nào động chạm đến mình, quý vị nổi phiền não lên ngay. Bất kỳ khi nào, hễ có ai xúc phạm mình một chút là mình không thể nào nguôi ngoai cơn giận được. Thế nên chúng ta không có được sự thanh thản.

Và họ thấy chẳng còn ngăn ngại. Vì thân tâm họ đã thoát lạc, không còn thấy vướng bận nữa; họ không còn bị chướng ngại bởi thân tâm họ nữa.

Trong không thấy thân tâm,
Ngoài chẳng có thế giới.

Vậy nên chẳng chướng ngại. tại sao chúng ta bị chướng ngại? Một cô đệ tử của tôi luôn luôn xin phép được viết thư cho bạn trai, rồi bận rộn đi gởi thư cho anh ta. Đó là chướng ngại. Sao cô ta lại bị như vậy? Vì thân tâm cô chẳng được thanh thản. Cô bị chướng ngại, nên cô chẳng thể buông bỏ được. Nếu quý vị không bị chướng ngại…Có ích gì khi cứ vướng bận đến anh ta? Cô nghĩ đến anh ta suốt ngày cho đến khi tóc bạc, mắt mờ và trở nên già cỗi. Chẳng có ích gì cả.

Đến bây giờ, tôi thấy mình không còn bị chướng ngại gì hết. Thời gian qua, khi tôi xây chùa ở Hồng Kông, tóc tôi nhuốm bạc, bây giờ đã đen lại rồi. Vì tôi chẳng còn vướng bận gì nữa cả. Bây giờ tôi đang giảng kinh cho quý vị, giảng kinh đơn giản chỉ là giảng kinh. Khi xong việc, tôi chẳng lưu lại chút ý nghĩa đặc biệt gì. Tôi không dính mắc vào việc ấy. Nếu có việc gì sinh khởi, tôi tìm cách giải quyết ngay lúc ấy, và khi đã giải quyết xong rồi thì không còn bận tâm đến nó nữa. Tôi quên việc ấy rồi, không còn để ý nữa một cách rất tự nhiên. Sao vậy? Vì nếu quý vị xem mọi việc đều quan trọng thì quý vị không thể nào buông bỏ nó được. Nếu quý vị xem mọi việc đều vô sự, đều bình thường thì sẽ chẳng có chuyện gì rắc rối xảy ra cả.

Nếu núi Thái sơn sụp đổ trước mắt,
Cũng xin đừng ngạc nhiên.

Có nghĩa là bất luận tai họa lớn lao nào có xảy ra, dù nhà quý vị sụp đổ, cũng mặc chúng. Nếu quý vị chẳng bận tâm đến nó, thì dù nó có sập, nó sẽ chẳng làm hại đến quý vị. Vì sao quý vị bị sự việc làm hại đến mình? Vì quý vị không buông bỏ được chúng. Quý vị bị vướng bận bởi chúng. Quý vị sợ hãi, nên quý vị bị hại. Nếu quý vị chẳng sợ hãi điều gì, nếu quý vị có được sự tỉnh táo, thì dù có ở đâu cũng chẳng hề hấn gì.

Trong đại chúng, mọi người đều tự nhận ra. Mọi người đều hiểu ra. Tôi không rõ đại chúng hiện tiền trong pháp hội nầy có nhận ra không? Tâm mình trùm khắp mười phương. Tâm họ bao trùm khắp cả pháp giới trong khắp mười phương. Thấy mười phương hư không. Quý vị có thấy được hư không trong mười phương chưa? Nó như thế nào? Hư không trong mười phương chắc hẳn là không lớn lắm. Vậy nó lớn bằng chừng nào? Người ta có thể xem thấy hư không như xem một lá cây hay vật trong bàn tay. Thấy hư không giống như nhìn thấy lòng tay. 'Lá' ở đây có thể hiểu là một trang kinh Phật, nhưng không nhất thiết phải hiểu như vậy. Có thể đó là lá cây, cành hoa, hoặc bất kỳ thứ lá gì cũng được. Đó chỉ là ví dụ. Còn 'vật' trong kinh nói đến là chỉ cho trái am-ma-la,[45] vốn chỉ có ở Ấn Độ chứ Trung Hoa không có.

Nói chung, đại chúng trong Pháp hội lúc đó đã thức tỉnh, trong tâm họ hoàn toàn cảm nhận ra rằng hư không bao trùm khắp mười phương. Nó không rời khỏi một niệm tưởng. Thế nên tâm-pháp[46] rất vi diệu. Tận cùng hư không, suốt khắp pháp giới , chẳng có nơi nào mà tâm không đến được. Nếu tâm quá lớn, thì lớn được biến thành nhỏ lại, nên quý vị có thể thấy được hư không trong mười phương rõ ràng như thấy vật trong bàn tay. Tại sao có được điều nầy? Tôi sẽ giải thích cho quý vị rõ. Vì lúc ấy mọi thành viên trong Pháp hội đã có được thiên nhãn thông.[47] Tất cả đều đã có được huệ nhãn. Do vậy, họ thấy được cảnh giới nầy; họ có thể nhận ra rằng vạn pháp chỉ là tâm và tâm bao hàm vạn pháp. Tâm bao dung cả cái chân thật và hư giả.

Cái gì chứa đựng cả chân thật và hư vọng? Chính là chân tâm chúng ta, Chân tâm chúng ta bao hàm cả cái chân thật và hư vọng và không có xứ sở. Nó ở cùng khắp hư không và bao trùm cả pháp giới. Thế thì nó ở đâu? Nó chẳng ở đó mà cũng chẳng phải không có ở đó. Vậy nên tâm bao hàm trong vạn pháp, vạn pháp chỉ là tâm.

Các pháp sinh khởi từ tâm,
Các pháp hoại diệt do tâm.

Khi tâm sinh khởi, thì các pháp khởi.
Khi tâm biến diệt thì các pháp biến diệt.

Như vậy, chân tâm chẳng sinh chẳng diệt, và các pháp cũng chẳng sinh chẳng diệt. Thế nên, quý vị thấy, mọi người trong Pháp hội đều trở nên giác ngộ. Nếu chúng ta không giác ngộ, nghe kinh đến đoạn nầy, lẽ nào chúng ta không xấu hổ? Tôi không nói đùa với quý vị. Ai cũng phải thấy mình giác ngộ ngay bây giờ! Ai không thấy mình giác ngộ sẽ bị đánh. Tôi sẽ sách tấn để cho quý vị đạt được điều nầy.

Kinh văn: 一切世間, 諸所有物。皆即菩提妙明元心。

Phiên âm: Nhất thiết thế gian, chư sở hữu vật, giai tức bồ đề diệu minh nguyên tâm.

Việt dịch: Tất cả mọi vật có trong thế gian, đều là tâm bồ-đề sáng suốt nhiệm mầu.

Giảng: Lúc bấy giờ, các thành viên trong đại chúng đều nhận ra được hư không trong khắp mười phương như thể nhìn thấy ngọn lá hay đồ vật trong bàn tay mình. Và họ cũng nhận ra rằng Tất cả mọi vật có trong thế gian, đều là tâm bồ-đề sáng suốt nhiệm mầu. Tất cả các pháp đều là tâm bồ-đề.

Kinh văn: 心精遍圓，含裹十方。反觀父母 **所生之身， 犹彼十方虚空之中吹一微**尘 **若存若亡。如湛巨海。流一浮**沤。起灭无从。

Phiên âm: Tâm tình biến viên, hàm thấu thập phương. Phản quán phụ mẫu, sở sanh chi thân, do bỉ thập phương, hư không chi trung, khứu nhất vi trần, nhược tôn nhược vong. Như cảng cự hải, lưu nhất tồn phu, khởi diệt vô tùng.

Liễu nhiên tự tri, do bổn diệu tâm, thường trụ bất diệt. Lễ Phật hiệp chưởng, đắc vị tằng hữu, ư như lai tiền, thuyết kệ tán Phật.

Việt dịch: Tâm tánh tròn đầy, cùng khắp mười phương. Nhìn lại thân cha mẹ sinh ra, như mảy bụi phất phơ trong mười phương hư không, thoạt còn thoạt mất; như trong đại dương mênh mông, nổi lên hòn bọt nước, chẳng biết sinh diệt từ đâu.

Rõ ràng tự nhận biết được chân tâm nhiệm mầu xưa nay thường trụ bất diệt. Nên chắp tay lễ Phật, được điều chưa từng có. Đến trước Như Lai nói kệ tán thán:

Giảng: Tâm chính là tâm bồ-đề. Tánh của tâm tròn đầy. Tính vi diệu nhiệm mầu của tâm bồ-đề là tròn đầy. Không có nơi nào mà nó không bao trùm. Nó chẳng thiếu sót chút nào, nên được gọi là tròn đầy. Nếu nó quá ít, thì nó cũng chẳng tròn đầy. Nó phải nhiều như nó phải có. Thế nên nó mới tùy tâm chúng sinh mà ứng hiện đúng theo sở nguyện. Đó gọi là hoàn toàn viên mãn.

Cùng khắp mười phương. "Mười phương" chỉ là lời nói. Cơ bản là nó không chỉ khắp mười phương, nó cùng khắp mọi nơi.

Nhìn lại, trước đó, họ chỉ nhìn ra ngoài, và họ chẳng thể nào nhìn thấy được họ. Nhưng bây giờ họ nhìn lại và có thể họ thấy được mắt của chính mình. Đức Phật nói rằng người ta không thể nào thấy được mặt mình. Thế mà bây giờ làm sao họ thấy được mắt họ? Họ phải mở được thiên nhãn. Với thiên nhãn. không những quý vị có thể thấy được bên ngoài mà còn thấy được bên trong. Khi quý vị nhìn vào trong thân mình, thấy nó cũng giống như cái bể chứa bằng thủy tinh.

Khi quý vị nhìn vào trong cái bể chứa bằng thủy tinh nầy, sẽ thấy máu huyết của quý vị màu gì. Khi quý vị có được thiên nhãn thông, huệ nhãn và Phật nhãn, quý vị sẽ thấy được từng bộ phận trong cơ thể mình. Quý vị sẽ thấy được thân có bệnh gì, những nơi khí huyết không lưu thông tốt được. Quý vị có thể thấy được cả trong lẫn ngoài. Vào lúc ấy mọi người trong đại chúng đều nhận ra được hư không trong mười phương giống như nhìn các vật trong lòng bàn tay, và cũng thấy được trong bao tử của họ. Họ thấy được trong cơ thể của họ. Cơ thể của họ cũng giống như hư không trong mười phương.

'Thế tại sao?' Quý vị có thể hỏi, 'Đức Phật nói cái thân do cha mẹ sinh ra lại như mảy bụi phất phơ trong mười phương hư không, thoạt còn thoạt mất; như trong đại dương mênh mông, nổi lên hòn bọt nước, chẳng biết sinh diệt từ đâu?'

Cái thân lớn như hư không trong mười phương chính là Pháp thân. Thân bằng xác thịt chỉ là báo thân,[1] giống như hạt vi trần trong hư không khắp mười phương. Quý vị muốn cho cái thân này nhỏ đến mức nào? Nên kinh nói rằng Nhìn lại thân cha mẹ sinh ra, cái thân bất tịnh do cha mẹ sinh ra như mảy bụi phất phơ trong mười phương hư không, thoạt còn thoạt mất; dường như bỗng nhiên có ở đây, dường như bỗng nhiên biến mất. Giống như ngọn đèn sắp tắt nhưng chưa tắt, chỉ còn lay lắt chút ánh sáng sót lại. Cái thân được cha mẹ

sinh ra, đối tượng của sinh diệt cuối cùng rồi cũng sẽ biến mất. Mặc dù nó nay còn ở đây, nhưng trong tương lai chắc chắn sẽ ra đi. Thế nên thân xác dường như còn đây, dường như mất rồi. Thân nầy rất dễ hư hoại. Thế nên đừng bị trói buộc bởi nó, đừng vướng bận với cái thân bất tịnh do cha mẹ sinh ra ấy. Đừng quá tham đắm cái thân mình để dễ dàng buông bỏ nó. Quý vị xem thân nầy là thứ rất quý báu, thực ra là rất vô dụng. Không thể buông bỏ thân xác ấy chính là sự đáng tiếc nhất.

Mọi thành viên trong đại chúng thấy thân mình cũng giống như trong đại dương mênh mông, nổi lên hòn bọt nước. Chỉ là bọt nước nhỏ nhoi trong lòng đại dương mênh mông thanh tịnh chẳng biết sinh diệt từ đâu. Nó không thể nào sinh ra mà không hoại diệt. Nó sinh ra từ đâu? Nó sẽ đi về đâu? Nó chẳng có nơi chốn. Rõ ràng tự nhận biết – mọi người đều nhận biết được rất rõ ràng rằng chân tâm nhiệm mầu xưa nay thường trụ bất diệt. Xưa nay nó vốn chẳng sinh chẳng diệt.

Tâm tánh viên mãn cùng khắp, trùm chứa mười phương, trở lại xem cái thân cha mẹ sinh ra cũng như trong mười phương hư không kia, thổi một vi trần, dầu còn, dầu mất, chẳng khác biển lớn yên lặng, nổi lên một bọt nước, dầu sinh hay diệt, cũng không dính dáng gì. Rõ vậy tự biết nhận được tâm tánh bản lai thường trụ không diệt, chắp tay lễ Phật, được cái chưa từng có, ở trước Đức Như Lai, nói bài kệ tán thán Phật:

Diệu trảm tổng trì, bất động tôn,
Thủ Lăng Nghiêm vương thế hi hữu,
Tiêu ngã ức kiếp, điên đảo tưởng.
Bất lịch tăng kỳ hoạch pháp thân.

Nguyện kim đắc quả thành bảo vương,
Hoàn độ như thị hằng sa chúng,
Tương thử thân tâm phụng trần sát,
Thị tắc danh vị báo Phật ân.

Thục thỉnh Thế Tôn thị chứng minh,
Ngủ trược ác thế thệ tiên nhập,
Như nhất chúng sanh vị thành Phật,
Chung bất ư thử thủ nê hoàn.

Đại hùng đại lực đại từ bi,
Hi cánh thẩm trừ vi tế hoặc,

Linh ngã tảo đăng Vô Thượng Giác,
Ư thập phương giới tọa đạo tràng.

Thuấn nhã đa tánh khả tiên vong,
Thước ca la tâm vô động chuyển.

Việt dịch:
Kính lạy Pháp thân, Báo thân, Ứng thân Phật
Thủ Lăng Nghiêm vương hiếm có trên đời.
Tiêu trừ cho con các vọng tưởng điên đảo từ muôn ức kiếp
Không cần trải qua vô số kiếp mà vẫn được Pháp thân.

Nguyện nay đắc quả thành Bảo vương,
Trở lại độ thoát chúng sanh nhiều như số cát sông Hằng.
Nguyện đem thân tâm này phụng sự vô số cõi,
Thế mới gọi là đền ơn chư Phật.

Cúi xin Đức Thế Tôn chứng minh cho con,
Trong đời ác ngũ trược con nguyện vào trước,
Nếu một chúng sanh chưa thành Phật,
Quyết không nơi đó tự mình chứng Niết Bàn.

Đức Phật là đấng đại hùng đại lực đại từ bi,
Cúi xin Ngài dứt trừ các hoặc vi tế cho con.
Khiến con mau đến Vô Thượng Giác,
Mười phương thế giới ngồi cõi đạo tràng.

Hư không kia còn có thể tiêu mất,
Bổn tâm kiên cố không hề lay động.

Kinh văn : **Diệu trạm tổng trì Bất Động Tôn, Thủ Lăng Nghiêm vương thế hi hữu.**

Nghĩa : Diệu trạm tổng trì Đấng Bất Động, Chú Thủ Lăng Nghiêm hiếm có trong đời.

Giảng giải : "Diệu trạm", diệu tức là không thể nghĩ bàn, không thể tưởng tượng được. Nếu tưởng tượng được, biết được, thì không nói đến diệu. Diệu là vượt ra ngoài ý dự đoán. Tư tưởng không đạt đến được, cho nên gọi là ''Không thể nghĩ bàn.'' Trạm là trạm thâm, tức là sâu dày thậm thâm. Không những là diệu, mà còn diệu sâu dày thậm thâm, không thể nghĩ bàn.

“Tổng trì” là “tổng tất cả Pháp, trì vô lượng nghĩa”. Tổng tất cả Pháp tức là bao quát hết thảy các Pháp. Trì vô lượng nghĩa, tức là thọ trì nghĩa vô lượng, đều bao quát ở trong đó. Cho nên ‘’diệu trạm‘’ là hiển mật viên dung. Tổng trì là tùy duyên phổ ứng, tất cả tận hư không biến pháp giới, cảnh giới có sự mong cầu, không thể không cảm ứng. Bổn thể thường trụ tức bất động, bổn thể là tịch nhiên bất động, cảm mà toại thông. Diệu trạm, Tổng trì và Bất động cả ba đều là diệu trạm, ba mà một. Cả ba đều là tổng trì, một mà ba. Cả ba đều là bất động, chẳng phải ba, chẳng phải một, cũng ba cũng một. Phân tích kỹ thì ý nghĩa trong mỗi một cái đều có ba ý nghĩa.
“Đấng Bất Động” tức là danh hiệu chỉ cho Phật.
“Hiếm có trong đời” là thế, xuất thế đều tốt hơn hết.

“Chú Thủ Lăng Nghiêm hiếm có trong đời.’’ Câu này là khen ngợi Lăng Nghiêm đại định. Tu hành Lăng Nghiêm vương đại định này, sẽ sinh ra tất cả các định, tất cả các định đều từ định này mà sinh ra. Hiếm có trong đời là nói trên thế gian không dễ gì có, khó gặp khó thấy nhất. Câu kệ này là do Ngài A Nan bị Chú Phạm Thiên mê hoặc, Phật nói Chú Lăng Nghiêm rồi phái Bồ Tát Văn Thù dùng ‘’Chú‘’ đi cứu Ngài A Nan đem về. Ngài A Nan cảm tạ thâm ân của Phật, cho nên nói bài kệ hình dung sự cảm thọ của Ngài.

Kinh văn : **Tiêu ngã ức kiếp điên đảo tưởng. Bất lịch Tăng kỳ hoạch pháp thân.**

Nghĩa : Tiêu diệt tưởng điên đảo của con, trong trăm ngàn ức kiếp, không phải trải qua số kiếp A Tăng Kỳ, mà chứng được pháp thân.

Giảng giải : Con người từ vô lượng kiếp đến nay, có những vọng tri vọng kiến, tà tri tà kiến, điên đảo mộng tưởng. Tưởng điên đảo tức là chẳng phải thường cho là thường, chẳng phải đoạn cho là đoạn, chẳng có cho là có, chẳng không cho là không ; chạy theo cảnh giới không thật, không thể chuyển được cảnh giới không thật, tức cũng là người bị cảnh chuyển, mà không thể chuyển được cảnh, tức cũng thường bị gió nghiệp dắt đi. Sự sai lầm chỉ là chút chút không nhiều, nhưng chỉ một chút chút này, mà khác biệt với chân chánh thường trụ chân tâm, tính tịnh minh thể, sai lầm hàng ngàn dặm. Điên đảo tức là không nên tưởng mà tưởng, không nên tham mà tham, không nên sân mà sân, không nên mê hồ mà mê hồ. Nói rõ ra là tưởng điên đảo trong tự tánh. Không thể đại công vô tư, tức là điên đảo. Thứ tưởng điên đảo này, là nguyên nhân khiến cho chúng ta thọ sinh tử, trong sáu nẻo luân hồi. Tu thì phải tiêu trừ tưởng điên đảo. Như Ngài A Nan là người thông minh như thế, mà vẫn có tưởng điên đảo giống nhau. Sức trí nhớ của Ngài rất phi thường. Phật nói hết

thảy Kinh điển, một khi lọt qua tai thì vĩnh kiếp không quên. Nhưng khi Ngài thấy nữ Ma Đăng Già, thì Ngài bị giao động, liền theo cô ta vào trong nhà ngoại đạo. Đây là tưởng điên đảo của Ngài. Người nam thì tham, người nữ thì ái, tức là tưởng điên đảo. Đây là từ vô lượng kiếp đến nay đều có. Cho nên nói Thủ Lăng Nghiêm Vương đại định, đại pháp này rất hiếm có trong thế gian, sẽ tiêu trừ tưởng điên đảo đời đời kiếp kiếp, từ vô lượng kiếp đến nay.

‘’Không phải trải qua số kiếp A tăng kỳ mà chứng được pháp thân.’’ Đức Phật tu hành trải qua ba đại A tăng kỳ kiếp mới thành Phật. Cho nên :

Tam kỳ tu phước huệ,
Bách kiếp chủng tướng hảo.

Nghĩa là :

“Ba A Tăng kỳ tu phước huệ
Trăm kiếp trồng tướng tốt”.

Tu phước một trăm đại kiếp, mới đắc được ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. A tăng kỳ kiếp tức vô lượng số, ba A tăng kỳ kiếp tức là ba vô lượng số. Số mục này có bao nhiêu ? Dùng máy điện toán cũng đếm không được. Bây giờ Ngài A Nan nói : ‘’Không phải trải qua số kiếp A tăng kỳ, mà chứng được pháp thân.’’ Tôi đắc được đại định kiên cố của Chú Lăng Nghiêm, không cần trải qua ba A tăng kỳ kiếp, mà có thể đắc được pháp thân, cũng sẽ thành Phật, chứng được pháp thân tự tại, thần thông biến hóa. Thành tâm tụng Chú Lăng Nghiêm, thì không cần trải qua thời gian lâu dài cũng sẽ đắc được pháp thân.

Kinh văn : **Nguyện kim đắc quả thành Bảo vương, Hoàn độ như thị hằng sa chúng, Tương thử thâm tâm phụng trần sát, Thị tắc danh vi báo phật ân. Phục thỉnh Thế Tôn vị chứng minh, Ngũ trược ác thế thệ tiên nhập, Như nhứt chúng sinh vị thành Phật, Chung bất ư thử thủ Nê-hoàn.**

Nghĩa : Nay con nguyện khi đắc được quả Bảo Vương, trở lại độ chúng sinh nhiều như số cát sông Hằng, đem thân tâm này phụng sự chúng sinh, khắp các cõi nhiều như số hạt bụi, đó mới là báo ơn Phật. Lại thỉnh Đức Thế Tôn chứng minh : Vào đời ác năm trược, con thề xin vào trước. Nếu còn một chúng sinh chưa thành Phật, con sẽ không thủ chứng quả vị Nê Hoàn.

Giảng giải : Ngài A Nan ở trước nói : ‘’Tiêu diệt tưởng điên đảo của con trong trăm ngàn ức kiếp, không phải trải qua số kiếp A tăng kỳ mà chứng được pháp thân.’’ Bây giờ lại nói : ‘’Nay con nguyện khi đắc được quả Bảo vương.’’ Nay tôi

phát nguyện, nguyện trước khi thành Phật, đắc quả tức là đắc Phật quả, Bảo Vương tức là Phật.

“Trở lại độ chúng sinh nhiều như số cát sông Hằng”. Tôi thành Phật không phải vì chính mình, còn phải trở lại thế giới Ta Bà, giáo hóa chúng sinh nhiều như số cát sông Hằng. Tất cả chúng sinh tôi đều phải giáo hóa.

‘’Đem thân tâm này phụng sự chúng sinh, khắp các cõi nhiều như số hạt bụi.’’ Tâm tức trí huệ Bát nhã. ‘’Phụng sự chúng sinh khắp các cõi, nhiều như số hạt bụi.’’ Biến hóa đến mười phương thế giới để giáo hóa chúng sinh. Tôi dùng nguyện lực phổ biến khắp mười phương cõi nước, nhiều như số hạt bụi thế giới, để giáo hóa chúng sinh.

‘’Đó mới là báo ân Phật.’’ Dùng tâm chí thành khẩn thiết, mới báo đáp được ân đức của Phật đối với tôi.
‘’Lại thỉnh Đức Thế Tôn chứng minh.’’ Lại kiền thành thỉnh cầu Thế Tôn chứng minh nguyện lực này của A Nan.
‘’Vào đời ác năm trược con thề xin vào trước.’’ Chúng sinh trong đời ác năm trược rất khó độ, tôi phải độ trước. Năm trược là : Kiếp trược, kiến trược, phiền não trược, chúng sinh trược, mạng trược, chúng sinh cang cường khó điều, khó phục. Tôi phải vào trước thế giới Ta Bà tội ác để độ chúng sinh.

‘’Nếu còn một chúng sinh chưa thành Phật, con sẽ không thủ chứng quả vị Nê Hoàn.’’ Tôi thủy chung không thể thủ chứng quả A La Hán. Sơ quả Tu Đà Hoàn, nhị quả Tư Đà Hàm, tam quả A Na Hàm, tứ quả A La Hán, cũng không thể thủ quả vị Niết Bàn của Phật. Nếu còn chúng sinh chưa thành Phật, thì tôi ở tại đây đợi để giáo hóa họ, khiến cho họ đều thành Phật, rồi sau tôi mới thủ chứng quả vị Nê Hoàn. Quả vị Nê Hoàn của nhị thừa, tức quả vị A La Hán, Phật thì quả vị Niết Bàn, tức cũng là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đây là sự phát nguyện của Ngài A Nan, đến giúp Phật hoằng dương, trợ giúp Phật Thích Ca Mâu Ni để giáo hóa Chúng sinh.

Kinh văn : **Đại hùng đại lực đại từ bi, hi cánh thẩm trừ vi tế hoặc, linh ngã tảo đăng Vô thượng giác, ư thập phương giới tọa đạo tràng.**

Nghĩa : Đại hùng đại lực đại từ bi. Nguyện cầu trừ sạch hết hoặc vi tế, khiến cho con sớm thành Vô thượng giác. Kiến lập đại đạo tràng trong khắp mười phương.

Giảng giải : ‘’Đại hùng‘’, tức là đại anh hùng, cũng bao quát đại trí, đại huệ, đại hạnh, đại nguyện trong đó.

‘’Đại lực’’, càng không thể so sánh thứ sức lực to lớn này. Tức có đại hùng lực, lại có đại từ bi. Dùng đại hùng đại lực để chủ trì tâm đại từ bi. Từ là ban cho chúng sinh hết thảy sự vui sướng, bi là cứu hết thảy khổ của chúng sinh. Thương chúng sinh không thể cùng tận, tất cả nguyện của chúng sinh đều đầy đủ. Chúng sinh có nguyện cầu gì với Phật, Phật đều làm cho họ được như ý.

‘’Nguyện cầu trừ sạch hết hoặc vi tế’’. Ở trên đã thỉnh Phật ‘’Tiêu diệt tưởng điên đảo của con, trong trăm ngàn ức kiếp‘’, là chỉ tiêu trừ kiến hoặc, tư hoặc, bây giờ lại tiêu trừ trần sa hoặc. Trần sa hoặc là một thứ hoặc vi tế, chỗ mà bạn cảm giác không đến được, chìm ở dưới đáy tâm của bạn, vọng niệm vi tế, vô minh. Nguyện cầu đại hùng đại lực của Phật Thế Tôn trừ khử mê hoặc vi tế của tôi.

‘’Khiến cho con sớm thành vô thượng giác.’’ Khiến cho con sớm thành Phật đạo.

‘’Kiến lập đại đạo tràng trong khắp mười phương.’’ Kiến lập đạo tràng lớn trong mười phương thế giới, để hoằng dương Phật Pháp. Có người nói Ngài A Nan phát nguyện này rất mâu thuẫn. Ở trước nói : ‘’Nếu còn một chúng sinh chưa thành Phật, con sẽ không thủ chứng quả vị Nê Hoàn.’’ Bây giờ lại hy vọng sớm thành Phật đạo, ngồi đạo tràng trong mười phương thế giới. Nguyện này không phải là mâu thuẫn chăng ? Không phải. Ở trước Ngài nói : ‘’Con sẽ không thủ chứng quả vị Nê Hoàn‘’. Là độ hết chúng sinh mới thủ chứng quả Nê Hoàn, nếu chưa độ hết thì không thủ chứng Chánh giác ! Bây giờ thỉnh Phật gia bị cho Ngài. Khiến cho thô hoặc, tế hoặc của Ngài dứt sạch, chúng sinh cũng độ hết, khiến cho nguyện lực của Ngài mau chóng được thành tựu.

‘’Khiến‘’ là sử khiến cho Ngài sớm chứng được Vô thượng giác, sớm thành Phật đạo, tức cũng thỉnh Phật giúp Ngài, Ngài phải độ hết chúng sinh. Nói : ‘’Nếu còn một chúng sinh chưa thành Phật‘’, là chỉ chúng sinh có duyên với Ngài, Ngài đều phải độ hết. Nếu chúng sinh không có pháp duyên với Ngài, thì đợi người khác độ, không phải tôi là luật sư biện hộ cho Ngài A Nan, chắc chắn là như thế. Nếu hết thảy tất cả chúng sinh trên thế giới đợi Ngài A Nan đi độ, thì các Bồ Tát khác làm gì ? Đợi hương khói chăng ? Không có lý này. Phật, Bồ Tát cũng phân công hợp tác, mỗi vị tận hết khả năng, tùy duyên độ sanh. Giống như chúng ta ở đây có nhiều người khách đến, mọi người phân công hợp tác, bên đây lo phòng xá, bên kia lo quét dọn, đằng kia thì cắt cỏ. Đây đều là ai lo việc nấy, là vì thành tựu đạo tràng, là ý nghĩa này. Cho nên bạn đừng cho rằng Ngài A Nan phát nguyện này mâu thuẫn, bạn phê bình như thế cũng làm cho Ngài A Nan một thân tội quá. Ngài A Nan muốn độ bạn, nhưng mà bạn lại phê bình Ngài, nói Ngài mâu thuẫn. Ngài A Nan mâu thuẫn là việc của

Ngài, chính bạn không mâu thuẫn thì được rồi. Các vị nghĩ xem, “đừng dùng tâm phàm phu để dò Thánh trí, dùng tâm tiểu nhân để đo bụng quân tử”, chỉ loạn thêm, phê bình là không thể được.

Kinh văn: **Thuấn nhã đa tánh khả tiêu vong, Thước-ca-ra tâm vô động chuyển.**

Nghĩa : Tánh hư không có thể tiêu vong, tâm hư không chẳng bao giờ lay động.

Giảng giải : ‘’Thuấn nhã đa‘’ là gì ? ‘’Thước ca la ‘’ lại là gì ?
‘’Thuấn nhã đa tánh khả tiêu vong.’’ Là nói tánh hư không cũng có thể không còn. Bạn nói hư không có thể không còn chăng? Không thể. Vì nó là không, còn tiêu cái gì ? Nó vốn là không có gì, có gì để tiêu ? Nhưng Ngài A Nan lại nói nó có thể tiêu vong. Đây chỉ là từ giả thiết. Hư không không thể tiêu vong cũng có thể tiêu vong.

KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH NHƯ LAI MẬT NHƠN
TU CHỨNG LIỄU NGHĨA
CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH
THỦ LĂNG NGHIÊM

QUYỂN 4 – PHẦN 1

— o0o —

TUYÊN HÓA THUỢNG NHÂN
giảng thuật

CHƯƠNG 1
NGUYÊN DO SINH KHỞI TƯƠNG TỤC

Kinh văn: 爾時富樓那彌多羅尼子,在大眾中,即從座起,偏袒右肩,右膝著地,合掌恭敬而白佛言,大威德世尊,善為眾生,敷演如來第一義諦。

Phiên âm: Nhĩ thời Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử, tại đại chúng trung, tức tùng tòa khởi, thiên đản hữu kiên, hữu tất trước địa, hợp chưởng cung kính nhi bạch Phật ngôn: Đại oai đức Thế tôn, thiện vi chúng sanh, phu diễn Như Lai đệ nhất nghĩa đế.

Việt dịch: Lúc bấy giờ Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử từ chỗ ngồi trong đại chúng liền đứng dậy, bày vai áo bên phải, quỳ gối bên phải xuống đất, chắp tay cung kính rồi bạch Phật rằng: Đấng Thế tôn đại oai đức, xin ngài hãy vì thương chúng sinh mà diễn bày đệ nhất nghĩa đế của Như Lai.

Giảng: Lúc bấy giờ, đó là khi A-nan đã nói xong bài kệ tán thán Đức Phật, Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử từ chỗ ngồi trong đại chúng liền đứng dậy. Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử là tiếng phiên âm (s: Pūrṇa-maitrāyaṇī-putra; p: Puṇṇa-mantāni-putta); có nghĩa là Mãn Từ Tử 滿慈子. Phú-lâu-na (s: Pūrṇa) Hán dịch là mãn 滿, họ của cha; Di-đa-la-ni (s: Maitrāyaṇī) Hán dịch là từ 慈, họ của mẹ; ghép họ cha mẹ thành tên; tử 子 có nghĩa là người con trai. Phú-lâu-na liền đứng dậy.

Đệ tử của Đức Phật rất tôn kính ngài. Mỗi khi muốn thưa thỉnh Đức Phật điều gì, các vị đệ tử đều đứng rất trang nghiêm, bày vai bên phải ra. Y ca-sa của Trung Hoa được may không phủ kín vai bên phải là để biểu hiện phong cách cung kính nầy. Ở Ấn Độ thời tiết không lạnh lắm, dù vào mùa đông hay mùa hạ, thế nên việc để bày vai phải không có gì khó hiểu. Nhưng khí hậu ở Trung Hoa rất lạnh, nên nếu hở bày vai phải ra sẽ dễ bị cảm lạnh. Thế nên chư tăng Trung Hoa mặc thêm áo (thông y) bên trong y ca-sa. Việc nầy phù hợp với khí hậu địa lý và phong tục của Trung Hoa.

Y ca-sa Ấn Độ không có cái móc gài như y ca-sa Trung Hoa. Ngày nay ở Ấn Độ, Miến Điện, Tích Lan, Thái Lan, nơi giáo lý Phật giáo Nguyên thủy lưu hành, y ca-sa của chư tăng ở đó vẫn không dùng móc gài trên y ca-sa. Tại sao y ca-sa Trung Hoa lại có móc gài? Điều nầy hoàn toàn do khí hậu ở Trung Hoa, vì nếu chư tăng mặc thông y bên trong y ca-sa, nếu không dùng móc gài thì sẽ không giữ được y ca-sa. Thế nên các vị Tổ Trung Hoa đã phát minh ra móc gài trên y. Y ca-sa của các quốc gia khác vẫn giống nhau ở các giải điều (vạch), nhưng không có móc gài, vì khí hậu ở các nước đó quá nóng nên chư tăng không mặc thông y bên trong y ca-sa. Nếu y ca-sa có bị lỏng sắp rơi, họ liền biết ngay để chỉnh sửa vì y được mặc sát thân.

Sau khi xuất gia, tôi tham khảo chuyên cái móc gài y của chư tăng Trung Hoa với nhiều vị pháp sư trưởng lão. Tôi hỏi các ngài tại sao y ca-sa của chư tăng các nước khác không có móc gài; tại sao chư tăng Trung Hoa lại thêm cái móc

vào y? Nhưng các vị đều lắc đầu. Họ không biết. Đó là chuyện nhỏ, nhưng thật tình là các vị ấy không biết. Thế cuối cùng, ai bảo cho tôi biết? Chẳng ai cả. Tôi chỉ so sánh khí hậu của Trung Hoa và Ấn Độ rồi phát hiện ra rằng vị Tổ sư đầu tiên từ Ấn Độ sang Trung Hoa có lẽ đã phát minh ra móc gài cho y để thuận tiện cho việc mặc thông y dưới y ca-sa.

Khi tôi trình bày ý kiến nầy, vị trưởng lão pháp sư và chư tăng liền bảo: " Đúng rồi, dĩ nhiên là như vậy!" Có lẽ đúng là như vậy. Đó là chuyện nhỏ, nhưng chẳng ai dẹp bỏ mối bận tâm về chuyện ấy. Tôi biết người Mỹ thích hiểu biết mọi việc một cách tường tận, nên bây giờ tôi trình bày về nguồn gốc của cái móc gài y ca-sa theo truyền thống Trung Hoa, dù quý vị chưa hỏi đến.

Phú-lâu-na bày vai áo bên phải, quỳ gối bên phải xuống đất. Ngày nay chư tăng ở Miến Điện, Tích Lan, Thái Lan đều thực hành pháp nầy. Chẳng hạn, khi một vị tăng trẻ tiếp kiến một vị tăng trưởng lão thì không được đứng mà phải quỳ, đầu gối bên phải chấm đất, chắp tay cung kính.

Phú-lâu-na chắp tay cung kính rồi bạch Phật rằng: "Đấng Thế tôn đại oai đức, xin ngài hãy vì thương chúng sinh mà diễn bày đệ nhất nghĩa đế của Như Lai." Phú-lâu-na thưa rằng Đức Phật là bậc có oai đức rất lớn, có thể hàng phục mọi chúng sinh trong ba cõi. Oai lực của ngài có thể khiến cho chúng sinh được chuyển hoá. Đức hạnh của ngài khiến cho mọi chúng sinh thuần phục. Thế nên mọi loài chúng sinh mỗi khi nghe đến danh hiệu ngài là liền thay đổi tính xấu và trở nên thiện lành. Đức Phật dùng phương tiện thiện xảo để giáo hoá chúng sinh. Vì thương xót chúng sinh mà ngài giảng dạy giáo pháp; ngài giảng giải tường tận đệ nhất nghĩa đế của các Đức Như Lai, đó là giáo pháp vi diệu đệ nhất.

Kinh văn: **世尊常推,說法人中我為第一。今聞如來微妙法音。猶如聾人逾百步外聆於蚊蚋,本所不見何況得聞。**

Phiên âm: Thế tôn thường suy, thuyết pháp nhân trung ngã vi đệ nhất. Kim văn Như Lai vi diệu pháp âm, do như lung nhân du bách bộ ngoại linh ư văn nhuế, bổn sở bất kiến hà huống đắc văn.

Việt dịch: Thế tôn thường khen, con là người thuyết pháp bậc nhất. Nay con nghe pháp âm vi diệu của Như Lai, con như người điếc, xa ngoài trăm bước, lắng nghe tiếng muỗi mòng, vốn thực chẳng thấy, huống nữa là nghe.

Giảng: Phú-lâu-na đảnh lễ Đức Phật để thưa hỏi. Tại sao ngài làm như vậy? Vì Phú-lâu-na có vài điều chưa rõ. Như A-nan, bây giờ không còn điều gì nghi ngờ nữa. Nhưng Phú-lâu-na, là người được khen là giỏi thuyết pháp đệ nhất, lại có điều nghi ngờ. Ngài còn nhiều điều chưa rõ về giáo pháp do Đức Phật thuyết. Do vậy nên ngài nói: "Thế tôn thường khen, con là người thuyết pháp bậc nhất.

Thế tôn thường chọn con là người giỏi giảng thuyết kinh pháp nhất. Con, Phú-lâu-na, được xếp vào hàng thứ nhất trong hội chúng." Phú-lâu-na khéo léo giảng bày ý nghĩa vi diệu của giáo lý. Nếu kinh này nay được Phú-lâu-na giảng giải, hoa trời sẽ rơi xuống như mưa và hoa sen vàng dưới mặt đất sẽ trồi lên. Không giống như cách nói của tôi bây giờ quá khô khan và nhạt nhẽo khiến quý vị phải buồn ngủ.

Giáo pháp Phú-lâu-na giảng nói là vi diệu đệ nhất. Ngài xuất sắc khi phân tích từng đặc điểm của giáo pháp. Nay con nghe pháp âm vi diệu của Như Lai, con như người điếc, xa ngoài trăm bước, lắng nghe tiếng muỗi mòng, vốn thực chẳng thấy, huống nữa là nghe. Ý của Phú-lâu-na muốn nói là người bị điếc tất nhiên là không nghe được; tiếng vo ve của con muỗi rất nhỏ, huống gì anh ta cách xa nó cả trăm bước.

Quý vị cũng không thể nào thấy được con muỗi trong khoảng cách đó. Điều nầy biểu thị cho sự thực là giáo pháp Đức Phật giảng nói rất hay, vi diệu đến tột cùng. Do vậy, dù Phú-lâu-na nghe được, vì đang ở ngay trong hội chúng, mà thấy mình cũng như là người điếc. Phú-lâu-na không hiểu. Thế nên ngày nay có người nào không hiểu được kinh, điều đó không có gì ngạc nhiên.

Quý vị thấy, ngay cả Phú-lâu-na, người được khen là bậc thuyết pháp đệ nhất, vẫn hỏi và thưa rằng ngài không hiểu. Trên thực tế ngài nói là mình bị điếc. Dù quý vị có hiểu hay không, tất cả quý vị ít nhất đều đang nghe tôi giảng kinh, điều ấy đã hơn ngài Phú-lâu-na trăm lần rồi. Đừng nên khắc nghiệt với mình quá lắm.

Khi Đức Phật giảng Kinh Hoa Nghiêm, hàng đệ tử nhị thừa không thể nào thấy được hóa thân to lớn một trượng sáu của Đức Phật. Thay vì vậy, họ chỉ thấy được Đức Phật như một vị trưởng lão tỷ-khưu cao một thước tám. Khi Đức Phật giảng Kinh Hoa Nghiêm, một số đệ tử chỉ nghe chứ không nghe được giáo pháp Đức Phật muốn chỉ bày. Phú-lâu-na cũng tương tự như vậy. Chắc chắn Phú-lâu-na không phàn nàn Đức Phật điều gì, ngài cũng chẳng nói rằng mình không tin giáo pháp Đức Phật giảng nói. Chẳng phải là ngài không tin, chỉ vì ngài không hiểu. Đó chính là điều biểu thị qua lối so sánh nầy.

Có người giải thích câu vi diệu pháp âm có nghĩa là âm thanh rất nhỏ. Họ cho rằng Đức Phật giảng kinh với tiếng nói rất nhỏ. Họ hiểu rằng vi diệu ở đây có nghĩa là nhỏ. Nhưng cách giải thích ấy không đúng. Vi diệu có nghĩa là hiếm có và mầu nhiệm; có ý nghĩa là sự truyền đạt giáo pháp rất rõ ràng, không có nghĩa là Đức Phật giảng thuyết bằng âm thanh rất nhỏ.

Có người lại hỏi, "Sao Phú-lâu-na lại ví mình như con muỗi? Vì Đức Phật giảng pháp với tiếng nói quá nhỏ như vậy nên Phú-lâu-na cảm thấy giống như lắng nghe tiếng muỗi vo ve từ khoảng cách trăm bước." Có một số pháp sư thích nuốt luôn cả trái chà là, có thể nói là họ không thâm nhập được ý kinh. Họ giải thích rằng; "Cơ bản là người điếc thì không nghe được cái gì cả, thậm chí chẳng nghe được Đức Phật giảng pháp bằng âm thanh nhỏ như tiếng vo ve của muỗi."

Nhưng cách giải thích từng chữ trong kinh văn như vậy không đúng. Phú-lâu-na đã dùng phép ẩn dụ. Có nhiều người hiểu lầm, nói rằng: "Ồ! Sao Phú-lâu-na lại phỉ báng Phật bằng cách gọi ngài là con muỗi?" Không phải như vậy; đúng ra quý vị không nên nghi nan như vậy. Trong ẩn dụ của Phú-lâu-na, ngài ví mình như người điếc, không phải là ví Đức Phật như người điếc.

Kinh văn: **佛雖宣明,令我除惑, 今猶未詳斯義究竟無疑惑地。世尊, 如阿難輩,雖則開悟,習漏未除。**

Phiên âm: Phật tuy tuyên minh, linh ngã trừ hoặc, kim do vị tường tư nghĩa cứu cánh vô nghi hoặc địa. Thế tôn, như A-nan bối, tuy tắc khai ngộ, tập lậu vị trừ.

Việt dịch: Tuy Thế tôn tuyên bày giáo pháp rõ ràng, khiến cho con giải trừ hết nghi hoặc, nhưng nay con vẫn còn chưa tỏ tường nghĩa cứu cánh nầy để đạt đến chỗ không còn nghi hoặc. Bạch Thế tôn, như A-nan và các vị tuy đã chứng quả A-la-hán, nhưng tập khí hữu lậu chưa trừ sạch được.

Giảng: Bạch Thế tôn, Tuy Thế tôn tuyên bày giáo pháp rõ ràng, khiến cho con giải trừ hết nghi hoặc, nhưng nay con vẫn còn chưa tỏ tường nghĩa cứu cánh nầy để đạt đến chỗ không còn nghi hoặc.

Đức Phật tuy đã dùng rất nhiều phương pháp, dùng pháp giảng bày phân tích rất chi tiết và thấu đáo, chỉ bày vạn pháp tức là tâm, các đạo lý đều là viên dung; mỗi câu, mỗi lời đều có thể khiến phá trừ nghi hoặc. Chỉ do vì pháp chấp của mình chưa được phá trừ, nên trở lại mê chấp ở vạn pháp, chấp rằng ngoài

tâm thật có pháp. Xưa nay chưa từng được rõ ràng minh bạch rốt ráo đạo lý đệ nhất nghĩa đế, chưa đạt đến chỗ không còn nghi hoặc.

Bạch Thế tôn, như A-nan và các vị khác, tuy đã chứng quả A-la-hán, nhưng tập khí hữu lậu chưa trừ sạch được. Dù họ đã hiểu rõ giáo pháp và đã chứng ngộ, nhưng tập khí đã có từ nhiều đời nhiều kiếp vẫn còn. Những thứ lậu hoặc ấy do đâu mà có? Nó được tạo nên do những tập khí. Những tập khí ấy không phải được tạo nên trong một ngày, nó tích tập từ vô thủy đến nay, từ đời nầy sang đời khác, và do những thứ nầy mà tập khí tạo thành những thứ lậu hoặc.

Lậu có nghĩa như thế nào? Lậu chính là phiền não. Những thứ phiền não và tập khí mà A-nan và các vị đã chứng quả A-la-hán như ngài vẫn chưa trừ sạch hết được. Đó được gọi là tập khí hữu lậu còn lưu lại từ kiếp trước. Nó nhiều hay ít tuỳ theo nghiệp. Phải chứng được quả vị thứ tư của hàng A-la-hán mới được gọi là chứng quả vô lậu.

Đức Phật có một vị đệ tử gọi là Ca-lâu-đà Tôn giả (Pilindavatsa). Một hôm ngài muốn vượt qua một khúc sông. Do ngài đã chứng quả A-la-hán nên ngài có thần thông. Sông thì có thần sông cai quản. Đặc biệt vị thần ở sông ấy là nữ thần. Tôn giả Ca-lâu-đà đến bên bờ sông liền gọi to, “Này, tiểu tỳ! Hãy ngừng chảy!”

Một bậc đã chứng quả A-la-hán rồi thì có năng lực khiến nước phải tách đôi khi ngài qua sông. Nhưng người khiến cho sông ngừng chảy phải là thần sông. Đó là lý do mà Ca-lâu-đà Tôn giả phải gọi, “Này, tiểu tỳ! Hãy ngừng chảy!” Ban đầu nghe gọi vậy, nữ thần sông nổi giận, nhưng chẳng dám trái ý vì Ca-lâu-đà Tôn giả là một vị A-la-hán. Nhưng sau khi ngài gọi đích danh “Tiểu tỳ” nhiều lần, thần sông liền đến trình bày với Đức Phật.

“Mỗi khi vị đệ tử Ca-lâu-đà của ngài muốn qua sông đều gọi con là ‘Tiểu tỳ’. Thần sông than phiền. “Con thấy mình bị xúc phạm. Kính bạch Thế tôn, xin ngài dạy đệ tử ngài đừng quá thô lỗ như thế nữa. Sao Tôn giả lại có thể gọi tên và ra lệnh con theo lối ấy?” Thế nên Đức Phật mới cho gọi Ca-lâu-đà Tôn giả đến bảo. “ Ông hãy xin lỗi thần sông và đừng gọi như vậy nữa.” Quý vị xem thử Ca-lâu-đà Tôn giả xử sự như thế nào? Ông ta nói, “Này! Tiểu tỳ, đừng có bực tức như vậy nữa.”

Thần sông lại nổi giận giống như khi lần đầu tiên Tôn giả gọi thần sông là “Tiểu tỳ!” Dĩ nhiên thần sông rất tức tối, la lên, “Đó! Ngài xem, Đệ tử ngài lại gọi con như vậy ngay trước mặt ngài!” Đức Phật bảo. “Con có biết tại sao Ca-lâu-đà Tôn giả gọi thần sông là ‘Tiểu tỳ’ không? Trong 500 đời trước, con là tỳ nữ của ông ấy. Con đã ở giúp việc cho ông ấy quá lâu nên khi ông ta thấy con là liền

nhớ lại thói quen kiếp trước, nên khi gọi tên, tiếng ấy liền bật ra khỏi miệng ông ta ngay. Ông ta chưa thay đổi được thói quen từ lâu trong quá khứ.”

Sau khi nghe Đức Phật giải thích, thần sông nhận ra ngay đó là chuyện của nhân quả và không có gì phải nói thêm nữa. Vấn đề đã được giải quyết. Đó là giải thích cho ý nghĩa tập khí hữu lậu chưa trừ sạch được.

Kinh văn: **我等會中登無漏者。雖盡諸漏,今聞如來所說法音, 尚紆疑悔。**

Phiên âm: Ngã đẳng hội trung đăng vô lậu giả. Tuy tận chư lậu, kim văn Như Lai sở thuyết pháp âm, thượng vu nghi hối.

Việt dịch: Trong chúng hội, con đã chứng được quả vô lậu. Tuy đã sạch các lậu hoặc, nhưng nay nghe pháp âm do Như Lai giảng nói, vẫn còn nhiều nghi nan bối rối.

Giảng: Phú-lâu-na thưa rằng, “Trong chúng hội, trong vô số các bậc thánh tăng, con đã chứng được quả vô lậu. Đều đã có được năng lực thần thông để trừ mọi lậu hoặc. Thế nhưng, tuy đã sạch các lậu hoặc, nhưng nay nghe pháp âm do Như Lai giảng nói, vẫn còn nhiều nghi nan bối rối. Chúng con vẫn còn nhiều điều nghi ngờ băn khoăn. Chúng con vẫn chưa hiểu.”

Bây giờ nếu như những vị đã chứng quả vị thứ tư của hàng A-la-hán, đã trừ sạch lậu hoặc rồi mà vẫn chưa hiểu, thì liệu A-nan sẽ hiểu được nhiều ít, vì A-nan chỉ vừa mới chứng được sơ quả. Dù A-nan đã được giải ngộ, nhưng tôi tin là ngài vẫn chưa thông hiểu rõ ràng ý nghĩa những điều Đức Phật giảng giải.

Kinh văn: **世尊,若復世間一切根塵,陰處界等,皆如來藏,清淨本然。云何忽生山河大地,諸有為相次第遷流, 終而復始?**

Phiên âm: Thế tôn, nhược phục thế gian nhất thiết căn trần, ấm xứ giới đẳng, giai Như Lai tạng, thanh tịnh bổn nhiên, vân hà hốt sanh, sơn hà đại địa, chư hữu vi tướng thứ đệ thiên lưu, chung nhi phục thủy?

Việt dịch: Bạch Thế tôn, nếu hết thảy các thứ căn, trần, ấm, xứ, giới v.v… trong thế gian đều là tánh Như Lai tạng, thanh tịnh bổn nhiên, thì làm sao lại bỗng dưng nổi lên các tướng hữu vi, núi sông đất liền, liên tục trước sau, theo nhau dời đổi?

Giảng: Phú-lâu-na nghi ngờ về giáo lý Đức Phật đang giảng dạy. Ngài không tin điều ấy. Bạch Thế tôn, nếu hết thảy các căn–mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý–

trần–sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp–ấm–sắc, thọ, tưởng, hành, thức nếu tất cả các hiện tượng trong thế gian đều là tánh Như Lai tạng, thanh tịnh bổn nhiên, thì làm sao lại bỗng dưng nổi lên các tướng hữu vi núi sông đất liền như vậy? Nếu các hiện tượng ấy lưu xuất từ thể tánh thanh tịnh sáng suốt của chân tâm thường trú, và đều vốn là thanh tịnh bản nhiên, thế thì tại sao chúng lại đột nhiên sanh khởi trong tánh thanh tịnh của Như Lai tạng, sao trong đó lại có quá nhiều thứ hốt nhiên sinh khởi như vậy?

Liên tục trước sau, theo nhau dời đổi? Cái nầy vừa dứt, lại bắt đầu cái khác. Cái nầy vừa làm xong, lại bắt đầu cái kia. Cái nầy kết thúc, cái khác lại nổi lên lần nữa. Khi nào mới chịu dừng? Chẳng bao giờ cả. Thế đạo lý trong đó như thế nào? Đây là mối nghi mà Phú-lâu-na muốn thưa hỏi Đức Phật.

Kinh văn: **又如來說地,水火風本性圓融。周遍法界湛然常住。**

Phiên âm: Hựu Như Lai thuyết, địa thủy hoả phong, bổn tính viên dung, châu biến pháp giới, trạm nhiên thường trụ.

Việt dịch: Lại nữa, Như Lai thường nói bản tính của đất, nước, lửa, gió vốn là viên dung, bao trùm khắp pháp giới, vắng lặng, thường trú.

Giảng: Đây là mối nghi thứ hai của Phú-lâu-na. “Nghĩa lý rốt ráo trong đó như thế nào?” Phú-lâu-na tự hỏi.

Kinh văn: **世尊,若地性遍,云何容水? 水性周遍,火則不生。復云何明, 水火二性, 俱遍虛空,不相 陵滅? 世尊,地性障礙,空性虛通,云何二俱周遍法界? 而我不知是義攸往。**

Phiên âm: Thế tôn, nhược địa tánh biến, vân hà dung thủy. Thủy tính châu biến, hỏa tắc bất sanh. Phục vân hà minh, thủy hỏa nhị tánh, câu biến hư không bất tương lăng diệt? Thế tôn, địa tánh chướng ngại, không tánh hư thông; vân hà nhị câu châu biến pháp giới? Nhi ngã bất tri thị nghĩa du vãng.

Việt dịch: Bạch Thế tôn, nếu tánh của đất đầy khắp, thì làm sao còn chứa được nước? Nếu tánh của nước đầy khắp, thì lửa ắt là không sanh ra được. Lại nữa, Như Lai giải thích làm sao tánh của nước và tánh của lửa đều đầy khắp hư không mà không lấn hại lẫn nhau? Bạch Thế tôn, tánh của đất là cứng, tánh của hư không là thông suốt; làm sao cả hai tánh

nầy đều cùng lúc trùm khắp pháp giới được? Con không biết nghĩa nầy sẽ dẫn đến đâu?

Giảng: Phú-lâu-na có lẽ thông minh hơn A-nan. Đa văn như A-nan cũng không có được câu hỏi như vậy. Thế nên bây giờ Phú-lâu-na, đến phần mình, lại có nhiều mối nghi về giáo thuyết nầy. Ngài hỏi: Bạch Thế tôn, nếu tánh của đất đầy khắp, thì làm sao còn chứa được nước? Đất choán chỗ, phủ kín cả nước; nơi nào có đất khô thì ở đó không thể nào có nước được. Nếu bản tánh của đất là bao trùm cả pháp giới, thì làm sao nước còn hiện hữu được? Nước và đất không thể tương hợp nhau được.

Nếu tánh của nước đầy khắp, thì lửa ắt không sanh ra được. Nước tràn ngập, choán chỗ của lửa; ở đâu có nước thì ở đó không có lửa. Nước đẩy lửa ra. Nếu tánh nước là trùm khắp pháp giới, thì lửa chắc chắn sẽ biến mất. Điều nầy cũng tương tự như lời giảng giải trước đây Đức Phật dành cho A-nan (quyển 3), Đức Phật bảo rằng, khi có sáng thì không thể còn bóng tối, và khi bóng tối đang bao trùm thì không thể nào có sáng. Nay đệ tử của Đức Phật lại dùng ngay lập luận đó để hỏi lại Đức Phật. “Nước và lửa không thể hòa hợp được.” Phú-lâu-na xác quyết. “Nguyên lý nầy là hiển nhiên.”

Lại nữa, Như Lai giải thích làm sao tánh của nước và tánh của lửa đều đầy khắp hư không mà không lấn hại lẫn nhau? Làm sao quý vị hiểu được tánh của nước và lửa đều cùng trùm khắp pháp giới? Tôi thì có thể tin được rằng riêng cái nầy (lửa) hoặc cái kia (nước) trùm khắp pháp giới, nhưng nếu cả hai thứ không hòa hợp nhau đều trùm khắp pháp giới, thì cái nào sẽ loại trừ cái nào? Làm sao quý vị có thể hiểu được cả hai có thể trùm khắp pháp giới mà không chống trái, xâm hại, loại trừ lẫn nhau?

Bạch Thế tôn, tánh của đất là cứng, tánh của hư không là thông suốt; làm sao cả hai tánh nầy đều cùng lúc trùm khắp pháp giới được? Phú-lâu-na nghĩ rằng bây giờ có lẽ mình sẽ khiến cho Đức Phật vô cùng bối rối, hoặc ngài nghĩ rằng Đức Phật đang ngủ, nên ngài gọi lớn, “Bạch Thế tôn!” Ngài lý luận tiếp, “Đất là thứ cứng, ngăn ngại, tính chất hư không là thông suốt, rỗng lặng.

Thế nếu trong đó có đất, thì nó sẽ không thông suốt, rỗng lặng; nếu nó thông suốt, rỗng lặng, thì trong đó sẽ không có đất. Tại sao Thế tôn bảo cả hai tánh nầy đều cùng hiện hữu trùm khắp? Con không biết nghĩa nầy sẽ dẫn đến đâu? Kính bạch Thế tôn, giáo lý ngài vừa giảng giải khiến cho con bối rối. Con không thể hiểu được ngài muốn nói gì? Đâu là chỗ quy hướng của giáo lý nầy? Nó nhắm đến mục đích gì? Con không hiểu nỗi.”

Kinh văn: **惟願如來宣流大慈,開我迷雲,及諸大眾。作是語已,五體投地,欽渴如來無上慈誨.**

Phiên âm: Duy nguyện Như Lai tuyên lưu đại từ, khai ngã mê vân, cập chư đại chúng. Tác thị ngữ dĩ, ngũ thể đầu địa, khâm khát Như Lai vô thượng từ hối.

Việt dịch: Nguyện xin Như Lai mở lòng đại từ, khai mở mê lầm của con và đại chúng đang bị che mờ như mây. Nói lời ấy xong, năm vóc gieo sát đất, cung kính ngưỡng mong lời dạy từ bi vô thượng của Như Lai.

Giảng: Khi nêu những vấn đề nầy ra, Phú-lâu-na không có ý phản bác lời của Đức Phật; tâm ngài thực sự có mối nghi nan như vậy. “Nước và lửa không thể là anh em với nhau được; không thể sống chung một nhà được. Đất và hư không chẳng thể nào tương hợp nhau.” Những vấn đề nầy làm cho tâm Phú-lâu-na bối rối. “Làm sao các thứ ấy lại có thể trùm khắp cả pháp giới?” Phú-lâu-na tự hỏi, và bị thôi thúc, nên lơ là mọi chuyện khác. Ngài bắt đầu muốn hỏi Đức Phật.

Trong sự vội vã, ngài quên cả phép tắc oai nghi, thế nên ở sau cùng, ngài nói: Nguyện xin Như Lai mở lòng đại từ, khai mở mê lầm của con và đại chúng đang bị che mờ như mây. Bạch Thế tôn, kính xin ngài rủ lòng đại từ giảng giải cho con vấn đề khó hiểu nầy. Con không cách nào hiểu được giáo lý Thế tôn đang nói. Tâm con như đám mây đang che phủ. Không những riêng con mà cả các vị trong đại chúng đây đều bị như vậy.

Nói lời ấy xong, có lẽ Phú-lâu-na đã nhận ra mình đã thiếu oai nghi, thế nên ngài liền sụp lạy, với năm vóc gieo sát đất, cung kính ngưỡng mong lời dạy từ bi vô thượng của Như Lai. Phú-lâu-na liền quỳ xuống và đảnh lễ rồi thưa thỉnh với Đức Phật. Với oai nghi cung kính, khát ngưỡng, ngài trông chờ Như Lai sẽ tưới tẩm cho ngài dòng nước pháp.

Kinh văn: **爾時世尊告富樓那,及諸會中漏盡無學諸阿羅漢。如來今日普為此會,宣勝義中真勝義性。令汝會中定性聲聞。及諸一切未得二空。迴向上乘阿羅漢等。皆獲一乘寂滅場地。真阿練若正修行處。汝今諦聽當為汝說。富樓那 等 , 欽 佛法音,默然承聽.**

Phiên âm: Nhĩ thời Thế tôn cáo Phú-lâu-na, cập chư hội trung lậu tận vô học chư A-la-hán. Như Lai kim nhật phổ vi thử hội, tuyên thắng nghĩa trung chân thắng nghĩa tánh. Linh nhữ hội trung định tánh thanh văn, cập chư nhất thiết vị đắc nhị không, hồi hướng thượng thừa A-la-hán đẳng,

giai hoạch nhất thừa, tịch diệt tràng địa, chân a-luyện-nhã, chánh tu hành xứ. Nhữ kim đế thính, đương vi nhữ thuyết. Phú-lâu-na đẳng, khâm Phật pháp âm, mặc nhiên thừa thính.

Việt dịch: Lúc bấy giờ, đức Thế tôn bảo Phú-lâu-na và các vị A-la-hán đã trừ sạch các lậu và chứng quả vô học rằng: "Nay Như Lai khắp vì hội chúng nầy, sẽ chỉ bày tính thắng nghĩa chân thật trong thắng nghĩa. Khiến cho trong chúng hội nầy, hàng định tánh Thanh văn cùng tất cả những vị A-la-hán chưa chứng được nhân không và pháp không, nhưng có tâm hướng về thượng thừa, đều được pháp tu hành chân chính, chân thực không xao động trong cảnh giới nhất thừa tịch diệt. Ông hãy nghe kỹ, Như Lai sẽ vì ông giảng nói."

Ngài Phú-lâu-na và đại chúng, khâm ngưỡng pháp âm của Phật, im lặng lắng nghe.

Giảng: Lúc bấy giờ, đức Thế tôn bảo Phú-lâu-na và các vị A-la-hán đã trừ sạch các lậu và chứng quả vô học–những vị đã chứng quả vị thứ tư của hàng A-la-hán. Nay Như Lai khắp vì hội chúng nầy, sẽ chỉ bày tính thắng nghĩa chân thật trong thắng nghĩa. Ở đây, Đức Phật là chỉ cho chính ngài khi xưng "Như Lai." "Chân thắng nghĩa trong thắng nghĩa" là chỉ cho giáo pháp vi diệu đệ nhất. Như Lai giảng giải giáo lý nầy là để khiến cho trong chúng hội nầy, hàng định tánh Thanh văn, có nghĩa là, những vị tu hành mới chứng được quả vị nho nhỏ nhưng đã hài lòng. Họ chấp cứng vào cái không và không chịu tu tập thêm.

"Tôi đã đạt đến cảnh giới không có gì cả. Thật là tốt đẹp!" Họ suy nghĩ như vậy và tự thấy mãn nguyện. Họ chứng được chút ít và tự thấy vậy là đủ. Đó là lý do Đức Phật gọi họ là "định tánh Thanh văn"–hàng A-la-hán– "tiêu nha bại chủng" để quở trách tính tự mãn của họ. Họ không có một động lực để tiến tu. Vừa chứng được sơ quả hay nhị quả A-la-hán, họ chẳng mong tiến tu nữa. Họ tự thỏa mãn một cách tiêu cực. Họ quyết định "Ở đây quá tốt rồi."

Đức Phật còn giải thích cho tất cả những vị A-la-hán chưa chứng được nhân không và pháp không, nhưng có tâm hướng về thượng thừa. Điều nầy chỉ cho những vị A-la-hán chưa chứng được nhân không và pháp không, nhưng hồi tâm từ tiểu thừa hướng về Đại thừa. Đức Phật sẽ giảng giải cho tất cả mọi người trong chúng hội đều được nghe.

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni sắp sửa giảng bày chân thắng nghĩa trong thắng nghĩa, pháp vi diệu thù thắng trong thù thắng vi diệu, để khiến cho hàng A-la-hán chứng được quả vô lậu, để họ đạt được quả vị vô học. Chứng được quả vị 'vô lậu' có nghĩa là trừ sạch tập khí của chính mình, không còn phiền não, căn

bản vô minh không còn nữa. Thế nên một người đã phá trừ được căn bản vô minh thì dứt sạch phiền não. Do phiền não và căn bản vô minh vốn không có thực, nên chúng ta đừng xem nó là ghê gớm dữ dằn lắm; nếu chúng thật có hình tướng, thì chắc chúng đã tràn ngập cả hư không pháp giới nầy.

Bây giờ Đức Phật muốn khiến cho mọi chúng sinh, các vị A-la-hán, đều được pháp tu hành chân chính, chân thực không xao động trong cảnh giới nhất thừa tịch diệt. "Nhất thừa" là nghĩa rốt ráo của Trung đạo, là thể của thực tướng. Đó chính là cỗ xe trâu trắng lớn được nói đến trong kinh Pháp Hoa. Kinh nầy nói rằng có một người cha già sống với các người con trong một đại gia đình. Một hôm, khi người cha có việc đi vắng, các đứa con mải mê chơi mà không biết ngôi nhà mình đang bốc cháy.

Khi người cha trở về thì thấy các con mình đang cần kề mối nguy đến tính mạng, ông liền kêu lớn, "Các con hãy chạy ra cửa mau! Bên ngoài đã có sẵn xe cừu, xe nai, và xe trâu cho các con vui chơi." Khi các con nghe có xe và các thứ để vui chơi, liền chạy ra khỏi nhà, chúng đòi xe ở người cha như ông đã hứa. Ông chỉ trao cho chúng xe trâu trắng lớn, lộng lẫy vượt xa niềm ao ước của chúng.

Xe cừu và xe nai là dụ cho hàng Nhị thừa. Xe trâu là dụ cho hàng Bồ-tát Đại thừa. Xe trâu trắng lớn là dụ cho Phật thừa, có thể chuyên chở mọi chúng sinh vượt qua dòng chảy phiền não, từ bờ sinh tử bên nầy sang bờ niết-bàn bên kia.

A-luyện-nhã là một bồ-đề đạo tràng, là nơi yên tĩnh để tu tập. Tại sao a-luyện-nhã biểu tượng cho sự chân thật? Phải chăng cũng có những a-luyện-nhã không chân chính? Một a-luyện-nhã chân chính là nơi không có tiếng ồn, không có ai nói chuyện. Có nhiều người cùng ở đó, nhưng như thể chẳng có ai ở đó cả. Thậm chí có thể nghe được tiếng vo ve của muỗi. Nếu quý vị muốn tu đạo, quý vị nên học cách đừng nói quá nhiều. Khi mình nói nhiều, người khác khó được định tâm.

Khi cần nói, quý vị nên nói. Nhưng có nhiều vị đệ tử nói khi chưa đến lúc cần phải nói, và khi đến lúc cần nói, quý vị lại không chịu nói. Quý vị xem đó là đệ tử biết vâng lời hay không biết vâng lời? Một đệ tử biết vâng lời sẽ nói khi cần nói và khi chưa đến lúc cần phải nói, anh ta sẽ im lặng. Nếu quý vị là học sinh tốt, quý vị sẽ là một người Phật tử đúng đắn. Nếu quý vị là một người Phật tử đúng đắn, trong tương lai quý vị sẽ là một vị Phật chân chính. Có Đức Phật nào không chân chính? Dĩ nhiên là không. Tất cả chư Phật đều chân chính. Nhưng nếu quý vị không tốt, quý vị sẽ không bao giờ thành Phật. Trước hết

quý vị phải tốt để lấy đó làm nền tảng. Trong một a-luyện-nhã đích thực, mọi người đều phải tuân thủ giờ giấc, thời khoá rất nghiêm ngặt.

Ông hãy nghe kỹ, Như Lai sẽ vì ông giảng nói. Đây không phải là Đức Phật chỉ riêng bảo Phú-lâu-na và A-nan lắng nghe cho kỹ, nay tôi đang giảng kinh cho quý vị, và đó cũng chính là tôi đang bảo quý vị hãy lắng nghe cho kỹ.

Ngài Phú-lâu-na và đại chúng, khâm ngưỡng pháp âm của Phật, im lặng lắng nghe.

"Khâm ngưỡng" có nghĩa là lắng nghe Đức Phật giảng pháp với tâm rất kính trọng; lắng nghe với sự thành tâm cung kính. Im lặng lắng nghe. Không phải chỉ có tôi mới bảo quý vị đừng nói chuyện, mà ngài Phú-lâu-na và A-nan cũng im lặng. Họ hoàn toàn nhiếp tâm lắng nghe.

Kinh văn: **佛言富樓那。如汝所言,清淨本然, 云何忽生山河大地?**

Phiên âm: Phật ngôn Phú-lâu-na, như nhữ sở ngôn, thanh tịnh bổn nhiên, vân hà hốt sanh sơn hà đại địa?

Việt dịch: Đức Phật bảo, "Phú-lâu-na, như ông vừa hỏi, đã là thanh tịnh bản nhiên, sao bỗng dưng sanh ra núi sông đất liền?"

Giảng: Đoạn kinh văn nầy mở đầu cho phần cực kỳ quan trọng trong Kinh Thủ-lăng-nghiêm. Vì nội dung đoạn kinh này sẽ giải thích tại sao con người trở thành người. Đức Phật bảo, "Phú-lâu-na, như ông vừa hỏi, đã là thanh tịnh bản nhiên, sao bỗng dưng sanh ra núi sông đất liền? Ông hỏi tại sao trong thanh tịnh bản nhiên, tại sao núi sông đất liền bỗng nhiên sanh khởi. Ông hỏi tại sao những thứ nầy lại sinh khởi từ trong Như Lai tạng."

Đức Phật lập lại lời Phú-lâu-na vừa hỏi. Bây giờ Đức Phật sẽ trả lời cho Phú-lâu-na.

Kinh văn: **汝常不聞如來宣說,性覺妙明本覺明妙? 富樓那言,唯然世尊！我常聞佛宣說斯義。**

Phiên âm: Nhữ thường bất văn Như Lai tuyên thuyết, tánh giác diệu minh, bản giác minh diệu. Phú-lâu-na ngôn. Duy nhiên Thế tôn! Ngã thường văn Phật tuyên thuyết tư nghĩa.

Việt dịch: Ông chẳng thường nghe Như Lai giảng bày, tánh giác là diệu minh, bản giác là minh diệu hay sao? Phú-lâu-na bạch, "Thưa Thế tôn, con thường nghe Phật chỉ dạy nghĩa ấy."

Giảng: Đức Phật bảo Phú-lâu-na: Ông chẳng thường nghe Như Lai giảng bày, tánh giác là diệu minh, bản giác là minh diệu hay sao? "Như Lai" là một trong mười danh hiệu của Đức Phật. Đó là tên gọi khác của Đức Phật. Có người nghĩ rằng chắc có một vị Phật khác hiệu là 'Như Lai' nhưng không phải vậy. Thực ra mọi Đức Phật đều được tôn xưng là Như Lai.

"Tánh giác" là tự tánh chân thật sáng suốt của mỗi người. "Diệu minh" là tịch lặng mà thường toả chiếu. Chữ "diệu" còn biểu tượng cho tánh thanh tịnh. "Tánh giác" là một chân lý–Phật tánh vốn có trong tất cả mọi người chúng ta, tánh bản hữu ban sơ khiến phát sinh vô số hiện tượng "Diệu minh" chỉ cho sự toả chiếu mà vẫn thường tịch lặng. Dù tịch lặng, mà vẫn có khả năng soi chiếu toàn thể pháp giới.

"Bản giác" là bản tánh ban sơ, vốn có trong mỗi chúng ta, không tăng không giảm, không sinh không diệt, không cấu không tịnh. Bản giác còn gọi là "thủy giác". Vô minh sở dĩ có là do sự sinh khởi của một niệm bất giác trong tự tánh. Nương nơi bản giác mà có một niệm bất giác nầy– đó chính là do cái dụng của tuỳ duyên.

Đức Phật đưa ra hai vấn đề nầy có ý nghĩa rất sâu:

1. Hiển bày căn nguyên vô minh của vạn pháp, rời chỗ nầy thì vô minh không có nơi y cứ, do vô minh nương nơi chân mà khởi vọng, nương nơi bản giác mà có bất giác, rồi khởi cái dụng của tuỳ duyên.

2. Hiển bày tính tịch diệt vốn tự có đầy đủ, không cần phải nhờ vào soi chiếu của vọng minh, tức không cần nhờ vào vọng minh mà vẫn chiếu khắp cả đại thiên thế giới.

Phú-lâu-na bạch, "Thưa Thế tôn, con thường nghe Phật chỉ dạy nghĩa ấy. Thế tôn vẫn thường giảng nghĩa lý ấy."

Kinh văn: **佛言,汝稱覺明,為復性明,稱名為覺;為覺不明,稱為明覺?**

Phiên âm: Phật ngôn, nhữ xưng giác minh, vi phục tánh minh, xưng danh vi giác; vi giác bất minh xưng vi minh giác?

Việt dịch: Đức Phật bảo, "Ông nói giác minh, có phải là bản tánh sáng suốt (minh), nên gọi là giác; hay ông cho rằng tánh giác đó vốn là không minh, thế nên gọi là minh giác?"

Giảng: Đức Phật bảo, "Ông nói giác minh, có phải là bản tánh sáng suốt (minh), nên gọi là giác?" "Giác minh" tức là nói đến "tánh giác diệu minh" và "bản giác minh diệu." Đức Phật hỏi Phú-lâu-na, "Có phải ông muốn nói tánh giác là hoàn toàn, tuyệt đối sáng suốt (minh)? Chẳng phải đó là những gì ông muốn đề cập đến 'giác'? Hay ông cho rằng tánh giác đó vốn là không minh, thế nên gọi là minh giác?" Có phải đây là những gì ông muốn đề cập đến minh giác?" Đức Phật hỏi Phú-lâu-na.

Kinh văn: **富樓那言,若此不明名為覺者,則無所明。**

Phiên âm: Phú-lâu-na ngôn, nhược thử bất minh danh vi giác giả, tắc vô sở minh.

Việt dịch: Phú-lâu-na thưa, "Nếu cái không minh đó mà gọi là giác, thì nó chẳng minh được cái gì."

Giảng: Đến lúc nầy, Phú-lâu-na cũng bị hấp tấp khi phải trả lời Đức Phật. Phú-lâu-na nói, "Nếu cái không minh đó mà gọi là giác, thì nó chẳng minh được cái gì." Nếu giác đã được gọi là giác mà không cần sự soi chiếu (minh giác) thêm vào nó, thì chẳng có cái gì được nó soi chiếu cả." Ý của Phú-lâu-na ở đây là chắc hẳn người ta phải đưa thêm ánh sáng vào cho tánh giác. Nhưng Phú-lâu-na đã lầm. Sao vậy? Tánh giác là hoàn toàn tuyệt đối sáng suốt (minh), nên không cần phải đưa thêm ánh sáng vào cho tánh giác. Ánh sáng mà quý vị đưa thêm vào không phải là tánh giác chân thật.

Điều đó cũng giống như viên ngọc ma-ni (mani), vốn nó đã tự sáng từ trong bản chất của ngọc rồi. Chắc chắn không thể nào tách rời ngọc ma-ni ra khỏi bản chất sáng của ngọc. Chẳng phải tánh sáng ấy được đưa thêm vào cho viên ngọc trở nên sáng. Việc cần đưa thêm tánh sáng vào cũng giống như cần phải bật đèn lên để hết tối. Nhưng tánh giác ở đây không cần phải "bật đèn" mới có, vì bản chất của tánh giác vốn đã là sáng suốt rồi. Thế nên ở đây Phú-lâu-na đã mắc phải một sai lầm.

Kinh văn: **佛言,若無所明則無 明覺;有所非覺無所非明。無明又非覺湛明性。**

Phiên âm: **Phật ngôn, nhược vô sở minh tắc vô minh giác; hữu sở phi giác, vô sở phi minh. Vô minh hựu phi giác trạm minh tánh.**

Việt dịch: Phật dạy, "Nếu không có sở minh thì không có minh giác; có sở minh thì chẳng phải là giác, mà không có sở minh thì chẳng phải là minh. Không minh thì lại chẳng phải là tánh giác trạm minh."

Giảng: Phật dạy, "Nếu không có sở minh thì không có minh giác; có sở minh thì chẳng phải là giác. Nếu ông cho rằng nếu không có cái sáng (minh) được thêm vào tánh giác thì sẽ không có minh giác. Như Lai nói rằng đó chẳng phải là giác nếu như ông thêm cái sáng (minh) vào tánh giác. Mà không có sở minh thì chẳng phải là minh. Có lẽ ông nói rằng không cần phải thêm cái sáng (minh) vào tánh giác vì tánh giác vốn chẳng cần minh mới có. Tuy nhiên, không minh thì lại chẳng phải là tánh giác trạm minh."

"Không minh–không sáng suốt," là chỉ cho căn bản vô minh. "Cái vô minh (không minh–không sáng suốt) của ông thì chẳng phải tánh giác trạm minh."

Đó là những gì Đức Phật muốn giảng bày. Tánh giác trạm minh thì bất sinh bất diệt, bất cấu bất tịnh. Tánh giác được gọi là "trạm" vì nó vốn thanh tịnh, trong lặng như mặt nước. Thế nên thật là sai lầm khi quý vị muốn đưa thêm cái sáng vào cho tánh giác. Thêm cái sáng vào cho tánh giác là thêm cái hư vọng vào cái chân thật. Nếu quý vị không đưa thêm cái sáng vào cho tánh giác, thì sẽ không có cái hư vọng trong cái chân thật.

Kinh văn: **性覺必明,妄為明覺。**

Phiên âm: **Tánh giác tất minh, vọng vi minh giác.**

Việt dịch: Tánh giác tất là minh, do vọng tưởng mà có ra minh giác.

Giảng: Tánh giác là chỉ cho tự tánh xưa nay tất là minh, tức vốn có đầy đủ tính sáng suốt (minh). Phú-lâu-na, do vọng tưởng mà có ra minh giác. Nếu ông cứ cho rằng cái sáng ấy (lẽ ra phải được đưa thêm vào cho tánh giác, thì ông đã lập nên một sai lầm. Nếu ông vọng tưởng đưa thêm tánh sáng vào cho tánh giác, thì đó không phải là tánh giác chân thật. Đó chỉ là tánh giác được tạo nên từ hư vọng. Đó không phải là bản giác.

Kinh văn: **覺非所明,因明立所。所既妄立,生汝妄能。無同異中,熾然成異。**

Phiên âm: **Giác phi sở minh, nhân minh lập sở. Sở ký vọng lập, sinh nhữ vọng năng. Vô đồng dị trung xí nhiên thành dị.**

Việt dịch: Giác chẳng phải là cái gì cần phải tác động vào mới sáng (sở minh), nhân có minh mà lập ra sở, Đã hư vọng lập ra sở rồi, mới lập nên cái năng hư vọng nơi ông. Thế nên trong cái không giống, không khác, bỗng dưng thành ra có khác.

Giảng: Giác chẳng phải là cái gì cần phải tác động vào mới sáng (sở minh). Tánh giác và bản giác chắc chắn là không phải là cái mà cần phải có tánh sáng tác động vào mới khiến cho nó mới là tánh giác được. Nó là tánh giác vốn sáng suốt từ xưa nay. Nhân có minh mà lập ra sở. Nếu ông đưa cái sáng tác động thêm vào, nghĩa là đã lập nên một đối tượng (sở)–có một đối tượng nào đó là tánh sáng. Một đối tượng (sở)–là chỉ cho nghiệp tướng, là tướng thứ nhất trong tam tế.

Vọng tưởng nầy tạo nên nghiệp tướng. Khi một đối tượng (sở) được tạo nên, thì quý vị như là một chủ thể hư vọng– (năng) được hình thành. Một khi chủ thể ấy là hư vọng, là nghiệp tướng, thì quý vị sẽ hành xử theo hư vọng. Nó chính là cội nguồn của quý vị. Vốn chẳng cần phải minh (soi sáng) tánh giác, nhưng với suy nghĩ hư vọng nầy, nghiệp tướng hình thành và từ đó những sai lầm chủ quan được tạo thành cả một chuỗi tiến trình hư vọng. Đó là tướng vọng tưởng thứ hai, gọi là chuyển tướng.

Ý nghĩa chính trong phần nầy của kinh văn là nhằm chỉ cho chúng ta biết, căn bản chúng ta vốn là Phật. Thế tại sao chúng ta lại thành phàm phu? Tại sao các chúng sinh chưa thành Phật? Vấn đề nằm ở đâu? Vốn chúng ta không khác gì Phật. Chúng sinh có thể được chuyển hoá từ chính ngay trong Phật tánh. Chúng được chuyển hoá bằng cách nào? Chư Phật có hằng triệu hóa thân lưu xuất từ chân tánh giác ngộ sáng suốt của các ngài. Phật tánh vốn sáng suốt, điều ấy là chỉ cho tánh sáng suốt vi diệu (diệu minh) của bản giác.

Bản giác là bản tánh giác ngộ vốn có trong mỗi chúng ta, và đó cũng chính là Phật quang. Từ trong Phật quang nầy mà hóa xuất các loài chúng sinh. Để minh họa điều nầy, tôi tạm dùng một ví dụ dù chưa được chính xác lắm, nhưng cũng làm cho đạo lý trên sáng tỏ thêm. Hóa thân của chư Phật cũng giống như tấm ảnh của một người, chỉ khác là tấm ảnh không biết nó là vật vô tri. Trong khi ảnh tượng của chư Phật là những hoá thân.

Thông qua hoá thân, Đức Phật hình thành một người mà bản tánh của họ thừa hưởng từ Phật, và cá tính của người ấy có những nét giống Phật như đúc. Cũng giống như khi soi trong gương, khi chúng ta đi qua trước gương liền có

sự phản chiếu, khi chúng ta đi qua rồi thì trong gương mất dạng. Hoá thân của chư Phật cũng y như vậy. Bản giác giống như tấm gương. Bỗng dưng trong gương có ảnh hiện ra, điều ấy cũng như sự sinh khởi của một niệm vô minh ban đầu.

Ngay khi niệm vô minh ấy vừa sinh khởi, mọi loài chúng sinh liền hiện hữu. Bản giác vốn là diệu minh. Phú-lâu-na muốn đưa ánh sáng vào cho tánh giác. Nhưng tánh giác giống như là ngọn đèn luôn luôn sáng tỏ. Nếu quý vị bật nhẹ công tắc, quý vị sẽ có được điều mình đang mong đợi. Phú-lâu-na nghĩ rằng nếu mình bật công tắc lên thì đèn sẽ sáng, và nếu đóng công tắc thì ánh sáng sẽ tắt. Nhưng điều ấy là hoàn toàn không cần thiết. Bản thể của tánh giác vốn là đã sáng rồi, không cần phải làm điều gì nữa thì nó mới trở nên sáng. Đó chính là điểm then chốt.

Kinh văn: **異彼所異,因異立同。同異發明,因此復立無同無異。**

Phiên âm: Dị bỉ sở dị, nhân dị lập đồng. Đồng dị phát minh, nhân thử phục lập vô đồng vô dị.

Việt dịch: Khác với cái khác kia, nhân cái khác đó mà lập cái đồng. Đã phát minh cái đồng cái khác rồi, nhân đó lại lập cái không đồng không khác.

Giảng: Dị bỉ sở dị: Chữ dị trước là hoạt tự, mang tính linh động, có nghĩa là bất đồng, không giống. Chữ dị sau là thật tự, mang nghĩa thật, tức là cảnh giới của dị tướng. Có nghĩa là đối với cái khác bất đồng thì tức thời thành ra tướng của cảnh giới.

Nhân dị lập đồng: Nhân đối với cảnh giới của dị tướng, lại lập nên tướng đồng của hư không, tức là nương nơi năng kiến mà vọng sinh có hư không và thế giới.

Đồng dị phát minh: Hư không là tướng đồng, thế giới là tướng dị, một đồng một dị cùng nhau phát minh, thành ra có chúng sinh giới.

Nhân thử phục lập vô đồng vô dị: Cảnh giới của chúng sinh vốn không giống nhau, hình mạo của chúng sinh đều khác nhau nên gọi bất đồng.

Sai lầm hư vọng khiến lập nên nghiệp tướng rồi phát sinh luôn chuyển tướng. Một khi chuyển tướng đã sinh khởi rồi thì trong cái nầy khác với cái khác kia, nhân cái khác đó mà lập cái đồng.

Trong thể không, nơi chẳng có gì là đồng, chẳng có gì là khác; cái khác trở nên hiện hữu, nóng bỏng và sáng láng như món trang sức trên đầu. Vốn trong chân không, không có cái đồng cái khác, nhưng đột nhiên hai thứ nầy hình thành và tạo nên thế giới.

Theo đó là sự hình thành những gì vốn chẳng đồng như cái khác (dị) đã được lưu xuất từ hư không. Tiếp theo chuyển tưởng là sự sinh khởi của hiện tướng; thế nên trong hư không mà thế giới biểu hiện.

Phú-lâu-na hỏi tại sao trong Như Lai tạng mà bỗng nhiên phát sinh núi sông đất liền. Nay Đức Phật đang trả lời vấn đề đó.

Đã phát minh cái đồng cái khác rồi, nhân đó lại lập cái không đồng không khác.

Chân không vốn chẳng có hình tướng, nhưng nay thế giới trình hiện các tướng trạng. "Cái chẳng đồng chẳng khác" là chỉ cho chúng sinh. Chúng sinh được xem là "chẳng đồng" vì mỗi loại chúng sinh đều có một dạng hình tướng khác nhau. Chúng sinh được xem là "chẳng khác" vì mỗi loại chúng sinh đều có chung khả tính tri giác. Nghiệp tướng, chuyển tướng, và hiện tướng đều được tạo thành từ vô minh. Phần nầy sẽ nói về hiện tướng.

Nhất niệm bất giác sinh tam tế.
Các cảnh giới trải qua quá trình duyên khởi mà có lục thô.
Ba thứ vọng tưởng này là quan trọng và khó phân biệt nhất

Kinh văn: **如是擾亂,相待生勞。勞久發塵,自相渾濁。由是引起塵勞煩惱。**

Phiên âm: Như thị nhiễu loạn, tương đãi sinh lao. Lao cửu phát trần, tự tương hồn trược. Do thị dẫn khởi trần lao phiền não.

Việt dịch: Rối loạn như vậy, đối đãi nhau sinh ra mệt mỏi. Mệt mỏi lâu dài phát ra trần tướng, tự làm vẩn đục lẫn nhau. Do đó đưa đến khởi phát trần lao phiền não.

Giảng: Nay sẽ nói đến lục thô. Phần nầy sẽ giải thích năm món thô đầu tiên.

Lục thô là:

1. Trí tướng: thuộc về câu sanh pháp chấp, tức là từ khi sinh ra đã có sẵn năng lực phân biệt. Đây không phải là trí tuệ cứu cánh, mà chỉ là tướng của trí có được do năng lực phân biệt

2. Tương tục tướng: tức phân biệt pháp chấp, lúc nào cũng suy nghĩ, liên tục không gián đoạn

3. Chấp thủ tướng: thuộc về câu sanh ngã chấp, suy lường cùng khắp, chấp ngã, ngã sở.

4. Kế danh tự tướng: thuộc về phân biệt ngã chấp, chủ yếu là lập nên vọng tưởng giả danh, theo sự chấp trước giả danh mà duy trì vọng tưởng.

5. Khởi nghiệp tướng: Do kế danh tự tướng mà sinh khởi nên nghiệp tướng, tạo vô số nghiệp.

6. Nghiệp hệ khổ tướng: Do tạo nghiệp nên thọ lãnh quả báo, do vì trói buộc vào nghiệp mà thọ khổ.

Ban đầu khi nghe những điều nầy có lẽ quý vị không thể nào hiểu được, nhưng sau khi tham cứu một thời gian, quý vị dần dần sẽ hiểu. Còn bây giờ, hãy để cho nó lọt qua tai quý vị, và trong thức thứ tám của quý vị sẽ có ấn tượng. Nếu quý vị tham cứu Phật pháp một thời gian dài, chắc chắn quý vị sẽ đến thực tế là mọi thứ đều liên quan với nhau và quý vị bỗng nhiên hiểu ra.

Rối loạn như vậy: ở trong cái không đồng và cái không dị như đã nói ở trên, thế giới và hư không, "đồng dị phát sinh," và tạo ra sự hỗn loạn, không có trật tự. Sự hỗn loạn nầy cuối cùng dẫn đến sự mệt mỏi. Trong cái đồng dị bỗng dưng được lập nầy, cuối cùng sinh ra sự mỏi mệt. Cái mỏi mệt là tướng trạng đầu tiên trong lục thô, đó là trí tướng. Mệt mỏi kéo dài sinh ra phiền não. Tiếp theo cái mệt mỏi là tướng trạng thứ nhì của lục thô, đó là tương tục tướng. Nhiễm ô là tướng trạng thứ ba của lục thô, đó là chấp thủ tướng.

Những tướng trạng nầy kết hợp nhau trong một mớ hỗn độn u ám. Nó kết dính nhau và không có cách nào để tách rời chúng ra một cách rạch ròi. Đây là tướng trạng thứ tư của lục thô, đó là kế danh tự tướng. Sự hỗn loạn nầy tạo nên phiền não với sự tập nhiễm của trần lao. Trần lao là chính là phiền não. Phiền não chính là trần lao. Tám vạn bốn ngàn trần lao chính là tám vạn bốn ngàn phiền não. Từ những điều kiện khác nhau vừa bàn đến, phiền não sinh khởi. Cùng với phiền não là sự sinh khởi của núi sông đất liền.

Kinh văn: **起為世界,靜成虛空。虛空為同,世界為異。彼無同異,真有為法。**

Phiên âm: Khởi vi thế giới, tỉnh thành hư không. Hư không vi đồng, thế giới vi dị. Bỉ vô đồng dị, chân hữu vi pháp.

Việt dịch: Nổi lên thì thành thế giới, lắng đọng thì thành hư không. Hư không là đồng, thế giới là dị. Cái không đồng không khác kia, chân thật là pháp hữu vi.

Giảng: Phần nầy giải thích tướng trạng thứ 6 của lục thô, đó là nghiệp hệ khổ tướng. Nổi lên thì thành thế giới. Khởi là lưu xuất ra–là chuyển dịch, là động. Lắng đọng thì thành hư không. Lắng đọng là tĩnh–không chuyển dịch. Hư không là đồng, thế giới là dị. Hư không giống như cái gì? Cơ bản hư không là giống với mọi thứ. Nó không khác với cái gì cả vì trong hư không chẳng có gì để phân biệt. Chỉ vì không có sự phân biệt mà được gọi là hư không. Nhưng với sự sinh khởi của thế giới thì có điểm khác nhau. Thế giới khác với hư không vì trong thế giới có hình sắc và tướng mạo. Sự sinh khởi của núi sông đất liền đã làm nên thế giới. Điều nầy sẽ được giảng giải chi tiết trong đọan kinh tiếp theo.

Cái không đồng không khác kia, chân thật là pháp hữu vi.

Vốn trong hư không chẳng có gì cả để có thể nói đồng hay dị, chẳng có sự sinh khởi của:

1. Nghiệp tướng,
2. Chuyển tướng, và
3. Hiện tướng

Cùng với
1. Trí tướng,
2. Tương tục tướng,
3. Chấp thủ tướng,
4. Kế danh tự tướng,
5. Khởi nghiệp tướng, và
6. Nghiệp hệ khổ tướng.

Chúng ta dùng từ đồng (giống) hay dị (khác) để diễn tả cho những tướng trạng vừa hiện hữu nầy.

Kinh văn: **覺明空昧,相待成搖。故有風輪執持世界。**

Phiên âm: Giác minh không muội, tương đãi thành diêu. Cố hữu phong luân chấp trì thế giới.

Việt dịch: Cái giác thì sáng suốt, hư không thì mê muội, hai cái đối đãi nhau thành có lay động. Nên có phong luân nắm giữ thế giới.

Giảng: Thế giới có bốn yếu tố: đất, nước, lửa, gió. Trước hết chúng ta đề cập đến phong luân. Khi muốn đem thêm cái sáng vào cho bản giác diệu minh thì vô minh liền sinh khởi và cái sáng bị trói buộc trong tính nhị nguyên, tức là cái tối. Hư không thì mê muội, hư không có khi rất tối tăm mờ mịt. Khi cái sáng của giác và cái tối tăm của hư không giao xen nhau, hai cái đối đãi nhau thành có lay động. Hư không và thể của giác minh, có nghĩa là vô minh do kết quả của việc đưa thêm cái sáng vào cho bản giác diệu minh–đối đãi nhau, cuối cùng tạo nên sự lay động.

Ngay khi có sự lay động, liền có phong luân. Với sự lay động đó, yếu tố gió sinh khởi. Bên dưới thế giới là phong luân để nâng đỡ, duy trì thế giới. Ngày nay chúng ta nói về không gian nơi không có bầu khí quyển, nhưng vượt ra ngoài không gian lại còn có những nơi khác có gió. Chữ luân 輪 ở đây trong tiếng Hán có nghĩa là bánh xe, nhưng dịch nghĩa như thế không hợp, vì nghĩa rộng của từ nầy là trùm khắp, rộng khắp. Gió có năng lực nâng đỡ, duy trì thế giới. Điều nầy sẽ được giảng giải chi tiết trong đoạn kinh sau.

Kinh văn: **因空生搖,堅明立礙。彼金寶者,明覺立堅。故有金輪,保持國土。**

Phiên âm: Nhân không sinh diêu, kiên minh lập ngại. Bỉ kim bảo giả minh giác lập kiên. Cố hữu kim luân bảo trì quốc độ.

Việt dịch: Nhân hư không mà có sự lay động, phát minh ra tánh cứng, thành ra có ngăn ngại. Kim bảo ấy là do minh giác làm nên tánh cứng. Thế nên có kim luân để bảo trì quốc độ.

Giảng: Nhân hư không mà có sự lay động, phát minh ra tánh cứng, nhân nơi hư không mê muội, mờ tối, và cái sáng muốn chiếu soi lại tánh giác; cái tối và cái sáng ấy xâm đoạt lẫn nhau, khiến sanh ra sự lay động và tạo thành gió. Thành ra có ngăn ngại. Do cố giữ lấy cái vọng minh, tức muốn đem cái sáng vào trong tánh giác, muốn soi sáng cái mê muội, mờ tối của thể hư không, liền kết cái tối ấy thành sắc, nên thành ra tướng cứng chắc ngăn ngại của địa đại (yếu tố đất). Đây tức là lấy cái mê muội làm hư không, và trong thể hư không mê muội ấy, kết cái u tối hỗn trược thành sắc.

Kim bảo ấy là do minh giác làm nên tánh cứng. Tất cả các loại vàng bạc và các khoáng chất quý giá đều là tinh tuý trong lòng đất (địa đại), mà tánh chất của đất thì cứng chắc và ngăn ngại còn hơn cả kim loại. Nương nơi cái biết hư vọng của vô minh mà có ra tướng cứng chắc và ngăn ngại, như trong thế gian có người si tình mà hoá thành đá vậy.

Thế nên có kim luân để bảo trì quốc độ. Do tâm vọng chấp kiên cố mà thành tướng cứng chắc và ngăn ngại, lại kiên cố vọng chấp không dừng nghỉ, nên tích chứa thành kim luân để bảo trì quốc độ, nên tất cả các quốc gia trên thế giới, đều nương nơi kim cương luân mà được an trụ.

Kinh văn: **堅覺寶成,搖明風出。風金相摩,故有火光,為變化性。**

Phiên âm: Kiên giác bảo thành, diêu minh phong xuất. Phong kim tương ma, cố hữu hoả quang, vi biến hoá tính.

Việt dịch: Biết cái cứng thì thành có kim bảo, rõ biết cái lay động thì khiến cho phong đại phát ra. Phong đại và kim bảo cọ xát nhau, nên có ánh sáng của lửa (hoả đại) làm tính biến hoá.

Giảng: Biết cái cứng thì thành có kim bảo. Kim loại thì cứng và đất cũng có tính chất như vậy. Cái cứng nầy được tích chứa lâu ngày. Nhân chấp cứng cái biết sai lầm hư vọng mà thành có kim bảo.

Rõ biết cái lay động thì khiến cho phong đại phát ra. Kim bảo tạo nên trạng thái diêu động, và từ đó phong đại sanh khởi. Trong trường hợp nầy, phong luân và kim bảo giao xen nhau. Phong đại và kim bảo cọ xát nhau, nên có ánh sáng của lửa (hoả đại) làm tính biến hoá.

Kinh văn: **寶明生潤,火光上蒸。故有水輪含十方界。**

Phiên âm: Bảo minh sanh nhuận, hoả quang thượng chưng. Cố hữu thủy luân hàm thập phương giới.

Việt dịch: Ngọn lửa xông lên, kim bảo sanh ra tánh ướt. Nên có thủy luân trùm khắp mười phương cõi giới.

Giảng: Ngọn lửa xông lên, kim bảo sanh ra tánh ướt. Khi kim loại bị nung lên, nó sẽ mềm ra và sinh ẩm ướt, nước sẽ tiết ra thành giọt trên bề mặt. Do lửa nên có sự ẩm ướt sinh ra nơi kim loại. Sự ẩm ướt nầy là tính chất của nước. Và do ánh sáng của lửa phát ra, từ sự ẩm ướt nơi kim loại, thành ra những giọt nước. Khi lửa từ phía dưới xông lên, thì kim loại tiết ra hơi nước. Nên có thủy luân trùm khắp mười phương cõi giới. Do có hiện tượng ngưng tụ và bay hơi khi kim loại gặp lửa, nên có thủy luân tràn khắp mặt đất trong mười phương cõi giới.

Kinh văn: **火騰水降,交發立堅。濕為巨海,乾為洲潬**

Phiên âm: Hoả đằng thủy giáng, giao phát lập kiên. Thấp vi cự hải, càn vi châu đản.

Việt dịch: Lửa thì bốc lên, nước thì sa xuống; giao xen nhau, phát ra thành tánh cứng. Chỗ ướt thành biển lớn, chỗ khô thành gò nổi.

Giảng: Sau khi giải thích về thủy luân, Đức Phật giảng giải vì sao mà biển cả và núi non được hình thành. Lửa thì bốc lên, nước thì sa xuống. Lửa thì bốc lên cao, nước thì rơi xuống. Trong đoạn kinh trước, Đức Phật đã nói rằng kim loại bốc hơi và lửa phát ra, thế nên sự ẩm ướt đã tạo nên thủy luân. Thế nên lửa thì bốc lên còn nước thì sa xuống, và sự kết hợp hai tính chất nầy làm thành tánh cứng. Giao xen nhau, phát ra thành tánh cứng. Điều nầy tạo nên đất cứng. Chỗ ướt thành biển lớn, chỗ khô thành gò nổi. Nước rơi xuống và đọng lại trở thành sông biển. Chỗ khô thành đất liền, gò đống, núi non.

Kinh văn: **以是義故,彼大海中火光常起。彼洲潬中江河常注。**

Phiên âm: Dĩ thị nghĩa cố, bỉ đại hải trung hỏa quang thường khởi. Bỉ châu đản trung giang hà thường chú.

Việt dịch: Do nghĩa ấy, nên trong biển lớn kia, thường phát ra ánh lửa; trong đất liền kia, sông ngòi thường chảy.

Giảng: Do nghĩa ấy, do lửa thì bốc lên, nước thì sa xuống, chỗ ướt thì thành biển và chỗ khô thì thành đất liền, nên trong biển lớn kia, thường phát ra ánh lửa. Núi lửa và những thứ tương tự sinh khởi. Mặc dù đó là giữa biển khơi, nhưng thường phát ra ánh lửa. Và trong đất liền kia, sông ngòi thường chảy. Sông suối thường chảy mãi không dừng nghỉ.

Kinh văn: **水勢劣火,結為高山。是故山石擊則成炎,融則成水。**

Phiên âm: Thủy thế liệt hoả, kết vi cao sơn. Thị cố sơn thạch, kích tắc thành viêm, dung tắc thành thủy.

Việt dịch: Thế nước kém thế lửa thì kết thành núi cao. Thế nên khi đập đá núi thì nháng tia lửa, khi nấu thì chảy ra nước.

Giảng: Nước và lửa xung khắc lẫn nhau, khi thế nước kém thế lửa thì kết thành núi cao. Khi thế lửa trội vượt thế của nước thì núi cao hình thành. Thế nên khi đập đá núi thì nháng tia lửa, khi nấu thì chảy ra nước. Khi quý vị đánh mạnh

vào đá núi, thấy có tia lửa từ đá nháng lên. Khi quý vị nung đá đến một nhiệt độ nào đó thì đá chảy ra như nham thạch phun chảy khi có núi lửa. Vì sao mỗi khi động đất, nham thạch phun vọt ra như vậy? Vì có sự tranh chấp nhau giữa nước và lửa.

Kinh văn: **土勢劣水, 抽為草木。是故林藪遇燒成土, 因絞成水。**

Phiên âm: Thổ thế liệt thủy, trừu vi thảo mộc. Thị cố lâm tẩu ngộ thiêu thành thổ, nhân giảo thành thủy.

Việt dịch: Thế đất kém thế nước, vươn ra thành cỏ cây. Thế nên rừng cây bị đốt thì thành đất, vắt đất ra thì thành nước.

Giảng: Thế đất kém thế nước, vươn ra thành cỏ cây. Khi thế của đất yếu hơn thế của nước, thì thành ra thảo mộc, cây cối. Thế nên rừng cây bị đốt thì thành đất, vắt ra thì thành nước. Tro vốn chỉ là đất. Nếu quý vị vắt cỏ lá hay thân cây thì nước liền rỉ ra.

Kinh văn: **交妄發生,遞相為種。以是因緣,世界相續。**

Phiên âm: Giao vọng phát sanh, đệ tương vi chủng. Dĩ thị nhân duyên, thế giới tương tục.

Việt dịch: Vọng tưởng giao xen phát sinh, lần lượt làm chủng tử cho nhau. Do nhân duyên đó mà thế giới tương tục.

Giảng: Vọng tưởng giao xen phát sinh, lần lượt làm chủng tử cho nhau.

Giao tức giao xen với nhau. Vọng tức là tâm hư vọng và cảnh hư vọng. Ban đâu là do sai lầm muốn soi lại tánh giác (vọng minh) mà thành có u tối, hỗn trược của hư không. Cái sáng, cái tối ấy xâm đoạt nhau thành ra diêu động nên sanh ra phong đại. Chấp cứng cái vọng minh mà thành ra có địa đại. Phong đại và kim luân cọ xát nhau mà thành hoả đại. Kim loại và hỏa đại thiêu đốt nhau mà thành thủy đại. Nên tứ đại chính là do vọng tưởng giao xen phát sinh.

Chỉ một niệm vọng tưởng sinh khởi, lửa và nước liền thành chủng tử của núi sông do sự giao xen lẫn nhau. Do nhân duyên đó mà thế giới tương tục. Từ sự giao xen lẫn nhau nầy mà tạo nên chủng tử, thế giới hoại diệt rồi lại sinh khởi, bắt đầu rối kết thúc. Thành, trụ, hoại, không cùng vô số tướng trạng, sự tương tục của thế giới là vô cùng vô tận, tiếp diễn không bao giờ dừng nghỉ.

Kinh văn: **復次富樓那,明妄非他,覺明為咎。**

Phiên âm: Phục thứ Phú-lâu-na, minh vọng phi tha, giác minh vi cữu.

Việt dịch: Lại nữa Phú-lâu-na, vọng tưởng chẳng phải là cái gì khác, chính do giác minh mà hoá ra lầm lỗi.

Giảng: Lại nữa Phú-lâu-na, Như Lai sẽ giải thích cho ông rõ hơn. Vọng tưởng chẳng phải là cái gì khác, chính do giác minh mà hoá ra lầm lỗi. Chẳng có cái gì khác lừa bẫy ông đâu; đơn giản chỉ là do ông muốn soi lại tánh giác (vọng minh). Đó là lý do khiến mọi chuyện phát sinh. Muốn soi lại tánh giác (vọng minh) chẳng khác gì trên đầu mọc thêm một cái đầu nữa.

Kinh văn: **所妄既立,明理不踰。以是因緣,聽不出聲,見不超色。**

Phiên âm: Sở vọng ký lập, minh lí bất du. Dĩ thị nhân duyên, thính bất xuất thanh, kiến bất siêu sắc.

Việt dịch: Cái sở minh hư vọng đã lập, thì phạm vi của năng minh cũng không thể vượt qua được. Do nhân duyên ấy, cái nghe không ra ngoài tiếng, cái thấy không vượt khỏi sắc.

Giảng: Cái sở minh hư vọng đã lập, thì phạm vi của năng minh cũng không thể vượt qua được. "Sở minh" là chỉ cho nghiệp tướng và tương ứng với đoạn kinh trước, "sở ký vọng lập–đã hư vọng lập ra sở rồi." Chữ "năng minh" ở đây là chỉ cho vọng năng, tức chuyển tướng, tương ứng với đoạn kinh trên, "sinh nhữ vọng năng–mới lập nên cái năng hư vọng nơi ông." "Minh" ở đây chính là vô minh, vốn không dễ gì vượt qua sở minh. Do nhân duyên ấy, cái nghe không ra ngoài tiếng, cái thấy không vượt khỏi sắc. Do vì nghiệp tướng và nhân nơi chuyển tướng, chúng ta không thể nghe được cái gì khác hơn ngoài âm thanh, và chúng ta không thể thấy được cái gì khác ngoài hình sắc.

Kinh văn: **色香味觸,六妄成就。由是分開 見覺聞知。**

Phiên âm: Sắc hương vị xúc, lục vọng thành tựu. Do thị phần khai kiến giác văn tri.

Việt dịch: Sáu cái vọng sắc hương vị xúc v.v… đã thành lập. Do đó chia ra có thấy nghe hay biết.

Giảng: Do vì cái thấy không vượt ra ngoài sắc, nên có ra sắc hương vị xúc. Được kể là sắc bao hàm cả âm thanh và các tâm hành, cùng với lục trần. Như vậy, sáu cái vọng sắc hương vị xúc v.v… đã thành lập. Sáu căn kết hợp sáu trần tạo nên sáu thức. Do đó chia ra có thấy nghe hay biết. Sáu thức là nhãn thức, nhĩ thức, tỉ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Sáu thức vốn là tánh Như Lai tạng, nên các căn có thể hỗ dụng, một căn có thể có tác dụng như các căn kia, nhưng hiện tại thì phân ra mỗi căn có mỗi tác dụng khác nhau. Nên trong kinh có nói:

Nguyên y nhất tinh minh 元依一精明
Phân thành lục hòa hợp. 分成六和合

Nhất tinh minh chính là tánh Như Lai tạng. Sáu thứ hòa hợp là mắt thấy được sắc, tai nghe được tiếng, mũi ngửi được mùi, lưỡi nếm được mùi vị, thân biết được cảm xúc, ý biết được các hoạt dụng của tâm thức. Gọi là sáu nhưng thực ra là một. Nó chính là dụng của tánh Như Lai tạng.

Kinh văn: **同業相纏,合離成化。**

Phiên âm: Đồng nghiệp tương triền, hợp ly thành hoá.

Việt dịch: Đồng nghiệp ràng buộc lẫn nhau mà hợp, mà tách rời, mà thành, mà chuyển hoá.

Giảng: Đồng nghiệp là chỉ cho nghiệp mình đã tạo nên và chỉ cho người cha và mẹ của mình–những nhân duyên nầy giống nhau. “Đồng nghiệp” cũng chỉ cho những niệm tưởng ái luyến sinh khởi ràng buộc lẫn nhau. Đồng nghiệp phát sinh cảm xúc luyến ái và sợ phải xa lìa. Đàn ông đàn bà dính chặt với nhau như keo sơn. Sự ràng buộc lẫn nhau nầy tạo nên dạng thai sanh và noãn sanh.

Kinh văn: **見明色發,明見想成。異見成憎,同想成愛。流愛為種,納想為胎。交遘發生,吸引同業。故有因緣,生羯囉藍,遏蒱曇等。**

Phiên âm: Kiến minh sắc phát, minh kiến tưởng thành. Dị kiến thành tắng, đồng tưởng thành ái. Lưu ái vi chủng, nạp tưởng vi thai. Giao cấu phát sanh, hấp dẫn đồng nghiệp. Cố hữu nhân duyên sanh yết-la-lam, át-bồ-đàm đẳng.

Việt dịch: Cái thấy phát minh thì sắc phát ra, soi rõ sự thấy thì có cái tưởng. Ý kiến khác nhau thành có cái ghét, cái tưởng đồng nhau thành

có luyến ái. Lưu giữ tính ái thành có chủng tử, thu nạp niệm tưởng thành ra bào thai. Phát sanh sự giao cấu làm hấp dẫn đồng nghiệp. Nên có nhân duyên sanh ra yết-la-lam, át-bồ-đàm v.v…

Giảng: Cái thấy phát minh thì sắc phát ra. Làm sao mà con người trở thành con người? Khi con người được hình thành, thức thứ tám có mặt trước tiên; và khi chết, thì thức thứ tám ra đi sau cùng. Nên có bài kệ:

Khứ hậu lai tiên tác chủ ông.
去 後 來 先 作 主 翁

Trước khi thức thứ tám ra đi, thân thể con người vẫn còn hơi ấm. Khi thức thứ tám đi rồi, thân xác trở nên lạnh. Khi thức thứ tám ra đi đầu thai, nó trở thành thân trung ấm. Nếu đầu thai làm người, thì thân trung ấm có hình tướng người; nếu đầu thai làm súc sinh, thì thân trung ấm có hình tướng súc sinh. Giống như được mô phỏng từ một cái khuôn. Bất luận có ở nơi xa với cha mẹ trong tiềm thức bao nhiêu, thức thứ tám nầy cũng tìm đến được nếu nó có nhân duyên với họ. Đối với thân trung ấm, mọi thứ đều là một màu đen tuyền. Chúng ta có được ánh sáng đèn điện, ánh sáng mặt trời, mặt trăng; nhưng thân trung ấm thì không thấy được các thứ ánh sáng ấy.

Nó chỉ thấy được một màu đen như mực. Thế nên khi cha mẹ trong tiềm thức của nó giao cấu nhau, nó sẽ thấy được một chút ánh sáng nhỏ như đầu kim loé lên, bởi vì nó có mối tương quan với họ. Soi rõ sự thấy thì có cái tưởng. Ngay lúc thấy ánh sáng loé lên, thì cái tưởng liền hiện hữu. Tưởng điều gì? Suy nghĩ, phân biệt. Ý kiến khác nhau thành có cái ghét. Khi người ta không đồng quan điểm với mình, thì mình ghét họ. Cái tưởng đồng nhau thành có luyến ái. Khi có người dù có những sai lầm giống như mình, mình cũng yêu thích họ.

Nếu thân trung ấm là nam, nó sẽ yêu mẹ mà ghét cha. Nó sẽ có ý muốn đánh đuổi cha nó đi để lấy mẹ nó. Nó muốn giao hợp với mẹ nó. Thế nên cội nguồn xuất phát của con người rất là tồi tệ. Yêu mẹ nó và ghét cha nó, bằng một niệm vô minh như vậy, nó liền nhập vào thai mẹ. Lưu giữ tính ái thành có chủng tử, thu nạp niệm tưởng thành ra bào thai. Nếu thân trung ấm là nữ, nó sẽ yêu cha và ghét mẹ. Đó là cách hình thành niệm tưởng.

Những ai thích nói về yêu đương thường khó chấm dứt luân hồi sinh tử. Vì yêu đương là cội gốc của sinh tử luân hồi. Những người thích nói về yêu đương cũng có thể chấm dứt luân hồi sinh tử rất nhanh chóng. Tại sao tôi lại mâu thuẫn với chính mình qua hai câu nói trái ngược nhau, trong lúc hai ý trong đó hoàn toàn đúng? Điều kỳ diệu là nằm ở đó. Quý vị phó mặc mình cho tình yêu

đương luyến ái, nhưng yêu đương lại kéo người ta vào nẻo được luân hồi sinh tử. Tại sao vậy? Vì con người sinh ra từ tham ái và chết trong tham ái. Đây là chuyện thường tình phải xảy ra. Mọi người ai cũng đi trên con đường luân hồi sinh tử nầy cả.

Thế nên tôi nói nếu quý vị chiêm nghiệm thật kỹ về chuyện tình ái thì quý vị có thể nhanh chóng chấm dứt luân hồi sinh tử, nếu quý vị dốc lòng quán chiếu thật kỹ, quý vị sẽ thấy rất tường tận và sẽ chuyển hoá được chúng.

Biển khổ mênh mông, Quay đầu là bờ.
Khổ hải mang mang, Hồi đầu thị ngạn.
苦 海 芒 芒 迴 頭 是 岸.

Nếu quý vị thấy xuyên suốt được vấn đề luyến ái, thì quý vị có thể chấm dứt luân hồi sinh tử. Con người cũng giống như loài sâu trong bắp cải, nó sinh ra, sống trong bắp cải và chết trong bắp cải. Con người sinh ra do tham ái và chết trong tham ái.

"Lưu giữ tính ái thành có chủng tử." Nam nữ bày tỏ tình yêu của họ và cố lưu giữ cho đến khi có một dấu tích hữu hình của tình yêu ấy. Một khi tình yêu trở thành dấu tích hữu hình, nghĩa là có một hạt giống vừa được sinh ra.

"Tưởng" ở đây là chỉ cho thức thứ tám– tức là thân trung ấm.

Nên có nhân duyên sanh ra yết-la-lam, át-bồ-đàm v.v…

Yết-la-lam là chỉ cho bào thai vừa mới trưởng thành trong tuần đầu tiên. Yết-la-lam dịch là ngưng hoạt 凝滑, tức là do tinh cha huyết mẹ ngưng kết lại mà thành chất nầy. Tuần thứ hai chất nầy được gọi là át-bồ-đàm, dịch nghĩa là bào, bắt đầu có thể trạng của bào thai. Tuần thứ ba gọi là bế-thi, ý dịch là khối thịt mềm (nhuyễn nhục), tuần thứ tư gọi là yết-nam 羯南, ý dịch là khối thịt cứng (ngạnh nhục 硬肉), tuần thứ năm gọi là thể-la-tra-khư (praśākhā), ý dịch là hình vị, cũng gọi là chi tiết, tứ chi và các phần khác đều đầy đủ.

Chúng ta hãy xem xét kỹ về chuỗi mười hai nhân duyên. Nguyên nhân để nam nữ phải lòng nhau–phát sinh niệm tưởng tình ái, chính là do vô minh, tức một niệm vô minh sinh khởi trước tiên.
"Vô minh duyên hành." Hành ở đây chính là sự giao cấu.
"Hành duyên thức." Tức là thức thứ tám được đề cập ở đoạn kinh trên, "thu nạp niệm tưởng thành ra bào thai." Thức chính là thân trung ấm nhập vào bào thai.
"Thức duyên danh sắc." Danh là sự phát triển của bào thai từ tuần thứ nhất đến tuần thứ tư. Sắc là sự phát triển của bào thai từ tuần thứ năm đến tuần thứ sáu .

“Danh sắc duyên lục nhập.” Từ tuần thứ bảy trở đi, bào thai đã được hình thành đầy đủ các bộ phận: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và tâm ý.
“Lục nhập duyên xúc.” Khi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý được hình thành, thì liền có cái biết của sự xúc chạm. Bào thai trong bụng người mẹ cảm nhận được sự xúc chạm nầy.
“Xúc duyên thọ.” Bào thai là nơi nhận biết sự xúc chạm nầy.
“Thọ duyên ái.” Khi có sự xúc chạm, liền phát khởi lòng ham thích. Đây chính là điểm khởi đầu của tình yêu. Và cũng trả lời cho câu hỏi tại sao nam nữ yêu nhau: ngay cả khi trong giai đoạn bào thai, nguyên nhân nầy đã được gieo trồng–đã có niệm tưởng luyến ái rồi.
“Ái duyên thủ.” Khi đã có niệm tưởng về ái, người ta muốn có một đối tượng tình yêu của riêng mình–mình muốn đối tượng tình yêu thành vật sở hữu của chính mình.
“Thủ duyên hữu, hữu duyên sinh.” Một khi mình đã có nó, nghĩa là mình liền được sinh ra.
“Sinh duyên lão tử.” Khi có sinh ra thì liền có sự chết. Thế nên các vị Duyên giác quán chiếu mười hai nhân duyên nầy và biết đâu là hạt giống, nhân và duyên đều là bất tịnh. Tinh cha và huyết mẹ đều là những thứ không thanh tịnh.

Nếu quý vị muốn chấm dứt luân hồi sinh tử, điều trước hết phải làm là quý vị đừng sinh khởi vô minh. Làm thế nào để được như vậy? Đừng khởi niệm tưởng tình ái! Không có vô minh thì không có hành. Nam nữ quan hệ với nhau hoàn toàn do vì một niệm vô minh ban đầu. Cái gì là vô minh? Đó là ‘Tôi không biết…’

Chẳng hạn, khi người nam thấy một người nữ, có thể cô ta đẹp, nhưng rốt ráo, tại sao anh ta động lòng? Đó chính là khi tâm động, và đó cũng là lúc vô minh sinh khởi. Khi người phụ nữ có cảm tình với người đàn ông, thì cũng tương tự như vậy. Vô minh, do vậy, chính là cội gốc của luân hồi sinh tử. Và đó chính là nơi mà mọi việc đều bắt đầu.

Khi quý vị đã hiểu mười hai nhân duyên và không bị xoay chuyển bởi chúng thì:
Khi vô minh diệt thì,
Hành diệt. Khi Hành diệt thì,
Thức diệt. Khi Thức diệt thì,
Danh sắc diệt. Khi Danh sắc diệt thì,
Lục nhập diệt. Khi Lục nhập diệt thì,
Xúc diệt. Khi Xúc diệt thì,
Thọ diệt. Khi Thọ diệt thì,

Ái diệt. Khi Ái diệt thì,
Thủ diệt. Khi Thủ diệt thì,
Hữu diệt. Khi Hữu diệt thì,
Sinh diệt. Khi Sinh diệt thì,
Lão tử diệt.

Đây là phương pháp của chiều hoàn diệt. Nếu quý vị chọn con đường theo chiều lưu chuyển, thì quý vị làm người. Nếu quý vị đi theo con đường hoàn diệt, thì quý vị thành Phật. Thế nên các vị Duyên giác quán sát mười hai nhân duyên và suy nghĩ, "Tại sao con người được sanh ra? À! Nguồn gốc nơi họ sinh ra cực kỳ bất tịnh. Đó là hỗn hợp của tinh cha huyết mẹ, tạo nên thành bào thai nên hoàn toàn bất tịnh." Thế nên họ đoạn trừ vô minh và chấm dứt luân hồi sinh tử.

Vào thời Lương Vũ Đế, Phật pháp hưng thịnh. Khi nào có đám cưới, các Pháp sư đều được thỉnh đến để tụng kinh thuyết pháp. Vào ngày sinh của trẻ con, các Pháp sư cũng được thỉnh đến để thuyết pháp và chúc mừng. Các Pháp sư thường có một bài pháp ngắn tán thán những điều tốt lành–chúc những điều tốt đẹp. Lúc ấy có một người giàu có tổ chức đám cưới cho con trai. Ông ta thỉnh Thiền sư Chí Công đến thuyết pháp và chúc mừng. Khi Thiền sư Chí Công đến nhà, ngài nhìn chung quanh rồi nói:

Lạ thay! Lạ thay!
Cháu cưới bà nội.
Con gái ăn thịt mẹ.
Con đánh cha.
Heo dê ngồi trên ghế.
Lục thân nồi da xáo thịt.
Người đến chúc mừng nhau.
Đúng thật là cảnh khổ.

Tại sao lại có chuyện cháu cưới bà nội? Là vì khi đứa cháu trai mới lên hai thì bà nội qua đời. Khi đang hấp hối, bà ta nắm chặt tay đứa cháu trai và nói, "Đã đến lúc bà phải đi đầu thai, nhưng bà không thể nào quên được cháu. Không biết có ai sẽ chăm sóc cháu sau nầy?" Bà chết khi tay vẫn nắm chặt tay đứa cháu trai.

Sau khi chết bà ta được đưa đến gặp vua Diêm La. Vua nói, "Ồ! Bà thương cháu mình nhiều vậy sao? Được rồi, bà hãy trở về lại cõi nhân gian rồi đầu thai làm vợ nó." Thế nên bà ta được đầu thai làm người, khi đứa cháu trai đến tuổi thành hôn, nó liền chọn bà cưới làm vợ. Tại sao Thiền sư Chí Công biết được

điều nầy? Vì ngài chứng được tha tâm thông và túc mạng thông. Ngài đã khai mở được Phật nhãn.

Khi nhìn ra trước nhà, ngài nói, “Con gái ăn thịt mẹ.” vì ngài thấy đứa bé gái đang ăn một đùi thịt heo. Mẹ nó đã chết và đầu thai làm heo trong nhà nầy. Con heo nay bị làm thịt để đãi khách đến dự đám cưới, và đứa con gái thật là đang ăn thịt mẹ mình vậy!

Khi ngài thấy các nhạc công đang ngồi bên cửa ra vào, ngài nói: “Cái trống mà đứa con trai đang đánh là được bọc bằng da của cha nó.” Người đánh trống đang sử dụng cái trống bọc bằng da dê. Cha của anh ta đã chết và đầu thai làm dê. Con dê đã bị làm thịt, thuộc da, và người đánh trống chẳng khác nào con đang đánh cha mình cả!

Rồi Thiền sư Chí Công lưu ý mọi người rằng, “Heo dê ngồi trên bàn.” Ngài thấy heo dê đang ngồi như những người khách trên những bộ ván ngựa giữa nhà. Đời nầy họ là người, nhưng trong những đời trước, họ đã từng là heo dê. Trong những đời trước họ là heo dê đã bị người ăn thịt, thế nên bây giờ khi họ được mang thân người, họ lại ăn thịt những người bị đoạ làm heo dê để đòi nợ.

Khi Thiền sư Chí Công nhìn thấy nồi thịt đang sôi, ngài kêu kên, “Lục thân nồi da xáo thịt.” Lục thân gồm họ hàng bên cha và bên mẹ, họ hàng của anh rể chị dâu, và họ hàng bên nội, bên ngoại của vợ (chồng) mình. Họ đều là những người bà con rất gần gũi, nhưng bây giờ đều đã đầu thai làm heo dê, lại bị giết thịt, đang bị nấu trong nồi.

Thiền sư Chí Công kết luận: “Người đến chúc mừng nhau.” Ai cũng đến nói lời chúc tụng. Nhưng Thiền sư lưu ý, “Tôi thấy đây toàn là cảnh khổ.” Những gì tôi thấy được chỉ toàn là chuyện khổ.

Kinh văn: **胎卵濕化,隨其所應。卵唯想生,胎因情有。濕以合感,化以離應**

Phiên âm: Thai noãn thấp hoá, tuỳ kỳ sở ứng. Noãn duy tưởng sanh, thai nhân tình hữu. Thấp dĩ hợp cảm, hoá dĩ ly ứng.

Việt dịch: Thai sanh, noãn sanh, thấp sanh và hoá sanh, tuỳ theo nghiệp tương ứng. Thai sanh do ái tình mà có. Thấp sanh là do cơ cảm mà hợp lại, hoá sanh do phân ly mà ứng hiện.

Giảng: Thai sanh, noãn sanh, thấp sanh và hoá sanh, đó là bốn cách sanh. Thai sanh là ở nơi những loaì có vú. Noãn sanh là nơi những loài lông vũ– như

chim chẳng hạn. Thấp sanh là ở những loài sinh nơi ẩm thấp, và hoá sanh là những loài sanh bằng sự biến hoá, dường như có mặt rồi biến mất.

Tuỳ theo nghiệp tương ứng. Trong mỗi loại mà chúng sinh được sanh ra, đều có một tác nhân kích thích và sự đáp ứng. Chẳng hạn, noãn sanh là do niệm tưởng mà có. Phải có bốn điều kiện ắt có thì noãn sanh mới có được:
1. Nhân duyên của cha
2. Nhân duyên của mẹ.
3. Nhân duyên của nghiệp lực cá nhân, và
4. Điều kiện của hơi ấm.

Noãn sanh xuất phát từ niệm tưởng. Chẳng hạn, gà mái ấp trứng suốt ngày; nó phải chịu đựng sức nóng không thể nào chịu nổi, nhưng nó không thể nào bỏ đi được. Một hôm nó tự thấy thời gian ấp trứng đã đủ bèn rời khỏi ổ để bài tiết và ăn chút ít, rồi nó trở lại ổ để ấp trừng và nghĩ, “Hãy chui ra, các chú gà con. Nở ra! Các chú gà con.” Đó là lý do tại sao nói noãn sanh phát xuất từ niệm tưởng.

Thai sanh do ái tình mà có, thấp sanh là do cơ cảm mà hợp lại. Thấp sanh do hai nhân duyên:
1. Ánh sáng mặt trời.
2. Môi trường ẩm thấp.

Hoá sanh do phân ly mà ứng hiện. Các loại chúng sinh nầy sinh ra từ nghiệp riêng và hay thay đổi biến hoá. Nó xuất hiện rồi biến mất, biến mất rồi xuất hiện. Biến hoá là thuộc tính của tham muốn mạnh mẽ cái mới lạ mà không thích cái già nua cũ kỹ, vậy nên nó xuất hiện thông qua sự phân ly.

Kinh văn: **情想合離,更相變易。所有受業,逐其飛沈。以是因緣,眾生相續。**

Phiên âm: Tình tưởng hợp ly, cánh tương biến dị. Sở hữu thọ nghiệp, trục kì phi trầm. Dĩ thị nhân duyên, chúng sanh tương tục.

Việt dịch: Khi tình, khi tưởng, khi hợp, khi ly, thay đổi lẫn nhau. Các loài thọ nghiệp báo cũng theo nhau lên xuống. Do nhân duyên đó mà chúng sinh tương tục.

Giảng: Khi tình, khi tưởng, khi hợp, khi ly, thay đổi lẫn nhau. Có một sự kết hợp, phân ly lẫn nhau liên tục, lần nầy qua lần khác. Và do nghiệp báo mà mỗi loài theo nhau sinh khởi rồi chìm đắm liên tục không dứt. Do phải chịu nghiệp báo, chúng sinh làm thân loài chim trên trời rồi biến thành cá dưới nước. Do nhân duyên đó mà chúng sinh tương tục.

Chúng sinh là những loài phải chịu trải qua mười hai loại sanh:
1. Thai sanh;
2. Noãn sanh;
3. Thấp sanh;
4. Hoá sanh;
5. Hữu sắc;
6. Vô sắc;
7. Hữu tưởng;
8. Vô tưởng;
9. Phi hữu sắc;
10. Phi vô sắc;
11. Phi hữu tưởng;
12. Phi vô tưởng.

Đây là tiến trình liên tục không dừng nghỉ của chúng sinh. Đầu tiên chúng ta thảo luận về sự tương tục của thế giới. Kế tiếp chúng ta bàn về sự tương tục của chúng sinh.

Kinh văn: **富樓那,想愛同結,愛不能離。則諸世間父母子孫,相生不斷。是等則以欲貪為本。**

Phiên âm: Phú-lâu-na, tưởng ái đồng kết, ái bất năng ly. Tắc chư thế gian phụ mẫu tử tôn, tương sanh bất đoạn. Thị đẳng tắc dĩ dục tham vi bổn.

Việt dịch: Phú-lâu-na, tư tưởng thương yêu ràng buộc lẫn nhau, yêu mãi không rời. Thế nên cha mẹ con cháu trong thế gian sanh nhau không dứt. Loại nầy thì lấy tham dục làm gốc.

Giảng: Phú-lâu-na, tất cả chúng sinh trong thế gian đều có tư tưởng thương yêu ràng buộc lẫn nhau. Vọng tưởng và tham ái cùng liên kết nhau, nên yêu mãi không rời. Họ dính chặt vào tình cảm luyến ái và không thể nào rời bỏ được. Nghiệp báo như thế khiến cho họ trở nên dính chặt với nhau như keo sơn. Thế nên cha mẹ con cháu trong thế gian sanh nhau không dứt. Loại nầy thì lấy tham dục làm gốc. Những loại chúng sinh nầy tự lấy tham dục làm cội rễ cho chính mình.

Kinh văn: **貪愛同滋,貪不能止。則諸世間卵化濕胎,隨力強弱,遞相吞食。是等則以殺貪為本。**

Phiên âm: Tham ái đồng tư, tham bất năng chỉ. Tắc chư thế gian noãn hoá thấp thai, tuỳ lực cường nhược, đệ tương thôn thực. Thị đẳng tắc dĩ sát tham vi bổn.

Việt dịch: Lòng tham ái cùng giúp nhau tăng trưởng, tham mãi không dứt. Thế nên các loài noãn sanh, thai sanh thấp sanh, hoá sanh trong thế gian, tuỳ sức mạnh yếu, ăn nuốt lẫn nhau. Loại chúng sinh nầy lấy sát và tham làm gốc.

Giảng: Lòng tham ái cùng giúp nhau tăng trưởng, tham mãi không dứt. Mọi sinh vật đều muốn nuôi dưỡng cho thân thể riêng mình. Lòng tham không bao giờ cùng tận. Thế nên các loài noãn sanh, thai sanh thấp sanh, hoá sanh trong thế gian, tuỳ sức mạnh yếu, ăn nuốt lẫn nhau. Tuỳ theo sức mạnh chúng được thừa hưởng, chúng ăn nuốt các loài khác. Anh ăn tôi và tôi ăn lại anh. Sâu lớn nuốt sâu bé. Cá lớn nuốt cá bé. Thú lớn ăn những loài nhỏ hơn mình. Chẳng hạn, con cọp tìm những loài thú nhỏ bé yếu hơn mình để ăn thịt. Loài thú yếu sẽ trở thành thực phẩm cho loài thú lớn. Rắn ăn chuột. Đó là vào mùa hè, còn vào mùa Đông, rắn mất khả năng tự vệ, nên lại bị chuột ăn. Nó ăn tôi, tôi ăn lại nó.

Chim đại bàng cánh vàng (Đaị bàng kim suý điểu) thường ăn rồng ngoài biển như cách loài người chúng ta nuốt mì ăn liền. Mỗi cánh của Chim đại bàng cánh vàng rộng lớn 330 do-tuần (yojanas). Một tiểu do-tuần là 40 dặm. Một trung do-tuần là 60 dặm. Một đại do-tuần là 80 dặm. Một lần vỗ cánh của chim đại bàng cánh vàng sẽ khiến cho nước trong đại dương cạn sạch, bày ra lòng biển khô tận đáy. Cách để nó bắt rồng để ăn là vỗ cánh cho nước biển cạn đi, khiến cho những chú rồng con phơi mình dưới đáy biển; rồi nó tha hồ ăn. Thế nên loài rồng gặp phải chuyện rất khó xử. Không còn nơi đâu để trốn, không còn thời gian để tàng hình, không còn phương thức nào để sống sót được. Số lượng loài rồng trong biển bị giảm sút nhanh chóng. Cuối cùng những con còn sống sót phải đến Đức Phật kêu cứu.

“Kính bạch Thế tôn, ngài là Đấng đại từ, Đấng đại giác. Loài Chim đại bàng cánh vàng đã ăn thịt lớp con và lớp cháu của chúng con rồi, chẳng bao lâu nữa, loài thủy tộc chúng con sẽ bị diệt chủng. Chúng con phải làm thế nào?”

Đức Phật trả lời, “Đừng buồn. Như Lai sẽ có cách cứu loài rồng.” Rồi ngài cho gọi Chim đại bàng cánh vàng đến. Ngài bảo, “Đừng ăn thịt loài rồng nữa. Loài rồng sẽ diệt chủng nếu ngươi ăn thịt chúng nhiều như vậy.”

Chim đại bàng cánh vàng đáp, “Nhưng nếu con không ăn rồng, chúng con sẽ đói. Con chẳng có gì để ăn cả!”

“Đừng lo,” Đức Phật bảo. “Từ nay về sau, mỗi khi chúng tỷ-khưu đệ tử Phật thọ trai, họ sẽ cúng cho ngươi một ít thực phẩm để dùng.” Thế nên chư tăng trong các tự viện Phật giáo, mỗi khi thọ trai vào buổi trưa, thường cúng xuất sanh. Chính là để bố thí chút thực phẩm cho Chim đại bàng cánh vàng. Câu chuyện nầy là một ví dụ khác cho sự cạnh tranh để sống còn.

Loại chúng sinh nầy lấy sát và tham làm gốc. Những loại chúng sinh nầy sát hại loại chúng sinh khác. Căn gốc nghiệp chướng của họ là do lòng tham và tính thích sát hại.

Kinh văn: **以人食羊,羊死為人,人死為羊。如是乃至十生之類,死死生生,互來相啖。惡業俱生,窮未來際。是等則以盜貪為本。**

Phiên âm: Dĩ nhân thực dương, dương tử vi nhân, nhân tử vi dương. Như thị nãi chí thập sanh chi loại, tử tử sanh sanh, hỗ lai tương đạm. Ác nghiệp câu sanh, cùng vị lai tế. Thị đẳng tắc dĩ đạo tham vi bổn.

Việt dịch: Do người ăn dê, dê chết hoá làm người, người chết hoá làm dê. Như thế cho đến mười loại chúng sinh, sống chết xoay vần, ăn nuốt lẫn nhau. Ác nghiệp cùng tạo ra cho đến vị lai. Loại chúng sinh nầy lấy trộm đạo và tham lam làm gốc.

Giảng: Do người ăn dê. Người ta thích ăn thịt dê. Mặc dù trong kinh chỉ đề cập đến dê, nhưng nói chung là chỉ cho tất cả các loài. Heo, bò, gà… các loài vật khác đều gồm trong đó. Thế nên khi người ta ăn thịt dê, đến khi dê chết hoá làm người.

Tôi vừa kể chuyên Thiền sư Chí Công cho quý vị nghe, bây giờ kinh văn chứng minh cho điều ấy. Người chết hoá làm dê. “Tôi không tin điều ấy.” Quý vị nói, “Không có chuyện đó. Làm sao mà người lại biến thành dê và dê biến thành người?” Nếu quý vị không tin, thì chẳng còn gì để nói, chỉ còn cách thử cho biết. Khi quý vị chết, đầu thai trong bụng một con dê, quý vị mới hiểu, “Lời dạy của Pháp sư thật là đúng.” Nhưng lúc ấy đã quá trễ. Lúc ấy nếu quý vị muốn tu đạo, thì chẳng dễ dàng gì để tu khi ở trong bào thai của loài dê.

Như thế cho đến mười loại chúng sinh. “Mười loại chúng sinh” có thể được giải thích như ở mục mười hai loại chúng sinh, trừ đi hai loại sau cùng. Cũng có nghĩa là một lần đầu thai trong một loại chúng sinh, như thế tiếp tục cho đến mười loại. Thế nên có bài kệ:
Nhất thất nhân thân
Vạn kiếp nan phục.

Một khi đã mất thân người, cả vạn kiếp sau khó có thể phục hồi lại được.

Nếu quý vị mất thân người và đầu thai làm thân súc sinh, thì thật không dễ gì trở lại cõi người. Có thể phải mất một đời, cho đến mười đời, thậm chí không chắc gì có thể trở lại làm người. Thế nên có câu:
Nhân thân nan đắc.
Phật pháp nan văn.
Thân người khó được. Phật pháp khó được nghe.

Bây giờ chúng ta có được thân người. Bất luận quý vị mang quốc tịch hay chủng tộc nào, chúng ta đều là loài người. Thế nên bây giờ chúng ta có cơ duyên tốt là được làm người, chúng ta phải nhanh chóng tu đạo. Hãy nhìn nước Mỹ với hàng triệu dân. Số người thực tâm nghiên cứu Phật pháp và hàng ngày đến đây nghe giảng chung quy chỉ có chừng mười hai người tại Cựu Kim Sơn. Có lẽ còn nhiều nơi khác, nhưng không có ai nghiên cứu và thực hành nghiêm túc như ở đây. Và có bao nhiêu người ở Hoa Kỳ có thể giải thích hoàn toàn Kinh Thủ-lăng-nghiêm? Không quá hai hoặc ba người. Thế nên mới biết là khó có được cơ hội để được nghe giảng giải Phật pháp.

Sống chết xoay vần, ăn nuốt lẫn nhau. Dê chết hoá làm người, người chết hoá làm dê. Anh ăn tôi thì tôi ăn lại anh. Anh làm no bụng tôi thì đến phiên tôi làm no bụng anh. Chúng ta thay đổi chỗ cho nhau; anh ăn thịt tôi, tôi ăn thịt anh. Thế nên dê thì tròn quay và người thì bụng phệ, mãi cho đến khi có cuộc tranh luận xem thử có ai không phải ăn thịt loài khác. Mới biết không những chúng chỉ ăn nhau như thế trong một đời nầy, mà tiếp diễn trong cả chục đời. Thế nên, làm người, đừng để quá mập. Đừng tranh đua với loài dê để xem ai mập hơn. Chẳng có ai chấm điểm cho quý vị cả.

Ác nghiệp cùng tạo ra cho đến vị lai. Trận chiến vẫn tiếp tục: đời này anh ăn thịt tôi, đời sau tôi sẽ ăn thịt anh. Anh ăn tôi hai miếng. Tôi sẽ nhớ để ăn anh thành bốn mếng. Sự thích thú khiến cho mức độ tăng lên, và tiến trình nầy không bao giờ ngừng; nó kéo đến cả biên tế của đời vị lai. Cái gì là “biên tế của đời vị lai?” Có nghĩa là ngày mai. Và ngày mai của ngày mai. Ngày mai và ngày mai. Có bao nhiêu ngày mai như vậy? Đến vô cùng vô tận của vị lai. Không bao giờ dừng nghỉ. Bây giờ nó như thế nào? Có nguy hiểm không? Nếu quý vị muốn thử cho biết, thì hãy nhớ lời khuyên của tôi là chớ nên thử. Rất nguy hiểm nếu cứ đùa giỡn với nó.

Loại chúng sinh nầy lấy trộm đạo và tham lam làm gốc. Trộm là lấy vật mà người khác không cho. Chẳng hạn, khi quý vị ăn thịt dê, mà con dê không đồng ý để cho quý vị ăn thịt nó. Không như trường hợp đàn cừu ở Lộc Dã Uyển tình nguyện dâng nộp cho vua mỗi ngày một con. Chúng chọn cách như

vậy, nên trong trường hợp ấy, người ăn thịt ít bị quả báo nặng nề. Nhưng nếu quý vị vô cớ bắt và giết một con cừu để ăn thịt, thì quý vị đã mang tội ăn cắp. Quý vị ăn thịt cừu, do đó, đã lấy vật mà mình không được phép lấy, thế nên con cừu nhận quả báo đầu thai làm người và quý vị đầu thai làm cừu trong đời kế tiếp.

Quý vị ăn cắp mạng của cừu và bây giờ nó lại ăn cắp mạng của quý vị. Con cừu chết rồi biến thành người và sự đầu thai của nó là trường hợp của nghiệp báo, dù quý vị không nhận ra điều ấy. Thế nên toàn bộ vấn đề rất là nguy hiểm. Tôi mong rằng quý vị đệ tử của tôi đừng bao giờ đùa giỡn với nguy hiểm và đừng bao giờ có ý muốn làm thử. Chỉ kết thúc bằng thân heo thân dê mà thôi. Tôi không muốn thấy đệ tử mình bị trầm luân. Tôi chỉ muốn quý vị đều chóng thành Phật. Nên hôm nay tôi nhắc nhở quý vị, đừng thử đụng vào con đường nguy hiểm ấy!

Kinh văn: **汝負我命,我還債汝。以是因緣,經百千劫常在生死。**

Phiên âm: Nhữ phụ ngã mạng, ngã hoàn trái nhữ. Dĩ thị nhân duyên, kinh bách thiên kiếp thường tại sanh tử.

Việt dịch: Ông nợ mạng tôi, tôi trả nợ thân mạng cho ông. Do nhân duyên ấy, trải qua trăm ngàn kiếp thường ở trong sinh tử.

Giảng: Ông nợ mạng tôi, tôi trả nợ thân mạng cho ông. Nếu ông cướp mạng sống của tôi, thì ông phải trả nợ ấy lại cho tôi; nếu tôi cướp mạng sống của ông, thì tôi cũng phải trả nợ ấy lại cho ông. Nếu ông mượn nợ của tôi thì ông phải trả; Nếu tôi mượn nợ của ông thì tôi phải trả. Do nhân duyên ấy, trải qua trăm ngàn kiếp thường ở trong sinh tử. Dù cho sau hằng triệu kiếp, chúng ta cũng không ngừng bị mắc trong vòng luân hồi sinh tử.

Kinh văn: **汝愛我心,我憐汝色。以是因緣,經百千劫常在纏縛。**

Phiên âm: Nhữ ái ngã tâm, ngã lân nhữ sắc. Dĩ thị nhân duyên, kinh bách thiên kiếp thường tại triền phược.

Việt dịch: Ông yêu cái tâm tôi, tôi yêu hình sắc của ông. Do nhân duyên ấy, trải qua trăm nghìn kiếp, thường ở trong vòng ràng buộc.

Giảng: Ngay khi nghe đọc đoạn kinh nầy, quý vị phải nên cảm thấy sợ hãi. Hãy nghe trong kinh nói:

Ông yêu cái tâm tôi, tôi yêu hình sắc của ông. Phát khởi tình yêu chính là sự sinh khởi vô minh. “Yêu hình sắc của ông” có nghĩa là sự sinh khởi của hành trong chuỗi mười hai nhân duyên, “vô minh duyên hành.” Đây là vấn đề của đàn ông và phụ nữ. Thực vậy, trên thế giới, ngoài vấn đề nam nữ ra, thì chẳng có gì để đáng nói cả. Thế nên kinh Phật không chỉ nói về một khía cạnh, mà đề cập từ khía cạnh nầy liên quan đến khía cạnh khác. Thế nên chẳng phải là Đức Phật biện hộ cho tình yêu khi ngài nói, “Ông yêu tôi, tôi yêu ông.”

Đức Phật không khuyến khích tự do yêu đương rồi bỏ quên mọi luật tắc đạo đức. Do nhân duyên ấy, trải qua trăm nghìn kiếp, thường ở trong vòng ràng buộc. Đó chính như là quý vị bị dính chặt vào nhau và không thể nào tự mình tách rời ra được. Quý vị dính nhau quá chắc. Và quý vị nghĩ rằng mọi thứ trên đời chính là cái mà quý vị luôn luôn ham muốn. Nhưng thực tế là từ khi quý vị kẹt dính vào đó, thì không thể nào đạt được Phật quả. Vậy mà quý vị vẫn nghĩ rằng tình yêu chẳng có gì là tồi tệ, phải không? Tình yêu, tình yêu là cái gì?

Kinh văn: **唯殺盜婬,三為根本。以是因緣,業果相續。**

Phiên âm: Duy sát đạo dâm, tam vi căn bổn. Dĩ thị nhân duyên, nghiệp quả tương tục.

Việt dịch: Chính ba thứ sát đạo dâm là căn bản. Do nhân duyên đó, nghiệp quả tương tục.

Giảng: Nghiệp quả do đâu mà có? Nó phát sinh từ ba thứ sát, đạo, dâm. Nếu quý vị giết hại, là mình đã tạo nghiệp sát. Nếu quý vị trộm cắp, đó là tạo nghiệp trộm đạo. Nếu quý vị tham đắm nữ sắc, đó là quý vị đã tạo nghiệp dâm. Ba nghiệp nầy còn gọi là ba món độc đối với cơ thể. Chính nó là cội gốc căn bản. Do nhân duyên đó, nghiệp quả tương tục. Sự tương tục của nghiệp báo nầy đã làm nên sự tương tục của chúng sinh, và từ sự tương tục của chúng sinh mà tạo nên sự tương tục của thế giới.

Sự tương tục của thế giới trở lại tác động đến sự tương tục của nghiệp quả. Thế là vòng luân hồi tự nó hoàn chỉnh và khép kín. Nó chấm dứt rồi lại bắt đầu. Đó là cách mà thế giới hiện hữu và tồn tại. Nếu quý vị nghĩ rằng thế giới thực sự tốt đẹp–đầy hứng thú và tốt lành–thì hãy lao vào mà hưởng thụ. Nếu quý vị nghĩ rằng không phải như vậy, thì quý vị có khả năng về đến nhà mình. Ở đâu là nhà mình? Đó là quả vị Phật.

Kinh văn: **富樓那,如是三種顛倒相續,皆是覺明,明了知性。因了發相從妄見生。山河大地諸有為相次第遷流。因此虛妄,終而復始。**

Phiên âm: Phú-lâu-na, như thị tam chủng điên đảo tương tục, giai thị giác minh, minh liễu tri tánh. Nhân liễu phát tướng, tùng vọng kiến sanh. Sơn hà đại địa, chư hữu vi tướng thứ đệ thiên lưu. Nhân thử hư vọng, chung nhi phục thủy.

Việt dịch: Phú-lâu-na, ba thứ tương tục điên đảo ấy, đều là do tánh sáng hư vọng muốn soi rõ tánh giác. Nhân cái liễu tri mà phát ra cảnh tướng, theo vọng tưởng mà kiến chấp phát sinh. Các tướng núi sông đất liền thứ lớp dời đổi. Do hư vọng nầy mà xoay vần không cùng tận.

Giảng: Sau khi Đức Phật giải thích về thế giới, sự tương tục của chúng sinh, và sự tương tục của nghiệp báo, ngài lại gọi Phú-lâu-na.

Phú-lâu-na, ba thứ tương tục điên đảo ấy, đều là do tánh sáng hư vọng muốn soi rõ tánh giác. Sự tương tục của thế giới là thành trụ dị diệt, tiếp diễn không ngừng. Chúng sinh cũng trải qua tiến trình tương tự của sinh trụ hoại diệt vô cùng vô tận. Nghiệp quả cũng diễn ra với tiến trình thành trụ hoại không bất tận. Cả ba thứ sinh khởi tương tục nầy đều bắt nguồn từ vô minh.

Thế giới được hình thành bởi do vô minh, thế nên có vô minh của thế giới, có vô minh của chúng sinh và có vô minh của quả báo. Mọi pháp hữu vi đều sinh khởi từ vô minh. Vô minh là mẹ của tất cả các pháp đang hiện hữu. Thế nên nếu ai dẹp trừ được vô minh, thì người ấy có thể thành Phật. Chỉ đến khi nào quý vị chuyển hoá sạch mọi vô minh, thì khi ấy quý vị mới nhận ra chân tánh của mình.

Tại sao thế giới được duy trì bằng ba thứ điên đảo tương tục như vây? Do muốn soi lại tánh giác nên thành ra có vô minh. Nhân cái liễu tri mà phát ra cảnh tướng, theo vọng tưởng mà kiến chấp phát sinh. Với sự sinh khởi của vô minh, cái thấy hư vọng cũng phát sinh, và do vậy, thế giới khách quan cũng được phát hiện ra. Các tướng núi sông đất liền thứ lớp dời đổi. Do hư vọng nầy mà xoay vần không cùng tận. Mặc dù núi rừng và các hiện tượng hữu vi là mênh mông không cùng tận, nhưng có một sự rất tương tục rất rõ ràng, không hề có sự hỗn loạn thiếu trật tự.

Một khi hư vọng sinh khởi, nó cứ thế mà tiếp diễn. Nó chấm dứt rồi lại phát sinh, dừng lại rồi bắt đầu. Chẳng hạn, con người chết rồi lại đầu thai làm dê, đầu thai rồi lại chết. Cứ chịu luân hồi sinh tử bất tận. Thế mà con người không chịu tỉnh ngộ và tự hỏi, “Tại sao ta phải chịu sanh ra rồi lại chết, chết rồi lại sanh?” Họ không chịu nhìn kỹ vào câu hỏi nầy. Họ không bao giờ giải đáp

được tại sao họ phải chịu sanh ra rồi lại chết, chết rồi lại sanh. Thế nên khi có ai hỏi vì sao sinh ra thì họ chẳng biết trả lời ra sao và chẳng biết mình sẽ làm gì, và khi chết thì rất bối rối. Thế nên người xưa có câu: Sanh thời hồ đồ, khứ thời mê là vậy.

Vì không biết rõ về chuyện đến và đi của mình nên quý vị có thể hình dung rằng cuộc sống của mình như trôi qua một cơn mê muội bàng hoàng. Và chính trong sự thiếu sáng suốt minh bạch nầy mà tiến trình sống chết ấy tương tục. Sinh ra để rồi chết, chết rồi lại sanh. Có đáng thương không? Nghĩa rốt ráo của tất cả sự việc nầy là gì?

Ý nghĩa rốt ráo của mọi sự hiện hữu trên thế gian là kiếm được ít tiền và ăn chút gì đó để sống. Vì không có tiền nên phải làm lụng để kiếm tiền. Làm ra tiền để mua thức ăn và áo quần để mặc. Thực vậy, nếu sống trên đời chỉ để làm ăn, để mặc, để sống trong một ngôi nhà đẹp đầy đủ tiện nghi thì thật là vô nghĩa! Thà rằng chết ngay bây giờ tốt hơn! Hãy nghĩ xem: quý vị phải đi làm và khi về đến nhà là phải ăn.

Quý vị phải lấp đầy cái túi da không đáy. Ngày nay quý vị lấp đầy nó, nhưng ngày mai nó lại trống trơn rồi. Quý vị lấp đầy nó ngày nay nhưng ngày kia nó lại trống rỗng, thậm chí quý vị nhét đầy bụng vào buổi sáng thì buổi tối nó đã kêu réo lại rồi. Lại phải lấp đầy cái hố đó. Quý vị phải tống khứ cái cũ đi để tiếp nhận cái mới vào. Phải chịu vô số những thứ phiền toái ấy trong một ngày dường như là quá vô nghĩa. Có bài thơ nói về chuyện ấy như thế nầy:
Nhân sinh thất thập cổ lai hy 人生七十古來稀
Tiên trừ thiếu niên hậu trừ lão 先 除少年後除老
Trung gian sở dư vô đa thời 中間所餘無多時
Hựu hữu nhất bán thuỳ trước liễu 又有一半睡著了.

Từ thời xưa cho đến ngày nay, số người sống đến 70 tuổi rất là ít. Và trong thời niên thiếu, trước khi lên 15 tuổi, thực sự là chưa làm được điều gì cả. Ở Mỹ, tuổi trưởng thành được quy định là 18, nhưng ở Trung Hoa, tuổi trưởng thành là 25. Thế nên trước tiên quý vị phải trừ đi khoảng thời gian những năm mình chưa được xem là trưởng thành. Có người bảo, “Con tôi giữ tín phiếu và làm ra tiền.” Đúng vậy, nhưng nó chẳng làm được gì nhiều. Quý vị không thể xem như nó đã có việc làm thật sự.

Khoảng cuối đời, quý vị phải trừ đi 15 năm–thời gian tuổi già.Trong 15 năm cuối đời, theo luật tự nhiên, quý vị không làm được nhiều nữa. Mắt đã mờ, tai lãng, răng long, tay run rẩy. Thậm chí chân còn đi không vững. Tứ chi không còn hữu dụng nữa. Thế nên nếu sống được 70 tuổi, chúng ta phải trừ đi 15

năm đầu đời và 15 năm cuối đời, mới thấy chẳng còn được bao nhiêu ở khoảng giữa. Chỉ còn sống được có 40 năm. Nhưng chẳng phải 40 năm sống hoàn toàn có hiệu quả. Một nửa thời gian quý vị phải dành để ngủ nghỉ, và nếu kể luôn cả thời giờ tắm rửa, mặc áo quần, thì phải trừ đi nhiều thời gian nữa. Thế nên nhiều nhất trong một đời người, chỉ có chừng hai mươi năm là sống thực sự có hiệu quả. Thế có điều gì lớn lao về chuyện nầy?

Điều nầy gợi cho tôi nhớ lại chuyện ba ông lão gặp nhau chúc mừng năm mới. Một người 60 tuổi, một người 70 tuổi, và một người 80 tuổi. Ba ông bạn chí thân cùng nhau đi ăn để tiễn đưa năm cũ và đón mừng năm mới. Ông già 60 tuổi nói:
Kim niên tửu tịch diên tiền hội 今年酒席筵前會
Bất tri minh niên hựu thiểu thuỳ? 不知明年又少誰?

Hôm nay gặp nhau cùng chung nhau uống rượu. Không biết sang năm sẽ thiếu những ai?

Ông già 70 tuổi nói, “Ông nghĩ quá xa về tương lai.” Ông già 60 tuổi hỏi, “Ồ! Thế ông nghĩ sao?” Ông già 70 tuổi đáp:

Kim vãn thoát liễu hài hòa miệt 今晚脫了鞋和襪

Bất tri minh niên xuyên bất xuyên? 不知明年穿不穿?

Tối nay khi cởi giày và vớ. Không biết sang năm mới còn có mang vào được nữa hay không?
Ông già 80 tuổi nói, “Chính ông vẫn nghĩ quá xa về tương lai.”
Ông già 70 tuổi hỏi: “Thế ông nói như thế nào?”
Ông già 80 tuổi nói, “Tôi không biết khi tôi hít vào thở ra một hơi xong, không biết rồi có còn tiếp tục hít vào thở ra nữa hay không?”

Cả ba ông lão nầy đều quan tâm đến vấn đề luân hồi sinh tử. Rút cuộc, họ có chấm dứt được luân hồi sinh tử hay không? Nếu họ gặp được một bậc thiện tri thức, một bậc minh sư, họ sẽ có được cơ hội nầy. Nếu họ không có cơ may gặp bậc được minh sư, tôi tin là họ không thể nào chấm dứt được vấn đề sinh tử.

Còn có một chuyện khác liên quan đến vấn đề nầy. Có một người đã chết và được đưa đến trước vua Diêm La. Ngay khi gặp vua Diêm la, ông ta liền phản đối tình trạng ông ta đang gặp phải. Ông nói, “Ngài thật là độc ác. Nếu muốn tôi đến gặp ngài, lẽ ra ngài nên viết cho tôi ít chữ. Nếu báo trước cho tôi được rõ, thì tôi mới thong thả chuẩn bị đi, Nhưng ngài đã không viết thư, không gọi

điện thoại, cũng chẳng đánh điện tín cho tôi. Ngài chỉ đến bắt tôi mà không báo trước, tôi thấy hoàn toàn vô lý.”

Vua Diêm la nói, “Tôi đã gởi cho ông rất nhiều thư mà ông không để ý.”

“Tôi chẳng nhận được lá thư nào của ông cả,” người đàn ông phản đối.

Vua Diêm la nói, “Bức thư đầu tiên tôi gởi cho ông đó là khi người láng giềng của ông có đứa con chết từ khi vừa lọt lòng. Ông đã già và sống đã lâu năm rồi, nếu có đứa trẻ vừa mới sanh ra liền chết, ông thấy mình chẳng có chút thương tâm nào cả hay sao? Lẽ ra ông phải thức tỉnh ngay lúc ấy và bắt đầu tu tập là vừa.

“Còn mắt của ông chưa đến lúc bị mờ, không thấy được mọi thứ rõ ràng nữa hay sao? Đó là bức thư thứ hai tôi gởi đến cho ông. Đến lúc tai ông không còn nghe được rõ nữa rồi, phải không? Đó là bức thư thứ ba tôi đã gởi cho ông. Có phải đã đến lúc răng ông bị rụng nhiều rồi chăng? Đó là bức thư thứ tư tôi gởi đến cho ông.”

“Tôi không nhận ra được những lời ông nhắn gửi trong những bức thư ấy, thưa Diêm la. Thế bức thư cuối cùng ông gởi cho tôi nội dung như thế nào? ”

“Ông không thấy tóc trên đầu ông đã bạc trắng đó sao? Đó là bức thư cuối cùng. Nay tôi đã xem xét xong, thấy ông ăn thịt heo quá nhiều, nên ông phải đầu thai làm heo.”

Thế là người đàn ông ấy đầu thai thành heo. Khi nào thì ông ấy trở lại làm người? Không ai biết được. Bây giờ sự tương tục của quả báo đã được giải thích, mọi người nên hồi quang phản chiếu để biết được mình sẽ đi về đâu. Có người trả lời, “Thưa con đã biết, con sẽ xuất gia tu đạo.”

Quý vị muốn xuất gia? Đó thật là điều tốt đẹp nhất nếu quý vị thực hiện được. Có người khác nói, “Nghe như vậy, tôi nghĩ rằng đời người thực là vô nghĩa, tôi chỉ muốn nằm chết cho rồi.”

Điều ấy cũng tốt, nhưng cũng không chắc là ông khỏi bị chuyển đi đầu thai làm heo như ông bạn kia. Heo thì thật là ngu đần. Thế nên ai là người đần độn thì sẽ đầu thai làm heo trong đời sau. Và lý do lớn nhất để học Kinh Thủ-lăng-nghiêm là học cách làm sao để khỏi bị đần độn. Là giúp cho quý vị khai mở trí huệ. Nếu có trí huệ, thì ba thứ nghiệp quả tương tục sẽ không làm gì được mình.

Thế có người sẽ hỏi, “Sẽ rất hỗn loạn nếu như thế giới, chúng sinh và nghiệp quả không tác động gì đến tôi?”

Không! Nếu đến trình độ đó, thì ông đã có được sự tương quan với chư Phật. Ông là quyến thuộc của hàng Bồ-tát, là huynh đệ với hàng A-la-hán. Thế nên chắc chắn ông không phải là người hỗn loạn.

Kinh văn: **富樓那言,若此妙覺本妙覺明,與如來心不增不減。無狀忽生山河大地諸有為相。如來今得妙空明覺。山河大地,有為習漏,何當復生?**

Phiên âm: Phú-lâu-na ngôn, nhược thử diệu giác, bổn diệu giác minh, dữ Như Lai tâm bất tăng bất diệt. Vô trạng hốt sanh sơn hà đại địa chư hữu vi tướng. Như Lai kim đắc diệu không minh giác. Sơn hà đại địa, hữu vi tập lậu, hà đương phục sanh?

Việt dịch: Nếu cái diệu giác đó, vốn bản tính là diệu minh, cùng với tâm Như Lai không tăng không diệt. Không có cớ gì bỗng nhiên phát sanh các tướng hữu vi, núi sông đất liền. Như Lai nay đã chứng được bản giác diệu không, thế thì núi sông đất liền, các tập khí hữu lậu hữu vi, có còn sanh khởi trở lại hay không?

Giảng: Vừa nghe Như Lai giải thích về ba thứ điên đảo tương tục rồi, Phú-lâu-na lại hỏi việc khác. Nếu cái diệu giác đó, vốn bản tính là diệu minh, cùng với tâm Như Lai không tăng không diệt. Điều nầy chỉ cho tánh Như Lai tạng. Đối với chư Phật, tánh Như Lai tạng không tăng, và đối với chúng sinh, tánh Như Lai tạng không giảm cũng như chư Phật vậy. Thế mà không biết vì cớ gì bỗng nhiên phát sanh các tướng hữu vi, núi sông đất liền. Vì sự thật là như vậy, tại sao vô cớ mà núi sông đất liền và các tướng hữu vi khác bỗng nhiên sinh khởi? Như Lai nói rằng các thứ đó sinh khởi từ trong tánh Như Lai tạng. Vậy tại sao nó sanh khởi? Dường như chẳng có chút nào hợp lý về vấn đề nầy.

Đoạn nầy của Kinh Thủ-lăng-nghiêm bày tỏ mối nghi ngờ mà Phú-lâu-na bây giờ đang mắc phải. Ngài tự hỏi nếu tâm của chúng sinh, có nghĩa là Phật tánh–có một nơi bắt đầu, và ngài tự hỏi rằng quả vị Phật có sự chấm dứt chăng. Câu hỏi của Phú-lâu-na là có khi nào Đức Phật không còn là Phật và trở thành chúng sinh lại không?

Phú-lâu-na hỏi, "Như Lai nay đã chứng được bản giác diệu không, thế thì núi sông đất liền, các tập khí hữu lậu hữu vi, có còn sanh khởi trở lại hay không?

Bạch Thế tôn, ngài không còn tập khí gì nữa, và ngài đã trừ sạch mọi hữu lậu. Liệu trong tương lai, có thể sinh khởi lại các thứ tập khí hữu lậu ấy lại chăng? Ngài đã thành Phật; ngài có sanh khởi lại vô minh không? Chúng sinh sanh ra

từ vô minh, nay ngài là Phật, liệu trong tương lai ngài có trở lại làm chúng sinh không?" Đó là những gì Phú-lâu-na muốn hỏi.

Lý lẽ của Phú-lâu-na là như thế nầy: núi sông đất liền, và các thứ khác đều sinh khởi từ vô minh. Trước khi chúng sinh khởi, chúng đều là tánh giác, bản giác diệu minh. Vô minh sinh khởi từ chân giác. Do vậy, nay Đức Phật đã thành Phật rồi, thế có khi nào ngài lại sinh khởi vô minh không?

Sau khi thành Phật rồi thì không còn vô minh nữa. Bồ-tát đẳng giác vẫn còn vô minh, nhưng chỉ còn rất ít. Thực ra, rất khó so sánh với cái gì để chỉ cho cái ít đó. Chúng sinh có 84.000 phiền não sinh khởi từ vô minh. Nhưng một vị Bồ-tát đẳng giác khác với Phật, tức là Bồ-tát chưa đạt quả vị Diệu giác, tức là Phật quả. Bồ-tát đẳng giác vẫn còn một phần vô minh mà chưa trừ hết được. Và chút vô minh nầy được so sánh như là một hạt vi trần ở bên bờ mé hư không.

Kinh văn: **佛告富樓那譬如迷人。於一聚落,惑南為北,此迷為復因迷而有,因悟所出? 富樓那言如是迷人。亦不因迷,又不因悟。何以故? 迷本無根,云何因迷。悟非生迷,云何因悟?**

Phiên âm: Phật cáo Phú-lâu-na, thí như mê nhân, ư nhất tụ lạc, hoặc nam vi bắc, thử mê nhi phục nhân mê nhi hữu, nhân ngộ sở xuất? Phú-lâu-na ngôn, như thị mê nhân, diệc bất nhân mê hựu bất nhân ngộ. Hà dĩ cố? Mê bổn vô căn, vân hà nhân mê? Ngộ phi sanh mê, vân hà nhân ngộ?

Việt dịch: Đức Phật bảo Phú-lâu-na, ví như người mê, nơi một xóm làng, lầm hướng nam thành hướng bắc, thì cái mê nầy do mê mà có, hay do ngộ mà ra? Phú-lâu-na bạch: "Người mê như vậy, cũng không do nơi mê, cũng chẳng do nơi ngộ. Sao vậy? Mê vốn không có gốc, làm sao do nơi mê được? Ngộ chẳng sinh ra mê, làm sao lại do nơi ngộ?"

Giảng: Đức Phật bảo Phú-lâu-na, đáp lại câu hỏi của Phú-lâu-na, "ví như người mê, nơi một xóm làng, lầm hướng nam thành hướng bắc." Tình trạng của người nầy như thế nào? Anh ta bị lạc và mất phương hướng, phải chăng anh ta thực sự đánh mất hướng bắc hay hướng nam? Không. Hướng nam vẫn là hướng nam, và Hướng bắc vẫn là hướng bắc. Đó chỉ là trường hợp người ấy mất ý thức về sự định hướng. "Thì cái mê nầy do mê mà có, hay do ngộ mà ra?" Đức Phật hỏi.

Phú-lâu-na bạch: "Người mê như vậy, cũng không do nơi mê, cũng chẳng do nơi ngộ. Chẳng phải do vì mê mà ông ấy bị lầm lẫn như vậy, cũng chẳng do vị ngộ mà mà ông ấy bị lầm lẫn như vậy. Sao vậy? Mê vốn không có gốc, làm

sao do nơi mê được? Ngay cả mê cũng không có thực. Làm sao mà mê có thể sinh khởi từ mê, khi vốn chẳng có chút nào mê để bắt đầu?

Tương tự như vậy, vốn con người chẳng có vô minh, thế nên không sỉnh khởi ra vô minh. Vô minh ví như cái bóng. Ánh sáng tượng trưng cho trí huệ, bóng tối tượng trưng cho si mê. Vô minh là cái bóng. Cái bóng của ta chắc chắn không phải là thân ta, nhưng vì có thân, nên có cái bóng. Khi con người quay lưng với giác ngộ và kết hợp với phiền não, thì đó là vô minh. Khi con người quay lưng với phiền não và thể nhập vào ánh sáng giác ngộ, thì không còn vô minh nữa.

Vô minh cũng như sự phản chiếu từ tấm gương trong. Vốn ban đầu chẳng có gì phản chiếu trong gương cả, thế nên khi có một ảnh tượng được phản chiếu, dĩ nhiên không phải do ảnh tượng có sẵn trong gương. Ảnh tượng chỉ xuất hiện khi có một vật đến bên trước và bên ngoài gương. Thế nên vô minh không sinh khởi từ chân tánh giác ngộ. Cái hư vọng sanh khởi nằm ngay trong cái chân thật.

Cái mê vốn không có nguồn gốc, nó không có căn rễ xuất phát. Thế thì làm sao mà nó có thể sanh ra cái mê. Cây phải có hạt giống mới sinh trưởng được, nhưng cái mê không có hạt giống và không có gốc rễ, thế nên cái mê không thể sinh khởi từ cái mê.

Nó cũng chẳng sinh khởi từ cái biết (giác). Tại sao? Ngộ chẳng sinh ra mê, làm sao lại do nơi ngộ? "Ngộ" ở đây là chỉ cho tánh giác, và do giác ngộ là đối nghĩa của mê, thế làm sao mà ngộ lại có thể sinh ra mê được?

Kinh văn: **佛言彼之迷人正在迷時。倏有悟人指示令悟。富樓那於意云何。此人縱迷,於此聚落,更生迷不? 不也世尊。**

Phiên âm: Phật ngôn, bỉ chi mê nhân, chánh tại mê thời, thốc hữu ngộ nhân chỉ thị linh ngộ. Phú-lâu-na ư ý vân hà. Thử nhân túng mê, ư thử tụ lạc, tiện sanh mê phủ? Phất dã Thế tôn.

Việt dịch: Đức Phật dạy, "Nếu người mê kia, chính lúc đang mê, bỗng có người ngộ chỉ bày cho được ngộ. Phú-lâu-na, ý ông nghĩ sao? Người ấy qua được cái mê, đối với xóm làng đó, có còn sanh mê nữa không?" Bạch Thế tôn, không.

Giảng: Xóm làng trong kinh văn là dụ cho tánh Như Lai tạng. Người mê biểu tượng cho chúng sinh đã khởi vọng tưởng mê hoặc. Hướng bắc hướng nam dụ

cho cái chân thật và cái hư vọng, mê lầm và giác ngộ. Cái mê của người trong làng biểu tượng cho sự sinh khởi vô minh trong chúng sinh.

Bây giờ Đức Phật nói với Phú-lâu-na: “Nếu người mê kia, chính lúc đang mê, bỗng có người ngộ chỉ bày cho được ngộ.” Người mê không thể biết hướng nam khi đang ở hướng bắc; anh ta nghĩ rằng mê là ngộ. Anh ta giống người luôn luôn nghĩ rằng mình hoàn toàn đúng. Khi họ gặp người khác liền có thái độ phản ứng tất cả, thế nên họ tức giận anh ta. Nếu anh ta nhìn mọi người với lòng thiện cảm, thì họ liền chào đón anh ta với tấm lòng rộng mở.

Nên anh ta luôn luôn nghĩ rằng quan điểm của mình đúng. Nhưng anh ta không biết rằng mình đang bị điên đảo. Anh ta không biết mình đang nhầm hướng nam là hướng bắc. Trong trường hợp đó, nếu gặp được người chỉ cho anh ta biết. Người đó chính là Đức Phật hoặc là thiện tri thức, vị ấy sẽ nói với anh ta, “Anh bị mê lầm rồi, nên chuyển từ mê trở về với giác ngộ.”

Phú-lâu-na, ý ông nghĩ sao? Người ấy qua được cái mê, đối với xóm làng đó, có còn sanh mê nữa không?” Sau khi có người chỉ cho anh ta phương hướng đúng đắn, liệu anh ta có còn mê nữa hay không?

“Bạch Thế tôn, không. Điều ấy không thể có.” Phú-lâu-na thưa. “Một khi đã được chỉ bày rõ ràng rồi, anh ta sẽ không còn mê nữa.”

Khi chúng ta bị mê mờ, nghĩa là chúng ta đang ở trong mơ. Nhưng chúng ta không chịu thừa nhận mình đang ở trong mơ. Tôi nói rằng ngay bây giờ quý vị đang mơ. Nhưng quý vị liền trả lời, “Con có ngủ đâu mà bảo là đang mơ. Tại sao thầy lại bảo con mơ?” Giả sử có người đang mơ mình sẽ là Vua hoặc là Tổng thống, hoặc mình sẽ giàu như Rockefeller hoặc Kennedy. Anh ta ở đó trong giấc mơ với mọi thứ mình mong muốn–tài sản giàu có, địa vị, danh vọng, hưởng thụ xa hoa.

Anh ta giàu có và có điạ vị cao trong xã hội, con cái anh ta đều là Tiến sĩ và là Giáo sư của các lớp trên. Rồi bỗng có người đến bảo rằng: “Này anh bạn, anh bạn đang mơ!” Quý vị nghĩ rằng anh ta có tin không? Liệu anh ta có chấp nhận mình đang mơ không? Không! Người đang mơ có mình giàu có và có địa vị sang trọng trong xã hội như vậy, sẽ không nhận là mình đang mơ đâu! Khi nào anh ta thoát ra khỏi cơn mơ, dù vậy, anh ta lại nghĩ mình vừa trải qua một cơn mơ thật đẹp, và tiếc rằng mình sực tỉnh quá nhanh. Anh ta lại mong cho cơn mơ ấy được tiếp tục.

Điều nầy cũng như con người trên thế gian suốt ngày bận rộn, chạy chỗ này sang chỗ khác, không biết tương lai sẽ dành cho họ những gì.

Những gì chưa có, quý vị muốn cho có.
Những gì đã có, lo sợ mất đi.

Thế nên quý vị hoàn toàn bị vướng mắc và trói buộc. Khi tỉnh ngộ rồi, quý vị mới tự hỏi là tại sao mình lại điên đảo như vậy. Tuy nhiên, người đã giác ngộ rồi thì không còn mong muốn tình trạng điên đảo như đã trải qua nữa. Đó là điều khác biệt.

Kinh văn: **富樓那,十方如來亦復如是。此迷無本,性畢竟空。昔本無迷,似有迷覺。覺迷迷滅,覺不生迷。**

Phiên âm: Phú-lâu-na, thập phương Như Lai diệc phục như thị. Thử mê vô bổn, tánh tất cánh không. Tích bổn vô mê, tợ hữu mê giác. Giác mê mê diệt, giác bất sanh mê.

Việt dịch: Phú-lâu-na, các Đức Như Lai trong cả mười phương cũng đều như vậy. Cái mê ấy không có gốc, tánh nó rốt ráo là không. Xưa vốn chẳng có mê, tựa như có mê có giác. Giác ngộ được cái mê rồi thì cái mê ấy không còn nữa, cái giác ấy không sinh ra cái mê.

Giảng: Bây giờ Đức Phật dạy: Phú-lâu-na, các Đức Như Lai trong cả mười phương cũng đều như vậy. Các ngài cũng như những người trong xóm làng kia, những người trong ví dụ của Đức Phật, sẽ không bao giờ bị mê mờ trở lại một khi đã nhận ra được con đường đúng đắn. Cái mê ấy không có gốc, tánh nó rốt ráo là không. Các người ấy sẽ không bao giờ bị mê mờ trở lại, vì tánh mê vốn không có gốc rễ, thế nên nó không thể sinh sôi ra cái mê mờ mới. Căn bản vốn không có cái mê, thế nên nó không có tự tánh; do không có tự tánh nên nó là rốt ráo không.

Xưa vốn chẳng có mê, tựa như có mê có giác. Như thế cái mê không thực sự hiện hữu, nó vốn trống không và hư vọng, chỉ vì trong trường hợp người ấy bị mê lầm phương hướng, chứ phương hướng không hề bị mất đi, chỉ vì họ không nhận ra phương hướng đó thôi. Giác ngộ được cái mê rồi thì cái mê ấy không còn nữa, cái giác ấy không sinh ra cái mê. Khi quý vị có một ấn tượng sai lầm về một điều gì đó, nhưng khi quý vị đã tỉnh ngộ, nhận ra sự sai lầm của mình rồi, thì cái mê lầm ấy chấm dứt hẳn. Như tôi thường nói với quý vị: Đừng sợ niệm khởi, Chỉ sợ giác chậm. (Bất phạ niệm khởi, chỉ phạ giác trì. 不怕念起,只怕覺遲).

Mọi người đều có những vọng tưởng–số đông đều có. Khi vọng tưởng nầy mất đi, vọng tưởng khác khởi lên. Nhưng đừng sợ sự sinh khởi các vọng tưởng

nầy. Chỉ sợ rằng quý vị quá lâu mới được giác ngộ. Hãy nhanh chóng giác ngộ, đừng dừng lại lâu trong mê mờ. Khi vọng tưởng vừa dấy khởi, quý vị muốn truy xét nguồn gốc của vọng tưởng ấy. Hãy hỏi ai là mẹ của các vọng tưởng ấy. Các vọng tưởng ấy sinh khởi từ đâu? Nếu quý vị tìm ra được cái gì là mẹ của các vọng tưởng ấy, thì quý vị có thể khiến bà mẹ ấy hãy chăm sóc đứa con của mình chu đáo hơn.

Thực vậy, vọng tưởng ấy không có bà mẹ, thế nên chẳng có ai tìm kiếm nó. Khi quý vị phát hiện ra vọng tưởng không có mẹ, thì nó sẽ không nghịch ngợm nữa vì nó không hiện hữu. Vọng tưởng không có mẹ, thế nó ra sao? Khi mê mờ về tánh giác được dứt trừ, thì sẽ không còn mê lầm trở lại nữa. Sau khi quý vị đã giác ngộ rồi thì quý vị không còn bị mê mờ trở lại nữa. Khi giác ngộ, thì mê mờ biến mất, thế nên sẽ không còn sự sinh khởi sai lầm nữa. Do vậy, Đức Phật là bậc đã hoàn toàn giác ngộ và đã dứt sạch tất cả mọi vô minh, nên mê lầm sẽ không bao giờ còn sinh khởi nữa.

Kinh văn: **亦如翳人見空中花。翳病若除,華於空滅。忽有愚人。於彼空花所滅空地,待花更生。汝觀是人,為愚為慧?**

Phiên âm: Diệc như ế nhân kiến không trung hoa. Ế bệnh nhược trừ, hoa ư không diệt. Hốt hữu ngu nhân, ư bỉ không hoa sở diệt không địa, đãi hoa cánh sanh. Nhữ quán thị nhân, vi ngu vi tuệ?

Việt dịch: Cũng như người bị nhặm mắt thấy hoa đốm giữa hư không. Nếu bệnh nhặm được trừ, hoa đốm giữa hư không biến mất. Bỗng có người ngu, ở chỗ hoa đốm hư không kia đã diệt rồi, mong đợi hoa đốm kia sanh lại. Ông xem người ấy là người ngu hay người có trí huệ?

Giảng: Người mê cũng như người bị nhặm mắt thấy hoa đốm giữa hư không. Hoa thì rất đẹp, nhưng hoa hiện hữu ở giữa không là vì mắt nhặm. Nếu bệnh nhặm được trừ, hoa đốm giữa hư không biến mất. Bây giờ tôi hỏi quý vị: quý vị có thấy hoa đốm giữa hư không bao giờ chưa? Nếu quý vị nói rằng không bao giờ có loại hoa đó, làm sao anh ta thấy được? Ồ! Là do vì anh ta bị bệnh nhặm mắt.

Khi nào mắt anh ta hết bệnh, thì hoa đốm không còn nữa. Nhưng thực sự hoa đốm có biến mất hẳn không? Bỗng có người ngu, ở chỗ hoa đốm hư không kia đã diệt rồi, mong đợi hoa đốm kia sanh lại. Ông xem người ấy là người ngu hay người có trí huệ? Nếu người mê ấy tìm đến chỗ trong hư không nơi mà mình thấy được hoa đốm kia lần sau cùng, và chờ hoa xuất hiện lại, thì quý vị gọi đó là người ngu hay người trí?

Kinh văn: **富樓那言,空元無花,妄見生滅。見花滅空,已是顛倒。敕令更出,斯實狂癡。云何更名,如是狂人為愚為慧?**

Phiên âm: Phú-lâu-na ngôn, không nguyên vô hoa, vọng kiến sanh diệt. Kiến hoa diệt không, dĩ thị điên đảo, sắc linh cánh xuất, tư thật cuồng si. Vân hà cánh danh, như thị cuồng nhân vi ngu vi tuệ?

Việt dịch: Phú-lâu-na thưa, "Vốn trong hư không không có hoa đốm, vì hư vọng mà thấy có sanh diệt. Thấy hoa đốm diệt giữa hư không, đã là người điên đảo rồi. Còn muốn nó sanh ra lại. Đó thật là người cuồng si. Sao còn phải hỏi những người cuồng như thế là ngu si hay trí huệ?"

Giảng: Đức Phật bảo, "Ông giống như người trông chờ hoa đốm sanh lại giữa hư không. Ông xem thử người ấy là ngu si hay có trí huệ?"

Phú-lâu-na thưa, "Vốn trong hư không không có hoa đốm, vì hư vọng mà thấy có sanh diệt." Vì hoa vốn không sinh, nên chẳng có hoa nào diệt cả. Đối với người trông chờ hoa sinh trở lại giữa hư không thì thật là sai lầm. Hoa chỉ có ở trong không gian đó một lần đầu thôi vì con mắt bị nhặm. Thấy hoa đốm diệt giữa hư không, đã là người điên đảo rồi.

Còn muốn nó sanh ra lại. Đó thật là người cuồng si. Sao còn phải hỏi những người cuồng như thế là ngu si hay trí huệ?" Ông nói rằng người ấy trông chờ hoa xuất hiện lại chăng? Chuyện ấy cũng giống như tôi trồng cây rồi trông đến kỳ hoa nở, ở đó mà trông chẳng ăn chẳng ngủ. Nếu chúng ta thành tâm tu học Phật pháp như anh ta đang trông chờ hoa xuất hiện lại, thì chúng ta đã thành tựu rồi. Nhưng người đang trông chờ hoa xuất hiện lại thì thật là sai lầm. Thực ra, anh ta chẳng đáng so sánh với người cuồng si.

Thế nên Phú-lâu-na nói, "Người ấy thật là cuồng si. Anh ta là người mất trí. Người như thế thậm chí không thể gọi là người ngu."

Kinh văn: **佛言,如汝所解,云何問言。諸佛如來妙覺明空。何當更出山河大地。**

Phiên âm: Phật ngôn, như nhữ sở giải, vân hà vấn ngôn, chư Phật Như Lai diệu giác minh không, hà đương cánh xuất sơn hà đại địa?

Việt dịch: Đức Phật bảo, "Ông hiểu như vậy, sao còn hỏi tính diệu giác minh không của Như Lai, có khi nào sinh khởi núi sông đất liền lại chăng?"

Giảng: Thế là Phú-lâu-na dứt khoát rằng người trông mong hoa đốm kia sanh lại giữa hư không là kẻ cuồng si. Chữ cuồng 狂 trong tiếng Hán thường ghép chung với chữ điên 癲. Cuồng là hậu quả của trạng thái quá dương, và điên là hậu quả của trạng thái quá âm. Đây là giải thích theo y học Trung Hoa. Dương là lửa hoặc tính nóng của con người, hậu quả là nổi cuồng lên khi tình trạng nầy lên đến cực điểm. Còn âm là thiếu sức nóng, hậu quả là một dạng bệnh khác. Gọi là điên khi quá âm.

Bị ám ảnh bởi sự nổi tiếng là một dạng của trạng thái quá dương, và ám ảnh làm giàu là một dạng của trạng thái quá âm. Trên thế gian, chỉ có hai hạng người nầy: một hạng thích danh tiếng và một dạng thích giàu có. Nếu có ai khen hạng người thứ nhất, “Anh thật giỏi giang, thật thông minh và khôn ngoan. Mọi điều anh làm đều tốt đẹp.” Đối với anh ta, những lời khen như vậy là ngọt như đường phèn. Còn hạng người thứ hai, thích làm giàu hơn, suy nghĩ mọi cách để móc tiền của thiên hạ. Anh ta nghĩ ra trăm phương ngàn kế để có tiền. Thật là bất lương.

Chẳng hạn, khi anh ta bán gạo, anh ta rưới thêm một ít nước vào gạo để làm cho gạo nặng thêm. Và nếu anh ta rưới nước vào đậu, thì đậu sẽ nở ra, nên anh ta chỉ cần bỏ ít đậu vào trong bao rồi rưới nước vào để đậu trương lên và nặng ký hơn. Thế nên ở Trung Hoa, có người làm nghề buôn bán ngũ cốc bị sét đánh chết. Trên lưng anh ta còn lưu lại bốn chữ mà không ai giải ra cho đến khi có người gạch một nét dài ngay ở giữa và từ trên xuống, mới thành bốn chữ hoàn chỉnh: mễ trung đối thủy – rưới nước vào trong mễ cốc.

Khi trên thế gian quá nhiều những kẻ ác độc, họ sẽ bị sét đánh để lấy đó như một lời răn cho những kẻ khác.

Đức Phật bảo, “Ông hiểu như vậy, sao còn hỏi tính diệu giác minh không của Như Lai, có khi nào sinh khởi núi sông đất liền lại chăng?” Một khi Như Lai đã chứng quả diệu giác minh không rồi, sao ngài lại có thể trở thành núi sông đất liền được nữa? Sao ông lại hỏi như vậy?

Chư Phật, các Đức Như Lai, cũng như những người mê lầm phương hướng nhưng sau đó đã biết được chính xác phương hướng, nên không còn mê nữa. Thế nên hỏi rằng liệu có thể trở nên mê mờ lại chăng sau khi đã chứng ngộ Phật quả, cũng giống như người đứng trông hoa đốm hiện ra lại giữa hư không. Một khi đã đạt đến quả vị Phật rồi, thì không còn xoay chuyển trong tánh Như Lai tạng nữa, không còn quay trở lại chúng sinh và sinh khởi vô minh nữa.

Kinh văn: **又如金礦雜於精金, 其金一純,更不成雜。如木成灰不重為木。**

Phiên âm: Hựu như kim khoáng tạp ư tinh kim, kỳ kim nhất thuần, cánh bất thành tạp. Như mộc thành khôi bất trùng vi mộc.

Việt dịch: Cũng như khoáng chất kim loại lẫn trong vàng, khi đã luyện thành vàng ròng rồi thì vàng không trở thành tạp chất kim loại nữa. Như cây cháy đã thành tro, tro ấy không trở lại thành cây được nữa.

Giảng: Một ví dụ khác để chỉ rõ thêm, sau khi thành Phật rồi, thì không còn trở lại làm chúng sinh nữa. Giống như một mảnh kim loại, hỗn hợp của quặng vàng với nhiều khoáng chất khác. Với sự tinh luyện, có thể trích vàng từ hợp chất khoáng kia ra. Khi đã thành vàng ròng, thì nó không trở thành quặng vàng và các khoáng chất kia nữa. Vàng ròng không thể nào hòa lẫn cùng cát, bùn, đất trong đó. Cũng vậy, như cây gỗ đã bị đốt thành tro, thì nó không thể nào trở thành cây gỗ lại nữa. Gỗ có thể thành tro, chứ tro thì không thể nào trở thành cây được.

Kinh văn: **諸佛如來菩提涅槃,亦復如是。**

Phiên âm: Chư Phật Như Lai bồ-đề niết-bàn, diệc phục như thị.

Việt dịch: Bồ-đề niết-bàn của chư Phật và các Đức Như Lai cũng đều như vậy.

Giảng: Chư Phật và các Đức Như Lai trong mười phương–ở đây có hai danh hiệu được dùng vì sự trang trọng. Bồ-đề và niết-bàn có ý nghĩa giống nhau về mục tiêu của sự tu tập. “Bồ-đề” là quý vị giác ngộ, và “niết-bàn” là có đủ bốn đức.

Cũng giống như vàng ròng lẫn trong khoáng chất. Khi còn là chúng sinh, cũng giống như vàng ròng lẫn trong khoáng chất chưa được tinh luyện. Khi đã thành Phật rồi, tức là từ vàng quặng đã trở thành vàng ròng. Và vàng ròng không còn pha tạp lẫn lộn với những thứ tạp chất kim loại khác nữa.

Khi thành Phật cũng giống như tro, chúng sinh giống như cây gỗ. Cây gỗ có thể đốt thành tro, nhưng tro không thể trở thành cây gỗ được. Bồ-đề và niết-bàn của chư Phật trong mười phương, là quả vị Phật, cũng giống như vậy. Không thể trở lại những gì như trước đây được.

CHƯƠNG 2
SỰ DUNG THÔNG CỦA CÁC ĐẠI CHỦNG

Kinh văn: 富樓那,又汝問言。地水火風本性圓融周遍法界, 疑水火性不相陵滅。又徵虛空及諸大地。俱遍法界不合相容。

Phiên âm: Phú-lâu-na, hựu nhữ vấn ngôn, địa thủy hỏa phong bổn tánh viên dung, châu biến pháp giới, nghi thủy hỏa tánh bất tương lăng diệt. Hựu trưng hư không cập chư đại địa, câu biến pháp giới, bất hiệp tương dung.

Việt dịch: Phú-lâu-na, ông lại hỏi rằng, tánh của đất nước lửa gió vốn là viên dung, trùm khắp pháp giới, ông nghi tại sao tánh lửa và tánh nước lại không xâm đoạt lẫn nhau. Ông lại nêu ra hư không và đất liền trùm khắp pháp giới, lẽ ra nó không dung hợp với nhau.

Giảng: Phú-lâu-na, ông lại hỏi rằng, tánh của đất nước lửa gió vốn là viên dung, trùm khắp pháp giới. Ông bảo rằng, "Nơi nào có nước, thì nơi ấy không có lửa, và nơi nào có lửa, thì nơi ấy không có nước. Tánh của nước và lửa không dung hợp nhau."

Quý vị nên biết rằng nước lửa và các chất khác đều có một thể tánh, tuy nhiên, chúng ta không thể nào suy lường mà biết được. Cũng như quý vị mỗi người đều có tính chất khác biệt nhau. Nước có tính chất của nước, lửa có tính chất của lửa, mắt thường của quý vị không thể nào nhìn thấy được vấn đề nầy. Khi nó đã thành lửa rồi, chúng ta mới thấy được nó, nhưng khi nó chưa thành lửa, tánh chất của lửa vẫn hiện hữu ở đó. Tương tự như tánh nước.

Tánh nước cũng có trong khắp cả pháp giới. Vì khi có ánh sáng mặt trời, chúng ta vẫn có thể dùng kính lúp để lấy được lửa, và dưới mặt trăng chúng ta vẫn có thể lấy nước, vì thể tánh của các chất nầy vẫn hiện hữu trong hư không. Quý vị thấy hư không vốn trống rỗng, nhưng thực ra nó được chất đầy bởi vô số các hiện tượng. Và hư không chính là pháp giới. Tuy nhiên, Phú-lâu-na không hiểu rằng tại sao tánh của nước và lửa lại cùng lúc trùm khắp cả pháp giới.

"Phú-lâu-na, ông nghi tại sao tánh lửa và tánh nước lại không xâm đoạt lẫn nhau. Ông lại nêu ra hư không và đất liền trùm khắp pháp giới, lẽ ra nó không dung hợp với nhau. 'Hư không là hư không,' ông lý luận, 'và nếu ở đó có hư không thì sẽ không có đất. Đất là vật cứng chắc, ngăn ngại, thế nên sẽ không có chút nào hư không trong đó cả. Nếu hư không trùm khắp pháp giới thì trong

đó sẽ không có đất. Nếu đất trùm khắp pháp giới thì trong đó sẽ không có hư không.'" Đức Phật lập lại mối nghi của Phú-lâu-na.

Kinh văn: **富樓那,譬如虛空,體非群相,而不拒彼諸相發揮。**

Phiên âm: Phú-lâu-na, thí như hư không, thể phi quần tướng, nhi bất cự bỉ chư tướng phát huy.

Việt dịch: Phú-lâu-na, ví như hư không, bản thể của nó không phải là các tướng, nhưng hư không chẳng ngăn ngại các tướng ấy hiện hữu trong nó.

Giảng: Phú-lâu-na, có một ví dụ để giải thích đạo lý nầy, ví như hư không, bản thể của nó không phải là các tướng, nhưng hư không chẳng ngăn ngại các tướng ấy hiện hữu trong nó. Vốn trong hư không là chẳng có thứ gì hết, nhưng dù thể tánh của nó không có bất kỳ hình tướng gì, thì nó vẫn không ngăn trở sự sinh khởi tự nhiên của các hiện tượng.

Kinh văn: **所以者何? 富樓那,彼太虛空日照則明。雲屯則暗風搖則動。霽澄則清氣凝則濁。土積成霾,水澄成映。**

Phiên âm: Sở dĩ giả hà? Phú-lâu-na, bỉ thái hư không nhật chiếu tắc minh, vân đồn tắc ám, phong dao tắc động, tế trừng tắc thanh, khí ngưng tắc trược, thổ tích thành mại, thủy trừng thành ánh.

Việt dịch: Vì sao như vậy? Phú-lâu-na, nơi hư không kia khi mặt trời lên thì chiếu sáng, khi mây kéo đến thì u ám, khi gió chuyển thì lay động, khi trời tạnh thì trong xanh, khi khí ngưng tụ thì mờ đục, bụi nổi thì mù, nước lắng trong thì phản chiếu.

Giảng: Vì sao như vậy? Phú-lâu-na, nơi hư không kia khi mặt trời lên thì chiếu sáng, khi mây kéo đến thì u ám, khi gió chuyển thì lay động, khi trời tạnh thì trong xanh. Điều nầy xảy ra sau một cơn mưa, khi cảnh vật thấm nhuận ánh sáng trong lành. Khi khí ngưng tụ thì mờ đục, bụi nổi thì mù, nước lắng trong thì phản chiếu. Thế nên trong hư không rộng lớn, vốn chẳng có thứ gì cả, nhưng các hiện tượng đều được phép trình hiện trong đó mà không bị ngăn ngại từ mỗi phần của hư không. Cũng giống như mọi hiện tượng lưu xuất từ Như Lai tạng, trong đó vốn rỗng rang, không có các hiện tượng, thế mà bảy đại chủng, năm ấm, sáu nhập, mười hai xứ, mười tám giới đều có trong tánh Như

Lai tạng, mà tánh Như Lai tạng không hề có sự cản trở sự sinh khởi của các hiện tượng ấy.

Kinh văn: **於意云何如是殊方諸有為相。為因彼生為復空有。若彼所生。富樓那且日照時既是日明。十方世界同為日色。云何空中更見圓日。若是空明空應自照。云何中宵雲霧之時,不生光耀。**

Phiên âm: **Ư ý vân hà? Như thị thù phương chư hữu vi tướng, vi nhân bỉ sanh, vi phục không hữu? Nhược bỉ sở sanh, Phú-lâu-na, thả nhật chiếu thời, ký thị nhật minh. Thập phương thế giới đồng vi nhật sắc. Vân hà không trung cánh kiến viên nhật? Nhược thị không minh, không ưng tự chiếu. Vân hà trung tiêu vân vụ chi thời, bất sinh quang diệu?**

Việt dịch: Ý ông nghĩ sao? Các tướng hữu vi ở mỗi nơi khác nhau, nhân các cái kia mà sanh, hay nhân hư không mà có? Phú-lâu-na, nếu như nhân các thứ kia mà sanh ra, thì khi mặt trời lên, mặt trời đã chiếu sáng, mười phương thế giới đều thành sắc của mặt trời. Làm sao giữa hư không còn thấy mặt trời tròn? Nếu là hư không sáng, thì hư không phải tự soi lấy, làm sao lúc giữa đêm mây mù, lại không sinh ra sáng chói?

Giảng: Phú-lâu-na, ý ông nghĩ sao về việc nầy? Ý ông nghĩ sao? Các tướng hữu vi ở mỗi nơi khác nhau, nhân các cái kia mà sanh, hay nhân hư không mà có? Phú-lâu-na–nếu bảy tướng tự sinh khởi, thì hãy lấy mặt trời làm thí dụ. Nếu như nhân các thứ kia mà sanh ra, thì khi mặt trời lên, mặt trời đã chiếu sáng, mười phương thế giới đều thành sắc của mặt trời. Tất cả các quốc độ sẽ giống như mặt trời và có khả năng chiếu sáng. Làm sao giữa hư không còn thấy mặt trời tròn? Lại nữa, Nếu là hư không sáng, thì hư không phải tự chiếu soi lấy. Nếu ánh sáng không phát xuất từ mặt trời, mà từ hư không, thì hư không lẽ ra vốn tự nó phải chiếu sáng. Làm sao lúc giữa đêm mây mù, lại không sinh ra sáng chói? Hư không chẳng phát ra ánh sáng hoặc có khả năng chiếu sáng.

Kinh văn: **當知是明,非日非空,不異空日。**

Phiên âm: **Đương tri thị minh, phi nhật phi không, bất dị không nhật.**

Việt dịch: Nên biết cái sáng đó, chẳng phải là mặt trời, chẳng phải là hư không, cũng chẳng khác hư không và mặt trời.

Giảng: Phú-lâu-na, ông nên biết chức năng phát ra cái sáng đó, chẳng phải là mặt trời, nó không nhất thiết phải xuất phát từ mặt trời, cũng không nhất thiết

xuất phát từ hư không. Nhưng nó cũng là một dạng chẳng khác hư không và mặt trời. Nó chẳng ngoài hai thứ đó. Rốt ráo, nó đến từ đâu? Nó lưu xuất từ tánh Như Lai tạng.

Kinh văn: **觀相元妄,無可指陳。猶邀空花,結為空果。云何詰其相陵滅義。**

Phiên âm: Quán tướng nguyên vọng, vô khả chỉ trần. Do yêu không hoa, kết vi không quả. Vân hà kết kỳ tương lăng diệt nghĩa ?

Việt dịch: Xét về tướng vốn là vọng, không thể chỉ bày. Như muốn hoa đốm giữa hư không kết thành quả của hư không. Làm sao còn hỏi về nghĩa xâm diệt lẫn nhau?

Giảng: Nhìn về phương diện sinh khởi của hình tướng, như đã nói ở trước, một bóng của mặt trời biến thành hai. Đó là ảnh trần hư vọng, do mê mờ mà thấy có, tựa như có mà không thật có, vì không thể nào chỉ bày ra được. Giống như hoa đốm giữa hư không, vốn không có thật, nếu cứ truy hỏi về sự lấn diệt của nó, thì cũng giống như mong cầu không hoa ấy xuất hiện trở lại, rồi kết thành quả hư không. Thật là trên cái mê gắn thêm cái mê.

Kinh văn: **觀性元真唯妙覺明。妙覺明心,先非水火。云何復問不相容者?**

Phiên âm: Quán tánh nguyên chân, duy diệu giác minh, Diệu giác minh tâm, nguyên phi thủy hoả. Vân hà phục vấn bất tương dung giả ?

Việt dịch: Quán về tánh, vốn là chân, chỉ là tánh diệu giác minh. Tánh diệu giác minh, vốn chẳng phải là lửa, là nước. Làm sao còn hỏi về nghĩa không dung được nhau?

Giảng: Khi quán chiếu sâu vào tánh Như Lai tạng, thấy xưa nay vốn là chân, hoàn toàn không có một vọng tưởng nào. Trong đó duy chỉ có tánh diệu giác viên minh chân thật. Xưa nay vốn chẳng có các tướng đất nước, lửa, gió; chỉ vì trong tánh Như Lai tạng vốn có đầy đủ tất cả các pháp, đầy đủ tất cả tánh năng. Tuy đầy đủ các pháp: năm ấm, sáu nhập, mười hai xứ, mười tám giới, đều có đủ tất cả công năng, nhưng đều cùng nhau tương hợp an ổn vô sự, mỗi tướng đều được an lập nơi phần vị của mình, không có sự xâm đoạt, lấn diệt lẫn nhau. Khi đã rõ rồi, thì sẽ không cần phải hỏi về chuyện các hiện tượng có dung hợp nhau trong tánh Như Lai tạng.

Kinh văn: **真妙覺明亦復如是。汝以空明則有空現。地水火風各各發明則各各現。若俱發明,則有俱現。**

Phiên âm: Chân diệu giác minh diệc phục như thị. Nhữ dĩ không minh, tắc hữu không hiện. Địa thủy hoả phong, các các phát minh, tắc các các hiện. Nhược câu phát minh, tắc hữu câu hiện.

Việt dịch: Tánh diệu giác minh chân thật cũng như vậy. Nếu ông phát minh hư không, thì có hư không hiện ra. Nếu ông phát minh đất, nước, lửa, gió, thì mỗi thứ đều hiện ra. Nếu cùng phát minh các hiện tượng, thì tất cả cùng hiện ra.

Giảng: Tánh diệu giác minh chân thật, tức là thường trú chân tâm tánh tỉnh minh thể cũng như vậy. Nếu ông phát minh hư không, thì có hư không hiện ra. Nếu ông phát minh đất, nước, lửa, gió, thì mỗi thứ đều hiện ra. Nếu ông tạo ra nhân duyên khiến phát sinh một hoặc các yếu tố: đất, nước, lửa, gió, thì mỗi thứ ấy đều được hiện ra. Nếu cùng phát minh các hiện tượng, thì tất cả cùng hiện ra. Nếu cùng lúc tạo ra nhân duyên khiến phát sinh tất cả, thì tất cả các đại chủng ấy đều hiện ra. Chẳng hạn, một người có thể nghĩ đến–có nghĩa là có trong mình–lửa trong mặt trời và nước từ trong hạt châu cùng một lúc.

Kinh văn: **云何俱現? 富樓那,如一水中現於日影,兩人同觀水中之日。東西各行,則各有日。隨二人去一東一西,先無准的。**

Phiên âm: Vân hà câu hiện? Phú-lâu-na, như nhất thủy trung hiện ư nhật ảnh, lưỡng nhân đồng quán thủy trung chi nhật. Đông tây các hành, tắc các hữu nhật. Tuỳ nhị nhân khứ nhất đông nhất tây, tiên vô chuẩn đích.

Việt dịch: Thế nào là cùng hiện ra? Phú-lâu-na, như trong chỗ có nước hiện ra bóng mặt trời, có hai người cùng xem mặt trời hiện trong nước. Rồi mỗi người đi về mỗi hướng đông tây khác nhau, ắt là họ đều thấy có mặt trời theo mình. Theo hai người cùng đi, một về hướng đông, một về hướng tây, không có chuẩn đích nhất định.

Giảng: Thế nào là cùng hiện ra? Phú-lâu-na, như trong chỗ có nước hiện ra bóng mặt trời, có hai người cùng xem mặt trời hiện trong nước. Nếu nước trong lặng, bóng của mặt trời sẽ hiện ra trong đó. Người ta sẽ thấy có một bóng của mặt trời hiện ra trong nước. Rồi mỗi người đi về mỗi hương đông tây khác nhau, ắt là họ đều thấy có mặt trời theo mình. Theo hai người cùng đi, một về hướng đông, một về hướng tây. Khi hai người cùng đứng gần nhau, họ thấy chỉ có một mặt trời. Khi họ rời xa nhau, lại thấy có hai mặt trời cùng đi theo hai

người. Không có chuẩn đích nhất định. Thế cái nào chân thật, cái nào hư vọng? Hai mặt trời nầy xuất hiện một cách bất ngờ. Không ai biết trước sẽ có hơn một mặt trời.

Kinh văn: **不應難言,此日是一云何各行?各日既雙,云何現一。宛轉虛妄無可憑據.**

Phiên âm: **Bất ưng nạn ngôn, thử nhật thị nhất, vân hà các hành? Các nhật ký song, vân hà hiện nhất? Uyển chuyển hư vọng, vô khả bằng cứ.**

Việt dịch: Nên không thể gạn hỏi rằng, mặt trời ấy chỉ là một, tại sao khi mỗi người đi đều có mặt trời đi theo? Mặt trời đã thành hai, tại sao trước kia chỉ hiện ra một? Hư vọng quanh quẩn như vậy, chẳng có gì để làm bằng cứ.

Giảng: Ông không nên gạn hỏi rằng, mặt trời ấy chỉ là một, tại sao khi mỗi người đi đều có mặt trời đi theo? Mặt trời đã thành hai, tại sao trước kia chỉ hiện ra một? Ông cứ truy hỏi như vậy, chỉ là hư vọng quanh quẩn, chẳng có gì để làm bằng cứ. Thực tế chẳng có cơ sở nào cả. Quý vị có thể nói chỉ có một mặt trời, nhưng tại sao nó lại đi theo hai người? Có thể quý vị muốn nói là có hai mặt trời, vì cơ bản nó không chỉ là một. Nhưng làm sao mà có hai mặt trời được? Ngay cả một cũng là hư vọng. Thế nên mọi lý lẽ đều là vô căn cứ.

Kinh văn: **富樓那,汝以色空, 相傾相奪於如來藏。而如來藏,隨為色空周遍法界。**

Phiên âm: **Phú-lâu-na, nhữ dĩ sắc không, tương khuynh tương đoạt ư Như Lai tạng. Nhi Như Lai tạng, tùy vị sắc không châu biến pháp giới.**

Việt dịch: Phú-lâu-na, ông lấy cái sắc không khuynh loát, xâm đoạt nhau trong Như Lai tạng, thì Như Lai tạng sẽ cùng theo ông làm sắc, làm không hiện khắp cả pháp giới.

Giảng: Phú-lâu-na, ông lấy cái sắc không khuynh loát, xâm đoạt nhau trong Như Lai tạng. “Ông” ở đây không chỉ nói riêng cho Phú-lâu-na, mà cho cả quý vị và tôi cùng đại chúng đang ở đây cùng tham cứu Kinh Thủ-lăng-nghiêm. Quý vị nghĩ rằng sắc và không xâm đoạt lẫn nhau, khuynh loát lẫn nhau trong tánh Như Lai tạng. Như thế thì Như Lai tạng sẽ cùng theo ông làm sắc, làm không, hiện khắp cả pháp giới. Vì đó là những gì quý vị đang nghĩ đến, và đó cùng là những gì đang biến hiện khắp cả pháp giới.

Kinh văn: **是故於中,風動空澄,日明雲暗。眾生迷悶,背覺合塵。故發塵勞,有世間相。**

Phiên âm: Thị cố ư trung, phong động không trừng, nhật minh vân ám. Chúng sanh mê muội, bối giác hợp trần. Cố phát trần lao, hữu thế gian tướng.

Việt dịch: Thế nên trong ấy, gió thì động, hư không thì tĩnh lặng, mặt trời thì sáng, mây mù thì tối. Chúng sinh mê lầm, trái ngược tánh giác, hợp với trần cảnh. Nên phát ra trần lao và các tướng thế gian.

Giảng: Thế nên–do vì sắc và không tương tục xâm đoạt lẫn nhau trong tánh Như Lai tạng, trong đó sinh khởi tác dụng cùng với các tướng hữu vi. Do các nguyên nhân nầy, mà sắc và không trở thành hiện hữu, tướng và dụng của nó trùm khắp cả pháp giới. Trong ấy, trong tánh Như Lai tạng, gió thì động, hư không thì tĩnh lặng, mặt trời thì sáng, mây mù thì tối. Nguyên nhân là do chúng sinh mê lầm. Ở trong chỗ vô số hiện tượng ấy, chúng sinh trở nên mê lầm. Họ không nhận ra được đạo lý về chân tâm, nên họ bị mê muội. Do vậy, nên trong chân tâm (phần chân) của tánh Như Lai tạng đã sinh khởi nên tam tế lục thô.
Nhất niệm bất giác sinh tam tế. 一念不覺生三細
Cảnh giới vi duyên trưởng lục thô. 景界為緣長六粗

Như tôi đã giải thích ở trên, tam tế là nghiệp tướng, chuyển tướng và hiện tướng. Lục thô là trí tướng, tương tục tướng, chấp thủ tướng, kế danh tự tướng, khởi nghiệp tướng và khổ hệ nghiệp tướng. Một khi chúng sinh đã phát khởi lên những tướng nầy, họ liền bị mê mờ. Một khi đã mê mờ, thì họ trái ngược tánh giác, hợp với trần cảnh. Họ quay lưng lại với giác tánh và thích dính mắc với sáu trần. Đây là vì họ nghĩ rằng, trong tánh Như Lai tạng có sự xung đột lẫn nhau. Do vậy nên họ quay lưng lại với tánh giác và hợp với cảnh trần. Nên phát ra trần lao và các tướng thế gian. Núi sông đất liền và sự tương tục của thế giới trở thành hiện hữu.

Kinh văn: **我以妙明,不滅不生,合如來藏, 而如來藏唯妙覺明圓照法界。**

Phiên âm: Ngã dĩ diệu minh bất diệt bất sinh, hiệp Như Lai tạng, nhi Như Lai tạng, duy diệu giác minh, viên chiếu pháp giới.

Việt dịch: Như Lai dùng tánh giác diệu minh bất sinh bất diệt hiệp cùng Như Lai tạng, thì Như Lai tạng chỉ thuần là tánh giác diệu minh, chiếu khắp cả pháp giới.

Giảng: Với tánh giác diệu minh diệu giác minh tâm bất sinh bất diệt. Như Lai, đây chính là Đức Phật tự xưng khi giảng kinh cho chúng đệ tử– hiệp cùng Như Lai tạng, thì Như Lai tạng chỉ thuần là tánh giác diệu minh, trong đó đơn thuần chỉ có diệu giác minh tâm–vốn chiếu khắp cả pháp giới, toả chiếu khắp tất cả mọi nơi chốn.

Kinh văn: **是故於中, 一為無量, 無量為一, 小中現大, 大中現小。**

Phiên âm: Thị cố ư trung, nhất vi vô lượng, vô lượng vi nhất, tiểu trung hiện đại, đại trung hiện tiểu.

Việt dịch: Cho nên trong ấy, một là vô lượng, vô lượng là một, trong cái nhỏ hiện ra cái lớn, trong cái lớn hiện ra cái nhỏ.

Giảng: Cho nên trong ấy, trong tánh Như Lai tạng, một là vô lượng, vô lượng là một, trong cái nhỏ hiện ra cái lớn, trong cái lớn hiện ra cái nhỏ.

Lớn và nhỏ không ngăn ngại nhau; một và nhiều không cản trở nhau. Quý vị cũng có thể hiểu rằng một là biểu tượng cho tánh Như Lai tạng, có thể biểu hiện ra vô số hiện tượng. Và vô số các hiện tượng ấy lại hoàn toàn quay trở lại trong tánh Như Lai tạng. Một ở đây có thể chỉ cho nhất tâm, mà các hiện tượng đều lưu xuất từ nhất tâm ấy. Tâm chứa vô số hiện tượng. Chân tâm chính là tánh Như Lai tạng, tánh Như Lai tạng chính là chân tâm. Quý vị không thể nào dùng cái hiểu biết hạn cuộc của người phàm phu mà biết được diệu giác minh tâm với sự chuyển hoá bất khả tư nghì của nó. Ông không thể nào hoàn toàn biết được.

Kinh văn: **不動道場遍十方界。身含十方無盡虛空。於一毛端現寶王**剎。**坐微塵**裏轉大法輪。**滅塵合覺,故發真如妙覺明性。**

Phiên âm: Bất động đạo tràng biến thập phương giới. Thân hàm thập phương vô tận hư không. Ư nhất mao đoan hiện bảo vương sát. Tọa vi trần lí chuyển đại pháp luân. Diệt trần hợp giác, cố phát chân như diệu giác minh tánh.

Việt dịch: Đạo tràng bất động cùng khắp cõi giới mười phương. Thân bao trùm cả hư không vô tận khắp mười phương. Ở trên đầu một mảy lông mà hiện ra cõi Bảo vương. Ngồi trong vi trần mà chuyển bánh xe đại pháp. Diệt trần tướng, khế hợp tánh giác, nên phát ra tánh giác chân như sáng suốt nhiệm mầu.

Giảng: Đạo tràng bất động cùng khắp cõi giới mười phương. Câu kinh nầy nói đến pháp thân của Phật nơi đạo tràng, không lay động mà biến khắp các cõi giới trong mười phương. Thân bao trùm cả hư không vô tận khắp mười phương. Không chỉ trùm khắp cõi nước của chư Phật mà còn trùm khắp cả hư không giới.

"Thế nếu hư không bị trùm khắp, thì nó có không còn là hư không nữa chăng? Nó có làm cho hư không bị lấp nghẽn hay không?" Không! Trùm khắp vô tận hư không mười phương pháp giới chính là pháp thân, vốn không có hình tướng.

Ở trên đầu một mảy lông mà hiện ra cõi Bảo vương. Đây quả thực là cảnh giới không thể nghĩ bàn. Tất cả các cõi giới của chư Phật đều hiện ra trên đầu một mảy lông. Đây chính là nguyên lý cái nhiều không làm nhăn ngại cái một, cái chung không ngăn ngại cái riêng. Cũng tức là lý sự vô ngại. Sợi lông tức chỉ cho phàm thân, tức chính báo, là rất nhỏ. Cõi nước của chư Phật tức y báo, là vô cùng rộng lớn. Thế nên nói trong phần nhỏ nhất của chánh báo–tức đầu sợi lông–hiện ra cái lớn lao vô cùng vô tận của y báo–quốc độ Phật. Trong cái nhỏ hiện ra cái lớn là vậy.

Ngồi trong vi trần mà chuyển bánh xe đại pháp. Vi trần ở đây là chỉ cho 'lân hư trần,' bằng một phần bảy (1/7) của cái chính báo nhỏ nhất. Trên đó hiện ra thân Phật, to lớn vĩ đại, chuyển pháp luân để giáo hoá chúng sinh. Như vậy, trong cái nhỏ hiện ra cái lớn. Trong cái lớn hiện ra cái nhỏ. Rốt ráo tại sao có thể xảy ra điều ấy được? Tất cả là do diệu dụng của Phật pháp, là cái nháy mắt của Phật tánh.

Một ví dụ khác của trong cái nhỏ hiện ra cái lớn là khi chúng ta dùng tấm kính để phản chiếu cảnh từ xa hằng dặm. Để biết được tình trạng nầy, quý vị phải thể nhập được giáo lý sự lý viên dung vô ngại và sự sự viên dung vô ngại. Đó chính là ý nghĩa của "một tức vô lượng, vô lượng tức một" đã giảng giải ở trên. Điều ấy cũng liên quan đến ý nghĩa của đà-la-ni (tổng trì), có nghĩa là "tổng nhất thiết pháp và trì nhất thiết nghĩa." Và nghĩa nầy thể hiện từ đâu? Trong Phật tánh. Sau khi quý vị nghe giảng kinh nhiều lần, đến lúc tự nhiên quý vị sẽ nhận ra giáo lý nầy. Giáo lý nầy vi diệu không thể nghĩ bàn đến mức bây giờ tôi muốn giảng giải cho quý vị thật kỹ.

Đức Phật dạy rằng, ngồi trong vi trần mà chuyển đại pháp luân. Có nghĩa là có vị nào đó ngồi trong đạo tràng (những ai có công hạnh tu đạo đều có thể) chuyển bánh xe pháp để giáo hoá chúng sinh trong khắp ba cõi–dục giới, sắc giới, và vô sắc giới. Có khi chúng ta không thấy được vị ấy, có thể vị ấy đang ở trên cõi trời giảng kinh, thuyết pháp để giáo hoá chúng sinh. Có khi họ đang

giảng kinh ở địa ngục, thuyết pháp để giáo hoá chúng sinh. Có khi họ đi vào trong một hạt vi trần để giảng kinh, thuyết pháp để hoá độ chúng sinh. Dù hạt vi trần là rất nhỏ, nhưng chúng sinh ở trong đó chẳng ít hơn số lượng chúng sinh đang ở trên thế giới nầy. Cảnh giới nầy thật là bất khả tư nghì. Diễn tả cảnh giới bằng ngôn từ chỉ là thể hiện ra khía cạnh thô thiển của nó mà thôi.

Tại sao chúng sinh phải làm chúng sinh? Vì họ bị nhiễm bởi trần lao phiền não. Họ quay lưng với tánh giác và khế hợp với cảnh trần." Chư Phật đã diệt trần tướng, khế hợp tánh giác, nên phát ra tánh giác chân như sáng suốt nhiệm mầu. Chân tâm của chúng ta chính là tánh Như Lai tạng–đây là tên gọi khác của chân tâm.

Kinh văn: **而如來藏本妙圓心。**

Phiên âm: Nhi như lai tạng bổn diệu viên tâm.

Việt dịch: Mà Như Lai tạng chính là bổn diệu viên tâm.

Giảng: Còn có thể gọi tánh Như Lai tạng là bổn diệu viên tâm. Vốn là vi diệu, viên mãn, thanh tịnh và trùm khắp pháp giới. Nó lớn đến nỗi không có cái gì vượt qua nó được và nhỏ đến mức trong đó chẳng có gì. Cái bổn diệu viên tâm khác với các hiện tượng kia như thế nào?

Kinh văn: **非心非空。非地非水,非風非火。非眼非耳鼻舌身意。非色非聲香味觸法。非眼識界,如是乃至非意識界。**

Phiên âm: Phi tâm phi không. Phi địa phi thủy, phi phong phi hỏa. Phi nhãn phi nhĩ, tỵ thiệt thân ý. Phi sắc phi thanh hương vị xúc pháp. Phi nhãn thức giới, như thị nãi chí phi ý thức giới.

Việt dịch: Không phải là tâm, chẳng phải là không. Không phải là đất, chẳng phải là nước, chẳng phải gió, chẳng phải lửa; chẳng phải mắt tai mũi lưỡi thân ý; chẳng phải sắc thanh hương vị xúc pháp. Chẳng phải nhãn thức giới, như thế cho đến chẳng phải ý thức giới.

Giảng: Không phải là tâm, chẳng phải là tâm thức của quý vị, chẳng phải là không. Không phải là đất, chẳng phải là nước, chẳng phải gió, chẳng phải lửa. Nó chẳng phải là bốn đại chủng; nó hoàn toàn rỗng lặng. Đây gọi là "nhất thiết pháp không." Chẳng phải mắt tai mũi lưỡi thân ý. Đó không phải là năm uẩn hay sáu căn. Chẳng phải sắc thanh hương vị xúc pháp.

Chẳng phải là sáu trần, Điều nầy tương tự như đoạn văn trong Bát-nhã tâm kinh, “Thị cố không trung vô sắc, vô thọ tưởng hành thức, vô nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý; vô sắc thanh hương vị xúc pháp; vô nhãn giới nãi chí vô ý thức giới.” Điểm khác nhau là trong Bát-nhã tâm kinh nói “Không có–không có sắc…”, còn trong Kinh Thủ-lăng-nghiêm thì nói rằng “không phải, chẳng phải–chẳng phải sắc…” Ở đây nói rằng “Nó không phải–phi 非” nhưng đoạn sau lại nói, “Phải. Nó là–thị 是.”

Chẳng phải nhãn thức giới, cho đến chẳng phải ý thức giới. Nó chẳng phải là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Bổn diệu viên tâm của chúng ta chẳng phải là những thứ nầy. Đức Phật đã giảng giải rất kỹ về những món nầy–đó là năm uẩn, sáu nhập, mười hai xứ, mười tám giới–và ngài dạy rằng nó đều là tánh Như Lai tạng. Nay Đức Phật lại bảo là chẳng phải. Ngài giảng giải một hồi khiến mọi người đều bối rối, và không biết phải suy nghĩ theo hướng nào. Ngài vừa nói phải đó, bây giờ lại nói không phải. Rốt ráo, là nó hay chẳng phải là nó? Có cái phải hoặc cái chẳng phải không? Đừng bận tâm. Nó chẳng phải là phải, cũng không phải là chẳng phải . Đó mới chính là Phật pháp. Chẳng có cái phải và cái chẳng phải.

Kinh văn: **非明無明, 明無明盡。 如是乃至,非老非死,非老死盡。**

Phiên âm: Phi minh vô minh, minh vô minh tận. Như thị nãi chí, phi lão phi tử, phi lão tử tận.

Việt dịch: Chẳng phải là minh, chẳng phải vô minh; chẳng phải là hết minh, chẳng phải hết vô minh. Như vậy cho đến chẳng phải là hết lão, hết tử, chẳng phải là hết lão, chẳng phải hết tử.

Giảng: Đức Phật giảng pháp tuỳ duyên có lúc nói pháp và có lúc quét sạch tất cả pháp. Khi Đức Phật sắp nhập niết-bàn, có đệ tử hỏi, “Bạch Thế tôn, giáo pháp mà ngài đã tuyên thuyết, vào đời sau, chúng con sẽ phải lưu thông như thế nào?”

Quý vị có nghĩ rằng Đức Phật sẽ trả lời như thế nào không? Ngài trả lời, “Như Lai chưa từng thuyết pháp.” Nay quý vị đừng nghĩ rằng qua câu trả lời nầy, Đức Phật đã bị chút ít lẩm cẩm khi gần nhập niết-bàn. Hoàn toàn không phải như vậy. Ngài nói rằng, “Nếu có người bảo rằng Như Lai đã từng thuyết pháp dù chỉ một chữ, tức là huỷ báng Như Lai.”

Thế là ngài đã giảng pháp suốt 49 năm, khai mở hơn 300 hội giảng kinh nhưng chưa từng nói một lời nào! Vậy là như thế nào? Cơ bản là Đức Phật giảng

pháp, nhưng sau khi ngài giảng xong thì chúng biến mất. Thế nên có câu kệ:
Tảo nhất thiết pháp 掃 一 切 法
Ly nhất thiết tướng. 離一 切 相.

Đó là để dạy mọi người không nên chấp cứng vào pháp. Là để ngăn ngừa những người sẽ nói, “Tôi phải y cứ đúng như pháp Đức Phật đã dạy.” Nếu có người nói như vậy, tức là vướng vào pháp chấp, tức họ sẽ khó đạt được pháp không. Để cho mọi người đều đạt được cả nhân không và pháp không, nên trong đoạn văn nầy, Đức Phật phủ nhận mọi điều ngài đã nói.

Quý vị sẽ nói, “Tôi đã đạt được nhân không và pháp không rồi, bây giờ từ sáng đến tối tôi chỉ còn biết ngủ. Tôi chẳng cần tu học gì nữa cả. Rốt ráo tất cả là nhân không. Thế nên chỉ cần ngủ thôi.”

Thế thì quý vị vẫn còn bị chấp vào cái ‘ngủ.’ Khi nào cái ngủ ấy hết rồi, thì đó mới thực sự là không. Nếu vẫn còn ngủ, thì vẫn chưa thể là không. Vấn đề là quý vị cần phải làm cho chấp pháp và chấp ngã hoàn toàn không.

Kinh Kim Cương nói rằng pháp Đức Phật giảng nói giống như chiếc bè. Tưởng tượng sẽ mệt nhọc xiết bao khi quý vị mang chiếc bè trên vai sau khi dùng nó để qua sông rồi. Chiếc bè chỉ giúp cho quý vị vượt qua bên kia sông. Quý vị phải lìa bỏ nó khi đã đến bờ rồi. Tương tự như vậy, mục đích của giáo pháp là chuyển hoá phiền não cho chúng ta. Một khi phiền não không còn, thì cũng chẳng cần đến pháp nữa. Nhưng trước khi phiền não dứt sạch, thì mình chẳng làm được gì nếu không có giáo pháp. Nếu quý vị từ chối giáo pháp vào lúc nầy, chắc chắn phiền não sẽ tăng trưởng.
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn.
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học.

Chúng ta học tập giáo pháp là để dứt trừ phiền não. Nay tôi nói với quý vị vài điều về chân Phật pháp. Quý vị phải dứt trừ phiền não. Nếu học Phật pháp cả ngàn năm mà không dứt trừ được phiền não, thì cũng giống như chưa học được điều gì.

Quý vị sẽ hỏi, “Làm sao để dứt trừ phiền não?” Chỉ cần giữ tâm đừng bị lay động bởi những cảnh giới chung quanh. Nếu tâm quý vị không bị xoay chuyển bởi mọi hoàn cảnh, nghĩa là quý vị đã có định lực. Đó chính là Phật pháp.

“Vì sao các ngài nói rằng Phật pháp vốn không có cái ‘phải’ và cái ‘chẳng phải’?”
Lục tổ đã dạy chúng ta:
Bổn lai vô nhất vật

Hà xứ nhạ trần ai?
Thế nên mọi hiện tượng trên đều được phủ nhận.

Nếu quý vị có thể hiểu được rằng Phật pháp vốn không có cái 'phải' và cái 'chẳng phải,' thì quý vị đã được chứng ngộ. Lục tổ đã hỏi ngài Huệ Minh, "Đừng nghĩ thiện, đừng nghĩ ác. Ngay lúc ấy, cái gì là bản lai diện mục của Thượng toạ Minh?"

Chẳng nghĩ thiện, đó chính là không có cái 'phải.' Chẳng nghĩ ác, đó chính là không có cái 'chẳng phải.' Tu hành tinh tấn đến mức không có cái 'phải' và cái 'chẳng phải,'– có nghĩa là đến mức không có cái thiện, cái ác nữa–và nỗ lực nhận rõ mọi cảnh giới đang diến ra. Sự vắng bặt ý niệm 'phải' và 'chẳng phải,–ý niệm thiện, ác– thì chính ngay đó là Phật tánh, là bổn diệu viên minh. Nếu quý vị đạt được điều ấy, thì quý vị có tất cả, và đồng thời quý vị cũng chẳng có cái gì cả; nhưng, không phải là chấp cứng vào các cảnh giới hiện tiền ấy.

Khi nào thì quý vị có tất cả, và quý vị có những gì? Quý vị có tất cả pháp bảo trong Như Lai tạng. Mà quý vị chẳng có gì hết thảy; có nghĩa là quý vị chẳng còn chút nào phiền não. Trong Như Lai tạng có rất nhiều phiền não cũng như có rất nhiều pháp bảo. Tại sao quý vị không có được những pháp bảo ấy? Vì quý vị có quá nhiều phiền não, và vì trong bụng quý vị đã chứa quá nhiều thứ rồi. Thế nên, nếu quý vị có quá nhiều phiền não, thì quý vị chỉ còn chứa được một ít nước pháp–pháp tánh nhỏ nhoi. Nếu mọi phiền não đều được chuyển hoá, thì chính nó là nước pháp; đó chân thật là pháp tánh của quý vị.

Đừng có sợ rằng mình có quá nhiều tập khí. Tập khí càng nhiều, thì pháp tánh càng lớn. Nhưng đừng để nó chuyển thành tập khí, vì nếu quý vị để mặc như vậy, thì sẽ làm mất tác dụng tánh linh của mình. Quý vị sẽ khởi đầu bằng trí thông minh và kết thúc bằng ngu muội nếu quý vị làm như vậy. Phật pháp dạy quý vị dứt trừ phiền não, rồi những phiền não nầy sẽ chuyển thành bồ-đề, như băng tan thành nước. Khi nước đông lại, băng chính là phiền não của quý vị; khi băng tan, phiền não hết, ngay đó chính là bồ-đề. Chẳng có gì quá khó hiểu về chuyện nầy. Toàn bộ những gì quý vị cần phải làm là thay đổi, và quý vị sẽ thành tựu.

Chẳng phải là minh–chẳng phải là tánh giác–chẳng phải vô minh–không phải là sai lầm hư vọng sinh khởi từ cái một chân thật–chẳng phải là hết minh, chẳng phải hết vô minh. Như vậy cho đến chẳng phải là hết lão, hết tử, chẳng phải là hết lão, chẳng phải hết tử. Giáo pháp thập nhị nhân duyên cũng biến thành không.

Giáo pháp được giảng bây giờ chính là không Như Lai tạng. Kế đến, quý vị sẽ được giải thích Như Lai tạng vốn là không và bất không. Thế nên quý vị thấy, Như Lai tạng vốn không chỉ đơn thuần là một trạng thái, mà nó có vài điều khác biệt trong nầy. Vậy nên quý vị đừng thấy rằng mình biết được vài thuật ngữ Phật pháp rồi kể rằng mình đã hiểu được tất cả. Có thể quý vị chỉ biết về Như Lai tạng, nhưng quý vị còn phải biết cách làm cho Như Lai tạng thành không; và quý vị biết được Như Lai tạng là bất không, nhưng rồi quý vị phải nhận ra được Như Lai tạng vốn vừa là không vừa là bất không. Quá rắc rối, phải không?

Kinh văn: **非苦非集,非滅非道。非智非得**

Phiên âm: Phi khổ phi tập, phi diệt phi đạo. Phi trí phi đắc.

Việt dịch: Không phải là khổ là tập; chẳng phải là diệt là đạo. Không phải là trí là đắc.

Giảng: Trên đời nầy có nhiều loại khổ. Trước tiên có ba thứ khổ, rồi lại có tám thứ khổ. Ba thứ khổ là: Khổ khổ, hoại khổ và hành khổ. Khổ khổ là tâm trạng của người nghèo cùng. Chẳng hạn, nghèo tự nó đã là khổ, và nó trở thành khổ khổ khi người nghèo mắc bệnh, mà không có tiền để đi bác sĩ. Hoặc là người nghèo cùng ấy sống trong ngôi nhà dột nát, thình lình mùa mưa gió đến. Sống trong ngôi nhà dột nát đã khổ rồi, bị mưa dột khắp nơi trong nhà lại càng khổ hơn, chẳng có khác gì như ở ngoài trời cả.

Khi tôi ở Hồng Kông, tôi từng ở trong một căn phòng bị dột khi trời mưa. Phía trên giường ngủ là sáu lỗ dột khi mưa xuống. Quý vị thấy như vậy có khổ không? Dù đó là khổ thật, nhưng tôi không sửa lỗ dột trên mái nhà. Khi tôi có được ít tiền, tôi muốn dùng để giúp cho mọi người. Loại người như tôi thật là điên rồ. Suốt thời gian ấy, tôi có được 1500 đồng để giúp cho việc tạc tượng Phật ở một ngôi chùa đã bị hoang phế. Sửa mái nhà tôi cho khỏi dột chỉ tốn chừng 200 đồng, nhưng tôi không muốn dùng tiền vào việc ấy, tôi muốn hoàn thành tượng Phật cho ngôi chùa cũ trước. Người ta nghĩ rằng, “Ông già ấy không biết cách tính toán. Ông không thể nào tách việc riêng cuả mình ra khỏi việc chung của mọi người.”

Khổ khổ xảy ra khi người ta phải chịu đựng cảnh nghèo, thêm vào đó là không một đồng xu dính túi, không có tiền mua thức ăn, quần áo. Hoặc là có người đã không có tiền, đột nhiên nghe tin cha mình mất và không có tiền để mua quan tài. Tôi đã trải qua tình trạng như vậy. Khi mẹ tôi qua đời, tôi ở bên cạnh bà, nhưng tôi không có một đồng xu. Quan tài phải mua, nhưng tôi lấy gì để

mua? Khi tôi bàn chuyện đó với các anh tôi, mọi người đều nhìn nhau, không ai có thể làm nỗi việc ấy. Cuối cùng tôi nói, “Nếu không ai làm được việc nầy, tôi sẽ nhờ người bạn giúp.”

May mắn thay, tôi có vài người bạn cùng tôi tham cứu Phật pháp, trong số đó có người bán quan tài. Khi tôi báo tin mẹ tôi đã qua đời, anh ta liền nói, “Đừng bận tâm! Anh hãy chọn bất kỳ cái nào. Chưa cần phải trả tiền bây giờ. Khi nào trả cũng được. Ngoài ra, tôi sẽ cho anh mượn thêm 5000 để lo tang sự.” Vì tôi thường thích giúp đỡ mọi người, nên có người thích giúp đỡ lại tôi khi tôi có chuyện. Nhưng, đó không phải là ví dụ cho khổ khổ.

Sau khi chôn cất mẹ tôi xong, Tôi thực sự buông bỏ mọi chuyện. Tôi quên mất thực tế là mình đang mắc nợ. Tôi chỉ ở yên bên mộ để báo đáp chữ hiếu.

Hoại khổ xảy đến đối với người giàu có. Bình thường họ giàu có, rồi đến khi của cải bị tiêu tan. Chẳng hạn, có người làm ra rất nhiều tiền nhưng cất kỹ tiền trong nhà mình chứ không gởi vào ngân hàng. Đến khi nhà họ bị cháy, toàn bộ của cải bị thiêu sạch. Hoặc là vàng bạc của cải bị kẻ cắp lấy mất. Hoặc là, quý vị giữ kỹ tiền bạc của mình đến mức đi đâu cũng mang theo bên mình, không bao giờ rời, cho đến khi mình sơ ý và bị mất sạch.

Hành khổ là cái khổ trong tiến trình sinh trưởng. Dù quý vị không trải qua khổ khổ như những người nghèo, không trải qua hoại khổ như những người giàu, nhưng quý vị vẫn có nỗi khổ khi trải qua thời thơ ấu cho đến trưởng thành, đến trung niên và đến lúc già chết. Tiến trình nầy diễn ra từ từ không dứt, và đó cũng là cái khổ. Đó là ba thứ khổ.

Đầu tiên trong tám thứ khổ (bát khổ) là sinh khổ. Khi đứa trẻ vừa mới chào đơi, điều đầu tiên chỉ biết khóc. Đứa bé không thể tự diễn đạt điều gì rõ ràng, nhưng khóc biểu hiện sự khổ. Cái đau lúc sinh ra giống như cái đau của con rùa đang còn sống mà bị bóc cái mai ra khỏi thân. Khi đứa trẻ vừa được sinh ra, mới tiếp xúc với không khí lần đầu, cái đau của nó cũng như vậy.

Cái khổ thứ hai là già khổ. Khi về già, người ta không điều khiển được tai mắt và tay chân. Họ không thể đi đây đó và thức ăn trở nên vô vị. Khi tuổi già đến, toàn cơ phận trong thân thể bắt đầu xuống cấp. Đó là lý do tại sao tuổi già trở nên kỳ quặc và hay cáu gắt. Họ chẳng khác gì đứa trẻ con, thế nên quý vị đừng trách móc tính tình họ làm gì.

Cái khổ thứ ba là bệnh khổ. Mọi sự trên thế gian nầy dường như là không công bằng cho lắm, nhưng bệnh tật thì hoàn toàn không thiên vị đối với một ai. Bất luận quý vị là giàu hay nghèo, sinh trong giòng dõi sang trọng hay nghèo hèn, ai cũng cảm thấy lo lắng bực dọc khi bệnh đến.

Cái khổ thứ tư là chết khổ. Cũng như vậy, đối với tất cả mọi người. Đến lúc mọi người ai cũng phải chết, bất luận người ấy là ai.

Cái khổ thứ năm là ái biệt ly khổ. Cái khổ phải xa lìa người thân yêu. Ai cũng biết yêu là gì, nhưng không ai nhận ra được có cái khổ trong sự yêu đương ấy–đó là nỗi khổ phải tách rời người mình yêu. Bất luận quý vị quý mến người mình thương bao nhiêu, cũng có lúc mình phải rời xa họ. Có những hoàn cảnh phát sinh khiến phải xa lìa, đó là nỗi khổ.

Cái khổ thứ sáu là oán tắng hội khổ. Cái khổ phải kết hợp với người mình không thích. Quý vị thực sự không thích một hạng người nào đó, nhưng quý vị cứ gặp hạng người ấy bất kỳ mình đi đâu.

Cái khổ thứ bảy là cầu bất đắc khổ. Cái khổ khi mong muốn những điều mà không thể đạt được.

Cái khổ thứ tám là ngũ ấm xí thạnh khổ. Sắc thọ tưởng hành thức dữ dội lừng lẫy.

Trong đoạn văn này, do dạy rằng trong Như Lai tạng là không có tứ đế–chẳng có khổ, tập, diệt, đạo đế. Tập chỉ cho phiền não và diệt chỉ cho đạo lý để chứng đắc niết-bàn.
Không phải là trí là đắc.
Ngay cả trí huệ cũng là không. Cũng chẳng phải là chứng đắc vài quả vị. Đây là không Như Lai tạng; trong ấy chẳng có gì hết thảy.
Tảo nhất thiết pháp 掃 一 切 法
Ly nhất thiết tướng. 離一 切 相.

Nói về "diệt đế," Tôi nhớ khi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đang tu Bồ-tát đạo. Khi Đức Phật còn đang ở trong nhân địa–có nghĩa là khi đang còn tu đạo, trước khi thành Phật–ngài gặp con quỷ dạ-xoa, nó nói:

Chư hành vô thường 諸行無常
Thị sanh diệt pháp. 是生滅法

Nó chỉ nói chừng đó rồi ngừng. Đức Phật nhận ra đó là Phật pháp nên cầu khẩn, "Thưa Dạ-xoa, ngài vừa đọc bài kệ đúng với Phật pháp, nhưng ngài chỉ đọc có một dòng, còn một dòng nữa. Xin ngài cho tôi được nghe tiếp?"

Dạ-xoa nói, "Ông muốn nghe kệ. Nhưng đến lúc ta đói. Lâu nay chưa có gì để ăn. Ta rất muốn đọc bài kệ cho ông, nhưng chẳng còn chút sức lực nào để đọc." Đức Phật liền hỏi, "Ngài muốn ăn thứ gì? Tôi sẽ mang đến ngay."

Quỷ dạ-xoa đáp, "Ông không thể kiếm ra đồ cho ta ăn được đâu."

Đức Phật hỏi, “Sao không?”

“Vì ta ăn thịt người, mà quanh đây chẳng có ai. Mà dù có người ở đây, ông cũng đâu có quyền đem họ đến cho ta ăn.”

Đức Phật nói, “À! Chỉ là như vậy, Được rồi, hãy nói pháp cho tôi nghe đi, tôi sẽ để cho ngài ăn thịt. Ngài có thể ăn thịt thân tôi.”

Quỷ dạ-xoa hỏi, “Ông có thể từ bỏ thân mạng mình?”

Đức Phật đáp, “Vì Phật pháp, tôi có thể quên thân mình. Dĩ nhiên, tôi có thể xả bỏ thân mạng. Ngài hãy nói câu kệ ấy đi. Khi ngài nói xong, ngài có thể ăn thịt tôi.”

Quỷ dạ-xoa nheo mắt lại. Hỏi, “Ông có lừa tôi không? Sau khi tôi nói kệ xong, ông không được đổi ý, phải giao thân mạng cho tôi ăn thịt.”

Đức Phật nói, “Tất nhiên rồi! Đừng lo. Sau khi ngài nói kệ xong, khi tôi đã thuộc lòng rồi, tôi sẽ giao thân mạng cho ngài.”

Rồi quỷ dạ-xoa nói hai câu kệ tiếp theo:
Sinh diệt diệt dĩ 生滅滅已
Tịch diệt vi lạc 滅寂為樂
Rồi quỷ dạ-xoa nói, “Tôi nói xong rồi đó. Hãy đến đây cho ta ăn thịt.”

Đức Phật nói, “Đợi một lát. Đừng ăn tôi vội.”

Quỷ dạ-xoa nói, “Sao? Ta biết ông nuốt lời hứa. Nhưng không thể như vậy được. Ta phải đối xử mất lịch sự với ông mất.”

Đức Phật nói, “Tôi không nuốt lời hứa. Hãy đợi khi tôi viết xong bài kệ này đã, rồi ông có thể ăn thịt tôi. Để khi tôi có mất mạng rồi, thì vẫn còn lưu lại Phật pháp cho người sau nương nhờ đó mà tu học. Thế xin ngài hãy đợi một lát.”

“Tốt!” quỷ dạ-xoa nói, “Hãy viết đi!”

Đức Phật khắc các dòng kệ nầy lên vỏ của thân cây.

Ngay khi quỷ dạ-xoa thấy Đức Phật vừa khắc xong, liền hỏi, “Nào bây giờ tôi có thể ăn thịt ông được rồi chứ?”

“Đợi thêm một lát nữa,” Đức Phật nói.

“Ông đã khắc bài kệ lên cây rồi, mọi người có thể đọc được. Ông còn muốn gì nữa? Còn bắt tôi đợi ông làm gì nữa?”

Đức Phật đáp, “Tôi nghĩ rằng bài kệ khắc trên vỏ cây không tồn tại lâu, Xin đợi một chút để tôi khắc lên đá, nó sẽ tồn tại lâu hơn. Rồi ông hãy ăn.”

Quỷ dạ-xoa nói, “Được rồi, ông viện thật nhiều lý do. Chỉ muốn trì hoãn đó thôi. Cứ làm đi.”

Đức Phật tìm một tảng đá và khắc bài kệ lên. Rồi mời dạ-xoa, “Tôi đã xong việc, ngài có thể sử dụng thân mạng tôi.”

Quỷ dạ-xoa nói, “Thực chứ? Ông thực sự để tôi ăn thịt ông đấy chứ?” Rồi dạ-xoa há miệng ra như để ăn, nhưng đột nhiên bay vào hư không và biến lên trời. Đó thực ra là thiện thần được phái đến để trắc nghiệm Đức Phật để xem lòng thành đối với giáo pháp của ngài. Và Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã chứng tỏ tâm thành của mình. Ngài thực sự không tiếc thân mạng mình để tìm cầu giáo pháp. Ngài đã hy sinh thân mạng mình để duy trì Phật pháp. Trong đời quá khứ, Đức Phật đã từng từ bỏ thân mình vì nửa bài kệ.

Hãy xem lại chúng ta ngày hôm nay. Chúng ta học kinh và nghe giảng pháp, nhưng chúng ta không hiểu được gì nhiều, thế nên nghĩ rằng tốt hơn là nên về nghỉ. Thật là lười biếng! Tại sao Đức Phật Thích-ca Mâu-ni thành Phật? Vì ngài dám quên thân mình để cầu pháp. Ngài bất chấp mọi thứ khác chỉ để vì Phật pháp, ngài chẳng cần gì cả. Nếu quý vị thực sự thành tâm với giáo pháp, quý vị sẽ thành tâm tìm cầu Phật pháp đến mức có thể bỏ qua mọi thứ–ngay cả những việc quý vị nghĩ rằng khó có thể làm được.

Cách đây vài năm, có một chú đệ tử gọi tôi bốn năm lần từ Nữu-ước. Có điều gì rất khác thường. Chú luôn luôn muốn gặp được tôi. Chú quy y với tôi từ 13 tuổi. Trước đó, chú trải qua vài trạng thái lạ. Dù đang tuổi còn trẻ, nhưng chú lại bị đau tim. Bác sĩ yêu cầu phải nằm yên 5 năm. Chú không thể ngồi dậy, không thể đi được dù vài bước. Lúc ấy chú nhận được điện tín của tôi. Trong khi người thân và bạn bè đồng thanh niệm “Nam mô A-di-đà Phật,” thì chú lại gọi tên tôi, “Nam mô Pháp sư Độ Luân.” Nam mô có nghĩa là cung kính đem hết thân mạng nương tựa vào.

Chú ngồi niệm trong tư thế hoa sen ở trên giường. Sự thành tâm của chú thật là bất thường đối với một người còn quá nhỏ, và chú ngồi niệm như thế suốt hơn 70 ngày, Rồi chú thấy tấm hình chuyển sang người thật, đang dang tay xoa đầu chú. Sau đó, bệnh tim và mọi triệu chứng bệnh đều biến mất. Vào lúc đó, chú không hề gặp tôi. Chuyện nầy nghe như chuyện bịa đặt khó tin, nhưng đó chính là kinh nghiệm của chú. Sau khi được chữa lành bệnh, chú đến chùa tìm gặp tôi. Chú quy y, rồi ngồi thiền. Tôi thường ít dạy thiền khi ở Hồng Kông. Nếu có ai muốn tập thiền, họ cứ tự mình tu tập. Chú ấy cũng vậy. Khi đi học ở

trường, vào giờ ra chơi, chú lên trên đồi để ngồi thiền, hoặc ngay cả trong phòng tắm– bất kỳ nơi nào thấy thuận tiện. Sau một năm, chú được khai Phật nhãn, từ đó chú hiểu rõ thực chất mọi sự việc đang diễn ra rất rõ ràng.

Một việc khác xảy ra cũng với chú đệ tử nầy. Chú vốn rất lùn–có lẽ vì trước đây chú đã bị bệnh. Nhưng, tiếng Anh của chú rất giỏi, khi có người Mỹ đến thăm, tôi phải nhờ chú phiên dịch. Dù chú nói tiếng Anh rất lưu loát, nhưng người Mỹ xem thường chú vì thấy chú chỉ là đứa trẻ con. Rồi có hôm tôi nói với chú, “Hãy lớn nhanh lên! Chú thấp quá nên ai cũng nghĩ rằng chú chỉ là đứa bé con, dù chú có thông minh bao nhiêu, họ vẫn không xem trọng chú.” Chú rất nghe lời. Chú về nhà, và tuần sau bỗng lớn vụt lên 3 inches. Bây giờ chú còn cao hơn tôi.

Cách đây vài hôm chú gọi tôi và muốn tôi sang Nữu-ước. Nhưng vì tôi đang giảng kinh cho quý vị, tôi bảo là không thể đi được, dù chú rất mong muốn được gặp tôi. “Bây giờ tôi đang giảng kinh.” Tôi trả lời, “Và tôi không thể bỏ số đông đang nghe kinh chỉ vì một người muốn gặp tôi. Nếu chú thực tâm muốn gặp tôi, hãy sang Cựu Kim Sơn.”

Chú quyết định sang Cựu Kim Sơn, nhưng thấy không đủ thời gian. Nên ngày hôm sau chú gọi điện cho tôi báo tin chú đang lên đường. Nếu không phải vì đang giảng Kinh Thủ-lăng-nghiêm, nếu không phải vì Phật pháp, tôi thật mong muốn gặp chú đệ tử nầy. Chú đặt nhiều niềm tin ở tôi và khá thâm nhập Phật pháp.

Khi tôi còn ở Hồng Kông, chú thường dịch những bài giảng của tôi sang tiếng Quảng Đông. Chú thật xứng hợp với tôi, khi tôi vừa nói xong một câu, chú liền nắm lấy và giải thích trọn vẹn ý nghĩa. Có người phản đối rằng, “Thầy trú trì đâu có nói như vậy, đó là chú ấy thêm thắt vào.” Thực sự là tôi đã bảo chú ấy hãy giải thích rộng ý nghĩa. Vì chú đã được khai Phật nhãn nên chú biết tôi muốn chú phải diễn đạt giáo lý thật chi tiết. Những gì chú nói đều đúng như những gì tôi giảng. Thế nên tôi là chú nhỏ lười biếng và để chú ấy nói thay.

Kinh văn: **非檀那非尸羅。非毘梨耶,非羼提,非禪那。非缽剌若,非波羅蜜多。**

Phiên âm: Phi đàn-na, phi thi-la. Phi tỳ-lê-da, phi sàn-đề, phi thiền-na. Phi bát-lạt-nhược, phi ba-la-mật-đa.

Việt dịch: Không phải là bố thí, trì giới, không phải là tinh tấn, nhẫn nhục; không phải là thiền định, trí tuệ; không phải là ba-la-mật-đa.

Giảng: Trong Như Lai tạng, lục độ cũng không. Trong đoạn kinh trước, tứ đế đã được giảng giải là không. Ngay sau khi chứng ngộ, Đức Phật liền giảng tứ đế và tam chuyển. Không tứ đế và không thập nhị nhân duyên khiến cho giáo pháp cuả hàng Thanh văn và Duyên giác cũng trở thành không. Bây giờ không lục độ khiến cho pháp của hàng Bồ-tát cũng trở thành không.

Đầu tiên trong lục độ là bố thí. Tiếng Sanskrit có nghĩa là ban tặng, cho. Có ba loại bố thí: tài thí, pháp thí và vô uý thí. Tài thí là ban tặng vật chất tài sản cho người khác để giúp họ thoát khổ. Giảng kinh và thuyết pháp là một dạng pháp thí. Bố thí sự không sợ hãi là khi có người sợ điều gì đó và quý vị nghĩ ra cách để khuyến khích họ khiến họ không còn lo sợ nữa.

Tiếp đến là thi-la, tiếng Sanskrit là śīla, Hán dịch là giới hạnh. Có năm giới, tám giới, mười giới, 250 giới của tỷ-khưu và 348 giới của tỷ-khưu ni. Còn có mười giới trọng và 48 giới khinh của hàng Bồ-tát.

Tỳ-lê-da gốc tiếng Sanskrit là vīrya, Hán dịch là tinh tấn, tinh cần. Có thân tinh tấn và tâm tinh tấn. Khi tâm quý vị tinh tấn, thì quý vị sẽ tìm cầu Phật pháp mọi lúc. Khi thân tinh tấn, thì mình tu tập Phật pháp mọi lúc mọi nơi.

Sàn-đề gốc tiếng Sanskrit là kṣānti, Hán dịch là nhẫn nhục. Chúng ta nói rằng mình đang tu học Phật pháp, và không đến nỗi khó khăn lắm khi giữ giới. Điều khó là thực hành các điều giới ấy. Nhiều người tập hạnh nhẫn nhục bằng cách bảo người khác hãy nhẫn nhục đối với chính họ, và chẳng cần nhẫn nhục đối với người khác. Thế nên họ nói với những người không nhẫn nhục đối với họ rằng, "Anh phải học Phật pháp thật nhiều, lẽ ra anh phải nhẫn nhục hơn. Tại sao anh nổi nóng khi tôi chỉ mới nói đến anh?" Họ quở trách người khác không nhẫn nhục, nhưng chính họ lại không thể nhẫn nhục. Và tại sao họ lại duy lý như vậy?

Họ tự cho rằng, "Tôi đã hiểu Phật pháp, tôi hầu như đã đạt đến vô ngã. Thế nên tôi không cần phải nhẫn. Tôi không có quan niệm về ngã, không có ngã tướng, thế nên khi nào cần phải nhẫn, đó là anh cần phải nhẫn chớ không phải tôi." Nhưng khi đến giờ ăn, họ không nghĩ là mình có quan niệm về sự hiện hữu của con người, không có nhân tướng, thế nên họ cho rằng không cần phải có gì đó cho người khác ăn. Khi có việc cần làm, hoặc khi gặp khó khăn, họ nhớ lại rằng mình không có quan niệm có một bản ngã, thế nên họ nói rằng chẳng cần để ý đến những việc ấy.

Và, nếu họ giết người, họ sẽ biện minh, "Chẳng hề gì, vì chẳng có chỗ khởi đầu của chúng sinh. Thế nên thực sự tôi chẳng giết họ." Hoặc là vô cớ họ đánh người, khi hỏi tại sao lại làm vậy?, họ đáp, "Chẳng có cái gì gọi là chúng sinh

tướng, và anh thuộc về dạng đó, thế nên tôi thực sự chẳng đánh ai cả!" Đó là loại tà tư tà kiến nơi họ. Khi ăn thịt, họ nói, " Không sao, các ông chẳng nghe nói chúng sinh có đặc tính là không có thọ giả tướng đó sao? Vì nó không có thọ giả tướng, nên nó có thể chết bất kỳ lúc nào, thế nên tôi tha hồ ăn thịt nó. Lại nữa, một khi nó chết rồi, thịt nó cũng thối rữa, nếu tôi không ăn thịt nó." Đó là luận điệu của đệ tử ngoại đạo.

Họ cho rằng gia súc được nuôi chủ yếu là để cho người ăn thịt, nếu không ăn, thì chúng sẽ sinh sôi nẩy nở chật cả thế giới. "Nếu người không ăn bò, dê, heo, thì chúng sẽ nhiều vô số kể cho đến khi tràn ngập cả thế giới." Nhưng hãy nhớ rằng, con người không ăn thịt mèo, nhưng trên thế giới chưa bị tràn ngập bởi loài mèo. Thực vậy, khi con người không ăn thịt động vật, thì không tạo ra nghiệp sát nhiều, và súc vật không sinh sôi nẩy nở nhanh chóng. Thế nên có người giải thích đạo lý sai lạc, như ý nghĩa của nhẫn nhục, và cho rằng mọi người nên nhẫn nhục với họ, nhưng chính họ lại không nhẫn nhục với người khác.

Thiền-na gốc tiếng Sanskrit là dhyāna, Hán dịch là tư duy tu, tĩnh lự. Có nhiều loại thiền. Nhưng bây giờ Đức Phật dạy rằng cũng chẳng có thiền nào cả.

Bát-nhã, gốc tiếng Sanskrit là Prajñā, Hán dịch là trí huệ. Có ba loại bát-nhã: Văn tự bát-nhã, Quán chiếu bát-nhã, và Thực tướng bát-nhã. Như vậy lục độ, hay sáu ba-la-mật-đa đều là không.

Ba-la-mật-đa, gốc tiếng Sanskrit là pāramitā, Hán dịch là đáo bỉ ngạn, qua đến bờ bên kia. Chỉ cho sự hoàn thành viên mãn một việc nào đó. Chúng ta phát tâm tu tập và thành Phật, tiến trình chuyển hoá từ phàm phu sang giác ngộ là ba-la-mật-đa. Từ phàm phu trở thành Bồ-tát cũng là một dạng của ba-la-mật-đa. Đi từ Cựu Kim Sơn sang Oakland cũng là một dạng khác của ba-la-mật-đa. Bây giờ tất cả pháp nầy trong Như Lai tạng được Đức Phật giảng là không hiện hữu. Chúng hoàn toàn là không. Trước đây khi chúng ta nói rằng trong hư không chẳng loại trừ hay ngăn ngại một tướng nào, đó là đang nói về Như Lai tạng vốn là bất không. Ở đây chúng ta đang nói về cái không của Như Lai tạng. Để diễn tả tính không của Như Lai tạng, phải dùng đến chữ không, nhưng đó không phải là hoàn toàn phủ định. Trong đó, vẫn có cái đang hiện hữu, đó là bổn diệu viên tâm. Nhưng tâm ấy không được gọi bằng tên ấy. Thế là ở đây đã mô tả không Như Lai tạng rồi.

Kinh văn: **如是乃至非怛闥阿竭。非阿羅訶,三耶三菩。非大涅槃,非常非樂非我非淨。**

Phiên âm: Như thị nãi chí phi đãn-thát-a-kiệt. Phi a-la-ha, tam-da-tam-bồ. Phi đại niết-bàn, phi thường, phi lạc, phi ngã, phi tịnh.

Việt dịch: Như thế cho đến chẳng có Như Lai, chẳng phải A-la-hán, chẳng có Chánh biến tri. Chẳng có đại niết-bàn, chẳng có thường lạc ngã tịnh.

Giảng: Như thế cho đến có nghĩa là các mức độ của giác ngộ, từ lục độ cho đến thập trụ, thập tín, thập hạnh, thập hồi hướng và thập địa; cho đến cả quả vị Phật, đều được bao gồm trong không Như Lai tạng. Từ các giai vị của hàng Bồ-tát đến quả vị Phật phải cần rất nhiều thời gian, và cần rất nhiều công hạnh tu tập, nhưng tất cả đều là không, quả vị Phật cũng là không.

Chẳng phải Như Lai. Đản-thát-a-kiệt gốc tiếng Sanskrit là Tathāgata, Hán dịch là Như Lai. Ngay cả danh hiệu Như Lai cũng không. Chẳng phải A-la-hán, chẳng phải Chánh biến tri. Ngay cả danh hiệu Ứng cúng, Chánh biến tri cũng không. Chánh tri là biết tâm bao trùm vạn pháp. Biết vạn pháp chỉ là tâm, tức biến tri. Chánh tri tức là thật trí hiển bày rõ phần lý. Biến tri là quyền trí làm sáng tỏ phần sự. Người có được Chánh biến tri tức nhận biết rằng:

Tâm bao vạn pháp.
Vạn pháp duy tâm.

Chẳng phải đại niết-bàn. Niết-bàn gốc tiếng Sanskrit là nirvāṇa, Hán dịch là bất sanh bất diệt. Ngay cả ý niệm bất sanh bất diệt cũng không.

Chẳng có thường lạc ngã tịnh . “Thường” tức là không lay động, không thay đổi. “Lạc” là tràn đầy niềm vui diệu pháp. “Ngã” là đã đạt được chân ngã. “Tỉnh” là tính chất đặc trưng vốn có trong pháp niết-bàn. Những tên gọi nầy cũng chẳng có. Nó hoàn toàn là không.

Thế thì, quý vị có thể hỏi rằng, cái gì có trong Như Lai tạng? Tôi đã nói với quý vị rằng vạn pháp vẫn hiện hữu ở đó. Quý vị hỏi cái gì không hiện hữu trong đó, thì chẳng có gì hiện hữu trong đó cả. Mọi thứ thảy đều do tâm. Như Lai tạng là không, là bất không, là không và là bất không, cái vi diệu của nó là bất tận. Quý vị có thể nói vạn pháp là có, rồi quý vị có thể nói vạn pháp là không, và rồi quý vị có thể nói vạn pháp vừa không vừa là bất không. Sau khi thâm nhập Phật pháp một thời gian dài, quý vị mới hiểu được điều nầy.

Kinh văn: **以是俱非世出世故。即如來藏元明心妙。**

Phiên âm: Dĩ thị câu phi thế xuất thế cố. Tức Như Lai tạng nguyên minh tâm diệu.

Việt dịch: Do đó đều chẳng phải là các pháp thế gian và xuất thế gian. Tức là bản nguyên vi diệu sáng suốt cuả Như Lai tạng.

Giảng: Đó là những gì đã được nói ở đoạn văn trên. Đó chính là không Như Lai tạng. Do đó đều chẳng phải là các pháp thế gian và xuất thế gian. Như Lai tạng là không. Trong đó chẳng có pháp nào. Điều nầy được gọi là:

Tảo nhất thiết pháp 掃 一 切 法
Ly nhất thiết tướng. 離一 切 相.

Sự vắng bặt tất cả các pháp chính là chân không. Chân không có thể xuất sinh diệu hữu.

“Thế gian” là chỉ cho sáu cõi giới của hàng phàm phu. “ Xuất thế gian” chỉ cho cảnh giới của bốn quả vị của bậc Thánh. Tức là bản nguyên vi diệu sáng suốt cuả Như Lai tạng. Mặt khác, các hiện tượng thế gian và xuất thế gian vốn chỉ là Như Lai tạng–vốn là minh là diệu. Nó vốn là diệu tâm, vắng lặng mà thường chiếu soi, chiếu soi mà thường rỗng lặng. Kinh văn trong đoạn nầy nói rằng Như Lai tạng là ‘không’, đoạn kinh văn: sau sẽ nói tất cả các pháp đều ‘là’ Như Lai tạng, là nguyên minh tâm diệu.

Kinh văn: **即心即空。即地即水,即風即火。即眼即耳,鼻舌身意。即色即聲香味觸法。即眼識界,如是乃至即意識界。**

Phiên âm: Tức tâm tức không. Tức địa tức thủy, tức phong tức hỏa. Tức nhãn tức nhĩ, tỉ thiệt thân ý. Tức sắc tức thanh hương vị xúc pháp. Tức nhãn thức giới, như thị nãi chí tức ý thức giới.

Việt dịch: Tức là tâm, là không. Tức là đất nước gió lửa. Tức là mắt tai mũi lưỡi thân ý. Tức là sắc thanh hương vị xúc pháp. Tức là nhãn thức giới, cho đến tức là ý thức giới.

Giảng: Tức là tâm. Đó là tâm phân biệt, thức tâm. là không. Tức là đất nước gió lửa. Tức là mắt tai mũi lưỡi thân ý. Tức là sắc thanh hương vị xúc pháp. Tức là nhãn thức giới, cho đến tức là ý thức giới. Thế nên không Như Lai tạng cũng chính là bất không Như Lai tạng, Như Lai tạng chẳng hề không. Như vậy, trong Như Lai tạng, vốn là không vừa là bất không, chính là nguyên minh tâm diệu. Đó chính là năm uẩn, là sáu nhập, là mười hai xứ, là mười tám giới.

Kinh văn: **即明無明,明無明盡。如是乃至即老即死,即老死盡。即苦即集即滅即道。即智即得即檀那即尸羅。即毘梨耶即羼提即禪那。即缽剌若即波羅蜜多。如是乃至即怛闥阿竭。即阿羅訶三耶三菩提。即大涅槃即常即樂即我即淨。**

Phiên âm: Tức minh vô minh, minh vô minh tận. Như thị nãi chí tức lão tức tử, tức lão tử tận. Tức khổ tức tập, tức diệt tức đạo. Tức trí tức đắc, tức đàn-na tức thi-la. Tức tì-lê, tức sàn-đề, tức thiền-na. Tức bát-lạt-nhược, tức ba-la-mật-đa. Như thị nãi chí tức đãn-thát-a-kiệt. Tức a-la-ha, tức tam-da-tam-bồ-đề. Tức đại niết-bàn, tức thường tức lạc, tức ngã tức tịnh.

Việt dịch: Tức là minh, là vô minh; tức là chấm dứt minh và chấm dứt vô minh. Như thế cho đến tức là lão, là tử, tức là hết lão hết tử; tức là khổ, là tập, là diệt, là đạo. Tức là trí, là đắc. Tức bố thí, trì giới, tức tinh tấn, tức nhẫn nhục, tức thiền định, tức trí huệ, tức lục độ. Như thế cho đến tức Như Lai, tức Ứng cúng, tức Chánh biến tri. Tức đại niết-bàn, tức thường lạc ngã tịnh.

Giảng: Đoạn kinh nầy diễn tả Như Lai tạng là bất không. Trước đây, không Như Lai tạng đã được trình bày. Bây giờ nói Như Lai tạng bất không. Nếu Như Lai tạng vốn đã là không, tại sao bây giờ lại nói là bất không? Khi nó đã là không rồi, thì nó không thể là bất không được. Nếu Như Lai tạng là không, hoặc là nếu tất cả mọi thứ đều có trong đó, thì chẳng có gì là vi diệu cả. Mà bởi vì chính từ chân không lại xuất sinh diệu hữu, và từ diệu hữu phát sinh chân không. Thế nên Như Lai tạng vốn là không lại xuất sinh diệu hữu. Do vậy, năm uẩn, sáu nhập, mười hai xứ, mười tám giới, tứ đế, mười hai nhân duyên… chẳng có thứ nào không cả. Chúng có thể không và bất không, vì chúng là bất định pháp. Đó là điều Kinh Kim Cương đã dạy,

Pháp thượng ưng xả, 法尚應捨
Hà huống phi pháp. 何況非法

Quý vị để bị vướng mắc vào các pháp, vì nếu như vậy, quý vị là kẻ chấp pháp. Nếu quý vị là người bị pháp trói buộc, cũng giống như quý vị chưa thông hiểu được pháp. Vốn quý vị là người chấp ngã, nhưng khi quý vị tu học Phật pháp thì quý vị trở thành người chấp pháp. Thế nên trong đạo Phật, quý vị không nên mang trong mình một thứ chấp trước nào cả. Nếu không chấp vào điều gì, cái bất không chính là cái không. Nếu quý vị còn chấp, thì cái không trở thành cái có.

Kinh văn: **以是即俱世出世故。即如來藏妙明心元。**

Phiên âm: Dĩ thị tức câu thế xuất thế cố. Tức Như Lai tạng diệu minh tâm nguyên.

Việt dịch: Do vậy nó là cả hai pháp thế gian và xuất thế gian, Tức là Như Lai tạng diệu minh tâm nguyên.

Giảng: Trong đoạn kinh trước, đã nói Như Lai tạng tức là năm uẩn, sáu nhập, mười hai xứ, mười tám giới, tứ đế, mười hai nhân duyên, sáu ba-la-mật-đa…đều bao gồm trong Như Lai tạng. Như Lai tạng tức là những thứ nầy. Lại nữa, nó là cả hai pháp thế gian và xuất thế gian, tức là Như Lai tạng diệu minh tâm nguyên, là chân tâm vắng lặng mà vẫn thường chiếu soi.

Kinh văn: **離即離非,是即非即。**

Phiên âm: Li tức li phi, thị tức phi tức.

Việt dịch: Rời các nghĩa "tức," "phi," mà cũng là nghĩa "tức," và chẳng phải nghĩa "tức."

Giảng: Rời các nghĩa "tức," rời cái , và "phi," không có, chẳng phải. Không phải là nó có, và chẳng phải là nó không có. Đó là chân không và diệu hữu. Thế nên, đạo lý của Như Lai tạng là không mà vừa là bất không, là vượt lên trên cái không và bất không, và cũng chẳng tách rời cái không và bất không. Và, trong ánh sáng của đạo lý nầy, Đức Phật nói tiếp.

Kinh văn: **如何世間三有眾生。及出世間聲聞緣覺, 以所知心測度如來無上菩提。用世語言入佛知見?**

Phiên âm: Như hà thế gian tam hữu chúng sinh, cập xuất thế gian Thanh văn Duyên giác, dĩ sở tri tâm trắc độ Như Lai Vô thượng bồ-đề, dụng thế ngữ ngôn nhập Phật tri kiến?

Việt dịch: Làm sao chúng sinh trong ba cõi thế gian, cùng với hàng Thanh văn Duyên giác xuất thế gian, đem tâm sở tri mà suy lường Vô thượng bồ-đề của Như Lai, dùng ngôn ngữ thế gian để nhập vào tri kiến Phật?

Giảng: Làm sao chúng sinh trong ba cõi thế gian, làm sao chúng sinh trong cõi dục cõi sắc, và cõi vô sắc, chúng sinh trong sáu cõi giới phàm phu–cùng với hàng Thanh văn Duyên giác xuất thế gian–các bậc A-la-hán của hàng Nhị

thừa–làm sao họ có thể đem tâm sở tri mà suy lường Vô thượng bồ-đề của Như Lai? Đến lúc nầy, Phú-lâu-na đã được công nhận là chứng được quả vị thứ tư của hàng A-la-hán, thế nên Đức Phật bảo, “tâm sở tri”– là tâm của hàng phàm phu và tâm của hàng Thanh văn. “Làm sao ông có thể suy lường Vô thượng bồ-đề của chư Phật? Hoặc dùng ngôn ngữ thế gian để nhập vào tri kiến Phật? Ông muốn biết tri kiến Phật–ông muốn thể nhập cùng cảnh giới như chư Phật, nhưng bằng cách nào?”

“Ngôn ngữ thế gian” là tri kiến của hàng phàm phu. “Và cho dù ông đã đạt đến quả vị thứ tư của hàng A-la-hán xuất thế gian, vẫn không thể nào hiểu được cảnh giới của chư Phật. Ông không thể nào dùng ngôn ngữ thế gian để giả định, phỏng đoán được.”

“Giả định, phỏng đoán” có nghĩa là không thực sự biết, nhưng giả bộ như biết. Chẳng hạn, như trẻ con thích ăn kẹo, nên nó tưởng tượng ra mọi người ai cũng thích ăn kẹo như nó. Nó không hề biết rằng khi lớn rồi thì không còn thích ăn kẹo nữa.

Vì lẽ ấy, hàng phàm phu, và ngay cả A-la-hán, là vẫn còn trong cảnh giới của hàng nhị thừa, vẫn chưa có được giác ngộ toàn diện, thế nên vẫn chưa hiểu trọn vẹn cảnh giới của chư Phật.

Kinh văn: **譬如琴瑟箜篌琵琶,雖有妙音。若無妙指,終不能發。**

Phiên âm: Thí như cầm sắt không hầu tì bà, tuy hữu diệu âm, nhược vô diệu chỉ, chung bất năng phát.

Việt dịch: Ví như những cây đàn cầm, đàn sắt, đàn không hầu, đàn tỳ bà, tuy có âm thanh hay, nhưng nếu không có ngón tay tài ba gảy vào, thì rốt cuộc cũng không phát ra tiếng.

Giảng: Dù Như Lai tạng là không, tuy nhiên, nó cũng được lấp đầy bởi các pháp. Chẳng hạn, như những cây đàn cầm, đàn sắt, đàn không hầu, đàn tỳ bà, tuy có âm thanh hay. Các nhạc cụ có thể phát ra những âm thanh vi diệu. Nhưng nếu không có ngón tay tài ba gảy vào, thì rốt cuộc cũng không phát ra tiếng. Bất luận nhạc cụ có hay cỡ nào, nó cũng không thể tự diễn tấu được. Phải có một ngón tay để gãy lên. Dù trong kinh văn: ghi là “diệu chỉ– ngón tay tài hoa,” nhưng cũng cần phải có một tâm hồn phong phú. Vì tâm không thể điều khiển ngón tay nếu tâm không điêu luyện. Sự điêu luyện của ngón tay xuất phát từ bản tâm phong phú, mới có thể phát ra những thanh âm vi diệu.

Kinh văn: **汝與眾生,亦復如是。寶覺真心各各圓滿。如我按指,海印發光。汝暫舉心,塵勞先起。**

Phiên âm: Nhữ dữ chúng sinh, diệc phục như thị. Bảo giác chân tâm các các viên mãn. Như ngã án chỉ, hải ấn phát quang. Nhữ tạm cử tâm, trần lao tiên khởi.

Việt dịch: Ông và chúng sinh cũng đều như vậy. Chân tâm giác ngộ quý báu đều đầy đủ trong mỗi người. Nhưng khi Như Lai ấn ngón tay thì hải ấn phát ra hào quang, còn các ông chỉ tạm móng khởi tâm, thì trần lao liền nổi dậy.

Giảng: Các nhạc cụ đều cần phải có một nhạc công điều khiển nó mới phát ra tiếng–nhạc cụ có thể tốt, hay, nhưng âm thanh phát ra chưa thể là hay nếu không có nhạc công–đó là dụ cho Như Lai tạng. Đức Phật nói với Phú-lâu-na. "Ông và chúng sinh cũng đều như vậy. Với suy nghĩ của hàng phàm phu, ông cố gắng suy lường trắc độ cảnh giới của Như Lai, nên ông rất hợp với ví dụ này. Chân tâm giác ngộ quý báu đều đầy đủ trong mỗi người. Mọi người đều tự có đầy đủ. Nhưng khi Như Lai ấn ngón tay thì hải ấn phát ra hào quang."

Như Lai ở đây là chính Đức Phật tự xưng. "Hải ấn là gì? Đó là một loại tam-muội mà Đức Phật có được, vạn tượng đều hiện rõ trong định nầy như thể nó được đóng bằng một dấu ấn. Khi mặt biển hoàn toàn yên lặng, có thể phản chiếu mọi vật tượng; đó là nghĩa của hải ấn phát quang. Còn các ông chỉ tạm móng khởi tâm, thì trần lao liền nổi dậy. Ngay khi một niệm tưởng vừa khởi lên trong tâm thức, thì trần lao liền khởi dậy. Tâm vọng tưởng liền tự hiển lộ ra liền." Đức Phật chỉ cần ấn ngón tay là hải ấn liền phát ra hào quang, là biểu tượng cho cảnh giới vi diệu của chư Phật. Phú-lâu-na và các loài hữu tình không có được cảnh giới vi diệu như vậy. Họ ở trong trạng thái đầy dẫy trần lao phiền não.

Kinh văn: **由不勤求無上覺道。愛念小乘得少為 足。**

Phiên âm: Do bất cần cầu vô thượng giác đạo. Ái niệm tiểu thừa, đắc thiểu vi túc.

Việt dịch: Do vì không siêng năng cầu đạo giác ngộ vô thượng. Chỉ thích nghĩ đến Tiểu thừa, được một ít liền cho là đủ.

Giảng: Ở đây Đức Phật quở trách Phú-lâu-na rất nặng. "Tại sao ông không trừ được trần lao phiền não? Tại sao tâm ông dao động để cho được trần lao phiền não khởi dậy? Đó là do vì không siêng năng cầu đạo giác ngộ vô thượng. Ông

không thường lưu tâm đến việc tu tập đạo giác ngộ vô thượng, nhưng chỉ thích nghĩ đến Tiểu thừa, được một ít liền cho là đủ. Ông chỉ ham thích giáo lý của hàng Nhị thừa và hài lòng với sự chứng đắc các quả vị thấp nhỏ."

Phần này trong kinh văn rất quan trọng. Mọi người nên tự phản tỉnh nơi chính mình. Tự hỏi rằng mình có thực tâm tinh tấn cầu đạo giác ngộ vô thượng không? Quý vị có chân thực cần cầu Phật pháp không? Nếu quý vị thực tâm muốn thâm nhập Phật pháp, quý vị cần phải siêng năng cầu đạo vô thượng bồ-đề. Hàng ngày quý vị hãy tự hỏi rằng mình đang làm gì ở đây? "Có phải là chỉ theo đám đông? Họ cười thì tôi cười, Họ nói thì tôi nói chăng?" Nếu quý vị là người chỉ theo đám đông, thì quý vị chưa phải là người đang tu tập công phu. Nếu quý vị thực tâm hạ thủ công phu, thì thậm chí khi người bên cạnh nói, quý vị cũng chẳng biết họ nói gì. Nếu có người đi qua, quý vị cũng không thấy.

"Tôi không phải là người điếc, Tôi chẳng phải là người câm," quý vị nói. "Tại sao tôi không thấy được họ? Tại sao tôi không nghe họ nói?"

Nếu quý vị không thấy và không nghe, dù quý vị chẳng phải là người điếc hoặc người mù, thì đó là điều vi diệu. Thế là quý vị thực sự đạt được điều gì đó rồi. Quý vị không mù, không điếc, nhưng:

Nhãn quán hình sắc nội bất hữu

眼 觀 形 色 內 不 有

Nhĩ thính trần sự tâm bất tri.

耳 聽 塵 事 心 不 知

Nếu quý vị có thể được như vậy, thì tôi biết ngay là quý vị đang siêng năng cầu đạo vô thượng bồ-đề. Nếu không được như vậy, thì quý vị phải dũng mãnh lên, thực tâm đặt mình trên con đường đạo, cần cầu đạo giác ngộ vô thượng.

Một hôm có người hỏi tôi, "Ở đây chẳng có nơi nào yên tĩnh cả." Nếu trong mình tự yên tĩnh, thì mọi nơi đều yên tĩnh. Nếu tự trong mình không được yên tĩnh, thì nơi nào cũng rối loạn cả. Nếu trong tâm quý vị không được yên tĩnh và bị xoay chuyển bởi ngoại cảnh, thì đi đâu quý vị cũng có ngoại cảnh đi theo. Bất luận quý vị đi đâu–lên núi, xuống biển, ở ngoài trời, trong nhà, trong cốc, ngoài hiên nhà–bất luận đi đâu quý vị cũng không được yên tĩnh. Vì quý vị thậm chí không được hòa hợp với chính mình. Quý vị trở nên bực dọc với chính mình. Tại sao vậy? Vì quý vị không thể làm chủ được hoàn cảnh chung quanh mình. Quý vị đã bị nó tác động.

Khi có ai đi ngang qua một người đang tinh tấn hành trì, thì người đang tu đạo ấy chẳng để ý người đi qua; nếu có ai nói điều gì đó ở bên cạnh, người ấy cũng không nghe.

Quý vị có thể phản đối, “Thầy luôn luôn khuyến khích làm những việc khó làm. Con không thể nào làm được.”

Nếu quý vị tìm ra cách để làm cho được cái việc khó làm ấy, thì đó là điều đáng nói. Tất cả mọi chuyện đều là vô nghĩa nếu quý vị chứng đạo. Nếu quý vị có thể chuyển thành phố ồn ào thành như núi rừng yên tĩnh, thì quý vị đã có chút công phu.

Thế thì, hãy tự hỏi mình đã tinh tấn cầu đạo vô thượng bồ-đề chưa. Hay chỉ đến đây để tìm lỗi người khác? “Thế này thì hoàn toàn đúng, nhưng thế nọ thì hoàn toàn sai.” Có phải quý vị chỉ chỉa máy quay phim về phía bên ngoài để thu hình người khác chứ không phải của chính mình? Quý vị nên tự hồi quang phản chiếu, quay cái nhìn lại bên trong mình. Quý vị có thực sự tu hành trong suốt thời gian mình đang ở đây để học Phật pháp hay không? Nếu không được như vậy, có nghĩa là quý vị đã lãng phí thời gian.

Nếu quý vị thật sự tu hành nghiêm chỉnh, hãy tự hỏi mình thử mình đã có được những lợi lạc gì? Nếu chưa có được điều gì cả, thì nên nỗ lực tinh cần hơn. Hãy lấy ví dụ học chú Thủ-lăng-nghiêm. Quý vị đã làm được gì? Quý vị có tụng thuộc lòng được chăng? Rốt ráo, Kinh Thủ-lăng-nghiêm được nói là nhân có chú Thủ-lăng-nghiêm. Nếu không có chú Thủ-lăng-nghiêm, thì cũng sẽ không có Kinh Thủ-lăng-nghiêm. Thế nên nếu quý vị không hiểu được nội dung Kinh Thủ-lăng-nghiêm, gọi là tạm được nếu như quý vị tụng thuộc lòng chú Thủ-lăng-nghiêm. Nhưng đừng bận tâm đến điều nầy nhiều quá. Quý vị vẫn ăn khi đói và vẫn ngủ khi mệt. Đừng quá quan tâm đến chuyện học thuộc lòng chú Thủ-lăng-nghiêm đến mức không thể nuốt nổi thức ăn và bị chứng mất ngủ. Nếu quý vị lo lắng thái quá, đến mức sẽ giảm khả năng học chú.

Tôi đã bảo quý vị là hãy nhìn mà đừng thấy, lắng nghe chứ đừng nghe tiếng. Nhưng mọi người đều bị xoay chuyển bởi hoàn cảnh mà không tự kiềm chế được. Quý vị để ý nhiều đến việc gì khi lần đầu thấy chúng. Nhưng thời gian sau thì quên ngay, và sự việc ấy không còn tồn tại trong quý vị nữa. Lấy cái đồng hồ làm ví dụ. Đồng hồ cũ thường kêu “tick, tock” rồi đổ chuông. Nếu quý vị có một cái đồng hồ như vậy, thì ban đầu quý vị còn chú ý đến tiếng “tick, tock” của nó, nhưng sau khi quen rồi, quý vị chẳng còn nghe gì nữa cả. Nếu để ý đến, thì vẫn nghe tiếng “tick, tock,” nhưng nếu không để ý, như thể chẳng nghe gì cả. Điều nầy chứng minh rằng nếu tâm mình chẳng vướng mắc vào thứ gì, thì chẳng có gì tồn tại. Đó là ý nghĩa câu trên:

Nhãn quán hình sắc nội bất hữu

眼 觀 形 色 內 不 有

Nhĩ thính trần sự tâm bất tri.
耳 聽 塵 事 心 不 知

Khi quý vị theo đại chúng đi ngồi thiền, nhưng rồi than phiền có người cục cựa miết. Người bên cạnh mình cử động, nhưng đừng trách cứ họ. Đó chỉ là do mình chưa có nhiều định lực. Nếu mình có định lực, dù bất luận người bên cạnh có cử động đến mức nào, mình cũng chẳng biết. Vì sao quý vị biết được người bên cạnh cử động? Vì chính mình đang động. Tâm mình đang động.

Đó là một việc. Có việc lớn, việc nhỏ, việc xấu, việc tốt. Việc quý vị cần phải làm là cách thế nào để vận dụng Phật pháp mà tu hành, còn những việc khác chẳng có vấn đề gì.

Quý vị sẽ phản đối, “Nhưng con không thể nào vận dụng được.” Nếu quý vị không thể vận dụng được, quý vị phải nghĩ ra cách để làm. Quý vị phải duy trì công phu vào một hướng. Khi công phu đã sâu, tự nhiên quý vị hoàn toàn không bị xoay chuyển bởi hoàn cảnh. Khi đã có được định lực, chăng có cảnh giới nào làm động tâm mình được. Người Trung Hoa có ngạn ngữ:

Học vấn thâm thời ý khí bình.
學 問 深 時 意 氣 平

Con người thường cư xử bốc đồng do họ thiếu học vấn. Nếu định lực mình sung mãn, thì dù có việc gì quá xấu, quý vị vẫn có thể tác động đến nó khiến trở thành tốt hơn. Chẳng hạn, tôi từng kể cho quý vị nghe, hễ khi nào tôi ở Cựu Kim Sơn thì ở đó không xảy ra động đất. Những ai chưa thâm hiểu Phật pháp thì cho đó là điều khó tin nỗi. Nhưng nếu quý vị thâm nhập Phật pháp và thực hành công phu cho đến chừng nào có được định lực, sẽ thấy bất kì mình đến đâu, đại địa đều bình an. Hoàn toàn chắc chắn ở đó không có vấn đề gì.

Nên bây giờ chúng ta đang tu tập định lực, đến khi chúng ta thực sự có được định lực, thì sẽ có sự bình an bất kì mình đến nơi đâu. Nếu chúng ta không có định lực, thì dù có ở nơi an ổn vẫn không được an ổn, vì tâm mình đang dao động. Với định lực, quý vị có thể xoay chuyển hoàn cảnh chung quanh mình. Điều nầy rất quan trọng.

Do vây, trước hết, quý vị phải học thuộc lòng chú Thủ-lăng-nghiêm, rồi còn phải tu tập Thủ-lăng-nghiêm đại định. Với Thủ-lăng-nghiêm đại định, chúng ta chẳng còn lo ngại điều gì cả; quý vị thật sự thấy mình vững chãi. Thế nên bây giờ khi tôi đang nói đây thì mặt đất ở Cựu Kim Sơn vẫn vững chãi, và dù bom nguyên tử có rơi xuống đây, cũng chẳng hề gì, nó sẽ không nổ. Quý vị phải có niềm tin và đừng sợ. Với chú Thủ-lăng-nghiêm, và với thực tế là chúng ta đang nghe giảng Kinh Thủ-lăng-nghiêm thì chẳng có gì để sợ cả. Chư Phật và Bồ-tát

chắc chắn sẽ che chở cho chúng ta khi đang học Phật pháp ở đây, nên quý vị đừng bận tâm.

Kinh văn: **富樓那言我與如來寶覺圓明。真妙淨心,無二圓滿。而我昔遭無始妄想久在輪迴。今得聖乘猶未究竟。世尊諸妄一切圓滅獨妙真常。**

Phiên âm: Phú-lâu na ngôn, ngã dữ Như Lai bảo giác viên minh, chân diệu tịnh tâm, vô nhị viên mãn. Nhi ngã tích tao vô thủy vọng tưởng, cửu tại luân hồi. Kim đắc thánh thừa, do vị cứu cánh. Thế tôn chư vọng nhất thiết viên diệt, độc diệu chân thường.

Việt dịch: Phú-lâu-na bạch, "Chân tâm quý báu, thanh tịnh vi diệu, giác ngộ sáng suốt của con cùng với Như Lai vốn là viên mãn không hai. Nhưng xưa con mắc phải vọng tưởng từ vô thủy, nên phải ở lâu trong luân hồi. Nay được thánh thừa, còn chưa được chỗ cứu cánh. Như Thế tôn, hết thảy các vọng đều dứt trừ, chỉ có diệu dụng của tính chân thường."

Giảng: Nghe Đức Phật quở trách rằng Phú-lâu-na không siêng năng cần cầu Vô thượng bồ-đề, chỉ ưa thích giáo lý của hàng Tiểu thừa, được chút ít cho là đủ, Phú-lâu-na đáp rằng: Chân tâm quý báu, thanh tịnh vi diệu, giác ngộ sáng suốt của con cùng với Như Lai vốn là viên mãn không hai. Phú-lâu-na thưa rằng ngài cùng Đức Phật đều có tánh Như Lai tạng, vốn bất nhị, tròn đầy, không thêm, không bớt. Nhưng, dù chân tâm vi diệu thanh tịnh sáng suốt tròn đầy của chư Phật và con vốn là viên mãn vi diệu, nhưng xưa con mắc phải vọng tưởng từ vô thủy, nên phải ở lâu trong luân hồi. Đã lâu nay, con đã mắc phải vọng tưởng từ vô thủy, nên xưa nay con bị trôi lăn trong sáu nẻo sinh tử luân hồi.

Nay được thánh thừa. Nay con được công nhận chứng nhập quả vị thứ tư của hàng A-la-hán. Nhưng vẫn còn chưa được chỗ cứu cánh. Nhưng con vẫn chưa hoàn toàn trừ sạch hoàn toàn mọi tập khí vọng tưởng được. Chân tâm vẫn chưa được hiển bày. Như Thế tôn, hết thảy các vọng đều dứt trừ, chỉ có diệu dụng của tính chân thường. Như đối với Thế tôn, cái vọng đã được hoàn toàn khiển trừ, chỉ còn lại thuần chân. Cảnh giới của ngài rất vi diệu, chân thường, không bao giờ lay động.

Kinh văn: **敢問如來,一切眾生,何因有妄,自蔽妙明,受此淪溺？**

Phiên âm: **Cảm vấn Như Lai, nhất thiết chúng sinh, hà nhân hữu vọng, tự tế diệu minh, thụ thử luân nịch?**

Việt dịch: Con xin hỏi Như Lai, tất cả chúng sinh vì nhân gì mà có vọng, tự che tính diệu minh mà chịu chìm đắm như vậy?

Giảng: "Con xin hỏi Như Lai, con dám xin hỏi Đức Phật, tất cả chúng sinh vì nhân gì mà có vọng. Tại sao chúng sinh đột nhiên sinh khởi vọng tưởng?" Điều nầy cũng giống như câu hỏi trước đây của Phú-lâu-na: "Nếu bản tâm vốn thanh tịnh trùm khắp, tại sao đột nhiên lại sinh khởi núi sông đất liền?" Tự tánh của chúng sinh vốn là thanh tịnh, vắng bặt mọi vọng tưởng, tại sao lại sinh khởi vọng tưởng như vậy?

Và tại sao họ lại tự che tính diệu minh mà chịu chìm đắm như vậy? Họ tự che lấp chân tâm vi diệu sáng suốt của mình, phải chịu trải qua sinh tử ở thế gian, phải chịu luân hồi sinh tử trong sáu đường, cho đến khi bị chìm đắm, như người bị chết đuối. Họ mãi bị lún sâu vào vũng lầy của luân hồi sinh tử.

Kinh văn: **佛告富樓那,汝雖除疑,餘惑未盡。吾以世間現前諸事,今復問汝。**

Phiên âm: **Phật cáo Phú-lâu-na, nhữ tuy trừ nghi, dư hoặc vị tận. Ngô dĩ thế gian hiện tiền chư sự, kim phục vấn nhữ.**

Việt dịch: Phật bảo Phú-lâu-na, ông tuy đã trừ được mối nghi, nhưng còn những mê lầm chưa dứt sạch. Nay Như Lai sẽ dùng những việc hiện tiền ở thế gian để hỏi ông.

Giảng: Phú-lâu-na muốn biết tại sao vọng tưởng lại sinh khởi trong chân tâm thanh tịnh viên mãn trùm khắp cả pháp giới, tại sao vọng tưởng lại che mờ chân tâm vi diệu sáng suốt cuả mọi người?

Để trả lời, Phật bảo Phú-lâu-na, "Ông tuy đã trừ được mối nghi, nhưng còn những mê lầm chưa dứt sạch. Khi Như Lai giải thích về sự tương tục của thế giới, sự tương tục của chúng sinh, và sự tương tục của nghiệp báo, ông đã dứt trừ được mối nghi, nhưng ông hoàn toàn chưa nhận ra được đạo lý và chưa được thông suốt hoàn toàn. Nay Như Lai có điều muốn hỏi ông. Như Lai sẽ dùng những việc hiện tiền ở thế gian để hỏi ông. Một sự kiện bình thường, một hiện tượng thế gian sẽ cho ông hiểu vấn đề dễ dàng hơn, thế nên Như Lai sẽ dùng một ví dụ để hỏi ông."

Kinh văn: **汝豈不聞。室羅城中演若達多。忽於晨朝以鏡照面。愛鏡中頭眉目可見。瞋責己頭不見面目以為魑魅無狀狂走。於意云何。此人何因無故狂走 。富樓那言,是人心狂,更無他故。**

Phiên âm: Nhữ khởi bất văn, Thất-la thành trung Diễn-nhã-đạt-đa, hốt ư thần triêu, dĩ kính chiếu diện. Ái kính trung đầu, mi mục khả kiến. Sân trách kỉ đầu, bất kiến diện mục. Dĩ vi si mị, vô trạng cuồng tẩu. Ư ý vân hà. Thử nhân hà nhân vô cố cuồng tẩu? Phú-lâu-na ngôn, thị nhân tâm cuồng, cánh vô tha cố.

Việt dịch: "Phú-lâu-na, Ông chưa nghe chuyện Diễn-nhã-đạt-đa trong thành Thất-la-phiệt hay sao? Buổi sáng anh ta lấy gương soi mặt, bỗng nhiên ưa thích cái đầu trong gương, nó có thể thấy được lông mày lông mi. Rồi trách cái đầu mình không thể thấy được mặt mày của chính mình. Nên cho cái đầu mình là giống yêu quái, vô cớ phát điên bỏ chạy. Ông nghĩ sao, Người ấy vì sao vô cớ phát điên bỏ chạy như vậy? Phú-lâu-na thưa, "Tâm người ấy điên, chứ không có duyên cớ gì khác."

Giảng: Ông đã nghe chuyện nầy chưa? Ông chưa nghe chuyện Diễn-nhã-đạt-đa trong thành Thất-la-phiệt hay sao? Buổi sáng anh ta lấy gương soi mặt." Vào thời ấy chưa có báo chí, tin tức chỉ có truyền miệng. Diễn-nhã-đạt-đa gốc tiếng Sanskrit là Yajñadatta, Hán dịch là Từ tiếp, có nghĩa là đến ngôi đền, vì có lần mẹ ông đến ngôi đền thờ thiên thần để cầu được sinh con trai.

Vào một buổi sáng, Diễn-nhã-đạt-đa thức dậy và vội vã, không dự tính trước, lấy kính lên soi mặt. Thấy khuôn mặt mình phản chiếu trong gương, anh ta thấy yêu thích khuôn mặt của mình hiện ra trong đó. Anh ta rất vui mừng vì thấy cái đầu trong gương của mình đẹp biết bao.

Bỗng nhiên ưa thích cái đầu trong gương, nó có thể thấy được lông mày lông mi. Anh ta nhìn chăm chú khuôn mặt trong gương và thấy cái đầu ấy thật tuyệt hảo. Nhưng rồi trách cái đầu mình không thể thấy được mặt mày của chính mình. Rồi bỗng nhiên anh ta nổi lên giận dữ. "Tại sao ta không có được cái đầu?" Anh ta đòi hỏi. "Sẽ tuyệt vời biết bao nếu ta có được cái đầu như vậy!" Diễn-nhã-đạt-đa tức giận đến điên lên vì thấy cái đầu mình hiện nay không nhìn thấy được mặt mày của chính mình nên nghĩ rằng anh ta không có đầu.

"Tôi có thể thấy được cái đầu trong gương một cách hoàn chỉnh. Tại sao tôi không thấy được mặt mũi của chính mình?" Nên cho cái đầu mình là giống yêu quái. Đến lúc ấy thì anh ta mắc phải sai lầm. Anh ta nghĩ rằng mình là một loài yêu quái, Li mị là yêu quái sống ở núi rừng, nó có một loại ma lực quyến rũ mê

hồn. Li mị và võng lượng là hai loại yêu quái. Người Trung Hoa có câu đối về loại yêu quái nầy:

Cầm sắt tỳ bà, tứ đại vương, vương vương tại thượng.
琴 瑟 琵 琶 四 大 王 王 王 在 上。
Li mị võng lượng, tứ tiểu quỷ, quỷ quỷ cư bàng.
魑 魅 魍 魎 四 小 鬼 鬼 鬼 居 傍。

Một khi đã nghĩ mình là yêu quỷ, Nên cho cái đầu mình là giống yêu quái, vô cớ phát điên bỏ chạy. Anh ta cố gắng lắc cái đầu mà anh cho là yêu quỷ, rồi điên cuồng chạy xuống phố. Chẳng có nguyên cớ nào khiến anh ta có hành vi như vậy, ngoại trừ anh ta trở nên bị ám ảnh bởi ý tưởng rằng mình là loài yêu quái.

Ông nghĩ sao? Phú-lâu-na, ý ông nghĩ sao về việc nầy? Người ấy vì sao vô cớ phát điên bỏ chạy như vậy? Thực sự có nguyên do nào đằng sau hành vi vô cớ khiến anh ta điên cuồng bỏ chạy như vậy?

Phú-lâu-na thưa, “Tâm người ấy điên, chứ không có duyên cớ gì khác.” Diễn-nhã-đạt-đa phát cuồng; anh ta không có động cơ đúng đắn. Diễn-nhã-đạt-đa không biết, do vậy, anh ta nghĩ rằng mình chắc là loài yêu quỷ vì anh ta không thấy được cái đầu của mình. Bây giờ, có phải thực sự anh ta không có đầu hay không? Tôi nghĩ rằng tất cả quý vị trong đây đều thông minh hơn Diễn-nhã-đạt-đa, và không có ai trong quý vị cho rằng mình không có đầu, bởi vì quý vị thấy được cái đầu mình trong gương. Cơ bản là anh ta chưa hề mất cái đầu, nhưng anh ta nghĩ rằng đầu mình đã bị mất.

Phú-lâu-na hỏi Đức Phật rằng tại sao chúng sinh vô cớ phát khởi vọng tưởng. Đức Phật đưa chuyện Diễn-nhã-đạt-đa và hỏi tại sao anh ta vội vàng kết luận mình không có đầu. Phú-lâu-na đáp rằng tâm Diễn-nhã-đạt-đa đã phát cuồng. Tại sao chúng sinh sanh khởi các thứ hư vọng? Bởi vì vọng tưởng họ sinh khởi trong chân tâm. Chắc chắn vốn không có một căn gốc của vọng tưởng để phát sinh hư vọng. Đạo lý nầy cũng giống như trường hợp của Diễn-nhã-đạt-đa.

Kinh văn: **佛言,妙覺明圓,本圓明妙。既稱為妄,云何有因? 若有所因,云何名妄?**

Phiên âm: Phật ngôn, diệu giác minh viên, bổn viên minh diệu. Kí xưng vi vọng, vân hà hữu nhân? Nhược hữu sở nhân, vân hà danh vọng?

Việt dịch: Đức Phật bảo, “Tính diệu giác viên mãn sáng suốt, vốn là diệu minh viên mãn. Nếu đã gọi là vọng, thì làm sao có nhân? Nếu đã có nhân rồi, làm sao gọi là vọng?”

Giảng: Đức Phật bảo Phú-lâu-na, “Tính diệu giác viên mãn sáng suốt, vốn là diệu minh viên mãn. Nếu đã gọi là vọng, thì làm sao có nhân? Đức Phật là chỉ cho tánh Như Lai tạng, vắng lặng nhưng thường chiếu soi, chiếu soi nhưng thường vắng lặng. Vi diệu và bất khả tư nghì. “ Có nguyên nhân nào” Đức Phật hỏi Phú-lâu-na, “Để ông cho rằng tánh Như Lai tạng là chân hay vọng? Nếu đã có nhân rồi, làm sao gọi là vọng? Nếu đã có căn cứ, đã có sự phán xét nhất định, nếu có những nguyên do đúng đắn đằng sau suy nghĩ như vậy, làm sao gọi là vọng? Nếu ông có thể thông qua một nhận định về một việc gì đó, thì việc ấy phải hiện hữu. Nó phải chân chứ không phải vọng, và ông không thể nào nói rằng nó chân hay vọng được.”

Kinh văn: **自諸妄想展轉相因。從迷積迷,以歷塵劫。雖佛發明,猶不能返。**

Phiên âm: Tự chư vọng tưởng triển chuyển tương nhân. Tùng mê tích mê, dĩ lịch trần kiếp. Tuy Phật phát minh, do bất năng phản.

Việt dịch: Chỉ tự các vọng tưởng xoay vần làm nguyên nhân cho nhau. Theo cái mê chứa cái mê, trải qua kiếp số như vi trần. Tuy Phật phát minh, nhưng không thể làm cho nó mất tác dụng.

Giảng: Chỉ tự các vọng tưởng, dù đó là vọng tưởng, sinh khởi thành vọng tưởng càng lúc càng nhiều. Vọng tưởng như kiến–chỉ trong một khoảnh khắc, ít trở nên nhiều. Hoặc như vi khuẩn. Nó xuất hiện như thế nào? Như tôi đã nói từ trước:

Người tốt tìm đến nhau
Người xấu tụ tập với nhau.

Tương tự như vậy, vọng tưởng sanh khởi, chứa nhóm, và xoay vần làm nguyên nhân cho nhau. Bỗng nhiên có thật nhiều vọng tưởng. Thực vậy, đó là điều ngăn cản con người không thể giác ngộ. Nếu không có vọng tưởng này xảy ra, thì có vọng tưởng khác cũng đến, nó hợp lại thành đàn, vào ra như khách đến căn nhà mở ngõ. Tôi hỏi một vị ở đây rằng anh nghĩ gì khi đang ngồi thiền, câu trả lời là, “Có khi tôi nghĩ đến có gì ngon để ăn, có khi nghĩ về áo quần đẹp để mặc, hoặc được sống trong ngôi nhà sang trọng, hoặc mua xe mới. Có khi tôi dự tính mua cả máy bay trực thăng khi nào có tiền.” Khi quý vị ngồi thiền, những thứ nầy sẽ sinh khởi. Cái nầy đi cái kia đến, đến rồi đi–“đều là vọng tưởng của quý vị.”

Theo cái mê chứa cái mê. Một thoáng chốc mê lầm phát sinh ra càng nhiều hơn, trải qua kiếp số như vi trần. Vì vọng tưởng của quý vị quá lớn, nên quý vị

không thể dừng nó ngay được, thế nên quý vị khiến cho tự tánh mình bận rộn từ sáng đến tối. Căn bản là tự tánh vốn thanh tịnh viên mãn trùm khắp pháp giới, nhưng khi nó tiếp đãi quá nhiều vọng tưởng, thì nó không thể nghĩ ngơi. Nó tiếp xúc với vọng tưởng từ kiếp nầy sang kiếp khác không bao giờ ngưng. "Hôm nay vọng tưởng nầy mời tôi, ngày mai tôi được vọng tưởng kia mời đi xem kịch. Ngày kia tôi có hẹn với vọng tưởng kia được khiêu vũ, rồi có những buổi họp, giao tế xã hội. Nói chung có rất nhiều việc phải làm." Thế là từ kiếp nầy đến kiếp khác, từ vô thủy đến ngày nay, quý vị vẫn không ngừng việc giao tiếp.

Tuy Phật phát minh, nhưng không thể làm cho nó mất tác dụng.

Đức Phật thấy biết mọi việc đang diễn ra, nhưng ngài không thể nào khiến cho các vọng tưởng ấy mất tác dụng. Đức Phật không thể làm cho quý vị quay lưng, quay mặt về hướng khác. Quý vị vẫn kết bạn với vọng tưởng và không thể nào từ bỏ nó.

Xả bất liễu tử, hoán bất liễu sinh;
捨 不 了 死, 換 不 了 生
Xả bất liễu giả, thành bất liễu chân.
捨 不 了 假 , 城 不 了 真.

Quý vị hỏi rằng, "Có phải 'Xả bất liễu tử' có nghĩa là tôi phải chết ngay bây giờ. Và hoán bất liễu sinh có nghĩa là tôi phải rời bỏ đời sống nầy, chọn một đời sống khác?" Không phải như vậy. Mà có nghĩa là ngay khi quý vị còn sống, quý vị hãy tự xem mình như là người chết rồi. Nếu được như vậy, thì quý vị sẽ không choé lửa lên khi có người phê phán quý vị hoặc có người than phiền về quý vị. Hãy giả vờ như mình đã chết. Đừng có quá bận tâm về danh tiếng của mình, và đừng để phí sức vào cái vỏ sò nhỏ bé của cái thân hiện hữu nầy. Xả bất liễu tử theo cách như vậy. Thế là sau cái chết lớn, quý vị sẽ có được chỗ họat dụng rất lớn.
Xả bất liễu giả, thành bất liễu chân.
捨 不 了 假, 城 不 了 真.

Tại sao quý vị chưa có được chân tâm quý báu giác ngộ viên mãn? Vì quý vị có quá nhiều vọng tưởng và không thể nào từ bỏ được. Và hàng ngày quý vị truy tìm những thuận lợi từ hoàn cảnh phát sinh. Khi quý vị truy tìm những thuận lợi từ trong mọi hoàn cảnh, thì chẳng còn chút nào hy vọng thành tựu đạo nghiệp.

Phần nhiều con người để hết tâm lực vào những việc vô bổ. Những người để tâm tu đạo nên vận dụng công phu tu tập của mình vào những việc thiết thực.

‘Việc vô bổ’ đó có nghĩa là thân xác của quý vị, vì nó mà quý vị phải bị sai sử đi từ chỗ này đến chỗ kia. Một ngày nào đó, cái thân ấy cũng chết. ‘Việc thiết thực’ đó là tự tánh của chúng ta, tự tánh ấy không bao giờ chết. Khi thân xác nầy tan rã, thì tự tánh không chết. Nó chỉ tạm dời sang ngôi nhà mới mà thôi.

Kinh văn: **如是迷因,因迷自有。識迷無因,妄無所依。尚無有生,欲何為滅。得菩提者,如寤時人說夢中事。心縱精明,欲何因緣取夢中物。**

Phiên âm: Như thị mê nhân, nhân mê tự hữu. Thức mê vô nhân, vọng vô sở y. Thượng vô hữu sinh, dục hà vi diệt? Đắc bồ-đề giả, như ngộ thời nhân thuyết mộng trung sự. Tâm túng tinh minh, dục hà nhân duyên, thủ mộng trung vật?

Việt dịch: Nguyên nhân cái mê như vậy, là nhân mê mà tự có. Biết mê không có nguyên nhân, thì vọng chẳng còn chỗ tựa. Vốn không có chỗ sinh, muốn nó diệt làm gì? Người được chứng ngộ, như người đang thức mà nói chuyện trong mộng. Tâm dù có sáng suốt, nhưng với nhân duyên nào mà lấy được vật trong mộng?

Giảng: Nguyên nhân cái mê như vậy, là nhân mê mà tự có. Khi quý vị chạm trán với cái mê, cái mê dường như thực có. Vọng tưởng hiện ra như thật, nhưng thực ra chúng là giả. Quý vị dường như có chút vọng tưởng, nhưng thực sự cái mê ấy không có thực thể. Thế nên, không thể nói rằng mê sinh ra mê, vì cái mê vốn không có tự thể riêng biệt. Biết mê không có nguyên nhân–chẳng có chỗ nào cho cái mê nương vào, chẳng có hạt giống, chẳng có gốc rễ–thì vọng chẳng còn chỗ tựa. Một khi đã nhận ra cái mê vốn không có tự thể riêng biệt, thì làm sao mà cái vọng còn tồn tại được? Vốn không có chỗ sinh. Nó chưa từng sinh ra. Người cho rằng mình không có cái đầu cứ nghĩ rằng mình không có cái đầu, nhưng thực ra cái đầu mọc ngay trên vai mình. Cái mê là do nhất thời thiếu sáng suốt. Đó chẳng phải là hoàn toàn mê lầm để ngăn che tánh giác của quý vị. Vậy muốn nó diệt làm gì? Nó đã không sinh khởi, vậy làm sao nói nó diệt?

Người được chứng ngộ, như người đang thức mà nói chuyện trong mộng. Khi anh ta ngủ, thấy mình là vua, có cả triều đình, quan cận thần, thức ăn sơn hào hải vị, y phục sang trọng, được hưởng mọi thứ sung sướng không tưởng tượng nỗi. Tâm dù có sáng suốt, nhưng với nhân duyên nào mà lấy được vật trong mộng? Làm sao anh ta có thể đưa những sự kiện trong mộng ra cho mọi người xem? Không thể nào được. Ai là người có tâm sáng suốt? Chính là Đức Phật. Đức Phật có thể giảng pháp để chỉ cho quý vị thấy rằng anh vừa trải qua

mọi chuyện trong giấc mộng, nhưng Đức Phật không thể nào đem những sự việc trong mộng bày ra cho quý vị thấy như thực. Mọi việc ngài có thể làm là dùng ví dụ để chỉ dạy cho quý vị. Đừng có mong ngài lấy những vật ấy ra như là bằng chứng. Thế nên, Đức Phật là người tỉnh ngộ từ giấc mơ và có thể nói về những chuyện xảy ra trong mộng, nhưng ngài không thể nào lấy từ trong mộng những vật ấy ra để chỉ cho mình thấy.

Kinh văn: **況復無因,本無所有。如彼城中演若達多。豈有因緣,自怖頭走。忽然狂歇,頭非外得。縱歇 未狂亦何遺失?**

Phiên âm: Huống phục vô nhân, bổn vô sở hữu. Như bỉ thành trung Diễn-nhã-đạt-đa, khởi hữu nhân duyên tự bố đầu tẩu. Hốt nhiên cuồng yết, đầu phi ngoại đắc. Túng vị yết cuồng, diệc hà di thất?

Việt dịch: Huống nữa cái mê vốn không nhân, vốn không thực có. Như Diễn-nhã-đạt-đa trong thành kia, đâu có nhân duyên gì, tự sợ cái đầu của mình mà bỏ chạy. Bỗng nhiên hết điên, thấy cái đầu chẳng do bên ngoài đưa đến. Dù chưa hết cuồng, cái đầu cũng chưa từng mất.

Giảng: Huống nữa cái mê vốn không nhân. Do vì quý vị không thể bày ra được những gì thấy được trong mộng để chứng tỏ cho người khác biết rằng quý vị đã thấy được nó, huống gì làm sao có thể chỉ được so sánh hiện hữu của những thứ vốn không có nguồn gốc, không nguyên nhân, vì nó vốn không thực có. Cái mê chắc chắn không có thực thể hoặc hình tướng. Chẳng có 'vật' nào ở đó cả. Nó như Diễn-nhã-đạt-đa trong thành kia, đâu có nhân duyên gì, tự sợ cái đầu của mình mà bỏ chạy. Liệu có thực một nguyên cớ nào chăng? Tại sao anh ta phát sợ, bắt đầu thắc mắc về sự hiện hữu cái đầu của mình?

Mối nghi của anh ta như thế nầy: Anh ta bảo không thấy được cái đầu mình rồi kết luận luôn cái đầu không có. Anh ta thấy cái đầu trong gương nhưng không biết rằng nó chính là của mình. Anh ta nghĩ rằng nó hiện hữu độc lập với mình khi nó ở trong gương. Thế nên anh ta tự trách mắng mình vì không có đầu và tự cho mình là quái vật không đầu. Đó là lý do tại sao anh ta chạy quanh. Bỗng nhiên hết điên, thấy cái đầu chẳng do bên ngoài đưa đến.

Bệnh cuồng của anh ta sẽ hết, nhưng không phải do cái đầu đã xuất hiện trở lại từ một nơi nào đó. Điều nầy biểu tượng cho thực tế là dù chúng ta có sinh khởi mê lầm, thì mê ấy cũng không có tự thể; nó không có tướng trạng hoặc thực thể. Dù chân như của tự tánh có thể bị mê lầm, thì chân như cũng không bao giờ mất đi. Và khi không còn mê, không phải có nghĩa là người ấy đã thể nhập

chân như tự tánh. Tương tự như vậy, cái đầu của ai là thuộc người ấy suốt đời. Không có chuyện là được cái đầu hoặc mất cái đầu.

Dù chưa hết cuồng, cái đầu cũng chưa từng mất.

Khi Diễn-nhã-đạt-đa thấy mình mất đầu, thế nó đi đâu? Đó cũng là vấn đề của ngày nay. Nếu quý vị biết cái đầu mất đi đâu, thì quý vị đã hiểu được phần nào ý kinh nầy. Nếu quý vị không hiểu được cái đầu đi đâu thì phải chú tâm lắng nghe kinh ngay từ bây giờ, rồi quý vị sẽ hiểu. Dù cho trước khi chứng cuồng điên của Diễn-nhã-đạt-đa chấm dứt, thì thật sự anh ta có mất đầu không? Hay không mất? Thế nó đi đâu?

Kinh văn: **富樓那,妄性如是,因何為在?**

Phiên âm: Phú-lâu-na, vọng tánh như thị, nhân hà vi tại?

Việt dịch: Phú-lâu-na, tánh vọng tưởng là như vậy, nguyên nhân của nó do đâu mà tồn tại?

Giảng: Cái đầu thực ra không đi đâu cả. Nó vốn không mất. Lý do duy nhất khiến anh ta nghĩ rằng mình không có đầu là anh ta bị mê. Phú-lâu-na, tánh vọng tưởng là như vậy, nguyên nhân của nó do đâu mà tồn tại? Căn gốc của vọng ở đâu? Nó không có cái gì để nương tựa hoặc làm nền tảng cả. Không có căn gốc, thế thì, quý vị xem thử mê lầm và vọng tưởng thực sự ở đâu? Quý vị chẳng tìm ra được.

Kinh văn: **汝但不隨分別世間,業果,眾生,三種相續。三緣斷故,三因不生。**

Phiên âm: Nhữ đản bất đọa phân biệt thế gian, nghiệp quả, chúng sinh, tam chủng tương tục. Tam duyên đoạn cố, tam nhân bất sinh.

Việt dịch: Ông chỉ cần không theo sự phân biệt ba thứ tương tục: thế gian, nghiệp quả, chúng sinh. Do ba duyên đã đoạn, nên ba nhân không sanh.

Giảng: Ông chỉ cần– khỏi phải dùng phương pháp nào khác–đó là không theo sự phân biệt ba thứ tương tục: thế gian, nghiệp quả, chúng sinh. Do ba duyên đã đoạn, nên ba nhân không sanh. Nếu quý vị không sinh khởi sự phân biệt, thì sẽ không có thế gian, không có chúng sinh, không có nghiệp quả. Ba duyên nầy đã diệt trừ. Ba duyên nầy hiện hữu lần đầu là do vọng thức và tâm phân biệt. Khi các duyên không còn, thì nhân không thể phát khởi.

Kinh văn: **則汝心中演若達多。狂性自歇。歇即菩提。勝淨明心本周法界。不從人得,何藉劬勞,肯綮修證。**

Phiên âm: Tắc nhữ tâm trung Diễn-nhã-đạt-đa, cuồng tính tự yết. Yết tức bồ đề, thắng tỉnh minh tâm, bổn châu pháp giới. Bất tùng nhân đắc, hà tạ cù lao, khẳng khẩn tu chứng.

Việt dịch: Tánh cuồng của Diễn-nhã-đạt-đa trong tâm ông tự hết. Hết tức là tâm bồ-đề thù thắng trong sạch sáng suốt, vốn trùm khắp pháp giới. Không do người khác mà có. Nào cần phải nhờ tu chứng nhọc nhằn vất vả.

Giảng: Tánh cuồng của Diễn-nhã-đạt-đa trong tâm ông, tâm cuồng của ông, sẽ tự hết. Tâm cuống của ông sẽ tự dừng nghỉ. Ngay khi tâm cuồng hết tức là tâm bồ-đề. Không phải là khi tâm cuồng nầy hết rồi nó sẽ cuồng lại lần khác. Ngay chỗ dừng nghỉ chính là bồ-đề. Chỉ cần rời bỏ mê vọng thì ngay đó là chân. Đúng hơn, khi quý vị nhận ra được ngay trong cái mê, thì cái chân thực tự nó hiển bày. Đó chẳng phải là hai thực thể. Hiểu ra là chân, và khi chưa hiểu ra là mê. Cái mê ấy vốn không có căn gốc, nếu có thể làm cho nó dừng bặt, thì ngay đó chính là bồ-đề, là tánh giác ngộ.

Thù thắng trong sạch sáng suốt, không có gì để so sánh được và rất trong sạch, sáng suốt, chiếu khắp mọi nơi, vốn trùm khắp pháp giới. Không do người khác mà có. Nghĩa là, không do bên ngoài mà có. Nó là cái vốn có sẵn trong mọi người. Đó là chân tâm–là tâm thù thắng, thanh tịnh, sáng suốt–tâm nầy chẳng lớn hơn ở chư Phật, hoặc nhỏ hơn, thậm chỉ chẳng nhỏ hơn chút nào ở mỗi chúng sinh, dù chúng sinh đang lúc ở trong mê. Tâm thù thắng, thanh tịnh, sáng suốt đều vốn có sẵn trong mỗi chúng sinh; không ai thiếu sót tâm nầy. Tâm ấy không phải là cái gì vay mượn từ người khác hoặc do bên ngoài mà có được.

Nào cần phải nhờ tu chứng nhọc nhằn vất vả. Một ví dụ về sự nhọc nhằn vất vả là khi cha mẹ nuôi dạy con cái. Cho con bú, thay tả lót, và làm hết sức mình vì lòng thương và mối lo lắng vì con. Vì lẽ ấy, quý vị không cần phải xem tự tánh mình như trẻ con và phải cực nhọc vất vả nuôi nấng chăm sóc nó vì tự tánh là vốn có sẵn trong mình. Ông không cần phải chăm sóc nó quá sức nhọc nhằn vất vả.”

Khẳng khẩn 肯綮, vốn từ nầy xuất phát trong Thiên Dưỡng sinh, Bào Đinh giải ngưu của Trang Tử. Khẳng là chỗ giữa xương và thịt. Khẩn là chỗ giữa gân và

thịt. Bào Đinh 庖丁 là người chuyên nghề mổ trâu, chỉ cần một nhát dao là có thể xẻ thịt con trâu thành từng phần thịt, xương, gân rạch ròi. Nghĩa trong kinh văn là quý vị không cần phải tính toán hoạch định chương trình làm sao để tu hành và để được chứng ngộ. Chẳng có pháp nào để tu và để chứng cả. Tu mà như không tu; chứng mà như chẳng có gì để chứng. Đây là vô công dụng đạo. Điều vi diệu của pháp nầy là hoàn toàn thông suốt và không có gì chướng ngại. Quý vị khỏi cần phải tu, khỏi cần phải chứng gì cả. Quý vị không nghe A-nan đã nói trong phần trước rồi đó sao? “Bất lịch tăng kỳ hoạch pháp thân.” Ngài chẳng cần phải trải qua a-tăng-kỳ kiếp mới chứng ngộ được pháp thân. Diệu pháp của Kinh Thủ-lăng-nghiêm là ở điểm nầy. Là chẳng cần phải nhờ vào tu chứng nhọc nhằn vất vả.

Kinh văn: **譬如有人,於自衣中,繫如意珠,不自覺知。窮露他方,乞食馳走。雖實貧窮,珠不曾失。**

Phiên âm: Thí như hữu nhân, ư tự y trung, hệ như ý châu, bất tự giác tri. Cùng lộ tha phương, khất thực trì tẩu. Tuy thật bần cùng, châu bất tằng thất.

Việt dịch: Như có người trong chéo áo mình có buộc hạt châu như ý mà không tự biết. Đành chịu nghèo khổ đi khắp nơi xin ăn. Tuy thật nghèo cùng, nhưng hạt châu chưa từng mất.

Giảng: Nếu tánh cuồng của Diễn-nhã-đạt-đa trong quý vị, tức tâm cuồng của quý vị dừng bặt–nếu tâm vọng tưởng của quý vị, trạng thái mê mờ chưa không sáng suốt của quý vị biến mất–thì tâm bồ-đề sẽ hiện ra. Nhưng, tướng trạng của bồ-đề chẳng phải là cái gì để có thể đạt được từ bên ngoài, cũng chẳng cần phải nuôi dưỡng bên trong mình mới có. Đó là cái mà mình đã vốn có từ xưa nay. Đức Phật bây giờ cho Phú-lâu-na một ví dụ khác: Điều nầy giống như có người trong chéo áo mình có buộc hạt châu như ý mà không tự biết.

Hạt châu như ý khiến cho bất kỳ mong ước nào của mình đều biến thành hiện thực. Thủ nhãn đầu tiên trong Chú đại bi là Như ý châu thủ nhãn. Nếu quý vị muốn vàng là có vàng, Nếu quý vị muốn bạc là có bạc, mọi thứ đều có được từ viên như ý châu. Ai mà có viên như ý châu thì người ấy giàu nhất thế gian. Quý vị có thể có bất kỳ thứ gì mà mình ưa thích.

Người mà trong ví dụ của Đức Phật có viên như ý châu trong áo mà anh ta không biết. Có lẽ anh ta biết, nhưng trải qua thời gian, anh ta quên mất. Anh ta có lẽ là người hay quên, thậm chí không nhớ được việc quan trọng như vậy.

Đành chịu nghèo khổ. Anh ta nghèo cùng, không một đồng xu dính túi, cơ cực đến nỗi không có áo quần để mặc.

Có lẽ không có nơi trú ngụ để ngủ qua đêm trên đường lang thang. Như thế thì anh ta không được như những người cùng rủ nhau đi cắm trại ngoài trời. Họ làm việc ấy vì vui. Người nầy thì quá nghèo cùng và không còn cách để lựa chọn. Anh ta phải đi khắp nơi xin ăn. Rốt cục anh là người ăn xin. Tuy thật nghèo cùng, nhưng hạt châu chưa từng mất. Mặc dù thực tế anh ta là kẻ nghèo cùng, anh ta vẫn không đánh mất viên ngọc như ý. Điều nầy chứng tỏ rằng dù mọi người có ở trong mê, thì chân tánh của mình vẫn không hề mất.

Con người có thể mê lầm, không hiểu biết, chẳng chịu học Phật pháp, tuy vậy, chân tánh vẫn không hề mất. Những người nầy tham đắm giàu sang, danh vọng thế gian, tham đắm sung sướng hưởng thụ, không nhận ra rằng những thứ của cải phàm trần nầy chẳng làm nên cái giàu sang chân thật. Người nghèo nhất là người chưa nhận ra đạo lý chân thật nầy. Vì quý vị chưa hiểu được Phật pháp, quý vị không nhận ra được chân tánh của mình cũng như viên ngọc như ý ẩn trong chéo áo. Nhưng, dù cho quý vị chưa nhận ra chân tánh của mình, thì tánh Như Lai tạng–bản tâm thù thắng sáng suốt vi diệu–chắc chắn vẫn không mất. Vẫn vốn có trong quý vị.

Những ai đã từng tu tập và tin rằng tự tánh vẫn thường hiện hữu trong mình, và họ siêng năng khám phá gia tài vốn có của mình, thì đó là người chân thực giàu sang.

Kinh văn: **忽有智者,指 示其珠。所願從心,致大饒富。方悟神珠,非從外得。**

Phiên âm: Hốt hữu trí giả, chỉ thị kỳ châu. Sở nguyện tùng tâm, trí đại nhiêu phú. Phương ngộ thần châu phi tùng ngoại đắc.

Việt dịch: Bỗng có người trí chỉ cho thấy hạt châu ấy. Điều mong cầu toại nguyện, trở nên rất giàu. Mới biết hạt châu quý báu ấy không phải do bên ngoài mà có.

Giảng: Bỗng có người trí chỉ cho thấy hạt châu ấy. Người trí là chỉ cho Đức Phật. Chỉ cho thấy hạt châu trong chéo áo là dụ cho chỉ ra Phật tánh vốn có trong mình. Điều mong cầu toại nguyện, khi đã có được viên ngọc như ý, thì muốn điều gì đều được, và trở nên rất giàu. Anh ta trở nên vị trưởng giả với của cải rất lớn. Anh ta có rất nhiều tiền đến mức không đếm được, dù có sự giúp sức của người kế toán. Đại nhiêu phú–Rất giàu, là biểu tượng cho trí huệ từ bản tâm của người đã chứng được bồ-đề. Mới biết hạt châu quý báu ấy không

phải do bên ngoài mà có. Anh ta nhận ra rằng viên "thần châu," viên ngọc như ý, chẳng phải do từ bên ngoài mà có.

Điều nầy có nghĩa là anh ta biết rằng Phật tánh vốn có của mình không phải do anh ta tìm kiếm bên ngoài mà có. Khi quý vị thành tựu Phật quả rồi, mới biết rõ, và thốt lên, "Ồ! Thì ra là như vậy!" Khi quý vị chứng ngộ, sẽ nhận ra rằng mình vốn là người đã giác ngộ từ lâu rồi. Quý vị sẽ nghĩ rằng, "Nếu mình nhận ra điều nầy sớm hơn, mình sẽ khỏi phải mất công quá nhiều, khỏi phải đi khắp nơi xin ăn. Mình khỏi phải chịu nghèo khó cơ cực lâu đến thế."

Nhưng quý vị không gặp được thiện tri thức chỉ cho mình, nên dành phải quên mất. Thế nên, khi nghe lời chỉ dạy trong Kinh Thủ-lăng-nghiêm, mỗi người trong quý vị phải tự khám phá ra viên ngọc như ý trong chéo áo của mình. Nếu mình phát hiện ra viên ngọc ấy, thì mình trở thành người giàu sang nhất thiên hạ. Có bài kệ diễn tả sự giàu sang ấy như sau:

Tâm chỉ niệm tuyệt chân phú quý

心 止 念 絕 真 富 貴

Tư dục đoạn tận chân phước điền.

私 慾 斷 盡 真 福 田.

Nếu tâm vọng tưởng dừng bặt, nếu tư tưởng điên cuồng dứt sạch, thì mình là người giàu sang đích thực. Thế nên nếu khi chúng ta có được viên ngọc như ý, mình sẽ không còn lòng ham muốn nữa, vì mình đã có tất cả mọi thứ. Mọi thứ đều là của mình, và nếu quý vị không phải là người ích kỷ, không có tâm tham lam, thì quý vị là người đại biểu cho phước điền chân thật.

CHƯƠNG 3
A-NAN CHẤP VÀO NHÂN DUYÊN

Kinh văn: 即時阿難在大眾中。頂禮佛足起立白佛。世尊現說殺盜婬業。三緣斷故三因不生。心中達多狂性自歇,歇即菩提。不從人得。斯則因緣皎然明白。云何如來頓棄因緣?

Phiên âm: Tức thời A-nan tại đại chúng trung, đảnh lễ Phật túc, khởi lập bạch Phật. Thế tôn hiện thuyết sát đạo dâm nghiệp, tam duyên đoạn cố, tam nhân bất sanh. Tâm trung Đạt-đa, cuồng tính tự yết, yết tức bồ-đề, bất tùng nhân đắc. Tư tắc nhân duyên hiệu nhiên minh bạch. Vân hà Như Lai đốn khí nhân duyên?

Việt dịch: Khi ấy, A-nan liền từ trong đại chúng đứng dậy, đảnh lễ sát dưới chân Phật rồi bạch rằng, "Thế tôn giảng rằng khi ba duyên của các nghiệp sát đạo dâm đã dứt trừ, thì các nhân của chúng không còn sinh khởi nữa. Tánh cuồng trong tâm của Diễn-nhã-đạt-đa tự hết, hết tức bồ-đề. Chẳng phải có được do từ người khác. Đây rõ ràng là nghĩa nhân duyên. Tại sao Như Lai vội bỏ nghĩa nhân duyên?"

Giảng: Khi ấy, A-nan liền từ trong đại chúng đứng dậy, đảnh lễ sát dưới chân Phật rồi bạch rằng, "Thế tôn giảng rằng khi ba duyên của các nghiệp sát đạo dâm đã dứt trừ."– Đức Phật đã giảng giải vì sao mà tính thích sát hại, thích trộm cắp, thích dâm dục, ba thứ nghiệp nầy, khiến cho thế gian tương tục, chúng sinh tương tục và nghiệp quả tương tục.

Khi những duyên nầy dứt trừ sạch, thì các nhân của chúng không còn sinh khởi nữa. Tánh cuồng trong tâm của Diễn-nhã-đạt-đa tự hết, hết tức bồ-đề. Chẳng phải có được do từ người khác. Không phải do từ bên ngoài mà có. Đó là điều Đức Phật muốn nói. Đây rõ ràng là nghĩa nhân duyên. Đạo lý nầy quá hiển nhiên là pháp nhân duyên. Tại sao Như Lai vội bỏ nghĩa nhân duyên?" Tại sao Như Lai lại bác bỏ nhân duyên, tự nhiên và hòa hợp. Những gì ngài đang nói bây giờ có phải là pháp nhân duyên hay không?

Kinh văn: **我從因緣心得開悟。世尊,此義何獨我等年少有學聲聞。今此會中大目犍連。及舍利弗須菩提等。從老梵志聞佛因緣。發心開悟得成無漏。**

Phiên âm: Ngã tùng nhân duyên tâm đắc khai ngộ. Thế tôn, thử nghĩa hà độc ngã đẳng niên thiếu hữu học Thanh văn, kim thử hội trung Đại Mục-kiền-liên, cập Xá-lợi-phất, Tu-bồ-đề đẳng, tùng lão Phạm chí, văn Phật nhân duyên, phát tâm khai ngộ, đắc thành vô lậu.

Việt dịch: Chính con cũng do nhân duyên mà được khai ngộ. Bạch Thế tôn, nghĩa nầy chẳng riêng hàng Thanh văn nhỏ tuổi hữu học như chúng con, mà các vị ngay trong hội nầy như Đại Mục-kiền-liên, Xá-lợi-phất, Tu-bồ-đề… từ khi theo các vị Bà-la-môn, nghe lý nhân duyên của Phật, liền phát tâm khai ngộ, chứng được quả vô lậu.

Giảng: A-nan thưa, "Chính con cũng do nhân duyên mà được khai ngộ. Bạch Thế tôn, nghĩa nầy chẳng riêng hàng Thanh văn nhỏ tuổi hữu học như chúng con, mà các vị ngay trong hội nầy." Giai vị thứ tư của hàng A-la-hán mới được gọi là 'vô học.' Những người còn trong giai vị sơ quả đến quả vị thứ ba đều được gọi là hữu học. Thanh văn là những vị A-la-hán chứng đạo nhờ nghe Đức Phật giảng pháp.

Đại Mục-kiền-liên là con của dòng họ Thái Thúc thị, Xá-lợi-phất là con của Thu tử, và Tu-bồ-đề là Không sanh, từ khi theo các vị Phạm chí –tức bà-la-môn, theo thuyết tự nhiên–nghe lý nhân duyên của Phật, liền phát tâm khai ngộ, chứng được quả vô lậu. Họ nghe giáo lý thập nhị nhân duyên do Đức Phật giảng mà được chứng ngộ. Họ trở thành A-la-hán vô lậu. Họ không còn vô minh nữa. Đó là:

Chư lậu dĩ tận, phạm hạnh dĩ lập,
諸 漏 已盡, 梵 行 已 立
Sở tác dĩ biện, bất thọ hậu hữu.
所 作 已 辦, 不 受 後 有.

Khi các lậu hoặc đã diệt trừ sạch, trở thành tứ quả A-la-hán– chứng được quả tịch diệt vô lậu. Các công hạnh tu tập đã hoàn tất, và không còn phải trải qua luân hồi sinh tử nữa.

Kinh văn: **今說菩提不從因緣。則王舍城拘舍梨等。所說自然,成第一義。惟垂大悲開發迷悶.**

Phiên âm: Kim thuyết bồ-đề bất tùng nhân duyên. Tắc Vương xá thành, câu xá lê đẳng. Sở thuyết tự nhiên, thành đệ nhất nghĩa. Duy thùy đại bi khai phát mê muội.

Việt dịch: Nay Thế tôn dạy bồ-đề không do nhân duyên, thì thuyết tự nhiên của nhóm Câu-xá-lê ở thành Vương xá lại thành đệ nhất nghĩa. Cúi mong Đấng đại bi khai mở chỗ mê lầm cho chúng con.

Giảng: Bạch Thế tôn, trước đây ngài đã giảng pháp mười hai nhân duyên, các A-la-hán đã khai ngộ và chứng được các quả vị. Nay Thế tôn dạy bồ-đề không do nhân duyên, thì thuyết tự nhiên của nhóm Câu-xá-lê ở thành Vương xá lại thành đệ nhất nghĩa!

Mạt-già-lê Câu-xa-lê Tử là thủ lĩnh luận sư ngoại đạo chủ trương thuyết tự nhiên. Tên ông ta có nghĩa là Bất kiến đạo 不見道. Khi giảng giải thuyết nhân duyên, Đức Phật đã phá bỏ thuyết tự nhiên. Nay ngài lại bác bỏ thuyết nhân duyên, theo A-nan, thì thuyết tự nhiên phải thành đệ nhất nghĩa. Cúi mong Đấng đại bi khai mở chỗ mê lầm cho chúng con. Bạch Phật, với tâm đại từ đại bi của ngài, con nguyện xin ngài khai thị để cho chúng con khai mở tâm mê. Chỉ bày cho chúng con, vốn bị quá nhiều vọng tưởng nên chưa nhận ra chân lý.

Kinh văn: **佛告阿難,即如城中演若達多。狂性因緣若得滅除。則不狂性自然而出。因緣自然理窮於是。**

Phiên âm: Phật cáo A-nan, tức như thành trung Diễn-nhã-đạt-đa. Cuồng tánh nhân duyên nhược đắc diệt trừ, tắc bất cuồng tính tự nhiên nhi xuất. Nhân duyên tự nhiên lý cùng ư thị.

Việt dịch: Đức Phật bảo A-nan, "Như Diễn-nhã-đạt-đa trong thành, nếu trừ được nhân duyên của tánh cuồng, thì tánh không cuồng tự nhiên hiện ra. Lý nhân duyên tự nhiên rốt ráo cũng như vậy."

Giảng: Đức Phật bảo A-nan, "Như Diễn-nhã-đạt-đa trong thành, nếu trừ được nhân duyên của tánh cuồng. Ông có thể giải thích nguyên nhân tánh cuồng của anh ta được chăng? Nếu tánh cuồng ấy dứt hẳn, thì tánh không cuồng tự nhiên hiện ra. Lý nhân duyên tự nhiên rốt ráo cũng như vậy. Hãy nói cho Như Lai biết, khía cạnh nào trong tình cảnh của anh ta sinh khởi từ nhân duyên, khía cạnh nào sinh khởi do tự nhiên? Đó là những gì đề cập đến hai giáo lý (nhân duyên, tự nhiên), chính là vấn đề Như Lai giảng giải ở đây."

Kinh văn: **阿難,演若達多頭本自然。本自其然,無然非自。何因緣故,怖頭狂走?**

Phiên âm: A-nan, Diễn-nhã-đạt-đa đầu bổn tự nhiên. Bổn tự kỳ nhiên, vô nhiên phi tự. Hà nhân duyên cố, bố đầu cuồng tẩu?

Việt dịch: A-nan, như cái đầu của Diễn-nhã-đạt-đa vốn là tự nhiên. Vốn đã tự nhiên như thế thì có lúc nào mà không tự nhiên. Thế vì nhân duyên gì mà sợ cái đầu, phát điên bỏ chạy?

Giảng: A-nan, ông không nhận ra rằng như cái đầu của Diễn-nhã-đạt-đa vốn là tự nhiên hay sao? Anh ta không bao giờ mất cái đầu, và anh ta không có chuyện tìm lại đầu. Vốn đã tự nhiên như thế. Đó chính là điều đang diễn ra đúng với anh. Anh có một cái đầu. Thì có lúc nào mà không tự nhiên. Vốn chưa từng có lúc nào anh ta không có đầu. Thế vì nhân duyên gì mà sợ cái đầu, phát điên bỏ chạy? Đầu anh ta vẫn còn đó; nó không bao giờ mất. Ông nói xem, tại sao anh ta hoảng hốt và sợ hãi vì mình không có đầu. Anh ta sợ chính mình đã bị mất đầu và chạy quanh như một người điên. Nhân duyên của chuyện nầy là gì? Thuyết tự nhiên nằm ở đâu?

Kinh văn: **若自然頭,因緣故狂,何不自然因緣故失?**

Phiên âm: Nhược tự nhiên đầu, nhân duyên cố cuồng, hà bất tự nhiên nhân duyên cố thất?

Việt dịch: Nếu cái đầu vốn là tự nhiên, do nhân duyên mà phát cuồng, vì sao lại không tự nhiên do nhân duyên mà mất?

Giảng: Tại sao anh ta không thực sự mất cái đầu một cách tự nhiên hẳn luôn?

Kinh văn: **本頭不失,狂怖妄出。曾無變易, 何藉因緣。**

Phiên âm: Bổn đầu bất thất, cuồng bố vọng xuất. Tằng vô biến dị, hà tạ nhân duyên.

Việt dịch: Đầu vốn không mất, nỗi cuồng sợ hư vọng phát ra. Vốn chưa từng thay đổi gì, đâu cần đến nhân duyên.

Giảng: Đầu vốn không mất, nỗi cuồng sợ hư vọng phát ra. Một buổi sáng, anh ta lấy tấm gương tự soi mình và nói rằng thấy được mắt và lông mày ở trên đầu rất rõ, nhưng băn khoăn vì không thấy được mặt và mắt của mình. Phát khởi cuồng điên và lo sợ, anh ta chạy đi khắp nơi. Nỗi lo sợ và điên cuồng của anh ta phát sinh từ hư vọng. Vốn chưa từng thay đổi gì. Dù anh ta điên cuồng và sợ hãi chạy khắp, lo rằng mình không có đầu, nhưng thực sự chẳng có gì thay đổi nơi anh cả. Thế đâu cần đến nhân duyên. Quý vị định lập nhân duyên gì ở đây? Có liên quan gì với thuyết tự nhiên?

Kinh văn: **本狂自然,本有狂怖, 未狂之際,狂何所潛?**

Phiên âm: Bổn cuồng tự nhiên, bổn hữu cuồng bố, vị cuồng chi tế, cuồng hà sở tiềm?

Việt dịch: Nếu tánh cuồng vốn là tự nhiên, vốn sẵn có tánh cuồng sợ, thì khi chưa cuồng, tánh cuồng ở đâu?

Giảng: Nếu tánh cuồng vốn là tự nhiên–nếu quý vị muốn lập luận rằng thực tế tánh cuồng chính nó tự nhiên sinh khởi, vốn sẵn có tánh cuồng sợ–tánh cuồng điên và sợ đã có sẵn ở đó mọi lúc rồi. Vậy thì khi chưa cuồng, tánh cuồng ở đâu? Hãy chỉ cho tôi tánh cuồng sợ ấy ẩn nấp nơi nào. Quý vị không thể nào tìm ra được chỗ ấy.

Kinh văn: **不狂自然,頭本無妄,何為狂走?**

Phiên âm: **Bất cuồng tự nhiên, đầu bổn vô vọng, hà vi cuồng tẩu?**

Việt dịch: Nếu tánh chẳng cuồng là tự nhiên, cái đầu vốn không mất, tại sao lại điên cuồng chạy khắp?

Giảng: Nếu tánh chẳng cuồng là tự nhiên–chúng ta có thể giả sử rằng tự nhiên anh ta vốn chẳng cuồng, cái đầu vốn không mất– cái đầu chẳng có gì hư vọng cả, chẳng có cái đầu nào giả mạo ở chỗ vốn có của nó–tại sao lại điên cuồng chạy khắp? Tại sao anh lại điên cuồng chạy khắp chốn như thế?

Kinh văn: **若悟本頭,識知狂走; 因緣自然俱為戲論。是故我言,三緣斷故,即菩提心。**

Phiên âm: **Nhược ngộ bổn đầu, thức tri cuồng tẩu; nhân duyên tự nhiên câu vi hí luận. Thị cố ngã ngôn, tam duyên đoạn cố, tức bồ-đề tâm.**

Việt dịch: Nếu nhận cái đầu là vốn có, rõ biết vì phát cuồng mà bỏ chạy; thì nhân duyên, tự nhiên đều là hí luận. Thế nên Như Lai nói khi ba duyên đoạn trừ, đó tức là bồ-đề tâm.

Giảng: A-nan, nếu nhận cái đầu là vốn có–nếu ông biết rõ ràng về cái đầu của mình–rõ biết vì phát cuồng mà bỏ chạy: ông biết rằng chính mình là người điên cuồng đang chạy quanh. Khi ông nhận ra rằng mình chẳng bị mất đầu, và chẳng có lý do gì để mình điên cuồng chạy quanh, thì nhân duyên, tự nhiên đều là hí luận. Khi ấy nói nhân duyên hay tự nhiên đều là trò cười. Thế nên Như Lai nói khi ba duyên đoạn trừ, đó tức là bồ-đề tâm. Chỉ khi nào ba nghiệp sát, đạo, dâm dứt sạch trong tâm ông rồi, khi nào ông dứt trừ những nhân duyên nầy, thì ngay đó bồ-đề tâm của ông hiển bày.

Kinh văn: **菩提心生生滅心滅。此但生滅。**

Phiên âm: **Bồ-đề tâm sinh, sinh diệt tâm diệt. Thử đản sanh diệt.**

Việt dịch: Tâm bồ-đề sinh ra, tâm sinh diệt diệt đi. Đó chỉ là sinh diệt.

Giảng: Chúng ta nói tâm bồ-đề sinh ra và tâm sinh diệt diệt mất, nhưng thực sự cả hai đều không có thể tánh chân thực.

Kinh văn: **滅生俱盡,無功用道。若有自然。如是則明,自然心生。生滅心滅,此亦生滅。**

Phiên âm: **Diệt sanh câu tận, vô công dụng đạo. Nhược hữu tự nhiên, như thị tắc minh, tự nhiên tâm sanh. Sanh diệt tâm diệt, thử diệc sinh diệt.**

Việt dịch: Diệt và sanh đều dứt, đó gọi là vô công dụng đạo. Nếu có tự nhiên, như thế rõ ràng tâm tự nhiên sanh. Khi tâm sanh diệt đã diệt, thì đó cũng chỉ là sanh diệt.

Giảng: Diệt và sanh đều dứt, đó gọi là vô công dụng đạo. Đó chính là đại đinh Thủ-lăng-nghiêm. Nếu có tự nhiên, như thế rõ ràng tâm tự nhiên sanh. Ông nên biết rằng nếu đó là tự nhiên, thì đó chính là niệm tưởng tự nhiên sanh khởi, và khi tâm sanh diệt đã diệt, thì ông cũng phải biết rằng, đó cũng chỉ là sanh diệt. Nếu ông nhận ra rằng cái tâm là đối tượng của sinh diệt đã bị diệt mất rồi, thì đó cũng là một trường hợp của sinh diệt. Chứ không phải là do tự nhiên.

Kinh văn: **無生滅者名為自然。猶如世間諸相雜和成一體者,名和合性。**

Phiên âm: **Vô sanh diệt giả danh vi tự nhiên. Do như thế gian chư tướng tạp hòa thành nhất thể giả, danh hòa hợp tánh.**

Việt dịch: Phải không sanh diệt, mới gọi là tự nhiên. Như trong thế gian, các tướng hòa hợp với nhau thành một thể. Đó gọi là tánh hòa hợp.

Giảng: Phải không sanh diệt, mới gọi là tự nhiên. Như trong thế gian, các tướng hòa hợp với nhau thành một thể. Đó gọi là tánh hòa hợp.

Nói rằng tự nhiên là đối nghịch với sanh diệt cũng như thể nói rằng tự nhiên là đối nghịch với các tướng hòa hợp trong thế gian thành một thể. Giống như nói rằng không hòa hợp là tự nhiên. Trong những thuật ngữ nầy, 'tự nhiên' là vẫn còn trong phạm trù nhị nguyên.

Kinh văn: **非和合者稱本然性。本然非然,和合非合。合然俱離,離合俱非。此句方名無戲論法。**

Phiên âm: **Phi hòa hợp giả xưng bản nhiên tánh. Bản nhiên phi nhiên, hòa hợp phi hợp. Hợp nhiên câu ly, ly hợp câu phi. Thử cú phương danh vô hí luận pháp.**

Việt dịch: Cái chẳng phải hòa hợp thì gọi là tánh bản nhiên. Bản nhiên chẳng phải là bản nhiên, hòa hợp chẳng phải là hòa hợp. Hòa hợp và bản

nhiên đều rời bỏ, ngay cả cái rời bỏ đều chẳng phải. Câu nói nầy mới được gọi là pháp không hí luận.

Giảng: Cái chẳng phải hòa hợp thì gọi là tánh bản nhiên. Bản nhiên chẳng phải là bản nhiên, hòa hợp chẳng phải là hòa hợp.

"Hòa hợp" là chỉ cho nhân duyên. Khi tự nhiên chẳng phải là tự nhiên và hòa hợp không có nhân duyên của hòa hợp, thế là hòa hợp và bản nhiên đều rời bỏ. Hai thuyết tự nhiên và hòa hợp đều được khiển trừ. Ngay cả cái rời bỏ đều chẳng phải. Khi tách rời hẳn nhân duyên và tự nhiên, thì còn nhân duyên và tự nhiên, cả hai pháp đều phải khiển trừ. Câu nói nầy mới được gọi là pháp không hí luận. Chẳng phải nhân duyên cũng chẳng phải tự nhiên. Đó mới là lời giải thích chân thực vì đó không phải là hí luận–đó không phải là lời nói để đánh đố.

Kinh văn: **菩提涅槃尚在遙遠, 非汝歷劫辛勤修證。**

Phiên âm: Bồ đề niết bàn thượng tại dao viễn, phi nhữ lịch kiếp tân cần tu chứng.

Việt dịch: Bồ-đề niết-bàn còn cách rất xa, nếu ông không chịu trải qua nhiều kiếp siêng năng khổ nhọc tu chứng.

Giảng: Bồ-đề niết-bàn, các quả vị nầy, còn cách rất xa, nếu ông không chịu trải qua nhiều kiếp siêng năng khổ nhọc tu chứng. Nếu các ông thử xem mình hiên đang ở đâu, A-nan, bồ-đề và niết-bàn vẫn còn cách các ông thật là xa. Các ông chắc chắn phải còn trải qua nhiều kiếp, phải chịu nhiều khổ nhọc và nhiều nỗ lực trước khi các ông thành tựu đạo nghiệp và chứng được quả vị bồ-đề niết-bàn.

Kinh văn: **雖復憶持十方如來十二部經清淨妙理如恒河沙,秖益戲論。**

Phiên âm: Tuy phục ức trì thập phương Như Lai thập nhị bộ kinh thanh tịnh diệu lý như Hằng hà sa, chỉ ích hí luận.

Việt dịch: Ông tuy ghi nhớ diệu lý thanh tịnh nhiệm mầu trong 12 bộ kinh của các Đức Như Lai trong mười phương như số cát sông Hằng, cũng chỉ càng thêm hí luận.

Giảng: Ông tuy ghi nhớ, ông tuy có thể ghi nhớ rất rõ và không bao giờ quên mất điều gì, diệu lý thanh tịnh nhiệm mầu trong mười hai bộ kinh của các Đức Như Lai trong mười phương như số cát sông Hằng.

Tôi đã giải thích về mười hai bộ kinh ngay từ đầu hội kinh nầy, không biết có ai còn nhớ không? Trong nhân duyên bộ kinh chứa trọn giáo lý vi diệu thanh tịnh của các Đức Phật Như Lai trong khắp mười phương nhiều như cát sông Hằng, nhưng đó cũng chỉ càng thêm hí luận. Dù ông có nhớ rất nhiều bộ kinh, cũng chẳng giúp ông gì thêm ngoài sự tăng thêm hí luận. Việc ấy không thiết thực.

Kinh văn: **汝雖談說因緣自然決定明了。人間稱汝多聞第一。 以此積劫多聞熏習。不能免離摩登伽難。**

Phiên âm: Nhữ tuy đàm thuyết nhân duyên tự nhiên quyết định minh liễu. Nhân gian xưng nhữ đa văn đệ nhất. Dĩ thử tích kiếp đa văn huân tập, bất năng miễn li Ma-đăng-già nạn.

Việt dịch: Ông tuy luận bàn nghĩa nhân duyên tự nhiên dứt khoát rõ ràng. Nhưng ông không thoát khỏi nạn Ma-đăng-già.

Giảng: Tôi sẽ kể lại mười hai bộ kinh cho quý vị:
1. Trường hàng.
2. Trùng tụng.
3. Thọ ký
4. Cô khởi.
5. Tự thuyết.
6. Nhân duyên.
7. Thí dụ.
8. Bổn sự.
9. Bổn sinh.
10. Phương quảng.
11. Vị tằng hữu.
12. Luận nghị.

Khi tôi liệt kê như vậy, tôi không căn cứ hoặc tra cứu đến một cuốn luận nào cả. Tôi chỉ ghi nhớ. Tương tự như vậy, trong quý vị đây ai đến nghe giảng kinh nên nhớ kỹ những gì mình học được. Khi nghe, nên nhắm vào điểm nào để ghi nhớ. Thật là phiền toái khi mình không nhớ rõ được những gì mình đã học, thế nên quý vị phải xem lại kỹ những gì mình sẽ giải thích. Quý vị nên ghi nhớ phần chính yếu của bộ kinh.

Ông tuy luận bàn nghĩa nhân duyên tự nhiên dứt khoát rõ ràng. Ông có thể nhớ những điểm chính yếu rất rõ ràng và giải thích chúng rất mạch lạc. Người đời gọi ông là bậc nhất đa văn. Với tài đa văn huân tập từ nhiều kiếp đó. Ông đã phát huy trí thông minh và sức ghi nhớ giỏi của ông. Ồ! Bây giờ tôi mới biết. Tôi biết tại sao trong quý vị không có ai nhớ được những điều tôi đã giảng. Tôi thì nhận ra ngay mỗi khi đọc từng đoạn văn trong kinh. Trước đây chuyện ấy không hề xảy ra. Quý vị thấy rằng A-nan nhớ rất nhiều bộ kinh nhưng điều ấy không làm cho A-nan tốt hơn, thế nên quý vị quyết định không thèm ghi nhớ một câu kinh nào cả. Quý vị không muốn như A-nan, người nhờ vào đa văn mà bỏ qua việc tu tập định lực. Vấn đề là ở đó, phải không?

A-nan trở nên mê muội vì việc học và nghiên cứu, như hương trầm tràn ngập không khí trong phòng nầy. Thực vậy, trong quý vị ai có thường đến nghe kinh hằng ngày thì mới mong ghi nhớ được những điều mình nghe, nhưng hãy nghĩ đến sự giúp ích như thế nào trong việc giải trừ các tập khí sai lầm của quý vị. Ít nhất là khi đang nghe kinh, quý vị không hút thuốc và không làm việc gì có hại cho thân tâm. Mỗi ngày càng nghe kinh càng trở nên tốt hơn. Có người nói rằng khi nghe kinh, họ được tiến bộ chút ít và cũng thụt lùi chút ít, nhưng phân tích rốt ráo, thụt lùi do nghe kinh vẫn tốt hơn khi không nghe gì cả. Nếu quý vị không tiến được bước nào cả, làm sao tôi có thể nói về sự tụt hậu?

“Nhưng ông không thoát khỏi nạn Ma-đăng-già. Dù ông nhớ rất giỏi, nhưng ông vẫn không thể nào tránh khỏi những rắc rối từ Ma-đăng-già. Nói cách khác, khi ông gặp phụ nữ, ông dao động. Hãy nói cho Như Lai biết, ông dùng những cái biết ấy vào việc gì? Dù ông có đọc bao nhiêu bộ kinh, dù ông có nhớ được bao nhiêu Phật pháp, những điều ấy có ích gì nếu khi ông gặp phụ nữ là ông liền quên hết? Tại sao ông như vậy?” Đức Phật hỏi A-nan. Chắc chắn lúc ấy A-nan phải đỏ mặt. Mặc dù ngài được công nhận là đã chứng được sơ quả A-la-hán, nhưng chắc hẳn là ngài phải bối rối khi Đức Phật hỏi như vậy.

Kinh văn: **何因待我佛頂神咒。摩登伽心婬火頓歇得阿那含。於我法中成精進林。愛河乾枯,令汝解脫。**

Phiên âm: Hà nhân đãi ngã Phật đảnh thần chú. Ma-đăng-già tâm, dâm hỏa đốn yết, đắc A-na-hàm. Ư ngã pháp trung thành tinh tấn lâm. Ái hà càn khô, linh nhữ giải thoát.

Việt dịch: Sao còn phải nhờ Phật đảnh thần chú của Như Lai, khiến cho lửa dâm trong tâm Ma-đăng-già dứt sạch và chứng quả A-na-hàm. Thành

rừng tinh tấn trong pháp của Như Lai. Sông ái khô cạn, khiến cho ông được giải thoát.

Giảng: Đức Phật bảo, “Ông học Phật pháp rất nhiều, nhưng tâm ông bối rối khi gặp phụ nữ. Ông mất tự chủ, và theo người phụ nữ vào nhà cô ta, và khi đã đến đó rồi thì ông đã đến bên bờ vực của những việc làm không thể nào tưởng tượng nỗi. Điều gì khiến ông như vậy?” Lúc đó, Đức Phật như một quan toà buộc tội A-nan. Sao còn phải nhờ Phật đảnh thần chú của Như Lai và nhờ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi mang đi cứu ông? Chính ông nhớ được rất nhiều về mười hai bộ kinh, tại sao ông không đọc khi gặp cô ta? Tại sao ông mất tự chủ? Ông thấy phụ nữ rồi quên tất cả mọi thứ. Cách ông nhìn như vậy, điều còn lại chăng trên thế gian chỉ là phụ nữ.

Khiến cho lửa dâm trong tâm Ma-đăng-già dứt sạch. Vô minh, lửa dâm dục trong tâm cô ta tức thì dứt sạch, và chứng quả A-na-hàm, quả vị thứ ba của hàng A-la-hán. A-nan trở thành người quan trọng đối với cô hơn là cuộc sống của riêng cô. Cô về nhà nói với bà mẹ rằng bà phải đánh bẫy A-nan cho cô ta. Mẹ cô ta tụng thần chú ‘Tiên Phạm thiên’ và A-nan trở nên tối tăm mặt mũi. Nhưng tà thuật không thể chế ngự A-nan hoàn toàn. Nếu A-nan chẳng có chút nào để ý đến con gái của Ma-đăng-già, thì thần chú ấy chẳng có tác dụng gì.

Chắc chắn rằng con gái của Ma-đăng-già đã hớp hồn A-nan. A-nan đã nhìn trộm cô ta vài lần rồi. “Cô gái quá đẹp!” Định không nhìn nữa, A-nan quay đầu đi nơi khác nhưng lại nhìn lui. Sau khi nhìn trộm cô ta vài lần như thế, lòng mơ tưởng về sắc đẹp của cô con gái Ma-đăng-già đã hình thành trong tâm A-nan. Thế nên khi bà mẹ đọc chú, A-nan liền bị mê muội trong nháy mắt. Nếu không có tâm mơ tưởng sắc đẹp con gái Ma-đăng-già, A-nan sẽ không bị đi theo cô gái.

Đức Phật nhận thấy rằng A-nan đang ở bên bờ vực của sự huỷ phạm giới thể, nên ngài liền nói thần chú Phật đảnh Thủ-lăng-nghiêm. Ngài sai Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi mang thần chú đi cứu hộ A-nan. Khi Văn-thù-sư-lợi đến nhà Ma-đăng-già đọc thần chú, tâm A-nan liền sáng rỡ. “Sao ta lại ở đây? A-nan tự hỏi, rồi A-nan liền trở về Kỳ viên của ông Cấp Cô Độc. A-nan đã ở ngay ranh giới sự quan hệ với con gái của Ma-đăng-già.

Khi Văn-thù-sư-lợi đến đọc thần chú Phật đảnh Thủ-lăng-nghiêm, A-nan bất thần nhảy lên, cầm lấy y phục và chạy về Kỳ viên. Khi con gái của Ma-đăng-già thấy A-nan đã bỏ chạy, cô ta đuổi theo, hỏi A-nan, “Sao chàng lại bỏ đi vào lúc quan trọng như thế nầy?” Cô ta khóc lóc. Thế là A-nan chạy về Kỳ viên cùng với con gái của Ma-đăng-già đang đuổi theo sau lưng. Khi vừa đến nơi, Đức Phật hỏi cô ta, “Cô đến đây có chuyện gì?”

Cô trả lời, “Con yêu A-nan.”
“A-nan có điều gì khiến cô yêu?” Đức Phật hỏi.
ta đáp, “Con yêu cái mũi của A-nan.”
“Ta sẽ bảo A-nan cắt cái mũi trao cho cô.” Đức Phật liền trả lời.
Cô ta tiếp tục , “Con yêu đôi mắt của A-nan.”
“Ta sẽ bảo A-nan móc đôi mắt ấy trao cho cô.” Đức Phật ngắt lời.
Cô ta đòi tiếp, “Con yêu khuôn mặt của A-nan.”
“Điều ấy rất dễ,” Đức Phật đáp, “Ta sẽ bảo A-nan lạng nó ra và cô có thể mang về.”
“Nhưng nếu ngài cắt nó đi, thì khuôn mặt ấy sẽ không còn vẻ yêu kiều nữa,” cô ta phản đối.
“Nếu nó không còn vẻ yêu kiều nữa, thế tại sao cô thấy được vẻ yêu kiều của nó ngay khi chưa bị thay đổi?”

Ngay lúc cô suy nghĩ tìm cách trả lời thì chứng ngộ, đạt đến quả vị thứ ba của hàng A-la-hán. Vì cô quá yêu A-nan, nên cô ta chứng ngộ ngay tức thì khi Đức Phật khai thị cho cô ta. Thành rừng tinh tấn trong pháp của Như Lai.

Tôi sẽ nói cho quý vị biết, bây giờ thì quý vị chưa biết sợ việc quan hệ tính phái nam nữ; điều mà tất cả quý vị cần phải làm là tỉnh thức và thực sự nhận ra chung quanh mình hiện là gì? Lúc ấy sẽ có vài tia hy vọng cho quý vị. Chỉ sợ là quý vị không chịu tỉnh thức. Nhưng sẽ hoàn toàn là mê muội và tụt hậu nếu nghĩ rằng đó là nguồn hạnh phúc. Trong thực tế, đó thực sự là điều khổ đau. Nếu quý vị thực sự nhận ra, thì sẽ không bao giờ mắc phải lần nữa. Nếu không, quý vị vẫn nghĩ về điều ấy ngay khi còn thức và mơ tưởng khi ngủ và sẽ không bao giờ dứt bỏ nó được.

Sông ái khô cạn. Ái tình như dòng nước chảy xiết không bao giờ ngừng, xoáy tít quanh mình. Nhưng khi con gái của Ma-đăng-già nghe Đức Phật giảng pháp, trong lòng cô ta, dòng sông ái đó khô mất. Lửa tình ái chuyển thành thân kim cương bất hoại. Khiến cho ông được giải thoát. Vì con gái của Ma-đăng-già đã chứng được quả vị thứ ba của hàng A-la-hán, cô không còn muốn giữ tình yêu ấy với A-nan nữa, nên A-nan bây giờ được tự do.

Đến lúc nầy, A-nan vẫn là người mới chứng được quả vị sơ quả A-la-hán. Chưa được quả vị thứ hai, Nhưng con gái của Ma-đăng-già đã vượt qua A-nan, cô ta đã chứng được quả vị thứ ba của hàng A-la-hán.

Trong 500 đời trước, A-nan và con gái của Ma-đăng-già đã là vợ chồng của nhau. Thế nên khi cô ta thấy A-nan, liền phải lòng–cô ta đã gặp lại chồng mình trong những đời trước. Tình yêu của cô ta đối với A-nan là không thể nào tránh khỏi được. Thực vậy, có lẽ họ đã có lời thề nguyền trong những kiếp trước.

Trong kiếp sống sau cùng gần nhất, cô ta có lẽ đã nói với A-nan, “Trong tương lai, chúng ta sẽ làm vợ chồng nhau mãi mãi. Đừng bao giờ xa nhau.” Đó là lý do tại sao tình yêu giữa hai người quá mạnh đến mức họ yêu nhau ngay khi vừa thấy nhau.

Kinh văn: **是故阿難,汝雖歷劫 憶持如來祕密妙嚴, 不如一日修無漏業。遠離世間 ,憎愛二苦。**

Phiên âm: Thị cố A-nan, nhữ tuy lịch kiếp, ức trì Như Lai bí mật diệu nghiêm, bất như nhất nhật tu vô lậu nghiệp, viễn ly thế gian, tắng ái nhị khổ.

Việt dịch: Thế nên A-nan, tuy ông trải qua nhiều kiếp ghi nhớ những pháp bí mật diệu nghiêm của Như Lai, cũng chẳng bằng một ngày tu pháp vô lậu, xa lìa hai cái khổ yêu ghét ở thế gian.

Giảng: Thế nên A-nan, tuy ông trải qua nhiều kiếp ghi nhớ những pháp bí mật diệu nghiêm của Như Lai–ông có thể ghi nhớ và thuộc lòng các lời dạy của chư Phật. “Bí mật” là những gì không thể diễn bày bằng ngôn từ hoặc hiểu được qua suy nghĩ, có nghĩa là, bất khả tư nghì, không thể diễn tả được. “Bí mật” còn có nghĩa là những gì không thể chia xẻ được giữa hai người. Chẳng hạn, tôi không thể biết được giáo pháp nào đang được giảng nói cho anh, và anh không thể biết được giáo pháp gì đang được giảng nói cho tôi. Có thể là cùng một giáo pháp, nhưng khi một người nghe, thì chỉ là một nguyên lý; trong khi người khác thì nghe được một nghĩa riêng. Một cách giải thích về một đạo lý thì được hiểu khác nhau bởi những người có căn cơ khác nhau. Đó là nghĩa của “Bí mật”; mỗi người nhận được sự lợi lạc cho riêng mình. Diệu nghiêm là chỉ cho giáo lý của Đức Phật giảng nói đều vô cùng cao quý và giá trị.

Nhưng khả năng nhớ được nhiều bộ kinh của quý vị cũng chẳng bằng một ngày tu pháp vô lậu. Cũng chẳng hay bằng tu tập pháp môn không phiền não, pháp môn không vọng tưởng. Đến quả vị thứ tư của hàng A-la-hán mới được gọi là vô lậu. Bồ-tát cũng có quả vị vô lậu. Để được quả vô lậu, quý vị phải dứt trừ sạch mọi tập khí sai lầm, mọi vô minh vọng tưởng, tham lam sân hận si mê. Đức Phật dạy pháp tu vô lậu là để xa lìa hai cái khổ yêu ghét ở thế gian. Con người tưởng rằng yêu là điều kỳ diệu nhất ở thế gian, thế nên có tình yêu giữa trai gái, tình yêu giữa cha con. Nhưng thực ra yêu là khổ. “Tôi biết, dĩ nhiên, xa lìa những gì mình yêu là khổ.” Quý vị nói. Nhưng dù quý vị không xa lìa nó, cũng vẫn khổ như thường.

Khi tình yêu lên đến cực điểm, thì nó trở lại chỗ đối nghịch với nó, đó là ghét. Tại sao cái ghét phát sinh?. Vì có yêu. Vì sao có yêu? Vì có ghét. Và điều gì tiếp tục xảy ra giữa những cặp vợ chồng, cha mẹ và con cái là chuyện của những nhân trong quá khứ đã kết thành quả trong đời hiện tại. Một số vợi chồng 'tương kính như tân–xem trọng nhau như khách.' Họ rất tôn trọng lẫn nhau. Phụ nữ Trung Hoa mỗi khi mang thức ăn cho chồng đều dùng hai tay nâng lên ngang lông mày của mình, trong phong thái rất kính trọng. Người chồng cũng rất tôn trọng người vợ mình, họ giống như những người bạn thân thiết. Không có tình cảm thấp hèn nơi họ.

Thế nên nếu những cặp vợ chồng vốn đã có quan hệ thân thiết từ nhiều đời trước, thì đời nay họ sẽ rất hợp nhau. Người chồng không được làm điều gì xúc phạm đền người vợ và người vợ cũng không được làm điều gì tổn thương đến người chồng. Khi một cặp vợ chồng có sự thân thiết, hai người đều giúp đỡ lẫn nhau trong mọi hoàn cảnh. Nếu người vợ bị bệnh, người chồng phải nhanh chóng tìm bác sĩ để chữa trị. Nếu người chồng mệt nhọc, người vợ phải tìm cách để chồng mình được nghỉ ngơi. Có nhiều cặp vợ chồng đến với nhau với những nguyên nhân không thuận.

Cũng vậy, đó là do những nhân oán hận nhau trong đời trước, đời nầy họ tìm đến với nhau, bất luận người chồng nói điều gì, người vợ cũng cãi lại. Bất luận người vợ suy nghĩ điều gì, người chồng cũng bác bỏ. Đời sống gia đình trở nên hoàn toàn rối rắm và luôn luôn có sự tranh cãi nhau từ sáng đến tối. Chồng đánh vợ, vợ trả đũa bằng cánh đánh vào đầu chồng, nên người chồng rất ngượng ngùng khi ra ngoài công chúng. Như vậy có phải khổ không? Bắt đầu với tình yêu và chấm dứt bằng sự oán hận. Thế nên người ta nói tình yêu là đồng nhất với đau khổ.

Suốt ngày người ta nói yêu, yêu, yêu. Yêu cái gì? Yêu ngày này qua ngày khác, Yêu cho đến chết. Nhưng nói thử xem, quý vị yêu ai? Nếu hiểu được đạo lý nầy, hai thứ khổ yêu và ghét sẽ không còn nữa. Nếu quý vị không hiểu đạo lý này, thì cả hai thứ khổ ắt vẫn xung khắc nhau. Do vậy, chúng ta tu tập để giác ngộ, để hiểu rõ, để chúng ta không bị xoay chuyển bởi cảnh khổ nầy. Nên đừng yêu và ghét gì cả. Đó chính là Trung đạo.

Kinh văn: **如摩登伽,宿為婬女。由神咒力,鎖其愛欲。法中今名性比丘尼**

Phiên âm: Như Ma-đăng-già, túc vi dâm nữ, do thần chú lực, tỏa kì ái dục. Pháp trung kim danh, Tánh tỉ-khưu ni.

Việt dịch: Như Ma-đăng-già trước kia là dâm nữ, do nhờ sức của thần chú mà tiêu trừ ái dục. Nay trong Phật pháp có tên là Tánh tỷ-khưu ni.

Giảng: Như Ma-đăng-già trước kia là dâm nữ, do nhờ sức của thần chú mà tiêu trừ ái dục. Trong đời trước, cô ta là dâm nữ, vốn nhiều ái dục. Tuy vậy, năng lực của thần chú Thủ-lăng-nghiêm đã khiến cho tiêu tan hết ái dục trong cô. Nên bây giờ chúng ta mới biết công dụng thần chú Thủ-lăng-nghiêm là để tiêu trừ ái dục trong lòng mỗi người. "Thế thì tôi chẳng muốn tụng chú Thủ-lăng-nghiêm nữa," quý vị bác lại. "Tôi không muốn tình yêu của mình bị khô héo. Tôi muốn có tình yêu mãi mãi."

Giữ mãi tình yêu ấy? Được rồi! Quý vị cứ mặc tình. Nếu quý vị đã thích rồi, thì chẳng ai ngăn cản được. Nhưng quý vị nên nhớ rằng thần chú Thủ-lăng-nghiêm không những chỉ trừ bỏ được nghiệp ái, mà còn có thể khiến cho tăng trưởng năng lực thần thông và trí huệ. Đó là năng lực bất khả tư nghì.

Ái tình là khổ đau. Như tôi vừa nói đến. Yêu và ghét là hai cái khổ. Chẳng hạn, hãy xem tình yêu mà không được đáp lại. Người đang yêu không nghĩ đến gì khác ngoài người mình yêu đến mức không ăn không ngủ được. Họ cứ mơ tưởng đến cách theo đuổi, nhưng cuối cùng họ vẫn không đạt được. Có phải đó là nghĩ mãi đến cái khổ hay không?

Nay trong Phật pháp có tên là Tánh tỷ-khưu ni.

Pháp danh Tánh tỷ-khưu ni của Ma-đăng-già biểu hiện sự nhận ra tự tánh của cô ta. Ngay khi Đức Phật nói pháp cho cô ta nghe, ngay lúc đó cô ta chứng ngộ, đạt được quả vị thứ ba của hàng A-la-hán, không qua các thứ bậc sơ quả đến quả vị thứ hai. Cô ta chứng ngộ ngay quả vị thứ ba. Vì cô nhận ra rằng, thấy rằng ái dục vốn là không. A-nan vẫn còn trong giai vị sơ quả, trong khi người vợ của ông trong 500 kiếp trước đã vượt qua mình quá xa.

Kinh văn: **與羅睺羅母,耶輸陀羅同悟宿因。知歷世因,貪愛為苦。一念薰修無漏善故,或得出纏,或蒙授記。如何自欺,尚留觀聽?**

Phiên âm: Dữ La-hầu-la mẫu, Da-thâu-đà-la đồng ngộ túc nhân. Tri lịch thế nhân, tham ái vi khổ. Nhất niệm huân tu vô lậu thiện cố, hoặc đắc xuất triền, hoặc mông thọ kí. Như hà tự khi, thượng lưu quán thính?

Việt dịch: Cô ta với mẹ của La-hầu-la là Da-thâu-đà-la cùng biết được nhân đời trước. Biết trải qua nhiều đời, do vì tham ái mà khổ. Do một niệm huân tu thiện pháp vô lậu, nên người thì ra khỏi sự ràng buộc,

người thì được Phật thọ ký. Sao ông còn tự khinh mình, mà lưu ngại trong cái thấy, cái nghe?

Giảng: Cô ta với mẹ của La-hầu-la là Da-thâu-đà-la. La-hầu-la là con trai của Thái tử Tất-đạt-đa, nhưng không được hòai thai bằng tình cảm ái dục. Thái tử Tất-đạt-đa cưới vợ năm 17 tuổi và xuất gia năm 19 tuổi. Dù đã lập gia đình, nhưng không có việc quan hệ phái tính. Trước khi Thái tử Tất-đạt-đa xuất gia, Da-thâu-đà-la muốn có một đứa con, Thái tử Tất-đạt-đa lấy ngón tay chỉ vào bụng bà, từ đó bà có thai. Chuyện nầy nghe như huyền thoại, nhưng điều nầy thực sự được ghi chép trong nhiều kinh Phật. Có thể quý vị muốn tìm hiểu sao bà ta có thể mang thai chỉ bằng ngón tay của Thái tử chỉ vào bụng, nhưng quý vị sẽ nhận ra đó là việc bất khả tư nghì, không thể diễn tả được.

La-hầu-la có nghĩa là ‘Phú chướng,’ ông ta sống trong thai mẹ đến sáu năm. Đây là chuyện của nhân quả. Trong một đời trước, La-hầu-la đã lấp một hang chuột, phải sáu ngày sau con chuột mới khoét được hang khác để thoát ra. Quả báo là La-hầu-la phải chịu sáu năm nằm trong thai mẹ.

Da-thâu-đà-la là mẹ của La-hầu-la, Hán dịch là Trì xưng, có nghĩa là người nổi tiếng. Mọi người đều khen tặng cô ta là người phụ nữ đoan trang.

Con gái của Ma-đăng-già và tỷ-khưu ni Da-thâu-đà-la đều được giác ngộ, cả hai cùng biết được nhân đời trước. Biết trải qua nhiều đời, do vì tham ái mà khổ. Họ đều có được túc mạng minh, nên không chỉ họ biết được đời trước của mình mà còn biết được nhân quả nhiều đời từ vô lượng kiếp trong quá khứ. Họ biết được rằng lý do tại sao mình không được chứng ngộ từ đời này qua đời khác là vì tham ái nên phải chịu khổ. Con gái của Ma-đăng-già vốn là dâm nữ trong kiếp trước và lòng ái dục của Da-thâu-đà-la cũng chẳng phải nhỏ.

Tuy nhiên, do một niệm huân tu thiện pháp vô lậu–họ đã hồi quang phản chiếu và trở nên thấm nhuần việc tu đạo. Họ dứt khoát không muốn tiếp tục đi trên con đường sanh tử nữa. Họ muốn quay về để tu tập thiện pháp vô lậu, rốt ráo lợi lạc, và do vậy nên người thì ra khỏi sự ràng buộc, người thì được Phật thọ ký. Sợi dây ràng buộc của tham sân si trói người ta quá chặc đến mức không còn được tự do. Và nếu quý vị ở đây khi đọc đến dòng “ra khỏi sự ràng buộc,” nếu quý vị có căn lành, hãy siêng năng tu tập để được giác ngộ, và nên chiêm nghiệm rằng, “Ồ! Tại sao ta vẫn còn bị trói buộc trong nầy?” Và người thì nhận được sự thọ ký của Đức Phật cho biết đến thời gian nào sẽ thành Phật.

Sao ông còn tự khinh mình, mà lưu ngại trong cái thấy, cái nghe? Ông vẫn còn bị chướng ngại trong vòng sắc thanh. Tại sao ông vẫn còn chấp trước vào hình tướng? Tại sao ông không từ bỏ được nó?

Kinh văn: **阿難及諸大眾聞佛示誨, 疑惑銷除,心悟實相。身意輕安,得未曾有。**

Phiên âm: A-nan cập chư đại chúng văn Phật thị hối, nghi hoặc tiêu trừ, tâm ngộ thật tướng. Thân ý khinh an, đắc vị tằng hữu.

Việt dịch: A-nan và đại chúng nghe Phật chỉ dạy, nghi lầm tiêu trừ, thân ý nhẹ nhàng, được điều chưa từng có.

Giảng: A-nan và đại chúng nghe Phật chỉ dạy pháp môn vi diệu, nghi lầm tiêu trừ. Trước đó, Phú-lâu-na và A-nan đã có nghi lầm như thế nầy, như toàn thể đại chúng trong pháp hội. Bây giờ lời chỉ dạy của Đức Phật đã dập tắt mọi nghi ngờ của họ. Tâm ngộ được thật tướng. Họ nhận ra được đạo lý Như Lai tạng vốn là không và bất không, hiểu được chân lý của thực tướng.

Thân ý nhẹ nhàng. Thật khó diễn tả trạng thái 'nhẹ nhàng' của thân ý như trong kinh nầy. Cũng vậy, chỉ có người uống nước mới tự biết được nước nóng hay lạnh. Trạng thái 'nhẹ nhàng' của thân ý chính là cảnh giới có được khi tu thiền. Gọi đó là phương tiện vốn có lúc ban đầu. Khi hành giả đã có được chút ít công phu đắc lực; hành giả thấy có được niềm vui rất đặc biệt. Tâm đạt được niềm hoan hỷ tối cao và thân cảm thấy rất nhẹ nhàng thanh thản. Hành giả ngồi mà chân không đau và thân không nhức mỏi; không một niệm vọng tưởng nào trong đầu; không còn biết cái đau và vọng tưởng đi đâu mất.

Như bây giờ, khi A-nan và Phú-lâu-na cùng đại chúng nghe Đức Phật giảng bày diệu pháp, Đức Phật dùng hào quang của ngài để hộ trì cho đại chúng. Mọi người đều cảm nhận được niềm an vui thư thái nhất. Đối khi chính ngay lúc quý vị đang lắng nghe giảng kinh, quý vị cũng có được cảnh giới như vậy. Càng nghe, càng có được niềm thanh thản, càng thích nghe hơn. Quý vị liền nghĩ rằng, "Phật pháp thật là vi diệu. Trước đây mình thật tệ, không chịu nghe," và quý vị có được niềm vui chưa từng có bao giờ. Đức Phật đã dùng định lực của ngài để đem niềm an lạc đến cho đại chúng, và đại chúng đều được điều chưa từng có.

Kinh văn: **重復悲淚,頂禮佛足。長跪合掌,而白佛言。無上大悲清淨寶王善開我心。能以如是種種因緣方便提獎,引諸沈冥出於苦海。**

Phiên âm: Trùng phục bi lệ, đảnh lễ Phật túc. Trường quỵ hợp chưởng, nhi bạch Phật ngôn. Vô Thượng Đại Bi Thanh tịnh Bảo Vương thiện khai ngã tâm. Năng dĩ như thị chủng chủng nhân duyên phương tiện đề tưởng, dẫn chư trầm minh xuất ư khổ hải.

Việt dịch: Lại thương khóc, đảnh lễ sát dưới chân Phật. Quỳ gối chắp tay mà bạch Phật rằng, "Đức Vô Thượng Đại Bi Thanh tịnh Bảo Vương khéo dùng phương tiện khai mở tâm chúng con. Ngài hay dùng các phương tiện nhân duyên như thế để khuyến khích, dẫn dắt các chúng sinh mê mờ ra khỏi biển khổ."

Giảng: Tôi đoán rằng A-nan không có tài gì khác hơn ngoài khóc–ngoại trừ, dĩ nhiên, tài đa văn, tài năng cầm chắc trong tay, nhưng khóc là tài kế tiếp. Đến lúc nầy, A-nan đã khóc năm lần. Khóc lần nầy, là những giọt nước mắt thống thiết rơi trên khuôn mặt A-nan. Lại thương khóc, đảnh lễ sát dưới chân Phật. A-nan quỳ sát đất như đứa bé, vừa chắp tay lạy vừa khóc. Quỳ gối chắp tay mà bạch Phật rằng, "Đức Vô Thượng Đại Bi Thanh tịnh Bảo Vương–không có ai cao quý hơn ngài, không ai có tâm từ bi rộng lớn như ngài, "Thanh tịnh bảo vương" là chỉ cho Đức Phật.

Đức Phật đã khéo dùng phương tiện khai mở tâm chúng con. Ngài hay dùng các phương tiện nhân duyên như thế để khuyến khích–Ngài đã dùng tất cả pháp phương tiện, mọi loại thí dụ, các phương tiện thiện xảo. Pháp phương tiện là pháp chưa thật rốt ráo, chẳng hạn, giáo lý ngài giảng dạy trong thời gian đầu là nói về nhân duyên để phá trừ thuyết tự nhiên do ngoại đạo chủ trương. Đến bây giờ thì ngài lại phá bỏ giáo lý nhân duyên, vì đó thực sự là một phương tiện, như đã được giải thích, chưa thật sự rốt ráo.

Đề tưởng 提獎, có nghĩa là khuyến khích, khích lệ, như khi thầy giáo nói với học trò, "Con viết chữ rất đẹp, có nhiều tiến bộ. Con sẽ rất thành công trong môn chữ Hán." Hoặc thầy nói, "Mấy ngày hôm nay, con ngồi thiền tiến bộ hơn nhiều. Con thường có nhiều vọng tưởng, nhưng nay chúng đã bị hàng phục khá nhiều. Con đã có được chút ít định lực từ công phu thiền định."

Dẫn dắt các chúng sinh mê mờ ra khỏi biển khổ. Tất cả chúng ta đều khờ dại không biết phải tìm được hướng đi. Nhưng bây giờ chúng ta đã ra khỏi được biển khổ sinh tử, có nghĩa là, ra khỏi tình cảm tham ái.

Đừng khởi lên nghĩ tưởng sai lầm cho rằng đây là vườn khoái lạc, mà chính là biển khổ. Nay A-nan đã thoát ra khỏi, A-nan đã có được cảm giác nhẹ nhàng thanh thản, không còn rối rắm như thường có. A-nan quá cảm động vì lòng từ bi của Đức Phật đến nỗi rơi nước mắt. . Đối với A-nan, rất đúng khi ngài khóc như vậy, nhưng chúng ta ở đây không nên khóc nhiều. Tại sao vậy? A-nan khóc vì biết ơn giáo pháp, nhưng tôi đã lưu ý quý vị rằng, hầu hết nước mắt mà tôi thấy ở đây đều là biểu hiện của ái tình. Một số người không gặp được bạn trai nên khóc.

Tiếng khóc nầy phát ra là vì quý vị chưa thoát ra được biển khổ luân hồi sinh tử, trong khi A-nan khóc lần nầy là do mừng vì đã thoát ra được biển khổ. Bằng năng lực của ai? Chính Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã đưa A-nan thoát ra. Thế nên bây giờ khi quý vị nghe kinh, chúng ta nên quay lại cái nhìn vào bên trong và nhìn thật kỹ những gì chúng ta quán chiếu được. Với cách đó ta có khác gì với A-nan?

Kinh văn: **世尊,我今雖承如是法音。知如來藏,妙覺明心遍十方界,含育如來十方國土,清淨寶嚴妙覺王**剎。如來復責多聞無功,**不逮修習。**

Phiên âm: Thế tôn, ngã kim tuy thừa như thị pháp âm. Tri Như Lai tạng, diệu giác minh tâm biến thập phương giới, hàm dục Như Lai thập phương quốc độ, thanh tịnh bảo nghiêm diệu giác vương sát. Như Lai phục trách đa văn vô công, bất đãi tu tập.

Việt dịch: Bạch Thế tôn, con nay tuy nghe được pháp âm như thế. Biết tánh Như Lai tạng sáng suốt giác ngộ nhiệm mầu, trùm khắp mười phương, hàm chứa các cõi bảo nghiêm thanh tịnh giác ngộ vi diệu trong mười phương quốc độ của chư Phật. Như Lai còn trách con nghe nhiều không có công đức, không bằng tu tập.

Giảng: A-nan thưa, Bạch Thế tôn, con nay tuy nghe được pháp âm như thế, nhờ lời chỉ dạy của Đức Phật, biết tánh Như Lai tạng sáng suốt giác ngộ nhiệm mầu, trùm khắp mười phương, hàm chứa các cõi bảo nghiêm thanh tịnh giác ngộ vi diệu trong mười phương quốc độ của chư Phật. Nay con biết rằng giáo lý Như Lai tạng trùm khắp pháp giới trong cả mười phương là chân thật. Như Lai còn trách con nghe nhiều không có công đức, không bằng tu tập. Đức Phật quở trách con, dạy rằng dù con có thông minh nhớ giỏi cỡ nào, cũng chỉ là vô dụng nếu không tu tập để đạt được quả vị vô lậu. Con không bao giờ đạt được chỗ tinh tuý của tu đạo và phát huy được công phu.

Kinh văn: **我今猶如旅泊之人。忽蒙天王賜以華屋。雖獲大宅要因門入。**

Phiên âm: Ngã kim do như lữ bạc chi nhân. Hốt mông thiên vương tứ dĩ hoa ốc. Tuy hoạch đại trạch, yếu nhân môn nhập.

Việt dịch: Nay con như kẻ lang thang, bỗng được Thiên vương ban cho ngôi nhà đẹp. Tuy được ngôi nhà lớn, phải nhờ có cửa mới vào nhà được.

Giảng: A-nan thưa, Nay con như kẻ lang thang, bỗng được Thiên vương. Kẻ lang thang là người đi bằng đường bộ (lữ 旅), hoặc đường thủy (bạc 泊), là kẻ lữ khách. Họ là người đi từ nơi nầy đến nơi khác, dừng ngủ ở lữ quán. Anh ta không có nhà riêng của mình. Bỗng dưng anh ta gặp được nột vị có thể là vua, hoặc là hoàng đế, ban cho ngôi nhà đẹp. Ông vua biểu tượng cho Đức Phật, Đức Phật dĩ nhiên không thể so sánh với một ông vua, nhưng ở đây A-nan chỉ dùng phép thí dụ. Ngôi nhà đẹp là biểu tượng cho tánh Như Lai tạng. Tuy được ngôi nhà lớn, phải nhờ có cửa mới vào nhà được. Ngôi nhà lớn như cung điện, nhưng nếu không biết cửa ra vào, thì vẫn không thể thấy được những gì đẹp đẽ quý báu bên trong. Điều nầy biểu tượng cho thực tế rằng có thể nhận ra tánh Như Lai tạng, nhưng phải có phương pháp tu tập mới có thể thâm nhập được.

Kinh văn: **唯願如來不捨大悲,示我在會諸蒙暗者,捐捨小乘, 必獲如來,無餘涅槃,本發心路。令有學者,從何攝伏,疇昔攀緣。得陀羅尼,入佛知見。作是語已,五體投地。在會一心,佇佛慈旨 。**

Phiên âm: Duy nguyện Như Lai bất xả đại bi, thị ngã tại hội chư mông ám giả, quyên xả tiểu thừa, tất hoạch Như Lai, vô dư niết-bàn, bản phát tâm lộ. Linh hữu học giả, tòng hà nhiếp phục trù tích phan duyên. Đắc đà-la-ni, nhập Phật tri kiến. Tác thị ngữ dĩ, ngũ thể đầu địa. Tại hội nhất tâm, trữ Phật từ chỉ.

Việt dịch: Cúi mong Như Lai mở lòng đại bi, chỉ dạy cho chúng con và những người còn tối tăm trong hội chúng, từ bỏ pháp Tiểu thừa, nhận được con đường phát tâm tu tập đi đến vô dư niết-bàn của Như Lai. Khiến cho hàng hữu học, biết cách nhiếp phục tâm phan duyên từ trước. Được pháp tổng trì, chứng nhập tri kiến Phật. Thưa lời ấy rồi, năm vóc gieo sát đất. Trong hội chúng một lòng trông chờ lời dạy từ bi của Đức Phật.

Giảng: Cúi mong Như Lai–Con, A-nan, ước nguyện rằng Thế tôn, sẽ không từ bỏ tâm đại bi của ngài mà–chỉ dạy cho chúng con và những người còn tối tăm trong hội chúng–những người còn mê mờ tối tăm, là những ai trong hội chúng chưa chứng ngộ. Từ bỏ pháp Tiểu thừa. Trong đạo Phật có pháp tu Tiểu thừa và pháp tu Đại thừa. Ngày nay những ai ở Miến Điện, Srī Lanka, và Thái Lan vẫn còn tôn sùng pháp tu Tiểu thừa. Đức Phật giảng pháp Tiểu thừa trong giai đoạn ban đầu. Sau khi thâm nhập pháp nầy, các vị đệ tử đi các nơi để truyền bá giáo pháp. Về sau, khi Đức Phật giảng pháp Đại thừa, họ không có mặt để nghe. Về sau, họ bảo là không nghe không thấy Đức Phật giảng pháp Đại thừa.

Họ tuyên bố, pháp Đại thừa là giả mạo, là do người khác dựng lên chứ không phải Đức Phật. Họ không công nhận. Nhưng ở đây trong Kinh Thủ-lăng-nghiêm, chính A-nan khẩn cầu Đức Phật giảng giải cho họ phương pháp tu tập để họ có thể từ bỏ pháp tu Tiểu thừa.

Để giải thích điều nầy, Tôi sẽ kể cho quý vị nghe một trường hợp tương tự: Khi tôi còn ở Mãn Châu. Tôi ít khi nói chuyện và tiếp xúc với các đệ tử của tôi. Vì một điều, đó là gốc gác quê hương của tôi, và mọi người đều biết tôi và quê quán của tôi. Họ biết tôi là “Bạch hiếu tử–Người con có hiếu họ Bạch,” vì trước khi xuất gia, tôi đã tu tập hạnh hiếu. Khi tôi ngồi bên cạnh mộ mẹ tôi suốt ba năm, mọi người nhìn tôi với sự nể phục, như là người mẫu mực. Dần dần tiếng tăm đó vượt xa những người đã từng biết tôi. Vì đến khi đó tôi lại có những việc làm kỳ đặc. Vào mùa đông tôi mặc áo bông dày; tôi chỉ mặc hai hay ba lớp áo vải ngày thường vẫn mặc.

Tôi không mang vớ trong đôi giày a-la-hán của tôi, và tôi có thể đi chân trần trên tuyết không chút khó khăn. Thế nên khi họ để ý đến tôi, họ muốn xuất gia. Bất kỳ tôi đi qua vùng nào, cũng có vài chục người muốn xin xuất gia, thậm chí trong mỗi làng cách chùa chừng trăm dặm cũng có nhiều đệ tử tôi đang sinh sống. Bởi vậy nên tôi ít nói; tôi chỉ lập hạnh cho thật tốt. Khi họ quy y, là quy y với tánh hạnh của tôi. Bất kỳ ở đâu, tôi cũng ngồi thiền. Ở Mãn Châu cũng thế, mặc dù tôi có thể giảng kinh, nhưng ít khi giảng; hầu như rất ít nói.

Khi sang Hồng Kông, tôi giảng kinh thuyết pháp và ít khi dạy Phật tử ngồi thiền. Cũng chẳng dạy cho họ pháp môn Đại bi Thiên nhủ thiên nhãn.

Nay ở Mỹ, tôi đã truyền những yếu pháp nầy cho những đệ tử ‘nhập thất.’ Nếu có ai từ Hồng Kông sang và quý vị nói rằng mình đã học pháp đó với tôi thì họ sẽ nói, “Không, sư phụ đâu có biết pháp Đại bi Thiên nhủ thiên nhãn. Làm sao truyền cho quý vị được?” Họ cũng giống như những đệ tử Tiểu thừa không biết rằng chính Đức Phật đã giảng pháp Đại thừa.

Một số người cho rằng pháp Tiểu thừa là sai; một số lại phê phán rằng pháp Đại thừa là sai. Thực ra, chẳng có gì đúng sai trong Phật pháp cả. Việc mà tất cả quý vị cần phải làm đó là nhất tâm trong khi tu tập, và quý vị có thể thành tựu quả vị Phật trong mọi pháp. Nhưng phải nói rằng pháp Tiểu thừa nặng về phương tiện hơn; pháp Đại thừa còn được gọi là pháp môn thật tướng, là giáo lý viên dung vô ngại. Đó không phải là giáo lý mà đệ tử Tiểu thừa có thể hiểu nỗi.

Nhận được con đường phát tâm tu tập đi đến vô dư niết-bàn của Như Lai. Hàng A-la-hán đạt được niết-bàn hữu dư. Đến quả vị Phật là thể nhập niết-bàn

vô dư. Trong cảnh giới vô dư y niết-bàn, các vị đạt được trạng thái bất sanh bất diệt.

Nhận được con đường phát tâm tu tập có nghĩa là, thực tế con đường chúng ta phát tâm tu tập ban đầu cũng chính là con đường dẫn đến cứu cánh bồ-đề mà ta sẽ chứng ngộ. Như vậy, có thể giải thích rằng đó là cả hai con đường phát tâm ban đầu và cứu cánh giác ngộ.

Khiến cho hàng hữu học, tức là các vị A-la-hán chứng được quả vị thứ nhất, quả vị thứ hai, quả vị thứ ba và quả vị thứ tư biết cách nhiếp phục tâm phan duyên từ trước. Dạy cho chúng ta cách hàng phục vô minh phiền não, nhiếp phục tâm phan duyên nhiều đời. Được pháp tổng trì– tổng trì vốn là gốc tiếng Sanskrit, phiên âm là đà-la-ni. Chứng nhập tri kiến Phật.

Thưa lời ấy rồi, năm vóc gieo sát đất. Trong hội chúng một lòng trông chờ nghe lời dạy từ bi của Đức Phật.

KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH NHƯ LAI MẬT NHƠN
TU CHỨNG LIỄU NGHĨA
CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH
THỦ LĂNG NGHIÊM

QUYỂN 4 – PHẦN 2

— o0o —

TUYÊN HÓA THUỢNG NHÂN
giảng thuật

— o0o —

HAI NGHĨA QUYẾT ĐỊNH

Kinh văn: 爾時世尊,哀愍會中緣覺聲聞。於菩提心未自在者。及為當來佛滅度後末法眾生發菩薩心。開無上乘妙修行路。

Phiên âm: **Nhĩ thời Thế tôn, ai mẫn hội trung Duyên giác Thanh văn, ư bồ-đề tâm vị tự tại giả, cập vi đương lai Phật diệt độ hậu mạt pháp chúng sanh phát bồ-đề tâm, khai vô thượng thừa diệu tu hành lộ.**

Việt dịch: Khi ấy, Thế tôn thương xót hàng Thanh văn Duyên giác trong chúng hội đối với bồ-đề tâm chưa được tự tại, và những chúng sinh phát bồ-đề tâm sau khi Phật đã diệt độ trong đời mạt pháp, khai thị con đường tu hành thượng thừa vi diệu.

Giảng: Khi ấy, Thế tôn thương xót hàng Thanh văn Duyên giác trong chúng hội đối với bồ-đề tâm chưa được tự tại, và những chúng sinh phát bồ-đề tâm–họ là những người chưa được giác ngộ–sau khi Phật đã diệt độ trong đời mạt pháp. Đức Phật giảng pháp không phải chỉđể cho những người trong hội chúng, mà còn cho cả chúng sinh trong đời mạt pháp, chính là chỉ cho hàng chúng sinh như chúng ta hiện nay. Khi Đức Phật còn tại thế, ngài đã biết ngay là trong thời mạt pháp, chúng sinh sẽ rất khó hàng phục, rất khó chỉ dạy; do vậy ở đây ngài Khai thị con đường tu hành thượng thừa vi diệu. Đó là Đại thừa, pháp môn nầy được Đức Phật giảng dạy rất rõ trong kinh Pháp Hoa. Đức Phật khai thị pháp nầy để cho những người tu tập chúng ta ngày nay dễ thành tựu hơn.

Thời kỳ Đức Phật còn tại thế được gọi là thời kỳ chính pháp. Thời kỳ nầy kéo dài 1000 năm, thời ấy mọi người siêng năng tu tập thiền định. Sau khi Đức Phật nhập niết-bàn và 1000 năm chánh pháp đã qua là đến thời kỳ tượng pháp. Thời kỳ nầy cũng kéo dài 1000 năm. Trong thời kỳ nầy, con người thích xây dựng chùa chiền tự viện kiên cố. Họ không thích tu tập thiền định, nhưng thích mong cầu phước báo. Khi Đức Phật còn tại thế, người ta mong cầu trí huệ, nhưng vào thời kỳ tượng pháp, thì người ta lại bỏ gốc theo ngọn. Sau thời tượng pháp, là thời kỳ mạt pháp, lúc đó người ta chẳng tu tập thiền định, cũng chẳng xây dựng chùa tháp kiên cố.

Họ thích đấu tranh kiên cố. Bất kỳ quý vị đi đâu trong thời nầy, cũng thấy người ta tranh cãi nhau, gia đình đấu tranh với gia đình, quốc gia đấu tranh với quốc gia. Trong mỗi nơi chốn nào trên thế giới cũng đều có sự tranh đua náo động. Thế nên bây giờ, khi chúng ta ngồi thiền và nghe giảng kinh, chẳng khác gì hơn là thời kỳ chính pháp trong thời mạt pháp vậy. Nhưng chúng ta phải thật sự thực hành, thật sự tu tập những gì trong kinh dạy, không một chút lơi lỏng. Nếu chúng ta đi từng bước vững chắc và thực hành kiên trì, chắc chắn sẽ có kết quả tốt đẹp.

Nay không phải là tôi khuyến khích quý vị, theo như phương pháp mà tôi đã nói trước đây, khi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi khuyến khích A-nan và Ma-đăng-già,

bởi vì, giác ngộ là do chính quý vị; đó không phải là việc quý vị làm cho tôi. Tất cả những gì tôi có thể làm là chỉ đường cho quý vị.

Kinh văn: **宣示阿難及諸大眾。汝等決定發菩提心。於佛如來妙三摩提不生疲惓。應當先明,發覺初心,二決定義。云何初心二義決定?**

Phiên âm: Tuyên thị A-nan cập chư đại chúng. Nhữ đẳng quyết định phát bồ-đề tâm, ư Phật Như Lai diệu tam-ma-đề, bất sanh bì quyện, ưng đương tiên minh, phát giác sơ tâm nhị quyết định nghĩa. Vân hà sơ tâm nhị nghĩa quyết định?

Việt dịch: Tuyên dạy A-nan và đại chúng rằng, "Các ông quyết định phát tâm bồ-đề, đối với pháp tam-ma-đề vi diệu của chư Phật Như Lai mà không sanh tâm mệt mỏi, thì trước tiên phải rõ hai nghĩa quyết định lúc ban đầu tự giác phát tâm. Thế nào là hai nghĩa quyết định lúc mới phát tâm?"

Giảng: Tuyên dạy A-nan và đại chúng rằng–Đức Phật đã chỉ dạy cho Phú-lâu-na và A-nan cùng hàng đại Bồ-tát và A-la-hán, Các ông quyết định phát tâm bồ-đề, đối với pháp tam-ma-đề vi diệu của chư Phật Như Lai mà không sanh tâm mệt mỏi. Chữ tam-ma-đề từ tiếng Sanskrit được phiên âm sang tiếng Hán có nhiều dạng, nhưng có chung một nghĩa. 'Pháp tam-ma-đề vi diệu" là chỉ cho Thủ-lăng-nghiêm tam-muội. Đừng mệt mỏi. Đừng trở nên lười biếng rồi ngủ gục suốt ngày, đến nỗi không bao giờ tu tập công phu cả. Nếu quý vị giữ tinh thần và tự mình tinh tấn hằng ngày, thì quý vị sẽ không còn lười mỏi. Trước tiên phải rõ hai nghĩa quyết định lúc ban đầu tự giác phát tâm. Ông phải biết rõ về việc phát tâm bồ-đề. Có hai nghĩa quyết định. Thế nào là hai nghĩa quyết định lúc mới phát tâm? Ý nghĩa của hai tiến trình nầy là gì? Hiểu được, sẽ giúp cho quý vị nhận ra đạo lý nào là đúng đạo lý nào là sai?"'

TỊNH HOÁ CÁC LỚP VẨN ĐỤC

Kinh văn: 阿難,第一義者汝等若欲捐捨聲聞。修菩薩乘入佛知見。應當審觀因地發心。與果地覺為同為異?

Phiên âm: A-nan, đệ nhất nghĩa giả, nhữ đẳng nhược dục quyên xả Thanh văn, tu Bồ-tát thừa, nhập Phật tri kiến, ưng đương thẩm quán nhân địa phát tâm, dữ quả địa giác vi đồng vi dị?

Việt dịch: A-nan, nghĩa thứ nhất là, nếu các ông muốn xả bỏ pháp Thanh văn, tu Bồ-tát thừa, thể nhập vào tri kiến Phật, nên phải xét kỹ nhân địa lúc phát tâm và quả địa khi giác ngộ là đồng hay là khác?

Giảng: A-nan, nghĩa thứ nhất là, nếu các ông muốn xả bỏ pháp Thanh văn, nếu hàng Thanh văn Duyên giác các ông muốn xả bỏ pháp Tiểu thừa và pháp Nhị thừa, tu Bồ-tát thừa, thể nhập vào tri kiến Phật, nên phải xét kỹ nhân địa lúc phát tâm và quả địa khi giác ngộ là đồng hay là khác? Ông nên quán sát thật tường tận nguyên nhân lúc mới ban đầu phát tâm bồ-đề. "Quả địa" là cảnh giới của hàng Bồ-tát. Cái nhân lúc mới phát tâm và kết quả lúc được giác ngộ là giống nhau hay khác nhau?

Kinh văn: **阿難,若於因地。以生滅心為本修因。而求佛乘不生不滅。無有是處。**

Phiên âm: A-nan, nhược ư nhân địa, dĩ sanh diệt tâm vi bản tu nhân, nhi cầu Phật thừa bất sanh bất diệt. Vô hữu thị xứ.

Việt dịch: A-nan, nếu ở nhân địa, lấy tâm sanh diệt làm nhân chính tu tập, mà cầu Phật thừa không sanh không diệt, thì chuyện ấy không bao giờ có.

Giảng: A-nan, nếu ở nhân địa, lúc ban đầu mà ông phát tâm bồ-đề, lấy tâm sanh diệt, tức là thức thứ sáu, làm nhân chính tu tập, mà cầu Phật thừa không sanh không diệt. Nếu ông cứ đem tâm ý thức phân biệt, đối tượng của sinh diệt, mà làm nền tảng cho việc tu đạo và mong thành tựu quả vị Phật, chứng nhập niết-bàn với bốn đức thường lạc ngã tịnh, thì ông sẽ không bao giờ đạt được. Hoàn toàn không có chuyện đó.

Kinh văn: **以是義故,汝當照明,諸器世間可作之法,皆從變滅。阿難,汝觀世間可作之法, 誰為不壞?**

Phiên âm: Dĩ thị nghĩa cố, nhữ đương chiếu minh, chư khí thế gian khả tác chi pháp, giai tòng biến diệt. A-nan, nhữ quán thế gian khả tác chi pháp, thùy vi bất hoại?

Việt dịch: Do nghĩa ấy, ông phải thấy rõ các pháp có thể tạo tác trên thế gian đều theo sự biến diệt. A-nan, ông xem các pháp có thể tạo tác trên thế gian, có pháp nào không hoại diệt?

Giảng: Do nghĩa ấy, căn cứ vào lý do trên, khiến ông không thể mong cầu Phật đạo bằng cái tâm đối tượng của sinh diệt. Ông phải thấy rõ các pháp có thể tạo tác trên thế gian đều theo sự biến diệt. Dùng trí huệ để quán chiếu điều nầy: Khí thế gian là các hiện tượng trên thế gian, là cõi giới của y báo, gồm cả núi sông đất liền và những công trình tạo tác khác. Tất cả các pháp hữu vi đều biến đổi và hoại diệt.

A-nan, ông xem các pháp có thể tạo tác trên thế gian, có pháp nào không hoại diệt? Có thứ gì trong các pháp hữu vi, được tạo tác, có hình sắc mà không hư hoại biến đổi không? Có cái nào trong đó không hoại diệt không?

Kinh văn: **然終不聞爛壞虛空。何以故? 空非可作。由是始終無壞滅故。**

Phiên âm: Nhiên chung bất văn lạn hoại hư không. Hà dĩ cố? Không phi khả tác. Do thị thủy chung vô hoại diệt cố.

Việt dịch: Nhưng hoàn toàn không nghe hư không hoại diệt. Sao vậy? Vì hư không chẳng phải là pháp có thể tạo tác. Do đó trước sau trọn không hoại diệt.

Giảng: Nhưng hoàn toàn không nghe hư không hoại diệt. Ông không bao giờ nghe nói đến sự hoại diệt của hư không. Sao vậy? Vì hư không chẳng phải là pháp có thể tạo tác. Do đó trước sau trọn không hoại diệt. Hư không là cái không thể tạo tác hoặc do người làm ra được. Hư không vốn là trong đó không có một thứ gì cả; nên gọi là hư không. Bất cứ thứ gì nếu được tạo tác thì không phải là hư không. Và, do vì trong đó không có một thứ gì, nên nó không hoại diệt. Hư không luôn luôn là như thế.

Kinh văn: **則汝身中,堅相為地,潤濕為水,煖觸為火,動搖為風。由此四纏,分汝湛圓妙覺明心。為視為聽,為覺為察。從始入終五疊渾濁。**

Phiên âm: Tắc nhữ thân trung, kiên tương vi địa, nhuận thấp vi thủy, noãn xúc vi hoả, động dao vi phong. Do thử tứ triền, phân nhữ trạm viên diệu giác minh tâm, vi thị vi thính, vi giác vi sát. Tùng thủy nhập chung, ngũ điệp hồn trược.

Việt dịch: Trong thân ông tướng cứng là đất, tướng ướt là nước, hơi nóng là lửa, lay động là gió. Do bốn thứ ràng buộc nầy mà phân chia tâm giác ngộ sáng suốt vi diệu vắng lặng viên mãn trùm khắp của ông thành ra cái thấy nghe hay biết. Trước sau tạo thành năm lớp vẩn đục.

Giảng: Bây giờ Đức Phật giảng giải đến tứ đại. Trong thân ông tướng cứng là đất. Da thịt gân xương là yếu tố đất trong thân thể. Tướng ướt là nước. Nước miếng, nước mắt, máu, và các chất bài tiết là yếu tố nước. Hơi nóng là lửa. Thân nhiệt là thuộc về yếu tố lửa. Chức năng nầy giúp cho cơ thể luôn luôn duy trì được nhiệt độ điều hòa. Lay động là gió. Sự hô hấp lưu thông là thuộc về yếu tố gió. Do bốn mối ràng buộc nầy, bốn yếu tố kết hợp. Chúng hòa lẫn nhau. Yếu tố nầy kết hợp với yếu tố kia, và nó làm thành một thành phần độc lập.

Trước khi quý vị biết đến nó, thì nó đã kết hợp với nhau và tạo thành một nhóm gọi là 'khối lượng thân thể.' Nên chân tánh của quý vị không có cách nào để hiển bày ra được. Thế nên nương trong cái chân mà cái hư vọng sinh khởi. Chân tâm thanh tịnh giác ngộ sáng suốt vi diệu viên mãn: tánh Như Lai tạng, vốn thanh tịnh, là chân tánh bồ-đề, đã bị phân chia. Diệu giác minh tâm bị phân chia; ở mắt, thì thành tánh thấy. Chạy qua tai thì thành tánh nghe. Nên có câu kệ.

Nguyên y nhất tinh minh 元依一精明
Phân thành lục hòa hợp. 分成六和合

Đến thân thì thành xúc giác, đến tâm thì thành cái biết–ý thức. Trước sau tạo thành năm lớp vẩn đục. Bốn yếu tố đất nước lửa gió tạo thành năm lớp vẩn đục, tức là ngũ trược ác thế

Kinh văn: **云何為濁? 阿難,譬如清水,清潔本然。即彼塵土灰沙之倫,本質留礙。二體法爾性不相循。有世間人取彼土塵投於淨水。土失留礙,水亡清潔。容貌汩然明之為濁。汝濁五重亦復如是。**

Phiên âm: Vân hà vi trược? A-nan, thí như thanh thủy, thanh khiết bản nhiên. Tức bỉ trần thổ khôi sa chi luân, bản chất lưu ngại. Nhị thể pháp nhĩ, tính bất tương tuần. Hữu thế gian nhân thủ bỉ thổ trần đầu ư tịnh thủy. Thổ thất lưu ngại, thủy vong thanh khiết. Dung mạo khốt nhiên minh chi vi trược. Nhữ trược ngũ trùng diệc phục như thị.

Việt dịch: Thế nào là vẩn đục? A-nan, ví như nước trong, vốn sẵn là thanh khiết. Lại như các thứ bụi đất tro cát, vốn là chất ngăn ngại. Hai thể chất ấy vốn đã như vậy, không hợp nhau được. Như có người thế gian lấy bụi đất kia ném vào nước trong, Trạng thái khuấy trộn đó gọi là vẩn đục. Năm lớp vẩn đục của ông cũng giống như vậy.

Giảng: Thế nào là vẩn đục? Để giảng giải năm lớp vẩn đục, trước hết Như Lai sẽ giải thích chữ vẩn đục (trược) cho ông. A-nan, ví như nước trong, vốn sẵn là thanh khiết–Không có một chút lợn cợn trong đó–Lại như các thứ bụi đất tro cát, vốn là chất ngăn ngại. Các thứ ấy có tính chất không trong suốt, dung thông. Hai thể chất ấy vốn đã như vậy, không hợp nhau được. Đó là tính chất của nước và đất bụi, không thể hòa hợp với nhau được, nước thì trong và đất bụi thì cứng và bẩn. Nước không đi chung với bùn đất được, và bụi đất không hòa theo nước được.

Như có người thế gian lấy bụi đất kia ném vào nước trong. Người thế gian ở đây là dạng người phàm phu nói chung, người còn mê mờ chưa tu đạo. Họ không biết làm việc gì, nên mới kiếm chuyện để làm. Họ lấy chút đất rồi bỏ vào trong nước trong. Nhiều ít đất? Có thể nhiều có thể ít. Nếu anh ta có một bình nước, thì có lẽ anh ta dùng cả nắm đất. Nếu đó là một xô nước, thì anh ta phải dùng cả xẻng đất. Nếu anh ta thấy một hồ nước, thì có lẽ phải dùng cả tấn đất. Không có khối lượng nhất định. Vấn đề là đất và nước trộn lẫn vào với nhau. Có thể là ít hoặc nhiều, lớn hoặc nhỏ. Quý vị hình dung như thế nào khi anh ta ném đất bùn vào trong nước?

Có một phản ứng hoá học. (Khi ấy) đất thì mất tính chất ngăn ngại, nước thì mất tánh tinh khiết. Khi đất gặp nước thì nó tan ra, bỏ mất tính cứng của nó đi. Nước vốn thanh khiết trở nên dơ và đục. Kết quả là một hỗn hợp chẳng phải nước, chẳng phải đất. Đây là chuyện để cho ngành hoá học khám phá, quý vị không nên nghĩ đó là chuyện đơn giản. Trạng thái khuấy trộn đó gọi là vẩn đục. Năm lớp vẩn đục của ông cũng giống như vậy. Bốn yếu tố trong thân quý vị, đất nước lửa gió. Trở thành năm lớp vẩn đục cũng theo tiến trình như vậy.

Kinh văn: **阿難汝見虛空遍十方界,空見不分。有空無體有見無覺。相織妄成。是第一重,名為劫濁。**

Phiên âm: A-nan, nhữ kiến hư không biến thập phương giới, không kiến bất phân. Hữu không vô thể hữu kiến vô giác. Tương chức vọng thành. Thị đệ nhất trùng, danh vi kiếp trược.

Việt dịch: A-nan, ông thấy hư không khắp cả mười phương thế giới, mà chẳng thấy phân ra hư không và tánh thấy. (Tuy vậy) có hư không mà không có thực thể, có tánh thấy mà không có tánh biết. Hai bên đã đan dệt với nhau mà thành. Đây là lớp thứ nhất, gọi là ‘kiếp trược.’

Giảng: A-nan, ông thấy hư không khắp cả mười phương thế giới, mà chẳng thấy phân ra hư không và tánh thấy. Ông có thể phân biệt ra cái nào là tánh

thấy, cái nào là hư không chăng? Có một đường vạch ngang giữa tánh thấy và hư không hay sao? Có nghĩa là tánh thấy và hư không là một và đồng nhất. Quý vị có thể nhìn thấy, nhưng cơ bản là không có 'vật' để thấy. Tánh thấy chính là hư không và hư không là tánh thấy. (Tuy vậy) có hư không mà không có thực thể–"Thể của nó chính là hư không," có người lý luận. Được rồi, thế thì hãy giữ cái thể ấy rồi đưa tôi xem.

Quý vị chẳng nắm bắt được nó. Rốt ráo trong đó chẳng có gì cả. Tánh thấy chính là ở trong hư không. Nhưng sẽ không bao giờ có chút nào sự chống trái nhau giữa hư không và tánh thấy. Dù nó đang hiện hữu, nhưng tánh thấy không bao giờ đòi hỏi hư không phải di tản đi nơi khác. Không có sự xung đột nào giữa hai thứ ấy. Mặc dù bây giờ là thời mạt pháp, là thời kỳ đấu tranh kiên cố, nhưng hư không và tánh thấy chẳng có chút bất hòa nào.

Có tánh thấy mà không có tánh biết. Tánh thấy tự nó vắng bặt cái biết; tánh biết nằm trong chính mình, chứ không nằm trong tánh thấy của quý vị và ngược lại. Trong trường hợp nầy, ở đâu có hư không thì không có thực thể và có tánh thấy thì không có cái biết. Hai bên đã đan dệt với nhau mà thành. Đây là lớp thứ nhất, gọi là kiếp trược. Đó là cách thức mà kiếp, được hình thành. Người thế gian không có việc gì để làm nên ném ít đất bụi vào trong nước; và bây giờ quý vị đã bị hòa lẫn tánh thấy của mình với hư không cũng tương tự nhau. Kết quả là tạo nên kiếp trược. Chữ kiếp có gốc tiếng Sanskrit là kalpa, dịch nghĩa là thời phần.

Kinh văn: **汝身現摶四大為體。見聞覺知壅令留礙。水火風土旋令覺知。相織妄成。是第二重名為見濁。**

Phiên âm: Nhữ thân hiện đoàn tứ đại vi thể, kiến văn giác tri ủng linh lưu ngại. Thủy hỏa phong thổ triền linh giác tri. Tương chức vọng thành. Thị đệ nhị trùng danh vi kiến trược.

Việt dịch: Thân ông hiện bám lấy tứ đại làm tự thể, nên cái thấy nghe hay biết bị ngăn ngại. Trở lại làm cho các thứ đất nước lửa gió thành ra có cái hay biết. Các thứ đó đan dệt nhau, hư dối mà thành. Đây là lớp thứ hai gọi là kiến trược.

Giảng: Thân ông hiện bám lấy tứ đại làm tự thể. Ông không có được tự do, vì tứ đại đã hợp thành thân thể ông rồi. Cùng với sự kết hợp nầy, là sự hình thành nên các tánh thấy nghe hay biết. Bốn yếu tố nầy đã khiến cho các tánh thấy nghe hay biết ấy bị ngăn ngại. Trở lại làm cho các thứ đất nước lửa gió thành ra có cái hay biết. Nó chạy tới chạy lui, và một nhận thức sai lầm sanh khởi.

Khi điều ấy xảy ra, các thứ đó đan dệt nhau, hư dối mà thành. Đây là lớp thứ hai gọi là kiến trược. Các nhận thức sai lầm lại giao xen với nhau tạo nên nhận thức sai lầm khác, đó là kiến trược.

Sự giải thích về ngũ trược mà tôi có lần đã nói ở trước là hoàn toàn khác với ở đoạn nầy. Đoạn kinh trước là nói về ngũ trược trong phạm trù thế giới, còn ở đây ngũ trược được giải thích trong phạm trù thân thể của mình. Thực vậy, cái hỗn trược bên ngoài sở dĩ có là do ngũ trược bên trong. Vì vậy nên quý vị nên tịnh hoá các ngũ trược cụ thể hữu hình, thì các ngũ trược bên ngoài sẽ được tiêu trừ.

Kinh văn: **又汝心中,憶識誦習。性發知見容現六塵。離塵無相離覺無性相織妄成。是第三重名煩惱濁。**

Phiên âm: Hựu nhữ tâm trung, ức thức tụng tập, tánh phát tri kiến. Dung hiện lục trần. Li trần vô tướng, li giác vô tánh. Tương chức vọng thành. Thị đệ tam trùng danh phiền não trược.

Việt dịch: Lại nữa, trong tâm ông do sự nhớ biết học tập mà tánh phát ra thấy biết. Dung nạp sáu trần, rời tiền trần thì không có tướng, rời cái biết thì không có tánh. Những điều đó đan dệt nhau, hư dối mà thành. Đây là lớp thứ ba gọi là phiền não trược.

Giảng: Lại nữa, trong tâm ông do sự nhớ biết học tập mà tánh phát ra thấy biết. Tụng tập hay học tập ở đây có nghĩa là học tập nghiệp chướng cả kinh điển Phật pháp lẫn kinh luận thế gian. Dung nạp sáu trần. Những tác dụng nầy làm thành cái thấy biết–nhận biết được những thứ vốn mình chưa hề hay biết–và quan niệm, nhận thức–hiểu những điều mà mình chưa từng hiểu. Nhưng kiến thức thu thập được từ sách vở lại thuộc về trí thế gian, chưa phải là rốt ráo, chưa phải là sự khai mở chân thực của tự tánh.

Khi mình đã có hiểu biết, thì sáu trần–sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp–liền thành hình. Rời tiền trần thì không có tướng. Nếu quý vị tách rời trần lao ra, thì chẳng có thực thể hoặc tướng trạng. Rời cái biết thì không có tánh. Đan dệt nhau, hư dối mà thành. Nếu chúng không kết hợp với nhau, thì chẳng có gì hư vọng. Một khi đã có chân thì liền có vọng. Không có chân thì không có vọng. Khi có vọng, thì sẽ có chân. Chân và vọng là hai khái niệm đối đãi, thuộc phạm trù tương đối. Như Lão Tử đã từng nói:

Đại đạo phế, hữu nhân nghĩa, 大道廢有仁義
Trí huệ xuất, hữu đại nguy, 智慧出有大偽

Lục thân bất hòa, hữu hiếu từ, 六親不和有 孝慈
Quốc gia hôn loạn, hữu trung thần. 國家昏亂有忠臣.

Khi đại đạo đã tiêu trầm thì người ta mới nói về nhân nghĩa. Khi đại đạo vẫn còn lưu hành thì chẳng có ai cần đến điều nhân nghĩa. Khi mọi người đang tu đạo, ai cũng biết rõ là không nên làm cho người khác sinh khởi phiền não. Mọi người đều biết phải tôn trọng chính mình và tôn trọng người khác, thế nên không cần phải nói về nhân nghĩa nữa.

Khi con người đều thông minh trên mức trung bình một tí, thì chẳng có ai trong đó có thể lừa gạt người khác. Chỉ khi nào có người thông minh xuất hiện và nhận thấy rằng những người chung quanh mình sao quá ngu mê. Do sự so sánh như vậy, họ liền quyết định làm trò lừa dối các người kia, ngoại trừ những người thông minh như họ ra, chẳng có ai nhận biết được chuyện đó. Thế nên khi có kẻ thông minh xuất hiện, thì có sự xảo trá hư nguỵ. Nếu họ thực hành đạo ngũ luân, năm đạo lý tôn trọng lẫn nhau giữa:

1. Vua và quần thần.
2. Cha và con.
3. Vợ và chồng.
4. Anh và em.
5. Bằng hữu,

thì chẳng có ai đả động tới chuyện cha hiền con hiếu. Nhưng khi cha không hiền, con phải tỏ ra có hiếu hơn; thì đây là lúc chữ hiếu được nói tới. Hoặc nếu khi con bất hiếu, thì cha phải càng hiền từ hơn. Do vậy, 'khi lục thân bất hòa, thì mới cần người con có hiếu."

Làm sao có thể biết được ai là trung thần trong thời kỳ đất nước yên bình? Ai là người phản nghịch? Khi đất nước yên bình những kẻ trung thàn không bao giờ mang áp phích cổ động với dòng chữ "trung thần," cũng không ai chụp vào mình cái mũ phản quốc. Nhưng khi quốc gia bị xáo trộn, lòng trung thành trong mỗi vị trung thần tự nổi dậy. Đó là lý do tại sao người thời nay đánh giá rất cao Nhạc Phi 岳飛. Vì khi đất nước bị xâm lăng, ông dám đương đầu chống trả.

Đạo lý trong đoạn kinh nầy cũng giống như điều của Lão Tử muốn nói. Nếu chỉ có một yếu tố, thì sẽ không có gì trở nên hỗn trược. Nhất chân pháp giới, hoặc Như Lai tạng, hoặc hư không–không bao giờ sinh khởi thành hỗn trược. Nhưng vì chúng kết hợp với nhau và hình thành một khối, nên hư vọng sanh khởi. Điều nầy chứng minh rằng trong mọi pháp, đều có cái chân cái nguỵ, cái giả cái thật.

Thế nên, ngay cả trong Như Lai tạng, cũng có cái hư vọng phát sinh từ cái chân thật. Cũng tương tự như vậy, trong thân thể con người vốn là vật hữu hình, thể rắn; nhưng bên cạnh đó chúng ta còn có một cái bóng. Trong pháp ẩn dụ, cái bóng biểu tượng cho hư vọng sinh khởi từ cái chân thật; cái bóng biểu tượng cho vô minh. Từ vô minh mà các vấn đề khác phát sinh. Và ở đây, cái hư vọng phát sinh từ lớp thứ ba, được gọi là phiền não trược.

Kinh văn: **又汝朝夕,生滅不停。知見每欲留於世間。業運每常遷於國土。相織妄成是第四重,名眾生濁。**

Phiên âm: Hựu nhữ triêu tịch, sanh diệt bất đình. Tri kiến mỗi dục lưu ư thế gian, nghiệp vận mỗi thường thiên ư quốc độ. Tương chức vọng thành. Thị đệ tứ trùng, danh chúng sanh trược.

Việt dịch: Lại nữa, tâm ông sớm chiều sanh diệt không ngừng. Cái thấy biết thì cứ muốn lưu mãi ở thế gian, mà nghiệp báo chuyển vần luôn luôn đổi dời từ cõi nầy đến cõi khác. Những điều đó đan dệt nhau, hư dối mà thành. Đây là lớp thứ tư gọi là chúng sinh trược.

Giảng: Lại nữa, tâm ông sớm chiều sanh diệt không ngừng. Niệm tưởng của ông sanh rồi diệt suốt ngày không hề dừng nghỉ. Cái thấy biết thì cứ muốn lưu mãi ở thế gian. Cái thấy biết ở đây chỉ cho ý muốn của quý vị, vẫn thích lưu lại mãi ở thế gian nầy. Quý vị muốn bất tử. Quý vị muốn lưu lại nơi nầy mãi mãi và không bao giờ chết, mà nghiệp báo chuyển vần luôn luôn đổi dời từ cõi nầy đến cõi khác. Cái thân nghiệp báo của quý vị đi đầu thai từ cõi nầy đến cõi khác, từ đời nầy đến đời kia. Những điều đó đan dệt nhau, hư dối mà thành. Đây là lớp thứ tư gọi là chúng sinh trược. Vì tâm tưởng của quý vị luôn luôn tương tục sanh và tương tục diệt, cũng giống như những chúng sinh tương tục sống chết. Do vậy, gọi là chúng sinh trược.

Kinh văn: **汝等見聞元無異性,眾塵隔越,無狀異生。性中相知,用中相背。同異失準。相織妄成。是第五重名為命濁。**

Phiên âm: Nhữ đẳng kiến văn nguyên vô dị tánh, chúng trần cách việt, vô trạng dị sanh. Tánh trung tương tri, dụng trung tương bối. Đồng dị thất chuẩn, tương chức vọng thành. Thị đệ ngũ trùng, danh vi mạng trược.

Việt dịch: Cái thấy nghe của ông vốn chẳng phải là tánh nào khác, do các trần cách trở nên bỗng nhiên trở thành khác. Tánh thì vẫn biết nhau, nhưng trong phần dụng thì trái nghịch nhau. Cái đồng cái khác mất hẳn

chuẩn đích, cùng đan dệt nhau, hư dối mà thành. Đây là lớp thứ năm, gọi là mạng trược.

Giảng: A-nan và tất cả các ông đều chưa chứng được quả vô lậu, cái thấy nghe của ông vốn chẳng phải là tánh nào khác. Chúng chẳng phải là hai thứ xuất phát từ hai nguồn. Chúng là một và đồng nhất. Do các trần cách trở nên bỗng nhiên trở thành khác. Tánh thì vẫn biết nhau, nhưng trong phần dụng thì trái nghịch nhau. Tánh thấy và tánh nghe cùng chia nhau một nguồn hiểu biết chung. Nghĩa ở đây là:

Nguyên y nhất tinh minh 元依一精明
Phân thành lục hòa hợp. 分成六和合

Thế nên chân tánh sáng suốt có một cái biết chung, nhưng chức năng, tác dụng của sáu thứ thì khác nhau. Sự phân chia thành sáu phương diện gây ra những tác dụng khác nhau mà lại trái nghịch nhau. Mắt có thể thấy chứ không thể nghe. Tai có thể nghe chứ không thể thấy. Mũi có thể ngửi chứ không nghe, không thấy được. Lưỡi có thể nếm biết mùi vị chứ không thấy nghe, ngửi được. Cái đồng cái khác mất hẳn chuẩn đích. Nó không có tính nhất định. Vì sáu căn mất hẳn tính đồng nhất với nhau, nên tác dụng của nó cũng mất hẳn tính chính xác. Nó vốn không đồng không khác, nhưng nhìn qua hai phương diện, thấy thiếu sự phân định rõ ràng dứt khoát. Do vậy nên nói, "Cái đồng cái khác mất hẳn chuẩn đích."

Cùng đan dệt nhau, hư dối mà thành. Đây là lớp thứ năm, gọi là mạng trược.

Kinh văn: **阿難,汝今欲令見聞覺知, 遠契如來常樂我淨。**

Phiên âm: A-nan, nhữ kim dục linh kiến văn giác tri, viễn khế Như Lai thường lạc ngã tịnh.

Việt dịch: A-nan, nay ông muốn cho cái thấy nghe hay biết của mình, quay về khế hợp với bốn đức thường lạc ngã tịnh của Như Lai.

Giảng: A-nan, nay ông muốn cho cái thấy nghe hay biết của mình–tính ngửi và tính nếm cũng bao gồm trong nghĩa nầy. Quay về khế hợp với bốn đức thường lạc ngã tịnh của Như Lai. Cái thấy nghe hay biết vốn sinh khởi từ những vọng duyên. Nay ông muốn nó quay trở về và hoàn toàn khế hợp với Như Lai tạng và bốn đức niết-bàn, thường lạc ngã tịnh .

Kinh văn: **應當先擇死生根本。依不生滅圓湛性成。**

Phiên âm: **Ưng đương tiên trạch sanh tử căn bản. Y bất sanh diệt viên trạm tánh thành.**

Việt dịch: Trước hết ông phải xác định cái gì là cội gốc sanh tử, rồi nương vào tánh không sanh không diệt, rỗng lặng trùm khắp để thành tựu.

Giảng: ; Ông muốn khế hợp với tánh Như Lai tạng. Trước hết ông phải xác định cái gì là cội gốc sanh tử, rồi nương vào tánh không sanh không diệt, rỗng lặng trùm khắp để thành tựu. Dùng tâm thanh tịnh, vắng lặng, viên mãn thì ông sẽ khế hợp với tánh Như Lai tạng.

Kinh văn: **以湛旋其虛妄滅生。伏還元覺.得元明覺。無生滅性,為因地心。**

Phiên âm: **Dĩ trạm triền kì hư vọng diệt sanh, phục hoàn nguyên giác. Đắc nguyên minh giác,vô sanh diệt tánh, vi nhân địa tâm.**

Việt dịch: Dùng cái vắng lặng mà xoay chuyển các thứ sanh diệt hư vọng để trở về nơi bản giác. Được tánh giác sáng suốt không sanh diệt làm cái tâm tu nhân.

Giảng: Dùng cái vắng lặng mà xoay chuyển các thứ sanh diệt hư vọng. Dùng tính vắng lặng của Như Lai tạng để khiến cho cái hư vọng xoay chuyển và không còn hư vọng nữa, để trở về nơi bản giác. Hàng phục mọi phiền não, trở về với bản giác. Được tánh giác sáng suốt không sanh diệt làm cái tâm tu nhân. Đây là tâm mà ông dùng để phát khởi tu tập lúc ban đầu. Đừng dùng tâm sanh diệt, mà hãy dùng tâm thanh tịnh vắng lặng viên mãn, không sanh không diệt.

Kinh văn: **然後圓成果地修證。**

Phiên âm: **Nhiên hậu viên thành quả địa tu chứng.**

Việt dịch: Sau mới thành tựu quả địa tu chứng.

Giảng: Nếu trong nhân địa dùng tâm thanh tịnh vắng lặng viên mãn, không sanh không diệt để tu tập, thì sau mới thành tựu quả địa tu chứng. Quả địa chỉ cho sự thành tựu quả vị Phật hoặc Bồ-tát. Nếu quý vị đem hết nỗ lực để tu tập và để thể nhập Phật pháp chân thật, thì quý vị sẽ có công phu rất nhanh chóng và tất nhiên sẽ chứng được quả vị.

Kinh văn: **如澄濁水,貯於淨器。靜深不動,沙土自沈,清水現前。名為初伏客塵煩惱。**

Phiên âm: Như trừng trược thủy, trữ ư tĩnh khí. Tĩnh thâm bất động, sa thổ tự trầm, thanh thủy hiện tiền. Danh vi sơ phục, khách trần phiền não.

Việt dịch: Như lắng nước đục bằng cách để yên trong bình chứa. Lặng yên mãi không lay động, đất cát lắng xuống, nước trong hiện ra. Gọi là ban đầu hàng phục khách trần phiền não.

Giảng: Có một ví dụ cho phép tu tâm ở nhân địa. Như lắng nước đục bằng cách để yên trong bình chứa. Như chúng ta đã thảo luận từ trước, khi có người ném đất bụi vào nước trong, thì nước trở thành đục. Bụi đất mất đi tính cứng chắc lưu ngại, và nước đánh mất tinh trong sạch thanh khiết của nó. Chuyện nầy dụ cho chúng sinh vốn thường ở trong tánh Như Lai tạng, nhưng khi kết hợp với tứ đại và năm lớp vẩn đục nên sinh khởi vô minh phiền não. Từ một nguồn chân mà hư vọng sinh khởi. Cái hư vọng nầy không phải là chân; cái chân ấy không phải là vọng.

Như tôi đã giải thích từ trước. Cái chân có thể ví như thân thể của mình và cái vọng được ví như cái bóng của thân. Cái bóng có thật không? Không. Nó chỉ có khi nào có ánh sáng chiếu vào thân. Cái bóng lúc đó được ví như vô minh; vì vô minh vốn là không có thực. Vô minh là cái gì đó không thực, vốn sinh khởi từ cái thực. Nhưng, vì cái vọng nầy sinh khởi, nên các thứ vọng khác đều sinh khởi theo. Điều nầy có thể minh họa qua ví dụ có người ném đất bùn vào trong nước, khiến cho cả nước lẫn bùn đều đánh mất tự thể riêng và trở nên phải hòa lẫn nhau.

Bây giờ tâm trong nhân địa tu hành phải trở về với cội nguồn thanh tịnh, trong sạch; điều nầy giống như lắng nước đục bằng cách để yên trong bình chứa. Lặng yên mãi không lay động. Bình chứa yên tĩnh ấy là gì? Đó là hình ảnh biểu tượng cho quý vị khi ngồi thiền. Khi chúng ta ngồi thiền và tu tập thiền định, có nghĩa là chúng ta đang làm cho đất bùn lắng đọng bằng cách ngồi yên tĩnh. Khi chúng ta đã phát triển được định lực, nghĩa là ta rót nước trong của định lực vào trong tự tánh mình. Thân quý vị giống như cái bình chứa yên tĩnh.

Nhưng quý vị phải hoàn toàn không được lay động. Không được duỗi chân ngay khi vừa thấy đau, hoặc dựa lưng nghỉ ngơi khi vừa thấy đau lưng. Ai trong quý vị vừa duỗi chân ra dù chỉ chút ít hoặc chồng gối phía sau lưng để đỡ mình thì vẫn chưa hiểu được thế nào là trưởng dưỡng công đức. Quý vị luôn luôn nhìn quanh để tìm kiếm sự thuận tiện cho mình. Ở Mỹ, người ta luôn luôn quan tâm đến tiện nghi, dù trong ngôi nhà nghèo nhất cũng có cái máy truyền

hình. Chúng ta không thể nói rằng đây là 'hoàn toàn yên tĩnh và bất động' được. Người mà hoàn toàn yên tĩnh và bất động thì không bao giờ lo sợ cái gì cả. Chân đau một chút không nghĩa lý gì cả.

Đất cát lắng xuống, nước trong hiện ra. Đất cát biểu tượng cho vô minh và phiền não của quý vị. Khi đất cát không còn nữa, thì tự tánh của quý vị, biểu tượng bằng nước trong, sẽ xuất hiện. Nước của thiền định trở nên hiện tiền, và quý vị phát triển thêm định lực. Sự phát huy định lực nầy gọi là ban đầu hàng phục khách trần phiền não. Nguyên do được gọi là khách trần là vì nó không thực có. Nó chính là hư vọng sanh khởi từ trong cái chân. Từ chân tánh bồ-đề, có một niệm vọng tưởng phát sinh, và từ đó có vô minh phiền não. Khách trần có nghĩa là thứ không có sẵn, không vốn thuộc về mình, mà chỉ là cái bên ngoài. Bụi vô minh phiền não không phát xuất từ tự tánh của mình. Vì nó không có nguồn gốc, nên được gọi là 'khách trần phiền não.' Nó không có thật.

Kinh văn: **去泥純水,名為永斷根本無明。**

Phiên âm: Khứ nê thuần thủy, danh vi vĩnh đoạn căn bản vô minh.

Việt dịch: Gạn bỏ đất bùn chỉ còn nước trong, gọi là dứt hẳn căn bản vô minh.

Giảng: Trong đoạn trước đã giải thích, nếu nước đục được để trong bình chứa rồi để yên tĩnh, cát và bùn sẽ lắng xuống. Nhưng nếu gạn bỏ đất bùn chỉ còn nước trong, nếu nước được gạn sang một bình chứa sạch sẽ khác, đó được gọi là dứt hẳn căn bản vô minh. Nếu quý vị chỉ để bùn nằm dưới đáy bình, rồi cho rằng nước đã trong, không cần bận tâm đến lớp bùn đọng dưới đáy, thì ngay khi di chuyển bình chứa, bùn sẽ bị khuấy lên lại. Điều ấy biểu tượng cho vô minh phiền não dấy khởi trở lại. Gạn sạch bùn đất được gọi là dứt hẳn căn bản vô minh.

Phải cần một thời gian khá lâu để bùn đất tách ra khỏi nước, rồi lắng xuống đáy bình. Việc gạn chất trầm tích ra khỏi nước trong là việc đòi hỏi nhiều công sức. Đó là lúc quý vị đã đạt đến trạng thái thuần thanh tịnh. Căn bản vô minh là chỉ cho sinh tướng vô minh, không dễ gì dứt trừ nó. Quý vị đừng cho rằng đó là việc đơn giản. Ngay cả hàng Bồ-tát đẳng giác vẫn còn một chút ít phải trừ. Khi chút ít sinh tướng vô minh ấy được trừ sạch rồi, thì Bồ-tát chứng nhập Phật quả.

Kinh văn: **明相精純,一切變現,不為煩惱。皆合涅槃清淨妙德 。**

Phiên âm: Minh tướng tinh thuần, nhất thiết biến hiện, bất vi phiền não. Giai hợp niết-bàn thanh tịnh diệu đức.

Việt dịch: Tướng sáng suốt tinh thuần, tất cả đều biến hiện mà không do phiền não. Đều hợp với đức thanh tịnh vi diệu của niết-bàn.

Giảng: Tướng sáng suốt tinh thuần–quý vị đã gạn sạch chất trầm lắng dưới đáy bình rồi. Sự trong sạch ấy là hoàn toàn không giả dối; là một trăm phần trăm. Điều nầy biểu tượng cho đã đạt đến quả vị cứu cánh, thành tựu Phật quả. Lúc nầy là tướng trong sáng hiện tiền. Tinh thuần có nghĩa là 'không còn mọi vô minh phiền não.' Tất cả đều biến hiện mà không do phiền não. Đến giai đoạn nầy ta không còn nói rằng phiền não tức bồ-đề, vì lúc ấy chẳng còn chút nào phiền não cả. Khi quý vị đã dứt trừ được hẳn căn bản vô minh thì ngay đó không còn phiền não nữa. Mọi thứ đều hợp với đức thanh tịnh vi diệu của niết-bàn. Mọi việc đều hòa hợp với đạo lý không sanh không diệt. Mọi pháp đều thanh tịnh và vô nhiễm, hoàn toàn giống như diệu đức thanh tịnh của niết-bàn.

MỞ GÚT CÁC CĂN

Kinh văn: 第二義者。汝等必欲發菩提心。於菩薩乘生大勇猛。決定棄捐諸有為相。

Phiên âm: Đệ nhị nghĩa giả. Nhữ đẳng tất dục phát bồ-đề tâm, ư bồ-tát thừa sanh đại dũng mãnh, quyết định khí quyên chư hữu vi tướng.

Việt dịch: Nghĩa thứ hai, các ông chắc muốn phát tâm bồ-đề, sanh tâm đại dõng mãnh với bồ-tát thừa, quyết định rời bỏ các tướng hữu vi.

Giảng: Tôi đã giảng nghĩa quyết định thứ nhất cho quý vị rồi. Nghĩa thứ hai, các ông chắc muốn phát tâm bồ-đề–đối với tôi ở đây là hàng Thanh văn, Duyên giác hữu học, những vị đã quyết định rời bỏ Tiểu thừa, hướng tâm về Đại thừa, phát tâm tu tập đến giải thoát giác ngộ–sanh tâm đại dõng mãnh với bồ-tát thừa, thì khi phát tâm bồ-đề, quý vị nên phải tu tập Bồ-tát đạo. Phải dõng mãnh và tinh tấn. Đừng tiến nhanh rồi bỗng dưng dừng hẳn. Đừng tiến hai bước rồi lùi ba bước.

Nếu quý vị là người dõng mãnh, thì sẽ là người chiến thắng cao tột. Nếu quý vị dõng mãnh, quý vị sẽ như là con hổ với sức chiến đấu rất mạnh và không một thế lực nào có thể chống lại nó. Như đại lão tướng Zhu Ba Wang, rất dõng mãnh theo nghĩa nầy; đứng thẳng cho đến khi chiến thắng mà không bao giờ

chấp nhận bị khuất phục. Họ không sợ chết, để người khác phải chịu gian khổ. Bất luận gặp kẻ thù cỡ nào, họ cũng không sợ.

Quyết định rời bỏ các tướng hữu vi. Hãy dứt khoát, không do dự. Đừng dao động giữa Đại thừa và Tiểu thừa, đừng như A-nan, tâm không quyết định được. A-nan muốn phát tâm cầu Đại thừa, nhưng không thể nào bỏ được pháp nhân duyên. A-nan nói, “Đức Phật giảng pháp nhân duyên rất hay. Sao Đức Phật quyết định bác bỏ nó, thậm chí còn khuyên chúng con đừng tu pháp đó?” Khi quý vị quyết định điều gì, hãy thật kiên định. Đừng đứng mỗi chân mỗi thuyền. Trung Hoa có ngạn ngữ:

Cước đạp lưỡng chích thuyền.

腳 踏 兩 隻 船.

Yếu vãng Giang bắc, hựu yếu vãng Giang nam.
要 往 江 北, 又 要 往 江 南

Quý vị thử nghĩ anh ta sẽ đi đâu khi mỗi chân đứng trên mỗi chiếc thuyền? Đây là ví dụ tối ưu nhất về tính lưỡng lự. Nhưng bây giờ Đức Phật bảo họ phải dứt khoát và từ bỏ các tướng hữu vi. Các pháp nhân duyên vốn thuộc Tiểu thừa. ‘Hữu vi’ là chỉ cho tất cả các pháp được tạo tác. Mọi thứ có hình tướng đều là pháp hữu vi. Các pháp nhân duyên, mọi pháp có sắc tướng, rốt ráo đều phải hoại diệt. Pháp vô vi không có sắc tướng thế nên không bao giờ bị hoại diệt. Trong kinh văn phần trước Đức Phật có đưa ra ví dụ về hư không, ngài có hỏi rằng có khi nào hư không bị hoại diệt chăng? Câu trả lời là chẳng bao giờ hư không bị hoại diệt, vì nó không có hình tướng. Đó là cách khác mà Đức Phật dùng hư không để biểu tượng cho tánh Như Lai tạng.

Kinh văn: **應當審詳煩惱根本。此無始來,發業潤生,誰作誰受?**

Phiên âm: Ưng đương thẩm tường phiền não căn bản. Thử vô thủy lai, phát nghiệp nhuận sanh, thùy tác thùy thụ?

Việt dịch: Ông nên xét rõ cội gốc phiền não. Những thứ vô minh phát nghiệp nhuận sanh từ vô thủy đến nay, là do ai làm ai chịu?

Giảng: Ông nên xét rõ cội gốc phiền não. Ông nên quán sát điều nầy thật chi tiết. Đức Phật nói với A-nan, “Cái gì là cội gốc phiền não?” Ông có biết cái gì là cội gốc của phiền não không? Phiền não từ đâu sinh ra? Những thứ vô minh phát nghiệp nhuận sanh từ vô thủy đến nay. Nếu ông không hoàn tất mọi việc trong đời nầy, ông sẽ phải luân hồi và đầu thai vào kiếp sau.

Là do ai làm ai chịu? Ai tạo nghiệp và ai chịu quả báo?

Kinh văn: **阿難,汝修菩提。若不審觀煩惱根本。則不能知虛妄根塵。何處顛倒處尚不知。云何降伏取如來位?**

Phiên âm: A-nan, nhữ tu bồ-đề, nhược bất thẩm quán phiền não căn bản, tắc bất năng tri hư vọng căn trần, hà xứ điên đảo. Xứ thượng bất tri, vân hà hàng phục, thủ Như Lai vị?

Việt dịch: A-nan, ông tu đạo bồ-đề, nếu không quán sát rõ cội gốc phiền não, thì không thể biết được căn trần hư vọng, điên đảo chỗ nào. Chỗ (điên đảo) còn không biết, làm sao hàng phục được nó, để thủ chứng quả vị Như Lai?

Giảng: A-nan, ông tu đạo bồ-đề, đạo giác ngộ, pháp của hàng Bồ-tát Đại thừa mà không quán sát cội gốc phiền não, thì không thể biết được căn trần hư vọng. Ông sẽ không thể nào nhận ra được tính hư giả của tứ đại, lục căn, lục trần, ngũ uẩn…điên đảo chỗ nào. Ông không biết mình bị điên đảo chỗ nào và chỗ nào không điên đảo. Chỗ (điên đảo) còn không biết, nếu ông không biết nhận ra cái hư vọng đến từ chỗ nào, nguồn gốc của nó nơi nào, thì làm sao hàng phục được nó? Làm sao ông có thể điều khiển, uốn dẹp được điên đảo vô minh phiền não? Nếu không hàng phục được chúng, thì làm sao thủ chứng quả vị Như Lai? Nếu quý vị không hàng phục được phiền não, thì làm sao có thể đạt được quả vị rốt ráo vi diệu của Như Lai?

Kinh văn: **阿難,汝觀世間解結之人, 不見所結,云何知解?**

Phiên âm: A-nan, nhữ quán thế gian giải kết chi nhân, bất kiến sở kết, vân hà tri giải?

Việt dịch: A-nan, ông xem người muốn mở các gút buộc trong thế gian, nếu không thấy chỗ gút, thì làm sao biết mở?

Giảng: Đức Phật lại gọi A-nan, “A-nan, ông xem người muốn mở các gút buộc trong thế gian. Giả sử như có một sợi dây bị rối lại với nhau, có người muốn gỡ ra. Nếu anh ta không tìm được chỗ gút, thì làm sao gỡ rối cho được?” Đoạn kinh nầy, rõ ràng là đề cập đến lời khai thị ở trên, quý vị phải biết chỗ sinh khởi của các thứ hư vọng; được như vậy quý vị mới có thể loại trừ hư vọng ra được. Nếu quý vị thậm chí không biết nguồn gốc phiền não, thì làm sao loại trừ nó

được? Nếu quý vị không biết điên đảo chỗ nào, thì không thể nào công phu đắc lực được.

Kinh văn: **不聞虛空,被汝墮裂。何以故? 空無相形,無結解故。**

Phiên âm: Bất văn hư không bị nhữ đọa liệt. Hà dĩ cố? Không vô tướng hình, vô kết giải cố.

Việt dịch: Nhưng chẳng nghe hư không bị ông phá vỡ bao giờ. Sao vậy? Hư không chẳng có hình tướng, nên chẳng có thắt và mở.

Giảng: Bây giờ Đức Phật đưa ra một ví dụ về một thứ mà chẳng có nút thắt nào để mở. Đó là cái gì? Đức Phật nói, "Nhưng chẳng nghe hư không bị ông phá vỡ bao giờ. Như Lai chẳng bao giờ nghe có thứ gì đập vỡ hoặc cắt hư không ra từng mảnh nhỏ. Sao vậy? Hư không chẳng có hình tướng, nên chẳng có thắt và mở." Tánh Như Lai tạng vốn có trong mỗi quý vị cũng giống như hư không vậy.

Kinh văn: **則汝現前眼耳鼻舌,及與身心,六為賊媒,自劫家寶。**

Phiên âm: Tắc nhữ hiện tiền nhãn nhĩ tỉ thiệt, cập dữ thân tâm, lục vi tặc môi, tự kiếp gia bảo.

Việt dịch: Như hiện nay sáu thứ mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, làm mai mối cho giặc, tự cướp của báu trong nhà.

Giảng: Như hiện nay sáu thứ mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, làm mai mối cho giặc. Người ta nghĩ rằng sáu căn là có ích, nhưng thực ra nó chỉ là sáu thứ phá hoại, ăn cắp pháp bảo trong tự tánh mình. Nhưng quý vị không nhận ra được điều đó. Mà quý vị lại xem mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý là bạn tốt của mình. Ai có thể đoán rằng ra chính sáu thứ nầy đã mời giặc cướp vào nhà mình. Chúng tự cướp của báu trong nhà.

Chẳng hạn, mắt quý vị nắm bắt mọi thứ. Trước khi thấy, mọi thứ đều đẹp. Như thường nói:
Nhãn bất kiến, khẩu bất sàm 眼不見 口不饞
Nhĩ bất thính, tâm bất phiền 耳不聽 心不煩.

Khi thấy có người ăn gì đó, trong miệng mình liền tưởng tượng có gì đó để ăn, liền khởi lên ý tưởng muốn ăn trong đầu. Tại sao trong miệng lại tiết ra nước bọt? Vì mắt thấy thức ăn ngon. Quý vị cho rằng mắt giúp cho mình vì nó có thể

thấy, nhưng chỉ vì thấy mà khiến mình sinh khởi khá nhiều phiền não. Chẳng hạn, thấy cái gì đó đẹp và thích nó. Nhưng khi đã có được nó rồi, thì đó là một nguồn phiền não. Và nếu không có được nó, thì cũng là phiền não, vì quý vị theo đuổi nó.

Khi tai nghe điều gì đó ưa thích thì thích nghe nhiều hơn nữa. Khi lòng tham đã phát khởi, nếu quý vị không đạt được điều mình muốn, thì nghĩ cách để có được nó, và khi đã có được rồi, thì sợ mất nó. Thế nên tai cũng mang đến cho quý vị khá nhiều phiền não. 'Tự cướp của báu trong nhà' có nghĩa là khiến quý vị sinh khởi phiền não. Nếu quý vị không có phiền não, quý vị sẽ không để mất của quý trong nhà, nhưng khi quý vị đã phát khởi phiền não rồi, thì của báu trong nhà ra đi. Như quý vị thường nghe:

Thiên nhật khảm sài nhất triêu phần
千 日 砍 柴 一 朝 焚

Cũng vậy, quý vị tu tập ngàn ngày, nhiều tiến bộ có được–có thể chút khinh an–sẽ tiêu mất với niệm đầu của phiền não, biểu hiện sơ khởi của vô minh. Nên trong kinh có câu:

Tinh tinh chi hỏa, thiêu tận công đức chi lâm.
星 星 之 火, 燒 盡 功 德 之 林.

Khi mũi ngửi mùi hương, tâm cũng khởi niệm tham đắm. Khi lưỡi nếm mùi vị ngon, tâm cũng khởi niệm tham. Khi thân tiếp xúc với vật gì, có một số thứ đem đến cảm giác êm dịu. Tâm ý thì duyên với các pháp. Vắn tắt, vì mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, mà quý vị sinh khởi nhiều thứ phiền não khác nhau, và của quý trong nhà bị đánh mất khỏi mình.

Bây giờ nói về vô lậu. Sáu thức phát sinh do sự tiếp xúc của sáu căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý và sáu trần sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Đó gọi là lậu. Nếu quý vị có thể đạt đến trình độ:

Nhãn quán hình sắc nội vô hữu 眼觀形色內無有
Nhĩ thính trần sự tâm bất tri 耳聽塵事心不知.

Thì quý vị không bị kẻ cướp lấy hết của báu trong nhà mình. Nhưng nếu chưa có đủ công phu, nếu định lực còn yếu, nếu còn đuổi theo mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý và không thể nào quay lại hồi quang phản chiếu, thì sẽ bị rỉ chảy, thất thoát và bị cướp lấy của báu trong nhà mình.

Sáu căn được mô tả là 'môi giới cho giặc.' Thuật ngữ được dùng ở Trung Hoa do các đám cưới cần phải có sự sắp đặt trước thông qua người môi giới. Trong

lịch sử cổ đại Trung Hoa, vào thời đại nhà Chu, trước Lie Guo, thì không cần người môi giới. Người ta chỉ tìm người bạn mình thích theo lối của người Tây phương bây giờ. Thực vậy, vào thời nhà Chu, chuyện giữa nam và nữ rất thường tình. Chẳng có luật lệ gì về chuyện ấy cả. Đến khi Khổng Tử san định lại Lục thư: Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Dịch, Kinh Lễ, Kinh Nhạc và Kinh Xuân Thu. Từ đó đến nay có người làm môi giới, mà công việc của họ là chọn người nam người nữ nào hợp nhau. Nếu họ cùng thích hợp tuổi tác, hình dáng, tính tình, họ sẽ giới thiệu "Người phụ nữ trẻ đó rất có đức hạnh." "Cậu học trò kia rất thông minh." Khi lời giới thiệu được công nhận, tức mọi việc hôn nhân xem như được tiến hành.

Ở đây, cách dùng từ môi giới trong kinh văn có điểm giống như trên. Khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần, sinh ra sáu thức. Sự tiếp xúc giữa sáu căn, sáu trần, và sáu thức là công việc của người môi giới. Việc làm mai mối cho nhau được thực hiện và sự rắc rối xảy ra trước khi nhận ra sự có mặt của kẻ cướp. Nhưng kẻ cướp nầy lại lấy sức khỏe và công đức của quý vị. Nó lấy sạch của quý báu trong nhà mình.

Cái gì là của báu trong nhà mình? Cái đó quý vị phải tự biết. Bất kỳ thứ gì quý vị xem là của báu, thì phải cẩn thận giữ gìn. Tôi không biết của báu quý vị là gì, và quý vị cũng không biết gia bảo của tôi là gì.

"Tôi biết đồ quý của con rồi," Quý vị bảo. "Đó là vàng bạc, kim cương."

Không phải, Dù tôi không biết của báu của quý vị là gì. Nhưng tôi biết nếu quý vị cho những thứ ấy là của báu nhà mình thì quý vị đã lầm.

"Được rồi, thế của báu trong con là gì?" Quý vị hỏi.

Bây giờ thì quý vị không nhận ra đó là gì? Dù quý vị không biết, tôi vẫn nói, dù đúng ra không nói thì hơn. Nhưng vì quý vị muốn biết, nên tôi sẽ chiều theo và nói cho quý vị biết, chỉ ngại rằng quý vị không tin tôi. Quý vị thấy có điểm nào không tin tôi chăng? Tôi không thể biết được nói hay không nói cho quý vị là tốt hơn. Nếu tôi nói cho quý vị mà quý vị không tin tôi, thì phí công vô ích. Nhưng nếu tôi không nói khi quý vị muốn biết, thì luôn luôn có dịp để quý vị tin tôi. Thế nên tôi quyết định nói cho quý vị nghe. Của báu trong nhà quý vị là gì? Đơn giản chính là Như Lai tạng thường trú chân tâm diệu giác minh tánh.

Phật bảo chính là tự tánh của quý vị. Pháp bảo chính là tự tánh của quý vị. Tăng bảo cũng chính là tự tánh của quý vị. Cũng vậy, chính trong thân vật chất của mình mà quý vị có thể tu giới tu định và tu huệ; nó cũng chính là của báu trong nhà quý vị.

“Con không thấy những thứ nầy, làm sao biết mình đánh mất nó được?”

À! Đó là điều tôi rất muốn nói với quý vị. Quý vị không tin những gì mình không thấy, thế nên chẳng ngạc nhiên gì khi quý vị không tin những điều nầy, vì đó thực sự là những cái không thể nào thấy được. Nhưng quý vị vẫn có giác quan, dù quý vị không thấy được nó. Nếu cái biết của quý vị đi đôi với trí huệ, thì quý vị càng có nhiều của báu. Tuy nhiên, nếu quý vị u mê, thì mình sẽ tự đánh mất của báu. Hãy tự xem xét mình là u mê hay sáng suốt? Dù vậy điều nầy không có nghĩa là quý vị đứng dậy và thông báo rằng mình có trí huệ như Phật, như một người nào đó đã tự cho mình là tổ. Việc tôi muốn làm với anh ta là nói, tôi sẽ giết anh, và anh ta hốt hoảng bỏ trốn.

Lần sau quý vị có gặp người như vậy, hãy đánh phủ đầu anh ta từ đầu xuống chân, nếu anh ta la lên, “Sao quý vị đánh tôi?” Thì quý vị trả lời, “Tôi chỉ đánh vào hư không, vì ông vốn là không có thật, đúng vậy không? Sao ông còn biết đau? Nếu ông còn biết đau, thì nào khác hàng phàm phu, nên ông đừng ví mình như Phật. Nếu ông không biết đau, thì cũng như gỗ đá. Ông không có cảm giác gì, thế thì ông cũng như đồ thải.” Nói với anh ta như vậy, và nhắc nhở thêm rằng, “Hãy ghi nhớ lời tôi khuyên và đừng đi quanh làm như một kẻ điên rồ như anh đang làm.

Đừng đi quanh rồi nói ‘Ta cũng như Phật không khác, Ta là tổ.’ Nếu ông làm vậy, tương lai sẽ đoạ vào địa ngục vô gián.” Hạng người như vậy là điên cuồng. Làm sao có thể tu tập và thành Phật được? Những người điên như vậy không thể nào thâm nhập Phật pháp vì họ đã bị chìm đắm trong tà kiến của ngoại đạo. Đức Phật cũng không thể cứu những người nầy nỗi. Họ thực sự là những người đáng thương xót.

Kinh văn: **由此無始眾生世界生纏縛故, 於器世間不能超越。**

Phiên âm: Do thử vô thủy chúng sanh thế giới, sinh triền phược cố, ư khí thế gian, bất năng siêu việt.

Việt dịch: Do đây mà chúng sinh trong thế giới từ vô thủy phát sinh sự ràng buộc, không thể thoát khỏi các hiện tượng thế gian.

Giảng: Do đây mà chúng sinh trong thế giới từ vô thủy phát sinh sự ràng buộc. Sáu căn, sáu trấn, sáu thức giao thiệp lui tới với nhau, cái nầy nương vào cái kia. Giống như hai con thú lang và bái. Con lang dùng hai chân trước, con bái dùng hai chân sau. Nên con lang và bái cùng dựa vào nhau để đi. Nếu chúng không hòa hợp nhau, thì con lang không thể đi được và con bái cũng không

thể tự mình đi được. Một dạng tương thuộc lẫn nhau tương tự là cần phải có giữa sáu căn, sáu trần, sáu thức. Nó giữ cùng một kiểu cách như vậy.

Từ vô thủy đã có sự tương tục của thế giới và tương tục của chúng sinh. Cả hai kết hợp chặt chẽ với nhau đến mức chúng sinh không thể không cần thế giới, và thế giới không thể hiện hữu mà không có chúng sinh. Hai thứ kết dính với nhau, thế nên không thể thoát khỏi các hiện tượng thế gian. Hiện tượng thế gian ở đây là chỉ cho toàn thể núi sông đất liền, các công trình tạo tác, và các thứ do con người làm ra. ‘Chúng sinh’ là chỉ cho cõi giới của các loài hữu tình.

Rốt ráo các các loài hữu tình không thể tách rời ra khỏi các hiện tượng thế gian, và các hiện tượng thế gian không thể thoát ta ngoài cõi giới của các loài hữu tình. Các hiện tượng thế gian thu hút các loài hữu tình vào, hấp dẫn chúng cho đến khi cả hai cài chặt vào nhau và không cái nào thoát khỏi ra cái nào được cả. Thế nên có một sự phụ thuộc lẫn nhau trong sự tương tục của thế giới và tương tục của chúng sinh cùng sự tương tục của nghiệp quả. Không có chúng sinh, sẽ không có thế giới, sẽ không có nghiệp quả. Để có thế giới thì ắt phải có nghiệp quả và có chúng sinh. Nếu một thứ không hiện hữu, thì các thứ kia cũng không.

Kinh văn: **阿難云何名為眾生世界。世為遷流界為方位。**

Phiên âm: A-nan, vân hà danh vi chúng sanh thế giới? Thế vi thiên lưu, giới vi phương vị.

Việt dịch: A-nan, thế nào gọi là chúng sinh và thế giới? Thế là dời đổi, giới là phương hướng.

Giảng: “A-nan, nay Như Lai hỏi ông. Nghĩa của chúng sinh là gì? Nghĩa của thế giới là gi? Ông biết chăng?” A-nan không trả lời, nên Đức Phật giải thích: thế nào gọi là chúng sinh và thế giới? Thế là dời đổi, giới là phương hướng. Trong tiếng Hán, thế 世 là thời gian; có nghĩa là dời đổi; giới 界 là không gian, tức là phương vị, nơi chốn. Hai từ nầy ghép lại gọi là thế giới.

Kinh văn: **汝今當知東西南北。東南西南東北西北上下為界。過去未來現在為世。位方有十,流數有三。**

Phiên âm: Nhữ kim đương tri đông tây nam bắc. Đông nam, tây nam, đông bắc, tây bắc, thượng hạ vi giới; quá khứ, vị lai, hiện tại vi thế. Vị phương hữu thập, lưu số hữu tam.

Việt dịch: Nay ông nên biết các phương đông, tây, nam, bắc, đông nam, tây nam, đông bắc, tây bắc, trên, dưới là giới; quá khứ, vị lai, hiện tại là thế. Phương vị có mười, số lưu chuyển của thời gian có ba.

Giảng: Nay ông nên biết các phương đông, tây, nam, bắc–bốn phương–và tây nam, đông bắc, tây bắc–bốn hướng–cũng như phương trên, dưới là giới; quá khứ, vị lai, hiện tại là thế. Phương vị có mười, số lưu chuyển của thời gian có ba.

Kinh văn: **一切眾生織妄相成。身中貿遷世界相涉。**

Phiên âm: Nhất thiết chúng sanh chức vọng tương thành. Thân trung mậu thiên, thế giới tương thiệp.

Việt dịch: Hết thảy chúng sinh đan dệt cái giả dối mà thành. Sự dời đổi trong thân và thế giới gắn bó với nhau.

Giảng: Hết thảy chúng sinh đan dệt cái giả dối mà thành. Những tướng hư vọng nầy trở nên giao xen với nhau. Sự dời đổi trong thân, như một công ty mua bán nhỏ hoặc một trung tâm mậu dịch. Anh đưa cho tôi những thứ để đổi lấy những gì anh không có. Sự dời đổi trong thân và thế giới gắn bó với nhau. Họ bị dính mắc vào 'thế giới.' Quý vị không thấy được điều đó, nhưng đó là sự quan hệ tất yếu giữa thân thể và thế giới. Thân thể con người là một công ty mua bán nhỏ. Theo cách đó nó cứ còn rồi mất, vì sự tương quan của nó mãi mãi phát triển.

Kinh văn: **而此界性,設雖十方,定位可明。世間秪目東西南北。上下無位,中無定方。四數必明,與世相涉。三四四三宛轉十二。**

Phiên âm: Nhi thử giới tánh thiết tuy thập phương, định vị khả minh. Thế gian chỉ mục, đông tây nam bắc. Thượng hạ vô vị, trung vô định phương. Tứ số tất minh, dữ thế tương thiệp. Tam tứ tứ tam, uyển chuyển thập nhị .

Việt dịch: Nhưng tánh của thế giới ấy dù có thiết lập tuy cả mười phương, định vị có rõ ràng. Thì thế gian chỉ nhận phương đông, phương tây, phương nam, phương bắc. Phương trên phương dưới không có vị trí rõ ràng, ở giữa cũng không có phương vị nhất định. Số bốn đã rõ, nhân với số thế. Ba lần bốn, bốn lần ba thành ra mười hai.

Giảng: Nhưng tánh của thế giới ấy dù có thiết lập tuy cả mười phương, định vị có rõ ràng. Thì thế gian chỉ nhận phương đông, phương tây, phương nam,

phương bắc. Mọi người đều biết rõ ràng. Hầu hết mọi người đều chỉ nói đến bốn phương. Phương trên phương dưới không có vị trí rõ ràng, ở giữa cũng không có phương vị nhất định. Khi quý vị nói cái gì đó ở giữa, thì nó ở giữa cái gì? Quý vị không thể nào xác định vị trí trung tâm. Số bốn đã rõ–mọi người đều đồng ý với điểm nầy, đó là dĩ nhiênnhân với số thế. Ba lần bốn, bốn lần ba thành ra mười hai. Ở đây chúng ta xác định được con số của thế giới–ba thời, (tam thế) và bốn phương (tứ phương).

Kinh văn: **流變疊三一十百千。總括 始終六根之中。各各功德有千二百。**

Phiên âm: Lưu biến tam điệp nhất thập bách thiên. Tổng quát thủy chung, lục căn chi trung, các các công đức, hữu thiên nhị bách.

Việt dịch: Nhân cho ba lớp, mười thành trăm, thành ngàn. Tổng quát trước sau trong lục căn, mỗi căn có một ngàn hai trăm công đức.

Giảng: Nhân cho ba lớp. Con số mười hai do ba nhân với bốn mà thành, là một lần nhân, tức một lớp. Từ số mười hai nhân với mười, thành một trăm hai mươi, là lớp thứ hai; từ 120 nhân cho 10, thành một ngàn hai trăm, là lớp thứ ba. Tổng quát trước sau trong lục căn, mỗi căn có một ngàn hai trăm công đức. Bắt đầu với 12 tăng đến cao nhất là 1200, đây là ranh giới năng lực của lục căn– mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý khi chúng giao tiếp với thế giới. 'Ba lớp' tức ba sự tương tục–của chúng sinh, của thế giới, và của nghiệp quả.

Kinh văn: **阿難,汝復於中,克定優劣。如眼觀見,後暗前明。前方全明後方全暗。左右傍觀,三分之二。統論所作,功德不全。三分言功,一分無德。當知眼唯八百功德。**

Phiên âm: A-nan, nhữ phục ư trung, khắc định ưu liệt. Như nhãn quán kiến, hậu ám tiền minh, tiền phương toàn minh, hậu phương toàn ám. Tả hữu bàng quan, tam phần chi nhị. Tổng luận sở tác, công đức bất toàn. Tam phần ngôn công, nhất phần vô đức. Đương tri nhãn duy bát bách công đức.

Việt dịch: A-nan, trong sáu căn đó, ông lại khắc định điểm mạnh điểm yếu. Như nhãn căn xem thấy phía sau tối, phía trước sáng; phương trước hoàn toàn sáng, phía sau hoàn toàn tối. Nhìn qua lại hai bên, chỉ được hai phần ba (⅔). Tóm lại, công năng của nhãn căn không được hoàn toàn. Trong ba phần công đức, một phần không có. Nên biết nhãn căn chỉ có tám trăm công đức.

Giảng: Đây là phương pháp Đức Phật giảng kinh. Nghĩa lý của kinh được tuần tự giảng nghĩa theo phần chính văn. Đến điểm nầy quý vị đừng sốt ruột. A-nan, trong sáu căn đó, ông lại khắc định điểm mạnh điểm yếu. Ông có thể tự mình xét kỹ căn nào của mình thù thắng nhất và căn nào yếu kém nhất. Như nhãn căn xem thấy phía sau tối, phía trước sáng. Mắt có thể thấy được phía trước, nhưng không thấy được phía sau. Dĩ nhiên điều nầy không liên quan gì đến Phật nhãn. Người được khai Phật nhãn rồi có thể nhìn thấy được không chỉ phía trước, mà có thể thấy được cả phía sau, thấy hai bên, trên và dưới–người ấy có thể thấy được cả cõi giới hư không.

Nhưng đó không phải là vấn đề được nói ở đây, vì chúng ta đang nói về mắt trần của hàng phàm phu. Phương trước hoàn toàn sáng, phía sau hoàn toàn tối. Nhìn qua lại hai bên, chỉ được hai phần ba (⅔). Không thể thấy hoàn toàn mọi thứ chung quanh mình. Tóm lại, công năng của nhãn căn không được hoàn toàn. Trong ba phần công đức, một phần không có. Quý vị có thể nhìn thấy phía trước và hai bên, chứ không thể nhìn được phía sau. Nên biết nhãn căn chỉ có tám trăm công đức. Nhãn căn không phải là căn thù thắng vì không dùng được toàn thể công năng của nó.

Những điều giảng ở đoạn nầy là để chuẩn bị cho lời khai thị của hai mươi lăm vị thánh đã chứng ngộ trình bày về pháp tu viên thông của mình. Mỗi vị đã chọn một căn để tu chứng viên thông.

Kinh văn: **如耳周聽十方無遺。動若邇遙,靜無邊際。當知耳根圓滿一千二百功德。**

Phiên âm: Như nhĩ châu thính, thập phương vô di. Động nhược nhĩ dao, tĩnh vô biên tế. Đương tri nhĩ căn, viên mãn nhất thiên nhị bách công đức.

Việt dịch: Như nhĩ căn nghe khắp cả mười phương không sót. Động thì giống như có xa, có gần; tĩnh thì không ngằn mé. Nên biết nhĩ căn viên mãn một ngàn hai trăm công đức.

Giảng: Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nói với A-nan: Như nhĩ căn có thể nghe khắp. Thính giác thì không bị chướng ngại. Nó không giống như mắt, chỉ có được một phần công năng. Nhĩ căn có thể nghe khắp nơi–phía trước, phía sau, bên phải, bên trái, trên dưới; bất kỳ ở đâu có âm thanh, nó có thể nghe khắp cả mười phương không sót. Chẳng có gì mà tai không thể nghe được. Động thì giống như có xa, có gần; tĩnh thì không ngằn mé. Nên biết nhĩ căn viên mãn một ngàn hai trăm công đức.

Kinh văn: **如鼻嗅聞通出入息。有出有入而闕中交。驗於耳根三分闕一。當知鼻唯八百功德。**

Phiên âm: Như tỉ khứu văn thông xuất nhập tức. Hữu xuất hữu nhập, nhi khuyết trung giao. Nghiệm ư nhĩ căn, tam phân khuyết nhất. Đương tri tỉ duy bát bách công đức.

Việt dịch: Như tỉ căn biết ngửi thông cả lúc thở ra thở vào. Có ra có vào, nhưng gián đoạn trong khoảng giữa. Xét kỹ tỉ căn ba phần khuyết một. Nên biết tỉ căn chỉ có tám trăm công đức.

Giảng: ; Như tỉ căn biết ngửi, thông cả lúc thở ra thở vào. Có ra có vào, nhưng gián đoạn trong khoảng giữa. Giữa lúc thở vào thở ra là một khoảng dừng lại lúc khứu giác không hoạt động. Xét kỹ tỉ căn ba phần khuyết một. Nó cũng bị thiếu sót một phần ba. Nên biết tỉ căn chỉ có tám trăm công đức.

Kinh văn: **如舌諸世間出世間智。言有方分,理無窮盡。當知舌根圓滿一千二百功德。**

Phiên âm: Như thiệt tuyên dương, tận chư thế gian xuất thế gian trí. Ngôn hữu phương phần, lí vô cùng tận. Đương tri thiệt căn viên mãn nhất thiên nhị bách công đức.

Việt dịch: Như thiệt căn có thể diễn nói về trí thế gian và xuất thế gian. Lời nói có phần hạn, nhưng lý thì vô cùng. Nên biết thiệt căn viên mãn một ngàn hai trăm công đức.

Giảng: Lưỡi vốn là cơ quan để nếm, nhưng nó không chỉ có chức năng ấy. Ở đây lưỡi có khả năng nói được bàn đến. Như thiệt căn có thể diễn nói về trí thế gian và xuất thế gian. Lưỡi có thể nói pháp; nó có thể diễn bày cả pháp thế gian lẫn pháp xuất thế gian. Lời nói có phần hạn–có sự khác nhau giữa ngôn ngữ và địa phương– nhưng lý thì vô cùng. Khi Tổ Bồ-đề Đạt-ma từ Ấn Độ sang Trung Hoa, ngài gặp phải sự trở ngại của ngôn ngữ.

Người Trung Hoa không hiểu tiếng nói của ngài nên gọi ngài là ‘Rợ Hồ,’ để biểu hiện thành kiến của họ. Một số người thậm chí không muốn nói về ngài, và một số khác lại không muốn tìm hiểu nhiều về những điều ngài nói. Nên bất kỳ ngài đến đâu, chẳng có ai để ý đến giáo pháp ngài truyền dạy. Gặp trường hợp như vậy, ngài đến Lạc Dương, vào núi Hùng Nhĩ ngồi thiền quay mặt vào

vách. Đây là trường hợp ngôn ngữ bất đồng khiến ngăn trở sự giao tiếp giữa mọi người với nhau.

Dù ngôn ngữ bất đồng, nhưng lý thì vô cùng tận. Nên biết thiệt căn viên mãn một ngàn hai trăm công đức. Thiệt căn có đầy đủ công năng của nó.

Kinh văn: **如身覺觸,識於違順。合時能覺,離中不知。離一合雙。驗於舌根三分闕一。當知身唯八百功德。**

Phiên âm: Như thân giác xúc, thức ư vi thuận. Hợp thời năng giác, li trung bất tri. Li nhất hợp song. Nghiệm ư thiệt căn, tam phần khuyết nhất. Đương tri thân duy bát bách công đức.

Việt dịch: Như thân căn biết sự xúc chạm, biết các cảm xúc khó chịu và dễ chịu. Khi tiếp xúc thì biết, khi rời ra thì không. Rời ra chỉ một, hợp lại thành hai. Xét kỹ thân căn ba phần khuyết một. Nên biết thân căn chỉ có tám trăm công đức.

Giảng: Như thân căn biết sự xúc chạm; thân biết sự xúc chạm của vật, biết các cảm xúc khó chịu và dễ chịu. Nhận biết các dạng cảm xúc gây đau đớn khó chịu và các cảm xúc ưa thích, dễ chịu. Khi tiếp xúc thì biết. Khi thân căn và vật bên ngoài tiếp xúc nhau, thì biết có cảm giác xúc chạm. Khi rời ra thì không. Khi không còn sự tiếp xúc ấy nữa, thì không biết. Rời ra chỉ một, hợp lại thành hai. Khi tách rời thân căn và vật tiếp xúc từ bên ngoài ra, thì mình thành một thực thể cá biệt; còn khi tiếp xúc với vật bên ngoài, thì có cảm giác xúc chạm–hoặc đau đớn hoặc êm dịu. Xét kỹ thân căn ba phần khuyết một. Trong công năng của các căn gồm một ngàn hai trăm công đức, thân căn thiếu một phần ba. Nên biết thân căn chỉ có tám trăm công đức.

Kinh văn: **如意默容十方三世。一切世間出世間法。惟聖與凡,無不包容盡其涯際。當知意根圓滿一千二百功德。**

Phiên âm: Như ý mặc dung thập phương tam thế, nhất thiết thế gian xuất thế gian pháp. Duy thánh dữ phàm, vô bất bao dung tận kì nhai tế. Đương tri ý căn viên mãn nhất thiên nhị bách công đức.

Việt dịch: Như ý căn âm thầm dung nạp tất cả các pháp thế gian xuất thế gian trong mười phương ba đời. Dù thánh hay phàm, chẳng pháp nào mà không bao dung đến tột cùng ngằn mé. Nên biết ý căn viên mãn một ngàn hai trăm công đức.

Giảng: Như ý căn âm thầm dung nạp tất cả các pháp thế gian xuất thế gian trong mười phương ba đời. Lãnh vực ngũ trần đã được bàn đến. Ý ở đây chỉ cho ý thức, thức thứ sáu. Tâm vốn vắng lặng, nhưng trong đó, sự phân biệt bao trùm cả các pháp thế gian và xuất thế gian. Dù thánh hay phàm, chẳng pháp nào mà không bao dung đến tột cùng ngằn mé. Nên biết ý căn viên mãn một ngàn hai trăm công đức. Ý căn cũng có đầy đủ toàn bộ một ngàn hai trăm công đức.

Kinh văn: **阿難,汝今欲逆,生死欲流,返窮流根,至不生滅。**

Phiên âm: A-nan, nhữ kim dục nghịch sanh tử dục lưu, phản cùng lưu căn chí bất sanh diệt.

Việt dịch: A-nan, nay ông muốn ngược dòng ái dục sinh tử, quay ngược lại các căn lưu ngại, đến chỗ không sinh diệt.

Giảng: Đức Phật lại gọi A-nan lần nữa: Nay ông muốn ngược dòng ái dục sinh tử. Ông không muốn trôi theo dòng luân hồi sinh tử nữa mà muốn công phu tu tập để đi ngược lại dòng sinh tử ấy. Thì ông nên quay ngược lại các căn lưu ngại, đến chỗ không sinh diệt. Ông muốn quay lại và tìm ra cội nguồn của dòng chảy luân hồi sinh tử.

Kinh văn: **當驗此等六受用根。誰合誰離,誰深誰淺。誰為圓通,誰不圓滿。**

Phiên âm: Đương nghiệm thử đẳng lục thọ dụng căn. Thùy hợp thùy li, thùy thâm thùy thiển. Thùy vi viên thông, thùy bất viên mãn.

Việt dịch: Ông nên xét trong sáu căn hiện đang thọ dụng nầy. Căn nào hợp, căn nào ly. Căn nào sâu, căn nào cạn. Căn nào viên thông, căn nào không viên mãn?

Giảng: Trước tiên ông hãy xét kỹ trong sáu căn nầy, căn nào là viên thông nhất, không chướng ngại, và căn nào đem đến sự viên thông?

Kinh văn: **若能於此,悟圓通根,逆彼無始,織妄業流,得循圓通,與不圓根日劫相倍。**

Phiên âm: Nhược năng ư thử, ngộ viên thông căn, nghịch bỉ vô thủy, chức vọng nghiệp lưu, đắc tuần viên thông, dữ bất viên căn nhật kiếp tương bội.

Việt dịch: Nếu ngay nơi đây ngộ được căn tánh viên thông, ngược với dòng nghiệp hư vọng đan dệt từ vô thủy kia, theo tính viên thông, thì đối với việc tu tập ở các căn không viên thông hiệu quả sẽ gấp bội, một ngày bằng một kiếp.

Giảng: Nếu ngay nơi đây ngộ được căn tánh viên thông, nếu ông có thể nhận ra cội gốc luân hồi sinh tử và nghịch với dòng của nghiệp thức, ông sẽ biết căn nào viên thông nhất. Ngược với dòng nghiệp hư vọng đan dệt từ vô thủy kia, theo tính viên thông. Ông sẽ không xuôi theo dòng luân hồi sinh tử, ông có thể đi ngược lại chiều ấy. Thì đối với việc tu tập ở các căn không viên thông, hiệu quả sẽ gấp bội, một ngày bằng một kiếp. Trước khi ông nhận ra căn nào viên thông, thì ông phải tu hành cả kiếp mà vẫn không thành Phật. Nhưng khi đã nhận ra căn nào viên thông nhất rồi, không thuận theo dòng luân hồi sinh tử nữa, thì ông chỉ cần tu một ngày mà có kết quả như tu tập trong cả đại kiếp.

Kinh văn: **我今備顯六湛圓明,本所功德數量如是。隨汝詳擇其可入者。吾當發明令汝增進。**

Phiên âm: Ngã kim bị hiển lục trạm viên minh, bổn sở công đức số lượng như thị. Tùy nhữ dương trạch, kì khả nhập giả. Ngô đương phát minh linh nhữ tăng tiến.

Việt dịch: Nay Như Lai đã chỉ rõ sáu căn vắng lặng sáng suốt viên thông, vốn có đầy đủ công đức như vậy. Tuỳ ông xét kỹ căn nào có thể nhập đạo được. Như Lai sẽ giảng rõ, giúp ông tiến bộ hơn.

Giảng: Nay Như Lai đã chỉ rõ sáu căn vắng lặng sáng suốt viên thông, vốn có đầy đủ công đức như vậy. Như Lai đã chỉ bày đạo lý rất rõ cho ông. Bản tánh của sáu căn nầy rất thanh tịnh và vắng lặng. Như Lai cũng đã phân tích rõ công đức của từng căn. Nay ông đã nhận rõ công đức của căn nào viên mãn nhất và ít công đức hơn. Tuỳ ông xét kỹ căn nào có thể nhập đạo được. Như Lai đã phân tích mức độ công đức của từng căn rồi. Nay, A-nan, tuỳ thuộc vào ông chọn kỹ căn nào để quyết định. Xem căn nào thích hợp cho việc tu chứng của mình.

Nhĩ căn vốn căn bản là viên thông nhất trong các căn, nhưng Đức Phật không nói tthẳng cho A-nan biết như vậy. Ngài để cho A-nan chọn lựa và quyết định. Đức Phật chỉ đưa ra từng khả năng công đức của mỗi căn, rồi dành cho A-nan quyết định chọn lựa. Đó là những gì Đức Phật dạy cho A-nan.

Như Lai sẽ giảng rõ, giúp ông tiến bộ hơn. Sau khi ông đã có sự chọn lựa, Như Lai sẽ giải thích cho ông chi tiết hơn. Như Lai sẽ chỉ bày cho ông biết cách công phu tu tập với căn mà ông đã chọn để có được tiến bộ.

Kinh văn: **十方如來於十八界,一一修行皆得圓滿無上菩提。於其中間亦無優劣。**

Phiên âm: Thập phương Như Lai, ư thập bát giới, nhất nhất tu hành giai đắc viên mãn vô thượng bồ-đề. Ư kì trung gian, diệc vô ưu liệt.

Việt dịch: Chư Phật Như Lai ở trong mười phương, đối với mười tám giới, mỗi giới tu hành đều được viên mãn vô thượng bồ-đề. Trong các giới đó, không có cái nào hơn kém.

Giảng: Chư Phật Như Lai ở trong mười phương. Đức Phật nói đến các đức Như Lai trong khắp mười phương như là sự bảo chứng. Các ngài đối với mười tám giới, mỗi giới tu hành đều được viên mãn vô thượng bồ-đề. Trong các giới đó, không có cái nào hơn kém. Năm uẩn, sáu nhập, mười hai xứ, mười tám giới: trong các pháp nầy, chẳng có cái nào hơn kém.

Kinh văn: **但汝下劣,未能於中,圓自在慧。故我宣揚,令汝但於一門深入。**

Phiên âm: Đãn nhữ hạ liệt, vị năng ư trung, viên tự tại huệ. Cố ngã tuyên dương, linh nhữ đãn ư nhất môn thâm nhập.

Việt dịch: Chỉ vì căn cơ ông còn thấp kém, chưa thể ở trong trí huệ viên mãn tự tại ấy được. Nên Như Lai mới giảng nói, khiến cho ông chỉ cần đi sâu vào một căn.

Giảng: Chỉ vì căn cơ ông còn thấp kém. Các đức Như Lai trong khắp mười phương thành tựu viên mãn nhờ vào phương tiện của năm uẩn, sáu nhập, mười hai xứ, mười tám giới, chứng nhập Vô thượng bồ-đề nhờ các pháp ấy. Đối với các pháp, mỗi mỗi đều bình đẳng với nhau. Chẳng có cái nào ít tác dụng hơn. Nhưng ở nơi ông thì khác, căn tánh của ông lúc nầy đang còn yếu kém. Ông vẫn còn rất mù mờ nên chưa thể ở trong trí huệ viên mãn tự tại ấy được. Ông không thể chọn một pháp trong năm uẩn, sáu nhập, mười hai xứ, mười tám giới và qua đó, mà đạt được trí huệ viên mãn tự tại. Nên Như Lai mới giảng nói, khiến cho ông chỉ cần đi sâu vào một căn. Như Lai sẽ giảng kỹ pháp tu trên mỗi căn cho đến khi ông nhận ra được cách thâm nhập vào một pháp môn.

Kinh văn: **入一無妄,彼六知根一時清淨 .**

Phiên âm: Nhập nhất vô vọng, bỉ lục tri căn nhất thời thanh tịnh.

Việt dịch: Vào một căn không còn vọng tưởng, thì cả sáu căn kia đồng thời thanh tịnh.

Giảng: Vào một căn không còn vọng tưởng. Ông thâm nhập vào một căn đến mức vọng tưởng tiêu mất và được thanh tịnh tuyệt đối. Khi một căn không còn vọng tưởng nữa, thì cả sáu căn kia đồng thời thanh tịnh. Tất cả các căn đều trở nên thanh tịnh và tự tại cùng một lúc.

Kinh văn: **阿難白佛言世尊。云何逆流深入一門,能令六根一時清淨 。**

Phiên âm: A-nan bạch Phật ngôn, Thế tôn! Vân hà nghịch lưu, thâm nhập nhất môn, năng linh lục căn nhất thời thanh tịnh?

Việt dịch: A-nan bạch Phật rằng, "Bạch Đức Thế tôn, thế nào là ngược dòng, đi sâu vào một căn, khiến cho sáu căn đồng thời thanh tịnh?"

Giảng: A-nan vẫn chưa thực sự hiểu được những gì mình nghe Đức Phật giảng giải, thế nên A-nan lại hỏi Đức Phật. A-nan bạch Phật rằng, "Bạch Đức Thế tôn, thế nào là ngược dòng? Nghĩa ngược dòng luân hồi sinh tử mà ngài nói là thế nào? Làm sao để đi sâu vào một căn? Con phải chọn căn nào để nhập sâu vào? Căn đó ở đâu?. Làm sao để cho sáu căn đồng thời thanh tịnh? Làm sao để thể nhập vào một căn không hư vọng để khiến cho sáu căn đồng thời thanh tịnh? Đạo lý liên quan ở đây là gì?

Kinh văn: **佛告阿難汝今已得須陀洹果。已滅三界眾生世間見所斷惑。然猶未知根中積生無始虛習。彼習要因修所斷得。何況此中生住異滅分劑頭數。**

Phiên âm: Phật cáo A-nan, nhữ kim dĩ đắc Tu-đà-hoàn quả. Dĩ diệt tam giới chúng sanh thế gian kiến sở đoạn hoặc. Nhiên do vị tri căn trung tích sanh vô thủy hư tập. Bỉ tập yếu nhân tu sở đoạn đắc. Hà huống thử trung, sanh trụ dị diệt, phân tề đầu số.

Việt dịch: Đức Phật bảo A-nan, "Nay ông đã chứng quả Tu-đà-hoàn. Đã diệt trừ được kiến hoặc của chúng sinh và thế gian trong tam giới. Nhưng do chưa biết rõ những tập khí hư vọng chứa nhóm trong căn từ vô thủy.

Các tập khí ấy phải do nhờ tu nhân mới trừ hết được. Huống gì trong đó, còn phải chịu sanh trụ dị diệt và nhiều chi tiết về sanh trụ dị diệt?

Giảng: Đức Phật bảo A-nan, “Nay ông đã chứng quả Tu-đà-hoàn, quả vị thứ nhất của hàng A-la-hán. Tu-đà-hoàn có nghĩa là ‘nhập lưu’–nhập vào dòng pháp tánh của các bậc thánh đã giác ngộ. Cũng có nghĩa là “nghịch lưu”–đối với sáu trần mà hàng phàm phu trải qua. Trong kinh Kim Cương giải thích về bốn quả vị A-la-hán nầy rất rõ ràng. Kinh nói rằng người đã chứng quả vị ‘nhập lưu’ có nghĩa là vị ấy không còn nhập vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. ‘Không nhập’ có nghĩa là không bị xoay chuyển bởi sáu trần. Các bậc nầy dù thấy cái gì đẹp hoặc xấu, tâm các vị cũng không dao động, vì họ đã đoạn trừ được 88 thứ kiến hoặc. Các ngài không còn bị lay động bởi thấy nghe, ngửi hoặc các cảm nhận khác. Giai vị nầy của hàng A-la-hán còn được gọi là Dự lưu–dự vào dòng Thánh.

Đã diệt trừ được kiến hoặc của chúng sinh và thế gian trong tam giới. Điều nầy chỉ cho 88 thứ kiến hoặc. Nhưng do chưa biết rõ những tập khí hư vọng chứa nhóm trong căn từ vô thủy. Những tập khí nầy đã được chứa nhóm từ vô thỉ đến nay. Các tập khí ấy phải do nhờ tu nhân mới trừ hết được. Huống gì trong đó, còn phải chịu sanh trụ dị diệt và nhiều chi tiết về sanh trụ dị diệt? Còn có các thứ phân biệt pháp chấp, câu sanh pháp chấp cùng trần sa hoặc, sinh trụ dị diệt. Sinh trụ dị diệt tức là bốn tướng vô minh, tại một niệm bất giác mà sinh ra tam tế. Có nghĩa là phải chịu chi phối bởi nhiều mối tương quan, hoàn cảnh, nhân duyên. Chỉ bằng tu tập mới có thể đoạn trừ những tập khí từ vô thủy kiếp nầy.

Kinh văn: **今汝且觀現前六根為一為六？阿難若言一者。耳何不見,目何不聞。頭奚不履, 足奚無語。**

Phiên âm: Kim nhữ thả quán hiện tiền lục căn vi nhất vi lục? A-nan, nhược ngôn nhất giả, nhĩ hà bất kiến? Mục hà bất văn? Đầu hề bất lí? Túc hề vô ngữ?

Việt dịch: Nay ông hãy xem sáu căn hiện tiền là một hay là sáu? A-nan, nếu nói là một thì sao lỗ tai không thấy, mắt sao không nghe. Cái đầu sao không biết đi, chân sao không nói được?

Giảng: Đức Phật nói với A-nan, “Nay ông hãy xem sáu căn hiện tiền là một hay là sáu? Ông hỏi Như Lai tại sao sáu căn vốn là thanh tịnh trong khi một căn lại còn trong hư vọng? Nhưng ông hãy nhìn kỹ xem, Đó là sáu căn hay chỉ là một căn? A-nan, nếu nói là một–nếu ông cho rằng mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý chỉ là

một thể–thì sao lỗ tai không thấy, mắt sao không nghe? Tại sao mắt chỉ thấy mà không nghe được? Cái đầu sao không biết đi? Nếu đó là một thể duy nhất, cái chân đi được thì cái đầu cũng đi được. Mắt có thể thấy và cũng có thể nghe. Tại sao cái chân không nói được?"

Điều nầy gợi cho tôi nhớ đến người đàn ông đến thăm tôi ngày hôm qua, anh ta nói rằng anh là một tổ sư người Mỹ. Tôi bảo rằng anh đang bị nhiễm chứng 'khẩu đầu thiền,' anh ta liền đáp lại rằng anh ta là 'túc đầu thiền.' Anh ta nghĩ rằng câu trả lời của mình là hay. Ở đây, Đức Phật hỏi A-nan, "Tại sao cái chân không nói được?"

Rốt ráo, tai có thấy được không? Được. Mắt có nghe được không? Được. Thì cái đầu có thể đi được không? Không. Cái đầu không thể đi được. Cái chân có thể nói được không? Không. Cái chân không thể nói được. Thế tại sao quý vị bảo tai có thể nói và mắt có thể nghe? Đạo lý nầy là điều mà mọi người trong quý vị phải tự thể nghiệm lấy. Người đã thể chứng được điều nầy sẽ hiểu ra đó là nguyên lý của sáu căn hỗ dụng. Nhưng A-nan lúc nầy chỉ mới chứng được sơ quả A-la-hán, thế nên A-nan chưa có được khả năng đồng thời hỗ dụng của các căn. Miệng cũng vậy, không những nói được mà còn có thể thấy và nghe.

Có người phản đối, "Thưa thầy, những điều thầy nói con không thấy trong kinh. Thầy chỉ nói những điều vô bổ."

Có một số điều không thấy trong kinh. Nếu trong kinh đã giải thích đầy đủ tất cả, thì không cần giảng giải chi tiết như tôi bây giờ. Như trong kinh, giấy thì trắng, mực thì đen, và nếu quý vị chỉ truy tìm nghĩa lý trong kinh, thì quý vị chỉ chạy theo cái chết, chứ không nhận ra được cái sống.

Nếu quý vị muốn chấm dứt sanh tử, thì phải đem cái tâm không sanh không diệt để tu đạo. Kinh điển rồi cũng phải chịu sinh diệt. Trong tương lai, kinh điển sẽ bị hoại diệt. Kinh bị phá huỷ đầu tiên sẽ là Kinh Thủ-lăng-nghiêm. Trong thời mạt pháp, Kinh Thủ-lăng-nghiêm sẽ bị huỷ diệt trước hết, nên đó là lý do khiến tôi giảng kinh nầy bất kỳ tôi đến đâu. Mọi khi kinh nầy được giảng, người ta sẽ được hiểu thêm chút ít đạo lý. Đó là lý do khiến tôi thích giảng Kinh Thủ-lăng-nghiêm.

A-nan chưa chứng được sáu căn hỗ dụng, vì A-nan chưa chứng được quả vị thứ tư của hàng A-la-hán. Khi đạt đến quả vị nầy, mắt có thể ăn và tai có thể nói chuyện. Thật kỳ diệu, phải không?

Nguyên y nhất tinh minh 元依一精明
Phân thành lục hòa hợp 分成六和合

Khi sáu tác dụng riêng biệt của sáu căn nầy trở về với nguồn sáng bản hữu, thì hành giả sẽ có được sự hỗ dụng của cả sáu căn. Nếu quý vị tin rằng đây là chuyện có thực, thì tốt. Nếu quý vị không tin, hãy thư giãn đi. Rốt cục quý vị sẽ tin. Khi điều ấy xảy ra vào một ngày nào đó, quý vị sẽ la lên, “Làm sao mà tai tôi có thể đi được?” Rồi quý vị mới chịu tin. Lúc đó quý vị mới biết rằng thầy tổ chẳng lừa quý vị bao giờ.

Quý vị sẽ có được thực chứng nầy khi sáu căn hỗ dụng. Trước khi chuyện nầy xảy ra, tuy vậy, quý vị không nên bị ám ảnh bởi vọng tưởng về điều ấy đến mức quyết định huấn luyện cho lỗ tai mình biết nói. Chẳng có cách nào để quý vị có thể huấn luyện cho lỗ tai biết nói. Thực vậy, quý vị có thể huấn luyện cho nó nếu muốn, nhưng hãy làm việc đó bằng cách ngồi thiền và tham thiền. Quý vị sẽ phát triển công phu thông qua khổ luyện. Đừng sợ đau chân hoặc đau lưng. Cũng đừng nghĩ rằng đó là việc mình không thể nào làm được, Mọi người đều có thể thành Phật.

Mọi chúng sinh đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật. Trước tiên hết, quý vị phải học thuộc lòng chú Kinh Thủ-lăng-nghiêm. Chúng ta tụng hai lần mỗi ngày trong khoá học Kinh Thủ-lăng-nghiêm nầy, đã trải qua gần ba tháng, ít nhất là 70 ngày. Quý vị đã tụng 140 lần chú Thủ-lăng-nghiêm nầy. Hãy cho tất cả là 150 lần. Quý vị nên ghi nhớ nằm lòng chú nầy cùng với nhiều bài chú khác. Nếu quý vị không thuộc, quý vị không được phép bào chữa một điều gì cả.

Kinh văn: **若此六根決定成六。如我今會與汝宣揚微妙法門。汝之六根誰來領受。阿難言我用耳聞。佛言汝耳自聞何關身口? 口來問義身起欽承?**

Phiên âm: Nhược thử lục căn quyết định thành lục. Như ngã kim hội dữ nhữ tuyên dương vi diệu pháp môn. Nhữ chi lục căn thùy lai lãnh thọ. A-nan ngôn, ngã dụng nhĩ văn. Phật ngôn nhữ nhĩ tự văn, hà quan thân khẩu? Khẩu lai vấn nghĩa thân khởi khâm thừa?

Việt dịch: Nếu các căn ấy quyết định là sáu, như nay Như Lai ở trong hội chúng vì các ông mà tuyên dương pháp môn vi diệu. Vậy trong các căn của ông cái gì đến lãnh thọ? A-nan thưa, “Con nghe bằng tai.” Đức Phật hỏi, “Tai ông tự nghe, thì quan hệ gì đến thân và miệng? Tại sao miệng lại hỏi nghĩa lý, thân biểu hiện sự kính trọng?”

Giảng: Nếu các căn ấy quyết định là sáu–không còn nghi ngờ gì về chúng nưa–như nay Như Lai ở trong hội chúng vì các ông mà tuyên dương pháp môn vi diệu–Như Lai đang giảng bày cho các ông nghe pháp môn hy hữu, Đại

định Thủ-lăng-nghiêm vi diệu không thể nghĩ bàn–Vậy trong các căn của ông cái gì đến lãnh thọ? Nếu các căn của ông dứt khoát là sáu, thì căn nào tiếp thu giáo pháp Như Lai đang giảng nói?" Đó là những điều điều hỏi A-nan.

A-nan thậm chí không kịp dừng lại để suy nghĩ, hấp tấp đáp lời Đức Phật. A-nan thưa, "Con nghe bằng tai." A-nan chỉ để ý đến nhĩ căn.

Đức Phật hỏi, "Tai ông tự nghe, thì quan hệ gì đến thân và miệng? Tai ông tự nghe lấy, thế có quan hệ gì đến miệng và thân ông. Tại sao miệng lại hỏi nghĩa lý–tại sao ông dùng miệng để hỏi giáo lý? Lẽ ra, bất luận ông hiểu hay không hiểu, ông cũng không được dùng miệng và thân ông vào việc gì cả, vì rốt ráo, chúng là những căn khác biệt. Chúng không phải là một. Thân ông biểu hiện sự cung kính. Ông đứng dậy và chu đáo thể hiện sự kính ngưỡng giáo pháp. Do vậy, nếu ông nói thực thể riêng biệt, thế tại sao có hai căn khác hợp tác vào vậy?

Kinh văn: **是故應知非一終六,非六終一。終不汝根,元一元六。**

Phiên âm: Thị cố ưng tri phi nhất chung lục, phi lục chung nhất. Chung bất nhữ căn, nguyên nhất nguyên lục.

Việt dịch: Do vậy nên biết, nếu không phải một thì phải là sáu, nếu không phải sáu thì phải là một. Thế nên các căn của ông, rốt ráo chẳng phải là một, chẳng phải là sáu.

Giảng: Do vậy, do những điều đã nói ở đoạn văn trên, nên biết, nếu không phải một thì phải là sáu: Nếu nó không phải là một thì là sáu. Nếu không phải sáu thì phải là một. Thế nên các căn của ông, rốt ráo chẳng phải là một, chẳng phải là sáu. Ông không thể nói rằng nó vừa là một và vừa là sáu.

Kinh văn: **阿難,當知是根,非一非六。由無始來顛倒淪替。故於圓湛,一六義生。汝須陀洹,雖得六銷,猶未亡一。**

Phiên âm: A-nan, đương tri thị căn, phi nhất phi lục. Do vô thủy lai điên đảo luân thế, cố ư viên trạm nhất lục nghĩa sanh. Nhữ Tu-đà-hoàn, tuy đắc lục tiêu, do vị vọng nhất.

Việt dịch: A-nan nên biết, các căn ấy không phải là sáu, không phải là một. Do từ vô thủy đến nay điên đảo chấp trước, nên đối với tánh viên trạm, sinh ra nghĩa một và sáu. Ông đã chứng quả Tu-đà-hoàn, tuy chấp vào sáu đã tiêu, nhưng cái chấp một chưa quên.

Giảng: A-nan nên biết, các căn ấy–mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý– không phải là sáu, không phải là một. Do từ vô thủy đến nay điên đảo chấp trước, nên đối với tánh viên trạm, sinh ra nghĩa một và sáu. Nó sinh khởi do nương vào cái chân, quý vị sinh khởi vọng tưởng, phát khởi vô minh phiền não từ ngay trong tự tánh của mình. Quý vị tự kết thúc bằng sự chìm đắm trong các mối liên luỵ ràng rịt nầy. Quý vị nói, “Anh cho tôi cái nầy, và tôi sẽ cho anh cái kia.” Đó là cách mà mình bị vướng mắc. Giống như mở một công ty lớn với một văn phòng chính với nhiều chi nhánh. Vì vọng tưởng và dính mắc, nghĩa của một và sáu trở nên được thiết lập trong tánh vắng lặng thanh tịnh viên mãn của Như Lai tạng, trong chân tâm.

Ông đã chứng quả Tu-đà-hoàn. A-nan, ông đã chứng sơ quả A-la-hán. Điều quyết định của một vị đã chứng sơ quả A-la-hán là không nhập vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Tuy chấp vào sáu đã tiêu. Ông không còn bị xoay chuyển bởi sáu trần. Ông không còn nói, “Thức ăn nầy có ngon không?” Ông không còn có suy nghĩ như vậy. Hoặc là, khi thấy hình sắc, ông không còn nói, “Cái ấy thật đẹp.” Ngay khi nghĩ “đẹp,” là đã bị dính mắc; và mình sẽ đuổi theo cái đẹp đó. Đuổi theo xa đến đâu, chẳng có ai biết được. Một, hai, ba, bốn, hoặc một trăm, hai trăm dặm? Ai biết được quý vị đuổi theo cái đẹp ấy bao xa? Đó có nghĩa là bị xoay chuyển theo sắc trần.

Về chuyện mũi ngửi mùi hương, tôi nhớ hồi còn ở Mãn Châu, khi đang trì tụng Chú Đại bi với mười hai người đệ tử của tôi. Chúng tôi đều quỳ để tụng, sau khi tụng hơn 200 biến, toàn căn phòng tràn ngập mùi hương lạ. Chẳng có bông hoa nào trong phòng hoặc bất kỳ vật gì khác có thể phát ra mùi hương. Thực ra, mùi hương phát ra từ thế giới nầy, không giống như bất kỳ mùi gì tôi đã biết trước đây. Một đệ tử của tôi bắt đầu khịt mũi lớn tiếng và la lên, “Thơm quá. Dễ chịu quá!” Anh ta càng khịt mũi, mùi hương càng thơm, anh ta càng muốn ngửi nhiều hơn.

Tôi bảo anh ta, “Chú vừa tụng Chú Đại bi xong. Đừng có đuổi theo mùi hương như vậy.”
Về chuyện lưỡi nếm mùi vị. Một hôm tôi theo một vị lão tham đến nhà một cư sĩ để phó trai. Vị lão tham ra vẻ như đã có phong thái của người tu hành lâu năm và đạo hạnh của người tu đạo. Nhưng khi thức ăn được mang lên, ông ta liền nhắc tôi, “Thức ăn nầy rất ngon. Đó là món tôi thích nhất. Ông có thích không?”
Tôi nói, “Tôi không biết nó có mùi vị như thế nào?”
“Ồ! Ông chưa từng ăn món nầy hay sao?”
“Tôi ăn rồi, nhưng không biết mùi vị nó giống thứ gì.”
“Nếu ông không biết nhận ra mùi vị, thế thì ông biến thành khúc gỗ rồi.”

Tôi vặn lại, “Nhưng tôi biết ăn, gỗ không biết ăn. Nguyên nhân tôi không biết mùi vị là vì tôi chỉ biết ăn cho đầy bụng, tôi chẳng để ý đến mùi vị.” Qua kết quả cuộc thảo luận, tôi tự nghĩ, “Một bậc lão tham đáng trọng như vậy, mà vẫn phí sức vào việc ăn uống. Ông ta quá vướng mắc vào chuyện ăn uống ngon dở. Như thế để làm gì?”

Nay trong Kinh Thủ-lăng-nghiêm nói đến không còn chấp vào sáu. Làm sao được như vậy? Khi đã chứng sơ quả A-la-hán rồi, thì quý vị sẽ từ bỏ tập khí ấy. Mắt không còn tìm kiếm cái đẹp nữa, tai không còn lưu giữ âm thanh, mũi không còn tham ngửi hương thơm, lưỡi không còn tham đắm mùi vị, thân không thích xúc chạm với vật, và tâm ý không còn để ý đến các thứ khác.

Nhưng cái chấp một chưa quên. Cái gì là “một?” Nó biểu tượng cho sự đắm chấp vào các pháp, một loại chấp trước vẫn đang còn. Mặc dù sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp đã được tiêu trừ, nhưng cái chấp vào các pháp vẫn chưa được trừ sạch.

Kinh văn: **如太虛空,參合群器。由器形異,名之異空。除器觀空,說空為一。**

Phiên âm: Như thái hư không, tham hợp quần khí. Do khí hình dị, danh chi dị không. Trừ khí quán không, thuyết không vi nhất.

Việt dịch: Như bầu hư không, chung hợp với các vật. Do hình trạng các vật có khác, nên gọi là hư không có khác. Nếu bỏ các vật ra mà quán sát hư không, thì nói hư không là một.

Giảng: A-nan, tại sao ông vẫn còn bị vướng mắc trôi lăn trong vòng luân hồi sinh tử từ vô thủy đến nay, và khởi lên ý tưởng cho rằng sáu căn nầy không thể gọi là một và cũng không thể gọi là sáu? Nguyên nhân là gì? Như Lai sẽ đưa ra ví dụ khác để chứng minh thêm. Như bầu hư không. Nghĩa là, như tánh Như Lai tạng của chúng ta, không có ai khác chính là mình. Cũng giống như đem đặt hư không chung hợp với các vật. Trong hư không chúng ta làm một số các vật đựng có hình vuông, hình sáu cạnh, hình tám cạnh, hình tròn. Chúng ta đặt chúng trong hư không, hư không trở thành hình vuông, hình sáu cạnh, hình tám cạnh, hình tròn.

Do hình trạng các vật có khác, nên gọi là hư không có khác. Tuy nhiên, rốt ráo hư không có thay đổi hay không? Không. Chỉ vì hình dạng vật chứa có khác nên hư không chứa trong đó có hình dạng khác nhau. Nếu bỏ các vật ra mà quán sát hư không, thì nói hư không là một. Hư không vẫn chỉ là một. Thực vậy, thậm chí không phải là một. Nếu nó là một, thì nó chẳng phải là hư không.

Và đó là cách Như Lai tạng hiện hữu. Cái chứa trong bình chính là sự có mặt của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.

Nguyên y nhất tinh minh 元依一精明
Phân thành lục hòa hợp 分成六和合.

Đó là lý do ông không thể nói là sáu mà cũng không thể nói là một. Nó chẳng phải là một cũng chẳng phải là sáu. Nó chính là bầu hư không rộng lớn. Nếu quý vị giống như bầu hư không rộng lớn, tại sao còn muốn giữ lại quá nhiều vô minh phiền não? Chỉ vì quý vị không thể rời bỏ những điều nầy và không nhận ra được bản lại diện mục. Và do vì không nhận ra bản lại diện mục của mình, nên không thể nhập được trí huệ cứu cánh.

Kinh văn: **彼太虛空云何為汝成同不同。何況更名是一非一。則汝了知六受用根亦復如是。**

Phiên âm: Bỉ thái hư không, vân hà vị nhữ thành đồng bất đồng. Hà huống cánh danh thị nhất phi nhất. Tắc nhữ liễu tri, lục thọ dụng căn, diệc phục như thị

Việt dịch: Hư không kia làm sao vì ông mà thành đồng hay khác? Huống chi lại gọi là một hay chẳng phải một. Thế ông đã biết, sáu căn thọ dụng cũng giống như vậy.

Giảng: Hư không kia làm sao vì ông mà thành đồng hay khác? Làm sao ông nói hư không kia là đồng hay không đồng? Không thể nói như vậy, vì hư không vốn là bất biến. Huống chi lại gọi là một hay chẳng phải một. Làm sao ông có thể khiến cho nó thành một hay chẳng phải một? Trong hư không vốn chẳng có cái gì cả. Thế nên nói:

Tự tánh như hư không 自性如虛空
Chân vọng tại kỳ trung 真妄在其中

Những gì muốn đề cập ở đây chính là tự tánh. Diễn tả cùng nguyên lý mà Đại sư Thần Tú trình bày trong bài kệ nổi tiếng của ngài:
Thân thị bồ-đề thọ
Tâm như minh kính dài
Thời thời cần phất thức
Vật sử nhạ trần ai.

Tạm dịch:
Thân như cây bồ-đề

Tâm như đài gương sáng
Luôn luôn siêng lau phủi
Chớ để nhuốm bụi trần.

Câu 'Thời thời cần phất thức–Luôn luôn siêng lau phủi' là chỉ cho sự tinh tấn rất cần thiết trong lúc tu đạo. Người ta phê phán bài kệ nầy, cho rằng tinh thần không đúng. Nhưng bài kệ trên chẳng sai chút nào; đơn giản là nó diễn tả những điều thiết yếu trong thời kỳ đang tu đạo. Lục Tổ Huệ Năng viết lại bài kệ như sau:

Bồ-đề bổn vô thọ
Minh kính diệc phi đài
Bổn lai vô nhất vật
Hà xứ nhạ trần ai

Tạm dịch:
Tánh giác chẳng gốc ngọn
Gương sáng cần chi đài
Xưa nay thể vắng lặng
Đâu có gì trần ai.

Bài kệ nầy diễn tả cảnh giới của người đã chứng đạt quả vị bậc Thánh. Thế nên, những ai chưa đạt đến quả vị bậc Thánh thì phải học bài kệ của Đại sư Thần Tú. Nhưng ai đã chứng ngộ rồi thì tu theo bài kệ của Lục Tổ Huệ Năng.

Ngày hôm qua, anh chàng "Tổ người Mỹ" đến và dám chắc rằng Lục tổ nói rằng chẳng có gì sâu chẳng có gì cạn. Đó là một ví dụ của hiểu biết nông cạn mà không hiểu nguồn gốc sâu xa, và dùng nó để thoả mãn cho thứ 'khẩu đầu thiền.' Khi tôi gọi anh ta như vậy. Anh ta bảo mình là 'túc đầu thiền.' Như tôi đã kể cho quý vị nghe, anh ta tưởng rằng câu trả lời của mình là thông minh, nhưng tôi tự nghĩ, "Anh đến đây từ Nữu-ước trên một chiếc xe hỏng, vì anh ta không phải đi bộ, mà nói là 'túc đầu thiền.'" Vấn đề rắc rối là ở chỗ 'túc đầu thiền' của anh ta, đã không để cho anh ta đi chỗ nào khác nữa sau khi anh ta đến đây.

Thế ông đã biết, sáu căn thọ dụng cũng giống như vậy. Tôi đã giải thích hai câu kệ cho quý vị, và bây giờ vẫn còn hai câu. Nhưng tôi không phải là quỷ dạ-xoa đòi ăn thịt quý vị rồi mới nói hai câu kệ còn lại. Lúc nầy tôi không đói, thế nên tôi nói tiếp hai câu sau. Quý vị có nhớ không?

Tự tánh như hư không 性 如 虚 空
Chân vọng tại kỳ trung 真 妄 在 其 中

Ngộ triệt bổn lai thể 悟 徹 本 來 體
Nhất thông nhất thiết thông 一 通 一 切 通.

Điều ấy chỉ cho phương pháp bàn luận để thâm nhập vào pháp môn. Nếu quý vị thể nhập vào cái một và nhận ra cái vọng, thì tất cả sáu căn liền thanh tịnh.

Kinh văn: **由明暗等二種相形。於妙圓中,粘湛發見。見精映色,結色成根。根元目為清淨四大。因名眼體,如蒲萄**朵。浮根四塵流逸奔色。

Phiên âm: Do minh ám đẳng nhị chủng tương hình, ư diệu viên trung, niêm trạm phát kiến. Kiến tinh ánh sắc, kết sắc thành căn. Căn nguyên mục vi thanh tịnh tứ đại. Nhân danh nhãn thể như bồ đào đóa. Phù căn tứ trần lưu dật bôn sắc.

Việt dịch: Do hai thứ tối sáng hiển bày lẫn nhau, kết dính tánh yên lặng nơi tánh diệu viên mà phát ra cái thấy. Cái thấy ánh hiện ra thành sắc, kết sắc thành căn. Bổn nguyên của căn là tứ đại thanh tịnh. Nhân đó gọi hình thể của 'nhãn căn' như trái bồ đào. Phù căn tứ trần giong ruổi chạy theo sắc

Giảng: Do hai thứ tối sáng hiển bày lẫn nhau, hai loại sắc nầy, bao gồm cả các loại sắc tướng có thể thấy được khác, ảnh hưởng tác động lẫn nhau. Chúng kết dính tánh yên lặng nơi tánh diệu viên mà phát ra cái thấy. Các sắc tướng nầy kết dính với tánh yên lặng. Khi tình trạng nầy sanh khởi, thì phát ra tánh thấy. Cái thấy ánh hiện ra thành sắc, kết sắc thành căn. Chữ 'kết' ở đây là lặp lại nghĩa 'kết dính' ở trên. Thể của tánh thấy và sắc kết dính nhau và biến thành căn.

Bổn nguyên của căn gọi là tứ đại thanh tịnh. Thể thanh tịnh của nhãn căn chính là tứ đại. Nghĩa của 'thể thanh tịnh' là gì? Nghĩa của tứ đại ở đây rất là vi tế, không phải là cái gì có thể thấy bằng mắt thường được. Phải có Phật nhãn, pháp nhãn, huệ nhãn mới thấy được, 'sắc' ở đây là chỉ cho cả đất nước lửa gió. Nhân đó gọi hình thể của con 'nhãn căn' như trái bồ đào. 'Nhân đó'– vì các yếu tố được liên kết nhau theo cách đó, nên thể của con mắt có hình dáng như trái nho. Phù căn tứ trần giong ruổi chạy theo sắc. Con mắt được phân biệt theo ba cách:
– Có tánh thấy (nhãn tinh);
– Thắng nghĩa căn;
– Phù trần căn.

Nếu quý vị tu tập thành tựu, nhãn căn được gọi là thắng nghĩa căn. Nếu không tu tập, con mắt được gọi là phù trần căn. Phù căn tứ trần là chỉ cho sắc, thanh, hương, vị. Giong ruổi chạy theo sắc. Trong tiếng Hán, chữ lưu dật 流逸–giong ruổi gồm hai chữ là lưu 流, có nghĩa là dòng nước chảy xiết, xoáy sâu, hoặc như sóng cuộn ngoài đại dương; và chữ dật 逸, có nghĩa là không kiềm chế, vô chừng, như ngọn lửa bộc phát dữ dội trong rừng, trải khắp cả bốn phía. Ghép chung lại, có nghĩa là là rong ruổi, như con ngựa nòi. Đó là cách mà người ta đuổi theo và trở nên dính mắc với sắc.

Kinh văn: **由動靜等二種相擊。於妙圓中粘湛發聽。聽精映聲,卷聲成根。根元目為清淨四大。因名耳體如新卷葉。浮根四塵流逸奔聲。**

Phiên âm: Do động tĩnh đẳng nhị chủng tương kích. Ư diệu viên trung niêm trạm phát thính. Thính tinh ánh thanh quyển thanh thành căn. Căn nguyên mục vi thanh tịnh tứ đại. Nhân danh nhĩ thể như tân quyển diệp. Phù căn tứ trần lưu dật bôn thanh.

Việt dịch: Do hai tướng động tỉnh đối chọi lẫn nhau, kết dính tánh yên lặng nơi tánh diệu viên mà phát ra cái nghe. Cái nghe ánh hiện ra thành tiếng, cuộn cái tiếng lại thành căn. Bổn nguyên của căn là tứ đại thanh tịnh. Nhân đó gọi hình thể của 'nhĩ căn' là lá sen non. Phù căn tứ trần giong ruổi chạy theo âm thanh.

Giảng: Do hai tướng động tỉnh đối chọi lẫn nhau, kết dính tánh yên lặng nơi tánh diệu viên mà phát ra cái nghe. Vì có tướng động và tướng tỉnh, một chức năng được tạo ra ngay trong đó–khi chức năng nầy hình thành ngay trong tánh yên lặng–thì tiến trình của nhĩ căn bắt đầu hiện hành. Cái nghe ánh hiện ra thành tiếng, cuộn cái tiếng lại thành căn. Nó kết hợp với thanh trần. Trở thành một căn như cách nhãn căn được hình thành như được mô tả ở đoạn trên.

Bổn nguyên của căn là tứ đại thanh tịnh. Đó là một tiến trình chắc thật, là kết quả từ sự kết hợp của tứ đại. Nhân đó gọi hình thể của 'nhĩ căn' là lá sen non. Nó có hình dáng như lá sen non, lúc nào cũng cuộn lại. Phù căn tứ trần giong ruổi chạy theo âm thanh. Nói về các giác quan trong nghĩa phù căn tứ trần, thì căn này giong ruổi chạy theo để kết hợp với âm thanh.

Kinh văn: **由通塞等二種相發。於妙圓中粘湛發嗅。嗅精映香納香成根。根元目為清淨四大。因名鼻體如雙垂爪。浮根四塵流逸奔香。**

Phiên âm: **Do thông tắc đẳng nhị chủng tương phát, ư diệu viên trung niêm trạm phát khứu. Khứu tinh ánh hương, nạp hương thành căn. Căn nguyên mục vi thanh tịnh tứ đại. Nhân danh tỉ thể, như song thùy trảo. Phù căn tứ trần lưu dật bôn hương.**

Việt dịch: Do hai tướng thông và bít phát hiện lẫn nhau, kết dính tánh yên lặng nơi tánh diệu viên mà phát ra tính ngửi. Tính ngửi ánh hiện ra thành hương, thu nạp các hương thành căn. Bổn nguyên của căn là tứ đại thanh tịnh. Nhân đó gọi hình thể của 'tỉ căn' như hai móng tay duỗi xuống. Phù căn tứ trần giong ruổi chạy theo hương.

Giảng: Do hai tướng thông và bít phát hiện lẫn nhau, kết dính tánh yên lặng nơi tánh diệu viên mà phát ra tính ngửi. Với sự hiện hữu của hai tướng thông và bít, có một tác dụng hình thành ngay trong tánh diệu viên. Tướng ấy kết dính để phát ra tính ngửi. Tính ngửi ánh hiện ra thành hương, thu nạp các hương thành căn. Tính ngửi và hương trần ánh hiện lẫn nhau, và tiến trình của tính ngửi, khi nhận biết mùi hương, trở thành chức năng của căn nầy, tức tỉ căn.

Bổn nguyên của căn là tứ đại thanh tịnh. Và nó được gọi là 'tỉ căn,' có hình dạng như hai móng tay duỗi xuống. Lỗ mũi trông giống như hai móng tay lộn ngược. Phù căn–mắt, tai, mũi, lưỡi, tứ trần–sắc, thanh, hương, vị–giong ruổi chạy theo hương. Căn nầy đeo đuổi theo hương trần. Mũi thích ngửi mùi hương.

Kinh văn: **由恬變等二種相參。於妙圓中粘湛發嘗。嘗精映味,絞味成根。根元目為清淨四大。因名舌體如初偃月。浮根四塵流逸奔味。**

Phiên âm: **Do điềm biến đẳng nhị chủng tương tham. Ư diệu viên trung niêm trạm phát thường. Thường tinh ánh vị giảo vị thành căn. Căn nguyên mục vi thanh tịnh tứ đại. Nhân danh thiệt thể như sơ yển nguyệt. Phù căn tứ trần lưu dật bôn vị.**

Việt dịch: Do vị nhạt và vị khác xen lẫn nhau, kết dính tánh yên lặng nơi tánh diệu viên mà phát ra tính nếm. Tính nếm ánh hiện ra thành vị, thu nạp các vị thành căn. Bổn nguyên của căn là tứ đại thanh tịnh. Nhân đó gọi hình thể của 'thiệt căn' như mặt trăng lưỡi liềm. Phù căn tứ trần giong ruổi chạy theo vị.

Giảng: Do vị nhạt và vị khác xen lẫn nhau, kết dính tánh yên lặng nơi tánh diệu viên mà phát ra tính nếm. Vị nhạt chỉ cho những vị thông thường mà chúng ta nếm biết được. Từ trạng thái thông thường của vị nhạt nầy, mà ta có thể nhận

ra được những vị khác khi ta nếm nó. Vì sự tương quan giữa vị nhạt và các vị khác tạo nên một cảm nhận khác về vị, nên có một sự kết dính trong tánh yên lặng nơi tánh diệu viên. Tạo nên tác dụng của tánh nếm biết.

Tính nếm ánh hiện ra thành vị, thu nạp các vị thành căn. Vị giác trở nên xoắn lấy vị, như các tao của sợi dây thừng xoắn chặt với nhau. Chúng trở nên không thể tách rời, thế nên một căn khác nữa được hình thành. Bổn nguyên của căn là tứ đại thanh tịnh. Nhân đó gọi hình thể của 'thiệt căn' như mặt trăng lưỡi liềm. Phù căn tứ trần giong ruổi chạy theo vị. Nó bị thu hút bởi vị.

Kinh văn: **由離合等二種相摩。於妙圓中粘湛發覺。覺精映觸摶觸成根。根元目為清淨四大。因名身體如腰鼓顙。浮根四塵流逸奔觸。**

Phiên âm: Do li hợp đẳng nhị chủng tương ma. Ư diệu viên trung niêm trạm phát giác. Giác tinh anh xúc, đoàn xúc thành căn. Căn nguyên mục vi thanh tịnh tứ đại. Nhân danh thân thể như yêu cổ tảng. Phù căn tứ trần lưu dật bôn xúc.

Việt dịch: Do hai tướng ly và hợp cọ xát lẫn nhau, kết dính sự yên lặng trong tánh diệu viên mà phát ra cái biết xúc chạm. Tính biết xúc chạm ánh hiện thành xúc, thu nạp các xúc thành căn. Bổn nguyên của căn là tứ đại thanh tịnh. Nhân đó gọi thể của 'thân căn' như cái trống cơm. Phù căn tứ trần giong ruổi chạy theo xúc.

Giảng: Do hai tướng ly và hợp cọ xát lẫn nhau, kết dính sự yên lặng trong tánh diệu viên mà phát ra cái biết xúc chạm. Sự cọ xát tới lui của sự hợp lại và rời ra tạo nên cái biết trong tánh diệu viên. Tính biết xúc chạm ánh hiện ra thành xúc, thu nạp các xúc thành căn. Tánh biết xúc chạm kết hợp với sự xúc chạm tạo thành thân căn. Bổn nguyên của căn là tứ đại thanh tịnh. Nhân đó gọi thể của 'thân căn' như cái trống cơm. Thân được so sánh với hình dáng của cái trống cơm. Phù căn tứ trần giong ruổi chạy theo xúc. Phù căn nầy bị hút về phía xúc trần.

Kinh văn: **由生滅等二種相續。於妙圓中粘湛發知。知精映法,覽法成根。根元目為清淨四大。因名意思,如幽室見。浮根四塵流逸奔法。**

Phiên âm: Do sanh diệt đẳng nhị chủng tương tục, ư diệu viên trung niêm trạm phát tri. Tri tinh ánh pháp, lãm pháp thành căn. Căn nguyên mục vi thanh tịnh tứ đại. Nhân danh ý tư, như u thất kiến. Phù căn tứ trần lưu dật bôn pháp.

Việt dịch: Do hai thứ sinh diệt tương tục lẫn nhau, kết dính tánh yên lặng nơi tánh diệu viên mà phát ra cái biết. Tính biết ánh hiện thành các pháp, thu nạp các pháp thành căn. Bổn nguyên của căn là tứ đại thanh tịnh. Nhân đó gọi là 'ý tư,' như cái thấy trong nhà tối. Phù căn tứ trần giong ruổi chạy theo pháp.

Giảng: Do hai thứ sinh diệt tương tục lẫn nhau. Đoạn kinh nầy nói đến ý căn, tức thức thứ sáu, là đối tượng của sinh diệt. Khi niệm trước vừa đình chỉ, niệm sau liền sinh khởi. Niệm nầy truy đuổi niệm kia, và chúng kết dính tánh yên lặng nơi tánh diệu viên mà phát ra tính biết. Nó bám chắc trong tánh yên lặng ấy và phát ra cái biết. Tính biết ánh hiện ra thành các pháp, thu nạp các pháp thành căn. Năng lực của tánh biết là thu nạp các pháp, chính là trần cảnh.

Bổn nguyên của căn là tứ đại thanh tịnh. Nhân đó gọi là 'ý tư,'–đúng ra là ý 'thể,' vì ý không phải là một thực thể–như cái thấy trong nhà tối. Vì ý căn là một 'nội' căn, trong khi năm căn trước là 'ngoại' căn, nó giống như là cái thấy trong căn phòng tối. Phù căn tứ trần giong ruổi chạy theo pháp. Ý căn bị thu hút bởi pháp trần.

Kinh văn: **阿難,如是六根,由彼覺明,有明明覺。失彼精了,粘妄發光。**

Phiên âm: A-nan, như thị lục căn, do bỉ giác minh, hữu minh minh giác. Thất bỉ tinh liễu, niêm vọng phát quang.

Việt dịch: A-nan, sáu căn như vậy do tánh giác minh soi lại tính minh giác. Làm mất tính sáng suốt kia, kết dính với cái vọng mà phát ra ánh sáng.

Giảng: : A-nan, sáu căn như vậy–mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý đã nói đoạn trên–do tánh giác minh–chân tâm viên mãn vi diệu, Như Lai tạng. Vốn sáu căn chính là Như Lai tạng, nhưng nó hình thành sáu căn là nương vào Như Lai tạng khi có ý muốn soi lại tính minh giác. Vốn bản thể tuệ giác vốn tự sáng suốt, không cần phải có sự thêm thắt ánh sáng vào đó để soi chiếu lại nữa. Bản thể tuệ giác ấy như viên ngọc như ý, ánh sáng đã vốn có sẵn trong đó, không cần phải thêm ánh sáng vào cho nó nữa. Khi ánh sáng được soi chiếu thêm vào tánh giác minh, thì sẽ tạo ra vọng minh, tức sự sáng suốt hư vọng; vọng giác, tức cái biết hư vọng.

Cái sáng suốt đó rốt ráo không thật, cũng chẳng phải là tánh giác do kết quả từ sự soi chiếu thêm vào tánh giác minh. Làm mất tính sáng suốt kia, kết dính với cái vọng mà phát ra ánh sáng. Bản thể tuệ giác–tức tánh thấy, tánh nghe, tánh

ngửi, tánh nếm, tánh xúc, tánh biết các pháp–đều bị mất đi bản chất vốn có, thế nên nó kết hợp với vọng minh và vọng giác–sáng suốt hư vọng và cái biết hư vọng–Từ sự kết dính nhau nầy, một ánh sáng hư vọng phát ra. Đây không phải là nguồn sáng chân thực; mà chỉ là biểu tượng cho tác dụng riêng biệt của nó.

Kinh văn: **是以汝今離暗離明無有見體。離動離靜元無聽質。無通無塞嗅性不生。非變非恬嘗無所出。不離不合覺觸本無。無滅無生了知安寄。**

Phiên âm: Thị dĩ nhữ kim li ám li minh, vô hữu kiến thể. Li động li tĩnh, nguyên vô thính chất. Vô thông vô tắc, khứu tính bất sanh. Phi biến phi điềm, thường vô sở xuất. Bất li bất hợp. giác xúc bản vô. Vô diệt vô sanh liễu tri an kí?

Việt dịch: Vậy nên nay ông rời tối rời sáng, thì không có cái thể của thấy. Rời động rời tỉnh, thì không có cái nghe. Không có thông không bít, thì tính ngửi không phát sinh. Không có mùi vị, không lạt, thì tính nếm không có. Không rời xa, không kết hợp thì tánh xúc chẳng có. Không sanh không diệt, thì cái biết gá chỗ nào?

Giảng: Vậy nên, do giáo lý đã được giải thích ở đoạn trên, là không cần phải soi lại tánh giác minh; chỉ vì qua sự sinh khởi một niiệm vọng tưởng muốn soi lại tánh giác minh mà tánh giác ấy biến thành vọng giác và vọng minh–kết quả là, bản thể bị mất đi; và do kết dính vào cái vọng, ánh sáng của tánh thấy trở thành hiện hữu. Điều này tạo ra những tác dụng riêng biệt của tánh thấy, tánh nghe và các tánh khác. Đó thuộc về quang minh của thức thứ tám. Do vậy, nay ông rời tối rời sáng, thì không có cái thể của thấy. Lý do để ông thấy được là nhờ những duyên của ánh sáng và cái tối giúp nhau. Nếu không có cái sáng và cái tối, thì thể của cái thấy phải bị đình chỉ.

Rời động rời tịnh, thì không có tính nghe. 'Tính–disposition' ở đây chính là cái thể. Không có thông không bít, thì tính ngửi không phát sinh. Không có những duyên nầy thì quý vị không biết được mùi hương, không biết được cái gì thơm cái gì thối. Không có mùi vị, không lạt, thì tính nếm không có. Khoảng trung gian giữa cái nhận biết các mùi vị và vị nhạt khiến phát sinh tính nếm. Không rời xa, không kết hợp thì tánh xúc chẳng có. Nếu không có sự thúc đẩy cho sự chia tách và kết hợp, thì không có tính xúc. Không sanh không diệt, thì cái biết gá chỗ nào? Nếu không có sự sinh ra, không có sự diệt mất, thì tánh biết nằm chỗ nào? Nó cũng không có.

Kinh văn: **汝但不循動靜合離恬變通塞生滅暗明。如是十二諸有為相。**

Phiên âm: Nhữ đãn bất tuần động tĩnh hợp li, điềm biến thông tắc, sanh diệt ám minh, như thị thập nhị chư hữu vi tướng.

Việt dịch: Ông chỉ cần không theo động tĩnh hợp li, điềm biến thông tắc, sanh diệt ám minh, mười hai tướng như vậy.

Giảng: Ông chỉ cần không theo. Đoạn nầy trong kinh văn rất quan trọng. Tại sao chúng sinh không được giác ngộ? Vì họ theo vòng luân hồi sinh tử. Họ không chịu đi ngược lại tiến trình nầy. Họ đuổi theo hư vọng, trần cảnh rồi bị xoay chuyển bởi chúng. Nên kinh nói, "Ông chỉ cần không theo" chúng, ông cần phải không theo cảnh giới của sáu trần và không được xoay chuyển theo chúng. Ông không nên đuổi theo các tướng hữu vi và chạy theo chúng. Thế là ông có để được ngược dòng. Không theo động tĩnh hợp li, điềm biến thông tắc, sanh diệt ám minh, mười hai tướng như vậy. Đừng để bị xoay chuyển theo mười hai tướng hữu vi như đã nêu ở trên.

Kinh văn: **隨拔一根,脫粘內伏。伏歸元真,發本明耀。耀性發明。諸餘五粘應拔圓脫。**

Phiên âm: Tùy bạt nhất căn, thoát niêm nội phục. Phục quy nguyên chân, phát bản minh diệu. Diệu tính phát minh, chư dư ngũ niêm ưng bạt viên thoát.

Việt dịch: Tuỳ theo đó mà nhổ sạch một căn, thoát khỏi dính mắc, hàng phục nó từ bên trong. Hàng phục rồi trở về cội nguồn chân tâm, và phát ra tính sáng suốt vi diệu vốn có. Khi tánh sáng suốt phát minh thì năm mối kết dính kia cũng được mở sạch.

Giảng: Tuỳ theo đó mà nhổ sạch một căn, thoát khỏi dính mắc. Trong sáu căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; tuỳ theo đó mà chọn một căn, làm cho nó thoát khỏi sự kết dính, rồi hàng phục nó từ bên trong. Hàng phục vô minh từ trong chính mình. Chuyển hoá mọi vọng tưởng. Hàng phục rồi trở về cội nguồn chân tâm. Khi vô minh và vọng tưởng đã được hàng phục, mình sẽ được quay về với bản nguyên, tức chân tâm thanh tịnh vi diệu viên mãn, và nó sẽ phát ra tính sáng suốt vi diệu vốn có.

Nên sự sáng suốt vốn có trong tánh giác ngộ sẽ tự hiển bày. Khi tánh sáng suốt phát minh, khi tánh sáng suốt hiển bày, thì năm mối kết dính kia cũng được mở sạch. Khi một căn được nhổ sạch những dính mắc, thì những căn

khác đang bị khằng dính cũng được nhổ sạch. Chúng đồng thời được giải thoát. Và tác dụng của sự kết dính để tạo nên cái thấy, sự dính mắc để tạo ra cái biết đều không còn nữa. Nên quý vị được tự tại giải thoát.

Kinh văn: **不由前塵所起知見, 明不循根,寄根明發。由是六根互相為用。**

Phiên âm: Bất do tiền trần sở khởi tri kiến, minh bất tuần căn, kí căn minh phát. Do thị lục căn hỗ tương vi dụng.

Việt dịch: Không do tiền trần mà khởi lên cái thấy biết, thì cái sáng suốt sẽ không theo căn, chỉ gá nơi căn mà tánh sáng phát ra. Do đó mà sáu căn được dùng thay cho nhau.

Giảng: Trước đây tôi đã giảng về việc sáu căn có thể dùng thay cho nhau. Không do tiền trần mà khởi lên cái thấy biết. Đây là lời khuyên mà Đức Phật đã dạy trong đoạn kinh trước: "Nhữ đãn bất tuần–Ông chỉ cần không theo." Đừng theo đuổi sáu trần rồi cặp chúng với cái thấy, cái biết của mình. Nếu quý vị không đuổi theo sáu trần, thì quý vị sẽ thấy như thể là không thấy và nghe như là không nghe, vì mình không bị ám ảnh bởi cảnh giới của sáu trần. Thì cái sáng suốt sẽ không theo căn. Nó không giao tiếp với trần cảnh nên tánh sáng suốt liền hiển hiện.

Cái biết (hư vọng phân biệt) không còn có mặt trong đó nữa. Tánh giác sáng suốt của chính bản tâm mình không truy đuổi theo các căn. Vậy nên do đó mà sáu căn được dùng thay cho nhau. Tuy nhiên, bản tánh giác ngộ sáng suốt của mình được tìm thấy ngay nơi cửa của sáu căn. Khi tánh giác bản hữu tự hiển lộ, thì sáu căn hỗ dụng, tức sáu căn có thể được dùng thay cho nhau. Điều nầy không thể có nếu quý vị còn dùng vọng minh và vọng giác; điều nầy, sáu căn hỗ dụng chỉ xảy ra khi mình dùng tánh sáng suốt chân thật vốn có của bản giác. Thế là sáu căn–mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý–có tác dụng hỗ tương. Mắt có thể nói và tai có thể thấy.

Hôm nay là ngày Phật hoan hỷ. Dĩ nhiên, ngày nào Phật cũng hoan hỷ cả, nhưng hôm nay là ngày hoan hỷ nhất. Sao vậy? Đây là ngày cuối cùng trong kỳ kiết hạ an cư của người xuất gia. Từ ngày 15 tháng 4 cho đến 15 tháng 7 âm lịch, tăng sĩ phải an cư ở một nơi và không đi đâu cả. Đó cũng là ngày kỷ niệm ngài Mục-kiền-liên có được thiên nhãn thông. Khi được như vậy, việc ngài làm trước hết là tìm xem mẹ mình đang ở đâu. Ngài thấy mẹ mình đang ở địa ngục và chịu nhiều nỗi khổ. Vì sao mẹ ngài phải ở địa ngục?

Vì khi còn sống bà ta không tin Phật, không chịu lạy Phật. Bà ta không tin pháp, không chịu học Phật pháp. Bà ta không kính trọng Tăng; thậm chí bà ta còn huỷ báng tăng đoàn và chê trách sự phạm giới của họ. Bà ta cũng thích ăn thịt và cá. Đặc biệt là rất thích ăn trứng cá. Hãy nghĩ biết bao sinh mạng trong một phần thức ăn bằng trứng cá muối. Do vì bà ta không tin và kính trọng Tam bảo, vì bà ta ăn quá nhiều trứng cá, nên bà ta đoạ vào địa ngục ngay sau khi bà chết. Trong địa ngục thì chẳng có gì để ăn, thế nên khi ngài Mục-kiền-liên có được thần thông, ngài đến thăm mẹ với một bát cơm trên tay. Bà mẹ lấy ngay chén cơm khi thấy được, vì tâm bà quá tham, nên bà lấy tay trái che cơm lại, để các quỷ đói kia không thấy được mà giành của bà.

Bà dấu cơm trong tay áo và chạy tìm nơi để ăn một mình. Nhưng nghiệp chướng của bà quá nặng, đến mức không để cho bà được ăn, thế nên khi bà bốc cơm cho vào miệng, thì cơm hóa thành than. Dù Mục-kiền-liên đã chứng thần thông rồi, nhưng cũng không thể nào giúp mẹ mình được. Không còn làm gì được nữa, ngài trở về cầu xin Đức Phật giúp đỡ. “Con phải làm gì để cứu mẹ?” Ngài cầu thỉnh. Mẹ ngài đang bị đoạ trong địa ngục và cầu xin Đức Phật chỉ bày cách cứu giúp.

Đức Phật bảo Mục-kiền-liên, “Mẹ ông nghiệp chướng sâu nặng. Ông không thể nào tự mình cứu được. Ông phải cầu thỉnh chư tăng trong khắp mười phương cứu giúp, thì mẹ ông mới mong thoát khỏi cảnh khổ và được an lạc.” Thế là từ đó trở đi, vào ngày 15 tháng 7 âm lịch, việc cúng dường không chỉ để giúp cho mẹ mình trong đời nầy thoát khổ, được an vui, mà còn giúp độ thoát cho cha mẹ bảy đời cùng thân bằng quyến thuộc. Pháp hội được cử hành theo nghi thức để chúng Tăng chú nguyện cứu giúp cho mẹ ngài Mục-kiền-liên được gọi là Vu-lan-bồn.

Kinh văn: **阿難汝豈不知。今此會中阿那律陀無目而見。跋難陀龍無耳而聽。殑伽神女非鼻聞香。驕梵缽提異舌知味。舜若多神無身有觸。如來光中映令暫現。既為風質其體元無。諸滅盡定得寂聲聞。如此會中摩訶迦葉。久滅意根,圓明了知,不因心念。**

Phiên âm: A-nan nhữ khởi bất tri, kim thử hội trung A-na-luật-đà vô mục nhi kiến. Bạt-nan-đà long vô nhĩ nhi thính. Căng-già thần nữ phi tỉ văn hương. Kiều-phạm-ba-đề dị thiệt tri vị. Thuấn-nhã-đa thần vô thân hữu xúc. Như Lai quang trung ánh linh tạm hiện. Kí vi phong chất kì thể nguyên vô. Chư diệt tận định đắc tịch Thanh văn, như thử hội trung Ma-ha Ca-diếp, cửu diệt ý căn, viên minh liễu tri, bất nhân tâm niệm.

Việt dịch: A-nan, ông sao không biết, trong hội chúng nầy, ông A-na-luật-đà không có mắt mà vẫn thấy. Rồng Bạt-nan-đà không có tai mà vẫn nghe. Thần nữ Căng-già không có mũi mà ngửi được mùi hương. Ông Kiều-phạm-ba-đề lưỡi khác lưỡi người mà vẫn nếm được mùi vị. Thần Thuấn-nhã-đa không có thân mà vẫn biết xúc chạm. Do hào quang của Như Lai ánh ra mà tạm hiện có thân, chứ bản chất của ông là gió, chứ không có thân thể. Các vị Thanh văn được tịch diệt trong diệt tận định như Ma-ha Ca-diếp trong hội nầy, ý căn đã diệt từ lâu rồi, mà vẫn rõ biết cùng khắp nhưng không do ở tâm niệm.

Giảng: A-nan, ông sao không biết, trong hội chúng nầy, tức trong pháp hội giảng Kinh Thủ-lăng-nghiêm, có những vị đã có được lục căn hỗ dụng. Đó là A-na-luật-đà. Quý vị có nhớ ngài không? Ngài là người bị mù khi cố gắng không ngủ. A-na-luật-đà là anh em họ với Đức Phật, ngài là con vua Bạch Phạn. Ngài thích ngủ, và ngủ bất kỳ lúc nào Đức Phật giảng pháp. Đức Phật trách mắng ông về thói quen nầy, Đức Phật nói rằng:
Đốt! Đốt! Hồ vi thuỳ. 咄咄胡爲睡
Loa tư cáp bạn loại 螺螄 蛤蚌類
Nhất thuỳ nhất thiên niên 一睡一千年
Bất văn Phật danh tự. 不聞佛名字.
Nầy! Nầy! Sao còn ngủ?
Như loài trai sò kia
Ham ngủ một ngàn năm
Chẳng nghe được tiếng Phật.

Sau khi bị quở trách như vậy, trong nỗ lực của nhiệt tâm, A-na-luật-đà không ngủ suốt bảy ngày đêm. Cuối cùng ngài bị mù vì mất ngủ. Đức Phật thấy thương xót nên mới truyền dạy cho ngài pháp tu Nhạo kiến chiếu minh kim cương tam-muội. Nhờ tu pháp này, ngài chứng được thiên nhãn thông. Mắt trần của ngài bị mù, nhưng ngài trở nên đệ nhất thiên nhãn. Ngài có thể nhìn thấy mọi vật rất rõ ràng. Quý vị không nên nghĩ rằng ‘khai nhãn’ là giống như nhau trong mọi trường hợp. Có người thấy mọi vật rất rõ ràng, và có người thấy không được rõ. A-na-luật-đà thấy rõ nhất trong tất cả, ngài có thể thấy tam thiên đại thiên thế giới như thấy một vật trong bàn tay. Trong đoạn văn nầy, Đức Phật lại nhắc cho A-nan nhớ về ngài A-na-luật-đà không có mắt mà vẫn thấy.

A-na-luật-đà có nghĩa là vô bần–không nghèo. Trước đây tôi đã kể cho quý vị nghe chuyện ngài được một con thỏ vàng. Khi ngài cắt một cái chân nó để đổi thức ăn, thì cái chân bằng vàng khác mọc ra ngay chỗ vừa cắt. Mỗi lần ngài cắt

phần nào trên thân thể con thỏ, thì phần ấy mọc ra lại như cũ, thế nên ngài không bao giờ nghèo.

Đức Phật lại nhắc đến rồng Bạt-nan-đà không có tai mà vẫn nghe. Đây là loại thần long bảo hộ cho xứ Ma-kiệt-đà, chăm sóc cho việc mưa thuận gió hòa. Loài rồng nầy được người dân trong xứ quý mến, nên họ đặt tên là Upananda, Hán dịch là Thiện hoan hỷ. Mặc dù không có tai, nhưng loài rồng nầy có thể nghe bằng râu mọc trên đầu. Thế nên A-na-luật-đà không dùng mắt mà vẫn thấy. Rồng Bạt-nan-đà không dùng tai mà vẫn nghe. Đây chính là sáu căn hỗ dụng mà chúng ta đang bàn đến.

Còn có Thần nữ Căng-già không có mũi mà ngửi được mùi hương. Sông Hằng (Ganges), sông Sindhu, sông Vakshu và sông Sutlej đều phát nguyên từ trên đỉnh núi Tuyết sơn thuộc dãy Hy-mã-lạp-sơn. Thần nữ Căng-già tức nữ thần của sông Hằng, Hán dịch là Thiên đường lai, vì sông phát nguyên từ hồ A-nậu-đạt trên đỉnh Tuyết sơn. Nữ thần nầy là chủ của các vị thần sông. Thần nầy không có mũi, nhưng có thể ngửi được mọi thứ. Dùng mắt để ngửi.

Còn có Ông Kiều-phạm-ba-đề lưỡi khác lưỡi người mà vẫn nếm được mùi vị. Tên ngài, Gavāṃpati Hán dịch là Ngưu ty, có nghĩa là là 'loài bò nhai lại.' Ngay cả khi không ăn gì, ngài vẫn nhai và thở rất lớn giống như loài bò. Tại sao có những vị đã chứng A-la-hán rồi mà vẫn còn những thói quen như vậy? Đó là quả báo của những điều đã xảy ra khi ngài là một chú tiểu còn đang tu hành trong nhân địa. Lúc đó ngài tu học với một vị lão tăng đã chứng quả A-la-hán. Vị nầy đã già và rụng hết răng, nên ăn rất chậm. Ông nhai rất lâu, đến nỗi một hôm chú điệu Kiều-phạm-ba-đề chịu không được nữa mới nói với ông, 'Thầy nhai như bò.'

Chỉ vì một lời nói như vậy mà chú điệu phải chịu quả báo nhai như bò suốt từ kiếp nầy qua kiếp khác. Nhưng nay ngài đã chứng quả A-la-hán, Đức Phật khuyên ngài nên giáo hoá ở cõi trời, hơn là ở cõi người, vì ngại rằng trong cõi người có ai chê cười ngài rồi lại nói 'Thầy nhai như bò,' thì người ấy sẽ phải chịu quả báo như vậy từ kiếp nầy qua kiếp khác. Chuyện nầy nhắc nhở quý vị thận trọng trong lúc nói. Đừng nên nói bất cứ điều gì chợt nẩy ra trong đầu. Nếu quý vị nói điều sai trái, mình sẽ rơi vào luật nhân quả.

Một hôm có người đến hỏi một vị tỳ-khưu già: "Bậc đại tu hành có rơi vào nhân quả không?
Đại tu hành nhân lạc nhân quả phủ ?
大 修 行 人 落 因 果 否?"

Lão tỷ-khưu già đáp:
“Bậc đại tu hành không rơi vào nhân quả. Đại tu hành nhân bất lạc nhân quả
大 修 行 人 不 落 因 果.”

Vì câu trả lời sai lầm đó, mà vị tỷ-khưu già bị đoạ làm thân chồn suốt năm trăm năm. Khi thiền sư Bá Trượng ở Giang Tây thượng đường giảng kinh dạy chúng, có một lão già râu dài hằng ngày đều đến nghe. Không ai biết ông ta là ai. Ông ta rời giảng đường ngay khi nghe giảng xong. Các thời giảng kinh đều mở rộng cho mọi người tham dự nên chẳng ai hỏi ông ta là ai? Ông ta đến đi như mọi người khác. Khi giảng kinh, theo luật là pháp sư trở về phương trượng ngay sau khi giảng xong. Pháp sư rất hiếm chuyện trò, để tránh tâm phan duyên. Pháp sư không nán lại sau khi giảng kinh là để khuyến khích mọi người lần sau lại đến nghe nữa. Đại khái là như vậy. Một hôm Bá Trượng thiền sư chuẩn bị trở về phương trượng sau khi giảng kinh, lão già râu dài theo sau ngài và xin được nghe lời khai thị. Câu hỏi của lão già như sau:

“Bậc đại tu hành có rơi vào nhân quả không? Đại tu hành nhân lạc nhân quả phủ?
大 修 行 人 落 因 果 否?”

Bá Trượng thiền sư trả lời ngay:
“Bậc đại tu hành không mê muội nhân quả. Đại tu hành nhân bất muội nhân quả
大 修 行 人 不 昧 因 果.”

Ngay đó lão già khai ngộ. Rồi lão già giải thích: “Tôi là con chồn sống ở sau núi nầy. Hằng ngày tôi vào đây nghe kinh, nhưng tôi chưa thông được công án vừa rồi.” Ông lão trình bày, trong quá khứ ông từng là cao tăng chuyên giảng kinh, khi có người hỏi lão vấn đề trên, lão đã trả lời không đúng, quả báo là lão bị đọa làm thân chồn suốt năm trăm năm.

“Ồ! Nay được thiền sư chỉ điểm. Tôi đã rõ ràng. Ngày mai tôi sẽ thoát xác. Kính thỉnh thiền sư ra mộ sau núi, thiêu xác rồi làm lễ táng.”

Ngày hôm sau, Bá Trượng thiền sư dẫn chư tăng trong thiền viện ra sau núi. Tìm kiếm hồi lâu thấy xác một con chồn già. Bá Trượng thiền sư dùng nghi thức dành cho chư tăng mà làm lễ hoả táng. Đây là một ví dụ khác về sự cẩn trọng phải có khi mình muốn nói điều gì. Những người chưa am hiểu Phật pháp thích nói bất cứ điều gì thấy thích, nhưng người đã học Phật pháp rồi thì biết cách làm tốt hơn. Nếu có ai hỏi quý vị một vấn đề mà mình biết có thể trả lời trong tinh thần Phật pháp, thì mình hãy đáp ứng. Nhưng nếu thấy không

thể, thì tôi khuyên quý vị đừng cho rằng mình biết khi mình chẳng biết cái gì cả. Nếu quý vị nói điều gì đó sai lầm, hậu quả sẽ rất nghiêm trọng.

Vì một lần bất cẩn chê trách một vị A-la-hán, nên ngài Kiều-phạm-ba-đề chịu quả báo có miệng nhai như bò từ kiếp nầy sang kiếp khác. Lưỡi của ngài như lưỡi bò, nhưng có thể nếm biết được mùi vị.

Thần Thuấn-nhã-đa không có thân mà vẫn biết xúc chạm. Thuấn-nhã-đa, phiên âm chữ Śūnyatā từ tiếng Sanskrit là có nghĩa là hư không. Vị Thần hư không nầy không có thân mà vẫn biết sự xúc chạm. Việc đó xảy ra như thế nào? Do hào quang của Như Lai ánh ra mà tạm hiện có thân, chứ bản chất của ông là gió, chứ không có thân thể. Hào quang của Đức Phật khiến cho vị thần nầy tạm thời xuất hiện, dù vị thần nầy lặng không như gió và không có hình thể gì cả. Nhưng khi thần nầy xuất hiện trong ánh hào quang của Đức Phật, thì vẫn cảm nhận được những cảm giác xúc chạm, Điều đó làm cho thần hư không rất vui mừng, “Tôi thực sự không có thân, nhưng nay tôi đã có.” Mọi chúng sinh đều sợ bị mất thân mạng, thế nên khi được phép hiện thân, vị thần nầy rất hoan hỷ.

Các vị Thanh văn được tịch diệt trong diệt tận định như Ma-ha Ca-diếp trong hội nầy. Đây là bậc thứ chín trong cửu thứ đệ định, tức diệt thọ tưởng định. Một số vị trong hội chúng nầy đã đạt được diệt thọ tưởng định và chứng được quả vị A-la-hán. Ai trong hội nầy đã chứng được diệt tận định? Ma-ha có nghĩa là lớn, tức chỉ cho ngài Trưởng lão Ca-diếp, vốn trước kia là ngoại đạo thờ lửa. Trong đạo Phật thường gọi ngài là Kim sắc tiên. Ngài hiện nay vẫn còn đang nhập định trên đỉnh Kê túc sơn, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Ngài không xả thân và thọ thân sau. Ngài đang ở trong diệt tận định. Trong tương lai, khi Bồ-tát Di-lặc ra đời, ngài Ma-ha Ca-diếp sẽ trao y bát của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni lại cho Bồ-tát Di-lặc. Ngài đã nhập định ở đó chừng ba ngàn năm. Một người có thể ngồi như thế một ngàn năm, hoặc thậm chí một vạn năm trong định vẫn không là vấn đề.

Đã diệt ý căn từ lâu rồi, mà vẫn rõ biết cùng khắp nhưng không do ở tâm niệm. Tâm phân biệt của ngài, đối tượng của sinh diệt, đã chấm dứt từ lâu rồi. Nhưng, tánh giác của ngài hoàn toàn thông lợi; cái biết đó không phải do từ tâm ý thức phân biệt, mà lưu xuất từ nguồn sáng tuệ giác của ngài.

Kinh văn: **阿難, 今汝諸根,若圓拔已,內瑩發光。如是浮塵及器世間。諸變化相如湯銷冰。應念化成無上知覺。**

Phiên âm: **A-nan, kim nhữ chư căn, nhược viên bạt dĩ, nội oánh phát quang. Như thị phù trần cập khí thế gian, chư biến hóa tướng như thang tiêu băng. Ứng niệm hóa thành vô thượng trí giác.**

Việt dịch: A-nan, nay các căn của ông nếu đã hoàn toàn nhổ sạch, sáng suốt bên trong sẽ phát ra. Như thế các phù trần và các tướng biến hoá trong thế gian như nước nóng làm tan băng. Ứng với tâm niệm, sẽ hoá thành vô thượng trí giác.

Giảng: A-nan, nay các căn của ông nếu đã hoàn toàn nhổ sạch–nếu ông có thể nhập vào được một, thì năm căn kia cũng dừng lại hoàn toàn. Sáu căn đồng thời thanh tịnh. Nếu ông có thể nhổ sạch được một căn, thì sáu căn sẽ tự tại đối với các tập khí cố hữu của nó, sáng suốt bên trong sẽ phát ra. Tự tánh của mình sẽ chiếu sáng rực rỡ và hoàn mỹ như viên ngọc. Như thế các phù trần và các tướng biến hoá trong thế gian–núi sông đất liền, quốc độ, lâu đài kiến trúc và các thứ khác–như nước nóng làm tan băng.

Chúng sẽ biến mất, như băng tan khi có nước nóng đổ lên đó. Ứng với tâm niệm, trong một khoảnh khắc rất ngắn, sẽ hoá thành vô thượng trí giác. Khi cái vọng hết, thì cái chân là thanh tịnh. 'Trí' ở đây là chân thật trí, không phải là cái biết hư vọng đã nói ở trên. Khi cái vọng không còn, thì cái chân hiển hiện; "ứng với tâm niệm" liền tự hiện khởi.

Kinh văn: **阿難,如彼世人,聚見於眼。若令急合,暗相現前。六根暗然頭足相類。彼人以手,循體外繞,彼雖不見。頭足一辯,知覺是同。**

Phiên âm: **A-nan, như bỉ thế nhân, tụ kiến ư nhãn, nhược linh cấp hiệp, ám tướng hiện tiền. Lục căn ám nhiên, đầu túc tương loại. Bỉ nhân dĩ thủ, tuần thể ngoại nhiễu, bỉ tuy bất kiến, đầu túc nhất biện, tri giác thị đồng.**

Việt dịch: A-nan như người thế gian kia gom cái thấy nơi mắt, nếu biểu nhắm kín thì tướng tối hiện ra. Cả sáu căn đều tối, thì đầu và chân đều giống nhau. Người kia lấy tay rờ quanh ngoài thân thể, tuy không thấy được nhưng đã nhận ra đầu và chân rồi thì cái hiểu biết vẫn như nhau.

Giảng: A-nan như người thế gian kia. Như Lai sẽ cho ông một ví dụ. Hãy xem người thế gian gom cái thấy nơi mắt. Anh ta đã gom tánh thấy lại vào trong mắt của mình. Nếu biểu nhắm kín thì tướng tối hiện ra. Quý vị bảo anh ta, "Nhắm mắt lại ngay!" Bỗng nhiên anh ta bị ngập trong màn tối. Cả sáu căn đều tối, thì đầu và chân đều giống nhau. Người kia lấy tay rờ quanh ngoài thân thể, tuy không thấy được nhưng đã nhận ra đầu và chân rồi.

Nếu người thế gian nầy đã nhắm kín mắt lại rồi, không còn thấy gì chung quanh nữa, khi lấy tay mình rờ thân người bên cạnh, anh ta liền biết ngay đầu người kia khi tay sờ đến đầu, và khi sờ đến chân, liền nhận ra đó là chân. Cái hiểu biết vẫn như nhau. Cái biết vẫn có nguyên tác dụng. Khi sáu căn đã được tiêu trừ, thì cái biết không phải là mất sạch. Ví dụ trên xác định ngay cả khi mắt nhắm kín, cái biết vẫn không biến mất. Nó vẫn còn như cũ.

Kinh văn: **緣見因明,暗成無見。不明自發,則諸暗相, 永不能昏。**

Phiên âm: Duyên kiến nhân minh, ám thành vô kiến. Bất minh tự phát, tắc chư ám tướng, vĩnh bất năng hôn.

Việt dịch: Nếu sáng là duyên cần thiết của cái thấy, thì khi tối sẽ thành ra không thấy. Chứ không có ánh sáng mà phát ra cái thấy, thì các tướng không thể nào làm mờ tối được.

Giảng: Nếu sáng là duyên cần thiết của cái thấy–nếu nguyên nhân để chúng ta thấy được là do sáng–thì khi tối sẽ thành ra không thấy. Khi tối, thì không thấy được. Chứ không có ánh sáng mà phát ra cái thấy, thì các tướng không thể nào làm mờ tối được. Nếu quý vị không cần phải nhờ vào cái sáng bên ngoài, mà dùng cái sáng từ trong tự tánh mình, thì chẳng có cái tối nào ngăn được cái thấy của mình cả. Cái tối không thể chướng ngại và cản trở quý vị thấy. Nếu quý vị chân chính là người giác ngộ, nếu thực sự được xem là đã chứng quả A-la-hán, thì ngày cũng như đêm. Sáng tối như nhau. Quý vị có thể thấy được hoàn toàn trong cả hai cảnh giới. Người thường không thấy được trong phòng tối, nhưng một vị A-la-hán thì có thể. Nên nói:

Liễu ngộ do như dạ đắc đăng 了悟猶如夜得燈

Vô song ám thất hộ quang minh 無窗暗室戶光明.

Giác ngộ rồi giống như trong đêm tối có được đèn sáng.
Như trong căn phòng không có cửa sổ, tối tăm mà có được ánh sáng.

Tuy nhiên, đó chỉ là ví dụ. Đừng chấp cứng vào đó rồi cho là thực đúng như vậy. Điều gì được diễn tả bằng ngôn từ thì không nhất thiết là chân thực. Những gì không thể diễn bày mới là chân thực. Những gì được nói ở đây chỉ là chút ít chân thực. Quý vị có thể thấy căn phòng tối, trong khi có người khác lại thấy sáng trong đó. Điều nầy tuỳ vào nghiệp báo khác nhau của từng người. Nếu quý vị đã giác ngộ, thì đêm cũng như ngày; ngủ và mơ cũng giống như thức. Quý vị không bị mê mờ điên đảo trong khi mơ. Thực vậy, khi đã giác ngộ rồi, rất hiếm khi nằm mơ.

Tại sao cần thiết phải tu tập? Vì quý vị không thể tự mình làm chủ được. Có thể tự chủ và sáng suốt minh mẫn lúc tỉnh, nhưng mất tự chủ khi bối rối. Khi còn mạnh khỏe thì tự chủ được, còn khi bệnh hoạn thì mất tự chủ. Quý vị bất lực. Có thể quý vị còn giữ được tự chủ khi bệnh và không mê mờ hoặc làm những việc điên đảo, nhưng vẫn không tự chủ được khi ngủ. Quý vị có thể nói rằng mình giữ được tự chủ khi ngủ, nhưng khi mơ thì không thể nào giữ được, trở nên điên đảo. Nếu quý vị giữ được tự chủ khi mơ, thì vẫn còn có thể trở nên điên đảo, mất tự chủ khi sắp chết. Vào lúc tứ đại phân rã, dù lúc đó quý vị có thích nói, "Tôi chưa muốn chết bây giờ," thì cái chết cũng chẳng có chút lễ độ nào dành cho quý vị cả. Quý vị chắc chắn phải từ bỏ cuộc sống mà ra đi.

Chúng ta tu đạo là để duy trì sự tự chủ khi đang còn khoẻ mạnh, khi chúng ta đang tỉnh giác và còn minh mẫn, khi bệnh, khi ngủ, khi mơ, ngay cả khi chết. Nếu chúng ta được như muốn chết là chết, và đến mức nếu không muốn chết, thì cứ sống mà không gặp vấn đề gì cả, thoát khỏi mọi ràng buộc, thế thì mới có thể nói là mình tự tại đối với sinh tử. Nếu muốn sống, vẫn được; và nếu muốn chết, vẫn có thể chết liền. Chẳng hạn, nếu muốn sống, quý vị có thể sống đến hàng ngàn năm như Tổ Ma-ha Ca-diếp. Nếu quý vị muốn chết, liền có thể chết trong tư thế đứng, ngồi hoặc nằm. Quý vị muốn làm bất cứ cách nào mình thích.

Kinh văn:: **根塵既銷,云何覺明不成圓妙？**

Phiên âm: Căn trần kí tiêu, vân hà giác minh bất thành viên diệu?

Việt dịch: Căn trần đã tiêu, làm sao tánh giác minh chẳng thành viên mãn và vi diệu?

Giảng: A-nan, khi căn trần đã tiêu, khi sáu căn và sáu trần đã được tiêu trừ, thì 'chẳng có cái tối nào ngăn được cái thấy cả.' Khi cái tối che mờ, thì các căn không thể nào hiển bày năng lực và tác dụng của nó cả. Làm sao tánh giác minh chẳng thành viên mãn và vi diệu? Làm sao nói tánh bản giác diệu minh không trở thành viên mãn và vi diệu? Làm sao nói tánh sáng suốt không quay lại cội nguồn để trở thành tánh bản giác diệu minh viên mãn và vi diệu?

CHƯƠNG 5
NGHE KHÔNG PHẢI LÀ TIẾNG

Kinh văn: 阿難白佛言,世尊。如佛說言。因地覺心,欲求常住。要與果位,名目相應。

Phiên âm: A-nan bạch Phật ngôn, Thế tôn. Như Phật thuyết ngôn, nhân địa giác tâm, dục cầu thường trụ, yếu dữ quả vị, danh mục tương ưng.

Việt dịch: A-nan bạch Phật rằng, "Bạch Thế tôn, như Phật đã dạy, 'Muốn cầu quả thường trụ, khi phát tâm tu đạo giác ngộ ở nhân địa, phải tương ưng với quả vị. "

Giảng: Một lần nữa, A-nan phát khởi nghi ngờ, thế là ngài đứng dậy và có câu hỏi khác. A-nan bạch Phật rằng, "Bạch Thế tôn, như Phật đã dạy, theo như giáo lý đã được nói đến trong phần trước, 'Muốn cầu quả thường trụ, khi phát tâm tu đạo giác ngộ ở nhân địa'"– ở trong nhân địa phát tâm chân chính cầu đạo giác ngộ, nguyện sẽ không bao giờ bị thối chuyển. Phải tương ưng với quả vị. Điều ấy phải không ngược với đạo lý của quả địa tu chứng.

Kinh văn: **世尊,如果位中菩提涅槃,真如佛性, 菴摩羅識,空如來藏, 大圓鏡智, 是七種名稱謂雖別。清淨圓滿體性堅凝。如金剛王常住不壞。**

Phiên âm: Thế tôn, như quả vị trung bồ-đề niết-bàn, chân như Phật tính, am-ma-la thức, Không Như Lai tạng, Đại viên cảnh trí. Thị thất chủng danh xưng vị tuy biệt. Thanh tịnh viên mãn thể tính kiên ngưng. Như kim cương vương thường trụ bất hoại.

Việt dịch: Bạch Thế tôn, như trong các quả vị Bồ-đề, Niết-bàn, Chân như Phật tính, Am-ma-la thức, Không Như Lai tạng, Đại viên cảnh trí. Bảy danh hiệu ấy tên gọi tuy khác, mà thể tánh thanh tịnh viên mãn vững chắc như kim cương vương, thường trụ bất hoại.

Giảng: Bạch Thế tôn, như trong các quả vị Bồ-đề, Niết-bàn, Chân như Phật tính, Am-ma-la thức, Không Như Lai tạng, Đại viên cảnh trí. "Bồ-đề" Hán dịch là giác đạo. Niết-bàn Hán dịch là Bất sinh bất diệt. Chân như có nghĩa là không hư vọng, là cái chân thật duy nhất, bất nhị. Chân như không phái là một "vật." Nó giống như hư không. Chân như chính là chân không. Nhất chân nhất thiết chân, đã là chân rồi thì hết thảy đều là chân. Chỉ thiếu một chút chân thật, thì không được gọi là chân như

Phật tánh là tự tánh mà mỗi chúng sinh đều vốn có đầy đủ. Am-ma-la thức là vô cấu thức. Trước khi giác ngộ, thức nầy gọi là thức thứ tám, tức A-lại-da

thức, có nghĩa là tàng thức, tên gọi cho ta biết trong đó chứa đựng mọi thứ. Am-ma-la thức là sự chuyển hoá của thức thứ tám thành thanh tịnh thức. Không Như Lai tạng là một tên gọi khác và Đại viên cảnh trí cũng chỉ là một tên. Bảy danh hiệu ấy tên gọi tuy khác, dù trong quả địa danh xưng có khác, mà thể tánh thanh tịnh. Mà đạo lý của nó, về phương diện bản thể, vẫn là thanh tịnh viên mãn vững chắc như kim cương vương, thường trụ bất hoại. Không bao giờ bị biến hoại .

Kinh văn: **若此見聽離於暗明。動靜通塞畢竟無體。猶如念心離於前塵本無所有。**

Phiên âm: Nhược thử kiến thính, li ư ám minh, động tĩnh, thông tắc, tất cánh vô thể. Do như niệm tâm li ư tiền trần, bản vô sở hữu.

Việt dịch: Nếu cái thấy nghe nầy, rời các tướng tối sáng, động tỉnh, thông bít, thì rốt ráo nó không có tự thể. Cũng như tâm niệm, nếu rời khỏi tiền trần, là vốn không thật có.

Giảng: Nếu cái thấy nghe nầy, rời các tướng tối sáng, động tỉnh, thông bít, thì rốt ráo nó không có tự thể, thể của nó sẽ không hiện hữu. Cũng như tâm niệm, nếu rời khỏi tiền trần, là vốn không thật có. Các niệm tưởng của tâm cũng không có thực thể. Khi ta tách rời chúng ra khỏi tiền trần tương ưng với nó, thì các niệm tưởng ấy hoàn toàn không hiện hữu.

Kinh văn: **云何將此畢竟斷滅,以為修因。欲獲如來,七常住果?**

Phiên âm: Vân hà tương thử tất cánh đoạn diệt, dĩ vi tu nhân, dục hoạch Như Lai thất thường trụ quả?

Việt dịch: Sao lại đem cái tâm hoàn toàn đoạn diệt ấy làm nhân tu hành, mà mong đạt được bảy quả vị thường trụ của Như Lai?

Giảng: Niệm tưởng của tâm chính là thức thứ sáu, đúng thật là ‘ly khai pháp trần thì sẽ không hiện hữu, không có tự thể.’ Sao lại đem cái tâm hoàn toàn đoạn diệt ấy làm nhân tu hành, mà mong đạt được bảy quả vị thường trụ của Như Lai? Làm sao có thể dùng nó để để tu chứng bảy quả vị thường trú, Bồ-đề, Niết-bàn, Chân như Phật tính, Am-ma-la thức, Không Như Lai tạng, Đại viên cảnh trí được ?

Kinh văn: **世尊,若離明暗,見畢竟空。如無前塵,念自性滅。**

Phiên âm: Thế tôn, nhược li minh ám, kiến tất cánh không. Như vô tiền trần, niệm tự tánh diệt.

Việt dịch: Bạch Thế tôn, nếu rời sáng tối thì cái thấy rốt ráo là không. Như không có tiền trần thì vọng niệm trong tự tánh bị diệt mất.

Giảng: Bạch Thế tôn, nếu rời sáng tối–nếu tách rời khỏi hai tướng sáng tối–thì cái thấy rốt ráo là không. Như không có tiền trần thì vọng niệm trong tự tánh bị diệt mất. Niệm tưởng không còn sinh khởi nữa.

Kinh văn: **進退循環微細推求。本無我心及我心所。將誰立因求無上覺。**

Phiên âm: Tiến thoái tuần hoàn vi tế suy cầu, bổn vô ngã tâm cập ngã tâm sở. Tương thùy lập nhân cầu vô thượng giác.

Việt dịch: Xoay vần tới lui chiêm nghiệm chính chắn, thấy vốn không có tâm và tâm sở của con. Vậy con lấy gì làm nhân để cầu vô thượng giác?

Giảng: Xoay vần tới lui chiêm nghiệm chính chắn. Con suy xét thật kỹ tiến trình ấy trước sau lui tới nhiều lần, thấy vốn không có tâm và tâm sở của con. Tâm con không thực có. Nó hoàn toàn không hiện hữu. Vậy con lấy gì làm nhân để cầu vô thượng giác, để thành tựu giác ngộ trong quả địa? Con suy xét khắp nơi, không có chỗ nào là tâm con cả. Con không thể dùng tâm sinh diệt. Và con cũng không thể tìm ra chân tâm. Thế làm sao để lấy một tâm trong nhân địa mà cầu giác ngộ trong quả địa?

Kinh văn: **如來先說湛精圓常。違越誠言,終成戲論。云何如來真實語者?**

Phiên âm: Như Lai tiên thuyết, trạm tinh viên thường. Vi việt thành ngôn, chung thành hí luận. Vân hà Như Lai chân thực ngữ giả?

Việt dịch: Trước đây Như Lai đã nói, tánh hay biết vốn vắng lặng, viên mãn, thường trụ, thật là lời nói trái ngược, rốt ráo thành hí luận. Làm sao để nhận ra lời dạy của Như Lai là chân thật?

Giảng: Trước đây Như Lai đã nói, tánh hay biết vốn vắng lặng, viên mãn, thường trụ. Ngài dạy rằng tánh thấy biết vốn vắng lặng, viên mãn và thường trụ. Thật là lời nói trái ngược, rốt ráo thành hí luận. Nhưng giáo pháp mà Như

Lai tuyên thuyết không phải là hí luận. Thế thì, làm sao để nhận ra lời dạy của Như Lai là chân thật? Giáo pháp Đức Phật đã

Giảng: tự nó mâu thuẫn. Trước hết ngài dạy, “Đừng dùng tâm sinh diệt,” rồi sau đó ngài lại nói rằng dùng chính tâm đó mà tu hành. “Con, A-nan, trong tâm không khỏi có nghi nan, và càng nghe càng thấy khó hiểu. Như Lai vẫn thường nói lời chân thật, chân ngữ, thật ngữ. Tại sao nay Như Lai lại nói lời mâu thuẫn như vậy?”

Kinh văn: **惟垂大慈開我蒙吝。**

Phiên âm: Duy thùy đại từ khai ngã mông lận.

Việt dịch: Cúi mong Như Lai rủ lòng đại từ khai ngộ chỗ mê lầm cho chúng con.

Giảng: Bây giờ Cúi mong Như Lai rủ lòng đại từ khai ngộ chỗ mê lầm cho chúng con. Chúng con đang đắm chấp quá chặt vào pháp Tiểu thừa, ngại rằng phải từ bỏ giáo lý ấy.

Kinh văn: **佛告阿難,汝學多聞,未盡諸漏。心中徒知,顛倒所因。顛倒現前,實未能識。**

Phiên âm: Phật cáo A-nan, nhữ học đa văn, vị tận chư lậu. Tâm trung đồ tri, điên đảo sở nhân. Chân đảo hiện tiền, thật vị năng thức.

Việt dịch: Phật bảo A-nan, “Ông tuy học rộng nghe nhiều, nhưng mê lầm chưa sạch. Trong tâm chỉ biết suông cái nhân sở tri điên đảo. Cái điên đảo thật trước mắt, còn chưa biết được.”

Giảng: Sau khi nghe A-nan mói như vậy, Đức Phật không biết phải khóc hay cười. Phật bảo A-nan, “Ông tuy học rộng nghe nhiều. Ông tuy thông minh và nhớ rất giỏi. Nhưng mê lầm chưa sạch. Ông vẫn chưa đạt đến quả vị vô lậu. Trong tâm chỉ biết suông cái nhân sở tri điên đảo. Cái điên đảo thật trước mắt, còn chưa biết được. Như đã nói trước, ông chỉ biết kê toa thuốc. Nếu thuốc có nằm trước mặt, ông cũng không biết. Thế nên Như Lai nói ông rất thông thạo trong những thứ điên đảo, nhưng khi ông đối diện thật sự với cái điên đảo thì ông không nhận ra được nó. Ông không nhận ra được cái gì là điên đảo.”

Kinh văn: **恐汝誠心,猶未信伏。吾今試將塵俗諸事, 當除汝疑。**

Phiên âm: **Khủng nhữ thành tâm, do vị tín phục. Ngô kim thí tương trần tục chư sự đương trừ nhữ nghi.**

Việt dịch: Ngại rằng tâm thành của ông chưa được tin phục. Nay Như Lai thử đem các việc thế gian để trừ mối nghi cho ông.

Giảng: Ngại rằng tâm thành của ông chưa được tin phục. Như Lai e ngại rằng tâm thành của ông chưa đủ lớn mạnh, thế nên khi Như Lai nói triệt để, thì e rằng ông sẽ không tin. Ông vẫn chưa có đủ tín tâm. Ông vẫn chưa có đủ tâm kham nhẫn. Nay Như Lai thử đem các việc thế gian để trừ mối nghi cho ông. Như Lai sẽ cố gắng dùng các sự việc trong thế gian để giải thích đạo lý nầy cho ông. Như Lai sẽ giải trừ tâm nghi của ông bằng cách nầy.

Kinh văn: **即時如來敕羅睺羅擊鍾一聲。問阿難言, 汝今聞不? 阿難大眾,俱言我聞。**

Phiên âm: **Tức thời Như-lai sắc La-hầu-la kích chung nhất thanh, vấn A-nan ngôn, "Nhữ kim văn phủ?" A-nan đại chúng câu ngôn, "Ngã văn."**

Việt dịch: Liền khi ấy, Như Lai bảo La-hầu-la đánh một tiếng chuông, rồi hỏi A-nan, "Ông có nghe không?" A-nan và đại chúng đều đáp, "Chúng con có nghe."

Giảng: Quý vị đã nghe giảng rằng tánh nghe vốn không sanh không diệt, nhưng A-nan đã quên đạo lý Đức Phật đã dạy và phát khởi thêm mối nghi. Thế nên bây giờ kiểm chứng tánh nghe bằng âm thanh của tiếng chuông khi được đánh lên. Liền khi ấy, Như Lai bảo La-hầu-la đánh một tiếng chuông. La-hầu-la là con trai của Phật. Tên ông trong tiếng Sanskrit có nghĩa là Phú chướng, vì ông ta ở trong thai mẹ sáu năm mới chịu ra. Đây là điều bất thường. Ở Trung Hoa cũng có nhiều trường hợp như vậy. Trường hợp nổi tiếng nhất đó là Lão Lai Tử (Lao Lai Zi – 老萊子), tóc bạc râu dài và biết nói vừa khi trong bụng mẹ sinh ra.

Mới sinh ra ông ta đã già, nhưng tuy vậy, ông ta vẫn hành xử như trẻ thơ và rất bướng bỉnh. Còn có Lão Tử (Lao Zi – 老子), tương truyền ông đã ở trong bụng mẹ 81 năm. Họ của ông ta là Lý và ông có tên là Lão tử hay Lão Đam. So với hai trường hợp nầy, chuyện La-hầu-la sống trong bụng mẹ 6 năm chẳng có gì lạ. Vì là con trai của Phật, nên La-hầu-la rất vâng lời, thế nên Đức Phật bảo, "Con hãy thỉnh một tiếng chuông." Rồi Đức Phật hỏi A-nan, "Ông có nghe không?" A-nan và đại chúng đều đáp, "Chúng con có nghe."

Kinh văn: **鍾歇無聲,佛又問言汝今聞不。阿難大眾俱言不聞。**

Phiên âm: Chung yết vô thanh, Phật hựu vấn ngôn, "Nhữ kim văn phủ?" A-nan đại chúng câu ngôn, "Bất văn."

Việt dịch: Khi chuông hết ngân. Đức Phật lại hỏi, "Nay ông có nghe không?" A-nan và đại chúng đều đáp, "Chúng con không nghe."

Giảng: Khi chuông hết ngân. Âm thanh tiếng chuông không còn nữa. Tức không còn tiếng nữa. Đức Phật lại hỏi, "Nay ông có nghe không?" Đức Phật hỏi A-nan, "Thế bây giờ ông có còn nghe hay không?"

A-nan và đại chúng đều đáp, "Chúng con không nghe. Bây giờ chúng con không con nghe nữa."

Kinh văn: **時羅睺羅又擊一聲。佛又問言汝今聞不。阿難大眾又言俱聞。**

Phiên âm: Thời La-hầu-la hựu kích nhất thanh. Phật hựu vấn ngôn, "Nhữ kim văn phủ?" A-nan đại chúng hựu ngôn, "Câu văn."

Việt dịch: Khi ấy La-hầu-la lại đánh chuông. Đức Phật lại hỏi, "Nay ông có nghe không?" A-nan và đại chúng lại đều đáp, "Chúng con đều có nghe."

Giảng: Khi tiếng chuông hết ngân và Đức Phật hỏi như vậy, La-hầu-la biết việc mình phải làm tiếp theo; ông rất là thông minh. La-hầu-la nổi tiếng là người tu tập mật hạnh. Mọi người không biết là ông ta đang tu tập. Không ai biết hằng ngày ông thực hành công phu. Ông ta công phu như thế nào? Ông ta có thể nhập định vào mọi lúc, mọi nơi. Khi vào phòng tắm, ông ta cũng nhập định. Khi ăn, ông vẫn ăn nhưng ông đang ở trong định. Tâm ông không để vào thức ăn. Không ai biết được chuyện đó, thể nên ông được xem là người mật hạnh đệ nhất.

Hãy lấy việc tụng Chú Thủ-lăng-nghiêm làm ví dụ, không ai thấy La-hầu-la trì tụng chú, nhưng ông ta có thể tụng thuộc lòng. Không ai biết ông học lúc nào, nhưng ông tụng làu làu. Vì La-hầu-la là đệ nhất tu tập mật hạnh, nên ông ta rất thông minh và nhận biết mọi ý định của Đức Phật. Thế nên sau khi tiếng chuông vừa dứt, La-hầu-la lại đánh chuông. Đức Phật lại hỏi, "Nay ông có nghe không?" Đức Phật lại hỏi dồn A-nan, "Thế nay ông có nghe không?"

A-nan và đại chúng lại đều đáp, "Chúng con đều có nghe." Đại chúng đồng thanh thưa, "Chúng con có nghe. Chuông vừa rung xong."

Trường hợp nầy–chuông rung và đại chúng được hỏi có nghe hay không–là điều thường xảy ra khi Đức Phật muốn chúng ta để ý. Quý vị có nghĩ rằng có ai hiểu được việc đánh chuông rồi hỏi có nghe không chăng? Vì A-nan đã không hiểu được đạo lý được giảng giải từ trước nên bây giờ Đức Phật phải dùng ví dụ rất đơn giản để giải thích.

Kinh văn: **佛問阿難,汝云何聞,云何不聞?阿難大眾俱白佛言。鍾聲若擊則我得聞。擊久聲銷音響雙**絕則名無聞。

Phiên âm: Phật vấn A-nan, "Nhữ vân hà văn, vân hà bất văn? A-nan đại chúng câu bạch Phật ngôn. Chung thanh nhược kích tắc ngã đắc văn. Kích cửu thanh tiêu, âm hưởng song tuyệt, tắc danh vô văn.

Việt dịch: Đức Phật hỏi A-nan, "Thế nào là ông có nghe, thế nào là không nghe?" A-nan và đại chúng đều bạch Phật rằng, "Nếu chuông được đánh lên, thì con được nghe. Đánh lâu tiếng hết, âm vang đều dứt, gọi là không nghe."

Giảng: Đức Phật hỏi A-nan, "Thế nào là ông có nghe, thế nào là không nghe? Như Lai muốn biết ông trả lời như thế nào." A-nan và đại chúng đều bạch Phật rằng, "Nếu chuông được đánh lên, thì con được nghe. Khi chuông được đánh lên, chúng con đều nghe được tiếng chuông. Đánh lâu tiếng hết–sau khi chuông được đánh lên một hồi lâu, thì tiếng không còn nữa, âm vang đều dứt. Cả âm và vang đều dứt. Thế nên gọi là không nghe. Đó là nghĩa không nghe."

Thế là vấn đề A-nan và đại chúng đang gặp phải là tìm cho ra cái 'không nghe.' Họ nghĩ rằng khi không có tiếng chuông thì không có cái nghe. Thực ra, khi không có tiếng, thì cái gì biết là không có nghe? Cái biết được không có cái nghe chính là tánh nghe. Nếu quý vị thực sự không có cái nghe, thì chắc chắn quý vị không biết được là mình có nghe hay không. Đó là điểm then chốt.

Kinh văn: **如來又敕羅睺 擊鍾。問阿難言,爾今聲不。阿難言聲。**

Phiên âm: Như Lai hựu sắc La-hầu kích chung. Vấn A-nan ngôn,"Nhĩ kim thanh phủ? A-nan ngôn, "Thanh."

Việt dịch: Như Lai lại bảo La-hầu-la đánh một tiếng chuông nữa và hỏi A-nan rằng, "Nay tai có nghe có tiếng không?" A-nan thưa, "Dạ có tiếng."

Giảng: Đức Phật Như Lai lại bảo La-hầu-la đánh một tiếng chuông nữa và hỏi A-nan rằng, “Nay tai có nghe có tiếng không?” A-nan và cả đại chúng trong hội đều thưa, “Dạ có tiếng.”

Kinh văn: **少選聲銷佛又問言, 爾今聲不。阿難大眾答言,無聲。**

Phiên âm: Thiểu tuyển thanh tiêu, Phật hựu vấn ngôn, “Nhĩ kim thanh phủ?” A-nan đại chúng đáp ngôn, “Vô thanh.”

Việt dịch: Lát sau tiếng hết, Đức Phật lại hỏi, “Nay tai có nghe có tiếng không?” A-nan cùng đại chúng thưa, “Dạ không có tiếng.”

Giảng: Lát sau, sau một hồi lâu, tiếng hết, chuông không còn vang nữa, Đức Phật lại hỏi, A-nan “Nay tai có nghe có tiếng không? Ông có còn nghe tiếng nữa không, hay là không nghe?” A-nan cùng đại chúng thưa, “Dạ không có tiếng.”

Kinh văn: **有頃羅睺更來撞鍾。佛又問言,爾今聲不。阿難大眾俱言,有聲。**

Phiên âm: Hữu khoảnh La-hầu cánh lai chàng chung. Phật hựu vấn ngôn,“Nhĩ kim thanh phủ?” A-nan đại chúng câu ngôn,“Hữu thanh.”

Việt dịch: Lát sau La-hầu-la lại đánh một tiếng chuông. Đức Phật lại hỏi A-nan, “Nay tai có nghe có tiếng không?” A-nan cùng đại chúng thưa, “Dạ có tiếng.”

Giảng: Lát sau, La-hầu-la lại đánh một tiếng chuông. Đức Phật lại hỏi A-nan, “Nay tai có nghe có tiếng không? Như thế nào, có tiếng không, hay không có tiếng?” A-nan cùng đại chúng thưa, “Dạ có tiếng.”

Kinh văn: **佛問阿難,汝云何聲,云何無聲? 阿難大眾俱白佛言。鍾聲若擊則名有聲。擊久聲銷音響雙**絕則名無聲。

Phiên âm: Phật vấn A-nan, “Nhữ vân hà thanh, vân hà vô thanh?” A-nan đại chúng câu bạch Phật ngôn, “Chung thanh nhược kích tắc danh hữu thanh. Kích cửu thanh tiêu, âm hưởng song tuyệt, tắc danh vô thanh.”

Việt dịch: Đức Phật hỏi A-nan, “Ông cho thế nào là có tiếng, thế nào là không tiếng?” A-nan và đại chúng đều bạch Phật rằng, “Tiếng chuông

được đánh lên, gọi là có tiếng. Đánh lâu tiếng hết, âm vang không còn, gọi là không tiếng.”

Giảng: Đức Phật hỏi A-nan, “Ông cho thế nào là có tiếng. Hãy giải thích cho Như Lai biết sự khác nhau giữa có tiếng và không tiếng.” A-nan và đại chúng đều bạch Phật rằng, “Tiếng chuông được đánh lên, gọi là có tiếng. Đó là chúng con hiểu về tiếng. Đánh lâu tiếng hết, âm vang không còn, gọi là không tiếng–sau khi chuông được đánh lên hồi lâu, âm thanh tiêu mất–gọi là không tiếng.”

Kinh văn: **佛語阿難及諸大眾。汝今云何自語矯亂? 大眾阿難俱時問佛。我今云何名為矯亂? 佛言我問,汝聞? 汝則言, 聞。又問,汝聲? 汝則言,聲。惟聞與聲報答無定。如是云何不名矯亂。**

Phiên âm: Phật ngữ A-nan cập chư đại chúng, “Nhữ kim vân hà tự ngữ kiểu loạn?” Đại chúng A-nan câu thời vấn Phật. Ngã kim vân hà danh vi kiểu loạn? Phật ngôn, “Ngã vấn nhữ văn?” Nhữ tắc ngôn, “Văn” Hựu vấn, “Nhữ thanh?” Nhữ tắc ngôn, “Thanh.” Duy ‘văn’ dữ ‘thanh,’ báo đáp vô định. Như thị vân hà bất danh kiểu loạn?

Việt dịch: Đức Phật bảo A-nan và đại chúng, “Các ông hôm nay sao nói lộn xộn như vậy?” A-nan và đại chúng đều hỏi Đức Phật, “ Vì sao Thế tôn bảo chúng con nói lộn xộn?” Đức Phật bảo, “Như Lai hỏi ông có nghe không?” Các ông đáp, “Có nghe.” “Như Lai hỏi ông có tiếng không?” Các ông đáp, “Có tiếng.” Chỉ cái nghe và cái tiếng, mà ông trả lời không nhất định. Thế sao không gọi là lộn xộn?

Giảng: Đức Phật bảo A-nan và đại chúng, “Các ông hôm nay sao nói lộn xộn như vậy? Sao các ông lại tự mâu thuẫn như vậy? Những điều các ông nói thậm chí quá vô lý.”

A-nan và đại chúng đều hỏi Đức Phật, “ Vì sao Thế tôn bảo chúng con nói lộn xộn? Chúng con nói vô lý điều gì?”

Đức Phật bảo, “Như Lai hỏi ông có nghe không?” Các ông đáp, “Có nghe.” “Như Lai hỏi ông có tiếng không?” Các ông đáp, “Có tiếng. Như Lai hỏi ‘Các ông có nghe hay không?’ Các ông trả lời ‘Có nghe.’ Rồi Như Lai hỏi, ‘Có tiếng không?’ Các ông trả lời ‘Có tiếng.’ Chỉ cái nghe và cái tiếng, mà ông trả lời không nhất định. Các ông trả lời vừa có nghe vừa có tiếng, vậy rốt cuộc là cái nào? Câu trả lời của các ông không chỉ rõ. Thế sao không gọi là lộn xộn?”

Kinh văn: **阿難,聲銷無響,汝說無聞。若實無聞,聞性已滅,同于枯木。鍾聲更擊汝云何知。**

Phiên âm: **A-nan, thanh tiêu vô hưởng, nhữ thuyết vô văn. Nhược thực vô văn, văn tánh dĩ diệt đồng vu khô mộc. Chung thanh cánh kích, nhữ vân hà tri?**

Việt dịch: A-nan, khi tiếng hết không còn âm vang, ông cho là không nghe. Nếu thực không nghe, thì tánh nghe đã mất, giống như cây khô. Khi tiếng chuông lại được đánh lên, ông làm sao nghe?

Giảng: "A-nan," Đức Phật nói, "Ông không phân biệt rõ ràng giữa nghe và tiếng, và đây là điểm mà ông không hiểu; đây thực là chỗ điên đảo của ông. Tại sao ông không thể nói được sự khác nhau giữa nghe và tiếng?" A-nan, khi tiếng hết không còn âm vang, ông cho là không nghe. Nếu thực không nghe, thì tánh nghe đã mất. Như tánh nghe không còn nữa, Không còn khả năng để nghe được nữa. Và khi có âm thanh khác, mà tánh nghe vẫn còn đó, nó không đi đâu cả. Nếu thực sự không có tánh nghe, thì khi tiếng chuông lại được đánh lên, ông làm sao nghe?"

Đây là điểm quan trọng. Dù âm thanh không có, tánh nghe chẳng bị mất đi. Nó vẫn đang hoạt động, vì tánh nghe không phải là đối tượng của sinh diệt. Âm thanh là đối tượng của sinh diệt, nhưng tánh nghe thì không. Vẫn có tánh nghe dù có âm thanh hay là không. Thế nên khi âm thanh không còn, mà quý vị trả lời là không có tánh nghe, thì đó là sai lầm lớn. Đó là điểm A-nan lầm lẫn. Đó là chỗ điên đảo của A-nan.

Kinh văn: **知有知無,自是聲塵,或無或有。豈彼聞性,為汝有無。聞實云無誰知無者?**

Phiên âm: **Tri hữu tri vô, tự thị thanh trần, hoặc vô hoặc hữu. Khởi bỉ văn tánh, vi nhữ hữu vô. Văn thật vân vô, thùy tri vô giả?**

Việt dịch: Biết có biết không, chính là thanh trần hoặc có hoặc không. Chứ tánh nghe kia đâu có vì ông mà thành có thành không? Nếu nói tánh nghe thật là không, thì ai biết là không nghe?

Giảng: Biết có biết không, chính là thanh trần hoặc có hoặc không. Dĩ nhiên, những gì ông để ý là có là không đều thuộc về thanh trần. Chứ tánh nghe kia đâu có vì ông mà thành có thành không? Có phải đó là cách mà tánh nghe hiện hữu không? Có phải tánh nghe hiện hữu khi có tiếng và không có tánh

nghe khi không còn tiếng chăng? Khi có tiếng, tánh nghe vẫn hiện hữu; khi không có tiếng, vẫn có tánh nghe. Âm thanh là đối tượng của sinh diệt; khi có sự rung động, thì có âm thanh, và khi sự rung động ấy dừng, thì không có âm thanh.

Nhưng tánh nghe thì không có chuyện mất hay còn. Tánh nghe không phải nhận lệnh của ông mà có. Nếu nói tánh nghe thật là không–Nếu ông nói tánh nghe thực sự không còn nữa khi không có âm thanh–thì ai biết là không nghe? Cái gì biết sự vắng bặt của âm thanh? Cái gì biết không có tánh nghe. Ông nói rằng ông biết ông không nghe, nhưng nếu ông không có tánh nghe ngay tại thời điểm đó, thì ông không thể nào biết được là mình không nghe.

Kinh văn: **是故阿難,聲於聞中,自有生滅。非為汝聞聲生聲滅。令汝聞性為有為無。**

Phiên âm: Thị cố A-nan, thanh ư văn trung, tự hữu sanh diệt, phi vi nhữ văn, thanh sanh thanh diệt. Linh nhữ văn tánh, vi hữu vi vô.

Việt dịch: Thế nên A-nan, tiếng trong cái nghe, tự có sinh diệt, chẳng phải vì ông nghe có tiếng và không có tiếng. Khiến ông nghĩ rằng tánh nghe của ông là có, là không.

Giảng: Thế nên, vì lý do nầy, A-nan, tiếng trong cái nghe, tự có sinh diệt. Âm thanh mà ông nghe được là có sinh và có diệt. Chẳng phải vì ông nghe có tiếng và không có tiếng. Khiến ông nghĩ rằng tánh nghe của ông là có, là không. Khi âm thanh phát ra rồi biến mất, thì đó không phải là do tánh nghe của ông có hay không có. Chuyện đó không bao giờ xảy ra. Dù có âm thanh hay không, thì tánh nghe vẫn có đó.

Kinh văn: **汝尚顛倒,惑聲為聞。何怪昏迷,以常為斷。終不應言,離諸動靜。閉塞開通,說聞無性。**

Phiên âm: Nhữ thượng điên đảo, hoặc thanh vi văn. Hà quái hôn mê, dĩ thường vi đoạn. Chung bất ưng ngôn, li chư động tĩnh, bế tắc khai thông, thuyết văn vô tánh.

Việt dịch: Ông còn điên đảo, lầm cho tiếng là tánh nghe. Đâu có lạ gì khi cho thường là đoạn. Tóm lại, không nên nói rằng rời các tướng động tĩnh, bế tắc, khai thông thì cái nghe không có tánh.

Giảng: Ông còn điên đảo, lầm cho tiếng là tánh nghe. A-nan, ông không nhận ra chính ông đang bị điên đảo. Đó là lý do Như Lai nói ông thậm chí không phân biệt được giữa cái thuận và cái nghịch. Ông cho rằng tiếng là nghe và nghe là tiếng. Làm sao như thế được? Âm thanh và tánh nghe hoàn toàn khác nhau. Đâu có lạ gì khi cho thường là đoạn. Chẳng ngạc nhiên gì khi ông quá hỗn loạn. Và ông không hiểu ra. Ông nghĩ rằng chân tâm thường trụ là đối tượng của sanh diệt. Có khi nào khi Như Lai nói với ông rằng bản tâm thanh tịnh sẽ biến mất hay không?

Nó vốn là chân tân thường trụ, và ông cho rằng nó sẽ hoại diệt, sẽ không còn nữa. Ông thật là kẻ mê mờ. Thậm chí ông còn không phân biệt được sự khác nhau giữa tiếng và cái nghe sinh khởi và hoại diệt như thế nào. Rút cục. Nó là cái gì? Sao ông mê muội như vậy? Tóm lại, không nên nói rằng rời các tướng động tĩnh, bế tắc, khai thông thì cái nghe không có tánh. Ông không nên nói rằng tách khỏi các thứ âm thanh ấy là tánh nghe không có. Sao tánh nghe lại không có? Tánh nghe luôn luôn thường trụ.

Kinh văn: **如重睡人眠熟床枕。其家有人,於彼睡時,擣練舂米。其人夢中聞舂擣聲。別作他物。或為擊鼓。或復撞鍾。即於夢時,自怪其鍾,為木石響。**

Phiên âm: Như trọng thụy nhân, miên thục sàng chẩm. Kì gia hữu nhân, ư bỉ thụy thời, đảo luyện thung mễ. Kì nhân mộng trung văn thung đảo thanh. Biệt tác tha vật, hoặc vi kích cổ, hoặc phục chàng chung. Tức ư mộng thời, tự quái kỳ chung vi mộc thạch hưởng.

Việt dịch: Như có người ngủ say trên giường. Trong nhà, khi người kia đang ngủ, có người giặt áo quần hoặc giã gạo. Người ấy trong mộng nghe rõ tiếng giã gạo. Lầm cho là tiếng gì khác, hoặc là đánh trống, hoặc là đánh chuông.

Giảng: ; Đoạn trên, âm thanh được nói đến là để nhận ra tánh nghe. Khi nói đến tiếng chuông, chúng ta biết rằng tánh nghe vốn không sanh không diệt. Nếu tánh nghe diệt mất, thì không còn cái nghe nữa, Nhưng, khi chuông lại được đánh lên, thì tánh nghe lại bất sanh bất diệt. Miễn là có âm thanh, thì tánh nghe còn đó mãi mãi. Bây giờ Đức Phật đem những chuyện thường tình để minh họa tánh nghe vốn bất sanh bất diệt.

Như có người ngủ say trên giường. Anh ta ngủ quá say đến nỗi khi có người gọi cũng không tỉnh nỗi. Nhưng dù anh ta chưa tỉnh, tánh nghe của anh ta vẫn hiện hữu. Anh ta nhận ra có tiếng, dù anh ta đang mê ngủ. Sự nhầm lẫn nầy

không phải là do tánh nghe, mà do thức thứ sáu, tức ‘độc đầu ý thức’ khiến cho có sự nhầm lẫn nầy.

Thế thì, người đang ngủ sâu nầy không biết mọi điều chung quanh. Trong nhà, khi người kia đang ngủ, có người giặt áo quần hoặc giã gạo. Khi anh ta đang ngủ, có người trong nhà giặt áo quần hoặc giã gạo. Đảo luyện 擣練 là nói đến cách giặt áo quần vào thời xưa. Tôi nhớ mình thấy việc này khi còn nhỏ. Có một tảng đá phẳng và hai thanh gỗ dẹp. Họ để áo quần trên tảng đá và vỗ cho nó sạch bằng hai thanh gỗ kia theo một nhịp điệu điều đặn. Thung mễ 舂米 tức giã gạo. Nhớ đến Lục Tổ Đại sư Huệ Năng giã gạo trong tám tháng. Người ta dùng cái chày giã xuống thóc bằng chân đạp để tách trấu ra khỏi hạt gạo. Phương pháp nầy được dùng vào thời xưa ở Trung Hoa và dĩ nhiên nó cũng thông dụng trong đời sống Ấn Độ. Thế nên Đức Phật mới dùng nó làm ví dụ.

Người ấy trong mộng nghe rõ tiếng giã gạo. Lầm cho là tiếng gì khác. ‘Người ấy’ là chỉ cho người đang mê ngủ. Anh ta nghe tiếng áo quần đang bị đập và gạo đang được giã, nhưng trong giấc mơ, anh ta lầm tưởng là tiếng gì khác. Anh ta nghĩ đó là tiếng gì? Anh ta tưởng lầm hoặc là đánh trống, hoặc là đánh chuông. Ngay khi trong mộng, tự lấy làm lạ sao tiếng chuông lại như tiếng gỗ tiếng đá. Anh ta nghĩ, “Tại sao tiếng chuông mà nghe như tiếng va chạm của gỗ hoặc của đá?” Trong lúc mơ, thức thứ sáu, tức ‘độc đầu ý thức’ đã khiến cho lầm tưởng âm thanh như vậy.

Giấc mơ là trò đùa của thức thứ sáu. Nó chiếm quyền kiểm soát của mình và khiến mình mơ tưởng về mọi thứ khác. Sao người ấy xem âm thanh mình nghe trong mơ lại giống như tiếng chuông, trong khi, thực ra, không có âm thanh nầy? Nó đến từ ấn tượng nhầm lẫn trong một phần giấc mơ của anh ta. Và đó là điều anh ta ngạc nhiên vì sao âm thanh lại nghe như tiếng gỗ hoặc đá chạm nhau hơn là giống tiếng chuông. Anh ta lấy làm lạ.

Giấc mơ xảy ra khi ý thức, thức thứ sáu bị lệch lạc. Bất kỳ điều gì xảy ra lúc ban ngày, hoặc bất kỳ quý vị trải qua điều gì, nó đều ảnh hưởng trong giấc mơ của mình vào lúc ban đêm. Có người tu đạo đã dùng ý thức, thức thứ sáu để tu cho đến khi được ‘xuất huyền nhập tẫn–出玄入牝’, có nghĩa là phái một linh hồn đi ra từ trên đảnh đầu của người tu luyện. Linh hồn nầy có thể rời thân thể người ấy và đi khắp nơi. Nhưng điều nầy không phải là chân chính, vì linh hồn kia là một thứ khí thuần dương. Do vậy, khi nó ra khỏi thân, nó biết được một số việc, nên gọi là thần linh.

Thời đó có lão Đaọ sĩ thực sự đã tu luyện lâu năm, nhưng ông ta có tính khí rất cao ngạo. Đi đến đâu, ông ta cũng tự cao tự đại. Vì ông ta quá cao ngạo nên

ông khinh thường tất cả. Ông ta tự xem mình là tu luyện cao nhất. Ông ta khoe khoang rằng ngay sau khi ngủ, ông ta sẽ phái đi loại thần linh nầy. Đó giống như là giấc mơ, nhưng ông ta biết và sau đó có thể nhớ rất rõ ràng.

Một hôm Lão Đạo sĩ gặp một Hòa thượng, cùng nhau đàm đạo. Lão Đạo sĩ nói, "Trong đạo Lão, có thể tu thành Tiên, trường sanh bất tử, sống mãi muôn đời. Trong đạo Phật có bản lãnh gì? Đức Phật Thích-ca Mâu-ni còn phải chết. Trong khi không ai biết ông tổ của đạo Lão, tức Lý Lão Quân đi đâu? Họ cho rằng ngài chết, nhưng thực ra ngài lên trời, Thế nên công phu tu luyện của Lão giáo là xuất huyền nhập diệu vậy."

Hòa thượng hỏi, "Ông xuất khiếu–tức thoát hồn– như thế nào?"
Lão Đạo sĩ đáp, "Khi tôi ngủ, tôi có thể đi đâu mà mình muốn."

"Ồ! Được rồi, Thế thì bây giờ ông hãy ngủ và xuất hồn đi để tôi xem thử ra sao." Hòa thượng trả lời.

Lão Đạo sĩ nằm xuống ngủ, ngay ông ta vừa ngủ lơ mơ, ông liền xuất hồn đi. Nhưng đó là cái gì? Đó là con rắn trườn ra trên đỉnh đầu ông ta. Con rắn trườn khỏi giường, xuống nền nhà và bò ra bên cạnh hầm phân. Nó uống chút nước dơ rồi nằm sát cạnh bờ nước. Lão Hòa thượng hái một nắm cỏ rồi đặt trên đường mòn, rồi nhổ một bụi cây khác đặt bên cạnh nắm lá. Khi con rắn thấy bụi cỏ, nó hoảng sợ chạy trốn và vội vã chui vào lại nơi mà nó vừa trườn ra. Sau khi trở vào lại trong đỉnh đầu lão Đạo sĩ. Lão già tỉnh ngủ với mồ hôi đầm đìa, hoảng sợ như vừa thoát chết.

"Ông vừa đi đâu về?" Lão Hòa thượng hỏi, "khi ông vừa ra khỏi đỉnh đầu?"

Lão Đạo sĩ đáp, "Tôi lên trời, đến bên một cái hồ." Ông ta đã nhớ lầm, hố phân thay vì cái hồ trên trời. "Khi tôi đến cái hồ trên trời, tôi uống chút nước cam lồ trong đó, rồi khi tôi cuộn mình, tôi thấy một ông thần mặc áo giáp vàng đứng bên hồ tay cầm kiếm. Ông ta định giết tôi, thế là tôi bỏ chạy."

Lão Hòa thượng đáp, "Ồ! chuyện như vậy, Đối với ông, lên trời là vậy đó sao?" Rồi lão Hòa thượng nói cho Lão Đạo sĩ biết cái thấy của mình về sự kiện ấy hoàn toàn khác với lời kể của lão Đạo sĩ, và lão Hòa thượng kể lại những gì ngài đã thấy. "Lý do con rắn chui ra khỏi đầu ông có lẽ là do ông có tập khí quá nóng nảy và luôn luôn tỏ ra sân hận. Nếu ông không thay đổi tánh nóng, có khả năng ông sẽ biến thành rắn. Loài rắn thường có nọc độc trong tâm, và tính sân hận của ông cũng giống như nọc độc ngay trong người ông vậy."

Lão Hòa thượng nói tiếp, "Ông đi ra bên ngoài để uống ít nước từ trong hố phân đầy nước tiểu. Đó là hồ nước cam lồ trên trời của ông đó! Và khi tôi để

nắm cỏ và bụi cây trên đường ông đi, thì ông tưởng rằng đó là ông thần mặc áo giáp đến bắt ông. Đó là khi ông chạy vội vã chui vào trong đầu ông. Đó là những gì tôi thấy được."

Lão Đạo sĩ thầm nghĩ, "Thế là mọi điều mình tu luyện được đều là sai lầm!" Rồi Lão đảnh lễ Lão Hòa thượng làm thầy và xin theo ngài tu học Phật pháp. Ông ta từ bỏ mọi công phu tu luyện trước đây. Thế nên, nếu có người nói rằng họ có thể xuất hồn khỏi xác trong lúc đang ngủ, thì đó là chỉ cho một loại khí dương. Khí dương nầy phản ánh mọi tính khí của quý vị; nếu quý vị là người nhân từ, thì đó là loại thần nhân từ; nếu quý vị là người sân hận, thì đó sẽ là loại thần tham độc. Nên người ta thường nói,

Nhất niệm sân tâm khởi
Bá vạn chướng môn khai.

Lão Đạo sĩ có tâm sân hận như vậy nên ông ta có thể biến thành thân rắn. Nhờ duyên lành mà ông ta gặp được Lão Hòa thượng cứu ông thoát khỏi thân rắn trong đời sau.

Kinh văn: **於時忽寤,遄知杵音。自告家人我正夢時。惑此舂音將為鼓響。**

Phiên âm: Ư thời hốt ngộ, thuyên tri chử âm. Tự cáo gia nhân, ngã chính mộng thời, hoặc thử thung âm, tương vi cổ hưởng.

Việt dịch: Lúc chợt tỉnh, liền biết là tiếng chày giã gạo. Tự nói với gia nhân, ngay khi trong mộng. lầm tiếng chày nầy cho là tiếng trống.

Giảng: Lúc chợt tỉnh, người đang giấc ngủ sâu chợt tỉnh. Anh ta thoát ra khỏi âm thanh trong giấc mộng, có lẽ vì tiếng chày giã gạo quá lớn, và có lẽ do vì tiếng chày giặt áo quần quá ồn ào, khiến cho anh ta tỉnh ngủ. Liền biết là tiếng chày giã gạo. Anh ta nhận ra rất nhanh đó là tiếng chày giã gạo và biết đó không phải là tiếng chuông kêu.

Có nhiều cách để giã gạo. Có khi được dùng bằng sức nước, có khi dùng sức người. Hồi trước tôi thường dùng chày để giã ở chùa Ze Xing trên núi Da Yu. Nhưng tôi thường chỉ giã được một lát, sau đó nhiều người đến thay tôi. tại chùa Da Jiao ở Vân Môn, do Lão Hòa thượng Hư Vân lập nên, thường giã gạo bằng nước, rất là tiện lợi.

Khi người nầy tỉnh dậy, mới biết âm thanh mình nghe được trong mộng chính là tiếng chày giã gạo. Tự nói với gia nhân, ngay khi trong mộng. lầm tiếng chày nầy cho là tiếng trống." "Khi tôi đang ngủ, tôi nằm mơ, tưởng tượng của tôi bị

lệch lạc. Tôi lầm tưởng tiếng chày giã gạo là tiếng trống." Trong đoạn kinh trên đề cập đến tiếng chuông cũng như tiếng trống, nhưng nguyên lý thì như nhau. Tiếng trống có thể thay cho tiếng chuông và ngược lại, Điều ấy không quan trọng. Khi giảng kinh quý vị phải biết uyển chuyển khi giải thích ý kinh. Đừng quá câu nệ. Khi giảng, quý vị cần giải thích rõ ràng đạo lý. Nếu giảng giải phần đạo lý rõ ràng, thì những thay đổi chút ít trong kinh văn không cần phải câu nệ lắm.

Kinh văn: **阿難是人夢中。豈憶靜搖,開閉通塞。其形雖寐,聞性不昏。**

Phiên âm: A-nan thị nhân mộng trung. Khởi ức tĩnh dao, khai bế thông tắc. Kì hình tuy mị, văn tính bất hôn.

Việt dịch: A-nan, người ấy khi trong chiêm bao, đâu có nhớ những tướng động tịnh, mở đóng, thông bít. Thân tuy ngủ, nhưng tánh nghe không mờ tối.

Giảng: A-nan, nay ông có hiểu hay không? Người ấy khi trong chiêm bao–Tôi không biết người trong chiêm bao ấy là ai; có phải là tôi, có phải là quý vị, hay là người nào khác? Người ấy đâu có còn nhớ những tướng động tịnh nữa? Làm sao anh ta còn nhớ những gì lay động, yên tĩnh, dù anh ta đang trong giấc mơ? Làm sao anh ta nhớ lại những tướng mở đóng, thông bít được? Anh ta không có loại tâm phân biệt nầy trong giác chiêm bao. Anh ta không có sự phân biệt giữa động và tỉnh, giữa mở và đóng, giữa thông và bít. Thân tuy ngủ–thân anh ta tuy đang ngủ–nhưng tánh nghe không mờ tối.

Tánh nghe anh ta không bị tối tăm; nó không bị anh ta kiềm chế. Ngay cả trong lúc ngủ, tánh nghe vẫn có. Nếu nó vẫn hiện hữu ở đó, tại sao anh ta lại nhầm lẫn tiếng đập áo quần và tiếng giã gạo với tiếng chuông và tiếng trống? Khi tỉnh anh ta đã quá quen thuộc với tiếng chuông tiếng trống, thế nên khi ngủ, những âm thanh nầy hiện hành trong thức thứ tám của anh ta, và bắt anh ta tin vào tiếng chuông tiếng trống. Anh ta đã tạo nên sự lầm tưởng.

Mọi thứ điên đảo mà mọi người mắc phải đều giống như sự lầm tưởng âm thanh trong giấc chiêm bao. Sự lầm tưởng khiến cho mọi suy tính trở nên điên đảo, như lão Đạo sĩ kể trên. Ông ta tưởng mình lên trời và uống nước cam lồ, trong khi, thực tế là uống nước tiểu trong hố phân. Nếu ông ta nhận ra sự thật, thì chắc chắn phải nôn mửa ra. Nhưng lúc đó, ông ta biết mình làm gì. Ông ta cảm thấy như mình được đối xử rất đặc biệt, tất cả chỉ vì ông ta không nhận biết những gì đang xảy ra.

Kinh văn: **縱汝形銷,命光遷謝。此性云何為汝銷滅?**

Phiên âm: Túng nhữ hình tiêu, mệnh quang thiên tạ. Thử tánh vân hà vi nhữ tiêu diệt?

Việt dịch: Dù cho thân hình ông có tiêu tan. Làm sao mà tánh nghe ấy vì ông mà tiêu mất?

Giảng: Đoạn kinh trên đã giải thích tánh nghe của ông không ngủ dù ngay khi thân quý vị đang ngủ. Ngay cả trong giấc mơ tánh nghe cũng không mất. Nó ở bên trong. Không chỉ nó bị kiềm chế trong trạng thái mơ, mà nó còn không bị tiêu mất khi mình chết. Thế nên, nay kinh văn nói, dù cho thân hình ông có tiêu tan–khi quý vị chết và thân xác không còn–mạng căn có dời đổi và diệt mất. Khi đời sống quý vị chấm dứt, đó không phải là thực sự chấm dứt hẳn, đúng hơn, khi con người chết, đời sống chuyển sang dạng khác.

Giống như có người sống trong khách sạn; họ sẽ chuyển sang khách sạn khác khi cái cũ sắp rã nát. Thế nên khi quý vị lột bỏ cái vỏ bọc của mình, khi quý vị xong phần việc với thân nầy, quý vị sẽ dời đi nơi khác. Làm sao mà tánh nghe ấy vì ông mà tiêu mất? Làm sao mà tánh nghe biến mất khi thân xác ông không còn nữa? Ngay cả lúc chết, tánh nghe nầy vẫn không bị mất.

Kinh văn: **以諸眾生從無始來。循諸色聲逐念流轉。曾不開悟性淨妙常。**

Phiên âm: Dĩ chư chúng sanh tòng vô thủy lai, tuần chư sắc thanh, trục niệm lưu chuyển. Tằng bất khai ngộ tánh tỉnh diệu thường.

Việt dịch: Do các chúng sinh từ vô thủy đến nay, theo các thứ sắc thanh, truy đuổi theo vọng niệm mà lưu chuyển. Chưa từng khai ngộ bản tánh thanh tịnh thường trụ vi diệu.

Giảng: Khi sự hiện hữu của thân xác đến tận cùng, khi thân thể tàn tạ và chết đi, thì mạng quang của quý vị dời chuyển; nhưng tánh giác, tánh nghe của quan niệm thì không biến hoại. Do các chúng sinh từ vô thủy đến nay, theo các thứ sắc thanh. Do đâu mà các chúng sinh chưa được thành Phật? Vì sao họ không hiểu đạo? Chỉ vì họ truy đuổi theo sắc thanh từ vô lượng vô biên kiếp trong quá khứ cho đến ngày nay. Họ đuổi theo sắc trần và thanh trần rồi dính mắc với chúng.

Họ truy đuổi theo vọng niệm mà lưu chuyển, mãi mãi, và họ Chưa từng khai ngộ. Họ nhận lầm vọng rồi cho là chân và bị xoay chuyển theo các trần cảnh

nầy. Họ quá dính mắc với những cái vọng và chẳng nhận ra cái gì chân, thế nên bây giờ họ chẳng biết bản tánh thanh tịnh thường trụ vi diệu. Họ không hiểu được đạo lý này, vốn rất vi diệu, chân thật và thường trụ.

Kinh văn: **不循所常,逐諸生滅。由是生生, 雜染流轉。**

Phiên âm: Bất tuần sở thường, trục chư sanh diệt. Do thị sanh sanh, tạp nhiễm lưu chuyển.

Việt dịch: Không theo cái thường, chỉ đuổi theo sanh diệt. Do vậy phải sanh mãi và chịu tạp nhiễm khi lưu chuyển.

Giảng: Không theo cái thường. Họ không theo đạo lý lưu xuất từ bản tánh vi diệu thường trú trong chính mình; lại nữa, họ đi ngược lại với đạo lý nầy, và họ chỉ đuổi theo sanh diệt. Có thứ gì trên thế gian nầy không là đối tượng của sinh diệt? Mọi thứ có hình tướng đều là pháp sinh diệt. Pháp không sanh diệt không có sắc tướng. Nhưng phần nhiều chúng sinh trở nên dính mắc với sắc tướng và quên đi đạo lý thanh tịnh vi diệu chân thường. Do vậy phải sanh mãi. Đời nầy kế tiếp đời sau, đời sau kế tiếp đời sau nữa. Điều gì khiến cho đời nầy kế tiếp đời sau? Vì chúng sinh phải chịu tạp nhiễm khi lưu chuyển. Chữ 'tạp nhiễm' hàm ý rằng chúng sinh không duy trì được tinh thanh tịnh mà bị nhiễm phải cấu uế dơ bẩn, càng làm ô nhiễm thêm. Chúng sinh nhiễm phải những thứ gì? Nhiễm những gì trong cảnh giới mà họ lưu chuyển? Và nghĩa của lưu chuyển là gì?

Nếu đời nầy có người tên là Smith, đời sau được gọi là Jones. Đời sau nữa gọi là bò, đời sau nữa gọi là ngựa, đời sau nữa gọi là heo. Quý vị đừng nghĩ rằng mọi chuyện đều giống như hiện nay. Con heo già là thân trước của ông Jones. Anh chàng Jones chính là thân trước của con bò già kia. Chúng sinh bị trong vòng lưu chuyển; đó chính là cùng một tự tánh trong những thân khác nhau. Và vì cách thế đổi thay, nên quý vị không hiểu được. Quý vị không nhận ra được những gì đang diễn biến. Dù quý vị không nhận ra, nhưng tôi biết. Tôi biết quý vị là bò, là ngựa, là heo.

Khi quý vị hành xử như ngựa, thì quý vị biến thành ngựa. Khi quý vị hành xử như heo, thì quý vị biến thành heo. Khi quý vị hành xử như chó, thì quý vị biến thành chó. Khi quý vị hành xử như bò, thì quý vị biến thành bò. Và nếu con heo có những tính như người–nếu nó làm điều gì đó tốt đẹp thì nó có thể biến thành người. Chúng sinh lưu chuyển theo con đường đầu thai. Có chúng sinh tạm lên trời, nhưng khi phước báo ở cõi trời hết thì lại đoạ vào địa ngục. Khi trả quả khổ ở địa ngục hết, thì lại sanh ở cõi người, hoặc làm súc sanh. Nếu người

quá thô lỗ vụng về và chẳng biết tập tính người, thì khỏi bận tâm về họ làm gì. Trong đời trước chắc chắn họ là súc sanh.

Nếu anh ta chẳng phải là súc sanh trong đời trước, thì đời nay anh ta sẽ không thô lỗ. Nhưng, dù biết họ từng là súc sanh trong đời trước, quý vị cũng đừng khinh khi anh ta bằng những lới nói như, "Mầy! Chắc đời trước mầy là con heo." Hoặc là, "Trước đây chắc anh là con bò." Dù họ là heo hay bò, thì mọi chúng sinh cũng đều có Phật tính và đều có thể thành Phật. Họ có thể u mê bây giờ và không biết mình phải tu; ngược lại nếu họ trở nên tinh tấn, họ có thể thành Phật trước cả quý vị. Chẳng có điều gì cố định. Dù cho anh ta là súc sinh, quý vị cũng không nên xem thường họ.

Trong một kiếp trước, Đức Phật là Thường Bất Khinh Bồ-tát, ngài luôn luôn nói, "Tôi không dám khinh quý ngài. Tất cả quý ngài đều sẽ thành Phật." Chữ "Tất cả " ở đây là bao gồm cả chúng sinh. Người chưa có được Phật nhãn và huệ nhãn không nên khinh thường mọi chúng sinh. Người đã có được Phật nhãn và huệ nhãn cũng không có dù một chút khinh thường chúng sinh! Vì mọi chúng sinh đều là cha mẹ nhiều đời trong quá khứ, và tương lai sẽ thành Phật. Có bao nhiêu cha mẹ của mình từ quá khứ, từ đời nầy đến đời khác? Không thể nào tính đếm hết được. Vì nguyên do nầy, ngày hội Vu-lan được cử hành vào ngày rằm tháng bảy hằng năm, là dịp đặc biệt để cứu độ vô số chúng sinh. Khi cử hành lễ nầy, chúng ta thiết bàn thờ trang nghiêm để tổ tiên ông bà, các vong linh có thể về đó để nghe kinh. Sau khi nghe kinh, có thể họ sẽ được vãng sanh, và ít nhất là sẽ thành người hữu dụng, trong tương lai sẽ hộ trì Phật pháp.

Kinh văn: **若棄生滅,守於真常,常光現前。塵根識心,應時銷落。**

Phiên âm: Nhược khí sanh diệt, thủ ư chân thường, thường quang hiện tiền. Trần căn thức tâm, ứng thời tiêu lạc.

Việt dịch: Nếu trừ bỏ sanh diệt, giữ tính chân thường, tính sáng suốt chân thường hiện tiền. Các thứ căn trần, thức tâm phân biệt đều tiêu mất.

Giảng: Nếu trừ bỏ sanh diệt–nếu trong khi tu đạo, quý vị không dùng thức tâm làm tâm phân biệt, nếu quý vị giữ tính chân thường–nếu quý vị dùng tâm chân thật, bản tâm vi diệu, thường trú chân tâm thì tính sáng suốt chân thường hiện tiền. Sau cùng, trong quý vị sẽ phóng xuất ra ánh sáng, tự tánh quang minh–đó là tánh sáng suốt từ bản tâm. Do vậy, các thứ căn trần, thức tâm phân biệt đều tiêu mất. Các niệm vọng tưởng dính mắc với sáu căn, sáu trần, sẽ biến mất cùng một lúc.

Kinh văn: **想相為塵。識情為垢,二俱遠離。則汝法眼,應時清明, 云何不成無上知覺?**

Phiên âm: Tưởng tướng vi trần. Thức tình vi cấu, nhị câu viễn li, tắc nhữ pháp nhãn, ứng thời thanh minh, vân hà bất thành vô thượng trí giác?

Việt dịch: Tướng của vọng tưởng là trần, thức tình phân biệt là cấu nhiễm. Cả hai đều rời bỏ, làm sao không thành Vô thượng trí giác?

Giảng: Tướng của vọng tưởng là trần. "Tướng" là chỉ cho một trong hai phương diện của thức thứ tám, tướng phần, có nghĩa là tất cả các pháp hữu vi. "Tưởng" là chỉ cho vọng tưởng. Vọng tưởng và tướng hư vọng kết hợp nhau để làm thành trần cảnh. Thức tình phân biệt là cấu nhiễm. Điều nầy chỉ cho phương diện thứ hai của thức thứ tám, kiến phần, có nghĩa là tính suy lường phân biệt ở bên trong. Trong thức tâm phân biệt, quý vị phát khởi cảm xúc (tình), và từ đó phát sinh ra trần lao. Nguồn gốc của trần chính là cảm xúc (tình).

Điều làm tổn hại con người nhất chính là cảm xúc của họ. Bất luận khi gặp phải hoàn cảnh nào, họ cũng hành xử bằng cảm tính. Cảm xúc (tình) khiến cho con người sinh ra trong cơn say mơ màng và chết đi trong giấc mộng.

Cả hai đều rời bỏ, tướng của vọng tưởng, đem đến trần cấu, và thức tình, khiến tạo nên nhiễm ô–quý vị muốn tách rời hai khía cạnh của thức thứ tám, tướng phần và kiến phần–nếu có thể tách rời tưởng ra khỏi tình, thì pháp nhãn của ông liền được trong sáng. Pháp nhãn đề cập ở đây không nhất thiết phải là pháp nhãn trong ngũ nhãn lục thông, mà được hiểu là sự khai mở của trí huệ. Càng vi diệu hơn nếu quý vị khai mở được pháp nhãn, đại chúng như vậy, khắp ba đời, mười phương, cho đến tận hư không pháp giới, mọi thứ đều là pháp bảo. Nếu pháp nhãn của quý vị thanh tịnh, quý vị tức thời chấm dứt mê mờ, trong tâm thuần là trí huệ chân thật. Làm sao không thành Vô thượng trí giác? Làm sao mà quý vị không thành tựu Vô thượng trí giác? Chắc chắn quý vị sẽ có được. Chỉ cần từ bỏ sạch hết những vọng trần và thức tình.

Đây chỉ là một đoạn kinh ngắn, nhưng mọi người nên đặc biệt chú ý. Đừng dính mắc vào thức tình và rơi vào phân biệt vọng tưởng. Quý vị nên tách mình ra khỏi các thứ đó. Quý vị có nghe rõ không? Điều nầy rất quan trọng. Đừng xem thường. Đừng ngủ gật bây giờ. Nếu quý vị buồn ngủ và không nghe được kinh nầy, thì quả thực quý vị đã mất dịp may. Mọi người nên ghi nhớ đoạn kinh nầy và đừng bao giờ quên.

“Tướng của vọng tưởng là trần, thức tình phân biệt là cấu nhiễm. Cả hai đều rời bỏ, làm sao không thành Vô thượng trí giác?

Không những phải thuộc lòng chú Kinh Thủ-lăng-nghiêm, mà phải thuộc cả kinh văn nữa càng tốt. Năng lực hằng ngày của quý vị sẽ lớn hơn. Tôi không ở đây chỉ để vui chơi với quý vị. Tôi không làm trò mua vui cho quý vị. Nên quý vị không thể tuỳ tiện dù chỉ một chút ít.

HẾT QUYỂN 4


hoathuongtuyenhoa.weebly.com

**KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH NHƯ LAI MẬT NHƠN
TU CHỨNG LIỄU NGHĨA
CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH
THỦ LĂNG NGHIÊM**

QUYỂN 5 – PHẦN 1

— o0o —

*TUYÊN HÓA THƯỢNG NHÂN
giảng thuật*

— o0o —

MỞ SÁU NÚT

Kinh văn: 阿難白佛言世尊。如來雖說第二義門。今觀 世間解結之人。若不知其所結之元。我信是世間解結之人,若不知其所結之元。我信是人終不能解。

Phiên âm: A-nan bạch Phật ngôn: Thế tôn, Như Lai tuy thuyết đệ nhị nghĩa môn. Kim quán thế gian giải kết chi nhân, nhược bất tri kỳ sở kết chi nguyên, ngã tín thị nhơn chung bất năng giải.

Việt dịch: A-nan bạch Phật rằng: Bạch Thế tôn, tuy Như Lai đã dạy về hai nghĩa quyết định. Nay xem trong thế gian những người muốn cởi nút, nếu không biết đầu nút ở đâu, thì con tin chắc là những người ấy không cởi được.

Giảng: Nghe xong những điều Đức Phật đã giảng giải ở trên, A-nan lại có mối nghi khác, thế nên A-nan lại có lý lẽ khác, muốn tìm đến chỗ nào không còn lý do để nghi nan nữa, Nên A-nan thưa hỏi Đức Phật, "Bạch Thế tôn, tuy Như Lai đã dạy về hai nghĩa quyết định." Điều nầy nói về hai nghĩa quyết định, một trường hợp là dùng tâm phan duyên, đối tượng của sinh diệt để tu tập và một trường hợp là không dùng tâm phan duyên, đối tượng của sinh diệt để tu tập.

Nay xem trong thế gian những người muốn cởi nút, nếu không biết đầu nút ở đâu–nếu họ không biết đầu mối của nút ở đâu–thì con tin chắc là những người ấy không cởi được. Do họ còn không xác định được đầu mối của nút, làm sao mà mở nút được.

Kinh văn: **世尊我及會中。有學聲聞亦復如是。從無始際與諸無明俱滅俱生,雖得如是多聞善根。名為出家。猶隔日瘧。**

Phiên âm: **Thế tôn ngã cập hội trung hữu học thinh văn diệc phục như thị. Tòng vô thuỷ tế dữ chư vô minh câu diệt câu sanh, tuy đắc như thị đa văn thiện căn. Danh vi xuất gia, du cách nhật ngược.**

Việt dịch: Bạch Thế tôn, con và hàng Thanh văn hữu trong hội chúng nầy cũng như vậy. Từ vô thuỷ đến nay, chúng con cùng sanh cùng diệt với các thứ vô minh, tuy được căn lành nghe được Phật pháp như vậy. Tuy được gọi là hàng xuất gia, nhưng như người bị sốt rét cách nhật.

Giảng: A-nan rất bộc trực. Ngài có tính an nhiên và ngây thơ như trẻ con, ngài rất chất phác. Bạch Thế tôn, con và hàng Thanh văn hữu trong hội chúng nầy cũng như vậy. Quả vị thứ ba của hàng A-la-hán gọi là 'Hữu học.' Khi đạt đến quả vị thứ tư thì được gọi là Vô học. "Hàng Thanh văn chúng con giống như những người đang cố gắng mở nút; chúng con không biết đâu là đầu mối, phải gỡ từ chỗ nào? Thế tôn đã nói rằng chúng con có thể vận dụng sáu căn, những sẽ bắt đầu từ căn nào? Căn nào là khó mở nhất? Ngay bây giờ chúng con chưa hiểu được."

Từ vô thuỷ đến nay, chúng con cùng sanh cùng diệt với các thứ vô minh. Từ vô thuỷ kiếp đến nay chúng ta đã từng sinh ra và đã từng chết đi, tạo nghiệp nầy trong đời này rồi nghiệp khác trong đời sau. Trong đời nầy quý vị tin vào Phật pháp nhưng đời sau thì không tin nữa. Hoặc là trong đời nầy quý vị không tin Phật pháp nhưng đời sau lại tin. Hoặc là có thể quý vị tin vào Phật pháp, nhưng không thực sự hiểu được một cách chân chính. Quý vị chao đảo và chỉ học đòi cho biết. Theo cách đó nên chúng ta không thể nào tách lìa khỏi vô minh. Nên nói rằng người ta bị ràng buộc bởi gia đình hoặc vợ con. Nhưng không chỉ như vậy. Cái mà chúng ta bị ràng buộc chính là vô minh. Vô minh đối với quý vị cũng giống như bóng đi theo hình; nó theo quý vị bất kỳ quý vị đi đâu. Nó không bao giờ rời quý vị dù trong chốc lát. Nó còn thân mật hơn cả những người vừa mới lập gia đình.

Vô minh đi theo quý vị trong khi sinh ra và chết; điều nầy là chứng cứ rõ ràng cho lý do tại sao vô minh đời đời không thể tách lìa với quý vị. Điều ấy không phải là khi người chồng chết, người vợ chết theo. Trong trường hợp ngoại lệ, điều nầy có thể xảy ra, nhưng đó không phải là quy luật. Chỉ có vô minh là chết theo và sẽ sinh lại cùng quý vị. Điều nầy thực sự là đi cùng lúc sống và lúc chết không lìa. Nó chiếm một nửa trong những gì gọi là của quý vị, giống như cái bóng đi theo hình.

Và dĩ nhiên, quý vị có biết được rằng những gì liên quan đến chúng ta là vô minh chăng? Nếu quý vị biết được vô minh, thì đừng có thân mật với chúng nữa. Nếu quý vị chưa hiểu được vô minh, thì tốt nhất là hãy nhanh chóng tìm

hiểu cho ra. Nếu quý vị hiểu được vô minh, thì sẽ có vài hy vọng cho quý vị. Nếu quý vị không hiểu được vô minh, thì quý vị mãi mãi là kẻ phàm phu. Nếu quý vị hiểu được vô minh, thì quý vị đã được nửa đường đến bậc thánh. Nhưng quý vị phải thực sự hiểu rõ, đừng làm ra vẻ như hiểu mà chẳng hiểu gì, để mình như vừa có vô minh và chẳng có nó.

Tuy được căn lành nghe được Phật pháp như vậy. Tuy được gọi là hàng xuất gia. Thiên hướng học hỏi đa văn của chúng ta là một dạng của căn lành; nhưng tuy được gọi là người sống theo hạnh xuất gia, nhưng như người bị sốt rét cách nhật. Đặc điểm của căn bệnh nầy là nó biểu hiện cách nhau từng ngày một, vào một thời gian nhất định trong ngày. Ví dụ nầy biểu tượng cho vô minh của A-nan. Ngày nay A-nan không còn vô minh nữa, đầu óc minh mẫn, không còn si mê nữa. Nhưng ngày mai thì vô minh lại trổi dậy. Tôi tin rằng không chỉ A-nan mới gặp phải vấn đề nầy. Tôi đã thăm dò mọi người có mặt nơi đây, ai cũng có những vấn đề tương tự.

Hôm nay quý vị phát bồ-đề tâm và quyết định tu đạo, nên quý vị nhất tâm tu tập thiền định. “Tôi chẳng để ý đến những gì xảy ra, bỏ qua tất cả.” Nhưng rồi ngày mai quý vị chẳng thể nào bỏ qua nổi. Một lần nữa quý vị lại nhặt lên lại những thứ mà ngày thường mình hay vướng mắc và chẳng thể nào bỏ đi được. Ngay cả khi quý vị muốn bỏ nó ra, quý vị cũng chẳng thể nào buông ra được. Quý vị thấy mình có đáng thương không? Đó là ý nghĩa của người bị sốt rét cách nhật. Thế nên quý vị nên nhanh chóng tự tìm ra cách chữa trị căn bệnh nầy cho chính mình.

Chữa cách nào? Uống thật nhiều nước trí huệ. Một khi đã có trí huệ, quý vị sẽ tự nhiên thấy xuyên suốt mọi sự và sẽ buông bỏ chúng. Khi buông bỏ được rồi, quý vị sẽ thấy thanh thản. Tại sao quý vị lại mắc phải căn bệnh nầy? Vì quý vị coi trọng thân thể mình quá, với sự hài lòng về thể chất và sung mãn tự nhiên, quý vị luôn luôn có một dự định nhân danh nó. Nên quý vị không thể nào thấy được thông suốt và buông bỏ nó. Nhưng bất luận quý vị có sở hữu một thân thể đẹp đẽ cỡ nào, thì nó vẫn sẽ thối rữa ngay lúc nó chết. Chẳng còn ai muốn đến gần cả.

Kinh văn: **唯願大慈哀愍淪溺。今日身心云何是結。從何名解。亦 令未來苦難眾生。得免輪迴不落三有。**

Phiên âm: Duy nguyện đại từ ai mẫn luân nịch. Kim nhật thân tâm vân hà thị kết, tòng hà danh giải. Diệc linh vị lai khổ nạn chúng sanh đắc miễn luân hồi, bất lạc tam hữu.

Việt dịch: Xin nguyện Đức đại từ thương xót kẻ chìm đắm. Nay ngay nơi nơi thân tâm, xin chỉ cho chúng con thế nào là nút buộc, do đâu mà mở ra. Cũng khiến cho chúng sinh khổ não trong đời vị lai thoát khỏi luân hồi, không rơi vào ba cõi.

Giảng: A-nan thật là đáng thương. Xin nguyện Đức đại từ, Thế tôn, khởi tâm đại bi thương xót chúng con. Chúng con là những kẻ đang bị chìm đắm. Nay ngay nơi nơi thân tâm, xin chỉ cho chúng con thế nào là nút buộc. Chúng con đã chìm quá sâu trong mê muội đến nỗi chẳng hay biết về thân tâm mình như thế nào. Chọn căn nào trong sáu căn để bắt đầu mở gút, và căn nào là sau cùng? Nếu con là người sẽ mở những nút nầy, thì phải mở ngay chỗ ban đầu. Không thể nắm lấy chỗ giữa để làm mà mong mở ra được. Con không biết do đâu mà mở ra. Chúng con mở từ chỗ nào? Xin Như Lai giải thích sẽ khiến cho chúng sinh–Con không chỉ hỏi cho riêng mình. Con đã phát tâm Vô thượng bồ-đề và muốn cho những chúng sinh khổ não trong đời vị lai để mong họ có thể thoát khỏi luân hồi, không rơi vào ba cõi. Nếu họ biết được phương pháp mở gút, thì họ sẽ không bị rơi vào ba cõi. Họ sẽ thoát khỏi khổ nạn ở Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.

Kinh văn: **作是語已,普及大眾 五體投地,雨淚翹誠,佇佛如 來無上開示。**

Phiên âm: Tác thị ngữ dĩ phổ cập đại chúng ngũ thể đầu địa, vũ lệ kiều thành, trữ Phật Như Lai vô thượng khai thị.

Việt dịch: Nói lời ấy rồi, A-nan và đại chúng gieo năm vóc sát đất, khóc lóc thành khẩn, ngưỡng trông được nghe lời khai thị vô thượng của Như Lai.

Giảng: Nói lời ấy rồi, sau khi A-nan có lời thỉnh cầu, ngài và đại chúng gieo năm vóc sát đất. Năm vóc là hai chân, hai tay và đầu. Khóc lóc thành khẩn, A-nan khóc như mưa–quý vị có biết vì sao A-nan mềm yếu như vậy không? Từ đầu pháp hội giảng kinh đến nay A-nan đã khóc sáu lần, kể cả lần nầy. Bây giờ khi nghe giảng kinh nầy, chẳng có ai khóc cả. Phải chăng quý vị đều mạnh mẽ hơn A-nan? A-nan nghe giáo pháp của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni và khi hiểu sâu về giáo lý ấy, A-nan đã khóc. Lần nầy A-nan khóc rất dữ dội, như mưa. Nước mắt của A-nan có lẽ đủ để rửa mặt.

"Ngưỡng trông" biểu hiện tâm nhiệt thành của A-nan. Có thể chữ nầy (佇 trữ–anticipation) chính là nguồn gốc đôi giày ghót cao của phụ nữ. Họ thấy rằng A-nan thành tâm đến mức phải đứng trên ngón chân và họ quyết định đi quanh bằng tư thế đó. Ngưỡng trông được nghe lời khai thị vô thượng của Như Lai.

Tôi vừa nói rằng bây giờ mọi người nghe kinh giỏi hơn A-nan, nhưng tuy vậy, quý vị đừng cho rằng mình thực sự tài giỏi hơn A-nan. Nói thật là tôi chỉ chế giễu quý vị thôi!

Quý vị sẽ nói. 'Ồ!' Sư phụ sao lại phải chế giễu đệ tử?'

Nếu tôi không chế giễu quý vị, thì quý vị chẳng phát tâm dõng mãnh tinh tấn tu học. A-nan khóc là vì quá nhiệt tâm tìm cầu giáo pháp–hết sức nhiệt thành. A-nan nhận thức được rằng dù mình đã chứng sơ quả A-la-hán, nhưng vẫn chưa thông hiểu tường tận giáo pháp, thế nên A-nan cảm thấy rất ân hận. Đó là lý do tại sao A-nan khóc một cách rất tức tưởi. Và tại sao quý vị không khóc? Tôi sẽ trả lời giúp. Là do quý vị vốn không quan tâm đến Phật pháp. Quý vị chẳng đặt trọng tâm vào Phật pháp.

'Chẳng phải như vậy.' Quý vị nói: "Hằng ngày thực sự tôi rất siêng học."

Điều ấy không kể, vì quý vị không để cho Phật pháp nhập tâm–trong bản tâm quý vị. Nếu được như vậy, quý vị sẽ khóc mỗi ngày. Nay các đệ tử của tôi thường thích khóc, họ nhận ra rằng mình vừa thoát khỏi sự ràng buộc. "Tôi có thể tiếp tục khóc hằng ngày vì tôi không hiểu được Phật pháp." Nhưng ai trong quý vị muốn khóc thì không nên khóc. Quý vị nên tự chủ và bình tĩnh. Còn ai không muốn khóc thì nên cảm thấy hổ thẹn và tự hỏi, "Tại sao mình không hiểu được Phật pháp?" Nếu quý vị có thể khóc vì điều ấy, khóc vì ân hận như A-nan ở đây, thì còn có vài cơ may cho quý vị.

Những ai không biết khóc, họ có thể thử. Những ai không muốn khóc thì không thể bắt họ phải làm như vậy. Và những ai thích khóc thì không thể nào khóc được. Đó là cách mà Phật pháp vận hành.

Những ai đi quá xa thì nên kìm lại chút ít. Những ai đi chưa đủ xa thì nên tự gắng sức thêm chút ít. Đó là nghĩa cứu cánh của Trung đạo.

Kinh văn: **爾時世尊憐愍阿難。及諸會中諸有學者。亦 為未來一切眾生。為出世因作將來眼。**

Phiên âm: Nhĩ thời Thế tôn lân mẫn A-nan, cập chư hội trung chư hữu học giả, diệc vị vị lai nhứt thiết chúng sanh, vi xuất thế nhân tác tương lai nhãn.

Việt dịch: Lúc bấy giờ Đức Thế tôn thương xót A-nan và hàng hữu học trong chúng hội, lại cũng vì chúng sinh trong đời vị lai, tạo cái nhân xuất thế để làm đạo nhãn cho đời sau.

Giảng: Lúc bấy giờ là khi A-nan cầu thỉnh Đức Phật ban cho lời khai thị tối thượng. Đức Thế tôn thương xót A-nan và hàng hữu học trong chúng hội. 'Hàng hữu học' là chỉ cho ba quả vị đầu tiên trong Thánh quả A-la-hán: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm. Lại cũng vì chúng sinh trong đời vị lai, 'đời vị lai' là chỉ cho chúng ta ngày nay; chúng ta là những chúng sinh trong đời vị lai. Tạo cái nhân xuất thế gian–đây là một nguyên nhân đặc biệt. 'Thế gian' là chỉ cho hàng phàm phu. Những vị đã xuất thế là hàng Thanh văn–các vị A-la-hán–các vị Độc Giác, các vị Bồ-tát và chư Phật. Vì giúp cho chúng sinh siêu xuất thế gian và làm đạo nhãn cho đời sau, để các ngài là con mắt đạo cho tất cả chúng sinh trong đời vị lai. Đức Phật đã làm những điều rất hy hữu.

Kinh văn: **以閻浮檀紫光金手摩阿難頂。即時十方普佛世 界六種振動。**

Phiên âm: Dĩ diêm-phù-đàn tử quang kim thủ ma A-nan đỉnh. Tức thời thập phương phổ Phật thế giới lục chủng chấn động.

Việt dịch: Đức Phật dùng tay sáng ngời vàng rực như diêm-phù-đàn xoa đảnh đầu A-nan. Liền khi ấy, các cõi Phật trong 10 phương thế giới đều rung động.

Giảng: Đức Phật dùng tay sáng ngời vàng rực như diêm-phù-đàn xoa đảnh đầu A-nan. Cánh tay của Đức Phật có sắc vàng của cây diêm-phù-đàn ở Nam Thiêm-bộ châu. Trong Phật pháp, việc dùng tay xoa đảnh đầu biểu tượng cho lòng từ và sự bảo hộ, che chở. Liền khi ấy, các cõi Phật trong mười phương thế giới đều rung động. Sáu loại chấn động của thế giới đã được giảng giải ở trước. Khi một người tu tập được giác ngộ và thành tựu Phật quả liền có sáu loại chấn động xảy ra. Trong thời mạt pháp, khi có người tu tập đạt quả vị Thánh đạo cũng xảy ra sáu loại chấn động. Có nhiều nguyên nhân khiến xảy ra sáu loại chấn động. Khi thiên ma và đồ chúng ngoại đạo muốn hãm hại ai, họ cũng có thể làm nên sự chấn động, nhưng không nhất thiết thuộc trong Sáu loại chấn động nầy. Có vô số cách chấn động do thiên ma gây ra. Chẳng hạn, gần đây có trận địa chấn ở Philippines, nghe tin là khiến cho 400 người thiệt mạng, tôi cho rằng đó là con số thống kê ước lượng.

Tôi nghĩ rằng có ít nhất phải đến 500 hoặc 600 người bị chết. Tai hoạ ấy là một sự báo ứng của nghiệp lực chúng sinh, khiến thiên ma và ngoại đạo huỷ hoại nhân gian nầy. Đó là điều xảy ra bất kỳ khi nào có thiên tai hoặc thảm hoạ do con người gây ra. Nhưng nếu có một vị Cao tăng với đạo hạnh tinh nghiêm ở nơi thảm hoạ sắp xảy ra, Chẳng hạn, như ở Philippines, hoặc nếu có một vị Bồ-tát hay A-la-hán đã chứng quả đang ở nơi đó, thì thảm hoạ có thể tiêu tan. Khi

một vị tu hành có giới đức tinh nghiêm, thậm chí họ có thể đi vào trong những nơi đang bị hiểm nạn, họ có thể xoay chuyển điều xấu ác thành cát tường; họ có thể biến khó khăn thành thuận lợi. Họ có thể khiến cho hoàn cảnh nguy nan trôi qua một cách an ổn.

Sáu loại chấn động là: chấn, hống, kích, động, dõng và khởi. Ba dạng chấn động đầu là thuộc về âm thanh. Ba loại sau thuộc về sự chuyển động. Động là sự rung động rất mạnh. Dõng là bị đẩy mạnh lên trên, như một cột sóng lớn vọt lên giữa biển. Khởi là đột nhiên nổi lên, như thang máy vậy.

Khi động đất, có một âm thanh lớn vang ra. Một hôm ở ngay San Francisco nầy có một trận động đất xảy ra, mọi cửa sổ đều bắt đầu rạn vỡ. “Nguy hiểm! Nguy hiểm!” Mọi người đều la lên. Tôi để ý có người qua sợ hãi đến nỗi chắp hai tay lại với nhau. Những người khác thấy vậy liền làm theo cô ta. Sự đổ sụp tạo nên âm thanh, nhưng khi có tiếng gầm lên, chính trong lòng phát ra tiếng khóc giống như tiếng rống của sư tử. Kích là âm thanh vang ra khi lòng đất bị tách thành hai mảnh rồi va chạm vào nhau.

Sáu loại chấn động biểu tượng cho điều gì? Tại sao trái đất rúng động theo sáu mức như vậy như được diễn tả trong Kinh Thủ-lăng-nghiêm, khi Đức Phật xoa đảnh đầu A-nan? Đó là vì Đức Phật sắp diễn bày một giáo pháp rất quan trọng. Chư Phật trong 10 phương đều tán thán ngài chỉ bằng một âm thanh. Đó là một trường hợp. Cũng biểu tượng cho sự tự tại của sáu căn–tháo gỡ được sáu nút. A-nan vừa hỏi ra cội nguồn của sáu nút thắt nầy và làm cách nào để mở được chúng. A-nan hỏi nên bắt đầu ở đâu và nút nào nên mở sau cùng. Đức Phật sắp giảng giải giáo lý nầy, thế nê Đức Phật xoa đầu A-nan và đại địa xảy ra sáu điệu chấn động.

Kinh văn: **微塵如來住世界者,各有寶 光從其頂出。**

Phiên âm: Vi trần Như Lai trụ thế giới giả, các hữu bảo quang tòng kỳ đảnh xuất.

Việt dịch: Các Đức Như Lai nhiều như số vi trần trong các cõi nước đều có hào quang báu từ đảnh đầu phóng ra.

Giảng: Các Đức Như Lai nhiều như số vi trần trong các cõi nước–vô số chư Phật–các ngài ở trong các cõi nước. Mỗi Đức Phật đều trụ trong mỗi Phật độ của các ngài. Mỗi Đức Phật đều có hào quang báu từ đảnh đầu phóng ra. Mỗi Đức Phật trong vô số chư Phật đều phóng đạo hào quang hiếm có từ đảnh đầu các ngài. Có đạo hào quang màu đỏ, có đạo hào quang màu trắng, có đạo hào

quang màu vàng, có đạo hào quang màu xanh–tất cả các đạo hào quang đều phóng ra từ đảnh đầu của các Đức Phật. Chư Phật Như Lai nhiều như số vi trần phóng ra vô số hào quang để biểu thị cho sự vi diệu của giáo pháp mà Đức Phật sắp sửa diễn bày và biểu tượng cho giáo pháp ấy vô cùng cao siêu thâm diệu, là giáo pháp lưu xuất Đại Phật đảnh.

Kinh văn: **其光同時於彼世界 來祇陀林, 灌如來頂。是諸大眾得未曾有。**

Phiên âm: Kỳ quang đồng thời ư bỉ thế giới lai Kỳ-đà lâm, quán Như Lai đỉnh. Thị chư đại chúng đắc vị tằng hữu.

Việt dịch: Hào quang ấy đồng thời từ các cõi nước kia, đến rừng Kỳ-đà, rót xuống đảnh Đức Như Lai. Tất cả đại chúng ở đây đều được điều chưa từng có.

Giảng: Hào quang ấy đồng thời, hào quang mà Đức Như Lai nhiều như số vi trần phóng ra từ đỉnh đầu các ngài, từ các cõi nước kia–từ quốc độ mà các Đức Phật đang trú trì–đến rừng Kỳ-đà. Lưu ý rằng đó là các đạo hào quang phóng đến rừng Kỳ-đà, không phải là chính chư Phật. Hào quang từ mỗi Đức Như Lai nhiều như cát sông Hằng và nhiều như vi trần, đến rót xuống đảnh Đức Như Lai, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Điều nầy biểu tượng cho giáo pháp của các Đức Như Lai đều đồng như nhau. Giáo pháp Đức Phật nầy giảng nói cũng là giáo pháp mà Đức Phật nầy tuyên bày. Là đồng nhất như nhau. Ánh sáng thì tương tức tương nhập và tâm chúng sinh cũng tương nhập. Hào quang của chư Phật vốn tương tức tương nhập nên hào quang chính là Phật tâm.

Đồng một thể tánh với tâm chúng sinh. Nếu quý vị có tâm bực bội người nào đó, thì người ấy sẽ nhận biết ngay, dù quý vị không nói một lời nào. Chẳng phải người ấy biết một cách có chủ ý, trên bình diện thức thứ sáu (ý thức) thì vốn có sự phân biệt, nhưng có sự cảm ứng từ trong thức thứ 8. Người kia có cái biết từ bình diện thức thứ 8 vì tâm con người vốn có tính tương tức tương nhập. Khoa học ngày nay đã khám phá ra điều nầy, rằng có một mối tương quan vô hình, như điện tín, có thể liên lạc với nhau rất nhanh dù cách nhau rất xa. Và tâm con người có một hệ thống điện báo hỗ tương lẫn nhau. Điều ấy không thể nhìn thấy được qua mắt thường, nhưng nếu quý vị chân thực có được sự viên thông và đạt được Phật nhãn vô ngại, thì quý vị sẽ thấy rõ tại sao mình biết được niệm tưởng sinh khởi trong tâm người khác. Đó là vì người kia đã gửi đi một bức điện tín. Nếu quý vị đã mở được Phật nhãn hoặc huệ nhãn, thì quý vị tự nhiên sẽ nhận biết và có thể thấy được điều ấy.

Vì những bức điện tín nầy mà người ta nhận ra được ngay khi quý vị có niệm tưởng bất bình với họ. Bức điện tín của quý vị đến, và đến lúc nó cũng trở nên bực dọc cùng với quý vị. Có người có thiện cảm với người khác, và điều ấy cũng như vậy, người kia cũng nhân biết được sự thiện cảm ấy, nhưng điều ấy được đáp lại chậm hơn. Nếu quý vị muốn có sự ảnh hưởng đến người khác để có sự chuyển hoá bằng phương tiện tác động tích cực, thì quý vị nên dùng những ý tưởng tốt để tác động đến họ, nhưng tiến trình sẽ chậm từng bước một. Dần dần quý vị sẽ khiến cho họ thức tỉnh. Khi họ thức tỉnh, trở lại sự ứng xử của họ sẽ theo hướng tích cực.

Nay tôi đã giải thích hệ thống điện tín nầy vận hành giữa hai người, sẽ có người không tin những gì tôi nói. Tuy nhiên, đó là sự thực. Trong tương lai, khi quý vị thực sự mở được Phật nhãn, quý vị sẽ không còn hoài nghi gì về giáo lý nầy nữa. Lúc ấy quý vị sẽ nhận ra rằng, "Ồ! Lúc ấy tôi chẳng tin, nhưng đó là sự thực." Các hào quang đều rót xuống đảnh đầu Đức Như Lai biểu tượng cho sự đồng nhất giáo pháp của chư Phật và sự phóng chiếu hào quang giữa các Đức Phật. Pháp tối thượng mà chư Phật giảng nói là đồng nhất.

Tất cả đại chúng ở đây đều được điều chưa từng có. Không ai hiểu ra được họ thấy điều gì đang xảy ra. "À! Tại sao chư Phật trong 10 phương phóng quang rồi rót xuống đảnh đầu Đức Phật chúng ta? Trong đó biểu tượng điều gì?" Quý vị có thể nào tưởng tượng ra tại sao lại có vô số hào quang được phóng ra bởi các Đức Phật Như Lai nhiều như vi trần? Hào quang nhiều vô số, không thể tính kể được. Nhưng cũng chẳng lẫn lộn chút nào. Mỗi đạo hào quang đều chiếu soi rất rõ vào đảnh đầu của Như Lai. Những ai đã mở được Phật nhãn, những ai đã chứng được ba quả vị đầu của hàng A-la-hán thì không hiểu được những gì họ thấy. Ngay cả những vị đã chứng được quả vị thứ tư cũng không hiểu được tường tận. Nguyên do họ không hiểu được là vì họ chưa bao giờ thấy việc này xảy ra trước đây. "Được điều chưa từng có" có nghĩa là họ chưa từng thấy điều như thế nầy xảy ra bao giờ.

Kinh văn: **於是阿難及 諸大眾俱聞十方微塵如來異口同音告阿 難言。**

Phiên âm: Ư thị A-nan cập chư đại chúng câu văn thập phương vi trần Như Lai dị khẩu đồng âm cáo A-nan ngôn.

Việt dịch: Bấy giờ A-nan cùng đại chúng đều nghe các Đức Như Lai trong 10 phương nhiều như vi trần đồng thanh bảo A-nan rằng.

Giảng: Bấy giờ A-nan cùng đại chúng, chư vị Đại Bồ-tát, Đại A-la-hán, Đại tỷ-khưu, đều nghe các Đức Như Lai trong mười phương nhiều như vi trần. Tất cả

các vị nầy đã đồng nhất thành một, mỗi người là một phần của toàn thể. Cùng lúc họ đều nghe Đức Như Lai đồng thanh bảo A-nan rằng. Dù do nhiều vị nói, nhưng âm thanh là đồng nhất. Những điều các ngài nói không phải chỉ dành cho A-nan mà còn dành cho quý vị, cho tôi và cho những ai hôm nay đang nghe giảng kinh. Lời chỉ dạy nầy là phần rất rất quan trọng trong Kinh Thủ-lăng-nghiêm. Nó liên quan với một điểm then chốt: vấn đề luân hồi sinh tử. Nếu quý vị hiểu được chương nầy, thì quý vị có thể nhanh chóng chấm dứt luân hồi sinh tử. Nếu quý vị chưa thể hiểu được, thì phải có gấp đôi nỗ lực và tinh tấn trong việc tu học.

Kinh văn: **善哉阿難。汝欲識知俱生無明 使汝輪轉生死結根,唯汝六根更無他物。**

Phiên âm: Thiện tai A-nan! Nhữ dục thức tri câu sinh vô minh sử nhữ luân chuyển sanh tử kết căn, duy nhữ lục căn cánh vô tha vật.

Việt dịch: Hay thay, A-nan! Ông muốn biết câu sinh vô minh là đầu mối khiến ông phải luân hồi sinh tử, thì nó chính là sáu căn của ông chứ không phải là cái gì khác.

Giảng: Những lời nầy làm cho vấn đề trở nên hoàn toàn rõ ràng như pha lê. Thật đơn giản vì nó vốn như vậy. Nếu bây giờ quý vị thật sự hiểu được, quý vị sẽ được giải thoát ngay tức khắc. Nếu quý vị chưa hiểu được, thì phải tham cứu thật kỹ. Chư Phật Như Lai khắp mười phương nhiều như vi trần đồng thanh giảng nói cho A-nan, đầu tiên hết là tán thán A-nan. “Hay thay, A-nan!” Như cách người ta hay khuyến khích trẻ con. “Con là đứa bé ngoan. Con rất giỏi, con thật thông minh!” trước tiên các khen và khuyến khích để gây sự chú ý. Và khi đã có sự chú tâm rồi thì chư Phật mới tuyên bày nghĩa chân thật. “A-nan! Ông rất thông minh, vì ông muốn biết câu sinh vô minh.

Ông muốn nhận biết những đạo lý chân thật về vô minh vốn đã có trong ông từ khi vừa mới sanh ra.” Đó cũng chính là nói đến “câu sanh vô minh.” Nó chính là đầu mối khiến ông phải luân hồi sinh tử trong sáu nẻo luân hồi, bập bềnh lên xuống, vừa sinh ra ở đây lại chết đi ở chỗ kia, rồi lại sinh ra, rồi lại chết đi ở một nơi khác. Trong đời nầy có thể sinh làm người Tây phương, nhưng đời sau lại sinh làm người Trung Hoa, rồi đời sau là người Nhật Bản, rồi trong đời khác là người Ấn Độ, và đời sau nữa là người Ấn Độ; đời sau nữa là người Phi Châu. Ai là tác nhân để đưa quý vị ra đời như vậy? Ai có thể biết để báo cho người khác rằng mình sẽ là người Nhật Bản trong đời sau? Ai có thể nói cho người khác rằng mình sẽ là người Trung Hoa?

Ai có thể biết để báo cho người khác rằng mình sẽ là người Đông phương hay Tây phương, hay là người miền Bắc hoặc miền Nam? Chẳng có gì khác ngoài câu sinh vô minh của quý vị làm được việc ấy. Vì có vô minh, nên người ta khởi lên si mê, và do có si mê nên tạo ra nghiệp. Do tạo nghiệp nên phải chịu quả báo. Chẳng hạn, “Trong đời nầy tôi phải đi Phi Châu. Có rất nhiều kim cương ở đó. Ở Bờ biển vàng (Gold Coast) có nhiều của cải hơn ở Mỹ. Ở đó vẫn chưa ai khai quật, tôi sẽ đến đó để đầu tư, tôi sẽ giàu có, phải không? Tôi sẽ là người giàu có nhất thế giới.” Từ suy nghĩ hư vọng đó mà quý vị tạo nên chuyến đi hư vọng và chấm dứt ở Phi Châu, để phát triển Bờ biển vàng và tìm kiếm kim cương.

Những ai thích Châu Mỹ sẽ đi đến Châu Mỹ, Những ai thích Châu Úc sẽ đến Châu Úc, những ai thích Châu Âu sẽ đến Châu Âu , những ai thích Châu Á sẽ đến Châu Á. Đó là tuỳ vào quý vị. Bất ký quý vị tạo nghiệp gì, quý vị phải nhận lãnh quả báo ấy. Quý vị đến đó với tư cách là con người và một khi đã đến nơi rồi thì quý vị không còn biết điều gì đã xảy ra. Và thế là quý vị không biết là sắp đến mình sẽ hướng đến điều gì. Giấc mộng làm giàu đã tiêu tan, nhưng quý vị vẫn chưa thức tỉnh. Thật là đáng thương xót, phải không? Giấc mộng làm giàu không bao giờ chấm dứt, đến lúc sắp chết, việc tìm kiếm kim cương chưa xong, nhưng mạng sống đã kiệt cùng.

Nó chính là sáu căn của ông chứ không phải là cái gì khác. Cội gốc của luân hồi sinh tử trở nên kết thắt lại thành nút mà từ đó quý vị không thể nào thoát ra được. Đó là cái gì? Chẳng gì khác hơn chính là trò lừa dối của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý của quý vị. Sáu cái nầy khiến chó quý vị phải sinh ra và chết đi. Quý vị có biết điều ấy không? Chẳng có ai khác chịu trách nhiệm cả. Điều gì khiến cho chúng ta phải điên đảo, sinh liên tục sinh rồi tử tiếp nối tử, đơn giản chính là sáu căn của mình.

Sao vậy? Mắt thấy sắc trần rồi bị xoay chuyển bởi chúng. Tai nghe âm thanh rồi truy tìm theo chúng. Mũi ngửi mùi hương rồi quyến luyến theo đó. Lưỡi nếm hương vị ngon rồi tham đắm vào đó. Thân thích xúc chạm rồi theo đuổi vật mà nó tiếp xúc. Tâm thức thích thú với pháp trần và truy đuổi theo đó. Hãy nói cho tôi biết, có bao nhiêu thứ mà quý vị hoàn toàn có? Rất nhiều. Đi theo sau sáu căn, quý vị trở nên bị phân thành sáu phần. Quý vị giống như một công ty có sáu doanh nghiệp mà mỗi doanh nghiệp chiếm dụng một khoản tiền nhỏ cho đến khi công ty bị vỡ nợ. Thế nên công ty phải chết non. Phá sản. Sụp đổ, tiêu tan.

Với số vốn nhỏ vừa mới bị mất, quý vị bối rối không biết mình sẽ đi đâu để mở công ty khác. Thế là quý vị đi khắp nơi để mở công ty mới. Và ở nơi mới quý vị

lại làm một việc như xưa. Sáu ông chủ trong các doanh nghiệp mới của họ mong rằng họ sẽ làm được việc tốt đẹp, nhưng rút cục họ không làm được, và công việc lại kết thúc. Đó là nơi phát sinh vấn đề luân hồi sinh tử. Trước đây trong kinh điển, Đức Phật đã khuyên răn, “Các ông chỉ cần không theo.” Quý vị không nên theo tâm phân biệt. Quý vị không nên theo đuổi hoạt động của sáu căn, sáu trần, sáu thức. Không đi theo chúng, Quay hướng vào bờ.

Khổ hải mang mang
Quay đầu là bờ.

Quay đầu lại là thấy bờ bến giác ngộ. Nếu quý vị không quay đầu, thì càng bối rối, quý vị càng dấn sâu vào mê muội. Dấn vào mê muội càng sâu, quý vị càng nhiều bối rối. Quý vị mắc nợ rất nhiều người, và tài khoản của quý vị không bao giờ quân bình. Nay quý vị đã nhận ra sáu căn, không nên nhận giặc làm con. Đừng xoay quanh trục sáu căn ấy nữa. Hãy quay trở lại. Hãy trở về. Về đâu? Về giảng đường để nghe Phật pháp.

Kinh văn: **汝復欲知無上菩提令汝速登安樂解脫寂靜妙常,亦汝六根更非他物。**

Phiên âm: Nhữ phục dục tri vô thượng bồ đề linh nhữ tốc đăng an lạc giải thoát tịch tĩnh diệu thường, diệc nhữ lục căn cánh phi tha vật.

Việt dịch: Ông cũng muốn biết Vô thượng bồ-đề khiến ông mau được giải thoát an lạc vắng lặng diệu thường, đó cũng chính là sáu căn của ông, chẳng phải gì khác.

Giảng: Ngay trước đoạn kinh nầy, kinh văn nói rằng chính sáu căn là nguyên nhân khiến cho quý vị trải qua luân hồi sinh tử, khiến sinh khởi vô minh, tạo nghiệp, và phải chịu quả báo. Nhưng quý vị không nên xem thường sáu căn. Quý vị không thể nói, “Mầy là sáu thứ thật đáng ghét! Ta sẽ móc mắt mình ra rồi quăng đi chỗ khác. Ta sẽ cắt bỏ hai lỗ tai và liệng bỏ chúng đi. Ta sẽ cắt bỏ mũi và lưỡi mình. Đúng vậy, ta sẽ cắt thân ta thành từng phần và nghiền nát xương thịt làm thành một. Ta sẽ cắt tim ta thành từng miếng nhỏ rồi rãi vào không gian, trả nó về cho hư không vô biên.”

Thái độ ấy cũng là một sai lầm. Người đã phát tâm tu đạo rồi không nên khởi tâm căm giận. Dù mắt tai mũi lưỡi thân ý không đối xử tốt đẹp với quý vị–giống như trong doanh nghiệp–chúng nó đều là những kẻ biển thủ, quý vị vẫn không được khử bỏ chúng. Tại sao lại không được làm như vậy? Bởi vì, dù bây giờ chúng không được tốt, nhưng chúng sẽ giúp cho quý vị nếu chúng thay đổi. Nếu chúng không đóng vai kẻ biển thủ, thì chúng sẽ giúp cho quý vị làm giàu.

Đoạn kinh nầy nói rằng nếu quý vị trở nên giác ngộ đạt được chân tánh diệu thường, an lạc và vắng lặng, đó chính là do sáu căn đem lại. Chính là phải tri ân chúng đã làm nên việc ấy.

Điều nầy cũng như ví dụ nước và băng. Nước có thể ở trong thể lỏng hay thể rắn, nó cũng có thể làm lợi ích hoặc gây tai hoạ cho con người. Thế nên quý vị không được nổi giận và không nên nói rằng ta không cần đến tai và mắt của mình nữa. Nếu quý vị không cần đến mắt nữa, thì quý vị trở thành người mù. Nếu quý vị không cần đến tai mình nữa, thì quý vị trở thành người điếc. Nếu quý vị không cần đến mũi mình nữa, thì quý vị trở thành người kỳ dị. Nếu quý vị không cần đến lưỡi mình nữa, thì quý vị chẳng nói được, và nếu quý vị không cần đến thân mình nữa, thì quý vị chẳng đạt được điều gì cả, quý vị sẽ trở về lại với ngoan không. Quý vị cũng chẳng làm gì được nếu không có sự đào luyện tâm linh. Thế nên, chư Phật trong 10 phương nay đều nói với A-nan: "Ông cũng muốn biết phương pháp để mở các nút, phải không?"

Quý vị hãy lưu ý rằng hai phẩm kinh nầy không phải chỉ do Đức Phật Thích-ca Mâu-ni giảng nói. Mà chính là do chư Phật trong mười phương nhiều như vi trần–vô lượng vô biên chư Phật–nay cùng nói với A-nan. 'Rất tốt, A-nan, ông là người thành tâm. Ông thực là người chí thành trong tu tập. Ông cũng muốn biết Vô thượng bồ-đề.'

Chữ 'bồ-đề' ở đây chỉ cho cái nhân của tu tập để được giác ngộ. Không nên hiểu là quả vị bồ-đề trong trường hợp nầy. Có nghĩa là 'Ông cũng muốn phát tâm Vô thượng bồ-đề để đạt được quả vị bồ-đề, khiến ông mau được giải thoát an lạc vắng lặng diệu thường.' Tôi cho rằng ở đây mọi người hiểu chữ 'mau' là nhanh chóng thành Phật càng sớm càng tốt. Bốn đức niết-bàn được đề cập ở trong đoạn kinh này. 'An lạc' là chân lạc, còn 'tự tại' là đức tính của chân ngã. Nếu quý vị còn có một cái ngã, thì quý vị không thể có được tự tại. Nếu quý vị muốn đạt được giải thoát, quý vị phải giải trừ cái ngã ấy. 'Vắng lặng' biểu tượng cho 'chân tịnh'. 'diệu thường' biểu tượng cho chân thường. "Đây là Bốn đức niết-bàn vô dư y, và cũng chính là sáu căn của ông, chẳng phải gì khác. A-nan, ông có nhận ra không?"

Nhưng sau khi chư Phật trong mười phương đã nói pháp nầy, A-nan vẫn chưa hiểu. Khi quý vị đang trong mê muội, thì dù người khác có sáng suốt giảng bày, quý vị vẫn không thể nào tự mình sáng ra được. "Thế thì nghĩa của nó như thế nào? Luân hồi sinh tử chính là do sáu căn gây ra, nhưng để tu tập giác ngộ giải thoát và chứng được đạo quả, thì cũng từ sáu căn. Bằng cách nào mà sáu căn nầy được biểu hiện, qua cái gì là tốt, qua cái gì là xấu? A-nan không hiểu, nhưng con người thì có thể gồm cả thiện lẫn ác. Ngày nay có người cảm

thấy mình là thiện, muốn giúp đỡ mọi người. “Tôi muốn giúp đỡ người nghèo.” Anh ta nghĩ như vậy và lấy tiền của đem ra bố thí. Nhưng ngày hôm sau anh ta bỏ ý nghĩ ấy, “Ngày hôm qua ta đã cho khá nhiều tiền, hôm nay ta không muốn phí phạm như vậy nữa, Ta sẽ dùng súng đi cướp của.” Thế là anh ta trở thành người xấu. Cũng là anh ta. Ai là người tạo việc ác? Cũng chính là anh ta.

Tôi muốn nhấn mạnh với quý vị rằng, chính con người trở thành ma quỷ, thì cũng chính con người ấy sẽ trở thành Phật. Vì phần lớn người Mỹ không tin vào ma quỷ. Thế tại sao ta trở thành ma quỷ dù mình không tin vào điều ấy. Vì tôi không phải tôi là ma quỷ, nên không thể nói về về việc ấy. Nếu quý vị đã tin vào Đức Phật, thì quý vị cũng nên tin là có ma quỷ. Nói chung, Phật cũng từ ma quỷ mà có. Nếu quý vị làm việc thiện, thì quý vị sẽ trở thành Phật. Còn nếu quý vị làm việc ác, thì quý vị sẽ có kết quả là ma. Cùng một ẩn dụ như trên, sáu căn khiến cho quý vị phải chịu luân hồi sinh tử; sáu căn cũng giúp cho mình chứng được đạo quả. Nếu không có ma quỷ thì chẳng có con người, và cũng chẳng có Phật. Chẳng có gì hết thảy, và thế giới sẽ đi đến chỗ huỷ hoại. Những ai nói rằng họ tin vào Phật mà không tin có ma quỷ là những người quá nông cạn, nên dù Đức Phật có thị hiện trên đời, thì ngài cũng không thể nào giáo hóa họ được. Đức Phật đã chỉ dạy trong kinh điển rõ ràng là có các loài ma quỷ, tại sao quý vị không tin là có loài ấy?

Quý vị có ý kiến rằng,“Các tôn giáo khác cũng có nói về ma quỷ đấy thôi!.” Nhưng quý vị lại không có quan điểm dứt khoát của chính mình, là quý vị tin không có ma quỷ chỉ vì các tôn giáo khác nói như vậy. Nguyên nhân để các tôn giáo khác nói về ma quỷ là vì ma quỷ có thực. Chỉ với nguyên nhân quý vị không tin vào các tôn giáo khác, không có nghĩa là quý vị bác bỏ hết những điều chân thực trong học thuyết của họ, như sự tồn tại của loài ma quỷ. Nhiều người nghĩ rằng mình thông minh nhưng thực ra họ rất đần độn. Không phải chỉ vì họ không hiểu giáo pháp đạo Phật, mà vì họ không hiểu được sự tồn tại của con người. Thật đáng thương!

Kinh văn: **阿難雖聞如是法音,心猶未明。稽首白佛:云何令我生死輪迴安樂妙常同是六根,更非他物？**

Phiên âm: A-nan tuy văn như thị pháp âm, tâm do vị minh. Khể thủ bạch Phật: Vân hà linh ngã sinh tử luân hồi an lạc diệu thường đồng thị lục căn, cánh phi tha vật?

Việt dịch: A-nan tuy nghe được pháp âm như vậy, nhưng tâm chưa rõ. Cúi đầu bạch Phật: “Tại sao chính sáu căn khiến cho con phải chịu luân

hồi sinh tử, và cũng chính sáu căn khiến cho con được an lạc diệu thường chứ không là cái gì khác?”

Giảng: A-nan nghe Đức Phật Thích-ca Mâu-ni và chư Phật trong mười phương nhiều như số vi trần, đồng thanh nói rằng cội gốc của luân hồi sinh tử chính là sáu căn, và căn nguyên để có được tịnh lạc diệu thường cũng chính là do sáu căn chứ không phải là cái gì khác. Nhưng A-nan không hiểu. A-nan tuy nghe được pháp âm như vậy, A-nan nghe được pháp âm vi diệu bất khả tư nghì, nhưng tâm chưa rõ. Và do tâm chưa thông, nên Cúi đầu bạch Phật–A-nan cúi đầu đảnh lễ Đức Phật–Tại sao chính sáu căn khiến cho con phải chịu luân hồi sinh tử–quay vòng mãi trong vòng sinh tử–và cũng chính sáu căn khiến cho con được an lạc diệu thường–A-nan đề cập đến cả hai vấn đề thường và lạc–chứ không là cái gì khác? Con không hiểu nguyên lý nầy?

Kinh văn: **佛告阿難,根塵同源,縛脫無二。識性虛妄猶如空花。**

Phiên âm: Phật cáo A-nan, căn trần đồng nguyên, phược thoát vô nhị. Thức tính hư vọng do như không hoa.

Việt dịch: Đức Phật bảo A-nan: “Căn và trần đồng một gốc, trói và mở chẳng phải là hai. Bản tính của thức là hư vọng, như hoa đốm giữa hư không.”

Giảng: Đức Phật bảo A-nan: “Căn và trần đồng một gốc.” Sáu căn, sáu trần, sáu thức đều có cùng một gốc. Nếu không có sáu căn, sẽ không có sáu trần; nếu không có sáu trần, sẽ không có sáu thức. Cả ba là một, một mà ba. Trói và mở chẳng phải hai. ‘Trói’ chỉ cho nút buộc, ‘mở’ chỉ cho sự gỡ nút. Hai việc nầy là chẳng phải hai (bất nhị). Không có sự khác biệt nào cơ bản giữa chúng. Trí là mở, mở là trói. Khi quý vị chưa thông hiểu, thì đó là trói, Khi quý vị đã hiểu rồi, thì đó là giải thoát, là các nút đã được gở ra. Tất cả đều tuỳ vào khă năng của quý vị. Bản tính của thức là hư vọng. Bản tính của sáu thức là không có thể tướng nhất định. Như hoa đốm giữa hư không. Quý vị có còn nhớ người bị bệnh nhặm mắt không? Do nhìn lâu mà hoá ra bị mỏi mắt và thấy có các hoa dạng lạ kỳ trong hư không. Chính nó hoàn toàn không có thực. Có thấy cái gì đẹp, cũng hoá thành xấu. Tương tự như vậy, con người có thể vừa thiện vừa ác. Dù ‘thiện’ và ‘ác’ là hai từ khác nhau, nhưng đều chỉ chung cho một người.

Kinh văn: **阿難,由塵發知,因根有相。相見無性,同於交蘆。**

Phiên âm: A-nan, do trần phát tri, nhân căn hữu tướng. Tướng kiến vô tánh, đồng ư giao lô.

Việt dịch: A-nan, nhân nơi trần mà phát ra cái biết (của căn), nhân các căn mà có tướng (của trần). Tướng (phần sở kiến) và kiến (phần năng kiến) đều không có tự tính, như bó lau gác vào nhau.

Giảng: A-nan, nhân nơi trần mà phát ra cái biết (của căn). Tri thức phân biệt sinh khởi là do sáu trần. Nhân các căn mà có tướng (của trần). Tướng của sáu trần sinh khởi là do ở sáu căn. Tướng (phần sở kiến) và kiến (phần năng kiến) đều không có tự tính, như bó lau gác vào nhau. Kiến (phần) ở đây là chỉ cho trần (đối tượng của cái biết; e: sense-awareness) như đã được đề cập trước tiên. Cả tướng (phần sở kiến) và kiến (phần năng kiến) đều không có tự tính. Tướng biểu hiện ra chỉ vì do sáu căn hiệp với sáu trần; do vì điều ấy không thực; nó hoàn toàn là hư vọng. Kiến cũng là hư vọng. Nó 'như bó lau tựa vào nhau.'

Các bó lau ở đây chỉ cho một căn gốc chung, từ đó mà hai cọng lau mọc lên. Nó chỉ có thể đứng được nếu chúng là hai, một cọng sẽ rơi nếu cọng kia ngã xuống. Sáu căn, sáu trần, sáu thức cũng tương tự như vậy. Căn và trần phải cùng tác dụng lẫn nhau để tạo nên sáu thức. Chỉ riêng một thứ sẽ không đứng vững được. Một ẩn dụ khác nữa, bó lau ví như cái hố sâu, nên khi nhìn xuống, dường như có gì ở trong đó, nhưng trong đó hoàn toàn chẳng có gì cả. Điều ấy biểu tượng cho tính chất hư vọng của sáu căn và sáu trần.

Kinh văn: **是故汝今 知見立知即無明本。知見無,見斯即涅槃。無漏真淨。云何是中更容他物?**

Phiên âm: Thị cố nhữ kim tri kiến lập tri tức vô minh bản. Tri kiến vô kiến, tư tức niết-bàn vô lậu chân tịnh. Vân hà thị trung cánh dung tha vật?

Việt dịch: Vậy nay chính ông ngay nơi tri kiến, lập nên tướng tri kiến, đó tức là cội gốc vô minh. Chính nơi tri kiến, không có tướng tri kiến, thì đó là vô lậu chân tịnh niết-bàn. Làm sao trong ấy còn có vật gì khác?

Giảng: Vậy nay chính ông ngay nơi tri kiến, lập nên tướng tri kiến. Các ông lập nên một tri kiến khác trên cái tri kiến vốn đã là hư vọng. Đó tức là cội gốc vô minh. Chính nơi tri kiến, không có tướng tri kiến, thì đó là vô lậu chân tịnh niết-bàn. Ông đã nhận ra rằng tri kiến của mình vốn là không có tự thể, thế nên ông không khởi một niệm tưởng nào căn cứ trên tri kiến ấy. Ngay trong tri kiến ấy mà không khởi một niệm tưởng phân biệt nào chính là tương ưng với Đạo. Đó

chính là niết-bàn vô lậu chân tịnh. Làm sao trong ấy còn có vật gì khác? Trong chỗ vắng bặt tri kiến, làm sao còn dung chứa một thứ gì khác? Nơi ấy chính là bản nguyên thanh tịnh pháp giới. Tại sao ông lại muốn đưa thêm một thứ gì nữa vào trong đó? Tại sao lại chồng thêm tri kiến lên trên tri kiến? Nguyên lý nầy cũng như trong đoạn kinh trước đã nói, “Bản giác vốn là diệu minh, nhưng hư vọng nên thành minh giác.”

Kinh văn: **爾時世尊欲重宣此義, 而說偈言:**

Phiên âm: Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn:

Việt dịch: Bây giờ Đức Thế tôn muốn lập lại nghĩa nầy, nên nói kệ rằng:

Giảng: Bây giờ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, ngài biết rằng A-nan vẫn chưa hiểu được lời giải đáp cho câu hỏi của của A-nan, nên Đức Thế tôn muốn lập lại nghĩa nầy , nên nói kệ rằng. Kệ có một số âm tiết nhất định trong từng dòng, có thể gồm 5, 6 hoặc 7 âm tiết trong tiếng Hán.

Kinh văn:**真性有為空, 緣生故如幻, 無為無起滅, 不實如空花。**

Phiên âm: Chơn tánh hữu vi không, Duyên sanh cố như huyễn, Vô vi vô khởi diệt, Bất thật như không hoa.

Việt dịch: Trên phương diện chân tánh, các pháp hữu vi là không. Vì duyên sanh, nên chúng như huyễn. Vì các pháp là vô vi, nên chẳng sinh chẳng diệt. Chúng chẳng có thực, như hoa đốm giữa hư không.

Giảng: Trên phương diện chân tánh, có nghĩa là trên phương diện vắng bặt mọi hư vọng. Hư vọng, tuy vậy, lại nương nơi chân tánh mà hiện hữu. Thế nên, các pháp hữu vi sinh khởi từ chân không (true emptiness). Nhưng bản chất của các pháp hữu vi là không (śūnya).

Vì duyên sanh, nên chúng như huyễn. Các pháp hữu vi sinh khởi khi hội đủ nhân duyên. Nhưng, khi nhân duyên sinh khởi, thì chúng cũng sẽ diệt. Thế nên, bản thể của các pháp là không (śūnya). Đó là lý do tại sao nói rằng các pháp như huyễn.

Vì các pháp là vô vi, nên chẳng sinh chẳng diệt. Quý vị cho rằng thể tánh các pháp hữu vi là không, thế thì các pháp vô vi thì sao? Thể tánh của chúng có phải là không chăng? Đúng vậy. Chúng không sinh không diệt.

Chúng chẳng có thực, như hoa đốm giữa hư không. Chúng không có một thực thể nhất định; chúng không có thực, giống như hoa đốm giữa hư không.

Kinh văn: **言妄顯諸真, 妄真同二妄, 猶非真非真, 云何見所見?**

Phiên âm: Ngôn vọng hiển chư chơn, Vọng chơn đồng nhị vọng, Do phi chơn phi chơn, Vân hà kiến sở kiến?

Việt dịch: Nói vọng để hiển bày cái chơn. Vọng chơn đều là vọng. (Chân lý) vốn chẳng phải chơn lẫn chẳng phải phi chơn. Làm sao có năng kiến, sở kiến?

Giảng: Nói vọng để hiển bày cái chơn. Tại sao chúng ta nói về cái vọng? Đó là để hiển bày tất cả các pháp là chân thực. Nhưng chân và vọng là đối đãi, thế nên chúng không phải là pháp cứu cánh. Trong Chứng đạo ca, Đại sư Huyền Giác nói:

Chân bất lập, vọng bổn không,
Hữu vô câu khiển, bất không không.

Chẳng có cái gì là chân. Vọng vốn là không, nhưng cái chân cũng không có thực. Cái gì được gọi là chân? Cái chân đã không tồn tại. Cũng chẳng có cái hữu hoặc cái vô. Quý vị phải làm cho không cái chẳng không: đây là nguyên lý tương tự. Cái vọng được nói ra là để hiển bày cái chân. Nhưng chân và vọng mà quý vị nói đó đều là vọng. Chúng không thực. Nếu chúng là chân thực, làm sao lại có cái vọng trong chúng? Chẳng có cái gì trong đó cả: đó là chân không pháp giới. Đó là 'nhất chân pháp giới' là 'chân như pháp giới.' Trong đó chẳng một pháp nào được lập cả. Ngay khi quý vị nói về chân bằng cách so sánh chân với vọng, thì chân liền trở thành vọng. Cái chân mà được nói đến đó chẳng còn là nguyên chân nữa. Cả hai đều là vọng vì chúng đối đãi nhau.

Trên lĩnh vực cứu cánh, Phật pháp là tuyệt đối; chẳng có nhị nguyên. Chân và vọng vẫn còn là mức độ đối đãi và nằm trong phạm trù nhị nguyên. Cái chân mà đối đãi với cái vọng thì chính nó cũng là vọng.

(Chân lý) vốn chẳng phải chơn lẫn chẳng phải phi chơn. Đức Phật giảng rằng nó như thể là chân, nhưng đó không phải là chân thật cứu cánh. Ngay khi có một danh xưng gán cho nó, thì nó đã là đệ nhị chân thật, chứ không phải là đệ nhất chân thật.

Làm sao có năng kiến, sở kiến? Làm sao quý vị có thể nói có năng kiến và sở kiến? Chủ thể của ‘kiến phần’ và 6 trần đối tượng của ‘tướng phần’ là những gì được nhận biết–chẳng thể nói gì về chúng cả, vì chúng không hiện hữu.

Kinh văn: **中間無實性, 是故若交蘆, 結解同所因, 聖凡無二路。**

Phiên âm: Trung gian vô thật tánh, Thị cố nhược giao lô. Kết giải đồng sở nhơn, Thánh phàm vô nhị lộ.

Việt dịch: (Thức) ở giữa (căn và trần), không có thật tánh. Thế nên chúng giống như bó lau gác vào nhau. Buộc và mở cùng một sở nhân. Thánh và phàm chẳng phải hai đường.

Giảng: Ở khoảng giữa, vốn không thật tánh. Ở giữa chân và vọng–sáu căn, sáu trần, sáu thức– vốn thật chẳng có tự tánh. Thế nên chúng giống như bó lau gác vào nhau. Buộc và mở cùng một sở nhân. Khi quý vị không hiểu, có nghĩa là quý vị bị trói trong các nút buộc và không thể nào mở ra được. Khi quý vị đã hiểu ra và được tự tại rồi thì quý vị thấy rằng cái nhân của cả nút buộc và việc mở ra đều như nhau. Không hiểu nên gọi là buộc, hiểu rồi thì gọi là mở. Thánh và phàm chẳng phải hai đường. Thánh hiền và phàm phu chẳng phải là hai con đường khác nhau. Thánh là bậc đã thông hiểu nguyên lý của các pháp. Các vị đã thể hội mọi lĩnh vực của toàn thể pháp giới nên có trí huệ của bậc thánh. Người phàm phu khi chưa hiểu gì thì quay lưng lại với tánh giác ngộ sáng suốt và kết hợp với phiền não nhiễm ô. Thế nên hành phàm phu là bối giác hiệp trần. Bậc thánh là bối trần hiệp giác.

Nếu quý vị quay lưng với tánh giác ngộ sáng suốt, quý vị sẽ trở thành một với tướng phiền não nhiễm ô của các pháp hữu vi. Nhưng, cơ bản là bậc thánh và kẻ phàm phu không phải là hai con đường khác nhau.

Tại sao con đường của họ lại không khác nhau? Một bên thì mê mờ và một bên thì tỉnh giác. Nhưng cội nguồn của mê mờ và giác ngộ là một. Ở đây chúng ta đang nói về chân lý cứu cánh :
Phi nhất thiết pháp
Ly nhất thiết tướng.

Kinh văn: **汝觀交中性, 空有二俱非, 迷晦即無明, 發明便解脫。**

Phiên âm: Nhữ quán giao trung tánh, Không hữu nhị cu phi, Mê hối tức vô minh, Phát minh tiện giải thoát.

Việt dịch: Ông hãy xem tính chất giữa các cọng lau giao nhau, Đó chẳng phải là không và có. Mê mờ nghĩa ấy, tức vô minh. Hiểu ra nghĩa đó, tức là giải thoát.

Giảng: A-nan, Ông hãy xem tính chất giữa các cọng lau giao nhau. Hãy quán sát thật kỹ các cọng lau tựa vào nhau–đặc biệt là tính chất tự nhiên ở giữa chúng. Tính chất gì mà các cọng lau có được? Chẳng có gì cả. Chẳng có cái có cái không gì rõ rệt ở giữa đó cả. Đó chẳng phải là không và có. Quý vị có thể nói rằng đó là không, nhưng cũng có cái gì ở đó. Quý vị có thể nói rằng nó có, nhưng thực tế lại chẳng có gì cả. các cọng lau giao nhau biểu tượng cho tính chất không hiện hữu (vô) của cả hai pháp pháp hữu vi và pháp vô vi. Quý vị nên lưu ý điểm nầy.

Mê mờ nghĩa ấy, tức vô minh. Điều có nghĩa là với sáu căn của mình, khi quý vị không nhận ra, khi quý vị chưa tỉnh giác, thì quý vị là kẻ mê mờ về chân không. Mê muội phát sinh từ ngoan không, đó là nơi mà vô minh phát khởi. Trong chân tâm thường trú tánh tịnh minh thể, mê muội phát sinh thành vô minh. Hiểu ra nghĩa đó, tức là giải thoát. Nếu quý vị khám phá ra điều nầy, thì chẳng còn vô minh nữa. Quý vị phát minh ra tự tánh giác ngộ sáng suốt bản hữu cuả mình. Điều phát minh nầy chính là sự giải thoát.

Trong quá khứ, có một vị tăng tu thiền, nghe có vị cao tăng giác ngộ với đạo hạnh cao tột, vi tăng ấy liền đi tìm đến bậc cao tăng Thiền sư để cầu được khai thị. Trong đạo Phật, việc cầu được khai thị là việc thông thường. Đó chẳng phải là chuyện đưa ra một câu hỏi bất chợt rồi có được đáp lại bằng một câu trả lời ngẫu nhiên. Vì lời khai thị được đưa ra nhằm mục đích chấm dứt luân hồi sinh tử, nên toàn bộ vấn đề được thâm cứu một cách toàn triệt. Trước hết, cấn nhất là quý vị phải mang y hậu và toạ cụ, bồ đoàn theo mình. Khi đến nơi trụ xứ của vị Thiền sư, quý vị đắp y hậu nghiêm chỉnh, trải toạ cụ ra, đảnh lễ vị Thiền sư ba lần, rồi quý gối chắp tay. Sau đó quý vị mới thưa hỏi những điều mình chưa rõ.

Vị tăng ấy hỏi điều gì? Ông ta hỏi làm sao để được giải thoát. Ông ta mong cầu được tự tại. Làm thế nào để được giải thoát. Đó là vấn đề ông ta muốn hỏi vị Lão Hoà thượng, những là vị Trưởng lão có giới hạnh và niên hạ cao trong tăng chúng.

Vị tăng thưa rằng: “Bạch Hoà thượng, xin ngài hoan hỷ chỉ do con làm thế nào để được giải thoát?”
Lão Hoà thượng hỏi lại: “Thế ai đang trói ông?”
Với câu trả lời ấy, vị tăng đi tham vấn trở nên giác ngộ. Có thực chỉ một câu mà

khiến cho vị tăng giác ngộ chăng? Cũng đúng và cũng không.
Quý vị sẽ hỏi, "Như thế là sao?"

Hầu như trong mọi trường hợp, mọi việc đều được xem từ cả hai mặt, và được giải thích theo nhiều cách khác nhau.

"Có phải đó chỉ là cách nói lãng hoặc nói mập mờ chăng?"

Không phải vậy, nếu quý vị thực sự muốn đề cập đến đạo lý mà mình đang quan tâm. Trong trường hợp nầy, chúng ta có thể nói rằng, đúng là chỉ có một câu đã đem đến sự giác ngộ cho vị tăng, vì vị Lão Thiền sư khi nói câu ấy ngài đã thông suốt nhân duyên và đã khiến cho vị tăng đi đến chỗ phải hỏi về cách làm thế nào để được giải thoát. Lão Thiền sư biết câu trả lời của mình "Thế ai đang trói ông?" sẽ giúp cho vị tăng trực nhận tức thời– sự giác ngộ. Do vậy, Lão Thiền sư chọn câu trả lời theo cách ấy. Tuy vậy, có người đôi khi không được giác ngộ, dù vị thầy cũng mong muốn được như vậy. Lần nầy, Lão Thiền sư đã thành công với câu trả lời của mình, đã giúp cho đệ tử của mình ngộ đạo.

Mặt khác, làm thế nào để giải thích được rằng, chỉ trong một câu mà đã đem sự giác ngộ đến cho vị tăng? Thông thường, vị tăng nầy cơ bản đã công phu tọa thiền hằng ngày để phát triển định lực. Ông ta đã tu tập lâu năm nhưng vẫn chưa được thông suốt. Tuy vậy, hằng ngày vị tăng nầy vẫn siêng năng tu tập và càng lúc trí huệ càng được phát huy. Tuy chưa thực sự đạt được giác ngộ nhưng cũng đã gần kề. Thế rồi chính câu trả lời của Lão Hoà thượng chính là cơ duyên đã giúp cho vị tăng đột nhiên chứng ngộ. Vị tăng đã hội đủ nhân duyên, và ngay lúc đó Lão Thiền sư khai thị cho, vị ấy liền nhận ra. Đó là:

Mười năm thiền định trong núi vắng,
Chẳng bằng một lời chỉ điểm của minh sư.

'Minh sư' có nghĩa là là 'người sáng mắt', là người đã có được 'Phật nhãn.' Một bậc Thiện tri thức như vậy có thể nhìn thông suốt nhân duyên. Vị ấy có thể giảng pháp khế hợp đến mức có thể khiến cho nhân duyên được chín muồi. Thế nên quý vị có thể ngồi thiền 10 năm trong núi vắng, nhưng không bằng gặp được một vị minh sư điểm đạo cho mình.

Do vậy trong đạo Phật, được thân cận một vị minh sư là điều rất quan trọng. Trong số các vị Thiền sư trưởng lão, có rất ít vị chân thực là minh sư. Có thể họ là người thông thái, nhưng chưa hẳn là bậc 'sáng mắt' có nghĩa là, chưa hẳn họ đã được 'khai ngũ nhãn.' Quý vị đừng cho rằng đây là việc dễ làm. Thực vậy, khai được Phật nhãn chắc chắn không phải như chứng được quả vị A-la-hán, mà đòi hỏi quý vị phải trồng nhiều căn lành trong quá khứ.

Để có được Phật nhãn, quý vị phải nhất tâm tu tập pháp đại bi, đặc biệt là 42 Đại bi thủ nhãn ấn pháp (Forty-two Greatly Compassionate Hands and Eyes). Nếu quý vị nhiệt tâm tu tập pháp nầy thì có thể đạt được Phật nhãn. Đó là pháp 'vượt cầu môn.' Nếu một người đã đạt được Phật nhãn mà xuất gia, thì vị ấy sẽ cứu giúp cho rất nhiều chúng sinh, nhưng tất cả đều tuỳ thuộc vào nhân duyên. Những ai muốn có được Phật nhãn phải cực kỳ tinh tấn tu tập 42 Đại bi thủ nhãn ấn pháp. Đừng bỏ công phu dù chỉ một ngày. Và điều quan trọng nhất là quý vị không được hút thuốc khi tu tập pháp nầy. Nếu quý vị vẫn hút thuốc trong khi tu, thì các vị hộ pháp thiện thần (dharma-protecting good spirits) sẽ quở trách quý vị. Thế nên đừng tuỳ tiện việc ấy.

Tôi hy vọng rằng mọi người trong chúng đây sẽ rất tinh chuyên tu tập 42 Đại bi thủ nhãn ấn pháp. Đừng bao giờ lơ là dù chỉ một ngày. Tuy vậy, cũng phải cần đến vài ba năm công phu mới mong đạt được kết quả. Nếu quý vị đã từng tu tập trong đời trước rồi, thì tiến bộ sẽ rất nhanh. Quý vị sẽ rất sớm có được huệ nhãn.

Kinh văn: **解結因次第, 六解一亦亡, 根選擇圓通, 入流成正覺**

Phiên âm: Giải kiết nhân thứ đệ, Lục giải nhứt diệc vong, Căn tuyển trạch viên thông, Nhập lưu thành chánh giác.

Việt dịch: Mở nút phải theo thứ lớp Khi sáu nút đã được mở, thì một cũng không còn Nơi các căn, hãy chọn tính viên thông, Được vào dòng , tức thành chánh giác.

Giảng: Mở nút phải theo thứ lớp. Nhất thiết phải theo thứ tự khi mở các nút.

Quý vị sẽ hỏi: "Làm thế nào để mở theo thứ tự từng nút? Nút đầu tiên bị thắt lại như thế nào?"

Để bắt đầu, tánh Như Lai tạng vốn chẳng phải là đối tượng của sinh diệt. Nhưng tối tăm mê muội làm thành hư không (hối muội vi không). Ngay tại đó mà vô minh sinh khởi. Thế nên, mặc dù tánh Như Lai tạng là bất sinh bất diệt, nhưng nương nơi chân mà khởi vọng, theo đó là tâm đối tượng của sinh diệt phát sinh–đó là thức. Thức nầy phân thành thức thứ sáu, thức thứ 7, và thức thứ 8. Nhưng cội nguồn của thức thứ 8 vốn phát khởi từ vô minh, tạo ra các thứ sinh diệt, lại là tánh của Như Lai tạng, tánh Như Lai tạng nầy lại chẳng phải là đối tượng của sinh diệt. Căn nguyên của nó chính là chân tâm thường trú tánh tịnh minh thể.

Do nương nơi chân mà khởi vọng, nên tánh Như Lai tạng biến thành A-lại-da thức, tức là thức thứ 8, còn gọi là tàng thức.

Thức thứ 8 là cơ sở hiện hữu của ngũ uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành và thức. Do thức uẩn sinh khởi đầu tiên mà có hành uẩn. Đây là thức thứ 7, tức Mạt-na thức, còn gọi là truyền tống thức. Thức nầy truyền đạt những thông tin từ thức thứ sáu vào thức thứ 8. Chính nó lập nên hành uẩn.

Uẩn tiếp theo là tưởng uẩn; đây là thức thứ sáu, còn gọi là ý thức. Thọ uẩn là một trong năm thức đầu tiên: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức. Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn, mỗi thứ tương ứng với một nút thắt. Sắc uẩn được kể là 2 nút, vì nó thô trọng hơn. Như vậy, sáu nút bắt đầu với thức thứ 8 và hoạt dụng thông qua thức thứ 7 và thức thứ sáu rồi thông qua năm thức giác quan. Với sự hiện hữu của ngũ uẩn mà ngũ trược được hình thành, tạo ra không biết bao nhiêu chướng ngại.

Nếu chúng ta muốn mở những nút nầy, trước hết, chúng ta phải dừng lại không đuổi theo sắc uẩn nữa. Một khi hai nút nầy đã được mở ra, thì các uẩn khác như thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn cũng được dừng lại, sáu nút đều được mở. “Các nút phải được mở theo thứ tự,” bởi vì sắc uẩn là gồm những nút thô trọng, trong khi những uẩn khác, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn là cực kỳ vi tế.

“Thế tại sao chúng bắt đầu sự tạo thành từ bên trong rồi tiến hành sang bên ngoài?” Quý vị sẽ thắc mắc.

Vì thức thứ 8 là thức đầu tiên khởi niệm tưởng phân biệt. Tất cả đều bắt nguồn từ thức thứ 8. Ngũ uẩn và thức thứ 8 kết hợp chặt chẽ với nhau tạo thành nút buộc luân hồi sinh tử. Vì nó bắt đầu từ thức thứ 8, nên khi mở, phải bắt đầu từ sắc uẩn. Thứ tự nầy cũng giống như khi cởi áo quần, phải cởi từ lớp ngoài trước rồi lớp trong. Theo cách nầy, quý vị cởi từng lớp cho đến hết, như các nút được mở ra vậy. Đó là cách giải thích, nhưng thực tế là nếu quý vị cởi được một nút, thì năm nút kia cũng được mở ra luôn. Như trong bài kệ nói:

Khi sáu nút đã được mở, thì một cũng không còn. Khi sáu căn, tức là sáu nút đã được tự tại, thì cái một cũng biến mất luôn. Điều nầy sẽ được giải thích chi tiết trong đoạn văn sau.

Nơi các căn, hãy chọn tính viên thông. Phương pháp tu tập là áp dụng nỗ lực ngay từ cửa ngõ của sáu căn. Có nghĩa là, mắt không bị xoay chuyển bởi hình sắc, tai không bị xoay chuyển bởi âm thanh, mũi không bị xoay chuyển bởi hương thơm, lưỡi không bị xoay chuyển bởi mùi vị, thân không bị xoay chuyển bởi sự xúc chạm, thức không bị xoay chuyển bởi các pháp. Quý vị chuyển hoá

ngay những gì xuất hiện nơi cửa của sáu căn. Quý vị hồi quang phản chiếu, không cần phải tìm cầu bên ngoài. Chỉ cần phòng hộ thân và tâm. Hãy tự tìm cầu ở trong chính mình

Để tu tập nơi sáu căn, quý vị phải chọn một căn để dẫn đến viên thông. Đức Phật đã đặt nền móng cho phương pháp nầy. Ngài đã giảng giải về 1200 công dụng của mỗi căn và chỉ cho A-nan thấy căn nào hoàn chỉnh nhất. Chẳng hạn, nhãn căn là không hoàn chỉnh, nhưng nhĩ căn thì được. Thiệt căn và ý căn cũng là những căn hoàn chỉnh. Có những căn hoàn chỉnh và có những căn thì không. Quý vị phải chọn một căn và phát huy công phu tu tập trên căn đó. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã ngầm ý bảo rằng nhĩ căn sẽ dẫn đến viên thông. Đức Phật mong A-nan tự quyết định trong sự lựa chon; Đức Phật muốn A-nan tự mình tìm ra sự quyết định.

Tự chọn ra một căn viên thông và được vào dòng , tức thành chánh giác.

Nhập vào dòng pháp giới của bậc thánh. Nghịch với dòng sanh tử của phàm phu.

Sau khi đã vào dòng (Nhập lưu) được rồi, mới có thể thành tựu chánh đẳng chánh giác.

Kinh văn: **陀那微細識, 習氣成暴流, 真非真恐迷, 我常不開演**

Phiên âm: Đà-na vi tế thức, Tập khí thành bộc lưu. Chơn phi chơn khủng mê, Ngã thường bất khai diễn.

Việt dịch: Thức A-đà-na rất vi tế. (Khiến cho) tập khí chảy như dòng nước xiết E rằng sẽ lầm đó là chơn hay phi chơn Nên Như Lai thường không nói đến

Giảng: Đây là giáo pháp mà Đức Phật hiếm khi nói đến. “Như Lai thường ít khi giảng giải cho các ông toàn bộ vấn đề nầy.” Quý vị hãy tưởng tượng: Đức Phật Thích-ca Mâu-ni giảng giải giáo pháp nầy cho hàng Đại A-la-hán, Đại Bồ-tát, Đại tỷ-khưu. Thế mà nay chúng ta lại có dịp thuận tiện để nghe được giáo pháp vi diệu do chính Đức Phật giảng nói!

Thức A-đà-na rất vi tế. Đây là một thức rất vi tế, thậm chí còn hơn cả thức thứ 8. Thức A-đà-na còn gọi là ‘Bạch tịnh thức.’ Đó chính là chủng tử thanh tịnh. (Khiến cho) tập khí chảy như dòng nước xiết. Thức tinh nhạy và vi tế nầy đặc biệt tạo nên những tập khí cuồn cuộn chảy như dòng nước xiết. Đây chính là cội nguồn luân hồi sinh tử. Ngay khi một niệm hư vọng sinh khởi trong phương

diện nhất chân của thức vi tế nầy, thì đó là một niệm vô minh; trở lại, nó khiến cho tập khí cuồn cuộn dấy lên và chảy như dòng nước xiết. Không có gì có thể ngăn cản được dòng tập khí nầy. Dòng nước chảy xiết ở đây dụ cho luân hồi sinh tử của chúng ta. Sinh ra rồi hoại diệt, sống rồi chết, đời nầy sang đời kia, có khi làm người, có khi làm thú, có khi làm chúng sinh ở cõi trời, có khi đoạ vào địa ngục, xoay vần không ngừng nghỉ– đó là tập khí đang tuôn chảy như dòng thác.

E rằng sẽ lầm đó là chơn hay phi chơn
Nên Như Lai thường không nói đến

"Tại sao giáo pháp chân thực không nói về vấn đề nầy? Tại sao Như Lai không diễn bày giáo pháp vi diệu chân thực nầy cho các ông? Như Lai e ngại rằng chúng sinh sẽ cho rằng cái chân là hư vọng, và cho cái hư vọng thành ra chân thật. Chẳng hạn, các ông cứ muốn 'minh' lại 'tánh giác', do vậy, nên các ông chỉ làm tăng thêm cái mê, trên cái mê lại chất chồng thêm cái mê và trở thành hai lần mê muội."

"Thông thường Như Lai không giảng bày giáo pháp vi diệu nầy. Như Lai chỉ giảng nói giáo pháp Tiểu thừa cho những đệ tử có căn cơ (hợp với) Tiểu thừa. Giáo pháp Đại thừa chân thực vi diệu là điều trước đây Như Lai chưa từng nói. Như Lai chưa nói là vì các ông là những người có căn tánh Tiểu thừa, chưa đủ căn cơ để nghe. Các ông chưa chuyển tâm nguyện từ Tiểu thừa sang Đại thừa, Thế nên mỗi khi Như Lai muốn diễn bày pháp nầy, Như Lai phải trì hoãn lại."

Kinh văn: **自心取自心,非幻成幻法, 不取無非幻,, 非幻尚不生, 幻法云何立 是名妙蓮華 金剛王寶覺 如幻三摩提.**

Phiên âm: Tự tâm thủ tự tâm, Phi huyễn thành huyễn pháp, Bất thủ vô phi huyễn, Phi huyễn thượng bất sanh, Huyễn pháp vân hà lập? Thị danh diệu liên hoa, Kim cang vương bảo giác. Như huyễn tam-ma-đề,

Việt dịch: Tự tâm chấp lấy tự tâm Vốn không phải huyễn, lại thành pháp huyễn. Chẳng thủ trước, thì chẳng có gì là phi huyễn Phi huyễn còn chẳng sinh Pháp huyễn làm sao lập? Đó gọi là diệu liên hoa Kim cang vương bảo giác

Giảng: Tự tâm chấp lấy tự tâm. Chúng sinh vốn không nhận ra được kiến phần và tướng phần vốn chỉ là biểu hiện từ tự tâm,

Tam giới duy tâm. Vạn pháp duy thức.

Không nhận ra được các pháp từ tâm biến hiện, nên trở lại chấp lầy kiến phần; có nghĩa là chấp lấy quan niệm chủ quan của riêng mình–là thức thứ 8. Tướng phần là chỉ cho ngoại cảnh. Vốn tướng phần và kiến phần cả hai đều là hư vọng. Chúng chỉ ảnh tượng hư giả trong tâm mình. Nhiều người không thể tin được rằng chúng sẽ quay trở lại bản tính tự chiếu soi, mà họ chỉ mong tìm cầu bên ngoài. Đối với chân tâm, họ mê mờ và chạy đuổi theo cái hư vọng. Nếu quý vị nhận ra được vạn pháp chỉ là sự biến hiện từ chính tâm mình; nếu quý vị

Thức tự bổn tâm. Kiến tự bổn tánh

Thì quý vị sẽ hiểu ra rằng tướng phần và kiến phần vốn sinh khởi từ tâm mình. Nếu quý vị nhân ra được chân tâm thường trú tánh tịnh minh thể thì quý vị sẽ không còn chạy tìm cầu bên ngoài, mà sẽ quay về nhà.

Vốn không phải huyễn, lại thành pháp huyễn.

Vì chúng sinh vốn thường mê mờ chân tâm và đuổi theo vọng tâm, nên họ thường nghi ngờ rằng vốn tự thể là không có hư vọng, mà lại trở thành hư vọng. Quý vị phải nên đừng để mình bị vướng mắc vào suy nghĩ hư vọng nầy. Không bị vướng mắc (chấp thủ) chính là điểm quan trọng ở đây. Nguyên nhân mà nhiều người bị mê lầm sáu căn và sáu trần là do họ chấp thủ vào tướng phần và kiến phần. Họ bị vướng mắc đến nỗi tin rằng tánh thấy (khả năng thấy–capacity to see) của mình chính là kiến phần, và đó là cái có thực. Họ không hiểu ra rằng tánh thấy ấy vốn cũng chỉ là hư vọng– nó không có thực.

Chẳng thủ trước, thì chẳng có gì là phi huyễn
Chẳng có gì là phi huyễn ở đây.

Phi huyễn còn chẳng sinh. Những gì hư vọng chắc chắn sẽ không hiện hữu, chẳng có nơi chỗ để chúng sinh khởi. Pháp huyễn làm sao lập? Làm thế nào mà các pháp huyễn tồn tại được?

Đó gọi là Diệu liên hoa, vi diệu và mầu nhiệm. Hoa sen sinh ra từ bùn nhưng không bị ô nhiễm bởi bùn dơ. Nó mọc trong bùn nhưng chính nó lại thanh tịnh, và hoa sen lẫn quả của nó hình thành cùng lúc. Đó chính là Kim cang vương bảo giác. Kim cang là kim loại cứng chắc nhất. Nó biểu tượng cho trí huệ. Không có thứ gì có thể phá huỷ hay xuyên thủng được trí huệ. 'Vương' có nghĩa là tự tại, như một vị Vua vậy. 'Bảo giác' là chỉ cho chân tâm chúng ta. Nếu quý vị có thể không bị chấp thủ vào tướng phần và kiến phần, thì có thể trở về với nguồn tâm gốc tánh, có thể trở về trong tánh Như Lai tạng. Tức đã chuyển thức thành trí. Khi sự chuyển y đã viên mãn, thì tướng phần và kiến phần chuyển thành Diệu liên hoa–Bảo giác.

Kinh văn: **如幻三摩提, 彈指超無學**

Phiên âm: Như huyễn Tam-ma-đề, Đờn chỉ siêu vô học.

Việt dịch: Như huyễn tam-ma-đề Trong khoảnh khắc, vượt hàng vô học.

Giảng: Còn gọi bằng một tên khác, Như huyễn tam-ma-đề. Tam-ma-đề là tiếng Sanskrit, Samāpatti; Hán dịch là đẳng trì; có nghĩa là duy trì tính quân bình của định (samadhi) và huệ. Bằng trí huệ, ta có thể mở được sáu nút. Với định, ta sẽ không tạo ra sáu nút nữa. Trong Tam-ma-đề, định huệ đẳng trì nầy, hành giả có thể trong khoảnh khắc, vượt hàng vô học. 'Trong khoảnh khắc', tức là 'trong khoảng khảy móng tay.' Chẳng mất chút nào thời gian, quý vị có thể vượt qua vị trí của hàng hữu học và đạt đến vị trí của hàng vô học, có nghĩa là, quả vị thứ tư của hàng A-la-hán. Sơ quả, quả vị thứ nhì, quả vị thứ ba vẫn còn ở trong hàng hữu học. Chỉ trong khoảng gảy móng tay, hành giả có thể chứng được quả vị thứ tư, thành A-la-hán.

Kinh văn: **此阿毘達磨, 十方薄伽梵, 一路涅槃門。**

Phiên âm: Thử A-tì-đạt-ma, Thập phương Bạc-già-phạm, Nhất lộ niết-bàn môn.

Việt dịch: Pháp A-tỳ-đạt-ma nầy, chính là con đường duy nhất dẫn đến niết-bàn, mà các Đức Thế tôn (Bạc-già-phạm) trong mười phương đồng tu tập.

Giảng: Pháp A-tỳ-đạt-ma nầy. A-tỳ-đạt-ma phiên âm từ tiếng Sanskrit, abhidharma, Hán dịch là 'vô tỉ–không có gì sánh bằng.' Chỉ cho giáo pháp, phương pháp được được đề cập đến. Chính là con đường duy nhất dẫn đến niết-bàn, chính là phương pháp siêu việt để mở ra sáu nút. –mà các Đức Thế tôn (Bạc-già-phạm) trong mười phương đồng tu tập. Bạc-già-phạm (s: Bhagavan), là âm thanh mở đầu trong độ tứ của chú Thủ-lăng-nghiêm. Đây là danh hiệu của Đức Phật, thường được dùng và công nhận bởi chư Phật, hộ pháp và thiện thần khi đề cập đến Đức Phật. Ở đây không dịch nghĩa chữ Bạc-già-phạm, vì chữ nầy có đến sáu nghĩa, nếu dịch ra thì chỉ nêu được một nghĩa. Sáu nghĩa là:

1. Tự tại (comfortable): Phật tánh luôn luôn thể hiện năng lực tự tại. Trong ý nghĩa đó, Bồ-tát Quán Thế Âm có danh hiệu là Quán Tự tại Bồ-tát.

2. Xí thạnh (熾盛 dazzling): chỉ cho hào quang của Đức Phật chiếu khắp cả pháp giới.

3. Đoan nghiêm (端嚴 decorous): Đức Phật lúc nào cũng đoan chính và trang nghiêm. Chúng ta phải học theo hạnh nầy. Khi nghe giảng kinh, chúng ta phải ngồi trong tư thế ngay thẳng và cung kính. Đừng ngồi với tư thế uể oải, xiêu vẹo, hoặc duỗi người ra. Vì chính trước mặt quý vị là Đức Phật đang giảng pháp. Vì chúng ta tin vào Đức Phật, nên chúng ta phải kính trọng ngài. Chúng ta không nên giải đãi ngay trước mặt ngài. Khi nghe kinh, quý vị không được nằm hoặc ngủ. Không được nằm mà đọc kinh. Tôi đã giảng cho quý vị nghe rằng, nếu làm như vậy thì đời sau sẽ bị đoạ làm thân rắn. Rắn thì luôn luôn nằm dù khi di chuyển từ nơi nầy đến nơi khác. Nó không đứng dậy được.

Khi đọc kinh, quý vị nên ngồi thẳng người và đặt kinh trên mặt bàn phía trước mặt mình. Nếu quý vị có một phần kính trọng, thì sẽ phát triển trí huệ một phần; Nếu quý vị có mười phần kính trọng, thì sẽ phát triển trí huệ mười phần. Nếu quý vị có một trăm, ngàn, vạn phần kính trọng, thì sẽ phát triển trí huệ trăm, ngàn, vạn phần, trí huệ tăng trưởng dần theo mức độ tôn kính. Quý vị cũng được tăng trưởng thiện căn. Kinh Kim Cang có nói rất rõ: “ Ở nơi nào có kinh nầy, tức nơi đó có Đức Phật hoặc như các vị đệ tử được tôn trọng của Đức Phật.” Nếu quý vị có tâm tôn kính, thì quý vị sẽ có được quả báo tốt lành, nếu không kính trọng thì không có được quả báo ấy. Quý vị hãy xem như chính Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đang giảng pháp và ngài A-nan đang ngồi bên cạnh. Chung quanh quý vị trong hội chúng là các vị Đại Bồ-tát. Hãy tưởng tượng pháp hội đang diễn ra trên núi Diệu cao. Nếu quý vị đã có tâm kính trọng như thế nầy, chắc chắn sẽ đến lúc quý vị được giác ngộ.

“Nhưng A-nan đã nghe pháp rất nhiều mà vẫn chưa được chứng ngộ. Liệu nay con có được giác ngộ khi mới nghe kinh lần đầu?”

Làm sao quý vị biết được A-nan chưa được giác ngộ? Có thể rằng A-nan giả vờ như chưa giác ngộ để Đức Phật giảng kinh và bây giờ chúng ta được nghe. A-nan đã thành Phật từ lâu lắm rồi, không thể nói rằng A-nan chỉ được giác ngộ chút ít. A-nan xuất hiện như một đương cơ trong pháp hội giảng kinh và đóng vai như người chưa hiểu kinh. Thực vậy, A-nan nhớ từng li từng tí những lời Đức Phật giảng dạy; làm sao mà ngài không hiểu ra được những đạo lý Đức Phật muốn nói ở đây? Ngài đã hiểu từ lâu và ngài thưa hỏi là vì chúng ta, những chúng sinh trong đời nầy. Ngài là một mẫu mực, mô phạm cho chúng ta. Quý vị đừng nghĩ rằng mình thông minh tài giỏi hơn A-nan. Quý vị không được như vậy đâu.

4. Danh xưng (名稱 Renowned): Mọi người đều xưng tán Đức Phật.

5. Cát tường (吉祥 Lucky):

6. Tôn quý (尊貴 Honored and noble): mọi chúng sinh đều tôn kính Đức Phật.

Vì danh hiệu Bạc-già-phạm (Bhagavan) có đến sáu nghĩa như vậy nên không dịch ra. E rằng không diễn đạt trọn vẹn ý nghĩa.

Đó chính là con đường duy nhất dẫn đến niết-bàn. Pháp môn nầy là duy nhất của chư Phật trong mười phương tu tập để thành tựu Phật quả. Chư Phật đã xem đây là con đường chính dẫn đến niết-bàn.

Kinh văn: **於是阿難,及諸大眾聞佛如來無上慈誨祇夜伽陀 雜糅精瑩, 妙理清徹。心目開明歎未曾有。**

Phiên âm: Ư thị A-nan, cập chư đại chúng văn Phật Như Lai vô thượng từ hối kỳ-dạ, già-đà tạp nhu tinh oánh, diệu lý thanh triệt. Tâm mục khai minh, kiến vị tằng hữu.

Việt dịch: Lúc ấy A-nan và đại chúng nghe lời dạy từ bi vô thượng của Như Lai, qua bài kệ tụng tinh tuý, diệu lý rõ ràng thông suốt, nên tâm được khai ngộ, đồng tán thán là việc chưa từng có.

Giảng: Lúc ấy A-nan và đại chúng nghe lời dạy từ bi vô thượng của Như Lai. A-nan và đại chúng đều thấm nhuần lời kệ tụng do Đức Phật giảng nói về con đường Nhất thừa dẫn đến niết-bàn của chư Phật trong mười phương. Không có gì cao quý bằng lời chỉ dạy mang đầy tâm từ bi nầy. Qua bài kệ tụng tinh tuý, diệu lý rõ ràng thông suốt. 'Kỳ-dạ–Geya' Hán dịch là trùng tụng. 'già-đà ', nói lại nghĩa trong văn trường hàng đã nói trước đó. Mỗi bài kệ có một số chữ nhất định trong mỗi dòng, có thể là 4, 5, 6 hoặc 7 âm tiết bằng tiếng Hán. 'Già-đà, ' Hán dịch là cô khởi. Bài kệ tụng nầy được trình bày một cách hài hoà và rõ ràng, thế nên được gọi là tinh tuý, diệu lý rõ ràng thông suốt. Diệu lý nầy diễn tả những gì cốt yếu và tuyệt đối trong giáo pháp .

Nên tâm được khai ngộ. A-nan và đại chúng được thông hiểu phần lớn những điều trong giáo lý mà từ trước đến nay chưa rõ. Tâm và mắt của họ trở nên sáng suốt hơn, và điều nầy đã khiến cho trí huệ của họ tăng trưởng. Ở đây 'mắt' chỉ cho huệ nhãn đã được khai mở. Đồng tán thán là việc chưa từng có. "Pháp nầy rất vi diệu. Thật là trước đây chưa từng thấy!"

SÁU NÚT

Kinh văn: 阿難合掌頂禮白佛。我今聞佛無遮大悲。性淨妙常真實法句。心猶未達六解一亡,舒結倫次。惟垂大慈,再愍斯會及與將來。施以法音洗滌沈垢 。

Phiên âm: A-nan hiệp chưởng đảnh lễ bạch Phật. Ngã kim văn Phật vô giá đại bi. Tánh tịnh diệu thường chân thật pháp cú. Tâm do vị đạt lục giải nhất vong thư kiết luân thứ. Duy thùy đại từ, tái mẫn tư hội, cập dữ tương lai. Thí dĩ pháp âm, tẩy địch trầm cấu.

Việt dịch: A-nan chắp tay đảnh lễ bạch Phật, "Con nay nghe Phật mở lòng vô giá đại bi dạy cho chúng con những lời pháp chân thật, thanh tịnh diệu thường. Nhưng tâm chúng con còn chưa được rõ mở từng nút theo thứ lớp, (chưa rõ) mở sáu nút thì một cũng không còn. Xin Đức Phật lại mở lòng từ bi, thương xót hội chúng nầy và những chúng sinh trong đời sau, mà ban bố cho pháp âm, để rửa sạch những cấu nhiễm sâu dày của chúng con."

Giảng: A-nan chắp tay đảnh lễ bạch Phật, "Con nay nghe Phật mở lòng vô giá đại bi dạy cho chúng con những lời pháp chân thật, thanh tịnh diệu thường. Nhưng tâm chúng con còn chưa được rõ, chưa tìm ra cách mở từng nút theo thứ lớp, (chưa rõ) mở sáu nút thì một cũng không còn. Xin Đức Phật lại mở lòng từ bi, thương xót hội chúng nầy, những người đang dự trong pháp hội, và những chúng sinh trong đời sau, toàn thể mọi chúng sinh. Thương xót mà ban bố cho pháp âm. Ban cho mọi chúng sinh món quà là Phật pháp vi diệu để rửa sạch những cấu nhiễm sâu dày của chúng con."

Cũng như rau cải, trước hết quý vị phải rửa sạch chúng, sau đó, sợ rằng chúng chưa đủ sạch, quý vị lại tẩy rửa chúng một lần nữa.

'Cấu nhiễm' có thể là sâu dày, trầm trọng đến mức có đủ để cho quý vị bị đoạ vào các cõi giới chúng sinh thấp kém. Cấu nhiễm là chỉ cho tâm tham, sân và si. A-nan mong cầu được hiểu rõ hơn.

Kinh văn: **即時如來於師子座,整涅槃僧,斂僧伽梨,攬 七寶机,引手於几 ,取劫波羅天所奉花巾。**

Phiên âm: Tức thời Như Lai ư sư tử toà, chỉnh niết-bàn tăng, kiểm tăng-già-lê, lãm thất bảo kỷ, dẫn thủ ư kỷ, thủ kiếp-ba- la thiên sở phụng hoa cân.

Việt dịch: Liền khi ấy từ toà sư tử, Như Lai chỉnh y niết-bàn tăng, vén y tăng-già-lê, vin vào bàn thất bảo, tay cầm lên chiếc khăn hoa kiếp-ba-la do chư thiên dâng cúng.

Giảng: Liền khi ấy từ toà sư tử, Như Lai–pháp toà Như Lai ngồi giảng pháp được gọi là toà sư tử . Gọi như vậy là do âm thanh của Đức Phật giảng pháp được ví như tiếng gầm của loài sư tử. Khi sư tử gầm lên, thì các loài thú khác đều run sợ. Khi Đức Phật nói pháp, các loài thiên ma ngoại đạo đều sợ hãi. Chỉnh y niết-bàn tăng –y phục bên trong của Đức Phật–và vén y tăng-già-lê. Y tăng-già-lê là y phục bên ngoài, còn gọi là đại y. Đức Phật vin vào bàn thất bảo, tay vịn vào chiếc bàn làm bằng bảy thứ báu. Chiếc bàn ở trước Đức Phật được làm bằng bảy thứ báu. Vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, và mã não. Lưu ly có khi được gọi là đá quý. Pha lê ngày nay không còn đặc biệt quý hiếm trong thời đại ngày nay khi thuỷ tinh được dùng phổ biến, nhưng thời xưa, pha lê rất khó kiếm, thế nên nó được xem là loại quý. Xa cừ đôi khi có những đường vân rất đẹp trong đó. Và mã não có hình như óc ngựa màu đỏ và trắng.

Rồi Đức Phật cầm lên chiếc khăn hoa kiếp-ba-la do chư thiên dâng cúng. Chư thiên ở đây là Dạ-ma thiên. Tu-dạ-ma thiên là cõi trời "Thiện phân." 'Khăn hoa' là chiếc khăn tay dệt bằng hoa kiếp-ba-la. Ở Ấn Độ, những chiếc khăn như vậy rấy giá trị, và chiếc khăn nầy càng đặc biệt hơn là vì đó là phẩm vật dăng cúng lên Đức Phật của vị chủ cung trời Tu-dạ-ma.

Kinh văn: **於大眾前,綰成一結。示阿難言此名何等。阿難大眾俱白佛言此名為結。 於是如來綰疊花巾又成一結。重問阿難此名何等。阿難大眾又白佛言此亦名結。如是倫次綰疊花巾。總成六結一一結成。皆取手中所成之結。持問阿難此名何等。阿難大眾亦復如是。次第酬佛此名為結。**

Phiên âm: Ư đại chúng tiền, quán thành nhất kiết. Thị A-nan ngôn, thử danh hà đẳng? A-nan đại chúng câu bạch Phật ngôn, thử danh vi kiết. Ư thị Như Lai quán điệp hoa cân, hựu thành nhất kiết. Trùng vấn A-nan. Thử danh hà đẳng? A-nan đại chúng hựu bạch Phật ngôn. Thử diệc danh kiết. Như thị luân thứ quán điệp hoa cân, tổng thành lục kiết. Nhất nhất kiết thành, giai thủ thủ trung sở thành chi kiết. Trì vấn A-nan thử danh hà đẳng. A-nan đại chúng diệc phục như thị. Thứ đệ thù Phật thử danh vi kiết.

Việt dịch: Rồi Đức Phật ở trước đại chúng, (từ chiếc khăn) cột thành một nút, đưa cho A-nan xem và hỏi rằng, "Đây là cái gì?" A-nan và đại chúng đồng bạch Phật rằng, "Đó gọi là nút thắt." Rồi Đức Phật cột nút khác và

hỏi A-nan, "Đây là cái gì?" A-nan và đại chúng lại đồng bạch Phật rằng, "Đó gọi là nút thắt." Đức Phật tuần tự cột từng nút như vậy trên chiếc khăn hoa, tổng cộng thành sáu nút. Mỗi khi cột xong một nút, đều đưa lên hỏi A-nan rằng Đây là cái gì?" A-nan và đại chúng cũng tuần tự đồng bạch Phật rằng, "Đó gọi là nút thắt."

Giảng: Rồi Đức Phật ở trước đại chúng, (từ chiếc khăn) cột thành một nút. Đức Phật như thể chơi với trẻ con, cầm chiếc khăn lên và cột lại từng nút, trong khi ngài đang ngồi trước hội chúng. Đức Phật đưa cho A-nan xem và hỏi rằng, "Đây là cái gì?" Ngài đưa cho A-nan thấy rồi hỏi A-nan đó là gì?

A-nan và đại chúng đồng bạch Phật rằng, "Đó gọi là nút thắt."

Rồi Đức Phật cột nút khác và hỏi A-nan, "Đây là cái gì?" Đức Phật lại hỏi A-nan cùng câu hỏi như vậy.

A-nan và đại chúng lại đồng bạch Phật rằng, "Đó gọi là nút thắt." Họ cùng trả lời như trước.

Đức Phật tuần tự cột từng nút như vậy trên chiếc khăn hoa, tổng cộng thành sáu nút. Đức Phật đã thắt tất cả sáu trên chiếc khăn hoa. Mỗi khi cột xong một nút, đều đưa lên hỏi A-nan rằng "Đây là cái gì?"

Và mỗi lần như vậy, A-nan và đại chúng cũng tuần tự đồng bạch Phật rằng, "Đó gọi là nút thắt."

Chiếc khăn hoa biểu tượng cho tánh Như Lai tạng. Sáu nút trên đó biểu tượng cho sáu căn.

Kinh văn: **佛告阿難,我初綰巾,汝名為結。此疊花巾,先實一條,第二第三,云何汝曹復名為結?**

Phiên âm: **Phật cáo A-nan, ngã sơ quán cân, nhữ danh vi kiết. Thử điệp hoa cân, tiên thực nhất điều, đệ nhị đệ tam, vân hà nhữ tào phục danh vi kiết?**

Việt dịch: Đức Phật bảo A-nan, "Khi Như Lai mới cột khăn lại thì ông gọi là nút, cái khăn hoa nầy, trước đây chỉ một cái, tại sao lần thứ hai, thứ ba, ông vẫn gọi là nút."

Giảng: Chiếc khăn hoa chỉ có một, mà ông đã trả lời Như Lai đó là nút thắt, sao ông còn gọi nút thứ hai thứ ba trenn chiếc khăn ấy cũng là nút thắt? Đức Phật có chủ ý vặn hỏi A-nan theo cách ấy.

Kinh văn: **阿難白佛言世尊。此寶疊花緝績成巾,雖本一體。如我思惟,如來一綰得一結名,若百綰成終名百結。何況此巾秖有六結。終不至七亦不停五。云何如來秖許初時。第二第三不名為結。**

Phiên âm: A-nan bạch Phật ngôn, ‘ Thế tôn, thử bảo điệp hoa trấp tích thành cân. Tuy bổn nhất thể như ngã tư duy. Như Lai nhất quán đắc nhất kiết danh. Nhược bách quán thành chung danh bá kiết. Hà huống thử cân, kỳ hữu lục kiết, chung bất chí thất, diệc bất đình ngũ. Vân hà Như Lai chỉ hứa sơ thời, đệ nhị đệ tam bất danh vi kiết?’

Việt dịch: A-nan bạch Phật rằng, “Bạch Thế tôn, chiếc khăn hoa thêu quý báu nầy vốn chỉ một thể, song theo ý con, khi Như Lai cột một lần thì gọi là một nút, nếu cột 100 lần, thì thành 100 nút. Huống chi khăn nầy chỉ có sáu nút, không đến bảy, cũng không dừng ở năm. Sao Như Lai chỉ gọi cái đầu tiên là nút, mà cái thứ hai thứ ba thì không gọi là nút?”

Giảng: A-nan bạch Phật rằng–A-nan đạp lại lời văn hỏi của Đức Phật. “Bạch Thế tôn, chiếc khăn hoa thêu quý báu nầy vốn chỉ một thể. Chiếc khăn kiếp-ba-la quý báu nầy chỉ là một, song theo ý con, khi Như Lai cột một lần thì gọi là một nút, nếu cột 100 lần, thì thành 100 nút. Mỗi lần thắt trong số 100 lần nầy, đều được gọi là một nút. Huống chi khăn nầy chỉ có sáu nút, không đến bảy, cũng không dừng ở năm. Như Lai chỉ thắt có sáu nút trên chiếc khăn nầy, Như Lai không làm thêm thành bảy nút hoặc dừng lại ở năm nút. Sao Như Lai chỉ gọi cái đầu tiên là nút, mà cái thứ hai thứ ba thì không gọi là nút? Bạch Thế tôn, tại sao ngài chỉ thừa nhận nút thứ nhất là nút và không công nhận các nút thứ hai, thứ ba. Có ý nghĩa gì hàm ẩn trong đó?”

Kinh văn: **佛告阿難此寶花巾,汝知此巾元止一條,我六綰時名有六結。汝審觀察,巾體是同,因結有異。**

Phiên âm: Phật cáo A-nan, ‘Thử bảo hoa cân, nhữ tri thử cân nguyên chỉ nhất điều, ngã lục quán thời danh hữu lục kiết. Nhữ thẩm quan sát, cân thể thị đồng, nhân kiết hữu dị.’

Việt dịch: Đức Phật bảo A-nan, “Cái khăn hoa báu nầy, ông biết nó vốn chỉ là một, khi Như Lai thắt sáu lần thì ông gọi là sáu nút. Ông quán sát kỹ, thấy thể của khăn nầy là đồng, do vì các nút mà thành ra khác.”

Giảng: Đức Phật lắng nghe A-nan trả lời với niềm thích thú. Dĩ nhiên, cả sáu đều gọi là nút. Chẳng phải chỉ có nút đầu tiên mới được gọi là nút và các nút

khác thì không. Đức Phật hỏi như vậy là để thử A-nan. Và A-nan khăng khăng rằng cả sáu phải gọi là sáu nút. Đây là toàn bộ mục tiêu của cuộc đối thoại. Đây là điểm chính của vấn đề đang đề cập đến.

Đức Phật bảo A-nan, “Cái khăn hoa báu nầy, ông biết nó vốn chỉ là một. Chỉ là một cái. Khi Như Lai thắt sáu lần thì ông gọi là sáu nút. Ông liền gọi là sáu nút. Ông quán sát kỹ điều nầy, nhìn thật kỹ từng chi tiết và suy nghĩ–thấy thể của khăn nầy là đồng. Nó chẳng có thêm tên gọi nào nữa. Do vì các nút mà thành ra khác. Ngay khi Như Lai thắt thêm một nút, nó thành ra khác.”

Điều nầy biểu tượng cho tánh Như Lai tạng vốn là một; sáu căn là những nút thắt trong đó. Nhưng dù có đến sáu nút, thể của Như Lai tạng vẫn chỉ là một. Nếu quý vị mở được sáu nút, thì ngay cả một cũng chẳng còn.

Kinh văn: **於意云何?初綰結成名為第一。如是乃至第六結生。吾今欲將第六結名,成第一不?**

Phiên âm: Ư ý vân hà? Sơ quán kiết thành danh vi đệ nhất, như thị nãi chí đệ lục kiết sanh. Ngô kim dục tương đệ lục kiết danh, thành đệ nhất phủ?

Việt dịch: Ý ông nghĩ sao? Khi mới cột nút lần đầu thì gọi là nút thứ nhất, như thế cho đến nút thứ sáu. Nay Như Lai muốn gọi nút thứ sáu là nút thứ nhất có được không?

Giảng: Ý ông nghĩ sao? A-nan, ông suy nghĩ như thế nào? Nay Như Lai muốn gọi nút thứ sáu là nút thứ nhất có được không? Có thể nào nút thứ sáu được gọi là nút thứ nhất chăng?

Kinh văn: **不也世尊。六結若存,斯第六名終非第一。縱我歷生盡其明辯,如何令是六結亂名?**

Phiên âm: Phất dã Thế tôn. Lục kiết nhược tồn, tư đệ lục danh chung phi đệ nhất. Túng ngã lịch sinh tận kỳ minh biện, như hà linh thị lục kiết loạn danh?

Việt dịch: Bạch Thế tôn. Không. Nếu còn sáu nút, thì cái gọi là thứ sáu, rốt cuộc chẳng phải là cái thứ nhất. Dù con có biện bạch hết đời, làm sao có thể lộn lạo tên gọi của sáu nút kia được?

Giảng: A-nan thưa “Hoàn toàn không. Không thể thay đổi được. Như Lai không thể nào thay đổi cách gọi, nút thứ nhầt thành nút thứ sáu hoặc nút thứ sáu thành nút thứ nhất được.” Bạch Thế tôn. Không. Nếu còn sáu nút, thì cái gọi là thứ sáu, rốt cuộc chẳng phải là cái thứ nhất. Nếu đã có sáu nút, thì nút thứ sáu là nút thứ sáu, dù bất luận như thế nào, nó cũng không thể đổi thành nút thứ nhất được. Dù con có biện bạch hết đời. Con, A-nan, dù có được học, từ vô lượng kiếp trong quá khứ đến nay, thì những gì con học được, những gì đã tạo nên tính cách đặc trưng của con, là đa văn và giỏi nhớ. Khi con đã vận dụng khả năng đa văn và biện luận của con, thì làm sao có thể lộn lạo tên gọi của sáu nút kia được? Làm sao có thể lẫn lộn các tên gọi kia được? Làm sao con lại không nhớ thứ tự của từng nút kia được?

Kinh văn: **佛言,六結不同。循顧本因一巾所造。令其雜亂終不得成。**

Phiên âm: Phật ngôn, ‘Lục kiết bất đồng. Tuần cố bổn nhân, nhất cân sở tạo. Linh kỳ tạp loạn chung bất đắc thành.

Việt dịch: Đức Phật dạy, “Đúng vậy, sáu nút không đồng nhau, Xét về căn gốc, vẫn do một cái khăn mà ra. Nhưng làm cho nó đảo lộn thứ tự thì rốt ráo không thể được.”

Giảng: Đức Phật dạy, “Đúng vậy. Ông nói rất đúng. Không thể đổi tên gọi. Không thể gọi nút thứ sáu là nút thứ nhất được. Nút thứ nhất không thể đổi thành nút thứ sáu được. Ông hoàn toàn đúng. Lý do chúng không thể lãn lộn là vì Xét về căn gốc, vẫn do một cái khăn mà ra. Nhưng làm cho nó đảo lộn thứ tự thì rốt ráo không thể được. Nếu ông đảo lộn thứ tự các nút, như ông nói, là không thể được. Điều ấy rất đúng.”

Kinh văn: **則汝六根亦復如是。畢竟同中,生畢竟異。**

Phiên âm: Tắc nhữ lục căn diệc phục như thị. Tất cánh đồng trung, sinh tất cánh dị.

Việt dịch: Sáu căn của ông cũng giống như vậy. Trong thể tánh tuyệt đối giống nhau, lại sinh ra cái tuyệt đối khác nhau.

Giảng: Chúng vốn là đồng, mắt hoạt dụng như là mắt, tai hoạt dụng như là tai, mũi hoạt dụng như là mũi, lưỡi hoạt dụng như là lưỡi, thân hoạt dụng như là thân, ý hoạt dụng như là ý. Vốn chúng là một và đồng. Nhưng ngay điểm nầy mà chúng phân chia ra. Thậm chí ngay lúc đó, chúng vẫn còn tốt nếu chúng

hoà hiệp với nhau. Chúng đều có thể hồi quang phản chiếu. Mắt có thể xoay lại tánh thấy vào bên trong. Tai có thể lắng nghe bên trong và nghe được tự tánh. Mũi không bị xoay chuyển bởi mùi hương bên ngoài. Lưỡi không bị xoay chuyển bởi mùi vị. Thân không bị xoay chuyển bởi sự xúc chạm, và thức không bị ảnh hưởng các ý niệm tâm hành. Nếu chúng cùng kết hợp với nhau và cùng hồi quang phản chiếu, thì chúng sẽ là một. Nhưng chúng không thể hoà hiệp thành một được. Mắt thấy sắc, mũi ngửi hương và truy tìm theo chúng, lưỡi tìm cầu vị ngon lạ và bị xoay chuyển bởi chúng, thân thích xúc chạm và bị ràng buộc bởi chúng, tâm ý bị ảnh hưởng bởi suy tưởng trói buộc chúng. Điều quan trọng là đừng đuổi theo chúng, nhưng người phàm phu không thể nào tránh khỏi việc theo đuổi nầy.

Kinh văn: **佛告阿難,汝必嫌此六結不成。願樂一成,復云何得。阿難言,此結若存。是非鋒起,於中自生。此結非彼彼結非此。如來,今日若總解除。結若不生則無彼此。尚不名一六云何成。佛言六解一亡亦復如是。**

Phiên âm: Phật cáo A-nan, 'Nhữ tất hiềm thử lục kiết bất thành, nguyện nhạo nhất thành, phục vân hà đắc? A-nan ngôn, 'Thử kiết nhược tồn, thị phi phong khởi, ư trung tự sinh, thử kiết phi bỉ, bỉ kiết phi thử. Như Lai kim nhật, nhược tổng giải trừ. Kiết nhược bất sinh tắc vô bỉ thử. Thượng bất danh nhất, lục vân hà thành. Phật ngôn, 'Lục giải nhất vong, diệc phục như thị."

Việt dịch: Đức Phật bảo A-nan, 'Ông chắc không muốn có sáu nút nầy, mà chỉ muốn thành một thể, việc ấy phải làm sao?' A-nan thưa rằng, 'Nếu còn những nút đó, thì điều thị phi sẽ nổi dậy, trong đó sẽ tự cho rằng nút nầy chẳng phải là nút kia, nút kia chẳng phải là nút nầy. Nhưng nay Như Lai giải trừ tất cả. Các nút đã không sinh ra thì không có bỉ thử. Đã không có một thì sáu làm sao thành? ' Đức Phật bảo, 'Nghĩa mở được sáu, một không còn cũng như vậy.'

Giảng: Đức Phật bảo A-nan, 'Ông chắc không muốn có sáu nút nầy. Ông chắc là không thích thành ra có sáu nút.' Đức Phật nói với đệ tử, 'Ông muốn mở sáu nút ra khiến chúng không còn nữa, mà chỉ muốn thành một thể. Ông muốn làm được chuyện ấy. Nhưng việc ấy phải làm sao?'

A-nan nghe Đức Phật hỏi và thưa rằng, 'Nếu còn những nút đó, thì điều thị phi sẽ nổi dậy. A-nan thừa nhận, 'Con muốn giải trừ sáu nút để chỉ còn một thể duy nhất, vì hễ còn sáu nút, thì vẫn còn những điều bàn tán thị phi về chúng.' Lý do của sự tranh cãi là sự phân biệt giữa các nút ấy. Trong đó sẽ tự cho rằng

nút nầy chẳng phải là nút kia, nút kia chẳng phải là nút nầy. Bên trong những nút nầy sẽ có những tranh cãi về nút nào là thật, nút nào chẳng thật. 'Nút nầy,' là nút thứ nhất, chẳng phải là nút thứ sáu; và 'nút kia' là nút thứ sáu, chẳng phải là nút thứ nhất. Sự phân biệt sinh khởi từ vấn đề cái nầy và cái kia.

Nhưng nay Như Lai giải trừ tất cả. Các nút đã không sinh ra thì không có bỉ thử. Không còn là nút thứ nhất, nút thứ nhì, nút thứ ba, nút thứ tư, nút thứ năm, nút thứ sáu. Đã không có một. Khi sáu nút đã được giải trừ sạch rồi thì một cũng chẳng còn. Thì sáu làm sao thành? '

Đức Phật bảo, 'Nghĩa mở được sáu, một không còn cũng như vậy.'

"Giỏi lắm," Đức Phật bảo A-nan, "Ông nói điều ấy rất đúng. Nếu ông hiểu nguyên lý ấy, thì ông sẽ nhận ra rằng 'mở được sáu, một không còn'; vì nó đồng một nghĩa. Nay ông đã rõ điểm nầy chưa?"

Kinh văn: **由汝無始心性狂亂。知見妄發,發妄不息,勞見發塵。**

Phiên âm: Do nhữ vô thuỷ tâm tánh cuồng loạn. Tri kiến vọng phát, phát vọng bất tức, lao kiến phát trần.

Việt dịch: Do từ vô thuỷ, tâm ông điên loạn. Tri kiến vọng phát mãi mãi không dừng, làm cho tri kiến sinh mệt nhọc.

Giảng: Do từ vô thuỷ, tâm ông điên loạn. Từ vô thuỷ kiếp đến nay, chân tâm thường trú tánh tịnh minh thể–chân tánh–của ông đã bị điên đảo. 'Điên đảo' ở đây là chỉ cho 'sinh tướng vô minh, đó là từ câu sinh. Từ sinh tướng vô minh phát khởi lên tri thức phân biệt các hiện tượng, vốn cũng là tự câu sinh. 'Điên đảo' chỉ cho vô minh. Còn 'loạn' chỉ cho Tam tế đã đề cập ở trước. Đó là:

1. Nghiệp tướng
2. Năng kiến tướng 能見相.
3. Cảnh giới tướng 境界相.

Nghiệp tướng khiến cho phát sinh Năng kiến tướng, Năng kiến tướng lại làm sinh khởi Cảnh giới tướng . Điều nầy rất vi tế, tuy vậy, đó không phải là điều mà hàng phàm phu biện biệt được.

Một niệm bất giác sinh ra tam tế. Khi tam tế này đã phát khởi, thì liền có nút thứ nhất. Thời điểm mà Tri kiến vọng phát mãi mãi không dừng, là khi cảnh giới tướng làm duyên để tăng trưởng thành lục thô. Điều nầy cũng đã được giảng giải ở đoạn trước. Lục thô là: 1. Trí tướng: Trí nầy chỉ cho trí thế gian, tức thế trí biện thông. Nó bao gồm cả hiểu biết về lính vực khao học, kỹ thuật, các

loại nghề nghiệp. Vì quý vị 'phát khởi vọng kiến,' nên sinh khởi nên Trí tướng, và phát sinh ra cái thứ hai trong Lục thô.
2. Tương tục tướng: Nó không bao giờ dừng. Trí tướng chính là nút thứ hai, và Tương tục tướng chính là nút thứ ba.
3. Chấp thủ tướng: Sinh khởi tính chấp trước.
4. Kế danh tự tướng .
5. Khởi nghiệp tướng (production of karma).
6. Nghiệp hệ khổ tướng (karmic-bound suffering)

Kinh văn: **如勞目睛則有狂花於湛精明。無因亂起**

Phiên âm: Như lao mục tinh, tắc hữu cuồng hoa ư trạm tinh minh, vô nhân loạn khởi.

Việt dịch: Như khi con mắt mỏi mệt thì thấy như có hoa đốm không có nguyên nhân gì, hỗn loạn khởi lên trong thể tánh sáng suốt rỗng lặng.

Giảng: Như khi con mắt mỏi mệt thì thấy như có hoa đốm. Đoạn nầy giống như đoạn trước đã giảng, "Nhìn vào hư không một lúc lâu, sinh ra mỏi mệt." Khi đã mỏi mệt, thấy những hoa đốm lăng xăng giữa hư không. Ở đây cũng vậy, không có nguyên nhân gì, hỗn loạn khởi lên trong thể tánh sáng suốt rỗng lặng.. Chẳng biết do nguyên nhân nào, chúng xuất hiện hỗn loạn trong tánh Như Lai tạng.

Kinh văn: **一切世間,山河大地,生死涅槃,皆即狂勞顛倒花相。**

Phiên âm: Nhất thiết thế gian, sơn hà đại địa, sinh tử niết-bàn, giai tức cuồng lao điên đảo hoa tướng.

Việt dịch: Tất cả các tướng trong thế gian, núi sông đất liền, sinh tử niết-bàn, đều là tướng hoa đốm điên đảo, do bệnh mê lầm mà phát ra.

Giảng: Không những chỉ có tướng tam tế và lục thô sinh khởi do vì mắt mỏi mệt vì nhìn lâu, đến nỗi nhìn thấy hoa đốm lăng xăng loạn khởi giữa hư không, mà tất cả các tướng trong thế gian–toàn thể vũ trụ pháp giới, có nghĩa là, không chỉ thế giới chúng ta đang sống, mà tất cả các cõi nước trong khắp mười phương hư không pháp giới–núi sông đất liền, sinh tử niết-bàn, đều là tướng hoa đốm điên đảo. Chúng hiện hữu đều do mắt nhìn lâu hoá ra mỏi mệt. Chúng đều là do bệnh mê lầm mà phát ra. Vốn chẳng có hoa gì cả trên hư không. Tất cả những thứ nầy đều là tướng điên đảo xuất hiện như là hoa. Thế

nên Đức Phật muốn giảng bày nghĩa lý trong đoạn kinh nầy là: 'Ông có biết pháp sinh khởi từ đâu không? Mọi hiện tượng đều sinh khởi từ vô minh của chúng sinh. Từ một niệm bất giác mà có tam tế. Và cảnh giới tướng làm nhân duyên cho lục thô sinh khởi.'

Kinh văn: **阿難言此勞同結云何解除。**

Phiên âm: A-nan ngôn, "Thử lao đồng kiết, vân hà giải trừ.?"

Việt dịch: A-nan thưa, "Bệnh mê lầm nầy cũng giống như các nút thắt, làm sao để giải trừ?"

Giảng: Nghe Đức Phật giải thích, A-nan thưa, "Bệnh mê lầm nầy cũng giống như các nút thắt. Bệnh mỏi mệt, nhặm mắt, do nhìn sững quá lâu, cũng giống như các nút thắt. Làm sao để giải trừ? Chúng con làm sao để cởi bỏ chúng đi? Làm sao để chúng con quay trở về lại với bản lai diện mục của mình? Làm sao để chúng con quay trở về lại với tánh Như Lai tạng?"

Kinh văn: **如來以手將所結巾。偏掣其左問阿難言。如是解不。不也世尊。旋復以手偏牽右邊。又問阿難如是解不。不也世尊。**

Phiên âm: Như Lai dĩ thủ tương sở kiết cân, thiên xiết kỳ tả, vấn A-nan ngôn. "Như thị giải phủ?." "Phất dã, Thế tôn." Tuyền phục dĩ thủ thiên khiên hữu biên. Hựu vấn A-nan, " Như thị giải phủ?" "Phất dã, Thế tôn."

Việt dịch: Đức Phật dùng tay cầm cái khăn có nút, kéo mối bên trái, hỏi A-nan rằng, "Thế này có cởi được không?" A-nan đáp: "Bạch Thế tôn. Không." Đức Phật dùng tay kéo riêng mối bên phải, rồi hỏi A-nan rằng, "Thế này có cởi được không?" A-nan đáp: "Bạch Thế tôn. Không."

Giảng: Đức Phật dùng ví dụ để khiến cho A-nan tự hiểu ra cách cởi các nút, vốn là giống như bệnh mỏi mắt do nhìn sững quá lâu.

Đức Phật dùng tay cầm cái khăn có nút, kéo mối bên trái. Đức Phật cầm chiếc khăn hoa quý báu kên rồi kéo nghiêng về phía bên trái. Lúc đó ngài hỏi A-nan rằng, "Thế này có cởi được không?" Cách nầy có mở các nút ra được không? A-nan thưa: "Bạch Thế tôn. Không."

Rồi Đức Phật dùng tay kéo riêng mối bên phải, rồi hỏi A-nan rằng, "Thế này có cởi được không?" Cách nầy có cởi được các nút không? Các nút có mở ra

được chăng? “Bạch Thế tôn. Không.” Nó chẳng bao giờ mở ra được. Nếu Như Lai cứ kéo chiếc khăn, thì chẳng thể nào mở ra được. A-nan trả lời.

Kinh văn: **佛告阿難吾今以手。左右各牽竟不能解。汝設方便云何成解?阿難白佛言世尊。當於結心解即分散。**

Phiên âm: Phật cáo A-nan, “Ngô kim dĩ thủ, tả hữu các khiên cánh bất năng giải. Nhữ thiết phương tiện vân hà thành giải?” A-nan bạch Phật ngôn, “ Thế tôn. Đương ư kiết tâm giải tức phân tán.”

Việt dịch: Đức Phật bảo A-nan, nay Như Lai dùng tay kéo mối bên phải rồi bên trái, rốt cuộc vẫn không cởi được. Vậy ông dùng phương tiện nào mà mở ra được? A-nan bạch Phật ngôn, “Bạch Thế tôn, ngài phải cởi từ chính giữa, các nút sẽ được mở ra.”

Giảng: A-nan rất thông minh! Đức Phật không làm được, nhưng A-nan nghĩ ra được cách làm. Đức Phật bảo A-nan, nay Như Lai dùng tay kéo mối bên phải rồi bên trái, rốt cuộc vẫn không cởi được. Như Lai không thể nào mở ra được dù chỉ một nút. Vậy ông dùng phương tiện nào mà mở ra được? Ông hãy suy nghĩ cách thức. Dùng những phương tiện thiện xảo để tìm ra. Làm sao để mở được? Ông rất thông minh. A-nan. Chắc chắn ông sẽ tìm ra được phương pháp.

A-nan bạch Phật ngôn, “Bạch Thế tôn, ngài phải cởi từ chính giữa, các nút sẽ được mở ra.” Nếu Như Lai chỉ kéo chiếc khăn sang bên trái rồi bên phải, thì không thể nào mở nút ra được. Điều cần làm là mở ngat từ trung tâm chiếc khăn. Một khi đã cởi được, các nút sẽ mở ra.”

Kinh văn: **佛告阿難如是如是。若欲除結,當於結心。**

Phiên âm: Phật cáo A-nan, “Như thị, như thị. Nhược dục trừ kiết, đương ư kiết tâm”.

Việt dịch: Đức Phật bảo A-nan, “Đúng vậy, đúng vậy. Nếu ông muốn mở nút, ông phải mở từ chính giữa.”

Giảng: Câu trả lời của Đức Phật là, “A-nan, ông thật thông minh. Phải không? Đúng vậy, đúng vậy. Đó là những gì ông hiểu được. Ông đã nhận ra. Như Lai chưa nghĩ ra là ông sẽ làm việc ấy bằng cách nào, và ông đã tìm ra được phương pháp kỳ diệu nầy!” Đức Phật thể hiện sự tán thành của mình. “Đúng

như vậy. Nay Như Lai đã rõ. Nếu ông muốn mở nút, ông phải mở từ chính giữa. Bởi vậy, ông không những chỉ học giỏi, mà ông rất thông minh.”

Kinh văn: **阿難我說佛法從因緣生。非取世間和合麤相。如來發明世出世法。知其本因隨所緣出。**

Phiên âm: A-nan ngã thuyết Phật pháp tòng nhân duyên sinh, phi thủ thế gian hòa hiệp thô tướng. Như Lai phát minh thế xuất thế pháp, tri kỳ bổn nhân tuỳ sở duyên xuất.

Việt dịch: A-nan, Như Lai nói Phật pháp do nhân duyên sinh, chẳng phải là căn cứ vào những tướng hoà hiệp thô trọng của thế gian. Như Lai nhận ra các tướng thế gian và xuất thế gian, biết rõ bản nhân của chúng do nhân duyên gì mà phát sinh ra.

Giảng: A-nan, Như Lai nói Phật pháp do nhân duyên sinh, chẳng phải là căn cứ vào những tướng hoà hiệp thô trọng của thế gian. Chẳng phải là Như Lai y cứ vào những tướng thô phù trên thế gian mà mọi người đều thấy. Như Lai nhận ra các tướng thế gian và xuất thế gian. “Tướng thế gian” là chỉ cho các pháp nhiễm và tịnh trong lục đạo luân hồi sinh tử. “Pháp xuất thế gian” là chỉ cho các pháp thanh tịnh trong cảnh giới của của bốn thánh quả A-la-hán. Như Lai biết rõ bản nhân của chúng do nhân duyên gì mà phát sinh ra. Như Lai biết rõ nguồn gốc xuất phát sinh của các pháp nầy và cách mà chúng hoà hiệp với các nhân duyên.”

Kinh văn: **如是乃至恒沙界外,一滴之雨亦知頭數。現前種種松直棘曲,鵠白烏玄皆了元由。**

Phiên âm: Như thị nãi chí hằng sa giới ngoại nhất trích chi vũ, diệc tri đầu số. Hiện tiền chủng chủng tùng trực cức khúc, hộc bạch điểu huyền, giai liễu nguyên do.

Việt dịch: Như thế cho đến một giọt mưa ngoài hằng sa thế giới, (Như Lai) cũng đều biết số mục. Cũng như nay trước mắt ông, các thứ cây tùng thẳng, cây gai cong, chim hộc trắng, chim quạ đen, (Như Lai) đều biết nguyên do.

Giảng: Như thế–Như Lai biết nhân duyên gì khiến các hiện tượng phát sinh–cho đến một giọt mưa ngoài hằng sa thế giới, (Như Lai) cũng đều biết số mục. Như Lai biết rõ các nhân duyên gì ở trong tận cùng các thế giới xa xăm và các

thế giới khác. Chẳng có hiện tượng nào trong các thế giới đó mà Như Lai không biết, kể cả các thế giới ở ngoài các thế giới nầy, Như Lai đều biết rõ từng giọt mưa rơi xuống. Kinh Kim Cang có nói:

"Như Lai hoàn toàn thấy biết được mọi tâm niệm của chúng sinh."

Bất luận là các chúng sinh thuộc cõi giới loài người hay cõi giới khác, bất kỳ niệm tưởng nào sinh khởi trong chúng, Như Lai đều biết rõ. Cũng như nay trước mắt ông. Ông không thể nào thấy được các hiện tượng ở các cõi nước khác cách xa đây nhiều như số cát sông Hằng, như những vật đang hiện hữu trước mắt ông bây giờ, các thứ cây tùng thẳng, cây gai cong, chim hộc trắng, chim quạ đen, (Như Lai) đều biết nguyên do.

Kinh văn: **是故阿難隨汝心中選擇六根。根結若除塵相自滅。諸妄銷亡,不真何待?**

Phiên âm: Thị cố A-nan tuỳ nhữ tâm trung tuyển trạch lục căn, căn kiết nhược trừ, trần tướng tự diệt. Chư vọng tiêu vong, bất chân hà đãi.

Việt dịch: Vậy nên A-nan, tuỳ tâm ông lựa chọn trong sáu căn, nếu trừ được nút thắt trong căn ấy rồi, thì trần tướng tự diệt. Các vọng đã tiêu, đó chẳng phải chân thì là gì?

Giảng: Vậy nên–do mọi điều Đức Phật đều biết được, như ngài vừa giải thích–tuỳ tâm ông lựa chọn trong sáu căn. Tự ông chọn một một căn nào đó trong sáu căn mà ông thích, ông có nhớ công đức của từng căn mà Như Lai đã giải thích không? Căn nào có đủ 1200 công đức, căn nào không? Căn cứ vào đó, ông có thể chọn ra căn nào hợp với mình. Khi ông đã chọn được một căn, nếu trừ được nút thắt trong căn ấy rồi, thì trần tướng tự diệt. Ông áp dụng phương pháp tu tập của mình đối với bất kỳ căn naò đã được chọn ra, cho đến khi căn, nút thắt và trần cảnh đều tiêu sạch. Các vọng đã tiêu. Lúc ấy, các vọng tưởng–suy nghĩ dựa trên sinh diệt–mọi sự phân biệt đều tiêu vong.

"Điều gì sẽ xảy ra?" Quý vị sẽ tự hỏi. "Chúng ta sẽ làm gì khi mọi vọng tưởng của mình tiêu mất?" Đó chẳng phải chân thì là gì? Nếu lúc nầy quý vị chẳng phải chân thì đó là cái gì? Tất cả những gì còn lại đều là chân. Khi cái vọng không còn, thì tất cả còn lại đều là chân. Trừ bỏ mọi niệm tưởng vướng mắc vào các duyên, thì bản tánh chân như thanh tịnh vi diệu sẽ hiện tiền, bản lại diện mục, tánh Như Lai tạng sẽ hiển lộ.

Đến đoạn kinh này, quý vị đặc biệt phải chú tâm nhiều hơn. Quý vị nên phát huy công phu của mình vào một trong sáu căn. Căn nào? Bất kỳ căn nào cũng

được: mắt tai mũi lưỡi thân ý–quý vị đều có thể áp dụng công phu tu tập của mình vào đó. Cửa vào của mỗi sáu căn đều là lối để nhập đạo. Mỗi sáu căn đều là một phần của tánh Như Lai tạng. Việc cần phải làm đối với quý vị là bắt tay vào, để tâm trong công phu tu tập, và quý vị sẽ thể nhập với bản thể của tánh Như Lai tạng.

Kinh văn: **阿難吾今問汝。此劫波羅巾六結現前。同時解縈得同除不。不也世尊。是結本以次第綰生。今日當須次第而解。六結同體結不同時。則結解時云何同除。**

Phiên âm: A-nan ngô kim vấn nhữ. Thử kiếp-ba-la cân lục kiết hiện tiền, đồng thời giải oanh, đắc đồng trừ phủ? Phất dã Thế tôn. Thị kiết bổn dĩ thứ đệ quán sanh. Kim nhật đương tu thứ đệ nhi giải. Lục kiết đồng thể, kiết bất đồng thời, tắc kiết giải thời vân hà đồng trừ?

Việt dịch: A-nan, nay Như Lai hỏi ông, "Cái khăn hoa nầy hiện có sáu nút, nếu đồng thời cởi ra, thì có thể cùng lúc trừ hết được chăng?" "Bạch Thế tôn. Không. Những nút nầy khi cột lại, vốn có thứ tự. Nay cũng phải theo thứ lớp mà mở. Sáu nút tuy đồng một thể, nhưng cột lại không đồng thời, thì khi mở nút, làm sao cùng một lúc mà mở hết được?"

Giảng: Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nói: "A-nan, nay Như Lai hỏi ông, "Cái khăn hoa nầy hiện có sáu nút, nếu đồng thời cởi ra, thì có thể cùng lúc trừ hết được chăng? Chiếc khăn từ cung trời Tu-dạ-ma nầy có sáu nút như mọi người đã thấy. Có thể nào sáu nút nầy được mở ra cùng một lúc chăng? " "Bạch Thế tôn. Không." A-nan trả lời. "Tại sao lại không? Những nút nầy khi cột lại, vốn có thứ tự. Chúng được thắt lại theo thứ lớp. Nay cũng phải theo thứ lớp mà mở. Nay chúng cũng phải theo thứ lớp mà mở. Sáu nút tuy đồng một thể, nhưng cột lại không đồng thời. Dù sáu nút đều được thắt trên cùng một chiếc khăn, nhưng các nút thì không được cột lại cùng một lúc, thì khi mở nút, làm sao cùng một lúc mà mở hết được? Nó phải được mở ra theo từng nút."

Kinh văn: **佛言,六根解除亦復如是。此根初解先得人空。空性圓明,成法解脫。解脫法已俱空不生。**

Phiên âm: Phật ngôn, "Lục căn giải trừ diệc phục như thị. Thử căn sơ giải, tiên đắc nhân không. Không tính viên minh thành pháp giải thoát. Giải thoát pháp dĩ, câu không bất sinh.

Việt dịch: Đức Phật dạy rằng, “Việc giải trừ các nút nơi sáu căn cũng như vậy. Khi các căn bắt đầu được mở, trước hết sẽ được nhân không. Đến khi tánh không viên mãn sáng suốt, thì giải thoát được pháp chấp. Pháp chấp được giải thoát rồi, thì cả nhân không lẫn pháp không đều chẳng sanh khởi.”

Giảng: Đức Phật dạy rằng, “Việc giải trừ các nút nơi sáu căn cũng như vậy. Đạo lý của việc nầy cũng giống như việc mở ra các nút. Ông phải mở nút từng căn một, ông không thể nào cùng một lúc mở cả sáu căn. Khi các căn bắt đầu được mở–có nghĩa là căn mà ông đã chon để tu tập viên thông–trước hết sẽ được nhân không.” Khi đạt được nhân không, là không còn chấp ngã nữa. Có hai loại ngã chấp:
1. Câu sanh ngã chấp.
2. Phân biệt ngã chấp.
Đến lúc nầy, cả hai thứ ngã chấp nầy đều không còn.

Đến khi tánh không viên mãn sáng suốt–khi đã thể hội nhân không thật viên mãn–thì giải thoát được pháp chấp. Khi nhận ra thể tánh các pháp đều là không thì thoát khỏi hai cái chấp về pháp:
1. Câu sanh pháp chấp.
2. Phân biệt pháp chấp.
Pháp chấp được giải thoát rồi, thì cả nhân không lẫn pháp không đều không sanh khởi. Khi đã giải thoát được khỏi pháp chấp, thì không còn hai thứ nhân không và pháp không nữa. Hai thứ không nầy chẳng còn sinh khởi nữa.

Kinh văn: **是名菩薩從三摩地,得無生忍 。**

Phiên âm: Thị danh Bồ tát tòng tam-ma-địa, đắc vô sinh nhẫn.

Việt dịch: Đó gọi là Bồ-tát do tam-ma-điạ mà chứng được vô sanh nhẫn.

Giảng: Bồ-tát đạt được định lực, như vậy có thể chứng được vô sinh pháp nhẫn, đó là cảnh giới của hàng Bồ-tát.

KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH NHƯ LAI MẬT NHƠN
TU CHỨNG LIỄU NGHĨA
CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH
THỦ LĂNG NGHIÊM

QUYỂN 5 – PHẦN 2

— o0o —

TUYÊN HÓA THƯỢNG NHÂN
giảng thuật

— o0o —

HAI MƯƠI LĂM PHÁP MÔN VIÊN THÔNG

Kinh văn: 阿難及諸大眾蒙佛開示。慧覺圓通得無疑惑。

Phiên âm: A-nan cập chư đại chúng, mông Phật khai thị, tuệ giác viên thông, đắc vô ngại hoặc.

Việt dịch: A-nan và đại chúng nhờ Phật khai thị, tuệ giác được viên dung thông suốt, không còn điều gì nghi hoặc.

Giảng: A-nan và đại chúng nhờ Phật khai thị, tuệ giác được viên dung thông suốt. Vào lúc nầy, trí huệ của A-nan và đại chúng đều được viên mãn và đều chứng được viên thông. Đại chúng đều không còn điều gì nghi hoặc.

Kinh văn: **一時合掌頂禮雙足,而白佛言.我等今日。身心皎然快得無礙。**

Phiên âm: Nhất thời hợp chưởng đảnh lễ song túc, nhi bạch Phật ngôn, "Ngã đẳng kim nhật, thân tâm kiểu nhiên khoái đắc vô ngại."

Việt dịch: Cùng lúc chắp tay, đảnh lễ sát hai chân Phật mà thưa rằng, "Ngày nay thân tâm chúng con được sáng suốt, vui mừng được điều vô ngại."

Giảng: Cùng lúc chắp tay, đảnh lễ sát hai chân Phật mà thưa rằng–Đại chúng đồng cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, và A-nan bạch Phật, "Ngày nay thân tâm chúng con được sáng suốt. " Đại chúng đều hiểu được rõ ràng. Và "Vui mừng được điều vô ngại. Chúng con vui mừng khi đạt được sự hiểu biết thông suốt, không còn ngăn ngại bởi những mối nghi ngờ."

Kinh văn: **雖復悟知一六亡義。然猶未達圓通本根。**

Phiên âm: Tuy phục ngộ tri nhất lục vong nghĩa. Nhiên do vị đạt viên thông bổn căn.

Việt dịch: Tuy hiểu ra nghĩa một và sáu đều không còn, nhưng còn chưa rõ được căn tính bản lai của viên thông.

Giảng: Tuy hiểu ra nghĩa một và sáu đều không còn. Chúng con tuy đã hiểu ra được đạo lý khi sáu căn được mở thì một cũng không còn. Nhưng còn chưa rõ được căn tính bản lai của viên thông. Cái gì là cội nguồn của viên thông? Chúng con còn chưa hiểu.

Kinh văn: **世尊我輩飄零積劫孤露。何心何慮,預佛天倫。如失乳兒忽遇慈母。**

Phiên âm: Thế tôn, ngã bối phiêu linh tích kiếp cô lộ. Hà tâm hà lự dự Phật thiên luân. Như thất nhũ nhi hốt ngộ từ mẫu.

Việt dịch: Bạch Thế tôn, chúng con đã phiêu dạt bơ vơ từ nhiều kiếp. Không biết do đâu mà được dự vào dòng Phật. Như trẻ con khát sữa, bỗng gặp mẹ hiền.

Giảng: Bạch Thế tôn, chúng con là hàng Thanh văn còn trong hàng hữu học, đã phiêu dạt, trôi nổi chìm đắm trong biển khổ luân hồi sinh tử, không thể nào thoát ra khỏi vòng luân hồi, bơ vơ từ nhiều kiếp–không được cha mẹ chăm sóc, những kẻ mồ côi cha mẹ thường phải sống đầu đường xó chợ, đêm đến không nhà. Không biết do đâu mà được dự vào dòng Phật. Không biết do cơ may nào mà chúng con được dự vào trong dòng giống Phật, giống như người mẹ hiền của chúng con. Như trẻ con khát sữa, bỗng gặp mẹ hiền. Trẻ con mất mẹ nay tìm lại được mẹ hiền và không còn khát sữa.

Kinh văn: **若復因此際會道成, 所得密言還同本悟。則與未聞無有差別。**

Phiên âm: Nhược phục nhân thử tế hội đạo thành, sở đắc mật ngôn hoàn đồng bổn ngộ, tắc dữ vị văn, vô hữu sai biệt.

Việt dịch: Nếu nhân trong hội nầy mà được thành đạo, chỗ bản ngộ phù hợp với đạo lý vi mật được nghe, thì với những người chưa được nghe

Giảng: Nếu nhân trong hội nầy, cơ duyên mà nay chúng con có được, nhờ Đức Phật giảng dạy giáo pháp, mà được thành đạo, chỗ bản ngộ phù hợp với đạo lý vi mật được nghe. Giáo lý vi diệu, ẩn mật mà Đức Phật giảng dạy cho chúng

con để chúng con nhận ra các pháp sai biệt, và đó chính là bản giác của mỗi chúng con, thì với những người chưa được nghe, sẽ không có gì sai khác. A-nan thưa rằng, "Giáo pháp Đức Phật giảng dạy giúp cho chúng con được giác ngộ. Giáo pháp là do Đức Phật giảng nói, còn sự chứng ngộ là tự thân của riêng mỗi người trong chúng con. Chúng con nhận ra bản tâm, thấy được bản tánh, là chẳng phải cái gì do từ bên ngoài mà có. Đó là lý do tại sao nó chẳng khác với những điều chúng con chưa từng được nghe."

Kinh văn: **惟垂大悲惠我祕嚴。成就如來最後開示。作是語已五體投地。退藏密機,冀佛冥授。**

Phiên âm: Duy thuỳ đại bi huệ ngã bí nghiêm. Thành tựu Như Lai tối hậu khai thị. Tác thị ngữ dĩ ngũ thể đầu địa, thối tàng mật cơ, ký Phật minh thọ.

Việt dịch: "Xin Đức Phật rủ lòng đại bi ban cho chúng con những pháp bí mật trang nghiêm như là lời khai thị tối hậu của Như Lai." Nói lời ấy xong, A-nan gieo năm vóc xuống đất, lui về an trụ trong chánh niệm, trông chờ lời chỉ dạy vi mật của Đức Phật.

Giảng: A-nan tiếp tục cầu xin Đức Phật. Xin Đức Phật rủ lòng đại bi ban cho chúng con những pháp bí mật trang nghiêm như là lời khai thị tối hậu của Như Lai." A-nan lại xin Đức Phật khởi lòng từ bi ban cho đại chúng giáo pháp vi diệu sâu mầu–Thủ-lăng-nghiêm đại định. A-nan mong muốn có được nước của tam-muội. "Như là lời khai thị tối hậu của Như Lai. Chúng con xem đây là lời chỉ dạy tối thượng của Như Lai ban cho chúng con." Khi dâng lời thỉnh cầu nầy, A-nan gieo năm vóc xuống đất, lui về an trụ trong chánh niệm. A-nan lui lại nơi chỗ ngồi của mình và chờ đợi Đức Phật sẽ bí mật truyền trao giáo pháp vi diệu cho mình. "Bí mật–minh冥" có nghĩa là dù có nhiều người đang có mặt, nhưng Đức Phật truyền trao giáo pháp cho A-nan mà họ không biết. Thế nên kinh văn nói: trông chờ lời chỉ dạy vi mật của Đức Phật.

Kinh văn: **爾時世尊普告眾中諸大菩薩。及諸漏盡大阿羅漢。汝等菩薩及阿羅漢。生我法中得成無學。吾今問汝最初發心悟十八界誰為圓通。從何方便入三摩地**

Phiên âm: Nhĩ thời Thế tôn phổ cáo chúng trung chư đại Bồ-tát. Cập chư lậu tận đại A-la-hán. Nhữ đẳng Bồ-tát cập A la hán, sanh ngã pháp trung Sinh ngã pháp trung đắc thành vô học. Ngô kim vấn nhữ tối sơ phát tâm,

ngộ thập bát giới thuỳ vị viên thông. Tòng hà phương tiện nhập tam-ma-địa?

Việt dịch: Bấy giờ Thế tôn bảo khắp các vị đại Bồ-tát và các vị A-la-hán đã sách các lậu hoặc trong đại chúng rằng; "Các ông là những vị Bồ-tát và A-la-hán sinh trưởng trong Phật pháp, đã chứng được quả vô học. Nay Như Lai hỏi các ông, lúc ban đầu mới phát tâm, ngộ tính viên thông ở giới nào trong mười tám giới? Do phương tiện gì mà được tam-muội? "

Giảng: Đức Phật biết rằng A-nan đã lui về chỗ ngồi và đang am thầm chờ đợi cơ duyên vi mật để nhận lời khai thị của Đức Phật. Đức Phật biết rõ những điều đang diễn ra trong tâm thức A-nan. Nhưng lúc nầy, Đức Phật chưa đáp ứng những mong mỏi của A-nan. Trước tiên Đức Phật hỏi 25 vị thánh. Ngài hỏi vị nào đã chứng được viên thông và do giới nào trong mười tám giới mà họ chứng được? Đức Phật hỏi nhờ căn nào mà các ngài được giải thoát?

Bấy giờ Thế tôn bảo khắp các vị đại Bồ-tát và các vị A-la-hán đã sách các lậu hoặc trong đại chúng rằng–Câu nầy được thêm vào như là lời kể chuyện khi kinh nầy được kết tập. Tiếp theo là lời của Đức Phật. "Các ông là những vị Bồ-tát và A-la-hán sinh trưởng trong Phật pháp, đã chứng được quả vô học– các ông là:
Tùng Phật khẩu sanh
Tùng pháp hoá sanh.

Các ông đã chứng được quả vị thứ tư của hàng A-la-hán, thuộc hàng vô học, hoặc quý vị là những vị đại Bồ-tát. Nay Như Lai hỏi các ông, lúc ban đầu mới phát tâm, ngộ tính viên thông ở giới nào trong mười tám giới? Rốt cuộc, do căn nào, giới nào là viên thông? Do phương tiện gì mà được tam-muội? Do phương tiện nào mà ông đạt được tam-ma-đề? "

VIÊN THÔNG SÁU TRẦN

VIÊN THÔNG THANH TRẦN – Kiều Trần Na

Kinh văn: 驕陳那五比丘即從座起。頂禮佛足而白佛言。我在鹿苑及於雞園。觀見如來最初成道。於佛音聲悟明四諦。

Phiên âm: Kiều-trần-na ngũ tỷ-khưu tức tùng toà khởi, đảnh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn. Ngã tại Lộc uyển cập ư Kê viên, quan kiến Như Lai tối sơ thành đạo. Ư Phật âm thanh ngộ minh tứ đế.

Việt dịch: Nhóm năm vị tỷ-khưu Kiều-trần-na liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi thưa rằng, "Chúng con khi ở Lộc uyển và Kê viên, thấy Như Lai khi mới thành đạo, nhờ nghe được pháp âm của Như Lai mà ngộ được lý Tứ diệu đế."

Giảng: Kiều-trần-na (Kaundinya) còn gọi là A-nhã Kiều-trần-như (Ajnatakaundinya), là một trong những đệ tử của Đức Phật. Tên của ông có nghĩa là Giải bổn tế, 解本際là hiểu rõ tận căn nguyên; và Tối sơ giải, 最初解là người hiểu được giáo pháp đầu tiên. Ngài là người đệ tử đầu tiên của Đức Phật được giác ngộ. Ngài là bậc trưởng lão trong đạo, ngài ngộ đạo rất sớm. Lúc ấy, ngài đã lớn tuổi.

Nhóm năm vị tỷ-khưu Kiều-trần-na liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi thưa rằng, "Chúng con khi ở Lộc uyển và Kê viên, thấy Như Lai khi mới thành đạo."

Tương truyền rằng Kê viên là một vườn cây có nhiều loài gà sinh sống. Một hôm vườn cây phát hoả, các con gà nhúng ướt lông của mình rồi dập tắt lửa. Người ta cho rằng đây là điểm rất kỳ đặc. Nên có không khí kỳ diệu khác thường ở nơi nầy. Đặc điểm địa lý rất là tốt lành. Những người tu tập nên tìm đến những nơi nầy, vì sẽ hưởng được cảnh giới thiện lành ở đây.

Nhờ nghe được pháp âm của Như Lai–âm thanh mà Đức Phật giảng pháp–mà ngộ được lý Tứ diệu đế." Đức Phật chuyển pháp luân Tứ đế. Tức gọi là Tam chuyển tứ đế. Nghĩa là Đức Phật chỉ dạy, "Đây là khổ, tánh bức bách. Đây là tập, tánh chiêu cảm. Đây là diệt, tánh khả chứng. Đây là đạo, tánh khả tu."

Tiếp theo, ngài dạy, "Đây là khổ, ông nên biết. Đây là tập, ông nên dứt. Đây là diệt, ông nên chứng. Đây là đạo, ông nên tu."

Lần thứ ba, ngài dạy, "Đây là khổ, Như Lai đã biết. Đây là tập, Như Lai đã dứt. Đây là diệt, Như Lai đã chứng. Đây là đạo, Như Lai đã tu."

Sau khi Đức Phật chỉ dạy những điều nầy, Kiều-trần-na liền được giác ngộ. Trước đây trong Kinh Thủ-lăng-nghiêm, đã giải thích về Kiều-trần-na rằng ngài được giác ngộ nhờ hai chữ 'khách trần.' Ngài nhận ra rằng khách chẳng phải là chủ. Chủ thì chẳng đi đâu, trong khi khách thì có đi có đến.

Kiều-trần-na nghe pháp âm của Đức Phật và ngộ đạo. Thanh âm của con người rất là quan trọng. Tiếng nói của quý vị nếu có âm vang, âm thanh mạnh mẽ và rõ ràng, mọi người sẽ rất thích thú khi nghe quý vị giảng pháp. Nếu lời nói không rõ và nói lắp bắp, ngập ngừng, thì người ta sẽ không muốn nghe quý vị nói. Âm thanh của Đức Phật trong như pha lê, như tiếng gầm của sư tử. Bất

luận chúng hội có đông bao nhiêu người, họ đều nghe được pháp âm của Đức Phật, và họ đều hiểu được nghĩa lý. Chẳng có một ai không hiểu được. Không những loài người hiểu được, mà các loài thú cũng hiểu ra những gì Đức Phật nói. Nên có câu:
Phật dĩ nhất âm diễn thuyết pháp
Chúng sinh tuỳ loại các đắc giải.

Kinh văn: **佛問比丘我初稱解。如來印我名阿若多妙音密圓。我於音聲得阿羅漢。**

Phiên âm: Phật vấn tỷ-khưu. Ngã sơ xưng giải, Như Lai ấn ngã, danh A-nhã-đa. Diệu âm mật viên, ngã ư âm thanh đắc A-la-hán.

Việt dịch: Phật hỏi trong hàng tỷ-khưu chúng con (về viên thông). Con là người đầu tiên giải ngộ, nên Như Lai ấn chứng cho con là A-nhã-đa. Tính vi diệu của âm thanh vốn là nhiệm mầu và viên mãn, con nhờ âm thanh mà chứng được A-la-hán.

Giảng: Phật hỏi trong hàng tỷ-khưu chúng con. Nay Đức Phật hỏi trong hàng tỷ-khưu chúng con bằng cách nào mà chứng được viên thông. Con là người đầu tiên giải ngộ, nên Như Lai ấn chứng cho con là A-nhã-đa. Con là người đầu tiên ngộ đạo và giải thoát. Tính vi diệu của âm thanh vốn là nhiệm mầu và viên mãn. Con nghe âm thanh vi diệu của Phật, âm thanh ấy khế hợp với bản tâm của con. Nó vốn vi mật và viên mãn, hoàn toàn tương ứng, viên dung tâm tánh của con. Con nhờ âm thanh mà chứng được A-la-hán. Con tu tập qua phương tiện âm thanh và chứng được A-la-hán.

Quán Thế Âm Bồ-tát tu tập viên thông ở nhĩ căn, Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát chọn nhĩ căn là tốt nhất để A-nan tu tập viên thông. Ngài Văn-thù-sư-lợi nói rằng tu tập viên thông ở nhĩ căn là pháp môn thù thắng nhất.

Kinh văn: **佛問圓通,如我所證,音聲為上 。**

Phiên âm: Phật vấn viên thông, như ngã sở chứng âm thanh vi thượng.

Việt dịch: Đức Phật hỏi về viên thông, theo sở chứng của con, âm thanh là hơn cả.

Giảng: Đức Phật hỏi về viên thông. Đức Phật hỏi trong 18 giới, giới nào mà nhờ đó, tu tập để chứng được viên thông. Theo sở chứng của con, âm thanh là hơn cả. Sự chứng ngộ của con là nhờ vào âm thanh. Chính nhờ vào phương tiện

ấy mà con chứng được A-la-hán. Thế nên con nghĩ rằng âm thanh là quan trọng nhất. đó là phương pháp thù thắng để tu tập viên thông.

VIÊN THÔNG SÁU TRẦN

VIÊN THÔNG SẮC TRẦN – Ưu bà ni sa đà

Kinh văn: 優波尼沙陀即從座起。頂禮佛足而白佛言。我亦觀佛最初成道。觀不淨相生大厭離。悟諸色性以從不淨。白骨微塵歸於虛空。空色二無。成無學道。

Phiên âm: Ưu-bà-ni sa-đà tức tòng toà đảnh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn. Ngã diệc quán Phật tối sơ thành đạo. Quán bất tịnh tướng, sinh đại yểm ly. Ngộ chư sắc tánh dĩ tòng bất tịnh. Bạch cốt vi trần quy ư hư không. Không sắc nhị vô. Thành vô học đạo.

Việt dịch: Ưu-ba-ni-sa-đà (Upaniṣad) liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng: "Con cũng được gặp Phật lúc mới thành đạo. Con quán tướng bất tịnh, sanh lòng nhàm chán, ngộ thể tánh của sắc, từ tướng bất tịnh, đến tướng xương trắng, tướng vi trần, đều quy về hư không. Thấy cả cái không và cái sắc đều là không, nên thành bậc vô học. "

Giảng: Ưu-ba-ni-sa-đà (Upaniṣad) có nghĩa là 'sắc tánh không色性空'. Ông luôn luôn bị quấy rầy bởi ham muốn tình dục mạnh mẽ. Do đó, Đức Phật dạy ông tu tập pháp quán bất tịnh. Việc nầy giúp cho ông quán sát được thân thể mình cũng như của người khác đều là bất tịnh. Pháp thực hành chính gọi là cửu tưởng quán.

1. Trướng tưởng: Sau khi chết, tử thi bắt đầu phồng lên.
2. Thanh ứ tưởng: Sau khi phồng lên, thây chết vỡ ra ở những vùng bị thâm tím.
3. Hoại tưởng: Sau khi thây chết ngã màu xanh, nó bắt đầu vỡ ra.
4. Huyết đồ tưởng: Khi thân thể tan hoại, máu và các thứ dịch chảy ra.
5. Nùng lạn tưởng: Mủ bắt đầu rỉ ra ngoài thân và bắt đầu mục nát.
6. Trùng đạm tưởng: Mủ vỡ ra, thân rã mục, côn trùng đục khoét phần còn lại.
7. Phân tán tưởng: Thịt bắt đầu tiêu tan mất.
8. Bạch cốt tưởng: Khi thịt đã tiêu sạch, chỉ còn xương trắng.

9. Thiêu tưởng: Toàn thân bị thiêu và chỉ còn tro. Tro bay vào hư không và trở thành cát bụi, cuối cùng chẳng còn gì.

Ưu-ba-ni-sa-đà rất thăm đắm sắc dục, ông ta để ý mọi người phụ nữ mà ông đã gặp và để ý đến sắc đẹp của họ, người nấy đẹp như thế nào, đặc điểm của họ là gì, và họ hấp dẫn ở điểm nào. Ông ta để hết mọi tâm lực vào việc nầy.

Sau khi ông gặp Đức Phật, Đức Phật dạy ông quán tưởng về chín thứ bất tịnh nầy.

Ưu-ba-ni-sa-đà (Upaniṣad) liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng: “Con cũng được gặp Phật lúc mới thành đạo. Con quán tướng bất tịnh, sanh lòng nhàm chán.

Con cũng vậy, gặp được Đức Phật ngay saukhi thành đạo, Thế tôn dạy cho con pháp cửu tưởng quán, quán tưởng về chín pháp bất tịnh. Từ đó con nhận ra bất luận con người nào, khi còn sống, dù có đẹp đến đâu, đến mức quý vị càng nghĩ rằng cô ta đẹp, càng khiến cho cô ta càng hấp dẫn; Tuy nhiên, khi cô ta chết đi, xác của cô ta sẽ trương phồng lên ghê tởm như bất kỳ xác chết nào khác. Xác ấy sẽ trở nên thâm tím, thịt da rữa ra. Liệu quý vị có còn yêu cô ta nữa không? Rồi máu mủ từ trong xác sẽ rỉ ra, xác chết bắt đầu thối rữa. Chó rất thích xác chết trong giai đoạn nầy, nhưng con người thì lại tránh xa. Chỉ nghĩ đến thôi là muốn nôn mửa ra rồi! Chẳng thể nào hôn cô ta trong lúc nầy được nữa. Rồi trùng từ trong xác sinh ra, loài lớn có loài nhỏ có. Ruồi nhặng bay đền từng đàn. Chúng đến bên xác và lúc nầy thì quý vị không còn thấy ghen tương gì nữa. Thịt tan rữa ra và chỉ còn xương. Lúc ấy được thiêu cháy và chẳng còn lại thứ gì. Nói cho tôi biết, người đẹp ấy di đâu mất? Qua pháp quán nầy, con thấy chán tất cả mọi thứ sắc. Ngộ thể tánh của sắc, từ tướng bất tịnh. Ưu-ba-ni-sa-đà nhận ra rằng dù con người có đẹp đẽ đến đâu, căn nguyên của nó cũng là bất tịnh. Tinh cha huyết mẹ là cội nguồn bất tịnh của thân người.

Tướng vi trần, đều quy về hư không. Thấy cả cái không và cái sắc đều là không, nên thành bậc vô học, đó là quả vị thứ tư của hành A-la-hán.

Kinh văn: **如來印我名尼沙陀。塵色既盡妙色密圓。我從色相得阿羅漢。佛問圓通如我所證色因為上**

Phiên âm: Như Lai ấn ngã danh Ni-sa-đà. Trần sắc ký tận, diệu sắc mật viên. Ngã tòng sắc tướng đắc A-la-hán. Phật vấn viên thông, như ngã sở chứng sắc nhân vi thượng.

Việt dịch: Như Lai ấn chứng cho con tên là Ni-sa-đà. Sắc của trần cảnh đã tận diệt, thì thể của sắc tinh diệu được viên mãn. Con do (quán tưởng) sắc tướng mà chứng đắc A-la-hán. Nay Đức Phật hỏi về pháp tu viên thông, như sở chứng của con, thì sắc trần là hơn cả.

Giảng: Như Lai ấn chứng cho con tên là Ni-sa-đà. Đức Phật ấn chứng cho con, đặt cho con tên gọi là Upaniṣad, có nghĩa là 'sắc tánh không; 色性空'. Con quán sát sắc trần, thấy thể tánh của nó là không, nagy đó nó liền tiêu mất, từ đó con thoát khỏi mọi đắm chấp vào sắc. Sắc của trần cảnh đã tận diệt. Do sắc trần bất tịnh của con không còn nữa, nên thể của sắc tinh diệu được viên mãn. Trong thể tính chân không, nó chuyển hoá thành thể tính vi diệu viên mãn.

Con do (quán tưởng) sắc tướng mà chứng đắc A-la-hán. Con được ngộ đạo, vốn con là kẻ rất ham mê sắc dục, nhưng con đã vượt qua được điều ấy.

Nay Đức Phật hỏi về pháp tu viên thông, như sở chứng của con, thì sắc trần là hơn cả. Con nhờ quán tưởng về sắc trần mà chứng được đạo quả.VIÊN THÔNG HƯƠNG TRẦN

VIÊN THÔNG SÁU TRẦN

Hương Nghiêm Đồng Tử

Kinh văn: 香嚴童子即從座起。頂禮佛足而白佛言。我聞如來教我諦觀諸有為相。

Phiên âm: Hương Nghiêm đồng tử tức tòng toà khởi. Đảnh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn. Ngã văn Như Lai giáo ngã đế quán chư hữu vi tướng.

Việt dịch: Hương Nghiêm đồng tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát dưới chân Phật rồi bạch Phật rằng, "Con nghe Như Lai dạy con quán sát thật kỹ về tường hữu vi."

Giảng: Hương Nghiêm đồng tử, Hương Nghiêm là trang nghiêm bởi hương trầm. Đồng tử không có nghĩa là đứa trẻ–là người quả nhỏ không biết điều gì cả. Đồng tử ở đây có nghĩa là vào đạo khi còn là một thiếu niên. Là người xuất gia khi còn nhỏ, chưa lập gia đình. Sau khi Ưu-ba-ni-sa-đà giải thích xong về nhân duyên ngộ đạo của mình, đến phiên Hương Nghiêm đồng tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát dưới chân Phật rồi bạch Phật rằng, "Con nghe Như

Lai dạy con quán sát thật kỹ về các hiện tượng hữu vi. Đức Phật dạy con rằng hãy quán sát các hiện tượng hữu vi thật tường tận chi tiết.”

Kinh văn: **我時辭佛宴晦清齋。見諸比丘燒沈水香。香氣寂然來入鼻中。我觀此氣非木非空非煙非火。去無所著來無所從。由是意銷,發明無漏。**

Phiên âm: Ngã thời từ Phật yến hối thanh trai. Kiến chư tỷ-khưu thiêu trầm thuỷ hương. Hương khí tịch nhiên lai nhập tị trung. Ngã quán thử khí phi mộc phi không, phi yên phi hoả. Khứ vô sở trước lai vô sở tùng. Do thị ý tiêu, phát minh vô lậu.

Việt dịch: Khi con từ giã Phật, về ngồi yên tĩnh trong liêu vắng. Thấy các tỷ-khưu đốt hương trầm, mùi hương lặng lẽ xông vào mũi con. Con quán sát hương nầy, vốn chẳng phải là cây, chẳng phải là hư không, chẳng phải là khói, chẳng phải là lửa. Đến chẳng dính mắc vào đâu, đi cũng chẳng do đâu. Do đó mà mọi ý niệm (phân biệt) đều được tiêu sạch, và con đạt được vô lậu.

Giảng: Khi con từ giã Phật, về ngồi yên tĩnh trong liêu vắng. Đức Phật dạy con quán sát các hiện tượng hữu vi, con liền đi tìm chỗ để ngồi công phu. Thanh trai là nơi mọi người đều ăn chay và cảnh trí rất thanh tịnh. Hương Nghiêm đồng tử dùng ý nầy để xưng tán Đức Phật. “Khi con ngồi nơi tĩnh lặng để công phu quán chiếu, Thấy các tỷ-khưu đốt hương trầm thuỷ.” “Hương trầm thuỷ” tiếng Sanskrit là agaru. Loại hương trầm nầy chìm xuống khi thả vào nước nên có tên gọi như vậy.

Con quán sát hương nầy, vốn chẳng phải là cây, chẳng phải là hư không. Con quán sát căn nguyên của mùi hương nầy, nó vốn chẳng phải là từ cây gỗ. Nếu nó chỉ do từ gỗ, thì chẳng cần phải đốt lên nó mới có mùi hương. Nếu nó có do từ hư không, thì mùi hương phải luôn luôn có, nhưng phải nhờ đốt lên mới có hương; trước khi đốt lên, thì mùi hương không hiện hữu. Mùi hương ấy chẳng phải là khói, hương cũng chẳng đến từ khói, cũng chẳng phải là lửa. Đến chẳng dính mắc vào đâu, đi cũng chẳng do đâu. Do đó mà mọi ý niệm (phân biệt) đều được tiêu sạch, và con đạt được vô lậu.

Nhờ con quán chiếu theo phương pháp nầy, mà tâm phân biệt và sinh diệt của con tiêu mất. Con chứng được quả vô lậu.

Kinh văn: **如來印我得香嚴號。塵氣倏滅妙香密圓。我從香嚴得阿羅漢。佛問圓通如我所證香嚴為上 .**

Phiên âm: **Như Lai ấn ngã đắc Hương Nghiêm hiệu. Trần khí thúc diệt, diêụ hương mật viên. Ngã tùng hương nghiêm đắc A-la-hán. Phật vấn viên thông, như ngã sở chứng hương nghiêm vi thượng.**

Việt dịch: Như Lai ấn chứng cho con tên Hương Nghiêm. Tướng của hương trần bỗng tiêu tan, thể tính của hương là vi mật và viên mãn. Con từ hương nghiêm mà chứng được A-la-hán. Nay Đức Phật hỏi về pháp tu viên thông, như sở chứng của con, thì hương trần là hơn cả.

Giảng: Như Lai đã ấn chứng cho con, đặt tên con là Hương Nghiêm. Hương trần bỗng dưng tiêu mất, và thể tính của hương là vi diệu ẩn mật và viên mãn. Nhờ mùi hương mà con chứng được quả A-la-hán.

Nay Đức Phật hỏi về pháp tu viên thông. Đức Phật muốn biết căn nào là viên thông. Như sở chứng của con, thì hương trần là hơn cả.

VIÊN THÔNG SÁU TRẦN

VIÊN THÔNG VỊ TRẦN
Dược Vương, Dược Thượng Bồ-tát

Kinh văn: 藥王藥上二法王子。并在會中五百梵天即 從座起。頂禮佛足而白佛言。我無始劫為世良醫。口中嘗此娑婆世界草木金石。名數凡有十萬八千。如是悉知苦醋鹹淡甘辛等味, 并諸和合俱生變異。是冷是熱有毒無毒悉能遍知。

Phiên âm: **Dược Vương, Dược Thượng nhị pháp vương tử, tịnh tại hội trung ngũ bá Phạm thiên tức tòng toà khởi, đảnh lễ Phật túc, nhi bạch Phật ngôn. "Ngã vô thuỷ kiếp vị thế lương y, khẩu trung thường thử ta-bà thế giới thảo mộc kim thạch, danh số phàm hữu thập vạn bát thiên. Như thị tất tri khổ thố hàm đạm, cam tân đẳng vị, tịnh chư hoà hợp câu sanh biến dị. Thị lãnh thị nhiệt, hữu độc vô độc, tất năng biến tri."**

Việt dịch: Hai vị Pháp vương tử Dược vương, Dược thượng cùng với năm trăm vị Phạm thiên trong chúng hội, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, "Từ vô thuỷ kiếp đến nay, chúng con làm lương y trong thế gian, miệng thường nếm các thứ cỏ cây, đá, kim loại trong cõi giới ta-bà nầy, số mục có đến tám vạn bốn ngàn thứ. Chúng con biết hết các vị đắng, chua, mặn, nhạt, ngọt, cay..., cùng sự hoà hợp và biến đổi từ các vị ấy sinh ra. Thứ nào là lạnh, thứ nào tính nóng, thứ nào độc, thứ nào không độc, chúng con đều biết rõ."

Giảng: Hương Nghiêm đồng tử ngộ đạo là do quán sát hương trần. Ưu-ba-ni-sa-đà ngộ đạo là nhờ quán sát sắc trần. Kiều-trần-na ngộ đạo là do quán sát thanh trần. Hai vị Bồ-tát Dược vương, Dược thượng ngộ đạo là nhờ quán sát vị trần.

Hai vị Bồ-tát Dược vương, Dược thượng là hai anh em. Trong thời quá khứ, Bồ-tát Dược vương có phát lời nguyện sẽ làm vị lương y cho thế gian, thế nên ai đến gặp ngài đều được chữa lành bệnh, bất luận họ bị bệnh nặng đến mức nào. Ngài phát lời nguyện này vào thời Đức Phật Lưu ly quang Như Lai. Có tỷ-khưu Nhật Tạng giảng nói diệu pháp, trong pháp hội có vị trưởng giả tên là Tinh tú quang, nghe pháp sanh lòng vui mừng, nên đã cùng với người em của mình phát nguyện như vậy trước tỷ-khưu Nhật Tạng.

Ở Trung Hoa, có Vua Thần Nông (Emperor Shen Neng) cũng nếm được 100 loại thảo mộc và phát minh ra cách trị bệnh bằng dược thảo. Dạ dày của ông giống như tấm gương, có thể thấy được thức ăn là độc hay hiền. Nhưng không may, dân Trung Hoa ngày nay hoàn toàn không hiểu được những tinh tuý từ lịch sử như thế nầy, họ cho rằng đó chỉ là những truyền thuyết. Thực ra, đây là những sự kiện rất bình thường, đều có ghi trong các tài liệu y học của Trung Hoa. Nhưng sinh viên Trung Hoa thời hiện đại không đọc những sách cổ, thế nên họ không hiểu được những chuyện nầy. Chính tôi đã đọc được chuyện nầy, tôi tin rằng Vua Thần Nông là thân tái sinh của Bồ-tát Dược vương, ngài thị hiện ở Trung Hoa để giúp cho nền tảng nghiên cứu y học ở đó.

Hai vị Pháp vương tử Dược vương, Dược thượng cùng với năm trăm vị Phạm thiên trong chúng hội, liền từ chỗ ngồi đứng dậy.

Đức Phật là Pháp vương, nên tên gọi dành cho các vị Bồ-tát là Pháp vương tử.

Hai vị Bồ-tát cùng năm trăm đồ chúng của họ liền từ chỗ ngồi của mình đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Từ vô thuỷ kiếp đến nay, chúng con làm lương y trong thế gian, miệng thường nếm các thứ cỏ cây, đá, kim loại trong cõi giới ta-bà nầy, số mục có đến tám vạn bốn ngàn thứ.”

Vào thời đó, ở Ấn Độ các chất của thuốc được hoà hiệp từ bốn thứ, cỏ, cây, kim loại và đá. Chúng con biết hết các vị đắng, chua, mặn, nhạt, ngọt, cay…, cùng sự hoà hợp và biến đổi từ các vị ấy sinh ra. Chúng con biết rõ vị nào thích hợp vị nào không. Vị nào có thể hoà hiệp để trị một số bệnh, vị nào không thể hoà hiệp, nhưng khác với loại trước, có thể gây chết người nếu khi hoà hiệp chúng lại. Thế nên trong Dược tính bộ (Yao Xing Pu (Treatise on the Nature’ of Medicines) có nói, “Căn bản về thảo mộc, có mười tám loại độc và 19 loại hiền. Ô đầu (烏頭wu dou) tương kị với các thứ Bán hạ (半夏ban xia),

Bạch liễm (白蔹bei lian), Qua lâu (瓜 䕶guo lou). Cam thảo được trình bày trong Dược tính bộ như là thảo dược có ưu thế hoà hiệp với nhiều thứ thuốc khác, nhưng nếu đem cam thảo dùng chung với Hải tảo (海藻hai zao), Đại kích (大戟da ji), Cam toại (甘遂 gan sui), Nguyên hoa (元花yuan hua) mà cho bệnh nhân dùng thì họ có thể chết. Lê lô (藜蘆Li lo) và Tế tân (細莘xi xin) dùng chung cũng có thể làm chết người. Nhưng Tế tân dùng riêng thì có thể chữa được bệnh nhức đầu.

Chúng con biết rõ những dược thứ thuốc nầy thích hợp hay nghịch nhau khi chúng hoà hiệp lại, và thứ nào sẽ biến đổi tính chất, hoặc điều gì sẽ xảy ra khi chúng hoà hiệp với những thứ có độc tính, cũng như biết được thứ nào là lạnh, thứ nào tính nóng, thứ nào độc, thứ nào không độc, chúng con đều biết rõ.”

Dược tính của nó có thể là hàn, nhiệt, ôn, bình. Những người tánh hàn thì không thể dùng thuốc có vị hàn, những người có tánh ôn thì không thể nào chịu được thuốc có vị ôn. Hai vị Bồ-tát đều biết rõ tính độc của từng vị thuốc như thế nào trong từng loại dược thảo.

Kinh văn: **承事如來,了知味性非空非有。非即身心非離身心。分別味因,從是開悟。**

Phiên âm: Thừa sự Như Lai, liễu tri vị tánh phi không phi hữu. Phi tức thân tâm phi ly thân tâm. Phân biệt vị nhân tòng thị khai ngộ.

Việt dịch: Chúng con (nhờ) thừa sự Như Lai, (mà) rõ biết bản tính của vị trần vốn chẳng phải là không, chẳng phải là có; không phải chính là thân tâm, chẳng phải tách rời thân tâm. Do phân biệt được bản nhân của vị trần mà được khai ngộ.

Giảng: Chúng con (nhờ) thừa sự Như Lai. Chúng con đã quy y và phụng thờ chư Phật. Nhờ đó (mà) rõ biết bản tính của vị trần vốn chẳng phải là không, chẳng phải là có. Vị trần chẳng đến từ hư không, chẳng phải vốn có. Vị trần không phải chính là thân tâm, chẳng phải tách rời thân tâm. Bản tánh của vị trần chẳng phát sinh từ cái lưỡi nếm mùi vị; chẳng phải tánh của vị trần có được bên ngoài việc nếm mùi vị của cái lưỡi.

Do phân biệt được bản nhân của vị trần mà được khai ngộ.

Chúng con quán chiếu tường tận căn nguyên bản tính của mùi vị và nhờ đó mà được giác ngộ. Khi chúng con phát huy tính phân biệt đến tột đỉnh–tới mức

không còn phân biệt được nữa– thì trở nên chứng ngộ. Chúng con nhận ra rằng căn nguyên của mùi vị vốn chẳng phải là mùi vị.

Kinh văn: **蒙佛如來印我昆季。藥王藥上二菩薩名。今於會中為法王子。因味覺明位登菩薩。**

Phiên âm: Mông Phật Như Lai ấn ngã côn quý, Dược Vương Dược Thượng, nhị Bồ-tát danh. Kim ư hội trung vi Pháp vương tử. Nhân vị giác minh vị đăng Bồ-tát.

Việt dịch: Nhờ Phật ấn chứng cho anh em chúng con tên gọi là Dược Vương Dược Thượng Bồ-tát. Nay trong chúng hội, chúng con là pháp vương tử. Nhờ vị trần mà được chứng ngộ trong hàng Bồ-tát .

Giảng: Nhờ Phật ấn chứng cho anh em chúng con tên gọi là Dược Vương Dược Thượng Bồ-tát. Đức Phật ban cho hàng Bồ-tát chúng con hai tên gọi như vậy. Nay trong chúng hội, chúng con là pháp vương tử. Nhờ vị trần mà được chứng ngộ trong hàng Bồ-tát. Chúng con nếm các vị trần cho đến khi được chứng ngộ đến giai vị Bồ-tát.

Kinh văn: **佛問圓通,如我所證,味因為上 。**

Phiên âm: Phật vấn viên thông, như ngã sở chứng, vị nhân vi thượng.

Việt dịch: Nay Đức Phật hỏi về viên thông. Như chỗ chứng ngộ của chúng con, căn nguyên từ vị trần là hơn cả.

Giảng: Vị trần là phương pháp tu tập viên thông thù thắng nhất. Mùi vị là điều cần nhất cho chuyện ăn uống. Nó có thể là ngon nhất và cũng có thể là dở nhất. Vị dở nhất là vị diệu lạc tối thượng. Nhưng chính quý vị phải tự mình nếm được và nhận ra nó có ngon hay không.

VIÊN THÔNG SÁU TRẦN

VIÊN THÔNG XÚC TRẦN
Bạt-đà-bà-la

Kinh văn: 跋陀婆羅并其同伴。十六開士即從座起。頂禮佛足而白佛言。

Phiên âm: **Bạt-đà-bà-la tịnh kỳ đồng bạn thập lục khai sĩ tức tòng toà khởi. Đảnh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn.**

Việt dịch: Bạt-đà-bà-la cùng đồng bạn là mười sáu vị khai sĩ liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng.

Giảng: Bhadrapāla là tiếng Sanskrit, Hán dịch là Hiền thủ còn dịch là Hiền đức. Khi Bhadrapāla mới xuất gia tu đạo, ông ta rất ngã mạn. Khi đó có một vị Bồ-tát tên là Thường Bất Khinh, thường tu tập hạnh kính trọng mọi người. Bất kì khi gặp ai, Bồ-tát nầy cũng thường chắp tay cung kính nói với họ rằng, "Tôi không dám khinh quý ngài, vì trong tương lai các ngài sẽ thành Phật." Khi Bồ-tát Thường Bất Khinh làm điều nầy đối trước Bhadrapāla, ông ta liền mắng Bồ-tátThường Bất Khinh rằng, "Ông thực là kẻ khờ dại! Sao ông lại làm cái dở hơi? Ông thực là ngớ ngẩn!" Sau lần đó, Bhadrapāla thậm chí còn xúi giục người khác đánh đập Bồ-tát. Khi Bồ-tát cúi lạy những người nầy, họ còn đá vào ngài khi ngài cúi xuống lạy họ. Có khi họ véo mũi ngài, có khi họ đánh ngài đến gãy răng. Do tính ngã mạn nầy mà Bhadrapāla bị đoạ vào địa ngục. Ông ta phải chịu ở đó một thời gian dài trước khi được làm người.

Bạt-đà-bà-la cùng đồng bạn là mười sáu vị khai sĩ–tức chỉ cho các vị Bồ-tát–liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng.

Kinh văn: **我等先於威音王佛,聞法出家。於浴僧時。隨例入室忽悟水因。既不洗塵亦不洗體。中間安然得無所有宿習無忘**

Phiên âm: **Ngã đẳng tiên ư Oai-âm-vương Phật, văn pháp xuất gia. Ư dục tăng thời, tuỳ lệ nhập thất, hốt ngộ thuỷ nhân. Ký bất tẩy trần diệc bất tẩy thể. Trung gian an nhiên, đắc vô sở hữu.**

Việt dịch: Chúng con ban đầu nghe pháp từ Đức Phật Oai âm vương mà xuất gia. Trong khi chư tăng đang tắm, theo thứ tự đi vào phòng tắm, bỗng nhiện ngộ ra bản tính của nước. Vốn nó không tẩy được bụi, cũng chẳng tẩy được mình. Ở giữa hai điều ấy, con được rỗng rang tịch lặng, con nhận ra cái không có gì.

Giảng: Chúng con ban đầu nghe pháp từ Đức Phật Oai âm vương mà xuất gia.

Đức Phật Oai âm vương là vị Phật đầu tiên trong chư Phật. Nay nếu có người hỏi quý vị rằng vị Phật đầu tiên là ai, quý vị có thể trả lời chính xác cho họ rồi. Bhadrapāla xuất gia từ thời Đức Phật Oai âm vương. Có lần trong khi chư tăng đang tắm, con theo thứ tự đi vào phòng. Chư tăng vào thời ấy, theo lệ, cứ nữa tháng tắm một lần. Bỗng nhiên con ngộ ra bản tính của nước. Vốn nó không

tẩy được bụi, cũng chẳng tẩy được mình. Nhờ quán sát từ nước mà Bhadrapāla được giác ngộ. Ông ta ngộ ra đối tượng của sự xúc chạm.

Ở giữa hai điều ấy, con được rỗng rang tịch lặng. Có nghĩa là không có đối tượng của xúc chạm.

Kinh văn: **宿習無忘乃至今時從佛出家今得無學。彼佛名我跋陀婆羅。妙觸宣明成佛子住。**

Phiên âm: Túc tập vô vong, nãi chí kim thời tòng Phật xuất gia kim đắc vô học. Bỉ Phật danh ngã Bạt-đà-bà-la. Diệu xúc tuyên minh, thành Phật tử trụ.

Việt dịch: Đến nay con vẫn chưa quên điều sở chứng trong quá khứ, đến khi theo Phật xuất gia, con được quả vị vô học. Đức Phật ấy gọi con là Bạt-đà-bà-la. Do phát minh diệu tính của xúc trần, nên thành bậc Phật tử trụ.

Giảng: "Đến nay con vẫn chưa quên điều sở chứng trong quá khứ. Con chưa quên những gì con nhận biết về bản tính của nước khi con vào phòng tắm lúc ấy." Dù Bạt-đà-bà-la bị đoạ vào địa ngục sau đó, nhưng ông ta vẫn không quên những điều ông đã chứng ngộ được.Từ thời Đức Phật Oai âm vương, cho đến khi Bạt-đà-bà-la trình bày những điều nầy trong hội chúng của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni là một khoảng thời gian không thể tính đếm được. Bồ-tát Thường Bất Khinh chính là Đức Phật Thích-ca Mâu-ni trong một kiếp trước. Và Bạt-đà-bà-la, trong chúng hội của Đức Phật Đức Phật Thích-ca Mâu-ni ngày nay, chính là người trong kiếp trước đã cho người mắng nhiếc đánh đập Bồ-tát Thường Bất Khinh. Bạt-đà-bà-la chính là vị tăng rất ngạo mạn và đầy tự cao nên đã đoạ vào địa ngục.

Đến khi theo Phật xuất gia, con được quả vị vô học. Bạt-đà-bà-la nói rằng: "Nay con xuất gia và đã thành tựu được quả vị vô học. Đức Phật kia đã ấn chứng cho con và đặt tên con là Bạt-đà-bà-la. Do phát minh diệu tính của xúc trần, nên thành bậc Phật tử trụ. Đối tượng của xúc trần không còn, nhưng diệu tính của xúc trần hiển lộ." Khi Bạt-đà-bà-la nói rằng mình là 'Phật tử' có nghĩa là là ông đã chứng được giai vị Bồ-tát.

Kinh văn: **佛問圓通,如我所證,觸因為上 .**

Phiên âm: Phật vấn viên thông, như ngã sở chứng, xúc nhân vi thượng.

Việt dịch: Đức Phật hỏi về viên thông, theo sở chứng của con, do xúc trần là hơn cả.

Giảng: Đức Phật hỏi về viên thông, theo sở chứng của con, do xúc trần–đối tượng của xúc trần–là hơn cả.

VIÊN THÔNG SÁU TRẦN

VIÊN THÔNG PHÁP TRẦN
Ma-ha Ca-diếp

Kinh văn: 摩訶迦葉及紫金光比丘尼等,即從座起。頂禮佛足而白佛言。

Phiên âm: Ma-ha Ca-diếp cập Tử Kim Quang tỷ-khưu ni đẳng tức tòng toà khởi, đảnh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn.

Việt dịch: Ma-ha Ca-diếp cùng tỷ-khưu ni Tử Kim Quang cùng những người khác liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật và bạch Phật rằng:

Giảng: Ma-ha Ca-diếp; Ma-ha (s: mahā) là lớn; Ca-diếp (s: Kaśyapa) là tên. Do thời ấy nhiều người có họ Kaśyapa nên chữ mahā–đại được thêm vào để gọi tên ngài. Kaśyapa dịch theo tiếng Hán có nghĩa là Đại quy thị–大龜氏. Tổ tiên của ngài là loài rùa khổng lồ với những đồ hình trên lưng, và có tên gọi ấy do sự kiện trên. Mahā-kaśyapa còn được địch là Đại ẩm quang 大飲光. Ánh sáng trên thân ngài như thể nuốt trọn hết mọi thứ ánh sáng khác, vì các thứ ánh sáng ấy biến mất vào trong ánh sáng của thân ngài

Tên của ngài là Pippala, là tên của một loại cây. Cha mẹ ngài hiếm muộn con, nên họ đến cầu đảo ở thần cây Pippala; kết quả là họ có được người con, họ lấy tên cây đặt tên cho con mình. Ma-ha Ca-diếp vốn là ngoại đạo thờ lửa. Ông tu tập công phu ngửi mùi khói. Có rất nhiều loại ngoại đạo ở Ấn Độ, ngoại đạo thờ nước, ngoại đạo thờ lửa, ngoại đạo thờ đất. Ngoại đạo thờ đất tu theo lối chuyên vùi mình trong đất, nếu còn sống sót sau một số ngày nhất định nào đó, thì sẽ được thành thần. Những ngoại đạo nầy thật là mê lầm.

Tỷ-khưu ni Tử Kim Quang là vợ của Ma-ha Ca-diếp. Vào thời Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, Ma-ha Ca-diếp 120 tuổi và vợ ông có lẽ phải gần 100 tuổi. Từ kiếp lâu xa, vào thời Đức Phật Ca-diếp, bà thấy một tượng Phật bị mòn vẹt bởi gió mưa, đến mức chẳng còn chút sắc vàng nào trên thân Phật. Bà ta phát tâm

sửa lại ngôi chùa, nhưng không có đủ tiền. Nhưng bà ta cũng hy vọng mạ vàng tượng Phật, nhưng việc ấy đòi hỏi chi phí rất nhiều. Tuy nhiên, ở đâu có tâm nguyện, ở đó liền có con đường mở ra, tâm nguyện của người phụ nữ nầy rất mạnh và chân thực. Cô ta đi khắp nơi để quyên góp tiền bạc, sau một thời gian dài, cô ta quyên được số tiền tương đương 100.000 dollars Mỹ. Cô ta nhờ thợ kim hoàn mạ vàng tượng Phật.

Người thợ kim hoàn cảm động bởi quyết định tu sửa tượng Phật dù cô ta rất nghèo, nên anh ta chỉ làm công với một nửa chi phí. Thế nên hai người ấy chia nhau công đức việc nầy. Chẳng bao lâu ngôi chùa được tu sửa xong, không còn bị dột nữa, tượng Phật đã được mạ vàng. Từ đó về sau, thân thể người phụ nữ phát ra ánh sáng màu tím. Còn người thợ kim hoàn, chính là Ma-ha Ca-diếp, sau khi hoàn thành việc mạ vàng tượng Phật, đã có một chuyện rất kỳ lạ diễn ra giữa ông và người phụ nữ. “Tâm của cô rất tốt.” Ông nói với cô ta, “Tôi sẽ cưới cô làm vợ, ta sẽ thành vợ chồng. Không phải chỉ trong đời nầy, mà trong muôn vàn đời sau, chúng ta sẽ là vợ chồng của nhau.” Đó là lý do tôi đoán chừng Ma-ha Ca-diếp 120 tuổi, và vợ ít nhất là 100 tuổi. Dù vậy, họ vẫn rất mạnh khỏe và tinh cần tu tập. Người vợ của Ma-ha Ca-diếp cũng siêng năng tu tập và chứng được đạo quả.

Cùng những người khác–trong quyến thuộc– liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật và bạch Phật rằng:

Kinh văn: **我於往劫於此界中。有佛出世名日月燈。我得親近聞法修學。佛滅度後供養舍利然燈續明。以紫光金塗佛形像。自爾已來世世生生。身常圓滿紫金光聚。此紫金光比丘尼者。即我眷屬同時發心。我觀世間六塵變壞。**

Phiên âm: Ngã ư vãng kiếp ư thử giới trung, hữu Phật xuất thế danh Nhật Nguyệt Đăng. Ngã đắc thân cận văn pháp tu học. Phật diệt độ hậu cúng dường xá-lợi, nhiên đăng tục minh. Dĩ tử kim quang đồ Phật hình tượng. Tự nhĩ dĩ lai, thế thế sinh sinh, thân thường viên mãn tử kim quang tụ. Thử Tử kim quang tỷ-khưu ni giả. Tức ngã quyến thuộc đồng thời phát tâm.

Việt dịch: Con từ kiếp trước, trong cõi nầy, có Đức Phật ra đời hiệu là Nhật Nguyệt Đăng. Con được thân cận, nghe pháp tu học với ngài. Khi Phật diệt độ, chúng con thắp đèn sáng mãi để cúng dường xá-lợi, lại lấy vàng thếp hình tượng Phật. Từ đó đến nay, đời nầy qua đời khác, thân chúng con đều viên mãn sáng ngời như sắc vàng thắm. Tỷ-khưu ni Tử kim quang đây là quyến thuộc, cùng phát tâm một lần như chúng con.

Giảng: Chúng ta đều phải nhớ một điểm quan trọng: mối quan hệ vợ chồng của hai người nầy từ đời nầy sang đời khác không phải dựa trên tình cảm luyến ái. Đúng hơn, họ kết hôn trong mỗi đời rồi cùng nhau tu tập. Họ cùng tham thiền tập định. Đời nầy sang đời khác, họ tu học theo Phật pháp.

Ma-ha Ca-diếp giải thích: Con từ kiếp trước, trong cõi nầy, có Đức Phật ra đời hiệu là Nhật Nguyệt Đăng. Con được thân cận, nghe pháp tu học với ngài. Vào thời quá khứ lâu xa, có Đức Phật hiệu là Nhật Nguyệt Đăng thị hiện trên đời. Mặt trời chiếu sáng vạn vật ban ngày. Mặt trăng chiếu sáng vạn vật ban đêm. Đèn có thể chiếú sáng cả ban ngày lẫn ban đêm. Ban ngày biểu tượng cho hiện hữu (cái có), và ban đêm biểu tượng cho cái không. Đó là cả hai mặt hiện tượng và bản thể, bản thể và hiện tượng. Đó cũng chẳng phải là hiện tượng và bản thể, và chẳng phải là hiện tượng, chẳng phải là bản thể. Nghĩa là chẳng vướng mắc vào có hoặc không.

Khi Phật diệt độ, chúng con thắp đèn sáng mãi để cúng dường xá-lợi. Công đức cúng dường xá-lợi Phật tương đương với việc cúng dường chính Đức Phật. Chúng con thắp đèn sáng mãi–để Phật pháp được trường tồn và lan rộng–để cúng dường xá-lợi, lại lấy vàng thếp hình tượng Phật. Từ đó đến nay, đời nầy qua đời khác, thân chúng con đều viên mãn sáng ngời như sắc vàng thắm.

Thân tướng của ngài Ma-ha Ca-diếp rất là hoàn hảo. và tôi chắc rằng người vợ của ông cũng rất đoan nghiêm.

Tỷ-khưu ni Tử kim quang đây là quyến thuộc, cùng phát tâm một lần như chúng con. Điều quan trọng là họ cùng tu tập với nhau. Mối quan hệ của họ không dựa trên tình cảm luyến ái.

Kinh văn: **我觀世間六塵變壞。唯以空寂修於滅盡。身心乃能度百千劫猶如彈指。**

Phiên âm: Ngã quán thế gian lục trần biến hoại. Duy dĩ không tịch tu ư diệt tận. Thân tâm nãi năng độ bách thiên kiếp do như đàn chỉ.

Việt dịch: Con quán sát trong thế gian, sáu trần đều biến hoại, chỉ dùng pháp không tịch tu diệt tận định, thân tâm mới có thể trải qua trăm ngàn kiếp như khảy móng tay.

Giảng: Ma-ha Ca-diếp trình bày tiếp tục: “Con quán sát trong thế gian, sáu trần đều biến hoại.” Căn bản, vốn ngài muốn nói về đối tượng của tâm ý, nhưng ở đây ngài đề cập đến sáu trần, vì đối tượng của tâm ý vốn không có hình tướng; chúng chỉ là bóng dáng của 5 giác quan. Nếu 5 giác quan trước đó không tồn

tại, thì đối tượng của tâm ý cũng không còn, vì chúng không có tự thể riêng của nó. Sắc thanh hương vị xúc pháp, sáu trần–dời đổi, biến hoại. Chỉ dùng pháp không tịch tu diệt tận định. Chúng chỉ là không tịch. Thể tính của chúng là không. Vốn chẳng có gì cả. Căn cứ vào yếu tính nầy, chúng con tu tập diệt tận định. Có nghĩa là diệt hẳn thức thứ sáu và không còn y cứ vào thức phân biệt nầy nữa." Đây cũng gọi là diệt thọ tưởng định.

Nay thân tâm mới có thể trải qua trăm ngàn kiếp như khảy móng tay. Tâm của Ma-ha Ca-diếp có thể trải qua một thời gian dài hằng trăm ngàn kiếp như trong một khoảnh khắc ngắn–như khảy móng tay. Nay Ma-ha Ca-diếp thực sự đang nhập định–trong Diệt tận định–trong Kê túc sơn ở tỉnh Vân nam Trung Hoa.

Kinh văn: **我以空法成阿羅漢。世尊說我頭陀為最。妙法開明銷滅諸漏。佛問圓通如我所證,法因為上 .**

Phiên âm: Ngã dĩ không pháp thành A-la-hán. Thế tôn thuyết ngã đầu-đà vi tối. Diệu pháp khai minh tiêu diệt chư lậu. Phật vấn viên thông, như ngã sở chứng, pháp nhân vi thượng.

Việt dịch: Con do quán các pháp là không nên thành A-la-hán. Thế tôn nói con tu hạnh đầu-đà bậc nhất. Khai ngộ được diệu tính của các pháp, thì các lậu hoặc tận diệt. Nay Phật hỏi về pháp tu viên thông, theo điều sở chứng của con, thì do pháp trần là hơn cả.

Giảng: Ma-ha Ca-diếp thưa rằng: "Con do quán các pháp là không nên thành A-la-hán. Thế tôn nói con tu hạnh đầu-đà bậc nhất." Đầu-đà là tiếng Sanskrit, còn phiên âm là Đẩu-tẩu 抖 擻. Có nghĩa là phát tâm tu hành tinh tấn dõng mãnh, công phu miên mật không nghỉ ngơi. Mười hai hạnh đầu-đà là:

1. Mặc y chắp vá bằng vải vụn (trước tệ nạp y).
2. Chỉ có 3 y (dẫn tam y).
3. Thường đi khất thực (thường hành khất thực).
4. Theo thứ tự khất thực từng nhà không kể giàu nghèo (thứ đệ khất thực).
5. Ngày ăn một bữa (thọ pháp nhất thực).
6. Không ăn quá nhiều, chỉ vừa đúng lượng (tiết lượng thực).
7. Sau buổi trưa không dùng nước trái cây (trung hậu bất đắc ẩm tương).
8. Xa lìa nơi đông đảo, ở nơi yên tĩnh (trụ A-lan-nhã).
9. Ngủ dưới gốc cây (thọ hạ chỉ).
10. Ngồi ở chỗ đất trống (lộ địa toạ).

11. Ở trong nghĩa địa (trủng gian trụ).
12. Thường ngồi không nằm (đản toạ bất ngoạ).

Khai ngộ được diệu tính của các pháp, thì các lậu hoặc tận diệt. Nay Phật hỏi về pháp tu viên thông. Nay Như Lai hỏi chúng con về nhân duyên của pháp tu viên thông–phát tâm ban đầu khiến chúng con tu tập được chứng ngộ.

Theo điều sở chứng của con, thì do pháp trần là hơn cả.

Dùng pháp trần để quán chiếu là phương tiện thù thắng hơn cả.

VIÊN THÔNG NĂM CĂN

VIÊN THÔNG NHÃN CĂN
A-na-luật-đà

Kinh văn: 阿那律陀即從座起。頂禮佛足而白佛言。我初出家常樂睡眠。如來訶我為畜生類。我聞佛訶啼泣自責。七日不眠失其雙目。

Phiên âm: A-na-luật-đà tức tòng toà khởi, đảnh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn. Ngã sơ xuất gia thường nhạo thuỵ miên. Như Lai ha ngã vi súc sinh loại. Ngã văn Phật ha, đề khấp tự trách, thất nhật bất miên, thất kỳ song mục.

Việt dịch: A-na-luật-đà liền từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ sát chân Phật và bạch Phật rằng: "Khi mới xuất gia con thường thích ngủ. Như Lai quở trách con là loài súc sinh. Con nghe Phật mắng, khóc thầm tự trách mình, suốt bảy ngày đêm không ngủ, bị mù hai mắt."

Giảng: A-na-luật-đà, tiếng Sanskrit là Aniruddha, Hán dịch là Vô bần無貪, Như ý 如意. liền từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ sát chân Phật và bạch Phật rằng: "Khi mới xuất gia con thường thích ngủ. Như Lai quở trách con là loài súc sinh.
Đức Phật nói với ông rằng:
Này ông! Sao quá mê ngủ
Như con sò trong vỏ cứng?
Ông ngủ suốt cả ngàn năm
Tên Phật rồi chẳng nghe thấy.

Khi Đức Phật quở trách ông như vậy, ông rất hối lỗi. Con nghe Phật mắng, khóc thầm tự trách mình. " Tại sao mình quá mềm yếu?" Con tự hỏi mình. "Sao ngươi cứ thích ngủ suốt ngày? được rồi. Từ nay ta không cho phép ông ngủ nữa." Suốt bảy ngày đêm không ngủ. Có lẽ A-na-luật-đà đã luân phiên đi

kinh hành và ngồi để giữ cho mình khỏi buồn ngủ, đến bị mù hai mắt." Mắt phải làm việc suốt ngày, nhưng ban đêm phỉ được nghỉ ngơi. Nếu quý vị không để cho nó nghỉ ngơi và khiến nó quá mệt, thì nó sẽ không còn thấy được nữa. Nó sẽ đình công. Thế nên A-na-luật-đà phải bị mù mắt.

Kinh văn: **世尊示 我樂見照明金剛三昧。我不因眼觀見十方。精真洞然如觀掌果。如來印我成阿羅漢。**

Phiên âm: Thế tôn thị ngã nhạo kiến chiếu minh kim cang tam muội. Ngã bất nhân nhãn quán kiến thập phương. Tinh chân đồng nhiên như quán chưởng quả. Như Lai ấn ngã thành A-la-hán.

Việt dịch: Thế tôn dạy con tu pháp nhạo kiến chiếu minh kim cang tam-muội. Con bị mù mắt, nhưng thấy mười phương rỗng suốt tinh tường như thấy trái cây trong lóng bàn tay. Như Lai ấn chứng cho con đạt quả vị A-la-hán.

Giảng: Thế tôn thương xót con vì đã bị mù, nên đã dạy con pháp tu gọi là nhạo kiến chiếu minh kim cang tam muội. Con tu tập pháp môn nầy một thời gian dài, và đạt được thiên nhãn, gọi là bán đầu thiên nhãn (半頭天眼)

Con bị mù mắt, dù con không thấy được các thứ bằng mắt thường, nhưng với thiên nhãn, con thấy mười phương rỗng suốt tinh tường như thấy trái cây trong lóng bàn tay. Giống như thấy được trái xoài (s: amala) trong bàn tay. Như Lai ấn chứng cho con đạt quả vị A-la-hán.

Kinh văn: **佛問圓通如我所證。旋見循元,斯為第一 。**

Phiên âm: Phật vấn viên thông, như ngã sở chứng, triền kiến tuần nguyên, tư vi đệ nhất.

Việt dịch: Đức Phật hỏi về viên thông, như chỗ sở chứng của con, xoay cái thấy trở về căn nguyên, đó là pháp môn hay nhất.

Giảng: Đức Phật hỏi các vị Bồ-tát và các vị đệ tử về viên thông mà các ngài đã chứng được, như chỗ sở chứng của con, xoay cái thấy trở về căn nguyên, đó là pháp môn hay nhất. Như con, A-na-luật-đà, đã nhận ra rằng, quay cái thấy trở về lại với bản tánh căn nguyên của mình mà tu tập. Đây là phương pháp tốt nhất.

VIÊN THÔNG NĂM CĂN

VIÊN THÔNG TỊ CĂN
Châu-lợi Bàn-đặc-ca

Kinh văn: 周利槃特迦即從座起。頂禮佛足而白佛言。

Phiên âm: Châu-lợi Bàn-đặc-ca tức tòng toà khởi, đảnh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn.

Việt dịch: Châu-lợi Bàn-đặc-ca liền từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ sát chân Phật và bạch Phật rằng:

Giảng: Châu-lợi (Kshudra) có nghĩa là 'sinh trên đường–đạo sinh.' Phong tục Ấn Độ là sau khi người phụ nữ lấy chồng và sắp sinh, cô ta sẽ trở về nhà mẹ để sinh con. Trong trường hợp Châu-lợi, mẹ ngài đáng ra phải về nhà mẹ một hai tháng trước khi sinh, nhưng nà đợi đến giờ phút lâm bồn mới lên đường. Quãng đường từ nhà chồng về nhà mẹ khá dài–chừng một hoặc hai trăm dặm. Vì bà ta đợi cho đến khi chuyển bụng mới đi, nên đi nữa đoạn đường thì ba đã chuyển bụng đau đẻ, và bà ta sinh ngay trên đường. Nên Châu-lợi được đặt tên như vậy. Em trai của Châu-lợi là Châu-lợi Bàn-đặc-ca (Kshudrapanthaka), cũng được đặt tên theo cách như vậy. Bàn-đặc-ca (panthaka) có nghĩa là 'sinh cùng một cách– kế đạo 繼道.' Trong trường hợp của Bàn-đặc-ca, người mẹ cũng đợi gần ngày mới về nhà mẹ và cũng sinh giữa đường. Đứa bé được đặt tên là Bàn-đặc-ca, em của Châu-lợi.

Châu-lợi Bàn-đặc-ca rất là đần độn. Khi mới xuất gia, ban đầu người nào cũng được dạy những bài kệ ngắn để đọc vào lúc sáng sớm. Trước đây tôi có đọc cho quý vị nghe một bài rồi, nay tôi đọc thêm bài khác:

Thân ngữ ý nghiệp bất tác ác,
Mạc não thế gian chư hữu tình
Chánh niệm quán tri dục cảnh không.
Vô ích chi khổ đương viễn ly.

Có nghĩa là người xuất gia cần nhất là phải giữ cho ba nghiệp thân khẩu ý được thanh tịnh. Không được làm não loạn chúng sinh, phải quán chiếu để biết các cảnh của ngũ dục vốn là không. Chớ học tập những pháp tu khổ hạnh vô ích của ngoại đạo.

Khi Châu-lợi Bàn-đặc-ca cố gắng học bài kệ nầy, ông được sự trợ giúp của 500 vị A-la-hán, nhưng sau 100 ngày, ông không còn nhớ một chữ nào cả. Quá chậm lụt! Phải không? Ông nhớ được "Thân ngữ ý nghiệp," nhưng không nhớ

nỗi “bất tác ác.” Hoặc ông nhớ được “bất tác ác” thì lại quên “Thân ngữ ý nghiệp.” Tôi nghĩ trong quý vị đây không có ai chậm lụt như vậy. Khi Châu-lợi thấy em mình được 500 vị A-la-hán hộ trì cho để học bài kệ trong 100 ngày mà vẫn không thuộc được một dòng, ông mới bảo em mình hãy trở về nhà sống đời cư sĩ. Ông bảo “Hãy về nhà lập gia đình.” Ông đưa em mình ra đường, không cho ở trong tịnh xá làm một vị tỷ-khưu.

Châu-lợi Bàn-đặc-ca nghĩ rằng: “Mình muốn thành một vị tỷ-khưu như những người kia, có ý nghĩa gì khi trở về nhà?” Thế là ông lấy y bát, lui sau vườn, chuẩn bị để tự vẫn. Khi ông sắp treo cổ, Đức Phật thị hiện thành thần cây hỏi ông ta rằng: “Ông định làm gì đó?”
– Tôi không muốn sống nữa.
– Thế sau khi ông chết, ông sẽ làm gì?
– Tôi không biết.
– Đừng chết! Thần cây bảo,–Đừng phí sinh mạng mình. Đó là lí do tại sao ông quá đần độn. Ông hãy cố gắng sửa đổi lỗi lầm của mình trong quá khứ. Khi đã thay đổi, mọi việc sẽ trở nên tốt đẹp.
– Thế chuyện nhân quả từ quá khứ khiến cho tôi bị u mê đời nầy là sao? Bàn-đặc-ca hỏi.
Nhớ rằng thần cây là hoá thân của Đức Phật, khi Bàn-đặc-ca hỏi vấn đề đó, do trở lại nguyên hình và trả lời:

– Trong một đời trước, ông là một pháp sư tinh thông tam tạng có 500 đệ tử. Ngày nào họ cũng muốn học với ông nhưng ông không muốn dạy họ. Ông không muốn giảng kinh thuyết pháp, dù họ cầu thỉnh. Họ phải quỳ trước ông 3 ngày ba đêm mà ông vẫn không nói cho họ một lời. Vì ông không chịu giảng pháp, nên ông trở nên đần độn đến mức không nhớ nỗi một dòng kệ.

Khi nghe như vậy, Bàn-đặc-ca rất xấu hổ. “Tại sao mình tệ đến mức như vậy?” Điều ấy được gọi là bỏn xẻn pháp (stingy with the dharma). Quý vị nên nhớ kỹ điều nầy. Sau khi quý vị nghe tôi giảng pháp, đến đâu quý vị cũng phải nên giảng giải lại cho mọi người cùng hiểu. Đừng bao giờ nuôi dưỡng thái độ, “Ta sẽ không giảng giải Phật pháp cho các người, nếu các người hiểu ra, ta sẽ ra sao đây?” Đừng có đố kỵ với sự hiểu biết Phật pháp của người khác. Quý vị càng đố kỵ bao nhiêu, thì mình càng trở nên kém hiểu biết. Bàn-đặc-ca đã bỏn xẻn pháp, nên quả báo là ông bị ngu đần. Nhưng vì ông còn nhiều thiện căn, nên ông được sinh vào thời gặp Đức Phật.

Đức Phật nói cho Bàn-đặc-ca biết rõ nguyên nhân trong quá khứ rồi, ngài liền cầm cái chổi lên và hỏi:
– Ông biết cái gì đây không?

– Thưa, cái chổi.
– Ông có nhớ được chăng?
– Thưa, nhớ được.
Rồi Đức Phật dạy ông:
– Hãy lặp lại suốt ngày chữ nầy: ‘Chổi, chổi, chổi.’

Bàn-đặc-ca lặp đi lặp lại chữ chổi liền vài tuần lễ. Đức Phật bảo ông dừng lại và hỏi
– Như thế nào, ông có nhớ được chăng?

Bàn-đặc-ca trả lời:
– Bạch Thế tôn, con nhớ được.
– Được rồi! Như Lai sẽ đổi chữ ấy thành ‘quét sạch.’ Hãy cố gắng học thuộc.
Bàn-đặc-ca liền học, ‘quét sạch, quét sạch, quét sạch.’ Và ông đã dùng cái chổi vô hình đó quét sạch những phiền não nhiễm ô của ông. Điều ông đang làm là quét sạch tính bỏn xẻn pháp của chính mình. Quý vị hãy ghi nhớ điều nầy. Hãy nhớ những đạo lý tôi đã giảng trong Kinh Thủ-lăng-nghiêm và giảng giải cho nhiều người cùng nghe. Nếu quý vị làm việc đó, trong đời sau quý vị sẽ được trí huệ và thông minh. Nếu quý vị muốn thực hành hạnh pháp thí, quý vị sẽ không bao giờ bị ngu đần.

Kinh văn: **我闕誦持無多聞性。最初值佛聞法出家。憶持如來一句伽陀。於一百日得前遺後得後遺前。**

Phiên âm: Ngã khuyết tụng trì, vô đa văn tính. Tối sơ trị Phật văn pháp xuất gia, ức trì Như Lai nhất cú già-đà, ư nhất bá nhật, đắc tiền di hậu, đắc hậu di tiền.

Việt dịch: Con không có khả năng trì tụng, không có khiếu đa văn. Khi mới được gặp Phật, nghe pháp xuất gia, con cố nhớ một câu kệ của Như Lai, nhưng trong 100 ngày, nhớ trước quên sau, nhớ sau quên trước.

Giảng: Bàn-đặc-ca trình bày lại những điều mình đã trải qua. Con không có khả năng trì tụng, không có khiếu đa văn. A-nan không bao giờ quên điều gì khi đã đọc qua. Ông có khả năng ghi nhớ rất sâu và rất thông minh. Nhưng con, Bàn-đặc-ca, thì quá chậm lụt. Khi mới được gặp Phật, nghe pháp xuất gia. Dù con đã xuất gia, khi con cố nhớ một câu kệ của Như Lai–dòng kệ đó là “Thân ngữ ý nghiệp bất tác ác,” –nhưng trong 100 ngày, nhớ trước quên sau, nhớ sau quên trước. Con cố gắng nhớ được vài chữ đầu lại quên mấy chứ sau.

Khi con nhớ được mấy chữ sau lại quên mấy chữ đầu. Thế nên suốt thời gian dài, con không bao giờ thuộc được dù chỉ một câu kệ. Con thật là đần độn.

Bàn-đặc-ca chậm lụt là vì trong quá khứ ông đã từ chối giảng kinh và thuyết pháp cho mọi người. Nay bất kỳ quý vị ở đâu, cũng nên cố gắng giúp cho mọi người đọc kinh hoặc giảng nói Phật để giáo hoá cho mọi chúng sinh. Quý vị làm việc nầy như là sứ mệnh của chính mình. Đừng có tâm bỏn xẻn pháp.

Tôi đã nói chuyện nầy rồi, nhưng muốn lặp lại, Bàn-đặc-ca phải chịu quả báo đần độn vì ông ta không tu hạnh bố thí pháp– ông ta bỏn xẻn pháp. Việc giảng kinh thuyết pháp của tôi hiện nay chính là đang bố thí pháp. Tại sao tôi giảng pháp cho quý vị? Vì nếu tôi hiểu Phật pháp mà không chịu giải thích cho quý vị thì trong đời sau, thậm chí tôi còn không được như Bàn-đặc-ca; ông ta không nhớ được một dòng kệ trong suốt 100 ngày, còn tôi thì có lẽ không nhớ được một chữ trong suốt cả năm. Đó là lí do tôi không nhận tiền khi giảng pháp. Tôi không mong quý vị hoàn đáp lại cho tôi điều gì cả, tôi chỉ giảng kinh và thuyết pháp cho quý vị. Tôi không muốn mình bị ngu đần. Nếu trong quý vị có ai không muốn mình bị ngu đần thì hãy thử nghiệm. Hãy tỏ ra thái độ, “Tôi thông hiểu Phật pháp, nhưng không muốn Giảng giải cho quý vị. ” Hãy thử xem, trong đời sau, khi quý vị còn ngu đần hơn cả Bàn-đặc-ca nữa, thì quý vị mới thấy những điều tôi nói là đúng. Quý vị sẽ kết thúc đời mình bằng những gì mình đã trải qua. Từ rất lâu, tôi được nghe một vị pháp sư dạy rằng nếu người nào không tu tập hành bố thí pháp thì quả báo sẽ chịu ngu si, tôi không bao giờ quên điều ấy.

Việc nầy nhắc tôi nhớ lại một chuyện dân gian (public record). Thời nọ có một vị quan, có lẽ đến chức đầu tỉnh, là người rất sùng kinh kinh Pháp Hoa. Nhưng có điều rất lạ, trong bộ kinh Pháp Hoa gồm 7 quyển, ông ta nhớ rất kỹ 3 quyển rưỡi đầu. Ông ta ghi nhớ ngay khi mình đọc kinh xong. Nhưng 3 quyển rưỡi sau thì ông ta không thể nhớ được điều gì cả, dù ông có đọc nhiều lần đi nữa. Ông không thể nào hiểu nổi sao lại như vậy, thế nên ông đến hỏi một vị cao tăng của thời ấy, vốn là một vị thiện tri thức có đạo nhãn và lục thông.

Khi vị quan đầu tỉnh đến, Lão thiền sư ra tiếp, và vị quan trình bày vấn đề. “Trong các kinh Phật, kinh Pháp Hoa thu hút tôi nhất. Tôi rất quý kinh nầy, nhưng tôi chỉ nhớ được 3 quyển rưỡi đầu. Lý do tại sao như vậy?”

Lão thiền sư đáp, “Ồ! Nay ông muốn biết. Được rồi, nhưng khi tôi nói thì ông đừng sửng sốt hoặc không tin.”

Thưa, “Xin vâng. Nguyện sẽ tin những lời Thầy dạy.”

Lão thiền sư giải thích, “Nguyên nhân đời nầy ông làm quan là do trong đời trước ông đã làm nhiều công đức. Trong quá khứ ông từng làm thân bò, và ông giúp cày ruộng cho chùa. Từ đó ông đã cúng dường cho Tam bảo, và ông đã có công đức. Nguyên nhân ông chỉ nhớ được 3 quyển rưỡi đầu của kinh Pháp Hoa là như sau: Theo lệ thường, trong chùa phơi kinh vào mỗi ngày mồng sáu tháng 6 trong năm để phòng mối mọt. Vào lúc ấy, ông tiếp xúc được với kinh Pháp Hoa và ông chỉ ngửi được bộ thứ nhất, chưa tới bộ thứ hai. Đó là lí do tại sao ông chỉ thuộc 3 quyển rưỡi đầu cuốn kinh Pháp Hoa trong đời nầy.”

Vị quan đảnh lễ Lão thiền sư, sau đó ông càng tinh tấn hơn trong việc tham cứu kinh Pháp Hoa.

Một con bò ngửi kinh mà được thông minh đến như vậy, trong khi Bàn-đặc-ca từ chối giảng pháp mà trở nên bị ngu si. Nếu quý vị biết so sánh hai chuyện trên đây và chiêm nghiệm thật sâu, cũng đủ để biết những gì mình sẽ nếm trải. Thực vậy, tôi mong rằng quý vị đừng có thử, vì bị chìm đắm như Bàn-đặc-ca sẽ khổ vô cùng. Mặt khác, chúng ta không nên xem thường Bàn-đặc-ca. Dù ông ta chậm lụt, nhưng đã được giác ngộ sau khi niệm mãi “chổi” và ‘quét sạch’ trong một thời gian ngắn. Chúng ta có thể thông minh hơn Bàn-đặc-ca, nhưng chúng ta không được giác ngộ nhanh như ông ta. Thế nên về mặt nầy, chúng ta không được như Bàn-đặc-ca.

Kinh văn: **佛愍我愚教我安居調出入息。我時觀息微細窮盡。生住異滅諸行**剎那。

Phiên âm: Phật mẫn ngã ngu, giáo ngã an cư, điều xuất nhập tức. Ngã thời quán tức vi tế cùng tận, sinh, trụ, dị, diệt chư hạnh sát-na.

Việt dịch: Đức Phật thương con ngu muội, dạy con pháp an cư, điều hoà hơi thở ra vào. Con quán sát hơi thở của con đến chỗ rốt ráo, từng chi tiết của các hạnh sinh, trụ, dị, diệt trong từng sát-na.

Giảng: Đức Phật thương con ngu muội. Đức Phật thấy thương xót con vì con chậm lụt, nên ngài dạy cho con đọc chữ “chổi” và ‘quét sạch.’ Dạy con pháp an cư, điều hoà hơi thở ra vào. Pháp tu nầy là duy trì hơi thở vào trong khi đếm từ 1 đến 10, rồi duy trì ý thức khi thở ra và đếm từ 1 đến 10. Bất luận dù ai có đần độn đến đâu cũng có thể đếm từ 1 đến 10. Một hơi thở vào và một hơi thở ra được đếm là 1. Con quán sát hơi thở của con đến chỗ rốt ráo, từng chi tiết của các hạnh sinh, trụ, dị, diệt trong từng sát-na. Trong một hơi thở, thời điểm mà

quý vị bắt đầu thở ra được gọi là sinh, và tiến trình tiếp theo được kể là một hơi thở kế tiếp. Tông Thiên thai chia việc quán sát nầy thành sáu giai đoạn–sáu phương pháp quán sát hơi thở. Chúng ta sẽ không đi sâu vào chi tiết việc nầy ở đây. Chỉ nên biết rõ rằng khi bắt đầu thở ra được gọi là sinh, hơi thở tiếp tục được gọi là trụ, khi hơi thở đến gần dứt gọi là dị, khi hơi thở đến cuối gọi là diệt. Điều nầy diễn biến trong từng sát-na. Trong một niệm tưởng có 90 sát-na. Trong mỗi sát-na có 900 lần sinh diệt. Những chi tiết nầy mắt thường không thể nào thấy được.

Kinh văn: **其心豁然得大無礙。乃至漏盡成阿羅漢。住佛座下印成無學。**

Phiên âm: Kỳ tâm hoát nhiên đắc đại vô ngại. Nãi chí lậu tận thành A-la-hán. Trụ Phật toà hạ tức thành vô học.

Việt dịch: Tâm con bỗng nhiên đạt được đại vô ngại, cho đến hết sạch các lậu hoặc, thành A-la-hán. Trước pháp toà của Phật, con được ấn chứng là bậc vô học.

Giảng: Lúc ấy, con quán sát hơi thở của mình cho đến khi đạt được cảnh giới vô ngã, vô nhân, vô chúng sinh, vô thọ giả tướng. Con thở vào thở ra một cách không cần dụng công và tâm con được hợp thành một. Con không còn niệm tưởng phân biệt và tâm phan duyên. Mọi niệm tưởng đều dừng bặt. Tâm con bỗng nhiên đạt được đại vô ngại. Ồ! Con đã quay trở lại và đến được cội nguồn! “Bỗng nhiên” ở đây là chỉ cho sự giác ngộ. Giống như cánh cửa gian phòng bỗng dưng bị bật tung ra. Không khí trong phòng trở nên tức thời thanh tịnh. Chẳng còn không khí ẩm mốc. Quý vị có để ý rằng dù có nhiều người trong giảng đường này nhưng không vẫn thanh tịnh? Nếu quý vị hỏi tôi tại sao, sẽ rất khó trả lời cho quý vị. Chỉ nói rằng trong một bồ-đề đạo tràng, có sự thanh tịnh bất khả tư nghì cho đến cả bầu không khí.

Khi quý vị đến nghe giảng pháp, điều cần nhất là phải vô cùng cung kính. Đó là vì chư Phật và Bồ-tát sẽ nói rằng, “Ông là đồ trứng thối! Tại sao ông đến đạo tràng mà lại hành xử như vậy?” Mọi người nên kính trọng nhau và khiêm tốn, hoà hợp với nhau, Đừng tự mãn hay tự cao. Đừng nói nghiệp chướng câu như thế nầy, “Hãy xem ông đần độn đến mức nào! Tôi giỏi hơn ông nhiều.” Ngay khi quý vị nghĩ như vậy, là mình đã tự làm ngu muội mình đi. Đừng xem thường người khác. Những người trong pháp hội nầy đều là cha mẹ trong quá khứ của mình và là chư Phật trong tương lai. Nếu quý vị xem thường những người nầy, là chẳng khác gì xem thường Phật. Thế nên khi quý vị tu học Phật pháp, quý vị nên nhìn mọi người không phân biệt.

Trong bồ-đề đạo tràng, quý vị phải giữ quy luật. Khi đang nghe kinh, không được đứng dậy và đi lang thang. Đừng ngồi dựa ngửa ra hoặc dựa vào vật gì khác. Hãy ngồi thật ngay thẳng. Đừng có thái độ lười biếng trễ nãi. Thậm chí dù quý vị là một con trùng lười biếng, cũng không nên làm như vậy. Quý vị nên phát huy chính mình thành một người nghiêm túc. Cũng vậy, đừng ngủ khi nghe giảng kinh, nếu như vậy, trong tương lai, quý vị sẽ giống như A-na-luật-đà.

Đoạn kinh tiếp tục: cho đến hết sạch các lậu hoặc. Sau khi chứng ngộ, A-na-luật-đà dần dần đạt được quả vị vô lậu. Và thành A-la-hán. A-na-luật-đà chứng được qaủ vị thứ tư của hàng A-la-hán. Trước pháp toà của Phật, con được ấn chứng là bậc vô học. Con luôn luôn theo Phật và ngồi dưới chân Phật để nghe giảng kinh. Đức Phật đã ấn chứng cho con và nói rằng con cũng đã đạt được quý vị thứ tư của hàng A-la-hán.

Một người đần độn như vậy mà cũng chứng được quả vị thứ tư của hàng A-la-hán. Còn chúng ta thì quá thông minh nhưng chưa chứng được đến sơ quả. Quý vị có thấy hổ thẹn không?

Kinh văn: **佛問圓通如我所證。返息循空斯為第一**

Phiên âm: Phật vấn viên thông như ngã sở chứng, phản tức tuần không, tư vi đệ nhất.

Việt dịch: Đức Phật hỏi về viên thông, như điều chứng được của con, quay hơi thở trở về với tánh không, đó là phương pháp hay nhất.

Giảng: "Đưa hơi thở ra vào trở về lại, hoà hợp với tính không– trở về lại với thể tính tịch lặng; đây là phương pháp hay nhất."

Tôi đã qua đây (Mỹ quốc) nhiều năm, nhưng tôi không bao giờ dám nói đến luật lệ. Vì sao? Xứ nầy tán thành tự do. Cha mẹ không kiểm soát con cái, con cái họ muốn làm gì thì làm. Sau khi tôi đến Mỹ quốc, tôi có nhận đệ tử, nhưng tôi cũng vậy, không kiểm soát họ. Tôi để họ muốn làm gì mặc tình. Họ muốn đi đâu tuỳ ý, họ có thể làm việc theo ý riêng của họ. Họ rất độc lập. Nhưng trong hội giảng kinh, tôi để ý thấy rằng có người rất tuỳ tiện–trên mức bình thường cho phép. Đó gọi là:

Bất y quy cũ, bất thành phương viên.

Trong tiếng Hán, chữ phương viên đi với nhau tào thành từ kép, có nghĩa là 'quy cũ'. Nếu quý vị không dùng quy– 規, thì không thể nào có được vòng tròn.

Nếu không dùng cũ 矩, thì hình vuông mà quý vị vẽ nên sẽ thành hình chữ nhật hoặc hình tam giác.

Vậy nên, hôm nay trong pháp hội giảng Kinh Thủ-lăng-nghiêm, tôi yêu cầu quý vị đừng lười biếng. Hãy lắng nghe kinh với tâm cung kính, như thể Đức Phật đang giảng pháp cho quý vị nghe. Quý vị đừng nên nghĩ rằng, "Pháp sư nầy giảng pháp bằng cách kể chuyện tiếu lâm, như là đang dụ con nít." Nếu quý vị có thể tìm hiểu được ý nghĩa những điều tôi vừa nói, quý vị có thể được giác ngộ, chứng được quả vị ngay tức khắc. Tất cả mọi điều cần làm là chân chính quyết tâm tìm cầu Phật pháp, và điều ấy sẽ xảy ra. Nếu quý vị thành tâm khi nghe giảng chương hai mươi lăm pháp tu viên thông nầy, quý vị có thể được giác ngộ ngay liền. Là vì hai mươi lăm bậc thánh nầy đã phát nguyện rằng họ sẽ hộ trì cho bất kỳ người nào tu tập theo phương pháp của họ cho đến khi được giác ngộ. Cho nên quý vị hãy chú tâm tham cứu vào ý nghĩa của kinh.

VIÊN THÔNG NĂM CĂN

VIÊN THÔNG THIỆT CĂN
Kiều-phạm-bát-đề

Kinh văn: 驕梵缽提即從座起。頂禮佛足而白佛言。我有口業於過去劫輕弄沙門。世世生生有牛齝病

Phiên âm: Kiều-phạm-bát-đề tức tòng toà khởi, đảnh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn. Ngã hữu khẩu nghiệp ư quá khứ kiếp khinh lộng sa-môn. Thế thế sinh sinh hữu ngưu si bệnh.

Việt dịch: Kiều-phạm-bát-đề liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật, rồi bạch Phật rằng, "Con bị khẩu nghiệp, khinh chê một vị sa-môn trong thời quá khứ, nên đời đời mắc bệnh nhai lại như bò."

Giảng: Kiêu-phạm-bát-đề phiên âm tiếng Sanskrit là Gavāṃpati, Hán dịch là ngưu ti 牛司. Khi loài bò ngủ, chúng ngáy, và lưỡi của chúng liếm từ trước ra sau, tạo nên tiếng động rất lớn. Kiêu-phạm-bát-đề liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật, rồi bạch Phật rằng, "Con bị khẩu nghiệp, khinh chê vị sa-môn trong thời quá khứ." Loại khẩu nghiệp mà ông mắc phải là gì? Một hôm ông để ý có một vị sa-môn, vị nầy không có răng, phải mất một thời gian rất lâu để ăn cơm. Kiều-phạm-bát-đề trêu chọc vị sa-môn già, "Ông già, ông ăn như bò nhai cỏ."

Vị sa-môn già là người đã chứng quả A-la-hán. Ông ta nói rằng, "Ồ! Ông không nên nói như vậy. Ông sẽ phải chịu quả báo trong đời sau. Tốt hơn ông nên sám hối ngay tức khắc. Tốt hơn ông nên rút lại lời ấy ngay."

Kiêu-phạm-bát-đề hối lỗi, thế nên ông không bị quả báo làm thân bò, tuy vậy, muôn đời sau ông ta chịu quả báo mắc tập khí của loài bò. Lưỡi của ông ta dài như lưỡi bò, và ông ta luôn luôn nhai lại và thở như loài bò. Dù ông đã chứng quả A-la-hán, Đức Phật vẫn ngại rằng loài người sẽ trêu chọc ông, họ cũng sẽ nói rằng, ông ta giống như bò, và người ấy sẽ phải chịu quả báo làm bò. Vì lí do nầy, Đức Phật bảo Kiêu-phạm-bát-đề hãy lên sống ở cõi trời và nhận sự cúng dường của chư thiên. Vì chư thiên đều có năng lực thấy rõ đời quá khứ, nên họ sẽ không dám báng bổ ngài.

Trong kinh văn, Kiêu-phạm-bát-đề tiếp tục giải thích: Con tạo khẩu nghiệp là do khinh chê một vị sa-môn trong thời quá khứ. Ông ta giễu cợt một vị sa-môn. Sa-môn là tiếng phiên âm từ chữ śramaṇa trong tiếng Sanskrit, Hán dịch là cần tức 勤息.

Sa-môn là người siêng năng tu trì giới định huệ, và trừ sạch tham sân si. Nên đời đời mắc bệnh nhai lại như bò. Đó là quả báo mà con phải chịu."

Kinh văn: **如來示我一味清淨心地法門。我得滅心,入三摩地。觀味之知,非體非物。應念得超世間諸漏。**

Phiên âm: Lai thị ngã nhất vị thanh tịnh tâm địa pháp môn. Ngã đắc diệt tâm, nhập tam-ma-địa. Quán vị chi tri, phi thể phi vật. Ứng niệm đắc siêu thế gian chư lậu.

Việt dịch: Như Lai dạy con pháp môn nhất vị thanh tịnh tâm địa. Con đạt được chỗ tận diệt tâm phân biệt, nhập vào được tam-ma-đề. Quán sát tính biết của vị, nó vốn chẳng phải thể, chẳng phải vật. Ngay đó siêu việt các lậu hoặc thế gian.

Giảng: Như Lai dạy con pháp môn nhất vị thanh tịnh tâm địa, có nghĩa là thể tính thành tựu của nhất chân tâm. Khi lưỡi không có mùi vị phân biệt–khi không có tâm phân biệt– thì tất cả mùi vị đều trở về lại thể tính thanh tịnh. Điều nầy, trở lại, là tu tập định vô phân biệt–samadhi of non-discrimination. Con đạt được chỗ tận diệt tâm phân biệt–thức tâm được vắng lặng tịch diệt, có nghĩa là, nhập vào được tam-ma-đề –đạt được chánh định hoặc chánh thọ

Và ông quán sát tính biết của vị, nó vốn chẳng phải thể, chẳng phải vật. Tính biết của mùi vị chẳng phải đến từ thể của thiệt căn, cũng chẳng phải đến từ vị

trần. Ngay đó siêu việt các lậu hoặc thế gian. Ngay khi tâm ý được thanh tịnh, con liền được vượt qua các cõi giới lậu hoặc ở thế gian.

Kinh văn: **內脫身心外遺世界。遠離三有如鳥出籠。離垢銷塵法眼清淨成阿羅漢。如來親印登無學道。**

Phiên âm: Nội thoát thân tâm, ngoại di thế giới. Viễn ly tam hữu như điểu xuất lung. Ly cấu tiêu trần, pháp nhãn thanh tịnh, thành A-la-hán. Như Lai thân ấn chứng vô học đạo.

Việt dịch: Bên trong thân tâm giải thoát, bên ngoài rời bỏ thế giới, xa lìa ba cõi như chim sổ lồng. Rời hết cấu nhiễm, tiêu diệt trần tướng nên pháp nhãn thanh tịnh, thành A-la-hán. Như Lai ấn chứng cho con đạt đạo vô học.

Giảng: Bên trong thân tâm giải thoát. Thân và tâm đều được giải thoát–con được thóat ly khỏi chúng. Bên ngoài rời bỏ thế giới. Cũng như con quên hẳn thế giới bên ngoài. Xa lìa ba cõi. Điều nầy chỉ cho sự hiện hữu ở các cõi Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Vào lúc nầy, con như chim sổ lồng. Rời hết cấu nhiễm, tiêu diệt trần tướng nên pháp nhãn thanh tịnh. Điều nầy có nghĩa là pháp nhãn của Kiêu-phạm-bát-đề đã được khai mở, và ông đã chứng ngộ thành A-la-hán. Như Lai ấn chứng cho con đạt đạo vô học.

Kinh văn: **佛問圓通如我所證。還味旋知,斯為第一 。**
Phiên âm: Phật vấn viên thông, như ngã sở chứng, hoàn vị triền tri, tư vi đệ nhất.
Việt dịch: Đức Phật hỏi về viên thông, như sở chứng của con, trả tính của vị về khỏi sự phân biệt, xoay tính biết về với tự tánh, đó là điều tốt nhất.

Giảng: Trả tính của vị về khỏi sự phân biệt không có nghĩa là khởi sự phân biệt từ các vị ấy. Đó chính là hồi quan phản chiếu, quay lại tánh thấy vào bên trong. Xoay tính biết về với tự tánh là chỉ cho sự xoay chuyển tính phân biệt của thiệt căn. Đây chính là phương pháp hay nhất.

VIÊN THÔNG NĂM CĂN

VIÊN THÔNG THÂN CĂN
Tất-lăng-già Bà-ta

Kinh văn: 畢陵伽婆蹉即從座起。頂禮佛足而白佛言。

Phiên âm: **Tất-lăng-già Bà-ta tức tòng toà khởi. Đảnh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn.**

Việt dịch: Tất-lăng-già Bà-ta liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng:

Giảng: Tên của Tất-lăng-già Bà-ta (s: Pilindavatsa) trong tiếng Sanskrit có nghĩa là Dư tập 餘習. Tên gọi nầy chỉ cho biết rằng tuy ông đã xuất gia nhưng vẫn còn những tập khí trong kiếp trước. Ông là một vị A-la-hán đã chứng quả, thế nên mỗi khi qua sông, ông có thể khiến cho nước phải ngừng chảy. Thần sông vốn thường là thần nữ, và khi Tất-lăng-già Bà-ta đến bên bờ sông, ông liền kêu lớn, "Nầy tiểu tì, hãy ngừng chảy!" Thần sông theo lệnh của ông, liền ngưng chảy để ông qua sông. Nhưng thần sông rất khó chịu mặc dù không thể hiện ra. Tuy nhiên, thần sông lại đến bạch với Đức Phật.

"Con là nữ thần cai quản khúc sông nầy, ông ta đến và bảo con, 'Nầy tiểu tì, hãy ngừng chảy!' Ông ta là một vị A-la-hán, lẽ ra không nên gọi con như vậy."

Đức Phật bảo Tất-lăng-già Bà-ta hãy xin lỗi thần sông. Tất-lăng-già Bà-ta chắp tay lại và nói. "Tôi xin lỗi, Tiểu tì!" Lúc ấy toàn thể đại chúng gồm các vị A-la-hán đều bật cười.

Tại sao Tất-lăng-già Bà-ta lại gọi thần sông là "Tiểu tì?" Vì trong quá khứ, thần sông là người giúp việc của Tất-lăng-già Bà-ta. Ông đã quen gọi người giúp việc theo cách ấy, thế nên bay giờ, ngay khi cô ta đã là một nữ thần sông, ông vẫn gọi cô ta như vậy. Lý do chính khiến ông phải xin lỗi là vì đã xúc phạm cô ta khi gọi cô là "Tiểu tì," nhưng tập khí của ông quá sâu đến nỗi ông cũng gọi bằng cách ấy khi xin lỗi.

Kinh văn: **我初發心從佛入道。數聞如來說諸世間不可樂事。乞食城中心思法門。不覺路中毒刺傷足。舉身疼痛我念有知。知此深痛,雖覺覺痛。覺清淨心,無痛痛覺。**

Phiên âm: **Ngã sơ phát tâm tòng Phật nhập đạo. Số văn Như Lai thuyết chư thế gian bất khả lạc sự. Khất thực thành trung tâm tư pháp môn. Bất giác lộ trung, độc thích thương túc. Cử thân động thống ngã niệm hữu tri. Tri thử thâm thống, tuy giác giác thống. Giác thanh tịnh tâm, vô thống thống giác.**

Việt dịch: Khi con vừa mới phát tâm xuất gia theo Phật nhập đạo, thường nghe Thế tôn dạy về những điều trên thế gian không thể đem lại niềm vui. Có lần con đang khất thực trong thành, tâm đang quán chiếu vào pháp môn nầy, đột nhiên giữa đường bị gai độc đâm vào chân. Toàn thân đau nhức. Tâm con biết mình biết có cái đau ấy, nhưng biết rõ tự tâm vốn thanh tịnh, không có cái đau và cái biết đau.

Giảng: Khi con vừa mới phát tâm xuất gia theo Phật nhập đạo, thường nghe Thế tôn dạy về những điều trên thế gian không thể đem lại niềm vui. Nhiều lần con được nghe Đức Phật Giảng dạy về bản chất của thế gian nầy là khổ, không vô thường và vô ngã. Có lần con đang khất thực trong thành, tâm đang quán chiếu vào pháp môn nầy, đột nhiên giữa đường bị gai độc đâm vào chân. Con đang tập trung suy nghĩ về pháp môn mà Như Lai đã dạy cho con, đến mức con không còn để ý đến đường đi, và con dẫm phải gai độc, nó đâm vào chân con đau nhức vô cùng. Toàn thân đau nhức. Tâm con biết mình biết có cái đau ấy, nhưng biết rõ tự tâm vốn thanh tịnh, không có cái đau và cái biết đau.

Trong chân tâm thanh tịnh sáng suốt của con thì không có cía đau hoặc biết có cái đau ấy. Khi con nhận ra điều nầy, mọi thứ đều rỗng rang, thân tâm con trở nên thanh tịnh. Do vậy, con không còn thấy có ai là người bị đau.

Kinh văn: **我又思惟如是一身寧有雙覺。攝念未久身心忽空。三七日中諸漏虛盡成阿羅漢。得親印記發明無學。**

Phiên âm: Ngã hựu tư duy, như thị nhất thân ninh hữu song giác. Nhiếp niêm vị cửu, thân tâm hốt không. Tam thất nhật trung chư lậu hư tận, thành A-la-hán. Đắc thân ấn ký phát minh vô học.

Việt dịch: Con lại suy nghĩ, một thân nầy lẽ ra phải có hai cái biết? Nhiếp niệm chưa lâu, thân tâm bỗng nhiên rỗng lặng. Trong hai mươi mốt ngày, các lậu hoặc dứt sạch, thành bậc A-la-hán. Được Phật ấn chứng là bậc vô học.

Giảng: Con lại suy nghĩ, một thân nầy lẽ ra phải có hai cái biết? Lẽ nào mình có cùng lúc hai cái biết? Lẽ nào một cái biết mình đau và cái biết khác lại biết về cái biết đau ấy? Chẳng phải như vậy. Nhiếp niệm chưa lâu–Con chiêm nghiệm về vấn đề đề một thời gian không lâu– thân tâm bỗng nhiên rỗng lặng. Trong hai mươi mốt ngày, các lậu hoặc dứt sạch. Trong vòng ba tuần lễ, mọi tập khí hữu lậu trở nên vắng bặt, nó đã được trừ sạch. Thành bậc A-la-hán. Được Phật ấn chứng là bậc vô học. Chính Đức Phật ấn chứng cho con, là con đã chứng qủa vị thứ tư của hàng A-la-hán.

Kinh văn: **佛問圓通如我所證,純覺遺身斯為第一**

Phiên âm: Phật vấn viên thông như ngã sở chứng, thuần giác di thân, tư vi đệ nhất.

Việt dịch: Đức Phật hỏi về viên thông, như sở chứng của con, thìthuần tịnh cái tính biết, quên bẵng thân thể, là điều tốt nhất.

Giảng: Đức Phật hỏi về từng vị đệ tử chúng con về phương pháp tu tập ban đầu để đạt được giác ngộ. Điều mà con, Tất-lăng-già Bà-ta tu tập là duy trì tâm giác ngộ cho đén khi tâm ấy hoàn toàn thanh tịnh, và con quên bẵng đi thân thể của mình, Đây là phương pháp tu tập viên thông của con.

VIÊN THÔNG NĂM CĂN

VIÊN THÔNG VỀ THÂN CĂN
Tu-bồ-đề

Kinh văn: 須菩提即從座起。頂禮佛足而白佛言。我曠劫來心得無礙。自憶受生如恒河沙。初在母 胎即知空寂。如是乃至十方成空。亦令眾生證得空性。

Phiên âm: Tu-bồ-đề tức tòng toà khởi, đảnh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn. Ngã khoáng kiếp lai tâm đắc vô ngại. Tự ức thọ sanh như hằng hà sa. Sơ tại mẫu thai tức tri không tịch. Như thị nãi chí thập phương thành không. Diệc linh chúng sinh chứng đắc không tính.

Việt dịch: Tu-bồ-đề liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, "Con từ nhiều kiếp đến nay, tâm đạt được vô ngại, tự nhớ rằng mình đã thọ sanh nhiều đời như cát sông Hằng. Lúc còn trong thai mẹ, đã biết tính không tịch. Như thế cho đến mười phương đều rỗng lặng và cũng khiến cho chúng sinh chứng được tánh không."

Giảng: Tu-bồ-đề có nghĩa là không sinh, vì ngay khi ông sinh ra, mọi của cải trong nhà ông ta bỗng dưng trống không. Chẳng còn một viên ngọc nào còn sót lại. Sau khi ông khinh được bảy ngày, tài sản của cải lại hiện ra. Thế nên đặt tên ông là Thiện Hiện. Cha mẹ ông đi nhờ người đoán số mệnh cho ông, họ nói: "tức thiện thả cát 即善且吉 " Nên đặt tên cho ông là Thiện Cát 善 吉.

Tu-bồ-đề liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, "Còn từ nhiều kiếp đến nay, tâm đạt được vô ngại. Tâm và tánh của con đạt so

sánh sự vô ngại. Tự nhớ rằng mình đã thọ sanh nhiều đời như cát sông Hằng. Lúc còn trong thai mẹ, đã biết tính không tịch–con đã nhận ra được tánh không (śūnyatā)– Như thế cho đến mười phương đều rỗng lặng. Tất cả các cõi giới trong mười phương đều là rỗng lặng. Và cũng khiến cho chúng sinh chứng được tánh không. Con đã giúp cho chúng sinh đồng thời chứng nhập được tánh không (śūnyatā).”

Kinh văn: **蒙如來發性覺真空。空性圓明得阿羅漢。頓入如來寶明空海。同佛知見印成無學。解脫性空,我為無上。**

Phiên âm: Mông Như Lai phát tính giác chân không. Không tính viên minh đắc A-la-hán, đốn nhập Như Lai bảo minh không hải. Đồng Phật tri kiến, ấn thành vô học. Giải thoát tính không, ngã vi vô thượng.

Việt dịch: Nhờ được Như Lai chỉ bày cho tánh giác vốn là rỗng lặng, nên tính không được viên minh. Nhờ đó con chứng được A-la-hán, liền thể nhập vào Bảo minh không hải của Như Lai. Tri kiến của con được đồng như Phật, được Phật ấn chứng thành bậc vô học. Trong sự giác ngộ về tánh không (śūnyatā), con được viên mãn nhất.

Giảng: Nhờ được Như Lai chỉ bày cho tánh giác vốn là rỗng lặng, nên tính không được viên minh. Tánh giác đồng như tánh không. Tánh Như Lai tạng–giác ngộ về tánh không–là viên mãn và sáng suốt rõ ràng. Tánh không và tánh Như Lai tạng đều viên mãn và sáng suốt rõ ràng. Nhờ đó con chứng được A-la-hán. Do con đã nhận ra được thể tánh của Như Lai tạng, nên con chứng được A-la-hán, liền thể nhập vào Bảo minh không hải của Như Lai. Bảo minh không hải lại chính là tánh Như Lai tạng. Nó giống như biển lớn tánh không (śūnyatā). Tri kiến của con được đồng như Phật, được Phật ấn chứng thành bậc vô học. Đức Phật ấn chứng cho con là bậc vô học. Trong sự giác ngộ về tánh không (śūnyatā), con được viên mãn nhất. Tri kiến của con có được là nhờ vào thể nhập đạo lý tánh không. Con là người thể nhập vào tánh không bậc nhất.

Kinh văn: **佛問圓通如我所證。諸相入非非所非盡。旋法歸無斯為第一**

Phiên âm: Phật vấn viên thông như ngã sở chứng. Chư tướng nhập phi, phi sở phi tận, triền pháp quy vô, tư vi đệ nhất.

Việt dịch: Đức Phật hỏi về viên thông, như sở chứng của con, các tướng đều nhập vào phi tướng, năng phi, sở phi đều tận diệt, xoay các pháp về chỗ rỗng lặng, đó là thù thắng nhất.

Giảng: Đức Phật hỏi về viên thông. Nay Đức Phật hỏi chúng đệ tử, các vị Bồ-tát, về chỗ chứng ngộ của họ khi đạt được viên thông. Như sở chứng của con, các tướng đều nhập vào phi tướng, năng phi, sở phi đều tận diệt. Cái khiến cho trở thành không và cái trở nên không đều tiêu sạch. Có nghĩa là chẳng có gì, thậm chí cả cái không. Trong đạo Lão (Taoism), điều nầy được gọi là Sở không cập vô 所空及無, cái không cũng chẳng có. Trong đạo Phật , điều nầy được gọi là phi sở phi tận–非所非盡. Xoay các pháp về chỗ rỗng lặng, đó là thù thắng nhất. Đưa các pháp trở về lại với thể tánh rỗng lặng là thù thắng nhất. Thể nhập lý tánh không (śūnyatā) là phương pháp hay nhất.

VIÊN THÔNG SÁU THỨC

VIÊN THÔNG VỀ NHÃN THỨC
Xá-lợi-phất

Kinh văn: 舍利弗即從座起。頂禮佛足而白佛言。我曠劫來心見清淨。如是受生如恒河沙。世出世間種種變化,一見則通獲無障礙。

Phiên âm: Xá-lợi-phất, tức tòng toà khởi. Đảnh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn. Ngã khoáng kiếp lai, tâm kiến thanh tịnh. Như thị thọ sinh như hằng hà sa. Thế xuất thế gian chủng chủng biến hoá, nhất kiến tắc thông hoạch vô chướng ngại.

Việt dịch: Xá-lợi-phất liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, "Con từ nhiều kiếp lâu xa đến nay, chỗ thấy của con được thanh tịnh, tuy con thọ sanh nhiều đời như cát sông Hằng, mà đối với với các pháp biến hoá trong thế gian và xuất thế gian, hễ con thấy được là liền thông suốt, được điều không chướng ngại."

Giảng: Tên của mẹ ngài Xá-lợi-phất là Śari, và tên của ngài có nghĩa là 'con của Śari–Thu tử鶖子' có nghĩa là loài chim diệc. Ngài là người có trí huệ đệ nhất. Khi Xá-lợi-phất còn ở trong thai mẹ, người mẹ thường thắng cuộc mỗi khi tranh luận với anh mình là Câu-hi-la, cậu của Xá-lợi-phất. Câu-hi-la biết em gái mình đang hoài thai một đứa bé thông minh xuất chúng.

Liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Con từ nhiều kiếp lâu xa đến nay, chỗ thấy của con được thanh tịnh, tuy con thọ sanh nhiều đời như cát sông Hằng, mà đối với với các pháp biến hoá trong thế gian và xuất thế gian, hễ con thấy được là liền thông suốt, được điều không chướng ngại. Con có thể trình bày ngay về các sự việc như thế nào, dù ở tầm mức thông thường hay vào mức độ uyên bác, con đều đạt được sự vô chướng ngại.”

Kinh văn: **我於路中逢迦葉波。兄弟相逐宣說因緣。悟心無際。**

Phiên âm: Ngã ư lộ trung phùng Ca-diếp-ba, huynh đệ tương trục tuyên thuyết nhân duyên. Ngộ tâm vô tế.

Việt dịch: Con gặp anh em Ca-diếp-ba ở giữa đường, cùng đi theo họ. Họ nói về thuyết nhân duyên, con ngộ được tâm không có bờ mé.

Giảng: Con gặp anh em Ca-diếp-ba ở giữa đường. Khi anh em Ca-diếp-ba cùng đi với con, nghe họ nói về thuyết nhân duyên. Nhờ nghe được thuyết nhân duyên, con trở nên được giác ngộ, và con ngộ được tâm không có bờ mé.

Trước khi Xá-lợi-phất xuất gia, ông gặp Mã Thắng (Ashvajit) khi cùng đi trên đường. Mã Thắng là một trong năm anh em Kiều-trần-na được Đức Phật chuyển pháp luân trước hết ở vườn Nai (Lộc dã uyển). Xá-lợi-phất thấy Mã Thắng đang đi với dáng dấp đầy oai nghi nghiêm túc khả kính.

Mắt không liếc nhìn cảnh vật,
Tai không nghe trộm chuyện gì.

Ông ta không lén trốn qua bên đường để nhìn ngắm người ta, và không lắng nghe những gì họ đang bàn tán.

Mắt ông ta nhìn sống mũi, mũi nhìn miệng, miệng chú ý đến tim.

Trước đó, Xá-lợi-phất đã thọ giáo với một ngoại đạo gọi là Sa Nhiên Phạm Chí . Sau khi vị nầy qua đời, ông không còn biết học với ai. Đó là khi ông gặp Mã Thắng ở trên đường và thán phục oai nghi đoan nghiêm của tỷ-khưu nầy. Xá-lợi-phất hỏi tỷ-khưu Mã Thắng, “Oai nghi của ông thật trang nghiêm. Thầy của ông là vị nào?”

Tỷ-khưu Mã Thắng trả lời bằng bài kệ: Chư pháp tùng duyên sanh, Chư pháp tùng duyên diệt. Ngã Phật đại sa-môn, thường tác như thị thuyết.

諸法從緣生 諸法從緣滅 我佛大沙門 常作如是說.

Khi Xá-lợi-phất nghe bài kệ nầy, ngài liền giác ngộ và chứng được sơ quả A-la-hán. Ngài liền trở về trụ xứ của mình và nói lại bài kệ ấy cho Mục-kiền-liên nghe. Khi Mục-kiền-liên nghe được bài kệ ấy, ngài cũng chứng ngộ. Rồi cả hai dẫn 200 đệ tử của mình đến quy y với Đức Phật. Họ cùng xuất gia và trở thành tăng chúng trong giáo đoàn của Đức Phật.

Đó là điều được kể lại ở một nơi khác, Ở đây kinh văn nói rằng Xá-lợi-phất gặp anh em ông Ca-diếp-ba. Vì có bản kinh nói rằng Xá-lợi-phất gặp anh em ông Ca-diếp-ba, và có bản kinh lại nói rằng Xá-lợi-phất gặp tỷ-khưu Mã Thắng. Tôi nghĩ rằng Xá-lợi-phất đã gặp cả hai vị ấy. Anh em ông Ca-diếp-ba và tỷ-khưu Mã Thắng lúc ấy đều cùng đi trên đường. Lưu ý rằng kinh nói, "cùng đi với các huynh đệ." "Huynh đệ." Không có nghĩa là chỉ có anh em ông Ca-diếp-ba, mà gồm có cả tỷ-khưu Mã Thắng, vốn là một pháp hữu. Họ đang bàn luận về thuyết nhân duyên, và một vị nói:

Nhân duyên sở sanh pháp, Ngã thuyết tức thị không. Thị danh vi giả danh, diệc danh trung đạo nghĩa.

Có lẽ là khi Xá-lợi-phất nghe bài kệ trên, ông ta liền hỏi, "Ông nói điều gì vậy? Ai là thầy của ông?" Và tỷ-khưu Mã Thắng nói bài kệ ấy. Xá-lợi-phất nghe xong, liền được giác ngộ. Sau đó Xá-lợi-phất trở về kể cho Mục-kiền-liên, và cả hai cùng đến quy y với Đức Phật.

Kinh văn: **我於路中逢迦葉波。兄弟相逐宣說因緣。悟心無際從佛出家。見覺明圓得大無畏。成阿羅漢為佛長子。從佛口生從法化生。**

Phiên âm: Tòng Phật xuất gia, kiến giác minh viên, đắc đại vô uý. Thành A-la-hán, vi Phật trưởng tử. Tòng Phật khẩu sinh, tòng pháp hoá sinh.

Việt dịch: Con theo Phật xuất gia, cái thấy biết của con trở nên sáng suốt viên mãn, được đại vô uý và trở thành bậc A-la-hán. Là một trong những trưởng tử của Đức Phật, từ miệng Phật mà sinh ra, từ pháp Phật mà hoá sinh.

Giảng: Con theo Phật xuất gia, cái thấy biết của con trở nên sáng suốt viên mãn. Tính thấy của Xá-lợi-phất trở thành thể giác ngộ viên mãn. Con được pháp đại vô uý và trở thành bậc A-la-hán. Là một trong những trưởng tử của

Đức Phật, từ miệng Phật mà sinh ra, từ pháp Phật mà hoá sinh. Trong số các đệ tử của Đức Phật, Xá-lợi-phất thuộc hàng đệ tử lớn nhất.

Kinh văn: **佛問圓通,如我所證。心見發光,光極知見斯為第一**

Phiên âm: Phật vấn viên thông, như ngã sở chứng. Tâm kiến phát quang, quang cực tri kiến, tư vi đệ nhất.

Việt dịch: Đức Phật hỏi về viên thông, như sở chứng của con, tính thấy của tâm thể phát ra sáng suốt, cùng tột các tri kiến, đó là bậc nhất.

Giảng: Đức Phật hỏi về viên thông, như sở chứng của con, Xá-lợi-phất, tính thấy của tâm thể phát ra sáng suốt, cùng tột các tri kiến, đó là bậc nhất. Khi tính sáng suốt của tâm thể phat huy đến cực điểm, thì tính thấy và tính biết trở thành không. Đây là phương pháp tu tập đạt đến viên thông tối thắng nhất.

VIÊN THÔNG SÁU THỨC

VIÊN THÔNG NHĨ THỨC
Bồ-tát Phổ Hiền

Kinh văn: 普賢菩薩即從座起。頂禮佛足而白佛言。我已曾與恒沙如來為法王子。十方如來教其弟子。菩薩根者修普賢行,從我立名。

Phiên âm: Phổ Hiền Bồ-tát tức tòng toà khởi, đảnh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn. Ngã dĩ tằng dữ hằng sa Như Lai vi Pháp vương tử. Thập phương Như Lai giáo kỳ đệ tử. Bồ-tát căn giả, tu Phổ Hiền hạnh, tòng ngã lập danh.

Việt dịch: Bồ-tát Phổ Hiền liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, "Con đã từng làm Pháp vương tử cho chư Phật nhiều như cát sông Hằng. Mười phương Như Lai dạy các đệ tử có căn cơ Bồ-tát tu hạnh Phổ Hiền, hạnh đó, là theo tên con mà đặt tên. "

Giảng: Bồ-tát Phổ Hiền là vị Bồ-tát có hạnh nguyện rất rộng lớn. Ngài phát 10 đại nguyện vương mà chúng ta thường tụng vào thời công phu khuya. Mười nguyện đó là:
1. Lễ kính chư Phật.
2. Xưng tán Như Lai.
3. Quảng tu cúng dường

4. Sám hối nghiệp chướng.
5. Tuỳ hỉ công đức.
6. Thỉnh chuyển pháp luân.
7. Thỉnh Phật trụ thế.
8. Thường tuỳ Phật học.
9. Hằng thuận chúng sinh.
10. Phổ giai hồi hướng.

Đây gọi là Mười đại nguyện vương của Bồ-tát Phổ Hiền. Trong kinh Hoa Nghiêm, có nguyên một phẩm, gọi là 'Phổ Hiền hạnh nguyện.' Công hạnh và nguyện lực của ngài rất lớn, và vì thế nên ngài có cơ cảm rất lớn với chúng sinh. Ngài cỡi trên voi trắng sáu ngà. Màu trắng tượng trưng cho Nhất Phật thừa, và sáu ngà tượng trưng cho Lục độ ba-la-mật-đa.

Bồ-tát Phổ Hiền liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, "Con đã từng làm Pháp vương tử cho chư Phật nhiều như cát sông Hằng. Trong quá khứ, con đã từng là Pháp vương tử. Mười phương Như Lai dạy các đệ tử có căn cơ Bồ-tát tu hạnh Phổ Hiền–có nghĩa là những vị có thiên hướng tu tập hạnh Bồ-tát–hạnh đó, là theo tên con mà đặt tên."

Kinh văn: **世尊我用心聞。分別眾生所有知見。若於他方恒沙界外。有一眾生心中發明普賢行者。我於爾時乘六牙象。分身百千皆至其處。縱彼障深未合見我。我與其人暗中摩頂。擁護安慰令其成就。**

Phiên âm: Thế tôn, ngã dụng tâm văn, phân biệt chúng sanh sở hữu tri kiến. Nhược ư tha phương hằng sa giới ngoại, hữu nhất chúng sanh, tâm trung phát minh Phổ Hiền hạnh giả, ngã ư nhĩ thời thừa lục nha tượng, phân thân bách thiên giai chí kỳ xứ, Túng bỉ chướng thâm vị hợp kiến ngã. Ngã dữ kỳ nhân ám trung ma đảnh. Ủng hộ an uỷ, linh kỳ thành tựu.

Việt dịch: Bạch Thế tôn, con dùng tâm để nghe và phân biệt mọi tri kiến của chúng sinh. Nếu ở phương khác, cách hằng sa cõi giới bên ngoài, nếu có một chúng sinh, trong tâm họ phát tâm tu tập hạnh nguyện Phổ Hiền, lúc ấy con sẽ phân thân thành trăm ngàn, cỡi voi sáu ngà liền đến chỗ người ấy. Dù người ấy nghiệp chướng sâu nặng, không thấy được con, con cũng thầm xoa đầu người ấy, ủng hộ an ủi, khiến họ được sự thành tựu.

Giảng: Bạch Thế tôn, con dùng tâm để nghe–Con không dùng nhĩ căn để nghe mà dùng tâm–phân biệt mọi tri kiến của chúng sinh. Khi con phân biệt rõ về mọi tri kiến của chúng sinh, con không dùng tâm phân biệt, mà dùng chân

tâm, để xác định rõ căn tánh của từng chúng sinh. Con làm được việc nầy không những chỉ trong thế giới nầy, mà cả trong các cõi giới khác. Nếu ở phương khác, cách hằng sa cõi giới bên ngoài–dù những nơi rất xa, cách xa cõi nước nầy rất nhiều–nếu có một chúng sinh, trong tâm họ phát tâm tu tập hạnh nguyện Phổ Hiền, lúc ấy con sẽ phân thân thành trăm ngàn, cỡi voi sáu ngà liền đến chỗ người ấy. Con liền phân thành trăm ngàn thân rồi đến chỗ người ấy. Dù người ấy nghiệp chướng sâu nặng, không thấy được con, Con vẫn giúp cho, thầm xoa đầu người ấy, ủng hộ an ủi,

Những người siêng năng tu đạo có khi cảm thấy như có kiến bò, hoặc như có ai đang xoa nhẹ trên đỉnh đầu. Đôi khi có người cảm thấy như có con gì bò trên mặt. Khi có điều nầy xảy ra, quý vị đừng có cố gắng lấy tay mình xua tan cảm giác đó đi. Nguyên nhân đó là chư Phật và Bồ-tát đang xoa đầu quý vị. Nếu quý vị để ý, sẽ thấy được điều nầy. Các ngài đang an ủi, động viên chúng ta, thế nên quý vị đừng tìm cách xua tan cảm giác ấy đi. Nếu quý vị thành tâm, sẽ cảm nhận được điều nầy.

Con khiến cho họ được sự thành tựu. Con giúp cho họ được thành tựu trong việc tu đạo.

Kinh văn: **佛問圓通我說本因,心聞發明分別自在斯為第一 。**

Phiên âm: Phật vấn viên thông, ngã thuyết bản nhân, tâm văn phát minh, phân biệt tự tại, tư vi đệ nhất.

Việt dịch: Đức Phật hỏi về viên thông, con trình bày bản nhân của con là phát minh tính nghe của tâm thể, phân biệt tự tại, đó là thứ nhất.

Giảng: Đức Phật hỏi về viên thông, con trình bày bản nhân basic cause–của con–kinh nghiệm con đã thực hành trong nhân địa, là phát minh tính nghe của tâm thể, phân biệt tự tại, đó là thứ nhất. Con lắng nghe để phân biệt rõ tri kiến của từng chúng sinh. Sự phân biệt nầy do từ chân tâm và được thể hiện một cách tự tại, và con đạt được sự tự chủ. Đây là phương pháp thù thắng nhất.

Chúng ta không nên nổi sân hận, vì nếu nổi sân, thì ma chướng sẽ đến ngay. Hãy bớt nóng giận một chút và để tâm nhiều hơn vào việc tu học Phật pháp.

VIÊN THÔNG SÁU THỨC

VIÊN THÔNG TỊ THỨC
Tôn-đà-la Nan-đà

Kinh văn: 孫陀羅難陀。即從座起。頂禮佛足而白佛言。我初出家從佛入道。雖具戒律於三摩提。心常散動,未獲無漏。世尊教我及俱絺羅觀鼻端白

Phiên âm: Tôn-đà-la Nan-đà tức tòng toà khởi, đảnh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn. Ngã sơ xuất gia tòng Phật nhập đạo. Tuy cụ giới luật, ư tam-ma-đề, tâm thường tán động, vị hoạch vô lậu. Thế tôn giáo ngã cập Câu-hi-la quán tị đoan bạch.

Việt dịch: Tôn-đà-la Nan-đà liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, "Lúc con mới xuất gia, theo Phật nhập đạo, tuy giữ đúng giới luật, nhưng trong pháp tam-ma-đề, tâm thường tán loạn, nên chưa đạt được quả vị vô lậu. Thế tôn dạy con cùng với Câu-si-la quán tướng đầu chót mũi trắng."

Giảng: Nan-đà, A-nan-đà và Tôn-đà-la Nan-đà là ba anh em họ của Phật. Tôn-đà-la là gọi theo tên người vợ của ông là Sundari, có nghĩa là đẹp. Cô ta rất quyến rũ. Nan-đà, phần sau trong tên gọi ấy có nghĩa là 'thiện.' Vì có nhiều đệ tử cùng tên, nên Nan-đà được đặt rên như vậy, có nghĩa là là Nan-đà của Tôn-đà-la.

Tôn-đà-la Nan-đà liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, "Lúc con mới xuất gia, theo Phật nhập đạo, tuy giữ đúng giới luật, nhưng trong pháp tam-ma-đề, tâm thường tán loạn, nên chưa đạt được quả vị vô lậu.

Con theo Phật tu đạo, tuy giữ giới luật nghiêm túc nhưng định lực chưa tròn đầy. Tâm con luôn luôn dao động. Con chưa thành tựu được quả vị vô lậu.

Thế tôn dạy con cùng với Câu-si-la quán tướng đầu chót mũi trắng. Vì tâm con quá tán loạn, Đức Phật dạy con và Ma-ha Câu-hi-la, cậu của Xá-lợi-phất, hãy quán sát tướng chót mũi,và hãy quán tưởng điểm màu trắng trên chóp mũi trong khi cả hai mắt đều chăm nhìn vào đó."

Kinh văn: **我初諦觀經三七日。見鼻中氣出入如煙。身心內明圓洞世界。遍成虛淨猶如琉璃。煙相漸銷。鼻息成白**

Phiên âm: **Ngã sơ đề quán, kinh tam thất nhật. Kiến tị trung khí xuất nhập như yên. Thân tâm nội minh viên đồng thế giới. Biến thành hư tịnh, do như lưu ly. Yên tướng tiệm tiêu. Tị tức thành bạch**

Việt dịch: Ban đầu con con tu quán, trải qua hai mươi mốt ngày, thấy hơi thở ra vào qua mũi như làn khói trắng, thân tâm bên trong sáng suốt viên mãn đồng như thế giới. Khắp nơi thanh tịnh như ngọc lưu ly. Tướng khói dần dần tiêu mất. Hơi thở trong mũi trở nên màu trắng.

Giảng: Tôn-đà-la Nan-đà tiếp tục trình bày: Khi con hành trì theo phương pháp nầy, Ban đầu con con tu quán, trải qua hai mươi mốt ngày, thấy hơi thở ra vào qua mũi như làn khói trắng. Con tập trung sức chú ý vào choý mũi. Sau hai mươi mốt ngày, hơi thở giống như khói, thân tâm bên trong sáng suốt viên mãn đồng như thế giới. Bên trong như có ánh sáng và con thấy rõ những gì đang diễn ra trong các cõi giới, đến mức thấy khắp nơi thanh tịnh như ngọc lưu ly. Thân tâm của con và thế giới trở thành rỗng không và thuần một thể thanh tịnh. Tất cả đều rõ ràng rỗng suốt như ngọc lưu ly. Hơi thở nơi mũi con biến thành màu trắng, nhưng nó dần dần giảm đi. Tướng khói dần dần tiêu mất. Hơi thở trong mũi trở nên màu trắng. Từ sự quán tưởng hằng ngày như vậy, hơi thở con trở nên trắng như điểm sáng trắng trên chót mũi của con.

Kinh văn: **心開漏盡。諸出入息化為光明。照十方界得阿羅漢。世尊記我當得菩提。**

Phiên âm: **Tâm khai lậu tận, chư xuất nhập tức hoá vi quang minh, chiếu thập phương giới. Đắc A-la-hán, Thế Tôn ký ngã đương đắc bồ-đề.**

Việt dịch: Tâm được khai ngộ, các lậu hết sạch, hơi thở ra vào hoá thành hào quang chiếu khắp mười phương thế giới. Con chứng quả A-la-hán. Thế tôn thọ ký cho con sẽ thành tựu quả vị bồ-đề.

Giảng: Tâm được khai ngộ, các lậu hết sạch. Khi hơi thở của con trở nên màu trắng, tâm con bỗng nhiên được giác ngộ, sạch hết mọi lậu hoặc. Mỗi hơi thở ra vào hoá thành hào quang chiếu khắp mười phương thế giới. Con chứng quả A-la-hán. Ban đầu hơi thở của con giống như khói, rồi nó trở thành màu trắng như điểm sáng trắng trên chót mũi, và cuối cùng nói biến thành hào quang! Ánh sáng chiếu khắp pháp giới trong mười phương. Thế tôn thọ ký cho con sẽ thành tựu quả vị bồ-đề. Đức Phật bảo rằng trong tương lai, con chắc chắn sẽ thành Phật.

Kinh văn: **佛問圓通。我以銷息,息久發明。明圓滅 漏斯為第一 。**

Phiên âm: **Phật vấn viên thông, ngã dĩ tiêu tức, tức cửu phát minh. Minh viên diệt lậu, tư vi đệ nhất.**

Việt dịch: Đức Phật hỏi về viên thông, con dùng phép nhiếp niệm vào hơi thở, dừng lặng lâu ngày nên phát ra sáng suốt. Sự sáng suốt viên mãn, trừ sạch các lậu hoặc, đó là phương pháp hay nhất.

Giảng: Tôn-đà-la Nan-đà trình bày rằng pháp tu tị thức là thù thắng hơn cả. Đối với ông ta, đó là phương pháp hay nhất.

VIÊN THÔNG SÁU THỨC

VIÊN THÔNG THIỆT THỨC
Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử

Kinh văn: 富樓那彌多羅尼子即從座起。頂禮佛足而白佛言。我曠劫來辯才無礙。宣說苦空深達實相。如是乃至恒沙如來。祕密法門我於眾中。微妙開示得無所畏。

Phiên âm: **Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử tức tòng toà khởi. Đảnh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn. Ngã khoáng kiếp lai biện tài vô ngại. Tuyên thuyết khổ không, thâm đạt thật tướng. Như thị nãi chí hằng sa Như Lai bí mật pháp môn, ngã ư chúng trung vi diệu khai thị, đắc vô sở uý.**

Việt dịch: Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, "Con từ nhiều kiếp đến nay được biện thuyết không ngại. Con tuyên thuyết các pháp khổ, không, thâm đạt tướng chân thật. Như thế cho đến các pháp môn bí mật của Như Lai nhiều như cát sông Hằng, con đều dùng phương tiện khai thị ở trong chúng. Con đạt được sức vô uý."

Giảng: Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử (Purnamaitreyaniputra) là tên gọi theo họ cha và họ mẹ. Phú-lâu-na (Pūrṇa) có nghĩa là Mãn-滿 đó là họ của cha. Di-đa-la-ni–Maitreyani có nghĩa là Từ慈; Putra có nghĩa là con (子tử). Thế nên tên của ngài có nghĩa là con trai của người có lòng từ rộng lớn.

Liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, "Con từ nhiều kiếp đến nay được biện thuyết không ngại.

Có bốn loại biện tài vô ngại:
1. Pháp vô ngại biện法無礙辯: có năng lực giảng nói các pháp một cách viên dung vô ngại.
2. Nghĩa vô ngại biện義無礙辯: có khả năng gỉang nói nghĩa lý các pháp dung thông vô ngại.
3. Từ vô ngại biện 辭無礙辯: Có năng lực sử dụng một câu, một lời nói, mà diến bày vô lượng nghĩa lý mầu nhiệm một cách vô ngại. Lại có khả năng đem vô lượng diệu nghĩa quy nạp thành trong một lời nói, một câu chữ
4. Nhạo thuyết vô ngại biện 樂說無礙辯: Có năng lực tuỳ thuận niềm hỷ lạc của mọi chúng sinh, khéo léo dùng các phương tiện để thuyết pháp cho mọi người nghe mà không mệt mỏi nhàm chán.

Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử không giống như Châu-lợi Bàn-đà đã từ chối giảng pháp khi mình đã là một vị Tam tạng Pháp sư. Và quả báo là ông ta đã bị ngu đần. Phú-lâu-na không như vậy, rất hoan hỷ trong việc giảng pháp.

Con tuyên thuyết các pháp khổ, không, thâm đạt tướng chân thật.

Ngài giảng giải rõ ràng về bản chất vô thường, khổ, không, vô ngã của các pháp. Cho đến giải thích rõ ràng diệu lý chân như thực tướng của các pháp, thực tướng tức là vô tướng, nhưng chẳng có pháp nào là chẳng có tướng.

Như thế cho đến các pháp môn bí mật của Như Lai nhiều như cát sông Hằng, con đều dùng phương tiện khai thị ở trong chúng.

Phú-lâu-na có thể giảng nói về các pháp bí mật vi diệu của Như Lai và khiến cho họ thâm nhập nghĩa lý sâu mầu.

Con đạt được sức vô uý. Con đã thành tựu được năng lực nhạo thuyết biện tài và vô uý.

Kinh văn: **世尊知我有大辯才。以音聲輪教我發揚。我於佛前助佛轉輪。因師子吼成阿 羅漢。世尊印我說法無上。**

Phiên âm: Thế Tôn tri ngã hữu đại biện tài, dĩ âm thanh luân, giáo ngã phát dương. Ngã ư Phật tiền trợ Phật chuyển luân, nhân sư tử hống thành A-la-hán. Thế Tôn ấn ngã thuyết pháp vô thượng.

Việt dịch: Thế tôn biết con có tài giảng thuyết, nên dùng pháp luân âm thanh, dạy con tuyên dương chánh pháp. Con theo giúp Phật chuyển

pháp luân, nhờ pháp âm như tiếng sư tử mà con thành A-la-hán. Thế tôn ấn chứng cho con là thuyết pháp bậc nhất.

Giảng: Phú-lâu-na thành tựu đạo quả là nhờ thiệt thức–tongue-consciousness. Ngài được như vậy là nhờ siêng năng giảng pháp. Thế nên quý vị thấy, có thể ngộ đạo và chứng quả nhờ siêng năng giảng pháp. Tất cả việc cần làm là quý vị đi sâu vào pháp môn mình đang hành trì. Hãy quyết định dứt khoát một pháp môn và tu tập thật siêng năng. Đừng tán loạn tâm ý khi tu tập, ngày nay áp dụng phương pháp nầy, ngày mai đổi sang pháp môn kia, rồi ngày sau đổi ý, chọn phương pháp khác nữa. Khi thay đổi như vậy, quý vị chỉ phí thời gian vô ích, và quý vị không bao giờ thâm nhập vào một pháp tu nào cả. Quý vị phải chọn dứt khoát một pháp môn và tinh cần công phu vào pháp môn ấy.

Thế tôn biết con có tài giảng thuyết, nên dùng pháp luân âm thanh, dạy con tuyên dương chánh pháp. Không có người nào có thể tranh luận hơn Phú-lâu-na. Khi ngài giảng pháp, âm thanh tròn đầy, vang vọng rất mạnh. Với số đông chừng một ngàn hay một vạn người, cũng chẳng cần micro hay loa phóng thanh, họ vẫn có thể nghe được rất dễ dàng. "Đức Phật dạy con hãy giảng kinh và thuyết pháp." Con theo giúp Phật chuyển pháp luân, nhờ pháp âm như tiếng sư tử mà con thành A-la-hán. Con sẽ tuyên dương giáo pháp của Đức Phật, lời giảng của con như tiếng gầm của loài sư tử. Khi sư tử rống lên, các sinh vật khác đều sợ hãi.

Khi thiên ma và ngoại đạo nghe tiếng rống nầy, chúng đều quy phục. Thế tôn ấn chứng cho con là thuyết pháp bậc nhất.

Kinh văn: **佛問圓通我以法音。降伏魔怨銷滅諸漏斯為第一 。**

Phiên âm: Phật vấn viên thông, ngã dĩ pháp âm hàng phục ma oán, tiêu diệt chư lậu, tư vi đệ nhất.

Việt dịch: Đức Phật hỏi về viên thông, con dùng pháp âm hàng phục ma oán, diệt sạch các lậu hoặc, đó là phương pháp tốt nhất.

Giảng: Đức Phật hỏi về viên thông. Với lời nói, con diễn bày pháp âm hàng phục ma oán. Con hàng phục thiên ma và chuyển hoá ngũ dục, tài sắc danh thực thuỳ. Năm món dục nầy là kẻ cướp lấy sạch tài sản quý báu của con người. Theo phương pháp nầy, con diệt sạch các lậu hoặc, đó là phương pháp tốt nhất. Con dùng thiệt thức, con tuyên bày diệu pháp. Đây là phương pháp thù thắng nhất.

VIÊN THÔNG SÁU THỨC

VIÊN THÔNG VỀ THÂN THỨC

Ưu-ba-ly

Kinh văn: 優波離即從座起。頂禮佛足而白佛言。我親隨佛踰城出家。親觀如來六年勤苦。親見如來降伏諸魔制諸外道。解脫世間貪欲諸漏

Phiên âm: Ưu-ba-ly tức tòng toà khởi, đảnh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn. Ngã thân tuỳ Phật du thành xuất gia. Thân quán Như Lai lục niên cần khổ. Thân kiến Như Lai hàng phục chư ma, chế chư ngoại đạo, giải thoát thế gian tham dục chư lậu.

Việt dịch: Ưu-ba-ly liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, "Con được theo Phật vượt thành xuất gia, tự mình thấy Như Lai sáu năm tinh cần khổ hạnh, đích thân thấy Như Lai hàng phục các ma, chế ngự các ngoại đạo, và giải thoát hẳn mọi tham dục thế gian."

Giảng: Ưu-ba-ly là người trì giới đệ nhất. Tên ngài trong tiếng Sanskrit có nghĩa là Thượng thủ–superior leader. Ngài không bao giờ phạm một điều giới dù là nhỏ nhất. Tên ngài lúc còn cư sĩ là Channa (Xa-nặc 車匿). Ông là người cùng với Thái tử rời bỏ hoàng cung rồi vào rừng xuất gia. Ông rất quen thuộc với những sự kiện trong đời Đức Phật vì ông là người sống với Đức Phật lâu nhất. Khi năm vị tỷ-khưu (năm anh em ông Kiều-trần-na) rời bỏ Đức Phật, Ưu-ba-ly không đi mà vẫn ở với ngài và giúp đỡ cho Thái tử khi ngài đang tu đạo. Ưu-ba-ly liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, "Con được theo Phật vượt thành xuất gia. Lúc đó, Ưu-ba-ly, khi đó chưa xuất gia, còn gọi là Xa-nặc, đầu tiên theo Thái tử ra cổng thành về hướng Đông. Thái tử lúc ấy rất vui thích, vì lâu ngày ở trong cung điện rất buồn chán. Ngài thấy một người phụ nữ đang sinh một đứa bé bên lề đường. Cô ta đang khóc lóc than vãn trong cơn quặn đau. Thái tử hỏi Xa-nặc, "Điều gì vậy? Sao cô ta khóc lóc đau đớn như thế?" Khi Xa-nặc giải thích xong, Thái tử xúc động và nhận ra rằng sự sinh nở có liên quan rất nhiều đến cái khổ. Sau khi người mẹ sinh xong, đứa bé được chào đời, Thái tử cảm thấy không còn vui thú gì nữa nên bảo Xa-nặc, "Chúng ta trở về thôi! Hôm nay xem thế là đủ rồi!"

Ngày hôm sau họ cùng đi về cổng thành phía nam. Thái tử thấy một lão già. Đầu ông ta lắc lư, mắt mờ, răng đã rụng sạch, và hầu như không còn đi được. Thái tử hỏi Xa-nặc, "Người đó sao vậy?"

– Người ấy quá già. Xa-nặc trả lời.
– Ồ! –Thái tử kêu lên–Người già như vậy đó sao! Thật là quá khổ.

Lần nầy nữa, Thái tử cũng không muốn đi đâu nữa, bảo Xa-nặc trở về.

Ngày thứ ba họ cùng đi về cổng thành phía tây, họ thấy một người đang mắc phải cơn bệnh rất ngặt nghèo. Thái tử hỏi Xa-nặc, “Tại sao thân thể người đó lại khủng khiếp như vậy ?” Xa-nặc trả lời, “Người ấy đang bị bệnh.” Một lần nữa, Thái tử thấy thương cảm trong lòng và không muốn đi chơi xa nữa.

Ngày thứ tư họ cùng đi về cổng thành phía bắc họ thấy một người vừa chết. Khi Thái tử hỏi về sự kiện nầy, Xa-nặc trình bày sự chấm dứt cuộc sống của con người–cái chết–là như vậy.

Thái tử choáng váng với các cảnh vừa thấy, sinh lão bệnh tử. Vào lúc đó, có một vị tỷ-khưu đắp y ca-sa đi qua. Khi Thái tử thấy vị tỷ-khưu, ngài hỏi Xa-nặc đó là ai? Xa-nặc trả lời:
– Ngài hãy hỏi vị ấy để được nghe lời giải thích.

Thái tử, mà sau nay là Đức Phật Thích-ca Mâu-ni liền hỏi vị tỷ-khưu:
– Ngài là ai?
– Tôi là người xuất gia.
– Có nghĩa là sao?
– Người đã từ bỏ cuộc sống gia đình, tu đạo, được gọi là tỷ-khưu. Họ xuất gia để mong thoát khỏi những cái khổ của sinh lão bệnh tử. Khi đã thể nhập vào Đạo, sẽ thấy không còn có sinh cũng như chẳng còn có diệt–nên chúng ta không còn bị rơi vào sinh hoặc chết, chúng ta có thể đạt được đạo quả.
– Ngài có thể cho tôi biết làm sao để được xuất gia? Ngài có thể nhận tôi làm đệ tử được không?

Vị tỷ-khưu vốn là chư thiên từ cõi trời Tịnh cư –Heaven of Pure Dwelling. Thất nhân duyên đã chín muồi, vị ấy liền hoá thân để gặp Đức Phật Thích-ca Mâu-ni giữa đường. Khi Thái tử xin vị tỷ-khưu hãy làm thầy của mình thì vị tỷ-khưu liền buông gậy xuống đất và bay về trời. Thái tử không còn cách nào để học đạo và chẳng biết làm sao để xuất gia, nên chỉ còn cách trở về hoàng cung.

Lúc ấy, một vị thầy tướng số xem tướng mạo của Thái tử nói cho Vua rằng, “Trong vòng bảy ngày nữa nếu Thái tử không xuất gia, ngài sẽ làm một vị Chuyển luân thánh vương, ngài sẽ trị vì khắp các cõi nước trên thế gian. Việc bệ hạ cần làm là giữ Thái tử trong hoàng cung suốt bảy ngày sắp tới.”

Từ đó, vua Tịnh Phạn canh chừng và cắt phiên cho ngự lâm quân canh gác quanh hoàng cung, cắt đứt mọi phương tiện ra vào cung điện. Lệnh giới

nghiêm được ban ra và không ai được ra vào hoàng cung. Như vậy Thái tử bị giam lỏng và canh chừng suốt mọi lúc. Với cách nầy, vua Tịnh Phạn hi vọng rằng con của ngài, Thái tử Tất-đạt-đa sẽ đạt được ngôi vị của một bậc Chuyển luân thánh vương.

Chuyển luân thánh vương là người trị vì bốn châu thiên hạ: Đông thắng thân châu, Tây ngưu hoá châu, Nam thiêm bộ châu và Bắc-câu-lư châu. Một thế giới hệ bao gồm bốn đại châu nầy, một mặt trời, một mặt trăng và núi Tu-di. Một ngàn tiểu thiên thế giới hệ là một trung thiên thế giới, một ngàn trung thiên thế giới được gọi là một đại thiên thế giới. Đây là ý nghĩa của Tam thiên đại thiên thế giới. Một vị Chuyển luân thánh vương cai trị một tiểu thiên thế giới.

Thái tử có thiện căn rất lớn, nên dù có bị canh chừng rất nghiêm ngặt, ngài vẫn không hề bối rối. Vua Tịnh Phạn cho dẫn đến cung điện của Thái tử rất nhiều phụ nữ đẹp. Nhưng thái tử vẫn xem họ với đôi mắt bàng quan, như là không thấy, như là không nghe. Đúng là:
Mắt thấy sắc nhưng trong tâm chẳng có gì.
Tai nghe tiếng nhưng tâm chẳng hề biết.

Hoặc là:
Trong chẳng có thân tâm,
Ngoài chảng có thế giới.

Thế rồi vị thiên thần ở cõi trời Tịnh cư lại hiện ra bảo với Thái tử rằng, “Thái tử, ngài ham vui ngũ dục thế gian mà quên đi lời phát nguyện trong đời trước hay sao? Ngài có còn nhớ lời nguyện trong kiếp trước không?”

Thái tử Tất-đạt-đa trả lời, “Tôi không quên, nhưng nay tôi không biết phải làm sao để thực hiện lời nguyện ấy.”

Vị thiên thần ở cõi trời Tịnh cư lại nói, “Nếu ngài không quên lời nguyện, và vẫn còn ý định xuất gia thì tôi sẽ giúp ngài.”
Thái tử nói, “Thế thì rất hay!”

Thiên thần bảo Xa-nặc–có nghĩa là Ưu-ba-ly mà bây giờ chúng ta đang được đề cập đến–hãy chuẩn bị ngựa, rồi bảo Thái tử và Xa-nặc ra sau vườn hoàng cung để trốn đi. Lúc ấy, Tứ thiên vương xuất hiện, mỗi vị đỡ lấy một chân ngựa rồi nhấc bổng cả ngựa xe, Thái tử và Ưu-ba-ly lên không trung và bay theo. Họ vượt qua mây trời và cỡi sương mù đi xa hơn 3 do-tuần rồi dừng lại trong Núi Tuyết.

Thái tử tu tập ngay khi đến núi. Như lời hứa của thiên thần, ở đó đã có đủ lúa gạo và mè. Mỗi ngày Thái tử dùng một hạt mè để sống. Rồi có ba người trong

dòng họ của vua cha, hai người thuộc dòng họ mẹ cùng đến để tu tập với ngài. Có ba người không chịu nỗi cảnh cực khổ của đời tu nên bắt đầu hoài nghi, “Tu tập khổ như thế nầy, bao giờ mới thành Phật được? Hãy về đi thối!” ba người nầy bỏ đi và đến Vườn Nai (Lộc dã uyển) để tu tập. Sau có một thiên nữ dâng cúng một bát sữa cho Thái tử, vì thấy thân thể ngài chỉ còn da bọc xương. Sau khi uống sữa, ngài thấy thân thể trở nên bình thường. Nhưng hai người còn ở lại tu tập với ngài thấy vậy liến nghĩ rằng, “Trước đây Thái tử chịu được khổ hạnh, nhưng nay thì hết chịu nỗi được rồi.

Thái tử đã uống sữa, ông ta sẽ chẳng thành tựu được điều gì. Lẽ ra Thái tử đừng dùng thứ ấy. Chúng ta hãy đi thôi!” Thế nên những người thân cận thuộc dòng họ cha và dòng họ mẹ rời bỏ ngài ra đi, chỉ còn lại Ưu-ba-ly. Nên Ưu-ba-ly nói rằng, “Chính con đã cùng Phật vượt thành xuất gia. Chính con đã ở cùng ngài trong vườn hoàng cung khi ngài lên ngựa ra khỏi thành. Tự mình thấy Như Lai sáu năm tinh cần khổ hạnh, trong sáu năm ngài đã chịu đựng sự khổ hạnh, chịu đựng những điều khỗ nhẫn chịu. Con đích thân thấy Như Lai hàng phục các ma, chế ngự các ngoại đạo và giải thoát hẳn mọi tham dục thế gian. Đáng lẽ Thái tử thành Phật ngay khi còn ở trong Núi Tuyết, nhưng ngài còn e ngại rằng chúng sinh đời sau sẽ hiểu lầm rằng, để thành Phật, họ phải tu tập vô cùng khổ hạnh. Thế nên ngài không thiền định trong núi vắng nữa mà đi đến cây bồ-đề, ngài ngồi dưới cây nầy và thệ nguyện rằng sẽ không rời cây nếu chưa thành Phật.

Sau khi Đức Phật ngồi thiền định dưới gốc cây bồ-đề 49 ngày, ma vương trong cõi Lục dục thiên được báo mộng. Ông ta mơ thấy có 32 hoá thân. Khi tỉnh dậy, ông ta suy gẫm để tìm ra nguyên nhân đã dẫn đến giấc mơ, ông ta phát hiện ra có một vị Bồ-tát đang ngồi thiền dưới gốc bồ-đề và sắp thành Phật. Ông ta nghĩ, “Điều nầy không thể nào xảy ra được. Ta phải tìm mọi cách phá huỷ định lực của người nầy.” Ông ta liền phái đi bốn ma nữ, họ đều rất đẹp. Ma quỷ là loài yêu quái, nhưng họ cũng không thích sự xấu xí. Họ được phái đến để quấy rối định lực Đức Phật Thích-ca Mâu-ni bằng sự biểu hiện 32 tướng biến hoá rất hấp dẫn.

Họ cố gắng quyến rũ cho được Đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Họ muốn Đức Phật cũng có những ý tưởng tham muốn tầm thường và xả bỏ định lực. Họ muốn kích động ham muốn của Đức Phật. Nhưng Đức Phật chẳng hề thích họ cũng như chẳng ghét họ. Dù ngài chẳng phải là rơm rạ hay gỗ đá, như dân gian có câu, “Người chẳng phải là gỗ đá, sao nỡ vô tình?” Nhưng Đức Phật đã vượt thắng nghiệm nầy và không hề bị chúng xoay chuyển. Ngài không bị dao động

bởi ma lực của loài yêu nữ nầy. Ngài an trụ trong trạng thái như như bất động. Tâm ngài chẳng lay động mảy may, ngài không hề khởi niệm ái dục.

Gặp những cảnh nầy, ngài chẳng khởi niệm. Vào lúc nầy, Đức Phật quán chiếu về sự bất tịnh, tương tự như chín đề mục đã nói ở trên (Cửu tưởng quán). Ngài nghĩ rằng, “”Ồ! Các người đến để thử thách ta. Dù bây giờ các người rất đẹp, nhưng rồi các người sẽ trở thành những bộ xương khô. Chín huyệt trên thân thể các người thường xuyên tiết ra những thứ bất tịnh. Mắt tiết ra ghèn, tai tiết ra chất ráy, mũi tiết ra nước nhầy, mệng tiết ra đờm dãi, toàn là những thứ dơ dáy. Thêm vào đó, thân còn tiết ra phân và nước tiểu, các người lại càng bẩn thỉu hơn. Thêm vào đó, còn có nhiều vi trùng trong mỗi lỗ chân lông trên cơ thể các người.

Toàn thân ấy đều là chất hôi thối.” Sự quán chiếu của ngài chuyển sang nhìn thấy bốn cô gái đẹp trở thành bốn bà phù thuỷ già nua. Họ nhìn nhau, thấy da của mỗi người nhăn nheo như chân gà và tóc họ bạc trắng như lông hạc. Mũi họ đang chảy nước nhờn và miệng đầy nước dãi. Thân thể họ vô cùng tiều tuỵ. Họ nhìn nhau rồi bắt đầu kinh tởm. Nhận ra rằng họ đã trở nên già cỗi và chẳng còn cách nào lừa phỉnh được Đức Phật nữa, nên chúng bỏ đi. Khi ma vương thấy bốn ma nữ thất bại trở về thì nó đích thân thống lĩnh ma con và ma cháu của nó đến để giết Đức Phật. Nhưng Đức Phật vẫn bất động. Ngài chẳng sợ. Ngài nhập vào Vô tránh tam-muội. Nếu tâm quý vị dao động, ma liền hại quý vị. Còn nếu tâm quý vị bất động, thì nó chẳng làm gì mình được.

Còn có một ngoại đạo khác tên Thân Mục 申目 (Shen Jih) trộn chất độc trong thức ăn rồi đem dâng cho Đức Phật. Khi Đức Phật thấy thức ăn, ngài nghĩ, “Nguyện rằng, như trong tâm ta chẳng có gì độc địa, thì khi ăn thực phẩm nầy, nó sẽ chẳng hại gì mình.” Rồi ăn thực phẩm ấy.

Các ngoại đạo khác ghen tức với Đức Phật. Trước khi Đức Phật đạt đến cảnh giới nầy, các giáo sĩ Bà-la-môn được xem là tối thượng. Mọi người đều quy hướng về họ. Nhưng sau khi Đức Phật tu tập khổ hạnh sáu năm và thành chánh giác, thì các đệ tử của ngoại đạo đều quy hướng về Đức Phật. Như Ca-diếp, Mục-kiền-liên, và Xá-lợi-phất đều đã từng là đệ tử của các ngoại đạo. Bởi vậy nên thủ lĩnh của các nhóm ngoại đạo rất ghen tức. Họ cho voi điên uống rượu–năm con voi điên như vậy–thả ra để hại Đức Phật. Ai có ngờ rằng khi 5 con voi dữ đến gần Đức Phật, ngài xoè bàn tay ra và 5 con sư tử hiện ra từ 5 ngón tay của ngài, 5 con voi điên run sợ gần chết. Đức Phật có năng lực hàng phục thiên ma và ngoại đạo thật là to lớn.

Ngài cũng đã hàng phục được ái dục. Ái là điều khó hàng phục nhất. Nó khiến cho con người sống như kẻ say và chết trong mộng mị. Nếu quý vị không trừ bỏ được ái dục, thì quý vị không thể nào trừ diệt được lậu hoặc. Quý vị còn lậu hoặc vì mình còn tham ái. Chúng sinh đều bị đắm chìm trong ái dục.

Nghiệp nặng tình mê là chúng sinh.
Nghiệp dứt tình không là chư Phật.

Chư Phật thành Phật là do các ngài đã dứt sạch ái dục. Chúng sinh mãi mãi làm chúng sinh vì nghiệp ái dục của họ qua sâu dày, không thể nào thaót khỏi vòng trói buộc của luân hồi sinh tử, khiến họ phải trôi lăn trong tam giới.
Nếu không còn lậu hoặc, thì:
Biển khổ mênh mông,
Quay đầu là bờ.
Đó là sự thoát ly hẳn tham dục thế gian.

Kinh văn: **承佛教戒,如是乃至三千威儀八萬微細。性業遮業悉皆清淨。身心寂滅成阿羅漢。**

Phiên âm: Thừa Phật giáo giới, như thị nãi chí tam thiên oai nghi bát vạn vi tế, tánh nghiệp giá nghiệp tất giai thanh tịnh. Thân tâm tịch diệt thành A-la-hán.

Việt dịch: Con nương vào giới luật do Đức Phật dạy, nên ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh, cho đến tánh nghiệp, giá nghiệp đều được thanh tịnh. Thân tâm con được vắng lặng, thành bậc A-la-hán.

Giảng: Con nương vào giới luật do Đức Phật dạy. Ưu-ba-ly đích thân theo Đức Phật từ khi ngài xuất gia, chính Ưu-ba-ly thấy Đức Phật tu khổ hạnh sáu năm trong núi Tuyết; chính Ưu-ba-ly đã thấy Đức Phật ngồi dưới cây bồ-đề, và chứng ngộ khi nhìn thấy sao mai mọc; chính Ưu-ba-ly thấy được Đức Phật hàng phục thiên ma ngoại đạo, cho đến khi thành tựu qủa vị Phật. Ưu-ba-ly đều chứng kiến những sự kiện ấy. Sau khi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni thành đạo, ngài bắt đầu giảng dạy giáo pháp mà ngài đã chứng ngộ, ngài thấy Ưu-ba-ly là người khéo trì giới đệ nhất trong đại chúng từ vô lượng chư Phật trong quá khứ. Khi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni thị hiện ở cõi ta-bà và tu tập thành tựu đạo nghiệp, Ưu-ba-ly cũng liền thị hiện đến thế giới nầy. Thế nên Đức Phật dạy Ưu-ba-ly hãy tập trung hành trì giới luật trong Phật pháp.

Nay tôi sẽ giảng giải về giới luật, và các vị đều Phật tử đang học Phật pháp nên phải nghe cho kĩ.

Đầu tiên là năm giới:
1. Không sát sanh.
2. Không trộm cắp.
3. Không tà dâm.
4. Không nói dối.
5. Không uống rượu.

Kế tiếp là 8 giới, gồm 5 giới đã nêu ở trước, cùng với 3 giới là,
6. Không trang sức thân thể mình bằng hương hoa, dầu thơm.
7. Không nằm ngồi giường cao rộng; và không xem, nghe ca nhạc. Nhờ không nằm ngồi trên giường cao rộng, quý vị sẽ trừ được tâm ngã mạn tự cao.
8. Không ăn phi thời– eat at improper times.

Không ăn phi thời có nghĩa là không ăn sau giờ ngọ. Không ăn sau giờ ngọ giúp cho quý vị chế ngự được lòng tham, vì nếu quý vị muốn ăn lúc nào mình thích, thì quý vị sẽ thích ăn mọi thời. Cư sĩ cần nên giữ giới nầy.

Sa-di có 10 giới khác với giới của hàng cư sĩ tại gia. Không phải là sau khi thọ 5 giới xong là quý vị được xem như mình là người trong tăng đoàn. Giữ 8 giới cũng chưa được xem là thành viên trong tăng đoàn. Người thọ 10 giới trọng và 48 giới khinh của Bồ-tát giới cũng chưa được xem là thành viên trong tăng đoàn. Để được làm thành viên trong tăng đoàn trước hết quý vị phải thọ 10 giới sa-di, rồi 250 giới tỷ-khưu, hoặc 348 giới tỷ-khưu ni, và thêm 10 giới trọng 48 giới khinh của Bồ-tát giới. Chẳng phải ngày nay quý vị đang ở nước Mỹ mà muốn lập nên một cách thức khác.

Quý vị không thể lập nên một hệ thống giới điều khác rồi nói rằng, “Mọi người đều là thành viên của Tăng đoàn.” Tôi đã nghe nói rằng ngay cả bàn ghế cũng là thành viên của tăng đoàn! Ly tách chén đũa cũng là thành viên của tăng đoàn–mọi thứ đều là Tăng đoàn! Điều nầy thật là kì cục–lạ kỳ không thể nói được. Trong trường hợp nầy, thì toàn thể thế giới không có gì chẳng phải là tăng già. Nếu toàn vũ trụ vạn vật đều là Tăng-già, thế thì tại sao Tăng-già lại phải hoà hợp lại với nhau mà thành. Tôi thấy đây là chuyện chưa từng được nghe bao giờ–nó thực là chưa từng có.

Chữ ‘giới luật’ xuất phát từ chữ prātimokṣa trong tiếng Sanskrit. Còn gọi là śīla. Nghĩa theo tiếng Hán là phòng phi chỉ ác.

Chư ác mạc tác
Chúng thiện phụng hành

Một hôm có vị Ưu-bà-tắc lớn tuổi hỏi một vị Bồ-tát trưởng lão vốn là người đã xuất gia lâu năm rằng, làm sao để tu đạo. Vị trưởng lão trả lời, "Không làm các việc ác. Siêng làm các việc lành."

Vị Ưu-bà-tắc lớn tuổi nói rằng. "Tôi đâu có cần ngài giải thích như vậy. Ngay cả trẻ con ba tuổi cũng biết điều ấy rồi. "

Vị trưởng lão giải thích, "Trẻ con lên ba có thể biết được điều ấy, nhưng ông lão tám mươi thì không chịu làm việc nầy."

Thời đại ngày nay một số người lập thành nhóm và tự gọi mình là 'Tăng-già.' Quý vị hãy coi lại thử họ giữ được bao nhiêu giới? Nếu chẳng giữ giới đầy đủ trọn vẹn thì chẳng được gọi là Tăng-già. Nếu họ phản đối và nói rằng họ là khác và mới cải cách, thế thị họ đừng nên gọi mình là đạo Phật. Nếu họ vẫn không tôn trọng và vẫn bám chặt vào những giới luật lâu đời của đạo Phật, thế thì đạo Phật mà họ đang theo là như thế nào? Họ sẽ trả lời, "Tân Phật giáo– New-Buddhists." Thế thì hãy hỏi họ có cái gì mới trong đó? Chính Đức Phật có khả năng giảng dạy giáo pháp ở cõi trời, ở địa ngục, ngài có năng lực giáo hoá trong cõi người và đến cả long cung để thuyết pháp. Thế những người thuộc Tân Phật giáo nầy giảng pháp ở chỗ nào? Hãy hỏi họ như vậy.

Họ sẽ trả lời rằng, "Đó là chuyện hoang đường. Dĩ nhiên là chúng tôi không thể đến đó được. Các ông có thể tạo ra chuyện huyền thoại của riêng mình. Các ông cứ sống với chuyện hoang đường ấy. "

Nếu có người nào đó có được năng lực giống như bất kì một đệ tử nào của tôi (đã khai ngũ nhãn) trong hội chúng nầy, thì họ vẫn không có quyền thay đổi nền tảng giáo lý Phật pháp, và họ vẫn không được tỏ ra là mình quá thông minh linh lợi. Họ có quyền gì mà sửa đổi Phật pháp? Khi quý vị kinh doanh, phải có vốn liếng. Nếu quý vị muốn làm quan chức cao trong chính phủ, quý vị phải học hành đỗ đạt có bằng cấp. Nếu những người nầy muốn lập thành Tân Phật giáo, nền tảng của họ là gì?

Lời họ đối đáp sẽ là, "chúng tôi dạy giáo lý Tứ diệu đế của Đức Phật, dạy Lục độ, mười hai nhân duyên, và tụng thần chú của chư Phật. Chúng tôi đọc tụng các kinh điển của Phật."

Hãy hỏi lại họ, "Nếu quý vị đọc kinh Phật và trì tụng thần chú của Phật, thì có gì mới?" Đó thật là điều nghịch lí.

Tôi mong rằng quý vị Phật tử ở Mĩ hãy nỗ lực phản ứng với những sai lầm nầy. Nếu không, sự suy tạn của đạo pháp chắc chắn sẽ xảy ra. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni tiên đoán rằng trong thời mạt pháp, ma con và ma cháu sẽ đến thế giới

nầy với lục lượng rất hùng hậu. Khi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni hàng phục ma vương và thu nhiếp ngoại đạo, ma Ba-tuần, đã biết việc nầy. Nó nói rằng, “Tôi biết là lúc nầy không làm được gì ngài, nhưng trong tương lai tôi sẽ phá hoại giáo pháp của ngài.”

Đức Phật hỏi lại, “ Làm sao mà ông làm được việc ấy ?”

“Tôi sẽ cho con cháu tôi len vào trong Tăng đoàn của ông. Ăn uống như các ông, đắp y như các ông, và đại tiểu tiện phân và nước tiểu vào trong bình bát của các ông. Con cháu tôi sẽ phá hoại Phật pháp từ chính trong Tăng đoàn các ông.”

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni từ lâu đã thấy được những điều đang diễn ra ngày hôm nay.

Họ đắp y Như Lai.
Họ dùng thực phẩm của Như Lai.
Nhưng trong đạo Phật, họ không làm đúng như những gì Đức Phật đã làm.

Ngài Ưu-ba-ly là vị giữ giới luật hàng đầu trong số các đệ tử của Đức Phật. Trong đạo Phật, có những vị Luật sư chuyên nghiêm trì giới luật, có những vị Pháp sư chuyên giảng kinh thuyết pháp. Pháp sư có hai nghĩa: một là những vị chuyên giảng pháp cho người khác, và hai là người nhận giáo pháp làm thầy của mình, họ tham cứu kinh luận để tu tập. Còn có những vị Thiền sư, họ chuyên tham thiền và tĩnh toạ.

Khi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni còn tại thế, mọi chúng sinh đều nương vào Đức Phật như là bậc thầy dẫn dường. Khi Đức Phật nhập diệt, ngài khuyên tỷ-khưu, tỷ-khưu ni hãy nhận giới luật làm thầy. Thế nên điều quan trọng nhất đối với chư tăng ni là phải nghiêm trì giới luật. Luật sư như ngài Ưu-ba-ly là vị đặc biệt tinh nghiêm giới luật. Ngài nói, Con nương vào giới luật do Đức Phật dạy, nên ba ngàn oai nghi,

Con số ba ngàn oai nghi là do từ 250 giới của tỷ-khưu nhân với bốn oai nghi– đi đứng nằm ngồi, thành 1000; nhân với 3 nghiệp, thân khẩu ý, thành 3000.

Mỗi oai nghi đi đứng nằm ngồi đều có điểm đặc biệt của nó.

1. Đi như gió. Gió đây không phải là bão tố cuồng phong, mà như hơi thở nhẹ, như gió thu. Nên đi chậm rãi với phong cách vững chãi, không nên đi vội vã như chạy về phía trước.
2. Đứng như cây thông: Đứng thẳng mình như cây thông, không nghiêng ngã hoặc dựa bên nầy bên kia.
3. Ngồi như chuông: Ngồi như cái chuông lớn, nặng được treo chắc chắn và

không lay động.
4. Nằm như cung: Nên nằm theo thế cát tường,nằm nghiêng phía ben phải, tay phải đặt trên má phải và tay trái để xuôi theo chân trái.

Tám vạn tế hạnh, Tám vạn là con số tròn. Chỉ cho tám vạn bốn ngàn tế hạnh. Số này là do 3000 oai nghi của thân khẩu ý nhân với 7 (thất giác ý; thân 3, khẩu 4) thành 21.000, nhân với 4 (tứ đẳng phần: tham, sân, si, đẳng phần) tức là 84.000.

Ưu-ba-ly trình bày tiếp cho đến tánh nghiệp, giá nghiệp đều được thanh tịnh. 'Tánh nghiệp'–Direct karma, là chỉ cho bốn giới câm căn bản: sát đạo dâm và vọng ngữ. Bất kì hành vị nào thuộc trong 4 việc nầy đều là sai phạm và phạm giới luật ngay. Nếu có vị nào phạm vào một trong bốn giới nầy, thì đều không còn cơ hội để sám hối nữa. Đó là nói dứt khoát như vậy. Còn nếu có người vi phạm một trong bốn giới nầy mà hết sức thành tâm sửa đổi, thì họ vẫn có được cơ hội.

'Giá nghiệp'là chỉ cho những hành vi khiến dẫn mình đến việc phạm những giới cấm mà vốn mình suốt đời không được phạm. Chẳng hạn, có người đã thọ năm giới, nhưng thấy mình khó giữ được, có ngày anh ta nghĩ rằng cũng chẳng mất gì nếu mình uống chút rượu. "Tôi hiểu ý nghĩa của việc giữ các giới sát đạo dâm vọng, nhưng tôi nghĩ cũng sẽ chẳng có vấn đề gì nếu phạm vào giới uống rượu." Anh là lý luận. Thế là anh ta đi ra ngoài và mua rươụ uống. Anh ta trở về nhà với chai rượu trên tay. Nhưng lúc đó thấy ra rằng chẳng có gì để nhắm. "Có gà chiên để đưa cay thì quá tuyệt." Khi anh nghĩ như vậy, thì con gà từ bên nhà hàng xóm chạy qua sân nhà anh. Liếc nhìn ngang dọc thấy không có ai, anh liền bắt trộm con gà, như vậy là anh ta đã phạm giới ăn cắp. Rồi anh ta cắt cổ gà. lại phạm thêm giới sát sanh.

Mãi mê trong ly rượu và thịt gà, anh thấy người phụ nữ nhà bên đến gần, "Tôi mất con gà." Cô ta nói, "Anh có thấy nó chạy qua đây không?"

"Tôi chẳng thấy." Anh lại phạm thêm giới nói dối nưã. Rôid liếc nhìn người phụ nữ, dù cô ta không đẹp lắm, nhưng cũng còn được. Lòng dục anh ta nỗi dậy, anh xâm phạm tiết hạnh cô ấy. Tất cả mọi việc xảy ra chỉ vì phạm giới uống rượu. Đó là cách thức mà nghiệp được tạo ra.

Đó cũng là lý do để nói rằng ăn thịt là phạm vào giới sát. Nếu quý vị không ăn thịt, thì quý vị chẳng có liên quan gì đến lò mổ hay súc vật. Điều nầy tương tự như việc cày xới đất đai, những người nghiêm trì giới luật họ không bao giờ cày xới đất đai, vì nếu làm thế sẽ khiến cho nhiều côn trùng bị chết. Đây là những ví dụ của sự tạo nghiệp.

Ưu-ba-ly giải thích, “Con nghiêm trì giới luật cho đến khi các nghiệp của mình được thanh tịnh. Thân tâm con được vắng lặng, thành bậc A-la-hán. Khi đạt đến chỗ tuyệt đối thanh tịnh, con chứng được Thánh quả.”

Kinh văn: **我是如來眾中綱紀。親印我心持戒修身眾推無上。**

Phiên âm: Ngã thị Như Lai chúng trung cương kỷ. Thân ấn ngã tâm trì giới tu thân, chúng suy vô thượng.

Việt dịch: Nay làm vị cương kỉ trong chúng hội của Như Lai. Chính Đức Phật ấn chứng cho là người con giữ giới tu thân, được đại chúng suy cử là bậc nhất.

Giảng: Nay làm vị cương kỉ trong chúng hội của Như Lai. Ngài là một bậc Thượng toạ. Ngài là mẫu mực cho mọi người, là mô phạm trong giáo pháp. Nhiều người phải học hỏi ở ngài. Giới luật trong chúng là Ưu-ba-ly đứng đầu trong việc nghiêm trì. Chính Đức Phật ấn chứng cho là người con giữ giới tu thân. Thế tôn đích thân ấn chứng cho con giỏi trì giới. Con nghiêm trì giới luật và tu tập trong đó. Con được đại chúng suy cử là bậc nhất. Do đó trong đại chúng, con được xem là người giữ giới bậc nhất.

Kinh văn: **佛問圓通,我以執身,身得自在。次第執心,心得通達。然後身心一切通利,斯為第一 。**

Phiên âm: Phật vấn viên thông, ngã dĩ chấp thân thân đắc tự tại. Thứ đệ chấp tâm tâm đắc thông đạt. Nhiên hậu thân tâm nhất thiết thông lợi, tư vi đệ nhất.

Việt dịch: Nay Đức Phật hỏi về viên thông. Con do giữ giới nơi thân mà thân được tự tại, giữ giới ở tâm thì tâm được thông suốt, sau đó thân tâm đều được viên thông tự tại, đó là phương pháp tốt nhất.

Giảng: Nay Đức Phật hỏi về viên thông. Đức Phật muốn biết sự thành tựu đạo nghiệp của từng vị trong chúng hội. Con do giữ giới nơi thân mà thân được tự tại. Con giữ giới để tu dưỡng từ thân. Giữ giới ở tâm thì tâm được thông suốt. Khi con tu tập về thân đến mức độ không phạm những giới liên quan đến thân. Con giữ những giới trong tâm. Những giới luật liên quan đến thân là thuộc về công hạnh của hàng Thanh văn, còn những giới trong tâm là thuộc công hạnh của hàng Bồ-tát. Hàng Bồ-tát không phạm giới dù những giới thuộc về tâm.

Sau đó thân tâm đều được viên thông tự tại. Thân tâm con rất là tự tại và an lạc. Đó là phương pháp tốt nhất. Phương pháp giữ giới để tu tập thân tâm, theo ý kiến của con đó là thù thắng nhất.

VIÊN THÔNG SÁU THỨC

VIÊN THÔNG Ý THỨC
Mục-kiền-liên

Kinh văn: 大目犍連即從座起。頂禮佛足而白佛言。我初於路乞食逢遇優樓頻螺,伽耶,那提,三迦葉波。宣說如來因緣深義。我頓發心得大通達。

Phiên âm: Đại Mục-kiền-liên tức tòng toà khởi, đảnh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn. Ngã sơ ư lộ khất thực phùng ngộ Ưu-lâu-tần-loa, Già-da, Na-đề, tam Ca-diếp-ba, tuyên thuyết Như Lai nhân duyên thâm nghĩa. Ngã đốn phát tâm đắc đại thông đạt.

Việt dịch: Đại Mục-kiền-liên liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, "Ban đầu con đi khất thực, giữa đường gặp ba anh em Ca-diếp-ba là Ưu-lâu-tần-loa, Già-da, Na-đề, họ giảng nói nghĩa lý thâm diệu của pháp nhân duyên của Như Lai. Con liền phát tâm, được sự thông đạt sâu xa."

Giảng: Đại Mục-kiền-liên liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng. Tên của Mục-kiền-liên có nghĩa là Thái thúc thị –con cháu của dòng họ những người ăn rau đậu. Ngài nói, "Ban đầu con đi khất thực, giữa đường gặp ba anh em Ca-diếp-ba là Ưu-lâu-tần-loa, Già-da, Na-đề."

Tên của Ưu-lâu-tần-loa (Uruvilvā) có nghĩa là 'rừng cây papaya.' Ông được đặt tên nầy là vì thân ông lớn nhanh như thân cây papaya. Già-da (Gaya) là tên một dãy núi, Na-đề (Nadī) là tên một dòng sông. Ba anh em giảng nói nghĩa lý thâm diệu của pháp nhân duyên của Như Lai. Họ bàn luận về giáo pháp của Như Lai, đặc biệt là giáo lý Nhân duyên sinh.
Nhân duyên sở sanh pháp
Ngã thuyết tức thị không
Thị danh vi giả danh
Diệc thị trung đạo nghĩa.

Khi họ phân tích kỹ lưỡng về giáo lý nầy, Con liền phát tâm, được sự thông đạt sâu xa."

Trước đó, Xá-lợi-phất đã được nghe bài kệ trên và đã được chứng ngộ, đạt quả vị sơ quả A-la-hán. Ngài liền trở về báo tin cho Mục-kiền-liên, "Hôm nay tôi vừa gặp được các vị tỷ-khưu đệ tử của Đức Phật. Họ có nói cho tôi một bài kệ."

Khi Xá-lợi-phất đọc lại bài kệ ấy, Mục-kiền-liên cũng chứng ngộ. Cả hai đều đến chỗ Phật xin quy y và đảnh lễ Thế tôn, cầu thỉnh ngài làm bậc Đạo sư của mình. Có vài kinh luận khác nói rằng ngài Xá-lợi-phất gặp tỷ-khưu Mã Thắng (Aśvajit), vị nầy nói cho Xá-lợi-phất bài kệ:

Chư pháp tùng duyên sinh
Chư pháp tùng duyên diệt
Ngã Phật đại sa-môn
Thường tác như thị thuyết.

Bài kệ nầy đã khiến cho Xá-lợi-phất giác ngộ. Nói chung, Xá-lợi-phất đã nghe đệ tử Phật nói về lý nhân duyên và được giác ngộ, cũng như Mục-kiền-liên.

'Nghĩa lý thâm diệu' là chỉ cho giáo pháp dạy cho hàng Bồ-tát. Giáo pháp dành cho hàng A-la-hán có nghĩa lý còn đơn giản. Thế nên 'Nghĩa lý thâm diệu' là chỉ cho giáo pháp Đại thừa.

Kinh văn: **如來惠我袈裟著身鬚髮自落。我遊十方得無罣礙。神通發明推為無上。成阿羅漢**

Phiên âm: Như Lai huệ ngã ca-sa trước thân, tu phát tự lạc. Ngã du thập phương đắc vô quái ngại. Thần thông phát minh suy vi vô thượng, Thành A-la-hán.

Việt dịch: Như Lai ban cho con y ca-sa đắp trên thân, râu tóc tự rụng. Con có thể đi khắp mười phương mà không ngăn ngại. Có được thần thông, được đại chúng suy cử là đệ nhất, thành bậc A-la-hán.

Giảng: Như Lai ban cho con y ca-sa đắp trên thân, râu tóc tự rụng. Khi con đến trụ xứ của Đức Phật, ngài nói, "Thiện lai! Tỷ-khưu. Hãy để cho râu tóc ông tự rụng và thân được đắp ca-sa." Nhờ năng lực thần thông cuả Phật mà râu tóc của Mục-kiền-liên sạch ngay sau lời tán thán của Thế tôn. Vào thời đó, những ai quyết định xuất gia, họ liền thực hiện ngay tức khắc, họ không dừng lại để tính toán suy nghĩ. Họ không giống như những người hôm nay, vốn thường do dự, không dứt khoát khi quyết định. Khi râu tóc của Mục-kiền-liên rơi rụng sạch sẽ rồi, ngài liền có hình tướng của một vị tỷ-khưu. Ngài thuật lại: Con có thể đi khắp mười phương mà không ngăn ngại. Mục-kiền-liên là vị có thần thông bậc nhất. Sau khi ngài xuất gia, ngài thành tựu được năng lực thần thông, ngài có

thể đi khắp mười phương và thể hiện các tướng biến hoá như ý muốn. Năng lực thần thông của ngài là không ngằn mé, không có gì làm chướng ngại. Có được thần thông, được đại chúng suy cử là đệ nhất, thành bậc A-la-hán.

Kinh văn: **寧唯世尊。十方如來歎我神力。圓明清淨自在無畏。**

Phiên âm: Ninh duy Thế tôn, thập phương Như Lai thán ngã thần lực, viên minh thanh tịnh, tự tại vô uý.

Việt dịch: Không chỉ riêng Thế tôn, mà mười phương Như Lai đều tán thán năng lực thần thông của con được thanh tịnh, viên mãn, sáng suốt và không sợ hãi.

Giảng: Không chỉ riêng Thế tôn, mà mười phương Như Lai đều tán thán năng lực thần thông của con. Không riêng chỉ Thế tôn, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, khen tặng con. Chư Phật Như Lai khắp mười phương cũng đều tán dương năng lực thần thông diệu dụng của con. Các ngài khen ngợi năng lực ấy là thanh tịnh, viên mãn, sáng suốt và không sợ hãi.

Kinh văn: **佛問圓通,我以旋湛心光發宣。如澄濁流久成清瑩斯為第一 。**

Phiên âm: Phật vấn viên thông, ngã dĩ triền trạm, tâm quang phát tuyên. Như trừng trược lưu, cửu thành thanh oánh, tư vi đệ nhất.

Việt dịch: Đức Phật hỏi về viên thông, con xoay ý niệm trở về bản thể tròn đầy sâu lắng, tâm thể sáng suốt được hiển bày, như nước đục lắng trong, lâu ngày thành trong suốt, đó là phương pháp tốt nhất.

Giảng: Đức Phật hỏi về viên thông. Nay Đức Phật hỏi chúng đệ tử, những người đang tu tập, họ đã vận dụng công phu theo phương pháp nào mà có được sự chứng ngộ. Con xoay ý niệm trở về bản thể tròn đầy sâu lắng–Con công phu bằng cách quay trở về với tâm thể thanh tịnh sâu lắng–cho đến khi tâm thể sáng suốt được hiển bày. Bản tâm con phát ra anh sáng, như nước đục lắng trong. Như để nước đục lâu ngày cho đến khi trở nên lắng trong. Lâu ngày thành trong suốt. Khi nước đục để lâu ngày, nó tự nhiên được trong suốt. Đó là phương pháp tốt nhất. Con tu tập theo phương pháp xoay ý niệm trở về lại với tánh Như Lai tạng sâu mầu vi diệu. Đó là phương pháp thù thắng nhất.

VIÊN THÔNG BẢY ĐẠI

VIÊN THÔNG HOẢ ĐẠI
Ô-sô-sắc-ma

Kinh văn: 烏芻瑟摩於如來前。合掌頂禮佛之雙足。而白佛言。我常先憶。久遠劫前性多貪欲。有佛出世名曰空王。說多婬人成猛火聚。教我遍觀百骸四肢。諸冷暖氣

Phiên âm: Ô-sô-sắc-ma ư Như Lai tiền, hợp chưởng đảnh lễ Phật chi song túc, nhi bạch Phật ngôn. Ngã thường tiên ức. Cửu viễn kiếp tiền tánh đa tham dục. Hữu Phật xuất thế danh viết Không Vương thuyết đa dâm nhân thành mãnh hoả tụ, giáo ngã biến quán bách hài tứ chi chư lãnh noãn khí.

Việt dịch: Ô-sô-sắc-ma đến trước Phật, chắp hai tay đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch rằng, "Con thường nhớ trước đây, trong nhiều kiếp xa xưa, tánh con nhiều dâm dục. Có Đức Phật ra đời, hiệu là Không Vương, nói rằng người đa dâm giống như đống lửa dữ, ngài dạy con quán khắp hơi nóng lạnh trên khắp trăm vóc tứ chi. "

Giảng: Ô-sô-sắc-ma là một vị thần Kim cang hộ pháp. Ngài là một trong những vị mà trong kinh nầy thường gọi là Kim cang Mật tích密迹金, có nghĩa là vị Hộ pháp. Lịch sử của các vị Hộ pháp nầy như sau: Vô lượng kiếp trong quá khứ, có một vị Chuyển luân thánh vương mà người vợ đầu của ông sinh được 1000 người con. Vị Chuyển luân thánh vương nầy là người thấm nhuần Phật pháp. Ông bắt các con của mình rút thăm; và chúng phải tu hành thành Phật theo thứ tự số thăm mà họ đã rút được. Một ngàn vị Phật của kiếp nầy, tức Hiền kiếp, chính là những con trai của Chuyển luân thánh vương ấy.

Đức Phật Câu-na-hàm Mâu-ni (Kanakamuni Buddha) thành vị Phật đầu tiên, và Đức Phật Thích-ca Mâu-ni là vị Phật thứ tư của Tinh tú kiếp. Có tên gọi như vậy là vì đó là lúc mà chư Phật và Hiền thánh xuất hiện ở thế gian.

Người vợ khác của Chuyển luân thánh vương có hai người con trai. Người anh phát nguyện rằng khi 1000 người anh của mình đã thành Phật hết rồi, sẽ đi đến quốc độ của họ để cúng dường. Người em phát nguyện khi 1000 người anh của mình đã thành Phật, sẽ đến để hộ trì cho họ–người nầy chính là Kim cang Lực sĩ.

Tại sao ở đây lại nói đến trước Phật chứ không nói từ chỗ ngồi đứng dậy? Là vì Kim cang Lực sĩ là thần Hộ pháp, và thần Hộ pháp thì không thể ngồi khi có sự

hiện hữu của chư Phật. Họ phải đứng. Họ không được phép ngồi trong chúng hội của chư Phật. Như loài ma, không những họ không được phép ngồi mà thậm chí còn không được phép đứng. Họ phải quỳ. Các vị Hộ pháp phải quỳ khi nghe giảng pháp. Trong các pháp hội giảng kinh, có rất nhiều loài ma quỷ đang quỳ quanh đây để nghe giảng kinh. Nếu quý vị không thể thấy được chúng, đó là do quý vị không học được cách nói như tôi dành cho chúng. Quý vị có thể hỏi những vị đệ tử của tôi đã được khai ngũ nhãn. Họ sẽ nói cho quý vị nghe.

Ô-sô-sắc-ma đến trước Đức Phật chắp hai tay đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch rằng, “Con thường nhớ trước đây, trong nhiều kiếp xa xưa, tánh con nhiều dâm dục. Người nầy có lòng dâm dục rất mạnh. Ông ta bị ám ảnh bởi phụ nữ. Có lẽ ông ta bị di truyền tính nầy từ người cha của ông, là vị Chuyển luân thánh vương, có lòng dâm dục rất mạnh. “Lúc ấy, Có Đức Phật ra đời, hiệu là Không Vương, ngài dạy Phật pháp cho con, ngài nói rằng người đa dâm giống như đống lửa dữ. Trong tương lai họ sẽ bị đoạ vào địa ngục và bị thiêu đốt bởi lửa dữ. Đức Phật Không Vương dạy con quán khắp hơi nóng lạnh trên khắp trăm vóc tứ chi.”

Tại sao con người lại có lòng dâm dục mạnh mẽ? Vì nó đến từ ‘lửa dục–fire of desire’ trong thân thể. Thế nên Đức Phật Không Vương– King of Emptiness, đã dạy Ô-sô-sắc-ma xoay trở lại tánh sáng suốt và nhìn vào tính lửa trong thân thể. Ô-sô-sắc-ma đã thấy được lửa dục trong mình.

Kinh văn: **神光內凝。化多婬心成智慧火。從是諸佛皆呼召我名為火頭。**

Phiên âm: Thần quang nội ngưng, hoá đa dâm tâm thành trí huệ hoả. Tùng thị chư Phật giai hô triệu ngã danh vi hoả đầu.

Việt dịch: Được giác tánh sáng suốt ngưng lặng bên trong, tâm đa dâm hoá thành lửa trí huệ. Từ đó, mỗi khi chư Phật triệu mời con, thường gọi là Hoả đầu.

Giảng: Con quán sát tính lửa trong thân con, sau một thời gian, con ghê tởm nó và được báo động về nó. Con không còn thích những niệm tưởng dâm dục nữa, con dần dần xa lìa được chúng. Khi nó đã không còn nữa, thì con Được giác tánh sáng suốt ngưng lặng bên trong.” Ô-sô-sắc-ma phát ra tánh sáng suốt từ bên trong, tâm đa dâm hoá thành lửa trí huệ. Có sự chuyển hoá xảy ra từ tâm niệm ám ảnh bới dâm dục; nó đã chuyển thành lửa trí huệ. Từ đó, mỗi

khi chư Phật triệu mời con, thường gọi là Hoả đầu. Chư Phật thường gọi Ô-sô-sắc-ma là Hoả đầu Kim cang.

Kinh văn: **我以火光三昧力故成阿羅漢心發大願諸佛成道。我為力士,親伏魔怨。**

Phiên âm: Ngã dĩ hoả quang tam-muội lực cố thành A-la-hán. Tâm phát đại nguyện chư Phật thành đạo, ngã vi lực sĩ, thân phục ma oán.

Việt dịch: Con dùng sức hoả quang tam-muội mà thành A-la-hán. Tâm phát nguyện lớn rằng khi chư Phật thành đạo, con sẽ làm vị lực sĩ thân cận chư Phật, hàng phục ma oán.

Giảng: Con dùng sức hoả quang tam-muội mà thành A-la-hán. Tâm phát nguyện lớn rằng khi chư Phật thành đạo, con sẽ làm vị lực sĩ thân cận chư Phật, hàng phục ma oán.

Khi 1000 Đức Phật trong Hiền kiếp đã thành tựu đạo nghiệp, con phát nguyện sẽ làm vị Kim cang Đại lực sĩ, là Đại Hộ pháp, để uốn dẹp mọi tà ma ngoại đạo.

Kinh văn: **佛問圓通我以諦觀身心暖觸。無礙流通諸漏既銷。生大寶焰登無上覺斯為第一**

Phiên âm: Phật vấn viên thông, ngã dĩ đề quán thân tâm noãn xúc, vô ngại lưu thông. Chư lậu ký tiêu, sanh đại bảo diệm, đăng vô thượng giác. Tư vi đệ nhất.

Việt dịch: Đức Phật hỏi về viên thông, con dùng pháp quán sát hơi ấm nơi thân tâm đều lưu thông không ngăn ngại. Khi các lậu hoặc đã tiêu trừ, liền phát ra lửa đại trí huệ quý báu, được bậc giác ngộ vô thượng. Đó là đệ nhất.

Giảng: Đức Phật hỏi các đệ tử về viên thông, con dùng pháp quán sát hơi ấm nơi thân tâm đều lưu thông không ngăn ngại. Khi các lậu hoặc đã tiêu trừ. Kết quả là hơi nóng trong thân đã chuyển thành lửa trí huệ, và tự tánh trong tâm là vô ngại thông suốt. Nó đốt cháy sạch mọi lậu hoặc của con, và liền phát ra lửa đại trí huệ quý báu, được bậc giác ngộ vô thượng. Đó là đệ nhất.

VIÊN THÔNG BẢY ĐẠI

VIÊN THÔNG ĐỊA ĐẠI

Trì Địa Bồ-tát

Kinh văn: 持地菩薩即從座起。頂禮佛足而白佛言。我念往昔普光如來。出現於世我為比丘。常於一切要路津口。田地險隘有不如法。妨損車馬我皆平填。或作橋梁或負沙土。

Phiên âm: Trì Địa Bồ-tát tức tòng toà khởi, đảnh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn. Ngã niệm vãng tích phổ quang Như Lai xuất hiện ư thế, ngã vi tỷ-khưu, thường ư nhất thiết yếu lộ tân khẩu, điền địa hiểm ải, hữu bất như pháp. Phòng tổn xa mã, ngã giai bình điền, hoặc tác kiều lương, hoặc phụ sa thổ.

Việt dịch: Trì Địa Bồ-tát, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, "Con nhớ vào kiếp trước, khi Đức Phật Phổ Quang Như Lai ra đời, con là tỷ-khưu thường ở những nơi đường sá, bến đò, đất đai hiểm trở, eo hẹp, không được an toàn; đề phòng cho sự tổn hại đến xe ngựa, con đều san bằng, con làm cầu hoặc đắp đất. "

Giảng: Trì Địa Bồ-tát– Maintaining the Ground, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, "Con nhớ vào kiếp trước, khi Đức Phật Phổ Quang Như Lai ra đời, con là tỷ-khưu thường ở những nơi đường sá, bến đò

Khi Đức Phật Phổ Quang Như Lai thị hiện trên đời, con xuất gia làm vị tỷ-khưu, thường phát tâm sửa sang những đoạn đường hiểm trở. "Bến đò–tân khẩu" ở đây là chỉ cho các khúc sông cạn, nơi mà các dòng suối chảy qua đường đi. Ngài Trì Địa Bồ-tát liền lấy cây gỗ ngăn dòng chảy lại để cho người dễ dàng qua lại. Ngài còn sửa sang những chỗ đất đai hiểm trở, eo hẹp, không được an toàn. Có khi trên mặt đất bỗng nhiên bị lún sâu hoặc gồ ghề, không đủ rộng và an toàn để đi qua được. Đây là những nơi cần sửa sang. Đề phòng cho sự tổn hại đến xe ngựa, con đều san bằng, con làm cầu hoặc đắp đất. "

Con san phẳng mặt đường, nếu chỗ ấy bị lún và nhiều ổ gà, con sẽ lấp bằng chúng. Nếu chỗ ấy gồ ghề, con sẽ san bằng chúng. Con làm cho mặt đường bằng phẳng.

Kinh văn: **如是勤苦經無量佛出現於世。或有眾生於闤闠處。要人擎物我先為擎。至其所詣放物即行不取其直。**

Phiên âm: **Như thị cần khổ, kinh vô lượng Phật xuất hiện ư thế. Hoặc hữu chúng sanh ư hoàn hội xứ, yếu nhân kinh vật, ngã tiên vi kinh. Chí kỳ sở nghệ, phóng vật tức hành bất thủ kỳ trực.**

Việt dịch: Con siêng năng khó nhọc như vậy, trải qua vô số chư Phật ra đời. Hoặc có chúng sinh, ở nơi chợ triền cần người mang đồ vật, trước hết con mang giúp cho họ, đến nơi để đồ vật xuống, con liền đi ngay, không nhận tiền công.

Giảng: Con siêng năng khó nhọc như vậy, trải qua vô số chư Phật ra đời.

"Việc khó nhọc như vậy" là chỉ cho các việc như gánh đất, làm cầu đường. Trì Địa Bồ-tát tiếp tục làm những công việc như vậy đời nầy sang đời khác.

Hoặc có chúng sinh, ở nơi chợ triền cần người mang đồ vật, trước hết con mang giúp cho họ, đến nơi để đồ vật xuống.

Nếu có người bán rong dọc phố chợ, cần người mang vác hàng hoá, con sẽ mang giúp cho họ, hoặc là mang trên lưng hoặc đội trên đầu, hoặc xách trên tay. Khi mang đến nơi họ yêu cầu, con đặt hàng hóa xuống. Con liền đi ngay, không nhận tiền công. Có nghĩa là Trì Địa Bồ-tát không những chẳng đòi tiền công mang vác mà còn từ khước những lời cảm ơn của họ. Đây là một dạng tu tập khổ hạnh mà Trì Địa Bồ-tát đã từng làm.

Kinh văn: **毘舍浮佛現在世時。世多饑荒,我為負人。無問遠近唯取一錢。或有車牛,被於陷溺。我有神力為其推輪拔其苦惱。時國大王筵佛設齋。**

Phiên âm: **Tì-xá-phù Phật hiện tại thế thời, thế đa cơ hoang, ngã vi phụ nhân. vô vấn viễn cận, duy thủ nhất tiền. Hoặc hữu xa ngưu bị ư hãm nịch, ngã hữu thần lực vi kỳ thôi luân, bạt kỳ khổ não.**

Việt dịch: Khi đó vào thời Đức Phật Tì-xá-phù ra đời, thế gian phần nhiều đói kém, con cõng giúp người không kể gần xa, mà chỉ nhận một tiền. Hoặc có xe trâu mắc phải sình lầy, con dùng sức mạnh đẩy xe lên, giúp họ khỏi khổ não.

Giảng: Khi đó vào thời Đức Phật Tì-xá-phù ra đời, thế gian phần nhiều đói kém. Người ta không có gì để ăn. Tì-xá-phù có nghĩa là Biến nhất thiết tự tại. Khi nạn đói xảy ra, mọi người đều di tản từng đoàn, tìm cách ra khỏi vùng bị nạn đói đe doạ. Có người trên đường di cư quá yếu không thể đi nỗi, nên Trì Địa Bồ-tát phải cõng họ đi. Con cõng giúp người không kể gần xa, mà chỉ nhận một tiền. Bất luận đó là đoạn đường ngắn hay dài, ngài luôn luôn nhận một khoản tiền

nhất định–chỉ một đồng tiền. “Con không nhận nhiều hơn, hoặc có xe trâu mắc phải sình lầy, con dùng sức mạnh đẩy xe lên, giúp họ khỏi khổ não.” Khi trời mưa lớn, nước chảy tràn qua mặt đường gây nên sình lầy rất dày khiến người xe khó đi. Khi xe trâu cố đi qua, nó sẽ bị mắc lầy. Trì Địa Bồ-tát nói rằng ngài sẽ dùng sức mạnh–năng lực tinh thần, để đẩy giúp xe ra khỏi sình lầy, thoát khỏi tình trạng khó xử.

Kinh văn: **我於爾時平地待佛。毘舍如來摩頂謂我。當平心地。則世界地,一切皆平。**

Phiên âm: Thời quốc đại vương diên Phật thiết trai, ngã ư nhĩ thời bình địa đãi Phật. Tì-xá Như Lai ma đảnh vị ngã, đương bình tâm địa, tắc thế giới địa nhất thiết giai bình.

Việt dịch: Lúc ấy trong nước có vị quốc vương thiết trai cúng dường Đức Phật, con liền sửa sang đường đất bằng phẳng đón Phật đi qua. Tì-xá-phù Như Lai xoa đầu con nói rằng, “Nên bình tâm địa, thì tất cả đất đai trên thế giới đều được an bình.”

Giảng: Lúc ấy trong nước có vị quốc vương thiết trai cúng dường Đức Phật. Quốc vương là một Phật tử thâm tín chư Phật, vua thỉnh Đức Phật đến để cúng dường. Lúc đó, con liền sửa sang đường đất bằng phẳng đón Phật đi qua. Trên đường Đức Phật sẽ đi qua, con sửa sang lại cho bằng phẳng những nơi gồ ghề. Tì-xá-phù Như Lai xoa đầu con nói rằng, “Nên bình tâm địa, thì tất cả đất đai trên thế giới đều được an bình.”

Khi tâm địa được an bình, thì mọi đất đai trên thế giới tự nhiên sẽ đều bằng phẳng cả. Trì Địa Bồ-tát đã làm việc như vậy một thời gian rất dài để san bằng mặt đất, vốn là nền tảng để thực hiện mọi sự bình đẳng. Nhưng Trì Địa Bồ-tát đã làm bằng phẳng các hiện tượng bên ngoài, trong khi cơ bản là trong tâm tánh mình thì ngài chưa làm được. Nên Đức Phật Tì-xá-phù dạy Trì Địa Bồ-tát hãy làm bình tâm địa của chính mình, vì một khi bình được tâm địa của mình rồi, thì các mặt đất trên thế gian đều được bằng phẳng cả. Tâm địa chính là bản tâm của mình.

Kinh văn: **我即心開,見身微塵,與造世界。所有微塵等無差別。微塵自性不相觸摩。乃至刀兵亦無所觸。**

Phiên âm: Ngã tức tâm khai, kiến thân vi trần, dữ tạo thế giới sở hữu vi trần đẳng vô sai biệt. Vi trần tự tánh bất tương xúc ma, nãi chí đao binh diệc vô sở xúc.

Việt dịch: Tâm con liền được khai ngộ, thấy vi trần nơi thân cùng với vi trần tạo nên thế giới vốn chẳng sai biệt. Tự tánh của vi trần không cọ xát nhau, cho đến đao binh cũng không đụng chạm được gì.

Giảng: Khi con nghe nơi Đức Phật Tì-xá-phù dạy về phương pháp nầy, tâm con liền được khai ngộ, con liền được giác ngộ, thấy vi trần nơi thân cùng với vi trần tạo nên thế giới vốn chẳng sai biệt. Thân thể con vốn được tạo thành bởi vô số vi trần, chẳng có gì khác hơn, và nó cũng giống như các vi trần tạo nên các thứ khác trong thế giới. Tự tánh của vi trần không cọ xát nhau. Chúng không xúc chạm lẫn nhau. Cho đến đao binh cũng không đụng chạm được gì. Ngay cả gươm đao cũng chẳng cắt đứt được chúng, thế nên nó chẳng làm hại gì được đến thân thể của mình, vì thân thể của mình cũng đều là rỗng không. Con vốn chẳng có ngã tướng.

Kinh văn: **我於法性悟無生忍成阿羅漢。迴心今入菩薩位中。聞諸如來宣妙蓮華佛知見地。我先證明而為上首。**

Phiên âm: Ngã ư pháp tánh ngộ vô sanh nhẫn, thành A-la-hán. Hồi tâm kim nhập Bồ-tát vị trung. Văn chư Như Lai tuyên Diệu liên hoa Phật tri kiến địa. Ngã tiên chứng minh nhi vi thượng thủ.

Việt dịch: Con do nơi pháp tánh mà ngộ vô sanh nhẫn, thành bậc A-la-hán. Nay hướng tâm thể nhập Bồ-tát đạo. (Trong pháp hội) nghe các Đức Như Lai giảng bày Tri kiến Phật như Diệu liên hoa, con liền được chứng minh là vị thượng thủ.

Giảng: Con do nơi pháp tánh mà ngộ vô sanh nhẫn, thành bậc A-la-hán. Nay hướng tâm–hồi tiểu hướng đại– thể nhập Bồ-tát đạo. (Trong pháp hội) nghe các Đức Như Lai giảng bày Tri kiến Phật như Diệu liên hoa, có nghĩa là Diệu pháp đại định Thủ-lăng-nghiêm, con liền được chứng minh là vị thượng thủ. Con được ấn chứng đã thể nhập được pháp môn nầy.

Kinh văn: **佛問圓通我以諦觀。身界二塵等無差別。本如來藏虛妄發塵。塵銷智圓成無上道斯為第一 。**

Phiên âm: **Phật vấn viên thông, ngã vi đế quán, thân giới nhị trần đẳng vô sai biệt, bổn Như Lai tạng, hư vọng phát trần. Trần tiêu trí viên, thành vô thượng đạo, tư vi đệ nhất.**

Việt dịch: Đức Phật hỏi về viên thông, con do quán sát kỹ về hai thứ trần nơi thân và thế giới đều không sai biệt, vốn là tánh Như Lai tạng, hư vọng phát ra trần tướng. Khi trần tướng tiêu sạch, thì trí huệ được viên mãn, thành đạo vô thượng, Đó là thứ nhất.

Giảng: Đức Phật hỏi về viên thông, con do quán sát kỹ về hai thứ trần nơi thân và thế giới dều không sai biệt. Chẳng có gì sai khác giữa thân tâm và thế giới. Con quán sát thấy rằng tất cả đều vốn là tánh Như Lai tạng, hư vọng phát ra trần tướng. Trần tướng phát sinh trong cái hư vọng. Khi trần tướng tiêu sạch, thì trí huệ được viên mãn, thành đạo vô thượng. Đó là phương pháp hay nhất.

VIÊN THÔNG BẢY ĐẠI

VIÊN THÔNG THUỶ ĐẠI
Nguyệt Quang Đồng Tử

Kinh văn: 月光童子即從座起。頂禮佛足而白佛言。我憶往昔恒河沙劫。有佛出世名為水天。教諸菩薩修習水精入三摩地。

Phiên âm: **Nguyệt Quang đồng tử tức tòng toà khởi. Đảnh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn. Ngã ức vãng tích hằng hà sa kiếp. Hữu Phật xuất thế danh vi Thuỷ Thiên, giáo chư Bồ-tát tu tập thuỷ tinh, nhập tam-ma-địa.**

Việt dịch: Nguyệt Quang đồng tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, "Con nhớ hằng hà sa kiếp từ trước, có Đức Phật ra đời hiệu là Thuỷ Thiên, dạy cho các hàng Bồ-tát tu pháp quán về nước để nhập chánh định. "

Giảng: Nguyệt Quang đồng tử nhập đạo khi còn tuổi thiếu niên. Ngài xuất gia khi còn nhỏ tuổi. Tuy nhiên, bây giờ, khi ngài trình bày về viên thông, thì ngài không còn là một đồng tử nữa, mà là một vị trưởng lão trong hàng Bồ-tát. Đại chúng gọi người là Đồng tử vì ngài nhập đạo khi còn nhỏ tuổi và hoàn toàn thanh tịnh. Ngài Nguyệt Quang đồng tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, "Con nhớ hằng hà sa kiếp từ trước, có Đức Phật ra đời hiệu là Thuỷ Thiên, dạy cho các hàng Bồ-tát tu pháp quán về nước để nhập chánh định." Ngài tu tập chánh định bằng cách quán tưởng về nước.

Kinh văn: **觀於身中水性無奪。初從涕唾如是窮盡。津液精血大小便利。身中漩澓水性一同。見水身中與世界外浮幢王**剎。諸香水海等無差別。

Phiên âm: Quán ư thân trung thuỷ tánh vô đoạt. Sơ tòng thế thoá như thị cùng tận tân dịch tinh huyết, đại tiểu tiện lợi. Thân trung tuyền phục thuỷ tính nhất đồng. Kiến thuỷ thân trung dữ thế giới ngoại Phù Tràng Vương sát, chư hương thuỷ hải đẳng vô sai biệt.

Việt dịch: Quán sát trong thân, tính nước không xâm đoạt lẫn nhau. Ban đầu từ nước mũi, nước dãi, cho đến các thứ tân dịch tinh huyết, đại tiện, nước tiểu, châu lưu trong thân đều cùng một thể tính. Con quán sát thấy nước trong thân cùng nước trong các biển hương thuỷ trong quốc độ của Phù Tràng Vương đều không sai biệt.

Giảng: Quán sát trong thân, tính nước không xâm đoạt lẫn nhau–nó không xung đột lẫn nhau. Ban đầu từ nước mũi, nước dãi, cho đến–quán sát chi tiết các thứ tân dịch tinh huyết, đại tiện, nước tiểu, châu lưu trong thân đều cùng một thể tính. Nó chảy luân lưu khắp cơ thể bắt đầu và kết thúc liên tục như chúng luân lưu. Suốt khắp các bộ phận, bản tính của nước là cùng một thể. Con quán sát thấy nước trong thân cùng nước trong các biển hương thuỷ trong quốc độ của Phù Tràng Vương đều không sai biệt. quốc độ của Phù Tràng Vương là chỉ cho nền tảng của núi Tu-di (s: sumeru). Tất cả các thứ nước đều có thể tính giống nhau. Chẳng có gì khác biệt giữa chúng.

Kinh văn: **我於是時初成此觀。但見其水未得無身。**

Phiên âm: Ngã ư thị thời sơ thành thử quán, đãn kiến kỳ thuỷ, vị đắc vô thân.

Việt dịch: Lúc ấy, ban đầu con mới thành tựu được phép quán nầy, chỉ thấy được nước, chưa đạt được chỗ không thấy có thân.

Giảng: Lúc ấy, ban đầu con mới thành tựu được phép quán nầy, chỉ thấy được nước. Tất cả các thứ nước trong thân con đều hợp nhất thành một, và nước trong thân cùng nước ngoài thế giới cũng hoà thành một. Nhưng con chưa đạt được chỗ không thấy có thân. Con vẫn thấy mình còn có thân. Con chưa chứng được cảnh giới thấy mình chẳng có thân.

Kinh văn: **當為比丘室中安禪。我有弟子窺窗觀室,唯見清水遍在屋中,了無所見。**

Phiên âm: Đương vi tỷ-khưu thất trung an thiền. Ngã hữu đệ tử khuy song quan thất, duy kiến thanh thuỷ biến tại ốc trung, liễu vô sở kiến.

Việt dịch: Lúc ấy con là vị tỷ-khưu đang ngồi thiền trong thất. Có vị đệ tử khi nhìn qua cửa sổ, thấy trong phòng chỉ toàn nước trong, chứ không thấy gì khác.

Giảng: Lúc ấy con là vị tỷ-khưu đang ngồi thiền trong thất. Con đang ngồi toạ thiền trong thất, quán tưởng về nước–Có vị đệ tử khi nhìn qua cửa sổ, thấy trong phòng chỉ toàn nước trong, chứ không thấy gì khác. Chú đệ tử chuyên quét sân, lau nhà, nấu ăn, hộ thất cho vị tỷ-khưu. "Ngày nọ chú nhìn vào trong thất nhưng chẳng thấy gì ngoài nước đang tràn ngập cả căn phòng. Ngoài nước ra chẳng thầy gì khác."

Kinh văn: **童稚無知取一瓦礫投於水內。激水作聲顧眄而去。我出定後頓覺心痛。如舍利弗遭違害鬼。**

Phiên âm: Đồng tử vô tri, thủ nhất ngoã lịch đầu ư thuỷ nội, khích thuỷ tác thanh, cố miến nhi khứ. Ngã xuất định hậu đốn giác tâm thống. Như Xá-lợi-phất tao Vi hại quỷ.

Việt dịch: Đồng tử không biết, lấy miếng ngói ném vào trong nước, rơi xuống nước phát ra tiếng, chú nhìn quanh rồi bỏ đi. Sau khi con xuất định, mới thấy đau tim, như Xá-lợi-phất bị quỷ Vi hại đánh.

Giảng: Đồng tử không biết, lấy miếng ngói ném vào trong nước. Chú đệ tử còn nhỏ tuổi và chưa hiểu biết gì nhiều. Chú lấy viên gạch ném vào trong phòng đầy nước. Rơi xuống nước phát ra tiếng, chú nhìn quanh rồi bỏ đi. Chú đứng đó nhìn quanh một lát và tự hỏi, "Thầy mình ngồi thành trong phòng, tại sao trong phòng ngập đầy nước?" Rồi chú ném viên gạch vào trong nước, nhìn quanh, rồi bỏ đi. Sau khi con xuất định, mới thấy đau tim, như Xá-lợi-phất bị quỷ Vi hại đánh.

Nguyệt Quang đồng tử nhớ đến lúc Xá-lợi-phất đang nhập định, có hai con quỷ từ trên không đi đến. Một con tên là Vi Hại 違害鬼, một con tên là Phục Hại–復害鬼. Quỷ Vi Hại nói với quỷ Phục Hại, "Nếu ta đánh vào đầu vị sa-môn đó thì sao nhỉ–người đang ngồi thiền đó?"

Quỷ Phục Hại nói, “Đừng! Không nên đánh một vị sa-môn. Tốt nhất là không nên quấy rối người đang tu đạo.” Sau khi Quỷ Phục Hại đi rồi, Quỷ Vi Hại không nghe lời khuyên, nó lấy khúc cây đánh vào đầu Xá-lợi-phất. Khi Xá-lợi-phất xuất định, ngài nghĩ rằng, “mình đã chứng quả A-la-hán, mình chẳng còn bệnh, tại sao đầu đau như thế nầy?” Rồi ngài đến thưa hỏi Đức Phật chuyện ấy.

Đức Phật bảo, “Ông vừa bị quỷ Vi Hại đánh vào đầu, quả báo là nó sẽ bị đoạ vào địa ngục vô gián–tức địa ngục A-tì. Sức lực của nó rất mạnh có thể khiến cho núi Tu-di vỡ đôi. Rất may, nhờ ông có định lực. Nếu không ông đã bị nát thành bụi.” Đó là lí do Xá-lợi-phất bị nhức đầu. Bây giờ chú đệ tử của Nguyệt Quang đồng tử ném viên ngói vào trong nước do ông quán tưởng khi nhập định, và khi ông xuất định, tim ông thấy bị đau.

Kinh văn: **我自思惟今我已得阿羅漢道久離病緣。云何今日忽生心痛。將無退失？**

Phiên âm: Ngã tự tư duy kim ngã dĩ đắc A-la-hán đạo, cửu ly bệnh duyên. Vân hà kim nhật hốt sanh tâm thống. Tương vô thoái thất?

Việt dịch: Con tự nghĩ, nay con đã thành bậc A-la-hán, đã lâu không còn bệnh duyên, tại sao hôm nay bỗng dưng đau tim? Phải chăng đã bị thối thất?

Giảng: Bồ-tát Nguyệt Quang tự nghĩ, nay con đã thành bậc A-la-hán, đã lâu không còn bệnh duyên. Con không mắc bệnh, thế tại sao hôm nay bỗng dưng đau tim? Phải chăng đã bị thối thất? Có phải con đã mất quả vị A-la-hán mà con đã chứng được? Có phải con đã lui sụt sự phát tâm từ ban đầu?

Kinh văn: **爾時童子捷來我前說如上事。我則告言。汝更見水。可即開門入此水中除去瓦礫。童子奉教後入定時。還復見水瓦礫宛然。開門除出。我後出定,身質如初。**

Phiên âm: Nhĩ thời đồng tử thiệp lai ngã tiền, thuyết như thượng sự. Ngã tắc cáo ngôn. Nhữ cánh kiến thuỷ, khả tức khai môn, nhập thử thuỷ trung, trừ khứ ngoã lịch. Đồng tử phụng giáo, hâụ nhập định thời, hoàn phục kiến thuỷ, ngoã lịch uyển nhiên, khai môn trừ xuất. Ngã hậu xuất định, thân chất như sơ.

Việt dịch: Lúc bấy giờ, chú đệ tử đi đến, kể lại những việc như trước. Con bảo chú rằng, về sau khi nào lại thấy nước trong phòng thì hãy mở cửa, vào trong nước lấy viên ngói ra. Chú đệ tử theo lời con dặn, khi con nhập định, chú thấy viên ngói trong nước rõ ràng. Chú mở cửa vào lấy viên ngói đi. Sau khi con xuất định, thân thể bình thường như trước.

Giảng: Lúc bấy giờ, chú đệ tử đi đến, kể lại những việc như trước. Con bảo chú rằng, về sau khi nào lại thấy nước trong phòng thì hãy mở cửa, vào trong nước lấy viên ngói ra. Chú đệ tử theo lời con dặn, khi con nhập định, chú thấy viên ngói trong nước rõ ràng.

Khi Bồ-tát Nguyệt Quang nhập định, chú đệ tử lại thấy trong nước có viên ngói rõ ràng. Chú mở cửa vào lấy viên ngói đi. Chú đi vào phòng và nhặt viên ngói ra. Sau khi con xuất định, thân thể bình thường như trước. Tim con không còn thấy đau nữa.

Kinh văn: **逢無量佛。如是至於山海自在通王如來。方得亡身。與十方界諸香水海。性合真空無二無別。今於如來得童真名預菩薩會。**

Phiên âm: Phùng vô lượng Phật. Như thị chí ư Sơn Hải Tự Tại Thông Vương Như Lai, phương đắc vong thân, dữ thập phương giới chư hương thuỷ hải, tánh hợp chân không vô nhị vô biệt. Kim ư Như Lai đắc đồng chân danh, dự Bồ-tát hội.

Việt dịch: Con đã gặp được vô lượng chư Phật, cho đến khi gặp Đức Sơn Hải Tự Tại Thông Vương Như Lai, con mới chứng được không thân, cùng với thể tánh của nước biển hương thuỷ trong mười phương cùng thể nhập với chân không, chẳng hai chẳng khác. Nay ở trong pháp hội của Như Lai, con được danh hiệu là Đồng chân, được dự vào chúng hội của hàng Bồ-tát.

Giảng: Con đã gặp được vô lượng chư Phật, cho đến khi gặp Đức Sơn Hải Tự Tại Thông Vương Như Lai. Con tu tập theo pháp quán nước như vậy trải qua vô số vô lượng chư Như Lai. Cho đến khi Đức Phật Sơn Hải Tự Tại Thông Vương Như Lai thị hiện ra đời, con mới chứng được không thân. Đến mức độ trong định khi quán tưởng về nước, con thấy nước ở bên ngoài và nước trong thân con là đồng một thể, và thân con biến mất. Cùng với thể tánh của nước biển hương thuỷ trong mười phương cùng thể nhập với chân không, chẳng hai chẳng khác.

Khi Bồ-tát Nguyệt Quang thành tựu đại định do thuỷ quán, ngài thấy thể tánh mình đồng nhất với thể tánh của nước.

Nay ở trong pháp hội của Như Lai, con được danh hiệu là Đồng chân, được dự vào chúng hội của hàng Bồ-tát.

Nay đối trước Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, con công nhận là Đồng chân nhập đạo và được dự trong chúng hội của hàng Bồ-tát.

Kinh văn: **佛問圓通我以水性一味流通。得無生忍圓滿菩提斯為第一 。**

Phiên âm: Phật vấn viên thông, ngã dĩ thuỷ tánh nhất vị lưu thông. Đắc vô sanh nhẫn, viên mãn bồ-đề. Tư vi đệ nhất.

Việt dịch: Đức Phật hỏi về viên thông, con do quán tánh nước lưu thông thuần một vị, nên chứng được vô sinh nhẫn, viên mãn đạo quả bồ-đề. Đây là phương pháp thứ nhất.

Giảng: Nay Đức Phật hỏi các đệ tử về phương pháp tu tập để đạt viên thông mà họ đã được thành tựu. Con do quán tánh nước lưu thông thuần một vị. Con dùng pháp quán tánh nước–về thể tánh cuả nước–nhận ra tánh nước chỉ thuần một vị châu lưu khắp mọi nơi. Nên chứng được vô sinh nhẫn, viên mãn đạo quả bồ-đề. Đây là phương pháp thứ nhất. Theo ý kiến của con, quán nước là phương pháp thù thắng nhất.

VIÊN THÔNG BẢY ĐẠI

VIÊN THÔNG PHONG ĐẠI
Lưu Ly Quang Pháp Vương Tử

Kinh văn: 琉璃光法王子。即從座起。頂禮佛足而白佛言。我憶往昔經恒沙劫。有佛出世名無量聲。開示菩薩本覺妙明。觀此世界及眾生身。皆是妄緣風力所轉。

Phiên âm: Lưu Ly Quang Pháp vương tử tức tòng toà khởi. Đảnh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn. Ngã ức vãng tích kinh hằng sa kiếp. Hữu Phật xuất thế danh Vô Lượng Thanh, khai thị Bồ-tát bổn giác diệu minh. Quán thử thế giới cập chúng sanh thân, giai thị vọng duyên phong lực sở chuyển.

Việt dịch: Lưu Ly Quang Pháp vương tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, "Con nhớ hằng hà sa kiếp trước, có Đức Phật ra đời hiệu là Vô Lượng Thanh, ngài khai thị cho hàng Bồ-tát tính bản giác diệu minh. Ngài dạy quán sát thế giới nầy và thân chúng sinh đều là do sức lay động của nhân duyên hư vọng mà ra."

Giảng: Lưu Ly Quang Pháp vương tử. Lưu Ly (s: Vaiḍūrya) là ngọc quý màu xanh. Pháp vương tử là danh hiệu để gọi hàng Bồ-tát. Ngài liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, "Con nhớ hằng hà sa kiếp trước, có Đức Phật ra đời hiệu là Vô Lượng Thanh. Đức Phật hiệu Vô Lượng Thanh ngài khai thị cho hàng Bồ-tát tính bản giác diệu minh. Ngài dạy quán sát thế giới nầy và thân chúng sinh đều là do sức lay động của nhân duyên hư vọng mà ra."

Lưu Ly Quang Pháp vương tử thành tựu đạo quả nhờ vào phong đại.

Kinh văn: **我於爾時,觀界安立,觀世動時。觀身動止,觀心動念。諸動無二,等無差別。**

Phiên âm: **Ngã ư nhĩ thời quán giới an lập, quán thế động thời, quán thân động chỉ, quán tâm động niệm. Chư động vô nhị, đẳng vô sai biệt.**

Việt dịch: Lúc ấy, con quán sự an lập của thế giới, quán sự thiên lưu của thời gian, quán thân khi động khi yên, quán tâm khi khởi khi diệt. Thấy các tính động ấy đều bình đẳng như nhau, vốn không sai biệt.

Giảng: Lúc ấy, con quán sự an lập của thế giới, có nghĩa là, các hiện tượng trong thế giới, các thế giới hệ– world-system– được hình thành như thế nào. Con quán sự thiên lưu của thời gian. Con quán sát các thời quá khứ, hiện tại và tương lai. Con quán thân khi động khi yên, quán tâm khi khởi khi diệt. Ngay khi niệm tưởng vừa sinh khởi trong tâm, chúng ta đã tạo nên lực lay động của gió ngay trong tâm. Một khi có sức lay động của gió trong tâm, thì liền có nhiều loại gió bên ngoài sanh khởi. Thấy các tính động ấy đều bình đẳng như nhau. Thể tính và tướng trạng của các thứ lay động ấy đều vốn không sai biệt.

Kinh văn: **我時了覺此群動性。來無所從去無所至。十方微塵顛倒眾生同一虛妄。**

Phiên âm: **Ngã thời liễu giác thử quần động tánh, lai vô sở tòng, khứ vô sở chí. Thập phương vi trần điên đảo chúng sanh đồng nhất hư vọng.**

Việt dịch: Bấy giờ con nhận ra các tánh lay động ấy, đến không do đâu, đi chẳng về đâu. Mười phương chúng sinh điên đảo nhiều như số vi trần đều đồng một tính hư vọng.

Giảng: Bấy giờ con nhận ra các tánh lay động ấy, đến không do đâu, đi chẳng về đâu. Lúc ấy, con đã giác ngộ rõ ràng thể tính của sự lay động ấy. Mười phương chúng sinh điên đảo nhiều như số vi trần đều đồng một tính hư vọng. Chúng đều là hư vọng, chúng được tạo ra từ một tính hư vọng như nhau.

Kinh văn: **如是乃至三千大千一世界內所有眾生,如一器中貯百蚊蚋啾啾亂鳴。於分寸中鼓發狂鬧。逢佛未幾,得無生忍。**

Phiên âm: Như thị nãi chí tam thiên đại thiên nhất thế giới nội sở hữu chúng sanh, như nhất khí trung trử bách vạn nhuế, thu thu loạn minh, ư phân thốn trung, cổ phát cuồng não. Phùng Phật vị kỷ, đắc vô sanh nhẫn.

Việt dịch: Như thế cho đến hết thảy chúng sinh trong một tam thiên đại thiên, cũng như hằng trăm loài muỗi mòng có trong đồ chứa, kêu vo ve ẫm ĩ, ở trong gang tấc, ồn ào rối rít. Con gặp Phật chưa bao lâu, liền được vô sinh pháp nhẫn.

Giảng: Như thế cho đến hết thảy chúng sinh trong một tam thiên đại thiên–cứ như vậy, từ một thế giới cho đến một tiểu thiên thế giới, cho đến 1000 tiểu thiên thế giới, có nghĩa là một trung thiên thế giới và cứ như thế cho đến một đại thiên thế giới. Suốt tất cả tam thiên đại thiên thế giới, cũng như hằng trăm loài muỗi mòng có trong đồ chứa, kêu vo ve ẫm ĩ. Chúng sinh trong các cõi ấy cũng giống như vô số muỗi mòng bị nhốt trong cái hũ, Mỗi con muỗi trong ấy đều kêu vo ve loạn xạ. Chúng bị nhốt trong gang tấc, ồn ào rối rít. Trong mỗi không gian rất nhỏ, chúng kêu la rối rít. Con quán sát theo cách nầy, và chẳng bao lâu sau khi con gặp Phật, liền được vô sinh pháp nhẫn.

Kinh văn: **爾時心開。乃見東方不動佛國。為法王子事十方佛。身心發光,洞徹無礙。**

Phiên âm: Nhĩ thời tâm khai, nãi kiến Đông phương bất động Phật quốc, vi Pháp vương tử sự thập phương Phật. Thân tâm phát quang, đỗng triệt vô ngại.

Việt dịch: Bấy giờ tâm con khai ngộ, mới thấy được cõi Phật Bất động ở phương đông. Con thành vị Pháp vương tử, thừa sự mười phương Phật. Thân tâm phát ra ánh sáng rỗng suốt không ngăn ngại.

Giảng: Bấy giờ tâm con khai ngộ, mới thấy được cõi Phật Bất động ở phương đông. Con tập trung công phu tu tập theo phương pháp nầy một thời gian rất lâu , không để cho một niệm hư vọng xen vào. Cuối cùng, con được giác ngộ, tâm con khai mở, và con có thể thấy được Đức Phật Bất động Dược sư Như Lai ở phương đông. Ngài còn được gọi là Bất động Phật và Kim cang Phật. Còn thành vị Pháp vương tử ở quốc độ ấy, và con thừa sự mười phương Phật. Thân tâm phát ra ánh sáng rỗng suốt không ngăn ngại. Con tiếp tục công phu tu tập cho đến khi tâm con phát sáng và thân cũng phát sáng. Nó xuyên suốt lẫn nhau và hoàn toàn không ngăn ngại.

Kinh văn: **佛問圓通我以觀察風力無依。悟菩提心入三摩地。合十方佛 傳一妙心. 斯為第一 。**

Phiên âm: Phật vấn viên thông. ngã dĩ quán sát phong lực vô y. Ngộ bồ-đề tâm nhập tam-ma-địa. Hợp thập phương Phật truyền nhất diệu tâm. Tư vi đệ nhất.

Việt dịch: Đức Phật hỏi về viên thông, con do quán sát sức lay động của gió vốn không nương vào đâu, nên ngộ ra tâm bồ-đề, thể nhập vào chánh định. Hợp với diệu tâm của chư Phật trong mười phương đã truyền dạy. Đó là phương pháp tốt nhất.

Giảng: Đức Phật hỏi về viên thông, con do quán sát sức lay động của gió vốn không nương vào đâu.

Có nghĩa là, gió vốn không có tự thể riêng của nó –không có tự tánh. Từ đó, nên con ngộ ra tâm bồ-đề, thể nhập vào chánh định. Hợp với diệu tâm của chư Phật trong mười phương đã truyền dạy. Con nhận được pháp môn truyền tâm ấn của chư Phật. Đó là phương pháp tốt nhất. Pháp môn quán sát tính bất động của gió là phương pháp hay nhất. Con nghĩ như vậy. Con đã thành tựu đạo quả bằng cách quán chiếu phong đại.

VIÊN THÔNG BẢY ĐẠI

VIÊN THÔNG KHÔNG ĐẠI
Hư Không Tạng Bồ-tát

Kinh văn: 虛空藏菩薩。即從座起。頂禮佛足而白佛言。我與如來定光佛所得無邊身。

Phiên âm: Hư Không Tạng Bồ-tát tức tòng toà khởi, đảnh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn. Ngã dữ Như Lai, Định Quang Phật sở, đắc vô biên thân.

Việt dịch: Hư Không Tạng Bồ-tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, "Con cùng Đức Như Lai chứng được vô biên thân nơi Đức Phật Định Quang."

Giảng: Hư Không Tạng Bồ-tát thành tựu đạo quả bằng cách quán chiếu không đại là một trong bảy đại đã nói đến trước đây. Bây giờ ngài Hư Không Tạng Bồ-tát thuật lại phương pháp quán chiếu về không đại.

Hư Không Tạng Bồ-tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, "Con cùng Đức Như Lai chứng được vô biên thân nơi Đức Phật Định Quang."

Như Lai ở đây là chỉ cho Đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Hư Không Tạng Bồ-tát là chỉ cho thân thể giống như hư không–vô biên, không ngằn mé. Đức Phật Định Quang là chỉ cho Nhiên Đăng Phật. Khi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni tu hành vào đại a-tăng-kỳ kiếp thứ hai, ngài được Đức Phật Nhiên Đăng thọ ký sẽ thành Phật.

Kinh văn: **爾時手執四大寶珠。照明十方微塵佛**剎化成虛空。

Phiên âm: Nhĩ thời thủ chấp tứ đại bảo châu, chiếu minh thập phương vi trần Phật sát, hoá thành hư không.

Việt dịch: Lúc ấy tay con cầm bốn hạt châu lớn, chiếu sáng khắp mười phương cõi Phật nhiều như vi trần, và biến các cõi nước ấy thành hư không.

Giảng: Lúc ấy, là khi Hư Không Tạng Bồ-tát đã chứng được vô biên thân. Con cầm–Ngài có trong tay bốn hạt châu lớn, chiếu sáng khắp mười phương cõi Phật nhiều như vi trần, và biến các cõi nước ấy thành hư không. Việc nầy diễn ra trong vô lượng cõi nước của chư Phật nhiều như vi trần.

Kinh văn: **爾時手執四大寶珠。照明十方微塵佛**剎化成虛空。又於自心現大圓鏡。內放十種微妙寶光。流灌十方。盡虛空**際**

Phiên âm: Hựu ư tự tâm hiện đại viên kính, Nội phóng thập chủng vi diệu bảo quang, lưu quán thập phương, tận hư không tế.

Việt dịch: Lại trong tự tâm hiện ra đại viên kính trí, trong đó phóng ra 10 loại hào quang báu vi diệu, đều soi khắp cùng tận hư không khắp mười phương.

Giảng: Hư Không Tạng Bồ-tát, từ trong chân tâm thường trú hiện ra đại viên kính trí. Kính nầy biểu tượng cho đại trí huệ. Khi thức thứ 8 được chuyển thành thanh tịnh, thì nó trở thành đại viên kính trí. Trong đó phóng ra 10 loại hào quang báu vi diệu, đều soi khắp cùng tận hư không khắp mười phương. Ánh sáng hào quang rất rực rỡ, chiếu khắp cùng tận hư không ở mười phương.

Kinh văn: **諸幢王剎 來入鏡內涉入我身**。 **身同虛空不相妨礙。**

Phiên âm: Chư Tràng vương sát lai nhập kính nội, thiệp nhập ngã thân. Thân đồng hư không, bất tương phương ngại.

Việt dịch: Các cõi nước Phù tràng vương đều hiện ra trong kính nầy và nhập vào thân con. Thân con đồng như hư không, không phương ngại lẫn nhau.

Giảng: Các cõi nước Phù tràng vương–có nghĩa là, các Phật độ– đều hiện ra trong kính nầy và nhập vào thân con. Hư Không Tạng Bồ-tát đều gom vào trong kính tất cả các quốc độ của chư Phật trong cùng tận hư không, khắp 10 pháp giới. Khi các quốc độ ấy hiện ra trong gương, chúng liền nhập vào thân ngài. Thân con đồng như hư không, không phương ngại lẫn nhau. Thân của ngài Hư Không Tạng Bồ-tát tự nó là hư không, hư không chính là thân ngài. Tuyệt đối chẳng có gì khác biệt nhau giữa thân ngài và hư không.

Kinh văn: **身能善入微塵國土。廣行佛事得大隨順。**

Phiên âm: Thân năng thiện nhập vi trần quốc độ. Quảng hành Phật sự đắc đại tuỳ thuận.

Việt dịch: Thân con khéo nhập vào các quốc độ nhiều như vi trần. Làm nhiều Phật sự, được sự tuỳ thuận.

Giảng: Hư Không Tạng Bồ-tát nhận ra rằng thân mình chính là hư không. Do vậy, chẳng có gì ranh giới để phân biệt giữa hai thực thể ấy, và cũng chẳng có gì phương ngại giữa chúng. Chúng dung thông nhau. Từ ý nghĩa đó, thân con khéo nhập vào các quốc độ nhiều như vi trần. Làm nhiều Phật sự, được sự tuỳ thuận.

Thân của ngài Hư Không Tạng Bồ-tát rộng khắp nhiều quốc độ. Ngài sẽ làm gì khi ngài có thể đi đến khắp các cõi nước như vậy? Ngài phụng sự các Đức Phật. Ngài làm việc ấy như thế nào? Ngài chuyển các việc làm ở thế gian thành Phật sự. Ngài có được sự tuỳ thuận, có nghĩa là ngài đạt được năng lực lớn nhất để tuỳ thuận, hoà hiệp với chúng sinh.

Kinh văn: **此大神力由我諦觀 四大無依,妄想生滅, 虛空無二,佛國本同。於同發明得無生忍。**

Phiên âm: Thử đại thần lực do ngã đế quán tứ đại vô y, vọng tưởng sinh diệt. Hư không vô nhị, Phật quốc bổn đồng. Ư đồng phát minh, đắc vô sanh nhẫn.

Việt dịch: Có được thần lực lớn nầy là do con quán chiếu rõ ràng, thấy tứ đại không nương vào đâu, do vọng tưởng mà có sanh diệt. Hư không vốn chẳng phải hai, quốc độ Phật vốn đồng nhau. Do thấy được thể tính đồng mà được vô sinh pháp nhẫn.

Giảng: Có được thần lực lớn nầy–năng lực tuỳ thuận tất cả chúng sinh–là do con quán chiếu rõ ràng, thấy tứ đại không nương vào đâu. Con chiêm nghiệm và quán chiếu thật chi tiết về bốn đại: đất, nước, lửa, gió, đều không có tự thể. Chúng chẳng y cứ vào một cái gì cả. Con nhận ra rằng, do vọng tưởng mà có sanh diệt. Hư không vốn chẳng phải hai. Do hư vọng mà khởi dậy có phân biệt sinh tử. Con quán chiếu thấy được rằng, thân thể con vốn chẳng khác biệt với hư không. Ngay cả các quốc độ Phật cũng đồng nhau. 'Đồng' có nghĩa là các cõi nước của chư Phật, vốn cũng là không. Chính Bồ-tát Hư Không Tạng nhận ra các pháp đều vốn là không. Ngài xoay chuyển các pháp đều quy về hư không, gồm cả những nơi là cõi nước của chư Phật và cả những nơi chẳng phải là cõi nước của chư Phật. Do thấy được thể tính đồng mà được vô sinh pháp nhẫn. Con nhận ra tính không nầy, và điều thực chứng ấy đã khiến cho con đạt được vô sinh pháp nhẫn.

Kinh văn: **佛問圓通,我以觀察虛空無邊,入三摩地,妙力圓明。斯為第一 。**

Phiên âm: **Phật vấn viên thông, ngã dĩ quán sát hư không vô biên, nhập tam-ma-địa, diệu lực viên minh. Tư vi đệ nhất.**

Việt dịch: Đức Phật hỏi về viên thông, con do quán chiếu hư không vốn không ngằn mé, nên được thể nhập vào chánh định, có được diệu lực viên minh. Đây là phương pháp tốt nhất.

Giảng: Đức Phật hỏi về viên thông, con do dùng năng lực quán chiếu hư không vốn không ngằn mé. Vì hư không chẳng có ranh giới, nên thấy thân thể con cũng trở nên không có ranh giới. Từ sự quán chiếu về hư không, mà con nhập được vào chánh định–hư không định và con chứng được diệu lực viên minh. Hư không định nầy vô cùng vi diệu. Năng lực của định nầy hoàn toàn viên mãn và sáng suốt. Đây là phương pháp tốt nhất. Do vậy nên đối với con, Bồ-tát Hư Không Tạng, như con đã từng tu tập, thấy đây là phương pháp thù thắng nhất.

VIÊN THÔNG BẢY ĐẠI

VIÊN THÔNG THỨC ĐẠI
Di Lặc Bồ Tát

Kinh văn: 彌勒菩薩即從座起。頂禮佛足而白佛言。我憶往昔經微塵劫。有佛出世名日月燈明。我從彼佛而得出家。心重世名好遊族姓。

Phiên âm: **Di-lặc Bồ-tát tức tòng toà khởi. Đảnh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn. Ngã ức vãng tích kinh vi trần kiếp. Hữu Phật xuất thế danh Nhật Nguyệt Đăng Minh. Ngã tòng bỉ Phật nhi đắc xuất gia. Tâm trọng thế gian, hảo du tộc tính.**

Việt dịch: Di-lặc Bồ-tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Con nhớ trong kiếp trước nhiều như vi trần, có Đức Phật ra đời hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh, con theo Phật xuất gia. Nhưng tâm con còn trọng hư danh thế gian, thích giao du với hàng quyền quý.”

Giảng: Di-lặc Bồ-tát, còn gọi là A-dật-đa (Ajita). Di-lặc (Maitreya) là họ của gia đình. Còn A-dật-đa (Ajita) là tên của ngài. Di-lặc (Maitreya) có nghĩa là Từ thị. A-dật-đa (Ajita) Hán dịch là Vô năng thắng. Chắc quý vị đã từng thấy hình ảnh vị tăng to béo mập mạp trong trai đường của các ngôi chùa. Di-lặc chính là vị ấy. Có lẽ là vị Bồ-tát nầy thích ăn ngon nên hình dáng to lớn như vậy. Ngài cũng rất thích cười, nhưng tiếng cười của ngài không thô tháo. Đúng hơn, ngài luôn luôn nở nụ cười rất tươi trên mặt. Ngài rất thích chơi với trẻ con, và đáp lại, trẻ con cũng rất thích chơi với ngài. Khi nào quanh ngài cũng có nhiều trẻ con

vây quanh. Sau khi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nhập diệt, không còn là bậc đạo sư giáo hoá chúng sinh ở cõi nầy nữa, thì Đức Phật Di-lặc sẽ ra đời để tiếp tục việc giáo hoá chúng sinh. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni được gọi là Hồng Dương Phật. Khi Bồ-tát Di-lặc thành Phật, ngài sẽ được gọi là Bạch Dương Phật. Điều nầy có nghĩa là khi Đức Phật Di-lặc thị hiện ra đời, thì máu của chúng sinh sẽ là màu trắng, không còn màu đỏ như thời trước nữa. Loài người hiện nay có máu màu đỏ vì đang ở trong thời giáo hoá của Hồng Dương Phật.

Khi nào Đức Phật mới Di-lặc thị hiện ra đời? Nghe thật là lâu xa khi quý vị được kể ra, nhưng thực sự là chẳng xa chút nào, vì theo cái nhìn của một vị Bồ-tát thì đó chỉ là trong nháy mắt. Vậy thời gian từ đây đến khi ngài ra đời là bao lâu? Như hiện nay, mạng sống của con người vào khoảng chừng 60 năm. Cứ 100 năm, mạng sống của con người giảm xuống một tuổi và chiều cao trung bình giảm đi 1 inch. Giảm như vậy cho đến khi mạng sống của con người còn lại chừng 30 tuổi, thì sẽ có một cơn dịch bệnh. Con người sẽ chết rất nhanh vì bệnh tật, đến mức họ chết một giờ ngay sau khi mắc bệnh. Người ta có thể gọi bác sĩ, nhưng bác sĩ cũng chết như những người khác. Chừng 50% số dân còn lại kháng cự được với bệnh tật.

Khi mạng sống của những người nầy còn lại 25 tuổi, thì sẽ có một cơn thiên tai khác. Tại sao những người nầy phải chết? Vì thời ấy, tinh thần của những người nầy quá suy đồi. Có quá nhiều người ác, thế nên trời đất phải trừ diệt những người căn tính thô bạo nầy. Họ sẽ chịu không nổi và phải đổi lấy một thân thể tốt hơn. Thế nên, trong đợt dịch bệnh đầu tiên, 50% số người phải chết. Khi mạng sống trung bình của con người giảm xuống 25 tuổi, sẽ có một trận hoả tai. Không chỉ loài người trên thế giới bị đốt cháy, mà cả những chúng sinh ở cõi trời thiền thứ nhất (sơ thiền thiên) cũng bị thiêu rụi.

Hoả tai tận sơ thiền.

Các biển cả trên thế gian đều khô kiệt. Không biết bao nhiêu người bị chết trong lửa. Tuy vậy, cũng có người thoát được kiếp thiêu. Khi mạng sống trung bình của con người còn lại chừng 20 tuổi, sẽ có nạn thuỷ tai.

Thuỷ tai tận nhị thiền.

Khi mạng sống trung bình của con người còn sống sót giảm xuống dưới 20 tuổi, sẽ có nạn phong tai, nó sẽ thổi đến cõi trời thiền thứ ba.

Phong tai tận tam thiền.

Nên kinh nói rằng trong cõi trời Lục dục thiên, có 5 dấu hiệu báo trước tai hoạ.

Trước hết, ở cõi trời thiền thứ ba, sẽ có phong tai.

Dù ai có công phu tu tập, đạt đến cõi trời phi tưởng phi phi tưởng xứ,

Cũng không bằng vãng sanh về cõi Tây phương Tịnh độ.

Cõi Lục dục thiên như chúng ta đã nghe giảng từ trước, đó là cõi trời Tứ thiên vương, Đao lợi thiên, Tu-dạ-ma thiên, Đâu-suất thiên, Hoá lạc thiên và Tha hoá tự tại thiên. Chúng sinh trong các cõi trời nầy phải chịu năm tướng suy.

1. Hoa trên đầu khô héo. Chư thiên ở cõi trời thường có vòng hoa trên đầu. Vòng hoa nầy không do họ làm ra, mà hoa tự hiện ra để trang nghiêm cho thân tướng của họ. Nhưng khi một chúng sinh ở cõi trời gần mạng chung, thì điều gì sẽ xảy ra? Hoa sẽ rụng xuống. Trước khi một chúng sinh ở cõi trời chấm dứt thọ mạng, thì hoa trên đầu họ vẫn còn tươi.

2. Y phục dơ bẩn. Áo quần của chư thiên nam nữ trên cõi trời không phải giặt như áo quần của loài người ở thế gian. Áo quần của chư thiên sẽ không bao giờ bị dơ bẩn mãi cho đến khi có năm tướng suy hiện ra. Đây là kết quả của quả báo. Sự dơ bẩn trên áo quần của họ là có từ nghiệp chướng. Tại sao mọi người có mùi rất nặng khi họ sắp chết? Người khác lại có mùi nặng khi chết. Đó cũng là nghiệp báo.

3. Nách đổ mồ hôi. Chư thiên không đổ mồ hôi như loài người. Họ không có mồ hôi, ngoại trừ khi họ sắp mạng chung.

4. Toàn thân hôi thối. Bình thường, chư thiên thường toát ra mùi hương từ thân họ. Tuy nhiên, khi sắp mạng chung, thì có mùi rất khó chịu. Thông thường, họ chẳng phải xông ướp thân thể bằng các thứ hương hoa, vì thân họ vốn tự nhiên đã có mùi hương.

5. Không ngồi được lâu. Họ không ngồi được lâu như thường ngày. Họ bồn chồn đứng dậy rồi ngồi xuống như thể họ điên dại. Giữa cơn xáo động nầy, họ rất bối rối, và chẳng bao lâu nữa là họ qua đời. Họ lại đầu thai xuống cõi trần.

Khi ba thảm hoạ (tam tai) nầy xảy ra, mạng sống trung bình của con người giảm xuống còn 10 tuổi. Lúc đó, chiều cao trung bình của con người sẽ bằng như con chó bây giờ. Họ rất đồi bại và hành xử chẳng khác gì loài bò, heo, ngựa. Họ ham muốn tình dục ngay khi vừa mới sinh ra. Họ cũng biết nói ngay khi sinh ra. Họ liền có bản năng tình dục là vì,

Tình sinh ái, ái sinh dục.

Lúc đó, loài người tự buông mình vào sự phóng đãng. Họ kết hôn vào tuổi lên hai hoặc lên ba. Họ sinh con và họ chết lúc 10 tuổi. Nhưng khi mạng sống trung bình của con người giảm xuống còn 10 tuổi, thì kiếp tăng lại bắt đầu.

Tiến trình cũng giống nhau: cứ mỗi 100 năm, họ được tăng thêm 1 tuổi. Mạng sống trung bình của con người tăng dần cho đến khi được 84.000 tuổi. Lúc đó kiếp giảm lại bắt đầu. Rồi đến kiếp tăng. Khi mạng sống trung bình của con người tăng dần cho đến khi được 84.000 tuổi thì Đức Phật Di-lặc ra đời.

Có một vài tôn giáo khác đã cho rằng Đức Phật Di-lặc đã thị hiện thành Phật rồi. Đây chỉ là lời nói mớ, căn bản là do họ không hiểu gì về Phật pháp. Sự thị hiện của Đức Phật Di-lặc sẽ diễn ra theo một cách thức nhất định, quý vị không thể giải thích theo lối như vậy được.

Khi Đức Phật Di-lặc còn trong thời gian tu tập, ngài thường tìm cầu sự thuận lợi cho riêng mình, người Trung Hoa gọi là 'phan duyên.' Ngài thường thích giao du với kẻ giàu sang quyền quý. Thế nên mặc dù ngài và Đức Phật Thích-ca Mâu-ni cùng tu tập một thời gian, mà Di-lặc không thành Phật nhanh như Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, vì Bồ-tát Di-lặc mãi còn thích phan duyên. Tôi tin là ngài còn thích mong cầu sự tiện nghi thoải mái, nên thấy ngài mập mạnh làm sao? Ngài mập vì ngài thích ăn ngon, chẳng phải chỉ vì ngài hay cười.

Di-lặc Bồ-tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, "Con nhớ trong kiếp trước nhiều như vi trần, có Đức Phật ra đời hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh, con theo Phật xuất gia. Nhưng tâm con còn trọng hư danh thế gian, thích giao du với hàng quyền quý. Con thích giao hảo với những người có danh vọng giàu sang trong xã hội." "Hàng quyền quý" là chỉ cho những gia đình giàu sang. Quốc gia nào cũng có những người giàu, và bất kỳ khi Di-lặc Bồ-tát đến đâu, ngài cũng không để ý đến người nghèo, nhưng chỉ thích đến những gia đình giàu sang để giao du với họ. Đi đến đâu ngài cũng tự khoa trương chính mình. Ngài giả mạo theo cách này khi mới phát tâm tu tập. Nhưng quý vị đừng cho rằng Di-lặc Bồ-tát chỉ là một người phan duyên, vì cuối cùng ngài đã dừng lại điều ấy. Đoạn kinh văn tiếp theo sẽ nói rõ ngài đã từ bỏ việc ấy vào lúc nào.

Kinh văn: **爾時世尊教我修習唯心識定入三摩地。歷劫已來以此三昧事恒沙佛。求世名心歇滅無有。**

Phiên âm: Nhĩ thời Thế Tôn giáo ngã tu tập duy tâm thức định, nhập tam-ma-địa. Lịch kiếp dĩ lai, dĩ thử tam muội, sự hằng sa Phật. Cầu thế danh tâm yết diệt vô hữu.

Việt dịch: Lúc ấy Đức Thế tôn dạy con tu tập pháp định duy tâm thức, con được nhập vào chánh định. Từ nhiều kiếp nay, nhờ chánh định nầy, mà

con được phụng sự chư Phật nhiều như cát sông Hằng. Tâm cầu danh thế gian đã diệt sạch không còn.

Giảng: Lúc ấy tâm mong cầu sự thuận lợi tiện nghi cho riêng mình và tâm phan duyên dã dừng lại. Tâm ấy của Di-lặc Bồ-tát đã dừng lại từ lâu. Chúng ta nên học theo cách ngài đã dừng bặt tâm phan duyên hơn là thay vì bắt chước các tập khí xấu.

Lúc ấy Đức Thế tôn, tức là Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh dạy con tu tập pháp định duy tâm thức,

Tam giới duy tâm
Vạn pháp duy thức.
Đó là nguyên lý của pháp Duy thức quán

Con được nhập vào chánh định. Từ nhiều kiếp nay, nhờ chánh định nầy, mà con được phụng sự chư Phật nhiều như cát sông Hằng. Con được cúng dường chư Phật nhiều như cát sông Hằng. Tâm cầu danh thế gian đã diệt sạch không còn. Cả lòng ham thích danh tiếng và thói quen thích giao du với người giàu có đều biến mất, Bây giờ con không còn phan duyên nữa, không còn mong cầu sự tiện lợi cho riêng mình nữa.

Kinh văn: **至然燈佛出現於世。我乃得成無上妙圓識心三昧。**

Phiên âm: Chí Nhiên Đăng Phật xuất hiện ư thế, ngã nãi đắc thành vô thượng diệu viên thức tâm tam-muội.

Việt dịch: Cho đến khi Đức Phật Nhiên Đăng thị hiện ra đời, con được thành tựu vô thượng diệu viên thức tâm tam-muội.

Giảng: Di-lặc Bồ-tát thưa tiếp, "Cho đến khi Đức Phật Nhiên Đăng thị hiện ra đời, con được thành tựu vô thượng diệu viên thức tâm tam-muội." Ngài chứng đắc được pháp viên thông rất vi diệu, đó là định lực thức tâm tam-muội.

Kinh văn: **乃至盡空如來國土淨穢有無。皆是我心變化所現。**

Phiên âm: Nãi chí tận không Như Lai quốc độ, tịnh uế hữu vô, giai thị ngã tâm biến hoá sở hiện.

Việt dịch: Cho đến cùng tận hư không các cõi nước của Như Lai, dơ sạch, có không, đều là biến hiện từ tâm con.

Giảng: Cho đến cùng tận hư không các cõi nước của Như Lai, dơ sạch, có không, đều là biến hiện từ tâm con.

Ngay cả sự biến hiện của cùng khắp các cõi hư không của các Đức Như Lai, các thứ thành tựu, cấu uế, đều là do từ tâm con biến hiện mà có.” Các hiện tượng ấy đều biến hiện từ định lực thức tâm tam-muội của Di-lặc Bồ-tát.

Kinh văn: **世尊我了如是唯心識故。識性流出無量如來。今得授記次補佛處。**

Phiên âm: Thế tôn, ngã liễu như thị duy tâm thức cố, thức tánh lưu xuất vô lượng Như Lai. Kim đắc thụ kí, thứ bổ Phật xứ.

Việt dịch: Bạch Đức Thế tôn, do con rõ được tánh duy thức như vậy, nên từ thức tánh lưu xuất vô lượng Như Lai. Nay được Phật thụ kí, kế tiếp thành Phật ở cõi nầy.

Giảng: Di-lặc Bồ-tát thưa cùng Đức Phật Thích-ca Mâu-ni rằng: “Bạch Đức Thế tôn, do con rõ được tánh duy thức như vậy–nguyên lí đã được nói ở trên–nên từ thức tánh lưu xuất–là biến hiện từ tâm thức–vô lượng Như Lai. Biến hiện ra vô lượng vô biên chư Phật. Nay được Phật thụ kí, kế tiếp thành Phật ở cõi nầy. Con được Thế tôn thọ kí sẽ thành Phật, trong tương lai, khi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nhập diệt, con sẽ thị hiện thành Phật ở cõi ta-bà nầy.”

Kinh văn: **佛問圓通。我以諦觀十方唯識。識心圓明入圓成實。遠離依他及遍計執, 得無生忍。斯為第一 。**

Phiên âm: Phật vấn viên thông, ngã dĩ đế quán, thập phương duy thức, thức tâm viên minh nhập viên thành thật. Viễn ly y tha cập biến kế chấp. Đắc vô sanh nhẫn. Tư vi đệ nhất.

Việt dịch: Đức Phật hỏi về viên thông, con dùng pháp quán tường tận mười phương đều do thức biến. Thức tâm được tròn sáng, thể nhập tánh viên thành thật, rời xa các tánh y tha khởi và tánh biến kế sở chấp, được pháp vô sanh nhẫn. Đó là phương pháp tốt nhất.

Giảng: Đức Phật hỏi về viên thông, con dùng pháp quán tường tận mười phương đều do thức biến. Vạn pháp trong mười phương đều là biến hiện từ tâm thức. Thức tâm được tròn sáng, thể nhập tánh viên thành thật. Đây có nghĩa là trí huệ. Rời xa các tánh y tha khởi và tánh biến kế sở chấp, được pháp vô sanh nhẫn. Đó là phương pháp tốt nhất.

Có ba tánh:
1. Y tha khởi.
2. Biến kế chấp
3. Viên thành thật.

Từ tánh Viên thành thật, tâm niệm chúng sinh do dựa vào cái khác sinh khởi rồi khởi dậy tâm tính toán suy lường không ngừng. Chúng ta có thể ví rằng tánh Viên thành thật cũng như dây gai, tánh y tha khởi cho đó giống như sợi dây thừng, tánh Biến kế chấp là nhìn sợi thừng trông tựa như con rắn. Chẳng hạn, ban đêm có người trông thấy sợi dây thừng được bện bằng gai và nhầm đó là rắn và sợ hãi. Đó là tác dụng của biến kế sở chấp, nhầm dây thừng là con rắn nên có phản ứng như vậy. Họ trở thành chấp trước vào ý tưởng đó là con rắn, trong khi vốn chẳng phải như vậy. Khi họ nhận ra đó chỉ là sợi dây thừng, anh ta nhận ra tánh y tha khởi nơi mình. Khi anh ta biết sợi day thừng làm bằng gì, là anh ta trở về lại với tánh viên thành thật nơi mình. Anh ta nhận ra được nó thực sự là gì. Di-lặc Bồ-tát tu tập duy thức quán mà được giác ngộ. Trong đoạn kinh văn này, ngài đề cập đến ba tánh khi ngài nói, "thể nhập tánh viên thành thật" và "rời xa các tánh y tha khởi và tánh biến kế sở chấp."

VIÊN THÔNG BẢY ĐẠI

VIÊN THÔNG KIẾN ĐẠI
Bồ-tát Đại Thế Chí

Kinh văn: 大勢至法王子。與其同倫五十二菩薩即從座起。頂禮佛足而白佛言。

Phiên âm: Đại Thế Chí Pháp Vương Tử dữ kỳ đồng luân ngũ thập nhị Bồ-tát tức tòng toà khởi, đảnh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn.

Việt dịch: Đại Thế Chí Pháp vương tử cùng 52 vị Bồ-tát cùng tu tập, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng:

Giảng: Đại Thế Chí Pháp vương tử và Bồ-tát Quán Thế Âm đều là con trai của Đức Phật A-di-đà khi Đức Phật còn là vị Chuyển luân thánh vương. Khi Đức Phật A-di-đà đã thành tựu quả Phật, hai vị Bồ-tát nầy đến để trợ thủ cho ngài. Hai vị Bồ-tát là hai người bạn đồng hành hằng ngày của Đức Phật A-di-đà, một vị bên trái, một vị bên phải. Khi Đức Phật A-di-đà nhập diệt, không còn là bậc giáo chủ của cõi Cực lạc phương Tây, trong nửa đêm, giáo pháp sẽ suy tàn, và đến cuối nửa đêm đó, Bồ-tát Quán Thế Âm sẽ thành Phật tại cõi Cực lạc

phương Tây. Khi Bồ-tát Quán Thế Âm nhập diệt, không làm bậc giáo chủ của cõi Cực lạc phương Tây nữa, thì Bồ-tát Đại Thế Chí sẽ thành Phật cùng một cách như Bồ-tát Quán Thế Âm, ngài làm giáo chủ cõi Tây phương Cực lạc. Bồ-tát Đại Thế Chí còn được gọi là Đắc Đại Thế–得大勢. Ngài rất mạnh, đến mức độ mỗi khi ngài nhấc tay, động chân, hay lắc đầu, thì đất bằng chuyển động. Khi ngài đi, thì đất rung chuyển. "Pháp vương tử" có nghĩa là Bồ-tát.

Cùng 52 vị Bồ-tát cùng tu tập, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng:

Năm mươi hai Bồ-tát ở đây biểu tượng cho thập tín, thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa, đẳng giác, diệu giác–Năm mươi hai giai vị tu chứng của hàng Bồ-tát.

Kinh văn: **大勢至法王子。與其同倫五十二菩薩即從座起。頂禮佛足而白佛言。我憶往昔恒河沙劫。有佛出世名無量光。十二如來相繼一劫。其最後佛名超日月光。彼佛教我念佛三昧。**

Phiên âm: Ngã ức vãng tích hằng hà sa kiếp. Hữu Phật xuất thế danh Vô Lượng Quang. Thập nhị Như Lai tương kế nhất kiếp. Kỳ tối hậu Phật danh Siêu Nhật Nguyệt Quang. Bỉ Phật giáo ngã niệm Phật tam-muội.

Việt dịch: Con nhớ hằng hà sa kiếp trước, có Đức Phật ra đời hiệu là Vô Lượng Quang. Lúc ấy có 12 Đức Như Lai kế tục nhau thành Phật trong một kiếp. Đức Phật sau cùng hiệu là Siêu Nhật Nguyệt Quang, ngài dạy con pháp niệm Phật tam-muội.

Giảng: Con nhớ hằng hà sa kiếp trước, có Đức Phật ra đời hiệu là Vô Lượng Quang. Lúc ấy có 12 Đức Như Lai kế tục nhau thành Phật trong một kiếp. Đức Phật sau cùng hiệu là Siêu Nhật Nguyệt Quang. Vào kiếp đó, có 12 Đức Phật Như Lai thị hiện ra trên đời, Đức Phật thứ 12 hiệu là Siêu Nhật Nguyệt Quang. Ngài dạy con pháp niệm Phật tam-muội. Đức Phật Siêu Nhật Nguyệt Quang dạy con niệm danh hiệu 'Nam-mô A-di-đà Phật.'

A-di-đà (Amitābha) có nghĩa là 'Vô lượng quang' và 'Vô lượng thọ'; có phải ngài là Đức Phật A-di-đà mà chúng ta thường biết đó chăng? Có lẽ không. Vì Đức Phật A-di-đà lúc đó là Đức Phật đã thành tựu Phật quả từ 10 kiếp trước. Nhưng danh hiệu vẫn đồng là một. Có nhiều Đức Phật có danh hiệu giống nhau, cũng như người thường có tên hoặc họ trùng nhau vậy.

Kinh văn: **譬如有人一專為憶,一人專忘。如是二人若逢不逢或見非見。**

Phiên âm: Thí như hữu nhân, nhất chuyên vi ức, nhất nhân chuyên vong. Như thị nhị nhân, nhược phùng bất phùng, hoặc kiến phi kiến.

Việt dịch: Ví như có người, một đằng chuyên nhớ, một đằng chuyên quên, thì hai người ấy, dầu gặp cũng không là gặp, dầu thấy cũng không là thấy.

Giảng: Ví như có người, một đằng chuyên nhớ, một đằng chuyên quên. Đây là một ví dụ. Có hai người, một người luôn luôn nhớ đến người kia, trong khi người kia không bao giờ nhớ đến người khác. Có lẽ họ là bạn bè hay bà con. Hai người nầy dụ cho Đức Phật và chúng sinh. Đức Phật thường nhớ đến chúng ta, các ngài luôn luôn thương xót chúng sinh, nhưng chúng sinh thì không bao giờ nhớ đến Phật. Chúng ta có thể có ít cơ may để học Phật pháp, nhưng chúng ta hoàn toàn không biết rõ những gì đang được giảng giải. Chúng ta hoàn toàn không biết những điều ấy vi diệu như thế nào. Tại sao chư Phật lại nhớ nghĩ đến chúng sinh. Vì các ngài thấy rằng chúng sinh vốn có cùng bản tánh Phật như các ngài.

Chư Phật nhìn chúng sinh như là cha mẹ của các ngài trong quá khứ, và sẽ là chư Phật trong tương lai. Thế nên Đức Phật dạy rằng, "Mọi chúng sinh trên cõi giới nầy đều có Phật tánh. Đều có thể thành Phật." Không có riêng một chúng sinh nào mà chẳng được thành Phật. Đây chính là điểm then chốt đã khiến cho đạo Phật trở nên cao quý và lan rộng khắp mọi nơi. Đó là lí do tại sao chư Phật không tán thành các việc sát hại, trộm cắp, tà dâm, nói dối và uống rượu. Giữ và thực hành năm giới là cách thể hiện lòng thương tưởng đến chúng sinh. Vì chư Phật thấy rõ rằng chúng sinh có cùng thể tánh như các ngài, ngài muốn giáo hoá họ, để giúp cho họ tiến lên, thành tựu Phật quả.

Chúng sinh chúng ta đến thế giới nầy và bỏ gốc để theo ngọn. Chúng ta quên đi nguồn gốc, bối giác hiệp trần–turn our backs on enlightenment and unite with the dust–trần lao phiền não nơi thế gian. Đó là lí do khiến cho chúng ta quên đi chư Phật và không nhớ gì đến các ngài.

Có nhiều phương pháp thực hành niệm danh hiệu Phật.

1. Trì danh niệm Phật: Quý vị có thể niệm danh hiệu của Đức Phật nào mà mình thích. Chẳng hạn, nếu quý vị thích Đức Phật A-di-đà, quý vị có thể niệm 'Nam-mô A-di-đà Phật.' Hoặc có thể quý vị thích niệm 'Nam-mô Bổn sư Đức Phật Thích-ca Mâu-ni Phật.' Hoặc có thể quý vị thích niệm 'Nam-mô Tiêu tai Diên thọ Dược sư Lưu ly Quang Vương Phật." Đó chính là đồng như danh hiệu với chư Phật trong khắp mười phương–quý vị có thể chọn danh hiệu nào để

niệm tuỳ ý. Mục đích của việc niệm Đức Phật là nhằm gom niệm tưởng lăng xăng thành nhất tâm nhớ nghĩ về Đức Phật–là để trừ đi những vọng tưởng. Nếu quý vị không dính líu với những vọng tưởng, thì quý vị sẽ không sinh khởi vọng tưởng, và khi quý vị không tạo nên các việc ác, có nghĩa là quý vị đang trên đường làm việc thiện.

2. Quán tưởng niệm Phật. Quán tưởng Đức Phật A-di-đà từ tướng lông màu trắng ở giữa trán đang phóng ra hào quang. Có bài kệ tán thán việc này,
Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu-di
Hám mục trừng thanh tứ đại hải.
Quý vị có hình dung ra được không? Nếu quý vị có tâm lượng nhỏ hẹp, thì ý niệm của quý vị về Đức Phật cũng sẽ rất yếu khi quán tưởng về ngài. Nếu quý vị có tâm thiết tha rộng lớn, thì sự quán tưởng về hình tượng Phật sẽ to lớn vô cùng.

3. Quán tượng niệm Phật: Theo phương pháp nầy, quý vị nhìn vào tượng Phật A-di-đà khi niệm danh hiệu ngài. Và khi niệm Phật quý vị quán tưởng đến những thân trang nghiêm và các tướng tốt của ngài. Nhưng tôi báo quý vị biết rằng, điều nầy có thể xảy ra khi quý vị bị một loài ma gá vào khi quý vị niệm Phật. Nói chung, bất kỳ quý vị tu tập pháp môn nào, cũng cần phải có giới hạnh–đức hạnh trong tu đạo. Khi tôi ở chùa Ze Xing, núi Da Yu tại Hông Kong, có một vị tỷ-khưu muốn tu một khoá Phật lập tam-muội. Khi tu tập pháp nầy, người tu phải ở trong thất và đi kinh hành liên tục, nên gọi đó là pháp Thường hành tam-muội –hoặc Phật lập tam-muội. Trong 90 ngày, hành giả đi liên tục trong phòng, không nằm, không ngủ.
Đây là pháp môn đòi hỏi nhiều nghị lực. Vị tỷ-khưu ấy phải niệm Phật suốt trong thời gian tu tập pháp Thường hành tam-muội nầy. Một hôm, tôi để ý thấy rằng càng ngày vị ấy niệm Phật càng lớn tiếng hơn, cho đến một hôm ông ta rống lên, “Nam-mô A-di-đà Phật! Nam-mô A-di-đà Phật! ” Khi tôi nghe như vậy, tôi biết ông ta đã gặp một cảnh giới nào đó, thế nên tôi đến để xem thử sao. Ông ta chạy quanh thất như điên. Điều gì đã xảy ra? Trong kiếp trước, vị tỷ-khưu nầy là một con bò. Vì ông ta đã làm được một số công đức ở một ngôi chùa nhờ cày ruộng cho chùa, nên đời nầy, ông được làm vị tỷ-khưu. Tuy nhiên, mặc dù là một tỷ-khưu, tập khí của loài bò vẫn chưa được thay đổi. Ông ta có một thói quen thật kỳ lạ.
Lý do mà ông ta chạy quanh phòng là vì ông ta thấy Đức Phật A-di-đà hiện ra, và ông ta đuổi theo ngài. Điều gì thực sự đã xảy ra? Vị tỷ-khưu ấy đã gặp phải ma sự. Vốn thực chẳng có Đức Phật A-di-đà nào đến cả, đó chỉ là một con trâu nước hiện lên từ biển. Nó là loài thuỷ quái biến hiện thành Đức Phật A-di-đà để gạt vị tỷ-khưu. Vị nầy tưởng đó là Đức Phật A-di-đà hiện ra, nên chạy theo

ngài.
Khi tôi đến đó, tôi dùng một phương pháp để giải trừ ma sự cho vị tỷ-khưu. Thế nên cũng có khi quý vị gặp phải ma sự khi trì niệm danh hiệu Phật.

4. Thực tướng niệm Phật: Đây có nghĩa chính là tham thiền–investigating dhyāna. Chúng ta ngồi thiền và tham công án 'Ai là người niệm Phật?'
Trong đoạn kinh nầy, một người luôn luôn nhớ đến Phật, một người thường chẳng bao giờ nhớ đến chúng sinh. Thì hai người ấy, dầu gặp cũng không là gặp, dầu thấy cũng không là thấy.
Dù họ có gặp nhau, cũng như thể là họ chưa từng thấy nhau. Có thể họ đã gặp nhau ở một nơi nào đó, nhưng "chẳng hợp nhãn nhau." Vì năng lượng của họ không giao thoa nhau, vì một người thì nhớ một người quên. Họ không thể gặp được nhau. Dù họ có đối diện nhau, cũng như thể họ không thấy nhau.

Kinh văn: **二人相憶二憶念深。如是乃至從生至生。同於形影不相乖異。**

Phiên âm: Nhị nhân tương ức, nhị ức niệm thâm, như thị nãi chí tòng sanh chí sanh, đồng ư hình ảnh, bất tương thừa dị.

Việt dịch: Nếu cả hai người đều nhớ nhau, hai bên nhớ nhau thật sâu trong tâm niệm, như thế cho đến đời nầy sang đời khác, như hình với bóng, không bao giờ cách xa nhau.

Giảng: Nếu cả hai người đều nhớ nhau, hai bên nhớ nhau thật sâu trong tâm niệm–nếu họ nhớ nhau rất sâu đậm– như thế cho đến đời nầy sang đời khác, như hình với bóng, không bao giờ cách xa nhau. Cái bóng của mình dù mình có đi đâu nó cũng đi theo, nó không bao giờ rời bỏ hình ảnh của nó. Hai người nầy cũng sẽ như vậy và không bao giờ tách rời ra. Họ sẽ không bao giờ còn có việc chẳng nhận ra nhau hay quên nhau.

Kinh văn: **十方如來憐念眾生如母憶子。若子逃逝雖憶何為。子若憶母如母憶時。母子歷生不相違遠。**

Phiên âm: Thập phương Như Lai lân niệm chúng sanh như mẫu ức tử. Nhược tử đào thệ, tuy ức hà vi. Tử nhược ức mẫu, như mẫu ức thời, mẫu tử lịch sanh bất tương vi viễn.

Việt dịch: Mười phương Như Lai thương nhớ chúng sinh như mẹ thương con. Nếu con trốn tránh, tuy nhớ, nào có ích gì. Nếu con nhớ mẹ, như khi mẹ nhớ con, thì mẹ con đời đời không cách xa nhau.

Giảng: Mười phương Như Lai thương nhớ chúng sinh như mẹ thương con–Chư Phật trong mười phương thường thương nhớ chúng sinh như mẹ thương con. Nếu con trốn tránh, tuy nhớ, nào có ích gì. Dù mẹ thường nhớ con mọi thời, nhưng con quên mẹ, thì thật vô ích. Nếu con nhớ mẹ, như khi mẹ nhớ con, thì mẹ con đời đời không cách xa nhau. Nếu mẹ và con cùng nhớ đến nhau trong theo cách ấy, thì mẹ con sẽ nhớ nhau suốt đời, từ đời này sang đời khác. Họ sẽ không bao giờ tách lìa nhau.

Có nghĩa là, nếu chư Phật thương tưởng, hằng nhớ đến chúng sinh, mà nếu chúng sinh cũng nhớ đến chư Phật, thì đời nầy sang đời khác, chúng sinh và Phật chẳng lìa xa nhau. Chúng ta sẽ ở bên Phật mãi mãi.

Kinh văn: **若眾生心憶佛念佛。現前當來,必定見佛。**

Phiên âm: Nhược chúng sanh tâm ức Phật niệm Phật. Hiện tiền đương lai, tất định kiến Phật.

Việt dịch: Nếu tâm chúng sinh, nhớ Phật, tưởng đến Phật, thì đời nầy, đời sau, nhất định thấy Phật.

Giảng: Nếu chúng sinh tưởng nhớ đến Phật, niệm danh hiệu Phật, thì chắc chắn họ sẽ được thấy Phật trong đời nầy hoặc đời sau.

Kinh văn: **去佛不遠。不假方便自得心開。**

Phiên âm: Khứ Phật bất viễn, bất giả phương tiện tự đắc tâm khai.

Việt dịch: Họ đã cách Phật không xa, nên không nhờ vào phương tiện mà được tâm khai ngộ.

Giảng: Họ chắc chắn sẽ được giác ngộ.

Kinh văn: **如染香人身有香氣。此則名曰香光莊嚴。**

Phiên âm: Như nhiễm hương nhân, thân hữu hương khí. Thử tắc danh viết hương quang trang nghiêm.

Việt dịch: Như người xông hương thì thân thể có mùi thơm. Đó gọi là hương quang trang nghiêm.

Giảng: Như người xông hương thì thân thể có mùi thơm. Nếu có người xông ướp thân thể mình băng hương thơm, thì mùi hương ấy sẽ thấm đượm quanh thân. Đó gọi là hương quang trang nghiêm.

Kinh văn: **我本因地以念佛心入無生忍。今於此界攝念佛人歸於淨土。**

Phiên âm: Ngã bổn nhân địa dĩ niệm Phật tâm, nhập vô sanh nhẫn. Kim ư thử giới, nhiếp niệm Phật nhân, quy ư tịnh độ.

Việt dịch: Bản nhân của con là dùng tâm niệm Phật mà thể nhập vô sanh nhẫn. Nay con trong cõi nầy, tiếp dẫn những người niệm Phật trở về cõi Tịnh độ.

Giảng: Bản nhân của con là dùng tâm niệm Phật mà thể nhập vô sanh nhẫn.

Bồ-tát Đại Thế Chí nói rằng từ trong nhân địa tu hành của ngài, có nghĩa là, từ khi mới phát tâm tu đạo làm vị tỳ-khưu, ngài chứng được vô sinh pháp nhẫn nhờ vào pháp niệm Phật. Nay con trong cõi nầy–cõi ta-bà, tiếp dẫn những người niệm Phật. Như thỏi nam châm sẽ thu hút hết thảy các vụn sắt, Bồ-tát Đại Thế Chí tiếp độ và dẫn dắt mọi chúng sinh nào tu tập pháp niệm danh hiệu Phật, đưa họ trở về cõi Tịnh độ. Ngài dẫn dắt họ trở về với cõi Cực lạc.

Kinh văn: **佛問圓通我無選擇都攝六根淨念。相繼得三摩地斯為第一**

Phiên âm: Phật vấn viên thông, ngã vô tuyển trạch đô nhiếp lục căn tịnh niệm. Tương kế đắc tam-ma-địa tư vi đệ nhất.

Việt dịch: Đức Phật hỏi về viên thông, con do thu nhiếp tất cả sáu căn mà không cần lựa chọn, tịnh niệm liên tục. Đó là phương pháp hay nhất.

Giảng: Đức Phật hỏi về phương pháp để tu tập đạt được viên thông, con do thu nhiếp tất cả sáu căn mà không cần lựa chọn, tịnh niệm liên tục. Con không có sự lựa chọn nào khác. Con chỉ có một pháp phương pháp là niệm danh hiệu Phật. Con dùng pháp môn nầy để thu nhiếp sáu căn và các vọng tưởng khởi dậy từ sáu căn ấy. Con điều phục sáu căn không để cho chúng khởi dậy vọng tưởng nữa. Con niệm Phật với tâm thanh tịnh mãi không gián đoạn, cho đến khi con đạt được chánh định. Đó là phương pháp hay nhất.

HẾT QUYỂN 5



KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH NHƯ LAI MẬT NHƠN
TU CHỨNG LIỄU NGHĨA
CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH
THỦ LĂNG NGHIÊM

QUYỂN 6 – PHẦN 1

— o0o —

TUYÊN HÓA THƯỢNG NHÂN
giảng thuật

— o0o —

NHĨ CĂN VIÊN THÔNG
Quán Thế Âm Bồ-tát

Kinh văn: 爾時觀世音菩薩即從座起, 頂禮佛足而白佛言。

Phiên âm: Nhĩ thời Quán Thế Âm Bồ-tát tức tùng toà khởi, đảnh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn:

Việt dịch: Lúc bấy giờ Bồ-tát Quán Thế Âm liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát dưới chân Đức Phật, rồi bạch Phật rằng:

Giảng: Phần trước, Bồ-tát Đại Thế Chí đã trình bày cách thức tu tập pháp môn niệm Phật. Đó là phương pháp rất thích hợp cho mọi người trong thời đại ngày nay. Phương pháp ấy rất có hiệu quả. Sao vậy? Trong kinh dạy chúng ta rằng vào thời mạt pháp, trong một triệu người tu tập, thậm chí chưa có được một người ngộ đạo. Nhiều người tu tập nhưng ít có người được chứng ngộ. Thế thì chúng ta phải làm sao? Đừng bận tâm. Kinh có dạy rằng, "Chỉ nhờ vào pháp môn niệm Phật, mà mọi chúng sinh đều được độ thóat." Phương pháp niệm Phật rất dễ thực hành. Bằng cách thực hành niệm Phật, chúng ta sẽ được thóat khỏi ba cõi theo chiều ngang, và đới nghiệp vãng sanh.

Thế nào là nghĩa thóat khỏi ba cõi theo chiều ngang? Cũng giống như loài côn trùng sống trong ống tre, nếu nó đục xuyên theo chiều dọc thân tre, nó phải đi qua các lóng mắt, phải mất thời gian rất lâu. Thay vì vậy, nếu loại côn trùng ấy biết cách gặm một lỗ ở bên thân tre, thì nó sẽ ra khỏi được ống tre một cách rất dễ dàng. Người niệm Phật cũng giống như loài côn trùng thóat ra khỏi ống từ bên thân cây tre; họ thóat ra khỏi ba cõi theo chiều ngang–đúng với tầm mức của họ. "Đới nghiệp vãng sanh," nghiệp mà mọi người đang mang là nghiệp của đời trước, không phải của đời nầy–đó là nghiệp đã tạo, không phải là nghiệp mới. Điều nầy có nghĩa là trước khi quý vị biết được phương pháp niệm Phật, quý vị đã tạo ra các nghiệp chướng.

Quý vị có thể mang các nghiệp ấy theo khi mình vãng sanh sang cõi Tịnh độ. Nhưng quý vị không được tiếp tục tạo nghiệp ác một khi quý vị đã biết niệm Phật, vì quý vị không thể mang nghiệp ác ấy theo được. Một khi quý vị đã biết niệm Phật, thì quý vị nên thay đổi cách sống. Đừng cố tạo nên các nghiệp xấu. Nếu làm như vậy, quý vị sẽ chất chồng ác nghiệp, gia trọng thêm chướng ngại.

Đó gọi là “biết rõ mà cố phạm–minh tri cố phạm,” trong trường hợp đó, nghiệp chướng tăng gấp ba. Quý vị có thể mang nghiệp cũ để vãng sanh, nhưng nay quý vị đã hiểu được Phật pháp, quý vị không thể nói rằng, “Ồ! Mình có thể niệm Phật, mặt kia mình có thể tạo nghiệp ác, vì trong tương lai mình có thể mang nghiệp đã tạo sang cõi Cực lạc với mình.”

Thật là sai lầm! Không những quý vị không thể nào mang nghiệp của mình đi, mà còn không thể nào vãng sanh về đó, vì quý vị sẽ bị chướng ngại bởi nghiệp của mình. Chúng ta là những người đã tin vào Đức Phật, phải nên thận trọng, đừng tạo thêm nghiệp chướng một khi chúng ta đã biết niệm Phật. Chương Đại Thế Chí niệm Phật viên thông nầy vô cùng quan trọng. Mọi người nên biết phương pháp niệm Phật chủ yếu là gì.

Tại sao chúng ta phải nên niệm Phật? Vì chúng ta có nhân duyên rất lớn với Đức Phật A-di-đà.

Đức Phật A-di-đà đã thành Phật cách đây 10 kiếp. Trước đó, ngài có pháp danh là Pháp Tạng tỷ-khưu. Lúc ấy, ngài phát 48 lời nguyện. Trong lời nguyện thứ 13 và 14, ngài phát nguyện: “Nếu có chúng sinh nào trong khắp mười phương niệm danh hiệu của tôi mà không thành Phật, tôi nguyện sẽ không thành chánh giác.” Nói cách khác, nếu có chúng sinh nào niệm danh hiệu ngài mà không được thành Phật, thì ngài nguyện sẽ không thành Phật. Và do nguyện lực của Đức Phật A-di-đà, mọi người ai niệm danh hiệu của ngài thì đều được vãng sanh vào thế giới Cực lạc.

Pháp môn Tịnh độ là một trong năm tông phái của đạo Phật Trung Hoa.
1. Thiền tông (dhyāna).
2. Giáo tông.
3. Luật tông.
4. Mật tông.
5. Tịnh độ tông.

Tịnh độ tông sẽ là tông phái còn tồn tại sau cùng. Trong thế giới nầy, vào thời mạt pháp, Kinh Thủ-lăng-nghiêm sẽ bị biến mất trước tiên. Sau đó, các kinh khác cũng sẽ lần lượt bị biến mất, chỉ có kinh A-di-đà còn lại. Khi Kinh A-di-đà còn lưu lại trên thế gian, kinh sẽ độ thóat cho rất nhiều người. Sau hơn 1000 năm nữa, Kinh A-di-đà cũng bị biến mất hẳn.

“Thời mạt pháp” đơn giản có nghĩa là chánh pháp hoàn toàn biến mất hẳn. Một khi Kinh A-di-đà đã biến mất, chỉ còn lưu lại câu “Nam-mô A-di-đà Phật.” Câu nói phi thường này cũng sẽ độ thóat cho rất nhiều người; thế nhưng, sau 1000 năm nữa, nó cũng sẽ biến mất. Những gì còn lại chỉ là danh hiệu “A-di-đà

Phật,” danh hiệu nầy cũng sẽ tồn tại trên thế gian một trăm năm nữa rồi cũng biến mất. Đến lúc đó, sẽ không còn Phật pháp lưu hành trên thế gian nữa. Trong khi chúng ta vẫn còn ở trước thời mạt pháp, chúng ta nên tu tập và giữ gìn những sự việc ở trong thời Chánh pháp. Đó gọi là “Thỉnh Phật chuyển pháp luân.”

Trong thời mạt pháp, chúng ta không nên sợ một khó khăn gian khổ nào. Tôi không ngại khó khăn khi giảng pháp cho quý vị, và quý vị không nên sợ cực khổ khi đến nghe kinh. Hãy phấn chấn tinh thần lên! Đừng nói rằng mình mệt và phải đi nghỉ. Hãy quên chính mình vì đạo pháp. Hãy suy gẫm xem Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã sống trong núi Tuyết suốt sáu năm để tìm đạo như thế nào. Chúng ta không vào trong núi sống sáu năm, nhưng việc nhỏ nhất chúng ta có thể làm là tìm hiểu về đạo Phật. Hãy xem Phật pháp như là lương thực mà quý vị cần có để ăn vậy. “Nếu ta không đi nghe giảng kinh, cũng giống như vài ngày tới mình không có gì để ăn vậy.”

Quý vị nên có suy nghĩ như vậy. “Ta phải đi nghe pháp. Ta chắc chắn phải tìm cách để hiểu đạo một cách chân xác.” Quý vị đi đâu để có được sự hiểu biết chân chính về Phật pháp? Quý vị phải thường nghe giảng kinh. Không nghe giảng kinh, quý vị không thể nào khai mở trí huệ. Đây là điều đặc biệt đúng đối với Kinh Thủ-lăng-nghiêm, vì đây chính là kinh khai mở trí huệ cho chúng sinh. Hãy lấy ví dụ như chương nói về pháp tu viên thông này do hai mươi lăm bậc thánh giảng giải.

Có vị đã thành tựu đạo nghiệp của mình bằng pháp Hỏa quang tam-muội. Có vị đạt được viên thông nhờ vào Phong đại, có vị nhờ vào Không đại. Có vị tu tập từ nhãn căn của họ và được thành tựu, và có vị tu tập từ nhĩ căn. Mỗi thứ trong sáu căn đều được các vị này hoặc vị khác dùng để tu tập. Mỗi phạm trù trong 18 giới đều được mỗi vị thể nhập và tu chứng. Nghe những đạo lý nầy, quý vị nên áp dụng vào cho chính mình.

Quý vị sẽ hỏi, “Con nên tu tập theo căn nào? ” Đừng nôn nóng. Chính nhĩ căn mà Bồ-tát Quán Thế Âm đã dùng để tu tập là tốt nhất đối với quý vị. Bồ-tát Quán Thế Âm đã thành tựu viên mãn công phu tu tập từ nhĩ căn, và ngài A-nan sẽ theo Bồ-tát Quán Thế Âm để tu tập pháp môn nầy. Chư Phật và Bồ-tát trong đời trước đã truyền lại cho chúng ta một pháp môn vi diệu, chúng ta nên theo pháp tu từ nhĩ căn để đạt được viên thông. Đây là phương pháp dễ nhất.

Lúc bấy giờ Bồ-tát Quán Thế Âm liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát dưới chân Đức Phật, rồi bạch Phật rằng:

“Quán” có nghĩa là tư duy, quán chiếu.
Dùng năng lực trí huệ quán sát, hành giả quán chiếu thế giới khách quan.

Với năng lực trí huệ, hành giả quán sát cảnh giới đang được quán chiếu. Năng lực quán chiếu của trí huệ vốn có sẵn trong tự tánh của Bồ-tát Quán Thế Âm. Thế giới khách quan được quán sát đó là những âm thanh phát ra từ mọi chúng sinh. Quý vị nên quán sát tiếng kêu của khổ đau, tiếng reo của hạnh phúc, âm thanh của điều chẳng khổ chẳng vui, âm thanh của cái thiện, âm thanh của cái ác, âm thanh của chân thực, âm thanh của hư vọng–nên quán chiếu tất cả mọi thứ âm thanh.

“Thế” là thế gian, trong ý nghĩa về thời gian–quá khứ, hiện tại, tương lai. Quán chiếu nhân và quả trong quá khứ của chúng sinh. Quán chiếu nghiệp mà chúng sinh đang tạo bây giờ. Quán chiếu quả báo mà chúng sinh sẽ chịu trong tương lai. “Tai sao người kia phải khổ đau nhiều vậy?” Quý vị suy gẫm, và rồi nhận ra rằng: “Ồ! Trong đời trước, anh ta không hiếu thảo với cha mẹ và nói chung là không tốt với mọi người. Đó là lý do tại sao đời nầy quả báo của anh ta là đau khổ.”

Âm: Quán sát mọi âm thanh.
“Bồ-tát” có nghĩa là “người giác ngộ cho mọi chúng sinh–giác hữu tình.” Còn có nghĩa là “chúng sinh có đạo tâm rộng lớn–chúng sinh đại đạo tâm.” Bồ-tát còn được gọi là ‘chúng sinh đã giác ngộ–hữu tình giác’, đó là chỉ cho tự giác. Khi chúng ta nói rằng Bồ-tát là “người giác ngộ cho mọi chúng sinh–giác hữu tình,” là chỉ cho giác tha. Gom hai nghĩa nầy lại, Bồ-tát là chúng sinh đã giác ngộ và muốn giúp cho mọi chúng sinh đều được giác ngộ.

Những việc Bồ-tát làm là tự giác ngộ cho mình và giác ngộ cho người khác, làm lợi lạc cho chính mình và lợi lạc cho người khác.

Quý vị là những người đang tu học Phật pháp, phải nên nhớ kỹ ý nghĩa về Bồ-tát. Đừng để như trường hợp có người chủ trì một hội nghị về “Tăng-già Hoà hợp,” nhưng khi có người hỏi “Tăng-già” là gì thì chỉ biết im lặng. Thật là không thể tưởng tượng được!

Kinh văn: **世尊,憶念我昔無數恒河沙劫。於時有佛出現於世,名觀世音。我於彼佛發菩提心。彼佛教我從聞思修入三摩地。**

Phiên âm: Thế tôn, ức niệm ngã tích vô số hằng hà sa kiếp. Ư thời hữu Phật xuất hiện ư thế, danh Quán Thế Âm. Ngã ư bỉ Phật phát bồ-đề tâm. Bỉ Phật giáo ngã tòng văn tư tu nhập tam-ma-địa.

Việt dịch: Bạch Đức Thế tôn, con nhớ vào hằng hà kiếp từ thời quá khứ, lúc ấy có Đức Phật xuất hiện trên đời, danh hiệu là Quán Thế Âm. Con phát tâm bồ-đề từ Đức Phật đó. Ngài dạy con từ nghe, quán chiếu, tu tập mà thể nhập chánh định.

Giảng: Bồ-tát Quán Thế Âm bạch cùng Đức Phật Thích-ca Mâu-ni rằng: Bạch Đức Thế tôn, con nhớ vào hằng hà kiếp từ thời quá khứ, lùi lại một khoảng thời gian rất dài–rất nhiều kiếp không thể tính đếm được như số cát trong sông Hằng, lúc ấy có Đức Phật xuất hiện trên đời, danh hiệu là Quán Thế Âm. Đây là Quán Thế Âm của thời quá khứ. Đó là Quán Thế Âm Như Lai, cũng đã tu tập viên thông nhờ vào nhĩ căn. Con phát tâm bồ-đề từ Đức Phật đó. Con phát tâm tu tập chứng đạo giải thóat. Ngài dạy con từ nghe, quán chiếu, tu tập mà thể nhập chánh định. Đức Phật Quán Thế Âm thời quá khứ dạy Bồ-tát Quán Thế Âm tiến trình văn tư tu. Đó là từ văn huệ, tư huệ và tu huệ mà thể nhập chánh định. "Tư" ở đây không có nghĩa là dùng sự suy nghĩ của thức thứ sáu. Đúng hơn, nó có nghĩa là dùng công phu toạ thiền mà tu tập.

Kinh văn: **初於聞中,入流亡所。所入既寂,動靜二相,了然不生。如是漸增,聞所聞盡。盡聞不住,覺所覺空。空覺極圓,空所空滅。生滅既滅,寂滅現前。**

Phiên âm: Sơ ư văn trung, nhập lưu vong sở. Sở nhập ký tịch, động tĩnh nhị tướng liễu nhiên bất sanh. Như thị tiệm tăng, văn sở văn tận. Tận văn bất trụ, giác sở giác không. Không giác cực viên, không sở không diệt. Sanh diệt ký diệt, tịch diệt hiện tiền.

Việt dịch: Ban đầu, con ở trong tánh nghe, vào được dòng viên thông thì không còn trạng thái sở văn nữa, tướng sở nhập cũng vắng lặng, hai trạng thái động tịnh rõ ràng chẳng còn sanh. Tình trạng như vậy tăng dần, các tướng năng văn, sở văn đều hết sạch. Cũng không dừng trụ trong chỗ hết sạch năng văn, sở văn, đạt đến năng giác sở giác đều vắng lặng. Không giác viên mãn tột bậc, thì các tướng năng không và sở không đều tịch diệt. Sinh diệt đã diệt, thì bản tính tịch diệt hiện tiền.

Giảng: Ban đầu, con ở trong tánh nghe, vào được dòng viên thông thì không còn trạng thái sở văn nữa.

Với văn huệ, hành giả nghe cái bên trong, chứ không nghe cái bên ngoài. Không theo thanh trần có nghĩa là không truy đuổi theo chúng. Trước đây, kinh văn đã nói không đuổi theo sáu căn và không bị sai sử bởi chúng. Điều nầy được gọi là:

Phản văn văn tự tánh– Quay tánh nghe vào bên trong để nhận ra tự tánh của mình.
Quay tánh nghe vào bên trong có nghĩa là không nghe âm thanh bên ngoài, mà thay vì vậy, quay trở lại, hướng vào bên trong, để nghe tự tánh của mình. Có nghĩa là,
Nhiếp vào trong thân tâm của mình.
'Văn trung–trong tánh nghe.' Nên đặc biệt chú ý hai chữ nầy, chẳng phải là trong nhục nhãn, chẳng phải là trong nhĩ thức, chẳng phải là trong ý thức…, mà chính là trong tánh nghe không sanh không diệt, cũng chính là tánh Như Lai tạng.

Hồi quang phản chiếu–Xoay ánh sáng trở lại và chiếu vào bên trong.
Có nghĩa là không tìm cầu bên ngoài.

Kinh văn đoạn nầy nói rằng Bồ-tát Quán Thế Âm "nhập vào dòng," có nghĩa là ngài xoay tánh nghe vào bên trong để nghe tự tự tánh.

Nhập thánh nhân chi pháp tánh lưu–Nhập vào dòng pháp tánh của bậc thánh.

Ngài đã "Nhập lưu vong sở," – có nghĩa là mọi bụi trần, sáu trần được nhận biết sáu căn–đều đã dứt sạch.

Có nghĩa là ngài đã thể nhập vào dòng chiếu diệu của tự tánh, không còn hướng ra bên ngoài để truy cầu, tâm đã sáng suốt thời thường an trú ở bên trong, nếu ở ngoài dòng là còn ràng buộc với duyên ngoại trần. Nếu phan duyên với thanh trần bên ngoài, tức là dính mắc với luân hồi sinh tử. Khi quên hết các thanh trần từ bên ngoài, thì không còn tướng động, tức là đã mở ra được nút buộc thứ nhất của trần cảnh diêu động, nên gọi là "Nhập lưu vong sở." Vong tức là giải thóat, Sở tức là thanh trần.

Tướng sở nhập cũng vắng lặng, hai trạng thái động tịnh rõ ràng chẳng còn sanh.

Cội nguồn của sáu căn và sáu trần cũng đều dừng bặt. Điều nầy rất gay go. Ở đây Bồ-tát Quán Thế Âm đã nhập vào dòng tự tánh của ngài. Khi đạt đến cực điểm cảnh giới tịch lặng, thì tướng động và tĩnh cũng vắng bặt. Do cảnh tịnh chính là khu vực của sắc ấm, nên không được trụ vào cảnh tịnh. Khi đến được hai cảnh động tĩnh đều chẳng sanh, thì mới đến được cái gọi là sở nhập vắng lặng. Lúc đó, tức là đã mở ra được nút buộc thứ hai của cái tịnh. Thanh trần hoàn toàn vắng bặt, hai tướng động tĩnh rõ ràng chẳng còn sanh trở lại nữa. Tức là đã phá trừ được sắc ấm.

Tình trạng như vậy tăng dần, các tướng năng văn, sở văn đều hết sạch.

Các kết buộc do nơi các căn đã được mở, tiến tu dần dần, tăng cường thêm định lực, thế nên các căn năng văn tuỳ theo chỗ sở văn đều dứt sạch, cũng chẳng còn năng thọ và sở thọ. Tức là đã mở ra được nút buộc thứ ba của các căn, đồng thời cũng phá luôn được năm thức trước của thọ ấm.

Cũng không dừng trụ trong chỗ hết sạch năng văn sở văn, đạt đến năng giác sở giác đều vắng lặng.

Cái năng văn và sở văn đều đã tiêu sạch, còn lại tri giác, còn lại ngã tướng, cho nên cần phải tiếp tục tiến tu, cho đến chỗ 'ưng vô sở trú nhi sinh kỳ tâm,' đạt đến chỗ biết mà chẳng biết, giác mà không giác, đến khi mà giác và sở giác đều không thì mới mở được gút thứ tư về cái biết. Đến lúc năng giác và sở giác đều không còn, mới gọi là hoàn toàn không chấp trước, tức là phá trừ được ý thức thứ sáu tưởng ấm.

Không giác viên mãn tột bậc, thì các tướng năng không và sở không đều tịch diệt.

Cái năng giác và sở giác đều đã không, cần phải tiến tu, tham cứu cái không ấy nương vào đâu mà có, đến chỗ tánh không của cái biết (không giác–emptiness of awareness) rốt ráo viên mãn thì năng không và sở không đều tiêu trừ sạch. Tâm có khả năng tạo tác bị tiêu trừ, và cảnh giới do tâm ấy làm cho trở thành không cũng tiêu trừ luôn, đến mức cũng chẳng còn cái không. Vì hễ còn cái không, thì mình vẫn còn chấp trước vào tánh không. Và bây giờ đối với Bồ-tát Quán Thế Âm, ngay cả tánh không cũng chẳng còn, tức là mở được gút thứ năm của không giác, lúc nầy đồng thời phá trừ luôn thức thứ bảy hành ấm.

Sinh diệt đã diệt, thì bản tính tịch diệt hiện tiền.
Cái năng không và sở không đều tịch diệt, vẫn còn ý niệm 'diệt,' mà còn diệt tức còn sinh, nên cần phải tiến tu tiếp tục, cho đến khi tướng sinh và tướng diệt đều trừ sạch, mới có thể mở được nút thứ sáu về ý niệm 'diệt.' Đồng thời phá trừ luôn được thức thứ tám, a-lại-da thức của thức ấm. Hai chữ 'sinh diệt,' vốn là chỉ cho các nút buộc, do động hết thì sanh tịnh sanh, căn diệt thì giác sanh, giác diệt thì không sanh, không diệt thì diệt sanh, sáu nút buộc nầy chính là pháp sanh diệt. Tướng diệt rất khó mở, cần phải tiêu trừ toàn bộ tướng diệt thì mới có thể đạt đến chỗ không sanh không diệt, mới có thể chính mình thấy được bản lai diện mục. Nay sáu nút buộc đã được mở, ngũ ấm đã được phá trừ hoàn toàn, vọng đã hết sạch rồi thì toàn chân hiển bày, tức là sinh diệt đã diệt rồi, thì tịch diệt hiện tiền, chứng đắc rốt ráo viên thông.

Kinh văn: **忽然超越世出世間,十方圓明,獲二殊勝。**

Phiên âm: Hốt nhiên siêu việt thế xuất thế gian, thập phương viên minh, hoạch nhị thù thắng.

Việt dịch: Bỗng nhiên con vượt ra ngoài thế gian và xuất thế gian, khắp mười phương một thể sáng suốt viên mãn hiển bày, và con đạt được hai cảnh giới thù thắng.

Giảng: Khi cảnh giới tịch diệt đã hiện tiền, bỗng nhiên con vượt ra ngoài thế gian và xuất thế gian. Điều nầy chỉ cho cõi giới của hữu tình và khí thế gian. Khắp mười phương một thể sáng suốt viên mãn hiển bày. Bồ-tát Quán Thế Âm thể nhập làm một với thế giới mười phương không ngăn ngại. Và con đạt được hai cảnh giới thù thắng.

Kinh văn: **一者上合十方諸佛本妙覺心。與佛如來同一慈力。**

Phiên âm: Nhất giả thượng hợp thập phương chư Phật bổn diệu giác tâm. Dữ Phật Như Lai đồng nhất từ lực.

Việt dịch: Một là, trên hợp với bổn diệu giác tâm của mười phương chư Phật. Con đạt được từ lực đồng như của chư Phật Như Lai.

Giảng: Tâm từ của Bồ-tát Quán Thế Âm hoàn toàn đồng như tâm từ của chư Phật.

Kinh văn: **二者下合十方一切六道眾生。與諸眾生同一悲仰**

Phiên âm: Nhị giả hạ hợp thập phương nhất thiết lục đạo chúng sanh. Dữ chư chúng sanh đồng nhất bi ngưỡng.

Việt dịch: Hai là, dưới hợp với tất cả chúng sinh trong lục đạo khắp mười phương. Cùng với chúng sinh đồng một bi ngưỡng.

Giảng: Hai là, dưới hợp với tất cả chúng sinh trong lục đạo khắp mười phương.

Chúng sinh trong lục đạo khắp mười phương là gì? Hãy nhìn khía cạnh đơn giản là con người, mắt tai mũi lưỡi thân ý, là chúng sinh trong sáu đường. Chúng là sự luân hồi sinh tử trong sáu đường, như là sắc thanh hương vị xúc và pháp, đây cũng là sự luân hồi trong sáu đường. Đó là lục đạo của chúng sinh trong tự tánh của mình. Có sự liên hệ nhau giữa sáu đường bên trong và sáu đường bên ngoài. Sáu đường bên ngoài là cõi của chư thiên, a-tu-la,

người, súc sanh, quỷ đói và địa ngục. Cõi giới a-tu-la bao gồm cả những chúng sinh nào thích đấu tranh.

A-tu-la là những chúng sinh đem cái tính thích gây sự của mình tham gia một cách hữu ích trong quân đội và bảo vệ đất nước mình. A-tu-la là những người dùng cái tính thích gây sự theo chiều hướng xấu và dẫn đến những việc như trộm cướp và găng-tơ. A-tu-la có thể sống ở cõi trời, cõi người, trong loài súc sanh, hoặc là ma quỷ. Có khi a-tu-la gồm cả trong ba cõi thiện, đó là chư thiên, a-tu-la và cõi người. Có khi được xếp vào bốn ác đạo, đó là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và a-tu-la. Khi xếp a-tu-la vào cùng với cõi trời, người, a-tu-la, súc sanh, quỷ đói, và địa ngục–là xếp theo vòng luân hồi sinh tử trong lục đạo.

Cảnh giới chư Phật ở trên Bồ-tát Quán Thế Âm, nên Bồ-tát nói, “Con ở trên hợp với tâm từ của chư Phật.” Chúng sinh trong lục đạo là ở cảnh giới thấp hơn Bồ-tát Quán Thế Âm, thế nên Bồ-tát nói, “Con ở dưới hợp với chúng sinh trong sáu đường.” “Chúng sinh” được định nghĩa là những loài sanh ra từ nhiều nhân duyên. Có nhiều yếu tố liên quan đến sự sinh ra của một chúng sinh. Bồ-tát nói tiếp: Con có cùng với chúng sinh đồng một bi ngưỡng. Các chúng sinh đều khát ngưỡng lòng thương xót của chư Phật và Bồ-tát.

Kinh văn: **世尊由我供養觀音如來。蒙彼如來授我如幻聞薰聞修金剛三昧。與佛如來同慈力故。令我身成三十二應入諸國土。**

Phiên âm: Thế tôn, do ngã cúng dường Quán Âm Như Lai. Mông bỉ Như Lai thọ ngã Như huyễn văn huân văn tu kim cang tam-muội. Dữ Phật Như Lai đồng từ lực cố. Linh ngã thân thành tam thập nhị ứng, nhập chư quốc độ.

Việt dịch: Bạch Thế tôn, do con cúng dường đức Quán Âm Như Lai, nên con được ngài truyền thọ Như huyễn văn huân văn tu kim cang tam-muội, được cùng chư Phật Như Lai có đồng một từ lực. Khiến cho thân con thành tựu ba mươi hai ứng thân, có thể đến đi khắp mọi quốc độ.

Giảng: Bạch Thế tôn, do con cúng dường đức Quán Âm Như Lai, nên con được ngài truyền thọ Như huyễn văn huân văn tu Kim cang tam-muội. Nói như huyễn là vì tu mà không tu, không tu mà tu. Có nghĩa là hành giả luôn luôn biết được những gì đang xảy ra trong mọi thời và không bao giờ quên. Thế nhưng, dù không quên, nhưng hành giả cũng không thực sự nhớ chúng. Chẳng nhớ nghĩ về chúng, tuy nhiên, cũng không quên chúng.

Văn huân có nghĩa là hằng ngày, Bồ-tát thường tu tập pháp môn Phản văn văn tự tánh cho đến khi thấm nhuần công phu nầy. Đây là pháp Kim cang tam-muội. Khi hành giả phát huy định lực nầy, sẽ được thành tựu Kim cang tam-muội.

Nhờ con được cùng chư Phật Như Lai có đồng một từ lực. Khiến cho thân con thành tựu ba mươi hai ứng thân, có thể đến đi khắp mọi quốc độ. Con có được từ lực đồng như chư Phật, khiến cho con có được ba mươi hai ứng thân. Nên con có thể đi đến khắp mọi quốc độ để giáo hóa chúng sinh.

Kinh văn: **世尊若諸菩薩入三摩地。進修無漏勝解現圓。我現佛身而為說法令其解脫。**

Phiên âm: Thế tôn, nhược chư Bồ-tát nhập tam-ma-địa, tấn tu vô lậu, thắng giải hiện viên, ngã hiện Phật thân nhi vị thuyết pháp, linh kỳ giải thoát.

Việt dịch: Bạch Thế tôn, nếu có Bồ-tát nhập tam-ma-địa, tiến tu pháp vô lậu, đã được thắng giải và thể hiện viên thông, con sẽ hiện thành thân Phật thuyết pháp cho các vị nghe, khiến cho các vị Bồ-tát ấy được giải thoát.

Giảng: Bạch Thế tôn, nếu có Bồ-tát nhập tam-ma-điạ, tiến tu pháp vô lậu, các ngài đã đạt được chánh định (samadhi) và nuốn tiếp tục công phu để đạt đến cảnh giới chân thực vô trụ xứ niết-bàn. Các ngài là những vị đã đạt được thắng giải và thể hiện viên thông. Trí huệ của các ngài rất vi diệu, và đã hiển bày được lục căn viên thông. Con sẽ hiện thành thân Phật thuyết pháp cho các vị nghe, khiến cho các vị Bồ-tát ấy được giải thóat. Khi con gặp những chúng sinh như vậy, con liền hiện thành thân Phật. Dù chính con chưa thành Phật, nhưng nhờ năng lực từ bi của con đồng như chư Phật. Do từ lực nầy mà con hiện được thân Phật và nói pháp cho hàng Bồ-tát để giúp cho họ đạt đến giải thoát.

Kinh văn: **若諸有學寂靜妙明勝妙現圓,我於彼前現獨覺身而為說法令其解脫。**

Phiên âm: Nhược chư hữu học tịch tĩnh diệu minh, thắng diệu hiện viên, ngã ư bỉ tiền, hiện Độc giác thân nhi vị thuyết pháp linh kỳ giải thoát.

Việt dịch: Nếu có hàng hữu học tu pháp diệu minh vắng lặng, đã được thắng diệu viên mãn, con sẽ hiện ra trước các vị ấy thân Độc giác, thuyết pháp cho họ nghe, giúp cho họ được giải thoát.

Giảng: Nếu có hàng hữu học tu pháp diệu minh vắng lặng. Hàng hữu học là chỉ cho những người chưa đạt quả vị thứ tư của A-la-hán. Là những vị đã được thắng diệu viên mãn, trí huệ họ rất thù thắng vi diệu và đã thể nhập được viên thông. "Con sẽ hiện ra trước các vị ấy thân Độc giác, thuyết pháp cho họ nghe, giúp cho họ được giải thóat. Đối với hàng chúng sinh nầy, con sẽ hiện ra bậc Độc giác," có nghĩa là người thuộc hàng Nhị thừa đã chứng đạo khi Đức Phật chưa thị hiện trong đời. Họ tu tập pháp Mười hai nhân duyên và được giác ngộ.

Vào mùa Xuân họ quán sát hoa đào trắng nở,
Vào mùa Thu họ quán sát lá vàng rơi.

Họ ngộ ra nguyên lý vận hành tự nhiên của sinh và diệt trong vô số hiện tượng thế gian. Đó là cách mà các vị Độc giác đã giác ngộ. Bồ-tát Quán Thế Âm sẽ xuất hiện như là một vị Độc giác để giảng pháp cho các vị ấy, giúp cho các vị ấy được giác ngộ.

Kinh văn: **若諸有學斷十二緣。緣斷勝性,勝妙現圓。我於彼前。現緣覺身。而為說法令其解脫。**

Phiên âm: Nhược chư hữu học đoạn thập nhị duyên. Duyên đoạn thắng tánh, thắng diệu hiện viên. Ngã ư bỉ tiền, hiện Duyên giác thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ giải thoát.

Việt dịch: Nếu các hàng hữu học đoạn mười hai nhân duyên, do các duyên đã đoạn mà phát ra thắng tính, và thắng tánh đã viên mãn. Con hiện ra trước người đó thân Duyên giác, thuyết pháp cho họ nghe khiến cho họ được giải thoát.

Giảng: Nếu các hàng hữu học đoạn mười hai nhân duyên, do các duyên đã đoạn mà phát ra thắng tính. Lần nữa, 'hữu học' là chỉ cho sơ quả A-la-hán.

Mười hai nhân duyên đã được giảng giải ở văn trước. Những điểm ấy rất quan trọng.
1. Vô minh duyên hành;
2. Hành duyên thức;
3. Thức duyên danh sắc;
4. Danh sắc duyên lục nhập;

5. Lục nhập duyên xúc;
6. Xúc duyên thọ;
7. Thọ duyên ái;
8. Ái duyên thủ;
9. Thủ duyên hữu;
10. Hữu duyên sinh;
11. Sinh duyên lão tử.

Đây là lưu chuyển môn, tức là chiều lưu chuyển.
Khi vô minh diệt, hành diệt;
Khi hành diệt, thức diệt;
Khi thức diệt, danh sắc diệt;
Khi dánh sắc diệt, lục nhập diệt;
Khi lục nhập diệt, xúc diệt;
Khi xúc diệt, thọ diệt;
Khi thọ diệt, ái diệt;
Khi ái diệt, thủ diệt;
Khi thủ diệt, hữu diệt;
Khi hữu diệt, sinh diệt;
Khi sinh diệt, lão tử diệt.

Đây là chiều hoàn diệt (hoàn diệt môn). Người tu đạo A-la-hán trở nên rất rõ ràng về vô minh và mối liên hệ dẫn đến sự sinh khởi. Từ sinh đến tử, chúng sinh được sanh ra rồi lại chết xoay vần nhau. Chúng ta chấm dứt vòng luân hồi sinh tử bằng cách trước hết dập tắt vô minh. Khi vô minh đã dứt sạch, các mối liên kết khác lần lượt tiêu tan. Khi họ đoạn trừ các duyên nầy, họ phát ra thắng tánh. “Họ trở thành những những người có thắng tánh đã viên mãn. Con (Bồ-tát Quán Thế Âm) hiện ra trước người đó thân Duyên giác, thuyết pháp cho họ nghe khiến cho họ được giải thóat.

Kinh văn: **若諸有學得四諦空。修道入滅勝性現圓。我於彼前現聲聞身。而為說法令其解脫。**

Phiên âm: Nhược chư hữu học đắc tứ đế không. Tu đạo nhập diệt thắng tánh hiện viên. Ngã ư bỉ tiền hiện Thanh văn thân. Nhi vị thuyết pháp linh kỳ giải thoát.

Việt dịch: Nếu có hàng hữu học đã đạt được tánh không của Tứ đế, tu Đạo đế, và thể nhập Diệt đế, thắng tính hiện bày viên mãn, con liền hiện ra

thân Thanh văn trước người kia, thuyết pháp cho họ nghe để giúp cho họ được giải thoát.

Giảng: Nếu có hàng hữu học đã đạt được tánh không của Tứ đế, tu Đạo đế, và thể nhập Diệt đế. Có thể đó là các hàng Thanh văn, A-la-hán, đã nhận ra được tánh không của Tứ diệu đế, đã tu tập Đạo đế và đã chứng được diệu lạc niết-bàn. Các ngài đã đạt được thắng tính hiện bày viên mãn, họ đã thể hiện được trạng thái viên thông. Con liền hiện ra thân Thanh văn trước người kia, thuyết pháp cho họ nghe để giúp cho họ được giải thóat.

Tại sao Bồ-tát lại hiện thân Thanh văn? Vì làm như vậy các ngài mới thành giống như họ, và rất dễ thông cảm. Bồ-tát trở thành một người bạn tốt và có nhiều niềm tin lẫn nhau được thiết lập. Nếu mình không quan hệ với mọi người, dù bất luận mình nói điều gì, họ cũng sẽ không tin. Bồ-tát như thể yêu thích họ để giáo hóa họ. Thanh văn chứng đạo là nhờ nghe lời giảng của chư Phật. Họ là những người thuộc hàng Nhị thừa.

Kinh văn: **若諸眾生。欲心明悟。不犯欲塵欲身清淨。我於彼前現梵王身。而為說法令其解脫。**

Phiên âm: Nhược chư chúng sanh, dục tâm minh ngộ, bất phạm dục trần, dục thân thanh tịnh. Ngã ư bỉ tiền hiện Phạm vương thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ giải thoát.

Việt dịch: Nếu có chúng sinh, muốn tâm được tỏ ngộ, không phạm vào cảnh ngũ dục lạc thế gian, và muốn thân được thanh tịnh. Con liền hiện ra trước người ấy thân Phạm vương, thuyết pháp cho họ nghe, khiến cho họ được giải thoát.

Giảng: Nếu có chúng sinh–những chúng sinh này không phải là Thanh văn, Duyên giác, chẳng phải là hàng Bồ-tát, họ là những chúng sinh phàm phu trong lục đạo. Họ là những chúng sinh mong muốn tâm được tỏ ngộ, họ muốn đạt được giác ngộ–hiểu biết chân thực. Họ là những người không phạm vào cảnh dục lạc thế gian. Họ tránh xa tham dục trong cõi thế gian phàm tình, vì họ muốn thân được thanh tịnh. Con liền hiện ra trước người ấy thân Phạm vương, thuyết pháp cho họ nghe, khiến cho họ được giải thóat. Con sẽ hiện ra như vị Đại Phạm thiên vương và giảng pháp cho họ nghe khiến cho họ được giải thoát

Kinh văn: **若諸眾生欲為天主統領諸天。我於彼前現帝釋身。而為說法令其成就。**

Phiên âm: **Nhược chư chúng sanh dục vi thiên chủ thống lĩnh chư thiên. Ngã ư bỉ tiền hiện Đế thích thân. Nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.**

Việt dịch: Nếu có chúng sinh muốn làm Thiên chủ, thống lãnh các cõi trời, con liền hiện ra trước người nầy thân Đế thích, thuyết pháp cho họ nghe, giúp cho họ được thành tựu ước nguyện.

Giảng: Nếu có chúng sinh muốn làm Thiên chủ, là chỉ cho Chúa trời của đạo Cơ-đốc (Christian God). Họ muốn thống lãnh các cõi trời. Họ muốn được cai trị các cõi trời. Con liền hiện ra trước người nầy thân Đế thích (Śakra), thuyết pháp cho họ nghe, giúp cho họ được thành tựu ước nguyện. Con liền hiện ra thân Đế-thích vì loại chúng sinh nầy. Đế-thích là vị Thiên chủ–Chúa trời.

Quý vị có biết rằng Đức Mẹ của Thiên chúa giáo chính là Bồ-tát Quán Thế Âm chăng? Người theo đạo Thiên chúa giáo tin vào Đức Mẹ, vì họ muốn được tái sanh ở trên cõi trời. Thế nên Bồ-tát Quán Thế Âm hiện thành nữ thần để giáo hóa họ, khiến cho họ được sinh ở cõi trời. Dĩ nhiên, từ cõi Trời họ sẽ đoạ lạc trở lại, nhưng dần dần họ sẽ lại tiến bộ. Tại sao Bồ-tát Quán Thế Âm thị hiện và thuyết pháp để giúp cho mọi người được sinh trên cõi trời? Mục đích tối hậu của ngài là khiến cho chúng sinh tin vào chư Phật. Nhưng vì lúc đó, ước nguyện của họ là được sanh lên cõi trời, nên ngài dạy cho họ cách thức thế nào để được sanh ở trên trời. Khi họ từ cõi Trời đoạ lạc trở lại, rốt cuộc họ sẽ tin vào chư Phật. Người phàm phu thấy rằng thời gian theo tiến trình nầy rất là dài lâu, nhưng thực ra trong Phật nhãn, đó chỉ là một khoảnh khắc, chỉ là chớp mắt.

Phương pháp nầy giống như cha mẹ muốn con mình thông thạo xuất sắc một nghề nhưng con mình lại không muốn học nghề đó. Cha mẹ phải chiều theo để cho con mình học ngành nào mà nó thích, nhưng sau vài cơ hội ban đầu thất bại, cuối cùng nó phải chuyển hướng, học ngành nghề mà cha mẹ đã đề nghị. Phương pháp Quán Thế Âm Bồ-tát giáo hóa chúng sinh là đáp ứng bất kỳ mọi ước nguyện của chúng sinh mong muốn. Nhưng mục đích tối hậu là ngài luôn luôn đưa chúng sinh đến chỗ thành tựu Phật quả.

Kinh văn: **若諸眾生欲身自在遊行十方。我於彼前現自在天身。而為說法令其成就**

Phiên âm: **Nhược chư chúng sanh dục thân tự tại, du hành thập phương, ngã ư bỉ tiền hiện Tự tại thiên thân. Nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.**

Việt dịch: Nếu có chúng sinh muốn có thân tự tại, đi khắp mười phương, con hiện ra thân Tự tại thiên trước người đó, thuyết pháp cho họ nghe, khiến cho họ được thành tựu ước nguyện.

Giảng: Nếu có chúng sinh muốn có thân tự tại, họ muốn được tự tại để đi đến bất kỳ nơi đâu mà mình muốn. Con hiện ra thân Tự tai thiên trước người đó, thuyết pháp cho họ nghe, khiến cho họ được thành tựu ước nguyện. Chư thiên thuộc cõi trời Đại tự tại có thể đi đến bất cứ nơi đâu mà họ muốn.

Kinh văn: **若諸眾生欲身自在飛行虛空。我於彼前現大自在天身。而為說法令其成就。**

Phiên âm: **Nhược chư chúng sanh dục thân tự tại phi hành hư không, ngã ư bỉ tiền, hiện Đại Tự tại thiên thân. Nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.**

Việt dịch: Nếu có chúng sinh muốn có thân tự tại, phi hành giữa hư không, con hiện ra trước người đó thân Đại tự tại thiên, thuyết pháp cho họ nghe để giúp cho họ thành tựu ước nguyện.

Giảng: Nếu có chúng sinh muốn có thân tự tại, phi hành giữa hư không. Họ muốn được tự tại, thân thể biến hóa như ý muốn. Họ muốn thân thể mình phi hành giữa hư không. Do họ có mong ước nầy, nên con sẽ tự nương vào từ lực của chư Phật để khiến cho họ hiện thân như ý muốn. Và con sẽ hiện ra trước họ thân của Đại Tự tại thiên và giảng pháp cho họ nghe, khiến cho họ thành tựu ước nguyện. Đại Tự tại thiên rất là tự chủ và đầy phúc lạc. Bồ-tát Quán Thế Âm hiện thân như vị nầy để giúp cho chúng sinh thành tựu ước nguyện của họ.

Kinh văn: **若諸眾生愛統鬼神救護國土。我於彼前現天大將軍身。而為說法令其成就。**

Phiên âm: **Nhược chư chúng sanh ái thống quỷ thần, cứu hộ quốc độ, ngã ư bỉ tiền hiện Thiên Đại tướng quân thân nhi vị thuyết pháp, linh kỳ thành tựu.**

Việt dịch: Nếu có chúng sinh muốn thống lĩnh quỷ thần, cứu giúp đất nước, con sẽ hiện ra trước người đó thân Thiên Đại tướng quân, thuyết pháp cho họ nghe để giúp cho họ thành tựu ước nguyện.

Giảng: Nếu có chúng sinh muốn thống lĩnh quỷ thần, cứu giúp đất nước. Có một số người thích thống lĩnh quỷ thần. Họ làm việc nầy với ý nghĩa tinh thần yêu nước để cứu hộ và bảo vệ tổ quốc. Con sẽ hiện ra trước người đó thân Thiên Đại tướng quân, thuyết pháp cho họ nghe để giúp cho họ thành tựu ước nguyện.

Kinh văn: **若諸眾生愛統世界保護眾生。我於彼前現四天王身,而為說法令其成就。**

Phiên âm: Nhược chư chúng sanh ái thống thế giới, bảo hộ chúng sanh, ngã ư bỉ tiền hiện Tứ thiên vương thân, nhi vị thuyết pháp, linh kỳ thành tựu.

Việt dịch: Nếu có chúng sinh thích thống lĩnh thế giới, bảo hộ chúng sinh, con sẽ hiện ra trước người đó thân Tứ thiên vương, thuyết pháp cho họ nghe để giúp cho họ thành tựu ước nguyện.

Giảng: Nếu có chúng sinh thích thống lĩnh thế giới, bảo hộ chúng sinh. Họ muốn cai quản thế giới để bảo hộ chúng sinh trong thế giới ấy, con sẽ hiện ra trước người đó thân Tứ thiên vương, thuyết pháp cho họ nghe để giúp cho họ thành tựu ước nguyện. Tứ thiên vương là:

1. Trì quốc thiên (s: Dhṛtarāṣṭra 持國天) giám sát châu Purvavideha ở phía Đông;
2. Quảng mục thiên (s: Virūpākṣa 廣目天) giám sát châu Aparagodaniya ở phía Tây ;
3. Tăng Trưởng thiên (s: Virūḍhaka 增長天)giám sát châu Jambudvipa ở phương Nam.
4. Đa văn thiên hoặc Tì-sa môn thiên vương (s: Vaiśravaṇa 多聞天) giám sát châu Uttarakuru ở phương Bắc.

Đối với những ai muốn thống trị thế giới và bảo hộ chúng sinh, Bồ-tát Quán Thế Âm sẽ ứng hiện thân của một trong Bốn vị Thiên vương nầy.

Kinh văn: **若諸眾生愛生天宮驅使鬼神。我於彼前現四天王國太子身。而為說法令其成就。**

Phiên âm: Nhược chư chúng sanh ái sanh thiên cung, khu sử quỷ thần, ngã ư bỉ tiền hiện Tứ thiên vương quốc Thái tử thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch: Nếu có chúng sinh muốn sanh ở thiên cung, sai khiến quỷ thần, con sẽ hiện ra thân Thái tử con của Tứ thiên vương trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giảng: Nếu có chúng sinh muốn sanh ở thiên cung, ưa thích phước lạc ở cõi trời. Khi ở trong cõi trời, họ có thể sai khiến quỷ thần. Họ có thể ra lệnh quỷ thần làm một số việc cho họ. Họ hô triệu quỷ thần lại và giao việc cho chúng làm. Thực ra, khả năng ra lệnh cho quỷ thần rất là bình thường. Người ta thấy điều ấy lạ kỳ, nhưng thực ra không phải như vậy. Đối với những ai muốn sai sử quỷ thần, con sẽ hiện ra thân Thái tử con của Tứ thiên vương trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Kinh văn: **若諸眾生樂為人主。我於彼前現人王身,而為說法令其成就。**

Phiên âm: Nhược chư chúng sanh nhạo vi nhơn chủ, ngã ư bỉ tiền hiện Nhơn vương thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch: Nếu có chúng sinh thích làm vua cõi người, con sẽ hiện ra thân Quốc vương trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giảng: Nếu có người thích thống lĩnh cõi nhân gian, con liền hiện ra trước người ấy thân của một vị Quốc vương để nói pháp cho họ nghe.

Kinh văn: **若諸眾生愛主族姓世間推讓。我於彼前現長者身。而為說法令其成就。**

Phiên âm: Nhược chư chúng sanh ái chủ tộc tánh, thế gian suy nhượng, ngã ư bỉ tiền hiện trưởng giả thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch: Nếu có chúng sinh muốn làm chủ một gia đình thế tộc, được người đời kính ngưỡng, con sẽ hiện ra thân Trưởng gỉa trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giảng: Nếu có chúng sinh muốn làm chủ một gia đình thế tộc, được người đời kính ngưỡng. Họ thích giàu sang và thống nhiếp một họ tộc lớn. Họ muốn được mọi người trong đời kính trọng. Con sẽ hiện ra thân Trưởng gỉa trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu. Con sẽ hiện ra thân một vị Trưởng giả giàu có trước vị ấy để nói pháp cho họ nghe.

Người phải có mười đức hạnh mới có được danh hiệu Trưởng giả. Đó là:
1. Tánh quý: Xuất thân từ gia đình đại quý tộc.
2. Vị cao: Ở trong cương vị trưởng quan.
3. Đại phú: Nhiều của cải, giàu có.
4. Oai mãnh: Uy nghiêm dõng mãnh.
5. Trí thâm: Trí huệ cao thâm.
6. Niên kỳ: Tuổi cao đức trọng.
7. Hạnh tịnh: Phẩm hạnh thanh cao, xứng đáng là bậc mô phạm.
8. Lễ bị: Đãi người tiếp vật, đều có lễ nghi.
9. Thượng tán: Trên được hàng quốc vương tán thán.
10. Hạ quy: Dưới được lòng dân quy hướng.

Kinh văn: **若諸眾生愛談名言清淨其 居。我於彼前現居士身。而為說法令其成就。**

Phiên âm: Nhược chư chúng sanh ái đàm danh ngôn, thanh tịnh kỳ cư. Ngã ư bỉ tiền hiện cư sĩ thân. Nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch: Nếu có chúng sinh thích đàm luận những lời hay, sống đời trong sạch, Con sẽ hiện ra thân Cư sĩ trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giảng: Nếu có chúng sinh thích đàm luận những lời hay. Có thể họ thích thi ca, hoặc thích những tác phẩm hay của các nhà văn nổi tiếng. Họ có thể đọc thuộc lòng nhiều thể loại nầy. Họ thích sống đời trong sạch. Nếu yêu cầu họ làm điều gì mà họ cho là không xứng với những việc ấy, họ sẽ không có việc gì để bận tâm vào đó. Con sẽ hiện ra thân Cư sĩ trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu. Con sẽ hiện ra thân Cư sĩ và nói pháp cho họ nghe.

Kinh văn: **若諸眾生愛治國土,剖斷邦邑。我於彼前現宰官身。而為說法令其成就。**

Phiên âm: **Nhược chư chúng sanh ái trị quốc độ, phẫu đoán bang ấp. Ngã ư bỉ tiền hiện Tể quan thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.**

Việt dịch: Nếu có chúng sinh thích việc trị nước, chỉ huy đoán định các bang ấp, con sẽ hiện ra thân Tể quan trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giảng: Nếu có chúng sinh thích việc trị nước, chỉ huy đoán định các bang ấp. Họ chế định những vấn đề trọng đại trong nước. Con sẽ hiện ra thân Tể quan trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu. Con sẽ hiện thân một vị Tể tướng hoặc quan Đại thần để nói pháp cho họ nghe.

Kinh văn: **若諸眾生愛諸數術攝衛自居。我於彼前現婆羅門身。而為說法令其成就。**

Phiên âm: **Nhược chư chúng sanh ái chư số thuật, nhiếp vệ tự cư, ngã ư bỉ tiền hiện Bà-la-môn thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.**

Việt dịch: Nếu có chúng sinh thích môn số thuật, tự mình nhiếp tâm giữ thân, con sẽ hiện ra thân Bà-la-môn trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giảng: Nếu có chúng sinh thích môn số thuật. Thích nghiên cứu số thuật, tức là thiên văn địa lý, âm dương ngũ hành. Thuật tức là Y bốc tinh tướng, chú thuỷ thư phù để điều dưỡng thân tâm, bảo hộ sinh mạng. Số là chỉ cho việc dùng toán số để dự đoán trước. Thuật là chỉ cho những ma thuật và các kỹ xảo khác. Nó còn là các bùa chú của ngoại đạo. Chú Tiên Phạm thiên của ngoại đạo Ta-tì-la mà mẹ của Ma-đăng-già sử dụng là một ví dụ của loại nầy. Những người nầy thích tự mình nhiếp tâm giữ thân. Họ hiểu được rằng nếu học được thần chú hoặc giáo pháp, thì thần chú và giáo pháp ấy có thể hộ trì được cho họ.

Con sẽ hiện ra thân Bà-la-môn trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu. Bà-la-môn là một tôn giáo ở Ấn Độ. Danh xưng đó có nghĩa là ‘có nguồn gốc từ sự thanh tịnh.’ và biểu trưng cho sự tu tập tịnh hạnh. Những người nầy có rất nhiều pháp thuật. Họ có thể tụng chú và có nhiều kỷ xảo ma thuật. Và vì vậy Bồ-tát Quán Thế Âm thường ứng hợp với mọi chúng sinh, ngài cũng hiện thân như một vị Bà-la-môn để nói pháp, thế nên những hạng người nầy có thể đạt được điều mình ước nguyện.

Kinh văn: **若有男子好學出家持諸戒律。我於彼前現比丘身。而為說法令其成就。**

Phiên âm: **Nhược hữu nam tử hiếu học xuất gia, trì chư giới luật, ngã ư bỉ tiền hiện tỷ-khưu thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.**

Việt dịch: Nếu có người thiện nam muốn học pháp xuất gia, giữ các giới luật, con sẽ hiện ra thân tỷ-khưu trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giảng: Nếu có người thiện nam muốn học pháp xuất gia, giữ các giới luật. Những người nầy nghiên cứu kinh điển và quyết định muốn sống đời xuất gia. Họ ra khỏi nhà nào? Ra khỏi ba loại nhà:
1. Họ ra khỏi nhà thế tục.
2. Họ ra khỏi nhà phiền não.
3. Họ ra khỏi nhà tam giới.

Nhà thế tục là gia đình mình. Nhà phiền não là có nghĩa là ở trong vô minh. Chúng ta phải thóat ra khỏi nhà vô minh. Tam giới, còn gọi là Tam hữu, chỉ cho sự sống trong các cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc. Không phải đợi cho đến khi ra khỏi nhà Tam giới thì quý vị mới chứng được quý vị A-la-hán.

Khi những người nầy xuất gia, họ thọ trì giới luật. Giới luật rất là quan trọng. Người giữ giới thì không thể nói dối và nói cường điệu. Thấp nhất là giữ gìn năm giới, đó là không sát sanh, không trộm cắp, không tà hạnh dâm dục, không nói dối, và không dùng rượu và ma tuý. Giới luật ở đây, tất nhiên, không chỉ là giới thứ nhất. Những người nầy thọ trì năm giới, tám giới, 10 giới trọng và 48 giới khinh của hàng Bồ-tát, 250 giới của tỷ-khưu và 348 giới của tỷ-khưu ni. Họ giữ giới và không bao giờ huỷ phạm. Con sẽ hiện ra thân tỷ-khưu trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Tỷ-khưu có 3 nghĩa:
1. Khất sĩ;
2. Bố ma;
3. Phá ác.

Hằng ngày, các tỷ-khưu mang bát đi khất thực. Họ không tự nấu thức ăn cho mình. Thế nên họ được gọi là Khất sĩ. Có ba đàn giới khi thọ nhận giới cụ túc. Khi đăng đàn thọ giới tỷ-khưu, vị Yết-ma (karmadana) sẽ hỏi:
“Thầy có phải là bậc Đại trượng phu không?
Giới tử trả lời: “ Thưa vâng, con là Đại trượng phu.”
Vị Yết-ma hỏi tiếp: “Thầy đã phát tâm bồ-đề chưa?”

Giới tử trả lời: “Thưa vâng, con đã phát tâm bồ-đề.”
Bố ma: Khi một người đã được truyền tụ giới tỷ-khưu, loài quỷ địa hành dạ-xoa truyền tin nầy cho quỷ không hành dạ-xoa, tin ấy truyền đến quỷ phi hành dạ-xoa, cho đến khi truyền đến thiên ma trên cõi trời Lục dục. Họ loan tin: “Có một người trên thế gian vừa xuất gia và trở thành tỷ-khưu.” Điều nầy làm cho Ma vương kinh sợ, nó nói rằng, “Quyến thuộc của ta sẽ mất đi một người và quyến thuộc của Phật tăng thêm một người.”

Phá ác: Vị tỷ-khưu phá trừ cái ác nào? Cái ác của phiền não. Không biết rõ tại sao con người mọi thời đều dấy khởi phiền não. Khi họ khởi phiền não, họ đánh mất mọi tài năng ngoại trừ khả năng chuyển sang xấu ác. Chẳng hạn, một người ăn trường trai có thể muốn bỏ cuộc, và đầu tiên là anh ta quyết định chấm dứt việc dùng thức ăn thanh tịnh. Anh ta quyết định: “Ta sẽ ăn thịt.” Khi phiền não đã sinh khởi, họ quên tất cả mọi điều ngoại trừ tìm cách làm thế nào để tạo ác nghiệp. Hoặc là, giả sử có người đã bỏ hút thuốc trong một thời gian dài. Khi anh ta bỏ cuộc, việc đầu tiên anh ta làm là vớ lấy điếu thuốc. Và chẳng bao lâu anh ta sẽ trở lại với heroin, thuốc phiện, và tất cả các thứ thuốc trong một hơi hít vào!

Anh ta hút vào và thở phù ra như một cơn bão. Anh ta hít vô và thở ra rất nhanh như thể mình đã hóa thành vị tiên bất tử có thể thở ra mây và phun ra sương mù. Một người nghiện rượu thề rằng anh ta sẽ không bao giờ đụng đến một giọt. Nhưng khi anh ta nổi giận điều gì đó, anh ta đi mua một chai rồi uống để vơi đi nỗi sầu. Ai đoán được rằng càng uống, anh ta càng trở nên tuyệt vọng. Khi anh ta tỉnh dậy sau cuộc chè chén lu bù, mọi đốt xương trong thân anh ta mỏi nhừ. Thử hỏi mọi người đã từng uống rượu, họ sẽ trả lời rằng buổi sáng hôm sau thì thật là kinh khủng. Nếu anh ta bị khánh kiệt lúc đó, thì anh ta chẳng làm được điều gì cả nhưng cố chịu đựng. Nhưng nếu còn lại chút ít tiền, tất nhiên là anh ta sẽ đi mua chai khác và bắt đầu uống lại. Anh ta chỉ biết làm một việc đó là say.

Nói chung, khi phiền não sinh khởi, quý vị sẽ làm những điều mà lúc bình thường mình không bao giờ làm. Thậm chí việc nầy xảy ra cả khi có người thề rằng mình không bao giờ giết người, nhưng khi phiền não nổi lên, anh ta hoàn toàn xem thường mọi thứ và quyết định giết mọi người trên đời nầy. Anh ta cầm dao và bắt đầu hành sự! Thế nên, phiền não là điều nên tránh. Đừng sinh khởi phiền não. Quý vị cần phải ra khỏi nhà phiền não. Chúng ta cũng muốn ra khỏi nhà Tam giới, và vì thế, xuất gia phải có đầy đủ ba nghĩa nầy.

Kinh văn: **若有女子好學出家持諸禁戒。我於彼前現比丘尼身。而為說法令其成就。**

Phiên âm: **Nhược hữu nữ tử hiếu học xuất gia trì chư cấm giới. ngã ư bỉ tiền hiện tỷ-khưu-ni thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.**

Việt dịch: Nếu có người tín nữ muốn học pháp xuất gia, giữ các giới luật, con sẽ hiện ra thân tỷ-khưu-ni trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giảng: Nếu có người tín nữ muốn học pháp xuất gia, giữ các giới luật. Họ muốn tu học Phật pháp. Họ cũng muốn ra khỏi nhà thế tục, ra khỏi nhà phiền não, và ra khỏi nhà Tam giới. Người nữ phải thọ trì nhiều giới điều hơn nam. Họ phải giữ 348 giới. Người ta thường nói rằng phụ nữ có thân với năm thứ hữu lậu. Thế nên họ phải giữ nhiều giới hơn. Con sẽ hiện ra thân tỷ-khưu-ni trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Kinh văn: **若有男子樂持五戒。我於彼前現優婆塞身。而為說法令其成就。若[1]復女子五戒自居。我於彼前現優婆夷身。而為說法令其成就。**

Phiên âm: **Nhược hữu nam tử nhạo trì ngũ giới, ngã ư bỉ tiền hiện Ưu-bà-tắc thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu. Nhược phục nữ tử ngũ giới tự cư, ngã ư bỉ tiền hiện Ưu-bà-di thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.**

Việt dịch: Nếu có người thiện nam thích giữ ngũ giới, con sẽ hiện ra thân Ưu-bà-tắc trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu. Nếu có người tín nữ thích giữ ngũ giới, con sẽ hiện ra thân Ưu-bà-di trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giảng: Nếu có người thiện nam thích giữ ngũ giới–đó là không sát sanh, không trộm cướp, không tà hạnh dâm dục, không nói dối, không uống rượu–con sẽ hiện ra thân Ưu-bà-tắc trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu. Con sẽ hiện thân Cư sĩ để nói pháp cho họ. Nếu có người tín nữ thích giữ ngũ giới–họ cũng muốn giữ những giới nầy–con sẽ hiện ra thân Ưu-bà-di trước người kia. Con sẽ hiện thân nữ Cư sĩ và nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Kinh văn: **若有女人內政立身以修家國。我於彼前現女主身。及國夫人命婦大家。而為說法令其成就。**

Phiên âm: Nhược hữu nữ nhơn nội chánh lập thân, dĩ tu gia quốc, ngã ư bỉ tiền hiện nữ chủ thân, cập quốc phu nhân mạng phụ đại gia, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch: Nếu có phụ nữ lập thân trong việc nội chánh để điều hành gia đình hay quốc gia, con sẽ hiện ra thân nữ chủ hoặc thân quốc phu nhân mạng phụ đại gia trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giảng: Nếu có phụ nữ lập thân trong việc nội chánh để điều hành gia đình hay quốc gia. Có khi những người phụ nữ nầy lo việc nội trợ, có khi họ nắm quyền trong triều chính, điều hành việc quốc gia. Con sẽ hiện ra thân nữ chủ hoặc thân quốc phu nhân mạng phụ đại gia trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Có thể Bồ-tát Quán Thế Âm hiện thân một phụ nữ điều hành việc quốc sự, hoặc như là phu nhân của một nhà cai trị. Có khi Bồ-tát thị hiện như một mệnh phụ có quyền lực hoặc người phụ nữ thanh nhã lịch thiệp trong xã hội. Trong các trường hợp nầy, Bồ-tát Quán Thế Âm đều đáp ứng cho các ước nguyện của họ.

Kinh văn: **若有眾生不壞男根。我於彼前現童男身。而為說法令其成就。**

Phiên âm: Nhược hữu chúng sanh bất hoại nam căn, ngã ư bỉ tiền hiện đồng nam thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch: Nếu có chúng sinh, không hoại nam căn, con sẽ hiện ra thân đồng nam trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giảng: Nếu có chúng sinh, không hoại nam căn. Đối với những thanh niên chưa biết đến phụ nữ và vẫn còn trong trắng, con sẽ hiện ra thân đồng nam trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Kinh văn: **若有處女愛樂處身不求侵暴。我於彼前現童女身。而為說法令其成就。**

Phiên âm: Nhược hữu xử nữ ái nhạo xử thân, bất cầu xâm bạo, ngã ư bỉ tiền hiện đồng nữ thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch: Nếu có người con gái, muốn làm trinh nữ, không thích kết hôn, con sẽ hiện ra thân đồng nữ trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu

Giảng: Nếu có người con gái, có nghĩa là phụ nữ chưa bao giờ biết đến đàn ông và chưa kết hôn. Muốn làm trinh nữ, không thích kết hôn. Họ không muốn gần gũi đàn ông, kết hôn, hoặc trải qua kinh nghiệm bị chiếm đoạt. Con sẽ hiện ra thân đồng nữ trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu

Kinh văn: **若有諸天樂出天倫。我現天身而為說法令其成就。**

Phiên âm: Nhược hữu chư thiên nhạo xuất thiên luân, ngã hiện thiên thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch: Nếu có chư thiên muốn thóat khỏi loài trời, Con sẽ hiện ra thân chư thiên, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giảng: Nếu có chư thiên muốn thóat khỏi loài trời. Các vị tiên nam và tiên nữ nầy không muốn lưu lại trong cõi trời nữa, họ muốn toát khỏi Tam giới. Con sẽ hiện ra thân chư thiên, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu. Vì họ muốn siêu việt cõi trời, con liền hiên thân trước họ, dùng mọi phương tiện để giúp họ đạt được điều họ muốn.

Kinh văn: **若有諸龍樂出龍倫。我現龍身而為說法令其成就。**

Phiên âm: Nhược hữu chư long nhạo xuất long luân, ngã hiện long thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch: Nếu có loài rồng muốn thóat khỏi thân rồng, Con sẽ hiện ra thân rồng, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giảng: Nếu có loài rồng muốn thóat khỏi thân rồng. Quan niệm chung của thời đại ngày nay là loài rồng không có thực. Một vài người công nhận huyền thoại về loài rồng thời xưa, rất to lớn và khủng khiếp. Không có cách nào để nói chắc thật về ý kiến đã nêu trước, nhưng loài rồng có thật. Thế nó ở đâu? Long cung ở dưới biển. "Chúng tôi đã dò thấu chiều sâu, tại sao chúng tôi chưa từng đi qua chỗ đó?" Quý vị sẽ hỏi. Nếu quý vị tìm ra được chỗ ở của chúng, thì chúng

không còn là loài rồng thật, vì rồng là loài linh vật. Nó có thần thông và có thể tự biến mình thành lớn hoặc nhỏ như ý muốn. Nó có thể tự biến thành lớn như hư không. Nó có thể rút lại nhỏ như vi trần nếu cần. Nó có thể bất ngờ tàng hình, rồi hiện hình lại ngay tức khắc.

Năng lực thần thông cho chúng khả năng tự biến hóa với vô số cách thức. Tại sao chúng có năng lực như vậy mà lại thọ thân súc sanh? Vì trong những thân tu hành từ đời trước, chúng phát tâm tu tập Đại thừa, nhưng chúng không chịu giữ giới. Chúng thuộc dạng 'thừa cấp, giới hoãn.' Chúng rất hờ hững. Vì chúng rất nhiệt tâm với pháp tu Đại thừa–thừa cấp, nên chúng có được thần thông. Nhưng vì chúng không giữ giới, nên chúng bị đoạ vào hàng súc sanh. Nếu loài rồng quyết định muốn thóat khỏi thân rồng, Bồ-tát Quán Thế Âm sẽ hiện thân rồng ra trước chúng và nói pháp cho chúng nghe, khiến cho chúng thành tựu được ước nguyện.

Kinh văn: **若有藥叉樂度本倫。我於彼前現藥叉身。而為說法令其成就。**

Phiên âm: Nhược hữu dược-xoa nhạo độ bổn luân, ngã ư bỉ tiền hiện dược-xoa thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch: Nếu có loài dược-xoa muốn thoát khỏi loài của mình, Con sẽ hiện ra trước họ thân dược-xoa, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giảng: Nếu có loài dược-xoa. Dược-xoa theo tiếng Sanskrit là yakṣa, Hán dịch là tiệp tật, có nghĩa là 'nhanh chóng.' Còn dịch là dũng kiện, có nghĩa là dũng cảm và mạnh mẽ. Dược-xoa là một loại quỷ thần. Có ba loại quỷ thần chính:
1. Địa hành quỷ;
2. Phi hành quỷ;
3. Không hành quỷ.

Trong chú Thủ-lăng-nghiêm có câu: Dược-xoa yết ra ha. Trong bài chú, tên các vị vua của các loài quỷ đều được gọi lên. Mỗi vị quỷ vương thống lĩnh nhiều vị quỷ bậc thấp, và khi tên của vị vua được gọi lên, thì toàn thể các loài quỷ thần khác đều phải cung kính tuân theo mệnh lệnh của vua. Nếu loài muốn thoát khỏi loài của mình–họ không muốn làm quỷ thần nữa–Con sẽ hiện ra trước họ thân dược-xoa, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Bồ-tát Quán Thế Âm sẽ hiện thân như một loài quỷ Dược-xoa để giúp họ thành tựu ước nguyện.

Kinh văn: **若乾闥婆樂脫其倫。我於彼前現乾闥婆身。而為說法令其成就。**

Phiên âm: Nhược càn-thát-bà nhạo thoátkỳ luân, ngã ư bỉ tiền hiện càn-thát-bà thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch: Nếu có loài càn-thát-bà muốn thóat khỏi loài của mình, Con sẽ hiện ra trước họ thân càn-thát-bà, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giảng: Nếu có loài càn-thát-bà. Càn-thát-bà theo tiếng Sanskrit là gandharva, Hán dịch là hương ấm, vì việc ngửi mùi hương tạo nên thức của chúng. Chúng là các nhạc công của Ngọc Hoàng. Khi Ngọc Hoàng đốt hương trầm thuỷ lên, chúng nghe được mùi hương và liền bị thu hút đến. Chúng đến chơi nhạc làm vui cho Ngọc Hoàng. Loài càn-thát-bà nầy muốn thóat khỏi loài của mình, chúng không muốn làm thân càn-thát-bà nữa. Con sẽ hiện ra trước họ thân càn-thát-bà, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Kinh văn: **若阿修羅樂脫其倫。我於彼前現阿修羅身。而為說法令其成就。**

Phiên âm: Nhược a-tu-la nhạo thoát kỳ luân, ngã ư bỉ tiền hiện a-tu-la thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch: Nếu có loài a-tu-la muốn thoát khỏi loài của mình, Con sẽ hiện ra trước họ thân a-tu-la, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giảng: Nếu có loài a-tu-la muốn thóat khỏi loài của mình. Họ muốn ra khỏi quyến thuộc của loài a-tu-la, Con sẽ hiện ra trước họ thân a-tu-la, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Phần nầy gồm các chúng sinh trong bát bộ quỷ thần, nhưng trong Kinh Thủ-lăng-nghiêm lại không đề cập đến loài Ca-lầu-la. Nhưng Phẩm Phổ môn trong kinh Pháp Hoa, có đề cập đến việc Bồ-tát Quán Thế Âm cũng hiện thân thành Ca-lầu-la.

Ca-lầu-la là phiên âm từ tiếng Sanskrit, có nghĩa là Chim đại bàng cánh vàng– kim suý điểu. Ca-lầu-la là một trong Bát bộ, và sự kiện kinh văn không đề cập loài nầy có lẽ là do lỗi bỏ sót khi sao chép kinh, hoặc có lẽ được hiểu bao hàm trong phạm trù chung là ‘chúng sinh’ như đã được nêu ở trên.

Ca-lầu-la chỉ ăn riêng loài rồng. Cánh của loài chim nầy rộng đến 330 đại do-tuần. Một tiểu do-tuần bằng 40 lý của Trung Hoa (một lý tương đương 1/3 dặm Anh). Một trung do-tuần bằng 60 lý. Một đại do-tuần bằng 80 lý. Với một lần vỗ cánh của nó, chim đại bàng cánh vàng tát cạn hết nước biển. Sức mạnh của nó lớn như vậy. Khi nước biển đã cạn sạch, loài rồng lộ ra. Bằng cách nầy, loài Ca-lầu-la sắp bắt hết sạch toàn thể chủng tộc loài rồng. Thế nên loài rồng đến yết kiến Đức Phật để xin cứu giúp. "Loài Chim đại bàng cánh vàng (Ca-lầu-la) gần như làm cho quyến thuộc loài rồng chúng con tuyệt chủng. Chúng con phải làm sao?"

Chúng ngưỡng trông lòng từ bi của Đức Phật cứu giúp; chúng mong rằng Đức Phật sẽ ngăn cản loài Chim đại bàng cánh vàng ăn thịt loài rồng quyến thuộc chúng. Đức Phật cho loài rồng một mảnh áo ca-sa của ngài để quấn trên sừng của chúng. Sau đó, loài Chim đại bàng cánh vàng không dám ăn thịt rồng. Không có gì để ăn, loài Chim đại bàng cánh vàng cũng đến kêu cứu Đức Phật cầu xin cứu giúp chúng. Đức Phật hỏi, "Chẳng có ai ăn thịt các ông, sao lại đến xin cứu giúp?"

Loài Chim đại bàng cánh vàng đáp: "Đúng là chẳng có điều gì đe doạ chúng con, nhưng chẳng có gì để ăn cả, chúng con sẽ chết vì đói. Ngài không cho chúng con được phép ăn thịt rồng nữa, chúng con sẽ chết mất." Rồi chúng xin Đức Phật đem lòng từ bi nghĩ cách cứu giúp chúng.

"Các ông chẳng có gì để ăn, phải không? Được rồi, Như Lai sẽ giúp các ông. Về sau, mỗi khi Như Lai và các đệ tử tỷ-khưu thọ trai, sẽ cúng thức ăn cho các ông dùng. Ông không được ăn thịt loài rồng nữa."

Đó là lí do tại sao, trong khi thọ trai vào buổi trưa, chư tăng thường đem một ít thực phẩm ra bên ngòai để cúng dường cho Chim đại bàng cánh vàng. Bản kinh nầy không đề cập đến Chim đại bàng cánh vàng, nhưng chúng ta nên biết rằng Bát bộ quỷ thần đều bao gồm trong các chúng sinh nầy.

Kinh văn: **若緊陀羅樂脫其倫。我於彼前現緊陀羅身。而為說法令其成就。**

Phiên âm: Nhược khẩn-đà-la nhạo thoát kỳ luân, ngã ư bỉ tiền hiện khẩn-đà-la thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch: Nếu có loài khẩn-đà-la muốn thoát khỏi loài của mình, Con sẽ hiện ra trước họ thân khẩn-đà-la, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giảng: Nếu có loài khẩn-đà-la muốn thóat khỏi loài của mình,

Khẩn-đà-la theo tiếng Sanskrit là Kiṃnara, Hán dịch là Nghi thần. Chúng có tên như vậy là vì khi chúng hiện ra thân người, nhưng trên đầu chúng lại có một cái sừng. Chúng cũng là một loại nhạc thần khác thường tấu nhạc cho Ngọc Hoàng. Con sẽ hiện ra trước họ thân khẩn-đà-la, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Kinh văn: **若摩呼羅伽樂脫其倫。我於彼前現摩呼羅伽身。而為說法令其成就。**

Phiên âm: Nhược ma-hô-la-già nhạo thoát kỳ luân, ngã ư bỉ tiền hiện ma-hô-la-già thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch: Nếu có loài ma-hô-la-già muốn thoát khỏi loài của mình, Con sẽ hiện ra trước họ thân ma-hô-la-già, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giảng: Nếu có loài ma-hô-la-già, Ma-hô-la-già theo tiếng Sanskrit là Mahoraga, Hán dịch là Đại mãng thần , còn gọi là Địa long. Loài rồng được đề cập ở trên là loài có thể đi lại trên không và được gọi là Thiên long. Loài mãng xà nầy, cũng gọi là rồng, mà bị hạn chế trên mặt đất. Nó không có năng lực thần thông. Ma-hô-la-già cũng là chúng sinh trong bát bộ quỷ thần. Nếu loài ma-hô-la-già muốn thóat khỏi loài của mình. Con sẽ hiện ra trước họ thân ma-hô-la-già, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Kinh văn: **若諸眾生樂人修人。我現人身而為說法令其成就。**

Phiên âm: Nhược chư chúng sinh nhạo nhân tu nhân, ngã hiện nhân thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch: Nếu có chúng sinh thích được thân người, tu để thành thân người, Con sẽ hiện ra thân người, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giảng: Nếu có chúng sinh thích được thân người, tu để thành thân người. Họ muốn đời này sang đời khác, luôn luôn được làm thân người. Thế nên Bồ-tát Quán Thế Âm nói, "Con sẽ hiện ra thân người, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.' Ngài sẽ nói pháp cho các chúng sinh này nghe để giúp cho họ được thành tựu ước nguyện.

Kinh văn: **若諸非人有形無形。有想無想樂度其倫。我於彼前皆現其身。而為說法令其成就。**

Phiên âm: Nhược chư phi nhơn, hữu hình vô hình, hữu tưởng vô tưởng nhạo độ kỳ luân, ngã ư bỉ tiền giai hiện kỳ thân, nhi vị thuyết pháp linh kỳ thành tựu.

Việt dịch: Nếu có loài phi nhân, hoặc có hình, hoặc không có hình, hoặc có tưởng, hoặc không có tưởng, muốn thóat khỏi loài của mình, Con sẽ hiện ra trước họ với thân hình như họ, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Giảng: Nếu có loài phi nhân. Đây chỉ cho loài vật và các sinh vật khác với loài người, loài hoặc có hình, hoặc không có hình, hoặc có tưởng, hoặc không có tưởng. Nếu những loài chúng sinh như thế nầy muốn muốn thóat khỏi loài của mình, Con sẽ hiện ra trước họ với thân hình như họ, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

'Có hình' có nghĩa là có một hình tướng có thật, có thể thấy được.

'Vô hình' có nghĩa là không có hình tướng.

Có nhiều loài chúng sinh "hữu tưởng." Chúng sinh "vô tưởng" gồm có loài đất, đá, gỗ, sắt… Những chúng sinh 'Vô hình' vốn cũng là chúng sinh, nhưng họ đã bị phân tán thành không và rơi vào sự lãng quên. Trường hợp nầy thường là dạng thân trung ấm và đến một thời điểm nào đó, chúng lại trải qua sự tái sanh và trở lại làm người.

Kinh văn: **是名妙淨三十二應,入國土身。皆以三昧聞薰聞修, 無作妙力自在成就 。**

Phiên âm: Thị danh diệu tịnh tam thập nhị ứng, nhập quốc độ thân. Giai dĩ tam muội văn huân văn tu vô tác diệu lực tự tại thành tựu.

Việt dịch: Đây gọi là 32 ứng thân diệu tịnh, đều đi vào được các cõi nước và thành tựu một cách tự tại văn huân văn tu tam muội và vô tác diệu lực.

Giảng: Đây gọi là 32 ứng thân diệu tịnh, đều đi vào được các cõi nước và thành tựu một cách tự tại văn huân văn tu tam-muội. Hành giả phát triển công phu phản văn văn tự tánh bằng sự tu tập hằng ngày, và áp dụng vô tác diệu lực "Vô tác" là chỉ cho đạo lý vi diệu của 'vô vi', với đạo lý nầy, chẳng cần phải đi qua khái niệm của suy lường và tiến trình tư duy để tìm ra ý tưởng, như mọi

người ai cũng phải vận dụng khi muốn làm một điều gì đó. Các vị Bồ-tát không tưởng tượng hay suy lường các việc ấy. Trong định (tam-muội), các ngài có thể làm mọi việc. Trong văn huân văn tu tam-muội các ngài có thể đạt được vô tác diệu lực. Và bằng phương pháp nầy, các ngài thành tựu năng lực tự tại. Rất tự nhiên, mọi việc đều được ổn đáng.

Kinh văn: **世尊我復以此聞薰聞修金剛三昧無作妙力,與諸十方三世六道,一切眾生同悲仰故,令諸眾生於我身心,獲十四種無畏功德。**

Phiên âm: Thế tôn, ngã phục dĩ thử văn huân văn tu kim cang tam muội vô tác diệu lực, dữ chư thập phương tam thế lục đạo, nhất thiết chúng sanh đồng bi ngưỡng cố, linh chư chúng sanh ư ngã thân tâm, hoạch thập tứ chủng vô uý công đức.

Việt dịch: Bạch Thế tôn, do con lại dùng vô tác diệu lực và văn huân văn tu kim cang tam muội ấy, và vì con có cùng một lòng bi ngưỡng với tất cả chúng sinh trong lục đạo mười phương ba đời, nên khiến cho chúng sinh, ai đã thể nhập vào thân con, đều có được 14 công đức vô uý.

Giảng: Bạch Thế tôn, do con lại dùng vô tác diệu lực và văn huân văn tu kim cang tam muội ấy, và vì con có cùng một lòng bi ngưỡng với tất cả chúng sinh trong lục đạo mười phương ba đời–có tâm bi ngưỡng trong Phật pháp đối với các loài chúng sinh trong lục đạo, chư thiên, loài người, a-tu-la, súc sanh, quỷ đói, và địa ngục.

Con đi vào khắp cả mười phương ba đời, –quá khứ, hiện tại, vị lai. Con tu tập văn huân văn tu kim cang tam muội, và con không cần phải suy lường tính toán về công việc rồi mới thực hiện.

Khiến cho chúng sinh, ai đã thể nhập vào thân con, đều có được 14 công đức vô uý. Con đã đạt được 14 công đức vô uý.

Kinh văn: **一者由我不自觀音,以觀觀者, 令彼十方苦惱眾生。觀其音聲即得解脫。**

Phiên âm: Nhất giả do ngã bất tự quán âm, dĩ quán quán giả, linh bỉ thập phương khổ não chúng sanh, quán kỳ âm thinh tức đắc giải thoát.

Việt dịch: Một là, do con không tự quán âm thanh, mà quán cái tâm năng quán, nên khiến cho chúng sinh đang khổ não trong mười phương ba đời kia quán sát âm thanh, liền được giải thoát .

Giảng: Đây là một trong 14 công đức vô uý. Một là, do con không tự quán âm thanh, mà quán cái tâm năng quán, nên khiến cho chúng sinh đang khổ não trong mười phương ba đời kia quán sát âm thanh, liền được giải thóat.

Chẳng phải ngài chỉ quán sát riêng âm thanh của chính mình, mà ngài quán âm thanh của các chúng sinh trong thế giới. "Vì công phu phản văn văn tự tánh của con đã thành tựu, nên con không cần phải quán sát tự thân. Mà con có thể quán sát mọi chúng sinh trong khắp thế giới và giúp cho những chúng sinh đang đau khổ được giải thóat khổ. Con lắng nghe những tiếng kêu khổ đau của họ, và con cứu giúp cho họ được giải thóat."

Kinh văn: **二者知見旋復,令諸眾生設入大火火不能燒。**

Phiên âm: Nhị giả tri kiến triền phục, linh chư chúng sanh thiết nhập đại hoả, hoả bất năng thiêu.

Việt dịch: Tri kiến đã xoay trở lại, khiến cho các chúng sinh dù vào đống lửa, lửa vẫn không cháy.

Giảng: Tri kiến đã xoay trở lại–có nghĩa là Bồ-tát Quán Thế Âm có công năng soi chiếu trở lại vào tự tâm– nên con có thể khiến cho các chúng sinh dù vào đống lửa, lửa vẫn không cháy. Nếu có chúng sinh thường tu tập và trì niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, dù họ có đi vào lửa dữ, lửa vẫn không đốt cháy được họ.

Kinh văn: **三者觀聽旋復。令諸眾生大水所漂,水不能溺。**

Phiên âm: Tam giả quán thính triền phục, linh chư chúng sanh đại thuỷ sở phiêu, thuỷ bất năng nịch.

Việt dịch: Ba là, quán cái nghe đã quay trở lại, khiến cho các chúng sinh dù vào nước sâu, nước không nhận chìm.

Giảng: Có người nghĩ rằng: "Ta sẽ thử xem Bồ-tát Quán Thế Âm thực sự có cảm ứng không. Ta sẽ ngồi trên một đống củi và châm lửa xem thử nó có cháy không."

Trong trường hợp ấy, quý vị sẽ bị cháy liền. “Thế tại sao trong kinh nói rằng nếu đi vào lửa dữ thì lửa không cháy?” Đó là do chữ nếu, có nghĩa là điều ấy chỉ xảy ra khi quý vị không có một tính toán nào cả.

Có người khác nói, “Bồ-tát Quán Thế Âm nói rằng nếu có người bị rơi vào nước sâu, họ sẽ không bị chìm, nên tôi sẽ nhảy xuống biển xem thử có bị chìm không.” Chắc chắn quý vị sẽ bị chìm. Chỉ khi nào quý vị bất ngờ gặp phải cảnh khổ đau hoặc gian nguy thì Bồ-tát Quán Thế Âm mới cứu giúp quý vị. Nhưng nếu quý vị có dự tính thử thách ngài thì quý vị sẽ không có được sự đáp ứng, vì vốn quý vị không tin vào Bồ-tát Quán Thế Âm. Nếu quý vị thực sự tin, thì chẳng có lý do gì cần phải thử. Điều hay nhất là không nên thử thách ngài.

Kinh văn: **四者斷滅妄想,心無殺害。令諸眾生入諸鬼國鬼不能害。**

Phiên âm: Tứ giả đoạn diệt vọng tưởng, tâm vô sát hại, linh chư chúng sanh nhập chư quỷ quốc, quỷ bất năng hại.

Việt dịch: Bốn là đã diệt hết vọng tưởng, tâm không sát hại, khiến cho chúng sinh khi vào những nước quỷ, quỷ không hại được.

Giảng: Nếu vọng tưởng đã được dứt sạch, và quý vị không còn một niệm tưởng sát hại nào nữa, và nếu quý vị niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, thì có thể khiến cho các chúng sinh khi đi vào nơi ở của quỷ La-sát mà không bị chúng sát hại.

Kinh văn: **五者薰聞成聞。六根銷復同於聲聽。能令眾生臨當被害刀段段壞。使其兵戈猶如割水,亦如吹光性無搖動。**

Phiên âm: Ngũ giả huân văn thành văn. Lục căn tiêu phục đồng ư thanh thính. Năng linh chúng sanh lâm đương bị hại đao đoạn đoạn hoại. Sử kỳ binh qua du như cát thuỷ, diệc như xuy quang tánh vô dao động.

Việt dịch: Năm là huân tập và thành tựu được tánh nghe. Sáu căn đều tiêu giải, quay về bản tánh, đồng như tính nghe. Có thể khiến cho chúng sinh lúc sắp bị hại, dao gậy sẽ gãy từng đoạn, khiến cho binh khí chạm vào thân người như cắt vào nước, như thổi ánh sáng, bản tánh không hề lay động.

Giảng: Năm là huân tập và thành tựu được tánh nghe. Sáu căn đều tiêu giải, quay về bản tánh, đồng như tính nghe–có nghĩa là, khi công phu tu tập phản văn văn tự tánh đã thành tựu, sáu căn sẽ được hỗ dụng. Thế nên, con có thể

khiến cho chúng sinh lúc sắp bị hại, dao gậy sẽ gãy từng đoạn. Chẳng hạn, giả sử có người cầm dao dự tính cắt đầu ai đó. Ngay khi dao vừa chạm đầu, thì dao liền vỡ ra từng mảnh. Con có thể khiến cho binh khí chạm vào thân người như cắt vào nước, như thổi ánh sáng, bản tánh không hề lay động. Con có thể khiến cho binh khí bén nhọn khi sắp chặt vào vai người nào đó thì sẽ giống như cắt vào nước; có nghĩa là khi dao chém qua vai, nó cứ đi qua, không có vết thương nào lưu lại cả. Hoặc là, con có thể khiến cho dao cắt như là thổi vào ánh sáng, có nghĩa là chẳng hề hấn gì cả, vì bất luận quý vị có thổi vào ánh sáng đến đâu, thì ánh sáng vẫn không lay động.

Kinh văn: **六者聞薰精明明遍法界, 則諸幽暗性不能全。能令眾生藥叉羅**剎鳩槃茶鬼**,及毘舍遮富單那等,雖近其傍目不能視。**

Phiên âm: Lục giả văn huân tinh minh minh biến pháp giới, tắc chư u ám tánh bất năng toàn. Năng linh chúng sanh dược-xoa, la-sát, cưu-bàn-trà quỷ, cập tỳ-xá-già, phú- đan-na đẳng, tuy cận kỳ bàng, mục bất năng thị.

Việt dịch: Sáu là huân tập tính nghe sáng suốt thấy khắp pháp giới, thì các tính tối tăm không thể còn được. Khiến cho chúng sinh, tuy các loài dược-xoa, la-sát, cưu-bàn-trà quỷ, cập tỳ-xá-già, phú-đan-na…đến gần bên cạnh, mắt chúng vẫn không nhìn thấy được.

Giảng: Sáu là huân tập tính nghe sáng suốt–có nghĩa là khi công phu tu tập phản văn văn tự tánh đã thành tựu–thấy khắp pháp giới, thì các tính tối tăm không thể còn được. Khiến cho chúng sinh, tuy các loài dược-xoa, la-sát, cưu-bàn-trà quỷ, cập tỳ-xá-già, phú-đan-na…đến gần bên cạnh, mắt chúng vẫn không nhìn thấy được.

Dược-xoa là quỷ nam, la-sát là quỷ nữ. Cả hai loại quỷ đều rất ác độc. Thức ăn của chúng là thịt người. Chúng có những câu chú (mantra) đủ tạo ra năng lực khử mùi thối nơi thây chết để chúng có thể ăn thịt. Cưu-bàn-trà cũng là tên của một loại quỷ, chúng có hình dáng như một cái thùng tròn và đem đến ác mộng cho loài người. Chẳng hạn, khi ngủ, họ thấy có điềm quái dị hiện ra, dù trong giấc mơ, tinh thần họ vẫn rất linh lợi, nhưng họ vẫn không cử động thân thể được. Họ trở nên bị tê liệt qua sự chế ngự của loài quỷ gây ác mộng nầy. Có khi, dương khí của người kia bị suy yếu và khí âm vượng, người kia có thể bị tê liệt trong một thời gian khá dài, và loài quỷ kia có thể làm cho người ấy thiệt mạng. Đây là loài quỷ có rất nhiều trên thế gian.

Tỳ-xá-già là loài quỷ ăn tinh khí của người và cũng ăn tinh chất của ngũ cốc. Phú-đan-na. Chúng có thể khiến cho người bị bệnh và lên cơn sốt. Nếu quý vị tu tập công phu phản văn văn tự tánh, hoặc nếu quý vị niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, thì những loài quỷ nầy không thể thấy được quý vị, dù chúng có đến bên cạnh quý vị; do vì quý vị đã phát ra ánh sáng khiến chúng sợ hãi. Thực vậy, loài chim cú và loài dơi có thể thấy mọi lúc. Vì loài quỷ là thuộc âm, chúng không thể thấy được quý vị nếu quý vị phát ra ánh sáng dương. Chúng chỉ nhìn thấy quý vị khi quý vị phát ra khí âm.

Kinh văn: **七者音性圓銷。觀聽返入離諸塵妄。能令眾生禁繫枷鎖所不能著。**

Phiên âm: Thất giả âm tánh viên tiêu, quán thính phản nhập, ly chư trần vọng. Năng linh chúng sanh cấm hệ già toả sở bất năng trước.

Việt dịch: Bảy là các âm thanh đều hoàn toàn tiêu mất, tính quán sát và tính nghe đều quay về tự tánh, lìa hẳn các vọng trần. Có thể khiến cho các thứ cùm dây, gông xiềng không thể dính vào được.

Giảng: Bảy là các âm thanh đều hoàn toàn tiêu mất, tính quán sát và tính nghe đều quay về tự tánh, lìa hẳn các vọng trần. Chẳng còn âm thanh, thậm chí chẳng còn tính nghe khi hành giả đã xoay tính quán sát và tính nghe trở lại trong tự tánh. Hành giả bỏ lại đằng sau hết những vọng trần và vọng tưởng. Lúc đó, con Có thể khiến cho các thứ cùm dây, gông xiềng không thể dính vào được. Nếu quý vị niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, các thứ cùm khóa đều tự rời ra. Việc nầy xảy ra rất thường, một số người đã trải qua kinh nghiệm nầy. Đó không phải chỉ là cách nói, nếu có người chí thành niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm thì sẽ có được cảm ứng như thế nầy.

Có người bị phạm tội và bị giam trong tù. Anh ta cùng 7, 8 phạm nhân khác cùng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm. Làm sao mà họ biết làm điều nầy? Họ quen một vị tăng và cầu thỉnh vị Tăng cứu giúp cho họ thóat khỏi cảnh ngộ khốn cùng nầy. Vị tăng nói với họ rằng: “Nếu các ông muốn tôi cứu giúp, các ông phải một lòng trì niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm; quý vị sẽ được thóat khỏi tình thế gian nguy nầy.” Các người tù đều niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm trong ba ngày ba đêm, khóa cùm và xiềng xích đột nhiên được tháo ra và họ được tự do. Nhưng họ vẫn chưa đi, họ nghĩ rằng: “ Việc mình thóat thân liệu có ý nghĩa gì khi nhiều người khác vẫn còn bị giam cầm ở đây?” Thế là họ bảo các người tù kia niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm. Sau hai ngày đồng niệm nữa, khóa trên gông xiềng các người tù kia cũng được tháo sạch. Họ đều được trở về nhà. Sau đó, họ đều một lòng niệm danh hiệu Bồ-tát

Quán Thế Âm. Họ niệm rất chí thành đến nỗi khiến cho dân trong làng đều phát tâm tu tập.

Kinh văn: **八者滅音圓聞,遍生慈力。能令眾生經過嶮路,賊不能劫。**

Phiên âm: Bát giả diệt âm viên văn, biến sanh từ lực, năng linh chúng sanh kinh quá hiểm lộ, tặc bất năng kiếp.

Việt dịch: Tám là diệt đối tượng âm thanh, tánh nghe viên mãn, sanh từ lực cùng khắp, khiến chúng sanh đi qua đường hiểm mà giặc không thể cướp được.

Giảng: Tám là diệt đối tượng âm thanh, tánh nghe viên mãn, sanh từ lực cùng khắp. Khi âm thanh đã vắng bặt và tánh nghe đã viên thông, từ lực sinh khởi rộng khắp. Đó là âm thanh của thế gian phàm trần, và do phản văn văn tự tánh mà tánh nghe của mình được viên thông, có nghĩa là không dùng tâm ý thức để nhận ra cái nghe, mà ta vẫn nghe được mọi âm thanh.

Kinh văn: **九者薰聞離塵,色所不劫。能令一切多婬眾生遠離貪欲。**

Phiên âm: Cửu giả huân văn ly trần, sắc sở bất kiếp, năng linh nhất thiết đa dâm chúng sanh viễn ly tham dục.

Việt dịch: Chín là do huân tập tánh nghe được thanh tịnh, lìa xa trần tướng, sắc, thanh… không lôi kéo được, khiến cho những chúng sanh đa dâm lìa xa tham dục.

Giảng: Lực vô uý thứ chín là tách lìa khỏi tham dục. Do huân tập tánh nghe được thanh tịnh, lìa xa trần tướng, sắc, thanh…không lôi kéo được. Nếu có người hằng ngày công phu tu tập phản văn văn tự tánh đến lúc viên mãn, họ có thể lìa xa cảnh giới phàm trần. Đặc biệt, họ có thể lìa ra khỏi cảnh giới nhiễm ô của sắc trần.

Chúng ta không nên nghĩ rằng sắc đẹp là tuyệt vời khi dính líu đến nó. Nếu quý vị thích sắc đẹp, nó sẽ cướp đoạt mọi của báu trong gia sản quý vị. Nó sẽ ngốn hết của báu cổ xưa quý giá và cướp đi hết. Đúng hơn, phải nên:
Nhãn kiến sắc trần nội vô hữu
Nhĩ văn thế sự tâm bất tri.
Mắt thấy sắc trần nhưng bên trong chẳng đọng lại gì cả.
Tai nghe thế sự nhưng tâm chẳng phân biệt.

Khi quý vị thấy sắc đẹp, tâm thái của quý vị nên như thể chẳng thấy điều gì cả. Nếu quý vị thấy sắc đẹp và tâm mình lay động, thì hãy tự hỏi rằng tại sao tâm mình không dao động trước khi mình thấy được nó. Đừng để cho sắc đẹp cướp đi của cải trong nhà của mình.

Bồ-tát Quán Thế Âm nói rằng: Con có thể khiến cho những chúng sanh đa dâm lìa xa tham dục.

Một đoạn trong Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ môn phẩm trong kinh Pháp Hoa có nói rằng: “Nhược đa dâm dục, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ-tát, tiện đắc ly dục.–Nếu có chúng sinh lòng nhiều dâm dục, thường cung kính niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, liền được lìa hẳn dâm dục.”

Đó cũng là nghĩa tiêu biểu của kinh văn. “Nhiều tham dục” đặc biệt chỉ cho tham muốn tình dục. Vấn đề lớn nhất trong đời sống con người, vấn đề hầu như nan giải, đó là tham muốn tình dục. Nhìn thông suốt được sự rắc rối của nam nữ và bỏ qua một bên được điều ấy thì đó là tự do chân thật. Nếu quý vị không thể nhìn thông suốt được điều ấy và bỏ qua một bên được điều ấy, thì quý vị không thể nào có được tự do, và không thể nào trở nên giác ngộ. Nếu quý vị thực sự lão thật trong công phu, thì khi ăn cơm, quý vị không biết mình đang ăn, khi mặc không biết mình đang mặc áo. Nếu quý vị có thể quên việc đang ăn cơm và đang mặc áo, thì quý vị sẽ càng dễ từ bỏ mọi thứ bên ngoài.

Nếu đàn ông có thể quên bạn gái của mình và phụ nữ có thể quên bạn trai của mình–nếu quý vị có thể đập tan từng mảnh cảnh giới nầy–thì công phu quý vị có chút thực chất. Quý vị dính mắc nhiều ít với anh chị em mình, với con trai con gái mình, và với toàn thể họ hàng bà con mình. Để học Phật pháp, quý vị phải phóng hạ mọi thứ. Đang lúc học Phật pháp, quý vị đừng nên để ý đến chuyện gì khác. Quý vị nên như người mới bắt đầu lại, hãy quên mọi chuyện trong quá khứ. Với cách đó, dòng nước Phật pháp mới có thể thấm nhuần tâm bồ-đề. Nếu quý vị không thể phóng hạ mọi thứ và không thể từ bỏ điều gì cả, thì dòng nước Phật pháp chẳng thể nào nuôi dưỡng tâm bồ-đề. Nếu quý vị có thể thường xuyên trì tụng danh hiệu và lễ kính Bồ-tát Quán Thế Âm, thì tâm dâm dục của quý vị sẽ tiêu mất.

Vấn đề quan trọng nhất trong tu tập là cắt đứt hẳn niệm tưởng dâm dục. Nếu quý vị không làm được điều nầy, thì không thể nào ra khỏi Tam giới. Quý vị không thể nào quyết định muốn trở nên giác ngộ và vẫn không thể lìa xa những kinh nghiệm của thế gian nầy. Nếu quý vị không thể nào tách rời những chuyện yêu đương trên trần gian, thì quý vị không thể nào thành Phật được. Quý vị không thể nào mong được cả hai. Khổng Tử cũng có nói:

Không thể cùng lúc có cả cá và tay gấu.

Dù người ta thích ăn cá và chân gấu, nhưng không thể nào ăn được cả hai thứ đó cùng một lúc. Cũng giống như vậy, quý vị không thể nào hưởng lạc thú trần gian và phước lạc xuất thế trong cùng một lúc. Quý vị muốn thành Phật, nhưng quý vị không thể nào lìa xa được ngũ dục thế gian là tài, sắc, danh, thực, thuỳ. Thì chẳng có cách nào thành tựu được.

Kinh văn: **十者純音無塵,根境圓融,無對所對,能令一切忿恨眾生離諸嗔恚。**

Phiên âm: Thập giả thuần âm vô trần, căn cảnh viên dung, vô đối sở đối, năng linh nhất thiết phẫn hận chúng sanh ly chư sân khuể.

Việt dịch: Mười là con chỉ lưu lại thuần một viên âm thanh tịnh, không còn đối tượng thanh trần, căn cảnh viên dung, không còn đối đãi năng sở, khiến cho chúng sanh xa lìa được tham sân si sân nhuế.

Giảng: Lực vô uý thứ Mười là con chỉ lưu lại thuần một viên âm thanh tịnh, không còn đối tượng thanh trần, căn cảnh viên dung.

Khi mình đã quay tánh nghe trở lại để nghe tự tánh của mình, âm thanh trở nên thanh tịnh, đó chỉ có nghĩa là trong đó chẳng còn tiếng gì cả. Âm thanh lặng không và thanh trần vắng bặt. Lúc đó chỉ còn sự dung thông của sáu căn và sáu trần. Trên thế gian nầy, bất luận mọi điều xấu ác nào, đều có thể trở nên tốt đẹp nếu quý vị biết cách xử sự với nó. Và mọi điều tốt đẹp đều có thể trở nên xấu ác nếu quý vị không biết cách xử sự với nó. Trước đây trong kinh văn chư Phật trong mười phương đã chỉ dạy cho A-nan rằng chính tên giặc sáu căn là nguyên nhân gây ra sai lầm, và cũng chính sáu căn là cái có thể khiến cho chúng ta thành tựu quả vị Phật.

Chính là sáu căn chứ chẳng cái gì khác. Nếu quý vị biết vận dụng chúng, chúng sẽ giúp đỡ cho quý vị. Còn nếu không biết cách vận dụng chúng, thì chúng sẽ tàn phá đến mình. Cũng giống như tiền, khi mình có tiền, nếu biết rằng mình nên làm những việc công đức và làm những việc thiện để giúp ích cho mọi người, thì tiền ấy sẽ không bị phí phạm. Nhưng nếu quý vị dùng tiền để hút xách và cờ bạc và những việc không lành mạnh khác, là quý vị đã dùng tiền của mình để tạo nên nghiệp chướng. Đạo lý nầy cũng tương tự như sáu căn.

Khi âm thanh không còn và căn trần viên thông, tức không còn đối đãi năng sở. Là bất nhị (non-dual); thành nhất thể. Thế nên chẳng còn sáu căn hoặc sáu trần; và thế nên sáu căn chỉ là sáu căn và sáu trần chỉ là sáu trần. Chẳng còn

sự xung đột giữa sáu căn và sáu trần khi hành giả đạt đến trạng thái nầy. Nên con có thể khiến cho chúng sanh xa lìa được tham sân si nhuế.

Con có thể khiến cho tánh nóng giận, tâm hung dữ, lòng căm hờn của chúng sinh tiêu mất. 'Sân nhuế' là chỉ cho tâm nóng giận và phiền não. Kinh Pháp Hoa nói: 'Nếu có người nhiều tâm sân si, thường cung kính niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, thì có thể trừ diệt được tâm sân hận.'

Điểm cốt yếu ở đây là phải thường niệm. Không phải là ngày nay niệm rồi ngày mai quên; sáng niệm mà tối lại chẳng niệm; cũng chẳng phải tháng nầy niệm rồi tháng sau không. Quý vị phải niệm hằng ngày trong công phu của mình mới xứng đáng được gọi là thường niệm. 'Cung kính' không có nghĩa là quý vị niệm Phật nhưng chẳng tin vào Đức Phật. Quý vị chất chứa nỗi hoài nghi: 'Có thực như vậy không? Có sức mạnh như thế chăng?' Một khi quý vị đã bắt đầu đặt vấn đề, thì quý vị sẽ không thể nào thành tựu được. Thế nên với niềm tin và thường cung kính niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, quý vị sẽ không còn tâm sân hận nữa, và quý vị sẽ không còn tâm phiền não dữ dội nữa. Quý vị đã bỏ lại các thứ ấy lại phía sau rồi.

Kinh văn: **十一者,銷塵旋明法界身心。猶如瑠璃,朗徹無礙。能令一切昏鈍性障,諸阿顛迦永離癡暗。**

Phiên âm: Thập nhất giả, tiêu trần triền minh pháp giới thân tâm. Du như lưu li, lãng triệt vô ngại. Năng linh nhất thiết hôn độn tánh chướng, chư a-điên-ca vĩnh ly si ám.

Việt dịch: Mười một là, tiêu dung thanh trần đối tượng, con xoay cái nghe về tánh bản minh, thân tâm và pháp giới trong sáng như lưu ly, lắng trong, không ngăn ngại. Khiến cho những chúng sanh ngu ngốc mê tối xa lìa sự si mê tăm tối.

Giảng: Lực vô uý thứ mười một là, tiêu dung thanh trần đối tượng, con xoay cái nghe về tánh bản minh. Khi cảnh giới sáu căn và sáu trần đã tiêu dung rồi, con phát ra ánh sáng. Thân tâm và pháp giới trong sáng như lưu ly. Thân tâm là pháp giới, pháp giới là thân tâm. Chúng trở thành một. Thân tâm trùm khắp pháp giới; đó chẳng phải là cảnh giới Phật hay sao? Đó cũng là cảnh giới của Bồ-tát Quán Thế Âm. Thân tâm trở nên như ngọc lưu ly, lắng trong, không ngăn ngại. Từ bên trong có thể nhìn xuyên suốt qua bên ngoài, từ bên ngoài có thể nhìn thấu suốt vào bên trong. Chẳng còn trong ngoài, nhỏ lớn. Giống như Thiền sư Đại Hưu trong núi Ling Yen. Ngài xứng đáng mang tên như vậy.

Sư làm cho mình một ngôi mộ bằng đá vừa đủ cho mình ngồi. Rồi sư làm một cánh cửa bằng đá bên ngoài, khắc trên đó cặp câu đối như sau:

Vô đại vô tiểu, vô nội ngoại
Tự tu tự liễu, tự an bài.

Tạm dịch:
Chẳng lớn chẳng nhỏ, chẳng trong ngoài
Tự tu, tự biết, tự an bài.

Có nghĩa là, Sư tự mình tu tập, tự mình biết, và rồi tự an táng cho chính mình. Sau khi Sư khắc xong câu đối, Sư ngồi trong mộ, đóng cửa đá lại, và tịch diệt. Sư nhập niết-bàn. Đó là một chuyện không thể nghĩ bàn. Thế nên khi Sư đã viên tịch rồi, đó quả thực là một việc trọng đại. Năng lực tự tại giải thoát của Sư lớn lao vô cùng! Tôi được diện kiến Sư tại Su Zhou trên núi Ling Yen. Sư tự tu tập cho chính mình và cho mọi người khác. Sư không làm phiền một ai cả.

Thế nên con có thể khiến cho những chúng sanh ngu ngốc mê tối–nhất-xiển-đề –xa lìa sự si mê tăm tối.

Họ không có trí huệ và vì thế nên họ không thể nhìn thông suốt và hiểu biết rõ ràng điều gì cả. Giống như con dao đã cùn không thể cắt được vật gì cả. Họ nhầm lẫn đúng với sai và nhầm lẫn sai với đúng. Nhưng Bồ-tát Quán Thế Âm có thể khiến cho những người nầy xa lìa hẳn những chướng ngại đã vây phủ lấy họ.

Ātyantika là tiếng Sankrit, có nghĩa là ‘Cực ác.” Nếu quý vị đề nghị những người này làm một việc gì tốt lành, họ sẽ không bao giờ làm. Thay vì cho ai một đồng tiền để làm việc tốt lành, họ giữ rịt đồng tiền trong tay khiến cho chất đồng phải tan chảy. Nếu quý vị bảo họ hãy giúp đỡ một người nào đó, phản ứng của họ là cho rằng điều ấy thật điên rồ. “Tiền của tôi là để cho tôi xài. Tại sao tôi phải cho người khác?” Tuy nhiên, Bồ-tát Quán Thế Âm có thể giúp cho những người nầy thóat khỏi sự mê muội, suy nghĩ tối tăm của họ. Những người không muốn giúp dỡ người khác là những kẻ không hề có chút ánh sáng trong tự tánh của mình, do vậy, đó là hạng người tối tăm ngu muội.

Đoạn văn trên đề cập đến tham và sân. Đoạn kinh nầy nói đên tâm si. Kinh Pháp Hoa nói rằng: Nếu có người nhiều tâm sân hận, thường cung kính niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, thì có thể trừ diệt được tâm si mê.’

Có một người rất giàu, rất tham tiền và không muốn chia xẻ cho ai cả. Ông ta có ba người con. Ông đặt tên cho người con trưởng là Vàng, người con thứ hai là Bạc. Người con thứ ba, ông sợ rằng nó sẽ đem tiền của mình làm việc thiện

thay vì tích chứa, thế nên ông đặt cho con tên là Nghiệp chướng. Không ông sắp lâm chung, ông gọi người con trưởng lại và nói, “Ta sắp đi rồi. Con đi với ta chứ?”

Vàng nói, “Ông già dở hơi! Làm sao con lại chết với ba được? Bình thường cha thương con nhất. Sao đến lúc chết, cha lại muốn hại con?’ Vàng không muốn đi với cha.

Ông nghĩ, “Thế thì ta sẽ bảo đứa con thứ.” Rồi ông gọi Bạc đến. “Anh con không muốn đi với cha. Con đi chứ? Con vốn rất là có hiếu.”

Đứa con thứ hai trả lời, “Nếu cha chết, thì cứ chết một mình. Dù con là con của cha, nhưng con không thể nào chết theo cha được. Cha thật là kỳ cục. Con còn quá trẻ.” Vàng không muốn chết theo cha, Bạc cũng vậy. Ông gọi người con thứ ba là Nghiệp chướng. “Ngày thường con rất ngỗ nghịch, thế nên cha không thương con lắm. Nhưng nay cha sắp chết, anh Vàng và Bạc của con không muốn theo cha. Con hãy suy nghĩ thật kỹ xem có thể theo cha không?” Nghiệp chướng đáp, “Con chẳng cần phải suy nghĩ gì. Dĩ nhiên là con sẽ đi. Nay cha xem Vàng và Bạc, là những người mà cha rất yêu quý mà họ lại không đáp ứng được yêu cầu của cha. Nhưng con, Nghiệp chướng, thì sẽ theo cha đến bất cứ nơi đâu. Khi sống con đồng hành với cha và đến khi chết con cũng sẽ theo cha. Cha hãy xem ai là người con có hiếu nhất?”

Chẳng có thứ gì mang theo được
Chỉ có nghiệp chướng sẽ theo mình.

Người cha già suy gẫm lại, thấy toàn bộ vàng và bạc mà ông đã tích luỹ sẽ đem lại niềm vui cho hai đứa con đầu và thứ, trong khi mình phải chết. Ông dâng tràn một niềm hối hận sâu xa. Ông suy nghĩ, “Ước gì mình xây cất một ngôi chùa hoặc một đạo tràng trong thời gian còn lại, Nhưng đã quá muộn. Nay ta sắp chết rồi.”

Đạo lý của câu chuyện nầy là, đừng như ông già kia. Nếu quý vị có phương tiện, hãy làm ngay những việc tốt lành.

Kinh văn: **十二者融形復聞,不動道場涉入世間,不壞世界能遍十方。供養微塵諸佛如來,各各佛邊為法王子。能令法界無子眾生。欲求男者,誕生福德智慧之男。**

Phiên âm: Thập nhị giả, dung hình phục văn, bất động đạo tràng thiệp nhập thế gian, bất hoại thế giới. Năng biến thập phương. Cúng dường vi trần chư Phật Như Lai, các các Phật biên vi pháp vương tử. Năng linh

pháp giới vô tử chúng sanh. Dục cầu nam giả, đản sanh phước đức trí huệ chi nam.

Việt dịch: Mười hai là viên dung các hiện tượng, con xoay tánh nghe trở về. Nơi đạo tràng bất động mà hòa vào thế gian nhưng không hủy hoại thế giới. Có thể cúng dường chư Phật Như Lai như số vi trần trong khắp mười phương, con ở bên mỗi Đức Phật làm Pháp vương tử. Khiến trong pháp giới những chúng sanh không có con, cầu có con trai, sanh được con trai phước đức trí tuệ.

Giảng: Lực vô uý thứ mười hai là, viên dung các hiện tượng, con xoay tánh nghe trở về–khi thân đã chuyển hóa và trở về với tánh nghe–Nơi đạo tràng bất động mà hòa vào thế gian nhưng không hủy hoại thế giới.

'Đạo tràng bất động' có nghĩa là thường an trú trong Đạo tràng bản nguyên của mình. Chẳng hạn, Bồ-tát Quán Thế Âm hiện nay đang ở trong Phật giáo Giảng đường, nhưng dù ngài ở đây, ngài vẫn có thể du hành khắp cả thế giới. Không phải là ngài đi từ nơi đây, mà hóa thân của ngài hiện ra khắp chốn. Và thế giới vẫn không bị biến hoại. Với pháp thân, ngài Có thể cúng dường chư Phật Như Lai như số vi trần trong khắp mười phương. Ngài đi khắp mười phương để làm Phật sự. Con ở bên mỗi Đức Phật làm Pháp vương tử. Khiến trong pháp giới những chúng sanh không có con, cầu có con trai, sanh được con trai phước đức trí tuệ.

Kinh văn: **十三者六根圓通,明照無二含十方界。立大圓鏡空如來藏。承順十方微塵如來。祕密法門受領無失。能令法界無子眾生,欲求女者,誕生端正福德柔順,眾人愛敬有相之女。**

Phiên âm: Thập tam giả lục căn viên thông, minh chiếu vô nhị, hàm thập phương giới. Lập đại viên kính không Như Lai tạng. Thừa thuận thập phương vi trần Như Lai. Bí mật pháp môn thọ lĩnh vô thất. Năng linh pháp giới vô tử chúng sanh, dục cầu nữ giả, đản sanh đoan chánh phước đức nhu thuận, chúng nhân ái kính hữu tướng chi nữ.

Việt dịch: Mười ba là, sáu căn của con được viên thông, cái được soi sáng là bất nhị, trùm khắp mười phương phương, thành đại viên kính không Như Lai tàng, con vâng lãnh những pháp môn bí mật của thập phương Như Lai như vi trần không hề thiếu sót, khiến cho trong pháp giới những chúng sanh không có con, cầu có con gái, sanh được con gái tướng tốt đoan chính, phước đức dịu dàng, được nhiều người kính quý.

Giảng: Lực vô uý thứ mười ba là, sáu căn của con được viên thông, soi sáng vô nhị, trùm khắp mười phương, thành đại viên kính không Như Lai tàng.

Mắt tai mũi lưỡi thân ý đếu không chướng ngại và viên thông lẫn nhau. Mọi thứ đều hợp thành một. Sáu căn hỗ dụng. Giống như tấm gương lớn hiển bày kho tàng không tịch của các đức Như Lai.

Con vâng lãnh những pháp môn bí mật của thập phương Như Lai như vi trần không hề thiếu sót, khiến cho trong pháp giới những chúng sanh không có con, cầu có con gái, sanh được con gái tướng tốt đoan chính, phước đức dịu dàng, được nhiều người kính quý.

Nếu có người muốn sinh con gái, họ sẽ có được con gái đoan chính, dịu dàng. Mọi người khi gặp người con gái nầy đều liền quý mến và kính trọng. Đó sẽ là người con gái hiền thục và hoàn hảo.

Kinh văn: **十四者此三千大千世界百億日月。現住世間諸法王子。有六十二恒河沙數修法垂範。教化眾生隨順眾生。方便智慧各各不同。**

Phiên âm: Thập tứ giả, thử tam thiên, đại thiên thế giới, bá ức nhật nguyệt. Hiện trụ thế gian chư pháp vương tử, hữu lục thập nhị hằng hà sa số, tu pháp thuỳ phạm, giáo hóa chúng sanh, tuỳ thuận chúng sanh. Phương tiện trí huệ các các bất đồng.

Việt dịch: Mười bốn là, trong tam thiên đại thiên thế giới này, có trăm ức mặt trời, mặt trăng, các Pháp vương tử hiện ở trong thế gian đông như số cát 62 sông Hằng, đều tu Phật pháp, làm gương mẫu, giáo hóa chúng sanh, tuỳ thuận chúng sinh. Trí tuệ và phương tiện mỗi Ngài đều khác nhau.

Giảng: Lực vô uý thứ mười bốn là, trong tam thiên đại thiên thế giới này, có trăm ức mặt trời, mặt trăng, các Pháp vương tử hiện ở trong thế gian đông như số cát 62 sông Hằng, các ngài hiện đang an trụ ngay trên thế gian nầy–đều tu Phật pháp, làm gương mẫu, giáo hóa chúng sanh, tuỳ thuận chúng sinh. Trí tuệ và phương tiện mỗi Ngài đều khác nhau. Các ngài dùng phương tiện thiện xảo và quyền trí khác nhau để giáo hóa mỗi loại chúng sinh khác nhau.

Kinh văn: **由我所得圓通本根發妙耳門。然後身心微妙含容遍周法界。能令眾生持我名號。與彼共持六十二恒河沙諸法王子。二人福德正等無異。**

Phiên âm: **Do ngã sở đắc viên thông, bổn căn phát diệu nhĩ môn. Nhiên hậu thân tâm vi diệu hàm dung biến chu pháp giới. Năng linh chúng sanh trì ngã danh hiệu, dữ bỉ cộng trì lục thập nhị hằng hà sa chư Pháp vương tử. Nhị nhơn phước đức chánh đẳng vô dị.**

Việt dịch: Do con được tính viên thông, phát ra diệu tính của nhĩ căn. Nên thân tâm vi diệu trùm khắp pháp giới. Khiến cho chúng sanh chấp trì danh hiệu của con, so với những người chấp trì danh hiệu Pháp vương tử số lượng bằng 62 số cát sông Hằng nói trên, công đức bằng nhau không sai khác.

Giảng: Do con được tính viên thông, phát ra diệu tính của nhĩ căn. Con, Bồ-tát Quán Thế Âm đã chứng được nhĩ căn viên thông, và có được những năng lực nhiệm mầu vi diệu từ nhĩ căn. Nên thân tâm vi diệu trùm khắp pháp giới. Trạng thái vi diệu nầy trùm khắp cả mười phương, suốt khắp cả pháp giới. Do vậy, khiến cho chúng sanh chấp trì danh hiệu của con–những người trì niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát–so với những người chấp trì danh hiệu Pháp vương tử số lượng bằng 62 số cát sông Hằng nói trên, công đức bằng nhau không sai khác.

Người chỉ niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, và người kia niệm danh hiệu của các vị Bồ-tát nhiều như số cát trong 62 sông Hằng, quả báo công đức của mỗi người đều bằng nhau. Điều nầy chỉ cho thấy công đức to lớn của việc trì niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm như thế nào.

Kinh văn: **世尊我一號名與彼眾多名號無異,由我修習得真圓通。**

Phiên âm: **Thế tôn, ngã nhất hiệu danh dữ bỉ chúng đa danh hiệu vô dị, do ngã tu tập đắc chơn viên thông.**

Việt dịch: Bạch Thế tôn, một danh hiệu của con, cùng với các danh hiệu kia đều không sai khác, là do con tu tập được tính viên thông chân thực.

Giảng: Bạch Thế tôn, một danh hiệu của con, danh hiệu, Quán Thế Âm Bồ-tát, cùng với các danh hiệu kia đều không sai khác, có nghĩa là các vị Bồ-tát nhiều như số cát trong 62 sông Hằng. Điều nấy như thế nào? Làm sao mà công đức có thể của một danh hiệu lại sánh bằng nhiều danh hiệu như vậy? Đó là vì do con tu tập được tính viên thông chân thực.

Kinh văn: **是名十四施無畏力,福備眾生.**

Phiên âm: **Thị danh thập tứ thí vô uý lực, phước bị chúng sanh.**

Việt dịch: Đó gọi là Mười bốn lực vô úy, con đem điều phước đến đầy đủ khắp cho các chúng sinh.

Giảng: Đó gọi là Mười bốn lực vô úy, con đem điều phước đến đầy đủ khắp cho các chúng sinh.

Con đến để giúp đỡ cho họ, bất kỳ lúc nào có người cầu cứu, con liền cứu giúp.

Kinh văn: **世尊我又獲是圓通修證無上道故,又能善獲四不思議無作妙德。一者由我初獲妙妙聞心,心精遺聞。見聞覺知不能分隔,成一圓融清淨寶覺。故我能現眾多妙容。能說無邊祕密神呪。**

Phiên âm: **Thế tôn, Ngã hựu hoạch thị viên thông tu chứng vô thượng đạo cố, hựu năng thiện hoạch tứ bất tư nghì vô tác diệu đức. Nhất giả do ngã sơ hoạch diệu diệu văn tâm, tâm tinh di văn. Kiến văn giác tri bất năng phân cách, thành nhất viên dung thanh tịnh bảo giác. Cố ngã năng hiện chúng đa diệu dung. Năng thuyết vô biên bí mật thần chú.**

Việt dịch: Bạch Thế tôn! Con lại được đạo tu chứng viên thông vô thượng đó, nên lại khéo được bốn đức vô tác nhiệm mầu không thể nghĩ bàn: Một là, ban đầu con chứng được tánh nghe vi diệu, tâm tính không còn các tướng năng văn. Các việc thấy nghe hay biết không còn cách biệt, con thành tựu được bảo giác viên dung thanh tịnh. Nên con có thể hiện ra rất nhiều diệu dụng, nói được rất nhiều thần chú bí mật.

Giảng: Bạch Thế tôn! Con lại được đạo tu chứng viên thông vô thượng đó, nên lại khéo được bốn đức vô tác nhiệm mầu không thể nghĩ bàn:

Bốn công đức không thể nghĩ bàn nầy là những gì?

Một là, ban đầu con chứng được tánh nghe vi diệu, tâm tính không còn các tướng năng văn.

Ban đầu, khi con chứng đắc được nhờ công phu phản văn văn tự tánh–vi diệu trong vi diệu–tâm con trở nên tinh ròng và các tướng năng văn đều trở nên tiêu mất. Chân tâm hiển bày, và con đạt đến cảnh giới tinh anh vi diệu. Khi các tướng năng văn đã tiêu dung. Các việc thấy nghe hay biết không còn cách biệt. Các căn khác đều viên thông và không còn bị phân cách. Con thành tựu được

bảo giác viên dung thanh tịnh. Điều nầy có nghĩa là ngài đã chứng được nhất thể, không còn có sự phân biệt giữa năng và sở.

Nên con có thể hiện ra rất nhiều diệu dụng, nói được rất nhiều thần chú bí mật.

Kinh văn: **其中或現一首三首。五首七首九首十一首。如是乃至一百八首。千首萬首八萬四千爍迦囉首。**

Phiên âm: Kỳ trung hoặc hiện nhất thủ tam thủ. Ngũ thủ thất thủ cửu thủ thập nhất thủ. Như thị nãi chí nhất bá bát thủ. Thiên thủ vạn thủ bát vạn tứ thiên thước-ca-la thủ.

Việt dịch: Chẳng hạn,, con có thể hiện ra từ 1 đầu, 3 đầu, 5 đầu, 7 đầu, 9 đầu, 11 đầu, 108 đầu, 1.000 đầu, 10.000 đầu cho đến 84.000 đầu thước-ca-la.

Giảng: Không những Bồ-tát Quán Thế Âm có ngàn tay ngàn mắt, mà ngài còn có vô số đầu–nhiều đến 84.000 đầu. Hình tướng của Bồ-tát Quán Thế Âm đều thể hiện ra đủ cả. Ngài nói, Con có thể hiện ra từ 1 đầu, 3 đầu– Hình tượng Bồ-tát Quán Thế Âm có ba mặt –5 đầu – Hình tượng Bồ-tát Quán Thế Âm có năm mặt –7 đầu – Hình tượng Bồ-tát Quán Thế Âm có bảy mặt – hoặc 9 đầu, 11 đầu, 108 đầu, 1.000 đầu, 10.000 đầu cho đến 84.000 đầu thước-ca-la. Thước-ca-la (vajra) có nghĩa là mạnh và cứng chắc.

Kinh văn: **二臂四臂六臂八臂。十臂十二臂十四十六。十八二十至二十四。如是乃至一百八臂千臂萬臂。**

Phiên âm: Nhị tý tứ tý lục tý bát tý. Thập tý thập nhị tý thập tứ thập lục. Thập bát nhị thập chí nhị thập tứ. Như thị nãi chí nhất bá bát tý thiên tý vạn tý. Bát vạn tứ thiên mẫu- đà-la tý.

Việt dịch: Con có thể hiện ra 2 tay, 4 tay, 6 tay, 12 tay, 14 tay, 16 tay, 18 tay, 20 tay, 24 tay, 108 tay rồi 1.000 tay, 10.000 tay cho đến 84.000 tay mẫu-đà-la.

Giảng: Bồ-tát Quán Thế Âm còn có thể hiện ra 2 tay, 4 tay, 6 tay, 12 tay, 14 tay, 16 tay, 18 tay, 20 tay, 24 tay. Hoặc có thể hiện thành 108 tay rồi 1.000 tay, 10.000 tay cho đến 84.000 tay mẫu-đà-la. Mẫu-đà-la là tiếng Sanskrit, có nghĩa là thủ ấn. Trong lòng mỗi bàn tay, có một cái ấn.

Kinh văn: **二目三目四目九目。如是乃至一百八目千目萬目。八萬四千清淨寶目。或慈或威或定或慧。救護眾生得大自在。**

Phiên âm: Nhị mục tam mục tứ mục cửu mục. Như thị nãi chí nhất bá bát mục thiên mục vạn mục. Bát vạn tứ thiên thanh tịnh bảo mục. Hoặc từ hoặc oai hoặc định hoặc huệ. Cứu hộ chúng sanh đắc đại tự tại.

Việt dịch: Hoặc có thể hiện ra 2 mắt, 3 mắt, 4 mắt, 9 mắt, 108 mắt, rồi 1.000 mắt, 10.000 mắt, cho đến 84.000 con mắt báu thanh tịnh. Hoặc khi thì (hiện thân) từ, khi thì uy, khi thì định, khi thì tuệ để cứu độ chúng sanh được hoàn toàn tự tại.

Giảng: Pháp thân của Bồ-tát Quán Thế Âm có thể thị hiện thành 2 mắt, 3 mắt, 4 mắt, 9 mắt, 108 mắt, rồi 1.000 mắt, 10.000 mắt, cho đến 84.000 con mắt báu thanh tịnh. Làm sao mà Bồ-tát Quán Thế Âm có thể hiện ra nhiều hóa thân như vậy? Vì trong nhân địa, ngài đã tu tập Đại bi thần chú và 42 Thủ nhãn ấn pháp, thế nên ở quả địa, khi công phu tu tập đã viên mãn, ngài có được vô số hóa thân.

Hoặc khi thì (hiện thân) từ, khi thì uy, khi thì định, khi thì tuệ để cứu độ chúng sanh được hoàn toàn tự tại.

Các con mắt của ngài có khi thể hiện tâm từ, hoặc có khi hiện ra vẻ uy nghi. Có khi mắt ngài biểu hiện ánh sáng của định lực hoặc trí huệ. Ngài biểu hiện những tướng nầy để cứu độ chúng sanh được hoàn toàn tự tại.

Kinh văn: **二者由我聞思脫出六塵。如聲度垣不能為礙。故我妙能現一一形。誦一一呪。其形其呪。能以無畏施諸眾生。是故十方微塵國土。皆名我為施無畏者。**

Phiên âm: Nhị giả do ngã văn tư thóat xuất lục trần. Như thinh độ viên bất năng vi ngại. Cố ngã diệu năng hiện nhất nhất hình, tụng nhất nhất chú. Kỳ hình kỳ chú năng dĩ vô uý thí chư chúng sanh. Thị cố thập phương vi trần quốc độ. Giai danh ngã vi thí vô uý giả.

Việt dịch: Hai là do tánh nghe và suy nghĩ của con thóat ngoài sáu trần, như âm thanh xuyên qua vách tường, không bị ngăn ngại. Cho nên diệu dụng của con có thể hiện ra mỗi mỗi hình, tụng mỗi mỗi chú. Hình và chú đó đều có thể đem sức vô uý mà bố thí cho chúng sinh. Thế nên các cõi nước trong mười phương nhiều như vi trần đều gọi con là vị bố thí sự không sợ hãi.

Giảng: Diệu đức vô tác thứ hai là: Hai là do tánh nghe và suy nghĩ của con thóat ngoài sáu trần. Con tu tập văn huệ và tư huệ, vượt thóat ra khỏi sáu trần, sắc thanh hương vị xúc pháp. Con không còn dính mắc với chúng nữa. Đó như âm thanh xuyên qua vách tường, không bị ngăn ngại. Cho nên diệu dụng của con có thể hiện ra mỗi mỗi hình, tụng mỗi mỗi chú.

Hình sắc mà con thị hiện và chú do con trì tụng đều có thể đem sức vô uý mà bố thí cho chúng sinh. Chúng đều có năng lực ban phát sự không sợ hãi. Thế nên các cõi nước trong mười phương nhiều như vi trần đều gọi con là vị bố thí sự không sợ hãi.

Kinh văn: **三者由我修習本妙圓通清淨本根,所遊世界,皆令眾生,捨身珍寶求我哀愍。**

Phiên âm: Tam giả do ngã tu tập bổn diệu viên thông thanh tịnh bổn căn, sở du thế giới, giai linh chúng sanh, xả thân trân bảo cầu ngã ai mẫn.

Việt dịch: Ba là do con tu tập căn tính bản diệu viên thông thanh tịnh, nên đi qua thế giới nào, đều khiến cho chúng sinh xả thân, xả đồ trân bảo, cầu con thương xót.

Giảng: Ba là do con tu tập căn tính bản diệu viên thông thanh tịnh. Ngài đang nói đến bản tính thanh tịnh của nhĩ căn–tánh nghe. Nên đi qua thế giới nào, đều khiến cho chúng sinh xả thân, xả đồ trân bảo, cầu con thương xót. Chúng sinh đều hy sinh thân mạng của họ và xả ly mọi tài sản quý báu của họ để cầu sự giúp đỡ của con.

Kinh văn: **四者我得佛心證於究竟。能以珍寶種種供養十方如來, 傍及法界六道眾生。**

Phiên âm: Tứ giả ngã đắc Phật tâm, chứng ư cứu cánh. Năng dĩ trân bảo chủng chủng cúng dường thập phương Như Lai, bàng cập pháp giới lục đạo chúng sanh.

Việt dịch: Thứ tư, do con chứng được tâm Phật, đạt đến chỗ rốt ráo, nên có thể đem các thứ trân báu cúng dường mười phương Như Lai, khắp đến chúng sinh trong sáu đường cả pháp giới.

Giảng: Diệu đức vô tác thứ tư là: Do con chứng được tâm Phật, đạt đến chỗ rốt ráo. Con chứng được chân tâm Như Lai tạng. ‘Rốt ráo’ có nghĩa là địa vị tột bậc của Phật quả. Nên có thể đem các thứ trân báu cúng dường mười phương

Như Lai, rộng đến chúng sinh trong sáu đường khắp pháp giới. Bất kỳ các loài chúng sinh muốn điều gì, con đều đáp ứng cho họ được mãn nguyện.

Kinh văn: **求妻得妻求子得子。求三昧得三昧。求長壽得長壽。如是乃至求大涅槃得大涅槃。**

Phiên âm: Cầu thê đắc thê cầu tử đắc tử, cầu tam-muội đắc tam-muội. Cầu trường thọ đắc trường thọ. Như thị nãi chí cầu đại niết-bàn đắc đại niết-bàn.

Việt dịch: Ai cầu vợ thì được vợ, cầu con được con, cầu tam-muội được tam-muội, cầu sống lâu được sống lâu. Như thế cho đến cầu Đại niết-bàn liền được Đại niết-bàn.

Giảng: Bất kỳ chúng sinh trong lục đạo mười phương ước nguyện điều gì cũng đều được ban phát. Bồ-tát Quán Thế Âm biết rằng ai cũng ước muốn có người vợ hiền thục. Nếu ai cầu vợ thì được vợ, nếu họ mong cầu có người vợ ngoan hiền, họ liền có được người vợ ngoan hiền. Đó là ước muốn cao nhất của mọi chúng sinh. Khi đã có vợ hiền rồi, thì họ lại ước muốn có con. Thế nên điều thứ hai là Bồ-tát Quán Thế Âm sẽ làm là ban cho họ con cái. Cầu con được con, nếu họ mong được sinh con trai, liền được con trai; nếu họ mong được con gái, liền được con gái.

Điều thứ ba, ngài nói: cầu tam-muội được tam-muội, cầu sống lâu được sống lâu. Nếu có người đã có vợ, có con rồi mà cảm thấy rằng cuộc đời con người thật là vô nghĩa, thế nên phát tâm tu tập để thóat khỏi thế gian và mong được tam-muội, thì họ sẽ được tam-muội. Có người mong được sống lâu, thì họ sẽ được sống lâu. Họ muốn trở nên bất tử và không bao giờ chết, họ sẽ được như vậy. Như thế cho đến cầu Đại niết-bàn liền được Đại niết-bàn. Nếu có chúng sinh nào mong cầu thành Phật, thì họ có thể đạt được quả vị Phật.

Kinh văn: **佛問圓通,我從耳門圓照三昧, 緣心自在。因入流相,得三摩 提,成就菩提。斯為第一。**

Phiên âm: Phật vấn viên thông, ngã tòng nhĩ môn viên chiếu tam muội, duyên tâm tự tại. Nhân nhập lưu tướng, đắc tam-ma-đề, thành tựu bồ-đề. Tư vi đệ nhất.

Việt dịch: Đức Phật hỏi về viên thông, con do được viên chiếu tam-muội nơi nhĩ căn mà duyên tâm được tự tại. Nhân tướng nhập lưu mà được tam-ma-đề, thành tựu quả vị bồ-đề. Đó là thứ nhất.

Giảng: Đức Phật hỏi về viên thông. Đức Phật hỏi các đệ tử của ngài, ban đầu bằng phương tiện nào mà chứng được viên thông. Con do được viên chiếu tam-muội nơi nhĩ căn. Con tu tập nơi tánh nghe mà thành tựu định lực. Mà duyên tâm được tự tại. Nhân tướng nhập lưu mà được tam-ma-đề, thành tựu quả vị bồ-đề. Đó là thứ nhất. Tâm phan duyên của con không còn nữa, con được tự tại. Con đã xoay tánh nghe để nhận ra tự tánh, và thành tựu đạo vô thượng. Đây là phương pháp hay nhất.

Kinh văn: **世尊彼佛如來。歎我善得圓通法門。於大會中授記我為觀世音號。**

Phiên âm: Thế tôn bỉ Phật Như Lai thán ngã thiện đắc viên thông pháp môn. Ư đại hội trung thọ ký ngã vi Quán thế âm hiệu.

Việt dịch: Bạch Thế tôn, Đức Phật Như Lai đó, đã khen ngợi con khéo chứng được pháp môn viên thông. Trong đại chúng, ngài thọ ký cho con danh hiệu Quán Thế Âm.

Giảng: Bạch Thế tôn, Đức Phật Như Lai đó, đã khen ngợi con khéo chứng được pháp môn viên thông. 'Đức Phật Như Lai đó' là chỉ cho Đức Cổ Phật Quán Thế Âm Như Lai. Ngài tán thán con đã chứng được viên thông một cách tự tại. Nên trong đại chúng, ngài thọ ký cho con danh hiệu Quán Thế Âm. Ngài gọi con là người "Quán sát âm thanh thế gian." Cùng danh hiệu của chính ngài.

Kinh văn: **由我觀聽十方圓明,故觀音名遍十方界.**

Phiên âm: Do ngã quán thính thập phương viên minh, cố quán âm danh biến thập phương giới.

Việt dịch: Do con thấy nghe thấu suốt mười phương, nên tên gọi Quán Thế Âm cùng khắp mười phương thế giới.

Giảng: Do con thấy nghe thấu suốt mười phương–có nghĩa là, mọi nơi chốn trong suốt mười phương, tận cùng khắp các pháp giới, hợp lại cùng nhau, và con hoàn toàn rõ biết–do vậy, nên tên gọi Quán Thế Âm cùng khắp mười phương thế giới. Trong mọi Phật độ suốt khắp mười phương, ai cũng biết đến danh hiệu Quán Thế Âm.

KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH NHƯ LAI MẬT NHƠN
TU CHỨNG LIỄU NGHĨA
CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH
THỦ LĂNG NGHIÊM

QUYỂN 6 – PHẦN 2

— o0o —

TUYÊN HÓA THUỢNG NHÂN
giảng thuật

— o0o —

Kinh văn: 爾時世尊於師子座,從其五體同放寶光,遠灌十方微塵如來,及法王子諸菩薩頂.

Phiên âm: Nhĩ thời Thế tôn ư sư tử toà, tòng kỳ ngũ thể đồng phóng bảo quang, viễn quán thập phương vi trần Như Lai, cập Pháp vương tử chư Bồ-tát đỉnh.

Việt dịch: Lúc bấy giờ, Đức Thế tôn nơi sư tử toà, từ năm vóc đều phóng hào quang báu, từ xa rót xuống đảnh các Đức Như Lai nhiều như vi trần và trên đảnh đầu các vị Bồ-tát Pháp vương tử.

Giảng: Lúc bấy giờ, Đức Thế tôn nơi sư tử toà, từ năm vóc đều phóng hào quang báu. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đang ngồi trên toà sư tử, phóng hào quang từ hai bàn tay, hai bàn chân và từ đỉnh đầu của ngài cùng một lúc. Từ xa rót xuống đảnh các Đức Như Lai nhiều như vi trần và trên đảnh đầu các vị Bồ-tát Pháp vương tử.

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni xoa đảnh các Đức Như Lai là biểu tượng cho giáo pháp của ngài là cao quý nhất, là đảnh. Giáo pháp của chư Phật cũng như vậy. Các Đức Như Lai trong khắp mười phương cũng đều tuyên thuyết giáo pháp cao quý nầy, như Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đang tuyên thuyết.

Giáo pháp của các Đức Như Lai đều tương đồng
Hỗ tương nhiếp nhập lẫn nhau.

Kinh văn: **彼諸如來亦於五體同放寶光。從微塵方來灌佛頂。并灌會中諸大菩薩及阿羅漢。**

Phiên âm: Bỉ chư Như Lai diệc ư ngũ thể đồng phóng bảo quang, tòng vi trần phương lai quán Phật đỉnh. Tinh quán hội trung chư đại Bồ-tát cập A-la-hán.

Việt dịch: Các đức Như Lai kia, từ năm vóc cũng đều phóng hào quang báu, từ các thế giới nhiều như vi trần đến rót trên đảnh Đức Phật và trên đảnh các vị Bồ-tát và A-la-hán trong chúng hội.

Giảng: Các đức Như Lai kia, nhiều như số vi trần trong khắp mười phương, từ năm vóc cũng đều phóng hào quang báu, từ các thế giới nhiều như vi trần. Hào quang báu cũng đồng thời phóng ra từ hai bàn tay, hai bàn chân và từ đỉnh đầu của ngài cùng một lúc, giống như các đạo hào quang mà Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã phóng ra. Hào quang đến và rót xuống đảnh Đức Phật và trên đảnh các vị Bồ-tát và A-la-hán trong hội chúng.

Kinh văn: **林木池沼皆演法音。交光相羅如寶絲網。是諸大眾得未曾有。一切普獲金剛三昧。**

Phiên âm: Lâm mộc trì chiểu giai diễn pháp âm. Giao quang tương la như bảo ty võng. Thị chư đại chúng đắc vị tằng hữu. Nhất thiết phổ hoạch kim cang tam-muội.

Việt dịch: Rừng cây, ao hồ đều diễn ra pháp âm. Hào quang giao xen nhau như lưới tơ báu. Đại chúng được điều chưa từng có, tất cả đều chứng được Kim cang tam-muội.

Giảng: Rừng cây, ao hồ đều diễn ra pháp âm. Nước chảy, gió reo, và lá cây xào xạc đều là sự diễn bày pháp âm. Hào quang giao xen nhau như lưới tơ báu. Hào quang của chư Phật trong mười phương rót xuống đảnh đầu Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, và hào quang từ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni lại phóng ra, rót xuống đảnh đầu các Đức Như Lai trong mười phương nhiều như số vi trần, thể dạng của các đạo hào quang giao xen ấy tạo nên một tấm lưới rất lộng lẫy. Đại chúng được điều chưa từng có, tất cả đều chứng được Kim cang tam-muội. Họ đều chưa từng thấy được điều tốt lành ấy xảy ra bao giờ, khiến mọi người đều đạt được môn Kim cang tam-muội.

Kinh văn: **即時天雨百寶蓮華,青黃赤白間錯紛糅。十方虛空成七寶色。**

Phiên âm: **Tức thời thiên vũ bá bảo liên hoa, thanh hoàng xích bạch gián thố phân nhữu. Thập phương hư không thành thất bảo sắc.**

Việt dịch: Liền khi ấy, mưa trời rơi xuống loài hoa sen trăm báu, màu xanh vàng đỏ trắng xen lẫn nhau. Mười phương hư không hóa thành màu sắc bảy thứ châu báu.

Giảng: Liền khi ấy, khi mọi người trong chúng hội chứng được Kim cang tam-muội, mưa trời rơi xuống loài hoa sen trăm báu, màu xanh vàng đỏ trắng xen lẫn nhau. Bốn màu sắc nầy hiện thành những hợp thể khác nhau trên những cánh hoa sen. Những đoá sen màu xanh thì nổi bật lên bên cạnh sắc vàng. Những đóa sen màu vàng lại có những chấm đỏ trong cánh. Những đoá sen màu trắng lấp lánh cùng sắc hồng. Mười phương hư không hóa thành màu sắc bảy thứ châu báu. Bảy thứ châu báu là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não. Cả thế giới đều chuyển thành các màu sắc nầy.

Kinh văn: **此娑婆界大地山河俱時不現。唯見十方微塵國土合成一界。梵唄詠歌自然數奏**

Phiên âm: **Thử ta-bà giới đại địa sơn hà câu thời bất hiện. Duy kiến thập phương vi trần quốc độ hợp thành nhất giới. Phạm bái vịnh ca tự nhiên sổ tấu.**

Việt dịch: Núi sông đất liền của cõi ta-bà nầy cùng lúc không hiện ra. Chỉ thấy các quốc độ như vi trần trong mười phương hợp thành một thế giới. Kệ tụng, tán ca tự nhiên vang lên.

Giảng: Núi sông đất liền của cõi ta-bà nầy cùng lúc không hiện ra. Chỉ thấy các quốc độ như vi trần trong mười phương hợp thành một thế giới.

Thế giới chúng ta đang ở gọi là ta-bà (saha). Tên gọi đó có nghĩa là kham nhẫn. Biểu tượng cho chúng sinh phải kham chịu khổ đau trong thế giới nầy. Thực vậy, rất khó chịu đựng, nhưng mọi người đều phải trực tiếp nhận chịu nó, chứ không phải chỉ thừa nhận cái khổ. Họ xem khổ là vui. Họ nghĩ rằng ở đây thật là tốt đẹp.

Tuy nhiên, lúc này, thì cõi ta-bà cùng một lúc biến mất. Đó là do năng lực thần thông của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni tạo nên cho đại chúng thấy. Các Phật độ nhiều như vô số vi trần hợp lại thành một. Kệ tụng, tán ca tự nhiên vang lên.

Phạm âm, tán ca thanh tịnh vang lên khắp mọi nơi. Trước đó, rừng cây, sông hồ đã diễn ra pháp âm, nhưng ở nơi nầy, vạn pháp đều tuyên bày pháp âm bằng những bài kệ tụng và tán ca rất thanh tịnh vi diệu.

Nước chảy, gió reo đều tuyên thuyết Đại thừa,
Hoa sen thất bảo trong hồ, bốn màu rực rỡ, lấp lánh sắc vàng. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi TUYỂN CHỌN CĂN VIÊN THÔNG

Kinh văn: **於是如來告文殊師利法王子: 汝今觀此二十五無學諸大菩薩及阿羅漢,各說最初成道方便,皆言修習真實圓通。彼等修行實無優劣前後差別。**

Phiên âm: Ư thị Như Lai cáo Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử: "Nhữ kim quán thử nhị thập ngũ vô học chư Đại Bồ-tát cập A-la-hán, các thuyết tối sơ thành đạo phương tiện, giai ngôn tu tập chơn thật viên thông. Bỉ đẳng tu hành thật vô ưu liệt tiền hậu sai biệt.

Việt dịch: Lúc đó, Đức Như Lai bảo ngài Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử rằng: "Nay ông hãy xem trong 25 vị Đại Bồ-tát và A-la-hán vô học, mỗi vị đều trình bày phương tiện ban đầu để thành đạo, họ đều nói về tu tập tính viên thông chân thật. Việc tu hành của các vị đó thật là chẳng có chỗ hơn kém, trước sau khác nhau."

Giảng: Lúc đó, Đức Như Lai, là Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, bảo ngài Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử rằng: "Nay ông hãy xem trong 25 vị Đại Bồ-tát và A-la-hán vô học"

Nay ông hãy xem xét, các pháp môn phương tiện mà 25 bậc thánh nầy đã vận dụng tu tập. 'Vô học' là chỉ cho những vị đã chứng được quả vị thứ tư của hàng A-la-hán hoặc cao hơn. Mỗi vị đều trình bày phương tiện ban đầu để thành đạo, họ đều nói về tu tập tính viên thông chân thật. Họ đã chân thực chứng được tính viên thông của các căn. Việc tu hành của các vị đó thật là chẳng có chỗ hơn kém, trước sau khác nhau. Thực vậy, không có cách nào để phân biệt sự hơn kém, trước sau, khác nhau giữa các vị ấy là như thế nào.

Kinh văn: **我今欲令阿難開悟,二十五行,誰當其根。兼我滅後,此界眾生 入菩薩乘 ,求無上道。何方便門得易成就?**

Phiên âm: Ngã kim dục linh A-nan khai ngộ, nhị thập ngũ hạnh, thuỳ đương kỳ căn? Kiêm ngã diệt hậu, thử giới chúng sanh, nhập bồ tát thừa cầu vô thượng đạo. Hà phương tiện môn đắc dị thành tựu?

Việt dịch: Nay Như Lai muốn khiến cho A-nan khai ngộ, thì trong 25 hạnh tu đó, hạnh nào hợp với căn cơ A-nan? Và sau khi Như Lai diệt độ, chúng sinh trong cõi nầy muốn thể nhập Bồ-tát thừa, cầu đạo vô thượng, do phương tiện gì mà dễ thành tựu?

Giảng: Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nói: Nay Như Lai muốn khiến cho A-nan khai ngộ. A-nan vẫn còn trong sơ quả A-la-hán. Như Lai muốn ông ta được giác ngộ và chứng được quả vị thứ hai, quả vị thứ ba và quả vị thứ tư của A-la-hán, thì trong 25 hạnh tu đó, hạnh nào hợp với căn cơ A-nan? Pháp môn nào thích hợp với căn cơ của A-nan? Trong 18 giới và bảy đại, pháp môn nào tương ứng với A-nan? Và sau khi Như Lai diệt độ, chúng sinh trong cõi nầy muốn thể nhập Bồ-tát thừa, cầu đạo vô thượng, do phương tiện gì mà dễ thành tựu?

Chúng sinh được đề cập ở đây chính là chúng ta. Chúng ta đang nghe pháp ở trong Phật giáo Giảng đường chính là đối tượng mà Đức Phật muốn nói đến. Quý vị nào đang đọc kinh nầy cũng được bao gồm trong giới nầy. Thế nên quý vị đứng tách mình ra và bảo rằng, "Mình chẳng có phần trong đó." Cách ấy, quý vị chỉ làm cho mình rối thêm. Nếu quý vị đặt mình ra ngoài số người đó thì quý vị sẽ rơi vào đời sau, và nếu quý vị biến thành ngựa, heo, bò, chó, gà, thì chẳng dễ dàng gì được nghe Kinh Thủ-lăng-nghiêm. Chỉ vì một điều, quý vị không thể nào nhảy một bước lên bốn bậc thang để đến giảng đường! Ở Hồng Kông, có những con vịt đến nghe tôi giảng kinh, nhưng đó là ở tầng trệt.

Đã từ lâu, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã sắp đặt chỗ ngồi cho chúng ta trong pháp hội nầy để bây giờ diễn ra như vậy. Quý vị đừng khinh thường chính mình. Dĩ nhiên, nếu bây giờ quý vị không đến đây nghe kinh, thì quý vị sẽ chẳng có phần.

"Trong các pháp môn nầy, pháp môn nào thích hợp nhất cho các chúng sinh trong đời sau có đại căn cơ, phát tâm tìm cầu Vô thượng đaọ?" Đức Phật hỏi ngài Văn-thù-sư-lợi. "Pháp môn nào dễ đưa đến sự thành tựu nhất? Văn-thù-sư-lợi hãy lưu tâm để chọn ra một pháp môn."

Kinh văn: **文殊師利法王子奉佛慈旨,即從座起頂禮佛足。承佛威神說偈對佛。**

Phiên âm: Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử phụng Phật từ chỉ, tức tòng toà khởi đỉnh lễ Phật túc. Thừa phật oai thần, thuyết kệ đối Phật.

Việt dịch: Ngài Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử vâng lời dạy của Đức Phật, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật. Nương vào oai thần của Đức Phật, đáp bằng kệ rằng:

Giảng: Ngài Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử vâng lời dạy của Đức Phật, liền từ chỗ ngồi đứng dậy.

Bồ-tát Diệu Cát Tường được Đức Phật giao phó tuyển chọn từ trong 18 giới và bảy đại, một phương pháp tu tập để đạt được viên thông. Ngài sẽ tìm một pháp môn thích hợp với ngài A-nan nhất và cho cả chúng ta để tu hành. Sáu căn, sáu trần, sáu thức tạo thành 18 giới. Đất, nước, lửa, gió, cùng với không, thức, kiến, làm thành bảy đại như đã được giải thích tường tận trước đây.

Nghe lợi dạy từ bi của Đức Phật, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật. Nương vào oai thần của Đức Phật, đáp bằng kệ rằng:

Các vị Bồ-tát và A-la-hán đều có chỗ ngồi chung quanh Đức Phật, không như Hoả đầu Kim cang, là vị phải đứng trong pháp hội. Kệ tụng có thể gồm nhiều âm tiết và nhiều dòng, nhưng nó đều chứa đựng đạo lý trong kinh.

Kinh văn: **覺海性澄圓 圓澄覺元妙 元明照生所 所立照性亡。**

Phiên âm: Giác hải tánh trừng viên Viên trừng giác nguyên diệu Nguyên minh chiếu sanh sở Sở lập chiếu tánh vong.

Việt dịch: Biển giác tánh lặng trong viên mãn Vốn nhiệm mầu viên mãn trong lặng Tánh bản minh chiếu thành ra như "sở" Tướng "sở" lập, mất tánh bản minh.

Giảng: Biển giác tánh lặng trong. Biển giác ngộ thì rộng lớn vô cùng, trong đó chứa trọn núi sông đất liền, cây cỏ và vô số vạn vật. Tánh của biển giác vừa trong lặng vừa viên mãn. Vốn nhiệm mầu viên mãn trong lặng. Tính trong lặng và viên mãn của biển giác vốn rất nhiệm mầu. Nhưng chính trong cái vi diệu nầy, chỉ một niệm chân vọng vi tế sinh khởi, và ánh sáng bản minh chiếu ra thành như có đối tượng (năng/sở). Tánh bản minh chiếu thành ra như "sở" Tướng "sở" lập, mất tánh bản minh. Căn bản là biển giác đều chứa đựng mọi thứ trong đó cả. Không có thứ gì chẳng phải là trong tánh Như Lai tạng. Nhưng ngay khi có một niệm vô minh, thì hư vọng liền sinh khởi. Khi đã có hư vọng, thì có đối tượng của nó–là trần cảnh–trần tướng vọng cảnh. Do vì cái vọng chiếu nầy, sự sáng suốt bản hữu trong tánh giác không còn chiếu diệu nữa, như khi bầu trời bị mây che phủ. Khi cái vọng cảnh đã lập nên rồi, thì tánh chiếu soi chân thực cũng bị tiêu mất, tức đem tánh bản hữu trong Như Lai tạng chuyển thành vô minh tàng thức.

Kinh văn: **迷妄有虛空 依空立世界 想澄成國土 知覺乃眾生。**

Phiên âm: Mê vọng hữu hư không Y không lập thế giới Tưởng trừng thành quốc độ Tri giác nãi chúng sanh.

Việt dịch: Do mê vọng thấy có hư không Nương hư không, hình thành thế giới Tưởng lắng đọng, thành cõi nước Tri giác phân biệt, thành chúng sinh.

Giảng: Do mê vọng thấy có hư không. Vì có hư vọng, nên năng sở (đối đãi, khách quan/chủ quan) hình thành. Vốn là, cả hai phương diện đều là hư vọng. Trong bản thể của biển tánh giác ngộ thì chẳng có một chút nào biểu hiện hiện tượng. Vốn chẳng có một vật nào cả. Không có năng sở. Chỉ nương nơi chân mà khởi nên vọng, hối muội thành ra hư không, mê mờ tánh không làm ngoan không, thành ra hoàn toàn có hư không, nương vào hư không lại vọng lập ra đủ các thứ thế giới hiện tượng.

'Nhìn lâu thì hóa ra mỏi mệt.' Sau khi kéo dài một thời gian, sự diên trì khiến cho mỏi mệt. Và rồi cái hư vọng và mê mờ sinh khởi thành ngoan không. Mà trong biển tánh giác ngộ thì vốn chẳng có một thứ gì cả, kể cả hư không. Dòng kệ ở đoạn sau mô tả:
Không sanh đại giác trung
Như hải, nhất âu phát.
Thật là tối nghĩa làm sao! Và thế nên, chúng ta nghĩ rằng hư không là cái gì đó mênh mông rộng lớn lắm. Nương hư không, hình thành thế giới. Mười phương ba đời trở nên hiện hữu.
Tưởng lắng đọng, thành cõi nước
Khi thời gian và không gian đã sinh khởi từ hư không, thì vọng tưởng trở nên cứng chắc, nó làm thành đất liền.
Tri giác phân biệt, thành chúng sinh.
Vọng tưởng lắng đọng lại kết thành quốc độ. Vọng tưởng tri giác tạo thành chúng sinh.

Kinh văn: **空生大覺中 如海一漚發 有漏微塵國 皆從空所生 漚滅空本無 況復諸三有。**

Phiên âm: Không sanh đại giác trung Như hải nhất âu phát, Hữu lậu vi trần quốc, Giai tòng không sở sanh, Âu diệt không bổn vô, Huống phục chư tam hữu.

Việt dịch: Hư không sanh trong Đại giác, Như một bọt nước nổi lên giữa biển, Cõi nước hữu lậu như vi trần, Đều nương hư không mà phát sanh. Bọt nước tan, hư không vốn chẳng còn, Huống nữa là sự hiện hữu trong ba cõi.

Giảng: Dòng đầu tiên trong bài kệ nầy là:
Giác hải tánh trừng viên
Viên trừng giác nguyên diệu.
Tính viên mãn của cội nguồn bồ-đề thanh tịnh là vô cùng vi diệu. Nay bài kệ nói đến Hư không sanh trong Đại giác. Chúng ta đều biết sự hiện hữu của hư không, nhưng có biết hư không từ đâu mà có chăng? Tôi tin rằng chẳng có ai biết. Vì hư không quá rộng lớn. Không thể nào biết được giới hạn của hư không hay cội nguồn của nó. Ai là mẹ của hư không?. Chẳng có ai biết. Nhưng nay Kinh Thủ-lăng-nghiêm chỉ ra cội nguồn của nó. Hư không sinh ra từ tánh của đại giác ngộ. Và thế nên trong khoảng đó, nó cực kỳ vi tế. Nó lớn chăng? Nó như một bọt nước nổi lên giữa biển–như những bọt bong bóng giữa dại dương.
Cõi nước hữu lậu như vi trần
Đều nương hư không mà phát sanh.

Có ba thứ lậu:
1. Dục lậu.
2. Hữu lậu.
3. Vô minh lậu.

Vô số cõi nước hữu lậu đều phát sinh từ hư không. Hư không phát sinh từ đại giác, và quốc độ phát sinh từ hư không,
Bọt nước tan, hư không vốn chẳng còn.
Giống như bọt nước tan trong biển, hư không cũng biến mất trong đại giác.
Huống nữa là sự hiện hữu trong ba cõi.

Kinh văn: **歸元性無二 方便有多門 聖性無不通 順逆皆方便 初心入三昧 遲速不同倫。**

Phiên âm: Quy nguyên tánh vô nhị Phương tiện hữu đa môn, Thánh tánh vô bất thông, Thuận nghịch giai phương tiện, Sơ tâm nhập tam muội, Trì tốc bất đồng luân.

Việt dịch: Về nguồn, tánh không hai, Phương tiện có nhiều đường, Tánh giác vốn dung thông, Thuận nghịch là phương tiện, Sơ tâm vào tam muội, Mau chậm chẳng đồng nhau.

Giảng: Trong bài kệ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói rằng hư không giống như bọt nổi trong biển giác ngộ, và các cõi nước sinh ra trong hư không đó cũng cực kỳ vi tế. Nếu hư không biến mất, thì mọi cõi nước, núi sông đất liền và mọi chúng sinh và các loài hữu tình khí thế gian đều cũng biến mất. Về nguồn, tánh không hai.

"Về nguồn" có nghĩa là thành tựu Phật quả. Chỉ có một nơi để trở về, đó là bản quán của quý vị. Thế gian mà chúng ta đang sinh sống đây không phải là ngôi nhà bản tánh của mình. Quý vị liền phản đối, "Tôi có nhà!" Nhưng ngôi nhà đó không phải là ngôi nhà chân thực của quý vị. Thành Phật là nhận ra ngôi nhà chân thực của mình. Trước khi thành Phật, quý vị là người đi lang thang từ khách sạn nầy sang khách sạn khác. Quý vị là người luôn luôn di chuyển.

Phương tiện có nhiều đường. Còn 'phương tiện' có nghĩa là còn bị vướng mắc. Chẳng hạn, có lần đứa trẻ đang bò đến gần một miệng giếng trên mặt đất. Nếu đứa trẻ tiếp tục bò, nó sẽ rơi xuống giếng. Đức Phật thấy vậy, nhưng ngài biết rằng nếu gọi đứa trẻ hãy quay trở lại, nó chẳng nghe lời mà còn cố bò về phía trước. Thế nên ngài nắm bàn tay lại, đưa lên cao, rồi gọi, "Này con! Hãy trở lại! Ta sẽ cho con kẹo. Con thích kẹo không?" Khi đứa trẻ nghe có kẹo, nó liền quay trở lại. Vốn chẳng có kẹo trong tay Đức Phật. Nhưng Đức Phật nói dối chăng? Không. Đó là một ví dụ của pháp phương tiện. Đức Phật đã dùng 'bàn tay không để cứu đứa bé' vì lúc đó chẳng còn cách gì khác. Pháp môn phương tiện rất nhiều. Nói chung, bất kỳ phương pháp nào mà quý vị dùng để cứu người thì đó gọi là pháp phương tiện.

Tánh giác vốn dung thông
Thuận nghịch là phương tiện

Khi quý vị đã chứng được pháp tánh của một bậc thánh, thì chẳng có điều gì mà quý vị không hiểu. Cái gì thuận cũng là phương tiện và cái gì nghịch cũng là phương tiện. Điều gì hợp với năng lực và hoàn cảnh, thì quý vị có thể vận dụng vào việc tu tập. Cái gì là 'nghịch'–là điều không thích hợp với hoàn cảnh của mình mà vẫn được ứng dụng trong tu tập. Cả điều thuận và nghịch trong công phu tu tập của mình đều là pháp phương tiện.

Sơ tâm vào tam muội
Mau chậm chẳng đồng nhau.

Có người tu tập rất nhanh, có người chậm. Thế nên họ không thể xem như đồng một dạng được.

Kinh văn: **色想結成塵 精了不能徹 如何不明徹 於是獲圓通。**

Phiên âm: **Sắc tưởng kết thành trần Tinh liễu bất năng triệt, Như hà bất minh triệt, Ư thị hoạch viên thông**

Việt dịch: Sắc và vọng tưởng kết lại thành 'trần.' Thể tính của nó không thể thông suốt được, Làm sao từ chỗ không thông suốt ấy, Mà mong được tính viên thông?

Giảng: Sắc được hình thành từ vọng tưởng. Sắc và vọng tưởng kết hợp lại với nhau thành 'trần.' Chính là sắc trần. Thể tính của nó không thể thông suốt được. Không rõ ràng và có thể nhận biết được.
Làm sao từ chỗ không thông suốt ấy
Mà mong được tính viên thông?
Có thể nào quý vị mong chứng được viên thông với một phương pháp chẳng rõ ràng và toàn triệt? Điều ấy không thể. Bài kệ cho biết rằng dùng sắc trần để tu tập viên thông vốn chẳng phải là phương pháp hay nhất. Có người có thể chứng quả thông qua phương pháp nầy, nhưng chỉ vì họ có những nhân duyên đặc biệt với pháp môn đặc thù đó. Đó chẳng phải là điều mà mọi người có thể tu tập được.

Kinh văn: **音聲雜語言 但伊名句味　一非含一切 云何獲圓通。**

Phiên âm: **Âm thinh tạp ngữ ngôn Đãn y danh cú vị Nhất phi hàm nhất thiết Vân hà hoạch viên thông?**

Việt dịch: Thanh âm kết hợp ngữ ngôn, Chỉ nương theo câu chữ Nếu cái một đã không bao hàm tất cả Làm sao để tu chứng viên thông?

Giảng: Có người chứng đạo nhờ phương tiện là thanh trần. Tuy nhiên,
Thanh âm kết hợp ngữ ngôn,
Chỉ nương theo câu chữ
Nếu cái một đã không bao hàm tất cả
Không có một lời nào, một danh hiệu nào, một câu nói nào có thể nói hết về mọi điều. Thì
Làm sao để tu chứng viên thông?
Nên không thể nào chọn thanh trần như là phương pháp để tu chứng viên thông.

Kinh văn: **香以合中知 離則元無有 不恒其所覺 云何獲圓通 。**

Phiên âm: Hương dĩ hợp trung tri Ly tắc nguyên vô hữu Bất hằng kỳ sở giác Vân hà hoạch viên thông?

Việt dịch: Lúc hoà hợp, hương mới thành tác dụng; Nếu rời ra, hương vốn chẳng có. Sở giác đã không tương tục hiện hữu, Khó mà tu chứng được viên thông?

Giảng: Hương Nghiêm Đồng tử chứng đạo nhờ vào hương trần. Nhưng Lúc hoà hợp, hương mới thành tác dụng. Mũi phải hít vào mùi hương thì nó mới biết được có mùi hương. Nếu rời ra, hương vốn chẳng có. Hương chẳng hiện hữu.
Sở giác (cái nhận biết về mùi hương) đã không tương tục hiện hữu,
Khó mà tu chứng được viên thông.
Vì bản chất của hương là chẳng thường hằng chẳng biến dị, nên ta không luôn luôn có được cái nhận biết về nó, và vì thế nên hương trần không được xem như là phương pháp hay nhất để tu chứng viên thông.

Kinh văn: **味性非本然 要以味時有 其覺不恒一 云何獲圓通 。**

Phiên âm: Vị tánh phi bản nhiên Yếu dĩ vị thời hữu Kỳ giác bất hằng nhất Vân hà hoạch viên thông?

Việt dịch: Vị, không phải đương nhiên tự có, Phải nếm mới biết có vị. Với vị giác cũng không tương tục. Làm sao tu chứng được viên thông?

Giảng: Dù có những người đã chứng ngộ nhờ vào vị trần, nhưng vị không phải đương nhiên tự có. Tánh của vị không phải là tự tánh viên mãn. Do Phải nếm mới biết có vị. Vị chỉ hiện hữu khi nào có thứ gì đó có hương vị thì vị trần mới hiện hữu.
Với vị giác cũng không tương tục.
Làm sao tu chứng được viên thông?
Tánh biết của vị không phải là lúc nào cũng hiện hữu. Do vậy, không cho phương pháp nầy như là pháp môn để tu tập viên thông.

Kinh văn: **觸以所觸明 無所不明觸 合離性非定 云何獲圓通 。**

Phiên âm: Xúc dĩ sở xúc minh Vô sở bất minh xúc Hợp ly tánh phi định Vân hà hoạch viên thông?

Việt dịch: Xúc, có vật chạm mới biết, Nếu không vật chạm, xúc không thành. Lúc hợp, lúc ly, tánh bất định. Làm sao tu chứng được viên thông?

Giảng: Xúc, có vật chạm mới biết,
Dù có người ngộ đạo nhờ vào tu tập xúc trần. Nhưng xúc chỉ có được khi có vật xúc chạm.
Nếu không vật chạm, xúc không thành.
Cách duy nhất để có thể cảm nhận được sự xúc chạm là có ai đó tạo sự xúc chạm với một vật nào đó.
Lúc hợp, lúc ly, tánh bất định.
Làm sao tu chứng được viên thông?
Do vậy, xúc trần cũng không được dùng như một phương pháp để tu chứng viên thông.

Kinh văn: **法稱為內塵 憑塵必有所 能所非遍涉 云何獲圓通 。**

Phiên âm: Pháp xưng vi nội trần Bằng trần tất hữu sở Năng sở phi biến thiệp Vân hà hoạch viên thông?

Việt dịch: Pháp còn gọi là nội trần. Nương theo trần, tất có 'sở'. Năng sở chẳng biến nhập thành một Làm sao mà tu chứng viên thông?

Giảng: Ngài Ma-ha Ca-diếp tu tập ý căn thông qua pháp trần, và ngài đã chứng được Diệt thọ tưởng định.
Pháp còn gọi là nội trần.
Pháp trần là dối tượng của ý căn.
Nương theo trần, tất có 'sở'. (giác quan)
Vì nó là trần cảnh, nên chúng phải có một nơi chốn. Vì nó có nơi chốn, nên nó không thể ở trong mức độ 'không nhưng chẳng không.'
Năng sở chẳng biến nhập thành một. Tính giao thiệp, tương nhập của chủ thể và đối tượng (năng/sở) chưa được toàn triệt, chưa toàn diện.
Làm sao mà tu chứng viên thông?

Kinh văn: **見性雖洞然 明前不明後 四維虧一半 云何獲圓通。**

Phiên âm: Kiến tánh tuy đỗng nhiên Minh tiền bất minh hậu Tứ duy khuy nhất bán Vân hà hoạch viên thông?

Việt dịch: Tánh thấy vốn rỗng rang bao quát Nhưng chỉ thấy được phía trước chẳng thấy được phía sau; Bốn phía, thiếu đi một nửa, Làm sao mà tu chứng viên thông?

Giảng: Tánh thấy vốn rỗng rang bao quát. Mắt có thể thấy rõ ràng thông suốt. Nhưng chỉ thấy được phía trước chẳng thấy được phía sau. Nếu mắt nhìn phía trước, thì chẳng thấy được phía sau. Nếu nhìn bên phải, thì chẳng thấy được bên trái. Bốn phía, thiếu đi một nửa. Chỉ có thể cùng lúc nhìn thấy được hai trong bốn phía.
Làm sao mà tu chứng viên thông?
Nên đó không phải là phương pháp chọn ra để tu chứng viên thông.

Kinh văn: **鼻息出入通 現前無交氣 支離匪涉入 云何獲圓通。**

Phiên âm: Tỵ tức xuất nhập thông Hiện tiền vô giao khí Chi ly phỉ thiệp nhập Vân hà hoạch viên thông?

Việt dịch: Mũi thở ra thở vào, Khoảng giữa, hiện không có thở; Không dung thông, còn cách trở, Làm sao tu chứng viên thông?

Giảng: Mũi thở ra thở vào,
Bài kệ nầy luận về tỷ căn. Khoảng giữa, hiện không có thở. Có khi nín thở. Hơi thở được dừng lại.

Không dung thông, còn cách trở. Tình trạng nầy là một sự khiếm khuyết và khiến cho tỵ căn cũng không thích hợp. Nó không hoàn toàn viên mãn. Làm sao tu chứng viên thông? Do vậy, nó không thể được chọn làm phương pháp để tu chứng viên thông.

Kinh văn: **舌非入無端 因味生覺了 味亡了無有 云何獲圓通。**

Phiên âm: Thiệt phi nhập vô đoan Nhơn vị sanh giác liễu Vị vong liễu vô hữu Vân hà hoạch viên thông?

Việt dịch: Lưỡi không vị, tánh nếm không thành. Nhân các vị, mới có hay biết. Không có vị, rốt ráo chẳng có gì. Làm sao mà tu chứng viên thông.

Giảng: Lưỡi không vị, tánh nếm không thành. Vị phải tiếp xúc với lưỡi (thiệt căn) thì mới có được vị giác đó. Nếu không có vị, thì chẳng biết được gì cả. Nhân các vị, mới có hay biết. Có trải nghiệm được cái hay biết là nhờ vị trần. Không có vị, rốt ráo chẳng có gì.

Làm sao mà tu chứng viên thông.
Quý vị không thể nào dùng phương pháp nầy mà tu chứng được viên thông.

Kinh văn: **身與所觸同 各非圓覺觀　涯量不冥會 云何獲圓通。**

Phiên âm: Thân dữ sở xúc đồng Các phi viên giác quán Nhai lượng bất minh hội Vân hà hoạch viên thông?

Việt dịch: Thân biết xúc cùng với cảnh sở xúc (đối tượng) giống nhau Cả hai đều có giới hạn, không cùng khắp. Nếu không xác định và nhận ra được tính không hạn lượng. Thì làm sao mà tu chứng viên thông?

Giảng: Thân biết xúc cùng với cảnh sở xúc (đối tượng) giống nhau
Phương pháp dùng thân căn (để tu tập) cũng giống như xúc trần. Cả hai đều có giới hạn, không cùng khắp.
Tánh biết của chúng chưa được hoàn toàn.
Nếu không xác định và nhận ra được tính không hạn lượng.
Thì làm sao mà tu chứng viên thông?
Nó được đánh giá bằng sự hạn và số lượng, và đó là mối quan hệ không thể thấy được giữa xúc trần, do vậy, nó không được chọn là pháp tu viên thông hay nhất.

Kinh văn: **知根雜亂思 湛了終無見 想念不可脫 云何獲圓通 。**

Phiên âm: Tri căn tạp loạn tư Trạm liễu chung vô kiến Tưởng niệm bất khả thóat Vân hà hoạch viên thông?

Việt dịch: Ý căn thường xen với loạn tưởng. Khi dừng lặng thì chẳng thấy biết gì. Nếu không thóat được các niệm tưởng. Làm sao mà tu chứng viên thông?

Giảng: Ý căn thường xen với loạn tưởng. Cái mà tâm ý biết được chính là pháp trần, là một hỗn hợp gồm các loạn tưởng.
Khi dừng lặng thì chẳng thấy biết gì.
Nếu không thóat được các niệm tưởng.
Làm sao mà tu chứng viên thông?
Nó chẳng bao giờ đạt đến được cái gọi là trạm tịch, cũng chẳng bao giờ đạt đến chỗ rốt ráo, vì con người không bao giờ có thể vượt qua được khi niệm tưởng–vọng tưởng và sóng thức–vẫn còn tồn tại. Làm sao mà những yếu tố nầy có thể dẫn đến viên thông?

Kinh văn: **識見雜三和 詰本稱非相 自體先無定 云何獲圓通 。**

Phiên âm: Thức kiến tạp tam hoà Cật bổn xưng phi tướng Tự thể tiên vô định Vân hà hoạch viên thông?

Việt dịch: Nhãn thức phát khởi nhờ căn trần. Gạn xét tột cùng nó không tự tướng Tự thể vốn đã không nhất định Làm sao mà tu chứng viên thông?

Giảng: Nhãn thức phát khởi nhờ căn trần.
Đoạn kệ tụng nầy đề cập đến các thức, vốn là sự kết hợp của sáu căn bên trong và sáu trần bên ngoài. Sáu căn có tính biết, trong khi sáu trần thì không. Do vậy, sáu thức có một nửa biết và một nửa không biết. Ba thành phần nầy kết hợp với nhau để thành ra thức. Gạn xét tột cùng nó không tự tướng. Thức không có tự tướng.
Tự thể vốn đã không nhất định
Làm sao mà tu chứng viên thông?
Vì chính các thức đã là trong trạng thái biến chuyển liên tục. Làm sao có thể dùng nó để mà tu tập viên thông? Thế nên nhãn thức cũng không được chọn.

Kinh văn: **心聞洞十方 生于大因力 初心不能入 云何獲圓通 。**

Phiên âm: Tâm văn đỗng thập phương Sanh vu đại nhân lực Sơ tâm bất năng nhập Vân hà hoạch viên thông?

Việt dịch: Tâm nghe, thấu suốt cả mười phương Là do lực của đại nhân duyên Hàng sơ tâm không thể đến chỗ ấy Làm sao mà tu chứng viên thông?

Giảng: Tâm nghe, thấu suốt cả mười phương. Pháp môn mà Bồ-tát Phổ Hiền tu tập đó là nhĩ thức. Nhưng tánh nghe chỉ rộng khắp khi do lực của đại nhân duyên.
Pháp môn nầy đòi hỏi phải có năng lực từ một nhân duyên rất thù thắng. Chỉ có như vậy mới tu tập được pháp môn nầy. Hàng sơ tâm không thể đến chỗ ấy. Chúng sinh vừa mới phát tâm tu tập Bồ-tát đạo sẽ không thích hợp với pháp môn nầy. Do hàng sơ phát tâm không thể tu tập pháp môn nầy, nên Làm sao mà tu chứng viên thông. Pháp môn nầy cũng không được chọn.

Kinh văn: **鼻想本權機 秖令攝心住 住成心所住 云何獲圓通。**

Phiên âm: **Tỵ tưởng bổn quyền cơ Kỳ linh nhiếp tâm trụ Trụ thành tâm sở trụ Vân hà hoạch viên thông?**

Việt dịch: Quán chóp mũi đó chỉ là quyền phương tiện, Nhằm thu nhiếp, an trụ tâm. Nếu đối tượng quán sát trở thành "sở trụ" Làm sao mà tu chứng viên thông?

Giảng: Quán chóp mũi đó chỉ là quyền phương tiện. Tôn-đà-la Nan-đà (Sundarananda) tu tập pháp quán tướng trắng trên chóp mũi. Tu pháp môn nầy liên quan đến tưởng, thế nên đó là một phương tiện khéo léo. Nhằm thu nhiếp, an trụ tâm. Phương pháp đó là để giúp cho tâm được an trụ.
Nếu đối tượng quán sát trở thành "sở trụ"
Mục tiêu của phương pháp nầy là đem tâm về an trụ tại một nơi, nhưng vì tiếp tục có một nơi để tâm an trụ, thì Làm sao mà tu chứng viên thông? Nên pháp môn nầy cũng không được chọn.

Kinh văn: **說法弄音文 開悟先成者 名句非無漏 云何獲圓通 。**

Phiên âm: **Thuyết pháp lộng âm văn Khai ngộ tiên thành giả Danh cú phi vô lậu Vân hà hoạch viên thông?**

Việt dịch: Thuyết pháp vận dụng âm thanh văn tự Chỉ khai ngộ cho người trước đã gieo trồng chủng tử Phật. Danh cú, văn tự không phải là vô lậu. Làm sao mà tu chứng viên thông?

Giảng: Phú-lâu-na di-đa-la-ni Tử giảng pháp và giác ngộ nhờ ở thiệt căn. Thuyết pháp vận dụng âm thanh văn tự. Khi thuyết pháp và giảng kinh, thanh âm nói ra phải hay và phải hoàn hảo khi biểu hiện qua văn tự. Nên đó là Chỉ khai ngộ cho người trước đã gieo trồng chủng tử Phật. Danh cú, văn tự không phải là vô lậu. Làm sao mà tu chứng viên thông?

Vì đó là đối tượng của pháp hữu lậu, nên không thể chon pháp môn ấy làm phương tiện để tu chứng viên thông.

Kinh văn: **持犯但束身 非身無所束 元非遍一切 云何獲圓通 。**

Phiên âm: **Trì phạm đãn thúc thân Phi thân vô sở thúc Nguyên phi biến nhất thiết Vân hà hoạch viên thông?**

Việt dịch: Giữ giới chỉ câu thúc cái thân, Ngoài thân, lấy gì câu thúc ? Giới và thân vốn không cùng khắp Làm sao mà tu chứng viên thông?

Giảng: Trưởng lão Ưu-ba-ly chuyên trì giới. Giữ giới chỉ câu thúc cái thân. Giữ giới hoặc phá giới cũng do ở thân. Đây là pháp thân liên hệ đến thân và tâm. Ngoài thân, lấy gì câu thúc?
Nếu quý vị không có thân, thì chẳng cần phải kềm giữ chế ngự chúng.
Giới và thân vốn không cùng khắp
Làm sao mà tu chứng viên thông?
Phương pháp nầy không được toàn vẹn. Nên không được chọn làm phương tiện để tu tập viên thông.

Kinh văn: **神通本宿因 何關法分別 念緣非離物 云何獲圓通 。**

Phiên âm: Thần thông bổn túc nhơn Hà quan pháp phân biệt Niệm duyên phi ly vật Vân hà hoạch viên thông?

Việt dịch: Thần thông là do tập nhân từ đời trước, Không dính dáng với ý thức phân biệt. Niệm lự, không tách rời sự vật Làm sao mà tu chứng viên thông.

Giảng: Mục-kiền-liên là người có thần thông đệ nhất, đó là nhờ vào ý thức mà ngài có được năng lực thần thông.
Thần thông là do tập nhân từ đời trước,
Có được thần thông là do nhân duyên đã được tích tập từ đời trước. Điều ấy Không dính dáng với ý thức phân biệt. Đó là vấn đề hoàn toàn khác hẳn với ý thức phân biệt.
Niệm lự, không tách rời sự vật.
Tuy nhiên, thần thông vẫn cần đến tiến trình của niệm tưởng. Do vậy, thần thông không tách rời với phạm trù vật lý nên tự nó chẳng toàn diện. Làm sao mà tu chứng viên thông. Nên tu tập để có được thần thông cũng chẳng phải là cách hay nhất.

Kinh văn: **若以地性觀 堅礙非通達　 有為非聖性 云何獲圓通。**

Phiên âm: Nhược dĩ địa tánh quán Kiên ngại phi thông đạt Hữu vi phi thánh tánh Vân hà hoạch viên thông?

Việt dịch: Khi quán tánh của đất, Vốn nó ngăn ngại, không thông suốt. Pháp hữu vi không là giác tánh Làm sao mà tu chứng viên thông.

Giảng: Khi quán tánh của đất,
Vốn nó ngăn ngại, không thông suốt.

Trì Địa Bồ-tát dùng phương pháp quán sát tánh của địa đại. Đất có tính cứng chắc và ngăn ngại. Không được dung thông. Đó là một pháp hữu vi, không phải là pháp môn để thể nhập dòng thánh.
Pháp hữu vi không là giác tánh
Làm sao mà tu chứng viên thông.
Nó không thể được xem như là phương pháp hay nhất để đạt đến viên thông.

Kinh văn: **若以水性觀 想念非真實 如如非覺觀 云何獲圓通**

Phiên âm: Nhược dĩ thuỷ tánh quán Tưởng niệm phi chơn thật Như như phi giác quán Vân hà hoạch viên thông?

Việt dịch: Khi quán tánh của nước, Đã là quán tưởng thì không phải chơn, Vì như như thì chẳng phải là giác quán, Nên làm sao mà tu chứng viên thông?

Giảng: Có hành giả muốn tu tập bằng phương pháp quán sát thuỷ đại và thể nhập vào Thuỷ quán Tam-muội như Nguyệt Quang Đồng tử đã tu tập.
Khi quán tánh của nước,
Đã là quán tưởng thì không phải chơn,
Vì khi hành giả nhập vào định theo phương pháp nầy, thì tiến trình của niệm tưởng, trạng thái tầm tư vi tế, ban đầu vẫn còn liên quan. Nhưng vì cảnh giới như như thì chẳng phải là giác quán. Nên phương pháp quán thuỷ đại chẳng phải pháp quán sát bản nhiên.
Nên làm sao mà tu chứng viên thông?
Thế nên phương pháp quán sát Thuỷ đại không được chọn làm pháp tu viên thông.

Kinh văn: **若以火性觀 厭有非真離　非初心方便 云何獲圓通。**

Phiên âm: Nhược dĩ hoả tánh quán Yếm hữu phi chơn ly Phi sơ tâm phương tiện Vân hà hoạch viên thông?

Việt dịch: Quán hỏa đại để trừ lửa tham dục Là do chán cái khổ, chưa phải viễn ly chơn thật. Chẳng phải là phương tiện của hàng sơ tâm Làm sao mà tu chứng viên thông?

Giảng: Hoả đầu Kim cang Ô-sô-sắc-ma tu tập pháp quán Hoả đại, vì ngài có tâm dâm dục rất mạnh. Đức Phật dạy ngài hãy quán sát lửa dục trong thân.
Quán hỏa đại để trừ lửa tham dục

Là do chán cái khổ, chưa phải viễn ly chơn thật.
Sự quyết tâm lìa bỏ tâm dâm dục nầy chẳng phải tự nó là sự viễn ly chân thật. Đây Chẳng phải là phương tiện của hàng sơ tâm. Đối đãi chẳng phải là pháp vô thượng bồ-đề. Làm sao mà tu chứng viên thông. Không thể chọn phương pháp nầy là pháp môn để tu chứng viên thông.

Kinh văn: **若以風性觀 動寂非無對 對非無上覺 云何獲圓通。**

Phiên âm: Nhược dĩ phong tánh quán Động tịch phi vô đối Đối phi vô thượng giác Vân hà hoạch viên thông?

Việt dịch: Nếu quán tánh phong đại Động tĩnh chẳng phải là không đối đãi Đã đối đãi tức chẳng phải là vô thượng giác. Làm sao mà tu chứng viên thông?

Giảng: Lưu Ly Quang Vương tử dùng Phong đại để tu tập viên thông. Nếu quán tánh phong đại
Động tĩnh chẳng phải là không đối đãi
Động và tĩnh là hai cái đối đãi, chẳng phải là tuyệt đối.
Đã đối đãi tức chẳng phải là vô thượng giác.
Đối đãi chẳng phải là pháp giác ngộ tối thượng.
Làm sao mà tu chứng viên thông.
Không thể cho phương pháp nầy để tu chứng viên thông.

Kinh văn: **若以空性觀 昏鈍先非覺 無覺異菩提 云何獲圓通。**

Phiên âm: Nhược dĩ không tánh quán Hôn độn tiên phi giác Vô giác dị bồ đề Vân hà hoạch viên thông?

Việt dịch: Nếu quán tánh không đại Hư không vô tri, chẳng hay biết. Không hay biết tức trái với bồ-đề. Làm sao mà tu chứng viên thông?

Giảng: Nếu quán tánh không đại. Hư Không Tạng Bồ-tát tu tập bằng cách quán tưởng thân mình rộng lớn như hư không và được giác ngộ. Nhưng ở trong bài kệ nầy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói: Con quán sát tánh của Không đại và thấy rằng: Hư không vô tri, chẳng hay biết. Yếu tố nầy thiếu sự sáng suốt khiến nó không thích hợp cho hàng sơ phát tâm.
Không hay biết tức trái với bồ-đề.
Làm sao mà tu chứng viên thông?
Phương pháp nây không được chọn làm pháp môn để tu tập viên thông.

Kinh văn: **若以識性觀 觀識非常住 存心乃虛妄 云何獲圓通。**

Phiên âm: **Nhược dĩ thức tánh quán, Quán thức phi thường trụ, Tồn tâm nãi hư vọng, Vân hà hoạch viên thông?**

Việt dịch: Nếu quán tánh thức đại. Thức sanh diệt chẳng thường trụ Chỉ bận tâm trong phân biệt hư vọng Làm sao mà tu chứng viên thông?

Giảng: Bồ-tát Di-lặc tu tập từ Thức đại. Ngài quán sát tánh của sáu thức. Nếu quán tánh thức đại. Thức sanh diệt chẳng thường trụ. Hãy thử nhìn vào thức tâm phân biệt, nó không dừng trụ lâu dài. Chỉ bận tâm trong phân biệt hư vọng. Nơi nào có đối tượng để quán, và có niệm quán tưởng, thì ở đó đều là hư vọng. Làm sao mà tu chứng viên thông. Thế nên phương pháp nầy không được xem là viên thông.

Kinh văn: **諸行是無常 念性無生滅　因果今殊感 云何獲圓通 。**

Phiên âm: **Chư hành thị vô thường, Niệm tánh vô sanh diệ, Nhân quả kim thù cảm, Vân hà hoạch viên thông?**

Việt dịch: Tất cả các hành đều vô thường, Tưởng niệm vốn trong vòng sanh diệt. Nhân quả nay đã quá sai khác. Làm sao mà tu chứng viên thông?

Giảng: Bồ-tát Đại Thế Chí tu tập Kiến đại. Ngài thu nhiếp tất cả sáu căn mà không cần lựa chọn, tịnh niệm liên tục.
Tất cả các hành đều vô thường,
Tưởng niệm vốn trong vòng sanh diệt.
Cả tánh của niệm tưởng và đối tượng được niệm tưởng cũng đều là thuộc về sinh diệt. Khi quý vị niệm, thì nó hiện ra; khi quý vị dừng niệm, thì nó biến mất.
Nhân quả nay đã quá sai khác.
Chúng ta mong được siêu việt ý niệm nhân quả
Làm sao mà tu chứng viên thông.
Thế nên pháp môn niệm Phật cũng không thích hợp cho việc tu chứng viên thông.

Kinh văn: **我今白世尊 佛出娑婆界 此方真教體 清淨在音聞 欲取三摩提　實以聞中入。**

Phiên âm: **Ngã kim bạch Thế tôn Phật xuất ta-bà giới Thử phương chơn giáo thể Thanh tịnh tại âm văn Dục thủ tam ma đề Thật dĩ văn trung nhập.**

Việt dịch: Con nay kính bạch Thế tôn Phật ra đời ở cõi ta-bà Thể chân thật của pháp môn trong cõi này Thanh tịnh do ở nói và nghe Muốn tu chứng tam-ma-đề Thật nên do tánh nghe mà vào.

Giảng: Đến thời điểm nầy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đã trình bày xong về các pháp môn mà các bậc thánh đã chứng được. Ngài tiếp tục trình bày:
Con nay kính bạch Thế tôn
Phật ra đời ở cõi ta-bà
Thể chân thật của pháp môn trong cõi này
Thanh tịnh do ở nói và nghe
Trong thế giới nầy, nơi được gọi là "nhẫn chịu," nơi Đức Phật đã thị hiện vì lòng từ bi, phương pháp chân thực để giáo hóa chúng sinh là tính thanh tịnh của âm thanh. Điều ấy chỉ cho pháp môn phản văn văn tự tánh.
Muốn tu chứng tam-ma-đề
Thật nên do tánh nghe mà vào.
Công phu phản văn văn tự tánh thực sự là vi diệu nhất, hay nhất trong tất cả các pháp môn.

Kinh văn: **離苦得解脫 良哉觀世音**

Phiên âm: **Ly khổ đắc giải thoát Lương tai Quán Thế Âm**

Việt dịch: Rời khổ, được giải thoát . Hay thay Quán Thế Âm!

Giảng: Rời khổ, được giải thóat. Chúng ta có thể lìa xa cái khổ và được giải thoát . Lìa khỏi cái khổ tất là giải thóat. Giải thóat chính là sự lìa xa cái khổ. Hay thay Quán Thế Âm! Pháp môn của Bồ-tát Quán Thế Âm thật là vi diệu!

Kinh văn: **於恒沙劫中 入微塵佛國 得大自在力 無畏施眾生。**

Phiên âm: **Ư hằng sa kiếp trung Nhập vi trần phật quốc Đắc đại tự tại lực Vô uý thí chúng sanh.**

Việt dịch: Trong kiếp số nhiều như cát sông Hằng Vào cõi Phật như vi trần Được lực tự tại rất to lớn. Bố thí sự vô uý cho chúng sinh.

Giảng: Vì sao Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi khen ngợi Bồ-tát Quán Thế Âm? Trong kiếp số nhiều như cát sông Hằng, Vào cõi Phật như vi trần. Trong nhiều kiếp,

Bồ-tát Quán Thế Âm đã thể nhập vào vô số quốc độ Phật nhiều như vi trần.
Được lực tự tại rất to lớn.
Bố thí sự vô uý cho chúng sinh. Với năng lực thần thông và đại tự tại, Bồ-tát Quán Thế Âm đã giúp cho mọi chúng sinh được sự không sợ hãi.

Kinh văn: **妙音觀世音 梵音海潮音 救世悉安寧 出世獲常住。**

Phiên âm: Diệu âm Quán Thế Âm Phạm âm hải triều âm Cứu thế tất an ninh Xuất thế hoạch thường trụ.

Việt dịch: Nhiệm mầu là âm thanh của Quán Thế Âm Âm thanh thanh tịnh như tiếng hải triều Cứu độ thế gian, khiến đều được an lành Xuất thế gian, được quả thường trụ.

Giảng: Nhiệm mầu là âm thanh của Quán Thế Âm
Quán Thế Âm Bồ-tát là vô cùng vi diệu.
Âm thanh thanh tịnh như tiếng hải triều
Âm thanh thanh tịnh và trong sáng của ngài giống như tiếng sóng của đại dương. Cứu độ thế gian, khiến đều được an lành. Ngài cứu độ cho mọi loài chúng sinh ở thế gian nầy, mang lại sự an bình và mãn nguyện cho tất cả.
Xuất thế gian, được quả thường trụ.
Ngài siêu việt thế gian và chứng được tánh giác thường trú. Ngài đạt được năng lực thần thông tự tại bất hoại, và thường trụ.

Kinh văn: **我今啟如來 如觀音所說 譬如人靜居 十方俱擊鼓 十處一時聞 此則圓真實。**

Phiên âm: Ngã kim khải Như Lai Như Quán Âm sở thuyết Thí như nhân tĩnh cư Thập phương câu kích cổ Thập xứ nhất thời văn Thử tắc viên chơn thật.

Việt dịch: Con nay kính bạch Như Lai Như lời Bồ-tát Quán Thế Âm vừa trình bày Ví như có người trong chỗ yên lặng Khắp mười phương đều đánh trống Mười xứ cùng lúc đều nghe Đó gọi là hoàn toàn chân thật.

Giảng: Con nay kính bạch Như Lai
Như lời Bồ-tát Quán Thế Âm vừa trình bày về việc ngài tu chứng viên thông.
Ví như có người trong chỗ yên lặng
Khắp mười phương đều đánh trống
Mười xứ cùng lúc đều nghe.

Trong mỗi nơi ở mười phương đều đánh trống cùng một lúc. Dù tiếng trống đến từ mười phương, nhưng một người ở trong căn phòng yên tĩnh có thể nghe được các tiếng trống ấy cùng một lúc.
Đó gọi là hoàn toàn chân thật.
Tánh (nghe) nầy mới chân thật là viên mãn.

Kinh văn: **目非觀障外 口鼻亦復然 身以合方知 心念紛無緒。**

Phiên âm: Mục phi quán chướng ngoại Khẩu tỵ diệc phục nhiên Thân dĩ hợp phương tri Tâm niệm phân vô tự

Việt dịch: Mắt không thể thấy khi có chướng ngại bên ngoài Thiệt căn, tỷ căn cũng như vậy Thân, khi hợp mới biết xúc. Ý căn, phân vân không manh mối.

Giảng: Mắt không thể thấy khi có chướng ngại bên ngoài
'Mắt' ở đây không phải là Phật nhãn, Huệ nhãn, Pháp nhãn, Thiên nhãn, hoặc nhục nhãn–chẳng phải là nhục nhãn. Điều đề cập đến ở đây là con mắt thông thường. Những con mắt nầy chỉ có thể thấy được trong giới hạn, không thể thấy xuyên suốt và ở trên nó. Nó không thể nhìn thấy được xuyên qua những vật chướng ngại. Chẳng hạn, nếu chúng ta đóng cửa sổ và buông màn xuống, thì chẳng thể nào nhìn thấy được cảnh vật bên ngoài. Ngay cả trong sự nhận biết những cái cận kề để sử dụng, chỉ một lớp da cũng ngăn che không cho ta thấy đường. Như chúng ta không thể nào thấy được cái gì bên trong thân với con mắt thông thường. Mắt của bậc thánh lại là một vấn đề khác, nhưng ở đây chúng ta đang bàn về khả năng của con mắt thường. Nó không thể thấy xuyên qua được một tờ giấy mỏng! Cũng vậy, khi nhìn bên phải thì không thể thấy được bên trái, và khi nhìn bên trái thì không thể thấy được bên phải.
Thiệt căn, tỷ căn cũng như vậy.
Giữa các hơi thở cũng có khoảng dừng khi không có không khí vào hoặc ra khỏi mũi. Và lưỡi phải có vị thì mới biết được tánh nếm. Không có gì để nếm, thì lưỡi chẳng có tác dụng. Nên hai căn nầy, đều ít nhiều giống như nhãn căn.
Thân, khi hợp mới biết xúc.
Thân phải tiếp xúc với đối tượng của xúc chạm thì xúc giác mới có được, và vì thế, nó cũng không được hoàn toàn.
Ý căn, phân vân không manh mối.
Niệm tưởng thì lăng xăng và hỗn loạn, không có một trật tự gì cho chúng cả, thế nên nó cũng chẳng hoàn toàn tốt cho việc tu chứng viên thông.

Kinh văn: **隔垣聽音響 遐邇俱可聞 五根所不齊 是則通真實。**

Phiên âm: Cách viên thính âm hưởng Hà nhĩ câu khả văn Ngũ căn sở bất tề Thị tắc thông chơn thật

Việt dịch: Cách tường, tai vẫn nghe được tiếng Xa gần đều nghe được Năm căn so sánh thật không bằng Thế mới chân thật thông.

Giảng: Với nhĩ căn, Cách tường, tai vẫn nghe được tiếng. Quý vị vẫn nghe được những gì bên kia bức tường. Xa gần đều nghe được.
Năm căn so sánh thật không bằng. Mắt, mũi, lưỡi thân ý đều không có tác dụng như nhĩ căn–nó hòan hảo hơn những căn nầy. Tác dụng của nó hoàn toàn dung thông và không bị ngăn ngại. Những căn khác không thể nào sánh bằng nhĩ căn được. Thế mới chân thật thông. Năm giác quan kia không có được sự dung thông chân thực nầy.

Kinh văn: **音聲性動靜 聞中為有無 無聲號無聞 非實聞無性。**

Phiên âm: Âm thinh tánh động tĩnh Văn trung vi hữu vô Vô thinh hiệu vô văn Phi thật văn vô tánh.

Việt dịch: Tánh của âm thanh, có động có tĩnh. Trong tánh nghe thành có, thành không. Khi không tiếng, gọi là không nghe Chẳng phải thật là không có tánh nghe.

Giảng: Tánh của âm thanh, có động có tĩnh.
Khi thì có tiếng, khi thì không có tiếng. Khi không có tiếng, gọi là yên tĩnh. Trong tánh nghe thành có, thành không. Tánh nghe nhận biết sự di chuyển của thanh âm và sự yên lặng khi không có tiếng. Khi không tiếng, gọi là không nghe. Chúng ta gọi như vậy. Nhưng Chẳng phải thật là không có tánh nghe. Tánh nghe dứt khóat là không biến mất. Khi chúng ta nói rằng không nghe, thì tánh nghe thực ra chẳng hề biến mất.

Kinh văn: **聲無既無滅 聲有亦非生 生滅二圓離 是則常真實。**

Phiên âm: Thinh vô ký vô diệt Thinh hữu diệc phi sanh Sanh diệt nhị viên ly Thị tắc thường chơn thật.

Việt dịch: Không tiếng, tánh nghe đã không diệt Có tiếng, tánh nghe cũng chẳng sanh. Lìa hẳn hai ý niệm sanh diệt Thế mới thường chân thật.

Giảng: Không tiếng, tánh nghe đã không diệt
Khi không có tiếng không có nghĩa là tánh nghe đã bị mất đi. Khi có tiếng, tánh nghe cũng chẳng sanh. Khi nghe có tiếng, thì cũng chẳng có gì biến đổi trong tánh nghe.
Lìa hẳn hai ý niệm sanh diệt
Thế mới thường chân thật.
Tánh nghe thường vốn tự đầy đủ trong chính nó và lìa hẳn hai ý niệm sinh diệt. Sinh diệt đã hoàn toàn trở nên dung thông nhau. Tánh nghe là tánh thường trụ, bất biến, chẳng phải là đối tượng của sinh diệt.

Kinh văn: **縱令在夢想 不為不思無 覺觀出思惟 身心不能及。**

Phiên âm: Túng linh tại mộng tưởng Bất vị bất tư vô Giác quán xuất tư duy Thân tâm bất năng cập

Việt dịch: Dù đang lúc mộng tưởng Chẳng phải do không suy nghĩ mà (tánh nghe) không có. Tính giác quán vượt ra ngoài suy nghĩ Thân, ý không so kịp.

Giảng: Khi có tiếng, khi không có tiếng, khi tiếng vừa mới khởi, khi tiếng đã mất hẳn, thì tánh nghe không bao giờ bị biến mất. Mọi người có thể nhận ra điều nầy trong trạng thái tỉnh thức bình thường. Nhưng nó vẫn thường hiện hữu ngay đang lúc mộng tưởng.
Có người đang ngủ rất mê nhưng vẫn nghe được tiếng chày vỗ do người giặt áo quần và tiếng chày giã gạo như tiếng chuông trống đang hoà nhau. Điều nầy chứng tỏ rằng tánh nghe vẫn hiện hữu ngay cả trong giấc mơ.
Chẳng phải do không suy nghĩ mà (tánh nghe) không có.
Chẳng như tâm ý, không hiện hữu khi chẳng suy nghĩ.
Tính giác quán vượt ra ngoài suy nghĩ. Tính hay biết về tánh nghe ấy vượt ra ngoài sự suy nghĩ.
Thân, ý không so kịp.
Thân và tâm đều không thể nào so sánh được với tánh nghe của nhĩ căn.

Kinh văn: **今此娑婆國 聲論得宣明 眾生迷本聞 循聲故流轉 阿難縱強記 不免落邪思 豈非隨所淪 旋流獲無妄。**

Phiên âm: Kim thử ta-bà quốc Thanh luận đắc tuyên minh Chúng sanh mê bổn văn Tuần thinh cố lưu chuyển A-nan túng cường ký Bất miễn lạc tà tư Khởi phi tuỳ sở luân Triền lưu hoạch vô vọng.

Việt dịch: Hiện tại cõi ta-bà Thanh luận được biểu dương Chúng sinh bỏ mất tánh nghe Theo thanh trần nên bị lưu chuyển A-nan tuy nhớ giỏi Vẫn không khỏi mắc tà nạn. Há chẳng phải tuỳ chỗ chìm đắm Xoay ngược dòng, thóat khỏi hư vọng.

Giảng: Hiện tại cõi ta-bà
Thanh luận được biểu dương
Chúng sinh bỏ mất tánh nghe

Họ không nhận ra được tánh nghe bản hữu. Theo thanh trần nên bị lưu chuyển.
Họ không biết quay tánh nghe trở lại để nhận ra tự tánh mình. Họ ham tìm cầu bên ngoài, họ lắng nghe bên ngoài. Họ đuổi theo thanh trần và hướng ra ngoài mà truy tìm. Nếu mình để cho nhĩ căn đuổi theo thanh trần thay vì xoay tánh nghe trở lại hướng vào bên trong, thì mình sẽ bị rơi trong dòng sanh tử. Đó cũng là một nút thắt. Có sanh tử, nên có nút buộc. Nó khởi đầu vì quý vị đuổi theo thanh trần. Quý vị không thể nào kéo nó lui được.
A-nan tuy nhớ giỏi. A-nan là người rất thông minh và nhớ giỏi. Ngài có thể nhớ nằm lòng các bộ kinh trong Tam tạng.Vẫn không khỏi mắc tà nạn.

A-nan tuy thông minh, nhưng ngài vẫn không thể nào thóat khỏi nạn do con gái của Ma-đăng-già và thần chú của Tiên Phạm thiên. A-nan đã bị bắt bởi tà thuật của ngoại đạo.
Há chẳng phải tuỳ chỗ chìm đắm
Xoay ngược dòng, thóat khỏi hư vọng.

Nếu quý vị có thể phản văn văn tự tánh, thì tự nhiên sẽ không phải chống cự với một thứ hư vọng nào. Quý vị sẽ không còn sai lầm như vậy. Nguyên nhân mà A-nan dễ bị mắc phải tà thuật là do A-nan luôn luôn tìm cầu bên ngoài. A-nan nghiên cứu cái nầy rồi học cái kia và thông thạo kinh nầy rồi kinh khác, nhưng không bao giờ tự hồi quang phản chiếu. A-nan không bao giờ chịu dừng lại suy nghĩ xem tại sao mình suy nghĩ và hành xử như vậy. Tất cả mọi việc mà A-nan làm là học. Ông học quá nhiều đến nỗi quên mất mình là gì.
Chuyện nầy khiến tôi nhớ đến câu trả lời của Khổng Tử khi có người hỏi:
“Có ai trên đời giống như…” người hỏi bắt đầu.
“Giống như cái gì?” Khổng Tử hỏi.
“Nó đi, đem mọi người theo mình–đem theo họ hàng thân quyến trong gia đình, ngoại trừ vợ mình. Nó quên mang theo vợ nó. Có hạng người như thế chăng?”
Quý vị có nghĩ thử xem Khổng Tử trả lời như thế nào không? Khổng Tử có trả lời rằng quên mang theo vợ mình là điều không thể được? Hay ngài trả lời rằng

quên mang vợ mình theo là điều có thể được đối với con người?
Khổng Tử đáp: “Thời nay, con người thậm chí còn quên cả chính mình!”
Không những họ quên vợ mình, mà còn quên cả thân mình. Có nghĩa là họ không biết rằng trong tương lai, thân họ sẽ chết. Họ quên rằng mình sẽ phải trải qua tuổi già, rồi bệnh, và chết.

Vì A-nan tập trung vào việc nghiên cứu những điều bên ngoài mình và vào việc phát triển khả năng học thuật của mình, A-nan thờ ơ việc tu tập để phát huy định lực. Do A-nan xao nhãng định lực, nên ông không biết làm sao để công phu phản văn văn tự tánh, thế nên A-nan đuổi theo thanh trần. A-nan không làm cho thanh trần trở về theo tự tánh mình nên A-nan bị mắc vào nạn với con gái của Ma-đăng-già.

Kinh văn: **阿難汝諦聽 我承佛威力　宣說金剛王 如幻不思議　佛母真三昧。**

Phiên âm: A-nan nhữ đế thính Ngã thừa Phật oai lực Tuyên thuyết Kim cang vương Như huyễn bất tư nghị Phật mẫu chơn tam muội.

Việt dịch: A-nan! Hãy nghe kỹ. Tôi nương uy lực Phật Trình bày tam-muội của Kim cang vương Như huyễn bất khả tư nghì, Thiền định là mẹ của chư Phật.

Giảng: Khi Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát nói đến đây, ngài gọi A-nan. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi là một vị Pháp vương tử có tuổi tác rất cao, trong khi A-nan còn rất trẻ. Ở đây, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đại diện cho Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đang tuyên bày giáo pháp, thế nên ngài thu hút sự của chú ý A-nan. A-nan! Hãy nghe kỹ. Hãy chú ý! Lắng nghe từng lời, đừng xem thường chút nào. Đừng ngồi đó mà ngủ gục khi tôi nói dòng kệ nầy! Ông nên biết rằng bài kệ nầy mà tôi đang nói ra không phải là do ý riêng của tôi. Bài kệ được tuyên bày do uy lực của Đức Phật trao truyền cho tôi. Đức Phật chỉ định cho tôi phải nói và diễn bày nội dung nầy. Ngài bảo tôi phải chọn ra pháp môn cho ông tu. Ông không nên nghĩ rằng do tôi, Văn-thù-sư-lợi, là người đang nói với ông điều nầy; mà đó chính là Đức Phật đang nói cho ông. Nay ông đã hiểu chưa?
Trình bày tam-muội của Kim cang vương. Nương vào Đức Phật, tôi sẽ trình bày pháp môn của Kim cang vương.
Như huyễn bất khả tư nghì,
Thiền định là mẹ của chư Phật.

Đây là pháp môn tu mà chẳng cần tu. Tu mà chẳng tu. Chẳng tu mà tu. Đúng hơn là giống như trò chơi, thế nên cùng một lúc đó là sự thực. Vi diệu là ở đó.

Quý vị không thể tưởng tượng ra được pháp môn nầy vi diệu đến như thế nào. Quý vị không thể tượng tượng ra được hoặc diễn đạt sự vi diệu ấy bằng lời. Tam-muội ấy là mẹ của chư Phật. Tất cả các Đức Phật đều xuất sinh từ tam-muội nầy. Thế nên hãy chú ý. Ông có muốn thành Phật không? Nếu có, hãy chú tâm những gì tôi sẽ nói. Và rồi ông phải thực hành công phu. Đừng chỉ uổng công sức trong những kỹ năng bên ngoài. Ông phải đạt cho bằng được công phu nội quán.

Kinh văn: **汝聞微塵佛 一切祕密門 欲漏不先除 畜聞成過誤。**

Phiên âm: Nhữ văn vi trần Phật Nhất thiết bí mật môn Dục lậu bất tiên trừ Súc văn thành quá ngộ

Việt dịch: Ông nghe các pháp bí mật Của chư Phật nhiều như số vi trần Nếu trước tiên không trừ các dục lậu Nghe nhiều, chất chứa thành lầm lỗi.

Giảng: Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi tiếp tục:
Ông nghe các pháp bí mật
Của chư Phật nhiều như số vi trần

A-nan, ông đã nghe vố số chư Phật giảng nói về các pháp môn bí mật. 'Bí mật' có nghĩa là quý vị nói điều gì đó cho một người nghe mà người thứ hai không biết được điều ấy. Hoặc là quý vị nói về người thứ hai mà người thứ nhất không biết được. Mỗi người đều không biết được điều gì đã nói với người kia. Tại sao Đức Phật có những pháp môn bí mật? Là vì căn tánh của chúng sinh khác nhau. Mỗi chúng sinh thích những điều khác nhau. Hơn thế nữa, mỗi người lại tu tập những pháp môn riêng biệt trong đời quá khứ. Do vậy, Đức Phật quán sát căn cơ, ngài xem xét pháp môn quý vị đã tu tập trong đời trước, căn cứ vào đó, ngài dạy quý vị bây giờ nên tu tập như thế nào.
Quán cơ đầu giáo
Giảng pháp cho từng người.

Ngài không dạy cho quý vị pháp môn mà không thích hợp với quý vị.
Nếu trước tiên không trừ các dục lậu
Nghe nhiều, chất chứa thành lầm lỗi.

Dù Đức Phật đã có nhiều pháp môn bí mật, quý vị cũng vẫn chưa trừ bỏ các dục lậu của mình. "Dục" thật là rất khó hàng phục. Ngay khi quý vị có tham dục, là quý vị có lậu hoặc. Tham dục nghiêm trọng nhất mà mọi người đều khó tìm cách cắt bỏ đó là tham danh sắc. Nếu quý vị có thể trừ bỏ điều nầy thì quý

vị là người phi thường. Khi quý vị nghiên cứu Phật pháp, quý vị phải nên trừ bỏ tham dục để mới có thể trừ sạch mọi lậu hoặc.

Quả vị thứ tư của A-la-hán thì không còn lậu hoặc. Sơ quả A-la-hán là Kiến đạo vị, là kết quả của sự dứt trừ được 88 phần kiến hoặc. Quả vị thứ nhì A-la-hán được gọi là Tu đạo vị. Quả vị thứ tư của A-la-hán gọi là Chứng đạo vị. Ở quả vị thứ nhất, thứ nhì và thứ ba của A-la-hán chưa được gọi là chứng quả vị vô lậu. Chỉ đến quả vị thứ tư mới chứng quả vô lậu. Đạt được quả vị vô lậu là điều rất quan trọng. Tại sao A-nan chưa đạt đến quả vị nầy? Vì A-nan chưa trừ bỏ tham dục. A-nan vẫn còn ham thích một số điều. A-nan chưa được thanh tịnh, vì thế nên Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi mới nói với A-nan, "Nếu ông không tu tập và diệt trừ tâm tham đắm danh sắc, thì ông sẽ không tương ưng với Phật pháp. Nếu ông chỉ một bề chuyên vào đa văn, thì ông sẽ mắc phải lỗi lầm. Đó là mguyên do khiến cho ông phải mắc nạn với con gái của Ma-đăng-già. Nếu ông từ bỏ tham dục và lậu hoặc, thì ông sẽ không còn gặp những nạn ấy nữa."

Khi chúng ta thấy một người thông minh như A-nan mà vẫn còn mắc phải sai lầm nầy, chúng ta nên lưu ý rằng không những chúng ta chưa nghiêm khắc với tham dục, mà chúng ta còn có ý định truy tìm nó. Chưa bao giờ chúng ta nghĩ đến chuyện trừ bỏ nó. Quý vị có thấy đó là một sai lầm nữa không? Đến lúc nầy, mọi người nên hồi quang phản chiếu. Chúng ta còn tham dục chăng? Chúng ta đã trừ bỏ chúng được chưa? Nếu chưa, thì chẳng có gì để nói. Nếu quý vị muốn trừ bỏ chúng, thì hãy nhanh chóng bắt đầu tu tập công phu phản văn văn tự tánh. Hãy học pháp môn nhĩ căn viên thông của Bồ-tát Quán Thế Âm.

Kinh văn: **將聞持佛佛　何不自聞聞。**

Phiên âm: Tương văn trì phật phật Hà bất tự văn văn?

Việt dịch: Đem cái nghe thọ trì Phật pháp Sao không tự nghe tánh nghe của mình?

Giảng: "Đem cái nghe thọ trì Phật pháp. Ông đã phí công để nghiên tầm Phật pháp." Văn-thù-sư-lợi nói với A-nan. "Với công phu đó, Sao không tự nghe tánh nghe của mình? Sao ông không quay cái nghe trở lại để nhận ra tánh nghe của mình. Sao ông không phát huy công phu tu tập nầy? Sao ông không quay lại nhìn vào chính mình?"

Kinh văn: **聞非自然生 因聲有名字 旋聞與聲脫 能脫欲誰名。**

Phiên âm: Văn phi tự nhiên sanh Nhơn thinh hữu danh tự Triền văn dữ thinh thóat Năng thóat dục thuỳ danh.

Việt dịch: Tánh nghe không phải tự nhiên sanh Nhân thanh trần mà có tên gọi Xoay lại cái nghe là thóat khỏi thanh trần Cái đã lìa xa ấy, gọi là gì?

Giảng: A-nan, đừng nên tiếp tục quá chú tâm việc học mà xao nhãng tu tập định lực. Tánh nghe không phải tự nhiên sanh. Vốn tự nó hoàn toàn không do tự nhiên mà có.
Nhân thanh trần mà có tên gọi. Vì có thanh trần, nên có cái nghe. Chúng ta gọi cái nhận ra thanh trần là 'nghe 'tiếng'' Xoay lại cái nghe là thóat khỏi thanh trần. Cái đã lìa xa ấy, gọi là gì? Chúng ta nói có cái nghe là do có tiếng, nhưng cái nghe có còn đó khi không có tiếng không? Cái nghe vẫn còn. Vì tánh nghe không phải là đối tượng của sinh diệt. Do vậy, xoay lại tánh nghe. Từ bây giờ, không đuổi theo sáu căn và sáu trần. Đưa sáu căn và sáu trần trở lại với tự tánh.
Phản văn văn tự tánh
Tức thành Vô thượng đạo.

Cái gì là tự tánh của quý vị? Khi quý vị lắng nghe, quý vị sẽ nhận ra. Bây giờ, trước khi quý vị nhận ra, quý vị sẽ không hiểu được cho đến khi tôi nói cho quý vị biết. Chẳng hạn,, khi tôi uống tách trà nầy, chính tôi biết tách trà lạnh hay nóng, nhưng quý vị vẫn không biết gì cả. Nếu quý vị muốn biết, quý vị phải tự mình uống trà. Nếu quý vị muốn nhận ra tự tánh của chính mình, trước tiên hết, quý vị phải xoay tánh nghe trở lại. Nếu quý vị không làm như vậy, làm sao mong nhận ra tự tánh của mình được? Quý vị hỏi:
"Khi xoay tánh nghe trở lại, làm sao để nghe?"

Dùng tai của mình, nhưng đừng lắng nghe âm thanh bên ngoài. Đừng cố gắng tìm hiểu xem những gì đang diễn ra ngoài phố, hoặc ai đang nói điều gì. Xoay cái nghe trở vào bên trong và lắng nghe bên trong của chính mình. Theo cách nầy tự tánh của quý vị sẽ hiển bày. Đó là cách thức quý vị thực hành. Nay quý vị đã hiểu rồi chứ?

Khi xoay tánh nghe trở lại, mình được tự tại với âm thanh bên ngoài. "Cái đã lìa xa ấy, gọi là gì?" Nếu chính quý vị có thể lìa hẳn được với âm thanh bên ngoài, nghe nhưng chẳng nghe, đây chẳng phải thực sự là tánh nghe hay sao? Đúng vậy và chẳng phải vậy. Không phải mà phải. Nghe mà chẳng nghe. Đó có nghĩa là tự tại đối với âm thanh. Mình nghe, nhưng không giống như cách

mình nghe trước đây. Dù biết rằng cái nghe thông thường có thể nghe được xa hoặc gần, nó vẫn có một giới hạn. Nếu quý vị chân thực đạt được công phu xoay tánh nghe trở vào để nhận ra tự tánh của mình, thì quý vị có thể nghe được suốt cả pháp giới. Nhưng quý vị cũng có thể chọn cách không nghe gì đến âm thanh của toàn thể pháp giới. Quý vị phải chế ngự. Giống như điện tín. Nếu tôi muốn gửi, tôi có thể gửi đi cho mọi người khắp mọi nơi vào bất kỳ lúc nào. Còn nếu tôi không muốn gửi điện tín, tôi sẽ không làm việc ấy. Nếu tôi muốn nghe những âm thanh nào trong pháp giới, tôi có thể bật nó lên. Quý vị hãy thử xem. Thế sự tự tại đối với âm thanh như vậy gọi là gì? Nó vốn không có danh xưng. Đó là cái vượt ra ngoài danh xưng nghe và tánh nghe chân thực.

Kinh văn: **一根既返源 六根成解脫**

Phiên âm: Nhất căn ký phản nguyên Lục căn thành giải thoát

Việt dịch: Khi một căn đã trở về nguồn Sáu căn tức thành giải thoát .

Giảng: Ngay khi danh xưng đã không còn, người ta có thể nói rằng đó là ý căn đã được mở ra.
Khi một căn đã trở về nguồn
Sáu căn tức thành giải thóat.

'Nguồn' tức là tánh Như Lai tạng. Khi một căn (giác quan) quay trở về với tánh Như Lai tạng, thì cả sáu căn cùng kết hợp với nhau. Những người anh lớn quy về và các em nhỏ cũng theo về. Nhưng nếu quý vị không đưa một căn trở về, thì chẳng có căn nào cùng về theo. Chúng có liên quan với nhau, vì vốn chúng là một, nhưng chúng bị chia thành sáu.

Kinh văn: **見聞如幻翳 三界若空花 聞復翳根除 塵銷覺圓淨。**

Phiên âm: Kiến văn như huyễn ế Tam giới nhược không hoa Văn phục ế căn trừ Trần tiêu giác viên tịnh.

Việt dịch: Thấy, nghe như mắt nhặm Ba cõi như hoa đốm giữa hư không. Tánh nghe xoay trở lại, gốc bệnh nhặm tiêu trừ. Trần tướng tiêu, tánh giác thuần thanh tịnh.

Giảng: Tại sao chúng ta chưa thành Phật? Chúng ta bị trói buộc bởi sáu căn và sáu trần. Thế nên chúng ta phải tìm ra một phương pháp để đạt được giải

thóat. Không chỉ chúng ta bị trói buộc bởi các căn và các trần; cùng một lúc, A-nan cũng mắc phải vấn đề nầy. Chúng ta đang gặp cùng tình huống khó xử. A-nan đã đi con đường ấy để đạt đến giải thóat, và chúng ta bây giờ rất may mắn được học phương pháp đó. Chúng ta, cũng vậy, có thể đi trên con đường nầy và được giải thóat.
Thấy, nghe như mắt nhặm

Cái thấy, cái nghe là điều gì đó không thực. Nó như là huyễn hóa, như màn sương mỏng phủ qua mắt, như mây trên bầu trời.
Ba cõi như hoa đốm giữa hư không.
Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới làm thành ba cõi. Chúng ta đang ở trong đó, nhìm chăm chăm vào hư không cho đến khi cái nhìn chăm chú ấy khiến ta mỏi mệt. Thế nên trông giống như có hoa đang nhảy múa trong hư không. Mở đầu cho bài kệ nầy, ngài Văn-thù-sư-lợi đã nói:
Không sanh đại giác trung
Như hải nhất âu phát
Hư không sanh trong Đại giác
Như một bọt nước nổi lên giữa biển

Hư không sanh ra trong biển mênh mông của tánh giác ngộ và được ví như một hòn bọt nổi lên giữa biển hư không.
Tánh nghe xoay trở lại, gốc bệnh nhặm tiêu trừ.

Khi chúng ta xoay tánh nghe trở về để nhận ra tự tánh của mình, thì lớp màn mỏng che mắt ấy biến mất.
Trần tướng tiêu, tánh giác thuần thanh tịnh.

Khi cảm nhận của các giác quan không còn, thì các khách trần không còn phiền nhiễu quý vị nữa. Nên tánh giác của mình là hoàn toàn thanh tịnh.

Kinh văn: **淨極光通達 寂照含虛空 却來觀世間 猶如夢中事 摩登伽在夢 誰能留汝形。**

Phiên âm: Tịnh cực quang thông đạt Tịch chiếu hàm hư không Khước lai quán thế gian Du như mộng trung sự Ma-đăng-già tại mộng Thuỳ năng lưu nhữ hình?

Việt dịch: Tột cùng thanh tịnh, trí quang thông suốt. Thể tịch chiếu trùm khắp hư không. Trở lại quán sát việc thế gian Giống như việc trong mộng. Ma-đăng-già chỉ là chiêm bao Thì ai bắt giữ được ông?

Giảng: A! Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói rất mạnh mẽ. Ngài không cần một chút tao nhã nào. Ngài đang thẳng thừng quở trách A-nan:
“Tột cùng thanh tịnh, trí quang thông suốt. Một khi tánh giác của ông viên mãn và thanh tịnh, thì đến chỗ cùng tột, trí sáng suốt bao trùm khắp. Quý vị trở nên giác ngộ. Thể tịch chiếu trùm khắp hư không. Khi quý vị đạt được công phu nầy rồi, thì hư không có ngay chính trong quý vị. Tự tánh của quý vị chính là tánh giác ngộ rộng khắp. Khi quý vị trở về với bản tánh vốn luôn luôn là của mình, thì mình bao trùm khắp cả hư không.
Trở lại quán sát việc thế gian
Giống như việc trong mộng.

Khi quý vị vẫn tiếp tục dùng công phu này, quý vị quán sát thế giới và sẽ thấy nó chẳng khác gì hơn một giấc mộng.
Ma-đăng-già chỉ là chiêm bao
Thì ai bắt giữ được ông?
Cô ta là một phần của giấc mộng. Ai là người có thể bắt ông? Ông đánh mất thể diện. Ông muốn có mặt ở đó. Ông thích cô ta. Nếu ông đạt được trình độ công phu như tôi vừa mô tả, thì ai cấm chế được ông?” Quý vị thấy chẳng có chút tao nhã nào. Phải không?

Kinh văn: **如世巧幻師 幻作諸男女 雖見諸根動 要以一機抽 息機歸寂然 諸幻成無性。**

Phiên âm: Như thế xảo huyễn sư Huyễn tác chư nam nữ Tuy kiến chư căn động Yếu dĩ nhất cơ trừu Tức cơ quy tịch nhiên Chư huyễn thành vô tánh.

Việt dịch: Như các huyễn sư giỏi trong đời Tạo ra các hình người như thật Tuy thấy các căn đều cử động Chủ yếu đều do bộ máy giật giây Máy dừng, tất cả trở về yên lặng Các trò huyễn thành vô tánh.

Giảng: Như các huyễn sư giỏi trong đời.
Điều nầy giống như trò trình diễn múa rối thời xưa, khi các con rối nhảy múa và trình diễn đàng sau một tấm phông màu . Phía sau là những con rối được làm bằng da lừa, gắn với những sợi dây được điều khiển bởi người trình diễn rối, và khán giả nhìn thấy bóng của những con rối phản chiếu lên bức màn. Ngày nay chúng ta có xi-nê. Những con rối giống như người thật, nhưng thực ra chúng được điều khiển bởi những nghệ sĩ rối (puppet-master). Họ thường đánh nhau om sòm trên sân khấu bằng gươm và súng. Tôi nhớ là mình đã xem từ hồi nhỏ.

Họ Tạo ra các hình người như thật
Các con rối mặc áo quần như đàn ông và phụ nữ, rồi nhảy múa trên sân khấu.
Tuy thấy các căn đều cử động
Chủ yếu đều do bộ máy giật giây

Dường như chúng có thể cử động tay chân và thậm chí cả nháy mắt và môi, nhưng thực ra đều là do máy. Chúng được nối liền với một bộ máy. Tuy nhiên,, người xem vẫn bị làm cho sững sờ.
Máy dừng, tất cả trở về yên lặng
Các trò huyễn thành vô tánh.
Rốt ráo, chúng chẳng là gì cả. Trong chương nầy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi giải thích vì sao các pháp đều như huyễn mộng. Trong chương trước đã có nói rõ tại sao chúng ta đang ở trong huyễn mộng.

Kinh văn: **六根亦如是　元依一精明 分成六和合 一處成休復 六用皆不成 塵垢應念銷 成圓明淨妙**

Phiên âm: Lục căn diệc như thị Nguyên y nhất tinh minh Phân thành lục hoà hợp Nhất xứ thành hưu phục Lục dụng giai bất thành Trần cấu ứng niệm tiêu Thành viên minh tịnh diệu.

Việt dịch: Sáu căn đều như vậy Nương một bản tánh sáng suốt Và phân ra sáu thứ hoà hợp Một thứ đã lìa ra, quay về. Thì cả sáu đều không tồn tại. Trong một niệm, trần cấu đều tiêu Chuyển thành tánh viên minh tịnh diệu.

Giảng: Tại sao Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói về mộng và huyễn? Vì sáu căn giống như trò huyễn hóa.
Sáu căn đều như vậy
Sáu căn giống như trò múa rối được trình diễn bởi các nghệ sĩ rối. Đó như thể một bộ máy điều khiển chúng. Nhưng nếu một căn trở nên thanh tịnh, thì những căn khác cũng trở nên tự tại.
Nương một bản tánh sáng suốt
Vốn chỉ là một bản tánh sáng suốt trong Như Lai tạng. Nó phân ra sáu thứ hoà hợp.
Chia ra thành mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.
Khi nếu Một thứ đã lìa ra, quay về–nếu các nút buộc đã được mở. Thì Thì cả sáu đều không tồn tại.
Nếu một căn không còn tác dụng, thì những căn khác cũng sẽ dừng lại; chúng không còn có tác dụng nữa.

Trong một niệm, trần cấu đều tiêu
Mọi sự liên quan giữa sáu căn và sáu trần đều chấm dứt.
Chuyển thành tánh viên minh tịnh diệu.
Chúng trở thành chân tâm sáng suốt vi diệu, thể tánh thanh tịnh thường trú của Như Lai tạng.

Kinh văn: **餘塵尚諸學 明極即如來。**

Phiên âm: Dư trần thượng chư học Minh cực tức Như Lai.

Việt dịch: Còn sót lại trần cấu là còn học vị Sáng suốt cùng tột tức Như Lai.

Giảng: Còn sót lại trần cấu là còn học vị
Khi ban đầu trừ bỏ được vô minh, thì vẫn còn lại vô minh vi tế gọi là sanh tướng vô minh. Đây có nghĩa là dư trần–phiền não còn sót lại như vi trần. Hàng Bồ-tát vẫn còn phải trừ sạch phiền não vi tế nầy.
Sáng suốt cùng tột tức Như Lai.
Đó là bản tánh của Như Lai tạng.

Kinh văn: **大眾及阿難 旋汝倒聞機 反聞聞自性 性成無上道 圓通實如是。**

Phiên âm: Đại chúng cập A-nan Triền nhữ đảo văn cơ Phản văn văn tự tánh Tánh thành vô thượng đạo Viên thông thật như thị.

Việt dịch: A-nan và đại chúng Hãy xoay lại tánh điên đảo Xoay tánh nghe trở vào để nhận ra tự tánh của mình Nhận ra tự tánh, thành đạo vô thượng. Thật tánh viên thông là như vậy.

Giảng: A-nan và đại chúng
Hãy xoay lại tánh điên đảo
Các ông nên tu tập theo phương pháp nầy. Các ông đừng chạy tìm cầu bên ngoài. Hãy xoay trở lại. Hãy nhìn vào bên trong và tìm lại chính mình.
Xoay tánh nghe trở vào để nhận ra tự tánh của mình
Nhận ra tự tánh, thành đạo vô thượng.
Tánh của quý vị có thể thành tựu đạo Vô thượng.
Thật tánh viên thông là như vậy.

Tại sao Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi chọn nhĩ căn? Vì đó là cách dễ nhất để tu tập thành công. Tôi tin rằng một số trong quý vị đã biết cách phát huy công phu tu tập nầy rồi, và một số thì chưa. Nghĩa của xoay tánh nghe trở vào để nhận ra

tự tánh của mình là như thế nào? Đó là công phu dùng trong việc tham thiền. Khi tham thiền, quý vị đừng ham dành hết năng lực vào việc tìm cầu bên ngoài. Quý vị phải nên hồi quang phản chiếu. Rồi hãy tự hỏi: “Ai là người niệm Phật?” “Ai?” Quý vị hãy đặt chữ “Ai?” trong tâm rồi lắng nghe bằng tai của mình. Theo đuổi chữ “Ai?”. Làm việc nầy liên tục, không dừng nghỉ. Đừng để cho công phu mình gián đoạn. Quan niệm tham đề tài nầy trong bất kỳ mình đang làm việc gì.
Đi đứng nằm ngồi, không lìa khỏi công phu nầy
Nếu lìa bỏ công phu, tức là đã sai lầm.

“Đây” là cái gì? Đó là vấn đề. “Ai là người niệm Phật?” Quý vị không cần phải niệm lớn tiếng, mà hãy hỏi trong tâm mình và lắng nghe bằng tai của mình. Hãy lắng nghe bên trong, chứ không phải bên ngoài. Sau khi đã nghe bên trong, tâm và tánh nghe của quý vị cuối cùng sẽ hợp thành một. Và rồi trong một cách bất ngờ, vào một lúc không mong đợi, quý vị đột nhiên khai ngộ. Nhưng dứt khóat quý vị phải đem tâm và tánh của mình trở về lại thành một. Đừng để cho chúng tán loạn trong nhiều hướng. Đừng để chúng tiêu tán ra bên ngoài. Hãy gom chúng lại vào bên trong. Hãy xoay tánh nghe trở vào để nhận ra tự tánh của mình. Rốt cuộc và tự nhiên công phu của quý vị sẽ phát triển. Tham thiền và công phu xoay tánh nghe trở vào để nhận ra tự tánh của mình là giống nhau. Và bây giờ mọi người đã biết rằng dùng nhĩ căn để tu tập viên thông là phương pháp dễ nhất. Thế nên hãy đặt hết tâm lực vào mà tu tập phương pháp nầy.

Kinh văn: **此是微塵佛 一路涅槃門 過去諸如來 斯門已成就 現在諸菩薩 今各入圓明 未來修學人 當依如是法 我亦從中證 非唯觀世音。**

Phiên âm: Thử thị vi trần Phật Nhất lộ niết-bàn môn Quá khứ chư Như Lai Tư môn dĩ thành tựu Hiện tại chư bồ tát Kim các nhập viên minh Vị lai tu học nhơn Đương y như thị pháp Ngã diệc tòng trung chứng Phi duy Quán Thế Âm.

Việt dịch: Đây là con đường thể nhập niết-bàn Của chư Phật như vi trần Các Đức Như Lai trong quá khứ Đều thành tựu do pháp môn nầy Các Bồ-tát trong hiện tại Nay đều thể nhập sự sáng suốt viên mãn Chúng sinh tu học trong đời sau Đều nên nương theo pháp nầy. Con cũng nhờ trong pháp ấy mà tu chứng Chẳng riêng gì Quán Thế Âm.

Giảng: Bây giờ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi chứng minh tính xác thực cho pháp môn mà ngài đã chọn.

Đây là con đường thể nhập niết-bàn
Của chư Phật như vi trần
Ngài nói: “Không chỉ Bồ-tát Quán Thế Âm đã chứng ngộ khi dùng pháp tu nầy, công phu tu tập sẽ dẫn đến viên thông mà tôi đã giải thích, chính tôi, Văn-thù-sư-lợi, cũng chứng minh cho pháp môn nhĩ căn viên thông nầy. Không chỉ riêng tôi, mà chư Phật nhiều như vi trần trong quá khứ cũng đã tìm ra con đường thể nhập niết-bàn nầy.”
Các Đức Như Lai trong quá khứ
Đều thành tựu do pháp môn nầy

Các ngài thành tựu giác ngộ nhờ pháp tu viên thông xuất phát từ công phu xoay tánh nghe trở vào để nhận ra tự tánh của mình
Các Bồ-tát trong hiện tại
Nay đều thể nhập sự sáng suốt viên mãn
Các vị Bồ-tát đang tu tập trong đời đều cùng đi con đường nầy.
Chúng sinh tu học trong đời sau
Đều nên nương theo pháp nầy.

Những người trong đời tương lai chưa gặp được Phật pháp sẽ chọn pháp tu nầy. Con cũng nhờ trong pháp ấy mà tu chứng. Đã từ lâu con đã thành tựu pháp môn nầy và đã chứng được viên thông. Chẳng riêng gì Quán Thế Âm.

Kinh văn: **誠如佛世尊 詢我諸方便 以救諸末劫 求出世間人 成就涅槃心 觀世音為最。**

Phiên âm: Thành như Phật Thế tôn Tuân ngã chư phương tiện Dĩ cứu chư mạt kiếp Cầu xuất thế gian nhơn Thành tựu niết-bàn tâm Quán Thế Âm vi tối.

Việt dịch: Thật như lời Đức Thế tôn Hỏi con về các phương tiện Để cứu giúp trong đời mạt pháp Cho những người cầu pháp xuất thế gian Thành tựu được tâm niết-bàn Thì Quán Thế Âm là hơn cả.

Giảng: Thật như lời Đức Thế tôn
Hỏi con về các phương tiện
Kính bạch Đức Phật, con nói lời chân thật, con nói những điều vốn đúng thật như vậy. phương pháp Để cứu giúp trong đời mạt pháp
Cho những người cầu pháp xuất thế gian
Thành tựu được tâm niết-bàn
Trong mười tám giới và bảy đại, pháp môn nào là viên thông nhất? Vị nào thích hợp nhất đối với căn cơ chúng sinh trong thời mạt pháp? Những người

muốn ra khỏi thế gian và tìm cầu sự siêu việt. Làm sao để họ có thể thành tựu tâm nguyện để tu đạo và thực chứng niết-bàn?
Quán Thế Âm là hơn cả.
Phương pháp hay nhất là quán sát âm thanh ở thế gian.
Quán Thế Âm Bồ-tát, nay đang thị hiện ở cõi ta-bà, tương ứng nhất với pháp môn nầy. Pháp môn nầy là thích hợp nhất, phù hợp nhất với căn cơ mọi người.

Kinh văn: **自餘諸方便 皆是佛威神 即事捨塵勞 非是長修學 淺深同說法。**

Phiên âm: Tự dư chư phương tiện Giai thị Phật oai thần Tức sự, xả trần lao Phi thị trường tu học Thiển thâm đồng thuyết pháp.

Việt dịch: Còn tất cả các phương tiện khác Đều là nhờ uy lực của Đức Phật Ngay nơi cảnh giới hiện tượng (sự) mà xả bỏ trần lao. Chẳng phải là phương tiện tu học thông thường Đồng giảng nói cho người căn tánh cạn và sâu.

Giảng: Còn tất cả các phương tiện khác
Đều là nhờ uy lực của Đức Phật
Trong việc tu tập các pháp môn phương tiện nào khác ngoài nhĩ căn viên thông, chúng ta đều phải nương nhờ vào sự gia hộ của Đức Phật mới được thành tựu. Không có sự hộ trì của chư Phật, chúng ta không thể nào thành tựu điều gì cả.
Ngay nơi cảnh giới hiện tượng (sự) mà xả bỏ trần lao.
Chẳng phải là phương tiện tu học thông thường
Đồng giảng nói cho người căn tánh cạn và sâu.

Dù có người đã dùng những phương tiện nầy để xả bỏ trần lao phiền não và vọng tưởng, nhưng đó không phải là phương pháp duy nhất mà mọi người có thể vận dụng. Khi giảng pháp, mình phải quán sát nhân duyên. Mình phải quán sát căn tánh từng người. Đối với người có trí huệ, mình phải nói pháp sâu mầu. Với những người thiếu trí huệ, mình nên giải thích những đạo lý đơn giản. Pháp không thể nào luôn luôn được giảng nói cùng một kiểu. Chỉ có nhĩ căn là pháp môn viên thông nhất cho mọi căn cơ tu học. Tôi nghĩ pháp môn nầy là viên thông nhất.

Kinh văn: **頂禮如來藏 無漏不思議 願加被未來 於此門無惑 方便易成就 堪以教阿難 及末劫沈淪 但以此根修 圓通超餘者 真實心如是。**

Phiên âm: **Đảnh lễ Như Lai tạng Vô lậu bất tư nghị Nguyện gia bị vị lai Ư thử môn vô hoặc Phương tiện dị thành tựu Kham dĩ giáo A-nan Cập mạt kiếp trầm luân Đãn dĩ thử căn tu Viên thông siêu dư giả Chơn thật tâm như thị.**

Việt dịch: Đảnh lễ Như Lai Tạng Và những bậc vô lậu, không thể nghĩ bàn Nguyện xin gia hộ cho đời vị lai Không lầm lẫn trong pháp môn nầy. Đây là phương tiện để thành tựu Nên đem dạy cho A-nan Cùng chúng sinh trầm luân trong dời mạt pháp Chỉ dùng nhĩ căn tu tập Đạt viên thông nhanh hơn các pháp khác Chân thật tâm đúng là như vậy.

Giảng: Sau khi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi trình bày xong bài kệ nầy, ngài cung kính đảnh lễ Tam bảo.
Đảnh lễ Như Lai Tạng
Như Lai là Chư Phật, Tạng là Tam tạng (tripitaka), tức là Pháp (dharma).
Và những bậc vô lậu, không thể nghĩ bàn
"Và những bậc vô lậu" là Tăng-già. Các vị Bồ-tát và A-la-hán vô lậu đều đã chứng được những cảnh giới Bất khả tư nghì. Thần thông và diệu dụng của các ngài khó có thể nghĩ bàn. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đảnh lễ các bậc thánh hiền trong tăng già.

Nguyện xin gia hộ cho đời vị lai
Không lầm lẫn trong pháp môn nầy.
Con nguyện xin các ngài gia hộ cho mọi chúng sinh trong đời tương lai, để họ không có chút nghi ngờ nào về phiên âm môn phản văn văn tự tánh.
Đây là phương tiện để thành tựu
Nên đem dạy cho A-nan

Phương pháp nầy vừa dễ tu tập vừa dễ thành tựu. Đây là pháp môn hay nhất cho A-nan tu tập. Không còn pháp môn nào hay hơn.
Cùng chúng sinh trầm luân trong đời mạt pháp
Chỉ dùng nhĩ căn tu tập
Pháp môn nầy không chỉ thích ưng đối với A-nan, mà còn thích hợp cho mọi căn cơ chúng sinh trong đời mạt pháp. Chỉ dùng nhĩ căn làm phương tiện tu tập.
Đạt viên thông nhanh hơn các pháp khác
Chân thật tâm đúng là như vậy.
Pháp tu viên thông nầy vượt qua 25 pháp môn phương tiện khác. Dễ hơn và mang đến những kết quả vượt bậc. Chân thật tâm đạt được thông qua pháp môn tu nầy là như con đã giải thích như trên.

Kinh văn: **於是阿難及諸大眾,身心了然得大開示。觀佛菩提及大涅槃猶如有人因事遠遊未得歸還。明了其家所歸道路。**

Phiên âm: Ư thị A-nan cập chư đại chúng, thân tâm liễu nhiên, đắc đại khai thị. Quán Phật bồ-đề cập đại niết-bàn du như hữu nhân nhân sự viễn du vị đắc quy hoàn. Minh liễu kỳ gia sở quy đạo lộ.

Việt dịch: Lúc ấy A-nan và cả đại chúng, thân tâm rỗng rang, nhận được sự khai thị sâu mầu. Thấy bồ-đề và đại niết-bàn của chư Phật giống như người nhân có việc phải đi xa chưa trở về được. Nay đã biết rõ con đường về nhà.

Giảng: Lúc ấy A-nan và cả đại chúng, thân tâm rỗng rang. Họ đã đạt được sự hiểu biết thấu đáo. Nhận được sự khai thị sâu mầu. Thấy bồ-đề và đại niết-bàn của chư Phật.
Họ đã hoàn toàn nhận ra giáo lý sâu xa mầu nhiệm của Đức Phật và Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Họ xem giáo lý về bồ-đề niết-bàn như người nhân có việc phải đi xa chưa trở về được. Nay đã biết rõ con đường về nhà.
Những người nầy đã đi xa làm ăn và chưa được về nhà. Nhưng họ dã đi đủ xa để còn nhớ con đường quay về nhà. Ý nghĩa là dù A-nan và các thành viên trong hội chúng chưa chứng được sơ quả vị thứ nhất, thứ hai, thứ ba của A-la-hán, nhưng bây giờ ít nhất là họ đã nhận ra được đạo lý.

Kinh văn: **普會大眾天龍八部有學二乘,及諸一切新發心菩薩,其數凡有十恒河沙皆得本心,遠塵離垢獲法眼淨。**

Phiên âm: Phổ hội đại chúng thiên long bát bộ hữu học nhị thừa, cập chư nhất thiết tân phát tâm Bồ-tát, kỳ số phàm hữu thập hằng hà sa giai đắc bổn tâm, viễn trần ly cấu hoạch pháp nhãn tịnh.

Việt dịch: Toàn thể pháp hội, chúng thiên long bát bộ, hàng Nhị thừa hữu học, cùng hết thảy hàng Bồ-tát sơ phát tâm, số lượng có đến 10 số cát sông Hằng, đều nhận ra bản tâm, lìa xa trần tướng, được pháp nhãn thanh tịnh.

Giảng: Toàn thể pháp hội, chúng thiên long bát bộ,
Quỷ thần; bát bộ gồm Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân, Phi nhân, Rồng.
Hàng Nhị thừa hữu học, chỉ cho các vị Thanh văn đã giác ngộ lý Duyên khởi.
Cùng với hết thảy hàng Bồ-tát sơ phát tâm, số lượng có đến 10 số cát sông

Hằng, họ đều đã nhận ra bản tâm. Không như trước đây, họ chưa nhận ra bản tâm. Họ đã lìa xa hẳn trần tướng, do vậy, họ được pháp nhãn thanh tịnh.

Kinh văn: **性比丘尼聞說偈已成阿羅漢。**

Phiên âm: Tánh tỷ-khưu-ni văn thuyết kệ dĩ thành A-la-hán.

Việt dịch: Tánh tỷ-khưu-ni nghe nói bài kệ này xong liền chứng quả A-la-hán.

Giảng: Vị tỷ-khưu-ni có tên là Tánh là con gái của Ma-đăng-già. Cô ta chứng quả A-la-hán ngay sau khi nghe ngài Văn-thù-sư-lợi nói bài kệ nầy. Đến lúc đó, cô ta đã vượt qua A-nan do cô đã chứng được quả vị thứ hai của hàng A-la-hán. Trong khi A-nan chỉ mới chứng được sơ quả.

Kinh văn: **無量眾生皆發無等等阿耨多羅三藐三菩提心**

Phiên âm: Vô lượng chúng sanh giai phát vô đẳng đẳng A-nậu-đa-la Tam-miệu tam-bồ-đề tâm.

Việt dịch: Vô lượng chúng sanh đều phát tâm vô đẳng đẳng A-nậu-đa-la Tam-miệu tam-bồ-đề.

Giảng: Đến lúc nầy, có vô số vô lượng không thể tính đếm được chúng sinh trong pháp hội phát tâm vô đẳng đẳng A-nậu-đa-la Tam-miệu tam-bồ-đề. Không có gì có thể so sánh với mức độ phát tâm nầy. Việc ấy hoàn toàn chân thật. A-nậu-đa-la Tam-miệu tam-bồ-đề có nghĩa là Vô thượng chánh đẳng chánh giác.
Anuttarā có nghĩa là vô thượng, không có gì sánh bằng.
Saṃyak có nghĩa là chánh (proper) và đẳng (equal). Saṃbodhi là chánh giác, giác ngộ chân chánh. Tâm nguyện của họ là muốn thành Phật.

***

(Hết quyển 5, đầu quyển 6 theo ấn bản của Vạn Phật Thánh Thành.)

Kinh văn: **阿難整衣服。望大眾中,合掌頂禮。心迹圓明,悲欣交集。欲益未來諸眾生故,稽首白佛大悲世尊。我今已悟成佛法門。是中修行得無疑惑。常聞如來說如是言。自未得度先度人者菩薩發心。自覺已圓能覺他者如來應世。我雖未度願度末劫一切眾生。**

Phiên âm: **A-nan chỉnh y phục. Vọng đại chúng trung, hợp chưởng đảnh lễ. Tâm tích viên minh, bi hân giao tập. Dục ích vị lai chư chúng sanh cố, khể thủ bạch Phật: “Đại bi Thế tôn. Ngã kim dĩ ngộ thành Phật pháp môn. Thị trung tu hành đắc vô nghi hoặc. Thường văn Như Lai thuyết như thị ngôn: ‘Tự vị đắc độ, tiên độ nhân giả, Bồ-tát phát tâm. Tự giác dĩ viên, năng giác tha giả, Như Lai ứng thế. Ngã tuy vị độ, nguyện độ mạt kiếp nhất thiết chúng sinh’.”**

Việt dịch: A-nan chỉnh trang pháp phục. Hướng vào đại chúng, chắp tay đảnh lễ. Tâm tính hoàn toàn sáng suốt, vừa mừng vừa tủi. Vì muốn lợi ích cho các chúng sinh đời vị lai, nên cúi đầu bạch Phật: “Kính bạch Đức Thế tôn đại bi, con nay đã ngộ pháp môn thành Phật. Theo trong đó tu hành, được điều không nghi hoặc. Con thường nghe Như Lai dạy rằng: ‘Tự mình chưa được độ, mà độ người trước, đó sự phát tâm của hàng Bồ-tát. Tự mình đã giác ngộ viên mãn, có thể giác ngộ cho người khác, đó là sự ứng thế của các đức Như Lai’.” Con tuy chưa được độ, nhưng nguyện độ cho tất cả chúng sinh trong đời mạt pháp.

Giảng: Sau khi A-nan nghe xong bài kệ của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, ngài đứng dậy, chỉnh trang pháp phục. A-nan sửa lại cổ áo và kéo y ca-sa lại cho ngay ngắn. A-nan không bao giờ có một chút bất cẩn, sơ ý, không bao giờ để cho y phục luộm thuộm. Hướng vào đại chúng, chắp tay đảnh lễ. Tâm tính hoàn toàn sáng suốt. A-nan không còn mê mờ như trước nữa. Ngài có tâm trạng vừa mừng vừa tủi. Vì muốn lợi ích cho các chúng sinh đời vị lai, nên cúi đầu bạch Phật:

A-nan không biết nên cười hay khóc. Quý vị có nhớ rằng A-nan rất dễ khóc không? A-nan đã khóc vài lần từ khi bắt đầu pháp hội giảng kinh, và bây giờ lại muốn khóc nữa. Nhưng A-nan cũng muốn cười. Nỗi lo của A-nan là gì? Là vì có câu:

Cực lạc sinh bi–Tột cùng niềm vui là nỗi buồn.
A-nan rất vui mừng, nghĩ rằng: “Nay mình đã có được Phật pháp, mình đã thâm nhập được giáo pháp chân thực.” A-nan chưa bao giờ thấy vui như vậy. Nhưng hiểu cho riêng mình chưa đủ, A-nan muốn làm lợi ích cho các chúng sinh trong đời tương lai. Thế nên A-nan đảnh lễ Đức Phật và thưa rằng:

“Kính bạch Đức Thế tôn đại bi, con nay đã ngộ pháp môn thành Phật. Theo trong đó tu hành, được điều không nghi hoặc.
Con sẽ nương vào Pháp để tu tập và sẽ không bao giờ còn một chút nghi ngờ gì nữa. “Con thường nghe Như Lai dạy rằng…”

A-nan thường hay chứng minh những điều mình nói bằng sự dẫn chứng những lời dạy của chính Đức Phật. Ở đây A-nan nói, “Con nghe Đức Phật dạy rằng, ‘Tự mình chưa được độ, mà độ người trước, đó sự phát tâm của hàng Bồ-tát.’” Khi mình chưa chứng ngộ, mà mình có thể mong giáo hóa cho người khác trước, thì đó là đạo của hàng Bồ-tát.
‘Tự mình đã giác ngộ viên mãn, có thể giác ngộ cho người khác, đó là sự ứng thế của các đức Như Lai’.”

Quý vị giúp cho mọi người giác ngộ bằng đạo lý mà mình đã chứng ngộ, đó là điều mà chư Phật đã làm.
Con tuy chưa được độ, nhưng nguyện độ cho tất cả chúng sinh trong đời mạt pháp.
Con tuy chưa được chứng đạo, nhưng con muốn giúp cho tất cả chúng sinh trong đời mạt pháp sẽ được độ thóat. Con muốn họ đều hưởng được lợi ích trong Phật pháp.

Kinh văn: **世尊,此諸眾生去佛漸遠。邪師說法如恒河沙。欲攝其心入三摩地。云何令其安立道場遠諸魔事,於菩提心得無退屈?**

Phiên âm: Thế tôn, thử chư chúng sanh khứ Phật tiệm viễn. Tà sư thuyết pháp như hằng hà sa. Dục nhiếp kỳ tâm nhập tam-ma-địa, vân hà linh kỳ an lập đạo tràng, viễn chư ma sự, ư bồ-đề tâm đắc vô thối khuất?

Việt dịch: Bạch Thế tôn, các chúng sinh nầy cách Phật ngày càng xa. Những tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng. Nếu muốn họ nhiếp tâm vào tam-ma-địa, làm sao khiến họ dựng lập đạo tràng để khỏi rơi vào ma sự, không lui sụt tâm bồ-đề?

Giảng: Bạch Thế tôn, các chúng sinh nầy cách Phật ngày càng xa. Chúng sinh trong đời mạt pháp dần dần cách Phật và ngay cả Phật pháp ngày càng xa

Những tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng. Đó là tình trạng như bây giờ. Các tà sư tuyên bố rằng họ đã hiểu biết những điều mà thực sự họ không hiểu. Chưa được giác ngộ, họ nói rằng mình đã giác ngộ. Chưa chứng được thánh quả, họ nói đã chứng. Tôi hỏi họ: “Ông đã chứng được quả vị thứ nhất, quả vị thứ hai, quả vị thứ ba, quả vị thứ tư của hàng A-la-hán chưa? Ông chứng được quả vị nào? Ông đã chứng ngộ chưa? Ông giác ngộ được điều gì?” Họ lặng thinh. Tôi hỏi tiếp: “Ông là Phật, thế mà ông không nói được mình đã chứng được quả vị nào. Làm sao ông nhảy vào quả vị Phật được?” Rồi họ vẫn cố chấp, nói rằng không chỉ họ là Phật, mà “Mọi người đều là Phật.” Đó là

luận điệu của họ. Đây là lời đại vọng ngữ. Khi quý vị chưa đạt đến cảnh giới đó, quý vị không thể nói năng tuỳ hứng. Không có gì tệ hại hơn một tà sư. Hãy cẩn thận đừng trở thành người như vậy, dù quý vị có biết Phật pháp hay không. Đừng như có người trong bọn họ, khi có ai đến hỏi Pháp, liền đáp rằng, 'Tôi già rồi; Tôi quên mất.'

Quên nghĩa là sao? Ông ta chẳng biết bắt đầu như thế nào. Cách nói chuyện đó là có chủ ý lừa gạt người. Nếu quý vị biết, thì nói biết. Nếu mình không biết, thì nói rằng không biết. Không thể nói rằng mình quên khi mình vốn chẳng hiểu người ta hỏi mình điều gì.

Khi những tà sư rao giảng phương pháp của họ, mong được lợi dưỡng, và giáo lý họ giảng nói là tà vạy. Chẳng hạn, tham dục là sai trái, nhưng họ bảo là tốt. "Đó là pháp môn hay nhất." Họ khen ngợi điều ấy, khiến cho mọi người mê lầm và không thể nào phân biệt được giáo pháp chân thực. Điều sai trái, họ nói là phải; điều phải họ nói là sai trái. Họ đã có tà tri và tà kiến. Cái nhìn của họ là không đúng đắn.

A-nan nói, "Vào thời mạt pháp, loại tà sư nầy rất nhiều."

Nếu muốn họ nhiếp tâm vào tam-ma-địa,
Dù thời đó sẽ có nhiều tà sư như cát sông Hằng, con vẫn nguyện rằng những chúng sinh sẽ phát khởi chánh tri và chánh kiến.

Làm sao khiến họ dựng lập đạo tràng để khỏi rơi vào ma sự, không lui sụt tâm bồ-đề?

Chẳng hạn, có vài tà sư và ngoại đạo chỉ biết lừa gạt mọi người với học thuyết của họ. Họ nói nhiều về việc quan hệ giữa nam nữ, cho rằng càng nhiều dâm dục, càng mau thành Phật. Điều nầy hoàn toàn sai lầm. Hoàn toàn tà vạy! Quý vị phải lưu ý điều nầy. Đừng để cho những người nầy lừa gạt. Trong chánh pháp, mọi sự đề cập đến dâm dục như là sự tán thành đều là sai trái. Những phương pháp dạy người như vậy đều là sự khai thác của ma. A-nan ước nguyện làm sao giúp cho những người trong đời mạt pháp an trú trong sự phát tâm bồ-đề. Một số người học Phật pháp một thời gian rồi thối tâm bồ-đề. "Tôi không học Phật pháp nữa. Khó quá! Tôi phải từ bỏ mọi lỗi lầm của mình. Nhưng tôi không bỏ được thì sao? Tốt hơn là tôi chẳng cần học."
Họ bỏ mất sự hăng hái. Họ chấp nhận rút lui. Họ bị hàng phục bởi yêu ma.
A-nan muốn biết cách làm sao để giữ cho điều nầy không xảy ra.

Kinh văn: **爾時世尊於大眾中,稱讚阿難。善哉!善哉!如汝所問,安立道場救護眾生末劫沈溺。汝今諦聽,當為汝說。阿難大眾唯然奉教**

Phiên âm: Nhĩ thời Thế tôn ư đại chúng trung, xưng tán A-nan Thiện tai! Thiện tai! Như nhữ sở vấn, an lập đạo tràng cứu hộ chúng sanh mạt kiếp trầm nịch. Nhữ kim đế thính, đương vị nhữ thuyết. A-nan đại chúng duy nhiên phụng giáo.

Việt dịch: Lúc bấy giờ Đức Thế tôn ở trong đại chúng, khen ngợi A-nan, Hay thay! Hay thay! Như điều ông hỏi về dựng lập đạo tràng để cứu giúp chúng sinh chìm đắm trong đời mạt pháp. Nay ông hãy lắng nghe cho kỹ, Như Lai sẽ nói cho ông biết. A-nan và đại chúng kính vâng lời dạy của Phật.

Giảng: A-nan thưa rằng ông muốn cho các chúng sinh trong đời mạt pháp không lui sụt tâm bồ-đề. A-nan muốn cho họ có được niềm tin kiên định, nguyện sẽ hộ trì Phật pháp, tu học Phật pháp, và không bao giờ thối thất tâm bồ-đề. Nhưng làm sao để A-nan giúp cho họ làm được như vậy? Khi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nghe A-nan hỏi như vậy, ngài rất hoan hỷ. Đức Phật an trú trong cảnh giới như như bất động, nhưng khi có người phát tâm hộ trì Phật pháp và giúp mọi chúng sinh thành Phật, dù sao cũng làm cho ngài vui.

Lúc bấy giờ Đức Thế tôn ở trong đại chúng, khen ngợi A-nan, Hay thay! Hay thay!
Đức Phật hài lòng. “A-nan! Ông rất tốt!” Ngài khen ngợi A-nan hai lần.
Như điều ông hỏi về dựng lập đạo tràng để cứu giúp chúng sinh chìm đắm trong đời mạt pháp.
Ông muốn cứu giúp chúng sinh trong đời mạt pháp đang bị chìm đắm trong nước và lửa.

Nay ông hãy lắng nghe cho kỹ, Như Lai sẽ nói cho ông biết. A-nan và đại chúng kính vâng lời dạy của Phật.
Khi họ nghe Đức Phật đồng ý sẽ giảng pháp, niềm vui của họ càng lớn hơn. Có lẽ Đức Phật nói rằng, “Các ông muốn nghe điều nầy chăng?” Mọi người đều trả lời không do dự. “Chúng con muốn nghe. Chúng con muốn nghe.”
Khi các tà sư giảng dạy giáo thuyết của họ, đề tài duy nhất là tham dục. Những điều họ trình bày là trái đạo lý. Điều nầy quý vị nên phân biệt một cách rõ ràng. Đôi khi các vị Bồ-tát cũng dùng lòng từ, ái ngữ và tâm bảo hộ để dạy chúng sinh, vì họ biết rằng chúng sinh đang chìm đắm trong ái dục. Mọi chúng sinh đều có vọng tưởng về ái dục. Thế nên các vị Bồ-tát không mong họ cắt đứt ngay tâm tham luyến ái dục tức thì. Mà các ngài dùng mọi phương tiện để đưa

chúng sinh vượt qua và từ bỏ ái dục. Rồi mỗi chúng sinh tự đặt một điểm dừng cho chính họ. Đây là trường hợp của các vị Bồ-tát, hoàn toàn khác với cách làm của tà sư ngoại đạo.

Có lần Bồ-tát Quán Thế Âm hóa thân thành người bán cá, ngài là người phụ nữ rất đẹp đi khắp làng với rổ cá. Trong làng không ai tin Phật. Nhưng khi những người trai trẻ trong làng nhìn thấy cô gái bán cá nầy, họ đều ham muốn cô. Ngôi làng không rộng, nhưng có ít nhất 100 người đàn ông ở đó, và ai cũng muốn cưới được cô gái nầy làm vợ. Bồ-tát Quán Thế Âm với rổ cá trên tay nói rằng, "Các ông quá nhiều người! Tôi không thể cưới hết 100 người được! Nhưng tôi nghĩ ra một cách để chọn ra một người trong các ông làm chồng. Tôi sẽ cưới người nào trong số các ông đầu tiên tụng thuộc lòng Phẩm Phổ Môn trong kinh Pháp Hoa. Các ông hãy về nhà học. Hạn cho các ông ba ngày."

Ba ngày sau, có đến bốn, năm chục người thuộc lòng kinh nầy. Người phụ nữ bán cá nói, "Vẫn còn quá nhiều người. Dù các ông đã đủ điều kiện, nhưng tôi không thể nào lấy cả 50 người làm chồng. Bây giờ các ông hãy trở về nhà và học thuộc lòng Kinh Kim Cang. Tôi sẽ kết hôn với người nào đầu tiên thuộc lòng kinh nầy trong vòng 5 ngày." Thế là 50 người đỗ đầu nầy trở về nhà và bắt đầu học Kinh Kim Cang. Năm ngày sau có được hai mươi người thuộc lòng kinh nầy. Người phụ nữ bán cá nói, "Vẫn còn quá nhiều người. Tôi không thể hết hôn với tất cả được. Tôi có một điều kiện khác. Ai có thể thuộc lòng kinh Pháp Hoa trong vòng bảy ngày thì sẽ xứng đáng làm chồng tôi."
Hai mươi người đàn ông trở về bắt đầu học kinh Pháp Hoa, bảy ngày sau còn một người đàn ông thuộc được kinh nầy. Anh ta có tên là Mã, xuất thân từ một gia đình giàu sang. Thế là một đám cưới linh đình diễn ra và mọi người trong làng được mời đến dự. Đêm đó, sau khi tiệc xong, họ ra về, nhưng ai biết được rằng cô dâu lên cơn đau tim và qua đời một cách đột ngột.
Và chú rể đã uổng phí bao công sức. Chú đã học thuộc Phẩm Phổ Môn, Kinh Kim Cang, Kinh Pháp Hoa, mà chú vẫn chưa cưới được vợ. Ngay sau đó, đám tang được cử hành, một vị tăng xuất hiện trong đám với y ca-sa màu tím. Vị tăng hỏi: "Chuyện gì đã xảy ra?"
"Con dâu mới của tôi vừa qua đời đột ngột, chúng tôi làm lễ tang."

Vị tăng đáp: "Trong quan tài chẳng có gì cả! Các ông làm đám cho ai? Hãy mở nắp quan tài ra mà xem!"
Thực vậy, trong quan tài trống trơn. Họ đều kinh ngạc. "Cô ta đi đâu? Hãy đuổi theo! Bắt cô ta lại!"

Vị tăng bảo họ: “Cô ta là Bồ-tát Quán Thế Âm. Các người trong làng này không tin Phật, nên Bồ-tát đã hiện thành cô gái xinh đẹp để giáo hóa các ông, vốn là những người vốn quá ham sắc, để hiểu được Phật pháp. Rồi cô ta ra đi. ”

Khi chú rể tên Mã nghe vậy, anh ta từ bỏ mọi thứ trên đời rồi xuất gia. Sau đó, anh ta chứng quả vị thánh. Chuyện nầy có thực, đã xảy ra ở Trung Hoa.

Kinh văn: **佛告阿難,汝常聞我毘奈耶中,宣說修行三決定義。所謂攝心為戒,因戒生定,因定發慧。是則名為三無漏學。**

Phiên âm: Phật cáo A-nan, nhữ thường văn ngã tỳ-nại-da trung, tuyên thuyết tu hành tam quyết định nghĩa. Sở vị nhiếp tâm vi giới, nhơn giới sanh định, nhơn định phát huệ. Thị tắc danh vi tam vô lậu học.

Việt dịch: Đức Phật bảo A-nan: “Ông thường nghe trong giới luật của Như Lai, giảng bày ba nghĩa quyết định của việc tu hành. Thu nhiếp tâm ý gọi là giới, nhân giới phát định lực, nhân định có trí huệ. Đó gọi là ba môn học vô lậu.

Giảng: Khi mọi người trong pháp hội đều đồng lòng hộ trì giáo pháp, Đức Phật bảo A-nan: “Ông thường nghe trong giới luật của Như Lai, giảng bày ba nghĩa quyết định của việc tu hành.

Tỳ-nại-da là những giới luật dành cho cả Đại thừa và Tiểu thừa. Trong đó nói về những giới điều. Ba phương diện chắc thực nầy là không thể thay đổi. Đó là, thu nhiếp tâm ý gọi là giới, nhân giới phát định lực, nhân định có trí huệ. Đó gọi là ba môn học vô lậu.

Đó là giới, định, huệ. Quý vị thu nhiếp tâm ý, như thỏi nam châm thu hút mọi sắt vụn. Điều nầy đặc biệt nói đến tâm phan duyên của chúng ta–luôn luôn tìm kiếm sự thuận lợi. Khi bị tâm phan duyên điều khiển, mình luôn luôn để ý đến người khác. Mình luôn luôn suy nghĩ tìm mọi cách để gần gũi người giàu có hoặc người quyền quý. Tâm niệm như vậy cứ tiếp diễn ngày nầy sang ngày khác. Đó gọi là tâm phan duyên, có nghĩa là mình chưa thu nhiếp được tâm ý. Hãy gom nhiếp tâm lại, đừng để chúng tìm kiếm cách thoả mãn những thuận lợi. Đừng để chúng tuỳ tiện chạy rong. Nhưng tâm ta là cái mà ta chạy đuổi theo, dù mình chẳng muốn như vậy.

Chúng ta có thể cấm chúng không được có vọng tưởng, nhưng phút sau vọng tưởng khác lại nổi lên. Vọng tưởng nầy dừng thì vọng tưởng khác sinh khởi. Niệm đầu vừa biến mất, niệm sau liền tái diễn. Và trước khi niệm đầu hoàn

toàn mất hẳn, thì niệm sau đã sinh khởi. Tâm bám víu vào thứ khác không bao giờ dừng. Điều quý vị cần phải làm là gom giữ tâm ý mình lại. Đưa tâm về lại một chỗ. Lý do lớn nhất mà chúng ta chưa thành Phật, không được giác ngộ, chưa được chứng đạo, đó là chúng ta không chế ngự được tâm mình. Nếu quý vị gom mọi tâm niệm mình lại, thì chẳng có việc gì mà quý vị chẳng làm được. Quý vị sẽ thành tựu mọi điều. Thế nên Giới là mục đích để thu nhiếp tâm ý. Giới luật tạo sự chấm dứt cho mọi việc ác và ngăn ngừa cho sự phạm lỗi (phòng phi chỉ ác)

Nhân giới phát định lực. Trì giới giống như làm cho ly nước đục lắng trong, cho đến khi bùn dơ lắng đọng xuống và nước trở nên trong sạch. Định có nghĩa là "chỉ–không đao động." Và nhân định có trí huệ.

Như bài kệ của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đã nói:
Định cực viên minh.
Khi quý vị giác ngộ, Trong định, trí huệ chân chính sẽ phát sinh. Đó gọi là ba môn học vô lậu.
Nhân giữ giới, từ giới sẽ có định. Nhờ có định mà trí huệ phát sinh.

TỨ CHỦNG THANH TỊNH MINH HỐI
1.PHẢI ĐOẠN TRỪ TÂM DÂM

Kinh văn: 阿難,云何攝心我名為戒。若諸世界六道眾生其心不婬。則不隨其生死相續。

Phiên âm: A-nan, vân hà nhiếp tâm, ngã danh vi giới? Nhược chư thế giới lục đạo chúng sanh kỳ tâm bất dâm, tắc bất tuỳ kỳ sanh tử tương tục.

Việt dịch: A-nan vì sao thu nhiếp tâm niệm, Như Lai gọi là giới? Nếu các chúng sinh trong thế giới lục đạo tâm không dâm dục, thì sẽ không bị tương tục trong sinh tử.

Giảng: A-nan vì sao thu nhiếp tâm niệm, Như Lai gọi là giới? Bây giờ Như Lai sẽ nói cho ông. Nếu các chúng sinh trong thế giới lục đạo tâm không dâm dục. Lục đạo, tức sáu cõi giới: cõi trời, cõi người, a-tu-la, súc sinh, ngạ quỷ, và chúng sinh trong địa ngục. Nếu các chúng sinh ấy không có niệm tưởng dâm dục. Thì họ sẽ không bị tương tục trong sinh tử. Họ sẽ cắt đứt được sinh tử.

Kinh văn: **汝修三昧,本出塵勞。婬心不除,塵不可出。**

Phiên âm: **Nhữ tu tam-muội, bổn xuất trần lao. Dâm tâm bất trừ trần bất khả xuất.**

Việt dịch: Ông tu tam-muội, cốt là để thóat khỏi trần lao. Nếu không trừ lòng dâm, không thể ra khỏi trần lao được.

Giảng: Đức Phật nói với A-nan: Ông tu tam-muội, cốt là để thóat khỏi trần lao. Ông muốn thóat khỏi sinh tử. Nếu không trừ lòng dâm, không thể ra khỏi trần lao được. Nếu ông không cắt đứt lòng ham muốn ái dục, thì sẽ không thể nào ra khỏi trần lao phiền não thế gian. Vì chính niệm tưởng ái dục là nhiễm ô. Chính nó là trần lao phiền não. Không nói là dự phần vào hành vi dâm dục, chỉ một ý tưởng nầy hiện tiền là nhiễm ô rồi. Nếu quý vị không từ bỏ tâm dâm dục, thì hoàn toàn không có lý do gì để hy vọng giác ngộ và thành Phật.

Một bên vẫn giữ tâm dâm dục và một đằng mong thành tựu giác ngộ là thứ suy nghĩ đần độn nhất. Có người nghĩ rằng phương pháp đó khó truyền dạy được. Thậm chí dù Đức Phật Thích-ca Mâu-ni ngay bây giờ thị hiện trên thế gian, ngài cũng không có cách nào đưa những người như vậy đến chỗ giác ngộ. Những người như vậy là thuộc hạng chậm lụt nhất.

Kinh văn: **縱有多智禪定現前,如不斷婬.必落魔道。上品魔王,中品魔民,下品魔女。**

Phiên âm: **Túng hữu đa trí thiền định hiện tiền, như bất đoạn dâm, tất lạc ma đạo. Thượng phẩm ma vương, trung phẩm ma dân, hạ phẩm ma nữ.**

Việt dịch: Dù có nhiều trí và thiền định hiện tiền, nếu không đọan trừ tâm dâm, chắc lạc vào ma đạo. Hạng trên thành ma vương, hạng giữa thành ma dân, hạng dưới thành ma nữ.

Giảng: Dù có nhiều trí và thiền định hiện tiền, nếu không đọan trừ tâm dâm, chắc lạc vào ma đạo.

Quý vị có thể có trí, và khi quý vị ngồi thiền, quý vị có thể cảm thấy thanh thản nhẹ nhàng và cảm thấy rất tự tại–có nghĩa là quý vị có thể nhập vào thiền định. Thế là quý vị cho rằng mình có trí huệ chăng? Nếu quý vị không dứt trừ tâm dâm, cuối cùng quý vị sẽ thành ma.

Hạng trên thành ma vương trong cõi trời Lục dục hạng giữa thành ma dân, thành loại ma bình thường. hạng dưới thành ma nữ. Chúng rất xinh đẹp, nhưng rất ác độc. Những người có trí huệ nên cẩn thận. Những người thông minh nên lưu ý đoạn kinh nầy. Đừng để cho thông minh rốt cuộc trở lại làm hại chính

mình. Đừng có thái độ: “Anh không biết, nhưng tôi biết. Anh không rõ, nhưng tôi rõ.” Đó chỉ là thứ thông minh lặt vặt, hiểu biết tầm thường. Đừng để cho tương lai đầy hứa hẹn của mình phải bị tàn hoại.

Kinh văn: **彼等諸魔亦有徒眾。各各自謂成無上道。**

Phiên âm: Bỉ đẳng chư ma diệc hữu đồ chúng. Các các tự vị thành vô thượng đạo.

Việt dịch: Các loài ma kia cũng có đồ chúng. Đều tự xưng đã thành đạo vô thượng.

Giảng: Những người nầy với một ít tri thức, không cắt đứt được tâm dâm dục, lại luôn luôn nói về ái dục. “Tôi yêu anh, và anh yêu tôi.” Và họ yêu qua yêu lại cho đến khi thành ma. Thế điều gì xảy ra? Các loài ma kia cũng có đồ chúng. Đều tự xưng đã thành đạo vô thượng.

Chúng nó cũng vậy, cũng có đệ tử và người ủng hộ. Chúng hoàn toàn chẳng xấu hổ, luôn luôn lớn tiếng tuyên bố rằng mình đã thành đạo tối thượng. “Ta là Phật! Chúng ta đều là vô thượng và chẳng có ai sánh bằng!” Vốn những kẻ như vậy là ma, nhưng họ chẳng thừa nhận điều ấy; họ tuyên bố thay thế cho chư Phật. Quý vị thấy, vẫn có chư Phật giả. Nhưng chúng không thấy chính họ là giả. Chúng thấy mình là thật. Họ tin rằng: Trên trời dưới đất, chỉ có mình ta là tôn quý.

Kinh văn: **我滅度後末法之中,多此魔民熾盛世間。廣行貪婬為善知識,令諸眾生。落愛見坑失菩提路。**

Phiên âm: Ngã diệt độ hậu mạt pháp chi trung, đa thử ma dân xí thạnh thế gian. Quảng hành tham dâm, vi thiện tri thức, linh chư chúng sanh lạc ái kiến khanh, thất bồ-đề lộ.

Việt dịch: Sau khi Như Lai diệt độ, có nhiều loại ma dân nầy náo loạn trong thế gian. Chúng gây nhiều việc tham dâm, xưng là thiện tri thức, khiến cho chúng sinh rơi vào hầm sâu ái kiến, lạc mất đường đến giác ngộ.

Giảng: Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nói: “Khi Như Lai còn đang tại thế, loài ma nầy không dám tự phô bày, nhưng sau khi Như Lai diệt độ, có nhiều loại ma dân nầy náo loạn trong thế gian.”

Đó chính là thời đại của chúng ta đang được đề cập trong kinh. Khi giáo pháp sắp tàn hoại, sẽ có rất nhiều loài ma nầy chung quanh, chúng đi khắp nơi rao giảng về tham dục. Và chính chúng say sưa trong dâm dục, hoặc là đàn ông hoặc là phụ nữ. Cùng lúc đó, chúng nghĩ rằng mình đã giác ngộ và đã thành Phật.

Làm thế nào để tôi có thể nhận ra những người như thế nầy, họ nói họ đã thành Phật–tôi không còn để ý đến tên của họ. Anh ta nói anh là Phật. Tôi nói anh là ma.

Anh ta hỏi lại: "Ai là ma?"
Tôi đáp: "Anh là ma."

Tại sao tôi biết được? Vì anh ta giống như những điều tôi vừa mô tả trên. Anh ta luôn luôn nói về cảm xúc và tình yêu. "Tình yêu, tình yêu. Tôi yêu mọi người."

Thật là xấu hổ. Ông có quyền gì khi yêu mọi người? Những loài ma nầy Chúng gây nhiều việc tham dâm.

Chúng rất dữ dội trong thế gian. Những người mê mờ sẽ bị dính mắc với chúng, họ cho rằng những gì chúng nói đều là có lý. Đặc biệt nó sẽ đồng ý với cách suy nghĩ của giới thanh niên. Nói như thế nầy, "Những người cùng có cảm giác tàn bạo (atrocious tastes) thường đến với nhau." Chúng thường khen ngợi nhau khi đoạ lạc vào con đường nầy. Nếu chúng không tán thành ý kiến của ai, thì chúng sẽ không làm như vậy.

Nếu đường lối của người kia không phù hợp, thì chúng sẽ không cộng tác với nhau. Nhưng nếu suy nghĩ của chúng giống nhau, thế là kẻ đui dẫn người mù. Thật là đáng thương. Ở đây tôi không quở mắng ai, nhưng :

Nếu một người mê mờ
Truyền dạy sự mê lầm cho người khác
Khi mọi điều được nói và làm,
Thì chẳng có ai hiểu được.
Thầy đoạ vào địa ngục
Trò cũng phải vào theo.
Thầy cũng rơi vào địa ngục, và khi đệ tử cũng hiện ra trong đó, thầy ngạc nhiên hỏi, "Sao trò cũng đến đây? Đây là nơi rất khủng khiếp."

Đệ tử trả lời: "Thầy đã đến đây trước, và thầy là thầy của chúng tôi, dĩ nhiên là chúng tôi phải theo thầy."
Xưng là thiện tri thức.

Chúng khoa trương, “Tôi giảng dạy nhiều nơi cho rất nhiều người.” Thật lố bịch! Khiến cho chúng sinh rơi vào hầm sâu ái kiến, lạc mất đường đến giác ngộ. Chúng khiến cho những ai liên hệ với chúng đều rơi vào hầm hố ái dục, khiến họ bị mất tâm bồ-đề và kết thúc đời mình trong địa ngục.

Kinh văn: **汝教世人修三摩地先斷心婬。是名如來先佛世尊第一決定清淨明誨。**

Phiên âm: Nhữ giáo thế nhân tu tam-ma-địa, tiên đoạn tâm dâm. Thị danh Như Lai tiên Phật Thế tôn đệ nhất quyết định thanh tịnh minh hối.

Việt dịch: Ông dạy người đời tu tam-ma-địa, trước hết phải đoạn trừ tâm dâm. Đó là lời dạy bảo thanh tịnh, quyết định thứ nhất của các Đức Phật Thế Tôn Như Lai trong đời trước.

Giảng: Ma vương cổ xuý yêu đương. Sự khác nhau giữa ma vương và giáo pháp của Bồ-tát thì rất mỏng manh–giống như úp ngửa bàn tay. Khác nhau như thế nào?

Bồ-tát cũng thương yêu mọi người, nhưng tình yêu của họ là lòng từ bi che chở, tránh xa tham dục. Nhưng có một luồng ái dục chạy qua mọi điều mà ma vương nói. Ma vương công khai tán thành tham dục, đến mức nó nói rằng, càng tham đắm tham dục càng cao, thì càng mau đạt đến chứng ngộ. Loại tà thuyết nầy hãm hại mọi người. Bồ-tát thì không còn tham dục; các ngài không có khác biệt gì giữa chúng sinh và các ngài. Ma vương có động cơ riêng của chúng; nó tham lam của cải. Bồ-tát không có động cơ nào đàng sau và không tham lam. Liên quan đến điều nầy, là giáo pháp nói về 12 nhân duyên của Đức Phật.

Ông dạy người đời tu tam-ma-địa, trước hết phải đoạn trừ tâm dâm. Dạy họ trừ bỏ niệm tưởng dâm dục. Đó là lời dạy bảo rõ ràng thanh tịnh, quyết định thứ nhất của các Đức Phật Thế Tôn Như Lai trong đời trước .

Đây là phương pháp giáo hóa mà các Đức Phật Như Lai đã vận dụng. Đây là sự quyết định của các Đức Phật trong đời quá khứ. Đây là lời giáo huấn rõ ràng chỉ dạy cho mọi người làm thế nào để đạt được tâm thanh tịnh. Mọi người phải trừ tâm dâm dục. Không có một chút du di nào cả. Không thể nói rằng vừa có thể dâm dục vừa có thể không. Mọi người phải trừ bỏ nó. Nếu quý vị muốn đạt đến giác ngộ mà vẫn còn giữ niệm tưởng dâm dục, thì chắc chắn quý vị là đồ đệ của ma.

Kinh văn: **是故阿難若不斷婬修禪定者。如蒸沙石欲其成飯。經百千劫秖名熱沙。何以故此非飯本石沙 成故。**

Phiên âm: Thị cố A-nan, nhược bất đoạn dâm tu thiền định giả, như chưng sa thạch dục kỳ thành phạn. Kinh bá thiên kiếp kỳ danh nhiệt sa. Hà dĩ cố? Thử phi phạn bổn, thạch sa thành cố.

Việt dịch: Thế nên, A-nan, nếu không đoạn tâm dâm mà tu thiền định, cũng như nấu cát mà mong thành cơm. Trải qua trăm ngàn kiếp, cũng chỉ là cát nóng. Vì sao? Vì đó chẳng phải là bản nhân của cơm, đó chỉ là cát đá.

Giảng: Quý vị thấy, bây giờ Đức Phật nêu lên một thí dụ. Ngài bảo A-nan, "Ông chưa tin điều nầy, nên Như Lai sẽ giải thích cho ông. Thế nên, A-nan, nếu không đoạn tâm dâm mà tu thiền định, cũng như nấu cát mà mong thành cơm.'

Nếu mình không nghiêm khắc với ái dục mà vẫn tu tập thiền định hằng ngày, thì một mặt tu tập, mặt kia vẫn bị rỉ chảy (lậu hoặc). Mọi thứ mình có được trong công phu tu tập sẽ bị thất thóat gấp 10 lần do lậu hoặc; nếu mình tu gấp 10 lần, thì sẽ thất thóat nhiều gấp trăm lần do lậu hoặc. Nếu không thể trừ bỏ ái dục, mà vẫn ngồi thiền với lòng mong mỏi được giác ngộ, với mục đích có được một niềm vui điên đảo. Điều nầy cũng giống như nấu cát mà mong được thành cơm.

Trải qua trăm ngàn kiếp, cũng chỉ là cát nóng. Chỉ là vô ích, Vì sao? Vì đó chẳng phải là bản nhân của cơm, đó chỉ là cát đá.

Quý vị mong được giác ngộ mà không chịu từ bỏ tham dục. Điều ấy cũng giống như nấu cát mà mong thành cơm.

Chẳng có gì để nói thêm ở đây. Nếu quý vị nghiêm khắc với tham dục, thì dù quý vị có cùng với những đối tượng tình dục suốt ngày, cũng chẳng có vấn đề gì. Sẽ chẳng có gì dâm dục, chẳng có tướng nam, tướng nữ, tướng nhân, tướng ngã, tướng chúng sinh, tướng thọ giả. Có người không biết xấu hổ, còn nói, "Đó là cách sống của tôi." Chỉ nói đó là lối sống của quý vị thôi chưa đủ. Chưa có bằng chứng. Làm sao quý vị biết đó là cách sống của mình? Nếu quý vị sống theo cách đó, thì cơ bản là quý vị sẽ không biết mình là ai. Không lẽ quý vị cho rằng mình không có ý tưởng dâm dục nào?

Nếu không, đơn giản là không. Khỏi cần đi quanh quảng cáo về chuyện đó. Chỉ cần thể hiện rằng quý vị thực không sống theo cách đó. Nếu quý vị thực sự không có tham dục thì:

Nhãn kiến sắc, nội vô hữu
Nhĩ văn trần, tâm bất tri.
Bất luận tai có nghe được âm thanh dễ chịu nào, tâm ý bạn cũng chẳng bận lòng. Thế là quý vị đã có được chút ít hành trang với mình rồi. Và nếu quý vị có thể đạt đến mức độ đi đứng nằm ngồi cùng với người nào đó là đối tượng dâm dục mà không xảy ra một vấn đề nào cả–không khởi lên bất kỳ niệm tưởng tình dục nào–mới đáng kể. Không thể nói rằng tâm vẫn truy đuổi ái dục mà mình nghiến răng và nói cứng rắn, "Ta vẫn chịu đựng được." Điều ấy chưa được. Phải chắc thật là trong tâm không có một niệm tưởng dâm dục sinh khởi, tâm phải bất động, đó mới thực là không còn một dấu tích dâm dục nào trong tâm mình. Đó mới là chân chính. Nếu thỉnh thoảng quý vị vẫn còn biết người phụ nữ ăn thứ gì, thì quý vị vẫn bị đánh trượt như thường.

Một hôm có người được giác ngộ và tìm đến một vị thầy để cầu xin ấn chứng.
Vị thầy hỏi: "Ông khai ngộ được điều gì?"
Người ấy đáp: "Ồ! Trước đây tôi không bao giờ nhận ra được, nhưng nay tôi biết rõ tỷ-khưu-ni là phụ nữ."
Bằng Phật nhãn, vị thầy thấy quả thực người kia đã chứng ngộ. Thầy nói để ấn chứng:
"Ông nói đúng."
Quý vị sẽ bảo: "Ai chẳng biết điều đó?"

Nếu quý vị chưa chứng ngộ, quý vị không thể nào nói được như vậy. Vì vị tăng đó là người đã chứng ngộ nên phát ra cái thấy như vậy. Đây là điều mà quý vị không thể nào dối gạt mọi người–đặc biệt là do thầy của anh ta đã có được Phật nhãn. Thầy nhìn vị tăng và thấy vị tăng đã chứng sơ quả A-la-hán.

Kinh văn: **汝以婬身求佛妙果,縱得妙悟皆是婬根。根本成婬,輪轉三途,必不能出。如來涅槃,何路修證?**

Phiên âm: Nhữ dĩ dâm thân cầu Phật diệu quả, túng đắc diệu ngộ giai thị dâm căn. Căn bổn thành dâm, luân chuyển tam đồ, tất bất năng xuất. Như Lai niết-bàn, hà lộ tu chứng?

Việt dịch: Ông đem thân dâm dục cầu diệu quả chư Phật, dù được diệu ngộ, cũng chỉ là gốc dâm. Cội gốc đã thành dâm, thì phải trôi lăn trong tam đồ, chắc không ra khỏi được. Còn đường nào để tu chứng niết-bàn của Như Lai?

Giảng: Đức Phật nói với A-nan, “Việc ông ưa thích con gái của Ma-đăng-già không chỉ liên quan đến niệm tưởng dâm dục, mà còn do căn gốc dâm dục của ông.”

Ông đem thân dâm dục cầu diệu quả chư Phật, dù được diệu ngộ, cũng chỉ là gốc dâm. Dù ông có chứng được phần tinh yếu của đạo lý vi diệu, thì ông vẫn chưa trừ bỏ được gốc dâm.

Cội gốc đã thành dâm, thì phải trôi lăn trong tam đồ, chắc không ra khỏi được. Trong tương lai, ông chắc sẽ rơi vào địa ngục. “Tam đồ” là những cõi giới của loài súc sanh, quỷ đói, và địa ngục. Ông chắc sẽ dính líu với ba cõi nầy và không thể nào thóat ra khỏi được.

Còn đường nào để tu chứng niết-bàn của Như Lai?
Trong những cõi giới nầy, đường nào dẫn ông đến các quả vị?

Kinh văn: **必使婬機,身心俱斷 。斷性亦無。於佛菩提,斯可希冀。**

Phiên âm: Tất sử dâm cơ, thân tâm câu đoạn. Đoạn tánh diệc vô. Ư Phật bồ-đề, tư khả hy ký.

Việt dịch: Ắt phải khiến cho thân tâm đều đọan trừ hết căn dâm. Tánh đoạn cũng trừ. Mới mong chứng quả bồ-đề của chư Phật.

Giảng: Ắt phải khiến cho thân tâm đều đọan trừ hết căn dâm. Ông nhất định phải trừ bỏ mọi niệm tưởng dâm dục dù nhỏ nhặt và vi tế nhất. Điều ấy có nghĩa là chính vô minh phải được dứt sạch. Phải được thực hiện bằng cả thân và tâm. Tánh đoạn cũng trừ. Ngay cả ý niệm dứt trừ vô minh cũng phải dứt sạch. Mới mong chứng quả bồ-đề của chư Phật.

Kinh văn: **如我此說名為佛說。不如此說即波旬說**

Phiên âm: Như ngã thử thuyết, danh vi Phật thuyết. Bất như thử thuyết tức ba-tuần thuyết.

Việt dịch: Như lời Như Lai nói đây, chính là lời chư Phật đã nói. Nếu không phải như vậy, tức là lời ma ba-tuần nói.

Giảng: Như lời Như Lai nói đây, chính là lời chư Phật đã nói. Đây là cách thức chư Phật giảng nói Phật pháp. Nếu không phải như vậy, tức là lời ma ba-tuần nói. Là cách nói của ma vương. Ba-tuần, tiếng Sanskrit là Papiyan, có nghĩa là ‘người ác’, chỉ cho Māra, tức ma vương. Những ai đến nghe giảng kinh chắc

chắn phải là người có thể thấy được. Người mù không thể đến nghe kinh, người bị điếc và người câm ngọng cũng vậy. Người càng đến nghe giảng kinh, sẽ càng trở nên thông minh lanh lợi hơn. Mọi người nên mở ra con mắt huệ chân thật và thực sự xoay nhĩ căn trở vào tự tánh của mình. Đừng mong tìm cầu bên ngoài.

2. PHẢI ĐOẠN TRỪ TÂM SÁT HẠI

Kinh văn: 阿難,又諸世界六道眾生,其心不殺,則不隨其生死相續。

Phiên âm: A-nan, hựu chư thế giới lục đạo chúng sanh, kỳ tâm bất sát, tắc bất tuỳ kỳ sanh tử tương tục.

Việt dịch: Lại nữa, A-nan, nếu các chúng sinh trong sáu cõi khắp các thế giới, nếu họ không có tâm sát hại, ắt sẽ không tương tục theo dòng sanh tử.

Giảng: Nếu loài trời, loài người, a-tu-la, súc sanh, quỷ đói, loài chúng sinh ở địa ngục, không mang nặng niệm tưởng sát hại, thay vào đó lại dừng hẳn nghiệp sát và giải thóat cho mọi loài chúng sinh, thì họ có thể ra khỏi vòng luân hồi sinh tử. Ở đây chỉ đề cập đến niệm tưởng về sát hại (ý nghiệp), chứ chưa nói đến hành vi sát hại (hành nghiệp). Nếu mọi người dừng lại nghiệp sát, thì họ sẽ khỏi phải chịu trôi lăn luân hồi sinh tử trong sáu đường, và là chủ tể của nghiệp rồi phải theo đó mà trải qua sinh tử luân hồi.

Kinh văn: **汝修三昧本出塵勞。殺心不除塵不可出。**

Phiên âm: Nhữ tu tam-muội, bổn xuất trần lao. Sát tâm bất trừ trần bất khả xuất.

Việt dịch: Ông tu tam-muội, cốt là ra khỏi trần lao. Tâm sát hại không trừ, thì không thể nào ra khỏi trần lao được.

Giảng: A-nan, ông muốn tu tập định lực. Ông tu tam-muội, cốt là ra khỏi trần lao. Từ ban đầu, ông đã mong được thóat ra khỏi trần lao. Tâm sát hại không trừ, thì không thể nào ra khỏi trần lao được. Làm thế nào để chúng ta có thể trừ bỏ niệm tưởng sát hại? Dừng hẳn việc giết hại và giải thóat cho mọi loài chúng sinh. Ở trên Kinh văn có nói, “Nếu không trừ bỏ niệm tưởng dâm dục, thì không thể nào ra khỏi trần lao.” Nên quý vị phải nghiêm khắc với niệm tưởng dâm dục để mong thóat ra khỏi trần lao. Đó là cách duy nhất để quý vị có thể thóat khỏi vòng luân hồi sinh tử. Nhưng nếu quý vị vẫn tán tâm vào niệm tưởng

dâm dục và vẫn ôm nặng tâm sát hại, thì quý vị không thể nào ra khỏi thế gian. Quý vị không thể nào siêu việt sanh tử.

Kinh văn: **縱有多智禪定現前,如不斷殺必落神道。上品之人為大力鬼。中品即為飛行夜叉諸鬼帥等。下品當 為地行羅剎。**

Phiên âm: Túng hữu đa trí thiền định hiện tiền, như bất đoạn sát, tất lạc thần đạo. Thượng phẩm chi nhơn vi đại lực quỷ. Trung phẩm tức vi phi hành dạ-xoa, chư quỷ soái đẳng. Hạ phẩm thượng vi địa hành la-sát.

Việt dịch: Dù có nhiều trí thiền định hiện tiền, nếu như không đoạn trừ tâm sát hại, ắt rơi vào thần đạo. Bậc cao thì làm đại lực quỷ. Bậc trung thì làm quỷ phi hành dạ-xoa và các loài quỷ soái. Bậc thấp thì làm quỷ địa hành la-sát.

Giảng: Dù có nhiều trí thiền định hiện tiền, nếu như không đoạn trừ tâm sát hại, ắt rơi vào thần đạo. "Trí" ở đây là chỉ cho trí thông minh thế gian và tài giỏi biện luận, chứ không phải là trí huệ siêu việt. Đó là một dạng trí thông thường khiến cho người ta có một khả năng nhất định để tranh luận. Và dù quý vị có tu đến mức độ có công phu trong thiền định–quý vị có được một vài sự cảm ứng– thì, nếu quý vị không trừ bỏ nghiệp sát, quý vị vẫn bị rơi vào cảnh giới của các thần. Có nghĩa là có thể quý vị sẽ trở thành một vị thần thống lãnh các cõi trời. Bậc cao thì làm đại lực quỷ. Có nghĩa là binh tướng hùng mạnh của cõi trời Bậc trung thì làm quỷ phi hành dạ-xoa và các loài quỷ soái. Phi hành dạ xoa là loài quỷ bay đi trên không. Hoặc là trở thành kẻ chỉ huy của loài quỷ. Bậc thấp thì làm quỷ địa hành la-sát.

Kinh văn: **彼諸鬼神亦有徒眾。各各自謂成無上道。**

Phiên âm: Bỉ chư quỷ thần diệc hữu đồ chúng. Các các tự vị thành vô thượng đạo.

Việt dịch: Các loài quỷ thần ấy cũng có đồ chúng. Chúng đều tự cho rằng mình đã thành đạo vô thượng.

Giảng: Các vị thần thống lĩnh, loài đại lực quỷ ở cõi trời, loài quỷ dạ-xoa và quỷ la-sát ở cõi người, loài quỷ ở cõi địa ngục cũng có đồ chúng. Có khoảng chừng 10 ngàn loài quỷ khác nhau. Kuan Ti Kung ở Trung Hoa là một ví dụ của thần tài. Nhưng sau khi ông ta quy y Phật, ông ta được gọi là Bồ-tát Ch'ieh Lan, là một vị thần hộ pháp. Trong pháp hội của Phật, ông ta chỉ đứng, không được

phép ngồi. Tuy nhiên, các loài quỷ nói ở đây đều tự tuyên bố là chúng đã thành đạo vô thượng.

Kinh văn: **我滅度後末法之中,多此神鬼熾盛世間。自言食肉得菩提路。**

Phiên âm: Ngã diệt độ hậu mạt pháp chi trung, đa thử thần quỷ xí thạnh thế gian. Tự ngôn thực nhục đắc bồ đề lộ.

Việt dịch: Sau khi Như Lai diệt độ, trong thời mạt pháp, nhiều loại quỷ thần nầy sôi nổi trong thế gian. Chúng tự tuyên bố rằng ăn thịt sẽ chứng được đạo bồ-đề.

Giảng: Sau khi Như Lai diệt độ, trong thời mạt pháp, nhiều loại quỷ thần nầy sôi nổi trong thế gian. Đó chính là Đức Phật nói đến thời đại ngày nay– thời kỳ mà quý vị và tôi đang sống. Có vô số quỷ thần trong thời mạt pháp nầy, tất cả là do trong đời trước chúng không từ bỏ nghiệp sát. Chúng có tu tập, nhưng không thể dừng bỏ việc sát hại, nên chúng đoạ vào cõi giới của các thần. Trong thời mạt pháp, những loài nầy sẽ tự tuyên bố rằng ăn thịt sẽ chứng được đạo bồ-đề.

Chúng nói rằng, "Ăn thịt và thành Phật là như nhau. Ta chẳng cần từ bỏ việc sát hại hoặc phải ăn chay, mà ta vẫn giác ngộ và chứng được đạo bồ-đề, có nghĩa là ta là Phật. " Điều nầy giống như có người tuyên bố mình đã thành Phật nhưng ăn thịt, uống rượu, hút thuốc, có một nhóm đồ đệ trẻ và dạy cho họ hút cần sa, chơi ma tuý. Có ai từng nghe người giác ngộ mà hành xử như vậy chăng? Khi Đức Phật thành đạo, ngài không dùng những chất ma tuý như vậy. Nay quý vị dùng thuốc để đầu độc hệ thống thần kinh của mình, làm đảo lộn nội lực quân bình của mình, và đưa mình đến bờ vực cái chết, mà vẫn khăng khăng cho mình là đã giác ngộ. Tôi hỏi quý vị, vậy có điên đảo không?

Kinh văn: **阿難,我令比丘食五淨肉。此肉皆我神力化生本無命根。汝婆羅門地多蒸濕,加以沙石,草菜不生。我以大悲神力所加。因大慈悲假名為肉。汝得其味。奈何如來滅度之後,食眾生肉名為釋子。**

Phiên âm: A-nan, ngã linh tỷ-khưu thực ngũ tịnh nhục. Thử nhục giai ngã thần lực hóa sanh, bổn vô mạng căn. Nhữ Bà-la-môn địa đa chưng thấp, gia dĩ sa thạch, thảo thái bất sanh. Ngã dĩ đại bi thần lực sở gia. Nhân đại từ bi giả danh vi nhục. Nhữ đắc kỳ vị. Nại hà Như Lai diệt độ chi hậu, thực chúng sanh nhục danh vi Thích tử?

Việt dịch: A-nan, Như Lai cho phép hàng tỷ-khưu ăn năm loại tịnh nhục. Thịt ấy đều do thần lực của Như Lai hóa ra, vốn chúng không có mạng căn. Xứ Bà-la-môn của các ông, đất đai phần nhiều ẩm thấp và nóng, lại thêm cát đá, rau cỏ không sinh được. Như Lai dùng thần lực từ bi gia hộ. Do tâm đại từ bi giả gọi là thịt. Các ông cũng nhận được vị như thịt. Có sao sau khi Như Lai diệt độ, những người ăn thịt chúng sinh lại xưng là Thích tử?

Giảng: ; A-nan, Như Lai cho phép hàng tỷ-khưu ăn năm loại tịnh nhục.

Giáo pháp Đức Phật cho phép dùng năm thứ thịt như sau:
1) Thịt của súc vật mà mình không thấy chúng bị giết.
2) Thịt của súc vật mà mình không nghe chúng bị giết.
3) Thịt của súc vật mà mình biết chắc là chúng không bị giết để cho mình ăn.
4) Thịt của súc vật đã chết (không do người nào giết).
5) Thịt còn sót lại sau khi chim đã rỉa.

Thịt ấy đều do thần lực của Như Lai hóa ra, vốn chúng không có mạng căn. Chính Đức Phật đã tạo nên các loài thịt nầy; nó vốn không xuất phát từ các sinh vật. Chúng không có mạng căn; có nghĩa là không có tâm thức, không có hơi ấm; không có hơi thở. Xứ Bà-la-môn của các ông, đất đai phần nhiều ẩm thấp và nóng, lại thêm cát đá, rau cỏ không sinh được.

Các ông là những người tu hành hạnh thanh tịnh, lại sống trong vùng đất đầy cát đá và ẩm thấp. Như Lai dùng thần lực từ bi gia hộ. Nhân tâm đại từ bi giả gọi là thịt. Các ông cũng nhận được vị như thịt. Đó là thực chất những thứ các ông đang ăn. Nay Như Lai cho phép các ông ăn thứ thịt như vậy. Nhưng, sau khi Như Lai diệt độ, sao những người ăn thịt chúng sinh lại xưng là Thích tử được? Chẳng phải là họ ăn năm thứ thịt thanh tịnh, mà chính họ hoàn toàn đã ăn thịt chúng sinh. Họ có được gọi là đệ tử Phật không? Họ không xứng đáng được xem là đệ tử của Thích-ca, có nghĩa là không xứng đáng là những người xuất gia.

Kinh văn: **汝等當知是食肉人,縱得心開似三摩地,皆大羅剎。報終必沈生死苦海 。非佛弟子。如是之人相殺相吞,相食未已。云何是人得出三界?**

Phiên âm: Nhữ đẳng đương tri thị thực nhục nhân, túng đắc tâm khai, tợ tam-ma-đề, giai đại la-sát. Báo chung tất trầm sanh tử khổ hải. Phi Phật đệ tử. Như thị chi nhân tương sát tương thôn, tương thực vị dĩ. Vân hà thị nhân đắc xuất tam giới?

Việt dịch: Các ông nên biết những người ăn thịt đó, dù tâm được khai ngộ, như tam-ma-đề, đều là loài đại la-sát. Khi quả báo hết, lại phải chìm đắm trong biển khổ sinh tử. Họ chẳng phải là đệ tử của Phật. Những người ấy giết hại, thôn tính lẫn nhau, ăn nuốt nhau không thôi. Những người như vậy làm sao ra khỏi ba cõi?

Giảng: Các ông nên biết những người ăn thịt đó, dù tâm được khai ngộ, như tam-ma-đề, đều là loài đại la-sát. Không không cần để ý đến mình đang ăn thứ thịt gì. Họ không bận tâm đó là một trong ba thứ thịt thanh tịnh hoặc trong năm thứ thịt thanh tịnh. Nếu đó là thịt, thì họ cứ ăn. A-nan, ông nên biết rằng sau khi Như Lai diệt độ, những người như vậy sẽ giả dạng làm đệ tử Phật và họ sẽ dùng cả rượu và thịt. Họ rất phóng túng, nói rằng mọi người đều tự do, tuỳ ý muốn làm gì thì làm. Dù họ có chút giác ngộ hay được chút ít trí huệ, họ chỉ tương tợ như ở trong định." Thực sự là chẳng phải như vậy. Họ giống như những người đã đến đây và tự xưng mình là Lục tổ.

Tôi hỏi: "Bằng chứng nào mà anh tự xưng mình là Lục tổ?"
Người ấy đáp: "Tôi chẳng có bằng chứng nào chứng tỏ là không giống." Anh ta tưởng rằng đó là câu đối đáp thông minh. Thực sự, anh ta thuộc cùng loại với những người đang mô tả trong đoạn kinh nầy. Những người như vậy như thể có chút định lực, nhưng thực tế họ là loài đại la-sát, đại ma vương, đại quỷ thần. Khi quả báo hết, lại phải chìm đắm trong biển khổ sinh tử. Họ chẳng phải là đệ tử của Phật. Dù những người như vậy đáp y ca-sa của Phật, ăn thực phẩm của Phật, nhưng họ chẳng phải là đệ tử Phật. Những người ấy giết hại, thôn tính lẫn nhau, ăn nuốt nhau không thôi. Họ sống và ăn thịt, không ngại một điều nào cả. Họ cứ ăn nuốt lẫn nhau. Họ giết hại lẫn nhau; anh ăn tôi, tôi ăn lại anh; giết và ăn; rồi trở lại bị giết và bị ăn.

Những người như vậy làm sao ra khỏi ba cõi? Sông như vậy là tạo nên một vòng luân hồi sinh tử bất tận. Đời này anh ăn thịt tôi; và đời sau tôi ăn thịt anh. Đời sau nữa, trở lại anh ăn thịt tôi, và cứ tiếp diễn như vậy. Những chúng sinh ấy làm sao ra khỏi được Dục giới, Sắc giới, và Vô sắc giới?

Kinh văn: **汝教世人修三摩地,次斷殺生。是名如來先佛世尊第二決定清淨明誨。**

Phiên âm: Nhữ giáo thế nhân tu tam-ma-địa, thứ đoạn sát sanh. Thị danh Như Lai Tiên Phật Thế Tôn đệ nhị quyết định thanh tịnh minh hối.

Việt dịch: Ông dạy người đời tu pháp tam-ma-địa, phải đoạn trừ việc sát sanh. Đó là lời dạy bảo rõ ràng thanh tịnh, quyết định thứ hai của các Đức Phật Thế Tôn Như Lai trong đời trước.

Giảng: Ông dạy người đời tu pháp tam-ma-địa, phải đoạn trừ việc sát sanh. Trước tiên, phải đoạn trừ dâm dục; rồi còn phải cấm chế niệm tưởng sát hại. Đó là lời dạy bảo rõ ràng thanh tịnh, quyết định thứ hai của các Đức Phật Thế Tôn Như Lai trong đời trước. Đây là giáo lý được Đức Phật xiển dương. Cả chư Phật trong quá khứ và chư Phật đời nầy để chỉ dạy giáo pháp rõ ràng thanh tịnh và quyết định nầy. Quý vị phải chắc chắn tôn trọng giáo pháp nầy. Nếu không, quý vị không thể nào ra khỏi ba cõi được.

Kinh văn: **是故阿難,若不斷殺修禪定者,譬如有人自塞其耳,高聲大叫求人不聞。此等名為欲隱彌露。**

Phiên âm: Thị cố A-nan, nhược bất đoạn sát tu thiền định giả, thí như hữu nhân tự tắc kỳ nhĩ, cao thanh đại khiếu, cầu nhân bất văn. Thử đẳng danh vi dục ẩn di lộ.

Việt dịch: Thế nên A-nan, nếu không đoạn trừ việc sát hại mà tu thiền định, ví như có người tự bịt tai mình, rồi kêu lớn tiếng, mà mong mọi người chẳng nghe tiếng mình. Loại người nầy gọi là muốn dấu nhưng càng lộ bày.

Giảng: Thế nên A-nan, nếu không đoạn trừ việc sát hại mà tu thiền định. Họ phải nghiêm khắc với hạt giống từ bi của mình. Khi đã bỏ mất tâm từ bi, ví như có người tự bịt tai mình, rồi kêu lớn tiếng, mà mong mọi người chẳng nghe tiếng mình. Điều nầy cũng như có người bịt tai mình mà ăn cắp chuông, họ cho rằng nếu mình không nghe tiếng chuông thì người khác cũng không nghe. Loại người nầy gọi là muốn dấu nhưng càng lộ bày. Họ càng muốn dấu diếm những hành vi của mình, thì nó càng lộ bày ra. Cũng như vậy, những người tu thiền định mà không chịu dừng lại việc sát hại thì khó đạt được điều mình mong đợi.

Kinh văn: **清淨比丘及諸菩薩,於岐路行不踏生草,況以手拔。云何大悲取諸眾生血肉充食?**

Phiên âm: Thanh tịnh tỷ-khưu cập chư Bồ-tát, ư kỳ lộ hành bất đạp sanh thảo, huống dĩ thủ bạt. Vân hà đại bi thủ chư chúng sanh huyết nhục sung thực?

Việt dịch: Tỷ-khưu thanh tịnh và các vị Bồ-tát khi đi trên đường còn không đạp cỏ non, huống là dùng tay nhổ. Tại sao thực hành tâm đại bi mà lại lấy máu thịt chúng sinh làm thức ăn?

Giảng: Tỷ-khưu thanh tịnh và các vị Bồ-tát tu tập công hạnh cực kỳ thanh tịnh, khi đi trên đường còn không đạp cỏ non. Ở nơi có vài lối đi, thường có cỏ mọc bên vệ đường. Tỷ-khưu thanh tịnh và các vị Bồ-tát sẽ không bao giờ dẫm lên cỏ non, vì sợ sẽ làm cho cỏ chết. Huống là dùng tay nhổ. Các ngài cũng không nhổ một cây cỏ nào. Tại sao thực hành tâm đại bi mà lại lấy máu thịt chúng sinh làm thức ăn? Điều ấy không thể được

Kinh văn: **若諸比丘不服東方絲綿絹帛,及是此土靴履裘毳乳酪醍醐。如是比丘於世真脫。酬還宿債不遊三界。**

Phiên âm: Nhược chư tỷ-khưu bất phục đông phương ty miên quyên bạch, cập thị thử độ ngoa phú cừu thuế, nhũ lạc đề hồ. Như thị tỷ-khưu ư thế chơn thóat. Thù hoàn túc trái, bất du tam giới.

Việt dịch: Nếu các tỷ-khưu không mặc tơ lụa, là lượt của phương đông, và không dùng giày dép, áo cừu, áo len, hay các thứ sữa, lạc, đề hồ. Những tỷ-khưu ấy, thật là giải thóat trong pháp thế gian. Trả hết nợ cũ xong, sẽ không vào trong ba cõi nữa.

Giảng: Nếu các tỷ-khưu không mặc tơ lụa, là lượt của phương đông, và không dùng giày dép, áo cừu, áo len, hay các thứ sữa, lạc, đề hồ. Những tỷ-khưu ấy, thật là giải thóat trong pháp thế gian. Lụa, da, lông thú, lông tơ (chim) đều xuất phát từ sinh vật. Sinh mạng của chúng phải bị cướp đoạt để tạo ra những thứ nầy. Vải thường không bao hàm trong các loại nầy. Do vậy, các ngài không dùng giày da hay túi xách làm bằng da. Họ cũng không dùng các thực phẩm chế biến từ sữa. Trả hết nợ cũ xong, sẽ không vào trong ba cõi nữa.

Ở đây nói rằng sữa và các thực phẩm chế biến từ sữa đều không nên dùng, nhưng trong giới luật của Đại thừa và Tiểu thừa đều không cho rằng điều nầy không hoàn toàn bị cấm dùng. Đoạn kinh nầy nói về những người giữ giới với mức độ thanh tịnh nhất. Họ hoàn toàn giữ giới không giết hại. Họ không dùng bất cứ thứ gì liên quan đến sinh mạng chúng sinh. Họ không mặc đồ tơ lụa vì một số sinh mạng của loài tằm phải chết trong quá trình dệt thành lụa. Họ không dùng mật ong vì mật là từ ong. Nhưng riêng trong giới luật vấn đề nầy vẫn còn được khai mở. Giới có một ý nghĩa rất linh hoạt. Giới không chuyên

biệt cấm đoán mọi thứ nầy. Đối với quý vị tránh dùng những thứ đó là người rất thanh tịnh. Điều ấy rất tốt.

Kinh văn: **何以故服其身分皆為彼緣。如人食其地中百穀。足不離地必使身心。於諸眾生若身,身分。身心二塗不服不食。我說是人真解脫者。**

Phiên âm: Hà dĩ cố phục kỳ thân phần giai vị bỉ duyên. Như nhơn thực kỳ địa trung bá cốc, túc bất ly địa. Tất sử thân tâm, ư chư chúng sanh nhược thân, thân phần. Thân tâm nhị đồ bất phục bất thực. Ngã thuyết thị nhân chơn giải thoát giả.

Việt dịch: Tại sao dùng những bộ phận thân thể chúng sinh, đều có ảnh hưởng đến chúng. Như con người ăn trăm giống cốc loại trong đất, thì chân không rời đất. Dứt khóat thân tâm mình, đối với thân thể hay chi phần của chúng sinh, quyết không dùng, không ăn không mặc. Những người như vậy, Như Lai mới thật xem là giải thóat.

Giảng: Tại sao dùng những bộ phận thân thể chúng sinh, đều có ảnh hưởng đến chúng. Chẳng hạn, khi quý vị mặc đồ tơ lụa, thì quý vị đã có liên quan với loài tằm đã nhả ra tơ. Nếu quý vị không muốn thành loài sinh vật ấy, thì đừng nên liên hệ với chúng. Đó là Như con người ăn trăm giống cốc loại trong đất, thì chân không rời đất. Đó chính là loài người đầu tiên trên trái đất, họ vốn là chúng sinh từ cõi trời Đại phạm xuống. Điều nầy xảy ra trong quá khứ khi kiếp hoả lan khắp trái đất cho đến khi thiêu huỷ mọi dấu hiệu của loài người. Sau đó bắt đầu một thời kỳ cằn cỗi khô khan, kéo dài không biết bao lâu. Và sau đó, một hôm có vài chúng sinh từ cõi trời Đại phạm đậu xuống thế gian.

Vào lúc nầy, thế gian được bao phủ bởi một chất liệu đặc biệt hoàn toàn tốt đẹp. Họ bốc lên một nắm và ngửi thấy rất thơm ngon. Nên họ ăn. Khi họ đã ăn thứ "màu mỡ của đất" nầy rồi thì họ không còn bay được nữa. Họ không thể cưỡi mây và lái sương mù được nữa. Họ không còn di chuyển được. Họ ở lại trần gian và rủ những anh chị em của họ đang ở trên trời. Những người nầy xuống trần gian rồi lại ăn thứ "màu mỡ của đất", thế là họ cũng bị trở thành bị chất ngại bởi đất. Họ không thể nào trở về cõi trời; và đó là lý do loài người đến ở trần gian. Có người cho rằng chúng ta xuất phát từ loài khỉ. Nhưng nếu điều đó là đúng, thì cái gì khiến cho chúng ta trở thành khỉ? Thực tế, tất cả bắt đầu từ khi loài trời hạ xuống trần gian. Khi dân số trên mặt đất gia tăng, chất "màu mỡ của đất" hoàn toàn bị cạn kiệt, các giống thực vật bị chết. Thế là họ phải ăn bách cốc (100 giống cốc loại). Đó là:
1. Hai mươi loại lúa khác nhau.

2. Hai mươi loại kê.
3. Hai mươi loại đậu
4. Hai mươi loại rau.
5. Hai mươi loại dưa.

Mỗi thứ có hơn hay kém hai mươi loại, làm thành 100 thứ tất cả. Khi họ đã ăn bách cốc, thì “chân không lìa khỏi mặt đất.” Chúng ta quy cho điều nầy là lực hấp dẫn, trọng lực của trái đất (gravity), nhưng lý do sâu xa là do con người đã ăn thực phẩm nầy. Dứt khóat thân tâm mình, đối với thân thể hay chi phần của chúng sinh, quyết không dùng, không ăn không mặc. Loài người chúng ta muốn giữ cho thân và tâm mình thoát khỏi sự tạo nghiệp do từ mối quan hệ với thân mạng của chúng sinh hoặc bất kỳ mọi thứ làm bằng thân thể chúng, thì chúng ta không nên chiếm đoạt thân mạng chúng, cũng chẳng xâm hại tinh thần chúng. Chúng ta chẳng nên mặc thứ gì làm từ sinh mạng của các loài vật và ăn thịt chúng. Những người như vậy, Như Lai mới thật xem là giải thóat. Như Lai bảo những người ấy là chân thật giải thóat.

Kinh văn: **如我此說名為佛說。不如此說即波旬說**

Phiên âm: Như ngã thử thuyết danh vi Phật thuyết. Bất như thử thuyết tức ba-tuần thuyết.

Việt dịch: Như lời Như Lai nói đây, chính là lời chư Phật đã nói. Nếu không phải như vậy, tức là lời ma ba-tuần nói.

Giảng: Như lời Như Lai nói đây, chính là lời chư Phật đã nói. Lời giảng giải của Như Lai là giáo pháp đã được chư Phật trong mười phương ba đời giảng nói. Nếu không phải như vậy, tức là lời ma ba-tuần nói.

Mọi giáo lý khế hợp với đạo lý do Như Lai nói tức là lời dạy của chư Phật. Mọi học thuyết mà không khế hợp với đạo lý Như Lai đã tuyên bày ở đây là lời nói của ma vương. Bây giờ quý vị đã nghe Kinh Thủ-lăng-nghiêm. Quý vị có thể dùng kinh nầy như tấm kính chiếu yêu. Nếu có ai giả dạng làm người, khi quý vị chiếu tấm kính nầy vào nơi họ, họ sẽ hiện ra nguyên hình– là yêu quái. Có khi họ là ma heo, ma bò hoặc là ma ngựa, hoặc là thần núi, hoặc là thuỷ quái. Có khi đó là ma vương. Bất luận họ là gì, tấm kính đều chiếu soi rõ ràng. Bây giờ quý vị đã nghe Kinh Thủ-lăng-nghiêm, quý vị sẽ nhận ra được ai là người giảng pháp chân thực bằng cách đối chiếu những điều được giảng trong kinh. Thế nên kinh giống như tấm kính chiếu yêu.

Đó là lý do tại sao từ trước, tôi đã nói rằng người điếc, người mù, người câm không có cơ duyên nghe tôi giảng kinh. Người điếc vốn không nghe được rồi, nhưng ở đây tôi không có ý nói người bị tai điếc, mà nói đến người nghe pháp mà chẳng biết gì cả. Lặng thinh và quên mất những điểm tôi đã giảng. Tôi hy vọng rằng tất cả quý vị, ai đã nghe được kinh Kinh Thủ-lăng-nghiêm đều sẽ trở thành thiện tri thức trong tương lai; quý vị sẽ trở nên hiểu biết Phật pháp một cách chắc thật. Rồi quý vị sẽ dạy cho những người mù, đui, điếc, câm. Khi quý vị giảng kinh, dù quý vị có dùng đến hệ thống âm thanh, và thậm chí dù họ ở bên ngoài, họ vẫn nghe được và không còn bị điếc hay câm nữa. Người không hiểu Phật pháp là đáng thương nhất. Thế nên, khi quý vị đã thông đạt Phật pháp, quý vị nên đi giảng dạy cho họ nghe. Đó có nghĩa là ở mức độ đó, quý vị nên có sự chú tâm đặc biệt như mình đang tu học vậy.

3. DỨT TRỪ TÂM TRỘM CẮP

Kinh văn: 阿難又復世界六道眾生其心不偷。則不隨其生死相續。

Phiên âm: A-nan, hựu phục thế giới lục đạo chúng sanh kỳ tâm bất thâu. Tắc bất tuỳ kỳ sanh tử tương tục.

Việt dịch: Lại nữa A-nan, nếu như chúng sinh trong thế giới lục đạo, tâm không trộm cắp, thì họ sẽ không bị tương tục trong dòng luân hồi sinh tử.

Giảng: Đức Phật lại gọi A-nan.
Lại nữa A-nan, nếu như chúng sinh trong thế giới lục đạo, tâm không trộm cắp, thì họ sẽ không bị tương tục trong dòng luân hồi sinh tử. Loài trời, loài a-tu-la, loài người, súc sinh, quỷ đói, và loài ở địa ngục nếu không trộm cắp, dù chỉ có niệm tưởng trong tâm. Họ sẽ không lấy cắp bất cứ thứ gì của bất kỳ ai, vật hữu hình hoặc vô hình, giá trị hoặc không giá trị. Không những thực sự không lấy, mà còn không có niệm tưởng lấy cắp chúng. Đó có nghĩa là không trộm cắp. Nếu các chúng sinh ấy giữ tâm không trộm cắp cũng như tâm không sát hại, tâm không dâm dục, thì chúng sẽ không bị tương tục trong vòng luân hồi sinh tử, và họ cũng sẽ không bị quả báo tương tục trong thế gian.

Kinh văn: **汝修三昧本出塵勞。偷心不除塵不可出。**

Phiên âm: Nhữ tu tam-muội bổn xuất trần lao. Thâu tâm bất trừ trần bất khả xuất.

Việt dịch: Ông tu tam-muội, cốt là ra khỏi trần lao. Tâm trộm cắp không trừ, thì không thể nào ra khỏi trần lao được.

Giảng: Ông tu tam-muội, cốt là ra khỏi trần lao. Ông muốn phát huy định lực chân chính. Động cơ chính của ông trong việc tu tập là cốt để ra khỏi vòng luân hồi sinh tử trong thế gian. Nhưng, nếu ông vẫn có ý tưởng trộm cắp. Tâm trộm cắp không trừ, thì không thể nào ra khỏi trần lao được.
"Trần lao" ở đây là chỉ cho nhà lửa trong ba cõi.

Kinh văn: **縱有多智禪定現前,如不斷偷,必落邪道 。上品精靈,中品妖魅,下品邪人,諸魅所著。**

Phiên âm: Túng hữu đa trí thiền định hiện tiền, như bất đoạn thâu tất lạc tà đạo. Thượng phẩm tinh linh, trung phẩm yêu mị, hạ phẩm tà nhơn chư mị sở trước.

Việt dịch: Dù có nhiều trí thiền định hiện tiền, nếu không đoạn trừ tâm trộm cắp, ắt phải rơi vào tà đạo. Hạng trên thành tinh linh, hạng trung thành yêu mị, lớp dưới thành người tà đạo, bị yêu mị gá vào.

Giảng: Dù có nhiều trí thiền định hiện tiền, nếu không đoạn trừ tâm trộm cắp, ắt phải rơi vào tà đạo. Cơ bản là loại người nầy không có trí huệ chân chính, vì nếu họ có trí huệ, họ đã không trộm cắp, họ cũng không dâm dục, cũng không sát hại. Chỉ do vì thiếu trí huệ mà họ làm những việc như vậy. Nhưng nếu chúng ta cho hạng người nầy có một chút trí huệ và chỉ một chút thông minh vặt hơn những người bình thường, và khi họ ngồi, họ lẩn vào sự lãng quên mà ít nhiều giống như thiền định. Thế nhưng, hạng người nầy lại nghĩ rằng mình đã chứng được vài cảnh giới kỳ đặc mà những người khác chưa từng đến được. Anh ta cảm thấy mình có công phu vượt qua mọi người khác. Cái nhìn của anh ta đầy ngã mạn, và nếu anh ta không chịu dừng lại việc trộm đạo, anh ta sẽ rơi vào đường tà. Dù với một chút trí huệ và một ít định lực, họ sẽ bị rơi vào cảnh giới không chân chính vì việc trộm cắp. Trong con đường tà vạy nầy, họ lại dạy chúng sinh trong các đường khác vốn đầy tăm tối và bất chính. Họ lại dạy người khác tà tri và tà kiến. Hạng trên thành tinh linh,

Khi quý vị gặp loại nầy, chúng rất thông minh; nhưng thực ra, nó là tà nguỵ. Trong cuốn Tánh dược (The Nature of Medicine) của Trung Hoa, có đề cập đến loại thảo mộc có tính chất nầy. Nhưng thực tế, yếu tính đó không thực. Hạng trung thành yêu mị, một loại dị nhân, có được năng lực thần thông, thường hãm hại người. Lớp dưới thành người tà đạo, bị yêu mị gá vào.

Quý vị nhớ rằng loài quỷ Cưu-bàn-trà là một loài quỷ mị (mei), thường gây ra tình trạng hôn mê, tê liệt cho người đang ngủ. Loài quỷ nầy chiếm đoạt thân xác của người đang tỉnh, rồi điều khiển thân, miệng, ý người nầy làm những việc riêng cho chúng. Nó nói qua trung gian người và dành hoàn toàn sự kiểm soát người ấy. Những người bị chiếm thân xác như vậy còn được gọi là xác đồng, hoặc có khi chúng trở thành phù thuỷ (sorcerers) hoặc thầy trừ tà (exorcists). Ở Mỹ, tôi đã gặp một người như vậy, một người Mỹ tự bảo rằng mình là Jesus. Một phút sau, anh ta nói rằng Thượng đế đã nhập vào trong anh ta bảo anh ta nói. Rồi một lát sau anh ta nói rằng Thượng đế đã đến và muốn nói chuyện với anh ta. Chừng 5 năm sau, anh ta trở lại gặp tôi. Tôi mắng anh ta: "Ông thậm chí chẳng nhận ra chính ông nữa. Ông là yêu ma hoàn toàn, và ông không được tốt." Thế là anh ta bỏ đi. Anh ta đến để nói pháp với tôi, nhưng anh ta không bao giờ trở lại khi tôi mắng anh ta. Và tôi lại tự nghĩ rằng: "Tôi không hiểu làm sao để nói với mọi người. Tại sao mình đuổi được gã Jesus–Thượng đế đó?"

Dù sao, đó cũng là một ví dụ của loại người tà mị. Tại sao họ bị mắc phải quả báo như vầy? Là vì trong những đời trước, họ trộm cắp. Thế nên họ buộc phải rơi vào một trong những phẩm loại như thế nầy.

Đôi khi ở Trung Hoa, loại xác đồng nầy rất hấp dẫn. Họ có thể cắm cây dao trên đỉnh đầu mà không chết. Loài quỷ mị đang đoạt hồn họ sẽ gỡ lưỡi dao bằng cách dùng một thần chú, thế nên người ấy không đổ một giọt máu. Có người có thể đóng những cây đinh vào bên vai, từ những cây đinh, họ treo những thanh gươm mỗi cây nặng hơn 10 pounds. Họ có thể treo bốn thanh gươm như vậy rồi quay tròn chúng. Xem rất là kinh khủng. Mọi người đều kinh hãi. Có khi chúng thực sự có khiếu. Tôi đã gặp nhiều loại quỷ mị nầy và quyến thuộc của ngoại đạo. Khi quý vị xem Kinh Thủ-lăng-nghiêm, quý vị sẽ thấy rằng từ lâu, Đức Phật đã mô tả mọi loài chúng sinh trong thế giới rất là rõ ràng. Do vậy, đã được nghe giảng Kinh Thủ-lăng-nghiêm rồi, quý vị sẽ nhận biết được bất luận điều gì mình phải đề phòng.

Chương nầy gọi là "Tứ chủng thanh tịnh minh hối." Là Phần rất quan trọng trong bộ Kinh nầy. Nên hãy hết sức chú ý. Nếu chúng ta không dừng lại việc trộm cắp, chúng ta sẽ thấy rằng mình rất khó thành Phật. Tuy nhiên, nhiều người vẫn hy vọng thành Phật. Nay chúng ta đã hiểu được giáo lý nầy rồi, người nào đã mắc phải tội trộm cắp thì nên thay đổi. Những người không mắc phải lỗi nầy thì không nên để cho niệm tưởng trộm cắp khởi dậy. Đó là cách hay nhất tương ưng với đạo.

Kinh văn: **彼等群邪亦有徒眾。各各自謂成無上道。**

Phiên âm: Bỉ đẳng quần tà diệc hữu đồ chúng. Các các tự vị thành vô thượng đạo.

Việt dịch: Các nhóm tà đạo kia cũng có đồ chúng. Họ đều tự xưng đã thành đạo vô thượng.

Giảng: Các nhóm tà đạo kia là yêu ma quỷ quái, ly mị võng lượng hại người. Họ cũng có đồ chúng.

Trên thế gian nầy, mọi loài đều có đồ đệ của nó. Nên có câu:
Người tốt tìm đến với nhau.
Người xấu lập bè đảng.
Người cùng hội cùng thuyền tìm đến với nhau.
Thế nên, ngay cả những loài tà ma yêu quái nầy cũng tụ họp lại với nhau và có quyến thuộc của chúng.
Họ đều tự xưng đã thành đạo vô thượng.

Họ không nhận ra được cái gì là chân thật vô thượng, thay vào đó, họ cho rằng cách sinh hoạt của mình là hay nhất. Họ nói rằng họ đã đạt được đạo vô thượng, đến mức họ cho rằng niệm Phật là nhọc công vô ích, và nói rằng họ là như vậy. Họ biện luận: “Hãy xem năng lực thần thông của tôi.”
Thực ra, họ là yêu ma quỷ quái. Họ hoàn toàn đều theo tà hạnh.

Kinh văn: **我滅度後末法之中,多此妖邪熾盛世間, 潛匿姦欺,稱善知識。各自謂已得上人法。詃惑無識,恐令失心。所過之處其家耗散。**

Phiên âm: Ngã diệt độ hậu mạt pháp chi trung, đa thử yêu tà xí thạnh thế gian, tiềm nặc gian khi, xưng thiện tri thức. Các tự vị dĩ đắc thượng nhơn pháp. Huyễn hoặc vô thức, khủng linh thất tâm. Sở quá chi xứ kỳ gia hao tán.

Việt dịch: Sau khi Như Lai diệt độ, trong thời mạt pháp, có nhiều loại yêu ma tà đạo ấy sôi nổi trong thế gian, lén lút gian dối xưng là thiện tri thức. Họ đều tự xưng đã được pháp thượng nhân. Dối gạt kẻ không biết, doạ dẫm khiến họ mất lòng tin. Chúng đi đến đâu, gia đình người ta đều bị hao tán.

Giảng: Tôi đã gặp rất nhiều loại tà ma nầy. Người Tây phương không quen lắm với loại yêu quái nầy, nhưng không phải như vậy vì người Trung Hoa tin vào

quỷ thần. Đúng như vậy, càng lúc, các hiện tượng kỳ dị xảy ra trên thế gian ngày càng nhiều hơn.

Sau khi Như Lai diệt độ, trong thời mạt pháp, có nhiều loại yêu ma tà đạo ấy sôi nổi trong thế gian,

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni trong kinh nầy đã nói với chúng ta rằng thời đại ta đang sống sẽ bị hoành hành bởi loại tà ma nầy. Chúng ta không nên nhìn vào những việc mình thấy để tin rằng chúng tồn tại. Đơn giản vì còn nhiều việc trên đời mà mình chưa thấy được. Nếu chúng ta phải đợi cho đến khi mình thấy được mỗi thứ bằng chính con mắt của mình, thì không thể nào nhìn hết được trong đời nầy. Còn có một số điều mà quý vị phải nghe lời nói của người khác mới biết.

Chúng sôi nổi trong thế gian. Chúng giống như lửa đang thiêu cháy mọi người. Những người không nhận biết những loài tà ma nầy, sẽ dính mắc vào chúng và như thể bước vào đống lửa hừng hực cháy. Những người nầy sẽ bị thiêu đốt. “Bí mật” là nghĩa mà chúng đi khắp nơi để dối gạt mọi người.

Chúng lén lút gian dối xưng là thiện tri thức. Họ đều tự xưng đã được pháp thượng nhân.

Chúng tự xưng mình là Thiện tri thức mắt sáng Thượng nhân là chỉ cho Bồ-tát. Nói cách khác, chúng tự xưng mình là Bồ-tát. Trong đạo Phật, dù quý vị là một vị Bồ-tát, thậm chí là một vị Phật thị hiện, quý vị cũng không nên nói mình là Phật hay là Bồ-tát. Quý vị phải giữ im lặng về điều ấy khi nào mình còn sống, cho đến hơi thở cuối cùng.

Quý vị không thể nói: “Tôi là Phật! Tôi là Bồ-tát! Tôi là A-la-hán!” Người nào nói như vậy thì đó là yêu ma, giống như người được mô tả trong kinh nầy. Khi nào quý vị mới để cho mọi người biết? Sau khi quý vị chết. Lúc ấy mọi người mới biết. Nhưng quý vị không được để cho họ biết khi quý vị chưa chết. Có ý nghĩa gì trong lời tuyên bố mình là Phật? Có ý nghĩa gì? Quý vị nói rằng mình là Bồ-tát? Sao vậy? Có ý nghĩa gì trong lời nói như vậy? Chẳng có lý do gì khác hơn là khiến cho người khác tin vào mình. Và tại sao quý vị muốn mọi người tin vào mình? Để họ cho quý vị tiền? Quý vị làm việc ấy vì muốn lợi dưỡng và tâm phan duyên. Nếu đó không phải là ý định của quý vị, thế tại sao quý vị nói với mọi người mình là Phật sống? Nếu quý vị là Bồ-tát. Được rồi! Quý vị là Bồ-tát; tại sao quý vị lại đi nói với mọi người như vậy? Điều nầy nhắc tôi nhớ một số chuyện đã diễn ra ở Trung Hoa.

Một hôm có một vị quan đến chùa Quốc Thanh trên núi Thiên Thai để hỏi thăm thầy trụ trì Phong Can. Hai người nói chuyện với nhau. Quý vị sẽ hỏi viên quan

ấy tên gì? Đừng hỏi tôi, Tôi quên mất rồi. Có thể người đó là quý vị, có thể là tôi, không chắc chắn. Vị quan nói với thầy trụ trì: "Trong quá khứ, thường có nhiều Bồ-tát thị hiện ở thế gian, nhưng thời đại nầy lại không có. Tôi muốn được diện kiến một vị Bồ-tát chân thực nhưng không thấy."

Trụ trì Phong Can nói, "Ồ! Ông muốn gặp Bồ-tát? Có hai vị đang ở đây. Tôi sẽ giới thiệu cho ông được gặp."

Vị quan hoàn toàn ngạc nhiên. "Có hai vị Bồ-tát đang ở đây? Ý ngài muốn nói là một vị bằng đất sét, và một vị tạc bằng gỗ?"

Thầy trụ trì trả lời: "Không phải vậy. Hai vị Bồ-tát nầy là người thật. Họ là những vị Bồ-tát sống."

Vị quan hỏi, "Ngài không đùa chứ?"
Trụ trì đáp: "Tôi là trụ trì ở đây. Làm sao tôi nói đùa chuyện như vậy. "
"Họ đâu rồi?"

"Một vị đang nấu cơm và một vị đang đun nước. Một vị là Hàn Sơn và một vị là Thập Đắc. Một vị là hóa thân của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, một vị là hóa thân của Bồ-tát Phổ Hiền. Họ thực hành pháp tu khổ hạnh trong chùa nầy, chuyên làm những việc phục dịch. Họ làm những việc không ai muốn làm. Nếu ông muốn gặp họ, rất đơn giản, hãy vào nhà bếp và sẽ thấy họ đang ở đó. Ông thấy hai vị tăng lấm lem, rách rưới, râu tóc bù xù, mặt đầy bụi bẩn, với một dáng dấp rất xấu xí. Nhưng thầy Trụ trì bảo đó là hai vị Bồ-tát, nên ông chẳng dám xem thường họ. Thay vì vậy, ông xá chào họ. Hai vị ấy hỏi: "Ông làm gì vậy? Tại sao ông vái chào tôi?"

"Trụ trì Phong Can nói rằng các ông là hóa thân của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi và Bồ-tát Phổ Hiền, thế nên tôi xá chào các ông."
Hai vị nói: "Lão Phong Can ba hoa!"

Có ý muốn nói thầy trụ trì là người hay dính vào chuyện kẻ khác.

Một vị nói: "Lúc nầy ông ta nói quá nhiều!"

Thế nên khi viên quan đang cúi chào, họ liền rút lui và biến mất, không ai biết họ đã đi cách xa chừng nào– có lẽ cách xa đến cả trăm bước từ nhà bếp đến bờ đá dưới chân núi. Tiếng hai người vọng lại, "Lão Phong Can hay bép xép. Ông không chịu lạy Phật A-di-đà, lạy chúng tôi làm gì? "

Viên quan hỏi: "Ai là Đức Phật A-di-đà? "
"Trụ trì Phong Can. Ông ta là Đức Phật A-di-đà tái thế. Hãy để mặc chúng tôi.

Về lạy ông ta đi.” Khi viên quan vẫn còn đứng đó trong kinh ngạc, thì hai vị tăng lem luốc kia đã đi xa và biến mất sau rặng núi đá.

Nơi đó bây giờ gọi là Nguyệt Quang Nham trên núi Thiên Thai–nơi mà hai vị Hàn Sơn và Thập Đắc đã biến mất. Viên quan vội vã trở về chùa Quốc Thanh để đảnh lễ Trụ trì Phong Can–Đức Phật A-di-đà. Nhưng khi ông vào trong chùa, thấy thầy trú trì đã ngồi an nhiên thị tịch. Ngài đã nhập niết-bàn. Viên quan bây giờ biết rằng Trụ trì chính là Đức Phật A-di-đà thị hiện, nhưng đã quá trễ rồi! Ông ta không thấy được những gì là chân thực ngay trước mắt của mình. Đức Phật A-di-đà đã đi rồi.

Tại sao chư Phật và Bồ-tát khi biến mất rồi mới cho mọi người biết các ngài là ai? Nếu mọi người biết, thì họ sẽ đến để đảnh lễ các ngài suốt ngày đến mức sẽ quá phiền phức. Sẽ không còn thời gian nào để tu tập. Thế nên các ngài không muốn cho biết mình là ai. Đó là cách thức trong đạo. Người ta không bao giờ nói: “Hãy nhìn xem! Tôi là người đã giác ngộ! Tôi là Phật!”

Người như vậy thì chẳng khác gì người được đề cập trong kinh nầy. Tôi chưa từng gặp người nào công nhận là mình đã giác ngộ. Hoà thượng Hư Vân cũng vậy, và các vị Hoà thượng khác đã giác ngộ ở Trung Hoa cũng không nói một lời nào là họ đã giác ngộ, dù hỏi họ trực tiếp. Không bao giờ có chuyện đó trong đạo Phật. Ngoài ra, có lẽ có trong đạo Phật tân thời. Người được mô tả trong kinh tuyên bố rằng họ là thượng nhân. “Các ông có biết tôi là ai không? Tôi là Bồ-tát Di-lặc. Các ông có biết tôi là ai không? Tôi là Bồ-tát Quán Thế Âm. Nay các ông đã biết, đừng bỏ mất cơ hội. Hãy lạy tôi làm thầy. Nếu các ông không muốn lạy tôi, thì hãy lạy thầy tôi. Tôi sẽ cấp cho các ông cái giấy chứng nhận và 65 đô-la. Tôi sẽ truyền pháp cho ông.”

Họ đi khắp, Dối gạt kẻ không biết. Họ gạt gẫm người cả tin. Tôi đã gặp hạng người nầy rất nhiều. Họ nói rằng: “Tôi có pháp bảo, tôi sẽ bán cho các người, một người 300 đô-la. Đó là bởi vì tôi rất thích các người, nên tôi sẽ để dành cho quý vị. Nếu tôi không thích quý vị, tôi sẽ không trao cho quý vị đâu. ” Thế là đệ tử đưa cho thầy 300 đô-la để lấy pháp bảo. Có người đòi quý vị đến 1000 đô-la. Chẳng bao lâu, ví của vị thầy già nặng túi. Khi ông ta chuyển tài sản của mình từ chỗ an toàn nầy đến chỗ an toàn khác, ông ta phải dùng xe lửa! Nhiều người đã thất vọng vì việc nầy. Khi quý vị giảng nói pháp chân chính cho họ nghe, như bảo họ “Đừng sát sanh.” Họ không tin điều đó. “Đừng trộm cắp.” Họ cũng không tin điều đó. “Đừng dâm dục.” Họ cũng không tin điều đó. Nhưng nếu quý vị nói với họ rằng mình có một điều gì đó sẽ đem đến cho họ lợi ích thì họ sẽ trả tiền cho quý vị liền. Chúng doạ dẫm khiến họ mất lòng tin.

Chúng khiến cho quý vị mất sạch trí huệ mà quý vị vốn có. Họ làm cho quý vị mê mờ. Chúng đi đến đâu, gia đình người ta đều bị hao tán. Họ thực sự là kẻ giàu có bẩn thỉu, nhưng bất kỳ đi đâu, họ cũng đều tích luỹ thêm nhiều của cải, lột sạch chủ nhà những thứ tài sản, chìa khóa, chứng khóan và ruột tượng.

Kinh văn: **我教比丘循方乞食,令其捨貪成菩提道。諸比丘等不自熟食,寄於殘生旅泊三界。示一往還去已無返。**

Phiên âm: Ngã giáo tỷ-khưu tuần phương khất thực, linh kỳ xả tham, thành bồ-đề đạo. Chư tỷ-khưu đẳng bất tự thục thực, ký ư tàn sanh lữ bạc tam giới. Thị nhất vãng hoàn khứ dĩ vô phản.

Việt dịch: Như Lai dạy hàng tỷ-khưu theo thứ tự khất thực, là khiến họ xả trừ lòng tham, thành tựu đạo bồ-đề. Các hàng tỷ-khưu không tự nấu ăn, gửi cái thân sống nhờ như khách trọ trong ba cõi. Hiện thân một lần qua lại, đi rồi không trở lại nữa.

Giảng: Như Lai dạy hàng tỷ-khưu theo thứ tự khất thực, là khiến họ xả trừ lòng tham.

Khi đến giờ khất thực, mỗi vị tỷ-khưu nhắm đến một phương nhất định và đi quanh một chỗ nhất định. Các vị mang bình bát đi khất thực. Tại sao Đức Phật dạy họ phải khất cầu thực phẩm? Trước hết, khi các vị cư sĩ Phật tử dâng tặng thức ăn cho người xuất gia, là họ có được quả báo phước đức và chấm dứt khổ đau. Thứ hai, khi tỷ-khưu đi khất thực, họ sẽ dùng bất cứ thức gì xin được. Nếu ngon, thì ăn ngon; nếu dở, thì ăn dở. Do vậy họ sẽ xả bỏ được lòng tham. Nếu mình tự nấu nướng, quý vị sẽ nghĩ, “Những thức ta nấu ngày hôm nay không được ngon; Tuy nhiên, ngày mai ta sẽ nấu thứ ngon hơn, và ngày kia ta sẽ làm thứ tuyệt diệu hơn nữa.” Sẽ không có chỗ tận cùng. Khi đi khất thực, sẽ không có cơ hội để chọn lựa. Ta không thể nào phân biệt thức ăn thức uống nào ngon hay dở. Ta không thể nói: “Thức ăn mình xin được ngày hôm nay rất ngon.” Rồi ăn với sự thích thú. Và ngày sau, nếu thức ăn không được ngon, ta ăn không nổi. Cách thức ấy không được phép. Mình ăn cả thứ ngon lẫn không ngon. Tinh thần chung là ăn để no và quên bẵng mọi thứ. Đó là để đối trị lòng tham. Theo cách nầy, hành giả có thể thành tựu đạo bồ-đề.

Đó là vì có câu nói: “Kẻ trí quan tâm đến đạo, chẳng bận tâm đến thức ăn.” Những người đến để tham cứu Phật pháp, không nên bận tâm đến thức ăn.

Các hàng tỷ-khưu không tự nấu ăn, gửi cái thân sống nhờ như khách trọ trong ba cõi. Hiện thân một lần qua lại, đi rồi không trở lại nữa. Họ chỉ cần ăn đủ để

duy trì thân mạng. Cuộc đời chúng ta, dù ở trên đất liền hay ở trên nước, cũng giống như đang ở trong một khách sạn–ngắn ngủi phù du trong chốc lát. Đứng để dính mắc với nó. Các vị tỷ-khưu đã chấm dứt tâm tham, thế nên khi sinh mạng trong ba cõi nầy chấm dứt, thì họ không còn trở lại nữa. “Nơi nầy là uế độ, tôi không trở lại nữa.” Đó là tâm niệm của các vị tỷ-khưu. Dù ở Mỹ, với những nhà vệ sinh rất đẹp dẽ và những ngôi nhà rất tráng lệ–cũng đủ để ở đó một lần. Đừng trở lại! Đừng tham muốn các nhà vệ sinh ấy. Trước tiên là nó rất hôi thối, tại sao quý vị lại thích nó? Thực ra cả thế gian nầy đều hôi thối. Quý vị chớ cho rằng đó là chỗ sạch sẽ. Thế gian nầy chính nó là một cái nhà vệ sinh.

Kinh văn: **云何賊人假我衣服。裨販如來造種種業,皆言佛法。却非出家,具戒比丘為小乘道。由是疑誤無量眾生墮無間獄。**

Phiên âm: Vân hà tặc nhơn giả ngã y phục, tì bản Như Lai tạo chủng chủng nghiệp, giai ngôn Phật pháp. Khước phi xuất gia cụ giới tỷ-khưu vi tiểu thừa đạo. Do thị nghi ngộ vô lượng chúng sanh đoạ vô gián ngục.

Việt dịch: Tại sao loại giặc ấy lại mượn y của Phật, buôn bán Như Lai, tạo vô số nghiệp, nói rằng đó đều là Phật pháp. Lại chê hàng xuất gia thọ giới tỷ-khưu là đạo Tiểu thừa. Do chúng làm cho vô lượng chúng sinh mắc phải nghi lầm, nên sẽ bị đoạ vào địa ngục vô gián.

Giảng: Tại sao loại giặc ấy lại mượn y của Phật. Họ mặc y phục của hàng xuất gia và nói với mọi người rằng; “Tôi là Pháp sư giảng kinh. Quý vị nên hoàn toàn tin vào tôi.”

Chúng buôn bán Như Lai. Họ dùng Phật pháp để đổi chác. Họ buôn bán Phật pháp. Tất cả điều họ cần làm là nghĩ cách để kiếm tiền. Họ nói rằng; “Đó đều là Phật pháp.” Họ bảo rằng tất cả đều là Phật pháp. Khiêu vũ là Phật pháp, uống rượu là Phật pháp, chơi nhạc là Phật pháp. Đây là các thứ trong 84.000 pháp môn.”

Họ thật là những kẻ rất ba hoa. “Hút thuốc là Phật pháp, đánh bạc là Phật pháp, ai muốn làm gì tuỳ thích.” Họ rất tuỳ tiện, thậm chí đến mức độ ai muốn làm điều gì, họ đều cho là đúng. Lại chê hàng xuất gia thọ giới tỷ-khưu là đạo Tiểu thừa.

Nếu có ai gọi họ và hỏi, “Anh đã thọ giới Cụ túc chưa?” Thậm chí họ chẳng hiểu là quý vị đang nói điều gì. Thậm chí họ không hiểu về năm giới cấm, nói gì đến 8 giới, hoặc 10 giới trọng và 48 giới khinh. Chính họ không đáng được người đời tin cậy là hàng xuất gia. Tầm nhìn của họ rất hạn hẹp và đầy tự ngã.

Do chúng làm cho vô lượng chúng sinh mắc phải nghi lầm, nên sẽ bị đoạ vào địa ngục vô gián.

Họ khiến cho người khác mê lầm, và vốn chính họ cũng không hiểu. Ban đầu những người theo họ đều có ý định tốt, nhưng khi đã dính mắc với một vị thầy điên đảo như vậy rồi nên cuộc đời họ sẽ được kết thúc trong tình trạng đã nêu ra trước đây:
Nếu một người mê mờ
Truyền dạy sự mê lầm cho người khác
Khi mọi điều được nói và làm,
Thì chẳng có ai hiểu được.
Thầy đoạ vào địa ngục
Trò cũng phải vào theo.

Trong địa ngục vô gián, không lúc nào cảnh khổ bị gián đoạn. Một người chóan đầy cả địa ngục bằng những cảnh khổ, và nhiều người cũng chóang đầy địa ngục theo cách như vậy. Chỉ một người trong địa ngục, đã không còn thừa chỗ. Và bất luận có bao nhiêu người trong đó, địa ngục vẫn chứa trọn. Chúng sinh ở địa ngục ấy không bao giờ ra khỏi chỗ nầy. Thế nên rất nguy hiểm khi gieo nhân duyên với chỗ đó.

Kinh văn: **若我滅後,其有比丘發心決定修三摩提。能於如來形像之前。身然一燈燒一指節。及於身上爇一香炷。我說是人無始宿債一時酬畢。長挹世間,永脫諸漏。雖未即明無上覺路。是人於法已決定心。**

Phiên âm: Nhược ngã diệt hậu, kỳ hữu tỷ-khưu phát tâm quyết định tu tam-ma-đề. Năng ư Như Lai hình tượng chi tiền, thân nhiên nhất đăng, thiêu nhất chỉ tiết, cập ư thân thượng nhiệt nhất hương chú. Ngã thuyết thị nhân vô thuỷ túc trái nhất thời thù tất. Trường ấp thế gian vĩnh thóat chư lậu. Tuy vị tức minh vô thượng giác lộ, thị nhơn ư pháp dĩ quyết định tâm.

Việt dịch: Sau khi Như Lai diệt độ, nếu có tỷ-khưu phát tâm quyết định tu tam-ma-đề. Có thể trước hình tượng Như Lai, tự mình thắp một ngọn đèn, đốt một ngón tay; hay ở trên thân đốt một liều hương. Như Lai nói người nầy, nợ nần từ kiếp lâu xa, nay được trả hết trong một đời, xa lìa thế gian, vĩnh viễn thóat khỏi các lậu hoặc. Người ấy tuy chưa hiểu rõ đạo vô thượng giác, nhưng đối với Phật pháp đã có tâm quyết định.

Giảng: Sau khi Như Lai diệt độ, nếu có tỷ-khưu phát tâm quyết định tu tam-ma-đề. Có thể trước hình tượng Như Lai, tự mình thắp một ngọn đèn, đốt một ngón tay; hay ở trên thân đốt một liều hương. Như Lai nói người nầy, nợ nần từ kiếp lâu xa nay được trả hết trong một đời. Những vị tỷ-khưu nầy, dưới sự hướng dẫn chân chính, vào đúng thời điểm, và với oai nghi nghiêm chỉnh, vị ấy dùng dao cắt thịt trên thân mình, rồi rót một ít dầu vào nơi thịt đã bị khoét ra, rồi từ đó thắp lên một ngọn đèn để cúng dường chư Phật. Hoặc có khi các vị ấy đốt một ngón tay theo đúng nghi thức, hoặc họ đốt một vài liều hương trên thân mình, chẳng hạn trên cánh tay. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni dạy rằng, những người như vậy, nghiệp chướng nợ nần họ đã tạo trong vô lượng kiếp trước đều có thể tiêu trừ qua việc làm đơn giản nầy.

Xa lìa thế gian, vĩnh viễn thóat khỏi các lậu hoặc. Người ấy tuy chưa hiểu rõ đạo vô thượng giác, nhưng đối với Phật pháp đã có tâm quyết định. Họ đã có sự phát tâm dứt khóat và sẽ không bao giờ thối chuyển.

Kinh văn: **若不為此捨身微因。縱成無為必還生人,酬其宿債。如我馬麥正等無異。**

Phiên âm: Nhược bất vi thử xả thân vi nhân, túng thành vô vi tất hoàn sanh nhân, thù kỳ túc trái. Như ngã mã mạch chánh đẳng vô dị.

Việt dịch: Nếu không gieo được cái nhân xả thân nhỏ bé ấy, dù có thành đạo vô vi, cũng phải sanh lại làm người, hoàn trả các nợ cũ, như quả báo ăn lúa ngựa của Như Lai.

Giảng: Nếu không gieo được cái nhân xả thân nhỏ bé ấy, dù có thành đạo vô vi, cũng phải sanh lại làm người, hoàn trả các nợ cũ. Nếu mình không làm những hạnh hy sinh thân mạng, như đốt đèn trên thân hay đốt một ngón tay, hoặc đốt hương trên cánh tay, như gieo trồng vài thiện pháp, thì dù có thành tựu đạo nghiệp, dù trở thành giác ngộ, thậm chí thành Phật, thì mình vẫn phải trả các món nợ cũ. Mình vẫn phải thọ thân người trở lại và trả các nghiệp đã vay trong quá khứ, Như quả báo ăn lúa ngựa của Như Lai.

“Như Lai đã phải ăn lúa dành cho ngựa suốt 90 ngày trong đời nầy.” Đức Phật nói.
Tại sao Đức Phật Thích-ca Mâu-ni phải chịu quả báo như vậy? Chuyện xảy ra từ thời quá khứ, khi ngài là một vị Bà-la-môn nhận dạy 500 vị thanh niên cách thức tu đạo. Lúc đó, có một Đức Phật đang thị hiện trên thế gian. Mọt hôm, Đức Phật kia cùng các vị tỷ-khưu đi khất thực, Đức Phật dạy các vị tỷ-khưu nhận được vật phẩm cúng dường thì nên trích bớt một phần ngon trong bát của

mình dành cho vị tỷ-khưu đang bị bệnh không thể đi khất thực được. Khi họ đi khất thực về, họ đi qua vùng núi nơi mà vị Bà-la-môn tức tiền thân của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đang tu nhân địa. Khi vị Bà-la-môn chỉ nhận được một chút ít thực phẩm từ bát rất đầy của họ, ông ta trở nên ghen tức, "Tại sao các lão tăng kia được ăn nhiều thế? Các ông ấy chỉ đáng được ăn lúa ngựa." Năm trăm đệ tử của vị Bà-la-môn hoà theo ông ta: "Đúng vậy! Họ chỉ đáng được ăn lúa ngựa."

Sau khi vị Bà-la-môn thành Phật, ngài phải đưa 500 vị đệ tử tỷ-khưu của mình sang một nước khác để an cư. Ngoài mặt, quốc vương nước ấy thân mật đón tiếp ngài, nhưng vua không cúng dường cho chư tăng an cư. Sau cùng, một người buôn ngựa trong nước biết được rằng Đức Phật và giáo đoàn tỷ-khưu không được cúng dường thực phẩm, thế nên ông ta chia cho chư tăng phần thực phẩm dùng để nuôi ngựa. Dù vị Bà-la-môn đã thành Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, và 500 vị đệ tử trẻ của ngài đã thành 500 vị A-la-hán, Đức Phật vẫn phải trả nghiệp cũ trong đời quá khứ qua việc 90 ngày phải ăn lúa ngựa. Thế nên, Đức Phật nói rằng nếu người nào không làm được những hạnh xả thân nầy, thì trong tương lai họ phải trả những nghiệp đã tạo trong đời trước, như họ đã gây ra.

Kinh văn: **汝教世人修三摩地,後斷**偷盜。是名如來先佛世尊第三決定清淨明誨
。

Phiên âm: Nhữ giáo thế nhơn tu tam-ma-địa, hậu đoạn thâu đạo. Thị danh Như Lai tiên Phật Thế tôn đệ tam quyết định thanh tịnh minh hối.

Việt dịch: Ông dạy người đời, tu pháp tam-ma-địa, sau nữa, dứt trừ tâm trộm cắp. Đó gọi là lời dạy rõ ràng thanh tịnh, quyết định thứ ba của các Đức Phật Như Lai Thế tôn trong quá khứ.

Giảng: Ông dạy người đời, tu pháp tam-ma-địa, sau nữa, dứt trừ tâm trộm cắp. Khi họ muốn tu đạo, họ phải trừ bỏ tâm trộm cắp. "Đó gọi là lời dạy rõ ràng thanh tịnh, quyết định thứ ba của các Đức Phật Như Lai Thế tôn trong đời trước."

Kinh văn: **是故阿難若不斷**偷修禪定者。譬如有人水灌漏巵 **欲求其滿。縱經塵劫終無平復。**

Phiên âm: **Thị cố A-nan, nhược bất đoạn thâu tu thiền định giả, thí như hữu nhân thuỷ quán lậu chi, dục cầu kỳ mãn. Túng kinh trần kiếp chung vô bình phục.**

Việt dịch: Cho nên A-nan, nếu không dứt trừ tâm trộm cắp mà tu thiền định, cũng như rót nước vào bình thủng, mà mong cho đầy. Dù trải qua nhiều kiếp số như vi trần, rốt cục vẫn không đầy được.

Giảng: Cho nên A-nan, nếu không dứt trừ tâm trộm cắp mà tu thiền định, cũng như rót nước vào bình thủng, mà mong cho đầy. Dù quý vị cố gắng rót đầy nước vào một cái chén bị thủng dưới đáy, thì Dù trải qua nhiều kiếp số như vi trần, rốt cục vẫn không đầy được.

Kinh văn: **若諸比丘衣鉢之餘分寸不畜。乞食餘分施餓眾生。於大集會合掌禮眾。有人捶 罵同於稱讚。必使身心二俱捐捨。身肉骨血與眾生共。不將如來不了義說。迴為已解以誤初學。佛印是人得真三昧。**

Phiên âm: **Nhược chư tỷ-khưu y bát chi dư, phân thốn bất súc. Khất thực dư phần thí ngạ chúng sanh. Ư đại tập hội, hợp chưởng lễ chúng. Hữu nhơn chuỷ mạ, đồng ư xưng tán. Tất sử thân tâm nhị câu quyên xả. Thân nhục cốt huyết, dữ chúng sanh cộng. Bất tương Như Lai bất liễu nghĩa thuyết, hồi vi dĩ giải dĩ ngộ sơ học. Phật ấn thị nhơn đắc chơn tam-muội.**

Việt dịch: Nếu các tỷ-khưu, ngoài y bát ra, không tích trữ mảy may. Khất thực có thừa, bố thí cho chúng sinh đói. Nơi hội lớn đông người, chắp tay lễ bái đại chúng. Nếu có người đánh mắng, xem như khen ngợi mình. Xem thân thịt máu xương của mình giống như thân của chúng sinh. Nếu không đem lời dạy bất liễu nghĩa của Như Lai làm chỗ tỏ ngộ của mình, khiến cho kẻ sơ học khỏi bị lầm lạc, thì Như Lai ấn chứng người ấy chân thực được tam-muội.

Giảng: Nếu các tỷ-khưu, ngoài y bát ra, không tích trữ mảy may. Các vị tỷ-khưu chỉ có ba y, một bình bát, và toạ cụ. Họ không cần thêm thứ gì khác. Họ không tích lũy của cải.
Khất thực có thừa, bố thí cho chúng sinh đói. Họ ban tặng những vật phẩm thừa khi khất thực cho những người không có gì để ăn. Nơi hội lớn đông người, chắp tay lễ bái đại chúng.

Các vị tỷ-khưu chắp tay cung kính vái chào mọi người trong hội chúng. Nếu có người đánh mắng, xem như khen ngợi mình. Xem lời chửi mắng cũng như là

lời khen tặng. Họ không phản ứng với lời mắng nhiếc. Xem thân thịt máu xương của mình giống như thân của chúng sinh.

Tâm của các vị không ôm ấp tâm niệm kiêu mạn và thân không phản ứng theo lối thể hiện sự kiêu ngạo và tự ái. Khi có người nào mắng nhiếc mình, quý vị nên xem như họ đang hát tặng mình. Nếu mình chẳng mắng ai mà họ mắng mình, thì hay nhất là quý vị đừng cần hiểu những gì họ đang nói. Những lời ấy đối với quý vị chẳng có nghĩa gì cả. Như thể họ nói một thứ tiếng gì đó mà mình chẳng hiểu, như tiếng Nhật, tiếng Anh, hay tiếng Hoa, nhờ đó mà quý vị chẳng hiểu gì cả. Khi có người thực sự mắng mình, quý vị hãy nghĩ rằng: "Ồ! Ông ta đang nói với tôi những điều tốt đẹp biết bao!" Hãy nhìn ngược lại. Nếu có người đánh mình, chỉ giả vờ như mình đụng vào tường. Giả như mình bất cẩn chạy va vào tường và để lại một cục u lớn trên đầu.

Nếu quý vị quay lại và đấm vào tường rồi nói, "Tại sao lại va vào tôi?" Quý vị chỉ kết thúc bằng bàn tay đau. Khi có người đánh quý vị, nếu mình xem đó như là va vào tường, thì mọi chuyện xem như kết thúc ngay ở đó. Hàng tỷ-khưu phát tâm bồ-đề chân chính, nên xả bỏ thân máu thịt của mình cho những chúng sinh khác nếu họ cần sự chia xẻ của mình. Có một lần Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đang trong lúc tu hành nhân địa, ngài thấy một con cọp đói, ngài hiến thân mình cho cọp đói ăn. Cọp là loài thú dữ nhất trên đời, thế nên Đức Phật Thích-ca Mâu-ni trong lúc đang tu hành nhân địa, ngài đã từ bỏ thân mạng mình, thí cho cọp đói.

Nếu không đem lời dạy bất liễu nghĩa của Như Lai làm chỗ tỏ ngộ của mình, khiến cho kẻ sơ học khỏi bị lầm lạc, Hàng tỷ-khưu không rao giảng giáo lý Tiểu thừa theo cách như thể hiểu theo ý mình. Nói cách khác, nếu không nói đúng như lời Phật dạy, thì chính mình đã hiểu sai và làm mê mờ người mới học. Nếu các vị tỷ-khưu không rơi vào lỗi ấy, Như Lai ấn chứng người ấy chân thực được tam-muội. Đức Phật sẽ ấn chứng cho những người như vậy. Họ chân thực chứng được tam-muội.

Kinh văn: **如我所說名為佛說。不如此說即波旬說**

Phiên âm: Như ngã sở thuyết danh vi Phật thuyết. Bất như thử thuyết tức ba-tuần thuyết.

Việt dịch: Như lời Như Lai nói đây, tức là lời của chư Phật. Nếu không đúng như lời nói đó, tức ma ba-tuần nói.

Giảng: Đây là cách thức Đức Phật giảng pháp. Mọi lời giảng khác là của ma vương.

4. DỨT TRỪ VỌNG NGỮ

Kinh văn: 阿難如是世界六道眾生,雖則身心無殺盜婬,三行已圓若大妄語。即三摩提不得清淨。成愛見魔失如來種。

Phiên âm: A-nan như thị thế giới lục đạo chúng sanh, tuy tắc thân tâm vô sát đạo dâm, tam hạnh dĩ viên, nhược đại vọng ngữ, tức tam-ma-đề bất đắc thanh tịnh, thành ái kiến ma, thất Như Lai chủng.

Việt dịch: A-nan, chúng sinh trong thế giới lục đạo như thế, tuy thân tâm không còn sát đạo dâm, ba hạnh đều đã viên mãn, nếu mắc phải đại vọng ngữ, thì tam-ma-đề không được thanh tịnh, sẽ thành giống ma ái kiến, và làm mất chủng tử Như Lai.

Giảng: A-nan, chúng sinh trong thế giới lục đạo như thế, tuy thân tâm không còn sát đạo dâm, Thân không phạm vào việc sát hại, trộm cắp, dâm dục. Trong tâm cũng không có niệm tưởng sát hại, trộm cắp, dâm dục. ba hạnh đều đã viên mãn, nếu mắc phải đại vọng ngữ, thì tam-ma-đề không được thanh tịnh,

Đây có nghĩa là một thói quen, tập khí của họ; luôn luôn nói lời đại vọng ngữ. Do vậy, họ không được thanh tịnh. Họ sẽ thành giống ma ái kiến, và làm mất chủng tử Như Lai. Họ sẽ trở thành ma ái, hoặc ma tà kiến. Tại sao họ làm mất chủng tử Như Lai? Vì họ nói quá sai sự thật.

Kinh văn: **所謂未得謂得,未證言證。或求世間尊勝第一,謂前人言。我今已得須陀洹果。斯陀含果阿那含果。阿羅漢道辟支佛乘。十地地前諸位菩薩。求彼禮懺貪其供養。**

Phiên âm: Sở vị vị đắc vị đắc, vị chứng ngôn chứng. Hoặc cầu thế gian tôn thắng đệ nhất, vị tiền nhơn ngôn: Ngã kim dĩ đắc Tu-đà-hoàn quả, Tư-đà-hàm quả, A-na-hàm quả, A-la-hán đạo, Bích-chi Phật thừa, Thập địa địa tiền chư vị bồ-tát. Cầu bỉ lễ sám, tham kỳ cung dưỡng.

Việt dịch: Chưa được gọi là đã được, chưa chứng nói rằng đã chứng. Hoặc để mong cầu thế gian tôn trọng tột bậc, bảo người khác rằng: Nay tôi đã đắc quả Tu-đà-hoàn quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, được đạo A-la-

hán, Bích-chi Phật thừa, hay các quả vị bồ-tát trong Thập địa hay trước Thập địa. Mong được mọi người lễ bái, tham được cúng dường.

Giảng: Họ nói nối kiểu nào? Bỏ sang một bên những lời nói dối bình thường. Chưa được gọi là đã được, chưa chứng nói rằng đã chứng. Họ chưa chứng đạo. Căn bản là, họ chẳng hiểu chút nào về tu đạo. Họ không biết cách niệm Phật. Họ không biết cách giữ giới, họ không biết cách ngồi thiền.

Họ làm như họ đã hiểu, nhưng họ chẳng hiểu gì cả. Họ nghe người khác giảng giải thích vài đạo lý, và họ liền ngắt lời: “Tôi hiểu rồi. Tôi đã biết điều ấy từ lâu.” Hoặc họ nói: “Nầy! Tôi đã chứng đạo. Tôi là người giác ngộ. Tôi là Phật.” Chưa chứng nói rằng đã chứng.

Họ chưa đạt được quả vị thứ nhất của A-la-hán, ít nhiều gì họ phải hiểu các quả vị đó, nhưng họ bảo, “Các ông có biết tôi là ai không? Tôi là A-la-hán.” Hoặc nói, “Tôi là Phật.” Hoặc nói, “Tôi là Bồ-tát.” Tại sao họ nói những điều nầy? Hoặc để mong cầu thế gian tôn trọng tột bậc,

Đó như là gần đây có người nói với một vị đệ tử của tôi rằng: “Ông theo tông phái nào? Chúng ta nên theo phẩm trật, tôi sẽ là thủ lĩnh. Tôi là người sáng lập Phật giáo Mỹ quốc. Tôi là sơ tổ của Phật giáo Mỹ quốc.” Đó là “mong cầu thế gian tôn trọng tột bậc.” Họ Bảo người khác rằng: Nay tôi đã đắc quả Tu-đà-hoàn quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, được đạo A-la-hán.

Họ bắt đầu nói quanh là họ đã chứng sơ quả A-la-hán. Nhưng rồi mức độ đó không đủ cao quý, nên họ nói, “Ồ!, tôi vừa chứng quả vị thứ hai của A-la-hán.” Và một giây sau, họ lại tuyên bố họ đã chứng đến quả vị thứ tư. Tuy vậy, quả vị thứ tư cũng chỉ là A-la-hán, không phải là quả vị cao nhất, thế nên họ chưa hài lòng. Họ tuyên bố mình đạt đến Bích-chi Phật thừa, hay các quả vị bồ-tát trong Thập địa hay trước Thập địa. Họ bắt đầu nói với mọi người rằng họ là Bích chi Phật, hoặc họ tuyên bố rằng mình đã đến một giai vị của Bồ-tát hạnh, hoặc thậm chí cả đến Thập địa. Tại sao những người như vậy tuyên bố rằng mình là A-la-hán, Bích chi Phật, và Bồ-tát? Chung quy là họ đang dối gạt mọi người và họ nói lời đại vọng ngữ để khiến mọi người tin vào họ. Nếu không có ai tin họ, họ sẽ không có lợi dưỡng. Ngay khi mọi người đã tin, của cải liền chảy về. Thế nên ý định của họ là Mong được mọi người lễ bái, tham được cúng dường.

Họ không sợ bị đoạ vào địa ngục rút lưỡi. Nếu là người nói dối, sau khi chết, họ liền bị rơi vào địa ngục nầy, nơi đó có những lưỡi câu bằng sắt móc vào trong lưỡi họ rồi kéo ra, rồi có một lưỡi gươm cắt đứt lưỡi. Đó là quả báo của tội nói dối. Thế mà vẫn có người dám làm chuyện đó. Thậm chí chúng ta không dám nhìn qua cảnh giới nầy. Hãy lấy chuyện bị câm làm ví dụ. Tại sao bị câm? Vì

họ phải chịu quả báo nói dối quá mức (cường điệu). Họ được làm người, nhưng không nói được "Hãy xem bây giờ anh nói dối được chừng nào." Đó là thông điệp. Tại sao họ không nói được? Do họ đã bị cắt lưỡi. Dù họ có lưỡi, nhưng bản tính của nó đã bị mất, nên lưỡi ấy không có thực tính. Tại sao người ta bị mù? Là vì họ xem thường người khác. Họ luôn luôn xem chính mình là tốt hơn mọi người khác. Họ xem mình là thông minh hơn và lanh lẹ hơn trong mọi cách, thế nên đời nầy họ không thấy được mọi người. Bây giờ họ phải tự hỏi chính mình có thực sự tốt hơn mọi người khác nữa không? Người điếc là do bị quả báo nghe lén các cuộc bàn luận. Họ thường đặt tai vào lỗ khóa để nghe điều gì đang bàn bạc. Những gián điệp đời nay với vô số cách thức để nghe trộm người khác, để đánh cắp những bàn luận riêng tư, có thể sẽ chịu cùng quả báo như vậy và sẽ bị điếc trong một lúc nào đó ở tương lai.

Tuy nhiên, khi quý vị đã biết được đạo lý, quý vị sẽ từ bỏ việc nói dối, mình sẽ không bị câm. Nếu quý vị không nghe lén người khác bàn luận, quý vị sẽ không bị điếc. Bị câm, bị gù lưng, và bị mù đều là quả báo do báng bổ Tam bảo.

Kinh văn: **是一顛迦銷滅佛種。如人以刀斷多羅木。佛記是人永殞善根,無復知見,沈三苦海,不成三昧。**

Phiên âm: Thị nhất-điên-ca tiêu diệt Phật chủng. Như nhơn dĩ đao đoạn đa-la mộc. Phật ký thị nhơn vĩnh vẫn thiện căn, vô phục tri kiến. Trầm tam khổ hải bất thành tam muội.

Việt dịch: Những kẻ nhất-điên-ca ấy tự tiêu diệt chủng tử Phật. Như người dùng dao chặt cây đa-la. Phật ấn ký người ấy mất hẳn thiện căn, không còn chánh tri kiến, chìm đắm trong ba bể khổ, không thành tựu được pháp tam-muội.

Giảng: Những kẻ nhất-điên-ca ấy tự tiêu diệt chủng tử Phật. Những người nói lời đại vọng ngữ, chưa chứng nói mình đã chứng, chưa được nói mình đã được, và chưa hiểu nói mình đã hiểu–những người như vậy gọi là nhất-xiển-đề, có nghĩa là 'người đoạn thiện căn.' Nếu quý vị cắt đứt thiện căn mình, có nghĩa là các căn xấu ác sẽ chất chồng. Những người nói lời đại vọng ngữ và dối gạt người khác trên thế gian sẽ huỷ họai chủng tử Phật trong chính họ Như người dùng dao chặt cây đa-la.

Cây đa-la, trồng ở Ấn Độ, mọc ở vùng đất cao, nhưng nếu chặt đứt ngọn thì nó không mọc được nữa. Những người đoạn trừ chủng tử Phật tương tự như chặt đứt ngọn cây đa-la, sẽ không bao giờ chủng tử Phật có lại được nữa. Phật ấn

ký người ấy mất hẳn thiện căn, không còn chánh tri kiến. Thọ ký của Đức Phật về hạng người nầy là họ huỷ hoại thiện căn và trở thành bị tước mất mọi điều hay biết hoặc tri kiến. Chìm đắm trong ba bể khổ, không thành tựu được pháp tam-muội.

Ba biển khổ nói ở đây là:
1. Khổ đao kiếm (Kiếm đồ): chỉ cho địa ngục đao sơn.
2. Khổ máu huyết (Huyết đồ): Chỉ cho địa ngục máu huyết, nơi toàn thân người bị hành cho chảy máu thường xuyên.
3. Khổ nạn lửa (Hoả đồ): chỉ cho địa ngục hoả thiêu.
Những người nầy sẽ bị đoạ vào ba địa ngục khủng khiếp nầy.

Kinh văn: **我滅度後勅諸菩薩及阿羅漢。應身生彼末法之中。作種種形度諸輪轉。**

Phiên âm: Ngã diệt độ hậu, sắc chư Bồ-tát cập A-la-hán, ứng thân sanh bỉ mạt pháp chi trung. Tác chủng chủng hình độ chư luân chuyển.

Việt dịch: Sau khi Như Lai diệt độ, dạy hàng A-la-hán và Bồ-tát hãy ứng thân sinh trong đời mạt pháp, hiện ra nhiều hình tướng khác nhau để độ những chúng sinh còn trong vòng luân hồi.

Giảng: Sau khi Như Lai diệt độ, dạy hàng A-la-hán và Bồ-tát hãy ứng thân sinh trong đời mạt pháp. Các vị nên dùng báo thân và hóa thân sinh ra nơi thế gian nầy, nơi có nhiều khổ nạn. Trong thời mạt pháp, các vị phải dùng nhiều thân tướng, hiện ra trong vô số cảnh giới–có thể là loài người, có thể là súc sinh, hoặc có thể là trong một cách thức nào đó. Họ sẽ tuỳ thuận chúng sinh để độ những chúng sinh còn trong vòng luân hồi.

Họ sẽ cứu độ rộng rãi các chúng sinh. Các vị Bồ-tát sẽ trở lại thọ thân súc sinh. Quý vị đừng nghĩ rằng nói như vậy là không cung kính, vì các ngài thực sự làm điều đó. Trong các hạnh Bồ-tát, các ngài sẽ đến để hóa độ hàng súc sinh, như khi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni trong đời quá khứ đã làm thân Lộc vương để cứu độ đàn nai.

Kinh văn: **或作沙門白衣居士,人王宰官,童男童女。如是乃至婬女寡婦姦偷屠販。與其同事稱歎 佛乘。令其身心入三摩地。**

Phiên âm: Hoặc tác sa-môn bạch y cư sĩ, nhân vương tể quan đồng nam đồng nữ. Như thị nãi chí dâm nữ quả phụ, gian thâu đồ phán. Dữ kỳ đồng sự xưng tán Phật thừa. linh kỳ thân tâm nhập tam-ma-địa.

Việt dịch: Hoặc làm sa-môn, cư sĩ bạch y, vua chúa, quan lại, đồng nam đồng nữ. Như vậy cho đến làm dâm nữ, làm người quả phụ, người gian dối, trộm cắp, người hàng thịt, kẻ buôn bán. Để cùng với họ đồng sự, xưng tán Phật thừa, khiến cho thân tâm họ nhập vào tam-ma-địa,

Giảng: Các vị Bồ-tát và A-la-hán nầy dùng hóa thân mình để thành các vị sa-môn, là người đã xuất gia, hoặc đã thọ giới cụ túc, hoặc thọ giới sa-di. Hoặc các vị hóa thành cư sĩ bạch y. Cư sĩ không sống đời từ bỏ gia đình, và ở Ấn Độ họ được gọi là 'hàng bạch y.' Họ hộ trì tam bảo. Đây là do vì hàng xuất gia

Không cày cuốc, nhưng vẫn phải ăn
Không dệt vải, nhưng vẫn phải mặc.
Thế nên cần phải có hàng cư sĩ tại gia cúng dường,

Hoặc có vị Bồ-tát hóa thành vua chúa trong cõi người, hoặc là quan lại, Hoặc các ngài hóa thành đồng nam đồng nữ. Như vậy cho đến làm dâm nữ, làm người quả phụ. Thậm chí các ngài có thể hóa thành người gian dối, trộm cắp, người hàng thịt, kẻ buôn bán. Ngay cả họ có thể hóa ra kẻ trộm đạo, kể đồ tể, hoặc giới buôn bán những thứ như ma tuý. Các vị Bồ-tát và A-la-hán cùng với họ đồng sự,

Tại sao các ngài lại hóa thành các hạng người như vậy? Là vì các ngài muốn chuyển hóa những hạng người nầy. Để làm được việc đó, các ngài phải dùng Tứ nhiếp pháp.
1. Bố thí
2. Ái ngữ
3. Lợi hành
4. Đồng sự.

Trước hết các ngài nhiếp phục chúng sinh bằng bố thí. Có ba dạng bố thí:
1. Tài thí
2. Pháp thí
3. Vô uý thí.

Nếu mình có tiền, thì cho tiền. Nếu biết giáo pháp, thì giảng pháp cho họ nghe. Nếu có người sợ hãi, bối rối, thì mình an ủi và giúp đỡ cho họ, qua đó khiến cho họ hết sợ, đó là bố thí sự không sợ hãi. Nhưng để thực hiện những phương pháp nầy, mình phải không được tham cầu và mong được đáp trả. Quý vị không nên suy nghĩ, " A! Nay mình bố thí theo cách nầy, trong tương lai

mình sẽ được nhiều điều tốt đẹp." Hãy làm và quên đi. Hãy buông bỏ. Thế mới gọi là "Tam luân thể không." Ba phương diện đó là: người bố thí, vật phẩm đem bố thí và người nhận. Quý vị nên thực hành việc bố thí với phong thái đó là một việc mình nên làm, hơn là việc tích luỹ các thứ công đức. Bố thí pháp cũng như vậy. Khi quý vị giảng pháp cho người nghe, quý vị đừng nên nghĩ rằng, "Công đức giảng pháp của tôi lớn vô cùng, quý vị nên cúng dường cho tôi." Bố thí sự không sợ hãi cũng như vậy. Khi bố thí, quý vị không nên tính toán có bao nhiêu lợi lạc mà mình có được từ việc ấy. Cũng không nên có ý định bố thí khi thấy rằng sẽ có sự lợi lạc cho mình, trong khi đó, từ chối việc bố thí khi thấy mình chẳng được lợi lạc.

Thứ hai là nhiếp phục họ bằng ái ngữ. Chẳng hạn,, Đức Phật nói với A-nan, "Thiện tai! Thiện tai!" Và bằng cách đó, các vị Bồ-tát khen ngợi các chúng sinh, nói rằng, "Con thực là một chú bé ngoan. Con thật là thông minh. Con rất có thiện căn."
Thứ ba, các ngài nhiếp phục chúng sinh bằng lợi hành, có nghĩa là làm mọi việc để giúp ích cho người khác.
Thứ tư, các ngài nhiếp phục chúng sinh qua việc đồng sự. Có nghĩa là bất cứ họ làm việc gì, các ngài cũng làm với họ. Có khi Bồ-tát muốn cứu độ một cô gái điếm vốn có thiện căn đã đến lúc chín muồi, như con gái của Ma-đăng-già đề cập trong kinh nầy là một ví dụ.

Con gái của Ma-đăng-già là gái điếm, nhưng thời của cô đã đúng lúc, khi A-nan trở về Kỳ-viên tịnh xá, cô đi theo. Ngay sau khi nghe Đức Phật giảng pháp, cô ta chứng quả vị thứ ba của hàng A-la-hán. Sau cùng cô ta chứng quả thứ tư A-la-hán. Và cô ta là cô gái điếm đầu tiên chứng quả. Thế nên để cứu độ các cô gái điếm, các vị Bồ-tát có thể hóa thân thành gái điếm, vì nếu họ tham dự vào cùng nghề nghiệp và thân thiện, những gì họ nói đều được tin tưởng bởi những người mà các ngài muốn cứu độ. Chẳng hạn, một sinh viên đại học có thể nói rằng, "Tôi tin Phật pháp, thật là vi diệu. Tôi sẽ tham cứu kinh nầy, kinh nầy ngay bây giờ." Vị sinh viên kia sẽ nói: "Tôi cũng muốn đi. Tôi cũng muốn tìm hiểu kinh ấy." Thế là họ cùng nhau đi nghiên cứu Kinh Thủ-lăng-nghiêm. Đó cũng như vậy.

Do vậy quý vị sẽ không thể nào hiểu được ai là Bồ-tát, ai là A-la-hán. Nhưng nếu quý vị là một trong các vị đó, thì đừng nói cho ai biết. Quý vị đừng có đi quanh rồi rao lên rằng, "Tôi là Bồ-tát. Các ông nên lắng nghe những gì tôi nói." Tại sao quý vị không được làm như vậy? Vì Đức Phật cấm không được làm điều đó. Thế nên các vị Bồ-tát và A-la-hán cùng làm những việc như mọi người đang làm, nhưng khi làm việc đó, thì các ngài xưng tán Phật thừa, khiến cho

thân tâm họ nhập vào tam-ma-địa. Họ có thể đắm mình vào trong cùng một công việc với người khác, nhưng để giảng nói Phật pháp vào mọi lúc thích hợp. “Phật pháp rất hay! Không có gì sánh bằng.” Và với cách nầy, họ sẽ khiến cho người nghe bị lôi cuốn, như thể họ đang ăn một cây kẹo.

Điều đó nhắc tôi nhớ một câu chuyện trong Ngữ lục. Thời xưa ở Trung Hoa, vào đời Đường có một vị tăng pháp danh là Đỗ Thuận. Ngài thường giảng kinh và thuyết pháp, và ngài còn dạy tham thiền. Có khi ngài lại dạy mọi người niệm Phật. Ngài dùng mọi phương pháp để giáo hóa mọi người. Ngài có một đệ tử đã xuất gia theo học với ngài hơn 10 năm. Thường ngày, chú đệ tử rất để tâm đến công hạnh của thầy mình. Chú cố gắng hiểu xem thầy mình là ai, có nghĩa là, thầy là Bồ-tát, là A-la-hán, hay có khi là Phật? Cuối cùng, sau 10 năm, chú đi đến kết luận rằng thầy mình, Pháp sư Đỗ Thuận, là một người bình thường, chẳng có điều gì khác lạ nơi thầy mình cả. Thầy ăn cũng như mọi người khác ăn. Thầy mặc cũng như mọi người đều mặc. Thầy ngủ cũng như mọi người ngủ. Thầy không có điều gì khác hơn mọi người. Thế nên chú đệ tử dứt khóat thầy mình không phải là Phật hay là Bồ-tát hay là A-la-hán. Do vậy, nên chú đến bên thầy vái tạ, xin rời khỏi thầy.

Ý định của chú là gì?
Chú định lên núi Ngũ Đài Sơn để đảnh lễ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi.
Chú có ý định tìm cầu trí huệ nơi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi với hy vọng được giác ngộ. Chú thưa: “Bạch thầy, con đã ở với thầy hơn 10 năm, và con chẳng thấy mình học được điều gì. Con không hiểu điều gì cả, con thật là ngu đần, và con quyết định đi lễ bái Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi với hy vọng rằng con sẽ có được trí huệ.” “Được rồi!” Thầy nói, “Con muốn triều bái Ngũ Đài Sơn, thì hãy đi. Thầy có hai phong thư, trên đường đi nhờ con trao giúp. Một cái trao cho cô Thanh Lương và một trao cho Trư Lão Mẫu.”

Khi chú đệ tử đến nơi địa chỉ được ghi trên phong bì là Cô Thanh Lương, cô ta đã trở thành một cô gái điếm. Chú đệ tử quá đỗi ngạc nhiên, “Cớ gì mà thầy mình viết thư cho một cô gái điếm?” Chú tự hỏi, “Hay cô ta là người yêu của thầy, và thầy nhờ mình làm người môi giới?” Nhưng chú trao thư, rồi nói, “Thầy tôi, Đỗ Thuận, có gửi thư cho cô.” Cô Thanh Lương nhận thư đọc rồi ngồi xuống, nói, “Tốt! Ông ấy đi. Ta cũng sẽ đi.”

Rồi cô chết ngay trên chỗ ngồi. Cô ta đã nhập niết-bàn. Chú đệ tử thấy toàn bộ sự kiện quá lạ, và chú cầm bức thư lên đọc. Chú mới biết Cô Thanh Lương thực ra là Bồ-tát Quán Thế Âm, vì lá thư viết rằng, “Quán Thế Âm, tôi đã xong việc ở đây và sẽ ra đi. Ngài nên đi với tôi.” Chú đệ tử thở dài tiếc nuối, “Nếu mình biết đó là Bồ-tát Quán Thế Âm, mình sẽ quỳ xuống trước ngài, ta sẽ

không đứng dậy cho đến khi ngài nhập niết-bàn, thế là ta có thể có được trí huệ giác ngộ. Sẽ hay biết bao. Nhưng nay ta đã bỏ mất cơ hội.”

Điều ấy thật đúng với ý nghĩa của câu: Trước mặt ngài. Vẫn không nhận ra ngài là Quán Thế Âm. Chú ta cầm phong thư kia và nhắm hướng chỗ ở của Trư Lão Mẫu mà đến.

Nhưng khi chú đến địa chỉ trong thư, không ai biết về người nầy. Nhưng khi chú đi ngang qua một chuồng heo, một con lợn nái già hỏi chú. “Chú tìm Trư Lão Mẫu có việc gì?” Chú đệ tử ngạc nhiên và không biết mình đang gặp thứ quái vật nào. Chú vội vàng trả lời. “Thầy tôi bảo tôi trao một bức thư cho Trư Lão Mẫu.” Con lợn nái già nói, “Ồ! Tốt. Ta là Trư Lão Mẫu đây. Chú có thể đưa thư cho ta.”

Con lợn nái già nhận thư và xem. Thật khó hiểu ra làm sao bà ta có thể biết được trong thư nói gì. Tuy nhiên, khi xem xong, bà ta ngồi xuống và nói, “Ồ!, Việc của ông ấy đã xong. Ta cũng sẽ đi.” Và bà ta chết. Khi chú đệ tử xem thư, biết bà ta chính là hóa thân của Bồ-tát Phổ Hiền. “Có lẽ nào Bồ-tát Phổ Hiền đúng thực là con heo kia?” Chú vẫn còn vướng mắc những mối nghi ngờ. Chú chẳng quan tâm đến công việc gì mà thầy chú đã làm xong như lời trong thư. Chú lên núi Ngũ Đài Sơn. Ở đó, chú gặp một lão tăng rất già, ông ta hỏi chú, “Chú đến đây làm gì?” “Tôi đến để lễ bái Bồ-tát Đại trí Văn-thù-sư-lợi và mong được trí huệ giác ngộ.”

“Cái chú nầy!” Lão tăng nói, “Chú lên đây để lễ bái Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, nhưng lễ bái thầy chú còn tốt hơn gấp ngàn lần.” Chú đệ tử hói, “Tại sao?”

“Thầy chú, Hoà thượng Đỗ Thuận, chính là Đức Phật A-di-đà tái thế. Ngài thị hiện ở cõi nhân gian để giáo hóa chúng sinh. Chú đã là đệ tử của ngài hơn 10 năm. Sao chú không nhận ra được điều đó? ” “Ồ! Thầy tôi là Đức Phật A-di-đà!” Chú đệ tử nói, “Trông thầy chẳng giống Đức Phật tí nào!” Khi chú nhìn lại, lão tăng đã biến mất.

Rồi chú thấy một bức thư ngắn bảo rằng: “Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo chú hãy quay trở về tức khắc với thầy mình là Hoà thượng Đỗ Thuận, ngài chính là Đức Phật A-di-đà.” Sau cùng, chú đệ tử tin vào điều đó. Chú đã gặp được Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bằng xương thịt, và ngài bảo chú hãy quay trở về với thầy mình.

Chú vội vã quay trở lại, Hoà thượng Đỗ Thuận đã viên tịch hôm qua. Một lần nữa, chú bỏ mất cơ hội. Chú đã là đệ tử của Đức Phật A-di-đà hằng 10 năm mà không nhận biết điều ấy. Chủ bỏ mất những điều trong tầm tay để tìm kiếm những gì quá xa xôi, chỉ tìm thấy được một điều là nên quay trở về với thầy mình. Bây giờ còn ai để gặp nữa?

Kinh văn: **終不自言我真菩薩真阿羅漢。泄 佛密因輕言未學。**

Phiên âm: Chung bất tự ngôn ngã chơn bồ-tát, chơn A-la-hán. Tiết Phật mật nhân khinh ngôn vị học.

Việt dịch: Rốt ráo không tự bảo mình thật là Bồ-tát, là A-la-hán. Khinh xuất nói với người chưa học, tiết lậu mật nhân của Phật.

Giảng: Họ có thể là Bồ-tát, là A-la-hán, là chư Phật đã thị hiện nơi thế gian nầy. Nhưng dù chính đó là Đức Phật Thích-ca Mâu-ni hay Đức Phật A-di-đà, Đức Phật Dược sư Tiêu tai Diên thọ, hay Đức Phật Bảo Sanh, Đức Phật Thành Tựu, hoặc là các Đức Phật, Bồ-tát, A-la-hán nào khác, họ cũng không bao giờ nói "Ta thực sự là Bồ-tát. Đúng thực như vậy, các ông nên tin vào tôi. Tôi thực sự là một vị Bồ-tát." Không thể nói như vậy. Nếu họ tự xưng mình thật là Bồ-tát, là A-la-hán. "Các ông có nhận ra tôi là ai không? Tôi là A-la-hán." Thì quý vị sẽ biết ngay họ là thành viên quyến thuộc của ma vương. Nếu có người khen ngợi quý vị bằng cách nói rằng quý vị là Bồ-tát, là A-la-hán, thì quý vị đừng thừa nhận điều ấy cho dù quý vị đúng thực là như vậy. Quý vị đừng nên Khinh xuất nói với người chưa học, tiết lậu mật nhân của Phật.

Quý vị không nên tiết lộ mật nhân của chư Phật. Quý vị không chỉ khinh suất tiết lộ gốc tích của mình. Thế khi nào là có thể thừa nhận được? Quý vị chỉ có thể tiết lộ khi mình sắp chết. Đừng tiết lộ trước khi mình ra đi.
Khi tiết lộ, thì đừng nên lưu lại.
Khi còn ở lại, đừng nên tiết lộ.
Ngay khi quý vị tiết lộ tông tích mình, chẳng hạn, mình là hóa thân của Bồ-tát đó, thì quý vị phải lìa bỏ sự hiện hữu đời này ngay tức thì. Miễn khi lời nói chưa phát ra, thì quý vị có thể lưu lại cõi đời, nhưng khi đã nói ra rồi, thì quý vị sẽ gặp rắc rối đầy mình nếu không chịu rời xa.

Kinh văn: **唯除命終,陰有遺付。云何是人惑亂眾生成大妄語。**

Phiên âm: Duy trừ mạng chung, âm hữu di phó. Vân hà thị nhân hoặc loạn chúng sanh thành đại vọng ngữ?

Việt dịch: Chỉ trừ khi đến lúc lâm chung, âm thầm có lời di chúc. Tại sao những người ấy lừa gạt chúng sinh, thành tội đại vọng ngữ.

Giảng: Chỉ trừ khi đến lúc lâm chung, âm thầm có lời di chúc. Tại sao những người ấy lừa gạt chúng sinh, Nếu quý vị là một bậc thánh, thì lúc đến cuối đời,

quý vị có thể nói với mọi người điều ấy. Nhưng từ đây đến lúc đó, quý vị không thể nói cho ai biết cả. Đến lúc đó, quý vị có thể tiết lộ cho những người gần gũi nhất của mình, có thể là một hai vị đệ tử nhập thất của mình. Những người làm những việc ngược lại, chỉ dối gạt và làm mê mờ chúng sinh bằng cách tạo nên tội đại vọng ngữ. Nếu quý vị chưa đắc đạo, mà nói rằng mình đã được, nếu quý vị chưa chứng quả, mà nói rằng mình đã chứng, đó là quý vị đã nói lời đại vọng ngữ. Vào đời Thanh ở Trung Hoa, có vị cao tăng là Pháp sư Ấn Quang . Ngài là người Giang Tây.

Sau khi xuất gia, ngài chiêm bái Phổ-đà Sơn, đạo tràng của Bồ-tát Quán Thế Âm. Ngài nhập thất ở núi đó. Ngài tự ẩn mình trong một căn phòng nhỏ và đọc Đại tạng kinh. Nếu ngày nào cũng đọc, phải cần đến ba năm mới đọc hết Tạng nầy. Ngài đã đọc đi đọc lại nhiều lần Tạng kinh nầy suốt 18 năm. Suốt những năm đó, ngài không xuống núi. Cuối cùng, một nhóm Phật tử ở Thượng Hải thỉnh ngài giảng kinh A-di-đà. Ngài đồng ý, nhưng chẳng có nhiều người đến nghe kinh, có lẽ do họ không hiểu được phương ngữ Thượng hải của ngài. Nhưng trong số đó có một cô học sinh trung học từ Thượng Hải có một giấc mơ bảo cô hãy đến nghe giảng kinh. Trong mộng báo rằng, “Cô nên đến đạo tràng cư sĩ đó…, để nghe kinh A-di-đà do Bồ-tát Đại Thế Chí giảng.” Hôm sau, cô học sinh đọc báo thấy có đăng tin Pháp sư Ấn Quang đang giảng Kinh A-di-đà tại đạo tràng đó. Cô tự hỏi: “Tại sao trong giấc mơ báo rằng Pháp sư Ấn Quang là Bồ-tát Đại Thế Chí?

Đêm đó, cô tham dự pháp hội, sau khi mọi người ra về hết, cô kể lại giấc mơ của mình cho Pháp sư Ấn Quang nghe. Khi cô ta kết luận rằng ngài chính là Bồ-tát Đại Thế Chí, Pháp sư Ấn Quang không hài lòng, nhắc nhở cô, “Cô không được đem nói cho mọi người chuyện vô nghĩa nầy!” Thế nên cô không kể cho ai nghe chuyện giấc mơ. Nhưng cô xin quy y với Pháp sư Ấn Quang. Ba năm sau, Pháp sư Ấn Quang nhập diệt, chỉ đến lúc đó cô mới kể về giấc mơ của mình. Mọi người đều bực tức vì cô đã không nói chuyện nầy sớm hơn, để họ có thể thỉnh pháp được nhiều hơm ở Pháp sư. Nhưng cô cho họ biết rằng chính Pháp sư đã cấm không cho cô được tiết lộ. Từ sự kiện nầy, rõ ràng Pháp sư Ấn Quang là hóa thân của Bồ-tát Đại Thế Chí. Khi làm lễ trà tỳ, có rất nhiều xá-lợi (Sarira) Thế nên, khi sắp mạng chung, một số tung tích mới được tiết lộ. Tuy vậy, cũng không được nói một cách khoa trương về chuyện nầy. Như trong trường hợp trên, có thể là trong giấc mơ, có một ít chỉ dẫn được đưa ra. Nhưng quý vị không nên nói lộ liễu như, “Tôi là Bồ-tát Đại Thế Chí.” Đó là cách thức không nên làm.

Người thời nay thường đi quanh tự tuyên bố rằng mình là Phật. Điều nầy trái ngược hoàn toàn với giáo lý trong Kinh Thủ-lăng-nghiêm. Tất nhiên mọi người đều là Phật, nhưng quý vị phải tu mới thành Phật. Nếu quý vị không tu, quý vị chẳng khác gì hơn một con ngựa, con bò, con heo, con cừu, con gà. Quý vị hầu như sẽ trở thành quỷ đói, hay đoạ trong địa ngục; chẳng có gì chắc chắn.

Kinh văn: **汝教世人修三摩地,後復斷除諸大妄語。是名如來先佛世尊。第四決定清淨明誨。**

Phiên âm: Nhữ giáo thế nhân tu tam-ma-địa, hậu phục đoạn trừ chư đại vọng ngữ. Thị danh Như Lai Tiên Phật Thế Tôn đệ tứ quyết định thanh tịnh minh hối.

Việt dịch: Ông dạy người đời tu tam-ma-địa, sau rốt phải đoạn trừ nói lời đại vọng ngữ. Đó là lời dạy bảo rõ ràng thanh tịnh, quyết định thứ tư của các Đức Phật Thế Tôn Như Lai trong đời trước.

Giảng: "A-nan, ông có nghe điều nầy không? Ông dạy người đời tu tam-ma-địa, sau rốt phải đoạn trừ nói lời đại vọng ngữ. "Đây có nghĩa là mọi lời nói phóng đại khoa trương. Dù vì thiện ý, cũng đừng nói, "Tôi đã giác ngộ." Hoặc là "Tôi đã chứng quả," hoặc là "Tôi là Bồ-tát." Hoặc là "Tôi là A-la-hán." Điều đó quá rẻ tiền.

Đó là lời dạy bảo rõ ràng thanh tịnh, quyết định thứ tư của các Đức Phật Thế Tôn Như Lai trong đời trước. Đừng dạy mọi người nói dối và tuyên bố khoa trương. Lời dạy nầy là của chư Phật trong hiện đời và chư Phật trong quá khứ.

Kinh văn: **是故阿難若不斷其大妄語者。如刻人糞為栴檀形,欲求香氣。 無有是處。**

Phiên âm: Thị cố A-nan, nhược bất đoạn kỳ đại vọng ngữ giả, như khắc nhơn phẩn vi chiên đàn hình,dục cầu hương khí, vô hữu thị xứ.

Việt dịch: Thế nên A-nan, nếu không đoạn trừ lời đại vọng ngữ, như khắc phân người làm hình cây chiên đàn, mà muốn được hương thơm. Thật không có chuyện đó.

Giảng: Như Lai sẽ đưa ra ví dụ, Thế nên A-nan, nếu không đoạn trừ lời đại vọng ngữ, như khắc phân người làm hình cây chiên đàn, mà muốn được hương thơm.

Những người muốn được trở nên thanh tịnh mà không dứt trừ lời đại vọng ngữ thì cũng giống như người cố gắng tìm cách khắc hình cây chiên đàn hương từ phân người. Thật không có chuyện đó. Anh ta sẽ không bao giờ khiến cho phân người có được mùi hương thơm như cây chiên đàn. Điều nầy có nghĩa là nếu quý vị nói lời đại vọng ngữ, giống như là quý vị có mùi rất thối. Nếu quý vị tu tập thiền định, nỗ lực thành Phật, mà vẫn tiếp tục nói dối, thì quý vị cũng giống như một cục phân. Vì người nói dối mà mong thành Phật thì cũng giống như cố gắng làm cho cục phân trở nên có mùi thơm của tượng Phật. Điều ấy không hợp lý.

Kinh văn: **我教比丘直心道場。於四威儀一切行中尚無虛假。云何自稱得上人法。**

Phiên âm: Ngã giáo tỷ-khưu trực tâm đạo tràng. Ư tứ oai nghi nhất thiết hạnh trung, thượng vô hư giả. Vân hà tự xưng đắc thượng nhơn pháp?

Việt dịch: Như Lai dạy hàng tỷ-khưu, lấy trực tâm làm đạo tràng. Trong các hành xử từ bốn uy nghi, còn không được hư dối. Làm sao có kẻ tự xưng là đã được pháp thượng nhân?

Giảng: Như Lai dạy hàng tỷ-khưu, lấy trực tâm làm đạo tràng. Tỷ-khưu đề cập ở đây gồm cả tứ chúng. Đến đây, quý vị không thể nói rằng, “Tôi là cư sĩ, thế nên Đức Phật không nói đến tôi.”

Quý vị phải ngay thẳng khi nói và nghĩ, Đừng có quanh co, đừng dối trá. Không có trực tâm cũng như cố gắng làm thành hương chiên đàn từ phẩn uế. Như Lai dạy họ phải nên Trong các hành xử từ bốn uy nghi, còn không được hư dối.

Những oai nghi nầy đã được trình bày chi tiết từ trước. Mỗi tư thế đi đứng, nằm, ngồi đều có 250 oai nghi. Quý vị nên luôn luôn thực hành thật chân chính, thực sự tu tập trong đó. Làm sao có kẻ tự xưng là đã được pháp thượng nhân?

Tại sao mình lại tự tuyên bố đã chứng được quả vị Bồ-tát hay A-la-hán? Không nên nói như vậy. Trước quý vị nghe giảng kinh, quý vị có thể vô tình nói lên điều ấy. Nhưng nay đã nghe giảng kinh rồi, quý vị biết là mình không còn được nói rằng mình đã chứng được đến quả vị nào. Nói như vậy là nói lời đại vọng ngữ. Quả báo của hành vi nầy là đoạ vào địa ngục Bạt thiệt. Trong đời sau, lưỡi quý vị sẽ bị móc bằng lưỡi câu sắt và kéo ra. Sau đó, quý vị sẽ không còn cơ hội để nói dối, vì trong tương lai, quý vị đã bị câm rồi.

Kinh văn: **譬如窮人妄號帝王自取誅滅。況復法王如何妄竊。因地不直 果招紆曲。求佛菩提如噬臍人,欲誰成就?**

Phiên âm: **Thí như cùng nhân vọng hiệu đế vương tự thủ tru diệt. Huống phục pháp vương, như hà vọng thiết. Nhân địa bất trực quả chiêu hu khúc. Cầu Phật bồ đề như phệ tề nhân, dục thuỳ thành tựu?**

Việt dịch: Ví như người bần cùng, tự xưng là đế vương, tự chuốc lấy sự tru diệt. Huống gì là ngôi vị pháp vương, sao dám xưng càn! Nhân đã không thật, quả ắt quanh co. Cầu đạo bồ-đề của Phật, như người muốn cắn rốn, làm sao thành tựu được?

Giảng: 'Ông có biết không?' Có người nói, 'Tôi là vua của nước nầy?' Nói như vậy, Ví như người bần cùng, tự xưng là đế vương, tự chuốc lấy sự tru diệt.

Vua sẽ bắt nhốt người ấy liền, và toàn bộ gia đình của người ấy cũng bị tội chết luôn. Toàn thể bạn bè và họ hàng cũng sẽ bị khép vào tội chết. Thế thì 'vua' đi về đâu? Tuyên bố rằng mình đã chứng quả thánh khi mình chưa chứng cũng giống như người bần cùng kia tự nói rằng mình là vua. Anh ta sẽ bị tru diệt vì tội ấy. Và nếu mình không thể nào tuỳ tiện tự nói mình là vua trong phương diện thế gian,
Huống gì là ngôi vị pháp vương, sao dám xưng càn!
Sao lại dám xưng càn Phật vị?
Nhân đã không thật, quả ắt quanh co.

Trong nhân địa, khi quý vị đang tu đạo, nếu không tu hành chân chính, thì kết quả quý vị hưởng được trong tương lai sẽ cong vạy. Sẽ có rất nhiều khúc mắc. Quý vị sẽ không thể nào thành tựu quả vị một cách thẳng tắt. Nếu quý vị tu kiểu nầy, phải trải qua vô số đại kiếp, mà vẫn không thành tựu được. Cầu đạo bồ-đề của Phật, như người muốn cắn rốn, làm sao thành tựu được?

Nếu quý vị tự thực hành theo kiểu nầy–tiếp tục đắm mình trong nói dối và khoa trương mà tìm đạo bồ-đề của chư Phật, thì quý vị giống như người tìm cách cắn cái rốn của mình. Làm sao mà thành tựu được?

Quý vị sẽ không bao giờ cắn cái rốn mình được, vì miệng mình không thể nào đến đó được.

Kinh văn: **若諸比丘心如直絃 ,一切真實入三摩提永無魔事。我印是人成就菩薩無上知覺。**

Phiên âm: **Nhược chư tỷ-khưu tâm như trực huyền, nhất thiết chơn thật, nhập tam-ma-đề, vĩnh vô ma sự. Ngã ấn thị nhân thành tựu Bồ-tát vô thượng tri giác.**

Việt dịch: Nếu hàng tỷ-khưu, tâm thẳng như dây đàn, hành xử mọi việc chân thật, nhập vào tam-ma-đề, ắt hẳn không có ma sự. Như Lai ấn chứng cho người nầy, thành tựu được vô thượng trí giác của hàng Bồ-tát.

Giảng: Nếu hàng tỷ-khưu, và giới cư sĩ, tâm thẳng như dây đàn, hành xử mọi việc chân thật, nhập vào tam-ma-đề, ắt hẳn không có ma sự. Tâm quý vị nên thẳng như dây đàn, đừng cong queo, như thân cây đàn. Quý vị nên chân thật trong mọi vấn đề và đừng bao giờ nói dối. Nói dối là trường hợp của:
Khởi đầu chỉ bằng một mảy lông
Sẽ kết thúc bằng ngàn dặm trong tương lai.

Nếu quý vị nói dối trong đời nầy, sẽ kéo sự thành tựu của quý vị lùi lại vài triệu đại kiếp trong đời sau. Hãy xem xét kỹ lưỡng và xem người nào đang bỏ mất điều đó. Nếu quý vị có thể trực tâm và chân thật, quý vị có thể nhập vào tam-ma-đề, và không có một ma sự chướng ngại nào sinh khởi. Như Lai ấn chứng cho người nầy, thành tựu được vô thượng trí giác của hàng Bồ-tát. Ai đã có tâm chân thật và ngay thẳng như dây đàn thì đều có thể trở thành Bồ-tát. Họ có thể thành tựu trí huệ vô thượng và tuệ giác của một vị Bồ-tát.

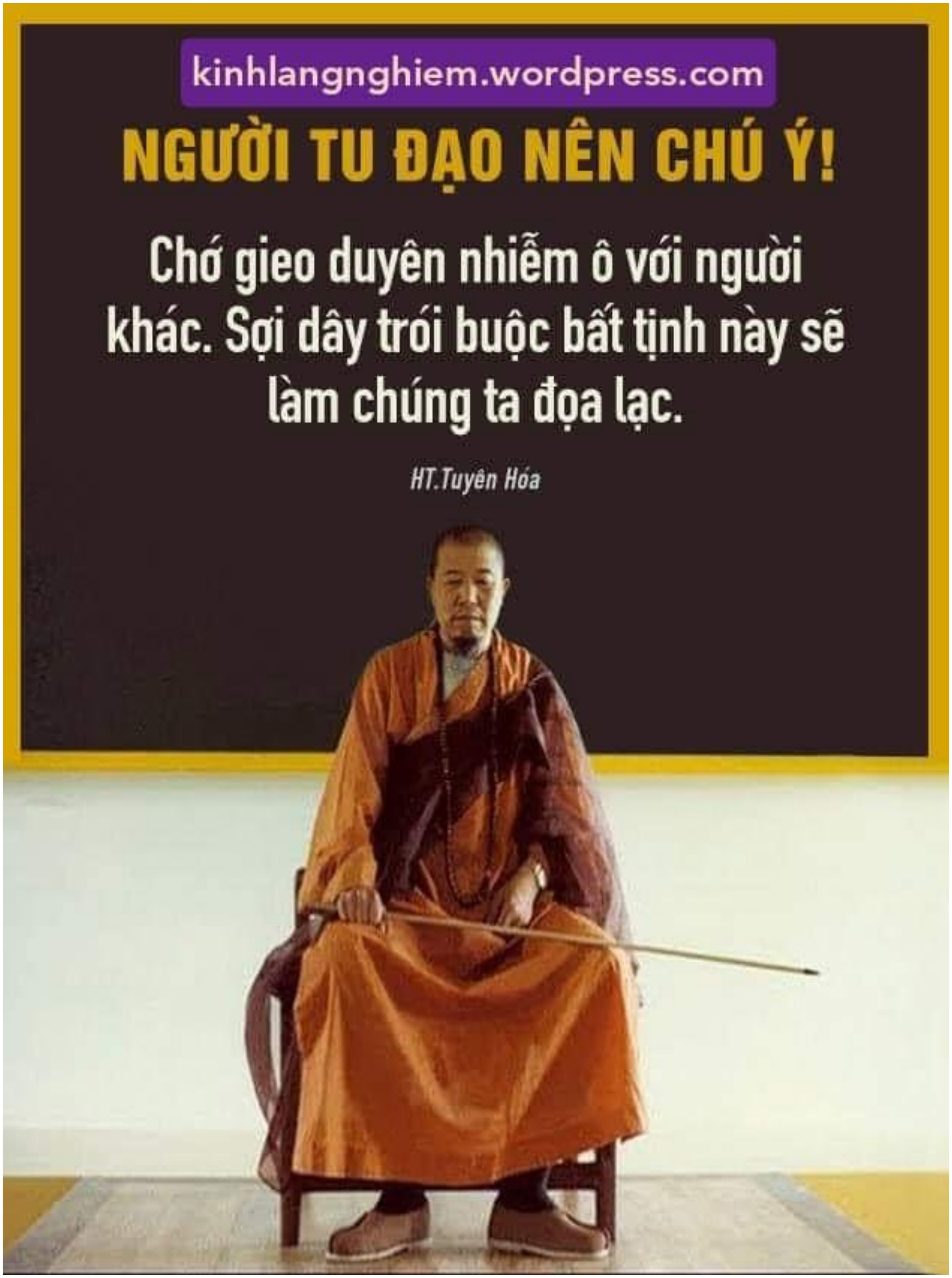
Kinh văn: **如我是 說名為佛說,不如此說即波旬說**

Phiên âm: **Như ngã thị thuyết danh vi Phật thuyết, bất như thử thuyết tức ba-tuần thuyết.**

Việt dịch: Như lời Như Lai nói đây, chính là lời chư Phật đã nói. Nếu không phải như vậy, tức là lời ma ba-tuần nói.

Giảng: Như lời Như Lai nói đây, chính là lời chư Phật đã nói. Nếu quý vị giải thích giống như Như Lai đã giảng giải trong kinh nầy, đó chính là giáo pháp của chư Phật đã giảng nói. Nếu không phải như vậy, tức là lời ma ba-tuần nói. Người nào không diễn bày giáo pháp nầy, mà còn tuyên bố những giáo lý nghịch với giáo pháp nầy, đó chính là lời của ma vương nói.” Ba-tuần là chỉ cho Ma vương.

== Hết Quyển 6 ===


kinhlangnghiem.wordpress.com
NGƯỜI TU ĐẠO NÊN CHÚ Ý!
Chớ gieo duyên nhiễm ô với người khác. Sợi dây trói buộc bất tịnh này sẽ làm chúng ta đọa lạc.
HT.Tuyên Hóa

**KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH NHƯ LAI MẬT NHƠN
TU CHỨNG LIỄU NGHĨA
CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH
THỦ LĂNG NGHIÊM**

QUYỂN 7 – PHẦN 1

— o0o —

*TUYÊN HÓA THƯỢNG NHÂN
giảng thuật*

— o0o —

A-nan! Nhữ vấn nhiếp tâm. Ngã kim tiên thuyết, nhập tam-ma-địa. Tu học diệu môn, cầu Bồ Tát đạo. Yếu tiên trì thử, tứ chủng luật nghi. Kiểu như băng sương. Tự bất năng sanh, nhất thiết chi diệp. Tâm tam khẩu tứ, sanh tất vô nhân.

A Nan! Ngươi hỏi cách nhiếp tâm, trước ta đã nói về pháp môn vi diệu, tu tập Tam Ma Địa. Người cầu đạo bồ đề trước tiên phải giữ bốn thứ luật nghi kể trên, trong sáng như băng tuyết để làm căn bản, tự nhiên chẳng sanh tất cả nhánh lá; nhờ đó, ba ý nghiệp và bốn khẩu nghiệp ắt chẳng có nhân để sanh khởi.

Giảng: "A Nan! Ngươi hỏi cách nhiếp tâm, trước ta đã nói về pháp môn vi diệu, tu tập Tam Ma Địa." Pháp môn vi diệu là pháp môn nhĩ căn viên thông, hồi quang phản chiếu quán tự tại.

"Người cầu đạo bồ đề trước tiên phải giữ bốn thứ luật nghi kể trên, trong sáng như băng tuyết để làm căn bản". Việc đầu tiên quý vị phải làm là phải giữ tứ chủng thanh tịnh minh hối: không sát, không trộm, không dâm và không dối. Giới không dâm dục không phải chỉ giữ giới tà dâm qua thân thể, mà luôn cả tâm trí. Quý vị phải từ bỏ ý niệm ngay tại thân và tâm thì mới thoát ra cõi trần lao. Nếu quý vị không trừ khử ý niệm dâm dục trong tâm thì không thể ra khỏi bụi trần. Ý niệm này cũng phải lìa trong giới sát, trộm và dối. Tứ thanh tịnh minh hối này rất quan trọng. Quý vị phải làm cho thân tâm thanh tịnh trong sánh như băng tuyết. Quý vị phải sáng như lưu ly, không một chúc dơ bẩn, không một đóm đen. Nếu quý vị có thể thanh tịnh như vậy

"Tự nhiên chẳng sanh tất cả nhánh lá; nhờ đó, ba ý nghiệp và bốn khẩu nghiệp ắt chẳng có nhân để sanh khởi." Ba ý nghiệp là Tham sân si và bốn khẩu nghiệp là nói dối, nói hai chiều, nói lời ác độc và nói xấu. Khi ba ý nghiệp và bốn khẩu nghiệp đã không còn phạm thì những ác nghiệp không còn nhân để sanh khởi, bởi vì quý vị giữ giới và nuôi dưỡng tứ thanh tịnh minh hối

A-nan! Như thị tứ sự, nhược bất thất di. Tâm thượng bất duyên, sắc hương vị xúc. Nhất thiết ma sự, vân hà phát sanh.

A Nan, nếu giữ kỹ bốn giới chẳng bỏ sót, tâm còn chẳng duyên theo Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, thì tất cả ma sự làm sao còn sanh khởi được?

Giảng: "A Nan, nếu giữ kỹ bốn giới chẳng bỏ sót." Nếu quý vị không đánh mất hoặc quên đi tứ thanh tịnh: sát, trộm, dâm, dối và "tâm còn chẳng duyên theo Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, thì tất cả ma sự làm sao còn sanh khởi được?" Nếu quý vị không đeo đuổi theo Sắc, Thanh, Hương, Vị, và quý vị không bám vào chúng, thì tất cả ác nghiệp sẽ tự nhiên biến mất. Khi ác nghiệp đã biến mất, chúng không còn nhân để phát sanh.

Nhược hữu túc tập, bất năng diệt trừ. Nhữ giáo thị nhân, nhất tâm tụng ngã, Phật đảnh quang minh, Ma-ha tát đát đa bát đát La, vô thượng Thần chú. Tư thị Như Lai, vô kiến đảnh tướng, vô vi tâm Phật, tùng đảnh phát huy, tọa bảo liên hoa, sở thuyết tâm chú, thả nhữ túc thế,

Nếu có tập khí xưa chẳng thể diệt trừ, ngươi dạy người ấy nhất tâm tụng trì Phật Đảnh Quang Minh, Ma Ha Tát Đát Đa Bát Đát La Vô Thượng Thần Chú của ta, ấy là cái tâm chú do Vô Kiến Đảnh Tướng Như Lai, từ nơi đảnh đầu hiện ra Vô Vi Tâm Phật, ngồi trên bửu liên hoa mà thuyết tâm chú.

Giảng: "Nếu có tập khí xưa chẳng thể diệt trừ, ngươi dạy người ấy nhất tâm tụng trì." Điều quan trọng là nhất tâm. Đừng để tâm chi phối như là miệng thì tụng chú, và tâm thì nữa tin nữa nghi ngờ về chức năng của chú. Quý vị đừng có phân tâm rồi tụng chú và nghĩ: Nam mô, Nam mô, Nam mô gì đó? Một bên thì tụng chú, và một bên thì không muốn tụng "Nam mô". Đây là trường hợp bị vướng mắc vào tình trạng tin và nghi ngờ. Quý vị tuy là một thân, nhưng lại có hai tâm trí. Một tâm thì nghĩ rằng có một lợi ích gì đó khi tụng chú, trong khi một bên thì nghĩ rằng: "Tôi đang làm những chuyện tụng chú mà chính tôi cũng không hiểu nó?" Những chi phối như vậy rất đáng sợ. Quý vị phải nhất tâm tụng trì.

"Ma Ha" có nghiã là đại. "Tát Đát Đa Bát Đát La" là cái lọng trắng. Khi quý vị tụng trì câu "Tát Đát Đa Bát Đát La", một cái lọng trắng sẽ hiện giữa hư không tại khu quý vị . Kích thước của lọng trắng sẽ tùy theo công đức của quý vị. Nếu công đức vĩ đại và cao cả, khi quý vị trì tụng câu này, sẽ không có tai họa trong khu vực ngàn dặm. Nếu công đức còn yếu nhỏ, cái lọng trắng chỉ đủ che

trên đầu và che chở quý vị. Nếu một vị tu hành có đức hạnh to lớn và thanh tịnh cao quý, khi trì tụng câu này, cả nước nhà được lợi ích. Cả nước được thoát tránh các thiên tai. Những tai họa lớn sẽ biến thành tai họa nhỏ, những tai họa nhỏ sẽ biến mất.

Bây giờ chúng ta đang giảng giải bộ kinh Lăng Nghiêm, và có rất nhiêu người đang tu tập Pháp môn bí mật của chư Phật, tôi tin rằng cả nước Mỹ sẽ được hưởng lợi ích từ nó. Người dân Mỹ có thể không biết chuyện này, nhưng quý vị đang cứu sống cho họ. Mọi chuyện xảy ra trong vô hình, và họ cũng không thể nào biết được ai đã cứu sống họ và đã cứu sống họ. Và họ cũng không muốn hiểu biết. Đây là trong ý nghĩa không có người cho và không có người nhận. Cả 3 thứ: vật cho, người cho và người nhận. Khi chúng ta cứu người, chúng ta không cần có người cám ơn. Đây là sự mầu nhiệm trong Phật pháp.

"Vô Thượng Thần Chú của ta, ấy là cái tâm chú do Vô Kiến Đảnh Tướng Như Lai, từ nơi đảnh đầu hiện ra." Con mắt thường không thể thấy được. Trong kinh ở phần sau ghi rằng:

"Khi ấy, Thế Tôn từ nơi nhục kế phóng ra trăm thứ hào quang, trong hào quang hiện ra bửu liên hoa ngàn cánh có hóa thân Phật ngồi trong liên hoa, trên đảnh phóng ra mười tia ánh sáng, trong mỗi tia đều hiện ra mười hằng sa Hộ Pháp Kim Cang, đội núi, cầm chày, khắp cõi hư không. Đại chúng ngó thấy đều kính mến, cầu Phật gia hộ, một lòng nghe Phóng Quang Như Lai nơi Vô Kiến Đảnh Tướng của Phật tuyên thuyết thần chú."

Tôi ghi nhớ câu này trong tâm trí. Tôi không bao giờ quên nó. "Vô Vi Tâm Phật, ngồi trên bửu liên hoa mà thuyết tâm chú." Những ai có thể gặp được chú Lăng Nghiêm này là do đã tạo nhiều phước đức trong kiếp trước. Nếu không thì khi có cơ hội thấy được chú nầy, họ cũng không thể học được. Họ không thể nào nhớ thuộc lòng nó. Đó là tại sao tôi đang thử kiểm tra quý vị qua bộ kinh nầy. Trong đây có hai người đã đạt qua bài kiểm này, còn mọi người khác nên siêng năng học hỏi.

Dữ ma đăng già. Lịch kiếp nhân duyên, ân ái tập khí. Phi thị nhất sanh, cập dữ nhất kiếp. Ngã nhất tuyên dương, ái tâm vĩnh thoát, thành A-la-hán. Bỉ thượng dâm nữ, vô tâm tu hành. Thần lực minh tư, tốc chứng vô học. Vân hà nhữ đẳng, tại hội Thanh văn. Cầu tối thượng thừa, quyết định thành Phật. Thí như dĩ trần, dương vu thuận phong, hữu hà gian hiểm?

Ngươi và Ma Đăng Già, do tập khí ân ái từ nhiều kiếp, ta vừa tuyên thuyết thần chú, liền khiến Ma Đăng Già thoát hẳn lòng yêu, đắc quả A La Hán. Nàng kia là

dâm nữ, chẳng có tâm tu hành, nhờ thần lực thầm giúp, được mau chứng vô học, huống là hàng Thanh Văn các ngươi trong hội, cầu tối Thượng Thừa, nhất định thành Phật, cũng như bụi bay theo chiều gió, đâu có ngăn ngại gì?

Giảng: "Ngươi và Ma Đăng Già, do tập khí ân ái từ nhiều kiếp." Những ái lực đã từ nhiều kiếp. Người đã là vợ chồng với nhau trên 500 lần. Những tập khí ân ái của hai người không phải chỉ trong một lần, một đời hay trong một kiếp, mà trong nhiều kiếp.

"Ta vừa tuyên thuyết thần chú, liền khiến Ma Đăng Già thoát hẳn lòng yêu." Khi Ma Đăng Già nghe Phật tuyên thuyết thần chú, cô ta thoát hẳn lòng yêu mến, và đắc quả vị A La Hán. Khi cô ta nghe chú Lăng Nghiêm và đi gặp đức Phật giảng Pháp, cô ta thấu hiểu và đạt được tam quả A La Hán. Khi ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát uyển chọn 25 viên thông, cô ta đắc được tứ quả A La Hán. Sự thành tựu của cô ta rất là nhanh chóng. Trong khi Anan vẫn đang ở sơ quả, quả vị đầu tiên.

Nàng kia là dâm nữ. Trước kia cô ta không có ý nghĩ tu hành. Tuy nhiên, sức mạnh của chú Lăng Nghiêm đã âm thầm giúp cô, và cô ta đã đạt được tứ quả A La Hán rất là nhanh chóng. Huống là hàng Thanh Văn các ngươi trong hội, cầu tối Thượng Thừa, nhất định thành Phật, cũng như bụi bay theo chiều gió, đâu có ngăn ngại gì? Khi một luồng gió thổi cát bụi, thì cát bụi sẽ bay theo chiều gió. Không có gì ngăn ngại? Không có gì nguy hiểm. Không trở ngại.

Nhược hữu mạt thế, dục tọa đạo tràng. Tiên trì Tỳ-kheo, thanh tịnh cấm giới. Yếu đương tuyển trạch, giới thanh tịnh giả. Đệ nhất Sa Môn, dĩ vi kỳ sư. Nhược kỳ bất ngộ, chân thanh tịnh tăng. Nhữ giới luật nghi, tất bất thành tựu.

Nếu người đời mạt pháp muốn ngồi đạo tràng, trước tiên phải giữ giới cấm trong sạch của Tỳ Kheo, cần phải lựa chọn vị Sa Môn giữ giới trong sạch bậc nhất để làm thầy mình, nếu chẳng gặp vị tăng thật trong sạch, thì giới luật của người ấy ắt chẳng thành tựu.

Giảng: "Nếu người đời mạt pháp muốn ngồi đạo tràng, trước tiên phải giữ giới cấm trong sạch của Tỳ Kheo." Việc đầu tiên của người tu hành trong thời mạt pháp phải làm nếu muốn tu hành trong một đạo tràng, tại chùa, bảo tháp hay tại một nơi xa lánh thanh tịnh. Người đó phải giữ giới cấm của một vị Tỳ Kheo và giữ giới thanh tịnh. Một người muốn rời nhà, xuất gia phải giữ giới trước khi vào đạo tràng. Khi họ đã nhận giới, họ trở thành một vị Tỳ Kheo. Họ phải luôn luôn giữ giới và quy tắc. Không được vi phạm một giới nhỏ.

Họ “cần phải lựa chọn vị Sa Môn giữ giới trong sạch bậc nhất để làm thầy mình”. Người tu hành cần phải lựa chọn một Sa Môn được mọi người tôn trọng, một bậc thầy cao quý. Họ nhận vị đó làm thầy.

“Nếu chẳng gặp vị tăng thật trong sạch, thì giới luật của người ấy ắt chẳng thành tựu.” Nếu một vị tu hành không thể kiếm được một vị Sa Môn có thể giữ giới trong sạch, con đường tu hành giữ giới và quy tắc sẽ không được trọn vẹn. Họ sẽ không được thành tựu như ý

Giới thành dĩ hậu, trước tân tịnh y, nhiên hương nhàn cư. Tụng thử tâm Phật, sở thuyết Thần chú, nhất bách bát biến. Nhiên hậu kết giới, kiến lập đạo tràng. Cầu ư thập phương, hiện trụ quốc độ, vô thượng Như Lai. Phóng đại bi quang, lai quán kỳ đảnh.

Khi giới đã thành tựu, nên mặc y áo sạch sẽ, đốt hương an cư, tụng 108 biến thần chú do tâm Phật sở thuyết, rồi kết giới dựng lập đạo tràng, cầu xin Vô Thượng Như Lai hiện ở các quốc độ mười phương, phóng hào quang đại bi đến chiếu soi đảnh đầu mình.

Giảng: “Khi giới đã thành tựu, nên mặc y áo sạch sẽ.” Áo quần mới thì tốt nhất, hay một bộ áo quần sạch không bị rách. Họ nên “đốt hương an cư”. Nên đốt một nhán hương trước tượng Phật và không làm gì hết ngoại trừ “tụng 108 biến thần chú do tâm Phật sở thuyết.” Tâm Phật đề cập đến sự chuyển đổi Phật trên đỉnh cao vô hình. Đây là câu thần chú được nói bởi tâm Phật. Thần chú là tâm chú. Trì tụng phần nầy một 108 lần.

“Rồi kết giới dựng lập đạo tràng.” Kết giới là trong ranh giới khu vật đạo tràng tứ phía, đông tây nam bắc, được bảo đảm, các ma quỷ và mọi trở ngại không được bước vào ranh giới đạo tràng. Lúc đó, đạo tràng sẽ không bị quấy rầy bởi những hành động quỷ quái. Theo cách này, đạo tràng được thành lập.

Khi họ trì tụng 108 lần và kiến lập đào tràng, họ nên “cầu xin Vô Thượng Như Lai hiện ở các quốc độ mười phương, phóng hào quang đại bi đến chiếu soi đảnh đầu mình.”

A-nan! Như thị mạt thế, thanh tịnh Tỳ-kheo. Nhược Tì-kheo-ni, bạch y đàn việt. Tâm diệt tham dâm, trì Phật tịnh giới. Ư đạo tràng trung, phát Bồ Tát nguyện. Xuất nhập táo dục, lục thời hành đạo. Như thị bất mị, kinh tam thất nhật. Ngã tự hiện thân, chí kỳ nhân tiền. Ma đảnh an úy, linh kỳ khai ngộ.

A Nan! Trong đời mạt pháp, những Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Bạch Y, đàn việt, tâm diệt tham dâm, giữ giới trong sạch, phát nguyện Bồ Tát, khi ra vào nơi đạo tràng, đều tắm rửa sạch sẽ, sáu thời hành đạo chẳng ngủ, đến 21 ngày, ta tự hiện thân trước người ấy, xoa đảnh an ủi, khiến được khai ngộ.

Giảng: "A Nan! Trong đời mạt pháp, những Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Bạch Y đàn việt". Trong thời kỳ mạn pháp, các vị đó có thể là những vị Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, hay Phật Tử. "Đàn Việt" tiếng Phạn là "Danapti". Tiếng Hán dịch ra làm hai chữ, một chữ đàn có nghiã là mang đến và chữ kia Việt là siêu việt. Đó là những người bảo vệ tam bảo.

Nếu các vị ấy có thể "tâm diệt tham dâm." hay thoát khỏi sự ham muốn tình dục. Họ "giữ giới trong sạch, phát nguyện Bồ Tát"

Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành

Đây là tứ hoàn thệ nguyện lớn của một vị bồ tát. Nếu những người này "đều tắm rửa sạch sẽ, sáu thời hành đạo chẳng ngủ, đến 21 ngày." Họ phát Bồ Tát nguyện trong đạo tràng, và họ trì tụng thần chú Lăng Nghiêm. Nếu họ ra khỏi đạo tràng, họ tắm rửa sạch sẽ trước khi vào lại đạo tràng. Trong sáu thời hành đạo trong suốt 3 tuần lễ, 21 ngày, ngồi tụng 3 tiếng, đi hành 3 tiếng. Tu hành trong 21 ngày không ngủ.

"Ta tự hiện thân trước người ấy, xoa đảnh an ủi, khiến được khai ngộ." Đức Phật nói rằng: Ta sẽ hiện thân trước người tu hành ấy và xoa tay lên đảnh đầu, ta sẽ khiến cho họ được khai ngộ và đạt được quả vị tu hành."

Lập Đạo Tràng

— o0o —

A-nan bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã mông Như Lai, vô thượng bi hối. Tâm dĩ khai ngộ, tự tri tu chứng, vô học đạo thành. Mạt pháp tu hành, kiến lập đạo tràng, vân hà kết giới. Hợp Phật Thế Tôn! thanh tịnh quỹ tắc.

A Nan bạch Phật: Con nhờ lời từ bi dạy bảo vô thượng của Như Lai, tâm đã khai ngộ, tự biết con đường tu chứng thành đạo vô học. Nhưng người tu hành đời mạt pháp muốn lập đạo tràng, cần kết giới thế nào, cho hợp với quy tắc trong sạch của chư Phật?

Giảng: Sau khi Anan nghe đức Phật nói, ông ta nghĩ ta nên hỏi về cách giữ ranh giới và thiết lập đạo tràng. “A Nan bạch Phật: Con nhờ lời từ bi dạy bảo vô thượng của Như Lai, tâm đã khai ngộ, tự biết con đường tu chứng thành đạo vô học.” Anan đã biết được con đường tu học để đạt được tứ quả A La Hán và cao hơn.

“Nhưng người tu hành đời mạt pháp muốn lập đạo tràng, cần kết giới thế nào, cho hợp với quy tắc trong sạch của chư Phật?” Trong tương lai, trong thời mạt pháp, họ phải kiết giới như thế nào? Họ phải làm như thế nào để hợi với quy tắc thanh tịnh của các chư Phật ?

Phật cáo A-nan: Nhược mạt thế nhân, nguyện lập đạo tràng. Tiên thủ tuyết sơn, đại lực bạch ngưu. Thực kỳ sơn trung, phì nị hương thảo. Thử ngưu duy ẩm, tuyết sơn thanh thủy, kỳ phẩn vi tế. Khả thủ kỳ phẩn, hòa hợp chiên đàn, dĩ nê kỳ địa. Nhược phi tuyết sơn, kỳ ngưu xú uế, bất kham đồ địa. Biệt ư bình nguyên, xuyên khứ địa bì, ngũ xích dĩ hạ. Thủ kỳ hoàng độ. Hòa thượng chiên đàn, trầm thủy tô hợp. Huân lục uất kim, bạch giao thanh mộc. Linh lăng cam tùng, cập kê thiệt hương.

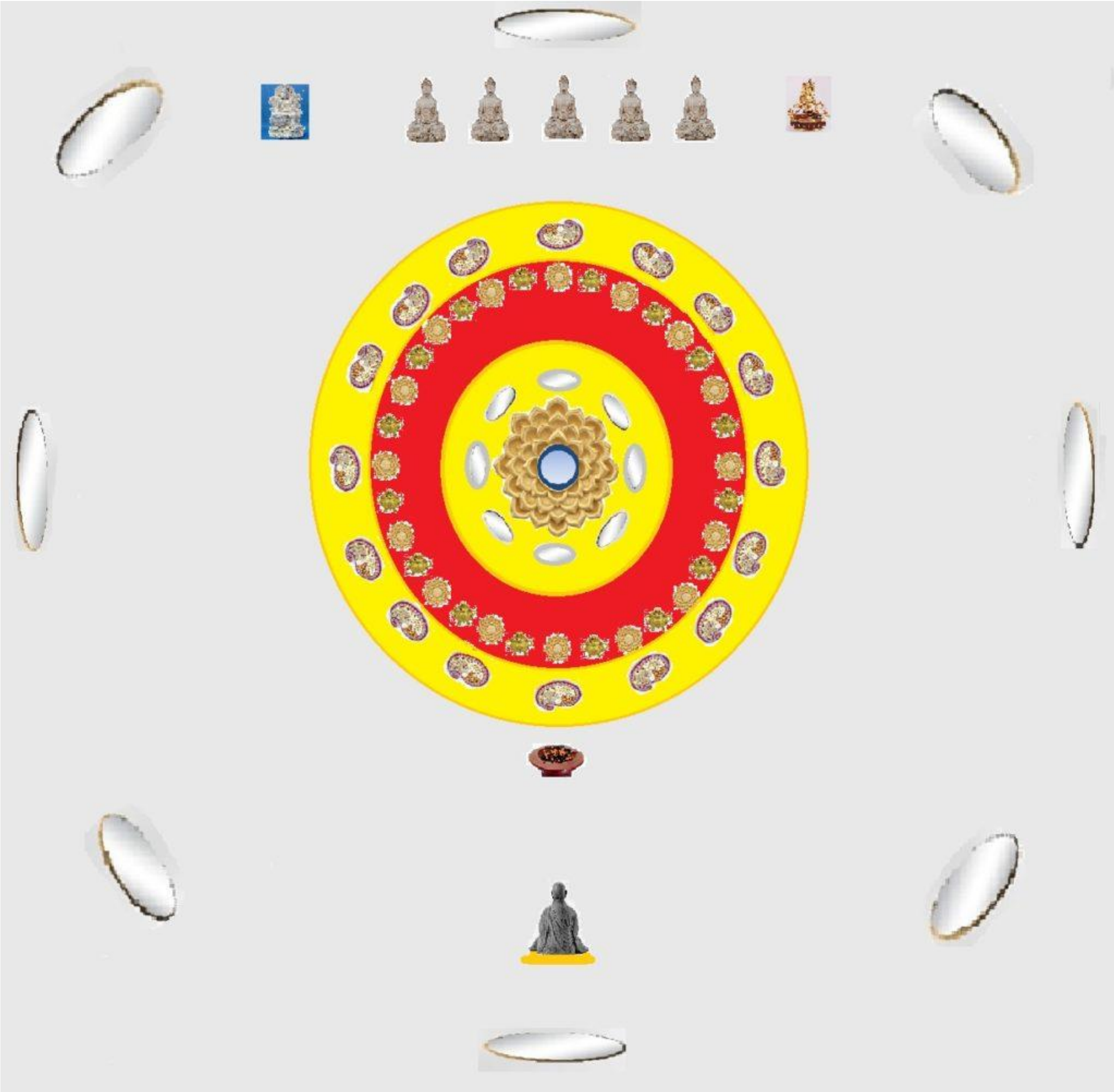
Phật dạy Ông Anan : “Người đời mạt pháp, nguyện lập đạo tràng, trước hết kiếm con trâu trắng sức mạnh ở núi Tuyết Sơn, sống bằng cỏ thơm non mướt, loài trâu trắng này chỉ uống nước trong của núi Tuyết Sơn, phân rất nhuyễn mịn. Nên lấy phân đó hòa trộn với bột hương Chiên Đàn để tráng nền đất. Nếu không phải là loài trâu trắng ở Tuyết Sơn thì phân hôi bẩn, không thể tráng nền. Riêng ở đồng bằng, có thể đào bỏ lớp đất trên mặt, lấy đất sét vàng từ năm thước trở xuống rồi hòa trộn với hương Chiên Đàn, trầm thủy, tô hợp, huân lục, uất kim, bạch giao, thanh mộc, linh lăng, can tùng và kê thiệt.

Giảng: Đức Phật sau khi nghe Anan hỏi về cách kiết giới đạo tràng, “Phật dạy Ông Anan : “Người đời mạt pháp, nguyện lập đạo tràng, trước hết kiếm con trâu trắng sức mạnh ở núi Tuyết Sơn, sống bằng cỏ thơm non mướt, loài trâu trắng này chỉ uống nước trong của núi Tuyết Sơn, phân rất nhuyễn mịn. Nên lấy phân đó hòa trộn với bột hương Chiên Đàn để tráng nền đất.” Cõi non mà trâu ăn rất thơm và có thể dùng để trộn với bột hương chiên đàn để tráng nền đất

“Nếu không phải là loài trâu trắng ở Tuyết Sơn thì phân hôi bẩn”. Nếu loài trâu không sống trên núi tuyết, trâu sẽ hôi mùi và không thanh tịnh cho nên phân trâu không thể dùng để tráng nền đất.

“Riêng ở đồng bằng, có thể đào bỏ lớp đất trên mặt, lấy đất sét vàng từ năm thước trở xuống.” Trong trường hợp nầy thì lựa một nơi đất bằng, đào xâu xuống 5 thước, và lấy đất vàng dưới đái làm nền tráng

“Rồi hòa trộn với hương Chiên Đàn, trầm thủy, tô hợp, huân lục, uất kim, bạch giao, thanh mộc, linh lăng, can tùng và kê thiệt.” Hoà trộn đất vàng với 10 thứ hương trên.



Dĩ thử thập chủng, tế La vi phấn. Hợp thổ thành nê, dĩ đồ trường địa. Phương viên trượng lục, vi bát giác đàn. Đàn tâm trí nhất, kim ngân đồng

mộc, sở tạo liên hoa. Hoa trung an bát. Bát trung tiên thịnh, bát nguyệt lộ thủy. Thủy trung tùy an, sở hữu hoa diệp.

Mười thứ ấy xây nghiền thành bột, trộn với đất sét để làm nền đàn tràng, mỗi bề một trượng sáu, thành cái đàn bát giác. Ở chính giữa đạo tràng, đặt một hoa sen làm từ vàng, bạc, đồng hay gỗ. Trong hoa sen đặt một cái bát, trong bát đựng nước sương móc tháng Tám. Trong nước tùy ý để các hoa lá hiện có.

Giảng: Mười thứ ấy, đem xây nghiền thành bột, rồi trộn với đất vàng dưới lòng đất 5 thước để làm nền đạo tràng. Khu đó bề nganh rộng lớn khoảng 6 thước và có hình dạng bát quái. Ở chính giữa đạo tràng, đặt một hoa sen làm từ vàng, bạc, đồng hay gỗ. Chính giữa hoa sen, đặt một các tô bát, trong bát đựng nước sương móc tháng Tám. Trên mặt nước sương, rãi các hoa lá.

Thủ bát viên kính, các an kỳ phương, vi nhiễu hoa bát. Kính ngoại kiến lập, thập lục liên hoa. Thập lục hương lô, gian hoa phô thiết. Trang nghiêm hương lô, thuần thiêu trầm thủy, vô linh kiến hỏa.

Lấy tám cái gương tròn, mỗi cái để theo mỗi hướng, chung quanh cái bát hoa. Bên ngoài gương, dựng lập mười sáu hoa sen, mười sáu lư hương, giữa chúng bày hoa. Các lư hương đều trang nghiêm, đốt thuần bằng trầm thủy, không cho thấy lửa.

Giảng: Lấy 8 cái gương tròn và đặt chung quang cái tô bông cho chúng quay 8 phía, bởi vì đạo tràng có hình tượng bát quái.

“Bên ngoài gương, dựng lập mười sáu hoa sen, mười sáu lư hương, giữa chúng bày hoa. Các lư hương đều trang nghiêm.” 16 hoa sen và 16 lư hương đặt chung quang, xen kẽ lẫn nhau và chia ra cho đều. Lư Hương lớn nhỏ vừa đủ để cho đẹp mắt.

“Đốt thuần bằng trầm thủy, không cho thấy lửa.” Trong lư hương chỉ nên đốt một loại trầm hương. Không nên đốt nhiều và không cho lửa hương trầm mạnh sáng mà có thể thấy, có nghĩa là ngọn lửa trong lư hương không có thể thấy khi nhìn vào 8 cái gương tròn hay nhìn vào bông sen.

Thủ bạch ngưu nhũ, trí thập lục khí. Nhũ vi tiên bính, tinh chư sa đường, du bính nhũ mi. Tô hợp mật khương, thuần tô thuần mật. Cập chư quả tử, ẩm thực bồ đào, thạch mật chủng chủng, thượng diệu đẳng thực, ư liên

hoa ngoại, các các thập lục, vi nhiễu hoa ngoại. Dĩ phụng chư Phật, cập đại Bồ-tát.

Lấy sữa trâu trắng để trong mười sáu đồ chứa. Lấy sữa làm bánh với đường cát, bánh rán, váng sữa, tô hợp, mật gừng, thuần kem, thuần mật, mỗi thứ mười sáu cái đặt quanh ngoài hoa sen để cùng dâng Chư Phật và các Đại Bồ Tát.

Giảng: "Lấy sữa trâu trắng để trong mười sáu đồ chứa. Lấy sữa làm bánh". Một phần sữa đổ vào 16 cái ly nhỏ. Còn dư sữa lại thì lấy sữa hòa với bột để làm bánh ngọt. Trong mõi mâm diã sẽ đựng 1 ly sữa, một cái bánh ngọt, thêm vào"đường cát, bánh rán, váng sữa, tô hợp, mật gừng, thuần kem, thuần mật. Đặt 16 cái mân diã chung quang trước 16 hoa sen để dâng lên Chư Phật và các Đại Bồ Tát.

Mỗi dĩ thực thời. Nhược tại trung dạ, thủ mật bán thăng, dụng tô tam hợp. Đàn tiền biệt an, nhất tiểu hỏa lô. Dĩ đâu lâu bà, hương tiên hương thủy. Mộc dục kỳ thán, nhiên linh mãnh sí. Đầu thị tô mật, ư viêm lô nội. Thiêu linh yên tận, hưởng Phật Bồ-tát.

Mỗi giờ ăn cơm và lúc nửa đêm dùng nửa thăng mật hòa với thăng rưỡi váng sữa (bơ). Trước đàn để riêng một lò lửa nhỏ, lấy hương Đâu Lâu Bà(01) nấu lấy nước thơm mà rửa than, đốt cho cháy hừng, rót mật bỏ vào, đốt cho hết khói, cúng dường Phật và Bồ Tát.

Giảng: Ban ngày trong mỗi bữa ăn và giữa đêm khuya 12 giờ đêm, chuẩn bị 0.25 lít mật ông và 0.14 lít bơ. Sao đó trước đàn để thêm một lò lửa nhỏ. Than dùng trong lò lửa nầy thì phải dùng nước thơm để rửa sạch. Lấy hương trầm như hương dâu lâu bà (turushka) nấu trong nước sôi cho chất dầu trong trầm chảy ra trong nước. Dùng nước hương trầm này để rửa than. Than sẽ thơm mùi hương trầm khi đốt trong lò lửa nhỏ.

Bỏ than vào trong lò lửa nhỏ và đốt cho cháy hừng, than đỏ và hừng nóng. Rảy mật ông và bơ đã chuẩn bị trước vào trong lò lửa nóng. Đốt cho khi khói không còn nữa, để cúng dường chư Phật và các vị Bồ Tát. Có rất nhiều việc như vật trong mật thất. Các vị tu hành thường đốt mật ông trộn với bơ để cúng dường chư Phật. Họ không chỉ đốt mật bơ, mà còn đốt những thứ có giá trị như vàng, đồ trang điểm, và các đồ quý báo. Họ đốt những thứ đó để cúng dường chư Phật

Linh kỳ tứ ngoại, biến huyền phan hoa. Ư đàn thất trung. Tứ bích phu thiết, thập phương Như Lai. Cập chư Bồ-tát, sở hữu hình tượng. Ứng ư đương dương, trương Lô-xá-na. Thích Ca Di lặc, A-súc Di Đà. Chư đại biến hóa, Quán-Âm hình tượng. Kiêm Kim Cang tạng, an kỳ tả hữu. Đế Thích Phạm Vương, ô sô sắt ma. Tinh lam địa Ca, chư quân trà lợi. Dữ Tì câu tri, Tứ Thiên Vương đẳng, Tần na dạ ca. Trương ư môn trắc, tả hữu an trí.

Ở bốn phía ngoài, treo khắp phan, hoa; ở trong nhà đàn, bốn vách chưng bày các hình tượng của mười phương Như Lai và các vị Bồ Tát. Chính giữa để tượng Phật Lô Xá Na, Phật Thích Ca, Phật Di Lặc, Phật A Súc, Phật A Di Đà; hai bên đặt tượng Đức Quan Âm Đại Biến Hóa và Kim Cang Tạng Bồ Tát. Hai bên cửa để hình tượng Đế Thích, Phạm Vương, Ô Sô Sắt Ma, Lam Địa Ca, Quân Trà Lợi, Tỳ Câu Chi, bốn vị Thiên Vương, Tần Na Dạ Ca…

Giảng: "Ở bốn phía ngoài, treo khắp phan, hoa". Đây là tường bên ngoài đạo tràng.

Ở trong nhà đạo tràng, bốn vách tường chưng bày các hình tượng của mười phương Như Lai và các vị Bồ Tát.

"Chính giữa để tượng Phật Lô Xá Na, Phật Thích Ca, Phật Di Lặc, Phật A Súc, Phật A Di Đà; hai bên đặt tượng Đức Quan Âm Đại Biến Hóa và Kim Cang Tạng Bồ Tát."

Lô Xá Na có nghiã là hiện khắp mọi nơi. Di Đà Bồ Tát tượng trưng đức Phật Tương Lai. Phật A Súc là đức Phật tại đông phương cực lạc, cũng là đức Phật Dược Sư. A Súc có nghĩa là Bất Động, cho nên được gọi là Bức Động Phật. Phật A Di Đà có nghiã là Vô Lượng Quang và Vô Lượng Thọ. Và Đức Quan Âm Đại Biến Hóa trong bộ kinh nầy có ghi rằng, Bồ Tát có thể có 1 đầu, 3 đầu, 5 đầu, 7 đầu, 9 đầu, 11 đầu, hay 108 đầu. Kinh nói rằng, các ngài có thể có 1 tay, 3 tay, 5 tay, 7 tay, 9 tay ,108 tay, 1000 tay, 1 vạn tay hay 84000 tay.

Bên tay phải và trái, đặt tượng "Kim Cang Tạng Bồ Tát", hộ pháp. Những vị hộ pháp có hình dạnh rất oai nghiêm và hùng dữ. "Hai bên cửa để hình tượng Đế Thích, Phạm Vương." Đế Thích là vị Thiên Vương của 33 cõi thiên. Ngài cũng là vị Chúa Trời. "Phạm Vương" là các vị Sơ Thiền ở cõi trời sắc giới.

Và các vị "Ô Sô Sắt Ma, Lam Địa Ca, Quân Trà Lợi, Tỳ Câu Chi" Ô Sô Sắt Ma là vị thần năm đầu. Lam Địa Ca là vị thần mặt xanh và cũng là vị hộ pháp. Quân Trà Lợi có nghiã là buông thả những oán giận, cũng là tên của các vị thần. Tỳ Câu Chi cũng là một vị hộ pháp.

Và treo các hình ảnh của "Bốn vị Thiên Vương, Tần Na Dạ Ca…" Tần Na Dạ Ca là một vị hộ pháp có hình dáng rất là xấu và hung sợ. Bên Á Châu diễn tả hai 2 vị hộ pháp như sau: 1 vị hộ pháp có thân người và đầu trâu, còn 1 vị hộ pháp thì có thân người đầu voi. Bên Ấn Độ gọi vị nầy là Tần Na Dạ Ca hay Vinayaka, được coi là vị Thiên, Ganesha (Ganapati), là vị thiên có thân người đầu voi. Hình của Tần Na Dạ Ca giống như 2 người: thân người với đầu voi. Sự biến dạng thành một thể sát như vậy với mục đích tạo ra cái sợ hãi với người tôn thờ để họ nghiêm chỉnh bản thân. Tại cửa chánh đạo tràng, những tấm hình treo hai bên để bảo vệ đạo tràng.

Hựu thủ bát kính, phước huyền hư không. Dữ đàn tràng trung, sở an chi kính, phương diện tướng đối. Sử kỳ hình ảnh, trọng trọng tướng thiệp.

Lại dùng tám cái gương treo úp giữa hư không, đối chiếu với tám gương trước trong đàn tràng, khiến cho hình ảnh lồng nhập vào nhau nhiều lớp.

Giảng: Lại dùng tám cái gương treo úp giữa hư không, đối chiếu với tám gương trước trong đàn tràng, khiến cho hình ảnh lồng nhập vào nhau nhiều lớp. Trong bảy ngày đầu, chí thành đảnh lễ danh hiệu mười phương Như Lai, Chư Đại Bồ Tát, Chư A La Hán. Thường trong sáu thời đi quanh đàn tụng Chú, hết lòng hành Đạo, mỗi thời trì một trăm lẻ tám biến.

"Lại dùng tám cái gương treo úp giữa hư không, đối chiếu với tám gương trước trong đàn tràng." Làm sao treo gương giữa hư không? Suy nghĩ? Giống như quý vị treo cái đèn từ trên nóc nhà. Làm sao mà treo gương trong hư không như mặt trời ? Ý kinh không phải là như vậy. Ý kinh là dùng dây treo gương để cho gương có thể lơ lững ở giữa đạo tràng.

Các gương xoay mặt với nhau, "khiến cho hình ảnh lồng nhập vào nhau nhiều lớp." Có nghiã là hình ảnh phản xạ từ gương bên phải phản xạ lại với tấm gương bên trái. Và những hình ảnh cứ tiếp tục phản xạ với nhau trong gương, làm cho những bóng hình hiện ra vô lượng.

Sơ thất nhật trung. Chí thành đảnh lễ, thập phương Như Lai. Chư đại Bồ-tát, cập A-la-hán. Hằng ư lục thời, tụng chú nhiễu đàn, chí tâm hành đạo. Nhất thời thường hành, nhất bách bát biến,

Trong bảy ngày đầu, chí thành đảnh lễ danh hiệu mười phương Như Lai, Chư Đại Bồ Tát, Chư A La Hán. Thường trong sáu thời đi quanh đàn tụng Chú, hết lòng hành Đạo, mỗi thời trì một trăm lẻ tám biến.

Giảng: "Trong bảy ngày đầu, chí thành đảnh lễ danh hiệu mười phương Như Lai, Chư Đại Bồ Tát, Chư A La Hán. Thường trong sáu thời đi quanh đàn tụng Chú." Chú tại đây là Chú Lăng Nghiêm.
"Hết lòng hành Đạo, mỗi thời trì một trăm lẻ tám biến." Hết lòng có nghiã là quý vị không suy nghĩ về những thứ khác, trong tâm trì tụng chú. Mỗi lần trì tụng, tụng hết nguyên bài chú 108 lần không dừng.

Đệ nhị thất trung, nhất hướng chuyên tâm. Phát Bồ Tát nguyện, tâm Vô gián đoạn. Ngã tỳ nại da, tiên hữu nguyện giáo

Trong bảy ngày thứ hai, một mặt chuyên tâm phát nguyện Bồ Tát, tâm không gián đoạn. Trong Luật Tạng của Ta đã có chỉ dạy về nguyện.

Giảng: Trong tuần thứ hai tu hành, "một mặt chuyên tâm phát nguyện Bồ Tát." Quý vị phải thật lòng và nhất tâm. Pháp tứ hoàn thệ nguyện
Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành

"Tâm không gián đoạn." Có nghiã là tâm không dừng trì tụng chú Lăng Nghiêm, và tâm không bao giờ quên tứ hoàn thệ nguyện.

"Trong Luật Tạng của ta đã có chỉ dạy." Khi đức Phật nói về giới luật, đức Phật có dạy cách phát thệ nguyện.

Đệ tam thất trung, Ư thập nhị thời. Nhất hướng trì Phật, Bát Đát La chú, chí đệ tứ thất nhật, thập phương Như Lai, nhất thời xuất hiện. Kính giao quang xứ, thừa Phật ma đảnh, tức ư đạo tràng, tu tam-ma-địa. Năng linh như thị, mạt thế tu học. Thân tâm minh tịnh, do như lưu ly.

Trong bảy ngày thứ ba, trong cả mười hai thời, một bề trì Chú Bát Đát Ra của Phật. Cho đến ngày thứ bảy, mười phương Như Lai nhất thời xuất hiện. Chỗ ánh sáng của gương giao nhau, được Phật xoa đảnh; bèn ở nơi đạo tràng tu Tam Ma Địa, có thể khiến cho hạng tu học đời mạt thế thân tâm sáng sạch như ngọc lưu ly.

Giảng: “Trong bảy ngày thứ ba, trong cả mười hai thời, một bề trì Chú Bát Đát Ra của Phật.” Quý vị trì tụng chú “Tát Đát Ra Bát Đát Ra” mà đức Phật đã thuyết, đó là chú Lăng Nghiêm.

“Cho đến ngày thứ bảy, mười phương Như Lai nhất thời xuất hiện.” Mười phương chư Phật sẽ xuất hiện tại đạo tràng cùng một lúc.

“Chỗ ánh sáng của gương giao nhau, được Phật xoa đảnh.” Đảnh đầu của quý vị được các chư Phật xoa đảnh, và những hình ảnh đó được phản chiếu trong gương, phản xạ ra vô lượng.

“Bèn ở nơi đạo tràng tu Tam Ma Địa.” là đạo tràng Lăng Nghiêm, và khi các vị chư Phật hiện thân tại đạo tràng cùng một lúc và xoa đảnh đầu. Và lúc đó quý vị có thể tu Tam Ma Địa, hay là tu pháp môn hồi quang phản chiếu quán tự tại.

“Có thể khiến cho hạng tu học đời mạt thế thân tâm sáng sạch như ngọc lưu ly.” Thân tâm của quý vị sẽ được trong sáng như ngọc lưu ly.

A-nan! Nhược thử Tỳ-kheo, bổn thọ giới sư. Cập đồng hội trung, thập Tỳ-kheo đẳng. Kỳ trung hữu nhất, bất thanh tịnh giả. Như thị đạo tràng, đa bất thành tựu.

A Nan, nếu bổn sư truyền giới của Tỳ Kheo này và mười Tỳ Kheo đồng tu trong đàn, trong đó có một người giữ giới chẳng được trong sạch, thì đạo tràng này chẳng thể thành tựu.

Giảng: Anan, con nên biết nếu vị Tỳ Kheo đó tu hành trong đạo tràng nầy, mà có một vị không giữ giới và tâm không được thanh tịnh, hay vị Tỳ Kheo đó tu hành với một vị không giữ giới, thì đạo tràng nầy sẽ không được thành tựu. Đạo tràng sẽ không thành tựu nếu có một người không thanh tịnh, đó có nghiã là người đó không giữ giới. Hay là người đó nhận giới nhưng lại phạm giới. Ví dụ như người đó không nên sát sanh, nhưng lại sát sanh. Hay là người đó không nên trộm cắp, nhưng lại ăn cắp. Hay là người đó không nên phạm giới dâm dục, nhưng lại phạm giới. Hay là người đó không nên nói dối, nhưng lại nói dối.

Đức Phật dạy chúng ta không nên nói dối, nhưng họ lại bỏ đi chữ “không” và giữ lại “nên nói dối”. Nếu phạm giới, thì đạo tràng sẽ không thành tựu. Tất cả công trình tu học, những câu chú đã trì tụng, sẽ không mang tới sự thành tựu như ý. Vì vậy, nếu quý vị tu hành theo phương tiện nầy và không nhận được kết quả, quý vị không thể nói rằng: Tôi tu hành trong 3 tuần, nhưng đức Phật Thích Ca và chư Phật khắp mười phương không có tới xoa đảnh đầu của tôi. Tôi không có thấy họ. Có lẽ đức Phật đã nói láo

Nhưng đó không phải là như vậy. Có thể quý vị là người không được thanh tịnh, hay vị thầy truyền giới cho quý vị không được thanh tịnh, hay một trong những người tu hành chung trong đạo tràng không được thanh tịnh. Nếu trong một người trong đạo tràng không được thanh tịnh, kết quả sẽ không được thành tựu. Việc nầy rất là quan trọng.

Tùng tam thất hậu, đoan tọa an cư. Kinh nhất bách nhật, hữu lợi căn giả. Bất khởi vu tọa, đắc Tu đà Hoàn. Túng kỳ thân tâm, Thánh quả vị thành. Quyết định tự tri, thành Phật bất mậu. Nhữ vấn đạo tràng, kiến lập như thị.

Sau thất thứ ba, tĩnh tọa an cư trải qua 100 ngày, nếu người lợi căn, có thể ngay đó chứng sơ quả, dẫu cho thân tâm chưa thành chánh quả, nhưng được tự biết nhất định sẽ thành Phật chẳng sai. Ngươi hỏi cách kiến lập đạo tràng là như thế.

Giảng: "Sau thất thứ ba, tĩnh tọa an cư trải qua 100 ngày." Quý vị ngồi thiền, không giống như các người khác ngồi thiền trong 2 tiếng và đã cho là thiền giỏi. Họ cho rằng họ là người xuất sắc, nhưng trên thực tế, nếu so sánh với những gì diễn tả trong kinh nầy, thì cũng giống như so sánh mèo với sư tử. "Tĩnh tọa" có nghiã là không nghiên về bên trái hay bên phải, hay nghiên về phía trước hay ra sau, hay đứng lên giảng gân cốt. Không phải ngồi tại đó và nghĩ rằng: Ah, chân tôi đau quá! "Tĩnh tọa" có nghiã là không có phiền não. Tĩnh tọa trong 100 ngày có nghiã là không đứng lên đi ăn uống hay đứng lên để thoải mái. Quý vị ngồi thiền đó trong 100 ngày.

"Nếu người lợi căn, có thể ngay đó chứng sơ quả." Những người thông minh và có căn bản có thể ngồi thiền 100 ngày và được đắc quả vị Sơ Quả, quả vị đầu tiên của A La Hán. Nhưng nếu quý vị không có thể ngồi yên trong vòng một ngày, và có người lại nghĩ rằng họ đã đạt được quả vị. Đó là mơ hồ. Quý vị có thể ngồi thiền 100 ngày để đắc được quả vị Sơ Thiền.

"Dẫu cho thân tâm chưa thành chánh quả, nhưng được tự biết nhất định sẽ thành Phật chẳng sai." Tuy họ chưa đắc thành chánh quả, nhưng họ đã biết chắc rằng họ sẽ thành Phật. Đó là chắc chắn chẳng sai lầm. "Ngươi hỏi cách kiến lập đạo tràng là như thế."

— o0o —

Phật phóng hào quang nói thần chú

A-nan đảnh lễ Phật túc, nhi bạch Phật ngôn: Tự ngã xuất gia, thị Phật kiêu ái. Cầu đa văn cố, vị chứng vô vi. Tao bỉ phạm thiên, tà thuật sở cấm. Tâm tuy minh liễu, lực bất tự do. Lại ngộ Văn Thù, linh ngã giải thoát.

A Nan đảnh lễ chân Phật và bạch rằng: Từ khi xuất gia, con ỷ lại nơi lòng thương của Phật, ham cầu đa văn, chưa chứng quả vô vi, nên bị kẹt vào tà thuật của Phạm Thiên, tâm dù rõ ràng, nhưng sức chẳng tự do, nhờ gặp Văn Thù, khiến con được giải thoát.

Giảng: Sau khi Anan nghe đức Phật thuyết giảng, ngài "đảnh lễ chân Phật và bạch rằng: Từ khi xuất gia, con ỷ lại nơi lòng thương của Phật." Anan ỷ lại tình thương của đức Phật dành cho ngài. "Ham cầu đa văn, chưa chứng quả vô vi" Anan lúc nào cũng quan tâm về việc hơn thua với mọi người. Tôi muốn hơn mọi người. và như vậy ông ta nghĩ rằng: "Các người không thể nhớ tụng bộ kinh, nhưng tôi có thể. Các người không có thể giảng giải kinh, nhưng tôi có thể nhớ từng chữ trong kinh." Anan luôn tranh giành để thành số một hay đệ nhất. Ngài quyết định dùng trí nhớ uyên bác để đắc quả vị. Đúng thật, Anh đã trở thành thông minh đệ nhất, nhưng ông ta không chứng được quả vị vô vi. Ông ta vẫn chưa đạt được tứ quả A La Hán, không còn luân hồi. Ông ta còn chưa được quả vị vô học. Đó là nguy hiểm đối với ông ta.

"Nên bị kẹt vào tà thuật của Phạm Thiên, tâm dù rõ ràng, nhưng sức chẳng tự do." Anan bị thôi miên bởi chú tà chú, tà thuật của Phạm Thiên. Thân tâm bị ràng buột bởi tà chú. Thân bị thôi miên, nhưng tâm trí vẫn còn chúc tĩnh táo. Tuy tâm trí không hoàn toàn tỉnh táo, nhưng ông ta chưa hẳn mê loạn. Ông ta đang bị thôi miên, giống như nữa ngủ nữa thức. Ông ta như người say rượu nhưng ông ta không uống rượu. Tình trạng lúc đó giống như người bị say rượu. Khi quý vị hỏi người say rượu ngày hôm sau đã làm gì, người đó nhớ vài chuyện và cũng quên vài chuyện. Đó là tình trạng Anan trong lúc bị tà thuật mê hồn. Giống như ông ta là người sắp bị mê ngũ, nhưng chưa ngũ, và như ông ta đang mơ hay giống như một cơn mơ. Ông ta không còn sức để giải thoát. Giống như gặp một ác mộng khi ngủ ban đêm, một con ma đè, dùng tà thuật để làm tê cứng bạn. Khi chuyện đó xảy ra, quý vị thức dậy và nhìn, nhưng không thể cự động. Quý vị bị ma thuật khống chế. Đó là những gì mà Anan đã trải qua. Tuy rằng Anan còn tỉnh, nhưng ông ta không thể tự kiềm chế mình và không được tự do.

"Nhờ gặp Văn Thù, khiến con được giải thoát." Đức Phật sai Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi đi tới và cứu Anan. Anan nhờ đức Phật kêu Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi đến cứu, và Bồ Tát đã giải thoát cho Anan.

Tuy mông Như Lai, Phật đảnh Thần chú. Minh hoạch kỳ lực, thượng vị thân văn.

Dù thầm nhờ sức thần chú của Như Lai, nhưng còn chưa nghe chú ấy. Xin nguyện Đức Thế Tôn Đại Từ tuyên thuyết lại cho, thương xót cứu giúp các hàng tu hành trong hội này và những người đời sau còn trong luân hồi, nhờ mật âm của Phật mà thân tâm được giải thoát. Bấy giờ, đại chúng trong hội thảy đều đảnh lễ, chờ nghe thần chú bí mật của Phật.

Giảng: "Dù thầm nhờ sức thần chú của Như Lai, nhưng còn chưa nghe chú ấy." Đức Phật đã dùng thần chú tuyên thuyết của các Như Lai. Khi Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi tới chỗ của con và trì tụng chú Lăng Nghiêm, Anan đã thầm nhờ sức lực của chú Lăng Nghiêm. Đó có nghiã là khi Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi tới đó, ngài không có tụng chú lớn tiếng, ngài chỉ tụng chú trong tâm để giải thoát Anan. Khi đứng trước tượng Phật, quý vị có thể tụng lớn tiếng tại chùa, nhưng khi quý vị đi ra ngoài đường, quý vị có thể trì tụng âm thầm trong tâm, và nó cũng có đủ sức lực như lớn tiếng.

Nếu quý vị ra ngoài đường và bắt đầu la lớn: "Tát Đát Đa Bát Đát La". Mọi người sẽ nghĩ rằng bạn là người điên. Quý vị không cần phải trì tụng như nghi lễ trong chùa để rồi làm cho người khác nói xấu Phật Pháp, đó là điều mà người sẽ làm nếu người ta nghĩ quý vị điên khùng. Khi nói xấu Phật Pháp, họ sẽ mang tội. Quý vị không muốn nói rằng: Nếu họ phạm tội, đó là lỗi của họ. Tôi sẽ trì tụng càng lớn tiếng hơn và để cho người đó chê càng nhiều và người đó càng phạm nhiều tội lỗi, và người đó sẽ rơi vào địa ngục. Nếu quý vị có những ý thức như vậy và có tình gây tội lỗi cho người khác để rồi họ phải rớt vào địa ngục, vậy quý vị không nên học Phật Pháp. Những người học Phật Pháp có lòng đại từ đại bi cho chúng sanh. Những gì họ làm là không làm những gì mà có thể làm cho chúng sanh phải rơi vào địa ngục, cho đến chổ họ thè bị rơi vào địa ngục còn hơn là làm cho người khác rơi vào địa ngục. Quý vị phải có tư tưởng như vậy. Không nên nghĩ rằng: Họ che cười tôi, vậy để họ rơi vào địa ngục." Hay là nghĩ rằng: Nếu tôi phải chạy tới người đó, tôi sẽ chạy tới và trì tụng chú Lăng Nghiêm, và người đó sẽ nói xấu tôi, vậy thì người đó sẽ rơi vào địa ngục. Nếu quý vị có ý nghĩ như vậy, quý vị nên dừng trì tụng chú Lăng Nghiêm ngay lập tức, và dừng lại tu học Phật Pháp. Đó là lý do tại sao chúng ta học Phật Pháp phải không có hận thù với chúng sanh, phải không có ghen tuông với kẻ khác, không cản trở người, không ích kỷ qua tư cách này. Không nên có cái tánh nầy. Phật Pháp được tồn tại bởi vì muốn cứu sống chúng sanh. Nó không phải để làm cho người khác bị tổn thức. Quý vị phải minh sáng tại điểm này.

Duy nguyện đại từ, trọng vi tuyên thuyết. Bi cứu thử hội, chư tu hành bối. Mạt cập đương lai, tại Luân-hồi giả. Thừa Phật mật âm, thân ý giải thoát. Vu thời hội trung, nhất thiết đại chúng, phổ giai tác lễ. Trữ văn Như Lai, bí mật chương cú.

Xin nguyện Đức Thế Tôn Đại Từ tuyên thuyết lại cho, thương xót cứu giúp các hàng tu hành trong hội này và những người đời sau còn trong luân hồi, nhờ mật âm của Phật mà thân tâm được giải thoát. Bấy giờ, đại chúng trong hội thảy đều đảnh lễ, chờ nghe thần chú bí mật của Phật."

Giảng: Anan chỉ xin nguyện Đức Thế Tôn Đại Từ tuyên thuyết chú Lăng Nghiêm thêm một lần nữa để con có thể nghe chú và "thương xót cứu giúp các hàng tu hành trong hội này và những người đời sau còn trong luân hồi, nhờ mật âm của Phật mà thân tâm được giải thoát." Qua lời mật chú của đức Phật, chúng sanh được giải thoát. Họ sẽ không còn đảo lộn và mê muội. Quý vị trì tụng chú Lăng Nghiêm mỗi ngày để giúp cho chúng sanh không còn đảo lộn mê muội và giúp cho họ xa lánh những việc mà họ biết đó là sai lầm.

Thí dụ, họ biết thuốc phiện là sai lầm, một việc phí thì giờ và làm tổn sức con người. Nhưng họ vẫn cứ tiếp tục hút. Biết rằng thuốc phiện là việc trái phép luật, nhưng họ cứ tiếp tục thử. Biết rằng sát sanh là việc không đúng, nhưng họ vẫn cứ lấy mạng của chúng sanh. Biết chắc chắn rằng dâm dục là chuyện không đúng, nhưng họ vẫn cứ tiếp tục hành dâm dục. Biết rằng ăn cắp là việc không đúng, nhưng họ suốt ngày đêm ăn cắp đồ đạt của người khác. Nếu không phải ăn cắp xe hơi, thì là máy thâu băng, radio. Người ăn cắp biết rằng họ đang phá luật, và hiểu rằng nếu bị bắt, cảnh sát sẽ bỏ vào tù, nhưng họ vẫn cứ tiếp tục ăn cắp. Đó là việc làm biết trước là sai lầm.

Ngay lúc đó, mọi người trong hội, một số người khác đông trong hội pháp, đảnh lễ và chờ nghe thần chú bí mật của chư Phật. Họ đảnh lễ đức Phật và họ đứng chờ nghe đức Phật nói mật chú và những đệ trong chú. "Những đệ" đây là năm đệ trong chú. Những "câu" là những câu chú ngắn trong mật chú, như câu "Nam mô tát đát tha, tô già đa da, a ra ha đế tam miệu tam bồ đà tỏa." Những đệ và câu chú là mật chú, có nghiã là không phải là dễ dàng để cho người thường dễ hiểu. Đó là "mật chú" trong ý nghiã con người không chia sẽ những ý nghiã về chúng. Khi quý vị trì tụng chú, quý vị không biết những lợi ích quý vị sẽ hưởng. Chúng tôi cũng không biết những lợi ích mà chúng tôi sẽ nhận. Tuy lợi ích được nhận lấy, nhưng không có sự hiểu biết của những lợi ích mà mình đã hưởng, hay một sự hiểu biết giữa kinh chú.

Nhĩ thời Thế Tôn! tùng nhục kế trung, dũng bách Bảo quang. Quang trung dũng xuất, thiên diệp bảo liên. Hữu hóa Như Lai, tọa bảo hoa trung. Đảnh phóng thập đạo, bách bảo quang minh. Nhất nhất quang minh, giai biến thị hiện thập Hằng hà sa, Kim Cang mật tích. Kình sơn trì xử, biến hư không giới. Đại chúng ngưỡng quán, úy ái kiêm bão. Cầu Phật thị hỗ, nhất tâm Thính Phật, vô kiến đảnh tướng, phóng quang Như Lai, tuyên thuyết Thần chú. Đại Phật đảnh Như Lai phóng quang, tất đát đa bát đát La, Bồ Tát vạn hạnh.

Khi ấy, Thế Tôn từ nơi nhục kế phóng ra trăm thứ hào quang, trong hào quang hiện ra bửu liên hoa ngàn cánh có hóa thân Phật ngồi trong liên hoa, trên đảnh phóng ra mười tia ánh sáng, trong mỗi tia đều hiện ra mười hằng sa Hộ Pháp Kim Cang, đội núi, cầm chày, khắp cõi hư không. Đại chúng ngó thấy đều kính mến, cầu Phật gia hộ, một lòng nghe Phóng Quang Như Lai nơi Vô Kiến Đảnh Tướng của Phật tuyên thuyết thần chú.

Giảng: "Khi ấy, Thế Tôn từ nơi nhục kế phóng ra trăm thứ hào quang, trong hào quang hiện ra bửu liên hoa ngàn cánh có hóa thân Phật ngồi trong liên hoa". Hoá thân của đức Phật an tọa trên ngàn cánh hoa sen trong ánh hào quang.

"Trên đảnh phóng ra mười tia ánh sáng." Đảnh nói tới từ đảnh đầu của các vị hóa thân Phật. Thêm 10 sánh sáng hào quang phóng từ đảnh đầu của các hoá thân Phật. Những tia sánh đó tỏa sáng trên mặt đất nhiều như cát hạt bụi của 10 sông Hà. Những hào quang chiếu sáng mọi nơi, trên toàn các nước.

"Trong mỗi tia đều hiện ra mười hằng sa Hộ Pháp Kim Cang, đội núi, cầm chày, khắp cõi hư không" Và trong lúc ấy, những tia sáng hào quang hiện ra các vị Kim Cang Hộ Pháp, một tay cầm núi, một tay cầm chày, giống như cái chày của Vi Đà Bồ Tát. Các ngài hiện thân ở khắp mọi nơi, đầy cả hư không.

"Đại chúng ngó thấy đều kính mến, cầu Phật gia hộ." Tất cả các vị đại Bồ Tát, đại A La Hán, đại Tỳ Kheo, và tất cả mọi người tại pháp hội, ngưởng đầu và nhìn lên các hoá thân Phật ở trên đảnh đầu của đức Phật. Vài vị cảm thấy sợ hải khi thấy các hóa thân Phật. Và cũng ngay lúc đó, họ cảm mến các vị chư Phật. Họ thương đức Phật, nhưng đó không phải là tình thương giữa đàn ông và đàn bà. Cái mà họ cảm nhận là tình thương chân thật, không luyến ái hay quấn quích. Họ có cả 2 cảm nhận cùng một lúc. Họ ngạc nhiên sợ, nhưng vẫn bị lôi cuốn bởi tình thương của đức Phật. Và họ mong rằng đức Phật sẽ thương mến và gia hộ cho họ.

“Một lòng nghe Phóng Quang Như Lai nơi Vô Kiến Đảnh Tướng của Phật tuyên thuyết thần chú.”. Các người trong pháp hội đều một lòng. Họ đều muốn nghe đức Phật. Cái nhục kế trên đảnh đầu của đức Phật được gọi là đảnh đầu vô hình, bởi vì người thường không thể thấy được. Những ai thấy được trăm hào quang sáng chiếu và các vị hóa thân Phật là những Phật tử đã được đức Phật thọ ký. Các hóa thân Phật xuất từ đảnh đầu chư Phật hiện ra khắp hư không và tuyên thuyết chú Lăng Nghiêm

Vậy chú Lăng Nghiêm không phải được tuyên thuyết bởi nhục thân của đức Phật, mà là từ các hóa thân Phật hiện thân khắp hư không.

Về phần chú Lăng Nghiêm, không ai hiểu nó. Và cũng không thể nào giảng giải chú từng chữ từng câu. Nếu quý vị muốn hiểu mật chú, tôi có thể có gắng giảng giải chú cho quý vị nghe. Nhưng bây giờ không phải là lúc giảng, bởi vì chúng ta đang ở phần giữa của bộ kinh Lăng Nghiêm, và giảng giải chú Lăng Nghiêm cũng không thể giảng giải trong một năm, hay 3 năm, hay 10 năm. Vì vậy, ngay bây giờ, chú Lăng Nghiêm không thể giảng giải đầy chi tiết. Tôi chỉ giải thích tổng quát chú.

Chú Lăng Nghiêm có năm bộ, phân làm năm hướng: Đông Tây Nam Bắc và chính giữa. Phương đông Kim Cang Bộ, Phật A Súc là giáo chủ, tức cũng là Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Phật. Phương nam là Bảo Sinh Bộ, Phật Bảo Sinh là giáo chủ. Chính giữa là Phât Bộ, Phật Tỳ Lô Giá Na là giáo chủ. Phương tây là Liên Hoa Bộ, Phật A Di Đà là giáo chủ. Phương bắc Yết Ma Bộ, Phật Thành Tựu là giáo chủ. Cộng thành năm bộ. Thế gian này có năm bộ giáo chủ đến quản lý và trấn áp năm đại ma quân ở khắp 5 phương hướng. Vì có đến 5 đại ma quân, chớ không phải 5 con ma. Cho nên các vị chư Phật cai quản khắp 5 hướng để trấn áp ma quân. Nếu không có các vị chư Phật, các ma quỷ sẽ hiện thân khắp thế gian. Trong năm bộ chú, có hơn 30 chú và nó có hơn cả 100 chú có thể nói ra chi tiết. Có tổng cộng 5 loại chú:

1. Pháp thành tựu – có nghiã là với chú nầy, quý vị sẽ thành tựu trong những gì quý vị tìm kiếm hay những nguyện hay món gì mong cầu

2. Pháp tăng ích – có nghiã là khi quý vị trì tụng chú, quý vị sẽ được tăng thêm lợi ích cho những gì quý vị tìm kiếm và quý vị cũng tăng thêm lợi ích cho những người chung quang.

3. “Pháp câu triệu”. Câu tức cũng như dùng lưỡi câu, câu nó lại, giống như câu cá lại vậy. Triệu tức là triệu (vời) lại, là ra lệnh bạn phải lại, không lại không được! Không kể nó bao xa từ nơi quý vị, quý vị có thể mang nó tới và bắt chúng

4. Pháp hàng phục – ma quỷ có thần thông và ma chú mà chúng thường dùng. Khi quý vị trì tụng thần chú, ma quỷ cũng tụng ma chú. Nhưng nếu quý vị trì tụng chú Lăng Nghiêm, quý vị có thể phá tan các ma chú, những ma chú mà tôi đã nhắc tới về hàng phục ma vương. Chú nầy cũng rất hiệu quả khi phá tan những ma chú hay bùa thuật. Những ao chưa học qua chú Lăng Nghiêm, nên lưu ý. Tại sao khi chú Lăng Nghiêm đã trì tụng, những vị chư ma vương tại cõi trời Tha Hoá mất hết ma lực. Tại vì 5 đại tâm chú: Tất Đà Nễ, A Ca Ra, Mật Rị Trụ, Bát Rị Đát Ra Gia, Nảnh Yết Rị.

Năm câu Chú này gọi là năm đại tâm Chú. Nó là tâm chú để phá vỡ các ma chú và ma thuật của các ma vương ngoại đạo. Không cần biết những ma chú gì chúng sử dụng, quý vị cũng có thể phá tan với tâm chú. Những ma chú sẽ mất hết ma lực

5. Pháp tiêu tai – Bất cứ tai ương hoạnh tử gì cũng được giải hay ngăn chận. Thí dụ như một người bị rớt xuống biển và chìm, nhưng nếu trì tụng chú Lăng Nghiêm, anh ta tránh được tai họa. Anh ta có thể té rớt vào biển, nhưng anh ta không bị chìm. Có thể quý vị ở trên một chiếc thuyền đáng lẽ sẽ bị chìm, nhưng quý vị trì tụng chú Lăng Nghiêm, chiếc thuyền lại không bị chìm.



CHÚ LĂNG NGHIÊM
Kệ và Giảng Giải

HOÀ THƯỢNG TUYÊN HOÁ

Thích Minh Định – Việt dịch

Lăng Nghiêm là tiếng Phạn dịch là “Tất cả sự cứu kính kiên cố”, cũng có nghĩa là “định », định này là vua trong tất cả các định.

“Cứu kính kiên cố định trung vương
Trực tâm tu học chí đạo tràng

Thân, miệng, ý nghiệp tu thanh tịnh
Tham, sân, si niệm yếu tảo quang

Thành tắc cảm ứng hoạch hiện chứng
Chuyên năng thành tựu đại thần thông
Hữu đức ngộ tư vinh diệu cú
Thời khắc mạc vong thiệu long xương".

"Cứu kính kiên cố định trung vương.'' Lăng Nghiêm là vua trong tất cả các định.

''Trực tâm tu học chí Đạo tràng.'' Tu đạo phải dùng tâm ngay thẳng, đừng dùng tâm cong vạy. Tâm ngay thẳng mới đạt được mục đích. Nếu bạn dùng tâm cong vạy ngoằn ngoèo tu Phật Pháp, thì tu chẳng thành tựu.

''Thân, miệng, ý nghiệp tu thanh tịnh,'' Tu pháp này thì miệng không nói dối, không nói lời thêu dệt, không nói lưỡi hai chiều, không chưởi mắng. Thân thì không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm.

''Tham, sân, si niệm yếu tảo quang.'' – Ý niệm thì không tham, sân, si. Khi thân, miệng, ý ba nghiệp thanh tịnh tức là tổng trì.

''Thành tắc cảm ứng hoạch hiện chứng.'' Phải thành tâm thì mới có cảm ứng. Hiện tại thì chứng được năng lực không thể nghĩ bàn của Chú này. Lực lượng của Chú không thể nghĩ bàn.

''Chuyên năng thành tựu đại thần thông.'' Nếu bạn chuyên tâm, tâm không phóng túng, không có tạp niệm, thì sẽ thành tựu đại thần thông. Chú Lăng Nghiêm có năm hội (năm đệ), có trên ba mươi đoạn pháp. Trong Chú lại có : Pháp hàng phục, pháp câu triệu, pháp tiêu tai, pháp tăng ích, pháp thành tựu, pháp cát tường .v.v… rất nhiều loại pháp.

''Hữu đức ngộ tư linh diệu cú.'' Có đức hạnh mới gặp được pháp này. Người không có đức hạnh, thì có gặp được cũng không hiểu. Những câu Chú thâm diệu này, thâm sâu không thể nghĩ bàn.

''Thời khắc mạc vong thiệu long xương.'' Thời thời phút phút đừng quên pháp này, hay thành tâm chuyên nhất, thì rạng rỡ hưng thạnh Phật Pháp. Đó là lược nói đại khái về Chú Lăng Nghiêm. Nếu nói tỉ mỉ thì nói không hết được. Bạn muốn minh bạch, thì phải tự mình nghiên cứu kỹ càng. Đây là diệu pháp trăm ngàn vạn kiếp khó gặp được, đừng để lỡ mất cơ hội.

PHƯƠNG TIỆN TRÌ CHÚ

Trì tức là thọ trì, thọ nơi tâm, trì nơi thân. ''Trì'' cũng giống như dùng tay cầm vật gì. Trì niệm thần Chú thì đừng quên nó, đừng thiếu nó, phải niệm từ từ, thời thời phút phút tụng trì Chú này.

Trì Chú nên có một đàn tràng, gọi là Chú đàn, cũng giống như truyền giới, cần có giới đàn. Chú đàn phải thanh tịnh, không cho người vào hỗn tạp, chỉ có người trì Chú, tu pháp ở trong đó. Nghi kiến lập đàn là phương tiện trước khi trì Chú, kiến lập đàn vốn có quy củ nhất định, trong Kinh Lăng Nghiêm có nói đến, đây là vì người tụng Kinh hành đạo, cầu hiện chứng mà thiết lập. Hiện chứng là đời này đắc được lợi ích của Chú. Nếu “truy tố” phát tâm tán trì. “Truy” là người xuất gia ; “tố” là người tại gia, tán trì tức là không có đàn tràng, như vậy phải chuyên nhất tâm ý kiền thành cung kính. Trong Kinh Lăng Nghiêm có nói : ''Nếu có chúng sinh, tâm khởi tán loạn, thì chẳng phải là Tam Ma Địa (định lực). Tâm nhớ miệng trì là Kim Cang Vương, thường tùy tùng theo các người thiện nam, hà huống người quyết định phát đại tâm bồ đề.'' ''Tán tâm trì Chú không ở trong định, thì có tám vạn bốn ngàn Kim Cang Vương hộ pháp thường theo bạn, hà huống quyết định phát đại tâm bồ đề !'' Trong Kinh lại nói : ''Nếu không làm đàn, không nhập đạo tràng, cũng không hành đạo, tụng trì Chú này, vẫn đồng công đức nhập đạo tràng không khác. Cho đến đọc tụng biên chép Chú này, có ở trong người, thì ở đâu cũng yên nhà cửa vườn tược, tích nghiệp như thế không lâu sẽ ngộ vô sinh nhẫn.''

Chỉ nói đơn giản chỗ chính yếu. Trì Chú phải “ba mật” tương ưng mới đắc được cảm ứng. Ba mật tức là : Miệng tụng thần Chú, tâm tưởng chữ Phạn, tay kết ấn tướng, cũng gọi là ba đàn. Tại sao gọi là thần Chú ? Vì diệu không thể tả. Tâm tưởng chữ Phạn, là quán tưởng mặt sau tâm Chú của mỗi chữ Phạn. Ba mật tương ưng tức là phương tiện trước khi trì Chú.

Thứ nhất là ''Chú ngữ đàn.'' Trì Chú thì tự nhiên kết thành đàn, đây là nói mỗi ngày, hoặc mỗi lần trước tiên niệm Chú Lăng Nghiêm một biến, sau đó trì tâm Chú một trăm lẻ tám biến. **Tâm Chú** tức là :

''**Đát điệt tha. Án a na lệ tì xá đề, bệ ra bạt xa ra đà rị, bàn đà bàn đà nể, bạt xà ra bàng ni, phấn hổ hồng đô lô ung, phấn ta bà ha**.''

Tâm Chú này diệu không thể tả. Nếu trên thế gian không còn ai niệm Chú Lăng Nghiêm, thì tất cả yêu ma quỷ quái đều xuất hiện ra đời. Tâm Chú này có hai câu : ''**A na lệ, tì xá đề**.'' Một câu nghĩa là “dọc cùng tam tế”, một câu nghĩa là “ngang khắp mười phương”. Một khi niệm hai câu Chú này, thì thiên ma ngoại đạo không có chỗ đào thoát. Chúng sẽ lão lão thực thực nghe vẫy kêu. Chỉ sức lực của hai câu Chú này, thật không thể nghĩ bàn. Nếu sáng sớm bạn tụng niệm Chú Lăng Nghiêm một lần, sau đó tụng tâm Chú 108 lần, thì sẽ

được phước báu vô lượng vô biên. Cho nên nói, nếu bạn trì tụng Chú Lăng Nghiêm, thì đời sau sẽ đắc được giàu sang phú quý bảy đời. Đây là nói bạn muốn cầu phước báu trời người, nếu không muốn cầu, thì đương nhiên không cần. Nếu bạn muốn cầu quả báo xuất thế, thì sẽ đạt được mục đích. Đây là ''Chú ngữ đàn.''

Thứ hai là : ''Tâm tưởng đàn.'' Nghĩa là khi tụng tâm Chú, thì quán tưởng từng chữ Phạn. Nói đến chữ Phạn, có lúc sự tình không nhất định minh bạch, nếu minh bạch thì nhuệ khí cảm thấy đã đủ rồi. Nếu không minh bạch, thì cảm thấy có chút ý nghĩa trong đó. Không minh bạch thì ví như ăn thức ăn, chưa ăn thì cảm thấy ngon, ăn rồi thì nếm qua : chua, ngọt, đắng, cay, tâm tham ăn đã dừng lại, cảm thấy chẳng còn ngon nữa. Tu hành cũng như thế.

Nếu bạn không biết ý nghĩa của Chú, ý nghĩa chữ Phạn, thì cảm thấy diệu không thể tả. Tâm niệm luôn luôn nghĩ muốn biết, nếu bạn biết rồi thì không chú ý. Quán tưởng chữ Phạn cũng lại như thế, vì chữ Phạn chúng ta chưa học qua, nên không biết ý nghĩa của nó, không giống như chữ Tàu. Đây là chữ ''đại'' kia là hai chữ ''Bồ Tát.'' Quán tưởng chữ Phạn sẽ đắc được ngũ nhãn lục thông, phải quán tưởng từng chữ rõ ràng, mở mắt nhắm mắt đều thấy rõ ràng, lâu dần thì chỗ diệu dụng sẽ phát sinh, có thể khiến cho bạn khai mở ngũ nhãn lục thông, thông nhân đạt quả, là vì chúng ta không minh bạch chữ Phạn, thì có một sức lực thần diệu.
Quán tưởng chữ Phạn cũng là phương pháp khóa tâm lại, chế tâm tại một chỗ, đừng cho khởi vọng tưởng, ấn nhập từng chữ Phạn vào trong tâm, bất cứ mở hoặc nhắm mắt đều rõ ràng. Như thế lâu dần sẽ đắc được tam muội.

Thứ ba là : ''Thủ ấn đàn.'' Thủ ấn cũng gọi là thủ quyết. Một số cho rằng Kháp quyết niệm Chú tức là Sáp quyết. Đã minh bạch Chú ngữ đàn và quán tưởng đàn rồi, thì Thủ ấn đàn cũng phải minh bạch. Trong quyển Nhứt Tự Phật Đảnh Luân Vương Niệm Tụng Nghi Quy cũng nói rõ : ''Bạch tản cái Phật đỉnh ấn'', dùng hai ngón cái, mỗi ngón bắt lấy đầu ngón thứ tư, chạm nhau, hai đầu ngón cong như hình cái lọng, hai ngón giữa cong một chút chạm nhau, hai ngón út dựng thẳng chạm nhau tức thành đại bạch tản cái Phật đỉnh luân vương. (Xem hình ở dưới).

Kháp quyết niệm Chú, tức là bạn phải tập trung tinh thần, bạn làm động tác này, thì không nên khởi vọng tưởng gì khác. Chẳng phải ý nghĩa gì khác, chẳng phải nói một khi Kháp quyết thì linh. Nếu bạn không có vọng tưởng gì khác, không Kháp quyết cũng là ba mật tương ưng. Nên biết chân lý, tại sao phải có ba mật tương ưng ? Vì Chú ngữ đàn, quán tưởng đàn, thủ ấn đàn, đều

muốn bạn đừng khởi bất cứ vọng tưởng gì. Cho nên chuyên nhất thì linh, phân chia thì tán loạn.

Lại có Thủ ấn Kim Cang quyền, Kim Cang chưởng, Kim Cang phược. Không giống ‘’Bạch tản cái Phật đỉnh ấn’’ rất phức tạp. Hai bàn tay nắm lại, gọi là Kim Cang chưởng, nhưng đừng trợn mắt, bằng không thì thành Kim Cang trợn mắt. Mười ngón tay bắt chéo với nhau ngửa lên, gọi là thủ ấn Kim Cang chưởng, úp xuống gọi là thủ ấn Kim Cang phược. (Xem hình ở dưới) Hết thảy pháp Tam muội đều do Kim Cang quyền, Kim Cang chưởng, Kim Cang phược sinh ra. Khi bạn niệm Chú thì ba đàn tương ưng. Ba thủ ấn này muốn kết ấn nào cũng được, đều thành ‘’Lăng Nghiêm vương đại bạch tản cái Phật đỉnh tâm Chú ấn.’’ Sau đó quán tưởng tụng niệm Chú này, thì ba mật sẽ tương ưng. Được như thế thì sẽ đắc được thân, miệng, ý, tam luân không thể nghĩ bàn của mười phương chư Phật. Bất cứ sở cầu thế gian, xuất thế gian, không có gì mà chẳng được như ý, nhưng tốt nhất vẫn là vô sở cầu. Vì có sở cầu thì có tâm tham, có tâm tham thì chẳng đắc được cảm ứng hiện thời, không thể được vô lượng công đức. Nếu vô sở cầu thì công đức mới lớn.

Nếu bạn không thể bắt ấn, thì trong bộ mật có ba bài Chú, tùy ý niệm cũng thành đàn. Thứ nhất là Pháp Giới Chân Ngôn : “Án phạ nhật la đà đổ một.’’ Niệm rồi thì pháp giới đều thanh tịnh. Thứ hai là Thanh Tịnh Chân Ngôn : ‘’Án lam sa ha.’’ Thứ ba là khi Phóng Diệm Khẩu thì niệm Ba Đàn Chân Ngôn : ‘’Án hạ hồng.’’ Ba đàn tức là Phật, Pháp, Tăng.

Chữ “Án” là trên đỉnh Tỳ Lô làm Phật đàn.
Chữ “Hạ” là trong miệng Di Đà làm Pháp đàn.
Chữ “Hồng” là trong tâm A Súc làm Tăng đàn.

Ba câu Chú này mỗi câu niệm bảy biến, thì ba mật cũng tương ưng. Trước khi niệm Chú, niệm ba bài Chú này cũng rất tốt.

Nam Mô Lăng Nghiêm Hội Thượng Phật Bồ Tát

Nam Mô là tiếng Phạn, dịch là “quy mạng”, “cung kính”. Tức là đem thân tâm tính mạng của chúng ta đều quy y cho Phật. Cung kính Phật năm thể sát đất. Chỉ có Phật là chúng ta tin. Lăng Nghiêm tức là tất cả sự việc, tức không phải là một thứ việc, mà là bất cứ sự việc gì cũng đều bao quát trong đó, cứu kính đạt đến mức không thể phá hoại được. Câu này là quy mạng tất cả chư Phật trong hội Lăng Nghiêm, tất cả các Bồ Tát. Tụng Chú Lăng Nghiêm thì trước hết phải quy mạng Lăng Nghiêm Hội Thượng Phật Bồ Tát, đọc ba lần.

Diệu trạm tổng trì Bất Động Tôn
Thủ Lăng Nghiêm vương thế hi hữu.
Tiêu ngã ức kiếp điên đảo tưởng.
Bất lịch tăng kỳ hoạch pháp thân.

Nguyện kim đắc quả thành Bảo vương
Hoàn độ như thị hằng sa chúng,
Tương thử thâm tâm phụng trần sát,
Thị tắc danh vi báo Phật ân.

Phục thỉnh Thế Tôn vị chứng minh,
Ngũ trược ác thế thệ tiên nhập,
Như nhứt chúng sinh vị thành Phật,
Chung bất ư thử thủ Nê-hoàn.

Đại hùng đại lực đại từ bi,
Hi cánh thẩm trừ vi tế hoặc,
Linh ngã tảo đăng Vô Thượng Giác,
Ư thập phương giới tọa đạo tràng.

Thuấn nhã đa tánh khả tiên vong,
Thước ca la tâm vô động chuyển.

Kinh văn : **Diệu trạm tổng trì Bất Động Tôn, Thủ Lăng Nghiêm vương thế hi hữu.**

Nghĩa : Diệu trạm tổng trì Đấng Bất Động, Chú Thủ Lăng Nghiêm hiếm có trong đời.

Giảng giải : “Diệu trạm”, diệu tức là không thể nghĩ bàn, không thể tưởng tượng được. Nếu tưởng tượng được, biết được, thì không nói đến diệu. Diệu là vượt ra ngoài ý dự đoán. Tư tưởng không đạt đến được, cho nên gọi là ‘’Không thể nghĩ bàn.’’ Trạm là trạm thâm, tức là sâu dày thậm thâm. Không những là diệu, mà còn diệu sâu dày thậm thâm, không thể nghĩ bàn.

“Tổng trì” là “tổng tất cả Pháp, trì vô lượng nghĩa”. Tổng tất cả Pháp tức là bao quát hết thảy các Pháp. Trì vô lượng nghĩa, tức là thọ trì nghĩa vô lượng, đều bao quát ở trong đó. Cho nên ‘’diệu trạm‘’ là hiển mật viên dung. Tổng trì là tùy duyên phổ ứng, tất cả tận hư không biến pháp giới, cảnh giới có sự mong cầu, không thể không cảm ứng. Bổn thể thường trụ tức bất động, bổn thể là tịch nhiên bất động, cảm mà toại thông. Diệu trạm, Tổng trì và Bất động cả ba đều là diệu trạm, ba mà một. Cả ba đều là tổng trì, một mà ba. Cả ba đều là bất

động, chẳng phải ba, chẳng phải một, cũng ba cũng một. Phân tích kỹ thì ý nghĩa trong mỗi một cái đều có ba ý nghĩa.
"Đấng Bất Động" tức là danh hiệu chỉ cho Phật.
"Hiếm có trong đời" là thế, xuất thế đều tốt hơn hết.

"Chú Thủ Lăng Nghiêm hiếm có trong đời.'' Câu này là khen ngợi Lăng Nghiêm đại định. Tu hành Lăng Nghiêm vương đại định này, sẽ sinh ra tất cả các định, tất cả các định đều từ định này mà sinh ra. Hiếm có trong đời là nói trên thế gian không dễ gì có, khó gặp khó thấy nhất. Câu kệ này là do Ngài A Nan bị Chú Phạm Thiên mê hoặc, Phật nói Chú Lăng Nghiêm rồi phái Bồ Tát Văn Thù dùng ''Chú'' đi cứu Ngài A Nan đem về. Ngài A Nan cảm tạ thâm ân của Phật, cho nên nói bài kệ hình dung sự cảm thọ của Ngài.

Kinh văn : **Tiêu ngã ức kiếp điên đảo tưởng. Bất lịch Tăng kỳ hoạch pháp thân.**

Nghĩa : Tiêu diệt tưởng điên đảo của con, trong trăm ngàn ức kiếp, không phải trải qua số kiếp A Tăng Kỳ, mà chứng được pháp thân.

Giảng giải : Con người từ vô lượng kiếp đến nay, có những vọng tri vọng kiến, tà tri tà kiến, điên đảo mộng tưởng. Tưởng điên đảo tức là chẳng phải thường cho là thường, chẳng phải đoạn cho là đoạn, chẳng có cho là có, chẳng không cho là không ; chạy theo cảnh giới không thật, không thể chuyển được cảnh giới không thật, tức cũng là người bị cảnh chuyển, mà không thể chuyển được cảnh, tức cũng thường bị gió nghiệp dắt đi. Sự sai lầm chỉ là chút chút không nhiều, nhưng chỉ một chút chút này, mà khác biệt với chân chánh thường trụ chân tâm, tính tịnh minh thể, sai lầm hàng ngàn dặm. Điên đảo tức là không nên tưởng mà tưởng, không nên tham mà tham, không nên sân mà sân, không nên mê hồ mà mê hồ. Nói rõ ra là tưởng điên đảo trong tự tánh. Không thể đại công vô tư, tức là điên đảo. Thứ tưởng điên đảo này, là nguyên nhân khiến cho chúng ta thọ sinh tử, trong sáu nẻo luân hồi. Tu thì phải tiêu trừ tưởng điên đảo. Như Ngài A Nan là người thông minh như thế, mà vẫn có tưởng điên đảo giống nhau. Sức trí nhớ của Ngài rất phi thường. Phật nói hết thảy Kinh điển, một khi lọt qua tai thì vĩnh kiếp không quên. Nhưng khi Ngài thấy nữ Ma Đăng Già, thì Ngài bị giao động, liền theo cô ta vào trong nhà ngoại đạo. Đây là tưởng điên đảo của Ngài. Người nam thì tham, người nữ thì ái, tức là tưởng điên đảo. Đây là từ vô lượng kiếp đến nay đều có. Cho nên nói Thủ Lăng Nghiêm Vương đại định, đại pháp này rất hiếm có trong thế gian, sẽ tiêu trừ tưởng điên đảo đời đời kiếp kiếp, từ vô lượng kiếp đến nay.

‘’Không phải trải qua số kiếp A tăng kỳ mà chứng được pháp thân.’’ Đức Phật tu hành trải qua ba đại A tăng kỳ kiếp mới thành Phật. Cho nên :

Tam kỳ tu phước huệ,
Bách kiếp chủng tướng hảo.

Nghĩa là :

“Ba A Tăng kỳ tu phước huệ
Trăm kiếp trồng tướng tốt”.

Tu phước một trăm đại kiếp, mới đắc được ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. A tăng kỳ kiếp tức vô lượng số, ba A tăng kỳ kiếp tức là ba vô lượng số. Số mục này có bao nhiêu ? Dùng máy điện toán cũng đếm không được. Bây giờ Ngài A Nan nói : ‘’Không phải trải qua số kiếp A tăng kỳ, mà chứng được pháp thân.’’ Tôi đắc được đại định kiên cố của Chú Lăng Nghiêm, không cần trải qua ba A tăng kỳ kiếp, mà có thể đắc được pháp thân, cũng sẽ thành Phật, chứng được pháp thân tự tại, thần thông biến hóa. Thành tâm tụng Chú Lăng Nghiêm, thì không cần trải qua thời gian lâu dài cũng sẽ đắc được pháp thân.

Kinh văn : **Nguyện kim đắc quả thành Bảo vương, Hoàn độ như thị hằng sa chúng, Tương thử thâm tâm phụng trần sát, Thị tắc danh vi báo phật ân. Phục thỉnh Thế Tôn vị chứng minh, Ngũ trược ác thế thệ tiên nhập, Như nhứt chúng sinh vị thành Phật, Chung bất ư thử thủ Nê-hoàn.**

Nghĩa : Nay con nguyện khi đắc được quả Bảo Vương, trở lại độ chúng sinh nhiều như số cát sông Hằng, đem thân tâm này phụng sự chúng sinh, khắp các cõi nhiều như số hạt bụi, đó mới là báo ơn Phật. Lại thỉnh Đức Thế Tôn chứng minh : Vào đời ác năm trược, con thề xin vào trước. Nếu còn một chúng sinh chưa thành Phật, con sẽ không thủ chứng quả vị Nê Hoàn.

Giảng giải : Ngài A Nan ở trước nói : ‘’Tiêu diệt tưởng điên đảo của con trong trăm ngàn ức kiếp, không phải trải qua số kiếp A tăng kỳ mà chứng được pháp thân.’’ Bây giờ lại nói : ‘’Nay con nguyện khi đắc được quả Bảo vương.’’ Nay tôi phát nguyện, nguyện trước khi thành Phật, đắc quả tức là đắc Phật quả, Bảo Vương tức là Phật.

“Trở lại độ chúng sinh nhiều như số cát sông Hằng”. Tôi thành Phật không phải vì chính mình, còn phải trở lại thế giới Ta Bà, giáo hóa chúng sinh nhiều như số cát sông Hằng. Tất cả chúng sinh tôi đều phải giáo hóa.

‘’Đem thân tâm này phụng sự chúng sinh, khắp các cõi nhiều như số hạt bụi.’’ Tâm tức trí huệ Bát nhã. ‘’Phụng sự chúng sinh khắp các cõi, nhiều như số hạt bụi.’’ Biến hóa đến mười phương thế giới để giáo hóa chúng sinh. Tôi dùng nguyện lực phổ biến khắp mười phương cõi nước, nhiều như số hạt bụi thế giới, để giáo hóa chúng sinh.

‘’Đó mới là báo ân Phật.’’ Dùng tâm chí thành khẩn thiết, mới báo đáp được ân đức của Phật đối với tôi.
‘’Lại thỉnh Đức Thế Tôn chứng minh.’’ Lại kiền thành thỉnh cầu Thế Tôn chứng minh nguyện lực này của A Nan.
‘’Vào đời ác năm trược con thề xin vào trước.’’ Chúng sinh trong đời ác năm trược rất khó độ, tôi phải độ trước. Năm trược là : Kiếp trược, kiến trược, phiền não trược, chúng sinh trược, mạng trược, chúng sinh cang cường khó điều, khó phục. Tôi phải vào trước thế giới Ta Bà tội ác để độ chúng sinh.

‘’Nếu còn một chúng sinh chưa thành Phật, con sẽ không thủ chứng quả vị Nê Hoàn.’’ Tôi thủy chung không thể thủ chứng quả A La Hán. Sơ quả Tu Đà Hoàn, nhị quả Tư Đà Hàm, tam quả A Na Hàm, tứ quả A La Hán, cũng không thể thủ quả vị Niết Bàn của Phật. Nếu còn chúng sinh chưa thành Phật, thì tôi ở tại đây đợi để giáo hóa họ, khiến cho họ đều thành Phật, rồi sau tôi mới thủ chứng quả vị Nê Hoàn. Quả vị Nê Hoàn của nhị thừa, tức quả vị A La Hán, Phật thì quả vị Niết Bàn, tức cũng là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đây là sự phát nguyện của Ngài A Nan, đến giúp Phật hoằng dương, trợ giúp Phật Thích Ca Mâu Ni để giáo hóa Chúng sinh.

Kinh văn : **Đại hùng đại lực đại từ bi, hi cánh thẩm trừ vi tế hoặc, linh ngã tảo đăng Vô thượng giác, ư thập phương giới tọa đạo tràng.**

Nghĩa : Đại hùng đại lực đại từ bi. Nguyện cầu trừ sạch hết hoặc vi tế, khiến cho con sớm thành Vô thượng giác. Kiến lập đại đạo tràng trong khắp mười phương.

Giảng giải : ‘’Đại hùng‘’, tức là đại anh hùng, cũng bao quát đại trí, đại huệ, đại hạnh, đại nguyện trong đó.
‘’Đại lực’’, càng không thể so sánh thứ sức lực to lớn này. Tức có đại hùng lực, lại có đại từ bi. Dùng đại hùng đại lực để chủ trì tâm đại từ bi. Từ là ban cho chúng sinh hết thảy sự vui sướng, bi là cứu hết thảy khổ của chúng sinh. Thương chúng sinh không thể cùng tận, tất cả nguyện của chúng sinh đều đầy đủ. Chúng sinh có nguyện cầu gì với Phật, Phật đều làm cho họ được như ý.

‘’Nguyện cầu trừ sạch hết hoặc vi tế’’. Ở trên đã thỉnh Phật ‘’Tiêu diệt tưởng điên đảo của con, trong trăm ngàn ức kiếp‘’, là chỉ tiêu trừ kiến hoặc, tư hoặc, bây giờ lại tiêu trừ trần sa hoặc. Trần sa hoặc là một thứ hoặc vi tế, chỗ mà bạn cảm giác không đến được, chìm ở dưới đáy tâm của bạn, vọng niệm vi tế, vô minh. Nguyện cầu đại hùng đại lực của Phật Thế Tôn trừ khử mê hoặc vi tế của tôi.

‘’Khiến cho con sớm thành vô thượng giác.’’ Khiến cho con sớm thành Phật đạo.

‘’Kiến lập đại đạo tràng trong khắp mười phương.’’ Kiến lập đạo tràng lớn trong mười phương thế giới, để hoằng dương Phật Pháp. Có người nói Ngài A Nan phát nguyện này rất mâu thuẫn. Ở trước nói : ‘’Nếu còn một chúng sinh chưa thành Phật, con sẽ không thủ chứng quả vị Nê Hoàn.’’ Bây giờ lại hy vọng sớm thành Phật đạo, ngồi đạo tràng trong mười phương thế giới. Nguyện này không phải là mâu thuẫn chăng ? Không phải. Ở trước Ngài nói : ‘’Con sẽ không thủ chứng quả vị Nê Hoàn‘’. Là độ hết chúng sinh mới thủ chứng quả Nê Hoàn, nếu chưa độ hết thì không thủ chứng Chánh giác ! Bây giờ thỉnh Phật gia bị cho Ngài. Khiến cho thô hoặc, tế hoặc của Ngài dứt sạch, chúng sinh cũng độ hết, khiến cho nguyện lực của Ngài mau chóng được thành tựu.

‘’Khiến‘’ là sử khiến cho Ngài sớm chứng được Vô thượng giác, sớm thành Phật đạo, tức cũng thỉnh Phật giúp Ngài, Ngài phải độ hết chúng sinh. Nói : ‘’Nếu còn một chúng sinh chưa thành Phật‘’, là chỉ chúng sinh có duyên với Ngài, Ngài đều phải độ hết. Nếu chúng sinh không có pháp duyên với Ngài, thì đợi người khác độ, không phải tôi là luật sư biện hộ cho Ngài A Nan, chắc chắn là như thế. Nếu hết thảy tất cả chúng sinh trên thế giới đợi Ngài A Nan đi độ, thì các Bồ Tát khác làm gì ? Đợi hương khói chăng ? Không có lý này. Phật, Bồ Tát cũng phân công hợp tác, mỗi vị tận hết khả năng, tùy duyên độ sanh. Giống như chúng ta ở đây có nhiều người khách đến, mọi người phân công hợp tác, bên đây lo phòng xá, bên kia lo quét dọn, đằng kia thì cắt cỏ. Đây đều là ai lo việc nấy, là vì thành tựu đạo tràng, là ý nghĩa này. Cho nên bạn đừng cho rằng Ngài A Nan phát nguyện này mâu thuẫn, bạn phê bình như thế cũng làm cho Ngài A Nan một thân tội quá. Ngài A Nan muốn độ bạn, nhưng mà bạn lại phê bình Ngài, nói Ngài mâu thuẫn. Ngài A Nan mâu thuẫn là việc của Ngài, chính bạn không mâu thuẫn thì được rồi. Các vị nghĩ xem, “đừng dùng tâm phàm phu để dò Thánh trí, dùng tâm tiểu nhân để đo bụng quân tử”, chỉ loạn thêm, phê bình là không thể được.

Kinh văn :**Thuấn nhã đa tánh khả tiêu vong, Thước-ca-ra tâm vô động chuyển.**

Nghĩa : Tánh hư không có thể tiêu vong, tâm hư không chẳng bao giờ lay động.

Giảng giải : ‘’Thuấn nhã đa‘’ là gì ? ‘’Thước ca la ‘’ lại là gì ?
‘’Thuấn nhã đa tánh khả tiêu vong.’’ Là nói tánh hư không cũng có thể không còn. Bạn nói hư không có thể không còn chăng? Không thể. Vì nó là không, còn tiêu cái gì ? Nó vốn là không có gì, có gì để tiêu ? Nhưng Ngài A Nan lại nói nó có thể tiêu vong. Đây chỉ là từ giả thiết. Hư không không thể tiêu vong cũng có thể tiêu vong.

Nam mô thường trụ thập phương Phật.
Nam mô thường trụ thập phương Pháp.
Nam mô thường trụ thập phương Tăng.
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật.
Nam mô Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm.
Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát.
Nam mô Kim Cang Tạng Bồ Tát.

Giảng giải : ‘’Nam mô thường trụ thập phương Phật, Nam mô thường trụ thập phương Pháp, Nam mô thường trụ thập phương Tăng.’’ Đây là quy y Tam Bảo. Chúng ta quy y mười phương chư Phật. Lại quy y pháp của Phật nói. Lại quy y mười phương ba đời hiền Thánh Tăng. Hiền Thánh Tăng là đại Bồ Tát, đại A La Hán đều bao quát trong đó.

‘’Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật‘’. Quy y mười phương Tam Bảo rồi, lại quy y Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Thích Ca Mâu Ni theo tiếng Phạn dịch là “năng nhân tịch mặc”, “năng nhân” là phổ độ chúng sinh, “tịch mặc” là tịch nhiên bất động. Năng nhân cũng là cảm mà toại thông. Hay dùng nhân từ thí cho chúng sinh. Đây là động tĩnh không hai. Năng nhân là động, tịch mặc là tĩnh. Động tĩnh nhất như. Trong động tức là tĩnh, trong tĩnh tức là động. Động không ngại tĩnh, tĩnh không ngại động. Bạn tu đạo, tu đến động tĩnh nhất như, thì tìm được bổn thể, càng không có vọng niệm gì.

‘’Nam mô Phật đảnh Thủ Lăng Nghiêm‘’. Lại quy y Phật đảnh Thủ Lăng Nghiêm đại định này.

‘’Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát.‘’ Lại quy y Quán Thế Âm Bồ Tát.

‘’Nam mô Kim Cang Tạng Bồ Tát.’’ Lại quy y tám vạn bốn ngàn Kim Cang Tạng Bồ Tát. Niệm Chú Lăng Nghiêm thì có tám vạn bốn ngàn Kim Cang Tạng

Bồ Tát thường bảo hộ bạn, theo hầu hai bên. Cho nên trì tụng Chú Lăng Nghiêm không phải là sự trồng căn lành một đời, một kiếp, mà là đã trồng căn lành trong vô lượng trăm ngàn vạn ức kiếp về trước, mới có thể học và trì tụng Chú Lăng Nghiêm. Không phải trồng căn lành nơi một đức Phật, hai đức Phật, ba, bốn, năm đức Phật, mà đã trồng căn lành với vô lượng ngàn vạn đức Phật, mới gặp được Chú Lăng Nghiêm.

Phật Đảnh Quang Minh Ma Ha Tát Đát Đa Bát Đát La Vô Thượng Thần Chú

Tên Chú Lăng Nghiêm gọi là : ''Ma Ha Tát Đát Đa Bát Đát La Đà La Ni.'' Lại gọi là : ''Ma Ha Tát Đát Đa Bát Đát La Vô Thượng Thần Chú.''

Ma Ha là tiếng Phạn, dịch là "Đại" (lớn). Thể, tướng và dụng đều lớn. Thể khắp mười phương, tận hư không biến pháp giới là đại dụng. Nói đến tướng, nó không có tướng. Chú có tướng gì ? Nhưng vô tướng vô bất tướng. Cũng có thể nói nó chẳng có dụng gì, nhưng vô sở bất dụng (không có dụng gì mà không dụng). Tận hư không khắp pháp giới không chỗ nào mà không dụng. Dụng này là đại dụng, tướng là đại tướng, thể là đại thể, đó là nghĩa chữ Ma Ha.

''Tát Đát Đa'', cũng là tiếng Phạn. Dịch là "bạch sắc" (màu trắng), cũng là thanh tịnh, nghĩa là không nhiễm ô. Cho nên nói : ''Tướng tuyệt không nhiễm là trắng.'' Chú Lăng Nghiêm là pháp trắng tịnh, là pháp thanh tịnh không nhiễm. ''Bát Đát La'', cũng là tiếng Phạn. Dịch là "cái lọng". Đây là ví dụ. Ví dụ một cái lọng dùng để che vạn vật, che hộ hết thảy người có đức, ai có đức hạnh thì người đó gặp được pháp này. Người không có đức hạnh thì không gặp được pháp này. Cho nên nói : ''Tam quang phổ chiếu thấu tam tài.'' Phần đông cho rằng : ''Tam quang'' là : Nhật, nguyệt, tinh (mặt trời, mặt trăng, và sao). Nhật, nguyệt, tinh là ba thứ ánh sáng bên ngoài. Tụng trì Chú Lăng Nghiêm, thì trên thân có quang minh của thân, trong miệng có quang minh của miệng, trong tâm có quang minh của tâm. Thân miệng ý ba nghiệp đều phóng quang. Bạn nghe nói qua cái này chưa ? Đây là nghe cái chưa nghe, thấy cái chưa thấy. Quang trên thân phóng ra là hoàng quang (quang minh màu vàng). Tu thành công rồi liền thành kim quang, kim quang vạn đạo. Bắt đầu tu Chú Lăng Nghiêm là hoàng quang, lâu dần thì biến thành kim quang. Cho nên nói : ''Tử ma kim sắc vạn đạo quang minh sung mãn pháp giới.'' Nghĩa là vạn luồng hào quang vàng tía đầy khắp pháp giới. Đều do tu Chú Lăng Nghiêm mà thành. Quang minh trong miệng phóng ra là hồng quang (quang minh màu đỏ). Quang minh trong tâm phóng ra là bạch quang (quang minh màu trắng). Nhưng có khi trong miệng cũng phóng ra hoàng quang, có

khi lại phóng thanh quang (quang minh màu xanh), có khi lại phóng ra hắc quang (quang minh màu đen). Có lúc quang minh xanh, vàng, đỏ, trắng, đen, đều phóng ra. Bất quá phải tu thành rồi mới có được.

''Bát Đát La'' tức là uẩn ấm vạn đức (bao che vạn đức). Cây lọng trắng lớn bảo hộ che chở hết thảy chúng sinh có đức, chúng sinh thọ trì Chú Lăng Nghiêm. Cho nên nói : ''Tam quang phổ chiếu thấu tam tài.'' Tam tài tức là thiên, địa và nhân (trời, đất và con người).

''Diêm phù thế giới nễ bất lai.'' Tại thế giới Diêm Phù này, bạn tìm khắp nơi cũng không được, nhất định phải thọ trì Chú Lăng Nghiêm mới đắc được thứ quang minh này.

''Đại đức đại thiện năng ư đắc.'' Phải có đại đức hạnh, đại thiện, mới đắc được pháp môn này.

''Vô đức vô thiện bất minh bạch.'' Nếu người không có đức hạnh, không có công đức lành, thì dù có gặp được cũng sẽ lầm lẫn, hai bên trái nhau. Nhìn thấy vàng cho là đồng, thấy vòng kim cương cho là pha lê. Thấy được Chú Lăng Nghiêm, nhưng mà cho rằng rất là tầm thường, không có gì, không biết là quý báu ! Không biết là diệu, không biết công đức của Chú Lăng Nghiêm, là không thể nghĩ bàn. Tâm quang tức là ý niệm, tức là thức thứ sáu. Nếu bạn không tu hành, thì dùng gì cũng chẳng có. Nếu tu hành thì sẽ phóng quang. Vừa mới nói quang minh, không những chỉ thân miệng ý ba nghiệp thanh tịnh, phóng ra quang minh thanh tịnh, mà còn có quang minh mầu đỏ quấn chung quanh. Nếu bạn tụng Chú Lăng Nghiêm, thì tự nhiên có quang minh mầu đỏ quấn chung quanh. Cho nên nói : ''Thiên đóa hồng liên hộ trụ thân.'' Hoa sen đỏ phóng ra quang minh màu đỏ.

''Tọa câu kỵ tu mặc kỳ lân.'' Thời đại khoa học mà nói cái này, thì người học khoa học sẽ cười rụng răng, bất quá như vậy cũng tốt, bằng không chẳng thể cười rụng răng, ngày ngày còn tại đó, khoa học, khoa học !

''Vạn yêu nhất kiến vãng viễn đóa.'' Khi yêu ma, quỷ quái thấy oai đức tướng pháp thân, thân ngàn đóa hoa sen đỏ, thì đều xa lánh ẩn trốn.

''Tế Công pháp sư hữu diệu âm.'' Tụng Chú Lăng Nghiêm lại có quang minh màu tím, quang minh màu trắng quay chuyển. Tại sao khi tụng Chú Lăng Nghiêm, thì yêu ma quỷ quái không dám xuất hiện ? Vì sức mạnh quá lớn, khắp tận hư không biến pháp giới, không có chỗ nào mà không có tường quang khí đầy khắp. Cho nên có người tụng Chú Lăng Nghiêm, thì bổ thêm chánh khí cho trời đất. Một người tụng Chú Lăng Nghiêm là sức lực của một

người, trăm người tụng Chú Lăng Nghiêm là sức lực của trăm người, như vậy thì yêu ma quỷ quái trên thế gian đều lão lão thực thực.

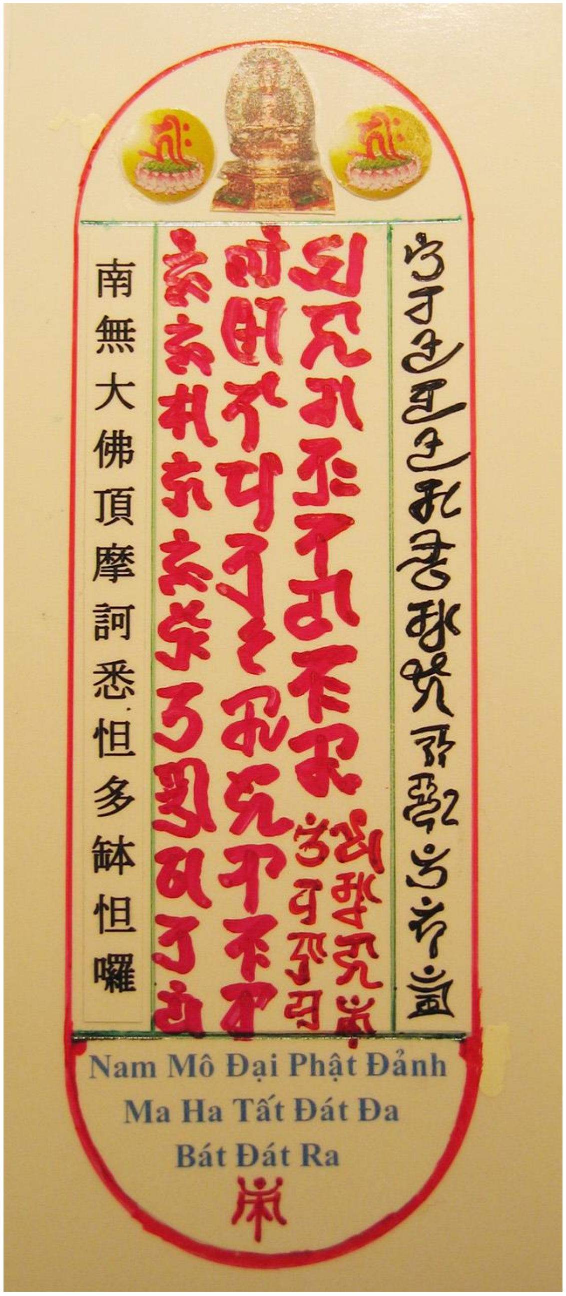
Chú Lăng Nghiêm là vua trong các Chú, cũng dài nhất trong các Chú. Chú này quan hệ đến sự hưng suy của Phật Giáo. Nếu trên thế giới không có người nào tụng Chú Lăng Nghiêm, thì thế giới sớm sẽ hủy diệt. Vì trên đời không còn chánh pháp. Chỉ có Kinh Lăng Nghiêm và Chú Lăng Nghiêm là quan trọng nhất trong chánh pháp. Kinh Lăng Nghiêm mà nói, là vì Chú Lăng Nghiêm, là giải thích Chú Lăng Nghiêm, tán thán Chú Lăng Nghiêm. Trong Kinh Lăng Nghiêm có đoạn Kinh nói về kết pháp đàn rất tỉ mỉ. Muốn biết tỉ mỉ thì xem Kinh Lăng Nghiêm.

Chú Lăng Nghiêm gọi là Phật đảnh quang minh, là trên đảnh hóa thân của Phật nói. Cho nên là vi diệu không thể nghĩ bàn. Mỗi câu có đường lối dùng của mỗi câu, mỗi chữ đều có ảo diệu của mỗi chữ, đều không thể nghĩ bàn.

‘’Phật đảnh quang minh‘’, tức là biểu thị năng lực của Chú, phá trừ hết thảy hắc ám, thành tựu hết thảy công đức. Nếu bạn thọ trì Chú Lăng Nghiêm, thì tương lai nhất định sẽ thành Phật, nhất định sẽ được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nếu thường tụng niệm Chú Lăng Nghiêm, thì có thể tiêu trừ nghiệp chướng đời quá khứ. Đây là diệu dụng của Chú Lăng Nghiêm.
Sao gọi là ‘’Vô‘’ ? Vì cao minh vô cực, quang minh đến cực điểm rồi, thì không có gì siêu hơn quang minh này.
‘’Thượng‘’, là tôn thượng chẳng gì bằng.
‘’Thần‘’, tức là không thể nghĩ bàn, cũng là oai linh không thể dò được.
‘’Chú‘’, tức là cảm ứng đạo giao, có một thứ sức mạnh. Bạn niệm Chú thì có cảm ứng.

‘’Phật Đảnh Quang Minh, Ma Ha Tát Đát Đa, Bát Đát La, Vô Thượng Thần Chú.’’ Phật đảnh quang minh như cây lọng lớn, che chiếu khắp hết thảy người trì tụng Chú. Trên đây là đại khái ý nghĩa danh xưng.

Chú Lăng Nghiêm – Mật Chú



ĐỆ NHẤT

* * *

Nam mô tát đát tha, tô già đa da, a ra ha đế tam miệu tam bồ đà tỏa.

Nam mô tát đát tha, Phật đà cu tri sắc ni sam.

Nam mô tát bà, bột đà bột địa, tát đa bệ tệ.

Nam mô tát đa nẩm, tam miệu tam bồ đà, cu tri nẩm, sa xá la bà già, tăng già nẩm.

Nam mô lô kê a la hán đa nẩm.

Nam mô tô lô đa ba na nẩm.

Nam mô sa yết lị đà già di nẩm.

Nam mô lô kê tam miệu già đa nẩm, tam miệu già ba ra, để ba đa na nẩm.

Nam mô đề bà ly sắc nỏa.

Nam mô tất đà da, tỳ địa da, đà ra ly sắt nỏa. Xá ba nô, yết la ha, sa ha sa la ma tha nẩm.

Nam mô bạt la ha ma ni.

Nam mô nhân đà la gia.

Nam mô bà già bà đế lô đà la gia, ô ma bát đế, sa hê dạ gia.

Nam mô bà già bà đế, na la dã, na gia, bát giá ma ha, tam mộ đà la.

Nam mô tất yết lị đa gia.

Nam mô bà già bà đế, ma ha ca la gia. Địa lị bát lạt na. Già la tỳ đà la. Ba nô ca la gia. A địa mục đế. Thi ma xá na ni. Bà tất ni. Ma đát lị già nô.

Nam mô tất yết lị đa gia.

Nam mô bà già bà đế, đa tha già đa câu la gia.

Nam mô bát đầu ma câu la gia.

Nam mô bạt xà la câu la gia.

Nam mô ma ni câu la gia.

Nam mô già xà câu la gia.

Nam mô bà già bà đế, đế lị trà, thâu la tây na, ba la ha la nô la xà gia, đa tha già đa gia.

Nam mô bà già bà đế.

Nam mô a di đa bà gia, đa tha già đa gia, a la ha đế, tam miệu tam bồ đà gia.

Nam mô bà già bà đế, a sô ti gia, đa tha già đa gia, a la ha đế, tam miệu tam bồ đà gia.

Nam mô bà già bà đế, bệ sa xà gia, câu lô phệ trụ lị gia, bát la bà la xà gia, đa tha già đa gia.

Nam mô bà già bà đế, tam bổ sư sắt đa, tát lân nại la lạt xà gia, đa tha già đa gia, a la ha đế, tam miệu tam bồ đà gia.

Nam mô bà già bà đế, xá kê dã mẫu na duệ, đa tha già đa gia, a la ha đế, tam miệu tam bồ đà gia.

Nam mô bà già bà đế, lạt đát na kê đô la xà gia, đa tha già đa gia, a la ha đế, tam miệu tam bồ đà gia.

Đế Biều: Nam mô tất yết lị đa, Ế đàm bà già bà đa. Tát đát tha già đô sắt ni sam. Tát đát đa bát đát lam.

Nam mô a bà la thị đam. Bát La Đế, Dương Kì La, tát la bà. Bộ đa yết la ha, ni yết la ha. Yết ca la ha ni. Bạt la bí địa gia. Sất đà nễ. A ca la. Mật lị trụ. Bát lị đát la gia. Ninh yết lị. Tát la bà, bàn đà na. Mục xoa ni, tát la bà. Đột Sắc Trá, đột tất phạp, bát na nễ, phạt la ni. Giả đô la, thất đế nẩm. Yết la ha. Sa ha tát la nhạ xà, Tỳ đa băng sa na yết lị, A sắt trá băng xá đế nẩm, na xoa sát đát la nhã xà. Ba la tát đà na yết lị, a sắt tra nẩm.

Ma ha yết la ha nhã xà, tỳ đa băng tát na yết lị. Tát bà xá đô lô, nễ bà la nhã xà. Hô lam đột tát phạp, nan giá na xá ni. Bí sa xá. tất đát la, a cát ni. Ô đà ca la nhã xà. A bát la thị đa câu la, Ma ha bát la chiến trì. Ma ha điệp đa. Ma ha đế xà. Ma ha thuế đa xà bà la. Ma ha bạt la bàn đà la, bà tất nễ. A lị gia đa la, tỳ lị câu tri. Thệ bà tì xà gia. Bạt xà la ma lễ để, tỳ xá lô đa. Bột đằng võng ca, Bạt xà la chế hắc na a giá.

Ma la chế bà, bát la chất đa. Bạt xà la thiện trì. Tỳ xá la giá, phiến đa xá. Tì đề bà, bổ thị đa, Tô ma lô ba. Ma ha thuế đa, A lị gia đa la. Ma ha bà la a bát la. Bạt xà la thương yết la chế bà. Bạt xà la câu ma lị, câu lam đà lị. Bạt xà la hát tát đa giá, tỳ địa gia, kiền giá na. Ma lị ca. Khuất tô mẫu. Bà yết la đa gia. Bệ lô giá na, câu lị gia, dạ la thố. Sắt ni sam, Tỳ triết lam bà ma ni giá. Bạt xà la ca na ca ba la bà. Lô xà na. Bạt xà la đốn trĩ giá. Thuế đa giá, ca ma la. Sát xa thi, ba la bà. Ê đế di dế. Mẫu đà la. Yết noa.

Ta bệ ra sám. Khuất phạm đô. Ấn thố na ma ma toả.

ĐỆ NHỊ

* * *

Ô hồng, rị sắt yết noa. Bát lặt xá tất đa. Tát đát tha, già đô sắt ni sam.

Hổ hồng đô lô ung, chiêm bà na.

Hổ hồng đô lô ung, tất đam bà na.

Hổ hồng đô lô ung. Ba ra sắt địa gia. Tam bát xá, noa yết ra.

Hổ hồng đô lô ung, tát bà dược xoa. Hắt ra sát ta. Yết la ha nhã xà. Tỳ đằng băng tát na yết ra.

Hổ hồng đô lô ung. Giả đô la, Thi để nẩm. Yết ra ha, sa ha tát ra nẩm. Tỳ đằng băng tát na ra.

Hổ hồng đô lô ung, Ra xoa. Bà già phạm.

Tát đát tha: Già đô sắt ni sam. Ba ra điểm. Xà kiết rị, Ma ha ta ha tát ra. Bột thọ ta ha tát ra, Thất rị sa, Cu tri ta ha tát nê. Đế lệ a thệ đề thị bà rị đa. Tra tra anh ca. Ma ha bạt xà lô đà ra. Đế rị bồ bà na. Mạn trà ra.

Ô hồng, Ta tất đế. Bạt bà đô. Mạ mạ ấn thố na mạ mạ toả.

ĐỆ TAM

* * *

Ra xà bà dạ. Chủ ra bạt dạ. A kỳ ni bà dạ. Ô đà ca bà dạ. Tỳ xa bà dạ. Xá tát đa ra bà dạ. Bà ra chước yết ra bà dạ. Đột sắc xoa bà dạ. A xá nể bà dạ. A ca ra. Mật rị trụ bà dạ. Đà ra ni bộ di kiếm. Ba già ba đà bà dạ. Ô ra ca bà đa bà dạ. Lặc xà đàn trà bà dạ. Na dà bà dạ. Tỳ điều đát bà dạ. Tô ba ra noa bà dạ.

Dược xoa yết ra ha. Ra xoa tư yết ra ha. Tất rị đa yết ra ha. Tỳ xá giá yết ra ha. Bộ đa yết ra ha. Cưu bàn trà yết ra ha. Bổ đơn na yết ra ha. Ca tra bổ đơn na yết ra ha. Tất kiền độ yết ra ha. A bá tất ma ra yết ra ha. Ô đàn ma đà yết ra ha. Xa dạ yết ra ha. Hê rị bà đế yết ra ha.

Xả đa ha rị nẩm. Yết bà ha rị nẩm. Lô địa ra ha rị nẩm. Mang ta ha rị nẩm. Mê đà ha rị nẩm. Ma xà ha rị nẩm. Xà đa ha rị nữ. Thị tỷ đa ha rị nẩm. Tỳ đa ha rị nẩm. Bà đa ha rị nẩm. A du giá ha rị nữ. Chất đa ha rị nữ. Đế sam tát bệ sam. Tát bà yết ra ha nẩm.

Tỳ đà dạ xà. Sân đà dạ di. Kê ra dạ di. Ba rị bạt ra giả ca. Hất rị đởm.

Tỳ đà dạ xà. Sân đà dạ di. Kê ra dạ di. Trà diễn ni. Hất rị đởm.

Tỳ đà dạ xà. Sân đà dạ di. Kê ra dạ di. Ma ha bát du bát đác dạ. Lô đà ra. Hất rị đởm.

Tỳ đà dạ xà. Sân đà dạ di. Kê ra dạ di. Na ra dạ noa. Hất rị đởm.

Tỳ đà dạ xà. Sân đà dạ di. Kê ra dạ di. Đát đỏa dà lô trà tây. Hất rị đởm.

Tỳ đà dạ xà. Sân đà dạ di. Kê ra dạ di. Ma ha ca ra. Ma đác rị già noa. Hất rị đởm.

Tỳ đà dạ xà. Sân đà dạ di. Kê ra dạ di. Ca ba rị ca. Hất rị đởm.

Tỳ đà dạ xà. Sân đà dạ di. Kê ra dạ di. Xà dạ yết ra. Ma độ yết ra. Tát bà ra tha ta đạt na. Hất rị đởm.

Tỳ đà dạ xà. Sân đà dạ di. Kê ra dạ di. Giả đốt ra. Bà kỳ nể. Hất rị đởm.

Tỳ đà dạ xà. Sân đà dạ di. Kê ra dạ di. Tỳ rị dương hất rị tri. Nan đà kê sa ra. Dà noa bác đế. Sách hê dạ. Hất rị đởm.

Tỳ đà dạ xà. Sân đà dạ di. Kê ra dạ di. Na yết na xá ra bà noa. Hất rị đởm.

Tỳ đà dạ xà. Sân đà dạ di. Kê ra dạ di. A-la hán. Hất rị đởm.

Tỳ đà dạ xà. Sân đà dạ di. Kê ra dạ di. Tỳ đa ra dà. Hất rị đởm.

Tỳ đà dạ xà. Sân đà dạ di. Kê ra dạ di. Bạt xà ra ba nể. Câu hê dạ câu hê dạ. Ca địa bát đế. Hất rị đởm.

Tỳ đà dạ xà. Sân đà dạ di. Kê ra dạ di. Ra xoa vỏng.

Bà dà phạm. Ấn thố na mạ mạ tỏa.

ĐỆ TỨ

* * *

Bà già phạm. Tát đác đa bát đác ra. Nam mô tý đô đế. A tất đa na ra lặc ca. Ba ra bà. Tất phổ tra. Tỳ ca tát đác đa bát đế rị. Thập Phật ra thập Phật ra. Đà ra đà ra. Tần đà ra tần đà ra. Sân đà sân đà. Hổ hồng hổ hồng.. Phấn tra phấn tra phấn tra phấn tra phấn tra. Ta ha.

Hê hê phấn. A mâu ca da phấn. A ba ra đề ha da phấn. Ba ra bà ra đà phấn. A tố ra. Tỳ đà ra. Ba ca phấn. Tát bà đề bệ tệ phấn. Tát bà na dà tệ phấn. Tát bà dược xoa tệ phấn. Tát bà kiền thát bà tệ phấn. Tát bà bổ đơn na tệ phấn. Ca tra bổ đơn na tệ phấn. Tát bà đột lang chỉ đế tệ phấn. Tát bà đột sáp tỷ lê. Hất sắc đế tệ phấn. Tát bà thập bà lê tệ phấn. Tát bà a bá tất ma lê tệ phấn. Tát bà

xá ra bà noa tệ phấn. Tát bà địa đế kê tệ phấn. Tát bà đát ma đà kê tệ phấn. Tát bà tỳ đà da. Ra thệ giá lê tệ phấn. Xà dạ yết ra. Ma độ yết ra. Tát bà ra tha ta đà kê tệ phấn. Tỳ địa dạ. Giá lê tệ phấn. Giả đô ra. Phược kỳ nể tệ phấn. Bạt xà ra. Câu ma rị. Tỳ đà dạ. La thệ tệ phấn. Ma ha ba ra đinh dương. Xoa kỳ rị tệ phấn. Bạt xà ra thương yết ra dạ. Ba ra trượng kỳ ra xà da phấn. Ma ha ca ra dạ. Ma ha mạt đát rị ca noa.

Nam-mô ta yết rị đa da phấn. Tỷ sắc noa tỳ duệ phấn. Bột ra ha mâu ni duệ phấn. A kỳ ni duệ phấn. Ma ha yết rị duệ phấn. Yết ra đàn tri duệ phấn. Miệc đát rị duệ phấn. Lao đát rị duệ phấn. Giá văn trà duệ phấn. Yết la ra đác rị duệ phấn.. Ca bát rị duệ phấn. A địa mục chất đa. Ca thi ma xá na. Bà tư nể duệ phấn.

Diễn kiết chất. Tát đỏa bà tỏa. Mạ mạ ấn thố na mạ mạ tỏa.

ĐỆ NGŨ

* * *

Đột sắc tra chất đa. A mạt đác rị chất đa. Ô xà ha ra. Già bà ha ra. Lô địa ra ha ra. Ta bà ha ra. Ma xà ha ra. Xà đa ha ra. Thị tỉ đa ha ra. Bạt lược dạ ha ra. Kiền đà ha ra. Bố sử ba ha ra. Phả ra ha ra. Bà tả ha ra.

Bát ba chất đa. Đột sắc tra chất đa. Lao đà ra chất đa. Dược xoa yết ra ha. Ra sát ta yết ra ha. Bế lệ đa yết ra ha. Tỳ xá giá yết ra ha. Bộ đa yết ra ha. Cưu bàn trà yết ra ha. Tất kiền đà yết ra ha. Ô đát ma đà yết ra ha. Xa dạ yết ra ha. A bá tất ma ra yết ra ha. Trạch khê cách. Trà kỳ ni yết ra ha. Rị Phật đế yết ra ha. Xà di ca yết ra ha. Xá câu ni yết ra ha. Lao đà ra. Nan địa ca yết ra ha. A lam bà yết ra ha. Kiền độ ba ni yết ra ha.

Thập phạt ra. Yên ca hê ca. Trụy đế dược ca. Đát lệ đế dược ca. Giả đột thác ca. Ni đề thập phạt ra. Tỷ sam ma thập phạt ra. Bạt để ca. Tỷ để ca. Thất lệ sắc mật ca. Ta nể bát để ca. Tát bà thập phạt ra. Thất lô kiết đế. Mạt đà bệ đạt lô chế kiếm. A ỷ lô kiềm. Mục khê lô kiềm. Yết rị đột lô kiềm.

Yết ra ha. Yết lam yết noa du lam. Đản đa du lam. Hất rị dạ du lam. Mạt mạ du lam. Bạt rị thất bà du lam. Tỷ lật sắc tra du lam. Ô đà ra du lam. Yết tri du lam. Bạt tất đế du lam. Ô lô du lam. Thường dà du lam. Hắc tất đa du lam. Bạt đà du lam. Ta phòng án dà. Bát ra trượng dà du lam.

Bộ đa tỷ đa trà. Trà kỳ ni. Thập bà ra. Đà đột lô ca. Kiến đốt lô kiết tri. Bà lộ đa tỳ. Tát bát lô. Ha lăng già. Du sa đát ra. Ta na yết ra. Tỳ sa dụ ca. A kỳ ni. Ô đà ca. Mạt ra bệ ra. Kiến đa ra. A ca ra. Mật rị đốt. Đát liểm bộ ca. Địa lật lặc

tra. Tỷ rị sắc chất ca. Tát bà na câu ra. Tứ dẫn dà tệ. Yết ra rị dược xoa. Đác ra sô. Mạt ra thị. Phệ đế sam. Ta bệ sam.

Tất đát đa bát đác ra. Ma ha bạt xà lô. Sắc ni sam. Ma ha bát lặc trượng kỳ lam. Dạ ba đột đà. Xá dụ xà na. Biện đát lệ noa. Tỳ đà da. Bàn đàm ca lô di. Đế thù. Bàn đàm ca lô di. Bát ra tỳ đà. Bàn đàm ca lô di.

Đát điệt tha: Án, a na lệ, tỳ xá đề, bệ ra, bạt xà ra đà rị. Bàn đà bàn đà nể, bạt xà ra, bán ni phấn. Hổ hồng đô lô ung phấn, ta bà ha.

Chú Lăng Nghiêm – Đệ Nhất

Phật Đảnh Quang Minh Ma Ha Tát Đát Đa Bát Đát La Vô Thượng Thần Chú

Đệ nhất hội chân ngôn, gọi là Tỳ Lô Chân Pháp Hội. Nghĩa là dưới hai mươi pháp môn mật ngôn đều một Tỳ Lô chân tâm pháp thân lưu diễn.

1. Nam mô tát đát tha.

Nam Mô hoặc là Na Mô, Nam Ma, dịch là : “Quy mạng” hoặc là “tin theo”, “kính y”, “quy lễ”, “độ ngã”. Tát Đát Tha tức là “Tát lý phược”. Phạn âm là “Xa thiết” dịch là “Tất cả khắp cùng mười phương hư không pháp giới”.

Quy mạng kính đầu nghĩa Nam Mô
Tam nghiệp thanh tịnh Tát Đát Tha
Phiền não bồ đề duy tâm hiện
Mê thời phàm phu giác Phật Đà.

Tạm dịch :
Quy mạng kính lễ nghĩa Nam Mô
Ba nghiệp thanh tịnh Tát Đát Tha
Phiền não bồ đề do tâm hiện
Mê thì phàm phu giác là Phật.

Giảng giải : Niệm Chú thì trước hết niệm ‘’Khể thủ quang minh đại Phật đảnh, Như lai vạn hạnh Thủ Lăng Nghiêm, nếu người chí tâm thường trì tụng, tất cả sở cầu đều viên mãn.’’

Nam Mô nghĩa là cung kính, cũng có nghĩa là tin tưởng nhất, không có tơ hào hoài nghi. Cho nên nói là quy mạng kính lễ. Đem thân tâm tính mạng đều quy y theo Phật, tức cũng là tín ngưỡng Phật không có điều kiện, biết Phật sẽ độ mình, cho nên nói ‘’Quy mạng kính lễ nghĩa Nam Mô.’’ Nam Mô là tiếng Phạn, nghĩa là quy mạng kính lễ, tức cũng tin theo, kính lễ.

‘’Ba nghiệp thanh tịnh Tát Đát Tha.’’ Tát Đát Tha là tiếng Phạn, dịch là “tất cả”. Tất cả này là bao quát thân miệng ý. Thân không phạm sát sinh, trộm cắp, tà dâm. Miệng không phạm nói dối, nói lời thêu dệt, nói hai lưỡi, chửi mắng. Tâm thì không tham sân si. Thân miệng ý đều thanh tịnh cho nên gọi là Tát Đát Tha.
‘’Phiền não bồ đề do tâm hiện.’’ Phiền não và bồ đề như hai mặt bàn tay. Mặt này là phiền não, chuyển qua tức là bồ đề. Đi trên con đường sáng tức là bồ đề, đi trên con đường tối tăm tức phiền não. Cho nên nói duy tâm sở hiện. Cũng giống như băng và nước, nước không thể là băng, mà băng không phải nước, nước cũng không phải băng. Nhưng băng là từ nước mà thành, nước cũng do băng mà thành. Cả hai tương nhân tương tập hổ tương vay mượn, lạnh thì nước biến thành băng, nóng thì băng tan thành nước. Cũng vậy nếu hướng trên con đường sáng mà đi, thì phiền não biến thành bồ đề, nếu hướng về con đường đen tối mà đi, thì bồ đề cũng biến thành phiền não. Cũng như đạo lý nước và băng, xem bạn làm như thế nào !
‘’Mê thì phàm phu giác là Phật.’’ Mê thì là phàm phu, giác tức là Phật. Phật là từ chúng sinh mà thành, chẳng phải bổn lai là Phật. Chúng sinh đều có Phật tánh, bổn lai là Phật, chỉ vì mê cho nên gọi là chúng sinh, nếu giác ngộ thì liền thành Phật. Thiên đường, địa ngục, do một tâm niệm, một niệm giác thì địa ngục liền biến thành thiên đàng, một niệm mê thì thiên đàng liền biến thành địa ngục. Cho nên giác mê tại một tâm niệm. Một niệm giác thì chúng sinh là Phật, một niệm mê thì bạn có thể thành Phật cũng còn là Chúng sinh. Giác là gì ? Tức là có đại trí huệ không hồ đồ. Mê là gì ? Tức là người đại ngu si. Chỗ này mọi người phải chú ý.

2. Tô già đa gia.

Kệ
Vô lai vô khứ kính trung hoa
Phi không phi sắc thuỷ nguyệt tà
Ly trần tuyệt tướng hữu hà trụ
Đầu thượng an đầu Diễn Nhã Đạt.

Tạm dịch :
Không đến không đi hoa trong gương
Chẳng không chẳng sắc trăng dưới nước
Lìa trần bặc tướng có gì chấp
Đầu lại thêm đầu Diễn Nhã Đạt.

Giảng giải : Tô Già Đa Gia là “Như Lai”. Sao gọi là Như lai ? Vì không có chỗ đến, cũng không có chỗ đi, giống như đến, nhưng cũng giống như không đến. Cho nên nói ‘’Không đến không đi hoa trong gương.’’ Cũng không từ đâu đến, cũng không có chỗ để đi. Giống như hoa trong gương. Bạn nói hoa trong gương từ đâu đến, lại đi về đâu ?
‘’Chẳng không chẳng sắc trăng dưới nước.’’ Cũng chẳng phải không, cũng chẳng phải sắc, giống như trăng dưới nước, không chân thật, chỉ là ảnh chiếu trong nước.
‘’Lìa trần bặc tướng có gì chấp’’. Nên rời khỏi hết thảy mọi sự nhiễm ô. Trần tức là nhiễm ô, ‘’tuyệt sắc‘’ thì không có chấp trước một hình tướng nào, có gì để chấp trước ? Chấp trước gì cũng chẳng có. Vô tướng còn có gì để chấp trước?
‘’Đầu lại thêm đầu Diễn Nhã Đạt.’’ Đừng học theo Diễn Nhã Đạt Đa. Diễn Nhã Đạt Đa sáng dậy đi soi gương thấy có một cái đầu, nói mình sao chẳng có đầu, liền chạy ra đường hỏi mọi người rằng : ‘’Bạn thấy cái đầu của tôi chăng‘’? Mọi người cũng không hiểu ông ta nói gì. Nếu bạn đầu lại thêm đầu, thì giống như Diễn Nhã Đạt Đa, đừng điên đảo si cuồng như thế.

3. A ra ha đế.

Kệ :
Ứng thọ nhân thiên chân cúng dường
Chủng phước thực huệ cảm toại thông
Nhân viên quả mãn thành vạn hạnh
Thị tắc danh vi Đại Giác Vương.

Tạm dịch :
Xứng đáng thọ nhận trời người cúng
Trồng phước gieo huệ toại như ý
Nhân đầy quả tròn thành vạn hạnh
Cho nên xưng là Vua Đại Giác.

Giảng giải : A Ra Ha Đế là tiếng Phạn, dịch là “Ứng Cúng”, tức là xứng đáng thọ lãnh sự cúng dường của trời người.
’’Trồng phước gieo huệ toại như ý.’’ Không luận là bạn trồng phước, trồng huệ,

cầu trí huệ, chỉ cần có tâm thành, thì sẽ đắc được, sẽ mãn tâm nguyện của bạn.
''Nhân tròn quả đầy thành vạn hạnh.'' Tu hành đến khi nhân tròn quả đầy, thì đầy đủ vạn hạnh.
''Cho nên xưng là Vua Đại Giác.'' Tức là thành tựu Vua Đại Giác, Đại Giác Thế Tôn. Nếu bạn không tin thì hãy thử xem.

4. Tam miệu tam bồ đà toả.

Kệ :
Hư không pháp giới quang minh tạng
Thập phương tam thế đại Trí Tôn
Ngã kim quy mạng chân thật tánh
Chánh biến tri giác diệu pháp đường.

Tạm dịch :
Hư không pháp giới quang minh tạng
Mười phương ba đời đại Trí Tôn
Con nay quy mạng chân thật tánh
Chánh Biến Tri Giác diệu pháp đường.

Giảng giải : Tam Miệu Tam Bồ Đà dịch là "Chánh Biến Tri Giác". Toả dịch là "tận hư không biến pháp giới". Mười phương ba đời tất cả chư Phật đều nhiếp hết thảy. Cho nên bất cứ bạn giảng Phật Pháp như thế nào, cũng đều có đạo lý, bất tất phải chấp trước, không có pháp cố định. Nghĩa chữ ''Toả'' này tức là vô tận vô lượng thường trụ Phật Pháp Tăng Tam Bảo. Câu này nghĩa là quy y Phật Bảo, quy y mười phương ba đời tận hư không biến pháp giới vô tận Phật Bảo. Kệ nói ''Hư không pháp giới quang minh tạng.'' Phật ở trong tận hư không biến pháp giới tức là đại quang minh tạng. Quang minh tức trí huệ. Cho nên nói ''Mười phương ba đời Đại Trí Tôn.'' Đại Trí Tôn tức là Phật. Phật tức là đại trí huệ.
''Con nay quy mạng chân thật tánh.'' Con nguyện quy mạng mười phương vô tận đại Phật đảnh chân thật tánh.
''Chánh Biến Tri Giác Diệu Pháp Đường.'' Diệu Pháp Đường tức là đạo tràng của Phật. Sao lại nói là Diệu Pháp Đường ? Vì nó vô tận.

5. Nam mô tát đát tha.

Kệ :
Tín tùng Thánh giáo Lưỡng Túc Tôn
Nội thí ngoại thí hiệu Năng Nhân
Nhất thiết vô trước tức tự tại
Giải thoát tri kiến vô ngã nhân.

Tạm dịch :
Tin từ Thánh giáo đấng Lưỡng Túc
Trong thí ngoài thí hiệu Năng Nhân
Hết thảy không chấp tức tự tại
Giải thoát tri kiến không ta, người.

Giảng giải : Câu này lại là Nam Mô Tát Đát Tha. ‘’Tin từ Thánh giáo đấng Lưỡng Túc.’’ Nam mô tức là tin theo. Tin theo giáo pháp của Phật. “Lưỡng Túc” tức là phước cũng tròn, mà huệ cũng đầy. Phước huệ đều viên mãn. ‘’Trong thí ngoài thí hiệu Năng Nhân.’’ Phật xưa kia bố thí nội tài và ngoại tài. Nội tài là đầu, mắt, tủy, não, không có vật gì mà Ngài không bố thí. Ngoại tài là quốc gia, thành thị, vợ con. Không có vật gì mà Ngài chẳng xả được. ‘’Năng Nhân‘’ tức là tên của Phật Thích Ca.
‘’Hết thảy vô trước tức tự tại.’’ Nếu bạn không chấp trước bất cứ thứ gì, thì sẽ đắc được chân chánh tự tại. Nếu còn chấp trước thì không được tự tại.
‘’Giải thoát tri kiến không ta, người.’’ Nếu bạn giải thoát khỏi tri kiến, không chấp trước thì “cái ta” cũng không còn, mà “tướng người” cũng chẳng tồn tại.

6. Phật đà cu tri sắc ni sam.

Kệ :
Bách ức tướng hảo trang nghiêm thân
Đại Phật đảnh thủ mật linh văn
Nhược nhân thọ trì cần tinh tấn
Quy y Pháp Bảo nhật nhật tân.

Tạm dịch :
Trăm ức tướng tốt trang nghiêm thân
Đại Phật đảnh thủ bí linh văn
Nếu người thọ trì siêng tinh tấn
Quy y Pháp Bảo ngày ngày mới.

Giảng giải : Phật Đà dịch là “Giác giả”, là người giác ngộ. Giác gồm có tự giác, giác tha, giác mãn. Tự giác là bậc nhị thừa, tự mình đã giác ngộ, khác với

phàm phu. Phàm phu thì không giác. Nhị thừa thì tự giác. Nhị thừa tức là Thanh Văn A La Hán, Duyên Giác. Bậc Thanh Văn nghe âm thanh của Phật mà ngộ đạo, bậc Duyên Giác tu mười hai nhân duyên mà ngộ đạo. Bậc nhị thừa là tự liễu hán. Chỉ biết tự giác, không biết giác tha, không thể dùng pháp môn của mình tu giác ngộ đi giáo hóa kẻ khác, khiến cho kẻ khác cũng giác ngộ. Bồ Tát và nhị thừa khác nhau. Bồ Tát tự mình giác rồi, lại đi giáo hóa kẻ khác giác ngộ, nhưng chưa thể giác hạnh viên mãn. Chỉ đang đi trên con đường tự độ độ tha, tự giác giác tha, tự lợi lợi tha, chưa đến quả vị Phật. Phật và Bồ Tát khác nhau, Phật thì tự giác, lại giác tha và giác hạnh viên mãn. Giác viên mãn, vạn hạnh cũng viên mãn. Cho nên ba giác đầy, vạn đức đủ, cho nên xưng là Phật.
‘’Cu Tri‘’ là tiếng Phạn, dịch là “Trăm ức”. Trăm ức tướng tốt trang nghiêm là lúc tu hành tại nhân địa. Cho nên :

‘’Tam kỳ tu phước huệ,
Bách kiếp chủng tướng hảo.’’

Có trăm ức tướng tốt trang nghiêm thân tức là Phật.
‘’Đại Phật đảnh thủ bí linh văn.’’ Lăng Nghiêm gọi là linh văn, vì linh nghiệm không thể nghĩ bàn, đây là hóa Phật trên đảnh của Phật diễn nói Thần Chú. Công năng và lực lượng của Thần Chú đều không thể nghĩ bàn, phàm phu không thể biết được.
‘’Nếu người thọ trì siêng tinh tấn.’’ Nếu như có người thọ trì Chú Lăng Nghiêm thì phải tinh tấn, đừng giải đãi.
‘’Quy y Pháp Bảo ngày ngày mới.’’ Quy y mười phương vô tận Pháp Bảo.
‘’SắcNi Sam‘’ tức là Đại Phật Đảnh, tức là diệu pháp. Thứ nhất chúng ta phải quy y Phật Bảo, thứ hai phải quy y Pháp Bảo.

7. Nam mô tát bà.

Kệ :
Cung kính nhất thiết Ma Ha Tát
Thanh tịnh phước điền bồ đề nhạ
Bồi dưỡng quán khái thường tinh tấn
Công viên quả mãn phó Long Hoa.

Tạm dịch :
Cung kính tất cả Ma Ha Tát
Ruộng phước thanh tịnh mầm bồ đề

Vun tưới tài bồi thường tinh tấn
Công đầy quả tròn dự Long Hoa.

Giảng giải : Nam Mô dịch là “quy y”. Tát Bà dịch là “tất cả”.
‘’Cung kính tất cả Ma Ha Tát.’’ Quy y tất cả đại Bồ Tát. Đại Bồ Tát tức Hiền, Thánh, Tăng như Quán Thế Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền. Tất cả A La Hán cũng là hiền Thánh Tăng. Hiền Thánh Tăng là phước điền, là ruộng phước thanh tịnh. Nếu cung kính tất cả các Bồ Tát thì đã trồng phước báu, mầm Bồ Tát sẽ phát triển, còn phải thường tưới nước, từ từ tài bồi, tức là thường tinh tấn.
‘’Công đầy quả tròn dự Long Hoa.’’ Công đức viên mãn thì sẽ dự hội Long Hoa, tức là pháp hội tương lai Phật Di Lặc sẽ thành Phật.

8. Bột đà bột địa.

Kệ :
Đại triệt đại ngộ đại trượng phu
Nhân thiên sư biểu phước huệ túc
Nhân tu lục độ Ba La Mật
Quả thành vạn hạnh diệu giác như.

Tạm dịch :
Đại triệt đại ngộ đại trượng phu
Sư biểu trời người đủ phước huệ
Do tu lục độ Ba La Mật
Thành quả vạn hạnh diệu giác như.

Giảng giải : Bột Đà tức là “Phật đà”. Bột Địa tức là “Bồ Tát”, dịch là giác đạo.
‘’Đại triệt đại ngộ đại trượng phu.’’ Phật là đại trượng phu, đại triệt đại ngộ, cũng là sư biểu của trời người, phước huệ đều đầy đủ.
‘’Do tu lục độ Ba La Mật’’, làm thế nào để thành Phật ? Lúc tại nhân địa tu pháp bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ .v.v…
‘’Thành quả vạn hạnh diệu giác như‘’, tại quả địa thì thành tựu vạn hạnh chứng được chân lý diệu giác như như.

9. Tát đa bệ tệ.

Kệ :
Thượng cầu chư Phật trí huệ đạo

Hạ hoá chúng sinh đồng thể bi
Thiện trị điều phục thân khẩu ý
Quảng giải thắng thuyết tham sân si.

Tạm dịch :
Trên cầu trí huệ của chư Phật
Dưới độ chúng sanh đồng thể bi
Khéo trị điều phục thân miệng ý
Rộng nói rành mạch tham sân si.

Giảng giải : Tát Đa, tức là "chúng sinh đại đạo tâm", cũng là Bồ Tát. Bệ Tệ, dịch là "thiện trị", khéo trị thân miệng ý mao bệnh, cũng dịch là "điều phục". Tóm lại nghĩa là tu hành trừ ác. Cho nên nói :

''Trên cầu trí huệ của chư Phật,
Dưới độ chúng sinh đồng thể bi.''

Trên thì cầu trí huệ đạo của chư Phật, dưới thì dùng đại bi để giáo hóa chúng sinh. Đồng thể bi tức là với chúng sinh là một.
''Khéo trị điều phục thân miệng ý.'' Lúc tu đạo thì không phạm giới, điều phục thân miệng ý, chẳng làm ác.
''Rộng nói rành mạch tham sân si.'' Nói rõ cho chúng sinh biết sự tai hại của tham sân si là gì, nói đi nói lại. Phần trước nói quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, quy y hết thảy mười phương hiền Thánh Tăng, quy y các đại Bồ Tát, chí tâm để thừa sự hiền Thánh.

10. Nam mô tát đa nẩm.

Kệ :
Đại dũng mãnh giả đại đạo tâm
Do như liên hoa bất nhiễm trần
Trú dạ lục thời cần cảnh sách
Thường tại hoả lý luyện tinh kim.

Tạm dịch :
Bậc đại dũng mãnh đại đạo tâm
Ví như hoa sen chẳng dính bụi
Ngày đêm sáu thời siêng tinh tấn
Thường luyện vàng thật trong lò lửa.

Giảng giải : Nam Mô Tát Đa Nẩm là “quy y bậc đại dũng mãnh”. Đại dũng mãnh là gì ? Là làm những gì người không dám làm, tu những gì người không dám tu, đại hy sinh bậc nhất, không mong cầu sở đắc, cho nên gọi là đại dũng mãnh. Hoặc dịch là “đại Khai Sĩ”, tức là khai Phật tri kiến. Là người giác ngộ đệ nhất ở nhân gian, còn gọi là “chúng sinh đại đạo tâm”. Cho nên nói : ‘’Bậc đại dũng mãnh đại đạo tâm’’, là thực hành những gì người không thể thực hành, làm những gì người không thể làm, nhẫn những gì người không thể nhẫn, nhường những gì người không thể nhường, người ở tại trần thế mà tâm không ở tại trần thế. Giống như hoa sen mọc từ trong bùn ô nhiễm, mà không bị bùn làm nhiễm ô. Đại đạo tâm Bồ Tát này, ngày đêm sáu thời luôn tinh tấn, ngày ba thời, đêm ba thời, không có thời khắc nào giải đãi, thời khắc siêng tu giới định huệ, tức diệt tham sân si. Ngày đêm sáu thời, thời khắc tự cảnh tỉnh, không phóng dật, không nói thị phi.
‘’Thường luyện vàng thật trong lò lửa.’’ Trong lửa mà luyện vàng không phải dễ, thế giới Ta Bà giống như lò lửa, chúng ta đang luyện vàng thật trong lò lửa.

11. Tam miệu tam bồ đà

Kệ :
Thập phương tam thế nhất thiết Phật
Xả thân vì pháp tích công đức
Luỹ kiếp cung hành Bồ Tát đạo
Từ hổ cứu ưng cầu Đạt Ma.

Tạm dịch :
Mười phương ba đời hết thảy Phật
Xả thân vì pháp, tích công đức
Nhiều kiếp tu hành Bồ Tát đạo
Độ cọp cứu ưng cầu diệu pháp.

Giảng giải : Câu này nghĩa là “kính lễ mười phương ba đời chư Phật”, ‘’Xả thân vì pháp tích công đức.’’ Các bậc Bồ Tát tại nhân địa, thì vì pháp mà xả thân. ‘’Nhiều kiếp tu hành Bồ Tát đạo.’’ Phật mà thành Phật, là vì đời đời kiếp kiếp đều cung hành thực tiễn Bồ Tát đạo, lợi ích kẻ khác, không lợi ích chính mình, cho nên nói : ‘’Độ cọp cứu ưng cầu diệu pháp.’’ Vì cầu pháp, vì nửa câu kệ mà xả thân. Vì cầu pháp mà xả thân cứu hổ đói, xả thân cứu chim ưng.

12. Cu tri nẩm

Kệ :
Bách ức Bồ Tát bách ức Phật
Thượng thủ Thánh chúng hộ hành giả
Chân tâm cầu pháp hằng bất thoái
Đương lai tất sinh Vô Ưu quốc.

Tạm dịch :
Trăm ức Bồ Tát trăm ức Phật
Thượng thủ Thánh chúng hộ người hành
Chân tâm cầu pháp luôn không lùi
Tương lai sẽ sinh nước Vô Ưu.

Giảng giải : Cu Tri dịch là "Trăm ức". Nẩm dịch là "Thượng thủ". Cu Tri Nẩm tức là trăm ức Bồ Tát thượng thủ, trăm ức Phật thượng thủ. Cho nên nói : ''Trăm ức Bồ Tát trăm ức Phật, thượng thủ Thánh chúng hộ hành giả.'' Hộ người tu hành.
''Chân tâm cầu pháp luôn không lùi.'' Nếu thật vì pháp mà đến, thì đâu có thì giờ mà nói thị phi, tạo phiền não, luôn luôn chiếu cứ, lo cho chính mình. Nếu thật tâm cầu pháp, thì tinh tấn hướng về trước không thối chuyển.
''Tương lai sẽ sinh nước Vô Ưu.'' Tương lai nhất định sẽ sinh về cõi Phật, tức là thế giới Cực Lạc, hoặc thế giới Tịnh Lưu Ly, sống chung với Phật.

13. Ta xá ra bà ca

Kệ :
Thâm sơn cùng cốc tu đạo huyền
Vạn vật sinh diệt Thập Nhị Duyên
Xuân hoa tự khai thu diệp lạc
Khoát nhiên lãng chiếu ngộ chân thuyên.

Tạm dịch :
Núi sâu rừng thẳm tu đạo huyền
Vạn vật sanh diệt mười hai duyên
Xuân hoa đua nở thu lá rụng
Đột nhiên sáng chiếu giác ngộ ra.

Giảng giải : Ta Xá Ra dịch là "Độc Giác". Bà Ca dịch là "Duyên Giác".
''Núi sâu rừng thẳm tu đạo huyền.'' Trong thâm sơn cùng cốc tu mười hai

Nhân Duyên, tu đạo huyền diệu.
‘’Vạn vật sinh diệt mười hai duyên.’’ Nhìn vạn vật tự sinh tự diệt, tu pháp mười hai nhân duyên : Vô minh duyên hành, Hành duyên thức, Thức duyên danh sắc, Danh sắc duyên lục nhập, Lục nhập duyên xúc, Xúc duyên thọ, Thọ duyên ái, Ái duyên thủ, Thủ duyên hữu, Hữu duyên sinh, Sinh duyên lão tử. Đây là cửa thuận sinh.
Vô minh diệt thì hành diệt, Hành diệt thì thức diệt, Thức diệt thì danh sắc diệt, Danh sắc diệt thì lục nhập diệt, Lục nhập diệt thì xúc diệt, Xúc diệt thì thọ diệt, Thọ diệt thì ái diệt, Ái diệt thì thủ diệt, Thủ diệt thì hữu diệt, Hữu diệt thì sinh diệt, Sinh diệt thì lão tử diệt. Đây là cửa hoàn diệt.
Các bậc ấy tu pháp mười hai nhân duyên này, nghiên cứu pháp mười hai nhân duyên này.
‘’Xuân hoa đua nở thu lá rụng.’’ Các vị ấy nhìn mùa xuân trăm hoa đua nở, mùa thu lá vàng rơi.
‘’Đột nhiên sáng chiếu giác ngộ ra.’’ Khoát nhiên khai ngộ. Khi có Phật xuất thế thì gọi là Duyên Giác, không có Phật xuất thế gọi là Độc Giác.

14. Tăng già nẩm

Kệ :
Bích Chi Ca La Tư Đà Hàm
Độc Giác Duyên Giác nghĩa thông kim
Chuyên tâm nhất chí cần phất thức
Hữu học vô học thượng thủ truyền.

Tạm dịch :
Bậc Bích Chi Phật Tư Đà Hàm
Độc Giác Duyên Giác nghĩa đồng nhau
Chuyên tâm nhất chí thường lau chùi
Thượng thủ hữu học và vô học.

Giảng giải : Tăng Già tức là “Người xuất gia”. Nẩm tức là “thượng thủ”, thượng thủ bậc hữu học và vô học. Hữu học là từ sơ quả Tu Đà Hoàn đến nhị quả Tư Đà Hàm, tam quả A Na Hàm gọi là bậc hữu học, chứng tứ quả A La Hán gọi là bậc vô học. Nẩm có nghĩa là thượng thủ những bậc ấy.
‘’Bậc Bích Chi Phật Tư Đà Hàm.’’ Ý nghĩa Bích Chi Phật là Tư Đà Hàm.
‘’Độc Giác, Duyên Giác nghĩa đồng nhau.’’ Bậc ấy có thể nói là Độc Giác, cũng có thể nói là Duyên Giác, có hai ý nghĩa. Có Phật xuất thế thì bậc ấy do tu mười hai Nhân Duyên mà ngộ đạo, gọi là Duyên Giác, không có Phật xuất thế

thì bậc ấy tu một mình trong thâm sơn cùng cốc tự khai ngộ gọi là Độc Giác.
‘’Chuyên tâm nhất chí thường lau chùi.’’ Bậc ấy chuyên tâm tu hành trong thâm sơn cùng cốc, thường thường quét sạch hết mọi vọng tưởng.
‘’Thượng thủ hữu học và vô học.’’ Thượng thủ đại A La Hán bậc hữu học, bậc vô học, Bích Chi Phật. Sơ quả là bậc thấy đạo, đoạn tám mươi tám phẩm kiến hoặc, nhị quả, tam quả là bậc tu đạo, tứ quả là bậc chứng đạo.

15. Nam mô lô kê a la hán đa nẩm

Kệ :
Ứng cúng sát tặc kỵ vô sinh
Thế gian phước điền tu lực canh
Tài bồi vô thượng bồ đề quả
Hoặc tận chân thuần Phật đạo thành.

Tạm dịch :
Ứng cúng, sát tặc và vô sinh
Ruộng phước thế gian cần phải làm
Vun bồi quả bồ đề vô thượng
Hết hoặc thuần chân thành Phật đạo.

Giảng giải : Lô Kê dịch là “thế gian”. A La Hán cũng là tiếng Phạn dịch là “Ứng cúng”, “sát tặc”, “vô sinh”, ba ý nghĩa. A La Hán là Tỳ Kheo chứng quả. Nhân địa thì Tỳ Kheo nghĩa là khất sĩ, bố ma và phá ác. Chứng quả thì thành A La Hán nghĩa là Ứng cúng, sát tặc và vô sinh. Ứng cúng nghĩa là xứng đáng thọ lãnh sự cúng dường của trời người. Sát tặc tức là giết tặc phiền não. Vô sinh tức là không còn thọ sinh tử nữa, đắc được vô sinh pháp nhẫn.
‘’Ruộng phước thế gian cần phải làm.’’ A La Hán tức là phước điền Tăng của thế gian, tất cả chúng sinh thế gian đều nên cúng dường A La Hán, nên gieo trồng ruộng phước, dùng sức trồng trọt ruộng phước.
‘’Vun bồi quả bồ đề vô thượng.’’ Bạn phải thường thường thêm nước mới có thể đắc được quả giác đạo.
‘’Hết hoặc thuần chân thành Phật đạo.’’ Thô hoặc, tế hoặc, trần sa hoặc, đều đoạn sạch, thì tự tánh thuần chân sẽ hiện ra liền thành Phật đạo.

16. Nam mô tô lô đa ba na nẩm

Kệ :

Kim nhập Thánh nhân pháp tánh lưu
Bội nghịch phàm phu lục trần du
Kiến hoặc đoạn trừ chứng sơ quả
Kế tục tinh tấn đại từ thuyền.

Tạm dịch :
Nay vào dòng Thánh nhân pháp tính
Ngược lại dòng phàm phu sáu trần
Dứt trừ kiến hoặc chứng sơ quả
Tiếp tục tinh tấn thuyền đại từ.

Giảng giải : Đây là nói kính lễ sơ quả Tu Đà Hoàn. Tô Lô Đa tức là “nhập vào dòng Thánh nhân pháp tính”, hợp với Thánh nhân mà làm một.
Ba Na dịch là “nghịch” (ngược), ngược dòng phàm phu sáu trần, không lưu chuyển trong sáu trần.
‘’Dứt trừ kiến hoặc chứng sơ quả.’’ Sơ quả Thánh nhân đoạn tám mươi tám phẩm kiến hoặc, không phải tự mình nói tôi chứng được sơ quả, như vậy thì không đúng. Chứng sơ quả Thánh nhân thì có thần thông, có thể không rời bổn vị giáo hóa chúng sinh, đi thì chân không đụng đất, cho nên hết thảy trùng, kiến, đều không thọ thương, nhậm vận không sát sinh, nhậm vận không phạm giới.
‘’Tiếp tục tinh tấn thuyền đại từ.’’ Nhưng còn phải tiếp tục nỗ lực, tinh tấn tu hành, dùng nguyện lực thuyền đại từ để đến bờ bên kia.

17. Nam mô ta yết rị đà già di nẩm

Kệ :
Danh nhất vãng lai thật bất lai
Tư hoặc đoạn tận toạ liên đài
Không trung thường hiện thập bát biến
Thử giới tha phương bách vạn cai.

Tạm dịch :
Gọi Nhất Vãng Lai mà Bất Lai
Tư hoặc đoạn sạch ngự đài sen
Không trung thường hiện mười tám biến
Du hí tự tại không chướng ngại.

Giảng giải : Câu này dịch là “Kính lễ bậc Nhất Vãng Lai” tức là nhị quả Thánh nhân. Nghĩa là còn một lần sinh lên trời, một lần sinh lại nhân gian, thì chứng

quả A La Hán. Thực tế thì Bất Lai.
‘’Tư hoặc đoạn sạch ngự đài sen.’’ Sơ quả đoạn sạch tám mươi tám phẩm kiến hoặc, nhị quả đoạn tám mươi mốt phẩm tư hoặc. Sơ quả, nhị quả, tam quả, đều là bậc hữu học, chứng được tứ quả là bậc vô học, mới thật chân chánh chấm dứt sinh tử, đắc được vô sinh pháp nhẫn, không thấy chút pháp sinh, cũng không thấy chút pháp diệt. Kiến hoặc tức là đối cảnh khởi tham ái, đối trước cảnh thì chấp trước mê hoặc, không biết sự việc như thế nào, cho nên sinh tâm tham, tâm ái, thấy tiền bạc thì muốn được tiền bạc, thấy sắc đẹp thì muốn được sắc đẹp, đó đều là ‘’kiến hoặc‘’ đều là thấy cảnh giới, không thấy thì không mê, thấy được thì không làm chủ được, hồ đồ, bị cảnh giới chuyển. Tại cảnh giới, hết thảy sự việc đến thì không nhận thức. Tư hoặc thì đối với lý không nhận thức, bị mê hoặc, không biết là đúng, hay là không đúng, mê ở lý luận, cho nên đủ thứ vọng tưởng bèn sinh ra, đây gọi là tư hoặc. Cho nên mê nơi lý khởi phân biệt, càng phân biệt càng không minh bạch, càng không minh bạch càng phân biệt, hồ đồ lại thêm hồ đồ, ngu si thêm ngu si, tư hoặc đoạn sạch thì ngự trên đài sen, ngồi trên hoa sen báu.
‘’Không trung thường hiện mười tám biến.’’ Nhị quả Thánh nhân có thể, thân vọt lên hư không hiện mười tám biến, trên thân phun nước, dưới thân phun lửa, dưới thân phun nước, trên thân phun lửa, biến hóa lớn nhỏ bay đi tự tại, muốn làm gì thì làm.
‘’Du hý tự tại không chướng ngại.’’ Bậc ấy không những ở tại thế giới này, mà còn có thể đến các thế giới khác, có thể giảng Kinh thuyết pháp tại thế giới này, giáo hóa chúng sinh, lại đến thế giới khác giảng Kinh thuyết pháp, giáo hóa chúng sinh, đồng thời ở tại các thế giới đều hiện thân thuyết pháp.

18. Nam mô lô kê tam miệu già đa nẩm

Kệ :
Nhất thiết thế gian hiền Thánh Tăng
Chánh Đẳng Chánh Giác Đại Trí Tôn
Quy mạng đảnh lễ cầu nhiếp thọ
Viên mãn bồ đề bất giảm tăng.

Tạm dịch :
Tất cả hiền Thánh Tăng thế gian
Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác đại trí
Quy mạng đảnh lễ cầu nhiếp thọ
Viên mãn bồ đề không tăng giảm.

Giảng giải : Tam Miệu dịch là “Chánh Đẳng”, “Tam Bồ Đề” dịch là “Chánh Giác”. Đây là quy y tất cả Thánh hiền Chánh Đẳng Chánh Giác. Cho nên nói quy y ‘’Tất cả hiền Thánh Tăng thế gian.’’ Hiền Thánh Tăng tức Bồ Tát Quán Âm, Bồ Tát Đại Thế Chí, Bồ Tát Văn Thù, Bồ Tát Phổ Hiền, Bồ Tát Địa Tạng, các đại Bồ Tát.
‘’Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác đại trí.’’ Đây là những bậc đại trí huệ.
‘’Quy mạng đảnh lễ cầu nhiếp thọ.’’ Thân tâm quy mạng đảnh lễ, năm thể sát đất, cầu tất cả hiền Thánh Tăng, bậc đại trí huệ đến nhiếp thọ.
‘’Viên mãn bồ đề không tăng giảm.’’ Tương lai con cũng sẽ thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác được viên mãn bồ đề, quả vị Phật, cũng không tăng, cũng không giảm.

19. Tam miệu già ba ra

Kệ :
Bất hoàn dục giới chứng Niết Bàn
Liễu tri vạn pháp triệt để nguyên
Vô thức vô tri thường thanh tịnh
Phi động phi tĩnh ly thuyết ngôn.

Tạm dịch :
Không lại dục giới chứng Niết Bàn
Thấu rõ triệt để gốc vạn pháp
Vô thức vô tri thường thanh tịnh
Chẳng động chẳng tĩnh bặc lời lẽ.

Giảng giải : Tam Miệu cũng là “Chánh đẳng”. Già Ba Ra dịch là “Bất hoàn”, không trở lại dục giới, mà chứng được Niết Bàn bờ bên kia.
‘’Thấu rõ triệt để gốc vạn pháp.’’ Sao các bậc ấy không trở lại ? Vì các bậc ấy minh bạch tất cả vạn pháp, thấu triệt đáy nguồn của các pháp, minh bạch gốc rễ của các pháp.
‘’Vô thức vô tri thường thanh tịnh.’’ Tại cảnh giới này cũng không suy không nghĩ, chẳng có suy nghĩ gì, chẳng có phiền não gì hết.
‘’Chẳng động chẳng tĩnh bặc ngôn ngữ.’’ Cũng không động cũng không tĩnh, cũng không có gì để nói.

20. Để ba đa na nẩm

Kệ :
Chư Thiên thần tướng hộ pháp thành
Ngã kim kỳ thỉnh nguyện lai lâm
Thưởng thiện phạt ác tra công quá
Cẩn thận tu hành mạc hồ vân.

Tạm dịch :
Chư Thiên thần tướng hộ pháp thành
Nay con xin thỉnh nguyện lai lâm
Thưởng thiện phạt ác rất công bình
Cẩn thận tu hành chớ lơ là.

Giảng giải : Để Ba tức là "Trời", tất cả chư Thiên. Đa Na tức là "Bất lai", không thọ sinh tử trong tam giới nữa. Đây là nói tất cả chư Thiên có binh trời, tướng trời, Thiên thần đến hộ pháp thành, hộ trì người tu hành trì Chú.
''Nay con xin thỉnh nguyện lai lâm.'' Nay con niệm một câu Chú thì hộ pháp thần đều đến.
''Thưởng thiện phạt ác rất công bình.'' Chư Thiên thưởng thiện phạt ác tại nhân gian, thấy có công thì thưởng cho bạn, có tội thì phạt bạn.
''Cẩn thận tu hành chớ lơ là.'' Do đó người tu đạo không thể ăn nói bậy bạ, tùy tiện nói, muốn nói gì thì nói, tu hành phải kiểm điểm thân miệng ý. Thân miệng ý ba nghiệp luôn luôn phải thanh tịnh.

21. Nam mô đề bà ly sắt noả

Kệ :
Đảnh lễ dục giới sắc giới Thiên
Trường sinh cửu thị luyện tiên đan
Ngũ khí triều nguyên minh đại đạo
Cửu chuyển thuần dương thọ vạn niên.

Tạm dịch :
Đảnh lễ trời dục giới sắc giới
Trường sanh bất lão luyện tiên đan
Năm khí đầy đủ thấy đại đạo
Tu lâu thuần dương thọ vạn năm.

Giảng giải : Nam Mô tức là "Quy mạng đảnh lễ". Đề Bà dịch là "trời", Ly Sắt Noả dịch là "sắc", tức là quy y chư Thiên chúng dục giới và sắc giới.
''Trường sanh bất lão luyện tiên đan.'' Chư Thiên trên trời đều nhận thấy rằng

sinh về trời rất tốt, nguyên lai trong quá khứ họ không biết có Phật Pháp Tăng, chỉ biết tu hành, tu trường sinh bất lão, không muốn chết, chỗ này không giống trong Phật giáo. Trong Phật giáo thì chứng quả, chứng quả A La Hán.
Sơ quả Tu Đà Hoàn là bậc thấy đạo, đoạn tám mươi tám phẩm kiến hoặc, tư hoặc chưa đoạn. Nhị quả Tư Đà Hàm và tam quả A Na Hàm là bậc tu đạo, đang tu đoạn kiến hoặc và tư hoặc. Tứ quả tức là bậc chứng đạo, đoạn vô minh hiển pháp tính, thô hoặc, tế hoặc, trần sa hoặc, đều đoạn sạch, mới không còn vọng tưởng, không còn vọng tưởng thô, nhưng vi tế hoặc và vi tế vọng tưởng vẫn còn, quán sát vẫn không thấy được, nhưng rõ ràng chưa đoạn sạch. Đến Sơ địa Bồ Tát, Nhị địa cho đến Thập địa vẫn chưa đoạn sạch, khi đến Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn một phần sinh tướng vô minh chưa đoạn, cho nên chưa thành Phật. Người sinh về trời đều hy vọng trường sinh bất lão, chấp giữ túi da hôi thối. Trong Phật giáo gọi họ là "thủ thi quỷ", quỷ giữ thây chết, xả chẳng đặng thây chết, cho rằng túi da hôi thối này rất quý báu, đằng không cũng mang đi, giá vân cũng mang đi, luôn luôn cùng với túi da hôi thối, cho nên gọi là thủ thi quỷ (quỷ giữ thây chết). Đương nhiên danh từ ''quỷ'' này không đẹp lắm, có thể sửa lại là "thủ thi than", bất quá, túi da hôi thối này có thể giữ được mấy vạn năm rồi cũng sẽ hư hoại, đến thời sẽ đọa lạc. Đáo để luyện đan là luyện cái gì ? Có thuyết nói là ăn đàm, ăn nước dãi, đó là những người không biết luyện đan, người thật hiểu là luyện tinh khí thần, luyện tinh hóa khí, luyện khí hóa thần, luyện thần hoàn hư, gì cũng chẳng có, luyện hư hoàn không với hư không hợp mà làm một, rõ ràng họ còn chấp trước, cho nên cảnh giới rất nhỏ, không phải toàn thể đại dụng, tức là họ chấp trước đó là "đan", cũng như rồng chấp trước hạt châu của nó. Pháp môn luyện đan, trong không lại sinh ra có, luyện đến luyện hư hóa không, chẳng phải là luyện dễ dàng. Phải cần ngũ khí đầy đủ. Ngũ khí là gì ? Tức là : Kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, tức cũng là : Tim, gan, tỳ, phổi, thận. Tim thuộc hỏa, gan thuộc mộc, tỳ thuộc thổ, phổi thuộc kim, thận thuộc thủy. Tim là màu đỏ, gan là màu xanh, tỳ là màu vàng, phổi là màu trắng, thận là màu đen. Ngũ khí kim mộc thủy hỏa thổ này, luyện đến viên mãn không thiếu không thừa, thì khôi phục lại bổn thể, đạt được ngũ khí triều nguyên thì trong mỗi một khí, trong mỗi một hạnh, đều có đủ ngũ hạnh và ngũ hạnh lại hợp mà làm một. Ngũ hạnh hợp thành một thì mới tập trung được, đến được "thiên môn", liền được "tam hoa tụ đỉnh", ngũ khí đầy đủ, bèn thành "thần tiên sống". Cho nên ngũ khí đầy đủ gọi là "đại đạo", lúc đó thì có thần thông, bay đi tự tại. Ngoài thân có thân tướng mà vô tướng.
''Tu lâu thuần dương thọ vạn năm.'' Tu lâu tức là tu hành trải qua lần này rồi lần khác, không biết tu đã trải qua bao nhiêu lần, trở thành thuần dương không còn âm khí, không còn đố kỵ, chướng ngại, phiền não, không còn tâm tham, tâm sân, tâm si. Cho nên gọi là "hoạt tử nhân" (người sống như đã chết). Bạn

nói người ấy chết rồi chăng ? Người ấy vẫn còn hơi thở, bạn nói người ấy còn sống chăng ? Người ấy không tham sân si, đố kỵ, chướng ngại, như những kẻ khác. Vì những thứ đó đều là âm khí, nhưng mà thứ thuần dương này có chỗ bất đồng với Phật giáo, được ít cho là đủ, không tiếp tục nỗ lực, phế bỏ giữa đường, có sự giới hạn, có một cảnh giới, có sự chấp trước, còn chấp trước túi da hôi thối này, buông cũng buông không được, xả cũng xả không xong, đi đến bất cứ nơi nào cũng phải mang túi da hôi thối này, còn chưa được ‘’đồng thể với vạn vật, làm một với hư không, chưa được vô lượng vô biên với pháp giới tính mà làm một, vì chưa thoát khỏi luân hồi, chưa phá được chấp trước, thần thông dù lớn vẫn còn ngã tướng, ngã chấp.’’
Chư Thiên, người trời đều niệm Chú, Chú này một khi niệm thì có thể dời núi lấp biển, đem núi phía bắc dời xuống phía nam, bưng quả núi lớn đem vào quả địa cầu như người chơi banh, làm việc gì cũng đều làm được, biến hóa vô cùng, tự có hóa không, tự không hóa có, mùa xuân biến thành mùa đông, mùa đông biến thành mùa xuân, vì do sự tu hành của họ cũng có chỗ tốt và sự diệu dụng.
Mấy năm nay mọi người nói, khí hậu thường thay đổi, đại khái là Thần Tiên trên trời biểu diễn xem thần thông của họ lớn cỡ nào.

22. Nam mô tất đà gia

Kệ :
Bổ Xứ tri túc thậm du nhàn
Vô tư vô lự vô quái khiên
Duyên thục hang sinh Ta Bà giới
Phổ hoá quần luân độ nam nữ.

Tạm dịch :
Bổ Xứ tri túc thường an lạc
Không suy không nghĩ không quái ngại
Duyên đến hàng sanh xuống Ta Bà
Giáo hóa quần sinh độ mọi loài.

Giảng giải : Tất Đà Gia tức là “Trời Đâu Suất”, dịch là Trời Tri Túc.
‘’Bổ xứ tri túc thường an lạc.’’ Cho nên tri túc thường lạc, năng nhẫn tự an, vừa biết đủ vừa nhẫn nhục thì chẳng có phiền não. Ở trời Đâu Suất rất khoái lạc và yên tĩnh, du nhàn tự tại.
‘’Không suy không nghĩ không quái ngại.’’ Không suy nghĩ lo lắng gì hết, tâm quá khứ không thể đắc được, tâm hiện tại không thể đắc được, tâm vị lai không

thể đắc được, ba tâm không thể đắc được, không lo không nghĩ không quái ngại, bạn nói đó không phải rất thanh nhàn, rất khoái lạc, thì bạn quá nhiều phiền não, do đó không vui sướng, vì bạn không nghĩ cái này thì tưởng cái kia, tham cầu danh, tham không được thì sinh phiền não; tham cầu lợi, tham không được thì sinh phiền não, tham cầu sắc đẹp, tham không được thì sinh phiền não, tham cầu không biết đủ, tham mà không biết chán thì có nhiều phiền não.
‘’Duyên đến hàng sinh xuống Ta Bà.’’ Bổ Xứ chờ để hàng sanh. Bổ xứ là gì ? Là nơi bổ làm Phật (trong tương lai), đợi thành Phật, đợi đến cơ duyên thành thục thì hàng sanh xuống thế giới Ta Bà, đến thế giới kham nhẫn này.
‘’Giáo hóa quần sinh độ mọi loài.’’ Giáo hóa khắp hết thảy chúng sinh, hết thảy mọi loài. Cho nên Phật đang nghỉ ngơi tại cung trời Đâu Suất; nghỉ ngơi xong rồi sẽ hiện xuống nhân gian thành Phật, lúc đó sẽ có rất nhiều việc làm, phải giáo hóa chúng sinh. Cho nên trời Đâu Suất là nơi rất lý tưởng, ai sinh về đó đều rất thanh nhàn tự tại, không cần làm mà vẫn có cơm ăn, áo mặc, thọ nhiều người cúng dường.

23. Tỳ địa gia

Kệ :
Tứ đại Thiên Vương sát thiện ác
Thống lãnh quỷ thần nhật tuần la
Hoạ phước vô môn nhân tự chiêu
Nhân quả tuần hoàn mạc quái tha.

Tạm dịch :
Tứ Đại Thiên Vương xem thiện ác
Thống lãnh quỷ thần đi tuần tra
Họa phúc không cửa người tự chiêu
Nhân quả tuần hoàn đừng trách ai.

Giảng giải: Câu Chú này là nói về “Tứ Đại Thiên Vương”, các vị đó thường đến xem xét nhân gian, ai làm thiện, ai làm ác, đều ghi vào sổ, không những chỉ Tứ Đại Thiên Vương đến canh tuần, mà các vị đó còn thống lãnh rất nhiều quỷ thần, cũng đến tra xét thiện ác. Không những tra xét việc thiện ác có hình tướng mà vô hình trong tâm của bạn khởi một niệm ác các vị đó cũng đều biết. Bạn khởi một niệm thiện các vị đó cũng biết. Bạn khởi vọng tưởng ác thì thọ quả báo ác. Bạn khởi vọng tưởng thiện, thì thọ quả báo thiện. Nhất cử nhất động các vị đó đều biết.
‘’Thống lãnh quỷ thần đi tuần tra.’’ Các vị đó thống lãnh vô số quỷ thần, không

những ban ngày đi tra xét thiện ác, mà ban đêm cũng đi canh tuần, bất cứ làm việc gì, các vị đó đều biết hết cho nên nói : ‘’Họa phước không cửa người tự chiêu.’’ Gặp tai ương hoạn nạn, hoặc được phước, đều do mình chiêu đến, họa cũng không có cửa, phước cũng chẳng có cửa, đều do mình chiêu đến, làm thiện được phước, làm ác chiêu họa.
‘’Nhân quả tuần hoàn đừng trách ai.’’ Trồng nhân lành kết quả lành, trồng nhân ác kết ác quả, tơ hào không sai. Cho nên nhất cử nhất động, nhất ngôn nhất hạnh đều phải đặc biệt chú ý cẩn thận, đừng làm sai nhân quả, nếu làm sai nhân quả rồi, đến khi thọ quả xấu, thì sẽ hối hận. Cho nên nhân quả là tuần hoàn vô đoan, trồng nhân gì kết quả đó, đừng trách bất cứ ai, đó đều là do mình tạo, cho nên nói :”Bồ Tát sợ nhân không sợ quả, chúng sinh sợ quả không sợ nhân”, trái ngược với nhau. Bồ Tát tại nhân địa thì hết sức cẩn thận, không sai nhân quả, cho nên cũng không sai quả báo. Chúng sinh tại nhân địa thì luôn luôn trồng nhân ác, đến khi thọ quả báo thì oán trời trách người, nói trời không công đạo, người cũng không tốt, khiến tôi thọ khổ, mà không biết quả báo đang thọ lãnh là do nhân quả trong quá khứ, cho nên nói ‘’đừng trách ai’’ đừng than trời trách đất. Trên thế giới này nhất cử nhất động đều phải đặc biệt cẩn thận, không nên không giữ quy cụ, một khi bạn sai nhân quả rồi, thì về sau sẽ phải hối hận vô cùng.

24. Đà ra ly sắt noả

Kệ :
Hoá Lạc thiên cung biến hoá kỳ
Tiêu dao tự tại thế gian hy
Y thực toại ý thích khả chỉ
Tức vô phiền não cánh vô bi.

Tạm dịch :
Cung Trời Hóa Lạc biến hóa kỳ
Tiêu dao tự tại thế gian hiếm
Mọi thứ toại ý thích vừa đủ
Tức không phiền não cũng không sầu.

Giảng giải : Đà Ra là “Trời Hóa Lạc”. Ly Sắt Noả tức bao quát “Trời Quảng Quả”.
‘’Cung Trời Hóa Lạc biến hóa kỳ.’’ Sự biến hóa của Trời Hóa Lạc rất là kỳ quái.
‘’Tiêu dao tự tại thế gian hiếm.’’ Ở đó rất khoái lạc, tiêu dao tự tại, việc gì cũng không cần làm, nghĩ y phục thì y phục đến, nghĩ cơm thì cơm đến, nghĩ cái gì

có cái đó, không thể so sánh sự tiêu dao tự tại ở đây được, dù thời đại khoa học hiện nay máy điện toán gì, cũng so sánh không được với pháp tự tại này. ‘’Mọi thứ toại ý thích vừa đủ.’’ Bạn cần y phục bao nhiêu thì đến bấy nhiêu, không nhiều, cũng không ít, chỉ vừa đủ. Ăn cơm cũng như thế, cơm đến cũng không nhiều, cũng không ít, chỉ vừa đủ bạn ăn. Cho nên nói là y thực toại ý. ‘’Tức không phiền não cũng không sầu.’’ Trời Hóa Lạc chỉ thọ diệu lạc chứ không có phiền não, không có sự đau khổ, tuy nhiên không có phiền não ưu sầu như ở nhân gian, chỉ là khoái lạc, nhưng ở đây cũng chẳng phải là nơi cứu kính, khi phước trời hưởng hết, thì sẽ đọa lạc. Khi năm tướng suy hiện ra, thì thọ mạng cũng hết. Cho nên khi phước trời hưởng hết, thì vẫn còn khổ, có thể đọa địa ngục, chuyển ngạ quỷ, làm súc sinh. Vì không cứu kính cho nên trong Phật giáo không tu phước báo của cõi trời này.

Chú Lăng Nghiêm là Chú dài nhất, còn gọi là ‘’linh văn‘’ vì quá linh, quá diệu, diệu không thể tả. Ai niệm thì người đó có cảm ứng. Ai trì tụng thì người đó được Bồ Tát Kim Cang Tạng hộ trì. Cho nên bạn tu Chú này phải chánh tâm thành ý, tu thân, cách vật. Cách vật là gì ? Tức là cách trừ hết thảy vật dục, tức cũng là không có tâm tham, cách vật chí tri, chánh tâm thành ý, tu thân tức trì Chú này, thì sẽ có đại cảm ứng. Có người không hiểu ý nghĩa của Chú, cho nên nói Chú Lăng Nghiêm là do nhiều Chú nhỏ hợp thành, mới dài như thế, thật không bằng trẻ con. Trẻ con có nói, cũng nói những lời đã nghe người lớn nói rồi mới nói, không thể sai lợi hại như thế. Nếu nói Chú Lăng Nghiêm là do nhiều Chú ngắn nối lại với nhau, thì những Chú ngắn đó là Chú gì ? Nếu bạn nói không biết, sao lại nói là do nhiều Chú ngắn hợp thành ? Nói thẳng đó chẳng có căn cứ, những Chú ngắn đó có tên chăng ? Nếu không có thì Chú này là ai nói, cho đến tên cũng không có, thì còn nói Chú gì, cho nên thốt ra lời phải chịu trách nhiệm, không thể tùy tiện nói.

Chú Lăng Nghiêm từ khi bắt đầu là quy y mười phương tận hư không biến pháp giới hết thảy chư Phật, sau đó lại quy y mười phương tận hư không biến pháp giới hết thảy chư Bồ Tát, kế đó lại quy y các bậc Thánh nhân sơ quả, nhị quả, tam quả và tứ quả A La Hán, kế tiếp lại quy y chư Thiên. Quy y chư Thiên này không phải phụng hành pháp của chư Thiên, chỉ là cung kính chư Thiên, bổn lai người xuất gia không lễ bái ai, người xuất gia đáng thọ sự cúng dường của chư Thiên, tại sao lại phải cung kính chư Thiên, chư Thiên lễ bái bạn là vì bạn có đạo đức, có tu hành, bạn đừng nên có tâm cống cao ngã mạn nói, bạn biết không ! Tất cả hộ pháp chư Thiên đều cúi đầu đảnh lễ tôi, không thể sinh tâm cống cao ngã mạn như thế, phải cảm thấy chính mình chưa đủ đạo đức của mình mới viên mãn, cũng phải xem có như không thật, như hư vọng. Mình có đạo đức mà không chấp trước, bạn có học vấn chân thật cũng đừng tự mãn,

như vậy mới là người tu đạo. Cho nên người tu hành tụng trì Chú này cũng phải cung kính chư Thiên thiện thần, không những cung kính thiện thần mà ác thần cũng phải cung kính. Phải trừ khử cống cao ngã mạn của mình.

Cho nên chỗ lợi ích của sự trì Chú Lăng Nghiêm nói cũng nói không hết. Tôi cũng không muốn nói cứu kính có diệu dụng gì, vì nếu tôi nói ra thì các bạn tụng trì lại sinh ra một thứ tâm tham, tụng trì Chú Lăng Nghiêm sẽ được diệu dụng gì. Như vậy thật chẳng phải muốn trì tụng Chú Lăng Nghiêm, nếu bạn thật muốn trì tụng Chú Lăng Nghiêm, thì phải coi trọng Chú Lăng Nghiêm như ăn cơm, mặc quần áo, ngủ nghỉ. Nếu chúng ta làm như thế, thì sẽ đắc được cảm ứng gì, linh nghiệm gì, cũng đều không nghĩ đến, vì khi bạn nghĩ cũng là vọng tưởng, chưa thành công sao lại vọng tưởng, giống như em bé mới sinh ra, ngồi không thể ngồi được mà nghĩ muốn chạy, đi còn chưa được, làm sao chạy được. Tại sao em bé lại nghĩ như thế ? Vì không hiểu, nhưng đến khi chạy được lại nghĩ muốn bay. Bạn nói làm được chăng ? Vốn là việc không thể làm được sao lại phải nghĩ tưởng, lại không phải là chim, cũng không có cánh mà muốn bay. Vọng tưởng này thật là quá lớn, tụng trì Chú Lăng Nghiêm cũng như thế, tu hành là tu hành, đừng có tâm mong cầu sở đắc, nói tôi nhất định phải như thế này, như bạn nói tôi nhất định không chết, đến lúc chết vẫn phải chết, không có biện pháp nào tránh khỏi cái chết. Cho nên ý nghĩ này chỉ là vọng tưởng, nếu bạn chân thật tu hành, chứng quả rồi, chấm dứt sinh tử mới tính. Bạn muốn không chết thì không chết, mà chẳng phải cứ nghĩ tưởng, tôi không chết, tôi không chết, tôi phải giữ gìn túi da hôi thối này, giữ đi giữ lại, đến lúc còn đang nói hẹn gặp lại, thì ra đi hồi nào không hay.

Chú Lăng Nghiêm là linh Chú, mỗi một câu có hiệu lực một câu. Bạn đừng nghĩ, tôi trì Chú Lăng Nghiêm sao không có hiệu nghiệm gì, ăn cơm hết đói là được, nghĩ muốn ăn một bữa cơm mà vĩnh viễn không đói là điều không thể được. Đến thời bạn vẫn phải ăn nữa, tụng trì Chú Lăng Nghiêm cũng như thế, bạn tụng mỗi ngày, công không mất đi, lâu dần sẽ có công dụng của nó. Ông Tiêu cư sĩ ăn nhầm nấm độc, trước đó không lâu còn bướng bỉnh ra vẻ thành thạo nói người tụng Chú Lăng Nghiêm thì có hào quang, không biết y thấy ai có hào quang, y tựa có vẻ như thành thạo lắm. Nếu ông ta thật hiểu thì không thể đi ăn nấm độc.

Tụng trì Chú Lăng Nghiêm thì có Kim Cang Tạng Bồ Tát thường theo bạn hai bên để hộ trì bạn, đây là sự thật, nhưng lúc tụng Chú thì đừng loạn khởi vọng tưởng, bằng không Bồ Tát Kim Cang Tạng nhìn thấy rằng bạn không có tiền đồ gì hết, lãng phí thời gian của tôi, Bồ Tát hộ pháp sẽ sinh ghét, nổi nóng giận, phải hết sức chú ý. **Cho nên tụng trì Chú Lăng Nghiêm điều quan trọng**

nhất là nghiêm trì giới luật. Nếu không trì giới luật, thì tụng cách nào cũng không linh.
Nếu hay trì giới luật, không đố kỵ chướng ngại, không tham sân si, thì tụng trì Chú Lăng Nghiêm sẽ có đại cảm ứng, đại lợi ích. Nói cho bạn biết tụng trì Chú Lăng Nghiêm so với buôn bán vàng bạc còn kiếm được nhiều tiền hơn, tụng một biến Chú Lăng Nghiêm thì giá trị bằng mấy vạn vạn ký vàng. Nhưng đừng dùng tâm tham để tụng trì.

Tôi giảng Chú Lăng Nghiêm như vậy, cũng không thể nói là không tốt, nhưng không khi nào có ai giảng như thế, giảng Chú Đại Bi thì mỗi một câu Chú, tôi làm một bài kệ bốn câu, để hình dung oai lực và công dụng của Chú, song, bốn câu kệ giải thích một câu Chú cũng giải thích không hết. Vì diệu nghĩa của Chú vô cùng vô tận, bốn câu kệ làm sao có thể nói hết được. Chỉ nói một ít phần mà thôi, vì bốn câu kệ này rất dễ nhớ, từ cạn mà vào sâu, từ ít mà nhiều, từ gần mà xa, thì dễ thâm nhập nghĩa lý của Chú. Bổn lai Chú không thể giảng, cũng không thể giải thích, nhưng miễn cưỡng để giảng, tức cũng như bỏ đá thì thấy ngọc.
Do đó, bây giờ giảng Chú Lăng Nghiêm, không màng tôi giảng có ý nghĩa hay không, có đúng hay không, nhưng đó là từ trong tâm của tôi chảy ra, cũng có thể nói là như máu huyết của tôi, mồ hôi của tôi, tôi dùng chân tâm của tôi để giảng, hy vọng các bạn nghe qua rồi minh bạch và thấu hiểu ý nghĩa chân chánh của Chú thâm sâu hơn, rộng hơn so với tôi, đó là ý của tôi. Cho nên nói vứt bỏ đá tìm thấy ngọc, hy vọng trí huệ của bạn sẽ hiển lộ, thâm nhập Kinh tạng, trí huệ như biển.
Người học Phật pháp thì nên học một hiểu mười, không phải nói tôi hiểu rồi nhưng không biết áp dụng tu, phải thành thực tu hành, nếu bạn biết mà không áp dụng tu hành thì chẳng có lợi ích gì. Cho nên tu hành thì phải cước đạp thật địa, không thể bịt tai ăn cắp chuông. Mỗi câu Chú tôi làm một bài kệ bốn câu cũng có thể nói là giới thiệu trí lực của tôi, giới thiệu tâm của tôi, tôi dùng chân tâm để giảng Chú Lăng Nghiêm, hy vọng các bạn có thể minh bạch một chút.

25. Xá ba noa

Kệ :
Tha Hoá Tự Tại diệu vô cùng
Khoái lạc thao thao tối an ninh
Đạm bạc thiểu tham ly chư dục
Tích đức tu thiện kiêm lập công.

Tạm dịch :
Tha Hóa Tự Tại diệu vô cùng
Khoái lạc vô tận yên ổn nhất
Đạm bạc ít tham lìa các dục
Tích đức tu thiện và lập công.

Giảng giải : Xá Ba Noa tức là “Trời Tha Hóa Tự Tại”, chư Thiên cõi trời này thọ diệu lạc thù thắng, cho nên không có sự khổ, tuy thọ dục lạc, nhưng cảnh giới của họ vô cùng vô tận, dùng thần thông biến hóa của kẻ khác, để trang nghiêm cung trời của mình.
‘’Khoái lạc vô tận yên ổn nhất.’’ Sự khoái lạc của họ như nước chảy bất tận, chảy mãi không ngừng, chư Thiên cõi trời Tha Hóa Tự Tại yên ổn nhất, đạn nguyên tử bắn cũng không đến, đạn hạt nhân, đạn quang tử (laser) cũng không làm gì được, nhưng đó là trên trời, không phải tại nhân gian, phiền não gì cũng chẳng có.
‘’Đạm bạc ít tham lìa các dục.’’ Chư thiên cõi này không có vọng tưởng, rất thanh cao đạm bạc biết đủ ít dục. Không tham bất cứ thứ gì, tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, địa ngục năm căn nầy đều đoạn hết.
‘’Tích đức tu thiện và lập công.’’ Họ lại chuyên tích đức, tu thiện, lập công. Nhưng đa số đến cung trời rồi, thì hưởng thụ khoái lạc không dễ gì tu đạo, trong Kinh cũng nói giàu sang thì khó học đạo, chỗ này có thể nói khoái lạc khó tu đạo, con nguời mà khổ não thì mới phát bồ đề tâm, khoái lạc thì tự do tự tại còn tu gì nữa, có người làm hoàng đế rồi thì không còn muốn xuất gia nữa, thật là thua một nước cờ, nếu như không làm vua thì xuất gia tốt hơn so với làm vua.

26. Yết ra ha

Kệ :

Chư Thiên quyến thuộc chủng phước nhân
Đồng tu thiện đạo tác thắng than
Đương tri tư phi cứu kính lạc
Nhưng tu phát đại bồ đề tâm.

Tạm dịch :

Chư Thiên quyến thuộc trồng nhân lành
Đồng tu thiện đạo kết duyên lành

Khoái lạc cõi trời chẳng rốt ráo
Phải sớm phát tâm đại bồ đề.

Giảng giải : Yết Ra Ha dịch là “Chúng sinh”, nhưng đây không phải là chúng sinh ở nhân gian, là quyến thuộc của chư thiên ở trên trời, cho nên nói : ‘’Chư thiên quyến thuộc trồng nhân lành.’’ Chư thiên đều là những người trồng phước trong quá khứ như cúng dường người xuất gia, hoặc lễ bái Tam Bảo. Sao chúng ta không có phước ? Vì trong quá khứ không gieo trồng phước, xem tiền như thân mạng, xả bỏ không được, đều cảm thấy bố thí cho kẻ khác thì mình thiếu ăn. Người bố thí cho mình đương nhiên là tốt nhất, nhưng mình thì không chịu bố thí. Thế mà quyến thuộc của chư Thiên này chịu trồng phước.
‘’Đồng tu thiện đạo kết duyên lành.’’ Trong quá khứ tại nhân gian, cùng tu thiện đạo với nhau, cùng tu với nhau, trì giới, nhẫn nhục, thiền định, tu đại trí huệ, cho nên hôm nay được làm quyến thuộc thù thắng.
‘’Khoái lạc cõi trời chẳng rốt ráo.’’ Chúng ta nên biết, sự khoái lạc ở cõi trời chẳng phải là cứu kính. Khoái lạc cứu kính chỉ có thành Phật, chấm dứt sinh tử, đắc được Niết Bàn cứu kính, mới là thật khoái lạc.
‘’Phải sớm phát tâm đại bồ đề.’’ Nếu muốn đắc được chân chánh cứu kính khoái lạc, thì phải phát tâm đại bồ đề, từ từ tu Bồ Tát đạo, sau đó mới viên mãn Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đó mới là khoái lạc cứu kính.

27. Ta ha ta ra ma tha nẩm

Kệ :
Tam thiên đại thiên chư Thiên tiên
Nhẫn nhục tinh tấn tu đạo kiền
Nhược Thánh nhược phàm giai quy kính
Cống cao ngã mạn tận trừ dật.

Tạm dịch :
Ba ngàn đại thiên các Thiên tiên
Nhẫn nhục tinh tấn rất kiền thành
Hoặc Thánh hay phàm kính hết thảy
Cống cao ngã mạn trừ khử sạch.

Giảng giải: Ta Ha Ta Ra dịch là “Đại thiên nhẫn giới”, tức là tam thiên đại thiên thế giới kham nhẫn này.
‘’Ba ngàn đại thiên các Thiên tiên.’’ Tất cả chư Thiên tiên trong tam thiên đại thiên thế giới đều bao quát trong đó.

‘’Nhẫn nhục tinh tấn rất kiền thành.’’ Trong quá khứ họ tu nhẫn nhục, tinh tấn, tu đạo rất kiền thành. Chư Thiên cũng có Thánh nhân, cũng có phàm phu, chúng ta đối với họ đều phải cung kính, tại sao ?
‘’Cống cao ngã mạn trừ khử sạch.’’ Tu đạo việc cần nhất là đừng cống cao ngã mạn, mà phải tự hạ mình xuống. Thái độ cống cao ngã mạn nhất định phải trừ, cho nên chúng ta tuy nhiên là người xuất gia, làm sư biểu trời người, tốt nhất đừng tồn tại tâm cống cao ngã mạn, phải trừ sạch, một khi có tâm cống cao ngã mạn thì không dễ tu hành.

28. Nam mô bạt ra ha ma ni

Kệ :
Ly cấu thanh tịnh đại Phạm Thiên
Oai đức lẫm lẫm thậm trang nghiêm
Bà La Môn giáo vi tông chủ
Thiểu dục tri túc tự an nhiên.

Tạm dịch :
Lìa dơ thanh tịnh Đại Phạm Thiên
Oai đức lẫm liệt rất trang nghiêm
Làm tông chủ Bà La Môn giáo
Ít dục biết đủ tự an nhiên.

Giảng giải : Câu này là “Quy kính đảnh lễ Đại Phạm Thiên Vương và Đại Phạm Thiên chúng”. Đại Phạm Thiên chúng dịch là “Hảo ly cấu”. Lìa khỏi tất cả nhiễm ô, tu phạm hạnh thanh tịnh.
‘’Lìa dơ thanh tịnh Đại Phạm Thiên.’’ Vì họ tu trì phạm hạnh thanh tịnh, giữ giới luật cho nên có oai đức lẫm liệt, rất trang nghiêm tự tại.
‘’Làm tông chủ Bà La Môn giáo.’’ Bà La Môn giáo tôn Đại Phạm Thiên Vương là giáo chủ của họ.
‘’Ít dục biết đủ tự an nhiên.’’ Họ luôn luôn thiểu dục tri túc, chẳng tham gì, cũng không cầu gì, cho nên tri túc thường lạc, họ đều luôn luôn khoái lạc, không có phiền não.

Chú Lăng Nghiêm bắt đầu từ câu thứ nhất **‘’Nam Mô Tát Đát Tha Tô Già Đa Gia ’’ đến ‘’Nam Mô Nhân Đà La Gia‘’ có 29 câu. Hai mươi chín câu này, chúng ta người tu đạo phải quy mạng đảnh lễ hết thảy chư Phật, Bồ Tát, A La Hán, Thánh hiền, Thiên, tiên .v.v… Hai mươi chín câu Chú này, một khi niệm ra thì sẽ xuất hiện một cảnh giới, có thể nói cảnh giới này vốn là thật, cũng có thể nói là huyễn**. Tại sao ? Vì tất cả thiên ma ngoại đạo nhìn

cảnh giới này thì là thật, người tu đạo thì tự mình biết. Đây đều là do thần lực của Chú hiện ra chứ không phải chính mình, là sức lực của tam muội, là sức lực của Chú. Cho nên cũng có thể nói là huyễn, tụng trì hai mươi chín câu Chú này, thì sẽ hiện ra cảnh giới như sau : Hành giả hiện một thứ thân pháp, bốn mặt tám phương có rất nhiều, rất nhiều hoa sen đỏ đến ủng hộ người trì Chú này, cho nên nói : ‘’Ngàn đóa sen đỏ hộ người trì.’’ Nếu bạn đầy đủ tâm thành, thì nhiều hơn nữa không chỉ ngàn đóa thôi. ‘’Ngồi cỡi con kỳ lân đen‘’ lúc này chỗ ngồi không phải là máy bay, không phải là xe lửa, cũng không phải là xe buýt, mà là con kỳ lân, vì có oai đức tướng hiện ra, cho nên yêu ma quỷ quái thấy thì phải chạy xa.

Vào thời nhà Tống, Tế Điên tức là Tế Công hòa thượng, thường thường dùng đoạn Chú này để hàng phục thiên ma, khống chế các ngoại đạo rất linh nghiệm cảm ứng. Do đó, chúng ta học Chú Lăng Nghiêm phải biết sự diệu dụng của Chú, đoạn Chú Lăng Nghiêm này là pháp khuất phục, khi bạn tụng Chú này, thì bàn môn tả đạo, ma quỷ tà thần, đều không dám tác quái, đều lão thực.

29. Nam mô nhân đà la gia

Kệ :
Thiên chủ chân thần Nhân Đà La
Vi thật thí quyền đại Bồ Tát
Tích thiện tu phước hành lục độ
Thích Phạm Thánh chúng tôn trọng tha.

Tạm dịch :
Thiên chúa chân thần Nhân Đà La
Chân thật thí quyền đại Bồ Tát
Tích thiện tu phước hành lục độ
Thích Phạm Thánh chúng đều tôn trọng.

Giảng giải : Câu này là nói chúng ta phải “Quy y thiên chủ” (chủ chư Thiên), nhân gian thì có nhân chủ (ông vua), đất đai thì có địa chủ (chủ cai quản đất đai). Thiên địa nhân đều có chủ, địa chủ tức là địa chủ công (thần thổ địa). Tại Trung Quốc tỉnh Quảng Đông có phong tục, là mỗi nhà đều cúng thổ địa, và có thần xã tắc, thổ địa thành hoàng, thổ địa là dương trong âm, quản đất đai tức là quản việc âm gian, âm gian tức là thế giới của loài quỷ, dương gian là thế giới của loài người. Thế giới của loài quỷ thuộc âm, nhưng thần thổ địa quản loài quỷ là dương trong âm, thần thổ địa như là huyện trưởng, thành hoàng như là tỉnh trưởng, đất có địa chúa, người cũng có nhân chúa tức là làm

quan.
Người là nửa âm nửa dương, cho nên làm quan cũng là nửa âm nửa dương, hoặc có thể nói là âm trong dương. Vì có những sự tham quan ô sử, không lo cho bá tánh, làm những việc xấu ác, bổn lai là nửa âm nửa dương, nhưng hoàn toàn biến thành âm. Đây là nói chủ nhân gian tức là hoàng đế. Địa chủ là vì quá khứ y làm việc thiện. Nhân chủ là do mọi người ủng hộ y làm hoàng đế, hoặc làm tổng thống. Chủ cõi trời làm thế nào để làm được ? Không phải là do tuyển chọn mà là do nghiệp cảm quả báo sở hiện.
Trong vô lượng kiếp trong quá khứ có một người nữ đi các nơi giúp người làm việc, một ngày nọ cô ta thấy trong ngôi chùa cổ có tượng Phật cũ kỹ tróc sơn, chùa cũng hư hại dột nát. Trong tâm không đành làm ngơ, bèn đi tìm người phụ giúp, tìm được ba mươi hai người nữ, cùng đi các nơi hóa duyên để trùng tu chùa lại. Người nữ này làm chủ công đức đề xướng sửa chùa, sơn tượng lại trang hoàng đẹp đẽ. Do công đức này sở cảm, sau khi chết được sinh lên cõi trời Đao Lợi, do thiện nghiệp sở cảm được làm Thiên chủ, tức là phần đông thường nói là chân thần.
Chung quanh trời Đao Lợi, đông tây nam bắc mỗi hướng có tám cõi trời cộng thành ba mươi hai với chính giữa cộng thành ba mươi ba ! Thiên chủ cõi trời Tam Thập Tam là tiền thân của người nữ ấy, tức cũng là chân thần, thượng đế, chủ tể vạn vật mà Gia Tô Giáo, Thiên Chúa Giáo sùng bái. Vì y làm Thiên chủ cõi trời và cai quản nhân gian.

Nhân Đà La dịch là "tôn trọng", vì trời người đều tôn trọng. Cho nên tạo chùa, tạo tượng, đều có công đức.
Hai mươi chín câu Chú này là xua đuổi thiên ma quỷ quái. Tuy là thế nhưng bạn phải tu hành, có đạo đức thì tụng trì Chú này mới linh nghiệm. Nếu bạn không tu hành, không có đạo đức thì tụng Chú gì cũng không linh. Vì bạn không tu hành, không có đức hạnh, tất cả chúng thần không nghe Chú của bạn, không nghe bạn chiêu hô, không y giáo phụng hành.

Vạn Phật Thành trước đây mấy năm, cũng tụng hai mươi chín câu Chú này để thanh tịnh pháp giới, thanh tịnh chu vi đạo tràng mấy trăm mẫu. Lúc đó tôi kêu các bạn tụng, nhưng các bạn không biết nguyên nhân, bất quá tụng Chú không cần biết Chú có oai lực gì, biết rồi ngược lại tâm không chuyên nhất, không biết mới là diệu, biết rồi thì không diệu nữa. Diệu tức là không thể nghĩ bàn, có thể nghĩ thì không diệu. Cho nên tại sao không giải thích Chú cũng là vì bảo trì sự diệu này, nếu bạn biết rồi, thì không còn diệu nữa. Bạn tụng Chú thì biết oai lực của Chú không thể nghĩ bàn, cũng giống như ăn cơm, chúng ta biết nó có công năng. Công năng này tức là làm cho chúng ta không đói,

không cần biết ngon hay dở, tiêu hay không tiêu, mặc y phục cũng như thế, tụng Chú cũng như thế.

Nhân Đà La này là Trời Đế Thích, một danh hiệu trong 108 danh hiệu. Trong Kinh Di Đà xưng là Thích Đề Hoàn Nhân. Thích dịch là "năng", Đề Hoàn dịch là "Thiên" (trời), Nhân tức là Nhân Đà La Gia dịch là "chủ" (chúa), tức là năng thiên chủ, có khả năng làm chủ cõi trời. Thiên Chúa Giáo đồ nghe đoạn này rồi, sẽ nói chúng ta tin Thiên Chúa không phải là Thiên Chúa này. Vậy Thiên Chúa nào ? Nếu không phải là Thiên Chúa này, chẳng lẽ có hai Thiên Chúa, tôi đây có một Thiên Chúa, bạn đó cũng có một Thiên Chúa, trong đó có một Thiên Chúa thật, một Thiên Chúa giả ! Cứu kính cái nào là thật ? Bạn muốn bạn là Thiên Chúa thật, tôi muốn tôi là thật Thiên Chúa. Vậy có gì thật giả, bạn cũng không thấy qua Thiên Chúa, tôi cũng không thấy qua Thiên Chúa. Thiên Chúa thật hay giả không cần bình luận. Nếu y không phải thật, bạn nói là thật cũng không thể làm cho y trở thành thật. Nếu y không phải giả, bạn nói y là giả, cũng không thể làm y trở thành giả, con người tùy tiện dùng tư tưởng ngôn ngữ để hình dung Thiên Chúa, cứu kính có thể biết sự thật về Thiên Chúa chăng ? Bạn nói Thiên Chúa giáo đồ Thích Đề Hoàn Nhơn là Thiên Chúa, họ nói không phải, vì Thiên Chúa của họ là vạn năng. Sao bạn biết Thích Đề Hoàn Nhơn này không phải là vạn năng, vô sở bất năng ! Đây là tướng điên đảo của chúng sinh, tin Phật thì nói giúp cho Phật, tin Thiên Chúa thì nói giúp cho Thiên Chúa, tôi là thật, là chánh, còn bạn thì giả, không thật, sự chấp trước của chúng sinh là như thế. Cho nên Thiên Chúa, chân thần, thật ra là Nhân Đà La, Nhân Đà La là Chúa, Chúa tức là Chúa, còn có gì thật với giả.
‘’Chân thật thí quyền đại Bồ Tát‘’, Thiên Chúa cũng hành Bồ Tát đạo. Y là Phật Pháp chân thật lại hành quyền pháp, dạy bạn tin Thiên Chúa, tin Gia Tô, tin thần thổ địa, tin Ngọc Hoàng. Đây chỉ là đến dẫn dụ bạn hướng từng bước từng bước đi trên đại lộ, đây gọi là chân thật thí quyền, vì chân thật, trước hết cho bạn một phương pháp quyền xảo phương tiện, dạy bạn tu hành, đây là đại Bồ Tát. Thiên Chúa trong quá khứ cũng đã từng tích thiện tu phước hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, lục độ.
‘’Thích Phạm Thánh chúng đều kính trọng‘’, hết thảy chư Thiên, Đại Phạm Thiên Vương, đều rất khách sáo đối với Thiên Chúa. Mọi người đừng tin Thiên Chúa liền mê Thiên Chúa, tin Phật liền mê Phật, vì Thiên Chúa, vì Phật mà tranh chấp kiện tụng.

30. Nam mô bà già bà đế

Kệ :

Đa hàm bất phiên Bạt Già Phạm
Tự tại sí mãnh diệu đoan nghiêm
Danh xưng phổ văn cát tường xứ
Tôn quý nhân Thiên đồng chiêm ngưỡng.

Tạm dịch :
Nhiều nghĩa không dịch Bạt Già Phạm
Tự tại sí thạnh diệu đoan nghiêm
Nghe đến danh hiệu được cát tường
Trời người tôn quý cùng chiêm ngưỡng.

Giảng giải : Bà Già Bà Đế dịch là “Bạt Già Phạm”. Bà Già Bà Đế và Bạt Già Phạm là tiếng Phạn, có sáu nghĩa :
1. Tự tại.
2. Sí thạnh.
3. Đoan nghiêm.
4. Danh xưng.
5. Cát tường.
6. Tôn quý.
Vì có sáu nghĩa này, cho nên Bạt Già Phạm trong Kinh văn, hoặc trong Chú, đều không phiên dịch. Đây gọi là “đa hàm không dịch”, là một trong năm loại không dịch.
Tự tại là gì ? Tức là vô tại vô bất tại. Phật thì vô tại vô bất tại. Bạt Già Phạm là một danh hiệu của đức Phật. Sí thạnh là hình dung oai đức của Phật, rực sáng như lửa. Đoan là đoan chánh. Nghiêm là oai nghiêm, đây là Phật có 32 tướng, 80 vẻ đẹp, rất đoan nghiêm. Danh xưng của Phật nghe khắp, cho nên chúng sinh đều biết. Bất cứ ai gặp được Phật, đều đắc được cát tường, tùy tâm mãn nguyện, cát tường như ý. Tôn quý là nói mười tướng tốt của Phật, là trời người đều tôn quý trong tam giới cho nên nói ‘’Nhiều nghĩa không dịch Bạt Già Phạm – Tự tại sí thạnh diệu đoan nghiêm.’’ Ngài rất tự tại sí thạnh đoan nghiêm.
‘’Nghe đến danh hiệu được cát tường.’’ Bất cứ ai nghe đến danh hiệu của Phật đều đắc được cát tường, nơi nơi đều cát tường.
‘’Trời người tôn quý đồng chiêm ngưỡng.’’ Trời người đều cung kính Ngài, chiêm ngưỡng Ngài, Phật giống như mặt trời.

31. Lô đà ra gia

Kệ :
Thiên thần quyến thuộc tự tại tiên

Địa kỳ đẳng chúng hộ vệ tiền
Hành giả nhất tâm tu chân đế
Thường tuỳ bảo hữu vật sân tham.

Tạm dịch :
Thiên thần quyến thuộc tự tại tiên
Địa kỳ đẳng chúng đồng hộ vệ
Hành giả nhất tâm tu chân đế
Thiện thần gia bị chớ sân tham.

Giảng giải : Câu này là nói về thân nhân quyến thuộc của Trời Đại Tự Tại.
''Thiên thần quyến thuộc tự tại tiên.'' Địa kỳ là nói thần thổ địa, thổ địa công, thành hoàng và quyến thuộc, chúng bảo hộ người tu hành, người trì Chú.
''Địa kỳ đẳng chúng đồng hộ vệ.'' Nếu hành giả nhất tâm tu hành chân đế, nhất tâm trì Chú.
''Hành giả nhất tâm tu chân đế.'' Nếu bạn tu hành thì tám vạn bốn ngàn thiện thần hộ pháp, Kim Cang Tạng Bồ Tát thường theo bảo hộ bạn, người tu hành nên nhớ đừng sinh tâm sân hận, sinh tâm tham, nếu không thiện thần hộ pháp không bội phục bạn nữa, họ sẽ nói bạn vẫn còn tâm quá nóng giận, không tu hành, họ sẽ không vui. Nếu Bồ Tát Hộ pháp không vui, thì tu hành không dễ gì, cho nên người trì Chú quan trọng nhất là đừng có tâm sân hận, tâm tham lam và tâm si mê.

32. Ô ma bát đế

Kệ :
Tối thắng mãnh tật đại phong thần
Đảo xá bạt thụ thậm kinh nhân
Tam thiên do cụ thử tai nạn
Sân khuể cảm chiêu tự trầm luân.

Tạm dịch :
Tối thắng dũng mãnh đại phong thần
Nhà xập cây ngã rất kinh người
Tam Thiền đều sợ tai nạn này
Sân hận chiêu cảm tự trầm luân.

Giảng giải : Câu này dịch là "tối thắng", "mãnh tật", là tên của vị phong thần (thần gió). Vị thần này khí lực rất lớn, thường thường muốn tranh thắng, rất mãnh liệt, làm việc rất nhanh. Gió có nhiều loại như gió mát, gió ấm, gió này

chẳng hại người, lúc thái bình thịnh thế, khi thì mưa, khi thì gió, thời tiết khí hậu điều hòa.
Ô Ma Bát Đế này là chủ thần gió, có thế lực rất lớn, ra oai rất là lợi hại, nhà cửa phòng ốc đều thổi ngã xập, cây cối trốc gốc, khí lực rất mãnh liệt, cho nên nói : ''Tối thắng dũng mãnh đại phong thần.'' Ai có nóng giận tức là thần gió này trợ giúp. Cho nên nói: ''Nhà xập cây ngã rất kinh người.'' Tôi còn nhớ trước đây hai năm, có một trận bão, làm ngã mấy cây cổ thụ ở Vạn Phật Thành.
''Tam Thiền đều sợ tai nạn này.'' Lửa thiêu đốt đến cõi trời Sơ Thiền, nước tràn ngập đến cõi trời Nhị Thiền, gió thổi tan cõi trời Tam Thiền. Cho nên có câu :
''Lục dục chư Thiên cụ ngũ suy,
Tam Thiền thiên thượng hữu phong tai,
Nhậm quân tu đáo Phi Phi Tưởng,
Bất như Tây Phương quy khứ lai.''

Cho nên tu hành đừng mong cầu sinh về cõi trời, vì khi hưởng hết phước báu cõi trời thì phải đọa lạc. Cõi trời lục dục có năm tướng suy hiện ra, thì mạng trời đã hết, bèn sinh xuống nhân gian theo nghiệp thọ quả báo, tùy theo mình tạo nghiệp thiện, hoặc nghiệp ác mà thọ quả báo. Năm tướng suy là :
1. Hoa trên đầu héo. Người trời đội cái mũ được làm bằng các loại hoa rất đẹp và trang nghiêm, hoa cũng không rớt, đợi đến khi thọ mạng hết, thì hoa trên mũ liền rụng và khô héo, đây là một thứ tướng suy.
2. Y phục dơ bẩn. Người trời mặc y phục không giống như y phục thế gian hay dơ bẩn, mỗi khi thay phải giặt. Y phục người trời mặc không cần giặt, tự nhiên sạch sẽ, họ không cần mua bột giặt, cũng không cần mua máy giặt đồ. Người thế gian cho rằng mình có máy giặt đồ là quá tốt, chẳng biết đó vẫn là việc vô ích. Y trời vốn không cần phải giặt, tự nhiên sạch sẽ. Nhưng năm tướng suy hiện thì y phục dơ bẩn.
3. Thân ra mồ hôi. Thân người trời vốn không ra mồ hôi, cho nên y phục cũng không hôi, nhưng năm tướng suy hiện thì trên thân ra mồ hôi.
4. Thân có mùi hôi thối. Thân người trời thường có hương thơm, mùi hương thơm tự nhiên từ trong thân toả ra, chẳng phải thoa son, đánh phấn, sức nước hoa, như người thế gian, nhưng khi năm tướng suy hiện thì bèn có mùi hôi thối.
5. Tâm tán ý loạn, bất an. Người trời thường ngồi thiền nhập định, nhưng khi năm tướng suy hiện ra, thì ngồi không yên, tâm ý tán loạn, không có định lực, cho nên đi đứng nằm ngồi đều bất an liền biết thọ mạng sắp hết. Nếu nghiệp thiện của họ thành thục, thì đầu thai làm người giàu có, nếu nghiệp ác thành thục, thì đầu thai làm ngạ quỷ, hoặc súc sinh, hoặc đọa địa ngục, đều không nhất định. Cho nên làm người trời có những phiền não như thế.

Khi nạn gió phát khởi thì chư Thiên cõi Tam Thiền cũng hết số. Nạn gió này làm thế nào mà chiêu lại ?
‘’Sân hận cảm chiêu tự trầm luân.’’ Vì làm người thì sự nóng giận quá lớn, tuy nhiên tu phước được sinh về cõi trời, nhưng phải thọ thứ quả báo nạn gió này. Gốc sân hận mà không đoạn trừ thì kết quả phải thọ quả báo đó.

33. Ta hê dạ gia

Kệ :
Liệt hoả viêm viêm nhiệt nan đương
Thử tai hiện thời thất thái dương
Sơn khô hải can vô sinh vật
Thành trụ hoại không nghiệp mang mang.

Tạm dịch :
Lửa mạnh hừng hực chịu không thấu
Nạn nầy đồng hiện với bảy mặt trời
Núi khô biển cạn không vật sống
Thành trụ hoại không nghiệp mênh mông.

Giảng giải : Ta Hê Dạ Gia là “Thần lửa”. Thứ thần lửa này rất nóng vô cùng. Vì nóng quá cho nên nói : ‘’Lửa mạnh hừng hực chịu không thấu.’’ Rất lợi hại, nóng khiến người không chịu nổi. Nóng quá sẽ khiến người chết. Nạn lửa xuất hiện thì trên không trung có bảy mặt trời đồng thời cũng xuất hiện, thiêu hủy hết thảy sơn hà đại địa, biển cả cũng khô cạn, chẳng có vật gì còn sống sót lại. Lửa có thể thiêu đến cõi trời Sơ Thiền. Nhị Thiền và Tam Thiền cũng có tai nạn. Vậy trời Tứ Thiền có bảo đảm chăng ? Không. Cho nên nói : ‘’Nếu tu được sinh về Trời Phi Phi Tưởng‘’ còn bị đọa lạc trầm luân.
‘’Bất như Tây Phương quy khứ lai.’’ Chẳng bằng đến Tây Phương thành Phật rồi, nương thuyền từ bi trở lại giáo hóa chúng sinh. Tôi còn nhớ mười mấy năm về trước, tôi giảng về cõi Trời Tứ Thiền, có mấy người Mỹ hỏi : Trời “ngũ thiền” như thế nào ? Bạn xem, không hiểu Phật pháp rất buồn cười.
‘’Thành trụ hoại không nghiệp mênh mông.’’ Một tăng một giảm là một kiếp, bây giờ là kiếp giảm. Kiếp tăng thì một trăm năm thọ mạng của con người tăng một tuổi, thân người cũng cao thêm một tấc, kiếp giảm thì một trăm năm thọ mạng con người giảm một tuổi, thân người giảm xuống một tấc. Kiếp giảm thì từ tám vạn bốn ngàn tuổi giảm xuống đến mười tuổi thì sau đó mới tăng, tăng đến tám vạn bốn ngàn tuổi. Một tăng và một giảm gọi là một kiếp. Một ngàn kiếp gọi là một tiểu kiếp, hai mươi tiểu kiếp thành một trung kiếp, bốn trung kiếp

thành một đại kiếp.
Con người sống trên thế gian mấy mươi năm, cũng giống như một sát na (thời gian rất ngắn) nhắm mắt mở mắt mà thôi. Trong một sát na chẳng có gì lưu luyến, đừng xem nghiêm trọng như thế. Thế giới thành có 20 tiểu kiếp, trụ có 20 tiểu kiếp, hoại có 20 tiểu kiếp, không có 20 tiểu kiếp. Thành trụ hoại không trải qua bốn trung kiếp, hợp lại là một đại kiếp. Trong thành trụ hoại không, mỗi người tạo không biết bao nhiêu là biển nghiệp. Cho nên nói ‘’nghiệp mênh mông‘’ không có bờ mé. Mỗi người có nghiệp cảm khác nhau, mỗi người có tư tưởng khác nhau, do đó mỗi người tạo nghiệp cũng khác nhau, nếu nghiên cứu kỹ càng thì vô cùng vô tận, mênh mông như biển cả không có bờ mé.

34. Nam mô bà già bà đế

Kệ :
Quy mạng Thế Tôn Bạt Già Phạm
Vô tận Pháp Bảo diệu trạm nhiên
Thập phương hiền Thánh đồng tụ hội
Nhất tâm đảnh lễ Thiên Trung Thiên.

Tạm dịch :
Quy mạng Thế Tôn Bạt Già Phạm
Vô tận Pháp bảo thường tịch nhiên
Mười phương hiền Thánh cùng tụ hội
Một lòng đảnh lễ Thiên Trung Thiên.

Giảng giải: Bà Già có sáu ý nghĩa, bây giờ lược giảng như sau :
1. Tự tại: Tức là không có vọng tưởng, có vọng tưởng thì không tự tại, tức là chạy đi, cho nên không tự tại, chạy đi đâu ? Bạn vọng tưởng cái gì thì chạy đến đó. Khởi vọng tưởng ăn, thì chạy đến chỗ có đồ ăn. Khởi vọng tưởng mặc, thì chạy đến tìm đồ mặc, cũng không tự tại. Cho nên nói :

‘’Dấy niệm thì gì cũng có,
Bặc niệm thì gì cũng không.
Tâm ngừng niệm bặc giàu sang thật,
Lòng dục dứt sạch thật giàu có.’’

Bạn chẳng còn ham muốn gì nữa, cũng chẳng hướng vào trong cầu, cũng chẳng hướng ra ngoài cầu, cầu mà chẳng được thì là khổ. Người có khổ thì đừng nói đến giàu sang, đều là người nghèo. Có tâm tham thì có khổ, không có tâm tham, đến chỗ vô cầu thì không có lo lắng gì, vô sở cầu thì chẳng còn

tham nữa, chẳng còn u sầu nữa. Tham ăn ngon, chỗ ở tốt, ngủ nhiều, tham không được thì có phiền não. Không biết bạn có kinh nghiệm gì chăng ? Nếu trong tâm thúc dục, thì trong miệng bèn khổ ghê lắm, giống như ăn lửa than, giống như bị lửa cháy. Dụng công cũng dụng chẳng tốt. ‘’Tâm ngừng niệm bặc giàu sang thật – Lòng dục dứt sạch thật giàu có.’’ Nếu thật minh bạch hai câu này, thì một đời dùng không hết, nói là nói như thế, chứ tâm tham thì không thể dừng lại, cho nên ưu sầu lo lắng đều có, lại sợ cái này, lại sợ cái kia, có sự sợ sệt thì không được chân chánh, đó đều là không tự tại. Đức Phật vọng tưởng gì cũng chẳng có, tạp niệm gì cũng không sinh, cho nên tự tại nhất.
2. Sí thạnh : Cũng giống như lửa sáng rực, có một thứ quang minh. Trí huệ qung minh này phá hết thảy ngu si đen tối. Nếu việc đến mà sáng suốt rõ rang, thì không bị sự việc làm mê tức là sí thạnh.
3. Đoan nghiêm : Đoan là đoan chánh, chánh thì không lệch, ngồi thẳng ngay ngắn không ngã về trước, không dựa phía sau, không nghiêng bên trái, lệch bên phải. Nghiêm là luôn luôn không cẩu thả, không sơ xuất, không phóng dật, không tùy tùy tiện tiện, không phải kỷ luật không nghiêm, mà chính mình tha thứ cho chính mình.
4. Danh xưng: Danh là danh dự, xưng là xưng tán. Danh xưng này chẳng phải cầu đến, chẳng phải mua danh chuộc tiếng khen, hoặc cố ý đối với người tốt, để người nói bạn tốt, mua được cái danh như thế thì không đúng, vậy người làm việc là một thứ phục vụ, chỉ hỏi lương tâm không hổ thẹn, mà đắc được danh dự mới là chân. Chẳng phải biểu diễn công phu cho người khác xem. Giúp đỡ kẻ khác phải vô sở cầu (không cầu gì hết), không cần kẻ khác cảm ơn bạn, nói với bạn một lời tốt, danh chân thật thì chẳng phải cầu đến, chẳng phải giả dạng tu hành để được tứ sự cúng dường ẩm thực, y phục, ngọa cụ, thuốc men. Dùng tâm giả dối để treo nhãn hiệu giả vào những gì có được, thì đều là giả, những vật chất của cải đều là giả. Chân thật thì không cần như thế, chỉ cần hết lòng đi làm. Cho đến tạp niệm nhỏ như sợi tóc cũng chẳng có, tuyệt đối không mưu đồ hư danh thích giả tốt. Bạn ôm ấp giả tốt đến khi chết rồi, thì vua Diêm Vương sẽ hỏi bạn ôm ấp cái gì đó. Lúc đó bạn mới biết là hư danh, giả tốt là vô dụng, chỉ là một tân khách mà thôi. Bạn có thật thì danh tự nhiên sẽ đến, nhưng cũng không thể tồn tại thứ tâm như vậy. Bất cứ người phê bình đánh giá mình như thế nào, mình vẫn cứ làm ngay thật, thì kết quả những gì bạn được đều là chánh.
5. Cát tường : Nghĩ muốn được cát tường, thì đừng có nóng giận. Phàm là người nóng giận, đều chẳng phải là chân cát tường, phải như Bồ Tát, luôn luôn từ bi vui vẻ, không nóng giận đó mới là cát tường.
6. Tôn quý : Tôn quý tức là tất cả sự việc phải làm một cách chân thật, đừng làm những việc không có giá trị, không chân thật thì không có giá trị.

Bạt Già Phạm đầy đủ sáu thứ ý nghĩa này. Sáu thứ ý nghĩa này đều rất bình thường, chứ không phải thần kỳ gì, nên hết lòng cung hành thực tiễn, đừng mang mặt nạ giả đi lường gạt người, đó là sáu nghĩa Bạt Già Phạm giải thích đơn giản rõ ràng. Bất cứ giảng giải Kinh điển gì, đều phải thực dụng, luôn thường dùng hàng ngày, đi đứng nằm ngồi đều dùng được. Sáu nghĩa này cũng là những công việc hành động mỗi ngày chúng ta đều dùng được, đừng thích những thứ cao xa, hoặc là nói được câu văn hay một chút, thì cho rằng là tốt. Bất cứ Kinh điển, hoặc nghĩa của Chú hiểu rõ, thì phải thực hành, hoa mà không thật thì vô dụng.
Câu thứ nhất ''Quy mạng Thế Tôn Bạt Già Phạm.'' Thế Tôn, Bạt Già Phạm đều là Phật, đây là Phật Bảo.
''Vô tận pháp bảo thường tịch nhiên.'' Đây là quy y Pháp Bảo, pháp là thanh tịnh không có tự tánh, chỉ là phương pháp, không có thể tánh, bạn dùng nó thì sẽ hiểu, sẽ có trí huệ. Nếu không hiểu, không dùng nó thì ngu si. Trạm nhiên thường tịch là vắng lặng, chẳng phải có hình, có tướng.
''Thập phương hiền Thánh đồng tụ hội.'' Đây là Tăng Bảo. Hiền Thánh tức Tăng Bảo, mười phương đại đức cao Tăng, đồng tụ hội với nhau.
''Nhất tâm đảnh lễ Thiên Trung Thiên.'' Mười phương Tam Bảo đồng tụ hội với nhau, vẫn phải lễ kính tất cả chư Phật, Phật là Thiên Trung Thiên.

35. Na ra dã

Kệ :
Chưởng ác thuỷ tộc trụ long cung
Uông dương đại hải ba lãng dũng
Từ nhuận quán khái sinh vạn vật
Bành phái bàng đà diễn hồng mông.

Tạm dịch :
Cai quản thủy tộc ở cung rồng
Đại dương biển lớn nổi ba đào
Tưới khắp thấm nhuần dưỡng vạn vật
Mênh mông ràn rụa diễn hồng mông.

Giảng giải: ''Cai quản thủy tộc ở cung rồng.'' Thủy thần thì cai quản chúng sinh trong biển, cho nên nói ''Đại dương biển lớn nổi ba đào.'' Ở trong nước thường đi du ngoạn trong nước, xem cá bơi đi bơi lại, có ăn, không có ăn, đều rất sung sướng.
''Tưới khắp thấm nhuần dưỡng vạn vật.'' Hoa cỏ, thảo mộc, cây cối ngũ cốc đều

cần nước, đều nương nước mà sống.
‘’Mênh mông ràn rụa diễn hồng mông.’’ Nếu nước lớn thì âm thanh lớn. Gia Tô giáo nói hồng thủy làm chết người thế gian, đều vì tin thần giả, không tin thần thiệt, cho nên dùng nước làm chết bạn, nếu thật là như thế, thì tin thần giả tức là phạm tội, vậy kẻ giết người, phóng lửa sao không làm chết họ đi, tin thần ngược lại có tội, nói thẳng thật là vô lý. Tức là tin thần giả so sánh với cái gì cũng đều không tin tốt những cái đó, gì cũng không tin vẫn có tội, đây phải chăng thần thiệt làm cái hố kêu người tin y, nếu không tin thì phải chết, đây thật là quá bất công, các vị nghiên cứu xem. Thần còn có thật giả ! Thật tức là thật còn có giả gì, có giả thì không thật, thật còn muốn tên thần để làm gì.

36. Noa gia

Kệ :
Vô hình vô tượng thuấn nhã đa
Thị chi bất kiến văn diệc hiết
Thành trụ hoại không nhị thập kiếp
Kim cang đại định vị từng na.

Tạm dịch :
Không hình không tượng tức là không
Nhìn cũng chẳng thấy nghe cũng không
Thành trụ hoại không hai mươi kiếp
Kim cang đại định chưa từng động.

Giảng giải : Noa Gia dịch là “Không”, không tức là Thần giới không. Thật ra không tức là không, còn phải tìm một vị thần cai quản, thật là không có việc tìm việc làm, giống như chính phủ đặt ra một chức bộ trưởng cải thiện không khí. Thần không như thế nào ? Không có hình dạng gì hết cho nên : ‘’Không hình không tượng tức là không.’’ Thuấn nhã đa tức là không.
‘’Nhìn cũng chẳng thấy, nghe cũng không.’’ Không thì bạn nhìn cũng chẳng thấy, nếu nhìn thấy thì chẳng gọi là không, cũng không thể ngửi mùi vị thần không.
‘’Thành trụ hoại không hai mươi kiếp.’’ Mỗi đại kiếp có bốn trung kiếp, một trung kiếp có hai mươi tiểu kiếp, thành trụ hoại không. Mỗi kiếp có hai mươi tiểu kiếp, hợp lại là một đại kiếp, thời gian rất dài, nhưng người tu đạo nhập Kim Cang đại định, trong một đại kiếp đều như như bất động, cho nên nói
‘’Kim cang đại định chưa từng động.’’ Một chút cũng không động, động đất họ cũng chẳng sợ. Nếu hiểu lý không thì hết thảy đều không chướng ngại, cho đến

không cũng không, không cũng phá, chấp trước không cũng buông xả, chứng được lý không thì cảnh giới cũng chẳng có, phiền não cũng không, cũng không người, cũng không Phật, đại thiên sa giới như bọt nước, chứng đắc lý không là như thế.

37. Bàn dá ma ha. Tam mộ đà da

Kệ :
Ca nhạc đại hội diễn diệu âm
A ba xướng tụng lung giả thính
Cổ mục lão ông tĩnh nhãn khán
Thổ mộc ngoã thạch hỉ dung dung.

Tạm dịch :
Đại hội ca nhạc diễn diệu âm
Kẻ câm biết nói điếc nghe được
Kẻ già mù lòa mở mắt xem
Đất gỗ ngói đá vui nhộn nhịp.

Giảng giải : Câu này dịch là "Đại hội ca nhạc", nhưng không phải là nhảy múa như mấy trăm ngàn người tụ lại với nhau. Đại hội ca nhạc này thật là diệu không thể nói, vừa ca xướng, vừa tấu nhạc, lại có băng và dĩa hát, lại có nhạc trời trên không, trời mưa hoa báu rơi xuống rực rỡ. Ai ca xướng ? Người câm. Câm sao có thể ca xuóng ? Vậy mới kỳ quái ! Người câm ca, người câm xướng, giống như truyền hình, có lúc biểu diễn không âm thanh, có lúc có âm thanh. Ai nghe ? Người điếc nghe, thử nghe xem, nếu âm thanh không diệu, thì người điếc sao nghe được ! Thật là quá diệu.
''Kẻ già mù lòa mở mắt xem.'' Già cả mù lòa nhìn mọi người tấu âm nhạc, tấu quá hay, họ liền mở mắt ra xem, không những nhìn được mà còn nói chuyện, còn dùng mắt để ca xướng, không riêng gì như thế mà dưới đây còn thú vị hơn.
''Đất gỗ ngói đá vui nhộn nhịp.'' Đất gỗ ngói đá vốn là vô tình, nhưng vô tình cũng vui vẻ, cười vui nhộn nhịp. Cho nên :

''Trời xanh nắng ấm,
Cây cỏ vui tươi.
Sóng gió ba đào,
Chim chóc thê lương''.

Cho nên trời đất không thể một ngày không có hòa khí, lòng người không thể một ngày không có hỷ thần. Sao lại nói người câm ca được, kẻ điếc nghe được, người mù nhìn thấy được ? Người câm ca xướng được tức là ví dụ, lúc tôi hỏi có vấn đề gì chăng, thì chẳng có ai lên tiếng, nhưng khi vô sự thì cứ nói chuyện, lúc đó người câm cũng nói chuyện được. Người điếc nghe được, thì cũng như có người giảng Kinh thuyết pháp, một chút cũng nghe không vào tai, giống như người điếc không khác, nhưng đến khi nghe ca xướng thì họ nghe lọt vào tai. Người mù vốn nhìn không thấy, nhưng khi họ nghe được Phật pháp, thì mắt cũng mở ra được. Đây là cảnh giới không thể nghĩ bàn, cho đến đất gỗ ngói đá, là những kẻ không tin Phật pháp. Chúng đối với Phật pháp cũng như đất gỗ ngói đá vốn không hiểu, giống như vô tình, hữu tình vô tình đồng viên chủng trí. Đại hội ca xướng này có Cưu Bàn Trà, Khẩn Na La, Thiên Long Bát Bộ, đều tấu âm nhạc tại đó, âm nhạc có thể giải trừ tâm sân hận của con người.
Chúng ta học Phât pháp, hết thảy thế gian cũng không ngoài Phật pháp, đừng khinh khi người khác. Có người đến diễn giảng phải chú ý nghe. Bạn không biết người đó mang chìa khóa đến mở cửa vô minh cho bạn.

Hỏi : Ngủ thì nằm chiêm bao có phải là tạo nghiệp chăng ?
Đáp : Những gì làm trong mộng không phải tạo nghiệp, tỉnh mộng chớ tạo thì được, nhưng nếu bạn nói tôi muốn cố ý nằm mộng, trong mộng có thể tạo rất nhiều nghiệp, như thế thì tội nghiệp, nếu bạn không khởi vọng tưởng muốn trong mộng tạo nghiệp thì chẳng quan hệ gì với bạn, cho đến lúc tỉnh táo bình thường có (vọng) niệm tạo nghiệp, nhưng không đi làm, đó là hoặc, không phải nghiệp.

Hỏi : Trong Kinh Di Đà nói: Chúng ta nên phát nguyện sinh về cõi cực lạc, vì tại đó không có ba đường ác, nếu chúng ta sinh về cõi Cực Lạc, thì không độ, không cứu chúng sinh trong ba đường ác chăng ?
Đáp : Bạn đừng lo cho họ, có người khác lo, nếu bạn muốn lo thì tại thế giới Cực Lạc thành Phật rồi thì có thể trở lại lo, Phật Di Đà là như thế.

Hỏi : Niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, Chú Đại Bi và Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện có thể sinh về cõi cực lạc chăng ?
Đáp : Có thể. Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện là hướng về Cực Lạc.

Hỏi : Hết thảy pháp hữu vi, như mộng huyễn bọt bóng, vậy gì là pháp vô vi ?
Đáp : Nghĩ kỹ thì biết pháp vô vi có sáu. Trong Trăm Pháp Minh Môn Luận : Sắc pháp có 11, tâm pháp có 8, tâm sở pháp có 51, bất tương ưng pháp có 24, vô vi có 6, cộng thành trăm pháp.

Chúng ta cảm thấy trên thế gian gì cũng là thật, đó chính là tự mình gạt mình. Những gì trên thế gian này đều là hư vọng vô thường, vì vậy cho nên có sinh già bệnh chết, có người sinh rồi, chưa già đã chết, có người đợi đến già mới chết, có người già rồi lại có bệnh mới chết, có người già rồi không có bệnh mà chết, không tật mà chết. Phương pháp chết không giống nhau, cảnh giới mỗi người cũng không giống nhau. Sinh, già, bệnh, chết, của mỗi người cũng không giống nhau. Có người bệnh rất lâu mới chết, có người chẳng có bệnh hoạn gì thì chết, buồn vui ly hợp, đến lúc chia ly cách biệt thì buồn rầu, hợp thì vui vẻ, đó đều bị cảnh giới lay chuyển. Chúng ta phải nhìn xuyên thủng, buông xả, không bị lưới thế gian trói buộc. Lúc nào cũng nghĩ, đừng trói chặt chính mình, phải giải thoát, thì gì cũng đều chẳng chấp trước, hết thảy không chấp trước là một thứ pháp môn rất diệu vô cùng. Ai đối với mình tốt cũng được, ai đối với mình không tốt cũng được, không bị cảnh giới thuận nghịch làm giao động, phải nhận diện cảnh giới, đừng tùy theo cảnh mà thay đổi. Nhưng nói là nói, đến khi cảnh giới đến thì đa số đều nhìn không thấu, tốt nhất là học trẻ con, chẳng có một chút ưu sầu phiền não, rất chân thật tự tại, đến lúc ngủ thì ngủ, đến lúc ăn thì ăn, đến lúc chơi thì chơi, đó là tâm của trẻ con, đến khi trưởng thành thì chẳng giống, có nhiều phiền não, muốn đừng có nhiều phiền não thì phải nhìn xuyên thủng tất cả, buông xả tất cả thì mới đắc được tự tại.

Ngày nào không có lỗi để sửa, thì ngày đó chưa lập được công. Thực hành năm mươi năm, mới biết bốn mươi chín năm là sai lầm. Chúng ta phải sửa lỗi lập công tích đức, sửa lỗi tức là trong quá khứ không đúng, nhất định phải sửa đổi, đừng che dấu tội lỗi của mình, nếu không thì chẳng có gì tiến bộ. Nghĩa là tội lỗi của những năm qua, thì phải sửa đổi lỗi làm mới, chúng ta phải tìm phương pháp tự sửa đổi, nghĩ muốn thế giới sửa đổi tốt, thì trước hết phải từ mỗi cá nhân chúng ta mà làm, trước hết phải đừng có lỗi lầm, đừng làm những việc hại người, phải làm việc lợi người, việc đối với người có lợi thì làm, việc có hại tuyệt đối đừng làm. Như vậy thì chúng ta mới thật hiểu ý nghĩa đối với những lỗi lầm của những năm qua.

‘’Ngộ dĩ vãng chi bất gián,
Tri lai giả chi khả truy.’’

Nghĩa là :
Giác ngộ trong quá khứ không làm điều tốt,
Biết vị lai còn có thể theo đuổi được.

Cho nên :
‘’Ngộ lầm mê thì chưa xa lắm,
Biết hôm nay đúng mà hôm qua sai.’’

Cho nên nói :
“Biết đi trên con đường sai lầm vẫn chưa xa lắm,
Có thể thay đổi con đường khác”.

Biết hôm nay là đúng, ngày hôm qua không đúng. Thế giới này tại sao tệ hại như thế ? Đều vì tâm ích kỷ của con người tác quái, ai ai cũng ích kỷ, cho nên ai ai cũng tham, ai ai cũng chẳng làm lợi ích cho kẻ khác, bạn cũng không chịu lợi ích cho kẻ khác, kẻ khác cũng không muốn lợi ích cho bạn. Cho nên thế giới càng ngày càng đấu tranh kiên cố, khảo sát kỹ thì nguyên nhân thế giới có chiến tranh, đều vì tâm tham và tâm ích kỷ của con người tác quái, nếu ai ai cũng không có tâm ích kỷ, thì không có chiến tranh. Bạn nói điều này không thể được, nhưng không màng được hay không, chúng ta phải từ chính thân mình mà làm, cuối cùng chúng ta không ích kỷ, thì gia đình của chúng ta bình an vô sự, họ cũng không tham không ích kỷ, thì gia đình họ cũng bình an, mỗi gia đình bình an, thì xã hội thế giới cũng sẽ bình an. Cho nên chẳng phải là thế giới này không bình an, mà là tâm tham và tâm ích kỷ của con người tác quái, nếu sửa lỗi làm mới, không có tâm ích kỷ, thì thế giới không còn chiến tranh. Có người hỏi tôi năm nay tại San Francisco thế nào ? (hỏi có động đất chăng ?) Tôi nói nếu các vị không có nóng giận, thì chẳng có tai nạn, ai nhiều nóng giận thì tai nạn sẽ đến, tai nạn là do tâm sân hận của con người sinh ra. Ai ai cũng từ bi, không có tâm sân hận, thì thế giới chẳng có tai nạn gì. Nói đến đây, tôi muốn nói mà mọi người cũng không tin đạo lý nầy, nhưng không ai tin, tôi vẫn phải nói, tôi không màng bạn tin hay không, nếu cứ đợi có người tin, thì chẳng có biện pháp. Bất cứ sự việc gì thật hay giả, cũng có người tin, đừng nói là lời của tôi nói, mà lời của Phật nói, thiên ma ngoại đạo cũng kêu quyến thuộc của chúng đừng tin, hà huống là tôi. Việc gì chúng không tin ?

Vào năm 1968, San Francisco thường thường bị động đất, lại có nhà chiêm tinh, lại có nhà khoa học, lại có nhà kia, nhà nọ, bảy tám nhà ai ai cũng nói San Francisco nhất định sẽ động đất, dọa nạt những người giàu bỏ chạy rời khỏi San Francisco.
Năm đó vào ngày 01 tháng 01, tôi đã nói qua với mọi người, chắc có người còn nhớ. Tôi nói : Tôi còn ở tại San Francisco một ngày, thì không để cho San Francisco bị động đất. Bạn nói lời này có người tin chăng ? Chẳng có ai tin, thậm chí nghe cũng chẳng có người dám nghe, nghe đều phạm pháp. Tại sao ? Không cho phép ! Bạn có quyền gì nói không cho phép ! Bạn nói tôi không có quyền này chăng ? Sao bạn biết ? Nếu tôi có quyền này thì bạn nói sao đây ? Tôi còn ở tại San Francisco một ngày, thì không để cho San Francisco động đất, không phải không động đất, mà là không để cho nó động đất. Chỗ này lại có một lối giải thích, động đất lớn biến thành nhỏ, động đất nhỏ thì chẳng có,

tuyệt đối không có tai hại, nhưng năm nay thì không hợp, mấy ngày trước có động đất, nhưng động đất ở chỗ khác, chứ không phải tại San Francisco, làm xưởng chế tạo đạn hạch tâm bị hư hoại, đó là vì quốc gia này quá giàu có, nên làm cho hao hụt bớt.
Chúng ta phải biết nguyên nhân động đất là gì ? Tức là yêu ma quỷ quái quá nhiều, cho nên trái đất phải động làm cho chúng phải sợ, cứ làm đồng tính luyến ái thì nguy lắm. Tương lai sẽ chết, động đất xảy ra làm cho chúng chết ngay thì làm sao, cho nên chúng sẽ giác ngộ, phải giữ quy cụ, tôi cũng không sợ người có thứ mao bệnh này không vui.

38. Nam mô tất yết rị đa gia

Kệ :
Hải ấn Tam muội quang minh vân
Sâm la vạn tượng ảnh hiện trung
Như mộng như huyễn như bào mạt
Như sương như điện như thị cùng.

Tạm dịch :
Tam muội hải ấn mây quang minh
Sâm la vạn tượng hiện ở trong
Như mộng như huyễn như bọt nước
Hãy quán như sương cũng như điện.

Giảng giải : Chỗ này nói về những vị : Thần gió, Thần nước, Thần không, Thần lửa, Thần đất, đừng cho rằng những vị Thần nầy địa vị nhỏ, phải biết những vị Thần nầy, đều do Phật thị hiện, như : Thần đất là Phật Tỳ Lô Giá Na thị hiện, Thần gió là Phật Thành Tựu ở phương Bắc thị hiện, Thần lửa là Phật A Di Đà ở phương Tây thị hiện, Thần nước là Phật A Súc ở phương Đông thị hiện, Thần không là Phật Bảo Sinh ở phương Nam thị hiện. Vì những vị thần nầy đều là do các đức Phật thị hiện, do đó chúng ta không thể có tâm khinh mạn đối với những vị thần nầy. Vì vậy phải quy mạng kính lễ, đừng cho rằng mình là Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, không nên lễ bái các bậc ấy, đó là kiêu mạn tự mãn.
Bây giờ nói về Thần hải ấn, hải ấn phát quang là cảnh giới một giai đoạn của Thiền tông, khi bạn chứng được hải ấn phát quang tam muội, thì hết thảy hết thảy đều là hình ảnh hải ấn đến trong định của bạn, cho nên nói : ‘’Tam muội hải ấn mây quang minh.’’ Nhập được hải ấn tam muội nầy thì ‘’Sum la vạn tượng hiện ở trong.’’ Tất cả sum la vạn tượng trên thế giới, đều hiển hiện ra tựa như sấm sét, lại tựa như vệ tinh thăm dò không gian, những sự việc khắp nơi

toàn thế giới đều hiện ra, cảnh giới này cũng có thể nói như nằm mộng, cũng có thể nói giống như hư huyễn, vì trong đó là pháp hữu vi. Trong Kinh Kim Cang có nói :

‘’Tất cả pháp hữu vi
Như mộng huyễn bọt bóng
Như sương, cũng như điện
Nên quán chiếu như thế.’’

Cho nên nói : ‘’Như mộng như huyễn như bọt nước – Hãy quán như sương cũng như điện.’’ Giống như sương vào buổi sáng, cũng như điện quang, như lửa đá, đều không lâu bền, nên nghiên cứu như thế, cho hết lẽ hết tính.

39. Nam mô bà già bà đế

Kệ :
Vô vọng tự tại đại định trung
Sí thạnh trí cụ chiếu Phạm cung
Đoan nghiêm oai nghi tam thiên giới
Cát tường như ý bất lão tùng.

Tạm dịch :
Không vọng tự tại trong đại định
Đuốc trí sáng rực chiếu Phạm cung
Đoan nghiêm oai nghi ba ngàn cõi
Cát tường như ý tùng xanh mãi.

Giảng giải: Không có vọng tưởng tức là tự tại, có vọng tưởng thì không tự tại. Nếu tự tại thì ở trong định quang minh.
‘’Đuốc trí sáng rực chiếu Phạm cung.’’ Đuốc trí huệ chiếu sáng Thiên cung. Ba mươi hai tướng và tám mươi vẻ đẹp không thể sánh với sự đoan nghiêm này, là sự tôn kính nhất của chúng sinh trong ba ngàn thế giới. Thứ đoan nghiêm này tức có ba ngàn oai nghi và ba trăm lễ nghi, được như thế thì sẽ như ý cát tường.
‘’Cát tường như ý tùng xanh mãi.’’ Giống như cây tùng vĩnh viễn xanh tươi, nếu muốn nói tỉ mỉ thì nói không hết, bây giờ chỉ lược nói một chút.

40. Ma ha ca ra da

Kệ :

Đại Phạm Thiên Vương danh Đại Bi
Cứu hộ nhất thiết chúng sinh quy
Tứ tí tam nhãn quán tà chánh
Thưởng thiện phạt ác thủ pháp đồng.

Tạm dịch :
Đại Phạm Thiên Vương tên Đại Bi
Cứu hộ tất cả chúng sinh quy
Bốn tay ba mắt quán chánh tà
Thưởng thiện phạt ác rất công minh.

Giảng giải : Đây là Đại Phạm Thiên chúng của trời Đại Phạm Thiên, gồm có phương đông, phương tây, phương nam, phương bắc, trong đó có một vị Đại Phạm Thiên Vương tên là Đại Bi, rất là từ bi, lại có một vị tên là Cứu Hộ Tất Cả, cho nên nói ''Đại Phạm Thiên Vương tên Đại Bi – Cứu hộ tất cả chúng sinh quy.'' Vị trời đó thấy chúng sinh đi sai đường thì bèn nghĩ cách dạy họ trở lại, đừng lầm vào đường tà.
''Bốn tay ba mắt quán chánh tà.'' Nếu ai làm việc tốt, thì vị ấy thưởng cho họ, ai làm việc ác thì phạt họ.

41. Địa rị bát lặc na

Kệ :
Quang minh biến chiếu đại dũng vương
Bất không trí huệ lộ chân thường
Nhiên Đăng cổ Phật quyền thị hiện
Phổ nhiếp quần cơ nhập pháp đường.

Tạm dịch :
Quang minh chiếu khắp vua đại dũng
Bất không trí huệ lộ chân thường
Nhiên Đăng Cổ Phật thị hiện ra
Nhiếp khắp quần sinh vào Pháp Đường.

Giảng giải: Đây cũng là Đại Phạm Thiên. Địa Lị dịch là "Thâm dũng". Quang minh của Đại Phạm Thiên Vương chiếu khắp mười phương pháp giới, cũng là một vị vua đại dũng mãnh.
''Bất không trí huệ lộ chân thường.'' Vị ấy có đại trí huệ, đều trên đạo chân thường, chân thường tức là cảnh giới "tùy duyên không đổi, không đổi tùy duyên".

‘’Nhiên Đăng Cổ Phật thị hiện ra.’’ Vua đại dũng mãnh nầy là hiện thân của Nhiên Đăng Cổ Phật.
‘’Nhiếp khắp quần sinh vào Pháp Đường.’’ Vị ấy nhiếp thọ khắp hết thảy chúng sinh vào trong Phật pháp đường. Họ có thời nhận thức được chân lý, có lúc không nhận thức được chân lý. Phật pháp tức là chân lý, nhận thức là sinh tâm tín ngưỡng. Không nhận thức tức không sinh tâm tín ngưỡng. Nhận thức đều là những người có trí huệ. Không nhận thức là vì bị vô minh che đậy, thấy được Phật pháp cũng không nhận thức, đây là đạo lý nhất định.

42. Già ra tỳ đà ra

Kệ :
Thiên binh thiên tướng dũng mãnh quân
Tảo đãng quần tà trấn yêu khí
Pháp giới trừng thanh công đức đại
Vệ hộ chánh giáo vĩnh xương hưng.

Tạm dịch :
Binh trời tướng trời đều dũng mãnh
Quét sạch quần tà trấn yêu khí
Pháp giới trong sạch công đức lớn
Hộ vệ chánh giáo hưng thịnh mãi.

Giảng giải: Đây là binh trời tướng trời, quân đội trên trời. ‘’Quét sạch quần tà trấn yêu khí.’’ Trên trời tại sao vẫn cần binh trời tướng trời ? Vì trên trời có A Tu La và thiên ma ngoại đạo, chúng có phước trời, nhưng không có đức, muốn tác chiến với trời Đế Thích. Binh trời tướng trời dùng để bảo hộ trời Đế Thích, quét sạch quần ma, trấn áp yêu khí.
‘’Pháp giới trong sạch công đức lớn.’’ Binh trời tướng trời quét trừ yêu ma trong thế giới được công đức rất lớn.
‘’Hộ vệ chánh giáo hưng thịnh mãi.’’ Bảo vệ Phật pháp luôn luôn được hưng thịnh. Câu Ca La này là năm anh em trời, năm anh em trời này có năm luồng quang minh. A Ca La dịch là màu trắng, A La Na dịch là màu đỏ, Ca La dịch là màu đen, Vĩnh Già dịch là màu xanh, Kiền Đà La dịch là màu vàng, tức thành năm thứ đại công đức quang minh vân thiên. Trong tập Đà La Ni nói Tỳ Ma La là hiện thân của Đức Phật Vô Ưu.

43. Ba noa ca ra da

Kệ :
Tứ trực công tào tuần thế gian
Quán sát thiện ác quá bất thiên
Niên nguyệt nhật thời tử tế kí
Nhân quả báo ứng hào phát đoan.

Tạm dịch :
Bốn trị công tào tuần thế gian
Quán sát thiện ác chẳng vị ai
Năm tháng ngày giờ nhớ rõ ràng
Nhân quả báo ứng chẳng sai lầm.

Giảng giải : Bốn trị công tào là : Năm này, tháng này, ngày này và giờ này, đây là tứ trị công tào đều đi tuần tra thế gian.
‘’Quán sát thiện ác chẳng vị ai‘’. Thấy người làm thiện, người làm ác, rất công bằng không có biên kiến.
‘’Năm tháng ngày giờ nhớ rõ ràng’’, họ nhớ rất rõ ràng tại đâu, năm nào, tháng nào, ngày nào, giờ nào ?
‘’Nhân quả báo ứng chẳng sai lầm.’’ Nhân thiện kết quả thiện, nhân ác kết quả ác, quả báo tơ hào không sai lầm, rất công đạo, rất chánh trực.
Câu Ba Noa này dịch là “Cứu kính”. Ca Ra Da dịch là “Năng tác”, tức là chuyên làm việc tứ trị công tào chuyên thưởng phạt thiện ác người thế gian.

44. A địa mục đế

Kệ :
Vô năng áp nghĩa thiện tư duy
Tam Thập Tam Thiên đẩu hung oai
Tứ đại bộ châu ngỗ nghịch giả
Ác báo nan đào đoạ luân hồi.

Tạm dịch :
Vô năng áp và thiện tư duy
Tam Thập Tam Thiên đại anh hùng
Bốn đại bộ châu kẻ ngũ nghịch
Ác báo khó tránh đọa luân hồi.

Giảng giải : Ý nghĩa A Địa Mục Đế là “vô năng áp”, hoặc nghĩa là “thiện tư duy”. ‘’Vô năng áp và thiện tư duy.’’ Vô năng áp tức là không thể che đậy, không thể che đậy trí huệ của họ.
‘’Tam Thập Tam Thiên đại anh hùng.’’ Họ ở trên trời Tam Thập Tam là đại anh hùng rất là oai phong.
‘’Bốn đại bộ châu kẻ ngũ nghịch.’’ Bốn đại bộ châu là Đông Thắng Thần Châu, Nam Thiệm Bộ Châu, Tây Ngưu Hóa Châu và Bắc Câu Lưu Châu, trong bốn châu thiên hạ nầy, những kẻ không hiếu thuận và ngỗ nghịch thì ‘’Ác báo khó tránh đọa luân hồi.’’ Phàm là kẻ ngỗ nghịch với cha mẹ, hoặc không kính sư trưởng đều làm ngạ quỷ, hay đọa vào địa ngục, hoặc làm súc sinh. Luân hồi có ba đường lành và ba đường ác. Ba đường lành là trời, người, A tu la. Ba đường ác là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Ba đường ác thì thọ ác báo, thọ khổ.

45. Thi ma xá na nê

Kệ :
Bảo kế hoả đảnh đại thiên thần
Phụng hành thập thiện tích công huân
Quỷ tiên linh vật lai chiêm lễ
Cung hành thực tiễn nhân quả chân.

Tạm dịch :
Bửu kế hỏa đảnh đại thiên thần
Tu hành thập thiện tích công đức
Quỷ tiên linh vật đến lễ bái
Cung hành thực tiễn nhân quả chân.

Giảng giải : Thi Ma Xá Na Nê dịch là “Bảo kế”, lại dịch là “Hỏa đảnh”, đây là một vị thiên thần trên trời, tại sao vị ấy đắc được tướng “bảo kế hoả đảnh” ? Vị vị đó phụng hành thập thiện, không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không nói thêu dệt, không nói hai lưỡi, không chửi mắng, một chút tham sân si cũng chẳng có.
“Tu hành thập thiện tích công đức”. Tích tập từng chút từng chút công đức, lâu dần sẽ thành nhiều, cho nên “Quỷ tiên linh vật đến lễ bái”. Tất cả quỷ thần, tất cả chư tiên và tất cả những linh vật đều đến chiêm ngưỡng lễ bái vị thần bảo kế hoả đảnh nầy.
“Cung hành thực tiễn nhân quả chân”. Vị đó làm việc gì cũng đều hết lòng, rất nhận chân và cung hành thực tiễn đối với nhân quả, một chút cũng không dám bất cẩn, cho nên vị ấy có oai đức và tướng tốt bảo kế nầy.

Trong Chú Lăng Nghiêm bao quát hết thảy Thiên chúng thần, chúng tướng trời, chúng công tào, tất cả Thiên Vương Thánh hiền, Phật Bồ Tát A La Hán, khi chúng ta tụng Chú nầy, thì tất cả quỷ thần đều phải cung cung kính kính, giữ quy cụ. Vì đó đều là tên của Vua Quỷ Thần, khi chúng nghe đến tên Vua Quỷ Thần, thì đều tuân theo quy cụ phép tắc, không dám làm càn. Thường thường đắc được đại cảm ứng, thế giới cũng không có tai nạn. Cho nên sức lực của Chú Lăng Nghiêm thật là không thể nghĩ bàn.
Hiện tại chúng ta dùng câu văn rất nông cạn để diễn đạt một phần ý nghĩa trong vạn phần của Chú Lăng Nghiêm. Tuy nhiên chỉ có một phần trong vạn phần, nhưng bạn đừng ngại hãy cố gắng ghi nhớ, vì chỉ có chút chút mà có thể minh bạch được nhiều. Giảng Chú Lăng Nghiêm, đây là lối giảng pháp chưa từng có. Hy vọng mọi người hiểu chỗ diệu của Chú Lăng Nghiêm. Như vậy thì thế giới sẽ bình an, cho nên hiện nay chúng ta giảng chú Lăng Nghiêm cũng là di chuyển tai nạn của thế giới.

46. Bà tất nê

Kệ :
Sở hướng vô địch hiệu thắng quân
Bất chiến mà hàng khí giáp binh
Dĩ đức phục nhân nhị tai hoạ
Vọng phong phi ma hộ an bình.

Tạm dịch :
Hướng đến vô địch hiệu thắng quân
Không đánh mà hàng bỏ binh giáp
Lấy đức phục người dứt tai họa
Quét sạch kẻ thù sẽ thái bình.

Giảng giải : Bà Tất Ni dịch là “Thắng quân”, lại dịch là “ngoại đạo”. Ngoại đạo ở cõi Trời Vô Tưởng, nơi đó đều chẳng có việc gì, nên tìm việc làm. Có quân đội gọi là thắng quân, là nhóm chúng Thiên thần, giống như đội du kích ở trên trời, đội du kích này đến đâu thì thắng đến đó, bất cứ đến đâu cũng nhất định thắng lợi. Hướng đến vô địch, chỉ cần cờ của quân đội đến đâu, thì quân đội kia đánh không lại.
‘’Hướng đến vô địch hiệu thắng quân.’’ Quân này gọi là “thường thắng quân đội”, bất cứ lúc nào cũng không bị thua.
‘’Không đánh mà hàng bỏ binh giáp.’’ Không đánh mà hàng có hai ý nghĩa, một là cứ đánh cho đối phương thua bại, thì nào mũ giáp, đao thương, kiếm

kích, vứt bỏ mà chạy. Đây gọi là bỏ binh giáp mà chạy, hoặc chạy khoảng một trăm dặm thì hạ trại, hoặc năm mươi dặm thì hạ trại. Binh chạy năm mươi dặm thì cười quân đội chạy một trăm dặm vô dụng quá, chạy xa như thế, bạn xem tôi chỉ chạy năm mươi dặm. Năm mươi dặm cười trăm dặm, nói quân đội không có nhuệ khí chiến đấu, không đủ dũng cảm. Lấy năm mươi dặm cười trăm dặm. Bạn nói nên hay chăng ? Có đúng chăng ? Đều là bỏ chạy, chỉ là chạy chậm một chút, sao lại cười người chạy xa không có gan ! Đây là không đánh mà hàng bỏ binh giáp. Ngoài ra còn có lối nói khác, bổn thân của bạn quân đội thường thắng, một khi đi đến đâu là vô địch đến đó, đối phương một khi nghe "quân đội thường thắng" đến thì bèn bỏ giáp mà chạy. Bỏ binh giáp tức là cởi mũ giáp, buông đao thương xuống hết mà bỏ chạy, đó là đối phương hướng bạn đầu hàng, không đánh mà hàng bỏ binh giáp. Bỏ binh giáp lại có hai ý nghĩa là bỏ giáp mà chạy, buông vũ khí xuống đầu hàng, nghe bạn chỉ huy.
''Dùng đức phục người dứt tai họa.'' Quân đội này phải lấy đức đối đãi với người, chứ không phải dùng sự đánh ngưng đánh, dùng tinh thần thượng võ giết càng nhiều càng tốt, cho nên đánh tranh giành đất đai, thì giết người đầy đồng, đánh lấy thành thì giết người đầy thành, dùng sự giết người để so tài thì không đúng. Cho nên binh lính không đầu rơi máu đổ khắp nơi, mọi người đều dựng cờ trắng đầu hàng, dùng đức hạnh để xử lý quân đội, đừng dùng sự giết người làm tài năng, đừng giống như đại tướng Bạch Khởi nước Tần, chôn sống hai mươi vạn quân đầu hàng của nước Triệu trong một hố lớn rộng mấy mẫu. Cho nên tướng Bạch Khởi cho đến bây giờ còn thọ quả báo địa ngục, súc sinh, còn làm heo, vì y quá tàn nhẫn, cho nên phải lấy đức đãi người, thì mới dứt tai họa, tiêu diệt tai họa của thế giới.
''Quét sạch kẻ thù sẽ thái bình.'' Nếu lấy đức đãi người thì kẻ địch bị tiêu diệt bỏ binh giáp đầu hàng, thế giới sẽ được thái bình.

47. Ma đát rị dà noa

Kệ :
Vân đồng mộc mẫu ngự phong hành
Thiểm điện phích lịch tỉnh quý lung
Vạn vật tịnh tác nguyên vô sự
Chân tục hổ dụng bổn viên thông.

Tạm dịch :
Mây đồng mẹ gỗ ngự phong hành
Điện sẹt sấm sét tỉnh mù điếc

Vạn vật tịnh tác nguyên vô sự
Chân tục cùng dụng vốn viên thông.

Giảng giải: “Mây đồng mẹ gỗ ngự phong hành”. Ma Nạp Phược Ca dịch là “mây đồng”, Ma Đát Lý Ca dịch là “bổn mẫu”, tôi cả gan sửa lại thành mộc mẫu (mẹ gỗ), vì mây đồng mẹ gỗ đều thuộc về đẳng vân giá vũ ở trên trời. Nếu nói là bổn mẫu thì hình như không hợp với ý nghĩa mây đồng. Mây đồng thuộc về kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, ngũ hành biến hóa. Nói tóm lại câu Chú nam nữ trời này, cũng có thể nói là mây đồng, cũng có thể nói là bổn mẫu, cả hai lối dịch đều được. Lối dịch này không dịch hết hoàn toàn ý nghĩa, cho nên tôi không màng đúng hay không, dịch nó thành bổn mẫu, vì nam nữ trời này, dùng danh từ mộc mẫu (mẹ gỗ) chẳng có giảng pháp gì. Lúc trước giáo sư họ Ngô nói Kinh Hoa Nghiêm là bổn mẫu, đó là Kinh Hoa Nghiêm, nhưng trong Chú Lăng Nghiêm không thể nói như thế, vấn đề học vấn không thể lôi thôi, cũng không thể ngàn lần giống nhau, phải có trí huệ nhạy bén.
‘’Mây đồng mẹ gỗ ngự phong hành’’. Đi trong gió ‘’Điện sẹt sấm sét tỉnh mù điếc’’. Người mắt sáng thì thấy được điện sẹt. Khi trời sấm sét thì kẻ điếc cũng nghe được, vì âm thanh sấm sét rất lớn, cho nên làm thức tỉnh kẻ mù điếc.
‘’Vạn vật tịnh tác nguyên vô sự.’’ Sự việc trong trời đất, sinh sinh hóa hóa, hóa hóa sinh sinh, tự có hóa không, tự không hóa có, đó là bổn lai của một đạo lý, nguyên lai là vô sự chẳng phải đầu lại thêm đầu cố ý tạo ra, bổn lai chẳng có sự việc gì, vạn vật đều làm nên mà chẳng hại nhau, có đạo đều hành mà chẳng trái nhau, vạn vật đều sống với nhau. Nếu như nói thượng đế cai quản thế gian này, chẳng phải là mỗi sự việc đều quản, nhìn xem loài kiến như thế nào ? Loài muỗi như thế nào ? Thượng đế chẳng quản sự việc nhiều như thế ! Sinh sinh hóa hóa, hóa hóa sinh sinh, đây là một thứ đạo lý rất tự nhiên.
‘’Chân tục cùng dụng vốn viên thông.’’ Chân không ngại tục, tục không ngại chân, chân tục hổ tương dụng nhau, không tốt cũng thành tốt. Nếu không dụng nhau, thì tốt cũng biến thành không tốt. Dụng nhau thì có thể phong hung hóa cát, ẩn xấu hiển lành, không hội nhau thì rất nhiều tai nạn sẽ phát sinh. Không biết giữ lấy thân, hãy học theo Gia Cát một đời cẩn thận, cho nên đạo lý này vốn là việc tốt, mà đến bên bạn mà bạn không thể làm được, thì trở thành xấu; vốn không tốt, nếu bạn làm được nó, thì sẽ thành tốt. Cho nên hết thảy các pháp không có pháp cố định, không có nhất định, tức là xem bạn dụng được, hay không dụng được. Bạn phải hiểu bất cứ việc gì, cũng đừng nhận chân chấp trước như thế, có gì để chấp trước ! Đến khi chết, xem bạn chết hay không, bạn chấp trước, bạn nói tôi không chết, đến lúc cũng chết giống nhau, bạn tin chăng ? Cho nên Phật pháp là viên dung, đừng nhìn không xuyên thủng, thật hiểu thì mọi sự đều OK.

48. Nam mô tất yết rị đa gia

Kệ :
Năng lễ sở lễ tánh tướng không
Cảm ứng đạo giao mặc nhiên thông
Như thị quyền thật hiện Thiên chúng
Tất giai quy mạng vĩnh vô cùng.

Tạm dịch :
Kẻ lễ được lễ tánh tướng không
Cảm ứng đạo giao thảy đều thông
Như vậy quyền thực hiện chúng trời
Thảy đều quy mạng vĩnh vô cùng.

Giảng giải : Câu này ở trên đã tụng qua rồi, mà mỗi câu Chú đều có vô lượng ý nghĩa, ý nghĩa câu nầy tức là lễ bái chư Thiên, tất cả chúng trời, binh trời, tướng trời, chúng thiên tào, chúng nam nữ trời. Đừng tồn tại tâm cống cao, đều phải hướng về họ lễ bái. Cho nên nói ‘’Kẻ lễ được lễ tánh tướng không.’’ Năng lễ là chúng ta lễ bái, sở lễ là hết thảy Thiên chúng, tánh tướng không, tức cũng là năng lễ và sở lễ đều đừng chấp tướng, vô tướng, đừng chấp trước nói tôi là một người năng lễ, tất cả Thiên chúng sở lễ tôi, đừng chấp trước tánh, cũng đừng chấp trước tướng, lìa tánh vô tướng, tánh tướng đều không.
‘’Cảm ứng đạo giao thảy đều thông.’’ Tuy nhiên là không, nhưng đừng làm tổn đức hao phước, bạn trồng nhân gì sẽ có kết quả đó, cho nên :

‘’Kính người thì người kính mình
Lễ người thì người lễ mình.’’

Bạn lễ bái tất cả chư Thiên, thì họ cũng hoan hỷ đối với bạn, giúp đỡ bạn. Tuy nhiên giúp đỡ bạn nhưng đừng tồn tại tâm như thế, đừng nói tôi lễ lạy thì đắc được kết quả gì, hết thảy Thiên chúng sẽ đến giúp đỡ tôi, một khi có tâm như thế tức là chấp tướng rồi.
‘’Như vậy quyền thực hiện chúng trời.’’ Tất cả chư Thiên, binh trời, tướng trời, Thiên tào, Thiên chúng, nam nữ trời, đều đại quyền thị hiện ra, để duy trì quy luật của pháp giới, vì như thế cho nên phải : ‘’Thảy đều quy mạng vĩnh vô cùng.’’ Chúng ta phải quy mạng đảnh lễ, cung cung kính kính, không thể có tâm cống cao ngã mạn.

49. Nam mô bà già bà đế

Kệ :
Đâu Suất hàng thế nhập mẫu thai
Xuất gia thành đạo khổ tu lai
Đại chuyển pháp luân độ quần chúng
Vô thượng bồ đề chánh pháp khai.

Tạm dịch :
Đâu Suất giáng trần nhập thai mẹ
Xuất gia thành đạo tu khổ hạnh
Chuyển bánh xe pháp độ chúng sinh
Mở chánh pháp bồ đề vô thượng.

Giảng giải : ''Đâu Suất giáng trần nhập thai mẹ.'' Đức Phật Thích Ca Mâu Ni từ cung trời Đâu Suất nội viện, đợi đến thời kỳ bèn hạ sinh xuống nhân gian, Ngài trước hết tuyển chọn cha mẹ, ai có thể làm cha mẹ của Ngài ! Tuyển đi tuyển lại, tuyển đến xứ Ấn Độ vua Tịnh Phạn và Ma Gia phu nhân, Ngài cảm thấy hai vị này đức hạnh đầy đủ. Vua Tịnh Phạn có thể làm cha của Ngài. Ma Gia phu nhân có thể làm mẹ của Ngài. Cho nên Ngài từ Đâu Suất nội viện hàng sinh xuống nhân gian, nhập vào thai mẹ, trụ thai thì ở trong thai mẹ như ở trong đại lầu các báu, lại vì chúng quỷ thần thuyết pháp, đản sinh lớn lên đi xuất gia, tu khổ hạnh trong núi tuyết sáu năm, sau đó thành đạo dưới cội bồ đề. Đức Phật trồng công đức như thế mà phải chịu khổ hạnh sáu năm mới thành đạo. Bổn lai Phật tu, hay không tu khổ hạnh đều như nhau, bất quá Ngài muốn thị hiện làm gương cho chúng sinh. Cho nên Ngài sinh ra trong cung vua, phú quý đến cực điểm, mượn sự giàu sang phú quý hiện hữu tu đạo không tốt chăng ? Nhưng Ngài xả bỏ ngôi vua còn phải tu khổ hạnh trong núi tuyết sáu năm, sau đó mới đến cội bồ đề ngồi bốn mươi chín ngày, bỗng thấy sao mai mọc mà ngộ đạo. Ngộ đạo rồi, chuyển đại pháp luân giáo hóa hết thảy chúng sinh. Cho nên ''Chuyển bánh xe pháp độ chúng sinh.'' Chuyển bánh xe pháp độ hết thảy mọi loài chúng sinh.
''Mở chánh pháp bồ đề vô thượng.'' Chuyển bánh xe pháp giáo hóa chúng sinh, Ngài đắc được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chánh pháp nhãn tạng, hoằng dương chánh pháp, giáo hóa hết thảy chúng sinh, đây là con đường tu đạo, Phật đã trải qua, chúng ta nên đặc biệt chú ý, dũng mãnh tinh tấn.

50. Đa tha già đa câu ra gia

Kệ :
Trung ương Phật bộ Tỳ Lô tôn
Như Lai chủng tộc hoá quần luân
Phổ tu vạn hạnh Ba La Mật
Chư pháp vô ngã chứng viên thông.

Tạm dịch :
Chính giữa Phật bộ đấng Tỳ Lô
Chủng tộc Như Lai hóa quần sinh
Khắp tu vạn hạnh Ba La Mật
Các pháp vô ngã chứng viên thông.

Giảng giải : Đa Tha Già Đa dịch là “Như Lai”, tức cũng là Phật Bộ, **Chú Lăng Nghiêm có năm bộ, phân làm năm hướng. Chính giữa là Phât Bộ, Phật Tỳ Lô Giá Na là giáo chủ. Phương tây là Liên Hoa Bộ, Phật A Di Đà là giáo chủ. Phương đông Kim Cang Bộ, Phật A Súc là giáo chủ, tức cũng là Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Phật. Phương nam là Bảo Sinh Bộ, Phật Bảo Sinh là giáo chủ. Phương bắc Yết Ma Bộ, Phật Thành Tựu là giáo chủ. Cộng thành năm bộ. Thế gian này có năm bộ giáo chủ đến quản lý và trấn áp năm đại ma quân**. Năm đại ma quân mới tuân theo quy cụ không dám quấy phá, tuy nhiên tuân theo quy cụ nhưng chúng cứ muốn làm cho thế giới này tệ hại từng chút từng chút.
Thế giới này có đủ thứ tai nạn phát sinh, là do thiên ma ngoại đạo làm ra, chúng tuy nhiên sợ thiên hạ không loạn, tuy sợ thế gian này không sớm tệ hại, nhưng năm phương Phật trấn áp tại đó, chúng rình rình phá hoại, không dám xuất đầu lộ diện. Trên thế gian thì Phật và ma đối lập với nhau. Phật thì giáo hóa chúng sinh sớm thành Phật đạo, ma thì giáo hóa chúng sinh sớm thành ma đạo. Nhưng Phật là nhờ ma giúp Ngài tu thành. Do đó, ma chính là thiện trí thức của Phật giáo đồ. Người tu đạo cảnh nghịch đến, thì phải thuận mà thọ, nên phản diện nhận thức chỗ tốt. Chúng ta phải cung kính Phật, cũng không phản đối ma vương. Kẻ oán người thân đều bình đẳng. Phật ma như một, phải không có sự thương ghét, không thiện cũng không ác. Cảnh giới này gần như nhau. Năm Bộ chú Lăng Nghiêm này về sau mới giảng đến rõ ràng.
Câu Ra Gia dịch là “Chủng tộc của Phật”, “Chủng tộc của Như Lai”, tức là Phật giáo đồ tin Phật.
‘’Chính giữa Phật bộ Đấng Tỳ Lô.’’ Chính giữa là Phật bộ, thuộc về thổ (đất). Đất hay sinh vạn vật, đất thịnh cả bốn mùa, một năm bốn mùa đất đều thịnh vượng, Xuân hạ thu đông. Mùa xuân thì mộc thịnh, mùa hạ thì hỏa thịnh, mùa

thu thì kim thịnh, mùa đông thì thủy thịnh. Một năm chỉ có bốn mùa sao lại có ngũ hành, phải giải thích làm sao ? Vì thổ là chính giữa, kim mộc thủy hỏa là bốn bên, cho nên xuân hạ thu đông là bốn mùa. Xuân thuộc mộc thịnh, hạ thuộc hỏa thịnh, thu thuộc kim thịnh, đông thuộc thủy thịnh.

Trong bốn mùa không có thổ lại làm thế nào ? Thổ thịnh vượng cả bốn mùa, mùa xuân ba tháng, trong ba tháng chín mươi ngày, có thổ ở trong thì năng sinh. Mùa hạ, mùa thu, mùa đông, đều có thổ. Cho nên chính giữa là Mậu Kỷ thuộc thổ, phương đông là Giáp Ất thuộc mộc, phương nam là Bính Đinh thuộc hỏa, phương tây là Canh Tân thuộc kim, phương bắc là Nhâm Quý thuộc thủy. Đây là ngũ hành tương sinh tương khắc. Chính giữa Phật Bộ đấng Tỳ Lô. Tỳ Lô là Tỳ Lô Giá Na là tiếng Phạn, dịch là "biến nhất thiết xứ".''Chủng tộc Như Lai hóa quần sinh.'' Chính giữa là Phật Bộ. Chủng tộc của Phật đến giáo hóa hết thảy chúng sinh.

''Khắp tu vạn hạnh Ba la mật.'' Khắp tu vạn hạnh, lục độ vạn hạnh, thập độ vạn hạnh, pháp Ba La Mật đến bờ kia.

''Các pháp vô ngã chứng viên thông '' đắc được các pháp vô ngã, các pháp vô thường, chứng diệu lý viên thông, hết thảy đều viên dung vô ngại.

51. Nam mô bát đầu ma câu la gia

Kệ :
Tây phương Di Đà bảo liên hoa
Đẳng hậu chúng sinh tảo đáo gia
Nhất tâm trì danh hằng bất thoái
Thập vạn ức độ sát na đạt.

Tạm dịch :
Tây Phương Di Đà hoa sen báu
Chờ đợi chúng sinh sớm đến nhà
Một lòng niệm Phật không thối lùi
Mười vạn ức cõi trong khoảnh khắc.

Giảng giải : Đây là Liên Hoa bộ, ''Tây Phương Di Đà hoa sen báu.'' Tây Phương là Phât A Di Đà, Ngài chủ trì Liên Hoa bộ.
Bát Đầu Ma vốn là hoa sen đỏ, nhưng ở đây không nói là hoa sen đỏ, mà là hoa sen màu gì cũng đều có, đỏ trắng vàng tía xanh. Cho nên nói là hoa sen đỏ quang minh màu đỏ, hoa sen vàng quang minh vàng, hoa sen trắng quang minh trắng, hoa sen xanh quang minh xanh.

‘’Chời đợi chúng sinh sớm đến nhà.’’ Các vị ở đó đều dự bị hoa sen, dự bị tất cả chúng sinh đi đến đó. Hoa nở thấy Phật ngộ vô sinh, đến đó thành Phật. Sớm đến nhà tức là đừng đến chậm trễ.
‘’Một lòng niệm Phật không thối lùi.’’ Làm thế nào đi đến đó được ? Chỉ một lòng niệm Nam Mô A Di Đà Phật, chuyên nhất một lòng quyết không thối chuyển, bạn luôn luôn không lui sụt thì được, niệm Phật hoặc có thể niệm Quán Thế Âm Bồ Tát.
‘’Mười vạn ức cõi trong khoảnh khắc.’’ Qua mười vạn ức cõi Phật chỉ trong một sát na liền đến. Cho nên chúng ta muốn sinh về thế giới Cực Lạc, thì phải niệm Nam Mô A Di Đà Phật, thì nhất định sớm sẽ vãng sinh về đó.

52. Nam mô bạt xà ra câu ra gia

Kệ :
Kim Cang bộ chủ A Súc Phật
Dược Xoa đại tướng cá tuần la
Thiên ma quyến thuộc vọng phong tị
Ngưu quỷ mã thần cấp bôn ba.

Tạm dịch :
Chủ Kim Cang bộ Phật A Súc
Đại tướng Dược Xoa đều tuần tra
Thiên ma quyến thuộc phải ẩn núp
Trâu quỷ ngựa thần mau chạy trốn.

Giảng giải : Bạt Xà Ra tức là “Kim cang bồ đề hải”. Bạt Xà Ra là “Kim cang”. Câu Ra Gia tức là “Quyến thuộc”, quyến thuộc của Kim Cang bộ. Ai là Chủ bộ Kim Cang bộ ? Bộ Chủ là Phật A Súc, phương đông thế giới Lưu Ly, tức cũng là Nam Mô Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Phật, mà chúng ta thường niệm. Ngài làm thế nào để được tiêu tai sống lâu ? Chúng ta niệm Ngài thì cứu kính chúng ta sẽ được tiêu tai sống lâu ? Hay là Phật Dược Sư tiêu tai sống lâu ? Chúng ta phải biết, nếu như Phật Dược Sư tiêu tai sống lâu, thì Ngài chẳng phải Phật. Phật tại sao còn muốn tiêu tai sống lâu ? Đây chứng minh là chúng ta niệm thì chúng ta sẽ được tiêu tai sống lâu, vậy là chúng ta niệm muốn tiêu tai sống lâu, đó là một thứ tâm tham, lại có một thứ sở cầu, lại chấp trước tướng, phàm hết thảy tướng đều là hư vọng, phải hiển lộ tướng ở bên trong. Vậy chúng ta niệm Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Phật, hy vọng chính mình tiêu tai diên thọ, đây tức là tâm tham và tâm ích kỷ. Các bạn nói có đúng chăng ? Vậy tiêu tai diên thọ này là ai ? Cũng không phải Phật Dược Sư tiêu tai diên

thọ, cũng không phải chính chúng ta tiêu tai diên thọ. Chính chúng ta không có tai, lại tiêu tai gì ? Diên thọ gì ? Cũng chẳng phải nói, tôi không niệm Phật Dược Sư, thì bây giờ tôi chết, còn phải diên thọ, còn phải tiêu tai, đây thật là mê tín. Vậy chúng ta tiêu tai diên thọ cho ai ? Cho tất cả hết thảy chúng sinh có tai nạn, thậm chí những chúng sinh sắp mạng chung. Chúng ta niệm tiêu tai diên thọ Dược Sư Phật hồi hướng cho họ. Đó mới là nghĩa rộng, không phải là nghĩa hẹp. Các bạn nghĩ xem có phải chăng ? Cho nên chúng ta niệm Phật, nhất cử nhất động tu hành, đều phải hiểu được lý luận chân chánh, đừng mù theo như thế, người ta sao tôi cũng vậy, họ nói như vầy, tôi cũng nói như vầy, họ nói như thế, tôi cũng nói như thế, chẳng khác nào như ngọn cỏ, gió thổi hướng nào thì ngả hướng đó.

Chúng ta học Phật phải có trí huệ chân chánh, trí huệ chân chánh không phải nói cứ nhìn mọi người không đúng, phải trọng lý luận, nghiên cứu lý luận rõ ràng. Chúng ta niệm Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Phật, là vì tất cả chúng sinh có tai nạn, đem mạng sống chúng sinh gần chết để niệm, đó mới là lợi ích chúng sinh, mới là hành Bồ Tát đạo.
Câu La Gia này phần trước đã giảng qua mấy lần tức là “quyến thuộc”, quyến thuộc của Kim Cang Bộ tức là tám vạn bốn ngàn Kim Cang Tạng Bồ Tát của Kim Cang Bộ, đến ủng hộ người trì Chú. Cho nên nói Chủ Kim Cang Bộ là Phật A Súc. Phần trước giảng Phật Bộ là Phật Tỳ Lô Giá Na là Bộ Chủ. Liên Hoa Bộ, Phật A Di Đà là Bộ Chủ. Bây giờ nói về phương đông. Phương đông Kim Cang Bộ, Phật A Súc tức là Kim Cang Bộ Chủ. Có hai mươi đại tướng Dược Xoa. Đại tướng Dược Xoa đi canh tuần. Phật Dược Sư có hai mươi đại tướng Dược Xoa chuyên đi khắp nơi quản nhân sự, xem bọn thiên ma ngoại đạo không giữ quy cụ, thì giống như cảnh sát đi bắt, đi hàng phục, đi canh tuần, cảnh sát chúng ta là Kim Cang hữu hình, còn đại tướng Dược Xoa là vô hình nhìn không thấy, nhưng khẳng định là có, bạn đừng có hoài nghi.
‘’Thiên ma quyến thuộc phải ẩn núp.’’ Đây là quyến thuộc của thiên ma, ngoại đạo, yêu ma quỷ quái, ngưu quỷ xà thần, xa xa trông thấy liền chạy trốn.
‘’Trâu quỷ ngựa thần mau chạy trốn.’’ Trâu quỷ ngựa thần phải sớm bỏ chạy, vì chúng chẳng dám nhìn Bồ Tát Kim Cang.

53. Nam mô ma ni câu ra gia

Kệ :
Bảo Sinh Phật bộ chủ ma ni
Hư Không Bồ Tát quyến thuộc câu

Nam phương vị tại bính đinh hoả
Sí nhiên hồng quang chiếu khảm ly.

Tạm dịch :
Bảo Sinh Phật bộ chủ ma ni
Bồ Tát Hư Không quyến thuộc tụ
Phương nam thuộc về lửa Bính Đinh
Lửa đỏ sáng rực chiếu Khảm Ly.

Giảng giải : Nam Mô Ma Ni Câu Ra Gia. Ma Ni thuộc về “Bảo”, Bảo Bộ là phương nam, phương nam Bảo Sinh bộ. ‘’Bảo Sinh Phật bộ chủ ma ni.’’ Phật Bảo Sinh, bộ chủ Bảo Bộ.
‘’Bồ Tát Hư Không quyến thuộc tụ.’’ Ngài và Bồ Tát Hư Không Tạng và Bồ Tát Ba La Mật cùng đại chúng ở với nhau.
‘’Phương nam thuộc về lửa Bính Đinh.’’ Phương nam là vị trí Bính Đinh hỏa, thuộc về lửa. Cho nên ‘’Lửa đỏ sáng rực chiếu Khảm Ly.’’ Tuy nhiên tại phương nam, nhưng quang minh mầu đỏ rất mãnh liệt, chiếu Khảm, Khảm là phương bắc, Ly là phương nam. Khảm là phương bắc thuộc thủy, Ly là phương nam thuộc hỏa. Từ phương nam chiếu đến phương bắc, lại hổ tương chiếu sáng cho nên quang minh Bảo Bộ có thể chiếu khắp pháp giới.

54. Nam mô già xà câu ra gia

Kệ :
Tác pháp biện sự bộ Yết Ma
Địa Tạng Bồ Tát tộc chúng đa
Thiện ác nghiệp báo hào bất thác
Thiết diện vô tư lão Diêm La.

Tạm dịch :
Tác pháp biện sự Yết Ma bộ
Bồ Tát Địa Tạng tộc chúng nhiều
Thiện ác nghiệp báo chẳng mảy sai
Mặt đen vô tư lão Diêm Vương.

Giảng giải: Đây là phương bắc, Phật Thành Tựu là Bộ Chủ. Yết Ma dịch là “Tác pháp” hoặc “Biện sự”. Bộ này thuộc về phương bắc, Bồ Tát Địa Tạng thống lãnh tất cả chúng quỷ thần và vô số quyến thuộc.
‘’Thiện ác nghiệp báo không mảy sai.’’ Làm thiện được thiện báo, làm ác được ác báo, thiện ác quả báo tơ hào chẳng sai.

‘’Mặt đen vô tư lão Diêm Vương.’’ Mặt mày của vua Diêm La vô tư chẳng nói đến nhân tình, đúng là đúng, sai là sai, mặt của vua Diêm Vương đen giống như sắt, chẳng có một chút nhân tình đạo vị, bạn muốn lường gạt vua Diêm La không thể được, các bạn nhất định phải làm việc thiện. Nếu làm việc ác thì vua Diêm Vương chẳng tha cho bạn, làm việc thiện thì ông ta cung kính bạn. Cho nên phải thường niệm Chú Đại Bi, thì vua Diêm Vương quản không được bạn. Có người tạo rất nhiều tội, lâm chung đến chỗ vua Diêm Vương, vua Diêm Vương hỏi y sao làm nhiều tội nghiệp như thế, y nói tôi chẳng tạo tội nghiệp gì, tôi thường làm việc tốt ! Vua Diêm Vương hỏi ông ta, ông làm tốt việc gì ? Ông ta nói tôi thường niệm Chú Đại Bi, vua Diêm Vương nói ông nói láo, thường tụng Chú Đại Bi cũng chẳng ăn thua gì, bèn tống ông ta vào núi đao, ông ta liền niệm Chú Đại Bi, thì lập tức núi đao liền hóa thành hoa sen, ông ta ngồi trong hoa sen vãng sinh về thế giới Cực Lạc. Cho nên nếu bạn một niệm hồi quang phản chiếu, sửa đổi lỗi lầm làm mới lại, thì tội nghiệp quá khứ sẽ tiêu diệt, nhưng phải chân thành sửa lỗi làm mới, thật biết sửa đổi lỗi lầm, thì dù tội nhiều như núi Tu Di, một khi sám hối, tội bèn tiêu sạch, thì hoa sen sẽ hiện tiền. Hoa sen hiện tiền là biểu thị tội nghiệp tiêu sạch.

Ở trên là năm Bộ. Chính giữa là Phật Bộ, Phật Tỳ Lô Giá Na là Bộ Chủ. Phương đông Kim Cang Bộ, Phật A Súc là Bộ Chủ. Phương tây là Liên Hoa Bộ, Phật A Di Đà là Bộ Chủ. Phương nam là Bảo Sinh Bộ, Phật Bảo Sinh là Bộ Chủ. Phương bắc là Yết Ma Bộ, Phật Thành Tựu là Bộ Chủ. Bộ Chủ năm Bộ xuất lãnh chúng Bồ Tát, quyến thuộc Kim Cang, quyến thuộc Liên Hoa và quyến thuộc của Phật, thảy đều quản lý tất cả ma vương của thế giới, cho nên người tại thế gian mới bình an, bằng không thì thiên ma ngoại đạo hoành hành không sợ gì cả.

55. Nam mô bà già bà đế

Kệ :
Chánh Đẳng Chánh Giác Đại Đạo Sư
Tiếp dẫn hữu tình phó liên trì
Thân kiến Di Đà Quán Tự Tại
Thế Chí chiêu thủ khoái lai thời.

Tạm dịch :
Chánh Đẳng Chánh Giác Đại Tôn Sư
Tiếp dẫn hữu tình phó Liên Trì

Thấy được Di Đà, Quán Tự Tại
Thế Chí vẫy tay mau đến nơi.

Giảng giải : Bà Già Bà Đế tức là "Bạt Già Phạm", Chánh Đẳng Chánh Giác Đại Tôn Sư. ''Tiếp dẫn hữu tình phó Liên Trì.'' Bồ Tát tức là giác hữu tình, hoặc gọi là hữu tình giác. Phàm là có tình cảm đều là chúng sinh.
''Thấy được Di Đà, Quán Tự Tại.'' Gặp được Phật Vô Lượng Thọ, Phật Vô Lượng Quang và Bồ Tát Quán Tự Tại.
''Thế Chí vẫy tay mau đến nơi.'' Bồ Tát Thế Chí cũng tiếp dẫn tại đó, nói hãy mau đến ! Mau đến !

56. Đế rị trà

Kệ :
Kiên cố bất thoái bồ đề tâm
Dũng mãnh tinh tấn chân lại chân
Phát nhạ trưởng đại đăng bỉ ngạn
Thổ chuyên ngoã thạch biến hoàng kim.

Tạm dịch :
Kiên cố không lùi tâm bồ đề
Dũng mãnh tinh tấn lại chân thật
Nảy mầm lớn lên đến bờ kia
Đất gạch ngói đá biến vàng thật.

Giảng giải : Đế Rị Trà dịch là "Kiên cố". Đây là đội cầm binh khí hộ vệ trên trời rất trang nghiêm.
''Dũng mãnh tinh tấn lại chân thật.'' Dũng mãnh tinh tấn trong chân thật lại càng chân thật, một sợi tóc giả cũng chẳng có, chỉ có bồ đề tâm mới nảy mầm lớn lên.
''Đất gạch ngói đá biến vàng thật.'' Đất gạch ngói đá vốn chẳng dùng gì được, cuối cùng biến thành vàng thật, nếu nói mà không tu đạo, thì cũng giống như đất gạch ngói đá, nếu tu thành đạo rồi, thì so với vàng thật còn giá trị hơn. Bồ đề tâm tức là chẳng nóng giận, chẳng có tâm tham, tâm sân, tâm si. Tu đạo chủ yếu là phá vô minh phiền não, không nóng giận thì cơ hội tu sẽ thành công.

57. Du ra tây na

Kệ :
Phá Ma La Võng thắng ma quân
Vô đoan chánh giả thậm kinh tâm
Oai đức hàng phục thiên tặc chúng
Thiện nhãn diệu mục thị cổ kim.

Tạm dịch :
Phá lưới Ma La thắng ma quân
Kẻ không đoan chánh, sanh tâm sợ
Oai đức hàng phục chúng thiên tặc
Mắt lành xem rõ thấu cổ kim.

Giảng giải : Du Ra Tây Na dịch là “Phá ma quân”, “Phá lưới Ma La “. Ma vương có thần thông diệu dụng của nó, phá ma vương rồi thì sẽ thắng ma quân.
‘’Kẻ không đoan chánh, sanh tâm sợ.’’ Vô đoan chánh là ai ? Vô đoan chánh tức là A Tu La. A Tu La cũng phải sợ.
‘’Oai đức hàng phục chúng thiên tặc.’’ Phá ma quân có một thứ oai đức, đủ để hàng phục chúng thiên tặc A Tu La.
‘’Mắt lành xem rõ thấu cổ kim.’’ Đây cũng có thể dịch là « thiện nhãn », hoặc « diệu mục ». Thiện nhãn diệu mục không thấy lỗi của chúng sinh, hết thảy chúng sinh đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật, xem hết thảy chúng sinh đều như nhau, không phân biệt.

58. Ba ra ha ra noa ra xà gia

Kệ :
Như ý tự tại vô năng thắng
Tri túc nộ hống sư tử vương
Trang nghiêm kết man hương thù diệu
Năng trì bảo giới ngộ chân thường.

Tạm dịch :
Như ý tự tại không ai bằng
Tri túc nộ hống sư tử vương
Kết man trang nghiêm hương thù diệu
Giữ gìn giới báu ngộ chân thường.

Giảng giải : Ba Ra nghĩa là “Tự tại”, cũng có nghĩa là “Như ý”, cũng dịch là “Vô năng thắng”, chẳng có người nào thắng hơn được.

Ha Ra dịch là “Sư tử”, lại dịch là “Kết hoa man”.
Noa Ra dịch là “Năng trì”.
Xà Gia dịch là “Thắng”. Cho nên nói : ‘’Như ý tự tại không ai bằng – Tri túc nộ hống sư tử vương.’’ Lại có nghĩa là “Tri túc” hoặc nghĩa là “Đại nộ”, như sư tử hống.
‘’Kết man trang nghiêm hương thù diệu.’’ Kết hoa man có nghĩa là trang nghiêm, lại có nghĩa là hương thù diệu, hoa man có hương thù thắng vi diệu, nếu giữ được vô thượng bảo giới thì sẽ ngộ trí huệ chân thường.

59. Đa tha già đa gia

Kệ :
Như Lai biến hoá diệu vô phương
Thuyết pháp đàm Kinh độ mê manh
Tín thọ phụng hành giai ly khổ
Niệm Phật trì Chú kiến Giác Vương.

Tạm dịch :
Như Lai biến hóa diệu vô cùng
Thuyết pháp giảng Kinh độ quần mê
Tin thọ phụng hành đều lìa khổ
Niệm Phật trì Chú thấy Giác Vương.

Giảng giải : Đa Tha Già Đa Gia tức là “Như Lai”, thần thông biến hóa của Như lai diệu vô cùng, nói không hết được.
‘’Thuyết pháp giảng Kinh độ quần mê.’’ Phật thuyết pháp để giáo hóa chúng sinh mê muội.
‘’Tin thọ phụng hành đều lìa khổ.’’ Nếu tin thọ phụng hành giáo pháp của Phật thì sẽ ly khổ đắc lạc.
‘’Niệm Phật trì Chú thấy Giác Vương.’’ Nếu nhất tâm niệm Phật, nhất tâm trì Chú thì sẽ thấy được Phật.

60. Nam mô bà già bà đế

Kệ :
Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác Tôn
Như Lai Ứng Cúng thiên nhân trung

Minh Hạnh Thiện Thệ Thế Gian Giải
Chí tâm quy mạng lễ cung kính.

Tạm dịch :
Đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác
Như Lai Ứng Cúng trong trời người
Minh Hạnh Thiện Thệ Thế Gian Giải
Chí tâm quy mạng lễ cung kính.

Giảng giải: Phật tức là ''Đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.'' Chánh Đẳng Chánh Giác tức cũng là A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, Phật có mười hiệu.
"Như Lai Ứng Cúng trong trời người – Minh Hạnh Thiện Thệ Thế Gian Giải.'' Đó là một trong mười hiệu chúng ta phải ''Chí tâm quy mạng lễ cung kính.'' Thành tâm, quy mạng lễ cung kính chư Phật.

61. Nam mô a di đa bà gia

Kệ :
Quy đầu Tây Phương Vô Lượng Giác
Trí huệ quang minh chúng tướng hảo
Y chánh thanh tịnh cập trang nghiêm
Hiền Thánh sung mãn tri đa thiểu.

Tạm dịch :

Quy mạng Tây Phương Vô Lượng Giác
Trí huệ quang minh các tướng tốt
Y chánh thanh tịnh rất trang nghiêm
Thánh hiền đầy khắp vô lượng số.

Giảng giải : Đây là Tây phương Phật A Di Đà, Phật Vô Lượng Thọ, Phật Vô Lượng Quang. Cho nên nói : ''Quy mạng Tây Phương Vô Lượng Giác.'' Giác nghĩa là giác ngộ.
''Trí huệ quang minh các tướng tốt.'' Trí huệ, quang minh, tướng tốt, của Ngài đều vô lượng.
''Y chánh thanh tịnh rất trang nghiêm.'' Y báo, chánh báo, của Ngài rất thanh tịnh và trang nghiêm. Y báo tức là sơn hà đại địa, nhà cửa lâu đài. Chánh báo tức là Phật, Bồ Tát, A la hán đều vô lượng trang nghiêm.
''Thánh hiền đầy khắp vô lượng số.'' Tại thế giới Cực Lạc, Bồ Tát, A La Hán,

Thánh Hiền Tăng không biết số bao nhiêu, dùng máy điện toán cũng tính chẳng được, vì quá nhiều.

62. Đa tha già đa gia

Kệ :

Phổ lễ Như Lai chúng môn đồ
Nhất tâm cung kính đại trượng phu
Duy nguyện từ bi ai nhiếp thọ
Thường vi ngã đẳng tác hộ phù.

Tạm dịch :

Lễ khắp Như Lai chúng môn đồ
Một lòng cung kính đại trượng phu
Xin nguyện từ bi mà nhiếp thọ
Thường vì chúng con gia hộ trì.

Giảng giải: Đa Tha Già Đa Gia, tức là nói “Lễ hết chủng tộc của Như lai”. Môn đồ của Như lai tức là đệ tử của Phật, nếu bạn là đệ tử của Phật cũng bao quát trong đó, tôi là đệ tử Phật cũng bao quát trong đó, người khác là đệ tử của Phật cũng bao quát trong đó. Cho nên đây chẳng phải nói người khác, mà là nói chính bạn.
‘’Một lòng cung kính đại trượng phu.’’ Đồ đệ của Phật đều là đại trượng phu, nam nữ đều gọi là đại trượng phu. Cho nên khi xuất gia thì hỏi : Bạn có phải là đại trượng phu chăng ? Bạn có phát bồ đề tâm chăng ? Nói như vậy thì thiên ma ngoại đạo kinh sợ, thiên ma ngoại đạo kinh sợ, thì muốn đến chướng ngại sự tu hành của bạn, vì sợ quyến thuộc của ma vương đến phá cho nên ‘’Xin nguyện từ bi mà nhiếp thọ.’’ Chúng ta là đệ tử của Phật, chúng ta muốn đệ tử của Phật phát đại từ bi thương xót nhiếp thọ, vì chúng ta sống ở thế gian này làm rất nhiều việc không giữ quy cụ, thật là điên đảo, đáng thương xót. Đệ tử của Phật thương xót chúng ta, nhiếp thọ chúng ta.
‘’Thường vì chúng con gia hộ trì.’’ Hộ thân như cái linh phù để bảo hộ chúng ta, khiến chúng ta có chỗ gởi gắm, có chỗ nương tựa.

63. A ra ha đế

Kệ :

Ứng chân nhất thiết chúng vương tộc
Sinh tôn quý gia túc duyên thục
Trợ Phật dương hoá hoằng chánh pháp
Chỉ dẫn ngoan ngu xuất tam đồ.

Tạm dịch :
Ứng chân tất cả dòng dõi vua
Sinh nhà tôn quý duyên đời trước
Giúp Phật tuyên dương hoằng chánh pháp
Chỉ dẫn ương ngu thoát ba cõi.

Giảng giải: A Ra Ha Đế là "Tất cả ứng chân chúng vương tộc". Ứng Chân cũng là Phật, cũng là đệ tử của Phật, chúng vương tộc là quyến thuộc của vua. ''Sinh nhà tôn quý duyên đời trước.'' Tại sao sinh ra trong vương tộc ? Vua đây có thể nói là quốc vương, cũng có thể nói là Pháp Vương, sinh trong nhà Pháp Vương cũng là quý tộc. Duyên đời trước, vì trong tiền kiếp có nhân duyên với đấng Pháp Vương và quốc vương, cho nên làm chủng tộc của Pháp Vương, chủng tộc của quốc vương. Tại sao các vị ấy đến ? Vì đến trợ giúp Phật hoằng dương chánh pháp. Khi Phật xuất thế thì đồ chúng của Phật đều đến hộ trì, đều đến trợ giúp, cho nên nói : ''Giúp Phật tuyên dương hoằng chánh pháp – Chỉ dẫn ương ngu thoát ba cõi.'' Ương tức là chúng sinh cang cường, bạn giáo hóa họ thế nào, họ cũng không nghe, dạy họ giữ giới, họ không chịu giữ giới, kêu họ từ từ tu hành, phát bồ đề tâm, họ không phát bồ đề tâm, không giữ quy cụ, ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh cũng không có, đó tức là ương, giống như khúc gỗ, bạn nói với họ, họ không hiểu, dạy họ lạy Phật, niệm Phật, tụng Kinh họ cũng nghe không vào. Ngu tức là ngu si, người ngu si và kẻ ương ngạnh luôn luôn đọa vào ba đường ác, thường thường làm ngạ quỷ, làm súc sanh, đọa địa ngục. Cho nên phải giáo hóa chúng sinh trong ba cõi lìa khổ được vui, chấm dứt sinh tử.

64. Tam miệu tam bồ đà gia

Kệ :
Quy mạng Chánh Giác hiền Thánh chúng
Cứu độ tam giới giai ứng cúng
Phổ nguyện hữu tình câu ly khổ
Thiên ma khủng bố địa chấn động.

Tạm dịch :
Quy mạng Chánh Giác Thánh hiền chúng

Cứu độ ba cõi đều ứng cúng
Nguyện khắp hữu tình đều lìa khổ
Thiên ma kinh sợ đất chấn động.

Giảng giải : Tam Miệu Tam Bồ Đà là "Chánh Đẳng Chánh Giác", là "hết thảy Thánh hiền", bao quát Bồ Tát, Phật, A La Hán, đều ở trong đó, cho nên nói : ''Quy mạng Chánh Giác Thánh hiền chúng – Cứu độ ba cõi đều ứng cúng''. Hết thảy bậc Chánh Giác, đều cứu độ hết thảy chúng sinh trong ba cõi, cho nên trời người đều nên cúng dường những bậc ấy. Các bậc Thánh hiền đó trong quá khứ đã phát nguyện này, chúng ta cũng phát nguyện này, tức là : ''Nguyện khắp hữu tình đều lìa khổ – Thiên ma kinh sợ đất chấn động.'' Thánh hiền chúng đến đâu, thì thiên ma đều kinh sợ, đại địa sáu thứ chấn động.

65. Nam mô bà già bà đế

Kệ :
Cửu giới chúng sinh từ bi phụ
Thập phương quốc độ Đại Giác Tôn
Kiến tướng văn danh quân đắc độ
Xuẩn động hàm linh tác y hỗ.

Tạm dịch :
Bậc cha lành chín cõi chúng sinh
Đấng Đại Giác mười phương cõi nước.
Thấy tướng nghe danh đều được độ
Bò bay máy cựa làm chỗ nương.

Giảng giải: ''Bậc cha lành chín cõi chúng sinh.'' Chín cõi chúng sinh tức là: Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, trời, người, A tu la, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục. Phật là Từ Bi Phụ, cha lành của chín cõi.
''Đấng Đại Giác mười phương cõi nước.'' Đây là những bậc giác ngộ trong mười phương cõi nước.
''Thấy tướng nghe danh đều được độ.'' Thấy được tượng Phật, nghe được danh hiệu Phật, thảy đều được độ.
''Bò bay máy cựa làm chỗ nương.'' Tất cả chúng sinh rất nhỏ bé, cũng lấy Phật làm chỗ nương tựa của họ.

66. A sô bệ gia

Kệ :
Đông phương bất động hoan hỉ quang
Hàng phục thiên ma nộ kim cang
Triết nhiếp nhị môn hoá quần chúng
Thuận nghịch hổ dụng diệu vô phương.

Tạm dịch :
Đông phương Bất Động Hoan Hỷ Quang
Hàng phục thiên ma nộ Kim Cang
Triết nhiếp hai môn độ quần chúng
Thuận nghịch đều dụng diệu vô cùng.

Giảng giải: Đây là phương đông Phật A Súc, tức cũng là Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Phật.
‘’Đông phương Bất Động Hoan Hỷ Quang.’’ Đông phương Phật Bất Động tức là A Sô Bệ, Hoan Hỷ Quang Phật.
‘’Hàng phục thiên ma nộ Kim Cang.’’ Kim Cang là nộ mục (trợn mắt), Bồ Tát là từ mi (mắt hiền từ), Kim Cang có sự nóng giận vì phải hàng phục ma, nếu không có sự nóng giận thì ma liền muốn khinh thường bạn.
‘’Triết nhiếp hai môn độ quần chúng.’’ Nộ mục Kim Cang dùng pháp triết phục, Bồ Tát từ bi dùng pháp nhiếp thọ, nhìn thấy Bồ Tát từ bi, thì trong tâm rất vui vẻ, nhưng khi nhìn thấy Kim Cang, thì bạn không nghe cũng phải nghe, vì vị Kim Cang có thế lực rất lớn, có thể hàng phục bạn cho nên nói : ‘’Hàng phục thiên ma nộ Kim Cang – Triết nhiếp hai môn độ quần chúng.’’ Dùng pháp triết phục và pháp hàng phục hai cửa này để giáo hóa hết thảy chúng sinh.
‘’Thuận nghịch đều diệu dụng vô cùng.’’ Nên dùng pháp triết phục, thì dùng pháp triết phục, nên dùng pháp nhiếp thọ, thì dùng pháp nhiếp thọ, có lúc thuận thì Ngài khiến cho họ hoan hỷ, có lúc không thể thuận họ, thì phải dùng pháp triết phục. Hai thứ pháp này phải dùng vừa vặn đúng lúc, nếu dùng không đúng, thì không tương ưng, giống như đáng lý phải dùng pháp triết phục, thì bạn không dùng, mà dùng pháp nhiếp thọ, hoặc nên dùng pháp nhiếp thọ, thì bạn không dùng, lại dùng pháp triết phục, thì người quỷ thần đều xa lánh, thấy bạn thì chạy xa mười vạn tám ngàn dặm. Cho nên dùng đúng thì có thể hàng phục được đối phương, biến đổi được tư tưởng và hành vi của họ.

67. Đa tha già đa gia

Kệ :
Lễ kính chư Phật yếu chí thành

Cảm ứng đạo giao mặc nhiên thông
Vi pháp tinh tấn thường bất thối
Diện kiến Như Lai thần mộng trung.

Tạm dịch :
Lễ kính chư Phật phải chí thành
Cảm ứng đạo giao tự nhiên thông
Vì pháp tinh tấn không thối chuyển
Thấy được Như Lai ở trong mộng.

Giảng giải: ‘’Lễ kính chư Phật phải chí thành.’’ Bạn lễ Phật thì phải khẩn thiết chí thành, không thể lôi thôi diễn xướng theo họ, họ lạy tôi cũng lạy theo, họ quỳ tôi cũng quỳ theo, thật là không có tướng ta, nhưng không phải như thế.
’’Cảm ứng đạo giao tự nhiên thông.’’ Nếu thật có tâm chí thành khẩn thiết, thì lẳng lặng tự nhiên thông đạt, Phật cũng biết bạn đang lễ Phật, bạn lễ Phật sẽ có cảm ứng, có công đức.
‘’Vì pháp tinh tấn thường bất thoái.’’ Chẳng phải nói học Phật pháp ba ngày, năm ngày, một năm hai năm liền thành tựu, thành cái gì ? Một bước còn chưa tiến được ! Bèn sinh hoài nghi với Phật pháp, không tinh tấn, thì chẳng có ích gì, phải luôn luôn không thối chuyển bồ đề tâm.
‘’Thấy được Như Lai ở trong mộng.’’ Nếu thường thường không thối bồ đề tâm, ví như đả thiền thất, chẳng phải nói đả một lần thì khai ngộ, đả hai lần thì thành Phật, lần thứ ba thì không cần đả nữa, không phải như thế, phải đả không biết bao nhiêu lần thiền thất, tu hành bao nhiêu đại kiếp, công phu mới thành tựu. Chẳng phải nói bây giờ là thời đại khoa học, tôi xem qua một lần thì hiểu rõ, ba tuần lễ liền khai ngộ, trên đời chẳng có việc dễ dàng như thế, ba tuần lễ bạn hút á phiện, thì tức khắc sinh ghiền, nhưng chờ đợi thì lại sinh ghiền, tu hành không có giản đơn như thế ! Bạn nhìn từ xưa đến nay chư Phật, Bồ Tát tu hành, đời đời kiếp kiếp đều tiếp tục không ngừng dụng công phu, sau đó công phu thành thục thì mới thành tựu, chẳng phải như chúng ta tu hành, tu hai ngày rưỡi thì muốn thành Phật. Nếu trên thế gian có việc dễ như thế, thì Phật nhiều hơn so với chúng sinh. Cho nên các bạn đừng cho rằng mình thông minh, thông minh ngược lại bị lầm thông minh. Câu này nói thân tự gặp được Phật, hoặc là trên tinh thần, hoặc là trong mộng thấy được Phật.

68. A ra ha đế

Kệ :
Phổ lễ ứng chân chúng vương tộc

Chí tâm cung kính đãi duyên thục
Công viên quả mãn thành đại đạo
Dữ Phật đồng thất chứng như như.

Tạm dịch :
Khắp lễ ứng chân chúng vương tộc
Chí tâm cung kính đợi duyên đến
Công tròn quả đầy thành đại đạo
Đồng nhà với Phật chứng như như.

Giảng giải : Câu này vốn đã giảng qua rồi, không cần phải giảng lại, nhưng ý nghĩa của nó vô cùng tận. Không ngại nói thêm, bất quá nói thêm ít phần ý nghĩa của câu Chú, đừng cho rằng bốn câu kệ thì hoàn toàn nói hết ý nghĩa của một câu Chú. Vì oai lực và ý nghĩa của một câu Chú vô cùng vô tận.
''Khắp lễ ứng chân chúng vương tộc ''. Ứng chân tức là Phật, phổ lễ chủng tộc của Phật.
''Chí tâm cung kính đợi duyên đến.'' Người tu đạo phải chí tâm, tức là tâm phải chuyên nhất cung kính Phật, cung kính chủng tộc của Pháp Vương, đến khi cơ duyên thành thục thì: ''Công đầy quả tròn thành đại đạo''. Tu đạo đừng có hy vọng, đừng có đợi khai ngộ, hoặc là có gì đó thành tựu, ngày nào thành tựu ? Có những thứ vọng tưởng như thế, thì đó là một thứ tâm tham. Ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh, nhất cử nhất động đều phải có oai nghi, không nên tùy tùy tiện tiện, cũng không tùy tiện cười, cũng không tùy tiện khóc, cũng không tùy tiện nổi giận. Tóm lại, đều phải tự nhiên, không chỗ tạo tác, không phải giả trang làm xuất gia, khi công đức tròn, quả đầy thì sẽ thành bồ đề đại đạo.
''Đồng nhà với Phật chứng như như.'' Tức là ở cùng chỗ với Phật, đồng nhà tức là chứng đắc quả vị Phật, như như tức là bất động, không có một chút tâm phân biệt, bất cứ gặp cảnh giới gì đều không động, cảnh giới thiện cũng không giao động, cảnh giới ác cũng không giao động. Người tại trần, nhưng tâm xuất trần, như hoa sen trong bùn không nhiễm trần, sẽ chứng được như như bất động, như như tức là chân như tự tại một thứ biểu thị, không vì tất cả cảnh giới làm giao động, lúc đó không nghĩ thiện, không nghĩ ác. Như như tức cũng là chứng được lý thể chân thật.

69. Tam miệu tam bồ đà gia

Kệ :
Quy mạng Chánh Giác Thiên Trung Thiên
Hư không pháp giới chứng Thánh hiền

Nguyện thuỳ từ bi ai nhiếp thọ
Hộ Vạn Phật Thành ức vạn niên.

Tạm dịch :
Quy mạng Chánh Giác Thiên Trung Thiên
Hư không pháp giới các Thánh hiền
Xin nguyện từ bi mà nhiếp thọ
Hộ Vạn Phật Thành vạn ức niên.

Giảng giải: ''Quy mạng Chánh Giác Thiên Trung Thiên.'' Là quy mạng mười phương ba đời tất cả chư Phật.
''Hư không pháp giới các Thánh hiền.'' Với tận hư không biến pháp giới tất cả Thánh hiền.
''Xin nguyện từ bi mà nhiếp thọ.'' Nguyện Phật và Bồ Tát thường thường có đại từ bi tâm đối với con, thương xót con, nhiếp thọ con ! Đừng bỏ con, đừng quên con.
''Hộ Vạn Phật Thành vạn ức niên.'' Cầu Phật và Bồ Tát hộ trì Vạn Phật Thành, con thành Phật rồi cũng hộ trì Vạn Phật Thành, bạn thành Phật rồi cũng hộ trì Vạn Phật Thành, người khác Thành Phật rồi cũng hộ trì Vạn Phật Thành. Vạn Phật Thành cũng giống như trời đất vĩnh viễn tồn tại, không bao giờ hủy diệt.

70. Nam mô bà già bà đế

Kệ :
Thập phương tam thế chư Như Lai
Bổn thể đồng cộng nhất pháp thân
Bất tăng bất giảm bất cấu tịnh
Vĩnh tác chúng sinh đại minh đăng.

Tạm dịch :
Mười phương ba đời các Như Lai
Bổn thể đều đồng một pháp thân
Không tăng không giảm không sạch dơ
Luôn làm đèn sáng cho chúng sinh.

Giảng giải : Mười phương tức là : Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông Bắc, Đông Nam, Tây Nam, Tây Bắc, trên và dưới cộng làm mười phương. Ba đời tức là quá khứ, hiện tại và vị lai. Các Như Lai là bao quát Phật quá khứ, Phật hiện tại, Phật vị lai.
''Bổn thể đều đồng một pháp thân.'' Tuy nhiên mỗi vị Phật không đồng, nhưng

pháp thân Phật là một, quang minh của Phật cũng là một.
‘’Không tăng không giảm không sạch dơ.’’ Phật thì không sinh không diệt, không sạch không dơ, không thêm không bớt, nhập cứu kính Niết bàn.
‘’Luôn làm đèn sáng cho chúng sinh.’’ Phật giống như một ngọn đèn sáng lớn, soi đường trước sau cho chúng sinh, chỉ dẫn chúng sinh ra khỏi đường mê, hướng về con đường giác ngộ.

71. Bệ sa xà gia

Kệ :
Đông phương Dược Sư Lưu Ly Quang
Phổ độ hữu duyên nhập bỉ bang
Tăng phước tiêu tai diên trường thọ
Xưng danh lễ kính kiến Pháp Vương.

Tạm dịch :
Phương Đông Dược Sư Lưu Ly Quang
Độ kẻ có duyên vào nước Ngài
Tăng phước tiêu tai thêm sống lâu
Nghe danh lễ kính thấy Pháp Vương.

Giảng giải: Bệ Sa Xà Gia là “Phật Dược Sư Lưu Ly Quang”. ‘’Độ kẻ có duyên vào nước Ngài.’’ Nhiếp thọ hết thảy chúng sinh có duyên, sinh về phương đông thế giới Lưu Ly.
‘’Tăng phước tiêu tai thêm sống lâu ’’, làm cho chúng sinh tăng phước tiêu tai nạn sống trường thọ.
‘’Nghe danh lễ kính thấy Pháp Vương.’’ Niệm danh hiệu, hoặc lễ kính, đều sẽ thấy được Pháp Vương Phật và Phật đạo đồng.
Con người tại sao làm người ? Vì con người có quá nhiều tâm phân biệt, đây là tôi, đó là bạn, kia là họ. Vì nhiều tâm phân biệt, thì nhiều sự chấp trước, cho nên làm người. Phật thì không có sự chấp trước mới thành Phật, chúng ta muốn thành Phật, thì phải phá sự chấp trước về cái ta, chấp trước về pháp, làm cho tâm cuồng dừng lại, tức là bổn lai tự tánh thiên chân Phật.

72. Câu lô phệ trụ rị gia

Kệ :
Dược Sư Như Lai thanh sắc bảo

Cụ túc trang nghiêm chúng tướng hảo
Trần sát hiện thân nhiếp quần loại
Duy vọng tốc phát bồ đề tảo.

Tạm dịch :
Đức Phật Dược Sư màu xanh báu
Trang nghiêm đầy đủ các tướng tốt
Hiện thân vô số nhiếp quần sinh
Nguyện họ sớm phát tâm bồ đề.

Giảng giải : Đây là nói Phật Dược Sư màu xanh báu, Phệ Trụ Rị Gia tức là "màu xanh báu", Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Phật rất trang nghiêm. Ngài có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Ngài hiện thân khắp các cõi nước nhiều như hạt bụi, để thuyết pháp nhiếp thọ hết thảy chúng sinh.
''Nguyện họ sớm phát tâm bồ đề.'' Phật Dược Sư và Bồ Tát Dược Vương, Bồ Tát Dược Thượng hy vọng chúng ta và hết thảy chúng sinh sớm phát bồ đề tâm, lìa khổ được vui.

73. Bát ra bà ra xà gia

Kệ :
Đại tài Bát Nhã trí huệ quang
Phổ chiếu pháp giới tánh trung vương
Bất động đạo tràng Quán Tự Tại
Tịch diệt vi lạc lộ đường đường.

Tạm dịch :
Đại tài Bát Nhã trí huệ quang
Chiếu khắp pháp giới tánh trung vương
Bất động đạo tràng Quán Tự Tại
Tịch diệt là vui lộ đường đường.

Giảng giải : Bát Ra Bà tức là "Trí huệ quang minh". Đây là nói : ''Đại tài Bát Nhã trí huệ quang – Chiếu khắp pháp giới tánh trung vương.'' Tánh trung vương tức là bổn thể của Phật.
''Bất động đạo tràng Quán Tự Tại.'' Đạo tràng luôn luôn bất động, không động bổn tòa mà giáo hóa mười phương rất tự tại.
''Tịch diệt là vui lộ đường đường.'' Phật dùng tịch diệt làm vui, cho nên Kinh Niết Bàn nói :

‘’Các hành vô thường
Là pháp sinh diệt
Sinh diệt diệt rồi
Tịch diệt là vui.’’

Lộ đường đường là lộ ra bổn thể tự tánh quang minh.

74. Đa tha già đa gia

Kệ :
Xưng tán Như Lai lễ môn nhân
Quảng tu cúng dường biến sát trần
Sám hối nghiệp chướng hằng tinh tấn
Tuỳ hỉ công đức cánh ân cần.

Tạm dịch :
Khen ngợi Như Lai lễ môn đồ
Rộng tu cúng dường khắp các cõi
Sám hối nghiệp chướng luôn tinh tấn
Tùy hỷ công đức không giải đãi.

Giảng giải : Ý nghĩa Đa Tha Già Đa Gia là “Đảnh lễ hết thảy môn nhân của Phật”, tức cũng là đệ tử của Phật. Vậy câu này cũng bao quát bạn, tôi và tất cả hết thảy Phật giáo đồ.
‘’Khen ngợi Như Lai lễ môn đồ.’’ Chúng ta lạy Phật kính Tăng. Tại sao phải cung kính Tam Bảo ? Vì bạn tin Phật, thì phải cung kính Phật, cung kính Phật thì phải tu tập Phật pháp, pháp nhờ Tăng truyền, Phật pháp nằm trong tay người xuất gia, người xuất gia nắm đạo lý Phật giáo, do đó phải cung kính Tam Bảo, chúng ta bây giờ là người tin Phật, đều phải xưng tán Như Lai lễ môn đồ của Như Lai. Xưng tán tức là dùng những ngôn ngữ để tán dương Phật, kính lễ môn đồ của Phật, đệ tử, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni.
‘’Rộng tu cúng dường khắp các cõi.’’ Rộng tu cúng dường là một trong mười đại nguyện vương của Bồ Tát Phổ Hiền.
Thế nào gọi là nguyện vương ? Là vua trong các lời nguyện. Rộng tu cúng dường, không phải là cúng dường một vị Phật, hai vị Phật, ba vị Phật, mà là cúng dường tất cả chư Phật, nhiều như số hạt bụi trong pháp giới. Chúng ta đều phải cúng dường, tất cả các đại Bồ Tát và đệ tử của Phật. Rộng tu cúng dường khắp các cõi, là khắp hết các phương tận hư không biến pháp giới, đều cúng dường không còn sót.
‘’Sám hối nghiệp chướng luôn tinh tấn.’’ Rộng tu cúng dường rồi lại phải sám

hối nghiệp chướng, chúng ta sám hối tội nghiệt và nghiệp chướng đã tạo ra trong quá khứ, thường thường phải tinh tấn, không giải đãi lười biếng.
‘’Tùy hỷ công đức không giải đãi.’’ Phải tùy hỷ hết thảy công đức, tùy hỷ hết thảy công đức là vui vẻ hoan hỷ những việc tốt, thiện, công đức mà người khác làm được, như chính mình làm không khác, không sinh tâm đố kỵ, không sinh tâm chướng ngại, phải tùy hỷ những công đức mà người khác làm. Tức là tùy hỷ tất cả công đức của chư Phật, tùy hỷ tất cả công đức của các Bồ Tát, tùy hỷ công đức của tất cả chúng sinh. Không giải đãi tức là luôn luôn phải tùy hỷ.
Bạn phải y chiếu mười nguyện vương của Bồ Tát Phổ Hiền mà tu hành, thì sớm sẽ thành Phật, y chiếu mười đại nguyện vương tu hành thì không đi sai đường, nhất định là đúng đắn.

75. Nam mô bà già bà đế

Kệ :
Cụ nhất thiết trí viên mãn giác
Xuất quảng trường thiệt phá mê đảo
Thuyết thành thật ngôn tỉnh lung quý
Y giáo phụng hành tri đa thiểu.

Tạm dịch :
Đủ nhất thiết trí giác viên mãn
Hiện lưỡi rộng dài phá mê tối
Nói lời thành thật tỉnh mù điếc
Y giáo phụng hành biết bao nhiêu.

Giảng giải : Nam Mô Bà Già Bà Đế vẫn ý nghĩa là “Bạt Già Phạm”. Bạt Già Phạm là một danh từ riêng của Phật, đầy đủ nhất thiết trí huệ, đắc được đại giác viên mãn, giác hạnh viên mãn. Tu hành cũng tu viên mãn, trí huệ cũng viên mãn, phước báu cũng viên mãn, hết thảy hết thảy đều viên mãn.
‘’Hiện lưỡi rộng dài phá mê tối.’’ Ngài luôn luôn dùng lưỡi rộng dài phá tất cả điên đảo chấp trước của chúng sinh. Mê tối của chúng sinh không dễ gì phá. Thần thông của chư Phật, Bồ Tát lớn như thế, muốn phá mê tối của chúng sinh, có lúc cũng rất khó.
‘’Nói lời thành thật tỉnh mù điếc.’’ Những gì nói ra đều là lời thành thật. Chúng ta giống như kẻ điếc, gì cũng không hiểu, hồ đồ trong sự hồ đồ.
‘’Y giáo phụng hành biết bao nhiêu.’’ Phật từ bi giáo hóa chúng sinh, nhưng chân chánh hiểu biết, y Phật phụng hành có được bao nhiêu ? Mê thì nhiều, giác ngộ thì ít, nghe thì nhiều, hành thì ít.

Người nghe Phật pháp thì nhiều nhưng người tu thì ít. Giống như các bạn học Phật pháp tại đây, học đi học lại vẫn điên đảo như thế, vẫn vô tri thức, vẫn gây chuyện thị phi, khêu chọc ly gián, tà tri tà kiến một chút cũng không hiểu. Như vậy thì bạn biết đạo Phật giáo hóa chúng sinh cũng là như thế, không dễ gì giáo hóa, thật y giáo phụng hành rất ít lại ít. Cho nên các bạn từ điểm này có thể hiểu nhân loại không dễ gì giáo hóa. Bạn dạy họ đi đường tà, thì họ rất thích đi, bạn dạy họ đi trên con đường chánh, thì họ hoài nghi điều này, hoài nghi điều kia, có thật hay chăng! Ví như nói giả dối, khi bạn nói thì họ tin, còn nói thật, thì dù bạn nói thế nào họ cũng không tin, con người thường là như thế, là một loài động vật kỳ quái, nhưng qua rồi họ lại hối hận, biết mình sai, thật là đáng thương sót. Chúng ta nghe Phật pháp phải cung hành thực tiễn, phải theo con đường chánh mà làm, như thế mới có lợi ích.
Bây giờ nói về hai vị tam bộ nhất bái có thể nói là rất khó được, nhưng bạn phải nghiên cứu tử tế, hai vị đó thô cảm tuy nhiên đã đoạn, nhưng tế cảm vẫn còn, trần sa hoặc không dễ gì thu thập sạch sẽ được, cho nên tu hành chẳng phải lôi thôi mà tu thành được, phải nhận chân tu hành mới có thể thành tựu.

76. Tam bổ sư bí đa

Kệ :
Phổ biến nhất thiết thù thắng quang
Thượng chí Hữu Đảnh hạ vô hương
Xuẩn động hàm linh quân mông độ
Phát bồ đề tâm kiến đạo tràng.

Tạm dịch :
Quang minh thù thắng chiếu khắp cả
Trên đến Hữu Đảnh dưới địa ngục
Hết thảy hàm linh đều được độ
Phát tâm bồ đề lập đạo tràng.

Giảng giải : Tam Bổ tức là “Khắp cả”. Quang minh thù thắng tức là quang minh của Phật rất thù thắng, siêu quá tất cả quang minh khác.
‘’Quang minh thù thắng chiếu khắp cả.’’ Khắp cả tức là khắp pháp giới, không có một nơi nào mà quang minh của Phật không chiếu đến.
‘’Trên đến Hữu Đảnh dưới địa ngục.’’ Trên thì chiếu đến trời Hữu Đảnh, dưới thì chiếu đến địa ngục vô gián.
‘’Tất cả hàm linh đều được độ.’’ Hàm linh có nhiều loài không có trí huệ, chỉ biết chạy nhảy, một chút trí huệ, tri thức cũng chẳng có, rất là ngu si. Hàm linh

không nhất định có linh tính, nhưng chúng có chút chút, chỉ có một chút chút, ẩn chứa trong đó. Hàm linh gọi là gì ? Ví dụ như gạo chúng ta ăn, nhìn xem rất là sạch, chẳng có một sinh vật nào trong đó, nhưng nếu bạn để vào nơi nào đó không chú ý đến, hoặc có sự ẩm ướt, hoặc có một chút nhân duyên nào đó, thì gạo sẽ sinh ra sâu mọt. Có sâu mọt sinh ra đó là hàm linh. Trong gạo nhất định có hàm linh, bất quá chúng không hiện ra, đến khi bạn nấu chín rồi thì hàm linh đều chết hết, không còn. Nhưng nếu bạn đem cơm chín để vào nơi nào đó, thời gian lâu lại sinh ra một thứ sinh vật, tế khuẩn, tiểu trùng. Lại ví như khuẩn trà, khuẩn trà nguyên lai gì cũng chẳng có, chỉ một khối khuẩn, nó lớn dần, lại chua, đó là một thứ trùng phát triển lớn dần trong đó. Đó đều là hàm linh.

‘’Hết thảy hàm linh đều được độ’’, đều bị quang minh chiếu đến, khiến cho nghiệp chướng đều tiêu trừ, căn lành của họ sẽ tăng trưởng, từ chúng sinh nhỏ đi làm chúng sinh lớn, lại có thể tu hành, thì có thể sẽ thành Phật, cho nên đều có thể độ, phát bồ đề tâm kiến lập đạo tràng. Chúng ta là người hiểu Phật pháp, cứ làm Phật sự như trăng dưới nước, cũng giống như trăng sáng trong nước, chỉ có bóng mà không có hình. Nhưng chúng ta lập đạo tràng không nhất thiết phải có tâm nói rằng tôi lập đạo tràng, có nhiều công đức, đừng có tâm như thế, lập đạo tràng phát bồ đề tâm, đây là bổn phận của mình, hành sở vô sự đừng chấp trước hình tướng.

77. Tát lân nại ra lặc xà gia

Kệ :
Nam Mô Sa La Thụ Vương Phật
Kiên cố tinh chuyên lập công đức
Lục độ vạn hạnh viên mãn nhật
Năng sử tử giả biến thành hoạt.

Tạm dịch :
Nam Mô Sa La Thụ Vương Phật
Kiên cố tinh chuyên lập công đức
Lục độ vạn hạnh được viên mãn
Sẽ khiến kẻ chết biến sống lại.

Giảng giải : Đây là “Sa La Thụ Vương Phật” cho nên nói Sa La Thụ Vương Phật. Sa La Thụ dịch là “Kiên cố”, kiên cố thì không lay chuyển, ngàn ma không đổi, vạn ma không lùi. Tinh chuyên, tinh tức là tinh tế, chuyên là chuyên nhất, lập công đức, phải làm đủ thứ việc tốt.

‘’Lục độ vạn hạnh được viên mãn.’’ Tu lục độ, bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ. Vạn hạnh mà tu được viên mãn, thì dù người chết, bạn muốn kêu họ sống lại, thì họ sống lại, đó là sự thần thông diệu dụng, bạn nói sao thì được như thế, vì bạn tu chưa thành, chưa thấy qua, cho nên cho rằng không thể được, nếu bạn tu thành tựu lục độ vạn hạnh viên mãn, thì không những có việc này, mà còn có thể toại tâm như ý tất cả mọi sự việc.

78. Đa tha già đa gia

Kệ :
Kiền thành khẩn thiết niệm niệm chân
Phổ lễ Như Lai chúng môn nhân
Chuyên nhất bất nhị cầu thâm nhập
Viên thành giác đạo hiện pháp thân.

Tạm dịch :
Kiền thành khẩn thiết niệm niệm chân
Khắp lễ Như Lai chúng môn đồ
Chuyên nhất không hai cầu thâm nhập
Viên thành giác đạo hiện pháp thân.

Giảng giải: Đây là “Phổ lễ tất cả môn đồ của Phật”, chúng ta nên lễ khắp các đức Phật, chúng ta kính Phật thì phải trọng Tăng. Người tin Phật không thể một bên tin Phật, một bên tạo nghiệp, phải tinh thuần lại tinh thuần. Về mặt tín ngưỡng phải chánh tín, không mê tín, không tà tín, không tin lệch lạc. Tà tín tức là không tin chánh pháp, mà tin bàn môn tả đạo. Tin lệch lạc tức là tin một cách mơ hồ, nói lý luận không đúng đắn, lệch lạc về một bên, ngoan cố không sửa đổi, y nhận rằng y là đúng. Chánh tri chánh kiến là không có tâm kiêu ngạo, không có tâm cống cao ngã mạn. Tà tín, mê tín và tin lệch lạc đều có tư tưởng cống cao ngã mạn trong đó, hoặc có người nghe nói một chữ ‘’mật‘’ liền bị thu hút theo, cho rằng bí mật nhất định là tốt, cho nên Phật giáo đại thừa phải lễ khắp tất cả môn nhân của Như Lai, tận hư không biến pháp giới tất cả đệ tử đều đảnh lễ, chẳng phải nói chỉ lạy Phật, còn đệ tử của Phật thì khinh khi, nên cung kính đối với hết thảy đệ tử của Phật. Cho nên nói kính Phật thì trọng Tăng. Ví dụ như bạn nói tôi kính sư phụ, tin sư phụ, nhưng không kính đồ đệ của sư phụ, nếu bạn không cung kính đồ đệ của sư phụ, thì cũng như không cung kính sư phụ. Nếu bạn cung kính sư phụ thì cũng phải cung kính đệ tử của sư phụ. Cho nên nói : ‘’Chí thành khẩn thiết niệm niệm chân.’’ Chí thành thì một chút giả dối cũng không có, rất khẩn thiết thì tơ hào cũng không lôi thôi,

mỗi một niệm đều dùng chân tâm, không dùng tâm hư ngụy, không dùng tâm tà tri tà kiến, không dùng tâm lệch lạc, không dùng tâm mê tín, niệm niệm đều dùng chân tâm.
‘’Khắp lễ Như Lai chúng môn đồ.’’ Đảnh lễ khắp hết thảy đệ tử của Phật, như vậy mới là Phật tử chân chánh, mới là chân chánh cung kính Tam bảo.
‘’Chuyên nhất không hai cầu thâm nhập.’’ Tâm cung kính phải chuyên nhất không hai, không có tâm thứ hai, phải một ngày so với một ngày chân thật hơn.
‘’Viên thành giác đạo hiện pháp thân.’’ Khi bạn khai ngộ, chứng được bồ đề giác đạo thì pháp thân sẽ hiện ra.

79. A ra ha đế

Kệ :
Chí thành chí thành cánh chí thành
Cung kính cung kính phục cung kính
Phổ lễ ứng chân chúng vương tộc
Cứu kính Cực Lạc liên hoa sinh.

Tạm dịch :
Chí thành, chí thành lại chí thành
Cung kính, cung kính lại cung kính
Lễ khắp ứng chân chúng vương tộc
Rốt ráo Cực Lạc hoa sen sinh.

Giảng giải: ‘’Chí thành, chí thành lại chí thành.’’ Phải chí thành, đừng có chút tâm cầu danh lợi giả dối nào xen vào, hoặc muốn cho người khác xem mình thành tâm ra sao, xem mình là thật tu hành.
‘’Cung kính, cung kính lại cung kính – Lễ khắp ứng chân chúng vương tộc‘’. Ứng chân tức là hiện thân của Phật, giáo hóa hết thảy chúng sinh, hoặc hiện thân vua… Lễ khắp tất cả ứng chân vương tộc, lâu dần thì sẽ thành tựu.
’’Rốt ráo Cực Lạc hoa sen sinh.’’ Sẽ đắc được Cực Lạc cứu kính, sẽ hiện ra pháp thân bổn thể với Phật không hai không khác.
Độ người cũng đừng dụng tâm thái quá, nếu muốn độ người không có niềm tin không phải dễ, sẽ gặp những người kỳ quái về tinh thần. Như Tôn Giả Bạc Câu La trong tiền kiếp, phát nguyện độ mẹ của Ngài, khi Ngài sinh ra thì ngồi kiết già, mẹ của Ngài cho rằng sinh ra quái vật, liền muốn thiêu chết Ngài, nấu chết Ngài, nhận nước chết Ngài, nhưng làm cách nào cũng không chết, vì Ngài tiền kiếp giữ giới không sát sinh, được quả báo năm thứ không hại chết được.

80. Tam miệu tam bồ đà gia

Kệ :
Quy mạng Chánh Giác Phật Thế Tôn
Tam Bảo từ bi đại oai thần
Nhất thiết hiền Thánh giai cung kính
Công viên đức mãn chứng trí thông.

Tạm dịch :
Quy mạng Chánh Giác Phật Thế Tôn
Tam Bảo từ bi đại oai thần
Tất cả hiền Thánh đều cung kính
Công đầy quả tròn chứng trí thông.

Giảng giải : Câu Chú này vẫn là “Quy mạng tất cả Chánh Giác Phật Thế Tôn”. Quy là tâm có chỗ trở về, có chỗ nương tựa. Mạng tức là mạng sống, đem mạng sống của chúng ta ký thác cho Phật Chánh Giác. Chánh Giác thì chẳng phải là tà giác. Tà giác cũng rất thông minh, có chút trí huệ, nhưng đi vào đường tà, đi vào con đường bàn môn tả đạo, tà tri tà kiến, hành vi bất chánh. Chúng ta quy y Chánh Giác Phật. Phật là do tự mình tu thành, chẳng phải hoàng đế xưng Ngài là Phật.
Một số người vô tri thức, không hiểu Phật pháp, khoa trương nói tự mình đã thành Phật hoặc nói Ngọc Hoàng Đại Đế phong cho y là Phật, mà ý nghĩa Phật đều không hiểu, sao gọi là Phật ? Có những ngoại đạo công nhiên nói họ cũng là Phật, không sai, Phật rất nhiều, nhưng chẳng phải loại người đó có thể thành Phật. Loại người đó cho rằng Phật là nhờ người khác phong, đó đều là tà thuyết ngoại đạo.
Phật là nửa chữ Phạn ngữ, đầy đủ gọi là Phật Đà Gia vì người Tàu thích gọi tắt cho nên chỉ gọi một chữ Phật, dịch là “Giác giả”, giác có ba loại là tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn. Giác tha tức là dùng những đạo lý mình đã hiểu, khiến cho kẻ khác cũng hiểu. Tự giác trong Nho giáo là minh minh đức, đem đức hạnh của mình hiện ra quang minh, minh mà lại minh, bổn hữu trí huệ quang minh lộ ra. Giác tha tức là dùng đức hạnh minh minh đức của mình giáo hóa kẻ khác, khiến cho họ cũng minh minh đức đạt đến mức chí thiện, đến chí thiện rồi tức là giác hạnh viên mãn. Cho nên Phật giáo và Nho giáo danh từ tuy không giống nhau, nhưng nghĩa lý là một, nhưng Nho giáo chỉ là lý luận mà không có chứng đắc. Phật giáo không những minh bạch nghĩa lý, mà còn chứng đắc lý thể thực tế. Trí huệ chân thật chẳng phải là thiền ở đầu miệng, chẳng phải là một thứ lý luận. Nho giáo là diễn thuyết gia, giảng rất giỏi. Phật

giáo là thực hành gia, cung hành thực tiễn, làm một cách chân thật, không chú trọng thiền ở đầu miệng. Đây là chỗ khác nhau giữa Nho giáo và Phật giáo, trên thực tế quy nạp đạo lý lại với nhau thì là một.
Tự giác tức là A La Hán khác với phàm phu. Phàm phu thì không giác, A La Hán là tự giác, tự mình minh bạch, nhưng chỉ mình minh bạch chứ không giáo hóa kẻ khác minh bạch. Nếu đem đạo lý này giáo hóa kẻ khác, thì gọi là giác tha. Giác tha tức là Bồ Tát, Bồ Tát chính mình tốt rồi, hoan hỷ người khác cũng tốt, cho nên Bồ Tát không sợ phiền não, luôn luôn đi giáo hóa kẻ khác. Bồ Tát giáo hóa kẻ khác, cũng có lúc viên mãn, cũng có lúc chưa được viên mãn. Giống như bạn muốn đi đến Nữu Ước, bước thứ nhất bắt đầu là giác tha, đợi khi nào bạn đến Nữu Ước, đi hết con đường này thì là giác mãn. Giác cũng viên mãn, hạnh cũng viên mãn. Giác hạnh viên mãn thì thành Phật. Phật và hàng nhị thừa khác nhau, nhị thừa chỉ tự giác, mà không giác tha. Phật và Bồ Tát khác nhau. Bồ Tát chỉ giác tha mà chưa được giác mãn. Phật thì giác hạnh viên mãn, cho nên nói : ''Quy mạng Chánh Giác Phật Thế Tôn.'' Thế Tôn là tôn quý nhất trong thế gian.
''Tam Bảo từ bi đại oai thần.'' Phật Pháp Tăng gọi là Tam Bảo. Tam Bảo là tôn quý nhất trong thế gian. Muốn học Phật pháp thì trước phải hiểu Phật pháp, muốn hiểu Phật pháp thì phải quy y Tăng, pháp nhờ Tăng truyền, cho nên phải quy y Tăng. Tam Bảo : Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo, công đức giống nhau, đều tôn quý giống nhau, cho nên Chú Lăng Nghiêm bắt đầu là : **''Nam Mô Tát Đát Tha, Tô Già Đa Gia, A La Ha Đế, Tam Miệu Tam Bồ Đà Toả.'' Đây là quy mạng tận hư không biến pháp giới, mười phương ba đời vô tận thường trụ Tam bảo Phật Pháp Tăng**. Vì khi bạn xưng Phật Pháp Tăng Tam Bảo, thì trong hư không khắp pháp giới quyến thuộc của Phật, quyến thuộc của ma, quyến thuộc của chư thiên, quyến thuộc của loài người đều một lòng cung kính phát tâm đại bồ đề. Do đó tín ngưỡng Tam Bảo nên nhớ đừng hủy báng Tam Bảo, hủy báng Tăng tức là hủy báng Phật, hủy báng Pháp tức là hủy báng Phật, tạo vô lượng vô biên tội nghiệp trong cửa Phật, thiện ác xen tạp, biết tin Phật là có căn lành, nhưng lại hủy báng Tăng liền trồng xuống nhân địa ngục, tuyệt đường bồ đề, mở cửa địa ngục.
Người học Phật bất cứ thế nào, không thể tùy tiện hủy báng Tam Bảo. Tam Bảo từ bi, Phật bảo từ bi, Pháp bảo từ bi, Tăng bảo từ bi, hết thảy Thánh hiền không thấy lỗi lầm của chúng sinh, nhưng bạn tạo tội nghiệp, thì chính bạn thọ quả báo, chứ không phải Tam Bảo trừng trị tội của bạn, kêu bạn thọ quả bào, mà là bạn ở trong Phật giáo cứ làm những việc thiện ác hỗn tạp, lại gieo nhân lành, lại trồng nhân ác, tại nhân địa không chân thật thì quả chiêu lại sẽ cong vạy, cho nên quả báo đến rất là thống khổ.
Đại oai thần là nói Tam bảo đều từ bi, có đại oai thần quay càn chuyển khôn,

khởi tử hồi sinh, dời núi lấp biển. Có thể đem thế giới phương đông chuyển đến phương tây, đem thế giới phương tây chuyển đến phương đông. Chuyển thế giới phương nam đến phương bắc, thế giới phương bắc chuyển đến phương nam, có thể hổ tương di chuyển các thế giới nhiều như số hạt bụi, bất quá người trong quả địa cầu này giống như con kiến trên một chiếc thuyền lớn, chẳng biết thuyền đi đến đâu. Con kiến ngồi trên thuyền trong biển phiêu lưu, chẳng biết đến nơi nào. Con người ở trong hư không cũng như con kiến ở trên thuyền. Quả địa cầu của chúng ta tựa như chiếc thuyền ở trong hư không, trôi lại trôi đi, chúng ta gì cũng đều không biết. Bạn nói hiện tại khoa học nghiên cứu gì cũng đều biết được, tốt ! Tôi hỏi bạn có biết bạn ăn bao nhiêu hạt gạo chăng ? Có biết lông mi trên mắt có bao nhiêu sợi chăng ? Có bao nhiêu sợi tóc ? Có bao nhiêu lỗ chân lông chăng? Nếu bạn nói biết, thì biết cũng là một thứ đại khái ước lượng mà thôi. Đại oai thần lực là không thể nghĩ bàn. Cho nên người học Phật thấy tất cả hiền Thánh đều cung kính, trồng phước trước cửa Tam Bảo, tu phước cầu phước.

‘’Công tròn phước đầy chứng trí thân.’’ Công thì phải lập, lập công chẳng phải nói bạn nên làm thì đi làm, không nên làm thì không làm, bất cứ việc thiện gì đều phải tận lực đi làm mới là công, lập công lập nhiều rồi thì thành đức, công đầy đức tròn, công cũng không thiếu không thừa, đức cũng được tối viên mãn thì sẽ chứng được thân trí huệ, hiển lộ đại quang minh tạng, đắc được thân trí huệ, tất cả đều là trí huệ, tất cả đều là quang minh.

81. Nam Mô Bà Già Bà Đế

Kệ :
Bạt Già lục nghĩa cố bất phiên
Diệu Giác Như Lai biến tam thiên
Tự tại cát tường du pháp giới
Kiến tướng văn danh tận siêu phàm.

Tạm dịch :
Bạt Già sáu nghĩa nên không dịch
Diệu giác Như Lai khắp các cõi
Tự tại cát tường du pháp giới
Thấy tướng nghe danh tận siêu phàm.

Giảng giải: Bạt Già Phạm có sáu nghĩa nên không dịch, vì người dịch không có danh từ thích đáng, cho nên giữ lại tiếng Phạn.

‘’Diệu giác Như Lai khắp các cõi.’’ Diệu giác, Như Lai đều là danh từ chỉ cho

đức Phật. ‘’Biến tam thiên.’’ Ngài đi khắp cùng pháp giới, vô tại vô bất tại, nơi nào có chúng sinh, thì nơi đó có Phật, nơi nào có Phật, thì nơi đó có chúng sinh. Phật thì khắp cùng tất cả mọi nơi, cho nên nói là khắp tam thiên.
Tam thiên tức là ba ngàn đại thiên thế giới. Một núi Tu Di, một mặt trời, một mặt trăng và bốn đại châu gọi là một thế giới, một ngàn thế giới hợp lại gọi là tiểu thiên thế giới, một ngàn tiểu thiên thế giới hợp lại gọi là trung thiên thế giới, một ngàn trung thiên thế giới hợp lại gọi là đại thiên thế giới, đây gọi là tam thiên đại thiên thế giới, cho nên tam thiên đại thiên thế giới vẫn còn có số mục, phải nói lại thế giới là vô lượng vô biên vô cùng vô tận, cho nên gọi là khắp tam thiên.
‘’Tự tại cát tường du pháp giới.’’ Cũng đi khắp cùng pháp giới.
‘’Thấy tướng nghe danh tận siêu phàm.’’ Thấy được tướng của Phật, hoặc nghe được danh hiệu của Phật, đều là gieo trồng căn lành, tương lai nhất định sẽ siêu phàm nhập Thánh, Bồ Tát bất thoái làm bạn lữ của bạn.

82. Xá kê dã mẫu na duệ

Kệ :
Vạn mộc tùng trung đại thụ lâm
Đống lương chi diệp âm chúng trân
Lương tài kham năng kình cự hạ
Xư lịch kinh cức phó bính đinh.

Tạm dịch :
Vạn đại thụ trong đại tùng lâm
Rường cột cành lá che bóng mát
Lương tài dùng làm ngôi nhà lớn
Xư lịch kinh cức phó bính đinh.

Giảng giải: Xá Kê dịch là “Rừng cây thẳng” hoặc là “Rừng cây lớn”. Có rừng cây này chăng ? Có thể nói có, khắp nơi đều có rừng cây, đều có rừng cây lớn. Cũng có thể nói không có, khắp nơi đều không có, đây là ví dụ. Ví dụ Phật Thích Ca Mâu Ni đem theo những vị đệ tử cũng giống như rừng đại thụ, vậy cứu kính có chăng, cũng có thể nói có, cũng có thể nói không.
‘’Vạn đại thụ trong đại tùng lâm.’’ Vạn là một số mục nhiều, nhiều không cách chi hình dung được, không nhất định là một vạn, hai vạn, nói không chừng chín ngàn chín trăm, nói không chừng là một vạn một trăm, rất nhiều cây cối, không rõ lắm do đó nói là vạn. Cây gì cũng đều bao quát trong đó, có cây rừng, có cây bách, có cây cứng, có cây mềm, có cây thẳng, có cây cong, nói

tóm lại đủ loại cây. Cho nên dùng chữ vạn để hình dung nhiều loại cây. Tùng lâm hình dung rất nhiều cây cối sống với nhau. Rừng đại thụ cũng biểu thị chỗ của Phật ở, cho nên đạo tràng gọi là tùng lâm, tức là rất nhiều người xuất gia đều tụ hội lại một chỗ, người xuất gia bốn phương tám hướng đều tụ hội với nhau, đây tức là đồng như vạn cây.
‘’Lương tài kham năng kình cự hạ.’’ Lương tài tức là tài đống lương, tài liệu tốt nhất, tức là nói phải có tài liệu tốt, có thiện trí thức thì Phật pháp tự nhiên sẽ tồn tại lâu trên đời. Phật giáo cũng giống như một ngôi nhà lớn. Ngôi nhà thì vĩnh viễn không mục nát hư hoại, thường tồn tại đứng sừng sững bất động, nhưng phải có lương tài, nhân tài tốt tức là người tu đạo chân chính, thiện trí thức chân chính.
Thiện tri thức chân chính phải làm cho Phật giáo phát dương quang đại, chớ chẳng phải ai cho người đó nhiệm vụ, gọi vị đó lại làm cho Phật giáo phát dương quang đại, mà là thấy rằng quang đại Phật giáo là trách nhiệm của chính mình, lấy Phật giáo làm nhiệm vụ của mình. Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới thành lập ra, làm hết thảy mọi việc đều là tự ý hoan hỷ làm, chớ không có ai bắt buộc họ đi làm, mà là tự ý phát tâm làm. Ai muốn phiên dịch Kinh điển, biên văn chương, tam bộ nhất bái, muốn làm gì thì làm, tơ hào cũng không thêm miễn cưỡng, đều tự ý cảm thấy nên làm thì tận lực đi làm, đừng đợi người bảo bạn nên làm gì mới đi làm, tức là một phần tử đại học pháp giới, thì nên tận hết khả năng của mình, làm gì được thì làm cái đó, làm không được cũng không miễn cưỡng. Không nên sợ cái này, sợ cái kia, sợ làm sai. Nếu bạn muốn làm đúng thì làm gì có sai, trừ khi bạn muốn làm sai.
‘’Xư lịch kinh cức phó bính đinh.’’ “Xư lịch” tuy là cây gỗ nhưng cong vạy, dùng làm củi đốt nhưng cũng chẳng tốt lành gì. “Kinh cức” có bản sự rất lớn, giống như trong một đoàn thể chuyên khuấy phá tạo ra sự bực dọc, gặp được thứ cây này không dễ gì đối phó, đó là thứ ngựa hại bầy, bất cứ trong trường hợp nào đều có lời để nói, không nói thị thì nói phi, đâm da người làm cho chảy máu. Thứ cây này phải làm thế nào, phó cho Bính Đinh. Bính Đinh tức là lửa.

83. Đa tha già đa gia

Kệ :
Khán Phật kính Tăng bồi tín căn
Tôn trọng đệ tử báo sư ân
Hiếu thuận nãi thị vụ đức bổn
Nhân thiện quả lương đạo tự sinh.

Tạm dịch :
Kính Phật trọng Tăng thêm niềm tin
Tôn trọng đệ tử báo ân sư
Hiếu thuận mới là gốc công đức
Nhân lành quả tốt đạo tự sinh.

Giảng giải : Chúng ta không chỉ quy y Phật, còn phải quy y tất cả đại đệ tử của Phật. Người xuất gia là ruộng phước Tăng thanh tịnh, thanh tịnh tức không có tiền, không có vật gì hết, gì cũng không cần, tất cả đều buông xả, thậm chí vọng tưởng cũng không còn. Tăng là người truyền Phật pháp, là người đảm đang gia nghiệp của Như Lai, khiến cho Phật giáo phát dương quang đại. Nếu muốn học Phật pháp, thì phải học với người xuất gia. Pháp là nhờ Tăng truyền. Do đó tin Phật thì phải cung kính đệ tử của Phật. Đây là bồi đắp tín căn. Tin là nguồn đạo mẹ công đức, nhất định trước phải có tín tâm, nếu không có tín tâm, thì dù Phật pháp có nói tốt như thế nào cũng không thể tiếp thọ.
‘’Tôn trọng đệ tử báo ân sư.’’ Tôn trọng đệ tử của Phật, tức là báo ân thầy, báo ân Phật.
‘’Hiếu thuận mới là gốc công đức.’’ Hiếu thuận là hiếu thuận cha mẹ, sư trưởng, đừng có ở chỗ sư phụ nói gì thì trước mặt không dám nói, nhưng khi ở chỗ khác thì nói sư phụ cứ nói người, sư phụ nóng quá. Sư phụ vốn không nóng giận. Tôi nói pháp thì chân tục đều dụng, có lúc thì nói chút chân đế, có lúc thì nói tục đế. Có vẻ làm người khác bực mình, thực ra thì không phải vậy, tôi dùng phương pháp này giáo hóa người, dù nhẫn không được bạn cũng phải nhẫn, nhường không được bạn cũng phải nhường. Bạn đi chỗ khác nói đâm thọc, nói sư phụ hôm nay nóng giận, khiến cho tôi chịu không được, lời của tôi nói là vô tâm, là đối cơ thuyết pháp. Các pháp từ duyên sinh, các pháp từ duyên diệt, bạn muốn tạo nghiệp thì tạo nghiệp, muốn tu phước thì tu phước, muốn bồi tín căn thì bồi tín căn, muốn tín căn vứt đi thì vứt đi.
‘’Nhân lành quả tốt đạo tự sinh.’’ Trồng nhân tốt thì kết quả tốt, tu đạo tự nhiên sẽ thành công.

84. A ra ha đế

Kệ :
Sinh quý trụ cư Pháp Vương gia
Tam thân tứ trí diệu quán sát
Ngũ nhãn lục thông thành sở tác
Đại viên cảnh chiếu bình đẳng đạt.

Tạm dịch :
Sinh quý trụ ở nhà Pháp Vương
Ba thân bốn trí diệu quán sát
Năm nhãn sáu thông thành sở tác
Đại viên cảnh chiếu bình đẳng đạt.

Giảng giải : A Ra Ha Đế tức là "Lễ khắp ứng cúng tất cả vương tộc". **Một câu Chú của Chú Lăng Nghiêm nếu biên tả mấy ngàn câu, mấy vạn câu, cũng nói không hết được, nhưng tâm lượng của chúng ta có hạn, trí huệ cũng chưa khai thông, hiện chỉ tả đơn giản mấy câu, lược nói ý nghĩa của Chú, chỉ nói ít phần của Chú**, ứng chân tất cả vương tộc đều gọi là quý tộc.
Trong Kinh Hoa Nghiêm Phẩm Thập Trụ có "Nhất sinh quý trụ" là cảnh giới của Bồ Tát, sinh quý trụ cũng có thể nói là vương tộc, cho nên nói : ''Sinh quý trụ ở nhà Pháp Vương.'' Sinh trong nhà Phật chẳng phải ai ai cũng có thể sinh, phải có sự tu hành.
''Ba thân bốn trí diệu quan sát.'' Ba thân là pháp thân, báo thân, hóa thân (còn gọi là ứng thân). Pháp thân là thanh tịnh, khắp tất cả mọi nơi. Báo thân có ba mươi hai tướng đại nhân, tám mươi vẻ đẹp. Hóa thân là thiên biến vạn hóa, vô cùng vô tận, một là vô lượng, vô lượng là một. Một chẳng phải một, chẳng phải nhiều ; nhiều chẳng phải nhiều, chẳng phải một. Một nhiều vô ngại, một nhiều không hai. Ngoại đạo nói mình là Phật. Nếu không có ba thân bốn trí, thì không thể xưng là Phật, giả mượn chứng quả ! Bốn trí là thành sở tác trí, diệu quán sát trí, bình đẳng tánh trí, đại viên cảnh trí. Người cũng có thể quán sát nhưng không diệu, rất thô thiển, nhìn được vật có hình tướng mà không thể nhìn vật vô hình vô tướng. Diệu quán sát trí, có hình hay vô hình đều thông suốt vô ngại, trên biết vạn sự, dưới biết vạn vật. Trước biết vô lượng kiếp, sau biết vô lượng kiếp.
''Năm nhãn sáu thông thành sở tác.'' Phật lại có năm nhãn tức là Phật nhãn, pháp nhãn, huệ nhãn, thiên nhãn, nhục nhãn, năm nhãn có mấy bài kệ rằng :
''Thiên nhãn thông phi ngại.'' Thiên nhãn không chướng ngại, có thể thấy được quỷ thần, cũng có thể thấy nhất cử nhất động nhất ngôn nhất hạnh của chư Thiên, so với máy camera nhìn còn rõ hơn, bất tất phải mượn duyên bên ngoài, bên trong đều đầy đủ.
''Nhục nhãn ngại phi thông.'' Nhục nhãn chẳng phải nói cặp nhục nhãn của chúng ta, mà là nhục nhãn riêng ngoài. Thiên nhãn nhìn không thấy hữu hình hữu tướng, không thấy người phàm chúng ta, nhưng mà thấy người trời. Nhục nhãn ngại phi thông chứ chẳng phải nói có chướng ngại nhìn không thấy vật, mà là nói nhìn những thứ có hình có tướng, cũng nhìn thấy được vô hình vô tướng, người trong phòng cũng nhìn thấy được, người ngoài phòng cũng nhìn

thấy được, vách tường cũng ngăn cản không được, còn diệu hơn máy camera.
‘’Pháp nhãn quán tục đế.’’ Phần đông tụng Kinh thì phải mở mắt, mở Kinh ra để đọc. Nếu đắc được pháp nhãn thông, chỉ cần mở pháp nhãn, thì khắp hư không biến pháp giới, không có một hạt bụi nào mà chẳng phải là Tam Tạng mười hai bộ.
‘’Huệ nhãn rõ chân không.’’ Huệ nhãn tức là mắt trí huệ, hiểu được lý chân không, đắc được pháp hỷ sung mãn chân không.
‘’Phật nhãn như thiên nhựt.’’ Phật nhãn như ngàn mặt trời.
‘’Chiếu dị thể hoàn đồng.’’ Chiếu những gì bất đồng mà rõ ràng bổn thể là một, Phật nhãn là viên mãn nhất, cao siêu nhất, siêu hơn bốn nhãn kia. Lục thông tức là thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, túc mạng thông, thần túc thông, lậu tận thông, đắc được lục thông thì biến hóa được, phi hành tự tại, bạn muốn đến đâu thì không cần đi máy bay, đi xe lửa, một niệm khắp ba ngàn đại thiên thế giới, ba ngàn đại thiên trong một niệm, đây là thành sở tác trí làm nên.
‘’Đại viên cảnh chiếu bình đẳng đạt.’’ Đại viên cảnh trí như gương soi, việc đến thì ứng, việc đi thì lặng, niệm khởi thì giác, giác tức là không. Bình đẳng đạt là gì, đạt là thông đạt, bình đẳng thông đạt, lại có thể nói là ‘’Đạt Ma’’ tức là pháp bình đẳng.

85. Tam miệu tam bồ đà gia

Kệ :
Bồ Tát La Hán giải thoát Tăng
Như bần đắc bảo ám đắc đăng
Chỉ dẫn hữu tình hoạch Chánh Giác
Vĩnh xuất luân hồi ái dục khanh.

Tạm dịch :
Bồ Tát La Hán giải thoát Tăng
Như nghèo được của, tối được đèn
Chỉ dẫn hữu tình chứng Chánh Giác
Vĩnh thoát luân hồi hố ái dục.

Giảng giải: ‘’Bồ Tát La Hán giải thoát Tăng’’. Bồ Tát là nửa chữ tiếng Phạn, đầy đủ gọi là “Bồ đề tát đoả”, dịch là “Đại đạo tâm chúng sinh”, còn gọi là “đại Khai Sĩ”, hoặc gọi là “Giác hữu tình”. A La Hán cũng là tiếng Phạn, dịch là “Ứng Cúng”, hoặc gọi là “sát tặc”, hoặc dịch là “vô sinh”.
Bồ Tát và La Hán đều là Thánh nhân. Giải thoát Tăng và Thánh Tăng đã đắc

được giải thoát, giải thoát tức là vô quái vô ngại, vô hình, vô tướng, không chấp trước, không tốt, không xấu, không thiện, không ác, hết thảy đều bình đẳng, giải thoát gì cũng không ràng buộc. Nếu người nào gặp được Thánh, Hiền, thì như người nghèo được của báu, được mỏ đá quý, được mỏ vàng, lại như tối được đèn sáng không khác.
‘’Chỉ dẫn hữu tình chứng Chánh Giác.’’ Dùng tay chỉ dẫn chúng sinh, khiến họ đi trên con đường chánh giác.
‘’Vĩnh thoát luân hồi hố ái dục.’’ Luân hồi tức là bánh xe tròn, chuyển tới chuyển lui, luân hồi trong sáu đường: Trời, người, A tu la, súc sinh, ngạ quỷ và địa ngục; khi thì sanh lên trời, khi thì làm ngạ quỷ, khi thì đoạ súc sinh, khi thì đầu thai làm người, khi thì đầu thai làm trâu ngựa, chó, heo. Tại sao chúng ta sinh vào thế giới này? Đều vì ái dục ! Ái ! Ái ! Thích thì muốn nó sống, ghét thì muốn nó chết. Tôi nói đây là kêu bạn giác ngộ, nhưng không dễ gì nhảy khỏi hố này, hố sâu đến chín mười thước, nhảy cũng không khỏi, nhảy lên lại rớt xuống, nhảy khỏi một thước, lại rớt xuống lại. Nếu gặp hiền Thánh Tăng, thì sẽ nhảy khỏi hố ái dục. Hố ái dục lại gọi là hố sinh tử, hố bệnh chết, hố già chết, không dễ gì nhảy khỏi. Chỉ có gặp được Phật pháp, hiểu được thì mới nhảy khỏi, phá được cửa sinh tử, nhảy khỏi vòng luân hồi, lúc đó mới có thể làm bạn lành với Bồ Tát bất thối.

86. Nam mô bà già bà đế

Kệ :
Trí huệ quang minh chiếu thế gian
Thần thông biến hoá tỉnh ngu ngoan
Ngã đẳng cần tu Ba la mật
Diệc chứng đại giác Bạt Già Phạm.

Tạm dịch :
Trí huệ quang minh chiếu thế gian
Thần thông biến hóa tỉnh ngu ương
Mọi người siêng tu Ba La Mật
Cũng chứng Đại Giác Bạt Già Phạm.

Giảng giải: Bà Già Bà Đế tức cũng là “Bạt Già Phạm”. Bạt Già Phạm có sáu nghĩa, bây giờ hình dung Bạt Già Phạm.
‘’Trí huệ quang minh chiếu thế gian.’’ Trí huệ quang minh của Phật, chiếu khắp tất cả thế gian, tất cả chúng sinh.
‘’Thần thông biến hóa tỉnh ngu ương.’’ Phật có đại thần thông. Thứ thần thông

này, chẳng phải là những thứ mà con người chúng ta tưởng tượng được. Thần thông tại nhân gian là một thứ cảnh giới không thể nghĩ bàn. Tại quỷ thần, Phật Bồ Tát, là bổn phận các bậc ấy, chớ chẳng phải là việc kỳ quái. Lúc đức Phật còn tại thế thì đệ tử của Phật, các vị đại A La Hán, đều có thần thông, đều có thể hiện mười tám thứ biến hoá trong không trung, trên thân ra lửa, dưới thân ra nước, tức là thân thể này nước và lửa hổ tương vô ngại, thân vọt lên hư không, đi khắp ba ngàn đại thiên thế giới. Thứ thần thông diệu dụng này, chẳng phải nói như chúng ta nằm mộng thì có thần thông, hoặc là uống chút thuốc mê hồn thì có thần thông, cũng chẳng phải nói nhìn thấy ánh sáng gì đó thì ghê gớm lắm, hoặc thấy chữ gì đã cho là không thể nghĩ bàn, đó đều là nhỏ nhoi không đáng kể.

Những gì chúng ta làm không được, thì Phật Bồ Tát đều làm được, đây đều là việc rất bình thường, tại sao chúng ta không có thần thông ? Vì có dục niệm, nên vô minh che lấp thần thông. Cho nên không có thần thông biến hóa, phải phá sạch vô minh hiển pháp tánh, không còn dục niệm nữa, thì sẽ có thần thông. Khi Phật còn tại thế thì tất cả các vị A La Hán đều có thần thông, sau khi Phật nhập Niết Bàn, thì Phật chế đệ tử không nên hiển thần thông, chứ chẳng phải nói thần thông không tốt, hoặc khi lộ thần thông thì phạm tội. Không phải. Vậy tại sao không hiển thần thông ? Vì thần thông thì không thể tu được, cũng chẳng phải ai cũng đều có, có thần thông thì sẽ hiển, không có thần thông thì làm sao hiển ? Cho nên Phật dạy người có thần thông, không nên hiển thần thông, để lưu lại bát cơm cho người không có thần thông. Nếu như cho phép hiển thần thông, thì người xuất gia có thần thông sẽ có nhiều người cúng dường, vì con người đều thích háo thắng, đều là trên gấm thêm hoa, chẳng nghĩ đến giúp họ lúc cần, người trên gấm thêm hoa nhìn thấy người có thần thông thì dành đi cúng dường, còn người xuất gia không có thần thông, thì chẳng có ai cúng dường, đói chết cũng chẳng có ai đếm xỉa đến. Cho nên Phật kêu đệ tử về sau không được hiển thần thông. Vì không nên hiển thần thông, cho nên người có thần thông cũng không biết.
Người trồng phước cũng như gieo xuống đất, đến mùa thu thì thu hoạch, có thiên tai hay không, hoặc là có sâu bọ, hoặc mưa đá đủ thứ tai nạn, đều là chuyện khác. Phật dạy đệ tử đừng hiển thần thông, chứ chẳng phải nói khi bạn hiển thần thông thì phải đọa xuống mười tám tầng địa ngục, không phải như thế. Phàm sự việc gì đều có một chân lý tồn tại, không thể tùy tiện nói bậy, không thể nói trong Phật giáo có thần thông thì có tội, nếu nói thần thông là không đúng, thì tại sao mỗi bộ Kinh điển Phật đều nói thần thông, đều nói diệu dụng, tức nhiên là không đúng, tại sao phải nói đến ? Nói để làm gì ? Chỉ Phật có thể nói thần thông, còn người khác mặc dù xử dụng thần thông cũng không

thể được. Vậy đó chẳng phải là chuyên chế ? Độc tài chăng ? Các bạn, chúng ta phải nghiên cứu chân lý, Phật nói không nên hiển thần thông, chỉ là không nên, chứ không nhất định không thể được, chỉ sợ bạn không có thần thông, bạn có thần thông thì có thể hiển, bạn xem Đạt Ma có một người bạn trẻ, khi ngồi thiền thì nhìn thấy lửa ở tại nông trường, anh ta còn trẻ mà có được cảm ứng như thế, thứ thần thông đó sao không thể hiển ? Thần thông thì người không biết được, bạn biết được thì gọi đó là thần thông. Vậy tôi cũng muốn tu thần thông để làm gián điệp, đi khắp nơi tìm tòi tình báo. Như thế thì chẳng đắc được thần thông. Vậy tôi dùng máy "ra đa" đó cũng là thần thông. Thần thông thì biến hóa. Biến hóa là tự có hóa không, tự không hóa có, không mà liền có, có mà liền không, biến hóa vô cùng, biến hóa khó dò, không thể nghĩ bàn.
"Tỉnh ngu ương" tức là vì người ngu si, không cho những người đó xem thấy một chút linh nghiệm thì họ không tin, hiển chút thần thông cho họ thấy thì họ liền tin. Ương tức là tối ương không linh, không dễ gì giáo hóa.
''Mọi người siêng tu Ba La Mật.'' Tất cả mọi người nếu thường hồi quang phản chiếu, luôn luôn không mất chánh niệm, chánh niệm tương tục, tu pháp này đến được bờ kia thì ''Cũng chứng Đại Giác Bạt Già Phạm,'' cũng có thể chứng quả vị Đại Giác, quả vị Bạt Già Phạm.

87. Lặc đát na kê đô ra xà gia

Kệ :
Bảo quang bảo tràng bảo tinh Phật
Bảo Thắng Như Lai thiện hàng ma
Nhất thiết vương gia giai năng chiến
Bàng môn tả đạo tận chiết nhiếp.

Tạm dịch :
Bảo Quang Bảo Tràng Bảo Tích Phật
Bảo Thắng Như Lai khéo hàng ma
Tất cả vương chúng đều tác chiến
Bàng môn tả đạo triết nhiếp sạch.

Giảng giải: Lặc Đát Na dịch là "Bảo". Kê Đô dịch là "Tràng", Ra Xà Gia dịch là "Vương" (vua), dòng dõi vua chúa.
''Bảo quang bảo tràng Bảo Tích Phật.'' Cũng có thể nói là Bảo Quang Phật, cũng có thể nói là Bảo Tràng Phật, hoặc có thể nói là Bảo Tích Phật. Các vị phải biết, Phật là chính mình tu, chứ chẳng phải do Ngọc Hoàng đại đế phong cho người nào làm Phật. Ngọc Hoàng đại đế chỉ là một vị hộ pháp của Phật. Y

không có tư cách phong làm Phật ! Trong Phật giáo chứ không phải như quốc vương, hoặc là tổng thống.
‘’Bảo Thắng Như Lai khéo hàng ma.’’ Bảo Thắng Phật khéo hàng phục thiên ma, khống chế ngoại đạo.
‘’Tất cả vương chúng đều tác chiến.’’ Điều mà bàng môn tả đạo chẳng thấy được tôn giáo có một thứ pháp bí mật, đạo bí mật. Lúc trước tại Trung Quốc, thấy rất nhiều bàng môn tả đạo, họ nói tôn giáo của chúng tôi tương lai sẽ làm hoàng đế, hoặc nói tôn giáo chúng tôi đây tương lai làm trời, làm Thiên chúa, địa chúa, các vị phải theo ta, thì có thể sẽ thay phiên làm hoàng đế, khiến cho con người sinh ra một thứ tâm tham, một thứ tâm mê hoặc. Những bàng môn tả đạo có bao nhiêu ? Ở Ấn Độ có chín mươi sáu thứ, tại Trung Quốc có ba ngàn bàng môn tả đạo. Phật thành Chánh Giác rồi : ‘’Bàng môn tả đạo triết nhiếp sạch.’’ Triết tức là pháp môn triết phục, nhiếp tức là pháp môn nhiếp thọ. Những thứ bàng môn tả đạo, Phật đều triết nhiếp giáo hóa họ trở về với chánh đạo. Người ngoài lề trên thế giới này, chưa đáng thương như thế, duy chỉ có đi vào đường tà, bàng môn tả đạo, sinh tà tri kiến là việc đáng thương sót nhất, tương lai sẽ đọa địa ngục. Các bạn! Kinh điển chẳng phải của Phật nói đừng nên xem, chẳng phải pháp của Phật nói đừng tu hành.

88. Đa tha già đa gia

Kệ :
Thường Trụ Tam Bảo Phật Pháp Tăng
Nhất tâm cung kính yếu kiền thành
Như Lai đệ tử A la hán
Mạn mạn hắc dạ đại minh đăng.

Tạm dịch :
Thường trụ Tam Bảo Phật Pháp Tăng
Một lòng cung kính phải kiền thành
Đệ tử Như Lai A La Hán
Đèn sáng lớn phá tan đêm tối.

Giảng giải: Đa Tha Già Đa Gia, đây là nói “Phổ lễ tất cả đệ tử của Như Lai”. Đệ tử của Như Lai là ai ? Là hết thảy tất cả hiền Thánh Tăng, cho nên nói: ‘’Thường trụ Tam Bảo Phật Pháp Tăng.’’ Thường trụ tức là thường trụ không đổi, đó là tận hư không khắp pháp giới, một thứ chánh khí, đạo phải có Phật, có Pháp, có Tăng. Phật kể cả Phật quá khứ, Phật hiện tại, Phật vị lai, đây gọi là tất cả chư Phật ba đời. Tam Bảo tức là Phật Bảo, Pháp Bảo và Tăng Bảo. Sao

gọi là bảo ? Vì rất ít có, chẳng phải lúc nào cũng có thể thấy được. Tuy nhiên thường trụ, nhưng nghiệp chướng của chúng ta che lấp trí huệ của mình, cho nên không thấy được Phật, không nghe được Pháp, không thấy được Tăng. Bây giờ chúng ta thấy Phật, nghe Pháp, gặp Tăng, cho nên phải một lòng cung kính, chuyên nhất kỳ tâm, tâm không có hai niệm. Cung kính Tam Bảo phải kiền thành, chẳng phải làm hình thức, biểu diễn bên ngoài, phải cung kính chân thật, tâm thật không hai, càng kiền thành càng tốt.
''Đệ tử Như Lai A La Hán.'' Đệ tử của Phật tức là tất cả đại A La Hán, đại Tỳ Kheo Tăng, đêm dài tối tăm ở đây, thì A La Hán hiền Thánh Tăng Tam Bảo, là đèn sáng chỉ đường cho chúng ta, cho nên ''Đèn sáng lớn phá tan đêm tối.'' Đèn sáng lớn, tức là chánh khí, chánh pháp trụ thế. Những kẻ bát vô nhân quả, làm nhất xiển đề, cũng giống như đêm dài tối tăm, không thấy ánh sáng. Phật Pháp Tăng Tam Bảo, tức là đèn sáng lớn phá đêm dài tối tăm.

89. A ra ha đế

Kệ :
Tự vô hoá hữu hữu hoá vô
Ứng chân thị hiện Cực Lạc đồ
Quảng tu cúng dường hằng tinh tấn
Phổ lễ nhất thiết chúng vương tộc.

Tạm dịch :
Tự không hóa có, có hóa không
Ứng chân thị hiện cõi Cực Lạc
Rộng tu cúng dường luôn tinh tấn
Lễ khắp tất cả chúng vương tộc.

Giảng giải: A Ra Ha Đế là "Lễ khắp ứng chân tất cả vương tộc". Ứng là cảm ứng đạo giao. Chân là chân thật thị hiện. Chúng ta đắc được cảnh giới như thế, thì đừng nửa tin nửa ngờ. Ví như nằm mộng thấy Phật phóng quang, hoặc là thấy đến rờ đầu, sinh ra nửa tin nửa ngờ, có thật hay chăng, như thế bèn giảm sút. Tức là chân mà bạn không tin, do đó biến thành giả, vì bạn không có tín tâm. Có tín tâm tại sao phải hoài nghi ? Đó là nhất xiển đề. Nhất xiển đề thì niềm tin không đủ. Cảnh giới ứng chân là có hóa thành không, rất linh nghiệm. Phật, Bồ Tát, A La Hán, trời, người, A tu la, đều có thể thị hiện, không chỗ nào mà không hiện thân, tự không hóa có, biến hóa khó lường, diệu dụng vô cùng. ''Ứng chân thị hiện cõi Cực Lạc.'' Trên thế giới này những người giác ngộ tất cả đều là thị hiện, đều là giả. Tại sao thị hiện giả, vì muốn kêu bạn mượn giả tu

chân, hiểu rõ cứu kính khoái lạc, chứ chẳng phải có hình tướng, có sự chấp trước. Cho nên chúng ta phải : ‘’Rộng tu cúng dường luôn tinh tấn.’’ Từ từ hướng tới vô thượng đạo. Tại sao lễ khắp tất cả chúng vương tộc ? Vì học vô thượng đạo, trước hết phải trừ khử cống cao ngã mạn, ngã chấp không thì pháp chấp mới phá được. Ngã chấp không rồi, thì không còn ngã tướng, còn có pháp chấp, phải phá cả hai ngã và pháp chấp, cho đến “không” cũng chẳng còn, nếu “không” còn tồn tại, thì còn chấp “không”, “không” cũng chẳng còn, mặc dù ‘’không còn’’ cũng chẳng có, bạn vẫn có cái ‘’không còn’’ tồn tại, nói tôi “không” cũng chẳng còn, đó vẫn là có sự chấp trước.
Các bạn nghĩ xem, tu hành khó quá, chẳng phải dễ, nếu dễ dàng thì ai ai cũng đều thành Phật rồi, đâu có trôi nổi trong vòng sinh tử luân hồi. Khai quật mỏ vàng cũng không dễ dàng, nhưng nếu bạn không khai quật mỏ vàng, thì vĩnh viễn chẳng có được vàng, nhất định phải bỏ ra công sức, khai quật mỏ vàng, sau đó mới có được vàng, người tu hành cũng như thế, trước khó mà sau được, bạn sẽ thành tựu đạo nghiệp, đều là nhờ thiện trí thức giúp đỡ. Giúp đỡ thế nào ? Tức là gặp nghịch cảnh khiến bạn có thể triết phục mà thọ, mới chân chánh hiểu rõ Phật pháp, phá ngã chấp rồi, thì pháp chấp cũng không. Chấp không cũng chẳng còn, như thế thì tịch diệt là vui, các hành vô thường, là pháp sinh diệt, sinh diệt diệt rồi, tịch diệt là vui, tức là đạo lý này.

90. Tam miệu tam bồ đà gia

Kệ :
Quy mạng chánh giác Phật Đà Gia
Quy mạng chánh giác Đạt Ma Gia
Quy mạng chánh giác Tăng Già Gia
Quy mạng chánh giác Tam Bảo Gia.

Tạm dịch :
Quy mạng Đức Phật bậc giác ngộ
Quy mạng Pháp Bảo ngôi thứ hai
Quy mạng Tăng Già hoà hợp tu
Quy mạng cung kính ngôi Tam Bảo.

Giảng giải : Có một câu nói là : Niệm Chú Đại Bi, dám đấu với vua Diêm Vương. Niệm Chú Đại Bi thì quỷ thần không dám đấu. Nhưng bạn phải thường niệm Chú Đại Bi, thì sẽ dám đấu với lão Diêm Vương. Lão Diêm Vương chẳng có biện pháp. Niệm Chú Đại Bi thì quỷ thần chẳng dám đấu. Quỷ thần đều sợ bạn. Sợ ở đây chẳng phải là nóng giận, mà là bạn có một sức lực chân chánh,

quyền lực chân chánh, đó gọi là có đức hạnh.
Có đạo đức thì Diêm Vương cũng phải nể bạn, quỷ thần cũng không dám nhiễu bạn, chứ chẳng phải vì bạn quá nóng giận khiến người sợ sệt, quỷ thần kính mà rời xa. Niệm Chú Đại Bi có được oai lực như thế. Còn niệm Chú Lăng Nghiêm thì sao ? Không có oai lực như thế chăng? Đương nhiên là siêu việt hơn nhiều, học Chú Lăng Nghiêm thì Thiên chủ không dám đấu, mà ngược lại học Chú Lăng Nghiêm thì dám đấu với Thiên chủ. Vậy, nói Chú Lăng Nghiêm này phải chăng không giảng đạo lý? Không phải! Phải chăng cường từ đoạt lý ? Chẳng phải ! Bạn niệm Chú Lăng Nghiêm, thì tương lai bảy đời về sau đều giàu có như ông vua dầu hỏa của Mỹ, bảy đời đều làm viên ngoại, viên ngoại là người giàu có.
Vậy tốt như thế thì tôi phải mau học Chú Lăng Nghiêm, để đấu với Thiên chủ, làm bảy đời viên ngoại, đó là hy vọng nhỏ nhen, vậy đừng học Chú Lăng Nghiêm làm gì, bảy đời làm viên ngoại thời gian cũng chỉ là một nháy mắt. Bạn đấu với Thiên chủ, đấu đi đấu lại vẫn lưu chuyển ở trong lục đạo luân hồi. Vậy khi chưa niệm Chú Lăng Nghiêm phải cầu mong gì ? Phải cầu mong cứu kính làm Phật, đắc được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Tam Miệu Tam Bồ Đề, đừng cầu cảnh giới nhỏ nhen như thế, mục đích nhỏ nhen như thế.
Trên thực tế, **học Chú Lăng Nghiêm tức là hóa thân của Phật, không những là hóa thân của Phật, mà còn là hóa Phật trên đỉnh của Phật, hóa Phật trong hóa Phật, đó là chỗ diệu không thể nghĩ bàn của Chú Lăng Nghiêm**. **Có người thật trì Chú Lăng Nghiêm thì chu vi trong bốn mươi do tuần, không có tai nạn gì hết**. Cho nên trước câu Tam Miệu Tam Bồ Đề này là "Quy mạng Chánh Giác, tất cả hiền Thánh Tăng", kệ rằng : ''Quy mạng Đức Phật bậc giác ngộ.'' Chúng ta nhứt tâm quy mạng Phật Thích Ca Mâu Ni. ''Quy mạng Pháp Bảo ngôi thứ hai.'' Đó là quy mạng Tam Bảo. Cho nên nói ''Quy mạng cung kính ngôi Tam Bảo.'' Tam Bảo là chúng ta phải quy mạng. Bổn lai phía trước đã có Tam Bảo, tại sao bây giờ lại nói, đây là lập lại để cho mọi người đặc biệt chú ý.

91. Đế biều

Kệ :
Câu triệu tróc nã chúng yêu ma
Quang minh biến chiếu tử giả hoạt
Tỳ Lô Giá Na quán đảnh chủ
Kim Cang Thượng Sư Phật hoá Phật.

Tạm dịch :
Câu triệu tróc nã chúng yêu ma
Quang minh chiếu khắp chết sống lại
Tỳ Lô Giá Na chủ quán đảnh
Kim Cang Thượng Sư Phật hóa Phật.

Giảng giải: Chú Lăng Nghiêm từ câu Đế Biều này về sau một đoạn Chú là "Pháp câu triệu". Phần trước có "Pháp tiêu tai" và "Pháp hàng phục". Pháp câu triệu này, bao quát năm đại tâm Chú trong đó. Năm đại tâm Chú này chuyên môn phá Ma La võng, là chú thuật phá ma, là pháp phá tà ma. Thiên ma ngoại đạo thần thông biến hóa vô cùng. Khi bạn tụng năm đại tâm Chú này thì chú của ma đều chẳng linh, biến hóa của ma cũng không thể biến hóa được. Cho nên chúng liền hiện nguyên hình, lộ ra bản lai diện mục của chúng. Năm đại tâm Chú này có oai lực lớn như thế. Cho nên gọi là pháp câu triệu. Câu tức cũng như dùng lưỡi câu, câu nó lại, giống như câu cá lại vậy. Triệu tức là triệu (vời) lại, là ra lệnh bạn phải lại, không lại không được ! Đây là sự ra lệnh cũng giống như cảnh sát có uy quyền, có thể tùy tiện bắt người. Câu triệu cũng là bắt chúng lại, cho nên gọi là tróc nã.
Tại sao phải giảng Chú Lăng Nghiêm ? Vì muốn biết ý nghĩa của Chú. Vậy một đoạn Chú có công dụng gì ? Mỗi một đoạn Chú Lăng Nghiêm đều có dụng đồ của nó. Bất quá chẳng phải một sớm một chiều thì hiểu thấu được. Cần phải từ chỗ này mà huân tập, cũng giống như dùng khói hương để huân tập, lâu dần thì sẽ hiểu. Mới học sẽ không hiểu, bất luận bạn thông minh như thế nào, có trí huệ như thế nào, có học vấn như thế nào ? Đều không cách chi thâm nhập đươc. Tại sao ? Vì chưa dùi sâu vào, cho nên cảm thấy mới lạ trắc trở, không thuận tai.
Câu Chú Đế Biều này dịch là "Quang minh chiếu khắp". Cho nên nói: ''Câu triệu tróc nã chúng yêu ma – Quang minh chiếu khắp chết sống lại.'' Bạn muốn gặp được nhân duyên lành này, đắc được quang minh chiếu khắp này, thì người chết sẽ biến thành sống lại. Chú Lăng Nghiêm này có đại oai lực như thế.
''Tỳ Lô Giá Na chủ quán đảnh.'' Tỳ Lô Giá Na là Thanh Tịnh Pháp Thân Tỳ Lô Giá Na Phật. Ngài là Bộ Chủ Bộ Kim Cang Quán Đảnh, quán đảnh khắp tất cả mọi nơi. Khi Phật muốn thành Phật, thì phải thọ lễ quán đảnh vị, thọ pháp quán đảnh rồi, mới làm Pháp Vương tử, tức là sẽ thành Phật. Cho nên nói: ''Kim Cang Thượng Sư Phật hóa Phật.'' Trong Phật Giáo lại gọi là Kim Cang Thượng Sư, đây là Phật hóa ra Phật để giáo hóa chúng sinh. Pháp câu triệu này các bạn không thể tùy tiện dùng, vì đức hạnh của các bạn chưa được viên mãn, không thể khống chế chính mình, không thể tùy tiện chi phối thiện thần hộ

Chú. Thiện thần hộ Chú cũng không bội phục bạn, cho nên không những không có linh nghiệm, mà còn chiêu họa. Cho nên Chú thì không thể khinh phụng vọng dụng.
Người trong Vạn Phật Thành không nhất định ai ai cũng đều tu hành, trong đó chỉ có một phần nào, hoặc chỉ là đến tham quan, hoặc là đến đây để nghiên cứu. Người ở đây, không biết bạn tu hay không, điều quan trọng nhất là đừng làm cho người khác thêm phiền não.

92. Nam mô tát yết rị đa

Kệ :
Nhất tâm quy lễ vãng lai thân
Triều cận Hằng sa đại Thánh nhân
Báo ân tăng phước tiêu tội nghiệp
Phản bổn hoàn nguyên chiếu cổ kim.

Tạm dịch :
Một lòng kính lễ ứng thân Phật
Gần gũi vô số bậc Thánh nhân
Báo ân tăng phước tiêu tội nghiệp
Trở về nguồn cội chiếu cổ kim.

Giảng giải: Gần gũi Phật, gần gũi Pháp, gần gũi Tăng. ‘’Một lòng kính lễ ứng thân Phật.’’ Bất cứ đến nơi nào, cũng đều tin Phật, gần gũi Tam Bảo.
‘’Gần gũi vô số bậc Thánh nhân.’’ Lễ bái chư Phật, Bồ Tát, A La Hán nhiều như số cát sông Hằng.
‘’Báo ân tăng phước tiêu tội nghiệp.’’ Người tu hành phải báo ân, báo ân cha mẹ, báo ân sư trưởng, báo ân quốc gia bảo hộ. Chúng ta phải biết ai đối với chúng ta chỗ nào tốt, chúng ta đều phải báo đáp. Tăng phước thì bạn phải tu bố thí, làm đủ thứ công đức thì tội nghiệp sẽ tiêu trừ.
‘’Trở về nguồn cội chiếu cổ kim.’’ Thường trở về nguồn cội, thì cũng giống như Phật chiếu soi cổ kim.

93. Ế đàm bà già bà đa

Kệ :
Vô tỉ pháp tạng ngã pháp không
Thuận thừa đại giáo hoá quần luân

Xảo thuyết chư pháp tam độc phá
Cát tường tôn quý Thánh sở tông.

Tạm dịch :
Tạng pháp không lường ngã pháp không
Thuận thừa đại giáo độ chúng sinh
Khéo nói các pháp diệt ba độc
Cát tường tôn quý bậc Thánh tu.

Giảng giải : Mấy câu Chú này đều là Phật, Bồ Tát, Hộ Pháp ủng hộ đạo tràng, ủng hộ người trì Chú. Người trì Chú, khi tụng Chú này, thì thiên ma ngoại đạo đều hàng phục, lão thực.
Câu Ế Đàm này dịch là "Vô tỷ pháp tạng" (tạng pháp không gì sánh bằng), không có pháp nào có thể so sánh. Ngã, pháp đều không, ngã cũng không, pháp cũng không.
''Thuận thừa đại giáo độ chúng sinh.'' Ngưỡng thừa đại giáo của Phật nói để giáo hóa quần sinh.
''Khéo nói các pháp diệt ba độc.'' Bà Già Bà Đa dịch là "Khéo nói các pháp khiến tiêu diệt ba độc".
''Cát tường tôn quý bậc Thánh tu.'' Trong Bạt Già Phạm lục nghĩa, có cát tường, có tôn quý, thứ pháp này đều là pháp của các bậc Thánh hiền tu, noi theo.

94. Tát Đát Tha Già Đô Sắt Ni Sam

Kệ :
Kính lễ bảo hoa đại Phật đảnh
Tràng man phan cái chúng trang nghiêm
Phi cầm động thực thai thấp hoá
Đồng nhập liên bang vạn Phật đường.

Tạm dịch :
Kính lễ hoa báu đại Phật đảnh
Tràng man phan lọng trang nghiêm đẹp
Phi tiềm động thực thai thấp hóa
Cùng vào liên bang vạn Phật điền.

Giảng giải: ''Kính lễ hoa báu đại Phật đảnh.'' Câu này là kính lễ đảnh lọng kết hoa, tức cũng là quy kính đảnh lễ hoa báu kết thành màn, lọng hoa, tràng phan, bảo cái, tất cả đều nghiêm đẹp. Cho nên nói : ''Tràng man phan lọng

trang nghiêm đẹp.'' Tràng tức là tràng báu, man tức là man báu, còn có phan báu, lọng báu, đủ loại trang nghiêm.
''Phi tiềm động thực thai noãn thấp hóa.'' Phi tức là bay trên trời, tiềm là bơi trong nước, động là chỉ tất cả động vật có huyết khí, thực tức là tất cả hoa cỏ cây cối. Phi tiềm động thực, noãn thai thấp hóa, hoặc có sắc, không sắc, có tưởng, không tưởng, chẳng có tưởng, chẳng không tưởng, tất cả các loài chúng sinh này ''Cùng vào liên bang vạn Phật điền.'' Đều đến cõi nước hoa sen hóa sinh, trồng vào vạn Phật điền. Chúng ta ở đây có Vạn Phật Thành, thế giới Cực Lạc có vạn Phật điền. Hoa sen đều ở trong hồ hoa vạn Phật, hoa nở thấy Phật. Bạn đến thì bạn có phần, tôi đến thì tôi có phần, họ đến thì họ có phần, ai đến thì người đó có phần, mọi người đều có phần, có phần gì ? Có phần thành Phật, phần thành Bồ Tát.

95. Tát đát đa bát đát lam

Kệ :
Bảo tản hoa cái Tỳ Lô Phật
Nhất thiết Chú tâm hàng chúng ma
Dụng âm vạn đức hoạch tự tại
Thể nhuận quần cơ diễn Ma Ha.

Tạm dịch :
Dù báu lọng hoa Phật Tỳ Lô
Tất cả tâm Chú hàng chúng ma
Dùng che vạn đức được tự tại
Thể nhuận chúng sinh diễn đại thừa.

Giảng giải: Hai chữ ''Đát'' này, chữ trên niệm đơn, chữ dưới niệm đạt. Tát Đát Đa là "Dù báu". Bát Đát Lam là "Lọng hoa". Dù báu lọng hoa che chở bảo hộ vạn vật, khiến ai muốn gì thì được nấy, ai cũng có chỗ ngồi cho nên nói : ''Dù báu lọng hoa Phật Tỳ Lô.'' Dù báu này vĩ đại vô cùng. Lọng hoa tức là dùng hoa kết thành lọng báu. Câu Tát Đát Đa Bát Đát Lam này, là tâm Chú chính giữa Phật bộ, pháp hội của Phật Tỳ Lô Giá Na. Niệm câu tâm Chú này thì sẽ đắc được chư Phật Bồ Tát phóng quang gia bị, cho nên nói: ''Tất cả tâm Chú hàng chúng ma.''
Câu Chú này là tâm Chú của tất cả các Chú, hay hàng phục thiên ma, chế các ngoại đạo, hết thảy đều đắc được cát tường như ý.
''Dùng che vạn đức được tự tại.'' Niệm tâm Chú này thì sẽ che chở tất cả những người có đức hạnh, đều đắc được tự tại khoái lạc.

‘’Thể nhuận chúng sinh diễn đại thừa.’’ Oai lực của câu Chú này là như thế, bổn thể của nó làm thấm nhuần tất cả chúng sinh, khiến cho hết thảy chúng sinh đều phát đại bồ đề tâm, nghe diễn Ma Ha (đại thừa), thâm nhập tạng Kinh, trí tuệ như biển.

96. Nam mô a bà ra thị đam

Kệ :
Ngã lễ kim hội chư Thánh hiền
Phổ cầu chứng minh đại đạo nguyên
Gia bị hộ niệm thành Tam muội
Tốc đắc vô thắng Thiên Trung Thiên.

Tạm dịch :
Con nay kính lễ các Thánh hiền
Khắp cầu chứng minh nguồn đại đạo
Gia bị hộ niệm thành tam muội
Chóng được vô thắng Thiên Trung Thiên.

Giảng giải: ‘’Con nay kính lễ các Thánh hiền.’’ Bây giờ con phải quy mạng đảnh lễ pháp hội của tất cả Thánh hiền, vì phổ cầu chứng minh nguồn đại đạo. Con cung cung kính kính đảnh lễ khẩn thiết, cầu hết thảy các Thánh hiền trong pháp hội, thỉnh các Ngài đến chứng minh. Chứng minh cái gì ? Chứng minh đạo lý, vấn đề lớn căn bản, tu đạo như thế nào ? Thành Phật như thế nào ?
‘’Gia bị hộ niệm thành Tam muội.’’ Gia bị cho con, hộ niệm cho con, khiến con đắc được sức lực tam muội chánh định chánh thọ.
‘’Chóng được vô thắng Thiên Trung Thiên.’’ Khiến cho con sớm thành tựu vô năng thắng, không có gì so sánh hơn được, Thiên Trung Thiên tức cũng là thành Phật.

97. Bát ra đế

Kệ :
Tảo đăng bỉ ngạn nễ ngã tha
Nhất thiết chúng sinh đáo chân gia
Phản bổn hoàn nguyên hoạch cứu kính
Tiêu dao tự tại lạc vô nhai.

Tạm dịch :
Tất cả sớm lên được bờ kia
Hết thảy chúng sinh đến nhà thật
Trở về nguồn cội được rốt ráo
Tiêu dao tự tại sướng vô ngần.

Giảng giải: Bát Ra Đế tức là “Ba la mật đa”, dịch là “Đáo bỉ ngạn” nghĩa là đến bờ kia. Bờ kia là bờ như thế nào ? Bờ kia tức là Niết bàn, tự tại, khoái lạc, bờ này tức là vô minh, phiền não, không tự tại. Chúng ta ở bờ sinh tử bên này qua dòng phiền não, đạt đến bờ Niết Bàn bên kia.
‘’Tất cả sớm lên được bờ kia.’’ Tất cả chúng sinh, bạn, tôi và họ tức là mọi người đều bao quát trong đó.
‘’Hết thảy chúng sinh đến nhà thật.’’ Nhà của chúng ta bây giờ không phải là nhà thật. Thân thể này chỉ là nhà trọ. Chúng ta ở tại thế giới này, cũng giống như đến các nơi du lịch, đi đến đâu thì ở trọ nơi đó. Thân thể cũng như nhà trọ, nhà trọ này chẳng phải là chỗ rốt ráo, chỉ là ở nhờ tạm thời cho nên nói : Thân người ví như một căn phòng, miệng là cửa lớn, mắt là cửa sổ, tứ chi ví như bốn cột trụ, tóc ví như cỏ tranh làm mái, muốn phòng được tốt bền, thì phải thường xuyên tu bổ, đừng đợi đến lúc hư hoại mới tu bổ thì quá muộn. Cỏ tranh tức dùng làm lều, cốc để người tu đạo ở tu.
‘’Tất cả chúng sanh đến nhà thật.’’ Nhà thật tức nhà Phật, đó là nhà chân chánh vốn có. Nhà chân chánh thì không có phiền não, mà là khoái lạc chân thật.
‘’Trở về nguồn cội được rốt ráo.’’ Chúng ta phải nhận thức bộ mặt thật của mình, sinh từ đâu đến ? Và chết sẽ đi về đâu ? Sinh tử đều minh bạch. Nguyên lai là ta đến du hành thế giới này, nhà chân thật chẳng phải tại đây. Tại thế giới này không bị tình lôi kéo, thì cũng bị vật chất cám dỗ, cái này buông xả chẳng đặng, cái kia cũng không buông xả không được, đều bị dính chặt cứng.
Nếu ‘’Trở về nguồn cội được rốt ráo’’, thì sẽ ‘’Tiêu dao tự tại sướng vô ngần.’’ Ai cũng muốn tiêu dao tự tại, chỉ vì vào không được cửa của nó, đều lẩn quẩn bên ngoài. Nếu trở về nguồn cội, thì sẽ tiêu dao tự tại sướng vô ngần, bạn thấy thích chăng ! Thì mọi người hãy mau mau tu hành ! Sớm chấm dứt sanh tử, đoạn sạch phiền não, thì đạt được Niết bàn bờ bên kia. Chớ đừng trôi nổi trong biển sinh tử, không ra khỏi được.

98. Dương kì ra

Kệ :
Xuy đại pháp loa kích pháp cổ

Thôi phục oán ma ly bệnh khổ
Phổ sử hữu tình đăng giác ngạn
Vi Đà thường cử kim cang chử.

Tạm dịch :
Thổi pháp loa lớn đánh trống pháp
Hàng phục oán ma dứt bệnh khổ
Độ các hữu tình lên bờ giác
Vi Đà thường cầm chày Kim Cang.

Giảng giải : Dương Kì Ra dịch là “Pháp loa”, cũng giống như “Bảo loa thủ” trong Bốn Mươi Hai Thủ Nhãn. Một khi thổi pháp loa, thì thiên ma ngoại đạo nghe thấy âm thanh pháp loa đều bị hàng phục, đều cung kính nghe theo pháp lệnh. Cho nên nói: ‘’Thổi pháp loa lớn đánh trống pháp.’’ Đánh trống pháp tức cũng là giảng Kinh thuyết pháp, thụ đại pháp tràng. Khi pháp loa vang ra tiếng, thì tất cả oán ma đều bị điều phục, cho nên nói : “Hàng phục oán ma dứt bệnh khổ.’’ Oán ma gọi là gì ? Oán ma tức là có cừu oán. Bạn tu hành, cứ tu pháp hàng ma, làm cho ma đều đầu hàng, đương thời chúng không có pháp lực lớn như bạn, cho nên nghe pháp lệnh của bạn, nhưng trong tâm có khí oán độc. Khí oán độc này, khi phát tác thì chúng sẽ gây ra tai nạn hại bạn, khiến cho bạn sinh ra đủ thứ quái bệnh. Một khi bạn thổi pháp loa, thì oán ma tự nhiên không oán. Cho nên chúng ta đối đãi với chúng chẳng phải áp bức, mà là khiến cho chúng cải ác hướng thiện, hồi tâm chuyển ý, muốn đến đó đây kết oán, chẳng có ý nghĩa gì hết, làm cho oán cừu đều giải khai được.
‘’Khiến các hữu tình lên bờ giác.’’ Khiến cho hết thảy chúng sinh lìa khổ được vui, cho nên : ‘’Biển khổ vô biên hồi đầu là bờ.’’ Hồi đầu đồng lên bờ bên kia giác ngộ.
‘’Vi Đà thường cầm chày Kim Cang.’’ Bồ Tát Vi Đà thường thường cầm chày Kim Cang bảo hộ bạn.

99. Tát ra bà

Kệ :
Đại Phật tuyên vật hoá quần luân
Nhất thiết mật bí chúng thần linh
Hộ trì chánh pháp thường trụ thế
Ma Ha Bát Nhã giác hữu tình.

Tạm dịch :
Thế Phật tuyên dương hóa quần sinh
Tất cả bí mật chúng thần linh
Hộ trì chánh pháp thường trụ thế
Bát Nhã trí huệ giác hữu tình.

Giảng giải : Tát Ra Bà dịch là "Tất cả", tất cả các Thần, tất cả Kim Cang Mật Tích Hộ Pháp thiện Thần. Những vị Hộ Pháp thiện Thần này, là hàng phục thiên ma ngoại đạo, cũng là thế Phật tuyên dương Phật pháp, giáo hóa tất cả chúng sinh. Cho nên nói : ''Thế Phật tuyên dương hóa quần sinh.'' Giáo hóa tất cả quần sinh.
''Tất cả bí mật chúng thần linh.'' Tất cả Kim Cang Mật Tích, Hộ Pháp thần linh.
''Hộ trì chánh pháp thường trụ thế.'' Bảo hộ chánh pháp thường trụ ở thế gian.
''Bát Nhã trí huệ giác hữu tình.'' Dùng đại trí huệ để giáo hóa tất cả chúng sinh, giác ngộ tất cả hữu tình chúng sinh, khiến họ đồng lên bờ kia, đắc được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

100. Bộ đa yết ra ha

Kệ :
Đại thừa Phật đảnh chủng tánh căn
Quảng độ hàm thức xuất khổ luân
Hư không hữu tận nguyện vô tận
Đồng đăng bỉ ngạn Bát Nhã thâm.

Tạm dịch :
Trồng căn tánh đại thừa Phật đảnh
Rộng độ hàm thức thoát biển khổ
Hư không hữu tận nguyện vô tận
Đồng lên bờ kia trí Bát Nhã.

Giảng giải : Bộ Đa là "Đại Phật đảnh". Yết La Ha là "Chủng tánh căn". Cho nên nói: ''Trồng căn tánh đại thừa Phật đảnh.'' Đây là đại thừa, chẳng phải là tiểu thừa. Pháp này là tối cao vô thượng, cho nên gọi là Phật đảnh. Chủng tánh căn cũng là giống tánh căn cơ đại thừa.
''Rộng độ hàm thức thoát biển khổ.'' Đại thừa là gì ? Đại thừa tức là xả mình vì người, quên mất chính mình để rộng độ tất cả. Hàm thức tức là chúng sinh có huyết có khí, làm cho họ thoát khỏi biển khổ trầm luân.
''Hư không hữu tận nguyện vô tận.'' Nguyện của người đại thừa phát ra, là hư không có thể có bờ mé, chứ nguyện lực thì không bờ mé, hư không có thể

không còn, nhưng nguyện lực giáo hóa chúng sinh, thì không có lúc nào cùng tận.
‘’Đồng lên bờ kia trí Bát Nhã.’’ Nguyện cho hết thảy chúng sinh đồng lên bờ Niết Bàn bên kia, đắc được thâm Bát Nhã, đắc được trí huệ Bát Nhã rốt ráo.

101. Ni yết ra ha

Kệ :
Lãnh tụ tam thừa thú chân như
Chúng trung thượng thủ tuyển Phật đồ
Nhẫn nhục tinh tấn Thánh chủng tánh
Viên mãn bất thoái quả thành thục.

Tạm dịch :
Lãnh đạo ba thừa hướng chân như
Thượng thủ trong chúng tuyển Phật trường
Nhẫn nhục tinh tấn trồng giống Thánh
Viên mãn không lùi quả thành thục.

Giảng giải: ‘’Lãnh đạo ba thừa hướng chân như.’’ Ni dịch là ‘’Lãnh tụ‘’ tức cũng là Phật thừa, Bồ Tát thừa, Thanh Văn thừa, ba thừa. Hướng chân như thì đều được cứu kính thực tướng lý thể.
‘’Thượng thủ trong chúng tuyển Phật trường.’’ Đây là lãnh tụ thượng thủ ở trong đại chúng ba thừa, tuyển bạt Phật.
‘’Nhẫn nhục tinh tấn trồng giống Thánh.’’ Nhẫn nhục và tinh tấn là trồng giống Thánh Bồ Tát, có căn lành lớn.
‘’Viên mãn không lùi quả thành thục.’’ Các bậc ấy công tròn quả đầy, được quả vị bất thối chuyển, thì quả vị Phật sẽ thành thục.
Học Phật phải tu pháp môn căn bản, tức là tài bồi căn lành, bồi nguyên cố bổn. Bồi nguyên tức là bồi dưỡng nguyên khí. Cố bổn tức là khiến cho gốc rễ kiên cố. Nguyên gọi là gì ? Bổn gọi là gì ? Nguyên là nguyên khí. Chúng ta ai ai cũng cần gốc. Gốc tức là gốc rễ, tức là cha mẹ. Cha mẹ sinh chúng ta ra, chúng ta phải hiếu thuận. Hiếu thuận cha mẹ mới là người chân chánh tin Phật, không hiếu thuận cha mẹ, chẳng phải là người tin Phật. Trên thế giới này cần phải hiếu thuận cha mẹ, nhất cử nhất động đều phải nghĩ đến lợi ích cho thế giới, thì sẽ có một sức lực ảnh hưởng. **Nếu người hiếu thuận cha mẹ, thì chánh khí trời đất tồn tại, không hiếu thuân cha mẹ, thì trong trời đất tràn ngập tà khí**. **Hiếu thuận cha mẹ phải thành tâm thành ý, tất cung tất kính. Đối với cha mẹ phải cung cung kính kính, cha mẹ tức là Phật sống hiện**

tiền. Cho nên chúng ta thường cúng dường cha mẹ là một việc hạnh phúc và may mắn nhất. Hiếu thuận cha mẹ phải dưỡng chí. Dưỡng chí tức là việc mà cha mẹ hoan hỷ thì làm nhiều một chút, việc mà cha mẹ không hoan hỷ thì làm ít một chút. Đừng làm cha mẹ buồn phiền đau khổ, luôn luôn làm cho tâm của cha mẹ vui vẻ. **Tóm lại hiếu thuận cha mẹ là căn bản của con người. Không biết hiếu thuận cha mẹ là quên mất gốc rễ**. Chúng ta bất cứ vị nào cha mẹ còn sống thì nên hiếu thuận cha mẹ, mỗi người đều phải hiếu thuận cha mẹ, như vậy so với cuối đầu lạy sư phụ còn tốt hơn nhiều.
Khi tôi ở tại Đông Bắc Trung Quốc (Manchuria) làm Sa Di, thì có rất nhiều người quy y với tôi, tại sao họ quy y với tôi ? Vì thấy tôi có vẻ không giống như người khác. Lúc đó có nhiều sự việc buồn cười. Mùa Đông thì tôi không mang giày, cũng không mang tất, đi trên tuyết, chuyện hy kỳ như thế, lúc đó không màn là trời lạnh hay không, chỉ mặc ba lớp vải bố. Vì vậy cho nên phần đông nhìn thấy thời tiết âm dưới -34, -35 độ C, cũng lạnh không chết tôi, họ cảm thấy rất đặc biệt, cho nên nhiều người quy y với tôi, nhưng quy y với tôi có một điều kiện, phàm là đệ tử quy y với tôi, mỗi ngày đều phải lạy cha mẹ. Vì tôi là như thế, mười hai tuổi thì lạy cha, lạy mẹ, cung kính cha mẹ. Cho nên tôi hoan hỷ nhất là ai ai cũng đều hiếu thuận với cha mẹ. Đừng đợi cha mẹ chết rồi, có muốn hiếu thuận cũng chẳng còn kịp nữa ! Đừng đợi đến lúc :

‘’Cây muốn yên mà gió chẳng dừng,
Con muốn nuôi dưỡng mà cha mẹ không còn.’’

Cây muốn thanh tĩnh đứng yên, không giao động, nhưng gió luôn luôn thổi, làm cho cây giao động. Làm con muốn cúng dường phụng dưỡng cha mẹ, nhưng cha mẹ đã qua đời rồi. Các bạn, phàm là người còn cha mẹ, nên cung kính đối với cha mẹ. Còn chúng ta là người xuất gia, không ở nhà, còn cha mẹ phải làm thế nào ? Chỉ cần bạn từ từ tu hành, tu hành cho tốt thì là báo ân cha mẹ, tức là hiếu thuận. Nếu không tu hành đó là khinh thường cha mẹ, cho nên xuất gia tu đạo tức cũng là hành hiếu đạo, tu hành cho tốt tức là hiếu thuận cha mẹ, đừng làm việc ác, không nói dối, đó đều là hiếu thuận cha mẹ một khía cạnh. Làm một người con tốt cho cha mẹ, trong vô hình cha mẹ đắc được cảm ứng đạo giao, đó đều là biểu hiệu hiếu thuận cha mẹ. Cho nên nói :

‘’Trời đất trọng hiếu, hiếu làm đầu,
Một chữ hiếu cả nhà yên,
Hiếu thuận thì sinh con hiếu thuận,
Con cái hiếu thuận tất người hiền.’’

Người học Phật phải hiếu thuận với cha mẹ, đây là một sức lực ảnh hưởng rất lớn, sức lực ảnh hưởng lớn thì người tin Phật sẽ nhiều. Bạn và người khác tin

Phật chẳng có gì khác biệt. Người khác ăn cơm, bạn cũng ăn cơm, họ mặc đồ bạn cũng mặc đồ, họ ngủ bạn cũng ngủ, với người khác đều giống nhau. Chúng ta tin Phật chủ yếu là hiếu thuận cha mẹ, hiếu thuận cha mẹ tức là hiếu thuận trời Phật.

102. Yết ca ra ha ni

Kệ :
Ngũ thừa nhân thiên đại chủng tánh
Vị cư thượng thủ hoá quần linh
Hữu tưởng vô tưởng giai đắc độ
Đồng nhập Tỳ Lô chứng vô sinh.

Tạm dịch :
Năm thừa trời người giống tánh lớn
Hiện làm thượng thủ hóa quần sinh
Có tưởng không tưởng đều được độ
Cùng vào Tỳ Lô chứng vô sinh.

Giảng giải: Yết Ca Ra Ha Ni là "Năm thừa". Năm thừa tức là : Nhân thừa, Thiên thừa, Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa, Bồ Tát thừa. Thượng thủ tức là lãnh tụ.
''Năm thừa trời người giống tánh lớn.'' Rất nhiều Bồ Tát hóa thân lại làm thượng thủ năm thừa chủng tánh.
''Hiện làm thượng thủ hóa quần sinh.'' Làm thượng thủ năm thừa, giáo hóa tất cả chúng sinh, quần linh cũng là chúng sinh.
''Có tưởng không tưởng đều được độ.'' Có tư tưởng, hoặc không có tư tưởng, đều được độ, hữu tình vô tình đồng viên chủng trí.
''Cùng vào Tỳ Lô chứng vô sinh.'' Đồng nhập vào thanh tịnh pháp thân, thanh tịnh pháp tính Tỳ Lô Giá Na Phật, chứng đắc vô sinh pháp nhẫn.

103. Bạt la bí địa gia

Kệ :
Bát Nhã diệu trí bồ đề quả
Hoá thành mạc đình đạt Bảo sở
Quán chiếu thật tướng minh thể dụng
Thành Chánh Đẳng Giác liên đoá đoá.

Tạm dịch :
Diệu trí Bát Nhã quả bồ đề
Hóa thành không dừng đến Bảo Sở
Quán chiếu thực tướng rõ thể dụng
Thành Đẳng Chánh Giác đóa đóa sen.

Giảng giải: Bạt La là “Trí Bát Nhã”. Bí Địa Gia là “Quả bồ đề” cho nên nói: ‘’Diệu trí Bát Nhã quả bồ đề.’’ Bạn có diệu trí Bát Nhã mới đắc được quả giác bồ đề. Nếu không có diệu trí Bát Nhã, thì không đắc được quả giác.
‘’Hóa thành không dừng đến Bảo Sở.’’ Hóa thành tức là thành biến hóa thị hiện ra, chẳng phải thật. Hóa thành cũng rất trang nghiêm mỹ lệ, nhưng chỉ là thành biến hóa ra, chẳng phải thật, phải thẳng đến Bảo Sở mới là cứu kính.
‘’Quán chiếu thực tướng rõ thể dụng.’’ Quán chiếu là dụng, thật tướng là thể, thật tướng Bát Nhã là thể, quán chiếu Bát Nhã là dụng. Dùng quán chiếu Bát Nhã đạt đến thực tướng Bát Nhã, minh bạch thể và dụng.
‘’Thành Đẳng Chánh Giác đóa đóa sen.’’ Bạn chứng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thì từng đóa từng đóa hoa sen sẽ sinh ra dưới chân.

Tu Chú Lăng Nghiêm thì trước hết đừng có tâm ích kỷ, tâm tự lợi. Phải có tâm đại công vô tư, tâm phải chí trung không lệch, phải tồn tâm xả mình vì người, phải tồn tâm phổ độ hết thảy chúng sinh, nếu có tâm như nói ở trên, thì sớm sẽ thành tựu. Đoạn Chú này đa số là pháp câu triệu. Câu triệu là hàng phục thiên ma ngoại đạo trong đạo tràng.
Chú Lăng Nghiêm có : Pháp câu triệu, pháp hàng phục, pháp tiêu tai, pháp tăng ích, pháp thành tựu, pháp cát tường. Người Vạn Phật Thành chúng ta phải khác với người thế tục, tư tưởng hành vi đều phải khác nhau. Tư tưởng chúng ta luôn luôn phải tồn tâm lợi người, tâm giúp đỡ người. Nếu không có sức lực thì chẳng có biện pháp. Khi có cơ hội thì phải giúp đỡ kẻ khác. Bạn làm được như thế, thì chư Thiên thiện thần tất cả hộ pháp đều ủng hộ bạn. Nếu miệng thị tâm phi, lời nói việc làm không giống nhau, thì tất cả hộ pháp thiện thần, thiên long bát bộ đều bỏ bạn mà đi, không hộ trì bạn. Cho nên người ở trong Vạn Phật Thành đều có tư tưởng đạo đức, tư tưởng đạo đức thì đừng hại người, đừng đố kỵ người khác, đừng chướng ngại người khác, đừng miệng thị tâm phi, cũng đừng miệng phi tâm thị, mâu thuẫn với nhau.
‘’Tâm thẳng là đạo tràng.’’ Chúng ta luôn luôn dùng tâm ngay thẳng xử sự. Có người nói Vạn Phật Thành người xuất gia thiên hạ đệ nhất là sư phụ Trung Quốc, thứ hai là Tỳ Kheo, thứ ba là Tỳ Kheo ni, thứ tư mới đến cư sĩ, nói như thế tôi không hiểu là ý nghĩa gì ? Tại sao không hiểu ? Vạn Phật thành là do Tỳ Kheo và Tỳ Kheo ni làm thành, có thể nói là đổ huyết, đổ mồ hôi, ngày đêm sáng tác không ngừng, mới thành tựu ngày hôm nay. Vậy sao lại nói đệ nhất là

ai ? Thứ hai là ai ? Thứ ba là ai ? Trước kia chẳng có vật gì, thì chẳng có ai lại tranh, bây giờ có nơi đây rồi, thì chạy đến đây tranh quyền đoạt lợi, đây là chuyện rất tức cười, là chuyện đáng thương xót. Đã vậy, bây giờ có những người đó, ở tại đây chuyên môn tạo chuyện thị phi, khiến cho mọi người không được an lạc, không được bình an. Đó là hành vi khi dối Vạn Phật Thành, khi dối mọi người, khi dối chư Phật, Bồ Tát. Ở tại đây làm thị làm phi, có người đến Vạn Phật Thành nói Vạn Phật Thành là ý trời, chẳng phải sức lực con người. Có Vạn Phật Thành rồi thì nói là ý trời, khi không có Vạn Phật Thành thì tại sao không nói là ý trời, đây thật là mê tín, thật là hồ đồ. Ý trời nhưng người phải làm, nếu người không làm thì trời chẳng có ý. Cho nên chúng ta là người ở trong Vạn Phật Thành, phải trồng căn cơ xuống cho thật vững chắc, đừng bị sóng gió giao động. Chúng ta là một phần tử của Vạn Phật Thành, chúng ta nhất cử nhất động, nhất ngôn nhất hạnh, phải hộ trì Vạn Phật Thành, đừng phá hoại Vạn Phật Thành. Tôi ở tại đây, tôi là một phần tử của Vạn Phật Thành. Tôi khiến cho người có ấn tượng không tốt đối với Vạn Phật Thành, tôi sẽ đắc được gì ? Đừng ngu si như thế, không nên không việc đi tìm việc, như thế không những không có công đức, mà còn tạo tội không thể tránh khỏi. Vì toàn thế giới, người thật tâm phát tâm tu hành, đều có thể nói tụ hội ở lại trong Vạn Phật Thành, đến từ bốn phương tám hướng, đều nhẫn khổ chịu nhọc, đều là người muốn vì Phật Giáo làm một chút việc. Vậy bạn đến đây, trong vô hình đừng làm ảnh hưởng mọi người, đó là việc tôi rất khổ tâm. Bất cứ vị nào phạm mạo bệnh này, nên sửa đổi đi, không phạm mao bệnh này, thì phải chú ý cẩn thận. Nơi đây của chúng ta là đạo tràng Lăng Nghiêm, đạo tràng Hoa Nghiêm, đạo tràng Pháp Hoa. Đạo tràng này thiên long bát bộ, hộ pháp thiện thần tùy thời đều hộ trì. Bạn ở trong đạo tràng này tạo tội nghiệp, đó là những điều, Phật Bồ Tát không cho phép.

104. Sất đà nễ

Kệ :
Đoạn tha chú thuật phá La Võng
Giải trừ hoạnh tử tiêu tai chướng
Cứu bạt nhất thiết oan khổ nghiệp
Thanh tịnh quang minh cánh cát tường.

Tạm dịch :
Đoạn chú thuật ma phá La Võng
Giải trừ hoạnh tử tiêu tai chướng

Cứu độ tất cả oan khổ nghiệp
Quang minh thanh tịnh diệu cát tường.

Giảng giải : Thiên ma ngoại đạo và tất cả yêu ma quỷ quái, cũng có chú thuật của chúng, nhưng khi tụng Chú này thì sẽ phá tà chú của chúng, cho nên nói ‘’Đoạn chú thuật ma phá La Võng.’’ Phá La Võng của ma, phá tất cả thần thông của ma vương.
‘’Giải trừ hoạnh tử tiêu tai chướng.’’ Bổn lai phải hoạnh tử, hoặc là có đại nạn gì, như nạn tặc, nạn nước, nạn bệnh, tai nạn, tất cả hoạnh tử như bị xe tông chết, bị máy bay rớt xuống chết, hoặc là xe lửa bị lật, tai nạn xe hơi bị chết, những hoạnh tử như thế gọi là hoạn nạn. Một khi niệm Chú này thì hoạn nạn chẳng có, có thể phá sạch. Cho nên Chú này có thể phá tà chú, phá tất cả tai chướng.
‘’Phá trừ hoạnh tử tiêu tai chướng.’’ Tất cả tai nạn đều có thể tiêu sạch.
‘’Cứu độ tất cả oan khổ nghiệp.’’ Oan nghiệp, khổ nghiệp gì, Chú này đều có thể cứu được.
‘’Quang minh thanh tịnh diệu cát tường.’’ Tụng chú này thì sẽ đắc được quang minh thanh tịnh diệu cát tường.

105. A ca ra

Kệ :
Vô thượng đại bi tâm ấn văn
Tây Phương Liên Hoa bộ chúng thần
Cánh gia từ hỉ kiêm thí xả
Diệu vận xảo đoạt tạo hoá công.

Tạm dịch :
Vô thượng đại bi tâm ấn văn
Tây Phương Liên Hoa bộ chúng thần
Từ bi hỷ xả vô lượng tâm
Diệu dụng khéo đoạt công tạo hóa.

Giảng giải: A Ca Ra tức là “Vô thượng đại bi tâm”, “vô thượng Đại Bi Chú”.
‘’Vô thượng đại bi tâm ấn văn.’’ Tâm ấn diệu pháp này.
‘’Tây Phương Liên Hoa bộ chúng thần.’’ Tây Phương Liên Hoa bộ tất cả hộ pháp thiện thần.
‘’Từ bi hỷ xả vô lượng tâm.’’ Bạn phải dùng tâm đại bi, tâm đại từ, tâm đại hỷ, tâm đại xả, dùng bốn tâm vô lượng viên mãn thì : ‘’Diệu dụng khéo đoạt công tạo hóa.’’ Bạn phải dùng vừa vặn đến chỗ diệu, thì có thể đoạt được công năng

tạo hóa của trời đất, khiến cho người đáng chết nhưng không chết, người đáng hư hỏng nhưng không hư hỏng, việc bất như ý đều hóa thành cát tường. Đó là khéo đoạt được tạo hóa, công dụng này diệu vô cùng. Cho nên các bạn phải biết, từ đây bắt đầu là "năm đại tâm Chú", rất là quan trọng, rất là hữu dụng, quan trọng nhất trong Chú Lăng Nghiêm.

106. Mật rị trụ

Kệ :
Kình sơn trì xử biến hư không
Đông phương Kim Cang trấn ma quân
Bát vạn tứ thiên thường ủng hộ
Năng sử hành nhân nhập đại trung.

Tạm dịch :
Bưng núi cầm chùy khắp hư không
Đông phương Kim Cang trấn ma quân
Tám vạn bốn ngàn thường ủng hộ
Hay khiến người hành nhập đại định.

Giảng giải: **''Tất Đà Nễ, A Ca Ra, Mật Rị Trụ, Bát Rị Đát Ra Gia, Nảnh Yết Rị.'' Năm câu Chú này gọi là "năm đại tâm Chú", là năm tâm Chú của Phật ở năm phương.**
Năm tâm Chú này chuyên phá chú thuật của thiên ma ngoại đạo. Bất cứ chúng có yêu chú tà pháp gì, khi bạn tụng năm đại tâm Chú này thì yêu thuật tà pháp của chúng đều bị phá sạch. Không những phá yêu ma quỷ quái ở nhân gian, mà còn phá thiên ma ngoại đạo ở trên trời. Khi bạn gặp thiên ma ngoại đạo mà tụng năm đại tâm Chú này thì chúng không thể não loạn tâm của bạn. Bất cứ chúng có pháp thuật gì cũng đều không linh nghiệm. **Cho nên năm đại tâm Chú này vô cùng quan trọng trong Chú Lăng Nghiêm, vô cùng linh cảm, không thể nghĩ bàn**.
Mật Lị Trụ dịch là "Kim Cang" là một trong 108 Kim Cang. Đây thuộc về phương đông Kim Cang Bộ, là tâm Chú của Kim Cang Bộ, cho nên nói : ''Bưng núi cầm chùy khắp hư không.'' Tám vạn bốn ngàn Kim Cang Bồ Tát này bưng núi cầm chùy khắp cõi hư không.
''Đông phương Kim Cang trấn ma quân.'' Kim Cang Bộ thuộc phương đông, trấn phục tất cả thiên ma ngoại đạo, thì tu hành dễ dàng thanh tịnh, dễ dụng công tu hành. Cho nên tu hành phải nội công ngoại đức, bên trong thì phải có công, bên ngoài phải bồi đức, phải tài bồi đức hạnh.

‘’Tám vạn bốn ngàn thường ủng hộ.’’ Tám vạn Kim Cang Tạng Bồ Tát thường ủng hộ bạn.
‘’Hay khiến người hành nhập đại định.’’ Năng khiến người tu hành đắc được Lăng Nghiêm đại định, thường thường sinh trí huệ chân chánh.

107. Bát rị đát ra gia

Kệ :
Như ý luân bảo diệu nan tư
Nam phương hoá sinh vô úy thí
Tâm Chú thọ trì nguyên hình hiện
Li Mị Vọng Lượng thiết hấp thạch.

Tạm dịch :
Như ý luân báu diệu khó lường
Phương nam hóa sinh vô úy thí
Tâm Chú thọ trì hiện nguyên hình
Lị Mị Vọng Lượng sắt hút đá.

Giảng giải : ‘’Như ý luân báu diệu khó lường.’’ Đây là diệu bảo tâm Chú, cũng giống như hạt châu Như Ý không thể nghĩ bàn.
‘’Phương nam hóa sinh vô úy thí.’’ Phương nam Bảo Sinh Bộ biến hóa vô cùng. Có bố thí vô úy, Như Ý bảo châu bố thí khắp cho tất cả chúng sinh, khiến cho họ đều đắc được đủ thứ của báu.
‘’Tâm chú thọ trì hiện nguyên hình.’’ Khi niệm năm tâm Chú này, thì bất cứ yêu ma quỷ quái gì, cũng đều hiện nguyên hình, thì bạn sẽ biết chúng là những thứ gì.
‘’Lị Mị Vọng Lượng sắt hút đá.’’ Bất cứ là lị mị vọng lượng, hoặc là quái vật gì, khi bạn niệm Chú này thì giống như hút sắt đá, hút chúng vào thì chúng không thể biến hóa. Đây thật là :

‘’Pháp vi diệu thâm sâu vô thượng
Trăm ngàn vạn kiếp khó gặp được
Con nay nghe thấy được thọ trì
Nguyện hiểu Tam muội nghĩa chân thật.’’

Tụng Kinh trì Chú, tu tất cả pháp môn đều phải thành tâm, trai giới tắm rửa sạch sẽ, thân tâm thanh tịnh, trừ khử tất cả vọng tưởng để tu pháp môn này, mới đắc được cảm ứng đạo giao, như tiếng ứng thanh. Nếu bạn không thành tâm, thì dù Chú có linh ngiệm gì cũng đều không linh. Cho

nên nói : ‘’Tâm thành thì linh‘’, nếu tâm không thành thì sẽ không linh. Tâm thành là gì ? Tức là không có tâm hoài nghi. Sức lực tin Chú chân chánh không thể nghĩ bàn. Sức lực tin Chú chân chánh, không thể không thành tựu. Nếu bạn có tâm thành chân chánh, thì tu hành sẽ thành tựu, không có tâm thành, thì chẳng thành tựu. Có người tu hành trải qua thời gian lâu dài cũng chẳng có cảm ứng gì. Phải chăng là Phật pháp không linh ? Hoặc Kinh Chú không có oai lực cảm ứng đạo giao ? Không phải ! Vì bạn không có tâm thành, luôn luôn cẩu thả lơ là, không đem chân tâm ra. **Cho nên chúng ta học Chú Lăng Nghiêm phải đầy đủ tâm chân thật, đó là quan trọng nhất.**

Hỏi : Làm thế nào dùng Chú đối phó với lị mị vọng lượng ?
Đáp : Pháp thuật ngoại đạo, yêu ma quỷ quái, có lúc hoặc làm bạn đau đầu, đau răng, đau mắt, sây sẩm mặt mày, phát cuồng, nói bậy bạ. Lúc này bạn tụng Chú này, thì sẽ phá pháp thuật của chúng, khiến cho pháp thuật của chúng không linh. Chứ chẳng phải kêu bạn tự nhiên đi đối phó với lị mị vọng lượng. Hàng ngày trong tâm bạn có lị mị vọng lượng, hoặc chẳng có lị mị vọng lượng, cũng tự chiêu chúng đến. Trong tâm bạn gởi đi thiệp mời nói : Ê ! Lị mị vọng lượng, mau đến, ta có Chú đối phó với ngươi ! Đây là đầu lại thêm đầu. Nên biết, Chú này nói là ai gặp vấn đề gì, thì bạn có thể dùng Chú này để phá pháp thuật, chứ chẳng phải hàng ngày kêu bạn đi phá, vậy vọng lượng có nhiều như thế, hằng ngày bạn phải phá. Bất cứ lị mị vọng lượng gì, pháp thuật gì, khi gặp Chú này, thì khí của chúng đều tán mất bỏ chạy, đều vô dụng. Trong tâm bạn trước thỉnh mời lị mị vọng lượng đến, đương nhiên chúng tâm chú gì cũng có. Tâm Chú, tâm Chú tức là trong tâm của bạn phải có Chú, phải sạch sẽ, gì cũng chẳng có, đến lúc dùng thì tự nhiên sẽ linh nghiệm. Thọ trì chứ không phải vì hàng phục yêu ma quỷ quái. Đây cũng giống như tụng trì Chú Đại Bi tức là niệm, lâu dần không niệm mà niệm, tự nhiên sẽ có một thứ lực của Chú lại hộ trì bạn. Thậm chí đến thời, bạn tụng Chú, không tụng Chú, đều có cảm ứng, vì bạn bình thường tu trì tốt, cho nên cảnh giới đến thì tự nhiên tiếp nhận mà giải, vấn đề gì cũng đều không có.

108. Nảnh yết rị

Kệ :
Tối thượng tác pháp kim cang tâm
Chuyển luân thành tựu bắc phương tôn
Trí huệ chánh định giới căn bổn
Đại viên mãn giác nhân thiên khâm.

Tạm dịch :
Tối thượng tác pháp tâm kim cang
Chuyển luân thành tựu bắc phương tôn
Trí huệ chánh định giới là gốc
Giác ngộ viên mãn trời người kính.

Giảng giải : Nảnh, dịch là "Tối thượng". Yết Rị, dịch là "Tác pháp", cho nên nói : ''Tối thượng tác pháp tâm kim cang.'' Tâm kim cang trong mật Chú.
''Chuyển luân thành tựu Bắc phương tôn.'' Yết Rị còn dịch là "Chuyển luân", là đại tâm Chú. Đây là thuộc về phương bắc bộ Thành Tựu, Phật Thành Tựu cai quản.
''Trí huệ chánh định giới là gốc.'' Người tu đạo phải có đại trí huệ, đại định lực. Muốn có chánh định thì trước hết phải trì giới. Giới là nền tảng căn bản nhất. Nếu không có giới thì không có định, không có huệ.
''Giác ngộ viên mãn trời người kính.'' Bạn thành Phật thì đắc được giác ngộ viên mãn, trời người đều khâm phục bạn, cung kính bạn.

109. Tát ra bà

Kệ :
Giải oan thích oán khánh hoà bình
Chiến tranh vĩnh tức hoá khang ninh
Nhất thiết cấm phược giai tiêu tán
Ngũ đại tâm Chú diệu vô cùng.

Tạm dịch :
Giải oan cởi oán vui hòa bình
Chiến tranh vĩnh diệt hóa khang ninh
Hết thảy buộc ràng đều tiêu tán
Năm đại tâm Chú diệu vô cùng.

Giảng giải : Tát Ra Bà tức là "Giải khai phóng thích tất cả mọi ràng buộc". Ràng buộc tức là bị người dùng chú để khống chế, hoặc là trúng tà, hoặc là trúng đủ thứ pháp thuật như độc trùng, bùa ngải. Năm đại tâm Chú này, đều có thể phá những thứ tà thuật đó. Tát La Bà là giải khai phóng thích tất cả ràng buộc, cho nên nói : ''Giải oan cởi oán vui hòa bình.'' Mọi người không chiến tranh.
''Chiến tranh vĩnh diệt hóa khang ninh.'' Chiến tranh cũng chẳng có, đó đây đều không đấu tranh, đó đây đều kiện khang, rất yên ổn.
''Tất cả buộc ràng đều tiêu tán.'' Kẻ khác gây cho bạn những tai nạn gì cũng

chẳng có, đều tiêu tán hết.
‘’Năm đại tâm Chú diệu vô cùng’’ từ ‘’Tất Đà Nễ đến Nảnh Yết Rị‘’, năm đại tâm Chú này ảo diệu vô cùng, dù có nói nhiều cũng không hết được.

Hỏi : Chúng ta phải niệm toàn bộ Chú Lăng Nghiêm hay là năm đại tâm Chú này ?
Đáp : Chú Lăng Nghiêm là Chú rất dài, nhưng mỗi một câu Chú, đều có diệu dụng và oai lực của nó. Nếu bạn biết diệu dụng và oai lực của nó, thì khi cảnh giới đến, có thể niệm mấy câu này là đủ. Nếu bạn niệm từ đầu đến cuối, thì thời gian phải dài. Năm đại tâm Chú này hay phá tan Ma La võng, phá chú thuật của Ma vương. La võng tức là chỉ phù và chú thuật, khiến cho trong tâm của bạn mê mất chánh niệm. Như ở Nam Dương, Thái Lan, đều có độc trùng, bùa ngải các thứ tà thuật. Nếu dùng năm đại tâm Chú này thì sẽ phá được. Như trong Kinh Lăng Nghiêm, ngoại đạo Ma Đăng Già dùng chú Phạm Thiên, cũng có sức lực không thể nghĩ bàn, đó là tà pháp, chú thuật thuộc về tự tư tự lợi, chẳng phải đại công vô tư, cho nên phá được nó. Nếu là đại công vô tư, không có chút tâm ích kỷ lợi mình, thì chẳng ai phá được, vì thuộc về chánh.
Lúc tôi ở tại Mã Lai thì có một người trúng cổ độc (vật độc làm hại người, những nơi mán mọi nó hay cho vào đồ ăn uống, người nào ăn phải thì sinh ra rồ dại mê man) khoảng mười lăm năm. Y luôn luôn muốn tự sát, thường nghe thấy có người nói chuyện, điên điên đảo đảo. Y đến tìm tôi, tôi dùng gậy đánh y thì y mửa ra hàng ngàn vô số côn trùng, rồi khỏi bệnh. Đó là cổ độc. Tại sao dùng gậy đánh thì y hết bệnh ? Vì trên cây gậy có rất nhiều oai lực của Chú. Phải có đức hạnh mới có thể chi phối thứ pháp này. Nếu bạn không có đức hạnh, tuy cũng có chút linh cảm, nhưng cuối cùng sẽ chiêu lại họa hoạn. Nếu giới luật không thanh tịnh, không có đức hạnh, thì thần hộ Chú sẽ không bội phục bạn. Tuy nhiên đương thời có cảm ứng, nhưng thời gian lâu dần, sẽ gặp tai họa. Do đó bất cứ tu pháp gì, đều phải chú trọng về đức hạnh, chú trọng về đạo đức căn bản mới có thể xử dụng pháp này, mới có oai lực, mới an toàn. Không có đạo đức thì không nên dùng, bất cứ chú gì cũng thế.

Năm đại tâm Chú này là trăm ngàn vạn kiếp mới gặp được, cũng có thể trăm ngàn vạn kiếp bạn đã gặp qua rồi, nhưng không thể biết rõ. Năm đại tâm Chú này là tôn quý nhất, là Chú hữu dụng nhất trong Phật giáo. Bất cứ là Chú của thiên ma, Chú của ngoại đạo, Chú của quỷ thần, Chú của yêu quái, Chú của bàng môn tả đạo đều phá hết được. Tức là Chú hay phá tất cả không thể phá. Chú phá thiên ma ngoại đạo chứ chẳng phải có tâm muốn đối địch với chúng, mà là giống như đánh thái cực quyền, dùng lực nhu phá giải lực cang. Bất cứ Chú gì, dùng tâm Chú này đều hóa giải được hết, nhưng đừng tổn hại đối với đối phương.

Năm đại tâm Chú này, tại sao gọi là tâm Chú ? Tức là từ trong tâm từ bi chảy ra. Dùng Chú này phải dùng tâm từ bi hỷ xả, nhiếp thọ tất cả chúng sinh, chứ chẳng phải nói, tôi niệm Chú này là muốn đánh bạn chết, giết bạn, hoặc là tiêu diệt bạn, mà là oai lực của Chú hóa giải hết Chú thuật khác cũng như băng đá gặp mặt trời, thì tự nhiên biến thành nước. Bổn lai Chú của bàng môn ngoại đạo đều vì tâm sân hận chi trì, bạn niệm Chú Lăng Nghiêm này, thì sẽ hóa thành cát tường, diệu là diệu chỗ này. Chứ chẳng phải bạn niệm Chú này, thì đối phương thế nào chịu cũng không được, mà là Chú Lăng Nghiêm phá giải hết oai lực của Chú khác, chứ không hại người. Oai lực của Chú là từ trong tâm của chư Phật, Bồ Tát và người tụng Chú chảy ra một thứ tâm từ bi cho nên hàng phục được tất cả thiên ma ngoại đạo.

110. Bàn đà na

Kệ :
Kiết giới thanh tịnh thắng đạo tràng
Pháp hội trang nghiêm niệm Phật đường
Tán thán thường chuyển vô thượng luân
Chân đế lý thú phá hồng hoang.

Tạm dịch :
Kiết giới thanh tịnh thắng đạo tràng
Pháp hội trang nghiêm niệm Phật Đường
Khen ngợi thường chuyển pháp vô thượng
Chân lý vi diệu phá hồng hoang.

Giảng giải : Bàn Đà Na tức là “Kiết giới”. Sao gọi là kiết giới ? Phàm là kiến lập đạo tràng, trước hết phải kiết giới. Vậy giới bên ngoài là đời ác năm trược, giới bên trong là đạo tràng thù thắng trang nghiêm thanh tịnh. Kiết giới có khi dùng Chú Đại Bi, mặt hướng về tám phương, người chủ trì pháp hội dùng sức lực quán tưởng, quán tưởng xa bao nhiêu thì giới liền lớn bấy nhiêu.
Người chủ trì nếu tâm lượng lớn, thì tận hư không khắp pháp giới, đều kiết giới ở trong đó; nếu tâm lượng nhỏ thì giới cũng nhỏ. Câu Bàn Đà Na này tức là kiết giới. Kiết giới, giới quán tưởng xa bao nhiêu thì đắc được thanh tịnh xa bấy nhiêu. Cho nên nói : ’’Kiết giới thanh tịnh thắng đạo tràng.’’ Đây là một đạo tràng thù thắng, đại chúng dụng công tu hành.
‘’Pháp hội trang nghiêm niệm Phật Đường.’’ Pháp hội thì không thể cẩu thả được. Tụng Kinh, trì Chú, lễ sám, lạy phật, giảng Kinh, thuyết pháp, đều phải thận trọng mọi việc, tất cung tất kính, tơ hào không giải đãi, không cẩu thả.

Trong pháp hội phải quán tưởng chính mình đối trước Phật, đối trước trời, đối trước sư phụ, đối diện với tất cả tôn trưởng. Như thế thì không dám giải đãi lười biếng, làm qua loa cẩu thả, mà rất thành tâm tham gia pháp hội đạo tràng. Cho nên nói ‘’Pháp hội trang nghiêm niệm Phật Đường.’’ Niệm Phật Đường không phải nhất định niệm Phật mới gọi là Niệm Phật Đường, bạn thanh tịnh trang nghiêm thì là niệm Phật, tức là niệm Phật tại đó.
‘’Khen ngợi thường chuyển pháp vô thượng .’’ Câu Chú này là là tán thán Phật chuyển pháp luân vô thượng.
‘’Chân lý vi diệu phá hồng hoang.’’ Dùng chân đế lý thể thực tế chân thật nhất, phá trừ tất cả vô minh phiền não. Hồng hoang như đồng với trời đất chưa khai phá. Phải khai thiên mở địa, tức cũng là nói phá vô minh, hiển lộ tự tánh pháp thân huệ mạng.

111. Mục xoa ni

Kệ :
Tối thắng giải thoát Đạt Ma bảo
Diệu cát huy kim thậm hy thiểu
Siêu việt nhất thiết chư khổ nạn
Tốc chứng bồ đề ly điên đảo.

Tạm dịch :
Pháp bảo giải thoát tối thù thắng
Chiếu cổ soi kim rất ít có
Siêu việt tất cả các khổ nạn
Sớm chứng bồ đề hết đảo điên.

Giảng giải : Mục Xoa Ni dịch là “Thắng giải thoát”. Gì gọi là thắng giải thoát ? Thắng là thù thắng, khác với các giải thoát khác. Đó là dùng sức ít mà thành công cao, một thứ pháp môn thù thắng nhất cho nên nói ‘’Pháp bảo giải thoát tối thù thắng.’’ Giải thoát là pháp không quái ngại, cũng không chấp pháp; ngã, pháp đều quên. Đạt Ma Bảo là Pháp bảo.
‘’Chiếu cổ soi kim rất ít có.’’ Pháp bảo này chiếu cổ soi kim, sáng chói muôn đời, nhưng cũng khó mà gặp được, càng không dễ gì hiểu được.
‘’Siêu việt tất cả các khổ nạn.’’ Đây tức là thực hành sâu vào trí huệ Ba La Mật, thì soi thấy năm uẩn đều không, độ tất cả khổ ách, vượt qua tất cả khổ, tất cả ách nạn. Cho nên nói ‘’Sớm chứng bồ đề hết đảo điên.’’ Câu này là nói xa lìa điên đảo vọng tưởng, cứu kính Niết Bàn. Tất cả điên đảo đều chẳng còn, chứng được trí huệ Bát Nhã vốn có. Trí huệ này dùng không hết được. Pháp

này nếu không phải có căn lành, đại nhân duyên trong quá khứ, thì không thể gặp được.

112. Tát ra bà

Kệ :
Giải trừ khổ ách đắc an lạc
Tiêu diệt nhiệt não đắc thanh lương
Chú trớ độc cổ chư tà thuật
Nhất thiết vô năng hại thân giả.

Tạm dịch :
Giải trừ khổ ách được an lạc
Tiêu diệt nóng bức được mát mẻ
Chú trừ các độc và tà thuật
Tất cả không thể hại người trì.

Giảng giải : Tát Ra Bà tức là "Giải trừ tất cả khổ não", cho nên nói : ''Giải trừ khổ ách được an lạc.'' Phiền não không còn nữa thì sẽ an lạc.
''Tiêu diệt nóng bức được mát mẻ.'' Niệm câu Chú này, thì tất cả nhiệt não nóng bức đều chẳng còn, thì sẽ được mát mẻ tức là đắc được tự tại.
''Chú trừ các độc và tà thuật.'' Chú trừ được hết thảy, như niệm tà chú, bỏ cổ độc .v.v… các loại tà thuật, pháp thuật không chánh đáng.

113. Đột sắt tra

Kệ :
Chướng não biệt kiến giá tánh minh
Phú tàng phát lộ ám đắc đăng
Phản bổn quy nguyên quán tự tại
Phóng hạ phàm tình Phật tức thành.

Tạm dịch :
Chướng não biệt kiến che quang minh
Che lấp phát lồ tối được đèn
Trở về nguồn cội quán tự tại
Buông bỏ phàm tình liền thành Phật.

Giảng giải : Đột Sắc Tra dịch là "Chướng não", "Biệt kiến". Chướng não, biệt kiến, che lấp tự tánh quang minh. Tự mình sinh ra một thứ chướng ngại, tà tri tà kiến, che lấp tự tánh quang minh.
''Che lấp phát lồ tối được đèn.'' Bạn bị tội nghiệp che lấp, nếu phát lồ sám hối thì giống như trong chỗ tối được đèn sáng.
''Trở về nguồn cội quán tự tại.'' Bạn trở về nguồn cội, thì sẽ nhận rõ bộ mặt thật của bạn, sẽ luôn luôn quán tự tại, rất khoái lạc.
''Buông bỏ phàm tình liền thành Phật.'' Buông bỏ phàm tình thì sớm sẽ thành Phật.

Hiện tại tôi giảng Chú Lăng Nghiêm cho các bạn nghe. Chú Lăng Nghiêm này trăm ngàn vạn kiếp cũng chẳng có ai giảng một lần nữa, cũng không dễ giảng một lần nữa. Lúc tôi giảng cho các bạn nghe, tôi biết chẳng ai nghe hiểu được. Tức là có người tự cho là hiểu được, cũng chẳng phải thật hiểu. Có người tự cho là hiểu rồi, cho nên không chú ý, vậy cũng giống như không hiểu.
Chú Lăng Nghiêm là linh văn giữ gìn trời đất không bị hủy diệt. Chú Lăng Nghiêm là linh văn giữ gìn thế giới không để cho đến mạc nhựt (ngày cuối). Cho nên tôi thường nói : "Nếu trên thế gian có người niệm Chú Lăng Nghiêm thì thế giới này không thể hủy diệt, pháp cũng không diệt. Khi nào trên thế gian không còn ai niệm Chú Lăng Nghiêm, thì lúc đó Phật pháp sẽ diệt vong". Bây giờ đã có những thiên ma ngoại đạo, tạo ra những lời bịa đặt nói Kinh Lăng Nghiêm và Chú Lăng Nghiêm là giả. Đây là thiên ma ngoại đạo phái ma con, ma cháu đến, để tạo ra những lời bịa đặt như thế, khiến cho chúng ta không tin Kinh Lăng Nghiêm và Chú Lăng Nghiêm. Cho đến ai ai cũng không tin Chú Lăng Nghiêm, thì chẳng còn ai niệm, thì thế giới này sớm sẽ hủy diệt. Muốn thế giới không bị huỷ diệt, thì hãy mau niệm Chú Lăng Nghiêm, đọc Kinh Lăng Nghiêm. Nếu bạn mỗi ngày đọc tụng Chú Lăng Nghiêm, thì sự nguy hiểm của đạn nguyên tử, đạn hạt nhân, cũng không hại được bạn. Cho nên bạn nên nhất tâm niệm Chú Lăng Nghiêm.
Nay tôi giảng Chú Lăng Nghiêm cho các bạn, lúc này tuy chẳng có ai minh bạch, nhưng mười năm, trăm năm, ngàn năm sau, sẽ có người thấy Chú giảng giải này, thì lúc đó họ sẽ hiểu rõ thâm sâu Chú Lăng Nghiêm này. Các bạn nghe được Chú Lăng Nghiêm đừng cho rằng thật là quá dễ dàng. Bốn câu kệ này nhìn qua rất là đơn giản, nhưng nó là từ trong tâm của tôi chảy ra, chứ chẳng phải tìm chương chọn câu, trích trong sách của người khác sao lại. Các bạn học với tôi, chẳng màng là bài kệ hay dở, đây là sự xét nghiệm thấy pháp của tôi, hiểu rõ Chú Lăng Nghiêm mà diễn tả ra. Nếu các bạn muốn hiểu thật Chú Lăng Nghiêm thì nên cố gắng tu học, đừng để thời gian trôi qua lãng phí.

Hỏi : Phật nhãn là gì ?
Đáp : Phật nhãn chỉ là danh từ, chứ chẳng phải chỉ riêng Phật mới có. Ngũ nhãn là năm cái danh từ. Mỗi người đều có ngũ nhãn, nhưng vì chẳng tu hành, cho nên không mở, không biết dùng như thế nào ? Người mở ngũ nhãn, thì nhìn sự vật không cần phải dùng hai con mắt phàm phu. Có thể nhắm hai con mắt này lại, quán được khắp tất cả vạn sự vật trong ba ngàn đại thiên thế giới.

114. Đột tất phạp

Kệ :
Trừ diệt ác mộng cập bất tường
Phiền não bồ đề hoá thanh lương
Phá tà hiển chánh hưng đại giáo
Bát vạn mao khổng phóng hào quang.

Tạm dịch :
Diệt trừ ác mộng và hung ác
Phiền não bồ đề thành mát mẻ
Phá tà hiển chánh thịnh Phật giáo
Tám vạn lỗ lông phóng hào quang.

Giảng giải : Tụng niệm câu Chú này, thì sẽ xa lìa điên đảo mộng tưởng, không gặp tất cả ác mộng. Mộng lành thì có thể được, còn ác mộng thì chẳng có. Tại sao lại có ác mộng ? Vì bạn còn tồn tại tâm ác, đều muốn giết người, phóng lửa, nói dối, thích uống rượu, thích đi làm những việc hại người, thì trong mộng có những cảnh giới ác như thế, chẳng phải mình bị người giết, thì là mình đi giết người. Tóm lại, bạn giết tôi thì tôi giết bạn, hoặc là mộng thấy bị tai nạn xe chết, hoặc là bị lật xe lửa chết, bị tai nạn máy bay mà chết. Trong mộng mình cũng sợ hồn phi phách tán. Đây là ác niệm trong tâm cảm được ác mộng.
Có người trong tâm cũng không có ác niệm, không nghĩ đi hại người. Vậy tại sao vẫn có ác mộng ? Đây có hai cách nói. Thứ nhất là những ác nghiệp trong quá khứ theo bạn, đưa đến có ác mộng, khiến cho bạn biết trong quá khứ đã từng gieo trồng nhân ác, đời nay phải sớm cải ác hướng thiện, sớm tu đạo. Thứ hai là khiến cho bạn biết ác mộng là nghiệp cảm không tốt, bèn phát bồ đề tâm, không làm việc ác, cải ác hướng thiện. Cho nên gặp ác mộng cũng có nhiều lý do. Cũng có thiện trong ác, hoặc ác trong thiện, nghĩa là ở trong mộng mị, bạn cũng phải giác ngộ. Khiến bạn minh bạch đời người như một giấc mộng, chẳng có gì là thật, chẳng có gì có thể lưu luyến. Nói qua ác mộng này cũng có chỗ tốt. Nếu bạn gặp ác mộng mà không cải ác hướng thiện, thì khó

thoát khỏi địa ngục, làm ngạ quỷ, chuyển súc sinh cũng chẳng xa mấy. Vì ác mộng này chẳng tốt. Bạn niệm câu Chú ‘’Đột Tất Phạp‘’ này thì sẽ giải trừ ác mộng, trong sự bất tri bất giác sẽ tiêu diệt, chẳng còn nữa.
‘’Diệt trừ ác mộng và hung ác.’’ Hung ác tức là không cát tường, không thuận lợi, không may mắn. Tóm lại những việc không thuận lợi đều tiêu sạch.
‘’Phiền não bồ đề thành mát mẻ.’’ Phiền não của con người chỉ cần bạn nhẫn nó, chuyển nó qua thì là bồ đề. Phiền não chuyển thành bồ đề, dễ như trở bàn tay. Nếu bạn biến phiền não thành bồ đề, thì cũng biến thành mát mẻ, đắc được tự tại thọ dụng.
‘’Phá tà hiển chánh thịnh Phật giáo.’’ Câu Chú này có thể phá tà cũng có thể hiển chánh. Trừ diệt ác mộng tức là phá tà. Hóa thành mát mẻ, cát tường tức là hiển chánh.
‘’Tám vạn lỗ lông phóng hào quang.’’ Nếu bạn tu thành công rồi, thì tám vạn lỗ chân lông, mỗi lỗ chân lông đều phóng ra vô lượng vô biên quang minh, chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới.

115. Bát na nễ

Kệ :
Trí huệ đệ nhất Xá Lợi Phất
Biện tài vô ngại triển hồng đồ
Thử thị Bát Nhã đáo bỉ ngạn
Chúng trung thượng thủ chứng chân như.

Tạm dịch :
Trí huệ bậc nhất Xá Lợi Phất
Biện tài vô ngại triển hồng đồ
Đây là Bát Nhã đến bờ kia
Thượng thủ trong chúng chứng chân như.

Giảng giải : Bát Na Nễ tức là “Trí huệ”, tức cũng là “Bát Nhã”. Vậy sao lại nói ‘’Bát Na Nễ‘’ ? Đây là Chú. Ý nghĩa của Chú phần đông không thể hiểu, mà quỷ thần nghe thì hiểu liền, bèn tuân theo mạng lệnh của Chú mà hành sự. Cho nên Chú tức là chú nguyện. Chú nguyện tức là ta nguyện như thế nào, thì đều tùy tâm mãn nguyện. Câu Bát Na Nễ với câu dưới Phạt La Ni đọc với nhau. Hai câu này niệm với nhau, thì khiến cho con người khai mở đại trí huệ. Đắc được đại trí huệ, thì sẽ đắc được đại biện tài, đắc được đại biện tài, thì sẽ đắc được đại thọ mạng, đắc được đại thọ mạng, thì sẽ đắc được đại an lạc. Đây đều là có mối quan hệ tương quan.

‘’Trí huệ bậc nhất Xá Lợi Phất.’’ Trong hàng A La Hán, Ngài Xá Lợi Phất là trí huệ bậc nhất. Vì Ngài trong quá khứ tu pháp môn Bát Nhã. Xá Lợi Phất là tên, dịch là “Thu Lộ Tử”. Thu Lộ là tên loài chim. Vì mẹ của Ngài tên là Xá Lợi. Phất tức là con, Ngài là một người con của Xá Lợi. Lúc Ngài ở trong bụng mẹ thì biện luận với cậu của Ngài. Người cậu luôn luôn biện luận đều thua, biết là trong bụng của người chị mình có người con trí huệ, khiến cho chị mình thông minh hơn. Do đó cậu của Ngài đi học nghị luận của ngoại đạo, bất quá trở về biện luận vẫn không hơn được mẹ của Ngài.
‘’Biện tài vô ngại triển hồng đồ.’’ Ngài có đại trí huệ, lại có đại biện tài. Triển hồng đồ là phát triển hoài bảo và hy vọng của Ngài. Là gì ? Tức là khiến Phật giáo phát dương quang đại, trợ giúp Phật hoằng dương chánh pháp.
‘’Đây là Bát Nhã đến bờ kia.’’ Tại sao Ngài có đại trí huệ ? Vì trong quá khứ Ngài tu trí huệ Bát Nhã, cho nên đắc được quả báo. Bát Nhã là pháp môn đến bờ kia.
‘’Thượng thủ trong chúng chứng chân như.’’ Ngài là người trí huệ đệ nhất trong hàng A La Hán, thượng thủ trí huệ. Ngài chứng đắc lý thể chân như, có đại trí huệ chân chánh, biện tài vô ngại, đủ loại thần thông biến hóa. Do đó muốn tu hành, muốn có trí huệ chân chánh, thì phải tu pháp môn Bát Nhã.

116. Phạt ra ni

Kệ :
Trí huệ ngu si vô nhị tướng
Bồ Tát ngoại đạo bổn nhất như
Phàm phu phân biệt chủng chủng pháp
Học giả liễu ngộ ly ngôn thuyết.

Tạm dịch :
Trí huệ ngu si chẳng hai tướng
Bồ Tát ngoại đạo vốn là một
Phàm phu phân biệt đủ thứ pháp
Người giác tỏ ngộ lìa lời nói.

Giảng giải : Trí huệ phải khai mở mới có, không khai mở chứ chẳng phải không có, và không biết xử dụng. Giống như máy vi tính, vi tính ví dụ cho trí huệ, nếu bạn không học qua máy vi tính, thì không thể xử dụng nó, đó là ngu si. Nếu học qua rồi, dùng được tức là trí huệ. Cho nên trí huệ và ngu si là hai danh từ, mà gốc vốn là một. Bạn dùng được tức là trí huệ, không dùng được tức là ngu si. Máy vi tính là ví dụ tốt nhất. Cũng giống như ăn cơm, bạn không ăn thì đói,

ăn rồi thì no. Trí huệ và ngu si cũng là một dạng, xử dụng được thì trí huệ, không xử dụng được thì ngu si, cho nên nói : ‘’Trí huệ ngu si chẳng hai tướng.’’ Trí huệ và ngu si chẳng hai dạng, tựa như trở bàn tay, trở qua là trí huệ, trở lại là ngu si. Bạn không biết dùng tay thì không thể cầm, nắm đồ vật, dùng được thì cầm đồ vật. Đây là ví dụ ngu si và trí huệ. Vốn chẳng có hai, chỉ là danh từ, nhưng danh từ làm cho con người bị mê hoặc. Có người chấp trước trí huệ, có người thì mê nơi ngu si. Mê tức là ngu si, ngộ tức là trí huệ, mê ngộ đều là một. Có người nói như vậy thì không đúng, mê, ngộ, sao là một ? Mê thì không minh bạch, ngộ thì minh bạch. Thực ra minh bạch và không minh bạch đều chẳng phải hai thứ, cho nên nói trí huệ và ngu si chẳng hai dạng.
‘’Bồ Tát, ngoại đạo vốn là một.’’ Bồ Tát là muốn tu hành Bồ Tát đạo lợi ích kẻ khác, ngoại đạo cũng muốn đi trên con đường chánh. Thiên Chúa Giáo và Gia Tô Giáo đều nhận rằng giáo của mình không sai, có thể sinh về nước Chúa. Vì trí huệ của họ chỉ nhiều như thế, chỉ biết có nước Chúa, không biết có những thế giới còn diệu hơn nước Chúa, trí lực của họ không đạt đến được, đây là vấn đề trình độ. Học sinh tiểu học, không thể so sánh với học sinh đại học, cũng không thể so sánh với học sinh trung học. Về phương diện khác là vấn đề nghiệp. Quá khứ nghiệp tạo ra khiến họ chỉ hiểu được nhiều như thế thôi. Cứu kính họ đều muốn khai ngộ, bất quá có ngộ sớm và ngộ trễ, mê ngộ có chậm trễ mà thôi. Tu Bồ Tát đạo thì đắc được giác ngộ sớm một chút. Tu pháp ngoại đạo thì chậm một chút. Nhanh chậm chỉ là vấn đề thời gian, chứ chẳng phải có tốt và không tốt, kết quả đều là đắc quả bồ đề. Cho nên :

‘’Về nguồn chẳng hai lối,
Phương tiện có nhiều cửa.’’

Không thể nói người khác không tốt, chỉ có mình đúng, đừng có thứ biên kiến như thế.
‘’Phàm phu phân biệt đủ thứ pháp.’’ Phàm phu chấp trước dính mắc tại cảnh giới, không việc tìm việc làm, đầu lại thêm đầu. Giống như con khỉ cầm vật bên đông, lại chạy qua cầm vật khác bên tây. Cầm lên bỏ xuống, bỏ xuống rồi lại cầm lên. Căn bản thì chẳng cần mà nó muốn làm như thế. Cho nên nói : ‘’Phân biệt danh tướng không biết dừng.’’ Phân biệt danh tướng không biết dừng lại. Cho nên ‘’Vào biển đếm cát tự nhọc mình.’’ Cũng giống như đếm trong biển có bao nhiêu hạt cát, cứu kính có bao nhiêu hạt, bạn đếm được chăng ? Bây giờ có máy vi tính, dù tinh vi đến đâu cũng đành bó tay.
‘’Người giác tỏ ngộ lìa lời nói.’’ Khi giác ngộ rồi thì sẽ minh bạch, lìa tướng lời nói, lìa tâm duyên tướng, quét tất cả pháp, lìa tất cả tướng, mới biết phân biệt danh tướng là dư thừa. Nếu minh bạch tất cả pháp bổn lai là như thế, thì còn gì để nói ?

117. Giả đô ra

Kệ :
Nhân gian oán gia Phật quốc ân
Tri thức độ ngã xuất trầm luân
Đề Bà Đạt Đa chân hộ pháp
Hàng phục sân khuể bất nhiễm trần.

Tạm dịch :
Nhân gian oán gia Phật quốc ân
Tri thức độ ta thoát trầm luân
Đề Bà Đạt Đa chân hộ pháp
Hàng phục sân hận không nhiễm bụi.

Giảng giải : Giả Đô Ra dịch là "Oán gia". Oán gia tức là có cừu oán, thường có tâm đố kỵ sân hận, trong tâm không vui vẻ. Cừu nhân của Phật quốc tức là ân nhân của nhân gian. Cừu nhân oán gia của nhân gian tức là ân nhân của Phật quốc. Nếu bạn không có oán gia, thì không thể nhìn xuyên thủng tất cả. Cảnh giới đến không thuận tâm, thì quay đầu lại mau phát bồ đề tâm, khiến cho bạn thức tỉnh tất cả thế gian đều rất khổ. Nếu bạn biết khổ thì sẽ đoạn tập, chứng diệt, tu đạo. Bạn phát bồ đề tâm, thì trước hết phải đoạn phiền não. Phiền não đoạn rồi, thì tu đạo về sau sẽ chứng quả đắc được Niết Bàn, bốn đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Cho nên nói : ''Nhân gian oán gia Phật quốc ân – Tri thức độ ta thoát trầm luân.'' Thiện tri thức tương phản chiều hướng đến giáo hóa ta. Khiến cho ta sớm thoát khỏi sáu nẻo luân hồi, liễu sinh thoát tử.
''Đề Bà Đạt Đa chân hộ pháp.'' Phật Thích Ca Mâu Ni do ai giúp Ngài thành Phật ? Là Đề Bà Đạt Đa. Đề Bà Đạt Đa đều đến chướng ngại Đức Phật tu hành. Kết quả Phật Thích Ca Mâu Ni quay đầu lại, sớm phát bồ đề tâm mà thành Phật.
''Hàng phục sân hận không nhiễm bụi.'' Người tu đạo phải hàng phục tâm, hàng phục tâm gì ? Hàng phục tâm tham. Gì cũng không tham, cũng không tham danh, cũng không tham lợi, cũng không tham tài, cũng không tham sắc, tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, năm dục này đều không tham, đó là hàng phục được tâm. Lại không sân hận, không ngu si. Tóm lại, hàng phục tâm tức là siêng tu giới định huệ, liền diệt tham sân si. Có tham sân si thì còn nhiễm ô, không còn tham sân si, thì nhiễm ô gì cũng chẳng còn, độc đều tiêu sạch. Ba độc chẳng còn, thì giới định huệ liền hiện tiền. Tu đạo căn bản chẳng có gì, tức là tất cả cảnh giới đều nhận thức rõ ràng, đừng bị cảnh giới chuyển, mà chuyển được cảnh giới. Cho nên người chuyển được cảnh mà

cảnh không thể chuyển được người. Đó tức là có công phu. Người có công phu thì:

‘’Dù gặp đao bén vẫn thản nhiên
Uống nhầm thuốc độc vẫn ung dung.’’

Dù gặp đao kiếm đến mình cũng rất thản nhiên, một chút cũng không lo lắng. Có người bưng thuốc độc cho bạn uống cũng chẳng sợ. Độc hại chết là độc hại chết, một chút cũng chẳng có vấn đề gì. Nghĩ như thế thì còn có phiền não gì, còn có vấn đề gì ? Vấn đề gì cũng chẳng có, đó là giải thoát. Cho nên chúng ta tu hành phải phá trừ tất cả mọi chấp trước, thì sẽ đắc được giải thoát. Giải thoát được thì tự tại, là tịch tĩnh khoái lạc, tức là thường, lạc, ngã, tịnh.

118. Thất đế nẩm

Kệ :
Giải thoát tiêu tai đại hoan hỉ
Thủ Lăng Nghiêm pháp thế vô tỉ
Nhất thiết chướng ngại cứu kính giác
Cách phàm siêu Thánh khế chân liễu.

Tạm dịch :
Giải thoát tiêu tai đại hoan hỷ
Pháp Thủ Lăng Nghiêm không gì bằng
Tất cả chướng ngại cứu kính giác
Chuyển phàm thành Thánh hợp chân như.

Giảng giải : Câu Chú này nghĩa là “Giải thoát”, “Tiêu tai”, “Hoan hỷ”. Cho nên nói : ‘’Giải thoát tiêu tai đại hoan hỷ – Pháp Thủ Lăng Nghiêm không gì bằng.’’ Pháp Thủ Lăng Nghiêm này trên thế gian rất hiếm có, chẳng có gì có thể so sánh được.
‘’Tất cả chướng ngại cứu kính giác.’’ Nếu tu pháp này, thì gặp bất cứ chướng ngại gì, đều sẽ qua được, mà đắc được cứu kính giải thoát.
‘’Chuyển phàm thành Thánh hợp chân như.’’ Có thể đổi phàm siêu đến Thánh hiền. Khế hợp chân lý, chân chánh liễu giải.

119. Yết ra ha

Kệ :

Hộ trì Thiên giới chúng thần binh
Oai phong lẫm lẫm quỷ ma kinh
Chư Thiên chủng tộc tề hướng thiện
Yêu tà quyến thuộc các bôn đằng.

Tạm dịch :
Binh chúng thần hộ trì ngàn cõi
Oai phong lẫm liệt ma quỷ sợ
Dòng dõi chư Thiên đồng hướng thiện
Quyến thuộc yêu tà đều bỏ chạy.

Giảng giải: ‘’Binh chúng thần hộ trì ngàn cõi.’’ Đây là binh thần trên trời bảo hộ ba ngàn đại thiên thế giới.
‘’Oai phong lẫm liệt ma quỷ sợ.’’ Khi ma quỷ khi thấy chư Thiên oai phong lẫm liệt thì rất sợ hãi.
‘’Dòng dõi chư Thiên đồng hướng thiện.’’ Chủng tộc chư thiên đều dạy người hướng thiện, chính họ cũng làm việc thiện.
‘’Quyến thuộc yêu tà đều bỏ chạy.’’ Yêu ma quỷ quái khi thấy họ, thì chúng đều bỏ chạy khắp nơi.

120. Ta ha tát ra nhã xà

Kệ :
Nhẫn giới kiên cố bất thoái chuyển
Dẫn lãnh quy vãng câu toả nã
Phổ tập thiện tín y Tam Bảo
Pháp hội cát tường Ma Ha Tát.

Tạm dịch :
Kham nhẫn kiên cố không thối chuyển
Dùng móc hàng phục kẻ cang cường
Khắp khiến thiện tín nương Tam Bảo
Pháp hội cát tường Ma Ha Tát.

Giảng giải : Ta Ha tức cũng là “Ta Bà”, tức là thế giới Ta Bà. Sa Ha dịch là “Kham nhẫn”, cũng gọi là “Nhẫn giới”. Ta Ha dịch là “Kiên cố”. Chúng sinh, hoặc chư Phật, đều kham năng nhẫn thọ sự khổ của thế giới Ta Bà. Vậy biết rồi thì phải kiên cố không thối chuyển phát bồ đề tâm.
‘’Dùng móc hàng phục kẻ cang cường.’’ Tức là nói tất cả thiện thần trong ba ngàn đại thiên thế giới, tất cả hộ pháp chúng thần, nếu gặp chúng sinh không

nghe lời, thì dùng móc kéo họ trở về.
‘’Khắp khiến thiện tín nương Tam Bảo.’’ Khiến tất cả thiện nam tín nữ tụ tập lại với nhau quy y Tam Bảo.
‘’Pháp hội cát tường Ma Ha Tát.’’ Pháp hội này rất cát tường, hương quang vòng chung quanh, vân tập các đại Bồ Tát.

121. Tỳ đa băng ta na yết rị

Kệ :
Phá bình chướng nạn hoặc ha khiển
Nhất thiết như ý cánh an tường
Thiên giới thần lâm trừ ma hại
Phổ khiến khâm phục lễ Năng Nhân.

Tạm dịch :
Phá trừ chướng nạn hoặc quát mắng
Hết thảy như ý và cát tường
Ngàn cõi thần đến trừ ma hại
Đều khiến khâm phục lễ Năng Nhân.

Giảng giải : Tỳ Đa Băng Ta Na Yết Rị tức là “Phá trừ tất cả chướng nạn”, khiến cho tất cả chướng nạn đều được bình an, khiển trách hoặc la mắng tất cả bất thiện.
‘’Hết thảy như ý và cát tường.’’ Khiến cho tất cả sự việc không lý tưởng đều được cát tường như ý.
‘’Ngàn cõi thần lâm trừ ma hại.’’ Trừ khử tất cả ma hại.
‘’Đều khiến khâm phục lễ Năng Nhân.’’ Đều khiến tất cả thiên ma ngoại đạo không thiện quy y Tam Bảo, đảnh lễ Thích Ca Mâu Ni Phật.

122. A sắt tra băng xá đế nẩm

Kệ :
Hộ giới hộ pháp hộ già lam
Vô lượng sắc quang chiếu đại thiên
Thành tựu diệu thủ đắc tự tại
Thường lạc ngã tịnh chứng Niết Bàn.

Tạm dịch :
Hộ giới hộ pháp hộ già lam

Vô lượng quang minh chiếu ngàn cõi
Thành tựu diệu thủ được tự tại
Thường lạc ngã tịnh chứng Niết Bàn.

Giảng giải : A Sắt Tra Băng là “thần hộ giới”, “thần hộ pháp”, “thần hộ già lam”. Già lam là đạo tràng.
‘’Vô lượng sắc quang chiếu đại thiên.’’ Các vị thần ấy phóng quang minh vô lượng, chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới. Sắc cũng vô lượng, quang cũng vô lượng, xanh, vàng, đỏ, trắng, đen đều có.
‘’Thành tựu diệu thủ đắc tự tại.’’ Thành tựu là thành tựu đệ nhất khiến người đắc được tự tại.
‘’Thường lạc ngã tịnh chứng Niết Bàn.’’ Khiến cho tất cả đắc được thường lạc ngã tịnh Niết Bàn bốn đức.

123. Na xoa sát đát ra nhã xà

Kệ :
Câu toả tử diễm sắc quang mang
Lực sĩ hình trạng đại Kim Cang
Giải ách chửng tai tiêu chư nạn
Nhiếp thọ chúng sinh yết Pháp Vương.

Tạm dịch :
Câu móc lửa tía sáng nhấp nhoáng
Hình trạng lực sĩ đại Kim Cang
Giải ách tiêu tai trừ các nạn
Nhiếp thọ chúng sinh lễ Pháp Vương.

Giảng giải: Na Xoa dịch là “Câu móc” hoặc dịch là “Ngọn lửa màu tía”. Cho nên nói : ‘’Câu móc lửa tía sáng nhấp nhoáng.’’ Sắc quang của nó sáng nhấp nhoáng hàng vạn trượng.
‘’Hình trạng lực sĩ đại Kim Cang.’’ Sát Đát Ra dịch là “Lực sĩ”, hoặc là “Hình trạng”, tức là đại Kim Cang thiện thần hộ pháp.
‘’Giải ách tiêu tai trừ các nạn.’’ Các vị thần ấy chuyên giải trừ tất cả tai nạn khốn khổ.
‘’Nhiếp thọ chúng sinh lễ Pháp Vương.’’ Nhiếp thọ tất cả chúng sinh đến chốn Phật lễ Phật. Đây là giải thích đơn giản, nếu giảng tỉ mỉ thì vô cùng tận.

124. Ba ra tát đà na yết rị

Kệ :
Diệu pháp chuyên tu đạt bỉ ngạn
Phát dũng mãnh tâm cầu bồ đề
Chiết phục thiên ma quy Tam Bảo
Thu nhiếp ngoại đạo ngộ bổn nguyên.

Tạm dịch :
Chuyên tu diệu pháp đến bờ kia
Phát tâm dũng mãnh cầu bồ đề
Hàng phục thiên ma nương Tam Bảo
Thu nhiếp ngoại đạo ngộ nguồn gốc.

Giảng giải : Ba Ra dịch là "Diệu pháp". Tát Đà Na dịch là "Dũng mãnh", là nói ''Chuyên tu diệu pháp đến bờ kia.'' Bạn phải y chiếu diệu pháp tu hành, không giải đãi, không ngủ gật khi nghe Kinh, thì nhất định sẽ đến bờ bên kia. Nhất định đến nơi bình an nhất, đến bờ bên kia Niết Bàn, đắc được thường lạc ngã tịnh, khoái lạc Niết Bàn bốn đức. Nếu bạn đắc được pháp môn không thể nghĩ bàn, thì chắc chắn sẽ đạt đến bờ bên kia, tức là bạn đạt được mục đích hy vọng, cõi Thường Tịch Quang Tịnh Độ.
''Phát tâm dũng mãnh cầu bồ đề.'' Chúng ta tu hành thì phải phát tâm dũng mãnh, đừng có nửa tu hành, nửa không tu; một ngày nóng mười ngày lạnh. Cho nên phải phát tâm dũng mãnh, cầu bồ đề cầu giác ngộ. Bồ đề là giác đạo, như thế thì sẽ ''Hàng phục thiên ma nương Tam Bảo.'' Thiên ma có oai lực rất lớn, nhưng oai lực của chúng lớn bao nhiêu, cũng chẳng bằng oai lực của diệu pháp, đều hàng phục chúng được. Hàng phục này chẳng phải dùng sức để đàn áp chúng hàng phục. Vậy dùng gì ? Dùng đức hạnh để cảm hóa chúng, khiến cho chúng triết phục, quy y Tam Bảo, tức là quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng.
''Thu nhiếp ngoại đạo ngộ nguồn gốc.'' Thu nhiếp là dùng lực hấp dẫn để hấp thu, cũng giống như hút sắt đá, làm cho ngoại đạo nhiếp phục. Nhiếp phục ngoại đạo bạn làm thế nào ? Sẽ so sánh lớn hơn chúng. Đây chẳng phải nói khí lực so với chúng lớn hơn, mà là lượng khí so với chúng lớn hơn. Đều bao quát chúng ở trong, cho nên tôi thường nói với quý vị : Không màng là tin Thiên Chúa Giáo, tin Gia Tô Giáo, tin Do Thái Giáo, tin tôn giáo nào bất cứ, tôi đều xem bạn là Phật Giáo, có người nói : Tôi không tin. Tôi không màng bạn tin, hay không tin, tôi đều cho rằng bạn tin. Bạn không tin Phật, tôi đều coi bạn là Phật Giáo đồ, tôi không để bạn đi bên ngoài Phật Giáo. Giống như Vạn Phật Thành vậy, bạn không đến thì đợi bạn, đợi bạn đến trong Vạn Phật Thành cùng

nhau tu hành. Tôi không để bạn đi bên ngoài, đều làm cho bạn vào bên trong. Cho nên ‘’Thu nhiếp ngoại đạo bổn lai nguyên.’’ Bổn nguyên này tức là minh bạch bổn lai như thế nào. Bổn lai tất cả chúng sinh đều có Phật tính, đều có thể thành Phật, nhưng vì hỗn hợp với trần ai, làm cho trí huệ bị ô nhiễm, không nhận thức được bộ mặt thật.

125. A sắt tra nẩm

Kệ :
Kim Cang bảo thủ pháp lực thâm
Bảo chưởng bảo quyền trấn ma quân
Công đức nguy nguy thần thông đại
Thân tâm thật tiễn xứ xứ chân.

Tạm dịch :
Kim Cang tay báu pháp lực lớn
Chưởng báu quyền báu trấn ma quân
Công đức lồng lộng đại thần thông
Thân tâm thực tiễn nơi nơi chân.

Giảng giải : Câu Chú này diệu không thể tả. Câu Chú này tức là “Kim Cang thủ”, lại là “Kim Cang chưởng”, lại là “Kim Cang quyền”. Kim Cang quyền này, có thể cách núi đánh yêu, yêu ma quỷ quái cách một hòn núi, đều làm cho chúng hàng phục. Bạn dùng pháp Kim Cang quyền này, thì chúng sẽ mau chóng hướng về bạn cúi đầu đảnh lễ, phục tùng bạn. Tức là không cần bạn phải dùng sức lực làm đè ngã chúng, mà là dùng đức hạnh đạo lực để cảm hóa, khiến cho chúng phục tùng bạn. Cho nên nói: ‘’Kim Cang tay báu pháp lực lớn.’’ Thứ pháp lực này không thể nghĩ bàn, chẳng phải một số người có thể hiểu được.
‘’Chưởng báu quyền báu trấn ma quân.’’ Kim Cang chưởng báu, Kim Cang quyền báu, không dùng để đánh, khi ma quỷ thấy thì sẽ lão thực quy thuận, không dám tác quái.
‘’Công đức lồng lộng đại thần thông.’’ Công đức này rất lớn. Lồng lộng là rất lớn vô cùng. Không những công đức lớn mà thần thông cũng lớn, cho nên: ‘’Thân tâm thực tiễn nơi nơi chân.’’ Tại sao có công đức lớn như thế ? Vì khi tu hành thì cung hành thực tiễn, lúc nào tu hành cũng đều tu hạnh chân chánh, tu pháp chân chánh. Không nói dối, không làm việc giả. Bất cứ lúc nào cũng không đội mặt giả, đều là bản lai diện mục (bộ mặt thật), chân mà lại chân, thật mà lại thật. Tu pháp môn chân thật, thì một chút giả dối cũng không xen tạp

vào. Đây là sức lực không thể nghĩ bàn của Kim Cang chưởng, Kim Cang quyền và Kim Cang thủ. Hôm nay bạn nghe được diệu pháp này đều là do trong vô lượng kiếp quá khứ đã trồng căn lành mới nghe thấy được. Nếu không muốn nghe, cũng nghe không được, đều có nhân duyên chướng ngại bạn. Hôm nay nghe được, là có căn lành lớn trong quá khứ, mới nghe được hai câu Chú này, hai câu diệu pháp này.

126. Ma ha yết ra ha nhã xà

Kệ :
Hộ ngũ phương thần chúng tướng binh
Đại thừa chủng tánh hiển oai linh
Kim cang quang minh diệu thiên địa
Thủ bả nhật nguyệt hoán tinh anh.

Tạm dịch :
Chúng thần tướng binh hộ năm phương
Giống tánh đại thừa hiển oai linh
Kim Cang quang minh soi trời đất
Dùng tay dời đổi trời trăng sao.

Giảng giải : Ma Ha tức là nói "Đại thừa chủng tánh". ''Chúng thần tướng binh hộ năm phương.'' Rất nhiều vị thần tướng binh trong những vị thần này, đều hộ trì người trì Chú.
''Đại thừa giống tánh hiển oai linh.'' Những vị đó đều đủ giống tánh đại thừa, đến ủng hộ pháp đại thừa, hiển đủ loại thần thông.
''Kim Cang quang minh soi trời đất.'' Quang minh của Kim Cang Thủ Bồ Tát chiếu soi trời đất.
''Dùng tay dời đổi trời trăng sao.'' Các vị ấy có thể lấy mặt trời xuống thay mặt trăng vào, hoặc thay thế sao vào, có thần thông diệu dụng như thế.

127. Tỳ đa băng tát na yết rị

Kệ :
Đả phá chư hại bảo bình an
Kim Cang thần tướng các tranh tiên
Chủng chủng ha trách hàng yêu quái
Trừ tà phù chánh mãn đại thiên.

Tạm dịch :
Đánh phá các hại bảo bình an
Kim Cang thần tướng tranh làm đầu
Đủ thứ trách mắng hàng yêu quái
Trừ tà phù chánh đầy các cõi.

Giảng giải: ‘’Đánh phá các hại bảo bình an.’’ Câu này nghĩa là “Đánh phá các hại”. Tức là đánh phá hết tất cả những gì yêu ma quỷ quái muốn làm hại người, khiến cho tất cả những người tu hành đều được bình an.
‘’Kim Cang thần tướng tranh làm đầu.’’ Kim Cang thần, Kim Cang tướng, đều đến bảo hộ người tu đạo. Các vị ấy đều sợ thua ở phía sau, sợ rơi vào sau người, không giống như chúng ta việc gì cũng đẩy lùi từ chối. Kim Cang thần tướng không bảo bạn đi bảo hộ, còn mình thì không tận trách nhiệm, cứ nhường người khác đi làm, mà là tôi dùng sức của tôi, bạn dùng sức lực của bạn, bạn cũng bảo hộ, tôi cũng bảo hộ.
‘’Đủ thứ trách mắng hàng yêu quái.’’ Kim Cang thần tướng dùng đủ thứ sự trách mắng, đủ thứ lời lẽ, dùng các loại pháp để hàng phục yêu quái.
‘’Trừ tà phù chánh đầy các cõi.’’ Tông chỉ các vị ấy là trừ khử tà, phù trì chánh pháp. Các vị ấy hộ trì chánh pháp như thế, đầy khắp đại thiên thế giới, đi các nơi bảo hộ người tu hành. Cho nên tu trì pháp Chú Lăng Nghiêm, tùy thời tùy lúc đều có tám vạn bốn ngàn Kim Cang Tạng Bồ Tát đến bảo hộ bạn, khiến bạn đều cát tường như ý.

Học pháp Chú Lăng Nghiêm, làm việc gì cũng phải chánh, tu thân cũng phải chánh. Không khởi những vọng tưởng không thanh tịnh, không làm việc không thanh tịnh. Phải từ từ tu hạnh môn thanh tịnh. Ngược lại, nếu bạn không tồn chánh niệm, không hành chánh hạnh, thì sẽ khiến cho Kim Cang Tạng Bồ Tát không bội phục bạn, không bảo hộ bạn, thì bạn sẽ phát sinh đủ thứ tai nạn, thọ đủ thứ quả báo. Cho nên tơ hào cũng không thể xem thường, đừng làm những việc không quang minh lỗi lạc.

Pháp Lăng Nghiêm là pháp môn trăm ngàn vạn kiếp khó gặp được. Chúng ta học được một câu, hiểu được oai lực của một câu, thì nên chiếu theo mà thực hành. Nếu mỗi câu đều minh bạch hết, thì nên y theo mỗi câu mà tu hành. Thọ trì đọc tụng Chú Lăng Nghiêm, vì người khác nói công đức đều vô lượng. Nếu một mặt tu pháp môn Chú Lăng Nghiêm, một mặt không giữ quy cụ thì sẽ có những vấn đề to lớn phát sinh. Điểm này mọi người nên minh bạch. Đừng có một bên thì tu pháp Chú Lăng Nghiêm, một bên thì tạo tội nghiệp. Nếu như vậy thì cuối cùng sẽ thọ quả báo, tội nghiệp không dễ gì tránh khỏi. Học pháp Chú Lăng Nghiêm có chư Phật trong năm phương quản hạt ma

quân trong năm phương. Nên phải tắm rửa trai giới, trong tâm cũng phải thanh tịnh, không khởi vọng tưởng ô nhiễm. Thân cũng thanh tịnh, không làm việc nhiễm ô, luôn luôn phải giữ cho thanh tịnh, không thể có tơ hào hành vi không giữ quy cụ, nếu bạn có những hành vi không giữ quy cụ, thì tu pháp này sẽ không có sức lực cảm ứng, chứ chẳng phải Chú không linh, mà là vì bạn không giữ quy cụ, cho nên hộ pháp thiện thần bỏ bạn mà đi, có việc gì các vị ấy cũng không màng đến. Do đó phàm là người đọc tụng Chú Lăng Nghiêm, đừng có tâm quỷ quyệt, đừng có hành vi cứ tạo tội nghiệp. Bất cứ lúc nào cũng phải chánh đại quang minh, chỉ biết lợi người, đừng biết lợi mình. Tồn tâm Bồ Tát hành Bồ Tát hạnh. Tu pháp Lăng Nghiêm rất là linh cảm, nhưng cũng không dễ dàng. Các vị phải chú ý. Bạn nhất định phải giữ năm giới, hành thập thiện. Đó là quy tắc tối thiểu phải giữ gìn.
Pháp môn Kim Cang quyền của câu Chú : **A Sắt Tra Nẩm đã nói ở trên, nếu bạn thường thọ trì pháp này, thì có thể dùng sức bản thân của bạn để hàng phục thiên ma, chế các ngoại đạo**. Sức bổn thân tức là oai lực của Chú. Oai lực của Chú biến thành sức lực của bản thân bạn. Cho nên đừng bỏ qua, phải giữ quy cụ để hành pháp môn này.
Tu hành tâm phải chuyển cảnh, cảnh không chuyển tâm, phải như như bất động, liễu liễu thường minh. Tu hành gặp những cảnh giới nhỏ, thì đừng để cảnh chuyển, mà phải hóa nó thành không.

‘’Thấy có như không tâm tự an.’’

‘’Lưỡi động sinh thị phi, Mở miệng thần khí tán.’’

Khi nói thì lạc vào cảnh giới, lời tiếu cũng đừng nói.

128. Tát bà xá đô lô

Kệ :
Nhất thiết thiện pháp diệt chư ác
Diệu hỉ như ý cứu trầm kha
Khu trừ bất tường đắc an lạc
Đại tai linh văn chân già đà.

Tạm dịch :
Tất cả pháp lành diệt các ác
Vui vẻ như ý cứu trầm kha
Xua đuổi xấu uế được an lạc
Lành thay linh văn thật thuốc hay.

Giảng giải: ‘’Tất cả pháp lành diệt các ác.’’ Tát Bà dịch là “Diệt tất cả các ác”, cho nên sinh tất cả thiện. Pháp lành mới diệt được các ác. Bạn niệm câu Chú này thì tất cả đều sẽ cát tường. Cho nên nói :
‘’Vui vẻ như ý cứu trầm kha.’’ Bịnh gì cũng đều có thể trị lành.
‘’Xua đuổi xấu uế được an lạc.’’ Những việc gì không tốt đều đuổi đi hết.
‘’Lành thay linh văn thật thuốc hay. ’’ Oai lực của Chú lớn vô cùng, bất cứ bệnh gì cũng đều chữa khỏi, thật là ‘’Diệu dược hồi xuân.’’

129. Nễ bà ra nhã xà

Kệ :
Kim cang thủ chủ trị oán ma
Não hại chúng sinh tức bộ tróc
Hoả độc lưu chú truyền nhiễm bệnh
Thọ trì đọc tụng tử giả hoạt.

Tạm dịch :
Kim Cang thủ lãnh trị oán ma
Não hại chúng sinh đều bắt hết
Lửa độc bệnh truyền nhiễm lan tràn
Thọ trì đọc tụng chết sống lại.

Giảng giải : Nễ Bà Ra dịch là “Kim Cang thủ chủ”, tức là Kim Cang thủ lãnh. Vị ấy thượng thủ trong Kim Cang. Bất cứ ma quỷ hại người có oán, có oan, Ngài đều có thể trị khỏi.
‘’Não hại chúng sinh đều bắt hết.’’ Bất cứ ma quỷ làm hại chúng sinh thì đều bị Kim Cang thủ lãnh bắt đi.
‘’Lửa độc bệnh truyền nhiễm lan tràn.’’ Tất cả lửa độc, hoặc tất cả bệnh truyền nhiễm lan tràn, tất cả bệnh nan y,
‘’Thọ trì đọc tụng chết sống lại.’’ Nếu thường thọ trì pháp Chú Lăng Nghiêm, thì đáng chết cũng sẽ sống lại. Cho nên nói :

‘’Phẫn nộ sinh hoan hỷ,
Kẻ chết biến thành sống,
Nếu nói đây là hư,
Chư Phật không nói dối.’’

Đối với Chú phải có tín tâm, không sinh tâm hoài nghi, thì sẽ đắc được cảm ứng. Mục đích tu đạo là thành Phật, cho nên vì vô thượng đạo, “ngàn ma không đổi vạn ma không lùi”. Do đó mà Bồ Tát có thể thành Phật, song, còn ở

lại giúp chúng ta dụng công tu hành, không thủ chánh giác. Nguyện lực này với tâm tư chúng ta khác biệt một trời một vực. Chúng sinh chỉ biết nghĩ chính mình, lợi ích chính mình, mà không biết nghĩ đến người khác, không biết lợi ích kẻ khác. Tư tưởng của Bồ Tát và chúng ta đều trái ngược. Ai ai cũng không muốn thiệt thòi, không muốn lợi ích kẻ khác. Bồ Tát thì muốn thiệt thòi, muốn lợi ích kẻ khác. Ai nguyện sớm thành Phật, thì Bồ Tát đều nhường cơ hội cho họ thành Phật. Nguyện lực, tư tưởng, hành vi như thế khác với chúng ta nhiều lắm. Chúng ta nên sinh tâm hổ thẹn. Chúng ta nhất cử nhất động, đều vì lợi ích chính mình, cho nên làm những gì cũng đều ích kỷ lợi mình. Bồ Tát vì chúng sinh mà không thủ chánh giác, thật không hổ là bậc Đại Sĩ. Đây thật là quan trọng vô cùng, chúng ta hãy học theo mô phạm của Bồ Tát.

130. Hô lam đột tất phạp

Kệ :
Chúng ái trừ diệt chúng tử khổ
Thiên thần khí trượng uyên tĩnh tùng
Hộ vệ thiện giả tăng phước huệ
Hàng phục bệnh ma hoạch an ninh.

Tạm dịch :
Các ái trừ diệt chúng tử khổ
Thiên thần khí trượng yên lặng theo
Hộ vệ người lành tăng phước huệ
Hàng phục bệnh ma được an ninh.

Giảng giải : Hô Lam dịch là “Kính ái”, lại dịch là “Tác pháp”. Đột Tất Phạp dịch là “Thiên thần khí trượng”, cũng là bảo trượng. Tức là phía trước Thiên thần rất trang nghiêm, nghi trượng rất yên tĩnh. Cho nên nói : ‘‘Các ái trừ diệt chúng tử khổ.’’ Hô Lam Đột Tát Phạp hay trừ chúng tử khổ. Thiên thần ái hộ tất cả chúng sinh cho đến tử khổ cũng trừ cho sạch, đủ thấy oai lực lớn cỡ nào.
‘‘Thiên thần khí trượng yên lặng theo.’’ Phía trước thiên thần oai nghiêm cầm cờ sí, tràng phan, bảo trượng, kêu người đừng nói rầm rì. Thiên binh thiên tướng đều cung kính không thể rầm rì, không thể không giữ quy cụ.
‘‘Hộ vệ người lành tăng phước huệ.’’ Bảo hộ người hiền lành khiến cho họ tăng phước huệ.
‘‘Hàng phục bệnh ma được an ninh.’’ Khiến cho tất cả bệnh đều khỏi, để họ đắc được bình an khoái lạc.

131. Nan giá na xá ni

Kệ :
Thuỷ thần danh tự diệu vô cùng
Nhâm quý tật dịch tấu kỳ công
Năng trừ sinh lão bệnh tử nạn
Nhất thiết tai ương hoá vi trần.

Tạm dịch :
Tên của Thủy Thần diệu vô cùng
Nhâm quý tật dịch tấu kỳ công
Hay trừ nạn sinh già bệnh chết
Tất cả tai ương hóa thành bụi.

Giảng giải : Đây là tên của Thủy Thần. ‘’Danh tự Thủy Thần diệu vô cùng.’’ Bạn niệm tên của Thủy Thần thì sự việc rất áo diệu sẽ hiện ra. Việc gì ?
‘’Nhâm quý tật dịch tấu kỳ công’’. Nước độc, bệnh về nước đều được giải trừ.
‘’Hay trừ nạn sinh già bệnh chết.’’ Nạn sinh già bệnh chết đều có thể giải trừ.
‘’Tất cả tai ương hóa thành bụi.’’ Bất cứ tai nạn gì, cũng đều hóa giải được, giống như tán thành bụi.

Hiện tại giảng oai lực của Chú, chỉ giảng sơ sơ chút ít, nếu giảng tỉ mỉ thì ý nghĩa mỗi câu Chú, vô cùng vô tận, không dễ gì giải thích hết được. Tôi chỉ giải thích chút ít mà thôi, khiến cho mọi người biết ý nghĩa đại khái. Nếu cung hành thực tiễn, thọ trì đọc tụng, thì chỗ diệu dụng nói không hết được. Thọ trì Chú Lăng Nghiêm giúp cho thế giới bớt đi tai nạn trong vô hình. Như nạn nước, nạn lửa, nạn gió, nạn động đất .v.v… đủ thứ tai nạn. Tụng trì Chú Lăng Nghiêm đừng chỉ vì mình, phải vì toàn thế giới, khiến cho tai nạn tiêu trừ, lớn hóa nhỏ, nhỏ hóa không.

Nước Mỹ, vào năm 1968, các nhà tiên tri, nhà địa chất, nhà khoa học, nhà thiên văn học, đều nói Cựu Kim Sơn (San Francisco) sẽ động đất. Lúc đó, tuy nói thật sẽ động đất, cũng chưa nghiêm trọng như hiện nay. Hiện nay thật là phải động đất, nhưng không phải không thể vãn hồi được, mọi người nếu thành tâm thành ý tụng Chú Đại Bi, Chú Lăng Nghiêm, thì tai nạn sẽ giảm nhẹ, lớn hóa nhỏ, nhỏ hóa không. Chúng ta cầu nguyện thế cho nhân loại thế giới, giảm bớt nghiệp báo của chúng sinh. Từ bây giờ bắt đầu, mỗi ngày niệm Chú Đại Bi, hoặc niệm Chú Lăng Nghiêm. Chuyên nhất thì linh, đem tâm thành chân chánh vì nhân loại thế giới mà cầu nguyện, thì có thể tai kiếp sẽ hóa không trong vô hình, đó là trợ giúp thế giới, lợi ích chúng sinh, đó là hành Bồ Tát đạo.

Chúng ta nhất cử nhất động đều phải vì lợi ích kẻ khác, hãy quên mình, đừng sợ mình thiệt thòi, phải tồn tâm Bồ Tát để giáo hóa chúng sinh.

132. Bí sa xá

Kệ :
Hư không diệu dược trị ôn ma
Phong hàn thử thấp táo hoả a
Thời khí lưu hành chuyên nhiễm bệnh
Trì Chú tiêu trừ Ta Bà Ha.

Tạm dịch :
Hư không thuốc hay trị ôn ma
Bệnh phong hàn nắng ướt khô lửa
Thời khí lưu hành truyền nhiễm bệnh
Trì Chú tiêu trừ Ta Bà Ha.

Giảng giải : Bí Sa Xá dịch là "Hư không" hoặc dịch là "Diệu dược" (thuốc hay), trị được bệnh ôn dịch. Thứ bệnh ôn dịch truyền nhiễm rất mau. Câu Chú này là "Trị bệnh ôn dịch". Cho nên nói: ''Hư không thuốc hay trị ôn ma.'' Bệnh ôn dịch lưu hành thì đều có một thứ ma quỷ.
''Bệnh phong hàn nắng ướt khô lửa.'' Bệnh có nội nhân bệnh và ngoại nhân bệnh. Ngoại nhân bệnh là : Phong, hàn, nắng, ướt, khô, lửa, là sáu nguyên nhân gây ra bệnh. Phong, hàn, nhiệt, ướt, quá khô, đều sinh bệnh. Ướt thuộc về bệnh nước. Lửa quá thạnh cũng sinh bệnh. Đó là những nguyên nhân bên ngoài đưa đến bệnh hoạn.
''Thời khí lưu hành truyền nhiễm bệnh.'' Phàm là có bệnh đều có ma quỷ. Bệnh ôn dịch chẳng phải có thường, bệnh ôn dịch mà lưu hành thì có rất nhiều ma quỷ.
''Trì Chú tiêu trừ Ta Bà Ha.'' Nếu bạn trì tụng câu Chú này, thì sẽ tiêu trừ tai nạn này, mà đắc được cát tường. Trì chú phải thành tâm đừng khởi vọng tưởng, mới có cảm ứng.

133. Tất đát ra

Kệ :Kiên trì Địa Thần hộ Ta Bà
Sơn băng thổ liệt tai nạn đa

Tăng tổn bệnh hoạn giai hoạch dũ
Tâm Chú gia bị trừ bách a.

Tạm dịch :
Kiên trì Địa Thần hộ Ta Bà
Núi lở đất nứt nhiều tai nạn
Bệnh hoạn tăng tổn đều lành hẳn
Tâm Chú gia bị trừ bách bệnh.

Giảng giải : Tất Đát Ra là tên của "Địa Thần". Trong Kinh Địa Tạng xưng vị đó là Kiên Lao Địa Thần. Ở đây dịch là "Kiên trì". Kiên lao và kiên trì chẳng khác mấy. ''Kiên trì Địa Thần hộ Ta Bà.'' Vị Thần đó chuyên bảo hộ chúng sinh ở thế giới Ta Bà.
''Núi lở đất nứt nhiều tai nạn.'' Vì nghiệp cảm của chúng sinh, cho nên cảm ra núi lở, đất nứt, đủ thứ tai nạn.
''Bệnh hoạn tăng tổn đều lành hẳn.'' Trên đất bằng, hoặc ở đây tăng thêm một chút, thì biến thành núi cao, bên kia lại giảm bớt một chút, thì thành biển; hoặc biển lại biến thành núi. Những bệnh hoạn tăng tổn như thế đều khỏi hẳn.
''Tâm Chú gia bị trừ bách bệnh.'' Niệm Chú gia trì đại địa, thì đại địa có bách bệnh cũng đều không. Con người có bệnh của con người, đất có bệnh của đất, trời có bệnh của trời. Bất quá chúng ta ở dưới đất, chẳng biết bệnh của trời. Thường tụng Chú Lăng Nghiêm, cũng sẽ giúp đỡ trời đất, trị những hung khí và bệnh tật của trời đất. Bạn chỉ tụng trì trong vô hình thì đối với trời đất, đối với tất cả đều có trợ giúp và cảm ứng.

Bất cứ tu pháp môn gì, trước hết phải chú trọng đức hạnh. Nếu đức hạnh không đủ thì sẽ phát sinh ma chướng. Phải lập công lập đức. Lập công thì hộ trì đạo tràng, chịu khổ chịu cực. Lập đức thì đừng đố kỵ chướng ngại người khác, khiến cho người khác sinh phiền não. Bất cứ tu pháp môn gì, nếu nóng giận không sửa đổi, phiền não không dứt thì chẳng được ích lợi gì. Xuất gia rồi, trước phải lập công lập đức. Có công đức rồi sau đó tu pháp môn gì cũng đều dễ dàng. Cho nên :

''Thẳng thì căng, chậm thì chùng,
Không thẳng không chùng mới thành công.''

Tu hành tâm dũng mãnh dễ phát, nhưng khó giữ được bền lâu, phải phát tâm lâu bền, tâm không lùi. Chú Lăng Nghiêm không thể chỉ niệm một câu, một đoạn, một đoạn. Tuy nhiên mỗi một câu, đều có ý nghĩa của mỗi câu, nhưng trước sau đều liên kết quan hệ với nhau. Trong Chú Lăng Nghiêm có từng đoạn, từng đoạn, phải biết từng đoạn này bắt đầu và kết thúc. Tham thiền an nguy đều có đủ thứ nhân duyên, không phải chỉ có một thứ, có người muốn tu

hành, nhưng tâm ích kỷ quá nặng, thấy cái ta quá sâu, đều quên không đặng cái ta, đều có tâm tự tư tự lợi, do đó rất dễ dàng vướng ma. Chân chánh hành Bồ Tát đạo, tu hành không có tâm vội tiến, không nghĩ dùng pháp gì để sớm khai ngộ, sớm thành Phật, cứ thích mau, hoặc có sự háo kỳ, đều muốn phiêu dị hiện kỳ, hoặc hy vọng được thần thông, hoặc có cảnh giới gì chẳng giống người, do đó dễ dàng bị vướng ma. Nếu bạn chỉ một lòng tham thiền, không khởi vọng tưởng gì khác, như vậy thì muốn vướng ma, cũng chẳng có ma nào có thể vào được, vì bạn chẳng khởi vọng tưởng nhiều như thế, không có tâm tà tri tà kiến. Cho nên vướng ma đều do tà tri tà kiến. Nếu chỉ có tâm đại công vô tư, không muốn mau, không muốn siêu hơn người khác, chỉ chuyên nhất dụng công, thì ma gì cũng chẳng có, chứ chẳng phải tham thiền có nguy hiểm gì.

134. A kiết ni

Kệ :
Hoả thần phát nguyện diệt hoả độc
Nhất thiết nhiệt bệnh tận quyên trừ
Phiền não sân hận vô tông ảnh
Thanh lương cam liệt khánh hữu dư.

Tạm dịch :
Thần Lửa phát nguyện diệt lửa độc
Tất cả bệnh nhiệt trừ khử sạch
Phiền não sân hận không dấu vết
Cam lồ mát mẻ cứu sống lại.

Giảng giải : A Kiết Ni là tên của “Thần Lửa”, đại khái tu lửa mà thành Thần. Vị đó phát nguyện diệt trừ tất cả lửa độc. Nếu người bị lửa thiêu, cũng là một thứ lửa độc, trên thân nếu sinh bệnh nhiệt cũng có lửa độc.
‘’Tất cả bệnh nhiệt trừ khử sạch.’’ Bệnh nhiệt đều chẳng có.
‘’Phiền não sân hận không dấu vết.’’ Phiền não sân hận đều là lửa, bây giờ đều chẳng còn dấu vết, tông tích.
‘’Cam lồ mát mẻ cứu sống lại.’’ Mát mẻ như cam lồ, nhiệt não hóa thành mát mẻ. Nghĩa là bổn lai đáng chết lại sống lại.

135. Ô đà ca la nhã xà

Kệ :

Giải trừ thuỷ độc phong thấp chứng
Ung hoán hư nuy thận tràng anh
Bàn thũng bì phu giới lại tiển
Nhất thiết thống khổ hoá cát trưng.

Tạm dịch :
Giải trừ nước độc chứng phong thấp
Tê liệt bại xụi thận ruột bứu
Phù thủng ghẻ lở và cùi hủi
Tất cả thống khổ hóa cát tường.

Giảng giải: ‘’Giải trừ nước độc chứng phong thấp.’’ Nước độc, phong thấp, gió độc, đều có thể giải trừ được.
‘’Tê liệt bại xụi thận ruột bứu.’’ Tê liệt tức là bán thân bất toại, trúng gió không nói được .v.v… Bại xụi là người rất suy nhược, yếu đuối. Thận ruột bứu là tạng thận sinh bứu, hoặc là ruột sinh bứu.
‘’Phù thủng ghẻ lở và cùi hủi.’’ Bị phù thủng, bị bệnh ghẻ và bệnh cùi hủi.
‘’Hết thảy thống khổ hóa cát tường.’’ Tất cả thống khổ đều chẳng còn nữa, đều hóa thành cát tường. Cho nên thành tâm niệm Chú Lăng Nghiêm, thì bệnh gì cũng đều khỏi, so với Chú Đại Bi trị bệnh diệu hơn nhiều.

136. A bát ra thị đa câu ra

Kệ :
Từ Thị dũng kiện Vô Năng Thắng
Lượng đẳng hư không tổng bao dung
Trang nghiêm Thánh chúng tề ủng hộ
Trữ vọng bồ đề nhật nhật tăng.

Tạm dịch :
Từ Thị dũng kiện Vô Năng Thắng
Lượng như hư không tận bao dung
Thánh chúng trang nghiêm đều ủng hộ
Hy vọng bồ đề ngày ngày tăng.

Giảng giải : A Bát Ra Thị Đa Câu Ra dịch là “Vô Năng Thắng”, lại dịch là “Dũng kiện” là danh hiệu của Bồ Tát Di Lặc. Câu La dịch là “Trầm hương”, là Di Lặc Bồ Tát, cũng là Đại Thế Chí Bồ Tát, cũng là Hương Nghiêm Đồng Tử và các vị hộ pháp của các vị ấy. Cho nên nói : ‘’Từ Thị dũng kiện Vô Năng Thắng.’’ Từ Thị tức là Di Lặc Bồ Tát. Sự dũng kiện chẳng có ai thắng hơn Ngài.

‘’Lượng như hư không tận bao dung.’’ Bụng của Ngài lượng đồng như hư không. Do đó có câu :

‘’Bụng lớn hay chứa,
Chứa việc thiên hạ khó chứa.
Mở miệng liền cười,
Cười những người thiên hạ đáng cười.’’

Chẳng có gì mà Ngài không thể không bao dung. Tất cả cây cỏ cũng ở trong hư không, hư không cũng bao dung, tất cả cỏ độc cũng ở trong hư không, hư không cũng bao dung.
‘’Thánh chúng trang nghiêm đều ủng hộ.’’ Tất cả Thánh chúng trang nghiêm đều ủng hộ Di Lặc Bồ Tát.
‘’Hy vọng bồ đề ngày ngày tăng.’’ Ngài ở tại đó đợi chúng ta phát bồ đề tâm, ngày càng lớn lên.

137. Ma ha bát ra chiến trì

Kệ :
Đại đạo tâm giả độ Ta Bà
Nguyệt Quang Bồ Tát tế ái hà
Siêu xuất luân hồi thoát khổ hải
Tứ hoằng thệ nguyện cứu quần ma.

Tạm dịch :
Bậc đại đạo tâm độ Ta Bà
Bồ Tát Nguyệt Quang cứu sông ái
Vượt khỏi luân hồi thoát biển khổ
Bốn thệ nguyện lớn cứu quần ma.

Giảng giải: Câu này dịch là “Bồ Tát Nguyệt Quang”. Ma Ha dịch là “Đại đạo tâm”. Cho nên nói: ‘’Bậc đại đạo tâm độ Ta Bà.’’ Ta Bà là tiếng Phạn, dịch là « Kham nhẫn », là kham nhẫn sự khổ của thế giới này, còn chưa biết chán, chưa sớm cầu ra khỏi, còn cảm thấy vui sướng. Người có đại đạo tâm bèn đến giáo hóa, nói ra thế giới này, như thế này, như thế kia, có gì đáng lưu luyến, phải sớm giác ngộ.
‘’Bồ Tát Nguyệt Quang cứu sông ái.’’ Bồ Tát Nguyệt Quang cứu chúng sinh từ trong sông ái ra.
‘’Vượt khỏi luân hồi thoát biển khổ.’’ Khiến cho chúng sinh sớm thoát khỏi biển

khổ.
‘’Tứ hoằng thệ nguyện cứu quần ma.’’ Bồ Tát trước tác bốn thệ nguyện lớn :

‘’Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ,
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn,
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học,
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.’’

Ngài đều phải độ tất cả thiên ma ngoại đạo, đều phải khiến cho chúng cải tà quy chánh, bỏ mê về giác. Đây là nguyện lực của Bồ Tát, nguyện cứu tất cả. Vì Ngài không bỏ tất cả chúng sinh, ma cũng là một loài trong chúng sinh, do đó Bồ Tát đều không phải vì chúng là ma mà không cứu, vẫn nghĩ hết cách để cứu độ chúng.

Hỏi : Rau cải cũng có mạng sống, tại sao chúng ta ăn ?
Đáp : Rau cải tuy có mạng sống, nhưng chẳng có trí huệ, chẳng thể chạy. Do đó bạn ăn được. Vì rau cải tuy có mạng sống, nhưng đều chẳng biết sợ. Tất cả đều là pháp đối đãi, chẳng phải tuyệt đối. Tuyệt đối là một, một này là chân lý, thậm chí một cũng chẳng có. Đây là nói bạn đã minh bạch tuyệt đối, không thể lại chấp trước chân lý. Nếu bạn còn chấp trước tuyệt đối, chấp trước chân lý, đó vẫn là một thứ chấp trước, bạn phải tu luyện đến tuyệt đối cũng không. Do đó có câu ‘’Vạn pháp quy một, một quy hợp.’’ Tức là cho đến một cũng chẳng có, vậy là gì ? Tức đó là số 0. Số 0 sinh trời đất, sinh vạn vật, sinh Tiên, sinh Phật, sinh Thánh nhân. Tất cả đều từ số 0 sinh ra. Số 0 là vô cùng vô tận. Số một này thêm mười thì thành mười, lại thêm mười thành trăm, cứ thêm đến vạn vạn vạn .v.v… vô cùng vô tận, dù dùng máy vi tính cũng tính không ra. Nếu bạn làm cho số một không còn, thì gì cũng chẳng có, vì chỉ số 0 thì không thành số mục. Có người nói bổn lai chẳng có Phật. Nói như vậy không đúng. Phật là có Phật, nhưng thành Phật thì không còn chấp trước Phật. Chẳng phải nói bổn lai không có, làm ra một pho tượng để chúng ta sùng bái.
Lý luận tu hành phải rõ ràng. Hằng ngày lạy Phật, lạy Bồ Tát, phải gần gũi Phật và Bồ Tát. Đừng cầu mong may mắn, có sở cầu, có sở tham, nếu không thì sẽ tẩu hỏa nhập ma. Như thấy hồ ly có thần thông bèn kết giao quan hệ với chúng, đó thì không nên. Phải hòa bình với nhau, không làm phiền phức cho ai. Còn bắt buộc kêu người làm gì, cũng không đúng pháp. Cho dù Phật, Bồ Tát đến, cũng đừng có tâm tham, có sở cầu đối với các bậc ấy. Tu hành gặp cảnh giới gì tốt, xấu, cũng đừng có lay chuyển. Cảnh giới lành cũng chẳng màng, cảnh giới ác cũng chẳng màng. Phải :

‘’Mắt quán hình sắc trong chẳng có
Tai nghe chuyện đời tâm chẳng hay.’’

138. Ma ha điệp đa

Kệ :
Hoả Thủ Kim Cang đại tướng quân
Thanh tâm quả dục ly hồng trần
Nhiếp trì chánh niệm hành chân pháp
Vi chúng nghi hình thiện ác phân.

Tạm dịch :
Hỏa Thủ Kim Cang đại tướng quân
Thanh tâm quả dục thoát hồng trần
Nhiếp trì chánh niệm hành chân pháp
Vì chúng làm gương phân thiện ác.

Giảng giải : Ma Ha Điệp Đa là "Hỏa Thiên chúng". Thượng thủ là Hỏa Thủ Kim Cang tướng quân. Ngài xuất lãnh mang tất cả Hỏa Thiên chúng đến thế giới giúp đỡ người. Vị Hỏa Thủ Kim Cang này, lúc trước tâm dâm dục rất nặng. Lửa dục thiêu đốt Ngài chịu không thấu, nhưng Ngài vẫn nhẫn chịu. Khó nhẫn mà nhẫn được. Ngài nỗ lực tu hành, sau đó tu thành Hỏa Thủ Kim Cang. Trên đầu của Ngài sức nóng so với mặt trời còn nóng hơn. Cho nên gọi là Hỏa Thủ Kim Cang, là tướng quân trong tướng quân.
''Thanh tâm quả dục thoát hồng trần.'' Không thể nhẫn Ngài cũng nhẫn được, không thể làm Ngài cũng làm được. Lửa dục vốn phải dứt trừ, nhưng Ngài không thể một phen mà dứt sạch, do đó từ ''thiểu dục'' mà bắt đầu. Có câu rằng:

''Biết đủ không nhục,
Biết dừng không nguy.''

Nguy tức là nguy hiểm. Ngài biết lúc nào sẽ dừng, do đó không đến nỗi nguy hiểm. Ngài muốn vượt khỏi hồng trần, hồng trần này xem ra hoa hòe lòe loẹt, thật ra rất là nguy hiểm.
''Nhiếp trì chánh niệm hành chân pháp.'' Ngài tuy dục niệm nhiều, nhưng thường nhiếp trì chánh niệm, không khởi vọng tưởng, không theo niệm dâm dục, trong tâm chẳng có tà niệm. Hành chân pháp tức là khử dục đoạn ái.
''Vì chúng làm gương phân thiện ác.'' Ngài làm mô phạm cho đại chúng. Tâm dâm dục vốn nặng như thế mà đều tu thành. Vị ấy tu thành rồi, bèn đi tuần tra quán sát thiện ác của thế giới. Người có công đức lành, thì Ngài trợ giúp họ, người làm ác thì Ngài trừng phạt họ, làm việc thưởng thiện phạt ác.

139. Ma ha đế xà

Kệ :
Đại lượng bao dung Hư Không Tạng
Nhất thiết pháp giới tận bao dung
Thiên nhân Tu La ngạ quỷ chúng
Súc sinh địa ngục phóng tịnh quang.

Tạm dịch :
Hư Không Tạng đại lượng bao dung
Tất cả pháp giới bao hết thảy
Trời người Tu La và ngạ quỷ
Súc sinh địa ngục phóng tịnh quang.

Giảng giải : Đế Xà tức là "Hư không Thiên chúng", thượng thủ là Bồ Tát Hư Không Tạng. Vị Bồ Tát này lượng bằng hư không, Ngài đều bao dung tận hư không khắp pháp giới, cho nên nói : ''Hư Không Tạng đại lượng bao dung – Tất cả pháp giới bao hết thảy.'' Tất cả chín pháp giới, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, trời, người, A tu la, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục, đều bao dung hết. ''Trời, người, Tu La và ngạ quỷ.'' A tu la có phước trời mà không có quyền trời, ngạ quỷ chịu khổ trong địa ngục.
« Súc sinh địa ngục phóng tịnh quang.'' Vị Bồ Tát này khiến cho cõi súc sinh và cõi địa ngục đều phóng quang minh thanh tịnh, thường chiếu sáng chúng sinh để cho họ lìa khổ được vui, chấm dứt sinh tử.
Thời đại mạt pháp này, căn tánh con người hạn hẹp. Do đó, nếu bạn giảng chánh pháp, thì rất ít người tin, nếu giảng tà pháp, thì rất nhiều người tin. Đó là vì căn tánh của chúng sinh càng ngày càng đọa lạc, hướng theo hạ lưu. Giảng chánh pháp cho họ, không những họ không tin, mà còn sinh đủ thứ hủy báng, nghĩ cách phá hoại. Đem Chú Lăng Nghiêm ra nói, Chú Lăng Nghiêm này diệu không thể nói, không có cách chi mà nói tỉ mỉ hết được, bất quá chỉ lược giảng một phần trong vạn phần ý nghĩa của mỗi câu Chú. Bạn đừng chấp trước đây là ý nghĩa của câu Chú. Sự giải thích này, chỉ là giải thích một khía cạnh. Nếu muốn nói ra hết diệu nghĩa của Chú, thì hết thuở vị lai cũng nói không hết. Nói nhiều quá thì chúng sinh nhàm chán, do đó chỉ nói sơ lược. Các bạn nghiên cứu Chú Lăng Nghiêm còn phải tự mình đi sâu vào, xét đoán cho rõ, dùng trí huệ của mình để thấu hiểu.
Khắp thế giới này tìm không ra có một nơi nào nữa giảng Chú Lăng Nghiêm, vì sự thật chẳng có ai hiểu được. Bạn hỏi tôi làm thế nào tôi hiểu được ? Học ở đâu ? Bạn đừng hỏi điều này. Nếu bạn tin tôi thì học theo tôi. Học pháp phải

đứng vững trên mặt đất, hết lòng để nghiên cứu, đừng dụng công phu ngoài da. Như có người hỏi : ‘’Phật đáo để sinh vào năm nào‘’ ? Họ không hỏi Phật tu như thế nào mà thành ? Tức là làm một người học giả, dùng được gì chứ ? Điều này chẳng có ích gì cho sự tu đạo.

140. Ma ha thuế đa xà bà ra

Kệ :
Quán quang tự tại Bạch Y Tôn
Biến hoá vô phương diệu thần thông
Phổ độ nhật dạ bất hưu tức
Duy khủng hữu tình đoạ hoả khanh.

Tạm dịch :
Quán Âm Tự Tại đấng Bạch Y
Thần thông biến hóa diệu vô cùng
Phổ độ ngày đêm không ngừng nghỉ
Chỉ sợ chúng sinh đọa hầm lửa.

Giảng giải : Thuế Đa dịch là “Bạch”. Xà Bà Ra dịch là “Quán quang tự tại”, ý nghĩa câu này là nói “Bạch Y Quán Thế Âm Bồ Tát”, ‘’Quán Âm Tự Tại đấng Bạch Y.’’ Nhân gian thường thấy Bạch Y Quán Thế Âm Bồ Tát.
‘’Thần thông biến hóa diệu vô cùng.’’ Ngài có oai lực vi diệu không thể nghĩ bàn.
‘’Phổ độ ngày đêm không ngừng nghỉ.’’ Vị Bồ Tát này, ngày đêm đều không nghỉ. Ban ngày đi giáo hóa chúng sinh, ban đêm cũng đi giáo hóa chúng sinh. Chúng sinh có duyên thường mộng thấy Ngài mặc y trắng. Ngài không giống như chúng ta cần nghỉ ngơi. Tại sao ? Vì ‘’Chỉ sợ chúng sinh đọa hầm lửa.’’ Ngài rất sợ chúng sinh đọa vào hầm lửa, cho nên ngày đêm đều độ chúng sinh không ngừng nghỉ.

141. Ma ha bạt ra bàn đà ra

Kệ :
Đại lực thiên tướng chúng thần binh
Phổ Hiền Bồ Tát suất lãnh hành
Châu Lợi Bàn Đà tiền khai lộ
Trí ngu bình đẳng nhập hoá trung.

Tạm dịch :
Đại lực Thiên tướng binh chúng thần
Phổ Hiền Bồ Tát xuất lãnh quân
Châu Lợi Bàn Đà trước mở đường
Trí ngu bình đẳng đều giáo hóa.

Giảng giải : Ma Ha là "Lớn". Bạt Ra tức là "Phổ Hiền Bồ Tát". Bàn Đà Ra là "Châu Lợi Bàn Đà Già tôn giả".
''Đại lực Thiên tướng binh chúng thần.'' Đại lực Thiên tướng có sức lực dời núi lấp biển.
''Phổ Hiền Bồ Tát xuất lãnh quân.'' Phổ Hiền Bồ Tát làm thượng thủ, xuất lãnh những vị đại lực Thiên tướng này đi đầu.
''Châu Lợi Bàn Đà trước mở đường.'' Tức là Châu Bàn Đà đọc chữ "quét" thì quên chữ "chổi", đọc chữ "chổi" thì quên chữ "quét", so với tôi còn thông minh không biết dường nào. Ngài đi trước làm tiên phong mở đường.
''Trí ngu bình đẳng đều giáo hóa.'' Bất cứ bạn là người trí huệ, hoặc là người ngu si, Ngài đều giáo hóa đồng đều.

142. Bà tất nễ

Kệ :
Thắng quân hoà duyệt đáp chúng vấn
Long Quang Vương Phật tứ địa cự
Trí huệ biện tài thích nghi nan
Thiện xảo giáo hoá chư hàm linh.

Tạm dịch :
Thắng quân hòa hợp đáp chúng vấn
Long Quang Vương Phật tứ địa thần
Trí huệ biện tài giải nghi nan
Khéo léo giáo hóa các hàm linh.

Giảng giải : Bà Tất Nễ tức là "Ba Tư Nặc", dịch là "Thắng quân", "Hòa duyệt", "Đáp chúng vấn", "Nguyệt quang".
''Thắng quân hòa duyệt đáp chúng vấn.'' Ai hỏi nghĩa lý gì, thì Ngài đều trả lời.
''Long Quang Vương Phật tứ địa thần.'' Ngài là tứ địa Bồ Tát thời Long Quang Vương Phật.
''Trí huệ biện tài giải nghi nan.'' Ngài có trí huệ biện tài giải đáp được tất cả nghi vấn nan giải của chúng sinh.

‘’Khéo léo giáo hóa các hàm linh.’’ Ngài dùng phương pháp khéo léo để giáo hóa tất cả hàm linh.

143. A rị gia đa ra

Kệ :
Thánh giả ngữ ngôn hỗ trần đáp
Điều phân lâu tích tế như phát
Trì Địa Bồ Tát vi kiến chứng
Giai đại hoan hỉ lạc vô nhai.

Tạm dịch :
Thánh giả lời nói hổ tương đáp
Phân tích cặn kẽ nhỏ như tóc
Bồ Tát Trì Địa làm chứng kiến
Thảy đều hoan hỷ vui vô ngần.

Giảng giải : A Rị Gia dịch là “Thánh giả”, lại dịch là “Ngôn ngữ” (lời nói).
‘’Thánh giả lời nói hổ tương đáp.’’ Tất cả các vị Thánh cùng nhau mở hội, đàm luận hổ tương đáp. Có vấn đề gì đều đưa ra để mọi người thảo luận, hổ tương trao đổi ý kiến.
‘’Phân tích cặn kẽ nhỏ như tóc.’’ Các vị ấy không như chúng ta giảng đạo lý thô kệch, cứ phán xét nghĩa lý ngoài da. Các vị ấy rất vi tế, lúc chưa mở lời đã phân tích rõ ràng rành mạch, phân biệt từng ly từng tí. Đạo lý vi tế như những sợi tóc, các Ngài cũng phân rất rõ ràng rành mạch, nói rất rõ ràng rành mạch, một chút cũng không hỗn tạp.
‘’Bồ Tát Trì Địa làm chứng kiến.’’ Bồ Tát Trì Địa làm trọng tài nói ai đúng, ai sai. Bồ Tát Trì Địa đảm đang làm người chứng kiến tại đó. Vì bạn tự mình nói đúng thì không kể, phải có sự chứng kiến, phải có người khác đồng ý mới được.
‘’Thảy đều hoan hỷ vui vô ngần.’’ Vì đạo lý nói rất đúng đắn, mọi người nghe đều rất vui vẻ, mọi người đều pháp hỷ xung mãn.

Vạn Phật Thành thật là không thể nghĩ bàn, cho đến hoa cỏ cây cối, chim chóc cầm thú đều thuyết pháp tại đó. Có biểu pháp, có thuyết pháp, lại có hành pháp. Biểu pháp như là tất cả hoa cỏ cây cối đều vô ngôn (không lời), đều biểu hiện Phật pháp thật là diệu không thể tả, lìa lời nói tướng, lìa tâm duyên tướng, lìa tướng văn tự. Xuân hạ thu đông, xuân thì trăm hoa đua nở, mùa thu lá vàng rơi. Đạo lý sinh sinh hóa hóa này, nếu bạn minh bạch thì sẽ khai ngộ. Cho nên bậc Duyên Giác quán mười hai nhân duyên mà khai ngộ. Thuyết pháp như

chim, quạ, có âm thanh của chim, quạ, bạch hạc có âm thanh của bạch hạc, lại có loài chim xanh như bọn cướp, đi các nơi cắn mổ, nếu bạn cho nó vật gì, thì nó giống như bá vương kẻ ăn hiếp, trừng mắt khiến các loài chim khác không dám đến gần, phải đợi nó đem vật đi rồi, thừa lại chút vụn vặt, thì chim khác mới dám động thủ. Lại nói về kẻ mạnh ăn thịt kẻ yếu, cách sát sinh. Thỏ có pháp của thỏ, hưu có pháp của hưu, chồn có pháp của chồn. Chúng ở đó sinh sản nuôi dưỡng.
Trước kia tôi chưa nói phải bảo hộ động vật, thì chúng đều không xuất hiện, khi chúng ta nói phải bảo hộ, thì chúng đều xuất hiện, một chút cũng chẳng sợ người, còn hướng người thị oai, vẫy gọi. Chúng ở tại đó đều trợ giúp đạo tràng, hoằng dương Phật pháp.
Nói đến đây tôi nhớ lúc trước tôi ở tại Đông Bắc bên Trung Quốc, có hơn tám trăm con chồn tiên quy y. Những chồn tiên này đều là màu trắng, cùng đến quy y. Chúng chân thật tu đạo, lại chuyên làm lợi ích người, khám bệnh cho người không lấy tiền. Chúng nương nhờ thân người để trị bệnh cho người tức gọi là khiêu thần.

Vạn Phật Thành thật là Thánh địa, chồn, bạch hạc, hưu, nai, đều đang nói pháp. Người xuất gia ở tại đây tức là hành pháp, y giáo phụng hành, mọi người đều sống an lạc với nhau, hòa bình cộng xứ, chẳng ai làm phiền ai, cho đến con muỗi cũng không đập, mọi người tốt đều trì Bồ Tát giới. Chồn cũng không ăn động vật khác. Vạn Phật Thành mỗi hạt bụi đều có Bồ Tát đang tu hành. Không khí ở đây và không khí bên ngoài chẳng giống nhau, rất thanh tĩnh, có một luồng linh khí, đừng cho rằng ở đây và ở nơi khác đều giống nhau.

144. Tỳ rị câu tri

Kệ :
Tối thắng lưu ly pháp vương quang
Linh long thấu thể dược thân thường
Nội ngoại oánh triệt tri khổ lạt
Thần nông thị hiện lộ đường đường.

Tạm dịch :
Tối thắng lưu ly pháp vương quang
Trong suốt thấu thể dược thân thường
Trong ngoài thấu triệt biết đắng cay
Thần Nông thị hiện lộ đường đường.

Giảng giải: Câu Chú này là “Tối thắng quang vương chúng”, tức là “Lưu Ly Pháp Vương Quang Vương Tử” thống lãnh tất cả Dược Xoa đại tướng .v.v… Cho nên nói “Tối thắng lưu ly pháp vương quang.’’ Tối thù thắng, pháp vương tử thể lưu ly. Ngài là một vị Pháp Vương tử.
‘’Trong suốt thấu thể dược thân thường.’’ Bên trong có thể thấy bên ngoài, bên ngoài có thể thấy bên trong, đây gọi là trong suốt thấu thể. Cảnh giới này Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai có. Trung Quốc có Thần Nông thị thường bách thảo, bất cứ cỏ thuốc gì uống vào trong bụng, thì trong bụng của y tựa như lưu ly, thấy dược mỗi thứ cỏ thuốc, có sự bổ gì đối với tim gan tỳ vị thận ! Có hại gì ? Tánh thuốc như thế nào y đều biết.
‘’Trong ngoài thấu triệt biết đắng cay.’’ Trong ngoài y đều nhìn rất rõ ràng. Trăm thứ cỏ thuốc uống vào, thì chua ngọt đắng cay mặn, bất cứ mùi vị gì đều biết được.
‘’Thần Nông thị hiện lộ đường đường.’’ Thần Nông hoàng đế Trung Quốc là Bồ Tát Dược Vương, Bồ Tát Dược Thượng hóa hiện. Cho nên Ngài có sức lực này, so với sự nghiên cứu khoa học còn tinh vi hơn, so với sự chiếu điện rõ ràng hơn. Trung Quốc ngày xưa có Thánh nhân như vậy, bây giờ thì chẳng có. Một số học giả vô tri thu thập rác rến, tự mình đem bán văn hóa của mình, tự mình khinh khi hành vi Thánh nhân diệu không thể nghĩ bàn của nước mình. Họ tạo ra tin đồn, nói đó là hoàn toàn thần thoại, phủ định lịch sử truyền thống vĩ đại, hành vi không thể nghĩ bàn của bậc Thánh nhân Trung Quốc. Đây thật là đáng thương nhất. Ví như Hồ Náo (Hồ Thích) và những người vô tri .v.v…làm những điều lạ để loè mắt thiên hạ, tiêu diệt hết học thuyết cổ đại vĩ đại nhất của Trung Quốc. Đây là hành vi rất là đau xót. Bây giờ Hồ Náo còn sửa kỷ niệm đường, sửa một thư viện để kỷ niệm y, thật là điên đảo hết mức chẳng phân thị phi.

145. Thệ bà tì xà gia

Kệ :
Chư bệnh cố hoạt y trung vương
Dược Vương Dược Thượng phóng hào quang
Phần thân cúng Phật chân tinh tấn
Nhất thiết vô trước biến thập phương.

Tạm dịch :
Cứu sống các bệnh bậc y vương
Dược Vương Dược Thượng phóng hào quang

Đốt thân cúng Phật chân tinh tấn
Hết thảy không chấp khắp mười phương.

Giảng giải : Thệ Bà còn gọi là « Ký Bà », là một vị thầy thuốc. Đệ tử của Ngài Mục Kiền Liên, khéo trị bệnh cho người ‘’Cứu sống các bệnh bậc y vương.’’ Ngài chuyên trị tất cả bệnh nguyên nhân bên trong, và không phải bệnh nguyên nhân bên trong, bên ngoài.
Nguyên nhân của bệnh có ba thứ : Nguyên nhân bên trong, tức là: Tim, gan, tỳ, vị, thận, vui, buồn, lo, nghĩ, tức giận, bi ai, sợ sệt, mà sinh bệnh. Nguyên nhân bên ngoài, tức là : Gió, rét, nóng, ướt, khô, lửa. Chẳng phải nguyên nhân bên trong, bên ngoài, là có một chút nguyên nhân bên trong, một chút nguyên nhân bên ngoài, nhưng cũng không phải nguyên nhân bên trong, cũng không phải nguyên nhân bên ngoài. Bất cứ bệnh gì vị thầy thuốc này đều muốn cho họ sớm được bình phục. Bệnh đáng chết cũng muốn cho họ sống, đây là vua trong loài y.
‘’Dược Vương Dược Thượng phóng hào quang.’’ Đây là Bồ Tát Dược Vương, Bồ Tát Dược Thượng phóng đại quang minh, cứu độ bệnh nhân người thế gian. Bồ Tát Dược Vương trong quá khứ đã phát nguyện đốt thân cúng Phật, đem thân của mình dùng vải hoa, ướp dầu thơm quấn khắp thân, thiêu đốt cúng dường chư Phật. Đó thật là chân tinh tấn, chân phát tâm đại bồ đề. Cho nên trong Kinh Pháp Hoa nói: ‘’Đó là chân tinh tấn, gọi là chân pháp cúng dường.’’ Đó là khó xả mà xả được, khó hành mà hành đuợc. Các bạn nghĩ xem, đừng nói là đốt thân, dù đốt một ngón tay, mà mình cảm thấy xả không đặng, trong tâm đau vô cùng, thế mà Bồ Tát Dược Vương đem thân thể này thiêu đốt để cúng dường Phật.
‘’Hết thảy không chấp khắp mười phương.’’ Tại sao Ngài có thể làm như thế ? Vì Ngài thật sự minh bạch Phật pháp, thật sự hiểu tu hành như thế nào. Chân chánh hiểu được, nhìn xuyên thủng, buông xả đắc được tự tại. Tức là tại điểm này Ngài thật sự buông xả được. Chúng ta nhìn không thấu, buông xả chẳng đặng. Ngài thì nhìn thấu, buông xả đặng, tất cả chấp trước đều chẳng còn. Cho nên tự tánh của Ngài đầy khắp mười phương, đồng thể với chư Phật mà ở với nhau.

146. Bạt xà ra ma lễ để

Kệ :
Kim Cang giới trung ngũ bộ Thần
Thôi toái ngoại đạo hiển kỳ năng

Bất không sự nghiệp đại duyệt ý
Chửng tế quần sinh xuất khổ luân.

Tạm dịch :
Năm bộ thần trong Kim Cang giới
Phá dẹp ma ngoại hiển kỳ năng
Bất không sự nghiệp đại duyệt ý
Cứu tế quần sinh thoát khổ luân.

Giảng giải : Câu này là “Kim Cang phá dẹp”. Khi Kim Cang Bồ Đề Hải (tờ báo của Vạn Phật Thành) xuất hiện, thì tất cả thiên ma ngoại đạo đều kinh sợ. Ai thấy được thì kẻ ấy đau đầu, chúng không dám mở mắt nhìn, vì quá lợi hại. Hình bìa ra mắt của Kim Cang Bồ Đề Hải là kiếm chém yêu, kỳ thứ hai là chùy hàng ma, kỳ thứ ba là lưới bắt hết thảy Thiên thần, kỳ thứ tư là Bạt Xà La nhốt thiên ma ngoại đạo vào trong giam ngục. Bạn thấy Kim Cang Bồ Đề Hải nhiều lợi hại chăng !
‘’Năm bộ thần trong Kim Cang giới.’’ Bạt Xà La là tổng các vị thần năm bộ trong Kim Cang giới.
‘’Dẹp phá ma ngoại hiển kỳ năng.’’ Ngài hay dẹp phá thiên ma ngoại đạo, hàng phục chúng, lại khiến cho chúng cải ác hướng thiện, chứ chẳng phải nói là tiêu diệt chúng, mà là giống như trải qua tác dụng hóa học, khiến cho bản tính ác của chúng cải thành thiện. Đó là tác dụng động tĩnh biến hóa. Động tức biến, biến tức hóa.
‘’Bất không sự nghiệp đại duyệt ý.’’ Ma Lễ Để dịch là “Bất không sự nghiệp”, lại dịch là “Đại duyệt ý”. Cho nên nói ‘’Cứu tế quần sinh thoát biển khổ.’’ Cứu độ tất cả chúng sinh ra khỏi biển khổ.

147. Tỳ xá lô đa

Kệ :
Động tĩnh biến hoá ác hướng thiện
Đại dã hồng lư luyện tinh chân
Tỳ Lô Giá Na kim Cang chủ
Vi giáo chúng đẳng tác thiết hán.

Tạm dịch :
Động tĩnh biến hóa ác hướng thiện
Lò lớn hồng lô luyện tinh chân
Tì Lô Giá Na chủ Kim Cang
Vì cứu chúng sinh làm thiết hán.

Giảng giải: ‘’Động tĩnh biến hóa ác hướng thiện.’’ Phật và Bồ Tát đều đến để cảm hóa chúng sinh. Trong sự nhất động, nhất tĩnh, nhất biến, nhất hóa, khiến cho họ cải ác hướng thiện, đi về hướng tốt không đi theo hướng xấu.
‘’Lò lớn hồng lô luyện tinh chân.’’ Giống như lò lớn luyện vàng ròng.
‘’Tỳ Lô Giá Na chủ Kim Cang.’’ Phật Tỳ Lô Giá Na là Bộ chủ Kim Cang Bộ. ‘’Vì cứu chúng sinh làm thiết hán.’’

148. Bột đằng võng ca

Kệ :
Phật Đà Thế Tôn hộ thần danh
Vệ đạo bảo đức chí công bình
Hàng phục nhất thiết tà ma quái
Quy y chánh giáo tuân lệnh hành.

Tạm dịch :
Phật Đà Thế Tôn Hộ Pháp thần
Giữ đạo gìn đức chí công bình
Hàng phục tất cả tà yêu quái
Quy y chánh giáo vâng làm theo.

Giảng giải: Câu này có oai lực gì ? Bột Đằng là “Phật Đà”. Võng Ca là “Thế Tôn”. Hợp lại tức là thần Hộ Pháp hộ trì Phật Đà, hộ trì Thế Tôn. Vị thần Hộ Pháp này, thấy ai có đạo thì bảo hộ người đó, ai có đức hạnh thì hộ trì người đó, rất công bình. Nếu không có đức hạnh, muốn kêu Ngài bảo hộ, thì Ngài cũng không bảo hộ. Đức hạnh của mình phải sung mãn. Căn bản làm người mục đích chủ yếu là phải sung mãn đạo đức. Đạo đức không đủ, vọng tưởng tham cầu, thì cầu chẳng được, dù cầu được cũng là giả, đồ hư danh ham giả tốt, chẳng phải chân thật. Bất cứ trong trường hợp nào, đều muốn có lợi, tức là căn bản không cần làm mà bạn làm. Lúc này cũng đừng tồn tại một móng tâm hy vọng tương lai thu hoạch được gì, có ích lợi gì. Cho nên :

‘’Thi ân không cầu đền đáp,
Cho người không hối tiếc.’’

Có một câu nói rằng: ‘’Người lành gặp nguy hiểm quỷ thần hộ.’’ Nhưng, có phải như thế chăng ? Đừng tồn tại thứ tâm như thế, cũng đừng nói: ‘’Tôi không mong quả báo tốt, tại sao phải làm việc thiện!’’ Đó là quá ích kỷ. Thế giới này, tại sao xấu xa ? Là vì ai ai cũng đều có sự xí đồ, làm gì cũng đều muốn mình

có lợi, vì có thứ tâm tham như thế, cho nên làm cho thế giới này ngày càng xấu xa tệ hại thêm, mỗi ngày chẳng như mỗi ngày. Có câu rằng :

''Điều thiện mà muốn người biết,
Chẳng phải là chân thiện,
Điều ác mà sợ người biết, đó là đại ác.''

Làm việc thiện mà muốn mọi người ca ngợi, thì chẳng phải là chân thiện. Chân thiện thì chẳng mong người biết, không cần phải đi các nơi tuyên truyền chính mình. Nếu làm việc ác mà sợ người biết, thì là cực ác. Cho nên nói: ''Giữ đạo gìn đức chí công bình.'' Đó là hộ pháp công bình nhất, tuyệt đối không thiên vị, chẳng nói nhân tình, chẳng nói thể diện.
''Hàng phục tất cả tà yêu quái.'' Ngài chuyên hàng phục tất cả những tà ma không chánh đáng. Tà ma là gì ? Tâm lượng của chúng sanh rất hẹp hòi, không tha thứ cho người khác. Tà ma cũng có thần thông. Tâm địa của chúng rất hẹp hòi, chẳng có độ lượng.
''Quy y chánh giáo vâng làm theo.'' Tất cả bàng môn tả đạo, yêu ma quỷ quái, có linh tính đều quy y chánh giáo, đều vâng lời, cũng đều tôn mạng phụng hành, kêu chúng làm gì thì chúng làm cái đó.

149. Bạt xà ra chế hắc na a giá

Kệ :
Mẫn khổ chúng sinh sử xuất ly
Trừ thiền định cấu tẩy trần mê
Tức ma chướng ngại đoạn dục mạn
Hộ niệm tế độ chư bệnh khư.

Tạm dịch :
Thương chúng sinh khổ cứu thoát khỏi
Thiền định trừ dơ tẩy trần mê
Phục ma chướng ngại đoạn dục mạn
Hộ niệm tế độ các bệnh khổ.

Giảng giải : Bạt Xà Ra là “Kim Cang”. Chế Hắc Na A Giá nghĩa là “Thương chúng sinh khổ”. Vì thương xót tất cả chúng sinh khổ, nghĩ muốn chúng sinh lìa khổ được vui, ra khỏi ba cõi, cho nên muốn cứu độ chúng, từ từ giáo hóa chúng, khiến cho tất cả tự phát bồ đề tâm, thoát khỏi dục giới, sắc giới và vô sắc giới.
''Thiền định trừ dơ tẩy trần mê.'' A Giá tức là « Thiền định trừ dơ ». Vì bị trần

mê hoặc, cho nên phải tẩy bụi trần cho thật sạch. Những gì là trần mê hoặc ? Tức là tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ.
‘’Phục ma chướng ngại đoạn dục mạn.’’ Phục là chế phục, đoạn là đoạn dâm dục và kiêu mạn.
‘’Hộ niệm tế độ các bệnh khổ.’’ Kim Cang Tạng Bồ Tát hộ niệm người tu hành, tế độ họ, khiến cho họ từ bờ sinh tử bên này qua dòng sông phiền não, đạt đến bờ bên kia Niết Bàn, khiến cho tất cả phiền não và bệnh khổ của họ chẳng còn nữa, rốt ráo lìa khổ được vui.

150. Ma ra chế bà

Kệ :
Đoạn ma dục chướng kim cang chử
Kiến đại pháp tràng độ chúng sinh
Thành tựu đức tướng diệt ác tập
Quán đảnh hộ thần thường hộ hữu.

Tạm dịch :
Chùy Kim Cang đoạn chướng ma dục
Lập pháp tràng lớn độ chúng sinh
Thành tựu đức tướng diệt ác nghiệp
Quán đảnh hộ thần thường gia bị.

Giảng giải: Ma Ra Chế Bà dịch là “Đoạn chướng ma dục”. Đoạn cũng phải đoạn, không đoạn cũng phải đoạn. Chướng ma dục là gì ? Tức là tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. Thiên binh Thiên tướng thiện thần hộ pháp đều cầm chùy Kim Cang báu.
‘’Lập pháp tràng lớn độ chúng sinh.’’ Kiến lập đại pháp tràng, cứu độ chúng sinh.
‘’Thành tựu đức tướng diệt ác nghiệp.’’ Diệt trừ ác nghiệp trong quá khứ.
‘’Quán đảnh hộ thần thường gia bị.’’ Thần quán đảnh bộ đến bảo hộ.

151. Bát ra chất đa

Kệ :
Vô năng thắng trí thôi quần ma
Hồng liên hoa thủ kiến Phật Đà

Thanh bạch tử sắc Quán Tự Tại
Túng nhiên tử giả biến thành hoạt.

Tạm dịch :
Trí vô năng thắng phá quần ma
Hồng liên hoa thủ thấy Phật đà
Sắc xanh trắng tía quán tự tại
Cứu đặng kẻ chết biến sống lại.

Giảng giải: Bát Ra Chất Đa dịch là “Vô năng thắng”, hoặc là “Trí huệ”, hoặc là “Phá hủy”. Phá hủy tất cả ma quân.
‘’Hồng liên hoa thủ thấy Phật đà.’’ Tu hồng liên hoa thủ thì thường thấy Phật.
‘’Sắc xanh trắng tía quán tự tại.’’ Tu hồng liên hoa thủ, bạch liên hoa thủ, thanh liên hoa thủ, tử liên hoa thủ, thì thường thường đắc được tự tại.
« Cứu đặng kẻ chết biến sống lại.’’ Bổn lai phải chết, nhưng nếu thành tâm tu pháp này cũng sẽ biến thành người sống lại, thật là oai lực cảm ứng lớn vô cùng. Nhưng phải có tín tâm. Nếu nửa tin nửa ngờ thì sẽ không đạt được thứ cảm ứng này.

152. Bạt xà ra thiện trì

Kệ :
Kim cang bảo kiếm khí xung thiên
Thụ cùng hoành biến doanh đại thiên
Trảm yêu trừ tà hộ chánh pháp
Giải thoát vô sinh vạn ức niên.

Tạm dịch :
Kiếm báu kim cang khí xung thiên
Tung hoành ngang dọc khắp đại thiên
Chém yêu trừ tà hộ chánh pháp
Giải thoát vô sinh vạn ức niên.

Giảng giải: Đây là một câu rất quan trọng. Vì câu này thuộc về “Kiếm thần kim cang”. Kiếm thần kim cang, tức cũng là một cây kiếm khí. Cây kiếm khí này, bạn phải tu hành mới có thể đắc được. Tu hành đắc được kiếm khí này để làm gì ? Kiếm khí này không có vật cứng gì mà không phá được, không có chỗ nào mà không vào được. Cây kiếm khí này là tận hư không khắp pháp giới. Chỉ cần chỗ nào có yêu ma quỷ quái, thì kiếm khí sẽ tìm đến, không cần bạn mang nó theo. Công năng luyện thành kiếm thần này chẳng phải dễ. Nó có

diệu gì ? Nói không được. Đây là Kim cang thần kiếm. Bồ Tát Văn Thù dùng Chú Lăng Nghiêm đi cứu Ngài A Nan, tức cũng dùng kiếm này. Kiếm thần này hàng phục ngoại đạo Hồng Phát Già Tỳ Lư phải lão lão thực thực. Vì nó không có vật cứng gì mà không phá được, không gì mà không làm được, hàng phục được tất cả thiên ma ngoại đạo. Cho nên trong toàn bộ Chú Lăng Nghiêm, câu này có thể nói là rất quan trọng.
Có một phương pháp luyện kiếm này. Bạt Xà La Thiện Trì, dịch là "Giải thoát vô sinh".
''Kiếm báu kim cang khí xung thiên.'' Kiếm khí xung thiên này, bạn thấy lợi hại biết chừng nào.
''Tung hoành ngang dọc khắp đại thiên.'' Dọc cùng tam tế; quá khứ tế, hiện tại tế, vị lai tế; ngang khắp mười phương. Mười phương là đông, tây, nam, bắc, lại gọi là tứ duy, đông nam, tây nam, đông bắc, tây bắc đây là tám phương, thêm trên, dưới, cộng thành mười phương.
''Chém yêu trừ tà hộ chánh pháp.'' Kiếm này dùng làm gì ? Dùng để chém yêu trừ tà, nhưng cũng không thể tùy tiện dùng. Bạn chém yêu rồi, tà cũng trừ rồi, lúc này vẫn phải dùng tâm từ bi nghĩ tưởng tức là bạn phải dùng kiếm từ bi, nghĩa là nhìn chúng thì chúng sẽ lão thực, không nhất định phải chém chúng, và nói với chúng ''Bạn biết chăng ? Bạn có pháp thuật, tôi cũng có pháp thuật, pháp thuật của tôi cao hơn so với pháp thuật của bạn.'' Yêu ma quỷ quái nhìn thì sẽ lão thực, sẽ hộ trì chánh pháp.
''Giải thoát vô sinh vạn ức niên.'' Đắc được giải thoát thì thành Phật, chứng quả vô sinh, thành Phật vạn ức niên, tức là ý nghĩa vĩnh viễn.

Hỏi : Làm thế nào để luyện pháp kiếm báu kim cang này ?
Đáp : Pháp này có thể nói là kình thiên địa, khốc quỷ thần. Bạn muốn tu pháp này, thì thiên ma ngoại đạo đều kinh hãi tán đảm. Thứ pháp này chẳng phải có thể hỏi trước mặt đại chúng. Chỉ có thể đơn truyền, không thể dùng song truyền (truyền cho cả hai). Điều mà pháp không thể truyền qua sáu lỗ tai. Nếu có sáu lỗ tai thì không nói lời này, hoặc là có hai người đều thật đủ tư cách, hoặc là hai người có thể học với nhau, đồng thời tu. Nghĩ muốn tu pháp này, thì trước phải lập công lập đức. Trước phải thọ khí, ai chưởi mắng bạn cũng không lên tiếng, ai đánh bạn cũng không trả đũa. Trước phải tu rèn luyện công phu không có nóng giận. Nếu không, mà học pháp này cũng như cọp thêm cánh, muốn giết ai thì giết, muốn chém ai thì chém, như vậy không thể được. Cho nên trước hết, muốn học thì phải nhẫn nhục, chịu đánh, chịu chưởi, chịu thiệt thòi, không chiếm tiện nghi, không có tâm ích kỷ. Rèn luyện một thời kỳ rồi mới nói.
Kim Cang quyền thành công rồi, thì có thể cách núi đánh yêu. Cách tám vạn

bốn ngàn dặm có yêu quái gì, chỉ một quyền thì có thể đập tan nát, nhưng cũng đừng nổi nóng như thế. Phàm là tu pháp này, phải có tâm từ bi. Chỉ kêu người xem thì chẳng dùng được. Phải có sự tu tâm nhẫn nhục vĩ đại, dù cho ai đánh chết tôi, tôi cũng không dùng quyền này đánh lại họ. Phải có thứ tâm nhẫn nhục như thế. Bạn nói học pháp này có hữu dụng gì ? Một chút hữu dụng cũng chẳng có. Nếu có người tu pháp này thành công rồi, khi y chưa dùng quyền để đánh, chỉ một động niệm thì đối phương sẽ chết. Một động niệm : ‘’Tôi đánh chết bạn ’’ thì đối phương liền mất mạng. Tức là lợi hại như thế ! Cho nên nói :

‘’Niệm động trăm việc có,
Niệm bặc vạn sự không.’’

‘’Tâm ngừng niệm bặc giàu sang thật
Tư dục đoạn sạch thật ruộng phước.’’

Cho nên Nhẫn Nhục Tiên Ông tại sao không sinh tâm sân hận ? Vì nếu Ngài sinh tâm sân hận thì đối phương chịu không nổi.

Hỏi : Y khiến cho người chết, phải chăng cũng có thể khiến cho họ sống lại ?
Đáp : Nếu trước động niệm khiến cho họ chết, làm sống lại được chăng thì tôi không biết. Nếu khiến cho họ sống lại, tức là biến thành pháp hí luận, chẳng phải là thật
Hỏi : Chú Lăng Nghiêm có thể khiến người chết, cũng có thể khiến người sống chăng ?
Đáp : Đó là lúc chưa chết thì khiến cho họ sống lại được. Đã chết rồi, khiến cho họ sống lại thật chẳng phải dễ.

153. Tỳ xá ra giá

Kệ :
Thiên thần lực sĩ đại oai đức
Hàng phục chúng ma trấn sơn hà
Ngũ cốc phong đăng dân an lạc
Tứ thời thuận tự nhân ái bác.

Tạm dịch :
Thiên thần lực sĩ oai đức lớn
Hàng phục chúng ma trấn sơn hà
Ngũ cốc phong phú dân an lạc
Bốn thời thuận hòa do bác ái.

Giảng giải : Tỳ Xá Ra Giá tức là “Thiên thần lực sĩ”. Đại lực sĩ thiên thần rất có oai lực. Ngài cũng có đại oai đức và đại thần thông.
‘’Hàng phục chúng ma trấn sơn hà.’’ Ngài hay hàng phục tất cả ma, ma gì Ngài cũng đều hàng phục được. Trấn sơn hà là thường bình định sơn hà không có chiến tranh.
‘’Ngũ cốc phong phú dân an lạc.’’ Ngũ cốc tức là lúa mùa, lúa dê, lúa tắc, lúa tẻ, đậu. Ngũ cốc phong phú tức là thu hoạch dồi dào, trúng mùa. Dân an lạc là nhân dân rất sung sướng.
‘’Bốn thời thuận hòa do bác ái.’’ Tứ thời rất thuận lợi : Vua hoặc là tổng thống tâm lượng nhân ái cũng rộng lớn, biết thương yêu đất nước và nhân dân, đó đều là có mối tương quan với nhau.

154. Phiến đa xá

Kệ :
Thiên tài lực sĩ tức hoành tai
Thuỷ hoả đao binh đạo tặc bài
Bất như ý sự sinh hoan hỉ
Cát tinh cao chiếu tiếu nhan khai.

Tạm dịch :
Thiên tài lực sĩ trừ tai ương
Diệt trừ nước lửa đao binh cướp
Việc bất như ý sinh hoan hỷ
Sao tốt cao chiếu cười vui vẻ.

Giảng giải : ‘’Thiên tài lực sĩ trừ tai ương.’’ Vị thiên tài lực sĩ trên trời này, tài năng rất phi thường và rất thông minh, ngoài ra còn có đại oai lực. Câu này thuộc về “Pháp tiêu tai”. Bất cứ tai ương hoạnh tử gì, nếu thường niệm câu Chú này thì sẽ tiêu trừ.
‘’Diệt trừ nước lửa đao binh cướp.’’ Ngoài ra còn bài trừ phi tai hành họa như nạn nước, nạn lửa, nạn đao binh, nạn giặc cướp, đều chẳng có. Tại sao bị chết chìm, lửa thiêu, đao thương, giặc cướp ? Đó đều là do kiếp trước đã trồng nghiệp ác, đời nay phải thọ quả báo.
‘’Việc bất như ý sinh hoan hỷ.’’ Thường niệm câu Chú này, thì những việc không như ý, cũng biến thành hoan hỷ như ý, và còn có sự thay đổi.
‘’Sao tốt cao chiếu cười vui vẻ.’’ Sao cát tường thường chiếu soi bạn, khiến cho bạn thường cười tươi vui vẻ không sinh ưu sầu lo lắng.

155. Bệ để bà

Kệ :
Câu triệu thiện ngữ cảnh cáo tiên
Thuận ngự giáo mệnh xá tội khiên
Như năng cải tà tu chánh đạo
Ma Ha Bát Nhã tự hiện tiền.

Tạm dịch :
Câu triệu lời khéo cảnh cáo trước
Phụng hành giáo mạng tha tội khiên
Nếu như cải tà tu chánh đạo
Bát Nhã trí huệ sẽ hiện tiền.

Giảng giải: Câu Chú này là "Pháp câu triệu". Câu triệu chứ chẳng phải bắt người giam vào ngục, mà là dùng lời khéo léo để giáo hóa họ. Cho nên: ''Câu triệu lời khéo cảnh cáo trước.'' Dùng lời lẽ khéo léo khuyên họ đừng phạm pháp, phải giữ quy cụ.
''Phụng hành giáo mạng tha tội khiên.'' Nếu họ nghe lời hàng phục rồi, chịu giáo huấn mạng lệnh của bạn, thì tà ma quỷ quái có tội nghiệt gì, cũng đều được tha thứ, tai nạn của kẻ bệnh cũng đều miễn trừ.
''Nếu như cải tà tu chánh đạo.'' Nếu như họ cải tà quay về chánh tu chánh pháp thì : ''Bát Nhã trí huệ sẽ hiện tiền.'' Đại trí huệ tự nhiên sẽ hiện tiền. Tại sao họ làm nhiều việc ác ? Vì ngu si. Bây giờ có trí huệ thì không còn làm ác nữa, cải ác hướng thiện.

156. Bổ thị đa

Kệ :
Giáo hoá khai đạo trí ngu manh
Tăng ích thành tựu cửu phế hoang
Nhất tâm canh vân bất kỳ hoạch
Cần tu giới định huệ thu tàng.

Tạm dịch :
Giáo hóa khai đạo trí ngu manh
Tăng ích thành tựu bỏ hoang lâu
Một lòng trồng trọt không cầu được
Siêng tu giới định huệ cất giữ.

Giảng giải : Câu Chú này thuộc về “Pháp tăng ích”. Dịch là “Giáo hóa khai đạo”. Cho nên tôi thêm ba chữ nữa thành câu thứ nhất : ‘’Giáo hóa khai đạo trí ngu manh.’’ Giáo là nói Phật đến giáo hóa, hóa tức là sinh ra một thứ biến hóa. Biến hóa gì ? Biến hóa khí chất của chúng ta. Vốn khí chất rất lớn, nhưng bây giờ không còn nữa. Vốn không muốn thiệt thòi, nhưng bây giờ chịu thiệt thòi. Trước kia vốn không muốn tu hành, nhưng bây giờ chịu tu hành. Đó đều gọi là ‘’hóa’’, có sự biến hóa. Biến hóa thì so với lúc trước khác nhau nhiều lắm. Cũng là cái miếu đó, nhưng chẳng phải thần đó. Miếu thì giống nhau, nhưng đã đổi thần. Trước kia là thần Thổ địa, nhưng bây giờ đổi thành thần Thành hoàng. Nói về thần Thổ địa, thì những người Mỹ chẳng hiểu. Thần Thổ địa thì quản một xã, hoặc là một thôn, giống như xã Talmage thì có thần Thổ địa xã Talmage, thị trấn Ukiah thì có thần Thành hoàng thị trấn Ukiah. Các vị thần ấy âm thầm cai quản các việc thiện ác của con người. Chứ chẳng phải nói họ sai khiến các bạn đi làm thiện ác, hoặc khống chế người, mà là bạn làm thiện, hoặc làm ác, họ đều ghi nhớ, đây có thể nói là quản nhân sự.
Bây giờ thần Thổ địa thăng chức làm thần Thành hoàng. Nhưng vẫn quản nhân sự giống nhau. Vậy còn làm Bồ Tát ! Bồ Tát việc gì cũng chẳng quản, việc nhàn cũng không quản, việc bận rộn cũng không quản. Cho nên :

‘’Ma ha Tát bất quản tha
Di Đà Phật các cố các ’’.

Nghĩa là :

‘’Bồ Tát chẳng quản ai
Phật Di Đà ai làm gì mặc.’’

Tự mình lo chính mình, chẳng màng đến đến kẻ khác.
Thế nào là khai đạo ? Khai là khai mở, khai hóa, khai mở nó ra đừng có đóng. Đạo vốn không thông, bây giờ làm cho nó thông, khiến cho điện hổ tương thông đạt. Làm thế nào để thông đạt ? Tức là, vốn là người có trí huệ, Ngài bèn dùng phương pháp trí huệ, khiến cho bạn tăng thêm trí huệ. Vốn là ngu si, Ngài bèn dùng dầu trí huệ quang minh thoa vào, thì sẽ rỉ ngu si ra, khiến cho bạn phát sinh trí huệ. Do ngu này sẽ biến thành trí, có trí thì sinh thêm trí. Manh tức là lưu manh. Chúng ta đều là lưu manh. Chúng ta tại thế giới này hồ hồ, đồ đồ, chạy đông, chạy tây, đó chẳng phải lưu manh thì là gì ! Nói thẳng là giống như kẻ lưu manh.
‘’Tăng ích thành tựu bỏ hoang lâu.’’ Phật ở tại đó làm gì ? Đang giúp chúng ta khai hoang ! Đất Phật và ruộng Phật của chúng ta đã hoang phế từ lâu, không biết làm thế nào để khai khẩn. Đại khái là vì chẳng có máy móc để làm. Bây giờ Phật dạy chúng ta làm pháp tăng ích, khiến cho trí huệ của chúng ta tăng

thêm, thì có thể đi khai khẩn đất hoang. Trồng cây bồ đề, tương lai sẽ kết quả bồ đề. Ruộng bồ đề hoang phế đã lâu, đều có cách để khai khẩn !
‘’Một lòng trồng trọt không cầu được.’’ Gieo giống xuống đất hoang phế, không chắc chắn sẽ thu hoạch được. Bạn đừng tham tâm như thế nói : ‘’Tôi niệm một câu Nam mô A Di Đà Phật, sao chưa thành Phật‘’? Nếu một câu A Di Đà Phật mà khiến bạn thành Phật, thì thế giới chẳng còn loài người nữa ! Ruộng hoang của bạn bỏ lâu như thế, không từ từ vun bồi tưới mầm bồ đề, thì quả bồ đề làm sao sớm thành thục ? Cho nên đừng mong sẽ thu hoạch, chỉ hết lòng canh tác, từ từ tu hành, do đó : ‘’Một lòng trồng trọt không cầu được.’’ Đừng nói tôi làm biết bao nhiêu việc tốt, sao bây giờ chưa khai trí huệ, vẫn ngu như thế ! Trí huệ có dễ đắc được chăng ? Không. Phải chân chân thật thật khổ công tu hành. Bạn thấy hai vị tam bộ nhất bái đã lạy đến Vạn Phật Thành, còn phải tiếp tục lạy. Hai vị đó đều muốn tự tánh thanh tịnh, đắc được trí huệ chân chánh. Hai vị đó cũng không nói năng tùy tiện, không cười, cũng không khóc, không nóng giận. Nếu tôi không đi trước một bước, làm sao làm sư phụ của họ ! Nếu tôi không lấy thân làm khuôn phép, thì họ đang lạy tam bộ nhất bái, ngóc đầu lên nói : ‘’Sư phụ đang ở đó nóng giận với người khác ! Chúng ta không lạy.’’ Có phải chăng ! Tôi thấy hai vị rất thành tâm, tại sao tôi vẫn có tập khí mao bệnh với một số người ! Cho nên tôi nhất định phải sửa đổi. Đồ đệ nhận chân như thế, nếu tôi không nhận chân thì đâu có mặt mũi làm sư phụ !
‘’Siêng tu giới định huệ cất giữ.’’ Bạn phải nhất tâm canh tác, đến khi làm xong rồi, thì thu vào trong kho. Bạn siêng tu giới định huệ cũng phải đem cất đi, đừng tùy tiện vứt đi, tùy ý chà đạp, tùy ý phơi bày làm lòe loẹt bên ngoài. Nghĩa là kêu bạn phải giữ giới luật, tu định huệ, đem trí huệ cất đi, đừng phô trương bên ngoài, đừng đến nơi nào cũng muốn biểu thị : ‘’Bạn biết chăng ? Tôi là người có danh tiếng đệ nhất thiên hạ, ông tổng thống nào đó là bạn của tôi, ông thủ tướng kia là bạn học của tôi.’’ Các bạn đừng có phô trương lộ ra bên ngoài. Đừng có tư tưởng kiêu ngạo, khinh mình. Phải tồn bản lai diện mục chân chánh, không tăng, không giảm, không đến, không đi, một chút cũng không thêm tạo tác. Đừng nói : ‘’Bạn biết tôi chăng ? Tôi một ngày ăn một bữa’’. ‘’Người xuất gia tôi chẳng giống với người khác, tôi không giữ tiền bạc, người khác chẳng ai thực hành.’’ Vậy thì như thế nào ! Tức là chỉ mình bạn thực hành ! Vậy thế giới này chỉ có mình bạn phải chăng ? Tức là bạn người tu hành độc nhất, giống như Thiên Chúa độc nhất không khác, ai cũng không thể làm Chúa được, chỉ có mình y có thể làm được. Chúng ta với y chẳng có chút quan hệ gì. Vậy tại sao kêu tôi tin y ? Tin y để làm gì ? Tin y cũng là thần, không tin y cũng là thần. Y là ‘’Thần gọi là thần‘’ liền được, tại sao vẫn kêu người tin y, kêu người sùng bái ? Kẻ khác cũng không thể làm Chúa được, vậy tại sao vẫn kết giao với kẻ khác ! Một số người vốn chẳng quan hệ gì với y. Tôi

biết tôi là người, cho nên tôi không muốn ở với Chúa. Tại sao tôi tin Phật ? Vì tin Phật tương lai ai ai cũng đều có thể thành Phật. Nếu nói ai ai đều có thể thành Phật, thì vẫn có hy vọng. Giống như ai ai cũng có thể làm tổng thống, cho nên mới đi học, làm người tốt, tương lai mọi người có hảo cảm với y, bèn bầu y làm tổng thống. Đó đều là có hy vọng. Cho nên tôi không muốn làm Chúa, vì không có phần. Đây là ý nghĩa đại khái ‘’Bổ Thị Đa.’’ Nếu nói tỉ mỉ thì hết thuở vị lai, cũng nói không hết. Ý nghĩa của Chú diệu không thể nói. Bây giờ bất quá lược nói cho quý vị nghe một trong vạn phần.

157. Tô ma lô ba

Kệ :
Ái nhân bất thân cố kỳ nhân
Lễ bỉ phất đáp kính vị chân
Hồi quang phản chiếu cầu chư kỷ
Cảm ứng đạo giao mạc mê thần.

Tạm dịch :
Thương người không thân xem tâm mình
Lễ người không đáp chưa thật kính
Hồi quang phản chiếu cầu nơi mình
Cảm ứng đạo giao chớ mê thần.

Giảng giải: ‘’Thương người không thân xem tâm mình.’’ Bạn thương một người nhưng người chẳng gần gũi bạn, cảm thấy bạn là giả. Lúc này phải ‘’Xem lại tâm mình.’’ Thương ở đây chẳng phải là nói thứ tình thương nam nữ, mà là một thứ hảo cảm trên tinh thần đó đây giữa người với người, hổ tương cung kính, hổ tương không chướng ngại. Khi bạn từ bi thương người, mà người chẳng có phản ứng gì đối với bạn, thì phải suy nghĩ lại, phản cầu nơi mình, hồi quang phản chiếu, tự suy nghĩ : ‘’Ta chẳng thật sao ? Đại khái ta là giả dối ? Tôi không thành tâm hết lòng ư?’’ Tự hỏi mình như thế, xem tâm mình có đủ từ bi nhân ái chăng !
‘’Lễ người chẳng đáp kính chưa thành.’’ Bạn thấy người đến, bèn hướng họ hành lễ, mà họ cũng chẳng nhìn, hoặc là vì bạn chẳng đối diện với họ, bạn hành lễ thì họ vốn không nhìn thấy, đó thì không kể. Nếu bạn nhìn thấy họ, họ cũng nhìn thấy bạn, thì nên hổ tương hành lễ. Rõ là bạn hành lễ họ, mà họ không đáp lại, tựa giống như Quan Đế Công, băng mặt lại, trừng mắt tức cũng giống muốn thăng lên hư không, không nhìn bạn. Lúc này bạn phải suy nghĩ lại: ‘’Phải chăng trong tâm tôi là giả dối, tôi làm lễ nghi là giả ? Phải chăng tôi

chưa thật cung kính họ ? Tôi cung kính họ đại khái không chân thật chăng‘‘ ? Nên hồi quang phản chiếu.
‘‘Hồi quang phản chiếu cầu nơi mình.’’ Nếu bạn hành lễ có chỗ không được nên phải cầu nơi mình. Phàm là những hoàn cảnh gặp nhau đều có những chỗ không được viên mãn, nên hồi quang phản chiếu, tự hỏi mình : ‘‘Có phải tôi sai chăng‘‘ ? Phải nghĩ như thế, thì vấn đề gì cũng đều chẳng có.
‘‘Cảm ứng đạo giao chớ mê thần.’’ Kính người thì người kính mình, đánh người thì người đánh mình, mắng người thì người mắng mình, giết người thì người giết mình, hại người thì người hại mình. Đó là chân lý. Bạn đừng mê tín thần nói : ‘‘Thần chúa tể của tôi, thần ban cho tôi trí huệ.’’ Nếu thần ban cho bạn trí huệ, vậy thì thần quá thiên vị với kẻ ngu si ! Tại sao không ban cho họ trí huệ ? Tại sao y đối với bạn tốt mà không ban cho kẻ khác trí huệ ? Thật là quá bất công ! Nên biết trí huệ của bạn, là do chính bạn tu. Bạn có cảm ứng gì cũng là do chính bạn làm. Thần chẳng có cách chi không chế bạn, bằng không thì bạn sớm biến thành người máy! Người máy mới chịu người khống chế.

158. Ma ha thuế đa

Kệ :
Nhật nguyệt tinh cung thiên chúng cư
Bạch y Thánh giả độ quần mê
Thuận nghịch cảnh giới giai bất động
Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật.

Tạm dịch :
Cung nhật nguyệt tinh chúng trời ở
Bạch Y Quan Âm độ quần mê
Cảnh giới thuận nghịch đều bất động
Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật.

Giảng giải: Ma Ha Thuế Đa dịch là ‘‘Cung nhật nguyệt tinh chúng trời ở.’’ Thiên chúng cư ngụ ở trên trời. Họ ở trên đó rất sung sướng khoái lạc, cho nên không niệm Phật, cũng không tu, chỉ biết ăn chơi hưởng lạc, đó là mao bệnh của chư Thiên mắc phải. Cho nên chúng ta đừng phát nguyện sinh về cõi trời, vì ở đó rất dễ bị mê, nhân gian cũng như thế. Cho nên:

‘‘Bần cùng khó bố thí
Giàu sang khó học đạo
Lúc chết không bệnh là khó.’’

‘’Bạch Y Quan Âm độ quần mê.’’ Câu này lại dịch là “Bạch Y Quan Âm”. Trong quá khứ xa xưa, vị Bạch Y Quan Âm này, phát nguyện muốn độ quần mê. Làm thế nào để độ ? Ngài đi làm mẹ của Chúa, kêu mọi người tin Thiên Chúa. Nhưng người tin Thiên Chúa thăng lên thiên đường, ở đó quá vui sướng, nên chẳng biết tu hành. Bổn lai Bạch Y Quan Âm cho rằng, trước độ họ thăng lên cõi trời, sau đó họ sẽ phát bồ đề tâm. Không ngờ họ không những không phát bồ đề tâm, ngược lại mà còn làm trái ngược. Quan Âm Bồ Tát cũng tự nhận sai, không nên dẫn người đến Thiên đường. Cho nên mẹ của Chúa là Bồ Tát Quan Thế Âm. Ngài từ xưa đến nay chỉ có làm việc này là sai. Thực ra cũng không thể nói sai, vì tất cả các pháp đều là Phật pháp, đều bất khả đắc, cho nên cũng chẳng có cái sai, cái không sai. Nhưng là hạnh khổ của Bồ Tát Quán Âm ! Ngài phí rất nhiều tinh thần đi độ người, kết quả họ chạy đến Thiên đường, hưởng thụ khoái lạc. Tại sao chúng sinh lại như thế ? Vì chẳng có trí huệ.
‘’Cảnh giới thuận nghịch đều bất động.’’ Bồ Tát Quán Âm gặp cảnh giới thuận tâm đều chẳng động, đối với cảnh giới nghịch tâm cũng chẳng động. Như như bất động, liễu liễu thường minh. Tuy nhiên Ngài phí rất nhiều tinh thần, phí nhiều thời gian làm mẹ của Chúa, nhưng Ngài không hề gì, bắt đầu làm lại. Chúng ta tu đạo cũng nên như thế, thuận cảnh đến, tâm chẳng động, nghịch cảnh đến, tâm vẫn không động. Như như bất động, rõ ràng sáng suốt. Tâm sinh vạn pháp, vạn pháp duy tâm. Tâm bất động, kể cả dục niệm đều chẳng có. Chứ chẳng phải người chết rồi, thì tâm không động, tức là một niệm chẳng động. Do đó :

‘’Một niệm không sinh toàn thể hiện
Sáu căn hốt động bị mây che.’’

Làm thế nào mới không thể động ? Tức phải có đại trí huệ. Có đại trí huệ mới đến được bờ kia, mới có định lực bất động. Tin hay không do bạn ! Bạn không tin, tôi cũng nói như thế; bạn tin tôi vẫn nói như thế. Bạn tin, hay không tin, tôi đều nói như thế, vì tôi thì tâm bất động.

159. A rị gia đa ra

Kệ :
Nhật Quang Thiên Tử chiếu đại thiên
Tứ phương tứ ngung tứ vô biên
Nguyệt cung thường nga thanh lương tản
Nhị thập bát tú thị hậu tiền.

Tạm dịch :
Nhựt Quang Thiên Tử chiếu các cõi
Bốn phương bốn hướng bốn vô biên
Nguyệt Cung Hằng Nga rất thanh lương
Nhị Thập Bát Tú hầu trước sau.

Giảng giải: ''Nhựt Quang Thiên Tử chiếu các cõi.'' Bạn xem đây là mặt trời, không nhất định là chỉ mặt trời. Nhưng có một vị Bồ Tát gọi là Nhựt Quang Bồ Tát. Có một bài Chú Nhựt Quang Đà La Ni, chuyên môn trị tất cả bệnh, Chú này hộ trì Chú Đại Bi. Chú Nguyệt Quang Đà La Ni cũng ủng hộ Chú Đại Bi. Hai bài Chú này rất linh nghiệm. Đại Bi Đà La Ni Kinh có ghi rất nhiều, diệu không thể nghĩ bàn. Nhựt Quang Thiên Tử chiếu sáng đại thiên. Đại thiên đây là bao quát bốn phương đông, tây, nam, bắc; bốn hướng là đông nam, tây nam, đông bắc, tây bắc, lại bao quát trên và dưới, cũng bao quát Bốn Vô Biên Xứ : Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Những nơi này đều chiếu khắp. Cho nên nói: ''Bốn phương bốn hướng bốn vô biên.''
''Nguyệt cung Hằng Nga rất thanh lương.'' Trong cung trăng có mỹ nữ, ở đó rất là thanh lương mát mẻ.
''Nhị Thập Bát Tú hầu trước sau.'' Nhị Thập Bát Tú là hai mươi tám vì sao, hầu trước sau. Hai mươi tám vì sao có thể dùng hai mươi tám chữ để biểu thị, đó là : Giác Kháng Thị Phòng Tâm Vĩ Ky, Đẩu Ngưu Nữ Hư Nguy ốc Bích; Khuê Lâu Vị Lão Tất Tuy Sâm, Tỉnh Quỷ Liễu Tinh Trương Dực Chẩn.

160. Ma ha bà ra a bát la

Kệ :
Nhật nguyệt tinh tú phóng hào quang
Thụ cùng hoành biến nan độn tàng
Phổ Hương Thiên Tử thí hiệu lệnh
Yêu ma quỷ quái các viễn dương.

Tạm dịch :
Nhựt nguyệt tinh tú phóng hào quang
Khắp cùng ngang dọc khó ẩn núp
Phổ Hương Thiên Tử ra hiệu lệnh
Yêu ma quỷ quái đều ẩn trốn.

Giảng giải : **Chú Lăng Nghiêm vốn chẳng có cách chi giảng được. Nhưng nếu không giảng thì một số người căn bản không tụng niệm, cho rằng**

không hiểu thì tụng niệm để làm gì ? Cho nên bất đắc dĩ phải lược giảng. Lược giảng cũng là giảng không hết, chỉ tiết lộ một trong vạn phần, giảng một câu, thì lộ ra vạn câu. Câu này bao quát "Nhật nguyệt tinh", bao quát "Kim mộc thủy hỏa thổ ngũ hành tinh"; mặt trời, mặt trăng, sao, là ba thứ ánh sáng, đó là nói tổng quát. Tú là chỉ Nhị Thập Bát Tú. Lại có chín vì sao sáng, lại có tám vạn bốn ngàn vì sao, nói không thể hết. Người không hiểu Phật pháp thì nói Phật giáo không nói về trời, không nói về ngũ hành. Thực ra thế gian chẳng có một pháp nào, mà chẳng phải là Phật Pháp ? Do đó :

''Vô bất tùng thử pháp giới lưu,
Vô bất hoàn quy thử pháp giới.''

Nghĩa là :

''Chẳng có gì chẳng phải từ pháp giới này mà ra,
Chẳng có gì mà chẳng trở về pháp giới này.''

Pháp của pháp giới, sự rộng lớn của pháp giới, có một pháp nào mà chẳng phải là Phật pháp ? Một pháp nào lại là Phật pháp ? Chẳng có. Bạn minh bạch thì một pháp cũng chẳng lập, liễu ngộ rồi thì vạn pháp y nhiên, có mà chẳng có, không mà chẳng không. Cho nên chẳng có một pháp nào mà chẳng phải là Phật pháp, cũng chẳng có một pháp nào là Phật pháp. Nếu đạt được cảnh giới này, thì đồng thể với vạn vật, hợp mà làm một với pháp giới, đồng dụng với hư không. Nếu không thể thì hãy dụng công tu hành.

Tám vạn bốn ngàn pháp môn, môn nào cũng là số một, chẳng có pháp số hai. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, có tám vạn bốn ngàn số một. Tám vạn bốn ngàn pháp số một này, chuyên môn đối trị tám vạn bốn ngàn thứ bệnh. Dùng pháp nào tương ưng, thì pháp đó là số một. Vậy dùng không tương ưng thì là số hai chăng ? Không phải. Chỉ là không có công hiệu mà thôi. Cho nên tôi thường nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, pháp môn nào cũng là số một. Ba ngàn sáu trăm bàng môn ngoại đạo, đạo nào cũng quay về chân. Đạo nào tương lai cũng đều phải quy về chân như tự tánh Phật. Cho nên nói :

''Vô bất tùng thử pháp giới lưu,
Vô bất hoàn quy thử pháp giới.''

Do đó, Nhị Thập Bát Tú này cho đến tất cả các vì sao đều bao quát trong Phật giáo. Kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, tác dụng trong hư không thật là không thể nghĩ bàn. Nhị Thập Bát Tú là : Giác Kháng Thị Phòng Tâm Vĩ Ky, Đẩu Ngưu Nữ Hư Nguy ốc Bích, Khuê Lâu Vị Mão Tất Tuy Sâm, Tỉnh Quỷ Liễu Tinh Trương Dực Chẩn. Họ có vạn đạo hào quang, nghìn luồng đoan khí.

“Nhựt nguyệt tinh tú phóng hào quang.’’ ‘’Khắp cùng ngang dọc khó ẩn núp.’’ Thứ hào quang này, dọc cùng ba đời, ngang khắp mười phương. Giống như đèn sáng chiếu soi, thì phía dưới gì cũng đều thấy được, yêu ma quỷ quái gì, cũng chẳng có chỗ ẩn núp.

‘’Phổ Hương Thiên Tử ra hiệu lệnh.’’ Trong đó có vị Phổ Hương Thiên Tử phát ra hiệu lệnh.

‘’Yêu ma quỷ quái đều ẩn trốn.’’ Yêu ma quỷ quái đều chạy tán. Có kẻ núp trong hạt bụi, có kẻ trốn trong lá cây, có kẻ trốn trong hang chuột. Chúng đều lão thực, không dám tác quái. Cho nên binh trời tướng trời cũng chẳng quản chúng.

Có một lối nói khác, Nhị Thập Bát Tú là: ‘’Nhựt Nguyệt Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ, Giao Long Hạc Thố Hồ Hổ Báo, Giải Ngưu Bức Thử Yến Trư Thâu, Lang Trĩ Kê Ô Hầu Viên, Ngạn Dương Kính Mã Lộc Xà Dẫn.’’ Nhị Thập Bát Tú này, là Thần ban ngày. Mỗi ngày đều có một vị Thần ban ngày đến quản. Ngày này hoặc là thuộc về thủy, hỏa, kim mộc, thổ .v.v… Xem tên thì biết ngay. Mỗi tháng ba mươi ngày, Nhị Thập Bát Tú này luân phiên, một lần là một vòng, luân phiên hết lại bắt đầu lại. Mỗi ngày có bốn vị Công tào. Các vị ấy là năm trị, tháng trị, ngày trị. Mỗi một thời thần là ai quản, mỗi một ngày, mỗi một tháng, mỗi một năm, là ai quản đều có nhất định. Nhị Thập Bát Tú này, là quản thiện ác, phàm là người làm thiện ác, các Ngài đều ghi nhớ hết, so với máy vi tính còn rõ hơn. Đây là máy vi tính trên trời, cho nên người tu đạo, tu hay không tu, đều có ghi chép. Bạn mỗi ngày tu được bao nhiêu công, đều tồn tại trong máy vi tính. Bạn tạo bao nhiêu nghiệp, cũng tồn tại trong máy vi tính, tơ hào đừng có khinh thường, chẳng phải bạn thích cho ai phiền não, thì cho người đó phiền não. Bạn cho người một phiền não, thì ghi vào trong máy vi tính, tơ hào không sai. Bạn đố kỵ chướng ngại người khác, khiến cho người không thể tu hành, tự cho rằng đắc ý. Nhưng tương lai sẽ có người đến chướng ngại bạn, nhân như thế nào, thì quả như thế đó, quả báo không thể nghĩ bàn. Do đó nhân quả tơ hào không thể sai, nhân quả một khi sai, thì tương lai không thể tưởng tượng được. Các vị chú ý ! Bốn vị Công tào này rất công bình, không a dua, dù bạn mua gà, mua vịt, cúng các vị ấy, họ cũng không nghe lời của bạn, họ chẳng ăn hối lộ.

Trên thế gian mỗi ngày có bốn vị Công tào, chuyên môn quản nhân sự, các vị ấy cũng giống như cảnh sát đi tuần. Xem bạn tu đạo, mỗi ngày ngồi thiền được bao lâu, ngủ bao lâu, ăn bao nhiêu, người đó hôm nay bớt ăn ba hạt gạo, bớt ăn hai miếng rau, tuyệt đối không thể sai. Nhị Thập Bát Tú này cũng là hộ pháp của người tu hành, bảo hộ bạn tu đạo. Bạn phát sinh vấn đề gì, thì các vị

đó đều phải hoàn toàn chịu trách nhiệm. Các bạn xem ! Lúc trời mưa to gió lớn, hai vị tam bộ nhất bái trước sau, phải trái, đều chẳng có gió, cũng chẳng có mưa. Đó đều là vì Nhị Thập Bát Tú hộ trì. Trời mưa to thì phía trên hai vị tam bộ nhất bái có một vòng tròn, trời không mưa thì vẫn bình thường.

Nhị Thập Bát Tú thần thông diệu dụng, đặc biệt hộ vệ hai vị tam bộ nhất bái, vì thấy hai vị đó kiền thành lạy, cho nên thật tu hành thì có thật cảm ứng. Nhưng nếu cứ đố kỵ, chướng ngại, suốt ngày đều nhìn người không đúng, cứ nói người không tốt, thì hộ pháp tuyệt đối không hộ trì bạn. Tại sao ? Vì bạn giống như máy chụp hình, chỉ chụp bên ngoài, chứ không chụp bên trong, lại giống như cái máy giặt đồ, cứ giặt đồ cho người khác, mà bên trong của mình dơ bẩn mà không biết !

Vẫn có các vị nhìn ra được chăng ? Mỗi lần tôi đều dùng cục phấn nhỏ biên trên bảng đen. Tại sao ? Vì trên thế giới này vật gì còn có thể dùng được thì dùng nó, đừng phí bỏ, chẳng phải tôi bỏ không được một chút phấn viết, mà vì nó còn dùng được, thì không nên bỏ đi. Vật có thể dùng mà chúng ta không dùng, vứt bỏ nó, đó gọi là lãng phí vật chất. Vật chất trên thế giới sẽ sớm chẳng còn nữa, chúng ta không biết tiết kiệm, thì tương lai sẽ rất nguy hiểm, tuy nhiên chỉ là một chút phấn viết, tôi cũng không muốn lãng phí nó. Đây là tông chỉ của tôi. Có người nói sư phụ Ngài quá hẹp hòi, tôi quyết không học với Ngài. Năm nay khoảng tháng giêng, tôi cho các bạn xem qua một cái khăn giấy mà tôi đã dùng qua bốn ngày vẫn chưa dùng xong ! Bạn nói trên thế giới vẫn có người cô hàn như thế. Không chỉ thế, mà vật gì tôi cũng không lãng phí. Tuy nhiên đây chẳng phải là việc lớn, tôi hy vọng các vị chú ý một chút, đừng lãng phí tài nguyên của thế giới.

161. Bạt xà ra thương yết ra chế bà

Kệ :
Kim cang khải giáp nhãn nan tĩnh
Chí đức nguy nguy lực vô cùng
Thôi toái quần tà tuyệt tông tích
Ngũ cốc phong thu khánh khang ninh.

Tạm dịch :
Mặc giáp kim cang sáng chói mắt
Oai đức vô biên lực vô cùng
Phá tan quần tà tuyệt dấu vết
Ngũ cốc phong túc khánh khang ninh.

Giảng giải: **Câu Chú này rất là lợi hại, chuyên phá tan thiên ma ngoại đạo, cho nên không thể tùy tiện niệm, nếu niệm thì chúng chịu chẳng thấu**.
''Mặc giáp Kim Cang sáng chói mắt.'' Những vị đại lực sĩ này là Bồ Tát thị hiện, mặc giáp kim cang phủ kín, đầu đội mũ bằng thép, thì dù đạn nguyên tử, đạn khinh khí đều bắn không vào được. Vì các Ngài chẳng có vật cứng gì mà không phá được, thứ quang (minh) này so với tử quang bây giờ còn lợi hại hơn, khiến cho người nhìn mắt mở không lên. Tử quang khiến cho người không biết mà chết. Quang (minh) này thì người biết được, nhưng nó không làm cho người vì thế mà chết. Tuy nhiên là hàng phục, nhưng vẫn có từ bi nguyện lực bao hàm trong đó.
''Oai đức vô biên lực vô cùng.'' Những vị ấy đều là đại Bồ Tát thị hiện, hoặc là Phật thị hiện. Các Ngài thị hiện Kim Cang lực sĩ, bưng núi, cầm chùy khắp cõi hư không, oai đức của các Ngài vô biên, oai lực cũng vô tận, bao nhiêu núi các Ngài đều nâng lên để vào lòng bàn tay.
''Phá tan quần tà tuyệt dấu vết.'' Khi niệm câu Chú này, thì yêu ma quỷ quái, đều không hình, không bóng, chẳng biết đi đến đâu, đều bị phá tan. Các bạn nghe qua rồi, đừng gặp chỗ nào cũng cho rằng ở đây có tà, để cho tôi niệm một niệm. Phàm việc gì đều phải tồn tâm từ bi, đừng khởi tâm đối đãi.
''Ngũ cốc phong túc khánh khang ninh.'' Lúc này yêu ma quỷ quái không tồn tại nữa thì phong hòa gió thuận, chẳng có ai gây phiền não, ai ai cũng chẳng có bệnh, đều mạnh khoẻ an lạc.

162. Bạt xà ra câu ma rị

Kệ :
Kim cang đồng nam thậm thiên chân
Bất giả tư tác thiện ác phân
Sát na biến du tam thiên giới
Nhất niệm chiếu liễu chúng sinh tâm.

Tạm dịch :
Kim Cang đồng nam rất thuần chân
Không cần suy tư rõ thiện ác
Khoảnh khắc du khắp ba ngàn cõi
Một niệm chiếu rõ tâm chúng sinh.

Giảng giải: ''Kim Cang đồng nam rất thuần chân.'' Đây giống như Tiểu Quả Đà, nói phải thọ năm giới, y giữ không được bèn khóc lên, rất thuần chân không tà, y chưa bao giờ nói dối.

‘’Không cần suy tư rõ thiện ác.’’ Ngài cũng không cần suy nghĩ người này là thiện, hay là ác, thì tự nhiên phân biệt rõ ràng, không cần làm bộ, làm tịch, thì minh bạch, cũng giống như tấm gương, đó là vì Ngài rất là thuần khiết, thanh tịnh.

‘’Khoảnh khắc du khắp ba ngàn cõi.’’ Tức là trong khoảng thời gian ngắn nhất, thần thông của Ngài du khắp ba ngàn đại thiên thế giới, không cần đi xe, đi máy bay, cũng chẳng cần bay mà đến.

‘’Một niệm chiếu rõ tâm chúng sinh.’’ Trong khoảng một niệm, thì Ngài đều minh bạch tâm của chúng sinh. Bất cứ chúng sinh có tâm niệm gì, Ngài Kim Cang đồng nam đều biết, đều thấy. Ngài không chỉ có bản lãnh này, mà thần thông của Ngài lớn vô cùng. Tại sao Ngài có thần thông lớn như thế ? Vì Ngài là đồng nam, một chút tâm nhiễm ô cũng chẳng có, một chút hành vi nhiễm ô cũng chẳng có, một chút ý niệm nhiễm ô cũng chẳng có, đều hoàn toàn thanh tịnh. Những bài kệ mà tôi tả rất là thiển cạn, nhưng hy vọng các bạn do cạn vào sâu, đây gọi là bỏ đá tìm ngọc, do kiến giải thô thiển này của tôi, làm cho trí huệ cao siêu của bạn phát sinh.

163. Câu lam đà rị

Kệ :
Viễn ly kết phược cận hữu đức
Kim cang La Sát hoá Ta Bà
Trang nghiêm đạo tràng thành thù thắng
Thiên mẫu công đức Bát Nhã Đa.

Tạm dịch :
Xa lìa trói buộc gần người có đức
Kim Cang La Sát hóa Ta Bà
Trang nghiêm đạo tràng thành thù thắng
Thiên mẫu công đức Bát Nhã Đa.

Giảng giải: Câu này dịch là “Lìa trói buộc”, ‘’Xa lìa trói buộc gần người có đức.’’ Xa lìa tất cả nghiệp chướng, trói buộc tức nghiệp chướng. Thân cận người có đức, trốn xa người hung ác.
‘’Kim Cang La Sát hóa Ta Bà.’’ Vị đồng nữ này gọi là Kim Cang nữ, lại gọi là Kim Cang La Sát nữ. Ngài đến thế giới Ta Bà giáo hóa chúng sinh.
‘’Trang nghiêm đạo tràng thành thù thắng.’’ Trang nghiêm tất cả đạo tràng thành mảnh đất tu hành thù thắng.

Trong Phật giáo Chú Lăng Nghiêm là một bộ Chú quan trọng nhất. Bộ Chú này là toàn thể đại dụng, có thể nói là bao quát tất cả giáo nghĩa Phật giáo. Chú Lăng Nghiêm phân làm năm bộ tức là : Kim Cang bộ, Bảo Sinh bộ, Liên Hoa bộ, Phật bộ, Yết Ma bộ, thuộc về năm phương. Phương đông Phật A Súc, Kim Cang bộ. Phương nam Bảo Sinh Phật, Bảo Sinh bộ. Chính giữa Phật Thích Ca Mâu Ni, Phật bộ. Phương tây Phật A Di Đà, Liên Hoa bộ. Phương bắc Phật Thành Tựu, Yết Ma bộ. Nếu như trên thế giới không còn người nào tụng Chú Lăng Nghiêm, thì thiên ma ngoại đạo sẽ xuất hiện. Nếu còn một người đọc tụng Chú Lăng Nghiêm, thì yêu ma quỷ quái đều phải ẩn trốn. Vì chúng chỉ sợ nhất là Chú Lăng Nghiêm, chúng tưởng hết phương pháp muốn diệt mất Chú Lăng Nghiêm này. Cho nên thời kỳ Phật pháp diệt, thì Chú Lăng Nghiêm diệt trước nhất, đồng thời Kinh Lăng Nghiêm cũng diệt trước nhất. Lúc đó yêu ma quỷ quái xuất hiện ra đời, muốn gì được nấy, muốn làm gì thì làm, không trời, không đất, không thần, không Phật, hoành hành chẳng sợ gì. Do đó tôi chủ trương mỗi vị Phật giáo đồ, đều phải học thuộc Chú Lăng Nghiêm, mỗi ngày tụng trì Chú Lăng Nghiêm, đó là bảo trì chánh pháp không bị diệt, thì chánh pháp trụ thế. Mạt pháp thì chẳng có ai niệm Chú Lăng Nghiêm. Do đó hôm nay giảng Chú Lăng Nghiêm chẳng phải là nhân duyên nhỏ. Đừng cho rằng chỉ có mấy mươi người nghe. Dù mấy mươi người, thiên ma ngoại đạo ở tại đó đã kinh hãi sợ sệt. Chú Lăng Nghiêm trụ thế, thì chánh pháp sẽ trụ thế, không có Chú lăng Nghiêm thì chánh pháp chẳng tồn tại.
Tôi nghiên cứu Phật giáo mấy chục năm, không dám nói đã minh bạch, nhưng có thể nói hơi có tâm đắc. Sự hiểu biết của tôi đối với Chú Lăng Nghiêm và Chú Đại Bi, hai Chú này không nhiều lắm, cũng không quá ít. Do đó đem những gì tôi hiểu biết giới thiệu các bạn. Các bạn đừng nửa nghe, nửa ngủ, nhất định phải đặc biệt chú ý, phấn chấn tinh thần lại!

164. Bạt xà ra hắt tát đa giá

Kệ :
Kim cang cự thủ ngũ chỉ luân
Hà nhĩ yêu phần tận độn hình
Hộ trì hữu tình thành đại đạo
Toại tâm mãn nguyện hướng tiền trình.

Tạm dịch :
Kim Cang tay lớn diệu vô cùng
Yêu khí xa gần ẩn trốn hết

Hộ trì hữu tình thành đại đạo
Toại tâm mãn nguyện hướng về trước.

Giảng giải: Kim Cang bộ thuộc về pháp hàng phục. Bất cứ thiên ma ngoại đạo, lỵ mị vọng lượng, trâu quỷ xà thần, đều sợ Kim Cang lực sĩ. Khi thấy Kim Cang lực sĩ, thì tất cả yêu ma quỷ quái đều phải lão lão thực thực, ẩn trốn vào trong bóng tối, không dám xuất hiện. Hơn nữa là Kim Cang tay lớn, bất cứ chúng chạy đến đâu, có thể duỗi tay một cái, thì bắt chúng lại. Cho nên nói: ‘’Kim Cang tay lớn diệu vô cùng – Yêu khí xa gần ẩn trốn hết.’’ Bất cứ xa gần có tà khí, yêu khí, đều phải ẩn trốn. Vậy phải chăng Kim Cang lực sĩ chẳng biết ? Chẳng phải. Nhưng vì chúng đã bị hàng phục, sinh tâm sợ sệt, thì không cần phải giết chúng. Bạn đừng xem Ngài là Kim Cang lực sĩ, các Ngài đều đầy đủ đại từ bi, đều là đại quyền thị hiện, hiện tướng có uy đáng sợ, để hàng phục yêu ma quỷ quái.
‘’Hộ trì hữu tình thành đại đạo.’’ Kim Cang lực sĩ bảo hộ chi trì tất cả hữu tình đều tu hành, thành tựu đạo nghiệp của họ.
‘’Toại tâm mãn nguyện hướng tiền trình.’’ Bạn muốn tu pháp môn gì, thì tu pháp môn đó, nhất định sẽ thành công, toại tâm mãn nguyện, nhưng bạn đừng thối lùi, chỉ hướng về trước dũng mãnh tinh tấn.

165. Tỳ địa gia

Kệ :
Phổ giác thế gian chư chúng sinh
Thiện ngữ giáo hoá viễn ly trần
Dũng mãnh tinh tấn đăng bỉ ngạn
Đảo giá từ thuyền cứu khổ luân.

Tạm dịch :
Giác khắp các chúng sinh thế gian
Lời lành giáo hóa sạch bụi trần
Dũng mãnh tinh tấn lên bờ giác
Từ bi trở lại cứu khổ luân.

Giảng giải: Tỳ Địa Gia dịch là “Giác khắp”, tức không có lựa chọn, khiến cho hết thảy chúng sinh đều giác ngộ, đều minh bạch, không hồ đồ, cho nên nói: ‘’Giác khắp các chúng sinh thế gian.’’ Khiến cho hết thảy chúng sinh bỏ mê về giác, đắc được bồ đề.
‘’Lời lành giáo hóa sạch bụi trần.’’ Dùng lời khéo léo giáo hóa chúng sinh, xa lìa tất cả pháp nhiễm ô, mà tu tất cả pháp thanh tịnh, đắc được vô thượng bồ

đề.
‘’Dũng mãnh tinh tấn lên bờ giác.’’ Tự mình lựa chọn một con đường tốt, dũng mãnh tinh tấn hướng về trước, nếu không giải đãi thì nhất định sẽ thành công. Từ bờ sinh tử bên này qua dòng sông phiền não, mà đạt được bờ Niết Bàn bên kia, đắc được thường lạc ngã tịnh bốn đức. Lúc đó thì: ‘’Từ bi trở lại cứu khổ luân.’’ Không quên chúng sinh khổ ở thế gian, phát tâm đại từ bi đến cứu độ chúng sinh thọ khổ. Họ đều đọa lạc trầm luân không giác ngộ, tôi muốn khiến cho họ đều giác ngộ, đồng ra khỏi biển khổ mà đạt đến cõi Thường Tịch Quang Tịnh Độ thanh lương tự tại.

166. Kiền giá na

Kệ :
Tứ đại Thiên Vương hộ chánh quy
Thái tử quyến thuộc các sính oai
Tam giới thiện ác ký công quá
Nhật dạ tuần du thời khắc thôi.

Tạm dịch :
Bốn vị Thiên Vương hộ chánh quy
Thái tử quyến thuộc oai lẫm liệt
Ba cõi thiện ác ghi nhớ hết
Tuần du ngày đêm không sao lãng.

Giảng giải : Trước câu này nói về Hộ Pháp Kim Cang bộ, tức là hộ giáo thiện thần. Câu này bao quát “Bốn vị Thiên Vương và thái tử của họ và các quyến thuộc”. Những vị Kim Cang thiện thần này, đều thuộc về Phật A Súc, Kim Cang bộ thống lãnh. Chú Lăng Nghiêm đến đây là bộ chúng Kim Cang bộ. Do đó đoạn Chú này đa số thuộc về pháp hàng phục, dùng Kim Cang lực sĩ hàng phục thiên ma ngoại đạo.
‘’Bốn vị Thiên Vương hộ chánh quy.’’ Tứ đại Thiên Vương là: Trì Quốc Thiên Vương, Tăng Trưởng Thiên Vương, Quảng Mục Thiên Vương, Đa Văn Thiên Vương. Bốn vị đại Thiên Vương này bảo hộ chánh nhân quân tử, chúng sinh giữ quy cụ.
‘’Thái tử quyến thuộc oai lẫm liệt.’’ Những vị thái tử của các vị Thiên Vương và tất cả quyến thuộc đều oai phong lẫm liệt, chứ chẳng phải sát khí đằng đằng. Mà là khiến cho tất cả chúng sinh có uy phải sợ, để hàng phục thiên ma ngoại đạo.
‘’Ba cõi thiện ác ghi nhớ hết.’’ Các Ngài tuần tra xem việc thiện ác trong tam

giới: Dục giới, sắc giới, vô sắc giới. Bất cứ ai làm việc thiện, việc ác, các Ngài đều ghi nhớ. Vọng niệm của bạn chánh, hay bất chánh, đều nhớ hết. Ai có ý nghĩ khinh khi trời, hại người, cũng ghi nhớ hết thảy. Ở nhân gian có máy thu để thu, các vị ấy chẳng dùng máy thu, nhưng trong hư không có máy thu hiện thành, so với máy thu của chúng ta còn diệu hơn nhiều, không cần dùng tiền để mua. Bổn lai đã có, cho nên gọi là diệu hữu. Diệu hữu ở tại đâu ? Ở trong chân không. Chân không chẳng ngại diệu hữu, diệu hữu chẳng ngại chân không. Chân không chẳng không, cho nên có diệu hữu. Diệu hữu chẳng có, cho nên chẳng ngại chân không, hổ tương viên dung vô ngại. Không giống như nhân gian, có vật này thì chướng ngại vật kia. Người này ngăn cản chỗ này, thì người kia qua chẳng được. Hư không gì cũng chẳng có, nhưng gì cũng đều có. Nếu minh bạch thì gì cũng đều có. Nếu không minh bạch thì gì cũng chẳng có. Chân không là chân không, diệu hữu là diệu hữu. Nếu minh bạch thì trong chân không tức là diệu hữu. Nếu không minh bạch, thì trong diệu hữu cũng không minh bạch có chân không, không minh bạch chân không diệu hữu hỗ tương vô ngại. Nếu dùng nhục nhãn của phàm phu để dò chân lý chân không diệu hữu, thì không khi nào đắc được đáp án viên mãn. Thái tử của Tứ Đại Thiên Vương ngày đêm quán sát điều tra, xem người thiện nhiều, hay người ác nhiều. Thiện nhiều thì mời họ lên trời, ác nhiều thì phạt họ đọa làm ngạ quỷ, súc sinh, địa ngục. Do đó bốn vị Đại Thiên Vương này, cũng rất bận rộn, hằng ngày tính sổ với thái tử, đại khái họ đã học qua toán số, so với máy vi tính còn rõ hơn.

167. Ma rị ca

Kệ :
Tam quang Thiên Vương quyến thuộc đa
Dương diệm nhật chiếu mật ba la
Đại Lực Kim Cang trừ uế tích
Hộ trì hành giả xuất ái hà.

Tạm dịch :
Tam quang Thiên Vương nhiều quyến thuộc
Dương diệm nhựt chiếu Mật Ba La
Kim Cang Đại Sĩ trừ quần ma
Hộ trì hành giả thoát biển ái.

Giảng giải: Câu này là “Quyến thuộc của tam quang » là: Mặt trời, mặt trăng, sao. Mặt trời có quyến thuộc của mặt trời, mặt trăng có quyến thuộc của mặt

trăng, sao có quyến thuộc của sao. Mỗi một quyến thuộc lại có quyến thuộc của họ.
''Dương diệm nhật chiếu Mật Ba La.'' Dương diệm bị mặt trời chiếu thì chẳng còn, tức cũng đến được bờ bên kia, khôi phục lại thanh tịnh. Dương diệm cũng như vọng tưởng, nếu bạn có trí huệ chân chánh, chiếu một chiếu thì nó tiêu diệt mất, đắc được quang minh.
''Kim Cang lực sĩ trừ quần ma.'' Oai lực của Kim Cang lực sĩ lớn vô cùng, có thể bưng núi cầm chùy, khắp cùng cõi hư không, trừ thiên ma ngoại đạo yêu ma quỷ quái.
''Hộ trì hành giả thoát biển ái.'' Bảo hộ người tu hành thoát khỏi biển ái dục, khôi phục lại thanh tịnh. Kim Cang đại lực sĩ có sự hộ trì rất lớn đối với người tu hành. Hộ trì người tu hành vượt khỏi biển ái chẳng phải dễ.

168. Khuất tô mẫu

Kệ :
Nguyệt quang biến chiếu chúng sinh tâm
Thanh lương tự tại tịnh vô trần
A Di Đà Phật vi pháp chủ
Quán Âm Thế Chí thân thượng thân.

Tạm dịch :
Nguyệt quang chiếu khắp tâm chúng sinh
Mát mẻ tự tại sạch bụi trần
A Di Đà Phật làm pháp chủ
Quán Âm Thế Chí thân lại thân.

Giảng giải : Câu này là “Nguyệt thần”, “Thần nguyệt quang”, nguyệt thần có đại quang minh, cho nên nói: ''Nguyệt quang chiếu khắp tâm chúng sinh.'' Chiếu vào trong tâm thành của mỗi người.
''Mát mẻ tự tại sạch bụi trần.'' Chúng sinh mát mẻ tự tại, không có một chút tư tưởng nhiễm bụi trần.
''A Di Đà Phật làm pháp chủ.'' Đây là Tây Phương Liên Hoa bộ, A Di Đà Phật làm pháp chủ. Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, chúng ta và chúng sinh thân lại thân, thân lại càng thân, cho nên đừng quên tại thế giới Ta Bà, cho rằng đây là quyến thuộc của ta, đây là anh em chị em của ta, thực ra họ không nhất định quá thân. Quán Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát mới là chí thân. A Di Đà Phật là pháp thân phụ mẫu của chúng ta. Cho nên nói :

‘’Phật như vầng trăng sáng
Lơ lững trên bầu trời
Nước tâm chúng sinh tịnh
Bóng bồ đề hiện ở ra.’’

169. Bà yết ra đá na

Kệ :
Khúc tâm vi trực đạo tâm chân
Thành tựu đạo tràng đức vi lân
Bắc phương chúng Thánh đồng ủng hộ
Thuỷ Quang đồng tử nhật nhật tân.

Tạm dịch :
Tâm cong dũa thẳng đạo tâm chân
Thành tựu đạo tràng đức là gốc
Phương bắc Thánh chúng đều ủng hộ
Thủy Quang đồng tử ngày ngày mới.

Giảng giải: ‘’Tâm cong dũa thẳng đạo tâm chân.’’ Đem tâm dua vạy, biến thành tâm thẳng, thì đạo tâm mới chân.
‘’Thành tựu đạo tràng đức là gốc.’’ Đây là phương bắc Phật Thành Tựu, cũng là Yết Ma bộ. Thành tựu đạo tràng, bạn cần phải có đức hạnh. Nếu bạn không có đức hạnh thì bất cứ làm gì, thành tựu gì, cũng chẳng có ý nghĩa. Hơn nữa là người tu đạo nhất định phải có đức hạnh. Gì gọi là đức hạnh ? Đức hạnh tức là chịu thiệt thòi, chịu nhẫn nại, không chiếm tiện nghi, thường lợi người.
Ý nghĩa lợi người, tức là tài bồi phước của bạn, tài bồi huệ của bạn, tài bồi đạo của bạn, tài bồi đức của bạn. Nếu bạn cứ chiếm tiểu tiện nghi của người, không chịu thiệt thòi, đó là biểu thị đức hạnh chẳng đủ. Chúng ta người tu đạo càng nên tài bồi đức hạnh, không có đức hạnh thì giống như trên thân chẳng có khí huyết, người sẽ khô héo. ‘’Đức là gốc, tài là ngọn.’’ Đức hạnh là gốc rễ, tiền tài là ngọn ngành.
Bây giờ một số người cứ tìm bên ngoài, theo ngọn mà bỏ gốc, quên mất gốc rễ đức hạnh, không nói gì đến đạo đức, không nói lời của con người, cứ nói lời của quỷ ma. Người thì phải nói lời của con người, trời, đất, quân, thân, sư, đó là lời của con người, đừng nói lời quỷ ma.
‘’Phương bắc Thánh chúng đồng ủng hộ.’’ Phương bắc thành tựu đạo tràng Yết Ma bộ, tất cả Bồ Tát Thánh chúng đồng đến ủng hộ bạn.
‘’Thủy Quang đồng tử ngày ngày mới.’’ Thủy Quang đồng tử ngày ngày tẩy

rửa, làm cho sạch bụi trần. Nếu không tẩy sạch bụi trần, thì thật là quá lười biếng. Thủy Quang đồng tử chẳng phải thế, Ngài ‘’Ngày mới ngày ngày mới, ngày càng mới.’’ Mỗi ngày bạn phải bớt đi vọng tưởng, đừng khởi vọng tưởng mãi, đừng nhiều tham sân si như thế.

Chúng ta tu Phật pháp chủ yếu là thân phải thực hành. Nếu chỉ nói mà không làm, làm một chút cũng chẳng có, thì chẳng có ý nghĩa gì hết. Cho nên học Phật pháp mà không hành Phật pháp, đều là lãng phí thời gian, lãng phí tinh thần, làm cho thời gian trôi qua lãng phí, đó là việc hết sức thiếu sót. Tôi dạy các bạn Phật pháp đã hơn mười năm, mà các bạn chân chánh minh bạch Phật pháp, không thể nói là không có nhưng rất ít. Có gì để chứng minh ? Đó là sự nóng giận của mỗi người các bạn vẫn lớn như thế, hỏa khí vẫn cao như thế, hoàn toàn chẳng có sự biến hóa khí chất. Đó là chứng minh không hiểu Phật pháp chân chánh. Người chân chánh hiểu được Phật pháp, thì bất cứ người khác không đúng như thế nào, cũng không nóng giận. ‘’Họ không nể nang đối với tôi, thậm chí áp bức tôi, đánh tôi, mắng tôi, hủy báng tôi, những gì không đúng, tôi đều phải dùng tâm nhẫn nại lớn nhất để nhẫn nại.’’ Như vậy mới không lãng phí thời gian, lãng phí tinh thần. Muốn qua được sông không cần thuyền, thì phải thoát trừ phiền não, đừng có hỏa khí lớn như thế, đừng có vô minh lớn như thế, phải triệt để biến đổi nóng giận của mình. Tập khí mao bệnh nếu không sửa, thì đến lúc nào cũng đều là sự trói buộc bám níu, đừng nói chi đến vượt qua bờ bên kia.
Các bạn nghĩ xem, tại thế giới này, hiện tại quá nhiều nguy hiểm, chúng ta còn không phát bồ đề tâm, cứu thế giới nhân tâm còn đợi gì nữa ? Chúng ta không có cách mới chờ đợi, cho nên nhất định phải cung hành thực tiễn. Phải hành lục độ : Thứ nhất phải bố thí, bố thí chẳng phải cứ kêu người bố thí, người ta có công đức, mình thì chẳng có công đức. Người ta bố thí cho bạn, bạn có công đức gì mà nhận sự bố thí của người ? Có người cưỡng từ đoạt lý nói: ‘’Tôi là người xuất gia, nên nhận người cúng dường.’’ Bạn là người xuất gia chẳng có đức hạnh mà nhận người cúng dường, vậy là đã lỗ vốn lại thêm nợ. Cho nên có câu :

‘’Hạt gạo thí chủ cho
Nặng bằng núi Tu Di
Ăn xong chẳng tu đạo
Đội sừng mang lông trả.’’

Chẳng phải đơn giản như thế, thì có thể nhận sự cúng dường của người.

170. Bệ lô giá na

Kệ :
Chúng quang củng chiếu đại oai đức
Tấn lôi phong liệt biến hoá thuyết
Hàng phục ngoại đạo quy chánh pháp
Ngũ uẩn vĩnh ly xuất võng la.

Tạm dịch :
Chúng quang chiếu quanh đại oai đức
Sấm sét gió mạnh biến hóa thuyết
Hàng phục ngoại đạo quy chánh pháp
Vĩnh lìa năm trược thoát lưới La.

Giảng giải: Câu này dịch có ba nghĩa là "Chúng quang", "Nhựt quang", và "Dũng quân". Đây đều là oai lực của pháp hàng phục. Cho nên kệ nói rằng: ''Chúng quang chiếu quanh đại oai đức.'' Đây là quang minh của mặt trời, mặt trăng, sao, quang minh của Phật, quang minh của thần, và tất cả quang minh, chiếu quanh người có đại oai đức, có đại pháp lực. Ai có đức hạnh thì người đó được chúng quang gia bị hộ trì. Thiên Long bát bộ, Hộ Pháp thiện thần thường hiện ra cảnh giới không thể nghĩ bàn. Có khi thuận độ, có khi nghịch độ, triết, nhiếp, hai môn xử dụng với nhau.
''Sấm sét gió mạnh biến hóa thuyết.'' Sấm sét không kịp bịt tai, gió bão thổi một giờ năm trăm dặm, một ngàn dặm, vô cùng lợi hại. Đó đều là một thứ biến hóa thuyết, dùng pháp không thể nghĩ bàn để thuyết pháp.
''Hàng phục ngoại đạo quy chánh pháp.'' Không những người phải quy chánh pháp, mà yêu ma quỷ quái đều phải quy chánh pháp.
''Vĩnh lìa năm trược thoát lưới La.'' Ngũ trược là kiếp trược, kiến trược, phiền não trược, chúng sinh trược, mạng trược. Trong Kinh Di Đà nói rất rõ ràng. ''Thế giới Ta Bà là lưới La.'' Lục đạo luân hồi cũng là lưới La. Chợt trên trời, chợt dưới đất, chợt làm ngạ quỷ, chợt làm A tu la. Bạn muốn tìm chút tự do cũng chẳng có, cho nên phải vượt khỏi lưới La sáu đường luân hồi này.

171. Câu rị gia

Kệ :
Tối thượng thắng sinh pháp lực toàn
Nhất thiết chủng loại tận bao hàm

Trang châu cổ bồn thành đại đạo
Khán phá phóng hạ đăng từ thuyền.

Tạm dịch :
Tối thượng thắng sinh đại pháp lực
Tất cả giống loài tận bao dung
Trang Chu gõ bồn thành đại đạo
Nhìn thủng buông đặng lên từ thuyền.

Giảng giải: ‘’Tối thượng thắng sinh đại pháp lực.’’ Câu Rị Gia dịch là “Tối thượng”, lại dịch là “Thắng sinh”, là pháp lực rất diệu, không thể nghĩ bàn. ‘’Hết thảy giống loài tận bao dung.’’ Bao dung tất cả giống loài. Ai ai tu pháp này, thì ai ai cũng đều lìa khổ được vui.
‘’Trang Chu gõ bồn thành đại đạo.’’ Có một câu chuyện nay kể cho các bạn nghe: Tại Trung Quốc vào thời chiến quốc, nước Sở có một vị Trang Chu (Trang Tử), giỏi về văn chương ông ta nói: ‘’Đời tôi thì có giới hạn, nhưng sự hiểu biết vô cùng vô tận, dùng hữu hạn để biết vô hạn, đến chết cũng không hết được.’’ Sinh mạng của tôi có thời hạn, mà trí huệ tri thức chẳng có bờ mé. Dùng sinh mạng hữu hạn của tôi, truy cầu tri thức vô cùng vô tận, đến chết cũng truy cầu chẳng xong. Đương thời học vấn của ông ta rất cao siêu, do đó rất nhiều học sinh, học đạo với ông ta, ông ta là một vị học giả, không những học vấn rất giỏi mà đạo đức cũng chẳng kém. Rất nhiều học trò, học với ông ta cách thức làm người.
Một ngày nọ, ông ta từ bên ngoài đi về nói với vợ của ông ta rằng: ‘’Hôm nay tôi thấy được một việc rất là kỳ lạ.’’
Vợ ông ta hỏi việc gì vậy ?

Trang Tử nói: ‘’Tôi trên đường về thấy một phụ nữ, dùng hai tay cầm cây quạt lớn quạt mồ. Đất mồ là đất mới đào lên còn ướt. Tôi cảm thấy rất quái lạ, người đã chết rồi, chôn dưới mồ còn sợ nóng chăng ? Tại sao còn phải quạt’’ ?
Bèn hỏi bà ta : ‘’Làm như vậy là nghĩa gì‘’ ?

Bà ta nói : ‘’Ông không biết, hỏi chuyện này để làm gì ? Trong mồ này là chồng tôi, tôi và y ân ân ái ái, tôi rất thương chồng tôi, nhưng y hốt nhiên bệnh mà qua đời, song, tôi thương y, nhưng y đã chết không thể thương y được nữa, tôi phải cải giá. Tuy là cải giá, nhưng không nhẫn tâm khi đất chưa khô mà đi cải giá. Nếu đợi đến đất mồ khô, thì phải đợi đến mấy ngày, cho nên tôi dùng quạt, quạt đất cho mau khô, để tôi sớm cải giá, như vậy thì tình cũng hết mà nghĩa cũng dứt, tâm của tôi hết thương y, cho nên tôi phải quạt mồ.’’
Vợ ông Trang Chu nói: ‘’Người đàn bà đó rất là đê tiện, chỉ mấy ngày mà đợi không được phải quạt mồ, nếu là tôi, tôi sẽ thủ tiết suốt đời, vĩnh viễn không cải

giá.’’
Trang Chu nói: ‘’Có thật chăng‘’ ?
Vợ của y nói: ‘’Tôi gạt ông làm gì, đó còn có giả chăng‘’ ?

Rất kỳ lạ, Trang Tử nói xong thì bệnh té ngã, chẳng bao lâu thì chết. Vợ của y thấy chồng chết rồi, bèn đi mua một cái quan tài bỏ y vào. Đương lúc liệm thi thể của y vào trong quan tài, thì người cháu của vua Sở đến, đến bằng chiếc xe rất quý giá, trên xe nạm đá quý, ngọc ngà, châu báu, rất là sang trọng quý giá, thoáng nhìn thì biết là một vương tử giàu có. Anh ta đến đây tìm Trang Tử.
Vợ Trang Tử nói : ‘’Cậu tìm ông để làm gì‘’ ?
Anh ta nói: ‘’Tôi nghe nói Trang Tử là học giả nổi tiếng, đến đây muốn học với ông ta.’’
Vợ Trang Tử nói: ‘’Thật quá muộn, phải chi đến sớm mấy ngày thì tốt, bây giờ ông ta đã chết rồi.’’

Anh ta nói: ‘’Ông ta đã chết nhất định ông ta để lại rất nhiều sách, tôi có thể ở đây đọc được chăng‘’?
Vợ của Trang Tử nhìn thấy cháu của Sở vương, vừa khôi ngô, vừa tuấn tú, thật là một chàng trai đẹp, trong tâm bỗng giao động bèn nói: ‘’Tốt ! Tôi hoan nghênh cậu ở đây đọc sách.’’
Do đó cậu ta lưu lại. Vợ Trang tử chịu không được, bèn sinh lòng thương cháu Sở vương nói : ‘’Thầy của anh đã chết rồi, tôi còn rất trẻ, anh cũng rất trẻ, hay là chúng ta kết hôn với nhau.’’
Cháu Sở vương nói : ‘’Cô muốn kết hôn với tôi có thể được, nhưng tôi không biết cô là thật hay là giả, có gạt tôi chăng ? Nếu lời của cô là thật tâm, thầy của tôi Trang Tử ở trong quan tài, thì cô hãy mở nắp quan tài ra cho tôi xem mặt của thầy, sau đó tôi có thể kết hôn với cô.’’
Vợ Trang Tử nói : ‘’Đâu có vấn đề gì‘’ !

Do đó cầm búa mở nắp quan tài ra. Trang Tử bỗng ở trong quan tài nói : ‘’Bà phải thủ tiết một đời, sao bây giờ mở quan tài của tôi ra‘’ ?
Nói xong Trang Tử đi ra khỏi quan tài, vợ Trang Tử quay lại, thì cũng chẳng thấy cháu Sở vương đâu cả. Cho nên Trang Tử bèn nói mấy lời : ‘’Sự độc hại của loài rắn độc và loài ong vàng, cả hai không bằng sự độc hại của tâm đàn bà.’’
Nói xong mấy câu này, sau đó y gõ một cái bồn, vừa gõ bồn vừa hát :

‘’Nhìn thấu buông xả, đi mau lên ! ‘’

Cũng không biết y đi về đâu. Đây gọi là :

‘’Trang Chu gõ bồn thành đại đạo,
Nhìn thấu buông xả lên từ thuyền.’’

Hết thảy đều nhìn thấu buông xả. Tôi nói câu chuyện này, nữ giới đều không phục: ‘’Đều nói người nữ chúng ta, sao không nói bên nam giới các vị ! Sư phụ ! Nói thẳng ra là không thể làm sư phụ.’’ Vậy tôi sửa nó lại: ‘’Sự độc hại của loài rắn độc và sự độc hại của loài ong vàng, cả hai đều độc, nhưng độc ác nhất là tâm của con người, kể cả người nam lẫn người nữ.’’
Người tu đạo thời xưa đều có thần thông, thiên biến vạn hóa, có thể dời núi lấp biển, tung đậu thành binh. Lấy một hạt đậu tung lên không trung, thì biến thành quân đội thiên binh vạn mã. Gọi gió kêu mưa, gọi gió đến thì gió đến, kêu mưa thì mưa xuống. Vợ Trang Tử không biết Trang Tử là một cao nhân đắc đạo. Không biết tức là trước mắt không nhận ra, bỏ qua cơ hội. Số là ý của Trang Tử muốn độ vợ của y tu hành, nhưng vợ của y không tin lời của ông ta. Nói gì cũng đều không tin, cho nên chỉ có thể gõ bồn xướng bài Tá Giang Nguyệt rằng:

“Phú quý năm canh xuân mộng
Công danh một đám mây trôi
Cốt nhục trước mắt đã chẳng thật
Ân ái trở thành cừu hận.
Chớ lấy gông vàng cùm cổ
Đừng dùng vòng ngọc trói thân
Thanh tâm quả dục thoát hồng trần
Khoái lạc tiêu dao tự tại”.

Đó mới là chân chánh giải thoát, chân chánh khoái lạc, chân chánh bổn địa phong quang, là bộ mặt thật của mỗi người.

172. Dạ ra thố

Kệ :
Vô lượng quang tịnh chư Như Lai
Thiên Vương bộ chúng hộ liên đài
Ta thán vô kiến đảnh tướng diệu
Bồ Tát Đại Sĩ tiếu nhan khai.

Tạm dịch :
Vô lượng tịnh quang các Như Lai
Thiên Vương bộ chúng hộ đài sen

Khen ngợi vô kiến đảnh tướng tốt
Bồ Tát Đại Sĩ cười hoan hỷ.

Giảng giải: Dạ Ra Thố dịch là “Vô lượng tịnh quang”. ‘’Vô lượng tịnh quang các Như Lai.’’ Vô lượng tịnh quang này là tất cả các đức Phật phóng ra.
‘’Thiên Vương bộ chúng hộ đài sen.’’ Tứ đại Thiên Vương thống lãnh tất cả bộ chúng đến bảo hộ Phật, đến hộ trì chánh pháp.
‘’Khen ngợi vô kiến đảnh tướng tốt.’’ Tất cả đều tán thán khen ngợi tướng vô kiến đảnh của Phật diệu không thể nói.
‘’Bồ Tát Đại Sĩ cười hoan hỷ.’’ Đại Bồ Tát đều sinh đại hoan hỷ, cười thỏa thích.

173. Sắt ni sam

Kệ :
Nhục kế đảnh tướng bách bảo quang
Thiên diệp liên hoa toạ Pháp Vương
Diễn thuyết vô tận chủng chủng nghĩa
Tỳ Lô Giá Na cam lộ tương.

Tạm dịch :
Đảnh tướng nhục kế trăm quang báu
Hoa sen ngàn cánh Pháp Vương ngồi
Diễn nói vô tận đủ thứ nghĩa
Tỳ Lô Giá Na rưới cam lồ.

Giảng giải: ‘’Đảnh tướng nhục kế trăm quang báu.’’ Tức là trong kệ Chú Lăng Nghiêm nói: ‘’Bấy giờ từ trong nhục kế của Đức Thế Tôn phóng ra trăm luồng quang minh báu, trong quang minh vọt ra hoa sen báu ngàn cánh, có hóa Như Lai ngồi trong hoa sen báu, trên đỉnh phóng ra mười đạo trăm quang minh báu ’’.
‘’Pháp Vương ngồi hoa sen ngàn cánh.’’ Trên đài hoa sen ngàn cánh có đức Phật ngồi trên đó.
‘’Diễn nói vô tận đủ thứ nghĩa.’’ Giảng giải đủ thứ đạo lý Phật pháp, không cùng tận.
‘’Tỳ Lô Giá Na rưới cam lồ.’’ Phật rưới cam lồ khắp hết thảy chúng sinh, khiến họ đều thấm nhuần nước pháp cam lồ.

174. Tỳ triết lam bà ma ni giá

Kệ :
La Sát thần quỷ thiện hựu ác
Chiết nhiếp nhị môn hoá nhẫn trược
Cang cường chúng sinh nan điều phục
Thị cố hốt ma diệc hốt Phật.

Tạm dịch :
Quỷ thần La Sát thiện và ác
Triết hóa hai môn độ nhẫn trược
Chúng sinh cang cường khó điều phục
Khi thì hiện ma khi hiện Phật.

Giảng giải: Câu này dịch là "Thần La Sát", cũng là "Quỷ La Sát", hoặc là "Dân chúng La Sát". Quỷ mẹ và quỷ con La Sát không việc ác nào mà chẳng làm, còn Thần La Sát thì không việc thiện nào mà chẳng làm. Không việc ác nào mà chẳng làm, thì dùng pháp môn triết phục để giáo hóa chúng sinh. Không việc thiện nào mà chẳng làm, thì dùng pháp môn nhiếp thọ để nhiếp thọ chúng sinh. Cho nên nói : ‘’Quỷ thần La Sát thiện và ác.’’ Tuy nhiên có thiện, có ác, đều là làm đại Phật sự. Sự tầm nhìn thông thường của con người, thì không việc ác nào mà chẳng làm, thực tế là triết phục chúng sinh, khiến cho chúng sinh cang cường phát bồ đề tâm. Quỷ La Sát làm việc thiện, tức là nhiếp thọ chúng sinh, khiến cho họ cũng phát bồ đề tâm. Cho nên mới dùng triết, nhiếp hai môn để hóa độ đời ác năm trược. Chúng sinh thế giới này kham chịu đựng được sự thống khổ ác trược, cho nên gọi là thế giới kham nhẫn.
‘’Chúng sinh cang cường khó điều phục.’’ Căn tánh của chúng sinh rất đặc biệt. Bạn nói phương tây tốt, thì họ chạy về phương đông. Bạn nói phương đông tốt, thì họ chạy về phương tây. Tóm lại, họ cứ làm ngược lại với bạn. Bạn dạy họ làm lành, thì họ muốn làm ác. Bạn dạy họ hiếu thảo, thì họ muốn giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, phá hòa hợp Tăng, làm thân Phật chảy máu. Chuyên môn làm việc trái đạo. Nếu không có tâm nhẫn nại, muốn giáo hóa chúng sinh, đừng nói đến giáo hóa không thành, mà mình tức muốn chết được. Cho nên nói : ‘’Khi thì hiện ma khi hiện Phật.’’ Vì vậy có lúc ma hiện tiền, khiến cho bạn phát bồ đề tâm, có lúc Phật hiện tiền, làm cho bạn phát bồ đề tâm. Phật và ma vốn không thể hợp tác, nhưng vì giáo hóa chúng sinh, có lúc đổi ngôi vị mà dạy, hổ tương thay đổi địa vị.

175. Bạt xà la. Ca na. Ca ba la bà

Kệ :

Kim Cang Tạng Vương oai phục hành
Vô ngôn thuyết tướng giác hữu tình
Công đức diệu trí pháp luân chuyển
Đồng nhập Niết Bàn tức phân tranh.

Tạm dịch :
Kim Cang Tạng Vương oai lực hành
Không lời nói tướng giác hữu tình
Công đức diệu trí chuyển pháp luân
Đồng vào Niết Bàn dứt phân tranh.

Giảng giải: Câu này dịch là "Kim Cang Tạng", lại gọi là "Oai lực hành". ''Kim Cang Tạng Vương oai lực hành.'' Ngài dùng oai đức để hàng phục tất cả ngoại đạo.
''Không lời nói tướng giác hữu tình.'' Lìa tướng văn tự, lìa tướng nói năng. Quét tất cả pháp, lìa tất cả tướng. Cho nên: ''Không lời nói tướng giác hữu tình – Công đức diệu trí chuyển pháp luân.'' Dùng không lới nói tướng. "Vô Ngôn Đường" của Vạn Phật Thành diễn nói diệu pháp không lời. Giác ngộ tất cả hữu tình. Dùng gì để giác ngộ ? Dùng công đức và diệu trí huệ. Nếu không có công đức và trí huệ, thì không thể chuyển đại pháp luân, giáo hóa chúng sinh. Vì không có công đức, thì người khác không tin pháp của bạn nói. Nếu không có diệu trí, thì thuyết pháp không thể khế lý khế cơ.
''Đồng vào Niết Bàn dứt phân tranh.'' Niết là không sinh, Bàn là không diệt. Không sinh không diệt thì đắc được thường lạc ngã tịnh bốn đức, chứng được Vô Dư Niết Bàn, đắc được vĩnh viễn không thối chuyển Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Phân tranh gì, phiền não gì, cũng đều chẳng còn nữa. Tôi mỗi ngày tả những bài kệ này, chỉ là bỏ đá dẫn ngọc, hy vọng mỗi người các bạn đều dẫn phát ra trí huệ chân chánh, tương lai hoằng dương Phật pháp, giáo hóa chúng sinh.

176. Lô xà na

Kệ :
Quang minh biến chiếu mãn tam thiên
Cử tâm động niệm hào phát gian
Tức diệt tích tập phá hắc ám
Hữu tình viễn ly điên đảo điên.

Tạm dịch :
Quang minh chiếu khắp đầy các cõi

Cử tâm động niệm bằng sợi tóc
Tức diệt nghiệp xưa phá đen tối
Hữu tình xa lìa điên đảo điên.

Giảng giải: Câu này tức là "Lô Xá Na Phật". Lại gọi "Tịnh mãn" tức là thanh tịnh lại viên mãn. Cho nên nói : ''Quang minh chiếu khắp đầy các cõi.'' Chiếu khắp tức là không có chỗ nào mà chẳng chiếu đến, kể cả chiếu triệt tâm niệm của chúng sinh. Cho nên nói: ''Cử tâm động niệm bằng sợi tóc.'' Chúng sinh khởi tâm động niệm chỗ vi tế nhất, chỗ chẳng ai biết, thì quang minh này đều có thể chiếu đến. Cho đến chỗ đó vi tế nhỏ bằng sợi tóc cũng đều không thể bỏ xót được.
''Tức diệt nghiệp xưa phá đen tối.'' Tức diệt tập khí của chúng sinh tích lũy đời đời kiếp kiếp. Chúng ta từ vô lượng kiếp đến bây giờ, tích lũy những tập khí này không biết là bao nhiêu, có thể cao như núi Tu Di, sâu như biển Hương Thủy. Thứ tập khí này, nếu tội nghiệp có hình tướng thì tập khí của một người có thể đầy khắp hư không, không có chỗ chứa đựng. Vì nó chẳng có hình tướng, cho nên không cần tìm kho chứa đựng, nhưng bạn không thể nói nó chẳng có. Thế mà một tia quang minh chiếu khắp, thì phá trừ những tích tập đen tối này.
''Hữu tình xa lìa điên đảo điên.'' Hữu tình là tên khác của chúng sinh. Quang minh này có tác dụng gì ? Tức là khiến cho chúng ta lìa khỏi điên đảo tập khí, đừng có điên đảo tập khí tồn tại nhiều như thế.

177. Bạt xà ra đốn trĩ giá

Kệ :
Kình sơn trì chử chúng Kim Cang
Thiên ma ngoại đạo các viễn dương
Hàng phục ma quỷ quy Tam Bảo
Oai đức cảm hoá nhật dạ mang.

Tạm dịch :
Chúng Kim Cang bưng núi cầm chùy
Thiên ma ngoại đạo đều trốn thoát
Hàng phục quỷ thần quy Tam Bảo
Oai đức cảm hóa bận ngày đêm.

Giảng giải : Bạt Xà Ra là "Kim Cang". Đốn Trĩ Giá là "Kim Cang bưng núi". Trong đó cũng kể cả "Kim Cang cầm chùy". Kim Cang bưng núi hiện đại oai tướng, cho nên: ''Thiên ma ngoại đạo đều trốn thoát.'' Thiên ma ngoại đạo khi

thấy Kim Cang bưng núi cầm chùy thì đều sợ hãi bỏ chạy trốn.
‘’Hàng phục quỷ thần quy Tam Bảo.’’ Các Ngài có uy đáng sợ, có đức đáng kính. Tất cả quỷ thần đều ngưỡng vọng quy y Tam Bảo Phật Pháp Tăng.
‘’Oai đức cảm hóa bận ngày đêm.’’ Những vị Kim Cang hiện tướng đại oai đức để cảm hóa chúng sinh, là dùng pháp môn triết phục. Các Ngài rất bận rộn, không kể ngày đêm, tùy thời tùy lúc, thấy chúng sinh nào cơ duyên thành thục, thì liền đi giáo hóa chúng sinh đó, khiến cho họ cải tà quy chánh, bỏ mê về giác, sớm thành quả giác bồ đề.

178. Thuế đa giá

Kệ :
Bạch sắc bạch quang bạch liên hoa
Chiếu thiên chiếu địa chiếu ảnh tà
Sơn diêu hải khiếu thanh oai viễn
Tâm duyệt thành phục quy chánh pháp.

Tạm dịch :
Màu trắng quang trắng hoa sen trắng
Chiếu trời chiếu đất chiếu đen tối
Núi động biển gào tiếng vang xa
Tâm duyệt thành thục quy chánh pháp.

Giảng giải: Chú Lăng Nghiêm là linh văn trong Phật giáo. Sao gọi là linh văn ? Tức là câu Chú linh diệu không thể nghĩ bàn. Chú Lăng Nghiêm là Chú dài nhất trong Phật giáo. Diệu dụng của nó chỉ có Phật mới rõ được, cho đến Đẳng Giác Bồ Tát cũng không thể thấu hiểu hết hoàn toàn. Vậy tôi là một Tỳ Kheo bình thường, làm sao giải thích Chú Lăng Nghiêm ? Vốn không thể giải thích, nhưng tôi có một chứng bệnh, không làm được vẫn cứ muốn làm, giải thích không được vẫn muốn giải thích, bất chấp mọi khó khăn, những gì tôi biết như giọt nước trong biển. Tôi nói cho mọi người nghe, hy vọng các bạn thâm nhập hơn, nhiều hơn sự hiểu biết của tôi, đây là tông chỉ giải thích Chú Lăng Nghiêm của tôi. Tuy nhiên, không thể giải thích, nhưng vẫn muốn giải thích, hy vọng các vị có sự hứng thú đối với Chú Lăng Nghiêm, có tín tâm, hiểu rõ Chú Lăng Nghiêm, ít nhất cũng hiểu nhiều hơn so với tôi.
Câu Thuế Đa Giá này dịch là “Trắng”. Tức là không đen tối, quang minh chiếu khắp, pháp bạch tịnh trắng khiết không nhiễm. Cho nên nói: ‘’Màu trắng quang trắng hoa sen trắng.’’ Trong Kinh Di Đà chẳng nói màu xanh quang minh xanh, màu trắng quang minh trắng, màu vàng quang minh vàng, màu đỏ quang

minh đỏ đó sao ? Hoa sen màu trắng, thì có quang minh màu trắng. Quang minh này chiếu trời chiếu đất, trên đến trời Hữu Đỉnh, dưới đến địa ngục Vô Gián, đều chiếu khắp hết, tất cả bóng tối đều diệt mất.
‘’Núi động biển gào tiếng vang xa.’’ Thần Kim Cang hộ trì Thần Chú ở phương tây, chỉ một cái cất tay giở chân, thì đều khiến cho núi lay đất động, tiếng tăm oai phong của các Ngài, khiến cho thiên ma ngoại đạo đều kinh hãi sợ sệt.
‘’Tâm duyệt thành thục quy chánh pháp.’’ Cũng khiến cho chúng phát tâm bồ đề, trong tâm sinh hoan hỷ, xả bỏ tà tri tà kiến, quy y chánh pháp. Bạn thấy thiện thần hộ pháp trong Phật giáo, các Ngài giống như là hung ác không hiền, cho nên nói nộ mục (trợn mắt) Kim Cang, nhưng đều làm cho yêu ma quỷ quái kinh sợ, khiến cho chúng hàng phục, khiến cho chúng cải tà quy chánh, nhưng thần hộ pháp không nhất định đánh người, giết người, chỉ là hiện ra tướng mạo hung ác, khiến cho người phát bồ đề tâm, cải ác hướng thiện. Ý của bạn ác chăng ? Tôi so với bạn còn ác hơn ! Bạn lợi hại chăng ? Tôi so với bạn còn lợi hại hơn ! Đây đều là phương tiện pháp môn để hàng phục chúng sinh.

179. Ca ma ra

Kệ :
Liên hoa toà thượng đại Pháp Vương
Đông tây nam bắc thủ trung ương
Nhất thiết hộ giới thần nỗ lực
Ngũ phương ngũ bộ ngũ Phật quang.

Tạm dịch :
Đại Pháp Vương ngồi trên tòa sen
Đông tây nam bắc giữa trung ương
Tất cả hộ giới thần nỗ lực
Năm phương năm bộ năm Phật quang.

Giảng giải : Ca Ma Ra dịch là “Tòa hoa sen”, trên tòa hoa sen tất phải có Phật, nếu chỉ có tòa hoa sen đâu có ý nghĩa gì ! Trên tòa hoa sen lớn báu, có đấng đại Pháp Vương ngồi thẳng ngay ngắn. Đại Pháp Vương tức là Phật.
‘’Đại Pháp Vương ngồi trên tòa sen.’’ Phương đông có tòa sen, phương tây, phương bắc, phương nam, chính giữa, cũng đều có tòa sen, mười phương chư Phật ngồi ở trên. Giới bên trong của mỗi vị Phật đều có Kim Cang thiện thần hộ giới. Cho nên nói: ‘’Tất cả hộ giới thần nỗ lực.’’ Tất cả Kim Cang thiện thần hộ giới rất chú ý giữ gìn bảo vệ đạo tràng.
‘’Năm phương năm bộ năm Phật quang.’’ Đông tây nam bắc và chính giữa.

Phương đông là Kim Cang bộ, quang minh phóng ra là màu xanh quang xanh. Phương nam là Bảo Sinh Bộ, quang minh phóng ra là màu đỏ quang đỏ. Chính giữa là Phật bộ, quang minh phóng ra là màu vàng quang vàng. Phương Tây là Liên Hoa bộ, quang minh phóng ra là màu trắng quang trắng. Phương bắc là Yết Ma bộ, quang minh phóng ra là màu đen quang minh đen. Năm bộ, năm phương, năm vị Phật này, cai quản năm đại ma quân trên thế giới. Cho nên pháp môn Chú Lăng Nghiêm, nói đi nói lại là án chiếu theo năm hướng năm bộ năm vị Phật mà nói. Hôm nay là nói về phương tây Liên Hoa bộ. Mỗi phương có thần hộ giới của mỗi phương. Giới tức là giới hạn, trong giới hạn này thì vị thần đó phải chịu trách nhiệm. Giống như các quốc gia trên thế giới đều có phân chia ranh giới, trong Phật giáo cũng thế. Mỗi địa phương có một vị Phật đến quản lý. Phương đông Kim Cang Bộ là Phật A Súc, đây là Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai. Phương nam là Bảo Sinh bộ Phật Bảo Sinh. Chính giữa là Phật bộ Tỳ Lô Giá Na Phật. Phương tây là Liên Hoa bộ Phật A Di Đà. Phương bắc là Yết Ma bộ Phật Thành Tựu. Bộ đó thì vị Phật đó đến quản lý, chúng ta phải biết.

Tu tập pháp môn Lăng Nghiêm phải đem chân tâm, thành tâm, ra tu tập. Gì gọi là chân tâm ? Tức là tu trì Chú Lăng Nghiêm, cho đến thời gian cũng quên, không gian cũng chẳng có, là ngày, là đêm, đều chẳng biết, ăn cơm, không ăn cơm, cũng chẳng biết, ngủ, không ngủ cũng chẳng biết, gì cũng đều quên hết, gì cũng chẳng có. Một niệm dài giống như vô lượng kiếp, vô lượng kiếp làm một niệm. Phải có tinh thần như thế. Ăn cơm ngủ nghỉ gì cũng đều quên hết. Chỉ nhất tâm tu hành Chú Lăng Nghiêm, nhất định thành tựu Lăng Nghiêm tam muội. Không được như thế thì đừng nói đến chân chánh tu pháp môn Lăng Nghiêm. Không chỉ tu pháp Lăng Nghiêm như thế, mà tu pháp gì cũng đều như thế. Đi chẳng biết đi, ngồi chẳng biết ngồi, khát chẳng biết khát, đói chẳng biết đói. Vậy chẳng phải là người biến thành ngu si nhất chăng ? Tức là phải như thế ! Đó mới gọi là :

‘’Dưỡng thành khờ khạo mới là khéo
Học đến như ngu mới thấy lạ.’’

Nếu bạn học đến ngu si được như thế, thì bất cứ bạn tu pháp môn nào, cũng đều đắc được tam muội, đều sẽ thành tựu. Tức vì bạn không thể ngu si, không thể chân chánh thâm nhập cảnh giới tam muội, cho nên tu đi tu lại cũng chẳng tương ưng. Bạn tu được tự mình sống chết đều chẳng biết. Có người nhận rằng pháp môn này đáng sợ quá. Nếu bạn sợ thì hãy mau thối lùi, đừng học. Trên thế gian chẳng có việc gì không mệt nhọc mà hoạch được. Cho nên :

‘’Không chịu một phen lạnh thấu xương,
Sao được hoa mai thơm ngát mũi.’’

Bạn ngửi được hương thơm của hoa mai như thế, là do sự hun đúc lạnh mà ra, nó chịu lạnh sau đó mới tỏa ra hương thơm. Người tu đạo cũng phải như thế. Bên ngoài nói người Vạn Phật Thành khổ tu, tôi tuyệt đối phủ nhận tin đồn này. Chúng ta chẳng phải là khổ tu, là lạc tu. Ai tu hành chịu khổ đều là cam tâm tình nguyện, chẳng phải miễn cưỡng. Chúng ta đều muốn buông bỏ cái giả, lượm nhặt cái thật. Có câu rằng :

‘’Bỏ không được cái giả,
Không thành được cái thật.
Bỏ không được cái chết,
Đổi không được cái sống.’’

Tu hành chẳng phải như pháp thế gian, dùng thủ đoạn thì không đắc được tam muội. Tu hành thì thủ đoạn gì cũng không thể dùng. Tức là phải thành thật hết lòng dụng công tu hành, đó mới kể. Nếu bạn có chút giả dối, cũng không thể mong được thành tựu. Luôn luôn phải thành thật dụng công. Nhẫn những gì người không thể nhẫn, nhường những gì người không thể nhường. Phải ngày đêm sáu thời thường tinh tấn như thế mới đắc được cảm ứng. Mười phương chư Phật đánh điện tín cho bạn nói : ‘’Thiện tai ! Thiện tai! Bạn là một Phật tử trong Phật giáo.’’ Điện tín mà mười phương chư Phật đánh cho bạn không giống như điện tín nhân gian phải dùng chữ, mà là dùng tâm ấn tâm, quang quang tương chiếu, tâm tâm tương ấn, khiến cho bạn khai đại trí huệ, đắc đại biện tài, đắc được đại an lạc. Điều mà đại trượng phu làm được thì làm xong, việc mà đại trượng phu nên làm đều hoàn thành.

180. Sát xa thi

Kệ :
Oai đức thị hiện chư Đại Sĩ
Tràng phan bảo cái các kình trì
Hoá đạo chúng sinh tu giác đạo
Đồng thừa viên mãn pháp thuyền trì.

Tạm dịch :
Các Đại Sĩ oai đức thị hiện
Đều cầm giữ tràng phan lọng báu

Giáo hóa chúng sinh tu giác đạo
Đồng ngồi pháp thuyền lên bờ giác.

Giảng giải : Sát Xa Thi dịch là "Phan", lại dịch là "Can". Can là một thứ dùng để chống đỡ lọng báu, những thứ này đều là Hộ Pháp thiện thần Kim Cang lực sĩ, cũng là đại quyền thị hiện. Đại quyền nghĩa là quá khứ đã thành Phật, hoặc là đã chứng đắc quả vị Đẳng Giác Bồ Tát. Bây giờ ẩn lớn hiện nhỏ, để làm Hộ Pháp Kim Cang. Các Ngài đều có đại oai đức. Cho nên nói : ''Các đại lực sĩ oai đức thị hiện.'' Kim Cang lực sĩ đều là đại Bồ Tát.
''Đều cầm giữ tràng phan lọng báu.'' Các Ngài mỗi người đều cầm tràng, phan, lọng báu. Mỗi vị Kim Cang lực sĩ đều cầm những thứ cúng dường cụ này để trang nghiêm đạo tràng.
''Giáo hóa chúng sinh tu giác đạo.'' Các Ngài giáo hóa tất cả chúng sinh phát bồ đề tâm, tu vô thượng bồ đề đạo.
''Đồng ngồi pháp thuyền lên bờ giác.'' Các Ngài đều ngồi đại pháp thuyền để cứu độ chúng sinh trong biển khổ, khiến họ đạt đến bờ bên kia giác ngộ.

181. Ba ra bà

Kệ :
Hằng sa lực sĩ hiện đại thân
Quang minh viễn chiếu diệu vô luân
Thủ hộ giám sát nam phương giới
Ác giả tất đoạ thiện giả thăng.

Tạm dịch :
Hằng sa lực sĩ hiện thân lớn
Quang minh chiếu xa diệu vô ngần
Giám sát thủ hộ cõi phương nam
Kẻ ác bị đọa thiện thăng lên.

Giảng giải : ''Hằng sa lực sĩ hiện thân lớn.'' Có các Kim Cang lực sĩ nhiều như số các sông Hằng hiện thân vàng.
''Quang minh chiếu xa diệu vô ngần.'' Trên thân của các Ngài đều phóng quang chiếu xa, rất vi diệu. Chẳng có thiên ma ngoại đạo nào có thể so sánh phỏng theo các Ngài.
''Giám sát thủ hộ cõi phương nam.'' Câu này là chỉ giám sát hộ pháp ở phương nam.
''Kẻ ác bị đọa thiện thăng lên.'' Người làm ác nhất định bị đọa lạc, người làm

lành thì nhất định được thăng đi lên, hoặc thăng lên trời, hoặc làm sự việc họ cần làm.

182. Ê đế di dế

Kệ :
Giải thoát tinh cần hộ thập phương
Tam tai bát nạn miễn hại thương
Thế giới hải bình dân an lạc
Đồng tu cộng chứng bồ đề đường.

Tạm dịch :
Giải thoát tinh tấn hộ mười phương
Ba tai tám nạn không làm hại
Thế giới thanh bình dân an lạc
Đồng tu cùng chứng quả bồ đề.

Giảng giải : Ê Đế dịch là "Giải thoát", Di Đế dịch là "Tinh tấn". Đây là Hộ Pháp Bồ Tát, đến hộ trì đạo tràng. Cho nên nói : ''Giải thoát tinh tấn hộ mười phương.'' Hộ trì đạo tràng trong mười phương.
''Ba tai tám nạn không làm hại.'' Ba tai là nước, lửa, gió. Tám nạn là :
1. Nạn sinh ra trước Phật hoặc là sau Phật.
2. Nạn sinh vào Bắc Câu Lưu Châu (Bắc Câu Lưu Châu không nghe đến Phật pháp).
3. Nạn thế trí biện thông.
4. Nạn điếc đui câm ngọng.
5. Nạn địa ngục.
6. Nạn ngạ quỷ.
7. Nạn súc sinh.
8. Nạn sinh vào trời trường thọ.
''Thế giới thanh bình dân an lạc.'' Nếu thế giới thanh bình thì nhân dân đắc được an lạc.
''Đồng tu cùng chứng quả bồ đề.'' Mọi người đồng tu cùng chứng đạo quả bồ đề.

183. Mẫu đà ra

Kệ :

Trí ấn tam muội định trung vương
Diệu phổ thành tựu đại đạo tràng
Chúng sinh tâm trung các câu túc
Kiền thành cầu chi tự phóng quang.

Tạm dịch :
Trí ấn tam muội vua trong định
Diệu phổ thành tựu đại đạo tràng
Trong tâm chúng sinh đều có đủ
Kiền thành cầu chi tự phóng quang.

Giảng giải: Mẫu Đà Ra dịch là "Ấn", tức là trí ấn. ''Trí ấn tam muội vua trong định.'' Trí ấn tam muội có thể nói là vua trong định.
''Diệu phổ thành tựu đại đạo tràng.'' Lại dịch là "Diệu phổ", thành tựu kiến lập đại đạo tràng.
''Trong tâm chúng sinh đều có đủ.'' Mỗi chúng sinh đều đầy đủ trí ấn tam muội.
''Kiền thành cầu chi tự phóng quang.'' Phàm là người tu hành, nếu có tâm thành thì nhất định sẽ có cảm ứng, nhất định phóng đại quang minh.

184. Yết noa

Kệ :
Tác pháp biện sự trí huệ phong
Duy hộ bắc phương giới thần minh
Kim Cang Tỳ Lô tâm sở hiện
Y giáo tu hành bất giảm tăng.

Tạm dịch :
Tác pháp biện sự trí huệ phong
Thần minh duy hộ cõi phương bắc
Kim Cang Tỳ Lô tâm sở hiện
Y giáo tu hành không tăng giảm.

Giảng giải : Yết Noa dịch là "Tác pháp biện sự", lại gọi là "Sám ma", nghĩa là ăn năn hối cải. Nghiệp mà chúng ta tạo ra, phải biết hối cải. Nếu không biết hối cải, thì tội lỗi ngày càng nhiều, ngày càng sâu dày. Cho nên cổ nhân có nói :

''Lỗi mà biết sửa thì sẽ tiêu sạch
Nếu che dấu thì tăng tội khiên.''

Có lỗi nếu ăn năn hối cải, thì sẽ chẳng còn nữa. Nếu che dấu tội lỗi của mình cho rằng người không biết, thì tội lỗi ngày càng gia tăng. Tại sao ? Vì tội nghiệp vốn sửa đổi được, sám hối trước đại chúng là hành vi của đại trượng phu. Cho nên nói : ‘’Lỗi của quân tử như nhật nguyệt thực, ai ai cũng thấy, nếu ăn năn hối cải, thì ai ai cũng tán thán.’’ Cho nên lại nói :

‘’Có lỗi thì chớ nãn lòng sửa đổi.’’

Có lỗi đừng sợ sửa đổi. Nếu bạn sợ sửa đổi, sợ người biết, chứa chấp che đậy, thì tội lỗi ngày càng tăng thêm. Bổn lai chỉ một tội, lại thêm tồn tâm che đậy, thì biến thành hai tội. Nếu bạn tiếp tục che đậy, thì biến thành vô lượng số. Cho nên bất cứ chúng ta phạm tội lớn gì, nên lập tức sửa đổi, không thể kéo dài ! Như đức Khổng Tử, Ngài đạo đức học vấn như thế, Ngài cũng không sao tránh khỏi lỗi lầm, mặc dù lỗi lầm ít. Chúng ta là những chúng sinh ngu si, làm sao không thể không có lỗi ? Sám ma tức là hối quá, tức là sám hối. Cho nên thiện trí thức tác pháp biện sự, làm pháp Yết ma, pháp sám hối, làm tốt việc hối quá. Người có đại trí huệ, mới biện lý được việc sám hối. Cho nên nói : ‘’Tác pháp biện sự trí huệ phong.’’
‘’Thần minh duy hộ cõi phương bắc.’’ Đây là thần chúng Yết Ma, phương bắc Yết Ma bộ, chuyên môn quản vấn đề người sám hối. Kim Cang Bồ Tát duy hộ thần chúng phương bắc Yết Ma.
‘’Kim Cang Tỳ Lô tâm sở hiện.’’ Hộ pháp Kim Cang này, tức là Kim Cang thượng sư, tức là tu pháp Niết Bàn, trong tâm Tỳ Lô hiện ra tám vạn bốn ngàn Kim Cang Tạng Bồ Tát. Những vị Bồ Tát này biến hiện ra.
‘’Y giáo tu hành không tăng giảm.’’ Bạn phải y chiếu pháp môn này tu hành, thì bồ đề chỉ có tăng, chứ không có giảm. Đó là nhân duyên Yết Ma.

Nói đến sám hối làm mới, tạo tội đừng che dấu, đừng cho rằng người chẳng biết. Người đương nhiên không biết, nhưng Phật Bồ Tát và tất cả hộ pháp thiện thần đều biết. Bạn dối được người, nhưng dối không được Phật, dối không được Bồ Tát, dối không được hộ pháp thiện thần. Hộ pháp thiện thần biết bạn giả dối gạt người, Ngài tuyệt đối không bảo hộ bạn. Tại sao hộ pháp xa bạn ? Vì bạn tạo tội nghiệp quá lợi hại, hộ pháp thiện thần không dám gần gũi bạn, cho nên làm bất cứ việc gì, cũng không có cảm ứng, cũng không thành tựu. Chúng ta người tu hành:

‘’Cử chỉ hành vi đều quán xét chính mình,
Đi đứng nằm ngồi đừng rời nhà.’’

Trong chúng xuất gia, Tỳ Kheo không được mắng Tỳ Kheo, vậy có thể mắng Tỳ Kheo Ni chăng ? Cũng không thể được. Tỳ Kheo ác miệng mắng người tương lai sẽ đọa địa ngục. Tỳ Kheo không có tư cách lại mắng Tỳ Kheo, cũng

không có tư cách mắng Tỳ Kheo Ni. Phàm là sân tâm mắng người, đều tạo tội nghiệp. Không những Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni không thể mắng người, mà người tại gia cũng không thể mắng người, tuỳ tiện mắng người là phạm giới ác thuộc về miệng, phạm giới ác thuộc về miệng, thì ba nghiệp không thanh tịnh.

185. Ta bệ ra sám

Kệ :
Cầu chứng sám hối thân khẩu ý
Tam nghiệp thanh tịnh vô hà tỳ
Trì giới tinh nghiêm như mãn nguyệt
Sát na cảm ứng siêu Thập địa.

Tạm dịch :
Cầu chứng sám hối thân miệng ý
Ba nghiệp thanh tịnh không lầm lỗi
Trì giới tinh nghiêm như trăng tròn
Khoảnh khắc cảm ứng lên Thập địa.

Giảng giải: Ta Bệ Ra Sám tức là "Tổng kết lại Chú đã nói ở trên", đến đây tổng kết lại, tổng kết cầu chứng minh. Cho nên nói : ''Cầu chứng sám hối thân miệng ý.'' Bất cứ tu diệu pháp gì, nếu thân miệng ý ba nghiệp, không thanh tịnh thì sẽ không thành tựu. Nghĩa là Chú Đại Bi dù có linh cảm nhất, bạn tu cũng không linh. Tại sao ? Vì thân miệng ý không thanh tịnh. Cho nên phải sám hối, khiến cho thân không có sát sinh, trộm cắp, tà dâm, cho đến trong ý niệm của bạn cũng không có niệm sát sinh, niệm trộm cắp, niệm dâm dục. Miệng cũng không nói lời sát sinh, lời dạy người ăn cắp, lời dạy người gian dâm. Phải đem thân miệng ý sám hối hối cho thanh tịnh.
''Ba nghiệp thanh tịnh không lỗi lầm.'' Thanh tịnh là gì ? Tức là một niệm cũng chẳng có. Thân không phạm sát sinh, trộm cắp, tà dâm. Miệng không có ác miệng, nói dối, hai lưỡi, thêu dệt. Ác miệng tức là mắng người, nói dối tức là nói lời giả, hai lưỡi tức là làm cho ly gián, thêu dệt là những lời không thanh tịnh, nhiễm ô, không hợp lý, lời vô nghĩa. Trong tâm tham sân si cũng chẳng có. Đó gọi là ba nghiệp thanh tịnh không lỗi lầm. Giống như ngọc không có vết, một chút mao bệnh cũng chẳng có.
''Trì giới tinh nghiêm như trăng tròn.'' Tinh nghiêm là gì ? Tinh là vi tế nhất, lỗi lầm nhỏ nhất cũng không phạm. Nghiêm là đặc biệt chú ý, tơ hào cũng không phạm. Bạn không tu hành mà kêu người khác tu, thì họ cũng chẳng tu. Mình không dụng công, không giữ giới, sẽ ảnh hưởng đến người khác cũng phạm

giới. Đó là chỗ trì giới không tinh nghiêm. Trì giới phải tinh nghiêm như vầng trăng tròn, tròn đầy không khuyết. Bây giờ mình không tu hành, đọa lạc, cũng lôi kéo người khác đọa lạc. Như vậy thì không những không có trăng mà hình ảnh mặt trăng cũng chẳng có ! Nếu trì giới thanh tịnh như trăng tròn, thì lúc này: ‘’Khoảnh khắc cảm ứng lên Thập địa.’’ Rất nhanh, thời gian rất ngắn bèn có đại cảm ứng, mau lên Thập địa chẳng việc gì khó.

Chúng ta phải thể hội sâu xa, xuất gia đã lâu, ba năm, năm năm, mười năm, trong thời gian này phản tỉnh rằng tạo nghiệp nhiều ? Hay là tu hành nhiều ? Các vị phải biết ! Phàm là trong đạo tràng đều có ma. Ma này chẳng phải từ trên trời xuống, hoặc là từ dưới đất lên, mà là đến từ trong tâm của các vị. Trong tâm của một người không chánh đáng, không có trí huệ chân chánh, chuyên làm việc ngu si, gây phiền não cho người khác, nhiễu loạn người khác tu hành, đó đều gọi là ma. Ma này ở trong mỗi người mà không nhận thức, khắp các nơi đều có. Ví như trong đạo tràng, như đi nghe pháp, ngồi tại đó đều ngồi không yên, đứng không ổn, tay cũng phải động đậy, chân cũng phải động đậy, đầu cũng lúc lắc. Ngồi nghe pháp đều cảm thấy không thoải mái, hơn nữa trong tâm đều nổi giận. Đó là nghiệp chướng, đức hạnh của mình không đủ, cho nên nghe pháp vô minh cũng đến, thần ngủ cũng đến. Tóm lại tâm cầu pháp một chút cũng chẳng có, miễn cưỡng đến nghe pháp, tức là tồn một thứ tư tưởng cống cao ngã mạn. Cho rằng tôi giảng hay hơn bạn, tại sao phải nghe bạn nói pháp. Có thứ tư tưởng này còn tu được pháp gì nữa ? Bị nghiệp chướng của mình che lấp hoàn toàn ! Thứ người này nghiệp chướng nặng nề, cho nên đối với Kinh điển đại thừa không thể vào được, bất cứ nói thế nào họ cũng không hiểu.

186. Quật phạm đô

Kệ :

Chư Phật Thế Tôn đại từ bi
Phương tiện quyền xảo độ luân hồi
Xả tà quy chánh hằng tinh tấn
Thuỷ tri lai giả chi khả truy.

Tạm dịch :

Chư Phật Thế Tôn đại từ bi
Phương tiện quyền xảo độ luân hồi
Bỏ tà về chánh luôn tinh tấn
Ăn năn lỗi xưa làm người mới.

Giảng giải : Quật Phạm Đô dịch là “Phật”, “Như Lai”, hoặc “Thế Tôn”. Cho nên nói : ‘’Chư Phật Thế Tôn đại từ bi.’’ Phật là từ bi nhất, không nhớ lỗi lầm của chúng sinh. Bạn có tội lỗi gì, Ngài đều tha thứ cho bạn, chỉ cần bạn sửa lỗi thì được.
‘’Phương tiện quyền xảo độ luân hồi.’’ Phật dùng đủ thứ phương tiện, đủ thứ quyền xảo pháp môn độ chúng sinh. Bạn thích ăn ngọt, thì cho bạn ăn một chút đường, bạn thích ăn cay, thì cho bạn ăn một chút ớt. Chua ngọt đắng cay mặn, bạn thích gì thì cho bạn thứ đó, khiến cho trong tâm của bạn vui vẻ, sau đó mới nói Phật pháp cho bạn nghe, khiến cho bạn hiểu rõ thế gian là vô thường.
‘’Bỏ tà quy chánh hằng tinh tấn.’’ Chúng sinh vốn chẳng muốn giữ quy cụ, tà tri tà kiến. Bây giờ minh bạch rồi thì bỏ tà về chánh. Luôn tinh tấn tức là thường tu hành, thường tinh tấn.
‘’Ăn năn lỗi xưa làm người mới.’’ Mới biết dĩ vãng là đi sai, bây giờ phải luôn tinh tấn, tương lai còn có thể thành tựu, còn có thể tu thành Phật.

187. Ấn thố na mạ mạ toả

Kệ :
Ấn khả chứng minh ngã sở vi
Quang âm không quá nan tái truy
Tùng thử cẩn thận tu Thánh đạo
Khác tuân giới luật thủ thanh quy.

Tạm dịch :
Ấn khả chứng minh điều tôi làm
Thời gian trôi qua khó tìm lại
Từ đây cẩn thận tu Thánh đạo
Kính trọng giới luật giữ thanh quy.

Giảng giải : Ấn Thố Na dịch là “Ấn khả”, “Minh chứng”, hoặc là “Chứng minh”. Mạ Mạ là “Tôi”, hoặc là “Điều tôi làm”. Những gì tôi làm, chư Phật Bồ Tát đều chứng minh cho tôi. Tôi làm việc tốt, thì chư Phật Bồ Tát ấn chứng cho tôi. Tôi làm việc không tốt, thì chư Phật Bồ Tát an ủi. Chúng ta nhất cử nhất động, đều phải giữ quy cụ, đừng để thời gian không qua.
‘’Thời gian trôi qua khó tìm lại.’’ Quá khứ thì không thể tìm lại. Cho nên: ‘’Từ đây cẩn thận tu Thánh đạo.’’ Bắt đầu từ hôm nay chúng ta phải cẩn thận chú ý tu đạo mà Thánh nhân đã tu. Tu đạo mà Thánh nhân tu phải như thế nào ?

‘’Kính trọng giới luật giữ thanh quy.’’ Phải cung kính giữ gìn giới luật, giữ quy cụ thanh tịnh của Phật.

Chú Lăng Nghiêm – Đệ Nhị

Phật Đảnh Quang Minh Ma Ha Tát Đát Đa Bát Đát La Vô Thượng Thần Chú

188. Ô hồng.

Kệ :
Tỳ Lô đảnh thượng bạch hào quang
Phát thanh chấn quỷ kinh si manh
Nhất thiết hàm thức giai giác ngộ
Thú hướng vô đẳng bồ đề tràng.

Tạm dịch :
Hào quang trắng trên đảnh Tỳ Lô
Như sấm thức tỉnh kẻ ngu mù
Tất cả chúng sinh đều giác ngộ
Hướng về đạo bồ đề vô thượng.

Giảng giải : Bây giờ giảng đến hội thứ hai (đệ thứ hai) của Chú Lăng Nghiêm. Ô Hồng tức là chữ “Án”. Chữ Án này có rất nhiều nghĩa. Có nghĩa là: “Dẫn sinh”, tức là dẫn sinh tất cả công đức. Có nghĩa là: “Hàng phục”, hàng phục thiên ma ngoại đạo. Có nghĩa là: “Ủng hộ”, ủng hộ tất cả chánh pháp. Có nghĩa là : “Ba thân”, đầy đủ pháp thân, báo thân, hóa thân. Cho nên khi niệm chữ Án, thì quỷ thần đều phải chắp tay cung kính nghe mệnh lệnh, nếu không thì chúng sẽ bị trừng phạt. Chữ Án như là chiếu chỉ của hoàng đế, văn võ bá quan đều phải quỳ xuống lắng nghe.
Chữ Án là sự thành tựu công đức, bạn có tu hành, thì niệm chữ Án sẽ có cảm ứng phi thường. Nếu không có công đức, niệm gì cũng chẳng công hiệu. Do đó, việc quan trọng nhất của sự tu hành là phải có công đức, có đạo đức. Bất cứ tu pháp linh như thế nào, pháp thành tựu nhanh thế nào, nếu không có công đức tu, thì ngược lại sẽ chiêu lại phi tai hành họa, vì hộ pháp thiện thần

không bội phục bạn. Bạn tụng Chú muốn chi phối chúng, nhưng chúng vốn không chịu bạn chi phối. Do đó, tu đạo quan trọng nhất là phẩm đức, đạo đức, tư tưởng thuần chánh, phải có tâm từ bi hỷ xả.
‘’Bạch hào quang trên đảnh Tỳ Lô.’’ Trong bạch hào quang lại thuyết pháp giáo hóa vô lượng chúng sinh, trong đó âm thanh có tiếng mây sấm, tiếng mây sấm lớn, tiếng sư tử, tiếng đại sư tử, đủ thứ diệu âm để diễn thuyết pháp. Khiến bạn vốn không muốn nghe, cũng muốn nghe, không muốn tiếp thọ, cũng muốn tiếp thọ.
‘’Như sấm thức tỉnh kẻ ngu mù.’’ Làm cho chúng sinh ngu si đều tỉnh giác, giống như sấm sét đánh thức chúng sinh tỉnh mộng. Cầu danh cũng biết danh chẳng có ý nghĩa, cầu lợi cũng biết tài lợi chẳng có giá trị gì. Cho nên biển khổ vô biên hồi đầu là bờ.

‘’Tất cả hàm thức đều giác ngộ.’’ Khiến cho tất cả chúng sinh đều giác ngộ. Hàm thức tức là tất cả chúng sinh. Chúng sinh nghe Phật pháp thảy đều giác ngộ.
‘’Hướng về đạo bồ đề vô thượng.’’ Hướng về đạo bồ đề Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đắc được địa vị không thối lùi, niệm không thối lùi, hạnh không thối lùi, ba địa vị không thối lùi.

189. Rị sắt yết noa.

Kệ :
Trí quang an trụ vô kiến đảnh
Kim Cang bảo bộ chúng Bồ Tát
Kỳ trung thượng thủ Hư Không Tạng
Xuất lãnh chư thần hộ chánh pháp.

Tạm dịch :
Trí quang an trụ vô kiến đảnh
Kim Cang bảo bộ chúng Bồ Tát
Hư Không Tạng thượng thủ trong chúng
Xuất lãnh chư thần hộ chánh pháp.

Giảng giải: Lị Sắt dịch là “Trí quang an trụ”, cho nên nói: ‘’Trí quang an trụ vô kiến đảnh – Kim Cang bảo bộ chúng Bồ Tát.’’ Đây là chỉ tất cả các Bồ Tát trong Kim Cang bảo bộ.
‘’Hư Không Tạng thượng thủ trong chúng.’’ Bồ Tát thượng thủ trong chúng này là Bồ Tát Hư Không Tạng.

“Xuất lãnh chư thần hộ chánh pháp.’’ Ngài xuất lãnh tất cả hộ pháp thiện thần để hộ trì chánh pháp của Phật.

Tụng trì Chú Lăng Nghiêm mà hiểu rõ đạo lý của Chú, thì dễ phát bồ đề tâm. Hiện tại mỗi câu Chú, tôi đều dùng đến bốn câu kệ thiển cạn nói rõ ý nghĩa của Chú. Hy vọng mọi người hiểu rõ đại ý của mỗi câu mà thọ trì, đắc được trí huệ tam muội tương ưng.

190. Bát lặt xá tất đa.

Kệ :
Trí độ cứu kính chư Phật mẫu
Liên Hoa pháp bộ vi diệu huyền
Thiện tai thành tựu chúng thắng nghiệp
Trực đáo Bảo Sở thật thí quyền.

Tạm dịch :
Trí độ rốt ráo mẹ chư Phật
Pháp bộ Liên Hoa vi diệu huyền
Lành thay thành tựu nghiệp thù thắng
Thẳng đến Bảo Sở thật thí quyền.

Giảng giải : Bát Lặt tức cũng là Bát Nhã Ba La Mật, dịch là “Trí huệ đến bờ kia”, có trí huệ mới đến được bờ kia. Kinh Hoa Nghiêm nói: ‘’Trí huệ Ba La Mật là mẹ của tất cả Bồ Tát, cũng là mẹ của tất cả chư Phật.’’ Bạn có trí huệ thì đến được bờ kia, đến được bờ kia mới dứt được sinh tử. Ý của câu Chú này là trí huệ độ, có thể đạt đến cảnh giới cứu kính Niết Bàn, cho nên nói: ‘’Trí độ rốt ráo mẹ chư Phật.’’ Chư Phật đồng xuất từ một mẫu thể, đồng một thứ pháp.
‘’Pháp bộ Liên Hoa vi diệu huyền.’’ Đây là tây phương Liên Hoa bộ, pháp vi diệu không thể nghĩ bàn, huyền mà lại huyền, diệu mà lại diệu, diệu không thể nói.
‘’Lành thay thành tựu nghiệp thù thắng.’’ Xá Tất Đa còn gọi là Tô Tất Địa, dịch là “Khéo viên thành”. Khéo viên thành tất cả nghiệp lành của chúng sinh, thắng nghiệp và nguyện vọng. Đạt được mục đích của chúng sinh, đắc được Niết Bàn cứu kính.
‘’Thẳng đến Bảo Sở thật thí quyền.’’ Thứ pháp môn này, là một thứ pháp cứu kính, chẳng phải ngừng ở Hóa Thành, mà là đạt đến chốn Bảo sở cứu kính. Ở đó có đủ thứ bảo bối, bạn muốn lấy bao nhiêu thì lấy bấy nhiêu. Do đó, có câu: ‘’Lấy không hết, dùng không xuể.’’ Phật thuyết pháp là thật thí quyền, trước hành quyền giáo hóa, sau đó mới khai quyền hiển thật, dạy người đạt đến chốn

Bảo sở cứu kính. Cho nên oai lực và công đức trì Chú Lăng Nghiêm, không thể nghĩ bàn, chẳng có cách chi có thể nói hết được.

191. Tát đát tha.

Kệ :
Ngã đẳng Thiên tiên lễ Phật đảnh
Cung kính cúng dường chư Thánh hiền
Tu phước tăng huệ sám nghiệp chướng
Cầu sinh Tây phương Cực Lạc bang.

Tạm dịch :
Đại chúng Thiên tiên lễ Phật đảnh
Cung kính cúng dường các Thánh hiền
Tu phước tăng huệ sám nghiệp chướng
Cầu sinh về cõi Tây phương Cực Lạc.

Giảng giải: Câu này là nói "Tất cả Thiên tiên", đều phải lễ kính Như Lai Đại Phật Đảnh Lăng Nghiêm Thần Chú. Cho nên nói: ''Đại chúng thiên tiên lễ Phật đảnh – Cung kính cúng dường các Thánh hiền.'' Chúng ta lại phải cung kính cúng dường chư Phật Như Lai, và tất cả Thánh hiền Tăng.
''Tu phước tăng huệ sám nghiệp chướng.'' Lại phải tu phước, lại phải gia tăng trí huệ, sám hối nghiệp chướng, cho nên mới lễ kính Đại Phật Đảnh Lăng Nghiêm Thần Chú.
''Cầu sinh về Tây Phương Cực Lạc.'' Muốn cầu sinh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Cực Lạc bang tức cũng là cõi Thường Tịch Quang Tịnh Độ của chư Phật, an vui vô tận.

192. Già đô sắt ni sam.

Kệ :
Vô kiến đảnh tướng Thủ Lăng Nghiêm
Trung ương Phật bộ cứu đảo huyền
Tỳ Lô Giá Na biến nhất thiết
Thị cố thường tại nễ ngã gian.

Tạm dịch :
Tướng vô kiến đảnh Thủ Lăng Nghiêm
Phật bộ chính giữa cứu treo ngược

Tỳ Lô Giá Na khắp tất cả
Thường hiện ở trong tôi và bạn.

Giảng giải : Già Đô Sắt Ni Sam dịch là "Tướng vô kiến đảnh". Tức nhiên là vô kiến (không thấy), tại sao lại có tướng ? Các vị nghĩ xem, cứu kính như thế nào ? Thật ra chẳng phải là không thấy, mà là không có gì mà chẳng thấy. Bạn nói tôi không nhìn thấy ! Ở đây không kể đến bạn. Không thấy là nói người không khai mở ngũ nhãn thì không thể thấy. Nếu khai mở ngũ nhãn rồi, thì chẳng có gì mà không thấy. Ngũ nhãn là gì ? Tức là : Phật nhãn, huệ nhãn, pháp nhãn, nhục nhãn, thiên nhãn. Ngũ nhãn này có mấy câu thơ nói rất hay :

''Thiên nhãn thông chẳng ngại'' : Thiên nhãn là thông, không có chướng ngại. Tất cả sự vật đều không chướng ngại được. Thiên nhãn có thể từ trong tường nhìn thấy ngoài tường, từ ngoài tường lại nhìn thấy ba ngàn đại thiên thế giới. Vừa rồi pháp sư Nhân Kiến nói, có vị pháp sư phát cuồng, nói vị đó mở mắt thấy được ngàn dặm, vậy vẫn có giới hạn. Không những thấy được ngoài mấy ngàn vạn dặm, mà thấy ba ngàn đại thiên thế giới như thấy quả Am Ma La trong lòng bàn tay. Quả Am Ma La là gì ? Bạn nghe không hiểu vậy đổi trái khác, cũng giống như trái đào trong lòng bàn tay. Am Ma La là một thứ trái cây bên Ấn Độ.
''Nhục nhãn ngại chẳng thông'': Nhục nhãn chẳng phải cặp mắt này của chúng ta, mà là một cặp mắt khác. Vừa mới nói thiên nhãn thì thấy vật gì cũng không có chướng ngại, vốn chẳng có tường vách, khắp nơi đều là hư không. Nhục nhãn thì nhìn thấy vật hữu hình, có sự chướng ngại, nhưng có thể nhìn thấy người, thấy quỷ, thấy thần, thấy Phật.
''Pháp nhãn chuyên quán tục'' : Pháp nhãn thì quán pháp, quán tất cả các pháp không tướng. Trong Tâm Kinh có nói: ''Xá Lợi Tử ! Các pháp không tướng'', tức là nghĩa này. Pháp nhãn quán tục đế, tất cả sơn hà đại địa, nhà cửa lâu đài. Thành tựu tất cả các pháp, biểu hiện tất cả các pháp, pháp nhãn đều có thể thấu rõ.
''Huệ nhãn rõ chân không'': Trí huệ nhãn này, thấy được cứu kính thật tướng của các pháp, triệt đáy nguồn của các pháp, không gì mà không thấu rõ, cho nên nói huệ nhãn rõ chân không.
''Phật nhãn như thiên nhựt'': Phật nhãn sáng như ngàn mặt trời, chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới, tất cả sâm la vạn tượng.
''Chiếu dị thể hoàn đồng'': Tất cả các pháp biểu thị chẳng đồng, mà rõ bổn thể là một. Do đó, có câu :

''Một gốc tán làm vạn thù,
Vạn thù trở về một gốc.''

Một gốc vô lượng, vô lượng một gốc. Vì có ngũ nhãn, nên không có gì mà chẳng thấy. Nếu nói chẳng thể thấy được, sao lại nói ra danh từ này ? Các bạn nghiên cứu lại, đương nhiên là thấy được. Tôi giảng pháp này, tin rằng chẳng có ai dám nói lời hồ đồ này, chẳng có ai dám nói, không có gì mà không thấy. Tức là một câu này, không thấy không có gì mà chẳng thấy, nếu lời không nói như thế, thì nói toạc ra tướng Vô Kiến Đảnh này là dối người. Các bạn nghĩ xem, chúng ta nghiên cứu là tập tu học, tướng Vô Kiến Đảnh tức không nhìn thấy, sao lại có một danh từ ? Đây chẳng phải dối người chăng ? Tướng Vô Kiến Đảnh thì phàm phu chẳng thấy được, chỉ có Thánh nhân mới thấy được. Vì Thánh nhân thấy được cho nên có danh từ : ''Tướng Vô Kiến Đảnh'' này. Hôm nay tôi chỉ giảng một câu này, đã đủ rồi. Không cần giảng nhiều. Bạn nhớ ý nghĩa này, thì hiểu được Kinh Lăng Nghiêm.

''Tướng Vô Kiến Đảnh Thủ Lăng Nghiêm.'' Thủ là đầu tiên, số một, Lăng Nghiêm tức là đảnh, tột đảnh rồi còn có lời gì để nói nữa ?

''Phật bộ chính giữa cứu treo ngược.'' Chính giữa là Phật Tỳ Lô Giá Na, tức cũng là pháp thân của Phật Thích Ca Mâu Ni, báo thân là Lô Xá Na Phật, hóa thân là Thiên Bách Ức Thích Ca Mâu Ni Phật. Chính giữa Phật bộ phải đến cứu vớt chúng sinh bị treo ngược (đảo huyền). Cứu đảo huyền còn gọi là Vu Lan Bồn. Vu Lan Bồn là tiếng Phạn, sao gọi là đảo huyền ? Một người chân giơ lên trời, đầu hướng xuống đất, ăn vật gì cũng đều nuốt chẳng vào, bạn thấy đây có khổ chăng ? Vốn ăn đồ vật rồi phải đại tiểu tiện, bây giờ không thể đại tiểu tiện, lại phải chảy ngược ra lại, thật là khổ sở ! Chẳng được tự tại, đây gọi là đảo hành nghịch thí.

''Tỳ Lô Giá Na khắp tất cả.'' Phật Tỳ Lô Giá Na khắp tất cả mọi nơi, vô tại vô bất tại, chẳng có một nơi nào mà chẳng có Ngài, vì Ngài khắp tất cả mọi nơi.

''Thường hiện ở trong tôi và anh.'' Bạn, tôi, mọi người, đều ở trong sự chiếu khắp của pháp thân Phật Tỳ Lô Giá Na, thế mà chúng ta chẳng thấy được Phật Tỳ Lô Giá Na. Tại sao chúng ta chẳng có tướng Vô Kiến Đảnh ? Chúng ta hiện giờ là phàm phu, chẳng thấy được pháp thân của Phật, thật là khổ não !

193. Hổ hồng đô lô ung.

Kệ :

Tổng trì chân ngôn Án Á Hồng
Tỳ Lô Di Đà A Súc đông
Pháp báo hoá thân tam đại nghĩa
Thập phương hiền Thánh tùng thử sinh.

Tạm dịch :
Tổng trì chân ngôn Án Á Hồng
Tỳ Lô Di Đà A Súc Phật
Pháp báo hóa thân ba nghĩa lớn
Mười phương Thánh hiền từ đây sinh.

Giảng giải: Hổ Hồng tức là "Hồng", hoặc gọi là "Án", bất cứ chữ nào cũng đều có ý nghĩa của nó. Tóm lại, Chú thì thiên biến vạn hóa, bạn nói nó như thế này, nó lại thế kia. Bạn nói nó thế kia, nó lại thế này. Bạn nói nó là đỏ, nó lại biến thành vàng. Bạn nói nó vàng, nó lại biến thành trắng. Làm thế nào ? Đó gọi là không thể nghĩ bàn, không thể dùng tâm suy nghĩ, không thể dùng lời luận nghị. "Miệng muốn nói mà lời đã mất rồi, tâm muốn phan duyên mà tư lự chẳng còn nữa", đây gọi là không thể nghĩ bàn.
Hổ Hồng tức là chân ngôn tổng trì, có thể nói là Án, cũng có thể nói là Hồng, cho nên mọi người nói Án Á Hồng. Án Á Hồng là ba đàn : Thân, miệng, ý, nghiệp thanh tịnh, khi niệm Án Á Hồng, cũng giống như tạo đàn Lăng Nghiêm. Thanh tịnh chân ngôn khiến cho ba nghiệp thanh tịnh. Án tức là Tỳ Lô Giá Na Phật, Á tức là A Di Dà Phật, Hồng tức là A Súc Phật, cho nên niệm Án Á Hồng thì ba mật thành đàn.
''Tỳ Lô Di Đà A Súc Phật.'' Tỳ Lô thì chính giữa, Di Đà thì phương tây, A Súc thì phương đông.
''Pháp báo hóa thân ba nghĩa lớn.'' Tức là pháp thân, báo thân, hóa thân, chữ Hồng này đủ ba ý nghĩa này.
''Mười phương hiền Thánh từ đây sinh.'' Tất cả mười phương chư Phật, Bồ Tát, La Hán, đều đã tu qua pháp này, đều từ pháp này mà sinh ra.

194. Chiêm bà na.

Kệ :
Kim sắc hoàng hoa thụ hình cao
Đại bàng điểu cư Phật Thánh đạo
Pháp thân hương biến Hằng sa giới
Bất thoái bồ đề lạc tiêu dao.

Tạm dịch :
Cây vàng hoa vàng cao to lớn
Chim Đại Bàng ở Phật Thánh đạo
Pháp thân thơm khắp Hằng sa cõi
Không lùi bồ đề vui tiêu dao.

Giảng giải: Chúng ta hằng ngày muốn học diệu pháp, nhưng đợi đến khi diệu pháp trước mắt, thì không nhận ra được, trước mặt bỏ qua, mất đi cơ hội. Chú Lăng Nghiêm mỗi câu đều là diệu pháp, mỗi chữ đều là tam muội, vì chúng ta không hiểu rõ, nên cũng không biết tôn quý. Giống như người không nhận ra vàng thật, cho rằng đồng vàng là vàng. Nếu ai thành tâm tụng trì Chú Lăng Nghiêm, thì thường có tám vạn bốn ngàn Kim Cang Tạng Bồ Tát đến hộ trì, nhưng phải thành tâm, nếu không thành tâm thì sẽ không có cảm ứng.
Chiêm Bà Na dịch là "Cây vàng hoa vàng". Đây là một ví dụ, dụ chim đại bàng ở trên cây rất cao, là nơi tất cả Thánh Hiền ở. Cho nên nói: ''Thân vàng hoa vàng cao to lớn.'' Cây thì màu vàng ròng, hoa cũng màu vàng. Thứ cây này cao hơn so với các loài cây khác, vì vậy cho nên: ''Chim Đại Bàng ở Phật Thánh đạo.'' Chim đại bàng thì ở trên cây, Phật và tất cả Thánh chúng, cũng đều ở trên diệu pháp vô thượng Lăng Nghiêm, giống như chim đại bàng ở trên cây cao nhất.
''Pháp thân thơm khắp Hằng sa cõi.'' Pháp thân của Phật vô tại vô bất tại, đầy khắp tất cả mọi nơi.
''Không lùi bồ đề vui tiêu dao.'' Tu pháp Chú Lăng Nghiêm, thì vĩnh viễn không thối thất bồ đề tâm, nếu trên thế gian không còn một người nào niệm Chú Lăng Nghiêm, thì pháp sẽ diệt mất. Tất cả yêu ma quỷ quái, thiên ma ngoại đạo, đều muốn xuất hiện ra đời hoành hành, nếu còn có một người niệm Chú Lăng Nghiêm, thì yêu ma quỷ quái, thiên ma ngoại đạo không dám xuất hiện, vì có Chú Lăng Nghiêm hàng phục được chúng. Nếu chúng ta niệm tụng Chú Lăng Nghiêm, ngày ngày thọ trì, thì đắc được phước báu bảy đời làm viên ngoại, tức là người có phước nhất, có đại thế lực trong thời thái bình thịnh vượng. Cho nên muốn cầu phước báu thế gian, phải niệm tụng Chú Lăng Nghiêm, muốn có quả báu Thánh hiền, càng phải niệm Chú Lăng Nghiêm.

195. Hổ hồng đô lô ung.

Kệ :
Chân ngôn Chú lực diệu nan tư
Tam muội gia trì niệm tại từ
Phiền não biến vi thanh lương tán
Vô thượng Phật Bảo thường hộ chi.

Tạm dịch :
Sức lực thần Chú diệu khó lường
Tam muội gia trì niệm từ từ

Nhiệt não biến thành thuốc mát mẻ
Vô thượng Phật Bảo thường hộ niệm.

Giảng giải: ‘’Sức lực thần Chú diệu khó lường.’’ Chú Lăng Nghiêm không thể dò được, cũng không thể suy nghĩ tưởng tượng được.
‘’Tam muội gia trì niệm từ từ.’’ Chú tức là dùng oai lực Tam muội gia trì người tu trì Chú. Phải niệm từ từ, không vọng tưởng, nếu thọ trì như thế thì nhiệt não hóa thành thuốc mát mẻ.
‘’Vô thượng Phật Bảo thường hộ niệm.’’ Vô Thượng Phật Bảo luôn luôn hộ niệm bạn, gia trì bạn, khiến cho bạn phát đại đạo tâm. Các vị phải đặc biệt chú ý Chú Lăng Nghiêm. Nếu mỗi người đều học Chú Lăng Nghiêm, thì chánh pháp thường trụ ở trên đời, thường trì Chú Lăng Nghiêm tức là ủng hộ Phật pháp, oai lực của Chú khó nghĩ bàn.

– Hỏi: Trì Chú phát âm không chính xác có hiệu nghiệm chăng ?
– Đáp: Trước kia có một vị tu hành thường tụng Lục Tự Đại Minh Chú, nhưng ông ta tự đặt ra, chứ không thỉnh giáo người khác, hoặc là vì trí nhớ không tốt, người khác dạy rồi ông ta quên mất. Ông ta đắn đo: ‘’Chữ miệng thêm vào chữ ma thì đọc ma, chữ miệng thêm vào chữ bát thì đọc bát, chữ miệng thêm vào chữ mê thì đọc mê, chữ miệng thêm vào chữ ngưu thì đại khái đọc ngưu.’’ Do đó, ông ta đọc: “Úm Ma Ni Bát Mê Ngưu”, niệm rất thành tâm. Mỗi ngày ông ta niệm một trăm vạn biến Úm Ma Ni Bát Mê Ngưu, dùng chuỗi ghi nhớ rất phí sự, do đó ông ta dùng một trăm vạn hạt đậu ghi nhớ, niệm một câu thì thảy qua một hạt đậu. Dần dần ông ta không cần dùng tay, đậu tự nhảy qua, sau đó có người nói với ông ta nên niệm: ‘’Úm Ma Ni Bát Mê Hồng‘’ mới đúng, do đó ông ta liền đổi niệm Úm Ma Ni Bát Mê Hồng. Nhưng kỳ lạ thay, hạt đậu không nhảy qua nữa, sau lại niệm trở lại Úm Ma Ni Bát Mê Ngưu, hạt đậu cũng không nhảy qua, vì tín tâm của ông ta giao động, biết mình niệm sai.

– Hỏi: Tâm Chú của Chú Lăng Nghiêm là gì ?
– Đáp: Tâm Chú dài là : Đát điệt tha. Án, A na lệ. Tỳ xá đề. Bệ ra. Bạt xà ra. Đà rị. Bàn đà bàn đà nể. Bạt xà ra bàng ni phấn. Hổ hồng đô lô ung phấn. Ta bà ha.
Tâm Chú ngắn là : Tát đát đa bát đát la.

196. Tất đam bà na.

Kệ :
Tất giai đầy đủ cát tường pháp
Vô tận bảo tạng tổng hàm nhiếp

Thành tựu chủng chủng Ba La Mật
Đoan nhiên chánh toạ tử liên hoa.

Tạm dịch :
Thảy đều đầy đủ pháp cát tường
Vô tận Pháp bảo nhiếp hết thảy
Thành tựu đầy đủ Ba La Mật
Đoan nghiêm ngồi trên hoa sen báu.

Giảng giải: ‘’Thảy đều đầy đủ pháp cát tường.’’ Câu này là “Pháp cát tường”, nghĩa là tất cả đều cát tường, đắc được mọi sự thắng lợi.
‘’Vô tận Pháp bảo nhiếp hết thảy.’’ Pháp cát tường là tất cả đều cát tường như ý, bên trong hàm nhiếp hữu tận bảo tạng. Pháp cát tường này sức lực rất lớn.
‘’Thành tựu đầy đủ Ba La Mật.’’ Muốn cầu gì thì được đó, cầu giàu sang được giàu sang, cầu công danh được công danh, cầu trai gái được trai gái. Tất cả đều không thể nghĩ bàn, thành tựu đủ loại Ba La Mật đến bờ kia.
‘’Đoan nghiêm ngồi trên hoa sen báu.’’ Vị Bồ Tát này, thường thường ngồi trên đài sen báu để giáo hóa tất cả chúng sinh.

197. Hổ hồng đô lô ung.

Kệ :
Chân tâm chân ý chân lại chân
Chân hành chân tu chân cánh chân
Chân tác chân vi chân gia chân
Nhất thiết nhất thiết chân chân chân.

Tạm dịch :
Tâm thật ý thật thật lại thật
Hành thật tu thật thật càng thật
Làm thật quán thật thật thêm thật
Tất cả tất cả thật thật thật.

Giảng giải: Hổ Hồng Đô Lô Ung, phía trước đã có hai câu, đây là câu thứ ba. Hổ Hồng Đô Lô Ung là Án Á Hồng. Lúc niệm Chú, vì mỗi nơi tiếng nói không giống, bạn là người địa phương đó, niệm tiếng địa phương đó, đều gần giống nhau. Gần giống nhau thì có thể được. Quan trọng là có chân tâm, dùng tâm giả để niệm, thì niệm gì cũng vô dụng. Bạn cũng không thể dùng tâm tham để niệm, hy vọng chơi cá ngựa sẽ trúng. Nếu bạn có những thứ tư tưởng này, thì tuyệt đối không có linh nghiệm, cũng không thể nói, tôi niệm Chú này, thì khí lực mạnh giống như đại lực sĩ, có thể lay núi động đất, giống như Sở Bá

Vương, ai cũng đánh không lại, tu như vậy cũng không thành. Vì đầu tiên bạn đã có tâm tham, thì chẳng phải thật. Niệm Chú này mà có tâm hại người càng không được, kêu người đau đầu, đau chân, như thế thì niệm gì cũng chẳng linh nghiệm, sẽ không thành tựu. Có người niệm Chú này, muốn tất cả những thứ đá quý có giá trị nhất thế gian, đều trở về chỗ tôi, cứ muốn ích kỷ lợi mình thì càng làm chẳng được. Cho nên tôi khuyên các bạn đừng tranh, đừng tham, đừng cầu, đừng ích kỷ, đừng lợi mình. Phải có đủ năm điều kiện này, còn phải có tâm chân thật mới học được Chú Lăng Nghiêm. Cho nên nói: ‘’Tâm thật ý thật thật lại thật.’’ Một cái chân thật vẫn chưa được, phải hai cái chân thật, một chút giả cũng không có, nếu có một chút giả thì chẳng có công hiệu.
‘’Hành thật tu thật thật càng thật.’’ Tức là dùng sự chân thật để trì Chú này. Có người chẳng biết thế nào gọi thật lại càng thật. Không biết thật chăng ? Vậy bạn ăn no không, ăn no thì biết ngay.
‘’Làm thật quán thật thật thêm thật.’’ Bạn thấy ở trước mười hai chữ thật, ở sau lại thên ba, cộng thành mười lăm chữ thật. Cho nên nói : ‘’Tất cả tất cả thật thật thật.’’ Ngàn vạn không thể giả, nếu có một chút giả thì chẳng phải thật. Bạn gạt Phật chẳng đặng, cũng chẳng gạt được Bồ Tát, cũng gạt không được người.

198. Ba ra sắt địa gia.

Kệ :
Tổng nhiếp ma giới tu chánh giáo
Sự lý hành mãn độ vô cực
Sinh tử phiền não giai cứu kính
Thường lạc ngã tịnh chứng bồ đề.

Tạm dịch :
Nhiếp hết loài ma tu chánh pháp
Sự lý viên mãn lên bờ kia
Sinh tử phiền não đều rốt ráo
Thường lạc ngã tịnh chứng bồ đề.

Giảng giải: Câu này dịch là “Vô cực”, ‘’Nhiếp hết loài ma tu chánh giáo.’’ Nếu ma cải tà quy chánh, cải ác hướng thiện, cũng có thể tu hành giống nhau, có thể thành chánh quả giống nhau. Do đó, mọi người đừng xem ma nghiêm trọng như thế. Có lúc ma trở lại giúp bạn tu hành, làm tăng thượng duyên bạn tu đạo, là đến thử bạn, khảo nghiệm bạn, khiến cho công phu của bạn thuần thục.
‘’Sự lý viên mãn lên bờ kia.’’ Sự cũng tu viên mãn, lý cũng tu viên mãn, thì độ tất cả chúng sinh, vượt khỏi bờ sinh tử này, qua dòng phiền não, đạt đến bờ

bên kia cứu kính. Cho nên nói : ‘’Thường lạc ngã tịnh chứng bồ đề.’’ Đắc được thường lạc ngã tịnh Niết Bàn bốn đức, chứng được vô thượng bồ đề, cứu kính viên mãn.

199. Tam bát xoa

Kệ :
Chân chánh mãn túc Bồ Tát hạnh
Ngũ nhãn lục thông câu hiện tiền
Thắng diệu giải thoát viên phước huệ
Vô thượng đẳng giác độ quần hiền.

Tạm dịch :
Chân chánh đầy đủ hạnh Bồ Tát
Năm nhãn sáu thông đều hiện tiền
Giải thoát thù thắng tròn phước huệ
Vô Thượng Đẳng Giác độ người hiền.

Giảng giải: Câu này dịch là “Chân chánh đầy đủ”, “Thành tựu”, “Cảm ứng”. Hết thảy đều đắc được viên mãn, cho nên nói: ‘’Chân chánh đầy đủ hạnh Bồ Tát.’’ Tất cả hạnh môn của Bồ Tát tu, lục độ vạn hạnh đều đầy đủ.
‘’Năm nhãn sáu thông đều hiện tiền.’’ Bồ Tát đầy đủ năm nhãn : Nhục nhãn, thiên nhãn, pháp nhãn, huệ nhãn và Phật nhãn. Sáu thông : Thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, túc mạng thông, thần túc thông và lậu tận thông.
‘’Giải thoát thắng diệu tròn phước huệ.’’ Tăng phước huệ, đắc được giải thoát thù thắng vi diệu.
‘’Vô Thượng Đẳng Giác độ người hiền.’’ Chứng được quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, trở lại độ người hiền, khiến cho họ cũng đều chứng được quả vị Chánh giác.

200. Noa yết ra

Kệ :
Ngã sở tác pháp bổn tánh không
Chân như tự tại bình đẳng công
Vô thượng phước điền cần canh chủng
Tự giác giác tha nhậm đông tây.

Tạm dịch :
Những pháp tôi tu tánh vốn không
Chân như tự tại rất bình đẳng
Ruộng phước vô thượng siêng gieo trồng
Tự giác giác tha rất tự tại.

Giảng giải: Câu Chú này ý nghĩa là "không", không tức là phá ngã chấp, pháp chấp, cũng chẳng còn, ngã, pháp, hai chấp đều không. Do đó, tuy tu tất cả pháp, mà lìa tướng tất cả pháp, tu đến trong chẳng có thân tâm, ngoài chẳng có thế giới, không vô sở không, ngộ cảnh giới vô sở ngộ, lúc này thì đắc được tam muội. Cho nên nói: ''Những pháp tôi tu tánh vốn không.'' Tất cả pháp mà tôi tu, bất cứ là pháp Lăng Nghiêm, pháp Đại Bi, hoặc pháp Bốn Mươi Hai Thủ Nhãn, hoặc pháp duyên độ mẫu, hoặc là đủ thứ pháp mật tông, tu tất cả pháp phải lìa tất cả tướng, hàng tâm lìa tướng, tâm phải hàng phục, tướng phải xa lìa. Tu pháp thì tu đừng chấp trước. Tất cả pháp đều không có tự tánh, chẳng có tự thể, vậy bạn lại chấp cái gì ?
''Chân như tự tại rất bình đẳng.'' Chân như cũng gọi là tự tại, cũng gọi là bình đẳng, nghĩa là đều công bình, chẳng có một chút tâm ích kỷ lợi mình, mới có thể tu pháp. Cũng chẳng có tâm tham, tâm tranh, tâm có sở cầu, rất là công bình không lỗi.

''Ruộng phước vô thượng siêng gieo trồng.'' Ruộng phước Tam Bảo là vô thượng nhất, cúng dường Tam Bảo thêm phước và huệ của bạn. Nhưng đừng một mặt thì cúng dường cung kính Tam Bảo, một mặt thì tạo tội nghiệp trước Tam Bảo, làm thiện ác xen tạp, đều phân chẳng rõ. Ở trong Phật giáo hủy báng Phật giáo, đừng nói đây không tốt, nói kia không đúng. Phải trồng ruộng phước, chớ trồng ruộng họa (tai họa). Hủy báng Tam Bảo tức là trồng ruộng họa, tương lai sẽ có tai nạn. Chúng ta phải siêng gieo trồng ruộng phước Tam Bảo.
''Tự giác giác tha nhậm đông tây.'' Tương lai tu thành công rồi, thì sẽ tự giác lại giác tha. Tùy ý bạn muốn đến Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, thì đến Cực Lạc Thế Giới. Muốn đến Phương Đông Thế Giới Lưu Ly, thì đến Thế Giới Lưu Ly.

201. Hổ hồng đô lô ung

Kệ :
Chí thành khẩn thiết thọ trì niệm
Cửu thành tam muội diệu nan ngôn
Nội Thánh ngoại vương bồi công tích
Viên mãn bồ đề thiên ngoại thiên.

Tạm dịch :
Chí thành khẩn thiết thọ trì niệm
Lâu thành tam muội diệu khó tả
Trong Thánh ngoài vua tích công đức.
Viên mãn bồ đề chứng quả Phật.

Giảng giải : Hổ Hồng Đô Lô Ung như ở trước đã nói là "Án Á Hồng", kết đàn. ''Chí thành khẩn thiết thọ trì niệm.'' Khi niệm đừng khởi vọng tưởng, đừng có tâm tham, tâm sân, có sở cầu, tâm ích kỷ lợi mình, tức là nhất tâm tụng trì Chú Lăng Nghiêm. Tụng trì được, trong không thân tâm, ngoài không thế giới, niệm mà không niệm, không niệm mà niệm, chẳng niệm tự niệm. Đến cảnh giới này, thì chẳng có một tạp niệm nào, lâu dần thì sẽ thành tựu tam muội, đắc được chánh định chánh thọ, vi diệu khó mà nói hết được.
''Trong Thánh ngoài vua tích công đức.'' Trong Thánh tức là bên trong phải Thánh minh, thường thường tập ngồi tu định, thường thường tụng trì Chú. Ngoài vua là bên ngoài vẫn tích lũy công đức. Người tu đạo học Phật, phải nhận chân tích lũy công đức từng chút từng chút. Làm nhiều đức hạnh, tài bồi công lao, tài bồi thành tích, nhưng đừng tồn tâm tham, tư tưởng tham công. Tham công thì dễ tạo tội nghiệt, biến thành thiện ác xen tạp. Tham công tức là muốn tranh với người, trong khi tranh thì sẽ sai nhân quả. Nếu sai nhân quả thì đối với việc tu đạo chẳng tương ưng. Cho nên người tu đạo, nên nhớ nhân quả tơ hào đều không thể sai được ! Không thể cẩu thả, tùy tiện. Dù một tờ giấy cũng phải chân thành bảo hộ nó, đừng tùy tiện vứt bỏ, lãng phí. Vật chất của chùa phải thương tiếc, vật chất của mình cũng nên trân tiếc. Thương tiếc vật chất, tức cũng là làm công đức, lãng phí vật chất tức cũng là tạo tội nghiệt. Bất cứ ở nhà, hay ở chùa, đều giống nhau. Lãng phí tiền bạc, vật chất của chùa, thì tu hành cũng chẳng thành công. Tại sao ? Vì bạn không thương tiếc vật chất của thường trụ, không thương tiếc tiền bạc của thường trụ. Cho nên chúng ta tu hành phải trong Thánh, tức cũng là bên trong phải thông minh có trí huệ, bên ngoài làm việc phải hợp lý và hợp pháp. Bồi cây công đức của bạn mới có cơ hội thành tựu.
''Viên mãn bồ đề thiên ngoại thiên.'' Bất cứ nơi đâu cũng không sai nhân quả, luôn luôn cẩn thận, đó mới viên mãn giác quả bồ đề, đến một thế giới khác, thành tựu pháp thân thiên ngoại thiên. Thiên ngoại thiên là nói nó lớn mà không ngoài, nhỏ mà không ở trong, tận hư không khắp pháp giới, đâu chẳng ở trong tâm của bạn. Do đó, người tu đạo phải đặc biệt chú ý, đừng sai nhân quả, đừng lạm dụng vật của thường trụ.

202. Tát bà dược xoa

Kệ :
Thôi phục nhất thiết ác quỷ binh
Dũng Kiện quỷ vương phụng lệnh hành
Hộ trì thiện giả cần tinh tấn
Từ bi phổ độ hoá chúng sinh.

Tạm dịch :
Hàng phục tất cả ác quỷ binh
Dũng Kiện quỷ vương làm theo lệnh
Hộ trì kẻ thiện siêng tinh tấn
Từ bi phổ độ cứu chúng sinh.

Giảng giải: Ý nghĩa câu này là "Phá tan tất cả ác quỷ", trong loài quỷ cũng có quỷ thiện, quỷ ác. Quỷ thiện thì hộ trì người, ác quỷ thì phá hoại người, cho nên phải "Hàng phục tất cả ác quỷ binh".
''Dũng Kiện quỷ vương làm theo lệnh.'' Dược Xoa tức là quỷ Dũng Kiện, thuộc về quỷ thiện, chúng chịu Bồ Tát chỉ huy đi phá tan ác quỷ.
''Hộ trì kẻ thiện siêng tinh tấn.'' Hộ trì người thiện tu hành, luôn luôn tinh tấn tu hành Phật pháp.
''Từ bi phổ độ cứu chúng sinh.'' Chúng cũng giáo hóa chúng sinh, giúp Phật một phần hoằng dương giáo hóa.

203. Hắt ra sát ta

Kệ :
Đại đa thắng pháp diễn Ma Ha
Tốc tật quỷ đẳng các bôn ba
Thuận giáo nghịch giáo hoằng Phật hoá
Vạn loại quy nguyên độ Ta Bà.

Tạm dịch :
Pháp lớn nhiều thắng diễn Ma Ha
Chúng quỷ La Sát đều bôn ba
Thuận giáo nghịch giáo hoằng Phật pháp
Vạn loài về nguồn độ Ta Bà.

Giảng giải : Chữ Hắt nghĩa là "Ma Ha" (đại), "Lớn nhiều", "Thắng pháp", ba ý nghĩa. Diễn Ma Ha tức là nói pháp đại thừa.
''Chúng quỷ tốc tật đều bôn ba.'' Tốc tật quỷ tức là quỷ La Sát, chúng vốn chuyên làm ác, về sau quy y Phật thì làm việc thiện. Tại sao gọi là Tốc tật quỷ ? Vì chúng chạy rất nhanh, chạy ở trên không, cũng chạy ở dưới đất, lại có thể

bay đi trên không như ý. Quỷ La Sát dạy người có lúc dùng thuận giáo, giáo hóa thuận theo tư tưởng chúng sinh. Có lúc dùng nghịch giáo, giáo hóa nghịch theo tư tưởng chúng sinh, mục đích đều hoằng dương phật pháp.
‘’Vạn loài về nguồn độ Ta Bà.’’ Nghĩa là mọi người trợ giúp thành tựu lẫn nhau, để ủng hộ Phật pháp, khiến cho tất cả chúng sinh đều quy y Tam Bảo, cùng đồng đến hộ trì thế giới Ta Bà, giáo hóa tất cả chúng sinh cang cường của thế giới Ta Bà. Cho nên dùng quỷ La Sát để cứu độ giáo hóa, khiến cho chúng sinh cang cường, sinh ra tư tưởng sợ sệt, khiến cho chúng cải ác hướng thiện.

204. Yết ra ha nhã xà

Kệ :
Sở hữu địa không thiên quyến thuộc
Sinh khởi vô biên sai biệt môn
Dạ Xoa La Sát phụ mẫu tử
Huynh đệ quân tướng tạp sử thần.

Tạm dịch :
Tất cả quyến thuộc thiên địa không
Sinh ra vô biên môn khác biệt
Cha mẹ con Dạ Xoa La Sát
Anh em quân tướng các sử thần.

Giảng giải : Nhã Xà La Sát quỷ tử mẫu, mẹ của quỷ La Sát sinh được một ngàn quỷ La Sát con, nhưng quỷ mẹ thương nhất là quỷ con út. Quỷ mẹ con này, mỗi ngày ăn thịt một đứa con nít. Chúng thường đến nhân gian trộm con nít của người ta, mỗi ngày ăn một đứa, đây chẳng phải là số ít. Phật thấy chúng làm như thế, thật quá tổn hại cho nhân loại, do đó nghĩ tìm cách muốn độ quỷ tử mẫu này, bèn dùng thần thông bắt con quỷ út bỏ vào bình bát. Quỷ tử mẫu đi trộm con nít của người ta, chuẩn bị trở về để ăn, trở về thì không thấy con quỷ út. Đó là quỷ út mà y thương nhất, chấp trước nhất, mà bây giờ không thấy đâu cả, do đó y đi tìm khắp nơi, nhưng tìm mãi không ra. Sau đó y đến nước Xá Vệ, nghe được tiếng con quỷ út ở trong bình bát, y bèn theo tiếng khóc đi tìm, tìm đến chỗ để bình bát của đức Phật. Biết là con quỷ út của y ở trong bình bát của Đức Phật, y bèn dở nắp bình bát, nhưng làm thế nào cũng không lay động nắp bình bát. Y bèn kêu hết chín trăm chín mươi chín quỷ con lại, cùng nhau hiệp lực dở nắp bình bát, nhưng cũng dở không được. Y rất nóng giận đi đến trước Đức Phật nói :
– Ngài là một vị Phật mà không biết điều. Tại sao bắt đứa con út của tôi nhốt vào bình bát ! Quỷ út của tôi làm gì mà đắc tội với Ngài, nó nhỏ như vậy, Ngài

mau thả nó ra.
– Đức Phật nói : Bây giờ trong tâm của ngươi rất thống khổ, ta bắt con của ngươi đem về đây, thì tâm ngươi biết thống khổ. Thế mà mỗi ngày ngươi ăn một đứa con của người ta, vậy thì ngươi nói sao đây ?
– Quỷ tử mẫu nói : Tôi rất thích ăn thứ này, vậy với con của tôi có quan hệ gì ?
– Đức Phật nói : Tốt ! Ngươi muốn ăn con của người ta, thì ta bắt con của ngươi về đây. Ngươi ăn con nít người ta, thì đành lòng ăn được, ta muốn đứa con này của ngươi, thì ngươi xả bỏ không được, ngươi mới là người không biết điều.
– Quỷ tử mẫu nói : Nếu Ngài trả lại đứa con út của tôi, thì tôi không ăn con nít của người ta nữa.
– Đức Phật nói : Thật chăng ?
– Y nói : Thật.
– Đức Phật nói : Vậy ngươi ăn vật gì ?
– Quỷ tử mẫu nói : Tôi không có gì ăn thì nhịn đói.
– Đức Phật nói : Vậy không được, sau này đệ tử của ta khi ăn cơm, thì thí một chút cơm cho ngươi ăn, nhưng ngươi về sau không được ăn thịt con nít nữa. Từ đó La Sát quỷ tử mẫu cải ác hướng thiện, quy y Tam Bảo, về sau làm hộ pháp trong Phật giáo. Phật bèn trả lại con quỷ út cho quỷ tử mẫu đem về, luôn luôn bên cạnh của y. Y có lúc thị hiện hình dạng rất quái dị, để giáo hóa chúng sinh, khiến chúng sinh cải ác hướng thiện, đây gọi là nghịch giáo. Từ đó về sau con nít thế gian không bị quỷ tử mẫu bắt trộm ăn nữa. Tại sao chúng ta đều sợ quỷ ? Là bởi chuyện này. Quỷ tử mẫu rất lợi hại, bắt trộm con nít, khi chúng ta đề cập đến quỷ, thì rất sợ hãi đều do nguyên nhân này.

Yết La Ha Nhã Xà là nói về : "Hết thảy Dạ Xoa và La Sát", bất cứ dưới đất, trên trời, hoặc Dạ Xoa La Sát bay đi trong không trung và tất cả quyến thuộc của chúng. Mỗi một quỷ Dạ Xoa La Sát lại có vô lượng trăm ngàn quyến thuộc đồ chúng.
''Sinh ra vô biên môn khác biệt.'' Khác biệt tức là không giống nhau, trong đó lại sinh ra rất nhiều, đủ loại khác nhau, trong đó có cha mẹ của Dạ Xoa La Sát, anh em chị em, lại có tướng quân La Sát, quan binh La Sát, lại có đủ thứ chức vụ, làm việc này, việc kia, đủ thứ khác nhau. La Sát có thể nói là một đoàn thể hợp đồng, có thế lực rất lớn, cho nên hay hộ trì Phật pháp.

205. Tỳ đằng băng tát na yết ra

Kệ :
Nhị chủng thần vương oai lực thâm

Phổ thành phá oán trừ tai tinh
Độ khử nhất thiết chư khổ ách
Quy mạng giáo chủ Thích Ca Văn.

Tạm dịch :
Hai loại thần vương oai lực lớn
Phá trừ oán độc và tai nạn
Khử sạch tất cả các khổ ách
Quy mạng giáo chủ Phật Thích Ca.

Giảng giải: ‘’Hai loại thần vương oai lực lớn.’’ Dạ Xoa và La Sát hai loại thần vương này đều có đại oai đức.
‘’Phá trừ oán độc và tai nạn.’’ Chúng chuyên trừ tất cả oán độc và tai nạn.
‘’Khử sạch tất cả các khổ ách.’’ Lại trừ khử tất cả khổ ách và hiểm nạn.
‘’Quy mạng giáo chủ Phật Thích Ca.’’ Phải quy mạng Phật giáo, giáo chủ Thích Ca Mâu Ni Phật, để hộ trì Phật giáo, ủng hộ mỗi đạo tràng.

206. Hổ hồng đô lô ung

Kệ :
Chí tâm tụng trì hoạch diệu định
Thành ý tinh tấn chứng vô sinh
Thiện ác giáp tạp nhiễm tịnh bán
Nan siêu khổ hải vĩnh phù trầm.

Tạm dịch :
Chí tâm trì tụng được diệu định
Thành ý tinh tấn chứng vô sinh
Thiện ác nhiễm tịnh xen tạp vào
Khó vượt biển khổ trầm luân mãi.

Giảng giải: ‘’Chí tâm tụng trì được diệu định.’’ Thường dụng tâm chí thành khẩn thiết để tụng trì Chú, thì nhất định sẽ đắc được diệu định Lăng Nghiêm kiên cố.
‘’Thành ý tinh tấn chứng vô sinh.’’ Tu đạo phải thành ý. Thành ý là gì ? Tức là từng thời từng khắc, cũng không quên chuyên tâm nhất ý. Trong tâm chỉ có một ý niệm tu hành, không có vọng tưởng nào khác, thậm chí vì tu hành mà quên cả ăn cơm mặc y ngủ nghỉ. Đó là thành ý tinh tấn, thì nhất định sẽ chứng được vô sinh pháp nhẫn.
‘’Thiện ác nhiễm tịnh xen tạp vào.’’ Nếu ở trong Phật giáo, vừa làm chút thiện, lại làm chút ác, trong thiện mang một chút ác, trong ác lại có chút thiện, thiện

ác phân không rõ, nếu như thế thì: ‘’Khó vượt biển khổ trầm luân mãi.’’ Tức là không thể thoát khỏi biển khổ sáu nẻo luân hồi.

207. Giả đô la

Kệ :
Ngã kim cảnh giác bát vạn chúng
Đại lực Kim Cang các thần vương
Hàng phục tai hại chư ma nạn
Trí huệ cung tiễn chức cao thăng.

Tạm dịch :
Nay tôi cảnh tỉnh tám vạn chúng
Đại lực Kim Cang các thần vương
Hàng phục tai hại và nạn ma
Trí huệ cung tiễn thăng chức cao.

Giảng giải: ‘’Nay tôi cảnh tỉnh tám vạn chúng.’’ Bây giờ tôi phải cảnh tỉnh tám vạn bốn ngàn Kim Cang Tạng Bồ Tát, kêu các Ngài chú ý và cẩn thận.
‘’Đại lực Kim Cang các thần vương.’’ Còn có Kim Cang đại lực sĩ có đủ oai lực và tất cả tám bộ quỷ thần vương.
‘’Hàng phục tai hại và nạn ma.’’ Để hàng phục tất cả tai hại và tất cả nạn ma không tốt.
‘’Trí huệ cung tiễn thăng chức cao.’’ Giả Đô La dịch là “Trí huệ cung”, trì tụng câu Chú này, thì sẽ thăng quan tiến chức, đắc được cơ hội làm quan. Cho nên tu pháp sẽ đắc được thứ quả báo này. Tại sao có những người làm quan ? Vì quá khứ đã tu qua pháp này, cho nên đời nay có nhân duyên làm quan. Tất cả vạn sự vạn vật thế gian đều đang nói pháp, chỉ là xem chúng ta nhận thức được hay không.
Hôm nay tôi cảm thấy còn chút thời giờ, tôi ra một câu đối liễn: ‘’Độc lập cô phong sư tử hống.’’ Nghĩa là : Một người đứng trên đỉnh núi cao, làm đại sư tử hống. “Cô phong” là một nơi cao nhất, chẳng có gì so sánh cao hơn được. Một người đứng trên “Cô phong” cao nhất quan sát toàn thế giới, sau đó làm sư tử hống ở đó. Do đó :

‘’Tiếng hống của sư tử, nói chẳng sợ sệt,
Trăm thú nghe được đều khiếp vía.’’

Bất cứ phi cầm điểu thú gì, cũng đều sợ hãi bay chạy loạn xạ, cho đến cọp beo cũng đều chạy không được. Tại sao ? Vì khi sư tử hống thì oai phong của nó

rất lợi hại. Vế trên của câu liễn là “Độc lập cô phong sư tử hống”, vế sau thì bạn muốn đối gì thì đối.

208. Thi để nẩm

Kệ :
Chấp kim cang thần kiếm lợi phong
Nhập Tam ma địa trấn yêu phần
Hàng phục nhất thiết quỷ ma đẳng
Cải ác hướng thiện duẫn tự tân.

Tạm dịch :
Thần Chấp Kim Cang kiếm sắc bén
Vào trong định lực trấn yêu khí
Hàng phục tất cả loài quỷ ma
Cải ác hướng thiện tự làm mới.

Giảng giải : Ý nghĩa câu Chú này là “Kim Cang Thần”. Thi Để Nẩm dịch là “Cung tên”, lại có thể dịch là “Bảo kiếm”. Tóm lại, là một thứ binh khí, hoặc là vũ khí cầm tay của Kim Cang Thần, sắc bén vô cùng. Thế gian có bảo kiếm có thể cắt vàng gọt ngọc, chém sắt như chém bùn. Bảo kiếm của Ngài so với bảo kiếm thế gian thì lợi hại hơn nhiều, sắc bén hơn, vì trí huệ của Ngài như kim cang bảo kiếm, dùng để soi suốt tư tưởng của thiên ma ngoại đạo.
‘’Vào trong định lực trấn yêu khí.’’ Ngài luôn luôn ở trong Tam Ma Địa, tức cũng là ở trong định, hàng phục thiên ma, khống chế ngoại đạo.
‘’Hàng phục tất cả loài quỷ ma.’’ Yêu ma quỷ quái đủ thứ tà khí đều bị Kim Cang lực sĩ và Kim Cang Tạng Vương Bồ Tát hàng phục. Tại sao gọi là quỷ ? Vì quỷ thì lấy bóng tối nguy hiểm làm nghĩa, nhìn chẳng thấy trời, chẳng thấy ánh sáng. Ma là một tên khác của quỷ, so với quỷ lợi hại hơn. Tuy nhiên lợi hại, nhưng Kim Cang Tạng Vương Bồ Tát phái Kim Cang Thần đi hàng phục chúng.
‘’Cải ác hướng thiện sửa làm mới.’’ Cho phép chúng sửa lỗi làm mới, cải ác hướng thiện, bất cứ có tội nghiệt gì, chỉ cần chịu sửa đổi lỗi lầm, thì Kim Cang Tạng Bồ Tát và Kim Cang Thần đều có thể tha thứ cho chúng.

209. Yết ra ha

Kệ :
Diệu cát tường nghĩa cập dũng thí

Kim Cang Tạng Vương phá tà si
Sát tặc Ứng Cúng khôi đa sĩ
Quyến thuộc hợp hoà vĩnh an cư.

Tạm dịch :
Nghĩa diệu cát tường và dũng thí
Kim Cang Tạng Vương phá tà si
Giết tặc Ứng cúng Khôi đa sĩ
Quyến thuộc hòa hợp ở với nhau.

Giảng giải : Yết La Ha là chỉ "Tất cả quyến thuộc của Kim Cang lực sĩ", mỗi vị Kim Cang Tạng Bồ Tát đều có quyến thuộc.
''Nghĩa diệu cát tường và dũng thí.'' Thi Để Nẩm còn có một nghĩa dịch là "Diệu cát tường", lại có nghĩa là "Dũng thí". Nghĩa diệu cát tường là gặp hung hóa cát, gặp nạn hóa tường. Dũng thí là dũng mãnh bố thí.
''Kim Cang Tạng Vương phá tà si.'' Kim Cang Tạng Bồ Tát đi khắp nơi hộ trì người thiện, trừng phạt kẻ ác, phá tất cả thiên ma ngoại đạo tà si.
''Giết tặc Ứng cúng Khôi đa sĩ.'' Đây là danh hiệu của A La Hán, Ngài không có chiến gì mà không thắng, đánh gì mà không thành công, cho nên xưng là Khôi đa sĩ. Khôi tức là khôi thủ, thắng hết tất cả.
''Quyến thuộc hòa hợp ở với nhau.'' Quyến thuộc Kim Cang Thần hòa hợp rồi, thì quyến thuộc yêu ma quỷ quái cũng hòa hợp, quyến thuộc của người cũng hòa hợp, không còn phân tranh, hết thảy không nhiễu loạn với nhau, điều đó gọi là hòa bình với nhau.

Mỗi câu Chú Lăng Nghiêm đều có vô lượng ý nghĩa, mỗi ý nghĩa đều có vô lượng công năng. Người muốn học Chú Lăng Nghiêm, trì tụng Chú Lăng Nghiêm, tốt nhất là phát tâm lớn, vì toàn thế giới mà tụng trì, đem tất cả công đức hồi hướng cho toàn thế giới, được như thế thì công đức quả báo thành tựu mới lớn, vì trong đó chẳng có tâm ích kỷ, không vì cầu cho mình, cho nên trong sám hối văn có nói : ''Con nay phát tâm không vì tự cầu phước báo trời người, Thanh Văn Duyên Giác, cho đến quyền thừa các vị Bồ Tát. Chỉ nương tối thượng thừa phát bồ đề tâm, nguyện cùng pháp giới chúng sinh, một thời đồng chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác,'' lìa khổ được vui.
Học Phật, tốt hơn hết là phải tinh thuần, đừng có vừa học Phật vừa tạo tội nghiệp, làm cho thân mình nghiệp thiện ác trói buộc không rõ. Sao lại vừa học Phật vừa tạo tội nghiệp ? Tức là học Phật không vì lợi ích kẻ khác mà chỉ lợi mình. Hoặc là khi mới học Phật thì còn có một chút tâm lợi kẻ khác, nhưng lâu dần tập khí ích kỷ lợi mình lộ ra bên ngoài. Ví như người học Phật còn đi đánh bạc, còn tồn tại tâm gạt người, dùng đủ thứ thủ đoạn tổn người lợi mình, đó đều

là thiện ác không minh bạch. Cho đến mượn danh nghĩa chùa chiền và sự quan hệ Phật giáo đồ đi lường gạt người, thậm chí còn trộm cắp chiếm giữ, đó đều là nghiệp thiện ác không rõ ràng. Nếu người học Phật có những hành vi như thế thì phải sửa đổi, nếu không thì sẽ không thoát khỏi tam giới, vì bị nghiệp thiện ác xen tạp bám chặt. Người tu đạo tu hành ở trong đạo tràng, cũng đừng vừa tu vừa khởi vọng tưởng, đó gọi là thiện ác không thuần, trong thiện có ác, trong ác có thiện, hỗn hợp không rõ, tương lai thọ quả báo cũng rất phức tạp. Giống như những vị Hòa Thượng của nước Việt Nam, Cao Miên, sao phải chịu Cộng sản đánh đập tàn nhẫn ? Cho đến các vị Lạt Ma Tây Tạng, tại sao cũng chịu sự đàn áp ? Đó đều là trong quá khứ tại nhân địa, khi tu hành thì trồng nhân ác này, hoặc là ỷ mạnh cướp đoạt tài sản của người khác, hoặc là đoạt mạng sống của người khác, do đó bây giờ phải chịu hoàn cảnh tệ hại đó, sinh mạng tài sản đều không thể bảo tồn. Thậm chí xuất gia rồi, sinh mạng cũng khó giữ, tài sản càng không màng nói đến, vì người xuất gia vốn không có tài sản. Đời sống nghiêng ngửa trôi nổi như thế, đều là do nhân đã trồng không chánh đáng trong quá khứ, cho nên bây giờ sinh vào những quốc gia đó, gặp cảnh ngộ lầm than. Những tình hình đó, đều vì chúng ta hiện thân thuyết pháp, chúng ta phải hồi quang phản chiếu, trong quá trình tu đạo, đừng lạc vào cảnh giới như thế, phải tránh thứ tai nạn này, thì tại nhân địa phải làm rõ ràng, đừng đợi đến khi thọ quả báo thì tay chân loạn xạ, do đó có câu :

‘’Nhân mà không thật,
Chiêu quả quanh co.’’

Người ở tại Vạn Phật Thành và người đến từ bên ngoài đều phải chú ý, lúc tu đạo thì phải đặc biệt cẩn thận, đừng để sau này hối hận.

– Hỏi : Nghe nói căn tai là đệ nhất trong các căn. Đa số người cho rằng căn mắt rất là quan trọng, họ rất cẩn thận bảo hộ con mắt, tại sao chẳng phải là căn mắt đệ nhất ?
– Đáp : Cái lưỡi ăn được đồ vật, nếm được mùi vị, tại sao căn lưỡi không phải là đệ nhất ? Trong Kinh Lăng Nghiêm hai mươi lăm vị Thánh, đều nói về sự tu chứng đắc của mình, vốn là mỗi căn đều là số một, chẳng có số hai. Đây là vì đối cơ mà nói, hợp với căn cơ là số một, không hợp cơ là số hai. Vì :

‘’Thử phương chân giáo thể
Thanh tịnh tại âm gian.’’

Chúng sinh ở thế giới Ta Bà dùng thính giác đại khái viên mãn. Căn tai viên thông mới là pháp môn chứng đắc của Bồ Tát Quán Thế Âm. Ngoài ra cũng có rất nhiều chúng sinh tương ưng với pháp này, cho nên nói căn tai đệ nhất. Có người căn mắt rất tinh vi, ngộ đạo tại căn mắt. Cho đến hai mươi lăm vị Thánh

Nhân, mỗi vị đều ngộ đạo ở tại một căn, thì căn đó là đệ nhất của vị ấy. Do đó, tương ưng với họ là đệ nhất, không tương ưng thì chẳng phải đệ nhất. Cho nên tôi thường nói, tám vạn bốn ngàn pháp môn, đều là tám vạn bốn ngàn đệ nhất, chẳng có pháp môn nào số hai. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, môn môn đệ nhất, huống chi hai mươi lăm pháp môn ! Hai mươi lăm vị Thánh đều nói sự ngộ đạo của mình, từ một căn đó mà ngộ đạo, bèn cảm thấy pháp môn đó là tốt. Chúng ta căn bản chỉ từ một căn đó, thì có thể khai ngộ, nhưng chúng ta muốn tu cái này, tu cái kia, đều không chuyên nhất. Do đó, từ sinh đến chết cũng chẳng khai ngộ, là vì tham quá nhiều.

Tu hành phải tinh, chuyên nhất thì tinh, không chuyên thì không tinh. Bất cứ tu pháp môn gì, phải từ một cửa mà thâm nhập. Tôi cảm thấy hai mươi lăm vị Thánh thuật ra, mỗi vị Thánh chứng đắc đều là viên thông, không chỉ là căn tai, căn mắt, căn mũi, căn lưỡi, căn thân, căn ý, đều là viên thông. Nói đến sáu căn, nếu bạn dùng nó thì là viên thông, không dùng được thì chẳng thông. Không thông thì phát sinh chướng ngại, thông rồi thì là viên thông, viên dung vô ngại.

210. Ta ha tát ra nẩm

Kệ :
Tận đại thiên giới Kim Cang Thần
Ví dụ toán số kế bất thanh
Ủng hộ hành nhân tu thiện pháp
Công đức túc thời đạo tự thành.

Tạm dịch :
Kim Cang Thần khắp trong các cõi
Ví dụ toán số tính không rõ
Ủng hộ người hành tu pháp lành
Công đức tròn đầy đạo tự thành.

Giảng giải: Tát Ra Nẩm dịch là “Tận cõi đại thiên”. Ý chữ tận này là đầy, đầy cõi đại thiên. Đại thiên này là ba ngàn đại thiên thế giới, là vô lượng ba ngàn đại thiên thế giới, nhiều bất tận.
Đại thiên thế giới gọi là gì ? Một mặt trời, một mặt trăng, một núi Tu di, và một bốn đại bộ châu : Đông Thắng Thần Châu, Nam Thiệm Bộ Châu, Tây Ngưu Hóa Châu, Bắc Câu Lưu Châu, liền thành một thế giới, tức cũng là một địa cầu. Một ngàn thế giới là một tiểu thiên thế giới. Một ngàn tiểu thiên thế giới là một trung thiên thế giới. Một ngàn trung thiên thế giới gọi là tam thiên đại thiên

thế giới. Vì có tam thiên cho nên gọi là tam thiên đại thiên thế giới. Ba ngàn đại thiên thế giới là số nhiều vô lượng vô biên, tính không hết được. Mỗi một thế giới đều có Phật ở tại đó thuyết pháp, đều có Kim Cang Thần ở tại đó hộ pháp. Cho nên hộ pháp Kim Cang Thần đầy khắp vô lượng vô biên, khắp trong ba ngàn đại thiên thế giới, cứu kính có bao nhiêu ? Máy vi tính cũng tính không rõ được. Bạn nói vi tính quá thông minh, tính cái này, cái kia, tính được người ăn bao nhiêu hạt gạo, tính được trong biển có bao nhiệu hạt cát, tính rất vi tế, nhưng số mục Kim Cang Thần này lại tính không ra ! Làm thế nào cũng tính không rõ được số mục này, vì thật là quá nhiều. Giống như phá một phần vô minh, trăm cõi làm Phật, tám tướng thành đạo. Phá hai phần vô minh thì ngàn cõi làm Phật, tám tướng thành đạo. Phá ba phần vô minh thì vạn cõi làm Phật tám tướng thành đạo. Cho đến phá bốn mươi hai phần vô minh thì hiển lộ pháp thân, tại bất khả thuyết bất khả thuyết, tính không ra số hiện thân làm Phật trong thế giới nhiều như thế, tám tướng thành đạo.

‘’Ủng hộ người hành tu pháp lành.’’ Nhiều Kim Cang Tạng Bồ Tát và Kim Cang Thần để làm gì ? Phải chăng là ăn cơm, phải chăng là muốn kiếm tiền, lãnh lương tháng ? Chẳng phải. Các Ngài chẳng giống như chúng ta phàm phu tục tử, làm công phải có giá cả, bao nhiêu tiền một ngày, hoặc là bao nhiêu tiền một giờ ? Các Ngài ủng hộ người tu hành là làm tròn bổn phận, không muốn tiền. Chỉ cần bạn tu pháp lành, làm việc tốt, từ từ dụng công, thì Ngài đến ủng hộ bạn, hoàn toàn là tính nghĩa vụ, không cầu giá cả. Cho nên nói: ‘’Ủng hộ người hành tu pháp lành – Công đức đầy đủ đạo tự thành.’’ Tài bồi công đức của bạn. Công là phải lập, không lập sao có công; đức là phải làm, không làm sao có đức ? Không lập công thì chẳng có công. Không làm đức thì chẳng có đức. Lập công, lập đức, lập ngôn, là ba điều bất hủ, mãi mãi không lỗi thời. Trong lúc lập công thì không thể tranh với người, bằng không thì là tranh công đoạt quả, khi nghĩ so sánh với người thì là giả. Bất cứ lập công gì, phải rất tự nhiên tự ý muốn đi làm, chứ chẳng phải để so sánh với người khác. Ví dụ như bố thí, thấy họ bố thí một vạn đồng, thì tôi bố thí hai vạn đồng, so sánh với người thì chẳng đúng. Đại tướng ngày xưa vì tranh công mà phải bỏ mạng ngoài trận tiền, bị người giết.

Chúng ta Phật giáo đồ lập công là tự mình phát nguyện làm việc, không để ý đến người khác làm, hay không làm, vẫn cứ đi làm. Nơi đó tu công đức gì, tôi đều tùy hỷ hết tâm của tôi, làm được bao nhiêu thì làm bấy nhiêu, đó gọi là lập công. Lập đức là người ngoài nhìn chẳng thấy việc thiện bạn làm, ai ai cũng chẳng biết, đó tức là có đức hạnh. Do đó, ẩn tàng tức là đức. Có câu rằng :

‘’Thiện mà muốn người thấy,
Chẳng phải thật thiện.

Ác mà sợ người biết,
Đó là đại ác.''

Làm việc thiện muốn người thấy, tuy nhiên là đại thiện, cũng biến thành tiểu thiện. Người lập công lập đức, thời gian lâu dần, thì công đức đầy đủ, đạo nghiệp cũng sẽ có sự thành tựu. Cho nên nói công đức đủ thì đạo tự thành.

Những bài kệ mà tôi tả ra để giải thích những câu Chú này rất nông cạn, đúng ra tôi cũng không tả ra, ngặt vì không có ai tả, chẳng ai muốn hiến cái xấu dở, cho nên tôi không sợ xấu dở, mỗi ngày tả phỏng làm mấy câu kệ, để nói với mọi người. Hoặc là các vị hiểu nhiều hơn so với tôi, nhưng tôi không ngại bỏ đá dẫn đến ngọc, dùng những câu kệ nông cạn này, làm cho trí hiểu cao thâm của quý vị đều dẫn ra. Đây là một phương pháp tôi dạy người, khiến người tốt thêm, cao thêm, sâu thêm, diệu thêm. Các bạn đừng ngại cũng tả ra vì mọi người mà nói.

211. Tỳ đằng băng tát na ra

Kệ :
Bình chư ma hại thí an ninh
Phùng hung hoá cát tiêu túc nghiệp
Ly hiểm như di mộng phất kinh
Phổ khánh vân tán mãn thiên thanh.

Tạm dịch :
Che trừ ma hại được an ninh
Gặp hung hóa cát tiêu nghiệp cũ
Tai qua nạn khỏi mộng không sợ
Khánh chúc mây tan đầy trời xanh.

Giảng giải : Ý nghĩa của câu Chú này là "Đuổi trừ ma hại người", làm cho được an ninh. Ngăn cản tất cả ma hại, tựa như cái bình phong, hại bạn chẳng được, thì bạn được bình an. Cho nên nói : ''Gặp hung hóa cát tiêu nghiệp cũ.'' Gặp việc nguy hiểm sẽ hóa ra cát tường, giống như người phóng thương muốn đánh bạn, vốn rất nguy hiểm mà chuyển thành cát tường. Tại sao như thế ? Hoặc là trong quá khứ bạn làm việc cát tường, do đó gặp hung hóa cát, quả báo tiền kiếp đã tạo phải chịu, đều sẽ tiêu diệt. Cho nên niệm câu Chú này, thì gặp hung hóa cát, gặp nạn được bình an.

''Tai qua nạn khỏi mộng không sợ.'' Hoặc là gặp cọp sói sư tử, hoặc độc khí hóa học, lò nguyên tử bị nổ, đều được bình an qua khỏi, tai hại gì cũng chẳng

có, không sợ hãi. Ngày trước nói về rắn, có người nói nằm mộng thấy rắn. Mộng thấy rắn cũng không sợ, rắn đều biến thành hộ pháp cho ta, bảo hộ ta. Bạn xem ! Ngài Quy Sơn có hai con cọp gác cửa, bảo hộ cho Ngài, cũng có thể nói là Kim Cang Hộ Pháp biến thành hai con cọp, cho nên tất cả ác thú không dám gần gũi. Mộng không sợ, nằm mộng cũng không sợ hãi.
‘’Khánh chúc mây tan đầy trời xanh.’’ Lúc này thì mọi người cùng đến khánh chúc, mây tan lộ mặt trời, trời xanh ngàn dặm chẳng có mây, mọi người đều rất vui vẻ. Do đó, có câu :

‘’Quang phong tễ nguyệt thảo mộc hân hân.’’
‘’Nộ vũ tật phong quần điểu thê thê’’.

Gió thổi nhè nhẹ, mặt trăng sáng tỏ,
cây cỏ đều vui tươi.
Cuồng phong bạo vũ thì chim trên bầu trời rất thê lương.
‘’Khánh chúc mây tan đầy trời xanh.’’ Làm cho nghiệp chướng tiêu sạch, thì trí huệ sẽ hiện tiền. Các vị nghe tôi giảng sai chỗ nào, hoặc tả sai chỗ nào, phải nói với tôi. Tôi không thể nói sai, chỉ cần có người tìm ra chỗ sai của tôi, thì tôi vui lắm.

Hôm nay siêu độ Tổ Tiên đã siêu độ rồi, tất cả đều rất vui vẻ sinh về thế giới Cực Lạc, cũng có những vong linh không vãng sinh, cũng được đầu thai làm người. Đây là cơ hội rất tốt siêu độ Tổ Tiên. Về sau, bất cứ đi đến đâu siêu độ Tổ Tiên, thì mỗi bài vị biên một tên, đừng để Tổ Tiên của các vị vào với nhau, giống như lồng bồ câu ở Hương Cảng, rất nhiều bồ câu ở trong một cái lồng, đó là vì trước kia con cháu của họ siêu độ họ, thì cho rất nhiều người cùng vào một bài vị, cho nên trồng nhân nào thì gặt quả đó. Tôi biết mỗi người đều không muốn Tổ Tiên của họ ở lồng bồ câu. Đây là việc đã quá khứ, về sau đừng làm như thế nữa. Tốt hơn chúng ta ở trong Phật giáo làm việc, đừng nghĩ muốn tìm tiện nghi trong Phật giáo. Ở trong Phật giáo phải có tâm không sợ thiệt thòi, khi bạn tham tiện nghi thì không hợp Phật pháp, đây là lời lẽ rất quan trọng xác thực, các vị phải chú ý.

Chẳng có ai nói gì thì tôi giảng về ngồi thiền. Vạn Phật Thành chúng ta có người dưỡng thành một thứ tập quán, trừ khi không ngồi thiền, khi ngồi thì ngủ. Vì cảm thấy khi ngồi xuống, nếu không ngủ thì chẳng có cơ hội ngủ, cho nên thừa dịp ngồi thiền thì ngủ. Nhưng lời lẽ lại nói ngược lại, ngủ thì tốt nhiều hơn là tỉnh, khi tỉnh thì bạn cứ khởi vọng tưởng, tưởng tràng giang đại hải, tại Vạn Phật Thành lại chạy về Mã Lai, tại Mã Lai lại chạy về Vạn Phật Thành, không tốn tiền cũng không cần ngồi máy bay, cũng không cần đi xe lửa. Tại Mã Lai và Vạn Phật Thành chạy đi chạy về, không biết bao nhiêu lần, cũng không cần trả

thuế cho chính phủ, đây là một việc hết sức tiện nghi, cho nên nói bạn tỉnh táo cứ khởi vọng tưởng, không như ngủ. Bạn ngủ thì có thể tần tiện rất nhiều xăng dầu, vì năng lượng nguyên liệu trong tâm không có hao tốn. Tỉnh táo thì cứ khởi vọng tưởng, làm cho năng lượng nguyên liệu trong tâm hao tốn không biết bao nhiêu mà nói. Bạn cảm thấy không tốn tiền, nhưng thực ra trong vô hình làm cho năng lượng nguyên liệu trí huệ của bạn hao tốn đi rất nhiều, cho nên nói :

‘’Ngủ yên trong núi sâu
Còn hơn hành đạo chốn đô thị.’’

Tức là ngủ trong rừng sâu núi thẳm, vẫn tốt hơn dụng công tu đạo tại thành thị. Ngủ trong rừng sớm tối vẫn có lúc tỉnh, tại thành thị mà tu hành, không những tiếng ồn của máy bay trên trời, tiếng ồn các loại xe cộ, đủ loại tiếng ồn náo, khó tu hành nhập định.
Tư thế ngồi cũng rất quan trọng, bạn hãy xem người Nhật, tư thế ngồi trong thiền đường rất tốt. Tư thế người trong Vạn Phật Thành ngồi, cũng không được tốt mấy. Tại sao ? Vì tôi không chú trọng về bề ngoài, do đó người ở đây cũng học theo tôi tu không đàng hoàng, tùy tuỳ tiện tiện, không màng đến vấn đề này. Bây giờ nói với các vị, khi ngồi thiền thì nên ngồi kiết già là tốt nhất. Ngồi kiết già thì đùi trái gác lên đùi phải, chân phải để lên chân trái, đó gọi là kiết già, còn gọi là tư thế hoa sen, hoặc là tư thế kim cang. Ngồi như thế này thì hàng phục được thiên ma, khủng bố các ngoại đạo. Khi thiên ma thấy bạn ngồi như thế, thì phải chạy xa, bạn rất dễ dàng nhập định, thành tựu tam muội.

Khi ngồi phải đoan nghiêm chánh tọa, lưng phải thẳng lên, thân thể không được nghiêng ngã, đầu cũng không được cúi xuống, hoặc ngã ra, cũng không lệch bên trái, nghiêng bên phải, phải ngồi ngay thẳng tự nhiên, không cẩu thả. Mắt thì quán mũi, mũi quán miệng, miệng quán tâm. Nghĩa là mắt quán mũi, mũi quán miệng, trên mũi vẫn có mắt chăng ? Miệng quán tâm, trên miệng còn có mắt chăng ? Bạn chưa tu thành nên không biết, nếu bạn tu thành thì toàn thân đều là con mắt, trong mỗi lỗ chân lông đều có vô lượng vô biên con mắt. Cho nên bạn nhìn sự vật không cần dùng nhục nhãn để nhìn, nghĩa là toàn thân của bạn đều là máy radar, đều là máy móc, chỉ cần bạn chịu dụng công tu hành, thì tương lai thì sẽ có diệu dụng này. Đây là khi bắt đầu dụng công, chưa nói đến bước thứ nhất.

Bắt đầu dụng công phải có một câu thoại đầu, hoặc tham câu thoại đầu này: ‘’Bổn lai mặt mũi trước khi cha mẹ sinh ra như thế nào‘’? Hoặc là: ‘’Niệm Phật là ai‘’? Có đủ thứ thoại đầu, xem thử bạn thích tham câu nào thì tham câu đó. Chúng ta tiếp tục dụng công, tục ngữ có câu :

‘’Ngồi lâu thì có thiền,
Ở lâu thì có duyên.’’

Do đó phải có tâm nhẫn nại, đừng hấp tấp, khi hấp tấp thì tham cho mau, cho rằng càng mau càng tốt, phải biết :

Căng quá thì dễ đứt,
Chậm quá thì lỏng lẻo,
Đừng căng đừng chậm mới thành công.

Tu đạo phải chân thật, đem công phu ra, đem thời gian ra, từng chút từng chút sẽ thành tựu, mỗi ngày mỗi ngày thành tựu, chẳng phải cấp tốc thì thành tựu được. Cho nên phải tiếp tục nỗ lực, chân đau một chút mà nhẫn được thì nhẫn nó. Chúng ta phải dứt sinh tử thoát khỏi luân hồi, chẳng phải là việc nhỏ, do đó phải đem tâm nhẫn nại chân chánh ra mới tương ưng với đạo.

212. Hổ hồng đô lô ung

Kệ :
Chuyên nhất tắc linh phân trì tệ
Chí thành tụng niệm vĩnh phất thế
Nhật cửu công thâm thành tam muội
Chứng đắc bồ đề vô khứ lai.

Tạm dịch :
Chuyên nhất thì linh phân thì tán
Chí thành tụng niệm mãi không ngừng
Lâu dần công sâu thành tam muội
Chứng được bồ đề không đến đi.

Giảng giải: Niệm câu Án Á Hồng này, thì thanh tịnh thân miệng ý ba nghiệp của bạn, lúc này thì nhất định phải chuyên nhất, do đó: ‘’Chuyên nhất thì linh phân thì tán.’’ Bạn chuyên nhất một lòng thì sẽ linh, nếu không chuyên nhất thì không linh. Tán tức là phân tán, tán loạn nghĩa là bạn không thể thành tựu tam muội. Cho nên nói: ‘’Chí thành tụng niệm mãi không ngừng.’’ Phải thành tâm đến cực điểm để tụng niệm Chú Lăng Nghiêm này, mãi mãi không thay đổi, không ngừng.
‘’Lâu dần công sâu thành tam muội.’’ Thời gian lâu dần, thì công phu tự nhiên sẽ thâm sâu, tức cũng như đi học, học hết thì sẽ tốt nghiệp. Công phu thuần thục thì tự nhiên sẽ thành tựu tam muội.

‘’Chứng được bồ đề không đến đi.’’ Chứng được bồ đề giác đạo, thì cũng là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, lúc này thì cũng chẳng đến, cũng chẳng đi. Phàm việc gì cũng phải có tâm nhẫn nại mới được, không có tâm nhẫn nại tu hành, thì không thể được.

213. Ra xoa

Kệ :
Kim Cang thiên tiên các thủ hộ
Phú nhiêu lợi hành khả uý đồ
Nhiếp thọ chiết phục bách thiên vạn
Oai đức vô cùng phước huệ túc.

Tạm dịch :
Kim Cang Thiên tiên đều bảo hộ
Sung túc lợi hành uy đáng sợ
Nhiếp thọ triết phục trăm ngàn vạn
Oai đức vô cùng đủ phước huệ.

Giảng giải: Câu này dịch là “Tất cả Kim Cang Thiên tiên”. Thiên tiên trên trời và Kim Cang đến thủ hộ đạo tràng, thủ hộ người tu hành.
La Xoa còn dịch là “Giàu có đầy đủ”, hoặc là “Lợi hành”, “Lợi ích chúng sinh”, lại dịch là “Khả uý”, Kim Cang có uy đáng sợ. Thiên tiên có đại oai đức, ‘’Nhiếp thọ triết phục trăm ngàn vạn.’’ Pháp nhiếp thọ là dùng từ bi để nhiếp thọ. Pháp triết phục là dùng oai đức để triết phục. Trăm ngàn vạn chúng sinh đều bị hai môn triết, nhiếp, độ thoát.
‘’Oai đức vô cùng đủ phước huệ.’’ Kim Cang Thiên tiên đều là oai đức vô cùng, phước huệ đầy đủ. Có khi chư Phật quá khứ thị hiện, có khi Đại Sĩ hóa thân, cho nên các Ngài phước cũng đủ, huệ cũng đủ.

Mỗi câu Chú Lăng Nghiêm, tôi dùng bốn câu kệ để hình dung oai lực của Chú và công dụng không thể nghĩ bàn của Chú. Bổn lai Chú Lăng Nghiêm biến hóa vô cùng, bất quá tôi chỉ nói nửa phần trong vạn phần, tức cũng khiến cho người khởi nhiều vọng tưởng thêm một chút. Người thì thấy lạ nghĩ khác, thấy gì thì khởi vọng tưởng đó, không thấy thì không có vọng tưởng. Cho nên thế gian bất cứ việc gì, có tốt thì có xấu, có hợp thì có tan, có thiện thì có ác, có phải thì có trái, đều là pháp đối đãi. Chúng ta giải thích Chú Lăng Nghiêm, tức cũng là không có việc tìm việc để làm. Có người xem kệ rồi thì hiểu một chút, có người xem rồi thì hồ đồ một chút. Đây là đạo lý gì ? Đạo lý thế gian vạn sự vạn vật đều như thế, có lợi thì có hại. Ngài Mã Tổ thành lập tùng lâm, Ngài

Bách Trượng lập quy cụ, khi chế ra quy cụ thì người không giữ quy cụ hiển lộ ra, người xuất gia đọa địa ngục cũng nhiều. Tại sao có lợi thì có hại ? Có tốt thì có xấu ? Vì việc thế gian đều là như thế. Người được độ ít hơn so với người đọa lạc, người đọa lạc nhiều hơn so với người thọ ký, đạo lý thế gian là như thế. Tuy nhiên là như thế, chúng ta cũng không thể không hết lòng, không thể nói người đọa lạc nhiều, người được độ ít thì chúng ta không độ, muốn bãi công. Vậy thì một người cũng không độ đặng, tất cả đều đọa lạc. Hy vọng của chúng ta là, trong trăm vạn người độ được hai người thành đạo, thì chẳng có thời gian luống qua.

214. Bà già phạm

Kệ :
Duy trượng Thế Tôn oai thần lực
Cứu hộ điên đảo chư hàm linh
Phổ nguyện lìa khổ hoạch an lạc
Tảo vi giác đạo lập căn cơ.

Tạm dịch :
Xin nhờ oai thần lực Thế Tôn
Cứu hộ các chúng sinh điên đảo
Nguyện khắp lìa khổ được an lạc
Sớm sẽ giác ngộ lập căn cơ.

Giảng giải: Bà Già Phạm là "tên riêng của Phật", ở trước đã giảng qua, Bà Già Phạm có sáu nghĩa cho nên không dịch.
''Xin nhờ oai thần lực Thế Tôn.'' Tất cả hộ pháp đều nương nhờ đại oai thần lực của mười phương chư Phật. Thế Tôn là tôn kính của thế gian và xuất thế gian, là một trong mười hiệu của Phật. Oai thần lực của Thế Tôn vô cùng vô tận, tất cả các Bồ Tát và tất cả hộ pháp thường được đại oai thần lực của chư Phật gia trì, mới đến được trong tất cả thế giới giúp Phật hoằng dương Phật pháp, giáo hóa chúng sinh, cho nên nói: ''Cứu hộ các chúng sinh điên đảo.'' Các hàm linh chẳng phải chỉ một hay hai, mà là bao quát hết thảy tất cả chúng sinh. Có chúng sinh cơ duyên thành thục, có chúng sinh chưa thành thục. Các hộ pháp quán cơ đầu giáo, vì người mà thuyết pháp, theo bệnh cho thuốc, phá hết tất cả chấp trước và điên đảo của chúng sinh, nhưng chúng sinh quá cang cường khó giáo hóa. Dạy họ làm công đức lành, thì họ lệch đi muốn tạo tội nghiệt. Dạy họ tu giới định huệ, thì họ lệch đi muốn chấp giữ tham sân si. Cho nên nói chúng sinh cang cường khó điều phục. Chúng sinh ngu si cũng khó giáo hóa, đều dùng tri kiến của mình đi làm việc mà họ muốn. Biết rõ là không tốt mà vẫn

cứ đi làm, biết rõ là không đúng mà họ vẫn đi làm, đó là chỗ diệu của của chúng sinh, nói thẳng ra là diệu đến cực điểm. Cho nên Lão Tử mới nói :

‘’Thiên hạ đều biết tốt đẹp là tốt đẹp,
Mà cứ đi làm ác.
Biết việc thiện là đúng,
Mà cứ đi làm ác.’’

Tức là nói người trong thiên hạ, đều biết tốt đẹp là tốt đẹp, nhưng quan niệm xấu tùy tiện sinh khởi, mà người cứ đi làm những việc thật là xấu ác. Con người biết thiện lương là đúng, làm thiện được thiện báo, mà họ không chịu làm thiện, cứ muốn đi làm ác, đó là chúng sinh sinh ra tánh điên đảo. Giống như chó rất là thông minh, nhưng mà cứ muốn ăn phân. Tại phàm phu chúng ta thấy đại tiện hôi thối như thế, làm sao có thể ăn, thế mà chó thấy đại tiện đều thơm hơn với bất cứ gì, chúng vẫn cướp giật ăn. Sao lại như thế ? Tánh chó là như thế. Tất cả chúng sinh đều có cá tính. Như người hay mắng chưởi người, cho rằng mắng chưởi người là công việc của họ, một ngày không mắng chưởi người thì chịu không được. Hoặc là người hay nói thị phi, từ sáng đến tối thị thị phi phi, một ngày không nói thị phi, thì giống như phải đọa vào bạt thiệt địa ngục, thật là khổ sở. Cho nên tri kiến của chúng sinh không dễ gì cảm hóa. Bạn càng tốt với họ, thì họ càng cho rằng bạn không đúng. Đó là bản tánh của chúng sinh, khinh thiện sợ ác. Bạn nói vậy tôi muốn học làm người ác, không làm người thiện, như thế thì chẳng được. Tuy nhiên bạn thiện bị người khinh, vẫn phải nhẫn chịu một chút, bị người khinh là chỗ tích đức, khinh người thì tổn đức, chúng sinh điên đảo thì như thế. Các vị hộ pháp muốn cứu hộ điên đảo, tất cả khuẩn động hàm linh các Ngài đều muốn cứu hộ. Chúng sinh lại điên đảo, lại không nghe lời, các Ngài đều dùng tâm từ bi để giáo hóa.
‘’Nguyện khắp lìa khổ được an lạc.’’ Nguyện khắp tất cả chúng sinh đều lìa khổ được an lạc.
‘’Sớm sẽ giác đạo lập căn cơ.’’ Vì giác đạo lập căn cơ xuống. Các Ngài dùng đủ thứ pháp môn để dạy dỗ chúng sinh, khiến chúng sinh đóng xuống cơ sở một chút bồ đề giác đạo, tương lai phát đại bồ đề tâm, thì sẽ thành tựu vô thượng đạo.

215. Tát đát tha

Kệ :
Thập phương vô tận thường trụ Thánh
Nhất thiết hộ pháp đại minh đăng

Chiết nhiếp nhị môn xảo thí độ
Kim Cang Mật Tích hoá chúng sinh.

Tạm dịch :
Mười phương vô tận Thánh thường trụ
Tất cả Hộ Pháp đèn sáng lớn
Triết nhiếp hai môn khéo thí độ
Kim Cang Mật Tích hóa chúng sinh.

Giảng giải: ''Mười phương vô tận Thánh thường trụ.'' Mười phương tận hư không biến pháp giới, vô tận vô tận Thường Trụ Phật Pháp Tăng Tam Bảo. ''Tất cả hộ pháp đèn sáng lớn.'' Rất nhiều Kim Cang Tạng Vương Bồ Tát đến hộ trì Thần Chú Lăng Nghiêm, khiến cho Thần Chú như đèn sáng lớn, hộ trì Tam Bảo, làm mục đích cho chúng sinh. Dùng đủ thứ phương tiện pháp môn, để giáo hóa chúng sinh trong sáu đường khổ não.

''Triết nhiếp hai môn khéo thí độ.'' Chúng sinh đại cang cường, thì dùng pháp triết phục để triết phục, nếu chúng sinh dễ giáo hóa, thì dùng pháp nhiếp thọ để nhiếp thọ. Khéo tức là rất khéo léo, rất phương tiện, dùng pháp vừa vặn đến chỗ diệu, đúng cơ của họ. Thí tức là thí dụng, hoặc là dùng bố thí độ, hoặc dùng đủ thứ phương pháp để độ chúng sinh.
''Kim Cang Mật Tích hoá chúng sinh.'' Kim Cang Mật Tích gọi là gì ? Những việc làm của Ngài Kim Cang Mật Tích, một số người chẳng biết đặng, vì không biết cho nên gọi là Mật Tích. Những việc làm của Ngài đều là hộ trì Phật pháp. Bạn nhìn ở ngoài lông, ngoài da, tựa như Ngài phá hoại Phật pháp, thực ra Ngài đang thuyết vô thượng diệu pháp, khế hợp với căn cơ của chúng sinh, khiến cho chúng sinh bỏ mê về giác, lìa khổ được vui. Ngài là đối cơ thuyết pháp, bạn không minh bạch, không nhận thức, cho nên nói là mật tích, mật hạnh.

''Đường xa biết sức ngựa
Sống lâu thấy tâm người.''

Người học Phật, chẳng phải một sớm một chiều thì học được Phật, phải dùng thời gian lâu dài để thể nghiệm đạo lý Phật giáo, y giáo tu hành, lâu dần mới có sự thành tựu. Người chân chánh nhận thức Phật pháp cũng không sợ, cũng không hãi, cũng không khóc, cũng không cười. Phật pháp tức là như thế, chẳng có chỗ sợ hãi, chẳng có chỗ khóc, hoặc cười. Luôn luôn giữ như như bất động, liễu liễu thường minh, đó là bổn thể của Phật pháp.

216. Già đô sắt ni sam

Kệ :
Ngã kim quy mạng đại Phật đảnh
Vô tận Pháp Tạng trí huệ quang
Nguyện ngã minh liễu diệu tổng trì
Phụng hành Như Lai sở thuyết nghĩa.

Tạm dịch :
Con nay quy mạng đại Phật Đảnh
Vô tận pháp tạng trí huệ quang
Nguyện con hiểu rõ diệu tổng trì
Phụng hành nghĩa lý Như Lai nói.

Giảng giải: ‘’Con nay quy mạng đại Phật Đảnh.’’ Đây là tất cả hộ pháp nói : Bây giờ chúng con cùng quy mạng Đại Phật Đảnh Chú Lăng Nghiêm.
‘’Vô tận pháp bảo trí huệ quang.’’ Đại Phật Đảnh tức là vô tận pháp tạng, lấy không hết, dùng không xuể. Pháp tạng vô tận này, đều ở trong tự tánh, chẳng phải từ bên ngoài đến, là từ trong tự tánh của bạn hiển lộ ra. Vậy tại sao bây giờ không hiển lộ ra ? Giống như côn trùng đang ẩn tàng, thì không động đậy, khi thời tiết nóng thì chúng hoạt động trở lại.
Người tu đạo, tu cho thân được nóng thì trùng tự tánh cũng sống trở lại. Khi trùng tự tánh sống lại, thì tất cả tế khuẩn trong thân đều chết hết. Đó chẳng phải là sát sinh chăng ? Nếu bạn cho rằng như thế, thì đừng tu hành, chẳng có ai miễn cưỡng bạn, bạn vẫn có thể hoàn tục, trở về đời sống tại gia, đầy dẫy phiền não, tranh giành, vô minh đố kỵ chướng ngại. Nhưng nếu muốn tu hành, thì phải biến đổitất cả tế khuẩn, khôi phục Phật tánh của chính mình. Trước khi chưa thành Phật, thì trong thân có tám vạn bốn ngàn vi trùng đang phân chia tánh của bạn, ăn thịt của bạn, uống máu của bạn, ở trong thân của bạn, kêu bạn làm này làm nọ, kêu bạn đừng giữ quy cụ, kêu bạn đi làm những việc điên đảo, đều là những thứ xấu này chi phối bạn. Bạn nói: ‘’Nguồn gốc là việc này chẳng phải tôi làm.’’ Vậy tại sao bạn phải giúp chúng như vậy, đói một chút cũng chịu không được, khát một chút cũng chịu không được, ngủ không đủ cũng chịu không được. Tại sao phải bảo hộ chúng như thế ? Bạn bảo hộ những vi trùng này, thì tự tánh không hiển lộ được. Những thứ trùng đó đáo để là thứ gì ? Là những thứ trùng ngu si. Ở trên thân của bạn, làm cái này không được thoải mái, cái kia không chịu được, khắp thân đều là phiền não, đau bệnh này đau bệnh kia, đều là những thứ trùng ngu si đang tác quái. Mặc ít cũng không chịu, ăn ít cũng không chịu, nó thích gây sự với bạn.

Vô tận pháp tạng đều ở trong Đại Phật Đảnh sinh ra. Trí huệ quang này chẳng phải những thứ quang khác, mà là quang minh của trí huệ. Tại sao Phật có

quang minh ? Vì Ngài không có đen tối ngu si, cho nên đều dùng trí huệ quang minh để chiếu soi tất cả, ngay cả vô minh cũng chiếu phá. Khi phá tan vô minh, thì pháp tánh hiển lộ ra, cho nên trí huệ quang tức là quang của Phật.

‘’Nguyện con hiểu rõ diệu tổng trì.’’ Cung phụng đại trí huệ quang, đại Phật đảnh vô tận pháp tạng này là vì điều gì ? Tức là vì hiểu rõ đại tổng trì, tức cũng là Lăng Nghiêm Đà La Ni. Tổng trì tức là Đà La Ni. Đà La Ni là tiếng Phạn, dịch là tổng trì, “Tổng tất cả pháp, trì vô lượng nghĩa”. Pháp gì cũng đều tổng nhiếp ở trong đó, tất cả các pháp đều phát nguồn từ đây.
‘’Phụng hành nghĩa lý Như Lai nói.’’ Chúng ta hiểu rõ đại tổng trì này rồi, thì phải y theo đạo lý Phật nói cung kính phụng hành.

217. Ba ra điểm

Kệ :
Pháp quang biến chiếu âm tự tại
Chí thành tác lễ mật linh văn
Hy sử cảm ứng đạo giao lực
Hoàn ngã bổn lai chứng bồ đề.

Tạm dịch :
Pháp quang chiếu khắp tiếng tự tại
Chí thành kính lễ Chú Lăng Nghiêm
Mong được cảm ứng và đạo giao
Trở về nguồn cội chứng bồ đề.

Giảng giải : Ba La Điểm nghĩa là “Pháp quang chiếu khắp”. Trí huệ quang của Phật chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới, trong đó lại có một âm thanh tự tại. Cho nên nói: ‘’Pháp quang chiếu khắp tiếng tự tại – Chí thành kính lễ mật linh văn.’’ Bây giờ con chí thành kính lễ mật linh văn, mật linh văn tức là chỉ Chú Lăng Nghiêm.
‘’Mong được cảm ứng và đạo giao.’’ Hy vọng dùng sức cảm ứng đạo giao.

‘’Trở về nguồn cội chứng bồ đề.’’ Cội nguồn ra sao thì trở về thế đó. Cội nguồn ra làm sao ? Gì cũng chẳng có. Cho nên bây giờ trở về đâu cũng chẳng có. Còn một chút chấp trước, thì còn chướng ngại, còn chướng ngại thì không thể vượt khỏi tam giới, do đó nhất định phải phá tan tất cả chấp trước, đến vật gì cũng chẳng còn, thì lúc đó phục hồi lại bổn lai diện mục. Bây giờ chúng ta có gì ? Gì cũng chẳng có. Đợi đến khi chúng ta vật gì cũng chẳng muốn, thì vật gì cũng đều có, trí huệ cũng hiện tiền, thần thông cũng hiện tiền, diệu dụng cũng hiện tiền. Tại sao bây giờ không có trí huệ thần thông ? Là vì cứ đi các nơi

lượm rác rến, đá quý vàng thật thì bạn không muốn. Vốn có quý giá thì bạn chẳng muốn, ngược lại cứ đi các nơi lượm nhặt rác rến bẩn thỉu, tự mình còn cho là rất thông minh ! Thật là ngu si hết mức.

218. Xà kiết rị

Kệ :
Tác lễ vô trụ hoá sinh sinh
Vô cùng vô tận nghĩa di phong
Thập phương Như Lai đồng nhiếp thọ
Ly khổ đắc lạc xuất hoả khanh.

Tạm dịch :
Kính lễ vô trụ hóa sinh sinh
Vô cùng vô tận nghĩa cùng tột
Mười phương Như Lai đồng nhiếp thọ
Lìa khổ được vui rời hầm lửa.

Giảng giải: ‘’Kính lễ vô trụ hóa sinh sinh.’’ Câu Chú này dịch là “Kính lễ”, lại dịch là “Vô trụ”, lại dịch là “Sinh”. Sinh này nghĩa là sinh sinh vô định, hóa hóa vô cùng. Kính lễ tức là đảnh lễ Phật. Vô sở trụ tức là bạn đừng có chấp trước, bạn nói, vậy tôi đừng tu hành thì chẳng có chấp trước, đó là sai, bạn tu hành cũng đừng chấp trước có tu hành. Bạn nói vậy tôi không ăn cơm thì không chấp trước. Không ăn cơm nhưng bụng không chịu được. Nhưng bạn ăn no rồi, còn nghĩ muốn ăn nữa, vậy cũng không đúng. Kinh Kim Cang có nói :

‘’Ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm.’’

Hôm nay có người cho rằng ‘’Ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm’’, tức là không cần tu hành, không cần niệm Chú, cũng không cần tụng Kinh, vậy thì chẳng có chấp trước. Chẳng phải vậy, bạn phải tu hành đến chỗ chẳng có gì hết, làm đến khi bạn không còn chấp trước có công đức gì, đó là vô sở trụ (không chỗ trụ). Vì bạn có chỗ trụ, thì sẽ dính mắc vào đó, chẳng thoát ly được, do đó, phải không chỗ trụ mà sinh tâm, quét tất cả pháp, lìa tất cả tướng, sinh sinh hóa hóa vô cùng tận. Cho nên câu dưới đây nói : ‘’Vô cùng vô tận nghĩa cùng tột.’’ Nghĩa lý của câu Chú này vô cùng vô tận, ý nghĩa nhiều cùng tột, không có gì nhiều hơn nữa. Vì thế bạn niệm câu Chú này, thì ‘’Mười phương Như Lai đồng nhiếp thọ.’’ Mười phương chư Phật đều nhiếp thọ bạn, khiến cho bạn ‘’Lìa khổ được vui rời hầm lửa.’’

219. Ma ha ta ha tát ra

Kệ :
Thắng Đại Kim Cang oai mãnh hùng
Thôi toại ma ngoại trấn yêu phần
Năng nhẫn kiên cố phiền não chướng
Vi giáo tân lao lập kỳ công.

Tạm dịch :
Thắng Đại Kim Cang oai mãnh hùng
Phá tan ma ngoại trấn yêu khí
Hay nhẫn kiên cố phiền não chướng
Vì giáo khổ nhọc lập kỳ công.

Giảng giải: Ma Ha dịch là "Thắng đại", là tên của Hộ Pháp Kim Cang, tức là Thắng Đại Kim Cang, cho nên nói: ''Thắng Đại Kim Cang oai mãnh hùng.'' Ngài là một đại anh hùng oai phong mãnh liệt, bách chiến bách thắng. ''Phá tan ma ngoại trấn yêu khí.'' Ngài phá sạch thiên ma ngoại đạo, khiến cho bọn chúng đầu hàng, khi nhìn thấy Ngài thì đều lão lão thực thực, vâng lời nghe sai khiến. Tại sao chúng không nghe lời sai khiến của ta ? Vì ta không có đại oai phong như thế, không có thần thông dũng mãnh như thế, do đó không được như thế.

''Hay nhẫn kiên cố phiền não chướng.'' Vị đại anh hùng Thắng Đại Kim Cang này, phiền não gì cũng đều chẳng có, vì Ngài nhẫn được, làm cho phiền não chướng đều tiêu sạch. Ngài nhẫn được rồi, cũng kêu chúng ta phải nhẫn phiền não chướng này, mới vượt khỏi tam giới, mới thành Phật được, do đó Ngài ''Vì giáo khổ nhọc lập kỳ công.'' Vì Phật giáo mà tranh quang, lập được những công lao đặc biệt. Chúng ta người tu đạo, cũng phải học hạnh kiên nhẫn của Ngài Thắng Đại Kim Cang, có tâm nhẫn nại, vì hộ trì Phật pháp mà ủng hộ Phật giáo, chịu cực chịu khổ, khổ nhọc gì cũng không sợ, nhẫn được những gì người nhẫn không được, nhường những gì người không thể nhường, ăn những gì người không thể ăn, chịu những gì người chịu không được. Phải có tâm nhẫn nại kiên cố như thế, tinh thần kiên cố nhẫn được, đừng có nhẫn được một giờ, sang giờ thứ hai thì nhẫn không được. Ai muốn nhẫn được thì không sợ đau chân, đó là thật tu hành, ta vì tu hành, có đau một chút cũng cam chịu. Vì tu hành thì có chết cũng chẳng quan hệ gì. Phải có chí nguyện như thế, thì bạn nói đây không phải là Thắng Đại Kim Cang thì là gì ?

220. Bột thọ ta ha tát ra

Kệ :
Kim cang vũ khởi hàng ma kiếm
Liên hoa hoá sinh thất bảo trì
Thích Ca thành đạo bồ đề thụ
Phổ độ hàm thức xuất hãm ni.

Tạm dịch :
Kim Cang vũ khởi hàng ma kiếm
Hoa sen hóa sinh ao bảy báu
Thích Ca thành đạo cội bồ đề
Phổ độ hàm thức khỏi bùn lầy.

Giảng giải: Câu Chú này dịch là "Vũ", lại dịch là "Hoa". Vũ là vũ pháp Kim Cang, vũ khởi hàng ma kiếm, khiến cho tất cả thiên ma ngoại đạo đều kinh hãi sợ sệt, đều bị hàng phục. Các Ngài dùng vũ khởi hàng ma kiếm chỉ là thị oai, biểu diễn oai phong, thật ra thì chẳng giết hại. Bên ngoài thì thị hiện Kim Cang, nhưng trong tâm thật là từ bi và thiện lương. Chỉ là làm ra vẻ trang nghiêm, khiến cho họ đừng làm ác như thế. Nếu ai gặp vị Kim Cang này mà phát tâm tu hành, thì sẽ vãng sinh về Cực Lạc thế giới, hóa sinh từ hoa sen trong ao bảy báu, cho nên nói: ''Hoa sen hóa sinh ao bảy báu – Thích Ca thành đạo cội bồ đề.'' Phật Thích Ca Mâu Ni từ cung trời Đâu Suất hàng thần vào thai mẹ, ở trong thai mẹ, thì vì tất cả quỷ thần mà thuyết pháp, sau đó xuất thai, xuất gia, rồi ở dưới cội bồ đề hàng phục thiên ma, khống chế các ngoại đạo, thành Đẳng Chánh Giác, chuyển pháp luân, độ chúng sinh mà nhập Niết Bàn. Khi Ngài ngồi bốn mươi chín ngày dưới cội bồ đề không động đậy.
Các vị nghĩ xem! Đức Phật ngồi bốn mươi chín ngày dưới cội bồ đề không động đậy, lập thệ nguyện: Nếu không thành Phật, thì quyết không rời chỗ này, cuối cùng chứng được quả vị Phật. Nếu Ngài cũng như chúng ta không có tâm nhẫn nại, chỉ nói được mà làm không được thì không thể thành tựu. Vì tâm nhẫn nại của Ngài kiên cố hơn so với bất cứ ai, mới đánh phá được tất cả cửa ải, chứng quả thành Phật.

Các vị nghĩ xem! Phật ngồi bốn mươi chín ngày, chúng ta ngồi được bảy ngày chăng ? Nếu được thì cũng gần kề, nhưng sợ e rằng bảy ngày cũng làm chẳng được. Thệ nguyện của Phật kiên cố như kim cang, chẳng giống như chúng ta cứ tùy tiện, cho nên Ngài đã thành đạo. Ngài thành đạo được là nhờ tâm nhẫn nại, nhẫn được những gì người nhẫn không được, làm được những gì người làm không được, dưới cội bồ đề Ngài cũng không ăn, không ngủ, chỉ ngồi thiền, ngồi bốn mươi chín ngày không đứng dậy, cho nên khoát nhiên khai ngộ, đêm thấy sao mai mọc mà ngộ đạo, thành Phật dưới cội bồ đề. Thành

Phật rồi thấy tất cả chúng sinh đều đang chịu khổ, tuy nhiên Ngài vốn không muốn làm việc gì, cũng không nhẫn tâm không làm. Cho nên, Ngài lại: ‘’Phổ độ hàm thức khỏi bùn lầy.’’ Độ hết tất cả chúng sinh thoát khỏi biển khổ. Chúng ta ở trong lục đạo luân hồi cũng giống như dính mắc trong bùn lầy, không thể nào thoát ra được. Phật đến trợ giúp làm cho chúng ta, từ trong vũng bùn lầy thăm thẳm vượt khỏi ra ngoài.

221. Thất rị sa

Kệ :
Diệu Thủ Cát Tường Đại Kim Cang
Văn phong hướng hoá bất tư lường
Cải ác tùng thiện quả quá thác
Trực nhập pháp giới vạn Phật đường.

Tạm dịch :
Diệu thủ cát tường Đại Kim Cang
Nghe tên phát tâm không nghĩ lường
Cải ác hướng thiện bớt tội khiên
Vào thẳng pháp giới Vạn Phật Đường.

Giảng giải: Câu này dịch là “Diệu thủ”, lại dịch là “Diệu cát tường”, cho nên nói: ‘’Diệu thủ cát tường Đại Kim Cang.’’ Tên của vị Kim Cang này là Diệu Thủ Cát Tường Kim Cang, ai thấy vị Kim Cang này, thì người đó sẽ phát bồ đề tâm, cho nên nói: ‘’Nghe danh phát tâm không nghĩ lường.’’ Bạn nghĩ cũng nghĩ không đến, khi nghe tên vị Kim Cang này thì sẽ cải ác hướng thiện, cho nên nói: ‘’Cải ác hướng thiện bớt tội khiên.’’ Đem tâm ác cải thiện, sửa lỗi làm mới, thì sẽ bớt đi tội lỗi.

‘’Vào thẳng pháp giới Vạn Phật Đường.’’ Sửa lỗi làm mới, thì sẽ vào được pháp giới Vạn Phật Đường tu hành, nếu không cải ác hướng thiện, bớt đi lỗi lầm, thì không dễ gì tu hành trong Vạn Phật Thành, không dễ gì đứng vững được. Do đó, ai đến Vạn Phật Thành đều phải sửa lỗi làm lành, thì mới chân thậttu hành trong Vạn Phật Thành được. Nếu trong Vạn Phật Thành không sửa lỗi làm lành, thì thiên long bát bộ hộ pháp thiện thần, đều không hứa khả, không bảo hộ bạn, về sau sẽ phát sinh đủ thứ vấn đề, cho nên phàm là người đến tu tại Vạn Phật Thành, thì cử chỉ hành động tự mình quán chiếu, đi đứng nằm ngồi không rời nhà, lời nói việc làm, đều phải tự mình xem mình, quản chính mình, đừng giống như máy giặt đồ, cứ giặt đồ cho kẻ khác, đồ kẻ khác sạch mà đồ

mình thì dơ bẩn. Người tại Vạn Phật Thành đừng giống như máy ảnh, cứ chụp hình cho người khác, mà không chụp cho chính mình.

222. Câu tri ta ha tát nê

Kệ :
Câu tàng phổ giai kim cang danh
Cốt thân xá lợi giới đức doanh
Định huệ trang nghiêm ngũ sắc câu
Kiên cố bất hoại vĩnh quang minh.

Tạm dịch :
Quân Tạng đều là tên Kim Cang
Thân cốt xá lợi giới đức thừa
Định huệ trang nghiêm đủ năm màu
Kiên cố bất hoại chiếu sáng mãi.

Giảng giải: Câu này dịch là “Quân”, lại dịch là “Tạng”. Kim Cang Quân Bồ Tát và Kim Cang Tạng Bồ Tát, đều là tên của Kim Cang Bồ Tát. Lại dịch là “Thân cốt”, lại dịch là “Xá lợi”, có cốt xá lợi màu trắng, có tóc xá lợi màu đen, có thịt xá lợi màu đỏ, lại có cốt tủy xá lợi màu vàng, màu xanh, năm màu. Tại sao có xá lợi ? Vì đắc được vô lậu, tinh khí thần không lậu ra ngoài, không có chạy mất, ngưng tụ mà thành. Xá lợi trải qua ngàn kiếp mà không đổi, vạn đời mà vẫn mới, vĩnh viễn tồn tại, người tu hành giữ giới luật tinh nghiêm mới có. Cho nên nói : ‘’Định huệ trang nghiêm đủ năm màu.’’ Đây cũng là biểu thị người tu đạo có định huệ trang nghiêm, mới có xá lợi.
‘’Kiên cố bất hoại chiếu sáng mãi.’’ Xá lợi tử còn gọi là kiên cố tử, vĩnh viễn bất hoại phóng quang minh.

223. Đế lệ a thệ đề thị bà rị đa

Kệ :
Kính lễ đại luân Kim Cang Thần
Thiên đầu thiên thủ thiên nhãn tôn
Oai đức nhuận trạch kiêm quán đảnh
Hộ trì hành nhân vô năng thắng.

Tạm dịch :
Kính lễ đại luân Kim Cang Thần
Đấng ngàn đầu, ngàn tay, ngàn mắt

Oai đức nhuận trạch và quán đảnh
Hộ trì người hành vô năng thắng.

Giảng giải: Con nay ‘’Kính lễ đại luân Kim Cang Thần – Đấng ngàn đầu, ngàn tay, ngàn mắt.’’ Vị Kim Cang này có ngàn đầu, ngàn tay, ngàn con mắt, nhìn trông thật rất kỳ lạ. Tên của Ngài lại dịch là “Oai đức”, “Nhuận trạch”, “Quán đảnh”, cho nên nói : ‘’Oai đức nhuận trạch và quán đảnh – Hộ trì người hành vô năng thắng.’’ Lại dịch là “Vô năng thắng”, Ngài hộ trì người tu hành chẳng có ai có thể so sánh được.

224. Tra tra anh ca

Kệ :
Ly chướng hành động năng thôi toại
Chư pháp vô ngại Sinh quý trụ
Quang minh biến chiếu hộ Tam Bảo
Ngã đẳng giới Thần cứu mê tuý.

Tạm dịch :
Lìa chướng hành động hay phá tan
Các pháp vô ngại Sinh quý trụ
Quang minh chiếu khắp hộ Tam Bảo
Các vị Thần giới cứu mê say.

Giảng giải: Câu này dịch là “Lìa chướng”, xa lìa tất cả chướng ngại, lại có một nghĩa nữa là “Hành động”, ý nghĩa hành động tức là lìa chướng, tức là đập tan, muốn có các hành động mới lìa chướng được, phải hành động mới đập tan được. Cho nên nói: ‘’Lìa chướng hành động hay phá tan – Các pháp vô ngại sinh quý trụ.’’ Đến địa vị tất cả các pháp đều viên dung vô ngại, thì tại Thập Trụ chứng đến bậc Sinh quý trụ mới được các pháp vô ngại.
‘’Quang minh chiếu khắp hộ Tam Bảo.’’ Tất cả hộ pháp thiện thần đều phóng quang động địa, hộ trì Phật Pháp Tăng Tam Bảo.
‘’Các vị giới thần cứu mê say.’’ Ngã đẳng thiện thần giữ gìn bảo hộ giới, và thiện thần bảo hộ Chú, đều muốn cứu thế gian, những chúng sinh mê muội quá sâu nặng, và muốn cứu chúng sinh sống say chết mộng, muốn cứu chúng sinh tham luyến lục đạo luân hồi, không biết thoát ra, chúng ta hộ giới thiện thần tức là chấp hành công việc này.

225. Ma ha bạt xà lô đà ra

Kệ :
Đại Kim Cang chúng hộ hành nhân
Tác sư tử hống pháp lôi chấn
Sử lệnh hữu tình trừ chướng ngại
Độ tất cả khổ Bát Nhã thâm.

Tạm dịch :
Chúng Đại Kim Cang hộ người tu
Làm sư tử hống đánh trống pháp
Khiến cho hữu tình trừ chướng ngại
Bát Nhã thâm sâu độ các khổ.

Giảng giải: Ma Ha tức là “Đại”, Bạt Xà La là “Kim Cang”, tất cả thủ hộ đại Kim Cang Tạng Bồ Tát.
‘’Chúng Đại Kim Cang hộ người tu.’’ Tám vạn bốn ngàn Đại Kim Cang Tạng Bồ Tát thường theo người thọ trì Chú Lăng Nghiêm, hộ trì họ. Vì các Ngài trong quá khứ, đã phát nguyện phải hộ trì chúng sinh nào thọ trì Chú Lăng Nghiêm. Do đó, người nào thọ trì Chú Lăng Nghiêm, thì người đó được Kim Cang Tạng Bồ Tát đến bảo hộ.
‘’Làm sư tử hống đánh trống pháp.’’ Kim Cang Tạng Bồ Tát khắp nơi đều làm đại sư tử hống, đánh trống pháp lớn, thổi pháp loa lớn, dựng pháp tràng lớn, treo pháp phan lớn, như là sấm sét, khiến cho chúng sinh mê mộng sớm giác ngộ. Có lúc chúng sinh mê quá nặng, không thể giác ngộ, cho nên phải dùng âm thanh thật lớn, làm cho họ tỉnh dậy, khiến cho họ khoát nhiên minh bạch, mà phát đại bồ đề tâm.

‘’Khiến cho hữu tình trừ chướng ngại.’’ Tức là giáo hóa tất cả hữu tình. Hữu tình chúng sinh không dễ gì giáo hóa. Vì họ hữu tình, bạn dạy họ tu đạo, họ bị tình trói buộc, dạy họ học Phật pháp, họ lại bị vật liên lụy, đều buông bỏ chẳng đặng, bị tình ái mê hoặc, trầm luân trong biển khổ. Hộ pháp thiện thần làm cho hữu tình lìa chướng ngại.
‘’Bát nhã thâm sâu độ các khổ.’’ Khiến cho tất cả khổ não đều qua khỏi. Qua khỏi tất cả khổ, tức là xa lìa điên đảo mộng tưởng, đắc được cứu kính Niết Bàn, đó là Bát Nhã thâm sâu, tức cũng là: ‘’Quán Tự Tại Bồ Tát, hành sâu vào Bát Nhã Ba La Mật Đa, thì thấy rõ năm uẩn đều không, qua khỏi tất cả khổ ách.’’ Qua khỏi tất cả khổ ách phải có trí huệ Bát Nhã thâm sâu, không có trí huệ Bát Nhã thâm sâu, thì không thể qua khỏi tất cả khổ ách. Hộ pháp thiện thần giúp chúng ta đắc được Bát Nhã thâm sâu, đại trí huệ, bèn được lìa khổ được vui.

Học Phật pháp phải đem chân tâm ra, cử chỉ hành động lời nói, đều phải làm chân thật. Đừng giống như người thế gian, nửa thật, nửa giả, có lúc nói lời thật,

có lúc nói lời giả. Người tu đạo, luôn luôn phải nói lời chân thật, làm việc chân thật, không nói dối. Mỗi một ý niệm phải trừ mao bệnh của chính mình, đem tập khí vô lượng kiếp quá khứ của mình sửa đổi, đem tội nghiệp vô lượng kiếp đến nay đều phải sám hối. Vì sao học Phật pháp rất lâu mà chẳng tương ưng ? Vì cứ che đậy tội lỗi của mình, không chịu đem chân tâm ra tu hành, do đó, làm cho thời gian trôi qua lãng phí, cũng chẳng khai mở trí huệ chân chánh, cũng chẳng đắc được định lực chân chánh. Thời gian luống qua, đạo nghiệp của mình chẳng thành tựu, đó thật là việc rất đáng tiếc. Ở trong đạo tràng, phải trân tiếc tất cả vật chất, nên thương tiếc vật thường trụ, như bảo vệ tròng mắt của mình. Vật thường trụ ví như: Cơm, gạo, dầu, muối, tương, rau .v.v… phải thương tiếc đừng phí phạm, cho đến một cọng cỏ, một khúc gỗ, một trang giấy, đều phải thương tiếc bảo vệ nó. Những điều trên đây nếu không chú ý, không biết tích phước, thì công đức đều rỉ sạch, những gì tu phước thì ít hơn là tạo nghiệp, những gì được thì ít, mất đi thì nhiều.

Lại nữa, cử chỉ hành động lời nói, đừng làm hại đến kẻ khác, miệng cũng phải tồn đức, đừng nói thêu dệt, nói dối, mắng chưởi, hai lưỡi. Miệng thì đặc biệt phải chú ý. Thân thì đừng sát sinh, đừng trộm cắp, đừng tà dâm. Ý đừng phạm tham sân si, đừng vì túi da hôi thối này mà lo lắng, tâm niệm phải vì nó mà trộm vật ăn, tâm niệm nghĩ muốn trang nghiêm cho túi da hôi thối này để dễ nhìn, tâm niệm muốn vì túi da hôi thối này mà hưởng thụ, sung sướng, đó đều là điên đảo. Chúng ta phải nghĩ vượt khỏi ba cõi, thoát khỏi sáu nẻo luân hồi, đều phải sửa đổi tập khí, ái tình cũng phải nhìn xuyên thủng là không, mới toại tâm mãn nguyện, thành tựu được quả bồ đề.

Tu đạo không thể hưởng phước, phải nhớ vị tổ tông của Phật giáo tức là Phật Thích Ca Mâu Ni, xưa kia tu đạo là thái tử, mà Ngài từ bỏ tất cả để xuất gia tu đạo. Lấy thân thế của Ngài mà nói, tuy nhiên xuất gia vẫn có thể ăn ngon, mặc đẹp, ở chỗ tốt, thế mà Ngài không làm như thế, Ngài vào núi Tuyết, chịu khổ, chịu đói, chịu lạnh, chịu nóng, tại đó tu hành sáu năm. Trong sáu năm đó, chẳng ăn vật gì ngon, cũng chẳng đi các nơi kêu người cúng dường cho Ngài, mà chịu khổ như thế. Lấy thân phận phú quý của Đức Phật Thích Ca, mà còn tự ý chịu khổ tu hành, còn chúng ta là thân phận gì ? Chẳng qua là người bình thường. Tại sao phải mặc tốt, ăn ngon, ở chỗ tốt, tham đồ hưởng thụ, chịu khổ chẳng được, sợ chịu khổ. Nghĩ xem so với Phật Thích Ca chúng ta đáng hổ thẹn chăng !

226. Đế rị bồ bà na

Kệ :
Quy y nhất thiết tam thế Phật
Chí thành đảnh lễ chư Thánh hiền
Bát vạn tứ thiên Kim Cang Tạng
Hộ trì hành nhân xuất mê duật.

Tạm dịch :
Quy y tất cả Phật ba đời
Chí thành đảnh lễ các Thánh hiền
Tám vạn bốn ngàn Kim Cang Tạng
Hộ trì người hành thoát đường mê.

Giảng giải: Đây là "Quy mạng tất cả Phật ba đời", cảm tạ chư Phật ba đời kiến lập đàn tràng Lăng Nghiêm. Cho nên nói: ''Quy y tất cả Phật ba đời.'' Chư Phật ba đời là đời quá khứ, đời hiện tại, đời vị lai, nhiều vô lượng vô biên. ''Chí thành đảnh lễ các Thánh hiền.'' Không những quy mạng chư Phật, mà cũng quy y tất cả các Bồ Tát và tám vạn bốn ngàn Kim Cang Tạng Bồ Tát, chí thành đảnh lễ hết thảy Thánh hiền. Hộ trì Chú Lăng Nghiêm có tám vạn bốn ngàn Kim Cang Tạng Bồ Tát, thường theo hai bên người hành trì.

''Hộ trì người hành thoát đường mê.'' Từ ngày đầu tiên phát tâm niệm Chú Lăng Nghiêm, thì các Ngài bảo hộ bạn, theo bạn, chỉ cần bạn đừng phá giới, đừng phạm giới sát sinh, giới trộm cắp, giới tà dâm, giới nói dối, và giới uống rượu, thường giữ năm giới này, thì tám vạn bốn ngàn Kim Cang Tạng Bồ Tát thường hộ trì bạn. Nếu bạn phá giới thì Ngài chẳng hộ trì bạn nữa. Cho nên người tin Phật, có lúc tai nạn đến, bèn nói tôi tin Phật còn có tai nạn chăng ? Bạn phải biết, tuy bạn tin Phật, nhưng không giữ giới luật, không y chiếu Phật pháp tu hành, đương nhiên sẽ có nhiều tai nạn sẽ phát sinh. Vì tám vạn Kim Cang Tạng Bồ Tát không hộ trì bạn nữa. Nếu y theo pháp tu hành giữ giới, tụng trì Chú Lăng Nghiêm, thì tám vạn bốn ngàn Kim Cang Tạng Bồ Tát, thường hộ trì bạn, khiến cho bạn sớm ra khỏi sáu nẻo luân hồi.

227. Mạn trà ra

Kệ :
Học giả ấn chứng thiết pháp đàn
Tốc thành tam muội cứu đảo huyền
Phổ nhiếp chúng sinh ly thống khổ
Lăng Nghiêm đại định vĩnh hiện tiền.

Tạm dịch :
Giác giả ấn chứng lập pháp đàn
Sớm thành tam muội cứu đảo huyền
Nhiếp khắp chúng sinh lìa thống khổ
Lăng Nghiêm đại định hiện tiền mãi.

Giảng giải: Mạn Trà La, vốn là đọc Mạn Đát La, chữ Trà không nhất định phải đọc âm trà. Ở trước Bồ Bà Na dịch là "Giác giả". Vị giác giả này ấn chứng đại định Lăng Nghiêm, thiết lập Lăng Nghiêm đàn tràng. Mạn Trà La tức là "Một đàn tràng". Đàn tràng Chú Lăng Nghiêm niệm: "Án Á Hồng", thì theo niệm bèn thành đàn tràng. Cho nên nói: ''Giác giả ấn chứng lập pháp đàn.'' Thiết lập pháp đàn để ấn chứng cho bạn.
''Sớm thành Tam muội cứu đảo huyền.'' Tụng Chú mà tụng được có chút cảm ứng, thì sẽ nhập được Lăng Nghiêm đại định. Tam muội lại gọi là chánh định chánh thọ. Bạn đắc được chánh định chánh thọ, đắc được tất cả thần thông diệu dụng, thì có thể đến thế giới cứu đảo huyền, cứu độ tất cả chúng sinh thế gian.

''Nhiếp khắp chúng sinh lìa thống khổ.'' Phật Bồ Tát đều muốn chúng ta sớm lìa khổ được vui, không có tất cả mọi thống khổ. Các Ngài dùng pháp môn nhiếp thọ để nhiếp thọ tất cả chúng sinh.
''Lăng Nghiêm Đại định mãi hiện tiền.'' Thường đắc được Lăng Nghiêm đại định kiên cố này, thì thiên ma ngoại đạo không thể phá hoại được. Đại định này luôn luôn hiện tiền, thì người hành luôn luôn đều ở trong định.

228. Ô hồng

Kệ :
Tái sắc nhất thiết hộ pháp chúng
Phổ lệnh chư bộ các thần đồng
Thường tuỳ hành nhân sử giác ngộ
Đồng phó Long Hoa hội quần hùng.

Tạm dịch :
Sắc lệnh tất cả chúng Hộ Pháp
Khiến khắp các bộ các thần đồng
Thường hộ người hành sớm giác ngộ
Đồng phó Long Hoa hội quần hùng.

Giảng giải : Ở trước chư Phật Bồ Tát phân phối hộ pháp, từ từ bảo hộ người tu hành. Vì Phật từ bi, cho nên lại: ''Sắc lệnh tất cả chúng Hộ Pháp.'' Đặc biệt chú

ý hộ trì người hành. Chúng tức là tất cả đều bao quát trong đó.
‘’Khiến khắp các bộ các thần đồng’’. Ra lệnh tất cả đồng nam đồng nữ của các bộ, tất cả Hộ Pháp.
‘’Thường hộ người hành sớm giác ngộ.’’ Luôn luôn theo tất cả người tu hành, khiến cho họ giác ngộ, ngày càng tiến bộ.
‘’Đồng phó Long Hoa hội quần hùng.’’ Tương lai khi Bồ Tát Di Lặc thành Phật, trong ba hội Long Hoa hội kiến rất nhiều đại anh hùng thành đạo.

229. Ta tất đế

Kệ :
Thành tựu chư pháp chánh định tụ
Viên mãn tam đức Diệu Giác Tôn
Tự độ độ tha Bồ Tát hạnh
Đăng Niết Bàn sơn Bát Nhã phong.

Tạm dịch :
Thành tựu các pháp được chánh định
Tròn đầy ba đức đấng Diệu Giác
Tự độ độ tha hạnh Bồ Tát
Lên núi Niết Bàn đỉnh Bát Nhã.

Giảng giải: ‘’Thành tựu các pháp được chánh định.’’ Sa Tất Đế dịch là “Thành tựu các pháp”, thành tựu tất cả các pháp mà đắc được tam muội, chánh định chánh thọ.
‘’Viên mãn ba đức đấng Diệu Giác.’’ Ba đức là pháp thân đức, Bát Nhã đức và giải thoát đức. Pháp thân của chúng ta là biến nhất thiết xứ, Bát Nhã đức là công đức trí huệ, cũng là biến nhất thiết xứ, giải thoát đức cũng biến nhất thiết xứ. Ba đức này đều viên mãn thì chứng được Diệu Giác bồ đề, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cho nên xưng là ‘’Đấng Diệu Giác.’’ Sau đó lại : ‘’Tự độ, độ tha, hạnh Bồ Tát.’’ Bồ Tát đạo là tự độ độ tha, tự lợi lợi tha, đó là hạnh của tất cả Bồ Tát tu hành.
‘’Lên núi Niết Bàn đỉnh Bát Nhã.’’ Lại nên núi Niết bàn. Núi Niết bàn tức là thường lạc ngã tịnh. Lên đến đỉnh Bát Nhã cao nhất, đỉnh trí huệ cao nhất.

230. Bạt bà đô

Kệ :
Bà Già Bà Đế Phật Thế Tôn

Dã dịch viên mãn cập tuỳ tâm
Thiện hỉ năng nhập Lăng Nghiêm định
Vô lượng trí huệ thử trung sinh.

Tạm dịch :
Bà Già Bà Đế Phật Thế Tôn
Cũng dịch viên mãn và tùy tâm
Thiện hỷ nhập được định Lăng Nghiêm
Vô lượng trí huệ từ đây sinh.

Giảng giải: Bạt Bà Đô tức là "Bà Già Bà Đế", dịch là "Phật", "Thế Tôn", cũng dịch "Viên mãn" và "Tùy tâm,'' tùy tâm mãn nguyện, mong cầu gì thì được cái đó. Bạn thấy niệm Chú Lăng Nghiêm diệu vô cùng chăng ! Cầu gì được nấy, cầu lên trời thì không thể xuống đất, cầu con trai được con trai, cầu con gái được con gái.
''Thiện hỷ nhập được định Lăng Nghiêm.'' Tại sao Chú Lăng Nghiêm có diệu dụng như thế ? Vì niệm Chú này, thì có thể nhập được định Lăng Nghiêm. Đại định Lăng Nghiêm là vô định vô bất định, chẳng có lúc nào mà không ở trong định. Do đó, có câu: ''Na Già thường tại định, chẳng có lúc nào không ở trong định.'' Định Lăng Nghiêm là định kiên cố, thiên ma ngoại đạo không thể phá hoại được.
''Vô lượng trí huệ từ đây sinh.'' Nhập định để làm gì ? Nhập định lại có việc hoan hỷ, lại có việc sợ hãi, đều là thấy cái chưa thấy, nghe cái chưa nghe. Trong định được như như bất động, liễu liễu thường minh, không bị cảnh giới chuyển, mà chuyển được tất cả cảnh giới, đó là chỗ diệu nhập định Lăng Nghiêm. Không có định Lăng Nghiêm thì tùy cảnh giới chuyển, cái gì đến thì chạy theo nó, bị vướng mắc vào cảnh giới. Có định Lăng Nghiêm này, thì không bị cảnh giới chuyển :

"Mắt thấy sắc bên trong không dính mắc
Tai nghe âm thanh tâm chẳng biết".

"Thấy việc tỉnh việc vượt ba cõi
Thấy việc mê việc đọa trầm luân".

Ở trong định thường sinh vô lượng trí huệ, cho nên định hay sinh huệ. Nếu bạn không nhập định, thì bạn không thể khai mở trí huệ.

231. Mạ mạ

Kệ :
Ngưỡng kì Phật lực gia hộ trì
Ngã sở tác pháp lệnh viên thành
Tảo chứng bất thoái thường tinh tấn
Tuyển Thánh bạt hiền tốc đề danh.

Tạm dịch :
Ngưỡng mong Phật lực gia hộ trì
Các pháp con làm khiến viên thành
Sớm chứng bất thối thường tinh tấn
Tuyển Thánh chọn hiền sớm nêu danh.

Giảng giải: Ma Ma là "Tự mẫu", nghĩa là ngưỡng mong oai lực của Phật gia bị chúng ta, khiến cho chúng ta đắc được thành tựu, cho nên nói: ''Ngưỡng mong Phật lực gia hộ trì.'' Ngưỡng mong Phật lực gia trì bảo hộ.
''Các pháp con làm khiến viên thành.'' Các pháp mà ta tu, như tụng trì pháp Chú Lăng Nghiêm, pháp Bốn Mươi Hai Thủ Nhãn, và tu tất cả thiền định, đều sớm được viên thành. Tóm lại, Ma Ma là "Tất cả các pháp mà ta tu", sớm được thành tựu.
''Sớm chứng bất thối thường tinh tấn.'' Sớm chứng được bất thối chuyển Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Bất thối chuyển có ba bất thối :

1. Vị bất thối, không thối lùi về hàng nhị thừa, không thối lùi bồ đề tâm.
2. Hạnh bất thối, vĩnh viễn tu hạnh Bồ Tát.
3. Niệm bất thối, không phát tâm tiểu thừa.

Đều hành Bồ Tát đạo, hành pháp đại thừa, đó là ba bất thối. Sớm chứng được ba bất thối này, mới thường được tinh tấn. Bằng không thì không thể thường tinh tấn được.
''Tuyển Thánh chọn hiền sớm nêu danh.'' Trong sự tu hành, Phật Bồ Tát cũng phải tuyển chọn, xem chúng ta ai đủ trình độ, đáng được vào quả vị Bồ Tát, hoặc là quả vị Phật, sớm nói với chúng ta, khiến cho chúng ta đắc được quả vị bất thối, khiến cho chúng ta biết tu hành như thế nào.

232. Ấn thố na mạ mạ toả

Kệ :
Tụng trì mặc niệm thiểu ý ngôn
Thị giáo lợi hỉ hoá đại thiên
Sở tác chư pháp tất cứu kính
Bất tăng bất giảm đáo Niết Bàn.

Tạm dịch :
Tụng trì mặc niệm bớt nói năng
Bày giáo lợi ích độ mọi người
Chỗ tu các pháp đều rốt ráo
Không tăng không giảm đến Niết Bàn.

Giảng giải : Học Chú trước hết phải chánh tâm thành ý, nếu tâm không chánh, thì học Chú gì cũng đều là tà, tâm chánh học Chú mới có cảm ứng. Tâm chánh còn chưa đủ, còn phải thành ý. Thành ý tức là niệm từ từ, tơ hào đều không cẩu thả, không thể phô diễn, lơ là, mới có cảm ứng. Nếu bạn không chánh tâm thành ý, mà tồn tại tà tri tà kiến, muốn đi hại người, tức là ma pháp, là pháp của ma vương thực hành, ma thì hại người, không lợi người. Người chân chánh muốn tu pháp dưới bất cứ hình thức nào, cũng không được hại người, phải tồn tại tâm lợi ích chúng sinh. Đừng có tư tưởng học Chú vì để hàng phục ma quỷ, hoặc là khởi tâm đối đãi với kẻ khác.

Trong Phật giáo không có kẻ địch, không trả thù với bất cứ người nào. Tức là bất cứ ai đối với mình có chỗ không tốt, cũng phải nhẫn nại, tu nhẫn nhục Ba la mật, không sinh tâm báo thù, đó là chỗ cao siêu của Phật giáo. Các tôn giáo khác chẳng có tinh thần như thế. Tuy Gia Tô Giáo nói ái địch, nhưng chỉ bất quá nói ngoài miệng mà thôi. Họ thật ái địch chăng ? Họ cho rằng Phật giáo là kẻ địch của họ. Họ ái Phật giáo chăng, tuyệt đối không. Họ mở miệng ra là ‘’ma quỷ’’, câm miệng cũng là ‘’ma quỷ.’’
Tông chỉ của Phật giáo quan trọng hơn hết là, dù bạn là ma quỷ, tôi tuyệt đối cũng không hại bạn, cũng nhiếp thọ bạn, mà không sinh một thứ pháp đối đãi, đó là giáo nghĩa đặc biệt nhất của Phật giáo, đối với bất cứ chúng sinh nào, cũng đều có tâm từ bi, không hại họ.
Chú Lăng Nghiêm là kinh thiên địa, khốc quỷ thần, là linh văn hữu hiệu nhất, cho nên chúng ta học được Chú Lăng Nghiêm, thì phải luôn luôn lúc nào cũng có tâm từ bi, khởi tâm động niệm đều không đi hại người. Người khác đối với mình không tốt như thế nào, cũng không ghét họ, cũng không hại họ.
Tâm lượng phải lớn như ba ngàn đại thiên thế giới, đem tất cả sum la vạn tượng đều bao quát trong đó, đó mới là bổn phận của Phật giáo đồ. Chúng ta nên nhớ đừng có hành vi phạm thượng, làm loạn, có những thứ hành vi như thế rất là nguy hiểm.

Ấn Thố Na dịch là “Tụng trì”, lại dịch là “Mặc niệm”, lại dịch là “Thiểu ý ngôn”. Tức là đừng nói nhiều lời, đừng khởi nhiều vọng tưởng. Chuyên nhất thì linh, phân chia thì tán. Thế nào là chuyên nhất ? Tức là không sinh tâm hại người, nếu tồn tâm hại người, tương lai rất là nguy hiểm. Do đó, có câu: ‘’Làm nhiều

điều bất nghĩa, thì đưa mình đến chỗ nguy,’’ hại người trở lại hại mình. Giết cha người, thì người giết cha mình, giết anh người, thì người giết anh mình, đó là nhân quả. Chúng ta là Phật giáo đồ, phải tránh nhân ác, nếu không thì tương lai sẽ thọ lấy quả báo ác. Cho nên nói : ‘’Tụng trì mặc niệm bớt nói năng – Thị giáo lợi hỷ hóa đại thiên.’’ Câu này lại dịch là “Thị giáo”, “Lợi hỷ”, chỉ bày chúng sinh Phật giáo, khiến cho họ đắc được lợi ích hoan hỷ. Do đó nhìn lại, chúng ta muốn lợi ích người, thì phải khẩn trương lợi ích người. Có câu rằng :

‘’Tài bồi mảnh đất trong tâm
Nuôi lớn bầu trời bản tánh.’’

Thường lợi ích người khác, lâu dần thì có đức hạnh. Chẳng phải cứ kêu người lợi ích cho mình, còn mình thì chẳng lợi ích cho người, dưỡng thành một thứ tánh ỷ lại, cứ muốn tìm tiện nghi. Thấy những người trên thế gian, chuyên tìm tiện nghi, kết quả đều thất bại. Nếu bạn không tin, thì hãy nghiên cứu tỉ mỉ, bất cứ người nào thất bại, đều là tham mà không biết chán, đi khắp nơi tìm tiện nghi, kết quả đều thất bại. Bạn thường lợi ích người, khiến người hoan hỷ, thì bất cứ đến đâu, người ta đều theo đó mà sửa đổi. Khổng Tử có nói :

‘’Lời nói phải trung tín
Hành vi phải thuần kính.’’

Nói ra lời gì, phải thành thực có tín dụng, không thể trừng mắt cứ nói dối, giống như là lời thật, nhưng thật ra cứ lường gạt người. Hành vi nhất định phải thành thật, thuần hậu, tự hạ mình cung kính tất cả. Đều phải tồn tâm khiêm cung hòa nhã, đừng có tư tưởng cống cao ngã mạn, cảm thấy ai ai cũng không bằng mình, như thế thì không thể được.

Chú Lăng Nghiêm – Đệ Tam

HỘI THỨ BA
HỘI QUÁN ÂM HỢP ĐỒNG

Giác giả từ bi nhiếp hữu tình
Thánh hiền thiết giáo hoá ngoan minh
Thế Tôn chủng tộc Phật bảo ấn
Đăng đăng hộ chiếu tâm truyền tâm.

Nghĩa là:

Phật đà từ bi nhiếp hữu tình
Thánh hiền giáo hoá độ ngu tối
Chủng tộc Thế Tôn ấn Phật bảo
Đèn đèn cùng chiếu tâm truyền tâm.

233. Ra xà bà dạ

Dịch: Trừ nạn vua.

Kệ:
Trừ diệt nhất thiết vương nạn khổ
Cứu độ sở hữu chúng cô độc
Tối thắng tôn thượng năng lợi lạc
Khả uý tiêu tai tăng huệ phước.

Nghĩa là:
Diệt trừ tất cả nạn khổ vua
Cứu độ hết thảy người cô độc
Tối thắng trên hết hay lợi lạc
Đáng sợ tiêu tai tăng phước huệ.

Giảng giải: Câu Chú nầy là trừ tất cả tai nạn. Tai nạn gì? Các tai nạn như: Nạn cướp, nạn nước, nạn lửa, nạn gió, nạn bùa chú .v.v… Ví như có người muốn lăn đá rớt xuống đầu để hại bạn, hoặc dùng tà chú để hại bạn, khi bạn tụng câu Chú Lăng Nghiêm nầy, thì sẽ phá được tất cả tà pháp, phá sạch không còn sót gì hết, cho nên câu Chú nầy rất quan trọng. Ra Xà tức là vua, trừ nạn vua, dù ông vua muốn đổ tội lên thân bạn, kết tội bạn, cho bạn tai nạn, thì sẽ trừ khử. Nhưng bạn phải biết, đây là trường hợp bạn không phạm pháp, gặp khổ nạn bị oan uổng, không có tội, mà ông ta cứ nói là bạn có tội, trường hợp nầy sẽ trừ đi tai nạn nầy.

Nếu bạn phạm tội, ví như bạn giết người, thì phải đền mạng, ông vua sẽ truy bắt bạn, chắc chắn sẽ bị giết. Giết người phải đền mạng, vay nợ phải trả tiền. Bạn phạm pháp, nói là tôi gặp được Chú Lăng Nghiêm, nếu ông ta bắt tôi giam vào ngục tù, hoặc muốn chém đầu tôi, thì tôi niệm Chú Lăng Nghiêm, có thể sẽ

trừ diệt được tai nạn nầy, như vậy thì không thể được. Bạn cố ý phạm pháp, mà bạn muốn dùng Chú nầy để tránh tai nạn nầy, như vậy càng không được. Nếu bạn không phạm pháp, bạn bị oan, quan tri phủ bắt bạn đi, ví như bạn không có ăn cắp, mà họ nói bạn ăn cắp. Bạn không giết người, mà họ cứ nói bạn giết người, còn có người nào đó làm bằng chứng là bạn giết người, thì những trường hợp nầy, sẽ trừ diệt được khổ nạn vua, cho nên nói trừ diệt được tất cả khổ nạn vua, trừ diệt được tất cả khổ nạn vua bị oan.

Nếu bạn không bị hàm oan, bạn phạm tội, thì không thể được. Tại sao? Vì Bồ Tát không thể không nói đạo lý, việc gì Ngài cũng đều đại công vô tư, chánh trực không thiên vị. Nếu bạn phải bị quả báo nầy, thì chư Phật Bồ Tát đều không màng tới việc nầy, cho nên các vị phải biết đạo lý nầy. Phải biết Phật Bồ Tát chẳng phải ổ chủ, chuyên môn lo việc kẻ phạm tội, hoặc là những kẻ trộm cắp, đem những kẻ trộm cắp để ở đó, hoặc ai phạm pháp bèn đến trước bàn Phật, thì sẽ được miễn tội, đức Phật chẳng phải như thế. Cho nên chúng ta là người học Phật, nhất định phải có trí huệ chân chánh, phán đoán được thị phi, không thể lấy phải làm trái, lấy trái làm phải, lấy đen làm trắng, lấy trắng làm đen.

"Cứu độ hết thảy người cô độc": Cứu độ hết tất cả những người cô độc, tất cả những người đáng thương, hộ pháp Bồ Tát đều sẽ cứu độ giúp đỡ họ.

"Tối thắng trên hết hay lợi lạc": Câu Chú nầy còn dịch là "Tối thắng", "Trên hết", "Lợi lạc", hay lợi lạc tất cả chúng sinh.

"Đáng sợ tiêu tai tăng phước huệ": Còn dịch là "Đáng sợ", vì Hộ pháp Bồ Tát đều đầy đủ uy đức, có uy đáng sợ, có đức đáng kính, khiến cho bạn khi gặp được Ngài, thì sinh tâm cung kính. Lại còn có thể tiêu tai, lại còn có thể tăng phước, lại còn có thể khai mở trí huệ. Có trí huệ chân chánh rồi, thì con người mới không điên đảo. Tại sao chúng ta cứ làm việc sai quấy? Vì chẳng có trí huệ chân chánh, cho nên cử chỉ hành động, lời nói việc làm, đều chẳng hợp pháp. Trong Kinh Địa Tạng có nói: Chúng sinh cõi Nam Diêm Phù Đề, khởi tâm động niệm, đều là tạo nghiệp, đều là tạo tội. Bồ Tát ngày đêm không nghỉ ngơi, đến giáo hoá chúng ta, mà chúng ta không nghe lời, còn mắng Phật, chửi Bồ Tát, mắng Tổ, chửi sư trưởng, chẳng cung kính Kinh điển, cho nên chúng ta ở trong đạo tràng, nên nhớ đừng có tạo tội nghiệp, vì nhân quả rất là lợi hại, bạn trồng nhân gì, thì tương lai sẽ kết quả đó. Tại sao hiện tại chúng ta chịu rất nhiều khốn khổ? Tất cả đều do chúng ta, cho nên chúng ta phải hồi quang phản chiếu, cầu nơi chính mình, đừng cho rằng Phật, Bồ Tát không linh, tôi niệm Chú gì cũng không linh, đừng có oán trời trách người, oán Phật, oán Pháp, oán Tăng, tạo vô lượng tội nghiệp.

234. Chủ ra bà dạ

Dịch: Trừ nạn cướp.

Kệ:
Thử Chú trừ diệt tặc khấu nạn
Nhãn nhĩ tỹ thiệt thân ý thuyên
Thượng sư Xá Na Phật gia bộ
Thế Tôn giáo pháp đương tế tham.

Nghĩa là:
Chú nầy diệt trừ nạn trộm cướp
Buộc mắt tai mũi lưỡi thân ý
Bộ nhà Phật Xá Na thượng sư
Giáo pháp Thế Tôn tu minh bạch.

Giảng giải: Câu Chú nầy thuộc về pháp câu triệu. Pháp câu triệu giống như cảnh sát đi bắt người, bạn nhất định phải đến, nếu bạn không đến, thì bắt bạn đến. Câu, giống như dùng lưỡi câu để câu lại. Triệu tức là triệu lại. Giống như cảnh sát bắt người, khi hạ lệnh thì bạn không đến cũng phải đến. Chú Lăng Nghiêm bắt đầu từ hội thứ ba thuộc về pháp câu triệu. Câu triệu thiên ma ngoại đạo, lị mị vọng lượng, dù ở xa cách vạn dặm, thậm chí ở thế giới khác, đều có thể câu triệu lại.

"Chú nầy diệt trừ nạn trộm cướp": Câu Chú nầy là trừ nạn cướp, cướp tức là trộm cướp, nghĩa là năm nay vận mạng không tốt, bị ngôi sao trộm cướp chiếu mạng, thường thường có trộm cướp đến hỏi thăm, bị trộm cướp. Cướp tức là ăn cắp những vật nhỏ. Trộm cướp tức là băng đảng, tính lưu động, còn gọi là đảng cướp, bọn cướp, chúng sống ở trong rừng núi. Nếu bạn gặp nạn cướp nầy, tụng câu Chú nầy, thì sẽ được giải trừ. Câu Chú nầy chẳng những giải trừ được nạn cướp, mà cũng giải trừ được nhiều nạn khác nữa.

"Buộc mắt tai mũi lưỡi thân ý": Cướp có cướp bên ngoài, cướp bên trong, cướp trong ngoài. Cướp bên ngoài, tức như bọn cướp đã nói ở trên. Cướp bên trong, là thuộc về bọn cướp trong thân chúng ta, là những thứ gì? Đó là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Bạn nhìn thấy sắc, thì bị sắc trần chuyển, muốn trộm nhìn sắc. Tai nghe tiếng thì bị thanh trần chuyển, muốn trộm âm thanh. Mũi ngửi mùi thì bị hương trần chuyển, muốn trộm ngửi mùi hương. Lưỡi nếm vị thì bị vị trần chuyển, thường thường muốn ăn vật ngon. Thân giác xúc thì bị xúc trần chuyển, tham đắm sự mềm mại. Ý duyên pháp thì bị ý trần chuyển, bèn khởi điên đảo. Sáu căn bị cảnh giới sáu trần chuyển, đều gọi là bị trộm cướp đồ vật

đi. Cho nên chữ cuối dùng chữ buộc. Buộc tức là buộc nó lại, không để nó chuyển theo cảnh giới sáu trần. Kẻ trộm bên ngoài thì dễ đề phòng, kẻ trộm bên trong không dễ đề phòng.

"Bộ nhà Phật Xá Na thượng sư": Vì chúng ta có nhiều kẻ trộm, nhiều phiền não, nhiều tai nạn, cho nên Bồ Tát Kim Cang coi quản Thượng Sư Xá Na Phật, hộ pháp Thiên long bát bộ đều ngày đêm bận rộn.

"Giáo pháp Thế Tôn tu minh bạch": Bà Dạ còn dịch là "Thế Tôn". Giáo pháp Thế Tôn giáo hoá chúng ta, phải từ từ nghiên cứu minh bạch.

235. A kỳ ni bà dạ

Dịch: Trừ nạn lửa.

Kệ:
Trùng tụng Thần danh tức hoả nạn
Bạch y nam phương ứng bính đinh
Giáo hoá hữu tình ly nhiệt não
Phổ hoạch thanh lương đắc minh đăng.

Nghĩa là:
Tụng đến tên Thần dứt nạn lửa
Bạch y phương nam ứng bính đinh
Giáo hoá hữu tình lìa nhiệt não
Khắp được mát mẻ được đèn sáng.

Giảng giải: "Tụng đến tên Thần dứt nạn lửa": A Kỳ Ni dịch là "Trùng tụng". Lại là tên của Thần lửa. Trùng tụng tức là dùng kệ tụng lại ý nghĩa trường hàng ở trước, khiến cho người đọc dễ nhớ, dễ hiểu.

A Kỳ Ni là tên của Thần lửa, hay dập tắt tai nạn lửa. Lửa cũng có lửa bên trong, lửa bên ngoài, lửa trong ngoài. Lửa bên trong tức là lửa vô minh. Lửa bên ngoài tức là lửa trời, lửa hoang dã. Ví như có những vị tổ sư tự dùng lửa hoang dã (chân lửa tam muội) tự thiêu. Lửa vô minh rất là lợi hại, nên gọi là lửa vô minh, lợi hại giống như hổ dữ ăn thịt người. Tại sao có lửa? Tại sao thường thường nổi lửa? Vì đức hạnh không đủ, nên con người mới có lửa khí, thường thường động vô minh, nóng giận đối với mọi người. Trung Quốc có câu tục ngữ rằng: "Khuyết đức đái xương yên". Đây tuy là câu tục ngữ, nhưng bên trong rất có đạo lý. Nếu bạn không thiếu đức, thì sẽ chẳng nổi nóng. Nếu bạn thiếu đức, thì luôn luôn nổi giận, cứ nhìn người khác không đúng, ai cũng đều chẳng bằng mình, hiện tại nên biết rằng, tại sao tánh nóng giận của mình quá

lớn, là vì mình chẳng đủ đức hạnh. Do đó phải luôn luôn hồi quang phản chiếu, tự hỏi lương tâm của mình. Người Trung Quốc nói lương tâm đạo đức, nếu bạn không nói lương tâm đạo đức, thì chắc chắn tương lai sẽ đoạ lạc.

"Bạch y phương nam ứng bính đinh": Bạch y Bồ Tát thuộc về phương nam bính đinh hoả, vì Ngài quản lý lửa, nên hay trừ nạn lửa.

"Giáo hoá hữu tình lìa nhiệt não": Người nóng giận, tức là mình có lỗi mới nóng giận, sẽ cảm thấy toàn thân không thoải mái, toàn thân đều bực bội. Thậm chí, còn cảm thấy đau khổ hơn là người bị đánh một gậy, cho nên đây chẳng phải nghiệt chướng thì là gì, có nghiệt chướng mới có sự nóng giận. Lìa phiền não, tức là lìa khỏi tất cả lửa bên trong, lửa bên ngoài.

"Khắp được mát mẻ được đèn sáng": Khắp cùng đều được mát mẻ, chẳng còn nhiệt não tức là mát mẻ, chẳng còn vô minh tức là trí huệ. Nếu vô minh diệt thì trí huệ liền sinh. Mát mẻ là biểu hiện của trí huệ, nhiệt não là biểu hiện của vô minh. Ngu si mới hay sinh ra phiền não, người có trí huệ thì luôn luôn tiêu dao tự tại, chẳng có chút vô minh phiền não nào, đắc được trí huệ tức cũng là đắc được chân chánh quang minh, chân chánh khoái lạc. Tất cả phiền não đều chẳng còn, sẽ diệt trừ được nạn lửa. Nếu sáu căn không bị sáu trần chuyển, thì sẽ trừ diệt được nạn kẻ trộm cướp. Học Phật pháp cần dùng được, nếu không dùng được, thì học Phật pháp bao nhiêu năm, cũng giống như không học. Nếu dùng được, thì mới minh bạch Phật pháp thật sự.

236. Ô đà ca bà dạ

Dịch: Trừ nạn gió.

Kệ:
Lục dục chư Thiên cụ ngũ suy
Tam Thiền thượng thả hữu phong tai
Nhậm quân tu đáo Phi Phi Tưởng
Bất như Tây Phương quy khứ lai.

Nghĩa là:
Sáu trời dục giới đủ năm tướng suy
Trời Tam Thiền vẫn còn có nạn gió
Nếu bạn tu đến trời Phi Phi Tưởng
Chẳng bằng đi về cõi Tây Phương.

Giảng giải: Bốn câu kệ nầy là hiện thành, tôi chỉ đổi lại mấy chữ, vốn là: "Tam Thiền Thiên thượng hữu phong tai", tôi đổi lại là: "Tam Thiền thượng thả hữu

phong tai”, vì ở trước đã có chữ “Thiên” (trời), tôi không muốn nó tái lập lại. Tôi nói cho quý vị nghe, tại sao tôi nói là hiện thành? Vì câu Chú nầy là trừ nạn gió. Bạn đọc Chú Lăng Nghiêm lên, thì bất tri bất giác tai nạn gì cũng đều trừ diệt hết. Nạn gió là thuộc về một trong ba nạn, ba nạn tức là nạn nước, nạn lửa và nạn gió. Lửa thiêu cháy cõi Sơ Thiền, nước ngập chìm cõi trời Nhị Thiền, gió thổi bay cõi trời Tam Thiền. Gió ở tại nhân gian rất lớn, có lúc thổi bay nhà cửa, cây cối cũng trốc gốc, người cũng bị thổi bay. Bạn đọc câu Chú nầy, thì sẽ tiêu trừ được nạn gió.

“Sáu trời dục giới đủ năm tướng suy”: Khi thọ mạng của người trời hết, thì sẽ hiện ra năm tướng suy. Năm tướng suy là:

1. Hoa trên đầu héo.
2. Quần áo dơ bẩn.
3. Hai nách ra mồ hôi.
4. Thân thể toả mùi hôi.
5. Đứng ngồi không yên.

“Trời Tam Thiền vẫn còn có nạn gió”: Trời Tam Thiền, tức là ly hỉ diệu lạc địa, vẫn còn có nạn gió. Trời Tứ Thiền, là xả niệm thanh tịnh địa, không còn ba nạn. Trời Sơ Thiền là ly sinh hỉ lạc địa, còn phải thọ nạn lửa. Trời Nhị Thiền là định sinh hỉ lạc địa, còn phải thọ nạn nước.

“Nếu bạn tu đến trời Phi Phi Tưởng, chẳng bằng đi về cõi Tây Phương”: Dù bạn tu đến cõi trời Phi Phi Tưởng (cõi trời cao nhất Vô Sắc giới), cũng chẳng bằng đi về cõi Tây Phương Cực Lạc thế giới, trở lại con thuyền từ bi, đến thế giới nầy để giáo hoá chúng sinh.

237. Tỳ sa bà dạ

Dịch: Trừ nạn độc.

Kệ:
Thử Chú năng trừ chư độc dược
Thảo mộc hoá học hại nhân giả
Nhất thiết sở hữu giai bình an
Ly khổ đắc lạc hựu giải thoát.

Nghĩa là:
Chú nầy hay trừ các thuốc độc
Cỏ cây hoá học hại hành giả

Tất cả hết thảy đều bình an
Lìa khổ được vui lại giải thoát.

Giảng giải: Câu Chú nầy là trừ thuốc độc, thường tụng thì sẽ không bị trúng độc, bất cứ độc gì cũng có thể giải hết. Có người đã từng ăn mười mấy cái nấm độc, tôi bèn niệm câu Chú nầy để giải độc cho anh ta, chẳng những anh ta giải được chất độc của nấm, mà các chất độc khác, cũng được giải luôn. Nếu bạn hay niệm câu Chú nầy, thì sẽ giải trừ được chất độc, nếu bạn không biết dùng, thì cũng giống như hạt bảo châu trong túi áo mà bạn chẳng biết, thì sẽ không có ích lợi gì, cho nên nói "Chú nầy trừ được các thuốc độc".

"Cỏ cây hoá học hại hành giả": Cỏ cây có chất gì độc, có hại đối với con người, khi bạn trì Chú nầy, thì thuốc độc sẽ hoá thành cam lồ.

"Tất cả hết thảy đều bình an": Bạn tụng câu Chú nầy, thì hết thảy chất độc đều chẳng có vấn đề gì, chất độc đều chẳng hại được bạn.

"Lìa khổ được vui lại giải thoát": Bạn sẽ lìa khổ được vui, lại đắc được giải thoát.

238. Xá tát đa ra bà dạ

Dịch: Trừ nạn đao.

Kệ:
Thiện lợi chúng sinh Kim Cang Thần
Biện tài vô ngại tức đao phong
Nữu giới gia toả quân giải thoát
Tiêu tai miễn nạn chỉ phân tranh.

Nghĩa là:
Thần Kim Cang khéo lợi chúng sinh
Biện tài vô ngại dứt đao nhọn
Gông cùm xiềng xích đều mở trói
Tiêu tai khỏi nạn hết phân tranh.

Giảng giải: Câu Chú nầy trừ được nạn đao, bao quát súng đạn, đạn nguyên tử. Nếu bạn thường tụng Chú nầy, thì sẽ giải trừ được những nạn nầy. Dùng gì để giải trừ? Là dùng sức lực của Kinh và Luận hai tạng nầy để giải trừ nạn đao. Cho nên nói: "Thần Kim Cang khéo lợi chúng sinh". Câu Chú nầy dịch ra là "Khéo lợi chúng sinh", khéo lợi ích tất cả chúng sinh, tức cũng là ở trong trần lao làm Phật sự, dùng đủ thứ pháp môn đều hợp thời, hợp lúc, để lợi ích tất cả chúng sinh. Ai lợi ích tất cả chúng sinh? Thần Kim Cang hộ Chú và Thần Chú,

các Ngài vì thuở xưa phát nguyện, nếu có người tụng Chú Lăng Nghiêm, thì sẽ bảo hộ người đó, trừ tất cả nạn đao.

"Biện tài vô ngại dứt nạn đao": Ngài lại có đủ biện tài vô ngại, có thể dứt trừ đao thương cung tên mười tám thứ binh đao.

"Gông cùm xiềng xích đều mở trói": Dù bị gông cùm, còng tay, xiềng xích, tụng lên câu Chú nầy, thì sẽ được mở trói.

"Tiêu tai khỏi nạn hết phân tranh": Niệm câu Chú nầy, thì tai cũng tiêu, nạn cũng không còn, phân tranh cũng hết.

239. Bà ra chướt yết ra bà dạ

Dịch: Trừ nạn binh.

Kệ:
Luận nghĩa tác pháp chuyển diệu luân
Kim Cang đại tướng tức chiến phân
Quân du thính mệnh cán qua chỉ
Binh nhung giải giáp khánh thăng bình.

Nghĩa là:
Chuyển diệu pháp luân nói pháp mầu
Kim Cang đại tướng dứt chiến tranh
Quân lính vâng lệnh ngừng gươm đao
Buông bỏ binh khí hưởng thái bình.

Giảng giải: Câu Chú nầy trừ được tất cả nạn binh. Binh tức là quân đội, không gặp nạn quân đội. Quân đội đi các nơi đàn áp người dân, có người bị giết, có người bị đánh chết, đến nhà người dân đàn áp là thuộc về nạn binh. Do đó, đao binh nước lửa ôn dịch hoành hành, đều thuộc về nạn binh nầy.

Câu Chú nầy cũng có thể dịch là « Luận nghĩa », cũng dịch là « Luận chiến », còn dịch là « Yết ma », tức là tác pháp. Kệ nói là chuyển diệu pháp luân nói pháp mầu. Bồ Tát Kim Cang Tạng luận nghĩa, tác pháp, chuyển bánh xe diệu pháp.

"Kim Cang đại tướng dứt chiến tranh": Một khi Kim Cang đại tướng hiện đại thân hình, thì quân đội hai bên đều sợ hãi, khiến cho họ không dám tác chiến, ngừng chiến tranh hận thù.

“Quân lính vâng lệnh ngừng gươm đao”: Quân đội đều vâng lệnh, hạ lệnh nói không đánh, không tác chiến, buông bỏ vũ khí gươm đao cung tên xuống hết.

“Buông bỏ binh khí hưởng thái bình”: Vì không tác chiến nữa, nên áo giáp cũng không dùng nữa, cũng cởi ra. Do đó có câu:

“Đao thương nhập khố, ngựa phóng nam sơn”.

Nghĩa là:

Gươm đao bỏ vào kho, ngựa thả ra đồng ăn cỏ.

Thái bình thịnh thế, thế giới không còn chiến tranh. Nếu muốn thế giới không còn chiến tranh, thì phải thường đọc câu Chú nầy, sẽ có cảm ứng, khiến cho chiến tranh lớn, hoá thành nhỏ, chiến tranh nhỏ, hoá thành không, được như thế thì lợi ích thế giới, cũng lợi ích tất cả mọi người.

Hỏi: Thế nào gọi là biện tài vô ngại?

Đáp: Biện tài tức là biện luận, như nước chảy không ngừng, suối nguồn chảy hoài, lời nói càng nói càng hay, không có đạo lý cũng nói thành có đạo lý, đôi bên ai nghe cũng không có tâm tác chiến, không đánh nhau. Biện tài là nói có lý lẽ, có đạo lý, nói ra những điều khiến cho người thích nghe, không làm cho họ nhàm chán, đây gọi là biện tài.

Hỏi: Những gì mình không muốn, đừng bố thí cho người khác, có phải là ý nghĩa những gì mình muốn, bố thí cho người khác?

Đáp: Việc mình không muốn, đừng đẩy qua cho người khác. Mình không muốn người khác mắng chửi mình, đánh mình, đàn áp mình, thì mình cũng đừng mắng chửi người, đừng đánh người, đừng đàn áp người. Đây tức là những gì mình không muốn, đừng bố thí cho người khác. Nếu những việc mình hoan hỉ, thì phải nhìn xem những việc đó có đúng hay không đúng. Ví dụ, bạn thích hút nha phiến, hút ma tuý, cũng cho người khác hút nha phiến, hút ma tuý. Đây là vừa hại người, vừa hại mình, chẳng phải việc mình hoan hỉ là đúng, phải suy nghĩ xem việc đúng, hay không đúng.

240. Đột sắc xoa bà dạ

Dịch: Trừ nạn đói khát.

Kệ:
Năng trì giới pháp ly khổ ách
Trừ cơ cẩn nạn đắc giải thoát

Thủ hộ Kim Cang oai thần lực
Bần cùng đống nỗi tất phục hoạt.

Nghĩa là:
Hay giữ giới pháp lìa khổ ách
Trừ nạn đói khát được giải thoát
Oai thần lực Kim Cang giữ gìn
Nghèo cùng đói rét đều sống lại.

Giảng giải: Sức lực của câu Chú nầy, có thể trừ khử nạn đói khát. Đói khát tức là chẳng có cơm ăn. Bài kệ nói: "Hay giữ giới pháp lìa khổ ách", nếu bạn hay giữ giới, thì khổ nạn gì cũng đều lìa khỏi. Do đó, "Gặp hung hoá cát, gặp nạn sẽ cát tường". Thuở xưa Ngài phát nguyện, bất cứ ai giữ giới của Phật, thì Ngài đều khiến cho người đó, đều xa lìa tất cả khổ ách, cho nên nói: "Hay giữ giới pháp lìa khổ ách", không có bất cứ ách nạn nào.

"Trừ nạn đói khát được giải thoát": Trừ được nạn đói khát, đắc được giải thoát.

"Oai thần lực Kim Cang giữ gìn": Thủ hộ Kim Cang có đại oai thần lực.

"Nghèo cùng đói rét đều sống lại": Người nghèo cùng, chẳng có quần áo mặc, chẳng có cơm ăn, đều xa lìa tất cả tai nạn, đều được bình an.

241. A xá nễ bà dạ

Dịch: Trừ nạn sấm sét.

Kệ:
Vô hữu chướng ngại Không Thần danh
Miễn trừ lôi điện bố uý hành
Luận nghĩa giáo thuyên tiêu tai nạn
Đại Phật đảnh thủ Lăng Nghiêm văn.

Nghĩa là:
Tên Thần Không chẳng có chướng ngại
Tránh khỏi sấm sét và sợ hãi
Luận giáo nghĩa nói tiêu tai nạn
Đại Phật đảnh thủ Chú Lăng Nghiêm.

Giảng giải: Câu Chú nầy hay trừ nạn sấm sét, không bị sấm sét đánh chết. Trung Quốc có câu nói rằng: "Thiên đả lôi phách, ngũ lôi sầm đảnh". Nếu bạn khinh sư diệt tổ, thì sẽ gặp nạn ngũ lôi, thấy có lợi hại chăng! Ngũ lôi chẳng phải là nói năm cái sấm, mà là nói về kim, mộc, thuỷ, hoả, thổ. Bị cây đánh

chết là mộc lôi. Bị lửa thiêu chết là hoả lôi. Bị nước ngập chết là thuỷ lôi. Bị thổ chôn là thổ lôi. Bị cây sắt đánh chết là kim lôi. Kim mộc thuỷ hoả thổ, bất cứ lôi gì, nếu bạn cứ làm những việc không giữ quy cụ, thì sẽ chịu những quả báo nầy. Câu Chú nầy dịch là « Lìa có », « Không có », « Vô ngại ». Cho nên hợp lại gọi là "Tên Thần Không chẳng có chướng ngại". A Xá Nễ còn là tên của một vị Thần Không.

"Tránh khỏi sấm sét và sợ hãi": Ngài hay miễn trừ nạn sấm sét, khiến cho bạn không bị sấm sét, không bị nước ngập chìm, không bị lửa thiêu, không bị cây đánh chết, không bị cây sắt đánh chết, tránh khỏi đủ thứ sợ hãi sấm sét. Chúng ta không biết đạo lý ngũ lôi, nói đây là khoa học nói về điện âm, điện dương, không sai, là điện âm, điện dương. Nhưng trong đó cũng có kẻ chủ tể, chứ chẳng phải nó muốn thế nào thì thế ấy. Sấm có Thần Sấm, Sét có Thần Sét. Các Ngài đều là Kim Cang.

"Luận giáo nghĩa nói tiêu tai nạn": Luận nghĩa tức là đạo lý, bạn minh bạch giáo lý, thì sẽ thay đổi tất cả hành vi hung ác, cho nên tai nạn gì cũng đều trừ khử sạch.

"Đại Phật đảnh thủ Chú Lăng Nghiêm": Nhờ gì mà tiêu trừ tai nạn nầy? Đó là nhờ linh văn vi diệu của Đại Phật Thủ Lăng Nghiêm Thần Chú.

Bắt đầu từ hội thứ ba Chú Lăng Nghiêm: "**Ra xà bà dạ. Chủ ra bà dạ. A kỳ ni bà dạ. Ô đà ca bà dạ. Tỳ xa bà dạ. Xá tát đa ra bà dạ. Ba ra chướt yết ra bà dạ. Đột sắc xoa bà dạ. A xá nễ bà dạ**": Mỗi câu Chú đều là trừ tai nạn. Sức lực của Chú Lăng Nghiêm không thể nghĩ bàn, là Thần Chú linh nhất, diệu nhất không thể nghĩ bàn.

242. A ca ra

Dịch: Trừ nạn hoành tử phi mạng.

Kệ:
Hoành tử phi mạng thái bi thương
Lục hải không nạn bất thắng phòng
Tối thượng niệm tụng trừ tai chướng
Kim Cang đại tướng độ thập phương.

Nghĩa là:
Hoành tử chết yểu quá bi thương
Nạn trên không đất biển chẳng tránh được

Niệm tụng Chú nầy trừ tai chướng
Kim Cang đại tướng độ mười phương.

Giảng giải: Câu Chú nầy hay trừ nạn hoành tử phi mạng. Thế nào là hoành tử? Như ở trước có nói, do ngũ lôi mà chết. Ở trên đất bị tai nạn xe mà chết, ở trên biển thì bị tai nạn ghe thuyền, ở trên không thì bị tai nạn máy bay. Tóm lại, chết chẳng biết trước được, đều gọi là hoành tử (chết bất đắc kỳ tử), tức cũng là chết chẳng tự nhiên, chết ngoài ý muốn, con người đều chẳng muốn chết như thế. Phi mạng tức là đoản mạng (chết yểu), tức cũng là mạng sống ngắn ngủi, cho nên nói: “Hoành tử chết yểu quá bi thương”, cách chết nầy khiến cho con người quá bi thương thống thiết.
“Nạn trên không đất biển chẳng tránh được”: Thứ tai nạn nầy không đề phòng được, cũng có thể nói là ngoài ý muốn. Nhưng nếu hay tu trì Chú Lăng Nghiêm vô thượng nầy, luôn luôn tụng trì tu hành, thì tất cả tai nạn đều tiêu trừ hết, cho nên nói “Niệm tụng Chú nầy trừ tai chướng”.
“Kim Cang đại tướng độ mười phương”: Nguyện lực của Kim Cang đại tướng quân, Ngài độ khắp chúng sinh trong mười phương.

243. Mật rị trụ bà dạ

Dịch: Trừ nạn hoành tử phi mạng.

Kệ:
Vị tằng hữu pháp diệu nan ngôn
Nhất thiết ý ngoại tất an toàn
Kim giáp thiên thần mặc hộ hữu
Thưởng thiện phạt ác ái bất thiên.

Nghĩa là:
Pháp chưa từng có diệu khó tả
Tất cả tai nạn đều an toàn
Thiên thần mặc giáp thầm bảo hộ
Thưởng thiện phạt ác chẳng thiên vị.

Giảng giải: “Pháp chưa từng có diệu khó tả”: Pháp nầy khó gặp, khó thấy được, rất là hi hữu, cho nên gọi là pháp chưa từng có, diệu không thể tả, không thể nghĩ bàn.
“Tất cả tai nạn đều an toàn”: Hay tu pháp nầy, thì tất cả tai nạn gì cũng chẳng có, đều được an toàn.
“Thiên Thần mặc giáp thầm bảo hộ”: Thiên Thần mặc áo giáp bảo hộ bạn trong sự âm thầm.

"Thưởng thiện phạt ác chẳng thiên vị": Ngài đối với tất cả mọi người đều bình đẳng, chẳng ích kỷ, chẳng thiên vị. Chúng ta phải làm các điều lành, đừng làm các điều ác, thì Thần Kim Cang hộ pháp sẽ luôn bảo hộ bạn.

244. Đà la ni bộ di kiếm

Dịch: Đắc được sức tổng trì. Trừ tất cả nạn tai hại.

Kệ:
Ngã kim quy mạng đại tổng trì
Kiên Lao Địa Thần bất thất thời
Năng trừ tất cả tai hại nạn
Tốc chứng vô sanh đạo tâm trực.

Nghĩa là:
Con nay quy mạng đại tổng trì
Kiên Lao Địa Thần chẳng thất thời
Hay trừ tất cả nạn tai hại
Sớm chứng vô sanh đạo tâm thẳng.

Giảng giải: Đà la ni là tiếng Phạn, hết thảy Chú đều là tiếng Phạn. Câu Chú nầy hay trừ tất cả tai hại. Tuy nói như thế nào, nhưng người trì Chú thân tâm phải thanh tịnh. Thân không phạm nghiệp giết, trộm, dâm. Ý không khởi nghiệp tham, sân, si. Miệng không nói dối, nói hai lưỡi, nói thêu dệt, chửi mắng. Ba nghiệp thanh tịnh rồi, thì mới gọi là tổng trì. Nếu ba nghiệp không thanh tịnh, thì không gọi là tổng trì.
Tuy không thể nói họ tụng Chú hoàn toàn không có cảm ứng, nhưng sức lực cảm ứng ít lại càng ít, chứ chẳng phải do Chú không linh nghiệm, mà do ba nghiệp của họ không thanh tịnh. Ba nghiệp thanh tịnh rồi, thì còn phải cần chuyên nhất. Do đó có câu: "Chuyên nhất thì linh, phân chia thì tán". Hay chuyên nhất, thì tất cả Chú đều là linh văn, đều là diệu ngữ. Không thể chuyên nhất, thì dù linh văn cũng chẳng linh, diệu ngữ cũng chẳng diệu, càng không thể cảm ứng đạo giao.

Tôi tả bốn câu kệ, chẳng có căn cứ gì, giảng như thế nào cũng đều được, niệm như thế nào cũng đều được, vì "không có pháp nhất định". Không có nhất định, mà muốn giảng thành nhất định, đó tức là pháp chết, chẳng phải là pháp sống. Tôi giảng đều là pháp sống. Vì chúng ta đều là người sống, người sống thì phải dùng pháp sống, không dùng pháp chết. Học Phật cũng giống như ăn cơm, ăn nhiều một chút cũng được, ăn ít một chút cũng được. Đừng no quá, cũng đừng đói quá.

Tổng trì là “Tổng tất cả pháp, trì vô lượng nghĩa”. Pháp gì cũng đều bao quát bên trong hết, nghĩa gì cũng đều thọ trì hết. Tổng trì cũng giống như tay lái của chiếc xe, cũng giống như tổng thống của một nước, lãnh đạo chính trị của một nước. Theo Phật pháp mà nói, thì quy nạp tất cả pháp lại một nơi, gọi là tổng trì. Tổng tức là “Vạn thù quy về một gốc”, trì tức là “Một gốc tán làm vạn thù”, tức cũng là đem hết thảy chúng sinh đều quy về Vạn Phật Thánh Thành, Vạn Phật Thánh Thành lại hoá ra hết thảy chúng sinh, đây tức là tổng trì, như vậy các vị sẽ hiểu đại khái! Nếu vẫn còn chưa hiểu, thì tôi không còn cách nào khác.

Có người nói: “Tôi chưa từng nghe qua người nào giảng pháp như thế”! Nếu có người đã giảng rồi, mà tôi giảng lại nữa, thì đó giống như rang cơm nguội, chẳng có ý nghĩa gì hết. Giống như tin tức của người kia đăng lên, bạn lại đăng lên nữa. Tóm lại, đó là phần tử lạc hậu. Đó là đại ý tổng trì, tôi đã nói rõ ràng rồi. Nếu các vị muốn tổng trì, thì tâm phải chuyên nhất, chuyên nhất tức là quy mạng. “Con nay quy mạng”, chẳng phải là kêu người khác quy mạng, với mình chẳng có liên quan gì, do đó “Mình ăn cơm thì mình no, sinh tử của mình tự mình lo”. Hiện tại tụng trì Chú Lăng Nghiêm, thì nghiệp của mình phải thanh tịnh, tâm phải chuyên nhất.
“Kiên Lao Địa Thần chẳng thất thời”: Kiên Lao Địa Thần đã từng phát nguyện trong quá khứ, ai tụng Đà la ni nầy, thì Ngài sẽ bảo hộ họ, khiến cho họ toại tâm như ý, ra vào đều bình an, chẳng có tất cả tai nạn gì. Kiên Lao Địa Thần chẳng thất thời, thất thời tức là bỏ qua cơ hội, khi bạn gặp tai nạn, thì Ngài không ngủ đâu, Ngài chẳng giống như chúng ta, chuyên môn ăn rồi ngủ, hỏi đến vấn đề gì, cũng đều nói không biết. Kiên Lao Địa Thần lúc nào cũng nghĩ đến mỗi chúng sinh, như có vấn đề gì phát sinh, thì Ngài tuỳ thời tuỳ lúc, đều bảo hộ, nhưng phải tụng Chú Lăng Nghiêm.

“Hay trừ tất cả nạn tai hại”: Bất cứ tai nạn gì, tụng Đà la ni nầy, thì đều trừ khử hết.
“Sớm chứng vô sanh đạo tâm thẳng”: Làm thế nào mới trừ được tất cả tai nạn? Làm thế nào mới chứng được vô sanh? Tức là mấy chữ nầy: “Tâm thẳng là đạo tràng”: Tu đạo phải có tâm ngay thẳng, đừng có tâm quanh co, đừng có cho rằng người khác lường gạt bạn. Dù người khác có lường gạt bạn, thì cũng phải học chịu thiệt thòi, nhẫn nại, đừng biện luận, cũng đừng trốn tránh. Bạn nói: “Như vậy làm sao tôi chịu được”! Nói thật với bạn: “Đức Phật làm thế nào mà thành Phật, tức là chịu thiệt thòi mới thành Phật, chứ chẳng phải chiếm tiện nghi của người khác, cứ nghĩ muốn lợi mình, chẳng lợi người.

Kỳ thật, chiếm tiện nghi của người khác, tức là làm ăn bị lỗ vốn. Bạn không thể chịu thiệt thòi, thì tâm bạn chẳng ngay thẳng được, không thể vào đạo tràng.

Tâm thẳng là đạo tràng, thì chẳng có tâm quanh co, nhưng cũng đừng cố ý chịu thiệt thòi. Ví như người khác vốn đối với mình tốt, nhưng mình cố ý tìm cách quanh co làm cho họ chịu thiệt thòi, như vậy là sai, đó chẳng phải là tâm ngay thẳng. Tâm ngay thẳng là phải tự nhiên, cảm ứng đạo giao, đừng đi tìm tòi, nếu bạn cố ý đi tìm tòi, như vậy cũng sai. "Đạo", tức là tại chỗ nầy, tu hành được tại chỗ nầy, thì bạn phải rõ lý, minh bạch đạo lý rồi, thì mới tu được.

245. Ba già ba đà bà dạ

Kệ:
Kim ngân sa thạch thổ mộc độc
Tụng trì thần Chú biến cam lồ
Hộ thọ tối thượng kim cang ký
Bồ Tát vi hữu đức bất cô.

Nghĩa là:
Độc vàng bạc sỏi đá đất cây
Tụng trì thần Chú biến cam lồ
Được chư Phật thọ ký kim cang
Bồ Tát làm bạn chẳng cô độc.

Giảng giải: Câu nầy với câu trên vốn liên quan với nhau, cho nên cũng có tác dụng trừ tất cả tai nạn. Trừ tai nạn thì ở trong sự bất tri bất giác có độc gì cũng đều hoá giải hết. Giống như năm ngoái, có vị cư sĩ nọ ăn nhầm nấm độc, nhà thương đều nói không cứu được, sau đó thì chuyển nguy thành an, chết biến thành sống lại, đây đều nhờ sức lực của Chú, cũng là nhờ sức lực của đạo đức, câu chuyện nầy các vị đều đã tận mắt thấy qua, nếu vẫn còn không tin, thì Phật cũng không độ được bạn!

"Độc vàng bạc sỏi đá đất cây": Vàng cũng có độc, bạc cũng có độc, sỏi cũng có độc, đá cũng có độc, cây cỏ cũng có độc. Nếu bạn đụng vào cây cỏ độc, thì toàn thân đều sưng lên, thậm chí tánh mạng cũng khó giữ.

Tôi nhớ có một lần nọ, trong sự vô ý tôi hái một cây cỏ độc để làm thuốc, làm cho hai đệ tử đều bị trúng độc, còn đối với tôi cỏ độc đó chẳng phát sinh tác dụng, tôi cũng chẳng bị trúng độc, không bị đau, cũng không bị sưng, đây đều nhờ sự cảm ứng của Chú. Đều hoá giải được tất cả độc vàng bạc sỏi đá cây, cho nên nói: "Tụng trì Thần Chú biến cam lồ": Nếu bạn hay tụng trì Chú Lăng Nghiêm, thì chất độc biến thành cam lồ, nhưng như thế bạn vẫn cần phải hiểu sự tác dụng, minh bạch cách dùng như thế nào.
Cho nên hiện tại tôi muốn giảng giải Chú Lăng Nghiêm, mỗi một câu Chú, các

vị đều nên đặc biệt chú ý, đừng xem nó là việc bình thường. Đây là diệu pháp trăm ngàn vạn kiếp khó gặp được. Hoặc các vị cho rằng trên thế giới có rất nhiều người giảng Chú Lăng Nghiêm, kỳ thật, chẳng có ai giảng, người khác nghe được giảng giải Chú Lăng Nghiêm còn không dám tin. Có người sẽ giảng, nhưng nghĩa lý chân chánh trong Chú Lăng Nghiêm sợ rằng họ còn không minh bạch. Vậy, bạn hỏi tôi có hoàn toàn biết hết chăng? Tôi cũng hoàn toàn không biết, nhưng biết được chút chút, nên mới đem sự hiểu biết chút chút nầy, dùng kệ để giải thích Chú Lăng Nghiêm. Nếu các bạn muốn học Phật pháp, nên nhớ đừng bỏ qua cơ hội nầy.

Tại Hương Cảng, tôi có hơn hai mươi vị đệ tử, mỗi ngày đến tối, muốn thỉnh cầu tôi giảng Chú Lăng Nghiêm, cuối cùng tôi cũng không đáp ứng. Đến nước Mỹ rồi, lần đầu tiên tôi giảng Kinh Lăng Nghiêm trong vòng chín mươi sáu ngày. Kế tiếp giảng Kinh Pháp Bảo Đàn, Kinh Kim Cang, Kinh Pháp Hoa, Kinh Địa Tạng. Sau đó giảng Kinh Hoa Nghiêm mất hết chín năm rưỡi mới giảng xong, tôi vốn dự định giảng mười năm mới xong bộ Kinh Hoa Nghiêm, nhưng vì hiện tại là thời đại hoả tiễn, cho nên hoàn thành sớm hơn nửa năm. Khi giảng xong bộ Kinh Hoa Nghiêm, tôi không muốn giảng Kinh gì nữa hết. Hiện tại các vị lại yêu cầu tôi giảng Chú Lăng Nghiêm, tôi cũng không ngại đem sự hiểu biết của tôi giảng cho các vị nghe, đây là nhân duyên giảng Chú Lăng Nghiêm, cũng là không thể nghĩ bàn. Các vị mỗi một câu, một chữ, đều đừng xem nhẹ coi thường. Tôi không biết các vị mọi người nghe như thế nào, còn sự giảng giải của tôi tuyệt đối không cẩu thả cho qua loa được.

Các vị đừng có hỏi: "Hôm nay sư phụ có giảng Kinh không"? Ngoại trừ tôi không đến, đã đến thì nhất định giảng. Tôi không giảng Kinh, thì không ăn cơm, giảng Kinh rồi, thì cũng chỉ ăn no tám phần thôi, cũng không ăn no quá. Ăn no nê quá sẽ béo mập, thành hoà thượng mập, ăn ít lại một chút chẳng phải tốt hơn chăng, tin rằng chẳng những tôi ăn ít lại một chút, mà những người ở tại Vạn Phật Thành cũng đều ăn ít lại một chút, đều đói nhưng không đến nỗi nào, chúng ta dù không có cơm ăn, cũng chẳng quan trọng, không có y phục mặc, cũng chẳng quan hệ, không ngủ cũng chẳng có vấn đề, đừng coi nặng vấn đề ăn, mặc, và ở.

Tụng trì Chú Lăng Nghiêm, thì tất cả các thứ độc, đều không còn độc nữa, kỳ quái không còn kỳ quái nữa. Chúng ta đã thấy vị cư sĩ đó ăn hơn mười cái nấm độc, bao tử đã bị nát, còn đen thui nữa, lưỡi cũng biến thành màu đen, con mắt thì biến thành màu vàng, hiện tại thì vẫn bình thường. Chuyện nầy bạn còn không tin, thì thật là "niềm tin không đủ", làm nhất xiển đề.
"Được chư Phật thọ ký kim cang": Bạn tụng Chú nầy, thì mười phương chư

Phật bèn thọ ký cho bạn, thọ ký kim cang, thì bất cứ thứ độc gì, cũng không làm hại bạn được. Trong Chứng Đạo Ca có nói: "Dù gặp đao nhọn thường bình thản, uống nhầm thuốc độc cũng nhàn nhàn". Uống nhầm thuốc độc cũng chẳng có quan hệ gì, độc chẳng hại, độc chẳng chết.
"Bồ Tát làm bạn chẳng cô độc": Bồ Tát làm bạn với bạn, suốt ngày đến tối Bồ Tát nghiên cứu Phật pháp với bạn, bạn nói có tốt chăng! Thân thể của Bồ Tát lúc nào cũng toả ra mùi thơm, chẳng giống như thân thể phàm phu, hôi không chịu được, nhất là có một số người Mỹ, hôi chịu không thấu. "Đức bất cô tất hữu lân": Tức là có Bồ Tát đến làm bạn với bạn, bạn sẽ cảm thấy chẳng cô đơn. Bạn còn không tin, không tin thì hãy thử xem. Tôi cũng không cần bạn tin, tôi là Everything is Ok. Kỳ thật, bạn tin cũng tốt, không tin cũng tốt. Hôm nay bạn không tin, thì tôi đợi ngày mai. Ngày mai không tin, thì tôi đợi ngày mốt. Giống như những người Cơ Đốc Giáo, Thiên Chúa Giáo, thời gian lâu dài, hết thuở vị lai, một ngày nào đó, họ cũng sẽ tin Phật, vì họ không có cách nào chạy thoát ra khỏi pháp giới được, nhất định tôi sẽ đợi được, ngoại trừ tôi không có tâm nhẫn nại, nếu tôi có tâm nhẫn nại, thì ai cũng chạy không khỏi.

246. Ô ra ca bà đa bà dạ

Dịch: Trừ nạn hiểm trở.

Kệ:
Lý hiểm như di diệu nan ngôn
Đại hi hữu pháp tự dũng tuyền
Bổn hữu nhân duyên cô khởi tụng
Cát tinh thường chiếu giải đảo huyền.

Nghĩa là:
Đường đi thoát hiểm diệu khó tả
Pháp đại hi hữu tựa suối vọt
Bổn sự nhân duyên cô khởi tụng
Sao cát thường chiếu mở treo ngược.

Giảng giải: Sức lực của câu Chú nầy, hay trừ nạn hiểm trở. Hiểm tức là nguy hiểm, trở tức là trở ngại. Tất cả tai nạn nguy hiểm đều có thể trừ, cho nên nói kệ rằng: "Đường đi thoát hiểm diệu khó tả": Đi bộ dù gặp bất cứ chỗ nào nguy hiểm, cũng đều được bình an. Chỗ diệu của câu Chú nầy, nói không hết được, không thể nào dùng lời lẽ nói hết được.
"Pháp đại hi hữu tựa suối vọt": Pháp đại hi hữu nầy, từ trước đến nay chưa từng có, như suối chảy bất tận.

“Bổn sự nhân duyên cô khởi tụng”: Mười hai bộ Kinh có Bổn Sự, Nhân Duyên, lại có Cô Khởi tụng. Bổn Sự tức là những đời quá khứ của đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Nhân Duyên tức là đủ thứ nhân duyên. Cô Khởi tụng tức là chẳng có quan hệ gì với Kinh văn phía trước, đột nhiên dùng bài kệ tụng, như Kinh Pháp Cú. Mười hai bộ Kinh bao quát:

“Trường hàng trùng tụng cập thọ ký
Cô khởi vô vấn nhi tự thuyết
Nhân duyên ví dụ cập bổn sự
Bổn sanh phương quảng vị tằng hữu
Luận nghị cộng thành thập nhị bộ
Quảng như đại luận tam thập tam”.

Đọc tụng mười hai bộ Kinh đủ thứ kệ tụng nầy, thì sực lực công hiệu trừ được tất cả nạn nguy hiểm.
“Sao cát thường chiếu mở treo ngược”: Lúc nầy sao cát tường trên cao chiếu xuống, tất cả khổ treo ngược đều giải trừ hết.

247. Lặc xà đàn trà bà dạ

Dịch: Trừ nạn rắn độc.

Kệ:
Độc xà nguyên hiết giảo hại thương
Bảo trượng hàng phục miễn tai ương
Cam lồ nhuận trạch kiết quyết chúng
Đồng vãng vô sanh Cực Lạc bang.

Nghĩa là:
Rắn độc bò cạp cắn hại người
Gậy báu hàng phục khỏi tai ương
Cam lồ thấm nhuần chúng sâu bọ
Cùng về Cực Lạc chứng vô sanh.

Giảng giải: Lặc Xà là tên của loài rắn. Đàn Trà là gậy báu. Câu Chú nầy hay trừ nạn rắn độc.
“Rắn độc bò cạp cắn hại người”: Rắn độc, hoặc bò cạp cắn người, nhưng Chú Lăng Nghiêm có cây gậy báu, giống như cây Dược Vương, chuyên môn cứu tất cả độc, cho nên đều giải trừ được rắn độc, cho nên nói: “Gậy báu hàng phục khỏi tai ương”. Tất cả tai ương, tai nạn rắn độc đều khỏi.
“Cam lồ thấm nhuần chúng sâu bọ”: Cam lồ hay thấm nhuần tất cả ngạ quỷ,

sâu bọ ở trong loài quỷ rất là lợi hại, tâm rất tham, là phần tử xấu. Quỷ độc hại nầy tức là quỷ rắn độc, chúng cũng hay phóng độc, cũng hay hại người, có những nơi có mùi vị rất là hôi thúi, là do có rắn độc, hoặc thứ quỷ sâu bọ nầy phóng độc ra.
"Cùng về Cực Lạc chứng vô sanh": Chúng được nước cam lồ thấm nhuần, đều cùng chứng vô sanh, vãng sinh về cõi Cực Lạc, không còn hại người nữa.

Hỏi: Người tại gia có cần tụng Tỳ Ni nhật dụng không?
Đáp: Người xuất gia chắc chắn phải thuộc lòng Tỳ Ni nhật dụng, còn người tại gia tụng, hay không tụng đều được.

Hỏi: Phật chế Tỳ Kheo đầu hôm đi kinh hành ngồi thiền, giữa đêm ngủ nghỉ, cuối đêm đi kinh hành ngồi thiền, là những giờ nào?
Đáp: Trời bắt đầu tối, từ 6 giờ đến 10 giờ là đầu hôm. 11 giờ đến 2 giờ là giữa đêm. 3 giờ đến 6 giờ là cuối đêm.

Hỏi: Vương hiếu tử tu kim cang bất hoại thân, là tu như thế nào?
Đáp: Từ từ tu, có phải mới biết chữ là muốn làm trạng nguyên ?

Hỏi: Trong Kinh Kim Cang có nói: "Tất cả Thánh Hiền đều dùng pháp vô vi mà có sự khác biệt, nghĩa như thế nào?
Đáp: "Vô vi" tức là ngủ nghỉ, mà "có sự khác biệt" tức ăn cơm. Tức là ăn cơm ngủ nghỉ, ngủ nghỉ ăn cơm, những việc khác cũng không làm, bạn nói diệu hay không diệu. Tất cả Thánh hiền bao quát tất cả chư Phật, tất cả Bồ Tát trong đó. Thế nào là "vô vi"? Vô vi là kêu bạn đừng đi làm việc phạm giới, "mà vô bất vi", phàm là việc hợp với giới luật, thì phải đi làm, "khác biệt", tức là nói về hợp với giới luật và không hợp với giới luật, đây là nói về bước đầu học Phật.

Hỏi: Nghe nói rằng, người tu hành "Đói thì ăn cơm, mệt thì đi ngủ", như vậy có gì khác với phàm phu?
Đáp: Công phu đến nhà rồi, thì nhậm vận tự tại.

248. Na già bà dạ

Dịch: Trừ nạn rồng độc.

Kệ:
Giang hà hồ hải thuỷ trường lưu
Lợi hại tương quan ngũ cốc thu
Long ngư kình ngạc chư tai nạn
Hoá tác cát tường truyền vạn thu.

Nghĩa là:
Sông hồ biển cả nước chảy mãi
Lợi hại tương quan ngũ cốc thu
Rồng cá mập cá sấu các tai nạn
Hoá thành cát tường truyền vạn đời.

Giảng giải: Na Già là tên của Long Vương, Long Vương quản lý tất cả nước, tất cả nước biển cả sông ngòi ao hồ, đều thuộc về Long Vương quản lý. Cho nên nói: "Sông hồ biển cả nước chảy mãi": Nước sông chảy đều có sự nhất định, đều có rồng quản lý.
"Lợi hại tương quan ngũ cốc thu": Nếu nước quá nhiều, hoặc nước quá ít không đủ, thì tất cả vạn vật đều chết. Nếu nước vừa đủ, cũng không nhiều, cũng không ít, thì ngũ cốc sẽ tươi tốt, cho nên mỗi năm mưa xuống đều đặng vừa đủ, thì ngũ cốc sẽ được mùa, thu hoạch sẽ trúng mùa.
"Rồng cá mập cá sấu các tai nạn": Rồng độc, cá mập, cá sấu, đều hay ăn thịt người, nhưng nếu niệm Chú nầy, thì sẽ trừ được tất cả tai nạn. Cho nên nói: "Hoá thành cát tường truyền vạn đời": Tất cả những tai nạn nầy đều chẳng có, đều hoá thành cát tường, thiên thu vạn đời đều các tường.

249. Tỳ điều đát bà dạ

Dịch: Trừ nạn điện sẹt

Kệ:
Phương quảng thiên thụ thiện điều phục
Tấn lôi phong nhiên mãnh trà độc
Băng tuyết thiểm điện thành tai hại
Kim Cang giới thần cứu vô cô.

Nghĩa là:
Phương quảng thiên thụ khéo điều phục
Sấm sét gió mạnh đốt cháy trà độc
Băng mưa đá điện sẹt thành tai hại
Kim cang giới thần cứu vô tội.

Giảng giải: Tỳ Điều Đát dịch là « Phương quảng », lại dịch là « Thiên thụ », « Thiên nhiệt », « Khéo điều phục » v.v... Cho nên nói: "Phương quảng thiên thụ khéo điều phục".
"Sấm sét gió mạnh đốt cháy trà độc": Sấm chớp sét đánh, đốt cháy, gió mạnh, đều có thể đánh chết người.
"Băng mưa đá điện sẹt thành tai hại": Mưa đá xuống, điện sẹt, cũng có thể làm

chết người.
“Kim cang giới thần cứu vô tội”: Nếu niệm câu Chú nầy, thì Kim Cang giới thần sẽ bảo hộ vô tội, không bị thọ khổ.

Từ câu Ra Xà Bà Dạ đến câu Tô Ba Ra Noa Bà Dạ, đoạn Chú Lăng Nghiêm nầy, hay trừ tất cả phi tai hoành hoạ. Đủ thứ tai nạn: Nước, lửa, đao binh, trộm cướp, động đất, lốc xoáy, bệnh tật, ôn dịch truyền nhiễm, mà tụng đoạn Chú nầy, thì tất cả tai nạn đều giải trừ. Nhưng bạn phải thường thường niệm, thời khắc đều niệm, lúc nào cũng niệm, đừng khởi vọng tưởng, đừng làm biếng, thì sẽ có đại cảm ứng. Do nhân duyên đó, cho nên trong đạo tràng hằng ngày tụng niệm Chú Lăng Nghiêm, thì sẽ giải trừ tất cả tai nạn. Tất cả tai nạn đều có Thần Kim Cang lo, khi bạn tụng đoạn Chú nầy, thì sẽ xa lìa tất cả tai nạn. Khi gặp tai nạn rất nguy hiểm, thì sẽ được bình an, tai nạn khó tránh khỏi sẽ vượt qua không có vấn đề gì.

Các vị đều biết, có một lần nọ, lão hoà thượng Hư Vân từ Cửu Hoa Sơn xuống núi, muốn đến Chùa Cao Mân đả thiền thất, gặp trời mưa lớn, các nơi đều ngập nước, con sông vốn có cây cầu, nhưng Ngài không biết cây cầu đã bị nước cuốn trôi đi, cho nên đi lội nước qua cầu, đi đến giữa sông, Ngài vẫn không biết cây cầu đã bị gãy, Ngài đi tới thì bị nước cuốn ra giữa sông. Sau đó mắc vào lưới của người đánh cá, và được người đánh cá cứu sống. Đây cũng có thể nói là trừ được nạn nước.

Các vị phải biết! Trừ nạn nước ở đây chẳng phải là nói, mình niệm Chú Lăng Nghiêm rồi, cố ý dùng sức lực của Chú để xem thử nước có ngập chìm làm mình chết không ? Nếu bạn thử như thế, thì chứng minh bạn chẳng thật tin Chú. Nếu bạn tin Chú, thì vốn không nên thử. Bạn thử như thế thì rơi vào có sở tác vi, chẳng phải là vô vi. Chẳng phải “Dùng pháp vô vi mà có sự khác biệt”. Bạn muốn thử thì trong tâm có tư tưởng không tin, bên trong có tính chất đánh bạc, như vậy thì chắc chắn sẽ thua.

Chúng ta hãy dụng công niệm bình thường, trong tình huống khẩn cấp, không còn cách nào khác, thì sẽ trừ được tai nạn. Nếu bạn không tu pháp nầy, thì vốn chẳng có cách nào giải trừ. Chúng ta thấy lão hoà thượng Hư Vân rớt xuống nước một ngày một đêm, mà Ngài cũng không chết, còn được người cứu sống, đây tức là trừ nạn nước, Ngài chẳng có tư tưởng muốn thử nghiệm. Bạn đừng có nghĩ nghe nói Chú Lăng Nghiêm trừ được nạn lửa, bèn đi mua mấy lít xăng đổ ra đốt lên, rồi nhảy vào thử có bị thiêu chết không, như thế thì chắc chắn sẽ bị thiêu chết, cho đến xương cốt cũng không còn. Điểm nầy các vị phải biết, không nên có tâm muốn thử nghiệm, mà là một lòng dụng công tu hành, như vậy thì khi lỡ gặp tai nạn sẽ được qua khỏi.

Giống như hai vị hành giả tam bộ nhất bái, gặp gió lốc, mà chỗ của họ lạy không có gió, còn phía trước, trái phải đều bị gió lốc. Đây tức là dẫn chứng thật tế trừ nạn gió. Và nữa, chỗ khác thì bị mưa, nhưng chỗ của hai vị tam bộ nhất bái, thì hiện ra cái lọng trời vòng tròn, không bị mưa. Đây tức là trừ nạn nước. Và cũng có người dùng đá ném họ, nhưng ném không tới, đây cũng là trừ tai nạn, nhưng hai người họ không có tư tưởng muốn thử nghiệm, đây là sự ứng nghiệm mà chính mắt chúng ta đã trông thấy.

250. Tô ba ra noa bà dạ

Dịch: Trừ nạn chim cánh vàng.

Kệ:
Kim sí điểu nạn diệu liên hoa
Giải thoát túc nghiệp Hằng hà sa
Tích công luỹ đức tu Bát Nhã
Viên mãn bồ đề tảo hồi gia.

Nghĩa là:
Nạn chim cánh vàng diệu liên hoa
Giải thoát nghiệp cũ cát sông Hằng
Tích công bồi đức tu trí huệ
Viên mãn bồ đề sớm giác ngộ.

Giảng giải: Đây là câu cuối cùng của mười sáu câu trừ tất cả tai nạn. Mười sáu câu bắt đầu từ “**Ra xà bà dạ”, đến câu “Tô ba ra noa bà dạ**“, bạn muốn trừ tất cả tai nạn, thì phải luôn luôn niệm mười sáu câu Chú nầy, rất là cảm ứng. Mà một câu Chú nầy là giải trừ nạn chim đại bàng cánh vàng, niệm một câu Chú nầy, thì sẽ không bị chim dữ làm tổn thương, ví như chim ưng hung dữ, thường thường ăn gà con, chim con và tất cả động vật nhỏ. Chim đại bàng cánh vàng cũng là một trong loài chim hung dữ.

“Nạn chim cánh vàng diệu liên hoa”: Tô Ba Ra Noa, dịch là « Diệu liên hoa », là hộ pháp Tây Phương A Di Đà Phật liên hoa bộ. Mọi người đều biết, chim đại bàng cánh vàng chuyên môn ăn rồng. Chúng quạt một cái, thì nước biển cạn khô, loài rồng lộ ra, chúng dùng mỏ đớp một cái, thì giống như chúng ta ăn cơm, đớp một lần mười mấy con rồng. Rồng mà gặp chim đại bàng cánh vàng, thì mềm nhũng, thần thông gì cũng chẳng còn nữa, cũng chạy không được, tại sao vậy? Rồng vốn cũng có thần thông rất lớn, nhưng khi nhìn thấy chim đại bàng cánh vàng, thì kinh hãi đến nỗi thần thông gì cũng không còn nữa, chỉ ở đó chờ làm mồi cho chim cánh vàng. Do đó, con cháu của Long Vương gần

như bị tuyệt chủng, lão Long Vương thần thông lớn hơn một chút, nên trốn thoát được, vẫn chưa bị làm mồi cho chim cánh vàng, bèn đến chỗ đức Phật cầu cứu, đức Phật bèn cho tấm y cà sa, kêu lấy chỉ y cà sa cột lên mỗi thân rồng, thì chim đại bàng cánh vàng không thể ăn được nữa, vì y cà sa là bảo bối của Phật. Sau đó, chim đại bàng cánh vàng không tìm được rồng để ăn, chim đại bàng cánh vàng cũng có thần thông, biết Phật cứu loài rồng, do đó bèn đi đến chỗ đức Phật nói:

"Đức Phật Ngài từ bi cứu loài rồng, nhưng tôi sắp chết đói, không có gì để ăn". Phật bèn nói: "Ngươi phải ăn chay, đừng sát sinh nữa. Sau này đệ tử của ta trước khi ăn cơm, sẽ lấy ít cơm nhường cho ngươi ăn, các ngươi cũng nên ăn chay theo".
Đức Phật bèn dạy các đệ tử của Ngài, về sau trước khi dùng cơm trưa, nên đem bảy hạt cơm cúng cho chim đại bàng cánh vàng. Cho nên thí thực nói:

"Đại bàng kim sí điểu
Khoáng dã quỷ thần chúng
La sát quỷ tử mẫu
Cam lồ tất sung mãn".

Chim đại bàng cánh vàng có thức ăn rồi, không còn bắt rồng ăn nữa, mọi người đều bình an vô sự, cùng sống hoà bình với nhau. Chim đại bàng cánh vàng cũng ăn chay, rồng con rồng cháu cũng đều sinh tồn.
"Giải thoát nghiệp cũ cát sông Hằng": Thuở xưa chúng ta tạo nghiệp e rằng còn nhiều hơn số cát sông Hằng, nhưng khi bạn niệm câu Chú nầy, thì nghiệp chướng nhiều như số cát sông Hằng đều tiêu diệt.

"Tích công bồi đức tu Bát Nhã": Công chẳng phải một sớm một chiều mà làm thành, phải tích luỹ từng chút từng chút. Tuy việc thiện nhỏ, bạn cứ làm, từng chút từng chút sẽ thành nhiều. Bạn làm một lần, hai lần, ba lần, thì sẽ lớn nhiều, cho nên phải tích công. Đức hạnh tức là thường làm việc tốt, giúp đỡ người khác. Sỡ dĩ thế giới chưa đến ngày cuối, là vì còn có người làm đủ thứ công đức. Nếu mọi người đều không biết làm việc tốt, thì thế giới sẽ hoại không. Bạn thấy hiện tại khắp nơi đều có thiên tai nhân hoạ, đây là hiện tượng biểu thị kiếp hoại.

"Viên mãn bồ đề sớm giác ngộ": Tu hành khai mở đại trí huệ, thì đắc được đại giác ngộ, khi đến được chân chánh có đại trí huệ, thì mới có thể trở về cõi "Thường Tịch Quang tịnh độ" cố hương vốn có, sẽ không còn sinh tử trôi nổi khắp nơi bên ngoài.

251. Dược xoa yết ra ha

Dịch: Quỷ giữ hồn.

Kệ:
Dũng kiện bạo ác địa không hành
Đồng loại chủng tộc các đế thính
Thủ hộ hồn quỷ y chánh giáo
Công mãn tam thiên tự siêu sanh.

Nghĩa là:
Dũng kiện bạo ác địa không hành
Đồng loại chủng tộc đều lắng nghe
Quỷ giữ hồn y theo chánh giáo
Công viên quả mãn tự siêu sanh.

Giảng giải: Dược Xoa là tiếng Phạn, có khi viết là Dạ Xoa, Duyệt Xoa, dịch là « Dũng kiện », rất là dũng mãnh tráng kiện. Còn dịch là « Bạo ác », đây cũng là tên của loài quỷ. Có nơi còn dịch là « Khinh kiện », vì chúng tựa như trận gió, vốn chẳng có thân thể, tuy gió thổi nhẹ nhàng, nhưng rất kiện tráng, vì do nghiệp báo. Dạ Xoa đều có chút công đức, đừng cho rằng Dạ Xoa là quỷ, tức là không tốt, chúng có chút công đức. Nhưng khi chúng tạo công đức, tâm sân không trừ, vẫn nổi nóng, làm công đức rồi có khi về sau hối hận. Nếu xưa kia chúng chỉ dùng tài thí, thì đắc được quả báo là địa hành Dạ Xoa, Dạ Xoa đi trên đất, không thể bay. Nếu bố thí voi, ngựa, xe cộ, hoặc máy bay .v.v… nhưng mà sự nóng giận không thay đổi, thì đắc được quả báo là đại lực Quỷ Vương, bay được trong hư không, gọi là không hành Dạ Xoa. Tại sao vậy? Vì nghiệp báo vậy.
"Dũng kiện bạo ác địa không hành": Địa tức là chỉ địa hành Dạ Xoa (Dạ Xoa đi trên đất). Không tức là không hành Dạ Xoa (Dạ Xoa bay trên không).

"Đồng loại chủng tộc đều lắng nghe": Yết Ra Ha, dịch là « Đồng loại chủng tộc », tức là bất cứ Dạ Xoa đi trên đất, Dạ Xoa bay trên không, đều phải nghe sự triệu tập, đều phải chú ý lắng nghe, không thể lơ là được.

"Quỷ giữ hồn y theo chánh giáo": Dạ Xoa đối với con người cũng có chỗ tốt, có lúc người sợ hồn bay phách lạc, thì Dạ Xoa bay trên không, giúp bạn truy hồn phách về lại. Hồn có ba hồn, phách có bảy phách. Hồn thật trong ba hồn, tức là Phật tánh, còn có hộ thần. Ba hồn nầy phân ra nói là ba, hợp lại là một, tức là Phật tánh vốn có. Bảy phách tức là trong mỗi thân người có bảy chỗ, mỗi chỗ đều trụ một phách. Bảy phách nầy, có cái có mắt, không có tai mũi; có cái có lỗ tai, không có mắt mũi; có cái có lỗ mùi, không có mắt tai; có cái lại có cái

mõm, không có khí quản khác. Tóm lại, bảy cái nầy tướng mạo đều khác nhau, chúng hợp với nhau cùng nhau lợi dụng. Bảy cái nầy hợp lại với nhau thì sẽ phát sinh tác dụng, nếu không hợp lại với nhau, thì mỗi cái đều có sở trường, đều có sở đoản, chúng đều có chức vụ riêng trên cơ thể con người. Dạ Xoa giữ hồn phách của con người, nói rõ con người y theo chánh giáo phụng hành.

“Công viên quả mãn tự siêu sanh”: Tu đạo phải lập đức, lập công, lập ngôn, đến được công viên quả mãn, thì sẽ thành Phật. Siêu sanh tức cũng là thành Phật, hộ pháp Kim Cang cũng siêu sanh, người tu đạo cũng siêu sanh, hộ pháp Kim Cang cũng phải có công viên quả mãn ba ngàn, người tu đạo cũng phải có công viên quả mãn ba ngàn. Đây chẳng phải là nói chỉ có ba ngàn thứ công đức, mà là đầy khắp ba ngàn đại thiên thế giới, bạn đều phải có công đức, vì vậy cho nên nói tận hư không khắp pháp giới, chẳng có chỗ một hạt bụi nào, chẳng phải là chỗ Phật làm công đức, chỗ xả thân mạng.
Cho nên người tu đạo, đừng chỉ có tu hai ngày rưỡi, chưa đến ba ngày bèn muốn thành Phật, làm gì có chuyện đó! Người học Phật, bất cứ làm việc gì, đều phải có tâm nhẫn nại, phải lập đức, lập công, lập ngôn.

252. Ra xoa tư yết ra ha

Dịch: Quỷ giữ cung phụ nữ, trừ nạn phi mạng.

Kệ:
Tốc tật khả uý La Sát quỷ
Thủ cung phụ nữ bảo kiên trinh
Trừ diệt nhất thiết phi mạng nạn
Viễn ly hiểm đạo miễn lôi truy.

Nghĩa là:
Quỷ La Sát mau chóng đáng sợ
Bảo vệ phụ nữ giữ trinh tiết
Trừ diệt tất cả nạn chết oan
Xa lìa đường hiểm khỏi ngũ lôi.

Giảng giải: Ra Xoa gọi là La Xoa, cũng gọi là La Sát tác, La Sát tư, dịch là « Hộ thi » (giữ thây chết), tức là quỷ La Sát.
“Quỷ La Sát mau chóng đáng sợ”: Quỷ La Sát là tiếng Phạn, dịch là « Quỷ mau chóng ». Vì chúng chạy rất nhanh, còn gọi là quỷ đáng sợ, rất đáng sợ. Vì loài quỷ nầy mặt xanh tóc đỏ, miệng thì to, răng thì nhỏ. Mắt thì lớn, lỗ mũi thì nhỏ. Người mà nhìn thấy chúng, thì sinh tâm kinh hãi. Thứ quỷ La Sát nầy, còn dịch là « Quỷ giữ cung phụ nữ », bảo vệ phẩm đức của phụ nữ. Nếu ai có

phẩm đức tốt, thì chúng sẽ bảo vệ người đó, cho nên nói: “Giữ phụ nữ bảo vệ trinh tiết”.
“Diệt trừ tất cả nạn phi mạng”: Hay khiến cho người không bị chết oan, không chết tự tử, không chết sông, không có những hành vi chết một cách phi pháp, tránh khỏi đủ thứ những cái chết oan uổng.
“Xa lìa đường hiểm khỏi ngũ lôi”: Xa lìa đường nguy hiểm, không đoạ lạc vào ba đường ác. Ngũ lôi cũng sẽ không truy tìm bạn.

253. Tất rị đa yết ra ha

Dịch: Quỷ giữ thây chết.

Kệ:
Thủ thi tổ phụ bệ lệ đa
Thận chung truy viễn hiếu tư bác
Sự tử như sanh thường tế tự
Ma ha Bát Nhã mật ba la.

Nghĩa là:
Quỷ tổ phụ giữ gìn thây chết
Cẩn thận cúng tế hiếu tâm lớn
Việc chết như sống thường cúng tế
Ma ha Bát Nhã ba la mật.

Giảng giải: Tất Rị Đa dịch là « Quỷ giữ thây chết ». Người chết rồi, thì quỷ xả bỏ không được đầu thây chết của chính mình, đều nhìn giữ gìn, họ cho rằng cái đầu thây chết nầy, sẽ biến thành lão đồ cổ (lão cổ đổng), tương lai đem đi bán, giá trị rất là lớn. Do đó họ chẳng làm gì hết, chỉ giữ cái đầu thây chết.
Còn dịch là « Quỷ tổ phụ ». Quỷ tổ phụ tuy mình là người chết, nhưng họ cũng không muốn lìa khỏi thế gian nầy, vì đợi con cháu đến cúng tế họ, cúng chút đồ vật cho họ ăn. Có hai ý nghĩa:
1. Vì xả bỏ không được sự lìa khỏi.
2. Vì đời người đến cúng tế.
Do đó, giữ gìn đầu thây chết. Đây đều là sự chấp trước.

“Cẩn thận cúng tế hiếu tâm lớn”: Lúc chết rất cẩn thận chiếu theo lễ nghĩa mà cúng tế, nói đến tâm hiếu rất thành khẩn, rộng lớn.
“Việc chết như sống thường cúng tế”: Cha mẹ chết rồi, thì chúng ta phải lo việc ma chay như lúc còn sống, do đó: “Tang tận lễ, tế tận thành”. Cúng tế phải dùng tâm thành, bạn dùng đại trí huệ, đừng quá mê tín, đừng đốt tiền giả, đừng đốt giấy vàng bạc, nhà cửa xe cộ, như vậy là lãng phí tiền bạc, vô ích. Người

chết rồi, không giống như người Trung Quốc mê tín, lại đốt quần áo, lại đốt vàng bạc châu báu, lại đốt xe lửa, máy bay .v.v… đây thật là mê tín đến cực điểm, đừng có như thế.

“Ma ha Bát Nhã ba la mật”: Ma ha là lớn, Bát Nhã là trí huệ, cho nên phải có đại trí huệ, mới có thể minh bạch đạo lý, mới có thể đến được bờ bên kia. Đừng có mê tín, đừng có đọc sách mà không cầu sự hiểu biết thâm sâu. Việc làm rồi, bạn hỏi họ: “Tại sao lại làm như vậy”. Họ nói: “Không biết”. Việc không biết sao bạn lại có thể làm. Họ đều muốn đi làm, cho nên nói con người thật là điên đảo đến cực điểm.

254. Tỳ xá giá yết ra ha

Dịch: Quỷ giữ vỏ, trừ nạn thuốc độc.

Kệ:
Thử phiên điên quỷ đạm tinh khí
Hấp thực nhân tuỷ ngũ cốc chân
Miễn trừ độc dược ma tuý chướng
Thọ trì Như Lai nghĩa vô cùng.

Nghĩa là:
Đây dịch quỷ điên ăn tinh khí
Hút ăn tuỷ người và sinh tánh
Miễn khỏi thuốc độc và ma tuý
Thọ trì Như Lai nghĩa vô cùng.

Giảng giải: Câu Chú nầy dịch là « Quỷ điên ». Sao gọi là quỷ điên? Vì chúng chẳng nói đạo lý, không nói lời tốt. Còn có tên là quỷ thần kinh, quỷ cũng hay phát thần kinh. Loài quỷ nầy hay hại người, hút ăn tuỷ và tinh khí của con người. Nếu bạn cứ khởi vọng tưởng tà, thì chúng sẽ có cơ hội hút ăn tinh khí thần của bạn. Nếu bạn chỉ có chánh niệm, thì chúng chẳng làm gì được. Vì quỷ đều thừa lúc con người có vọng tưởng không chánh đáng mới nhập vào được. “Đây dịch quỷ điên ăn tinh khí”: Cho nên con người có lúc, vô duyên vô cớ, cảm thấy chẳng có khí lực, là vì tinh khí đã bị quỷ bắt đi rồi.

“Hút ăn tuỷ người và sinh tánh”: Trong xương đầu con người có tuỷ, nếu bạn khởi vọng tưởng, thì chúng liền đến hút tuỷ của bạn, khiến cho thân thể của bạn suy nhược, thân xác đều có tự tánh, tự tánh tức là thần khí, thân xác xem ra là vật chết, trên thật tế, nó cũng có mạng sống, quỷ Tỳ Xá Giá bèn đến ăn tánh của thân xác. Cho nên khi cúng tế, tuy nhiên chẳng thấy Phật Bồ Tát, và

tất cả quỷ thần đến ăn, nhưng khi đồ vật cúng rồi, thì chẳng còn “sinh tánh”. Hút đi “sinh tánh” rồi, thì có ích gì? Sẽ tăng thêm sức lực của họ. Niệm câu Chú nầy, thì sẽ trừ được tất cả thuốc độc, nạn thuốc ma tuý, cho nên nói: “Miễn khỏi thuốc độc và ma tuý”.
“Thọ trì Như Lai nghĩa vô cùng”: Thọ trì vô cùng vô tận pháp nghĩa của Phật nói.

255. Bộ đa yết ra ha

Dịch: Quỷ thân lớn.

Kệ:
Đại thân tự sanh Quỷ Vương danh
Lực khả bạt sơn Hạng Vũ năng
Thần thông diệu dụng thiện biến hoá
Đa đầu đa túc hiển oai linh.

Nghĩa là:
Thân lớn tự sanh tên Quỷ Vương
Sức hay dời núi như Hạng Vũ
Thần thông diệu dụng chuyên biến hoá
Nhiều đầu nhiều chân hiển oai thần.

Giảng giảng: Câu Chú nầy dịch là « Thân lớn ». Khi chúng biến lớn, thì thân thể của quỷ nầy lớn như năm trăm núi Tu Di. Biến nhỏ thì nhỏ như hạt bụi. Vì tự mình sinh ra thân thể lớn như thế, cho nên còn dịch là « Tự sinh ». Tự sinh ra thân mình, cho nên nói: “Thân lớn tự sinh tên Quỷ Vương”.
“Sức hay dời núi như Hạng Vũ”: Sức lực của chúng có thể dời núi, vì thân thể của chúng rất lớn, sức lực cũng rất lớn, tay cũng lớn, chân cũng lớn. Giống như vị anh hùng Hạng Vũ của nước Sở.
“Thần thông diệu dụng chuyên biến hoá”: Chúng có đủ thứ thần thông, đủ thứ sự biến hoá, diệu dụng vô cùng, khéo biến hoá.
“Nhiều đầu nhiều chân hiển oai thần”: Chúng có mấy trăm cái đầu, mấy trăm cái chân. Tay cũng rất nhiều, khiến cho người trông thấy mà kinh sợ.

Hội thứ ba, từ “Ra Xà Bà Dạ” đến “Tô Ba Ra Noa Bà Dạ” là pháp tiêu tai. Hiện tại đoạn nầy, từ “Dược Xoa Yết Ra Ha” về sau là pháp câu triệu. Niệm đoạn Chú nầy, thì câu triệu lại hết tất cả yêu ma quỷ quái, ngưu quỷ xà thần. **Chú Lăng Nghiêm có pháp tiêu tai, pháp tăng ích, pháp câu triệu, pháp hàng phục, pháp cát tường**. Chúng ta phải nghiên cứu thâm sâu Chú Lăng Nghiêm, thì mới minh bạch đoạn nào có tác dụng gì, đây mới là chân chánh

thọ trì Chú Lăng Nghiêm. Nếu bạn nghiên cứu Chú Lăng Nghiêm không kỹ càng, thì lợi ích chẳng bao nhiêu.

256. Cưu bàn trà yết ra ha

Dịch: Quỷ cỡi ngồi. Trừ nạn thành quách cỡi xe.

Kệ:
Úng hình đông qua yểm mị tinh
Thành quách xa thừa ngũ lôi băng
Ngoại ý tai nạn giai tị miễn
Xuất nhập bình an viễn hoạ xâm.

Nghĩa là:
Quỷ hình cái lu yêu ma đè
Đất lở gỗ đánh bị té ngựa
Tai nạn các thứ đều qua khỏi
Ra vào bình an lìa hoạ hoạn.

Giảng giải: “Quỷ hình cái lu yêu quái tinh”: Yêu quái là quỷ, cũng là yêu tinh. Quỷ mà câu Chú nầy nói, tức là quỷ ma đè (bóng đè), cũng gọi là quỷ đông qua, quỷ hình như cái lu. Tại sao gọi là quỷ đông qua? Vì hình dáng của chúng giống như lão đông qua. Bạn nói chúng dài ư, thì chúng chẳng dài. Bạn nói chúng tròn ư, thì chúng lại chẳng tròn. Chúng vừa tròn, vừa dài, vừa mập, vừa béo. Loài quỷ nầy chẳng phải là quỷ đói (ngạ quỷ), quỷ đói thì đói đến nỗi chỉ còn da bọc xương, chẳng có chút thịt nào. Loài quỷ nầy là quỷ mập, cũng gọi là quỷ giàu, quỷ Cưu Bàn Trà. Có khi hiện ra giống như một cái chum to, giống như cái lu lớn. Cái cổ thì nhỏ, cái bụng thì bự.

Tại sao gọi là quỷ ma đè? Vì loài quỷ nầy thường đi tìm người quấy rối. Khi con người ngủ, chúng chạy một cái, thì tới cạnh bên người đó, đè người đó gần như ngộp thở, không thể thở được, gần như chết, không thể động đậy được, nói cũng nói không được, mở mắt cũng mở không lên, đây gọi là ma đè, bị quỷ Cưu Bàn Trà đè. Rất nhiều người đều có sự kinh nghiệm nầy. Các vị có lúc ngủ bị ma đè, khiến cho bạn mở mắt không lên được, tức là bị quỷ nầy đè.
“Đất lở gỗ đánh bị té ngựa”: Chú nầy trừ được nạn đất lở, nạn dùng gỗ đánh, nạn cỡi ngựa bị té. Cho nên nói: “Tai nạn đủ thứ đều qua khỏi”. Đủ thứ tai nạn đều qua khỏi, được bình an.
“Ra vào bình an lìa xâm hại”: Ra vào đều được bình an, tất cả hoành hoạ hoạn nạn đều không thể xâm phạm.

257. Bổ đơn na yết ra ha

Dịch: Quỷ thủ hình.

Kệ:
Sinh đại chấp trước thủ thi hình
Viễn ly điên đảo mộng quỷ thanh
Nhẫn nhục tinh tấn Ba La Mật
Trí quang phổ chiếu bảo liên đài.

Nghĩa là:
Sinh tâm chấp trước hình giữ thây
Xa lìa điên đảo mộng quỷ rõ
Nhẫn nhục tinh tấn Ba La Mật
Trí quang chiếu khắp bảo liên đài.

Giảng giải: Bổ Đơn Na là « Quỷ thủ hình ». Tại sao chúng phải giữ hình? Vì sinh tâm đại chấp trước. Chúng còn gọi là quỷ thúi, hay toả ra mùi hôi thúi. Bất cứ chúng ở đâu, đều có mùi vừa tanh, vừa hôi thúi.
"Sinh đại chấp trước hình giữ thây": Tại sao chúng muốn giữ hình thây chết? Vì có sự chấp trước, không xả được cái thân thể nầy, cho rằng là bảo bối, lìa không khỏi hình tướng giả nầy.
"Xa lìa điên đảo mộng quỷ rõ": Trước hết chúng khởi sự chấp trước, về sau dần dần chúng nhìn thủng buông bỏ được, cho nên được tự tại. Một khi lìa khỏi điên đảo, thì mộng quỷ sẽ rõ ràng, sự nằm mộng cũng rất cát tường.
"Nhẫn nhục tinh tấn Ba La Mật": Tu hạnh nhẫn nhục, thì dù lúc không thể chịu được, vẫn phải nhẫn, càng nhẫn không được, thì càng phải phá cửa ải nầy, càng phải tại chỗ nầy mà dụng công. Bạn nhẫn nại được tức là chân tinh tấn. Bạn chân tinh tấn thì đây mới là nhẫn nại, mới có thể đến được bờ bên kia, đến được Ba La Mật.
"Trí quang chiếu khắp bảo liên đài": Bạn hay nhẫn nại tinh tấn tu hành đến được Ba La Mật, thì lúc đó sẽ khải mở đại trí huệ, sẽ có trí quang chiếu khắp, sinh lên chín phẩm hoa sen báu.
Hai câu Chú nầy dụng đồ vô cùng vô tận, hiện tại chỉ nói đơn giản thôi, nếu mà giải thích tỉ mỉ, thì hết kiếp cũng khó nói hết.

258. Ca tra bổ đơn na yết ra ha

Dịch: Quỷ giữ vía.

Kệ:
Thủ phách kỳ xú đại ngạ quỷ
Đông tây nam bắc các viễn ly
Thực thỉ ẩm niệu khổ can kiệt
Tạo nghiệp thọ báo nạn tự khi.

Nghĩa là:
Quỷ đói giữ vía rất hôi thối
Đông tây nam bắc đều xa lìa
Ăn phân uống tiểu khổ cạn kiệt
Tạo nghiệp thọ báo tự gạt mình.

Giảng giải: Câu Chú nầy còn gọi là « Quỷ giữ vía ». Còn gọi là đại ngạ quỷ. Bổ Đơn Na Yết Ra Ha ở trước là quỷ hôi thúi. Đây là quỷ hôi thối, đại ngạ quỷ, vừa đói, vừa hôi thối. Tại sao chúng hôi thối như thế? Vì chúng cứ ăn phân, ăn đến nỗi bên trong cũng thối, bên ngoài cũng thối. Thối cách xa đến tám vạn bốn ngàn do tuần. Chúng chẳng có bổn sự gì, chỉ có bổn sự thối mà thôi.
"Quỷ đói giữ vía rất hôi thối": Loài quỷ nầy giữ gìn ba hồn bảy vía. Nếu hồn vía của con người chẳng có chúng giữ gìn, thì cũng thường hay đi ra qua mấy lỗ trên cơ thể người. Có lúc con người sợ hãi hồn phi phách tán.
Tại Đông Bắc TQ, tôi đã gặp một đứa trẻ khoảng sáu tuổi bị mất hồn. Tại sao bị mất hồn? Là vì bị thiên ma trên trời bắt hồn đi, người mà mất hồn thì u mê, giống như thực vật, chẳng có tri giác gì. Tuy cũng ăn uống đi đứng ngủ nghỉ, cũng nói được, nhưng chẳng có trí huệ, giống như người máy, vì đã mất hồn vía. Ma vương trên trời hoan hỉ đứa trẻ nầy, nên bắt hồn vía của cậu ấy đi, hy vọng tương lai cậu ta chết rồi, thì sẽ trở thành quyến thuộc của chúng. Đứa trẻ đó mười mấy tuổi thì gặp tôi, vì thời gian đã trôi qua nhiều năm, tôi cũng chẳng có cách nào, bệnh của cậu ta cuối cùng cũng chẳng tốt.

Mùi hôi thối nầy rất đặt biệt thối, thối đến nỗi không chịu được. Chẳng những thối mà còn có độc, trúng thứ độc thối nầy, không dễ gì chịu đựng được. Chúng còn là đại quỷ đói, ăn vật gì cũng đều không no, ăn bao nhiêu cũng không no.
"Đông tây nam bắc đều xa lìa": Nếu chúng phóng ra mùi hôi thối, giống như ở nước Mỹ có một loài động vật (thử dứu), trên đường đi hay phóng ra một thứ mùi rất hôi thối, ở rất xa đều ngửi được, khiến cho người khó mà chịu được, đại khái là do loài quỷ thối nầy biến hoá ra, khi quỷ thối nầy chuyển súc sinh, đại khái là làm thứ súc sinh hôi thối nầy. "Xa lìa": Là đều sợ mùi hôi thối nầy.

"Ăn phân uống tiểu khổ cạn kiệt": Loài quỷ nầy chuyên môn ăn phân, uống nước tiểu, cho nên vật ô uế nhất, cũng là thứ chúng hoan hỉ nhất. Mọi người

đại tiện, thì chúng nhanh chóng đi tới ăn. Chó cũng ăn phân, vì chó cũng là loài quỷ nầy biến hoá ra. “Khổ cạn kiệt”: Khổ não của chúng là bất luận uống bao nhiêu, uống bao nhiêu cà phê, cũng đều khát. Suốt ngày tới tối đều muốn uống cà phê, uống trà. Uống xong, ly trà cũng không rửa, để mọi người đi dọn dẹp. Đây đều là hành vi của quỷ thối.

Các vị! Chẳng phải là tôi giảng lời tiếu cho các vị nghe, nếu ai muốn uống trà, uống cà phê, đừng để nhà bếp bầy hầy, bằng không, tương lai sẽ biến thành quỷ thối, mặc dù hiện tại chẳng phải là quỷ thối, tương lai đều sẽ làm quỷ thối, vì quá bầy hầy. Mình phải giữ phòng xá sạch sẽ, đừng để người khác buồn phiền quở trách. Người tu hành ở đâu cũng đừng để tổn phước, đừng làm cho người khác buồn phiền. Bạn muốn uống trà, hay uống các thứ, uống xong phải rửa dọn dẹp cho sạch sẽ, không thể nào uống xong không rửa ly, bạ đâu để đó.

Người tu đạo, lúc không phải là giờ ăn cơm, thì không nên xuống nhà bếp. Suốt ngày tới tối cứ tìm vật ăn, tìm vật uống, thì tu đạo gì! “Quân tử mưu đạo bất mưu thực” (Người quân tử cầu đạo, chẳng cầu ăn uống”, còn bạn thì “Mưu thực bất mưu đạo” (Cầu ăn uống chẳng cầu đạo). Bất cứ người nào có mao bệnh nầy, muốn ăn phân uống nước tiểu, thì ở tại Vạn Phật Thánh Thành không thể được, nhất định phải sửa lỗi làm mới, cứ tìm việc cho người khác làm, mình không thu thập sạch sẽ, đây đều là mọc ăn gỗ, tương lai phải làm trâu làm ngựa trả nợ cho người. Tu hành không tốt thì sẽ đoạ lạc, đoạ lạc thì phải trả nợ. Cho nên mới nói: “Ăn phân uống tiểu khổ cạn kiệt”. Rất là kỳ quái, quỷ thối càng uống thì càng muốn uống, càng uống thì càng không đủ, càng không đủ thì càng muốn uống. Tóm lại, đều muốn đi đến nhà bếp tìm một chút đồ vật, quỷ hôi thối đó là như thế.

“Tạo nghiệp thọ báo tự gạt mình”: Tại sao chúng phải ăn phân, uống nước tiểu? Là vì tạo thứ nghiệp nầy, nên thọ quả báo nầy. Mình không nên lường gạt chính mình. Tu đạo sai một ly, đi ngàn dặm. Tại sao nói mình tu rất lâu, mà vẫn không khai mở trí huệ? Là vì suốt ngày cứ nghĩ tới uống trà, uống cà phê, hoặc uống sữa, suốt ngày tới tối buông bỏ chẳng đặng ăn uống những thứ đó, thì bạn khai ngộ gì!

259. Tất kiền độ yết ra ha

Dịch: Quỷ đồng tử.

Kệ:
Thiện phẩm chủ trùng cổ độc mê

Diệc danh hương thần thậm hi kỳ
Hoàng sắc đản tật chư ách nạn
Hộ pháp đồng tử kim tốc ly.

Nghĩa là:
Thiện phẩm chủ trùng cổ độc mê
Cũng tên Hương Thần rất hi kỳ
Bệnh tật vàng da các ách nạn
Hộ pháp đồng tử khiến sớm lìa.

Giảng giải: Câu Chú nầy dịch là « Thiện phẩm ». Lại dịch là « Quỷ cổ độc ». Ở Mã Lai Á gọi là Lạc hàng đầu, hoặc Trung trùng, đều là đồng loại.
"Thiện phẩm chủ trùng cổ độc mê": Cổ độc của quỷ chủ trùng làm cho người mê hoặc.
"Cũng tên Hương Thần rất hi kỳ": Câu Chú nầy còn gọi là Hương Thần, câu ở trước là quỷ thối, đối chiếu rất là tốt. Hương Thần nầy, hay khiến cho những chúng sinh mê ngửi mùi hương, cổ độc cũng có mùi hương. Nếu bạn ngửi mùi hương nầy rồi, thì liền trúng cổ độc.
"Bệnh tật vàng da các ách nạn": Con người có khi sinh ra bệnh hoàng đản, vàng mắt, miệng cũng vàng, da cũng vàng. Có khi trúng cổ độc, cũng sinh ra chứng bệnh nầy, đây là một thứ ách nạn.

"Hộ pháp đồng tử khiến sớm lìa": Có chứng bệnh nầy, bạn trì câu Chú nầy, thì hộ pháp thiện thần đồng tử sẽ khiến cho bệnh sớm khỏi. Chú Lăng Nghiêm càng giảng, thì càng bất khả tư nghì, sức lực vô cùng vô tận. Bất quá bất cứ bạn làm gì, đừng có làm quỷ thối. Quỷ thối ai ai cũng đều sợ, bạn muốn gần gũi người, nhưng chẳng ai dám gần gũi bạn, làm Hương Thần còn tốt hơn một chút.

260. A bá tất ma ra yết ra ha

Dịch: Quỷ đầu dê.

Kệ:
Hình như dã hồ cao đại thụ
Thanh sắc quỷ quái nhiễu nhân tộc
Chủ dương điên phong thần danh hiệu
Đồng tử lễ bái hồ như như.

Nghĩa là:
Hình như hồ ly đại thụ cao

Sắc xanh quỷ quái nhiễu loài người
Chủ thần đầu dê khiến người điên
Đồng tử thần dê thường lễ bái.

Giảng giải: Câu Chú nầy dịch là « Thần đầu dê », hình như hồ ly. Cũng thuộc về loài quỷ, hình tượng của chúng như hồ ly trên núi. Còn dịch là « Đại thụ cao ». Cho nên nói: "Hình như hồ ly đại thụ cao".
"Sắc xanh quỷ quái nhiễu loài người": Câu Chú nầy thuộc về phương đông. Phương đông có quỷ quái màu xanh, những loài quỷ nầy thích nhiễu loạn người. Có quỷ vương màu xanh quản lý những quỷ quái màu xanh nầy, nếu không thì thế gian sẽ xảy ra tai nạn trùng trùng.
"Chủ thần đầu dê khiến người điên": Chủ thần đầu dê điên khùng nầy, thường thường hay khiến cho người phát bệnh điên khùng, giống như một loại đầu dê điên khùng. Người mắc chứng bệnh nầy, thì mặt ngửa lên trời, đi về trước một bước, lại lùi về sau hai bước, giống như người say rượu, điên điên khùng khùng.
"Đồng tử thần dê thường lễ bái": Đồng tử là chỉ đồng tử thần dê, chúng thường thường lễ Phật, hy vọng đạo nghiệp ngày càng tăng trưởng, căn lành tăng thêm.

261. Ô đàn ma đà yết ra ha

Dịch: Quỷ nhiệt.

Kệ:
Tấn tật mãnh liệt chủ phong oai
Lục địa thụ đảo hải lãng tồi
Không trung hình thành loa toàn lực
Điểu sắc quỷ vương song thủ thôi.

Nghĩa là:
Thần gió mãnh liệt rất oai phong
Đất đai cây đổ biển dậy sóng
Trong không hình thành sức gió xoáy
Quỷ vương dùng hai tay tung chưởng.

Giảng giải: Đây là Thần Gió, dịch là « Quỷ mau chóng ». Chúng chạy phi thường mau chóng. Một giờ có thể chạy mấy ngàn dặm, cho nên nói: "Thần gió mãnh liệt rất oai phong". Gió nầy có sức lực rất phi thường, mãnh liệt phi thường, cường liệt phi thường, có oai phong rất lớn.
"Đất đai cây đổ biển dậy sóng": Thần Gió nầy có đại oai phong, một khi hiện ra

thì phi thường mãnh liệt, dũng mãnh không gì sánh bằng, khiến cho đất đai cây cối, nhà cửa phòng xá sập đổ, trong biển thì dậy sóng rất lớn, sóng vỗ ầm ầm.
“Trong không hình thành sức gió xoáy”: Ở trong hư không bèn hình thành khí lưu, giống như gió xoáy, sức lực rất lớn, khiến cho người, trâu, ngựa, nhà cửa, đều cuốn lên không trung. Cho nên sức lực nầy rất lớn vô cùng. Tại sao có sức lực nầy? Vì “Quỷ vương dùng hai tay tung chưởng”: Có quỷ vương màu đen vận dụng thần thông của mình, mới có thể thổi ra gió có sức mãnh liệt như thế, tạo thành tai nạn lớn như vậy.

Chú Lăng Nghiêm đều là tên của các vị Quỷ Thần Vương, một khi niệm lên tên của Quỷ Thần Vương, thì các quyến thuộc của chúng đều giữ quy cụ, không dám làm bậy. Mỗi ngày đọc tụng Chú Lăng Nghiêm, thì khiến cho yêu ma quỷ quái trên thế gian, đều lão thật một chút, không dám hiện ra hại người. Hay đọc tụng Chú Lăng nầy, tức là lợi ích hết chúng sinh trên thế gian, không đọc tụng thì không lợi ích chúng sinh. Các vị hãy mau học thuộc lòng Chú Lăng Nghiêm, rồi nghiên cứu minh bạch, mới là hành vi của Phật giáo đồ nên có. Trong Phật giáo không có gì quý trọng hơn Chú Lăng Nghiêm, Chú Lăng Nghiêm là đại biểu cho chánh pháp, còn Chú Lăng Nghiêm thì còn chánh pháp, không còn Chú Lăng Nghiêm thì không còn chánh pháp, không thể thuộc lòng Chú Lăng Nghiêm thì không xứng đáng là Phật giáo đồ, Chú Lăng Nghiêm gọi là Lăng nửa năm, mỗi ngày đọc tụng phải nửa năm mới thuộc lòng.

262. Xa dạ yết ra ha

Dịch: Quỷ bóng.

Kệ:
Ngũ dục chư lạc phú chân tánh
Tam độc sung mãn cái trí minh
Căn trần duyên ảnh đa chướng ngại
Bát Nhã không trung khởi phù vân.

Nghĩa là:
Năm dục thú vui che chân tánh
Ba độc đầy dẫy che trí sáng
Căn trần duyên bóng nhiều chướng ngại
Bát Nhã trong không khởi mây trôi.

Giảng giải: Câu Chú nầy dịch là « Quỷ bóng », tức là hình bóng của quỷ. Quỷ nầy tựa có mà không, lúc ẩn lúc hiện. Loài quỷ nầy hoan hỉ khiến cho người

điên đảo, khiến cho người mất đi trí huệ chân chánh, thì sẽ chuyển theo cảnh giới của chúng.
“Năm dục thú vui che chân tánh”: Việc lớn nhất của chúng, là dùng cảnh giới năm dục để mê hoặc tâm tánh con người, để nhiễu loạn người. Năm dục tức là: Tài, sắc, danh, ăn và ngủ. Lại có: Sắc, thanh, hương, vị, xúc. Cảnh giới năm dục nầy khiến cho con người mê hoặc, làm cho con người hồ đồ. Tiền tài chi phối mọi người hồ hồ đồ đồ, điên điên đảo đảo, người nầy tranh với người kia, nhà nầy tranh với nhà kia, nước nầy tranh với nước kia, cũng là vì tài. Sắc càng lợi hại hơn, giống như một thanh đao giết người, nhưng con người còn không biết. Danh cũng làm cho con người điên điên đảo đảo. Ăn càng làm cho con người từ sáng tới tối cứ vọng tưởng chuyện ăn uống, bạn xem có diệu chăng!

Chúng ta đừng khởi vọng tưởng tiền tài, tu đạo không cần tiền, cũng đừng khởi vọng tưởng về sắc, tu đạo phải khử dục đoạn ái, không khởi vọng tưởng về danh, người tu đạo không cầu danh, nhưng vọng tưởng ăn không buông bỏ đặng, lúc nghĩ tới ăn một bát ngũ cốc có mật ong, hoặc một ly sữa tươi, hoặc uống cà phê, nước ngọt, khởi những vọng tưởng đó làm cho mình điên điên đảo đảo. Ngủ thì có người nói: “Những thứ ở trước vừa nói tôi đều chẳng có, tôi muốn một lòng tu đạo, nhưng chỉ thích ngủ”. Đó là bị năm dục chi phối con người điên điên đảo đảo, che lấp đi chân tánh của con người, cho nên những dục lạc nầy che lấp đi chân như tự tánh.
“Ba độc đầy dẫy che trí sáng”: Ba độc tức là: Tham, sân, si. Vì có ba độc nầy, cho nên bị cảnh giới năm dục ở trên làm lay chuyển. Sức lực của ba độc nầy rất lớn vô cùng, lay động tất cả, hoàn toàn che đậy đi ánh sáng trí huệ.
“Căn trần duyên bóng nhiều chướng ngại”: Lúc đó dụng công phu, sáu căn: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, tiếp xúc với sáu trần: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Nhân duyên và hình bóng nầy sinh ra nhiều chướng ngại.
“Bát Nhã trong không khởi mây trôi”: Trong tự tánh Bát Nhã không sinh ra nhiều hình bóng mây trôi, hoảng hoảng hốt hốt, khiến cho bạn điên đảo, khiến cho bạn buông bỏ chẳng đặng, khiến cho bạn không thể tu hành. Quỷ bóng có bổn sự nầy, quỷ bóng chưa làm căng, khi quỷ bóng nầy mà ra tay, thì con người sẽ biến thành quỷ.

263. Hê rị bà đế yết ra ha

Dịch: Quỷ âm thanh.

Kệ:
Độc xứ xuyên trạch bất đồng quần

Bát âm tề tấu mộc thạch kim
Sư tử ngu lạc thường khởi vũ
Kỳ hình như cẩu chủ thú hồn.

Nghĩa là:
Một mình sống ở nơi đầm trạch
Bát âm đều tấu gỗ đá kim
Sư tử vui vẻ thường nhảy múa
Hình như chó làm chủ dã thú.

Giảng giải: Đây là quỷ âm thanh, quỷ âm nhạc. Loài quỷ nầy tự mình thường thường làm vang ra âm thanh âm nhạc, cũng hoan hỉ nghe tiếng nhạc, nhưng chúng lại chỉ muốn sống một mình ở nơi đầm trạch. Cho nên nói: "Một mình sống ở nơi đầm trạch", loài quỷ nầy thích đơn độc, thích một mình ở một nơi, ở nơi có nước, hoặc ở chỗ dơ bẩn, hoặc ở trong nhà vệ sinh. Loài quỷ nầy không sợ dơ bẩn, cho nên tục ngữ nói: "Quỷ dơ bẩn", càng bẩn càng tốt. Mỗi ngày chúng chẳng chải đầu, chẳng rửa mặt, chẳng giống như con người thích chải chuốt trang điểm, tô chút phấn, xịt chút nước hoa, làm cho có một thứ mùi vị thật là cổ quái. Quỷ thì chẳng như thế, càng dơ bẩn, càng hôi thối, thì càng tốt. Chúng ăn những thứ con người thải ra như máu mủ chảy ra từ mụt nhọt. Loài quỷ nầy chẳng thích ở chung với quỷ khác. Chúng ở một mình làm gì? Tấu âm nhạc, tám thứ âm nhạc, cho nên nói: "Bát âm đều tấu gỗ đá kim".
"Sư tử vui vẻ thường nhảy múa": Chúng ở một mình lại tấu âm nhạc, lại nhảy múa, náo nhiệt giống như sư tử, rất là vui vẻ, tuy chỉ có một mình mà rất náo nhiệt, làm vang lên rất nhiều âm thanh.

"Hình như chó làm chủ dã thú": Hình tướng của chúng có chút giống như con chó, cho nên có lúc bạn nhìn thấy chó, nói không chừng chúng là quỷ, nhất là bạn không nhận thức rõ. Có lúc quỷ cũng biến thành chó, heo, chim nhỏ, gì cũng đều có thể biến được, đừng cho rằng chim nhỏ là chim nhỏ. Loài quỷ nầy quản lý dã thú, chính quỷ cũng không việc tìm việc làm.

Hỏi: Quỷ bóng hoạt động như thế nào?
Đáp: Thiện cũng nhiều, ác cũng nhiều, người như thế nào thì tìm người cùng như vậy. Trong tâm bạn có quỷ, thì quỷ liền tìm bạn; trong tâm bạn không có quỷ, thì quỷ không dám tìm bạn. Tu đạo phải chuyên nhất, đừng khởi vọng tưởng, thành đến cực điểm, thì vàng đá cũng khai mở. Tâm thành thì linh, tâm thành hay khiến cho vàng đá cũng khai mở. Cho nên chữ "thành" rất là quan trọng. Người tu đạo tu từ từ, như gà ấp trứng, như rồng dưỡng châu, không cần đi tắc, không thể nói tu hành nhanh một chút, đây là hoàn toàn sai lầm. Do đó có câu:

“Thanh sắt mài thành kim,
Công đáo tự nhiên thành”.

Tu hành nhanh quá thì sẽ đứt, chậm quá thì sẽ chùng, không nhanh không chậm mới thành công. Tiến nhanh quá thì lùi cũng mau! Xưa kia bạn tiến nhanh quá, thì lùi cũng nhanh, bạn tiến chậm thì sẽ không lùi. Tu đạo phải hợp với trung đạo, không rơi vào không, không rơi vào có, không rơi vào không có hai bên. Rơi vào không thì thiên về không, rơi vào có thì thiên về có, cũng không, cũng có, lìa trung đạo liền xa. Trung đạo là chẳng không, chẳng có, cũng không, cũng có, nói nó là không, lại chẳng không, nói nó là có, lại chẳng có, nhưng lại là không, lại là có, không, có, chẳng chấp tức là trung đạo.

Chúng ta người học Phật, phải cung hành thực tiễn, nghe được một câu Phật pháp, thì phải chiếu theo pháp mà tu hành. Ví như, người tu đạo không nổi nóng, trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng đều phải nhẫn nại nhẫn nhục. Lại như ăn cơm, chỉ ăn no tám phần thôi, đừng ăn quá no, cũng đừng quá đói. Có khi đói một chút tốt hơn là quá no, đói còn có thể dụng công, no quá thì sẽ hôn trầm, sẽ muốn ngủ, không thể dụng công. Tu đạo nơi nơi phải tìm trung đạo, đừng thái quá, cũng đừng bất cập, tóm lại giữ trung đạo liễu nghĩa, liễu nghĩa tức là minh bạch đạo lý, đừng sợ sửa lỗi, đừng tự mâu thuẫn nhau. Trong tâm vừa muốn sửa lỗi, vừa không muốn sửa lỗi, không muốn sửa lỗi lại muốn sửa lỗi. Vừa muốn tu hành, vừa không muốn tu hành. Hai chân bước lên chiếc thuyền, vừa muốn đi hướng nam, vừa muốn đi hướng bắc, không biết như thế nào là tốt, như vậy thời gian sẽ trôi qua lãng phí.
Cho nên chúng ta là người học Phật pháp, biết một chút thì làm một chút, chân thật tu hành, đừng khởi vọng tưởng, đừng phan duyên,đừng có tâm ích kỷ, tâm lợi mình, đừng tranh với người, đừng tham, không mong cầu gì hết. Thường nhớ năm điều nầy, thì mới thật là tu hành, cũng đừng sinh tâm đố kị, đừng sinh tâm chướng ngại, đừng chướng ngại người khác thành tựu, thấy người nào giỏi thì cố gắng làm cho bằng họ, thấy họ có trí huệ, có năng lực, thông minh, thì mình nên học tập theo họ, đừng sinh tâm đố kị chướng ngại.

264. Xã đa ha rị nẫm

Dịch: Quỷ ăn tinh khí.

Kệ:
Thực tinh khí quỷ phiên Chí đức
Quỷ tử mẫu chúng Thiên thần hợp

Vị quy y Tam Bảo danh Oán tặc
Tùng Phật chi hậu hiệu Trừ ma.

Nghĩa là:
Quỷ ăn tinh khí dịch Chí đức
Quỷ mẹ con hợp chúng Thiên thần
Chưa quy y Tam Bảo tên Oán tặc
Từ khi theo Phật hiệu Trừ ma.

Giảng giải: Xã Đa là tiếng Phạn, là chân ngôn. Chân ngôn gọi là gì? Là ngôn ngữ chân thật. Do đó gọi là chân ngữ, thật ngữ, như ngữ, đều gọi là chân ngôn, tức cũng là lời của Phật nói, quỷ thần đều minh bạch. Còn con người thì sao? Con người thì không hiểu lắm. Chân ngôn cũng có thể nói là ngôn ngữ của một thế giới bên ngoài. Ngôn ngữ gì của thế giới bên ngoài? Tức là thuộc về ngôn ngữ của linh giới (cõi linh), linh tức là linh minh mạc trắc, một số phàm phu không thể thấu hiểu được. Vì phàm phu đều chuyển ở tại sáu căn, sáu trần, sáu thức. Tóm lại là có sự giới hạn, có sự câu thúc, chẳng đến được cảnh giới linh minh, cho nên ngôn ngữ nầy, chúng ta không hiểu nhiều, nhưng cổ Thánh tiên hiền cũng tiết lộ ra chút chút ý nghĩa trong ngôn ngữ không hiểu biết chút ít nầy, những gì hiện tại giảng của sự phiên dịch tức là chút chút ý nghĩa nầy.

Xã Đa, dịch ra là « Quỷ ăn tinh khí », loài quỷ nầy trước khi chưa theo Phật, đều chuyên môn ăn tinh khí. Tinh là vật tinh tốt nhất, khí là chỉ có hình tượng mà không có thật thể. Bất cứ phi tiềm động thực, đều có tinh khí của mỗi loài, không có bất cứ vật chất gì mà không có tinh khí, thậm chí vàng có tinh khí của vàng, cho nên tinh khí không nhất định chỉ nói đến tinh khí của con người, bất quá nói tới nói lui vẫn lấy con người làm chủ thể. Loài quỷ nầy đi khắp nơi ăn tinh khí của con người, ăn trộm tinh khí của con người, lớn thì chúng biến thành quỷ hút máu, quỷ hút máu nầy đều là quỷ ăn tinh khí biến ra một hình tượng, cho nên trong câu Chú chữ “Ha Rị”, dịch ra là « Quyến thuộc ». “Nẩm”: Tức là « Nam » của nam nữ, vậy sao không dùng chữ “Nam”? Vì hoà âm, không nhất định kêu con người biết. Câu nầy tức là nói về quỷ ăn tinh khí mang theo quyến thuộc của chúng.

“Quỷ ăn tinh khí dịch chí đức”: Tuy trước kia chúng là quỷ ăn tinh khí, nhưng sau khi quy y Phật rồi, lập chí muốn hộ trì người có đức hạnh, cho nên gọi là Chí đức.
“Quỷ mẹ con hợp chúng thiên thần”: Đây là chỉ chúng quỷ mẹ con, còn là tên của thiên thần.
“Chưa quy y Tam Bảo tên oán tặc”: Trước khi chưa quy y Tam Bảo, chúng có

tên gọi là “Oán tặc”, trong “Phẩm Phổ Môn” có nói:
“Hoặc oán tặc vây quanh
Đều cầm đao làm hại
Nhờ sức niệm Quán Âm
Họ liền khởi tâm từ”.
Sau khi chúng quy y Phật rồi, thì sửa lỗi làm mới, bèn đổi tên là “Trừ ma”, không còn làm ác nữa, cho nên nói: “Từ khi theo Phật hiệu Trừ ma”.

265. Yết bà ha rị nẫm

Dịch: Yết bà ha rị nẫm.

Kệ:
Đạm thai tạng quỷ hựu mật hộ
Đế thần tôn thiên giai quyến thuộc
Nam nữ phu phụ phụ mẫu tử
Bảo vệ đạo tràng trợ phổ độ.

Nghĩa là:
Quỷ ăn thai lại bí mật hộ
Đế thần tôn thiên đều quyến thuộc
Nam nữ vợ chồng cha mẹ con
Bảo vệ đạo tràng giúp phổ độ.

Giảng giải: Yết Bà dịch là “Quỷ ăn thai tạng”, lại có tên gọi là Mật Hộ.
“Quỷ ăn thai lại bí mật hộ”: Bất cứ loài chúng sinh nào khi sinh sản, nếu có bào thai, thì loài quỷ nầy đều cấp tốc đến ăn bào thai, hoặc là nuốc trựng thai nhi vừa mới sinh mà chết, hoặc là ăn thai nhi chưa đủ tháng mà chết, do đó cũng gọi là quỷ dơ bẩn. Vật mà con người cho là dơ bẩn hôi hám, thì chúng cho rằng ngon thơm. Trước kia chúng là quỷ ăn thai tạng, về sau phát nguyện bảo vệ đạo tràng. Sự bảo vệ của chúng là một sự bí mật, không hiện công, không biểu đức, cũng không cần người khác biết, chúng lập công lập đức như vậy.
“Đế thần tôn thiên đều quyến thuộc”: Sau khi chúng quy y Tam Bảo rồi, bèn làm hộ pháp ở chỗ Đế thần tôn thiên, chúng mang theo hết thảy quyến thuộc của chúng.
“Nam nữ vợ chồng cha mẹ con”: Vì đế thần tôn thiên còn có nam nữ, vợ chồng, cha mẹ, con cái.

“Bảo vệ đạo tràng giúp phổ độ”: Cho nên nói những quyến thuộc nầy, cùng nhau bảo vệ đạo tràng, chỗ nào chân chánh tu đạo, thì chúng sẽ hộ trì đạo tràng đó, giúp Phật hoằng hoá, trợ giúp Phật Bồ Tát giáo hoá chúng sinh, cũng

trợ giúp đại đức pháp sư kiến lập đạo tràng.
Các vị! Nếu sự giảng giải của tôi có chỗ nào không hợp lý, các vị nào có kiến giải đặc biệt, hoặc lối giảng pháp đặc biệt, thì hãy đưa ra để thảo luận, chẳng phải những gì tôi giảng đều hoàn toàn đúng hết, bất quá tôi chỉ nói một ít phần thôi. Các vị nếu ai có chỗ thấy của mình cao thâm, thì hãy đưa ra để mọi người cùng tham khảo.

266. Lô địa ra ha rị nẫm

Dịch: Quỷ uống máu.

Kệ:
Tầm đàn mịch uế thực huyết quỷ
Hấp ẩm tinh huyết bổ âm tiên
Tối thượng tinh tấn Ba La Mật
Ma Ha Bát Nhã đại pháp thuyền.

Nghĩa là:
Quỷ uống máu tìm vị hôi tanh
Hút uống tinh máu bổ âm tiên
Tối thượng tinh tấn Ba La Mật
Ma Ha Bát Nhã thuyền pháp lớn.

Giảng giải: Câu Chú nầy dịch là “Quỷ uống máu”. Loài quỷ nầy đi các nơi tìm máu uống, bao quát máu mủ mụt ghẻ chảy ra, càng uống càng thơm, uống đầy miệng đều là máu, đều là mủ, chúng cảm thấy thơm ngọt không gì bằng, giống như chúng ta ăn mật ong, cảm thấy rất là có vị đạo. Ha Rị Nẫm tức là “Quyến thuộc của chúng”.
“Quỷ uống máu tìm vị hôi tanh”: Chúng đi các nơi tìm vị hôi tanh, giống như trên thân trâu dê có mùi vị hôi tanh, trên thân cá cũng tanh, chúng cảm thấy ngon vô cùng.
“Hút uống tinh máu bổ âm tiên”: Chúng đi các nơi hút máu người, thích mùi vị máu tanh, để bổ dưỡng chính mình, đây là quỷ tiên thuộc âm.
“Tối thượng tinh tấn Ba La Mật”: Đây là quỷ uống máu, lại tên là Tối thượng. Chúng vốn là quỷ uống máu, nhưng từ khi quy y Phật rồi, thì biến thành Tối thượng tinh tấn, có thể đến được bờ bên kia.
“Ma Ha Bát Nhã thuyền pháp lớn”: Chúng tinh tấn dụng công, sẽ lên thuyền pháp lớn đại trí huệ.

267. Mang ta ha rị nẫm

Dịch: Quỷ uống dầu.

Kệ:
Bạch sắc đại quỷ thực dầu chi
Kim cang bộ mẫu chúng linh hiền
Nhật dạ cần lao sát thiện ác
Công thưởng quá phạt hào bất thiên.

Nghĩa là:
Quỷ lớn màu trắng uống dầu mỡ
Kim cang bộ mẫu chúng linh hiền
Ngày đêm chuyên cần xem thiện ác
Công thưởng lỗi phạt không thiên vị.

Giảng giải: Đây là quyến thuộc của quỷ uống dầu.
"Quỷ lớn màu trắng uống dầu mỡ": Chúng chuyên uống dầu mỡ.
"Kim cang bộ mẫu chúng linh hiền": Chúng cũng gọi là kim cang bộ mẫu. Quyến thuộc là những linh quỷ, loài Dạ Xoa, Dược Xoa.
"Ngày đêm chuyên cần quán thiện ác": Ban ngày, ban đêm, chưa từng nghỉ ngơi để khảo sát thiện ác ở nhân gian.
"Công thưởng lỗi phạt không thiên vị": Người có công thì thưởng cho họ, người có tội thì phạt họ. Tóm lại, tơ hào không sai, cho nên chúng ta mỗi cử chỉ hành động, bất cứ làm gì, đều không thể sai nhân quả. Nếu sai nhân quả, thì quả báo không thể nghĩ bàn.
Trong Chú Lăng Nghiêm có rất nhiều quỷ, cũng có rất nhiều vị Thần, và Thiên long bát bộ. Một khi tụng danh hiệu của Quỷ Thần Vương, thì các quyến thuộc của họ đều phải y giáo phụng hành, không dám không giữ quy cụ. Cho nên người xuất gia, mỗi ngày nên tụng Chú Lăng Nghiêm, tức là trợ giúp thế giới trừ diệt tất cả phi tai hoành hoạ, khiến cho thế giới được bình an.

Người xuất gia, sáng sớm tụng khoá lễ sáng, tối tụng khoá lễ tối, trong sự vô hình, khiến cho hết thảy mọi người đều bình an vui vẻ. Giống như quỷ uống máu, có lúc biến thành rất nhiều hình dạng các loài để hút máu của bạn, hoặc biến thành con ruồi xanh, con muỗi, con ong, vi trùng, không nhất định là một. Tóm lại, loài quỷ quái nầy không nhất định hiện ra hình dáng rất đáng sợ, mà là hiện ra hình dáng rất bình thường, để hút máu của bạn, uống dầu của bạn. Hình tướng giống loài, làm sao mà bạn biết được. Nếu bạn khai mở ngũ nhãn, thì sẽ biết được con ruồi xanh nầy, con muỗi nầy, là quỷ hút máu biến thành. Tuy chúng là vô hình, nhưng có thể biến thành hữu hình để hút máu của bạn. Đạo lý nầy nói ra không thể khiến cho người tin, nhưng là sự thật. Làm thế nào

để trừ được những loài quỷ nầy đến làm phiền bạn? Thì phải tụng Chú Lăng Nghiêm. Tụng Chú Đại Bi sức lực vẫn không bằng tụng Chú Lăng Nghiêm. Nếu hay tụng Chú Lăng Nghiêm, thì con người cũng bình an, thế giới cũng bình an, có sự trợ giúp rất lớn đối với thế giới.

Một khi đọc tụng Chú Lăng Nghiêm, thì những bệnh bệnh ôn dịch truyền nhiễm ở trong hư không cũng đều tiêu diệt. Vốn ở trong không có độc, một khi đọc tụng Chú Lăng Nghiêm, thì độc sẽ giải trừ. Đừng có xem Chú Lăng Nghiêm là rất bình thường, nếu bạn đọc tụng hết toàn bài Chú thì tốt nhất, còn không thể đọc tụng hết, thì đọc tụng một đoạn cũng có sức lực rất lớn, đừng có gặp được vàng thật mà cho nó là đồng. Các vị nghiên cứu Phật học, không thể không tụng Chú Lăng Nghiêm.

268. Mê đà ha rị nẫm

Dịch: Quỷ ăn sản.

Kệ:
Thực sản đại quỷ bách ngàn vạn
Hà cơ chướng nạn Diêm Vương quan
Sinh tức yểu chiết luân hồi chuyển
Háo sát quả báo bất thác thiên.

Nghĩa là:
Quỷ ăn thai sản trăm ngàn vạn
Nguyên do chướng nạn gặp Diêm Vương
Sinh ra rồi chết chuyển luân hồi
Quả báo sát sinh không sai lạc.

Giảng giải: Câu Chú nầy dịch là « Quỷ ăn sản », còn dịch là « Quỷ màu đỏ ». Loài quỷ nầy đi các nơi tìm máu tanh để ăn, do đó bất cứ khi con người, hoặc súc sinh sinh sản, thì loài quỷ nầy đều đến, hoặc uống máu, hoặc ăn nhau thai, hoặc cũng ăn thai. Cho nên nói phàm là người, hoặc súc sinh khi sinh sản, thì chúng vây quanh tứ phía, không biết số là bao nhiêu, đợi khi sinh sản thì cướp lấy mà ăn, hoặc cướp lấy nhau thai để ăn, hoặc do chúng cùng nhau cướp giựt làm cho thai nhi chết.
“Quỷ ăn thai sản trăm ngàn vạn”: Loài quỷ nầy không chỉ là một, mà có nhiều như số cát sông Hằng.
“Nguyên do chướng nạn gặp Diêm Vương”: Chúng ở đó đợi cơ hội sinh sản, thì dùng đủ thứ pháp thuật để làm chướng nạn, hoặc khiến cho người mẹ chết, hoặc khiến cho đứa con chết, cùng nhau đi gặp vua Diêm Vương.

“Sinh ra rồi chết chuyển luân hồi”: Sao lại sinh ra rồi chết, lại đi thọ sinh?
“Quả báo sát sinh không sai lạc”: Là vì kiếp trước thích sát sinh, cho nên nói nếu người minh bạch nhân quả, có nhân thì có quả, thuận theo lẽ tự nhiên mà phát triển, không sầu lo.

269. Ma xà ha rị nẫm

Dịch: Quỷ ăn mạng.

Kệ:
Thọ yểu cùng thông tự tạo duyên
Mạng do ngã lập bất do thiên
Khởi hoặc tác nghiệp ứng thọ báo
Tơ hào bất sai tội triền khiên.

Nghĩa là:
Thọ yểu cùng thông tự tạo duyên
Mạng do ta lập chẳng do trời
Khởi hoặc tạo nghiệp phải thọ báo
Tơ hào chẳng sai tội triền miên.

Giảng giải: Ma Xà là “Quỷ ăn mạng”, bất cứ sinh mạng của con người, hoặc sinh mạng của chúng sinh khác, chúng đều muốn bắt lấy ăn. Mạng tức là một thứ linh tánh, linh tánh mà bị ăn rồi, thì con người sẽ chết đi. Câu Chú nầy lại dịch là “Quỷ thần gió”, thích gió bão, thổi làm cho sinh mạng của cây cối đổ ngã, sinh mạng của nhà cửa sập, sinh mạng của con người cũng đều đổ ngã, bèn cướp đoạt sinh mạng của con người.

“Thọ yểu cùng thông tự tạo duyên”: Thọ là sống lâu, yểu là chết yểu, cùng tức là bần cùng, thông tức là thông đạt, nhân duyên nầy đều là tự mình tạo, nghiệp của mình tự mình tạo.
“Mạng do ta lập chẳng do trời”: Sống lâu, chết yểu, bần cùng, thông đạt, đủ thứ những nhân duyên nầy, đều là do mình tự tạo ra. Mình trồng nhân lành, thì kết quả lành; mình trồng nhân ác thì kết quả ác. Mình cứ phóng sinh, thì sẽ được sống lâu, cứ sát sinh thì sẽ chết yểu. Còn nghèo thì tại sao? Vì kiếp trước bạn cứ đi trộm cắp tài sản của người khác, cho nên đời nầy bị nghèo, bị người khác trộm cắp lại tài sản của bạn, cho nên nói đều là do mình tạo. Thông tức là cố gắng tài bồi công đức lành của mình, thì tất cả sẽ tự nhiên thông đạt thuận lợi.
“Mạng do ta lập chẳng do trời”, sinh mạng là do mình tạo, chứ chẳng phải do ông trời tạo. Nếu do ông trời tạo mạng của bạn, vậy thì ông ta nên khống chế bạn, khiến cho bạn không làm điều xấu, chỉ làm việc tốt mới đúng. Tôi nghe

trong “Thánh kinh” có nói, là vì con người ăn quả thiện ác, cho nên mới không tự chủ được, vậy ông Trời, Chúa trời cũng chẳng có cách gì hết, như vậy thì Chúa trời vẫn không phải là vạn năng. Nếu là vạn năng, thì tại sao ông ta phải để con người ăn quả thiện ác? Mà không thể kêu con người đừng có ăn! Vì bạn rõ biết là thuốc độc, uống vào chắc chắn sẽ chết. Nếu trẻ con muốn uống thuốc độc, thì cha mẹ ở bên cạnh trông coi chúng, biết thuốc độc uống vào sẽ chết, thì tại sao không đem thuốc độc đi giấu chỗ khác, kêu chúng đừng uống! Cha mẹ đều thương con cái, đều không nhẫn tâm nhìn thấy con cái của mình bị uống thuốc độc mà chết, Thiên chúa vạn năng của bạn tại sao lại nhẫn tâm như thế? Nhìn chúng sinh bạn tạo ra, ăn quả thiện ác, bạn có thể không kêu họ ăn mà. Có người nói: “Lúc đó Thiên Chúa ngủ mất rồi, cho nên không nhìn thấy”. Thiên Chúa hay ngủ, vậy chúng ta làm việc gì, cũng không phải ông ta sai bảo, ông ta thường thường ngủ, ông ta không nhìn thấy! Chẳng phải nói, tại sao mắt nhìn không thấy người mà ông ta tạo ra, đi ăn quả thiện ác? Mọi người hãy nghiên cứu vấn đề nầy, chẳng phải tôi không nói đạo lý, hãy nghiên cứu xem. Bạn nói: “Chuyện nầy thì không thể giải thích”. Không thể giải thích tức là hồ đồ, như vậy thì chẳng có lý do. Thiên Chúa không giảng lý do, vậy ai giảng? Thiên Chúa có thể làm tên trộm chăng? Tôi mới không tin.

Cho nên “Mạng do ta lập”, sinh mạng của chúng ta là do mình tạo, chẳng phải do bất cứ chủ tạo vật nào khống chế, nếu bạn cho rằng có chủ tạo vật khống chế sinh mạng của bạn, thì bạn sẽ có một thứ tâm ỷ lại, mình chẳng có chút dụng nào, giống như là người máy. Cho nên nói: “Mạng do ta lập chẳng do trời”, Thiên chúa chẳng quản được sinh mạng của bạn, người nào đó muốn tự tử, hoặc uống thuốc độc chết .v.v… Nếu là Thiên chúa vạn năng, thì tại sao kêu họ làm như thế? Đó thật là quá điên đảo. Thiên chúa vạn năng, sao lại tạo ra những người hồ đồ như thế! Cho nên đừng ỷ lại Thiên chúa, nói tôi cái gì cũng đều do Thiên chúa ban cho tôi, uống một hớp nước là Thiên chúa cho, ăn một miếng cơm cũng là Thiên chúa cho. Thiên chúa thật là một chút cũng đều không sợ làm phiền, những việc nhỏ nhặc của mỗi người như vậy, ông ta đều muốn đích thân đi làm, như vậy thật là quá từ bi! Cho nên tôi không tin gì cũng đều là Thiên chúa ban cho.

“Khởi hoặc tạo nghiệp phải thọ báo”: Câu nầy nói càng rõ ràng hơn, do vô minh sinh ra mê hoặc, khi khởi mê hoặc thì tạo nghiệp, tạo nghiệp thì phải thọ báo.
“Tơ hào không sai tội triền miên”: Đây là tơ hào không sai, cho nên nói tội nghiệp mà bạn tạo ra ràng buộc bạn, làm cho bạn thọ quả báo sống lâu, chết yểu, bần cùng, thông đạt.

Đây chẳng phải là Thiên chúa làm, tôi tin rằng Thiên chúa sẽ không đi lo mấy chuyện nhỏ nhặc như vậy, có người nghĩ ra một ví dụ nói: “Thiên chúa quản lý chúng ta, chúng ta giống như con muỗi nhỏ, Thiên chúa tuỳ tiện kêu người sống thì người sống, kêu người chết thì người chết. Giống như chúng ta đối với con muỗi, thích đập nó một cái thì nó sẽ chết, còn nếu không đập nó thì nó sẽ sống. Khi chúng ta nổi nóng lên, thì đập con muỗi chết. Khi có lòng từ bi thì thả con muỗi đi, Thiên chúa cũng từa tựa như vậy”. Chuyện từa tựa nầy không thể nói được, cho đến có một chút cũng không được, sai một ly thì đi ngàn dặm, cho nên lý luận từa tựa nầy là không cần nói.

270. Xà đa ha rị nữ

Dịch: Quỷ ăn chất béo bẩn.

Kệ:
Cứu hộ quỷ đạo chư chúng sinh
Thực cấu ẩm tương hỉ tanh tinh
Dầu nị cao chi gia thường phạn
Lãnh nhiệt hàn lương bội gia tăng.

Nghĩa là:
Cứu hộ quỷ đạo các chúng sinh
Ăn bẩn uống nước thích hôi tanh
Dầu béo mỡ tảng nhà thường ăn
Rét nóng lạnh mát tăng gấp bội.

Giảng giải: Câu Chú nầy dịch là “Quỷ ăn chất béo bẩn”, cũng dịch là “Cứu hộ”, cũng dịch là “Quỷ đạo”. Quỷ có rất nhiều loài, mỗi loài quỷ đều có quỷ vương, quỷ vương quản lý những quỷ nầy. Nếu quỷ chẳng có quỷ vương, thì chúng càng không giữ quy cụ. Có quỷ vương, đôi khi chúng cũng hay lén lút đi chướng ngại người, gây nhiều phiền toái. Câu kệ nói: “Cứu hộ quỷ đạo các chúng sinh”: Hết thảy chúng sinh quỷ đạo đáng cứu hộ. Loài quỷ nầy chuyên ăn những đồ dơ bẩn, ăn chất béo dơ bẩn, như ăn máu mủ, con người thấy càng dơ bẩn, thì chúng lại càng thích ăn. Chúng ta nhìn thấy đồ vật chúng ăn, thì sẽ nôn mửa. Chúng thích đi khắp nơi tìm những thứ đồ vật nầy để ăn. Đồ vật mà con người thải đi, thì chúng rất thích ăn, chúng nói những đồ vật nầy đã trải qua thực nghiệm hoá học, trong đó chẳng có độc, những thứ đồ vật dơ bẩn nầy, đã thức nghiệm trong công xưởng hoá học của con người thải ra, hợp với tiêu chuẩn khoa học. Cho nên chúng lấy lại ăn, bạn không tin, thì tối nay đi đến

chỗ dơ bẩn nhìn xem, chúng cứ ở chỗ đó quơ lấy, cho nên nói: “Ăn bẩn uống nước thích hôi tanh”:

Chúng ăn đồ dơ bẩn, uống thì uống nước tiểu dơ bẩn nhất. Nước hôi thối nhất, thì chúng đều hoan hỉ uống, lại thích tanh hôi. Mùi trâu dê gọi là hôi, mùi cá gọi là tanh. Chúng rất thích ngửi những mùi vị nầy, thích ăn những đồ vật nầy. Cho nên nói: “Dầu béo mỡ tảng nhà thường ăn”: Hoặc nơi nào có chút mỡ béo, tức là nước mỡ béo, thì chúng sẽ tới. “Trong tánh thuốc” có một thứ thuốc gọi là phấn béo, là phấn mà người dùng tô lên mặt, lấy ra từ nước trong đầu, tức cũng là một thứ dầu béo, thứ mỡ béo nầy cũng là thứ nhà họ thường dùng ăn.

“Rét nóng lạnh mát tăng gấp bội”: Câu nầy là ý nghĩa gì? Ví như có đồ vật lạnh, ăn vào trong miệng của chúng, thì càng lạnh hơn, so với nước đá còn lạnh hơn. Còn đồ vật nóng chúng ăn vào rồi, thì mát hơn một chút phải không? Không phải, đồ vật nóng, chúng ăn vào thì càng nóng hơn, nóng giống như lửa. Có thứ nghiệp nầy thì thọ quả báo nầy. Ha Rị Nữ là chỉ quyến thuộc nữ, ở Ấn Độ, nam gọi là Ha Rị Nam. Nữ cũng gọi nữ.

271. Thị tỷ đa ha rị nẩm.

Dịch: Quỷ ăn cúng tế.

Kệ:
Tế tự hàn lâm đại thụ vương
Vô lượng đống quỷ các bôn mang
Chiến chiến căng căng xỉ giao kích
Tham tâm nghiệp báo dục phát cuồng.

Nghĩa là:
Cúng tế rừng lạnh đại thụ vương
Vô lượng quỷ rét đều bận rộn
Răng trên răng dưới nghiến với nhau
Tâm tham nghiệp báo dục phát cuồng.

Giảng giải: Thị Tỷ Đa dịch là “Quỷ ăn cúng tế”. Phàm là bạn cúng tế cái gì, thì chúng đều chạy đến ăn, thọ sự cúng dường của bạn. Cho nên câu kệ đầu nói là: “Cúng tế rừng lạnh đại thụ vương”. Người cúng tế, có cúng tế trời, cúng tế đất, cúng tế quỷ, cúng tế cây, bày một cái bàn thờ để dưới gốc cây nói: “Ngài là cây rất tốt, Ngài có sức lực rất lớn, thần thông rất lớn”. Kỳ thật, đây chẳng phải là cây có linh, đây là bạn cúng tế ở địa phương đó, những quỷ rét, quỷ đói đó đều chạy lại, cướp lấy ăn những vật bạn cúng tế.

Câu nầy lại dịch là “Rừng lạnh”, trong rừng cây đó rất lạnh lẽo, cho nên hầu hết những quỷ rét đều ở đó, do đó làm cho tiếng gió khí lạnh vù vù, rét lạnh chịu không thấu, so với quạt gió điện, khí lạnh còn mát hơn, tức là những quỷ thiên nhiệt, quỷ rét, hay phóng ra khí lạnh, giống như hơi lạnh ở trong phòng lạnh, trên thân quỷ rét cũng có khí lạnh, vì thọ lạnh, rét đói mà chết, thường có một luồng khí lạnh phóng ra, đó gọi là “Rừng lạnh đại thụ vương”. Là một đại thụ vương rất lớn vô cùng. Con người thì nói cây đó có thần, phải đi cúng tế thần, kỳ thật đó là những quỷ rét chết, ở đó chờ bạn đến cúng tế, thì chúng giành giựt mà ăn, cho nên nói: “Cúng tế rừng lạnh đại thụ vương”.
“Vô lượng quỷ rét đều bận rộn”: Không biết có bao nhiêu quỷ rét chết, quỷ đói chết, quỷ khát chết, ở nơi đó, chờ đợi ăn những đồ vật mọi người cúng tế.

“Răng trên răng dưới nghiến với nhau”: Những quỷ rét đó lạnh thật là đáng thương, răng trên đánh răng dưới, làm vang ra tiếng nghiến răng, so với tiếng đánh mõ tụng kinh của chúng ta, thì tiếng nghiến răng của chúng có thanh, có sắc, giống như tiếng âm nhạc. Răng của chúng đánh với nhau, làm cho người nghe như tiếng âm nhạc. Đây là quả báo gì? Là vì tâm tham, quả báo tâm tham, nên biến thành quỷ rét, biến thành quỷ đói, biến thành quỷ dơ bẩn, cho nên “Tâm tham nghiệp báo dục phát cuồng”, lúc nào cũng đều muốn phát thần kinh. Cho nên quỷ thần kinh nầy, đều có cái đặc biệt như thế. Đại ước của chúng cũng là tâm tham, hoan hỉ kêu người chú ý chúng, cho nên lúc đó chúng đều có sự động tĩnh, răng đánh run lập cập, chiến chiến căng căng, đó là sự rét lạnh.

Bạn có cảm giác khi chúng ta bị rét lạnh, thì hai hàm răng nghiến với nhau chăng? Răng với răng đánh với nhau, đây cũng tình hình như thế. Đây là quỷ rét, cho nên khi cúng tế, có khi quỷ gì cũng đều đến, bạn thắp hương cũng dẫn quỷ đến. Đến nơi không có chánh thần, khi bạn thắp hương lên, thì quỷ liền đến, cho nên chúng ta thắp hương, phải ở trong chánh điện thắp hương, đừng có đến dưới gốc cây đại thụ, miếu thổ địa thắp hương. Thắp hương bậy bạ thì khiến cho quỷ theo bạn, chúng theo bạn nói: “Hãy cho tôi một chút đồ ăn, cho tôi ăn một chút, tôi chưa ăn đủ, bạn hãy cho tôi ăn thêm một chút”. Chúng theo bạn, hoá duyên với bạn, bạn không cho chúng, thì chúng sẽ nổi giận lên, đánh một chưởng làm cho bạn lưng cũng đau, đùi cũng đau, răng cũng đau, thậm chí đầu của bạn cũng đau, những lỗ chân lông cũng đều đau, bạn thấy có lợi hại chăng?

272. Tỳ đa ha rị nẩm.

Dịch: Quỷ ăn hoa.

Kệ:
Chư hoa hàm bao nhị chánh khai
Bằng hữu quyến thuộc quỷ tề lai
Thực mật ẩm lộ giải cơ khát
Lược chỉ hoả phần cứu nghiệp tai.

Nghĩa là:
Các hoa bao hàm hoa mới nở
Bạn bè quyến thuộc quỷ đều đến
Ăn mật uống sương hết đói khát
Dập tắt lửa đốt cứu nghiệp tai.

Giảng giải: Câu Chú nầy dịch là "Quỷ ăn hoa", lại dịch là "Bạn bè". Quỷ có đủ thứ sự khác nhau, một số người cho rằng quỷ đều là hình dáng dữ tợn đáng sợ. Kỳ thật, không nhất định, có khi quỷ cũng hay biến thành người, bạn nhìn thấy còn cho rằng chúng là người bình thường! Nếu đã khai mở ngũ nhãn, thì sẽ biết được.

Quỷ cũng hay biến thành súc sinh, ngựa, dê, thỏ, hoặc loài cá. Vì quỷ có thần thông, không những có thể biến thành súc sinh lớn, mà cũng có thể biến thành súc sinh nhỏ, như chim nhỏ, côn trùng, con kiến, con ong v.v… Ví như con ong, ong thật thì do nghiệp báo mà ra, kết quả do tạo nghiệp thọ báo, ong giả tức là quỷ biến thành, chúng hay ăn mật hoa, cho nên đừng cho rằng quỷ là hình quỷ. Bạn mỗi ngày nhìn thấy rất nhiều rất nhiều quỷ, chỉ là bạn không biết mà thôi. Do đó, trước mặt chẳng biết Bồ Tát Quán Thế Âm, trước mặt cũng chẳng biết là quỷ. Vì bạn mắt thịt nhìn chẳng biết, cho nên không tin là có quỷ, cũng chẳng ai kêu bạn tin, tôi chỉ là nói đạo lý thôi. Bạn hãy tự mình nghĩ tưởng, đừng có mỗi ngày thấy chúng mà không biết.

Quỷ có thể biến thành con bướm, bay đến đậu trên đầu bạn, bạn vốn cũng không biết, nói: "Đừng nói về chuyện nầy, làm cho chúng con sợ, tối cũng ngủ không được". Vậy thì đừng ngủ, tôi nói lời thật thì bạn không tin, đây cũng không có gì kỳ lạ, về sau tôi sẽ nói ít một chút. Bạn nói: "Ngài muốn nói lời giả chăng"? Tôi không nói lời giả, tôi ít nói lời thật, nhưng chắc chắn không nói lời giả. Nói quá nhiều lời thật, mọi người đều không tin.
Tà ma quỷ quái cũng hay biến thành đủ thứ súc sinh, động vật, quyến thuộc của chúng và quyến thuộc của chúng ta khác nhau, ai cũng đều có quyến thuộc của người đó, quyến thuộc của mỗi loài đều có nghiệp báo của họ.

Các vị có còn nhớ năm 1976 không? Chúng ta vừa mới dọn về Vạn Phật Thánh Thành, mua rất nhiều chim, rùa, để phóng sinh. Trong đó có một con rùa xanh lục, nằm ngửa lật qua không được. Có vị cư sĩ họ Mã, đêm đó mộng

thấy có người mặc y phục xanh lạc cầu cứu, ông ta ở trong Vạn Phật Thành đi tìm kiếm khắp nơi, cuối cùng mới nhìn thấy con rùa đó nằm ngửa lật qua không được, bèn giúp nó lật qua, giải nạn cho nó. Rùa tuy là có linh tánh, nhưng thần lực lật thân qua không còn nữa, còn muốn tìm người giải nạn cho nó. Chúng sinh của mỗi loài, đều có quyến thuộc của họ, mỗi quyến thuộc đều có nghiệp báo của họ, đây là một trường hợp, do đó "luân hồi thọ báo".

"Các hoa bao hàm hoa mới nở": Hoa cũng có quyến thuộc của hoa, hoa lại có Thần hoa, quả thì có Thần quả, càng giảng càng huyền diệu. Làm sao quỷ dám khi dối thần hoa? Thần hoa là quản lý về hoa, khi nào hoa nở, khi nào hoa tàn, Thần hoa chủ quản về vấn đề nầy. Quỷ muốn ăn hoa, thì Thần hoa không quản, vì quỷ có thứ nghiệp nầy, có quỷ chuyên môn ăn hoa, loài quỷ nầy có tư cách ăn hoa, cho nên có khi chúng biến thành con bướm đi ăn nhuỵ hoa, mật hoa, phấn hoa, sương hoa. Có khi lại biến thành con ong đi hút mật. Tóm lại, chúng có đủ thứ sự biến hoá, dùng thần thông nghĩ cách đi ăn hoa, trước khi hoa chưa nở thì gọi là hoa búp, hoa nở rồi bên trong gọi là nhuỵ hoa, chúng biến thành bướm ong đi ăn mật ong trong nhuỵ hoa, ăn sương, ăn phấn hoa.

"Bạn bè quyến thuộc quỷ đều đến": Những người bạn bè nầy là bạn bè của quỷ, chẳng phải bạn bè của người, quỷ bạn bè nầy nói: "Tôi mời anh đi uống trà". Do đó biến thành hai con bướm, cùng kéo nhau bay đi đến chỗ có hoa, tha hồ ăn mật hoa, phấn hoa, sương hoa. Cũng giống như mọi người uống rượu, uống đến độ say sưa, uống no, ăn no rồi thì về. Đây là nói quyến thuộc bạn bè của quỷ cùng nhau tụ hội lại ăn, nhuỵ hoa tức là sảnh ăn của chúng.

Khi bạn chưa nghe qua Chú Lăng Nghiêm, thì không biết có nhiều quỷ, đã nghe Chú Lăng Nghiêm rồi, thì mới biết có nhiều quỷ, tại sao vậy? Vì con người tạo tội nghiệp thì đoạ làm quỷ, làm quỷ lâu rồi thì không thể thoát ra. Cho nên có một lần nọ, đức Phật lấy một ít đất hỏi đệ tử rằng: "Đất trong bàn tay của ta nhiều, hay đất ngoài đại địa nhiều"?
Đệ tử đáp: "Đương nhiên đất ngoài đại địa nhiều"!

Đức Phật nói: "Được thân người như đất trong bàn tay, mất thân người như đất ngoài đại địa".
Thân người mất đi rồi làm gì? Tức là đi làm quỷ, như vậy mà cũng còn hỏi. Cho nên quỷ nhiều hơn người, máy vi tính cũng tính không được có bao nhiêu quỷ, trừ khi dùng thần não, thần não là não trên trời.

Có người hỏi: "Sư Phụ! Sự phát minh Thiên não và nhân não như thế nào"? Bạn đi đến trời nhìn xem thì sẽ biết, chẳng phải tôi phát minh, Thiên não nầy không cần người quản lý, bất cứ những gì bạn nghĩ muốn biết, thì nó sẽ tính ra,

rất là tự nhiên, không cần dùng một chút sức nào hết, không cần phải mở điện lên, như điện não còn phải mở điện lên, bật máy lên rồi mới tính toán. Thần não thì không cần tính toán, nói đến thần não, bạn không biết nhưng nó đều biết, trong tâm bạn nghĩ gì, nó cũng biết. Nhưng số mục quỷ thì dùng thần não cũng không tính đếm được số bao nhiêu, vì quá nhiều, vừa mới tính rồi, qua một giây, thì lại tăng thêm rất nhiều, rất nhiều, cho nên không có cách gì tính đếm được số mục bao nhiêu, vì quỷ cũng hốt nhiên trên trời, hốt nhiên dưới đất, chẳng có nhất định, cho nên không cách gì tính đếm được số mục.
Quỷ có quyến thuộc của quỷ, bạn bè của quỷ, chúng biết nơi nào có đồ ăn, thì mời bạn bè của chúng cùng đi ăn, bạn bè của chúng liền đến, do đó “Ăn mật uống sương hết đói khát”, ăn mật trong hoa, uống chút sương trong hoa, thì giải trừ được sự đói khát.

“Dập tắt lửa đốt cứu nghiệp tai”: Loài quỷ nầy từ sáng đến tối, đều có lửa thiêu đốt chúng, bên trong có lửa, bên ngoài cũng có lửa. Lửa nầy từ đâu đến? Từ nghiệp báo mà đến. Tại sao phải thọ quả báo nầy? Vì kiếp trước nóng giận quá lớn, sau khi chết rồi bị đoạ làm quỷ, thật là không thoải mái chút nào. Ban ngày cũng bị lửa đốt, ban đêm cũng bị lửa đốt, ai kêu bạn quá nóng giận, thiêu đốt toàn thân, lửa bên ngoài cũng đốt, lửa bên trong cũng đốt, thiêu đốt trong ngoài. Nhưng khi ăn chút mật hoa, thì khiến cho mát mẻ bớt nóng bức được khoảng một giây, dù một giây cũng cảm thấy rất tốt, rất có ý nghĩa. Nghiệp báo của chúng là như thế, thật là đáng thương!

273. Bà đa ha rị nẩm

Dịch: Quỷ ăn.

Kệ:
Đại thân nương mẫu quả tân tiên
Kiến sắc văn hương khứu vị tiền
Xúc thực tư chi đồng thọ dụng
Nhân duyên như thị nghiệp giao tiên.

Nghĩa là:
Thân lớn nương mẫu quả tươi mới
Thấy sắc nghe mùi ngửi vị trước
Xúc thực nghĩ ăn cùng thọ dụng
Nhân duyên như vậy đều do nghiệp.

Giảng giải: Câu Chú nầy lại dịch ra có ba ý nghĩa: “Thân lớn”, “Nương mẫu”, “Trái cây”.

"Thân lớn nương mẫu quả tươi mới": Ăn có bốn thứ, chúng ta chúng sinh hữu hình ăn uống gọi là phần đoạn thực. Chúng sinh vô hình có xúc thực, có tư thực, có thức thực. Xúc tức là tiếp xúc, tư tức là nghĩ tưởng, thức thì cho đến nghĩ tưởng cũng không cần nghĩ tưởng thì có thể ăn. Phàm là có huyết khí, chúng sinh có hình tượng, ăn vật gì đều gọi là phần đoạn thực. Phần đoạn tức là bạn có phần của bạn, tôi có phần của tôi. Đoạn tức là một đoạn, một đoạn, tức cũng là một bữa ăn, một bữa ăn. Giống như buổi sáng, buổi trưa, buổi tối. Khi bạn cho súc sinh ăn, thì cũng là cho ăn buổi sáng một lần, trưa một lần, tối một lần. Bạn thấy chim nhỏ không, sáng sớm dậy liền đi các nơi tìm thức ăn, ban ngày có thức ăn thì chúng ăn một chút, không có gì ăn thì chúng nhảy nhót trên cây, từ cành cây nầy nhảy qua cành cây khác, từ cành cây kia lại nhảy qua cành cây nọ, cảm thấy vô câu vô thúc, không quái không ngại, không có gì bị ràng buộc, "Ê, hãy nhìn phòng của tôi lớn cỡ nào, tận hư không khắp pháp giới, chỗ nào cũng đều là chỗ tôi ở"! Nhưng các bạn phải biết, cho đến con chim nhỏ cũng có đồng loại của nó, cùng nhau ở một chỗ, nếu không muốn đến làm khách nhà người khác, cũng không thể được, chúng sẽ đá đánh với nhau.

Tôi còn nhớ con hạc trắng ở trên núi của Vạn Phật Thánh Thành, con hạc trắng thường thường đá nhau với con chim ưng. Năm ngoái con chim hạc trắng nhỏ bị đá bị thương, hoặc là vì lúc bị đá, thì từ trên nhánh cây cao té xuống bị thương. Vì Quả Đà kiếp trước đã từng làm bạn với nó, kiếp trước đại khái Quả Đà cũng từng làm con chim hạc, vì nghe một chút Kinh, cho nên đời nầy được làm người, anh ta thấy con chim hạc trắng nầy bị thương, bèn đem nó vào nhà thương để chữa trị, không ngờ y tá cũng không có cách nào chữa, thương mà không giúp gì được, bèn mang con chim hạc trở về, thả nó vào rừng. Các vị cũng không nói cho tôi nghe, con chim hạc lớn đó thua một trận, bảo hộ nó, nhưng không biết sao con chim ưng lại đến, bắt nó mang đi. Cho nên mỗi loài đều có quyến thuộc của chúng.

Câu Chú nầy dịch ra là "Thân lớn", loài quỷ nầy không thấy thân mình, bạn nhìn thấy thì biết chúng là đỉnh thiên xúc địa, đầu đội trời, chân đạp đất, thật là oai phong, thế lực của chúng thật là lớn! Đây là nghĩa thân lớn! Nương mẫu tức là quỷ mẹ con, quỷ mẹ con có rất nhiều, chẳng phải chỉ có một. Vị nầy gọi là nương mẫu, lại còn dịch là "Quả tươi", trái cây. Nói đến trái cây, các bạn phải biết, trái cây hái xuống rồi, chưa đem dâng cúng Phật, thì có hai trái cây. Ví như một quả tần bà, tổng cộng có hai quả tần bà, một có thể nói là cái bóng, một cũng có thể nói là linh tánh của quả tần bà, cái tánh của quả tần bà. Chúng ta mỗi người, cũng chẳng phải chỉ có một người, cũng có hai người, bất quá hai người nầy cũng thường thường ở bên trong, ở trong thân thể của con

người, nó chẳng chạy ra, vì nó chạy ra thì e rằng bị kẻ khác ăn nó mất. Ai ăn? Yêu ma quỷ quái chạy đến muốn ăn hồn phách của bạn, cho nên nó không chạy ra ngoài, bạn nói sư phụ: "Hôm nay Ngài giảng chẳng có căn cứ gì hết".

Tôi bèn nói: "Tôi không giảng lời thật, tôi giảng lời thật thì chẳng có ai nghe". Con người, bất cứ là biến thành người gì, ở phía sau của bạn còn có một cái bóng. Ví như ngựa biến thành người, kiếp trước là ngựa, thì đời nầy ở phía sau lưng của bạn có hình bóng con ngựa. Bất cứ bạn là gì, thì có hình bóng đó phía sau bạn. Cho nên người khai ngũ nhãn nhìn, thì biết người nầy nguyên lai là con thỏ, kiếp trước của họ là con thỏ, họ nhìn một cái là biết liền. Tại sao chẳng có nhiều người khai ngũ nhãn? Nếu nhiều người khai ngũ nhãn, thì e rằng bạn sẽ tiết lộ ra hết đời trước của họ. "Bạn xem! Bạn chẳng phải là người, người đó là con chó tái sinh". Bạn nói như thế thì mọi người đều cho rằng đó là con chó, ai cũng không dám làm bạn với họ, sợ họ cắn, có đúng chăng? Vì lẽ đó, cho nên không thể kêu bạn biết quá nhiều, thiên cơ bất khả lậu.

Trái cây chẳng có khí huyết, chẳng phải động vật, mà là sinh vật, sinh vật nầy cũng có sinh mạng, nó cũng muốn sống, không muốn chết. Tại sao nó có sinh mạng? Vì nó có tánh, cho nên trái cây cúng Phật, hoặc cúng quỷ, thì Phật cũng ăn cái tánh đó. Quỷ ăn trái cây, chẳng phải cầm lấy trái cây cắn ăn, quỷ cũng chỉ ăn cái tánh đó, chúng hút cái tánh đó đi mất. Chúng hút tánh trái cây đi rồi, khi bạn ăn trái cây đó, thì chẳng còn mùi vị trái cây nữa. Giống như lúc tôi ở tại Đông sơn lĩnh, chỗ tôi ở có mấy con gấu, gấu ăn vật gì thì cũng không nhai, chỉ nuốt trựng, như nuốt trựng trái lê vào bên trong, cũng không tiêu hoá, sau đó thải ra ngoài thì trái lê vẫn còn nguyên vẹn, nhưng không còn mùi vị nữa. Tại sao vậy? Vì đã trải qua công xưởng hoá học tiêu hoá, đã lấy đi tinh hoa của trái cây rồi, nên chẳng còn mùi vị nữa. Từ con gấu ăn lê, bạn sẽ biết quỷ ăn lê cũng chẳng phải ăn quả lê, mà chỉ ăn cái "tánh" thôi.

Cho nên nói "Quả tươi mới", bạn xem đó, trái cây bạn đã cúng tế quỷ thần rồi, hoặc đã cúng Phật Bồ Tát rồi, thì trái cây không thể để được lâu, sớm sẽ hư thối. Tại sao vậy? Cũng giống như con người còn sống thì không thối, nhưng sau khi chết rồi, linh hồn chẳng còn nữa, thì tử thi sớm sẽ thối. Trái cây cũng thế, bạn thấy trái cây đó có sinh tánh, nó không thể sớm hư được, chết rồi thì sớm sẽ hư thối. Trái cây hư thối không thể ăn, ăn vào chẳng có dinh dưỡng gì hết, bạn mua đồ vật, lại mua lúa tẻ, lại mua cái nầy cái nọ, nói là có dinh dưỡng, đó chẳng phải. Thật có dinh dưỡng, tức là vật gì chẳng hư thì đều có dinh dưỡng, khi hư rồi thì dinh dưỡng chẳng còn nữa.

"Thấy sắc nghe mùi ngửi vị trước": Thấy được nhan sắc trái cây rồi, thì cũng ngửi được hương vị của trái cây, rất thơm, "ngửi vị trước", chúng ngửi được

mùi thơm rồi, thì chúng muốn ăn, cho nên chúng đến chỗ trái cây đó hút khí một cái, thì ăn xong trái cây đó, chúng đến hút khí một cái là đã ăn rồi. “Sư Phụ, tại sao Ngài biết”? Vì quá khứ tôi cũng đã từng làm quỷ, nên tôi còn nhớ chuyện quỷ ăn như thế.

Xúc thực, quỷ là xúc thực, chúng ăn vật ăn, có thể tiếp xúc đến vật đó, hút một cái là đã ăn rồi. Bạn xem người trời là tư thực, tức là họ chỉ nghĩ tưởng một cái thì no rồi. Ở cõi trời Tứ Không Xứ, lấy thức làm thức ăn, tức là họ dùng tám thức làm ẩm thực của họ, cho nên nói: “Xúc thực nghĩ ăn cùng thọ dụng”, đều đắc được thọ dụng, cùng nhau đắc được thọ dụng. “Nhân duyên như vậy đều do nghiệp”: Nhân duyên như vậy có nghiệp báo đó không thể nghĩ bàn.

274. A du giá ha rị nữ

Dịch: Quỷ ăn hạt giống ngũ cốc.

Kệ:
Vô ưu khả ái hoa thụ danh
Ngũ cốc chủng tử tánh bất sinh
Hựu dịch vô tỉ sắc quang diệm
Thiên biến vạn hoá diệu thông linh.

Nghĩa là:
Tên cây Vô ưu hoa khả ái
Tánh hạt giống ngũ cốc không sinh
Lại dịch vô tỉ sắc quang diệm
Thiên biến vạn hoá diệu thông linh.

Giảng giải: Câu Chú Lăng Nghiêm nầy, là câu 274, vẫn là hội thứ ba, dịch ra là « Vô ưu », tức là cây Vô ưu. Khả ái, tức là hoa khả ái. Quỷ nầy không giống như quỷ ăn hoa, quỷ ăn lửa ở trước. Loài quỷ nầy chuyên môn ăn ngũ cốc, ăn hạt giống ngũ cốc, cho nên có những ngũ cốc gieo xuống rồi, không mọc lên, tức là đã bị quỷ ăn mất. Vì chúng ta không hiểu được cảnh giới của quỷ, cho rằng quỷ tức là quỷ, kỳ thật, trong loài quỷ cũng phân ra đủ thứ màu sắc, ngàn sai vạn biến, chẳng phải một loài quỷ.

Bình thường chúng ta biết tức là quỷ, quỷ có nhiều loài như số cát sông Hằng. Hiện tại đang giảng về loài quỷ nầy, chúng chuyên môn ăn cái tánh hạt giống ngũ cốc. Cái tánh hạt giống ngũ cốc đã ăn mất rồi, thì hạt giống gieo vào trong đất sẽ không sinh ra ngũ cốc, cho nên kệ nói: “Tên cây Vô ưu hoa khả ái, Tánh hạt giống ngũ cốc không sinh”. Bất cứ hạt giống ngũ cốc gì, mà bị loài quỷ nầy

ăn rồi, thì sẽ không sinh ra ngũ cốc. Chúng cũng chỉ "ăn cái tánh" của ngũ cốc thôi, cái tánh mà bị ăn rồi, thì sẽ không mọc lên, tánh bị ăn rồi, thì cũng như đã chết rồi.

"Lại dịch vô tỉ quang sắc diệm, Thiên biến vạn hoá diệu thông linh": Có chỗ lại dịch ra là "A Du Giá, A Sắc Trá", A Sắc Trá, lại dịch là "Vô tỉ sắc quang", thứ màu sắc nầy, thứ quang minh nầy, đều vô tỉ, không gì sánh bằng. "Thiên biến vạn hoá diệu thông linh", tuy là một thứ quỷ, nhưng chúng đều có thần thông thiên biến vạn hoá, bất quá chúng có sự chấp trước của quỷ. Tuy có thần thông, nhưng chúng vẫn còn một chút vô minh không phá được, do phá không được, cho nên chúng chấp trước vào thần thông nầy, cảm thấy rằng cũng rất tốt, cũng rất thiên biến vạn hoá, có một thứ linh cảm.

275. Chất đa ha rị nữ

Dịch: Quỷ ăn đèn.

Kệ:
Thực đăng ẩm quang thôn hoả yên
Háo thắng cang cường tranh trường đoản
Tâm vô quái ngại ly khủng bố
Điên đảo mộng tưởng nhất khái quyên.

Nghĩa là:
Ăn đèn uống sáng nuốt lửa khói
Háo thắng cang cường tranh dài ngắn
Tâm không quái ngại lìa sợ hãi
Điên đảo mộng tưởng đều trừ sạch.

Giảng giải: Câu Chú nầy dịch là "Thắng tâm", có tâm háo thắng, còn gọi là "Quỷ ăn đèn". Nhìn kỹ càng một chút, thì loài quỷ nầy chuyên môn ăn đèn. Tại sao loài quỷ nầy ăn đèn? Vì đó là dùng chút dầu đèn, dầu rất là dơ bẩn, chúng đến ăn ánh sáng của đèn, ăn đèn làm ẩm thực của chúng. Câu đầu tiên bài kệ nầy nói: "Ăn đèn uống sáng nuốt lửa khói, háo thắng cang cường tranh dài ngắn". Thời thời đều tranh luận dài ngắn, biện luận thị phi, có sự háo thắng cang cường, rất là cang cường. Lúc nào cũng đều tranh đạo lý nầy, cho nên nói háo thắng cang cường, rất là cang cường, tranh dài ngắn với người, tranh đúng và chẳng đúng, tranh thị phi.
"Tâm không quái ngại lìa sợ hãi": Nếu hay tu hành, thì trong tâm chẳng có sự quái ngại, chẳng có sự sợ hãi, gì cũng đều không sợ.

“Điên đảo mộng tưởng đều quét sạch”: Cũng chẳng còn điên đảo, cũng chẳng còn mộng tưởng, đều trở về thanh tịnh, thảy đều quét sạch hết.

276. Đế sam tát bệ sam

Kệ:

Oai đức trảm tà phá ác ma
Tiếu ngôn thiện tai nhiếp chánh đức
Cảm hoá hàm thức tu giới định
Phản bổn hoàn nguyên quy y Phật.

Nghĩa là:
Oai đức chém tà phá ác ma
Cười nói lành thay nhiếp chánh đức
Cảm hoá chúng sinh tu giới định
Trở về nguồn cội nương tựa Phật.

Giảng giải: Câu Chú nầy là câu thứ 276 trong hội thứ ba, ý nghĩa câu Chú nầy dịch ra là “Oai đức”, lại dịch là “Chém tà phá ác”, lại dịch là “Cười nói”, lại dịch là “Lành thay”, là một thứ pháp sinh thiện diệt ác.
“Oai đức chém tà phá ác ma, Cười nói lành thay nhiếu chánh đức, Cảm hoá chúng sinh tu giới định, Trở về nguồn cội nương tựa Phật”: Tất cả quỷ thần vương nầy, đều có đại oai đức, nhờ chúng có oai đức, cho nên chúng hay dùng pháp chém phục, để chém phục bàng môn tả đạo, yêu ma quỷ quái, hoặc ngưu quỷ xà thần. Những gì hại người, không chánh đáng, đều thuộc về tà thuật, tà pháp, tà tri, tà kiến, chúng đều chém phục.

Chúng hay phá ác sinh thiện, sinh tất cả thiện, phá tất cả ác. Những ác ma đó giống như những người ương ngạnh không nói đạo lý, những người không nói đạo lý đó, đều là từ ác ma tái sinh. Bạn đối với chúng tốt, thì chúng cũng cảm thấy không tốt; bạn lấy máu cho chúng uống, thì chúng cảm thấy không đủ, bạn lấy thịt cho chúng ăn, thì chúng vẫn cảm thấy không đầy đủ. Tóm lại, chúng tham mà không chán, bạn đối với chúng tốt như thế nào, thì chúng cũng cảm thấy bạn không tốt. Đây là một thứ ác, ác tập không đổi, chẳng có chánh tri chánh kiến, chỉ có tà tri tà kiến.

“Cười nói lành thay nhiếp chánh đức”: Những vị quỷ thần vương nầy đối với chúng sinh, sinh ra một thứ tâm hoan hỉ, dùng một thứ lời lẽ vui cười để nhiếp thọ chúng sinh. Lành thay, chúng dùng pháp môn tốt nầy, pháp môn thiện nầy, để nhiếp thọ chúng sinh có đức, cho nên nói “Nhiếp chánh đức”.

“Cảm hoá hàm thức tu giới định”: Quỷ thần vương nầy tuy có đại oai đức, có đại thần lực, nhưng chúng không dùng oai đức để giáo hoá chúng sinh, mà dùng cảm hoá từ bi hỉ xả, thứ sức lực nầy để giáo hoá chúng sinh, khiến cho chúng sinh hiểu biết triệt để, bỏ mê về giác triệt để, biết đường về nhà triệt để. Chúng cảm hoá chúng sinh hữu tình có huyết có khí, có tri giác, tức cũng là tất cả chúng sinh thông minh hơn một chút, khiến cho chúng sinh tu giới, tu định, tu huệ, siêng tu giới định huệ, diệt trừ tham sân si.
“Trở về nguồn cội nương tựa Phật”: Như vậy khiến cho chúng sinh trở về nguồn cội, nương tựa Phật, nương tựa Pháp, nương tựa Tăng, nương tựa Tam Bảo, thoát khỏi sáu nẻo luân hồi.

277. Tát bà yết ra ha nẩm

Kệ:
Thượng lai nhất thiết quỷ thần vương
Giai vi thủ lĩnh hộ thập phương
Thiện tín phát tâm cầu chánh đạo
Trợ nhữ trực đạt bồ đề đường.

Nghĩa là:
Thượng lai tất cả quỷ thần vương
Đều làm thủ lĩnh hộ mười phương
Thiện tín phát tâm cầu chánh đạo
Trợ giúp đạt đến đạo bồ đề.

Giảng giải: Tát Bà dịch là “Tất cả”, tức là chỉ ở trước từ “Dược Xoa Yết Ra Ha, Ra Xoa Tư Yết Ra Ha, Tất Rị Đa Yết Ra Ha, Tỳ Xá Giá Yết Ra Ha, Bộ Đa Yết Ra Ha, Cưu Bàn Trà Yết Ra Ha, Bổ Đơn Na Yết Ra Ha, Ca Tra Bổ Đơn Na Yết Ra Ha, Tất Kiền Độ Yết Ra Ha, A Bá Tất Ma Ra Yết Ra Ha, Ô Đàn Ma Đà Yết Ra Ha, Xa Dạ Yết Ra Ha, Hệ Rị Bà Đế Yết Ra Ha, Xã Đa Ha Rị Nẫm, Yết Bà Ha Rị Nẩm, Lô Địa Ra Ha Rị Nẩm, Mang Ta Ha Rị Nẩm, Mê Đà Ha Rị Nẩm, Ma Xà Ha Rị Nẩm, Xà Đa Ha Rị Nữ, Thị Tỷ Đa Ha Rị Nẩm, Tỳ Đa Ha Rị Nẩm, Bà Đa Ha Rị Nẩm, A Du Giá Ha Rị Nữ” cho đến “Chất Đa Ha Rị Nữ”, tất cả quỷ thần, thần tướng nầy, đều là thủ lĩnh của quỷ thần, cho nên nói “Thượng lai tất cả quỷ thần vương”, từ “Dược Xoa Yết Ra Ha” đến đây, tất cả quỷ thần, quỷ vương, thần tướng, Kim Cang lực sĩ, tất cả quyến thuộc đều bao quát hết trong đó.

“Đều làm thủ lĩnh hộ mười phương”: Chúng đều là thượng thủ trong các loài quỷ, hoặc là thượng thủ trong các vị thần. Tuy nói là quỷ vương, thần tướng,

nhưng đều không hại người, mà là bảo hộ an toàn người tu đạo trong mười phương.
"Thiện tín phát tâm cầu chánh đạo": Thiện nam tín nữ phát tâm vô thượng bồ đề, muốn tìm cầu pháp môn chân chánh để tu hành.
"Trợ giúp đạt đến đạo bồ đề": Những vị thần tướng quỷ vương nầy, trợ giúp bạn đạt đến quả vị vô thượng bồ đề.
Ở trước nói về rất nhiều quỷ thần từ đâu đến? Chúng ta phải biết, tất cả chúng sinh đều có hồn quỷ của họ, chó thì có hồn quỷ của chó, mèo thì có hồn quỷ của mèo, bất cứ trâu ngựa dê gà chó heo, bất cứ chúng sinh gì, cũng đều có hồn quỷ của họ. Chúng sinh lớn thì có hồn quỷ lớn, chúng sinh nhỏ thì có hồn quỷ nhỏ.

Chủng loại hồn quỷ rất là nhiều, hình tướng cũng đều khác nhau. Con người thường nói sợ quỷ, kỳ thật, chúng ta với quỷ vốn chẳng có gì cách biệt, bất quá quỷ ở cõi âm, con người ở cõi dương mà thôi. Âm và dương vốn là một thể, chẳng có gì phân biệt. Nhưng tham sân si của quỷ nặng hơn, con người thì giới định huệ nhiều hơn một chút. Do đó, quỷ biến thành một thứ âm khí, con người và súc sinh thì có một thứ dương khí, cho nên hình thành một thứ hình tướng. Sao lại có thứ hình tướng nầy? Vì có đủ thứ sự chấp trước, cho nên bị giam hãm trong năm uẩn, chạy không khỏi phạm vi năm uẩn: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, che lấp đi tự tánh, giống như ánh sáng mặt trời bị mây che, chỗ có ánh sáng mặt trời thì thuộc dương, chỗ không có ánh sáng mặt trời thì thuộc âm.

Âm dương vốn là một, chỉ vì bị mây năm uẩn phân chia. Chúng ta bị nhốt ở trong năm uẩn, còn quỷ thì bị mê mờ ở trong rừng năm uẩn, cũng chạy không khỏi, do đó sinh rồi lại chết, chết rồi lại sinh, sinh rồi thì làm người, chết rồi thì làm quỷ. Nếu ai tu hành thì sẽ không làm quỷ, tu hành tốt thì sẽ thành Phật, hoặc thành Bồ Tát, hoặc chứng quả A La Hán, hoặc hay giữ năm giới tu thập thiện, thì sẽ sinh về trời làm thần.
Chúng ta học Phật pháp, thường phải thanh tịnh. Năm giới nầy, người học Phật đều phải giữ gìn:
1. Không sát sinh.
2. Không trộm cắp.
3. Không tà dâm.
4. Không nói dối.
5. Không uống rượu.

Không sát sinh tức là từ bi. Không trộm cắp tức là nghĩa khí. Không tà dâm tức là chánh nhân quân tử. Không nói dối tức là người trọng chữ tín. Không uống rượu thì không bị tán loạn. Sát sinh thì tương lai bị quả báo hay đau bệnh và

chết yểu. Trộm cắp thì bị quả báo nghèo cùng khổ sở. Tà dâm thì bị quả báo làm chim se sẻ, uyên ương, hoặc háo cao vụ viễn, cũng sẽ biến thành loài chim.

Chúng ta đừng sát sinh, vì tất cả chúng sinh từ vô lượng kiếp đến nay, đều làm thân bằng quyến thuộc, bạn bè, cha mẹ, tổ tiên với nhau. Cha mẹ kiếp trước tạo tội nghiệp, thì đời nầy sinh làm bò, làm heo v.v… Nếu chúng ta giết chúng, thì cũng giống như chúng ta gián tiếp giết cha mẹ của chúng ta. Còn trộm cắp? "Những gì chúng ta không muốn, đừng bố thí cho người khác". Mình không muốn người khác trộm cắp đồ của mình, thì trước hết mình đừng trộm cắp đồ của họ.
Quả báo tà dâm là nặng nhất trong luật nhân quả, hình phạt của người phạm tà dâm cũng rất nặng. Vợ chồng kết hôn rồi, phải sống tới già tóc bạc, không thể tuỳ tiện ly hôn. Y theo luật nhân quả nói: Phàm là người ly hôn, lại kết hôn, bất cứ nam nữ đến lúc chết, thì thân thể phải phân ra hai phần, vì bạn có quan hệ hai bên, lúc đó, Diêm Vương sai tiểu quỷ dùng cái cưa, cưa từ đầu xuống dưới bàn chân. Bạn kết hôn bao nhiêu lần, thì phải cưa bấy nhiêu phần. Kết hôn với một trăm người nam, thì phải bị cưa ra một trăm phần, mỗi người nam được một chút. Người nam cũng giống nhau, nếu kết hôn với một trăm người nữ, thì phải bị cưa ra một trăm phần, mỗi người nữ được một phần, phân ra nhỏ nhỏ, có gì không tốt?

Lại phải đem những linh tánh những phần đó tụ lại với nhau, cơ hội không dễ gì đắc được! Nếu không đắc được cơ hội, thì vĩnh viễn tánh hoá linh tàn, giống như cỏ cây, biến thành thực vật vô tình, vì bổn tánh của bạn đã bị phân chia, tánh của bạn không đủ, thì không thể làm hữu tình chúng sinh nữa. Nếu được làm chúng sinh, thì sẽ làm loài muỗi, một người có thể biến thành tám vạn bốn ngàn con muỗi, làm muỗi rồi, lại sẽ làm muỗi nữa, cứ làm hoài như thế, làm mãi không ngừng. Chúng sinh thì như thế, vẫn không biết hồi đầu, do đó: "Biển khổ vô biên, hồi đầu là bờ", đều là bỏ giác hợp trần, không biết bỏ trần hợp giác, ở trong luân hồi sinh rồi lại chết, chết rồi lại sinh. Phải biết đạo lý rằng: "Mất đi thân người, vạn kiếp khó được lại", thân người chúng ta mất đi rồi, bao nhiêu vạn đại kiếp, cũng không dễ gì khôi phục lại.

278. Tỳ đà dạ xà

Dịch: Đại minh chú tạng.

Kệ:
Đại minh chú tạng diệu nan lường

Chánh giác oai đức tối thắng vương
Biến nhất thiết xứ quang phổ chiếu
Phật bảo thường trụ vĩnh cát tường.

Nghĩa là:
Chú tạng đại minh diệu khó lường
Chánh giác oai đức tối thắng vương
Biến nhất thiết xứ quang chiếu khắp
Phật bảo thường trụ luôn các tường.

Giảng giải: “Tỳ Đà Dạ Xà”, đây là hội thứ ba của Chú Lăng Nghiêm, câu thứ 278. Đoạn Chú nầy là pháp hàng phục – Một thứ pháp hàng phục thiên ma, chế các ngoại đạo. Cho nên không thể tuỳ tiện đem ra thử nghiệm. “Tỳ đà dạ xà, Sân đà dạ di, Kê ra dạ di”, phía sau đoạn câu nầy phải tụng lại nhiều lần, đây là dùng oai đức Tam Bảo Phật Pháp Tăng để hàng phục thiên ma ngoại đạo, lị mị vọng lượng, sơn yêu thuỷ quái, hàng phục những loại tà quỷ, ma con, ma cháu không chánh đáng nầy.

“Tỳ Đà” tức cũng là “Phật đà”, Phật đà dịch là “Giác giả”, giác giả tức là “Ba giác viên, vạn đức đầy”. Ba giác tức là: Tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn. Tự giác là gì? Tự giác là chỉ hàng nhị thừa, phàm phu thì không giác, nhị thừa chỉ là tự giác, mà chẳng giác tha, cho nên trình độ của hàng nhị thừa vẫn chưa đủ. Bồ Tát đại thừa mới được tự giác, giác tha, nhưng chưa được giác mãn, chỉ có Phật tự giác cũng viên mãn, giác tha cũng viên mãn, tự giác, giác tha, giác hạnh, đều viên mãn, cho nên thành Phật, vạn đức cũng đầy đủ.

“Tỳ Đà Dạ Xà”: Dịch ra là “Oai đức”, lại dịch ra là “Tối thắng”. Câu Chú nầy còn là Chú đại minh đại quang minh tạng, đại minh chú tạng, một khi tụng chú nầy, thì quang minh chiếu khắp, cho nên bài kệ nói: “Đại minh chú tạng diệu khó lường, Chánh giác oai đức tối thắng vương, Biến nhất thiết xứ quang chiếu khắp, Phật bảo thường trụ luôn cát tường”. Khi bạn niệm đại minh chú nầy, thì ba ngàn đại thiên thế giới đều phóng đại quang minh, cho nên chỗ diệu của câu Chú nầy, bạn không cách chi biết được bao nhiêu, cho nên gọi là “diệu khó lường”. “Tỳ Đà” dịch ra là “Phật đà”, Phật đà tức là Chánh Giác, cho nên nói “Chánh giác oai đức”. “Dạ Xà” dịch ra là “Oai đức”, lại dịch ra là “Tối thắng”. Câu Chú nầy là Phật bảo, Phật bảo thường trụ, cho nên nói “Biến nhất thiết xứ quang chiếu khắp”, quang minh của Phật Tỳ Lô Giá Na cũng là biến nhất thiết xứ (khắp tất cả mọi nơi), quang minh chiếu khắp. Phật bảo thường trụ tại thế gian, thì sẽ đặc biệt cát tường.

“Sân Đà Dạ Di”, tức là nói Pháp bảo, còn câu phía sau là “Kê Ra Dạ Di” là Tăng bảo. Tức là Phật, Pháp, Tăng, Tam Bảo, oai đức gia bị, cho nên tất cả

bàng môn tả đạo đều bị nhiếp phục hàng phục. Đoạn Chú nầy là pháp hàng phục, đến câu cuối cùng “Kê Ra Dạ Di, Ra Xoa Võng, Bà Già Phạm, Ấn Thố Na Mạ Mạ Toả”, đây đều là pháp hàng phục.

279. Sân đà dạ di

Dịch: Chém kẻ tội nương Chú.

Kệ:
Y phụ tội giả trảm kỳ tinh
Như ý bảo luân pháp vương tâm
Ngã kim thủ niệm đệ nhất nghĩa
Liên hoa pháp bộ trú dạ hành.

Nghĩa là:
Kẻ tội nương tựa chém tinh thần
Tâm pháp như ý bảo luân vương
Con nay trước niệm đệ nhất nghĩa
Pháp bộ liên hoa ngày đêm tu.

Giảng giải: Câu Chú “Sân Đà Dạ Di” nầy, là câu thứ 279 trong hội thứ ba, “Kẻ tội nương tựa chém tinh thần, Tâm pháp như ý bảo luân vương, Con nay trước niệm nghĩa đệ nhất, Pháp bộ liên hoa ngày đêm tu”. “Kẻ tội nương tựa”, trong pháp hàng phục nầy, tức là một số người nói đến “Quỷ trong thân”, quỷ nầy ở trong thân người, bạn nhìn chẳng thấy chúng. Con mắt thịt của phàm phu nhìn chẳng thấy con quỷ nầy, nhưng chúng nương thân người nói chuyện được. Bạn thấy trên báo chí mấy ngày trước đây, nói tại Anh Quốc, có một minh tinh hài chết, vợ của anh ta thông qua một người đồng cốt, nói chuyện với chồng cô ta, nói nhiều tiếng đồng hồ. Nội dung nói chuyện, người khác không biết được, lúc ông ta còn sống, chỉ có hai người họ biết thôi. Những lời đó anh ta đều nói cho vợ anh ta biết. Đây tức là lời Quảng Đông gọi là “Quỷ trong thân”, nếu chiếu theo lời văn, thì nói “Kẻ tội nương tựa”, kẻ tội nương tựa, tức là quỷ trong thân. Quỷ ở trong thân, bạn nhìn chẳng thấy chúng, bạn có thể nghe chúng nói chuyện, nhưng có khi chúng chẳng giữ quy cụ, nói bậy nói bạ.

Câu Chú nầy là hàng phục những quỷ “Kẻ tội nương tựa”. Làm thế nào để hàng phục? Chém tinh thần của quỷ, quỷ cũng có tinh thần của quỷ, đều bị tiêu diệt hết. Bạn thường niệm câu Chú nầy, niệm càng nhiều thì đạo lực của quỷ sẽ càng giảm, bị giảm bớt sức lực rồi, thì dần dần sức lực của chúng sẽ không còn nữa, sẽ bị hàng phục, chúng phải cuối đầu đảnh lễ, nghe sự sai bảo. Đây là “Kẻ tội nương tựa chém tinh thần”.

“Tâm pháp như ý bảo luân vương”: Đây thuộc về tâm Chú Như Ý Bảo Luân Vương, tâm Chú nầy thuộc về pháp bảo. Tâm pháp vương, tâm Chú pháp vương nầy, là tâm Chú Như Ý Bảo Luân Vương, khi bạn niệm lên thì “Kẻ tội nương tựa” chịu không được.
“Con nay trước niệm đệ nhất nghĩa”, đây tức cũng là nói, hiện tại con quy mạng đảnh lễ đệ nhất nghĩa đế, đệ nhất nghĩa tánh, tức là quy y Pháp nầy, đệ nhất nghĩa đế, đệ nhất nghĩa tánh đều là pháp, con quy y pháp, trước hết con phải niệm đệ nhất nghĩa pháp nầy.
“Pháp bộ liên hoa ngày đêm tu”: Liên hoa nầy thuộc về pháp bộ, ngày đêm tu, ngày đêm đều vận hành không dứt, để chuyển pháp nầy, lúc nào cũng đều chuyển bánh xe pháp, ngày đêm đều vận chuyển không ngừng, chuyển đại pháp luân.

Câu Chú nầy, các vị phải chú ý, đừng tuỳ tiện niệm! Đây là pháp hàng phục, chúng ta người tu đạo tốt nhất là ít dùng pháp hàng phục. Lúc tôi còn ở tại Đông Bắc Trung Quốc, lúc đó tôi còn trẻ, thích tranh cường háo thắng, tôi không đấu với họ, khi họ đấu với tôi, thì tôi đều không đấu lại với họ, ai mắng tôi thì cứ mắng, đánh tôi thì cứ đánh, tôi cũng chẳng đánh họ. Nhưng khi tôi gặp lũ yêu ma quỷ quái, ngưu quỷ xà thần, thì tôi muốn đấu với chúng, muốn dùng pháp mà mình hiểu được đấu với chúng!
Tôi nói cho các bạn biết! Tôi đã từng đấu với lũ quái vật ở trong nước trải qua ba tuần lễ, cũng không ngủ, cũng không ăn uống, đấu với chúng cả ngày lẫn đêm, mới hàng phục được tất cả lũ yêu ma quỷ quái đó! Cho nên chẳng dễ gì. Bây giờ tôi dạy các vị, hy vọng các vị đừng tranh cường háo thắng, đừng đấu với chúng. Nghĩa là đối với lũ yêu ma quỷ quái, đều dùng pháp tiêu tai, pháp tăng ích, pháp thành tựu, để thuyết phục chúng, đừng đấu với chúng, một khi đấu với nhau thì sẽ kết oán thù.

Lúc tôi từ Thiên Tân đến Thượng Hải, lúc thuyền ở trên biển, thuyền cứ quay vòng vòng, quay tới quay lui, quay qua quay lại tới mười mấy ngày, cũng không đi. Tại sao vậy? Là vì quái vật ở trong biển muốn làm lật thuyền, chìm thuyền để giết chết tôi. Tình hình lúc đó rất là nguy hiểm, cho nên từ đó về sau, tôi không màng đến những việc như vậy nữa, không lo nữa, những sự việc như vậy trên thế gian nầy rất là nhiều, những việc đó bây giờ kể lại thật là hãi hùng, khiến cho mọi người kinh sợ. Chuyện mà tôi kể cho các vị nghe đều là sự thật, đây là kinh nghiệm của tôi, bản thân tôi đã từng trải qua.
Các vị! Đừng học pháp hàng phục nầy, bất quá biết được cũng tốt, đến khi cần thì mới xử dụng, lúc không cần thì đừng dùng pháp nầy!

280. Kê ra dạ di

Kệ:
Đồng chân nhập đạo Pháp Vương tử
Bộ tróc Dạ Xoa đại tướng quân
Sở tác nhị lợi thiện hiện nghiệm
Tinh tấn thủ quy Chúng Trung Tôn.

Nghĩa là:
Pháp Vương tử đồng chân nhập đạo
Bắt giữ Dạ Xoa đại tướng quân
Sở tác nhị lợi thiện hiện nghiệm
Tinh tấn quy y chúng Tăng già.

Giảng giải: Câu Chú nầy là nói về "Tăng bảo", là chỉ A La Hán chứng quả, mười phương ba đời tất cả hiền Thánh Tăng.
"Pháp Vương tử đồng chân nhập đạo": Đồng chân tức cũng là đồng nam, đồng nữ, chưa kết hôn, chưa trải qua pháp nhiễm ô, tức cũng là bổn lai pháp khí không thọ qua sự phá hoại, còn đầy đủ cơ sở hoàn chỉnh, chưa thọ qua tờ hào tổn hại nào. Đồng chân nhập đạo vọng tưởng bớt một chút, giống như Bồ Tát Vi Đà phát nguyện, đời đời kiếp kiếp đồng chân nhập đạo, Long Nữ cũng là đồng nữ nhập đạo, làm Pháp Vương tử.

"Bắt giữ Dạ Xoa đại tướng quân": Tụng câu Chú nầy, tức là bắt giữ Dạ Xoa Vương, vì chúng không giữ quy cụ, cho nên bắt giữ Dạ Xoa Vương lại để trừng phạt chúng.
"Sở tác nhị lợi thiện hiện nghiệm": Đây là giải thích nghĩa của câu Chú nầy, nhị lợi tức là tự lợi, lợi tha, lại dịch ra là "Thiện hiện tất cả luật nghi oai đức", linh cảm của hiện nghiệm thần chú.
"Tinh tấn quy y chúng Tăng già": Con lúc nào cũng đều phải siêng tinh tấn, trước hết phải quy y chúng Tăng già, tức là quy y Tăng bảo. Cho nên nói quy y Phật, Lưỡng Túc Tôn, quy y Pháp ly dục tôn, quy y Tăng chúng trung tôn. Ý nghĩa của câu Chú nầy là quy y mười phương ba đời tất cả hiền Thánh Tăng, nương tựa đại oai thần lực của hiền Thánh Tăng, để hàng phục tất cả bàng môn ngoại đạo.

281. Ba rị bạt ra giả ca

Dịch: Có ba thần tướng, áp lãnh hai mươi tám vạn quân chúng.

Kệ:
Độ vô cực hạn bỉ ngạn đăng
Tam đại thần tướng lĩnh đại binh
Chư sự cứu kính thâm Bát Nhã
Tánh thanh tịnh nhãn bất động trung.

Nghĩa là:
Qua đến bờ kia không giới hạn
Ba đại thần tướng lãnh đại binh
Các việc rốt ráo Bát Nhã sâu
Tánh mắt thanh tịnh trong bất động.

Giảng giải: "Qua đến bờ kia không giới hạn": Sở độ chúng sinh chẳng có hạn lượng, nhiều vô cực không có giới hạn, khiến cho nhiều chúng sinh đó, đều lên được bờ bên kia, câu Chú Ba Rị Ba La Mật, tức nghĩa cũng là đến bờ kia.
"Ba đại thần tướng lãnh đại binh": Ba vị đại thần tướng lãnh hai mươi tám vạn đại binh đại tướng, đến chỗ hàng phục thiên ma, chế các ngoại đạo, cho nên nói "Ba đại thần tướng lãnh đại binh".
"Các việc rốt ráo Bát Nhã sâu": Bất cứ việc gì cũng đều làm tốt, đắc được rốt ráo, cũng như trong Tâm Kinh có nói: "Khi thực hành sâu vào Bát Nhã Ba La Mật Đa, thì chiếu thấy năm uẩn đều không, qua khỏi tất cả khổ ách", sinh ra Bát Nhã, sinh ra trí huệ.

"Tánh mắt thanh tịnh trong bất động": Câu Chú nầy dịch ra là "Tánh thanh tịnh", "Mắt thanh tịnh". Phật thường thường ở trong cảnh giới như như bất động, rõ ràng sáng suốt, tuỳ duyên mà không đổi, không đổi mà tuỳ duyên. Tĩnh chẳng ngại động, động chẳng ngại tĩnh; trong tĩnh cũng là động, trong động cũng là tĩnh, động tĩnh là một, động tĩnh chẳng hai, chẳng động chẳng tĩnh, cũng động cũng tĩnh, cảnh giới nầy tức là trung đạo liễu nghĩa. Câu Chú bao hàm nghĩa lý rất rộng, hiện tại chỉ nói lược nói đơn giản mà thôi.

282. Hất rị đởm

Kệ:
Tâm pháp sắc pháp phàm Thánh thông
Nhục đoàn kiên thật giác linh minh
Tam Như Lai tạng đệ nhất nghĩa
Quang chiếu đại thiên tổng viên dung.

Nghĩa là:
Tâm pháp sắc pháp phàm Thánh thông

Cục thịt kiên thực giác linh minh
Ba Như Lai tạng đệ nhất nghĩa
Quang chiếu đại thiên tổng viên dung.

Giảng giải: Câu Chú nầy dịch là "Thành tâm". Dưới có tâm phàm phu, có tâm Thánh nhân. Tâm phàm phu là tâm cục thịt, là tâm mà một số người biết đó là tâm thịt. Tâm của Thánh nhân là tâm bồ đề, tâm đạo, tâm kiên cố, tâm kiên thực, chẳng giống như tri giác của phàm phu, vượt qua kiến giải của phàm phu. Tâm của phàm phu thuộc về sắc pháp, tâm của Thánh nhân thuộc về tâm pháp, cho nên nói "Tâm pháp sắc pháp phàm Thánh thông". Tâm pháp là chỉ tám thức, sắc pháp thì có mười một thứ. Nhưng phàm phu chẳng có tâm kiên thật của Thánh nhân. Tâm phàm phu đều là vô thường, hay biến đổi. Tâm Thánh nhân là kiên thật không biến đổi, nhưng Thánh nhân đồng thời cũng có đủ tâm phàm phu, phàm phu thì chỉ có tâm cục thịt, chẳng có tâm kiên thật, cho nên nói "Cục thịt kiên thật giác linh minh", giác linh minh tức là trong "Kinh Lăng Nghiêm" có nói: "Thường trụ chân tâm, tánh tịnh minh thể, linh minh giác tánh". "Thường trụ chân tâm" nầy tức cũng là bản tánh của chúng ta, tánh tịnh minh thể.

"Ba Như Lai tạng đệ nhất nghĩa": Ba tạng Như Lai tức là không Như Lai tạng, bất không Như Lai tạng, không bất không Như Lai tạng, tâm Như Lai tạng, đợi khi giảng đến hội thứ tư thì sẽ giảng tới, cũng là đệ nhất nghĩa tánh, đệ nhất nghĩa không.

"Quang chiếu đại thiên tổng viên dung": Quang minh của Phật là chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới, tất cả pháp đều là viên dung vô ngại. Vạn pháp đều không, vạn pháp đều có, vạn pháp cũng chẳng không chẳng có, nếu minh bạch thì bạn nói như thế nào cũng đều đúng. Nếu không minh bạch thì bất cứ nói như thế nào cũng đều không đúng. Cho nên Phật pháp diệu là diệu chỗ nầy. Bạn không cần nghe người khác nói rằng, Phật Thích Ca Mâu Ni nói pháp chỉ nói một nửa, còn một nửa không nói. Nửa đó đợi họ đến nói! Kỳ thật, đây tức là chê bai Phật, nói Phật không viên mãn, như vậy tri kiến có vấn đề, đầu não của họ có thể bị ảnh hưởng "thần não" không rõ ràng, dùng "thần não" dùng chẳng đúng, mà bị tẩu hoả nhập ma.
Chú ý: Những câu lập lại, hoà thượng Tuyên Hoá chỉ giảng một lần thôi.

283. Tỳ đà dạ xà (Giống câu 278).

Kệ:
Đại minh Chú tạng diệu nan lường

Chánh giác oai đức tối thắng vương
Biến nhất thiết xứ quang phổ chiếu
Phật bảo thường trụ vĩnh cát tường.

Nghĩa là:
Chú tạng đại minh diệu khó lường
Chánh giác oai đức tối thắng vương
Biến nhất thiết xứ quang chiếu khắp
Phật bảo thường trụ luôn các tường.

284. Sân đà dạ di (Giống câu 279).

Kệ:
Y phụ tội giả trảm kỳ tinh
Như ý bảo luân pháp vương tâm
Ngã kim thủ niệm đệ nhất nghĩa
Liên hoa pháp bộ trú dạ hành.

Nghĩa là:
Kẻ tội nương tựa chém tinh thần
Tâm pháp như ý bảo luân vương
Con nay trước niệm đệ nhất nghĩa
Pháp bộ liên hoa ngày đêm tu.

285. Kê ra dạ di (Giống câu 280).

Kệ:
Đồng chân nhập đạo Pháp Vương tử
Bộ tróc Dạ Xoa đại tướng quân
Sở tác nhị lợi thiện hiện nghiệm
Tinh tấn thủ quy Chúng Trung Tôn.

Nghĩa là:
Pháp Vương tử đồng chân nhập đạo
Bắt giữ Dạ Xoa đại tướng quân
Sở tác nhị lợi thiện hiện nghiệm
Tinh tấn quy y chúng Tăng già.

286. Trà diễn ni

Dịch: Chúng quỷ hồ mị.

Kệ:
Tịnh cấu thanh lương phổ tồi khô
Hồ mị nhiệt não năng điều phục
Tà ma quỷ sùng quy chánh giáo
Hộ trì Phật pháp triển hồng đồ.

Nghĩa là:
Sạch dơ mát mẻ khắp diệt hết
Hồ mị nhiệt não điều phục được
Tà ma quỷ quái quy chánh giáo
Hộ trì Phật pháp càng phát triển.

Giảng giải: Về sau những câu Tỳ Đà Dạ Xà đã giảng rồi, thì không giảng lại nữa, có thể y chiếu theo lời giảng giải ở trước. Câu Chú nầy hàng phục được chúng quỷ hồ mị, hồ tức là hồ ly, mị tức là quỷ mị.
"Sạch dơ mát mẻ khắp diệt hết": Sạch dơ tức là khử sạch hết tất cả pháp nhiễm ô, mát mẻ tức là hoá giải hết tất cả nhiệt não nóng bức, khắp diệt hết tức là hàng phục được hết, đều phải giữ quy cụ.

"Hồ mị nhiệt não điều phục được": Những hồ ly và quỷ mị nầy, thường thường gây phiền não cho con người, vốn chẳng có phiền não, mà chúng bèn tạo ra phiền não, các bạn nếu ai thích vô sự mà sinh ra thị phi, thì tức là hồ mị, chẳng phải nói, thật có hồ mị đến thì mới là hồ mị, nếu ai cứ tạo ra phiền não, chỉ sợ thiên hạ không loạn, nếu khắp nơi chẳng có "phiền não", thì bạn cảm thấy không an lạc, đó tức là "tâm mê hồ mị". Hồ mị nầy thường thường gây nhiệt não nóng bức cho con người, tóm lại, khiến cho người không được bình an. Hồ mị nầy, có bổn sự rất lớn, chúng có một thứ tà thuật có thể đoạt lấy tri giác của con người, khiến cho bạn giống như ngủ, bị chúng đến chi phối. Tại sao chúng có bổn sự nầy? Vì con người của bạn có tà tri tà kiến, chẳng có chánh tri chánh kiến, cho nên tà ma mới có thể nhập vào thân. Một khi nhập vào thân rồi, thì sẽ phát cuồng, bị thần kinh, ăn nói bậy bạ, tinh thần không bình thường. Câu Chú nầy hay hàng phục hồ mị nhiệt não nầy.

"Tà ma quỷ quái quy chánh giáo": Tà tức là không chánh đáng, chẳng thấy được ánh sáng, chẳng thấy được quang minh, cứ ở chỗ tối tăm. Ma thì chuyên môn phá hoại quy cụ, chẳng giữ quy cụ. Quỷ tức là như đã giảng nói ở trên, có rất nhiều loại quỷ. Nhiều loài quỷ nầy chuyên môn chướng ngại người, cho nên con người có lúc có đủ thứ bệnh đau, đủ thứ ma chướng. Quỷ ở trên đã từng giảng nói qua, có quỷ lớn, quỷ nhỏ, quỷ già, quỷ trẻ .v.v… đủ thứ quỷ.
"Hộ trì Phật pháp càng phát triển": Nếu bạn tụng trì câu Chú nầy, thì chúng sẽ

dần dần quy y Tam Bảo, học tập chánh giáo, sau đó trở lại hộ trì Phật pháp, triển khai đại hy vọng ý muốn, đại hồng đồ của chúng.

287. Hất rị đởm (giống câu 282).

Kệ:
Tâm pháp sắc pháp phàm Thánh thông
Nhục đoàn kiên thật giác linh minh
Tam Như Lai tạng đệ nhất nghĩa
Quang chiếu đại thiên tổng viên dung.

Nghĩa là:
Tâm pháp sắc pháp phàm Thánh thông
Cục thịt kiên thực giác linh minh
Ba Như Lai tạng đệ nhất nghĩa
Quang chiếu đại thiên tổng viên dung.

288. Tỳ đà dạ xà (giống câu 278).

Kệ:
Đại minh chú tạng diệu nan lường
Chánh giác oai đức tối thắng vương
Biến nhất thiết xứ quang phổ chiếu
Phật bảo thường trụ vĩnh cát tường.

Nghĩa là:
Chú tạng đại minh diệu khó lường
Chánh giác oai đức tối thắng vương
Biến nhất thiết xứ quang chiếu khắp
Phật bảo thường trụ luôn các tường.

289. Sân đà dạ di (giống câu 279).

Kệ:
Y phụ tội giả trảm kỳ tinh
Như ý bảo luân pháp vương tâm
Ngã kim thủ niệm đệ nhất nghĩa
Liên hoa pháp bộ trú dạ hành.

Nghĩa là:
Kẻ tội nương tựa chém tinh thần
Tâm pháp như ý bảo luân vương
Con nay trước niệm đệ nhất nghĩa
Pháp bộ liên hoa ngày đêm tu.

290. Kê ra dạ di (giống câu 280).

Kệ:
Đồng chân nhập đạo Pháp Vương tử
Bộ tróc Dạ Xoa đại tướng quân
Sở tác nhị lợi thiện hiện nghiệm
Tinh tấn thủ quy Chúng Trung Tôn.

Nghĩa là:
Pháp Vương tử đồng chân nhập đạo
Bắt giữ Dạ Xoa đại tướng quân
Sở tác nhị lợi thiện hiện nghiệm
Tinh tấn quy y chúng Tăng già.

291. Ma ha bát du bác đát dạ.

Dịch: Chúng trời Đại Tự Tại.

Kệ:
Đại thừa năng thắng đa thành tựu
Thanh tịnh Phạm chúng Tự Tại Thiên
Chánh Giác giáo hoá ly chư khổ
Phá trừ chấp trước chứng Kim Tiên.

Nghĩa là:
Đại thừa năng thắng nhiều thành tựu
Trời Tự Tại Phạm chúng thanh tịnh
Chánh Giác giáo hoá lìa các khổ
Phá trừ chấp trước chứng quả Phật.

Giảng giải: Ma Ha dịch ra là “Đại thừa”, Bát Du dịch là “Năng thắng”, hoặc “Nhiều thành tựu”. Bát Đát Dạ dịch là “Chánh giác”, cho nên câu kệ nói : “Đại thừa năng thắng nhiều thành tựu”, đại thừa là đối với tiểu thừa mà nói đại. Đức Phật nói pháp trước hết nói Kinh A Hàm ba tạng giáo (còn gọi là tạng giáo),

sau đó nói Kinh Phương Đẳng (gọi là thông giáo), thông trước thông sau, tiểu thừa thông phía trước, đại thừa lại thông phía sau, cho nên gọi là thông giáo bộ phương đẳng. Nói xong bộ Phương đẳng, lại nói Bát Nhã. Bát Nhã còn gọi là biệt giáo, biệt trước biệt sau, cũng chẳng giống ở phía trước, cũng chẳng giống ở phía sau, rất đặc biệt. Biệt giáo nầy là cửa đầu tiên của đại thừa, bắt đầu của đại thừa. Cuối cùng nói viên giáo, viên giáo là nghĩa rốt ráo của đại thừa. Đạo lý mà Phật vốn muốn nói đều đã nói ra, bao hàm một đời của Phật đều đã nói ra. Viên giáo nầy tức là viên mãn, một thứ pháp môn viên dung vô ngại. Đại thừa tu Bồ Tát hạnh, hành Bồ Tát đạo, tương lai làm Phật, đại thừa hơn hẳn tất cả quả A La Hán và tất cả ngoại đạo khác, nhiều thành tựu. Bồ Tát tu sáu độ vạn hạnh, cho nên Bồ Tát làm chân tử của Phật, trưởng tử của Phật.

"Trời Tự Tại Phạm chúng thanh tịnh": Câu Chú nầy nói về Thiên chúng của trời Đại Tự Tại. Các vị đều biết, Đại Tự Tại Thiên Vương có ba mắt tám tay, rất là tự tại.
« Chánh Giác giáo hoá lìa các khổ": Phật giáo hoá chúng sinh, khiến cho họ lìa khổ được vui.
"Phá trừ chấp trước chứng quả Phật": Nếu phá trừ được sự chấp trước, thì sẽ chứng được thân kim cang bất hoại. Kim Tiên tức cũng là danh hiệu của Phật. Chúng ta chúng sinh tại sao chẳng thành Phật? Vì có sự chấp trước, cho nên Phật nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật, nhưng vì vọng tưởng chấp trước, nên không chứng quả. Nếu quét sạch hết vọng tưởng chấp trước, thì sẽ thành Phật. Sở dĩ Phật giáo vĩ đại, là vì mọi người đều có thể thành Phật, chẳng phải là một thứ chủ nghĩa cực quyền, chỉ có Phật mới thành Phật, còn những người khác thì không thể thành Phật. Chúng ta mọi người đều có thể thành Phật, cho nên mọi người đều nên y chiếu Phật pháp tu hành, để thành Phật đạo.

292. Lô đà ra

Kệ:
Tối vi thượng thủ đại kim cang
Năng trì minh tịnh nghĩa hoằng dương
Vệ hộ hành giả tu Thánh đạo
Vĩnh hoạch bất thối Thường Tịch Quang.

Nghĩa là:
Là tối thượng thủ đại Kim Cang
Năng trì minh tịnh nghĩa hoằng dương

Hộ vệ người trì tu đạo Thánh
Sẽ được bất thối Thường Tịch Quang.

Giảng giải: Câu Chú nầy dịch ra là “Tối thượng”, “Năng trì”. Lại dịch ra là “Minh tịnh”, có ba nghĩa nầy. Cho nên nói “Là tối thượng thủ đại Kim Cang”: Vị Bồ Tát nầy làm thượng thủ trong tám vạn bốn ngàn Kim Cang Tạng Bồ Tát.
“Năng trì minh tịnh nghĩa hoằng dương”: Ngài hay tu trì chánh pháp, phá tan tà pháp, quang minh chiếu khắp thế gian, khiến cho hết thảy đời ác năm trược, khôi phục lại thanh tịnh, giúp Phật hoằng dương Phật pháp, giáo hoá chúng sinh.
“Hộ vệ người trì tu đạo Thánh”: Ngài hộ vệ người tu hành tu Phật đạo.
“Sẽ được bất thối thường tịch quang”: Vĩnh viễn đắc được ba bất thối, tức là: Niệm bất thối, vị bất thối, hạnh bất thối. Ba thứ quả vị nầy, tương lai sẽ thăng lên cõi tịnh độ Thường Tịch Quang, tức là chỗ chư Phật ở, tức cũng là ý nghĩa tương lai sẽ thành Phật, cũng hộ trì tất cả chúng sinh đều thành Phật đạo, như vậy mình cũng sẽ thành tựu Phật đạo.

293. Hất rị đởm (giống câu 282).

Kệ:
Tâm pháp sắc pháp phàm Thánh thông
Nhục đoàn kiên thật giác linh minh
Tam Như Lai tạng đệ nhất nghĩa
Quang chiếu đại thiên tổng viên dung.

Nghĩa là:
Tâm pháp sắc pháp phàm Thánh thông
Cục thịt kiên thực giác linh minh
Ba Như Lai tạng đệ nhất nghĩa
Quang chiếu đại thiên tổng viên dung.

294. Tỳ đà dạ xà (giống câu 278).

Kệ:
Đại minh chú tạng diệu nan lường
Chánh giác oai đức tối thắng vương
Biến nhất thiết xứ quang phổ chiếu
Phật bảo thường trụ vĩnh cát tường.

Nghĩa là:
Chú tạng đại minh diệu khó lường
Chánh giác oai đức tối thắng vương
Biến nhất thiết xứ quang chiếu khắp
Phật bảo thường trụ luôn các tường.

295. Sân đà dạ di (giống câu 279)

Kệ:
Y phụ tội giả trảm kỳ tinh
Như ý bảo luân pháp vương tâm
Ngã kim thủ niệm đệ nhất nghĩa
Liên hoa pháp bộ trú dạ hành.

Nghĩa là:
Kẻ tội nương tựa chém tinh thần
Tâm pháp như ý bảo luân vương
Con nay trước niệm đệ nhất nghĩa
Pháp bộ liên hoa ngày đêm tu.

296. Kê ra dạ di (giống câu 280).

Kệ:
Đồng chân nhập đạo Pháp Vương tử
Bộ tróc Dạ Xoa đại tướng quân
Sở tác nhị lợi thiện hiện nghiệm
Tinh tấn thủ quy Chúng Trung Tôn.

Nghĩa là:
Pháp Vương tử đồng chân nhập đạo
Bắt giữ Dạ Xoa đại tướng quân
Sở tác nhị lợi thiện hiện nghiệm
Tinh tấn quy y chúng Tăng già.

297. Na ra dạ noa

Dịch: Chúng trời Tự Tại.

Kệ:
Kiên cố bất động Tu Di sơn

Dũng mãnh thiện chiến địch đảm hàn
Lực sĩ oai phong nhiếp bát diện
Lưu tặc thảo khấu đầu hàng tiên.

Nghĩa là:
Kiên cố bất động như Tu Di
Dũng mãnh thiện chiến địch khiếp đảm
Lực sĩ oai phong có tám mặt
Lũ tặc thảo khấu sớm đầu hàng.

Giảng giải: Câu Chú nầy dịch ra là “Kiên cố”, “Dũng mãnh”, “Lực sĩ”, ba nghĩa. “Kiên cố bất động như Tu Di”: Vị Kim Cang lực sĩ nầy, kiên cố bất động như núi Tu Di.

“Dũng mãnh thiện chiến địch khiếp đảm”: Nếu Ngài khởi chiến thì thật là dũng mãnh, hết thảy ma quân trong ba cõi, đều sợ hãi thối lùi, khiến cho tất cả ma oán khiếp đảm sợ hãi.
“Lực sĩ oai phong có tám mặt”: Vị Kim Cang lực sĩ nầy có tám mặt rất oai phong, ai thấy Ngài cũng đều đầu hàng, cho nên nói “Lũ tặc thảo khấu sớm đầu hàng”, lũ tặc là gì? Tức là: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, sáu tên tặc của chúng ta. Thảo khấu là gì? Tức là vọng tưởng của chúng ta. Vọng tưởng vốn chẳng có ích gì. Sáu tên tặc nầy thấy được Kim Cang lực sĩ tám mặt oai phong, thì không dám tác quái, lão lão thực thực đầu hàng. Còn vọng tưởng thảo khấu? Chúng cũng không còn tông tích, tại sao vậy? Vì đã đầu hàng.

298. Hất rị đởm (giống câu 282)

Kệ:
Tâm pháp sắc pháp phàm Thánh thông
Nhục đoàn kiên thật giác linh minh
Tam Như Lai tạng đệ nhất nghĩa
Quang chiếu đại thiên tổng viên dung.

Nghĩa là:

Tâm pháp sắc pháp phàm Thánh thông
Cục thịt kiên thực giác linh minh
Ba Như Lai tạng đệ nhất nghĩa
Quang chiếu đại thiên tổng viên dung.

299. Tỳ đà dạ xà (giống câu 278).

Kệ:
Đại minh chú tạng diệu nan lường
Chánh giác oai đức tối thắng vương
Biến nhất thiết xứ quang phổ chiếu
Phật bảo thường trụ vĩnh cát tường.

Nghĩa là:
Chú tạng đại minh diệu khó lường
Chánh giác oai đức tối thắng vương
Biến nhất thiết xứ quang chiếu khắp
Phật bảo thường trụ luôn các tường.

300. Sân đà dạ di (giống câu 279).

Kệ:
Y phụ tội giả trảm kỳ tinh
Như ý bảo luân pháp vương tâm
Ngã kim thủ niệm đệ nhất nghĩa
Liên hoa pháp bộ trú dạ hành.

Nghĩa là:
Kẻ tội nương tựa chém tinh thần
Tâm pháp như ý bảo luân vương
Con nay trước niệm đệ nhất nghĩa
Pháp bộ liên hoa ngày đêm tu.

301. Kê ra dạ di (giống câu 280).

Kệ:
Đồng chân nhập đạo Pháp Vương tử
Bộ tróc Dạ Xoa đại tướng quân
Sở tác nhị lợi thiện hiện nghiệm
Tinh tấn thủ quy Chúng Trung Tôn.

Nghĩa là:
Pháp Vương tử đồng chân nhập đạo
Bắt giữ Dạ Xoa đại tướng quân

Sở tác nhị lợi thiện hiện nghiệm
Tinh tấn quy y chúng Tăng già.

302. Đát đỏa già lô trà tây

Dịch: Chúng thần kim xí điểu vương.

Kệ:
Kim Xí đại bàng điểu vương chúng
Như Lai giác ngộ pháp để nguyên
Phổ biến bi tâm cứu cánh độ
Quán nhiếp thường tắc nhược dũng tuyền.

Nghĩa là:
Chúng thần chim đại bàng cánh vàng
Như Lai giác ngộ đáy nguồn pháp
Tâm bi khắp cùng độ rốt ráo
Quán nhiếp thường pháp như suối chảy.

Giảng giải: Câu Chú nầy là chúng đại bàng kim xí điểu vương. Chim đại bàng cánh vàng cũng có quyến thuộc của chúng, tức là hết thảy loài chim đều dưới sự cai quản của chúng, chúng là vua trong loài chim. Chúng chuyên môn ăn rồng trong biển. Cánh của chúng rộng lớn khoảng ba trăm ba mươi do tuần, quạt một cái thì nước biển rẽ làm hai, nhìn thấy đáy biển, rồng con rồng cháu ở trong biển, cá, rùa, cá mập .v.v… đều hiện ra hết, trở thành mồi ngon của chúng. Chúng nuốt một cái là một con rồng, lại nuốt một cái là một con rồng. Về sau chúng quy y với đức Phật, đức Phật kêu hết thảy đệ tử trước khi ăn cơm, thì lấy bảy hạt cơm bố thí cho chúng, từ đó về sau chúng không ăn rồng nữa.

"Chúng thần chim đại bàng cánh vàng": Cánh của vua trong loài chim màu vàng ròng, xè ra rộng lớn khoảng ba trăm ba mươi do tuần. Cánh chim nhỏ thì khoảng hai trăm hai mươi do tuần, một trăm mười do tuần, không giống nhau. Do tuần có ba cách tính, đại do tuần là tám mươi dặm, trung do tuần là sáu mươi dặm, tiểu do tuần là bốn mươi dặm. Do tuần nói ở đây là đại do tuần. Ba trăm ba mươi đại do tuần, tức khoảng hai vạn sáu ngàn bốn trăm dặm, bạn thấy lớn cỡ nào! Cho nên chúng dùng cánh quạt một cái, thì nước biển đều rẽ làm đôi, thật là dũng mãnh vô cùng, đủ thấy sức lực thần thông của chúng lớn cỡ nào! Quyến thuộc của chim đại bàng cánh vàng là tất cả loài chim.

“Như Lai giác ngộ đáy nguồn pháp”: Đát Đoả Già dịch ra là “Như Lai”. Lô Trà Tây là “Giác ngộ pháp luân rốt ráo”. Như Lai giác ngộ thấu triệt đáy nguồn các pháp, đến được nơi rốt ráo nhất.

“Tâm bi khắp cùng độ rốt ráo”: Câu nầy lại dịch ra là “Khắp cùng”, “Tâm bi”, là phương pháp độ người rốt ráo.
“Quán nhiếp thường pháp như suối chảy”: Đây là nói khế Kinh của Phật, nghĩa lý nói ra thông suốt, nhiếp trì giáo hoá căn cơ, xưa nay không thay đổi, ba đời đồng tôn kính. Kinh của Phật giống như suối chảy, chảy mãi không ngừng, vô cùng vô tận.

302. Hất rị đởm (giống câu 282)

Kệ:
Tâm pháp sắc pháp phàm Thánh thông
Nhục đoàn kiên thật giác linh minh
Tam Như Lai tạng đệ nhất nghĩa
Quang chiếu đại thiên tổng viên dung.

Nghĩa là:
Tâm pháp sắc pháp phàm Thánh thông
Cục thịt kiên thực giác linh minh
Ba Như Lai tạng đệ nhất nghĩa
Quang chiếu đại thiên tổng viên dung.

304. Tỳ đà dạ xà (giống câu 278).

Kệ:
Đại minh chú tạng diệu nan lường
Chánh giác oai đức tối thắng vương
Biến nhất thiết xứ quang phổ chiếu
Phật bảo thường trụ vĩnh cát tường.

Nghĩa là:
Chú tạng đại minh diệu khó lường
Chánh giác oai đức tối thắng vương
Biến nhất thiết xứ quang chiếu khắp
Phật bảo thường trụ luôn các tường.

305. Sân đà dạ di (giống câu 279).

Kệ:
Y phụ tội giả trảm kỳ tinh
Như ý bảo luân pháp vương tâm
Ngã kim thủ niệm đệ nhất nghĩa
Liên hoa pháp bộ trú dạ hành.

Nghĩa là:
Kẻ tội nương tựa chém tinh thần
Tâm pháp như ý bảo luân vương
Con nay trước niệm đệ nhất nghĩa
Pháp bộ liên hoa ngày đêm chuyển.

306. Kê ra dạ di (giống câu 280).

Kệ:
Đồng chân nhập đạo Pháp Vương tử
Bộ tróc Dạ Xoa đại tướng quân
Sở tác nhị lợi thiện hiện nghiệm
Tinh tấn thủ quy Chúng Trung Tôn.

Nghĩa là:
Pháp Vương tử đồng chân nhập đạo
Bắt giữ Dạ Xoa đại tướng quân
Sở tác nhị lợi thiện hiện nghiệm
Tinh tấn quy y chúng Tăng già.

307. Ma ha ca ra

Dịch: Chúng thần Trời Đen lớn nhỏ.

Kệ:
Đại tiểu Hắc Thiên chúng thần binh
Bi tâm thiết thiết thủ nhãn minh
Thọ trì nhựt cửu bất giải quyện
Thành tựu tam muội tự thông linh.

Nghĩa là:
Binh chúng thần Trời Đen lớn nhỏ
Tâm bi tha thiết tay mắt sáng

Thọ trì lâu ngày không giải đãi
Thành tựu tam muội tự thông linh.

Giảng giải: Ma Ha tức là “Lớn”, Ca Ra dịch ra là “Đại tác thủ”, lại dịch là “Đại bi tâm”. Câu nầy tức là nói bốn mươi hai thủ nhãn.
“Binh chúng thần Trời Đen lớn nhỏ”: Trời Đen lớn, Trời Đen nhỏ, hai vị nầy đều có binh trời, tướng trời. Tại sao gọi là Trời Đen? Vì bất cứ họ đến chỗ nào, thì chỗ đó đều chẳng có ánh sáng, đây là nghiệp lực sở cảm của họ, tức cũng là thần thông của họ hiện ra cảnh giới nầy.
“Tâm bi tha thiết tay mắt sáng”: Tuy là Trời Đen, nhưng tâm bi của họ rất tha thiết, phước nơi tâm từ bi. Nếu bạn tu bốn mươi hai thủ nhãn, thì dù đen tối cũng sẽ biến thành ánh sáng. Chúng ta tu Đại Bi Tâm Đà La Ni Thủ Nhãn, thì thường phải có tâm đại bi, tâm bi tha thiết, bi rồi lại bi, thật rồi lại thật, có tâm tu bốn mươi hai thủ nhãn độ tất cả chúng sinh như vậy, thì sẽ có sự cảm ứng.

“Thọ trì lâu ngày không giải đãi”: Miệng thọ tâm trì, trong miệng thường niệm, trong tâm thường nhớ, dùng tâm đại từ bi tu hành bốn mươi hai thủ nhãn nầy, và phải có tâm nhẫn nại, ngày ngày tu trì không gián đoạn, bất cứ hoàn cảnh nào, cũng không gián đoạn, không giải đãi, không lười biến, thì sẽ “Thành tựu tam muội tự thông linh”, thành tựu tam muội chánh định chánh thọ, tự nhiên sẽ có sự linh nghiệm linh cảm, có một thứ cảnh giới cảm ứng đạo giao không thể nghĩ bàn. Đây đều cần phải có pháp nhẫn, nếu bạn đối với pháp chẳng có tâm nhẫn nại, thì tu được mấy ngày bèn nghĩ “tại sao vẫn chưa có sự cảm ứng”? Chỉ một niệm nầy thôi, sẽ khiến cho bạn vĩnh viễn không có sự cảm ứng. Do đó có câu: “Dục tốc thì bất đạt”, tu pháp đừng muốn nhanh, đừng muốn mau, chạy mau thì sẽ vấp té, vĩnh viễn không đến được nơi mình muốn đến, thậm chí thân thể cũng sẽ bị tổn thương. Chúng ta hành trì phải đều đặng, sớm tối không gián đoạn, coi sự tu pháp quan trọng hơn ăn cơm, mặc áo, ngủ nghỉ, như vậy sẽ thành tựu chánh định chánh thọ, tự nhiên sẽ có sự linh nghiệm.

308. Ma đát rị già noa

Dịch: Chúng thần Trời Đen lớn nhỏ.

Kệ :
Bổn mẫu tác luận thượng thủ chúng
Ước pháp giải thích diệc Kim Cang
Tam muội vô ngại đắc đại biện
Thiện xảo phương tiện độ hữu duyên.

Nghĩa là:
Bổn mẫu tác luận thượng thủ chúng
Ước pháp giải thích cũng Kim Cang
Tam muội vô ngại được biện tài
Phương tiện khéo léo độ có duyên.

Giảng giải: Câu Chú nầy cũng là chúng thần Trời Đen lớn nhỏ như ở trước, cũng dịch ra là "Bổn mẫu", "Hạnh mẫu", "Luận", có ba nghĩa. Cũng là tên của thần Kim Cang.
"Bổn mẫu tác luận thượng thủ chúng": Câu nầy cũng gọi là đại luận, lại gọi là bổn mẫu, vốn là mẹ của chư Phật, tức cũng là mẹ của người tu hành, tức cũng là mẹ khai mở tất cả trí huệ. Cho nên nói người tác luận là thượng thủ trong các chúng, lãnh tụ trong chúng.
"Ước pháp giải thích cũng Kim Cang": Ước pháp để giải thích, "Ma Đát Rị Già Noa" dịch ra là "Luận", nhưng còn là tên của một vị Thần Kim Cang, vị Thần Kim Cang nầy là hộ pháp.

"Tam muội vô ngại được biện tài": Tam muội biện tài, tam muội là định. Bốn vô ngại biện tức là "Từ vô ngại biện", hết thảy ngôn từ không có sự chướng ngại, thao thao bất tuyệt như nước chảy. "Pháp vô ngại biện", pháp pháp viên dung, khép léo vô ngại, nói như thế nào cũng đều có đạo lý. "Nghĩa vô ngại biện", nghĩa lý vô cùng vô tận, nói cũng nói không hết. "Nhạo thuyết vô ngại biện", hay khiến cho người nghe tâm thanh tịnh vui vẻ, pháp hỉ sung mãn. Người giảng thì không mệt mỏi, lúc nào cũng đều muốn thuyết pháp, chỉ muốn nói pháp, tinh thần có được do ở trong định đắc được bốn vô ngại biện. Có bốn vô ngại biện nầy rồi, thì sẽ "Phương tiện khéo léo độ có duyên", dùng pháp môn phương tiện khéo léo, từ từ giáo hoá chúng sinh, độ những người có duyên, người không có duyên thì không thể độ họ được, vì bất cứ bạn nói như thế nào, họ cũng sẽ không nghe, cũng không tiếp thọ.

309. Hất rị đởm (giống câu 282).

Kệ:
Tâm pháp sắc pháp phàm Thánh thông
Nhục đoàn kiên thật giác linh minh
Tam Như Lai tạng đệ nhất nghĩa
Quang chiếu đại thiên tổng viên dung.

Nghĩa là:
Tâm pháp sắc pháp phàm Thánh thông

Cục thịt kiên thực giác linh minh
Ba Như Lai tạng đệ nhất nghĩa
Quang chiếu đại thiên tổng viên dung.

310. Tỳ đà dạ xà (giống câu 278).

Kệ:
Đại minh chú tạng diệu nan lường
Chánh giác oai đức tối thắng vương
Biến nhất thiết xứ quang phổ chiếu
Phật bảo thường trụ vĩnh cát tường.

Nghĩa là:
Chú tạng đại minh diệu khó lường
Chánh giác oai đức tối thắng vương
Biến nhất thiết xứ quang chiếu khắp
Phật bảo thường trụ luôn các tường.

311. Sân đà dạ di (giống câu 279).

Kệ:
Y phụ tội giả trảm kỳ tinh
Như ý bảo luân pháp vương tâm
Ngã kim thủ niệm đệ nhất nghĩa
Liên hoa pháp bộ trú dạ hành.

Nghĩa là:
Kẻ tội nương tựa chém tinh thần
Tâm pháp như ý bảo luân vương
Con nay trước niệm đệ nhất nghĩa
Pháp bộ liên hoa ngày đêm tu.

312. Kê ra dạ di (giống câu 280).

Kệ:
Đồng chân nhập đạo Pháp Vương tử
Bộ tróc Dạ Xoa đại tướng quân
Sở tác nhị lợi thiện hiện nghiệm
Tinh tấn thủ quy Chúng Trung Tôn.

Nghĩa là:
Pháp Vương tử đồng chân nhập đạo
Bắt giữ Dạ Xoa đại tướng quân
Sở tác nhị lợi thiện hiện nghiệm
Tinh tấn quy y chúng Tăng già.

313. Ca ba rị ca

Dịch: Chúng thần tiên đầu lâu ngoại đạo.

Kệ:
Đầu lâu ngoại đạo chúng thần tiên
Xả khử ngũ dục chư ác quyên
Phụng hành thập thiện cần tiên sách
Xuất huyền nhập tẫn hoá vạn thiên.

Nghĩa là:
Chúng thần tiên đầu lâu ngoại đạo
Xả bỏ năm dục sạch các ác
Phụng hành thập thiện giữ năm giới
Xuất huyền nhập tẫn hoá vạn thiên.

Giảng giải: Câu Chú nầy nói bàng môn ngoại đạo tu, có một thứ gọi là đầu lâu ngoại đạo. Thứ đầu lâu ngoại đạo nầy, dùng đủ thứ đầu lâu, tức là đầu lâu của người để tu hành, lấy nó là pháp bảo, để sai khiến quỷ thần, gọi con quỷ nầy đi làm việc nầy, kêu con quỷ nọ đi làm việc kia, họ hay sai khiến quỷ thần, chi phối quỷ thần. Họ tu pháp sai khiến quỷ thần, tự mình cũng biến thành giống như cái đầu lâu, trên thân chẳng có chút thịt nào, chỉ có da bọc xương, thọ khổ như vậy đó. Bạn cho họ chút đồ nóng, họ chẳng ăn, họ ăn chút cỏ rễ cây, vỏ cây, để duy trì mạng sống, cho nên gầy ốm giống như cái đầu lâu. Thứ đầu lâu ngoại đạo nầy, chuyên tu khổ hạnh vô ích, càng khổ thì họ càng thích, cho rằng đây là bổn phận của người tu đạo.
Kỳ thật, thứ khổ hạnh vô ích nầy chẳng hợp với trung đạo, tu tới tu lui sẽ thành Thần Tiên, thăng lên trên trời, nhưng khi hưởng hết phước trời, thì sẽ đoạ lạc, chẳng rốt ráo. Tuy chẳng rốt ráo, nhưng có rất nhiều người đều muốn tu, họ tu hành thăng lên cõi trời để làm gì? Tu đến cõi trời Tam Thập Tam, trời Đao Lợi, trời Dạ Ma, đi lên từng cõi trời, giống như học sinh đi học, từ tiểu học từng bước từng bước lên trung học, đại học, đến được cõi trời Phi Phi Tưởng Xứ, thì giống như tốt nghiệp đại học. Rồi lại thăng lên thì có thể tu đến Bồ Tát, đến

được học vị bác sĩ, cuối cùng là thành Phật, là bậc cao nhất, giống như học giả nổi tiếng nhất được thế giới công nhận, bất quá đây đều là một ví dụ.

Phật Bồ Tát thì chẳng có gì có thể ví dụ được, chúng ta cũng chẳng biết Phật như thế nào, Bồ Tát như thế nào! Chỉ là dùng tri kiến phàm phu của chúng ta để ví dụ thôi. Cho nên ví dụ nầy không nhất định thích hợp, đừng cho rằng là như thế, bằng không lại sinh ra một thứ chấp trước. Phàm là ví dụ đều là một thứ từ hình dung, cũng có thể nói như thế nầy, cũng có thể nói không phải như vậy.

Có kẻ ngoại đạo tu đầu lâu, họ dùng đầu lâu sỏ thành xâu chuỗi đầu lâu, mang trên đầu, bất cứ ai nhìn thấy cũng đều sợ hãi, đó là vì ngoại đạo muốn làm cho bạn chú ý họ, kêu bạn theo họ học, kêu bạn biết họ là thần thánh, cho nên nói: “Chúng thần tiên đầu lâu ngoại đạo, xả bỏ năm dục sạch các ác”, khi họ tu thần tiên cũng phải xả bỏ năm dục, phải nhìn xuyên thủng tiền tài, cũng nhìn xuyên thủng sắc dục, càng phải nhìn xuyên thủng danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, đều phải nhìn xuyên thủng. Cho nên họ không tham tài, sắc, danh, ăn, ngủ, địa ngục năm gian đều chặt đứt. Sạch các ác tức là nói bởi vì gốc rễ của địa ngục đã chặt đức, cho nên ác gì cũng chẳng còn nữa, đều đã trừ sạch.

“Phụng hành thập thiện giữ năm giới”: Chúng ta người tin Phật, đều phải giữ năm giới, năm giới là quan trọng nhất, năm giới cũng là căn bản làm người, cũng là một từng cấp thăng lên cõi trời. Nếu hay giữ gìn được năm giới, thì bất cứ lúc nào cũng sẽ không mất đi thân người, sẽ không bị đoạ làm súc sinh, sẽ không bị đoạ làm ngạ quỷ, sẽ không bị đoạ vào địa ngục. Lại tu thêm thập thiện mười điều lành, tức là không giết hại, không trộm cắp, không tà dâm, ba nghiệp thân nầy không phạm. Ba nghiệp ác của ý cũng không phạm, là tham, sân, và si. Bạn không tham, không sân, không si, sẽ biến thành ba điều thiện. Miệng có bốn điều ác, không nói dối, không thêu dệt, không nói hai lưỡi, không chửi mắng, bạn đều không phạm, thì sẽ biến thành bốn điều thiện. Bạn hay tu hành mười điều thiện nầy, lúc nào cũng sách tấn chính mình, giống như dùng cái roi tự đánh mình, đây cũng là một ví dụ, chẳng phải cầm roi đánh mình thật, làm cho trầy da chảy máu, mà là tự mình làm không được, miễn cưỡng mình cứ đi làm.

“Xuất huyền nhập tẫn hoá vạn thiên”: Thần tiên nầy tu pháp môn xuất nhập tẫn, từ trên đầu hoá ra tiểu hài nhi, tiểu hài nhi đó bắt đầu có chiều cao một tất, sau lớn lên hai tất, ba tất, bốn tất, năm tất, cao lên từng chút, từng chút, cao đến tám vạn bốn ngàn trượng, thì có thể đỉnh thiên lập địa, phóng ra thì di lục hợp, cuộn lại thì tạng ư mật. Thân thể của họ lại có thể hoá thành một ngàn thân thể, một vạn thân thể, hoặc một trăm vạn thân thể. Vì hoá thân được, cho nên

họ cho rằng họ có thần thông, bèn cho rằng đã đủ, họ được ít cho là đủ, cho rằng Phật cũng không bằng họ. Kỳ thật, họ chẳng hiểu Phật pháp, Phật thì một làm vô lượng, vô lượng làm một, chẳng có số mục. Nếu bạn muốn làm đầu lâu ngoại đạo, thì cũng có thể tu pháp môn xuất huyền nhập tẫn hoá nầy. Nếu không muốn làm đầu lâu ngoại đạo, thì tu pháp môn trung đạo liễu nghĩa. Trung đạo liễu nghĩa tức là không xuất, không nhập, không biến, không hoá, một tức tất cả, tất cả tức một, một làm vô lượng, vô lượng làm một, tu pháp trung đạo.

314. Hất rị đởm (giống câu 282).

Kệ:
Tâm pháp sắc pháp phàm Thánh thông
Nhục đoàn kiên thật giác linh minh
Tam Như Lai tạng đệ nhất nghĩa
Quang chiếu đại thiên tổng viên dung.

Nghĩa là:
Tâm pháp sắc pháp phàm Thánh thông
Cục thịt kiên thực giác linh minh
Ba Như Lai tạng đệ nhất nghĩa
Quang chiếu đại thiên tổng viên dung.

315. Tỳ đà dạ xà (giống câu 278).

Kệ:
Đại minh chú tạng diệu nan lường
Chánh giác oai đức tối thắng vương
Biến nhất thiết xứ quang phổ chiếu
Phật bảo thường trụ vĩnh cát tường.

Nghĩa là:

Chú tạng đại minh diệu khó lường
Chánh giác oai đức tối thắng vương
Biến nhất thiết xứ quang chiếu khắp
Phật bảo thường trụ luôn các tường.

316. Sân đà dạ di (giống câu 279).

Kệ:
Y phụ tội giả trảm kỳ tinh
Như ý bảo luân pháp vương tâm
Ngã kim thủ niệm đệ nhất nghĩa
Liên hoa pháp bộ trú dạ hành.

Nghĩa là:
Kẻ tội nương tựa chém tinh thần
Tâm pháp như ý bảo luân vương
Con nay trước niệm đệ nhất nghĩa
Pháp bộ liên hoa ngày đêm chuyển.

317. Kê ra dạ di (giống câu 280).

Kệ:
Đồng chân nhập đạo Pháp vương tử
Bộ tróc Dạ Xoa đại tướng quân
Sở tác nhị lợi thiện hiện nghiệm
Tinh tấn thủ quy Chúng Trung Tôn.

Nghĩa là:
Pháp Vương tử đồng chân nhập đạo
Bắt giữ Dạ Xoa đại tướng quân
Sở tác nhị lợi thiện hiện nghiệm
Tinh tấn quy y chúng Tăng già.

318. Xà dạ yết ra

Dịch: Chấp trì tất cả nhân vật thần vương tướng quân.

Kệ:
Chấp trì nhân vật đại tướng quân
Nhất thiết thần vương suất lãnh binh
Tối thắng Kinh Chú siêu tam giới
Sinh tánh tự tịnh pháp bảo tâm.

Nghĩa là:
Chấp trì nhân vật đại tướng quân
Tất cả thần vương suất lãnh binh

Tối thắng Kinh Chú vượt ba cõi
Sinh tánh tự tịnh tâm pháp bảo.

Giảng giải: Ý nghĩa câu Chú nầy là "Chấp trì tất cả nhân vật thần vương tướng quân". Chấp trì lại có thể nói là chi thọ, lại có thể nói là trảo trụ, trảo trụ người không giữ quy cụ, trừng phạt họ, nếu là người tốt chân thật tu hành, hoặc làm việc thiện, thì chi trì họ, hộ trì họ. Bài kệ là hình dung ý nghĩa và sức lực của câu Chú nầy.
"Chấp trì nhân vật đại tướng quân": Trong đó có đại tướng binh trời, tướng trời, thống lãnh những thần vương và binh trời tướng trời.

"Tất cả thần vương suất lãnh binh": Hết thảy thần vương chúng thần quản lý quỷ thần vương.
"Kinh Chú tối thắng vượt ba cõi": Xà Dạ dịch ra là "Tôn thắng", cũng dịch là "Chú Tối Thắng Vương". Tối Thắng Vương là tên của Chú, cho nên nói Kinh Tối Thắng Vương, Chú Tối Thắng Vương, thường thường tụng trì Chú nầy, chiếu theo để tu hành, thì có thể sẽ thoát khỏi ba cõi.
"Sinh tánh tự tịnh tâm pháp bảo": Pháp thì không dơ, không sạch, tuy nói không dơ, không sạch, vì nó không dơ, cũng không cần nói nó không sạch, tự tánh của nó vốn là thanh tịnh không dơ, chẳng có chút nhiễm ô nào, đây là tâm ấn của pháp bảo, là mười phương thường trụ pháp bảo.

319. Ma độ yết ra

Dịch: Ma Độ tức Một Đà, dịch là "Giác giả". Yết Ra dịch là "Chủng tộc Thế Tôn", Phật bảo.

Kệ:
Giác giả từ bi nhiếp hữu tình
Thánh hiền thiết giáo hoá ương minh
Thế Tôn chủng tộc Phật bảo ấn
Đăng đăng hổ chiếu tâm truyền tâm.

Nghĩa là:
Phật đà từ bi nhiếp hữu tình
Thánh hiền thiết giáo hoá ương ngu
Chủng tộc Thế Tôn Phật bảo ấn
Đèn đèn chiếu nhau tâm truyền tâm.

Giảng giải: Ma Độ, câu Chú nầy, ở trong bài Chú có "Một Đà Nẩm", hoặc Phật đà, dịch ra là "Giác giả", tức là bậc Giác ngộ, là một danh từ của Phật, cho nên

nói "Phật đà từ bi nhiếp hữu tình", Phật là từ bi nhất, thấy chúng sinh điên đảo như vậy, xuất gia rồi cũng chẳng tu đạo, dục niệm vẫn còn nặng, vẫn không giữ quy cụ, nhưng Phật đối với chúng ta vẫn dùng mắt từ nhìn chúng ta, chính chúng ta phải sinh tâm hổ thẹn, đừng cho rằng Phật Bồ Tát không nhìn thấy lỗi chúng sinh, lỗi của chúng ta, thì có thể tuỳ tiện tạo tội nghiệp.

Giả sử trăm ngàn kiếp
Nghiệp tạo ra chẳng mất
Khi nhân duyên hội ngộ
Quả báo mình tự chịu.

Chúng ta ở trong đạo tràng, suốt ngày đến tối không trợ giúp người khác, còn đến chướng ngại người khác, đợi tương lai mình có đạo tràng rồi, sẽ thường thường phát sinh ma chướng, mọi người cũng đều cùng ở với nhau chẳng tu hành. Tại sao vậy? Vì thiện thì ít, còn ác thì nhiều, người như thế nào thì tìm người như thế ấy. Bạn cứ làm việc sai nhân quả, một mặt thì tu hành một chút chút, một mặt thì lại làm việc sai nhân quả, tương lai trong đạo tràng của bạn cũng sẽ có một chút khổ, lại có một chút nghiệp; có một chút thiện, lại có một chút ác. Nhân quả thì tơ hào không sai, cho nên nói giả sử trăm ngàn đại kiếp, nghiệp đã tạo ra sẽ không mất đi, không bao giờ mất. Đợi khi nào nhân duyên quả báo cùng nhau đến, thì báo ứng vẫn là chính mình tự chịu lấy. Cho nên chúng ta xuất gia tu hành đã lâu, hơn mười năm cũng có, năm sáu bảy tám năm cũng có, vẫn không hiểu được việc coi chừng nhân quả, vẫn tuỳ tiện nói chuyện, tuỳ tiện chướng ngại người khác, tạo ra việc ly gián, dùng thủ đoạn để hại người khác, tương lai sẽ phải thọ quả báo. Tuy Phật từ bi nhiếp độ tất cả hữu tình, hữu tình thiện Ngài cũng muốn nhiếp thọ, hữu tình ác Ngài cũng muốn nhiếp thọ, Ngài tận hết sức lực của Ngài, để nhiếp thọ tất cả chúng sinh khổ não.

"Thánh hiền thiết giáo hoá ương ngu": Tại sao chư Phật Thánh hiền quá khứ, không sợ phiền phức trở lại để giảng Kinh thuyết pháp giáo hoá chúng sinh? Vì các Ngài thấy chúng sinh chưa chưa lìa khổ được vui, nguyện lực của các Ngài vẫn chưa viên mãn. Có người tu hành có chút công phu, chúng ta bèn sinh ra tâm đố kị, hoặc làm đủ thứ sự chướng ngại, để phá hoại sự tu hành của họ, như vậy thật là sai lầm. Chúng ta nên hy vọng tất cả mọi người đều thành Phật đạo, ai ai cũng đều giỏi hơn mình, như vậy mới là chân chánh người tu đạo. Không thể ở trong đạo tràng tranh danh đoạt lợi, sợ mình mất đi quyền lực, sợ mình mất địa vị, cứ dụng công trên danh lợi như thế, thì thật là đáng thương sót.

Tu hành đã nhiều năm, mà tâm danh lợi vẫn chưa buông bỏ được, như vậy bạn tu cái gì? Đó thật là chẳng tu gì cả! Câu kệ nói "Ương ngu", là ương ngu chẳng linh, ương ngạnh cứng cỏi không dễ gì giáo hoá, giống như đá, bạn nói gì với họ, họ cũng chẳng hiểu. Nhưng "Sinh công thuyết pháp, đá cứng điểm đầu", cho đến đá cứng đều điểm đầu, ương ngạnh cứng cỏi là không hiểu, ngu là chẳng có tri giác gì, đứng tại đó, đứng giống như ngủ, lại giống như sâu bọ đến mùa đông thì ẩn dưới đất, bị thời tiết lạnh đóng băng, đợi đến năm sau, thời tiết ấm lại thì mới sống trở lại, đây tức là ương ngu. Chúng đang ở đó ngủ, tuyết phủ kín khắp, giống như chết, không hiểu cái gì hết, sau đó thời tiết ấm lại, thì chúng lại sống trở lại, thì gọi là ương ngu. Tâm bi tha thiết của các Thánh hiền giáo hoá chúng ta chúng sinh khổ não thế gian, chẳng sợ buồn phiền thiết lập Phật giáo, để độ hoá tất cả hàm thức, khiến từ trong mộng tỉnh ngộ, minh bạch hiểu biết.

"Chủng tộc Thế Tôn Phật bảo ấn": Chủng tộc của đức Thế Tôn tức là chư Phật Bồ Tát, đây là nói về Phật bảo ấn.

"Đèn đèn chiếu nhau tâm truyền tâm": Phật Phật đạo đồng, giống như đèn với đèn cùng chiếu sáng nhau, bạn thấy đèn ở trong phòng nầy cũng có ánh sáng, đèn kia cũng có ánh sáng, ánh sáng với ánh sáng chiếu nhau, không có xung đột. Ánh sáng đèn điện nầy không có nói: "Đây là chỗ của tôi, ánh sáng của bạn hãy đi đến chỗ khác đi, đừng có ở đây". Chúng chẳng có tư tưởng như thế, mà là ánh sáng chiếu sáng với nhau, nhiều ánh sáng một chút, thì sáng hơn một chút, bớt đi ánh sáng một chút, thì tối hơn một chút. Ánh sáng với ánh sáng không có xung đột lẫn nhau, ánh sáng của đèn là ví dụ như ánh sáng của Phật, Phật với Phật cũng không có nói: "Hiện tại tôi đã thành Phật rồi, bạn đừng có thành Phật! Nếu bạn thành Phật thì che mờ đi ánh sáng của tôi", chẳng có tư tưởng như thế. Cho nên chúng ta ở trong đạo tràng không nên đố kị người khác, bằng không, tương lai quả báo nhất định sẽ đoạ vào địa ngục hầm phân, vừa bẩn vừa thối, mùi vị rất là khó ngửi. Bạn sẽ nhanh chóng biến thành sâu bọ trong hầm phân, tôi đã nói bao nhiêu lần rồi, mà các vị không chú ý nghe. Đây là sự việc chân thật, đợi các vị đoạ lạc vào trong hầm phân rồi mới nói rằng: "Sư Phụ! Lúc đó con không nghe lời sư phụ, bây giờ thành sâu bọ trong hầm phân, biết làm sao đây? Hãy mau đến cứu con"! Như vậy là cũng muốn kéo tôi vào trong hầm phân!

320. Tát bà ra tha ta đạt na

Kệ:
Nhất thiết lợi hành kiêm phú nhiêu

Độ hữu tình chúng xuất ngục lao
Kim Cang thiện thần hộ Tăng bảo
Tự tại bồ đề lạc tiêu dao.

Nghĩa là:
Tất cả lợi hành và đầy đủ
Độ chúng hữu tình thoát ngục tù
Kim Cang thiện thần hộ Tăng bảo
Giác ngộ tự tại vui tiêu dao.

Giảng giải: Câu Chú nầy dịch ra là "Tất cả lợi hành", lại dịch là "Giàu có đầy đủ", làm việc gì cũng đều muốn lợi ích chúng sinh, cho nên câu kệ nói "Tất cả lợi hành và đầy đủ", sức lực của chính mình rất giàu có đầy đủ, việc làm cũng rất giàu có đầy đủ, lợi ích chúng sinh, khiến cho họ cũng rất giàu có đầy đủ. Tóm lại, người tu đạo là muốn có lợi ích đối với người khác, chẳng phải là muốn có chỗ hại người khác. Phàm là việc có lợi ích đều nên nhường cho người khác, đừng có tự mình chiếm lấy. Bạn lợi ích người khác thì mới là tu Bồ Tát đạo, cứ nghĩ muốn hại người khác đó là ma quỷ đạo.

"Độ chúng hữu tình thoát ngục tù": Phải độ tất cả hữu tình thoát khỏi ngục tù ba cõi. Hữu tình tức là sinh vật có máu, có khí. Ba cõi tức là cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc.
"Kim Cang thiện thần hộ Tăng bảo": Câu Chú nầy cũng là tên của Kim Cang thiện thần, Ngài ủng hộ Tăng bảo.
"Giác ngộ tự tại vui tiêu dạo": Chứng được giác đạo sẽ rất tự tại, an vui, tiêu dao.

321. Hất rị đởm (giống câu 282).

Kệ:
Tâm pháp sắc pháp phàm Thánh thông
Nhục đoàn kiên thật giác linh minh
Tam Như Lai tạng đệ nhất nghĩa
Quang chiếu đại thiên tổng viên dung.

Nghĩa là:
Tâm pháp sắc pháp phàm Thánh thông
Cục thịt kiên thực giác linh minh
Ba Như Lai tạng đệ nhất nghĩa
Quang chiếu đại thiên tổng viên dung.

322. Tỳ đà dạ xà (giống câu 278).

Kệ:
Đại minh chú tạng diệu nan lường
Chánh giác oai đức tối thắng vương
Biến nhất thiết xứ quang phổ chiếu
Phật bảo thường trụ vĩnh cát tường.

Nghĩa là:
Chú tạng đại minh diệu khó lường
Chánh giác oai đức tối thắng vương
Biến nhất thiết xứ quang chiếu khắp
Phật bảo thường trụ luôn các tường.

323. Sân đà dạ di (giống câu 279).

Kệ:
Y phụ tội giả trảm kỳ tinh
Như ý bảo luân pháp vương tâm
Ngã kim thủ niệm đệ nhất nghĩa
Liên hoa pháp bộ trú dạ hành.

Nghĩa là:
Kẻ tội nương tựa chém tinh thần
Tâm pháp như ý bảo luân vương
Con nay trước niệm đệ nhất nghĩa
Pháp bộ liên hoa ngày đêm tu.

324. Kê ra dạ di (giống câu 280).

Kệ:
Đồng chân nhập đạo Pháp vương tử
Bộ tróc Dạ Xoa đại tướng quân
Sở tác nhị lợi thiện hiện nghiệm
Tinh tấn thủ quy Chúng Trung Tôn.

Nghĩa là:
Pháp Vương tử đồng chân nhập đạo
Bắt giữ Dạ Xoa đại tướng quân

Sở tác nhị lợi thiện hiện nghiệm
Tinh tấn quy y chúng Tăng già.

325. Giả đốt ra

Dịch: Chị em Thần nữ.

Kệ:
Thần nữ tỉ muội độ Ta Bà
Chỉ tức luân hồi ly ái hà
Hàng phục oán ma tối dũng mãnh
Chiến tắc tất thắng công tất khắc.

Nghĩa là:
Chị em Thần nữ độ Ta Bà
Dứt hẳn luân hồi lìa sông ái
Hàng phục oán ma rất dũng mãnh
Tác chiến sẽ thắng công sẽ được.

Giảng giải: Câu Chú nầy là nói về "Thần nữ". Ở trên trời có rất nhiều chị em Thần nữ. Họ chẳng có việc làm, nên cùng nhau đến thế gian để độ chúng sinh, cho nên nói: "Chị em Thần nữ độ Ta Bà", đến thế giới kham nhẫn nầy.

"Dứt hẳn luân hồi lìa sông ái": Họ thấy sáu nẻo luân hồi rất là khổ, cho nên nghĩ cách để thoát khỏi sáu nẻo luân hồi. Làm cách nào để thoát khỏi? Thì phải tu hành, tu hành quan trọng nhất là lìa khỏi sông ái, vì có ái dục mới có sinh tử, nếu đoạn dục khử ái được, thì sẽ chấm dứt sinh tử.
"Tác chiến sẽ thắng công sẽ được": Tác chiến với người thì nhất định sẽ thắng lợi, nếu công thành thì nhất định sẽ hạ được thành.

326. Bà kỳ nể

Kệ:
Thắng quân danh cú nhị nghĩa thuyên
Xả tà quy chánh thủ giới nghiêm
Luật kỷ hoá nhân cảm vạn vật
Cung hành thực tiễn diệu thông huyền.

Nghĩa là:

Thắng quân tên câu đủ hai nghĩa
Bỏ tà về chánh giữ giới nghiêm
Mình tu độ người cảm vạn vật
Cung hành thực tiễn thật huyền diệu.

Giảng giải: Câu Chú nầy dịch ra có hai ý nghĩa, cho nên nói: “Thắng quân tên câu đủ hai nghĩa”. Nghĩa thứ nhất là “Thắng quân”, mỗi khi chiến đều thắng, thắng ma quân. Tại sao thắng được ma quân? Vì giữ gìn giới luật, cho nên nói “Bỏ tà về chánh giữ giới nghiêm”, chính giữ giới luật tức là tu hành chân thật, tức cũng gọi là người cải tà về chánh.
“Mình tu độ người cảm vạn vật”: Lúc nào cũng cảnh tỉnh mình, điều phục mình, sau đó mới có thể giáo hoá người được. Mình phải tu hành, giữ gìn giới luật, thì mới kêu mọi người cải ác hướng thiện, mới có thể cảm động vạn vật, khiến cho người nghe sự giáo hoá của bạn. Nếu mình không giữ quy cụ mà giáo hoá người, thì không có lý nào.

“Cung hành thực tiễn thật huyền diệu”: Bạn muốn người khác bội phục bạn, thì mình phải cung hành thực tiễn, bất cứ tu hành, hoặc làm việc, đều phải cung hành thực tiễn, cử chỉ hành động, lời nói việc làm, đều phải chân thật. Nếu mình làm được, thì dùng thân giáo hoá người, chẳng phải dùng lời nói giáo hoá, mình dùng thân làm khuông phép, làm mô phạm cho mọi người, thì tự nhiên sẽ cảm hoá được mọi người, cảm hoá được vạn vật.

327. Hất rị đởm (giống câu 282)

Kệ:
Tâm pháp sắc pháp phàm Thánh thông
Nhục đoàn kiên thật giác linh minh
Tam Như Lai tạng đệ nhất nghĩa
Quang chiếu đại thiên tổng viên dung.

Nghĩa là:
Tâm pháp sắc pháp phàm Thánh thông
Cục thịt kiên thực giác linh minh
Ba Như Lai tạng đệ nhất nghĩa
Quang chiếu đại thiên tổng viên dung.

328. Tỳ đà dạ xà (giống câu 278).

Kệ:
Đại minh chú tạng diệu nan lường
Chánh giác oai đức tối thắng vương
Biến nhất thiết xứ quang phổ chiếu
Phật bảo thường trụ vĩnh cát tường.

Nghĩa là:
Chú tạng đại minh diệu khó lường
Chánh giác oai đức tối thắng vương
Biến nhất thiết xứ quang chiếu khắp
Phật bảo thường trụ luôn các tường.

329. Sân đà dạ di (giống câu 279).

Kệ:
Y phụ tội giả trảm kỳ tinh
Như ý bảo luân pháp vương tâm
Ngã kim thủ niệm đệ nhất nghĩa
Liên hoa pháp bộ trú dạ hành.

Nghĩa là:
Kẻ tội nương tựa chém tinh thần
Tâm pháp như ý bảo luân vương
Con nay trước niệm đệ nhất nghĩa
Pháp bộ liên hoa ngày đêm tu.

330. Kê ra dạ di (giống câu 280).

Kệ:
Đồng chân nhập đạo Pháp vương tử
Bộ tróc Dạ Xoa đại tướng quân
Sở tác nhị lợi thiện hiện nghiệm
Tinh tấn thủ quy Chúng Trung Tôn.

Nghĩa là:
Pháp Vương tử đồng chân nhập đạo
Bắt giữ Dạ Xoa đại tướng quân
Sở tác nhị lợi thiện hiện nghiệm
Tinh tấn quy y chúng Tăng già.

331. Tỳ rị dương hất rị tri

Dịch: Đấu chiến thắng thần tướng tiền khí trượng, cùng với khổng tước minh vương khí trượng.

Kệ:
Bảo tiễn si hào vô cấu hành
Sở tác giai biện khởi thi thần
Tam đầu đại kích linh thứu điểu
Phi đằng biến hoá lực nan cùng.

Nghĩa là:
Mũi tên cú vọ hạnh vô cấu
Những việc làm xong khởi thi thần
Ba đầu đại kích chim linh thứu
Bay lượn biến hoá sức vô cùng.

Giảng giải: "Tên báu cú vọ hạnh vô cấu": Tỳ Rị Dương dịch ra là "Chim cú vọ", lại dịch là "Mũi tên", lại dịch là "Hạnh vô cấu", tức cũng là hạnh thanh tịnh, chẳng có chút nhiễm ô nào. Mũi tên báu nầy hay bắn tất cả yêu ma quỷ quái, tà ma ngoại đạo. Chim cú vọ là một loài chim, còn có tên là chim bất hiếu, vì loài chim nầy trưởng thành rồi, thì ăn mẹ của mình, con nào sinh nó ra thì nó ăn, cho nên tên là chim bất hiếu.

"Những việc làm xong khởi thi thần": Câu Chú nầy lại dịch là "Khởi thi thần", tức là người chết rồi, dùng Chú khởi đầu thây chết, khiến cho đầu thây chết tự đứng dậy đi, cho nên nói những việc làm xong, người đã chết rồi, vẫn có thể đi bộ được.
"Ba đầu đại kích chim linh thứu": Ba đầu đại kích tức là có ba mũi nhọn, chim linh thứu tức là một loài chim rất lợi hại, núi linh thứu là núi có hình giống loài chim nầy.
"Bay lượn biến hoá sức vô cùng": Sức lực của chim linh thứu nầy rất lớn, bay lượn biến hoá, oai mãnh vô cùng, nhưng bạn niệm câu Chú nầy, thì những loài chim nầy bị hàng phục.

332. Nan đà kê sa ra

Kệ:
Hoan Hỉ Kim Cang bảo trượng kình
Hảo thanh điểu xướng hoà nhã âm

Càn Thát Bà Vương giai quyến thuộc
Tinh cần hành mãn liễu sinh tử.

Nghĩa là:
Kim Cang Hoan Hỉ giơ trượng báu
Chim hót tiếng hay âm hoà nhã
Càn Thát Bà Vương và quyến thuộc
Tinh tấn tu hành dứt sinh tử.

Giảng giải: Nan Đà là tiếng Phạn, dịch ra là "Hoan hỉ", là tên của một vị Thần Kim Cang, trong tay của vị Thần Kim Cang Hoan Hỉ nầy, giơ một cây trượng báu, nhưng cây trượng báu nầy chẳng phải đánh người, cũng chẳng phải đánh quỷ, để làm gì? Cây trượng báu nầy có thể khởi tử hồi sinh, nếu có người chết rồi, gặp được vị Thần Kim Cang nầy, dùng cây trượng báu của Ngài quơ một cái, thì người chết đó sẽ sống lại, cho nên gọi là trượng báu, cho nên nói "Kim Cang Hoan Hỉ giơ trượng báu".
"Chim hót tiếng hay âm hoà nhã": Kê Sa Ra dịch là "Tiếng chim hay", một thứ tiếng chim hay của loài chim khách, tiếng của nó vốn rất hay, vang ra tiếng hoà nhã, trong Kinh Di Đà có nói:

"Chim Bạch hạc, Khổng tước, Anh vũ, Xá lợi, Ca lăng tần già, Cộng mạng", những thứ tiếng chim nầy rất hay, hay hót vang ra tiếng vi diệu, ngày đêm sáu thời vang ra tiếng hoà nhã, như là: Năm căn, Năm lực, Bảy bồ đề phần, Tám chánh đạo, Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Ba mươi bảy phẩm trợ đạo, cho nên nói chim hót tiếng hay âm hoà nhã.
"Càn Thát Bà Vương và quyến thuộc": Càn Thát Bà Vương cũng đến, chúng là Thần tấu âm nhạc của trời Đế Thích, chúng với kì lân làm quyến thuộc với nhau, vì trên đầu của chúng cũng có một cái sừng dài, nhưng chúng hát xướng rất hay vô cùng, cũng tấu âm nhạc rất hay. Chúng thấy những tiếng chim hay nầy ở đó, chúng cũng muốn đến diễn tấu cho thêm phần náo nhiệt, mang theo quyến thuộc của chúng cùng nhau đến tham gia pháp hội nầy, quyến thuộc của chúng đều có thể tấu đủ thứ âm nhạc.

"Tinh tấn tu hành dứt sinh tử": Càn Thát Bà Vương và quyến thuộc của chúng, cùng với tất cả tiếng chim hay đều ở tại đó, tinh cần tự lợi lợi tha, tấu âm nhạc để cảnh tỉnh những chúng sinh mê mộng, khiến cho họ không còn sự chấp trước. Họ tinh cần tu hành như vậy, đợi khi nào tu hành viên mãn, thì sẽ chấm dứt sinh tử.

333. Già noa bác đế

Kệ:
Căn bổn trí huệ nguyệt ấn giang
Khí Trượng thần danh hoá vô phương
Ưng cưu đồng hành chấp câu tác
Biện tài vô ngại thắng nghĩa cường.

Nghĩa là:
Trí huệ căn bản trăng dưới sông
Tên Thần Khí Trượng hoá vô phương
Tu hú đồng hành chấp móc tơ
Biện tài vô ngại thắng nghĩa cường.

Giảng giải: Câu Chú nầy dịch ra là "Chim ưng", hoặc "Chim tu hú", căn cứ mà nói thì chim ưng và chim tu hú không khác nhau lắm. Già Noa dịch ra là "Căn bổn trí huệ", tức là mỗi người chúng ta căn bổn có trí huệ, nhưng chúng ta đã làm cho ẩn tàng đi mất, ai muốn dùng thì người đó có. Căn bổn trí nầy hướng đi lên, ví như một người muốn sửa lỗi làm mới, đều là nhờ căn bổn trí huệ hiển lộ ra. Nếu bạn cứ che đậy vô minh của bạn, che đậy lỗi lầm của bạn, thì tức là bạn đem căn bổn trí huệ của bạn ẩn tàng ở trong kho. Căn bổn trí huệ cũng giống như mặt trăng ở dưới ngàn con sông, mỗi người đều giống như nước sông, mỗi người đều có căn bổn trí huệ, bạn khiến cho căn bổn trí huệ của bạn hiện tiền, thì bạn sẽ không có sự chướng ngại, đắc được biện tài vô ngại, cho nên nói "Căn bổn trí huệ trăng dưới sông".

"Tên Thần Khí Trượng hoá vô phương": Khí Trượng cũng là tên của vị Thần, Ngài dùng đủ thứ pháp môn phương tiện giáo hoá chúng sinh, cũng không sợ mình khổ sở để giáo hoá chúng sinh.
"Tu hú đồng hành chấp móc tơ": Chim ưng tu hú cũng tuỳ thời có thể biến hoá hiện ra đồng tử, giống như đồng tử cầm cái móc, mang sợi tơ, đi câu móc yêu ma quỷ quái. Nếu gặp người thích hùng biện, thì chúng biện tài vô ngại.

Bác Đế tức là « Biện tài vô ngại », đủ đại trí huệ. Có căn bổn trí huệ rồi cho nên đắc được biện tài vô ngại, cho nên nói "Biện tài vô ngại thắng nghĩa cường": Mỗi lần chúng biện luận với người, nhất định phải thắng lợi, chẳng có khi nào thua. Tại sao vậy? Vì chúng đắc được căn bổn trí huệ, nhận thức được căn bổn đạo lý.

334. Sách hê dạ

Kệ:
Diệu trí giáo đạo tinh tấn niệm

Thành nghĩa lợi hành danh Kim Cang
Na thác hoả luân anh vũ điểu
Chiến vô bất thắng hoá thập phương.

Nghĩa là:
Diệu Trí dạy dỗ tinh tấn niệm
Thành nghĩa lợi hành tên Kim Cang
Đạp hoả luân như chim oanh vũ
Chiến đều thắng lợi hoá mười phương.

Giảng giải: Sách Hê Dạ dịch ra là "Diệu trí giáo đạo", dùng diệu trí huệ để dạy dỗ chúng sinh, khiến cho chúng sinh phát bồ đề tâm, sinh tinh tấn niệm, có chí nguyện tinh tấn, cho nên nói "Diệu trí dạy dỗ tinh tấn niệm".
"Thành nghĩa lợi hành tên Kim Cang": Có tinh tấn niệm, thì sẽ thành tựu nghĩa và lợi. Lợi tức là tu hành đắc được sự thành tựu và lợi ích, bất cứ bạn tu pháp môn gì, thì nhất định sẽ có sự thành tựu, do đó công chẳng mất đi. Câu Chú nầy cũng là tên của vị Kim Cang, Ngài gọi là Kim Cang Diệu Trí, còn gọi là Kim Cang Tinh Tấn Niệm, Kim Cang Thành Nghĩa Lợi, có rất nhiều tên.

"Đạp trên hoả luân chim oanh vũ": Chân đạp trên phong hoả luân, phong hoả luân nầy là dùng chân đạp lên, Ngài đứng trên hoả luân, tựa như xe điện của chúng ta ngày nay vậy, đạp trên phong hoả luân, tuỳ tâm như ý, giống như chim bay, lại bay nhanh giống như chim oanh vũ, muốn nó đi hướng đông, thì nó đi hướng đông; muốn nó đi hướng tây, thì nó đi hướng tây. Theo căn cứ mà nói, thì tương lai sẽ phát minh ra xe hơi, không cần người lái, chỉ cần nói chuyện với nó, thì nó sẽ nghe lời. Bạn kêu nó đi đâu, thì nó sẽ đi đến đó, kêu nó ngừng thì nó ngừng. Đạp trên phong hoả luân cũng như thế, nó nghe tiếng người sai khiến, lại bay nhanh giống như chim, còn linh hoạt hơn so với chim, cho nên dùng đạp lên thứ hoả luân nầy.

"Chiến đều thắng lợi hoá mười phương": Ngài tác chiến với ai, cũng đều thắng lợi. Ngài tác chiến thắng lợi, cũng là một dạng dùng tướng kim cang để giáo hoá chúng sinh, khiến cho chúng sinh minh bạch sự việc thế gian, minh bạch vạn sự vạn vật đâu chẳng phải là đang nói pháp. Mỗi người chúng ta đều có một bộ Kinh của chính mình, bạn hay đọc bộ Kinh đó thì có thể tu hành, không hay đọc thì sẽ đoạ lạc. Bộ Kinh đó của mình mà mình hay đọc, thì bạn sẽ minh bạch, tức cũng là tác chiến đều thắng lợi, do đó có câu:

"Thắng vạn quân ngoài chiến trường
Chẳng bằng tự thắng mình.
Thắng mình mới là chiến công oanh liệt nhất".

Khắc phục được chính mình, điều phục được mình, đây là chiến thắng oanh liệt nhất. Trước hết bạn phải làm chủ được chính mình, đừng bị ngoại cảnh làm giao động, cũng đừng bị nội cảnh lay động, đối với cảnh giới trong ngoài, đều nên như như bất động, rõ ràng sáng suốt, thì mới có thể giáo hoá mười phương chúng sinh.

335. Hất rị đởm (giống câu 282)

Kệ:
Tâm pháp sắc pháp phàm Thánh thông
Nhục đoàn kiên thật giác linh minh
Tam Như Lai tạng đệ nhất nghĩa
Quang chiếu đại thiên tổng viên dung.

Nghĩa là:
Tâm pháp sắc pháp phàm Thánh thông
Cục thịt kiên thực giác linh minh
Ba Như Lai tạng đệ nhất nghĩa
Quang chiếu đại thiên tổng viên dung.

336. Tỳ đà dạ xà (giống câu 278).

Kệ:
Đại minh chú tạng diệu nan lường
Chánh giác oai đức tối thắng vương
Biến nhất thiết xứ quang phổ chiếu
Phật bảo thường trụ vĩnh cát tường.

Nghĩa là:
Chú tạng đại minh diệu khó lường
Chánh giác oai đức tối thắng vương
Biến nhất thiết xứ quang chiếu khắp
Phật bảo thường trụ luôn các tường.

337. Sân đà dạ di (giống câu 279).

Kệ:
Y phụ tội giả trảm kỳ tinh
Như ý bảo luân pháp vương tâm

Ngã kim thủ niệm đệ nhất nghĩa
Liên hoa pháp bộ trú dạ hành.

Nghĩa là:
Kẻ tội nương tựa chém tinh thần
Tâm pháp như ý bảo luân vương
Con nay trước niệm đệ nhất nghĩa
Pháp bộ liên hoa ngày đêm tu.

338. Kê ra dạ di (giống câu 280).

Kệ:
Đồng chân nhập đạo Pháp vương tử
Bộ tróc Dạ Xoa đại tướng quân
Sở tác nhị lợi thiện hiện nghiệm
Tinh tấn thủ quy Chúng Trung Tôn.

Nghĩa là:
Pháp Vương tử đồng chân nhập đạo
Bắt giữ Dạ Xoa đại tướng quân
Sở tác nhị lợi thiện hiện nghiệm
Tinh tấn quy y chúng Tăng già.

339. Na yết na xá ra bà noa

Dịch: Chúng thần loã thân ngoại đạo.

Kệ:
Loã hình ngoại đạo chúng thần long
La Hán quyến thuộc Đại lực tôn
Độc Giác Duyên Giác Bích Chi Phật
Tứ quả Ứng Cúng Thanh Văn Tăng.

Nghĩa là:
Khoả thân ngoại đạo chúng thần rồng
Quyến thuộc La Hán đấng Đại lực
Độc Giác Duyên Giác Bích Chi Phật
Tứ quả Ứng Cúng Thanh Văn Tăng.

Giảng giải: Câu Chú nầy là “Chúng thần ngoại đạo khoả than”. Ấn Độ có một thứ ngoại đạo không mặc quần áo, khoả thân sống bình thường, cũng không

màng mọi người phê bình họ như thế nào, họ tự tu chính họ, cho nên nói “Khoả thân ngoại đạo chúng thần rồng”: Khoả thân ngoại đạo nầy, họ có một thứ tư tưởng tinh tấn dũng mãnh, hay nhẫn khổ chịu cực, chịu đói chịu lạnh, tu thứ khổ hạnh vô ích nầy. Bất quá ở Ấn Độ khí hậu nóng, mặc hay không mặc quần áo đều không có vấn đề gì. Họ chuyên môn tu đủ thứ khổ hạnh khoả thân ngoại đạo, có người nằm trên giường đinh, để cho đinh đâm vào thân thể mình, chịu khổ như vậy. Tu khổ hạnh khoả thân ngoại đạo như vậy chẳng thành, tương lai sẽ đoạ lạc làm thân rồng, vì chẳng giữ giới, cho nên chuyển làm súc sinh, mất đi thân người.

“La Hán quyến thuộc đấng Đại lực”: Trong đó cũng có quyến thuộc của La Hán, tôn giả Đại lực.
“Độc Giác Duyên Giác Bích Chi Phật”: Khi chưa có Phật ra đời, thì gọi là Độc Giác, các Ngài mùa xuân thì quán hoa nở, mùa thu thì quán lá vàng rơi, quán mười hai nhân duyên mà ngộ đạo. Mười hai nhân duyên tức là: Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử. Khi có Phật ra đời, thì gọi là Duyên Giác, các Ngài tu pháp mười hai nhân duyên cửa hoàn diệt. Mười hai nhân duyên có cửa thuận sinh và cửa hoàn diệt. Các Ngài quán: Vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì lão tử diệt. Các Ngài tu cửa hoàn diệt, biết người sinh ra như thế nào, lại biết chết đi như thế nào, các Ngài ở trong sinh tử luân hồi hốt nhiên khai ngộ, gọi là Duyên Giác, còn gọi là Bích Chi Phật.

“Tứ quả Ứng Cúng Thanh Văn Tăng”: Sơ quả Tu Đà Hoàn, nhị quả Tư Đà Hàm, tam quả A Na Hàm, tứ quả A La Hán. Đến được tứ quả A La Hán gọi là Ứng Cúng, xứng đáng thọ nhận trời người cúng dường, đây là Thanh Văn Tăng, là Thánh nhân ở trong chúng Thanh Văn.

Hiện tại tôi với các vị đang giảng Chú Lăng Nghiêm, phải biết Chú Lăng Nghiêm là rất khó gặp được, cho đến nghe tên Chú Lăng Nghiêm cũng không dễ dàng, đọc tụng được lại càng khó hơn, đọc tụng được, nghe giảng được, đây là việc không dễ dàng. Cho nên các vị mỗi người đừng xem đây là nhân duyên nhỏ. Các vị hãy nghĩ xem, mỗi lần tôi ở Vạn Phật Thành, bất cứ tình huống như thế nào, nhất định mưa gió không làm trở ngại sự giảng giải của tôi. Nếu các vị lại không chú ý nghe, không học tập cho tốt, thì thật là để cơ hội trôi qua lãng phí.

340. Hất rị đởm (giống câu 282).

Kệ:
Tâm pháp sắc pháp phàm Thánh thông
Nhục đoàn kiên thật giác linh minh
Tam Như Lai tạng đệ nhất nghĩa
Quang chiếu đại thiên tổng viên dung.

Nghĩa là:
Tâm pháp sắc pháp phàm Thánh thông
Cục thịt kiên thực giác linh minh
Ba Như Lai tạng đệ nhất nghĩa
Quang chiếu đại thiên tổng viên dung.

341. Tỳ đà dạ xà (giống câu 278).

Kệ:
Đại minh chú tạng diệu nan lường
Chánh giác oai đức tối thắng vương
Biến nhất thiết xứ quang phổ chiếu
Phật bảo thường trụ vĩnh cát tường.

Nghĩa là:

Chú tạng đại minh diệu khó lường
Chánh giác oai đức tối thắng vương
Biến nhất thiết xứ quang chiếu khắp
Phật bảo thường trụ luôn các tường.

342. Sân đà dạ di (giống câu 279).

Kệ:
Y phụ tội giả trảm kỳ tinh
Như ý bảo luân pháp vương tâm
Ngã kim thủ niệm đệ nhất nghĩa
Liên hoa pháp bộ trú dạ hành.

Nghĩa là:
Kẻ tội nương tựa chém tinh thần
Tâm pháp như ý bảo luân vương

Con nay trước niệm đệ nhất nghĩa
Pháp bộ liên hoa ngày đêm tu.

343. Kê ra dạ di (giống câu 280).

Kệ:
Đồng chân nhập đạo Pháp vương tử
Bộ tróc Dạ Xoa đại tướng quân
Sở tác nhị lợi thiện hiện nghiệm
Tinh tấn thủ quy Chúng Trung Tôn.

Nghĩa là:
Pháp Vương tử đồng chân nhập đạo
Bắt giữ Dạ Xoa đại tướng quân
Sở tác nhị lợi thiện hiện nghiệm
Tinh tấn quy y chúng Tăng già.

344. A la hán

Dịch: Hàng phục chúng La Sát Vương.

Kệ:
La Sát Vương chúng mãnh hựu hung
Tung hoành vũ trụ thiện chiến tranh
Địa không phi hành đa biến hoá
Hàng phục oán ma chứng vô sinh.

Nghĩa là:
Chúng La Sát Vương mạnh còn dữ
Tung hoành vũ trụ chiến tranh giỏi
Địa không phi hành nhiều biến hoá
Hàng phục oán ma chứng vô sinh.

Giảng giải: Chứng được tứ quả A La Hán thì chấm dứt sinh tử, dục niệm cũng dứt, chẳng còn tâm dâm dục, cho nên sinh tử chẳng còn nữa, nhưng chỉ chấm dứt phần đoạn sinh tử, còn biến dịch sinh tử vẫn chưa chấm dứt. Thế nào là biến dịch sinh tử? Tức là niệm niệm biến đổi, niệm niệm không ngừng, niệm trước diệt niệm sau sinh, niệm sau diệt niệm trước lại sinh, thứ niệm nầy sinh tức là một đời, niệm diệt tức là chết. Thứ sinh tử nầy, La Hán chưa chấm dứt,

nhưng phần đoạn sinh tử đã không còn nữa, cũng không còn thọ sinh nữa. A La Hán Ngài hàng phục được quỷ La Sát, La Sát Vương.

"Chúng La Sát Vương mạnh còn dữ": Ở đây nói về quỷ La Sát, quỷ mau chóng, không những quỷ La Sát thôi, mà còn chúng La Sát Vương, bao quát rất nhiều La Sát Vương và quyến thuộc của chúng, cho nên gọi là chúng. Chúng vừa mạnh, vừa hung dữ, chẳng nói lý lẽ, muốn nói lý lẽ với chúng, chẳng thể được, chúng tung hoành bá đạo.
"Tung hoành vũ trụ chiến tranh giỏi": Chúng tung hoành bá đạo, chúng đi khắp nơi gây hoạ, tung hoành xung đột trong vũ trụ, tung tức là xung đột thẳng phía trước, hoành tức là xung đột trái phải, trong vũ trụ chúng muốn đến đâu là đến đó, không giữ quy cụ. Vũ trụ tức cũng là danh từ riêng của một thế giới, trên dưới bốn phương gọi là vũ, đông tây nam bắc gọi là trụ. Chúng với mọi người chiến tranh khắp nơi trong vũ trụ, chúng thích đánh nhau giống như A tu la.

"Địa không phi hành nhiều biến hoá": Thứ quỷ La Sát nầy, đi dưới đất, đi trên không, còn có La Sát Vương trên trời. Chúng rất xảo quyệt, chúng sợ bạn biết chúng, cho nên thường thường biến, có khi biến thành con ruồi, có khi biến thành con bướm, có khi biến thành con chim, thường thường biến hoá vô cùng, làm cho bạn không biết được chúng, nhưng A La Hán thì hàng phục được chúng La Sát Vương, cho nên nói "Hàng phục oán ma chứng vô sinh": La Sát Vương tức cũng là một loài oán ma, nhưng A La Hán hay khiến cho quỷ La Sát, La Sát Vương đều hồi tâm hướng thiện tu hành, chứng được vô sinh pháp nhẫn.

345. Hất rị đởm (giống câu 282).

Kệ:
Tâm pháp sắc pháp phàm Thánh thông
Nhục đoàn kiên thật giác linh minh
Tam Như Lai tạng đệ nhất nghĩa
Quang chiếu đại thiên tổng viên dung.

Nghĩa là:
Tâm pháp sắc pháp phàm Thánh thông
Cục thịt kiên thực giác linh minh
Ba Như Lai tạng đệ nhất nghĩa
Quang chiếu đại thiên tổng viên dung.

346. Tỳ đà dạ xà (giống câu 278).

Kệ:
Đại minh chú tạng diệu nan lường
Chánh giác oai đức tối thắng vương
Biến nhất thiết xứ quang phổ chiếu
Phật bảo thường trụ vĩnh cát tường.

Nghĩa là:
Chú tạng đại minh diệu khó lường
Chánh giác oai đức tối thắng vương
Biến nhất thiết xứ quang chiếu khắp
Phật bảo thường trụ luôn các tường.

347. Sân đà dạ di (giống câu 279).

Kệ:
Y phụ tội giả trảm kỳ tinh
Như ý bảo luân pháp vương tâm
Ngã kim thủ niệm đệ nhất nghĩa
Liên hoa pháp bộ trú dạ hành.

Nghĩa là:
Kẻ tội nương tựa chém tinh thần
Tâm pháp như ý bảo luân vương
Con nay trước niệm đệ nhất nghĩa
Pháp bộ liên hoa ngày đêm tu.

348. Kê ra dạ di (giống câu 280).

Kệ:
Đồng chân nhập đạo Pháp vương tử
Bộ tróc Dạ Xoa đại tướng quân
Sở tác nhị lợi thiện hiện nghiệm
Tinh tấn thủ quy Chúng Trung Tôn.

Nghĩa là:
Pháp Vương tử đồng chân nhập đạo
Bắt giữ Dạ Xoa đại tướng quân

Sở tác nhị lợi thiện hiện nghiệm
Tinh tấn quy y chúng Tăng già.

349. Tỳ đa ra già

Dịch: Đại lực thần vương.

Kệ:
Đại lực thần vương ma quỷ kinh
Kình sơn đảo hải nhựt nguyệt tinh
Song thủ hổ di thử tha giới
Ngũ huynh đệ thiên hiển linh oai.

Nghĩa là:
Đại lực thần vương ma quỷ sợ
Dời núi lấp biển trời trăng sao
Hai tay cùng dời cõi đây kia
Năm anh em trời hiển oai linh.

Giảng giải: Câu Chú nầy là Đại lực thần vương, đại lực của Ngài lớn vô cùng, bạn cho rằng sức lực của bạn lớn, nhưng so với sức lực của Ngài thì sức lực của Ngài lớn hơn nhiều, cho nên tất cả quỷ thần thấy được Ngài thì đều sợ hãi, cho nên nói "Đại lực thần vương ma quỷ sợ".
Tỳ Đa Ra Già dịch ra là "Năm anh em trời", ý nghĩa tức là tất cả Đại lực thần vương. Các Ngài làm Đại lực thần vương như thế nào? Vì khi tu hành tại nhân địa, thì chuyên tu định lực, mà lơ là trí huệ, cũng lơ là giới luật, cho nên sức lực rất lớn, Ngài dùng một tay chỉ đầu, thì có thể dời toà núi lớn nhất lên đầu, lại dùng hai tay chỉ đầu, thì có thể quạt nước biển ra làm hai, thứ thần thông sức lực nầy rất ít có. Tất cả quỷ thần một khi thấy sức lực nầy của Ngài, thì đều sợ hãi. Chẳng những Ngài có thể dời núi lấp biển, mà còn có thể hái các vì sao, dời đổi mặt trăng, dời đổi mặt trăng sáng vào ban ngày, đổi mặt trời vào ban đêm, đêm biến thành ngày, ngày biến thành đêm, cho nên nói "Dời núi lấp biển trời trăng sao".

Ngài cũng có thể tuỳ tiện dời đổi quả địa cầu, khiến cho họ dọn nhà, tức là Ngài có thể đem thế giới nầy của chúng ta, đến một thế giới khác, đem thế giới khác mang đến thế giới nầy, cùng nhau hoán đổi, cho nên nói "Hai tay cùng dời cõi đây kia": Thế giới nầy và thế giới kia, Ngài đều có thể tuỳ tiện hoán đổi.
"Năm anh em trời hiển oai linh": Đại lực thần vương trên trời, đa số ở chỗ năm anh em trên trời, các Ngài ở đó hiển đại thần thông oai đức, dùng một thứ oai

linh của các Ngài, để giáo hoá hết thảy chúng sinh không nghe lời, hiển đại oai đức tướng.

350. Hất rị đởm (giống câu 282).

Kệ:
Tâm pháp sắc pháp phàm Thánh thông
Nhục đoàn kiên thật giác linh minh
Tam Như Lai tạng đệ nhất nghĩa
Quang chiếu đại thiên tổng viên dung.

Nghĩa là:
Tâm pháp sắc pháp phàm Thánh thông
Cục thịt kiên thực giác linh minh
Ba Như Lai tạng đệ nhất nghĩa
Quang chiếu đại thiên tổng viên dung.

351. Tỳ đà dạ xà (giống câu 278).

Kệ:
Đại minh chú tạng diệu nan lường
Chánh giác oai đức tối thắng vương
Biến nhất thiết xứ quang phổ chiếu
Phật bảo thường trụ vĩnh cát tường.

Nghĩa là:
Chú tạng đại minh diệu khó lường
Chánh giác oai đức tối thắng vương
Biến nhất thiết xứ quang chiếu khắp
Phật bảo thường trụ luôn các tường.

352. Sân đà dạ di (giống câu 279).

Kệ:
Y phụ tội giả trảm kỳ tinh
Như ý bảo luân pháp vương tâm
Ngã kim thủ niệm đệ nhất nghĩa
Liên hoa pháp bộ trú dạ hành.

Nghĩa là:
Kẻ tội nương tựa chém tinh thần
Tâm pháp như ý bảo luân vương
Con nay trước niệm đệ nhất nghĩa
Pháp bộ liên hoa ngày đêm tu.

353. Kê ra dạ di (giống câu 280).

Kệ:
Đồng chân nhập đạo Pháp vương tử
Bộ tróc Dạ Xoa đại tướng quân
Sở tác nhị lợi thiện hiện nghiệm
Tinh tấn thủ quy Chúng Trung Tôn.

Nghĩa là:
Pháp Vương tử đồng chân nhập đạo
Bắt giữ Dạ Xoa đại tướng quân
Sở tác nhị lợi thiện hiện nghiệm
Tinh tấn quy y chúng Tăng già.

354. Bạt xà ra ba nể

Dịch: Kim Cang Thần Vương cầm kiếm cùng với Mật Tích lực sĩ.

Kệ:
Kim Cang bộ chúng hàng quần tà
Thủ chấp bảo chủ tốc nhi tiệp
Yêu ma quỷ quái giai viễn ly
Chánh pháp cửu trụ vĩnh hoà duyệt.

Nghĩa là:
Kim Cang bộ chúng hàng quần tà
Tay cầm chuỳ báu nhanh mà nhẹn
Yêu ma quỷ quái điều lìa xa
Chánh pháp trụ lâu mãi an vui.

Giảng giải: Câu Chú nầy là « Kim Cang bộ ». Chỉ ba chữ Bạt Xà Ra là chúng Kim Cang bộ: Có Kim Cang vương, có Kim Cang tướng, có Kim Cang lực sĩ, lại có Kim Cang chúng. Kim Cang thì hàng phục tà ma ngoại đạo. Bộ nầy chuyên môn lo hàng phục, tức cũng là phương đông Dược Sư Lưu Ly Quang

bộ. Phật A Súc là bộ chủ Kim Cang bộ, cho nên nói "Kim Cang bộ chúng hàng quần tà": Bất cứ tà ma ngoại đạo gì, gặp được Kim Cang bộ, thì "Tay cầm chuỳ báu nhanh mà nhẹn". Kim Cang so với quỷ Da Xoa đi dưới đất, Dạ Xoa bay trên không, Dạ Xoa đi trên trời, nhanh hơn nhiều. Quỷ Dạ Xoa gọi là quỷ mau chóng. Kim Cang so với quỷ mau chóng nhanh hơn trăm ngàn vạn lần. Vì vậy cho nên tất cả quỷ Dạ Xoa, quỷ La Sát, gặp được Kim Cang bộ chúng, thì đều đầu hàng. "Tay cầm chuỳ báu nhanh mà nhẹn", rất nhanh vô cùng.
"Yêu ma quỷ quái đều lìa xa": Tất cả tà ma ngoại đạo, lị mị vọng lượng, gặp được Kim Cang bộ chúng, thì đều mau chạy trốn.

"Chánh pháp trụ lâu mãi an vui": Kim Cang bộ là hộ trì chánh pháp, đi khắp các nơi chủ trì công đạo, tuyệt đối ủng hộ người tu đạo chánh pháp, khiến cho người tu đạo giúp đỡ lẫn nhau, tu hành với nhau, không hại nhau, không phá hoà hợp Tăng. Cho nên nói, hộ pháp Kim Cang bộ là bảo hộ người tu chánh pháp chân chánh, ai chân chánh tu chánh pháp, thì Kim Cang bộ chúng sẽ thường thường bảo hộ họ. Ai thường tụng Chú Lăng Nghiêm, thì tà ma ngoại đạo không dám tìm bạn gây phiền phức.

Tại sao có tà ma ngoại đạo tìm bạn gây phiền phức? Vì do chính bạn làm sai, đi trên con đường không hợp pháp, cho nên hộ pháp Kim Cang bộ chúng, không hộ trì bạn, tà ma ngoại đạo sẽ đến tìm bạn gây phiền phức, hoặc ở trong sự ngồi nằm, hoặc trong giấc mộng, gặp ma đến nhiễu loạn bạn, tức là do bạn chẳng tu hành tốt, làm việc gì cũng đều trái với đạo đức, cho nên mới có thứ ma chướng nầy phát sinh. Có thứ ma chướng nầy, thì phải mau sinh tâm hổ thẹn để sám hối, sửa lỗi làm mới.

355. Cu hê dạ cu hê dạ

Kệ:
Thập phương vân tập chúng Thánh hiền
Vạn Phật Thành trung khai pháp diên
Như Lai tự lý đồng tụ hội
Vô Ngôn Đường thượng ngộ chân thường.

Nghĩa là:
Chúng Thánh hiền mười phương vân tập
Mở pháp hội trong Vạn Phật Thành
Cùng tụ hội trong Như Lai tự
Nơi Vô Ngôn Đường ngộ chân thường.

Giảng giải: Ý nghĩa câu Chú nầy là « Tụ hội », khắp chúng hội. Tụ hội tức là mọi người cùng nhau tụ hội lại, khắp chúng hội là các Thánh hiền mười phương thế giới, đều tụ hội lại với nhau, cho nên bài kệ nói "Chúng Thánh hiền mười phương vân tập, Mở pháp hội trong Vạn Phật Thành". Mười phương tức là thế giới nầy, thế giới kia, vô lượng các thế giới, đông, tây, nam, bắc, tức là bốn phương, thêm đông nam, tây nam, đông bắc, tây bắc, phương trên, phương dưới, cộng lại là mười phương. Mười phương chư Phật Bồ Tát Thánh hiền đều vân tập lại với nhau, vân tập tại đâu? Đều vân tập tại Vạn Phật Thành.

"Mở pháp hội trong Vạn Phật Thành": Ở tại đó có đại pháp hội, đả mười thiền thất, đại pháp hội nầy, chẳng phải là nhân duyên nhỏ. Trong Vạn Phật Thành mở đại pháp hội, dùng pháp làm thức ăn, giống như mọi người thỉnh mời người khác dùng cơm, chúng ta thỉnh mời mọi người ăn pháp vị, Vạn Phật Thành cũng rất lớn, tụ hội tại chỗ nào?
"Cùng tụ hội trong Như Lai tự": Bạn thấy mười phương chư Phật, chư Bồ Tát, chư hiền Thánh, các vị A La Hán, đều tụ hội tại đạo tràng Như Lai Tự trong Vạn Phật Thành, sau đó từ Như Lai Tự mọi người niệm Phật, đánh mõ tiếp dẫn đi đến Vô Ngôn Đường.

"Nơi Vô Ngôn Đường ngộ chân thường": Nơi Vô Ngôn Đường có thuyết pháp không lời, mỗi người đều phản văn văn tự tánh (nghe ngược lại tánh nghe của mình), tánh thành vô thượng đạo, thể ngộ chân thường. Vô Ngôn Đường là nơi việc vô vi, thực hành lời dạy không lời, chúng ta ở trong đó diễn nói pháp nầy, vậy có gì để chứng minh? Có, tại sao gọi là Vô Ngôn Đường? Vì everything's Ok, tôi cũng không nói, các vị cũng không nghe. Tôi ở đó nói pháp, các vị có ngủ cũng được, đi cũng được, ngồi cũng được, đứng cũng được, nằm cũng được, cho nên nói everything's Ok, chỉ cần bạn ngộ chân thường là tốt rồi, đây là câu Chú nầy.

Các vị thấy đây chẳng phải là tin tức mới chăng? Chẳng phải tôi tìm câu văn trích ra từ bộ kinh sách nào, vì trong đó cũng chẳng có Vạn Phật Thành, cũng chẳng có Như Lai Tự và Vô Ngôn Đường, đây đều là tin tức mới, chẳng phải là cơm nguội chiên lại, chẳng phải mọi người đã nói rồi, tôi lại đem ra nói lại, tôi chỉ là mình hiểu được bao nhiêu thì nói bấy nhiêu.

356. Ca địa bát đế

Kệ:
Siêng hành giải thoát Vô Động tôn
Bát Nhã diệu cú chiếu quang minh

Kim Cang Tạng Vương Bồ Tát chúng
Tam Bảo chư Thiên bát bộ thần.

Nghĩa là:
Đấng Bất Động siêng tu giải thoát
Bát Nhã vi diệu chiếu quang minh
Chúng Bồ Tát Kim Cang Tạng Vương
Tam Bảo chư Thiên Long bát bộ.

Giảng giải: Ca Địa dịch ra có ba nghĩa:
1. Siêng hành: Đừng lười biếng, lúc nào cũng tu giới định huệ, diệt trừ tham sân si, ngày đêm đều phải dụng công tu hành.
2. Giải thoát: Tức là tự do tự tại, vô câu vô thúc, vô quái vô ngại, viên dung vô ngại, chẳng có tơ hào chấp trước và chướng ngại.
3. Vô động: Tức là bất động, ai có thể như như bất động, rõ ràng sáng suốt? Phật mới có thể. Như như bất động, rõ ràng sáng suốt, thì không bị tất cả cảnh giới làm lay động, mà chuyển được tất cả cảnh giới, cho nên nói "Đấng Bất Động siêng tu giải thoát".

"Bát Nhã vi diệu chiếu quang minh": Bát Đế tức là Bát Nhã diệu cú, tức cũng là kinh điển trí huệ, câu chú trí huệ. Đây là nói câu Chú nầy bao quát vô lượng vô biên Bát Nhã trí huệ, bao quát vô lượng vô biên môn đại Bát Nhã. Biểu hiện của trí huệ tức cũng là đại quang minh tạng, chiếu khắp mười phương, khiến cho mười phương chúng sinh đều hết ngu si, đắc được đại trí huệ Bát Nhã.

"Chúng Bồ Tát Kim Cang Tạng Vương": Đây là một chúng hội của Kim Cang Tạng Vương, Kim Cang Tạng Vương suất lãnh tất cả chúng Bồ Tát.
"Tam Bảo chư Thiên Long bát bộ": Có thường trụ thập phương Phật, có thường trụ thập phương Pháp, lại có thường trụ thập phương Tăng. Mười phương vô tận vô tận thường trụ Tam Bảo và thêm tất cả trời dục giới, trời sắc giới, trời vô sắc giới, còn có tám bộ thần, tức Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, người chẳng phải người, tám loại quỷ thần vương. Câu Chú nầy bao quát có vô lượng đạo lý.

357. Hất rị đởm (giống câu 282).

Kệ:
Tâm pháp sắc pháp phàm Thánh thông
Nhục đoàn kiên thật giác linh minh
Tam Như Lai tạng đệ nhất nghĩa
Quang chiếu đại thiên tổng viên dung.

Nghĩa là:
Tâm pháp sắc pháp phàm Thánh thông
Cục thịt kiên thực giác linh minh
Ba Như Lai tạng đệ nhất nghĩa
Quang chiếu đại thiên tổng viên dung.

358. Tỳ đà dạ xà (giống câu 278).

Kệ:
Đại minh chú tạng diệu nan lường
Chánh giác oai đức tối thắng vương
Biến nhất thiết xứ quang phổ chiếu
Phật bảo thường trụ vĩnh cát tường.

Nghĩa là:
Chú tạng đại minh diệu khó lường
Chánh giác oai đức tối thắng vương
Biến nhất thiết xứ quang chiếu khắp
Phật bảo thường trụ luôn các tường.

359. Sân đà dạ di (giống câu 279).

Kệ:
Y phụ tội giả trảm kỳ tinh
Như ý bảo luân pháp vương tâm
Ngã kim thủ niệm đệ nhất nghĩa
Liên hoa pháp bộ trú dạ hành.

Nghĩa là:
Kẻ tội nương tựa chém tinh thần
Tâm pháp như ý bảo luân vương
Con nay trước niệm đệ nhất nghĩa
Pháp bộ liên hoa ngày đêm tu.

360. Kê ra dạ di (giống câu 280).

Kệ:
Đồng chân nhập đạo Pháp vương tử
Bộ tróc Dạ Xoa đại tướng quân

Sở tác nhị lợi thiện hiện nghiệm
Tinh tấn thủ quy Chúng Trung Tôn.

Nghĩa là:
Pháp Vương tử đồng chân nhập đạo
Bắt giữ Dạ Xoa đại tướng quân
Sở tác nhị lợi thiện hiện nghiệm
Tinh tấn quy y chúng Tăng già.

361. Ra xoa võng

Kệ: 1.
Dung thứ ngã tội Từ Thị nhẫn
Nguyên lượng tha phi đại bi tâm
Bình đẳng nguyện lực tinh tấn hành
Trí huệ thiền định giới châu minh.

Nghĩa là:
Tha thứ tội mình nhẫn Từ Thị
Thứ tha lỗi họ tâm đại bi
Bình đẳng nguyện lực tu tinh tấn
Trí huệ thiền định giới trong sáng.

Giảng giải: Ra Xoa Võng tức cũng là “Sám hối”. Thật là kỳ lạ, Chú Lăng Nghiêm giảng đến đây, đến chỗ nầy mọi người đều sám hối. Sám hối tức là một sự nhẫn, nhẫn điều mà người khác không thể nhẫn, nhường điều mà người khác không thể nhường, ăn cái mà người khác không thể ăn, chịu cái mà người khác không thể chịu được, như vậy mới là bổn phận của người tu đạo. Ra Xoa Võng nầy rất là diệu, diệu không thể tả.

“Tha thứ tội mình nhẫn Từ Thị”: Bất cứ người nào có tội lỗi gì, đều tha thứ được hết. Tha thứ ở đây không cần người khác đến cầu xin mới tha thứ, tức là không có ai cầu xin, cũng tha thứ như nhau. “Tha thứ tội mình”, là nói bất cứ tội của ai đều tha thứ hết, nghĩa là bất cứ tội của người nào, đều giống như tội của mình. Từ Thị tức là Bồ Tát Di Lặc, độ lượng của Ngài lớn vô cùng, ai có lỗi lầm gì, Ngài cũng đều tha thứ hết, Ngài đều cười vui vẻ, cho nên nói: “Bụng to hay chứa, chứa việc thiên hạ khó chứa”: Độ lượng của Ngài rất lớn, dung chứa những việc thiên hạ khó chứa. Việc mà người khác không thể nhẫn chịu, Ngài đều nhẫn chịu được hết, Ngài mở miệng ra liền cười, chẳng có chút nóng giận nào hết. “Mở miệng liền cười, cười người thế gian đáng cười”: Ngài thấy người

thế gian đều ham danh háo lợi, ham tài, sắc, danh, ăn, ngủ, thật là đáng cười! Vị Bồ Tát đã từng nói mấy câu rằng:

Lão quê mặc áo vá
Cơm hẩm no đầy bụng
Áo vá che nóng lạnh
Vạn sự hãy tuỳ duyên.

Có người mắng lão quê
Lão quê chỉ nói tốt
Có người đánh lão quê
Lão quê nằm lăn ra

Khạt nhổ vào mặt lão
Để nó khô tự nhiên
Ta cũng không nhọc sức
Họ cũng không phiền não

Đây là Ba La Mật
Cũng là báu trong diệu
Nếu bạn biết tin nầy
Lo gì đạo chẳng thành.

Bạn thấy Ngài nói thật là hay! Mấy câu nầy Bồ Tát Di Lặc nói rất là đơn giản, mà hình dung ra sự độ lượng của Ngài. Lão quê tức là con người tôi chẳng có trí huệ, rất là ngu si, mặc toàn là áo rách rồi vá lại, ăn thì ăn cơm hẩm, chẳng có mùi vị gì, ăn no là tốt rồi. Quần áo rách thì vá lại, mặc để che nóng, che lạnh là được rồi. Việc gì cũng đều tuỳ duyên, thì chẳng có vấn đề gì. "Có người mắng lão quê", kỳ thật vốn chẳng có ai mắng Ngài, Ngài chỉ là người đa sự, cố ý không bệnh mà than thở rằng: "Chao ôi! Tôi thật là chịu hết nổi, khổ quá đi thôi, làm sao bây giờ"?

Bạn xem, Ngài mở miệng ra liền cười, thì có ai mà mắng chửi Ngài? Tự nhiên Ngài nói tốt. Bất quá nếu có người mắng chửi Ngài, thì Ngài cũng nói tốt, không thể không nói tốt, vì bụng của Ngài rất to. Nếu như có người muốn đến đánh Ngài, thì Ngài nằm lăn ra. Nếu có ai khạt nhổ vào mặt của Ngài, thì Ngài để nó khô tự nhiên, giống như chẳng có chuyện gì. Nếu bạn nhổ thêm vài cái nữa, thì Ngài dùng để rửa mặt luôn, rửa sạch hết bụi bặm cho sạch sẽ, bạn thấy có diệu chăng! Ngài cũng chẳng dùng sức phun nước miếng lại, Ngài cũng chẳng có vấn đề gì, phiền não cũng chạy đâu mất, không còn vết tích. Đây là Ba La Mật, phương pháp đến bờ bên kia, là pháp bảo ở trong diệu. Nếu

biết được tin nầy, thì còn lo gì đạo chẳng thành! Đây là dùng mấy câu kệ để nói rõ “Từ Thị nhẫn”, nhẫn của Bồ Tát Di Lặc.

“Thứ tha lỗi họ tâm đại bi”: Đại bi là gì? Tức là tha thứ cho người, bất cứ người khác có lỗi lầm gì không đúng, đều cảm thấy giống như chính mình không đúng, không thấy lỗi của chúng sinh, để họ sửa lỗi làm mới, đây là tâm đại bi.
“Bình đẳng nguyện lực tu tinh tấn”: Bạn có thứ nguyện lực đại từ bình đẳng nầy, đây tức là pháp môn tinh tấn của Bồ Tát Đại Hạnh Phổ Hiền.
“Trí huệ thiền định giới trong sáng”: Được như thế thì sẽ có trí huệ, cũng có thiền định, giới luật cũng giữ được rất viên mãn, thì giới châu sẽ phóng đại quang minh, chiếu sáng thế giới.
Kệ pháp giới: Pháp là quy tắc, phương pháp.

Kệ: 2.

Dung nhẫn ngã tội hứa tự tân
Đại từ hoá vật cảm ứng chân
Phổ độ hữu tình thành chánh quả
Trí quang thường diệu chiếu cổ kim.

Nghĩa là:

Nhẫn chịu tội mình sửa làm mới
Đại từ hoá độ sẽ cảm ứng
Độ khắp hữu tình thành chánh quả
Trí quang thường sáng chiếu cổ kim.

Giảng giải: “Nhẫn chịu tội mình sửa làm mới”: Chư Phật Bồ Tát đều từ bi, chẳng thấy lỗi của chúng sinh, bất cứ chúng sinh có lỗi lầm gì, chỉ cần sửa đổi, thì các Ngài sẽ tha thứ cho họ, bao dung họ, bỏ qua cho họ. Nếu không sửa đổi lỗi lầm, thì Phật Bồ Tát cũng chẳng có biện pháp gì. “Sửa làm mới”: Tức là mình phải sửa đổi lỗi lầm, làm lại con người mới.
“Đại từ hoá độ sẽ cảm ứng”: Tâm thật thì việc thật, nếu tâm thật sửa đổi, thì Phật tự nhiên sẽ biết. Phật thì đại từ đại bi giáo hoá tất cả chúng sinh, ai đem chân tâm ra, thì người đó sẽ có cảnh giới hiện tiền cảm ứng đạo giao. Nếu cảnh giới đến, thì trước hết bạn hãy nghĩ xem cảnh giới đó là chánh hay tà. Nếu là chánh, thì Phật Bồ Tát thị hiện ra, nếu là tà thì bàn môn ngoại đạo thiên ma đến nhiễu loạn mình, khiến cho mình tu hành không đắc được tam muội. Nếu đầy đủ con mắt chọn pháp, có trí huệ chân chánh, thì biết rõ thị phi, kén chọn chánh tà.

Thế nào là chánh? Thế nào là tà? Nếu đại công vô tư tức là chánh pháp, nếu ích kỷ lợi mình tức là tà pháp. Nếu do tâm tham mà đắc được cảnh giới, thì đó

là ma vương đến nhiễu loạn bạn, khiến cho bạn tu hành chẳng được thành tựu, khiến cho bạn đoạ lạc. Vì khi bạn đoạ lạc rồi, thì làm quyến thuộc của ma vương. Bạn tu hành thành công, thì sẽ thoát khỏi ba cõi, sẽ làm quyến thuộc của Phật.

Chúng ta người tu đạo, phải nhận thức cảnh giới, nhận thức được cảnh giới, thì sẽ không bị ma vương đến lừa gạt. Ở trước đã nói qua, Phật Bồ Tát thì từ bi độ chúng sinh, nếu bạn có tâm chân thật, thì sẽ đắc được cảm ứng đạo giao. Nếu bạn tu hành chẳng có tâm chân thật, thì sẽ chẳng được sự cảm ứng, cho nên phải đem tâm chân thật ra. Tâm chân thật thì không tham, không tranh, không cầu, không ích kỷ, không lợi mình. Phải tự nhiên mà đắc được, tự nhiên đắc được nầy, chẳng phải do bên ngoài mà được, là do trong tự tánh sinh ra trí huệ, cho nên Lục Tổ Huệ Năng nói:

Biết tự tánh mình vốn thanh tịnh
Biết tự tánh mình vốn không lay động
Biết tự tánh mình vốn tự đầy đủ
Biết tự tánh mình thường sinh trí huệ".

Tự tánh vốn thanh tịnh, chẳng có một chút nhiễm ô nào, cũng chẳng có tham, tranh, ích kỷ, lợi mình, mong cầu. Tự tánh vốn chẳng giao động, không đến, không đi, không quái, không ngại, không hình, không tướng. Tự tánh vốn tự đầy đủ tất cả vạn pháp, trong tự tánh sinh ra trí huệ. Người có trí huệ thì không cảm thấy mình tốt hơn người khác, hoặc giỏi hơn người khác.

Phàm là cho rằng mình giỏi hơn người khác, đều là ma vương đến nhiễu loạn bạn, cho bạn một chút ma khí, cho bạn một chút tà tri tà kiến. Ma vương lợi dụng pháp dụ để nhiễu loạn bạn, biết bạn tham chút tiện nghi. Nếu bạn sửa đổi: Không tham, không tranh, không ích kỷ, không lợi mình, thì ma vương cũng không có cách gì hại được bạn. Bằng không, chúng biết bạn thích thần thông, quỷ thông, bất thông, yêu thông, thất thông, bát thông, chúng liền nói: "Tốt! Cho bạn thông thông thông, để cho bạn tha hồ mà thông"!

Tu đạo tuyệt đối đừng tham tiện nghi, tham lợi nhỏ, hoặc tham sữa bò, tham phó mát, những thứ nầy thật chẳng có giá trị gì, nếu tu hành mà vì những thứ nầy, thì thật chẳng có ý nghĩa gì, cho nên tại sao người tu hành đêm ngủ dưới gốc cây, ngày ăn một bữa trưa, không tham người đời cúng dường, ai cúng dường cho mình cũng không cần. Người hành cước đi tham phương các nơi, ở một chỗ không quá ba đêm, tại sao vậy? Vì quá ba đêm thì sợ mọi người biết mình mà đến cúng dường. Không thể nói người ta cúng dường cho mình, thì mình vui mà thọ nhận: "Bạn xem nhiều người cúng dường cho tôi"! Đâu biết rằng nhiều người cúng dường cho bạn như vậy, cướp hết phước báu của bạn đi

mất, thì nguy hiểm của bạn sẽ đến. Không có phước báu mà thọ nhận người cúng dường, là một sự việc có vấn đề. Cho nên xưa nay đại đức cao Tăng, không có chút tâm tham nào hết, tuyệt đối thanh tịnh, tuyệt đối không nhiễm ô. Không giảng nói bậy bạ, mình cầm nắm một chút cũng không nói bậy bạ, sai nhân quả, đây là không thể được. Thật là mình có tạo tội nghiệp còn không biết, cho nên cảm ứng đạo giao phải dùng tâm chân thật để tu đạo.

"Độ khắp hữu tình thành chánh quả": Phật muốn độ tất cả hữu tình, có huyết, có khí, đều thành chánh quả, chẳng phải tà quả, hoặc ma quả.
"Trí quang thường sáng chiếu xưa nay": Người có đại trí huệ, lúc nào trí huệ cũng đều hiện tiền, không bị cảnh giới yêu ma quỷ quái làm lay động, tại sao không bị lay động? Vì chẳng có tâm tham, dù trên đường đạo nghiệp cũng không sinh tâm tham.

Nếu họ cho bạn một hòn đá quý rất đắt tiền, một đời thọ dụng không hết. Thọ dụng không hết lại như thế nào? Đây là gạt người. Tu đạo phải triệt để minh bạch, đừng vì tham đồ cúng dường của người. Tu đạo là vì khai mở trí huệ chân chánh, muốn phá tà hiển chánh, phá tà ma ngoại đạo, hiển ra chánh pháp chánh giáo, khiến cho chánh pháp vĩnh viễn trụ thế. Không thể nói nghe người ta viết một cuốn sách nói đắc được thần thông như thế nào, liền mê cuốn sách đó. Nếu bạn tìm không được Phật pháp trên cuốn sách đó, thì nói một cách đơn giản là chẳng có Phật pháp. Trong cuốn sách nói chỉ là một đạo lý, bạn đừng có mê vào cuốn sách đó. Cho nên nói người chẳng có trí huệ thì mê vào sách, người có trí huệ thì giác nơi sách, nhìn thấy gì thì giác ngộ cái đó, minh bạch cái đó, chẳng bị sách mê hoặc. Vì sao chẳng bị sách mê hoặc? Vì có ánh sáng trí huệ, ánh sáng trí huệ chiếu soi thế gian, chiếu soi cổ kim.

362. Bà già phạm

Dịch: Bà Già Phạm, cũng là tổng quản, tức cũng là Thế Tôn, nguyện nương thần lực, khắp khiến cho tất cả chúng sinh thường được gia hộ.

Kệ:
Tổng quản pháp giới Vô Thượng tôn
Tứ sinh lục đạo độ trầm luân
Nhiếp khiến hàm linh tu chư thiện
Ma Ha Bát Nhã tự nhiên thành.

Nghĩa là:
Đấng Vô Thượng tổng quản pháp giới
Độ trầm luân bốn sinh sáu đường

Nhiếp khiến chúng sinh tu điều lành
Ma Ha Bát Nhã tự nhiên thành.

Giảng giải: Bà Già Phạm đầy đủ có sáu nghĩa, ở đây nói là Thế Tôn. Thế Tôn thì tổng quản tự tánh của tất cả chúng sinh, tận hư không khắp pháp giới, vì Phật và chúng sinh đồng thể, chẳng có phân khai, cho nên chúng ta chỉ cần phải hợp với Phật mà làm một, chúng ta phải tu hành cho tốt, thì sẽ có thể thành công, cho nên nói "Đấng Vô Thượng tổng quản pháp giới", tổng quản tất cả vấn đề pháp giới, đấng Vô Thượng tức là Thế Tôn.

"Độ trầm luân bốn sinh sáu loài": Bốn sinh tức là: Sinh bằng thai, sinh bằng trứng, sinh ẩm ướt và hoá sinh. Sáu loài tức là: Trời, người, A Tu La, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục. Chúng sinh ở trong sáu đường luân hồi trầm luân, Phật độ tất cả chúng sinh đoạ lạc nầy. Nếu chưa đoạ lạc thì đương nhiên cũng không cần phải độ, tự mình biết con đường tu hành, bạn chỉ cần những phương pháp tu hành mà Ngài nói là được. Giống như Phật nói Kinh điển, đều là kêu mọi người tu hành như vậy, trừ bỏ tham, trừ bỏ sân, trừ bỏ mong cầu, trừ bỏ ích kỷ, trừ bỏ lợi mình, trừ bỏ đủ thứ những thứ nầy, đều là kêu mọi người đi trên con đường bồ đề.

"Nhiếp khiến chúng sinh tu điều lành": Phật muốn giáo hoá chúng sinh, tự mình phát tâm bồ đề, tự mình tài bồi căn lành, Phật chỉ cho bạn một con đường, đi hay không là do bạn lựa chọn. Chúng ta phải bỏ ác tu thiện, phàm là điều có lợi thì phải siêng làm, cử chỉ hành động phải lợi ích người khác, phải làm cho những người khác vừa lòng, hoan hỉ, nhưng không phải là nịnh bợ họ, cứ nói những lời ngon ngọt, khiến cho họ mê hoặc. Chúng ta phải dùng chân tâm để đối đãi với mọi người, không có chút tơ hào hư nguỵ nào.
"Ma Ha Bát Nhã tự nhiên thành": Đại trí đại huệ là tự nhiên, khi bạn có công đức rồi, thì tự nhiên sẽ thành tựu, tự nhiên sẽ khai ngộ. Người khai ngộ tuyệt đối không có ích kỷ, không có lợi mình, dù có tan xương nát thịt, đều vì chúng sinh mà làm.

Người tu hành, cử chỉ hành động, lời nói việc làm, đều không thể tuỳ tiện, không khi nào nói lời đùa giỡn, đi đứng nằm ngồi, bốn oai nghi lớn phải đặc biệt chú ý. "Đi như gió", đây chẳng phải như là gió bão, mà là như gió thoảng, nước không nổi sóng, thân thể cũng không lắc lư động đậy, cũng không cuối đầu khom mình. "Ngồi như chung", phải ngồi vững bất động, giống như đại hồng chung, đầu cũng không cúi về trước ngã về sau, thân thể không nghiên bên trái bên phải, ngồi ngay thẳng, một chút mao bệnh cũng không có. "Đứng như tùng", đứng thẳng giống như cây tùng. "Nằm như cung": Khi nằm thì giống như cây cung, tay chân không để bừa bãi, nằm theo tư thế cát tường là tốt

nhất, tức là nằm nghiên về bên phải, tay trái dũi thẳng để trên đùi, tay phải kê dưới đầu. Nếu là một người oai nghi không tốt, thì sẽ có nhiều chướng ngại, ngồi đứng không chánh đáng, thì tất cả đều theo đó không chánh đáng, tâm cũng sẽ không chánh đáng.

363. Ấn thố na mạ mạ tỏa

Kệ:
Khẩn chứng tác pháp diệu giác viên
Thập phương tán thán thông địa thiên
Thượng đồng Phật từ hạ hợp bi
Quy mạng Tam Bảo chí tâm kiền.

Nghĩa là:
Khẩn chứng tác pháp diệu giác tròn
Mười phương khen ngợi thông trời đất
Trên đồng Phật từ dưới hợp bi
Quy mạng Tam Bảo tâm chí thành.

Giảng giải: Đây là câu cuối cùng hội thứ ba của Chú Lăng Nghiêm. Ấn Thố dịch ra là "Khẩn chứng". Na Mạ Mạ Toả dịch ra là "Tác pháp đắc được cứu kính viên mãn".
"Khẩn chứng tác pháp diệu giác tròn": Khẩn chứng tức là khẩn cầu mười phương chư Phật đến ấn chứng cho, tu pháp Chú Lăng Nghiêm nầy đã được viên mãn rồi.

"Mười phương khen ngợi thông trời đất, Trên đồng Phật từ dưới hợp bi": Lúc nầy mười phương chư Phật đều khác miệng cùng lời, hoan hỉ khen ngợi nói "Công đức của bạn viên mãn, thành tựu quả vị Phật". Cho nên nói pháp môn học Chú là tức thân thành Phật, tu cho tốt, tu viên mãn, thì thân nầy có thể chứng được Thánh quả, trở thành Thánh hiền. Lúc nầy thông trời thông đất, mười phương chư Phật cùng nhau khen ngợi, ba cõi chúng sinh đều lễ bái cúng dường, sau đó lại hành Bồ Tát đạo, trên thì đồng với từ bi của Phật, dưới thì thương xót chúng sinh giống như Phật.

"Quy mạng Tam Bảo tâm chí thành": Từ từ giáo hoá chúng sinh, khiến cho họ quy y Tam Bảo, kiền thành chí thành khẩn thiết, phải có tâm chân thành như vậy, thì mới có thể đạt được Phật quả cứu kính. Cho nên chúng ta người tu hành, lúc nào cũng đừng có lười biếng, càng không thể mình không đạt đến trình độ nào đó, mà nói là mình đã đạt được, đây là đại nói dối, ngàn vạn đừng như thế.

Chú Lăng Nghiêm – Đệ Tứ

HỘI THỨ TƯ

HỘI KIM CANG TẠNG
TRIẾT NHIẾP

Bạch quang toàn chuyển chiếu vô gián
Tôn thắng thiên Chú độ đại thiên
Không bất không tạng mật tích ấn
Ngũ phương ngũ bộ ngũ tâm truyền.

Nghĩa là:

Quang trắng uốn lượn chiếu vô biên
Chú Tôn Thắng Thiên độ các cõi
Không Bất Không Tạng ấn Mật Tích
Năm phương năm bộ năm tâm truyền.

364. Bà già phạm

Dịch: Lại nương Phật lực lọng hoa.

Kệ:
Tái ngưỡng Phật lực hoa cái quang
Tỳ Lô Kim Cang chiếu vạn phương
Hàng phục chúng ma y chánh giáo
Phổ hoá quần luân xuất hoả thang.

Nghĩa là:
Lại nương Phật lực hoa lọng quang
Tỳ Lô Kim Cang chiếu vạn phương

Hàng phục chúng ma theo chánh giáo
Khắp hoá quần sinh thoát hầm lửa.

Giảng giải: Đây là câu đầu tiên Hội Thứ Tư. Hội thứ tư đa số là pháp hàng phục, chư Phật phóng quang động địa, đại địa sáu thứ chấn động, trời mưa hoa báu, rơi xuống rực rỡ. Ý nghĩa câu nầy là “Quy mạng Bạt Già Phạm, Tỳ Lô Giá Na Phật Kim Cang Thượng Sư”, cho nên nói:
“Lại nương Phật lực hoa lọng quang”: Lại nương tựa Phật lực, trong đó có hoa báu, lọng báu, châu báu, mây báu và đủ thứ quang minh, có hào quang trắng xoay vòng, hào quang tía quấn vòng quanh, hào quang đỏ chiếu sáng ba thứ quang minh, cho nên nói hoa lọng quang. Còn có châu quang minh, tất cả châu báu cũng phóng quang minh, lại có mây quang minh, mây báu cũng phóng quang minh.

“Tỳ Lô Kim Cang chiếu vạn phương”: Tỳ Lô Giá Na Phật Kim Cang, chẳng có chỗ nào mà không chiếu, chẳng có chỗ nào mà chẳng minh bạch.
“Hàng phục chúng ma theo chánh giáo”: Ngài hàng phục tất cả chúng ma, đều quy y Tam Bảo, quy y Chánh Đẳng Chánh Giác Phật Pháp Tăng.
“Khắp hoá quần sinh thoát hầm lửa”: Chúng ta tất cả chúng sinh đều gọi là quần sinh, mọi người đều giống nhau. Nhưng mà có những chúng sinh bị đoạ ở địa ngục, có những chúng sinh làm ngạ quỷ, có những chúng sinh chuyển làm súc sinh. Tuy họ đoạ vào ba đường ác, nhưng vốn là đồng loại với chúng ta, cho nên phải độ họ thoát khỏi hầm lửa, khôi phục lại bổn lai diện mục thường lạc ngã tịnh.

Chúng ta tu hành, tụng Kinh, trì Chú, niệm Phật, trước hết phải chỉnh đốn bốn đại oai nghi của chính mình. Ngồi thì như đại hồng chung, đi thì như gió thoảng, nằm thì như cây cung, đứng thì như cây tùng, đây đều có thứ tự nhất định, không thể cứ tuỳ tiện, vì khi bạn cứ tuỳ tiện thì không thể tu hành. Lúc nào cũng phải trang nghiêm chỉnh tề, không thể cẩu thả tuỳ tiện được. Một người ở trong phòng thì cũng giống như ở trong đại chúng, chẳng có gì khác biệt. Không thể ở trong đại chúng thì làm bộ tu hành, còn khi một mình ở trong phòng thì giải đãi cẩu thả. Phải biết từ vô lượng kiếp đến nay chưa thành chánh quả, là do giải đãi cẩu thả, du hí nhân gian. Phải thường thường quán sát chính mình, như ở trước Phật, như ở trước Thầy tổ, không thể cẩu thả bừa bãi, để thời gian trôi qua lãng phí.

365. Tát đát đa bác đát ra

Kệ:
Không Như Lai Tạng diệu vô cùng
Bất không tạng tánh siêu hoá công
Không bất không tạng ly ngôn thuyết
Trung đạo liễu nghĩa tổng viên dung.

Nghĩa là:
Không Như Lai tạng diệu vô cùng
Bất không tạng tánh vượt hoá công
Không bất không tạng lìa lời nói
Trung đạo liễu nghĩa tổng viên dung.

Giảng giải: Tu hành như đi trên cây sào trăm thước, xuống thì dễ lên thì khó, khó như lên trời. Bất cứ gặp cảnh giới gì, mà không phá được cảnh giới, thì rất dễ gặp ma chướng, chỉ cần một niệm sai lầm, một niệm tà, thì thiên ma ngoại đạo biết, liền nhập vào trong tâm của bạn. Nếu là chánh niệm, thì bạn sẽ hợp với Phật mà làm một. Cho nên trong Lục Tổ Đàn Kinh có nói: "Khi chánh niệm thì Phật tại nhà", là đạo lý nầy. Chỉ cần có một chút tâm tranh, tâm tham, có sự mong cầu, ích kỷ, lợi mình, thì ma sẽ ngồi ở tại điện.

Nếu bạn không tranh, không tham, không mong cầu, không ích kỷ lợi mình, thì yêu ma quỷ quái gì cũng không làm gì được bạn, không cách gì nhiễu loạn bạn được. Nếu bạn không đấu tranh với người, thì ma chẳng có cách gì hết. Bạn không tham tiện nghi, không tham thần thông, hoặc lợi ích gì đó, thì dù ma có sử dụng cảnh giới hư nguỵ để dụ dỗ bạn, cũng dụ dỗ không được. Hơn nữa trong ngoài đều không có sự mong cầu, tất cả đều quên hết, quên người không còn cái ta nữa, người cũng quên mất, cái ta cũng quên mất, pháp cũng quên mất. Hơn nữa không ích kỷ, đối với việc gì cũng không có tâm ích kỷ, chẳng phải nói tôi muốn được nhiều lợi ích một chút, còn người khác thì không. Nếu như thế, thì ma vương cũng chẳng có cách gì. Trong tâm cũng đừng có nghĩ tưởng những gì có lợi ích đối với mình, được như vậy thì chú gì của yêu ma quỷ quái cũng không linh. Đây là Chú đối phó với ngoại đạo tốt nhất. Nếu ứng dụng được năm điều nầy cho thật tốt, thì ma gì cũng chẳng có, cũng chẳng có cách gì. Tại sao chúng có cơ hội nhập vào? Là vì bạn có sự mong cầu, có tâm tham, có tâm tranh, có tâm ích kỷ, có tâm lợi mình, cho nên chúng bèn nương theo đó mà nhập, khiến cho bạn đầu óc không thanh tịnh, mất đi trí huệ.

Câu Chú Tát Đát Đa Bác Đát Ra, hay hàng phục thiên ma ngoại đạo, cũng hay khiến cho bạn có chánh tri chánh kiến. Sức lực của Chú nầy là đường lời lẽ đã bặc, nơi tâm hành đã diệt, diệu không thể tả. Chỗ diệu hội thứ tư của Chú Lăng Nghiêm nầy, sức lực và nghĩa lý, có một bài kệ có thể hình dung:

“Tam quang phổ chiếu thấu tam tài
Diêm Phù thế giới trảo bất lai
Đại đức đại thiện tài năng đắc
Vô đức vô thiện bất minh bạch”.

Nghĩa là:
Ba quang chiếu khắp thấu ba tài
Thế giới Diêm Phù tìm chẳng được
Đức lớn thiện nhiều mới gặp được
Không đức không thiện chẳng hiểu được.

Cho nên hội Chú nầy rất là quan trọng, câu Chú nầy có hai chữ “Đát”, chữ trước đọc “đãn”, chữ sau đọc “đáp”.
“Tát” là “Không Như Lai tạng”, “Bác” là “Bất không Như Lai tạng”, “Đát Ra” tức là “Không bất không Như Lai tạng”, vì câu nầy bao hàm không Như Lai tạng, bất không Như Lai tạng, không bất không Như Lai tạng. Thế nào gọi là không Như Lai tạng? Tức là tất cả đều không. Bất không Như Lai tạng tức là có, không bất không Như Lai tạng, tức là trung đạo, tức cũng là không rơi về không, không chấp vào có, trung đạo liễu nghĩa.
“Không Như Lai tạng diệu vô cùng”: Diệu nghĩa trong không Như Lai tạng vô cùng vô tận, không cách gì có thể nói hết được.
“Bất không tạng tánh vượt hoá công”: Bất không Như Lai tạng tánh vượt thoát công năng của tạo hoá không thể nghĩ bàn.
“Không bất không tạng lìa lời nói”: Trung đạo liễu nghĩa lìa lời nói, chẳng có gì để nói.
“Trung đạo liễu nghĩa tổng viên dung”: Đây là nơi cứu kính trung đạo liễu nghĩa. Tóm lại, đây là tổng trì pháp lớn, là linh văn viên dung vô ngại, thường thường niệm câu Chú nầy, thì sẽ minh tâm, sẽ thấy tánh, cũng hàng phục được thiên ma, chế các ngoại đạo, xem bạn có dùng được hay không!

Hỏi: Sư Phụ nói câu Chú Tát Đát Đa Bát Đát Ra nầy, có thể minh tâm kiến tánh, có thể hàng phục thiên ma ngoại đạo, nhưng phải hiểu, đáo để là dùng như thế nào?

Đáp: Ví như học võ thuật, trước hết phải học công phu cho tốt, thì mới có thể dùng đao, dùng thương, đối địch với người. Không thể chỉ thấy người múa mấy chiêu thiếu lâm quyền, thì cho rằng rất giỏi, có thể đánh khắp thiên hạ vô địch thủ, chính mình chẳng có học một ngày nào, thì muốn múa rồi. Bạn chẳng có cơ sở gì hết! Chú Lăng Nghiêm cũng như thế, chưa tụng niệm mà đã muốn dùng rồi, dùng như thế nào đây? Và cũng giống như bạn chưa đi học, chưa đi học một ngày nào hết, mà muốn viết văn chương, viết như thế nào đây? Học

xong rồi thì tự nhiên sẽ biết. Đừng có tham đi tắc cho nhanh, giống như hút á phiện, trì Chú chẳng phải là hút độc. Hiện tại bạn chẳng có một cơ sở nào, không thể hỏi là cách dùng như thế nào? Tôi nói cho bạn biết, bạn chưa thể dùng được. Tu pháp nầy phải tụng niệm tu từ từ, lâu dần rồi thì không được mà được, lúc đó tự nhiên sẽ biết dùng. Không cần nhất định phải dạy bạn, đến được chỗ diệu, thì bạn tự nhiên sẽ biết dùng, đây chẳng phải là nói suông. Do đó, dùng được hay không, thì tuỳ bạn có công phu hay không.

Nếu bạn tu pháp nầy đắc được tam muội, thì dùng như thế nào cũng đều linh nghiệm. Nếu bạn chẳng đắc được tam muội, thì dùng như thế nào cũng chẳng linh nghiệm. Cũng giống như gạo nấu thành cơm, nhưng gạo có được như thế nào? Trước hết phải gieo mạ xuống đất, sau đó nhổ cỏ, bón phân chăm sóc, từ từ cây lúa lớn dần trổ hoa, rồi mới cho hạt lúa chín, thu hoạch, xay ra thành gạo, rồi mới nấu thành cơm, trải qua một quá trình công phu. Sự việc thế gian chẳng có chuyện không mệt nhọc mà thu hoạch, không dùng một chút sức mà được hiện thành thọ dụng, không có lý nào.

Ở trong Vạn Phật Thành gì cũng đều có, tận hư không khắp pháp giới các loài chúng sinh đều có đủ. Đủ thứ hoa cỏ cây cối toàn nước Mỹ, ở Vạn Phật Thành đều có. Do đó rồng rắn hỗn tạp, Thánh phàm hỗn tạp. Kẻ phàm thì là phàm, bậc Thánh thì là Thánh, rồng thì là rồng, rắn thì là rắn. Tuy như vậy, phàm phu dụng công tu hành cũng sẽ thành Thánh nhân, nguyên lai là rắn, cứ làm lợi ích người khác, thì cũng sẽ biến thành rồng, không có pháp nhất định.

Cho nên người nào muốn tu hành, thì từ phàm phu tu đến quả vị Thánh nhân. Ở đây cũng có Phật, cũng có ma. Ma rất nhiều, Phật cũng không ít. Vì sự việc thế gian là đối đãi, có ngày thì có đêm, có âm thì có dương, có thị thì có phi; có thiện thì có ác, lìa không khỏi. Tuy là nói như thế, tôi hy vọng ma vương cũng quy y Tam Bảo, phát tâm bồ đề, đừng nhiễu loạn người tu hành, bằng không, tương lai khi phước ma hưởng hết, thì khổ báo không thể tưởng tượng được.

366. Nam mô tuý đô đế

Dịch: Con nay kính lễ.

Kệ:
Ngã kim quy kính lễ Pháp Vương
Chí thành khẩn thiết canh trai trang
Duy vọng gia hộ đăng bất thối
Chư Phật tiếp dẫn phóng hào quang.

Nghĩa là:
Con nay quy kính lễ Pháp Vương
Chí thành khẩn thiết càng thanh tịnh
Chỉ mong gia hộ chứng bất thối
Chư Phật tiếp dẫn phóng hào quang.

Giảng giải: Chú hội thứ tư nầy quan trọng vô cùng, hy vọng các vị đặc biệt lưu tâm nghiên cứu.
“Con nay quy kính lễ Pháp Vương”: Câu “Nam Mô” nầy nghĩa là “Quy mạng đảnh lễ”. Tuý Đô Đế tức là “Phật”.
“Chí thành khẩn thiết càng thanh tịnh”: Tâm của con chí thành khẩn thiết, ý niệm chuyên nhất không loạn, trai giới thanh tịnh, đoan trang cung kính, một chút cẩu thả tuỳ tiện cũng không có.

“Chỉ mong gia hộ chứng bất thối”: Nguyện mười phương chư Phật gia hộ cho con, khiến cho con sớm chứng được vị bất thối, niệm bất thối, hành bất thối, ba quả vị bất thối nầy.
“Chư Phật tiếp dẫn phóng hào quang”: Mười phương chư Phật đều đến tiếp dẫn con. Chư Phật phóng đại quang minh chiếu đến con, khiến cho con tai tiêu tội diệt, nghiệp diệt phước sinh, sớm chứng được quả bồ đề.

Hỏi: Thế nào là bất thối?

Đáp: Trên quả vị Bồ Tát đại thừa, không thối lùi xuống nhị thừa học pháp tiểu thừa, gọi là vị bất thối. Bồ đề tâm niệm cũng không thối lùi, vĩnh viễn giữ tâm bồ đề xưa kia mình đã phát, thệ nguyện phát ra tu hành, gọi là niệm bất thối. Vĩnh viễn dũng mãnh tinh tấn hướng về trước tu hành, không thối lùi về sau, chẳng phải tu hành một chút rồi giải đãi lười biếng, hoặc tu được hai ngày rưỡi bèn nói: “Sao vẫn chưa thành Phật”? bèn thối lùi. Bất cứ lúc nào cũng không giải đãi, thì gọi là hành bất thối.

367. A tất đa na ra lặc ca

Dịch: Quang đỏ quay vòng.

Kệ:
Vô Năng Thắng giả đại lực vương
Xích quang liễu nhiễu chiếu vạn phương
Kim cang kiên cố tồi ma chúng
Đức thiện tài bồi thọ vĩnh xương.

Nghĩa là:
Bậc Vô Năng Thắng đại lực vương
Quang đỏ quay vòng chiếu vạn phương
Kim cang kiên cố diệt chúng ma
Đức thiện tài bồi thọ mãi mãi.

Giảng giải: "Bậc Vô Năng Thắng đại lực vương": A Tất Đa tức là « A Dật Đa », dịch là Vô Năng Thắng, chẳng có ai có thể chiến thắng được Ngài, do đó hướng đến vô địch, chiến đâu thắng đó, Ngài là đại lực sĩ, đại lực vương.
"Quang đỏ quay vòng chiếu vạn phương": Câu Chú nầy là « Quang minh đỏ quay vòng », quang minh đỏ quay vòng ở trong hư không, không có chỗ nào mà chẳng chiếu đến, không có chỗ nào mà chẳng sáng.
"Kim cang kiên cố diệt chúng ma": Kiên cố giống như kim cang, hàng phục hết tất cả thiên ma ngoại đạo.
"Đức thiện tài bồi thọ mãi mãi": Đây cần phải có đại đức, đại thiện, để tài bồi, đức thiện tăng trưởng thì thọ mãi mãi, tất cả như ý cát tường, tất cả đều rất viên mãn.

368. Ba ra bà

Dịch: Quang tía uốn lượn.

Kệ:
Tử quang bàn thốc hộ hành nhân
Thiện tịnh oai đức nhật dạ tuần
Phát bồ đề nhạ kết diệu quả
Đồng phó Long Hoa Vạn Phật Thành.

Nghĩa là:
Quang tía uốn lượn hộ người tu
Thiện tịnh oai đức ngày đêm tuần
Phát mầm bồ đề kết diệu quả
Cùng phó Long Hoa Vạn Phật Thành.

Giảng giải: "Quang tía uốn lượn hộ người tu": Sức lực câu Chú nầy rất lớn, một khi tụng lên thì có một thứ hào quang tía uốn lượn ở trong hư không, uốn lượn và quay vòng, nghĩa hơi giống nhau. Tất cả yêu ma quỷ quái, đều sợ thứ hào quang tía nầy, cho nên hay bảo hộ người tu hành.
"Thiện tịnh oai đức ngày đêm tuần": Hào quang tía nầy thiện tịnh oai đức, ngày đêm uốn lượn tuần hành không gián đoạn.

“Phát mầm bồ đề kết diệu quả”: Trợ giúp chúng sinh phát mầm bồ đề, tương lai sẽ kết diệu quả không thể nghĩ bàn.

“Cùng phó Long Hoa Vạn Phật Thành”: Pháp hội khi Bồ Tát Di Lặc thành Phật, gọi là hội Long Hoa. Hiện tại chúng ta tu hành, tương lai đều có cơ hội phó hội Long Hoa. Hội Long Hoa cũng có Vạn Phật Thành, đây là ở tại Thiên Thành Tượng, tại địa thành hình, chẳng phải chỉ nhân gian có Vạn Phật Thành, mà những thế giới của chư Phật khác cũng đều có Vạn Phật Thành. Vạn Phật Thành là chỗ vạn Phật ở, cho nên chẳng phải chỉ có thế giới của chúng ta có, mà mỗi thế giới cũng đều có, do đó có vô lượng vô số Vạn Phật Thành, tương lai chúng ta đều đến đó tham gia pháp hội, cùng với Đương Lai Hạ Sinh Di Lặc Tôn Phật.

Khi đức Phật Thích Ca còn ở đời, thọ ký nói: “Tương lai hội pháp môn Bát Nhã sẽ đặc biệt thịnh hành ở nước Chấn Đán”. Phật thọ ký nước Chấn Đán tức là Trung Quốc. Khi Ngài Huyền Trang phiên dịch Kinh Đại Bát Nhã, thì một năm hoa đào nở sáu lần, đây là điềm lành khi phiên dịch Kinh Đại Bát Nhã, những người hoan nghinh thọ Kinh Đại Bát Nhã ở Trung Quốc rất thịnh hành, chánh phủ Phật ký. Vì pháp môn Bát Nhã rất hưng thịnh, cho nên Phật pháp ở Trung Quốc phát dương quang đại, thậm chí người tín ngưỡng còn nhiều hơn so với Ấn Độ. Cho nên Trung Quốc có bốn đại danh sơn, Chùa chiền ở Ngũ Đài sơn có tới mấy trăm ngôi Chùa. Nga Mi sơn, Cửu Hoa sơn, Phổ Đà sơn, cũng vậy. Ngũ Đài sơn, Nga Mi sơn, Cửu Hoa sơn, tôi chỉ nghe tên mà thôi, chưa từng đi đến triều bái. Phổ Đà sơn có rất nhiều chùa chiền tự viện, rất nhiều người xuất gia. Bồ Tát Quán Âm thường thường hiển Thánh ở đây. Ngũ Đài sơn là đạo tràng của Bồ Tát Văn Thù, Nga Mi sơn là đạo tràng của Bồ Tát Phổ Hiền, Cửu Hoa sơn là đạo tràng của Bồ Tát Địa Tạng. Bốn đại danh sơn nầy là Thánh địa của Phật giáo, xưa kia đức Phật cũng đã từng thọ ký nói qua. Ngũ Đài sơn có tuyết quanh năm, Nga Mi sơn núi non rất cao hiểm trở, từ dưới chân núi mà leo lên tới đỉnh, cũng mất mấy ngày, thời xưa đều đi bộ, không có nhiều phương tiện như bây giờ. Đi lên Ngũ Đài sơn cũng mất mấy ngày. Phổ Đà sơn không cao, hòn đảo ở giữa biển. Cửu Hoa sơn cũng có rất nhiều núi. Trung Quốc có một câu nói:

“Lời hay thế gian Phật nói hết
Danh sơn thiên hạ Tăng chiếm nhiều”.

Những lời hay nhất trên thế gian, đức Phật đều đã nói hết. Danh sơn trong thiên hạ, có phong thuỷ, cũng có thể nói là có long mạch, đa số là chỗ chư Tăng ở. Phàm là danh sơn đều có long mạch, cho nên đạo tràng hưng thịnh, vì ở đó có linh khí. Linh khí nầy khiến cho ai đến đó rồi, thì giống như nước mát

mẻ, cảm thấy vừa mát mẻ, vừa thoải mái, giống như mình bơi lội trong ao bảy báu, nước có tám thứ công đức ở thế giới Cực Lạc.

Ở nước Mỹ nầy núi lớn rất nhiều, nhưng Tăng rất ít, cho nên danh sơn không có Thánh địa của Phật giáo. Từ nay về sau, các vị hãy lưu ý, nếu thấy núi lớn khí mạch rất thịnh, nhìn rất là hoan hỉ, thì đại khái nơi đó có linh khí, nếu tìm được long mạch của mảnh đất tốt, thì tương lai sẽ kiến lập đạo tràng ở đó. Hai tuần trước, tôi và hai vị đệ tử đến núi Khoa La Lập Đa, xem rất nhiều nơi, chúng ta người xuất gia, phải làm việc của người xuất gia, tông chỉ bổn phận của chúng ta là hoằng dương Phật pháp, làm cho Phật giáo phát dương quang đại, đây là trách nhiệm của chúng ta. Nếu tìm được núi lớn, thì Bồ Tát Văn Thù, Bồ Tát Phổ Hiền, Bồ Tát Địa Tạng, Bồ Tát Quan Âm đều sẽ đến. Vì đạo tràng có rồi, thì các Ngài tự nhiên sẽ đến, giống như ở Trung Quốc, khi tạo núi Thiên đài, thì Bồ Tát Quán Âm cũng hiển Thánh, năm trăm La Hán cũng mau đi lập công, có rất nhiều kỳ tích xuất hiện.

Chúng ta ở nước tây phương, phải kiến lập đạo tràng thế giới Cực Lạc. Có người nói với tôi rằng: “Vạn Phật Thánh Thành là Thánh địa, Đài Loan có mấy người tại gia muốn đến đây mà không được, tức khiến cho đến rồi cũng ở không được, thậm chí xe hơi cũng chạy không tới. Do đó có cư sĩ bèn phát nguyện: “Nếu đời nầy không thể đến được Vạn Phật Thành tu đạo, thì đời sau tôi nhất định sẽ đến đó tu hành”. Lời nầy không biết là thật hay giả? Các vị nghĩ xem, có người muốn đến Vạn Phật Thành mà đến không được, mà các vị đã đến được đây rồi, mà còn không chân thật tu hành, thì rất là lãng phí thời gian! Thấy có người nguyện tái sinh đến Vạn Phật Thành, trẻ con sinh ra ở Vạn Phật Thành đều có nhân duyên, các vị đừng giống như người say rượu, gì cũng đều không biết, nói cho các vị biết rồi, các vị hãy nghĩ xem đáo để là thật hay giả?

369. Tất phổ tra

Dịch: Hộ pháp Kim Cang phá tan thiên ma ngoại đạo.

Kệ:
Tồi toái Kim Cang đại oai thần
Tam đầu lục tí đảm chiến kình
Vọng phong phi mĩ giai củng phục
Long bàn hổ ngoạ thế an ninh.

Nghĩa là:
Kim Cang đại oai thần phá tan
Ba đầu sáu tay đều sợ hãi

Nghe gió thổi qua đều bái phục
Rồng khoanh hổ nằm đời an ninh.

Giảng giải: Câu Chú nầy ý nghĩa là “Hộ pháp Kim Cang phá tan thiên ma ngoại đạo”, sức lực của Chú nầy hay phá thiên ma ngoại đạo, cũng là một trong những tên của Hộ pháp Kim Cang, cho nên nói “Kim Cang đại oai thần phá tan”: Vị đại Kim Cang nầy, không có gì kiên cố mà không phá được, không có ma nào mà không phục, tất cả thiên ma ngoại đạo, lị mị vọng lượng, yêu ma quỷ quái, Ngài đều hàng phục hết, Ngài có đại oai thần lực nầy.
“Ba đầu sáu tay đều sợ hãi”: Tuy yêu quái có ba đầu, sáu tay, cũng rất lợi hại, nhưng một khi thấy vị Hộ pháp Kim Cang nầy, thì sinh tâm sợ hãi.

“Nghe gió thổi qua đều bái phục”: Khi chúng thấy hình bóng vị Hộ pháp Kim Cang nầy, thậm chí nghe một cơn gió thổi qua bên thân, thì kinh hãi bò sát đất, năm thể bái phục.
“Rồng khoanh hổ nằm đời an ninh”: Một khi thấy được đại oai thần tướng của vị Hộ pháp Kim Cang nầy, dù là rồng cũng phải khoanh lại, cọp cũng phải nằm xuống, đều không thể không giữ quy cụ, bất cứ yêu ma quỷ quái gì, cũng đều phải giữ quy cụ, không dám tác quái, như vậy thế giới sẽ được bình an.

370. Tỳ ca tát đát đa bát đế rị

Dịch: Quang trắng quay vòng.

Kệ:
Bạch quang toàn chuyển chiếu vô gián
Tôn Thắng Thiên Chú độ đại thiên
Không Bất Không Tạng Mật Tích ấn
Ngũ phương ngũ bộ ngũ tâm truyền.

Nghĩa là:
Quang trắng quay vòng chiếu vô gián
Chú Tôn Thắng Thiên độ đại thiên
Không Bất Không Tạng ấn Mật Tích
Năm phương năm bộ năm tâm truyền.

Giảng giải: “Quang trắng quay vòng chiếu vô gián”: Câu Chú nầy dịch ra là “Quang trắng quay vòng”. Ở trước có quang đỏ rực rỡ, quang tía uốn lượn, bây giờ là quang trắng quay vòng. Ba thứ quang nầy, người có đức hạnh mới gặp được, người chẳng có đức hạnh, không thể gặp được thứ pháp nầy. Quang trắng nầy quay vòng, chiếu đến địa ngục vô gián, chúng sinh trong đó thọ khổ,

được quang nầy chiếu đến, thì tội nghiệt sẽ tiêu trừ.
“Chú Tôn Thắng Thiên độ đại thiên”: Chú nầy tên là Tôn Thắng, trên đỉnh hoá Phật của Phật nói, nhờ Tâm Chú của Chú Tôn Thắng nầy để giáo hoá đại thiên thế giới, giáo hoá tất cả chúng sinh thế gian.

“Không Bất Không Tạng ấn Mật Tích”: Có Không Tạng, Không Bất Không Tạng, ở trước đã nói qua, đây là tâm ấn của Mật Tích Kim Cang.
“Năm phương năm bộ năm tâm truyền”: Năm phương tức là: Đông, tây, nam, bắc, giữa. Phương đông Kim Cang bộ, Phương nam Bảo Sinh bộ, Phương tây Liên Hoa bộ, Phương bắc Yết Ma bộ, chính giữa Phật bộ. Năm phương năm bộ nầy, đều có Chú tâm ấn của năm vị Phật, còn gọi là Năm đại tâm Chú. Câu Chú nầy nói xong rồi, thì Chú của năm bộ nầy, hướng về thế giới để lưu thông tuyên bố, khiến cho chúng sinh đắc được lợi ích của sự tu hành.
Kim Cang bộ, pháp hàng phục, Phật Tiêu Tai Diên Thọ làm giáo chủ, tức cũng là Phật A Súc, Phật A Súc làm bộ chủ của Kim Cang bộ.

Phương nam là Bảo Sinh bộ, Phương nam Phật Bảo Sinh làm bộ chủ, Ngài là pháp tăng ích. Ví như, bạn có một phần trí huệ, thì Ngài khiến cho bạn tăng thêm đến một phần rưỡi; nếu bạn có hai phần trí huệ, thì Ngài khiến cho bạn tăng thêm đến hai phần rưỡi.
Phương tây Liên Hoa bộ, Phật A Di Đà làm bộ chủ, Ngài nhiếp thọ chúng sinh, khiến cho chúng sinh đến thế giới Cực Lạc.
Phương bắc là Yết Ma bộ, Phật Thành Tựu làm bộ chủ. Trong luật của Phật có ba lần yết ma, khiến cho việc thông qua. Vị Phật nầy dùng pháp tiêu tai, tiệu diệt tai nạn.

Chính giữa Phật bộ, Phật Thích Ca Mâu Ni làm bộ chủ, Ngài thành tựu các pháp, tất cả pháp Ngài đều thành tựu. Đây gọi là năm phương, năm bộ, năm Phật, truyền Phật tâm ấn diệu pháp.

Chú Lăng Nghiêm nầy là mật trong mật, diệu trong diệu. Thứ pháp nầy thế gian rất ít người hiểu biết được, cũng rất ít người tu trì thứ pháp nầy. Đợi đến khi trên thế gian không còn một người nào tụng trì Chú Lăng Nghiêm, thì lúc đó hết thảy thiên ma ngoại đạo, yêu ma quỷ quái đều xuất hiện ra đời, vì nó không còn gì sợ hãi nữa.
Nếu trên thế gian còn có một người tụng trì Chú Lăng Nghiêm, thì chúng không dám công nhiên xuất hiện ra đời. Có lúc cũng sẽ xuất hiện, nhưng đều là âm thầm lén lút, không dám công khai hiện ra đời. Do đó, Chú Lăng Nghiêm quan trọng nhất đối với Phật giáo. Còn có người hay tụng trì Chú Lăng Nghiêm, thì chánh pháp sẽ trụ lâu dài, ma vương sẽ ẩn hình. Nếu không còn ai tụng trì, thì ma vương sẽ hiện hình, chánh pháp sẽ diệt vong. Do đó, chúng ta

vì hộ trì chánh pháp, nên mỗi ngày phải tụng trì Chú Lăng Nghiêm, mỗi ngày lại nghiên cứu Chú Lăng Nghiêm nầy, đây tức là một bộ phận trụ trì chánh pháp.

371. Thập phật ra thập phật ra

Dịch: Quang diệm chiếu khắp.

Kệ:
Phật bảo phổ phóng vô lượng quang
Chiếu biến pháp giới hư không tạng
Khai thị ngộ nhập chánh tri kiến
Vô thượng bồ đề Đại Giác vương.

Nghĩa là:
Phật bảo khắp phóng vô lượng quang
Chiếu khắp pháp giới hư không tạng
Khai thị ngộ nhập chánh tri kiến
Vô thượng bồ đề vua Đại Giác.

Giảng giải: “Phật bảo khắp phóng vô lượng quang”: Câu Chú nầy nghĩa là “Quang diệm”, tức là hoả diệm chiếu khắp vô yếm túc, hoả diệm khắp tất cả mọi nơi.
“Chiếu khắp pháp giới hư không tạng”: Phật ở cõi tịnh độ Thường Tịch Quang, phóng vô lượng quang minh, chiếu khắp pháp giới, không có chỗ nào mà không chiếu đến, tận hư không khắp pháp giới, đều ở trong quang minh của Phật chiếu đến. Vô chiếu vô bất chiếu, chẳng có một nơi nào mà không chiếu, chẳng có một nơi nào chắc chắn chiếu. Là chiếu khắp, chẳng giống như chúng ta một số người có tâm ích kỷ, nếu người nào đó đối với mình tốt, thì mình đặc biệt đối với họ tốt; còn người nào đối với mình không tốt, thì mình sẽ đối với họ không tốt. Phật thì chẳng như thế, quang minh của Ngài bất cứ đối với người thiện, người ác, người tốt, người xấu, đều chiếu giống nhau. Chỉ là người tội nghiệp quá nặng, tuy được quang minh của Phật gia bị, nhưng vẫn bị vô minh che đậy, trí huệ chẳng hiện tiền.

“Khai thị ngộ nhập chánh tri kiến”: Phật phóng quang động địa, khiến cho tất cả chúng sinh bỏ mê về giác, khai tri kiến của Phật, thị tri kiến của Phật, ngộ tri kiến của Phật, nhập tri kiến của Phật, chánh tri kiến tức là tri kiến của Phật.
“Vô thượng bồ đề vua Đại Giác”: Đợi đến khi bạn minh bạch chánh tri chánh kiến của Phật, thì bạn tu thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, tức là vua trong các pháp, lúc đó sẽ phổ độ tất cả chúng sinh.

372. Đà ra đà ra

Dịch: Lọng mây.

Kệ:
Ngũ sắc thuỵ vân kết bảo cái
Vạn đạo hào quang chiếu đại thiên
Nhất thiết giới luật siêng năng trì
Trân trọng Long Hoa phó pháp diên.

Tạm dịch:
Vầng mây năm màu kết lọng báu
Vạn luồng hào quang chiếu đại thiên
Tất cả giới luật siêng năng giữ
Trân trọng Long Hoa phó pháp hội.

Giảng giải: "Vầng mây năm màu kết lọng báu": Khi tụng niệm Chú nầy, thì ở trong hư không sẽ hiện ra đám mây năm màu, xanh vàng đỏ trắng đen. Vầng mây kết lọng báu ở trong hư không.
"Vạn luồng hào quang chiếu đại thiên": Vầng mây năm màu kết lọng báu đó ở trong hư không, phóng ra vạn luồng hào quang, vô lượng vô tận quang minh, chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới.

"Tất cả giới luật siêng năng giữ": Tu pháp Lăng Nghiêm nhất định phải giữ gìn giới luật, chỉ có giới luật thanh tịnh mới tương ưng, bằng không tu pháp chẳng những không tương ưng, mà còn có tai hoạ. Cho nên chúng ta những người xuất gia tu đạo, nhất định phải giữ gìn giới luật, siêng tu giới định huệ, diệt trừ tham sân si, đây mới là bổn phận của chúng ta tu đạo.

"Trân trọng Long Hoa phó pháp hội": Trân trọng nghĩa là dặn dò, bảo trọng, tức cũng là quan tâm đến bạn, muốn bạn tu hành cho tốt, đợi khi đức Phật Di Lặc ra đời, thì đi phó hội Long Hoa, gặp Phật Di Lặc. Hiện tại chúng ta người tu đạo, đợi đến lúc đó đều phải khai ngộ chứng quả. Cho nên không thể tự mình lừa mình, cứ giải đãi lười biếng, tìm chút đồ ăn ngon, như vậy thì sẽ lãng phí thời gian, sẽ không có sự thành tựu. Muốn có sự thành tựu, thì phải cước đạp thật địa, chân thật tu hành, lúc nào cũng không thể tuỳ tiện cẩu thả, không thể để cho tự tánh của mình tham đồ tự tại khoái lạc, như vậy là không thể được. Chú không thể giúp chúng ta khôi phục lại thanh tịnh, Chú chỉ là bạn trì Chú, thì trong tâm bạn đừng có nhiễm ô. Chú giúp bạn thanh tịnh, Chú đó cũng có thể bạn niệm Chú thì có thể không ăn cơm cũng no, đó mới có thể giúp bạn thanh tịnh. Nếu bạn trì Chú, không ăn cơm vẫn đói, thì chứng minh trì Chú đó,

nó chẳng phải là sức lực giúp bạn thanh tịnh, là bạn phải tự ở trong tâm mình thường thường trì Chú, thường thường sám hối, thì bạn mới được thanh tịnh.

373. Tần đà ra tần đà ra

Dịch: Lọng hương.

Kệ:
Hương cái biến mãn thái hư không
Phổ huân hữu tình pháp tánh trung
Thắng lực năng trì thanh tịnh giới
Bắc phương Yết Ma bộ chủ công.

Nghĩa là:
Lọng hương đầy khắp trong hư không
Xông khắp hữu tình trong pháp giới
Thắng lực hay giữ giới thanh tịnh
Phương bắc Yết Ma bộ làm chủ.

Giảng giải: Mỗi câu Chú Lăng Nghiêm, đều có công năng của nó, mỗi câu đều là pháp môn tâm ấn của chư Phật. Dù tụng niệm một chữ, một câu, một hội, hoặc tụng niệm toàn bài Chú, đều kình thiên động địa, chấn động trời đất, quỷ thần khóc, yêu ma chạy trốn, lị mị ẩn hình.
Ý nghĩa câu Chú nầy là "Lọng hương". Lọng hương nầy, chẳng những che phủ một nơi, một khi bạn niệm câu Chú nầy, thì tận hư không khắp pháp giới, đều hiện ra lọng hương trang nghiêm. Yêu ma quỷ quái thấy được cảnh giới oai đức trang nghiêm nầy, thì đều lão lão thật thật.
Bài kệ nầy chỉ lược nói giải thích mà thôi, kỳ thật sức lực của câu Chú nầy, nói không hết được. Những gì tôi giảng nói chỉ là một phần trong vạn phần, nhưng tôi cũng không giấu dím, vẫn muốn đem một phần nầy giải thích nói, giới thiệu cho các vị.

Vạn Phật Thánh Thành hằng ngày giảng Kinh thuyết pháp, vừa giảng Chú Lăng Nghiêm, vừa giảng Kinh Hoa Nghiêm, vừa giảng Lục Tổ Pháp Bảo Đàn Kinh, chẳng có một ngày nào không giảng. Chúng ta đều phải có bổn phận trách nhiệm hoằng pháp, trước kia tuy tôi đã giảng Kinh Hoa Nghiêm rồi, cũng là giảng một phần trong vạn phần, chứ không giảng tỉ mỉ. Không những Kinh Hoa Nghiêm như thế, mà Kinh Pháp Hoa, Kinh Lăng Nghiêm, Kinh A Di Đà, Kinh Địa Tạng, Kinh Pháp Bảo Đàn, cũng đều như thế. Tôi đều giảng lời không rõ, từ không đạt ý. Tại sao phải giảng? Tuy tôi giảng không được viên mãn lắm,

tương lai các vị có thể giảng giải nói cho rộng ra, vì các vị đều là người có đại căn lành, đại trí huệ.

Lần nầy vị pháp sư tam bộ nhất bái nầy, khai giảng Kinh Hoa Nghiêm, các vị phải chú ý nghe. Trước kia khi tôi giảng thì các vị chẳng chú ý nghe, lần nầy đừng có bỏ lỡ cơ hội. Các vị phải biết, vị pháp sư nầy từ Los Angeles, trải qua ngàn vạn khổ cực, chịu nắng mưa đói khát, rất nhiều chướng ngại, bây giờ đã đến được Vạn Phật Thành, vẫn tiếp tục ba bước một lạy. Anh ta không nói không cười, thanh niên thời đại nầy mà có người thanh niên chân chánh tu trì Phật pháp, có thể nói là đi khắp thế giới cũng không dễ gì tìm được. Anh ta giảng Kinh Hoa Nghiêm, tiếng Trung cũng giỏi, tiếng Anh thì khỏi nói rồi, vì anh ta là người Mỹ, các vị đừng có bỏ lỡ cơ hội. Như Vạn Phật Thành mỗi ngày giảng Kinh thuyết pháp, cũng có thể nói là đi khắp thế giới tìm cũng không có nơi thứ hai. Đây chẳng phải là tôi tự mãn tự khen, mà thật là chân chánh hoằng dương Phật pháp, chân chánh tu hành, mới được như thế. Cho nên chư Phật Bồ Tát cũng không cô phụ khổ tâm của chúng ta, tạo Vạn Phật Thánh Thành thành thế giới Cực Lạc, để cho chúng ta đến đây tu hành. Chúng ta còn không tu hành cho tốt, lại bỏ lỡ cơ hội nầy, thật là đáng tiếc !

“Lọng hương đầy khắp trong hư không”: Ý nghĩa câu Chú nầy là “Lọng hương”, khi bạn niệm Chú nầy, thì tận hư không khắp pháp giới, đều có một thứ hương lạ, khi tụng Chú nầy, thì chẳng những nhân gian toả hương thơm, mà trên trời cũng thơm, cho đến địa ngục, ngạ quỷ, cũng đều đắc được pháp cứu hộ.
“Khắp xông hữu tình trong pháp giới”: Lọng hương nầy, chẳng những xông khắp nơi nào đó, người nào đó, mà là xông khắp pháp giới.
“Thắng lực hay giữ giới thanh tịnh”: Sức lực của Chú nầy, thù thắng hay giữ gìn giới luật.
“Phương bắc Yết Ma bộ làm chủ”: Câu Chú nầy dùng phương bắc Yết Ma bộ làm chủ, tác Yết Ma chủ trì công đạo.

374. Sân đà sân đà

Dịch: Lọng châu đầy khắp pháp giới.

Kệ:
Châu cái quang minh chiếu pháp giới
Xích tâm vô cấu như ý hà
Nhiếp hoá chúng sinh đăng bất thối
Tây phương Liên Hoa bộ chủ gia.

Nghĩa là:
Lọng châu quang minh chiếu pháp giới
Tâm tịnh không dơ châu như ý
Nhiếp hoá chúng sinh lên bất thối
Tây phương Liên Hoa bộ làm chủ.

Giảng giải: Chú nầy nếu mà giảng tỉ mỉ, thì vô cùng vô tận, e rằng thời gian không đủ. Ở trước Đà Ra Đà Ra là lọng mây, Tần Đà Ra Tần Đà Ra là lọng hương, bây giờ câu Sân Đà Sân Đà nầy là "Lọng châu", là tất cả châu báu kết thành lọng. Lọng châu nầy chẳng phải là một cái, mà là đầy khắp tận hư không để trang nghiêm pháp giới, cho nên nói: "Lọng châu quang minh chiếu pháp giới", lọng châu phóng đại quang minh chiếu khắp pháp giới, khiến cho tất cả chỗ đen tối đều được ánh sang.
"Tâm tịnh không dơ châu như ý": Không dơ tức là lìa dơ, châu như ý vạn luồng hào quang, điềm tốt lành đầy khắp vũ trụ.

"Nhiếp hoá chúng sinh lên bất thối": Hiện ra đủ thứ lọng mây, lọng hương, lọng châu, đủ thứ quang diệm, đều vì nhiếp hoá chúng sinh, khiến cho họ lên được ba bất thối: Niệm bất thối, vị bất thối, hành bất thối.

"Tây phương Liên Hoa bộ làm chủ": Đây là Tây phương A Di Đà Phật Liên Hoa bộ, nghĩa là nói đây là Phật A Di Đà làm bộ chủ Liên Hoa bộ. Chú Lăng Nghiêm bao quát năm phương, năm bộ, năm Phật, hàng phục ma năm phương thế giới, rất là quan trọng, mọi người phải chân thật học tập, đừng để thời gian trôi qua lãng phí. Kệ mà tôi tả ra, hiển cạn giống như ca từ của thế gian, nhưng ý nghĩa rất là thâm sâu.

375. Hổ hồng hổ hồng

Dịch: Sắc lệnh tất cả chúng trên trời dưới đất.

Kệ:
Sắc lệnh Thiên thượng địa hạ chúng
Hàng phục yêu ma quỷ quái tinh
Ủng hộ Tam Bảo lập công đức
Viên mãn giác đạo quả nhựt long.

Nghĩa là:
Ra lệnh chúng trên trời dưới đất
Hàng phục yêu tinh ma quỷ quái

Ủng hộ Tam Bảo lập công đức
Viên mãn quả giác ngày càng cao.

Giảng giải: Hổ Hồng ý nghĩa là “Hàng phục” và “Ủng hộ”. Hàng phục thiên ma ngoại đạo, yêu ma quỷ quái, lị mị vọng lượng. Ủng hộ Tam Bảo, thì chánh pháp trụ lâu dài.
“Ra lệnh chúng trên trời dưới đất”: Phật ra lệnh Hộ pháp thiện thần trên trời, và hộ pháp ở dưới đất. Chúng là bao quát tất cả.

“Hàng phục yêu tinh ma quỷ quái”: Các Ngài một mặt hàng phục tất cả yêu ma quỷ quái, lị mị vọng lượng, tận hư không khắp pháp giới, khiến cho chúng không được tác quái, một mặt lại ủng hộ Tam Bảo, lập công, lập đức, tương lai không lâu thì các Ngài cũng sẽ viên mãn giác đạo, quả vị ngày càng cao, cho nên nói “Ủng hộ Tam Bảo lập công đức, Viên mãn quả giác ngày càng cao”.

376. Phấn tra, phấn tra, phấn tra, phấn tra, phấn tra

Dịch : Diệt trừ chúng ác, thu nhiếp bất tường.

Kệ :
Tốc năng thành tựu điều luyện pháp
Tồi toái khai thông diệu nan cùng
Ngũ phương ngũ bộ giác ngũ thừa
Tức tai như ý bảo liên hoa.

Nghĩa là:
Sớm được thành tựu pháp điều luyện
Đập tan khai thông diệu vô cùng
Năm phương năm bộ giác năm thừa
Tiêu tai như ý hoa sen báu.

Giảng giải : Câu Chú nầy có tới năm lần Phấn Tra. Phấn Tra nghĩa là « Đập tan » và « Khai thông ». Nghĩa là nếu bạn không nghe lời vẫy gọi, thì sẽ đập tan. Khai thông tức là nếu bạn nghe lời vẫy gọi, giữ gìn quy cụ, lại có thể khai phát trí huệ của bạn, tăng trưởng căn lành của bạn. Tại sao nói tới năm lần ? Vì đại biểu cho năm phương : Phương đông Kim Cang bộ, Phương nam Bảo Sinh bộ, Phương tây Liên Hoa bộ, Chính giữa Phật bộ, Phương bắc Yết Ma bộ, năm phương năm bộ nầy giác năm thừa.
« Sớm được thành tựu pháp điều luyện, Đập tan khai thông diệu vô cùng » : Đập tan và khai thông chỗ diệu vô cùng vô tận.

« Năm phương năm bộ giác năm thừa » : Năm thừa là Bồ Tát thừa, Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa, Thiên thừa, nhân thừa. Chúng sinh năm thừa nầy đều được giác ngộ.
« Tiêu tai như ý hoa sen báu » : Tất cả tai nạn đều tiêu diệt, đắc được như ý. Tương lai ngồi hoa sen báu lớn, như như bất động, rõ ràng sáng suốt.
Hôm nay tôi vốn muốn giảng sự tích Lục Tổ, nhưng mỗi ngày tới Vạn Phật Thành, đều có sự an bài, có chương trình Chú Lăng Nghiêm, bằng không tất cả Thánh chúng của Chú Lăng Nghiêm đều đang đợi, nói : « Sao vẫn chưa giảng Chú Lăng Nghiêm của chúng tôi » ?

377. Ta ha

Dịch : Gồm có ba nghĩa : Tai ác sớm tiêu. Cát tường mau thành. Công đức viên mãn thành tựu.

Kệ :
Tất cả tai nạn hoá cát tường
Ác chướng đốn tiêu phóng hào quang
Viên thành Bát Nhã Ba La Mật
Phước huệ trang nghiêm thọ vô cương.

Nghĩa là:
Tất cả tai nạn hoá cát tường
Ác chướng sớm tiêu phóng hào quang
Viên thành Bát Nhã Ba La Mật
Phước huệ trang nghiệm thọ miên trường.

Giảng giải : Mỗi bài Chú có nhiều chữ Ta Ha, ý nghĩa là « Cát tường », « Tiêu tai », « Thành tựu ». Một khi tụng lên thì không cát tường sẽ biến thành cát tường, thay đổi được nghiệp chướng, thay đổi được tai nạn, thay đổi được cảnh giới của bạn. Câu Ta Ha nầy rất là hữu dụng, không những trừ được một thứ tai nạn, mà còn có thể tiêu trừ được tất cả tai nạn.
Có người nghĩ : « Tôi cũng thường niệm câu Ta Ha nầy, tại sao vẫn hay bị đụng xe »?
– Bạn bị đụng xe có chết không ?
– « Không » !
– Nếu bạn chết rồi, thì đâu có hỏi nữa. Bạn không chết, sao bạn không biết do nhờ sức lực bạn niệm Chú, khiến cho xe bạn bị tan nát mà bạn không bị thương ?
– « Khi tôi đụng xe cũng không niệm !”

– Khi bình thường thì bạn niệm, nên được sự cảm ứng.
– « Bình thường tôi cũng không niệm ».
– Hoặc nghe được người khác niệm cũng được sự cảm ứng, giải thoát tai nạn.

– Nhưng tôi cũng không nghe người khác niệm !
– Nói cho bạn biết, hoặc khi có người niệm Chú, nhờ sức lực công năng của Chú, khiến cho xe của bạn tan nát mà bạn chẳng bị thương, tiêu tai nạn trong vô hình, diệt tội khổ khi chưa trổ ra. Bạn còn không biết, trong sự yên lặng, nhờ sức lực của Chú khiến cho bạn tiêu tai khỏi tội, mới được mạnh khoẻ sống đến bây giờ, cho nên nói « Tất cả tai nạn hoá cát tường ».

Ác chướng sớm tiêu phóng hào quang : Có lúc người gặp chướng ngại, giống như có ma đến khiến cho bạn khóc, hoặc cười, nằm ngồi không yên, ngồi thiền, hoặc đi kinh hành, thì phiền não hôn trầm. Tóm lại, ngồi cũng không yên, đứng cũng không yên, đi cũng không yên, nằm cũng không yên, trong tâm giống như lửa đốt, kêu la. Người nằm trên giường giống như đầu lọt xuống đất, lật qua lật lại, lật lại lật qua, đều ngủ không được, đều khỏi vọng tưởng, đây là nghiệp chướng. Lúc nầy niệm Chú nầy, thì nhờ sức lực của Chú, khiến cho bạn ác chướng sớm được tiêu trừ, phóng đại quang minh.

Viên thành Bát Nhã Ba La Mật : Tu hành mau tu đạo quả bồ đề, thì sớm sẽ lên được bờ bên kia, viên mãn trí huệ Bát Nhã Ba La Mật, khai phát mỏ trí huệ, đắc được bảo tạng Bát Nhã chân chánh, thì mới có thể « Phước huệ trang nghiêm thọ miên trường », phước huệ đều viên mãn, được thọ mạng vô cùng vô tận.

378. Hê hê phấn

Dịch : Giải thoát tất cả.

Kệ :
Không Như Lai tạng Phật bộ tâm
Giải thoát khai thông chỉ mê tân
Diệu nghĩa nan cùng vô nhai tế
Như ý bảo châu biến hoá thần.

Nghĩa là:
Không Như Lai tạng Phật bộ tâm
Giải thoát khai thông chỉ bờ mê
Diệu nghĩa khó hết không bờ mé
Như y bảo châu biến hoá thần.

Giảng giải : « Không Như Lai tạng Phật bộ tâm » : Khi bạn tụng câu Chú nầy, thì tất cả chướng ngại đều chẳng còn nữa. Câu Chú nầy dịch ra là « Không », là « Hư », là « Tận », nương theo ở trước Không Như Lai tạng, Bất Không Như Lai tạng, Không Bất Không Như Lai tạng, hợp lại là tánh Không Như Lai tạng, quét tất cả pháp, lìa tất cả tướng, bất tại vô bất tại, vô tướng vô bất tướng, đây là tâm Chú chính giữa Phật bộ, bộ chủ là Phật Thích Ca Mâu Ni. Bộ chủ Phương tây Liên Hoa bộ là Phật A Di Đà. Bộ chủ phương nam Bảo Sinh bộ là Phật Bảo Sinh. Bộ chủ phương bắc Yết Ba bộ là Phật Thành Tựu. Bộ chủ phương đông Kim Cang bộ là Phật A Súc. Năm bộ chủ, năm phương, năm vị Phật nầy, hàng phục năm đại ma quân của thế giới, từ năm phương đến quản chế thiên ma ngoại đạo.

« Giải thoát khai thông chỉ bờ mê » : Bờ giải thoát là tâm không có bờ mé, không bị trói buộc, giải trừ hết tất cả mọi sự chướng ngại, khai thông trí huệ của bạn, chỉ bày bờ mê cho tất cả chúng sinh, khiến cho họ lìa khổ được vui.
« Diệu nghĩa khó hết không bờ mé » : Nghĩa lý Chú nầy diệu không thể nghĩ bàn, nói không hết được, không có bờ mé, dù có tìm cũng không được bờ mé.
« Như ý bảo châu biến hoá thần » : Giống như bảo châu như ý tuỳ tâm mãn nguyện, biến hoá vô cùng, chẳng phải trong sự tưởng tượng của bạn có thể biết được.

379. A mâu ca da phấn

Dịch: Nguyện của con đều thành tựu.

Kệ:
Ngã nguyện thành Phật độ chúng sinh
Bất Không đức tánh khải mê mông
Bắc phương Yết Ma mãn giác đạo
Nam Mô Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh.

Nghĩa là:
Con nguyện thành Phật độ chúng sinh
Đức tánh chẳng không mở đường mê
Phương bắc Yết Ma mãn giác đạo
Nam Mô Đảnh Thủ Kinh Lăng Nghiêm.

Giảng giải: “Con nguyện thành Phật độ chúng sinh”: Câu Chú nầy kinh thiên động địa, quỷ sợ thần hãi, dịch ra là “Nguyện của con đều thành tựu”, bất cứ phát nguyện gì, đều sẽ thành tựu. Thành Phật để làm gì? Có phải để hưởng phước? Chẳng phải, thành Phật rồi, lại rộng độ tất cả chúng sinh, độ chúng

sinh tức là trách nhiệm của Phật, mà chúng sinh thì chẳng khi nào hết được, cho nên Phật cũng không khi nào thất nghiệp. Nếu chúng sinh độ hết, thì Phật không có việc làm. Chúng sinh độ càng nhiều, thì thành Phật cũng càng nhiều.

“Đức tánh chẳng không mở đường mê”: Có một vị Bồ Tát, hiệu là Bồ Tát Bất Không. Chẳng qua ở đây là nói sự phát nguyện chẳng không, phát nguyện gì thì viên mãn nguyện đó, sẽ thành tựu đức hạnh và tánh giác của chính mình, trước hết dùng trí huệ của mình, rồi sau đó giác ngộ chúng sinh chưa giác, mở đường mê tức là chúng sinh chưa hiểu biết.
“Phương bắc Yết Ma mãn giác đạo”: Phương bắc là Yết Ma bộ, chúng sinh đầy đủ tất cả phát nguyện, đi trên con đường giác ngộ.

“Nam Mô Đảnh Thủ Kinh Lăng Nghiêm”: Xiển minh Chú Lăng Nghiêm là nói rõ Kinh Lăng Nghiêm. Vì có Kinh Lăng Nghiêm, chúng ta mới hiểu được Chú Lăng Nghiêm, cho nên phải cảm tạ Kinh Lăng Nghiêm, phải quy mạng kính đầu “Đại Phật Đảnh Thủ Kinh Lăng Nghiêm”, bộ Pháp bảo vô thượng nầy.

380. A ba ra đề ha đa phấn

Dịch: Nguyện không chướng ngại.

Kệ:
Vô tỉ trí quang chiếu đại thiên
Thanh tịnh kiểu khiết tối thắng Thiên
Quang diệm sí thạnh Bảo Sinh bộ
Nam phương Bính Đinh hoá hồng liên.

Nghĩa là:
Trí quang vô tỉ chiếu đại thiên
Thanh tịnh trong sạch trời tối thắng
Quang diệm rực rỡ Bảo Sinh bộ
Phương nam Bính Đinh hoá sen hồng.

Giảng giải: “Trí quang vô tỉ chiếu đại thiên”: Câu Chú nầy dịch ra là “Trí quang vô tỉ”, đại trí huệ quang không gì so sánh được, chiếu sang ba ngàn đại thiên thế giới.
“Thanh tịnh trong sạch trời tối thắng”: Quang minh lại vừa thanh tịnh, vừa trong sạch, cũng là trời tối thắng.
“Quang diệm rực rỡ Bảo Sinh bộ”: Phương nam là Bảo Sinh bộ, Phật Bảo Sinh là chủ, quang minh lửa ngọn rất rực rỡ.
“Phương nam Bính Đinh hoá sen hồng”: Nói theo ngũ hành, thì phương nam

thuộc Bính Đinh lửa, thường ở trong lửa hoá ra sen hồng để giáo hoá chúng sinh.

Hai câu kệ nầy rất nông cạn, tuy nó hình dung sức công năng và nghĩa lý của Chú, phải nghiền ngẫm kỹ càng vị của nó, thì mới có thể tiến lên một bước nữa, minh bạch đạo lý của Chú Lăng Nghiêm.

381. Ba ra bà ra đà phấn

Dịch : Sở nguyện tuỳ tâm.

Kệ :
Quang minh thọ lượng cập diệu âm
Cứu kính Cực Lạc Di Đà Tôn
Tây phương Liên Hoa bộ khai hiện
Cao đăng thượng phẩm nguyện tuỳ tâm.

Nghĩa là:
Quang minh thọ lượng và diệu âm
Phật Di Đà Cực Lạc cứu kính
Phương tây Liên Hoa bộ khai hiện
Cao đăng thượng phẩm nguyện tuỳ tâm.

Giảng giải : « Quang minh thọ lượng và diệu âm » : Câu Chú nầy dịch ra là « Tuỳ tâm mãn nguyện như ý », bao hàm nghĩa lý có ba ngàn : Thứ nhất là quang minh, thứ hai là thọ lượng, thứ ba là diệu âm. Đây là Phật A Di Đà Liên Hoa bộ, quang minh nầy là chỉ vô lượng quang của Phật A Di Đà. Thọ lượng tức vô lượng thọ. Diệu âm tức pháp âm vi diệu của Phật A Di Đà.
« Phật A Di Đà Cực Lạc cứu kính » : Đây là một pháp môn của Cực Lạc cứu kính, Phật A Di Đà là giáo chủ thế giới Cực Lạc.
« Phương tây Liên Hoa bộ khai hiện » : Chú nầy cũng là pháp môn sở khai thuộc về phương tây Liên Hoa bộ.

« Cao đăng thượng phẩm nguyện tuỳ tâm » : Chúng ta hy vọng mọi người đều tu pháp nầy, tụng trì Chú nầy, cao đăng thượng phẩm, đắc được hoa sen thượng phẩm thượng sinh, tuỳ tâm mãn nguyện, bạn có nguyện gì thì viên mãn nguyện đó.

382. A tố ra

Dịch : Tập tan A Tu La.

Kệ :
Phá toái Tu La sân khuể si
Háo dũng đấu lang phi thiên thời
Nữ đố nam xú bất đoan chính
Nghiệp báo sở cảm đại tổn thất.

Nghĩa là:
Phá tan Tu La sân hận si
Ham thích đấu tranh chẳng phải trời
Nữ đố nam xấu chẳng đoan chính
Nghiệp báo sở cảm tổn thất lớn.

Giảng giải : « Phá tan Tu La sân hận si » : A Tố La và A Tu La, bất quá câu nầy là « Phá tan chú thuật thần thông của A Tu La », phá trừ tâm sân hận, tâm phẫn nộ, tâm ngu si, của Tu La.
« Ham thích đấu tranh chẳng phải trời » : A Tu La có phước trời, nhưng không có quyền lực trời, nên gọi là chẳng phải trời (phi thiên), tánh của chúng thích đấu tranh, ở đâu cũng đều muốn làm hoàng đế, đàn áp người khác, đây là bản tánh của A Tu La. Chúng còn gọi là « Vô tửu », tức không có rượu uống, ngày ngày uống rượu say, biến thành Tu La say.
« Nữ đố nam xấu chẳng đoan chính » : Nữ A Tu La đa số rất đố kị, nữ A Tu La rất đẹp, còn nam A Tu La thì rất xấu xí, chẳng ai muốn nhìn, thậm chí khi nhìn thấy, thì sẽ hồn bay phách tán. A Tu La hoặc mũi thì dài ở phía trên con mắt, con mắt thì ở dưới lỗ mũi, ngũ quan chẳng đoan chánh, đều chẳng đúng vị trí, hoặc cái miệng và lỗ tai thay đổi vị trí, nói chung rất là xấu xí khó coi. Tại sao bị như thế ?

« Nghiệp báo sở cảm tổn thất lớn » : Đều do khi tại nhân địa làm người, thì cứ nổi nóng, sân hận. Bạn xem, khi người nổi nóng chẳng phải là khó coi không ? Nổi nóng nhiều quá thì sẽ biến thành A Tu La xấu xí, ai không muốn làm A Tu La xấu xí, thì đừng nổi nóng, sân hận, tướng mạo sẽ viên mãn đoan chánh xinh đẹp. Hãy xem những người tướng mạo đoan chánh xinh đẹp, đều do đời trước họ tin Phật, lạy Phật, không nổi nóng, đều đối đãi tốt với mọi người, chẳng có tâm sân hận. A Tu La tâm sân rất lớn, chúng ta người học Phật, biết nhân quả nầy, thì nên nhớ đừng có nổi nóng sân hận.

383. Tỳ đà ra

Dịch : Đại lực trì.

Kệ :
Phi vi Tu La đại lực trì
Chư Phật oai đức hoá cập thời
Bất động giáo chủ hoan hỉ quang
Đông phương kim cang niệm tại từ.

Nghĩa là:
Chẳng phải Tu La đại lực trì
Chư Phật oai đức hoá đúng thời
Đức Phật A Súc hoan hỉ quang
Đông phương Kim Cang làm nhiệm vụ.

Giảng giải : « Chẳng phải Tu La đại lực trì » : Tỳ Đà Ra dịch là « Đại lực trì ». A Tu La cũng có đại lực, nhưng ở đây chẳng phải là đại lực của A Tu La chi trì. Đây là sức lực của chư Phật, đây là oai đức của chư Phật.
« Chư Phật oai đức hoá đúng thời » : Oai đức giáo hoá chúng sinh của chư Phật, cũng chẳng trước, cũng chẳng sau, hợp thời. Chúng sinh đáng được độ, thì Ngài đến độ, chưa đến thời, thì phải chờ đợi, khi thời cơ chín mùi, thì mới đến độ chúng sinh.

« Bất Động giáo chủ hoan hỉ quang » : Giáo chủ cõi đông phương thế giới Lưu Ly, là Phật A Súc Hoan Hỉ Quang, còn gọi là Phật A Súc, còn gọi là Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật.
« Đông phương Kim Cang làm nhiệm vụ » : Vị Phật nầy suất lãnh bộ chúng phương đông Kim Cang bộ, khi bạn tụng câu Chú nầy, thì các Ngài sẽ chấp hành nhiệm vụ mà thuở xưa các Ngài đã phát nguyện.

384. Ba ca phấn

Dịch : Tôn thắng.

Kệ :
Thù thắng diệu hảo Phật đảnh tôn
Tam thập nhị tướng độ quần luân
Nhất thiết như ý tuỳ tâm hiện
Vạn sự hanh thông chỉ mê tân.

Nghĩa là:
Phật đảnh tôn thù thắng tốt đẹp
Ba mươi hai tướng độ chúng sinh

Tất cả như ý tuỳ tâm hiện
Vạn sự hanh thông chỉ bờ mê.

Giảng giải : « Phật đảnh tôn thù thắng tốt đẹp » : Câu Chú nầy dịch là « Tôn thắng ». Pháp thân của Phật thù thắng tốt đẹp, Chú Lăng Nghiêm là hoá Phật trên đảnh nói, cho nên nói Phật đảnh tôn.
« Ba mươi hai tướng độ chúng sinh » : Phật có ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp. Tại sao Phật có ba mươi hai tướng ? Phật là vô tướng, cần ba mươi hai tướng để làm gì ? Sao lại có tám mươi vẻ đẹp ? Nếu Ngài còn nghĩ về cái đẹp, thì đâu có khác gì với phàm phu chúng ta? Chẳng phải, tuy Phật có ba mươi hai tướng, tướng mà bất tướng, vô tướng vô sở bất tướng, tại phần chúng sinh thấy có ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp. Tại bản thể của Phật, tức là một đại quang minh tạng, quét tất cả pháp, lìa tất cả tướng, vô tướng vô sở bất tướng, cho nên có « Ba mươi hai tướng độ chúng sinh », là vì độ chúng sinh mà thị hiện có những tướng tốt quang minh nầy, khiến cho chúng sinh nghĩ hâm mộ, thích ba mươi hai tướng tốt trang nghiêm của Phật, tự mình cũng nghĩ muốn được những tướng tốt trang nghiêm nầy, do đó bèn phát tâm tu hành. Chúng sinh bao quát hết tất cả phi tiềm động thực, noãn thai thấp hoá, tất cả chúng sinh. Phàm là có khí huyết, đáng được độ thì Phật mới thị hiện ba mươi hai tướng.

« Tất cả như ý tuỳ tâm hiện » : Cảnh giới của Phật tuỳ tâm sở hiện, thảy đều mãn nguyện, trong tâm của bạn có gì, thì hiện ra cái đó.
« Vạn sự hanh thông chỉ bờ mê » : Như vậy đều hanh thông viên mãn thành tựu, chẳng có sự việc nào không tốt. Chư Phật thường ở tại thế gian chỉ bày cho chúng sinh thoát khỏi con đường mê muội.

Chúng sinh thì thường lưu chuyển ở trong điên đảo mộng tưởng, cho nên mới có sợ hãi, có mộng tưởng, có điên đảo. Nếu lìa khỏi sự sợ hãi mộng tưởng điên đảo nầy, thì đắc được cứu kính Niết Bàn. Sự tốt nhất trên đời là tu đạo, nhưng rất ít người tu hành, trong một vạn người thì có một vạn người không tu hành, thật là kỳ lạ ! Danh lợi việc nhỏ ai cũng thích, sinh tử việc lớn chẳng ai màng. Thanh tịnh là phước chẳng ai hưởng, phiền não thị phi ai cũng tham. Bạn xem có kỳ lạ hay không !

385. Tát bà đề bệ tệ phấn

Dịch : Hàng phục tất cả chúng Thiên thần.

Kệ :
Dục thiền chánh ma phàm ngoại thiên

Thánh nhân quân thần chủ bạn liên
Văn Chú hàng phục giai khâm kính
Hộ trì Tam Bảo phước huệ miên.

Nghĩa là:
Trời dục thiền ma phàm ngoại đạo
Thánh nhân quân thần chủ bạn liền
Nghe Chú hàng phục đều cung kính
Hộ trì Tam Bảo phướng huệ tăng.

Giảng giải : Câu nầy hàng phục tất cả chư Thiên. Trời có rất nhiều tầng trời, thông thường biết đến có trời Ba Mươi Ba, đây là tầng thứ hai của dục giới, đông tây nam bắc đều có tám trời, thêm ở giữa, cộng thành Ba Mươi Ba. Trời phân làm ba cõi : Dục giới, sắc giới, vô sắc giới.
« Trời dục thiền chánh ma phàm ngoại » : Trời dục là chỉ trời dục giới, thiền là chỉ trời Tứ Thiền. Trời Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền và Tứ Thiền. Lại có chánh Thiên, lại có chỗ của thiên ma ở, trời phàm phu ngoại đạo và trời Thánh nhân ở.

« Thánh nhân quân thần chủ bạn liền » : Trời cũng có Thiên chủ trời Ba Mươi Ba thống nhiếp chư Thiên, để thưởng phạt thiện ác nhân gian, có Thiên chủ bốn trời.
« Nghe Chú hàng phục đều cung kính » : Khi chư Thiên nghe Chú nầy, thì đều hàng phục, lão lão thật thật giữ quy cụ, nghe sự sai bảo, cung kính tôn trọng Chú, hộ trì Tam Bảo, quy mạng cung kính.
« Hộ trì Tam Bảo phước huệ tăng » : Họ ủng hộ Tam Bảo, lại một lòng tu đạo, dũng mãnh tinh tấn, thì tự nhiên phước huệ sẽ ngày càng tăng trưởng.

386. Tát bà na già tệ phấn

Dịch : Hàng phục tất cả chúng rồng độc.

Kệ :
Nhất thiết long chúng giai triều củng
Thiện độc thiên địa quyến thuộc thân
Cải tà quy chánh tu chư kỷ
Lập công tinh tấn quả tự thành.

Nghĩa là:
Tất cả chúng rồng đều chắp tay
Khéo độc trời đất quyến thuộc thân

Cải tà quy chánh tự tu hành
Lập công tinh tấn quả sẽ thành.

Giảng giải: “Tất cả chúng rồng đều chắp tay”: Đây là nói về tất cả chúng rồng. Chắp tay nghĩa là hàng phục. Rồng có rồng thiện, rồng ác. Rồng thiện là chỉ Thiên long bát bộ hộ pháp thiện thần, chúng hộ trì đạo tràng, trợ giúp vạn vật, đối với người không có hại, thường thường bảo hộ người. Rồng ác là chỉ rồng độc, chuyên môn hại người, chúng hay phun độc, khiến cho người sinh ra đủ thứ quái bệnh.

Đương thời Lục Tổ Đại Sư ở tại Tào Khê Chùa Nam Hoa tu hành, thì có một con rồng độc ở trong đầm. Rồng độc đó thường nhiễu loạn người tu hành, gây phiền phức cho người tu. Có khi hoá thân làm Thiên chủ nói chuyện với người tu hành rằng: “Ngươi hãy mau rời khỏi Chùa Nam Hoa, chỗ nầy chẳng phải là đạo tràng chân chánh, là đạo tràng giả, chỗ nầy cứ hại người, nói là Lục Tổ, trên thật tế chỉ là gạt người”. Con rồng độc đó chuyên môn phá hoại đạo tràng Chùa Nam Hoa. Nếu ai chẳng dụng công tu hành thì chẳng có vấn đề gì, nếu mà dụng công tu hành, thì có đủ thứ cảnh giới phát hiện, chẳng phải nhìn thấy Phật đến, thì là Bồ Tát thị hiện, kêu bạn đừng tu hành ở Chùa Nam Hoa, Chùa Nam Hoa chẳng phải là đạo tràng tốt, nếu bạn muốn thành tựu đạo nghiệp, thì nên đi đến chỗ khác. Nó phá hoại đạo tràng như thế, nhiều năm trôi qua, Lục Tổ cũng không để ý đến nó. Những người tu hành nửa thật nửa giả, chẳng chịu được sự khảo nghiệm đều bỏ đi hết, nói: “Tại chỗ nầy ở không được, đạo tràng nầy không thể tu hành”. Người tu đến thì rồng độc làm mọi cách cho họ bỏ đi, khiến cho đạo tràng ngày càng giảm bớt người tu hành.

Một ngày nọ, Lục Tổ Đại Sư thật không chịu đựng được nữa, Ngài biết con rồng độc tác quái, bèn đi đến gặp nó và nói cười với nó. Quả nhiên con rồng độc đó cũng không sợ Lục Tổ Đại Sư. Thấy Ngài đến bèn hiển thần thông, hiện ra thân lớn trùm che đầy khắp đầm nước.
Lục Tổ Đại Sư nói: “Ta biết ngươi có chút thần thông, nhưng người chỉ biết hiện thân lớn, ta không tin người có thể hiện được thân nhỏ”!
Rồng độc nghe nói như vậy, lập tức ẩn thân lớn, hiện ra thân nhỏ, lượn tới lượn lui trên mặt nước.
Lục Tổ Đại Sư lại nói: “Ngươi có chút bản lãnh, hiện được thân lớn, thân nhỏ, nhưng ngươi không dám nhảy vào trong bình bát của ta”.
Rồng độc nghe nói như vậy, lập tức nhảy vào trong bình bát của Lục Tổ Đại Sư. Nhưng nhảy vào rồi ra không được! Lục Tổ Đại Sư bèn thuyết pháp cho nó nghe, con rồng đó nghe pháp hiểu và được giải thoát. Tuy là rồng độc, được Lục Tổ Đại Sư giáo hoá, cũng đắc được giải thoát.

“Khéo độc trời đất quyến thuộc thân”: Rồng cũng chẳng phải là một loại, có Thiên long, địa long, hải long, rồng trong hư không, rồng vàng, rồng bạc, rồng lửa, rồng nước, rồng xanh, rồng trắng, rồng vàng, rất nhiều đủ loại, chỉ mỗi một loại, lại có thể phân ra vô cùng vô tận nhiều loại. Rồng có quyến thuộc của rồng, có rồng con, rồng cháu, giống như sinh vật trong biển, cá, tôm, cua v.v… đều là quyến thuộc của Long vương.

Rồng từ đâu đến? Tôi đã từng nói qua, trước kia khi chúng làm người, thì tánh tình vội vàng, làm gì cũng đều muốn nhanh, làm gì cũng giống như trận gió bão. Đi bộ cũng đi nhanh như gió, làm việc thì phải nhanh chóng mau lẹ, một chút định lực cũng không có, nhưng có dũng khí, gì cũng dám làm. Khi làm người, hoặc không làm thì gì cũng không làm, một khi làm thì gì cũng đều muốn làm, giống như rồng lúc lên trời, lúc dưới đất. Nếu các vị không nhận thức loại người nầy, tôi có thể ví dụ cho các vị thấy: Giống như vị đệ tử nọ, bạn thấy cô ta ngồi tại đó, giống tựa như có thần thông, nhưng chẳng có một chút an ổn nào, chẳng có định lực.

Khi rồng làm người thì cũng giống như thế, thừa cấp giới hoãn, thích tu pháp đại thừa, ngày đêm sáu thời luôn tinh tấn, nhưng chẳng giữ giới luật, tuỳ tiện mắng chửi người, tuỳ tiện nổi giận, tuỳ tiện phạm giới, tuỳ tiện không giữ quy cụ, cô ta cảm thấy trì giới rất là bình thường, chỉ cần mình tinh tấn dũng mãnh, tu hành cho tốt là đủ rồi, còn những việc khác không cần! Xem chuyện khai trai phá giới là chuyện nhỏ, xem nó chẳng có việc gì to tác. Vì “thừa cấp” nên có thần thông, vì “giới hoãn” nên đoạ làm súc sinh thân rồng, hai thứ quả báo. Các vị phải coi chừng, không thể tuỳ tiện đi sai đường, quay lại thì không dễ dàng!

“Cải tà quy chánh tự tu hành”: Tâm sân hận của rồng rất nặng, đây là chỗ tà của rồng, hiện tại sửa đổi tu hạnh từ bi tức là quy chánh. Nói đến chánh tà, chẳng phải làm những việc cổ quái mới gọi là tà, mà làm những việc không hợp với chánh pháp tức là tà. Có thể cải tà quy chánh thì có biện pháp, tội lỗi dù có nhiều bao nhiêu, một khi biết sám hối thì sẽ tiêu trừ, đừng cứ hướng bên ngoài tìm cầu, mà là phải tự mình tu.

“Lập công tinh tấn quả tự thành”: Thường thường phải lập công, lập đức, làm việc chân thật, làm việc thiện không cần cho người biết. Đừng cứ biểu hiện công phu trước mặt người khác, phải làm một cách chân thật. Nhìn thấy sư phụ đến, thì mau mau cầm chổi quét sân, hoặc giả bộ làm việc, khi sư phụ đi rồi thì không làm. Làm việc chẳng phải để cho người khác thấy, phải đem tâm chân thành ra làm, làm việc thật thì đừng tìm cầu danh lợi. Bạn chỉ dụng công phu ở ngoài da, làm cho người khác xem, thì bạn cứ dụng công phu ở ngoài da, cho người khác xem. Nếu Phật thấy bạn làm như thế, thì bạn làm sao đây?

Phải thật lập công, thật tinh tấn, làm việc chứ chẳng phải so sánh hơn kém với người khác, mà là làm điều nên làm, chứ chẳng phải chạy theo hơn thưa với người khác, thấy người dụng công lạy ở đó, mình cũng mau chạy đến lạy mấy lạy, kêu người nhìn mình cũng đang tu hành. Thấy người khác chẳng lạy, thì mình cũng đi ngủ! Chẳng phải như thế, phải tự mình sung thực đức hạnh của mình, cung hành thực tiễn, lão lão thật thật mà làm, đừng có cứ làm một cách giả dối.

387. Tát bà dược xoa tệ phấn

Dịch: Hàng phục tất cả quỷ thần dũng mãnh.

Kệ:
Dũng mãnh quỷ thần đại lực tinh
Phi hành biến hoá thiện ngũ thông
Nam nữ quyến thuộc tận hàng phục
Đồng quy Ma Ha Bát Nhã môn.

Nghĩa là:
Quỷ thần dũng mãnh đại lực tinh
Phi hành biến hoá có ngũ thông
Nam nữ quyến thuộc hàng phục hết
Đồng vào môn Ma Ha Bát Nhã.

Giảng giải: “Quỷ thần dũng mãnh đại lực tinh”: Dược Xoa, hay còn gọi là Dạ Xoa, còn gọi là Tỳ Xá Già. Cưu Bàn Trà, còn gọi là La Sát, những tên nầy đều là một loại. Loại quỷ nầy còn gọi là quỷ mau chóng, chúng hành động rất mau chóng, phân ra gồm có phi hành Dạ Xoa, địa hành Dạ Xoa, không hành Dạ Xoa có thể bay lên trời. Quỷ La Sát khéo hại người, ở trước tôi đã từng giảng qua chúng chuyên môn hút tinh khí của con người. Người tu hành mà không cẩn thận, nghĩ tưởng bậy bạ, thì sẽ bị quỷ hút tinh khí, cướp lấy đi bảo bối của bạn. Quỷ Cưu Bàn Trà, còn gọi là quỷ Úng Hình, tựa như đông qua, gọi là quỷ Đông Qua. Có khi người nằm mộng bị bóng đè, hoặc gọi là ma đè, trong tâm biết rõ ràng, nhưng nói không ra lời, cũng không thể cử động được, cảm thấy có vật gì đó đè trên thân mình, đây là bị quỷ Cưu Bàn Trà, loại quỷ nầy đa số hại người, lợi người thì rất ít.

Chúng có thể dời núi lấp biển, có thể biến hoá thế giới, sức thần thông không nhỏ, lại gọi là quỷ thần dũng mãnh. Loại quỷ nầy không nói đạo lý, thích đấu tranh. Bạn có ác chăng? Chúng càng ác hơn bạn! Bạn có lợi hại chăng? Chúng

càng lợi hại hơn bạn. Thật là A Tu La thành tánh, đấu tranh kiên cố, rất là hung tợn. Yêu ma quỷ quái, đại lực quỷ thần đều thuộc về loại nầy.

« Phi hành biến hoá khéo ngũ thông » : Chúng bay đi tự tại, thần thông bản lãnh của chúng rất lớn như Bồ Tát, dưới thân ra nước, trên thân ra lửa; trên thân ra nước, dưới thân ra lửa, trong hư không có thể nhảy múa, hoặc nằm ngủ, rất là tuỳ tiện. Đây tức là sức lực của ma quỷ, sức lực của quỷ thần dũng mãnh.

Nếu người tu hành mà tham thần thông, thì rất dễ vướng vào loại ma quỷ nầy, một khi vướng vào rồi, thì nghĩ tưởng bậy bạ, ăn nói hàm hồ, không biết hổ thẹn. Như vậy làm cách nào để không vướng vào ma quỷ ? Phải giữ giới luật, giữ quy cụ, có hộ giới thiện thần bảo hộ, thì ma quỷ không có cách gì. Bất cứ vị nào có thứ tâm tham nầy, tham thần thông, tham đủ thứ cảnh giới, đây đều là bị tẩu hoả nhập ma, khiến cho bạn chẳng có trí huệ chân chánh, hay nổi giận. Đây đều là bị đại lực quỷ thần chi phối. Hôm nay kêu bạn uống chút nước tiểu, ngày mai kêu bạn ăn chút phân, hoặc cứ làm những việc phạm giới, làm những việc không nên làm. Vì chúng muốn bạn không giữ giới luật, thì chúng sẽ được tiện, một khi được tiện, thì chúng sẽ nhiếp lấy linh hồn của bạn, bạn trở thành quyến thuộc của chúng, thì thế lực của chúng sẽ thêm lớn.

Cho nên tu đạo sai một ly đi ngàn dặm, vì một niệm không minh bạch, thì sẽ lạc vào quyến thuộc của ma vương. Ma vương cũng hay phi hành biến hoá, có ngũ thông, có thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, túc mạng thông, thần túc thông, nhưng chẳng có lậu tận thông, vẫn còn lưu chuyển trong luân hồi. Người tu đạo nghe trong không có người nói chuyện với họ, thì cho rằng : « Bây giờ tôi đã khai ngộ rồi » ! Đó là bạn khai quỷ ngộ, bạn sẽ làm ma quỷ.

« Nam nữ quyến thuộc hàng phục hết » : Nam nữ ở đây, chẳng phải là chỉ nam nữ thế gian chúng ta, là chỉ quyến thuộc của ma vương, ma nam ma nữ, ma con ma cháu. Khi bạn niệm câu Chú nầy, thì những quỷ thần đại lực dũng mãnh nầy đều hàng phục.
« Đồng vào môn Ma Ha Bát Nhã » : Cùng nhau trở về môn đại trí huệ, đều sinh ra đại trí huệ.

388. Tát bà kiền thát bà tệ phấn

Dịch: Hàng phục tất cả chúng âm nhạc.

Kệ :
Hàng phục nhất thiết chúng âm nhạc
Ti trúc quản huyền mộc thạch kim
Thiên chủ tụ hội hương vạn lý
Lai phó thịnh diên ca vô cùng.

Nghĩa là:
Hàng phục tất cả chúng âm nhạc
Tơ trúc quản huyền mộc thạch kim
Thiên chủ tụ hội hương vạn dặm
Đến dự tiệc ca hay vô cùng.

Giảng giải: Tệ Phấn nghĩa là « Hàng phục », Càn Thát Bà Vương là Thần nhạc, là một trong Thiên long bát bộ, còn gọi là Thần ngửi hương. Khi Ngọc Hoàng muốn nghe âm nhạc, thì gọi chúng đến. Làm thế nào để gọi chúng đến ? Những vị Thần nhạc nầy, có một thứ khứu giác rất đặc biệt, khi ngửi được mùi hương, thì dù ở xa bao nhiêu, cũng đều phải đến cho mau. Do đó lại gọi là Thần ngửi hương. Càn Thát Bà mặt tựa giống như người, nhưng trên đầu có một cái sừng.
« Hàng phục tất cả chúng âm nhạc » : Tấu âm nhạc nầy, nhảy nhảy nhót nhót đều là những người không lão thật. Hiện tại làm Thần rồi, tập khí vẫn không thay đổi, vẫn nhảy nhót, vừa ca vừa múa, một mặt thổi tấu, một mặt đánh trống.

« Tơ trúc quản huyền mộc thạch kim » : Trong Tam Tự Kinh có nói đến tám âm đó là : Kim, thạch, thổ, cách, tơ, mộc, bào, trúc, đều là nhạc khí. Trúc là trúc quản, là ống sáo, có nhiều loại ống sáo. Nói đến âm nhạc tôi không rành, chỉ biết tên thôi, chẳng biết chơi như thế nào, nên không thể nói tỉ mỉ được.

« Thiên chủ tụ hội hương vạn dặm » : Thiên chủ ở tại đó chiêu tập rằng : « Gia Tô đến nha ! Thánh mẫu đến nha ! Đến đây khai hội ». Khi Gia Tô đến, thì nghe được tiếng âm nhạc mê mê hồ hồ, tựa như uống rượu say. Thánh mẫu đến nghe tiếng âm nhạc, thì những gì cũng đều quên hết, cũng không nhận ra được Gia Tô, bèn nói « Who are you » ? Gia Tô nói : « Tôi là tôi, bà là bà » ! Ai cũng chẳng phải ai, bạn xem đó là tại sao ? Vì bị âm nhạc mê hoặc, bị những nhạc Thần đó mê hoặc. Thiên chủ tụ hội cũng chẳng phải chỉ một người, hai người, mà là có vô lượng vô biên Thần nhạc cùng tụ hội. Khi chúng tấu âm nhạc lên, thì khiến cho người không ăn cũng không biết đói, không mặc y phục cũng không biết lạnh, không ngủ cũng không cảm thấy mệt, có sức lực lớn như vậy. Cho nên bạn có muốn đi nghe chăng ? « Muốn đi thì đi, chỉ là sợ không trở lại thôi », như vậy thì đừng đi.

« Đến dự tiệc ca hay vô cùng » : Mọi người đều đến dự lễ hội, một khi khởi xướng thì mấy trăm năm, chẳng giống như nhân gian chỉ cuối đêm là tan hội, vì ở trời Tứ Thiên Vương một ngày một đêm, thì ở nhân gian là năm mươi năm, trời Đao Lợi một ngày một đêm, thì ở nhân gian là một trăm năm, chẳng phải như ở nhân gian, âm nhạc trên trời lợi hại như thế.

389. Tát bà bổ đơn na tệ phấn

Dịch : Tất cả quỷ đến khen ngợi lễ bái.

Kệ :
Tinh thiên cấu uế xú ngạ quỷ
Thường xứ nhiễm ô thỉ niệu đôi
Tật đố tạo thử bất tịnh nghiệp
Kim ngộ linh văn thoát luân hồi.

Nghĩa là:
Ngạ quỷ thối tanh hôi dơ bẩn
Thường ở đống phân tiểu nhiễm ô
Đố kị tạo nghiệp bất tịnh nầy
Nay ngộ linh văn thoát luân hồi.

Giảng giải : Tát Bà nghĩa là « Tất cả », Bổ Đơn Na tức là "Ngạ quỷ thối", vừa thối, vừa đói, cứ ăn đại tiện, vì thật là quá đói. Tại sao làm loài ngạ quỷ nầy ? Vì quá khứ tạo ra một thứ nghiệp đố kị ghen ghét. Ghen ghét người khác tu đạo, đạo hạnh cao hơn họ, đạo đức cao hơn họ, học vấn giỏi hơn họ, bất cứ người khác như thế nào, họ đều đố kị ghen ghét, do đó biến thành ngạ quỷ thối, càng thối thì càng đố kị, mà càng đố kị thì càng thối. Thối vẫn không khẩn cấp, lại đói đến nỗi không có một chút gì để ăn.

« Ngạ quỷ thối tanh hôi dơ bẩn » : Tại sao phải đoạ làm ngạ quỷ như vậy ? Kỳ thật, chính mình cũng không muốn làm, chỉ là một chút một chút nghiệp tạo mà thành, không muốn làm cũng không được, do đó hằng ngày sống với sự tanh hôi dơ bẩn, lâu dần thì không còn nghe hôi thối nữa, sống một cách tự nhiên. Giống như mùi tanh của cá, mùi hôi của dê, dơ bẩn không sạch sẽ, khiến cho người nhìn thấy thì muốn nôn. Tại sao như thế ? Vì « Thường ở đống phân tiểu nhiễm ô », chúng ở chỗ hầm phân, nước tiểu, ở đó làm thực nghiệm hoá học, xem thử mình có hợp nhất với những thứ đó không. Ở chỗ đó nghiên cứu khoa học, dùng phân nước tiểu để nghiên cứu pháp bảo. Chúng toả ra mùi hôi thối, thối không thể ngửi được, khiến cho người phải nôn. Tại sao phải đến nông nỗi nầy ?

« Đố kị tạo nghiệp bất tịnh nầy » : Nghiệp của chúng là đố kị ghen ghét, trước kia chẳng phải tôi đã giảng qua rồi chăng, nếu ai đố kị thì sẽ biến thành dòi bọ trong hầm phân chăng ? Dòi bọ trong hầm phân tức là ngạ quỷ thối, nhưng các vị nhất định không tin, nhất định muốn thử xem, nói : « Sư phụ nói như vậy, đáo để như thế nào, để tôi làm hoá học thực nghiệm trước ». Bạn không ngại hãy đi thử nghiệm, đợi bạn thử nghiệm rồi thì sẽ biết.
« Nay gặp linh văn thoát luân hồi » : Linh văn tức là Chú Lăng Nghiêm, siêu độ được ngạ quỷ thối, thoát khỏi sáu nẻo luân hồi.

390. Ca tra bổ đơn na tệ phấn

Dịch: Tất cả quỷ đều quy kính.

Kệ:
Tán lễ quy kính Thiên Trung Thiên
Hàng phục kỳ xú quỷ vương tiên
Mật ngữ chân ngôn thông pháp giới
Cải ác dời thiện hoán tân nhan.

Nghĩa là:
Khen lễ quy kính Thiên Trung Thiên
Hàng phục quỷ vương tiên thối lạ
Mật ngữ chân ngôn thông pháp giới
Cải ác làm lành thay mặt mới.

Giảng giải: "Khen lễ quy kính Thiên Trung Thiên": Loại ngạ quỷ nầy lợi hại hơn so với loại ngạ quỷ trước, ở trước chỉ là thối bình thường, loại ngạ quỷ nầy đặc biệt thối, thối đến nỗi không thể tưởng tượng được, khiến cho ai ngửi được, nếu không chết thì đầu óc cũng hôn mê, lợi hại như thế. Câu Chú nầy hay hàng phục quỷ thối kỳ lạ, khi bạn tụng lên, thì chúng không có cách chi toả ra mùi thối, vì đã bị hàng phục. Hàng phục rồi thì bèn khen ngợi Phật. Khen là miệng khen, lễ là thân lễ, trong tâm quy kính tức ý nghiệp, thân tâm lễ kính, trong ngoài nhất chí. Thiên Trung Thiên là một danh hiệu khác của Phật.

"Hàng phục quỷ vương tiên thối lạ": Chú nầy hay hàng phục tà tiên thối không thể ngửi được, tại sao?
"Mật ngữ chân ngôn thông pháp giới": Vì thứ mật ngữ chân ngôn nầy, chẳng những hay hàng phục được quỷ thối kỳ lạ nầy, mà còn hàng phục được hết thảy quỷ thối lạ của pháp giới, tuỳ ý chúng đều có thể "Cải ác làm lành thay mặt mới", sữa lỗi làm mới, không làm các điều ác, làm các điều lành, mặt mày của quỷ cũng đổi thành bộ mặt từ bi của Bồ Tát. Do đó, cũng là cái miếu đó, nhưng

chẳng phải thần đó, trước kia là quỷ vương, bây giờ là Bồ Tát. Cho nên các vị nên nhớ, đừng có đố kị ghen ghét người khác. Người ta có đạo đức, có học vấn, có tu hành hơn mình, thì mình nên tuỳ hỉ khen ngợi họ mới đúng, đừng có có tâm đố kị ghen ghét họ.

391. Tát bà đột lang chỉ đế tệ phấn

Dịch: Hàng phục các ma.

Kệ:
Nhất thiết ma chúng hại sinh linh
Tăng già thế lực quyến thuộc hưng
Thử Chú tụng trì tức hàng phục
Hư không pháp giới khánh khang bình.

Nghĩa là:
Tất cả chúng ma hại sinh linh
Thế lực Tăng già quyến thuộc hưng
Tụng trì Chú nầy liền hàng phục
Hư không pháp giới đều yên bình.

Giảng giải : Câu Chú nầy hay hàng phục tất cả ma quỷ, hình dáng ma quỷ không nhất định, chúng có thể thiên biến vạn hoá, để nhiễu loạn người tu đạo. Định lực của bạn không đủ, thì sẽ bị cảnh giới chuyển, bị nhiễu loạn, tẩu hoả nhập ma. Ví như bạn đang dụng công tu hành, hốt nhiên có người nói với bạn, lời nói ra đều rất linh nghiệm, ví như « Ngày mai anh của bạn sẽ sinh bệnh, ngày mốt em trai của bạn lại bị trúng gió, hoặc là trong nhà của bạn có người nào đó lại bị tai nạn ». Nói với bạn những chuyện tốt, cũng nói với bạn những chuyện xấu. Tại sao lại nói với bạn ? Vì chúng muốn nhìn xem bạn có bị động hay không, xem bạn có tâm tham hay không, có tâm ích kỷ, tâm chấp trước hay không ? Cho nên nói :

« Tất cả là khảo nghiệm
Xem bạn làm thế nào
Trước mắt mà không biết
Phải luyện lại từ đầu ».

Nếu bạn không nhận thức được cảnh giới, biết sai lầm rồi, thì phải sửa đổi làm lại từ đầu. Do đó người tu hành bất cứ nghe âm thanh gì, thấy được cảnh giới gì, cũng đừng động tâm. Cảnh giới, âm thanh, đều là vật từ bên ngoài đến, cầu pháp ngoài tâm là ngoại đạo, chỉ là vướng ma mà thôi. Phải:

« Mắt thấy hình sắc bên trong chẳng có
Tai nghe chuyện đời tâm chẳng hay ».

Đừng bị vật bên ngoài làm giao động, đừng bị cảnh giới lay chuyển, đây là chứng được Sơ quả. Không bị mắt tai mũi lưỡi thân ý sáu thức lay động, tức là hàng phục được sáu tên tặc, cho nên bài kệ nói : « Tất cả chúng ma hại sinh linh », chúng thấy người tu hành buông bỏ chẳng đặng, đố kị bạn tu hành, đều muốn tìm các phương pháp để trở ngại bạn. Cho nên đừng cho rằng có người nói chuyện với bạn là cảnh giới tốt, hoặc thấy Phật, thấy hoa, hoặc thấy hào quang là cảnh giới tốt. « Phàm hết thảy tướng đều là hư vọng, nếu thấy các tướng chẳng phải tướng, tức thấy Như Lai ». Đứng có tâm tham như thế ! Cứ tham cảnh giới tốt, tham trước âm thanh, căn bản tức là sai lầm.

Làm thế nào mới có thể thành đạo ? Đạo là trong tự tánh của mình hiện ra, chẳng phải do bên ngoài đến, cũng chẳng phải bên ngoài có người nói với bạn, có người nói với bạn đều là giả, tại sao bạn phải nghe lời họ ? Đây đều là cảnh giới của ma. Ma quỷ ngàn biến vạn hoá, bạn hoan hỉ người nầy chăng ? Chúng biến thành người nầy để dụ dỗ bạn. Bạn chán ghét người đó chăng ? Chúng liền biến thành người đó, để khiến cho bạn nổi nóng, kỳ kỳ quái quái, đủ thứ màu sắc, nhiều nói không hết được ! Tại sao chúng như vậy, câu sau sẽ giải thích.
« Thế lực Tăng già quyến thuộc hưng » : Nếu chúng làm cho bạn người tu hành điên đảo, mất đi sự sáng suốt, tẩu hoả nhập ma, thì bạn sẽ đi theo chúng, biến thành quyến thuộc của ma, thì thế lực của chúng sẽ tăng thêm. Lúc đó lũ ma sẽ đều đến chúc mừng nói « Bạn đây là đại ma vương, lão đại ca của chúng ma, chúng ta cùng nhau ủng hộ bạn, bạn có thể bắt sống người tu đạo nầy ». Cho nên là thế lực Tăng già, khiến cho quyến thuộc của chúng hưng long, đó là nguyên nhân ma đến nhiễu loạn bạn.

Người của Vạn Phật Thánh Thành, nếu giữ được không tham, không tranh, không mong cầu, không ích kỷ, không lợi mình, không nói dối, giữ được sáu điều nầy, thì ma gì cũng không hại được bạn. Chúng dùng sắc đẹp đến dụ dỗ bạn, bạn không tham, cho đến dùng vàng bạc, dùng tất cả tất cả danh lợi đến dụ hoặc bạn, bạn kiên quyết không tham, thì chúng chẳng có cách gì hại bạn được. Tại sao bạn vướng ma ? Vì bạn còn tâm tham, chúng biết bạn còn chút nầy chưa buông bỏ đặng, chúng từ chỗ nầy mà tấn công bạn. Nếu bạn buông bỏ được hết mọi thứ, xem tất cả đều là : Khổ, không, vô thường, vô ngã, thì ma vương chẳng có cách gì.

« Tụng trì Chú nầy liền hàng phục » : Một khi bạn tụng Chú nầy, thì bất cứ ma vương gì cũng đều lão thật, bị hàng phục.

« Hư không pháp giới đều yên bình » : Tận hư không khắp pháp giới đều bình an, đều chẳng có vấn đề gì.

392. Tát bà đột sáp tỷ lê

Dịch : Hàng phục các ác.

Kệ :
Hàng phục chư ác quỷ quái tinh
Vô động giải thoát tịch diệt hạnh
Vạn thiên yêu tà đồng thụ thủ
Cấp tu khoái độ chế độc trùng.

Nghĩa là:
Hàng phục các ma quỷ yêu quái
Bất động giải thoát hạnh tịch diệt
Ngàn vạn yêu tà đều vâng lời
Chóng tu mau độ chế trùng độc.

Giảng giải: « Hàng phục các ma quỷ yêu quái » : Hàng phục lang sói hổ báo sư tử các thú dữ, những mãnh thú rất hung ác nầy, một khi thấy người là muốn ăn thịt. Ác quỷ yêu quái, lị mị vọng lượng cũng rất là ác.

« Bất động giải thoát hạnh tịch diệt » : Pháp bất động giải thoát là gì ? Tức là Chú Lăng Nghiêm. Nếu hay tu pháp bất động, pháp giải thoát, hạnh tịch diệt nầy, thì « Ngàn vạn yêu tà đều vâng lời», bất cứ có bao nhiêu yêu ma quỷ quái, đều lão lão thật thật, nghe lời giữ gìn quy cụ.
« Chóng tu mau độ chế trùng độc » : Mau tu một chút, mau độ tất cả chúng sinh, chế phục được tất cả trùng độc. Ít nhất trên thân thể của chúng ta, có ba con đại trùng độc đó là: Tham, sân, si. Nếu chế phục được những con độc trùng nầy, thì độc trùng bên ngoài cũng chẳng còn nữa.

393. Hất sắc đế tệ phấn

Dịch : Có ba nghĩa: Không sinh, tịch diệt, than thở.
Kệ :
Vô sinh vô diệt vô khứ lai
Đại tạo đại hoá đại siêu tai
Ta thán ưu sầu tâm não loạn
Văn tụng chân ngôn tiếu khai hoài.

Nghĩa là:
Không sinh không diệt không đến đi
Đại tạo đại hoá đại siêu tai
Than thở lo buồn tâm não loạn
Nghe tụng Chú nầy vui hoan hỉ.

Giảng giải: “Không sinh không diệt không đến đi”: Câu Chú nầy dịch là “Vô sinh”, “Tịch diệt”. Không sinh mà chẳng không sinh, không diệt mà chẳng không diệt, cũng chẳng đến, cũng chẳng đi.
“Đại tạo đại hoá đại siêu tai”: Là cảnh giới không thể nghĩ bàn, chẳng phải phàm phu có thể dò lường được.

“Than thở lo buồn tâm não loạn”: Câu Chú nầy dịch là “Vô sinh”, “Tịch diệt”. Không sinh mà chẳng không sinh, không diệt mà chẳng không diệt. Câu Chú nầy còn dịch ra là “Than thở”, người nầy thường sầu muộn chẳng vui. Tại sao? Vì tâm tình không vui vẻ, con quỷ bi ai khổ não liền đến trợ giúp bạn sầu lo, sợ hãi, giúp cho bạn không có định lực, giúp bạn đoạ lạc. Khiến cho trong tâm của bạn phiền muộn vô cùng, suy nghĩ gì tâm cũng không khai mở được, cảm thấy tâm tựa như lửa đốt khó chịu.
“Nghe tụng Chú nầy vui hoan hỉ”: Lúc bấy giờ, nếu tụng Chú Lăng Nghiêm thì sẽ sinh tâm hoan hỉ.

394. Tát bà thập bà lê tệ phấn

Dịch: Phá tan các đen tối.

Kệ:
Đại phóng quang minh chiếu thế gian
Phá trừ hắc ám độ nữ nam
Phổ sử chúng sinh hoạch tự tại
Đào xuất tam giới luân hồi quyển.

Nghĩa là:
Phóng đại quang minh chiếu thế gian
Phá trừ đen tối độ nam nữ
Khắp khiến chúng sinh được tự tại
Thoát khỏi ba cõi vòng luân hồi.

Giảng giải: “Phóng đại quang minh chiếu thế gian”: Câu Chú nầy dịch là “Quang minh tự tại”, khi bạn tụng Chú nầy thì có đủ thứ quang minh hiện tiền.
“Phá trừ đen tối độ nam nữ”: Phá trừ hết thảy đen tối của thế gian, độ nam độ

nữ khiến cho họ phát tâm bồ đề.
“Khắp khiến chúng sinh được tự tại”: Khắp khiến cho tất cả chúng sinh đắc được tự tại giải thoát.
“Thoát khỏi ba cõi vòng luân hồi”: Thoát khỏi dục giới, sắc giới, vô sắc giới, ba cõi nhà lửa vòng luân hồi. Công đức của Chú Lăng Nghiêm không thể nghĩ bàn, các vị đều phải học thuộc lòng, mỗi một câu có công năng gì đều biết, nên biết đây là pháp bảo vô thượng tối diệu.

395. Tát bà a bá tất ma lê tệ phấn

Dịch : Phá các oan nghiệp.

Kệ :
Nhất oản canh thang oan tự hải
Bán cân phì nhục nghiệp như sơn
Hợp cổ công ty khuy tư bổn
Đoạ lạc tam đồ phi quái tai.

Nghĩa là:
Trong một bát canh oán tựa biển
Nửa cân thịt béo nghiệp như núi
Công ty cổ phần vốn làm ăn
Đoạ lạc ba đường ác đừng trách.

Giảng giải: Câu Chú nầy dịch là “Phá các oan nghiệp”. Oan thì có một sự sân hận bất bình, đều muốn báo thù. Mà chuyện không công bằng trên thế gian thì rất nhiều, việc công bằng thì rất ít. Mọi người tạo tội nghiệp cũng rất nhiều, làm công đức thì rất ít. Cổ đức có nói:

“Thiên bách niên lai oản lý canh
Oán thâm tự hải hận nan bình
Dục tri thế thượng đao binh kiếp
Thức thính đồ môn dạ bán thanh”.

Nghĩa là:

Ngàn xưa đến nay một nồi canh
Oán sâu như biển hận khó tan
Muốn biết vì sao có chiến tranh
Hay nghe lò thịt lúc nửa đêm.

Từ xưa đến nay trong một nồi canh, trong đó oan nghiệt sâu như biển, trong đó có sự oán hận khó tiêu tan. Bạn muốn biết trên thế gian vì sao có chiến tranh, có đủ thứ tai nạn chăng? Hãy nghe tiếng kêu gào cứu mạng thê thảm của lò thịt lúc nửa đêm! Nhưng cho dù chúng có gào thét như thế nào, quỳ lạy cầu cứu như thế nào, con người vẫn giết chúng. Thấy con người lúc làm thân người chẳng tu đạo cho tốt, khi làm ngựa, làm bò, làm heo, làm dê, nghĩ muốn tu đạo, cũng chẳng có cơ hội. Lúc đó bạn quỳ lạy khóc ở trong lò thịt sám hối rằng: "Các vị từ bi đừng có giết tôi"! Đồ tể vẫn cứ giết. Cho nên chỉ nghe tiếng gào thét ở lò mổ lúc nửa đêm, thì biết tai kiếp là từ đâu đến.

Có người nói: "Bây giờ lò mổ không giống như xưa, dùng máy móc, hoặc dùng điện để giết, bò dê chết trong sự bất tri bất giác". Bạn cho rằng như vậy là đúng chăng? Vậy bạn có muốn chết như thế chăng? Kỳ thật, phương pháp nầy càng tàn nhẫn hơn, sự oán hận vẫn tồn tại, còn cao thâm hơn. Vì phàm là sát sinh đều là tạo tội nghiệp, cho nên bài kệ nói: "Trong một bát canh oán tựa biển, nửa cân thịt béo nghiệp như núi", chỉ nửa cân thịt béo, nghiệp tạo ra lớn như núi Tu Di.

"Công ty cổ phần vốn làm ăn": Làm ăn như vậy, bạn ăn thịt gì thì hợp với cổ phần cái đó.
"Đoạ lạc ba đường ác đừng trách": Đoạ lạc vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, ba đường ác, thì đừng có oán trách. Tại sao? Vì bạn chẳng công bằng chút nào.

396. Tát bà xá ra bà noa tệ phấn

Dịch: Phá các tai ách.

Kệ:
Vô cấu thanh tịnh phá tai ách
Phúc tha hữu dư thụ sa la
Kiên cố diệu cú trừ ma chúng
Hộ pháp thiện thần diễn Ma Ha.

Nghĩa là:
Không dơ thanh tịnh phá ai ách
Che chở hết thảy cây sa la
Chú nầy kiên cố hàng các ma
Hộ pháp thiện thần diễn Ma ha.

Giảng giải : « Không dơ thanh tịnh phá tai ách » : Không dơ tức là thanh tịnh, tất cả thanh tịnh thì tai ách đều có thể phá trừ.

« Che chở hết thảy cây sa la, Chú nầy kiên cố hàng các ma » : Chú Lăng Nghiêm kiên cố mật ngữ, hay phá ma, hàng ma.
« Hộ pháp thiện thần diễn Ma Ha » : Đây đều là đại Bồ Tát thuở xưa phát tâm, để làm hộ pháp thiện thần, xiển dương Phật pháp đại thừa.

397. Tát bà địa đế kê tệ phấn

Dịch : Phá các oan hại.

Kệ :
Phá các oan hại cứu quần sinh
Thậm dũng vô uý chế độc trùng
Tam muội oai lực năng nghịch chuyển
Nhất thiết tai nạn hoá cát tường.

Nghĩa là:
Phá các oan hại cứu quần sinh
Dũng mãnh không sợ chế trùng độc
Tam muội oai lực chuyển càn khôn
Tất cả tai nạn hoá cát tường.

Giảng giải : Sức lực của câu Chú nầy hay « Phá tất cả oan hại », bất cứ loại oan hại nào, đều phá được hết. Oan tức là hàm oan, vốn không nên thêm tội vào thân. Hại là thương hại, vốn không nên bị hại mà lại bị. Tức là trong sự vô hình, bị người vu oan giá hoạ, bị hàm oan. Chú nầy hay phá trừ những cảnh bị oan uổng, cho nên nói « Phá các oan hại cứu quần sinh ».
« Dũng mãnh không sợ chế trùng độc » : Câu nầy lại dịch là « Dũng mãnh », « Không sợ », « Chế trùng độc ». Bất cứ rồng độc lợi hại như thế nào, Chú nầy sẽ chế phục được. Mỗi người đều có trùng độc, đều có rồng độc, đó tức là vô minh, phiền não và nóng giận, chẳng dễ gì khống chế được, trừ khi bạn có thủ đoạn hàng phục và năng lực phục hổ.

« Tam muội oai lực chuyển càn khôn » : Chú lực của Chú Lăng Nghiêm gọi là tam muội lực. Tam muội là chánh định chánh thọ, thứ oai lực nầy có thể quay chuyển càn khôn, người chết biến thành sống, khởi tử hồi sinh, cải biến tạo hoá.
« Tất cả tai nạn hoá cát tường » : Cho nên bất cứ việc hung hiểm gì, đều có thể biến thành cát tường.

398. Tát bà đát ma đà kê tệ phấn

Dịch : Phá tất cả phi mạng.

Kệ :
Phá nhất thiết nguy hiểm như di
Ý ngoại hoành hoạ tận tiêu nhị
Vô ngại hành trì chư Phật pháp
Ta Bà khổ hải độ mê chúng.

Nghĩa là:
Phá sạch hết tất cả nguy hiểm
Tai nạn hoành hoạ tiêu diệt hết
Vô ngại hành trì các Phật pháp
Ta Bà biển khổ độ chúng mê.

Giảng giải : Tát Bà tức là « Tất cả », Đát Ma tức là « Đạt Ma », là pháp vậy. Đà Kê tức là « Vô ngại hành trì ». Câu Chú nầy phá tất cả phi mạng, có tai nạn gì đều giải trừ, ví như phi tai hoành hoạ, tai nạn xe hơi, tai nạn máy bay, xe lửa .v.v… đủ thứ tai nạn.
« Phá sạch hết tất cả nguy hiểm » : Phá tất cả nguy hiểm, vượt qua tất cả nguy hiểm. Vạn Phật Thánh Thành có rất nhiều người phát sinh tai nạn ở trên đường, nhưng không có ai bị thương, đây là phá tất cả nguy hiểm, ở trong hiểm nạn được bình an.
« Tai nạn hoành hoạ đều diệt hết » : Vốn phải có tai nạn, nhưng tiêu diệt hết.
« Vô ngại hành trì các Phật pháp » : Tụng Chú Lăng Nghiêm tức là vô ngại hành trì.

« Ta Bà biển khổ độ chúng mê » : Độ chúng sinh mê hoặc trong biển khổ thế giới Ta Bà. Chúng sinh ở thế giới nầy rất là kỳ quái, bạn càng nói thật với họ, thì họ càng không tin, vì quá thật. Trong Kinh Pháp Hoa nói rất nhiều lần : « Thôi thôi đừng nói, pháp của ta vi diệu khó nghĩ bàn ». Khi năm ngàn vị Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni rời khỏi, do oai đức thuyết pháp của Phật. Cho nên chúng ta ở đây nghe Kinh, có người cũng tự bỏ đi, cũng chẳng có gì lạ. Hoặc có người đến đây không nghe Kinh, cũng là chuyện rất bình thường. Phật nói pháp có năm ngàn người rời khỏi pháp hội, chúng ta ở đây chỉ mấy chục người, không là gì hết.

Bạn giảng pháp thật thì họ hoài nghi, bạn giảng pháp giả thì họ rất vui, con người như vậy đó, rất là kỳ quái. Tuy họ không nghe lời thật, nhưng tôi vẫn nói lời thật, thà người ta không nghe, tôi cũng phải nói thật, vì tôi không thể nói lời giả, tin hay không tin đều do bạn, nghe hay không nghe cũng do bạn, tôi làm việc cũng như thế, mỗi người đều có bổn phận, tôi làm hết trách nhiệm của tôi, tôi không màng tới người khác.

« Ta Bà biển khổ độ chúng mê » : Người mê lúc nào họ tỉnh mộng thì không mê, không tỉnh thì vẫn mê. Theo tôi đã mười mấy năm vẫn không hiểu chút Phật pháp nào, bạn thấy họ mê hay không mê ? Có người nói : « Chẳng phải con không hiểu Phật pháp, mà là Ngài không nói cho rõ ràng ». Không sai ! Tôi không nói rõ ràng, tôi không nói lời giả, cho nên họ nghe không hiểu.

399. Tát bà tỳ đà gia

Dịch : Phá tất cả độc khí.

Kệ :
Tất cả độc khí hoá thanh lương
Quy y Chánh Giác đại từ hàng
Đăng thượng Bát Nhã thuyền đồng tế
Vĩnh đắc bất thối lộ đường đường.

Nghĩa là:
Tất cả khí độc hoá mát mẻ
Quy y Chánh Giác đấng đại từ
Lên thuyền Bát Nhã qua bờ kia
Chứng được bất thối hiện pháp thân.

Giảng giải : Tỳ Đà Gia tức là Phật Đà Gia, dịch là « Chánh Giác ». Tụng câu Chú nầy, thì có thể tiêu diệt tất cả độc khí, thường thường thành tâm tụng niệm Chú nầy, thì sẽ không bị đủ thứ độc khí, hơi độc làm hại. Cho nên nói : « Tất cả độc khí hoá mát mẻ », hoá mát mẻ tức là nhạt dần, chẳng còn nữa.
« Quy y Chánh Giác đấng đại từ » : Quy y Phật đấng Chánh Đẳng Giác, Phật giống như con thuyền đại từ.
« Lên thuyền Bát Nhã qua bờ kia » : Cùng nhau lên thuyền Bát Nhã trí huệ, đồng đến bờ trí huệ bên kia, đắc được trí huệ chân chánh rốt ráo bờ bên kia.
« Chứng được bất thối hiện pháp thân » : Đắc được niệm bất thối, không thối lùi nguyện của Bồ Tát. Vị bất thối, không thối lùi quả vị Bồ Tát. Hành bất thối, không thối lùi tu hành hạnh môn của Bồ Tát, hiển lộ ra pháp thân đường đường của bạn.

400. Ra thệ giá lê tệ phấn

Kệ :
Y Pháp Vương giáo tu bồ đề
Lục độ vạn hạnh mạc hồ nghi

Sở tác dĩ biện ly hậu hữu
Siêu xuất tam giới thuỷ thán kỳ.

Nghĩa là:
Nghe lời Pháp Vương tu bồ đề
Sáu độ vạn hạnh chớ nghi ngờ
Hết thảy làm xong dứt luân hồi
Vượt thoát ba cõi mới là hay.

Giảng giải : Ra Thệ dịch là « Vương », Giá Lê dịch là « Sở hành », câu Chú nầy như câu ở trước là diệt độc khí.
« Nghe lời Pháp Vương tu bồ đề » : Chúng ta phải y theo lời dạy của Phật tu hành đạo bồ đề, đừng cố chấp cái thấy biết của mình, dùng tâm duyên lự của phàm phu chúng ta để đo lường Thánh nhân.
« Sáu độ vạn hạnh chớ nghi ngờ » : Tu hành là phải tu sáu độ vạn hạnh : Bố thí độ san tham, trì giới độ huỷ phạm, nhẫn nhục độ cang cường, tinh tấn độ giải đãi, thiền định độ tán loạn, trí huệ độ ngu si. Tu hành đủ thứ vạn hạnh lợi tha, đừng có giống như hồ ly đa nghi không tin. Hồ ly đi trên băng, mỗi bước, mỗi bước, đều phải dùng tai lắng nghe. Tại sao ? Nó phải lắng nghe thử băng có tiếng gì không, nếu có, thì nó phải mau chạy trở lại, không dám tiếp tục đi nữa. Hồ ly thì đa nghi không tin như vậy. Chúng ta tu sáu độ vạn hạnh không thể hoài nghi không tin.

« Hết thảy làm xong dứt luân hồi » : Những gì cần làm chúng ta đều đã làm xong, sinh tử đã xong, không còn tái sinh nữa, liễu sinh thoát tử.
« Vượt thoát ba cõi mới la hay » : Nơi chúng ta đang ở, thuộc về dục giới, còn có trời sắc giới, trời vô sắc giới. Chúng sinh dục giới là do dục niệm mà sinh, cho nên do dục niệm mà chết, sinh vì dục, chết cũng vì dục, sinh tử do dục niệm chuyển tới chuyển lui. Dục rất là nhiễm ô, ở cõi trời sắc giới, dục ít hơn nhiều, nhưng vẫn còn chấp trước sắc tướng, chưa phá trừ được, chấp trước tướng mạo xinh đẹp xấu xí. Tóm lại, chấp trước tướng ta, nhìn chẳng thấu, buông chẳng đặng. Vô sắc giới thì chỉ có thức, không còn dục, cũng không còn sắc tướng, hình tướng, nhưng thức vẫn còn tồn tại, vẫn còn chấp trước, cho nên không thoát khỏi được ba cõi, vẫn phải thọ sinh tử.

Người tu đạo thì thoát khỏi được dục giới, sắc giới, vô sắc giới, lúc nầy mới biết đặc biệt kỳ quái, và hoàn toàn khác với chúng sinh trong ba cõi, chính mình cũng giống như Phật ba lần thốt lên : « Lành thay ! Lành thay ! Lành thay! Tất cả chúng sinh đều có trí huệ đức tướng của Như Lai, nhưng vì vọng tưởng chấp trước nên không chứng đắc ! »

401. Xà dạ yết ra

Dịch : Giải trừ các tai nạn.

Kệ :
Giải trừ tai nạn đắc an khang
Trọng tội nghiệp báo du hoả thang
Tạ thử tam muội gia trì lực
Chư hoành hung hiểm nhất tảo quang.

Nghĩa là:
Giải trừ tai nạn được bình an
Tội nặng nghiệp báo dầu lửa nóng
Nhờ sức tam muội nầy gia trì
Các nạn hung hiểm quét sạch hết.

Giảng giải: Câu Chú nầy với Ma Độ Yết Ra, hay trừ khử tất cả phi tai hoành hoạ, đủ thứ việc tai nạn không vui vẻ.
"Giải trừ tai nạn được bình an": Giải trừ tất cả tam tai bát nạn. Tam tai là nạn nước, nạn lửa, nạn gió. Bát nạn là: Nạn mù điết câm, nạn Bắc Câu Lư Châu, nạn trời Trường Thọ, nạn trước Phật sau Phật .v.v… đủ thứ tai nạn. Con người đều muốn được bình an, bằng không thì chẳng vui vẻ, giải trừ tai nạn rồi, thì được an lạc.

"Tội nặng nghiệp báo dầu lửa nóng": Tạo những tội nghiệp quá nặng, thọ quả báo cũng nặng, như chảo dầu sôi .v.v… Con người thọ khổ không cần đợi sau khi chết, khi còn sống mọi việc đều không như ý, tâm ý hoảng loạn, thì cũng giống như ở trong chảo dầu sôi.
"Nhờ sức tam muội nầy gia trì": Đắc được sức lực của Chú, tụng Chú thì sẽ có sức lực của tam muội.
"Các nạn hung hiểm quét sạch hết": Tất cả phi tai hoành hoạ không cát tường, việc nguy hiểm đều quét sạch hết.

402. Ma độ yết ra

Dịch : Hộ pháp của Phật.

Kệ:
Kim Cang Tạng Vương hộ Phật thành
Trì chử kình sơn hiển oai linh
Thưởng thiện phạt ác hưng chánh giáo
Bàng môn tả đạo tất độn hình.

Nghĩa là:

Kim Cang Tạng Vương hộ Phật thành
Cầm chuỳ vác núi hiển oai linh
Thưởng thiện phạt ác hưng chánh giáo
Bàng môn tả đạo đều ẩn trốn.

Giảng giải: “Kim Cang Tạng Vương hộ Phật thành”: Ma Độ Yết Ra là « Đại hộ pháp của Phật », cho nên nói “hộ Phật thành”, Phật ở đâu thì hộ ở đó, hộ trì đạo tràng của Phật.
“Cầm chuỳ vác núi hiển oai linh”: Chuỳ báu của Ngài vác núi Tu Di. Tại sao phải như thế? Vì muốn hiển oai linh.
“Thưởng thiện phạt ác hưng chánh giáo”: Ai lương thiện, ai tu hành tốt, thì sẽ hộ trì họ. Ai không tu hành tốt, thì sẽ trừng phạt họ, như vậy các Ngài sẽ chấn hưng chánh giáo.
“Bàng môn tả đạo đều ẩn trốn”: Hết thảy bàng môn tả đạo, tà đạo không chánh đáng, đều bỏ chạy, tà không thắng chánh, họ đều ẩn trốn.

403. Tát bà ra tha ta đà kê tệ phấn

Dịch : Hộ pháp bảo hộ người tu.

Kệ:
Lợi ích hữu tình hộ pháp chúng
Hiền Thánh Tăng già chư long thần
Nhất thiết kính tín cứu khổ nạn
Hàm sử khô mộc hựu hướng vinh.

Nghĩa là:
Chúng hộ pháp lợi ích hữu tình
Hiền Thánh Tăng già các rồng thần
Tất cả kính tin cứu khổ nạn
Khắp khiến cây khô lại tươi tốt.

Giảng giải: Câu Chú nầy là nói « Tất cả hộ pháp thiện thần bảo hộ người tu đạo », cho nên nói “Chúng hộ pháp lợi ích hữu tình”.
“Hiền Thánh Tăng già các rồng thần”: Thiên long bát bộ, hộ pháp thiện thần và hiền Thánh Tăng, lợi ích hữu tình.
“Tất cả kính tin cứu khổ nạn”: Phàm là hộ pháp thiện thần đều cung kính Tam Bảo, tín ngưỡng Tam Bảo, hộ trì Tam Bảo, muốn cứu khổ cứu nạn, cũng nghĩa là, phàm là người tín ngưỡng Tam Bảo, có khốn khổ hoạn nạn gì, đều nhờ

Thiên long bát bộ đến cứu hộ, đây là tình huống như thế nào?
“Khắp khiến cây khô lại tươi tốt”: Giống như cây khô héo rồi, lại gặp mưa pháp cam lồ, sinh chồi nảy lộc, tươi tốt trở lại.

404. Tỳ địa dạ

Dịch: Giải trừ sốt rét nóng bức.

Kệ:
Nhất niệm giác ngộ sơ phát tâm
Vạn duyên phóng hạ thuỷ hiện chân
Thập địa viên thành Bồ Tát hạnh
Bách thiên tam muội hoả trung kim.

Nghĩa là:
Một niệm giác ngộ sơ phát tâm
Vạn duyên buông bỏ mới hiện chân
Thập địa viên thành Bồ Tát hạnh
Trăm ngàn tam muội vàng trong lửa.

Giảng giải: Tỳ Địa Dạ tức là Bồ đề gia. Câu Chú nầy hay “Giải trừ tất cả bệnh sốt rét”, tiếng Quảng Đông gọi là “Đả bãi tử”, cách một ngày, hai ngày, hoặc ba ngày thì phát tác, là một thứ tráng nhiệt. Vì một người trước khi chưa phát bồ đề tâm, đều có nhiệt não, nóng bức, sau khi phát bồ đề tâm thì đắc được sự mát mẻ, giải trừ sự nóng bức.

“Một niệm giác ngộ sơ phát tâm”: Một niệm đầu tiên nhất phát bồ đề tâm, một niệm giác, chúng sinh tức là Phật. Một niệm mê, có thể thành Phật cũng vẫn là chúng sinh. Một khi vô minh sinh ra, thì bỏ giác hợp trần, một khi trí huệ sinh ra, thì bỏ trần hợp giác. Một niệm giác ngộ ban đầu của bạn, phát tâm muốn xuất gia tu hành, ngàn vạn nhớ rõ một niệm đó.
Cổ nhân có nói rằng: “Học đạo chẳng phụ sơ tâm, thành Phật có dư”. Nếu tu hành không quên một tâm niệm lúc ban đầu: Tại sao bạn muốn xuất gia? Tại sao bạn muốn tu đạo? Tại sao bạn muốn học Phật pháp? Một niệm lúc ban đầu là quan trọng nhất. Nếu bạn không quên một niệm lúc ban đầu, thời thời khắc khắc đều nhớ rõ, thì sẽ sớm được thành Phật.

“Vạn duyên buông bỏ mới hiện chân”: Tại sao cái thật của bạn không hiển hiện ra? Là vì vạn duyên chưa buông xuống. Nếu buông xuống được vạn duyên, chẳng còn một thứ tâm phan duyên nào, hết thảy tâm mong cầu, tâm tranh, tâm tham, tâm ích kỷ lợi mình, đều không còn nữa. Vạn duyên buông xuống,

một niệm không sinh toàn thể hiện, lúc đó, Phật tánh vốn có, bổn địa phong quang, đều hiện tiền.

"Thập địa viên thành Bồ Tát hạnh": Hành Bồ Tát đạo, viên thành công đức Thập địa, từ lúc ban đầu phát tâm tu hành. Bồ Tát lúc nào cũng đều lợi ích người, chẳng phải lợi ích chính mình. Trợ giúp người khác còn phải đừng chấp tướng, đừng chấp trước, không có thứ tâm cống cao ngã mạn nào hết, cho rằng mình trợ giúp người thì có công đức. Bồ Tát chẳng có tâm như thế, Bồ Tát làm mà chẳng biết mình làm, bất cứ làm việc gì, qua rồi thì không còn nữa, đây gọi là Bồ Tát hạnh, tơ hào cũng chẳng chấp trước, tơ hào chẳng có tư tưởng thí công báo đức, chấp trước mình có công, hy vọng người khác báo đáp đức hạnh cho mình, báo đáp lòng tốt của mình, Bồ Tát chẳng có thứ tư tưởng đó.

"Trăm ngàn tam muội vàng trong lửa": Tu thành trăm ngàn thứ tam muội, chánh định chánh thọ, thì giống như luyện vàng trong lửa. Nếu bạn là vàng thật, thì chắc chắn sẽ luyện thành, nếu bạn chẳng phải là vàng thật, thì sẽ thiêu chảy mất.

Niệm Phật, trì Chú, lạy Phật, tụng Kinh, phải kiền thành, khẩn thiết. Niệm Phật thì phải có tâm khẩn thiết, không niệm Phật cũng phải có tâm khẩn thiết. Chẳng phải nói khi niệm Phật thì có tâm thành, không niệm Phật thì tâm tán loạn. Bất cứ niệm Phật, trì Chú, lạy Phật, tụng Kinh, đều phải cung kính, chẳng có tơ hào hành vi phóng dật, như vậy mới có sự cảm ứng.
Lúc nào cũng phải siêng tu giới định huệ, diệt trừ tham sân si. Thân miệng ý ba nghiệp lúc nào cũng phải thanh tịnh thì mới tương ưng. Niệm Phật, trì Chú, lạy Phật, tụng Kinh, đều sẽ có đại cảm ứng. Nếu chỉ tuỳ tiện phô trương cẩu thả, thì chẳng bao giờ có sự cảm ứng, vì tâm của bạn không thành. Người tâm thành thì không tìm tiện nghi, tìm lợi ích, ở trong Phật giáo. Trong Phật giáo chỉ muốn thiệt thòi, muốn lợi ích người khác, chẳng phải muốn người khác đến lợi ích cho chính mình, mà là hộ trì người khác, đừng kêu người khác hộ trì chính mình, đây là hành vi của bậc đại trượng phu, không có thứ tâm ỷ lại.

405. Giá lê tệ phấn

Kệ:
Đại nguyện đại hạnh đại dược vương
Khai quyền hiển thật lộ chân thường
Tứ hoằng lục độ năng trị bệnh
Dược đáo tật trừ thọ nhi khang.

Nghĩa là:
Đại nguyện đại hạnh đại dược vương
Khai quyền hiển thật lộ chân thường
Bốn nguyện sáu độ hay trị bệnh
Thuốc đến bệnh khỏi thọ an khang.

Giảng giải: Bốn hoằng thệ nguyện, sáu độ vạn hạnh của Bồ Tát, đều là thuốc, đối trị tám vạn bốn ngàn thứ tật bệnh của chúng sinh. Mỗi một chúng sinh có tật bệnh gì, thì Bồ Tát dung sáu độ vạn hạnh, đại nguyện đại hạnh đại từ bi để độ họ.
"Đại nguyện đại hạnh đại dược vương": Nguyện lực của Bồ Tát vô lượng vô biên, vô cùng vô tận, giống như Bồ Tát Địa Tạng phát nguyện: "Địa ngục chẳng không thề không thành Phật, chúng sinh độ hết mới chứng bồ đề". Địa ngục khi nào mới trống không? Không khi nào trống không. Chúng sinh khi nào mới độ hết? Không khi nào hết. Vậy sao Ngài lại phát thứ nguyện không khi nào xong nầy? Vì Bồ Tát Địa Tạng với chúng sinh đồng cam cộng khổ, ở đây với chúng ta chúng sinh không thành Phật. Ngài lấy thân chúng sinh làm thân, lấy tâm chúng sinh làm tâm. Ngài nguyện ở trong chúng sinh, cho chúng sinh một con đường sáng, khiến cho họ bỏ mê về giác, bỏ tà về chánh, trở về nguồn cội, là con đường về nhà, cho nên mới phát nguyện nầy.

Đại hạnh như Bồ Tát Phổ Hiền phát mười đại nguyện vương, cũng là vô cùng vô tận vô biên:
Một là lễ kính các đức Phật.
Hai là khen ngợi Như Lai.
Ba là rộng tu cúng dường.
Bốn là sám hối nghiệp chướng.
Năm là tuỳ hỉ công đức.

Sáu là thỉnh chuyển bánh xe pháp.
Bảy là thỉnh Phật ở lại đời.
Tám là thường theo Phật học.
Chín là luôn thuận chúng sinh.
Mười là hối hướng khắp hết.

Mỗi một nguyện, đều là dù hư không có tận cùng, nguyện của con vô tận, cõi hư không tận cùng, cõi chúng sinh tận cùng, nghiệp chúng sinh tận cùng, phiền não chúng sinh tận cùng, nguyện của con không cùng tận.
Nếu như hư không có tận cùng, nguyện của con không cùng tận. Pháp giới không có cùng tận, chúng sinh không có cùng tận, phiền não cũng vô tận, cho nên nguyện lực nầy của Bồ Tát Phổ Hiền, thuỷ chung cũng không cùng tận. Bồ

Tát Quán Âm tầm thanh cứu khổ, làm chỗ nương tựa cho chúng sinh, có ai xưng niệm danh hiệu của Ngài, thì Ngài sẽ tầm thanh cứu khổ, giải trừ tất cả tai nạn.

« Khai quyền hiển thật lộ chân thường » : Khai quyền hiển thật, Phật Bồ Tát nói pháp đều vì khai quyền hiển thật, khai mở quyền pháp tạm thời, khiến cho pháp chân thật không hư hiện ra. Khai quyền hiển thật lộ chân thường, có hằng thường tại, kêu người minh bạch tất cả vô thường, rõ ràng ở trong sự vô thường lại có chân thường, có một tự tánh bản thể không đổi mà tuỳ duyên, tuỳ duyên mà không đổi, tự tánh đó vẫn chân thật không hư.

« Bốn nguyện sáu độ hay trị bệnh » : Bốn hoằng thệ nguyện : Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ. Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn. Pháp môn vô lượng thệ nguyện học. Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành. Những nguyện nầy Bồ Tát cần phải phát.
Mỗi ngày chúng ta phải hồi quang phản chiếu, cầu ngược lại nơi chính mình, đừng cứ khẩu đầu thiền. Hãy nghĩ xem, Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ, mình có độ chưa ? hay là ngược lại bị chúng sinh độ ? Tâm tham của mình vẫn còn lớn ? Tâm sân vẫn còn nhiều ? Tâm si vẫn còn rộng ? Hãy thử nghĩ xem : Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ, chẳng phải chỉ dùng miệng nói suông đâu, thật phải cung hành thực tiễn.

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn, chúng ta mỗi người đều có tám vạn bốn ngàn phiền não, vô cùng vô tận, hãy tự hỏi mình đã đoạn trừ chưa ? Có phải mỗi ngày phiền não càng thêm nhiều ? Càng lợi hại hơn ? Phải tự hỏi mình : Pháp môn vô lượng thệ nguyện học, Phật pháp sâu như biển cả, vô cùng vô tận, chúng ta thệ nguyện học, phải chăng mỗi ngày chúng ta đều học Phật pháp ? Học rồi thì phải cung hành thực tiễn ? Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành, đương nhiên chúng ta chưa thành, vậy có phải chúng ta phát nguyện muốn thành Phật chăng ? Bồ Tát nương bốn hoằng thệ nguyện nầy đến Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chúng ta ngày ngày cũng niệm bốn hoằng thệ nguyện nầy, chỉ là niệm ở miệng khẩu đầu thiền mà thôi.

Trong sáu độ thì bố thí độ san tham, chúng ta tự hành bố thí, hay là muốn người khác bố thí cho mình ? Người xuất gia cũng bao quát trong đó, có phải những việc chúng ta làm, là cứ bịt tai ăn cắp chuông ? Dạy người khác bố thí, còn mình thì san tham rất là lợi hại hơn bất cứ ai, dạy người khác làm việc thiện, còn mình thì chẳng làm được chút nào, như vậy là chẳng nương theo sáu độ mà tu hành.

Trì giới độ huỷ phạm, chúng ta có trì giới chăng ? Ví như giới nói dối, chúng ta có giữ chăng ? Phải chăng suốt ngày đến tối cứ nói dối ? lừa gạt người khác ?

Kỳ thật là lừa chính mình. Mình tự hỏi mình xem : Lời mình nói ra có thật không ? Nếu là thật thì tốt, bằng không thì bịt tai ăn cắp chuông, mình lừa gạt mình, tăng thêm tội ác cho chính mình.
Nhẫn nhục độ sân hận : Phải chăng dạy người tu nhẫn nhục, còn mình thì thường ôm lòng sân hận ?

Tinh tấn độ giải đãi, chúng ta tinh tấn hay là giải đãi ? Phải chăng khi ăn cơm thì đi trước, làm việc thì đi sau ? Lạy Phật tụng kinh thì lười biếng, không có một chút tinh tấn nào hết ?
Thiền định độ tán loạn, phải chăng chúng ta ngày ngày tập trung tinh tấn để tu thiền định công phu ? Hay là suốt ngày cứ khởi vọng tưởng tán loạn ? Tưởng đông tưởng tây, chẳng khi nào tập trung tinh thần ?

Bát Nhã độ ngu si, hằng ngày chúng ta dùng ngu si để làm việc, hay là dùng trí huệ để làm việc ? Dùng trí huệ làm việc là để lợi ích chính mình, hay là lợi ích cho nhân loại ? Dùng thân phận người xuất gia để đi các nơi phan duyên, hoá duyên ? Tham mà không biết chán, gì cũng muốn tham, gì cũng đều không sợ nhiều, thứ tham không biết chán sai lầm nầy, phải chăng mình đã phạm ?
« Thuốc đến bệnh khỏi thọ an khang » : Dùng bốn hoằng thệ nguyện sáu độ thuốc hay nầy để chữa trị bệnh tật của chúng ta, thuốc đến thì bệnh khỏi, bệnh gì cũng đều khỏi, tuổi thọ tăng trưởng, thân thể cũng mạnh khoẻ.

406. Giả đô ra

Dịch: Hàng phục ngoại đạo.

Kệ:
Thiên ma ngoại đạo tánh xương cuồng
Thô dã cuồng bạo cánh hoang đường
Tụng thử Thần Chú giai quy mạng
Thuỳ thủ củng phục lễ Pháp Vương.

Nghĩa là:
Thiên ma ngoại đạo tánh ngông cuồng
Thô lỗ cường bạo càng hoang đường
Tụng Thần Chú nầy đều quy mạng
Cuối đầu chắp tay lễ Pháp Vương.

Giảng giải : Câu Chú nầy « Hàng phục thiên ma ngoại đạo ».
« Thiên ma ngoại đạo tánh ngông cuồng » : Thiên ma ngoại đạo bản lãnh rất

lớn, thần thông cũng lớn. Chúng tuỳ tiện dùng thần thông, phiền não chướng ngại người khác tu đạo. Giống như trong đạo tràng, nghe được chẳng phải người nói chuyện, đây là thiên ma ngoại đạo đến nhiễu loạn tâm tánh của họ, nói thuận, nói nghịch, nói ngang, nói dọc, giống như rất có đạo lý, nhưng nghiên cứu kỹ lại, thì trong đó đều là nhân ngã thị phi, đố kị chướng ngại, nhiễu loạn thân tâm người tu hành, khiến cho họ chẳng tự tại, thường chạy theo vọng tưởng, chuyển theo âm thanh, đây đều là giả.

« Nếu dùng sắc thấy ta
Dùng âm thanh cầu ta
Người đó hành đạo tà
Chẳng thấy được Như Lai ».

Thiên ma ngoại đạo dụ bạn tham chút phương tiện, chẳng có định lực, thì sẽ bị ngoại lực dẫn dụ, mà chẳng biết đại đạo của Thánh nhân, chúng biết rõ bạn chẳng biết « Bổn lai không một vật, chỗ nào dính bụi trần ». Cho nên chúng dùng đủ thứ phương pháp gạt người để gạt bạn, đối với bạn nói dài nói ngắn, nhưng đều là quay vòng trong thị phi nhân ngã.

« Thô lỗ cường bạo càng hoang đường » : Thiên ma ngoại đạo tánh thô lỗ kiêu mạn, chuyên nói thị, nói phi với bạn, nói hai lời, bên này nói không vào, thì chúng nói bên kia, giống như rắn hai đầu, biến ra đủ thứ tướng để lường gạt, dụ hoặc bạn, khiến cho bạn không thể được tam muội, làm cho bạn chẳng có định lực. Hành giả phải thấy quái mà chẳng quái, thì quái đó sẽ tự thất bại, gặp thứ cảnh giới nầy mà không bị nó lay chuyển. Bất cứ bạn nói gì, tôi vẫn giữ vững tông chỉ tiến về trước, thì thiên ma ngoại đạo sẽ chẳng có biện pháp gì. « Tụng Thần Chú nầy đều quy mạng » : Một niệm « Giả Đô Ra », thì chúng đều quy mạng đầu hàng.

« Cuối đầu chắp tay lễ Pháp Vương » : Cuối đầu tức là cuối đầu xuống không dám nhìn, chắp tay lại đảnh lễ Phật. Những thiên ma ngoại đạo thô lỗ cường bạo nầy đều tuần phục, cung kính đảnh lễ đức Thế Tôn Pháp Vương.

407. Phược kỳ nể tệ phấn

Dịch : Thắng ma cũng đến quy ngưỡng.

Kệ :
Ma trung đại ma thế hung cuồng
Thiên biến vạn hoá lộ quang mang

Văn tụng linh văn giai quy mạng
Y giáo tu hành hộ Pháp Vương.

Nghĩa là:
Đại ma trong ma thế hung bạo
Thiên biến vạn hoá lộ tia sáng
Nghe tụng linh văn đều quy mạng
Y giáo tu hành hộ Pháp Vương.

Giảng giải : Câu Chú nầy nghĩa là Giải trừ tất cả ác độc, đắc được sự mát mẻ tự tại.
« Đại ma trong ma thế hung bạo » : Chúng là ma trong ma, là thắng ma, là thù thắng ma, lãnh tụ trong ma vương, thế lực rất là lớn, vừa hung bạo, vừa kiêu ngạo, lại cuồng vọng.
« Thiên biến vạn hoá lộ tia sáng » : Chúng cũng có thần thông, hay thiên biến vạn hoá, ngoài lộ tia sáng, đều là biểu thị mình là đệ nhất.

« Nghe tụng linh văn đều quy mạng » : Chú Lăng Nghiêm là Chú dài nhất trong các Chú, là một thứ linh văn, một thứ chân ngôn. Chân ngôn tức là không vọng, hoàn toàn chân thật. Chú là chú nguyện, bạn muốn cầu gì thì có cái đó. Ma vương nghe tụng thứ linh văn diệu không thể nghĩ bàn nầy, đều quy mạng kiền thành.
« Y giáo tu hành hộ Pháp Vương » : Y giáo tu hành hộ trì Pháp Vương thành, ủng hộ Vạn Phật Thánh Thành.

408. Bạt xà ra

Dịch : Giải trừ các ác độc.

Kệ : Bát vạn tứ thiên Kim Cang Tạng
Tam bách lục thập tả đạo vương
Tất giai ủng hộ chân như tánh
Vĩnh trừ tai ách hàng cát tường.

Nghĩa là:
Tám vạn bốn ngàn Kim Cang Tạng
Ba trăm sáu mươi vua tả đạo
Thảy đều ủng hộ tánh chân như
Vĩnh trừ tai ách giáng cát tường.

Giảng giải : « Tám vạn bốn ngàn Kim Cang Tạng » : Kim Cang Vương có tám vạn bốn ngàn Bồ Tát Kim Cang Tạng. Bạt Xà Ra là tên của tám vạn bốn ngàn

Bồ Tát Kim Cang Tạng.
« Ba trăm sáu mươi vua tả đạo » : Có ba trăm sáu mươi bàng môn tả đạo, chúng cũng xưng vương, xưng bá ở trong tả đạo, không thể một đời.
« Vĩnh trừ tai ách giáng cát tường » : Vĩnh viễn tiêu trừ tất cả tai ách nguy hiểm không cát tường, mà đắc được cát tường như ý. Tụng trì Chú Lăng Nghiêm cần phải chuyên tâm, do đó tâm thành thì linh, nếu có tâm chân thành, thì sở cầu sẽ như ý, sở nguyện toại tâm, tất cả tuỳ tâm mãn nguyện.

Tai nạn thì ngày càng nhiều, khoa học thì ngày càng tiến bộ. Tai nạn từ đâu đến ? Là từ khoa học tiến bộ mà ra, một số người chỉ thấy được ngoài da, ngoài lông, biết chỗ lợi ích của khoa học, mà không biết chỗ hại phía sau có bao nhiêu. Trước kia khoa học chưa tiến bộ, thì thế giới cũng không có nhiều tai nạn. Khoa học đều do tâm tham của con người tạo thành, tham cầu khoa học tiến bộ, tham cầu phát triển vũ khí. Đi theo sự tiến bộ khoa học là phát triển vũ khí, vũ khí phát đạt thì sẽ đoạt lấy sinh mạng con người và chúng sinh.

Các vị hãy nghĩ xem, trước kia phát minh đạn nguyên tử, người hật Bản do tâm tánh cay độc mà thọ quả báo đạn nguyên tử, người Nhật Bản thì háo sát, bởi sự háo sát của họ mà khiến cho đất nước của họ chiêu cảm khủng bố, cho nên tự chiêu báo ứng huỷ diệt nhân loại. Kế tiếp lại phát minh đạn khinh khí, còn lợi hại hơn đạn nguyên tử, hiện tại trong sự phát minh đạn nguyên tử càng lợi hại hơn so với đạn khinh khí. Những thứ nầy đều là vũ khí giết người, khiến cho nhân loại diệt vong, vì thứ vũ khí nầy càng phát minh, thì nhân loại càng nguy hiểm, khi khoa học phát minh đến cực điểm, thì thế giới nầy sẽ huỷ diệt, chưa đến cực điểm thì thế giới vẫn chưa bị huỷ diệt. Cầu mong vũ khí tối tân là hành vi huỷ diệt nhân loại, con người biết rõ điều nầy, nhưng vẫn cứ cạnh tranh với nhau, phát minh vật giết người, cho nên tai nạn của con người cũng ngày càng tăng thêm nhiều, nguồn gốc liên quan đến những vấn đề nầy đều là do sự sát sinh. Vì sát sinh, nên ở trong vũ trụ có một luồng oán khí kết tụ không tan, lâu dần hình thành đủ thứ vũ khí giết người. Vẫn biết người chúng ta tại thế giới nầy, cảm thấy thế giới nầy là rất tốt, kỳ thật thế giới nầy mỗi ngày giống như toà núi bằng trứng gà, khi nào huỷ hoại thì hết thảy trứng gà theo đó cũng không còn. Các vị làm thế nào để vãn hồi kiếp vận nầy? Tức là không tranh, không tham, không mong cầu, không ích kỷ, không lợi mình, không nói dối. Mỗi người đều như thế, thì mỗi người đều bình an. Toàn thế giới đều như thế, thì toàn thế giới đều bình an vô sự.

409. Cu ma rị

Kệ :
Hoa Kế đồng thần trừ tai chướng
Hộ pháp Thánh Tăng độ khổ ách
Diễn thuyết nan tư vi diệu cú
Phổ sử chúng sinh xuất hoả khanh.

Nghĩa là:
Hoa Kế đồng tử trừ tai chướng
Hộ pháp Thánh Tăng độ khổ ách
Diễn nói Chú vi diệu tư nghì
Khắp khiến chúng sinh thoát hầm lửa.

Giảng giải : Sức lực của Chú Lăng Nghiêm là không thể nghĩ bàn, do đó « Pháp ta diệu khó nghĩ bàn », thứ diệu pháp nầy vốn không cách chi nói ra, tức là nói cũng nói không hết, bây giờ chỉ dùng kệ ngắn gọn nói ra một chút mà thôi.
« Hoa Kế đồng tử trừ tai chướng » : Hoa Kế đồng tử là thần Tăng, nói là trừ tai chướng, kỳ thật sức lực nầy nói không hết, không chỉ trừ tai chướng, mà là gì cũng đều có thể tuỳ tâm mãn nguyện.
« Hộ pháp Thánh Tăng độ khổ ách » : Thánh nhân chứng Thánh quả, đến thế gian độ tất cả chúng sinh khổ ách.
« Diễn nói Chú vi diệu tư nghì » : Ngài dùng Phật vô kiến đảnh nói Chú Lăng Nghiêm thần diệu chương cú. Thế nào là Thần Chú ? Vì Chú có một thứ sức lực không thể nghĩ bàn, diễn nói chương cú vi diệu khó nghĩ bàn.

« Khắp khiến chúng sinh thoát hầm lửa » : Chúng sinh ở thế gian đều giống như ở trong hầm lửa, bị năm dục tài sắc danh ăn và ngủ trói buộc mê hoặc, làm cho điên đảo mà không thể thoát được, giống như ở trong nhà lửa. Đây là con đường giải thoát, nếu muốn thoát khỏi thì phải hành trì Chú Lăng Nghiêm, thì tự nhiên sẽ đắc được sức lực tam muội để gia trì cho bạn.

410. Tỳ đà dạ

Kệ :
Đảnh lễ đại hùng Phật đà gia
Chí thành xưng tán Diệu Giác tôn
Tam đồ bát nạn câu ly khổ
Đồng hoạch thanh tịnh Pháp Vương thân.

Nghĩa là:
Đảnh lễ Phật đà gia đại hùng

Chí thành khen ngợi đấng Diệu Giác
Ba đường tám nạn đều lìa khổ
Đồng chứng thân Pháp Vương thanh tịnh.

Giảng giải : Tỳ Đà Dạ tức là « Phật đà gia », tức cũng là đại giác Thế Tôn, bài kệ dưới đây hình dung câu Chú không thể nghĩ bàn nầy.
« Đảnh lễ Phật đà gia đại hùng » : Phật là đại hùng, xả bỏ được đất nước xuất gia tu đạo, buông bỏ được tài sắc danh ăn và ngủ, nên được chúng ta đảnh lễ.
« Chí thành khen ngợi đấng Diệu Giác » : Chúng ta phải một lòng khen ngợi Phật Pháp Tăng. Phật có cần người khác khen ngợi Ngài chăng ? Có phải giống như con người thích người khác nói vài câu khen ngợi mình chăng ? Không phải ! Phật thì không tăng, không giảm, không dơ, không sạch, không lớn, không nhỏ, không đến, không đi. Ngài không cần người khác khen ngợi, cũng không hoan hỉ người khác khen ngợi. Nhưng chúng ta chúng sinh vì báo ân Phật, vì báo ân đức Phật từ bi hỉ xả đối với chúng ta, dùng lương tâm chân chánh của chúng ta, chí thành khẩn thiết để khen ngợi công đức của Phật.

« Ba đường tám nạn đều lìa khổ » : Tin Phật có ích lợi gì ? Khiến cho ba độc giảm nhẹ bớt. Chúng sinh là khổ nhất, chúng ta khen ngợi Phật, chúng sinh trong ba đường tám nạn nghe tiếng được độ, bỏ mê về giác, lìa khổ được vui. Ba đường là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, thêm vào nạn Bắc Câu Lư Châu, nạn trời Vô Tưởng, nạn trước Phật sau Phật, nạn mù điết câm ngọng, nạn thế trí biện thông, cộng lại là tám nạn, đều xa lìa.

« Đồng chứng thân Pháp Vương thanh tịnh » : Tông chỉ học Phật là khiến cho tất cả chúng sinh đều cùng thành Phật đạo, trở về nguồn cội, trở về quê hương vốn có, nhận thức được bổn địa phong quang, không còn tìm cầu bên ngoài. Người học Phật lúc nào cũng đều đừng có tâm tham, tâm cầu danh, cầu lợi, có những tư tưởng nầy là bỏ gốc tìm ngọn, chẳng nghĩ tu hành chân chánh. Thật tu hành phải buông xuống pháp thế gian, phải liễu sinh thoát tử, lìa khổ được vui, bỏ mê về giác, trở lại con thuyền từ bi, độ tất cả chúng sinh, lúc nào cũng có tư tưởng độ mình, độ người, kiểm thảo lại việc làm và mục tiêu của chính mình, đây mới là không để thời gian trôi qua lãng phí.

411. Ra thệ tệ phấn

Dịch : Pháp vô sinh.

Kệ :
Vô sinh pháp bảo độ trầm luân
Phật đà Tăng già đại oai thần

Tham sân si độc tận trừ diệt
Thanh lương tự tại hựu thung dong.

Nghĩa là:
Pháp bảo vô sinh độ trầm luân
Phật đà Tăng già đại oai thần
Trừ diệt sạch độc tham sân si
Mát mẻ tự tại lại thong dong.

Giảng giải: Câu Chú nầy nghĩa là “Pháp vô sinh”. “Pháp bảo vô sinh độ trầm luân”: Không sinh, cũng không diệt.
“Phật đà Tăng già đại oai thần”: Phật đà tức là Phật bảo, Tăng già tức là Tăng bảo, câu trước là Pháp bảo. Tam bảo có đại oai thần lực, hay tiêu trừ tham sân si ba độc của chúng sinh, cho nên nói: “Trừ diệt sạch độc tham sân si”, ba độc trừ sạch, thì sẽ được mát mẻ tự tại thong dong. Tụng trì Chú Lăng Nghiêm thì sẽ được bình an mát mẻ, khoái lạc tự tại, cho nên nói: “Mát mẻ tự tại lại thong dong”.

412. Ma ha ba ra đinh dương

Dịch : Hàng phục các ách nạn.

Kệ :
Đại thừa tám vạn tứ thiên môn
Pháp pháp bình đẳng vô thiển thâm
Đối cơ tức thị Quán Tự Tại
Luận nghị nãi thuộc Thích Ca văn.

Nghĩa là:
Đại thừa tám vạn bốn ngàn môn
Pháp pháp bình đẳng không cao thấp
Đối cơ tức là Quán tự tại
Luận nghị thuộc về lời Thích Ca.

Giảng giải : Ma Ha tức là « Đại thừa », Ba Ra tức là « Ba la mật », Đinh Dương nghĩa là « Luận nghị ».
« Đại thừa tám vạn bốn ngàn môn » : Nhiều môn như vậy, môn nào là số một ? Môn nào cũng là số một, là pháp bình đẳng không có cao thấp, là đối với căn cơ chúng sinh mà nói pháp, vì chúng sinh có tám vạn bốn ngàn thứ bệnh, mỗi chúng sinh có một thứ bệnh, cho nên pháp môn cũng có tám vạn bốn ngàn.

« Pháp pháp bình đẳng không cao thấp, đối cơ tức là Quán tự tại » : Không có số một, số hai, đều là số một, số hai. Nếu trong đó phân cao phân thấp, phân thượng phân hạ, tức là sai lầm. Pháp môn nào hợp với căn cơ của bạn, thì bạn dùng pháp môn đó, như vậy thì đồng với Bồ Tát Quán Thế Âm, tức là Bồ Tát Quán Tự Tại. Đương nhiên cũng có một vị Bồ Tát Quán Tự Tại, nhưng chính bạn có tự tại chăng ? Nếu tự tại thì tức cũng là Quán Tự Tại. Thường thường quán tưởng : Có tự tại chăng ? Một pháp hợp căn cơ với bạn, thì pháp đó giống như Bồ Tát Quán Tự Tại tương ưng với bạn.

« Luận nghị thuộc về lời Thích Ca » : Đinh Dương nghĩa là phân biệt luận nghị. Bạn luận nghị được rõ ràng, tức là lời dạy của Phật Thích Ca Mâu Ni, tức cũng giống như đức Phật đến thuyết pháp cho bạn nghe, xem bạn có minh bạch lãnh thọ được chăng ? Nếu được, thì lời thô và lời tế đều trở về đệ nhất nghĩa. Nếu hiểu lầm lời của Phật dạy, thì diệu pháp cũng biến thành thô pháp. Nếu lãnh hội được, thì thô pháp cũng biến thành diệu pháp.

413. Xoa tỳ rị tệ phấn

Dịch : Hàng phục, cũng là pháp ưa thích.

Kệ :
Hàng phục sơn yêu thuỷ quái tinh
Nhất thiết ngoại đạo diệc đầu thành
Ác độc tà ma hàm quy chánh
Ái lạc pháp bảo quỷ thần khâm.

Nghĩa là:
Hàng phục yêu sơn tinh thuỷ quái
Tất cả ngoại đạo cũng đầu hàng
Ác độc tà ma đều quy chánh
Ưa thích pháp bảo quỷ thần khâm.

Giảng giải : Câu Chú nầy hay hàng phục tất cả yêu ma ngoại đạo. Chú Lăng Nghiêm diệu dụng vô cùng, từ trước đến nay chưa có người nào giảng, dù có người giảng cũng chiếu theo « Chú Lăng Nghiêm Quán Đảnh Sơ » y văn giải nghĩa, chứ chẳng có ai dùng bài kệ để hình dung nó. Thời đại mạt pháp, thiên ma ngoại đạo xuất hiện ra đời, hoành hành không kiêng nể. Mọi người minh bạch được Chú Lăng Nghiêm, y theo mà tu hành, thì sẽ khiến cho thiên ma ngoại đạo bị hàng phục một chút, do đó tôi mới làm ra bài kệ để giải thích. Nếu dùng văn chương sơ giải, thì rất là dài dòng, dùng bốn câu kệ đơn giản ngắn gọn mà biểu hiện rõ ý nghĩa của Chú.

Các vị đừng cho rằng đây là việc rất bình thường, hiện tại chúng ta đang giảng Chú Lăng Nghiêm nầy, có thể nói là kinh thiên động địa, khiến cho ma vương sợ hãi dựng lông. Dù khiến cho ma vương quyến thuộc không vui, tôi cũng phải giảng, hy vọng có người lãnh hội được nghĩa lý, càng nghiên cứu chỗ thâm sâu hơn, thì sẽ đắc được Lăng Nghiêm tam muội, đây là hy vọng sự giảng Chú Lăng Nghiêm của tôi.

« Hàng phục yêu sơn tinh thuỷ quái » : Đây là một thứ pháp hàng phục, hay hàng phục tất cả ác đạo. Nói đến yêu núi, ở trên núi Đại Phàm đều có yêu quái, trong nước cũng có thuỷ quái. Người chưa khai mở con mắt trí huệ, thì không thấy được cảnh giới nầy, người nào khai mở rồi thì sẽ biết. Kỳ thật, trong lỗ chân lông của mỗi người, đều có yêu sơn thuỷ quái đang ở trong đó.

Trong Kinh Hoa Nghiêm chẳng phải tôi đã từng nói qua, thân người đều có vi trùng chăng ? Con mắt thịt của phàm phu, nhìn chẳng thấy đủ thứ cảnh giới ở trên núi. Nếu khai mở con mắt trí huệ, mắt pháp, mắt thịt, mắt trời, mắt Phật. Người có năm con mắt, thì sẽ biết cảnh giới giữa phàm phu chúng ta và lý thể chân thật bên ngoài chẳng như nhau. Nếu phân tích tỉ mỉ thì Thần tiên có cảnh giới của Thần tiên, yêu ma quỷ quái có cảnh giới của yêu ma quỷ quái, chứng quả La Hán có cảnh giới của chứng quả La Hán, cho đến Bích Chi Phật, Bồ Tát, Phật, đều có cảnh giới của các Ngài. Cho nên nói « Sơ địa chẳng biết Nhị địa, Thập địa chẳng biết Đẳng Giác », Bồ Tát sơ địa chẳng biết Bồ Tát nhị địa như thế nào, Bồ Tát thập địa chẳng biết Đẳng Giác như thế nào. Một bậc cao hơn một bậc, bạn đừng có nghĩ « Tôi muốn cao hơn người khác ». Cảnh giới chưa chứng đắc, thì mình không thể biết cảnh giới của người khác.
Ví như hư không, chúng ta nhìn là hư không, nhưng Phật nhìn thì đầy khắp hư không đều là Phật Pháp Tăng Tam Bảo, đều là nơi hoằng dương Phật pháp. Cảnh giới của chư Phật, tại Thường Tịch Quang tịnh độ cũng đang chuyển bánh xe pháp, giáo hoá chúng sinh. Bất quá, hết thảy chúng sinh đều giáo hoá không dễ dàng. Núi có yêu núi, có con một chân một đầu, có con một chân một trăm đầu, có con một chân một ngàn đầu, một vạn đầu, thật là cổ quái ! Có con một đầu một trăm chân, một đầu một ngàn chân, hoặc một ngàn tay, một vạn tay, một vạn chân. Tay của chúng bảy trên tám dưới đều có, mỗi bàn tay đều cứng lợi hại như đao, mỗi chân đều cứng chắc, súng đạn cũng không làm gì được. Một cái chân sinh ra rất nhiều thân, chỉ có một cái đầu, cổ linh tinh quái, khiến cho con người không thể tưởng tượng được. Trong núi quái vật có mười cái thân dài cùng nhau. Bây giờ nhiều trẻ con mới sinh ra hai người dính nhau, đây đều là quả báo sơn yêu quỷ quái, đồng tính luyến ái, đây là nhân quả.

414. Bạt xà ra thương yết ra dạ

Dịch : Hàng phục tất cả đường ác.

Kệ :
Kim Cang lực sĩ toái ma kiên
Điều phục đại pháp thông thiên địa
Viên mãn cứu kính Ba La Mật
Chư sự cát tường diệt tội khiên.

Nghĩa là:
Kim Cang lực sĩ phá ma quân
Đại pháp điều phục thông thiên địa
Viên mãn rốt ráo Ba La Mật
Mọi việc cát tường diệt tội khiên.

Giảng giải : Bạt Xà Ra là « Kim Cang lực sĩ » của Kim Cang bộ. Phàm là trong Chú Lăng Nghiêm có Bạt Xà Ra, đều là Kim Cang lực sĩ.
« Kim Cang lực sĩ phá ma quân » : Hay phá tan ma vương mặc áo giáp kiên cố. Câu Chú nầy chiếm địa vị rất quan trọng trong Chú Lăng Nghiêm.
« Đại pháp điều phục thông thiên địa » : Thứ đại pháp hàng phục nầy, thông thiên thông địa, khi bạn niệm Chú Lăng Nghiêm, thì thiên địa hộ pháp thiện thần, đều chấp hành mệnh lệnh của bạn.

« Viên mãn rốt ráo Ba La Mật » : Pháp nầy cũng viên mãn, cũng rốt ráo, cũng là Ba La Mật, cũng đến bờ bên kia.
« Mọi việc cát tường diệt tội khiên » : Tất cả mọi việc đều được cát tường, tội nghiệp của bạn cũng tiêu diệt. Đây là ý nghĩa đại khái của câu nầy, nếu nói tỉ mỉ thì hết thuở vị lai cũng nói không hết được.

415. Ba ra trượng kỳ ra xà da phấn

Dịch : Quang minh. An lạc.

Kệ :
Quang minh biến chiếu hoá tam thiên
An lạc tự tại vô hậu tiên
Vương giả cư chi hộ thiện đức
Bồi căn cố bổn tu đạo nguyên.

Nghĩa là:
Quang minh chiếu khắp hoá tam thiên

An lạc tự tại chẳng trước sau
Kim Cang hộ trì người có đức
Tài bồi gốc rễ tu đạo huyền.

Giảng giải: Hôm nay giảng về đạo lý, có người cho rằng tựa như thần thoại, kỳ thật chẳng phải. Trên thế gian có hai luồng khí: Một là chánh khí, một là tà khí. Một là âm khí, một là dương khí. Âm khí là ma, dương khí là Phật. Cũng có thể gọi là « quang », dương quang, âm quang. Ma cũng có quang, nhưng là âm quang. Hãy nhìn xem toàn thế giới khắp nơi đều là yêu ma quỷ quái, thần thông của chúng quảng đại, đều hoá thân đến làm người, cho nên làm những việc hại người. Phật cũng hoá thân đến thế gian làm người, nhưng làm những việc đều lợi ích cho mọi người, chẳng hại người.

Lợi người là Phật, hại người là ma. Chỗ nầy có thể thấy sự khác biệt giữa Phật và ma, không những Phật có thần thông, mà ma cũng có thần thông, thần thông giữa Phật và ma đều có sở trường khác nhau. Ma thì cứ chế tạo vũ khí giết người, chế tạo khí độc tiêu diệt nhân tính, dẫn đến gọi là chiến tranh hoá học.

Hiện tại chúng ta nên phản tỉnh sâu sắc: Trên thế gian tạo vũ khí giết người rất thông minh, nhưng thông minh dùng không chánh đáng. Lại có những người chuyên môn tạo vũ khí đề phòng, bất quá làm không dễ, phòng chẳng thắng phòng, vì nó quá độc quá lợi hại. Phía trước thì những yêu ma quỷ quái thác sinh làm người, đầu óc của chúng rất thông minh, nhưng dùng để hại người, chuyên môn tạo vũ khí giết người. Phía sau thì Phật Bồ Tát hoá thân đến thế gian, chuyên môn nghiên cứu như thế nào để bảo hộ người, lợi ích người, làm thế nào để khiến cho con người bình an vô sự, các Ngài làm những công việc nầy, nhưng sức lực của ma rất lớn. Đừng cho rằng hiện tại đó là những nhà khoa học gia, kỳ thật đều là yêu ma quỷ quái xuất hiện ra đời. Tôi nói lời nầy, rất nhiều người không tin, nhưng thời giờ đã đến rồi, tôi không thể không nói. Trong số các vị, nếu ai minh bạch đạo lý nầy, thì hãy mạnh dạn lên tiếng thật to, đề xướng bảo hộ nhân loại.

Phía trước nhìn thấy là một người, kỳ thật chẳng phải người, mà là yêu ma quỷ quái, chuyên làm việc hại người. Quán sát một người xem tựa rất thông minh, nhưng chẳng có tơ hào tư tưởng đạo đức, nơi nơi đều vì mình, chẳng giúp đỡ người khác, ích kỷ lợi mình, đây cũng là yêu ma quỷ quái. Hôm nay bảo cho bạn phương pháp để biết được yêu quái, các vị phải nhận thức cho rõ ràng, bởi nhân duyên nầy, cho nên tôi ở tại Vạn Phật Thánh Thành đề xướng không ích kỷ, không lợi mình, không tham, không tranh, không mong cầu, không nói dối. Chẳng những tại Vạn Phật Thánh Thành đề xướng những điều nầy, mà đây

cũng là chủ trương của tôi : Không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không lợi mình, là tông chỉ của tôi. Các vị theo tôi học Phật pháp, nhân đây phải nói rõ việc chân thật nầy cho các vị biết, đừng có cẩu thả, dù các vị có đi khắp nơi cũng tìm không được.

« Quang minh chiếu khắp hoá tam thiên": Ba Ra dịch là « Quang minh », ý nghĩa là phóng quang, chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới. Quang minh nầy, ai có duyên thì sẽ chiếu đến người đó.
« An lạc tự tại chẳng trước sau": Chúng sinh được quang minh chiếu đến, thì đều tự tại an lạc. Một khi niệm câu Chú nầy, thì vô câu vô thúc, lập tức niệm thì lập tức được thọ dụng.
« Kim Cang hộ trì người có đức » : Câu Chú nầy là Kim Cang Tạng Vương đến ủng hộ người có đức hạnh. Nếu bạn thiếu đức hạnh, thì cũng không gặp được pháp môn nầy, dù có gặp được, bạn cũng không tin.

« Tài bồi gốc rễ tu đạo huyền » : Người tu đạo phải tài bồi gốc rễ, vun trồng tưới nước, khiến cho rễ sâu gốc cứng, hay tu đạo thì sẽ đắc được dòng chảy của đạo, thì sẽ đắc được lợi ích của Chú.

416. Ma ha ca ra dạ

Dịch : Hàng phục tất cả khổ độc.

Kệ :
Ngưu quỷ xà thần tánh xương cuồng
Khổ độc hung ác tự hổ lang
Đại tác thủ nhãn nan đào tị
Hàng phục quần ma tả Pháp Vương.

Nghĩa là:
Ngưu quỷ xà thần tánh ngông cuồng
Khổ độc hung ác như hổ báo
Dùng đại thủ nhãn khó chạy trốn
Hàng phục quần ma đấng Pháp Vương.

Giảng giải : Câu Chú nầy hay « Hàng phục tất cả khổ độc ». Khổ từ đâu đến ? Từ yêu ma quỷ quái mà đến, cho nên nói : « Ngưu quỷ xà thần tánh ngông cuồng », ngưu quỷ xà thần bao quát tất cả yêu ma quỷ quái, đầu trâu mặt ngựa, hung thần ác sát, những quỷ quái nầy, tánh tình không nói đạo lý, bạn càng nói tốt với chúng, thì chúng càng không nghe, do đó phải dùng đại thủ nhãn để hàng phục chúng.

« Khổ độc hung ác như hổ báo » : Chúng khiến cho con người, vừa đau khổ, vừa ác độc, kỳ thật, hổ báo cũng không độc ác so với chúng, bất quá đưa ra ví dụ nầy để hình dung ra mà thôi.
« Dùng đại thủ nhãn khó chạy trốn » : Đại tác tức đại tác gia, tức là Bồ Tát Kim Cang Tạng có đại oai đức, cũng là đại thiện tri thức có đại oai đức. Dùng đại thủ nhãn thông thiên triệt địa, khiến cho chúng không cách chi chạy trốn được.

« Hàng phục quần ma đấng Pháp Vương » : Ngài hay hàng phục tất cả thiên ma ngoại đạo. Pháp Vương tức là người tu hành thành Phật, ai chân chánh tu hành, thì Ngài sẽ hộ trì người đó.

417. Ma ha mạt đát rị ca noa

Dịch : Đại biện luận thủ.

Kệ :
Thị thị phi phi quả từ nhân
Thiện thiện ác ác giả phục chân
Tranh tranh náo náo hà thời liễu
Ấp ấp nhượng nhượng giải thù hận.

Nghĩa là:
Đúng đúng sai sai quả do nhân
Thiện thiện ác ác giả lại thật
Tranh tranh giành giành khi nào dứt
Nhường nhường nhịn nhịn hết thù hận.

Giảng giải: Câu Chú nầy biện luận thị phi, cho nên dịch ra là “Đại biện luận thủ”. Có người nói chúng ta đúng, lại có người nói chúng ta sai, đây đều là quan hệ đến tiền nhân hậu quả, có quan hệ đến tập khí thuở xưa, quan hệ đến thuở xưa trồng nhân, nhân trồng thuở xưa, đời này kết quả.
“Đúng đúng sai sai quả do nhân”: Đời này thọ quả báo, là do thuở xưa trồng nhân.

“Thiện thiện ác ác giả lại thật”: Bất cứ làm thiện hay làm ác, lúc ban đầu làm thiện không nhất định là thiện, trong đó hoặc có tâm ác. Làm ác cũng không nhất định có tâm ác, làm thiện trong thiện cũng có nhân ác. Do đó nhân địa không thuần, không tịnh hoàn toàn, cho nên quả địa hoặc thọ quả báo thiện, hoặc thọ quả báo ác. Một niệm lúc ban đầu, làm thiện hoặc là giả, một niệm lúc ban đầu làm ác, hoặc chẳng phải thật, nhưng trong sự bất tri bất giác đoạ lạc trong vòng thiện ác, lấy giả thành thật, cho nên nói “giả lại thật”.

“Tranh tranh giành giành khi nào dứt”: Người thế gian đều tranh giành với nhau, bạn tranh với tôi, tôi giành với bạn, thì khi nào mới chấm dứt? Chẳng khi nào. Vậy phải làm gì?
“Nhường nhường nhịn nhịn hết thù hận”: Mọi người phải hổ tương bao dung, hổ tương lùi một bước, bạn kính lễ tôi, tôi kính lễ bạn, hổ tương nhường nhịn, thì thù hận sẽ giải trừ hết.

418. Nam mô ta yết rị đa dạ phấn

Dịch : Đảnh lễ Hộ pháp Kim Cang Mật Tích.

Kệ:
Đảnh lễ hộ pháp Kim Cang Tạng
Mật Tích thiên tướng chúng linh thần
Tín thọ phụng hành tôn hiệu linh
Nhật dạ tuần la bảo Thánh Tăng.

Nghĩa là:
Đảnh lễ hộ pháp Kim Cang Tạng
Mật Tích tướng trời các thần linh
Tin thọ phụng hành tôn hiệu linh
Ngày đêm tuần tra bảo vệ Tăng.

Giảng giải: “Đảnh lễ hộ pháp Kim Cang Tạng”: Nam Mô là “đảnh lễ”, đảnh lễ hộ pháp Kim Cang Tạng Bồ Tát, vì Ngài đều bảo hộ pháp vương thành, đều bảo hộ người tu đạo.
“Mật Tích tướng trời các thần linh”: Mật Tích nghĩa là trong sự yên tĩnh hộ trì bạn, bạn nhìn chẳng thấy, giống như Bồ Tát Vi Đà, chư Thiên hộ pháp, Kim Cang Mật Tích, những vị Thần nầy đều rất linh cảm.

“Tin thọ phụng hành tôn hiệu linh, Ngày đêm tuần tra bảo vệ Tăng”: Ngài ngày đêm đều đi tuần tra các nơi, bảo hộ những vị Thánh Tăng, La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát tu hành. Bổn lai Bồ Tát, Thánh Tăng, A La Hán, tự mình có thể bảo hộ mình, nhưng vì hộ pháp thiện thần đều có nguyện lực, phàm là có người tu hành, thì các Ngài đều ngày đêm tuần tra để bảo hộ.

419. Tỷ sắc noa tỳ duệ phấn

Dịch: Hàng phục các thuật sư ác độc.

Kệ:
Hàng phục chư ác độc thuật sư
Tha Hoá Thiên chúng tận hô thời
Tồi chiết khâm phụng thính câu triệu
Tà ma quỷ sùng tổng quy y.

Nghĩa là:
Hàng phục các thuật sư ác độc
Chúng trời Tha Hoá tri hô lên
Phá tan khâm phụng nghe câu triệu
Tà ma quỷ quái đều quy y.

Giảng giải : « Hàng phục các thuật sư ác độc » : Thuật sư ác độc, giống như người bỏ bùa ngải, dùng trùng độc để hại người. Câu Chú nầy hay hàng phục những thứ độc trùng nầy. Thuật sư ác độc dùng đủ thứ độc, làm cho họ mất đi chánh niệm, mất đi chánh tri chánh kiến, không còn làm chủ được mình. Họ sẽ dùng pháp thuật khiến cho bạn mê hoặc, hồ đồ, điên đảo.
« Chúng trời Tha Hoá tri hô lên » : Chúng trời Tha Hoá, đều hàng phục tất cả yêu ma, khiến cho họ nghe hiệu lịnh, hàng phục được một chút cũng không thừa.

« Phá tan khâm phụng nghe câu triệu » : Chúng trời Tha Hoá dùng đại thần thông, phá tan những thuật sư ác độc đó không còn sót, dùng pháp câu triệu để triệu chúng lại, khiến cho chúng khâm phụng từ bi mệnh lệnh của Phật.
« Tà ma quỷ quái đều quy y » : Yêu ma quỷ quái sẽ quy y Tam Bảo.

420. Bột ra ha mâu ni duệ phấn

Dịch : Hàng phục ác độc chú vương.

Kệ :
Ác độc chú vương thậm cang cường
Quang minh vân cái như ý hàng
Hoá Lạc Tự Tại Thiên Thần chúng
Lôi điện giao gia Cổ Âm Vương.

Nghĩa là:
Ác độc chú vương rất cang cường
Quang minh mây lọng châu như ý
Chúng Thiên thần Hoá Lạc Tự Tại
Sấm chớp thêm Cổ Âm Vương giúp.

Giảng giải : Câu Chú nầy là « Hàng phục tất cả độc chú vương ». Những ác độc chú vương nầy, có thể nói là A Tu La, cũng có thể nói là những thầy bùa chú ngoại đạo, chuyên niệm chú giết người.
« Ác độc chú vương rất cang cường » : Những ác độc chú vương nầy, tánh tình rất cang cường, bất cứ bạn nói gì với họ, họ đều tuyệt đối không nghe, bất cứ như thế nào, họ cũng không nghe sự giáo hoá.
« Quang minh mây lọng châu như ý » : Những ác độc chú vương nầy, có thể niệm những độc chú nầy, khiến cho người chết, hoặc làm cho họ điên cuồng, hoặc mất đi tri giác, nhưng có quang minh mây lọng Bột Ra Ha Mâu Ni, Mâu Ni tức là bảo châu như ý, hay hàng phục tất cả độc chú.
« Chúng Thiên thần Hoá Lạc Tự Tại » : Chúng Thiên thần Hoá Lạc Tự Tại, dùng câu Chú nầy đi hàng phục độc chú của chúng.
« Sấm chớp thêm Cổ Âm Vương giúp » : Khi chúng Thiên thần ủng hộ câu Chú nầy, thì sẽ có thêm sức lực sấm chớp, khiến cho thiên ma ngoại đạo sợ hãi dựng lông, lúc đó Cổ Âm Vương Phật sẽ hiện thân đến trợ giúp chúng Thiên thần Hoá Lạc Tự Tại, hàng phục những độc chú ma vương nầy.

Hỏi : Khi thiền sư Huyền Giác gặp Lục Tổ Huệ Năng, thì Lục Tổ ấn chứng cho Ngài, ấn chứng đó đáo để là chuyện như thế nào ?
Đáp : Ấn chứng tức là phải có người đến đảm bảo cho bạn, giống như khi tốt nghiệp đại học, thì có người phát bằng cấp cho bạn. Bất quá trong Phật giáo không có hình tướng, chỉ một câu nói : « Bạn là người khai ngộ ». Tại sao phải chứng minh cho bạn ? Vì tri kiến của Ngài chánh, minh bạch vạn pháp duy tâm, tâm duy vạn pháp, minh bạch chính mình vốn là Phật, minh bạch đạo lý tâm ấn. Thứ đạo lý nầy chính mình minh bạch rồi chưa đủ, còn phải có người đến ấn chứng cho bạn nói : « Bạn đúng rồi, là như vậy ».

Tại sao phải ấn chứng ? Vì sợ mình đi sai đường, hoặc là dùng cuồng huệ, vốn không đúng mà cho là đúng, mình làm hoàng đế đối với mình, trong Phật giáo như vậy là không được. Giống như một người nào đó đi khắp nơi, tuyên truyền mình là người đã khai ngộ. Phàm là người khai ngộ, không thể đi các nơi tuyên truyền nói : « Tôi đã khai ngộ rồi ». Nói câu nầy đã là người đại cống cao ngã mạn. Có người nào đó ngồi thiền được mấy ngày, mọi người đã chứng minh cho họ, nói là đã chứng sơ quả, nhị quả, tam quả, tứ quả, đây đều là gạt người !
Dù có chứng được sơ quả, nhị quả, tam quả, cũng đừng đi các nơi rao bán chiêu bài quảng cáo, muốn mọi người biết đến họ. Đây chẳng phải là chuyện làm ăn thương mại nói : « Đồ của tôi tốt nhất, bạn hãy đến mua ». Người tu hành dù mình đã khai ngộ, cũng đừng có đi các nơi tuyên truyền. Hà huống là chưa khai ngộ, mà nói là đã khai ngộ, thật là đáng thương xót.

Rốt ráo là khai ngộ gì ? Ví như có người khai ngộ rồi, minh bạch nguyên lai mẹ của anh ta là người nữ. Ai cũng đều nói câu nầy, nhưng nếu bạn học rồi nói thì càng không được. Nếu mình ngộ mà nói ra, mình chân chính minh bạch đạo lý nguồn gốc của sinh tử, chân chánh đoạn trừ tâm ái thì mới được. Cho nên đừng tự cho rằng mình khai ngộ, hy vọng có người đến ấn chứng.

Ngài Huyền Giác đại sư đến chỗ Ngài Lục Tổ, còn không hy vọng Ngài Lục Tổ ấn chứng. Vậy tại sao Ngài Lục Tổ lại ấn chứng cho Ngài ? Ngài Lục Tổ là thiện tri thức mắt sáng, biết người nầy được, cho nên nói « Ngài ok, qua được rồi », trao bằng tốt nghiệp cho Ngài, đây chẳng phải con mắt thịt phàm phu chúng ta thấy được, chỉ có người mắt sáng mới ấn chứng cho người khác. Con mắt mình còn chưa sáng, làm sao có thể ấn chứng cho người khác. Kỳ thật, chẳng phải nói mấy câu trên, mà là chẳng lập ngôn ngữ văn tự.

Hỏi: Tối hôm qua nói yêu ma quỷ quái trên thế gian có thể độ chúng chăng? Và chúng ta làm thế nào để có thể không khởi tâm kiêu ngạo đối với chúng?
Đáp: Trước khi chưa chứng quả, ai cũng không biết ai là yêu ma quỷ quái, ai chẳng phải là yêu ma quỷ quái. Nếu bạn cho rằng bạn nghĩ như thế là cống cao ngã mạn, vậy thì bạn đừng nghĩ như thế lại như thế nào? Cũng đừng cống cao ngã mãn như thế, đó chẳng phải là bịt tai ăn cắp chuông chăng? Có người nói với bạn thế giới tệ như vậy, bạn vẫn bịt tai không nghe, cho rằng: "Tôi nghe rồi, e rằng cho đến chính mình cũng đứng không vững". Còn về siêu độ, chúng sinh có nghiệp của chúng sinh, có những nghiệp có thể siêu độ, có những nghiệp chướng rất nặng siêu độ không được. Nói thật với bạn, tôi mỗi ngày siêu độ yêu ma quỷ quái, nhưng rất nhiều yêu ma quỷ quái đều không nghe lời, không nghe siêu độ. Chúng không nghe lời, vậy tôi có nóng giận chăng? Cũng không. Tôi chỉ là làm hết theo tâm của mình, tôi cũng chẳng cho rằng mình siêu độ yêu ma quỷ quái. Tôi chỉ xem mình là một con kiến nhỏ, cho đến yêu ma quỷ quái đều không biết. Hãy xem đây là tư tưởng gì! Người khác lạy Phật ba lạy, tôi thì lạy bốn lạy.

Lạy thứ nhất: Lạy mười phương ba đời tất cả chư Phật, tận hư không khắp pháp giới.
Lạy thứ hai: Lạy mười phương ba đời tất cả tôn Pháp, tận hư không khắp pháp giới.
Lạy thứ ba: Lạy mười phương ba đời tất cả hiền Thánh Tăng, tận hư không khắp pháp giới.
Lạy thứ tư: Lạy hết thảy tất cả chúng sinh tận hư không khắp pháp giới, bao quát hữu tình vô tình, yêu ma quỷ quái.

Bạn nghĩ xem đây chẳng phải là hành vi rất ngu si chăng? Làm sao chứng minh là yêu ma quỷ quái? Vì chúng cứ làm những việc hại người. Làm thế nào chứng minh họ chẳng phải là yêu ma quỷ quái? Tức là họ không hại người, mà lợi ích người. Phàm là cứ làm việc lợi ích người, tức là chư Phật Bồ Tát, các Ngài đều muốn vãn hồi kiếp vận. Đối với yêu ma quỷ quái, kiếp vận càng lớn thì càng tốt. Hết thảy tai kiếp đều là yêu ma quỷ quái nổi sóng làm gió để hại người.

Hôm qua tôi nói: "Chúng tạo vũ khí giết người", hoặc có người không đồng ý, cho rằng vũ khí giết người là quốc phòng cần thiết. Tuy nói là quốc phòng, nhưng nếu bạn không tạo, tôi cũng không tạo, thì không thể nào sớm huỷ diệt con người. Vì hiện tại yêu khí thạnh, yêu ma quỷ quái thế lực lớn, thế lực của Phật nhỏ. Nhưng nhìn bề mặt bên ngoài chúng rất có thế lực, nhưng cuối cùng thì Phật vẫn thắng lợi. Vì Phật không tranh, phàm có tranh thì có tâm thắng phụ. Tuy Phật thắng lợi, nhưng Ngài cũng không cảm thấy là việc vinh quang. Chân lý vẫn tồn tại, chân lý nhất định sẽ thắng lợi, chẳng hợp với chân lý thì nhất định sẽ thất bại. Phàm hại người thì càng không hợp với chân lý, lợi người thì càng hợp với chân lý. Nghe lời phải nghe việc chủ yếu chỗ quan trọng, đừng nghe đến yêu ma quỷ quái, thì lại sinh tâm cống cao ngã mạn, lại muốn siêu độ. Siêu độ không xong, siêu độ nầy, cái khác lại sinh ra, chúng sinh là sinh sinh không ngừng. Chủ yếu nhận thức thế giới nầy, nhận thức hoàn cảnh nầy, đừng bị hoàn cảnh nầy lay chuyển, chủ yếu là tại chỗ nầy.

421. A kỳ ni duệ phấn

Dịch: Hàng phục thiên thần lửa.

Kệ:
Sắc Cứu Kính cập Trường Thọ Thiên
Luyện hoả đại thần hiển uy quyền
Văn tụng linh văn giai củng phục
Bảo vệ chánh pháp độ tam thiên.

Nghĩa là:
Sắc Cứu Kính và trời Trường Thọ
Đại thần luyện lửa hiển uy quyền
Nghe tụng linh văn đều kính phục
Bảo vệ chánh pháp độ tam thiên.

Giảng giải: Bao la vạn hữu trong Chú Lăng Nghiêm, trên là mười phương chư Phật, dưới đến địa ngục A Tỳ, tứ Thánh lục phàm, đều phải tuân theo pháp

Chú Lăng Nghiêm. Bất cứ một pháp nào trong mười pháp giới, đều không ra ngoài phạm vi nầy. Có giảng về Bồ Tát nên nghe theo linh văn, có giảng về Thanh Văn Duyên Giác nên nghe theo, có nói về mạng lệnh A Tu La nghe theo Chú Lăng Nghiêm, có nói về nhân loại nghe theo, tất cả súc sinh, ngạ quỷ đều nên nghe theo, giống như chiếu thư của hoàng đế. Một khi chiếu thư của hoàng đế ban ra, thì tất cả đại thần nhân dân đều phải nghe theo.

Trước đây mấy ngày, tôi có giảng về đạo lý đạo giáo ngũ khí triều nguyên. Có một lá thư của hai đại gia biên qua chửi tôi, tựa thông mà chẳng thông, tựa hiểu mà chẳng hiểu, nói không hiểu Phật pháp, giảng đạo lý đạo giáo. Tôi đọc lá thư đó rồi, thì rất là buồn cười, cũng không biết là tôi không hiểu, hay là họ không hiểu, không biết là họ nghiên cứu Phật pháp ít chăng? Giống như ếch ngồi dưới đáy giếng nhìn trời? Tức nhiên là họ không hiểu, họ tuỳ tiện v.v… thì tuỳ tiện kệ họ đi, tôi cũng chẳng trả lời thư cho họ, đó là việc trước kia.

Hôm nay lại giảng về trời, người không hiểu Phật pháp lại muốn nói đây là pháp ngoại đạo, pháp của đạo Lão. Rất nhiều người tựa đúng mà sai, ăn nuốt trựng, chẳng biết được mùi vị như thế nào, tuỳ tiện phê bình, đây là việc rất đáng thương, cũng là hành vi rất ngu si. Chẳng phải tôi chửi người, mà là họ thấy biết không đúng đắn.
“Sắc Cứu Kính và trời Trường Thọ”: Trời Sắc Cứu Kính và trời Trường Thọ, đều có loại Thần luyện lửa nầy. Trước kia họ là ngoại đạo thờ lửa, cho nên tu thành Thần lửa chơi lửa, họ rất thích lửa, cho rằng lửa là tổ sư của họ.

“Nghe tụng linh văn đều kính phục”: Nhưng khi nghe câu Chú nầy, thì lão thật. Họ không những bị hàng phục, mà còn cúi đầu đảnh lễ nghe theo, cho nên nói “Bảo vệ chánh pháp độ tam thiên”, trợ giúp Phật giáo để độ ba ngàn đại thiên thế giới.

422. Ma ha yết rị duệ phấn

Dịch: Hàng phục Thần nữ trời đen.

Kệ:
Tứ tí tam nhãn tự tại Tiên
Đại hắc Thiên nữ thải vân gian
Tiếu ngạo kiêu cuồng vô kị đạn
Thử Chú năng sử tốc thu hiểm.

Nghĩa là:
Tiên tự tại bốn tay ba mắt

Thiên nữ đen ngao du tự tại
Tiếu ngạo điên cuồng không kiêng kị
Chú nầy hay khiến hết kiêu ngạo.

Giảng giải: “Tiên tự tại bốn tay ba mắt”: Trời Đại Tự Tại có bốn cánh tay, nhiều gấp đôi so với chúng ta. Bạn có hai con mắt, họ có tới ba con mắt, do đó họ cảm thấy rất tiêu dao tự tại. Tiên tự tại là nói họ ở trên trời rất tự tại.
“Thiên nữ đen ngao du tự tại”: Họ là Thần gió, Thiên nữ đen là bà gió, hay thổi gió bão. Bà ta cũng tiêu dao tự tại.

“Tiếu ngạo điên cuồng không kiêng kị”: Bà ta thường thường rất cao hứng, cũng rất kiêu ngạo, cuồng vọng, cho rằng ai cũng không bằng bà ta, bà ta cũng chẳng sợ ai, thậm chí còn cho rằng, trên trời dưới trời bà ta là nhất. Bà ta tung hoành không kiêng nể ai. Trong mắt của bà ta chẳng có Phật, cũng chẳng có Bồ Tát, tự cho mình là nhất, nhưng “Chú nầy hay khiến hết kiêu ngạo”: Khi bạn tụng Chú nầy, thì Thiên nữ đen sẽ lão thật không còn kiêu ngạo cuồng vọng, không dám không kiêng nể. Câu Chú nầy có sức lực như vậy.

423. Yết ra đàn trì duệ phấn

Dịch: Chúng Thần ngọc nữ mặt đen.

Kệ:
Nghiêm Tịnh Thải Hà chư long thần
Thuỷ Thiên nhất sắc liễu vô ngân
Bảo vệ đàn tràng hộ chánh giáo
Cần tu thiện pháp chân chân chân.

Nghĩa là:
Nghiêm Tịnh Thải Hà các rồng Thần
Nước trời một màu rõ vô ngần
Bảo vệ đàn tràng hộ chánh giáo
Siêng tu pháp lành thật thật thật.

Giảng giải: Sự áo diệu trong trời đất là Chú Lăng Nghiêm, sự việc không thể nghĩ bàn trong trời đất, cũng là Chú Lăng Nghiêm. Nếu hay tụng trì Chú Lăng Nghiêm, thì không cần phải học mật tông, bạch giáo, hắc giáo, hoàng giáo, hồng giáo, giáo gì cũng không cần học. Đây là pháp tam muội căn bản, là mật pháp cứu kính nhất. Bất quá thứ mật pháp nầy chẳng có ai hiểu được, cũng chẳng có ai nhận thức được.

Một số người đều học mà không hiểu, chỉ biết tụng niệm, không biết ý nghĩa của nó. Căn bản Chú không cần biết ý nghĩa, chỉ cần biết nó là linh văn không thể nghĩ bàn là đủ. Chúng ta hay tụng trì Chú Lăng Nghiêm, đều là người có căn lành lớn từ vô lượng kiếp về trước, mới có thể đọc thuộc lòng Chú Lăng Nghiêm, vĩnh viễn cũng không quên, đây tức là biểu hiện của căn lành. Nếu bạn chẳng có căn lành, thì không những không thể tụng niệm, cho dù tên Chú Lăng Nghiêm cũng không gặp được, dù có gặp được cũng không hiểu, không thể tụng niệm. Cho nên hiện tại chúng ta đọc tụng thuộc lòng, là người có căn lành lớn.

Có người nghĩ: "Tôi biết có người kia hay tụng niệm Chú Lăng Nghiêm, nhưng sao sau này lại hoàn tục đoạ lạc"? Đó là họ không tài bồi căn lành của mình, không thương tiếc căn lành của mình, không tiếp tục tài bồi căn lành trong quá khứ, đây là việc rất đau lòng. Chính họ bất quá không biết sự tổn thất rất lớn. Trước kia giảng Chú Lăng Nghiêm, mỗi một câu Chú, dùng bốn câu kệ để hình dung ra ý nghĩa, nhưng chỉ nói một phần thôi, vì ý nghĩa của Chú Lăng Nghiêm vô lượng vô biên, điều nói ra đều có hạn, mà oai lực của Chú thì không hạn lượng. Tuy là như thế, vì muốn khiến cho mọi người có một phương hướng, nhận thức tính quan trọng của Chú Lăng Nghiêm, cho nên tôi đem kiến giải nhỏ bé eo hẹp của mình, giống như một ly nước trong biển cả, tựa như một giọt nước để giảng giải Chú Lăng Nghiêm. Nếu bạn thật thâm nhập vào Chú Lăng Nghiêm, thì mỗi một câu đều là linh văn vi diệu, có đủ sức lực không thể nghĩ bàn. Vậy phải làm như thế nào để đắc được sức lực nầy? Ở trước đầu bài kệ chẳng phải đã nói là cần phải "Thật thật thật" đó sao, ít nhất cần phải có ba chữ thật. Nếu bạn "Giả giả giả" thì sẽ không tương ưng.

"Nghiêm Tịnh Thải Hà các rồng thần": Câu Chú nầy dịch ra là "Thần mặt đen", lại gọi là "Thần ngọc nữ". Thần mặt đen là Hắc Thần, Thần ngọc nữ là mặt trắng, ngọc là màu trắng. Một đen, một trắng, giống như người đen và người trắng. Bất quá đây là Thần, chẳng phải nói người. Tên Thiên thần rất nhiều, có vị gọi là "Nghiêm Tịnh", có vị gọi là "Thải Hà", lại dịch ra là "Vũ" (mưa), đây đều là tên của những vị Thần.

"Nước trời một màu rõ vô ngần": Với các trời rồng thần, Thiên Thần, Thuỷ Thần, vị Thần nầy đều là không hình, không sắc, như nước trời một màu, tại nhân gian bạn cũng chẳng thấy được. Tóm lại, Thần là gì? Tức là không thể nghĩ bàn. Vô ngần, tức là không lưu lại dấu tích, Thần cũng không thể vì bạn không thấy họ, thì họ sẽ hiển thần thông cho bạn thấy, kêu bạn biết họ là Thần, họ không như thế, càng không dùng pháp kích tướng, kích nguợc lại để khiến cho họ hiện thân. Đó là sự nóng giận của yêu ma quỷ quái. Thần chân chánh

là thật, thông minh chân chánh gọi là Thần, bất cứ bạn đối với họ tốt, hoặc không tốt, họ đều không động. Bất quá họ chưa phá vô minh, tương lai vẫn phải luân hồi, họ không giống như yêu ma quỷ quái.

“Bảo vệ đàn tràng hộ chánh giáo”: Những vị Thần nầy làm gì? Họ bảo vệ đạo tràng người tu đạo chân chánh. Có người nghĩ: “Chúng tôi nghe nói ở đây là chánh pháp, sao còn có ma chướng? Thiên Thần sao không quản lý?” Họ chẳng phải không quản lý, mà là vì đạo tràng của chúng ta chưa được viên mãn, họ ở đó xem chúng ta đáo để có phải làm việc chân thật hay không. Đàn tràng giống như khi chúng ta thọ giới, thì có hộ pháp ở đó hộ trì giới đàn. Hộ chánh pháp tức là hộ vệ Phật giáo chánh đáng, đây là trách nhiệm của Thiên Thần.

“Siêng tu pháp lành thật thật thật”: Pháp lành tức là giới định huệ, tiêu diệt tham sân si. Nếu bạn cứ dùng tư tưởng dụng công tính toán, thì đó là dùng nhân tâm đang tác quái, sẽ chẳng đạt được cảnh giới chân chánh không tham, không tranh, không mong cầu, không ích kỷ, không lợi mình. Nếu thật đạt đến cảnh giới nầy, thì vọng tưởng gì cũng chẳng còn, cũng không tính toán tốt, hay không tốt, thành công, hay thất bại, chẳng có vấn đề lớn gì, đều không cảm thấy tất cả mọi việc có gì nghiêm trọng, sao không được.

Làm thế nào siêng tu pháp lành? Phải thật thật thật, cứ làm một cách chân thật, không thể có một chút hư nguy nào, không thể có một chút gì xen tạp vào, nếu bạn “Thật thật thật”, thị hộ pháp chắc chắn sẽ hộ trì. Tại sao Ngài không hộ trì? Vì bạn chưa thật thật thật.

424. Miệc đát rị duệ phấn

Dịch: Chúng trời Đế Thích.

Kệ:
Thích Đề Hoàn Nhân suất lãnh binh
Tuần sát thiện ác các chủ bảo
Trọng hiếu nhân nghĩa tăng phước huệ
Sát đạo dâm vọng tai hoạ xâm.

Nghĩa là:
Thích Đề Hoàn Nhân suất lãnh binh
Tuần tra thiện ác tội nặng nhẹ
Trọng hiếu nhân nghĩa tăng phước huệ
Sát đạo dâm vọng tai hoạ xâm.

Giảng giải: Câu Chú nầy dịch ra là "Thích Đề Hoàn Nhân", tức cũng là Nhân Đà La. Ở trước đã có câu Nhân Đà La, hiện tại lại đề cập đến nữa. Vị nầy thế gian gọi là Ngọc Hoàng Đại Đế, cũng gọi là "Thiên Chúa". Trên trời ông ta là lớn nhất, tất cả sự việc ở trên trời, tất cả sự việc ở nhân gian, cho đến tất cả sự việc ở dưới địa ngục, đều do ông ta quản lý.
Người không biết ông ta thì cho rằng có một vị Thiên Chúa khác, kỳ thật, đều là cùng một người. Nếu ngoài Ngọc Hoàng Đại Đế, có một vị Thiên Chúa khác nữa, thì thành ra tới hai vị Thiên Chúa, đây đều là do bạn không biết được vị Thiên Chúa nầy, chỉ biết tin Thiên Chúa. Đáo để Thiên Chúa như thế nào? Nói ông ta là vạn năng, cứu kính pháp vạn năng ra sao? Ai ban cho ông ta quyền lực? Ông ta làm thế nào mà được? Nói từ xưa tới nay thì có, chẳng có cách gì truy cứu. Tại sao chẳng có cách gì truy cứu? Vì bạn vốn chẳng biết cứu kính Thiên Chúa ở đâu và làm gì? Ông ta quản cái gì? Chỉ nói là Thiên Chúa vạn năng, Thượng đế tạo con người.

Vị Thượng đế nầy ở trong vũ trụ thật là vĩ đại, có quyền lực rất lớn, nhưng ở trong Phật giáo, ông ta chỉ là một vị hộ pháp mà thôi. Tại sao vậy? Quyền lực của ông ta lớn cỡ nào? Sao lại cam tâm làm hộ pháp? Nói cho bạn biết, tuy ông ta quyền lực lớn, nhưng đức hạnh không đủ, chẳng phải vạn đức trang nghiêm. Ông ta chỉ là trọng tài phán trong ba cõi, có quyền lực, nhưng phước đức thì không đủ. Ông ta biết đức Phật là vạn đức trang nghiêm, phước huệ đều viên mãn, bèn quy y Tam Bảo, làm một vị hộ pháp trong Phật giáo. Không biết ông ta thì cho rằng Thiên Chúa là trên hết, nhận thức được ông ta thì biết là như thế.

Có người nói: "Tôi tin Thiên Chúa không phải như thế"! Vậy bạn đã từng gặp Thiên Chúa chưa? Bạn chỉ là nghe nói qua, tôi cũng chỉ là nghe nói qua, chứ chưa thấy thật. Bất quá trong Kinh Phật nói rất rõ ràng, đây là điều đáng tin, vì Phật không có nói dối.

"Thích Đề Hoàn Nhân suất lãnh binh": Ngài xuất lãnh binh trời, tướng trời, để làm gì? "Tuần tra thiện ác tội nặng nhẹ", tuần tra ai làm thiện, ai làm ác, ông ta là vị Thần nhiều việc, quản lý những việc thế gian, xem chỗ nầy, xem chỗ kia, ngày đêm ông ta đều phái người đi tuần tra, quán sát, giống như trong quân đội cũng có người đi tuần tra, hoặc cảnh sát đi tuần tra các nơi, xem thử có ai làm việc xấu không? Hoặc làm việc tốt? Thích Đề Hoàn Nhân suất lãnh vô lượng trăm ngàn ức quyến thuộc đi các nơi quán sát, xem tội ác nặng, tội ác nhẹ.

"Trung hiếu nhân nghĩa tăng phước huệ": Thấy vị nào có tâm trung thành với quốc gia, có tâm hiếu thuận với cha mẹ, có tâm nhân nghĩa với bạn bè, thì nói

về nghĩa khí. Không thể thấy lợi quên nghĩa, không hiểu nghĩa khí. Nhân tức là có từ bi đối với người, chẳng phải giống như hiện nay một số người nói về ái ái ái, ái cho đến chết, vẫn không biết vì sao mà chết. "Ái" nói ở đây là có tâm từ bi, không dùng quyền lực đi bức bách người khác. Nếu bạn dùng được "Trung, hiếu, nhân, nghĩa", bốn chữ nầy làm người, thì bạn sẽ tăng thêm phước và huệ.

"Sát đạo dâm vọng tai hoạ xâm": Nếu bạn phạm tội giết hại, trộm cắp, tà dâm, nói dối, không giữ bốn thứ thanh tịnh minh hối của "Kinh Lăng Nghiêm", thì tương lại bạn sẽ có tai hoạ, hoạn nạn, tìm đến bạn, vì chánh thần không còn bảo hộ bạn nữa, điểm nầy các vị phải hiểu cho thật rõ. Thần hay làm gì? Người hay làm gì? Phật hay làm gì? Cho nên nói Chú Lăng Nghiêm là diệu pháp vô thượng trăm ngàn vạn kiếp khó gặp được.

425. Lao đát rị duệ phấn

Dịch: Thần vương sân nộ.

Kệ:
Sân nộ thần vương tịch diệt không
Vô tâm vô ý vô cấu tông
Dịch sử ma quỷ đố kị nữ
Cải tà quy chánh nhậm tung hoành.

Nghĩa là:
Thần vương sân nộ tịch diệt không
Vô tâm vô ý vô cấu tông
Sai khiến nữ ma quỷ đố kị
Cải tà quy chánh mặc tung hoành.

Giảng giải: Chú Lăng Nghiêm diệu dụng vô cùng, vốn không thể giảng giải, nhưng mọi người ở tại Vạn Phật Thánh Thành phát tâm muốn nghiên cứu "Kinh Hoa Nghiêm", "Kinh Pháp Hoa", "Kinh Lăng Nghiêm" .v.v… Do vì trong lời Chú không thể giảng giải, bất chấp sự khó khăn dùng lời lẽ rất nông cạn để xiển minh. Vốn mỗi câu Chú trong toàn bài Chú, hết thuở vị lai cũng nói không xong, ở đây chỉ giảng một chút ít phần nhỏ, giống như khai quật mỏ để tìm ngọc, khiến cho mọi người chú ý và làm cho mọi người hứng thú đọc tụng thọ trì.
Câu Chú nầy là một vị hung thần rất ác, ông ta hay nóng giận. Ai hay nóng giận tức là đệ tử của vị thần nầy, ông ta rất nhiều quyến thuộc, nhưng không làm cho ông ta hoan hỉ, ông ta vẫn muốn nóng giận. Bất cứ lúc nào, ông ta

cũng đều trợn mắt nhăn mày, đây là quyến thuộc của A Tu La. A Tu La tánh thường nóng giận, một phút mà không nóng giận là chịu không được.

Câu Chú nầy rất nhiều ý nghĩa, còn có ý nghĩa là "Tịch diệt không", "Vô tâm", "Vô ý", "Vô cấu" .v.v… Kỳ thật, vị Thần vương sân nộ nầy là đại quyền thị hiện. Quỷ Thần Vương trong Chú Lăng Nghiêm đều là pháp thân Đại Sĩ đại quyền thị hiện, cố ý hiện ra hình dạng hung ác, khiến cho bạn thấy mà sợ, sợ mà cung kính, cung kính mà tin, tin rồi bỏ mê về giác.
Ông ta muốn điều phục những chúng sinh có tánh nóng giận. Bạn có nóng giận chăng? Sự nóng giận của ông ta lớn hơn bạn, dùng để hàng phục tất cả A Tu La, cho nên nói "Thần vương sân nộ tịch diệt không": Tuy ông ta nóng giận, nhưng ông ta là "Các pháp từ xưa nay, thường tự tịch diệt tướng".

Bản thể của ông ta chẳng động, nhưng chúng ta không thể học theo vị Thần vương sân nộ nầy, nói: "Tôi nóng giận, kỳ thật chẳng nóng giận", không thể như vậy, không thể giả đò. Ông ta là thật, ông ta thật như thế. Hiện tại chúng ta học Phật pháp, không thể giả đò. Ông ta sân nộ, cũng là vô tâm, chẳng có ý thức, lìa khỏi tâm ý thức.
"Vô tâm vô ý vô cấu tông": Ông ta dùng vô cấu thanh tịnh, chẳng có pháp nhiễm ô làm tông chỉ.

"Sai khiến nữ ma quỷ đố kị": Quỷ vương sân nộ cũng sai khiến ma quỷ. Đố kị nữ vì có tâm đố kị, cho nên gọi cái tên nầy, cô ta cũng muốn chi phối tất cả ma quỷ, khiến cho người chẳng an lạc, làm cho họ sinh nhiều phiền não. Nhưng hiện tại cô ta đã cải tà quy chánh, cho nên nói "Cải tà quy chánh mặc tung hoành": Mặc tung hoành tức là tự do, không có sự chướng ngại.

426. Giá văn trà duệ phấn

Dịch: Đại thần ăn người.

Kệ:

Tự tại thiên ma quyến thuộc hung
Đạm nhân đại thần mãnh tướng công
Duy nguyện chúng sinh tốc tỉnh ngộ
Phóng hạ nhiễm duyên Phật quả thành.

Nghĩa là:
Tự tại thiên ma quyến thuộc dữ
Đại thần ăn người mãnh tướng công

Xin nguyện chúng sinh sớm tỉnh ngộ
Buông bỏ duyên nhiễm thành Phật quả.

Giảng giải: Câu Chú nầy dịch ra là "Đại thần ăn người". Bất cứ bạn là người nam, hay người nữ, khi gặp được vị Thần nầy, chúng chỉ đớp một miếng thì nuốt trựng bạn, lợi hại như thế. Chúng dùng thiên ma làm quyến thuộc, cho nên nói: "Tự tại thiên ma quyến thuộc dữ": Quyến thuộc của tự tại thiên ma, đều rất hung ác, đại thần ăn người tức là ăn thịt người. Bất quá tôi nói với các vị "Đừng có sợ, chúng không ăn người lớn, chỉ ăn con nít", vì thịt con nít mềm, dễ nhai nuốt, chúng ăn giống như ăn bún mì, nuốt một cái. Cho nên có con nít nên cẩn thận, hãy giữ gìn những trẻ con. Tại sao tôi giảng như thế? Vì thấy chim ưng ăn gà, đều chuyên môn bắt gà con ăn, rất ít bắt gà lớn ăn. Cùng một đạo lý ấy, đại thần ăn người cũng chỉ ăn con nít, vì thịt người lớn rất dai và cứng, da cũng dày. Cho nên chúng rất thích ăn con nít, không cần mắt thấy thì cũng biết.

"Đại thần ăn người mãnh tướng công": Thiên ma ăn người nầy rất là ác, chúng thấy bạn muốn tu đạo, chúng bèn đến chướng ngại bạn.
"Xin nguyện chúng sinh sớm tỉnh ngộ": Nghĩa lý bên trong là gì? Bất cứ dùng thiện giáo hoá, ác giáo hoá, hoặc nghịch giáo hoá, để giáo hoá chúng sinh, đều muốn khiến cho chúng sinh đối cảnh mà giác ngộ, đối cảnh vô tâm, phải minh bạch tất cả pháp mà nhập thế.

"Buông bỏ duyên nhiễm thành Phật quả": Khiến cho bạn buông bỏ mọi thứ, thì tương lai chắc chắn sẽ thành tựu. Duyên nhiễm là gì? Phàm là tài sắc danh ăn ngủ, đều là duyên nhiễm ô, năm dục nầy là nhân duyên chướng đạo, dục niệm đều thu thập sạch sẽ hết.

427. Yết la ra đát rị duệ phấn

Dịch: Đại thần Hát Sơn.

Kệ:
Đế Thích Thiên chủ hiệu Hát Sơn
Thanh tịnh pháp trung viễn san tham
Tự đại bộ châu giai quy mạng
Đại đạo luân hồi cộng tương liên.

Nghĩa là:
Thiên chủ Đế Thích hiệu Hát Sơn
Trong pháp thanh tịnh lìa san tham

Bốn đại bộ châu đều quy mạng
Đại đạo luân hồi cùng liền nhau.

Giảng giải: “Thiên chủ Đế Thích hiệu Hát Sơn”: Đế Thích tức là Thiên chủ cõi trời Tam Thập Tam, quá khứ thời đức Phật Ca Diếp, ông ta là một người nữ nghèo, thấy tượng Phật hư hại trong một ngôi chùa đổ nát, bèn phát tâm trùng tu lại, bèn đi vận động được ba mươi hai người phát tâm góp sức trùng tu, cũng có thể nói là bạn đồng tu, đồng nguyện, cùng nhau đóng góp thiếp vàng lại tượng Phật và trùng tu lại ngôi chùa. Nhờ phước báu đó, được sinh lên cõi trời Đao Lợi làm Thiên chủ.
Khi cô ta làm công đức, thì chuyên môn bố thí, ở trong Phật giáo chưa bao giờ tham lam một đồng tiền nào, cũng chưa bao giờ dùng thủ đoạn đi làm tiền người khác. Cô ta tên là đại thần Hát Sơn. Hát tức là hô, quát tháo. Khi hô quát lên thì sức lực nặng giống như núi, oai đức rất lớn. Âm thanh của ông ta có thể chấn động núi cao, lại như động đất, vì có đại oai thần lực.
“Trong pháp thanh tịnh lìa san tham”: Ông ta tu bố thí đều thanh tịnh, ông ta hộ trì cũng đều thanh tịnh, chẳng có chút san tham nào. San tức là không xả được, tham tức là tham cho nhiều, không những không bỏ, mà còn muốn người khác bố thí cho mình. Sự san tham dơ bẩn nầy đều xa lìa.

“Bốn đại bộ châu đều quy mạng, Sáu nẻo luân hồi cùng liền nhau”: Vị Thiên chủ nầy, hết thảy chúng sinh trong bốn thiên hạ đều sùng bái ông ta. Bốn đại bộ châu là Đông Thắng Thần Châu, Nam Thiệm Bộ Châu, Tây Ngưu Hoá Châu, Bắc Câu Lư Châu. Giáo đồ Thiên chủ nói: “Thiên chủ của chúng ta là vạn năng”. Kỳ thật, cứu kính là gì, họ cũng chẳng biết. Cứu kính ông ta là vạn năng, là thiên năng, là bách năng, là nhất năng, hoặc bất năng? Kỳ thật, họ đều chẳng biết, chỉ cho ông ta thêm nhiều danh từ mà thôi, nói ông ta là chủ tể vạn hữu, ra sao, ra sao. Kỳ thật, trời Đế Thích ở trong Phật giáo bất quá chỉ là một vị hộ pháp mà thôi, ông ta hộ trì Phật giáo. Mọi người không biết, cho nên tôn ông ta lên rất cao, nói ông ta là Chân Thần độc nhất vô nhị ở trên trời, nói thẳng ra là quá cô độc.

Giáo đồ Thiên Chúa nói ông ta thành cô độc, ai cũng không thể gần gũi ông ta được. Sự thật thì, ông ta chẳng cô độc chút nào, ông ta rất muốn trợ giúp người khác, ông ta rất muốn khiến cho tất cả chúng sinh cải ác hướng thiện, đây là sự thật. Giáo đồ Thiên Chúa cũng không biết ba bảy hai mươi mốt, sùng bái loạn xạ, giống như các vị cũng chẳng biết việc tôi làm đúng hay không đúng, mà cứ sùng bái tôi. Kỳ thật, đạo đức của các vị đại đức cao Tăng cao siêu hơn tôi rất nhiều, do đó đừng có đem tôi ra làm hồng thổ, làm ngân châu. Cũng vậy, cũng đừng cho rằng Thiên chủ có gì ghê gớm lắm, ông ta chỉ là

Thiên chủ cõi trời Ba Mươi Ba mà thôi. Còn ba mươi hai vị trời kia là ba mười hai người phát tâm cùng làm phước với ông ta trong quá khứ, cũng đều được sinh về cõi trời làm Thiên chủ, hướng đông tám vị trời, hướng nam tám vị trời, hướng tây tám vị trời, hướng bắc tám vị trời, trời Đao Lợi ở chính giữa, cho nên gọi là trời Ba Mươi Ba.

Tuy nói hết thảy chúng sinh trong bốn thiên hạ đều sùng bái ông ta, nhưng ông ta vẫn chưa thoát khỏi sáu nẻo luân hồi. Làm thiện thì đi lên, làm ác thì đi xuống, chưa thoát khỏi vòng sinh tử, sinh tử luân hồi chưa dứt, cho nên mới nói: "Sáu nẻo luân hồi cùng liền nhau": Trong sáu nẻo, trời, người, A tu la, là ba đường lành. Súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục là ba đường ác, mọi người đều biết rõ.

428. Ca bát rị duệ phấn

Dịch: Đại thần Thực Quang.

Kệ:

Thiện Xả giới thần hộ tinh nghiêm
Ác độc oán ma thối vô tiền
Ly quá tuyệt phi cần cảnh sách
Phản mê quy giác đại Thánh hiền.

Nghĩa là:
Thần Thiện Xả hộ giới tinh nghiêm
Ác độc oán ma lùi vô tiền
Lìa tội dứt lỗi siêng tinh tấn
Bỏ mê về giác đại Thánh hiền.

Giảng giải: Tác dụng của câu Chú nầy, là chuyên môn hộ trì người tu hành giữ giới tinh nghiêm. Thần hộ giới nầy tên là Thiện Xả, còn gọi là đại thần Thực Quang. Bất cứ bạn giữ giới gì, Ngài đều bảo hộ bạn. Nếu bạn tu hành thành Phật rồi, thì Ngài cũng có công đức. Nếu bạn không giữ giới, thì Ngài không bảo hộ bạn. Vị Thần nầy trước kia tu bố thí rất nhiều, cho nên tên là "Thiện Xả".

"Ác độc oán ma lùi vô tiền": Ma có khi có một luồng khí ác độc, tuy chúng hàm chứa ác độc, nếu bạn thật minh bạch chân lý, thật tu hành, thì ngược lại ma sẽ phản diện trợ giúp bạn, tức cũng là đến khảo nghiệm bạn, xem thử bạn có qua được cửa ải hay không. Cho nên ma không nhất định là không tốt.
Nếu từ mặt tốt mà nhìn, thì chúng thật là thiện tri thức của bạn, lúc trước tôi cũng đã từng nói với các vị, khi tôi mới xuất gia, tất cả huynh đệ trong chùa

đều khinh khi tôi, sư cháu, sư chắt, lớn nhỏ cũng khinh khi tôi, mắng tôi, đánh tôi, có người còn cho rằng tôi không giữ quy cụ, dù một chút cũng không có, mà tôi là người rất giữ quy cụ. Tại sao họ khinh khi tôi? Vì thấy tôi không có bản lãnh gì hết, ở chùa chỉ có thể ăn cơm, không thể làm được việc gì, nên khinh khi tôi.

Kỳ thật lúc đó, tôi ở trong chùa tu hành nhẫn nhục, tu rất là tốt. Tóm lại, bất luận ai đánh tôi, chửi tôi, tôi đều cho rằng là trợ giúp tôi, khiến cho tôi biết rằng mình vẫn còn tánh nóng hay không. Trước khi tôi chưa xuất gia, tánh tôi rất là nóng, xuất gia rồi tôi sửa đổi, cho nên đối với sư huynh, sư đệ, đồ điệt, chưa bao giờ nóng giận, một lòng tu hạnh nhẫn nhục.

Lúc còn trẻ tôi rất là nóng tánh, nhưng tôi nhẫn được, cho đến ngày hôm nay, Thiên long bát bộ ủng hộ như thế, từ dưới đất vọt lên Vạn Phật Thánh Thành, đều là nhờ sức tu hạnh nhẫn nhục cảm ứng đạo giao. Cho nên các vị đừng cho rằng Vạn Phật Thánh Thành là ngẫu nhiên mà có, đây là công phu mấy mươi năm, mới có nhân duyên nầy hiện ra.
"Lìa tội dứt lỗi siêng tinh tấn": Nếu bạn giữ giới thanh tịnh, thì ác độc oán ma tự nhiên sẽ không làm bạn phiền não, chúng sẽ không làm gì được bạn. Dù chúng có tìm đến bạn, cũng là trợ giúp bạn, muốn bạn thành đạo nghiệp. Người tu hành thành tựu đạo nghiệp là từ ma khảo nghiệm mà ra. Đạo mà không hiểm trở, thì không mau được, cho nên mới nói:

"Ma là hiểm trở chân đạo,
Chân đạo mới có ma".

Nếu bạn thật tu đạo thì mới có ma, do đó :

"Càng mài thì càng sáng
Càng sáng thì càng mài
Mài được như trăng mùa thu
Trong không chiếu quần ma
Quần ma bèn thối lùi
Hiện ra bổn lai Phật".

Người tu hành có một chút ma khảo nghiệm, thì chẳng có vấn đề gì, phải nhận thức cửa ải ở trước mặt. Bất cứ như thế nào cũng đừng mắng chửi người, đánh người, mà chịu đánh, chịu mắng, mới là Phật tử chân chánh trong Phật giáo. Cho nên nói: "Đánh không lùi, chửi không lùi, đây mới là bảo bối thật trong Phật giáo". Đừng bị người ta nói vài câu thì chịu không nổi. Ai mắng tôi? Tôi là ai? Ai đánh tôi? Tôi là ai? Tự hỏi mình, vốn không tìm ra được "Mình". Vậy tại sao buông xuống không được? Có gì mà buông xuống không được? Các vị

phải minh bạch điểm nầy! Nếu chân chánh minh bạch, thì đạo nghiệp sẽ thành, cho nên nói: “Lìa tội dứt lỗi siêng tinh tấn”, tu hành đừng sai nhân quả, phải lìa khỏi mọi tội lỗi.

Cái miệng dễ dàng tạo tội lỗi nhất, dễ dàng tạo tội nghiệp nhất. Cái lưỡi của bạn rất hay nói, suốt ngày đến tối cứ mắng người, chỉ trích người, nói trái, nói phải. Chỉ cái miệng mà có tới bốn điều ác, đó là: Nói dối, thêu dệt, hai lưỡi, chửi mắng. Người tu đạo ngàn vạn đừng phạm mao bệnh nầy. Nói ra rất là hổ thẹn, tôi cũng phạm mao bệnh chửi mắng. Có lúc tôi hay làm phiền người khác, vì trước kia người làm phiền tôi, bây giờ gặp được người khác, tôi cũng làm phiền họ. Đây là không đúng, tôi phải sửa đổi lại. Tức nhiên tôi sẽ sửa lại, các vị đương nhiên càng phải sửa. Đừng có chửi người là chó, chó cũng có Phật tánh. Cho nên nói phải lìa tội dứt lỗi, lúc nào cũng đều phải cảnh sách chính mình, đừng có phóng dật, đừng có tuỳ tiện, phải xem quản lý mình cho thật tốt.

“Bỏ mê về giác đại Thánh hiền”: Bỏ mê tức là từ con đường mê quay đầu lại, đi trên con đường giác ngộ. Nếu bạn có thể bỏ mê về giác, thì là đại Thánh đại hiền, tức là chân chánh đệ tử của Phật. Cho nên các vị ở trong Phật giáo, đừng có cẩu thả làm lãng phí thời gian, các vị phải thuộc lòng “Kinh Lăng Nghiêm”, vì tôi thấy Phật giáo ở đây rất là sơ khai, khắp nơi chẳng có người nào chân chánh hành trì Phật pháp, khắp nơi đều tu cho có lệ, xem tôi phạm lỗi miệng nữa rồi. Nói người khác, tôi vẫn đâu chẳng phải ngồi ở đây nói tu cho có lệ, đợi đến lúc chính mình thì hồ đồ. Đây là chẳng đúng, cho nên phải từ từ thu thập thân tâm cho thật sạch sẽ, bất cứ như thế nào cũng đừng có tham sân si. Khi có tham sân si, thì phải sinh tâm đại hổ thẹn.

Người của Vạn Phật Thành cũng chẳng phải ai ai cũng đều hiểu được, cho đến tôi, tôi vẫn là một người hồ đồ, là một tội nhân trên thế giới nầy. Các vị theo tôi một người hồ đồ để tu học, thì nên học hiểu biết hơn tôi một chút, đừng có học có tội như tôi, phải học sao đừng có tội. “Phải đạo thì tiến, trái đạo thì lùi”. Tôi nói đúng thì các vị chiếu theo tu hành, nếu tôi nói không đúng, thì các vị hãy quên nó, giống như gió thoảng qua tai, giống như không nghe thì càng tốt.

429. A địa mục chất đa

Kệ:
Vô Năng Áp thắng tạp cư Thiên
Nhất thiết hữu lực quỷ thần quyền
Tôn thủ hiệu lệnh hộ lương thiện
Công thưởng quá phạt chánh bất thiên.

Nghĩa là:
Thần Vô Năng Áp trời tạp cư
Tất cả quỷ thần có quyền lực
Lắng nghe hiệu lệnh hộ người hiền
Công thưởng lỗi phạt không thiên vị.

Giảng giải: Chú Lăng Nghiêm có Kim Cang bộ, Bảo Sanh bộ, Liên Hoa bộ, Yết Ma bộ, chính giữa Phật bộ. Năm bộ nầy quản lý năm đại ma quân của thế giới. Bất cứ loài ma quỷ nào, Chú Lăng Nghiêm cũng đều quản lý hết. Đáng tiếc bây giờ chẳng có người nào hiểu Chú Lăng Nghiêm. Người tụng niệm thì có, nhưng người hiểu thì chẳng nhiều. Có người vốn không hiểu Chú Lăng Nghiêm, mà nói là nhiều Chú nhỏ tụ tập lại với nhau. Đây thật là không biết mà cho rằng biết, không hiểu mà cho rằng hiểu.
Chú Lăng Nghiêm là Chú phá ma la võng tốt nhất. Khi bạn niệm Chú Lăng Nghiêm, thì hết thảy thiên ma đều cuối đầu quy y, ngoại đạo càng vô dụng, chúng không có cách gì không chịu hàng phục. Trong Chú Lăng Nghiêm có pháp hàng phục, có pháp câu triệu, có pháp tiêu tai, có pháp tăng ích, có pháp thành tựu, đủ thứ pháp. Mỗi ngày bạn niệm Chú Lăng Nghiêm, thì tất cả yêu ma quỷ quái đều lão lão thật thật.

A Địa Mục Chất Đa là tên của "Điện Thần", còn gọi là "Đại ngữ sư", ông ta thống lãnh tất cả quỷ thần, ông ta quản lý hết thảy quỷ thần. "Thần Vô Năng Áp trời tạp cư": Thiên thần nầy tên gọi là Vô Năng Áp, trụ ở trên trời, là quỷ thần vương ở đó.
"Tất cả quỷ thần có quyền lực": Vì sao những quỷ thần đó ở trên trời? Vì chúng rất có thế lực, chúng chẳng phải là quỷ của địa ngục. Chúng có quyền lực quản lý tất cả quỷ thần, bao quát quỷ thần của nhân gian, quỷ thần của địa ngục.

"Lắng nghe hiệu lệnh hộ người hiền": Tuy chúng có quyền lực, nhưng vẫn phải lắng nghe hiệu lệnh của Phật, Phật sai chúng mệnh lệnh và trách nhiệm gì, thì chúng đều phải làm theo để bảo hộ người lương thiện.
"Công thưởng lỗi phạt không thiên vị": Có công thì thưởng, có lỗi thì phạt. Chúng rất đại công vô tư, không thiên vị ai, rất công bằng.

430. Ca thi ma xá na

Dịch: Quang minh sao lớn.

Kệ:
Cự tinh quang minh chiếu vô biên
Kim thổ liên huy khẩn tương liên

Lô Xá Na Phật siêu nhật nguyệt
Năng tương hắc dạ biến bạch thiên.

Nghĩa là:
Quang minh sao lớn chiếu vô biên
Kim thổ hợp nhau cùng phóng quang
Phật Lô Xá Na hơn nhật nguyệt
Có thể đêm tối biến ban ngày.

Giảng giải: Câu Chú nầy dịch ra là “Quang minh sao lớn”, là tinh tú trên trời, cho nên nói: “Quang minh sao lớn chiếu vô biên, Kim thổ hợp nhau cùng phóng quang”: Kim là kim tinh, thổ là thổ tinh. Chúng cũng liên hợp với nhau để trợ giúp phóng quang.

“Phật Lô Xá Na hơn nhật nguyệt”: Tuy quang minh của chúng chiếu sáng vô biên, vẫn không bằng Phật Lô Xá Na. Quang minh của Phật Lô Xá Na, hơn hẳn ánh sáng của mặt trời mặt trăng mấy vạn vạn lần, chẳng có bất cứ ánh sáng gì có thể sánh bằng.
“Có thể đêm tối biến ban ngày”: Lúc ban đêm, quang minh của Phật Lô Xá Na chiếu giống như ban ngày, không dùng mặt trời, cũng không dùng mặt trăng. Đây là đại quang minh chiếu trời chiếu đất.

431. Bà tư nể duệ phấn

Dịch : Đại nguyệt quang.

Kệ:
Đại Nguyệt quang minh biến thập phương
Chư cung Thiên tử quyến thuộc lương
Tất lai quy hàng giai thụ thủ
Tín phục phụng hành khấu Pháp Vương.

Nghĩa là:
Quang minh Đại Nguyệt khắp mười phương
Quyến thuộc chư Thiên đều hiền lương
Đều đến quy y đảnh lễ Phật
Tin thọ phụng hành lễ Pháp Vương.

Giảng giải: “Quang minh Đại Nguyệt khắp mười phương”: Câu Chú nầy là tên của chư Thiên, gọi là Đại Nguyệt Quang Thiên, Nhựt Quang, Nguyệt Quang, Tinh Quang, đều thường thường liên hợp làm quyến thuộc với nhau, ánh sáng của Đại Nguyệt Quang Minh Thiên Tử khắp mười phương.

“Quyến thuộc chư Thiên đều hiền lương”: Quyến thuộc của chư Thiên đều là quyến thuộc tốt, đều là thiện, chẳng có quyến thuộc ác. Quyến thuộc trên trời chẳng giống như quyến thuộc ở nhân gian, quyến thuộc ở nhân gian thì có sự bất hoà, đánh nhau, chửi nhau, thậm chí giết nhau cũng có, không có phiền não thì muốn tìm phiền não. Ở trên trời rất tự tại, rất giải thoát, phước trời cũng rất lớn, bất quá chẳng cứu kính. Phước trời có lúc sẽ hết, tuổi thọ cũng có lúc sẽ hết.
“Đều đến quy y đảnh lễ Phật”: Câu Chú Lăng Nghiêm nầy, tức là tất cả quyến thuộc chư Thiên, đều đến quy y Phật, năm thể đảnh lễ Phật sát đất.
“Tin thọ phụng hành lễ Pháp Vương”: Vừa tin, vừa phục tùng, tâm của họ đều điều phục, Phật dạy họ pháp môn gì, họ đều y giáo phụng hành.

432. Diễn kiết chất

Dịch: Khắp khiến các ác quỷ thần đều nát tan.

Kệ:
Phổ khiến ác thần toái vi trần
Đảnh lễ Tam Bảo cứu kính tôn
Sở tác dĩ biện chân tự tại
Tâm pháp song vong diệu giác luân.

Nghĩa là:
Khắp khiến ác thần nát thành bụi
Đảnh lễ Tam Bảo đấng cứu kính
Làm xong mọi việc thật tự tại
Tâm pháp đều không diệu giác luân.

Giảng giải: Câu Chú nầy rất là lợi hại, nghĩa là « Khắp khiến các ác quỷ thần thảy đều nát tan », cho nên nói : “Khắp khiến ác thần nát thành bụi”: Ác thần bao quát ác quỷ, ác thần bị đập nát thành bụi, đại quỷ thì khiến cho nó biến thành tiểu quỷ, tiểu quỷ thì khiến cho nó biến thành quỷ vụn, quỷ vụn thì biến thành chẳng còn quỷ, tan nát thành từng hạt bụi, nhìn xem thật là lợi hại!

“Đảnh lễ Tam Bảo đấng cứu kính”: Tuy khiến cho chúng nát thành bụi, nát rồi tụ lại, tụ lại rồi bèn phát tâm bồ đề, đảnh lễ Tam Bảo, đảnh lễ Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo, Phật là cứu kính tôn quý nhất, chẳng có ai tôn quý sánh với Phật được.
“Mọi việc làm xong thật tự tại”: Nghĩa là nói về sự tu hành, bạn tu hành thì nên tu hành cho thành tựu, mọi việc cần làm đều đã làm xong, không còn thọ thân sau nữa, lúc đó việc của bậc đại trượng phu đã làm xong! Thế nào mới được

“Mọi việc cần làm đã làm xong”? Phải chế tại một chỗ, nhân tâm đều không thể quy nhất, không thể chuyên nhất, tạp niệm, vọng tưởng lăn xăn không khi nào ngừng, ngủ nằm mộng cũng khởi vọng tưởng, nằm mộng cũng muốn phát tài làm quan, háo danh háo lợi. Nằm mộng cũng nằm mộng như thế, đây tức là không thể mọi việc cần làm đã làm xong. Nếu những việc cần làm đều đã làm xong, thì đạo nhân chân chánh tự tại, không còn lo lắng bận rộn. Tự tại tức là không còn khởi vọng tưởng, vọng tưởng gì cũng không còn nữa, chẳng phải “tha tại”, mà là “tự tại”. “Tha tại” là cứ khởi vọng tưởng, chẳng tự tại. “Tự tại” tức là không khởi vọng tưởng, chẳng tha tại.

“Tâm pháp đều không diệu giác luân”: Tâm cũng chẳng còn, pháp cũng chẳng còn, quét hết tất cả pháp, lìa hết tất cả tướng, tức chẳng còn chấp cái ta, cũng chẳng còn chấp pháp, cái ta và pháp hai chấp đều không, tâm pháp đều không còn nữa, đây là chuyển diệu giác đại pháp luân, diệu không thể tả, không thể nghĩ bàn.

433. Tát đỏa bà tỏa

Dịch: Tát Đoả là Tăng. Bà Toả là Phật.

Kệ:
Diệu tai Tam Bảo Phật Pháp Tăng
Ngưỡng kì chứng tri mặc mặc trung
Gia bị hành nhân ly chướng ngại
Tảo đăng vô thượng Đẳng Giác tôn.

Nghĩa là:
Diệu thay Tam Bảo Phật Pháp Tăng
Ngưỡng mong chứng tri trong yên lặng
Gia bị hành giả lìa chướng ngại
Sớm chứng được vô thượng bồ đề.

Giảng giải: Tát Đoả tức cũng là “Tăng già”, Bà Toả tức một danh từ khác của Phật. Có Phật, có Tăng, thì trong đó bao quát Pháp, Pháp không lìa khỏi giữa Phật và Tăng. Tuy từ ngữ rất ít, nhưng nghĩa lý bao hàm thì nhiều vô cùng vô tận.

“Lành thay Tam Bảo Phật Pháp Tăng”: Sức lực của Tam Bảo biến hoá vô cùng, thật diệu không thể nghĩ bàn, do đó “Không thể dùng tâm nghĩ, không thể dùng lời bàn, tâm muốn duyên mà tư lự không còn, miệng muốn nói mà từ ngữ đã biến mất”. Miệng muốn nói mà chẳng còn từ ngữ để nói! Không còn gì

để nói! Trong tâm muốn nghĩ một chút, bổn lai một niệm chẳng sinh, thứ tư tưởng nầy đều chẳng còn nữa. Chẳng phải đã biến thành người gỗ rồi chăng? Chẳng phải! Đây là ở trong định. Cho nên nói: “Kỳ diệu thay! Phật Pháp Tăng Tam Bảo”. Chữ Bà Đoả nầy là Phật, chữ Tát Đoả nầy là Tăng già, trong đó nhất định có Pháp, vì chúng không lìa nhau. Cho nên muốn học Phật, thì trước hết phải học Phật pháp, trước hết phải lạy sư phụ, vì Pháp nương Tăng truyền.

“Ngưỡng mong chứng tri trong yên lặng”: Con ngưỡng mong Ngài chứng minh, ở trong sự yên lặng chứng minh cho con thì được rồi. Yên lặng tức cũng là lìa lời nói tướng, lìa khỏi tướng văn tự, quét tất cả pháp, lìa tất cả tướng.
“Gia bị hành giả lìa chướng ngại”: Cầu Tam Bảo gia bị cho con và những người tu đạo lìa phiền não chướng, nghiệp chướng, báo chướng, ba chướng đều trừ hết sạch.
“Sớm chứng được vô thượng bồ đề”: Sớm chứng được vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Bạn xem câu Tát Đoả Bà Toả đơn giản nầy, có một văn chương có đầu, có đuôi, có thể tả. Văn chương thì vô cùng vô tận, nói đông, nói tây, muốn nói gì cũng được, lấy không hết, dùng không cạn.

434. Mạ mạ ấn thố na mạ mạ tỏa

Dịch: Việc làm của con, cầu mong Tam Bảo ấn chứng, pháp viên mãn cứu kính.

Kệ:
Ngã sở biện sự ấn chứng tri
Viên mãn cứu kính đại bồ đề
Không vô sở không sinh diệu hữu
Hữu nhi phi hữu nhất thiết sư.

Nghĩa là:
Việc làm của con xin ấn chứng
Rốt ráo viên mãn đại bồ đề
Không chẳng chỗ không sinh diệu hữu
Hữu mà chẳng hữu Thầy tất cả.

Giảng giải: Câu Chú nầy cũng bao hàm rất nhiều ý nghĩa, không thể nghĩ bàn.
“Việc làm của con xin ấn chứng”: Những việc làm của con, Phật đều ấn chứng cho, Phật cũng đều biết hết.
“Rốt ráo viên mãn đại bồ đề”: Tất cả sự việc đều viên mãn, đều được rốt ráo. Những sự việc gì? Tức là “Tu hành”, đắc được đại bồ đề.

“Không chẳng chỗ không sinh diệu hữu”: Lúc nầy, không cũng chẳng chỗ không, sinh ra “Diệu hữu”.

“Hữu mà chẳng có nhất thiết sư”: Đây tức là trong chân không sinh ra diệu hữu, trong diệu hữu lại hiển ra chân không. Chân không chẳng ngại diệu hữu, diệu hữu cũng chẳng ngại chân không. Chân không chẳng không, cho nên gọi diệu hữu; diệu hữu chẳng hữu, cho nên gọi chân không. Thứ đạo lý nầy nếu minh bạch rồi, tức là Nhất Thiết Sư, Thiên Nhân Sư, đại trượng phu, ai đến được như vậy, tức là Thầy của tất cả chúng sinh thế gian và xuất thế gian.

Hội Thứ Tư Chú Lăng Nghiêm lại phân ra sáu thứ hiệu dụng. Sáu thứ hiệu dụng nầy đều không thể nghĩ bàn. Tôi nghĩ nửa ngày cũng nói không ra gì hết. Thứ nhất tức tâm chú thủ lãnh. Bạt Già Phạm tức là Phật, Phật tức là thủ lãnh của tâm Chú. Vì Ngài là thủ lãnh của tâm Chú, cho nên hay hàng phục thiên ma, chế các ngoại đạo, hàng phục hết tất cả.

Thứ hai là năm bộ khai phát, tức Đông phương Phật A Súc (cũng gọi Kim Cang bộ), Phật Dược Sư làm bộ chủ, có Phật quản lý tất cả yêu ma quỷ quái, khiến cho chúng đều không dám xuất hiện, lão lão thật thật. Nếu không có Phật, thì quỷ lớn, quỷ nhỏ, quỷ dài, quỷ ngắn, quỷ thiện, quỷ ác, quỷ giàu, quỷ nghèo, đều xuất hiện. Nam phương Bảo Sanh bộ, Phật Bảo Sanh làm bộ chủ. Tây phương Liên Hoa bộ, Phật A Di Đà làm bộ chủ. Bắc phương Yết Ma bộ, Phật Thành Tựu làm bộ chủ. Trung ương Phật bộ, Phật Thích Ca Mâu Ni làm bộ chủ. Năm đại bộ nầy đều khai phát, khai phát tức là chấp hành nhiệm vụ của các Ngài.

Thứ ba tức bát bộ thông phục, Thiên long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, người, chẳng phải người, đều lão thật.
Thứ tư Kim Cang Tạng Vương hộ pháp, ai tu hành pháp Chú Lăng Nghiêm, thì Bồ Tát Kim Cang Tạng Vương hộ trì người đó.
Thứ năm Thiên thần phụng hành, Thiên thần y giáo phụng hành, y chiếu theo mạng lệnh của bạn, kêu họ làm gì, thì họ làm cái đó.
Thứ sáu kết quy mãn nguyện, bạn có sở cầu gì, thì đều tuỳ tâm mãn nguyện.

HỘI THỨ NĂM

HỘI VĂN THÙ HOẰNG TRUYỀN

Thụ cùng hoành biến tận bao la
Vi trần sát hải thập phương hợp
Hoa Tạng Tỳ Lô đại đàn tràng
Phổ nhập thử giới diễn Ma Ha.

Nghĩa là:
Dọc cùng ngang khắp tận hư không
Biển cõi hạt bụi mười phương hợp
Hoa Tạng Tỳ Lô đại đàn tràng
Khắp vào cõi nầy diễn Ma Ha.

435. Đột sắc tra chất đa

Dịch: Quỷ tâm ác.

Kệ:
Ác tâm quỷ vương vô minh đa
Phiền não sự chướng nan giải thoát
Lập công tích đức tăng phước huệ
Phụng hành đại giáo diễn Ma Ha.

Nghĩa là:
Quỷ vương tâm ác nhiều vô minh
Phiền não nghiệp chướng khó giải thoát
Lập công bồi đức tăng phước huệ
Phụng hành đại thừa diễn Ma Ha.

Giảng giải: Ý câu nầy là chúng sinh tri kiến, dịch ra là “Quỷ tâm ác”, còn gọi là “Quỷ vô minh”, còn gọi là “Quỷ sân hận”.
“Quỷ vương tâm ác nhiều vô minh”: Sự nóng giận của chúng lớn nhất, cho nên nói: “Nhiều vô minh”, loài quỷ nầy mỗi cử chỉ hành động, đều muốn nổi giận lên, mỗi bước chân núi lung lay, đất chấn động, tâm của loài quỷ vương nầy rất ác, cho nên rất nhiều quỷ thần đều sợ chúng, ủng hộ chúng làm vua. Sự nóng giận của chúng lớn nhất, việc tốt chúng cũng nóng giận, việc xấu thì khỏi nói rồi. Bạn thuận chúng, chúng cũng nổi giận; bạn nghịch với chúng, thì chúng càn nổi sân lên. Tóm lại, bất cứ như thế nào cũng đều không đúng.

“Phiền não nghiệp chướng khó giải thoát”: Vì chúng tánh nóng giận lớn như vậy, cho nên rất nhiều phiền não chướng ngại chúng. Chúng không dễ gì sửa đổi tánh nóng giận của chúng. Tóm lại, trong tâm chẳng được bình an, lúc nào cũng phiền não, tự mình làm khó mình, rất không được tự do.
“Lập công bồi đức tăng phước huệ”: Chúng cảm thấy mình nghiệp ác rất nặng, lại là một quỷ vương, cho nên lập công bồi đức, học làm những việc tốt để đem công chuộc tội, tu phước tu huệ, lập công bồi đức. Đây đều là những biện pháp tăng phước huệ. Nếu phước báo nhiều, thì sự nóng giận sẽ bớt đi. Nếu trí huệ tăng, thì vô minh sẽ phá trừ.
“Phụng hành đại thừa diễn Ma Ha”: Chúng phụng hành pháp đại thừa, diễn nói pháp đại thừa, giáo lý đại thừa.

436. A mạt đát rị chất đa

Dịch: Quỷ ác độc.

Kệ:
Ác niệm độc Chú quỷ kiến sầu
Thiên đường địa ngục tự ngao du
Hiệu pháp Thánh hiền vô lượng huệ
Đại tai linh văn cứu khổ ưu.

Nghĩa là:
Ác tâm niệm Chú quỷ thấy sầu
Thiên đường địa ngục tự ngao du
Tu pháp Thánh hiền vô lượng huệ
Linh văn mầu nhiệm cứu khổ lo.

Giảng giải: Câu Chú nầy dịch ra là “Quỷ ác độc”, cũng dịch là “Pháp tối thắng”, “Pháp vô tỉ”, “Pháp vô năng thắng”.
“Ác tâm niệm Chú quỷ thấy sầu”: Dùng niệm ác mà niệm Chú, thì đừng nói đến người, dù quỷ thấy được Chú cũng đều sinh sầu, sinh sợ. Phàm là người học mật tông, đều có một thứ niệm ác, một thứ tư tưởng A tu la, đều nghĩ muốn hàng phục người khác, thắng người khác, bất cứ sự việc gì cũng đều muốn tranh đệ nhất, có một thứ hành vi của A tu la, dù quỷ ác độc thấy được Chú nầy, cũng phát sầu nữa.

“Thiên đường địa ngục tự ngao du”: Quỷ ác độc thế lực rất lớn, Thiên đường địa ngục tuỳ ý ngao du. Có lúc chúng nghiệp thiện thành thục, thì thăng lên Thiên đường, có lúc nghiệp ác thành tựu, thì phải thọ quả báo, bèn đọa vào địa ngục, tự mình tuỳ tiện có thể du hành.

“Tu pháp Thánh hiền vô lượng huệ”: Chúng có chỗ tốt, là biết sai liền sửa, tu theo pháp Thánh hiền, cải ác hướng thiện; tu theo pháp Thánh hiền, khâm kính vô lượng vô biên trí huệ của các Thánh hiền.

“Linh văn mầu nhiệm cứu khổ lo”: Linh văn nầy cao nhất, không gì sánh bằng, lớn nhất, linh nghiệm nhất, cứu được khốn khổ sầu lo của tất cả chúng sinh. Tại sao trì Chú phải trì mỗi ngày? Vì sức lực trì Chú quá lớn, hay sinh ra sức lực lớn không thể nghĩ bàn, tất cả mọi việc đều sẽ có sự biến hoá, chuyển hung ác thành cát tường, việc nguy hiểm thành bình an, cho nên phải chuyên tâm nhất chí trì Chú Lăng Nghiêm.

Trong Chú Lăng Nghiêm gì cũng đều có, bao quát bàng môn tả đạo, yêu ma quỷ quái. Đừng có thời gian lâu dần bèn sinh ra lười biếng, không còn hứng thú với Chú Lăng Nghiêm. Đây chẳng phải nói một niệm của bạn, thì thấy được công hiệu gì, bạn cũng phải thọ trì đọc tụng mỗi ngày. Thời gian tu lâu dài, mới có thể thành công nhất thời. Nếu bạn bình thường không tu, khi dùng nó thì chẳng có cảm ứng gì; nếu bình thường tu đủ thứ pháp, thì mỗi cử chỉ hành động, lới nói việc làm của bạn, tám vạn bốn ngàn Bồ Tát Kim Cang Tạng đều đến ủng hộ lời nói hành vi của bạn. Cần phải lâu ngày công phu thâm sâu, chẳng phải một sớm một chiều thì thành tựu, thì có cảm ứng. Giống như đi học, mất tới mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm, mới có học vấn chân chánh, tu hành cũng lại như thế.

437. Ô xà ha ra

Dịch: Quỷ ăn tinh.

Kệ:
Phong lưu tà kiến thực tinh quỷ
Vô thuỷ nhiễm trước tội nghiệp hồn
Điên đảo hắc bạch mê chân tế
Nhận tặc tác phụ cố trầm luân.

Nghĩa là:
Quỷ ăn tinh phong lưu tà kiến
Hồn tội nghiệp nhiễm trước lâu đời
Điên đảo trắng đen mê không ngộ
Nhận giặc làm cha nên trầm luân.

Giảng giải: Câu Chú nầy dịch ra là “Quỷ ăn tinh”, Con người vô tri cho rằng, trên thế gian có thể tuỳ tiện làm tình dục, kỳ thật trong sự yên tĩnh, bạn nhìn

chẳng thấy không biết bao nhiêu là sự việc, đơn giản là loài quỷ ăn tinh khí, còn nhiều hơn là số cát sông Hằng, mỗi khi gặp người, hoặc là chúng sinh có khí có huyết đang hành dục, thì trong sự yên lặng có loài quỷ ăn tinh khí nầy đi theo, đây thật là quỷ dơ bẩn, chuyên môn ăn những vật dơ bẩn bất tịnh, dùng để làm linh khí, tri giác cho chúng. Nếu người biết điều nầy, làm người thì nên giảm bớt chuyện hành dục, vì khi có thứ hành vi nầy, thì sẽ có rất nhiều nhân duyên không tốt phát sinh. Tại sao chúng sinh điên đảo? Cũng vì vấn đề nầy, bài kệ nói:

"Quỷ ăn tinh phong lưu tà kiến": Làm loài quỷ nầy như thế nào? Vì thích phong lưu, thích tà kiến, người ta nói không đúng, thì chúng nói là đúng; người ta đi đường chánh, thì chúng nhất định đi đường tà; người ta làm việc thiện, thì chúng muốn làm việc trong thiện có ác; tức là tà tri tà kiến như vậy, cho nên làm quỷ ăn tinh khí, cho đến làm quỷ cũng làm quỷ tà kiến.

"Hồn tội nghiệp nhiễm trước lâu đời": Tại sao làm thứ nầy? Vì từ vô lượng kiếp đến nay, cứ tạo nghiệp nhiễm ô, lại chấp trước vào nó, cho nên làm quỷ, vẫn không thay đổi thứ tập khí nầy, đi khắp nơi ăn những vật dơ bẩn, đây gọi là điên đảo trắng đen, đen làm thành trắng, trắng lại làm thành đen, rất là điên đảo. Không nhận thức được thật giả, cho nên nói: "Điên đảo trắng đen mê thật giả, Nhận giặc làm cha nên trầm luân": Người không tốt, chúng cho rằng là người tốt, người tốt, chúng lại cho rằng là người không tốt, điên đảo như thế, do đó gọi là có mắt không tròng, chẳng phân trái phải, không biết cong thẳng, vốn thành ngữ có nói: "Nhận giặc làm con", chúng chẳng những nhận giặc làm con, mà còn nhận giặc làm cha, gọi giặc là ba ba, cho nên bị trầm luân làm quỷ ăn tinh. Vì khi chúng làm người thì thích hành dâm, cho nên khiến cho chúng hiện tại đi ăn những vật dơ bẩn, thích đến như vậy đó.

438. Già bà ha ra

Dịch: Quỷ ăn thai.

Kệ:
Đại Không Vương Phật chủ oai thần
Hàng phục hấp thai ác tánh linh
Đãn nguyện chúng sinh đồng hướng thiện
Phùng hung hoá cát ngộ cứu tinh.

Nghĩa là:
Đại Không Vương Phật chủ oai thần
Hàng phục ác quỷ ác thích ăn thai

Nguyện cho chúng sinh cùng hướng thiện
Chuyển hung hoá các gặp cứu tinh.

Giảng giải: Già Bà là tên của Không Thần, tức cũng là tên của một vị Thần Không Vương Phật, câu Chú nầy là "Quỷ ăn thai", có lúc người sinh em bé, chưa sinh mà bị chết, là do thai bị quỷ ăn, quỷ ăn thai lợi hại hơn so với quỷ ăn tinh, đại khái là vì khi làm người, thì thích ăn thai heo, thai bò, thai ngựa, khi làm quỷ thì vẫn làm quỷ ăn thai, vật dơ bẩn trong sự dơ bẩn. Bài kệ nói:

"Đại Không Vương Phật chủ oai thần": Vị Không Vương Phật có đại oai thần lực.
"Hàng phục ác quỷ thích ăn thai": Đại Không Vương Phật có thể hàng phục ác quỷ ăn thai, loài quỷ nầy là quỷ ác, chuyên môn phá hoại đồ vật của mọi người, mọi người muốn sinh em bé, thì chúng đến trước để ăn, bạn xem có ác hay không! Các vị nhìn chẳng thấy chúng, nếu nhìn thấy chúng, thì một chưởng sẽ đập nát chúng, vì nhìn không thấy cũng chẳng có cách gì, ăn thì ăn, để cho chúng chiếm tiện nghi, còn bạn thị bị thiệt thòi.

"Nguyện cho chúng sinh cùng hướng thiện": Tuy là như vậy, nhưng chư Phật Bồ Tát muốn chúng sinh cải ác hướng thiện, sửa lỗi làm mới, không gặp những việc không vui vẻ nầy.
"Chuyện hung hoá các gặp cứu tinh": Tuy gặp loài ác quỷ nầy, cũng có thể sẽ gặp hung hoá cát, gặp được sự cứu tinh.

Ý nghĩa câu Chú nầy, mọi người biết sự lợi hại rồi, hãy mau tu đạo! Đừng có hồ đồ kết hôn rồi sinh con đẻ cái, tạo ra sự luân hồi. Nghe ý nghĩa đoạn Chú Lăng Nghiêm nầy, chuyện trên đời chẳng những vấn đề nầy, mà còn có rất nhiều, rất nhiều, vấn đề khác nữa. Rất nhiều việc bạn cho rằng tốt, nhưng bên trong có nhiều việc không tốt phát sinh, bạn cho rằng là việc rất khoái lạc, nhưng tương lai đau khổ cũng vô lượng, chẳng bằng giữ trung đạo, không thái quá, cũng chẳng bất cập, không phiền não, cũng chẳng có khoái lạc.

Khi "Hỉ nộ ai lạc chưa phát sinh gọi là trung, phát sinh mà đều trung tiết gọi là hoà", nếu bạn hiểu được đạo lý nầy, thì làm việc gì cũng đều đừng thái quá, đừng mê đầu não, điên đảo. Nếu bạn có thể không mê muội gì hết, thì chuyện gì cũng không làm bạn mê muội được. Chẳng phải tất cả mọi vật đến mê hoặc bạn, mà là bạn mê hoặc tất cả mọi vật, vì bạn không hiểu được. Nếu hiểu được, minh bạch rõ ràng, thì tất cả sẽ không điên đảo, cũng không điên đảo trắng đen, đều thấy rõ ràng, đen là đen, trắng là trắng, thiện là thiện, ác là ác, không thể trong thiện có một chút ác, trong đen có một chút trắng, thiện ác hỗn tạp, thì tương lai quả báo sẽ không thuần.

Cho nên bạn có được hoàn cảnh tốt, trong đó có chuyện không tốt phát sinh; có hoàn cảnh không tốt, trong đó lại có chuyện tốt đến. Nếu bạn hiểu rõ được, thì sẽ không có thứ vấn đề nầy. Những gì chúng ta gặp ngày hôm nay, đều là nhân đã tạo ra trong quá khứ, hiện tại chúng ta phải sửa tạo sanh mạng của chúng ta, cho nên nói: "Quân tử có học tạo mạng, mạng do ta lập, phước tự mình cầu; phước hoạ không cửa, do người tự chiêu", tức là đạo lý nầy. Người học Phật nhất định phải nhận thức cho rõ ràng về nhân quả báo ứng, đừng có lờ mờ, tuỳ tiện tạo nghiệp ác, tuỳ tiện trồng nhân ác, tuỳ tiện tạo tội nghiệp, mình vẫn không biết, vấn đề nầy phải cẩn thận.

439. Lô địa ra ha ra

Dịch: Quỷ uống máu.

Kệ:
Tập thù thắng pháp thí thực huyết
Địa quang minh nhân đại trượng phu
Cố năng hoá thân thiên bách ức
Tứ sanh lục đạo tế cô độc.

Nghĩa là:
Tu thắng pháp cứu quỷ uống máu
Nghe pháp tu hành thành trượng phu
Nên hoá thân được ngàn vạn ức
Bốn loài sáu đường được cứu độ.

Giảng giải: Câu Chú nầy là "Quỷ uống máu", nhưng quỷ uống máu nầy, gặp được Phật pháp cũng sẽ thành Phật, thành Đại Quang Minh Nhân Phật. Nhưng nhất định phải gặp được Phật pháp, tu trì Phật pháp, mới có thể thành Phật. Nếu không gặp được Phật pháp, không tu trì Phật pháp, thì dù bất cứ ai cũng không thể thành Phật được. Ở trước đã nói qua quỷ ăn tinh, quỷ ăn thai, khi nam nữ hành dục, thì có quỷ dơ bẩn đến ăn tinh khí, em bé ở trong bụng mẹ chưa sinh ra, thì có quỷ ăn thai đến ăn; bây giờ lại có một loài quỷ chuyên uống máu khi phụ nữ sinh sản.

"Tu thắng pháp cứu quỷ uống máu": Nhờ diệu pháp thù thắng của Phật, cứu độ tất cả quỷ uống máu.
"Nghe pháp tu hành thành trượng phu": Quỷ uống máu nghe pháp tu hành, liền thành Địa Quang Minh Nhân Phật. Đại trượng phu tức là Phật, Phật đã vượt ra ba cõi, không còn ở trong luân hồi, nên gọi là đại trượng phu.

“Nên hoá thân được ngàn vạn ức”: Ban đầu là quỷ uống máu, sau khi đã thành Phật rồi, thì có thể hoá thân trăm ngàn vạn ức.

“Bốn sinh sáu loài được cứu độ”: Bốn sinh tức là: Thai, noãn, thấp, hoá. Sáu loài là: Trời, người, A tu la, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục. Ngài hoá thân trăm ngàn vạn ức, vì cứu độ một loài chúng sinh thống khổ nhất.

440. Ta bà ha ra

Dịch: Quỷ uống dầu.

Kệ:
Thực dầu quỷ hấp đăng chúc tinh
Tự phục bảo hoả Phật lai ứng
Trừng thanh vũ trụ quang vạn trượng
Tế địa ngục khổ độ u minh.

Nghĩa là:
Quỷ uống dầu hút dầu đèn đuốc
Tu thành Tự Phục Bảo Hoả Phật
Vũ trụ trong sáng quang vạn trượng
Cứu khổ địa ngục chốn tối tăm.

Giảng giải: Câu Chú nầy là “Quỷ uống dầu”, quỷ dầu béo, bất cứ chỗ nào có dầu khí, thì chúng chạy đến chỗ đó, một mặt ngửi mùi dầu, một mặt uống dầu, nếu không có dầu, thì chúng hút mùi khói dầu, ăn uống những dầu cặn dơ bẩn, khi chúng có được những thứ nầy, thì giống như người xem như là mật đường, cho nên nói:
“Quỷ uống dầu hút dầu đèn đuốc”: Dầu đèn đuốc đều bị chúng hút đi.

“Tu thành Tự Phục Bảo Hoả Phật”: Chúng gặp được Phật pháp thù thắng, cũng tu hành thành Phật, hiệu là Tự Phục Bảo Hoả Phật. Xưa kia chúng là quỷ uống dầu, hiện tại đã thành Phật rồi. Phật có đại trí huệ, không còn sân hận; quỷ ngu si nhất, lại có tâm sân hận, nhưng sửa lỗi hướng thiện, cũng có thể thành Phật.
“Vũ trụ trong sáng quang vạn trượng”: Chúng thành Phật rồi, vũ trụ đều trong sáng, tất cả đều thanh tịnh, không còn tà khí, quang minh sáng vạn trượng, phóng quang động địa, những hiện tượng nầy để làm gì?

“Cứu khổ địa ngục chốn tối tăm”: Vì cứu độ chúng sinh thống khổ ở địa ngục, độ thoát những nơi đen tối không có ban ngày, không thấy được ánh sáng mặt trời, thọ khổ trong u minh.

441. Ma xà ha ra

Dịch: Quỷ ăn sản.

Kệ:
Quỷ ăn sản sùng tánh tàn độc
Âm thác dương sai tạo huyết hồ
Hải Thuỷ Thiên Thần Phật đà gia
Phùng hung hoá cát giai củng phục.

Nghĩa là:
Quỷ ăn sản sùng tánh tàn độc
Âm dương sai lầm tạo hồ máu
Tu thành Phật Hải Thuỷ Thiên Thần
Gặp hung hoá cát đều kính phục.

Giảng giải: Ý nghĩa câu Chú nầy vốn là "Quỷ ăn sản", tức là quỷ ăn linh hồn. Khi phụ nữ sinh con, nhưng em bé sinh ra rồi chẳng bao lâu thì chết. Tại sao vậy? Vì bị quỷ ăn sản ăn mất. Chúng chẳng phải ăn thịt, mà là ăn linh hồn. Chúng ăn mất linh hồn, thì em bé sẽ chết, cho nên nói:
"Quỷ ăn sản sùng tánh tàn độc": Sùng là một thứ đồ vật hoặc có, hoặc không, bạn nói nó có, lại nhìn không thấy nó; bạn nói nó không có, nó lại ở đó tác quái, làm cho bạn phiền não. Quỷ là một loại âm khí, loại âm khí nầy rõ ràng là không có, mà tụ lại thì lại có. Tụ lại thì có hình, tán ra thì không có hình, đây gọi là quỷ sùng, tánh tình của chúng rất tàn độc.

"Âm dương sai lầm tạo hồ máu": Loài quỷ sùng ăn sản nầy, cũng chẳng muốn làm như thế, nhưng chẳng biết như thế nào, do nghiệp lực của chúng nên phải làm như vậy. Khi em bé mới sinh ra, thì chúng làm cho chết, bắt linh hồn của em bé đi làm quyến thuộc cho chúng, làm quân đội của chúng, làm quân đồng tử của ma. Loại thứ "tiểu quỷ con" nầy không tốt chút nào, bạn dạy chúng như thế nào, chúng cũng không nghe. Chúng lầm lẫn âm dương sai lầm trong sự bất tri bất giác, đi ăn linh hồn em bé mới sinh, tạo thành hồ máu, máu huyết của người phụ nữ sinh sản chảy ra thành một hồ.

"Tu thành Phật Hải Thuỷ Thiên Thần": Hải Thuỷ Thiên Thần vốn cũng là quỷ ăn sản, nhưng về sau tu hành thành Phật, hiệu là "Phật Hải Thuỷ Thiên Thần". Thành Phật rồi, thì Ngài bèn đi bảo hộ người. Nếu chẳng có vị Phật nầy đến bảo hộ, thì e rằng con nít sinh ra đều bị ăn sạch. Vì có vị Phật nầy, mới có thể "Gặp hung hoá cát đều kính phục": Quỷ ăn sản cuối đầu lễ bái đều nghe lời.

442. Xà đa ha ra

Dịch: Quỷ ăn thịt.

Kệ:
Thập nhị bộ Kinh bổn sự đồ
Thực nhục sàm quỷ bàn hồ lô
Thuỷ Tự Tại Phật ai nhiếp thọ
Quy mạng đảnh lễ khấu Lưỡng Túc.

Nghĩa là:
Mười hai bộ Kinh bổn sự đồ
Quỷ tham ăn thịt rất mập béo
Thuỷ Tự Tại Phật thương nhiếp thọ
Quy mạng đảnh lễ đấng Lưỡng Túc.

Giảng giải: Câu Chú nầy ý nghĩa là “Quỷ ăn thịt”, thích ăn thịt đều có quỷ ở đó làm chủ sai khiến bạn ăn thịt. Quỷ nầy giống như trái bầu mập ú, cho nên nói: “Mười hai bộ Kinh bổn sự đồ”: Câu Chú nầy dịch ra là “Bổn sự”. Bổn sự đồ, giống như tấm bản đồ.
“Quỷ tham ăn thịt rất mập béo”: Phàm là thích ăn thịt đều có con quỷ tham ăn nầy. Quỷ tham ăn nầy rất mập béo, tròn trịa giống như quả bầu hồ lô. Bạn xem, người thích ăn thịt cũng thọ sự huân tập, lâu dần cũng biến thành mập béo như quả bầu hồ lô.

“Thuỷ Tự Tại Phật thương nhiếp thọ”: Câu nầy cũng bao quát ý nghĩa quỷ ăn thịt về sau thành Thuỷ Tự Tại Phật, quỷ ăn thịt về sau tu hành thành Thuỷ Tự Tại Phật. Ngài thương xót chúng sinh khổ não, cho nên thương xót nhiếp thọ tất cả chúng sinh.

“Quy mạng đảnh lễ đấng Lưỡng Túc”: Tất cả quỷ ăn thịt cũng đều biết sửa lỗi làm mới, quy mạng đảnh lễ vị Phật đà phước huệ đều đầy đủ.
Mười hai bộ Kinh là gì? Các vị tuổi còn trẻ không nên quên, tôi già rồi quên thì được. Chẳng phải là tôi chuyên chế, các vị đang trưởng thành, đâu có giống như tôi già rồi vô dụng. Có bài kệ liên hệ tới mười hai bộ Kinh rằng:

Trường hàng trùng tụng tịnh thọ ký
Cô khởi vô vấn nhi tự thuyết
Nhân duyên ví dụ cập bổn sự
Bổn sanh phương quảng vị tằng hữu
Luận nghị cộng thành thập nhị bộ
Quảng như đại luận tam thập tam.

Trường hàng, trùng tụng, thọ ký, cô khởi, vô vấn tự thuyết, nhân duyên, ví dụ, bổn sự, bổn sanh, phương quảng, vị tằng hữu, luận nghị, đều là một bộ, cộng thành mười hai bộ Kinh. Tam tạng là: Tạng Kinh, tạng luật, và tạng luận.

443. Thị tỷ đa ha ra

Dịch: Quỷ ăn mạng.

Kệ:
Âm nhạc Thiên thượng ca vịnh thần
Thanh minh luật kim thực mạng tranh
Sử thành Kim Cang Bồ Tát Tạng
Đà La Ni Phật tự tại tôn.

Nghĩa là:
Thần ca ngâm âm nhạc trên trời
Thanh minh luật kim thực mạng tranh
Khiến thành Bồ Tát Kim Cang Tạng
Đà La Ni Phật đấng tự tại.

Giảng giải: Câu Chú nầy ý nghĩa là "Nhạc Thần", lại dịch ra là "Quỷ ăn mạng". Sinh mạng của con người là quan trọng nhất, nếu bị quỷ ăn mất thì không thể sinh tồn, nhưng quỷ ăn mạng muốn ăn mạng của con người, do đó con người đều sợ quỷ. Quỷ ăn mạng không những chỉ có một, mà có rất nhiều, làm sao biết được? Vì con người cũng rất nhiều, tức con người có rất nhiều, thì quỷ cũng có rất nhiều quỷ. Con người thì có người da vàng, người da trắng, người da đen, người da đỏ. Quỷ cũng có nhiều loại, chẳng phải chỉ có một, trong đó ngàn sai vạn biệt. Do đó, thần cũng có rất nhiều loại. Cứu kính có bao nhiêu quỷ? Có rất nhiều không thể nào tính đếm được, thần cũng vậy. Loài người da vàng trắng đen đỏ cũng đều khác nhau, giữa người với người cũng khác nhau, chẳng có ai giống ai.

Ở trên đã nói qua có rất nhiều quỷ, vô cùng vô tận. Có người nói: "Tôi chẳng thấy quỷ, cho nên tôi không tin có quỷ". Như vậy bạn cũng chưa từng thấy thần, sao lại tin thần? Chưa từng thấy Phật, sao lại tin Phật? Quỷ là một trong mười pháp giới. Tôi nói lại với bạn một câu triệt để nhất: Nếu không có quỷ, thì cũng chẳng có Phật. Quỷ không có, làm sao có Phật? Quỷ không có, thì con người cũng không có. Con người và quỷ đều là một trong mười pháp giới, đều là một gốc tán làm vạn thù, vạn thù quy về một gốc, đều là từ Phật tánh mà ra. Quỷ cũng có Phật tánh vậy, cũng là chúng sinh, cho nên các vị đừng sợ quỷ.

"Thần ca ngâm âm nhạc trên trời, Thanh minh luật linh thực mạng tranh": Phật sai khiến nói với những loài quỷ nầy đừng có ăn mạng của con người nữa! Đừng có tranh luận với người nữa, nên dứt tranh luận, làm thế nào đây?

"Khiến thành Bồ Tát Kim Cang Tạng": Khiến cho quỷ ăn mạng sẽ thành Bồ Tát Kim Cang Tạng.
"Đà La Ni Phật đấng tự tại": Có thể tổng tất cả pháp, trì vô lượng nghĩa. Tổng trì thân miệng ý, không phạm ba nghiệp, thì tội nghiệp gì cũng đều không có.

444. Bạc lược dạ ha ra

Dịch: Quỷ ăn cúng tế.

Kệ:
Tế lễ quỷ thần thực tinh anh
Bảo tản hoa cái thuế y hành
Đại Phương Quảng Phật hoá vạn vật
Quang minh nhân thắng đạo tự thành.

Nghĩa là:
Quỷ thần ăn cúng tế tinh anh
Dù hoa lọng báu đều thành tựu
Đại Phương Quảng Phật hoá vạn vật
Quang minh nhân thắng đạo tự thành.

Giảng giải: Câu Chú nầy dịch ra là "Quỷ ăn cúng tế".
"Quỷ thần ăn cúng tế tinh anh": Phàm là có người cúng lễ, thì chúng ăn sự tinh anh của đồ cúng. Đồ cúng cũng có linh hồn, linh tánh, giống như trái cây, đều có tánh của nó. Khi cúng Phật rồi, thì tánh của nó không còn nữa. Cúng quỷ cúng thần cũng như thế, chúng chỉ ăn tánh của nó, đây gọi là "Ăn tinh anh".

"Dù hoa lọng báu đều thành tựu": Khi bạn tụng câu Chú nầy, thì sẽ hình thành dù báu, lọng báu và lọng hoa, cây lọng trắng lớn cũng thành tựu.
"Đại Phương Quảng Phật hoá vạn vật": Câu Chú nầy cũng bao quát pháp lớn, pháp rộng v.v… Phật dùng tất cả Phật pháp, để giáo hoá tất cả vạn vật thế gian và xuất thế gian.
"Quang minh nhân thắng đạo tự thành": Là thù thắng trong loài người, đã chứng được Tam Miệu Tam Bồ Đề, quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

445. Kiền đà ha ra

Dịch: Quỷ ngửi hương.

Kệ:
Thực hương quỷ vương hoá kim cang
Tự tại Phật đà độ thập phương
Lục đạo luân hồi phù trầm chuyển
Tứ sanh thai noãn các thừa đương.

Nghĩa là:
Quỷ vương ngửi hương hoá kim cang
Phật đà tự tại độ mười phương
Sáu nẻo luân hồi chuyển trôi nổi
Bốn sinh thai noãn đều phải chịu.

Giảng giải: Kiền Đà Ha Ra vốn cũng thuộc về quỷ, là « Quỷ ngửi hương ». Chúng đi khắp nơi ngửi mùi hương của hoa, chỗ nào có mùi hương thì đến. Về sau quỷ nầy cũng hiểu được sự tu hành, bèn chuyển biến thành Kim Cang, cho nên nói: "Quỷ vương ngửi hương hoá Kim Cang": Quỷ ngửi hương vì ngửi rất nhiều hương, bèn bỏ mê về giác làm Thần Kim Cang, tinh tấn tu hành, trở thành quyến thuộc của Hương Tự Tại Phật, cho nên nói:
"Phật đà tự tại độ mười phương": Vị Phật nầy đang giáo hoá chúng sinh trong mười phương.

"Sáu nẻo luân hồi chuyển trôi nổi": Con người ở trong sáu nẻo luân hồi, lúc ở thiên đường, khi thì ở địa ngục, lúc thì làm ngạ quỷ, khi thì làm súc sinh. Có lúc thăng đi lên, có khi lại đoạ lạc vào trong ba đường ác. Trời, người, A tu la, là ba đường lành, ngạ quỷ, súc sinh, địa ngục là ba đường ác. Do đó "Ra thai ngựa, vào thai lừa, trước điện Diêm Vương mấy độ hồi, trước qua từ điện Đế Thích, lại đến trong nồi của Diêm Quân". Con người khi làm súc sinh, thì không biết tu hành, làm ngựa thì vào thai ngựa, có khi lại chạy đến thai lừa làm con lừa. Ở trong điện Diêm Vương không biết đã chạy qua chạy lại bao nhiêu lần rồi. Vừa mới ở trước điện Đế Thích trở về, lại trở lại trong chảo dầu của vua Diêm La. Luân chuyển trôi nổi trong sáu nẻo luân hồi, chẳng biết chuyển đến nơi nào.

"Bốn sinh thai noãn đều phải chịu": Bốn sinh là: Thai, noãn, thấp, hoá. Cũng chẳng biết lúc nào thì làm một loài chúng sinh nào đó. Thai, noãn, thấp, hoá, khi nghiệp cảm giao tập thì đều phải cam chịu, có nhân duyên với loài nào thì sẽ tái sinh vào loài đó.

446. Bố sử ba ha ra

Dịch: Quỷ ăn hoa.

Kệ:
Hoa Tự Tại Phật ánh quần phương
Kim cang trì chử lộ đường đường
Hồ điệp phi tường xuyên toa quá
Linh văn mặc tụng phóng hào quang.

Nghĩa là:
Hoa Tự Tại Phật chiếu các phương
Kim Cang cầm chuỳ lộ đường đường
Bươm bướm bay lượn xuyên qua lỗ
Âm thầm tụng Chú phóng hào quang.

Giảng giải: Câu Chú nầy dịch ra là "Quỷ ăn hoa". Chúng đi các nơi ăn hoa, về sau cũng biến thành Kim Cang, quy y với Hoa Tự Tại Phật.
"Hoa Tự Tại Phật chiếu các phương": Hoa Tự Tại Phật có rất nhiều hoa đến bồi giúp.
"Kim Cang cầm chuỳ lộ đường đường": Trong tay của vị Kim Cang cầm chuỳ báu, lộ đường đường tức là cao lớn, quỷ thần thấy được đều sợ hãi.
"Bươm bướm bay lượn xuyên qua lỗ": Có hoa thì có bươm bướm, bươm bướm cũng ở trong hoa, bay qua bay lại giống như xuyên qua lỗ.
"Âm thần tụng Chú phóng hào quang": Nếu bạn âm thầm tụng câu Chú nầy, thì cũng sẽ có sự cảm ứng phóng đại quang minh.

447. Phả ra ha ra

Dịch: Quỷ ăn quả.

Kệ:
Cúng dường chư Thánh quả tân tiên
Thử quỷ tứ tiện khước tranh tiên
Hưởng chi tăng trưởng bồ đề lực
Đắc đại an lạc chứng diệu huyền.

Nghĩa là:
Cúng dường Thánh hiền quả tươi ngon
Quỷ nầy dò xét tranh trước tiên
Hưởng rồi tăng trưởng lực bồ đề
Đắc đại an lạc chứng diệu huyền.

Giảng giải: Câu nầy dịch ra là “Quỷ ăn quả”. Đừng cho rằng cúng Phật, thì Phật đến hưởng thọ, đây không nhất định. Thứ nhất Phật chẳng háo ăn, cho nên bạn cúng cho Ngài, không nhất định Ngài sẽ ăn. Còn Bồ Tát thì sao? Bồ Tát thì cũng tu khổ hạnh, cho nên cũng không tham ăn, cũng không nghĩ đến ăn thứ gì. Chẳng phải ai cúng dường gì, thì Ngài sẽ mau đi đến ăn, chẳng phải. Như vậy ai có tâm thành cúng dường, Phật chẳng đi hưởng thọ, Bồ Tát cũng chẳng hưởng thọ, quỷ thấy chẳng có ai ăn, chúng bèn đến ăn, cho nên bài kệ nói:
“Cúng dường Thánh hiền quỷ tươi ngon”: Chúng ta dâng cúng dường chư Phật Bồ Tát trái cây tươi ngon, hoặc cúng dường thần linh, nhưng nếu không thể thường thường cúng dường, vậy thì nên cúng khi nào thì cúng. Nếu bạn có thể thường thường thay đổi cúng phẩm, thì mỗi lần ăn cơm thì thay đổi một lần. Nếu không thể thay đổi thường xuyên, thì trái cây có thể cúng mấy ngày cũng được.

“Quỷ nầy dò xét tranh trước tiên”: Khi dâng cúng phẩm lên, quỷ thấy Phật không đến hưởng thọ, Bồ Tát cũng không đến, vậy thì ta đến! Vì chúng biết Phật Bồ Tát chẳng có tranh ăn, chúng bèn đến hưởng thọ. Quỷ ăn quả tham ăn như vậy đó, đại khái trong chúng ta cũng có con quỷ giống như vậy, khi thấy trái cây thì lòng tham ăn nổi lên.
“Hưởng rồi tăng trưởng lực bồ đề”: Nhưng quỷ ăn cúng phẩm của Thánh hiền không có tội, vì Phật Bồ Tát không đến hưởng thọ, vì quá nhiều, nên chúng dùng một chút. Nhờ sức lực cúng Phật, chẳng những không có tội, mà còn tăng trưởng lực bồ đề, tăng trưởng tâm giác ngộ, cho nên “Đắc đại an lạc chứng diệu huyền”, lòng tham của chúng không còn nữa, tâm sân cũng tiêu mất, tâm si cũng không tồn tại. Chẳng còn tham sân si, thì sẽ đắc được đại an lạc, do đó đắc được sự áo diệu không thể nghĩ bàn.

448. Bà tỏa ha ra

Dịch: Quỷ ăn hạt giống.

Kệ:
Chủng tử tinh hoa bổ tiên thiên
Hi hí tam muội giải sầu não
Như ý thần thông đa biến hoá
Nhân tự tại Phật pháp vô biên.

Nghĩa là:
Chủng tử tinh hoa bổ tiên thiên

Đùa giỡn tam muội giải sầu não
Như ý thần thông nhiều biến hoá
Nhân tự tại Phật pháp vô biên.

Giảng giải: Câu nầy nghĩa là "Quỷ ăn hạt giống". Ở trước có quỷ ăn hương, quỷ ăn đèn. Có người không hiểu, bèn nói: "Tôi không tin có quỷ". Bạn không tin, vì căn bản bạn tức là quỷ mà! Cho nên bạn không thừa nhận mình là quỷ. Người tức là quỷ, quỷ tức là Phật. Nếu không có quỷ, thì cũng chẳng có người, cũng chẳng có Phật. Vì có người, cho nên có Phật; có Phật, cũng có quỷ, đây là một, là Phật tánh biến hoá. Bạn nói bạn nhìn chẳng thấy, đợi khi bạn nhìn thấy thì đã chết mất, làm quỷ mới nhìn thấy quỷ, thì đã quá muộn.
Quỷ nầy ăn hạt giống, khi bạn bỏ xuống nhiều hạt giống, quỷ nhìn thấy: "Ồ, bạn trồng rất nhiều, tôi sẽ đến ăn sạch hết không còn sót". Cho nên có những hạt giống không mọc mầm lên, vì đã bị quỷ ăn mất, tánh của hạt giống chẳng còn nữa. Không tin quỷ thần, nói chẳng có việc nầy, bạn làm sao biết không có?

"Chủng tử tinh hoa bổ tiên thiên": Bất cứ hạt giống gì, trong đó đều có sanh cơ, sanh cơ tức là vitamin mà chúng ta hay thường nói. Con người tạo ra vitamin A, B, C .v.v… là vitamin hữu hình, sanh cơ trong hạt giống là vô hình. Tuy nói là sanh cơ ở trong hạt giống, kỳ thật nó là một cái "tánh", tức cũng là tinh hoa. Nó hay trợ giúp con người khôi phục lại sức khoẻ vốn có, khôi phục lại sức khoẻ, "bổ tiên thiên", tiên thiên tức là nhìn không thấy, chẳng phải hữu hình. Tục nói là "Bổ khí", bổ tức là một thứ linh khí, tức cũng là "Tánh". Vì bổ tiên thiên, thì nó mang theo sự quý báu.

"Đùa giỡn tam muội giải sầu não": Du hí thần thông, nhìn chúng chạy nhảy, náo nhiệt, không lo, không buồn, sự việc gì cũng không có, sầu não cũng tiêu trừ.
"Như ý thần thông nhiều biến hoá": Chúng lại có thể tu hành, thời gian lâu dần sẽ tụ tinh hội thần, tinh khí thần đều viên mãn, thì sẽ có thần thông. Con người làm thế nào mới có thần thông? Tức là tinh khí thần đầy đủ rồi, thì sẽ có thần thông. Chưa bói đã biết trước, việc gì cũng không nói mà dụ, không cần nói chúng cũng minh bạch, đây là một thứ thần thông. Thần ở tại đó giao thông, thần hổ tương thông gọi là thần thông.
Nhân tự tại Phật pháp vô biên": Nếu con người đắc được tự tại, thì nhất định sẽ thành Phật. Chỗ diệu pháp nầy là vô lượng vô biên, nói không hết được.

449. Bác ba chất đa

Dịch: Quỷ ác hình.

Kệ:
Ác hình xú quỷ mãnh vô địch
Cự khẩu lão nha phún hoả cơ
Độc đầu nhiệt não sân độc quái
Hàng phục nộ hận ma viễn ly.

Nghĩa là:
Quỷ thân xấu ác mạnh vô địch
Miệng to răng nhỏ phun máy lửa
Độc đầu nhiệt não quái sân độc
Hàng phục nộ hận ma xa lìa.

Giảng giải: “Quỷ thân xấu ác mạnh vô địch”: Do danh từ nầy thì biết quỷ nầy thân hình rất là đáng sợ, miệng của chúng há ra lớn như sông, như biển. Răng của chúng dài tới mấy trăm thước, một khi nhìn thấy quỷ thân ác nầy sợ muốn chết. Chúng rất xấu ác khó nhìn, còn mạnh tợn lạ thường, sức lực rất mạnh, chẳng ai có thể địch được chúng, chúng có thể bưng núi, có thể khiêng đỉnh.
“Miệng to răng nhỏ phun máy lửa”: Miệng to răng nhỏ giống như máy lửa.
“Độc đầu nhiệt não quái sân độc”: Đầu độc nhiệt não, lại có sân hận, độc trong sân hận tác quái, thứ độc đó khiến cho chúng thành tựu một quái vật.
“Hàng phục nộ hận ma xa lìa”: Hàng phục được sự nộ hận, thì ma sẽ chạy xa, sẽ có thể thành Phật.

Làm thế nào thấy một người có học vấn? Người có học vấn, thì bất cứ lúc nào cũng nhìn ra có sự sai lầm. Làm thế nào nhìn ra được sự sai lầm? Vì không cách chi giải thích cho thông suốt, cho nên mới biết có sự sai lầm trong đó. Câu sau trong chú giải có một câu “Hàng phục si Phật”. Sao lại có si Phật? Cứ tin sách, bằng chi chẳng có sách còn hơn. Phải chi không nhìn thấy chú giải, không có con mắt chọn pháp, thì rất dễ sai lầm. Điểm nầy phải chú ý, tuy sửa đổi mấy chữ, mà rất là quan trọng.

450. Đột sắc tra chất đa

Dịch: Quỷ mắt ác.

Kệ:
Vô minh tà kiến nghi hoặc thâm
Nhận tặc tác phụ thất bổn chân
Ác nhãn đại quỷ sát khí trọng
Trí huệ thành tựu Chúng Trung Tôn.

Nghĩa là:

Vô minh tà kiến nghi hoặc sâu
Nhận giặc làm cha mất bổn chân
Đại quỷ mắt ác sát khí nặng
Trí huệ thành tựu Chúng Trung Tôn.

Giảng giải: Câu nầy dịch ra là "Quỷ mắt ác". Con mắt của chúng rất ác, khi bạn nhìn thấy con mắt của chúng, thì kinh hãi dựng lông. Chúng hay thôi miên, nhìn thấy con mắt chúng, thì sẽ bị ma nhập rối loạn thần kinh, phải đưa vào nhà thương điên. Có một vị cư sĩ cũng đã từng bị quỷ mắt ác nầy, khi nhìn thấy quỷ mắt ác nầy, thì nhập cảnh giới ma, cho nên nói "Vô minh tà kiến nghi hoặc sâu".

"Nhận giặc làm cha mất bổn chân": Người thường thường nhận giặc làm con, nhưng trường hợp nầy là nhận giặc làm cha.
"Đại quỷ mắt ác sát khí nặng": Đại quỷ mắt ác nầy, sát khí rất nặng, con mắt của chúng rất ác, bạn nhìn con mắt thần của chúng, thì sẽ bị trúng tà, sẽ bị bệnh thần kinh. Một khi nhìn con mắt của chúng, thì sẽ bị chúng giết bạn, sát khí thật là lợi hại.

"Trí huệ thành tựu Chúng Trung Tôn": Lúc đó nếu bạn có trí huệ, thì bất cứ đại quỷ, tiểu quỷ mắt ác gì cũng đều không sợ. Chúng Trung Tôn tức là Phật, Phật làm thế nào mà thành Phật? Có trí huệ thì sẽ thành Phật, chẳng có trí huệ thì không thể thành Phật. Cho nên ai muốn thành Phật, thì trước hết phải tu trí huệ, đừng có càng học thì càng ngu si.

451. Đao đà ra chất đa

Dịch: Quỷ đầu to.

Kệ:
Đầu như Tu Di nhãn như hải
Cự khẩu lão nha thôn kình bách
Phật hiện thủ nhãn thiên vạn ức
Hàng phục đại lực quỷ chủ tể.

Nghĩa là:
Đầu như Tu Di mắt như biển
Miệng lớn nuốt trựng trăm cá kình
Phật hiện ngàn vạn ức tay mắt
Hàng phục quỷ chủ tể sức lớn.

Giảng giải: Đây là nói về « Quỷ đầu to », đầu của chúng rất lớn, con mắt cũng không nhỏ. Tuy đầu mắt đều to, miệng đương nhiên cũng rất lớn, lỗ tai, lỗ mũi cũng không nhỏ, nhưng cái bụng rất nhỏ. Tuy cái bụng nhỏ, vì cái miệng chúng lớn, cho nên vẫn ăn rất nhiều thứ. Sao đầu của chúng lớn như thế? Vì tâm tham dục rất nặng, tham mà không biết chán, tham rồi lại tham, trong đầu suốt ngày từ sáng tới tối đều nghĩ tham, cho nên đầu não trương lên đầy, não càng trương thì càng to, bèn biến thành quỷ đầu to. Cho nên người có tâm tham, đều có cơ hội làm quỷ đầu to, nếu không muốn làm quỷ đầu to thì đừng có tâm tham, điểm nầy các vị phải ghi nhớ.

“Đầu như Tu Di mắt như biển”: Cái đầu của quỷ đầu to nầy lớn cỡ nào? Lớn cỡ núi Tu Di. Núi Tu Di cứu kính lớn cỡ nào? Chúng ta đều đang ở dưới chân núi Tu Di, nhưng nhìn không thấy gì gọi là núi Tu Di, cho nên có người nói: “Núi Tu Di chỉ là ví dụ thôi”. Chẳng phải! Xác thực là có núi Tu Di, bất quá con mắt thịt của chúng ta nhìn không thấy lớn cỡ nào mà thôi. Con mắt của chúng lớn như biển cả. Có người nói “Có quỷ như vậy chăng”? Hết thảy các loài quỷ bạn đã từng thấy chưa? “Chưa”. Bạn chẳng nhìn thấy. Vậy thì bạn làm sao biết được là không có quỷ có con mắt lớn như vậy?

Trên thế gian nầy cái gì cũng đều có, không có gì kỳ lạ mà không có. Con mắt lớn như biển cả, thì cái miệng đương nhiên cũng không nhỏ, cho nên nói “Miệng lớn nuốt trựng trăm cá kình”: Cái miệng lớn nầy lớn hơn so với bất cứ thứ gì, cho nên một miếng thì nuốt trựng hàng trăm ngàn vạn cá kình. Cá kình là động vật rất lớn ở trong biển, chúng có thể một miếng nuốt trựng hàng trăm ngàn vạn, có thế lực lớn như vậy. Oai thần thế lực của chúng lớn như vậy, không dễ gì hàng phục, cho nên “Phật hiện ngàn vạn ức tay mắt, hàng phục quỷ chủ tể đại lực”: Phật đến hàng phục đại lực quỷ thần vương, chủ tể trong loài quỷ. Cho nên bạn đừng sợ, quỷ đầu to nầy bây giờ là hộ pháp, đều là ở trong Chú Lăng Nghiêm. Ai niệm Chú Lăng Nghiêm, thì chúng sẽ đến ủng hộ bảo vệ người đó.

452. Dược xoa yết ra ha

Dịch: Quỷ ăn lửa.

Kệ:
Thôn hoả quỷ vương chủng loại đa
Nam nữ đồng sanh cộng xứ hợp
Nhiếp quy dữ thụ bồ đề ký
Quyền thật vi thuận nhập Ma Ha.

Nghĩa là:
Quỷ vương ăn lửa nhiều giống loại
Nam nữ đồng sinh ở với nhau
Nhiếp quy và thọ ký bồ đề
Quyền thật trái thuận vào đại thừa.

Giảng giải: Câu nầy dịch ra là “Quỷ ăn lửa”, chuyên môn ăn lửa. Lửa vốn đốt cháy đồ vật, nhưng loại quỷ nầy dùng lửa làm thức ăn, không có lửa thì không sống được. Bạn thấy con người thì uống nước, còn chúng thì uống lửa, lửa cháy càng đỏ càng lợi hại, thì chúng càng thích, ở đó vừa nhảy nhót, vừa cười cười nói nói, vừa uống lửa.
Hiện tại Nhật Bản có một thứ ngoại đạo thờ lửa, chuyên môn đi trên lửa, nhưng họ không ăn được lửa, cho nên không giống như quỷ ăn lửa. Nếu họ có thể đi trên lửa, lại có thể ăn được lửa, thì chẳng khác gì mấy đệ tử của quỷ ăn lửa, cho nên hiện tại không đủ tư cách. Dù quỷ ăn lửa cũng chỉ là quỷ mà thôi, chẳng có gì nổi bậc.

“Quỷ vương nuốt lửa nhiều giống loại”: Loại quỷ vương nầy rất nhiều giống loại, tuy chúng là quỷ, nhưng cũng có duyên với Phật, Phật cũng độ chúng. Dược Xoa là quỷ nam, La Sát là quỷ nữ. Kỳ thật, quỷ cũng có Bồ Tát thị hiện làm quỷ, các Ngài cố ý hiện thân quỷ vương, để làm ảnh hưởng loài quỷ phát tâm bồ đề, câu sau đây nói rõ ràng.
“Nam nữ đồng sinh ở với nhau”: Chúng cũng sinh rất nhiều, có khi sinh người nam, có khi sinh người nữ, lại cùng ở với nhau.
“Nhiếp quy và thọ ký bồ đề”: Phật cũng không bỏ loài chúng sinh nầy, dùng từ bi hỉ xả bốn tâm vô lượng, để nhiếp thọ họ quy y Tam Bảo, thọ ký bồ đề cho họ nói: “Tương lai khi nào các vị sẽ thành Phật”.

“Quyền thật trái thuận vào Ma Ha”: Bất luận là quỷ vương ăn lửa thật, hoặc là giả, quyền là đại quyền thị hiện, thật là quỷ chân thật; hoặc trái với Phật giáo, hoặc thuận theo Phật giáo, Phật đều thọ ký cho chúng vào pháp đại thừa, cảnh giới đại thừa là không có gì mà không bao dung, bao dung hết tất cả, dù tất cả ngạ quỷ, súc sinh, cũng đều bao quát ở trong pháp đại thừa.

453. Ra sát ta yết ra ha

Dịch: Quỷ uống nước.

Kệ:
Đồng sanh tộc loại phả chúng đa
Tạp cư cộng xứ thôn thuỷ hải

Chiết phục thọ ký quy Tam Bảo
La Sát Ta Bà Yết Ra Ha.

Nghĩa là:
Đồng sinh giống loại chúng rất nhiều
Tạp cư cùng chỗ uống nước biển
Chiết phục thọ ký quy Tam Bảo
La Sát Ta Bà Yết Ra Ha.

Giảng giải: Ý nghĩa của nó ở trước đã có nói qua rồi. Ở trước đại khái gọi là nữ La Sát, con cháu La Sát. Ý nghĩa ở đây với ở trước đại đồng tiểu dị, cũng không khác là bao. La Sát nầy thuộc về nữ La Sát, nữ La Sát nầy tướng mạo rất xinh đẹp, nhưng trong tâm rất cay độc. Bên ngoài nhìn rất đẹp, nhưng bên trong rất hung ác, cho nên câu kệ nầy nói như vầy:

"Đồng sinh giống loại chúng rất nhiều": Giống loại của La Sát rất là nhiều, đều là háo thắng, chúng đều tranh cường luận thắng. Loài A Tu La kia tư tưởng cang cường rất lớn, cho nên nói "Đồng sinh giống loại", giống loại cũng là chủng loại. "Chúng rất nhiều", rất nhiều, rất nhiều.
"Tạp cư cùng chỗ uống nước biển": Nữ La Sát nầy, chúng dùng nước uống làm thức ăn, uống chút nước cũng no, uống chút nước sinh tố cũng no, uống chút nước nguyên chất cũng no, cho nên nói "Tạp cư cùng chỗ uống nước biển".

"Chiết phục thọ ký quy Tam Bảo": Phật dùng pháp môn chiết phục thọ ký cho chúng, khiến cho chúng quy y Tam Bảo, quy y Phật Pháp Tăng, cải tà quy chánh. Cho nên nói "La Sát Ta Bà Yết Ra Ha": Những nữ La Sát rất cay độc nầy, tuy chúng nhiều như thế, cũng đều có cơ hội thành Phật.

454. Bế lệ đa yết ra ha

Dịch: Quỷ tréo tay.

Kệ:
Song thủ giao gia mãnh hung oai
Quyền thật vi nghịch các phục thôi
Hiển mật bất định nhiếp đồng hoá
Đồng chứng bồ đề tốc tật quy.

Nghĩa là:
Hai tay tréo nhau rất hung oai
Quyền thật trái nghịch đều hàng phục

Hiển mật bất định nhiếp đồng hoá
Đồng chứng bồ đề mau chóng về.

Giảng giải: Bế Lệ Đa, dịch ra là “Quỷ tréo tay”. Tréo tay là tay tréo lại với nhau, tóm lại, chúng hiện ra như vậy rất là hung dữ, rất là oai phong, tức là khiến cho người ở xa thấy mà sợ hãi. Một khi thấy được chúng, thì toát mồ hôi, lông tóc đều dựng đứng. Khiến cho người sợ hại mà dựng lông. Ý nghĩa câu Chú nầy là “Quỷ tréo tay”, cho nên nói “Hai tay tréo nhau rất hung oai”, rất là oai phong.

“Quyền thật trái nghịch đều hàng phục”: Ở đây có đại quyền thị hiện, cũng có hiện thứ thân nầy để giáo hoá chúng sinh. Cho nên có khi trái, có khi thuận, đều hàng phục. Trái nghịch tức là không nghe lời, đều thu phục chúng.

“Đồng chứng bồ đề mau chóng về”: Mọi người mau chóng chứng được quả vị bồ đề, trở về bản thể của Phật, cho nên nói “Mau chóng về”.
Hôm nay nói đại khái mấy câu nầy, nếu mà nói tỉ mỉ, thì ý nghĩa của mỗi một câu Chú, dù có nói cũng nói không hết được. Cho nên nói một cách đại khái, vì thời gian có hạn, tất cả tất cả các vị đã minh bạch đại khái rồi. Các vị ai có thể hiểu sâu hơn, nghiên cứu sâu hơn, thì tự các vị hãy tự mình đi nghiên cứu.

455. Tỳ xá giá yết ra ha

Dịch: Quỷ tréo chân.

Kệ:
Giao túc quỷ vương thực khí sanh
Mạt phát bồ đề hại hàm linh
Cơ thục cải ác tu thiện đạo
Ủng hộ chánh pháp giác mê duật.

Nghĩa là:
Quỷ vương tréo chân ăn sinh khí
Chưa phát bồ đề hại hàm linh
Về sau cải ác tu thiện đạo
Ủng hộ chánh pháp giác bờ mê.

Giảng giải: Lúc chưa minh bạch Chú Lăng Nghiêm, đều không biết Chú Lăng Nghiêm có quỷ nhiều như thế. Chú Lăng Nghiêm không những nhiều quỷ như thế, mà quỷ trên toàn thế giới đều bao quát trong Chú Lăng Nghiêm. Bất luận là quỷ Trung Quốc, quỷ ngoại quốc, quỷ Mỹ quốc, quỷ Anh quốc, quỷ lớn, quỷ nhỏ, quỷ đen, quỷ trắng, quỷ vàng, quỷ đỏ, quỷ gì cũng đều bao quát trong Chú Lăng Nghiêm. Cho nên loại thứ quỷ nầy, mỗi một loại quỷ đều có nhiều vô

lượng vô biên. Bạn đừng cho rằng là một con quỷ, hai con quỷ. Cho nên khi chúng ta đi trên đường, không biết chừng xung đột với quỷ. Xung đột rồi, thì sẽ bị đau bệnh, hoặc là bị đau đầu, đau mắt, đau lỗ tai, đau cổ họng, lúc đó rất nhiều bệnh sẽ phát sinh.

Hôm nay giảng tới câu "Tỳ Xá Giá Yết Ra Ha", câu thứ 455 của Chú Lăng Nghiêm, câu Chú nầy dịch ra là "Quỷ tréo chân". Tréo chân tức là hai chân tréo lại với nhau, không tách ra. Loài quỷ nầy nương tựa vào gì để sinh tồn? Chúng hút tinh khí của con người, cho nên người nào bị quỷ nầy hút đi tinh khí, thì người đó cảm thấy uể oải mệt mỏi buồn ngủ, hoặc không biết thế nào là tốt. Tại sao chúng có thể hút đi? Vốn không thể hút đi, là vì bạn mở cửa cho chúng vào, trong tâm của bạn có quỷ. Khi bạn mở cửa thì chúng sẽ thâm nhập vào, ăn cắp đi bảo bối của bạn, hút đi tinh khí của bạn. "Khí" nầy giống như nấu nước có một luồng khí, con người chúng ta cũng có một luồng khí nóng bên trong, cho nên máu của con người chảy ra, thì nó có 36 độ nóng, mỗi một người lớn đều như thế. Nếu máu lạnh thì sẽ biến thành máu lạnh động vật, không còn tình cảm gì hết, cho nên loài quỷ nầy chẳng có tình cảm gì hết, chúng chẳng có biểu thị thần tình gì hết đối với ai, chẳng có tình cảm gì hết, bạn với chúng là huynh đệ thân thuộc tại nhân gian, sau khi chúng chết rồi, chúng chuyên môn muốn chỉnh bạn, muốn đến hại bạn. Tại sao vậy? Đây tức là ngược lại, con người thì muốn tương thân với nhau, còn quỷ thì đố kị với nhau. Chúng đố kị bạn, cho nên chúng muốn hại bạn. Chúng thấy bạn vừa có ăn, vừa có mặc, vừa có chỗ ở, cho nên chúng muốn gây ra tại hoạ cho bạn, chúng bèn nhảy lên đùi cười, nói: "Thật tốt! Lần nầy tôi thấy bạn sớm xảy ra chuyện rồi". Bạn sẽ hưởng phước không được, chúng đố kị bạn, quỷ giỏi về đố kị, nếu chúng ta đố kị thì sẽ rất gần với quỷ. Cho nên chúng ta là người học Phật đừng có đố kị, khi bạn đố kị, tức là có quỷ, lúc đó làm hàng xóm với quỷ, làm bạn với quỷ.

Do đó người học Phật chân chánh, thì không thể có tâm đố kị, không thể đố hiền kị năng, không thể thấy người ta giỏi hơn mình thì mình không vui, đừng có như thế. Nếu bạn như thế, thì vĩnh viễn không bao giờ thành Phật. Vì Phật không có tâm đố kị, Phật là đại công vô tư, ngay thẳng không thiên lệch, Phật là quang minh lỗi lạc, Phật ở trong đại quang minh tạng, không có một chút đen tối nào.

Nếu bạn đố kị chướng ngại, thì tức là quỷ, về sau làm quỷ đều đi lường gạt người. Cho nên chúng ta mọi người phải chú ý, nên nhớ đừng có đố kị những người tài giỏi hơn mình, đừng có thấy họ giỏi hơn mình, thì mình không vui; hoặc là người ta tu giỏi hơn mình, thì mình đố kị họ, đừng như thế. Một khi bạn

đố kị, thì mình chắc chắn làm quỷ ngu si, không có tơ hào nghi vấn gì hết. Bài kệ có nói là: “Quỷ vương tréo chân ăn sinh khí, Chưa phát bồ đề hại chúng sinh, Về sau cải ác tu thiện đạo, Ủng hộ chánh pháp giác bờ mê”.
Ở trước có giảng về “Quỷ tréo tay”, khi tay tréo lại với nhau, thì mở không ra. Ở đây là “Quỷ tréo chân”, khi chân tréo lại với nhau, thì mở không ra, không thể đi bộ được, nhưng chúng sẽ thổi gió, chúng đứng ở đó không bước đi, chúng có thể thổi gió thì chạy đi. Loài quỷ nầy, chúng đầu thai làm súc sinh, bạn nghĩ xem chúng làm con gì? Chúng làm con vịt. Bạn thấy chân con vịt nào đều liền với nhau, đó tức là “Quỷ tréo chân” đến đầu thai, làm con vịt đó.

Tóm lại, nếu chân không thể tách ra, thì đều là loài quỷ nầy, nghiệp báo không khác gì lắm, đầu thai vào thế gian nầy, chúng làm thứ đó. Vấn đề nầy bạn nên nhận thức rõ, ồ, nguyên lai đây là quỷ tréo chân. “Ăn khí sanh”, chúng từ sáng đến tối uống gió tây bắc, nhưng gió tây bắc chúng ăn không no, chúng muốn ăn khí của con người, ăn khí của chúng sinh. Khí của người không còn, thì chúng không tìm đến, chúng sẽ ăn khí của chúng sinh khác, nếu khí của chúng sinh khác không còn, thì chúng có thể ăn khí của ngũ cốc. Tóm lại, vật của chúng ăn rất nhiều, không cần đi làm ruộng. Làm quỷ không khổ cực như làm người, không sai! Vậy có thể mau mau đi làm quỷ, hâm mộ đời sống của chúng, nhưng loài quỷ nầy hiểu biết rất ít. Tại sao? Vì vô minh che đậy chúng, cho nên tôi hy vọng các vị đừng có thích đi làm quỷ.

“Chưa phát bồ đề hại hàm linh”: Trước kia, chúng chưa phát tâm bồ đề, chuyên môn hại người, cứ nghĩ hết cách, chúng chẳng có việc gì khác ngoài việc hại người, hại hàm linh. Tóm lại, chúng hút đi tinh khí của bạn, muốn cho bạn mau chết. Các vị không biết, có những tinh linh chuyên môn hút tinh khí. Một khi chúng hút đi tinh khí của bạn, thì bạn chịu không được. Cho nên chúng hại hàm linh. Hàm linh tức là sâu gỗ hàm linh, có mạng sống, chúng đều hại, chẳng có chút tâm từ bi nào hết.

“Về sau cải ác tu thiện đạo”: Về sau khi cơ duyên thành thục, chúng cải ác làm lành, phát tâm bồ đề tu pháp lành.
“Ủng hộ chánh pháp giác bờ mê”: Chúng cũng ủng hộ chánh pháp, trợ giúp Phật để hoá độ chúng sinh, ở trong biển khổ thoát khỏi bờ mê.

456. Bộ đa yết ra ha

Dịch: Quỷ tréo thân.

Kệ:
Giao thân quỷ hoá liên thể anh

Như giao tự tất chướng trùng trùng
Đốn phá vô minh hiện bổn tánh
Tích công bồi đức quả vị Tăng.

Nghĩa là:
Quỷ tréo thân hoá liên thể anh
Như keo tựa sơn chướng trùng trùng
Sớm phá vô minh hiện bản tánh
Tích công bồi đức quả vị Tăng.

Giảng giải: Đây là loài "Quỷ tréo thân". Quỷ tréo thân đầu thai làm người, có lúc biến thành liên thể anh. Vậy còn làm súc sinh thì sao? Tức là biến thành liên thể súc sinh cùng với nhau. Vì tập khí của chúng chưa thoát khỏi. Bạn thấy con khỉ nào chuyển thế làm người, thì tay chân vẫn còn là tay chân khỉ. Tay chân có chút ít giống như tay chân khỉ, trên thân còn có bao nhiêu là lông, rất nhiều lông lá.

Lúc trước tôi đã từng nói về "Ông Lưu tay heo", có một người cánh tay heo, ông Lưu tay heo họ Lưu, ai cũng đều biết. Vậy có thể thấy chúng ta, không nhất định đều là người tái sinh, có một số người không biết chừng từ trong sáu nẻo luân hồi tái sinh trở lại thế giới nầy, cho nên chúng ta được làm người, đây là sự rất may mắn. Trong đạo làm người có thể tu thành Phật, có thể tu hành, trong những nẻo khác cũng có thể tu hành, nhưng rất khó khăn. Cho nên nói "Quỷ tréo thân hoá liên thể anh, Như keo tựa sơn chướng trùng trùng, Sớm phá vô minh hiện bản tánh, Tích công bồi đức quả vị Tăng".

Câu nầy là câu thứ 456 trong Chú Lăng Nghiêm, "Bộ Đa Yết Ra Ha". Câu Chú nầy dịch ra là "Quỷ tréo thân". Một thân thể làm sao tréo? Phải cần hai thân thể tréo lại với nhau. Cho nên hiện tại rất nhiều liên thể anh, rất nhiều quỷ tréo thân đều đến thế giới nầy, đến thế giới nầy để làm gì? Để thuyết pháp cho mọi người, loài quỷ nầy thị hiện để thuyết pháp cho mọi người. Chẳng phải tôi đã từng nói rồi chăng? Vạn sự vạn vật trên thế giới nầy, đều đang thuyết pháp, nếu bạn lãnh hội được đạo lý chúng thuyết pháp, thì tất cả hết thảy đều chẳng có vấn đề gì, đều đang diễn nói diệu pháp!

Bạn thấy "Quỷ tréo thân hoá liên thể anh, Như keo tựa sơn chướng trùng trùng": Nghiệp chướng của chúng như vậy, trùng trùng thật là lợi hại.
"Sớm phá vô minh hiện bản tánh": Sớm phá vô minh, vô minh phá rồi, chẳng còn sự ích kỷ lợi mình, mọi sở cầu, tham, tranh, nói dối, những thứ mao bệnh nầy đều chẳng còn nữa, thì sẽ minh bạch tất cả. Sớm phá vô minh, thì sẽ minh bạch tất cả. Ồ! Nguyên lai là như thế, hốt nhiên đại ngộ. Hiện bản tánh, bản

tánh sẽ hiện tiền, cho nên bản tánh hiện tiền, chẳng phải lập tức thì thành Phật, vậy phải làm gì? Phải tích công, tích tụ công của bạn lập.

"Tích công bồi đức quả vị Tăng": Quả vị của bạn cũng ngày càng tăng cao, đều do từng chút từng chút tu thành, cho nên hôm nay mới được làm người. Cho nên mình đừng có xem thường chính mình, tự bỏ mình, tự quên mình. Không tự bỏ mình, tự quên mình, thì có thể sẽ thành Phật, làm tổ đều có phần, nhưng bạn đừng cho rằng hiện tại tức là Phật, tức là tổ, nếu bạn có những thứ tư tưởng nầy, thì sẽ rất mau chóng đoạ lạc vào đường ngạ quỷ, vì trong tâm bạn có con quỷ cống cao ngã mạn.

457. Cưu bàn trà yết ra ha

Dịch: Quỷ phân thân.

Kệ:
Phân hình hợp mạng hại sinh linh
Diệu dụng thần thông thuật vô cùng
Đao kiếm thương thân do khả tị
Dục ái thất bảo bất dịch tầm.

Nghĩa là:
Phân thân hợp mạng hại sinh linh
Thần thông diệu dụng thuật vô cùng
Đao kiếm hại thân có thể trốn
Ái dục mất báu không dễ tìm.

Giảng giải: Ý nghĩa câu Chú nầy là "Quỷ phân thân". Quỷ phân thân nầy, bạn thấy chúng là một, hốt nhiên biến thành vô số, bạn thấy chúng là vô số, hốt nhiên biến thành một. Chúng khiến cho trí lực của bạn, không đạt đến được thần thông diệu dụng của chúng, cho nên câu kệ nói: "Phân thân hợp mạng hại sinh linh, Thần thông diệu dụng thuật vô cùng, Đao kiếm hại thân có thể tránh, Ái dục mất báu không dễ tìm". Bốn câu nầy nói về quỷ Cưu Bàn Trà phân thân vô số, lại hợp mà làm một, cho nên mạng của chúng bèn thành một. Nhưng chúng đã từng dù sợ rằng thiên hạ không loạn, chúng muốn cho nhân loại của thế gian đều hại chết, cho nên gọi là quỷ hại quần.

Cưu Bàn Trà còn dịch là "Hình", lại dịch là "Ái", lại dịch là "Cái chày", có mấy ý nghĩa. Đạo lý chân chánh của mấy ý nghĩa nầy, là phải khử dục đoạn ái. Cho nên bạn muốn dùng thần thông trói buộc chúng, pháp thuật của chúng vô cùng, vô tận, rất lớn, chúng có thể hiện ra cái chày, để dùng đao kiếm hại

người, đoạt mạng sống của người, đây là hữu hình có thể thấy, rất dễ ẩn trốn, cho nên "Có thể trốn".

"Đao kiếm hại thân có thể trốn, Ái dục mất báu không dễ tìm": Con người bạn, phải có một thứ tình dục, thứ dục vọng nầy trợ giúp cho ái, có ái dục thì trí huệ chân chánh chẳng còn nữa. Có ái dục thì sẽ mất đi bảo bối vô giá của chính mình, dùng tiền bạc cũng không mua được bảo bối. Bạn làm cho bảo bối mất đi rồi, thì không dễ gì tìm lại được. Bạn đừng có làm cho bảo bối của mình mất đi, làm thế nào để không bị mất đi? Phải đắc được cảnh giới vô lậu, thì sẽ không mất đi gia bảo vốn có của chính mình, tài bảo vốn có của mình sẽ không mất đi. Nếu trong đầu bạn có ái dục ràng buộc không thanh tịnh, thì đây gọi là mở cửa mời kẻ trộm, tức cũng là mời kẻ trộm vào nhà của mình, để tuỳ tiện cướp đoạt đi bảo bối của chính mình. Điểm nầy các vị phải chú ý cẩn thận. Câu ở dưới là gì? "Tất Kiền Đà Yết Ra Ha".

458. Tất kiền đà yết ra ha

Dịch: Quỷ phun khói.

Kệ:
Thôn hoả thổ yên hiển oai thần
Già thiên cái địa mãnh hựu hung
Phiên giang đảo hải hồn nhàn sự
Quy mạng dữ ký khánh thăng bình.

Nghĩa là:
Nuốt lửa phun khói hiển oai thần
Che trời phủ đất rất hung dữ
Dời sông lấp biển lo việc nhàn
Quy mạng thọ ký khánh thăng bình.

Giảng giải: "Tất Kiền Đà" dịch là "Quỷ phun khói". Sao chúng lại phun khói? Vì nuốt lửa, chúng nuốt lửa vào thì phun khói ra. Khi chúng phun khói, thì hiển thần thông thị oai, cho nên nói "Hiển oai thần", chúng hiện oai thần như vậy, làm cho bạn sợ hãi, thứ khói đó như thế nào?
"Che trời phủ đất": Che khắp bầu trời, chẳng nhìn thấy gì hết. Cũng che phủ khắp hết mặt đất. "Rất hung dữ": Chúng vừa mãnh liệt, lại hung dữ, khiến cho người xa thấy mà sợ. Cho nên kệ nói "Che trời phủ đất rất hung dữ", loài quỷ nầy rất mãnh liệt, lại hung ác.

“Dời sông lấp biển lo việc nhàn, Quy mạng thọ ký khánh thăng bình”: Chúng có thể dời sông, lại có thể lấp biển, làm cho biển khô cạn. Dời sông lấp biển lo việc nhàn, đây là một sự việc rất bình thường, theo cách nhìn của chúng, thì chẳng phải là việc gì to tác. Tuy chúng hung ác như vậy, nhưng hiện tại chúng đã quy y, chúng quy mạng Tam Bảo Phật Pháp Tăng, làm hộ pháp trong Phật giáo, không còn gây phiền não cho người khác ở thế giới nầy, đây là thuộc về đông phương Trì Quốc Thiên Vương quản lý.

Từ hai câu Chú nầy thì thấy, chúng ta biết được đức Phật là một vị chân chánh cứu đời, đức Phật chân chánh đến cứu hết thảy chúng sinh. Giả như, Phật không dùng đạo đức để cảm hoá Quỷ phun khói, Quỷ phân thân, khiến cho chúng quy y Tam Bảo, hộ trì chánh pháp, thì nhân loại chúng ta đến bây giờ có còn ai nữa chăng, chuyện nầy không nhất định được. Cho nên chúng ta chúng sinh hiện tại, hoặc là trực tiếp cứu độ chúng ta, hoặc là gián tiếp cứu độ chúng ta, chúng ta đều phải biết ân đức nầy báo đáp không hết được. Cho nên chúng ta phải cố gắng làm một Phật giáo đồ cho thật tốt, khiến cho Phật ở cõi Thường Tịch Quang thấy được chúng ta chánh tín như vậy, làm việc gì cũng đều hợp pháp, thì Ngài sẽ rất hoan hỉ.

459. Ô đát ma đà yết ra ha

Dịch: Quỷ phun lửa.

Kệ:
Nghiệp hoặc giao công thổ hoả diễm
Báo tại quỷ thú khổ nan ngôn
Nhược năng nhất niệm hồi quang chiếu
Liễu sinh thoát tử đoạn tuần hoàn.

Nghĩa là:
Nghiệp hoặc tréo nhau phun ra lửa
Báo đoạ làm quỷ khổ khó tả
Nếu được nhất niệm hồi quang chiếu
Liễu sinh thoát tử dứt luân hồi.

Giảng giải: Câu Chú nầy dịch ra là “Quỷ phun lửa”, trong miệng thường thường xì ra lửa. Có quỷ trong miệng xì ra lửa, có quỷ trên đầu đội lửa, có quỷ trên thân ra lửa, tại sao vậy?
Đây là “Nghiệp hoặc tréo nhau phun ra lửa, Báo đoạ làm quỷ khổ khó tả, Nếu được nhất niệm hồi quang chiếu, Liễu sinh thoát tử dứt luân hồi”. Tại sao chúng hay phun ra lửa ngọn? Đây là một thứ nghiệp, chúng chẳng muốn phun

lửa, lửa ở trong bụng của chúng thiêu đốt cháy nát dạ dày của chúng, cho nên trong bụng dung nạp chẳng được thứ gì ngoài lửa, nên chúng phải phun ra, cho nên gọi là phun ra lửa ngọn, thứ lửa ngọn nầy rất cao.

"Báo đoạ làm quỷ khổ khó tả": Chúng thọ quả báo nầy ở trong đường ngạ quỷ, chúng ta cảm thấy con người ở nhân gian cũng có nhiều thống khổ, nhưng cũng có lúc cảm thấy có sự an vui. Làm quỷ thì chỉ có khổ thôi, không có sự an vui. Có khổ vui, vốn ở tại nhân gian nhiễm khổ làm vui, chúng thì lấy khổ làm vui, tức là ở trong sự khổ, chúng cảm thấy rất tuyệt vời, cho nên hướng về người để thị oai. Một mặt nghiệp lực của chúng là như vậy, một mặt chúng phun ra lửa, kêu những chúng sinh khác sợ chúng. Bạn thấy chúng có bản lãnh có thể phun ra lửa ngọn. "Báo đoạ làm quỷ khổ khó tả", khổ của chúng không thể tả được.

"Nếu được nhất niệm hồi quang chiếu, Liễu sinh thoát tử dứt luân hồi": Nhưng loài quỷ nầy bị vô minh che đậy quá nặng, không dễ gì giác ngộ, chúng muốn lúc ở trong ngạ quỷ, cũng được một niệm giác ngộ. Hồi quang phản chiếu, chúng một niệm hồi quang, biết quá khứ làm những việc sai lầm, bây giờ muốn sửa lỗi làm mới, chúng cũng có thể liễu sinh thoát tử dứt luân hồi. Chúng cũng có thể có cơ hội liễu sinh thoát tử dứt luân hồi. Cho nên chúng ta ở trong bất cứ hoàn cảnh nào, bất cứ tạo tội nghiệp lớn cỡ nào, nếu chúng ta được một niệm hồi quang phản chiếu, biết mình không đúng, thì phải mau dũng mãnh tinh tấn, như vậy sẽ được cứu, sẽ có biện pháp.
Giống như Đào Uyên Minh, ông ta có viết bài "Quy Khứ Lai Hề", trong đó có nói rằng:

"Ngộ dĩ vãng chi bất gián
Tri lai giả chi khả truy
Thật mê đồ nhi vị viễn
Giác kim thị nhi tạc phi".

Đây tức là một niệm hồi quang phản chiếu, mới nghĩ đến thứ lý luận nầy. Mỗi người chúng ta đều phải giác hôm nay đúng, còn hôm qua sai, như vậy thì tiền đồ có quang minh sáng lạn. Cho nên cổ nhân lại nói rằng: "Hành niên ngũ thập nhi tri tứ thập cửu tuế chi phi". Nghĩa là : Tu hành được năm mươi năm, mới biết bốn mươi chín năm qua đều là không đúng. Nếu ai có được cách nhìn như vậy, thì người đó là Thánh hiền, đáng tiếc dù loài quỷ nầy, chúng cũng không giác ngộ, chúng không thể được một niệm hồi quang, phải được một niệm hồi quang, thì sẽ được liễu sinh thoát tử dứt luân hồi, chấm dứt nhân quả báo ứng tuần hoàn.

460. Xa dạ yết ra ha

Dịch: Quỷ hình ảnh.

Kệ:
Hành sự hư nguỵ khiếm trung thực
Chỉ khai hoang hoa kết quả hi
Hoá thành hình ảnh quỷ quái loại
Thị hiện thuyết pháp cảnh si mê.

Nghĩa là:
Làm việc giả dối thiếu trung thực
Chỉ nở hoa dại kết quả ít
Hoá thành loài quỷ quái hình bóng
Thị hiện thuyết pháp cảnh si mê.

Giảng giải: Câu nầy là "Quỷ hình ảnh". "Ảnh" nầy tựa như hình ảnh, lại là hình bóng. Bạn hốt nhiên nhìn, thì giống như có một hình bóng, nhưng nhìn kỹ lại, thì chẳng có gì, tức là hình bóng. Hình bóng thì không thật, nhưng có bóng không hình, có hình không bóng, đây đều là hư vọng. Trong cảnh giới hư vọng nầy, cũng là chúng thọ thứ quả báo nầy. Tại sao chúng thọ thứ quả báo nầy? Vì người nầy lúc làm người, thì họ chuyên môn đội mặt giả, không chân thật, hư nguỵ, làm việc gì cũng đều không thật, toàn là giả dối.
Cho nên bài kệ nầy nói: "Làm việc giả dối thiếu trung thực, Chỉ nở hoa dại kết quả ít, Hoá thành loài quỷ quái hình bóng, Thị hiện thuyết pháp cảnh si mê". Tại sao quỷ nầy làm loài quỷ hình bóng? Vì chúng nói, làm việc, đều là giả, không nói lời thật, cũng không làm việc thật, đi khắp nơi nói dối, chúng vốn không tin nhân quả, cũng không sợ đoạ vào địa ngục cắt lưỡi, cho nên đãi người tiếp vật đều giả dối. Thiếu trung thực: Thiếu tâm trung thực, đối với ai cũng chẳng có tâm trung thực, cũng chẳng thật thà.

"Chỉ nở hoa dại kết quả ít": Loại người nầy, bất cứ việc gì, cũng đều là thứ hai, chẳng phải đệ nhất. Trước kia tôi thường nói về nhân quả, người làm việc giả dối không thật thà, thì làm bất cứ việc gì cũng đều giả dối không thật thà, cho nên gọi là "Chỉ nở hoa dại", giống như làm ăn muốn kiếm tiền, nhưng khi làm thì thất bại, giống như nằm mộng đi đánh bạc, cảm thấy mình được nhiều tiền, nhưng đến đó xem thì thua. Hoa dại giả, nhìn thì thấy rất đẹp, nhưng chẳng thọ được sự khảo nghiệm, một khi khảo nghiệm thì không kết quả, cho nên nói "Chỉ nở hoa dại kết quả ít".

"Hoá thành loài quỷ quái hình bóng": Không chân thật, thì hoá thành hình bóng, cho nên do chúng không thật thà, làm quỷ đều là hình bóng không thật

tại. Bạn thấy giống như là quỷ, nhưng lại không có, không có mà lại có, có rồi lại không có, hư hư giả giả, không thể nắm sờ, vẫn cứ ở đó nói dối. Hình bóng đó, cũng giống như đang ở đó nói dối, cho nên vì nói dối mà thọ thứ quả báo nầy.

Do đó chúng ta người học Phật nên nhớ, đừng có nói dối. Chúng ta tại nhân địa không thật, thì sẽ chiêu quả cong vạy. Tại nhân địa bạn làm không tốt, thì đến lúc kết quả sẽ rất phiền não, cũng không dễ gì sửa đổi. Cho nên “Hoá thành loại quỷ quái hình bóng”, biến thành một loại với quỷ. Đây là như thế nào? Đây là nghiệp cảm của chúng tạo nghiệp giả dối hư nguy, có bóng không hình, có hình không bóng, không thật tại. Cho nên đây cũng là thị hiện thuyết pháp cho chúng sinh.

“Thị hiện thuyết pháp cảnh si mê”: Cảnh tỉnh những người ngu si và mê hoặc, cảnh tỉnh họ. Do đó chúng ta nghe được quỷ hình bóng nầy, chúng ta phải lão lão thật thật làm người! Phải lão lão thật thật tu đạo! Lão lão thật thật học tập Phật pháp! Cũng đừng đi đường tắt, không tham tiện nghi, không tìm chỗ tốt, chúng ta từng bước, từng bước, tu hành tiến về trước, không nghĩ tham cho mau, tu đạo cũng là “Dục tốc bất đạt”, cho nên nói “Đừng muốn mau, muốn mau sẽ không đạt được”. Đừng thấy lợi nhỏ, thấy lợi nhỏ thì việc lớn không thành. Con người, làm việc gì, cũng đừng có muốn mau, mau thì sẽ không đạt được mục đích của bạn. Vì “Quá do bất cập”! Bạn cũng đừng tham lợi nhỏ, tham tiện nghi nhỏ. Khi bạn tham tiện nghi nhỏ, thì việc lớn sẽ không thể thành tựu.

Cho nên các vị học Phật pháp, phải chân chánh thông tình đạt lý, chân chánh phải minh bạch nhân quả, chân chánh phải biết Phật pháp là như thế nào. Phật pháp và thế gian pháp không giống nhau, chúng ta học tập Phật pháp, phải nhìn xuyên thấu thế gian pháp, buông bỏ được, sau đó bạn mới cầm Phật pháp lên được, đắc được trí huệ chân chánh.
Từ xưa đến nay, có người tả chú giải, nhưng người chân chánh mà hiểu được Chú Lăng Nghiêm, hiện tại rất là ít. Như vậy càng không có nơi nào giảng giải Chú Lăng Nghiêm, hiểu đều không hiểu, như vậy thì giảng đều không thể giảng. Vạn Phật Thành chúng ta chú trọng nhất là Chú Lăng Nghiêm và Chú Đại Bi. Chú Đại Bi có 42 thủ nhãn, trong Chú Lăng Nghiêm có 36 thứ pháp, những pháp môn nầy, có hàng phục pháp, câu triệu pháp, tiêu tai pháp, cát tường pháp .v.v… Cho nên khi chúng ta đọc tụng Chú Lăng Nghiêm lên, thì thế giới có luồng tường hoà khí, khí xấu tan biết mất. Nếu không còn một người nào đọc tụng Chú Lăng Nghiêm, thì yêu ma quỷ quái sẽ đầy dẫy thế gian.

Tôi nhớ tôi đã từng ở tại đông bắc TQ, lúc đó Nhật Bản cũng đã đầu hàng rồi, chính phủ trung ương chưa tiếp thu, cũng chưa có đảng nào đứng lên. Lúc đó, yêu ma quỷ quái của thế giới đều xuất hiện, nhưng may thay còn có người tụng Chú Lăng Nghiêm, cho nên tuy chúng xuất hiện, cũng chẳng làm gì quái gỡ, một số người không biết việc nầy, còn tôi thì sao? Tôi rất có kinh nghiệm, cho nên đối với những vấn đề nầy tôi rất rõ ràng. Tôi nghĩ đem pháp Lăng Nghiêm nầy phát dương quang đại, cho nên hiện tại tôi không ngại sự khó khăn.

Chú Lăng Nghiêm vốn không dễ gì giảng, chỉ cần mỗi một câu Chú, tôi dùng sở đắc của mình hơn mười năm, mỗi một câu tả ra bốn câu kệ, để giảng đạo lý nầy với mọi người. Các vị nghe rồi, đừng cho rằng cái nầy chỗ kia đều có. Hiện tại, toàn thế giới có thể nói là tận hư không khắp pháp giới, chỉ có Vạn Phật Thánh Thành có pháp hội Chú Lăng Nghiêm nầy, để giảng giải Chú Lăng Nghiêm. Các vị đừng cho rằng việc nầy là nhân duyên rất nhỏ, đây có thể nói là trăm ngàn vạn kiếp tích luỹ mà thành, nên hiện tại các vị mới gặp được pháp hội nầy. Các vị đều là người có nhân duyên thâm sâu với Chú Lăng Nghiêm, hiện tại các vị nếu không chú ý lắng nghe, nghiên cứu thêm Chú Lăng Nghiêm, thì đó là bỏ qua cơ hội trước mắt. Cơ hội nầy từ xưa tới nay không có ai giảng qua, chẳng có người nào dùng kệ chú giải hết. Có vị Quán Đảnh Đại Sư nào đó, cũng có tả sơ đạo lý Chú Lăng Nghiêm, và có giảng Kinh Lăng Nghiêm, nhưng một số người xem cũng xem không hiểu.

Còn tôi hiện tại dùng văn tự rất nông cạn, để hình dung, bạn đừng cho rằng tôi ở tại địa phương nào đó, đều có thể nghe được pháp Lăng Nghiêm nầy, bạn ở nơi nào đó đều không gặp được. Bạn có thể nói chẳng riêng gì một đời nầy, không gặp được pháp môn nầy, dù có mấy vạn vạn đại kiếp, thậm chí bạn tu bao lâu cũng không gặp được pháp môn nầy.
Cho nên bạn đừng xem vàng thật cho là đồng, đá quý cho là lưu ly. Tôi vốn muốn bạn tự mình đi thể hội đạo lý nầy, tôi thấy các vị đều cẩu thả lơ là đối với Chú Lăng Nghiêm nầy, giống như xem nó rất là bình thường. Pháp nầy, thật là khó gặp được! Bạn muốn tìm nơi thứ hai dùng kệ để tả Chú Lăng Nghiêm, dùng bốn câu kệ để giảng giải Chú Lăng Nghiêm nầy, nếu bạn tìm được nơi nào, thì tôi lập tức mỗi ngày hướng về người đó cúi đầu đảnh lễ, nhưng bạn sẽ tìm không được, hiện tại tôi nói với các vị, các vị đừng ngại hãy đi khắp nơi tìm kiếm.

461. A bá tất ma ra yết ra ha

Dịch: Quỷ sân đầu dê.

Kệ:
Sân khuể như hoả nội ngoại thiêu
Nhiệt não xung thiên vạn trượng cao
Nghiệp báo cảm chiêu hiện vi quỷ
Quy y tín thọ tội nghiệt tiêu.

Nghĩa là:
Sân hận như lửa đốt trong ngoài
Nhiệt não ngất trời cao vạn trượng
Nghiệp báo chiêu cảm hiện làm quỷ
Quy y tin thọ tội nghiệt tiêu.

Giảng giải: “Sân hận như lửa đốt trong ngoài”: Quỷ nầy tâm sân hận lớn nhất, gọi là « Quỷ sân đầu dê ». Trên đầu của chúng có hai cái sừng, trên đầu thường mang hai con dao, đây là vũ khí của chúng, khi chúng muốn đấu với người. Quỷ sân đầu dê nầy, vốn đối với người rất tốt, làm bạn với người, nhưng thứ lửa sân hận nầy của chúng đầy dẫy, bên trong muốn thiêu đốt chính mình, bên ngoài thì muốn thiêu đốt người khác, cho nên nói sân hận như lửa đốt trong ngoài.

“Nhiệt não ngất trời cao vạn trượng”: Thứ nhiệt não của chúng, tức là sự nóng giận, khí đen cao ngất tận trời Tam Thập Tam. Nếu ai có sự nóng giận thì biến thành quỷ, nếu không có sự nóng giận thì là Bồ Tát. Sao gọi là quỷ? Chúng không dùng má xanh tóc đỏ, má xanh răng nhọn, chỉ cần nổi giận lên thì biến thành quỷ, làm bạn với quỷ, cho nên học Phật pháp thì nên học theo Phật, Bồ Tát. Kỳ thật, quỷ cũng không muốn nổi giận, nhưng chúng không cách mà không nổi giận, vì nhiệt não của chúng quá lợi hại, nóng đến độ chúng chịu cũng không thấu, gặp người là muốn nổi lên, lửa vô minh khởi ba ngàn trượng, nên nói nhiệt não ngất trời, khói đen đến trời Tam Thập Tam, cao vạn trượng, đây là hình dung sự cao của nó, kỳ thật không chỉ là vạn trượng, vạn vạn trượng, không cách chi lường được, đây chỉ là dùng số mục để hình dung mà thôi.

“Nghiệp báo chiêu cảm hiện làm quỷ”: Tại sao chúng bị như vậy? Vì nghiệp báo chiêu cảm, chúng cứ tạo nghiệp sân hận, cho nên chúng tự mình biến thành quỷ. Nếu ai cũng luôn luôn nóng giận, thì sẽ tiếp cận với quỷ.

“Quy y tin thọ tội nghiệt tiêu”: Chúng hiện tại quy y Tam Bảo, tin thọ phụng hành, cho nên lửa sân hận của chúng cũng đều tiêu sạch, mà làm hộ pháp trong Phật giáo. Chú nầy chúng vốn chẳng phải hộ pháp mà là quỷ, nhưng sau khi quy y Tam Bảo rồi, Phật cũng thọ ký cho chúng, làm hộ pháp trong Phật giáo. Nếu bạn tụng Chú nầy, thì chúng sẽ hộ trì bạn. Chú Lăng Nghiêm đều là

một trong những quỷ thần phát nguyện để hộ trì người tụng trì Chú. Vì Chú nầy không thể nghĩ bàn, bạn không cách gì minh bạch hết được, cho nên chỉ giảng nửa phần trong vạn phần mà thôi.

462. Trạch khê cách

Dịch: Quỷ hồ ly hình người.

Kệ:
Nhân quả tuần hoàn tiển chuyển giao
Củ cát bất thanh hổ tương báo
Đao kiếm ái dục hình nhân mạng
Hộ trì chánh pháp cố nhiêu nhiêu.

Nghĩa là:
Nhân quả tuần hoàn tréo với nhau
Rối ren không tịnh hổ tương báo
Đao kiếm ái dục hại mạng sống
Hộ trì chánh pháp nên nhiều nhiều.

Giảng giải: Quỷ hồ ly hình người là quái tử thủ (kẻ chém tử tù bị xử tử), hữu hình thì về phương diện cứng rắn dùng đao kiếm để chém sinh mạng của bạn, về phương diện mềm yếu, thì dùng ái dục để chặt đức sinh mạng của bạn. Như có hồ ly chuyên môn đi nhiễu loạn người, làm cho người bị thần kinh, điên điên khùng khùng, vì nghiệp báo của chúng như thế. Chúng thích gây tạo phiền não, cho nên làm hồ ly. Nếu bạn nói chúng một câu không tốt, thì chúng sẽ ôm hận trong tâm, gây cho bạn phiền não, khiến cho bạn chịu không được, chúng rất là nhỏ mọn, khi làm người nhìn một cách khinh bỉ, tất sẽ có quả báo, chúng sẽ chẳng bỏ qua cho bạn, chắc chắn sẽ muốn báo thù.

"Nhân quả tuần hoàn tréo với nhau": Nhân quả chồng chéo với nhau, cho nên con người làm việc đừng có sai nhân quả, một khi sai nhân quả thì cuối cùng sẽ chịu quả báo, nên không thể không chú ý. Nhân nào thì quả đó, giết cha người ta, thì người ta sẽ giết cha mình, giết anh người ta, thì người ta sẽ giết anh mình, tạo nhân nào thì kết quả đó. Như quỷ hồ ly, tại sao chúng hình người? Vì trước kia chúng cũng như thế, trước kia chúng hình người, nên chúng cũng phải trả báo, đây là nhân quả tuần hoàn, trồng nhân thiện thì kết quả thiện, trồng nhân ác thì kết quả ác, bất cứ làm việc gì, chắc chắn sẽ có quả của nó, tơ hào không sai. Người học Phật pháp, nên nhớ đối với nhân quả phải đặc biệt cẩn thận, ngàn vạn đừng hại người, bạn hại người thì tương lai cũng sẽ

bị người hại, đố kị người cũng như thế. Hiện tại bạn làm việc gì, thì tương lai sẽ thọ quả báo đó, tơ hào không sai, trong “Kinh Lăng Nghiêm có nói rất rõ ràng.

“Rối ren không tịnh hổ tương báo”: Con người không thể cẩu thả và tuỳ tiện, mà cảm thấy không có vấn đề gì, bạn làm việc không thanh tịnh, thì sẽ bối rối không thanh tịnh, hổ tương báo ứng. Bạn giết họ, thì họ sẽ giết bạn. Như hồ ly, trước kia cũng đã từng bị người giết, cho nên hiện tại chúng giết người, tạm thời bạn nhìn chẳng thấy được, nhưng đời sau nhất định phải trả, đời đời kiếp kiếp đều rối ren không rõ ràng, hổ tương báo thù, báo thù không hết, cho nên tơ hào đều không thể nào sai được.

“Đao kiếm ái dục hại mạng sống”: Dùng đao kiếm có thể giết người, dùng ái dục cũng có thể giết người, bất quá đao kiếm giết người, ai ai cũng đều biết, nhưng ái dục giết người, ai ai cũng không nhận ra, mọi người còn cho rằng là như vậy, nhất là người tây phương, kêu họ đừng ái dục, thì họ có chết cũng không làm được, họ cho rằng đây là gốc rễ của mạng sống. Kỳ thật là gốc rễ của mạng sống, nhưng họ muốn đào gốc rễ mạng sống. Than ôi! Đừng trồng nhân khổ, trồng nhân khổ thì sẽ kết quả khổ.

“Hộ trì chánh pháp nên nhiều nhiều”: Vì chúng trước kia, nhìn họ một cách khinh bỉ, tất bị quả báo, đối với người chẳng có chút từ bi nào. Hiện tại nhờ hộ trì chánh pháp, không những có tâm từ bi, mà còn giàu lòng từ bi, việc không thể nhẫn đều nhẫn được, nên nói nhiều nhiều.

463. Trà kỳ ni yết ra ha

Dịch: Quỷ mị nữ.

Kệ:
Đa niên hồ ly thành mị tinh
Thiện năng biến hoá hoặc hữu tình
Mê nhân hại vật phản giáo dục
Oán thân bình đẳng Phật pháp hưng.

Nghĩa là:
Nhiều năm hồ ly thành yêu tinh
Khéo biến hoá dụ hoặc hữu tình
Mê người hại vật ngược giáo dục
Oán thân bình đẳng Phật pháp hưng.

Giảng giải: Câu nầy là pháp câu triệu, khi niệm câu Chú nầy, thì bắt quỷ lị mị vọng lượng lại, dùng vòng khoá chúng lại, hoặc dùng binh trời, tướng trời, giam

giữ chúng. Ý nghĩa câu Chú nầy là “Quỷ nữ hồ mị”, loài quỷ nầy có khi hồ ly biến thành, đây thuộc về hồ ly núi, chuyên ăn mèo. Nhưng loài quỷ nầy muốn đi mê hoặc nhiễu loạn người, khiến cho người sinh tà tri tà kiến, mất đi chánh tri chánh kiến, nên dục niệm lăn xăn, tự mình không thể khống chế được.

Ban đêm hoặc trong sự mộng mị, hoặc lúc chưa ngủ, đến nhiễu loạn bạn, khiến cho bạn tâm viên ý mã, khiến cho bạn lửa dục đốt thân, khiến cho bạn nghĩ gì cũng đều không cao hứng, khiến cho bạn làm những việc không tốt, lúc đó cướp lấy đi tinh hoa của bạn, để tăng trưởng đạo nghiệp của chúng. Về mặt đó chúng đối với người bất lợi, nhưng sâu thêm một tầng thì kêu người giác ngộ, kêu người biết đường mê quay ngược lại, kêu người bỏ trần hợp giác, có thể đối cảnh vô tâm, chẳng chuyển theo cảnh, đương cơ lập đoạn, biết không đúng bèn sửa lỗi làm mới, biết đây là ma vương đến dụ hoặc người, phải sửa đổi thứ tư tưởng đó.
“Nhiều năm hồ ly thành yêu tinh”: Là nói quỷ lị mị vọng lượng yêu tinh, ngàn năm vạn năm hại người, chúng chuyên môn nhiễu loạn người, dụ hoặc người, khiến cho người mất đi chánh kiến, cứ sinh tà niệm.

“Khéo biến hoá dụ hoặc hữu tình”: Chúng khéo biến hoá, lúc bạn ở trong mộng mị, hoặc lúc bạn tỉnh, chúng biến hoá đủ thứ hình để làm cho bạn hoan hỉ, khi bạn một niệm động lên, tâm ái dục nổi lên với thứ tâm hoan hỉ nầy, thì bị chúng khống chế chân tánh của bạn. Vì tâm ý thức của bạn bị chúng khống chế, bèn theo chúng, cho nên nói khéo hay biến hoá dụ hoặc hữu tình, khiến cho chúng sinh không làm chủ được, chẳng còn chánh tri chánh kiến, chẳng biết như thế nào là tốt, nhất định muốn chạy theo chúng.

“Mê người hại vật ngược giáo dục”: Chúng cũng dụ hoặc người, cũng hại tất cả chúng sinh, nhưng như thế nào? Đây là dùng phản diện của sự tương phản để giáo hoá người. Bạn minh bạch thì hãy mau biển khổ không bờ, quay đầu là bến. Nếu không minh bạch thì chuyển theo cảnh giới, minh bạch thì thoát khỏi biển khổ, mà đến bờ bên kia, cho nên đây là tương phản giáo dục. Bất cứ những việc gì trên thế giới đều có hai mặt, có mặt lợi, thì có mặt hại. Nếu bạn giác ngộ được thứ hành vi mê hoặc người nầy là sai lầm, thì dù ngựa đến vực sâu dừng lại, quay đầu vẫn chưa muộn.

“Oán thân bình đẳng Phật pháp hưng”: Có thể oán thân bình đẳng, bạn làm được như vậy, thì dù chúng hại bạn, bạn cũng không oán hận chúng. Như vậy thì bạn hiểu được nhân quả, chấm dứt sự tuần hoàn, đạt đến cảnh giới oán thân bình đẳng, thì Phật pháp sẽ hưng thịnh.

464. Rị Phật đế yết ra ha

Dịch: Quỷ nhiễu loạn con nít, mặt mũi như con gái.

Kệ:
Não loạn ấu nhi thuỵ bất ninh
Hốt nhiên kinh hoàng khấp phất đình
Trì tụng linh văn thông thiên địa
Diệt ác sinh thiện khánh an bình.

Nghĩa là:
Não loạn con nít ngủ chẳng yên
Hốt nhiên sợ hãi khóc không ngừng
Trì tụng Chú nầy thông trời đất
Diệt ác sinh thiện được bình an.

Giảng giải: Ý nghĩa câu Chú nầy, tức là "Quỷ não hại con nít, mặt mũi như người nữ", chúng không nhất định là người nữ, vì chúng có thể thiên biến vạn hoá, gây phiền não cho người, ở tại thế giới nầy nhiễu loạn người, cho nên nói: "Nhiễu loạn con nít ngủ không yên, hốt nhiên sợ hãi khóc không ngừng".
"Trì tụng Chú nầy thông trời đất": Trì tụng Chú nầy, thì nghiệp ác tiêu diệt, bèn sinh ra nghiệp lành. Bất cứ việc gì, đều có tốt có xấu, trong cái tốt cũng ẩn chứa cái xấu, trong cái xấu cũng ẩn chứa cái tốt, đừng cho rằng quỷ lị mị vọng lượng là không tốt, chúng cũng trợ giúp Phật pháp, giáo hoá chúng sinh. Minh bạch được đạo lý nầy, thì tất cả đều rất bình thường.
Thiên hạ vốn không việc, người nhàn rỗi tự quấy rối. Muốn làm người nhàn rỗi, thì chấp trước nhiều những thứ nầy. Muốn làm người minh bạch có trí huệ, thì tất cả đừng chấp trước, phá tất cả sự chấp trước, mà hành Bồ Tát đạo.

465. Xà di ca yết ra ha

Dịch: Quỷ như chim.

Kệ:
Phi hành La Sát chư quỷ vương
Hưng vân bố vũ biến thập phương
Nhi kim quy y Như Lai giáo
Hộ trì Tam Bảo cứu tai ương.

Nghĩa là:
Các quỷ vương La Sát bay đi
Nổi mây mưa xuống khắp mười phương

Mà nay quy y với Phật đà
Hộ trì Tam Bảo cứu tai ương.

Giảng giải: Chú Lăng Nghiêm bao la vạn tượng, vạn sự vạn vật trong trời đất, đều bao quát trong Chú Lăng Nghiêm. Chú Lăng Nghiêm là từ trên đỉnh đầu của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, hoá ra thân Phật Như Lai, để tuyên nói Chú Lăng Nghiêm, cứu Ngài A Nan bị nạn. Ngài A Nan bị nữ Ma Đăng Già mê hoặc, sắp gần phá giới thể, phóng quang Như Lai tuyên nói Thần Chú nầy, cứu Ngài trở về, nên biết sức lực của Chú không thể nghĩ bàn.

Trong Chú Lăng Nghiêm bao quát mười phương Phật, mười phương Bồ Tát, trời, người, A tu la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, đều bao quát hết trong đó. Cho nên Chú nầy là một thứ Linh văn, một thứ pháp bảo trong Phật giáo. Nếu nghiên cứu Chú nầy minh bạch được, thông hiểu được, thì có thể nói bạn có những sự minh bạch trong Phật giáo. Nếu không hiểu Chú nầy, không tụng niệm "Kinh Lăng Nghiêm", cho dù bạn đi giảng Kinh thuyết pháp khắp nơi, giáo hoá chúng sinh, thì cũng như gãi ngứa ngoài đôi giày. Nếu minh bạch Chú nầy, thì có thể nói là tiến vào triệt để trong Phật giáo. Mỗi câu, mỗi chữ Chú Lăng Nghiêm, đều có sự linh cảm kỳ diệu không thể nghĩ bàn, cho nên mỗi người đều phải tụng niệm Chú Lăng Nghiêm, mỗi người đều nên học thuộc lòng Chú Lăng Nghiêm, hiểu rõ Chú Lăng Nghiêm, thì sẽ có sự cống hiến đối với Phật giáo tương lai không thể nghĩ bàn.
"Các quỷ vương La Sát bay đi": Câu Chú nầy dịch ra là "Quỷ như chim", tức là con quạ, quỷ nầy giống như chim quạ, tuy là thứ hình dáng nầy, nhưng gặp chuyện lớn, chúng sẽ bay. Cho nên nói "Các quỷ vương La Sát bay đi", quỷ nầy là vua trong loài quỷ.

"Nổi mây mưa xuống khắp mười phương": Hiện tại thời đại mạt pháp, loài quỷ quái nầy đều xuất hiện, hiện tại không khí ô nhiễm, thường mưa xuống nước có chất chua, thường có một thứ mây đen dày ở trong hư không, đây đều là thứ quỷ nầy tác quái, tuy nói là hoá học phát sinh một thứ tác dụng, nhưng trong sự âm thầm cũng có quỷ ở trong đó tác quái.
"Mà nay quy y với Phật đà": Quỷ nầy tuy nhiên trước kia làm ác, nhưng hiện tại làm hộ pháp trong Phật giáo, đã quy y Phật, hộ trì Tam Bảo.
"Hộ trì Tam Bảo cứu tai ương": Ai tụng niệm Chú Lăng Nghiêm, ai có tâm chân thành, nếu có tai nạn, thì chúng sẽ đến cứu người đó.

466. Xá cu ni yết ra ha

Dịch: Quỷ như chim.

Kệ:
Kim Sí quyến thuộc pháp vô biên
Năng tắc hư không mãn đại thiên
Di sơn đảo hải trích nhật nguyệt
Hàng phục lị mị trấn càn khôn.

Nghĩa là:
Quyến thuộc Kim Sí pháp vô biên
Phủ kín hư không đầy đại thiên
Dời núi lấp biển hái nhật nguyệt
Hàng phục lị mị trấn càn khôn.

Giảng giải: Câu Chú nầy dịch là « Quỷ như chim », quỷ nầy cũng có thể biến thành chim nhỏ, nhưng chim nhỏ nầy rất lớn, cũng rất quái, có rất nhiều đầu, vua loài chim lớn nhất có 81 cái đầu, không có bản lãnh cũng có 9 cái đầu. Trong truyền thuyết dân gian Trung Quốc có nói tới chim 9 đầu, có bản lãnh thì có 81 cái đầu. Chim nầy thuộc về loài chim chẳng có hình tướng, mà có thể biến hoá thành có hình tướng. Chúng có một luồng lệ khí, do trong trời đất lệ khí tích tụ mà thành, tụ lại thì hữu hình, tán ra thì vô tướng, tán ra thì không có, tụ lại thì có, chúng có sức lực lớn như vậy.

“Quyến thuộc Kim Sí pháp vô biên”: Quỷ nầy do chim đại bàng cánh vàng quản lý, là một quyến thuộc của loài chim đại bàng cánh vàng, nhưng pháp lực của chúng rất lớn.
“Phủ kín hư không đầy đại thiên”: Thân thể lớn của chúng xoè ra, có thể phủ kín hư không, đầy đại thiên thế giới, không còn nhìn thấy gì hết.
“Dời núi lấp biển hái nhật nguyệt”: Chúng có thể dời núi, cũng có thể lấp biển, kêu biển dọn đi chỗ khác. Như bể khơi biến thành đồng ruộng, đây đều là có nguyên nhân, đây đều là việc của loài quỷ nầy làm. Chúng cũng dời núi đi được, biển cũng san bằng được, cũng có thể hái mặt trời mặt trăng, chúng có thủ đoạn nầy. Đây chẳng phải là thần thoại, vì con người chẳng có kinh nghiệm và tri thức, nên nói là thần thoại.

“Hàng phục lị mị trấn càn khôn”: Chúng có thần lực lớn như thế, trước kia cũng cứ làm việc xấu, nhưng hiện tại chúng cũng là một vị hộ pháp, cho nên hàng phục được quỷ lị mị. Quỷ lị mị thần thông rất lớn, nhưng chúng đều hàng phục được. Chúng hay bảo trì chánh khí trời đất, hộ trì người thế gian.

467. Lao đà ra

Dịch: Quỷ như mèo.

Kệ:
Khuyển chức thủ dạ kê ti thần
Miêu quỷ thử yêu các sính năng
Hung thần ác sát giai thụ thủ
Tụng trì mật Chú chuyển linh văn.

Nghĩa là:
Chó canh ban đêm gà báo thức
Quỷ mèo yêu chuột các tính năng
Hung thần ác độc đều truyền thọ
Tụng trì mật Chú chuyển linh văn.

Giảng giải: Phật vì quan hệ cốt nhục thân tình, vốn không nói, nhưng vì Ngài A Nan, không nói cũng nói, vì Ngài A Nan gặp nạn nữ Ma Đăng Già. "Bấy giờ đức Thế Tôn, từ trong nhục kế, phóng ra trăm luồng hào quang báu, trong quang minh báu, hiện ra hoa sen báu ngàn cánh, có hoá Như Lai ngồi trên hoa sen báu". Cảnh giới nầy rất là thù thắng, lúc đó mọi người vừa sợ, vì chưa từng thấy qua bao giờ; vừa thích, vì có chút háo kỳ, sự việc nầy như thế nào! Phóng quang Như Lai tuyên nói thần Chú, Chú nầy là bí mật không truyền, đức Phật vốn không truyền, nhưng không truyền thì cứu không được Ngài A Nan. Cho nên không truyền cũng phải truyền, mọi người đều nhờ nhân duyên của Ngài A Nan, cho nên bây giờ mọi người đều được đọc tụng Chú Lăng Nghiêm.

Mỗi câu Chú đều có ý nghĩa của nó, tổ sư quá khứ có Chú Lăng Nghiêm sơ, rất rộng cũng rất thịnh, chiếu theo chân ngôn để dịch, nhưng đều không dễ dàng minh bạch. Hiện tại tôi là sơn Tăng, chẳng có tri thức gì, ở thời đại mạt pháp, Chú Lăng Nghiêm rất là quan trọng. Có Chú Lăng Nghiêm thì thế giới sẽ có quang minh, chẳng có Chú Lăng Nghiêm thì thế giới sẽ đen tối. Hiện tại mỗi câu Chú Lăng Nghiêm đều dùng bốn câu kệ để giảng, sự thật thì tôi không đủ tư cách để làm kệ, tuy không đủ tư cách, nhưng tôi không ngại sự khó khăn, khai quật mỏ đá để tìm ngọc, cũng có thể sau này có người chân chánh hiểu biết, chân chánh Bồ Tát thị hiện, chân chánh tổ sư khai ngộ, sẽ tả ra càng hiển bày, càng dễ minh bạch thuyết minh về Chú Lăng Nghiêm, đây là hy vọng của tôi, hy vọng mọi người đều minh bạch Chú Lăng Nghiêm, đây là động cơ tôi tả kệ. Các vị đã nghe nhiều năm, vẫn không biết vì sao tôi lại giải thích nó.
"Chó canh ban đêm gà báo thức": Trách nhiệm của con chó là canh ban đêm, nhìn xem có ai ăn trộm gì không, làm công cho chủ của nó. Ai cho nó trách nhiệm nầy? Chẳng có ai. Gà thì báo thức, vì nó tự giác làm một phần trách nhiệm ở nhân gian, cho nên sáng sớm thì gáy báo thức.

“Quỷ mèo yêu chuột các tính năng, Hung thần ác độc đều truyền thọ”: Mèo và chuột đều thuộc về yêu, ban đêm chúng xuất hiện, nhất là thích nhìn chỗ người ngồi. Nếu nhà ai có việc xấu, thì sẽ có rất nhiều chuột xuất hiện, bạn càng sợ thì chúng càng làm tới, cho nên mọi người phải tu định, chỉ cần bạn có định lực, thì bất cứ hung thần ác độc gì đều truyền thọ. Mèo có lúc thấy nó là mèo, nhưng thật tế là quỷ. Chuột là yêu quái, chúng đi khắp nơi phá phách. “Thấy quái bất quái, kỳ quái tự bại”, nghĩa là thấy kỳ quái đừng cho là kỳ quái, thì kỳ quái sẽ biến mất, đừng bị chúng làm điên đảo, đừng để ý đến chúng. Nếu bạn sợ chúng, thì chúng sẽ gây phiền phức. Như trước kia có con hồ ly và vị Tăng đấu pháp, không cần sợ thì vô sự, hiện tại hồ ly đều ẩn tàng hết. Cho nên mọi người đều nên tu định, chỉ cần bạn có định lực, thì bất cứ hung thần ác độc gì cũng đều lão thật.

“Tụng trì mật Chú chuyển linh văn”: Tu trì tụng niệm, mỗi ngày tụng trì, thời gian lâu dần, sẽ biến thành linh văn. Nếu lười biếng đến lúc cần, chạy đến ôm chân Phật, thì không còn kịp nữa, cho nên lúc bình thường nên tụng trì Chú Đại Bi, Chú Lăng Nghiêm, thời gian lâu dần sẽ biến thành linh văn.

468. Nan địa ca yết ra ha

Dịch: Mạn đa nan đề, quỷ mèo con vậy. Hoặc Bà lợi sử gia, dịch là mùa hè nóng bức. Quỷ tên Hạn Bạt, lại dịch là lúc mưa. Lại San để ca, dịch là tiêu tai.

Kệ:
Hạn bạt vi ngược hại thương sinh
Thảo mộc giai khô hoả viêm chưng
Cam lồ phổ thí Quán Tự Tại
Thần Chú gia trì giác hữu tình.

Nghĩa là:
Hạn hán ngược đãi hại muôn dân
Cây cỏ đều khô lửa ngùn ngụt
Cam lồ rưới khắp Quán Tự Tại
Thần Chú gia trì giác hữu tình.

Giảng giải: “Hạn hán ngược đãi hại muôn dân”: Trời hạn hán, mà hay đọc niệm Chú, thì rồng cũng không thể không mưa, chúng đang ở đó tác quái.
“Cây cỏ đều khô lửa ngùn ngụt”: Cây cỏ đều khô, thế giới giống như lửa cháy ngùn ngụt.
“Cam lồ rưới khắp quán tự tại”: Bồ Tát Quán Âm dùng nước cam lồ rưới khắp, khiến cho tất cả sinh vật sống lại.

“Thần Chú gia trì giác hữu tình”: Tụng niệm Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm, thì quỷ hạn hán sẽ sớm chạy đi.

469. A lam bà yết ra ha

Dịch: Quỷ như rắn.

Kệ:
Như rắn tự long lam diện dung
Kỳ hình quái trạng mạo tranh nanh
Tuần phục cải ác tập chánh giáo
Duy hộ Tam Bảo lập huân công.

Nghĩa là:
Như rắn tựa rồng mặt màu xanh
Hình thù kỳ quái dạng dữ tợn
Tuần phục cải ác tu chánh giáo
Ủng hộ Tam Bảo lập công đức.

Giảng giải: “Như rắn tựa rồng mặt màu xanh”: Loài quỷ nầy có lúc giống như con rắn, có lúc lại biến thành một con rồng, chúng có thể ngàn biến vạn hoá, đa số nhiều lúc mặt chúng màu xanh, nhưng có khi thay đổi nhan sắc, nhưng phần nhiều màu xanh là chính, bất cứ nhan sắc gì, trong đó cũng đều có màu xanh.
“Hình thù kỳ quái dạng dữ tợn”: Hình dạng của chúng rất là kỳ quái, khiến cho ai cũng sợ hãi.
“Tuần phục cải ác tu chánh giáo”: Nhưng chúng cũng cải ác hướng thiện tu học chánh pháp.
“Ủng hộ Tam Bảo lập công đức”: Trước kia chúng làm rất nhiều lỗi lầm, nhưng hiện tại đã cải ác hướng thiện, ủng hộ Tam Bảo, lập công chuộc tội.

470. Kiền độ ba ni yết ra ha

Dịch: Quỷ như gà.

Kệ:
Xà thực kê noãn kê thôn trùng
Hổ tương kết oán hận nan bình
Quỷ hồn nhưng nhiên hoài thù ý
Điều nhu hoà hợp oán thân đồng.

Nghĩa là:
Rắn ăn trứng gà gà ăn sâu
Cùng nhau kết oán hận khó tan
Hồn quỷ vẫn ôm lòng thù hằn
Điều nhu hoà hợp oán thân đồng.

Giảng giải: “Rắn ăn trứng gà gà ăn sâu”: Đây là hổ tương thù hằn giết với nhau. Bạn muốn hại tôi, tôi cũng muốn hại bạn. Bạn thấy loài rắn, chúng thích nhất là ăn trứng gà, chúng nuốt trựng vào bụng. Chúng ăn trứng gà, còn gà thì muốn ăn giống loài của rắn. Gà ăn rắn không được vì rắn quá to, nhưng gà ăn những sâu bọ nhỏ. Gà thì muốn loài rắn tuyệt chủng, còn rắn thì cũng muốn loài gà tuyệt chủng.

“Cùng nhau kết oán hận khó tan, Hồn quỷ vẫn ôm lòng thù hằn”: Cho nên hổ tương thù hằn giết với nhau, ăn nuốt lẫn nhau. Gà và rắn là như thế, còn những con vật lớn, như chim đại bàng cánh vàng ăn rồng, từng bước từng bước kết oán với nhau, cho nên nói càng kết càng sâu. Con gà đó biến thành chim đại bàng cánh vàng, còn con rắn đó thì biến thành rồng, hổ tương ăn nuốt với nhau, vẫn đang tàn sát với nhau.

“Điều nhu hoà hợp oán thân đồng”: Hiện tại chúng đã minh bạch, cũng đã quy y Tam Bảo, cũng được Phật giáo hoá. Cho nên hiện tại điều nhu, điều nhu tức là chẳng có sự nóng giận, chẳng còn sự oán hận thù hằn giết hại lẫn nhau nữa, cho nên hoà hợp, tức là gà và rắn hoà hợp với nhau, dù trứng gà để bên rắn, rắn cũng không ăn nữa. Còn sâu bọ nhỏ có bò qua chỗ gà, thì gà cũng không ăn nữa. Hoà hợp thì oán thân bình đẳng, mọi người đều hoà bình cùng ở với nhau. Cho nên chúng ta súc sinh nầy tàn sát với nhau như vậy, còn loài người thì có cảm giác hơn một chút, mọi người đều phải tốt với nhau, đừng có sự bạn nhìn tôi không tốt, thì tôi sẽ nhìn bạn cũng không tốt. Có thứ tư tưởng như vậy, thì thời gian lâu dần sẽ kết thành một thứ oán. Học Phật pháp thì đừng có ngày càng có tâm sân hận nặng thêm một chút, chúng ta phải ngày càng tâm sân hận giảm nhẹ bớt, được như vậy thì lâu dần sẽ khôi phục lại tâm từ bi hỉ xả bốn tâm vô lượng của chúng ta.

471. Thập Phật ra

Dịch: Quỷ rất nóng.

Kệ:
Khẩu thổ hoả diên thiêu thế nhân
Ôn dịch lưu hành hại sinh linh

Ư kim hộ pháp quy Tam Bảo
Niệm chi ly khổ tấn Phật thành.

Nghĩa là:
Miệng phun khói lửa thiêu người đời
Ôn dịch hoành hành hại sinh linh
Nay thành hộ pháp quy Tam Bảo
Lìa khổ được vui vào Phật thành.

Giảng giải: (Không thấy lời giảng giải) "Miệng phun khói lửa thiêu người đời":
"Ôn dịch hoành hành hại sinh linh":
"Nay thành hộ pháp quy Tam Bảo":
"Lìa khổ được vui vào Phật thành":.

472. Yên ca hê ca

Dịch: Quỷ một ngày sốt rét.

Kệ:
Nhứt nhựt tam nhựt ngũ nhựt phát
Ngược tật quỷ sùng thí tà pháp
Ngưỡng trượng Tam Bảo oai đức lực
Đồng nhập vô sinh bảo liên hoa.

Nghĩa là:
Một ngày ba ngày năm ngày phát
Quỷ bệnh sốt rét thí pháp tà
Ngưỡng mong oai đức của Tam Bảo
Cùng vào vô sinh bảo liên hoa.

Giảng giải: (Không thấy lời giảng giải) "Một ngày ba ngày năm ngày phát"
"Quỷ bệnh sốt rét thí pháp tà":
"Ngưỡng mong oai đức của Tam Bảo":
"Cùng vào vô sinh bảo liên hoa":.

473. Trụy đế dược ca

Dịch: Quỷ hai ngày sốt rét.

Kệ:
Đông phương A Súc thống Kim Cang
Nhị nhựt ngược tật hướng viễn dương

Giải thoát tai ách đắc tự tại
Vô sinh pháp nhẫn diệu nan lường.

Nghĩa là:
Phương đông A Súc thống Kim Cang
Hai ngày bệnh sốt bỏ chạy trốn
Giải thoát tai ách được tự tại
Vô sinh pháp nhẫn diệu khó lường.

Giảng giải: Chú Lăng Nghiêm là một sinh mạng trong trời đất, cứu tinh của tất cả chúng sinh, nguồn gốc của tất cả vạn pháp, mẫu thể của tất cả chúng sinh, con đường đạo của tất cả chư Phật thành Phật. Chúng ta mỗi ngày tụng niệm Chú, nhưng không biết sự linh cảm của Chú nầy. Trong trời đất nếu không có ai tụng niệm Chú Lăng Nghiêm, thì mặt trời mặt trăng sẽ không có ánh sáng, nước biển sẽ khô cạn, núi lửa sẽ bạo phát, tất cả tai nạn sẽ hiện tiền. Nếu có người hay tụng Chú Lăng Nghiêm, thì thế giới sẽ không bị huỷ diệt, Phật pháp cũng sẽ trụ thế, cho nên sự quan hệ của Chú Lăng Nghiêm đối với tất cả chúng sinh rất quan trọng, cho nên mới nói nó là nguồn gốc sinh mạng của tất cả chúng sinh trong trời đất.

Câu Chú Truỵ Đế Dược Ca nầy, là tên "Quỷ sốt rét". Mỗi câu Chú Lăng Nghiêm đều là danh hiệu và tên của Phật Bồ Tát, hoặc tên của quỷ thần vương, vì khi bạn xướng lên tên của quỷ thần vương, thì tất cả bộ hạ của chúng đều nghe lệnh, giống như quốc gia nầy, khi bạn đề cập đến tổng thống là ai, tổng thống triệu tập gì, thì mọi người đều phải có mặt, đây cũng đạo lý như thế.

Truỵ Đế Dược Ca, câu Chú nầy thuộc về Đông phương bộ. Năm bộ tức Phương đông là Kim Cang bộ, Phương nam là Bảo Sinh bộ, chính giữa là Phật bộ, Tây phương là Liên Hoa bộ, Bắc phương là Yết Ma bộ. Câu Chú nầy thuộc về Đông phương Tịnh Lưu Ly thế giới, Phật A Súc quản lý và thống lãnh tất cả Bồ Tát Kim Cang Tạng Vương, tất cả Kim Cang đại lực sĩ, Kim Cang sứ giả.

"Phương đông A Súc thống Kim Cang": Câu Chú nầy thuộc về Kim Cang bộ, Phật A Súc làm giáo chủ, là giáo chủ cõi Phương đông Tịnh Lưu Ly thế giới, tức cũng là Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Phật, khi bạn tụng Chú nầy, thì quỷ bệnh sốt rét sẽ bỏ chạy, nên nói "Hai ngày bệnh sốt bỏ chạy trốn".
"Giải thoát tai ương được tự tại": Tất cả tai ách đều giải thoát, mà được bình an tự tại.
"Vô sinh pháp nhẫn diệu nan lường": Đây là sức lực gì? Tức cũng là sức lực vô sinh pháp nhẫn, sức lực của pháp nầy không thể nghĩ bàn.

474. Đát lệ đế dược ca

Dịch: Quỷ ba ngày sốt rét.

Kệ:
Ta Bà giáo chủ Thích Ca tôn
Thần Chú gia trì bách do tuần
Oan hồn ngược quỷ thính sắc mạng
Bồ Đề Đạt Ma tụng linh văn.

Nghĩa là:
Phật Thích Ca giáo chủ Ta Bà
Thần Chú gia trì trăm do tuần
Oan hồn quỷ sốt nghe sắc lệnh
Bồ Đề Đạt Ma tụng linh văn.

Giảng giải: Quỷ bệnh sốt rét có một ngày một phát tác, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, hoặc bảy ngày một phát tác. Khi phát tác thì quỷ sốt rét đến, giống như trên thân quỷ, há miệng không dừng, nói cũng nói không rõ ràng, tất cả tất cả đều không đồng dạng.
Phật Thích Ca giáo chủ Ta Bà": Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là giáo chủ thế giới Ta Bà, đến giáo hoá chúng sinh.

"Thần Chú gia trì trăm do tuần": Chú Thủ Lăng Nghiêm, thần tức là không thể nghĩ bàn, tưởng tượng không đến, không thể suy nghĩ, không thể luận bàn. Ai tụng niệm Chú Lăng Nghiêm, thì trong phạm vi một trăm do tuần, tất cả tai nạn đều lìa khỏi. Nhưng đây cũng phải xem công phu của người đó. Nếu người trì tụng Chú Lăng Nghiêm đắc được tam muội, thì trăm do tuần, ngàn do tuần, vạn do tuần đều có thể được bảo hộ. Tiểu do tuần là bốn mươi dặm, trung do tuần là sáu mươi dặm, đại do tuần là tám mươi dặm, do tuần ở đây là tám mươi dặm.
"Oan hồn quỷ sốt nghe sắc lệnh": Bất cứ người nào có bệnh gì, đều có oan nghiệp trái chủ đến tìm. Tại sao con người hay sinh bệnh? Bệnh cũng là thuyết pháp cho con người, kêu bạn biết thân thể là khổ, sinh ra bệnh tử khổ tuỳ thời đều sẽ đến tìm bạn, đánh điện tín cho bạn biết, gọi điện thoại cho bạn hay, gởi cho bạn một lá thư, đây có thể nói với bạn, không riêng gì bệnh, mà tương lai rồi sẽ chết. Có sinh thì có già, bệnh và chết, kêu bạn biết sinh già bệnh chết nầy đều đau khổ, phải chuẩn bị tìm cách nào thoát khỏi sinh già bệnh chết, không bị khí số ràng buộc, cho nên bất cứ ai có bệnh gì, đều là kêu bạn phát bồ đề tâm, sinh tâm giác ngộ, xem tất cả đều là vô thường, khổ không, vô ngã. Nếu được như vậy, thì bệnh cũng là một điều tốt. "Không thọ ma, thì không thể nhìn thấu hồng trần; chẳng thọ khổ, thì làm sao bạn quyết chí thật tu".

Con người không nên thông minh bị thông minh lừa, cho rằng cái gì mình cũng đều hiểu biết, kỳ thật cái gì cũng đều không hiểu, một khi cảnh giới đến thì bị cảnh giới làm cho hoảng loạn, nhất là khi tứ đại không điều hoà, thì gì cũng đều quên hết. Cho nên nói "Oan hồn quỷ sốt nghe sắc lệnh": Khi tụng Chú nầy, thì bất cứ oan hồn, cảnh giới thuận, nghiệp chướng cũng tốt, đều đến kêu bạn giác ngộ, đều nghe sắc lệnh của Chú Lăng Nghiêm. Sắc lệnh là chiếu thư của hoàng đế, không nghe không được.
"Bồ Đề Đạt Ma tụng linh văn": Bồ Đề Đạt Ma là sơ Tổ, ở Tây Thiên là Tổ thứ hai mươi tám. Kỳ thật đây là pháp, chúng ta hay tu pháp nầy, tụng linh văn nầy, thì sức lực trong đó không thể nghĩ bàn, như người uống nước, nóng lạnh tự biết.

Phật pháp thì phải chân thật mà hành trì, không thể nói ngoài miệng. Người học Phật pháp, thì không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không lợi mình, không nói dối. Bạn minh bạch sáu thứ pháp môn nầy, thì đây tức cũng là Chú Lăng Nghiêm, tức là linh văn vô thượng. Bạn minh bạch được sáu thứ pháp môn nầy, thì bạn lúc nào cũng đều tâm bình hoà khí, lúc nào cũng không có phiền não gì hết, lúc nào cũng đều là Quán Tự Tại, lúc nào cũng đều là thấy Như Lai. Các vị phải chú ý điểm nầy. Nếu thật hiểu được sáu đại tông chỉ nầy, thì con người làm sao có sự nóng giận, làm sao có sự đối với người không tốt, mỗi ngày vừa khóc vừa cười? Làm sao hay có sự nói rầm rĩ? mỗi ngày cứ nghĩ người không đúng? Những thứ nầy đều không có, bạn muốn tìm cũng tìm không được, diệu là diệu tại chỗ nầy.

475. Giả đột thác ca

Dịch: Quỷ năm ngày sốt rét.

Kệ:
Tu đạo tập pháp yếu kiền thành
Thời khắc thận độc mạc phóng tâm
Ngược quỷ thí độc túng đại dục
Hành giả bạt khổ lợi thương sinh.

Nghĩa là:
Tu đạo tập pháp phải kiền thành
Giờ phút cẩn thận chớ phóng tâm
Quỷ sốt thí độc thả đại dục
Hành giả dứt khổ lợi muôn sinh.

Giảng giải: Chú Lăng Nghiêm là báu cứu mạng tất cả chúng sinh, là linh văn trời đất. Nếu ai hay tụng trì Chú Lăng Nghiêm, thì đó là người tu đạo hi hữu

trên thế gian.
Tại sao có quỷ sốt rét? Vì trong tâm bạn có một con quỷ, muốn hại người, cho nên quỷ bệnh sốt rét bèn đến tìm bạn, cũng có thể nói là quả báo của bạn, chúng đến giáo huấn bạn. Mỗi cử chỉ hành động, gặp những gì, hết thảy đều là nhân quả. Nhân quả nầy, bạn thấy giống như là hồ đồ, nhưng trên thật tế nhân quả rất rõ ràng, tơ hào không sai.
Giả Đột Thác Ca, dịch là “Quỷ năm ngày sốt rét”, quỷ nầy cứ gây phiền não cho con người, khiến cho người bị giao động, không bình tĩnh.

“Tu đạo tập pháp phải kiền thành”: Người tu đạo, tu đủ thứ Phật pháp, phải đầy đủ kiền thành, khi tu pháp, thọ trì Phật pháp, thì phải thành tâm, phải cung kính.
“Giờ phút cẩn thận chớ phóng tâm”: Từng giây, từng phút, đều phải cẩn thận, người tu hành đừng cho rằng, lúc không có ai thì có thể giải đãi, còn khi có người thì giả bộ tinh tấn. Dù không có ai thấy, chỉ một mình, mình cũng phải tinh tấn chí thành khẩn thiết, chú ý đừng để phóng tâm, phóng tâm tức là tuỳ tiện khởi vọng tưởng. Không phóng tâm tốt hơn là phóng tâm, phóng tâm ở đây không giống với người bình thường. Phóng tâm ở đây là nói tâm phóng túng, không giữ quy cụ, một mình mình tuỳ tiện làm việc mà người khác không thấy. Dù chỉ có một mình mình, cũng phải như lâm sư biểu, như đối với ở trước Phật Bồ Tát trời đất quỷ thần, như ở trước mặt sư phụ, không thể có tơ hào giải đãi.

“Quỷ sốt thí độc thả đại dục”: Quỷ sốt rét chúng nhìn thấy bạn giải đãi, một khi bạn mở cửa có lỗ hổng, mở cửa tức là bạn phóng tâm, không giữ quy cụ, như có những người tu đạo, lúc có người thì ra vẻ rất trang nghiêm, nhưng lúc chẳng có ai thì giải đãi, đây là phóng tâm, vì khởi quá nhiều vọng tưởng, cho nên bên trong không hư không chiêu ngoại cảm. Quỷ sốt rét khiến cho người có thứ bệnh nầy, chúng cảm thấy rất đắc ý.

“Hành giả dứt khổ lợi muôn sinh”: Lúc đó người tu đạo, nếu trì tụng Chú Lăng Nghiêm nầy, hồi hướng công đức, thì sẽ dứt khổ, lợi ích muôn sinh.

476. Ni đề thập phạt ra

Dịch: Quỷ thường nhiệt.

Kệ:
Nhiệt quỷ vi ngược nhiễu khang bình
Thuỷ chử du tiên khổ nan đình

Linh văn tụng trì trừ tai chướng
Tịch diệt thanh lương khánh an ninh.

Nghĩa là:
Quỷ nhiệt làm sốt nhiễu khang bình
Đun nước nấu dầu khổ khó ngừng
Tụng trì linh văn trừ tai chướng
Tịch diệt mát mẻ được bình an.

Giảng giải: “Quỷ nhiệt làm sốt nhiễu khang bình”: Quỷ thường nhiệt là thường thường phát thiêu đốt. Quỷ thường nhiệt làm sốt rét, phá hoại nhiễu loạn sức khoẻ và bình an của con người.
“Đun nước nấu dầu khổ khó ngừng”: Chúng khiến cho người cảm thấy nóng như nước dùng củi đun sôi, lại giống như dùng dầu để nấu. Sự thống khổ nầy không dễ gì dừng lại, thường có cảm giác như bệnh nhiệt.

“Tụng trì linh văn trừ tai chướng”: Nếu bạn tụng trì linh văn Chú Lăng Nghiêm, thì sẽ tiêu trừ tai chướng, được tịch diệt mát mẻ, đắc được an lạc bình an, cho nên nói “Tịch diệt mát mẻ được bình an”.

Con người có bệnh, mới biết không có bệnh thì an vui, khi mạnh khoẻ thì không biết cái khổ của sự không khoẻ mạnh, khi không khoẻ mạnh thì mới biết khoẻ mạnh là đáng quý. Lúc bạn chẳng có tai nạn, thì không cảm thấy sự bình an là đáng quý. Con người bị hoàn cảnh bức bách đến trước mặt, khi nghịch cảnh đến, thì mới biết cảnh giới thuận là tốt. Nếu nhận thức được những cảnh giới nầy, thì chắc chắn sẽ tu đạo.

477. Tỷ sam ma thập phạt ra

Dịch: Quỷ tăng hàn.

Kệ:
Hàn nhiệt ôn bình dịch quỷ ma
Truyền nhiễm lưu hành tử nan hoạt
Hữu duyên tạ thử tam muội lực
Tai tiêu bệnh diệt niệm Di Đà.

Nghĩa là:
Lạnh nóng ấm vừa dịch quỷ ma
Truyền nhiễm lưu hành chết khó sống
Có duyên nhờ lực tam muội nầy
Tiêu tai hết bệnh niệm Di Đà.

Giảng giải: (Không thấy lời giảng giải).
“Lạnh nóng ấm vừa dịch quỷ ma”:
“Truyền nhiễm lưu hành chết khó sống”:
“Có duyên nhờ lực tam muội nầy”:
“Tiêu tai hết bệnh niệm Di Đà”:.

478. Bạc để ca

Dịch: Quỷ bệnh phong.

Kệ:
Phong thấp triền miên bộ duy gian
Liên niên luỹ nguyệt bệnh nan an
Nhược năng hồi quang cần sám hối
Hư không thanh tịnh ngoan tật quyên.

Nghĩa là:
Phong thấp triền miên đi khó khăn
Nhiều năm nhiều tháng bệnh khó hết
Nếu biết hồi quang siêng sám hối
Hư không thanh tịnh khỏi tật bệnh.

Giảng giải: (Không thấy lời giảng giải).
“Phong thấp triền miên đi khó khăn”:
“Nhiều năm nhiều tháng bệnh khó hết”:
“Nếu biết hồi quang siêng sám hối”:
“Hư không thanh tịnh khỏi tật bệnh”:.

479. Tỷ để ca

Dịch: Quỷ bệnh vàng da.

Kệ:
Dũng mãnh tập học pháp thuật cao
Hoàng đản tật quỷ thâm gian điêu
Bắc phương Phật thống Yết Ma bộ
Thọ trì đọc tụng tai nạn tiêu.

Nghĩa là:
Dũng mãnh học tập pháp thuật cao
Quỷ bệnh hoàng đản rất gian điêu

Bắc phương Phật thống Yết Ma bộ
Thọ trì đọc tụng tiêu tai nạn.

Giảng giải: “Dũng mãnh học tập pháp thuật cao”: Người học tập Phật pháp phải dũng mãnh tinh tấn, ma cũng dũng mãnh tinh tấn, không ăn cũng không ngủ để niệm Chú và học pháp, cho nên chúng pháp thuật rất cao.

“Quỷ bệnh hoàng đản rất gian điêu”: Bệnh hoàng đản là toàn thân đều màu vàng, nhưng thứ màu vàng nầy, thân không phát quang, nó là u ám không quang minh, thứ quỷ nầy quá khứ là do bệnh sưng lá lách mà chết, chúng luyện luyện nên thành màu vàng, chúng do bệnh hoàng đản nầy mà chết, chúng cũng muốn dùng thứ bệnh nầy làm cho người khác chết, cho nên nói rất gian điêu. Hút nha phiến cũng có quỷ, làm bất cứ thứ gì, cũng đều có yêu ma quỷ quái tác quái, khiến cho con người không bình thường, đây đều là do có ma. Nếu không có, thì chúng cũng không thể có tà khí, ma khí, rất khó hàng phục, rất không dễ gì, cho nên nói rất gian điêu.

“Bắc phương Phật thống Yết Ma bộ”: Bắc phương Yết Ma bộ có thể tiêu trừ thứ bệnh nầy.
“Thọ trì đọc tụng tiêu tai nạn”: Bạn hay tụng trì Chú Lăng Nghiêm, thì tai nạn của bạn cũng sẽ tiêu trừ.

480. Thất lệ sắt mật ca

Dịch: Quỷ bệnh dịch.

Kệ:
Phi tinh tấn khải chí kiên lao
Thiện tắc cát tường ác thọ báo
Ôn dịch lưu hành truyền nhiễm bệnh
Kim cang trí kiếm trảm ma yêu.

Nghĩa là:
Dũng mãnh tinh tấn chí kiên cố
Thiện thì cát tường ác thọ báo
Ôn dịch lưu hành truyền nhiễm bệnh
Kiếm trí kim cang chém yêu ma.

Giảng giải: “Dũng mãnh tinh tấn chí kiên cố”: Dũng mãnh tinh tấn không sợ gì hết, chí cũng rất kiên cố.
“Thiện thì cát tường ác thọ báo”: Nếu bạn dũng mãnh tinh tấn, làm việc thiện, thì sẽ cát tường; nếu việc ác tinh tấn, thì sẽ gặp quả báo xấu.

“Ôn dịch lưu hành truyền nhiễm bệnh”: Như vào lúc dân quốc năm ba mươi ba, ở tỉnh Hà Nam bị bệnh sốt rét sâu bọ, người Trung Quốc Phật tánh thâm sâu, cho nên đồng nam đồng nữ thấy được Phật và ma, nhưng một số người không nhận thức được, mà đại đức cao Tăng cũng không muốn tài bồi những người đồng nam đồng nữ có căn lành nầy, cho nên chẳng có ai hiểu. Đồng nam đồng nữ đều khai mở thiên nhãn. Tại sao ở Ấn Độ có nhiều người có thiên nhãn thông? Vì người thời xưa chất phát mộc mạc, tập khí nhẹ, lý trí nhiều, dục ít, Phật tánh vốn có đều lộ ra, mỗi một đồng nam đồng nữ đều đầy đủ căn lành. Ở tỉnh Hà Nam có nạn sâu bọ, rất là nhiều sâu bọ, che phủ trời đất, ăn hết lương thực mùa màng của nông dân. Người dân không có gì để ăn, cho nên ăn những con sâu bọ đó. Ăn như thế nào? Dùng lưới bắt sâu bọ bay đến, rồi đem nấu nướng lên ăn. Nghiệp chướng của người dân thật là lợi hại, nấu nướng lên rồi, mắt nhìn thấy sâu bọ biến thành phân, cho nên ăn không được.

Từ Hà Nam đến Tây An, mỗi ngày không biết bao nhiêu là người chết ở trên đường, chẳng có vật gì ăn thì chết đói dọc đường. Đường dài tám trăm dặm, người chết vô số, chẳng biết là bao nhiêu người, ai ai cũng chạy trốn nạn đói, đây là nghiệp chướng của chúng sinh. Đứa trẻ nhìn thấy trên không trung, có ông lão tóc bạc mở miệng phun ra đều là sâu bọ, chúng từ hư không đến, ông lão tóc bạc là lão ôn dịch, là tổng quản sâu bọ. Người chết như thế nào? Người chết đói không khóc, cười một cái thì chết. Chúng ta phải chú ý tại sao con người có thứ tai nạn nầy? Là vì tâm người không thiện, quá ác, lãng phí lương thực quá nhiều, cho nên khiến cho bạn không có gì để ăn. Cho nên người Mỹ không sợ lãng phí lương thực. Con người có thể học trí huệ, thì đầu óc sáng suốt, không thể sai lầm nhân quả, có thứ tai nạn ôn dịch sâu bọ nầy phát sinh, là vì làm người quá ngu si, ai ai cũng chẳng có trí huệ, ai ai cũng tranh, tham, cầu, ích kỷ, lợi mình, nói dối, nên hình thành thứ bệnh truyền nhiễm ôn dịch lưu hành nầy, để thu hồi những người đó.

481. Ta nể bác đế ca

Dịch: Quỷ bệnh kiết lị.

Kệ:
Nghiệp hải vô biên quỷ vô tận
Tuần nghiệp thọ báo quả do tâm
Lị bệnh giai nhân tham khẩu phúc
Nhất thiết pháp nhĩ như thị nhân.

Nghĩa là:
Biển nghiệp vô biên quỷ vô tận
Theo nghiệp thọ báo quả do nhân
Bệnh lị đều do miệng tham ăn
Tất cả pháp nhân đều như vậy.

Giảng giải: (Không thấy lời giảng giải):
“Biển nghiệp vô biên quỷ vô tận”:
“Theo nghiệp thọ báo quả do nhân”:
“Bệnh lị đều do miệng tham ăn”:
“Tất cả pháp nhân đều như vậy”:

482. Tát bà thập phạt ra

Dịch: Quỷ bệnh đau đầu.

Kệ:
Đầu bệnh quỷ ma thế hung cuồng
Thống sở nan nhẫn khổ nan đương
Vô lượng trí quang tiêu nạn chướng
Tự tại Phật bảo giải độc phương.

Nghĩa là:
Ma quỷ bệnh đầu thế hung dữ
Đau đớn khó nhẫn khổ khó chịu
Vô lượng trí quang tiêu chướng nạn
Tự tại Phật bảo giải cứu độc.

Giảng giải: (Không thấy lời giảng giải).
“Ma quỷ bệnh đầu thế hung dữ”:
“Đau đớn khó nhẫn khổ khó chịu”:
“Vô lượng trí quang tiêu chướng nạn”:
“Tự tại Phật bảo giải cứu độc”:

483. Thất lô kiết đế

Kệ:
Đầu thống não liệt dục ma cuồng
Thần trí điên đảo bất phạ vong

Pháp quang chiếu xạ thanh sắc định
Ninh tĩnh bình ổn nhập thuỳ hương.

Nghĩa là:
Đầu đau não bại muốn phát điên
Thần trí điên đảo chẳng sợ chết
Pháp quang chiếu soi thanh sắc định
Yên tĩnh bình an vào giấc nồng.

Giảng giải: "Đầu đau não bại muốn phát điên": Đầu đau giống như búa bổ, đau muốn phát điên lên.
"Thần trí điên đảo chẳng sợ chết": Chẳng có lý trí, chết cũng chẳng sợ, thật là đại anh hùng, quỷ nầy chẳng sợ chết. Con người đều sợ chết, nhưng chúng không sợ chết.

"Pháp quang chiếu soi thanh sắc định": Khi bạn tụng câu Chú nầy, thì pháp lực có một thứ quang minh giống như máy lôi đạt (radar), chiếu soi khiến cho thần trí con người bừng tỉnh, nhan sắc hồng hào, không còn giống như người chết.
"Yên tĩnh bình an vào giấc nồng": Đợi một chút, ngủ một giấc thì sẽ tốt, thật là diệu.

484. Mạt đà bệ đạt lô chế kiếm

Dịch: Quỷ không ăn.

Kệ:
Chư ác nghiệp báo các sai biệt
Bất thực bất cơ bất hiệu ta
Oai đức quảng đại trí hiền chúng
Bạt khổ dữ lạc hữu diệu quyết.

Nghĩa là:
Các ác nghiệp báo đều khác biệt
Không ăn không đói không than thở
Oai đức rộng lớn trí hiền chúng
Cứu khổ ban vui có bí quyết.

Giảng giải: "Các ác nghiệp báo đều khác biệt, Không ăn không đói không than thở": Chúng cũng không ăn, cũng không ngủ, cũng không khóc, cũng không than thở, chúng đắc được một thứ định lực, không ăn cơm cũng không đói. Có những loài quỷ như quỷ trộm thức ăn, chuyên nghĩ đồ ăn, chạy đến gần bên người, chi phối người đi trộm đồ ăn. Dù cửa bị khoá, chúng cũng làm cho mở

cửa để đi trộm đồ ăn, hiện tại chẳng có ai đi trộm đồ ăn. Chúng không ăn cũng không đói, rất có định lực.

“Oai đức rộng lớn trí hiền chúng”: Mười phương Thánh hiền Tăng chúng, có đại thần thông, các Ngài có tâm từ bi hỉ xả, cứu khổ ban vui. Các Ngài có những đức hạnh nầy, giải trừ sự đau khổ của con người. Một số người có thứ bệnh nầy, không ăn cũng không đói, đến đó đứng như khúc gỗ, thứ người nầy đã mấy ngày không ăn, họ cũng đói không chết. Mười phương đại hiền Thánh Tăng, vốn có tâm từ bi, có thể giải trừ thứ đau khổ nầy, cho nên nói “Cứu khổ ban vui có bí quyết”.

485. A ỷ lô kiềm

Dịch: Quỷ đau miệng.

Kệ:
Khẩu thống quỷ quái nhân tham cật
Thực nan hạ yến ác tác kịch
Chánh giác thế gian vô tỉ lực
Lôi điện thiên thần dũ kỳ tật.

Nghĩa là:
Quỷ quái miệng đau do tham ăn
Ăn khó nuốt vào ác làm kịch
Chánh giác thế gian vô tỉ lực
Thiên thần điện chớp khỏi bệnh tật.

Giảng giải: (Không thấy lời giảng giải).
“Quỷ quái miệng đau do tham ăn”:
“Ăn khó nuốt vào ác làm kịch”:
“Chánh giác thế gian vô tỉ lực”:
“Thiên thần điện chớp khỏi bệnh tật”.

486. Mục khê lô kiềm

Dịch: Quỷ đau răng.

Kệ:
Xỉ thống ma quỷ tồi ngạnh kiên
Chú nha toái thạch các tranh tiên

Chân không pháp tánh đắc tự tại
Vân hà thần linh giải nghiệt oan.

Nghĩa là:
Ma quỷ đau răng hết cứng chắc
Sâu răng đá vụn đều tranh trước
Chân không pháp tánh được tự tại
Mây mù thần linh giải oan nghiệt.

Giảng giải: (Không thấy lời giảng giải).
“Ma quỷ đau răng hết cứng chắc”:
“Sâu răng đá vụn đều tranh trước”:
“Chân không pháp tánh được tự tại”:
“Mây mù thần linh giải oan nghiệt”.

487. Yết rị đột lô kiềm

Dịch: Quỷ đau môi.

Kệ:
Nhất thể phân ti thần xỉ hầu
Các bộ thống sở nhân quả do
Đắc văn thần Chú tội tiêu diệt
Khôi phục thanh tịnh quy mạng đầu.

Nghĩa là:
Một thân phân ra môi răng họng
Các bộ phận đau do nhân quả
Nghe được thần Chú tội tiêu diệt
Khôi phục thanh tịnh quy Tam Bảo.

Giảng giải: “Một thân phân ra môi răng họng”: Mỗi bộ phận trên thân thể, đều có công tác từng bộ phận. Nếu bị bệnh thì bộ phận đó bãi công, môi răng họng không thể làm việc của mình. Khi đau cổ họng thì ăn gì cũng đều không thể nhai nuốt được, đều đang bãi công.
“Các bộ phận đau do nhân quả”: Quỷ đến kêu bạn có bệnh, đều là tiền nhân hậu quả, kêu bạn sinh thứ bệnh đó, đều có sự quan hệ thân thiết với bạn, như nói về sưng con mắt, đủ thứ nhân quả đời đời kiếp kiếp nợ nần phải thanh toán, đây đều chẳng phải là sự ngẫu nhiên, đều có nhân và quả của nó, có nhân duyên của nó. Người có bệnh, chẳng phải hôm nay mới có, mà là từ rất

lâu đã có thứ nhân tố đó, cho nên có thứ bệnh đó. Nếu hiểu được đạo lý nầy, thì phải cẩn thận việc nhân quả.

“Nghe được thần Chú tội tiêu diệt”: Tuy nói có nhân quả, nếu có bệnh, có cơ hội nghe được sức lực không thể nghĩ bàn của thần Chú nầy, thì tội của bạn sẽ tiêu diệt.
“Khôi phục thanh tịnh quy Tam Bảo”: Bạn cũng khôi phục lại thanh tịnh, quỷ cũng cải ác hướng thiện, quy mạng cung kính, quy y Tam Bảo để cải ác hướng thiện.

488. Yết ra ha

Dịch: Quỷ thân bệnh.

Kệ:
Thân bệnh quỷ ma khổ triền miên
Liên niên luỹ nguyệt hô thương thiên
Nhất thiết tà thần chủng tộc loại
Chú lực diệt ác giải tội khiên.

Nghĩa là:
Ma quỷ thân bệnh khổ triền miên
Nhiều năm nhiều tháng hay kêu trời
Tất cả tà thần dòng giống loài
Nhờ Chú diệt ác tiêu tội khiên.

Giảng giải: Yết Ra Ha là gọi chung dòng giống của một loài quỷ thần, nhưng lại nói là “Quỷ thân bệnh”. Thân là tổng thể của một cái thân, thân là gọi chung toàn thân thể, mắt, tai, mũi, lưỡi .v.v… đều có tên của nó, đều tập trung lại với nhau gọi là “Yết Ra Ha”. Tên chung của tất cả quỷ thần.
“Ma quỷ thân bệnh khổ triền miên”: Tuy có quỷ thân bệnh, nhưng có rất nhiều, mọi người liên hợp lại, cho nên quỷ đều đến, có khi kêu bạn đau ở đây, có khi kêu bạn đau ở kia, luân lưu không ngừng. Khổ triền miên là khổ không gián đoạn.

“Nhiều năm nhiều tháng hay kêu trời”: Bệnh suốt ngày đến tối, kêu “trời ơi, trời ơi, trời ơi”, nhưng đều là không tốt.
“Tất cả tà thần dòng giống loài”: Tất cả tà thần tức là quỷ thần, một loài dòng giống đó.
“Chú lực diệt ác giải tội khiên”: Sức lực của Chú hay diệt tâm ác, cũng diệt ác nghiệp của người tạo, cho nên diệt ác thì sinh thiện, tức giải trừ tội nghiệt.

Chú Lăng Nghiêm không dễ gì hiểu. Quán Đảnh đại sư tả "Lăng Nghiêm Quán Đảnh sơ", tôi bắt đầu nghiên cứu Phật pháp ở tại Đông Bắc Trung Quốc, thì gặp được quyển nầy, mỗi ngày nghiên cứu công năng, tác dụng và sức lực của nó. Về sau có rất nhiều chỗ không hiểu, trải qua những cảnh giới không thể nghĩ bàn đó, thì tôi nghiên cứu minh bạch được. Tôi cảm thấy Lăng Nghiêm Chú Sơ, rất nhiều rất nhiều chỗ không minh bạch, cho nên hiện tại mỗi câu Chú, tôi dùng bốn câu kệ để nói rõ công năng, tác dụng và sức lực của Chú Lăng Nghiêm. Hy vọng mọi người thấy rồi dễ minh bạch, hiểu biết, đây là động cơ tôi viết kệ, hy vọng các vị dùng những công phu nầy.

Phải minh bạch rằng Chú Lăng Nghiêm là linh văn trong linh văn, mật trong mật, pháp bảo vô thượng, linh văn vô thượng, bao la vạn hữu, hết thảy tất cả các loài quỷ, thần, tất cả hộ pháp chư Thiên, Thanh Văn, Duyên Giác, Phật thừa, đều ở trong Chú Lăng Nghiêm. Nếu minh bạch được Chú Lăng Nghiêm, thì sẽ minh bạch hết bí mật tinh hoa của Phật giáo.

489. Yết lam yết na du lam

Dịch: Quỷ.

Kệ:
Ngưng hoạt chủng tử vị thành hình
Dũng mãnh đại lực quỷ lai tầm
Linh văn chân ngôn cát tường ngữ
An hồn định phách hoá hữu tình.

Nghĩa là:
Chủng tử cứng trơn chưa thành hình
Quỷ đại lực dũng mãnh đến tìm
Linh văn chơn ngôn lời cát tường
An định hồn vía hoá hữu tình.

Giảng giải: Thế giới là chánh tà tranh đấu, là thế không đứng chung cả hai, Phật dùng sức lực cảm hoá, dùng tâm từ bi để đối đãi người, cho nên con người từ lúc thời kỳ mới hình thành, đã bắt đầu tranh đấu, tranh đấu là ma với Phật tranh đấu, ma thì có lực lượng của ma, Phật thì có lực lượng của Phật, lực lượng của Phật mạnh, thì lực lượng của ma sẽ yếu. Lực lượng đó hổ tương đấu tranh, hổ tương nhìn xem lực lượng ai lớn, trên thế giới còn người niệm Chú Lăng Nghiêm, thì sẽ đắc được lực lượng quang minh. Nhưng trên thế giới nhân sinh trẻ con, chẳng có ai niệm Chú Lăng Nghiêm cho, thì có được bình an sinh ra chăng? Bắt đầu là sức lực chánh ta của Phật ma hổ tương đấu tranh, tuy

chẳng có ai niệm Chú cho phụ nữ mang thai, nhưng người xuất gia niệm Chú Lăng Nghiêm là vì hết thảy chúng sinh pháp giới mà niệm, khoá lễ sáng tối trong đạo tràng, là trợ giúp pháp giới chúng sinh, cho nên không cần đến địa phương của họ gia bị mới đắc được.

Ở trong sự vô hình con mắt thịt nhìn không thấy được, không giám sát được rất nhiều sự việc, ở trong sự tịch mặc cũng là Phật ma hổ tương tranh đấu, cho nên người biết thì cần khởi lên chánh niệm, đừng có vọng tưởng và tà niệm, vì nó là ô trược. Chánh niệm là niệm thanh tịnh, lúc nào cũng đều có niệm thanh tịnh là tạo chánh khí, bổ chánh khí trời đất. Trời đất đều có chánh khí, bất quá có lúc lực lượng của ma lớn, thì chánh khí cũng bị nhiễm ô, như hiện nay khoa học tiến bộ, làm cho không khí bị nhiễm ô, cũng cùng một đạo lý ấy. Nhân gian có gì, thì Phật ma cũng có, đều đang tranh đấu không ngừng. Phật tức là một luồng chánh khí của thế giới, ma là tà khí, nhiễm ô không khí. Chánh khí tức là tạnh không vạn lý, cảnh giới đó sáng lạng thiên không. Một khi vướng ma, trên trời sẽ âm, có phiền não tức là có trời âm; không vướng ma, không phiền não tức là trời tạnh. Tất cả sự vật của thế giới, đều là biểu pháp. Nếu mỗi người biết đạo lý nầy, thì phải nỗ lực hướng thượng, đi trên con đường ánh sáng, không đi con đường đen tối, đố kị, chướng ngại, thị phị, tranh, tham, cầu, ích kỷ, lợi mình, nói dối, đừng trợ giúp ma vương.

490. Đản đa du lam

Dịch: Quỷ đau cằm má.

Kệ:
Di hạm thống khổ khẩu nan tuyên
Nhựt dạ thân ngâm hô thương thiên
Thủ cương giới thần phụng sắc mạng
Gia hộ bình an quái bệnh thuyên.

Nghĩa là:
Cằm má đau đớn miệng khó tả
Ngày đêm rên rỉ than thở trời
Thần giữ biên giới phụng sắc mạng
Gia hộ bình an khỏi quái bệnh.

Giảng giải: (Không thấy lời giảng giải)”.
“Cằm má đau đớn miệng khó tả”:
“Ngày đêm rên rỉ than thở trời”:

“Thần giữ biên giới phụng sắc mạng”:
“Gia hộ bình an khỏi quái bệnh”.

491. Hất rị dạ du lam

Dịch: Quỷ tâm bệnh.

Kệ:
Nhục đoàn tâm sinh quỷ thần y
Đông thống bất chỉ nan hô hấp
Nhứt văn Chú lực hoắc nhiên dũ
Tam Bảo cảm ứng thế gian hi.

Nghĩa là:
Cục thịt tâm sinh quỷ thần nương
Đau đớn không ngừng rất khó thở
Nghe được Chú lực liền mau khỏi
Tam Bảo cảm ứng rất ít có.

Giảng giải: (Không thấy lời giảng giải).
“Cục thịt tâm sinh quỷ thần nương”.
“Đau đớn không ngừng rất khó thở”.
“Nghe được Chú lực liền mau khỏi”.
“Tam Bảo cảm ứng rất ít có”.

492. Mạt mạ du lam

Dịch: Quỷ đau đầu.

Kệ:
Chư căn lão diệt tử vong lâm
Đầu thống kịch liệt nhẫn nan cấm
Tư lượng ý thức giai hôn mê
Tam muội gia trì chấn cổ kim.

Nghĩa là:
Các căn già diệt đến lúc chết
Đầu đau kịch liệt khó nhẫn chịu
Suy nghĩ ý thức đều hôn mê
Tam muội gia trì chấn cổ kim.

Giảng giải: Không thấy lời giảng giải.
"Các căn già diệt đến lúc chết".
"Đầu đau kịch liệt khó nhẫn chịu".
"Suy nghĩ ý thức đều hôn mê".
"Tam muội gia trì chấn cổ kim".

493. Bạt rị thất bà du lam

Dịch: Quỷ đau hai sườn.

Kệ:
Hình vị ngũ thất cụ chư căn
Lưỡng hiếp thống quỷ ngẫu quang lâm
Tầm nhân mích quả dục báo phục
Lục nhập kỳ nội tụng linh văn.

Nghĩa là:
Hình dáng ngũ thất đủ các căn
Quỷ đau hai sườn bỗng quang lâm
Tìm nhân kiếm quả muốn báo thù
Lục nhập vào trong tụng linh văn.

Giảng giải: Người tu đạo phải biết nguyên lai con người đến là vì chuyện gì, con người và thực vật không khác gì mấy, chủng tử của thực vật là trồng dưới đất, sau đó nở hoa kết quả, đến thời lại chẳng còn.

Quỷ đau sườn và quỷ đau lưng là hai thứ bệnh đau trong thai của con người, khiến cho trẻ con và người lớn hai sườn và lưng đều đau, vì quan hệ đến môi răng của mẹ con, do đó môi hở thì răng lạnh. Quỷ nầy đến thời khiến cho trẻ con đau trước, làm cho trẻ con và người lớn hai sườn đều đau, vì quan hệ mẹ con thâm sâu, nuôi con ba năm, mang thai mười tháng dưỡng thành tình cảm nhiễm ô. Nó với loài quỷ nầy có tiền nhân hậu quả, cho nên có ngã kiến, ngã mạn, vì chủng tử không thanh tịnh, sinh ra phiền não không chánh đáng. Bản tánh của con người là thanh tịnh, nhưng Phật tánh nhập thai như nhập vào đường mê. Bồ Tát có sự hôn mê lúc trụ thai, cho nên rất dễ đi sai đường, lầm vào đường tà.

Mười hai nhân duyên, một số vị pháp sư giảng khác với tôi rất nhiều, một số chiếu theo đạo lý Phật giáo giảng. Mười hai nhân duyên là do quá trình từ sinh đến chết, nó không thể kiêng mà không nói, nếu không hiểu thì nhìn không thấu, buông chẳng đặng. Căn bản vấn đề vô minh tức là ái, nam tìm nữ, đây là

ái, tức là vô minh, không biết, như cá ăn mồi, ăn mồi thì bị dính câu, mạng sống sẽ không còn. Mạng sống cũng như thế, vì không biết mà tìm cầu nên bị dính câu, không mở ra được cái vòng lục dục, phát sinh quan hệ bèn có tính hành vi, cho nên có thức, tức là tinh hoa nam nữ tập trung lại với nhau. Sau đó có danh sắc, thai tức là tinh cha huyết mẹ tạo thành, thịt mềm, thịt cứng, ngũ quan đến thời kỳ có lục nhập, lục nhập tức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, sau đó có xúc, có cảm giác, thai nhi ở trong bụng mẹ có xúc giác rất thoải mái, thai nhi sinh ra tham xúc trần, có cảm thọ của tham, thì càng hồ đồ, có thọ dụng thì sinh ra ái, ái chết không cần mạng, có ái thì muốn chiếm hữu, cho nên phải thủ, làm của riêng mình, cho nên ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh. Có sinh thì có già chết, đây là một quá trình làm người.

Bậc A La Hán thì buông bỏ được tình ái, nhìn thấu, nhìn thông suốt, nhìn những thứ nầy đều là vô thường, nhưng những hạng người như vầy không nhiều.

494. Tỷ lật sắc tra du lam

Dịch: Quỷ đau dưới lưng.

Kệ:
Bối thống yêu toan khổ vô lượng
Xúc sinh si ái kiến mạn cường
Nhiễm ô nhựt thâm lưu dục hải
Bát Nhã chiếu phá lễ Pháp Vương.

Nghĩa là:
Vai đau lưng ê khổ vô cùng
Xúc sinh si ái thấy ngã mạn
Nhiễu ô càng sâu chảy biển ái
Bát Nhã chiếu phá lễ Pháp Vương.

Giảng giải: (Không thấy lời giảng giải).
“Vai đau lưng ê khổ vô cùng”.
“Xúc sinh si ái thấy ngã mạn”.
“Nhiễu ô càng sâu chảy biển ái”.
“Bát Nhã chiếu phá lễ Pháp Vương”.

495. Ô đà ra du lam

Dịch: Quỷ đau bụng.

Kệ:
Nhân nhân quả quả báo tuần hoàn
Phục thống quỷ mị khổ tương triền
Mông thử tam muội gia trì lực
Tai tiêu nạn trừ giải nghiệt oan.

Nghĩa là:

Nhân quả quả nhân lại tuần hoàn
Quỷ mị đau bụng khổ triền miên
Nhờ sức tam muội nầy gia trì
Tai nạn tiêu trừ giải oan nghiệt.

Giảng giải: “Nhân quả quả nhân lại tuần hoàn, Quỷ mị đau bụng khổ triền miên”: Người trồng nhân lành thì kết quả lành, trồng nhân ác thì kết quả ác, trồng nhân đau bụng thì kết quả đau bụng, trồng nhân đau đầu thì kết quả đau đầu, trồng nhân đau chân thì kết quả đau chân. Người nữ mang thai, thỉnh thoảng có đau bụng, nôn mửa, ói ra nước chua, đây đều có quỷ của nó. Đây là thế giới của quỷ, người có thế giới của người, thần có thế giới của thần, Phật có pháp giới của Phật, Bồ Tát có pháp giới của Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác cũng đều có pháp giới của các Ngài. Bất quá quỷ là một kẻ xâm lược, một khi chúng có bản lãnh thì nghĩ lộ một bàn tay, chúng không muốn ngồi yên, cho nên muốn cho bạn thấy, quỷ mị khiến cho bụng của bạn đau, thì nghĩ muốn làm bạn với bạn, tại sao vậy? Vì trước kia chúng đau bụng mà chết, cho nên muốn tìm một người bạn để trút ra oán khí của chúng, đi tìm người cũng làm cho người đau.

Bạn đừng nói: “Tôi không tin có quỷ, cũng không tin có Phật, cũng không tin có thần”. Bạn sai rồi! Nếu có người thì gì cũng đều có; nếu không có người, thì gì cũng đều không có.
Ở tại Mã Lai Á có người hỏi: “Là người sợ quỷ hay là quỷ sợ người”?

Tôi đáp: “Nếu trong tâm bạn có quỷ, thì người sợ quỷ. Nếu tâm bạn không có quỷ, thì quỷ sợ người. Vì bạn và quỷ đau bụng có sự quan hệ đau khổ nầy với nhau, cho nên chúng muốn tìm đến bạn để thanh toán cho rõ ràng.

“Nhờ sức tam muội nầy gia trì, Tai nạn tiêu trừ giải oan nghiệt”: Tam muội tức là định của Chú Lăng Nghiêm, gia trì cho bạn khiến cho bạn hoà giải oán thù, cho nên nói tai nạn tiêu trừ giải oan nghiệt, oan nghiệt chẳng còn nữa.

496. Yết tri du lam

Dịch: Quỷ đau lưng.

Kệ:
Âm dương điên đảo vi thiên địa
Khởi thi yêu thống quái liên miên
Vãng tích chủng nhân kim kết quả
Nghiệp phong suy động biến tam thiên.

Nghĩa là:
Âm dương đảo lộn trái trời đất
Thây chết đứng dậy quỷ đau lưng
Thuở xưa trồng nhân nay kết quả
Gió nghiệp thổi động khắp tam thiên.

Giảng giải: “Âm dương đảo lộn trái trời đất”: Chúng làm trái ngược sinh lý trời đất. Loài quỷ đau lưng nầy, tạo thành thây chết đứng dậy như thế nào? Là từ đồng tính luyến ái mà ra, tương lai sẽ thành quỷ thây chết đứng dậy, chúng cổ cổ quái quái.

“Thây chết đứng dậy quỷ đau lưng”: Chúng ở trong sự kỳ quái hiện ra hình dạng rất là kỳ quái, vì chúng đau thận, đau lưng, vì đồng tính kị nhau, hai thứ độc nầy mới chân chánh gọi lấy độc trị độc, tạo thành đạn nguyên tử, sinh ra ái tử bệnh. Thây chết đứng dậy rất là kỳ quái, chúng niệm chú có thể khiến cho người chết đứng dậy, thứ tà pháp nầy làm cho đầu thây chết đứng dậy, còn có thể đi được, nhưng đây là tà pháp tà thuật, cho nên bị đau lưng. Việc kỳ quái rất nhiều, có nói cũng nói không hết.
“Thuở xưa trồng nhân nay kết quả”: Trước kia họ đồng tính luyến ái, cho nên hiện tại kết thứ quả nầy.

“Gió nghiệp thổi động khắp tam thiên”: Hiện tại đồng tính luyến ái khắp nơi đều có, chẳng những công khai mà còn muốn hợp pháp hoá, đây là hành vi vong quốc diệt chủng. Chỉ sửa hành vi thì vô ích, quan trọng là sửa đổi tư tưởng, tất cả do tâm tạo, phải sửa đổi tâm, đây là một sự bắt đầu vong quốc diệt chủng. Nếu mọi người đều đồng tính luyến ái, thì chẳng có con cái, con người sẽ tuyệt chủng, đây là trái ngược với sinh lý trời đất, đây đều có quan hệ với đồng tính luyến ái. Họ không biết, nên hồ đồ trong sự hồ đồ, mà tuỳ tiện loạn lên.

497. Bạt tất đế du lam

Dịch: Quỷ đau gót chân.

Kệ:
Túc khoả chi trì toàn thể cơ
Thống khổ nan hành động chuyển di
Câu hồn vô thường đồng cơ chí
Linh văn cải biến hung hoá cát.

Nghĩa là:
Gót chân chi trì toàn thân thể
Đau đớn khó hành động di chuyển
Câu hồn vô thường chờ cơ hội
Linh văn thay đổi hung hoá cát.

Giảng giải: “Gót chân chi trì toàn thân thể”: Gót chân là cơ sở chi trì toàn thân thể, nếu bạn bị thứ bệnh nầy, thì sơ sở sẽ hoại đi.
“Đau đớn khó hành động di chuyển”: Đi bộ cũng khó khăn, làm gì cũng không được, di chuyển cũng không dễ dàng.

“Câu hồn vô thường chờ cơ hội”: Quỷ Hắc vô thường là quỷ nam, quỷ Bạch vô thường là quỷ nữ, quỷ nữ làm quỷ cũng muốn đẹp, cho nên chúng muốn làm Bạch vô thường. Quỷ Hắc vô thường rất khó nhìn, mọi người thích trắng hơn đen, người nam chẳng còn cách nào khác, nên làm quỷ Hắc vô thường, chúng ở đó đợi cơ hội lôi kéo bạn.

“Linh văn thay đổi hung hoá cát”: Bạn hay tụng niệm Chú Lăng Nghiêm thì sẽ có cơ hội thay đổi, chứ chẳng phải hoàn toàn có cơ hội thay đổi, như có bệnh mời bác sĩ đến chữa trị, nếu bạn phải chết, thì bác sĩ cũng chữa không khỏi. Nhưng bác sĩ đối với những thứ bệnh như phong, hàn, nóng, lạnh, ẩm khô, nhân bên trong, nhân bên ngoài, nhân chẳng trong ngoài .v.v… dẫn đến thứ bệnh ngoài da thì sẽ chữa khỏi. Nếu số mạng chưa đến, bệnh sắp muốn chết, thì cũng sẽ thay đổi, khiến hung hoá cát, tất cả sự việc đều linh hoạt, chẳng phải nhất định sẽ chết. Các vị học Phật pháp, chẳng phải dạy bạn học sự cứng nhắc, mà là phải nhìn sự việc linh hoạt một chút.

498. Ô lô du lam

Dịch: Quỷ đau đùi.

Kệ:
Thối thống hành động tấn thối trì
Đồi mĩ bất chấn độ nhựt thời

Tặc khấu ác quỷ bạch vô thường
Chỉ đạo phòng tật Chú lực thí.

Nghĩa là:
Đùi đau đi đứng tiến lùi chậm
Suy nhược không vui sống qua ngày
Kẻ trộm ác quỷ bạch vô thường
Dừng trộm phòng bệnh nhờ Chú lực.

Giảng giải: "Đùi đau đi đứng tiến lùi chậm": Khi đùi đau thì đi tới, đi lui, đều rất chậm chạp.
"Suy nhược không vui sống qua ngày": Một chút tinh thần đều không có, vì cơ sở đã bị hư hoại, đùi cũng là cơ sở, giống như phòng ốc đã hư hoại, cơ sở không còn nữa.

"Kẻ trộm ác quỷ bạch vô thường": Nữ bạch vô thường càng hoại, chúng chuyên môn trộm vật của người, trộm bảo bối của người, phải kiểm tra bạn có bảo bối gì. Tinh, khí, thần, của bạn tức là bảo bối, chúng muốn cướp đi, chúng biết bạn sắp chết, bạn muốn những thứ nầy cũng không dùng gì được, cho nên chúng đến trộm cướp đi, trộm bảo bối của con người. Người có bệnh, lúc bệnh trầm trọng thì đều nằm mộng chẳng tốt lành, đây đều là quỷ bạch vô thường đang tác quái.

"Dừng trộm phòng bệnh nhờ Chú lực": Bạn tụng niệm Chú nầy, dùng pháp nầy, thì quỷ bạch vô thường sẽ bỏ chạy, bệnh của bạn cũng sẽ khỏi, sẽ gặp hung hoá cát, gặp nạn hoá cát tường.

499. Thường già du lam

Dịch: Quỷ đau cổ tay.

Kệ:
Oản thống quỷ ma nan nhẫn thọ
Thiết luyện già toả tịnh cang câu
Xuyên tâm thứ phục huy đao kiếm
Thần Chú gia trì đắc tự tại.

Nghĩa là:
Đau cổ tay nạn quỷ khó nhẫn thọ
Luyện sắt gong cùm và móc sắt
Xuyên tim thủng bụng khua đao kiếm
Thần Chú gia trì được tự tại.

Giảng giải: (Không thấy lời giảng giải).
“Đau cổ tay nạn quỷ khó nhẫn thọ”.
“Luyện sắt gong cùm và móc sắt”.
“Xuyên tim thủng bụng khua đao kiếm”.
“Thần Chú gia trì được tự tại”.

500. Hắc tất đa du lam

Dịch: Quỷ đau hai tay.

Kệ:
Lưỡng thủ thống sở nan khuất thân
Ngưu đầu mã diện sư tử tầm
Dã cán quỷ tật bất khả trị
Lăng Nghiêm Chú lực diệu thông thần.

Nghĩa là:
Hai tay đau đớn khó co duỗi
Đầu trâu mặt ngựa sư tử tìm
Quỷ bệnh dã tâm không thể trị
Lăng Nghiêm Chú lực diệu vô cùng.

Giảng giải: (Không thấy lời giảng giải).
“Hai tay đau đớn khó co duỗi”.
“Đầu trâu mặt ngựa sư tử tìm”.
“Quỷ bệnh dã tâm không thể trị”.
“Lăng Nghiêm Chú lực diệu vô cùng”.

501. Bạt đà du lam

Dịch: Quỷ đau tứ chi đốt xương.

Kệ:
Tứ chi cốt tiết thống sở triền
Liên niên luỹ nguyệt bệnh vô gián
Thủ thiện phạt ác oai mãnh tướng
Nhất văn thần Chú trừ ngao tiên.

Nghĩa là:
Tứ chi đốt xương đau triền miên
Nhiều năm nhiều tháng bệnh không ngừng

Thưởng thiện phạt ác oai mãnh tướng
Nghe được thần Chú tiêu tội khiên.

Giảng giải: Trên toàn thế giới chẳng có chỗ nào giảng Chú Lăng Nghiêm nầy, bất cứ hiển tông, mật tông, cũng đều không có. Pháp hội nầy tuy người không nhiều, nhưng Thiên long bát bộ đều chú ý mà hộ trì, mười phương chư Phật cũng phóng quang chiếu đến pháp hội nầy.

Hơn ba mươi năm trước, ở tại Hương Cảng có người yêu cầu tôi giảng giải Chú Lăng Nghiêm, nhưng vì cơ duyên chưa thành thục, cho nên cũng không giảng. Đến nước Mỹ rồi, pháp môn thù thắng phát sinh ra, người tu học đừng xem việc nầy quá đơn giản và dễ dàng, là diệu pháp trong trăm ngàn vạn kiếp khó gặp được.
Người có bệnh tật, đa số là có ma quỷ đến gây cho bạn tai nạn, không phải ngẫu nhiên như vậy. Có những bệnh tật, ban ngày thì vô sự, nhưng ban đêm thì chúng đến, loài quỷ nầy thuộc âm. Có khi chúng đến cả ban ngày và ban đêm, đây là quỷ thuộc âm dương, đều hỗn hợp, chúng chẳng sợ mặt trời, thọ được dương, cho nên ban ngày cũng có bệnh tật. Các vị cũng có một số người có kinh nghiệm nầy, có những người ban đêm ở trên giường rên rỉ không ngừng. Quỷ thần cũng có đủ thứ khác nhau, sự việc trên thế giới, nói thô thì cũng rất là thô, nói tế thì cũng rất là tế.

Chú Lăng Nghiêm sắp giảng xong, tôi đã tận hết khả năng, lúc ban đầu cũng chẳng có ai dạy tôi, nhưng tôi có một thứ tinh thần cầu pháp, tôi từ trong khốn khổ hoạn nạn mà đắc được, hiện tại tôi rất dễ dàng giảng cho các vị nghe, các vị có cơ hội nghe, đừng để cơ hội trôi qua, tôi hy vọng các vị hiểu nhiều về vấn đề nầy. Đây cần phải có công phu, mới có thể minh bạch tình hình thật tế, chẳng phải học văn tự Bát Nhã ở ngoài miệng thì hiểu được, đây nhất định cần phải kết hợp với trời đất âm dương tạo hoá hợp mà làm một, thì mới xuyên qua lý luận nầy.

(Bốn câu kệ dưới đây không thấy lời giảng giải).
“Tứ chi đốt xương đau triền miên”:
“Nhiều năm nhiều tháng bệnh không ngừng”:
“Thưởng thiện phạt ác oai mãnh tướng”:
“Nghe được thần Chú tiêu tội khiên”:

502. Ta phòng án già

Dịch: Quỷ đau hai bắp tay.

Kệ:
Lưỡng bác ngũ thể thống quỷ lâm
Đao binh chỉ man du chúc xâm
Hoả thiêu địa ngục tai khổ liệt
Chân ngôn mật ngữ bảo an ninh.

Nghĩa là:
Hai bắp tay năm thể đau do quỷ
Đao binh chỉ man du chúc xâm
Lửa thiêu địa ngục tai nạn khổ
Chân ngôn mật ngữ giữ an ninh.

Giảng giải: Không thấy lời giảng giải.
"Hai bắp tay năm thể đau do quỷ":
"Đao binh chỉ man du chúc xâm":
"Lửa thiêu địa ngục tai nạn khổ":
"Chân ngôn mật ngữ giữ an ninh":

503. Bác ra trượng già du lam

Kệ:
Thiện ác tri thức hoá ngu hiền
Thuận nghịch tinh tấn độ đảo huyền
Toả linh chuỳ chử hàng ma quỷ
Giải oan cứu khổ tiêu tội khiên.

Nghĩa là:
Thiện ác tri thức hoá ngu hiền
Thuận nghịch tinh tấn độ treo ngược
Vòng chuông chày sắt hàng ma quỷ
Giải oan cứu khổ tiêu tội khiên.

Giảng giải: Học Phật pháp phải nắm lấy chỗ quan trọng, phải chân chánh hiểu mới được, như vậy thì bạn mới nhận thức được Phật pháp. Nếu bạn chân đi không vững, ý chí không kiên định, theo hướng gió thổi, thì dù có thế nào cũng không thể nhận thức được Phật pháp, đều là dụng công phu ngoài da. Chú Lăng Nghiêm xưa nay cũng có chú giải, nhưng họ đều dụng công phu trên văn tự, trích đông một đoạn, trích tây một đoạn. Pháp chân chánh thì chẳng có sự phức tạp như vậy, nó là giữ trọn tinh hoa, chỉ cần bạn minh bạch nghĩa của nó là được. Tông chỉ của tôi là đơn giản mà đầy đủ, không rùm rà, không dùng quá nhiều danh từ.

Chú Lăng Nghiêm có pháp cát tường, pháp tăng ích, pháp câu triệu, pháp thành tựu, pháp hàng phục. Bắt đầu từ câu Chú 504 là pháp câu triệu, từ câu Chú 503 về trước là pháp hàng phục. Câu triệu có lưỡi câu, kêu bạn đến, như cảnh sát cầm giấy triệu tập, thì có thể kêu bạn đến, bắt bạn lại. Không đến cũng phải đến, đến cũng phải đến. Câu triệu và hàng phục là cảnh cáo bạn, cảnh cáo bạn nếu không đến, không nghe mệnh lệnh, thì sẽ dùng câu triệu, nhưng pháp nầy không thể tuỳ tiện dùng, năm đại tâm Chú cũng không thể tuỳ tiện dùng, khiến cho người khinh cử vọng động, như vậy không thể được.

Chú có Chú thần, đức hạnh của bạn không đủ thì không thể dùng, đủ đức hạnh nhất định phải trì giới, bằng không thì không đủ tư cách dùng Chú. Như một số người chẳng hiểu gì hết, tuỳ tiện sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu, khẩn cấp trì niệm năm đại tâm Chú, đây là pháp nhiễm ô coi thường. Pháp không thể khinh cử vọng động. Bạn có thể tu, mỗi ngày thọ trì, niệm Kinh, trì Chú, không màng có công hiệu hay không, thì vẫn cứ tụng niệm, như công phu đánh chưởng, không màng như thế nào, hằng ngày vẫn cứ đánh chưởng, mài dũa rèn luyện, không màng công phu như thế nào, mài dũa rèn luyện thì sẽ có công phu, không thể nói không mài dũa rèn luyện thì có công phu. Cũng đồng lý như vậy, thọ trì pháp thì phải mỗi ngày không gián đoạn, trong bất cứ hoàn cảnh nào, trong sự bận rộn cũng đều tu pháp.

Khi tu pháp thì không màng nó có công hiệu hay không, cũng giống như ăn cơm, mặc quần áo vậy. Hằng ngày khoá tụng không thể gián đoạn, không màng nó có công hiệu hay không, mỗi ngày đều tụng trì đọc tụng, thời gian lâu dần sẽ có cơ sở. Khi tu thì không cần biết nó có công hiệu hay không, cho nên đừng có khinh sư mạn pháp, đừng có tuỳ tiện, giống như luyện công phu. Pháp Sư Hải Đăng là người có công phu, chỉ cần muốn ra đòn đánh, không đánh người, đây tức là có công phu. Thọ trì có công đức, vẫn không tuỳ tiện dùng. Không tuỳ tiện dùng, giống như bạn có cây thương, không thể tuỳ tiện phóng cây thương. Có là được rồi, nhưng có sẵn mà không dùng, chỉ giữ để đó, khi nào không thể giải quyết được thì mới dùng đến. Như công phu của pháp sư Hải Đăng chỉ ra đòn đánh, nhưng một khi động thủ, thì có thể khiến người văng ra xa, nếu dụng công, thì người sẽ mất mạng. Hàng phục thiên ma, chế các ngoại đạo, cũng như thế.

Khi tôi tuổi còn trẻ, đã từng khinh cử vọng động, đắc tội rất nhiều với thiên ma. Lúc đó tôi cũng không biết sợ, to gan thật, mỗi ngày dắt theo đệ tử nhỏ tuổi vào trong núi thử những đoạn pháp nầy xem có công hiệu gì không, về sau biết là tuỳ tiện dùng, gây ra nhiều phiền phức. Bây giờ biết sự lợi hại như vậy,

Phật pháp rất là linh, nhưng không thể dùng bừa bãi, hoặc khinh cử vọng động.

Pháp Lăng Nghiêm là trăm ngàn đại kiếp khó gặp được, lần nầy giảng Chú Lăng Nghiêm, ba ngàn đại thiên thế giới đều sáu thứ chấn động, cung điện thiên ma đứng không yên, muốn liên hợp với nhau, cho rằng tôi đối với chúng rất bất lợi. Các vị học pháp phải biết sự quan trọng của pháp nầy, đừng tuỳ tiện thử xem, bằng không sẽ làm thương hại đức tánh của mình và sự tự do của chúng sinh, khiến cho họ không vui. Học thì có thể học, nhưng không thể dùng, vì không có đức hạnh để chi phối quỷ thần và hộ pháp, như vậy chỉ có tăng thêm tội nghiệp của chính mình.

"Thiện ác tri thức hoá ngu hiền": Có thiện ác tri thức, thiện là thuận thời dạy bạn, ác là nghịch cảnh dạy bạn, đó là nghịch cảnh tạo anh hùng, tăng thêm sự nhẫn nại chí khí và nguyện lực của chúng ta, dạy người tất cả đều có thể tự nhiên mọi lúc mọi nơi, cho nên có thiện ác tri thức. Đối với thiện phải y giáo phụng hành, đối với ác thì lấy họ làm giới, như người tà tri tà kiến là ác tri thức, thiện làm pháp, ác làm giới, đều phải tinh tấn, từ từ hướng về trước dụng công. Minh bạch Phật pháp, thì bất cứ lúc nào, ở trong đạo đều chẳng có vấn đề gì hết, tất cả đều tiếp nhận mà giải quyết. Không minh bạch Phật pháp, thì đi khắp nơi đều là chông gai. Thiện ác tri thức hoá người hiền và người ác.

"Thuận nghịch tinh tấn độ treo ngược": Thuận nghịch đều tinh tấn, độ chúng sinh treo ngược, đây là phát tâm Bồ Tát, người tu đạo phải như vậy.
"Vòng chuông chày sắt hàng ma quỷ": Vòng chuông chày sắt đây là binh khí pháp bảo, dùng để hàng phục tất cả ma quỷ.
"Giải oan cứu khổ tiêu tội khiên": Giải oan cứu khổ, thì tội khiên sẽ tiêu trừ.

504. Bộ đa tỷ đa trà

Dịch: Quỷ thi lâm.

Kệ:
Hi hữu đại thừa diệu vô phương
Kim cang bồ đề nhiếp quỷ vương
Thi lâm quyến thuộc giai thọ thủ
Câu triệu pháp kim tĩnh bát hoang.

Nghĩa là:
Đại thừa hi hữu diệu vô cùng
Kim cang bồ đề nhiếp quỷ vương

Thi lâm quyến thuộc đều truyền thụ
Pháp câu triệu khiến chúng nghe lời.

Giảng giải: Đây là pháp câu triệu, bắt yêu ma quỷ quái, bắt sơn yêu thuỷ quái lại, không màng là bao nhiêu ma quỷ đều phải đến, cho nên nói "Đại thừa hi hữu diệu vô cùng".
"Kim cang bồ đề nhiếp quỷ vương": Kim cang bồ đề triết phục nhiếp thọ quỷ vương.
"Thi lâm quyến thuộc đều truyền thụ": Thi lâm là nơi chôn tử thi, có rất nhiều quyến thuộc của quỷ, chúng đều được truyền thụ.

"Pháp câu triệu khiến chúng nghe lời": Đây là pháp câu triệu, chúng đều phải nghe mệnh lệnh, quỷ quái gì cũng đều phải nghe, nhưng phải có đức hạnh, bằng không chúng sẽ không nghe lời.

505. Trà kỳ ni

Dịch: Quỷ mị.

Kệ:

Mị quỷ tà thuật huyễn hoá kỳ
Thất khứ chủ tể khởi hồ nghi
Linh thanh loa hưởng thanh oa khiếu
Thần Chú gia trì lãnh nhiệt ly.

Nghĩa là:
Quỷ mị tà thuật huyễn hoá kỳ
Mất đi chủ tể khởi hồ nghi
Tiếng linh tiếng ốc đồng thanh gọi
Thần Chú gia trì lìa hàn nhiệt.

Giảng giải: Hết thảy lời Chú đều là chân ngôn của Phật, tức là những lời chân thật, có thể thông đạt ba cõi (cõi dục, có sắc, cõi vô sắc). "Chân ngôn" là một thứ lời lẽ chọn dùng cõi linh. Con mắt thịt của một số người không thể thấy được cõi linh, nhưng một khi người tụng Chú, thì tự nhiên phát khởi một thứ sức lực không thể nghĩ bàn. Tuy là không thể nghĩ bàn, nhưng vẫn biết được một chút. Từ chỗ biết được một chút nầy, bèn tiến vào biết được những công lực khác không thể nghĩ bàn. Chú là do chư Phật Bồ Tát nói, tức cũng là ở trong sự tịch mặc phát ra pháp linh, thông đạt chín pháp giới. (Phật là một trong mười pháp giới, nhưng Phật đã đến được quả vị cứu kính giác), cho nên Phật khác với những chúng sinh khác còn điên đảo.

Mỗi một câu Chú có sức lực nhiều phương diện, chẳng riêng gì một thứ, giống như sự công hiệu của thuốc, tuy có thể trị bách bệnh, nhưng đều có sự chủ trị chứng bệnh.
“Trà Kỳ Ni” là « Quỷ mị ». Câu nầy chuyên hàng phục quỷ mị. Quỷ mị chẳng đối phó với chúng sinh khác, nhưng chúng chuyên đối phó với nhân loại.

“Quỷ mị tà thuật huyễn hoá kỳ”: Chúng có đủ thứ thần thông biến hoá, lúc biến hoá người nam, lúc biến hoá người nữ, có khi lại biến hoá thành súc sinh, thiên thần .v.v… đủ thứ hình dáng, pháp thuật không thể nghĩ bàn. Kỳ thật, pháp lực của Phật và ma đều không thể nghĩ bàn, chỉ là khác biệt giữa tà và chánh mà thôi. Phá hoại người không so sánh với người ngu si, phá hoại người là vì quá thông minh, mới chuyên môn dùng sự thông minh của mình đi làm việc xấu gạt người. Tà ma ngoại đạo đều có bản lãnh lớn, quyến thuộc của họ cũng nhiều, nhưng chúng chuyên môn làm việc xấu, tà tri tà kiến, mỗi cử chỉ hành động đều muốn hại người. Ranh giới giữa Phật và ma là tại chỗ nầy, đừng cho rằng ma chẳng có bản lãnh, nếu chúng chẳng có bản lãnh, thì chúng sẽ không khởi đối đầu với Phật, đấu pháp với Phật. Vì chúng có bãn lãnh lớn, nên trong mắt không nhìn ai ra gì hết, làm việc đều không chánh đáng, đều là ma nghiệp, nghiệp nhiễm ô, chẳng phải nghiệp thanh tịnh. Phật thì làm nghiệp thanh tịnh, sự khác nhau là tại chỗ nầy. Trong Phật giáo là “Hãy làm các việc lành, đừng làm các việc ác”, ma thì ngược lại, chúng thì “Không làm các việc lành, mà làm các việc ác”. Chuyên làm những chuyện xấu ác, lường gạt người, khiến cho người hồ nghi không tin.

“Mất đi chủ tể khởi hồ nghi”: Quỷ mị hay khiến cho người nghe một thứ âm thanh gì đó, hoặc khiến cho bạn cho rằng mình đã khai ngộ. Khai ngộ không thể tự mình chứng minh, mà cần phải có người khác thừa nhận. Tổ sư từ xưa đến nay, chưa từng tự mình chứng minh nói “Tôi là tổ sư”.

Quỷ mị hay có đủ thứ pháp thuật biến hoá, như một số yêu ma thuật, nhưng đây đều là huyễn hoá, hư vọng không thật. Chúng nói tựa như rất có đạo lý, kỳ thật là tựa đúng mà sai, hư vô thăm thẳm. Xấu nhất là khiến cho người mất đi chánh niệm, mà làm chủ không được, lúc khóc, lúc cười, như bị điên khùng. Hoặc lúc đói, lúc khát, khiến cho người tư tưởng hành vi biến thành chẳng bình thường, suốt ngày đến tối chỉ nhìn người khác không đúng, muốn hại người, tánh A Tu La ngày càng cao, thích đấu tranh.

Tóm lại, thiên biến vạn hoá, lúc tốt, lúc xấu, khiến cho người cao thâm khó dò, mất đi chánh niệm. Nhưng, một khi người nào bị quỷ mị mê hoặc rồi, thì sẽ hồ nghi không tin, thậm chí hay tự nghĩ rằng: “Mặt trời có thể biến thành mặt trăng được chăng? Mặt trăng có thể biến thành mặt trời được chăng”? Trong Chứng

Đạo Ca của Vĩnh Gia đại sư có nói rằng: "Mặt trời có thể lạnh, mặt trăng có thể nóng", như vậy, mặt trời có thể biến thành mặt trăng được chăng? Mặt trăng có thể biến thành mặt trời được chăng? Vĩnh Gia đại sư nói có thể, đương nhiên là có thể". Do đó người bị quỷ mị mê hoặc, tự diễn tự nói, tự hỏi, tự đáp, trong không sinh có, càng quấy rối càng hồ đồ, làm cho đầu óc của mình hôn mê. Một khi trong tâm của chủ nhân ngủ rồi, thì giặc sẽ thừa cơ đột nhập vào. Tóm lại, chúng vào rồi, thì sẽ khiến cho bạn sinh ra hoài nghi.

"Tiếng linh tiếng ốc đồng thanh gọi": Câu Chú nầy cũng dịch ra là "Linh loa" (cái linh, con ốc), là pháp khí kim cang bộ xử dụng. Cũng có thể là một trong pháp thuật của quỷ mị. Tiếng linh con ốc đồng thanh gọi, người tu hành nghe đến nhiều thứ tiếng vang kỳ quái, cũng hay bị làm cho thần trí không bình thường.

"Thần Chú gia trì lìa hàn nhiệt": Niệm câu Chú nầy, thì sẽ xa lìa khỏi bệnh hàn, bệnh nhiệt. Người mang thứ bệnh nầy, có khi lạnh đến cực điểm, có khi lại nóng đến cực điểm, đây là do lạnh đến cực điểm thì chuyển nóng, nóng đến cực điểm thì chuyển lạnh, như bệnh sốt rét. Người bị ma bệnh chi phối, thì không thể làm chủ được, cũng không biết sống chết. Nếu có thể tụng trì Chú Lăng Nghiêm, thì sẽ xa lìa được bệnh hàn nhiệt.

506. Thập bà ra

Dịch: Quỷ tất cả bệnh nhọt.

Kệ:
Quang minh biến chiếu mãn tam thiên
Nhất thiết ác sang đinh độc quyên
Kích thứ tảo trừ chư ma thuật
Tụng Chú quy mạng Thiên Trung Thiên.

Nghĩa là:
Quang minh chiếu khắp đầy tam thiên
Tất cả bệnh nhọt độc hết sạch
Cực quang quét trừ các ma thuật
Tụng Chú quy mạng Thiên Trung Thiên.

Giảng giải: Thập Bà Ra dịch là "Quỷ tất cả bệnh nhọt", cũng dịch là "Quang diệm". Một khi niệm câu Chú nầy, thì quang minh chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới, cho nên câu kệ nói rằng "Quang minh chiếu khắp đầy tam thiên".

"Tất cả bệnh nhọt độc hết sạch": Máu khí của con người không thong, thì sẽ sinh ra bệnh nhọt. Trong sự bất tri bất giác, quỷ bệnh nhọt phát tán những chất hoá học, sẽ thâm nhập qua đường khí quản, hoặc đường hô hấp của bạn, khi chất độc phát tác, thì sẽ sinh ra bệnh nhọt. Bệnh nhọt là "Không sợ đỏ sưng cao lớn, chỉ sợ đen tía trũng lõm". Nếu ác nhọt là màu đen, màu tía thâm, hoặc trũng lõm, thông thường là nhọt độc. Nói chung bệnh nhọt có nhiều thứ nhọt, nặng nhẹ khác nhau, có những thứ bệnh nhọt rất độc hại. Một khi bạn niệm Chú Lăng Nghiêm, thì sẽ phóng quang minh, tiêu trừ tất cả bệnh nhọt.

"Cực quang quét trừ các ma thuật": Câu Chú nầy có công dụng tựa như lôi xạ, giống như bây giờ gọi là bắn laser, trong Phật pháp vốn có thứ nầy, nhưng chẳng phải sức người có thể khống chế được, mà là do Bồ Tát quản lý. Một khi phóng lôi xạ quang, thì tự nhiên có thể hoà giải các thứ độc, quét sạch các tà thuật. Phật dùng cực quang hay trị tất cả bệnh tà. Phật sớm đã biết thế giới tương lai các quần ma làm loạn, do đó việc trước hết là dự bị những Chú nầy để đối trị.

"Tụng Chú quy mạng Thiên Trung Thiên": Tụng Chú Lăng Nghiêm là quy mạng Thiên Trung Thiên tức là Phật.

507. Đà đột lô ca

Dịch: Quỷ tất cả bệnh nhọt.

Kệ 1:
Sang quỷ lang độc hại sinh mạng
Thế Tôn từ mẫn thuyết linh văn
Hành giả tụng trì tiêu nạn chướng
Giải trừ chúng khổ ung thư bệnh.

Nghĩa là:
Quỷ nhọt lang độc hại sinh mạng
Thế Tôn thương xót nói linh văn
Hành giả tụng trì tiêu chướng nạn
Giải trừ các khổ bệnh ung thư.

Giảng giải: "Quỷ nhọt lang độc hại sinh mạng": Quỷ bệnh nhọt nầy, chuyên nguy hại sinh linh.
"Thế Tôn thương xót nói linh văn": Phật vì lòng từ bi, nên ban cho chúng ta Thần Chú Lăng Nghiêm để bảo hộ.

“Hành giả tụng trì tiêu chướng nạn”: Nếu hay tụng trì Chú nầy, thì bách bệnh sẽ tiêu trừ.

“Giải trừ các khổ bệnh ung thư”: Ung thư đều là bệnh nhọt lửa độc, khiến cho bệnh nhân rất thống khổ. Niệm Chú Lăng Nghiêm thì bệnh nhọt độc hại sẽ tiêu tan, sự thống khổ của bệnh nhân cũng sẽ giải trừ.

Kệ 2:
Nhất thiết sang quỷ đồ độc thâm
Giới lại tiển anh dương mao đinh
Thần Chú trí mẫu gia trì lực
Giải trừ túc nghiệp hoạch an ninh.

Nghĩa là:
Tất cả quỷ nhọt rất độc hại
Ghẻ hủi bướu cổ nhọt lông dê
Thần Chú trí mẫu sức gia trì
Giải trừ nghiệp xưa được an ninh.

Giảng giải: “Tất cả quỷ nhọt rất độc hại”: Loài quỷ nầy rất là nguy hiểm, còn pháp thuật thì biến hoá khó dò.
“Ghẻ hủi bướu cổ bệnh lông dê”: Ghẻ và ghẻ lở đều là bệnh ở ngoài da, hay truyền nhiễm. Bướu là cục bướu sinh ra ở cổ. Nhọt lông dê thấy ở phương bắc Trung Quốc, là một thứ bệnh khuẩn, do trên lông dê, lạc đà truyền nhiễm. Một khi mắc thứ bệnh nhọt độc nầy, thì lập tức lựa lấy ra lông của dã thú trong thân thể của nó, do đó có câu “Trước bảy sau tám”, tức là dùng cái dùi, ở trước ngực lựa lấy bảy nơi, sau lưng lựa lấy tám nơi, thì bệnh mới khỏi. Nếu kéo dài ba ngày mà không trị khỏi, thì người bệnh sẽ chết. Ở trên nói đủ thứ bệnh nhọt độc bướu ghẻ, đều là quỷ nhọt tác quái ở phía sau.

“Thần Chú trí mẫu sức gia trì”: Câu Chú nầy cũng gọi là trí mẫu, nhờ sức gia trì của Thần Chú Lăng Nghiêm.
“Giải trừ nghiệp xưa được an ninh”: Đại khái những bệnh nhọt lở loét sưng phù bướu, phần nhiều là do oan nghiệp quá khứ mà ra. Tụng niệm Chú Lăng Nghiêm, thì sẽ giải trừ nghiệp cũ, nhọt độc cũng sẽ không cần thuốc mà khỏi, bệnh nhân sẽ được mạnh khoẻ.

508. Kiến đốt lô kiết tri

Dịch: Quỷ nhọt con nhện.

Kệ 1:
Thiên hành quỷ quái phóng xạ độc
Tri chu sang bệnh nan hàng phục
Bảo Sinh bộ chủ quang cứu hộ
Hư Không Tạng Vương đại tảo trừ.

Nghĩa là:
Quỷ quái bay đi phóng xạ độc
Bệnh nhọt con nhện khó hàng phục
Bảo Sinh bộ chủ quang cứu hộ
Hư Không Tạng Vương quét trừ sạch.

Giảng giải: "Quỷ quái bay đi phóng xạ độc": Con quỷ nhền nhện nầy bay đi ở trong không trung, rải độc khắp nơi.
"Bệnh nhọt con nhện khó hàng phục": Độc của nó rất lợi hại, khó mà hàng phục.

"Bảo Sinh bộ chủ quang cứu hộ": Phương nam Bảo Sinh Phật, phóng ra một thứ lôi xạ thiên nhiên, để hoà giải chất độc của quỷ độc nhền nhện, tiêu diệt tác dụng ác độc của nó.
"Hư Không Tạng Vương quét trừ sạch": Sự quét trừ nầy khắp hư không pháp giới, quét sạch hết thảy khói đen chướng khí, ác độc tà khí, không còn nữa, khiến cho pháp giới được thanh tịnh.

Kệ 2:
Tri chu tranh nanh độc khí công
Đới trạng bào chẩn khuẩn thũng hồng
Bảo Sinh quang chiếu tiêu tội chướng
Kỳ tật quái chứng nhất tảo không.

Nghĩa là:
Nhền nhện dữ tợn rải khí độc
Mang dáng bệnh sởi khuẩn sưng đỏ
Bảo Sinh quang chiếu tiêu tội chướng
Chứng bệnh kỳ quái quét sạch hết.

Giảng giải: "Nhền nhện dữ tợn rải khí độc": Con quỷ nhện nầy, một số người mắt thịt nhìn không thấy được, nhưng nó dữ tợn đáng sợ, chuyên phóng khí độc.
"Mang dáng bệnh sởi khuẩn sưng đỏ": Trung Quốc ngày xưa, thứ bệnh nầy gọi là "Nhọt nhền nhện", danh từ y học hiện đại gọi là "Mang dáng bệnh sởi". Khi bệnh phát thì trước hết ở lưng, một chỗ nhỏ có cảm giác đau ngứa, dần dần

kéo dài lan ra khắp lưng, màu đỏ nhỏ như hạt đậu, vừa đau vừa ngứa. Thứ nhọt nầy làm cho người bệnh cảm giác đau như kim đâm, rất là khó chịu.
“Bảo Sinh quang chiếu tiêu tội chướng”: Phương nam Bảo Sinh bộ phóng ra quang lôi xạ, tiêu trừ oan nghiệp oán hận đời trước.
“Chứng bệnh kỳ quái quét sạch hết”: Hết thảy kỳ nan tạp chứng, như bệnh nhọt nhền nhện .v.v… đều quét sạch hết.

509. Bà lộ đa tỳ

Dịch: Quỷ bệnh ghẻ nhọt.

Kệ:
Kịch liệt âm độc chủng chủng hình
Vô minh thũng thống như cang đinh
Bát vạn diệu pháp đáo bỉ ngạn
Liên Hoa bộ chủ trừ quỷ linh.

Nghĩa là:
Âm độc kịch liệt đủ thứ hình
Vô minh sưng đau như đinh thép
Tám vạn diệu pháp đến bờ kia
Liên Hoa bộ chủ trừ quỷ ma.

Giảng giải: Câu Chú nầy là chỉ “Quỷ nam ghẻ nhọt”, còn quỷ ngâm dâm nhọt là quỷ nữ. Hai con quỷ nầy lúc còn sống, thì đều chẳng giữ quy cụ, nên chết rồi thì làm loài quỷ nầy, có chất độc rất là kịch liệt. Bệnh ghẻ nhọt chẳng dễ gì điều trị. Bệnh nhọt giống như một cây đinh sinh ở trên thân. Tại sao quỷ nam làm loài quỷ nầy? Vì họ chết do thứ bệnh nầy, vì tâm dâm dục quá nặng, cho nên có đủ thứ âm độc kịch liệt. Chúng chuyên môn cưỡng gian dâm, hoặc tà dâm, cho nên sinh ra thứ bệnh ghẻ nhọt nầy. Do trước kia có thứ quỷ nầy, khiến cho họ chết vì thứ bệnh nầy, cho nên họ muốn báo thù, làm cho người người đều sinh thứ bệnh nầy, “Nhân như vậy, quả như vậy”, đây là vô minh chướng ngại, khiến cho họ tạo thứ nghiệp nầy, làm cho người người chết vì thứ bệnh nầy. Họ đã làm quỷ còn tạo nghiệp, cho nên nói “Âm độc kịch liệt đủ thứ hình”. Thứ âm độc nầy, chẳng có thứ gì độc bằng nó. Bệnh ghẻ nhọt cũng chẳng phải đều giống nhau, tuy tựa như cây đinh, nhưng cũng có lớn, có nhỏ, có dài, có ngắn, có đủ thứ nhan sắc, cho nên nói “đủ thứ hình”.

“Vô minh sưng đau như đinh thép”: Khiến cho người sinh ra một thứ độc sưng phù. Nhân khởi chẳng ra khỏi một danh từ, cho nên gọi vô minh sưng độc. Thứ

sưng độc nầy như đinh sắt, đinh đâm vào mình cứng giống như thép, cho nên nói “Vô minh sưng đau như đinh thép”.

“Tám vạn diệu pháp đến bờ kia”: Nhờ có Phật nói tám vạn bốn ngàn pháp môn vi diệu, khiến cho con người cải ác hướng thiện, sửa lỗi làm mới. Tuy làm loài quỷ nầy, Phật bèn nói thứ pháp nầy, khiến cho họ giác ngộ, một khi họ giác ngộ, thì sẽ đến được bờ bên kia, sẽ không còn độc nữa, bệnh sẽ lành, cho nên nói “Tám vạn diệu pháp đến bờ kia”.
“Liên Hoa bộ chủ trừ quỷ ma”: Đây thuộc về thanh tịnh Liên Hoa bộ chủ, tiếp xúc thứ bệnh đau nầy. Hoa sen rất thanh tịnh, sinh ra ở trong bùn mà không nhiễm. Liên Hoa bộ chủ dùng đủ thứ pháp thanh tịnh, khiến cho quỷ âm độc trừ khử.

Khi chúng ta tả bài kệ, thì phải biết ý nghĩa của quỷ, nguyên lai của Chú và tiền nhân hậu quả. Còn phải biết tại sao có thứ bệnh nầy! Vì họ có tư tưởng thích tà dâm, cho nên mới sinh bệnh nầy, do đó có câu “Vật dĩ loại tụ, Nhân dĩ quần phân”, nhân như vậy, quả như vậy. Loài quỷ nầy tìm đến họ, có thể nói là có “Duyên”, cũng có thể nói là có “Oán”, trong đạo lý đó mà nói ra thì vô cùng vô tận. Bốn câu kệ nầy đã nói đại khái về tiền nhân hậu quả. Nếu thật nhận thức được, thì sẽ biết nó là ý nghĩa gì. Nếu không thật hiểu biết, thì tả ra vật gì cũng đều chẳng giống như in với câu Chú.

510. Tát bác lô

Dịch: Quỷ mạn dâm nhọt.

Kệ:
Mạn duyên biến thể tẩm dâm khuẩn
Thử dũ bỉ khởi tối kham kinh
Bát Nhã trí kiếm trảm tình đế
Khôi phục thanh tịnh bổn lai chân.

Nghĩa là:
Vương vít khắp thân ngấm khuẩn dâm
Đây hết kia sinh rất kinh sợ
Trí kiếm Bát Nhã chém rễ tình
Khôi phục thanh tịnh thật xưa nay.

Giảng giải: Chúng ta giảng Chú Lăng Nghiêm tức là Lăng Nghiêm đàn tràng, đây là việc kinh thiên động địa, còn trịnh trọng hơn việc vũ khí hạch tử, cho nên chúng ta phải nhận thức rõ ràng.

“Vương vít khắp thân ngấm khuẩn dâm”: Quỷ ngấm dâm là quỷ nữ, tức người nữ hành dâm dục. Thứ nhân tố nầy đều do tâm dâm dục mà khởi, không khác gì mấy bệnh nhọt dương mai. Thứ bệnh nhọt nầy chẳng dễ gì trị khỏi, trị khỏi ở chỗ nầy, thì chỗ khác lại phát bệnh. Thứ khuẩn bệnh nầy có tính độc tố truyền nhiễm, hay lan toả vương vít, từ địa phương nhỏ, lan rộng ra địa phương lớn, cho nên nói “Vương vít khắp thân”. Ngâm dâm tức cũng là xâm lược, cho nên gọi “Mạn dâm” như dùng nước ngâm.

“Tại sao có loài quỷ nầy? Vì lúc cô ta còn sống, thì cứ hành dâm dục, chết rồi chuyển qua giận người khác, nói “Tốt! Tôi chết vì bệnh nầy, tôi cũng kêu bạn chết vì bệnh nầy”. Cô ta không nghĩ là chính mình không giữ quy cụ, chết vì bệnh nầy, ngược lại có một sự oán giận, cho rằng người khác làm cho cô ta chết vì bệnh nầy, cho nên cô ta cũng làm cho người khác chết vì bệnh nầy. Do đó người mắc thứ bệnh nhọt nầy, điều trị cũng trị không khỏi. Vào thời xưa, bệnh nhọt dương mai (còn gọi là bệnh hoa liễu) khó trị nhất, đây đều thuộc về khuẩn nấm.
“Đây hết kia sinh rất kinh sợ”: Thứ độc nầy không dứt, chỗ nầy chữa khỏi, thì chỗ khác lại sinh ra, bạn thấy nó giống như khỏi bệnh, qua vài ngày lại phát tác, vì khuẩn độc chưa tiêu diệt, dù dùng thuốc sát trùng cũng giết không chết nó.

“Trí kiếm Bát Nhã chém rễ tình”: Vì bệnh độc thâm căn cố đế, không dễ gì làm sạch sẽ được. Vậy phải làm sao? Phải dùng trí huệ. Người có trí huệ thì không sinh tâm dâm dục, dùng kiếm báu trí huệ Bát Nhã, để chặt đứt gốc rễ tình dục.

“Khôi phục thanh tịnh thật xưa nay”: Sẽ hồi phục lại thanh tịnh, trở về nguồn cội, trở về bản tâm không dâm dục, trong cảnh giới tư tưởng không tà thiên chân hoạt bát. Người thế gian nói trần lao? “Trần” là gì? Tức là ý niệm dâm dục. Bạn xem từng hạt bụi ở trong hư không, đều thuộc về bên ngoài, tại sao con người hay sinh ra mệt mỏi cực khổ? Vì trong tâm có “trần”.
Một số người đều cho rằng người nam kết hôn với người nữ là thiên kinh địa nghĩa, do đó có câu “Nam nữ ở với nhau, chuyện bình thường xưa nay”, đức Khổng Tử cũng khuyến khích người ta kết hôn, cho nên đều làm hại người chết. Cái hại của người nam khi sinh ra, gì cũng không biết, chỉ biết đi tìm cầu người nữ. Người nữ khi sinh ra, gì cũng đều chẳng minh bạch, chỉ biết đi tìm người nam. Họ thật sự hiểu biết gì? Gì cũng đều chẳng hiểu biết. Tuy hiện tại có ti vi để xem, nhưng đối với vấn đề nầy chẳng chân chánh minh bạch. Nếu minh bạch, thì sẽ không mê như thế. Vì không biết, không minh bạch, mới đi tìm cầu, nên càng tìm cầu thì càng đoạ lạc, mà biến thành quỷ ngâm dâm, biến thành quỷ bệnh ghẻ nhọt, bạn xem đáng thương hay không đáng thương? Loài quỷ nầy hằng ngày thống khổ không thể tả, cho nên chúng có một sự oán khí

rằng: “Tôi thống khổ như vầy, tôi cũng sẽ làm cho các bạn thọ khổ giống như tôi”! Cho nên chúng muốn tìm đồng bạn, đi thọ khổ với chúng. Chúng thấy người khác thọ khổ, thì giống như giảm bớt đi sự thống khổ của chính họ, đây là tâm đố kị hình thành. Nếu ai có tâm đố kị, thì phải coi chừng một chút.

511. Ha lăng già

Dịch: Quỷ bệnh nhọt đỏ.

Kệ:
Xích sang quỷ độc tâm hoả thịnh
Đại chúng Tăng già tác Yết Ma
Nguyện biện Phật sự cầu chân trí
Ái tác pháp vụ chánh giác thành.

Nghĩa là:
Quỷ nhọt đỏ tâm độc lửa mạnh
Đại chúng Tăng già tác Yết Ma
Nguyện làm Phật sự cầu thật trí
Thích làm việc pháp thành Chánh Giác.

Giảng giải: Ha Lăng là “Quỷ bệnh nhọt đỏ”.
“Quỷ nhọt đỏ tâm độc lửa mạnh”: Tại sao bệnh nhọt nầy là màu đỏ? Vì quỷ nầy lúc ban đầu chẳng biết lúc làm người, làm ngựa, làm bò, thì tánh nóng giận rất lớn, tâm lửa mạnh, họ chết về bệnh tâm lửa. Vì chết vì bệnh nầy, nên họ có bản lãnh khiến cho người khác cũng sinh bệnh nhọt đỏ giống nhau, khiến cho người linh tánh hao mòn từng chút từng chút, còn tà tánh thì dần dần tăng thêm, chánh tánh thì mất đi. Chánh tánh suy, thì tà tánh thịnh; tà tánh suy, thì chánh tánh thịnh. Chánh tánh tức là trí huệ, tà tánh tức là ngu si. Hoặc giả có người không đồng ý, nói: “Lão Tử nói rằng: ‘Đại đạo phế, có nhân nghĩa; trí huệ xuất, có đại nguỵ’. Pháp sư! Ngài giảng chẳng hợp với Lão Tử”! Vậy thì bạn đi học với Lão Tử, không cần theo tôi học. Kỳ thật, bạn không thể thâm nhập nghiên cứu trong đạo lộ, không thể đạo thính đồ thuyết.

“Đại chúng Tăng già tác Yết Ma”: Quỷ bệnh nhọt đỏ tâm lửa mạnh, vậy làm thế nào bình tâm lửa? Một người không được, phải nhờ sức lực của mười phương Tăng, để làm Yết Ma thế cho người bệnh sám hối. Yết Ma tức là chiếu theo Phật chế, tuyên cáo việc quan trọng ba lần, gọi là “tam phiên Yết Ma”, sau đó y chiếu quy cụ tác pháp, tựa như lập pháp, ba lần đọc thông qua. Tại sao vậy? Vì không dùng quy cụ, không thành vuông tròn.
“Nguyện làm Phật sự cầu thật trí”: Làm Yết Ma tức là nguyện làm tất cả sự việc

của Phật giáo và y Phật chỉ thị mà học pháp, cầu trí huệ chân thật. Tại sao phải cầu trí huệ? Vì quỷ bệnh nhọt đỏ lúc tại nhân địa ngu si, nóng giận quá lớn, tâm lửa mạnh, mà chết bởi ngu si. Hiện tại phải nhờ mười phương Tăng làm pháp Yết Ma, làm Phật sự, thì căn lành của họ sẽ thành thục, sẽ có thể giác ngộ, sửa lỗi làm mới, cải ác hướng thiện.

"Thích làm việc pháp thành Chánh Giác": Thích làm việc pháp tức là không lười biếng, khoá lễ sớm tối, quá đường, đều phải tuỳ hỉ đại chúng, đi đứng đều phải giữ quy cụ giới luật. Ở trong tùng lâm không thể xuất chúng, tiêu dị hiện kỳ, mà còn phải tất cung tất kính, chí thành khẩn thiết, thì mới có thể thành Chánh Giác.
Đức Phật Thích Ca Mâu Ni "Tam kỳ tu phước huệ, bách kiếp chủng tướng hảo". Tu lâu như vậy, hiện tại bạn tu mới hai ngày rưỡi, mà muốn khai ngộ, bèn cho rằng mình có công đức, đó là nằm mộng phát cuồng. Cơ sở của bạn chưa tốt, nói đến công phu gì, chứng ngộ đều là gạt người. Người thật có công phu, sẽ không khoe khoang đức hạnh của mình với người khác, trong bất cứ trường hợp nào, cũng đều mai danh ẩn tích, không xuất đầu lộ diện, không thể tiêu dị hiện kỳ, duy ngã độc tôn.

Nhưng thích làm việc pháp, chẳng phải việc của mình, chẳng phải mình muốn làm gì thì làm. Bạn làm pháp của bạn, tôi làm pháp của tôi, đây gọi là lìa khỏi đại chúng, chẳng hợp chúng, thì làm sao nói đến hoà hợp Tăng, do đó "Thích làm việc pháp thành Chánh Giác", bao quát không lười biếng, giải đãi, tánh tình nhu hoà, không nổi nóng, không chướng ngại người khác, tất cả làm được như pháp có thứ lớp.

512. Du sa đát ra

Dịch: Quỷ con nít bệnh nhọt.

Kệ:
Tiểu nhi sang quỷ thai độc xâm
Nghiêm tịnh Tỳ Ni giới luật tân
Diệu thuật khôi phục thanh tịnh thể
Ly cấu trừ tham hiện pháp thân.

Nghĩa là:
Quỷ nhọt con nít thai độc xâm
Nghiêm tịnh Tỳ Ni giới luật mới
Diệu thuật khôi phục thể thanh tịnh
Lìa cấu trừ tham hiện pháp thân.

Giảng giải: Câu Chú nầy là « Quỷ nhọt con nít ». Câu ở trước có liên quan tâm lửa, câu nầy có quan hệ đến nước. “Quỷ nhọt con nít thai độc xâm”, đây có sự quan hệ với thai giáo, nếu cha mẹ tâm dâm dục nặng, sinh con ra dễ mắc đủ thứ bệnh nhọt. Do đó, khi người nữ mang thai, thì người nam ở riêng. Truyền thống cổ xưa, khi người nữ mang thai thì về nhà mẹ đẻ. Nếu đã mang thai, nam nữ vẫn không giữ quy cụ, làm loạn xạ ngầu, thì con nít sẽ cảm nhiễm thai độc. Vì tinh hoa của nam nữ căn bản có chứa độc tố.

Khoa học còn chưa nghiên cứu ra chất độc nầy, hiện tại khoa học đều đang phát triển bên ngoài, chẳng phải trên trời, mà là dưới đất, không đi nghiên cứu bản thân thể con người của khoa học, đây gọi là hướng ngoại truy cầu. Cách đây mấy ngày tôi có nói chuyện với một vị khoa học gia không gian, anh ta có chức vị quan trọng trong bộ quốc phòng.
– Tôi hỏi anh ta: “Các anh chỉ đi lên trời, hoặc dưới đất, nghiên cứu vũ khí giết người. Nhưng anh không nghiên cứu trong thân thể của mình, có sức đề kháng ra sao, khiến cho bức xạ hạch tử không làm hại anh. Đây như hướng ngoại truy cầu, cho đến hết thuở vị lai, cầu xa lắc xa lơ không có bờ mé”.
– Anh khoa học gia đáp: “Tôi học khoa học đã nhiều năm, chưa từng nghe qua luân lý nầy”.
Anh ta cảm thấy rất mới lạ.

– Tôi lại nói: “Anh đừng ngại hãy nghiên cứu khoa học bên trong thử xem. Nếu thật biết thì tất cả khoa học đều đón nhận mà giải quyết; bên trong chẳng minh bạch, mà cứ hướng ngoại tìm cầu, thì thuỷ chung là bỏ gốc tìm ngọn”.

Vì nam nữ chẳng giữ quy cụ, cho nên con nít sinh ra thân đầy nhọt độc. Nhi đồng kém trí huệ đến như thế nào? Một số y học đối với lý luận nầy, đều là gãi ngứa ngoài chiếc giầy. Chân chánh nguồn gốc là nam nữ không giữ quy cụ, nhất là thanh thiếu niên nam nữ hút độc, dùng ma tuý, hoặc thuốc á phiện, bản thân của chúng đều hồ đồ điên đảo, cho nên sinh ra con cái không có trí huệ. Bác sĩ còn không biết nguồn gốc nhân tố ở đâu? Đây là nhân tố hiện tại rất nhiều đứa trẻ kém trí huệ, bị bệnh thần kinh, tàn phế, bại liệt! Bản thân cha mẹ không bình thường, sinh ra con cái đương nhiên cũng không bình thường. Vì bất chánh, thì quả sẽ bất chánh. Nhân như vậy, thì quả như vậy, sự việc rõ ràng ở trước mắt, con người còn bịt tai ăn cắp chuông, không chịu thừa nhận. Thai độc rất là lợi hại, không dễ gì trị, cho nên tâm dâm dục hại chết tất cả con người. Nếu người không có tâm dâm dục, căn bản sẽ không sinh bệnh nhọt ngâm dâm và tất cả nhọt độc không sạch sẽ. Vấn đề đối với bản thân con người một khi tột cùng chẳng thông, cứ hướng cầu bên ngoài, còn ăn nói hồ đồ.

“Nghiêm tịnh Tỳ Ni giới luật mới”: Nghiêm tịnh Tỳ Ni tức là phải giữ giới luật. Trước kia bạn không giữ giới luật là cũ; bây giờ giữ giới luật là mới. Tơ hào cũng không thể phạm, trong tâm vọng niệm cũng không được khởi lên. Nghiêm tịnh Tỳ Ni, tức là không khởi một tâm niệm dâm dục. Nếu tâm khởi lên niệm dâm dục, thì chẳng có nghiêm tịnh Tỳ Ni. Bạn coi thường giới luật, tức là cũ; bạn coi trọng giới luật, tức là mới.

“Diệu thuật khôi phục thể thanh tịnh”: Bạn hay giữ giới luật, tức là diệu thuật, sao lại phải cầu bên ngoài? Giữ giới luật tức là không sai nhân quả. Thế nào gọi là không sai nhân quả? Tức là bạn đừng có rơi vào không, cũng đừng có rơi vào có. Bạn rơi vào không, đây là bát không nhân quả, rơi vào có, vẫn là sai nhân quả. Trong Chứng Đạo Ca của Vĩnh Gia đại sư có nói rằng:

Khoát đạt không, bát nhân quả,
Mảng mảng đãng đãng chiêu ương họa.
Khí hữu trước không bệnh diệc nhiên,
Hoàn như tị nịch nhi đầu hỏa.

Nghĩa là:
Đắm ngoan không, bát nhân quả
Bừa bãi, rối ren, càng thêm họa.
Bỏ có, níu không, bệnh vẫn nguyên
Khác nào trốn nước sa vào lửa.

Người thể hội pháp thâm sâu, thì sẽ không bát vô nhân quả. Họ sẽ không lỗ mãng, bừa bãi rối ren, Phật cũng không sợ, ma cũng không sợ, nói rằng: “Tôi cũng là Phật, Phật cũng là tôi; Tôi cũng là ma, ma cũng là tôi”. Ăn nói hàm hồ. Đây gọi là hồ đồ không rành, như Trư Bát Giới nuốt trựng quả nhân sâm, bèn đi hỏi Tôn Ngộ Không: “Anh Tôn! Anh Tôn! Quả nhân sâm mùi vị như thế nào vậy”?

Tôn Ngộ Không đáp: “Chính mày ăn, sao lại phải hỏi tôi”?
“Khoát đạt không”, người bát vô nhân quả, cảm thấy gì cũng đều chẳng có, trên không có Phật đạo có thể thành, dưới không có chúng sinh có thể độ. Họ dám chửi Phật mắng tổ, không sợ trời, không sợ đất, chân lý mù tịt, lỗ mãng, ngang tàng, bướng bỉnh, đây là đã sai lại càng sai!

Loại người nầy, lỗ mãng ngang tàng, họ biết nếu như họ mắng Phật, thì Phật cũng không thể lập tức cắt lưỡi của họ xuống, không thể lập tức khiến cho họ xuống địa ngục, cũng là việc tương lai. Tương lai làm kẻ câm cũng rất tốt, tỉnh khước rất nhiều phiền não! Quả nhiên tương lai họ đi làm người câm. “Bỏ có níu không”: Bạn không cần cái có nầy, lại chấp trước vào cái không, vẫn như

nhau, “Vẫn như trốn nước sa vào lửa”: Giống như trốn nước mà chạy vào trong lửa.
Cho nên chúng ta phải hồi quang phản chiếu từng giờ từng phút, đừng có truy cầu bên ngoài. Đi tìm bên ngoài, dù bạn có tìm bao nhiêu, cũng đều là của người ta, sao bạn không khai quật châu báu của mình vốn có. Trước khi chưa chứng được bốn trí: Đại viên cảnh trí, bình đẳng tánh trí, diệu quán sát trí, thành sở tác trí, có nói gì cũng đều là giả. Nếu chứng được đầy đủ bốn trí rồi, thì dù bạn mắng người cũng là thật. Phải thân tự chứng được cảnh giới nào đó, đừng có khoe đức hạnh của mình nói: “Tôi khai ngộ như thế nào, tôi chứng quả như thế nào .v.v…”. Phàm là loại người nầy, đều là giả không thật. Bạn nghe được người nầy nói chuyện, nói tới nói lui đều là khen mình chê người, người nầy xong phim rồi đó. Phải từ tâm hạ khí, cung kính tất cả, mà cung kính thì phải từ trong tâm phát xuất, chẳng phải giả dối trước mặt. Phải trong ngoài như một, tâm chân thật, nói lời chân thật, hành vi chân thật, như vậy mới là giữ giới luật, tức là “Nghiêm tịnh Tỳ Ni”, mới là đắc được “Diệu thuật”. Tức nhiên đắc được bản thể thanh tịnh, thì cũng không có quỷ bệnh nhọt con nít.

“Lìa cấu trừ tham hiện pháp thân”: Cấu là gì? Tức là tình tình ái ái. Dâm dục là pháp nhiễm ô, lìa cấu tức là lìa khỏi pháp ô nhiễm nầy, tâm dâm dục nầy. Trừ tham, tức là trừ tâm dâm dục. Các có thừa nhận hay không, tôi cũng nói như thế. Khi nam tìm nữ, nữ tìm nam, đặc biệt rất chí thành khẩn thiết, ai cũng phá hoại không được. Nếu sức lực tin Phật mà có thứ tâm chí thành nầy, thì sớm sẽ thành Phật lâu rồi! Cho nên Không Tử có nói rằng:

“Tôi chưa thấy háo đức, như háo sắc vậy”.

Nam nữ là tâm tâm niệm niệm muốn nói tình nói ái, nhưng không có người nào có thể tâm tâm niệm niệm nói Phật, nói Pháp, nói Tăng. Nếu bạn dùng thứ tâm nầy để cầu Phật pháp, có sự khẩn thiết như vậy, thì bạn sớm đã thành Phật lâu rồi, không đợi đến hôm nay.
Có thể giảng cao hơn một bậc: Đây là :

“Người trong cuộc thì mê
Kẻ bàng quang thì rõ”.

Khi làm người thì bạn mê, đến khi bạn mất đi thân người, thì mới giác ngộ, nhưng đã quá muộn, sau hối hận không kịp nữa! Đây cũng là đạo lý Diễn Nhã Đạt Đa đi tìm đầu. Có một buổi sáng sớm nọ, Diễn Nhã Đạt Đa dậy soi gương, bèn phát thần kinh nói: “Cái đầu của tôi chạy vào trong gương rồi, cái đầu của tôi đâu rồi”? Bị điên lên, chạy đi khắp các con đường, gặp người bèn hỏi: “Cái đầu của tôi chạy đi đâu mất rồi”? Chạy đi khắp nơi tìm đầu, còn cho rằng mình

rất bận rộn, chẳng phải là điên đảo chăng? Đây thật là đáng thương, tức là phát cuồng. Nhưng :

“Nếu cuồng tâm mà hết, hết tức là bồ đề”.

Nếu tâm cuồng của bạn dừng lại, một khi dừng lại, thì sẽ chuyển thành bồ đề, tức thời giác ngộ.

513. Ta na yết ra

Dịch: Quỷ điên cuồng.

Kệ:
Hút độc phục dược phát điên cuồng
Hồ ngôn loạn ngữ tự xưng vương
Bát vô nhân quả phi tinh phụ
Ngũ bộ pháp chủ trấn bát phương.

Nghĩa là:
Hút độc uống thuốc phát điên cuồng
Ăn nói hồ đồ tự xưng vương
Bát vô nhân quả yêu tinh nhập
Năm bộ pháp chủ trấn tám phương.

Giảng giải: “Hút độc uống thuốc phát điên cuồng”: Câu Chú nầy là chỉ « Quỷ điên cuồng ». Tại sao có quỷ điên cuồng? Vì có người điên cuồng. Nếu không có quỷ điên cuồng, thì cũng không có người điên cuồng. Cho nên quỷ nhờ sức người, người nhờ sức quỷ, hổ tương trợ giúp. Bạn thấy người điên cuồng họ chẳng màng, chẳng lo gì hết, chẳng sợ trời, chẳng sợ đất, người Mỹ nói tiếng Tàu, gì cũng đều chẳng sợ, cho rằng mình là ông trời, là Phật, là tổ tông. Sự điên cuồng nầy, cũng có một luồng oán khí bên trong. Điên cuồng chẳng phải chỉ là một thứ, mà là có rất nhiều tới tám vạn bốn ngàn thứ.

Lúc tôi ở tại Đông Bắc Trung Quốc, đã từng thấy qua một dạng điên cuồng, nói ra đây cũng đều là do nhân quả. Có gia đình nọ, sinh ra hai người còn gái, cô con gái lớn được mười bảy tuổi, thì đi theo bạn trai, bèn có thai đã lớn. Tư tưởng của người xưa rất là bảo thủ, chẳng giống như nước Mỹ bây giờ rất cởi mở.
Cha của cô ta rất là nóng tính nói: “Việc nầy có thể nhẫn, thì gì chả nhẫn được? Làm gì chưa cưới hỏi mà có con? Đâu có lý nầy”! Bèn trừng trị cô ta. Vì ông ta say rượu, do đó ông ta với cô con gái út đào một cái hố, chôn sống cô con gái lớn. Đây là giết một người mà thành hai mạng người.

Từ đó về sau, oán khí oan hồn của cô chị nhập vào cô em, quỷ lớn và quỷ nhỏ liên hợp với nhau khiến cho cô ta điên cuồng. Điên cuồng như thế nào? Cô ta chạy ra đường, đi về trước ba bước, thì lùi về sau hai bước, đi khắp nơi nói với mọi người rằng: “Mày có biết tao là ai không? Tao là tổ tiên của nhà mày”. Hoặc là: “Tao là lão gia trong nhà của mày”. Hoặc là: “Tao là tổ tông ba đời nhà mày”. Có cha của họ chết, cô ta bèn nói: “Tao là cha của mày”. Cô ta đi khắp nơi mạo xưng.

Thật tế người khiến cho cô ta điên cuồng, là chị của cô ta và đứa con trong bụng của cô ta, cùng nhau đến đòi mạng cô ta. Ba của cô ta say rượu, thì cô ta cũng say rượu, cho nên chôn sống cô ta. Ba của cô ta chết rồi, thì báo ứng rơi vào trên thân của người em gái. Có người giới thiệu tôi đi đến độ cho cô ta, (một số người vẫn không biết cô ta đã giết người chị), lúc đó tôi tuổi còn trẻ, chẳng biết tốt xấu gì, vì cô ta mà trị, trị như thế nào? Lập tức trên trán cô ta mọc ra một cái sừng, dài khoảng hai tất, giống như sừng bò, bất quá do thịt hình thành.

Tôi có một đệ tử quy y, trên đầu cũng có một “nhục kế”, lớn cỡ quả cam. Trước kia cô ta vốn là con đà bối, giống như con ngan, nhưng cô ta thường niệm Bồ Tát Quán Thế Âm. Có một lần nọ bị ngã nhào, đáng lý ngã sấp, nhưng lại ngã ngửa, bạn nói có kỳ lạ chăng? Đầu của cô ta mọc ra một vật, do đó bèn đến hỏi tôi rằng: “Cái nầy có đáng sợ không”? Tôi nói: “Nhục kế mà sợ gì? Đây là con niệm Phật có sự cảm ứng”. Cô ta nghe rồi cũng cảm thấy rất vui. Nhưng hơn hai mươi năm qua, vật đó trên đầu cô ta càng dài ra, đầu lại thêm đầu, cảm giác chẳng dễ chịu, bèn thỉnh tôi nghĩ cách gia trì cho cô ta. Tôi bèn nói với cô ta: “Con giữ nó thì càng tốt, con so với người khác nhiều hơn một phần”! Nhưng cô ta chẳng có nhiều nơi như thế, lúc ngủ cũng rất bất tiện.

Tôi gia trì cho cô ta chẳng bao lâu, một ngày nọ khi cô ta làm việc ở nhà bếp, nhục kế bị vỡ, chảy ra khoảng một tô nước trà, sau đó cô ta đến bệnh viện kiểm tra, bác sĩ bèn nói chẳng có độc. Cô ta nói: “Đương nhiên chẳng có độc, vì đã hơn hai mươi năm, tôi cũng chẳng chết”.

Tại sao hay bị điên cuồng? Vì người đó hút độc, hút thuốc phiện, điên điên đảo đảo, cho rằng mình đã thành Phật, thành Tiên. Thời xưa rất lâu xa đã có cây gai, người hút cây gai rồi, thì cảm thấy nhìn thấy thần, gì cũng nhìn thấy được, cho rằng mình hay giỏi, cho nên bị điên cuồng.

“Ăn nói hồ đồ tự xưng vương”: Ăn nói hồ đồ, tự xưng là hoàng đế, tự xưng mình là Phật, nói mình có tam sơn ngũ nhạc gì đó, loại cửu hầu tiên sinh, kỳ thật, đây là hầu tinh, ngưu tinh, mã tinh, điểu quy tinh đang tác quái. Kẻ ngu

chẳng minh bạch, bèn nói đây là Bồ Tát khai nhãn, có ngũ nhãn lục thông, đây đều là bắn đại pháo (nổ).

Tôi có một vị đệ tử, suốt ngày đến tối muốn thần thông, nên nghe trong hư không có âm thanh kêu anh ta ăn đại tiện. Người đó chuyên tin Mật Lặc Nhật Ba, ôi, đây là do tôi dạy đệ tử, vì tôi làm sư phụ mà không biết dạy người, nên Hằng Không cũng chẳng không.

“Bát vô nhân quả yêu tinh nhập”: Tại sao không sợ nhân quả? Vì họ có yêu tinh nhập. Yêu tinh tức là hồ ly tinh, xà tinh, trăn tinh, hoàng thử lang tinh, những ngưu quỷ xà thần nầy, đều là yêu tinh, khi chúng thấy người đó có tố chất điên cuồng, thì chúng bám vào thân họ, trợ giúp họ. Ví như Lư Thắng Ngạn bị ma quỷ nhập, Lâm Vân thì có chim rùa theo, người nầy chuyên môn đi lường gạt tiền tài, sắc đẹp, nếu anh ta hành dâm với người nữ, thì người nữ đó từ từ cũng sẽ làm chim rùa, trở thành quyến thuộc của anh ta. Ở nước Mỹ thì có Jinones, Rojanish. Cho nên yêu ma quỷ quái đều muốn lập mối quan hệ với người, để phan duyên, để tăng thêm thế lực của chúng.

“Năm bộ pháp chủ trấn tám phương”: Như vậy phải làm thế nào? Bạn tụng trì Chú Lăng Nghiêm, thì năm bộ pháp chủ và năm bộ diệu pháp trấn tám phương, tất cả yêu ma quỷ quái đều lão thật.

514. Tỳ sa dụ ca

Dịch: Quỷ bệnh hủi nhọt.

Kệ:
Cổ độc xương quyết lại sang anh
Vọng tưởng tạp niệm tà dâm thành
Kiên trì tụng đọc Thiên thần hộ
Giải không đốn giác thông tương ưng.

Nghĩa là:
Bùa ngải tung hoành hủi nhọt bướu
Vọng tưởng tạp niệm tà dâm thành
Kiên trì đọc tụng Thiên thần hộ
Giải không sớm ngộ thông tương ứng.

Giảng giải: “Bùa ngải tung hoành hủi nhọt bứu”: Bùa ngải là một trong những thứ tà thuật, đạo nhân mao sơn của Trung Quốc cũng hay bỏ bùa ngải, còn có những thứ quỷ đuổi thây chết trở về, chúng niệm chú đối với người chết, có thể kêu người chết đứng dậy đi bộ, bạn xem có đáng sợ chăng.

Bỏ bùa ngải tức là họ bỏ một chút đồ vật, hoặc kêu bạn ăn, hoặc kêu bạn nhìn, hoặc kêu bạn làm gì đó, đều có thể trúng bùa ngải của họ. Tung hoành tức là lợi hại, có thể kêu người trên thân bệnh nhọt dài và hủi. Ông Dư Đông Tuyền người Hồng Kông bị người ta bỏ bùa ngải, trong bụng đầy dẫy trùng, bác sĩ lấy ra cũng lấy không hết. Đây là từ vọng tưởng tạp niệm và trong tư tưởng tà dâm chiêu lại, mới có thứ quả báo nầy, mọi người nên nhớ phải giữ gìn chánh niệm, cho nên nói: "Vọng tưởng tạp niệm tà dâm thành".
"Kiên cố đọc tụng Thiên thần hộ": Đừng có tà tri tà niệm, phải có chánh niệm kiên cố, đừng có nghĩ tưởng lung tung, thì Thiên thần sẽ bảo hộ bạn.

"Giải không sớm ngộ thông tương ứng": Khi bạn tụng niệm Chú Lăng Nghiêm, thì thứ ma quỷ nầy chúng cũng sẽ cải ác hướng thiện, nghiệp chướng của bạn và chúng cũng sẽ tiêu trừ, hổ tương thông với nhau, hổ tương không còn oán hận, cho nên giải quyết được vấn đề nầy, cho nên nói "Thông tương ứng". Lợi ích tụng niệm Chú Lăng Nghiêm nói không hết được, hiện tại chỉ nói một chút chút trong trăm phần mà thôi, kỳ thật, sự lợi ích không cách chi để nói.

515. A kỳ ni

Dịch: Quỷ lửa độc.

Kệ:
Hoả độc quỷ sùng sí nhiên hung
Nhiệt liệt tình dục nhật dạ công
Tụng trì linh diệu thanh lương cú
Tai tiêu phần thối hộ pháp ủng.

Nghĩa là:
Quỷ lửa độc thiêu đốt rất mạnh
Tình dục hăng hái làm ngày đêm
Tụng trì linh văn vi diệu nầy
Tiêu tai cháy sạch hộ pháp ủng.

Giảng giải: "Quỷ lửa độc thiêu đốt rất mạnh": Hai câu Chú nầy, một là lửa, một là nước, hôm nay muốn hợp lại giảng. Lửa là thuộc dương, nước là thuộc âm. Một là quỷ dương, một là quỷ âm. Một là quỷ nam, một là quỷ nữ. Nhưng trong dương lại có âm, trong âm lại có dương, đây chỉ là một sự biến hoá, giống như người nữ nếu háo sắc, có tâm dâm dục, thì sẽ biến thành quỷ lửa độc. Người nam có tâm dâm dục, thì sẽ biến thành quỷ nước độc, hổ tương biến hoá. Tuy nói là quỷ mẹ nước độc, ở đây cũng có quỷ nam, chẳng phải chỉ riêng quỷ mẹ, nhưng dùng quỷ mẹ làm đứng đầu; người nam nên gọi là quỷ công, quỷ công

nước độc, một mẹ một công. Nhưng ở trong quỷ nam nầy, cũng có mẹ (quỷ nữ), như vậy chẳng phải là loạn chăng? Chẳng phải loạn, tóm lại, người nữ háo sắc, sẽ biến thành người nam, người nam háo sắc, sẽ đi làm thành người nữ, đây là biến hoá, vì nói họ quá hoan hỉ, quỷ nước dùng mẹ nước làm lãnh đạo. Quỷ lửa độc thì do quỷ công làm lãnh đạo, nhưng tuy là nói như vậy, vẫn là có nam, có nữ. Có lúc họ hổ tương hợp tác với nhau, có lúc lại hổ tương công kích với nhau. Công kích như thế nào? Giống như người lúc bị nóng, hốt nhiên bị lạnh, đó là quỷ nước độc công kích quỷ lửa độc, khi lửa thối lui rồi, quỷ lửa độc đến nơi khác rải độc, quỷ nước độc bèn đến phá hoại quỷ lửa độc, do đó bệnh nhân lại bị lạnh. Do đó, khi người bị gió, có lúc lạnh, lúc nóng. Lúc lạnh là quỷ độc đến rải độc, lúc nóng là quỷ lửa độc đến rải độc, hai con quỷ nầy hợp tác với nhau.

Tại sao lại làm hai con quỷ nầy? Vì tâm dâm dục quá lợi hại, tại sao câu Chú phía sau chưa nói "Lạnh"? Vì bản tánh của nước là lạnh, bản tánh của lửa là nóng. Phía trước biết là nóng, phía sau nên biết là lạnh. Tối nay giảng hai quỷ nước lửa nầy rất có ý nghĩa. "Thiêu đốt rất mạnh": Giống như bị lửa thiêu mạnh, nếu ai có thứ bệnh nầy mà sinh bệnh nhọt, lại vừa nóng, đầu cũng rất đau. Đây là bị lửa độc thiêu đốt.

« Tình dục hăng hái làm ngày đêm": Tại sao hay có thứ quỷ lửa độc nầy? Vì sự nhiệt tình quá lợi hại. Tình dục giống như lửa dục đốt thân, loạn hành dâm dục, cho nên người nam biến thành quỷ nước độc, người nữ biến thành quỷ lửa độc. Vì dâm dục quá mãnh liệt, cho nên âm dương điên đảo, chẳng tự nhiên.

"Tụng trì linh văn vi diệu nầy": Sự vi diệu như sự mát mẻ, bạn tụng trì câu nầy, thì lửa sẽ thiêu đốt sạch, tai nạn đều sẽ tiêu trừ.
"Tiêu tai cháy sạch hộ pháp ủng": Hộ pháp Tam Bảo đều đến ủng hộ bạn. Do đó mới nói "Hộ pháp ủng", chẳng phải chúng làm hộ pháp để ủng hộ Tam Bảo, mà là hộ pháp của Tam Bảo đến ủng hộ bạn. Hộ pháp chứ chẳng phải pháp hộ, khi nói đông nói tây phải nhận thức đề mục nầy, chỗ nầy là chỉ hộ pháp đến ủng hộ người có bệnh.

516. Ô đà ca

Dịch: Quỷ nước độc.

Kệ:
Thuỷ độc quỷ mẫu quyến thuộc ác
Phiên giang đảo hải hưng lãng ba

Kim Cang long thần hộ lương thiện
Hoá hiểm vi di niệm Phật đà.

Nghĩa là:
Quỷ mẹ nước độc quyến thuộc ác
Dời sông lấp biển nổi sóng lớn
Kim Cang rồng thần hộ lương thiện
Chuyển hung hoá cát niệm Phật đà.

Giảng giải: "Quỷ mẹ nước độc quyến thuộc ác": Quyến thuộc của chúng rất ác, vì tánh tình của chúng âm hiểm, cho nên hay muốn khiến người chết đuối, chết chìm, đây đều là quỷ nước độc đang tác quái.

"Dời sông lấp biển nổi sóng lớn": Loài quỷ nước độc nầy, so với lửa độc còn lợi hại hơn, âm độc so với dương độc càng mãnh liệt hơn. Nếu độc quá lợi hại, thì sẽ làm thành núi lở biển gào, tạo thành các thứ tai nạn. Nếu hay thành tâm tụng trì Chú Lăng Nghiêm, thì sẽ cảm động Thần Kim Cang đến hộ trì bạn. Những bài kệ nầy tuy là tôi viết ra, nhưng tôi giảng cũng chẳng phải tuỳ tiện muốn nói gì nói, phải thật đầy đủ con mắt chọn pháp (trạch pháp nhãn), mới có thể nói hợp vừa tốt, đây là xem bạn có giới định huệ hay không!

"Kim Cang rồng thần hộ lương thiện": Nếu người có căn lành, thường làm việc thiện, thì Kim Cang rồng thần sẽ đến hộ trì bạn.
"Chuyển hung hoá cát niệm Phật đà": Trách nhiệm của Kim Cang rồng thần, là ủng hộ người lương thiện, chẳng màng quỷ nước độc nổi sóng, nổi gió, như thế nào, nếu bạn có căn lành, thì cũng sẽ chuyển hung hoá cát, vượt qua mọi sự nguy hiểm khó khăn, nhờ quá khứ có căn lành, đã từng làm việc thiện, đã từng niệm Phật, sẽ cảm động đến Kim Cang rồng thần đến cứu bạn. Vì rồng thần là cai quản về nước, nếu bạn bị nước độc, thì Ngài sẽ đến trợ giúp bạn.

517. Mạt ra bệ ra

Dịch: Quỷ nữ chết.

Kệ:
Đố kị sân khuể lượng trách hiệp
Biến hoá mạc dò độc tuý ma
Tấn lôi phong nhiệt trợ oai ngược
Âm hồn phiêu đãng phó hoàng sa.

Nghĩa là:
Đố kị sân hận lượng hẹp hòi

Biến hoá khó dò độc ma tuý
Sấm sét gió mạnh thêm ác liệt
Âm hồn trôi dạt đâu mặc kệ.

Giảng giải: Chú Lăng Nghiêm, mỗi một câu đều có sự linh cảm, đều có công năng biến hoá khó dò, đều có nhân quả tuần hoàn báo ứng hàm chứa bên trong, chúng ta phải nhận thức triệt để mỗi một câu Chú Lăng Nghiêm, đây mới là chân chánh minh bạch Phật pháp và tâm ấn của Phật.

Các vị hãy nghĩ xem, Ngài A Nan là Tỳ Kheo, bị ngoại đạo dùng Chú Phạm Thiên mê hoặc, cho nên đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói Chú nầy, để cứu Ngài về, không bị mê mất bản tánh. Chú Phạm Thiên nầy giống như hiện tại Lư Thắng Sâm, loại Lâm Vân, sống theo anh ta hưng yêu tác quái, dùng tay trị bệnh sờ người tầm bậy .v.v… Cũng vì dùng tay sờ người nầy, mà làm cho tâm người không lão thật. Những thứ nầy Chú Lăng Nghiêm có nói đến, đó là "Yêu tinh nhập vào người". Minh bạch Chú Lăng Nghiêm là chuyên môn phá những thứ pháp thuật nầy, con người một khi trúng ma quỷ nầy, thì thần hồn điên đảo, không làm chủ được nữa, mà nghe theo lời ma quỷ. Do đó Phật Thích Ca Mâu Ni tại hoá thân của Ngài nói Chú nầy, sai Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi dùng Chú nầy đến cứu Ngài A Nan trở về từ trong nhà của nữ Ma Đang Già. Chúng ta nghiên cứu đoạn nhân duyên nầy, thì phải biết Chú Lăng Nghiêm là như thế nào.
"Đố kị sân hận lượng hẹp hòi": Câu Chú Lăng Nghiêm nầy là "Quỷ nữ chết". Quỷ nữ nầy lúc còn sống, thì chuyên đố kị, sân hận, tâm lượng rất là hẹp hòi.

"Biến hoá khó dò độc ma tuý": Vì tánh tình của cô ta cũng biết hoá khó dò, miệng thì nói lời tốt, nhưng hàm ý rất thâm độc, như là thuốc ma tuý, làm cho thần trí của bạn không thanh tịnh. Cô ta cũng giống như thuốc độc, cũng giống như rượu và hút nha phiến, khiến cho ý chí của bạn tiêu trầm, chẳng còn sáng suốt.

"Sấm sét gió mạnh thêm ác liệt": Cô ta giống như sấm sét gió mạnh. Giúp thêm ác, trợ giúp cho hành vi thêm ác liệt.
"Âm hồn trôi dạt đâu mặc kệ": Khi còn sống thì như thế, chết rồi thì âm hồn trôi dạt, tâm vẫn không ngừng gây ra bão tố, tạo thành đủ thứ tai hoạ để hại người. Đây là ác tập khí từ lúc còn sống, sau khi chết vẫn còn tiếp tục.

518. Kiến đa ra

Dịch: Từ thiện chủ.

Kệ:
Thiên thần địa kì hộ nhân gian
Kí lục thiện ác chánh bất phiên
Tâm từ bi nguyện hoá quần phẩm
Đồng chứng vô sinh học Thánh hiền.

Nghĩa là:
Thiên thần địa thần hộ nhân gian
Ghi chép thiện ác đúng không sai
Tâm từ bi nguyện hoá quần sinh
Đồng chứng vô sinh học Thánh hiền.

Giảng giải: Kiến Đa Ra, dịch ra là "Từ thiện chủ". Ở trước nói về quỷ nữ chết, chết rồi tác oai tác quái.
"Thiên thần địa thần hộ nhân gian": Có âm cũng có dương. Dương là chỉ Thiên thần, địa thần và thần gió. Thần gió là cai quản quỷ nữ phát cuồng. Thiên thần địa thần có phải như thế chăng? Tôi là cô vọng ngôn, các vị thì cô vọng thính. Quỷ nữ chết đợi Thiên thần địa thần ngủ nghỉ rồi, thì chúng nổi sóng nổi gió tác quái, khi có sự động tĩnh, thì Thiên thần địa thần tỉnh dậy, có phải vậy chăng? Tôi không có gì chứng minh cho các vị, tôi chỉ giảng nghĩa thôi, các vị làm Thần thì đừng có ngủ. Làm quỷ nổi sóng nổi gió, cát bay đá chạy, cây ngã bậc gốc, thứ oai phong nầy rất là lợi hại, lúc đó Thiên thần đại khái cũng cảnh tỉnh. Tuy Thiên thần đang nhập định ở đó, nhưng Ngài quản thiện ác ở nhân gian, một chút cũng không lơ là.
"Ghi chép thiện ác đúng không sai": Chủ trì công đạo, không thiên vị chút nào.

"Tâm từ bi nguyện hoá quần sinh": Tại sao Ngài phải như vậy? Vì Ngài có tâm từ bi nguyện. Thần tại sao làm thần? Vì thuở xưa tại nhân địa, cũng đã từng bị quỷ nữ chết hại, cho nên phát nguyện: "Nếu tôi gặp được quỷ nữ chết, thì tôi phải giáo hoá chúng". Đối với chúng sinh có nhân duyên, muốn phát tâm từ bi và tâm nguyện thương trời xót người đến giáo hoá họ.
"Đồng chứng vô sinh học Thánh hiền": Chúng sinh có nhân duyên, chúng ta đều phải giáo hoá, khiến cho họ đồng chứng vô sinh pháp nhẫn, đồng sinh Phật đạo, học tập mô phạm của bậc Thánh hiền.

Những gì tôi giảng, các vị tốt nhất là đừng nhớ, hãy quên hết đi. Hằng ngày nghe đều là cái nầy, nghe tới nghe lui làm cho lỗ tai khó chịu, đều là kêu người làm điều tốt. Giống như trước kia có người nói: "Sư phụ giảng tới giảng lui đều là tham, sân, si, kêu người đừng tham, đừng sân, đừng si". Tôi nói, bạn trừ được chưa vậy? Nếu bạn không trừ được, thì đương nhiên tôi phải nói năm lần bảy lược, giống như sáu đại tông chỉ: Không tranh, không tham, không cầu,

không ích kỉ, không lợi mình, không nói dối. Các vị mỗi người phải thực hành sáu đại tông chỉ, thì tôi không cần nói. Bạn không thực hành, không làm được, thì đương nhiên tôi phải nói.

519. A ca ra

Dịch: Quỷ hoành tử.

Kệ:
Phi tai hoành hoạ li nạn vong
Vô minh thác nhân chiêu tội ương
Đại từ tâm độ chư não khổ
Diệu thuật chưng cứu hoá cát tường.

Nghĩa là:
Phi tai hoành hoạ mắc nạn chết
Vô minh sai nhân chiêu tội ương
Đại từ tâm độ các não khổ
Diệu thuật cứu độ hoá cát tường.

Giảng giải: “Phi tai hoành hoạ mắc nạn chết”: Phi tai hoành hoạ là gì? Vốn không nên có, mà bạn có; chẳng phải thuộc về bạn, mà bạn lại có được, vốn bạn không nên chịu, mà bạn phải chịu. Hoành hoạ đến một cách bất ngờ, tức là tai nạn. Có người uống rượu, bị thùng rượu bằng gỗ ngập rượu chết, đây có phải là hoành hoạ chăng? Ăn gà bị mắc nghẹn xương gà mà chết, đây có phải là tai nạn chăng? Như Tống Tử Văn ăn thịt một con gà, bị mắc nghẹn một cái xương gà ở cổ họng, không xuống được, mà lấy ra cũng không được. Còn có sự thắt cổ chết, ném xuống biển chết, tai nạn lửa chết, nước ngập chết, bị gỗ đập chết, bị đá đập chết, bị đất chôn sống, đều gọi là hoành tử. Gặp kim, mộc, thuỷ, hoả, thổ, chết một cách bất ngờ, đều gọi là hoành tử, cũng gọi là gặp nạn mà chết.

“Vô minh sai nhân chiêu tội ương”: Tại sao phải thọ thứ quả báo nầy? Đây là phải tính ngược lại ba ngàn năm về trước, hoặc là một vạn năm, không nhất định được, đều do một niệm vô minh ban đầu mà sai nhân quả, cho nên gặp tội ương hoành tử.

“Đại từ tâm độ các khổ não”: Người trầm luân ở trong biển khổ không dễ gì thoát khỏi, may mắn gặp được chư Phật Bồ Tát đại từ bi tâm phổ độ, cũng không nhất định một vị Phật nào đó, hoặc Bồ Tát, Thánh nhân, hoặc vị A La Hán nào đó, có duyên với bạn. Đây cũng phải vãng hồi tính xem, cũng có thể

sự việc trong ba ngàn năm, năm ngàn năm, một vạn năm, hoặc tám vạn đại kiếp, tính ra bạn có chút duyên với vị Phật Bồ Tát, hoặc Thánh nhân nào đó. Nhờ đó Ngài dùng đại từ tâm đà la ni, hoặc đại bi tâm Chú Lăng Nghiêm, hoặc dùng đại bi tâm của Ngài vốn có, để độ tất cả phiền não và tất cả thống khổ.

"Diệu thuật cứu độ hoá cát tường": Trì tụng Chú Lăng Nghiêm là diệu thuật, tụng Chú Đại Bi, 42 thủ nhãn cũng là diệu thuật. Hoặc người đó y thuật cao minh, cũng gọi là diệu thuật, vì có một ý nghĩa trong câu Chú nầy là "Năng y" (có thể chữa trị). Diệu thuật có thể cứu bạn, hoá nguy hiểm thành cát tường, nếu bạn gặp may mắn thì sẽ giải trừ được tai nạn, cho nên khiến cho đáng lẽ chết cũng không chết, đây gọi là hoá cát tường.

520. Mật rị đốt

Kệ:
Chủng chủng hoành tử oán xung thiên
Sĩ cơ tầm trảo thế đại duyên
Thiện giả hỉ thí phương tiện lực
Giải kết thích khiên miễn ngao tiên.

Nghĩa là:
Đủ thứ hoành tử oán ngất trời
Đợi cơ hội tìm người chết thế
Người thiện vui thí sức phương tiện
Giải kết tội khiên hết thống khổ.

Giảng giải: "Đủ thứ hoành tử oán ngất trời": Ai muốn thế chúng làm quỷ chết, thì chúng cho rằng là bạn bè tốt của chúng, có duyên với chúng. Ví như chỗ bị tai tạn và chỗ đụng xe, vào tháng 3 năm đó, có người đụng xe, tháng 3 năm sau, cũng lại có người đụng xe, qua tháng 3 năm sau nữa, cũng lại có người đụng xe, qua tháng 3 năm sau kế tiếp, cũng lại có người đụng xe, chỗ đó có quỷ ở đó, muốn tìm người thay thế quỷ chết. Đụng xe, chết đuối, lửa thiêu, tai nạn máy bay, xe lửa trật đường rầy, tàu chìm trong biển .v.v… cũng đều như thế, đủ thứ trong đó nói không hết.

Nếu như có người treo ngược chết, chúng cũng kêu bạn treo ngược, thay thế quỷ chết. Nói đến đây, tôi nhớ lại lúc tôi ở Chùa Tam Duyên đông bắc Trung Quốc, vị hoà thượng phương trượng có cô em gái, khi Ngài đang thủ hiếu, thì cô em gái đã kết hôn. Không biết nguyên nhân như thế nào, mà một ngày nọ cô em gái của Ngài hốt nhiên nghĩ: "Thắt cổ chết cho rồi! Thắt cổ chết cho rồi"! Đang lúc khởi vọng tưởng đó, thì hoà thượng phương trượng liền biết. Lúc đó

tôi còn chưa xuất gia, phương trượng kêu tôi đi cứu cô ta. Sư phụ của tôi là người nông dân không biết chữ, còn tôi đây người nông dân, cũng lạy người nông dân làm sư phụ, cho nên đệ tử của tôi gọi tôi là "Lão Thổ Bao Tử", kỳ thật Lão Thổ Bao Tử không cần phải học, chỉ cần ngốc ngết là được.

Tôi đi đến xem thử tình hình, thì thấy cô em gái của Ngài phương trượng đang ở đó, một mặt khóc lóc, một mặt chải đầu, bôi son phấn và mặc quần áo mới. Tôi thấy tình hình như vậy bèn hỏi cô ta rằng:
– "Cô làm gì vậy"?
– Em gái phương trượng nói: "Tôi cảm thấy sống không có ý nghĩa gì".

– Tôi nói: "Anh của cô kêu tôi đến đây xem cô, nói cô muốn thắt cổ tự tử, kêu tôi khuyên cô đừng có khởi vọng tưởng nầy".

– Em gái phương trượng nghe lời nầy bèn nói: "Tôi cũng không biết tại sao cứ nghĩ đến muốn thắt cổ chết cho xong, nhưng lại bỏ nhà đi không đành". Đây tức là bị ma quỷ mê hoặc.
Từ chỗ nầy mà nhìn lại, đây đều là có ma quỷ. Quỷ là gì? Có người thì có quỷ, quỷ tức là người biến thành, có bao nhiêu người thì có bấy nhiêu quỷ. Có bao nhiêu người, thì có bấy nhiêu Phật. Có người nói: "Tại sao tôi không nhìn thấy Phật, hoặc quỷ? Chỉ nhìn thấy người". Nên biết những thứ mà bạn không nhìn thấy thì nhiều lắm, không thể cho rằng vì bạn không nhìn thấy thì nói không có. Những sự việc mà bạn không nhìn thấy, thì nhiều vô số, đừng bịt tai ăn cắp chuông, tự cho rằng mình rất thông minh. Như đây thì chứng minh "Đợi cơ hội tìm người chết thế", có người thế họ chết, thì họ có thể đi đầu thai, quy cụ nầy tức là như thế. Quỷ chết oan uổng cần chính mình đi tìm người thay thế quỷ chết, vì Vua Diêm La cũng chẳng quản vấn đề nầy.

"Người thiện vui thí sức phương tiện": Người thiện tức là bậc Thánh nhân, tức cũng là chư Phật Bồ Tát, dùng từ bi hỉ xả bốn tâm vô lượng, dùng pháp môn phương tiện, để vì họ hoá giải khai mở.

"Giải kết tội khiên hết thống khổ": Giải kết và tiêu diệt những tội khiên của họ, bằng không mỗi ngày loài quỷ nầy ở chỗ hoành tử, khi cố định, họ đều phải thọ sự thống khổ cực lớn. Siêu độ họ rồi, thì tất cả sự thống khổ đều không còn nữa.

521. Đát liểm bộ ca

Dịch: Quỷ dược thảo độc.

Kệ:
Tâm độc ý lang hại thương sinh
Tánh hoá kim thạch thảo mộc hình
Bổn chất liệt ư chậm tì đẳng
Nha phiến ma dược sát nhân tình.

Nghĩa là:
Tâm ý lang độc hại muôn sinh
Tánh hoá hình vàng đá cỏ cây
Bản chất rất kịch độc vô cùng
Nha phiến ma tuý giết tình người.

Giảng giải: Câu nầy là "Quỷ dược thảo độc".
"Tâm ý lang độc hại muôn sinh": Khi họ làm người, thì tâm đã lang độc, thích hại người.
"Tánh hoá hình vàng đá cỏ cây": Chết rồi làm quỷ, tánh độc của họ bèn hoá thành loại vàng đá cỏ cây.

"Bản chất rất kịch độc vô cùng": Sự lang độc của loài quỷ nầy, mãnh liệt giống như rượu chim tu hú, hoặc tì sương. Chim tu hú rất độc, lấy lông cánh của nó bỏ vào trong rượu, người nào uống rồi, thì ngũ tạng sẽ bị cháy, bảy lỗ chảy máu. Vua chúa thời xưa muốn xử tử những vị đại thần nào, thì ban cho rượu chim tu hú, người đó uống rồi, thì lập tức trúng độc mà chết.
"Nha phiến ma tuý giết tình người": Nha phiến là thực vật làm thành, có rất nhiều loại ma tuý, thuốc á phiện cũng do thực vật làm thành. Những thứ thực vật nầy, hàm chứa độc tố, phía sau những thứ nầy, là quỷ dược thảo độc tác quái, đem khí độc rải lên trên vàng đá cỏ cây. Tuy nhiên tính chất của nha phiến và ma tuý so với rượu chim tu hú, tì sương, thì khiến cho người dùng vọng sinh một thứ sung sướng, cảm giác tự tại, nhưng trên thật tế thì đối với con người chỉ có hại mà không có lợi. Nói tóm lại, những thứ độc nầy đều thuộc về tánh lửa. Do đó "Tích nhiệt thành độc", trong thân thể con người có lửa nóng, bèn biến thành độc. Cho nên thuốc Trung Quốc có rất nhiều thứ đều có tác dụng "Thanh nhiệt giải độc". Những loại nha phiến, ma tuý, đều là yêu tinh hoá thân, muốn mạng người.

522. Địa lật lặc tra

Dịch: Quỷ bò cạp độc.

Kệ:
Ngoan xà phúc hiết cập ngô công

Du diên thiềm thừ cổ độc trùng
Sân khuể oán hận tương tầm báo
Linh văn tẩy địch hoá hanh thông.

Nghĩa là:
Rắn độc bò cạp và con rết
Sâu bọ cóc nhái trùng cổ độc
Sân hận oán thù tìm báo nhau
Linh văn rửa sạch hoá hanh thông.

Giảng giải: Câu nầy là chỉ "Quỷ bò cạp độc". Quỷ nầy khi còn làm người, thì tâm độc ác, làm quỷ rồi tánh độc vẫn còn không thay đổi, mà hoá thành đủ thứ loài ác thú.
"Rắn độc bò cạp và con rết, Sâu bọ cóc nhái trùng cổ độc": Những loài độc nầy đều rất nguy hiểm, đều có thể cắn chết người.
"Sân hận oán thù tìm báo nhau": Những thứ độc trùng nầy, khi còn làm người, thì thường ôm lòng oán hận. Đoạ lạc vào đường súc sinh rồi, đó đây vẫn tương tàn sát hại lẫn nhau, báo thù với nhau.

"Linh văn rửa sạch hoá hanh thông": Chú Lăng Nghiêm có thể tẩy rửa pháp nhiễm ô thành thanh tịnh, giải trừ oán hận, khiến cho tất cả đều hoá làm cát tường.

Trên đây đủ thứ độc trùng và bò cạp, sâu bọ, cóc nhái .v.v… trong y học cũng hay dùng làm thuốc. Đây vốn là nguyên tắc "Lấy độc trị độc", lấy chất độc trong thân độc trùng, làm thành thuốc để đối trị đủ thứ bệnh. Các độc đều thuộc tánh lửa, trong thân thể con người có ba lửa, đó là: Lửa tâm, lửa gan mật, lửa tướng. Nếu như trong thân thể lửa độc thạnh khắp, lửa khí lớn, thì người nầy rất dễ nổi nóng, biến thành sân độc. Trong các thứ độc, thì sân độc là đứng đầu. Tất cả thiên tai nhân hoạ, nguồn gốc cứu kính của nó, đều do sân độc trong tâm con người tích luỹ mà thành. Sân độc tích luỹ đến cực điểm, thì có hiện tượng chiến tranh bùng nổ. Do đó, hiện tại bức xạ hạch tử, chiến tranh vi khuẩn, chiến tranh hoá học .v.v… đâu chẳng phải là do sự nóng giận của con người mà thành. Chất độc mà lợi hại nhất là sự nóng giận, nếu không có sự nóng giận, thì dù bức xạ hạch tử ở trước mặt, cũng không sợ hãi.

523. Tỷ rị sắc chất ca

Dịch: Con bò cạp độc.

Kệ:
Hiết độc quỷ mị tánh âm ác
Ám tiễn thương nhân tử nan hoạt
Độc Giác Bích Chi thí cam lồ
Khô mộc phùng xuân khởi trầm kha.

Nghĩa là:
Quỷ bò cạp độc tánh hiểm ác
Bắn tên hại người chết khó sống
Độc Giác Bích Chi thí cam lồ
Cây khô gặp xuân lại đâm chồi.

Giảng giải: "Quỷ bò cạp độc tánh hiểm ác": Câu Chú nầy là nói về "Con bò cạp độc". Con bò cạp khi còn làm người, thì thích bắn tên, bắn tên rất là hay, khiến cho người đề phòng cũng phải chết. Loại người nầy, họ có tư tưởng độc ác, suốt ngày đến tối đều nghĩ tưởng hại người. Tham sân si thì ngày càng nhiều, tội nghiệt thì ngày càng nặng. Công đức lành thì ngày càng giảm, như vậy họ chẳng có giới định huệ.

"Bắn tên hại người chết khó sống": Vì khi họ làm người thì, thích ám tiễn hại người, chết đi rồi đoạ lạc thành con bò cạp. Vì gốc rễ độc của nó nhổ đi, cho nên làm quỷ bò cạp. Quỷ bò cạp chứ chẳng phải con bò cạp, nó có độc của con bò cạp, nhưng bạn nhìn không thấy, vì nó là quỷ. Chẳng những bò cạp có quỷ, mà rắn cũng có quỷ, con trùng có quỷ con trùng, con muỗi có quỷ con muỗi, con kiến cũng có quỷ con kiến. Bất quá quỷ nầy nhỏ, bạn không quan sát biết được. Có người nói: "Tôi không tin có quỷ"! Bạn không tin có người, mới có thể nói không tin có quỷ. Nếu người không có, thì đương nhiên quỷ cũng không có. Quỷ là từ chúng sinh biến thành, loài chúng sinh nào thì làm loài quỷ đó. Bất quá quỷ còn phân chia ra, có quỷ giàu, quỷ nghèo. Quỷ giàu là lúc còn sinh tiền vẫn làm những việc đức hạnh. Quỷ giàu tức là Sơn Thần, Thổ Địa Thành Hoàng, Xã Tắc .v.v… Đây đều là quỷ có tiền tài. Quỷ không có tiền tài tức là quỷ nghèo, suốt ngày đến tối tìm không được chút gì để ăn, thậm chí mấy ngàn năm một giọt nước cũng không có mà uống, lúc nào cũng đói khát, nhưng vẫn không chết, vì quỷ là do nghiệp báo mà hiện ra.

Quỷ bò cạp, quỷ rắn, khi còn làm người, cũng có chút đạo hạnh. Cho nên khi làm bò cạp, cũng biến thành một con quỷ bò cạp, nó là tu đạo độc, chẳng phải tu thiện đạo. Xà tinh cũng như thế. Xà tinh, bò cạp tinh, đều rất thông minh, tinh tức là rất thông minh, thông linh, chúng cũng có thần thông. Tuy có thần thông, nhưng vô minh vẫn rất nặng. Thần thông của chúng, có thể nói là âm hiểm thông, chẳng phải là dương thông, mà là âm thông. Chúng chỉ minh bạch

phương pháp xấu, chứ không dùng phương pháp tốt. Chỉ biết hại người, không biết lợi ích người, cho nên gọi là quỷ độc. Quỷ độc tức là quá khứ khi làm người, thì dùng ám tiễn, lãnh tiễn hại người, cho nên đoạ lạc biến thành bò cạp tinh. Chết rồi vẫn không lão thật, vẫn đi hại người, cho nên tánh của chúng âm hiểm ác độc, chẳng có gì xấu xa như chúng. Vì tâm độc của chúng, tham sân si quá sâu nặng, chết rồi thì làm bò cạp. Chúng làm bò cạp mỗi ngày cũng rất khó chịu, vì có độc bên trong, tuy không thoải mái, nhưng chúng cũng dùng độc để làm vũ khí đi hại người khác.

"Độc Giác Bích Chi thí cam lồ": Câu Chú nầy hàm có ý Thánh nhân, Thanh Văn, Bích Chi Phật, Thánh nhân thấy loài chúng sinh nầy rất đáng thương xót, cho nên từ bi hỉ xả để thí nước cam lồ, chẳng những cứu bò cạp, đồng thời cũng cứu người. Cho nên bò cạp cũng chẳng còn độc, người cũng không thọ nhiều quả báo, như "Cây khô gặp xuân lại đâm chồi", cây khô gặp xuân lại đâm chồi, bệnh đáng chết nầy, cũng không chết.

524. Tát bà na cu ra

Dịch: Quỷ rắn độc.

Kệ:
Xà độc quỷ sùng thổ hoả yên
Khẩu can thiệt táo nhiệt bệnh triền
Thống khổ nan đương duy dục tử
Hạnh ngộ thần Chú giải oán oan.

Nghĩa là:
Quỷ rắn độc phun ra lửa khói
Miệng lưỡi khô khan bệnh nóng hoài
Thống khổ khó chịu chỉ muốn chết
May gặp thần Chú giải oan khiên.

Giảng giải: "Quỷ rắn độc phun ra lửa khói": Những rắn độc nầy đều là thuở xưa khi làm người, thì chuyên dùng miệng lưỡi ác độc châm chích người khác, dùng lời cay độc để làm hại người, đây cũng giống như dùng khí độc để hại người. Độc của nó quá thâm, khi thấy người thì phun ra, người nầy khi làm bác sĩ, thì đã từng dùng kim độc chích người, lòng dạ lang độc, cho nên chết rồi thì chất độc đó mang vào trong lưỡi. Phàm là dùng thuốc độc hại chết người, thì tương lai đều sẽ biến thành rắn độc. Nó phun ra lửa khói, con mắt thịt của phàm phu nhìn chẳng thấy được. Nếu người nào có thiên nhãn thông, thì có

thể thấy rắn thè ra cái tín của nó, độc thì giống như súng nước, phóng ra xa mấy trượng, giống như phun lửa, phun khói.

“Miệng lưỡi khô khan bệnh nóng hoài”: Loài quỷ nầy tung khí độc lên thân của bạn, thì miệng lưỡi đều khô khan, thứ bệnh nhiệt khí độc nầy đi vào tim, thì toàn thân nóng lên, không thể chịu được.
“Thống khổ khó chịu chỉ muốn chết”: Quá thống khổ thì chẳng còn muốn sống nữa, chỉ muốn chết.

“May gặp thần Chú giải oan khiên”: May mắn gặp được Thần Chú Lăng Nghiêm, cho nên giải trừ được tất cả oán độc.
Bạn niệm một biến Chú Lăng Nghiêm, thì trong vô hình các thứ oán khí, độc khí, đều giải trừ rất nhiều, chúng ta người tu đạo nên trợ giúp cho thế giới, không màng bạn dùng bao nhiêu tiền cũng mua không được. Chú Lăng Nghiêm nầy là thần đơn chân chánh cứu người, bảo bối cứu đời, tiên đơn diệu dược cứu sinh mạng con người. Nếu người thật minh bạch Chú Lăng Nghiêm, thì đó là bậc chân cứu đời.

525. Tứ dẫn già tệ

Dịch: Quỷ hổ lang độc.

Kệ:
Hung mãnh tàn bạo tái hổ lang
Dĩ lực khi nhân quỷ bá vương
Năng nhân từ bi phương tiện độ
Trực thụ lâm trung hoạch an khang.

Nghĩa là:
Hung dữ tàn bạo bầy hổ lang
Cậy sức dối người quỷ bá vương
Hay nhân từ bi phương tiện độ
Trong rừng cây thẳng được an khang.

Giảng giải: “Hung dữ tàn bạo bầy quỷ lang”: Chúng ta nhìn thấy hổ là hổ, sói là sói, nhưng hổ cũng chẳng phải hổ, sói cũng chẳng phải sói, là loại gì? Tức là khi làm người, thì tánh tình như hổ lang, hung dữ tàn bạo, muốn giết người, giết càng nhiều thì càng tốt, giống như Trương Hiến Trung, ông ta là đại tướng cướp vào cuối thời nhà Minh ở Trung Quốc, ông ta còn lợi hại hơn so với hổ lang, chuyên ăn con nít, ông ta ra lệnh cho quân đội vào các thôn xóm bắt trộm con nít, để ăn não của con nít. Ông ta còn có một sở thích nữa, đó là

thích ăn chân của con gái trẻ, xưa nay phụ nữ ràng rịt chân nhỏ như tam tất kim liên, ông ta chặt chân của những cô gái trẻ mà ăn, ông ta thật là ma quỷ, hỗn thế ma vương tái sanh, ông ta còn lợi hại hơn loài sói lang, ăn uống bạo ngược.

"Cậy sức dối người quỷ bá vương": Khi chúng làm quỷ, thì cũng làm bá vương, đi làm hổ, làm sói, cũng không sửa đổi tập tánh ác liệt của họ.
"Hay nhân từ bi phương tiện độ": Bây giờ gặp được Phật pháp, gặp được Chú Lăng Nghiêm, lời Chú của Phật Thích Ca Mâu Ni nói, để thành tựu họ, dùng đủ thứ pháp phương tiện để giáo hoá họ, độ họ, Chú Lăng Nghiêm cũng là pháp phương tiện.

"Trong rừng cây thẳng được an khang": Do nhân của họ sai lầm, khiến cho họ bỏ mê về giác, như trụ ở rừng cây thẳng, trên cây rất cao, mà được bình an. Trong rừng cây thẳng tức cũng là Chú Lăng Nghiêm.

526. Yết ra rị dược xoa

Dịch: Quỷ sư tử độc.

Kệ:
Sư tử quỷ hống bách quái kinh
Yêu ma võng lượng câu độn hình
Dũng kiện thành tựu nhiếp quần phẩm
Hoá ác vi từ khánh khang ninh.

Nghĩa là:
Quỷ sư tử hống trăm thú sợ
Yêu ma Võng Lượng đều độn hình
Dũng kiện thành tựu nhiếp quần sinh
Hoá ác làm từ được bình an.

Giảng giải: "Quỷ sư tử hống trăm thú sợ": Quỷ sư tử cũng hống lên, khi chúng hống lên, thì yêu ma quỷ quái đều sợ chúng.
"Yêu ma Võng Lượng đều độn hình": Khi nghe quỷ sư tử hống, thì những quỷ khác cũng đều lão thật, như trong Chứng Đạo Ca có nói: "Sư tử hống, nói không sợ, trăm thú nghe được đều đau đầu, voi lớn bỏ chạy mất oai nghi. Trời rồng lắng nghe sinh vui mừng". Khi sư tử hống thì trăm loài thú đều sợ hãi, đều độn hình bỏ chạy.
"Dũng kiện thành tựu nhiếp quần sinh": Đây là thuộc về phương bắc Yết Ma bộ, Như Lai Thành Tựu đến giáo hoá chúng sinh quỷ sư tử độc.

“Hoá ác làm từ được bình an”: Khiến cho chúng hoá ác làm từ, tâm quỷ, tâm cang cường, đều biến hoá mà sinh ra tâm từ bi, cho nên ở đây nếu có người bệnh, người có quỷ sư tử độc, thì đắc được sự bình an.

527. Đát ra sô

Dịch: Quỷ tất cả ác độc.

Kệ:
Nhất thiết ác độc quỷ tối hung
Âm hiểm giảo trá hại vô cùng
Cao thắng diệu pháp trừ tội chướng
Liên hoa bộ chủ từ bi công.

Nghĩa là:
Quỷ tất cả ác độc rất hung
Âm hiểm xảo trá hại vô cùng
Diệu pháp cao thắng trừ tội chướng
Liên Hoa bộ chủ đấng từ bi.

Giảng giải: “Quỷ tất cả ác độc rất hung”: Đát Ra Sô, câu nầy chỉ có ba chữ, mà có rất nhiều ý nghĩa, bao la vạn hữu. Vạn hữu tức là bao quát hết thảy tất cả quỷ độc mà ở trước chưa đề cập đến, những loài quỷ nói không rõ ràng, cũng đều bao quát ở trong nầy. Tất cả quỷ độc đây chẳng phải là một con quỷ, mà là rất nhiều quỷ. Nhiều như hồng vệ binh, họ chuyên môn đánh đập người, bắt bớ người, cướp lấy của cải, phá hoại.

“Âm hiểm xảo trá hại vô cùng”: Tất cả quỷ ác độc nầy rất hung dữ, ai cũng đều sợ chúng. Hồng vệ binh vừa mới nói, chứ chẳng phải nói họ là quỷ ác độc, nhưng họ tạo tội nghiệp. Đây cũng là người chấp pháp, làm cho người phải thọ quả báo, phải trả quả, sau đó những tư tưởng không bình thường nầy, tâm lý không bình thường, hành vi không bình thường, trồng xuống những thứ nhân tất cả ác độc. Vì đã trồng nhân ác độc, bèn làm quỷ ác độc. Cho nên quỷ ác độc vẫn đi khắp nơi cướp bóc, vẫn là hành vi không giữ kỷ luật, thứ tư tưởng nầy bạn nghĩ không đến, là âm hiểm xảo trá, rất xảo quyệt, khi nói những lời tốt, thì họ tuỳ thời biến thành xảo trá, gian dối, giống như gió khó mà dò được, hại biết bao nhiêu người không còn nhà để ở, không có việc để làm, không có thuốc thang để chữa trị.

“Diệu pháp cao thắng trừ tội chướng”: Nhưng tại thế giới nầy, chẳng phải thường thường là ban đêm, có lúc sẽ đến ban ngày. Ban ngày thì phóng

quang minh, cát tường như ý, có một sự hy vọng. Cho nên thế giới chẳng phải thường thường đen tối, vì đến cực điểm, thì lại lộ ra quang minh. Cát tường như ý là gì? Tức là diệu pháp cao thắng. Vì chúng là cực độc, nên pháp là diệu pháp cao thắng, hay trừ tất cả tội chướng.

"Liên hoa bộ chủ đấng từ bi": Diệu pháp cao thắng nầy ở tại phương nào có thứ sức lực nầy? Tức là Liên Hoa bộ, tức là tây phương Phật A Di Đà. Phật A Di Đà là từ bi nhất, nên hàng phục được quỷ độc ác nhất, nhiếp thọ được chúng. Nhiếp thọ tức là dùng diệu pháp cao thắng, vừa cao, vừa thắng, vừa diệu, vừa nhiều, cho nên quỷ độc cũng không có biện pháp. Phật A Di Đà vừa từ bi, vừa công đạo, đại công vô tư.

528. Mạt ra thị

Dịch: Quỷ gấu bi độc.

Kệ:
Hùng bi độc quỷ thậm nan lường
Thế cường lực mãnh bất khả đương
Cát tường như ý ly trược cấu
Nam phương Bảo Sinh cứu tai ương.

Nghĩa là:
Quỷ gấu bi độc rất khó lường
Thế lực mạnh không thể đương đầu
Cát tường như ý lìa dơ trược
Nam phương Bảo Sinh cứu tai ương.

Giảng giải: Mạt Ra Thị là câu Chú. Thế nào gọi là Chú? Chú tức là lời không nói dối. Nếu bạn không nói dối, thì những lời bạn nói ra đều là Chú, đều có sự linh cảm. Tất cả quỷ thần đều y giáo phụng hành, đây tức là Chú, đây tức là chơn ngôn. Chơn ngôn tức là không nói lời giả. Những gì trong Chú nầy nói, đều là chơn ngôn. Chơn ngôn phải niệm nhiều mấy lần, đây gọi là Yết Ma. Niệm nhiều mấy niệm, càng nhiều thì càng có linh cảm, cho nên chúng ta bình thường phải trì Chú. Ý nghĩa trì Chú, tức là niệm được thuần thục.
"Quỷ gấu bi độc rất khó lường": Mạt Ra Thị là chỉ quỷ gấu bi độc. Gấu bi ở trong loài thú rất là lợi hại, có lúc cọp cũng đánh không lại gấu bi. Bạn không thể đánh giá được sức mạnh của nó.

"Thế lực mạnh không thể đương đầu": Thế lực của chúng rất lớn, giống như bá vương đàn áp người, thế lực không thể đương đầu. Đến lúc chúng làm gấu bi,

thì cũng giống như bá vương, sức mạnh vô cùng, cho nên nói không thể đương đầu.
“Cát tường như ý lìa dơ trược”: May có pháp nầy, khi tu pháp nầy thì sẽ được cát tường như ý, trừ khử sự dơ trược.

“Phương nam Bảo Sinh cứu tai ương”: Phương nam là Bảo Sinh bộ chủ. Năm bộ lớn quản lý năm đại ma quân của thế giới. Năm bộ lớn là: Phương đông Kim Cang bộ, Phương nam Bảo Sinh bộ, Phương tây Liên Hoa bộ, Phương bắc Yết Ma bộ, cũng là Thành Tựu bộ, Chính giữa là Phật bộ. Quỷ gấu bi độc là do Bảo Sinh bộ Phật quản lý. Như chính trị trên thế giới nầy có rất nhiều bộ môn, ví như bộ vệ sinh thì quản lý vệ sinh, bộ phòng ốc thì quản lý phòng ốc, bộ giáo dục thì quản lý giáo dục, bộ tài chính thì quản lý tài chính .v.v… Trên thế giới là “Tại thiên thành tượng, tại địa thành hình”, tất cả hết thảy trên thế giới đều có nhân quả, nó chẳng phải kết quả mà không nhân.

Nếu lý luận tất cả vạn sự vạn vật đều thông đạt vô ngại, minh bạch hết thảy vạn sự vạn vật, bất cứ một sự kiện gì, cũng đều đang diễn nói pháp. Bất quá có sự diễn nói chánh pháp, cũng có sự diễn nói tà pháp. Tà khí trong tà, thì diễn nói tà pháp; độc khí trong độc, thì diễn nói pháp độc. Chánh thì diễn nói chánh pháp. Thế giới là sự việc như vậy, bạn minh bạch được, thì tất cả đều không có vấn đề gì hết. Nếu bạn không minh bạch, thì chỗ nào cũng đều chông gai, thấy gì cũng đều cảm thấy có vấn đề. Bạn phải minh bạch pháp là như vậy, bất cứ biến đến chỗ nào, cũng đều là pháp diễn biến. Như vậy như vậy, chẳng có gì kỳ quái, chẳng có gì không tốt. Thế giới nầy là như thế. Tuy thế giới là như thế, nhưng chúng ta làm người phải “Đừng làm các điều ác, hãy làm nhiều việc lành”. Phải minh bạch chân lý, phải trợ giúp người khác, đừng có cứ trợ giúp chính mình.

Do đó có câu: “Vô nội hư, bất chiêu ngoại cảm”, bên trong của bạn nếu không có tư dục tạp niệm, vọng tưởng lăn xăn đều quét hết sạch sẽ, thì bên trong sẽ đầy dẫy chân thật, yêu ma quỷ quái gì cũng đều không thể xâm phạm bạn được.

529. Phệ đế sam

Dịch: Chế phục tất cả ác quỷ.

Kệ:
Phản phục vô thường bạn loạn sinh
Ác độc tàn hại chúng hàm linh

Oai đức nhiếp phục ngoan cường loại
Thiên hạ âu ca khánh khang bình.

Nghĩa là:
Kẻ tráo trở làm phản loạn sinh
Ác độc tàn hại các hàm linh
Oai đức nhiếp phục loại ngoan cường
Thiên hạ hát ca hưởng thái bình.

Giảng giải: Tác dụng của câu Chú nầy là pháp hàng phục, nhưng hàng phục không thể chỉ niệm một câu nầy, mà phải niệm một đoạn. Đây là sự bắt đầu. Câu Chú nầy chẳng phải là dùng Chú gì để hàng phục, mà là dùng oai đức và đức hạnh. Oai là có oai đáng sợ, đức là có đức đáng kính. Oai đức từ đâu đến? Là từ chân tu thật hành mà đến, chân chánh tu phước tu huệ mới đầy đủ oai đức, chẳng phải nói tôi giả trang làm ra một thứ oai đức, mà phải có đức hạnh chân thật, thì người mới cung kính bạn. Có sự tôn nghiêm chân thật, thì mới khiến cho chúng sinh kính phục.

"Kẻ tráo trở làm phản loạn sinh": Loại chúng sinh nầy khi làm người, thì hay tráo trở, chẳng có sự tin dùng, hôm nay như thế này, ngày mai lại như thế nọ. Khi hôm nay tốt, thì tâm họ rất tốt. Khi ngày mai xấu, thì họ giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, việc thập ác ngũ nghịch họ đều làm hết. Cũng có thể nói tốt cũng là họ, xấu cũng là họ, tâm họ lúc này lúc nọ, cao thâm khó dò. Tánh tình của họ vì tráo trở, nên có hành vi cực đoan. Họ khác với người, vốn là một việc tốt, mà họ làm xấu. Vốn là một việc xấu, họ lại có thể làm giống như việc tốt, đây gọi là người trắc lượng không thấu.

"Ác độc tàn hại các hàm linh": Chúng rất âm hiểm, rất ác, khiến cho bạn phòng ngừa không được, nên khi làm quỷ, thứ tập khí nầy vẫn không thay đổi, vẫn tàn hại người khác, khiến người có đủ thứ bệnh đau, bạn bệnh càng lợi hại, thì chúng càng cao hứng, ngược lại còn vỗ tay cười lớn.

"Oai đức nhiếp phục loại ngoan cường": Thứ loại tư tưởng ác độc nầy, chẳng dễ gì giáo hoá chúng, nhưng phương đông Kim Cang bộ, đức Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật, dùng sức lực oai đức cảm hoá của Ngài để nhiếp phục loại quỷ không giữ quy cũ nầy, tráo trở ác độc tàn hại. Loại ngoan cường là chỉ người rất khó giáo hoá, rất khó thuyết phục, chủ quan của họ rất cang cường, thậm chí họ trở mặt, đem người khác làm vật hi sinh, để củng cố địa vị của họ.

"Thiên hạ hát ca hưởng thái bình": Các nơi đều cùng cất tiếng hát ca, vì hàng phục được những phần tử đảo loạn nầy, người phạm thượng phản nghịch,

khiến cho thiên hạ thái bình, người có bệnh thì cũng hết bệnh, mọi người rất vui vẻ.

530. Ta bệ sam

Dịch: Nối liền ở trên.

Kệ:
Cải ác tùng thiện nhựt nhựt tân
Quy y chánh pháp xuất mê tân
Ngũ bộ chư Phật giai hoan hỉ
Vạn phương đồng lễ Đại Oai Âm.

Nghĩa là:
Cải ác hướng thiện ngày ngày mới
Quy y chánh pháp thoát bờ mê
Năm bộ chư Phật đều hoan hỉ
Vạn phương đồng lễ Oai Âm Phật.

Giải giải: Câu Chú nầy là « Tổng hợp năm bộ ở trước », năm bộ hàng phục năm đại ma quân thế giới nầy, chư Phật đều hoan hỉ. Tại sao các Ngài đều hoan hỉ? Vì các Ngài thấy thế giới chưa bị huỷ diệt, chúng sinh có thể độ, cho nên các Ngài vui mừng.

"Cải ác hướng thiện ngày ngày mới": Hết thảy ác ma, người ác, đều sửa lỗi làm mới. Ngày ngày mới là mỗi ngày tốt hơn so với mỗi ngày, tức là gội rửa thân tâm ô nhiễm cho sạch sẽ, do đó có câu: "Ngày mới, ngày ngày mới, lại ngày mới".
"Quy y chánh pháp thoát bờ mê": Sao lại là tốt? Vì quy y chánh pháp, cứu người thoát khỏi đường mê biển khổ trầm luân.

"Năm bộ chư Phật đều hoan hỉ": Vì họ lìa khổ được vui, cho nên năm bộ chư Phật (Phương đông Kim Cang bộ, phương nam Bảo Sinh bộ, phương tây Liên Hoa bộ, phương bắc Yết Ma bộ, chính giữa Phật bộ) đều hoan hỉ.
"Vạn phương đồng lễ Oai Âm Phật": Hết thảy mọi người vì không đảo loạn, đều cải ác hướng thiện, cho nên người tin Phật rất nhiều, cùng nhau lễ bái Đại Oai Âm Vương Phật. Oai Âm tức là Oai Âm Vương, là Phật Oai Âm Vương thành Phật đầu tiên. Bạn xem Kinh Pháp Hoa thì biết.

531. Tất đát đa bát đát ra

Dịch: Lọng hoa.

Kệ:
Các chủng bảo cái hương hoa vân
Tiêu tai trừ chướng lợi nhân quần
Ngũ phương ma chúng giai củng phục
Vạn loại quỷ quái tất tuân hành.

Nghĩa là:
Các thứ lọng hương hoa mây báu
Tiêu tai trừ chướng lợi quần sinh
Năm phương ma chướng đều kính phục
Vạn loài quỷ quái đều tuân theo.

Giảng giải: Hôm nay giảng câu Tất Đát Đa Bát Đát Ra, câu nầy là tâm Chú của Chú Lăng Nghiêm, cho nên có người thường tụng trì hai câu Chú nầy. Tụng trì hai câu Chú nầy, thì sẽ có đủ thứ lọng báu, trong đó chủ yếu là lập cái lọng báu lớn. Chúng ta hằng ngày hay trì tụng Chú Lăng Nghiêm, tức là trợ giúp cho thế giới nầy, khiến cho tai nạn của thế giới nầy giảm bớt một chút, ma nghiệp cũng bớt một chút, cho nên Chú Lăng Nghiêm rất là quan trọng.

"Các thứ lọng hương hoa mây báu": Có đủ thứ lọng báu, cho nên nói các thứ lọng báu, còn có các thứ hương hoa mây, chẳng phải một thứ. Thứ lọng hương hoa mây báu nầy, thường hộ trì ở trên đầu của bạn. Cho nên dù có rất nhiều sự việc vấn đề, cũng sẽ không có vấn đề, có tai nạn, thì cũng sẽ không phát sinh tai nạn.
"Tiêu tai trừ chướng lợi quần sinh": Nó lợi ích hết thảy quần sinh thế giới nầy, cho nên chúng ta trì tụng Chú Lăng Nghiêm, tức là trợ giúp thế giới, khiến cho thế giới chẳng có nhiều tai nạn, không còn tai nạn, không có tai nạn xe cộ như: Tai nạn xe lửa, tai nạn xe hơi, xe bus, máy bay, thậm chí bạo phát chiến tranh, những thứ tai nạn nầy giải trừ trong vô hình. Lại tiêu trừ tai chướng của chúng sinh, tai chướng không có, thì mọi người sẽ được bình an, đây tức là lợi ích quần sinh. Bạn có thể hằng ngày tụng trì Chú Lăng Nghiêm không gián đoạn, thì nhất định sẽ có đại cảm ứng, chỉ cần không gián đoạn, không gián đoạn tức là tam muội.

"Năm phương ma chúng đều kính phục": Phật có năm bộ: Phương đông Kim Cang bộ, phương nam Bảo Sinh bộ, phương tây Liên Hoa bộ, phương bắc Yết Ma bộ, chính giữa Phật bộ. Tất Đát Đa Bát Đát Ra là pháp chính giữa Phật bộ, cho nên nhiếp phục được năm đại ma quân. Như không có chư Phật năm phương, thì năm đại ma quân sẽ ngày ngày tung hoành tại thế giới nầy, chúng

tung hoành không kiêng nể. May mắn có chư Phật ở năm phương trấn phục chúng trong sự yên lặng, cho nên chúng không dám công nhiên tung hoành.

“Vạn loài quỷ quái đều tuân theo”: Bất cứ yêu ma quỷ quái gì, thiên ma ngoại đạo, đều phải tuân theo sức lực của Chú Lăng Nghiêm nầy. Bạn không tuân theo, thì sẽ bị tiêu diệt. Chú Lăng Nghiêm có pháp tiêu diệt và đập tan ma quân. Cho nên nếu bạn hay tụng niệm Chú Lăng Nghiêm, thì thiên ma ngoại đạo và tất cả quỷ quái đều sợ bạn, thuỷ chung chúng muốn hàng phục bạn.

532. Ma ha bạc xà lô

Dịch: Khải Hoả Kim Cang Tạng Vương.

Kệ:
Kim Cang Lực Sĩ trấn yêu tà
Hộ đạo vệ sinh bảo thanh khiết
Tăng thiện diệt ác quy kính lễ
Đại Giác Thế Tôn Phật Đà Gia.

Nghĩa là:
Kim Cang Lực Sĩ trấn yêu tà
Hộ đạo vệ sinh giữ thanh khiết
Tăng thiện diệt ác quy kính lễ
Đại Giác Thế Tôn Phật Đà Gia.

Giảng giải: Ma Ha là đại, là Đại Kim Cang Lực Sĩ, là Kim Cang giới khải hoả Kim Cang Tạng Vương, mang đến đây vô lượng vô số Kim Cang, để làm gì? “Kim Cang Lực Sĩ trấn yêu tà”: Kim Cang Lực Sĩ đến đây trấn tất cả tà ma ngoại đạo.

“Hộ đạo vệ sinh giữ thanh khiết”: Các Ngài bảo hộ người tu đạo. Vệ sinh là hộ vệ tất cả chúng sinh. Nếu thiên ma ngoại đạo muốn làm phiền chúng sinh, thì các Ngài đều bảo hộ tất cả chúng sinh. Giữ thanh khiết, thanh khiết ở đây chẳng phải giống như tra xét vệ sinh, phải thanh khiết hoặc rửa cầu tiêu. Đây là chỉ thiên ma ngoại đạo tận hư không khắp pháp giới, làm độc hại tất cả mọi người, đều quét hết cho sạch sẽ. Cho nên nói là giữ thanh khiết, là chỉ vấn đề pháp giới, chẳng phải chỉ riêng vấn đề một gia đình.

“Tăng thiện diệt ác quy kính lễ”: Hết thảy ác tà ma quỷ quái đều diệt, thì thiện tâm của chúng cũng đều sinh ra, phát tâm bồ đề, quy y kính lễ Tam Bảo, từ đó cải ác hướng thiện, không còn tạo ma nghiệp nữa.

“Đại Giác Thế Tôn Phật Đà gia”: Đây là chỉ quy y mười phương chư Phật. Đại Giác tức là đại trí huệ, Thế Tôn tức là đấng thế, xuất thế. Phật Đà Gia, người Trung Quốc thích ngắn gọn, nên chỉ nói một chữ Phật, không nói đầy đủ. Bổn lai Phật đầy đủ gọi là Phật Đà Gia, tiếng Anh gọi là Buddhaya. Cho nên cái thấy nông cạn của tôi như thế nầy: “Phật cũng không lớn, cũng không nhỏ. Cũng không nhiều, cũng không ít”. Hơn mười năm trước tôi đã từng giảng qua đề tài nầy. Các vị thấy không lớn không nhỏ, đây tức là Phật. Phật cũng chẳng lớn so với người, cũng chẳng nhỏ so với người, chẳng riêng gì lớn so với người, cũng chẳng lớn so với tất cả chúng sinh, cũng chẳng nhỏ so với tất cả chúng sinh. Tất cả chúng sinh bao quát phi tiềm động thực. Ý nghĩa của Chú, dù nói hết thuở kiếp vị lai cũng nói không hết.

533. Sắc ni sam

Dịch: Nối liền ở trước, Khải Hoả Kim Cang Tạng Vương.

Kệ:
Khải Hoả Kim Cang Tạng Vương chúng
Hoá hung vi cát ma thủ củng
Quán đảnh bảo quang trừ ách nạn
Kiết giới thành tựu quy Bất Động.

Nghĩa là:
Chúng Khải Hoả Kim Cang Tạng Vương
Chuyển hung hoá cát ma chắp tay
Quán đảnh bảo quang trừ ách nạn
Kiết giới thành tựu quy Bất Động.

Giảng giải: Từ lúc đức Phật nói Chú Lăng Nghiêm về sau, nó chiếm một địa vị quan trọng trong Phật giáo, từ xưa đến nay, xem thấy chú giải không nhiều lắm. Vì Chú không thể nào dùng chú giải để giải thích, có một số quán đảnh sơ lược thêm giải thích, nhưng cảm thấy nó rất hạn chế.

Hiện tại tôi dùng bốn câu kệ để hình dung sức lực của Chú Lăng Nghiêm, đây chẳng phải nói là chú giải, chỉ có thể nói là hình dung. Nghĩa lý của âm Chú thì vô lượng vô biên, bạn dùng phiến nói thì giải thích không ra, cho nên dùng bốn câu kệ để hình dung, sự việc làm nầy chưa từng có. Chú Lăng Nghiêm có 554 câu, mỗi một câu có bốn câu kệ, hiện tại đã có hơn năm trăm bài kệ, cũng có thể nói là đây là không việc tìm việc làm, cũng có thể nói hy vọng tương lai, có người do những bài kệ nầy, mà ngộ nhập cảnh giới Chú Lăng Nghiêm không thể nghĩ bàn.

“Chúng Khải Hoả Kim Cang Tạng Vương”: Trong giới hạn của Chú Lăng Nghiêm, bất cứ bạn là thiên ma ngoại đạo, lị mị vọng lượng gì, cũng đều phải giữ quy cụ, không thể cẩu thả được, bằng không sẽ bị trừng phạt. Phương đông là thế giới của Phật Bất Động, thế giới Tịnh Lưu Ly, Khải Hoả Kim Cang là thuộc về phương đông Kim Cang bộ, có Kim Cang Tạng Vương, Tạng Vương nầy có nhiều tới tám vạn bốn ngàn, kỳ thật, chẳng dừng lại ở con số nầy, tóm lại, sức lực của các Ngài rất lớn.
“Chuyển hung hoá cát ma chắp tay”: Các Ngài hay khiến cho sự việc lớn hoá thành nhỏ, sự việc nhỏ hoá thành không, chuyển hung ác hoá cát tường, biến hoá thay đổi sự việc. Tại sao? Vì Ngài dùng pháp môn triết phục, cũng là do đức hạnh của Ngài cảm hoá, khiến cho ma vương nhiếp thọ, chắp tay khuất phục.

“Quán đảnh bảo quang trừ ách nạn”: Trừ diệt ách nạn của tất cả nhân loại và và ách nạn của ma vương, tâm sân hận của ma vương rất nặng, rất khổ, cho nên chúng đều lìa khổ được vui.
“Kiết giới thành tựu quy Bất Động”: Hết thảy thiên ma ngoại đạo đều quy y Tam Bảo và đức Phật Bất Động ở phương đông.

534. Ma ha bác lặc trượng kỳ lam

Dịch: Nối liền ở trước, Khải Hoả Kim Cang Tạng Vương.

Kệ:
Trí quang phổ chiếu độ minh ngoan
Liên hoa loa tác hoá san tham
Vô sự bất biện thành Thánh pháp
Giai đại hoan hỉ phản bổn nguyên.

Nghĩa là:
Trí quang chiếu khắp độ hàm linh
Liên hoa loa tác hoá san tham
Hết thảy mọi việc thành Thánh pháp
Đều đại hoan hỉ về nguồn cội.

Giảng giải: Câu Chú nầy nó ở trong cảnh giới lúc kiết giới, cho nên câu kệ nói: “Trí quang chiếu khắp độ hàm linh”, trí quang tức là trí huệ quang, Bát Nhã trí huệ hay chiếu phá tất cả đen tối và chúng sinh ngu si ám độn không linh, vì tâm họ chấp trước quá lớn, nên dùng đủ thứ sức cảm hoá để cảm hoá họ, nhất là ma con, ma cháu, không dễ gì cảm hoá độ họ.

“Liên hoa loa tác hoá san tham”: Tuy họ ngu si ám độn không linh, nhưng dùng Chú Lăng Nghiêm liên hoa giới pháp bảo, bạn có trí huệ quang, đại bảo liên hoa, bảo loa, bảo tác, kim cang tác, những pháp bảo nầy khiến cho chúng sinh ngu si ám độn không linh cải ác hướng thiện, san tham cũng đều không còn nữa.
“Hết thảy mọi việc thành Thánh pháp”: Lúc đó, chẳng có việc gì mà làm không được, thành tựu tất cả Thánh pháp.

“Đều đại hoan hỉ về nguồn cội”: Tai nạn bệnh tật đều tiêu trừ, ma vương cũng cải ác hướng thiện, ma vương cũng đều hoan hỉ, tất cả mọi người cũng đều hoan hỉ, người tác pháp cũng hoan hỉ, mọi người đều trở về quê hương vốn có của mình, đó là cảnh giới Thường lạc ngã tịnh tịch quang bất động, trở về nhà của mình, không còn lang thang bên ngoài nữa.

535. Dạ ba đột đà

Dịch: Răn bảo chúng lực sĩ.

Kệ:
Nãi chí hộ Chú lực sĩ chúng
Vô thượng Phật bảo pháp trung vương
Cảnh sách sinh thiện diệt các ác
Thị cố thử xứ tối cát tường.

Nghĩa là:
Cho đến chúng lực sĩ hộ Chú
Phật bảo vô thượng vua các pháp
Răn dạy sinh thiện diệt các ác
Cho nên nơi nầy cát tường nhất.

Giảng giải: “Cho đến chúng lực sĩ hộ Chú”: Dạ Ba Đột Đà là “Răn bảo chúng lực sĩ”. Các Ngài là hộ trì Chú Lăng Nghiêm, ủng hộ đàn tràng Lăng Nghiêm, bảo hộ người tu hành tụng trì Chú Lăng Nghiêm, khiến cho họ không có ma sự phát sinh.
“Phật bảo vô thượng vua các pháp”: Câu Chú nầy cũng là Vô thượng Phật bộ Phật bảo, là vua trong các pháp.

“Răn dạy sinh thiện diệt các ác”: Các Ngài răn dạy chúng sinh, khiến cho họ sinh tâm thiện, trồng căn lành, thì sẽ diệt trừ tất cả các ác, cải ác hướng thiện.
“Cho nên nơi nầy cát tường nhất”: Chú Lăng Nghiêm đã giảng đến câu thứ 535, câu thứ 536 sẽ có cát tường hiện ra, cát tường tức là tiêu tai nạn, tất cả tai

nạn từ đây sẽ vô hình, vô tướng, cho nên nói “Nơi nầy cát tường nhất”, tận hư không khắp pháp giới mười phương ba đời tất cả chư Phật đến đây, để hộ trì đạo tràng, ủng hộ chúng sinh cát tường như ý.

Bốn câu kệ nầy diễn tả một trong vạn phần của Chú Lăng Nghiêm, chỉ nói ý nghĩa đại khái, cho nên các vị dễ dàng minh bạch ý nghĩa của Chú, có thể biết ý nghĩa đại khái. Nếu mà nói tỉ mỉ, thì một câu Chú có ý nghĩa vô cùng vô lượng, diệu không thể tả, vốn không có gì có thể giải thích nói, chẳng phải tâm người có thể tưởng tượng đến được.

Tôi cũng không biết tại sao vào ngày 16 tháng 3, tôi lại chạy đến thế giới nầy. Sư phụ của tôi Ngài Thường Trí đại sư, ra đời vào ngày 15 tháng 3, sư bá của tôi Ngài Thường Nhân đại sư, ra đời vào ngày 17 tháng 3. Tôi xuất gia vào ngày 16 tháng 9, sư phụ của tôi thì xuất gia vào ngày 15 tháng 9, còn sư bá của tôi thì xuất gia vào ngày 17 tháng 9. Sự việc thế gian chẳng hiểu sao có sự kỳ lạ như thế, tôi cũng không nghĩ tôi sẽ giảng Chú Lăng Nghiêm ở tại nước Mỹ, ở Trung Quốc có rất nhiều người yêu cầu tôi giảng Chú Lăng Nghiêm, tôi đều nói: “Hãy đợi”. Đại khái tôi có duyên với các vị những người Mỹ tóc vàng mắt xanh.

536. Xá dụ xà na

Dịch: Nối liền ở trước, răn bảo chúng lực sĩ.

Kệ:
Nhất thiết lực sĩ trấn quần tà
Kim Cang bảo vệ Tăng già gia
Hống chấn biến động tam thiên giới
Nhiếp phục ma ngoại tai hoạn hiết.

Nghĩa là:
Tất cả lực sĩ trấn quần tà
Kim Cang bảo vệ chúng Tăng già
Hống chấn biến động ba ngàn cõi
Nhiếp phục ma ngoại hết tai hoạn.

Giảng giải: “Tất cả lực sĩ trấn quần tà”: Tất cả lực sĩ đều trấn phục quần tà, tức là trấn phục tất cả tà ma ác quỷ thần vương.
“Kim Cang bảo vệ chúng Tăng già”: Phương đông Tiêu Tai Diên Thọ Phật, có Kim Cang bộ hộ pháp, thuộc Tăng bảo. Các Ngài bảo vệ chúng tu hành xuất gia.

"Hống chấn biến động ba ngàn cõi": Chấn hống kích thuộc về tiếng, động dũng khởi thuộc về hình, oai lực chấn động khắp ba ngàn cõi.
"Nhiếp phục ma ngoại hết tai hoạn": Kim Cang lực sĩ dùng đại oai thần lực của Ngài, nhiếp phục hết thảy tà ma ngoại đạo, khiến cho chúng không dám đến thế giới nầy, để hoành hành bá đạo, thì tất cả tai hoạ, hoạn nạn, tự nhiên sẽ không còn nữa.

537. Biện đát lệ noa

Dịch: Nối liền ở trước, răn bảo chúng lực sĩ.

Kệ:
Triệu tập hộ pháp chúng thần vương
Tụ hội đàn tiền phó đạo tràng
Liên Hoa bộ chủ thí sắc lệnh
Tôn thắng tối diệu phóng hào quang.

Nghĩa là:
Triệu tập hộ pháp chúng thần vương
Tụ hội trước đàn phó đạo tràng
Liên Hoa bộ chủ ban sắc lệnh
Tôn thắng tối diệu phóng hào quang.

Giảng giải: Khi giảng giải Chú, thì phải nhận thức công dụng và oai thần lực của Chú. Chú nầy do Phật Tỳ Lô Giá Na làm pháp chủ, chấp hành pháp lệnh, còn Phật A Di Đà thì xá lệnh, là truyền đạt pháp lệnh, phải nhận thức rõ ràng, không thể có tơ hào giả được, bằng không giảng ra thì không thật tại. Từ khi bắt đầu, mỗi câu Chú tôi đều tả bốn câu kệ, đây chẳng phải là tán thán, trên thật tế sự thật là như vậy, sức lực của nó là như thế. Nếu cho rằng là tán thán, thì chẳng chân chánh nhận thức được Chú, vì tán thán thì sẽ có những chỗ chẳng tận, chẳng thật, hoặc nói quá chỗ sự thật của Chú.

Các vị học Phật pháp phải nhận thức cho rõ ràng, bằng không, sai một ly, đi ngàn dặm. Sai một chút thì cách xa chẳng nhập với Chú, chẳng biết Chú như thế nào. Chú là chân ngôn, chẳng có chút hư nguỵ và suy diễn nào, những gì nói ra đều là tinh thuần chân thật. Nghiên cứu Chú phải biết nghĩa lý nầy, nếu nói những bài kệ mà tôi tả là tán thán, thì đó là chẳng nhận thức rõ ràng. Chú không cần người tán thán, nếu bạn cho rằng là tán thán, thì tri kiến của bạn không đúng.

Những bài kệ mà tôi tả, là công năng và sức lực của Chú, nói ra sự hiệu dụng chân thật của Chú. Tôi tả những bài kệ, đều có quan điểm và sự thấy pháp của tôi, tôi chân thật tả ra, từ trong tự tánh của tôi chảy ra, cũng là sự kinh nghiệm và nhận thức tâm thần lãnh hội đối với Chú.

“Triệu tập hộ pháp chúng thần vương”: Phật Tỳ Lô Giá Na là chủ kiết giới, Ngài phát hiệu ban lệnh, triệu tập hết thảy hộ pháp chúng thần vương, mọi người phải trịnh trọng, cung kính việc của mình.

“Tụ hội trước đàn phó đạo tràng”: Sáng sớm tụng niệm Chú Lăng Nghiêm, phải tất cung tất kính, trịnh trọng việc của mình, không thể có tơ hào cẩu thả, phải như đối với Phật trời, như lâm sư biểu, khi trì Chú thì nhất định phải chí kính kiền thành, nhất định phải cung kính thành tâm. Nếu bạn không chí kính kiền thành, thì sẽ không có sự cảm ứng, tu hành là như thế, bất cứ tu pháp Đại Bi, hoặc pháp Lăng Nghiêm, nếu bạn không cung kính mà giải đãi, thì chẳng có sự cảm ứng, tu hành sai một ly, đi ngàn dặm, sai một chút, thì bạn thuỷ chung sẽ không tương ưng, không thể có sự cảm ứng đạo giao.

538. Tỳ đà gia

Dịch: Phật đảnh quang tụ đại minh tâm Chú, không được vào trong chỗ ta kiết giới.

Kệ:
Thành tựu vô thượng đại oai thần
Quang minh biến chiếu tịnh tuyệt phân
Chánh Giác Thế Tôn chấp pháp lệnh
Kiết giới hộ giáo tối nghiêm sâm.

Nghĩa là:
Thành tựu vô thượng đại oai thần
Quang minh chiếu khắp rất thanh tịnh
Chánh Giác Thế Tôn chấp pháp lệnh
Kiết giới hộ giáo rất trang nghiêm.

Giảng giải: “Thành tựu vô thượng đại oai thần”: Câu nầy là nói về Phật bộ Phật bảo, Phật thì phước huệ viên mãn, vạn đức trang nghiêm, có đủ đại oai thần lực vô thượng.
“Quang minh chiếu khắp rất thanh tịnh”: Quang minh của Ngài chiếu khắp mọi nơi, đều khiến cho thanh tịnh, cát tường, không có sự dơ bẩn.
“Chánh Giác Thế Tôn chấp pháp lệnh”: Tỳ Đà Gia còn dịch là “Chánh Giác Tỳ

Đà Giá Na Như Lai, Thế Tôn chấp trì pháp lệnh".
"Kiết giới hộ giáo rất trang nghiêm": Đây là Phật đảnh quang tụ đại minh tâm Chú, nơi Thần Chú kiết giới, đều phải nghiêm cẩn hộ trì chánh giáo, cung kính Tam Bảo, nơi kiết giới thì rất trang nghiêm.

539. Bàn đàm ca lô di

Dịch: Nối liền ở trước, Phật đảnh quang tụ đại minh tâm Chú, không được vào trong chỗ ta kiết giới.

Kệ:
Đại quang minh pháp kiết giới thành
Đảnh lễ từ bi Chúng Trung Tôn
Sở tác giai biện tà quy chánh
Bồ đề đạo quả bất giảm tăng.

Nghĩa là:
Pháp đại quang minh kiết giới thành
Đảnh lễ Chúng Trung Tôn từ bi
Việc làm đã xong tà quy chánh
Đạo quả bồ đề không tăng giảm.

Giảng giải: Câu nầy là câu thứ 539 đệ thứ năm Chú Lăng Nghiêm, Chú Lăng Nghiêm tổng cộng có 554 câu, còn khoảng hai tuần nữa là có thể giảng xong. Ý nghĩa câu Chú nầy vẫn giống như ở trước "Tỳ Đà Gia Bàn Đàm Ca Lô Di", cho nên nói nối liền ở trước, Phật đảnh quang tụ, không được vào trong chỗ ta kiết giới.

"Pháp đại quang minh kiết giới thành": Làm pháp nầy, thì tất cả yêu ma quỷ quái đều phải lão lão thật thật, không thể tác quái. Khi kiết giới nầy, thì tận hư không khắp pháp giới phóng đại quang minh, vì phóng đại quang minh, nên oai đức của Phật kiết thành giới nầy, ở trong giới nầy phải giữ quy cụ, ở ngoài giới nầy thì không màng đến. Giới nầy có thể khoảng 12 đại do tuần (đại do tuần là 80 dặm, trung do tuần là 60 dặm, tiểu do tuần là 40 dặm), 12 đại do tuần là trong phạm vi khoảng 96 dặm vuông, trong phạm vi nầy, yêu ma quỷ quái đều phải giữ quy cụ, vì chu vi đã kiết giới rồi.

"Đảnh lễ Chúng Trung Tôn từ bi": Đây là Tăng bảo đến tác pháp, vì nguyện lực đương sơ của Phật rằng: "Nếu có Tăng bảo trì giới luật thanh tịnh, làm một vị đệ tử Phật chân chánh, thì họ sẽ có quyền lợi nầy để tác pháp kiết giới". Cho nên Chúng Trung Tôn tức là Tăng bảo.

“Việc làm đã xong tà quy chánh”: Họ muốn làm gì đều có thể làm được, cho nên “Tà quy chánh”, tất cả tà ma quỷ quái ngoại đạo đều quy y chánh pháp.

“Đạo quả bồ đề không tăng giảm”: Họ tu hành đây là lập công lập đức, cho nên họ có thể trợ giúp người, hàng phục thiên ma, chế các ngoại đạo, còn có thể cứu độ tất cả chúng sinh, cho nên đạo quả bồ đề không tăng giảm, không thể ngày càng giảm, chỉ có tăng thêm, cho nên đây cũng là phương pháp tu hành lập công lập đức rất tốt.

540. Đế thù

Dịch: Trong phạm vi kiết giới mười hai do tuần, cấm tuyệt các việc ác, tất cả tà ma ác quỷ thần vương, không thể tiến vào nhiễu hại.

Kệ:
Cấm phược chư ác mạc xương cuồng
Tà ma yêu quái quỷ thần vương
Nhất thiết quy mạng tuân pháp lệnh
Kiên cố trí kiếm trấn bát hoang.

Nghĩa là:
Cấm tuyệt các ác chớ ngông cuồng
Tà ma yêu quái quỷ thần vương
Tất cả quy mạng tuân pháp lệnh
Kiếm trí kiên cố trấn các cõi.

Giảng giải: “Cấm tuyệt các ác chớ ngông cuồng”: Trong chỗ kiết giới của tôi, tất cả yêu ma quỷ quái, các ác quỷ thần, đừng có phát cuồng, không thể không giữ quy cụ, nhất định phải giữ quy cụ.
“Tà ma yêu quái quỷ thần vương”: Đây cũng bao quát thiên ma ngoại đạo, tất cả quỷ lị mị vọng lượng, quỷ thần vương đều bao quát hết thảy.
“Tất cả quy mạng tuân pháp lệnh”: Phương đông, phương tây, phương nam, phương bắc, chính giữa, tất cả yêu ma quỷ quái đều phải tuân theo pháp lệnh của chư Phật.
“Kiếm trí kiên cố trấn các cõi”: Bạn có kiếm trí huệ kiên cố, thì sẽ phá được tất cả thiên ma ngoại đạo ngu si. Bát hoang tức là tận hư không khắp pháp giới, chẳng có một nơi nào mà yêu ma quỷ quái, tà ma ngoại đạo, lị mị vọng lượng, chẳng lão lão thật thật, dùng oai đức để nhiếp phục tất cả thiên ma ngoại đạo, hết thảy tất cả ác quỷ, ngưu quỷ xà thần đều bị hàng phục.

Về sau bất cứ ai không có bệnh, hoặc không có tình hình đặc biệt, đều nên hộ trì đạo tràng, nên đến dự các khoá lễ, vì đạo tràng là những khoá lễ đại chúng, vấn đề nầy không để cho tôi nói ra, tôi nói thì đã quá chậm. Khoá lễ sáng tối ở chánh điện, trong đạo tràng tùng lâm đại chúng nên tuân theo, bất cứ vị nào nếu không có vấn đề sinh tử, không có việc gì khẩn cấp, đều phải nên tham gia các khoá lễ và quá đường, đây là việc công. Trước kia tôi đã từng nói qua: "Khi nào các vị nhìn thấy hoà thượng tân phương trượng không lên chánh điện, cũng không quá đường, y cũng không có đau bệnh gì, thì các vị mọi người đều có thể bãi công, đều có thể không lên chánh điện quá đường. Bằng không thì bất cứ vị nào, đều phải theo chúng, trừ những người bị bệnh, theo đại chúng ăn cơm không thể ăn quá nhanh, như vậy có thể mọi người ăn xong rồi lại đi ăn".

Tôi phát hiện có lúc Tỳ Kheo đều có chỗ không giữ quy cụ, ở biện công đường nói chuyện quá nhiều, khi cúng ngọ thì thiếu vắng, đây là hành vi vô ích nhất. Tỳ Kheo mà không giữ quy cụ, Tỳ Kheo Ni cũng bắt chước theo Tỳ Kheo, cũng là bảy dài tám ngắn, cũng có một chút không chỉnh tề. Đến khi ăn cơm cũng không đến cúng ngọ, đợi khi trong trai đường vắng người, thì mới vào ăn cơm, đây cũng không thể được. Bất cứ vị nào, mọi người đều phải cùng nhau giữ trật tự cộng đồng, xem sự trật tự của đạo tràng đặc biệt quan trọng, đừng có lơ là coi thường quy cụ, nói: "Tôi muốn sao thì muốn", như vậy thì không thể được.

541. Bàn đàm ca lô di

Dịch: Nối liền ở trước, trong phạm vi kiết giới mười hai do tuần, cấm tuyệt các ác, tất cả tà ma ác quỷ thần vương, không thể tiến vào nhiễu hại.

Kệ:
Cấm phược các ác ma quỷ thần
Mạc nhập giới nội nhiễu hại người
Pháp diên đàn khai Thánh hiền hội
Chuyển giáo diệu luân quán cổ kim.

Nghĩa là:
Cấm tuyệt các ác ma quỷ thần
Đừng vào trong giới nhiễu hại người
Khai đàn pháp diên hội Thánh hiền
Chuyển bánh xe pháp thấu cổ kim.

Giảng giải: Chú Lăng Nghiêm giảng sắp xong, đã giảng xong 540 bài kệ rồi. Bài kệ tức cũng nói về sức lực, tác dụng và công năng của Chú. Cho nên Chú

Lăng Nghiêm rất là quan trọng. Chúng ta một tuần giảng một lần, đã giảng bao nhiêu tuần lễ rồi, tôi cũng không nhớ, hiện tại giảng đến câu thứ 541.
“Cấm tuyệt các ác ma quỷ thần”: Bàn Đàm Ca Lô Di là nói “Cấm tuyệt”, cấm tuyệt là ngăn cấm tuyệt đối. Các ác tức là bao quát tất cả thiên ma ngoại đạo ba cõi, kiêm luôn tất cả tà thần ác quỷ trong đó. Trong phạm vi kiết giới, thì mười phương ba đời tận hư không khắp pháp giới, vô tận vô tận Phật Pháp Tăng Tam Bảo đều đến chỗ nầy, giám hộ đạo tràng nầy, đều đến chỗ thanh tịnh nầy.

“Đừng vào trong giới nhiễu hại người”: Cho nên chỗ kiết giới nầy, mười phương Như Lai đều giáng lâm đạo tràng, không cho tất cả yêu ma quỷ quái, tà thần ác quỷ, thiên ma ngoại đạo, vào trong chỗ kiết giới, cho nên nói “Đừng vào trong giới nhiễu hại người”. Đừng vào, tức là không cho họ đi vào. Ai muốn vào thì trước hết bắt họ trói lại.
“Khai đàn pháp diên hội Thánh hiền”: Ai có quyền cai quản những việc nầy? Đây là Liên Hoa bộ chủ ban pháp lệnh nầy. Câu Chú nầy cũng là “Phật mẫu giác đạo hoá Ta Bà”. Đạo đều có chút quan hệ liên quan với nhau, cho nên khó phân ra. Trong phạm vi kiết giới nầy, Liên Hoa bộ chủ cai quản, chấp hành quyền lợi. Cho nên nói: “Liên Hoa bộ chủ ban pháp lệnh”.

“Chuyển bánh xe pháp thấu cổ kim”: Chuyển tức là chuyển bánh xe pháp. Giáo tức là giáo, hạnh, lý. Tại sao chuyển giáo? Vì muốn giáo hoá chúng sinh, vì khiến cho chúng sinh bỏ mê về giác, bỏ tà về chánh. Cho nên từ xưa đến bây giờ, đều đang chuyển bánh xe pháp, đều đang giáo hoá chúng sinh, ngày đêm không ngừng nghỉ. Biên chép Kinh điển, ấn tống kinh điển, cũng là đang chuyển bánh xe pháp. Phàm là có hoạt động liên quan đến Phật giáo, đều gọi là chuyển bánh xe pháp. Bánh xe pháp thường chuyển, thì ngày đêm không ngừng nghỉ, con mắt thịt của chúng ta nhìn không thấy được, chư Phật Bồ Tát cũng đang ở đó chuyển bánh xe pháp, ở trong hư không chư Phật Bồ Tát đều đang chuyển bánh xe pháp không ngừng nghỉ, cho nên từ xưa đến nay, đều vẫn đang chuyển bánh xe pháp.

Sự kiết giới nầy, ai dùng thứ pháp nầy, thì người đó tức cũng là pháp chủ, họ chi phối pháp nầy, khiến cho pháp hoạt động lại, có một sự cảm ứng đạo giao, đây đều gọi là chuyển bánh xe pháp. Ai tụng Chú Lăng Nghiêm thì người đó cũng đang ở đó chuyển bánh xe pháp. Cho nên mấy câu nầy: “Tỳ Đà Gia Bàn Đàm Ca Lô Di, Đế Thù, Bàn Đàm Ca Lô Di, Bát Ra Tỳ Đà, Bàn Đàm Ca Lô Di”, rất là khẩn yếu, rất khẩn yếu, trong đó pháp hàng phục cũng có, pháp tiêu tai cũng có, pháp tăng ích, pháp thành tựu, cũng đều có, trong mấy câu Chú nầy, bao quát pháp nghĩa rất rộng lớn.

542. Bát ra tỳ đà

Dịch: Câu Chú nầy có thể trói buộc các ác quỷ thần.

Kệ:
Trí huệ Chú lực phược chúng ma
Phật mẫu giác đạo hoá Ta Bà
Liên Hoa pháp bộ thí pháp lệnh
Kinh vân tử giả biến thành hoạt.

Nghĩa là:
Trí huệ Chú lực trói chúng ma
Phật mẫu giác đạo hoá Ta Bà
Liên Hoa pháp bộ ban pháp lệnh
Kinh rằng kẻ chết biến thành sống.

Giảng giải: "Trí huệ Chú lực trói chúng ma": Câu Chú nầy nói về bạn phải có trí huệ, người dùng pháp nầy cũng phải có trí huệ, Chú nầy cũng có trí huệ, thần Chú nầy cũng có trí huệ, cho nên nói: "Trí huệ Chú lực trói chúng ma", nó có thể trói chúng ma lại.
"Phật mẫu giác đạo hoá Ta Bà": Câu Chú nầy lại chỉ Phật mẫu, cũng có nói Chuẩn Đề Chú Phật Mẫu, đây đều là giác đạo, dùng phương pháp giác đạo để giáo hoá tất cả chúng sinh cõi Ta Bà.

"Liên Hoa pháp bộ ban pháp lệnh": Trong Liên Hoa bộ chủ, Ngài là pháp chủ.
"Kinh rằng kẻ chết biến thành sống": Trong Kinh Pháp Hoa nói, người chết khiến cho biến thành sống. Cho nên pháp môn Chú Lăng Nghiêm nầy không thể nghĩ bàn, chẳng phải một số phàm phu có thể hoàn toàn thấu hiểu được. Tuy nói như thế, vẫn nói không ra sở dĩ nhiên của nó, vẫn chỉ là hình dung, hình dung, một chút sức lực của nó mà thôi. Pháp nầy là trùng trùng vô tận, vô tận trùng trùng.

543. Bàn đàm ca lô di

Dịch: Chú nầy có thể trói buộc các ác quỷ thần.

Kệ:
Lăng Nghiêm pháp hội viên mãn thành
Kiết giới đàn trung phục ác thần

Thật tế lý địa cứu kính lực
Hộ trì hành giả Phật giáo hưng.

Nghĩa là:
Pháp hội Lăng Nghiêm thành viên mãn
Trong đàn kiết giới phục ác thần
Thật tế lý địa sức cứu kính
Hộ trì hành giả hưng Phật giáo.

Giảng giải: Chú Lăng Nghiêm có 554 câu, 2620 chữ, còn có mười câu tâm Chú cuối cùng. Chú Lăng Nghiêm vốn không cách gì có thể nói, ý của nó bao hàm quá rộng, hiện tại bất quá là nói ra một trong vạn phần, lược nói bốn câu kệ, kệ nầy rất bình thường và nông cạn, ai ai cũng đều dễ hiểu, hy vọng do bốn câu kệ nầy, dẫn người vào chỗ thù thắng, từ cạn vào sâu, tương lai dẫn khởi mọi người nghiên cứu Chú Lăng Nghiêm, biết sự lợi ích của sự tụng niệm Chú Lăng Nghiêm, mà đắc được sự thọ dụng và pháp hỉ trong đó. Kệ mà tôi tả tuy rất bình thường, nhưng cũng rất quan trọng, có sự trợ giúp rất lớn đối với việc nghiêm cứu Chú Lăng Nghiêm, nếu tương lai không mất đi, đây sẽ là một tác phẩm hiển bày Chú Lăng Nghiêm hoàn chỉnh, tác phẩm nầy đối với Phật giáo tương lai có hữu dụng chăng? Hiện tại vẫn chưa biết, bây giờ lượt thuật bài kệ nầy như sau:

"Pháp hội Lăng Nghiêm thành viên mãn": Chú Lăng Nghiêm kiết giới pháp hội nầy, hiện tại đã hoàn thành viên mãn, pháp hội kiên cố nầy đã thành tựu viên mãn, Lăng Nghiêm dịch ra nghĩa là Cứu kính kiên cố.

"Trong đàn kiết giới phục ác thần": Ở trong đàn nầy, hết thảy tất cả ngưu quỷ xà thần, thiên ma ngoại đạo, yêu ma quỷ quái, lị mị vọng lượng, ác thần, bao quát đủ thứ thần không giữ quy cụ, nhưng khi chúng ta kiết giới nầy, những vị không giữ quy cụ nầy, đều phải tuân theo quy cụ, đều phải giữ quy cụ.
"Thật tế lý địa sức cứu kính": Sức lực của Chú Lăng Nghiêm là thật tế lý địa, sức lực lý tánh của Chú, là sức lực cứu kính, là đại oai thần lực của Phật tối cao vô thượng, thứ sức lực kim cang bất hoại.

"Hộ trì hành giả hưng Phật giáo": Nếu bạn có thể thanh quy tịnh giới, bạn giữ giới luật, chẳng phải đeo mặt nạ giả, chẳng phải ở đó cứ khởi những vọng tưởng nghĩ lung tung, bạn chân thật giữ giới luật thanh tịnh, tin sức lực của Chú, người tu hành như vậy. Tu hành như vậy, thì ở trong Phật giáo chẳng có chút ích kỷ nào, ai không làm một cách chân thật, cứ đeo mặt nạ giả, thì đó là tự gạt mình, gạt không được người khác, cho nên nhất định phải trong ngoài như một, trong ngoài đều giống nhau, phải không có tơ hào giả nào hết, nói làm là làm, tôi nói giữ giới thì giữ giới, tôi nói ngủ ngồi là ngủ ngồi, tôi nói giữ

giới không giữ tiền bạc là không giữ tiền bạc, tôi nói ăn ngày một bữa là ăn ngày một bữa, không lén lút làm những việc người khác không thấy.

Bạn xem lão hoà thượng Hư Vân, ở trước mặt người, hoặc khi ở một mình, đều giống nhau, bất cứ lúc nào cũng không tuỳ tiện, cũng không phóng dật, cho nên nói: "Chỉ nhớ vô thường, đừng có phóng dật". Tại sao không phóng dật? Vì bạn không biết lúc nào con quỷ vô thường sẽ tới, cho nên không phóng dật. Có người chân thật tu hành, thì chánh pháp sẽ trụ thế, chẳng có người chân thật tu hành, thì chánh pháp sẽ diệt. Cho nên "Hộ trì hành giả hưng Phật giáo", bạn là người chân thật tu hành, thì Phật giáo mới có thể hưng thịnh.

544. Đác điệc tha :

Dịch: Tôi nay nói tâm Chú nầy, bèn tuyên nói sắc lệnh của Phật. Tất cả chúng loại, ngưỡng sức lực Như Lai, nghe tụng Chú nầy, đều nên chắp tay cung kính đảnh lễ. Các vị nương oai lực của Phật, đều đến hộ vệ, đi đứng nằm ngồi, không nên xả lìa. Lại nghiêm phục tất cả bè đảng quyến thuộc, các vị lắng nghe, đều trở về chỗ của mình, hướng vô thượng đạo, thẳng đến bồ đề.

Kệ:
Phật sắc nhất thiết chư hữu tình
Các nghi kính lễ tuân phụng hành
Bất tương xả ly thời vệ hộ
Đồng đăng giác đạo pháp Vương Thành.

Nghĩa là:
Phật sắc lệnh tất cả hữu tình
Đều nên kính lễ phụng hành theo
Không nên xả lìa khi hộ vệ
Cùng lên giác đạo thành Pháp Vương.

Giảng giải: "Phật sắc lệnh tất cả hữu tình": "Sắc lệnh tất cả hữu tình" nầy, bao quát các hữu tình thiện, ác, có huyết, có khí, có tri giác, đều gọi là hữu tình. Thực vật thì chẳng có tri giác, thực vật thì thuộc về có tánh không tình, còn quỷ thì thuộc về có bóng không hình.
"Đều nên kính lễ phụng hành theo": Bất cứ thiện ác đều nên chiếu theo Chú Lăng Nghiêm mà làm.
"Không nên xả lìa khi hộ vệ": Đừng xả lìa hành giả, đừng xả lìa người thiện, đừng xả lìa người tu hành, lúc nào cũng đều hộ vệ họ.

“Cùng lên giác đạo thành Pháp Vương”: Cùng nhau lên giác đạo, đến thành Pháp Vương, đến chỗ ở của Phật.

545. Án

Dịch: Tiếp tục ở trước, tôi nay nói tâm Chú nầy, bèn tuyên nói sắc lệnh của Phật. Tất cả chúng loại, ngưỡng sức lực Như Lai, nghe tụng Chú nầy, đều nên chắp tay cung kính đảnh lễ. Các vị nương oai lực của Phật, đều đến hộ vệ, đi đứng nằm ngồi, không nên xả lìa. Lại nghiêm phục tất cả bè đảng quyến thuộc, các vị lắng nghe, đều trở về chỗ của mình, hướng vô thượng đạo, thẳng đến bồ đề.

Kệ:
Hợp chưởng cung kính tổng trì vương
Dẫn sinh vô lượng thần diệu chương
Nhất thiết tà ma quy chánh giáo
Lị mị vọng lượng nan độn tàng.

Nghĩa là:
Chắp tay cung kính vua tổng trì
Dẫn sinh vô lượng chương thần diệu
Tất cả tà ma quy chánh giáo
Lị mị vọng lượng khó ẩn trốn.

Giảng giải: “Chắp tay cung kính vua tổng trì”: Chữ Án là câu thứ 545 hội thứ năm, khi bạn tụng Chú nầy, thì tất cả Thiên Long bát bộ, Hộ pháp thiện thần, ngưu quỷ xà thần, thiên ma ngoại đạo, đều phải phục tùng. Bạn có thể niệm chữ Án, hoặc chữ Om cũng được. Khi bạn niệm Chú nầy, thì ai cũng đều phải chắp tay cung kính. Cung kính gì? Cung kính vua tổng trì, cung kính Chú nầy, là một hiệu lệnh của pháp giới.

“Dẫn sinh vô lượng chương thần diệu”: Một khi niệm chữ Án, thì sinh ra như dưới đây: Án còn là dẫn sinh nghĩa, dẫn sinh bao nhiêu? Dẫn sinh vô tận vô biên thần diệu chương cú, ý nghĩa vô lượng, sức lực cũng vô lượng, oai thần cũng vô lượng, tất cả tất cả đều là vô lượng.
“Tất cả tà ma quy chánh giáo”: Bất cứ tà ma gì, đến lúc nầy cũng đều phải lão lão thật thật, đều phải quy y chánh giáo, không thể nói dối, không còn nhiễu loạn nữa, không thể không giữ quy cụ.

“Lị mị vọng lượng khó ẩn trốn”: Quỷ thông, ma thông, yêu thông, dù lớn cách mấy, cũng chạy không khỏi, ẩn trốn cũng không được, giống như đèn sáng

chiếu đến, bất cứ lị mị vọng lượng chạy đến đâu, thì chiếu đến đó, không thể độn hình được.

546. A na lệ

Dịch: Nối liền ở trước, tôi nay nói tâm Chú nầy, bèn tuyên nói sắc lệnh của Phật. Tất cả chúng loại, ngưỡng sức lực Như Lai, nghe tụng Chú nầy, đều nên chắp tay cung kính đảnh lễ. Các vị nương oai lực của Phật, đều đến hộ vệ, đi đứng nằm ngồi, không nên xả lìa. Lại nghiêm phục tất cả bè đảng quyến thuộc, các vị lắng nghe, đều trở về chỗ của mình, hướng vô thượng đạo, thẳng đến bồ đề.

Kệ:
Thụ cùng tam tế diệu cao thiên
Tuấn cực vô thượng quảng vô biên
Nan diệt thuận giáo phú hữu nghĩa
Phật Pháp Tăng bảo thí lệnh quyền.

Nghĩa là:
Dọc cùng tam tế cao ngất trời
Cực cao vô thượng rộng vô biên
Khó diệt thuận giáo giàu có nghĩa
Phật Pháp Tăng bảo ban lệnh quyền.

Giảng giải: A Na Lệ là câu thứ nhất của mười câu tâm Chú. Ý nghĩa câu Chú nầy là nghĩa cao tột, trên thì cao môn quan, câu Chú ở dưới là Tỳ Xá Đề, tức là mặt ngang, nghĩa ngang khắp, trên thì ngang môn quan. Đây là nói về sự thiết lập hộ vệ trong trời đất, yêu ma quỷ quái không cách nào trốn chạy được, còn chiều cao thì cũng chạy không khỏi sức lực của Chú nầy, còn chiều ngang khắp cũng chạy không khỏi phạm vi của Chú nầy, cho nên Chú nầy có đại oai thần lực như thế.
"Dọc cùng tam tế cao ngất trời": Tam tế tức là quá khứ, hiện tại, vị lai. Cao ngất trời là từ hình dung, hình dung cao ngất trời, cao ngất trời cũng là ý nghĩa biểu thị sự cao, cao tới tận trời xanh, không có gì cao hơn nó được.

"Cực cao vô thượng rộng vô biên": "Cực cao vô thượng", sự cao ở đây không có gì cao bằng. "Rộng vô biên", ý nghĩa Chú nầy vốn là nghĩa rộng khắp, câu Chú nầy tuy nói là nghĩa cao tột, nhưng cũng là nghĩa ngang khắp. Dưới câu Chú cũng là ngang khắp, cũng là cao tột, cho nên hai cái hợp lại, thì tất cả yêu ma quỷ quái không còn đường để chạy, vì cửa trong trời đất đều đóng lại, cho nên gọi là "rộng vô biên".

“Khó diệt thuận giáo nghĩa giàu có”: Thứ đạo lý nầy thì không diệt, tất cả yêu ma quỷ quái, bàng môn tả đạo, đều phải thuận mà nghe lời, thuận thọ sự giáo hoá, nếu bạn không thuận thọ sự giáo hoá, thì sẽ bị trừng phạt, không thuận không được. Đây thật là một quyền lợi lớn.
“Phật Pháp Tăng bảo ban lệnh quyền”: Ai có quyền lợi lớn nầy? Phật Pháp Tăng bảo có quyền lợi nầy, có đại oai thần lực nầy. Quản lý hết thảy tất cả thiên ma ngoại đạo, tất cả ngưu quỷ xà thần, tất cả lị mị vọng lượng, đều quản lý hết.

Cho nên khi bạn tụng Chú Lăng Nghiêm nầy, thì tất cả đều lão lão thật thật. Mỗi ngày bạn tụng niệm Chú Lăng Nghiêm, thì ít nhất cũng được bảy đời làm viên ngoại, trưởng giả giàu có, quần áo thức ăn uống không thiếu, tất cả hết thảy đều có đủ. Nếu nói về quả vị bậc Thánh hiền, bạn tiếp tục tụng niệm Chú Lăng Nghiêm, tức là phát tâm đại bồ đề, không cần trải qua ba đại A Tăng Kỳ kiếp mới đắc được pháp thân, cho nên nói “Diệu trạm tổng trì đấng Bất Động, Chú Thủ Lăng Nghiêm hiếm có trong đời”. Mấy câu nầy do Ngài A Nan nói, có thể biết chúng ta tụng niệm Chú Lăng Nghiêm, còn giá trị hơn bao nhiêu tiền bạc.

Bạn đừng cho rằng hiện tại bạn không có tiền, nhưng bạn đã lập cơ sở tốt cho tương lai. Hằng ngày bạn đọc tụng Chú Lăng Nghiêm, thì bạn có thể sẽ được bảy đời làm trưởng giả giàu có, có đại oai đức, đại thế lực, hay khiến cho tất cả mọi người đến ủng hộ bạn, đến nghe theo bạn. Bạn hay đọc tụng Chú Lăng Nghiêm thì sẽ có lợi ích lớn nầy, cho nên hiện tại hội ấn tống Kinh Đài Loan, mấy người không biết chữ, hiện nay cũng học tụng niệm Chú Lăng Nghiêm, cũng học thuộc lòng Chú Lăng Nghiêm.

Nhưng tôi nói với các vị, không thể thiếu nợ tiền người ta. Nếu các vị thiếu nợ tiền người ta, người ta làm trưởng giả giàu có, còn bạn thì phải đi làm công nhân, cho nên nhân quả thì không sai được. Bất cứ người nào, không thể vô duyên cô cớ vay mượn tiền người ta mà không trả, bằng không, tương lai phải làm trâu làm ngựa để trả nợ. Bạn đừng cho rằng: “Tôi đã xuất gia rồi, có thể thọ người cúng dường”. Thọ người cúng dường mà bạn chẳng có đức hạnh, do đó có câu: “Trước cửa địa ngục Tăng đạo nhiều”, bạn không tu hành, thì tương lai chắc chắn sẽ đoạ địa ngục. Địa ngục đang đợi bạn, một khi bạn xuống đó, thì địa ngục sẽ nói: “A Di Đà Phật, bạn trở lại rồi”.

547. Tỳ xá đề

Dịch: Nối liền ở trước.

Kệ:
Phật sắc chúng đẳng vân lai tập
Đảnh lễ vệ hộ bất xả ly
Hoành khắp thập phương nhất thiết sát
Trực chí vô thượng đại bồ đề.

Nghĩa là:
Phật sắc lệnh đại chúng vân tập
Đảnh lễ hộ vệ không xả lìa
Ngang khắp mười phương tất cả cõi
Thẳng đến đại bồ đề vô thượng.

Giảng giải: Chú còn gọi là chân ngôn, tức là chẳng có một chút giả nào, còn gọi là Linh văn, là có sự linh cảm nhất, có sự công hiệu nhất. Người trì Chú cần phải giữ giới luật, phải chú trọng đức hạnh, cần phải không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không lợi mình, không nói dối.
Pháp là tu hành, chẳng phải miệng nói. Nhưng tại sao hiện tại phải nói? Vì người không minh bạch, cho nên phải nói, nghe xong rồi thì phải chiếu theo pháp mà tu hành. Nhưng cũng chẳng phải nghe nói pháp có đại linh cảm diệu dụng và sức lực, mới dụng công. Bạn tu pháp, nhưng không giữ giới, thì sẽ thọ quả báo, chính bạn sẽ gặp sự cố phi tai hoành hoạ, đây là hành không thông. Hiện tại người chỉ chú trọng sự linh nghiệm, có công lực của sự tụng niệm Chú, nhưng chẳng chú trọng phẩm đức của chính mình, tức khiến cho sự tụng niệm cũng chẳng còn công lực. Vốn linh cũng chẳng linh, thật cũng chẳng thật. Nếu phẩm hạnh tốt, trì giới luật, thì khiến cho nói một câu, cũng sẽ có sự linh cảm, do đó có câu: "Gọi trời trời không nghe, gọi đất đất không linh", bạn tưởng như vậy đều sẽ thành công, nhưng "tưởng" nầy chẳng phải là "vọng tưởng", mà là từ chân tâm tưởng ra, "Một niệm không sinh toàn thể hiện", đây tức là chân tâm. "Sáu căn hốt động bị mây che", một niệm không sinh, đó là chân tâm bắt đầu, nhưng chẳng phải tôi tưởng như vậy thì như vậy, cho nên các vị phải đặc biệt rõ ràng chỗ nầy.

"Phật sắc lệnh đại chúng vân tập": Câu Chú Tỳ Xá Đề nầy, là nối liền ở trước "A Na Lệ" đã nói, ý nghĩa là diệu cao, dọc cùng, cao tột.
Tỳ Xá Đề nghĩa là "Hoành khắp", khi bạn niệm Chú nầy, thì tận ba ngàn đại thiên thế giới đều biết, đều hưởng ứng. Ai hưởng ứng? Tức là hết thảy tất cả chúng sinh, những chúng sinh nầy chẳng phải nhân loại, mà là yêu ma quỷ quái, ngưu quỷ xà thần, tức thông linh, bạn nhìn chẳng thấy được, có thiện, có ác, nhưng bất cứ là thiện hay là ác, đều phải hộ vệ, đều phải cải ác hướng

thiện. “Vân tập”: Chẳng phải chỉ thiện thần đến, cho đến ác thần, tà thần đều đến.

Khi ác thần tà thần đến, thấy bạn chẳng giữ giới luật, người nam nghĩ tưởng người nữ, người nữ nghĩ tưởng người nam, như vậy thì không được. Không giữ quy cụ, thì sẽ có vấn đề lớn phát sinh, họ thấy bạn tệ như vậy, bị vọng tưởng chi phối mình, thì họ chẳng phục. Niệm câu Chú nầy là thế Phật nói chuyện, đây là mệnh lệnh của Phật, cho nên nói: “Phật sắc lệnh đại chúng vân tập”, gọi hết thảy loài chúng sinh thông linh nầy, thông linh tức là đầy đủ thần thông có linh cảm. Loài chúng sinh nầy chẳng ngu ngốc giống như chúng ta, khi bạn động niệm họ, thì họ sẽ đến. Một khi niệm Chú nầy, thì họ sẽ đến, dù thế giới cõi nước cách xa vô lượng nhiều như số cát sông Hằng, họ đều đến, vân tập đến giống như những đám mây, cho nên nói nghĩa là hoành khắp.

“Đảnh lễ hộ vệ không xả lìa”: Đến đây đều phải đảnh lễ, cải ác hướng thiện. Đảnh lễ ai? Đảnh lễ người tu hành. Nếu bạn không giữ sáu đại tông chỉ, thì họ không bạt tai bạn hai cái, không đá bạn hai cái, thì đó mới là lạ! Vì bạn chẳng xứng đáng, cho nên vấn đề rắc rối của bạn sẽ đến, đừng cho rằng là tốt đắc ý nói: “Tôi niệm Chú có sự linh cảm”. Bạn không giữ quy cụ, mượn giả làm thật để gạt người, làm việc giả, thì tương lai sẽ gặp phi tai hoành hoạ, thậm chí phân thân nát cốt, đoạ vào địa ngục đều có phần, đây chẳng phải là chuyện vui đùa. Trong Phật giáo là công đạo nhất, bình đẳng nhất, từ bi nhất. Vị nào không giữ quy cụ, thì tương lai sẽ có vấn đề. Tại sao con người mỗi ngày sinh bệnh? Đây nhất định khởi vọng tưởng về người nữ, hoặc người nữ khởi vọng tưởng về người nam.

Nên biết người có thể hoằng Chú, chẳng phải Chú hoằng người; người có thể dùng Chú, chẳng phải Chú dùng người; người có thể chi phối Chú, chẳng phải Chú đến chi phối người. Nhưng bạn không đủ tư cách, thì sẽ thọ quả báo, sẽ gặp phi tai hoành hoạ, như chết vì tai nạn xe hơi, hoặc bị lửa thiêu chết, nước dìm chết, hoặc chết vì tai nạn máy bay. Có người không minh bạch nói: “Họ cũng trì Chú, nhưng tại sao có những tai nạn nầy phát sinh”? Đây là vì họ không đủ tư cách, cho rằng có sực lực của Chú, thì có thể làm bá vương, hoành hành không kiêng nể gì. Chẳng phải! Chẳng phải họ niệm Chú không linh, thì không bảo hộ họ, mà là vì họ không giữ giới luật. Cho nên Phật luôn khuyên bảo mọi người học giữ giới luật, dụng công tu hành, giữ sáu đại tông chỉ. Sau này các vị còn có tâm không giữ sáu đại tông chỉ, thì không thể học với tôi, các vị học với tôi, thì nhất định phải sửa đổi tập khí mao bệnh nầy. Những chúng sinh thông linh nầy có thần thông, thấy chúng sinh có đạo, họ đều phải chắp tay cung kính đảnh lễ, nghe sự triệu tập. Bạn có đức hạnh, thì đi

đứng nằm ngồi, ngày đêm sáu thời đều không xả lìa, lúc nào họ cũng bảo hộ bạn.

“Ngang khắp mười phương tất cả cõi”: Đây tức là ngang khắp, câu ở trước là cao tột, tức khiến cho nơi cao nhất cũng có thể đến được. Khi bạn niệm Chú nầy, thì trên trời, dưới đất, nơi cao nhất đều đến được. Ngang khắp tức là ngang khắp mười phương, hết thảy hạt bụi, cõi nước, tinh cầu, mặt trăng, đều bao quát trong đó, bất cứ thế giới nào, cũng đều bao quát trong đó, ngang khắp tất cả cõi nước, hết thảy tất cả chúng sinh đều đến hộ vệ bạn, nghe sự triệu tập.

“Thẳng đến đại bồ đề vô thượng”: Những chúng sinh nầy và người tu hành, đều sẽ thành Phật, thành tựu quả vị vô thượng bồ đề. Bạn tu trì Chú nầy, thì hộ pháp thiện thần, Thiên Long bát bộ, ác thần, ngưu quỷ xà thần, yêu ma quỷ quái, tương lai đều sẽ thành Phật, cho nên nói thẳng đến vô thượng đại bồ đề, thẳng đến quả vị đại bồ đề Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Hết thảy những người ở trong Vạn Phật Thánh Thành, phải giữ quy cụ, chiếu cứ chính mình, nhất là những người làm lãnh tụ, không thể gạt người, không thể khởi vọng tưởng nam nữ lung tung.

548. Bệ ra

Dịch : Nối liền ở trước.

Kệ :
Các tự ước thú chư quyến thuộc
Tuần quy thủ cự lập công đồ
Hộ trì Tam Bảo hoằng Phật pháp
Nghiêm chỉnh oai nghi thiện căn thục.

Nghĩa là:
Tự mình hạn chế các quyến thuộc
Tuân theo quy cụ lập công đức
Hộ trì Tam Bảo hoằng Phật pháp
Nghiêm chỉnh oai nghi thiện căn thục.

Giảng giải : Từ năm 1979 thì bắt đầu giảng Chú Lăng Nghiêm, cho đến bây giờ là năm 1987. Người chân chánh tu đạo, thì gì cũng chẳng có, thậm chí một sợi dây cũng không, do đó có câu : « Hạng nhất người tu hành nhẹ như gió thoảng, hạng nhì người tu hành như gánh đồ đạc, hạng ba người tu hành như

chiếc xe chở đồ, thậm chí như chiếc thuyền, như máy bay ». Các vị muốn làm người tu hành hạng thứ mấy ?

« Tự mình hạn chế các quyến thuộc » : Chú Lăng Nghiêm là Chú dài nhất trong Phật giáo, chỉ cần Chú Lăng Nghiêm tồn tại trên thế gian một ngày, thì hết thảy yêu ma quỷ quái không dám công nhiên xuất hiện, chúng đều ẩn trốn. Vì khi bạn tụng Chú nầy, thì ba ngàn đại thiên thế giới, đều nghe được pháp âm nầy, yêu ma quỷ quái mà nghe được pháp âm nầy, thì chúng đều phải giữ quy cụ, đều phải lão thật. Khi nghe được pháp âm nầy, thì chúng đều « Tự mình hạn chế các quyến thuộc », bảo quyến thuộc của chúng, tất cả đồ chúng, phải cẩn thận một chút, phải giữ quy cụ. Nếu không giữ quy cụ, thì sẽ có chuyện rắc rối, cho nên không dám phóng túng, không dám tuỳ tiện, vì có Chú Lăng Nghiêm nầy. Cho nên trên thế giới, nếu không còn ai trì tụng Chú Lăng Nghiêm, thì yêu ma quỷ quái sẽ xuất hiện ăn người, hại người, đủ thứ sự việc sẽ phát sinh. Tại sao hiện tại thế giới còn chưa đến trình độ nầy ? Vì còn có người tụng niệm Chú Lăng Nghiêm.
« Tuân theo quy cụ lập công đức » : Chúng phải cẩn thận một chút, làm việc phải làm chánh đáng, phải giữ quy cụ, không thể tuỳ tiện, phải lập công, hy vọng chúng tương lai có sự tiến bộ.

« Hộ trì Tam Bảo hoằng Phật pháp » : Làm thế nào lập công đức ? Tức là hộ trì Tam Bảo, hoằng Phật pháp, hộ trì Phật Pháp Tăng Tam Bảo. Cho nên chúng ta người xuất gia, chỉ cần bạn có một phần tu hành, thì hộ pháp sẽ hộ trì bạn, bạn có ba phần tu hành, thì hộ pháp sẽ cho bạn bảy phần cảm ứng gia bị. Nếu bạn không tu hành, thì gì cũng chẳng có. Cho nên nhất định phải tu hành. Tu hành thì tu cái gì ? Tức là tu thân, tu miệng, tu tâm. Thân không phạm giết hại, trộm cắp, tà dâm, miệng thì không phạm nói dối, nói thêu dệt, nói hai lưỡi, chửi mắng, tâm thì không tham, sân, si. Tâm cũng tức là ý, bên trong cũng không phạm tham sân si. Chúng ta không phạm mười điều ác, là bao quát sáu đại tông chỉ của chúng ta. Ngược lại với mười điều ác là mười điều thiện.

Chúng ta không tranh, không tranh là gì ? Không tranh tức là hoà bình, hoà bình với nhau, là hoà hợp chúng. Hoà hợp chúng tức là không tranh. Lục hoà tức là : Thân hoà đồng trụ, mọi người không đánh nhau, cùng ở với nhau. Khẩu hoà vô tranh : Mọi người không tranh cãi với nhau, giúp đỡ lẫn nhau. Ý hoà đồng duyệt : Ý hoà tức là mọi người đều hoan hỉ mà không phiền não. Lợi hoà đồng quân : Mọi người cùng ăn, cùng uống, cùng ở, mọi người cúng những vật dùng hằng ngày, dù người mới đến cũng có phần. Kiến hoà đồng giải : Ý kiến, cái thấy của mọi người giống nhau, nhưng có khi chẳng giống nhau, không giống nhau đó là chúng ta đang đi trên một con đường khác, mọi

người đều phải đi trên con đường vô thượng bồ đề, đều phải giác ngộ, đừng có mê hoặc.

Chúng ta nhất định phải tinh tấn, nhất định phải tu hành. Giới hoà đồng tu : Giới gồm có năm giới, tám giới, mười giới, mười giới trọng bốn mươi tám giới khinh, Tỳ Kheo hai trăm năm mươi giới, Tỳ Kheo Ni ba trăm bốn mươi tám giới, chúng ta đều phải giữ giới cùng tu với nhau, cùng nhau nghiên cứu, cùng nhau tu hành, không thể nói : « Tôi cao hơn bạn, bạn thấp hơn tôi », hoặc là « Tôi là người giữ giới, bạn không giữ giới ». Chúng ta mọi người đều như nhau, không có ai cao, cũng không có ai thấp, ai cũng đều như nhau. Chúng ta không tranh như thế, tức là lục hoà đồng trụ, cho nên chúng ta không tranh, tức cũng là hoà bình mọi người không tranh, thì thế giới hoà bình. Do đó tông chỉ nầy của chúng ta nên đề nghị ra cho tất cả mọi người trên thế giới đều làm theo, được như thế thì thế giới sẽ hoà bình.

Thứ hai là không tham : Không tham tức là tặng nhường, tặng nhường tức là không tham. Nếu bạn giữ lễ thì sẽ không tham, bạn cũng sẽ không tham tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, đều là phải giữ lễ, phải giữ tặng nhường. Người mà không tu hành, nhìn họ ăn uống thì biết. Người có sự tu hành, ăn đồ ngon đều nhường cho người khác ăn, chính họ không tham ăn vật ngon, trước hết cũng không đem lên mũi ngửi thử mùi vị như thế nào, ngon hay là dở, không có. Từ chỗ nầy nhìn xem thử bạn có phải là người tu hành hay chăng, người tu hành thậm chí ăn gì cũng không biết, hôm nay ăn gì vậy ? Không biết. Tại sao vậy ? Vì họ không chú ý đến vấn đề nầy, ăn no thì được rồi, ăn gì không cần biết, đây là không tham. Không tham chủ yếu trước hết là không tham ăn, cho nên về sau ai tham ăn trộm đồ ăn, thì hãy sớm hoàn tục đi, đừng ở đây lãng phí thời gian. Biết rõ mà cố phạm, thì tội tăng gấp ba. Không tham ở đây, tức là phải tặng nhường.

Không cầu tức là liêm khiết, là thanh khiết. Liêm khiết thì không hướng ngoại truy cầu, lại không giống với cái không tham, cái không tham ở đây là trong tâm bạn không tham. Cầu ở đây là bạn muốn hướng ngoại truy cầu, thì ai nhìn cũng thấy bạn mong cầu, nếu bạn không cầu thì sẽ liêm khiết, sẽ không tham ô. Người tham ô đều có sự mong cầu, họ đều hy vọng người khác cho họ lễ vật, hối lộ, đây tức là mong cầu.
Không ích kỷ tức công bằng, bạn muốn công bằng thì không thì sẽ không ích kỷ, những gì mình không muốn, đừng bố thí cho người khác, đây là không ích kỷ.
Không lợi mình tức là lợi ích người khác, đối với người khác phải có lợi ích, phải trợ giúp người khác thì không lợi mình.

Không nói dối tức là lão thật, tức là mình làm việc gì cũng chân thật, một chút giả dối cũng không có.

Sáu đại tông chỉ rất đơn giản, những điều hôm nay tôi nói, các vị hãy nói cho mỗi người trên thế giới. Nếu mỗi người trên thế giới đều giữ sáu đại tông chỉ nầy, thì chiến tranh gì cũng chẳng có, vấn đề gì cũng đều giải quyết được hết. Chúng ta ở trong Vạn Phật Thành, dạy các vị đã nhiều năm, kêu các vị đừng tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không lợi mình, không nói dối. Các vị hãy hồi quang phản chiếu, tự hỏi mình có chiếu cố đến vần đề nầy mà làm chăng, nếu chưa thì hãy mau chiếu cố đến vấn đề nầy mà làm. Nếu không chiếu cố đến vấn đề nầy mà làm, thì tôi nói cho các vị biết, thế giới nầy sẽ rất nguy hiểm, không thể tồn tại lâu dài, đây là một đại pháp chuyển đổi càn khôn, đây là một đại pháp cứu sinh mạng toàn thế giới, các vị đừng có cho rằng rất đơn giản : Không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không lợi mình, không nói dối, thì cứu được thế giới sao ? Vâng, tôi dùng sáu đại tông chỉ nầy cứu thế giới đó, đây là phương pháp cứu hết thảy sinh mạng. Cho nên mỗi một nguyên thủ quốc gia, cần thấu hiểu triệt để sáu đại tông chỉ nầy, nếu họ dùng phương pháp nầy để trị quốc, thì chắc chắn quốc gia đó sẽ cường thịnh, chắc chắn sẽ tốt. Đáng tiếc thay người thời nay đều bỏ gần cầu xa, bỏ gốc cầu ngọn, ở nơi nầy điên điên đảo đảo, cho nên làm cho đất nước loạn xà ngầu.

« Nghiêm chỉnh oai nghi thiện căn thục » : Nghiêm chỉnh oai nghi tức là giữ giới luật, bạn phải giữ giới luật, thì căn lành của bạn mới thành thục, tương lai bạn mới có thể thành Phật. Câu Chú Bệ Ra nầy là « Biến nhất thiết xứ », khắp tất cả mọi nơi, ai cũng đều có thể dùng.

549. Bạc xà ra

Dịch : Tôi nay nói tâm Chú nầy, bèn tuyên sắc lệnh của Phật, tất cả chúng loại, ngưỡng mong oai lực của Như Lai, nghe tụng Chú nầy, thảy đều chắp tay đảnh lễ. Các vị nương oai lực của Phật, đều đến hộ vệ, đi đứng nằm ngồi, đều không xả lìa. Lại nghiêm phục tất cả băng đảng quyến thuộc, các vị hãy lắng nghe, đều trở về chỗ của mình, hướng về vô thượng đạo, thẳng đến bồ đề.

Kệ :
Kim Cang nộ mục đẩu hùng oai
Phá tà hiển chánh chấn pháp lôi
Thưởng thiện phạt ác trừ ma ngoại
Công bình vô tư phóng quang huy.

Nghĩa là:
Kim Cang trợn mắt rất oai hùng
Phá tà hiển chánh chấn pháp âm
Thưởng thiện phạt ác trừ ma ngoại
Công bằng vô tư phóng quang minh.

Giảng giải : « Kim Cang trợn mắt rất oai hùng » : « Bạt Xà Ra » tức là Kim Cang của Kim Cang bộ. Kim Cang có bao nhiêu vị ? Kim Cang nhiều vô lượng vô biên, nói tám vạn bốn ngàn, không những chỉ tám vạn bốn ngàn, mà e rằng hiện tại nhiều như số cát sông Hằng. Vì hiện tại con người nhiều, Kim Cang lại ít thì quản không xuể số lượng con người nhiều, cho nên con người nhiều thì Kim Cang cũng nhiều. Kim Cang trợn mắt rất là oai phong, xa trông thấy trang nghiêm, thì tự nhiên sẽ khởi kính, sợ hãi, không phạm giới luật, không làm việc xấu.

« Phá tà hiển chánh chấn pháp âm » : Ngài Kim Cang làm gì ? Ngài phá tà, muốn bảo vệ chánh pháp, chấn đại pháp âm, thổi loa pháp lớn, đánh trống pháp lớn.
« Thưởng thiện phạt ác trừ ma ngoại » : Thưởng tất cả người tu hành, đây là thiện. Trừng phạt người không giữ giới luật, trừ khử ma vương và ngoại đạo.
« Công bằng vô tư phóng quang minh » : Tại sao Ngài Kim Cang đều có vô lượng quang ? Quang minh chiếu sáng, đến nơi nào thì đều phóng quang, vì các Ngài chánh trực vô tư, cho nên phóng quang chiếu sáng, quang sáng giống như đèn chiếu sáng, khi chiếu thì sáng như ban ngày.

Chúng ta nghe được kệ của Chú Lăng Nghiêm, đến hiện tại là câu thứ 549, còn 5 câu nữa, sắp giảng xong. Tại sao tôi hỏi các vị đã giảng bao lâu rồi ? Vì đây có thể nói là một bộ đại Trước Tác, cũng có thể nói là từ xưa đến nay chưa từng có bộ trước tác nầy, cũng có thể nói tương lai cũng không chắc chắn có. Hiện tại có thể nói là vô tiền, tuy nhiên không thể nhất định bảo chứng tuyệt hậu, nhưng tôi tin rằng họ đều chẳng có nhiều thời gian, giống như tôi đây cũng không ngại tả ra những câu kệ nông cạn như vậy, khiến cho các vị mọi người thgoấu hiểu. Tôi tin rằng các vị mọi người nghe xong rồi, đều trả về cho tôi, vì các vị đều chẳng thuộc lòng, tôi tin rằng cũng chẳng có ai nhớ được những bài kệ nầy. Hôm nay có người nhớ, ngày mai lại quên mất.

550. Đà rị

Dịch : Nối liền ở trước.

Kệ :
Chú tâm thần lực nan tư nghì
Cải ác hướng thiện phát bồ đề
Pháp giới hữu tình đồng nhiếp thọ
Tổng trì vô lượng hoá quần cơ.

Nghĩa là:
Thần lực tâm Chú không nghĩ bàn
Cải ác hướng thiện phát bồ đề
Pháp giới hữu tình đồng nhiếp thọ
Tổng trì vô lượng hoá quần sinh.

Giảng giải : Giảng pháp hội Chú Lăng Nghiêm nầy, các vị thấy rất là bình thường, rất là đơn giản, trên thực tế, pháp hội nầy là kình thiên địa, khóc quỷ thần, ma vương đều ở đó sợ hãi, ma vương sợ chúng ta minh bạch Chú Lăng Nghiêm nầy. Người minh bạch Chú Lăng Nghiêm, thì ma vương không chỗ độn hình, đều không có chỗ nào để chạy, đều không có chỗ nào để ẩn trốn.

« Thần lực tâm Chú không nghĩ bàn » : Sức lực tâm Chú Chú Lăng Nghiêm nầy, cũng là không thể nghĩ bàn. Thần tức không thể nghĩ bàn, tức cũng là không thể nghĩ bàn trong sự không thể nghĩ bàn, nhưng thế giới cũng giống như một đại công xưởng hoá học, từ có hoá không, từ không lại hoá có, có lúc từ thiện hoá thành ác, có khi từ ác hoá thành thiện.
Ý nghĩa của Chú là kêu bạn chuyên nhất thì linh, phân chia thì tán. Nếu bạn chuyên nhất muốn cải ác hướng thiện, phát bồ đề tâm, thì sẽ khiến cho bất cứ những lỗi lầm gì lớn trong quá khứ của bạn, cũng đều có thể chiết hợp, nghĩa là lấy công chuộc tội, bạn lập công thì tội sẽ không còn, biến hoá trong công trình hoá học nầy. Bạn thấy chúng ta có lúc tăng thêm một chút tài liệu ô nhiễm, thì con người biến thành ô nhiễm. Có lúc bạn lại tu hành đắc được tài liệu thanh tịnh, lại hồi phục sự thanh tịnh. Đây chẳng phải công xưởng hoá học thì là gì ?
« Cải ác hướng thiện phát bồ đề » : Từng chút từng chút thanh lọc hết những cặn bã, chỉ còn lại vàng ròng, bạn được như vậy tức là « Pháp giới hữu tình đồng nhiếp thọ », nguyện lực của Phật là nhiếp khắp tất cả chúng sinh.

« Tổng trì vô lượng hoá quần sinh » : Tổng Chú nầy của Phật là một đại tổng trì, tổng trì vô lượng nghĩa, cũng là tổng trì vô lượng cơ, tổng trì vô lượng pháp môn, tổng trì vô lượng trí huệ, tổng trì vô lượng tam muội, cho nên hay đắc được sức lực tổng trì, để giáo hoá vô lượng chúng sinh.

Phải làm như thế nào ? Thì bạn phải chuyên nhất, khi niệm Chú vì sao phải quán tưởng chữ Phạn ? Là vì muốn bạn chuyên nhất. Tại sao con người tu đủ

thứ tam muội mà chẳng thành công ? Chẳng có chánh định chánh thọ ? Là vì chẳng có chuyên nhất. Do đó có câu : « Chuyên nhất thì linh, phân chia thì tán », công phu của bạn sẽ có sự tinh tấn. Chuyên nhất tức là chẳng có vọng tưởng, cũng chẳng nghĩ ác, tức là một lòng ăn Chú nầy. Bạn khởi vọng tưởng : Tôi ăn cái nầy có dinh dưỡng, ăn cái kia không có dinh dưỡng, đây gọi là không chuyên nhất. Người thật tu đạo, thì những tư tưởng nầy đều không có, cũng chẳng nghĩ : « Tôi ăn hay không ăn, uống hay không uống » ? Đều chẳng nghĩ gì hết, đây mới gọi là công phu. Khi công phu bạn thành một khối rồi, thì những vọng tưởng nầy đều không còn nữa, cũng sẽ không nói : « Tôi nghe được người nói chuyện, hoặc lỗ tai của tôi nghe được âm thanh gì, bên trong có âm thanh gì, bên ngoài có âm thanh gì ». Đây đều là ma vương ngồi điện mới như vậy, nếu ma vương không ngồi điện, thì gì cũng chẳng nghe, thấy như không thấy, nghe như không nghe, chẳng có chuyện gì hết, đây đều là tà tri tà kiến, công phu của bạn không thể thành tựu, tức cũng là vì có tà tri tà kiến.

Cho nên thế giới là một đại công xưởng hoá học, hiện tại nghiên cứu khoa học, vật lý, hoá học, đều là bộ phận nhỏ, con người chúng ta mới là thật là đại công xưởng hoá học, toàn thế giới là một đại công xưởng hoá học. Bạn thấy hoá ra bao nhiêu là đồ vật, thiên biến vạn hoá, nói về con người, thì mỗi người đều có hình dáng của họ, đều có tư tưởng và hành vi khác nhau của họ. Bạn thấy có diệu hay không ? Đây đều là cảnh giới không thể nghĩ bàn.

551. Bàn đà bàn đà nể

Dịch : Nối liền ở trước.

Kệ :
Thụ cùng hoành biến tận bao la
Vi trần sát hải thập phương hợp
Hoa tạng Tỳ Lô đại đàn tràng
Phổ nhập thử giới diễn Ma Ha.

Nghĩa là:
Dọc cùng ngang khắp tận hư không
Biển cõi hạt bụi trong mười phương
Hoa tạng Tỳ Lô đại đàn tràng
Vào khắp cõi nầy diễn Ma Ha.

Giảng giải : « Dọc cùng ngang khắp tận hư không, Biển cõi hạt bụi trong mười phương » : Câu nầy nghĩa là căn cứ sự kiết giới ở trước, sự kiết giới dọc cùng ngang khắp đều bao quát trong đó, biển cõi hạt bui mười phương đều bao

trùm, nghĩa là dọc cùng, ngang khắp. Đại công xưởng hoá học nầy hợp lại ở đâu ?

« Hoa tạng Tỳ Lô đại đàn tràng » : Bốn sanh, chín cõi, đồng như hoa tạng huyền môn, tám nạn ba đường, cùng vào biển tánh Lỳ Lô, đây là pháp giới Hoa Tạng, Tỳ Lô tức là biến nhất thiết xứ, khắp tất cả mọi nơi. Đàn tràng nầy là lớn mà không ở ngoài, nhỏ mà không ở trong, bạn nói nó lớn, nó cũng chẳng lớn, bạn nói nó nhỏ, nó cũng chẳng nhỏ, cho nên đàn tràng nầy « Khắp vào cõi nầy diễn Ma Ha », bất cứ ai cũng không vượt ra khỏi đại công xưởng hoá học nầy, đều ở trong đây hoá duyên. Xem bạn dùng tài liệu như thế nào, làm thế nào hoá ra đồ vật gì, hoặc hoá làm mèo, hoặc hoá làm chó, nghĩ hoá thành một vị Phật cũng được, hoặc hoá làm Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, đều ở trong đây biến hoá ra. Nếu bạn hiểu đạo lý nầy, thì đừng làm các việc ác, hãy làm các việc lành.

Người tu hành nên hiểu biết với nhau, đừng có tranh luận, phải việc lớn thì hoá nhỏ, việc nhỏ thì hoá thành không; việc hung hoá thành cát tường, việc cát tường hoá thành như ý, đây là người tu hành đang làm việc ở trong đại công xưởng hoá học. Trong công xưởng hoá học có đủ thứ màu sắc, hình tượng gì cũng đều có.
Người minh bạch đạo lý, thì làm việc gì trên đời, đều không có phiền não gì hết, tất cả đều thuận lợi (everything is OK). Phải đừng làm các việc ác, làm các việc lành, nhất định ngừng ác làm lành. Việc ác lớn nhất là nóng giận, nếu người nào không có nóng giận, thì trong công xưởng hoá học có một cơ sở tốt.

Thế giới là một công xưởng hoá học lớn, thân người là một công xưởng hoá học nhỏ, hai cái này không lìa nhau được. Nếu bạn minh bạch được thì sẽ không bị danh lợi, ân oán ràng buộc, các vị phải chú ý điểm nầy. Giảng Chú Lăng Nghiêm, tức là giảng về công xưởng hoá học, cho nên phải học cái nầy, đừng vì người, cái ta, thị phi, ràng buộc. Trên thực tế, việc gì cũng đều chẳng có, phải thấy như không thấy, nghe như không nghe, chẳng có chuyện gì hết, thế giới tức là một công xưởng hoá học, nói về con người, thì mỗi người đều có hình dáng của mỗi người và tư tưởng cũng đều khác nhau.

552. Bạt xà ra bàn ni phấn

Dịch : Nối liền ở trước.

Kệ :
Kim Cang hộ trì chúng hành nhân
Thủ chấp bảo chử trấn ma quân

Khai hiển thông đạt chiết nhiếp lực
Đồng nhập vô lượng Bát Nhã môn.

Nghĩa là:
Kim Cang hộ trì các hành giả
Tay cầm chày báu trấn ma quân
Khai hiển thông đạt chiết nhiếp lực
Đồng vào vô lượng môn Bát Nhã.

Giảng giải : Chú Lăng Nghiêm là tiết lộ ra bí mật trong trời đất, chúng ta giảng Chú Lăng Nghiêm, quỷ thần đều đang ở đó nơm nớp lo sợ, cung điện ma vương chấn động, cho nên ma vương đến nói, nói Chú Lăng Nghiêm giống như địa chấn, làm cho chúng kinh hãi như vậy.

Giảng Chú Lăng Nghiêm giống như địa chấn, trong lúc giảng Chú Lăng Nghiêm, ma chướng đến chỗ chúng ta ở đây chẳng biết là bao nhiêu, có ma hiển lộ ra, nhìn thấy được chúng đến, không biết là bao nhiêu mà nói, còn ở trong sự yên lặng, chúng muốn đấu với tôi, cũng không biết là số bao nhiêu mà nói. Bất quá các vị đều đã thấy quen rồi, cảm giác thấy quái không quái, cho nên đừng cho rằng là tự nhiên, nếu mà nói ra những cảnh giới nầy cho các vị nghe, thì các vị nhất định sẽ không dám ở lại Vạn Phật Thành nữa, đều muốn bỏ chạy hết, cho nên tôi cũng không dám nói cho các vị nghe.

Tuy là như thế, Chú Lăng sắp giảng xong, tương lai Phật pháp trên thế giới lại có thể kéo dài thêm một thời gian, vì thế giới còn có người tụng niệm Chú Lăng Nghiêm, còn một người tụng niệm Chú Lăng Nghiêm, thì năm phương ma cũng không dám công nhiên xuất hiện. Nếu không còn người nào tụng niệm Chú Lăng Nghiêm nữa, thì tuỳ thời tuỳ lúc đều là ma, ai ai cũng có thể nhìn thấy được.

Bây giờ tại sao bạn nhìn không thấy ? Vì bạn hay tụng niệm Chú Lăng Nghiêm. Phía sau mấy câu nói : « Toại tâm như ý », bạn cầu gì cũng đều toại tâm mãn nguyện, vì đây là nguyện lực thuở xưa của Phật, nếu có người tụng trì Chú Lăng Nghiêm, thì Kim Cang hộ pháp và tám vạn bốn ngàn Bồ Tát Kim Cang Tạng đều muốn đến hộ trì người tu hành đó. Cho nên chúng ta ngày ngày tụng niệm Chú Lăng Nghiêm, tức là trợ giúp thế giới nầy, đây là một biện pháp khiến cho chánh pháp trụ lâu ở đời.
Chúng ta phải học thuộc lòng Chú Lăng Nghiêm, hằng ngày tụng thuộc lòng Chú Lăng Nghiêm, bạn không cảm thấy được, chứ trong sự yên lặng, trí huệ của chúng ta ngày càng tăng trưởng, trí huệ ngày càng cao, sẽ không còn ngu si, sẽ không còn điên đảo, không còn làm những việc không nên làm, cũng sẽ giữ gìn giới luật. Do đó, Ngài tôn giả A Nan nói : « Diệu trạm tổng trì đấng Bất

Động, Chú Thủ Lăng Nghiêm hiếm có trong đời, tiêu trừ ức kiếp tưởng điên đảo của con, không trải qua A Tăng Kỳ kiếp mà chứng được pháp thân ». Cho nên các vị phải vào sâu tạng Kinh, thì trí huệ sẽ như biển. Phải tụng Chú Lăng Nghiêm thì sẽ đắc được định Lăng Nghiêm kiên cố. Bạn lại nghĩ muốn đắc được ngũ nhãn lục thông, thì hãy quán tâm Chú Lăng Nghiêm bằng chữ Phạn ở phía sau, mỗi một chữ đều quán tưởng đắc được thành tam muội, thì mỗi một chữ đều thành tam muội, vậy thì bạn sẽ đắc được Lăng Nghiêm đại định, vua trong các tam muội.

Nếu người không có căn lành, thì đừng nói đến tụng niệm, dù ba chữ « Chú Lăng Nghiêm » cũng không nghe được, cũng không có cơ hội nghe được. Các vị bây giờ dùng máy vi tính tính thử xem, dùng thần não của bạn tính thử xem, hiện tại trên thế giới nầy, người tụng Chú Lăng Nghiêm nhiều, hay là người không biết tụng Chú Lăng Nghiêm nhiều ? Người nghe được tên Chú Lăng Nghiêm nhiều ? Hay là người không nghe được tên Chú Lăng Nghiêm nhiều ? Các vị mỗi người hãy tính thử xem, thì sẽ biết căn tánh của nhân loại trên thế giới nầy sâu hay cạn. Cho nên các vị đừng xem mình là người rất bình thường, bạn đã nghe được Phật pháp, đây đều là trong vô lượng kiếp về trước đã từng gieo trồng căn lành, đắc được diệu pháp thâm sâu vô thượng, các vị đừng để pháp môn nầy trôi qua.

« Kim Cang hộ trì các hành giả » : Câu kệ nầy là được Kim Cang hộ trì các hành giả, bạn hay tụng trì Chú Lăng Nghiêm, tức là hành giả, Bồ Tát Kim Cang Tạng sẽ hộ trì hành giả.
« Tay cầm chày báu trấn ma quân » : Tuy Bồ Tát Kim Cang Tạng đến hộ trì bạn, bạn cũng đừng có tâm ỷ lại, mà không tu hành, tuỳ tiện phạm giới, như vậy thì không được. Nếu bạn phạm giới, thì Bồ Tát Kim Cang Tạng sẽ không bảo hộ bạn, lúc đó bạn tụng Chú sẽ không linh, cho nên nhất định phải giữ giới luật, do đó bốn thứ thanh tịnh minh hối là vì Chú Lăng Nghiêm mà nói.

Nhưng hiện tại vì sao có những vị học giả tào lao và những vị giáo thọ bụi bặm không thừa nhận Chú Lăng Nghiêm là do đức Phật nói ? Vì họ sợ Chú Lăng Nghiêm. Nếu họ thừa nhận là Phật nói, thì họ đứng không vững. Vì họ đều không giữ giới luật, kêu họ thừa nhận, thì họ không thừa nhận. Tại sao họ không thừa nhận ? Vì họ biết họ làm không được, cho nên họ nói đó là giả, như vậy họ mới có thể tồn tại, có thể nhận lầm mắt cá tưởng là hạt châu, ở đây bịt tai ăn cắp chuông, làm những việc giả. Con mắt của các vị tức là cái nầy, không có cái kia. Đâu phải Chú Lăng Nghiêm có gì đắc tội với họ ? mà họ nói Chú Lăng Nghiêm là giả, họ làm người rồi chẳng tính gì nữa, người khác đã là giả, đã ở đó mặc quần áo của con người, ăn cơm của con người, nhưng làm

quyến thuộc của ma vương. Những vị học giả và giáo thọ bụi bặm đó, nếu có bản lãnh thì kêu họ đến đàm luận với tôi, nhưng họ lại không dám đến.
« Tay cầm chày báu trấn ma quân » : Ma vương đang ở đó thổi gió, nhưng một khi chúng gặp hộ pháp thì sợ.

« Khai hiển thông đạt chiết nhiếp lực » : Mở đầu tức là rất hiển lộ, chẳng phải rất bí mật. Chú Lăng Nghiêm tuy nói là pháp bí mật, có lúc dùng pháp nhiếp thọ, có hiệu quả hiển lộ. « Thông đạt », có sự cảm thông, chẳng có cầu gì mà không ứng. « Chiết nhiếp lực », Phật có lúc dùng pháp chiết phục, có lúc dùng pháp nhiếp thọ, dùng thứ sức lực nầy để giáo hoá chúng sinh. Bất cứ là pháp chiết phục cũng tốt, pháp nhiếp thọ cũng tốt, đâu chẳng phải muốn kêu bạn khai đại trí huệ.
« Đồng vào vô lượng môn Bát Nhã » : Đây là giáo nghĩa « Kinh Pháp Hoa », « Kinh Lăng Nghiêm » cũng là đạo lý như vậy, như vậy, đồng vào vô lượng môn Bát Nhã.

553. Hổ hồng đô lô ung phấn

Dịch : Nối liền ở trước.

Kệ :
Giác ngộ nhất thiết Thánh phàm lưu
Ngũ phương ngũ bộ ngũ Phật do
Tăng ích thành tựu tam căn nguyện
Toại tâm như ý mãn sở cầu.

Nghĩa là:
Giác ngộ tất cả dòng Thánh phàm
Năm phương năm bộ năm vị Phật
Tăng ích thành tựu ba căn nguyện
Toại tâm như ý mãn sở cầu.

Giảng giải : « Giác ngộ tất cả dòng Thánh phàm » : Câu Chú nầy càng đơn giản, người tụng Chú Lăng Nghiêm, tụng đến đây đều nên khai ngộ, đều nên giác ngộ, bất cứ bạn là Đẳng Giác Bồ Tát, hoặc là hữu tình chúng sinh ngu si nhất và cây cỏ vô tình. Cho nên nói dòng Thánh phàm, Thánh nhân niệm Chú Lăng Nghiêm, thì có pháp tăng ích, phàm phu bình thường niệm Chú Lăng Nghiêm, thì sẽ có pháp thành tựu, có cảnh giới không thể nghĩ bàn hiện ra.

« Năm phương năm bộ năm vị Phật » : Năm phương tức là : Đông, tây, nam, bắc, giữa. Năm phương có năm bộ. Năm bộ trấn năm đại ma quân ở thế gian :

Phương đông Kim Cang bộ, phương nam Bảo Sinh bộ, phương tây Liên Hoa bộ, phương bắc Yết Ma bộ, chính giữa là Phật bộ, đây là năm bộ.
Năm vị Phật là : Phương đông Phật A Súc làm giáo chủ, phương nam Phật Bảo Sinh làm giáo chủ, phương tây Phật A Di Đà làm giáo chủ, phương bắc Phật Yết Ma làm giáo chủ, chính giữa Phật Tỳ Lô Giá Na làm giáo chủ. Năm phương năm bộ năm vị Phật làm giáo chủ. Thuở xưa đều do gieo trồng trí huệ mà sinh ra, cho nên các Ngài bất cứ nghe được ai tụng Chú Lăng Nghiêm, thì các Ngài đều rất hoan hỉ, đều muốn ủng hộ người đó. Nhưng nhất định phải giữ giới, nếu không giữ giới, thì không được. Quan trọng nhất là bạn phải giữ giới luật, giữ giới luật mới được thân, miệng, ý, ba nghiệp thanh tịnh. Nếu bạn không giữ giới luật, thì thân, miệng, ý, ba nghiệp không thanh tịnh. Người mà thân, miệng, ý, ba nghiệp thanh tịnh, thì nhất định là không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không lợi mình, không nói dối. Nếu bạn không giữ giới luật, thì chắc chắn sẽ phạm sáu đại tông chỉ nầy.

Giữ giới luật thì nhất định sáu tông chỉ nầy sẽ được viên mãn, cho nên bạn làm sao nhìn ra được đâu là thật, hoặc là giả ? Thì hãy nhìn họ có giữ sáu đại tông chỉ nầy hay không. Nếu họ không tranh, thì bất cứ lợi ích gì, họ cũng đều không tranh với người, không vì chính họ, họ đều nhường mà không tranh, vì đại chúng theo đó mà làm, cũng không tranh giành, hoặc đánh lộn với đại chúng. Họ càng không cầu, không ích kỷ, không lợi mình, không nói dối. Bạn thấy vị nào thật làm được sáu đại tông chỉ nầy, một chút cũng không phạm, thì người đó gọi Trời, Trời liền đáp; gọi Đất, Đất liền dạ. Họ nói gì cũng đều có sự cảm ứng. Trừ khi họ không nói, chứ họ nói gì, Thiên long bát bộ cũng đều phải nghe lời của họ. Nếu không nghe, thì trái với nguyện lực của các Ngài. Cho nên các vị phải chú ý điểm nầy, giữ giới luật là quan trọng nhất, bạn không giữ giới luật thì không phải là người xuất gia.
Cho nên Nhật Bản vốn chẳng có người xuất gia, vì họ không giữ giới luật. Chúng ta mọi người đối với điểm nầy phải ghi nhớ thâm sâu, đừng có quên nó. Năm vị Phật đều do gieo trồng hạt giống trí huệ mà thành tựu, đều nhờ khai mở trí huệ mà thành Phật, nếu ngu si quá, thì không nói đến Phật. Phật là một người có đại trí huệ, cho nên chúng ta mọi người đừng suốt ngày đến tối cứ nói chuyện điên đảo ngu si.

« Tăng ích thành tựu ba căn nguyện » : Bất cứ ai cầu gì, nguyện gì, cũng đều có thể được toại tâm mãn nguyện.
« Toại tâm như ý mãn sở nguyện » : Bạn tụng Chú Lăng Nghiêm, trừ khi bạn không cầu, nếu có sở cầu, thì chắc chắn sẽ có sự cảm ứng. Có người nói :
– « Hoà thượng ! Những lời Ngài vừa nói, tôi mới không tin, tôi vì muốn trúng

cá ngựa, tụng niệm Chú Lăng Nghiêm đã hơn mười năm, mà cũng không trúng cá ngựa ».

– Phật không giúp bạn làm thứ lợi mình như thế. Bạn muốn trúng cá ngựa chẳng phải là ích kỷ chăng ? Tư tưởng nầy với nghĩa lý trong Kinh chẳng hợp nhau. Bạn nghĩ : « A ! Nếu như tôi đi làm trộm cướp, tôi cũng tụng niệm Chú Lăng Nghiêm, sau đó tôi đi cướp lấy tiền bạc của người khác, như vậy chẳng phạm pháp chăng ! Đây là chuyện vô lý !

554. Ta bà ha

Dịch : Nối liền ở trước.

Kệ :
Công vô bất tập đức tương viên
Tội chướng tiêu diệt thiện nghiệp toàn
Trực chí bồ đề thường đẩu tẩu
Cao đăng Chánh Giác đại bảo liên.

Nghĩa là:
Công đức tích tập mới tròn đầy
Tội chướng tiêu diệt nghiệp thiện đủ
Thẳng đến bồ đề thường phấn chấn
Cao đăng Chánh Giác ngự toà sen.

Giảng giải: "Công đức tích tập mới tròn đầy » : Đây là nói chúng ta người tu đạo, khi bạn lập công, do đó có câu : « Ba ngàn công đầy, tám trăm hạnh tròn », bạn nhất định phải lập công bên ngoài, thì mới có thể thành tựu Thánh bên trong của bạn. Bạn chẳng có công bên ngoài, thì bên trong của bạn chẳng được Thánh. Thánh tức là trí huệ, do đó có câu : « Nội Thánh ngoại vương », nghĩa là : « Thánh bên trong vua bên ngoài », đây là học thuyết của người xưa nói. Chúng ta lập công bên ngoài, đây tức cũng là vua bên ngoài. Bên trong bạn tự tu, đây là khai mở trí huệ. Nếu như bạn không có công bên ngoài, thì bên trong của bạn, cũng sẽ không sinh trí huệ, cho nên trong ngoài nhân đều noi theo, không thể lệch một bên, không thể nói tôi ngồi thiền thì được. Bạn ngồi thiền, nếu không có công đức chi trì bạn, thì bạn ngồi cũng chỉ là khởi vọng tưởng, sẽ không có bất cứ sự thành tựu nào.

Trì Chú Lăng Nghiêm cũng là lập công bên ngoài, vì khi chúng ta trì Chú Lăng Nghiêm, tức là bổ xung thêm chánh khí trời đất, tức thanh lý sự ô nhiễm trong không khí trời đất. Sự nhiễm ô nầy thanh lý tốt, đây cũng là công bên ngoài.

Bạn có công bên ngoài rồi, thì đức hạnh của mình làm sẽ viên mãn. Nếu bạn không có công bên ngoài, thì đức hạnh của bạn sẽ không thể viên mãn. Nếu bạn cứ muốn tìm tiện nghi, nói là tu đạo cũng đầu cơ thủ xảo, đây là không thể được. Sự việc ngoài thế giới đều có thể đầu cơ, đều có thể thủ xảo, đều có thể không thành thật. Chỉ có sự tu đạo là sự việc như vậy, bạn không thành thật thì không thể thành công, bạn không thể thành tựu, cho nên bạn trì Chú Lăng Nghiêm, thì đức hạnh của bạn sẽ từ từ tròn đầy.

« Tội chướng tiêu diệt nghiệp thiện đủ » : Tội chướng của bạn tiêu diệt, thì nghiệp thiện mới có thể đủ. Tội chướng của bạn không tiêu diệt, thì nghiệp thiện cũng không thể đủ. Đây đều là pháp đối đãi. Tội nghiệp là gì ? Là ở bên ngoài, bạn nóng giận đối với người khác, trợn mắt, đây đều là có tội nghiệp. Phàm là người có sự nóng giận, đều là có tội nghiệp. Chẳng có tội nghiệp, thì bạn chẳng có nóng giận. Bạn có thấy Phật có khi nào la mắng ai chưa ? Có khi nào nóng giận với người nào chưa ? Ngài chỉ quở trách thôi, chứ không có nóng giận. Ngài không dùng sự nóng giận của A Tu La, trợn mắt đối với người khác, do đó có câu : « Thiếu đức thì hay nóng giận ». Người có đức hạnh, thì sẽ không nóng giận, gặp cảnh giới gì đến, đều xử lý tự nhiên, không có vấn đề gì hết. Cho nên tội chướng của bạn tiêu diệt, thì nghiệp thiện mới đầy đủ.

« Thẳng đến bồ đề thường phấn chấn » : Nếu bạn giữ vững tông chỉ, thì nhất định sẽ thành Phật, thành Chánh Giác, thường phải tu hành hạnh đầu đà. Hạnh đầu đà có mười hai hạnh đầu đà. « Phấn chấn » ở đây chẳng phải là nhảy nhót gọi là phấn chấn, chẳng phải bạn ở đó nhảy múa, phải ở đó tu hành mười hai hạnh đầu đà, mới gọi là phấn chấn. Các vị đều đã nghe qua mười hai hạnh đầu đà rồi, phải ngày ăn một bữa, không thể sáng sớm đi trộm chút đồ ăn, đó chẳng gọi là hạnh đầu đà, cũng có thể gọi là hạnh trộm đà, đi trộm cơm ăn.

« Cao đăng Chánh Giác ngự toà sen » : Ngồi giống như Phật Thích Ca, « Từ trong nhục kế, vọt ra trăm quang minh báu. Trong quang minh vọt ra, hoa sen báu ngàn cánh, có hoá Như Lai, ngồi trong hoa sen báu », cũng được như vậy.

Hiện tại những vị học giả tạo rác rến, những vị giáo thọ quét dọn nhà cầu của thế gian, nhất là Phật giáo nhân sĩ Nhật Bản không giữ giới luật, nói « Kinh Lăng Nghiêm » là giả, tức nhiên « Kinh Lăng Nghiêm » là giả, còn Chú Lăng Nghiêm cũng là giả chăng ? Tôi tin rằng Chú Lăng Nghiêm chẳng phải là tiếng Trung, đây là tiếng Phạn, là linh văn, đây chẳng phải là giả. « Kinh Lăng Nghiêm » là vì Chú Lăng Nghiêm mà nói, đây là Phật Thích Ca Mâu Ni phát tâm đại từ bi, sai Bồ Tát Văn Thù đi cứu Ngài A Nan. Ngài A Nan đối với chính

mình có chút tự mãn, cho rằng everything is OK, Ngài vượt qua tất cả cảnh giới, ai ngờ rằng gặp nữ Ma Đăng Già, thì bị tà chú làm mê hoặc, lúc đó sắp phá giới thể. Bồ Tát Văn Thù dùng Chú Lăng Nghiêm cứu Ngài trở về, Phật vì nhân duyên nầy mà nói « Kinh Lăng Nghiêm » và Chú Lăng Nghiêm. « Kinh Lăng Nghiêm là dạy mọi người đoạn dục khử ái, dạy mọi người không phạm dâm dục. Sự việc nầy hết thảy học giả làm không được, tại sao họ suốt ngày đến tối ôm ấp vợ con ? Vì họ làm không được, nên không thể nói đây là tốt, do đó họ phải nói là giả, tức là ăn không được nho, thì nói là chua, cùng một đạo lý ấy.

Hết



KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH NHƯ LAI MẬT NHƠN
TU CHỨNG LIỄU NGHĨA
CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH
THỦ LĂNG NGHIÊM

QUYỂN 7 – PHẦN 9

— o0o —

TUYÊN HÓA THƯỢNG NHÂN
giảng thuật

— o0o —

Vi Diệu Thần Chú

A-nan! Thị Phật đảnh quang, tụ tất đát đa bát đát La, bí mật già đà, vi diệu chương cú. Xuất sanh thập phương, nhất thiết chư Phật

A Nan! Những hòa quang trên đảnh đầu đức Phật chứa đầy mật chú Tát Đát Đa Bát Đát La, những câu vi diệu, sanh ra tất cả chư Phật ở khắp mười phương

Giảng: "A Nan! Những hòa quang trên đảnh đầu đức Phật chứa đầy mật chú Tát Đát Đa Bát Đát La". Những hoà quang đó là cái lọng trắng hiện trên đảnh đầu đức Phật, có thể che phủ khắp tam thiên đại thiên thế giới để bảo vệ tất cả chúng sanh.

"Già đà" là tiếng Phạn có nghiã là những câu lập đi lập lại. Mật là bí mật, và có vài hàng trong câu thường lập đi lập lại cho nên gọi là bí mật già đà. Năm bộ và những câu chú trong chú Lăng Nghiêm rất là hiếm có và thần diệu. Chú Lăng Nghiêm "sanh ra tất cả chư Phật ở khắp mười phương." Cho nên chú Lăng Nghiêm được gọi là mẹ của tất cả chư Phật.

Thập phương Như Lai, nhân thử chú tâm. Đắc thành vô thượng, Chánh-biến-Tri giác.

Mười phương Như Lai do tâm chú này, được thành Vô Thượng Chánh Biến Tri Giác.

Giảng: "Mười phương Như Lai do tâm chú này, được thành Vô Thượng Chánh Biến Tri Giác." có nghiã là vì chú Lăng Nghiêm, các chư Phật đạt được quả vị Chánh Biến Tri Giác.

"Chánh Biến" có nghiã là biết được tâm sanh ra vạn pháp. "Tri Giác" có nghiã là biết được vạn phạp được sanh ra từ tâm

Thập phương Như Lai, chấp thử chú tâm. Hàng phục chư ma, chế chư ngoại đạo.

Mười phương Như Lai trì tâm chú này, uốn dẹp tà ma, chế phục ngoại đạo.

Giảng: Tâm chú Lăng Nghiêm được thuyết ra từ các hóa thân của đức Phật an tọa trên các đòa hoa sen trong ngàn ánh hòa quang phóng chiếu trên đảnh đầu đức Phật.

"Mười phương Như Lai trì tâm chú này, uốn dẹp tà ma, chế phục ngoại đạo." Tâm of bài chú cũng là tâm chú của các vị chư Phật. Vì vậy các tà ma ngoại đạo sợ nhất là chú Lăng Nghiêm.

Thập phương Như Lai, thừa thử chú tâm. Tọa bảo liên hoa, ưng vi trần quốc.

Mười phương Như Lai vận tâm chú này, ngồi bửu liên hoa, ứng hiện trong vô số quốc độ.

Giảng: "Mười phương Như Lai vận tâm chú này." Các vị chư Phật mượn chú và từ chú, chư Phật vận dụng tâm chú. Và các chư Phật "ngồi bửu liên hoa" – các đài hoa sen lớn – "ứng hiện trong vô số quốc độ." Các hóa thân của Phật có thể hiện ở khắc mười phương trong vô số quốc độ nhiều như các bụi, nhờ sức lực của chú Lăng Nghiêm.

Thập phương Như Lai, hàm thử chú tâm. Ư vi trần quốc, chuyển đại Pháp luân.

Mười phương Như Lai dùng tâm chú này, nơi vô số quốc độ, chuyển đại pháp luân.

Giảng: "Mười phương Như Lai dùng tâm chú này, nơi vô số quốc độ, chuyển đại pháp luân." Các vị chư Phật ở khắc mười phương đều dùng chú Lăng Nghiêm để chuyển đại pháp luân

Thập phương Như Lai, trì thử chú tâm. Năng ư thập phương, ma đảnh thọ kí. Tự quả vị thành, diệc ư thập phương, mông Phật thọ kí.

Mười phương Như Lai trì tâm chú này, hay ở nơi mười phương xoa đảnh thọ ký cho hàng Bồ Tát, Thanh Văn, cho đến người chưa chứng quả vị.

Giảng: "Mười phương Như Lai trì tâm chú này." Các vị chư Phật nhờ thọ trì tâm chú Lăng Nghiêm mà họ có thể "ở nơi mười phương xoa đảnh thọ ký cho hàng Bồ Tát, Thanh Văn.". Và các chúng sinh chưa đạt quả vị tứ quả A La Hán cũng được các vị chư Phật thọ ký.

Thập phương Như Lai, y thử chú tâm. Năng ư thập phương, bạt tế quần khổ. Sở vị địa ngục, ngạ quỷ súc sanh, manh lung ám ngọng. Oán tắng hội khổ, ái biệt ly khổ. Cầu bất đắc khổ, ngũ uẩn sí thịnh. Đại tiểu chư hoạnh, đồng thời giải thoát. Tặc nan binh nạn, Vương nan ngục nạn. Phong thủy hỏa nạn, cơ khát bần cùng, ưng niệm tiêu tán.

Mười phương Như Lai nương tâm chú này, hay ở nơi mười phương cứu vớt các khổ như: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, đui, điếc, ngọng, câm và bát khổ, những tai nạn lớn nhỏ đồng thời được giải thoát các nạn, giặc, binh, vua, ngục, bão, lụt, lửa, nước cho đến đói khát nghèo nàn, ngay đó tiêu tan.

Giảng: Thập phương chư Phật nhờ tâm chú mà ở khắp mười phương cứu vớt các chúng sanh vượt qua các khổ nạn như:
1. Sanh
2. Lão – già
3. Bệnh
4. Tử – Chết
5. Ly – xa cách người mình thương mến
6. Gần – gần bên người mình khét
7. Khát vọng – Không thể nhận được những gì mình mong muốn
8. Ngũ uẩn – bực bội của ngũ uẩn.

Bát khổ có nghiã là:
1. Khổ trong địa ngục
2. Khổ của ma quỷ
3. Khổ của súc sanh
4. Khổ của ngũ căn như đui, điếc, ngọng, câm
5. Khổ của vị chư thiên
6. Khổ khi tái sanh trong thời kỳ không có Phật
7. Khổ khi sống trong sự tranh dành sức mạnh và trí tuệ
8. Khổ khi tái sanh trong cõi thiên

Thập chư tiên sống trong cõi tiên ở phía bắc của núi Tu Di. Những hành tiên có thọ mạng rất dài. Họ sống trung bình 1000 năm. Cuộc sống tại nơi đây rất là khổ, cái khổ vì các chư tiên không có cơ hội để gặp Phật, Pháp và Tăng. Cho nên họ vẫn nằm trong bát khổ. Cái khổ nầy cũng có trong những vị trong Lục Thiên Giới. Tuy rằng họ sống lâu dài, nhưng họ không có cơ hội để gặp Tam Bảo. Vì vậy cho nên vẫn khổ

Sống trong thế giới tranh luận trí tuệ là nơi người có học thức, như trong môn khoa học (science). Họ tranh luận lý thuyết ngay chổ không có căn bản và đưa ra lý luận về những thứ không có hiện hữu

“Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, đui, điếc, ngọng, câm” là trong bát khổ. Và còn cái khổ khi sinh sống với người mình ghét. Đây là khi quý vị rời chổ ở để xa lánh người mình không ư thích, để rồi tới một nơi khác và lại gặp một người khác có tánh tình giống như vậy. Lại còn cái khổ khi xa lánh người mình thương. Quý vị thương mến người yêu, nhưng vì hoàn cảnh phải xa cách. Lại còn cái khổ vì không được thứ mình tìm kiếm. Khi quý vị không có những gì mà quý vị muốn, quý vị đi tìm kiếm nó. Nhưng khi quý vị gặp cái khổ này, thì quý vị sẽ không tìm được nó. Và cuối cùng là các bực bội của ngũ uẩn – sắc thanh hương vị xúc pháp. Ngũ uẩn đốt cháy làm cho cảm thấy khổ.

“Những tai nạn lớn nhỏ.” Đây là những cái chết bất kỳ tử, như bị chết trong tai nạn xe đụng, hay bị đè chết từ vật lớn rất xuống, hay tai nạn khác.

“Đồng thời được giải thoát các nạn, giặc, binh, vua, ngục, bão, lụt, lửa, nước cho đến đói khát nghèo nàn, ngay đó tiêu tan.” Những tai nạn trên được giải thoát vì chư Phật dùng tâm chú

Thập phương Như Lai, tùy thử chú tâm. Năng ư thập phương, sự thiện tri thức. Tứ uy nghi trung, cúng dường như ý. Hằng sa Như Lai, hội trung thôi vi, Đại pháp vương tử.

Mười phương Như Lai tùy theo tâm chú này, hay ở nơi mười phương phụng sự thiện tri thức, trong tứ oai nghi được cúng dường như ý, nơi pháp hội của hằng sa Như Lai, được suy Tôn là Đại Pháp Vương Tử.

Giảng: “Mười phương Như Lai tùy theo tâm chú này, hay ở nơi mười phương phụng sự thiện tri thức”. Các chư Phật thường hộ trì các thiện tri thức. “Trong tứ oai nghi được cúng dường như ý.” Trong nghĩ lễ cúng dường tam bảo, những hành động đầy oai nghi. “Nơi pháp hội của hằng sa Như Lai, được suy Tôn là Đại Pháp Vương Tử.” Trong pháp hội các vị thiên trí thức được coi như là các vị pháp vương tử

Thập phương Như Lai, hành thử chú tâm. Năng ư thập phương, nhiếp thọ thân nhân. Lịnh chư Tiểu thừa, văn bí mật tạng, bất sanh kinh phố.

Mười phương Như Lai hành theo tâm chú này, hay ở nơi mười phương nhiếp thọ người có nhân duyên, khiến hàng Tiểu Thừa nghe tạng bí mật, chẳng sanh kinh sợ.

Giảng: "Mười phương Như Lai hành theo tâm chú này, hay ở nơi mười phương nhiếp thọ người có nhân duyên." Người có nhân duyên là những người thân của Phật trong những kiếp trước. Đức Phật có sáu loại người thân, và đức Phật trước tiên kêu gọi họ đến gần và nhiếp thọ họ. Tại sao đức Phật sau khi đắc đạo, ngài đi tới vườn nai và thuyết pháp cho năm đại đệ tử? Tại vì năm đại đệ tử trong kiếp này và kiếp trước là họ hàng bà con.

"khiến hàng Tiểu Thừa," đây là các vị đang tu hành Tiểu Thừa, hay các vị A La Hán.

"nghe tạng bí mật, chẳng sanh kinh sợ." Khi các vị A La Hán nghe tạng bí mật, những kinh pháp đại thừa, họ không có sợ hại, bởi vì họ đã có nhân duyên từ kiếp trước

Thập phương Như Lai, tụng thử chú tâm. Thành vô thượng giác, tọa Bồ-đề thọ, nhập đại Niết Bàn.

Mười phương Như Lai tụng tâm chú này, thành Vô Thượng Giác, ngồi dưới cây Bồ Đề vào Đại Niết Bàn.

Giảng: Làm sao các ngài đắc quả vị Phật? Bởi vì các ngài trì tụng tâm chú. "Tri Tụng" có nghiã là tụng trong tâm và không cần nhìn kinh sách. "Thành Vô Thượng Giác, ngồi dưới cây Bồ Đề," các ngài trì tụng chú Lăng Nghiêm và "vào Đại Niết Bàn."

Thập phương Như Lai, truyền thử chú tâm. Ư diệt độ hậu, phó Phật Pháp sự, cứu cánh trụ trì. Nghiêm tịnh giới luật, tất đắc thanh tịnh.

Mười phương Như Lai truyền tâm chú này, sau khi diệt độ, phó chúc Phật Pháp, trụ trì cứu cánh, nghiêm tịnh giới luật, thảy đều trong sạch.

Giảng: "Mười phương Như Lai truyền tâm chú này, sau khi diệt độ, phó chúc Phật Pháp, trụ trì cứu cánh." Sau khi đức Phật nhập Niết Bàn, chúng sanh thọ nhận Phật Pháp này từ các chư Phật, biết cách tu hành, thọ nhận và trì tụng Pháp.

"Nghiêm tịnh giới luật, thảy đều trong sạch." Bởi vì sức lực của chú mà họ được đạt được và giữ được giới luật nghiêm tịnh và trong sạch

Nhược ngã thuyết thị, Phật đảnh quang tụ, bát đát La chú. Tùng đán chí mộ, âm thanh tương liên. Tự cú trung gian, diệc bất trọng điệp. Kinh hằng sa kiếp, chung bất năng tận. Diệc thuyết thử chú, danh Như Lai đảnh.

Như ta thuyết chú “Phật Đảnh Quang tụ chẳng ô nhiễm” này, từ sáng đến tối chẳng dứt tiếng, trong đó những chữ và câu cũng chẳng trùng điệp, nếu từ đây ngộ nhập, mới biết tất cả hữu tình vô tình cũng thường thuyết chú này, nên gọi “Đảnh Như Lai” vậy.

Giảng: Chú Tát Đát La là tâm chú Lăng Nghiêm đại định, chú của lộng trắng. “Nếu thuyết hằng sa kiếp cũng không thuyết hết.” Đức Phật không thể thuyết hết sự mầu nhiệm và công đức của chú Lăng Nghiêm. Vì vậy ta nói tâm chú nầy là Như Lai Đảnh chú

Nhữ đẳng hữu học, vị tận Luân-hồi. Phát tâm chí thành, thú hướng A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ-đề. Bất trì thử chú, nhi tọa đạo tràng. Linh kỳ thân tâm, viễn chư ma sự, vô hữu thị xứ.

Hàng hữu học các ngươi chưa ra khỏi luân hồi phát tâm chí thành tu chứng quả A La Hán, nếu chẳng trì chú này mà ngồi đạo tràng, muốn khiến thân tâm xa lìa các ma sự thì chẳng có chỗ đúng.

Giảng: “Hàng hữu học các ngươi chưa ra khỏi luân hồi.” Các vị vẫn còn trong sáu nẽo luân hồi, và “phát tâm chí thành tu chứng quả A La Hán”. Các vị muốn tu hành để đạt được quả vị A La Hán.

“Nếu chẳng trì chú này mà ngồi đạo tràng, muốn khiến thân tâm xa lìa các ma sự thì chẳng có chỗ đúng.” Nếu quý vị muốn trở thành A La Hán và chưa có trì tụng chú nầy, hay là quý vị muốn ngồi trong đạo tràng và tu hành thành Phật. Nếu muốn cho thân tâm xa lìa các ma sự, thì đó là điều khó làm. Có nghiã là quý vị phải trì tụng chú Lăng Nghiêm, để tránh xa các ma sự. Nếu quý vị không trì tụng chú, quý vị không thể ngồi trong đạo tràng, hay quý vị khó có thể xa lánh các ma sự.

A-nan! Nhược chư thế giới, tùy sở quốc độ. Sở hữu chúng sanh, tùy quốc sở sanh. Hoa bì bối diệp, chỉ tố bạch điệp. Thư tả thử chú, trữ ư hương nang. Thị nhân tâm hôn, vị năng tụng ức. Hoặc đái thân thượng, hoặc thư

trạch trung. Đương tri thị nhân, tận kỳ sanh niên. Nhất thiết chư độc, sở bất năng hại.

A Nan! Nếu có chúng sanh trong các thế giới, tùy theo vật dụng trong đất nước, hoặc lá, giấy, vải trắng để biên chép chú này, đựng trong túi nhỏ, nếu người ấy ngu muội chẳng thể tụng nhớ thì đeo trên mình, hoặc để trong nhà, nên biết người ấy trọn đời chẳng bị các thứ độc hại.

Giảng: Chức năng của thần chú sẽ nói ở phần dưới đây. "A Nan! Nếu có chúng sanh trong các thế giới," có nghiã là các chúng sanh tại thế giới Ta Bà hay ở các thế giới khắp mười phương, nếu có chúng sanh nào ghi chép chú trên giấy hay "tùy theo vật dụng trong đất nước" Các nước là người đó có thể là Việt, Mỹ, Pháp, Anh, Đức, Nhật, Tàu, Thái, Ấn Độ, v.v..

Nếu người đó dùng "lá, giấy, vải trắng để biên chép chú này". Bất cứ người đó viết chú ra trên giấy hay vải hay thứ gì đó, và người đó viết ra bằng tay. Sau đó "đựng trong túi nhỏ, nếu người ấy ngu muội chẳng thể tụng nhớ thì đeo trên mình, hoặc để trong nhà, nên biết người ấy trọn đời chẳng bị các thứ độc hại." có nghiã là tuy người đó không có thông minh hay đần độn và không thể trì tụng chú, người đó có thể chép chú và bỏ chú trong một bao túi, hay là người đó chép chú và treo chú trên tường. Nếu có người làm như vậy, người đó sẽ suốt cuộc đời không bị độc dược hại. Có loại độc dược mạnh hay nhẹ, không cần biết loại độc gì, không thể hãm hại người đó.

A-nan! Ngã kim vị nhữ, cánh thuyết thử chú. Cứu hộ thế gian, đắc đại vô úy. Thành tựu chúng sanh, xuất thế gian trí.

A Nan! Nay ta vì ngươi thuyết chú này, cứu giúp thế gian được đại vô úy, thành tựu trí xuất thế gian cho chúng sanh.

Giảng: "A Nan! Nay ta vì ngươi thuyết chú này." Chú Lăng Nghiêm có thể "cứu giúp thế gian được đại vô úy, thành tựu trí xuất thế gian cho chúng sanh." Chú có thể hoàn thành mọi mong cầu của chúng sanh, nhưng điều quang trọng nhất là chú có thể thành tựu trí tuệ xuất thế gian cho chúng sanh.

Nhược ngã diệt hậu, mạt thế chúng sanh. Hữu năng tự tụng, nhược giáo tha tụng. Đương tri như thị, tụng trì chúng sanh, hỏa bất năng thiêu, thủy bất năng nịch. Đại độc tiểu độc, sở bất năng hại.

Sau khi ta diệt độ, chúng sanh trong đời mạt pháp, có người biết tự trì tụng, hoặc dạy người khác trì tụng chú này, nên biết những chúng sanh trì tụng như thế, lửa chẳng thể đốt, nước chẳng thể chìm, độc chẳng thể hại,

Giảng: "Sau khi ta diệt độ, chúng sanh trong đời mạt pháp"- là thời gian bây giờ của chúng ta – "có người biết tự trì tụng, hoặc dạy người khác trì tụng chú này, nên biết những chúng sanh trì tụng như thế, Hỏa bất năng thiêu." Nếu có người có thể nhớ thuộc lòng và trì tụng chú Lăng Nghiêm hay chỉ dạy người khác học và trì tụng, những người này lửa không thể đốt cháy, và "nước chẳng thể chìm, độc chẳng thể hại"

Đại độc tiểu độc, sở bất năng hại. Như thị nãi chí, long thiên quỷ Thần. Tinh kì ma mị, sở hữu ác chú. Giai bất năng trước, tâm đắc chánh thọ. Nhất thiết chú trớ, yểm cổ độc dược. Kim độc ngân độc, thảo mộc trùng xà, vạn vật độc khí. Nhập thử nhân khẩu, thành cam lộ vị.

Độc chẳng thể hại, cho đến tất cả ác chú của các Thiên Long, quỷ thần, yêu tinh, ma mị đều chẳng thể dính mắc, tâm được chánh thọ, tất cả bùa chú, yểm cổ, kim ngân độc dược, cỏ, cây, sâu, rắn, độc khí muôn loài, vào miệng người ấy đều thành cam lồ.

Giảng: "Cho đến tất cả ác chú của các Thiên Long, quỷ thần, yêu tinh, ma mị". Tất cả những ma quỷ nầy đều dùng ma thuật. Năm câu thần chú mà tôi đã nhắc trước đây: Sất đà nễ. A ca la. Mật lị trụ. Bát lị đát la gia. Ninh yết lị.

Ngũ đại tâm chú tượng trưng cho năm phương hướng, năm bộ chú, năm vị Phật. Chúng được gọi là Ngũ Đại Tâm Chú. Quý vị đừng coi thường nó. 5 câu chú là tâm chú của các vị chư Phật ở năm phương hướng. Khả năng của tâm chú là phá vỡ ma chú và ma thuật của ma quỷ. Không cần biết ma chú gì chúng sử dụng, quý vị có thể đập vỡ nó với tâm chú nầy. Tất cả ma chú sẽ không còn hiệu quả, và trở thành vô dụng. Ma chú không thể câu hồn quý vị, bởi vì ngũ đại tâm chú đã phá vỡ chúng.

"Tâm được chánh thọ". Nếu quý vị trì tụng chú Lăng Nghiêm, quý vị có thể đạt được đại định. "Tất cả bùa chú" – ma chú tà thuật của ma vương hay tà ma ngoại đạo không thể hãm hại quý vị.

"Yểm cổ", có rất nhiều tà thuật ở bên Tàu, và các nước Á Châu như Đại Hàn, Thái Lan, Singapore, Mã Lai, v.v… Những yểm cổ chúng dùng, được gọi là bùa, sử dụng qua ma chú và ngải. Nếu quý vị ăn ngải của chúng, quý vị sẽ

nằm dưới sự cai quản của chúng. Quý vị phải làm những gì chúng sai khiến. Nếu không tuân lời sẽ chết. Bên Úc, nơi trên núi rừng, có một nhóm ngoại đạo chuyên dùng ma chú để làm đầu người rút nhỏ thành cái trứng gà. Và họ dùng đầu lâu đó là đồ phù thủy. Trong thế giới to lớn như vậy, có đủ thứ lạ lùng khó thể nghĩ ra. Quý vị đừng có thái độ rằng nếu chưa thấy, thì sẽ không tin điều đó. Nếu quý vị không tin, đó là điều ngu. Tại sao tôi nói vậy? Có nhiều thứ mà quý vị chưa thấy và nếu quý vị sống với ý tưởng rằng quý vị phải nhìn thấy thì mới tin. Quý vị sẽ không bao giờ thấy hết trong cuộc đời.

Trước khi nước Mỹ được tìm thấy, trước khi có ai biết được đất Mỹ hiện hữu. Nếu quý vị tới trước một người và thử nói với người đó nước Mỹ ở bên đó, và cả một nước Mỹ Châu với sông núi, mọi người cũng sẽ không tin quý vị. Nhưng khi người đó không chấp nhận rằng nước Mỹ hiện hữu, vậy nước Mỹ có trên trái đất hay không? Nước Mỹ có đó trước khi khám phá ra không? Vậy tuy rằng người đó tin hay không tin, nước Mỹ vẫn hiện hữu. Vậy tại đây, quý vị có tin những chuyện bùa ma thuật chú, những thứ đó vẫn hiện hữu. Cho nên nếu quý vị từ chối sự hiện hữu những ma thuật bởi vì quý vị chưa thấy tận mắt, vậy quý vị không thể nào hiểu được những sự trên trái đất nầy.

Nếu có người yếm bùa trên người quý vị, nếu họ bỏ bùa, quý vị sẽ làm nô lệ suốt đời. Nếu chống đối thì sẽ chết. Ngoài ra những bùa yếm độc, nếu "kim ngân độc dược, cỏ, cây, sâu, rắn, độc khí muôn loài, vào miệng người ấy – người ấy trì tụng chú Lăng Nghiêm thì những thứ đó đều biến thành nước cam lồ.

Nếu quý vị nghĩ rằng: Tôi thử thuốc độc coi ra sao". Nếu quý vị có thể hoàn tất trì tụng chú Lăng Nghiêm, trì tụng tới mức có thể sử dụng thần chú, vậy quý vị có thể thử độc dược. Trước khi quý vị đạt được tới mức nầy, đừng chơi thử thách nầy

Nhất thiết ác tinh, tinh chư quỷ thần, ác độc tâm nhân. Ư như thị nhân, bất năng khởi ác. Tì na dạ Ca, chư ác quỷ Vương, tịnh kỳ quyến thuộc. Giai lĩnh thâm ân, thường gia thủ hộ.

Tất cả ác tinh, quỷ thần, dù có độc tâm hại người, đối với người ấy cũng chẳng thể khởi ác; các ác quỷ vương Tần Na, Dạ Ca cùng các quyến thuộc, đều thọ ơn Phật, thường gia hộ người ấy.

Giảng: Những câu kinh trước nói đến những độc dược mà người uống vào và trì tụng chú Lăng Nghiêm thì mọi thứ đều trở thành nước cam lồ. Những thứ nầy là độc dược, nhưng độc bị hóa chuyển. Sự hóa chuyển đó khi người trì

tụng.
“Tất cả ác tinh” là những chùm sao như những mộc tinh và sao Bạch Hổ, là những ác tinh. Và những phi tinh hay sao chổi rất là xấu và có thể giết người. Nhưng những ngôi sao ác nầy có thể hãm hại quý vị, hoặc những “quỷ thần, dù có độc tâm hại người”. Có người nói rằng họ không tin có ma quỷ. Họ chưa bao giờ gặp ma, và như vậy họ không tin rằng có ma. Nếu họ thấy ma, họ sẽ không có cách nào họ không tin, cho dù họ không muốn tin.

“Thuốc phiện chích” là một chức độc giống như thuốc rầy. Nếu uống nhiều vào sẽ hại mạng. Nhưng nếu một người uống nhiều thuốc độc vào trong thân, vẫn không bị tổn thương, vì họ đã trì chú Lăng Nghiêm.

“đối với người ấy cũng chẳng thể khởi ác” Những thứ độc dược trong người được hóa chuyển.

“Tì na dạ Ca” được nhắc tới ở phần trên trong phần lập đạo tràng. Ngài có thân người và đầu trâu hay đầu voi. Thân dạng rất xấu. Ngài và “các ác quỷ vương Tần Na, Dạ Ca cùng các quyến thuộc, đều thọ ơn Phật, thường gia hộ người ấy.” Những vị nầy đã được sự thương mến của các vị chư Phật trong quá khứ, những ma vương nầy đã sửa đổi và thường gia hộ cho những người thọ trì chú Lăng Nghiêm. Những lợi ích của việc trì tụng chú Lăng Nghiêm thật là hy hữu.

A-nan đương tri. Thị chú thường hữu, bát vạn tứ thiên, na-do-tha Hằng, hà sa câu-chi, Kim Cang tạng vương, Bồ Tát chủng tộc. Nhất nhất giai hữu, chư Kim Cang chúng, nhi vi quyến thuộc.

A Nan nên biết! Chú này thường có tám vạn bốn ngàn vô số chủng tộc Bồ Tát Kim Cang Tạng Vương, mỗi mỗi đều có quyến thuộc, ngày đêm hộ vệ

Giảng: “na-do-tha” hay Nayutta là một trong 14 số lớn trong tiếng Phạn – Sanskrit. Có người cho số đó là một ngàn tỷ, có người cho là một vạn tỷ. Thường thường đó là một số lớn. Không chỉ có những vị Bồ Tát Kim Cang Tạng Vương đến hộ vệ, mà vô số chủng tộc Kim Cang cũng có mặt. Và mỗi vị Kim Cang Tạng thay phiên nhau ngày đêm có mặt chổ nào chú Lăng Nghiêm trì tụng.

Những vị Bồ Tát là những vị thường mà thường niệm
Nam-mô thập phương Phật
Nam-mô thập phương Pháp
Nam-mô thập phương Tăng
Nam-mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam-mô Phật Đảng Chú Lăng Nghiêm
Nam-mô Quang Thế Âm Bồ Tát
Nam-mô Kim Cang Tạng Bồ Tát

Không phải chỉ 84 ngàn vị Kim Cang Bồ Tát đề cập là vô số. Những chủng tộc Bồ Tát cũng vô số

Thiết hữu chúng sanh, ư tán loạn tâm. Phi tam-ma-địa, tâm ức khẩu trì. Thị Kim Cang vương, thường tùy tòng bỉ, chư Thiện nam tử. Hà huống quyết định, Bồ-đề tâm giả. Thử chư Kim Cang, Bồ-tát tạng Vương. Tinh tâm uẩn tốc, phát bỉ thần thức.

Giả sử có chúng sanh nơi tâm tán loạn, chẳng thể vào Tam Ma Địa, miệng niệm tâm trì, Thì các vị Kim Cang Vương thường theo ủng hộ thiện nam tử ấy, huống là người có tâm quyết định vào Đạo Bồ Đề, các vị Bồ Tát Kim Cang Tạng Vương này, khiến người ấy phát ra thần thức, thân tâm tinh tấn,

Giảng: "Giả sử có chúng sanh nơi tâm tán loạn". Tâm trí của chúng sanh bị phân chia tứ phương và không thể nhất tâm. Những người nầy không có định lực, nhưng họ nhớ và trì tụng chú Lăng Nghiêm. Họ nhớ chú Lăng Nghiêm đã thuyết do những vị chư Phật. Những vị Kim Cang Bồ Tát thường ở bên ủng hộ những thiện tri thức, nếu họ thọ trì chú Lăng Nghiêm.

"Huống là người có tâm quyết định vào Đạo Bồ Đề." Những vị có tâm kiên trì, quyết tâm vào đạo Bồ-đề, những vị Kim Cang Bồ Tát sẽ bảo vệ và "khiến người ấy phát ra thần thức, thân tâm tinh tấn". Các vị ở bên quý vị và âm thầm giúp quý vị. Các ngài sẽ làm gì? Các ngài sẽ giúp quý vị tăng thêm trí tuệ, tâm thức của quý vị. Từng chúc từng chúc, các ngài sẽ giúp tâm tán loạn từ từ yên tĩnh. Và từ từ quý vị có được định lực. Âm thầm các ngài sẽ giúp những người thọ trì Phật Pháp khai mở trí tuệ và được nhất tâm.

Thị nhân ưng thời, tâm năng kí ức, bát vạn tứ thiên, hằng hà sa kiếp. Châu biến liễu tri, đắc vô nghi hoặc.

Ngay đó được nhớ lại những việc từ tám vạn bốn ngàn hằng sa kiếp đến nay, đều rõ ràng chẳng có nghi hoặc.

Giảng: Khi các vị Kim Cang Bồ Tát âm thầm giúp khai mở trí tuệ. "Ngay đó được nhớ lại những việc từ tám vạn bốn ngàn hằng sa kiếp đến nay, đều rõ ràng chẳng có nghi hoặc." Các thiện tri thức sẽ nhớ lại được mọi việc trong quá khứ. Họ sẽ có trí tuệ siêu phàm. Có nghiã là họ có thể thấy được quá khứ, họ biết được những chuyện xảy ra ở quá khứ

Tùng đệ nhất kiếp, nãi chí hậu thân, sanh sanh bất sanh. Dược xoa La-sát, cập phú đan na. Ca trá phú đan, na cưu bàn trà. Tỳ xá già đẳng, tịnh chư ngạ quỷ. Hữu hình vô hình, hữu tưởng vô tưởng. Như thị ác xứ thị.

Từ kiếp thứ nhất cho đến thân cuối cùng, đời đời chẳng sanh vào các loài Dược Xoa, La Sát, quỷ bệnh tật, quỷ thúi, quỷ yểm mị, quỷ hút tinh khí, cùng các loài ngạ quỷ có hình vô hình, có tưởng vô tưởng, và những xứ ác độc.

Giảng: "Từ kiếp thứ nhất cho đến thân cuối cùng" cho đến khi họ đắc quả vị Phật. "Đời đời chẳng sanh vào các loài Dược Xoa." Họ có thể sanh và tử qua nhiều kiếp, nhưng họ không sanh trong cõi ác, như cõi Dược Xoa La-sát, những ma có thể bay nhanh. Hay họ tái sanh trong cõi cập phú đan na, ma quỷ ăn thịt người. Khi con người qua đời, loại quỷ nầy dùng ma chú để hóa chuyển những xát thịt thúi thành thịt tươi để ăn. Hay họ tái sanh gần những "ca trá phú đan", là những con ma thúi. Đây là những con ma ác và thúi. Nếu quý vị mà gặp những loại ma nầy, thì quý vị sẽ bị bệnh nóng. "Phú-đan" còn gọi là Bhutanas. Hay họ không tái sanh trong cõi "Na cưu bàn trà", một loài quái vật hôi thúi lạ lùng. Ma phú-đan thì chỉ hôi thúi, còn loại nầy thì mùi thúi rất quái lạ, mùi vị mà quý vị chắc chưa ngửi mùi qua, một mùi tanh thùi rất là mạnh. Có một câu thường dùng là: Cái mùi đó thúi quá đến nỗi không thở nỗi. Nếu quý vị mà ngửi mùi nầy, chắc quý vị sẽ ói ngay tại chỗ. Mùi tanh đó bay vào cổ họng quý vị làm cho quý vị muốn ói nó ra. Loại ma quỷ nầy sẽ làm cho quý vị nóng cả người ra. Nhiệt độ sẽ tăng lên 120*C và quý vị sẽ chết

Hay họ không tái sanh trong cõi ma quỷ, "Tỳ xá già đẳng". Đây là loại quỷ có hình dạng như thùng phi. Những ma quỷ nầy sẽ làm cho quý vị tê liệt. Chúng tới quý vị trong giấc ngũ và làm cho quý vị tê liệt. Khi quý vị tỉnh giấc, quý vị không thể cử động được, hay có thể la hét. Trong lúc nguy hiểm, có số người bị tê và chết. Nếu người nào có dương khí mạnh, thì sự tê liệt nầy chỉ trong vài phút. Tê liệt dài hạn tùy theo người nào có âm khí nhiều. Dương khí là gì? Đó là người vui vẽ, vui vẻ trong thân tâm, không phải chỉ vui vẻ bên ngoài rồi cười haha. Đây là vui vẻ từ trong ra ngoài. Nếu quý vị lúc nào cũng lo âu và buồn bã, dễ giận hờn, và suốt ngày phiền não, vậy quý vị có nhiều âm khí. Dương khí tượng trưng cho tâm linh, và âm khí là hồn linh. Những ai tu học Phật Pháp thì sẽ có nhiều dương khí, và sẽ có hào quang. Nhưng khi quý vị có nhiều âm khí, thì sẽ có một đám khí đen bao quanh. Cho nên có câu, có thể nhìn coi người đó tốt hay xấu bằng cách nhìn thẳng vào người đó. Người tốt có nhiều dương khí trắng sáng chung quang. Người xấu sẽ có âm khí đen, tinh khí ác

Và họ cũng không tái sanh trong cõi “tịnh chư ngạ quỷ”. Đây là loại ma quỷ chuyên hút tinh khí. Những ma quỷ nầy sẽ hút từ các vật và luôn cả tinh khí người. Những ma quỷ nầy rất là ác. Phần đông, những ma quỷ không tốt lành, nhưng trong một số ma quỷ có vài ma là các vị Bồ Tát hóa thân làm ma để dẫn dắt ma quỷ.

Và họ cũng không tái sanh trong cõi ma quỷ đói. Có vài loại ma đói có bao tử to lớn, và nhiều loại thì cái cổ họng nhỏ bé như kim. Và vài loại “Hữu hình vô hình”. Vài loại ma quỷ có hình dạng, và có loại ma không có hình dạng. Có khi quý vị không thấy được một thứ gì, cũng không có nghiã là thứ đó không có ở đó. Những loại ma không có hình dạng, nhưng chúng có thức. Quý vị không thể thấy chúng bằng con mắt bình thường, nhưng khi quý vị có ngũ nhãn lục thông, quý vị sẽ rất dễ dàng thấy chúng.

“Hữu tưởng vô tưởng”. Có những loài có thể suy nghĩ, và vài loại ma không có thể suy nghĩ, những loại vô tưởng nầy sống như bụi, gỗ, sắt đá. Nhưng khi quý vị thọ trì chú Lăng Nghiêm, quý vị sẽ không tái sanh trong những cõi đó nữa. Từ kiếp nầy đến kiếp sau, quý vị sẽ không tái sanh trong cõi ma đói hay những nơi ma quỷ ác độc khác.

Thiện nam tử! Nhược độc nhược tụng, nhược thư nhược tả. Nhược đái nhược tạng, chư sắc cúng dường. Kiếp kiếp bất sanh, bần cùng hạ tiện, bất khả lạc xứ.

Thiện tri thức ấy, hoặc đọc tụng, biên chép, hoặc đeo giữ và cúng dường tâm chú này thì kiếp kiếp chẳng sanh vào những nơi nghèo nàn hèn hạ và chỗ chẳng an lành.

Giảng: Nếu có thiện tri thức nào đọc chú từ kinh hay tụng chú từ trí nhớ, hay họ chép or viết chú ra và mang chú trên người, hay quý trọng chú, và giữ chú trong nhà. Nếu họ cúng dường tâm chú với đủ loại nhan hương and bông hoa, đèn và trái cây – tâm chú thuyết bởi hóa thân Phật Đảnh, những cúng dường đáng giá trị – “thì kiếp kiếp chẳng sanh vào những nơi nghèo nàn hèn hạ và chỗ chẳng an lành.” Tôi có nói với quý vị rằng nếu quý vị có thể ghi nhớ chú Lăng Nghiêm và có thể trì tụng từ tâm trí, thì quý vị đã có định lực giữ gìn chú. Khi quý đạt được như vậy, quý vị có thể trì tụng chú như nước tuôn chảy không ngừng, vậy ít nhất quý vị sẽ giàu có trong 7 kiếp. Nếu quý vị tiếp tục trì tụng chú từ kiếp này sang kiếp nọ, quý vị sẽ được giàu có trong 70 hay 700 hay 7000 hay 7 triệu kiếp người. Không có giới hạn. Chỉ cần quý vị muốn thành giàu có, thì quý vị sẽ thành giàu có. Nhưng một ngày nào đó, quý vị sẽ cảm

thấy đủ, bởi vì người tỷ phú cũng có lo âu phiền phức. Quý vị sẽ cảm thấy chán. Và lúc đó quý vị sẽ muốn thành Phật. Khi quý vị trở thành Phật, thì không còn phiền não. Lúc đó quý vị ở trong trạng thái bất động, tâm trí sáng rõ.

Cho nên, tôi cho quý vị một ý kiến trước. Làm người tỷ phú không có tốt bằng làm một vị Phật. Những người luân trì giữ và tôn kính chú sẽ không tái sanh trong cõi lo âu và không có an lạc. Nếu quý vị muốn tái sanh tại nơi đó cũng không được. Tại sao? Bởi vì chú Lăng Nghiêm sẽ kéo quý vị và không cho quý vị tái sanh tại nơi đó. Muốn tới cũng rất khó khăn.

Thử chư chúng sanh, túng kỳ tự thân, bất tác phước nghiệp. Thập phương Như Lai, sở hữu công đức, tất dữ thử nhân.

Các chúng sanh này, dẫu cho tự thân chẳng làm phước nghiệp, mười phương Như Lai cũng ban công đức cho họ.

Giảng: Những chúng sanh này đã trì tụng chú Lăng Nghiêm và chưa có phước đức, có nghiã là họ chưa làm những việc thiện hay tạo ra những phước đức, “mười phương Như Lai cũng ban công đức cho họ.” Tại sao họ được như vậy? Bởi vì họ đã trì tụng chú Lăng Nghiêm, hay đọc chú, hay chép chú hay viết chú ra. Những người đó chưa có phước đức, nhưng mười phương chư Phật sẽ ban cho họ phước đức. Sự lời lạc quá chừng? Phải không quý vị ? Người đó chỉ cần trì tụng chú Lăng Nghiêm.

Do thị đắc ư, hằng hà sa a-tăng-kì bất khả thuyết, bất khả thuyết kiếp. Thường dữ chư Phật, đồng sanh nhất xứ. Vô lượng công đức, như ác xoa tụ. Đồng xứ huân tu, vĩnh vô phần tán.

Do đó được trong vô số kiếp thường với chư Phật đồng sanh một chỗ. Vô lượng công đức như chùm quả ác xoa, đồng một chỗ huân tu, trọn chẳng chia cách.

Giảng: “Do đó được trong vô số kiếp thường với chư Phật.” Hằng hà sa là một con số lớn. A-tăng-kì lại là con số lớn hơn, có nghiã là vô lượng số. Có nghiã là số kiếp nhiều hơn con số có thể tính hay diễn tả.

“Đồng sanh một chỗ, vô lượng công đức như chùm quả ác xoa, đồng một chỗ huân tu, trọn chẳng chia cách.” Sanh tại một chỗ không có nghiã là sanh cùng tại một quê nhà, mà là sanh tại một thời. Cũng có nghiã là họ thường sanh trong thời gian đức Phật tại thế gian. Chúng ta sanh trong thời đức Phật không

có trong lúc nầy. Đây là một trong tám cái khổ. Cái khổ vì sanh trong thời trước hay sau đức Phật. Những người sanh trong thời đức Phật ra đời có rất nhiều phước đức.

"Ác xoa" có cây có 3 trái trên một nhánh. Trái ác xoa nhìn giống như 3 trái tụ thành 1 trái. Trái đó không thể tách ra 3 được. Cho nên trái ác xoa nầy tượng trưng cho những người tái sanh trong cõi đức Phật và cùng nhau tu học. Những người nầy không xa lìa với đức Phật

Thị cố năng linh, phá giới chi nhân, giới căn thanh tịnh. Vị đắc giới giả, linh kỳ đắc giới. Vị tinh tấn giả, linh đắc tinh tấn. Vô trí tuệ giả, linh đắc trí tuệ. Bất thanh tịnh giả, tốc đắc thanh tịnh. Bất trì trai giới, tự thành trai giới.

Cho nên, Tâm chú này hay khiến người đã phá giới được giới căn trong sạch, người chưa đắc giới khiến cho đắc giới, người chẳng tinh tấn, chẳng trí huệ, chẳng trong sạch, chẳng trai giới, thảy đều thành tựu.

Giảng: "Cho nên, Tâm chú này hay khiến người đã phá giới được giới căn trong sạch." Đối với người tuy đã phá giới cũng có thể giữ lại giới nếu họ thật tâm trì chú Lăng Nghiêm mỗi ngày. Thường, khi một vị tu hành đã phạm giới thì khó có thể cứu vớt, nhưng nếu vị tu hành đó trì chú, người đó sẽ có cơ hội để giữ lại giới căn thanh tịnh. Trì tụng không phải là đọc chú bình thường. Quý vị phải trì giữ định lực của chú, như tôi đã giảng. Khi thần chú giữ vững chắt trong tâm và tràn đầy tâm trí. Nghiã của nó là: Tâm chú là tâm của chú, và tâm của chú là tâm chú.

Chú và tâm là một. Không có sự khác biệt. Quý vị không thể quên chú. Chú tự nó trì. Quý vị không còn trì chú, và chú sẽ tự nó trì. Quý vị trì chú, cũng như không có trì chú. Bây giờ quý vị trì chú trước khi giảng kinh, và đó là cách đào tạo con đường cho quý vị đi. Đó là chỉ hướng cho quý vị. Không phải chỉ trì tụng chú lúc giảng kinh. Quý vị có thể trì chú ở mọi nơi và mọi lúc. Biết thần chú trong tâm trí và trì tụng đến khi tất cả tư tưởng và suy nghĩ được trừ bỏ, chỉ còn lại tâm trí trì tụng chú Lăng Nghiêm. Đó gọi là tập trung trì tụng. Sự trì tụng hợp nhất và không còn vọng tưởng. Giống như luồng nước tuông chảy, làn sống nước nầy tới làn sống nước khác. Như luồng gió vô hình bay tới nhưng vẫn làm cho mọi thứ biết đó là gió.

Giòng nước chảy, ngọn gió bay, để tuyên bố đại thừa

Âm thanh của nước chảy, ngọn gió thổi lên tiếng Pháp Đại Thừa. Mọi thứ điều là tâm chú Lăng Nghiêm. Khi có thể trì chú được như vậy, "Tâm chú này hay khiến người đã phá giới được giới căn trong sạch, người chưa đắc giới khiến cho đắc giới, người chẳng tinh tấn, chẳng trí huệ, chẳng trong sạch, chẳng trai giới, thảy đều thành tựu." Những người không có tiến triển trong tu học, không nghiên cứu Phật Pháp, cũng có thể nhanh chóng bước lên khi trì tụng chú Lăng Nghiêm sau một thời gian.

Chú có thể giúp cho những người không có trí tuệ, thêm trí tuệ. Hãy nhìn như vậy: Chú có thể giúp người ngu khai mở trí tuệ. Chú có thể làm cho người bất thanh tịnh trở nên thanh tịnh.

Nếu quý vị tu hành và chưa được thanh tịnh, nếu quý vị không giữ giới, phá giới và ăn uống không thanh tịnh, và bị nhầm lẫn và không rõ ràng trong một thời gian. Nhưng if quý vị không quên chú Lăng Nghiêm, quý vị vẫn nhanh chóng trở lại sự thanh tịnh. Khi quý vị chịu thay đổi, quý vị sẽ nhanh chóng trở về lại với sự thanh tịnh. Thí dụ như: Tôi biết có một số người tại đây muốn học Phật Pháp, nhưng thân tâm của họ chưa được thanh tịnh. Nhưng thiếu sự thanh tịnh thì không mấy quan trọng, chỉ là sợ quý vị không chịu học hỏi. Khi quý vị chịu học, ngày đó sẽ tới và quý vị sẽ được thanh tịnh. Quý vị sẽ hiểu. Nhưng nếu quý vị không chịu học, quý vị lại nói: "tôi không muốn được thanh tịnh, tôi không muốn thay đổi. Tôi thích làm biếng. Tôi thè không muốn biết gì hết." Vậy với cái tính tình như thế, không có các gì có thể làm cho quý vị.

Chú có thể giúp người không an trai trở thành ăn trai (chay). Nếu quý vị trì chú Lăng Nghiêm đến tất cả câu chú có thể hợp lại trong nhất tâm, ngay cả gió cũng không thể lay chuyển, hay mưa có thể rung động thân. Lúc đó, nếu bạn không muốn ăn trai, quý vị cũng tự động ăn tray. Tại sao? Bởi vì quý vị không còn những vọng tưởng, quý vị sẽ không còn tham vọng. Quý vị sẽ không còn suy nghĩ về ăn mặn hay những đồ món ngon lành. Những thứ đó không còn nằm trong tâm của quý vị nữa.

A-nan! Thị thiện nam tử, trì thử chú thời. Thiết phạm cấm giới, ư vị thọ thời. Trì chú chi hậu, chúng phá giới tội. Vô vấn khinh trọng, nhất thời tiêu diệt.

A Nan! Thiện nam tử ấy, giả sử trước kia có phạm giới cấm, thì sau khi trì chú, các tội phá giới chẳng kể nặng nhẹ, đều được tiêu diệt,

Giảng: Những câu kinh nầy giải thích rõ ràng hơn. Anan, nếu thiện tri thức trì tụng chú đã phạm tội giới không thanh tịnh trước khi trì chú – có nghiã là họ

bây giờ trì chú, nhưng trước khi họ đã phạm giới, hay phá giới trước khi trì chú. "Thì sau khi trì chú, các tội phá giới chẳng kể nặng nhẹ, đều được tiêu diệt." Tất cả tội lỗi khi phạm giới, tuy có phạm 4 giới nặng. Giới nặng có nghiã là những giới khó giải trừ. Nhưng nếu họ trì tụng chú Lăng Nghiêm, thì tất cả giới mà họ đã phạm, không cần biết nặng nhẹ, cũng đều được xóa bỏ, giống như đổ nước xôi trên tuyết.

Túng Kinh ẩm tửu, thực đạm ngũ tân, chủng chủng bất tịnh. Nhất thiết chư Phật, Bồ Tát Kim Cang, Thiên tiên quỷ thần, bất tướng vi quá.

Dù đã uống rượu, ăn ngũ tân, và các thứ bất tịnh, tất cả chư Phật, Bồ Tát, Kim Cang, Thiên Tiên, quỷ thần, chẳng cho là có lỗi;

Giảng: Ngũ tân là hành, hẹ, tỏi, kiệu và hưng cừ. Những thứ nầy rất là nhiều trong chợ. Hưng cừ rất nhiều bên Ấn Độ, và thường trộn chung với cà-ri là một trong ngũ tân. Những thứ ngũ tân có mùi vị khó hởi, cho nên trong Phật Giáo những ai tu hành thanh tịnh không ăn ngũ tân. Những thứ bất tịnh khi ăn sẽ làm tăng thêm sân và dâm dục. Nhưng, khi họ "ăn ngũ tân, và các thứ bất tịnh, tất cả chư Phật, Bồ Tát, Kim Cang, Thiên Tiên, quỷ thần, chẳng cho là có lỗi." Khi quý vị luôn trì tụng chú Lăng Nghiêm, các vị chư Phật, Bồ Tát và Hộ Pháp sẽ không trách quý vị cho những tội lỗi trước đây.

Có người lý lẽ rằng: Nếu các vị không có bắt lỗi, vậy tôi cứ tiếp tục ăn ngũ tân." Tốt nhất là đừng tiếp tục ăn ngũ tân.

Thiết trước bất tịnh, phá tệ y phục. Nhất hành nhất Trụ, tất đồng thanh tịnh. Túng bất tác đàn, bất nhập đạo tràng. Diệc bất hành đạo, tụng trì thử chú. Hoàn đồng nhập đàn, hành đạo công đức

Dù mặc y áo rách rưới, khi đi khi đứng, đồng như trong sạch; Dù chẳng lập đàn, chẳng vào đạo tràng, cũng chẳng hành đạo, mà trì tụng chú này, với công đức vào đàn, hành đạo, chẳng có sai khác.

Giảng: "Dù mặc y áo rách rưới, khi đi khi đứng, đồng như trong sạch." Ở phần trước, đức Phật nói người tu hành vào đạo tràng nên mặt áo quần mới, but tại đây ngày nói cũng không cần mặc áo quần mới. Nếu quý vị không có áo quần mới, áo quần cũ cũng được. Khi quý vị đã trải qua 3 tuần tu hành, quý vị cũng có thể được thanh tịnh như nhau. Tại vì sức lực của thần chú làm cho người mặc áo quần mới hay cũ không khác nhau. Có người nghĩ rằng: tại sao đức Phật nói chúng ta phải mặc áo quần mới khi vào đạo tràng. Chúng ta làm vậy

vì muốn có sự tôn trọng và sự thanh tịnh thân thể. "Đù chẳng lập đàn, chẳng vào đạo tràng." – Quý vị không phải cân bước vào đạo tràng. Mọi nơi mọi lúc cũng là chỗ tu hành. Nếu họ "cũng chẳng hành đạo" – cho dù họ không tu hành nhưng "mà trì tụng chú này" – chỉ có trì chú là việc họ có thể làm trong tu hành. "Với công đức vào đàn, hành đạo, chẳng có sai khác." Nếu họ có thể trì tụng chú Lăng Nghiêm, công đức của họ cũng không khác gì với người tạo lập đạo tràng

Nhược tạo ngũ nghịch Vô gián trọng tội. Cập chư Tỳ-kheo Tì-kheo-ni, tứ khí bát khí. Tụng thử chú dĩ, như thị trọng nghiệp. Do như mãnh phong, xuy tán sa tụ. Tất giai diệt trừ, cánh vô hào phát.

Nếu trước kia tạo các tội nặng ngũ nghịch, vô gián, những tội Tứ khí, Bát khí của Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni, thì khi tụng chú này rồi, cũng như gió mạnh thổi tan đống cát, những nghiệp nặng như vậy đều trừ sạch, chẳng còn mảy may.

Giảng: "Nếu trước kia tạo các tội nặng ngũ nghịch, vô gián". Năm tội ngũ nghịch là những tội nặng nhất trong Phật giáo. Đó là: giết me, giết cha, giết người A La Hán, làm náo trộn trong tăng đoàn, làm đổ máu Phật.
Nếu quý vị có tình làm tổn thương đức Phật bằng dùng dao hay vũ khí, hay trong một cách nào đó làm thân Phật đổ máu, quý vị đã phạm một trong ngũ nghịch tội

Tôi người nói: Tôi chưa bao giờ gặp Phật. Đức Phật đã nhập niết bàn, vậy tôi sẽ không bao giờ có cơ hội tạo nghiệp nầy.
Cũng không phải như vậy. Tại vì nếu quý vị xé hình đức Phật hay làm bể tượng Phật, đó cũng là tội đổ máu Phật. Luôn cả hình in of đức Phật cũng nằm trong đó. Làm hư hình đức Phật khi đức Phật không còn tồn tại trên trái đất cũng nằm trong những tội nầy. Những nhân quả liên tiếp có nghiã là những nghiệp quả sẽ nhận không ngừng.

Phạm lỗi trong thập thiện là không tốt, nhưng tạo ngũ nghịch sẽ mang lại những nhân quả rất nặng. Nếu quý vị tạo ngũ nghịch, quý vị sẽ rơi vào địa ngục vô gián. Địa ngục nầy đã giải thích trước đây. Địa ngục đầy, cho dù có một người trong đó hay nhiều người. Cho nên được gọi là không chổ trốn, vì không có chổ trống trong đó. Được gọi là vô gián, bởi vì đau khổ không dừng cho dù một giây phúp và không có kết thúc. Đau khổ liên tiếp không ngừng.

"Những tội Tứ khí, Bát khí của Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni." có 3 nghiã: ứng cúng, sát tặc, vô sanh. Tỳ kheo Ni là những nữ sĩ tu hành trong đoàn.

Tứ Khí là dâm, sát, trộm và dối. Đây là 4 giới chính. Giới là tiếng Phạn có nghiã là nguyên nhân sa thải. Nếu quý vị phạm tứ giới nầy, quý vị sẽ bị xuất ra khỏi tăng đoàn. Quý vị sẽ ra khỏi đại hải Phật Pháp, và không thể vào trở lại. Tứ khí là cho tỳ kheo. Tỳ kheo ni thì có bát khí. Bát khí là tứ khí của tỳ kheo và thêm vào: nhiễm tâm xoa chạm, nhiễm tâm tám sự, giới che giấu, giới theo kẻ bị cử.

Giới nhiễm tâm xoa chạm trong luật giới là xoa chạm nữ giới với ý nghĩ dâm dục. Có bao chùm luôn cho đàn ông, đàm bà, tỳ kheo, tỳ kheo ni hay Phật Tử. Xoa chạm giữa người khi trong tâm có những ý dâm dục là phạm giới. Nếu trong tâm không có ý nghĩ tình dục thì không có phạm giới.

Giới "tám sự". Vị tỳ kheo ni phải ở trong đám đông khi trò chuyện. Không được đi vào chổ kín để trò chuyện hay vào một phòng riêng với người đàn ông khác. Thông thường thì người đàn ông và đàn bà không nên ở riêng – nhất là tỳ kheo và tỳ kheo ni. Cho tỳ kheo tội này còn nhẹ. Tỳ kheo ni thì là tội nặng. Trong cấm giới không cho phép tỳ kheo ni ở riêng với đàn ông.

Giới "Che giấu" có nghiã là che giấu những phạm lỗi của người khác. Đó là che giấu những lỗi giới nặng và không thẳng thắng về chuyện đó. Họ không nói cho ai biết. Đó là phạm giới của tỳ kheo ni

Giới "Không làm theo" có nghiã là trì tụng giới luật một tháng 2 lần, trong ngày đầu và ngày 15 trong tháng. Khi tỳ kheo có mặt chung chổ của tỳ kheo ni, vị tỳ kheo ni phải làm theo lễ trì tụng giới do vị tỳ kheo chủ lễ. Họ không được tự ý một mình trì tụng giới và thọ nhận cúng dường. Nếu vị đó không làm theo như vậy, họ đã phạm giới không tuân theo. Đó là bát khí cho tỳ kheo ni

Nhưng khi người tu hành đã lỡ phạm những giới đó, "thì khi tụng chú này rồi, cũng như gió mạnh thổi tan đống cát, những nghiệp nặng như vậy đều trừ sạch, chẳng còn mảy may." Ngay cả ngũ nghịch và tứ, bát giới khí cũng bị thổi bay khi trì tụng chú Lăng Nghiêm, như ngọn gió lớn thổi tan đống cát không còn gì nữa. Không một mảnh manh tội lỗi còn lại. Đó nói lên sức lực của chú Lăng Nghiêm.

A-nan! Nhược hữu chúng sanh. Tùng vô số lượng, vô số kiếp lai. Sở hữu nhất thiết, khinh trọng tội chướng. Tùng tiền thế lai, vị cập sám hối. Nhược năng độc tụng, thư tả thử chú, thân thượng đái trì. Nhược an trụ xứ, trang trạch viên quán. Như thị tích nghiệp, do thang tiêu tuyết. Bất cửu giai đắc, ngộ vô sanh nhẫn.

A Nan! Nếu có chúng sanh từ vô số kiếp đến nay, có tất cả những tội chướng nặng nhẹ, tuy trong các đời trước chưa kịp sám hối, nay nếu biết đọc tụng, biên chép chú này, giữ đeo trên mình hay để nơi chỗ ở, thì những nghiệp tích chứa từ trước, đều tiêu như nước sôi làm tan băng tuyết, chẳng bao lâu sẽ được vô sanh nhẫn.

Phục thứ A-nan, nhược hữu nữ nhân. Vị sanh nam nữ, dục cầu sanh giả. Nhược năng chí tâm. Ức niệm tư chú. Hoặc năng thân thượng, đái thử tất đát đa bát đát La giả. Tiện sanh phước đức, trí tuệ nam nữ. Cầu trường mạng giả, tốc đắc trường mạng. Dục cầu quả báo, tốc viên mãn giả, tốc đắc viên mãn. Thân mạng sắc lực, diệc phục như thị. Mạng chung chi hậu, tùy nguyện vãng sanh, thập phương quốc độ. Tất định bất sanh, biên địa hạ tiện. Hà huống tạp hình.

Lại nữa A Nan! Nếu có người đàn bà chưa có con, mong cầu có thai, chí tâm tưởng niệm, hoặc đeo chú này, thì được sanh những đứa con trai gái có phước đức trí huệ, cầu sống lâu được sống lâu, cầu phước báo được phước báo, cho đến cầu thân mạng sức mạnh đều được như thế. Sau khi chết, tùy nguyện vãng sanh trong mười phương quốc độ, chắc chắn chẳng sanh nơi biên địa, dòng hạ tiện, huống là các tạp hình!

A-nan! Nhược chư quốc độ, châu huyền tụ lạc, cơ hoang dịch lệ. Hoặc phục đao binh, tặc nạn đấu tranh. Kiêm dư nhất thiết, ách nạn chi địa. Tả thử Thần chú, an thành tứ môn. Tinh chư chi đề, hoặc thoát đồ thượng. Linh kỳ quốc độ, sở hữu chúng sanh, phụng nghênh tư chú. Lễ bái cung kính, nhất tâm cúng dường. Linh kỳ nhân dân, các các thân bội. Hoặc các các an, sở cư trạch địa. Nhất thiết tai ách, tất giai tiêu diệt.

A Nan! Nếu các quốc độ, châu huyện, làng xóm bị nạn đói kém, ôn dịch; hoặc những nơi bị bịnh loạn, giặc cướp đánh nhau và tất cả những nơi có tai nạn khác, viết thần chú này dán nơi bốn cửa thành, và những thấp miếu hoặc trên các tràng phan, khiến chúng sanh trong nước thừa phụng chú này, cung kính lễ bái, nhất tâm cúng dường; khiến nhân dân mỗi mỗi đeo chú trong mình, hoặc để nơi chỗ ở, thì tất cả tai nạn thảy đều tiêu diệt.

A-nan! Tại tại xứ xứ, quốc độ chúng sanh, tùy hữu thử chú. Thiên Long hoan hỉ, phong vũ thuận thời. Ngũ cốc phong ân, triệu thứ an lạc. Diệc

phục năng trấn, nhất thiết ác tinh. Tùy phương biến quái, tai chướng bất khởi, nhân vô hoạnh yêu. Nữu giới gia tỏa, bất trước kỳ thân. Trú dạ an miên, thường vô ác mộng.

A Nan! Nếu chúng sanh nơi các quốc độ, hễ chỗ nào có chú này, thì Thiên Long vui mừng, mưa gió thuận thời, ngũ cốc được mùa, dân chúng an vui; những tai chướng do tất cả ác tinh biến quái ở mọi nơi, đều chẳng sanh khởi, người chẳng chết yểu, gông, cùm, xiềng, xích, chẳng dính vào mình, ngày đêm ngủ yên, thường chẳng ác mộng.

A-nan! Thị Ta-bà giới. Hữu bát vạn tứ thiên tai biến ác tinh. Nhị thập bát đại ác tinh, nhi vi thượng thủ. Phục hữu! bát đại ác tinh, dĩ vi kỳ chủ. Tác chủng chủng hình, xuất hiện thế thời. Năng sanh chúng sanh, chủng chủng tai dị. Hữu thử chú địa, tất giai tiêu diệt. Thập nhị do-tuần, thành kết giới địa. Chư ác tai tường, vĩnh bất năng nhập.

A Nan! Cõi Ta Bà này có tám vạn bốn ngàn tai biến ác tinh, do 28 đại ác tinh làm thượng thủ; lại có 8 đại ác tinh làm chủ, xuất hiện trên đời với nhiều hình dạng, hay gây các tai họa kỳ lạ cho chúng sanh. Hễ có chú này thì thảy đều tiêu diệt, trong phạm vi 12 do tuần, các tai biến hung dữ, trọn chẳng thể xâm nhập.

Thị cố Như Lai, tuyên thị thử chú. Ư vị lai thế, bảo hộ sơ học. Chư tu hành giả, nhập tam ma đề. Thân tâm thái nhiên, đắc đại an ẩn. Cánh vô nhất thiết, chư ma quỷ thần. Cập vô thủy lai, oán hoạnh túc ương. Cựu nghiệp trần trái, lai tương não hại. Nhữ cập chúng trung, chư hữu học nhân. Cập vị lai thế, chư tu hành giả. Y ngã đàn trường, như pháp trì giới. Sở thọ giới chủ, phùng thanh tịnh tăng. Trì thử chú tâm, bất sanh nghi hối. Thị Thiện nam tử, ư thử phụ mẫu, sở sanh chi thân. Bất đắc tâm thông. Thập phương Như Lai, tiện vi vọng ngữ

Cho nên Như Lai thuyết chú này, bảo hộ người tu hành sơ học đời vị Lai, vào Tam Ma Địa, thân tâm thư thái, được đại yên ổn chẳng bị tất cả tà ma, quỷ thần, và những oán thù, nghiệp cũ nợ xưa từ vô thỉ đến quấy hại.
Ngươi và hàng hữu học trong chúng, với người tu hành đời vị Lai, y pháp trì giới trong đạo tràng, được vị thầy truyền giới trong sạch, đối với tâm chú này chẳng sanh nghi hoặc, thì cái thân do cha mẹ sanh của người này, nếu chẳng được tâm thông, mười phương Như Lai bèn thành vọng ngữ.

Thuyết thị ngữ dĩ, hội trung vô lượng, bách thiên Kim Cang, nhất thời Phật tiền, hợp chưởng đảnh lễ, nhi bạch Phật ngôn: Như Phật sở thuyết, ngã đương thành tâm. Bảo hộ như thị, tu Bồ-đề giả.

Nói xong, vô số Kim Cang đều nhất thời đảnh lễ bạch Phật: Như lời Phật dạy, chúng con xin thành tâm bảo hộ người tu đạo Bồ Đề.

Nhĩ thời Phạm Vương, tịnh Thiên đế thích, tứ thiên Đại Vương,. Diệc ư Phật tiền, đồng thời đảnh lễ, nhi bạch Phật ngôn: Thẩm hữu như thị, tu học thiện nhân. Ngã đương tận tâm, chí thành bảo hộ. Linh kỳ nhất sanh, sở tác như nguyện.

Bấy giờ, Phạn Vương và Đế Thích, Tứ Thiên Vương cũng đồng thời đảnh lễ bạch Phật: Nếu có người tu học như thế, chúng con xin hết lòng bảo hộ, khiến họ suốt đời việc làm thỏa nguyện.

Phục hữu vô lượng, dược xoa Đại tướng. Chư La-sát Vương, phú đan na Vương,. Cưu bàn trà Vương, tỳ xá già Vương,. Tần na dạ ca, chư Đại quỷ Vương, cập chư quỷ suất, diệc ư Phật tiền hợp chưởng đảnh lễ: Ngã diệc thệ nguyện, hộ trì thị nhân. Linh Bồ-đề tâm, tốc đắc viên mãn.

Còn có vô số Quỷ Vương chắp tay đảnh lễ bạch Phật: Chúng con cũng thệ nguyện hộ trì cho người ấy, khiến tâm Bồ Đề mau được viên mãn.

Phục hữu vô lượng, nhật Nguyệt Thiên tử. Phong sư vũ sư, vân sư lôi sư, tinh điện bá đẳng. Niên tuế tuần quan, chư tinh quyến thuộc. Diệc ư hội trung, đảnh lễ Phật túc, nhi bạch Phật ngôn: Ngã diệc bảo hộ, thị tu hành nhân, an lập đạo tràng, đắc vô sở úy.

Còn có vô số Nhật Nguyệt Thiên tử, Phong Sư, Vũ Sư, Vân sư, Lôi Sư, cùng với Điện Sư, Tuần Quan, Chư Tinh và quyến thuộc đảnh lễ bạch Phật: Chúng con cũng bảo hộ người tu hành ấy an lập đạo tràng, được vô sở úy.

Phục hữu vô lượng, sơn Thần hải Thần. Nhất thiết độ địa, thủy lục không hàng, vạn vật tinh kì. Tịnh Phong Thần Vương, vô sắc giới Thiên. Ư Như

Lai tiền, đồng thời khể thủ, nhi bạch Phật ngôn: Ngã diệc bảo hộ thị tu hành nhân. Đắc thành Bồ-đề vĩnh vô ma sự.

Còn có vô số Sơn Thần, Hải Thần, Phong Thần, cõi Trời Vô Sắc, tất cả tinh kỳ trên mặt đất, dưới nước và trên không, đồng thời đảnh lễ bạch Phật: Chúng con cũng bảo hộ người tu hành ấy được thành Bồ Đề, trọn chẳng ma sự.

Nhĩ thời bát vạn, tứ thiên na-do-tha Hằng hà sa, câu-chi Kim Cang, tạng vương bồ tát. Tại đại hội trung, tức tùng toạ khởi. Đảnh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn:

Khi ấy, tám vạn bốn ngàn ức hằng sa Bồ Tát Kim Cang Tạng Vương trong hội, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ bạch Phật:

Thế Tôn! Như ngã đẳng bối. Sở tu công nghiệp, cửu thành bồ đề. Bất thủ niết bàn, thường tùy thử chú. Cứu hộ mạt thế, tu tam ma đề, chánh tu hành giả.

Như chúng con tu thành Bồ Đề đã lâu, mà chẳng thủ chứng Niết Bàn, thường theo chú này, cứu giúp những người chơn tu Tam Ma Địa trong đời mạt pháp.

Thế Tôn như thị tu tâm cầu chánh định nhân. Nhược tại đạo tràng cập dư kinh hành. Nãi chí tán tâm du hí tụ lạc.

Thế Tôn, những người tu tâm cầu chánh định như thế, dù ở đạo tràng hay lúc kinh hành, cho đến lúc đi dạo chơi,

Ngã đẳng đồ chúng thường đương tùy tùng thị vệ thử nhân. Túng linh Ma Vương, đại tự tại thiên. Cầu kỳ phương tiện chung bất khả đắc. Chư tiểu quỷ thần khứ thử thiện nhân thập do-tuần ngoại. Trừ bỉ phát tâm, lạc tu thiền giả.

Con và đồ chúng thường theo hộ vệ người ấy. Dẫu cho Ma vương, Đại Tự Tại Thiên muốn tìm cách quấy phá, trọn chẳng thể được. Các quỷ thần nhỏ phải cách xa người ấy ngoài mười do tuần, chỉ trừ khi họ đã phát tâm tu thiền chánh pháp thì mới được gần người ấy.

Thế Tôn! như thị ác ma, nhược ma quyến thuộc. Dục lai xâm nhiễu thị thiện nhân giả. Ngã dĩ bảo xử vẫn toái kỳ thủ do như vi trần. Hằng linh thử nhân sở tác như nguyện.

Thế Tôn, nếu những ác ma hay quyến thuộc ma, muốn đến xâm nhiễu người ấy, thì con dùng chày Kim Cang đập nát đầu họ như vi trần, khiến người ấy việc làm thỏa nguyện.

KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH NHƯ LAI MẬT NHƠN
TU CHỨNG LIỄU NGHĨA
CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH
THỦ LĂNG NGHIÊM

QUYỂN 7 – PHẦN 9

— o0o —

TUYÊN HÓA THƯỢNG NHÂN
giảng thuật

— o0o —

HAI NHÂN ĐIÊN ĐẢO

***

A-nan tức tùng toạ khởi. Đảnh lễ Phật túc, nhi bạch Phật ngôn: Ngã bối ngu độn, háo vi đa văn. Ư chư lậu tâm, vị cầu xuất ly. Mông Phật từ hối, đắc chánh huân tu. Thân tâm khoái nhiên, hoạch đại nhiêu ích.

A Nan liền đứng dậy đảnh lễ bạch Phật: Chúng con ngu độn, ham được đa văn, chưa cầu thoát ly nơi tâm phiền não, nhờ Phật từ bi dạy bảo, tu theo chánh pháp, được lợi ích lớn, thân tâm an lạc.

Thế Tôn! Như thị tu chứng, Phật tam ma đề, vị đáo Niết-Bàn. Vân hà danh vi, kiền tuệ chi địa. Tứ thập tứ tâm. Chí hà tiệm thứ, đắc tu hành mục. Nghệ hà phương sở, danh nhập địa trung. Vân hà danh vi, đẳng giác Bồ Tát.

Thế Tôn! Nếu tu chứng pháp Tam Ma Địa, chưa đến Niết Bàn, thì thế nào gọi là chỗ Càn Huệ? Nơi 44 tâm, được tu đến cấp bậc nào và đến chỗ nào mới gọi là nhập Sơ Địa? Thế nào gọi là Đẳng Giác Bồ Tát?

Tác thị ngữ dĩ, ngũ thể đầu địa. Đại chúng nhất tâm, trữ Phật từ âm, trừng trừ chiêm ngưỡng.

Nói xong, năm vóc gieo sát đất, đại chúng đều nhất tâm chăm chú, mong đợi từ âm của Phật.

Nhĩ thời Thế Tôn tán thán A-nan: Thiện tai thiện tai. Nhữ đẳng nãi năng, phổ vị đại chúng. Cập chư mạt thế, nhất thiết chúng sanh. Tu tam ma đề, cầu Đại-Thừa giả. Tùng ư phàm phu, chung đại Niết Bàn. Huyền thị vô thượng, chánh tu hành lộ. Nhữ kim đế thính, đương vị nhữ thuyết.

Bấy giờ, Thế Tôn khen A Nan rằng: Lành thay! Lành thay! Các ngươi lại biết vì cả chúng trong hội này và tất cả chúng sanh tu Tam Ma Địa, cầu pháp Đại Thừa trong đời mạt pháp, xin ta chỉ rõ lối tu vô thượng chơn chánh, từ phàm phu đến Đại Niết Bàn. Nay các ngươi hãy lắng nghe, ta sẽ vì các ngươi mà nói.

A-nan đại chúng, hợp chưởng khô tâm, mặc nhiên thọ giáo.

A Nan và đại chúng chắp tay lắng lòng, yên lặng thọ giáo.

Phật ngôn: A-nan đương tri. Diệu tánh Viên Minh, ly chư danh tướng. Bản lai vô hữu, thế giới chúng sanh. Nhân vọng hữu sanh, nhân sanh hữu diệt. Sanh diệt danh vọng, diệt vọng danh chân. Thị xưng Như Lai, vô thượng Bồ-đề. Cập đại Niết Bàn, nhị chuyển y hiệu.

Phật bảo: A Nan nên biết! Diệu tánh sáng tỏ, lìa những danh tướng, vốn chẳng có thế giới chúng sanh. Do vọng có sanh, do sanh có diệt, sanh diệt gọi là vọng, diệt vọng gọi là chơn, ấy tức là Vô Thượng Bồ Đề và Đại Niết Bàn, cũng là hai hiệu chuyển y của Như Lai.

A-nan! Nhữ kim dục tu, chân tam-ma-địa. Trực nghệ Như Lai, đại Niết Bàn giả. Tiên đương thức thử, chúng sanh thế giới, nhị điên đảo nhân. Điên đảo bất sanh, tư tắc Như Lai, chân tam-ma-địa.

A Nan! Nay ngươi muốn tu chơn Tam Ma Địa, thẳng đến Đại Niết Bàn, trước hết phải biết hai nhân điên đảo của thế giới và chúng sanh; nếu điên đảo chẳng sanh tức là chơn Tam Ma Địa của Như Lai.

CHÚNG SANH ĐIÊN ĐẢO

*** * ***

A-nan! Vân hà danh vi, chúng sanh điên đảo?

A Nan! Sao gọi là Chúng Sanh Điên Đảo?

A-nan! do tánh minh tâm, tánh minh viên cố. Nhân minh phát tánh, tánh vọng kiến sanh. Tùng tất cánh vô, thành cứu cánh hữu. Thử hữu sở hữu, phi nhân sở nhân. Trụ sở trụ tướng, liễu vô căn bổn. Bổn thử vô trụ. Kiến lập thế giới, cập chư chúng sanh.

Do tánh sáng tỏ nơi Tâm, vì chấp tánh sáng tỏ, nên từ sáng tỏ ấy phát ra vọng tánh; tánh vọng thì kiến chấp sanh khởi, từ bổn lai vô, thành cứu cánh hữu. Cái năng hữu sở hữu này, chẳng có tướng năng nhân sở nhân và năng trụ sở trụ, trọn chẳng nguồn gốc. Từ chỗ vô trụ này, kiến lập thế giới và chúng sanh.

Mê bổn Viên Minh, thị sanh hư vọng. Vọng tánh vô thể, phi hữu sở y. Tướng dục phục chân, dục chân dĩ phi, chân chân như tánh. Phi chân cầu phục, uyển thành phi tướng. Phi sanh phi trụ, phi tâm phi pháp. Triển chuyển phát sanh, sanh lực phát minh. Huân dĩ thành nghiệp, đồng nghiệp tướng cảm. Nhân hữu cảm nghiệp, tướng diệt tướng sanh. Do thị cố hữu, chúng sanh điên đảo.

Vì mê cái bổn tâm sáng tỏ, nên sanh ra hư vọng, tánh vọng chẳng tự thể, chẳng có chỗ nương tựa; toan muốn trở về chơn, thì cái “muốn chơn” ấy, đã chẳng phải là chơn tánh của Chơn Như. Chẳng chơn mà cầu trở về chơn, rõ ràng thành phi tướng, phi sanh phi trụ, phi tâm phi pháp, xoay vần phát sanh, sanh mãi không thôi, huân tập thành nghiệp, đồng nghiệp cảm nhau, do sự cảm nghiệp, nên có tương diệt tương sanh, do đó thành chúng sanh điên đảo.

THẾ GIỚI ĐIÊN ĐẢO

* * *

A-nan! Vân hà danh vi, thế giới điên đảo?

A Nan! Sao gọi là Thế Giới Điên Đảo?

Thị hữu sở hữu, phần đoạn vọng sanh, nhân thử giới lập. Phi nhân sở nhân, vô trụ sở trụ. Thiên lưu bất trụ, nhân thử thế thành. Tam thế tứ phương. Hòa hợp tướng thiệp, biến hóa chúng sanh, thành thập nhị loại.

Do năng hữu sở hữu phân đoạn vọng sanh, từ đó an lập Giới, từ chỗ chấp năng nhân sở nhân, năng trụ sở trụ, dời đổi chẳng ngừng, nên vọng lập Thế. Tam thế tứ phương hòa hợp lẫn nhau, chúng sanh biến hóa thành 12 loài.

Thị cố thế giới, nhân động hữu thanh, nhân thanh hữu sắc. Nhân sắc hữu hương, nhân hương hữu xúc. Nhân xúc hữu vị, nhân vị tri Pháp. Lục loạn vọng tưởng, thành nghiệp tánh cố. Thập nhị khu phần, do thử luân chuyển. Thị cố thế gian, thanh hương vị xúc. Cùng thập nhị biến, vi nhất triền phục. Thừa thử luân chuyển, điên đảo tướng cố. Thị hữu thế giới, noãn sanh thai sanh, thấp sanh hóa sanh. Hữu sắc vô sắc, hữu tưởng vô tưởng. Nhược phi hữu sắc, nhược phi vô sắc. Nhược Phi hữu tưởng, nhược Phi vô tưởng.

Vì giác tri của chúng sanh, nên trong thế giới, do động có thanh, do thanh có sắc, do sắc có hương, do hương có xúc, do xúc có vị, do vị biết pháp, sáu thứ vọng tưởng nhiễu loạn thành nghiệp tánh, nương theo tướng điên đảo luân chuyển này mà có 12 loài: Noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh, hữu sắc, vô sắc, hữu tưởng, vô tưởng, hoặc phi hữu sắc, hoặc phi vô sắc, hoặc phi hữu tưởng, hoặc phi vô tưởng, lưu chuyển chẳng ngừng.

12 LOÀI

* * *

A-nan! do nhân thế giới, hư vọng luân hồi, động điên đảo cố. Hòa hợp khí thành, bát vạn tứ thiên, phi trầm loạn tưởng. Như thị cố hữu, noãn yết la lam, lưu chuyển quốc độ. Ngư điểu quy xà, kỳ loại sung tắc.

1. A Nan! Bởi do thế giới có hư vọng luân hồi, điên đảo về động, hòa hợp thành khối, vọng tưởng thăng trầm, vì thế nên có loài noãn sanh lưu chuyển

nơi quốc độ, như loài cá, chim, rùa, rắn, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

Do nhân thế giới, tạp nhiễm Luân-hồi, dục điên đảo cố. Hòa hợp tư thành, bát vạn tứ thiên, hoành thọ loạn tưởng. Như thị cố hữu, thai át-bồ-đàm, lưu chuyển quốc độ. Nhân súc long tiên, kỳ loại sung tắc.

2. Bởi do thế giới có tạp nhiễm luân hồi, điên đảo về dục, hòa hợp thành sanh, vọng tưởng ngang dọc, vì thế nên có loài thai sanh lưu chuyển nơi quốc độ, như người, súc, rồng, tiên, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

Do nhân thế giới, chấp trước Luân-hồi, thú điên đảo cố. Hòa hợp nhuyễn thành, bát vạn tứ thiên, phiên phước loạn tưởng. Như thị cố hữu, thấp tướng tế thi, lưu chuyển quốc độ. Hàm xuẩn nhuyễn động, kỳ loại sung tắc.

3. Bởi do thế giới có chấp trước luân hồi, hướng về điên đảo, hòa hợp thành noãn (hơi ấm), vọng tưởng lăng xăng, vì thế nên có loài thấp sanh lưu chuyển nơi quốc độ, như loài côn trùng, sâu bọ, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

Do nhân thế giới, biến dịch Luân-hồi, giả điên đảo cố. Hòa hợp xúc thành, bát vạn tứ thiên, tân cố loạn tưởng. Như thị cố hữu, hóa tướng yết nam, lưu chuyển quốc độ. Chuyển xác phi hành, kỳ loại sung tắc.

4. Bởi do thế giới có biến dịch luân hồi, điên đảo về giả, hòa hợp thành xúc, vọng tưởng mới cũ, vì thế nên có loài hóa sanh lưu chuyển nơi quốc độ, như loài thối xác phi hành, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

Do nhân thế giới, lưu ngại Luân-hồi, chướng điên đảo cố. Hòa hợp trước thành, bát vạn tứ thiên, tinh diệu loạn tưởng. Như thị cố hữu, sắc tướng yết nam, lưu chuyển quốc độ. Hưu cữu tinh minh, kỳ loại sung tắc.

5. Bởi do thế giới có ngăn ngại luân hồi, điên đảo về chướng, hòa hợp thành trước, vọng tưởng tinh sáng, vì thế nên có loài hữu sắc lưu chuyển nơi quốc độ, như tất cả thần vật tinh sáng, đều hay dự đoán sự kiết hung, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

Do nhân thế giới, tiêu tán Luân-hồi, hoặc điên đảo cố. Hòa hợp ám thành, bát vạn tứ thiên, uẩn ẩn loạn tưởng. Như thị cố hữu, vô sắc yết nam, lưu chuyển quốc độ. Không tán tiêu trầm, kỳ loại sung tắc.

6. Bởi do thế giới có tiêu tán luân hồi, điên đảo về mê hoặc, hòa hợp thành ám, vọng tưởng u ẩn, vì thế nên có loài vô sắc lưu chuyển nơi quốc độ, như cõi vô Sắc và Thần Hư Không, cho đến quỷ mị u ẩn, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

Do nhân thế giới, võng tượng Luân-hồi, ảnh điên đảo cố. Hòa hợp ức thành, bát vạn tứ thiên, tiềm kết loạn tưởng. Như thị cố hữu, tưởng tướng yết nam, lưu chuyển quốc độ. Thần quỷ tinh linh, kỳ loại sung tắc.

7. Bởi do thế giới có mường tượng luân hồi, điên đảo về ảnh, hòa hợp thành nhớ, vọng tưởng thầm kết, vì thế nên loài hữu tưởng lưu chuyển nơi quốc độ, như loài thần quỷ tinh linh, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

Do nhân thế giới, ngu độn Luân-hồi, si điên đảo cố. Hòa hợp ngoan thành, bát vạn tứ thiên, khô cảo loạn tưởng. Như thị cố hữu, vô tưởng yết nam, lưu chuyển quốc độ. Tinh thần hóa vi, thổ mộc kim thạch, kỳ loại sung tắc.

8. Bởi do thế giới có ngu độn luân hồi, điên đảo về si, hòa hợp thành ngu, vọng tưởng khô khan, vì thế nên có loài vô tưởng lưu chuyển nơi quốc độ, tinh thần hóa ra đất, gỗ, kim thạch, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

Do nhân thế giới, tướng đãi Luân-hồi, ngụy điên đảo cố. Hòa hợp nhiễm thành, bát vạn tứ thiên, nhân y loạn tưởng. Như thị cố hữu, phi hữu sắc tướng, thành sắc yết nam, lưu chuyển quốc độ. Chư thủy mẫu đẳng, dĩ hà vi mục, kỳ loại sung tắc.

9. Bởi do thế giới có đối đãi luân hồi, điên đảo về ngụy, hòa hợp thành nhiễm, vọng tưởng ỷ nhờ, vì thế nên có loài phi hữu sắc lưu chuyển nơi quốc độ, như loài thủy mẫu, lấy tôm làm mắt, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

Do nhân thế giới, tướng dẫn Luân-hồi, tánh điên đảo cố. Hòa hợp chú thành, bát vạn tứ thiên, hô triệu loạn tưởng. Do thị cố hữu, phi vô sắc tướng, vô sắc yết nam, lưu chuyển quốc độ. Chú trớ yếm sanh, kỳ loại sung tắc.

10. Bởi do thế giới có dẫn dụ luân hồi, điên đảo về tánh, hòa hợp thành chú, vọng tưởng kêu gọi, vì thế nên có loài phi vô sắc lưu chuyển nơi quốc độ, như loài chú nguyền rủa, yêu mị, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

Do nhân thế giới, hợp vọng Luân-hồi, võng điên đảo cố. Hòa hợp dị thành, bát vạn tứ thiên, hồi hỗ loạn tưởng. Như thị cố hữu, Phi hữu tưởng tướng, thành tưởng yết nam, lưu chuyển quốc độ. Bỉ bồ lô đẳng, dị chất tướng thành, kỳ loại sung tắc.

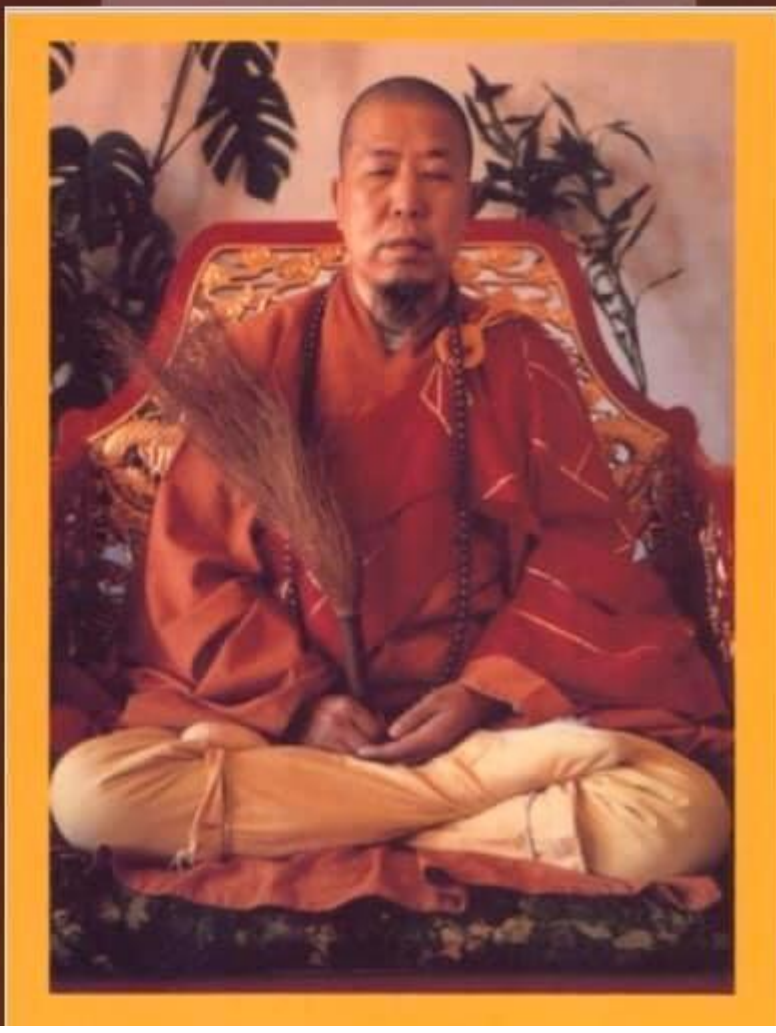
11. Bởi do thế giới có hợp vọng luân hồi, điên đảo về mường tượng, hòa hợp thành dị, vọng tưởng xoay vòng, vì thế nên có loài phi hữu tưởng lưu chuyển nơi quốc độ, như loài tò vò, hay bắt con vật khác làm con mình, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

Do nhân thế giới, oán hại Luân-hồi, sát điên đảo cố. Hòa hợp quái thành, bát vạn tứ thiên, thực phụ mẫu tưởng. Như thị cố hữu, Phi vô tưởng tướng, vô tưởng yết nam, lưu chuyển quốc độ. Như độ kiêu đẳng, phụ khối vi nhi. Cập phá kính điểu, dĩ độc thụ quả, bão vi kỳ tử. Tử thành phụ mẫu, giai tao kỳ thực, kỳ loại sung tắc. Thị danh chúng sanh, thập nhị chủng loại.

12. Bởi do thế giới có oán hại luân hồi, điên đảo về sát (hại), hòa hợp thành quái, vọng tưởng ăn thịt cha mẹ, vì thế nên có loài phi vô tưởng lưu chuyển nơi quốc độ, như con thổ cưu và chim phá kính, ôm trái cây độc làm con, khi con lớn lên thì ăn luôn cả cha mẹ, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới. Ấy gọi là mười hai loại chúng sanh.

biên dịch

ĐẠI PHẬT
ĐỈNH THỦ LĂNG NGHIÊM



KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH NHƯ LAI MẬT NHƠN
TU CHỨNG LIỄU NGHĨA
CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH
THỦ LĂNG NGHIÊM

QUYỂN 8.1

— o0o —

TUYÊN HÓA THƯỢNG NHÂN
giảng thuật

— o0o —

TAM CHỦNG TIỆM THỨ

A-nan! Như thị chúng sanh, nhất nhất loại trung. Diệc các các cụ, thập nhị điên đảo. Do như niết mục. Loạn hoa phát sanh. Điên đảo diệu viên, chân tịnh minh tâm. Cụ túc như tư, hư vọng loạn tưởng. Nhữ kim tu chứng, Phật tam ma đề. Ư thị bổn nhân, nguyên sở loạn tưởng. Lập tam tiệm thứ, phương đắc trừ diệt. Như tịnh khí trung, trừ khứ độc mật. Dĩ chư thang thủy, tinh tạp hôi hương. Tẩy địch kỳ khí, hậu trữ cam lồ.

A Nan! Như vậy chúng sanh trong mỗi loài đều gồm đủ 12 thứ điên đảo, cũng như dụi mắt thấy hoa đốm lăng xăng, thảy đều từ diệu tâm sáng tỏ vọng sanh điên đảo, nên có đủ thứ tư tưởng hư vọng tán loạn như thế. Nay ngươi tu chứng Tam Ma Địa, đối với bản nhân của tư tưởng tán loạn ấy, phải lập ba tiệm thứ mới có thể diệt trừ, cũng như muốn trừ mật độc trong bình để đựng cam lồ, thì phải dùng nước sôi và tro rửa sạch cái bình, rồi mới đựng cam lồ.

Giảng: Do nhận thức mê lầm của chúng sinh mà có những tâm niệm điên đảo, phân biệt ra có năng, có sở, có thân, có cảnh, có ngã, có pháp, có thời gian, có không gian, cho đến có mười hai loài chúng sinh. Ví như dụi con mắt, thì đủ thứ hoa đốm sinh ra, khi chúng sinh dùng những vọng tưởng phân biệt mà huân tập bản lai tự tánh, thì bản lai tự tánh theo sự huân tập đó mà hiện ra nhiều cảnh giới sai khác.

Nguyên do của việc biểu hiện như thế là vọng tưởng. Tất cả cảnh giới do vọng tưởng huân tập biểu hiện ra, đều như cảnh chiêm bao, vốn không có gì. Nhận thức thấy được tất cả sự vật biến hiện, đều chỉ là nhất tâm, không có sai khác thì diệt trừ được vọng tưởng và chứng được bản lai tự tánh, chừng đó mới biết tâm tánh bản lai không sinh, không diệt, như như bình đẳng, nơi chư Phật cũng không thêm, nơi chúng sinh cũng không bớt và mới biết chúng sinh bản lai đã thành Phật rồi, bản lai không có hư vọng phải trừ, không có chân như

phải chứng, điều cốt yếu là chuyển nhận thức sai lầm, thành nhận thức đúng đắn mà thôị

Song, vì tâm tánh chúng sinh bị huân tập lâu đời theo các vọng tưởng, nên cần phải huân tập lâu ngày theo chánh pháp, mới lần lượt diệt trừ được thói quen vọng tưởng, do đó cần lập ra ba tiệm thứ để gội rửa những thói quen hư vọng. Ba tiệm thứ nầy, không phải có những vị trí cố định và căn cơ của mỗi chúng sinh cũng khác nhau nhiều, có người thì đốn tu và đốn ngộ, có người thì đốn tu mà tiệm ngộ, có người thì tiệm tu mà đốn ngộ, có người thì tiệm tu và tiệm ngộ. Giác ngộ sâu hay cạn, tùy theo việc chuyển nhận thức sâu hay cạn, và việc chuyển nhận thức nầy, một phần lớn, cũng tùy sự huân tập theo chánh pháp thật đúng đắn hay chưa thật đúng đắn.

Vân hà danh vi, tam chủng tiệm thứ. Nhất giả tu tập, trừ kỳ trợ nhân. Nhị giả chân tu, khô kỳ chánh tánh. Tam giả tăng tiến, vi kỳ hiện nghiệp.

Cái gì 3 ba mốn tiệm thứ. Một là trừ các trợ duyên bên ngoài. Hai là trừ các chánh nhơn bên trong. Ba là trừ các nghiệp hiện tiền

Giảng: Muốn tiêu diệt hoàn toàn các vọng tưởng và đầy đủ vô lượng công đức, thì người tu hành có thể chia con đường tu làm ba giai đoạn. Giai đoạn đầu là tu tập trừ những cái nhân giúp đỡ cho vọng tưởng tăng trưởng. Giai đoạn thứ hai, là thuận theo chân tánh mà tu hành, diệt trừ cội gốc của vọng tưởng. Giai đoạn thứ ba, là tăng tiến tu hành, chuyển cái nghiệp dụng của chúng sinh, thành cái diệu dụng của chư Phật.

Nhất giả tu tập. Trừ kỳ trợ nhân

* * *

Vân hà trợ nhân? A-nan! Như thị thế giới, thập nhị loại sanh. Bất năng tự toàn, y tứ thực trụ. Sở vị đoạn thực, xúc thực, tư thực, thức thực. Thị cố Phật thuyết, nhất thiết chúng sanh, giai y thực trụ.

Sao nói là trợ nhân? A Nan! 12 loại chúng sanh trong thế giới, chẳng thể tự sống, phải nhờ bốn cách ăn để nuôi dưỡng, ấy là: ăn bằng cách nhai xé như con người; ăn bằng ngửi mùi hơi như quỷ thần; ăn bằng niệm tưởng như cõi Tứ Thiền và ăn bằng ý thức như cõi Tứ không, cho nên Phật nói tất cả chúng sanh đều nhờ sự ăn mà tồn tại.

Giảng: Sao nói là trợ nhân? Những trợ nhân mang tới thiện nghiệp và ác nghiệp. Trong bài nầy, đức Phật nói về ác nghiệp. Anan, 12 loại chúng sanh trong thế giới, chẳng thể tự sống, phải nhờ bốn cách ăn để nuôi dưỡng. Chúng sanh cần ăn để sinh sống. Đó là ăn bằng cách nhai xé như con người. từng miếng từng miếng, như trong cõi thiên lục giới, A-tu-la, người và chúng sanh ăn uống. ăn bằng ngửi mùi hơi như quỷ thần, ăn bằng niệm tưởng như cõi Tứ Thiền và ăn bằng ý thức như cõi Tứ không. Đây bao gồm cả cõi thiên sắc giới và vô sắc giới. Cho nên Phật nói tất cả chúng sanh đều nhờ sự ăn mà tồn tại.

Khi ban đầu đức Phật giảng, đức Phật muốn phá đi cái chấp của ngoại đạo. Khi đức Phật giảng rằng chúng sanh cần ăn để sống, ngoại đạo cười che và nói: "Ông nói đó là Pháp? Ông nghĩ rằng chúng tôi phải đợi ông nói vậy hay sao? Ai mà không biết chúng sanh cần ăn để sống? Con nít điều hiểu việc đó?

Đức Phật trả lời: "Vậy các ông có thể cho biết bao nhiêu chúng sanh ăn uống như vậy?"

Lúc đó các ngoại đao điều im lặng. Họ không biết trả lời như thế nào? Sao đó đức Phật giải thích cho họ 4 cách ăn uống.

A-nan! Nhất thiết chúng sanh. Thực cam cố sanh. Thực độc cố tử. Thị chư chúng sanh, cầu tam ma đề. Đương đoạn thế gian, ngũ chủng tân thái. Thị ngũ chủng tân, thục thực phát dâm, sanh đạm tăng nhuế. Như thị thế giới, thực tân chi nhân. Túng năng tuyên thuyết, thập nhị bộ Kinh. Thập phương Thiên tiên, hiềm kỳ xú uế, hàm giai viễn ly. Chư ngạ quỷ đẳng, nhân bỉ thực thứ. Thỉ kỳ Thần vẫn, thường dữ quỷ trụ. Phước đức nhật tiêu, trường vô lợi ích.

A Nan! tất cả chúng sanh, ăn ngọt thì sống, ăn độc thì chết. Vậy chúng sanh cầu Tam Ma Địa, nên dứt bỏ ngũ tân của thế gian, ngũ tân này hễ ăn chín thì phát lòng dâm, ăn sống thì thêm sân hận. Những người ăn ngũ tân, dù biết giảng giải mười hai bộ kinh, nhưng mười phương thiên tiên đều chê mùi hôi thối ấy mà tránh xa; các loài ma quỷ, thừa lúc đang ăn ngũ tân, liếm môi của họ, người ấy thường ở chung với quỷ, phước đức ngày càng tiêu mòn, chẳng được lợi ích.

Giảng: Đây nói bước đầu tiên để trừ các trợ duyên. Ngũ tân (hành, hẹ, tỏi, kiệu và hưng cừ) làm tăng thêm ác nghiệp, cho nên bước đầu tiên là ngăn bỏ ngũ tân trong món ăn. A -Nan! tất cả chúng sanh, ăn ngọt thì sống, ăn độc thì chết. Chúng sanh nơi đây là chúng sanh trong 12 loài. Ngọt là những thức ăn có thể ăn được. Thức ăn ngọt là những thức ăn không có độc. Còn "Độc" ở đây không

những là độc dược mà bao gồm ngũ tân. Nói tóm lại là những thức ăn mang lại ác nghiệp và giảm thọ. Không phải chỉ những thức độc dược ăn vào sẽ chết liền. Những ai cầu Tam Ma Địa nên loại bỏ ngũ tân. Bước đầu tiên là ngăn chận những ác nghiệp. Ngũ tân trong đây là hành, hẹ, tỏi, kiệu, và hưng cử.

Ngũ tân này hễ ăn chín thì phát lòng dâm. Thịt cũng như vậy. Đó là lý do tại sao Phật tử tu hành không ăn mặn. Ngũ tân làm tăng lòng dâm, không phải lòng từ bi, mà làm tăng thêm sự tham muốn sinh lý dâm dục, cho đến không kiềm chế cơn dâm vọng. Khi ăn ngũ tân sống, làm tăng thêm sân hận. Làm cho chúng ta thêm ngu si. Người có trí tuệ không có sân si. Những ai không kèm chế sân si, phần đông khó nhận ra việc đúng và việc sai. Khi việc xãy ra, họ không thấy được chân lý. Sự nóng giận che mất đi trí tuệ và họ không biết sử lý chuyện xấu xãy ra ngoại trừ nổi cơn nóng giận. Khi sân hiện tiền thì không giúp giải quyết vấn đề một chúc nào. Ăn mặn (thịt) cũng làm cho tăng cái tính tình nóng giận. Và càng ăn nhiều ngũ tân, sân si càng tăng trưởng.

Cho nên người ăn ngũ tân, dù biết giảng mười hai bộ kinh, nhưng mười phương tiên đều chê mùi hôi thối mà tránh xa. Đây nói những người ăn ngũ tân hay uống rượu, ăn mặn. Trong khi đó, chư thiên thường ủng hộ cho những ai trừ bỏ những thứ nầy. Mùi hôi người phát ra phần đông từ những món ăn hằng ngày. Những ai ăn ngũ tân có mùi hôi càng nặng hơn. Nách tay thường hôi hám cho đến có thể ngửi từ xa làm cho mọi người tránh xa. Có một số người có thể thuyết được 12 bộ kinh.

Khi chúng ta ăn uống không được thanh tịnh, họ thường sinh sống với ma quỷ. Chư thiên không tới gần. Ma quỹ là những linh hồn khổ đói. Khi chúng ta ăn uống không thanh tịnh, có nghĩa ăn ngũ tân, đồ mặn, các loài ma quỷ thường tới gần, liếm môi của họ. Sau khi ăn ngũ tân, mùi hôi thường bốc ra và lôi cuốn ma quỷ tới gần và liếm môi của những ai ăn ngũ tân để nếm những món đó. Ma quỷ ăn uống bằng liếm, cho nên những ai ăn ngũ tân thường có ma quỷ kế bên đụng chạm. Quý vị không thấy được, nhưng ma quỹ thường làm việc đó.

Ngươì ấy thường ở chung với ma quỷ, phước đức ngày càng tiêu mòn, chẳng được lợi ích. Người ăn ngũ tân thường ở chung với ma quỷ và ma quỷ quấn quých bên họ, mặc dù người không biết việc đó. Những thiện nghiệp và phước báo ngày càng tiêu mòn và họ không được lợi ích gì cả.

Thị thực tân nhân, tu tam-ma-địa. Bồ Tát Thiên tiên, thập phương thiện thần, Bất-lai thủ hộ. Đại lực Ma Vương, đắc kỳ phương tiện. Hiện tác Phật

thân, lai vi thuyết Pháp. Phi hủy cấm giới, tán dâm nộ si. Mạng chung tự vi, Ma Vương quyến thuộc. Thọ ma phước tận, đọa Vô gián ngục.

Người ăn ngũ tân mà tu Tam Ma Địa, thì Bồ Tát, Thiên Tiên, mười phương thiện thần chẳng đến hộ vệ. Đại lực ma vương có cơ hội hiện ra thân Phật, thuyết pháp cho họ, chê bai giới cấm, tán thán dâm dục và sân si. Người ấy chết thành quyến thuộc ma, khi hết phước báo của ma, liền đọa ngục A Tỳ.

Giảng: Người ăn ngũ tân mà tu Tam Ma Địa thì Bồ Tát thiên thần chẳng đến hộ vệ. Tại sao? Tại vì người ấy hôi hám. Ủng hộ thanh tịnh, các vị tránh xa mùi hôi và chẳng đến hộ vệ. Nhưng các vị thường hộ trì phật pháp, những nơi thanh tịnh, ma quỹ không dám xuất hiện. Và những nơi không thanh tịnh, ma quỷ sẽ lợi dụng. Danh từ “Thanh Tịnh” dành do các vị bồ tát chư thiên hộ trì chánh pháp.

Nhưng có khi vài chổ, các Ma Vương quyến thuộc thấy có cơ hội, hiện thân Phật, thuyết pháp cho người. Thấy kẻ tu hành không có hộ pháp, các ma vương tới lại và đợi cơ hội nhập vào người tu hành. Các ma vương đầy pháp lực, họ có thể hóa chuyển tướng Phật. Chúng tôi khuyên các vị nếu sau nầy trên con đường thiền định, các vị thấy Phật hay Bồ Tát hiện thân, hay các chư thiên ma quỷ lui tới. Nếu là thiệt, các vị sẽ thấy chung quanh họ có hòa quang mát mẻ sáng chiếu. Khi hòa quang chiếu đến quý vị, quý vị sẽ cảm thấy ấm cúng như chưa từng có. Nếu đó là hòa quang thật. Nếu ma quỷ, hòa quang đó rất là nóng. Nhưng cần nhiều trí tuệ mới phân biệt được. Nếu quý vị thiếu trí tuệ, quý vị sẽ không nhận ra sức nóng của hòa quang đó.

Một cách khác để phân biệt ra hòa quang của ma quỷ giả hình là Phật hay Bồ Tát và Phật thiệt bằng cách nhìn vào Phật pháp họ thuyết giảng. Các ma quỷ sẽ thuyết rằng đừng chấp vào ngũ giới, và thường ca ngợi và tình dục, tham sân si. Ma quỷ sẽ thuyết: đừng giữ giới, đó là tiểu thừa. Họ nói tu theo Đại thừa, giết mà không giết. Dục vọng mà không dục vọng. Cho nên không có phạm giới. Nếu anh giết, anh không có phạm tội. Đừng giữ trong lòng những việc nhỏ. Đừng giữ những chi tiết nhỏ trong việc làm. Phạm giới không có vấn đề?

Những việc quý vị làm trước khi quy y tam bảo không có tính là phạm lỗi. Nhưng khi quý vị quy y rồi. Thí dụ như giới sát sanh, quý vị phạm giới sát sanh nếu quý vị giết một chúng sanh khác. Tại sao? Bởi vì quý vị biết đó là sai lầm nhưng vẫn cố ý phạm giới. Nếu quý vị nhận giới không ăn cắp và quý vị ra ngoài và ăn cắp, quý vị đã phạm giới luật.

Quý vị có thể đã phạm tội tà dâm trước khi quy y tam bảo, nhưng đó có thể không tính vì quý vị chưa nhận giới quy y, cho nên không có tính là đó là lỗi lầm trong quá khứ. Nhưng khi quý vị phạm giới sau khi quy y, quý vị đã phạm lỗi. Trước khi quý vị nhận giới cấm nói láo, quý vị không có lỗi với những lời nói. Nhưng sau khi quý vị đã nhận giới luật, quý vị sẽ chịu trách nhiệm cho những lời nói của quý vị. Chuyện như thế nào, nếu quý vị biết thì biết. Nếu không biết thì không biết. Quý vị không thể nào nói rằng quý vị không biết khi quý vị đã biết; hay nói biết khi quý vị không biết. Không nói chuyện vòng quang khi nói chuyện. Con đường thẳng là con đường Giác Ngộ

Có người nghĩ rằng: Vậy tôi không nhận giới luật, vậy tôi không có tội. Đúng không? Nhưng bây giờ quý vị đã biết, tốt nhất là nhận giới, và nếu không, quý vị sẽ bỏ đi một cơ hội tốt. Nếu quý vị không nhận giới luật, quý vị sẽ không có tiến bộ, trong cuộc sống hằng ngày hay trên con đường tu học Phật Pháp. Quý vị nên tiếp tục tu học. Cho nên khi biết đó là điều tốt, quý vị nên nhận giới luật and cẩn thận giữ giới

Nhưng ma vương không giúp lại còn chê bai và phá vỡ giới luật, lại khuyên quý vị không nhận giới luật. Ma vương khen ngợi dâm dục. “Rất thú vị”, ma vương nói, “Càng tham đắm dâm vọng, càng dễ thâm nhập trên con đường tu hành Phật Pháp. Thí dụ như Ma Vương, hằng ngày có 2 tới 3 trăm ma nữ, nhưng vẫn tu thành A Tu La Vương

Vậy có sao đâu? Thật ra, khi ma vương khen ngợi tình dục, quý vị biết ngay lập tức rằng đó không phải là Phật. Còn về sân hận, ma vương nói: “Có tình sân không có vấn đề. Cái sân càng lớn, Giác ngộ càng nhanh. Sau đó, si tình là giác ngộ. Chúng tiếp tụ, càng nhiều si tình, trí tuệ càng tăng. Không có chi. Sân hận lúc nào các bạn muốn”. Các ma vương thường khen tham sân si như vậy. “Si Mê” nghiã là ngu dại và làm việc nghịch lý lẽ.

Thông qua một quá trình liên tục của sự ngu si đần độn và chậm chạp, tình trạng ngu xuẩn lộn ngược xảy ra trong thế giới này. Vô minh với sự bướng bỉnh đã trở thành tám mươi bốn ngàn loại suy nghĩ ngẫu nhiên, khô cạn và suy nhược.

Và chúng sinh không có suy nghĩ biến thành đất, gỗ, kim loại, hoặc đá. Tất nhiên, điều này không xảy ra với mọi sinh vật ngu xuẩn. Thường không xảy ra. Nhưng ở đây ma vương ca ngợi ảo tưởng; ma vương nói với quý vị rằng càng ngu dại, càng tốt. Khi nếu quý vị ngu ngốc, quý vị sẽ dễ cho ma vương khuấn rũ quý vị tuân theo hướng dẫn của ma vương. Quý vị sẽ rơi vào ngay. Bạn sẽ trở thành một trong sự cai trị của các vị ma vương.

Gần đây, một cuốn sách xuất phát từ Ấn Độ chuyên về ca ngợi thực hành Mật thừa của nam và nữ tu luyện cùng nhau. Đây là một cuốn sách được viết bởi ma quỷ. Ma quỷ khen ngợi sự ham muốn tình dục và không hướng dẫn mọi người nên chấm dứt nó. Họ nói rằng không cần cắt bỏ sự ham muốn tình dục mà người ta vẫn có thể trở thành Phật. Nhưng Phật là thuần khiết, trong khi điều bẩn thỉu nhất, cảm xúc đục nhất, là tình dục.

Trong tiếng Trung, chữ kết hôn chứa một nhân vật là sự kết hợp của từ "người phụ nữ" và từ "nhầm lẫn", hoặc "ảo tưởng tối tăm". Chữ hôn nhân đó nói rằng ngay khi một người kết hôn, người mất trí tuệ. Cuộc đời của một người sinh sống trong đêm bóng tối và tạp chất. Giống như con người đang ngủ mê qua ngày tháng, và khi con người ngủ, người ta hoàn toàn quên lãng mọi thứ. Đó là ngu xuẩn. Mặt khác, những gì chúng tôi vừa nói về hôn nhân không phải luôn luôn như vậy.

Quý vị phải linh hoạt khi xem mọi thứ. Bạn không thể quá cứng nhắc trong tư tưởng. Mặc dù tôi đã nói rằng hôn nhân là nhầm lẫn, bạn có thể cố gắng đạt được sự hiểu biết trong sự nhầm lẫn đó.
Bạn có thể nhập việc nhầm lẫn đó nhưng không bị lúng túng. Tuy Thích Ca Mâu Ni Phật kết hôn, nhưng đức Phật là người khôn ngoan nhất.

Nếu nó báo động bạn, vậy đừng ăn ngũ tân. Nếu quý vị không ăn ngũ tân, các vị thiên thần và hộ pháp sẽ bảo vệ quý vị và những ma quỷ sẽ xa lánh. Nếu quý vị có thể kết hôn và tỉnh táo, quý vị sẽ không chìm vào sự nhầm lẫn đó. Nếu quý vị nhập vào tình huống, quý vị đừng để chuyện đó quay chuyển. Đừng nhầm lẫn những gì tôi nói là có nghĩa là tôi phản đối cho bất kỳ ai kết hôn. Tôi chỉ khám phá một nguyên tắc.

"Khi cuộc sống của họ kết thúc, những người này sẽ tham gia vào hạng ma quỷ. "

Điều này đề cập đến những người ăn ngũ tân. Bởi vì họ ăn như vậy, các vị chư thiên, bồ tát, hộ pháp không bảo vệ chúng. Do đó, ma quỷ có ma lực có thể sai khiến họ. Các ma vương hiện thân như một vị Phật và nói ma pháp với họ, ca ngợi việc say mê tình dục, giận dữ và ngu si. Đã từng bối rối ma lực, những người này mất trí tuệ chân chính và quan điểm thích hợp trong bất kỳ thực tế nào. Thay vào đó, đầu óc chứa đựng những kiến thức và quan điểm sai lệch. Ma vương nói ham muốn tình dục là tốt, và họ tin điều đó. "Đức Phật nói với tôi như vậy! Ông ấy nói là không có vấn đề gì. "Điều đó được gọi là nhầm lẫn tên trộm là con trai của mình. Một sai lầm ma vương gắn cho đức Phật.

Do đó, “Khi họ cuộc sống kết thúc, những người này sẽ thống chế trong sự cai trị của các ma vương. ”Khi nào các phước lành trần tục của họ được sử dụng hết, họ chết và ngoan ngoãn nằm trong sự cai trị của ma vương. “ Khi họ sử dụng hết phước lành như quỷ, họ sẽ rơi vào Vô Gián Địa ngục.”

Quỷ cũng có loại phước lành của riêng họ. Có một người tu luyện đọc tên của A Di Đà Phật. Tuy nhiên, anh ấy đặc biệt ly tham lam, đặc biệt là bạc và vàng. Anh ta đã niệm Phật, nhưng đó là vì anh ấy đã nghe nói rằng: Vùng đất cực lạc cuối cùng được làm bằng vàng, và anh ta đoán anh ta có thể tích lũy một số lượng lớn khi anh ấy đến đó.

Sau đó một hôm ngài thấy Đức Phật A Di Đà đến. Phật nói với anh ta: “Hôm nay anh sẽ được tái sinh trong cõi cực lạc, và anh có thể mang theo vàng bạc của anh. “Vì vậy, ông đặt bốn hoặc năm trăm lượng vàng trên hoa sen, hoa mà Đức Phật A Di Đà đang cầm. Nhưng trước khi anh ta có cơ hội nhảy lên hoa, hoa biến mất, cũng như Đức Phật cầm hoa. “Ồ,” người đàn ông nghĩ: “Phật A Di Đà cũng thích tiền. Anh ta chạy hết với tất cả vàng của tôi! ” Vào khoảng thời gian đó, trong hộ gia đình của nhà tài trợ ở khu anh ta đang sống, một con lừa mới sinh ra đã chết. Họ nhận thấy bụng của con lừa trẻ rất cứng và nặng nề, và khi họ mổ bụng ra, họ thấy vàng bạc của người tu luyện cũ bị giấu ở bên trong. Lúc thời điểm đó, anh ta nhận ra cái tham của anh ta nặng đến mức nào, và anh ta vui mừng rằng anh ta đã không đi với “A Di Đà Phật, ” Vì nếu anh ta đã đi, anh ta sẽ tái sanh làm con lừa bé đó. Và anh ta biết rằng “Phật A Di Đà” đã đến không phải là một đức Phật thực sự.

Có người thắc mắc, có Phật A Di Đà thực không? Dĩ nhiên có. Nhưng bởi vì mọi người có kiến thức và quan điểm sai lệch. Cũng có ma vương có thể biến hoá giống như Đức Phật A Di Đà. Rõ ràng, chúng ta nên hướng thẳng và giữ giới. Nhưng làm thế nào để bạn làm điều đó? Hãy hết sức cẩn thận để không tham. Bất kỳ ai có ý tưởng rằng anh ta có thể đến vùng đất cực lạc để khai thác mỏ vàng, hãy thức dậy nhanh chóng. Mặc dầu cõi Tịnh Độ có thể được lát bằng vàng, bạn không thể chứa đựng những suy nghĩ tự lợi ích và lập mưu kế hoạch khai thác mỏ vàng như ý. Trong tu hành, chỉ vì một ý nghĩ có thể mang tới ác nghiệp.

Văn bản nói rằng vì con người ăn ngũ tân và có kiến thức và quan điểm sai lầm, đầu tiên họ trở thành ma quỷ, và sau đó rơi vào địa ngục. Khi nào họ ra ngoài? Không ai biết

A-nan! Tu Bồ-đề giả, vĩnh đoạn ngũ tân. Thị tắc danh vi, đệ nhất tăng tiến, tu hành tiệm thứ.

A Nan! Người tu đạo Bồ Đề phải dứt hẳn ngũ tân, ấy gọi là tiệm thứ tu hành tinh tấn thứ nhất.

Giảng: "Ananda có nghe không? Những người tu hành trên con đường đi đến Giác Ngộ, không bao giờ nên ngũ tân. Bạn chắc chắn phải ngừng ăn hành tây, tỏi, tỏi tây, hành lá và hẹ. Nếu bạn ăn những thứ này, bạn có thể nằm trong công ty của vua quỷ. Nếu bạn không ăn những thứ này, bạn có thể tham gia vào lễ hội của Đức Phật. "Đây là bước đầu tiên trên giai đoạn tu hành. "Đây là bước tiến bộ đầu tiên trên con đường tu hành. Trong tu hành, người ta phải loại bỏ viện trợ trong việc tạo ra ác nghiệp. Ngũ tân là một nguyên nhân hỗ trợ các vị ma vương. Bạn không nên coi họ không quan trọng. Ngũ tân sẽ làm cho bạn tối tăm và bối rối. Nó sẽ khiến bạn không thanh tịnh, và tạp chất của bạn khiến bạn cùng với việc làm của ma quỷ, vì một người không thanh tịnh, ma quỷ càng thích.

Nhị giả chân tu. Khô kỳ chánh tánh.

* * *

Vân hà chánh tánh? A-nan! Như thị chúng sanh, nhập tam-ma-địa. Yếu tiên nghiêm trì, thanh tịnh giới luật. Vĩnh đoạn dâm tâm, bất thực tửu nhục. Dĩ hỏa tịnh thực, vô đạm sanh khí.

Sao nói là chánh tánh? A Nan! Chúng sanh muốn vào Tam Ma Địa, trước tiên phải giữ giới trong sạch, dứt hẳn lòng dâm, chẳng dùng rượu thịt, chỉ ăn đồ nấu chín, chẳng ăn đồ sống.

Giảng: Giai đoạn đầu tiên bao gồm việc loại bỏ trợ giúp như ăn thịt. Thứ hai dần đến giai đoạn liên quan đến bản chất của hành vi phạm tội nghiệp báo. "Cái gì là bản chất của vi phạm tội nghiệp báo?

Anan, chúng sanh muốn vào Tam Ma Địa trước tiên phải vững chắc duy trì giới luật trong sạch. "

Các bản chất của tội nghiệp là do các hoạt động của nghiệp ý thức. Ý thức nghiệp phải được biến đổi, và phải thực hiện bằng cách giữ giới luật. "Kiên trì vững chắc" có nghĩa là vững chắc với chính mình. Chính mình không phải là một chút bình thường hoặc cẩu thả. Chính mình dựa vào giới luật tu hành.

Bất cứ điều gì quý vị đã làm trước khi nhận giới không tính như một vi phạm, bởi vì quý vị đang ở trong sự thiếu hiểu biết. Nếu quý vị không biết mình làm hành vi phạm tội, quý vị không cam kết lỗi. Nhưng một khi quý vị nhận được giới luật, quý vị không thể duy trì hành vi phạm tội của quý vị. Trước khi quý vị nghe về giới luật, quý vị có thể thích thú với những thứ không phù hợp với các quy tắc. Nhưng một khi bạn học qua giới luật, quý vị nên nhận giới và sau đó không thưởng thức các hoạt động đó nữa

Quý vị phải cắt đứt suy nghĩ của ham muốn tình dục. ". "Tình dục" đề cập đến tình yêu và ham muốn, được sinh ra từ vô minh. Tình yêu không được thành lập trên sự thiếu hiểu biết, theo nghĩa là nó sự yêu thương với vợ chồng và con cái, không phải là những gì có nghĩa là đây.

Hoặc, nếu nguyên nhân đặc biệt và điều kiện phát sinh khi phát nguyện để giúp đỡ người khác, và quý vị không ích kỷ tìm kiếm một số ít hạnh phúc, điều đó cũng sẽ được coi là vi phạm, bởi vì sự mong muốn của quý vị là giúp đỡ ai đó tuy rằng việc đó quý vị không thích nhưng vẫn làm để giúp người khác. Đó là tạm thời thuận tiện và không vi phạm.

"Không ăn uống rượu thịt." Quý vị nên ăn thức ăn thuần chay. Điều gì sai lầm trong ăn uống rượu vang và thịt? Rượu và rượu nói chung làm giảm tính chất của một người. Một khi quý vị uống rượu, quý vị mất đi lý trí ngay thẳng. Và sau đó quý vị có thể làm bất cứ điều gì. Quý vị sẽ giống như người đàn ông trong câu chuyện tôi đã nói trước khi đã phá vỡ một giới luật chống lại các chất độc và cuối cùng vi phạm tất cả năm giới.

Nếu một người không uống rượu, lý trí của một người sẽ không bị phân tán và hành động của một người sẽ không bị điên đảo. Một lý do khác là mùi rượu và các đồ uống có cồn khác. Có thể được coi là có mùi thơm với con người và ma quỷ, nhưng lại làm rối loạn Bồ tát và chư thiên. Họ không thích mùi rượu.

Bồ Tát và A-la-hán coi mùi rượu như chúng ta coi mùi nước tiểu. Đối với họ, nó xếp hạng vào mùi hôi thối. Mọi người không thích ở xung quanh nhà vệ sinh, bồn rửa và cống rãnh, nhưng có một số dung bọ cánh cứng suốt cuộc đời chúng ăn phân trong nhà cầu và cống rãnh. Chúng nó thích.

Thêm nữa, rượu và thịt là kích thích tình dục. Cho nên những người trên con đường tu hành không nên tiêu thụ những thứ này.

Họ nên "Ăn nấu chín chứ không phải là thực phẩm sống.". Tất cả thực phẩm nên được nấu chín, ngay cả rau, trước khi chúng được ăn, bởi vì hầu như tất cả các loại thực phẩm sống sẽ làm tăng sự sân si của con người

A-nan! Thị tu hành nhân. Nhược bất đoạn dâm, cập dữ sát sanh, xuất tam giới giả, vô hữu thị xứ. Thường quán dâm dục, do như độc xà, như kiến oán tặc. Tiên trì Thanh văn, tứ khí bát khí, chấp thân bất động. Hậu hành Bồ Tát, thanh tịnh luật nghi, chấp tâm bất khởi. Cấm giới thành tựu. Tắc ư thế gian. Vĩnh vô tướng sanh, tướng sát chi nghiệp. Thâu kiếp bất hành, vô tướng phụ luy. Diệc ư thế gian, Bất hoàn túc trái.

A Nan! Người tu hành nếu chẳng dứt dâm dục và sát sanh, mà muốn ra khỏi ba cõi thì chẳng có chỗ đúng. Nên phải xem sự dâm dục như rắn độc, như kẻ thù. Trước tiên phải giữ Tứ khí, Bát khí của giới Thanh Văn, trì thân chẳng động, sau hành theo luật nghi trong sạch của Bồ Tát, trì tâm chẳng khởi. Giới cấm đã thành tựu, đối với thế gian, trọn chẳng còn những nghiệp tương sanh tương sát; đã chẳng trộm cắp thì chẳng mắc nợ nhau, và khỏi phải trả nợ của thế gian.

Giảng: "Tình dục ám chỉ đến sự ham muốn tình dục không đúng đắn. Đó là người không đủ trí tuệ rồi nghĩ rằng người dâm dục có thể trở thành Phật.

Người tu hành nếu chẳng dứt dâm dục và sát sanh, mà muốn ra khỏi ba cõi thì chẳng có chỗ đúng. Nên phải xem sự dâm dục như rắn độc, như kẻ thù. Trước tiên phải giữ Tứ khí, Bát khí của giới Thanh Văn, trì thân chẳng động, sau hành theo luật nghi trong sạch của Bồ Tát, trì tâm chẳng khởi. Giới cấm đã thành tựu, đối với thế gian, trọn chẳng còn những nghiệp tương sanh tương sát; đã chẳng trộm cắp thì chẳng mắc nợ nhau, và khỏi phải trả nợ của thế gian.

"Bạn nên nhìn vào sự dâm dục mong muốn như một con rắn độc hay một tên cướp ". Hãy suy nghĩ này: ham muốn giống như một con rắn độc. Nếu nó cắn quý vị một lần, quý vị có thể mất mạng. Nếu quý vị coi sự ham muốn như độc hại như thế, quý vị sẽ không còn thỏa thích trong đó. Ngay cả thao khát dâm dục vọng sẽ không phát sinh. Tại sao? Chỉ cần tưởng tượng rằng một ý nghĩ bạo lực như gặp một con hổ hoặc sói.

Sẽ ổn nếu bạn không gặp những con vật như vậy, nhưng nếu bạn làm vậy, bạn có thể mất mạng. Hoặc xem xét những suy nghĩ như vậy như một kẻ nổi loạn hay kẻ trộm, kẻ mang một mối hận thù. Sự oán giận của anh đẩy anh đến điểm giết người.

"Trước tiên phải giữ Tứ khí, Bát khí của giới Thanh Văn". Bạn phải giữ lời khuyên của các vị Thanh Văn, chế ngự việc giết, ăn cắp, thèm khát, và nói dối. Những điều này áp dụng cho cả hai nam và nữ tăng đoàn; Ngoài ra, giữ giới

với việc gia chạm. Tám Bát khí trên và phạm giới điều áp dụng cho tăng đoàn. Giữ gìn giới luật để kiểm soát những hoạt động thể chất của bạn. ”

Quý vị duy trì những các giới luật để tránh tạo ra những ác nghiệp này. “Sau đó hành theo luật nghi trong sạch của Bồ Tát, trì tâm chẳng khởi.” Sau đó, bạn tu hành Bồ Tát Giới.

Quý vị đã nhận được Thập Thiện và 48 Bồ Tát giới, hãy nên đặc biệt chú ý để quy định. Sau đó tâm trí của bạn
sẽ không làm nảy sinh ý nghĩ của dục vọng. Bạn sẽ không có suy nghĩ giả dối như vậy nữa. Đây là con đường mà những người tu hành phải đi qua.

“Giới cấm đã thành tựu, đối với thế gian, trọn chẳng còn những nghiệp tương sanh tương sát; đã chẳng trộm cắp thì chẳng mắc nợ nhau, và khỏi phải trả nợ của thế gian.”

Khi các giới luật cấm được duy trì thành tựu. “Cấm” ngụ ý của sự kiềm chế. “Giới luật” định nghĩa là “ngăn chặn điều ác và chống lại việc làm sai trái”. Giới luật được chia thành bốn khía cạnh:
1) bảo trì;
2) kiềm chế;
3) ngoại lệ;
4) vi phạm.

Đôi khi ngoại lệ được thực hiện, vì vậy bạn không được xem là đã vi phạm giới luật ngay cả khi bạn đã hành động chống lại nó.

“Restraints,” như đã đề cập, đề cập đến các lệnh cấm. Nó phải tôn trọng vì khi vi phạm chúng sẽ gây ra thêm tội lỗi, như trong việc kiềm chế uống rượu sẽ tránh vi phạm các giới luật khác.

“Bảo trì” có nghĩa là duy trì các giới luật và tu hành theo theo quy tắt.

“Vi phạm” đề cập đến việc phá vỡ một giới luật.

Sự kiện sau đây sẽ minh họa khía cạnh của ngoại lệ. Một lần khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trên thế giới, đã có hai vị tu hành trên núi. Một ngày, một trong hai vị đi xuống núi để lấy thức ăn trong khi vị kia đang ngủ. Tại Ấn Độ vào thời điểm đó, người tu sỉ chỉ đơn giản mặc khăn thắt lưng quấn quanh; họ không mặc quần áo bên dưới. Vị tăng này đã cởi áo choàng của mình và đang ngủ khỏa thân.

Anh ta có lẽ là một người lười biếng, và không có ai trên núi để theo dõi anh, anh quyết định ngủ một giấc. Vào thời điểm đó, có một người phụ nữ đã đi

ngang qua và nhìn thấy vị tăng, cô đã lên cơn dục vọng và lợi dụng thầy tăng. Ngay khi cô ấy đang chạy tránh xa hiện trường, người tăng sĩ khác đã trở lại từ thị trấn và nhìn thấy cô ấy đang trốn. Khi điều tra, anh phát hiện ra rằng người phụ nữ đã lợi dụng giấc ngủ của thầy tăng, và ông quyết định theo đuổi cô, bắt cô, và đưa cô đến trước Đức Phật để phản đối. Anh ấy đã đuổi theo cô ấy, và người phụ nữ trở nên liều lĩnh đến nỗi cô ấy trượt khỏi đường và ngã xuống núi chết.

Cho nên một tăng đã vi phạm giới luật tình dục và tăng kia đã phá vỡ giới luật giết người. Mặc dù vị tỳ kheo kia đã không có ý đẩy cô ấy xuống núi, cô ấy sẽ không rơi nếu anh không theo đuổi cô.

"Thật là một chuyện kinh hoàng hỗn độn đối với hai vị tỳ kheo. Lộn xộn như vậy, họ phải đi đến trước Phật và mô tả hành vi phạm tội của họ. Đức Phật gọi họ đến hỏi Tôn giả Ưu Bà Ly. Nhưng khi Tôn giả Ưu Bà Ly nghe những chi tiết, phán quyết của tôn giả là: một tăng đã phạm tội hoạt động tình dục và tăng kia phạm tội giết người, tội lỗi không thể được miễn. "Cả hai tăng sẽ phải chịu đựng những địa ngục trong tương lai, " tôn giả kết luận.

Nghe điều này, hai vị tỳ kheo khóc, và họ đã ra đi khắp mọi nơi, cố tìm một người có thể giúp họ. Cuối cùng, họ tìm thấy một Đại giáo viên và ngài hỏi tại sao hai tăng lại khóc. Khi hai tăng thông qua chuyện của họ, vị giáo viên ấy lên tiếng phán xét rằng các tăng đã không vi phạm giới luật.

"Nếu các tăng có thể ăn năn sám hối, vị giáo viên ấy nói," sau đó tôi có thể xác nhận rằng các tăng không phá giới luật."

"Làm thế nào có thể được?" Hai vị tỳ kheo hỏi.

"Bản chất tự tánh tội phạm về cơ bản là trống rỗng," trả lời giáo viên . "Bạn không vi phạm giới luật một cách có cố ý, và vì vậy nó không được tính. Nó là một ngoại lệ. "

Nghe lời giải thích này của Đại giáo viên, hai vị tỳ kheo đã chứng ngộ tại chỗ và được chứng nhận là đắc được quả vị. Sau đó, họ trở thành A La Hán. Vì vậy, có nhiều lời giải thích trong giới luật cấm. Nhưng nếu mọi người luôn nhìn vào ngoại lệ, họ đơn giản sẽ không giữ giới luật. Họ sẽ cầu xin các ngoại lệ, cho nên Đức Phật không nói nhiều về khía cạnh này.

Nếu một người duy trì giới luật, "Người ta sẽ không tạo ra ác nghiệp đưa dẫn đến những nơi giao dịch trong tái sinh và giết nhau trong thế giới này."

Một người được sinh ra và sau đó giết chết, và nạn nhân được tái sinh và giết chết người đã giết anh ta. Nhưng bây giờ phạm tội nghiệp tạo ra trong chu kỳ

của luân hồi lẫn nhau và giết chết lẫn nhau.
“Nếu có ai không ăn cắp, người đó sẽ không mắc nợ, và người đó sẽ không phải trả nợ quá khứ trong thế giới này. ”

Các hành vi phạm tội ăn cắp cũng sẽ chấm dứt khi một người ngừng ăn cắp.
“TÔI sẽ không lấy đồ của bạn, và bạn sẽ không lấy tôi. Tôi sẽ không ăn thịt của bạn, và bạn sẽ không ăn thịt tôi. Tôi sẽ không mắc nợ bạn và bạn sẽ không mắc nợ tôi. Bằng cách đó, chúng tôi sẽ không phải trả tiền cho nhau.

”Bạn sẽ không phải trả nợ cho những tấm gương đã cam kết trong quá khứ một lần bạn cắt đứt mối quan hệ của bạn với động vật bằng cách không ăn thịt. nếu bạn không ăn thịt của họ, thế thì bạn không có bất kỳ mối liên hệ nào với họ

Thị thanh tịnh nhân, tu tam-ma-địa. Phụ mẫu nhục thân. Bất tu Thiên nhãn. Tự nhiên quán kiến, thập phương thế giới. Đổ Phật văn Pháp, thân phụng Thánh chỉ. Đắc đại thần thông, du thập phương giới. Túc mạng thanh tịnh, đắc vô gian hiểm. Thị tắc danh vi, đệ nhị tăng tiến, tu hành tiệm thứ.

Người trong sạch ấy tu Tam Ma Địa, với cái thân của cha mẹ sanh, chẳng cần thiên nhãn, tự nhiên thấy được mười phương thế giới, gặp Phật nghe pháp, vâng lãnh thánh chỉ, được đại thần thông, dạo khắp cõi mười phương, túc mạng trong sạch, chẳng còn những điều khó khăn nguy hiểm, ấy gọi là tiệm thứ tu hành tinh tấn thứ hai.

Giảng: Nếu người trong sạch theo cách này, người không ăn ngũ tân, không uống chất độc, và không ăn thịt, và có thể giữ vững bốn khí ,bát chánh đạo, giới luật – nếu những người như vậy nuôi dưỡng tánh bồ đề, họ sẽ tự nhiên có thể chiêm ngưỡng mức độ của mười phương với nhục nhãn của cha mẹ sanh; mà không cần thiên nhãn. ” Họ không cần phải có sức mạnh của thiên nhãn để nhìn thấy xung quanh họ một cách tự nhiên.

“Họ sẽ thấy Phật giảng pháp và nhận trực tiếp chỉ dẫn trí tuệ. ” Họ sẽ có thể gặp Phật và nghe Pháp. Họ sẽ đích thân gặp Phật hướng dẫn từ bi.

“Có được sự thâm nhập tâm linh, họ sẽ đi lang thang qua mười phương, biết được rõ ràng về cuộc sống quá khứ, và sẽ không gặp khó khăn và nguy hiểm. ”

Thân lực của họ sẽ cho phép họ đi qua mười chỉ đường khi ở nơi này. Họ sẽ có được kiến thức về tương lai. Họ tự tại với những thứ trên cơ thể của họ. Mặc dù họ chưa thu được thần lực của thiên nhãn, như là họ có. Điều này cũng

đúng cho thần lực của thiên nhĩ. Họ sẽ không bao giờ gặp khó khăn hoặc tìm thấy chính mình trong vị trí nguy hiểm.

“Đây là lần tiệm thứ tu hành tinh tấn thứ hai. Những gì đã được thảo luận là cần phải cắt bỏ bản chất của ác nghiệp.

Quý vị phải sửa chữa cái ác nghiệp của mình. Cho đến bây giờ nó đã không là đúng, và vì vậy người ta phải làm việc trong quy tắc để thay đổi. Người ta phải bảo vệ và duy trì giới luật và các quy tắc. Chỉ vậy, việc duy trì giới luật, “Là tiệm thứ tu hành tinh tấn thứ hai.

— o0o —

Tam giả tăng tiến. Vi kỳ hiện nghiệp

Vân hà hiện nghiệp? A-nan! Như thị thanh tịnh, trì cấm giới nhân, tâm vô tham dâm. Ư ngoại lục trần, bất đa lưu dật. Nhân bất lưu dật, triền nguyên tự quy. Trần ký bất duyên, căn vô sở ngẫu. Phản lưu toàn nhất, lục dụng bất hành. Thập phương quốc độ kiểu nhiên thanh tịnh. Thí như lưu ly, nội huyền minh nguyệt. Thân tâm khoái nhiên, diệu viên bình đẳng, hoạch đại an ẩn. Nhất thiết Như Lai, mật viên tịnh diệu, giai hiện kỳ trung. Thị nhân tức hoạch, Vô sanh Pháp nhẫn. Tùng thị tiệm tu, tùy sở phát hành, an lập thánh vị. Thị tắc danh vi, đệ tam tăng tiến, tu hành tiệm thứ.

Sao nói là hiện nghiệp? A Nan! Người giữ giới trong sạch như thế, tâm chẳng tham dâm thì chẳng dong ruổi theo lục trần bên ngoài, do sự chẳng dong ruổi tự xoay về bản tánh, đã chẳng duyên theo cảnh trần thì lục căn chẳng chỗ nương tựa, ngược dòng về Nhất, lục dụng chẳng thành, mười phương quốc độ sáng suốt trong sạch, ví như lưu ly, bên trong có trăng sáng, thân tâm an lạc, diệu viên bình đẳng, được đại yên ổn, tất cả mật viên tịnh diệu của Như Lai đều hiện trong đó, người ấy liền được vô sanh pháp nhẫn. Từ đó dần dần tùy theo cấp bậc tu chứng an lập thánh vị, ấy gọi là tiệm thứ tu hành tinh tấn thứ ba.

Giảng: Trước tiên chúng tôi thảo luận về nguyên nhân hỗ trợ trong việc tạo ra ác nghiệp. Tiếp theo chúng ta đã nói về việc sửa chữa bản chất của ý thức nghiệp tạo ra hành vi phạm tội. Bây giờ thảo luận việc quay chuyển nghiệp chướng.

“Biểu hiện của nghiệp là gì?”. Nó là nghiệp tạo ra trong kiếp này.
Quý vị phải chống lại nó; phản đối nó. Quý vị không nên cho phép thân tâm mình tuân hành trong việc tạo tác nghiệp chướng. Quý vị nên quay trở lại từ nó.

“Anan, những người như vậy, những người thuần khiết và là người duy trì các giới luật cấm đoán, không có ý nghĩ tham lam và ham muốn. ” Điều này đề cập đến những người chúng ta đã thảo luận, những người ở giai đoạn này tinh khiết và giữ gìn giới luật. Những người không tham đắm trong hạnh phúc giả tạo và ảo tưởng của dục vọng,

“Và vì vậy họ không trở nên chiềm đắm trong lục trần, lục thức” Họ không được bị ảnh hưởng lôi cuốn của sáu thức: sắc, thanh, hương vị, xúc và pháp. Họ hồi quang phản chiếu và quay lại bổn giác.

“Bởi vì họ không theo đuổi theo lục trần, tự xoay về bản tánh” Họ không đeo đuổi theo lục thức, và như vậy tự xoay về bản tánh, hồi quang phản chiếu và quay lại hào quang của tự tánh và quay lại nghe tự tánh của họ. Họ nuôi dưỡng sự thâm nhập hoàn hảo của nhĩ căn. “Không có cơ hội cho lục trần làm mờ ám, không còn gì cho các thức tiếp xúc với lục trần. Họ không còn có cái kết nối giữa lục thức với lục trần. Mối quan hệ đã bị cắt đứt khi mọi thứ ngừng theo đuổi họ, và vì vậy lục thức không còn phù hợp với các đối tượng cảm giác,

“Và vì vậy họ đảo ngược dòng sanh tử của họ. ” Điều đó đề cập đến việc tu hành hoàn hảo qua sự xâm nhập của nhĩ căn, theo đó mà đi ngược dòng sanh tử và quên đi chổ động tịnh.

“Lục căn làm việc như một căn” sáu căn liên quan thâm nhập và hoạt động cùng nhau. Các căn không còn hoạt động riêng biệt ”. Lục căn không còn rong đuổi theo sáu thức.

“mười phương quốc độ sáng suốt trong sạch, ví như lưu ly, bên trong có trăng sáng”. “Tất cả các vùng đất của mười hướng hiện rực rỡ rõ ràng và tinh khiết như ánh sáng phản xạ trong tinh thể. ” Trong các từ khác, chúng là trong sáng rõ ràng và hiển thị tất cả.

“thân tâm an lạc, diệu viên bình đẳng, được đại yên ổn”. Khi ánh sáng của trăng tròn chiếu thông qua ngọc lưu ly, ánh sáng chói và minh bạch hoàn toàn chiếu thông qua. Sự tương tự này biểu thị trạng thái của những người tu hành đã đạt tới mức độ mà cả thân tâm của họ đều thuần khiết. Cảm giác diệu viên bình đẳng này là cảm giác chính mình trải nghiệm, không phải cảm giác người khác có thể cảm nhận được.

“tất cả mật viên tịnh diệu của Như Lai đều hiện trong đó, người ấy liền được vô sanh pháp nhẫn. Từ đó dần dần tùy theo cấp bậc tu chứng an lập thánh vị, ấy gọi là tiệm thứ tu hành tinh tấn thứ ba.”. Sự hoàn hảo bí mật và kỳ diệu tinh khiết của Như Lai đề cập đến bản chất Phật Pháp thuần khiết của Đức Phật. Tại

đây nói rằng họ "xuất hiện trước họ". Một người tu hành như vậy có thể trải nghiệm trạng thái này. Người ấy liền đắc được vô sanh pháp nhẫn, có nghĩa là bởi sự kiên nhẫn với tái sanh? Người tu hành không thấy các pháp sanh, cũng không thấy Pháp diệt. Pháp không sanh cũng không diệt. Nhưng không phải là dễ dàng để có được trạng thái này. Họ ở đó dần dần tu hành theo cấp bậc tu chứng an lập thánh vị, cho đến khi thân trụ ở những vị trí khổ cực, đạt được sự kiên nhẫn vô sanh, họ dần dần tiến bộ trong thực hành của họ khi họ trải qua các bậc cấp tu chứng an lập thánh vị, thân tâm không bị rung chuyển hoặc di chuyển.

"Đấy gọi là tiệm thứ tu hành tinh tấn thứ ba", ngăn chặn sự biểu hiện của nghiệp chướng.

— o0o —

KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH NHƯ LAI MẬT NHƠN
TU CHỨNG LIỄU NGHĨA
CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH
THỦ LĂNG NGHIÊM

QUYỂN 8.2

— o0o —

TUYÊN HÓA THƯỢNG NHÂN
giảng thuật

— o0o —

NGŨ THẬP NGŨ VỊ

A-nan! Thị Thiện nam tử, dục ái kiền khô, căn cảnh bất ngẫu. Hiện tiền tàn chất, bất phục tục sanh. Chấp tâm hư minh, thuần thị trí tuệ. Tuệ tánh minh viên, oánh thập phương giới. Kiền hữu kỳ tuệ, danh kiền tuệ địa.

A Nan, người tu hành khi ái dục khô khan, sáu căn không còn chạy theo sáu trần nhiễm trước, lúc bấy giờ chỉ có trí huệ khô khan, chưa thấm nhuần nước pháp của Phật. Đây là địa vị đầu tiên tên Càn huê địa, lần lần tấn tu vào địa vị

Giảng: Đức Phật gọi, "Anan, những thiện tri thức này, khi ái tình và dục cảm bị khô héo và khô khan. "Những thiện tri thức này là những vị đã trải qua ba giai đoạn, tam chủng tiệm thức, vừa được thảo luận. "Khô héo và khô" có nghĩa là không còn suy nghĩ về ham muốn tình cảm và tình yêu. Sáu căn không còn chạy theo sáu trần nhiễm trước. " Sáu giác quan không còn nữa tìm kiếm để phù hợp với sáu trần cảnh. Vì vậy các thói quen không tiếp tục nảy sinh. Thói quen còn lại ám chỉ đến một chút thiếu hiểu biết, vô minh, mà những người này vẫn còn lưu giữ. Những chuyện vô minh đã bớt đi, nó không tiếp tục tăng trưởng.

Các chướng ngại và nghiệp cũng ít bớt đi. Vì vậy với trí tuệ lúc bây giờ, họ hiểu rằng những ý chấp trong tâm trí là sai. Tâm trí của họ trở nên sáng rõ như tánh không. Bản chất tự nhiên của họ cảm nhận được sự hoàn hảo của trí tuệ. "Hoàn toàn khôn ngoan" có nghĩa là họ không có bất kỳ sai lầm nào khác trong suy nghĩ. Những suy nghĩ trong tâm trí của họ đưa ra từ sự khôn ngoan. Ánh hòa quang từ tâm trí chiếu sáng khắp mười phương. Trí tuệ soi sáng tràn đầy. Đây là địa vị đầu tiên tên Càn huê địa, được gọi là 'giai đoạn khô khan trí tuệ'. Ái dục đã được khô cạn, tất cả những điều đó trái với trí huệ. Giai đoạn này của sự khôn ngoan khô cạn cũng được gọi là "Càn huê địa". Địa có nghĩa là "không thể phá hủy." Giai đoạn này là bước đầu tiên hướng vào địa vị

Tiếp sau đây sẽ thoả luận về 55 địa vị của bồ tát: Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Tứ Gia Hạnh, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác

— o0o —

THẬP TÍN

1. **Tín tâm trụ: Dục tập sơ kiền, vị dữ Như Lai, Pháp lưu thủy tiếp. Tức dĩ thử tâm, trung trung lưu nhập. Viên diệu khai phu, tùng chân diệu viên. Trọng phát chân diệu, diệu tín thường trụ. Nhất thiết vọng tưởng, diệt tận vô dư. Trung đạo thuần chân, danh tín tâm trụ.**

Tín tâm trụ – Tập khí tham dục mới cạn, chưa nối được dòng pháp của Như Lai, tức dùng tâm này chảy vào trung đạo, tánh viên diệu được mở mang, từ chỗ chơn diệu viên lại phát ra chơn diệu, diệu tín thường trụ, tất cả vọng tưởng đều dứt sạch, trung đạo thuần chơn, gọi là Tín Tâm Trụ.

Giảng: Mặc dù thói quen của ham muốn ái dục lúc ban đầu mới khô cạn, họ vẫn chưa nối được dòng pháp của Như Lai. Đây là "dòng chảy của Pháp sư "không nói đến Pháp được thuyết. Đó là nước của Pháp tuôn chảy từ tự ngã. Nhưng vào thời điểm này trí tuệ tuy khai mở, nhưng chưa sáp nhập với dòng nước Pháp hay trí tuệ viên mãn

Sau đó, với tâm này chảy vào trung đạo, tánh viên diệu được mở mang. Tâm này đề cập đến tâm ở mức độ trí tuệ khô khan, tâm trí tuệ ban đầu. Họ sử dụng tâm trí này để đi vào dòng nước Pháp của Như Lai, và đạt đến trạng thái tánh viên diệu minh, trí tuệ khai mở. Hiểu được chân lý chân thật. Từ chân lý nguyên thủy, trí tuệ pháp ra chơn diệu. Sự hoàn hảo của chân thật. Sự tự nhiên, chân lý bên trong, chân thật bày rõ. Họ luôn luôn sống trong tín tâm, cho đến khi tất cả suy nghĩ sai lầm được loại bỏ hoàn toàn và con đường chân lý là chân thật. Tín tâm của họ ngày càng trở nên tinh tế hơn và chơn diệu. "Luôn luôn sống" có nghĩa là họ sẽ không dao động, họ sẽ không thay đổi tín tâm của họ. Tín tâm của họ là không đổi. Tại điểm đó, mọi suy nghĩ sai lệch biến mất. Thậm chí nếu họ muốn có những suy nghĩ sai lầm, những suy nghĩ sai lầm sẽ không nảy sinh. Đó là bởi vì những suy nghĩ sai lầm được giúp đỡ bởi sự thiếu hiểu biết, cới những suy nghĩ sai lầm đến ái dục và ham muốn. Nhưng bây giờ ái dục và mong muốn đã bị khô cạn và chỉ còn một chút vô minh. Vì vậy họ không có những suy nghĩ sai lầm.

Tại sao quý vị có suy nghĩ sai lầm? Đó là bởi vì quý vị vẫn có ái dục và tham. Có những thứ mà quý vị tham lam. Các tham muốn bắt buộc quý vị suy nghĩ về điều này và điều đó, để thân tâm quý vị luôn chạy theo vật chất. Nếu mọi người không có tham lam, họ sẽ không có bất kỳ suy nghĩ sai lầm nào. Tại thời điểm này trong tu hành của họ, những người này không có vô minh. Khi điều đó xảy ra, người ta đạt được chân lý và theo con đường Trung đạo. Đó là "chân thật", có nghĩa là không có ái dục và tham lam, không có ý nghĩ sai lầm tham lam. "Cái này được gọi là' cái Tâm trí sống trong đức tin. '" Đây là địa vị lần đầu tiên trong mười địa vị. Một người đưa ra tín tâm chân thật và trụ trong tín tâm đó.

2. **Niệm tâm trụ: Chân tín minh liễu, nhất thiết viên thông. Uẩn xứ giới tam, bất năng vi ngại. Như thị nãi chí, quá khứ vị lai. Vô số kiếp trung, xả thân thụ thân. Nhất thiết tập khí, giai hiện tại tiền.**

Niệm tâm trụ – Chơn tín sáng tỏ, tất cả viên thông, ba thứ: ấm (5 ấm), xứ (12 xứ), giới (18 giới), chẳng thể ngăn ngại, như thế cho đến trong vô số kiếp quá khứ, vị Lai, tất cả tập khí xã thân, thọ thân, thảy đều hiện ra trước mắt và ghi nhớ chẳng quên, gọi là Niệm Tâm Trụ.

Giảng: Trước giai đoạn này, khi họ trụ trong tâm trí của đức tin, họ tu hành theo Trung đạo -với chân ly không trụ hay bất trụ. Hiện nay, vì họ tràn đầy đức tin, "Chơn tín sáng rõ." Một khi một người có đức tin chân chính, người ta có thể hiểu được sự chân lý chân thật. "Rõ ràng sự hiểu biết" đề cập đến sự sáng suốt.
"ba thứ: ấm (5 ấm), xứ (12 xứ), giới (18 giới), chẳng thể ngăn ngại",

Không chỉ họ có thể tự tại với lục căn, nhưng mọi thức khác như 5 ấm, 12 xứ), 18 giới, ý thức, thân tâm, mười hai nơi của mắt, tai, mũi, lưỡi, cơ thể và tâm trí, cùng với các lục trần, thanh, hương, vị, xúc, pháp và mười tám cõi, bao gồm lục thức, ngũ căn và ý thức kết nối chúng. Nghĩa là, sự tỉnh táo, thức của tai, thức của mũi, thức của lưỡi, thức của cơ thể, và tâm thức. Một khi bạn có được sự thâm nhập, những thứ này không còn cản trở bạn nữa.

"tất cả tập khí xã thân, thọ thân, thảy đều hiện ra trước mắt và ghi nhớ chẳng quên". Trong mỗi cuộc sống đó, họ có những thói quen khác nhau. Trong một cuộc đời họ đã có thói quen uống rượu. Trong một cuộc sống khác, họ có thói quen hút thuốc. Trong một cuộc sống khác, họ là những con bạc thường xuyên. Một cuộc sống khác tìm thấy chúng với thói quen Của ham muốn. Trong một cuộc sống khác, họ đã giết. Một cuộc sống khác đã biến chúng thành kẻ trộm. Trong một đời, họ đã có thói quen nói dối. Nói chung, cuộc sống sau cuộc sống, họ đã phát triển những thói quen khiến họ làm đủ mọi thứ xấu nhiều thứ. Đó là nhìn vào những thói quen xấu.

Nhưng cũng có tốt thói quen. Trong một kiếp, họ đã có thói quen cúi chào chư Phật. Trong một cuộc sống khác, họ thường xuyên đọc thuộc về Thần chú Shurangama. Trong một cuộc sống, họ có thói quen lắng nghe lời giải thích của kinh Lăng Nghiêm. Trong một cuộc sống khác, họ thường lắng nghe kinh Pháp Hoa. Nói chung, trong suốt tất cả những cuộc sống trong rất nhiều kiếp, họ đi nhiều con đường. Kết quả là, họ đã tích lũy một số lượng lớn các thói quen.

Nhưng bây giờ, giống như một bộ phim, tất cả những thói quen xuất hiện trước họ. Họ có thể nhớ mọi thứ và không quên gì cả. Họ có thể nhớ tất cả. Khi họ đạt được trạng thái đó, họ không bao giờ quên. Điều đó có nghĩa là họ luôn luôn có tâm thức về những việc đang xảy ra. Họ luôn luôn chú ý đến những nhân quả. Cái này được gọi là gọi là Niệm Tâm Trụ, cư ngụ trong chánh niệm, thứ hai trong thập tín tâm.

3. **Tinh Tấn Tâm:** Thị Thiện nam tử, giai năng ức niệm. Đắc vô di vong, danh niệm tâm trụ. Diệu viên thuần chân, chân tinh phát hóa. Vô thủy tập khí, thông nhất tinh minh. Duy dĩ tinh minh, tiến thú chân tịnh, danh tinh tấn tâm.

Tinh Tấn Tâm – Thuần chơn diệu viên, tinh vi phát dụng, những tập khí từ vô thỉ đều hóa thành một tâm tinh minh, từ tinh minh tiến lên chơn tịnh, gọi là Tinh Tấn Tâm.

Giảng: Khi sự hoàn hảo tuyệt vời hoàn toàn đúng, chân lý cần thiết mang lại sự biến đổi. Họ đi xa hơn những thói quen vô tận để đạt tới tâm tinh minh đó là trí tuệ. Chỉ dựa vào một tâm tinh minh này, họ tiến tới chơn tịnh đích thực. Tu hành tinh tấn của họ đưa họ đến nơi tinh minh thực sự không có bất kỳ ô nhiễm nào. "Đây là được gọi là Tinh Tấn Tâm, " tâm trí sống trong sự sống động.

4. **Huệ Tâm Trụ:** Tâm tinh hiện tiền, thuần dĩ trí tuệ, danh tuệ tâm trụ.

Huệ Tâm Trụ – Tâm tinh tấn hiện tiền, thuần dùng trí huệ, gọi là Huệ Tâm Trụ.

Giảng: Khi họ tu hành cho đến khi tâm thức thực sự thuần khiết, thì bản chất của tâm thức cho thấy chính nó như là trí tuệ chân chính. Tâm thức sáng suốt có nghĩa là họ có được trí huệ chân chính. "Trí tuệ chân chính" có nghĩa là không có chút ngẫu nhiên suy nghĩ còn lại. Sự ngu xuẩn và những suy nghĩ sai lầm đều biến mất. Hãy nhớ rằng điều này đã được mô tả ở trên, trong đoạn văn đầu tiên ở trong tâm thức, nơi nó nói rằng "tất cả những suy nghĩ sai lầm là hoàn toàn bị loại bỏ. " Đây được gọi là Tâm trí cư ngụ trong Trí huệ. Đây là nơi ở của tâm trí của đức tin trong trí tuệ, gọi là Huệ Tâm Trụ

5. **Định Tâm Trụ**: Chấp trì trí minh, chu biến tịch trạm.

Định Tâm Trụ – Trí huệ sáng tỏ, tịch lặng cùng khắp, tịch diệu thường định, gọi là Định Tâm Trụ.

Giảng: Trí huệ sáng tỏ, tịch lặng cùng khắp, tịch diệu thường định, gọi là Định Tâm Trụ.

Khi trí tuệ sáng rõ được tịch lặng cùng khắp, một tịch diệu thường định. Điều này có nghĩa là bạn phải giữ chặt ánh sáng của trí tuệ và không để cho nó động. Sau đó, có một sự tĩnh lặng kéo dài khắp Pháp Giới. Cảng giới tịch lặng không có động tịnh và các định đó gọi là Định Tâm Trụ.

Sự tĩnh lặng "đại diện cho cái" tịch lặng và vĩnh cửu tinh minh", và "uy nghi của sự tĩnh lặng này" đại diện cho những gì là "chiếu sáng và vĩnh cửu yên tĩnh. "" Định "ở đây đề cập đến sự cứng rắn của nước trí tuệ. Nó đã cạn hơn trước đó; bây giờ nó sâu hơn. "Định" đại diện cho sức mạnh của trí tuệ. Tại thời điểm này, họ sẽ không bị động.

Có người sẽ không nói, "Điều đó là tốt," và hãy chạy về hướng đó, và sau đó nói, "Nhưng điều khác đó có thể tốt hơn," và lại chạy tiếp theo. Người ta sẽ không luôn theo đuổi điều gì đó tốt hơn. Nếu người ta có định lực, người ta sẽ không chạy về đâu cả.

Gió từ phía đông sẽ không uốn cong về phía tây; cũng không phải là gió tây thổi hướng về phía đông. Điều đó chỉ có nghĩa là người ta sẽ không được di chuyển bởi Bát Phong.

Để nói về bát Phong, chúng ta phải nói về nhà học giả và nhà thơ nổi tiếng. Anh ấy đã được gọi là nhà thơ Tô Đông Pha và ông đã có một cuộc đối thoại với Thiền sư Phật Ấn. Các cựu sống ở bờ phía nam của sông tại Giang Nam, và sau này ở phía bắc bờ sông. Nhà thơ Tô Đông Pha đã thiền định và tu luyện, và một ngày trong thiền định anh ta viết một câu thơ. Bài thơ như sau:
Ngưỡng thủ thiên trung thiên.
Mao quang chiếu đại thiên.
Bát phong xuy bất động.
Đoan tọa tử kim liên"

Dịch :
"Kính đấng trời giữa trời.
Lông mao chiếu đại thiên
Tám gió thổi không động
Ngồi vững sen vàng tím".

“Thượng đế trong các chư thiên” ám chỉ Phật. Nhà thơ đã tuyên bố rằng khi ngài cúi đầu với Phật, ngài phát ra một ánh sáng trong vũ trụ. “Tám Gió” là:
1. khen ngợi;
2. chế giễu;
3. đau khổ;
4. phúc lạc;
5. lợi ích;
6. hủy diệt;
7. đạt được;
8. mất mát.

“Khen ngợi” là ai đó đang nói những câu như “Bạn là một người xuất sắc sinh viên. Bạn thực sự áp dụng chính mình. Bạn có cá tính tốt và một nhân vật đạo đức tốt. ”Nhưng bạn không nên xem xét lời khen ngợi một cái gì đó là tốt. Bởi vì nếu tâm bạn bị động bởi nó, bạn đã chứng minh rằng bạn không có một chúc định lực. Tám Gió rất khó cho những người tu luyện.

“Chế giễu” có nghĩa là để Chê hoặc trêu chọc hoặc mỉa mai. Đó là sử dụng các danh từ theo cách chế giễu để phá vỡ một người. Nghe có vẻ như nhưng nó dày đặc với mỉa mai. Gió này có thể khiến một người bị mất bình tĩnh. “Làm thế nào bạn có thể đối xử với tôi như thế!” là phản ứng thường.

“Đau khổ” trong tất cả các khía cạnh đa dạng cũng là một trong những cơn gió, như là “phúc lạc”. Bạn có thể cảm thấy tốt, nhưng bạn không nên nghĩ rằng đó là một điều tuyệt vời, bởi vì ngay khi tâm trí bạn động khi thừa nhận niềm vui, một cơn gió đã di chuyển bạn.

“Lợi ích” đề cập đến một cái gì đó sẽ giúp bạn ra ngoài.

“Sự phá hủy” có nghĩa là một cái gì đó không phù hợp xấu xa đốo với cho bạn.

“Thu được” đề cập đến việc nhận được một cái gì đó,

“Mất mát” để mất nó. Bắt một cái gì đó làm cho bạn hạnh phúc; mất thứ gì đó làm cho bạn khó chịu. Ví dụ, một người mua một máy radio mới nhất từ một đài phát thanh nổi tiếng. Anh ấy đã được mê muội với nó mà anh ta thậm chí còn mơ về nó vào ban đêm. Hoặc có thể đó là máy ảnh hoặc một kính thiên văn. Nói chung, chỉ cần tưởng tượng điều bạn quan tâm thích nhất. Mua nó là những gì có nghĩa là “đạt được.” Nhưng một khi bạn có nó, tất nhiên, những người khác cũng thấy nó hấp dẫn và ai sẽ có đoán rằng ai đó sẽ đợi cho đến khi bạn có chút bất cẩn là ăn cắp nó từ bạn?
Vào thời điểm đó, sự thiếu hiểu biết của bạn nảy sinh và bạn bị ảnh hưởng bởi sự mất mát nó. Điều đó sẽ được coi là bị động bởi bát phong.

Nhưng Tô Đông Pha nói rằng bát phong đã không di chuyển anh ta như anh ngồi trên một hoa sen vàng tím. Anh ta có đầy tớ của mình lấy bài thơ với Ch'an Master Fo Yin vì sự phê bình của ông.

Thiền sư Phật Ấn viết nguệch ngoạc hai từ trên bài thơ. Các hai từ rất có ý nghĩa, nhưng Tô Đông Pha không thể nhịn được. Anh phát nổ trong cơn thịnh nộ ngay khi anh liếc đọc. Gì là những từ? "Phóng thí ! Phóng thí ! (đánh rắm, đánh rắm)"

Tô Đông Pha nắm lấy bài thơ, ném áo khoác và băng qua sông để đối đầu với Thiền sư Phật Ấn .

"Ông Thầy kia ! Sao dám mắng chửi người ?"

Thiền sư : "Tôi có chửi mắng ai đâu ?"

Ông nói rằng tám gió thổi cũng không động mà tôi chỉ viết hai câu 'đánh rắm' thì ông lại từ Giang Nam chạy đến Giang Bắc. Sao ông nói tám gió thổi không động ? Chỉ cần có hai câu của tôi thôi mà khiến ông phải đến nơi này".

Nghĩ về nó, Tô Đông Pha đã thấy không đúng. Do đó ông đảnh lễ sám hối và trở về

6. **Bất Thối Tâm:** Tịch diệu thường ngưng, danh định tâm trụ. Định quang phát minh, minh tánh thâm nhập. Duy tiến vô thoái, danh bất thoái tâm.

Bất Thối Tâm – Từ định tâm phát ra ánh sáng, tánh sáng sâu vào, tiến tới chẳng lui gọi là Bất Thối Tâm.

Giảng: Một khi tâm thức cư trụ trong Như Lai tạng tánh, "Ánh sáng của Bồ đề tâm phát ra độ sáng. Khi hào quang sáng chiếu đi sâu vào bên trong những người đang tu hành, họ chỉ tinh tấn và họ không bao giờ rút lui. "Vì họ hiểu, họ chỉ có ý định tinh tấn, và họ không bao giờ quay lại và quay trở lại. Và lý do, họ không bị đảo ngược là họ thực sự và thực sự thấu hiểu. Họ có trí tuệ chân chánh. "Đây được gọi là Tâm trí của không thể đảo ngược. "Tâm trí của đức tin không bao giờ rút lui, gọi là Bất Thối Tâm

7. **Hộ Pháp Tâm:** Tâm tiến an nhiên, bảo trì bất thất. Thập phương Như Lai, khí phần giao tiếp, danh Hộ Pháp tâm.

Hộ Pháp Tâm – Tâm an nhiên tiến tới, duy trì chẳng mất, giao tiếp với tinh thần của mười phương Như Lai gọi là Hộ Pháp Tâm.

Giảng: Khi sự tiến tới của tâm thức của họ được an nhiên tự tại, họ tu hành thẳng đến phía trước; họ không bao giờ bay ra khỏi tay cầm. Họ vững vàng và tự tại,

"Và họ giữ tâm thức của họ và bảo vệ nó mà không bị mất, vì vậy tâm thức của họ không bao giờ rút lui. Sau đó, họ giao tiếp với tinh thần của mười phương. "Khi một đạt đến điểm không thể đảo ngược, tinh thần năng lượng của chư Phật hoà hợp với bổn tâm. "Đây được gọi là Hộ Pháp Tâm"Điều này có nghĩa là chư Phật hộ trì cho họ, và họ hộ trì cho Phật pháp. Với sự hộ trì của Đức Phật, họ có thể hoàn thành nghiệp lực của họ như ý. Với sự hộ trì, Phật pháp có thể lan rộng và phát triển. Vì vậy, đây là Hộ Pháp Tâm

8. **Hồi Hướng Tâm:** Giác minh bảo trì, năng dĩ diệu lực. Hồi Phật từ quang, hướng Phật an trụ. Do như song kính, quang minh tướng đối. Kỳ trung diệu ảnh, trọng trọng tướng nhập, danh hồi hướng tâm.

Hồi Hướng Tâm – Tánh sáng của Bổn giác được duy trì, hay dùng diệu lực xoay Từ Quang của Phật về tự tánh, cũng như ánh sáng của hai gương đối nhau, trong đó, các bóng nhiệm mầu trùng trùng vô tận, gọi là Hồi Hướng Tâm.

Giảng: Duy tri ánh sáng của bổn giác, họ có thể sử dụng định lực tuyệt vời nầy. "Xoay Từ Quang của Phật về tự tánh là một phương tiên để giác ngộ. Khi được hộ trì, sự giác ngộ này là tràn đầy trí tuệ và thông minh mà không mất mát. Ai ai cũng có thể "quay lại với ánh sáng từ bi của Đức Phật và để trở lại tự tánh Như Lai. "Với sự tinh tế này sức mạnh, bạn có thể hòa hợp với hòa quang bác ái của Đức Phật. Hơi thở và hào quang của bạn tương tác với Đức Phật hơi thở và hào quang, "giống như hai tấm gương được đặt đối diện với nhau, để giữa gương những hình ảnh tinh tế phản chiếu lẫn nhau."Khi hai gương được đặt đối diện nhau, hình ảnh của chúng xen kẽ nhau nhiều lần. Chúng hiển thị các hình phản chiếu trùng trùng vô tận. "Đây là được gọi là Hồi Hướng Tâm, "tâm trí của đức tin ngự trong hồi hướng công đức.

9. **Giới Tâm Trụ:** Tâm quang mật hồi, hoạch Phật thường ngưng. Vô thượng diệu tịnh, an trụ vô vi. Đắc vô di thất, danh giới tâm trụ.

Giới Tâm Trụ – Với từ Quang của Bản Tâm miên mật, an trụ nơi vô vi, vô thượng trong sạch, thường trụ của Phật, chẳng thể lạc mất, gọi là Giới Tâm Trụ.

Giảng: Tại thời điểm này, có một kết nối ẩn giữa hào quang của bạn và hào quang của Phật; đó là ý nghĩa của "sự miên mật của hào quang." Hào quang của bổn tâm của bạn chạm đến Hào quang của Phật, và Hào quang của Phật đến với tâm bạn. Sau hào quang của Phật đã đi vào trái tim bạn, nó trở về Phật. Sau khi hào quang của tâm thức bạn đã bước vào Phật tâm, nó trở lại tâm thức của bạn. Sự tương tác hào quang này quay vòng tròn đủ vòng. Do đó, có được một sự chiếu sáng liên tục từ Đức Phật. Trong thực tế, người tu trở thành một với Phật. Độ vô thượng trong sạch này là không thể so sánh được. Không có gì vượt qua nó. "Ở trong không có điều kiện, họ không biết mất mát hay tiêu tan. " Phật pháp vô điều kiện, và chẳng thể lạc mất. "Cái này được gọi là Tâm trí sống trong giới luật, gọi là Giới Tâm Trụ

10. **Nguyện Tâm Trụ:** Trụ giới tự tại, năng du thập phương. Sở khứ tùy nguyện, danh nguyện tâm trụ.

Nguyện Tâm Trụ – Trụ giới tự tại, hay dạo khắp mười phương, ở đi tùy Nguyện Tâm Trụ nguyện, gọi là.

Giảng: Tuân thủ giới luật – Trụ giới tự tại- với sự thâm nhập tự chủ và tự tại, họ có thể dạo khắp trong mười hướng, đi bất cứ nơi đâu họ muốn. "Sự thâm nhập tâm thức như thế đi kèm với tự chủ và tự tại. Không cần nỗ lực tinh thần, không cần nổ lực tâm thức mà có thể đi bất cứ nơi nào trong mười hướng.

Họ có thể đi bất cứ nơi nào họ muốn mà không có bất kỳ cản trở nào. "Đây là được gọi là tâm trí cư ngụ trong giới nguyện. Bất cứ điều ước gì hay lời thề bạn thực hiện có thể được thực hiện, cho nên gọi là Nguyện Tâm Trụ

— 0O0 —

THẬP TRỤ

1. **Phát Tâm Trụ:** A-nan! Thị Thiện nam tử, dĩ chân phương tiện, phát thử thập tâm. Tâm tinh phát huy, thập dụng thiệp nhập. Viên thành nhất tâm, danh phát tâm trụ.

Phát Tâm Trụ – A Nan! Thiện nam tử ấy, do chân phương tiện phát ra mười bậc tín tâm kể trên, tâm tinh vi phát ra ánh sáng, mười thứ dụng xen lẫn nhau, viên dung thành một tâm, gọi là Phát Tâm Trụ.

Giảng: Phát Tâm Trụ tức là căn lành của Bồ Tát đã gieo trồng trong quá khứ, đã tu đạo Bồ Tát, đã hành lục độ vạn hạnh, căn lành chín mùi, phát tâm đại bồ đề, trụ ở bậc này, cho nên gọi là ban đầu phát tâm.

2. **Trị Địa Trụ:** Tâm trung phát minh, như tịnh lưu ly. Nội hiện tinh kim. Dĩ tiền diệu tâm, lý dĩ thành địa, danh trì địa trụ.

Trị Địa Trụ – Trong tâm sáng suốt như lưu ly trong sạch, trong hiện vàng ròng tinh túy, dùng diệu tâm trước kia sửa sang thành đất địa để đi đứng gọi là Trị Địa Trụ

Giảng: Tức là Bồ Tát trong quá khứ đã tu trị tham sân si ở trong tâm. Vô minh, phiền não, chấp trước, tập khí v.v… từng chút, từng chút, dần dần trừ sạch mà trụ ở bậc này, cho nên gọi là trị địa trụ. Phiền não của Bồ Tát có bớt mà chẳng tăng, còn phiền não của chúng ta phàm phu, thì có tăng mà chẳng giảm. Bớt một phần phiền não, thì tăng thêm hai phần phiền não, cho nên càng ngày càng nhiều, có tới tám vạn bốn ngàn phiền não, đây là chẳng có trị địa.

3. **Tu Hành Trụ:** Tâm địa thiệp tri, câu đắc minh liễu. Du lý thập phương, đắc vô lưu ngại, danh tu hành trụ.

Tu Hành Trụ – Tâm địa biết khắp, tất cả rõ ràng, đi khắp mười phương, được chẳng ngăn ngại, gọi là Tu Hành Trụ.

Giảng: Tức là Bồ Tát siêng tu đủ thứ pháp môn, đối với tất cả tri kiến đều thấu suốt. Do đó:
‘’Siêng tu giới định huệ
Tức diệt tham sân si’’.

Cho nên gọi là tu hành trụ.

4. **Sanh Qúy Trụ:** Hạnh dữ Phật đồng, thọ Phật khí phần. Như trung uẩn thân, tự cầu phụ mẫu. Uẩn tín minh thông, nhập Như Lai chủng, danh sanh qúy trụ.

Sanh Quý Trụ – Hạnh đồng với Phật, thọ tinh thần Phật, như cái thân trung ấm tự tìm cha mẹ, trung ấm dung thông với lòng tin, thầm nhập vào giống Như Lai, gọi là Sanh Quý Trụ.

Giảng: Bồ Tát vì tu hành, có đủ thứ căn lành, cho nên sinh vào nhà Phật tôn quý, tất cả đều tương đồng với Phật, cho nên gọi là sinh quý trụ.

5. **Cụ Túc Trụ:** Ký du đạo thai, thân phụng giác dận. Như thai dĩ thành, nhân tướng bất khuyết, danh phương tiện cụ túc trụ.

Cụ Túc Trụ – Đã vào đạo thai, nối dòng của Phật, như thai đã thành hình, tướng người đầy đủ, gọi là Phương Tiện Cụ Túc Trụ.

Giảng: Cụ túc phương tiện trụ: Tức nhiên Bồ Tát sinh vào nhà Phật, nên đầy đủ tất cả phương tiện pháp môn để giáo hóa chúng sinh, cho nên gọi là cụ túc phương tiện trụ.

6. **Chánh tâm trụ**: Dung mạo như Phật, tâm tướng diệc đồng, danh chánh tâm trụ.

Chánh Tâm Trụ – Dung mạo và tâm tướng đều đồng như Phật, gọi là Chánh Tâm Trụ.

Giảng: Lúc này Bồ Tát trụ vào tam muội chánh tâm, đạo tâm tương đồng với Phật, cho nên gọi là chánh tâm trụ.

7. **Bất thoái trụ**: Thân tâm hợp thành, nhật ích tăng trưởng, danh bất thoái trụ.

Bất Thối Trụ – Thân tâm dung hợp, ngày càng tăng trưởng gọi là Bất Thối Trụ.

Giảng: Bất thối trụ: Tức là niệm bất thối, hành bất thối, vị bất thối. Niệm bất thối là chẳng thối tâm bồ đề, hành bất thối là tinh tấn tu hành, vị bất thối là chẳng thối lùi về hàng nhị thừa. Bồ Tát có ba thứ bất thối này, mà dũng mãnh hướng về trước, cho nên gọi là bất thối trụ.

8. **Đồng chân trụ**: Thập thân linh tướng, nhất thời cụ túc, danh đồng chân trụ.

Đồng Chơn Trụ – Linh tướng của thập thân nhất thời đầy đủ gọi là Đồng Chơn Trụ.

Giảng: Tức là thể đồng tử chân thật, tức cũng là chẳng có kết hôn. Bồ Tát đời đời kiếp kiếp giữ gìn bản lai diện mục (đồng thể), cho nên gọi là đồng chân trụ.

9. **Pháp Vương tử trụ**: Hình thành xuất thai, thân vi Phật tử, danh Pháp Vương tử trụ.

Pháp Vương Tử Trụ – Hình đã thành, ra khỏi thai, làm con của Phật, gọi là Pháp Vương Tử Trụ.

Giảng: Phật là Pháp Vương, Bồ Tát là Pháp Vương tử (con của đấng Pháp Vương). Có quyền kế thừa đấng Pháp Vương, cho nên gọi là Pháp Vương tử trụ.

10. **Danh quán đảnh trụ**: Biểu dĩ thành nhân, như quốc đại Vương. Dĩ chư quốc sự, phần ủy Thái-Tử. Bỉ sát lợi Vương, thế tử trưởng thành. Trần liệt quán đảnh, danh quán đảnh trụ.

Quán Đảnh Trụ – Khi Pháp Vương Tử đã trưởng thành, ví như Thái Tử vua Sát Lợi đến tuổi trưởng thành, sẽ được phụ vương ủy nhiệm việc nước, nên làm lễ quán đảnh, gọi là Quán Đảnh Trụ.

Giảng: Pháp Vương tử khi sắp thành Phật, thì phải tiếp thọ mười phương chư Phật dùng pháp thủy (nước pháp) để quán đảnh, khiến cho đầy đủ từ bi hỷ xả bốn tâm vô lượng, cho nên gọi là quán đảnh trụ.

THẬP HẠNH

1. **A-nan! Thị Thiện nam tử, thành Phật tử dĩ. Cụ túc vô lượng, Như Lai diệu đức. Thập phương tùy thuận, danh hoan hỉ hạnh.**

A Nan! Thiện Nam tử ấy, đã thành con Phật, đầy đủ vô lượng diệu của đức Như Lai, tùy thuận mười phương chúng sanh, phương tiện tiếp dẫn, gọi là Hoan Hỉ Hạnh.

Giảng: Hạnh hoan hỉ là pháp môn bố thí của Bồ Tát tu, chẳng những tự mình hoan hỉ, mà cũng khiến cho chúng sinh hoan hỉ.

2. **Thiện năng lợi ích, nhất thiết chúng sanh, danh nhiêu ích hạnh.**

Hay lợi ích cho tất cả chúng sanh, gọi là Nhiêu Ích Hạnh.

Giảng: Hạnh nhiêu ích là pháp môn trì giới của Bồ Tát tu, đều là lợi ích chúng sinh, khiến cho chúng sinh đắc được ấm no và đầy đủ.

3. **Tự giác giác tha, đắc vô vi cự, danh vô sân hạnh.**

Tự giác giác tha, được chẳng chống trái, gọi là Vô Sân Hận Hạnh.

Giảng: Hạnh vô vi nghịch là pháp môn nhẫn nhục của Bồ Tát tu, chẳng trái ngược với mình, cũng chẳng trái ngược với chúng sinh.

4. **Chủng loại xuất sanh, cùng vị lai tế. Tam thế bình đẳng thập phương thông đạt danh vô tận hạnh.**

Tam thế bình đẳng, mười phương thông đạt, vì được "ý-sanh-thân", nên tùy mỗi loài chúng sanh mà hiện thân hóa độ cho đến cùng tột vị Lai, gọi là Vô Tận Hạnh.

Giảng: Hạnh vô tận là pháp môn tinh tấn của Bồ Tát tu, cũng chẳng khiến cho mình khuất nhiễu, cũng chẳng khiến cho chúng sinh khuất nhiễu.

5. **Nhất thiết hợp đồng, chủng chủng Pháp môn. Đắc vô sái ngộ, danh ly si loạn hạnh.**

Nơi mỗi mỗi pháp môn, tất cả hòa đồng, được chẳng sai lầm, gọi là Ly Si Loạn Hạnh.

Giảng: Hạnh ly si loạn là pháp môn thiền định của Bồ Tát tu, thân tâm chẳng điên đảo, vì có định lực, nên hạnh chẳng loạn.

6. **Tắc ư đồng trung, hiển hiện quần dị. Nhất nhất dị tướng, các các kiến đồng, danh thiện hiện hạnh.**

Nơi tướng đồng hiện ra nhiều tướng dị; nơi những tướng dị, mỗi mỗi thấy đồng, gọi là Thiện Hiện Hạnh.

Giảng: Hạnh thiện hiện là pháp môn Bát Nhã của Bồ Tát tu, thấu rõ pháp thế gian là vô thường, khổ, không, vô ngã; và hiểu rõ pháp xuất thế là thường, lạc, ngã, tịnh.

7. **Như thị nãi chí, thập phương hư không, mãn túc vi trần. Nhất nhất trần trung, hiện thập phương giới. Hiện trần hiện giới, bất tướng lưu ngại, danh Vô Trước hạnh.**

Như thế cho đến vi trần đầy khắp mười phương hư không, trong mỗi mỗi trần hiện mười phương cõi; hiện trần hiện cõi, chẳng ngăn ngại nhau, gọi là Vô Trước Hạnh.

Giảng: Hạnh vô trước là pháp môn phương tiện của Bồ Tát tu, có cảnh giới sự lý chẳng trì trệ, dùng phương tiện khéo léo để độ chúng sinh.

8. **Chủng chủng hiện tiền, hàm thị đệ nhất, Ba-la-mật-đa, danh tôn trọng hạnh.**

Các thứ hiện tiền đều là Đệ Nhất Ba La Mật Đa, gọi là Tôn Trọng Hạnh.

Giảng: Hạnh nan đắc là pháp môn nguyện của Bồ Tát tu, là đại nguyện đại hạnh, đại từ đại bi, độ khắp chúng sinh.

9. **Như thị viên dung, năng thành thập phương, chư Phật quỹ tắc, danh thiện Pháp hạnh.**

Viên dung như thế, hay thành tựu quy tắc lợi sanh của mười phương chư Phật, gọi là Thiện Pháp Hạnh.

Giảng: Hạnh thiện pháp là pháp môn lực của Bồ Tát tu, có trí huệ lực, mới thực hành tất cả pháp lành, có lực ngu si thì muốn làm tất cả pháp ác.

10. **Nhất nhất giai thị, thanh tịnh vô lậu. Nhất chân vô vi, tánh bổn nhiên cố, danh chân thật hạnh.**

Mỗi mỗi đều trong sạch vô lậu, nhất chơn vô vi, bản tánh vốn như thế, gọi là Chơn Thật Hạnh.

Giảng: Hạnh chân thật là pháp môn trí của Bồ Tát tu, lời nói việc làm đều chẳng hư vọng, tất cả đều chân thật.

THẬP HỒI HƯỚNG

1. **A-nan! Thị Thiện nam tử, mãn túc thần thông, thành Phật sự dĩ. Thuần khiết tinh chân, viễn chư lưu hoạn. Đương độ chúng sanh, diệt trừ độ tướng. Hồi vô vi tâm, hướng Niết-Bàn lộ. Danh cứu hộ nhất thiết chúng sanh, ly chúng sanh tướng hồi hướng.**

A Nan! Thiện nam tử ấy, thần thông đầy đủ, Phật sự đã thành; tự tánh tinh túy thuần chơn, xa lìa các lỗi lầm, ngay khi hóa độ chúng sanh mà diệt tướng năng độ, sở độ, hồi tâm vô vi hướng đạo Niết Bàn, gọi là Cứu Hộ Nhất Thiết Chúng Sanh, Ly Chúng Sanh Tướng Hồi Hướng.

Giảng: Lìa tướng chúng sinh hồi hướng: Đây là đại nguyện của Bồ Tát, muốn cứu hộ khắp tất cả chúng sinh, mà chẳng chấp tướng. Là sự "hồi hướng lìa tướng hồi tự hướng tha". Như trong Kinh Kim Cang có nói:

"Như vậy diệt độ tất cả chúng sinh,
Mà thật chẳng có một chúng sinh được diệt độ".

Nghĩa là nói lìa tướng hồi hướng, lìa tướng chúng sinh. Bồ Tát cứu độ tất cả chúng sinh, mà chẳng kể công, chẳng chấp tướng, chẳng khoe khoang. Ngài đem tất cả công đức thiện nghiệp hồi hướng cho tất cả chúng sinh. Lìa các tướng, tức là lìa khỏi sự chấp trước. Nếu có sự chấp trước, thì sẽ tự mãn, sẽ kiêu ngạo. Một khi sinh tâm kiêu ngạo, thì vĩnh viễn sẽ không thể khai mở đại trí huệ. Sự khó khăn nhất, quang trọng nhất của sự tu hành, là tu lìa sự chấp

trước, lìa sự kiêu ngạo, nếu không thì không thể nào đắc được sự giải thoát. Chấp trước thì giống như dùng sợi dây thừng tự trói buộc mình, cho nên nói không thể được giải thoát. Người chấp trước, thì tâm lượng nhỏ, không thể dung chứa người, dung chứa vật, tuyệt đối sẽ chẳng có đại trí huệ, chẳng có đại trí huệ quang minh. Người chẳng chấp trước vào "người, sự việc, thời, đất, vật", mới có thể cứu độ tất cả chúng sinh, lìa tướng chúng sinh hồi hướng, cuối cùng tự nhiên sẽ đạt đến bồ đề viên mãn, quy vô sở đắc, khai đại ngộ, được đại trí huệ.

2. **Hoại kỳ khả hoại, viễn ly chư ly. Danh bất hoại hồi hướng.**

Hoại cái có thể hoại, tức xa lìa chúng sanh tướng, tướng xa lìa cũng phải lìa, vậy tướng hoại thì sở không, lìa cái Lìa thì năng không; năng sở đều không, bản giác bất hoại, gọi là Bất Hoại Hồi Hướng.

Giảng: Bất hoại hồi hướng: Thế nào là bất hoại ? Là chẳng hoại căn lành, chẳng hoại công đức lành, chẳng hoại tâm bồ đề, chẳng hoại tâm kim cang, chẳng hoại giới định huệ, chẳng hoại tâm tin kiên cố nơi Tam Bảo. Đem hết thảy công đức căn lành tâm bồ đề của mình, hồi hướng hết cho pháp giới tất cả chúng sinh, khiến cho căn lành công đức, tâm bồ đề, tâm kim cang .v.v... Của chúng sinh cũng chẳng hoại diệt. Tôi phát bốn thệ nguyện lớn, tức cũng đồng như chúng sinh phát, đây là bất hoại hồi hướng.

3. **Bổn giác trạm nhiên, giác tề Phật giác. Danh đẳng nhất thiết Phật hồi hướng.**

Bản giác trạm nhiên, tâm giác đồng như Phật giác, gọi là Đẳng Nhất Thiết Phật Hồi Hướng.

Giảng: Đồng tất cả chư Phật hồi hướng: Tôi nguyện học pháp môn hồi hướng của chư Phật ba đời tu hành, theo sự hồi hướng của chư Phật ba đời đã phát ra. Đem hết thảy tất cả công đức của mình làm được, đồng như chư Phật hồi hướng cho pháp giới chúng sinh.

4. **Tinh chân phát minh, địa như Phật địa. Danh chí nhất thiết xứ hồi hướng.**

Tinh túy sáng tỏ, tâm địa đồng như Phật địa, gọi là Chí Nhất Thiết Xứ Hồi Hướng.

Giảng: Đến tất cả mọi nơi hồi hướng: Đến tất cả mọi nơi tức là đến nơi rốt ráo, nghĩa là đạt đến được quả vị Phật. Tôi hy vọng thành Phật, cũng muốn cho tất cả chúng sinh sớm thành Phật đạo, hồi hướng như vậy.

5. **Thế giới Như Lai, hỗ tương thiệp nhập, đắc vô quái ngại. Danh vô tận công đức tạng hồi hướng.**

Thế giới và Như Lai xen lộn lẫn nhau, được chẳng ngăn ngại, gọi là Vô Tận Công Đức Tạng Hồi Hướng.

Giảng: Vô tận công đức tạng hồi hướng: Do sự hồi hướng, nên sẽ thành tựu tạng vô tận công đức. Chúng sinh vô tận, công đức vô tận, cho nên hồi hướng cũng vô tận.

6. **Ư đồng Phật địa, địa trung các các, sanh thanh tịnh nhân. Y nhân phát huy, thủ Niết-Bàn đạo. Danh tùy thuận bình đẳng thiện căn hồi hướng.**

Nơi đồng Phật địa, mỗi mỗi sanh ra cái nhân trong sạch, nương nhân ấy mà phát huy, vào đạo Niết Bàn, gọi là Tùy Thuận Bình Đẳng Thiện Căn Hồi Hướng.

Giảng: Vào tất cả căn lành bình đẳng hồi hướng: Tư tưởng vào sâu tất cả bình đẳng, tâm chẳng phân biệt, khiến cho tất cả chúng sinh đều đắc được căn lành, thuận lý tu thiện, sự lý chẳng trái, vào nơi hồi hướng bình đẳng.

7. **Chân căn ký thành, thập phương chúng sanh, giai ngã bổn tánh. Tánh viên thành tựu, bất thất chúng sanh. Danh tùy thuận đẳng quán nhất thiết chúng sanh hồi hướng.**

Chơn thiện căn đã thành, thì mười phương chúng sanh đều là bản tánh của ta, thành tựu tánh tròn đầy, chẳng bỏ chúng sanh, gọi là Tùy Thuận Đẳng Quán Nhất Thiết Chúng Sanh Hồi Hướng.

Giảng: Đồng tuỳ thuận tất cả chúng sinh hồi hướng: Quán sát chúng sinh hồi hướng, chẳng tính toán có bao nhiêu, chẳng phân biệt thân sơ, phân biệt thiện ác, chẳng phân biệt tốt xấu giàu nghèo, đem hết thảy công đức căn lành của tôi, tuỳ thuận chúng sinh, lợi ích chúng sinh, bình đẳng hồi hướng cho tất cả chúng sinh.

8. **Tức nhất thiết pháp, ly nhất thiết tướng. Duy tức dữ ly, nhị vô sở trước. Danh như tướng hồi hướng.**

Tức nơi nhất thiết pháp, mà lìa nhất thiết tướng cái "tức" cái "lìa", cả hai đều chẳng dính mắc, gọi là Chơn Như Tướng Hồi Hướng.

Giảng: Chân như tướng hồi hướng: Bảy loại hồi hướng ở trên, đều có hình tướng. Nhưng chân như là không hình, không tướng, tuyệt đối đối đãi, bặc lời lẽ tư tưởng. Tuy nhiên như vậy, nhưng căn lành có thể hợp vào nơi chân như, cho nên có môn hồi hướng nầy.

9. **Chân đắc sở như, thập phương vô ngại. Danh vô phược giải thoát hồi hướng.**

Thật đắc Chơn Như, mười phương vô ngại, gọi là Vô Phược Giải Thoát Hồi Hướng.

Giảng: Không ràng buộc chấp trước giải thoát hồi hướng: Chẳng "ràng buộc", chẳng "chấp trước", sinh hoạt ở trong chân lý nhậm vận tự tại, chẳng bị mọi sự ràng buộc nào, đắc được tự do giải thoát. Bồ Tát đắc được "giải thoát không ràng buộc, không chấp trước", cũng hy vọng tất cả chúng sinh đều đắc được sự tự do" giải thoát không ràng buộc, không chấp trước", do đó đem sự đắc được của mình, hồi hướng cho pháp giới chúng sinh.

10. **Tánh đức viên thành Pháp giới lượng diệt. Danh pháp giới vô lượng hồi hướng.**

Đức tánh viên mãn thành tựu, số lượng của pháp giới tiêu diệt, gọi là Pháp Giới Vô Lượng Hồi Hướng.

Giảng: Vào pháp giới vô lượng hồi hướng: Bồ Tát vào sâu pháp giới, thực hành vô lượng vô biên công đức lành, tận cùng hư không khắp pháp giới, chẳng có một nơi nào mà chẳng có bố thí công đức lành của chư Phật Bồ Tát. Bồ Tát đem căn lành công đức đó, hồi hướng cho pháp giới vô lượng vô biên chúng sinh.

TỨ GIA HẠNH

A-nan! Thị Thiện nam tử, tận thị thanh tịnh, tứ thập nhất tâm. Thứ thành tứ chủng, diệu viên gia hạnh.

A Nan! Thiện nam tử ấy, đã tu xong 41 bậc tâm trong sạch, kế đó thành tựu bốn thứ gia hạnh diệu viên:

Giảng: Bồ tát, người tu hành, đạt tới trạng thái thanh tịnh và thành quả trong 41 địa vị.
1) Càn huê địa
2-11) Thập tín
12-21) Thập địa
22-31) Thập Hạnh
32-41) Thập Hồi Hướng

Địa vị kế tiếp là Tứ Gia Hạnh: Noãn Địa, Đảnh Địa, Nhẫn Địa và Thế Đệ Nhất địa

1. **Tức dĩ Phật giác, dụng vi kỷ tâm. Nhược xuất vị xuất, do như toản hỏa. Dục nhiên kỳ mộc, danh vi noãn địa.**

Tức đem Phật giác, dụng làm tự tâm, cũng như dùi cây lấy lửa, cây chưa đốt cháy, lửa sắp ra mà chưa ra, gọi là Noãn Địa.

Giảng: Đem cái Phật giác là cái tâm để tu hành. Thế nào là noãn? Thường chuyên cần tinh tấn gọi là noãn. Các thứ phiền não là củi, trí vô lậu là lửa, lửa gần phát cháy hơi ấm ban đầu gọi là noãn. Ví như dùi lửa, lúc mới dùi nó ra khói, ấy là noãn. Nó là tướng ban đầu của đường đến Niết-bàn. Có noãn tướng là thâm đắc nhất tâm, được tương tợ thật pháp, đến bên ranh vô lậu. Hành giả khi ấy được đại an ổn, tự nghĩ: Ta quyết định sẽ được Niết-bàn, vì thấy được tướng này. Như người đào giếng được thấy đất ướt, biết sẽ đến nước không lâu. Như người đánh giặc, giặc lui tan hết, tự biết đắc thắng, trong ý an ổn. Như người kinh hãi chết giấc, muốn biết họ sống chăng, hoặc lấy kim chích vào

thân, hoặc chẩn mạch xem còn nhảy không, nếu biết họ còn ấm tức là sẽ sống. Như người nghe pháp suy nghĩ trong tâm thích thú, khi ấy tâm nóng. Hành giả có noãn pháp như thế gọi là có noãn, cũng gọi là được phần thiện căn đến Niết-bàn. Pháp thiện căn này có mười sáu hạnh, Tứ đế duyên là một trong sáu địa, là nền tảng của trí tuệ và tất cả pháp vô lậu. Người được bước đầu vô lậu hay đi an ổn, ấy gọi là Noãn pháp.

2. **Hựu dĩ kỷ tâm, thành Phật sở lý. Nhược y phi y, như đăng cao sơn. Thân nhập hư không, hạ hữu vi ngại. Danh vi đảnh địa.**

Lại dùng tâm mình thành chỗ hành của Phật cũng như người đứng trên chót núi, toàn thân đã vào hư không, nhưng dưới chân đôi khi còn hơi dính đất, như có chỗ nương mà chẳng phải nương, gọi là Đảnh Địa.

Giảng: Được nhất tâm thanh tịnh hợp với trí tuệ chân thật. Tăng tiến chuyển lên gọi là Đảnh pháp. Hành giả quán thật tướng các pháp, tự nghĩ: Ta sẽ lìa khổ được giải thoát. Tâm thích pháp chân thật này hay trừ các thứ khổ hoạn và già, bệnh, chết.

3. **Tâm Phật nhị đồng, thiện đắc trung đạo. Như nhẫn sự nhân, phi hoài phi xuất. Danh vi nhẫn địa.**

Tâm với Phật đồng, khéo đắc trung đạo, như người hay nhẫn nại, niệm chẳng phân biệt, chẳng nhớ, chẳng quên, chẳng thể nói ra, gọi là Nhẫn Địa.

Giảng: Chuyên cần tinh tấn nhất tâm vào trong Niết-bàn, lại quán rành rõ pháp Ngũ ấm, Tứ đế, Mười sáu hạnh. Khi ấy tâm không sụt, không hối hận, không thối lui, ưa thích vào nhẫn, gọi là Nhẫn thiện căn. Nhẫn những gì? Tùy thuận hành Tứ đế gọi là Nhẫn. Cái thiện căn này có ba bậc thượng, trung, hạ và ba thời. Thế nào gọi là Nhẫn? Quán ngũ ấm vô thường, khổ, không, vô ngã, tâm nhẫn không thối chuyển gọi là Nhẫn. Quán các pháp thế gian thảy đều là khổ, không, không vui. Cái khổ này do các thứ phiền não, ái v.v… tập hợp. Cái tập ấy bị trí tuệ diệt sạch, đó là thượng pháp không có pháp nào hơn, Bát chánh đạo hay khiến người tu hành được Niết-bàn không có lối nào bằng. Tín tâm như thế không hối hận, không nghi ngờ, ấy gọi là Nhẫn. Trong tâm có sức nhẫn nên các kiết sử, các thứ phiền não nghi ngờ không thể chen vào phá hoại tâm được, ví như núi đá, các thứ gió, nước không thể làm trôi dạt, lay động

được, ấy gọi là Nhẫn. Người được như vậy gọi là người được bước đầu vô lậu chân thật tốt đẹp.

4. **Số lượng tiêu diệt, mê giác trung đạo. Nhị vô sở mục danh thế đệ nhất địa.**

Số lượng tiêu diệt, mê, giác và trung đạo đều chẳng thể gán tên, gọi là Thế đệ Nhất địa.

Giảng: Người này tăng tiến nhất tâm rất nhàm chán thế giới, muốn biết rành rõ tướng Tứ đế để tiến đến Niết-bàn. Trong nhất tâm như thế gọi là thế gian đệ nhất. Một thời trụ tứ hạnh – vô thường, khổ, không, vô ngã – quán một đế khổ pháp nhẫn và các khổ duyên. Thế nào là quán ngũ ấm trong Dục giới là vô thường, khổ, không, vô ngã? Trong đây tâm nhẫn vào trí tuệ, cũng là Tâm vương và Tâm sở tương ưng, gọi là khổ pháp nhẫn. Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp và các hạnh không tương ưng với tâm, đời hiện tại, đời vị lai tất cả pháp vô lậu ban đầu, gọi là khổ pháp nhẫn. Thứ lớp sanh khổ pháp trí, khổ pháp nhẫn, trí đoạn kiết sử khổ pháp được chứng đạo. Ví như hai người đối địch, một người cầm đao bén, một người cầm dây trói thì người cầm đao giết được người cầm dây. Cũng như dao bén chẻ tre qua mắt dễ dàng. Do công phu của nhẫn trí hay đoạn được kiến chấp ràng buộc trong Dục giới và mười món kiết sử. Bấy giờ được cái dị đẳng trí, chưa được vô lậu trí, chỉ được vô lậu tuệ, khi ấy thành tựu một trí. Trong tâm thứ hai thành tựu pháp trí, khổ trí, đẳng trí. Qua tâm thứ ba và thứ tư thành tựu tứ trí: khổ trí, pháp trí, tỷ trí, đẳng trí. Trong đạo pháp diệt đế mỗi trí được tăng, người ly dục thành tựu tăng trưởng tha tâm trí.

THẬP ĐỊA

1. **A-nan! Thị Thiện nam tử. Ư đại bồ-đề, thiện đắc thông đạt. Giác thông Như Lai, tận Phật cảnh giới. Danh hoan hỉ địa.**

A Nan! Thiện Nam tử ấy, khéo được thông đạt nơi Đại Bồ Đề, chỗ giác ngộ thông với Như Lai, cùng tột cảnh giới của Phật, gọi là Hoan Hỷ Địa.

Giảng: Những vị Thiện Tri Thức là những vị Bồ Tát đã đạt tới địa vị Thế Đệ Nhất Địa. Trong kinh nói rằng các vị đã thông đạt nơi đại bồ đề, thật ra thì

không có cái gì để thông đạt. Cái chỗ giác ngộ thông với Như Lai có nghĩa là Giác Ngộ là Như Lai và Như Lai là Giác Ngộ. Các vị đã đạt tới cùng cảnh giới của Phật. Các vị có thể gọi là Phật khi họ đạt tới cảnh giới không còn gì để giác ngộ. Nhưng cái cảnh không giới vẫn là không, cho nên đừng có bị vấn mắc vào nơi đó

Tánh không là trạng thái không có gì cả. Nhưng khi họ cùng tột cảnh giới của Phật, thì trong sự trống rỗng chân chính nảy sinh sự tồn tại tuyệt vời. Sự tồn tại tuyệt vời đó là hạnh phúc. Vậy à ban đầu nó chỉ là cách đó! Đó là sự phát sinh của hạnh phúc. Quý vị không hiểu trước đây, nhưng bây giờ quý vị hiểu. Một sự hoan hỷ không thể diễn đạt. Đây được gọi là Hoan Hỷ Địa

2. **Dị tánh nhập đồng, đồng tánh diệc diệt, danh ly cấu địa.**

Tánh dị nhập đồng, tánh đồng cũng diệt, gọi là Ly Cấu Địa.

Giảng: Trong địa vị trước có hoan hỷ, và vì vậy có một danh từ. Tuy rằng không có chổ để chứng, nhưng vẫn còn danh, cái đồng tánh. Trong địa vị trước, đồng và tánh nhập, nhưng cái đồng vẫn còn. Đến địa vị thức hai nầy, cái đồng cũng diệt. Địa vị thứ nhì gọi là Ly Cấu Địa, có nghĩa là lìa bỏ tất cả mọi sự trần cấu. Tới địa nầy thì vô minh cũng diệt gần hết, bổn tánh đồng với Như Lai. Các vị chỉ còn một chấp trước, một chút ô nhiễm. Bây giờ "tánh đồng cũng diệt". Cái chấp về tánh đồng với Phật không còn nữa. Họ đã quay trở lại nguồn, quay lại bổn tánh Như Lai, Như Lai tạnh tánh. Không còn danh hay tướng. Đó gọi là Danh Ly Cấu Địa. Hạnh phúc vẫn là một tiểu phiền não. Nếu có điều gì đó bạn thích, thì bạn vẫn có phản ứng cảm xúc. Ở địa vị thứ hai, tất cả các phiền não bỏ lại phía sau. Sự thiếu hiểu biết cũng bị giảm đi. Nhưng ở cấp độ này, vô minh vẫn chưa hoàn toàn bị cắt đứt.

3. **Tịnh cực minh sanh, danh phát quang địa.**

Trong sạch thì phát ra ánh sáng, gọi là Phát Quang Địa.

Giảng: Bồ Tát ở địa vị thứ nhất không hiểu cảnh giới của Bồ Tát ở địa vị thứ nhì. Và Bồ Tát ở địa vị thứ nhì không thấu hiểu được cảnh giới của Bồ Tát ở địa vị thứ ba. "Trong sạch thì phát ra ánh sáng." Địa vị trước là Ly Cấu Địa. Nếu còn "Trụ" hay "Ly" thì vẫn còn chấp. Chỉ khi nào không còn gì để trụ ly thì mới hoàn toàn trong sạch. Hãy xem xét kỹ càng qua một ví dụ. Quý vị quét

nhà để làm sạch sàn nhà. Quý vị đặt chổi sang một bên khi sàn nhà sạch. Miễn là chúng ta vẫn còn quét sạch, nó vẫn chưa sạch.

Khi các vị đạt tới thân tâm thanh tịnh, hào quang sáng chiếu. Vì vậy, đại vị đất thứ ba được gọi là Pháp Quang Địa

4. **Minh cực giác mãn, danh diệm tuệ địa.**

Sáng tỏ thì giác tánh sung mãn, gọi là Diệm Huệ Địa.

Giảng: Hào quang sáng chói đến cực đỉnh và giác tánh sung mãn. “Diệm Huệ” có nghĩa là trí huệ khai mở và chiếu sáng như một ngọn lửa, hỏa diệm. Địa vị thứ tư được gọi là Diệm Huệ Địa

5. **Nhất thiết đồng dị, sở bất năng chí, danh nan thắng địa.**

Tất cả đồng dị đều chẳng thể đến, gọi là Nan Thắng Địa.

Giảng: “Nhất thiết đồng dị” có nghĩa là không những mọi thứ đều bình đẳng, mà mọi thứ đều giống như nhau. Các vị Bồ Tát đều có một thân giống như nhau. Không có cách nào để phân biệt bởi vì trên bổn tánh không có danh hay tướng. Địa vị nầy được gọi là “Nan Thắng Địa”. Không có một thứ gì có thể trội qua được sự hiểu biết. Trí tuệ vượt qua hẳn các địa vị trước.
Có phải chỉ một vị Bồ Tát đạt được địa vị thứ năm nầy không? Đúng chỉ có một vị Bồ Tát. Và tuy rằng vị Bồ Tát nầy không phải chỉ một vị Bồ Tát. Chỉ có một, nhưng không phải là một. Đây là diệu pháp trong Phật Pháp.

Một vị Bồ Tát đạt tới địa vị nầy. Nhưng có triệu triệu Bồ Tát khác cũng đạt tới địa vị nầy. Thí dụ như trong nhà quý vị là người đạt được bằng tiến sĩ (PhD), có nghĩa là quý vị là người trong nhà có bằng tiến sĩ. Nhưng cũng có những người khác trong xã hội cũng đã đạt được bằng tiến sĩ. Không chỉ một vị Bồ Tát, mà có thể cả triệu vị Bồ Tát cũng đã đạt được quả vị Nam Thắng Địa.

6. **Vô vi chân như, tánh tịnh minh lộ, danh hiện tiền địa.**

Tánh trong sạch hiển lộ, Chơn Như vô vi gọi là Hiện Tiền Địa.

Giảng: Tất cả trí huệ đều hiện tiền. “Vô vi chân như, tánh tịnh minh lộ”. Tuy là vô vi, nhưng lại không có cái gì là không hữu vi. Chân Như có nghiã là bổn tánh của Như Lai. Đó là Pháp Vương. Với vô vi chân như, mọi thứ nằm trong trạng thái thanh tịnh, chân như hiện bày. Không có thứ gì mà không chân thật, không có cái gì mà không ở trong trạnh thái như vậy. Tánh tịnh minh lộ, tánh trong sạch hiển lộ. Đây là địa vị thứ sáu gọi là Hiện Tiền Địa, bởi vì Bồ Tát tánh hiện tiền

7. **Tận chân như tế, danh viễn hành địa.**

Cùng tột bờ bến của Chơn Như, gọi là Viễn Hành Địa.

Giảng: Khi Bồ Tát tu đến địa vị nầy, có thể bay đi biến hoá, hành động tự như. Chân Như không có giới hạn, không có điểm hạn chế, vậy là như sao? Một lần nữa, nó là mô tả. Thực sự chân như không có bờ biến, bởi vì nó không có giới hạn. Vì vậy kinh nói rằng: “Cùng tột bờ bến của Chơn Như.”

Nó giống như khi chúng ta nói rằng không gian trống rỗng đã bị tan biến. Nhưng không gian trống rỗng đã không phải là vật chất lúc ban đầu, làm sao nó có thể tan biến. Lời giải thích tại đây cũng là lời khó hiểu biết. Chân như không có giới hạn. Nó bao gồm trong 10 cõi pháp trong tất cả chúng sanh. Làm sao có ranh giới? Cái gì nằm ngoài 10 cõi pháp giới. Không có. Cho nên tại đây nói rằng: Đã tới bờ bến của Chân như. Đó là đi đến thật xa? Bao xa? Ai mà biết được? Chúng ta có thể nói rằng đó là “Viễn Hành Địa”. Người thường không thể nào tới đó. Chỉ có Bồ Tát tại địa vị thứ bảy mới tới chỗ xa ấy.

8. **Nhất chân như tâm, danh bất động địa.**

Nhất tâm chơn như, gọi là Bất Động Địa.

Giảng: Tức là thần thông không động đạo tràng, mà du khắp mười phương. “Nhất tâm chân như” là chân như pháp giới. Người ta nói rằng Tâm là Phật và Phật là Tâm. Bây giờ Chân như là Tâm và Tâm là Phật. Không còn có sự khác biệt giữa Chân Như và Tâm. Khi Chân Như không có giới hạn, tâm Bồ Tát cũng không có giới hạn. Khi tâm không còn giới hạn, các vị đi đâu? Các vị không còn đi đâu nữa. Vì vậy, họ được gọi là Bất Động Địa. Bất Động trong tánh Bồ Đề, họ có mặt ở khắp pháp giới. Đây là địa vị thứ tám

9. **Phát chân như dụng, danh thiện tuệ địa.**

Chơn như phát dụng, gọi là Thiện Huệ Địa.

Giảng: Bồ Tát tu được thần thông biến hoá tự như, du khắp mười phương, liền đắc được Bát nhã trí huệ thù thắng. Tại địa vị thứ tám, Chân Như và Tâm trở thành một, và được gọi là Bất Động Địa. Nhưng nếu bất động và không di động thì thật là vô ích. Tuy nhiên, trong Chân Như, chức năng bây giờ pháp dụng. Chức năng của chân như là gì? Chứa năng của Chân Như thật là vĩ đại. Nếu là bé nhỏ, vậy nó chỉ có một chứa năng. Nhưng chức năng vĩ đại có thể sử dụng như ý.

Tùy theo phương tiện, họ bất động. Trong bất động, họ đối sử theo phương tiện. Họ luôn luôn sử lý theo phương tiện, nhưng lúc nào cũng bất động. Họ tuy bất động, nhưng vẫn làm theo phương tiện. Những hành động phải pháp dụng trong trí tuệ. Cho nên pháp chân như dụng, gọi là Thiên Huệ Địa. Đây là địa vị thứ 9. Trí huệ chân như

10. **A-nan! Thị chư Bồ-tát, tòng thử dĩ vãng. Tu tập tất công, công đức viên mãn. Diệc mục thử địa, danh tu tập vị. Từ uẩn diệu vân, phúc Niết-Bàn hải, danh Pháp vân địa.**

A Nan, công hạnh tu tập của Bồ Tát từ trước đến đây, công đức viên mãn, cũng gọi địa này là Tu Tập Vị, tức dùng đám mây nhiệm mầu, đầy đủ từ bi trí huệ, che chở chúng sanh, khắp biển Niết Bàn

Giảng: Công đức của Bồ Tát tu hành giống như mây che hộ khắp tất cả chúng sinh. Anan, ngươi nên hiểu rằng Bồ Tát từ trước đến nay đã thành công viên mãn. Lúc ban đầu, tại địa vị Càn Huệ Địa, được gọi là bước đầu tiên Bồ Tát đạo, cho đến địa vị thứ chín của thập địa Bồ Tát. Tổng cộng là 54 địa vị. Khi vị Bồ Tát đi đến địa vị này, họ đã đến địa vị viên mãn. Họ đã thành tựu. “Công đức viên mãn”, trên con đường tu học đến chánh quả, họ đã đạt được quả vị. Họ sắp trở thành Phật. Những địa vị trước kia được gọi là Tu Tập Vị.

“Nhiệm mầu” và “Từ Bi” là Pháp. “Bảo vệ” và “Che Chở ” nằm trong danh từ đám mây, tượng trưng cho che chở chúng sanh. Một mà che chở cho tất cả chúng sanh. Tất cả Phật và Bồ Tát hiện khắp biển Niết Bàn. Đây là địa vị thứ 10 được gọi là Tu Tập Vị. Tại địa vị nầy, Bồ Tát che chở tất cả chúng sanh

ĐẲNG GIÁC

Như Lai nghịch lưu, như thị Bồ Tát. Thuận hành nhi chí, giác tế nhập giao, danh vi đẳng giác.

Như Lai ngược dòng từ quả vị trở lại nhân địa, cứu độ chúng sanh; Bồ Tát thuận hành từ chúng sanh tu đến quả Phật, thuận ngược đều giao tiếp nơi Bổn Giác, gọi là Đẳng Giác.

Giảng: Thực Trí của Bồ Tát (Căn Bản Trí) lên mà hợp với Giác Tâm nên thuận dòng mà vào. Kinh Anh Lạc nói: "Đẳng Giác chiếu tịch, Diệu Giác tịch chiếu", tức là nghĩa này. Ranh giới của hai Giác nên gọi là nhập vào nhau. Thể nhập vào nhau tức là tiếp hợp với dòng nước pháp của Như Lai vậy. Bèn ở chỗ này gọi là Đẳng Giác Vị, tức nói cái Giác cùng Như Lai bình đẳng không sai khác, chỉ chưa cùng tột trong chỗ Diệu đó thôi. Tức thời từ biển Đại Tịch Diệt ngược dòng mà ra, Diệu đồng khắp vạn vật, mới gọi là Diệu Giác.

"Như Lai nghịch dòng" có nghĩa là vị thiện tri thức nầy đã là Phật. Nhưng họ đi nghịch dòng và hiện thân tại nơi đây để độ các chúng sanh. Từ địa vị Phật, họ trở lại con đường Bồ Tát đạo để tiếp đón các vị Bồ Tát khác. Đó là ý nghiã của nghịch dòng. "Các vị Bồ Tát đi đến địa vị nầy qua tu hành." Các vị đi thuận dòng. "Dòng" là con đường tu hành từ quả vị A La Hán đến Bồ Tát, và đi đến Phật Quả, con đường mà Bồ Tát chưa trải nghiệm qua. Vì vậy họ đi thuận dòng để đi đến con đường Phật quả. Bây giờ, họ đã gặp Phật.

"Giao tiếp nơi Bổn Giác". Thực trí của Bồ Tát và Diệu Tâm của Phật giao tiếp tại nơi đây. Tại đây được gọi là Đẳng Giác. Những vị Bồ Tát bình đẳng với Phật. Nhưng họ chưa giác ngộ viên mãn. Con đường tu hành và giác ngộ đồng với Như Lai, nhưng họ vẫn còn một chúc vô minh. Họ phải diệt trừ hết vô minh. Vô Minh thật khó từ bỏ. Cho đến khi họ trừ bỏ, họ mới trở thành Phật

DIỆU GIÁC

A-nan! Tùng kiền tuệ tâm, chí đẳng giác dĩ. Thị giác thủy hoạch, Kim Cang tâm trung, sơ kiền tuệ địa. Như thị trọng trọng, đan phức thập nhị. Phương tận diệu giác, thành vô thượng đạo.

A Nan! Từ Càn Huệ Tâm đến bậc Đẳng Giác rồi giác ấy mới được viên mãn nơi Tâm Kim Cang. Bắt đầu từ Càn Huệ Địa từng lớp tiến lên, trải qua 12 ngôi vị đơn và phức mới đến Diệu Giác, thành Vô Thượng Đạo.

Giảng: Sơ Càn Huệ Địa trong Tâm Kim Cương tức là Tâm Càn Huệ ở trước. Kim Cương là nói do phá tan các pháp mà có tên. Các pháp có thể phá hoại, độc chỉ cái Huệ Kim Cương này không thể phá hoại. Ở trước là muốn tu tập cái Sơ Càn thuần là Trí Huệ, Trí Huệ đó không hai, chỉ có cái khô [Càn] là không cùng tận. Từ địa vị Thứ Mười trở về trước, cứ lấy một địa để phá hoại một địa, cho đến khi không có một pháp nào để đắc, nên nói: “Cái Giác này mới được Sơ Càn Huệ Địa trong Tâm Kim Cương. Mỗi địa vị lại có mười bậc nên gọi là kép. Lớp lớp như vậy, tiệm tu tiệm chứng, gồm tất cả mười hai tầng bậc mới đến Diệu Giác mà thành Vô Thượng Đạo. Nên bậc Đẳng Giác vẫn còn ở địa vị Thứ Mười Một nên chưa cùng tột, chỉ có địa vị Thứ Mười Hai mới cùng tột vậy.

Thị chủng chủng địa, giai dĩ Kim Cang. Quan sát như huyễn, thập chủng thâm dụ. Xa ma tha trung. Dụng chư Như Lai, tỳ bà xá na. Thanh tịnh tu chứng, tiệm thứ thâm nhập.

Mỗi mỗi địa ấy, đều lấy trí Kim Cang quan sát mười thứ ví dụ như huyễn, dùng Xa Ma Tha (chỉ) và Tỳ Bà Xá Na (quán) của chư Như Lai tu chứng trong sạch lần lượt sâu vào.

Giảng: Mỗi địa đều lấy trí huệ Kim Cang quan sát mười thứ ví dụ như huyễn.

Mười thứ thí dụ sâu xa là nên Quán rằng:
1. Hết thảy nghiệp như huyễn
2. Hết thảy pháp như bóng hơi nóng [Diệm]
3. Hết thảy tánh như bóng trăng trong nước
4. Sắc diệu như hư không
5. Tiếng diệu như vang

6. Quốc độ Chư Phật như thành Càn Thát Bà
7. Phật sự như mộng
8. Phật Thân như ảnh
9. Báo Thân như hình tượng
10. Pháp Thân như hoá.

Mười phương Như Lai thành tựu Bồ Đề đều có phương tiện ban đầu là Xa Ma Tha, Tam Ma Bát Đề, Thiền Na mầu nhiệm. Cho đến Trí Kim Cương Quán Sát, Như Huyễn Tam Muội thì chỉ Đức Quán Thế Âm là Đệ Nhất.

A-nan! Như thị giai dĩ, tam tăng tiến cố. Thiện năng thành tựu, ngũ thập ngũ vị, chân Bồ-đề lộ. Tác thị quán giả, danh vi chánh quán. Nhược tha quán giả, danh vi tà quán.

A Nan! Như thế đều dùng ba tiệm thứ tiến tu, nên khéo thành tựu 55 quả vị trong đạo Bồ Đề chơn thật. Quán như thế gọi là chánh quán, chẳng quán như thế gọi là tà quán.

Giảng: Do đó, năm mươi lăm Vị của con đường Bồ Đề cũng do trong ba tiệm thứ tăng tiến, ngược dòng toàn nhất. Bắt đầu là xoay lại cái Nghe, cái phương tiện tối sơ này cũng là Như Huyễn Quán Sát theo thứ lớp: hết Nghe cũng chẳng trụ, Giác và Sở Giác đều Không; Không, Sở Không diệt, sanh diệt đã diệt đó là Tịch Diệt Hiện Tiền. Làm cái Quán như thế đó là Một đường vào Niết Bàn của mười phương Chư Phật. Nếu Quán khác đi, chẳng trụ trong mười thứ thí dụ sâu xa của Kim Cang Quán Sát tức thuộc về sanh diệt, tức là Tà Quán vậy.

KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH NHƯ LAI MẬT NHƠN
TU CHỨNG LIỄU NGHĨA
CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH
THỦ LĂNG NGHIÊM

QUYỂN 8.3

— o0o —

TUYÊN HÓA THUỢNG NHÂN
giảng thuật

— o0o —

DANH KINH

* * *

Nhĩ thời Văn-thù-sư-lợi pháp vương tử. Tại đại chúng trung, tức tùng toạ khởi. Đảnh lễ Phật túc, nhi bạch Phật ngôn. Đương hà danh kinh? Ngã cập chúng sanh, vân hà phụng trì.

Bấy giờ, Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử ở trong chúng, liền đứng dậy đảnh lễ bạch Phật: Thế Tôn! Nên gọi Kinh này là Kinh gì, con và chúng sanh phải phụng trì như thế nào?

Giảng: Lúc bấy giờ, trong cuộc thảo luận, Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử từ chỗ ngồi đứng dậy, và giữa hội nghị ngài cúi đầu đãnh lễ Đức Phật và thưa với Đức Phật – Con bây giờ có một câu hỏi để hỏi: “Tên bộ kinh nầy là gì và làm thế nào tất cả chúng sinh sẽ duy trì nó? chúng con trong hội chúng này và những chúng sanh sống trong tương lai phụng trì như thế nào?

Phật cáo Văn-thù-sư-lợi. Thị Kinh danh đại Phật đảnh tất đát đa bát đát La, vô thượng bảo ấn, thập phương Như Lai, thanh tịnh hải nhãn.

Phật bảo Văn Thù Sư Lợi: Kinh này gọi là “Đại Phật Đảnh Thuần Trắng Chẳng Ô Nhiễm, Vô Thượng Bảo Ấn, Mười Phương Như Lai Thanh Tịnh Hải Nhãn”

Giảng: Nhục thân trên đầu của Đức Phật tượng trưng hay ám chỉ đến đỉnh núi vô hình, vương miện trên đầu của Đức Phật, mà tuôn ra hào quang lộng lẫy.

“Thuần Trắng Chẳng Ô Nhiễm” hay Tán Trắng là cái lộng trắng châu báo bao chê trên đỉnh đầu.

“Vô Thượng Bảo Ấn” là cái ấn dấu quý giá” là của con dấu Phật Pháp của Đức Phật. Tên này cho biết mức tối cao của thần chú Lăng Nghiêm. Nếu mọi người niệm thần chú Lăng Nghiêm, họ xứng đáng nhận được con dấu quý giá của Đức Phật.

“Mười Phương Như Lai Thanh Tịnh Hải Nhãn” là “Mắt trong sạch, trong sáng, giống như đại dương phủ khắp mười phương. ”Điều này ám chỉ đến sự trí tuệ thuần khiết. “Mắt” tượng trưng cho trí tuệ.

Diệc danh “Cứu hộ thân nhân độ thoát A-nan” Cập thử hội trung, tánh Tì-kheo-ni. Đắc Bồ-đề tâm, nhập biến tri hải.

Cũng gọi là “Cứu Hộ Thân Nhân, Độ Thoát A Nan, và Tỳ Kheo Ni Tánh trong Hội này, đắc Tâm Bồ Đề, vào Biển Biến Tri”,

Giảng: Cũng gọi là “Cứu Hộ Thân Nhân, Độ Thoát A Nan. ” Tên bộ kinh nầy liên quan đến Anan; họ là anh em họ. Đức Phật muốn cứu Anan khỏi những khó khăn mà anh gặp phải con gái của Ma-đăng-già .

Ngài cũng giải cứu “Tỳ Kheo Ni” hiện đang trong hội đồng này. ”Tỳ Kheo Ni” là người con gái của Ma-đăng-già. Cô ấy, bây giờ, đã đắc quả vị tứ thiền A-La-Hán giai vị thứ tư trong quả vị.

“đắc Tâm Bồ Đề”. Họ có được tâm trí Bồ đề và bước vào biển tràn ngập kiến thức. Hai vị này đã đạt tới mức độ giác ngộ.

“vào Biển Biến Tri” là như trong “Một trong những điều đúng đắn và phổ biến Kiến thức, “một trong những danh hiệu của chư Phật. “Biển Biến Tri” biết rằng tâm trí làm phát sinh vô số pháp. “Biển Biến Tri” là biết rằng vô số pháp chỉ từ tâm trí.

Diệc danh “Như Lai mật nhân tu chứng liễu nghĩa.”

Cũng gọi là “Như Lai Mật Nhân Tu Chứng Liễu Nghĩa”

Giảng: “Nó còn được gọi là “Như Lai Mật Nhân Tu Chứng Liễu Nghĩa” cho biết đó là cánh cửa bí mật nhất của Như vậy để đi đến chánh quả. Đó là nguyên thủy của sự tu hành của Ngài, chứng nhận là ý nghĩa đầy đủ. ”Thông qua việc tu hành đó, một tu chứng cho thành quả vị và cơ bản nguyên thủy trong việc tu hành.

Diệc danh “Đại phương quảng diệu liên hoa vương thập phương Phật mẫu đà la ni chú.”

Cũng gọi là “Đại Phương Quảng Diệu Liên Hoa Vương Mười Phương Phật Mẫu Đà La Ni Chú”

Giảng: “Nó còn được gọi là “Đại Phương Quảng” hay là phương pháp phổ biến rộng lớn”. Đây là một Pháp vĩ đại nhất, nó tràn ngập mười phương và vô biên rộng lớn.

“Diệu Liên Hoa Vương ” là một sự tương tự cho kinh điển Lăng Nghiêm.

“Mười Phương Phật Mẫu Đà La Ni Chú” là mẹ của tất cả các vị Phật trong mười phương” đề cập đến thần chú Lăng Nghiêm. Tất cả chư Phật của mười hướng dẫn được sinh ra từ thần chú Lăng Nghiêm. “Đà La Ni” là tiếng Phạn có nghĩa là “bao trùm và giữ gìn”. Bao gồm tất cả các pháp; nó giữ ý nghĩa vô hạn. Ý nghĩa khác là nó bao gồm ba nghiệp thân, khẩu và ý để không có vi phạm được thực hiện bởi họ. Với cơ thể của bạn không phạm tội giết, ăn cắp, hoặc ham muốn. Với tâm trí bạn không tham lam, tức giận, hay ngu si. Với miệng của bạn, bạn không thưởng thức trong lỏng lẻo lời nói, lời nói gay gắt, nói dối,

hoặc tin đồn. Bạn không cam kết bất kỳ mười điều ác này. Và nó nắm giữ những cánh cửa Pháp vô vi của tất cả chư Phật. Đó là một cách khác để giải thích “Đà La Ni”.

Diệc danh “Quán đảnh chương cú chư Bồ-tát vạn hạnh Thủ Lăng Nghiêm.” Nhữ đương phụng trì.

Cũng gọi là “Quán Đảnh Chương Cú, Chư Bồ Tát Vạn Hạnh Thủ Lăng Nghiêm”. Các ngươi nên phụng trì.

Giảng: “Quán đảnh chương cú”: Đây là bộ kinh lần đầu tiên trong bộ kinh Đại Thừa và quan trọng nhất của Pháp kiên cố. Đó là một Pháp mạnh mẽ và vững chắc. “Quán đảnh ” tượng trưng cho nhục thân hay vương miện trên đầu ”đề cập đến Thần chú Lăng Nghiêm. Nếu bạn đọc thuộc lòng, những trở ngại nghiệp của bạn sẽ rất nhanh chóng được tiêu diệt. Rất sớm bạn sẽ có được trí tuệ.

Trước đó, Anan có nói bài kệ tán thán kinh Lăng Nghiêm:
Diệu trảm tổng trì, bất động tôn,
Thủ Lăng Nghiêm vương thế hi hữu,
Tiêu ngã ức kiếp, điên đảo tưởng.
Bất lịch tăng kỳ hoạch pháp thân.

Kính lạy Pháp thân, Báo thân, Ứng thân Phật
Thủ Lăng Nghiêm vương hiếm có trên đời.
Tiêu trừ cho con các vọng tưởng điên đảo từ muôn ức kiếp
Không cần trải qua vô số kiếp mà vẫn được Pháp thân.

Thần chú Lăng Nghiêm có thể vô hình quán đảnh trên vương miện trên đầu và do đó tiêu diệt suy nghĩ lộn ngược của bạn hóa giải các nghiệp trong vô lượng kiếp. Không cần phải vượt qua thông qua vô số kiếp trước khi bạn có được Pháp thân.

“Chư Bồ Tát Vạn Hạnh Thủ Lăng Nghiêm” được chứa đựng trong Kinh này.

Ananda, ngươi nên dựa vào Pháp này trong tu hành. Vì vậy, ngươi nên phụng trì nó. ”

Thuyết thị ngữ dĩ. Tức thời A-nan, cập chư đại chúng. Đắc mông Như Lai khai thị, mật ấn bát đát La nghĩa. Kiêm văn thử kinh, liễu nghĩa danh mục. Đốn ngộ Thiền-na, tu tiến thánh vị. Tăng thượng diệu lý, tâm lự hư ngưng. Đoạn trừ tam giới, tu tâm lục phẩm, vi tế phiền não.

Phật nói xong, tức thời A Nan và đại chúng nhờ Như Lai khai thị ý nghĩa “Mật Ấn Chẳng Ô Nhiễm” và được nghe những danh hiệu liễu nghĩa của Kinh này, đốn ngộ diệu lý của Thiền Na, tiến tu các Thánh vị, tâm niệm rỗng lặng, dứt trừ sáu phẩm phiền não vi tế trong tam giới.

Giảng: Nan và đại chúng nhờ Như Lai khai thị ý nghĩa “Mật Ấn Chẳng Ô Nhiễm” . “Bát Đát La.” Đát La, một lần nữa, là Cái lộng trắng. Họ đã hiểu được ý nghĩa tuyệt vời. Và họ nghe những cái tên và ý nghĩa đầy đủ của Kinh này. Những cái tên này là toàn diện, tối thượng nhất, ý nghĩa nhất.

Họ đột nhiên diệu lý của Thiền Na. “Thiền Na” là một từ tiếng Phạn có nghĩa là “tu luyện tư tưởng.” “Đột nhiên giác ngộ “có nghĩa là sự thức tỉnh của họ là ngay lập tức và nhanh chóng.

Họ tiến bộ trong việc tu hành của họ đến vị trí rốt ráo. Các “Vị trí xảo quyệt” ám chỉ đến cái tối thượng – Phật tử. Họ tiến tới trong sự hiểu biết của họ về chân lý hoàn hỏa. Có nghĩa là trí tuệ của họ tăng lên. Trí tuệ của mỗi người tiếp tục phát triển. Tâm thức của họ có định và thanh thản. Ở đó không có gì xáo trộn tâm trí họ. Họ rõ ràng và cởi mở.

“dứt trừ sáu phẩm phiền não vi tế trong tam giới.” Tại thời điểm này, Anan được chứng nhận thành quả vị thứ hai của A La Hán. Anan dứt trừ và bỏ qua sáu phẩm của tinh tế phiền não trong việc tu luyện tâm trí của mình trong Thế Giới Ta Ba. Anan đã cắt bỏ các ảo giác, và bây giờ Anan cắt đứt sáu phẩm phiền não về ảo tưởng mơ hồ trong tâm. Có 81 tư tưởng-ảo tưởng trong tất cả, chín nhân chín phần. Những phiền não này được gọi là “tinh tế” bởi vì nó không phải là dễ dàng phát hiện chúng. Thật khó để cảm nhận chúng trong một tâm thức, nhưng bây giờ Anan đã có thể cắt bỏ một số phiền não

SANH KHỞI & NHÂN QUẢ

* * *

Tức tùng toạ khởi, đảnh lễ Phật túc. Hợp chưởng cung kính, nhi bạch Phật ngôn: Đại oai đức Thế Tôn, từ âm vô già, thiện khai chúng sanh, vi tế trầm hoặc. Linh ngã kim nhật, thân ý khoái nhiên, đắc đại nhiêu ích.

A Nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ chân Phật, chắp tay cung kính bạch Phật rằng: Thế Tôn có oai đức lớn, từ âm vô ngại, khéo khai phá những mê hoặc vi tế của chúng sanh khiến con hôm nay thân tâm an lạc, được lợi ích lớn.

Giảng: Sau đó, Anan đứng dậy từ chỗ ngồi của mình. Bởi vì Anan đã cắt bỏ một số phiền não tinh tế của mình khi nghe những gì Đức Phật đã thuyết, anh ta đứng dậy tại thời điểm này, cúi đầu trước chân Phật, chấp lòng bàn tay với nhau một cách tôn trọng, và thưa với Đức Phật:

Thế Tôn có oai đức lớn, từ âm vô ngại, khéo khai phá những mê hoặc vi tế của chúng sanh . Nhiều người sống với tính tình bướng bỉnh. Họ không tin bất cứ điều gì bạn nói với họ. Họ không tin vào nhân và quả, họ không tin trong chu kỳ tái sinh, họ không tin vào việc trả lại. Nên Phật thuyết ra những phương tiện và cách trao dồi đức hạnh. Với oai lực và đức hạnh, Phật có thể áp đảo và chinh phục chúng sinh. Đức hạnh, mặt khác, áp dụng trong cuộc sống chúng sanh. Vì vậy, danh từ này đại diện cho hai khía cạnh của chinh phục và tập hợp. Ngài tập hợp những chúng sinh có đức tin và có thể tiếp nhận pháp. Phẩm chất của Phật giống như một nam châm thu hút các hồ sơ sắt, đại diện cho những sinh vật mà Phật mang đến.

Âm thanh của đức Phật không có giới hạn. Nó không bị cản trở, bay tới mọi nơi để cứu tất cả chúng sanh. Ngài khéo khai phá những mê hoặc vi tế của chúng sanh "đã dạy dỗ chúng sinh cho họ khai phá những cực kỳ vi tế chìm trong ảo tưởng." Ban đầu sống, chúng sinh thậm chí không nhận ra chúng bị cản trở bởi ảo tưởng vi tế, cho nên Đức Phật đã chỉ ra cho họ.

Anan, trong ngày này đã trở nên hạnh phúc trong thân tâm, thân tâm an lạc, được lợi ích lớn.

Thế Tôn! Nhược thử diệu minh, chân tịnh diệu tâm, bản lai biến viên. Như thị nãi chí, đại địa thảo mộc. Nhuyễn động hàm linh, bổn nguyên chân như. Tức thị Như Lai, thành Phật chân thể. Phật thể chân thật. Vân hà phục hữu, địa ngục ngạ quỷ, súc sanh tu la, nhân thiên đẳng đạo.

Thế Tôn! Nếu diệu tâm sáng tỏ này vốn viên mãn cùng khắp, như thế cho đến đất đai, cỏ cây sâu bọ, hàm linh, bản tánh chơn như, tức là chơn thể thành Phật của Như Lai; vậy Phật thể chơn thật, tại sao lại có các đạo địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, tu la, loài người và trời?

Giảng: Trong câu hỏi Anan, "Cỏ và cây cối "được xem xét chúng sanh.

"Giun lùn và những dạng sống nhỏ" là nhỏ nhất của cõi đời. Nọ không có nhiều nhận thức. Nọ có thể di chuyển, nhưng không xa, và nhận thức của nọ là khá hạn chế.

Tuy nhiên, chúng “ban đầu là chơn thể thành Phật của Như Lai. ”. Họ có tất cả và tràn ngập với bổn tánh của một vị Phật – khả năng trở thành một vị Phật. Vậy tại sao lại có các đạo địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, tu la, loài người và trời?

Thế Tôn! Thử đạo vi phục, bản lai tự hữu. Vi thị chúng sanh, vọng tập sanh khởi?

Thế Tôn, lục đạo này vốn tự có, hay là do tập khí hư vọng của chúng sanh mà sanh khởi?

Giảng: Anan hỏi: Thế Tôn, chúng sanh trong lục đạo nầy tồn tại một cách tự nhiên, hay là tạo ra bởi sự giả tạo và thói quen? Sáu con đường tái sinh luôn tồn tại hoặc sinh vật tạo ra chúng? Tôi không hiểu nguyên tắc ở đây.

Thế Tôn! Như Bảo Liên Hương, Tì-kheo-ni. Trì Bồ-tát giới, tư hành dâm dục. Vọng ngôn hành dâm, phi sát phi thâu, vô hữu nghiệp báo. Phát thị ngữ dĩ, tiên ư nữ căn, sanh đại mãnh hỏa. Hậu ư tiết tiết, mãnh hỏa thiêu nhiên, đọa vô gián ngục.

Thế Tôn! Như Tỳ Kheo Ni Bửu Liên Hương trì Giới Bồ Tát, lén hành dâm dục, vọng nói hành dâm, chẳng phải sát sanh và trộm cắp, chẳng có nghiệp báo. Nói xong, nơi nữ căn liền sanh ngọn lửa lớn, rồi từng đốt xương lại bị bừng cháy, đọa ngục A Tỳ.

Giảng: Tỳ Kheo Ni Bửu Liên Hương nhận giới Bồ Tát, nhưng bà không bảo trì chúng. Cô ấy đã quan hệ tình dục với tinh quái. Đã làm điều này, bạn nghĩ cô ấy nói? Cô ấy đã soạn sẵn một bài diễn văn. Cô ấy đã nói dối. Cô ấy nói quan hệ tình dục đó không liên quan đến việc giết hoặc ăn cắp. “Đó không phải là giết người. Không phải trộm cắp. Bạn không ăn cắp đồ của ai cả. Nó chỉ là một thú vui giữa đàn ông và đàn bà, một phúc khoái lạc mà họ chia sẻ. Tội phạm là có gì đâu trong đó? Mặc dù Đức Phật bảo chúng ta kiềm chế nó, tôi không nghĩ rằng sự kiềm chế là cần thiết trong trường hợp này. Nó không quan trọng. Không có tội lỗi lớn. Đâu có điều gì có thể sai khi người đàn ông và phụ nữ trải qua một cuộc gặp gỡ hạnh phúc như thế? ”

Đó là dòng suy luận chung của cô. Cô cũng thực sự nhấn mạnh vào đó. Cô ấy nói về tình dục trải qua như vậy “không mang ơn quả báo.” Quan hệ tình dục, “cô nói,” có rất nhiều như người muốn. Càng nhiều càng tốt. Nó không có vấn đề gì. ”Do đó, cô thực sự ủng hộ tình dục khao khát. Cô ấy là một vị tỳ kheo ni nhưng cô ấy lại quảng cáo dục vọng.

“Nhưng sau khi nói điều này, cơ quan phụ nữ của cô ta bị cháy, và rồi ngọn lửa dữ dội lan tỏa khắp tứ chi của cô ấy. ”

Không quan trọng, huh? Trong cơ thể phụ nữ của cô, một ngọn lửa bóc lên. Khủng khiếp, phải không? Tôi tin rằng lúc đó cô ấy đã bị đốt cháy dữ dội, cô la hét lên và khóc. Cô ấy không còn lý lẽ nào nữa trên hành vi của cô không có phạm tội. Một khi cơ quan phụ nữ của cô ấy đã bốc cháy, ngọn lửa lan đến tất cả chân tay và khớp của cô. Đó là bởi vì trong hành động tình dục nam giới và phụ nữ cảm thấy một cảm giác niềm vui và sự hài lòng trong toàn bộ cơ thể của họ. Họ lấy đây là niềm vui, không nhận ra rằng sự bỏ rơi như vậy chỉ là sự bỏ rơi tiếp theo cái chết. Điều thực sự xảy ra là họ sẽ chết sớm hơn một chút. Thọc vào những tình huống như vậy, họ hoàn toàn từ bỏ chính mình, đến mức họ chỉ muốn chết – cả đàn ông lẫn đàn bà. Để chết một chút sớm hơn là tốt. Nhưng thực ra họ đang đi lên đường vào địa ngục; họ đang chui vào địa ngục. Các khớp của vị tỳ kheo ni bốt lửa vì ham muốn tình dục thuộc về ngọn lửa trong dục vọng. Ở đỉnh cao của nó có một loại lửa dục vọng. Vì vậy, chúng tôi nói về “ngọn lửa của ham muốn.”

Ngay khi cả bình chữa cháy và thậm chí cả nhà cứu lửa cũng sẽ vô dụng. Tại sao vậy? Đó là vì ngọn lửa đến từ ham muốn tình dục nặng nề của chính mình. Không có lượng nước nào có thể dập tắt nó.

Điều gì đã xảy ra với cô ấy? Không có con đường nào khác để đi lúc đó. “Cô ấy rơi vào Địa ngục vô gián. ”Địa ngục A Tỳ”, không có thời gian nào cả. Không có nghỉ giải lao. Ngoài ra, không gian của nó không bị gián đoạn dù chỉ một tội nhân hay nhiều tội nhân trong đó. Địa ngục không rộng rãi cho dù bạn ở một mình hoặc trong đám đông. Hơn nữa, người ta không biết có bao nhiêu kiếp đã trôi qua khi một người liên tục trải qua nhiều đau khổ cay đắng. Ở đó, tội hình không bị gián đoạn trong thời gian hoặc trong không gian. Cơn đau khổ cực là liên tục. Sinh tử không bị gián đoạn.

Khi vị tỳ kheo ni này đến địa ngục đó, bạn cho rằng cô ấy thấy gì? Trong đó có những con chim có mỏ sắt và những con sâu sắt bò trong và ngoài của chân tay và khớp của mình. Nơi nhận được đặc biệt chú ý, tất nhiên, cơ quan phụ nữ của cô. Những sinh vật này sẽ khoan vào trong đó và khoan ra trở lại. Mỗi lần can sâu sắt đã khoan như này, cuộc tấn công của họ sẽ giết cô.

Nhưng rồi một cơn gió sẽ thổi (gió đó là một tính năng đặc biệt của các địa ngục) và hồi sinh cô ấy. Vì vậy, trong một ngày và đêm, cô ấy sẽ trải nghiệm hàng chục hàng ngàn cái sinh và tử vong. Cô ấy sẽ chết và được hồi sinh, lặp đi lặp lại, vô số lần.

Ngoài ra, các địa ngục được trang bị đặc biệt cho những người thích ham muốn tình dục. Một trong những dụng cụ là một cột đồng. Nó rất là đỏ nóng vì ngọn lửa cháy trong đó. Tuy nhiên, khi một người thích ham muốn tình dục nhìn vào cái cột nóng đó, người ta không thấy nó như là vậy. Khi một người đàn ông nhìn vào cây cột, anh ta thấy một người phụ nữ. Khi một người phụ nữ nhìn vào cây cột, nó là đàn ông. Trong thực tế, họ thấy trụ cột nóng như bạn trai cũ hoặc bạn gái của họ. Vì vậy, cuộc đua hướng tới nó và, không biết nó là một cột đồng nóng, họ điên cuồng ôm lấy nó. Màu đỏ nóng đồng cột sau đó thiêu đốt chúng. Như thể điều đó cũng chưa đủ, trong góc mắt họ thấy một cái giường. Trên thực tế, nó là sắt giường cũng nóng đỏ. Nhưng những gì người đó nhìn thấy là trước đây bạn trai hay bạn gái trên giường. Họ chạy đến giường và nhận bị đốt cháy thêm một lần nữa. Tại sao?

Bởi vì nghiệp lực tình dục của họ quá nặng nề đến nỗi hướng nào họ đi họ cũng phải trải qua sự trừng phạt này. Đây là loại hình phạp mà các Tỳ Kheo Ni Bửu Liên Hương đã phải trải qua. Cô đã trải qua những địa ngục trong khi vẫn còn sống. Cô ấy còn có thể tiếp tục nói rằng hành vi tình dục không liên quan đến việc giết người hoặc ăn cắp và sự phát sinh không có quả báo. Lúc đó đã quá muộn. Cô ấy đã sám hối quá trễ. Điều này xảy ra vào thời điểm Đức Phật còn trong thế giới. Có một vị tỳ kheo đã là kẻ lừa dối này. Không chỉ ngày nay vị tỳ kheo đôi khi là lỏng lẻo; nó đã xảy ra trong thời của Đức Phật

Lưu ly Đại Vương, thiện tinh Tỳ-kheo. Lưu ly vi tru, Cồ Đàm tộc tính. Thiện tinh vọng thuyết, nhất thiết pháp không. Sanh thân hãm nhập, A-tỳ địa ngục.

Như vua Lưu Ly, và Tỳ Kheo Thiện Tinh: Lưu Ly thì giết hại hết dòng họ Cù Đàm; Thiện Tinh thì vọng nói tất cả pháp đều Không đang sống bị đọa vào ngục A Tỳ.

Giảng: “Như vua Lưu Ly, và Tỳ Kheo Thiện Tinh: Lưu Ly thì giết hại hết dòng họ Cù Đàm”. Cha của vua Lưu Ly, cũng là một vị vua, muốn kết hôn vào dòng họ Cù Đàm. Vì dòng họ Cù Đàm là một người đáng kính hơn nhà vua, người Cù Đàm không thích ý kiến kết hôn. Không ai muốn đưa con gái cho nhà vua trong hôn nhân, nhưng họ không dám từ chối hoàn toàn, bởi vì nhà vua mạnh mẽ. Sự từ chối có thể dẫn đến rắc rối lớn. Cuối cùng họ quyết định trong số họ để gửi một trong những cô hầu đầy tớ của họ, đặc biệt cô gái đẹp, và giả vờ là cô ấy thuộc gia tộc Cù Đàm. Nhà vua Lưu Ly là con của cuộc hôn nhân đó.

Một lần, trong khi vị vua đó vẫn còn là một đứa trẻ, ai đó đã xây dựng một ngôi đền cho Đức Phật, với một chiếc ghế thuyết Pháp đầy lộng lẫy. Khi chỗ ngồi đã được hoàn thành, nhưng trước khi chính Đức Phật đã tới nền tảng và ngồi trên đó thuyếtPháp, hoàng tử Lưu Ly trèo lên và ngồi lên đó. Các đệ tử của Đức Phật và các nhà tài trợ đã thấy và mắng hoàng tử và nói rằng, "Bạn là con trai của một nô lệ, sao bạn dám ngồi trên ghế của Đức Phật? "

Nghe họ vói vậy, hoàng tử đã nổi giận, và hoàng tử nói với người tiếp viên của mình, "Chờ cho đến khi ta làm Vua, nhớ nhắc nhở tôi về những gì đã được nói ở đây trong ngày hôm nay, nếu ta quên. Những người từ dòng họ Cù Đàm nói rằng tôi là con trai của một nô lệ. Nhắc ta về điều đó. Ta sẽ đồi lại sự công bằng."

Sau đó, khi hoàng tử lên ngôi vua, tiếp viên đã nhắc ông, và Vua Lưu Ly ban một sắc lệnh rằng giết hết toàn bộ gia tộc Gautama, luôn cả chính Phật. Khi một đại đệ tử nghe thoáng điều này, ông đã đi đến Phật để báo cáo. "Chúng con có để nghĩ ra cách cứu dòng họ Cù Đàm. Nhưng Đức Phật đã không nói bất cứ điều gì. Vì vậy, đại đệ tử dùng thần thông của mình, đặt năm trăm gia tộc Cù Đàm vào cái bát quý giá của mình, và đưa họ lên thiên đường. Bồ Tát nghĩ họ sẽ an toàn ở đó. Khi Vua Lưu Ly đã hoàn thành việc tiêu diệt, Bồ Tát nói Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, "Tôi đưa năm trăm người Cù Đàm trong bát và cất ở trên trời, nên gia tộc không bị diệt mất. Sau chiến tranh. Tôi sẽ mang dòng họ về và đưa họ ra. "Nhưng khi bồ tát định đưa học về và nhìn vào cái bát của mình, bồ tát không thấy người ngoài vũng máu.

"Tại sao tôi không thể cứu họ?" Bồ Tát thắc mắc. Ngài muốn Đức Phật giải thích nguyên nhân tại sao vậy.

"Bởi vì con không biết," Đức Phật nói. "Trên mặt đất nhân quả, một thời gian dài trước đây, tại một nơi thời tiết nóng, có một hồ bơi với các trường cá trong đó. Hai nhà trưởng của trường có tên là "Ý" và "Lưỡi". Nước trong hồ bốc hơi trong lúc trời nóng dữ dội, và vì những người sống trong khu vực không có gì khác để ăn, họ ăn cá. Cuối cùng ở đó chỉ là một lỗ hổng, nhưng thậm chí sau đó họ nhận thấy một chuyển động trong bùn. Họ đào sâu, họ tìm thấy hai con cá lớn – "Ý" và "Lưỡi". Vào thời điểm đó, ta, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, là một đứa trẻ trong số những người này – những người này trở thành gia tộc họ Cù Đàm.

Thấy hai con cá sắp bị nuốt sống, ta đánh vào trên đầu cá ba lần với một cái gậy lớn để giết chúng. Đó là lý do tại sao trong cuộc đời nầy tuy là một vị Phật, ta cũng phải chịu đựng ba ngày nhức đầu vì nhân quả. Hơn nữa, con cá mang tên "Ý" hiện nay là vua Lưu Ly, và nhiều cá trong hồ, con cá mang tên "Lưỡi"

là người tiếp viên của vua đã nhắc nhở vua những lời nói của gia tộc Cù Đàm khi còn bé. Vì vậy, đó đã lý do nhân quả tại sao vua Lưu Ly muốn tiêu diệt gia tộc Cù Đàm. Mặc dù Thích Ca Mâu Ni đã trở thành một vị Phật, ngài không cứu dòng họ của mình ra khỏi nghiệp lực mà để họ phải trả lại cái nghiệp đó.

Thiện Tinh mãi lên tiếng kiến thức và quan điểm sai lệch. Khi ông nói Pháp, ông không nói theo những điều Phật dạy. Ông tự mình tạo ra.

Ví dụ, Đức Phật đã dạy chúng ta giữ giới không giết, nhưng hướng dẫn của Thiện Tinh này là: "Không cần thiết. Tại sao chúng ta lại giữ giới không giết người? Sinh và tử lúc nào cũng xảy ra để nuôi sống chúng sinh, và một số chúng sanh đặc biệt dành cho mọi người ăn.

Nếu bạn không ăn chúng, chúng sanh đó sống để làm gì? Chúng không theo trí thức. Và theo lý lẽ nầy, ông đã phản đối lời khuyên của Đức Phật về sát sanh. Thiện Tinh này ban đầu đã rời xuất nhà theo Đức Phật, nhưng về sau ông ta không đồng ý với Pháp của Phật thuyết. Bất kể Phật nói điều gì, ông ta cũng tìm kiếm vấn đề, và ông ấy đã có thể ảnh hưởng đến rất nhiều vị tỳ kheo kém trí tuệ theo ông ta.
Họ bắt đầu tin ông ta. "Đúng vậy!" Họ nói.
"Điều ông ấy nói có ý nghĩa. Giết người có tội gì? "

Nhiều tình huống tương tự như Tỳ Kheo Ni Bửu Liên Hương. "Chúng tôi chỉ lấy những gì chúng tôi cần; không phải là chúng tôi ăn cắp. Nếu chúng tôi có một cái gì đó, chúng tôi không cần phải lấy nó. Nhưng nếu bạn không lấy những gì bạn cần, làm thế nào bạn có thể nhận được trong cuộc sống này?"Đó là những gì ông nói về ăn cắp. Anh nghĩ cách để chống lại năm yếu tố của ngũ giới do Đức Phật thiết lập.

"Thiện tinh vọng thuyết, nhất thiết pháp không". Sát sinh là không, và ăn cắp là trống rỗng, vì không có bất cứ thứ gì ở thế gian để bắt đầu với. Không có lý lẽ cho nhân quả. Bạn nói về việc nghiệp báo? Vậy, bạn hãy đưa ra 'nghiệp của bạn' và cho tôi coi. Nghiệp không tồn tại! "

"Cả hai đều chìm vào A-tỳ địa ngục. ." Họ thậm chí không đợi cho đến khi họ chết để rơi vào địa ngục. Vua Lưu Ly, Thiện Tinh và Tỳ Kheo Ni Bửu Liên Hương trải qua kinh nghiệm địa ngục trên cơ thể vật chất của họ trong khi họ vẫn còn sống. Vì thế Anan hỏi Đức Phật về những nguyên nhân và điều kiện này.

Thử chư địa ngục, vi hữu định xứ, vi phục tự nhiên. Bỉ bỉ phát nghiệp, các các tư thụ. Duy thùy đại từ, phát khai đồng mông. Linh chư nhất thiết, trì giới chúng sanh. Văn quyết định nghĩa, hoan hỉ đảnh đái, cẩn khiết vô phạm.

Các địa ngục ấy, là có chỗ nhất định hay chẳng định? Mỗi người gây nghiệp nhân, mỗi mỗi tự chịu nghiệp quả, hay là tất cả tự nhiên? Xin Phật rủ lòng Đại Từ, khai phá ngu dại, khiến tất cả chúng sanh trì giới, nghe nghĩa quyết định, hoan hỷ phụng hành, giữ gìn chẳng phạm.

Giảng: Các địa ngục ấy, là có chỗ nhất định hay chẳng định? Kể từ Vua Lưu Ly, Thiện Tinh và Tỳ Kheo Ni Bửu Liên Hương đều rơi vào những địa ngục còn sống, Anan mang những câu truyện ra làm ví dụ và sau đó hỏi xem các địa ngục có cố định hay không địa điểm nhất định.

Mỗi người gây nghiệp nhân, mỗi mỗi tự chịu nghiệp quả, hay là tất cả tự nhiên? Mỗi người trong số ba người này có phải trải qua sự trừng phạt phù hợp với loại nghiệp chướng mà họ đã tạo ra. Nguyên tắc liên quan ở đây là gì? Có phải địa ngục đã được chuẩn bị trước cho họ, hay họ tự làm? Địa ngục đến từ đâu? Như thế nào mà chúng liên quan đến việc tạo ra ác nghiệp hay trải qua quả báo? Có phải các ty sở địa ngục là công cộng như nhà tù, hoặc là những địa ngục tư nhân?

“Xin Phật rủ lòng Đại Từ, khai phá ngu dại” . “Con hoàn toàn không hiểu rõ vấn đề này,” Anan nói. “Con như một đứa trẻ ngay thơ khi nói đến điều này.

“khiến tất cả chúng sanh trì giới, nghe nghĩa quyết định, hoan hỷ phụng hành, giữ gìn chẳng phạm.” Con hy vọng tất cả chúng sanh sẽ lắng nghe và tuân theo sự hướng dẫn dạy dỗ do Đức Phật ban cho. Con hy vọng chúng sanh sẽ cẩn thận để được tự do trong giới luật. Mong chúng sanh học hỏi với sự tinh khiết tối đa và rất thận trọng và thân tâm thanh tịnh, vì vậy mà không có cách nào họ vi phạm giới luật. Xin đức Phật giải thích điều này cho chúng con

Phật cáo A-nan, khoái tai thử vấn. Linh chư chúng sanh, bất nhập tà kiến. Nhữ kim đế thính, đương vị nhữ thuyết.

Phật bảo A Nan: Lành thay câu hỏi này, khiến các chúng sanh chẳng mắc tà kiến, nay ngươi hãy lắng nghe, ta sẽ vì ngươi mà nói.

Giảng: Khi Đức Phật nghe Anan hỏi làm sao để giúp chúng sinh của vị bảo vệ tương lai giới luật cẩn thận, ngài vô cùng hạnh phúc.

Đức Phật nói với Anan, “Thật là một câu hỏi hay! Đây là một câu hỏi thích hợp nhất. Đó chính xác là giáo pháp con nên hỏi về. Con muốn chúng sanh chẳng mắc tà kiến, nay ngươi hãy lắng nghe, ta sẽ vì ngươi mà nói. Điều này có thể khiến họ không rơi vào tà ác kiến thức và giúp họ có được kiến thức phù hợp. Con nên lắng nghe chăm chú ngay bây giờ và ta sẽ giải thích vấn đề này cho con.

NỘI PHẦN NGOẠI PHẦN

* * *

A-nan! Nhất thiết chúng sanh, thật bản chân tịnh. Nhân bỉ vọng kiến, hữu vọng tập sanh. Nhân thử phần khai, nội phần ngoại phần.

A Nan! Bản tánh của tất cả chúng sanh vốn chơn thật trong sạch, vì vọng kiến mà vọng sanh tập khí, do đó chia thành nội phần và ngoại phần.

Giảng: A Nan! Bản tánh của tất cả chúng sanh vốn chơn thật trong sạch vì vọng kiến mà vọng sanh tập khí.
Thực ra, Ananda, tất cả chúng sinh về bản tánh là chơn thật và thanh tịnh nhưng dựa trên sự thật họ tạo ra sự giả tạo: họ tạo ra sự thiếu hiểu biết. Từ sự thiếu hiểu biết họ đưa ra những quan điểm sai lầm. Bởi vì quan điểm sai lầm của họ, họ làm phát sinh sự giả dối của thói quen.

“Do đó chia thành nội phần và ngoại phần”. Những thói quen sai lầm liên quan đến thể chất bên trong của họ và môi trường bên ngoài của họ. Chúng được chia thành một khía cạnh nội bộ và khía cạnh ngoại bộ. Có những thói quen sai lầm xảy ra bên ngoài cơ thể vật chất và những thói quen sai xảy ra bên trong đó cũng thế.

A-nan! Nội phần tức thị, chúng sanh phần nội. Nhân chư ái nhiễm, phát khởi vọng tình. Tình tích bất hưu, năng sanh ái thủy. Thị cố chúng sanh, tâm ức trân tu, khẩu trung thủy xuất. Tâm ức tiền nhân, hoặc liên hoặc hận, mục trung lệ doanh. Tham cầu tài bảo, tâm phát ái tiên, cử thể quang nhuận. Tâm trước hành dâm, nam nữ nhị căn, tự nhiên lưu dịch.

A Nan! Nội phần tức là phần trong của chúng sanh. Do lòng ái nhiễm phát khởi vọng tình, vọng tình tích chứa không thôi, sanh ra ái thủy, nên chúng sanh hễ nghĩ đến thức ăn ngon thì chảy nước miếng; nhớ đến người xưa, hoặc thương hoặc giận, thì chảy nước mắt, tham cầu của báu, trong tâm ham muốn, cả

mình đều thấm nhuần nước tham; tâm tham dâm dục thì hai căn nam nữ tự nhiên chảy dịch.

Giảng: “A Nan! Nội phần tức là phần trong của chúng sanh.” Điều này có nghĩa là trong cơ thể thân người. Những gì là trong cơ thể thân người?

“Do lòng ái nhiễm phát khởi vọng tình, vọng tình tích chứa không thôi.” Vì tình yêu và sự ô nhiễm, họ tạo ra sự giả tạo của cảm xúc. Từ tình yêu và sự ô nhiễm, những cảm xúc giả tạo đi lên. Những cảm xúc tích lũy mà không chấm dứt. Những cảm xúc chồng chất từng ngày, tháng này qua tháng khác. Ái tình sanh nở tràn đầy và không dừng lại.
“Sanh ra ái thủy, nên chúng sanh hễ nghĩ đến thức ăn ngon thì chảy nước miếng.” Tại sao nó lại nói rằng một khi chúng sinh có tình yêu và sự ô nhiễm của họ nổi lên cho đến phút cuối, nếu không dừng lại, sẽ tạo ra chất lỏng của tình khí? Một số ví dụ sẽ chứng minh điều này. Chỉ cần suy nghĩ về việc ăn một số món ăn ngon đã làm cho người chảy nước miếng. Nó xảy ra vì ý nghĩ háu ăn của họ.

“Nhớ đến người xưa, hoặc thương hoặc giận, thì chảy nước mắt”. Khi họ nghĩ về một người thân hay bạn đã chết – một người bạn hoặc thân thiết tương đối, một người mà họ có mối quan hệ nhất – với sự buồn bã hay giận dữ, nước mắt sẽ chảy ra từ mắt họ. Người đã chết rất gần với họ rằng cho nên họ trở nên tức giận – oán giận hoặc thậm chí giận dữ – và nghĩ, “Anh ta rất tốt. Tại sao anh ấy có phải chết sớm như vậy? Mọi thứ rất tốt giữa chúng tôi. Tại sao anh ta? ” Sự oán giận quá đáng hoặc sự oán giận to lớn khiến một người khóc.

” Tham cầu của báu, trong tâm ham muốn, cả mình đều thấm nhuần nước tham.” Khi họ tham lam với sự giàu có và đồ trang sức, một hiện tại của ham muốn sẽ tất nhiên thấm vào tâm tham của họ.” Họ ước mơ về việc làm giàu. Trong lòng họ, một sức ham muốn được khuấy động.

“Tâm tham dâm dục thì hai căn nam nữ tự nhiên chảy dịch.” Khi đối mặt với một cơ thể mịn màng và dẻo dai, tâm trí của họ trở nên gắn bó với hành vi dâm dục và cả nam lẫn nữ các cơ quan sẽ tiết ra tinh khí. Lạ thật, phải không

A-nan! chư ái tuy biệt, lưu kết thị đồng. Nhuận thấp bất thăng, tự nhiên tùng trụy, thử danh nội phần.

A Nan, những ái dục ấy dù khác, nhưng sự chảy nước là đồng, tánh nước thấm ướt chẳng lên được, tự nhiên sa đọa, gọi là Nội Phần.

Giảng: Anan, mặc dù các loại tình yêu khác nhau – dòng chảy và áp bức của họ là như nhau. Dòng chảy của họ và sự lôi cuốn là như nhau. Với độ ẩm này, người ta không thể lên, sẽ tự nhiên sẽ rơi. Cảm xúc đưa chúng sanh xuống. Đây được gọi là 'khía cạnh nội phần'.

A-nan! Ngoại phần tức thị, chúng sanh phần ngoại. Nhân chư khát ngưỡng, phát minh hư tưởng. Tưởng tích bất hưu, năng sanh thắng khí. Thị cố chúng sanh, tâm trì cấm giới, cử thân khinh thanh. Tâm trì chú ấn, cố miện hùng nghị. Tâm dục sanh thiên, mộng tưởng phi cử. Tâm tồn Phật quốc, thánh cảnh minh hiện. Sự thiện tri thức, tự khinh thân mạng.

A Nan! Ngoại Phần tức là phần ngoài của chúng sanh. Do lòng khao khát phát ra vọng tưởng, vọng tưởng chứa mãi không thôi, sanh ra thắng khí. Nên chúng sanh hễ tâm giữ giới cấm thì cả thân nhẹ nhàng; tâm trì chú ấn thì cử chỉ hùng dũng, tâm muốn sanh cõi trời thì chiêm bao thấy bay lên, tâm nhớ cõi Phật, thì thắng cảnh thầm hiện, phụng sự Thiện Tri Thức thì tự khinh thân mạng.

Giảng: Ananda, "khao khát" đề cập đến tình yêu. "vọng tưởng" trên thực tế là suy nghĩ sai lầm, tích lũy.

"vọng tưởng chứa mãi không thôi, sanh ra thắng khí". Bạn nghĩ về nó từ mọi góc độ. Bạn nghĩ về nó ngày hôm nay và bạn tiếp tục suy nghĩ về nó để ngày mai. Bạn đã nghĩ về nó trong suốt cuộc sống cuối cùng của bạn; bạn đang nghĩ về nó trong cuộc đời này. Bạn đã nghĩ về nó ở kiếp quá khứ và bạn nghĩ về nó bây giờ trong kiếp này. Không một ai biết bạn đã suy nghĩ bao lâu rồi. Và bạn không bao giờ nghỉ ngơi.

"Nên chúng sanh hễ tâm giữ giới cấm thì cả thân nhẹ nhàng." Tuy nhiên, từ tư duy liên tục này, một phản ứng đặc biệt Đó là lý do tại sao khi chúng sinh duy trì sự cấm đoán giới luật trong tâm trí của họ, cơ thể của họ sẽ nhẹ nhàng và cảm thấy ánh sáng và rõ ràng. "Điều này có thể xảy ra với bất kỳ sinh vật nào. "Cấm" đề cập đến những điều mà người ta không thể làm. Những giới luật này giữ cho mọi người tránh làm những điều xấu, việc tạo ra ác nghiệp. Đừng làm những điều bạn không nên làm, và sau đó bạn sẽ giữ giới luật trong tâm trí của bạn. Nếu tâm trí bạn giữ giới luật, thì cơ thể bạn sẽ cảm nhận được cảm giác nhẹ nhàng. Bạn cảm thấy gần giống như bạn trôi nổi khi bạn bước đi. Và tâm trí bạn sẽ cực kỳ tinh khiết và yên tĩnh.

"Tâm trì chú ấn thì cử chỉ hùng dũng." Nếu bạn chuyên về nắm giữ các thần chú trong tâm trí bạn – có rất nhiều thần chú và điều này đề cập đến bất kỳ một trong số thần chú – bạn sẽ có linh cảm. "Trì chú" đề cập đến con trì chú trong

tâm trí vì nó liên quan đến thần chú. Khi bạn niệm thần chú, một đáp ứng nào đó xảy ra. Nếu bạn là một thường trì chú, bạn sẽ có một sức lực dũng khí khi bạn nhìn xung quanh. Cái nhìn của bạn sẽ mạnh mẽ và quyết tâm. Bạn sẽ không biết sợ hãi.

“Tâm muốn sanh cõi trời thì chiêm bao thấy bay lên” , trong giấc mơ của họ, họ sẽ có ý nghĩ về bay và bay lên dần. Trong giấc mơ của bạn, bạn sẽ có thể bay và bay vào không gian trống rỗng. Đó là vì bạn muốn đi đến trời.

“Tâm nhớ cõi Phật, thì thắng cảnh thầm hiện, phụng sự Thiện Tri Thức thì tự khinh thân mạng.” Nếu bạn muốn được sinh ra trong cõi cực lạc A Di Đà, hoặc tại cực lạc khác, thì cõi cực lạc sẽ xuất hiện, với các hồ bảy báo và vùng biển của tám đức tính công đức, với cần cẩu trắng, chim anh hót, và với vô số các hiện tượng lành khác. không phải một thứ gì đó mà người khác có thể nhìn thấy, nhưng bạn sẽ thấy nó. Những người khác sẽ không biết về nó, nhưng bạn sẽ biết. Bạn sẽ có thể nhìn thấy cõi Lưu Ly bên Đông Phương Cực Lạc của đức Phật Dược Sư. Bạn sẽ nhận và phụng sự những vị Thiện Tri Thức. Bạn có thể đến gần họ, tôn trọng họ, và cúng dường cho họ. Và bạn sẽ quên đi và không còn quan tâm đến lối sống cũ của bạn. Chính cuộc sống hiện tại của bạn sẽ như không còn quan trọng khi phải đối mặt với cơ hội này để phụng sự và gần gũi những vị Thiện Tri Thức. Không có việc gì bạn có thể làm sẽ có vẻ quan trọng đối với bạn khi phục vụ các hiền nhân này.

A-nan! chư tưởng tuy biệt, khinh cử thị đồng. Phi động bất trầm, tự nhiên siêu việt, thử danh ngoại phần.

A Nan, những vọng tưởng dù khác, nhưng sự nhẹ nhàng bay lên là động, bay động chẳng chìm, tự nhiên vượt lên, gọi là Ngoại Phần.

Giảng: A Nan, những vọng tưởng dù khác, nhưng sự nhẹ nhàng bay lên là động, bay động chẳng chìm, tự nhiên vượt lên, gọi là Ngoại Phần.

Ananda, mặc dù ý nghĩ vọng tưởng tuy khác nhau, nhưng sự nhẹ nhàng bay lên là động. Mặc dù những điều mà một người nghĩ đến là khác nhau, sự thoải mái và ánh sáng dễ dàng mà một trong những gì đạt được, cảm giác nổi, là như nhau.

“Bay động chẳng chìm, tự nhiên vượt lên”. “vượt lên” có nghĩa là vượt lên trên mọi thứ, vượt qua tất cả. Cái này được gọi là ngoại phần.

A-nan! Nhất thiết thế gian, sanh tử tương tục. Sanh tùng thuận tập, tử tùng biến lưu. Lâm mạng chung thời, vị xả noãn xúc. Nhất sanh thiện ác, câu thời đốn hiện. Tử nghịch sanh thuận, nhị tập tương giao. Thuần tưởng tức phi, tất sanh thiên thượng. Nhược phi tâm trung, kiêm phước kiêm tuệ, cập dữ tịnh nguyện. Tự nhiên tâm khai, kiến thập phương Phật. Nhất thiết tịnh độ, tùy nguyện vãng sanh.

A Nan! Tất cả sanh tử tương tục trên thế gian, sống thì tùy thuận theo tập khí, chết thì biến đổi theo dòng nghiệp, đến lúc lâm chung, còn chút hơi ấm, các việc thiện ác của một đời đồng thời hiện ra, sống thì thuận, chết thì nghịch, hai tập khí giao xen lẫn nhau, thuần tưởng thì bay lên, ắt sanh cõi trời, nếu cái tâm bay ấy gồm cả phước đức, trí huệ và tịnh nguyện, thì tự nhiên tâm được mở mang, thấy tất cả tịnh độ với mười phương chư Phật, theo nguyện vãng sanh.

Giảng: Phật nói, Ananda, con có biết rằng tất cả chúng sinh trên thế giới bị cuốn vào sự liên tục của sinh và cái chết? Họ sinh ra và chết, chết và được tái sinh, lặp đi lặp lại trong một chu kỳ không bao giờ kết thúc. Họ quay trên bánh xe trong sáu nẻo luân hồi.

Việc sanh tử xảy ra vì tập khí quen thuộc của họ. Sinh là điều mà chúng sinh muốn. Họ có xu hướng hướng tới nó. Chết thì biến đổi theo dòng nghiệp. Khi họ chết, họ theo nghiệp quả báo để quay lại trong tái sinh. Theo báo nghiệp mà họ đã tạo ra, họ sẽ xoay vòng trong bánh xe luân hồi. Khi họ đang trên bờ vực sắp chết, nhưng còn lại một chúc ấm áp, hồn chưa rời khỏi cơ thể của họ, tất cả những điều tốt đẹp và cái ác mà họ có thực hiện trong cuộc sống đó bất ngờ đồng thời hiện ra. Sự ấm áp cuối cùng đã không rời khỏi cơ thể của họ "có nghĩa là sáu ý thức và ý thức thứ bảy đã đi ra khỏi thân thể, nhưng ý thức thứ tám vẫn còn. Đoạn nầy sẽ là được đánh dấu bằng sự ấm áp, đó là, nơi trên cơ thể nơi thức thứ tám, A Lại Da thức ra đi sẽ còn khí ấm khi chạm vào. Ví dụ, nếu thức thứ tám, thân trung ấm, rời sát qua lòng bàn chân, tại chỗ đó sẽ được ấm áp. Nếu nó rời khỏi chân, chân anh ta sẽ ấm.

Nếu nó rời từ thắt lưng, eo sẽ ấm. Nếu nó đi ra khỏi trên đỉnh đầu, đỉng đầu sẽ ấm. Đó là "sự ấm áp cuối cùng"được đề cập ở đây trong văn bản. Trước khi thức thứ tám ra đi, nó được gọi là "thân trung ấm"

Một khi nó rời khỏi thân thể nó là thân thể giữa trung gian, hoặc "thần thức." Vì vậy, các văn bản ở đây đề cập đến hiện tại cơ thể skandha, trước khi nó đã rời khỏi thân thể vật chất. Nếu một người tu hành tốt, thần thức là Phật. Nếu người ta không tu hành, nó là ma. Vì vậy, khi mọi người hỏi, "Có thực sự ma?" Họ phải đầu tiên hãy tự hỏi nếu có chư Phật. Nếu họ biết có Chư Phật, sau đó tất

nhiên cũng có ma. Nếu bạn không chắc chắn rằng có chư Phật hay ma, hãy tự hỏi là có người không?

Nếu bạn thừa nhận thực tế là có người, sau đó bạn sẽ biết rằng cũng có chư Phật và ma, bởi vì đó là tất cả tuy các tên gọi khác nhau nhưng cùng một thể.

Sau khi một người chết thì ý thức thứ tám được gọi là thần thức. Trước khi chết, nó được gọi là thân trung ấm. Nó còn được gọi là "linh hồn" và là "Phật"

"Khi một người đang trên bờ vực của cái chết, cái thiện và cái ác của anh ta hoặc cô ấy đã làm được hiện lộ và nằm trong lòng bàn tay.

Tùy thuộc vào những gì người đó làm, người đó sẽ phải trải qua quả báo hoặc phần thưởng. Nếu người ta làm tốt, người ta có thể được tái sinh trên trời; nếu đã làm điều ác, người rơi vào địa ngục. Nếu bạn đã làm nhiều việc tốt qua hành động và công đức, sau đó bạn có thể rời khỏi từ đỉng đầu của bạn. Nếu bạn đã làm nhiều phạm tội hay tạo ra hành vi phạm tội, sau đó bạn sẽ xuất ra từ đôi chân của mình.

Cho thấy rõ ràng, hồn xuất từ phần trên của cơ thể có nghĩa là người ta sẽ đạt được vị trí cao hơn khi tái sinh, trong khi xuất từ phần dưới có nghĩa là người ta sẽ đi xuống. Một loại hay cách tái sinh là hiển nhiên khi chết. "Họ trải nghiệm qua hai tập khí giao xen lẫn nhau: một sự ghê tởm của cái chết và một thu hút cho sự sống. "Chúng được đẩy lùi và thu hút khi đối mặt với cái chết và tái sanh

Tình thiểu tưởng đa, khinh cử phi viễn. Tức vi phi tiên, đại lực quỷ Vương. Phi hành dạ xoa, địa hành La-sát. Du ư tứ thiên, sở khứ vô ngại. Kỳ trung nhược hữu, thiện nguyện thiện tâm, hộ trì ngã pháp. Hoặc hộ cấm giới, tùy trì giới nhân. Hoặc hộ Thần chú, tùy trì chú giả. Hoặc hộ Thiền định, bảo tuy pháp nhẫn. Thị đẳng thân trụ, Như Lai tọa hạ.

Tình ít tưởng nhiều, nhẹ nhàng bay xa thì làm phi tiên, đại lực quỷ vương, phi hành Dạ Xoa, địa hành La Sát, dạo khắp cõi trời, chẳng gì ngăn ngại. Trong đó nếu có thiện tâm thiện nguyện, hộ trì Phật Pháp, hoặc hộ trì giới cấm và người trì giới; hoặc hộ trì thần chú và người trì chú; hoặc hộ trì thiền định, thành tựu pháp nhẫn, thì những hạng ấy được ở cạnh pháp tọa của Như Lai,

Giảng: "Tình ít tưởng nhiều" có nghĩa là người đó không có cảm xúc, không có âm, nhưng chỉ có lý trí, thuộc về dương. có nghĩa là nó hiện diện để loại trừ bất kỳ suy nghĩ khác. Chỉ có suy nghĩ, không có gì khác. Đó là một sự thật chân thành.

Suy nghĩ của mọi người là như vậy, và suy nghĩ bị chi phối bởi những gì xảy ra. Ví dụ, ăn uống, và hút thuốc, tất cả đều dựa vào suy nghĩ. Trước tiên bạn nghĩ về nó và sau đó bạn làm điều đó. Ngược lại, nếu bạn quyết định không làm điều gì đó, điều đó sẽ không được thực hiện. “Nếu tôi muốn ăn một cái gì đó tốt, tôi sẽ đi mua một số thứ ngon để ăn. Nếu tôi muốn một cái gì đó tốt đẹp để mặc, tôi đi mua nó. ”Điều này cũng đúng cho uống. Nếu một người khát, người ta đi ra ngoài và uống một chút rượu mạnh, rượu whisky, rượu rum hoặc bia. Chỉ cần đề cập đến nó là đủ để làm cho cái miệng của con người chảy nước miếng. Những người thích hút thuốc luôn nghiền ngẫm những thương hiệu thuốc lá thơm nhất. Họ luôn có tâm trí về những điều này. Sau đó, họ gặp một thiện trí thức bảo họ ngừng hút thuốc, ngừng ăn thịt và dừng uống rượu. Ngoan ngoãn họ dừng lại, nhưng vì suy nghĩ thường xuyên chạy với những điều này, họ bắt đầu có ước mơ về hút thuốc lá, uống rượu và ăn thịt. Họ không thực sự làm những mọi thứ trong khi thức giấc, nhưng vì suy nghĩ vẫn còn, họ mơ những sự ao ước vào ban đêm. Khi họ đánh thức họ hối hận họ đã làm trong giấc mơ.
“Tôi đã ngừng làm điều đó. Tại sao tôi vẫn làm điều nó trong giấc mơ? ” họ hối hận việc đó. Như tôi đã đã nói với bạn trước đây, rất khó để duy trì quyền kiểm soát bản thân khi bạn bị bệnh và thậm chí còn khó khăn hơn để tránh làm điều đó trong một giấc mơ.

“nhẹ nhàng bay xa thì làm phi tiên, đại lực quỷ vương, phi hành Dạ Xoa, địa hành La Sát, dạo khắp cõi trời, chẳng gì ngăn ngại”

Được ưu đãi chỉ với suy nghĩ, “họ sẽ bay và chắc chắn có thể được tái sinh ở trên trời. Nếu chúng bay từ trái tim, và nếu họ có phước lành và trí huệ, cũng như lời thề thuần khiết, thì trái tim của họ sẽ tự động mở ra. ”Tuy nhiên, nếu một người suy nghĩ theo của trái tim và người ta không muốn được tái sinh lên trời, nhưng thay vào đó, luôn luôn giữ các phước lành và trí tuệ trong tâm trí, sanh ra chỗ tốt hơn trên trời, người ta có thể đã phát nguyện được tái sinh trong cõi Phật. Đức Phật được gọi là Giác Ngộ; đó là, anh ta hoàn thành trong cả hai phước lành và trí tuệ. Nhận biết điều này, người ta muốn nuôi dưỡng các phước lành và trí tuệ.

Nếu như tu phước mà không tu huệ,
giống như voi được người trang sức chuỗi ngọc.
Nếu chỉ tu huệ mà chẳng tu phước,
giống như A La Hán ôm bát không

Chiếc vòng cổ tuy đẹp và quý giá, nhưng tất cả đều là con voi có; nó không có ý nghĩ, bất kỳ sự khôn ngoan nào. Nếu bạn tìm kiếm trí tuệ trong tu luyện của

bạn bằng cách nghiên cứu Kinh điển và ngồi trong thiền định, nhưng không trồng bất kỳ phước lành nào và không thực hành phước hạnh, sau đó bạn sẽ kết thúc với trí tuệ nhưng đói.
Để trồng các phước lành có nghĩa là người ta nên làm công đức và đức hạnh, nhất là vào những ngày lễ Phật giáo – ngày sinh nhật và ngày kỷ niệm của Chư Phật và Bồ Tát – hoặc vào ngày sinh nhật của chính bạn, hoặc vào ngày đầu tiên và mười lăm tháng âm lịch. Nếu bạn thực hành bố thí và tạo ra công đức trước Tam Bảo, sau đó bạn sẽ tích lũy phước lành. Nếu bạn không làm công đức và đức hạnh, thì bạn sẽ không có bất kỳ phước lành nào. Nếu bạn tập trung vào sự khôn ngoan và không phát triển phước lành, thế thì không ai sẽ cúng dường cho bạn khi bạn trở thành một người La Hán. Đó là bởi vì hiện tại bạn đã không thực hiện các phước hạnh của bạn. Vì vậy, nếu bạn muốn mọi người bố thí cho bạn trong tương lai, bạn nên tạo các phước lành cho họ ngay bây giờ. Nó đơn giản như nguyên tắc Trồng dưa hấu, bạn nhận được dưa hấu. Trồng đậu, bạn sẽ có đậu.

"Lời phát nguyện" có nghĩa là trước Phật và Bồ tát bạn nói:
Nguyện sanh Tây Phương tịnh độ trung
Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu
Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh
Bất thối Bồ tát vi bạn lữ

Hoặc bạn có thể muốn được tái sinh ở Tây Phương cực lạc. Một lời nguyện là chân chính . "Tâm của họ sẽ tự động mở" có nghĩa là họ sẽ thức tỉnh "và họ sẽ thấy chư Phật ở mười phương và họ có thể tái sanh tại nơi cực lạc nào họ muốn.

"Pháp của tôi", Phật Thích Ca Mâu Ni đang ám chỉ đến Phật pháp.

"hoặc hộ trì giới cấm và người trì giới. "Có thể họ làm lời nguyện lành mạnh để bảo vệ và duy trì giới luật được thuyết bởi Chư phật. Sau đó, họ cũng sẽ đi theo và bảo vệ những người giữ giới luật. Họ coi chừng mọi thứ cho những người duy trì giới luật được sự tốt lành và phù hợp với nguyện vọng của họ. Không có khó khăn hay rắc rối nào đưa đến tới họ. "Có khi họ bảo vệ thần chú bằng cách theo dõi và hỗ trợ những người trì tụng Thần chú Lăng Nghiêm, Thần chú đại bi , hay bất kỳ một thần chú khác. Đây là một lời nguyện mà họ có. Họ hộ trì những người trì tụng thần chú và bảo vệ họ ngày và đêm.

"hoặc hộ trì thiền định, thành tựu pháp nhẫn". Có thể một số Phật tử phát những lời nguyện cho tương lai họ sẽ hộ trì những thiền sư, để họ có định lực. Họ giúp họ có được sự kiên nhẫn với Pháp để họ có thể chịu đựng bất cứ điều gì.

“thì những hạng ấy được ở cạnh pháp tọa của Như Lai.” Những sinh mệnh này đã thực hiện những lời nguyện tốt và là những người hộ trì Phật Pháp và luôn ở bên cạnh ghế của Như Lai

Tình tưởng quân đẳng, bất phi bất trụy, sanh ư nhân gian. Tưởng minh tư thông, tình u tư độn.

Tình và tưởng bằng nhau, chẳng bay chẳng chìm, sanh nơi cõi người; tưởng sáng suốt thì thông minh, tình ám muội thì ngu độn.

Giảng: Với tư tưởng chín mươi phần trăm và mười phần trăm cảm xúc, một lợi ích cho một sự tái sinh cao hơn. Với chín mươi phần trăm cảm xúc và mười phần trăm suy nghĩ, chắc chắn rằng người ta sẽ rơi vào địa ngục. Bây giờ thì suy nghĩ và cảm xúc của họ có tỷ lệ bằng nhau, họ không thể lên và rơi xuống, họ được tái sanh làm con người

Với 50% suy nghĩ và 50% cảm xúc, đó là sự cân bằng. Họ không thể bay lên trời để trở thành một vị thần hay một thiên tử, và họ không thể rơi vào địa ngục để trở thành một kẻ ma đói. Họ kết thúc ở đâu? Ngay chổ mà bạn và tôi đang ở. Được tái sanh ra trong cõi người không có nghĩa là người ta sẽ mãi mãi trong cõi người. Cõi người không có gì hơn là nơi hay chổ dừng lại – một nơi để chuyển đến nơi tiếp theo. “Từ cõi người chúng ta sẽ chuyển đến nơi nào? ”bạn tự hỏi. Vâng, để đến được cõi người bạn phải có năm mươi phần trăm suy nghĩ và năm mươi phần trăm cảm xúc. Tất cả những gì bạn phải làm là hãy xem và xem liệu bạn có cảm xúc nhiều hơn hay suy nghĩ nhiều hơn. Nếu bạn có nhiều cảm xúc hơn, lần chuyển tiếp theo của bạn sẽ là địa ngục. Nếu bạn có nhiều suy nghĩ hơn, lần chuyển tiếp theo của bạn sẽ lên thiên đàng. Nếu bạn không có cảm xúc, bạn có thể truyền đạt thành quả của Phật, vì thế bạn có dương khí, không có âm khí. Nếu bạn có mười phần trăm cảm xúc, bạn có âm khí. Nếu bạn không có bất kỳ cảm xúc nào, bạn có dương khí và có thể trở thành một vị Phật.

Nếu ý nghĩ của họ tươi sáng, trí thông minh của họ rất linh động. Nếu cảm xúc là tối tăm, trí thông minh của họ là ngu si đần độn. ”Đây là điểm chuyển giao. Bạn càng nghĩ, bạn càng thông minh hơn và bạn càng có thấu hiểu thêm. Bạn đạt được trí tuệ nếu bạn tu hành và tinh tấn mỗi ngày. Bằng cách này, hào quang của bạn ngày càng sáng hơn một chút. Nó tiếp tục tăng cho đến khi nó giống như hào quang của chư Phật.

Đó là ý nghĩa của “nếu ý nghĩ của họ sáng sủa, trí tuệ của họ là sắc sảo.” Cảm xúc được cho là âm, bởi vì nó là một vấn đề riêng tư. Nghĩ là rất cởi mở và

hướng đến phía trước, rất công khai và tươi sáng. Để tu hành, quán sát cái tâm, ngồi thiền, học Phật pháp, và nghe Kinh là những hoạt động thích hợp. Từ đó bạn sẽ đạt được có trí tuệ. Nhưng tình yêu và cảm xúc không thể được thảo luận trong đám đông.

Thay vào đó, khi một người đàn ông và đàn bà khi đi đến công viên hoặc bờ biển hoặc dưới gốc cây một mình để trò chuyện thầm kín. Họ nói chuyện trong bí mật. Đây là ý nghĩa của cảm xúc tối tăm. Những thứ mà người khác không thể nhìn thấy là bóng tối. Họ càng gần tốt, thì ánh sáng càng kém cho họ thấy, và "trí tuệ của họ là đen tối. Điều này thuộc về âm và khiến cho người ngu ngốc và ngu si đần độn. Họ trò chuyện và sự trò chuyện trở nên ngu dại cho đến cuối cùng họ rơi vào một cái hố không đáy. Đó là lý do cảm xúc khiến bạn ngã. Bạn nói chuyện với nhau cho đến khi bạn trượt và rơi xuống biển khổ. Sau đó, sẽ không dễ dàng để thoát ra; bạn phải có một nỗ lực to lớn. Trừ khi bạn đủ may mắn gặp một thiện tri thức nắm lấy tay bạn và la hét, "Ra ngoài!". Còn không, ra ngoài rất khó khăn.

Tình đa tưởng thiểu, lưu nhập hoạnh sanh. Trọng vi mao quần, khinh vi vũ tộc.

Tình nhiều tưởng ít, đọa vào súc sinh, nghiệp nặng thì làm loài có lông, nghiệp nhẹ thì làm loài có cánh.

Giảng: Khi họ có nhiều cảm xúc hơn suy nghĩ, họ rơi vào cõi động vật. Với cảm xúc nặng nề hơn, chúng trở thành lông thú. Những người có cảm xúc nặng nề kết thúc bằng việc tái sanh ra như những con bò, ngựa, cừu và những thứ tương tự. Bạn có thấy nguy hiểm không? Bạn tốt hơn hết hãy cẩn thận: Đó là lý do tại sao tôi nói kinh Lăng Nghiêm là như vậy, rất quan trọng. Phần này hiển thị chính xác điểm mà mọi người và động vật bước qua. Một bước sai lầm và bạn kết thúc thành một con vật. Nếu bạn chỉ cần sai một chút thôi, nó sẽ hại bạn.

"Với cảm xúc nhẹ nhàng hơn, chúng sanh trở thành những sinh vật có cánh. "Điều này đề cập đến một sự thay đổi nhỏ trong mức độ cảm xúc trên một phần của những con vật này. Các sinh vật có cánh bay vẫn có một chút suy nghĩ về chúng. Đã bao giờ bạn tự hỏi tại sao chim rất nhiều màu sắc? Đó là bởi vì khi họ là con người, họ thích mặc quần áo nhiều màu sắc. Họ mặt tất cả quần áo lên và sau đó liên tục chiêm ngưỡng bản thân. Các sự kết hợp của sự mê muội quá mức đến quần áo và rất nhiều cảm xúc với một chút suy nghĩ khiến họ rơi vào cõi chim. Một số loài chim màu sắc rất tươi sách. Họ chắc là những người

mặc quần áo đặc biệt đẹp sang. Bởi vì cảm xúc của họ, họ kết thúc như động vật, nhưng mức độ cảm xúc của họ hơi ít hơn so với thú vật, và vì vậy chúng trở thành chim.

Thất tình tam tưởng, trầm hạ thủy luân. Sanh ư hỏa tế. Thụ khí mãnh hỏa, thân vi ngạ quỷ. Thường bị phần thiêu, thủy năng hại kỷ. Vô thực vô ẩm, kinh bách thiên kiếp.

Bảy phần tình, ba phần tưởng, thì chìm dưới thủy luân, sanh nơi hỏa luân, thân làm ngạ quỷ, thọ cái khổ của lửa hồng, thường bị đốt cháy, dầu được uống nước cũng hóa thành lửa, nên nói bị nước hại, trải qua trăm ngàn kiếp, chẳng thể ăn uống.

Giảng: Với sáu mươi phần trăm cảm xúc và bốn mươi phần trăm suy nghĩ, một rơi vào cõi động vật. Với sáu mươi phần trăm tư tưởng và bốn mươi phần trăm cảm xúc, người ta có thể đạt được sự tái sinh bực cao hơn. Bây giờ, "Bảy phần tình, ba phần tưởng, thì chìm dưới thủy luân, sanh nơi hỏa luân, thân làm ngạ quỷ, thọ cái khổ của lửa hồng, thường bị đốt cháy"

Núi lửa là một ví dụ chứng minh rằng lửa nằm dưới mực nước. Lúc đó, họ tái sanh với cơ thể của những con ma đói, và lúc đó đã quá muộn khi họ quyết định họ thà làm con chim hoặc con thú. Có vô số con ma đói. Loại tồi tệ nhất là con ma có cổ họng mỏng như kim và có bụng to bằng trống.

"dầu được uống nước cũng hóa thành lửa, nên nói bị nước hại, trải qua trăm ngàn kiếp, chẳng thể ăn uống." Họ thậm chí không có một giọt nước để uống. Tại sao không? Bởi vì nghiệp của họ là như vậy khi họ nhìn thấy nước, nước biến thành ngọn lửa bùng cháy. Các vị thần thấy nước như pha lê. Cá, tôm, hàu, và những thứ của biển nhìn vào nước như cung điện của họ – nhà của họ. Họ sống trong đó và do đó không nhìn thấy nó, giống như cách mọi người sống trong không khí nhưng không nhận thức được nó. Nếu chúng ta không có không khí, chúng ta sẽ chết. Người ta phải nói rằng mọi người phải ăn để sống, nhưng họ cũng phải có không khí để thở. Nhưng chúng ta thấy không khí? Không.

Cá thấy nước là nhà của họ, và người thấy nước như nước, nhưng ma thấy nước như lửa. Tại sao chúng ta không thấy nước như lửa? Nếu bạn muốn biết sự khác biệt, bạn có thể thử là một con ma và tìm ra. Nhưng bạn phản đối rằng bạn muốn biết mà không cần phải làm một con ma. Được rồi, tôi có thể nói với bạn. Là vì những chướng ngại của nghiệp. Đó là kết quả của nghiệp lực mà bản thân họ đã tạo. Nếu bạn làm nghiệp chướng, nó sẽ đưa bạn vào thân thể của

một ma đói, thế thì bạn sẽ cảm nhận nước như lửa. Nếu bạn vẫn không tin nó, bạn có thể thử nó. Nhưng nếu bạn làm, và thực sự trở thành một ma đói, bạn sẽ rất khó để trở thành một người nữa. Sẽ không dễ trở lại.

Vì vậy, bây giờ tôi đang nói với bạn, và điều tốt nhất là hãy tin tôi, bởi vì tôi thực sự không lừa dối bạn. Sau đó bạn không phải tự mình thử nó. Là một con ma đói bị đốt cháy đến chết, nhưng sau một thời gian lại tái sinh và sau đó phải trải qua việc bị đốt cháy đến chết một lần nữa. Theo cách luân hồi đó, người ta tái sinh nhiều lần và chết đi chết lại thành ma. Bởi vì họ thấy nước như lửa, ma không có gì để uống, và ma cũng không thể ăn được. Việc này kéo dài bao lâu? Nó kéo dài cho đến hàng trăm ngàn kiếp.

Cửu tình nhất tưởng, hạ đỗng hỏa luân. Thân nhập phong hỏa, nhị giao quá địa. Khinh sanh hữu gian, trọng sanh Vô gián, nhị chủng địa ngục.

Chín phần tình, một phần tưởng, thì đọa dưới hỏa luân, thân vào giữa phong luân và hỏa luân, nghiệp nhẹ thì vào ngục Hữu Gián, nghiệp nặng thì vào ngục Vô Gián.

Giảng: Khi họ có chín mươi phần trăm cảm xúc và mười phần trăm suy nghĩ, họ rơi vào bánh xe lửa cho đến khi cơ thể họ nhập gió và lửa, trong một khu vực nơi hai người tương tác. ” nơi không chỉ có lửa mà là một cơn gió thổi bay ngọn lửa để nó thậm chí còn dữ dội hơn. “Với cảm xúc nhẹ nhàng hơn, chúng sanh được tái sinh trong địa ngục liên tục; với cảm xúc nặng hơn họ sinh ra Địa ngục Vô Gián. ”

Thuần tình tức trầm, nhập A-tỳ ngục. Nhược trầm tâm trung, hữu báng Đại-Thừa. Hủy Phật cấm giới, cuống vọng thuyết Pháp. Hư tham tín thí, lạm ưng cung kính, ngũ nghịch thập trọng. Cánh sanh thập phương, A-tỳ địa ngục. Tuần tạo ác nghiệp, tuy tắc tự chiêu, chúng đồng phần trung, kiêm hữu nguyên địa.

Thuần tình thì chìm sâu vào ngục A Tỳ, nếu tâm chìm sâu ấy, có phỉ báng Đại Thừa, phá giới cấm của Phật, cuồng vọng thuyết pháp, hư tiêu tín thí, lạm nhận cung kính, hoặc phạm ngũ nghịch, thập trọng cấm, thì lại phải sanh khắp ngục A Tỳ mười phương. Chúng sanh cùng tạo ác nghiệp thì phải chịu quả báo đồng phận, nhưng trong cộng nghiệp mỗi người đều có biệt nghiệp của mình, tùy theo ác nghiệp sở tạo, mỗi mỗi tự chuốc lấy quả báo khác nhau.

Giảng: Khi chúng được sở hữu hoàn toàn về cảm xúc – khi chúng không có suy nghĩ, chỉ có cảm xúc – họ chìm vào Địa ngục A Tỳ. Nếu cảm xúc đã đi vào thân tâm của họ – nếu tâm trí của họ hoàn toàn bị chi phối bởi cảm xúc.

"Phỉ báng Đại Thừa". Họ sử lý mọi chuyện với cảm xúc và kết quả là họ có cho đúng là sai và sai là đúng. Họ lấy màu đen thành màu trắng và màu trắng thành màu đen. Họ nói chuyện không có lý lẽ. Họ luôn phản đối những gì người khác nói. Nếu bạn nói, "Đừng làm những thứ không tốt, "họ quay lại và nói," Có gì đu mà sợ? " Quan điểm của họ là" Ăn thịt, uống rượu và sống qua ngày. Đức Phật chỉ là một ảo tưởng tượng trong trí. Họ cho rằng

"Tâm trí của bạn là Phật và Phật là tâm trí của bạn." Đó là loại kiến thức tà kiến và tầm nhìn tà kiến mà họ có.
Quan điểm của họ trở nên quá ác độc đến mức họ "phỉ báng những giới luật của Đức Phật." Đừng giữ giới luật" họ nói.
"Bạn muốn làm điều đó để làm gì? Những giới luật sẽ đưa đến những việc kiềm chế việc làm của bạn. Nếu bạn không nhận giới luật, hãy xem bạn sẽ được tự do." Trên thực tế, nếu người ta không nhận giới luật, thì nó rất, rất dễ dàng để đưa bạn vào địa ngục. Bạn có cho đó là tự do không? Nhưng nếu bạn nhận các giới luật và sau đó sử dụng chúng như một hướng dẫn để cai quản bản thân – nếu bạn nhận giới luật và sau đó tự cai trị bên ngoài, phật pháp và bản chất của giới luật, không có lý do gì bạn sẽ rơi vào địa ngục. Ngay cả khi bạn rơi vào các địa ngục, bạn sẽ thoát ra nhanh hơn rất nhiều.

Nhưng nếu bạn ủng hộ không lấy giới luật để được tự do, sau đó khi bạn rơi vào địa ngục, không có gì đảm bảo để bạn thoát ra ngoài. Nếu bạn lấy giới luật, sau đó một thời gian dài trong các địa ngục bị cắt giảm thành một thời gian ngắn. Đó là như bạn là trợ lý cho tổng thống và đã vi phạm một số luật lớn và đã bị bắt. Chỉ cần một lưu ý từ Tổng thống sẽ đủ để có hiệu lực cứu thoát bạn ra. Nếu không có sự giúp đỡ đó, có thể là một thời gian dài trước khi bạn đã được thoát. Nếu bạn có giới luật bảo vệ, thì đau khổ bạn phải chịu đựng vì đã phạm tội lớn sẽ được giảm đáng kể. Vì vậy, đừng tự mình cho là khôn ngoan và không nhận giới luật của Đức Phật. Người Phật tử nhận giới luật dễ đi vào vị trí của một vị Phật.

Đừng phỉ báng giới luật của Đức Phật, và đừng "nói điên rồ và thuyết pháp giả." Đừng phủ nhận nhân quả. Đừng nói những điều như "Không có nhân quả; mọi người trước sau rồi cũng là Phật. Không cần tu hành. Ăn thịt, uống rượu, và vui chơi, bởi vì bất kể bạn làm gì, bạn vẫn có thể trở thành một vị Phật. Thật dễ dàng để trở thành một vị Phật. "
Phải, thật dễ dàng để trở thành một vị Phật, nhưng cách để làm điều đó là

thoát khỏi cái lỗi của bạn. Không có Phật nào có lỗi. Tất cả chúng đều thuần khiết và không bị ô uế. Họ không trở thành Phật bởi bị bẩn thỉu và đầy tội nghiệp. Họ không trở thành Chư Phật bằng cách uống rượu và ăn thịt. Nếu đó là cách tu hành thì Phật sẽ không nói tới giới luật.

Đừng "tham lam khi nhận cúng dường từ tín hữu." Đừng giả dối để mọi người tin vào bạn, tặng bạn quà, để cúng dường cho bạn. Đừng nghĩ về cách bạn sẽ có nhiều tiền hơn nếu bạn đã nhận thêm đệ tử. Tôi chưa bao giờ thảo luận tiền với các đệ tử của mình. Thông thường khi mọi người nhận các môn đồ, nó làm rõ ngay từ đầu họ nên cho ít nhất năm mươi hay sáu mươi đô la khi quy y. Nhưng tôi không chú ý đến điều đó.

Những loại sinh mệnh này cũng "liều lĩnh chấp nhận sự tôn trọng của những người khác. "Hoặc họ" cam kết năm hành vi nổi loạn ", đó là giết cha của người, giết chết một người mẹ, giết chết một người La mã, đổ máu của Đức Phật, và phá vỡ sự hài hòa của Tăng đoàn. Hoặc là họ phạm "mười tội lớn", nghĩa là họ vi phạm mười Bồ Tát Giới.

Đã cam kết những phạm tội nặng này, "họ được tái sinh trong A Tỳ địa ngục khắp mười phương. "Sau khi họ đã trải qua sự đau khổ trong địa ngục A Tỳ của thế giới này họ đi đến A Tỳ địa ngục trong thế giới khác khắp mười hướng. Bạn có thể tưởng tượng một thời gian bao lâu không? Khi địa ngục này kết thúc, chúng được vận chuyển đến một A Tỳ địa ngục khác. Khi A Tỳ địa ngục, chúng di chuyển vào A Tỳ địa ngục tiếp theo. Đó là vô tận. Và Đề-bà-đạt-đa, người đã cố gắng cạnh tranh với Phật, rơi vào địa ngục còn sống. Anh ấy là vẫn còn đau khổ trong địa ngục. Từ thời Phật Thích Ca Mâu Ni cho đến bây giờ, anh ta đã trải qua đau khổ địa ngục, nhưng thực ra đó là chỉ là chớp mắt. Mặc dù người ta nhận được theo ác nghiệp lực đã tạo ra, "bằng cách vu khống Đại Thừa, Sư phụ, bằng cách phỉ báng Phật, Pháp, và Tăng đoàn, bởi phạm vào ngũ giới và mười tội lớn, "

"Chúng sanh cùng tạo ác nghiệp thì phải chịu quả báo đồng phận, nhưng trong cộng nghiệp mỗi người đều có biệt nghiệp của mình, tùy theo ác nghiệp sở tạo, mỗi mỗi tự chuốc lấy quả báo khác nhau." Tuy nhiên họ rơi vào địa ngục bởi vì những gì họ đã làm. Họ tạo ra những ác nghiệp và thọ nhận quả báo. Nhưng trong cái cộng nghiệp chung, họ có thể trải qua quả báo giống nhau trong một ty sở địa ngục chung, nhưng tùy theo nghiệp chứng của từng người, họ phải nhận hình phạt khác nhau.

**KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH NHƯ LAI MẬT NHƠN
TU CHỨNG LIỄU NGHĨA
CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH
THỦ LĂNG NGHIÊM**

QUYỂN 8.4

— o0o —

*TUYÊN HÓA THƯỢNG NHÂN
giảng thuật*

— o0o —

THẬP TẬP NHÂN

A-nan! Thử đẳng giai thị, bỉ chư chúng sanh, tự nghiệp sở cảm. Tạo thập tập nhân, thọ lục giao báo. Vân hà thập nhân?

A Nan! Những điều kể trên, đều do nghiệp của chúng sanh tự chiêu cảm, tạo Thập Tập Nhân, thọ Lục Giao Báo. Sao nói Thập Tập Nhân?

Giảng: Anan, tất cả đều kể trên và những câu trả lời về nghiệp mà bản thân chúng sanh đọc qua, đều do từ ảo tưởng, từ nghiệp rồi chúng sanh phải chiệu quả báo. Họ tạo ra Thập Tập Nhân và thọ Lục Giao Báo. Tại sao gọi là Thập Tập Nhân?

1. **A-nan nhất giả: Dâm tập giao tiếp. Phát ư tướng ma, nghiên ma bất hưu. Như thị cố hữu, đại mãnh hỏa quang, ư trung phát động. Như nhân dĩ thủ, tự tướng ma xúc, noãn tướng hiện tiền. Nhị tập tướng nhiên, cố hữu thiết sàng, đồng trụ chư sự. Thị cố thập phương, nhất thiết Như Lai. Sắc mục hành dâm, đồng danh dục hỏa. Bồ Tát kiến dục, như tị hỏa khanh.**

A-nan, một là Dâm Tập giao tiếp, phát nơi cọ xát lẫn nhau, cọ mãi không thôi, thế nên trong đó phát ra ngọn lửa hồng, như người dùng hai tay cọ xát, thì tướng ấm hiện tiền. Hai tập khí đốt nhau mới sanh những việc giường sắt, trụ đồng. Mười phương Như Lai xem sự hành dâm đồng như dục hỏa, Bồ Tát xem dục như hầm lửa phải tránh.

Giảng: Ananda, bây giờ tôi sẽ nói với quý vị về chi tiết. Việc đầu tiên bao gồm thói quen của sự ham muốn tình dục và giao tiếp. Thói quen ham muốn mang đàn ông và đàn bà đến với nhau, và giao tiếp làm tăng sự cọ xát lẫn nhau. Khi chà xát này tiếp tục mà không ngừng, nó tạo ra một ngọn lữa hồng khủng khiếp, cũng giống như sự ấm áp phát sinh giữa hai bàn tay của một người khi chà xát lồng bàn tay lại với nhau.

Bởi vì hai thói quen này: "Hai thói quen" ám chỉ đến những thói quen quá khứ của dục vọng kết hợp với thói quen hiện tại của dục vọng.

Hai thói quen này "đốt nhau mới sanh những việc giường sắt, trụ đồng. " Đây là tên của các địa ngục cụ thể. Chúng được đưa vào bởi vì mọi người có ham muốn tình dục quá nặng nề. Họ có tạo ra quá nhiều nghiệp liên quan đến dục vọng và vì vậy họ phải trải qua sự nghiệp báo này.

"Mười phương Như Lai xem sự hành dâm đồng như dục hỏa." Họ nói với bạn rằng ngọn lửa của ham muốn tình dục làm cháy nát cơ thể. "

"Bồ Tát xem dục như hầm lửa phải tránh." Họ thấy như vậy nên khuyên chúng sanh nên tránh xa những hoạt động dâm dục cũng như tránh một hố lửa. Bạn không muốn nhìn thấy cái hố lửa và cố tình nhảy vào nó. Nếu bạn làm, chắc chắn bạn sẽ đốt cháy đến chết. Cho nên Bồ Tát khuyên nên tránh xa dục vọng. Họ không cho những suy nghĩ ham muốn tình dục nổi lên

2. **Nhị giả: Tham tập giao kế. Phát ư tướng hấp, hấp lãm bất chỉ. Như thị cố hữu, tích hàn kiên băng, ư trung đống liệt. Như nhân dĩ khẩu, hấp súc phong khí, hữu lãnh xúc sanh. Nhị tập tướng lăng, cố hữu trá trá, ba ba La La. Thanh xích bạch liên, hàn băng đẳng sự. Thị cố thập phương, nhất thiết Như Lai. Sắc mục đa cầu, đồng danh tham thủy. Bồ Tát kiến tham, như tị chướng hải.**

Hai là Tham Tập giao kế phát nơi thu hút lẫn nhau, hút mãi không thôi, thế nên chứa hơi lạnh bên trong thành băng giá, như người hít hơi gió vào miệng thì có cảm xúc lạnh. Hai tập khí lấn nhau, mới chịu những khổ của địa ngục hàn băng. Mười phương Như Lai xem việc tham cầu đồng như tham thủy, Bồ Tát xem tham như biển độc phải tránh.

Giảng: Thứ hai bao gồm thói quen tham lam và xen kẽ mưu đồ tạo nên sự thu hút. Tham lam giống như một nam châm thu hút mọi thứ. "Khi hút này trở nên và không ngừng", con người cảm nhận sự tham lam vô độ là luôn cố gắng tìm

ra cách để có được mọi thứ và biến chúng thành sở hữu. Khi tham lam đạt tới mức cực đoan này, nó "chứa hơi lạnh bên trong như băng giá "Những thói quen này tạo ra cảm giác lạnh giá, "như cảm giác lạnh khi một người rút ra một luồng gió vào miệng."

Bởi vì hai thói quen này – sự tham lam trong quá khứ và sự hiện diện của một người, tham lam – đụng độ với nhau – thói quen khi nắm lấy lẫn nhau cho đến khi có tiếng rung, rên rỉ và rùng mình. "Các ký tự được sử dụng ở đây cho biết âm thanh được tạo ra bởi sự chịu đựng trong những địa ngục đóng băng này khi trải qua sự tra tấn cực lạnh. Ở đây được dịch là "rung, rên rỉ và rùng mình" Hoa sen xanh, đỏ và trắng "cho biết hình dạng của băng đá đóng băng trong những địa ngục này. Chúng sanh trải qua "lạnh lùng và hàn băng; và những trải nghiệm khác như vậy."

Vì vậy các Bồ Tát xem tham như biển độc phải tránh.

3. **Tam giả: Mạn tập giao lăng. Phát ư tướng thị, trì lưu bất tức. Như thị cố hữu, đằng dật bôn ba, tích ba vi thủy. Như nhân khẩu thiệt, tự tướng miên vị, nhân nhi thủy phát. Nhị tập tướng cổ, cố hữu huyết hà, hôi hà nhiệt sa, độc hải dung đồng, quán thôn chư sự. Thị cố thập phương, nhất thiết Như Lai. Sắc mục ngã mạn, danh ẩm si thủy. Bồ Tát kiến mạn, như tị cự nịch.**

Ba là Mạn Tập giao lăng, phát nơi ỷ thế, lấn áp không thôi; thế nên có sự cãi vã tranh chấp, quậy nước thành sóng, như người tự liếm miệng lưỡi, chảy ra nước miếng. Hai tập khí chọi nhau, mới sanh những việc sông huyết, sông tro, cát nóng, biển độc, bắt uống nước đồng chảy v.v… Mười phương Như Lai xem sự ngã mạn như uống nước si, Bồ Tát xem ngã mạn như sự chìm đắm phải tránh.

Giảng: Thứ ba bao gồm thói quen kiêu ngạo và kết quả ma sát. " Kiêu ngạo "đề cập đến sự tự mãn. Một là kiêu ngạo khi người ta nghĩ người ta tốt hơn người khác. Những suy nghĩ như vậy "phát nơi ỷ thế, lấn áp không thôi." Một người nhìn xuống những người khác, nó tạo ra "sự cãi vã tranh chấp, quậy nước thành sóng, " Điều này ám chỉ đến địa ngục dầu sôi, địa ngục ghềnh, địa ngục súp, và vv. Đó là "như người tự liếm miệng lưỡi, chảy ra nước miếng". Giống như nước được tạo ra khi một người liên tục dùng lưỡi của mình để nếm hương vị trong miệng. Sự nổ lực sẽ tạo ra nước miếng.

Bởi vì hai thói quen này chọi lẫn nhau "- thái độ kiêu ngạo từ quá khứ kết hợp với sự hài lòng của một người trong hiện tại – có rất nhiều loại địa ngục: Địa

ngục của dòng sông của máu, địa ngục của sông tro, địa ngục của Đốt cát, Địa ngục của biển độc, Địa ngục của đồng sắt nóng chảy đổ trên người, Địa ngục nơi đồng sắc nóng bị đổ vào miệng và những trải nghiệm khác như vậy. Mười phương Như Lai xem sự ngã mạn như uống nước dơ bẩn, Bồ Tát xem ngã mạn như sự chìm đắm phải tránh xa

4. **Tứ giả: Sân tập giao xung. Phát ư tướng ngỗ, ngỗ kết bất tức. Tâm nhiệt phát hỏa, chú khí vi kim. Như thị cố hữu, đao sơn thiết quyết, kiếm thụ kiếm luân, phủ việt sanh cứ. Như nhân hàm oan, sát khí phi động. Nhị tập tướng kích, cố hữu cung cát, trảm chước tỏa thứ, trùy kích chư sự. Thị cố thập phương, nhất thiết Như Lai. Sắc mục sân nhuế, danh lợi đao kiếm. Bồ Tát kiến sân, như tị tru lục.**

Bốn là Sân Tập giao xung, phát nơi chống đối chống mãi không thôi, tâm nóng nảy phát lửa, đúc khí thành kim loại, thế nên có những việc đao sơn, kiếm thụ, rìu, búa, thương, cưa, như người bị hàm oan thì sát khí nổi lên. Hai tập khí đụng nhau, mới sanh những việc thiến, cắt, chém, chặt, dùi, đâm, đánh, đập, v.v… Mười phương Như Lai xem sự sân hận như dao gươm bén, Bồ Tát xem sân hận như chém giết phải tránh.

Giảng: Thứ tư bao gồm thói quen hận thù làm nảy sinh sự thách thức lẫn nhau. Sự thách thức có nghĩa là bạn đã làm sai và tôi đã làm hại bạn. Khi chống đối chống mãi không thôi, trái tim của một người trở nên nóng đến mức nó bắt lửa, và hơi nóng chảy biến thành kim loại. "Trái tim bạn cảm thấy nóng và tâm vươn lên ngọn lửa vô minh. Ngọn lửa sân hận rất mạnh mẽ đến nỗi nó biến thành kim loại. Từ đó nó biến ra các địa ngục dao kiếm nhiều như núi, địa ngục kiếm thụ. Bởi vì năng lượng nóng chảy từ sự sân hận của một người tạo thành kim loại, Địa ngục của núi Dao, Địa ngục của Kiếm Thụ, Địa ngục của Đao kiếm, Địa ngục của Bánh xe kiếm, Địa ngục của Rìu và Búa, Địa ngục của Đao Thương và Cưa, và giống như tất cả kim loại. Nó giống như ý định giết người khi một người gặp một kẻ thù, một người mà anh ta mang nặng hận thù, để rồi anh ta phải hành động. Lòng hận thù đã chiếm mất tâm trí của anh.

"Bởi vì hai thói quen này – hận thù quá khứ và hiện tại – đụng độ với nhau, mới sanh ra việc thiến, cắt và chém. Đây là một loại địa ngục Cắt cổ – địa ngục cắt xén – cắt đứt cánh tay hoặc chân hoặc xương của một người rồi nghiền thành bột. Đâm và chém – bị đâm với gai; chém đập; và những trải nghiệm khác như vậy trong những loại địa ngục khác.

Do đó, mười phương Như Lai xem sự sân hận như dao gươm bén, Bồ Tát xem sân hận như chém giết phải tránh. Tức giận giống như một con dao hay một thanh kiếm sắc bén.

5. **Ngũ giả: Trá tập giao dụ. Phát ư tướng điều, dẫn khởi bất trụ. Như thị cố hữu, thằng mộc giảo hiệu. Như thủy tẩm điền, thảo mộc sanh trưởng. Nhị tập tướng duyên, cố hữu nữu giới, gia tỏa tiên trượng, qua bổng chư sự. Thị cố thập phương, nhất thiết Như Lai. Sắc mục gian ngụy, đồng danh sàm tặc. Bồ Tát kiến trá, như úy sói lang.**

Năm là Trá Tập giao dụ, phát nơi quyến rũ, lôi kéo chẳng thôi, thế nên có những việc dây, cây, thòng lọng, căng nọc, như nước thấm ruộng thì cỏ cây sanh trưởng. Hai tập khí kéo nhau mới sanh những việc gông, cùm, xiềng, xích, roi, gậy, đòn v.v… Mười phương Như Lai xem sự dối trá đồng như gian tặc, Bồ Tát xem dối trá như beo sói phải sợ.

Giảng: Thứ năm bao gồm thói quen lừa dối và gây hiểu lầm những sự tham gia làm phát sinh quyến rũ lẫn nhau. Lừa dối là thiếu trung thực. “Gây hiểu lầm” có nghĩa là mọi người tham gia vào việc gian lận và lừa dối lẫn nhau. Bạn lừa tôi với một số việc và sau đó tôi nghĩ ra một số mẹo để lừa bạn.

“Khi trá tập tiếp tục mà không ngừng, nó tạo ra các cộng dây và gỗ cho giá tử hình treo cổ. Vận động ám chỉ đến mưu kế lừa đảo. Các dây và gỗ được sử dụng để xây một giá treo cổ. Đây là địa ngục treo cổ. Nó là “giống như nước thấm ruộng thì cỏ cây sanh trưởng”Sự lừa dối nuôi dưỡng dây thừng và gỗ của giá tử hình.

Hai tập khí kéo nhau mới sanh những việc gông, cùm, xiềng, xích, roi, gậy, đòn v.v… Quá khứ kết hợp với thói quen lừa dối trong hiện tại đã tạo thành một mô hình lừa dối. Những “còng tay và kìm kẹp” này thực hiện các hình phạt, như là “xiềng, xích” Khi một người bị ràng buộc bởi những thứ nầy, người ta không thể di chuyển tự do, khó trốn thoát được. Hoặc một người bị đánh đập với “roi da, cây, gậy và những trải nghiệm khác như vậy. ”

Nguồn gốc của những hình phạt này từ đâu? Như thế nào mà nó trở thành hiện hữu? Nó đến từ sự lừa dối. “lừa dối” có nghĩa là khi người ta nói, người ta không nói nói sự thật. Cho nên mười phương Như Lai xem sự dối trá đồng như gian tặc, Bồ Tát xem dối trá như beo sói phải sợ.

6. **Lục giả: Cuống tập giao khi. Phát ư tướng gạt, vu mãi bất chỉ. Phi tâm tạo gian, như thị cố hữu, trần độ thỉ niệu, uế ô bất tịnh. Như trần tùy phong, các vô sở kiến. Nhị tập tướng gia, cố hữu một nịch, đằng trịch phi trụy, phiêu luân chư sự. Thị cố thập phương, nhất thiết Như Lai. Sắc mục khi cuống. Đồng danh kiếp sát. Bồ Tát kiến cuống, như tiễn xà hủy.**

Sáu là Cuồng tập giao khi, phát nơi phỉnh gạt, gạt mãi không thôi, buông tâm gian dối, thế nên có đất bùn, đại tiểu tiện, các thứ ô uế, như bụi theo gió, chẳng có chỗ thấy. Hai tập khí dìm nhau, mới sanh những việc chìm đắm, nhảy, ném, bay, rơi, trôi lăn v.v… Mười phương Như Lai xem sự lừa gạt đồng như cướp giết, Bồ Tát xem sự lừa gạt, như giẫm rắn độc.

Giảng: Thứ sáu bao gồm thói quen nói dối kết hợp với gian lận dẫn đến gian lận phỉnh gạt lẫn nhau. “Nói dối”nghĩa là không nói sự thật, nói những điều sai. “Kết hợp với gian lận “có nghĩa là mọi người nói dối để lừa gạt nhau. “Gian lận lẫn nhau” có nghĩa là mọi người không thẳng thắn với nhau. Những gì họ nói là không đúng sự thật.

“gạt mãi không thôi, buông tâm gian dối”. Mọi người cứ tiếp tục gạt mãi lẫn nhau không hợp lý. Nếu họ tiếp tục trong tĩnh mạch này, họ sẽ trở thành bậc thầy lừa dối. Mọi thứ họ làm là trái pháp luật.

“Việc nầy trở thành địa ngục của bụi và bụi bẩn, và địa ngục phân và nước tiểu. Những địa ngục này đầy rác rưởi, mùi hôi thối, và dơ bẩn. Nó giống như che khuất tầm nhìn của mọi người khi bụi được khuấy lên bởi gió. ”Đó là những nghiệp báo này sanh ra là như thế. Bụi dày đến mức bạn thậm chí không thể nhìn thấy rõ ràng.

“Hai tập khí dìm nhau, mới sanh những việc chìm đắm. ” Thói quen nói dối từ quá khứ kết hợp với thói quen trong hiện tại sanh ra những địa ngục khác nhau. “Ném và Chụp” có nghĩa là ném lên cao và sau đó cho nó rơi xuống. “Bay và Rớt ”cũng là một trường hợp bị phóng cao vào không gian và sau đó để lại rơi xuống. “Nổi và nhấn chìm” có nghĩa là một người bỏ rơi trôi nổi trên biển. Những địa ngục này và những trải nghiệm khác như vậy phải bị trải qua.

Do đó, mười phương Như Lai xem sự lừa gạt đồng như cướp giết, Bồ Tát xem sự lừa gạt, như giẫm rắn độc.

7. **Thất giả: Oán tập giao hiềm, phát vu hàm hận. Như thị cố hữu, phi thạch đầu gạch. Hạp trữ xa hạm, úng thịnh nang phác. Như uẩn độc nhân, hoài bão súc ác. Nhị tập tướng thôn, cố hữu đầu trịch, cầm tróc kích xạ, đả toát chư sự. Thị cố thập phương, nhất thiết Như Lai. Sắc mục oan gia, danh vi hại quỷ. Bồ Tát kiến oán, như ẩm chậm tửu.**

Bảy là Oán Tập giao hiềm, phát nơi sân hận, thế nên có sự quăng đá, ném gạch, hộp nhốt, cũi nhốt, rọ nhốt, đãy bọc, như người hiểm độc ôm ấp điều dữ. Hai tập khí nuốt nhau, mới sanh những việc ném, quăng, nắm, bắt, đánh, bắn, tóm, siết v.v. Mười phương Như Lai xem sự thù oán, đồng như Quỷ Vi Hại, Bồ Tát xem thù oán như uống rượu độc.

Giảng: Thứ bảy bao gồm thói quen thù địch và kết nối với nhau, sự thù địch gây ra sự bất bình. Có nghĩa là việc đưa ra việc cáo buộc sai. Các cáo buộc sai khiến cho sự nghi ngờ nảy sinh. Bằng tiếng Hán “Khiếu nại” có một nhân vật theo nghĩa đen có nghĩa là giữ mỏ như chim cầm thức ăn. Ở đây, một người nào đó nuôi giữ những bất bình và ý xấu trong miệng và từ chối để thả nó ra. “Từ đây nó trở thành địa ngục quăng đá và địa ngục ném gạch, ném vào tội nhân với những mảnh đá vụn. Hoặc bị nhót trong một quan tài hoặc trong tủ quần áo, hoặc đặt trong lồng tròn. Hoặc người đó bị đặt vào một cái bình và có ngọn lửa đốt dưới bình, cho ma được nấu chín

Túi và que địa ngục: con ma được bỏ vào một cái túi lớn và sau đó bị đánh đập. Bên trong anh ta nghẹt thở và bị đau đớn của đánh đập. Loại nghiệp quả giống như ai đó làm hại người khác một cách bí mật – kính đáo và âm thầm nuôi dưỡng điều ác trong tâm trí của anh ấy.

Bởi vì hai thói quen này giao nuốt lẫn nhau, Ném và Chụp. Thói quen của sự thù địch trong quá khứ và hiện tại luôn giành và nuốt xé nhau. Nếu nghiệp báo của thói quen trong quá khứ mạnh mẽ hơn, người đó sẽ trải qua trả thù cho những việc làm trước đây. Nếu sức mạnh của nghiệp chướng trong cuộc sống hiện tại mạnh mẽ hơn, người ta sẽ trải qua sự trả thù cho nó trong điều này trong cuộc sống hiện tại. Đó là ý nghĩa của việc nuốt xé lẫn nhau.

Các ma bị ném và thảy xác thân một khoảng cách xa, để khi anh ta rớt xuống anh ta sẽ trải qua đau khổ.

“Nắm và Giữ” sau khi anh ta bị ném đi, anh ta bị bắt và mang về. “Đánh đập và bắn chết, Ném xa, Véo và những thứ phạt như vậy phải trải qua. Tất cả đều trải qua vì quả báo.

Do đó, mười phương Như Lai xem sự thù oán, đồng như Quỷ Vi Hại, Bồ Tát xem thù oán như uống rượu độc. Hành vi như vậy đi ngược lại sự mong muốn của người khác là đối tượng của sự oán giận và kết thúc bằng cách giết người. Bên Á Chân có một loài chim ưng chết người. Nếu lông từ loại đặc biệt này chim ưng được ngâm trong rượu vang, rượu sẽ bị nhiễm độc, một ngụm rượu độc sẽ gây chết người, vì không có thuốc giải độc

8. **Bát giả: Kiến tập giao minh. Như tát ca da, kiến giới cấm thủ, tà ngộ chư nghiệp. Phát ư vi cự, xuất sanh tướng phản. Như thị cố hữu, Vương sử chủ lại, chứng chấp văn tạ. Như hành lộ nhân, lai vãng tướng kiến. Nhị tập tướng giao, cố hữu khám vấn, quyền trá khảo tấn, thôi cúc sát phóng, phi cứu chiếu minh, thiện ác đồng tử, thủ chấp văn bộ, từ biện chư sự. Thị cố thập phương, nhất thiết Như Lai. Sắc mục ác kiến, đồng danh kiến khanh. Bồ Tát kiến chư, hư vọng biến chấp, như nhập độc hác.**

Giảng: Tám là Kiến Tập giao minh, như năm thứ ác kiến và các nghiệp tà ngộ, vì kiến giải khác nhau nên chống trái lẫn nhau, ví như người lạ đi đường qua lại gặp nhau, cãi cọ thưa kiện, nên có các cấp quan lại, nắm giữ hồ sơ văn bản đối chứng. Hai tập khí giao xen, thế nên mới có Thiện Ác Đồng Tử tay cầm hồ sơ văn bản, điều tra bằng chứng cụ thể, khám hỏi, tra khảo, thẩm vấn v.v… Mười phương Như Lai xem những ác kiến đồng như hầm độc, Bồ Tát xem những kiến chấp hư vọng như vào hố độc.

Tám là Kiến Tập giao minh, như năm thứ ác kiến và các nghiệp tà ngộ, vì kiến giải khác nhau nên chống trái lẫn nhau, ví như người lạ đi đường qua lại gặp nhau, cãi cọ thưa kiện, nên có các cấp quan lại, nắm giữ hồ sơ văn bản đối chứng. Hai tập khí giao xen, thế nên mới có Thiện Ác Đồng Tử tay cầm hồ sơ văn bản, điều tra bằng chứng cụ thể, khám hỏi, tra khảo, thẩm vấn v.v… Mười phương Như Lai xem những ác kiến đồng như hầm độc, Bồ Tát xem những kiến chấp hư vọng như vào hố độc.

Giảng: "Tám là Kiến Tập giao minh" Đây là những thói quen chúng ta đều có. Nếu bạn sử dụng cách nhìn phù hợp, chúng sẽ giúp thân tâm được thanh tịnh. Nhưng nếu bạn sử dụng tầm nhìn không chính xác, nếu bạn có thiên vị, bạn có thể tạo ra những ác nghiệp. "ác kiến" là một từ tiếng Phạn có nghĩa là "kiến trần" Có năm loại kiến trần – cái nhìn:
1. Cái nhìn thẳng vào một hình thể
2. Cái nhìn vào một khía cạnh,

3. Cái nhìn nghịch với đạo đức,
4. Cái nhìn bất chấp mọi thứ,
5. Cái nhìn sai lầm.

Những điều này đã được giải thích chi tiết trước đây. Khi thấy chuyện lúc đầu tiên, mọi người trở nên gắn bó với quan điểm rằng cơ thể họ là chính họ và gắn liền với những thứ xung quanh họ như là của riêng họ.

Thứ hai: Cách nhìn nghiên qua một phiá không phù hợp với cách thức trung trực. Họ rơi vào hoặc là quan điểm hủy diệt hoặc quan điểm của chủ nghĩa bên ngoài. Với người đã ra đi, người ta tin rằng cái chết giống như sự dập tắt của một đèn – không có gì đằng sau nó. Người ta không tin vào linh hồn hoặc tái sinh. Với cuối cùng, người ta tin rằng nếu một người là người kiếp này, một người sẽ là một người trong kiếp sau. Họ nghĩ rằng không thể nào một người sẽ tái sinh làm một con động vật.

Thứ ba là sự gắn bó với những đạo đức quá liều lĩng, như một số giáo phái ở Ấn Độ như những giáo phái theo hành vi của bò hoặc chó.

Thứ tư, Cái nhìn bất chấp mọi thứ, có nghĩa là chấp nặng vào vật chất. Những người có cách nhìn này có những ý kiến rất quyết định và một cách nhìn độc đoán về bản thân.

Thứ năm: Ở đó cũng là những quan điểm sai lệch. “Kiến Tập” là năm thứ ác kiến và các nghiệp tà ngộ, vì kiến giải khác nhau nên chống trái lẫn nhau. Người ta có thể có một chút thông minh, nhưng nguyên tắc một nghiên về ác kiến. Bởi vì họ không có cái nhìn sáng suốt cho nên tạo ra nghiệp chướng, “mang lại sự phản đối và tạo ra sự đối kháng lẫn nhau. ”Với loại nghiệp này, một là luôn phản đối người khác và không đồng ý với họ.

“ví như người lạ đi đường qua lại gặp nhau, cãi cọ thưa kiện, nên có các cấp quan lại, nắm giữ hồ sơ văn bản đối chứng.” Các quan chức tòa án, đại biểu, người chứng nhận yêu cầu chứng nhận và bằng chứng bằng văn bản; họ nhấn mạnh vào hồ sơ và những thứ tương tự.

Bởi vì hai thói quen này ảnh hưởng lẫn nhau, nó trở thành cãi cọ thưa kiện. ”Hai thói quen một lần nữa ám chỉ đến thói quen liên quan đến năm quan điểm được tạo ra trong kiếp trước, cùng với các thói quen liên quan đến năm quan điểm mà một tiếp tục nắm bắt trong cuộc sống này.

“văn bản đối chứng” có nghĩa là một được hỏi kỹ. Những câu hỏi điều tra được nêu lên khi toà sự sử dụng để bạn thừa nhận việc sai trái của bạn. Những điều này xảy ra ở các tòa án và cũng xảy ra trong các địa ngục.

“Điều tra” có nghĩa là sau khi bạn đã nêu trường hợp của mình, các quan chức đặt ra để kiểm tra cái chính xác của nó, từng bước một. Họ gửi người ra để xác minh mọi thứ bạn đã nói.
“Thẩm vấn” đưa mọi thứ ra ngoài, như mọi chuyện xuất hiện trong gương.
“Điều tra công khai và làm rõ” cũng làm như vậy.

“Thiện Ác Đồng Tử tay cầm hồ sơ văn bản, điều tra bằng chứng cụ thể, khám hỏi, tra khảo, thẩm vấn “. Các Đồng Tử ghi lại thiện và ác, mang theo sổ ghi chép của lập luận và lý luận của những người phạm tội. ”Những Đồng Tử này là nhân viên của những địa ngục, những người giữ hồ sơ tốt và ác thực hiện trên thế giới. Khi đến lượt bạn, họ đọc những gì đã ghi lại. Nếu bạn cố gắng tranh luận không hợp lý, họ chỉ tìm thấy trang và đọc nó ra như nó thực sự đã xảy ra. Họ có đầy đủ bằng chứng cho nên sự phản đối của bạn là vô ích.

Do đó, mười phương Như Lai xem những ác kiến đồng như hầm độc, Bồ Tát xem những kiến chấp hư vọng như vào hố độc.

9. **Cửu giả: Uổng tập giao gia, phát ư vu báng. Như thị cố hữu, hợp sơn hợp thạch, niễn ngại canh ma. Như sàm tặc nhân, bức uổng lương thiện. Nhị tập tướng bài, cố hữu áp nại, trùy án túc lộc, xung độ chư sự. Thị cố thập phương, nhất thiết Như Lai. Sắc mục oán báng, đồng danh sàm hổ. Bồ Tát kiến uổng, như tao phích lịch.**

Chín là Uổng Tập, giao xen, phát nơi vu khống phỉ báng; thế nên có hợp sơn, hợp thạch, cối nghiền, cối xay, như kẻ gièm pha vu oan người lương thiện. Hai tập khí bài xích lẫn nhau, mới sanh những việc áp giải, đè đập, ép huyết v.v. Mười phương Như Lai xem sự vu vạ đồng như cọp gièm pha, Bồ Tát xem sự vu vạ như bị sấm sét.

Giảng: Thứ chín bao gồm các thói quen bất công và sự liên hệ hỗ trợ lẫn nhau, dẫn đến việc xúi giục bất hợp pháp và lừa đảo. “Bất công ”có nghĩa là cáo buộc ai đó mà không có nguyên nhân – giáng tội anh ta. Người bị tra hỏi trên thực tế là vô tội, nhưng chính phủ đưa ra một hồ sơ chống lại anh ta. Hoặc người nào khác thưa kiện anh ta. Đó là thiên vị và không công bằng.

Bao gồm đây là cả những thói quen hay buộc tội vô lý và bất công cho người khác. Nếu bạn đã vô tình cáo buộc những người khác trong quá khứ, sau đó những nghịch nghiệp sẽ nối kết với những gì sãy ra trong cuộc sống này. Nếu bạn chưa bao giờ bị buộc tội một cách bất công, thì có lẽ nghiệp của đó đang được tạo mới ra trong đời này. Nếu bạn biết người mà bạn đang cáo buộc đã

không thực sự phạm tội, và bạn hoàn toàn nhận biết rằng bạn đang mang những bằng chứng giả, thế thì bạn đang bất công.

“thế nên có hợp sơn, hợp thạch.” Đây là Bóp núi Địa Ngục, trong đó núi ở cả bốn phía đều sát gần và đè bẹp người phạm tội. Cũng như một loại trải nghiệm được trải qua trong địa ngục nghiền đá. Giống như bạn đang vắt vào một cái máy xây thịt.

“cối nghiền, cối xay” là một địa ngục khác, như là “máy mài đá, cày, và nghiền thành bột. ”Nếu một người là kẻ nói dối thường xuyên và mang chứng kiến giả - nếu lời nói của anh ấy hoàn toàn không đáng tin cậy – thì trong địa ngục này, lưỡi bị cắt ra. Hoặc nó bị móc sắt kéo ra, và rồi cho bò kéo cày qua lại.

Với “nghiền” người phạm tội được đưa vào máy xay và nghiền thành bột. “Như kẻ gièm pha vu oan người lương thiện”. Vu oan ”ám chỉ bất kỳ lời nói nào không đáng tin cậy hoặc lời buộc tội.

“Hai tập khí bài xích lẫn nhau”. Những nghiệp trở ngại từ đời trước kết hợp với nghiệp chướng từ hành vi của một người trong cuộc kiếp vừa qua đã khiến người ta bị ép hoặc bị đẩy xuống hoặc bị gậy đánh đập, hoặc ép bức mạnh mẽ. Đôi khi ma được bỏ vào túi bịt và sau đó bị ép máu tuông ra, giống chỉ là cách ép nước trái cây. Hoặc một người bị bất công qua sự chuẩn bị đo lường chính xác. Những là những loại trải nghiệm mà người ta phải trải qua.

Do đó, mười phương Như Lai xem sự vu vạ đồng như cọp gièm pha, Bồ Tát xem sự vu vạ như bị sấm sét. Bồ tát tu hành không muốn phạm điều gì mà mang đến nhân qủa, và vì vậy họ thấy rằng thói quen hành động theo những cách bất công là nguy hiểm như như bị sấm sét. Thật đáng kinh sợ trong trường hợp một người có thể đánh chết người khác ngay tại chỗ.

10. **Thập giả: Tụng tập giao huyên, phát ư tạng phúc. Như thị cố hữu, giám kiến chiếu chúc. Như ư nhật trung, bất năng tạng ảnh. Cố hữu ác hữu, nghiệp kính hỏa châu, phi lộ túc nghiệp, đối nghiệm chư sự. Thị cố thập phương, nhất thiết Như Lai. Sắc mục phúc tạng, đồng danh uẩn tặc. Bồ Tát quán phước, như đái cao sơn, phúc ư cự hải.**

Giảng: Mười là Tụng Tập giao thuyên, phát nơi che giấu tội lỗi; thế nên có gương soi, đuốc chiếu, như đứng giữa mặt trời, chẳng thể giấu bóng. Hai tập khí phô bày lẫn nhau mới sanh ra những việc ác hữu, nghiệp kính, chiếu soi,

hỏa châu, phơi bày nghiệp xưa, đối nghiệm v.v… Mười phương Như Lai xem sự che giấu đồng như hiểm tặc, Bồ Tát xem sự che giấu như đội núi cao đi trên biển cả.

Thứ mười bao gồm các thói quen kiện tụng và các tranh chấp làm phát sinh sự che đậy. ” đưa ai đó ra tòa. Nó liên quan đến luật sư cho người kiện và người bị vu cáo. Hành vi phạm tội có liên quan tới sự che đậy. Điêu đó có nghiã là bằng chứng được đưa ra trên tòa không phải hoàn toàn là sự thật. Mỗi người tuyên bố mình là đúng.

Ví dụ, trong trường hợp ly hôn, người chồng nói rằng anh ta đúng và người vợ tuyên bố cô ấy cũng đúng. Trên thực tế, không ai đúng, nếu ngay cả một người trong số họ đúng, họ sẽ không ly hôn. Người đúng sẽ đơn giản tha thứ và quên nếu người kia nói không hợp lý, và không có vấn đề gì phát sinh. Chỉ khi cả hai bên từ chối tha thứ, vì vậy họ phải mướn luật sư và ra tòa.

Có lẽ họ cảm thấy tiếc cho các luật sư và sợ họ sẽ chết đói nếu họ không cho luật sự một số việc để làm. Và dĩ nhiên luật sư khuyên họ đi ra tòa vì đó là sinh kế. Phí của anh ta có thể từ hàng trăm đô la đến hàng ngàn đô la; nó phụ thuộc vào loại vụ cáo liên quan. Luật sư ấy đặt cho anh ấy một giá tiền riêng.

“Tranh chấp” đề cập đến các tranh cải đã xảy ra. Mỗi bên tuyên bố rằng họ sáng suốt và hợp lý. Tại sao họ ra tòa? Bởi vì họ không cởi mở và thẳng thắn với nhau. Họ đặt vào mặt nạ và che đậy sự thật. Thực sự sai lầm, nhưng họ che đậy những sai lầm của họ và mang đến những điểm mà họ cho là phù hợp với nguyên tắc. Họ nói về tất cả những điều họ làm là hợp pháp và tránh đề cập đến những điều họ đã làm sai. Đó là che giấu.

“nghiệp kính, chiếu soi” Nếu bạn thích tham gia các vụ kiện và phạm tội khi bạn còn sống, khi đó bạn đến các địa ngục, tội phạm của bạn sẽ được tiết lộ trong một tấm gương (nguyệt đài kính). Khi bạn nhìn vào gương, mọi sai lầm bạn từng đã thực hiện trong cuộc sống của bạn sẽ hiện ra trong gương. Nó giống như một bộ phim, mọi khung hiển thị hành động của bạn khá sinh động. “đèn chiếu soi” bởi chiếc đèn chiếu soi, bạn không còn chỗ để trốn. Tất cả mọi thứ tiết lộ rõ ràng. Nó giống như đứng trực tiếp trong ánh sáng mặt trời, không có cách người ta có thể che giấu bóng của một người.

“Hai tập khí phô bày lẫn nhau mới sanh ra những việc ác hữu”. Không chỉ là bạn đồng hành, mà là người thân được bao gồm ở đây mà cả một gia đình có thể xấu. “Tấm gương nghiệp chướng ”giống như tấm gương lộ liễu được đề cập ở trên.

“Nghiệp kính, chiếu soi, hỏa châu,” Các ngọc trai rực lửa chiếu sáng các tội phạm trong quá khứ.
“Phơi bày nghiệp xưa” tiết lộ tất cả các tội ác bạn từng phạm vào bất kỳ đời sống nào trước đây.
“đối nghiệm” xảy ra khi bạn không thừa nhận những gì bạn đã làm. Sau đó bằng chứng được đưa ra chống lại bạn. Nó đã được chứng minh cho bạn thấy.

“Vì vậy, tất cả những điều đến như vậy cả mười phương Như Lai xem sự che giấu đồng như hiểm tặc, Bồ Tát xem sự che giấu như đội núi cao đi trên biển cả.” Làm thế nào có thể đội núi cao đi trên biển cả? Không thể đi được, cho nên Bồ Tát không ra tòa.

LỤC GIAO BÁO

*** * ***

Vân hà lục báo? A-nan! Nhất thiết chúng sanh, lục thức tạo nghiệp. Sở chiêu ác báo, tùng lục căn xuất. Vân hà ác báo, tùng lục căn xuất?

Sao nói Lục Giao Báo? A Nan! tất cả chúng sanh, lục thức tạo nghiệp, chiêu cảm ác báo, đều từ lục căn mà ra. Sao nói ác báo từ lục căn mà ra?

Giảng: sao gọi là Lục Giao Báo. Anan tất cả chúng sanh tạo nghiệp với 6 thức của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Tất cả ác nghiệp mà chúng sanh chiêu cảm đều từ sáu căn, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Tại sao các ác báo nầy từ sáu căn mà sanh ra ?

Nhất giả kiến báo, chiêu dẫn ác quả. Thử kiến nghiệp giao, tắc lâm chung thời. Tiên kiến mãnh hỏa, mãn thập phương giới. Vong giả thần thức, phi trụy thừa yên. Nhập Vô gián ngục, phát minh nhị tướng.

Nhất giả minh kiến. Tắc năng biến kiến, chủng chủng ác vật, sanh vô lượng úy.

Nhị giả ám kiến. Tịch nhiên bất kiến, sanh vô lượng khủng.

Như thị kiến hỏa. Thiêu thính năng vi, hoạch thang dương đồng. Thiêu tức năng vi, hắc yên tử diệm. Thiêu vị năng vi, tiêu hoàn thiết mi. Thiêu xúc năng vi, nhiệt hôi lô thán. Thiêu tâm năng sanh, tinh hỏa bỉnh sái, phiến cổ không giới.

Một là Kiến Báo chiêu cảm ác quả. Khi kiến nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết, thấy lửa hồng cháy khắp mười phương, thần thức người chết bay rơi theo khói, vào ngục A-Tỳ, phát minh hai tướng:

Một là thấy sáng, khắp thấy mọi thứ hung dữ, sanh khiếp sợ vô cùng;

Hai là thấy tối, mịt mù chẳng thấy gì, sanh hoảng hốt vô cùng.

Như vậy, thấy lửa đốt thính giác thì thành chảo dầu sôi, nước đồng chảy; đốt khứu giác thì thành khói đen, lửa đỏ; đốt vị giác thì thành viên sắt cháy; đốt xúc giác thì thành tro nóng, lò than; đốt ý thức thì thành hoa lửa rưới khắp, rung động cả hư không.

Giảng: Ở trên đã được thảo luận về thập tập nhân thói quen dẫn đến sáu giao báo hay kết nối với nhau. Chúng được gọi là "giao báo" bởi vì mặc dù một trong sáu người có thể là người chiếm ưu thế yếu tố trong một hành vi phạm tội, những người khác đều tham gia vào một mức độ nào đó. Họ hành động như đồng lõa. Ví dụ, mắt cam kết một số hành vi phạm tội đối với các đối tượng mà họ thấy. Cho nên mắt là kẻ phạm tội lớn; tuy nhiên, tai, mũi, lưỡi, cơ thể và tâm trí cũng dính vào trong tội phạm. Người phạm tội lớn là người đầu tiên cam kết hành vi phạm tội, trong khi những người khác giúp nó theo lần lượt của họ.

Nhưng bạn sẽ nhớ rằng trước đó các chư Phật của mười phương dẫn trực tiếp và đồng thời nói với Anan rằng: nó là từ sáu giác quan mà Phật đã giác ngộ và cũng từ sáu giác quan mà người ta rơi vào địa ngục. Vì vậy, bây giờ mà chúng ta đề cập đến lục giao báo, được kết nối với nhau, bạn nên hãy nhớ rằng ban đầu sáu người này có khả năng trở thành vị Giác Ngộ. Chỉ là mọi người không biết cách sử dụng chúng đúng, và như vậy trong bản chất của kho tạng của Như Lai, vô minh đưa ra sự giả dối từ bên trong sự thật.

Sự giả dối phát sinh từ ba sự hiện diện tinh tế đến sáu thô hiện diện cho đến vô biên hiện diện. Đó là lý do tại sao nói rằng có tám mươi bốn nghìn loại nghiệp báo chướng ngại.
Tại sao chúng ta tạo ra nhiều tội nghiệp? Đó là bởi vì chúng ta không thể tự tự chủ. Chúng ta không thể tự chủ khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần. Chúng tôi không thể hồi quang phản chiếu, rồi để cảnh trần lôi cuốn chúng ta. Chỉ vì chúng ta không quay lại tánh nghe, chúng ta chạy đua theo sáu thức để núm lấy sáu trần. Các ác báo nầy từ sáu căn mà sanh ra là gì?
"Một là Kiến Báo chiêu cảm ác quả." Đầu tiên là sự trừng phạt của việc nhìn thấy, cái mà luôn cuốn và đưa dẫn đến ác nghiệp. Bởi vì bản chất cảm nhận của mắt khi nhìn thấy một vật, mắt bị ảnh hưởng bởi đối tượng của hình thức.

Nhưng trong quá trình này, có rất nhiều ý tố tham gia. Từ những tham vọng này rất nhiều nghiệp xấu được tạo ra. Rất nhiều hành vi phạm tội dẫn đến rất nhiều ác nghiệp.

"Khi kiến nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết, thấy lửa hồng cháy khắp mười phương." Nghiệp lực nơi đây được gọi là hành vi phạm tội. Những gì nó xen kẽ? Với năm thức. Nó trao đổi ý kiến, và nghiệp của nọ bị trộn lẫn với nhau. Bị ảnh hưởng bởi các vật thể khi nhìn theo lối này, người ta đuổi theo âm thanh và vật chất.

Ví dụ, một người đàn ông nhìn thấy một người phụ nữ xinh đẹp và nổi lên tham lam và ái dục. Rồi anh lắng nghe giọng nói nhẹ nhàng của cô. Một khi đôi mắt đã thấy hình dáng đẹp, đôi tai muốn theo và nghe âm thanh tuyệt vời. Mũi muốn ngửi mùi hoa phấn và nước thơm. Nếu mắt không nhìn thấy cô ấy, đôi tai sẽ không háo hức được nghe giọng nói của cô ấy và mũi sẽ không bị dụ dỗ bởi mùi nước hoa nữ tính. Sau đó lưỡi bắt đầu có những suy nghĩ sai lầm hủy hoại – có thể như là "Cô ấy thật là người phụ nữ hoàn hảo, mà tôi tin là sẽ không tệ nếu có thể hôn cô ấy. " Trong tim, loại dốt nát nảy sinh. Sau đó, cơ thể muốn tiếp xúc với cô ấy và tâm trí đồng ý. Tâm trí dễ chịu và đi cùng với các bộ phần khác. Vào thời điểm đó, ông ta bước vào sự tạo ra nghiệp của ái dục. Kết quả trong tương lai sẽ là một sự trừng phạt tà ác như ôm cột đồng hoặc ngủ trên giường sắt. Hoặc nam và các cơ quan phụ nữ bị nhiễm khuẩn với những sinh vật có mỏ sắt. Nó xãy ra như thế nào? Tất cả bắt đầu với người phạm tội đầu tiên – việc nhìn thấy.

"Khi mắt thấy cảnh, tâm như lặng không." Khi mắt nhìn thấy hình dạng, bên trong không có gì. Bạn có loại kỹ năng đó không? Nếu có, thì không quan trọng nếu bạn nhìn mỗi ngày. Bạn càng thấy, bạn sẽ càng ít bị di chuyển. Nhưng nếu bạn không có kỹ năng đó, thì bạn nên tốt nhất có một chút cẩn thận. Với một chút cẩn thận hơn, bạn sẽ không phải ôm đồng trụ cột hoặc rơi vào địa ngục khác.

Văn bản nói, "vào lúc chết." Mọi người sẽ chết. Ở đó không ai có thể nói rằng người đó sẽ sống mãi mãi, trừ khi một người tu hành và trở thành thánh nhân và bất tử. Ttrong trường hợp này có thể sống nếu muốn và chết nếu muốn. Hoặc, nếu bạn là một vị Bồ Tát hay một vị A la hán, bạn có tự do hơn sanh và tử. Nếu bạn không ở cấp độ đó, thế thì bạn cũng sẽ có "thời gian chết".

Khi cái chết đến với người phạm tội, "trước hết, thấy lửa hồng cháy khắp mười phương." "Đó là vì" ngọn lửa ham muốn "của anh ấy – tình dục của anh ấy khao khát. Và ngọn lửa không chỉ giới hạn ở một nơi mà khắp mọi nơi, khắp cả mười phương

“Thần thức người chết bay rơi theo khói.” Ý thức ”ám chỉ đến thức thứ tám. Nó cũng là linh hồn, có khả năng trở thành một vị Phật hay một con ma. Nó được gọi là “thân trung ấm”, bởi vì ở giai đoạn này năm thức đã bị cắt đứt khỏi cơ thể cũ và chưa bước vào một cơ thể mới. Điều gì sẽ xảy ra với thân trung ấm của người phạm tội này? Đầu tiên là thần thức bay lên, nhưng sau đó rơi xuống. Thần thức có thần thông để bay qua không gian, nhưng trong trường hợp này thần thông của nó không phải là lớn, và vì vậy một khi nó bay lên một ít vào không gian, nó rơi xuống.

“bay rơi theo khói, vào ngục A-Tỳ”. Thần thức bay như khói mây và rớt vào địa ngục A Tỳ. Tôi nghĩ ngay cả những người định cư không muốn tham gia vào những cảnh tượng đó. Vì thế tất cả mọi người nên tránh trồng những việc làm dẫn đến địa ngục. Tốt hơn hết nên đi đến Phật-quả hơn là đi đến địa ngục. Đừng theo linh hồn tội nghiệp này. Người phạm ác nghiệp khi theo đuổi vật chất rơi vào địa ngục A-Tỳ. “Ở đó, thân trung gian của anh ta – nhận thức được hai tướng.

“Một là thấy sáng, khắp thấy mọi thứ hung dữ.” với những nhận thức về độ sáng, nó có thể thấy mọi thứ. Có gì để được nhìn thấy? Điều ác; mỗi điều khủng khiếp mà bạn có thể tưởng tượng. Có những thứ như chó sói và hổ và sinh vật với cơ thể con người, đầu bò hoặc mặt ngựa. Bóng ma vô thường mang chiếc mũ cao cầm rất nhiều bằng chứng. Ngoài ra còn có những con thú tàn nhẫn và kinh hoàng. Tất cả những gì anh ta nhìn thấy là những sinh vật tà ác, vì vậy thần thức của anh ta “Sanh khiếp sợ vô cùng.” Một kinh nghiệm khủng khiếp.

“Hai là thấy tối, mịt mù chẳng thấy gì.” Thần thức không thể thấy gì cả, bởi vì ít ánh sáng từ mặt trời hoặc mặt trăng hoặc từ các ngôi sao hoặc đèn. “Cảnh tĩnh lặng và không có ánh sáng” có nghĩa là không có một sinh vật, không có một thứ, không có một âm thanh, và không có hình bóng. Nhưng nó không phải là sự yên tĩnh; thay vào đó, nó “sanh hoảng hốt vô cùng”. Nếu anh ta thấy một người đẹp người phụ nữ sau đó, tôi tự hỏi nếu anh ta có thể hợp với bất kỳ tình dục nào. Cách duy nhất để biết chắc chắn sẽ hỏi cô ta. Anh ấy phải trải qua nỗi sợ hãi và khủng bố trong địa ngục bởi vì anh ta đã tạo ra nghiệp chướng

Bây giờ sáu giao báo được mô tả. “Khi lửa đốt thính giác thì thành chảo dầu sôi, nước đồng chảy.” Khi nào ngọn lửa đến tai và thính giác, nó biến thành địa ngục vạc nước sôi và địa ngục của đồng nóng chảy. Nước được đun sôi và con ma bị rơi vào nồi. Các “Ma” chỉ là thần thức thuộc linh hồn của người đã chết. Quý vị có nhớ những gì ông đã làm và bây giờ ông kết thúc trong một nồi nước sôi? Tai của anh ta trợ giúp và làm theo mắt. Khi mắt anh ấy nhìn thấy

hình dáng đẹp, đôi tai của anh ta nên có đủ lý trí để cảnh báo anh ta đừng nghe giọng cô ấy. Nhưng thay vào đó, đôi tai của anh ấy đã nhảy vào chổ đó và lôi kéo anh ta lắng nghe. Anh ta lắng nghe. Và những gì anh nghe làm hài lòng anh ta đến chổ không kết thúc. Bây giờ anh ta đang ở trong vạc nước sôi và đồng nóng chảy.

Khi "đốt khứu giác thì thành khói đen, lửa đỏ." Khi ngọn lửa đến mũi, khói trở thành khói đen và lửa đỏ tím. Điều này xảy ra khi anh ấy đã bị cuốn vào mùi thơm của nước hoa. Nhưng tôi tin rằng khói đen không thơm lắm khi hít vào. Trong thực tế, mùi hôi thối của nó là kinh khủng. Nhưng đó là sự trừng phạt mà anh ta phải trải qua.

"Khi đốt vị giác thì thành viên sắt cháy." Các viên là viên sắt nóng, nhưng khi bạn đặt chúng vào miệng, chúng sẽ đốt cháy lưỡi. Anh thích "hương vị của phụ nữ" – anh thích hôn họ – Vì vậy, bây giờ anh ta nhận được viên sắt nóng trong bữa ăn sáng mỗi ngày.

"Khi đốt xúc giác thì thành tro nóng, lò than; đốt ý thức thì thành hoa lửa rưới khắp." Khi ngọn lửa cháy qua cảm giác đụng chạm, nó trở thành đống tro tàn, nhưng tro không chết và lạnh; tro vẫn có lửa trong đó. Khi tro đốt cháy tâm trí – đó là Pháp – nó trở thành các hoa lửa ở khắp mọi nơi và toả nóng lên và thổi phồng toàn bộ lĩnh vực của khu đó. "Ngọn lửa phân tán để đốt cháy bạn nhiều như những ngôi sao trên bầu trời. Nó tạo ra một bức tường nóng và lấp đầy tất cả không gian trống.

Nhị giả: Văn báo, chiêu dẫn ác quả. Thử văn nghiệp giao, tắc lâm chung thời. Tiên kiến ba đào, một nịch Thiên địa. Vong giả thần thức, hàng chú thừa lưu. Nhập Vô gián ngục, phát minh nhị tướng.

Nhất giả khai thính. Thính chủng chủng náo, tinh thần hốt loạn.

Nhị giả bế thính. Tịch vô sở văn, u phách trầm một.

Như thị văn ba. Chú văn tắc năng, vi trách vi cật. Chú kiến tắc năng, vi lôi vi hống, vi ác độc khí. Chú tức tắc năng, vi vũ vi vụ. Sái chư độc trùng, châu mãn thân thể. Chú vị tắc năng, vi nùng vi huyết, chủng chủng tạp uế. Chú xúc tắc năng, vi súc vi quỷ, vi thỉ vi niệu. Chú ý tắc năng, vi điện vi bạc, tồi toái tâm phách.

Hai là Văn Báo chiêu cảm ác quả. Khi văn nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung trước hết thấy sóng cuộn chìm ngập trời đất, thần thức người chết theo dòng nước trôi vào ngục A-Tỳ, phát minh hai tướng:

Một là nghe rõ các tiếng ồn ào, tinh thần rối loạn;

Hai là điếc hẳn, lặng lẽ chẳng nghe gì, thần thức chìm lịm.

Như vậy, nghe sóng chảy vào thính giác, thì thành sự trách hỏi, chảy vào thị giác thì thành sấm sét và khí độc; chảy vào khứu giác thì thành mưa và sương mù, rưới sâu độc vào đầy khắp cơ thể; chảy vào vị giác thì thành mủ, huyết và các thứ nhơ nhớp; chảy vào xúc giác thì thành súc sinh, ma quỷ và đại tiểu tiện; chảy vào ý thức thì thành điện chớp, mưa đá, đập nát tâm phách.

Giảng: Thứ hai trong số sáu giao báo là văn báo chiêu cảm hay là chiêu cảm qua lỗ tai. Nếu một người quay lại để nghe tự tánh, tánh nghe có thể hoàn thành con đường giác ngộ. Thay vào đó, người trong kinh nầy đã quay tất cả chú ý bên ngoài và lắng nghe âm thanh. Anh ấy đã nghe âm thanh để anh ta hưởng thụ. Có lẽ anh ấy thích nghe phụ nữ hát. Có lẽ anh thích nghe phụ nữ nói chuyện. Áp dụng giống nhau cho nam giới và nữ giới. Phụ nữ thích nghe đàn ông. Không phải con đường một chiều. Kinh đang nói về cả hai giới. Bạn không nên nghĩ rằng nếu Kinh điển sử dụng hình thức nam tính, nó chỉ có nghĩa là đàn ông là xấu, trong khi phụ nữ không được bao gồm. Các hành vi phạm tội hai giới tính cam kết là như nhau. Đó là những chiêu cảm dẫn đến kết thúc ác nghiệp.

Sự chiêu cảm ác quả đang gọi anh ta, “Hãy đến đây! Đến đây! ”Với giọng tông rất thuyết phục. Nó lôi kéo anh ta.

“Khi văn nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung trước hết thấy sóng cuộn chìm ngập trời đất.”

“giao báo ”đề cập đến con đường mà sáu cơ quan được kết nối với nhau trong sự trừng phạt của họ. Tai được tham gia với tất cả năm cơ quan cảm giác khác. Con ma – cái thân thức thấy toàn bộ vũ trụ tràn đầy sóng cuộn. Nhưng nó là thực sự hay không? Không. Nó là biểu hiện xuất hiện vì quả báo của mình. Điều này cũng đúng khi chúng ta nhìn thấy núi, sông, đất, thực vật, các tòa nhà, San Francisco, New York, Nhật Bản, Trung Quốc và mọi thứ khác – đó là tất cả một biểu hiện do sức mạnh nghiệp lực của chúng ta.

Không có sức mạnh nghiệp lực đó, mọi thứ là không gian trống rỗng. Nếu nghiệp của bạn đã kết thúc và cảm xúc của bạn trống rỗng, mọi thứ trong suốt, cõi trần biến mất. Đó vì tất cả sự trống rỗng. Không có gì cả. Nhưng vì chấp trước vào sự xuất hiện, bạn thấy mọi loại, màu sắc, hình dạng và hình thức. Con ma này thấy toàn bộ thiên đàng và trái đất như chìm trong một dải rộng lớn của sóng vẫy.

“Thần thức người chết theo dòng nước trôi vào ngục A-Tỳ.” Anh chảy theo dòng suối và kết thúc tại nhà người anh. Đây là đâu? Địa ngục A-Tỳ? Anh trai của anh ta là ai? Thấy anh ta. Sáu anh em đua nhau chạy tới.

“Phát minh hai tướng: Một là nghe rõ các tiếng ồn ào, tinh thần rối loạn; Hai là điếc hẳn, lặng lẽ chẳng nghe gì, thần thức chìm lịm.” Một lời giải thích rõ ràng và tinh tế như vậy, nhưng mọi người vẫn còn sẵn sàng tiến lên và tạo ra hành vi phạm tội. Bạn nói về nó việc tốt lành khi trở thành một vị Phật, nhưng mọi người không muốn trở thành một vị Phật. Họ trả lời mình sẽ nói sau.” Họ đã được dặn dò rằng nếu nghe những điều trái lý lẽ, sẽ mang họ vào ác nghiệp. Nhưng khi họ tìm thấy họ nằm trong vị trí trái ngược đó, họ lại thích nghe. Họ nghĩ : “Tôi nghe chuyện đó trong kinh, nhưng tôi không hẳng tin điều đó đúng. Vì vậy, họ thử nó.

“Ở đó, khi thần thức bước vào địa ngục A Tỳ, họ nhận thức được hai cảm giác. “Một là nghe rõ các tiếng ồn ào, tinh thần rối loạn” Tất cả mọi thứ đều tan vỡ. “Bối rối” có nghĩa là nó không thể nhớ bất cứ điều gì nữa.

“Hai là điếc hẳn, lặng lẽ chẳng nghe gì, thần thức chìm lịm.” Thần thức chìm vào lãng quên và chìm đắm sâu

“Như vậy, nghe sóng chảy vào thính giác,” Thính giác là cơ quan bên trong của tai

“thì thành sự trách hỏi, chảy vào thị giác thì thành sấm sét và khí độc.”. Những âm thanh đó trở thành trách mắng và thẩm vấn. Chúng trở nên sấm sét và gầm gừ và âm thanh trở thành hơi độc ácKhi chúng “chảy vào khứu giác thì thành mưa và sương mù rưới sâu độc vào đầy khắp cơ thể.” Khi chúng chảy vào hơi thở, chúng trở thành mưa và sương mù tràn ngập những sinh vật độc hại khắc cơ thể. Có một địa ngục nơi có mưa và sương mù vĩnh cửu. Mưa bị ô nhiễm với sinh vật độc, và khi chúng tấn công da, chúng cắn vào mỗi lỗ chân lông và làm việc theo cách của chúng.

“Rưới sâu độc vào đầy khắp cơ thể. ” Nhanh chóng, toàn bộ cơ thể của bạn phủ đầy sinh vật độc,

“Chảy vào vị giác thì thành mủ, huyết và các thứ nhơ nhớp.” Khi chúng chảy vào cảm giác vị giác, chúng trở thành mủ và máu và mọi loại bẩn thỉu. Đó là sự nhếch nhác và cặn bã.

“Chảy vào xúc giác thì thành súc sinh, ma quỷ và đại tiểu tiện.” Khi chúng chảy vào thân chúng trở thành động vật và bóng ma, phân và nước tiểu.

“Chảy vào ý thức thì thành điện chớp, mưa đá, đập nát tâm phách.” Khi chúng chảy vào tâm trí, chúng trở thành sét và mưa đá tàn phá trái tim và linh hồn. Sét và mưa đá, có một cơn bão vĩnh cửu, và một trận bị tấn công bởi sét và mưa đá. Đó là một sự trừng phạt đau đớn. Thần thức linh hồn bị xé nát thành từng miếng.

Tam giả khứu báo, chiêu dẫn ác quả. Thử khứu nghiệp giao, tắc lâm chung thời. Tiên kiến độc khí, sung tắc viễn cận. Vong giả thần thức, tùng địa dũng xuất. Nhập Vô gián ngục, phát minh nhị tướng.

Nhất giả thông văn. Bị chư ác khí, huân cực tâm nhiễu.

Nhị giả tắc văn. Khí yểm bất thông, muộn tuyệt ư địa.

Như thị khứu khí, xung tức tắc năng, vi chất vi lý. Xung kiến tắc năng, vi hỏa vi cự. Xung thính tắc năng, vi một vi nịch, vi dương vi phí. Xung vị tắc năng, vi nỗi vi sảng. Xung xúc tắc năng, vi trán vi lạn, vi đại nhục sơn. Hữu bách thiên nhãn, vô lượng khẩu thực. Xung tư tắc năng, vi hôi vi chướng. Vi phi sa khí, kích toái thân thể.

Ba là Khứu Báo chiêu cảm ác quả. Khi khứu nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết, thấy hơi độc đầy dẫy xa gần, thần thức người chết từ dưới đất trào lên, vào ngục A-Tỳ, phát minh hai tướng:

Một là ngửi thông bị các hơi độc xông vào, nhiễu loạn tâm thần;

Hai là nghẹt thở, hơi thở chẳng thông, làm chết giấc dưới đất.

Như vậy, ngửi khí xông vào khứu giác thì thành thông, nghẽn; xông vào thị giác thì thành lửa, đuốc; xông vào thính giác thì thành chìm đắm, nước sôi; xông vào vị giác thì thành mùi thiu, thúi; xông vào xúc giác thì thành nứt, nát, thành núi thịt lớn có trăm ngàn mắt, hút ăn không cùng; xông vào ý thức thì thành tro, chướng khí và cát đá bay, đập nát thân thể.

Giảng: Mũi không làm gì ngoài hởi mùi, ”bạn phản đối. “Vậy nghiệp mũi có thể tạo ra? ”Tuy nhiên, mùi có thể tạo ra nghiệp. Bởi vì có tham lam liên quan đến mùi. Khi sự tham lam cho nước hoa, mũi đôi khi làm những thứ không thích hợp, như theo đuổi nước hoa của phụ nữ. Với cái này loại hình tà kiến, tất cả các loại nghiệp ác đều có thể tạo ra.

“Khi khứu nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết, thấy hơi độc đầy dẫy xa gần.” Khi người còn sống, anh thích ngửi nước hoa, nhưng bây giờ mọi thứ

đã biến thành hơi độc. Bạn nên nhận ra rằng những điều thơm lạ lùng của thế giới này, khi hít vào khi chết, trở thành hơi độc.

“Thần thức người chết từ dưới đất trào lên, vào ngục A-Tỳ.” Khi thần thức thấy mọi thứ tràn ngập với chất độc, nó cố gắng nhảy ra khỏi – nhảy ra khỏi trái đất và thoát khỏi nó. Thần thức ít khi nhận ra rằng với sự nhảy cao đó sẽ kết thúc trong địa ngục A Tỳ.

“Ở đó, thần thức phát minh hai tướng- nhận thức được hai cảm giác.

“Một là ngửi thông bị các hơi độc xông vào, nhiễu loạn tâm thần.” Tâm trí anh đang trong tình trạng hỗn loạn và rối loạn.

“Hai là nghẹt thở, hơi thở chẳng thông, làm chết giấc dưới đất.” Anh không thở được. Nó nằm ngột ngạt và nghẹt thở trên mặt đất. Anh hoàn toàn tuyệt vọng và trên bờ vực của cái chết.

“Như vậy, ngửi khí xông vào khứu giác thì thành thông, nghẽn.” Một bên trải qua câu hỏi liên tục. Một bên muốn làm một điều nhất định gì.

“Xông vào thị giác thì thành lửa, đuốc”. Khi nó xâm nhập vào nhìn thấy, nó sẽ trở thành ngọn lửa và ngọn đuốc, là Địa ngục của Ngọn lửa và Ngọn đuốc.

“Xông vào thính giác thì thành chìm đắm, nước sôi”. “Khi nó xâm chiếm vào lỗ tai thính giác, nó trở nên chìm đắm. Có một địa ngục chìm và đuối trong vũng máu và nước tiểu. Hoặc nó trở thành biển đại dương và vạc bọt. ”Đây là những địa ngục khác.

“Xông vào vị giác thì thành mùi thiu, thúi.” Khi nó xâm nhập vào vị giác trong miệng, nó trở thành thức ăn thô tục hoặc bẩn thỉu. “bẩn thỉu” mô tả thịt cá thối. “thô tụ ” mô tả hư hỏng kẹo đường. Nói chung, nó có nghĩa là phải ăn thức ăn bị hư xiu.

“Xông vào xúc giác thì thành nứt, nát, thành núi thịt lớn có trăm ngàn mắt, hút ăn không cùng.” Khi nó xâm nhập vào cảm giác chạm vào, nó sẽ bị tách rời và tan nát. Nó cũng trở thành một ngọn núi thịt lớn trong đó có một trăm nghìn mắt và được hút bởi vô số sâu bọ. Chúng nuốt thịt và máu.

“Xông vào ý thức thì thành tro, chướng khí và cát đá bay, đập nát thân thể.” Khi nó xâm nhập vào tâm trí, nó trở thành tro tàn, không khí ô nhiễm, và cát sỏi bay cắt cơ thể thành dải sợi.

Tứ giả vị báo, chiêu dẫn ác quả. Thử vị nghiệp giao, tắc lâm chung thời. Tiên kiến thiết võng, mãnh viêm sí liệt, châu phược thế giới. Vong giả thần thức, hạ thấu quải võng, đảo huyền kỳ đầu. Nhập Vô gián ngục, phát minh nhị tướng.

Nhất giả hấp khí. Kết thành hàn băng, đống liệt thân nhục.

Nhị giả thổ khí. Phi vi mãnh hỏa, tiêu lạn cốt tủy.

Như thị thường vị. Lịch thường tắc năng, vi thừa vi nhẫn. Lịch kiến tắc năng, vi nhiên kim thạch. Lịch thính tắc năng, vi lợi binh nhận. Lịch tức tắc năng, vi đại thiết lung, di phược quốc độ. Lịch xúc tắc năng, vi cung vi tiễn, vi nỗ vi xạ. Lịch tư tắc năng, vi phi nhiệt thiết, tùng không vũ hạ.

Bốn là Vị Báo chiêu cảm ác quả. Khi vị nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết thấy lưới sắt phát lửa bừng cháy, che khắp thế giới; thần thức người chết sa đọa mắc lưới, treo ngược đầu xuống, vào ngục A Tỳ, phát minh hai tướng:

Một là hít hơi vào, kết thành băng giá, làm nứt nẻ thân thể,

Hai là thở hơi ra, bay thành lửa hồng đốt cháy xương tủy.

Như vậy, nếm mùi qua vị giác thì thành nhận chịu; qua thị giác thì thành kim thạch nung đỏ; qua thính giác thì thành binh khí sắc bén; qua khứu giác thì thành lồng sắt lớn, che khắp quốc độ; qua xúc giác thì thành cung, tên, nỏ, súng; qua ý thức thì thành sắt nóng, bay từ trên không rưới xuống như mưa.

Giảng: Khi mọi người nuôi dưỡng cơ thể của mình bằng thịt động vật, họ trở nên tham lam cho thịt và điều tra hương vị. Họ luôn luôn điều tra các cách để tìm ra các các món ăm mới và khác lạ, để tạo ra những món ngon tuyệt vời. Bởi vì điều này, họ sẽ tạo ra rất nhiều nghiệp xấu. Làm sao họ tạo nghiệp xấu? Trong nghiên cứu về hương vị, người Á Châu đã cho rằng dinh dưỡng tốt nhất nằm trong xác thịt sống. Họ đã ăn những sinh vật sống – thịt "tươi". Người phương Tây đặt thịt vào tủ lạnh một thời gian trước khi ăn. Nhưng người Trung Quốc cảm thấy rằng làm cho thịt lạnh sẽ mất đi dinh dưỡng của thịt. Họ thích cắt thịt động vật sống và ăn đó. Ví dụ: có một kỹ thuật, đầu bếp đặt một con heo để chạy và buộc nó chạy cho một vài giờ bằng cách đánh nó. Cuối cùng trái tim của nó đập nhanh, và máu lưu thông của nó tăng đến mức thịt của nó sưng lên. Tại thời điểm chiến lược, đầu bếp cắt ra một miếng thịt lớn từ chân của con lợn và nướng nó. Đây được coi là món thịt ngon nhất.

Người Trung Quốc có một phương pháp khéo léo khác: đầu tiên họ cắt một lỗ ở giữa bàn và dán đầu của con khỉ lên qua cái lỗ bàn – con khỉ vẫn còn sống

tại thời điểm này. Sau đo họ đập vỡ sọ với một cây gậy và những người ngồi xung quanh ăn óc khỉ. Họ nói đây là món ăn bổ béo. Ví dụ về việc tạo ra các tội nghiệp chỉ vì vị giác. Chỉ vì tham lam với hương vị ngon, con người sẽ đi đến tất cả các loại cực đoan và phát minh ra nhiều phương pháp kỳ lạ khác nhau để tạo nghiệp sát sanh.

“Bốn là Vị Báo chiêu cảm ác quả. Khi vị nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết thấy lưới sắt phát lửa bừng cháy, che khắp thế giới.” Vị Báo chiêu cảm với những trải nghiệm của năm giác quan khác. Khi người đó sắp chết, anh ta thấy một ngọn lửa cháy ở một mạng lưới sắt che tỏa khắp toàn thế giới.

“Thần thức người chết sa đọa mắc lưới, treo ngược đầu xuống, vào ngục A Tỳ.” Linh hồn của anh té ngã và bị treo trên lưới. Đầu tiên, lộn ngược, anh ta rơi vào địa ngục A Tỳ. Ở đó, phát minh hai cảm giác

“Một là hít hơi vào, kết thành băng giá, làm nứt nẻ thân thể.” Mút là một lượng hơi thở, và nó lạnh. Nó trở thành băng lạnh cong. Nó đóng băng xác thịt của cơ thể.

“Hai là thở hơi ra, bay thành lửa hồng đốt cháy xương tủy.” Đây là sự thở ra. Đó là một ngọn lửa khạc nhổ làm phỏng xương và tủy.

“Như vậy, khi nếm mùi qua mùi vị, các ác nghiệp mà nó tạo ra, trải qua cảm giác về hương vị, nó trở thành thứ phải thừa nhận và những gì phải chịu đựng. “Thừa nhận”có nghĩa là, tuy nhiên không muốn, bạn buộc phải thừa nhận nghiệp ác bạn đã tạo ra. “Điều gì phải chịu đựng” có nghĩa là bạn phải trải qua những gì không thể chiệu nổi. Bạn không thể trốn tránh trách nhiệm của bạn.

“Qua thị giác thì thành kim thạch nung đỏ.” “Khi nó đi qua tánh thấy, nó trở thành kim loại và đá cháy. Có một địa ngục nơi lửa nóng đến mức làm tan chảy kim loại và đá.

“qua khứu giác thì thành lồng sắt lớn, che khắp quốc độ.” Khi nào nó đi qua lỗ tai, nhĩ thức, nó trở thành vũ khí sắc bén và dao. Trong địa ngục này, rất nhiều vũ khí đâm xuyên qua cơ thể bạn.

“Khi nó đi qua khứu giác, nó trở nên rộng lớn lồng sắt bao quanh toàn bộ đất.”Nó trải dài trên một khu vực lớn như một quốc gia.

“qua xúc giác thì thành cung, tên, nỏ, súng.” Khi nó đi qua xúc giác, nó trở thành cung tên và mũi tên, nỏ và phi tiêu. Mũi tên và phi tiêu xuyên qua cơ thể của kẻ phạm tội.

"qua ý thức thì thành sắt nóng, bay từ trên không rưới xuống như mưa." Khi nó trôi qua tâm trí, nó trở thành những mảnh sắt nóng chảy như mưa xuống từ ngoài không gian. Những mảnh kim loại đỏ nóng này rơi ra khắp bầu trời và đốt cháy cơ thể.

Ngũ giả xúc báo, chiêu dẫn ác quả. Thử xúc nghiệp giao, tắc lâm chung thời. Tiên kiến đại sơn, tứ diện lai hợp, vô phục xuất lộ. Vong giả thần thức, kiến đại thiết thành. Hỏa xà hỏa cẩu, hổ lang sư tử. Ngưu đầu ngục tốt, Mã đầu La-sát. Thủ chấp thương sảo, khu nhập thành môn. Hướng vô gián ngục, phát minh nhị tướng.

Nhất giả hợp xúc, hợp sơn bức thể, cốt nhục huyết hội.

Nhị giả ly xúc. Đao kiếm xúc thân, tâm can đồ liệt.

Như thị hợp xúc. Lịch xúc tắc năng, vi đạo vi quán, vi thính vi án. Lịch kiến tắc năng, vi thiêu vi nhiệt. Lịch thính tắc năng, vi chàng vi kích, vi chí vi xạ. Lịch tức tắc năng, vi quát vi đại, vi khảo vi phược. Lịch thường tắc năng, vi canh vi kiềm, vi trảm vi tiệt. Lịch tư tắc năng, vi trụy vi phi, vi tiên vi chích.

Năm là Xúc Báo chiêu cảm ác quả. Khi xúc nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết thấy núi lớn từ bốn phía hợp lại, chẳng còn đường ra; thần thức người chết thấy Thành Sắt lớn, rắn lửa, cọp, sói, sư tử, người gác ngục đầu trâu, La Sát, đầu ngựa, tay cầm thương, xóc, lùa vào cửa thành, hướng về ngục A Tỳ, phát minh hai tướng:

Một là hợp xúc, núi hợp lại ép thân, xương thịt tuôn máu;

Hai là lìa xúc, dao gươm đâm chém, tim gan bị cắt xẻ.

Như vậy, hợp xúc qua xúc giác thì thành con đường địa ngục, gặp Diêm La Vương xử án; qua thị giác thì thành đốt cháy, nung đỏ; qua thính giác thì thành đánh, đập, đâm bắn; qua khứu giác thì thành tóm, đựng, khảo, trói; qua vị giác thì thành cày, kìm, chém, chặt; qua ý thức thì thành rơi, bay, nấu nướng.

Giảng: "Thứ Năm là Xúc Báo chiêu cảm ác quả." Nếu một người tham lam đối với các vật chất, họ bị lôi kéo vào một sự trừng phạt tà ác.

"Khi xúc nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết thấy núi lớn từ bốn phía hợp lại, chẳng còn đường ra." Nghiệp chướng được tạo ra từ cảm giác giao với nghiệp lực của năm giác quan khác. Một người với loại nghiệp này sẽ trải

nghiệm qua nghiệp lực khi thấy những ngọn núi khổng lồ bao quanh anh ta và đẩy anh ta vào giữa để dập nát xương. Không có cách nào để anh ta thoát khỏi vị trí của mình. Không có đường mở cho anh ta chạy.

“thần thức người chết thấy Thành Sắt lớn.” Vào thời điểm đó, khi anh bị bắt ở giữa những ngọn núi đang di chuyển vào anh ta, anh ta gián điệp một chiếc sắt lớn bằng thành phố.

“rắn lửa, cọp, sói, sư tử, người gác ngục đầu trâu, La Sát, đầu ngựa, tay cầm thương, xóc, lùa vào cửa thành, hướng về ngục A Tỳ.” Những con thú này còn sống, nhưng chúng bao gồm lửa. Các những người giữ tù có đầu bò có trách nhiệm chăm sóc thành phố sắt. Những con ma vương đầu ngựa và những người cai ngục mặt trang phục với nhiều loại binh giáo và các loại vũ khí đáng sợ khác. Đoàn tùy tùng nguy hiểm này buộc người phạm tội phải vào thành phố sắt rộng lớn. Ngay sau khi anh ta vào trong thành phố, anh ta rơi vào địa ngục A Tỳ. Ở đó, nó nhận thức được hai cảm giác.

“Một là hợp xúc, núi hợp lại ép thân, xương thịt tuôn máu.” Từ bốn phía, những ngọn núi khổng lồ đóng lại để đè nhấn cơ thể người. Khắp cơ thể bị đập vỡ thành mãnh nhỏ. Các núi siết chặt thân người thành một cục thịt . Vào thời điểm đó, người chết, tất nhiên, nhưng sau đó luồn gió thổi và hồi sanh lại. Tái sanh với một cơ thể mới, người ta phải trải qua thêm một lần nữa. Theo cách này người ta bị ép vào cái chết và tái sanh, một lần nữa và một lần nữa, sinh rồi tử, tử rồi sanh. Đây là hợp và xúc.

“Hai là lìa xúc, dao gươm đâm chém, tim gan bị cắt xẻ.” Đao, kiếm, lưỡi và những thứ tương tự tấn công cơ thể, và các cơ quan nội tạng bị phá hủy hoàn toàn.

Như vậy, khi hợp xúc qua xúc giác nó trở nên nổi bật, ràng buộc, đâm, và xỏ lỗ. Thực ra kinh viết “tra hỏi, điều tra, kiểm tra của tòa án và thẩm vấn ”nhưng điều này phù hợp hơn với sự trả thù cho nghe, trong khi “nổi bật, ràng buộc, đâm, và xuyên” xuất hiện trong văn bản dưới phiên điều trần, phù hợp hơn với ý nghĩa liên lạc.

“Nổi bật” xảy ra khi hai thứ bị va vào nhau
“Ràng buộc” đang được gắn lên.
“Đâm” đang bị dao cắt, và
“Xuyên” là những gì sẽ xảy ra khi mũi tên được bắn vào một.

“Qua thị giác thì thành đốt cháy, nung đỏ.” Khi cảm giác cảm ứng bị ảnh hưởng khi thấy, thì sự trừng phạt là cháy với nhiệt độ cao, giống như địa ngục của lửa bốc và than đá nóng và tương tự.

“Qua thính giác thì thành đánh, đập, đâm bắn.” Câu này nên dịch rằng: “Qua thính giác thì tra hỏi, điều tra, kiểm tra của tòa án và thẩm vấn”. “Tra hỏi ”có nghĩa là được đưa ra trước tòa án địa ngục. “Điều tra” có nghĩa là đang được kiểm tra bởi các quan chức trước khi đi qua cánh cổng. “kiểm tra của tòa án” là được thiết kế để kiểm tra bạn về những vi phạm mà bạn đã tạo ra.

“Qua khứu giác thì thành tóm, đựng, khảo, trói.” Một cái được đặt bên trong cái gì đó và chứa đựng. “Tóm” đề cập đến gắn trong túi. “Đập” có nghĩa là ngoài việc bị giam giữ, bạn bị đánh đập. “Trói” có nghĩa là bạn bị trói buộc và bị hạn chế.

“Qua vị giác thì thành cày, kìm, chém, chặt.” Cày ám chỉ đến lưỡi của một người cày qua. Đầu tiên nó được nối và kéo ra, và sau đó bị cày qua. “kìm” có nghĩa là lưỡi bị bắt bằng kìm và kéo ra. “chém” đề cập đến lưỡi cắt xuyên qua. “chặt” có nghĩa là chặt lưỡi rõ ràng.

“Qua ý thức thì thành rơi, bay, nấu, nướng.” Rơi là khi một người ném vào không gian và cho rớt xuống. “Bay” cũng đề cập đến bị đâm vào không gian và sau đó được thả xuống đất. “nấu” có nghĩa là ứng dụng của nhiệt độ cao để đốt cháy, như thể là một bánh dầu. “nướng” là một cách khác cơ thể bị đốt cháy.

Lục giả tư báo. Chiêu dẫn ác quả. Thử tư nghiệp giao, tắc lâm chung thời. Tiên kiến ác phong, xuy hoại quốc độ. Vong giả thần thức, bị xuy thượng không, triền lạc thừa phong. Đọa Vô gián ngục, phát minh nhị tướng.

Nhất giả bất giác. Mê cực tắc hoang, bôn tẩu bất tức.

Nhị giả bất mê. Giác tri tức khổ, vô lượng tiên thiêu, thống thâm nạn nhẫn.

Như thị tà tư. Kết tư tắc năng, vi phương vi sở. Kết kiến tức năng, vi giám vi chứng. Kết thính tắc năng, vi đại hợp thạch. Vi băng vi sương, vi độ vi vụ. Kết tức tắc năng, vi đại hỏa xa, hỏa thuyền hỏa hạm. Kết thường tắc năng, vi đại khiếu hoán, vi hối vi khấp. Kết xúc tắc năng, vi đại vi tiểu. Vi nhất nhật trung, vạn sanh vạn tử, vi yển vi ngưỡng.

Sáu là Tưởng Báo chiêu cảm ác quả. Khi tưởng nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết thấy gió bão thổi nát quốc độ; thần thức người chết bị thổi lên hư không, xoay rơi theo gió, đọa ngục A-Tỳ, phát minh hai tướng:

Một là chẳng giác, mê muội vô cùng, bỏ chạy không thôi;

Hai là chẳng mê, hay biết các khổ, bị đốt cháy không cùng, đau đớn khổ sở.

Như vậy, tà tưởng kết vào ý thức thì thành phương sở; kết vào thị giác thì thành gương soi, bằng chứng; kết vào thính giác thì thành đại hợp băng giá, sương mù, đất bùn; kết vào khứu giác thì thành xe lửa, thuyền lửa, củi lửa; kết vào vị giác thì thành tiếng la hét, than khóc; kết vào xúc giác thì thành lớn nhỏ, nghiêng ngửa, muôn lần sống đi chết lại trong một ngày.

Giảng: Thứ sáu là sự trừng phạt của suy nghĩ, "Tưởng Báo chiêu cảm ác quả" có thể tạo ra những nghiệp cực kỳ nghiêm trọng, và nghiệp xấu còn nó gọi là nghiệp to lớn.

"Khi tưởng nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết thấy gió bão thổi nát quốc độ." Nghiệp chướng của tư duy xen kẽ với nghiệp lực của các cơ quan cảm giác khác. Nó tích lũy cho đến thời điểm chết, người ta chỉ thấy một cơn gió khủng khiếp thổi mọi thứ trong thế giới thành mãnh vụng.

"Thần thức người chết bị thổi lên hư không, xoay rơi theo gió, đọa ngục A-Tỳ." Người chết linh hồn bị thổi bay vào không gian trống rỗng, nhưng rồi phải rơi xuống và bay vào địa ngục A Tỳ. Ở đó, nó nhận thức được hai cảm giác."

"Một là chẳng giác, mê muội vô cùng, bỏ chạy không thôi." Đầu tiên là thiếu nhận thức. Người ta không hiểu bất cứ điều gì ở tại thời điểm đó. Một người chìm vào trạng thái ngột ngạt, như một thằng ngốc. Trong sự nhầm lẫn sâu sắc đó, người ta trở nên không mạch lạc và chủng tộc vì vô cảm. Không bao giờ dừng lại để nghỉ ngơi. Bạn nói điều đó là rất là nhiều đau khổ?

"Hai là chẳng mê, hay biết các khổ, bị đốt cháy không cùng, đau đớn khổ sở." Lựa chọn khác không nên bị nhầm lẫn, nhưng phải nhận thức rõ ràng về những gì đang xảy ra. Nhưng nhận thức này cho phép người ta trải nghiệm đau khổ dữ dội. Mặc dù người ta không nhầm lẫn, mọi thứ kinh nghiệm là đau khổ. Những đau khổ đến từ ngọn lửa hoành hành nóng bỏng. Cơn đau là điều đau đớn nhất có thể biết. Nó giống như khi cơ thể chúng ta ngứa; khá sớm chúng tôi không thể chịu nổi sự ngứa ngáy, vì vậy chúng tôi phải gải. Theo cách đó, nhưng cảm giác là đau – cuối cùng là đau dữ dội và không ngừng.

"Như vậy, tà tưởng kết vào ý thức thì thành phương sở." Tà tưởng hay tư tưởng sai lệch có nghĩa là những thứ mà người ta nghĩ là không đúng, và người bị mê – đó là, suy nghĩ của một người nằm trên những điều kỳ lạ và quái lạ. Khi nào ý nghĩ tà ác nhận được một sự trừng phạt hướng vào chính nó, nó quay vào những nơi tà ác và thẩm vấn.

"Kết vào thị giác thì thành gương soi, bằng chứng." gương soi đề cập đến tấm gương phát hiện hành vi phạm tội trong các địa ngục. Khi nào bạn đến, bạn phải đứng trước gương và xem tất cả các hành vi phạm tội bạn tạo ra trong

cuộc sống của bạn xuất hiện trong đó, giống như chúng khung của một bộ phim. Tất cả đều có chi tiết sống động và không có cách nào bạn có thể thoát ra khỏi chúng. Bạn không thể tránh chối việc sở hữu. Nếu bạn từ chối thừa nhận họ, bạn phải chịu đựng "lời khai" mà mọi người chứng minh những gì bạn đã làm.

"Kết vào thính giác thì thành đại hợp băng giá, sương mù, đất bùn." Đá đóng vào bốn bên bao quanh bạn và đè bẹp bạn ở giữa chúng. Và đó là đá lạnh băng và sương giá, và có bụi bẩn và sương mù. Địa ngục này bị ô nhiễm – một đám bụi màu vàng làm dịu bầu không khí để bạn không thể thấy bất cứ điều gì và bạn bị chóng mặt và mất phương hướng.

"Kết vào khứu giác thì thành xe lửa, thuyền lửa, củi lửa." Đây không phải là những chuyến tàu đưa chúng tôi đi nghỉ ở thế giới này, nhưng thay vào đó là một chiếc xe hơi nóng đỏ với lửa mà người ta buộc phải ngồi trong. Một "thuyền lửa" có nghĩa là toàn bộ thuyền đang bốc cháy và bạn phải leo lên tàu. "Một tù bốc lửa" là một nhà tù đầy lửa mà bạn phải nhập.

"Kết vào vị giác thì thành tiếng la hét, than khóc." Tiếng ồn trong địa ngục này là to lớn. Một kinh nghiệm hối tiếc trong địa ngục này và một tiếng rên rỉ và khóc.

"Kết vào xúc giác thì thành lớn nhỏ, nghiêng ngửa, muôn lần sống đi chết lại trong một ngày." Trong một ngày, một người chết vô số lần và được sinh ra vô số lần. Và nó trở thành nói dối với khuôn mặt úp xuống. Cho dù nằm xuống, bò, hoặc đứng lên, phải trải qua hình phạt. Nói chung, đây không phải là một nơi dễ chịu. Đó không phải là nơi có khả năng muốn đi, vì đau đớn và đau khổ nhất.

A-nan! Thị danh địa ngục, thập nhân lục quả. Giai thị chúng sanh, mê vọng sở tạo. Nhược chư chúng sanh, ác nghiệp viên tạo. Nhập A-tỳ ngục, thọ vô lượng khổ, Kinh vô lượng kiếp. Lục căn các tạo, cập bỉ sở tác, kiêm cảnh kiêm căn. Thị nhân tắc nhập, bát vô gián ngục. Thân khẩu ý tam, tác sát đạo dâm. Thị nhân tắc nhập, thập bát địa ngục. Tam nghiệp bất kiêm, trung gian hoặc vi, nhất sát nhất đạo. Thị nhân tắc nhập, tam thập lục địa ngục. Kiến kiến nhất căn, đan phạm nhất nghiệp. Thị nhân tắc nhập, nhất bách bát địa ngục.

A Nan! Thập tập nhân và lục giao báo của địa ngục kể trên, đều do chúng sanh mê vọng tạo ra. Nếu chúng sanh lục căn đồng tạo ác nghiệp thì vào ngục A Tỳ, trải qua vô số kiếp, chịu khổ vô cùng; nếu lục căn mỗi mỗi tạo riêng, với

nghiệp sở tạo, gồm cả căn trần, thì người ấy vào khu 8 ngục A-Tỳ; nếu cả thân khẩu, ý, tạo nghiệp sát, đạo, dâm, thì người ấy đọa vào khu 18 địa ngục; nếu không gồm cả ba nghiệp, hoặc trong ấy chỉ tạo nghiệp sát hay nghiệp đạo, thì người ấy vào khu 36 địa ngục; nếu chỉ có một căn riêng tạo một nghiệp, thì người ấy vào khu 108 địa ngục.

Giảng: Anan, chúng được gọi là Thập tập nhân và lục giao báo của địa ngục. Những địa ngục vừa được đặt tên, và tất cả đến từ mười tập nhân. Đây là:
1. dâm dật
2. tham lam
3. kiêu ngạo
4. hận thù
5. lừa dối

6. nói dối
7. thù địch
8. lượt xem
9. bất công
10. kiện tụng

Chúng tạo ra sáu giao cảm liên quan đến mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và tâm khi chúng tiếp xúc với ngũ trần, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Những địa ngục này

“Địa ngục kể trên, đều do chúng sanh mê vọng tạo ra.” Họ đến từ việc làm phát sinh sự sai lầm trong một sự thật, sự dốt nát nảy sinh, những biểu hiện nghiệp nghiệp khác nhau xuất phát từ nó. Từ nghiệp chướng, nhiều tội khác nhau được tạo ra. Nhưng nếu quý vị quay về bổn lai diện mục, và tu hành con đường này để giác ngộ, thì mọi nghiệp chướng này trở nên trống rỗng. Nó biến mất.

“Nếu chúng sanh lục căn đồng tạo ác nghiệp thì vào ngục A Tỳ.” Nếu họ thưởng thức hành vi bao gồm tất cả thập tập nhân và lục giao báo thì chúng đi vào địa ngục A Tỳ. Nó là một địa ngục không liên tục, nhưng nó là nghiêm trọng nhất, vì vậy ở đây nó được đặt tên cụ thể. Về cơ bản tất cả các Địa ngục có thể được gọi là A Tỳ, nhưng ở đây cái nghiêm trọng nhất là đặc biệt cho tên đó.

Trong địa ngục đó, họ “trải qua vô số kiếp, chịu khổ vô cùng. Nếu lục căn mỗi mỗi tạo riêng.” Nếu mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và tâm trí mỗi người tạo ra những tội này -thập tập nhân- nhưng không phải chịu phạt tất cả cùng một lúc như trong đoạn văn.

“Với nghiệp sở tạo, gồm cả căn trần, thì người ấy vào khu 8 ngục A-Tỳ.” Điều đã làm được có nghĩa là các thức làm gì trong phản ứng với sáu căn trần – loại nghiệp tạo mà chúng tạo ra. “Mỗi trạng thái” đề cập đến các đối tượng cảm giác và “từng giác quan” để mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và tâm. “Những gì đã xãy ra” là các tội phạm được tạo ra từ các nguyên nhân thường lệ. Ở đây, tất cả các cơ quan cảm giác tạo ra tất cả các nguyên nhân thường lệ, nhưng chúng không làm điều đó cùng một lúc. Một người để cho sáu căn tiếp xúc với sáu trần rồi tạo ra những hành vi phạm tội như vậy sẽ rơi vào tám địa ngục A Tỳ. Có tám nóng và tám địa ngục lạnh, và điều này ám chỉ đến tám địa ngục lạnh.

Nếu ba nghiệp thân, khẩu và ý có hành vi giết hại, ăn cắp, và ham muốn ”- Các ba ác nghiệp do thân.
1. sát sanh
2. trộm cắp
3. dâm dật

Có bốn ác nghiệp do miệng.
1. lời nói dối
2. lời nói thêu dệt
3. lời nói hai chiều
4. lời nói hung ác

Có ba ác nghiệp do ý.
1. tham lam
2. sân hận
3. si mê

Nếu nghiệp của thân, khẩu và ý không thanh tịnh, thì một tạo ra mười nghiệp này. “Người đó sẽ vào mười tám địa ngục.” Đây là những hình phạt khủng khiếp trong mười tám địa ngục liên tiếp này.

Trong tình huống được mô tả ở trên, nghiệp tạo ra nặng nề. Bây giờ, ba nghiệp không tham gia vào việc phạm tội.

“Nếu ba nghiệp không liên quan, và có lẽ chỉ là một có hành động giết người hoặc ăn cắp ” có thể là người cam kết một vụ giết người hoặc một hành vi trộm cắp, hoặc anh ta phạm tội giết người và trộm cắp, hoặc anh ta phạm tội giết người và hành vi ái dục hoặc hành vi trộm cắp. Tóm lại, anh ta không làm tất cả, nhưng một số phần nhỏ của chúng. Các hành vi phạm tội của một người trong tình huống đó nhẹ hơn một chút.

“Thế thì người đó phải rơi vào Ba mươi sáu địa ngục. ”Mặc dù anh phải trải qua nhiều địa ngục, hành vi phạm tội nhẹ hơn và sự đau khổ trong những địa ngục

này không mấy nghiêm trọng. Nếu giác quan của giác mắt ” là nguồn gốc của mọi tội phạm. Nói rằng:

Nếu mắt không nhìn thấy nó, miệng sẽ không háu ăn vì điều đó.
Nếu tai không nghe thấy nó, tâm trí sẽ không phạm tội.

Nếu bạn không thấy một cái gì đó ngon để ăn, miệng của bạn sẽ không phạm tội háu ăn. Nếu tai không nghe thấy âm thanh đáng yêu, tâm trí sẽ không làm nảy sinh những suy nghĩ của ham muốn. Nhìn thấy họ là sự khởi đầu của cái ác và nguồn gốc của tội phạm.

Vì thế, văn bản nói, “Nếu cơ quan cảm giác của thị giác một mình cam kết chỉ một hành vi phạm tội”- có lẽ nó chỉ cam kết một trong ba nghiệp của thân: giết người, hoặc ăn cắp, hoặc ái dục. “Vậy thì người đó phải nhập một trăm tám địa ngục. ”

Do thị chúng sanh, biệt tác biệt tạo. Ư thế giới trung, nhập đồng phần địa. Vọng tưởng phát sanh, phi bản lai hữu.

Mỗi chúng sanh dù riêng tạo biệt nghiệp, nhưng cùng vào chỗ đồng phận trong thế giới, ấy đều do vọng tưởng sanh ra, chẳng phải vốn sau có.

Giảng: Bởi vì điều này, vì hoàn cảnh khác nhau đã được mô tả ở trên, “Mỗi chúng sanh dù riêng tạo biệt nghiệp. ” Họ làm những việc riêng lẻ, họ tự tạo ra tội phạm riêng, và sau đó họ phải trải qua một quả báo.

“nhưng cùng vào chỗ đồng phận trong thế giới” Tất cả những người tạo ra một nghiệp riêng nhưng vào địa ngục tập thể đó. Mỗi loại tội phạm có sự trừng phạt, và tất cả những ai tạo ra điều đó hành vi phạm tội chung sẽ trải qua sự trừng phạt trong các địa ngục đó.

“Ấy đều do vọng tưởng sanh ra, chẳng phải vốn sau có.” Những địa ngục này phát sinh từ hành vi phạm tội. Các tội phạm được tạo ra bởi vì vô minh. Chúng xuất phát từ tư duy sai lầm. Ban đầu, mặc dù, chúng không tồn tại chút nào. Ban đầu có sự tinh khiết và không ô nhiễm – không có gì cả.

Nhưng, chỉ vì bạn thực hiện một động thái sai,
Bạn thổi toàn bộ bàn cờ.

Như nó đã nói:
Nếu một người đi sai ngay từ đầu,
Người sẽ bỏ lỡ nó bằng một ngàn dặm.

KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH NHƯ LAI MẬT NHƠN
TU CHỨNG LIỄU NGHĨA
CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH
THỦ LĂNG NGHIÊM

QUYỂN 8.5

— o0o —

TUYÊN HÓA THƯỢNG NHÂN
giảng thuật

— o0o —

THẬP CHƯ HÌNH QUỶ

*** * ***

Phục thứ A-nan, thị chư chúng sanh, phi phá luật nghi. Phạm Bồ-tát giới, hủy Phật Niết-Bàn. Chư dư tạp nghiệp, lịch kiếp thiêu nhiên. Hậu hoàn tội tất, thọ chư quỷ hình. Nhược ư bổn nhân.

Lại nữa A Nan! Nếu các chúng sanh phá hủy luật nghi, phạm giới Bồ Tát, phỉ báng Niết Bàn và các nghiệp khác, thì trải qua nhiều kiếp bị đốt cháy, sau khi đền tội xong, thọ các hình quỷ. Nếu ở nơi bản nhân:

Giảng: Kể từ khi giải thích về Thập Tập Nhân và Lục Giao Báo xen kẽ chưa xong, Phật Thích Ca Mâu Ni nói tiếp: “Và sau đó, Anan, ta sẽ nói cho con biết thêm về điều nguyên tắc này. “Nếu các chúng sanh phá hủy luật nghi “- họ nói những điều như,” Những giới luật và quy tắc trong Phật giáo của bạn là không cần thiết. Mọi người hãy tự do làm những gì họ vui lòng, đặc biệt là ở Mỹ. Đây là một quốc gia dân chủ, và mọi người đều có tự do và độc lập. Vì vậy, không nên có giới cấm trong Phật giáo. ”Họ tố cáo ý tưởng của các giới luật của Đức Phật. Họ nói rằng người ta có thể là người xuất gia, thành viên của Tăng đoàn, cho dù một người đã nhận giới luật hay không. Họ tuyên bố rằng giới luật và

quy tắc không cần thiết và có không cần phải tuân theo ba nghìn phương thức luật nghi và tám mươi nghìn khía cạnh tinh tế của hành vi.

Họ “vi phạm Bồ tát giới. ”Họ không giữ thập thiện và 48 Bồ Tát giới. Họ vi phạm chúng.

Họ “phỉ báng Niết Bàn.” Họ cho rằng nguyên tắc của Niết Bàn cũng không chính xác. Những loại người này bị ngập tràn phạm tội. Họ có “và tạo ra nhiều loại nghiệp khác” – rất nhiều nghiệp xấu. Sau khi tạo ra hành vi phạm tội như vậy, họ “vượt qua nhiều kiếp – một thời gian rất dài – của bị đốt cháy trong địa ngục trước khi họ đền cho tội phạm của họ. ” Cuối cùng tội phạm của họ đã biến mất và họ không còn phải sống trong các địa ngục trải qua những sự chia sẻ cay đắng. Sau khi đền tội xong, họ “được tái sinh làm ma.” Tuy họ đã bị trừng phạt vì tội phạm của họ, nhưng sau đó họ được tái sinh làm ma.

Những người tự gọi mình là đệ tử của Đức Phật. đừng tin vào ma quỹ, nên chú ý đến đề phần nầy trong kinh Lăng Nghiêm. Có nhiều loại ma, không chỉ là một loại. Trong thực tế, tôi sẽ nói với bạn điều gì đó: Chú Lăng Nghiêm bao gồm hầu hết tên của ma vương. Những câu trong chú, đệ ngũ, là tên của ma vương. Lý do chúng tôi đọc thuộc lòng câu thần chú là gọi tên của các ma vương. Khi nào chúng ta đọc tên của những con ma vương, tất cả những con ma nhỏ hơn không dám làm rắc rối. Thần chú là tên của ma và linh hồn. Những sinh vật được thảo luận ở đây được tái sinh làm ma. Loại ma nào? Mười loại ma được thảo luận liên quan đến nghiệp tạo ra từ thập tập nhân. Nhưng, trên thực tế, có có nhiều loại ma, không chỉ mười. Đây chỉ là đại diện.

1. **Tham vật vi tội, thị nhân tội tất. Ngộ vật thành hình, danh vi mị quỷ.**

Do tham vật tạo tội, người ấy khi đền tội xong, gặp vật thành hình, gọi là Quái Quỷ.

Giảng: Anh ta tham lam kiểu đồ vật gì vậy? Mong muốn lớn nhất là ham muốn tình dục. Nếu anh ta tìm kiếm mọi thứ trên trái đất nhân quả, và nếu anh ta cam kết tội phạm trong khi làm như vậy, anh ta sẽ rơi vào địa ngục. Sau khi anh ta đền tội trong địa ngục xong, anh ta gặp vật chất đối tượng. Loại đối tượng nào? Loại nào cũng được; bất cứ loại nào, anh ấy có thể đính kèm vào nó và lấy hình dạng từ nó. Cho nên được “gọi là quái quỷ”

2. **Tham sắc vi tội, thị nhân tội tất. Ngộ phong thành hình, danh vi mị quỷ.**

Do tham sắc tạo tội, khi đền tội xong, gặp gió thành hình. gọi là Bạt Quỷ

Giảng: Bên Á Châu, người nào tham dâm dục được cho là tham lam “gió và dòng chảy.” Những người như vậy kết thúc như những con quỷ hạn hán. Quỷ hạn hán như thế nào? Bất cứ nơi nào quỷ tới, nơi đó không mưa, và đây là do “khô cạn của sa mạc và của những con quỷ hạn hán”. Nếu bạn gặp phải một nơi mà mưa không rơi, một nơi các cây cỏ bị khô và chết, bạn bây giờ biết một nơi như vậy là nơi sinh sống của một quỷ hạn hán. Điều này đúng: Bằng cách đọc nghe Kinh Lăng Nghiêm, bạn có thể sáng tỏ tất cả những bí ẩn của thế giới.

Tất cả các câu hỏi của khoa học vật lý được sáng tỏ trong Kinh điển này. Nếu bạn không đọc qua điều này trong Kinh, bạn sẽ không hiểu lý do đằng sau hạn hán và sa mạc. Về cơ bản, đây là do các thủ đoạn của quỷ hạn hán. Loại người này tham lam vì “gió và dòng chảy,” và vì vậy bây giờ khi linh hồn của anh ta chạm vào gió và nó có hình dạng của gió và “được gọi là bạt quỷ. Khá tài năng, huh?

3. **Tham hoặc vi tội, thị nhân tội tất. Ngộ súc thành hình, danh vi mị quỷ.**

Do tham dối trá tạo tội, khi đền tội xong, gặp súc vật thành hình, gọi là Mî Quỷ

Giảng: Loại ma này lấy hình dạng khi gặp một con súc vật – có khi là một tinh linh cáo hay một con sói màu vàng, hoặc thậm chí là một con mèo hay một con chó. Có khi một súc vật bị con ma quỷ nhập vào nó.

Tôi đã thấy một con mèo bị ma quỷ nhập. Nó có thể thực hiện một số những chiêu trò nguy hiểm tuyệt vời. Nó có thể nhảy cao hơn mười mét trong không khí và đáp xuống tại phần trên cùng của ngôi nhà. Sau đó, nó sẽ nhảy xuống từ từng trên và đáp xuống mặt đất; nó sẽ nhảy lên xuống hoài. Nó cũng gào thét và than vãn.

Một con cáo đã vị nhập theo cách này cũng có thể nhập vào con người. Mặc dù là một con vật, nó có thể xuất hồn ra và nhập vào con người, và nói chuyện qua họ. Một con sói vàng có thể làm điều này. Nó có thể xuất hồn và nhập vào người. Sau đó, nó dùng thân người để nói chuyện. Có rất nhiều những biểu

hiện kỳ lạ như vậy. Đây được gọi là mị quỷ. Khi nó nhập vào thân người, tâm trí của người đó trở thành hoàn toàn bối rối bởi nó, và anh ta mất đi ý thức nhận biết của mình, giống như anh ta đang ngủ

4. **Tham hận vi tội, thị nhân tội tất. Ngộ trùng thành hình, danh cổ độc quỷ.**

Do tham sân hận tạo tội, khi đền tội xong, gặp sâu bọ thành hình, gọi là Cổ Độc Quỷ

Giảng: Tất cả mười con ma quỷ này được mô tả bằng phương tiện tham lam của họ. Cuối cùng, đó là tham lam tạo ra hình dạng của họ như quỷ. Điều này là tham lam cho hận thù. Đầy hận thù, anh ta sẽ tấn công mọi người mà không cần có lý do, và vì vậy anh ta phạm tội nghiệp liên quan đến hận thù. Điều nầy đã khiến anh ta rơi vào Địa ngục vô gián. Khi anh ta đền tội qua trừng phạt trong địa ngục, anh ta trở thành một con ma quỷ, và anh ấy định hình khi anh ta gặp những con giun. "Anh ta được gọi là cổ độc quỷ"

Chất cổ độc được tìm thấy ở tỉnh Quảng Đông ở Trung Quốc. Có người sử dụng loại độc để đặt hãm hại người khác. Họ lấy chất cổ độc từ những con giun này và biến nó thành một loại viên thuốc độc. Nếu họ bỏ một viên thuốc này vào trà của bạn, sau đó bạn luôn luôn phải tuân theo mọi hướng dẫn của họ. Nếu không, bạn sẽ chết. Đó là bị nhiễm cổ độc. Bên các nước Đông Nam Á như Singapore, Thái Lan, Việt Nam vv…, cổ độc giống như ngãi bùa. Có một con ma quỷ đằng sau loại cổ độc – đó là đặc sản của anh ta. Độc dược của quỷ nầy cực kỳ mạnh. Cách duy nhất để hóa giải cổ độc là người dùng cổ độc nầy niệm một câu thần chú để hóa giải bạn ra khỏi độc dược. Nhưng nếu anh ta không giải độc, sau đó bạn đang gặp rắc rối thực sự. Bạn mãi mãi trong sự điều khiển.

Một cách sử dụng thú vị của nó là những phụ nữ miền nam đã bỏ cổ độc trên những những người đàn ông Quảng Đông mà họ thích. Sau khi họ kết hôn, người vợ ếm cổ độc lên người chồng của mình với ngụ ý rằng nếu anh ta có ý tưởng trong đầu mình rời bỏ cô ấy, anh ta sẽ chết. Vì thế những người đàn ông miền Bắc này rất trung thành với vợ của họ. Rất nhiều người bị trúng cổ độc nầy. Nhưng bạn nên rõ ràng rằng đây là một mẹo lừa đảo

5. **Tham ức vi tội, thị nhân tội tất. Ngộ suy thành hình, danh vi lệ quỷ.**

Do tham ghi khắc thù oán tạo tội, khi đền tội xong, gặp kẻ thù vận suy thành hình, gọi là Lệ Quỷ

Giảng: Có nghĩa là anh ấy luôn nghĩ về những điều đã xảy ra trong quá khứ và ghi nhớ chúng với tâm oán giận. Bởi vì anh ấy luôn muốn trả thù, anh ta phạm tội. Từ những tội ác này, anh ta buộc phải rơi vào những địa ngục vô gián. Sau khi đền tội xong, rằng khi anh ta gặp sự thoái hóa, anh ta định hình.

Nó có thể là một người suy nhược hay bất kỳ loại động vật nào yếu ớt và già yếu. Anh ấy vay mượn các hình dạng vật chất của chúng sinh và trở thành một lệ quỷ. Thay vì tiếp quản một người người bị suy nhược, anh ta nhập vào một người bệnh sau đó trở thành một con quỷ suy nhược. Loại quỷ này khủng khiếp và khốc liệt. Nó có thể lấy mạng sống người đó dễ dàng như lấy một cái gì đó ra khỏi túi quần.

6. **Tham ngạo vi tội, thị nhân tội tất. Ngộ khí thành hình, danh vi ngạ quỷ**

Do tham ngạo mạn tạo tội, khi đền tội xong, gặp khí thành hình, gọi là Ngạ Quỷ

Giảng: "Do tham lam và kiêu ngạo khiến người đó cam kết tội phạm. Sau khi anh ta đã trả xong tội ác của mình, anh ta hình thành khi anh ta gặp phải các loại khí. "Anh ta thực sự là một kẻ nghịch ngợm cá nhân. Vì vậy, mọi người không nên nhìn xuống hay coi thường những người khác. Mọi người không nên nghịch ngợm và tự mãn, hoặc hoàn toàn thiếu lịch sự đối với những người khác. Một người như thế thậm chí không thừa nhận người khác khi anh ta gặp họ – anh ấy hết sức thô lỗ.

Trong thời kỳ Tam Quốc ở Trung Quốc, có một người đi bộ tên Tạ Đình Phong, người đã đến gặp Tướng Tào Tháo. Tào Tháo chuẩn bị mọi người trước chuyến thăm, nói rằng khi người đi bộ bước vào, không ai nên nhìn anh ta. Khi người đi bộ đến cuộc hẹn với Tào Tháo, không ai trong số người tham dự bao vây đứng lên. Làm bộ như họ không nhận ra rằng anh ta đã vào. Vậy Tạ Đình Phong đã làm gì? Anh ấy bắt đầu khóc.

Tào Tháo hỏi, "Tại sao anh khóc?

Tạ Đình Phong trả lời: "Làm sao bạn có thể mong tôi không khóc khi tôi gặp một nhóm người chết? Tất cả họ đều đã chết, có phải không? Đó là lý do tại sao họ không thể nói hoặc di chuyển, phải không? "

Sau câu nói móc đó, Tào Tháo bị thua. Điều này xảy ra lúc khi Tào Tháo ở trong những ngày quyền lực lớn nhất của ông. Đó là tại sao ông ta thô lỗ với Tạ Đình Phong. Những gì ông ấy thể hiện là loại của kiêu ngạo đang được thảo luận ở đây.

Một người kiêu ngạo sẽ phạm tội, và sau khi đền tội trong các địa ngục vô gián, anh ta sẽ hình thành khi anh ta gặp khí. Loại khí gì không quan trọng – bất kỳ loại nào anh ta có thể sử dụng để làm cho sự xuất hiện của mình. Loại quỷ này "được gọi là ngạ quỷ" hay là quỷ đói. Những con quỷ đói "chỉ là những gì tên của chúng ngụ ý – quỷ không có gì để ăn. Cổ của họ gầy như kim và bụng của chúng to bằng thùng. Vì cổ họng của họ quá mỏng, họ không thể nuốt bất kỳ thức ăn nào. Nếu bạn thấy loại ngạ quỷ, bạn sẽ coi đó là xấu chăng?

7. **Tham võng vi tội, thị nhân tội tất. Ngộ u vi hình, danh vi yểm quỷ.**

Do tham lừa gạt tạo tội, khi đền tội xong, gặp u ẩn thành hình, gọi là Yểm Quỷ

Giảng: "Do tham lam và bất công với người khác – để làm tổn thương người khác – làm cho người phạm tội, sau khi đền tội ác của mình, anh ta định hình khi anh ta gặp phải bóng tối. " Vì tham lam việc đàn áp và không công bằng, người ta tạo ra hành vi phạm tội. Những hành vi phạm tội này sẽ khiến một người ngã vào những địa ngục vô gian. Sau hàng trăm ngàn triệu kiếp, mỗi tội nghiệp đã được xóa sổ và người được thoát ra địc ngục. Nhưng thói quen còn lại của một người vẫn còn và không thay đổi, và vì vậy người ta vẫn không công bằng và tham lam để đàn áp người khác. Những thói quen kiên trì. Vì vậy, hồn có hình thức của mình khi anh gặp bóng tối. Anh ấy xuất hiện ở những nơi đen tối, bóng tối và được gọi là "Yểm Quỷ"

Bạn có nhớ con ma quỷ đã được thảo luận trước không? Đây là ma quỷ ấy. Một trong những đệ tử của tôi nói với tôi rằng anh ấy đã gặp loại ma hàng chục lần. Ông đã chiến đấu với họ mỗi lần và đã không mất mạng. Tuy nhiên, rất là nguy hiểm khi giao tiếp với loại yểm quỷ nầy, bởi vì nó có thể con yểm quỷ giết bạn với những ma thuật. Nhưng bây giờ mà đệ tử này đã tin vào Phật, tôi tin rằng loại ma này sẽ không có sự táo bạo làm phiền anh ta nữa.

8. **Tham minh vi tội, thị nhân tội tất. Ngộ tinh vi hình danh võng lượng quỷ.**

Do tham minh ngộ tạo tội, khi đền tội xong, gặp tinh linh thành hình, gọi là Võng Lượng Quỷ

Giảng: "Kiến" đề cập đến các ý kiến - theo quan điểm của riêng mình. Với thói quen của quan điểm, người ta xem mình là cực kỳ thông minh. Nhưng thực tế, một người như thế này hoàn toàn bối rối trong những gì anh ta làm. Anh ta có thể thông minh, nhưng anh ta kết thúc tự mình. Anh ấy rõ ràng biết rằng giết người không phải là một điều tốt để làm, nhưng anh ta vẫn đi ra ngoài và giết người. Anh ta biết rằng người ta không nên ăn cắp nhưng anh ta vẫn cam kết cướp. Chắc chắn, anh ấy thông minh, được rồi, và anh ta là một người ăn nói lưu loát, nhưng hành động của anh ta là một mớ hỗn độn. Một người như thế này có "tham lam cho quan điểm"- anh ấy thông minh, nhưng hành vi của anh ấy là không thể chối cãi và anh ấy "Phạm tội." Bởi vì các hành vi phạm tội, ông rơi vào Địa ngục vô gián trong hàng trăm ngàn hàng triệu kiếp. Sau khi đã đền tội, anh ấy được tự do. Nhưng khi anh ấy thoát khỏi địa ngục, bạn cho rằng điều gì sẽ xảy ra với anh ta?

Anh ấy vẫn không thay đổi thói quen cũ của mình. Anh ấy vẫn tự hào với trí thông minh tồi tệ và vì thế "anh ấy định hình khi anh ấy gặp phải năng lượng khí công, và anh ta được gọi là "Võng lượng quỷ." Nếu anh ta gặp một người mạnh mẽ và tràn đầy năng lượng, hoặc nếu anh ta gặp một số bản chất kỳ lạ, anh ta sẽ làm cho anh ta xuất hiện. Những con võng lượng quỷ trông như thế nào? Đôi khi nó sẽ biến thành một đứa trẻ. Nhưng trong khi hầu hết trẻ em có hai chân, những quỷ con sẽ có một chân.

Đôi khi nó sẽ xuất hiện như một người lớn, nhưng trong khi đầu của mọi người nằm giữa vai, đầu của quỷ sẽ phát triển từ giữa hai chân của nó. Bạn đã bao giờ thấy loại quỷ như vậy chưa? Nếu bạn thấy, bạn sẽ biết rằng nó được gọi là Võng lượng quỷ. Nó luôn luôn có một chút khác lạ trong hình dạng – hình dạng quái lạ.

Nó cũng hoạt động như một "đồng lõa cho hổ." Nó làm như thế nào? Ví dụ: giả sử rằng một vùng núi có nhiều hổ, không ai dám đi qua khu vực đó vì sợ bị tấn công và hổ ăn thịt. Con quỷ này làm gì ở một nơi như vậy? Nó biến thành hình dạng của một người và đi bộ dọc theo con đường đó. Khi một người thực sự thấy rằng dường như có một người trên con đường phía trước anh ta, anh ta không sợ, và anh ta theo sau vào khu vực nguy hiểm. Ai có thể đoán được rằng võng lượng quỷ sẽ dẫn đến hang cọp? Đó là trò chơi của anh ấy, để giúp

hổ có được bữa ăn thịt người. Anh ấy lừa động vật theo cách này cũng giống như anh ta làm mọi người; anh ta biến thành một trong những loại của súc sanh và dẫn chúng tới hang cọp. Những người không tin rằng có những con quỷ như vậy nên chú ý đến những mô tả này.

9. **Tham thành vi tội, thị nhân tội tất. Ngộ minh vi hình, danh dịch sử quỷ.**

Do tham vu vạ tạo tội, khi đền tội xong, gặp linh hiển thành hình, gọi là Dịch Sử Quỷ

Giảng: "Do tham lam cho sự lừa dối khiến người đó cam kết tội phạm, sau đó, sau khi anh ta đã trả xong cho tội ác của mình, anh ta có hình dạng khi anh ta gặp phải độ sáng. "Điều này ám chỉ đến thói quen lừa dối. Vì anh ấy muốn đạt những thành tựu, anh ấy cướp cách lừa dối người khác, hành động qua những việc bất hợp pháp. Khi làm điều này, anh ta phạm nhiều tội và rơi vào vô gián địa ngục. Sau khi đi qua hàng trăm ngàn kiếp, anh ta cuối cùng cũng được tự do, nhưng anh ta vẫn chưa loại bỏ thói quen tham lam còn lại của mình, và vì vậy anh ta vẫn muốn lừa gạt mọi người. Vì vậy, anh ta có hình dạng của mình khi anh ta đáp ứng độ sáng.

"Độ sáng" đề cập đến những người có trí tuệ biết cách niệm tà chú. Khi một con quỷ này gặp gỡ với loại người khôn ngoan đó, nó xuất hiện. Nó làm gì? Nó theo những người như vậy được gọi là "Dịch sử quỷ" hay là con quỷ đầy tớ. Nó giúp những người như vậy làm những điều họ muốn làm.

Ở Trung Quốc có một người tên Chi Hsiao T'ang, người nầy có năm con quỷ đầy tớ đã giúp anh ta. Một con quỷ đi về thu thập tin tức – cập nhật thông tin mới nhất. Một con quỷ khác giúp Chi Hsiao T'ang lắng nghe mọi thứ. Vì quỷ có năm loại thứ thần thông, quỷ có thể thấy những thứ mà đôi mắt thường không thể thấy được. Quỷ chỉ thiếu lậu tận thông, nhưng họ có ngũ thần thông khác: Đó là Thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, túc mạng thông và thần túc thông.

Những loại ma này có một chút tu luyện, một sốtu hành, và vì vậy nó có được ngũ thông. Những hồn ma quỷ theo Chi Hsiao T'ang có thể biết mọi người đang nói gì và có thể thấy điều gì đang xảy ra trong khoảng cách xa, và biết được những gì đã xảy ra chung quanh, và sau đó anh ta sẽ sử dụng thông tin đó để đi và giải cứu mọi người từ khó khăn. Ví dụ, anh ta sẽ phát hiện ra điều đó và nơi có một số sinh vật lạ để gây hại cho mọi người, và anh ta ngay lập

tức sẽ đến nơi đó và chinh phục những sinh vật lạ lùng và xua đuổi những sinh vật kỳ lạ. Năm con quỷ đầy tớ này đã giúp theo cách đó. Họ đã trở thành những bóng ma quỷ đầy tớ bởi vì trong quá khứ họ đã tham lam để lừa dối người khác.

10. **Tham đảng vi tội, thị nhân tội tất. Ngộ nhân vi hình, danh truyền tống quỷ.**

Do tham kết bè phái tạo tội khi đền tội xong, gặp con người thành hình, gọi là Truyền Tống Quỷ

Giảng: “Do tham lam để được tôn trọng mà làm cho người cam kết tội phạm, sau đó, sau khi anh ta đã trả xong cho tội ác của mình, anh ta có hình dạng khi anh ta gặp người. ” Kiện tụng ”ám chỉ đến tham gia vào các vụ kiện của tòa án. Đôi khi mọi người truy cập tòa án, họ cùng nhau đến nhiều hay ít người để hỗ trợ cho vụ kiện của họ. Những người này cung cấp lời khai trên danh nghĩa của người thay mặt, nhưng họ bìa ra những câu chuyện và bằng chứng. Những sự việc không đúng, họ nói là đúng; Những gì thực sự không phải như vậy, họ nói là như vậy. Họ tranh luận về vụ kiện của họ khi thực sự không có nguyên tắc đằng sau nó. Thường thì họ là luật sư hay như vậy. Họ thách thức những người không thuộc phe họ, và họ thắng kiện của họ.

Một người thực hiện điều này phạm tội. Khi nào anh ta đã đền tội cho việc làm sai trái, anh ta lấy hình dạng khi anh ta gặp một người, và anh ta được gọi là “Truyền Tống Quỷ” hay quỷ sứ giả.
Loại quỷ này nhập vào một người và nói chuyện qua người bị nhập. Nó nói những điều như, “Tôi là như vậy, một vị Phật như vậy,” hoặc “tôi như vậy, một Bồ Tát như vậy, hoặc Tôi là Thượng đế. Tôi cũng là Jesus. ”

Người bị nhập sẽ bị bồn chồn và có rất nhiều bệnh thần kinh. Quỷ này được gọi là “sứ giả” bởi vì anh ta có thể dự đoán sự kiện may mắn và không may mắn. Anh ta có thể nói, “Sẽ có một trận động đất ở một nơi đó và sẽ giết chết hơn mười nghìn người. ”Khi thời điểm đến, dự đoán của anh ấy hoàn toàn chính xác. Anh ta có thể đoán trước tương lai.

Nhiều người nghi ngờ rằng những dự đoán chính xác như vậy. Nhưng trên thực tế chúng thường rất chính xác. Đúng ở nơi này bạn cần biết cách phân biệt giữa chánh và tà. Cách đúng để công nhận là từ con đường tu hành. Không phải là bạn dựa vào quỷ, linh hồn, Bồ Tát hoặc một vị Phật để kể cho bạn những điều như vậy. Phải chắc chắn rằng nhận ra rõ ràng điều này.

Ở Trung Quốc, những người bị nhập bởi ma quỷ được gọi là thần đồng. Họ có thể chữa lành người bệnh. Nhưng nó không phải là người chữa bệnh. Nó là gì? Là ma hay linh hồn đang nhập người đó. Nó giống như những người tôi đã mô tả trước đó có thể đâm dao vào hộp sọ hay thanh kiếm vào vai của họ. Họ là những ví dụ về người bị ma sứ giả nhập

A-nan! Thị nhân giai dĩ, thuần tình trụy lạc. Nghiệp hỏa thiêu kiền, thượng xuất vi quỷ. Thử đẳng giai thị, tự vọng tưởng nghiệp, chi sở chiêu dẫn. Nhược ngộ Bồ-đề, tắc diệu Viên Minh, bổn vô sở hữu.

A Nan! Loại này đều vì thuần tình mà sa đọa, khi nghiệp lửa đốt cạn thì lên làm quỷ, ấy đều do vọng tưởng của tự mình chiêu cảm nghiệp quả, nếu ngộ tánh Bồ Đề, thì nơi diệu tâm sáng tỏ, vốn chẳng có gì cả.

Giảng: Phật nói: “Anan, con có hiểu không? Sự sa đọa của một người như vậy là hoàn toàn do tình cảm của anh ta. ” Đó là bởi vì người này hoàn toàn đắm chìm trong cảm xúc. Bất cứ điều gì anh ta làm đều dựa trên ham muốn tình cảm. Vì anh ấy sống trong tình cảm, không có tự chủ, không có chánh tư duy, anh ta hành động qua cảm xúc, anh ta hoạt động sự ham muốn, và điều đó khiến anh ta sa đọa.

Cảm xúc thuộc về âm, và tư tưởng phân biệt thuộc về dương. Sau khi anh ta sa đọa và “thiện nghiệp lửa đã cháy hết ”- sau khi anh ta đi đọa vào địa ngục và bị đốt cháy cho đến khi không có gì còn lại để đốt cháy, anh ta mới thoát ra địa ngục, nhưng “anh ta sẽ thoát ra và tái sinh làm ma quỷ. ”Anh ta được thả, nhưng anh ta vẫn không thể trở thành một người. Anh ta thoát ra từ đâu? Từ vô gián địa ngục. Anh ấy thoát ra và đến với thế giới. Nhưng mặc dù anh ta ra khỏi địa ngục, thói quen còn lại của anh vẫn không bị cắt đứt. Mặc dù các tội phạm từ ác nghiệp của anh ta đã bị tiêu diệt, anh ta vẫn có thói quen, suy nghĩ cũ. Anh ấy không hoàn toàn thuần khiết. Cho nên anh ta phải trở thành ma quỷ. Tình trạng khó khăn của ông bởi vì bằng nghiệp lực sai lầm của vô minh. Sự thật, bản thân anh ta đã tạo ra sự giả dối và từ đó có vô minh. Sự thiếu hiểu biết này nảy sinh trong bản chất của ác nghiệp, và đưa đến suy nghĩ sai lầm.

Đó là suy nghĩ sai lầm tạo ra những loại nghiệp chướng này. Bởi vì nghiệp, họ phải trải qua sự trừng phạt cay đắng này. Anh ấy đã sống với ảo tưởng, tạo nghiệp, và trải qua quả báo. “Nếu anh ta ngộ tánh bồ đề, thì nơi diệu tâm sáng tỏ, vốn chẳng có gì cả.”Nếu anh ta có thể hiểu được con đường chân chánh để giác ngộ, thế thì sẽ chẳng có gì trong tâm trí, chỉ có sự hoàn hảo và tươi sáng

trong tánh Như Lai tạng. Như vậy không còn ác nghiệp, không có phiền não, không có đau khổ hay sự đau khổ nào cả. Không còn phiền muộn

THẬP SÚC SANH

— o0o —

Phục thứ A-nan, quỷ nghiệp ký tận. Tắc tình dữ tưởng, nhị câu thành không. Phương ư thế gian. Dữ nguyên phụ nhân, oán đối tướng trị. Thân vi súc sanh, thù kỳ túc trái.

Lại nữa A Nan! Khi hết nghiệp quỷ, tình và tưởng cả hai đều không, mới ở nơi thế gian, với người mắc nợ cũ oán đối gặp nhau, thân làm súc sinh để trả nợ xưa.

Giảng: "Lại nữa, Anan, hãy để ta tiếp tục giải thích nguyên tắc này vì sợ rằng con không hiểu nó hoàn toàn. Khi nghiệp của một ma quỷ được kết thúc, tình cảm và mộng tưởng đã là không". Anh đã xóa sạch các cảm xúc và suy nghĩ. "Lúc đó anh ta phải trả bằng hiện vật mượn từ những người khác để giải quyết những bất bình oán cũ đó.

Anh phải trả lại những gì anh ta nợ người khác. Nếu anh ta ăn thịt của những động vật khác trong quá khứ, bây giờ anh ta sẽ bị người khác ăn. Nếu anh ta lấy mạng sống của người khác trong quá khứ, thì trong kiếp này anh ta sẽ bị giết. "Anh ấy được sinh ra trong cơ thể của một con vật để trả nợ của kiếp trước. "Anh ta sẽ trả lại các khoản nợ tích lũy cho những kiếp vô hạn trong quá khứ. Họ phải được trả bằng hiện vật. Nếu bạn giết và làm hại người khác, thì điều tương tự sẽ xảy ra với bạn như là trả nợ. Nếu bạn nợ một người nào đó là một con lợn, sau đó bạn trở thành con lợn để trả nợ anh ta. Nếu bạn nợ ai đó là một con chó, sau đó bạn trở thành con chó để trả nợ anh ta. Nếu bạn nợ ai đó một con bò, bạn hoàn trả bằng cách làm bò. Nếu bạn nợ ai đó một con ngựa, bạn trở thành con ngựa để trả nợ anh ta. Nếu bạn nợ ai đó một con gà, sau đó bạn đi đẻ trứng cho anh ta. Bạn đẻ một vài quả trứng mỗi ngày và theo cách đó, bạn dần dần trả nợ. Vì vậy, Nhân quả không phải dễ dàng để hành động trong vở kịch của thế giới này. Nếu bạn phạm sai lầm, rất nhiều rắc rối mang đến nhân quả. Nếu bạn làm điều đó một cách chính xác, thì mọi thứ đều rõ ràng và trong sạch

Vật quái chi quỷ, vật tiêu báo tận. Sanh ư thế gian, đa vi kiểu loại.

Loài Quái quỷ theo vật, khi vật tiêu báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài chim kêu

Giảng: Bởi vì quái quỷ đầy tham lam đối với vật chất, chúng lấy hình dạng khi gặp vật thể vật chất. “Khi nào đối tượng bị phá hủy ”nghĩa là đối tượng vật chất cụ thể họ đã sở hữu mặc, và quả báo của họ đã kết thúc. Phần lớn các quáy quỷ được tái sinh làm chim cú. Đó là những gì thường xảy ra, nhưng nó không hoàn toàn cố định trong nguyên tắc.
Có một dòng trong Sách Thơ: “Con cú, con cú, con chim không có lông. ”Một số con cú có thể ấp một cục đất và nở trứng. Làm thế nào để bạn giải thích điều này? Vâng, đó chỉ là kỳ lạ trong việc làm. Khi các con chim cú nở, chúng ăn chim mẹ. Một đứa trẻ ăn cha mẹ của nó là một biểu hiện của một sinh vật lạ. Loại chim này được coi là không tốt. Loài giống có nghĩa là chúng được sinh ra như một loại cú hay cách khác.

Phong mị chi quỷ, phong tiêu báo tận. Sanh ư thế gian, đa vi cữu trưng, nhất thiết dị loại.

Bạt quỷ theo gió, khi gió tiêu báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài cửu trưng

Giảng: Bất cứ nơi nào có bạt quỷ, hạn hán xảy ra, sẽ không có mưa. Bất cứ nơi nào quỷ đến, vùng đất khô cằn. Chúng tham lam trong dâm dục. Qua sự dâm vọng chúng tạo ra nghiệp lực, và cuối cùng họ trở thành những bạt quỷ hạn hán khi họ gặp gió. Khi họ được hoàn thành với sự trả thù đó, chúng được tái sinh trên thế giới, nhưng chúng không thể trở thành con người. Thay vào đó chúng trở thành những sinh vật kỳ lạ đoán trước điều ác. Tại sao họ phải trải qua điều này? Sau khi tạo nghiệp của ham muốn, chịu đựng địa ngục, và được tái sinh như hạn hán ma, thói quen còn lại của họ vẫn chưa hoàn toàn bị cắt đứt, và vì vậy chúng trở thành những sinh vật kỳ lạ như thế này. Chúng có thể được tái sinh thành chim cực kỳ đầy màu sắc, nhưng có thói quen quá mức ham muốn, hoặc họ có thể được tái sinh làm loài súc sanh đầy dâm vọng.

Súc mị chi quỷ, súc tử báo tận. Sanh ư thế gian, đa vi hồ loại.

Mî quỷ theo súc, khi súc chết báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài chồn

Giảng: Phần đông cá Mị Quỷ tái sanh làm chồn sau khi chúng hết bị đọa làm mị quỷ

Trùng cổ chi quỷ, trùng diệt báo tận. Sanh ư thế gian, đa vi độc loại.

Cổ quỷ theo sâu, khi suy sâu diệt hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài độc hại

Giảng: Các cổ độc quỷ lấy hình dạng khi chúng gặp giun sâu bọ. Khi các độc đã hết và nghiệp ma đã đền hết, chúng tái sanh làm những súc sanh có độc, như rắn bò cặp, vv

Suy lệ chi quỷ, suy cùng báo tận. Sanh ư thế gian, đa vi hồi loại.

Lệ quỷ theo vận suy, khi suy tiêu báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài giun sán

Giảng: "Lệ quỷ theo vận suy, khi suy tiêu báo hết " Bất cứ ai gặp phải loại quỷ này sẽ bị hãm hại. Những loại quỷ này thực sự khủng khiếp; sức mạnh ma quỷ của họ rất lớn. Khi quả báo đã kết thúc, và tái "sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài giun sán. "

Đây là những giun sán trong ruột của bạn. tôikhông biết liệu loại bệnh này có tồn tại ở phương Tây hay không, nhưng ở Á Châu, những sán dây này có thể giao tiếp; nó có thể nói chuyện. Nó có thể nói chuyện với người có dạ dày họ đang chiếm đóng. Không có cách nào để chữa bệnh này bằng thuốc, trừ khi người có bệnh tật không biết rằng anh ta đang được cho dùng thuốc. Nếu người bệnh biết đó là thuốc để loại trừ bỏ sán dây, sán dây cũng biết. Cho nên có câu tục ngữ: "Bạn không phải là sán dây trong dạ dày của tôi, vậy làm thế nào bạn biết tôi đang nghĩ gì không? "

Không chỉ có thể sán dây làm điều này, nhưng các loại sinh vật kỳ lạ khác có thể thâm nhập vào dạ dày của một người và sau đó tiếp tục nói chuyện. Tôi có nói với bạn về người đệ lớn tuổi của tôi ở Hồng Kông. Cô ấy có lẽ bây giờ đã trên tám mươi tuổi rồi. Cô ấy khoảng sáu mươi tuổi khi cô ấy quy y với tôi. Lúc đó cô bị điếc.

Bất kể trên thực tế là cô không thể nghe, cô rất thành tâm đến mỗi lần tôi giảng kinh pháp. Tuy cô ấy chỉ hiểu tiếng Quảng Đông, và tôi đang giảng dạy bằng tiếng Quan Thoại, và mặc dù đã có một thị giả, cô không thể nghe được bản dịch. Nhưng cô ấy đã đến.

Nơi đó có hơn ba trăm bước lên ngôi đền. Tôi giảng dạy từ 7-9 giờ đêm, và cô ấy đi lên và đi xuống tất cả những cầu thang đó. Tuy không có ánh sáng trên con đường và mặc dù tuổi của cô ấy, cô ấy không sợ rơi té. Cô rất chân thành.

Một ngày nọ cô ấy nghe sự trì tụng câu: ” Nam Mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát ” và sau đó tật điếc của cô đã được chữa khỏi. Bà ấy có thể nghe thấy. Điều đó làm cô ấy càng chân thành hơn. Ttất nhiên, bất cứ khi nào tôi giảng dạy và bất cứ điều gì về phật pháp, cô ấy điều đến nghe giảng. Gió và mưa không cản trở cô ấy đến. Khi bạn tu hành, nếu bạn chân thành, sẽ có những trở ngại ma quỷ. Như tôi đã nói trước đây, nếu bạn muốn tu hành tốt, nghiệp tội lỗi của bạn sẽ đến với bạn. Những nỗi oán giận từ những kiếp trước của bạn sẽ đến hại bạn. Nếu bạn muốn trở thành một vị Phật, bạn phải chịu đựng ma quỷ đến để kiểm tra bạn.

Sau đó một đêm người phụ nữ này có một giấc mơ, hoặc những gì dường như là một giấc mơ và như không phải mộng. Trong đó cô ấy thấy ba đứa trẻ đầy đặn khoảng hai và ba tuổi. Sau cơn mộng, cô ấy bị bệnh. Bản chất bệnh của cô ấy là gì? Cô ấy có thể ăn cả ngày đêm. Cô phải ăn một bữa trong mỗi giờ. Cô ấy ăn hơn mười bữa trong một ngày. Nghĩ rằng đó là một cơn bệnh, cô ấy đã đi đến các bác sĩ phương Tây và Trung Quốc, nhưng họ nói với cô ấy rằng, cô ấy không bị bệnh. Điều này đã xảy ra trong hai hoặc ba năm.

Cuối cùng một buổi tối, vào ngày thứ bảy tháng hai âm lịch, một ngày trước lễ kỷ niệm Đức Phật Thích Ca của Phật Thích Ca xuất gia, khi tôi trở về từ Tu viện Tse Hsing trên núi Da Yu, Hong Kong, cô nói với tôi, “Sư phụ, sao mà có ai trong dạ dày của con nói chuyện với con?”

“Nó nói gì?” Tôi hỏi cô.

Cô ấy nói, “Hôm nay con làm một ít bánh gạo thô. Khi con ăn bánh, có gì đó trong dạ dày của con nói với con, “Tôi không thích ăn thứ đó.'”

“Con trả lời ra sao?” Tôi hỏi.

Cô ấy trả lời, “Con nói,“ Ăn no là đủ rồi. nếu bạn không ăn cái đó, bạn định ăn gì? ‘”Cô nói chuyện với cái dạ dày như thế.

Tôi nói, “Đừng lo, tối nay tôi sẽ làm tốt cho con. Trở về nhà, và thắp một cây hương tại bàn thờ của con. Vào lúc nửa đêm tụng tên của Đức Phật. ”

Cô ấy quay về và làm như tôi đã nói. Khi cô làm điều đó, cô nhìn thấy ba trẻ em thoát ra khỏi bụng. Họ là ba người đầy đặn mà cô đã thấy trong giấc mơ. Sau đó, cô thấy Vi Đà Bồ Tát đặt xuống hai bát mì, và ba đứa trẻ tranh nhau món ăn. Khi họ ăn xong, Vi Đà Bồ Tát véo lỗ tai của ba đứa và kéo chúng đi.

Sau khi họ biến mất, cô cảm thấy bụng mình hoàn toàn trống rỗng. Từ đó trở đi bệnh tật thích ăn đã được chữa khỏi.

Giun sán cũng có thể nói chuyện trong dạ dày của một người. Nhưng những gì bà già có không phải là sán dây. Họ là ba người yêu tinh; hai đứa là ếch, và một là thằn lằn. Họ là một loại ma đói. Tại sao cô ấy phải chịu đựng bệnh tật này? Tôi đã nhìn vào nguyên nhân và quả báo của cô ấy, nó trở nên rõ ràng. Trong một kiếp quá khứ cô ấy là một Phật tử, và cô ấy biết một người đã có một loại bệnh tật như cô. Anh ta đã bị khỏi bệnh khi cô ấy gặp anh ấy, nhưng anh ấy đã nói với cô ấy về điều đó. Phản ứng của cô ấy là, "Tôi không tin cái đó. Chưa từng nghe về ai nói về một con ma đói trong dạ dày, một con ma đói có thể nói chuyện với họ? "

Bởi vì cô ấy nói cô ấy không tin, cô ấy phải trải qua trải nghiệm cá nhân trong cuộc đời này với loại bệnh này. Khi cô ấy mang bệnh, có rất nhiều người ở Hồng Kông không tin hoặc. Họ nói, "Chưa nghe ai nói về điều như vậy? Thật lố bịch." Đây là những người Trung Quốc không tin. Không chỉ những người phương Tây nghe chuyện khó tin. Và tôi tin rằng những người ở Hồng Kông bày tỏ sự hoài nghi cũng sẽ nhận được điều này, loại bệnh tật trong một số cuộc sống tương lai. Chu kỳ nhân quả là khốc liệt.

Thụ khí chi quỷ, khí tiêu báo tận. Sanh ư thế gian, đa vi thực loại.

Ngạ quỷ theo khí, khi khí tiêu báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài gia súc

Giảng: Vì trong quá khứ nó đã tham lam và kiêu ngạo, nó đã cam kết tội phạm. Bây giờ những tội này được trả, và họ có thể đầu thai vào thế giới của chúng sanh, nhưng hầu hết nó được tái sanh làm một con súc vật ăn.

Có hai cách để giải thích "ăn" ở đây. Đầu tiên, động vật không thể làm bất cứ điều gì ngoài trừ ăn uống. Cuộc đời chỉ có vậy thôi, như một con lợn hay một con cừu. Thứ hai, súc sanh bị người ăn. Người ta ăn thịt lợn, cừu, gia súc và gà. Con ma này, sau đó, được tái sinh thành một con vật mà con người tiêu thụ. Những loại động vật này thường là gia súc để chúng có thể được bỗ béo và sau đó bị giết mổ và ăn.

Miên u chi quỷ, u tiêu báo tận. Sanh ư thế gian, đa vi phục loại.

Yểm quỷ theo u-ẩn, khi u-ẩn tiêu báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài tằm, cừu, cung cấp đồ mặc

Giảng: Đây là yểm quỷ. Khi nó tái sinh, nó thường là một con vật được sử dụng cho quần áo hoặc dịch vụ. Động vật được sử dụng cho quần áo sẽ bao gồm tằm và động vật có lông để cung cấp lông làm quần áo. "Dịch vụ" dùng để chỉ chó và mèo chuyên sống trong các hộ gia đình của con người, vâng lời chủ và làm dịch vụ cho họ.

Hòa tinh chi quỷ, hòa tiêu báo tận. Sanh ư thế gian, đa vi ưng loại.

Võng Lượng Quỷ theo tinh linh, khi tinh tiêu báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài chim mùa

Giảng: Đây là những võng lượng quỷ ma có thể biến hình thành những vật có năng khí. Các văn bản đọc "tinh tiêu báo hết", nhưng thực sự nên nói "Khi tinh khí bị tan biến hết". Sau đó nó được tái sinh trên thế giới, thường là một loài sinh vật di cư theo mùa"

Loại sanh vật có bản năng về thời gian. Chúng bao gồm con chim con ngỗng, bay theo tập đoàn, di chuyển về phía bắc vào mùa xuân và phía nam trong mùa thu. Vào mùa xuân, chúng làm tổ trong mái hiên. Sau khi chúng sanh đẻ, chúng bay đi một lần nữa. Chúng là những sinh vật có bản năng thời gian và biết khi nào cần di chuyển.

Minh linh chi quỷ, minh diệt báo tận. Sanh ư thế gian, đa vi hưu trưng, nhất thiết chư loại.

Dịch Sử Quỷ theo linh hiển, khi linh diệt báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài hưu trưng (loài dự báo điềm tốt như phụng, lân).

Giảng: Đây là những dịch sử quỷ. Khi họ được tái sanh, họ trở thành những sinh vật tốt lành như kỳ lân, phượng hoàng, vv… Họ trở thành thú vật và loài chim được coi là may mắn.

Y nhân chi quỷ, nhân vong báo tận. Sanh ư thế gian, đa ư tuần loại.

Truyền Tống Quỷ theo người, khi người chết báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài tùng phục bên người như chó, mèo

Giảng: Những loại động vật này là nhữ thú vật ngoan ngoãn và vâng lời. Chó, mèo, ngựa, và những thứ tương tự là những ví dụ cho những loại tái sinh này.

A-nan! Thị đẳng giai dĩ, nghiệp hỏa kiền khô. Thù kỳ túc trái, bàng vi súc sanh. Thử đẳng diệc giai, tự hư vọng nghiệp, chi sở chiêu dẫn. Nhược ngộ Bồ-đề. Tắc thử vọng duyên, bổn vô sở hữu.

A Nan! Loại này đều vì nghiệp lửa đốt cạn, sanh vào loài súc, đền trả nợ xưa, ấy cũng là do vọng nghiệp chiêu cảm; nếu ngộ tánh Bồ Đề, thì các vọng duyên này, vốn chẳng có gì cả.

Giảng: "Ananda, tất cả các loại tái sinh vừa được thảo luận là khi nghiệp lực đã đốt cháy và đã thanh toán các khoản nợ từ kiếp trước. Sự tái sinh như một con vật là do vọng nghiệp giả dối. "Đó là do nghiệp lực mà đã tạo ra trong quá khứ. "Nếu anh ấy ngộ tánh bồ đề, thì các vọng duyên này, vốn chẳng có gì cả. " Nếu anh tỉnh dậy trên con đường giác ngộ, thì mọi vọng tưởng giả tạo này sẽ biến mất. Tất cả đều trống rỗng.

Như nhữ sở ngôn, bảo liên hương đẳng. Cập lưu ly Vương, thiện tinh Tỳ-kheo. Như thị ác nghiệp, bổn tự phát minh. Phi tùng Thiên hàng, diệc phi địa xuất. Diệc phi nhân dữ. Tự vọng sở chiêu, hoàn tự lai thọ. Bồ-đề tâm trung, giai vi phù vọng, hư tưởng ngưng kết.

Như ngươi hỏi về những quả báo ác nghiệp của Bửu Liên Hương, Lưu Ly Vương và Tỳ Kheo Thiện Tinh từ đâu ra? Phải biết mỗi mỗi đều tự tạo, chẳng phải từ trên trời xuống, từ dưới đất ra, hay người khác đưa đến. Tự tạo vọng nghiệp, tự chiêu ác quả, mà chẳng biết nơi tâm Bồ Đề, ấy đều do vọng tưởng giả dối kết tụ.

Giảng: Đây là đề cập đến ni cô Bửu Liên Hương. Bạn nhớ cô ấy là loại ni cô như thế nào? Bạn có nhớ cô ấy hành động như thế nào không? Vua Lưu Ly, và Tỳ Kheo Thiện Tinh từ đâu ra? Nghiệp ác như của họ được tạo ra đều tự họ tạo ra. Họ rơi vào những địa ngục khi còn sống. Nhưng chính họ đã tạo ra.

"Chẳng phải từ trên trời xuống, từ dưới đất ra, hay người khác đưa đến." Đó không phải là nghiệp ác của họ tự đưa đến. Sự giả dối của chính họ mang nó thành hiện hữu, và vì vậy bản thân họ phải trải quả báo.

Trong tánh Bồ Đề, nghiệp chướng như thế này là vô thường và đều do vọng tượng. Nó không có thật; nó là chỉ là sự gắn kết của những suy nghĩ sai lầm. Sự suy nghĩ sai lầm là điều mang nghiệp lực này thành hiện hữu.

THẬP NGƯỜI

— o0o —

Phục thứ A-nan, tùng thị súc sanh, thù thường tiên trái. Nhược bỉ thù giả, phần việt sở thù. Thử đẳng chúng sanh, hoàn phục vi nhân, phản trưng kỳ thặng. Như bỉ hữu lực, kiêm hữu phước đức. Tắc ư nhân trung, bất xả nhân thân, thù hoàn bỉ lực. Nhược vô phước giả, hoàn vi súc sanh, thường bỉ dư trực.

Lại nữa A Nan! Những súc sinh ấy, đền trả nợ cũ, nếu trả quá nợ cũ, thì trở lại làm người, đòi lại phần thừa. Nếu người kia có sức mạnh, lại có phước đức, thì khỏi bỏ thân người mà vẫn hoàn lại phần thừa ấy được, còn nếu chẳng phước đức thì phải làm súc sinh để trả lại cái thiếu.

Giảng: Khi sống một cuộc sống như một con vật để trả nợ trong quá khứ. Nếu trong quá trình anh ta trả lại nhiều hơn anh ta cần trả, anh ta được tái sanh như một người một lần nữa để đòi lại phần thừa.

"Nếu anh ấy là một người có sức mạnh, phước lành và đức hạnh, thì một khi anh ta ở trong cõi người, anh ta sẽ không phải mất con người. "" Sức mạnh "có nghĩa là anh ta có sức mạnh của thiện nghiệp. Còn hên hết là anh ta tích lũy phước lành và đức hạnh, thì anh ta sẽ không phải mất đi cơ thể con người "sau khi nợ anh ta được hoàn lại" sau khi anh ta được trả lại cho khoản nợ quá hạn mà anh ta đã thực hiện khi anh ta ở trong cõi động vật. "

"Nhưng nếu anh ta thiếu phước lành, thì anh ta sẽ trở về cõi động vật để tiếp tục trả các khoản nợ. " Anh ta sẽ bị tái sanh làm động vật một lần nữa để tiếp tục thanh toán những gì anh ta đã nợ. Không có cách nào thoát ra dễ dàng hoặc lừa gạt bất cứ ai điều gì. Nhân quả như vậy.

Mặc dù không có bất kỳ người nào kiểm soát toàn bộ quá trình, sức mạnh của nghiệp lực của con người là không cho phép bất kỳ sự bất công. Không ai mất mát trong công bằng.

A-nan đương tri, nhược dụng tiễn vật. Hoặc dịch kỳ lực, thường túc tự đình. Như ư trung gian, sát bỉ thân mạng, hoặc thực kỳ nhục. Như thị nãi

chí, Kinh vi trần kiếp. Tương thực tương tru, do như chuyển luân. Hỗ vi cao hạ, vô hữu hưu tức. Trừ xa ma tha, cập Phật xuất thế, bất khả đình tẩm.

A Nan nên biết! Nếu mắc nợ tiền tài hoặc sức lực của loài vật, khi đền đủ thì tự ngưng… Nếu ở trong đó có giết hại sinh mạng hoặc ăn thịt họ, như thế cho đến ăn nhau, giết nhau, trải qua vô số kiếp, như chuyển bánh xe, lúc cao lúc thấp, thay phiên nhau chẳng ngừng. Trừ khi gặp Phật ra đời, ngộ pháp Xa Ma Tha, nếu không thì nghiệp chẳng thể ngưng. Nay ngươi nên biết

Giảng: "Ananda, cậu nên biết điều đó, trong khi ở cõi người, một khi khoản nợ được trả, cho dù với tiền, hàng hóa vật chất, hoặc lao động thủ công, quá trình hoàn trả tự nhiên đến sự kết thúc. "Khi trả nợ đủ, công việc tự động dừng lại.

"Nhưng nếu trên quá trình này, khi anh ta gắn kết các điều kiện với những chúng sinh khác. Anh ta lấy mạng sống của những chúng sinh khác hoặc ăn thịt của chúng. Sau đó ông tiếp tục theo con đường như xưa, trải qua vô số kiếp, thay phiên nhau nuốt chửng và tàn sát trong một chu kỳ khiến anh ta lên xuống không ngừng."

Ông bị bắt trong một chu kỳ liên tiếp vô tận, một chu kỳ ăn và bị ăn, giết và bị giết. Nó đi và về như việc quay bánh xe – bạn ăn tôi, và tôi ăn bạn – không biết nó kéo dài bao lâu. Anh ta luân hồi lên và xuống, tùy thuộc vào anh ta ăn nhiều hay đã bị ăn nhiều hơn. Luân hồi không bao giờ dừng lại, không ngừng. Nó cực kỳ nguy hiểm.

"Pháp Xa Ma Tha" là một pháp thiền định "vẫn còn và soi sáng" của Đức Phật, qua việc nuôi dưỡng tâm tánh và duy trì Lăng Nghiêm thiền định để có được Lăng Nghiêm Đại Định. Không có sự giải thoát nào khi đã mang nghiệp lực này, trừ khi Phật sanh vào thế giới để giúp mọi người giải thoát khỏi những nghiệp những tội phạm. Sau đó cả hai bên sẽ biết rằng họ không nên tiếp tục tạo ra nghiệp chướng đó. Chỉ theo cách đó, luân hồi có thể dừng lại.

1. **Nhữ kim ứng tri, bỉ kiêu luân giả, thù túc phục hình. Sanh nhân đạo trung, tham hợp ngoan loại.**

Loài chim kêu kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng ngoan cố.

Giảng: “Loại súc sanh” đề cập đến bất kỳ loài chim nào có tánh ác như cú. Một khi họ đã trải qua quả báo của họ, họ trở lại hình dạng ban đầu của họ là con người. Nhưng, mặc dù chúng được tái sanh ra một lần nữa như mọi người, họ vẫn tham nhũng và ngoan cố. Khi những sinh vật sinh lại trong cõi người, họ trở thành con người hoàn toàn ngoan cố và cứng đầu. Họ cứng đầu và không muốn thiệt thòi. Họ là hoàn toàn ngoan cố và bất trực tự.

Phần đông họ trở thành những tên cướp. Họ không nghe ai khuyên dạy. Nếu bạn cố gắng giải thích một số Phật Pháp cho họ, họ sẽ bỏ chạy. “Trong số những người bị tham nhũng và bướng bỉnh” có nghĩa là họ gần gũi với những người tham như chính họ. Vì vậy, có câu:

Con người cùng tánh ở chung,
Sinh vật phân chia thành các loại.
Người tốt hợp đoàn,
Người xấu tụ đảng,
Mọi người tìm kiếm người cùng loại.

Học sinh dành thời gian của mình với các học sinh khác. Công nhân tham gia cùng với các công nhân khác. Cờ bạc tụ tập với nhau cờ bạc. Người hút thuốc phiện trộn lẫn với những người hút thuốc phiện khác. Du đãng hình thành các xã với những người du đãng khác. Tất cả đều là biểu hiện của nguyên tắc này – mọi người tìm kiếm người cùng tánh.

2. **Bỉ cữu trưng giả, thù túc phục hình. Sanh nhân đạo trung, tham hợp ngu loại.**

Loài cữu trưng kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng quái dị.

Giảng: Sau khi họ trải qua quả báo của họ, họ có thể được tái sanh ra trong cõi người một lần nữa, nhưng sanh vào hạng quái dị. Bạn thấy đề cập đến loại người này thường trên các báo chí. Một người phụ nữ sinh ra một đứa trẻ có hai đầu, hoặc một đứa trẻ có hai cơ thể nhưng chỉ có một cái đầu. Hoặc sáu cơ quan cảm giác của trẻ sơ sinh nằm không đúng chỗ.

Có thể mắt sẽ là nằm nơi tai phải và tai lại nằm nơi mắt. Mũi có thể nằm nơi miệng. Các miệng có thể nằm nơi mũi. Các cơ quan cảm giác trao đổi vị trí. Đối với sáu giác quan nằm chổ bất thường cho nên gọi là “bất thường”. Thường thì những người như vậy sẽ chết ngay khi mới sinh ra, nhưng ngay lúc như vậy,

chúng cũng được coi là quái dị. Nói chung, “bất thường” có nghĩa là có điều gì đó không đúng về họ.

3. **Bỉ hồ luân giả, thù túc phục hình. Sanh nhân đạo trung, tham ư ngu loại.**

Loài chồn kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng ngu dại.

Giảng: Con cáo cực kỳ thông minh. Nhưng trí thông minh của anh ta là loại ma quái. Đó là sai trái, và vì vậy khi ông được tái sanh như một một lần nữa, anh ta phải là một người đơn giản. Anh ta trở nên loại người ngu dại. Bạn có thể nói điều gì đó với anh ta, lập đi lập lại nhiều lần mà anh ta vẫn không hiểu. Nếu bạn để anh ta sống một mình, anh ta sẽ hòa thuận với mọi người. Nhưng ngay khi bạn cố gắng lý luận với anh ta, hoặc giải thích một cái gì đó, việc đó trở thành việc ngoài sự hiểu biết của anh ta. Anh ấy không thể nào hiểu được.

4. **Bỉ độc luân giả, thù túc phục hình. Sanh nhân đạo trung, tham hợp dung loại.**

Loài độc hại kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng nham hiểm

Giảng: “Những loài sinh vật có độc – bao gồm những thứ như rắn độc và quái vật hung dữ – “đã trả các khoản nợ của họ, họ lấy lại hình thức ban đầu của họ và được sinh ra như mọi người, nhưng trong số những người đó sanh vào hạng người nham hiểm.” Khi họ kết thúc sự trả thù của họ, họ trở lại thế giới với tư cách là con người, nhưng mặc dù họ xoay sở để được tái sanh trong cõi người, họ vẫn không thay đổi thói quen tật xấu của họ. Họ cực kỳ độc ác và tàn nhẫn. Họ bướng bỉnh và nóng giận. Nếu họ nói họ sẽ giết ai đó, họ sẽ làm điều đó.

Đó là bởi vì họ vẫn như con rắn độc không chú ý đến việc hành động của họ có đúng hay không; nếu bạn cản đường, họ sẽ cắn và giết bạn và sau đó nói lý lẽ sau. Là con người, họ tiếp tục sống với thói quen tật xấu của việc giết người. Họ thật khủng khiếp và không thể lý lẽ. Những thói quen độc hại của họ vẫn không thay đổi, vẫn như khi sống như rắn.

Cuốn kinh Lăng Nghiêm này nói lên bản chất con người và bản chất của tất cả các sinh vật đầy cực kỳ chi tiết. Nếu bạn điều tra nó một cách cẩn thận, bạn sẽ thấy rằng nó là tất cả chi tiết luân hồi đều bày ra.

5. **Bỉ hồi luân giả, thù túc phục hình. Sanh nhân đạo trung, tham hợp vi loại.**

Loài giun sán kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng hèn hạ.

Giảng: "Khi giun sán và những thứ tương tự của họ đã trả nợ, họ lấy lại hình dạng ban đầu của họ." Bạn có nhớ rằng sán dây có thể nói chuyện? Khá kỳ lạ, có phải vậy không? Khi loại súc sanh đã trả hết các khoản nợ của kiếp trước, sau đó họ có thể trở thành một người một lần nữa. Mặc dù họ tái sanh thành con người, họ sống cuộc sống con người "trong số những người thấp kém."

Những người rất vô giá trị, họ phải làm việc cho người khác và làm nhiệm vụ tầm thường. Chúng là những người kém hơn, không quan trọng và không đáng kể trong xã hội.

6. **Bỉ thực luân giả, thù túc phục hình. Sanh nhân đạo trung, tham hợp nhu loại.**

Loài gia súc kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng nhu nhược.

Giảng: "Khi các loại súc sanh bị ăn, một súc vật mà mọi người thích ăn, đã trả nợ, họ lấy lại hình dạng ban đầu của họ và được tái sanh làm người, nhưng làm những người nhu nhược. " Khi nghiệp của họ tan biến, họ quay trở lại làm người một lần nữa, nhưng họ phải được tái sanh trong số người nhu nhược yếu đuối, bởi vì họ đã không thay đổi thói quen xấu của họ từ quá khứ. Chúng rất dễ thao túng. Họ không thể tự mình quản lý việc làm trên thế giới. Trong tất cả những gì họ làm họ phải dựa vào những người khác giúp đỡ. Họ hèn nhát và dễ phạm lỗi.

7. **Bỉ phục luân giả, thù túc phục hình. Sanh nhân đạo trung, tham hợp lao loại.**

Loài tằm, cừu kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng nghèo khổ.

Giảng: "Loài tằm, cừu kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người." Những sinh vật có thân thể hoặc các sản phẩm chuyên phục vụ cho việc sử dụng trang phục cho con người hoặc những sinh vật phải sống một cuộc sống vâng lời và dịch vụ cho con người, đã trả hết các khoản nợ của họ và có thể tái sanh làm người. Nhưng khi họ được tái sanh trong cõi người, họ "sanh vào hạng nghèo khổ." Đó là cuộc sống của họ.

8. **Bỉ ưng luân giả, thù túc phục hình. Sanh nhân đạo trung, tham ư văn loại.**

Loài chim mùa trưng kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng văn hoa.

Giảng: "Khi những sinh vật di cư" – ngỗng hoang dã ,vịt, chim di cư và thú vật – đã trả lại khoản nợ của họ, họ lấy lại hình dạng ban đầu của họ và được tái sanh làm người trong hạng văn hoa. Tài năng văn chương của họ cũng có hạn. Họ có một chút khả năng, chỉ chút ít. Tài năng nhờ vào học vấn, nhưng không có tài năng đặc biệt.

9. **Bỉ hưu trưng giả, thù túc phục hình. Sanh nhân đạo trung, tham hợp minh loại.**

Loài hưu trưng kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng thông minh.

Giảng: Tuy nhiên, trí thông minh của họ không sâu sắc; nhưng đó là một trí thông minh, có kỹ năng trong lý luận.

10. **Bỉ chư tuần luân, thù túc phục hình. Sanh nhân đạo trung, tham ư đạt loại.**

Loài tùng phục bên người kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng thông thạo.

Giảng: Những người như thế này hiểu được những gì đang xảy ra. Họ thấu hiểu việc xã hội ân sủng. Nhưng họ không có chính hẵng và toàn diện sự hiểu biết thâm nhập về quá khứ và hiện tại. Họ không được giáo dục tốt. Họ chỉ đơn giản là đạt được một loại thành công bề ngoài trong việc xã giao với mọi người trong xã hội.

A-nan! Thị đẳng giai dĩ, túc trái tất thù, phục hình nhân đạo. Giai vô thủy lai, nghiệp kế điên đảo, tương sanh tương sát. Bất ngộ Như Lai, bất văn chánh pháp. Ư trần lao trung, Pháp nhĩ luân chuyển. Thử bối danh vi, khả lân mẫn giả.

A Nan! Loại này dù trả hết nợ cũ, trở lại làm người, đều do điên đảo tạo nghiệp, sanh nhau giết nhau từ vô thỉ, chẳng gặp Như Lai, chẳng nghe chánh pháp, ở trong trần lao xoay vần mãi, bọn này gọi là thật đáng thương xót.

Giảng: Cuối cùng họ đã hoàn trả xong các khoản nghiệp mà họ phải trả, và họ tái sanh thành người. Nhưng "đều do điên đảo tạo nghiệp, sanh nhau giết nhau từ vô thỉ. " Họ tiếp tục gây ra ác nghiệp điên đảp, lộn ngược qua giết và bị giết.

Họ không duyên gặp Phật hay nghe Phật Pháp. Mạng sống chỉ theo chiều gió và luân hồi mãi trong lục đạo. "Chu kỳ lặp lại" có nghĩa là luân hồi, lặp đi lặp lại. Đó là cách nó luôn luôn là dành cho họ. "Những người như vậy thực sự có thể được gọi là đáng thương." Đức Phật nói rằng chúng sanh như thế này rất đáng thương xót.

THẬP TIÊN CHỦNG

*** * ***

A-nan! phục hữu tùng nhân, bất y chánh giác, tu tam-ma-địa. Biệt tu vọng niệm. Tồn tưởng cố hình, du ư sơn lâm. Nhân bất cập xứ, hữu thập tiên chủng.

A Nan! Lại có chúng sanh, trong cõi người chẳng theo chánh giác tu Tam Ma Địa, mà tu theo vọng niệm, giữ tâm củng cố hình hài, ẩn trong rừng núi, những chỗ vắng người, thành mười loại tiên.

Giảng: "A Nan! Lại có chúng sanh, trong cõi người chẳng theo chánh giác tu Tam Ma Địa. " Họ không dựa vào con đường tu hành chánh pháp. Họ không

dựa vào Lăng Nghiêm Đại Định, và họ không hồi quang phản chiếu. Những gì họ tu hành là tu theo vọng niện, con đường của ngoại đạo. Nó được dựa trên sự sai lầm của vọng niệm và mong muốn trèo lên các điều kiện – để tận dụng của các tình huống. Họ nghĩ như sau: “Tôi sẽ tu luyện ngay bây giờ, và khi tôi đạt được số thần thông trên con đường tu hành, tôi sẽ thị hiện cho mọi người thấy. Tôi sẽ khiến họ tin vào tôi, tôn trọng tôi, nghe lời và cúng dường cho tôi. ”

Đó có nghĩa là bằng cách lợi dụng phương tiện tu hành. Nó không vì sự lợi ích của việc tu hành để thành một vị Phật hay vì lợi ích của việc thực hành và duy trì Phật Pháp để cho Phật Pháp lan rộng và phát triển. Họ phát triển kỹ năng của họ với ý tưởng lợi ích cho bản thân. Chúng thị hiện sự tham lam và ngu xuẩn trong theo cách tu hành. Cho nên họ “tu luyện theo một cách đặc biệt nào đó dựa trên suy nghĩ sai lầm của họ.”

Họ nghĩ gì? Họ “giữ tâm củng cố hình hài, ẩn trong rừng núi, những chỗ vắng người, thành mười loại tiên.” Họ có ý nghĩ sai lầm rằng họ sẽ làm cho cơ thể của họ mạnh mẽ và bền bỉ. Thân sẽ trở thành cứng rắn như đá – rằng cơ thể của họ sẽ không bao giờ suy hoại. Họ đi sâu vào núi hoặc tìm một hòn đảo cô lập.

1. **A-nan! bỉ chư chúng sanh. Kiên cố phục nhị, nhi bất hưu tức. Thực đạo viên thành, danh địa hành tiên.**

A Nan! Những chúng sanh ấy, kiên cố dùng đồ bổ chẳng ngừng nghỉ, thành tựu đạo thực, gọi là Địa Hành Tiên.

Giảng: Họ dùng thuốc bổ với một mục tiêu trong tâm trí – để trở thành một vị thần tiên bất tử. “Lòng kiên cố” có nghĩa là chúng nhất tâm trong thực hành. Tất cả những người được thảo luận trong phần này rất cực kỳ trung thành khi nói đến việc tu hành của họ. Không phải hôm nay họ làm điều đó và bỏ bê nó vào ngày mai. Mỗi ngày, họ tinh tấn. Trong trường hợp này, họ uống thuốc bổ. Bằng cách này họ hy vọng sẽ đạt được sự bất tử để họ không phải chết.

Khi nào họ “thành tựu đạo thực, gọi là Địa Hành Tiên.” Kết quả của những nỗ lực của họ là họ rất nhẹ khi họ bước đi. Cơ thể họ nổi lên. Họ có thể chạy rất nhanh trên mặt đất. Họ chạy với tốc độ cao, có thể chạy nhanh như 40 dặm trong một giờ. Vị tiên này di chuyển trên mặt đất nhanh như bay; đó là lý do anh ta nhận được tên của mình, Địa hành tiên

2. **Kiên cố thảo mộc, nhi bất hưu tức. Dược đạo viên thành, danh phi hành tiên.**

Kiên cố dùng cỏ cây chẳng ngừng nghỉ, thành tựu đạo thuốc, gọi là Phi Hành Tiên.

Giảng: "Một số chúng sanh kiên cố tu hành và làm cho cơ thể mạnh mẽ bằng cách sử dụng cỏ và thảo dược." Họ theo đuổi thực hành này với tâm vững chắc. Nếu ai đó bảo họ ngừng nó, họ không thể làm được. Tâm trí của họ giống như sắt đá. Tâm vững như đinh khi nói đến hoàn thiện phương pháp tu hành của họ. Trong trường hợp này, đó là việc sử dụng cỏ và thảo mộc. Họ pha chế một viên thuốc từ một số loại thảo mộc và cây cối.

Họ ăn nó mỗi ngày mà không ngừng. Và do quyết tâm của họ và mong muốn thành công, phương pháp bắt đầu có hiệy quả. Khi họ đã hoàn thành phương pháp lấy thảo dược này, họ được gọi là Phi Hành Thiên. "Cơ thể họ nhẹ nhàng như một làn khói, và họ có bay trên mây và phi trên sương mù.

3. **Kiên cố kim thạch, nhi bất hưu tức. Hóa đạo viên thành, danh du hành tiên.**

Kiên cố luyện đơn chẳng ngừng nghỉ, thành tựu đạo hóa chất, gọi là Du Hành Tiên.

Giảng: "Một số chúng sanh kiên cố tu hành và làm cho cơ thể mạnh mẽ bằng cách sử dụng kim loại và đá." Với tâm trí cứng chắc, tinh tấn, cực kỳ mạnh mẽ và kiên định. Họ sáng chế một cái bếp để pha chế thuốc. Họ trộn sắc lẫn thủy ngân, nung nóng kim loại, nấu chảy và tái nấu chảy nó. Họ ngửi mùi kim loại trong 49 ngày hoặc trong 21 ngày. Tùy phụ thuộc vào toa thuốc họ đã học. Họ bỏ vàng và bạc và khi những thứ này cũng được nấu chảy ra như nước, họ trọn tất cả nguyên liệu vào nhau và ăn kim loại. Họ gọi đó là thuốc bất tử, một loại thuốc tuyệt vời. Nếu người ta uống một viên thuốc bất tử, người ta có thể đúc tử cung và biến hóa xương của một người. Đây chỉ là một bản tóm tắt đề cập đến phương pháp bí mật để rèn luyện thuốc bất tử. Nếu họ thành công, "thành tựu đạo hóa chất, gọi là Du Hành Tiên."

"chuyển đổi "đề cập đến tại đây là sự thành công hiệu quả nung nấu thuốc kim loại. Những viên thuốc có khả năng đặc biệt để hoá chuyển thân cứng như kim sắc . Là vị "Du Hành Tiên", họ có thể đi bất cứ nơi nào họ muốn.

4. **Kiên cố động chỉ, nhi bất hưu tức. Khí tinh viên thành, danh không hành tiên.**

Kiên cố luyện khí chẳng ngừng nghỉ, thành tựu tinh khí, gọi là Không Hành Tiên.

Giảng: Chúng sanh làm việc với tâm kiên cố luyện khí chẳng ngừng nghỉ. “Luyện khí” có thể ám chỉ đến thời điểm họ bắt đầu tập luyện khí công. “Ngừng nghỉ”, sau đó, là khi họ ngừng luyện tập. “Luyện khí” cũng là tập luyện khí công trong vô cực đạo. “Ngừng nghỉ” cũng là khi họ nuôi dưỡng sự tĩnh lặng. Nghĩa là, họ ngồi ở đó và vận động hơi thở cho đến nó trở thành nội công. Họ vận dụng nội công cho đến khi nó hòa chung với tâm thức. Sau đó họ để cho tâm thức đó trở về với sự yên tĩnh trống rỗng.

Làm thế nào để họ tu luyện khí công? Họ ngồi thiền và không cho khí sức tổn hao. Họ không đến gần phụ nữ. Khi khí sức không bị hao tổn, nó luôn tụ vào đan điền. Bằng cách đó hơi khí lâu ngày trở thành khí công, nội công.

Nội công nầy thông chạy qua khắp cơ thể. Trong thiền họ tập trung trí thức chạy khắp người, giống như gà ép một quả trứng. Họ nghĩ về hơi thở hóa chuyển thành khí công, và khí công chạy tuôn khắp người, và khí công hòa nhập vào tâm thức. Và cho tâm thức trở về với cái không – cho đến khi cái không trở thành như tánh không. Sau đó, họ tu luyện cái trống rỗng cho đến khi nó trở lại không có gì. Họ đi đến mức không có gì cả. Tại đó họ cảm thấy rất tự do và thoải mái. Họ có thể “đi ra ngoài xuất hồn và nhập âm đạo. ”Đó là cách người Đạo giáo diễn tả. Cái đó có nghĩa là họ có thể xuất hôn khỏi đỉnh đầu của họ. Đạo giáo trong Trung Quốc thực hành theo một phương pháp mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni mô đã mô tả. Họ có một cuốn sách gọi là Wu Shang Yu Huang Hsin Yin Miao Ching. Họ coi cuốn sách này là một kho tàng thực sự. Nó nói làm thế nào để tu luyện hơi thở để biến nó thành khí công , tuy luyện khí công thành nội công, tu luyện nội công để biến nó thành tánh không, và quán chuyến cái vô vi đó để biến nó thành không có cái gì hết. Những vị thần bất tử này có thể đi lại trong không gian. Họ có thể xuất hồn từ đỉnh đầu của họ. Có rất nhiều điều kỳ lạ và bí truyền trong thế giới này.

Có một cuốn sách Đạo giáo khác để bán là Wa Lia Hsien Tsung. Trong đó có hình ảnh của một người đàn ông xuất một người nhỏ ra khỏi đỉnh đầu, và người nhỏ nhắn đó lại xuất ra một người nhỏ khác, và cứ thế cho đến khi có rất nhiều người nhỏ như vậy. Đó được cho là “hàng triệu cơ thể chuyển hóa.” Nhưng tôi sẽ nói với bạn, làm cho hàng triệu cơ thể biến đổi không phải cần

nhiều rắc rối như tất cả những điều trên. Những cuốn sách Đạo giáo này chỉ là hoàn toàn dính líu vào sự xuất hiện.

Chuyển đổi cơ thể có thể được thực hiện theo ý muốn. Không có công thức cố định nào để tạo chúng. Khi họ đã thành tựu tinh khí, gọi là Không Hành Tiên.

5. **Kiên cố tân dịch, nhi bất hưu tức. Nhuận đức viên thành, danh Thiên hành tiên.**

Kiên cố luyện tâm dịch chẳng ngừng nghỉ, thành tựu nhuận đức, gọi là Thiên Hành Tiên.

Giảng: Các vị bất tử trên có thể đi lang thang trong không gian. Vị nầy có thể đi lên lên thiên đàng. Một số vị tu hành "Kiên cố luyện tâm dịch chẳng ngừng nghỉ. "Khi lưỡi được đặt trên vòm miệng, nước bọt từ trên chảy xuống. Các tín đồ của những ngoại đạo gọi đây là "sương ngọt", "nước tiên" và nhiều tên khác. Nguyên quá trình này khi nước bọt chảy xuống cổ và nuốt vào dạ dày. Đạo giáo gọi đây là "nước tiên bất tử". Họ có một nói;

Nếu bạn muốn sống mãi mãi và không già đi,
Bạn phải trở về nguồn và nuôi dưỡng tâm thức.

Họ quán chiếu về tâm thức tụ thành một cụm trên đầu; theo cách này, họ khai mở luân xa. Những vị thần bất tử này liên tục nuốt nước miếng và quán chiến hơi thở ra vào điều đặn. Khi nào họ "thành tựu nhuận đức, gọi là Thiên Hành Tiên." Cho đến khi khuôn mặt có một hòa quang chiếu sáng. Mặc dù họ rất già, nhưng khuôn mặt của họ giống như trẻ con.Họ có một đôi má hồng và tươi như một cậu bé. Đây là những tiên thần du hành trên trời.

6. **Kiên cố tinh sắc, nhi bất hưu tức. Hấp túy viên thành, danh thông hành tiên.**

Kiên cố hấp thụ tinh hoa chẳng ngừng nghỉ, thành tựu sự hấp thụ, gọi là Thông Hành Tiên.

Giảng: Tâm trí của họ kiến cố và thanh nhãn. Những người bất tử này tu luyện hấp thụ tinh khí của mặt trời và của mặt trăng. Họ chuyển đổi ánh sáng mặt trời và ánh trăng. "Khi họ đã "thành tựu sự hấp thụ, gọi là Thông Hành Tiên." Họ có thể đi đến thiên đàng hoặc bất cứ nơi nào người nào khác họ muốn đi.

Làm thế nào để họ tu hành pháp môn này? Thí dụ: vào buổi sáng họ đối mặt với mặt trời và họ hít vào 360 lần. Vào buổi tối họ đối mặt với mặt trăng và hít vào 360 lần. Họ dành tất cả thời gian còn lại của họ để hít vào túi da hôi thối của họ. Đó là những gì cơ thể chúng ta – túi da hôi thối. Hòa Thượng Hsu Yun đã viết bài hát của một túi da để mo tả thực tế này. Nhưng loại bất tử này đặt tất cả tâm trí của họ vào việc tu luyện pháp môn này. Họ không biết rằng họ nên đặt nỗ lực đó vào việc phát triển tự tánh.

Vì vậy, sự khác biệt giữa Đạo giáo và Phật giáo là Ngoại đạo nổ lực tu hành trên hữu pháp, và Phật Giáo nổ lực tu hành trên vô vi pháp. Cho nên người ta có chấp trước và người kia chấp không. Đó là sự khác biệt. Trên thực tế, con đường tun hành của những người bất tử và Phật tử tương tự như nhau. Điều quan trọng là một bên dựa vào một vật hay thứ để tu hành, còn một bên thì không dựa vào lục trần.

Cái phương tiện tu hành của các vị thiên theo cơ bản là đúng, nhưng bởi vì họ quá đeo đuổi vào lục trần. Họ đã coi sắc quá quan trọng. Vì vậy con đường tu hành bị trở ngại. Họ cảm thấy họ phải làm mọi việc theo thứ tự. Bởi vì sự trở ngại nầy, họ không thể nào thoát ra sáu nẻo luân hồi. Họ không đạt được sự hiểu biết tối thượng và sự buông thả. Chúng được gọi là Thông Hành Tiên.

Năm vị thần bất tử ở trên được mô tả trước đây được cho là có một loại hành tiên hoặc loại khác vì theo cơ bản họ bị ràng buộc tại trái đất nầy và không thể bay lên những từng cao hơn. Năm vị tiên kế tiếp, bây giờ sẽ được mô tả, được có một phương tiện tu hành bởi vì họ đạt quả vị cao hơn và có thể đi tham du tới cõi cao hơn trái đất.

7. **Kiên cố chú cấm, nhi bất hưu tức. Thuật Pháp viên thành, danh đạo hạnh tiên.**

Kiên cố luyện theo bùa chú chẳng ngừng nghỉ, thành tựu bùa phép, gọi là Đạo Hành Tiên.

Giảng: Những vị tu hành này có một quyết tâm vững chắc để trì tụng thần chú. Các Lạt ma Tây Tạng là một ví dụ về thể loại này, miễn là họ hoàn thiện pháp môn tu hành của họ. Một số "kiên cố luyện theo bùa chú chẳng ngừng nghỉ" Họ trì tụng thần chú và luôn giữ gìn giới luật. "Khi nào họ đã thuật pháp viên thành, gọi là Đạo Hành Tiên."

8. **Kiên cố tư niệm, nhi bất hưu tức. Tư ức viên thành, danh chiếu hạnh tiên.**

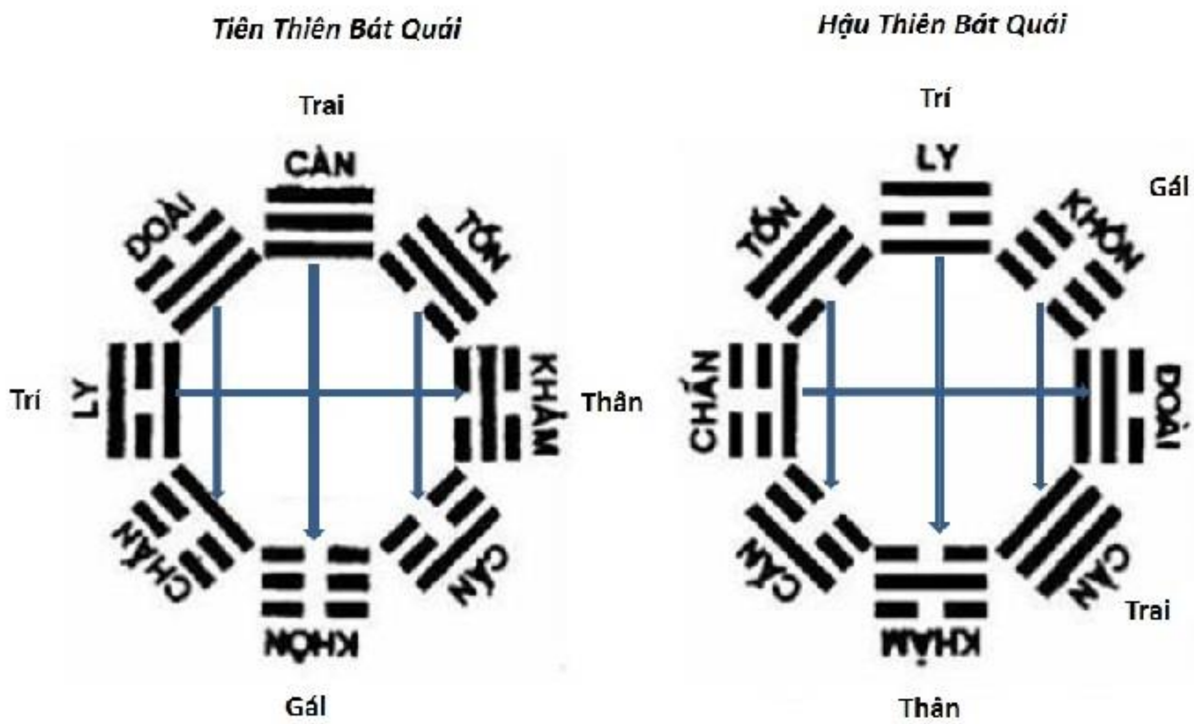
Kiên cố chuyên chú tâm niệm chẳng ngừng nghỉ, thành tựu niệm tưởng, gọi là Chiếu Hành Tiên.

Giảng: Một số "Kiên cố chuyên chú tâm niệm chẳng ngừng nghỉ. " Họ quyết tâm tu hành qua chuyên chú của họ – không nghỉ ngơi, họ đạt được nhất tâm. Khi họ "thành tựu niệm tưởng, gọi là Chiếu Hành Tiên." Khi họ thành công trong pháp môn này, họ có một chút hòa quang. Trong tâm thức của họ, họ tưởng tượng rằng thân họ đã hòa tan trong hoà quang vàng chiếu của họ. Khi họ quyết tâm tun hành trong một thời hạn dài, cuối cùng nó giống như con gà mái già ép trứng, hoặc con mèo rình mò chuột. Và đạt được một chúc sự thành công. Đó là lý do tại sao họ được gọi là Chiếu Hành Tiên. Họ có ánh sáng hào quang

9. **Kiên cố giao cấu, nhi bất hưu tức. Cảm ứng viên thành, danh tinh hạnh tiên.**

Kiên cố về thủy hỏa giao cấu chẳng ngừng nghỉ, thành tựu sự cảm ứng, gọi là Tinh Hành Tiên.

Giảng: Thông thường "giao hợp" là để nói lên hành vi tình dục giữa nam và nữ giới. Nhưng đó chắc chắn không phải là ý nghĩa ở đây. Thay vào đó, giao hợp diễn ra trong chính mình. Đạo giáo gọi đây là "Bé trai và bé gái." Mỗi cá nhân có khả năng riêng. Nó không phải là một vấn đề tìm kiếm bên ngoài chính mình. Mọi người đều có một cậu bé trai và cô gái trong cơ thể của chính mình. Cậu bé nói đến hình như quẻ "Ly – Hỏa" trong Kinh Dịch và cô gái trẻ nói quẻ "Khảm – Nước". Đây là ám chỉ đến những quẻ trong bát quái. Quẻ "Ly – Hoả" thì có âm nằm ở giữa. Quẻ "Khảm – Nước" thì có dương nằm ở giữa. Bát quái là:



Chúng bắt đầu với quẻ Càn – Thiên, bao gồm ba quẻ Dương. Quẻ Càn đại diện cho phái nam. Quẻ Khôn – Địa có ba quẻ Âm và biểu thị cho nữ giới. Ở tuổi ba mươi quẻ Càn của một người đàn ông đang ở đỉnh cao. Sau đó nó sẽ giảm, và nó chuyển qua quẻ Ly – Hỏa. Quẻ Ly gồm có 2 quẻ Dương nằm bên ngoài và quẻ Âm nằm ở giữa. Quẻ dương nằm ở giữa soay chuyển đi đâu? Nó chuyển qua quẻ Khôn, và hoá chuyển quẻ Khôn thành quẻ Khảm, gồm có 2 quẻ âm nằm bên ngoài và quẻ Dương nằm ở giữa.

Quẻ Ly – Hỏa tượng trưng cho trí và quẻ Khảm – Nước tượng trưng cho thân. Sự liên hệ nối tiếp qua các quẻ là đường nối tiếp giữa tâm và thân. Vì vậy, “giao hợp” được đề cập trong đoạn này là sự giao hợp giữa thân và tâm như mô tả ở đây. “Giao hợp” đơn giản là một sự tương tự cho một giao tiếp giữa thân và tâm trí. Các toàn bộ quá trình diễn ra trong cơ thể của một cá nhân. Quẻ Ly – Hỏa thuộc về Dương, nhưng trong dương có âm. Quẻ Khảm – Thủy thuộc về Âm, nhưng trong Âm có Dương.
– Cậu bé trai và cô gái trẻ gặp nhau tại sân vàng.

Sân màu vàng là gì? Đó là ý thức – thức thứ sáu. Và ý thức thuộc về quẻ Ly – Hoả. Nó rất là phức tạp nếu chúng ta đi sâu chi tiết vào học môn học Kinh Dịch. Thời gian không cho phép tôi giải thích thêm. Trong tu luyện, các Đạo sĩ tu hành các Pháp qua sự giao hợp này. Khi những người có kiến thức nhỏ mọn và quan điểm sai lầm thấy điều này thông qua kinh Lăng Nghiêm, họ

phỏng đoán rằng các pháp môn tu hành cho phép đàn ông và phụ nữ gieo tiếp lẫn nhau – những người tu luyện theo lối nầy có thể lý lẽ điều đó. Vì vậy, họ giao hợp với nhau và không giữ giới luật.

10. **Kiên cố biến hóa, nhi bất hưu tức. Giác ngộ viên thành, danh tuyệt hạnh tiên.**

Kiên cố biến hóa chẳng ngừng nghỉ, thành tựu tà ngộ, gọi là Tuyệt Hành Tiên.

Giảng: Ở đây nó nói rằng với sự quyết tâm vững chắc, một người tu hành học hỏi nhiều pháp môn, thần thông biến hóa. Khi anh ấy đã luyện thành công, anh ấy có một số thần thông biến hóa. Sau đó, thành tựu tà ngộ, gọi là Tuyệt Hành Tiên."

Họ thông hiểu học thuyết sáng tạo. Người tu hành này có thể di chuyển núi và lật biển. Có thể họ trao đổi những ngọn núi ở phía bắc với những ngọn núi ở phía nam. Họ có thể di chuyển biển, thay thế đại tây dương với thái bình dương và ngược lại. Họ có thần thông để thay đổi các mùa. Ví dụ, khi mùa đông trời lạnh, mọi cây cối sẽ không phát triển, họ có thể làm cho những thứ họ đã trồng sẽ phát triển và sẽ không bị đóng băng. Họ có thể làm những nơi nóng nhất thành mát mẻ và những nơi lạnh nhất thành ấm áp. Họ có thể biến mùa xuân thành mùa đông, và mùa hè thành mùa đông theo ý muốn: họ có thể biến thành mùa xuân, để cho hoa tươi nở trong mùa thu đáng lẽ mọi thứ phải chết dần.

Làm sao họ có thể làm được không? Họ đã hiểu được học thuyết của sự sáng tạo trời đất. Và họ có thể vận hành bằng phương tiện qua sự hiểu biết đó. Họ trở thành vị có khả năng sáng tạo. Họ được gọi là Tuyệt Hành Tiên.

A-nan! Thị đẳng giai ư, nhân trung luyện tâm, bất tuần chánh giác. Biệt đắc sanh lý, thọ thiên vạn tuế. Hưu chỉ thâm sơn, hoặc đại hải đảo, tuyệt ư nhân cảnh. Tư diệc Luân-hồi, vọng tưởng lưu chuyển, bất tu tam muội. Báo tận hoàn lai, tán nhập chư thú.

A Nan! Loại này đều ở trong cõi người mà luyện tâm, chẳng tu chánh giác, xa cách người đời, thọ muôn ngàn tuổi, ẩn núp nơi núi sâu, hòn đảo, những chỗ vắng người; ấy cũng là theo vọng tưởng mà luân hồi. Nếu chẳng tu tam muội, khi phước báo hết, phải trở lại trong lục đạo.

Giảng: Khi họ là con người, họ rèn luyện thân và tâm. Họ không tu hành theo Kinh Đại Định Thủ Lăng Nghiêm để đi đến giác ngộ, vô sanh vô diệt. Họ không tu hành theo chánh pháp. Họ xa cách người đời, thọ muôn ngàn tuổi. Các phương tiện tu hành đã giải thích phần trên là những pháp môn họ đã tu hành để kéo dài mạng sống. Các vị thần hộ pháp của họ đã truyền cho họ những pháp môn ngoại đạo này để bảo tồn mạng sống. Vì vậy, họ có tuổi thọ rất dài.

Họ ẩn núp nơi núi sâu, hòn đảo, những chỗ vắng người". Họ đi đến những nơi mọi người không thể đến. Có một ngọn núi Tu Di trong hệ thống thế giới này, và xung quanh nó là bảy ngọn núi vàng và bảy biển hương thủy. Ra ngoài những ngọn núi và biển có một dòng nước hương thủy rất mền và diệu mát. Nước này rất mền mại đến nỗi nếu một con lông chim rớt xuống biển hương thủy, nó sẽ chìm xuống đáy. Lông chim thường thường nổi trên mặt nước bình thường, nhưng nước biển hương thủy mềm đến mức không có sức mạnh để hỗ trợ bất cứ thứ gì nằm trên bề mặt của nó. Rõ ràng, nếu một lông chim chìm xuống đáy biển, thì bất kỳ thứ gì khác như thuyền hoặc bè chắc chắn sẽ chìm. Chỉ có những vị tu hành nầy có thể vượt bay qua biển. Vì vậy, những người này đã tu hành và đã trở thành những tiên bay lướt qua biển tới những hòn đảo nơi mọi người không bao giờ có thể đến.

Tuy nhiên, ấy cũng là theo vọng tưởng mà luân hồi. Mặc dù họ có thể sống trong hàng nghìn năm, chúng vẫn còn trong chu kỳ tái sinh luân hồi. Họ vần không thể thoát ra vòng sanh tử. Lý do họ vẫn phải luân hồi là vì họ vẫn còn những thứ rằn buộc gắn bó. Cụ thể, họ muốn bất tử – họ muốn sống lâu và không già đi. Đó là suy nghĩ sai lầm của họ, và vì vậy họ không nuôi dưỡng tánh bồ đề tâm.
Nếu chẳng tu tam muội, khi phước báo hết, phải trở lại trong lục đạo. Khi tuổi thọ của họ cuối cùng kết thúc, họ sẽ ra đi để tái sinh, và họ có thể trở thành người hay tiên hoặc thần, hoặc họ có thể tái sinh trong địa ngục làm những con ma hoặc động vật đói. Nó không thể chắc chắn họ sẽ tái sinh ở nơi đâu.

LỤC THIÊN GIỚI

*** * ***

1. **A-nan! chư thế gian nhân, bất cầu thường trụ. Vị năng xả chư, thê thiếp ân ái. Ư tà dâm trung, tâm bất lưu dật, trừng oánh sanh minh. Mạng chung chi hậu, lân ư nhật nguyệt. Như thị nhất loại, danh Tứ Thiên vương thiên.**

A Nan! Những người thế gian, chẳng cầu đạo thường trụ, chưa thể rời bỏ sự ân ái vợ chồng, nhưng tâm chẳng buông lung nơi tà dâm, do tâm đứng lặng phát ra sáng suốt. Sau khi chết, ở gần với nhật nguyệt, loại này gọi là Tứ Thiên Vương Thiên.

Giảng: A Nan! Những người thế gian, chẳng cầu đạo thường trụ. Điều này có nghĩa là họ không tìm cầu vật chất trên thế giới, và nó cũng có nghĩa là họ không tìm kiếm đạo thường trụ, vĩnh cửu của tâm trí thật. Họ chưa thể từ bỏ lòng ái tình, ân ái vợ chồng, nhưng họ không có hứng thú với tà dâm.

Có hoạt động tình dục với người khác ngoài vợ chồng được gọi là tà dâm. Ân ái trong hôn nhân không có được coi là sự ham muốn và không phải là tà dâm. Tuy nhiên, tốt hơn hết là giảm bớt về việc hoạt động đó, ngay cả trong hôn nhân, không nên quá đáng. Khi bạn trên con đường tu hành, dù có bao nhiêu công đức và đức hạnh bạn có thể có, bạn không được tham gia vào sự tà dâm. Nếu bạn tu hành, nhưng không thể cắt bỏ tà dâm đó, thì bạn sẽ không thành công dù bạn tinh tấn tu hành thế nào đi nữa.

Những người đang được thảo luận trong văn bản ở đây không quan tâm đến dục vọng, và do tâm đứng lặng phát ra sáng suốt. Nếu người tu hành không theo đuổi hoạt động tà dâm, thân tâm sẽ thuần khiết, và từ sự thuần khiết sẽ có hào quang – ánh sáng tự nhiên của đức hạnh. Vì vậy, có câu:

Trong tất cả các hạnh ác, tà dâm là trên hết.
Đừng theo con đường đó đến địa ngục!

Nếu người ta không phạm giới dục vọng, thì bản chất của một người, hơi thở, và tâm trí sẽ đầy đủ và viên mãn. Từ sự viên mãn đó sẽ mang đến hào quang đức hạnh. Trong cuộc đời , hào quang sẽ phát sáng và tỏa ra ánh sáng. Sau khi chết, ở gần với nhật nguyệt, loại này gọi là Tứ Thiên Vương Thiên. Loại tái sanh này bao gồm rất nhiều người. Người ta không thể nào đếm hết những người nằm trong số nầy. Thiên đường của bốn vị thiên vương nằm nửa chừng núi Tu Di. Đó là thiên đường gần nhất với cõi người của chúng ta. Các vị thần trong thiên đường này có tuổi thọ 500 năm. Một ngày và đêm trong thiên đường đó tương đương với 50 năm trong cõi người. Tuổi thọ của chúng là 9 triệu năm nếu tính theo năm tháng.

2. **Ư kỷ thê phòng, dâm ái vi bạc. Ư tịnh cư thời, bất đắc toàn vị. Mạng chung chi hậu, siêu nhật nguyệt minh, cư nhân gian đảnh. Như thị nhất loại, danh Đao Lợi Thiên.**

Đối với vợ mình, dâm ái ít ỏi, trong lúc tịnh cư, chưa hoàn toàn trong sạch. Sau khi chết, vượt ánh sáng nhựt nguyệt, ở trên đảnh cõi người, loại này gọi là Đao Lợi Thiên.

Giảng: Những người sinh ra trong thiên đường của Tứ Đại Thiên Vương đã không tham gia vào tà dâm, nhưng vẫn không kèm chế để giảm sự ái ân giữa họ với vợ của họ. Tuy nhiên, họ vẫn trung thủy với vợ chồng và không tà dâm với bất kỳ người phụ nữ nào khác. Phái nữ cũng như vậy: họ không tham gia với bất kỳ người đàn ông nào khác ngoại trừ chồng của họ. Tái sinh trong thiên đường của tứ đại thiên vương, họ không có người tình riêng khi họ sống trong cõi người.

Bây giờ văn bản thảo luận về những người đã giảm ân ái trong hôn nhân. Nó có thể áp dụng cho vợ liên quan đến chồng, chồng của họ đối với vợ của họ. "Nhẹ" có nghĩa là họ rất, rất hiếm khi tham gia vào thực hành này.

Họ có thể không tham gia với nhau ngay cả một lần trong một năm, hoặc họ có thể sống chung vài năm mà tham gia chỉ một lần. Họ không xem xét hoạt động tình dục là điều quan trọng. Tại sao một số người ham muốn tình dục quá nặng nề như vậy? Bởi vì sự nặng nề của những nghiệp lực của họ. Người nào có ít nghiệp lực, sẽ không có những suy nghĩ như vậy. Nghiệp càng nặng càng đeo đuổi con người và khiến họ không nghĩ gì khác ngoại trừ tình dục từ sáng đến tối. Suy nghĩ như vậy không bao giờ dừng lại. Nhưng trong khi ở giữa những trở ngại nặng nề mà bạn nên thức dậy và nhận ra rằng: bạn nên giảm bớt những chướng nghiệp đó. Nếu bạn càng để cho chướng nghiệp leo cuốn bạn, càng đi xa, bạn càng rơi xâu. Trong tương lai nó chắc chắn bạn sẽ tái sanh thành một con bò hay ngựa, một con lợn hay một con chó. Và sự tái sanh sẽ tiếp tục và không ngừng. Tại sao? Bởi vì ham muốn tình dục quá nặng nề. Nó chắc chắn sẽ khiến bạn rơi. Nó là rất nguy hiểm.

Mặc dù những người được thảo luận trong đoạn văn này rất ít quan tâm đến hoạt động tình dục, họ vẫn chưa lãnh ngộ được toàn bộ hương vị của sự thuần khiết. Họ đã không đạt được bản chất tinh khiết và lợi thế của nó, bởi vì họ không biết cách tu hành. Sau khi chết, vượt ánh sáng nhựt nguyệt, ở trên đảnh cõi người. Bởi vì họ không có nhiều ham muốn tình dục, hào quang bản chất tự nhiên của họ sẽ tỏa sáng. Bất cứ ai không có ham muốn tình cảm sẽ có ánh sáng và có thể được tái sanh trong cõi thiên.

Những người này là "trong số những người sinh ra trong cõi trời Đao Lợi. Cõi Đao Lợi là tiếng Phạn và có nghĩa là thiên đàng của 33. Chúa trời của thiên đàng Ba mươi ba cư ngụ trên đầu của chúng tôi. Có tám cõi ở phía đông, tám cõi trong số phía tây, tám cõi ở phía bắc, và tám cõi ở phía nam, tổng cộng là

ba mươi hai cõi. Từng 33 nằm ở trung tâm trong cõi khác và trụ tại đỉnh núi Tu Di.

Làm thế nào mà Chúa Trời của Thiên đàng 33 được tái sanh ở đó? Ban đầu cô ấy là một người phụ nữ nghèo đã nhìn thấy một bảo tháp đã tan vỡ. Cô quyết tâm sửa chữa nó và đi xin ăn và làm việc để kiếm tiền để làm điều đó. Trong khi đó, cô ấy có cùng với 32 người bạn; họ đã có một buổi họp và quyết định sửa chữa bảo tháp với nỗ lực đoàn kết của họ. Sau khi họ chết, ba mươi hai trở thành lãnh chúa của các thiên đường đi kèm và người phụ nữ trở thành Chúa Trời của thiên đường thứ ba mươi ba.

Tuổi thọ của các vị thần trong thiên đường của Ba mươi ba là một nghìn năm. Một trăm năm của thời gian con người bằng một ngày một đêm trong thiên đường đó. Khi chúng ta tiến lên một bậc, những người dân của mỗi thiên đường phiá trên có tuổi thọ gấp đôi của thiên đàng phía dưới. Chiều cao của các vị thần cũng tăng tương ứng. Nhưng thay vì nói thêm chi tiết, nếu quý vị muốn biết thêm chi tiết, bạn có thể tự mình điều tra nó.

3. **Phùng dục tạm giao, khứ vô tư ức. Ư nhân gian thế, động thiểu tĩnh đa. Mạng chung chi hậu, ư hư không trung, lãng nhiên an trụ. Nhật nguyệt quang minh, thượng chiếu bất cập. Thị chư nhân đẳng, tự hữu quang minh. Như thị nhất loại, danh tu diệm ma thiên.**

Gặp dục tạm giao, qua rồi thì chẳng nhớ; nơi cõi người động ít tịnh nhiều. Sau khi chết, an trụ nơi hư không, ánh sáng nhựt nguyệt chẳng thể soi đến, hạng người ấy tự có ánh sáng, loại này gọi là Tu Diệm Ma Thiên.

Giảng: Có một số người trên thế giới “gặp dục tạm giao, qua rồi thì chẳng nhớ ”Điều này ám chỉ đến việc ân ái của các cặp vợ chồng. Mặc dù thỉnh thoảng họ tham gia vào tình dục ân ái những người này quên mất khi xong việc. Họ không để tâm sau đó.

“nơi cõi người động ít tịnh nhiều.” Điều đó có nghĩa là họ để dành phần nhiều thời gian của họ tu hành thiền định. Họ sau khi chết, an trụ nơi hư không, ánh sáng nhựt nguyệt chẳng thể soi đến. Mặt trời và mặt trăng không tỏa sáng nơi những người này đi. “Những chúng sinh có ánh sáng hào quang riêng của họ. Khi họ đến nơi không có ánh sáng, thân thể của họ phát ra một hào quang sáng chói, và thế là tại chỗ đó không có ngày và đêm. Nơi đó luôn luôn sáng. Làm thế nào sau đó họ tính thời gian trôi qua? Họ dùng hoa sen. Khi mà hoa mở ra họ biết đó là ngày; khi bông hoa đóng lại, đó là đêm.

Những sinh mệnh này “nằm trong số những người sinh ra trong Tu Diệm Ma Thiên. Chiều cao trung bình của họ là 225 feet. Tuổi thọ của họ là hai nghìn năm. “Tu Diệm” có nghĩa là “chia đều thời gian ”bởi vì nó luôn luôn sáng ở đó, ngày và đêm.

4. **Nhất thiết thời tĩnh. Hữu ưng xúc lai, vị năng vi lệ. Mạng chung chi hậu, thượng thăng tinh vi. Bất tiếp hạ giới, chư nhân thiên cảnh. Nãi chí kiếp hoại, tam tai bất cập. Như thị nhất loại, danh Đâu-Xuất-Đà Thiên.**

Lúc nào cũng tịnh, nhưng khi tiếp xúc bỗng đến, chưa thể lìa bỏ. Sau khi chết, sanh lên cõi tinh vi, chẳng nối liền với những cõi trời, người ở dưới; khi kiếp hoại tam tai cũng chẳng thể đến, loại này gọi là Đâu Suất Đà Thiên.

Giảng: Trên thiên đường này có bên trong và bên ngoài thành. Ở bên ngoài thành các vị thiên thần thường trú ngụ, và bên trong thành các vị Bồ Tát cư ngự.
Hiện tại, Bồ Tát Di Lặc ngự bên trong của Đâu Suất Đà Thiên. Ngài giải thích về Tâm Thức của Duy Thức Học. Lúc nào cũng tịnh, nhưng khi tiếp xúc bỗng đến, chưa thể lìa bỏ. Sau khi chết, sanh lên cõi tinh vi, chẳng nối liền với những cõi trời, người ở dưới” Vào mọi lúc và trong mọi tình huống họ không bao giờ di chuyển. Họ rất yên tĩnh. Tuy nhiên, khi một nhân dịp phát sinh quan hệ tình dục, không chắc chắn là họ sẽ không tham gia. Nhưng họ không thực sự muốn tham gia. Đôi khi họ có thể thưởng thức hoạt động này, nhưng rất, rất ít khi. Khi chết những người có ít ham muốn và thường sẽ tăng lên; linh hồn của họ sẽ đi đến một nơi tinh tế và thanh tịnh và sẽ không rơi xuống.

Sự tàn phá các cõi của con người và các vị thần và kiếp hoại tam tai sẽ không tới chổ của họ, vì họ là một trong số những người sinh ra ở thiên đường Đâu Suất. ” Thiên tai:
1) thảm họa cháy
2) thảm họa của nước
3) thảm họa của gió

Lửa cháy qua cõi sơ thiền, nước ngập tới cõi nhị thiền, và gió tàn phá cõi tam thiền. Nhưng vì Bồ Tát cư trú trong cõi trời Đâu Suất, ba thảm họa không thể đạt được nó. “Đâu Suất” có nghĩa là “có ít ham muốn và phân tâm.” Họ đơn giản không có tham lam. Họ không có tình dục khao khát. Vì vậy, nếu bạn muốn được tái sanh lên cõi trời, chỉ bớt ít ham muốn và bớt khao khát. Có cảm

xúc mạnh mẽ và mãi mãi nghĩ về tình dục, không bao giờ có thể đặt nó xuống ngay cả một khoảnh khắc, mặc dù – đó thực sự rất là nguy hiểm. Đó là, trên thực tế, vấn đề nguy hiểm nhất trong tất cả. Đó là nguồn gốc của sự sụp đổ. Nếu bạn không lo sợ về ngã rớt xuống tần dưới, bạn cứ nghĩ về những thứ đó nhiều như bạn muốn. Nếu bạn sợ rơi xuống, hãy nhanh chóng ngăn chặn những cảm xúc, suy nghĩ đó. Nếu bạn không dừng lại, bạn sẽ không biết bạn sẽ kết thúc ở đâu trong tương lai.

5. **Ngã vô dục tâm, ưng nhữ hạnh sự. Ư hoạnh trần thời, vị như tước lạp. Mạng chung chi hậu, sanh việt hóa địa. Như thị nhất loại, danh lạc biến hóa Thiên.**

Ta chẳng tâm dâm dục, chỉ đáp ứng với nhu cầu của người, xem sự dâm dục vô vị như ăn sáp. Sau khi chết, sanh lên cõi biến hóa, loại này gọi là Lạc Biến Hóa Thiên.

Giảng: Bạn không có tâm dâm dục, nhưng bạn vẫn đáp ứng nhu cầu. Người vợ thì muốn làm điều này. Đó là những gì xảy ra giữa các cặp vợ chồng. Một bên thì ham muốn tình dục trong khi người kia thì không. Người có ham muốn theo đuổi một người không có ham muốn.

Bạn đã từng nhai gum chưa? Bạn có thể nhai mãi mãi nhưng bạn sẽ không bao giờ có được hương vị từ nó. Đó là tương tự được sử dụng để nói lên loại người không có niềm vui khi quan hệ tình dục. Họ không có bất kỳ suy nghĩ nào về ham muốn. Sau khi nghe nguyên tắc này, bạn chắc chắn sẽ chăm sóc để kiểm soát chính mình. Đừng thả lỏng nữa. Đừng chạy xuống đến đường tử vong. Sự tái sanh của các loại người được thảo luận ở đây vượt qua những thiên đường được thảo luận trước đó; “Chúng nằm trong số đó được sinh ra trong Lạc Biến Hóa Thiên.”

Mọi thứ trong môi trường của họ được biến đổi. Đó là một nơi cực kỳ hạnh phúc – không diễn tả được. Nhưng hạnh phúc được nhắc đến không giống như của sự tham gia tình dục bình thường. Nó là phúc lạc tự nhiên. Tuy nhiên, nó không phải là một nơi cuối cùng của sự tái sinh. Nó vẫn nằm trong sáu cõi thiên đường. Các vị thần trên thiên đường này có 3075 feet cao. Một ngày và đêm trong thiên đường đó bằng 800 năm so với năm con người, và tuổi thọ của họ là 8000 năm.

6. **Vô thế gian tâm, đồng thế hạnh sự. Ư hạnh sự giao, liễu nhiên siêu việt. Mạng chung chi hậu, biến năng xuất siêu, hóa vô hóa cảnh. Như thị nhất loại, danh tha hóa tự tại thiên.**

Tâm chẳng trụ thế gian, mà thọ dụng cảnh dục đồng như thế gian; đang lúc thọ dụng, rõ ràng siêu thoát. Sau khi chết, vượt lên tất cả cảnh biến hoá và chẳng biến hóa, loại này gọi là Tha Hóa Tự Tại Thiên.

Giảng: Đây là những người đôi khi dính líu vào việc giao hợp với người hôn nhân của họ. Nhưng đối với họ, nó không chỉ có hương vị của gum, mà là không không có gì xảy ra cả. Họ "có khả năng ở cuối cuộc sống của họ hoàn toàn vượt qua lên vượt lên tất cả cảnh biến hoá và chẳng biến hóa. "Họ đạt đến trạng thái nơi họ có thể xuất hồn khỏi cơ thể của họ và biến đổi theo ý họ, không ngừng. "Họ là một trong số những người tái sinh trong cõi Tha Hóa Tự Tại Thiên

Mọi thứ trong cõi của thiên đàng không có nguồn gốc ở đó, nhưng đúng hơn là một sự biến đổi được thực hiện như một sự cúng dường của chúng sinh ở các tầng trời khác. Nơi đó rất thoải mái. Hạnh phúc bao la, và không có việc phải làm. Không có bất kỳ công chức nào trong thiên đường nầy – những người làm việc cho một cuộc sống sẽ chết đói ở đó – bởi vì mọi thứ diễn ra tự nhiên. Hạnh phúc cực kỳ. Nó tốt hơn rất nhiều so với cõi của con người, điều đó chắc chắn. Nhưng mặc dù đó là một nơi tốt đẹp, nhưng chúng sinh ở đó cũng sẽ bị rơi xuống trong một ngày. Một khi họ sử dụng các phước lành trên trời của họ, họ sẽ rơi trở lại cõi người hoặc thậm chí vào địa ngục – không có cái gì là cố định. Những chúng sinh trên trời cao trung bình là 4500 feet. Một ngày và đêm trong thiên đàng đó bằng 1500 năm trên trái đất, và tuổi thọ của họ là 16000 năm. Đó là sáo cõi dục giới. Tất cả chúng sinh trong những thiên đường đó vẫn còn ham muốn tình dục ở các mức độ khác nhau. Một câu mô tả nó:

Trong cõi tứ đại thiên vương và chúa Trời,
Dục vọng được thực hiện thông qua việc ôm lấy.
Trong cõi Tu Diệm Ma Thiên, họ nắm tay nhau,
Trong cõi Đâu Suất Đà Thiên, họ mỉm cười.
Trong cõi Lạc Biến Hóa Thiên, họ nhìn,
Trong cõi Tha Hóa Tự Tại Thiên, một cái nhìn cũng đủ.

Trong sáu cõi dục giới, đây là niềm hạnh phúc mà họ cho là đúng. Trong cõi tứ đại thiên vương và cõi trời Đao Lợi, dục vọng thực hiện thông qua ôm. "Họ tiến hành các vấn đề tình dục giống như cách con người làm. Trong cõi Tu Diệm Ma Thiên, họ nắm tay nhau. Trong cõi Đâu Suất Đà Thiên, họ mỉm cười.

Những sinh mệnh trong Tu Diệm Ma Thiên sống hoà thuận qua tâm trí, không qua thể chất. Tất cả những gì họ phải làm để tỏa mãn khao khác tình dục của họ là nắm tay nhau. Trên cõi Đâu Suất Đà Thiên, họ mỉm cười. Không còn liên quan đến thể xác. Trong cõi Lạc Biến Hóa Thiên, họ nhìn nhau. Trong cõi Tha Hóa Tự Tại Thiên, một cái liếc nhìn.

Đàn ông và phụ nữ trong cõi Lạc Biến Hóa Thiên chỉ cần nhìn vào người khác phái – họ thậm chí không phải mỉm cười. Họ nhìn chằm chằm vào người khác có thể là ba phút hoặc năm phút; đó là cách họ hoàn thành quan hệ tình dục.

Trong cõi Tha Hóa Tự Tại Thiên, một cái nhìn thoáng qua là đủ. Chỉ một thoáng nhìn là đầy đủ. Thiên đường càng cao, những suy nghĩ của ham muốn tình dục càng nhẹ ít Đây là một nguyên tắc thực sự; bạn nên hiểu rõ. Một khi bạn hiểu, bạn sẽ có thể thực sự hiểu Phật pháp, vì bạn sẽ biết rằng ham muốn tình dục là cực kỳ có hại. Bạn có nhớ trong đoạn kinh trước có nói Bồ Tát xem chuyện ham muốn tình dục như một con rắn độc? Họ biết họ sẽ bị cắn chết. Con người bình thường không thể thấy nó khốc liệt như thế nào. Đó là lý do tại sao họ dành tất cả thời gian, ngày và đêm, suy nghĩ về điều khó chịu này. Họ không thể đặt nó xuống. Nếu bạn thực sự hiểu, tôi nghĩ bạn sẽ không như vậy bị bối rối và đảo ngược về nó.

A-nan! Như thị lục thiên. Hình tuy xuất động, tâm tích thượng giao. Tự thử dĩ hoàn, danh vi dục giới.

A Nan! Sáu cõi trời kể trên, hình dù khỏi động mà tâm còn dính mắc, từ đây trở xuống, gọi là Dục Giới.

Giảng: Mặc dù họ đã vượt qua sự đồi hỏi vật chất, nhưng họ vẫn bị dính mắc vào mặt tinh thần. Tâm trí, bản chất và cơ thể vẫn hành động qua những suy nghĩ của ham muốn tình dục. “Vì họ sẽ phải trả nợ trực tiếp. Đây được gọi là sáu cõi thiên dục giới ”

Những cõi thiên này, từ cõi trời của tứ đại thiên vương cho lên tới cõi trời tha hóa tự tại được gọi là sáu cõi trời dục giới. Các cõi trời vẫn còn nằm trong dục giới bởi vì chúng sinh trong cõi nầy chưa hoàn toàn thanh tịnh. Họ vẫn còn suy nghĩ tới ái tình.

HẾT QUYỂN 8


度輪禪
師法像

KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH NHƯ LAI MẬT NHƠN
TU CHỨNG LIỄU NGHĨA
CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH
THỦ LĂNG NGHIÊM

QUYỂN 9 – PHẦN 1

— o0o —

TUYÊN HÓA THƯỢNG NHÂN
giảng thuật

— o0o —

SẮC GIỚI

SƠ THIỀN

A-nan! Thế gian nhất thiết, sở tu tâm nhân. Bất giả Thiền-na, vô hữu trí tuệ.

A Nan! Tất cả người tu tâm trong thế gian chẳng nhờ Thiền Na thì chẳng có trí huệ

Giảng: Anan, bây giờ chúng ta sẽ nói về sắc giới, cõi trời của Tứ Thiền. Tất cả người tu hành trong thế gian chẳng nhờ Thiền Na thì chẳng có trí huệ. Họ chưa có quen tu hành thiền định – chưa có thể kèm chế hết vọng tưởng, và vì vậy họ chưa có trí tuệ.

1. **Đãn năng chấp thân, bất hành dâm dục. Nhược hành nhược tọa, tưởng niệm câu vô. Ái nhiễm bất sanh, vô lưu dục giới, thị nhân ưng niệm, thân vi phạm lữ. Như thị nhất loại, danh Phạm Chúng Thiên.**

Nếu được giữ thân chẳng dâm dục, khi đi khi ngồi, niệm tưởng đều không, ái nhiễm chẳng sanh, chẳng lưu luyến Dục Giới, làm bạn với Phạm Thiên, hạng này gọi là Phạm Chúng Thiên.

Giảng: Họ có thể làm gì để kiểm soát thân tâm của chính mình và kiềm chế thân chẳng dâm dục. “Khi đi khi ngồi, niệm tưởng đều không” Đi bộ, đứng, nằm, ngồi và ngay cả trong giấc ngủ của họ – mọi lúc mọi nơi, “ái nhiễm chẳng

sanh". Mặc dù gặp phải một thứ hay người đẹp, họ không cho những vọng tưởng ái tình sanh ra. và như vậy họ "chẳng lưu luyến Dục Giới".

Những người này có thể tùy ý lấy thân tướng Phạm Thiên. Họ làm bạn with các Phạm Thiên. Và không còn những tham vọng. Hạng người nầy gọi là Phạm Chúng Thiên. Họ trở thành những vị thanh tịnh sống tại cõi trời nầy. Họ trở thành một vị thiên trong đại đa số chư thiên trên trời – một trong đại số.

2. **Dục tập ký trừ, ly dục tâm hiện. Ư chư luật nghi, ái lạc tùy thuận. Thị nhân ưng thời, năng hạnh phạm đức. Như thị nhất loại, danh phạm phụ Thiên.**

Dục lậu đã trừ, "Tâm lìa dục" hiện, ưa hành theo các luật nghi, đức hạnh trong sạch, hạng này gọi là Phạm Phụ Thiên.

Giảng: "Dục lậu đã trừ, Tâm lìa dục hiện, ưa hành theo các luật nghi. " Bản chất con người thì thích ăn và tình dục. Những thói quen này là bẩm sinh của con người. Nhưng vào thời điểm này, những sinh mệnh này đã lìa khỏi những thói quen ham muốn tình dục của họ. Khi họ đã không còn tham vọng, không còn ái tình, trí huệ bắt đầu sanh. Họ tuân hành theo giới luật và giữ các quy tắc luật nghi. Họ thích giới luật và giữ giới trong việc tu hành. Những người này có thể thực hành đức hạnh trong sạch, hạng này gọi là Phạm Phụ Thiên." Vào mọi lúc và trong mọi tình huống, họ tu hành theo chánh đạo. Hành vi của họ là đạo đức và thanh tịnh. "Phục Thiên" có nghĩa là sự trong sạch. Những người này được tái sanh vào cõi phụ thiên. Giữ chức pháp sư, họ giúp đỡ Đại Phạm Phụ Thiên.

3. **Thân tâm diệu viên, uy nghi bất khuyết. Thanh tịnh cấm giới, gia dĩ minh ngộ. Thị nhân ưng thời, năng thống phạm chúng, vi Đại Phạm Vương. Như thị nhất loại, danh đại phạm thiên.**

Thân tâm diệu viên, oai nghi đầy đủ, giới cấm trong sạch, lại có sự tỏ ngộ, được thống lãnh Phạm Chúng, làm Đại Phạm Vương, hạng này gọi là Đại Phạm Thiên.

Giảng: Những người có "thân tâm diệu viên, oai nghi đầy đủ, giới cấm trong sạch, lại có sự tỏ ngộ ". Đây là những vị không còn suy nghĩ tham vọng, và đầy đủ 3000 oai nghi và tám vạn tế hạnh. Họ hoàn hảo các giới hạnh. Họ giữ giới

và trong sạch trong các giới luật của đức Phật đã thuyết. Không những họ giữ giới hoàn toàn, họ còn có một sự hiểu biết toàn diện về giới luật. Họ đã chứng ngộ qua thân, vật chất và pháp giới. Họ "được thống lãnh Phạm Chúng, làm Đại Phạm Vương, hạng này gọi là Đại Phạm Thiên." Khi cuộc sống của những người này kết thúc, họ được sinh ra trên trời và họ có thể cai trị vô số trong cõi Phạm Thiên.

A-nan! Thử tam thắng lưu. Nhất thiết khổ não, sở bất năng bức. Tuy phi chánh tu, chân tam-ma-địa. Thanh tịnh tâm trung, chư lậu bất động, danh vi sơ Thiền.

A Nan! Ba bậc này tất cả khổ não chẳng thể bức bách, dù chẳng phải chánh tu chơn Tam Ma Địa, nhưng nơi tâm trong sạch, dục lậu chẳng thể lay động, gọi là Sơ Thiền

Giảng: "A Nan! Ba bậc này tất cả khổ não chẳng thể bức bách.". Ba bực nầy là Phạm Chúng Thiên, Phạm Phụ Thiên và Đại Phạm Thiên. Đây là những cấp độ cao siêu – cõi trời của Sơ Thiền – trong đó đau khổ và phiền não không làm phiền người tu hành. "

Mặc dù họ "chẳng phải chánh tu chơn Tam Ma Địa" – mặc dù họ không thâm sâu Phật pháp và không chánh tu thiền định nhưng "nơi tâm trong sạch, dục lậu chẳng thể lay động". Họ luân giữ giới và nhờ giữ giới, tâm được thanh tịnh đến mức họ không bị di chuyển bởi vạn vật bên ngoài lôi cuốn. Họ không gây ra lỗi lầm. Họ không tham gia vào những ham muốn vô tận của thế giới vật chất như thực phẩm, quần áo và tất cả vật đối tượng của ham muốn. Tất cả là vật lôi cuốn. Những vị sống tại cõi trời này không có yếu điểm., phiền não, thói quen hay tật xấu. Họ được "gọi là Sơ Thiền". Khi tu hành đạt được quả vị này, mạch máu ngừng đập khi đạt được quả vị Sơ Thiền. Nếu quý vị muốn biết quý vị có đạt được chưa, hãy kiểm ra mạch của quý vị. Đó là một dấu hiệu khi đạt được quả vị này. Nó không phải là quả vị tầm thường

NHỊ THIỀN

1. **A-nan! kỳ thứ phạm thiên. Thống nhiếp phạm nhân, viên mãn phạm hạnh. Trừng tâm bất động, tịch trạm sanh quang. Như thị nhất loại, danh thiểu quang Thiên.**

A Nan! Hàng Phạm Thiên thống lãnh phạm chúng, đầy đủ phạm hạnh, lắng tâm chẳng động; do tịch lặng sanh ra ánh sáng; hạng này gọi là Thiểu Quang Thiên.

Giảng: Những người nằm ở vị trí trên cõi của Phạm Chúng Thiên, Phạm Phụ Thiên và Đại Phạm Thiên có khả năng thống lãnh và thu nhập các vị trong 3 cõi đó. Đó là bởi vì họ đã có đầy đủ phạm hạnh.

"Lắng tâm chẳng động; do tịch lặng sanh ra ánh sáng." Tâm trí của họ rất yên tĩnh và bình tĩnh, tâm chẳng rung động. Khi tâm được thanh tịnh và tĩnh lặng, một hoà quang sẽ từ từ sáng tỏa. Những vị tu hành được trụ tại cõi Thiểu Quang Thiên

2. **Quang quang tướng nhiên, chiếu diệu vô tận. Ánh thập phương giới, biến thành lưu ly. Như thị nhất loại, danh Vô lượng quang Thiên.**

Ánh sáng chói lọi, chiếu soi vô cùng, chiếu khắp mười phương cõi đều như lưu ly; hạng này gọi là Vô Lượng Quang Thiên.

Giảng: "Ánh sáng chói lọi, chiếu soi vô cùng, chiếu khắp mười phương cõi đều như lưu ly. " Hoà quang của họ chiếu sáng lẫn nhau. Chúng cùng nhau chiếu soi. Quý vị đã bao giờ nhận thấy ánh đèn tương chiếu nhau không? Không có bất kỳ điều gì mà ánh đền không cùng nhau tỏa sáng. Nếu quý vị cầm một cái đèn, và người khác cũng có một cái đèn sáng, 2 ngọn đèn không có chọi nhau. Thật không? Ánh sáng không chọi nhau. Không có một lúc nào khi một ánh đèn lớn lại lấn áp một ánh đèn nhỏ. Không có hỗn loạn trong ánh đèn. Đây là những gì được mô tả ở đây khi nói lên ánh sáng chói lọi. Ánh sáng chiếu soi vô cùng vô tận. Nó chiếu soi khắp mười phương and mọi thứ đều được chiếu sáng như lưu ly. Những bậc tu hành này được trụ tại cõi trời Vô Lượng Quang Thiên.

3. **Hấp trì viên quang, thành tựu giáo thể. Phát hóa thanh tịnh, ưng dụng vô tận. Như thị nhất loại, danh Quang âm Thiên.**

Hào quang đồng như âm thanh, thành tựu giáo thể, phát ra sự giáo hóa trong sạch, ứng dụng vô cùng; hạng này gọi là Quang Âm Thiên.

Giảng: "Hào quang đồng như âm thanh, thành tựu giáo thể." Họ cùng nhau đạt được và duy trì ánh hào quang và theo cách này, họ thành tựu giáo thể. Trong cõi Quang Âm Thiên, mọi người không cần phải la lớn để trò chuyện lẫn nhau. Họ dùng ánh hào quang cho âm thanh. Họ trò chuyện qua chiếu ánh hào quang. Họ không trò chuyện bằng miệng lưỡi, họ không dùng ngôn ngữ. Ánh hoà quang là phương tiện để giáo pháp trong cõi trời này. Đó thực sự là một trường hợp:
– Tâm trí hiểu nhau mà không nói một lời.

Khi họ tỏa ánh hào quang tới nhau trong cõi này, người kia hiểu được người nọ nói gì. Ý tưởng trao đổi với nhau qua ánh hào quang. "Phát ra sự giáo hóa trong sạch, ứng dụng vô cùng; hạng này gọi là Quang Âm Thiên." Sự ứng dụng của hào quang thực vô hạn

A-nan! Thử tam thắng lưu. Nhất thiết ưu sầu, sở bất năng bức. Tuy phi chánh tu, chân tam-ma-địa. Thanh tịnh tâm trung, thô lậu dĩ phục, danh vi nhị Thiền.

A Nan! Ba bậc này tất cả lo buồn chẳng thể bức bách, dù chẳng phải chánh tu chơn Tam Ma Địa, nhưng nơi tâm trong sạch, những phiền não thô động đã uốn dẹp, gọi là Nhị Thiền.

Giảng: "A Nan! Ba bậc này tất cả lo buồn chẳng thể bức bách." Trong cõi trời của sơ thiền, họ không bị bức bách bởi phiền não và đau khổ. Tuy nhiên, họ vẫn có một chúc lo âu. Nếu có chuyện đưa đến, họ vẫn có một chúc khó khăn để buông bỏ mọi chuyện. Họ bị bân khuân vào việc. Nhưng ở cõi nhị thiền, không còn có lo âu phiền não, và không còn việc để bân khuân. Họ không để gì trong tâm. Họ khác hẵn với những người thường trên thế gian nầy, như họ không bân khuân với mọi chuyện qua lại hay dành cả ngày ngày lẫn đêm lâu âu mọi chuyện. "Bân khuân" có nghiã là bị trở trại, cản trở

"Dù chẳng phải chánh tu chơn Tam Ma Địa, nhưng nơi tâm trong sạch, những phiền não thô động đã uốn dẹp.". Những vị tu hành nầy tuy chưa phải chánh tu chơn Tam Ma Địa, nhưng họ đã đạt được một quả vị làm cho tâm trí được thanh tịnh. Những phiền não đã được kèm chế. Nhưng họ chưa hẵng có thể kiềm chế những vọng tưởng trong tâm. Bề ngoài những vị tại cõi nhị thiền nhìn như sống không có phiền não và lo âu.

Khi những vị tu hành ngồi thiền và nhập vào nhị thiền định, hơi thở của họ dừng lại. Trong sơ thiền, mạch máu dừng. Trong nhị thiền, hơi thở ngừng.

Trong đây tuy nói rằng hơi thở dừng, quý vị còn nhớ những gì tôi nói trong bài trước về con trai và bé gái ?

Phương tiện tu hành của ngoại đạo và Phật đạo tu hành có vài chổ giống nhau. Bề ngoài nhiều chổ giống nhau, với vài chi tiết riêng biệt. Khi mạch máu dừng, không có nghiã là người ấy đã chết? Không, không phải như vậy. bởi vì bề ngoài mạch máu đã ngừng đập, mạch máu của chân tâm vẫn còn. Điều tương tự cũng áp dụng cho hơi thở. Hơi thở và mạch máu của chơn tâm vẫn còn đó và chiếm lấy. Cho nên mạch máu của thân có thể dừng đập. Trong cùng một cách, khi các bằng chứng bên ngoài của hơi thở chấm dứt trong nhị thiền, không có nghiã là người tu hành đã chết. Họ đã nhập định nhị thiền và đã đạt được sự thanh tịnh và phúc lạc. Tuy nhiên, chỉ việc và vật bên ngoài được thống chế. Không phải mọi thứ bên trong đã thống chế. Những vị này được gọi là Nhị Thiền

TAM THIỀN

1. **A-nan! Như thị Thiên Nhân. Viên quang thành âm, phi âm lộ diệu. Phát thành tinh hạnh, thông tịch diệt lạc. Như thị nhất loại, danh thiểu tịnh Thiên.**

A Nan! Hào quang thành âm, dùng âm thanh tỏ bày diệu lý, thành hạnh tinh tấn, thông với sự vui tịch diệt, hạng này gọi là Thiểu Tịnh Thiên.

Giảng: “A Nan! Hào quang thành âm, dùng âm thanh tỏ bày diệu lý, thành hạnh tinh tấn.” Đối với các vị tu hành ở đại vị nầy, hào quang đã trở thành âm thanh, và khi họ có thể phân biệt âm thanh này càng rõ ràng hơn, nó cho thấy một mức độ tinh tấn và tuyệt diệu của sự tu hành.

“Thông với sự vui tịch diệt” qua tinh tấn và tuyệt diệu của sự tu hành. Tịch Diệc là vắng mặt của vọng tưởng. Vọng tưởng và vạn pháp đã tịch diệt, và họ được gọi là Thiểu Tịnh Thiên. Những vị tu hành cư ngụ tại cõi Thiểu Tịnh Thiên. Thân tâm đã đạt được một phần thanh tịnh. Chưa hoàn toàn thanh tịnh.

2. **Tịnh không hiện tiền, dẫn phát vô tế. Thân tâm khinh an, thành tịch diệt lạc. Như thị nhất loại, danh vô lượng tịnh Thiên.**

Cảnh “Tịnh Không” hiện tiền, chẳng có bờ bến, thân tâm nhẹ nhàng, thành sự vui tịch diệt, hạng này gọi là Vô Lượng Tịnh Thiên.

Giảng: “Cảnh Tịnh Không hiện tiền, chẳng có bờ bến.” Họ đã được sự thanh tịnh và sau đó họ ngộ được chân lý Vô Vi. Khi hiểu được cái không, chân lý dẫn họ đến chỗ không có bờ bến. Sự thanh tịnh vô hạn.

“Thân tâm nhẹ nhàng, thành sự vui tịch diệt.” Lúc này họ được hoàn toàn tự tại. Họ có tự chủ bản thân. Họ đã đạt được niềm vui của sanh diệt. Trong sanh có diệt, trong diệt có sanh. Một cái gì đó đã mất mà hầu hết mọi người không biết có thể xảy ra. Hầu hết mọi người tham lam vật chất ngoài, và vì vậy chúng đeo đuổi theo chúng.
Bản chất của họ chảy ra thành cảm xúc;
Cảm xúc của họ chảy ra thành ham muốn.

Ý nghĩ ham muốn tình dục được tạo ra. Chúng trở thành cố định trong quan niệm rằng họ phải tìm một đối tượng. Rồi họ để ngọn lửa dục vọng bùng cháy và suốt đời đeo đuổi theo dục vọng. Đó là tình dục. Vậy có cần thiết phải có thứ gì bên ngoài thân để có niềm vui này không? Không, bởi vì trong Không có Sắc. Nếu quý vị hiểu, trong sắc có không. Quý vị sẽ nhận được cái Không và niềm vui tịch diệt từ trong đó. Kinh Kim Cang có nói:
“Sắc bất dị không, không bất dị sắc. Sắc tức thị không, không tức thị sắc.”

Niềm vui Tịch Diệt – Tịch Không – nó còn hơn cả 10 triệu lần so với niềm vui vật chất. Nếu quý vị muốn nhận được, trước quý vị phải từ bỏ sự ham muốn vật chất. Nếu quý vị không chịu bỏ các vật thể bên ngoài, chân không trong quý vị không thể hiện được.

Ở đây, những vị chư thiên đã đi đến cảnh tịnh không, và thân tâm đã được nhẹ nhàng. Họ đã đạt được quả vị và hiểu được: “Sắc bất dị không, không bất dị sắc. Sắc tức thị không, không tức thị sắc.”
Đây không thể giả bộ được. Quý vị không thể nói quý vị đạt được quả vị nầy nếu chưa đạt. Không thể trải qua kinh nghiệm qua lời nói. Chỉ khi nào quý vị đạt được quả vị. Cũng giống như một người uống nước mới biết được nước lạnh hay nóng. Những vị đã đạt được quả vị tịch diệt nầy được cư ngụ tại cõi Vô Lượng Tịnh Thiên

3. **Thế giới thân tâm, nhất thiết viên tịnh. Tịnh đức thành tựu, thắng thác hiện tiền, quy tịch diệt lạc. Như thị nhất loại, danh biến tịnh Thiên.**

Thế giới và thân tâm, tất cả đều trong sạch, thành tựu đức tánh trong sạch, thắng cảnh hiện tiền, qui về cái vui tịch diệt, hạng này gọi là Biến Tịnh Thiên.

Giảng: "Thế giới và thân tâm, tất cả đều trong sạch, thành tựu đức tánh trong sạch." Trong cõi trời đã thảo luận trước đây, chỉ có thân và tâm được thanh tịnh. Những vị tu hành trong cõi trời này đang nói đã đạt được những thần thông như họ có thể thay đổi vị trí của trái đất. Trái đất tràn đầy ô nhiễm, nhưng họ có thể biến nó thành cực lạc. Chân lý nầy cũng giống như chân lý trong câu:
Chân tâm là tịnh độ
Bổn ngã là Phật A Di Đà

Nếu tâm thanh tịnh, tịnh độ cũng thanh tịnh. Nếu tâm không thanh tịnh, quý vị sẽ không thấy được cái thanh tịnh của tịnh độ. Nếu quý vị có ở trong cõi tịnh độ nhưng lại không làm gì hết ngoài trừ khóc lóc suốt ngày, thì đâu có gì là hạnh phúc. Nếu quý vị ở cõi Ta Bà và quý vị vui vẽ từ sáng tới tối, vậy cũng như quý vị đang ở cõi cực lạc. Chân lý tại đây là "Vạn pháp duy tâm." Chân lý vẫn nằm nơi đó, nếu quý vị có thể nhìn xuyên qua nó và buông thả vạn vật. Nếu có thể buông thả, quý vị sẽ được thoải mái và tự tại. Nếu quý vị không nhìn xuyên qua vạn vật để nhận ra cái tánh, và không buông bỏ nó xuống, quý vị sẽ không nhận được sự yên tĩnh trong hạnh phúc.

Những vị chư thiên khi đạt được quả vị này, họ có được sự thanh tịnh trong thân tâm ý và cái tánh của vạn vật, ánh sáng của bổn ngã. Khi đó "thắng cảnh hiện tiền". Mọi thắng cảnh có thể giải thích như thế nào? Đây là thắng cảnh hiện hiền trong tâm.

Họ "qui về cái vui tịch diệt, hạng này gọi là Biến Tịnh Thiên." Chẳng có một nào là không thật. Họ có thể thanh tịnh mọi thứ trong vạn pháp.

A-nan! Thử tam thắng lưu, cụ đại tùy thuận. Thân tâm an ổn, đắc vô lượng lạc. Tuy phi chánh đắc, chân tam-ma-địa. an ổn tâm trung, hoan hỉ tất cụ, danh vi tam Thiền.

A Nan! Ba bậc này đầy đủ công hạnh đại tùy thuận, thân tâm yên ổn, được sự vui vô lượng, dù chẳng phải thật đắc chơn Tam Ma Địa, nhưng nơi tâm yên ổn trọn đủ sự hoan hỷ, gọi là Tam Thiền.

Giảng: "A Nan! Ba bậc này đầy đủ công hạnh đại tùy thuận." Có nghiã là họ có hiểu được ý của người khác. Họ có thể làm người khác vui vẻ. "Thân tâm yên

ổn, được sự vui vô lượng.” Họ không còn những vọng tưởng trong tâm, và thân của họ không còn đeo đuổi theo các vọng tưởng. Họ nhận được sự thanh tịnh trong thân tâm. Những vị trong cõi sơ thiền và nhị thiền đã buông bỏ được phiền não, đau khổ, lo lắng và lo âu. Những vị ở tam thiền không còn trải qua những phiền não như vậy nữa. Thân tâm của họ đã thanh tịnh và an lạc.

Họ cũng đáng tin cậy. Họ đáng tin cậy như thế nào? Họ không có ý nghĩ tham vọng. Họ không còn phải suy nghĩ tìm kiếm người khác phái trong mọi ý nghĩ và trong mỗi hành động giống như các chúng sanh bình thường. Khi thâm tâm chưa được an lạc, vọng tưởng sanh ra sau khi vọng tưởng khi diệt.

“À, cô ta sinh đẹp quá.” hay là “Chàng ta đẹp trai quá”. Suốt ngày suy nghĩ chuyện đó. Nhưng khi thân tâm được thanh tịnh – sự thanh tịnh diễn tả nơi đây – những mơ tưởng không còn vọng lên nữa. Mọi thứ điều quay về một vấn đề này. Tôi nói và tiếp tục nói, nhưng trong lời giải cuối, nó vẫn đưa quý vị đến nghiệp bởi vì một thứ này. Đó là một suy nghĩ vô minh, cái suy nghĩ thiếu hiểu biết đầu tiên, nó đã khuấy động rất nhiều tai họa mang đến hậu quả. Ái tình và dục vọng bắt đầu từ vô minh. Vì vậy, việc đâu tiên nhắc đến thập nhị nhân quả là Vô Minh. Từ vô minh đưa đến hành động, và từ hành động đưa đến ý thức. Khi ý thức nó hiện ra tên và hình thức. Tất cả bắt đầu ngay tại đó.

Mặc dù những vị được mô tả ở đây chưa diệt hết vô minh, tuy nhiên họ đã có được hạnh phúc vô hạn. “Mặc dù chẳng phải thật đắc chơn Tam Ma Địa, nhưng nơi tâm yên ổn trọn đủ sự hoan hỷ”. Họ chưa có đại định, nhưng trong thanh tịnh, họ có được sự an lạc. Họ gọi là Tam Thiền. Khi quý vị đạt được quả vị tam thiền, những ý tưởng không còn hiện hữu. Quý vị sẽ nhận được chân lý tịch diệc. Có câu:
Nhứt niệm bất sanh, toàn thể hiện
Lục căn hốt động bị vân giá

Một niệm không sanh, Phật tánh bổn lai liền hiển hiện, cho nên có câu: “toàn thể hiện”. Khi mắt nhìn và lỗ tai lắng nghe là bị chuyển động mà bị che khuất. Lục căn, lục trần, lục thức vừa động thì bị mây che phủ. Che mờ cái tự tánh, chân ngã. Trước khi đạt được quả vị này, bây giờ được thảo luận, suy nghĩ của một người vẫn còn hoạt động. Ví dụ, khi mạch máu dừng lại, suy nghĩ vẫn còn,

“Làm thế nào mạch máu dừng lại?” Và với một suy nghĩ nổi lên, mạch máu bắt đầu đập trở lại. Khi hơi thở dừng, một suy nghĩ “Tôi dừng thở”, và khi có suy nghĩ đó, hơi thở trở lại. Đó là việc xảy ra trước khi ý nghĩ dừng lại. Bây giờ, trong tam thiền, không có chuyện như vậy. Khi mạch máu dừng đập hay hơi thở dừng, bất cứ chuyện xảy ra, họ không quan tâm. Những suy nghĩ không

còn nảy sanh nữa. Không còn một ý niệm. Kiếm không ra. Cho nên có câu: "Nhứt niệm bất sanh, toàn thể hiện". Đây là trạng thái của địa vị tam thiền.

TỨ THIỀN

1. **A-nan! Thứ phục Thiên Nhân. Bất bức thân tâm, khổ nhân dĩ tận. Lạc phi thường trụ, cửu tất hoại sanh. Khổ lạc nhị tâm, câu thời đốn xả. Thô trọng tướng diệt, tịnh phước tánh sanh. Như thị nhất loại, danh phước sanh thiên.**

Lại nữa A Nan! Cõi trời này, thân tâm chẳng bị bức bách, nhân khổ đã hết, biết sự vui chẳng thường trụ, lâu ắt biến hoại, hai tâm khổ vui nhất thời cùng xả, tướng thô đã diệt, tánh phước được sanh, hạng này gọi là Phước Sanh Thiên.

Giảng: "Lại nữa A Nan! Cõi trời này, thân tâm chẳng bị bức bách, nhân khổ đã hết." Tại thời điểm này, đau khổ, khó khăn, lo lắng và trở ngại không còn áp bức những người hành này về mặt thể chất hay tinh thần nữa.

Họ không gieo nhân cho sự đau khổ, nhưng họ không thể trông cậy vào phước lạc vĩnh cửu. Cuối cùng nó sẽ trở nên biến hoại. Đột nhiên họ "biết sự vui chẳng thường trụ, lâu ắt biến hoại. Hai tâm khổ vui nhất thời cùng xả." Khi họ tới cõi Phước Sanh Thiên và bám lấy sự an lạc nơi đó, họ đã sai lầm. Họ nên bỏ sự an lạc và đau khổ xuống, cho đến khi không còn cái vọng tưởng của khổ đau hay vọng tưởng của an lạc. Khi họ làm được vậy, họ sẽ có sự an lạc tịch diệt.

"Tướng thô đã diệt, tánh phước được sanh." Các phước lành chân thật là khi vọng tưởng không sanh, không khổ đau, không an lạc. Họ mới có được cái phước báo an lạc chân thật vĩnh cữu. Những vị tu hành được trụ tại cõi Phước Sanh Thiên

2. **Xả tâm viên dung, thắng giải thanh tịnh. Phước vô già trung, đắc diệu tùy thuận, cùng vị lai tế. Như thị nhất loại, danh Phước ái Thiên.**

Tâm xả viên dung, thắng giải trong sạch, được sự tùy thuận nhiệm mầu, cùng tột vị Lai, tánh phước chẳng ngăn ngại, hạng này gọi là Phước Ái Thiên.

Giảng: “Tâm xả viên dung, thắng giải trong sạch.” Khi họ có thể viên dung phiền não và an lạc, phước lạc chân chánh hiện lộ. Khi họ đã hiểu được chân lý viên dung này, trí tuệ khai mở. Họ nhận được trí tuệ chân chính. Họ “được sự tùy thuận nhiệm mầu, cùng tột vị lai.” Không có gì có thể cản trở phước lành này. Độ lớn của nó quá lớn. Những phước lành này đưa đến cái khả năng tùy thuận với cuộc sống của chúng sanh. Loại tùy thuận như sau:
Nếu chuyển về hướng đông, nó chảy về phía đông,
Nếu chuyển về hướng tây, nó chảy về hướng tây,

Giống như một con sông. Mọi thứ được thuận theo việc làm. Mọi việc làm đều đúng. Họ không bị sai lầm. Mọi thứ đều phù hợp với ý định của người. Tất cả mọi thứ hoàn toàn phù hợp với sự mong muốn của người khác.

Tuy nhiên họ đi về làm một việc gì đó, việc đó thích hợp. Không có trở ngại xảy ra. Mọi chuyện họ làm, không bị rắc rối đến việc làm. Tất cả vấn đề được giải quyết. Đó là ý nghĩa của sự tùy thuận nhiệm mầu, cùng tột vị lai. Cái gì cùng tột vị lai? Đó là như vậy, giới hạn của tương lai. Còn gì để nói. Những vị thiên nầy cự tại cõi Phước Ái Thiên.

3. **A-nan! Tùng thị Thiên trung, hữu nhị kì lộ. Nhược ư tiên tâm, vô lượng tịnh quang. Phước đức Viên Minh, tu chứng nhi trụ. Như thị nhất loại, danh Quảng quả Thiên.**

A Nan! Từ cõi trời này tẻ ra hai đường: Nếu dùng tâm sáng tỏ đầy đủ phước đức trước kia để tu chứng an trụ, hạng này gọi là Quảng Quả Thiên.

Giảng: “Anan, từ cõi thiên – đó là, từ cõi thứ hai của tứ thiền, Phước Ái Thiên – có hai đường để đi. ”Một đường dẫn đến cõi Quảng Quả Thiên và đường kia dẫn tới Vô Tưởng Thiên. Không còn đường nào khác.

“Những người mở rộng suy nghĩ trước đó” trạng thái của Phước Ái Thiên – dùng tâm sáng rõ đầy đủ phước đức trước kia để tu chứng an trụ. Đó là hạng tu hành cư ngụ tại cõi Quảng Quả Thiên.
Đạo hạnh của họ đầy đủ và rộng lớn và phước đức được rất lớn, vì vậy họ có thể ở trong thiên đường này.

4. **Nhược ư tiên tâm, song yếm khổ lạc. Tinh nghiên xả tâm, tương tục bất đoạn. Viên cùng xả đạo, thân tâm câu diệt. Tâm lự hôi ngưng,**

Kinh ngũ bách kiếp. Thị nhân ký dĩ, sanh diệt vi nhân. Bất năng phát minh, bất sanh diệt tánh. Sơ bán kiếp diệt, hậu bán kiếp sanh. Như thị nhất loại, danh vô tưởng Thiên.

Nếu nơi tâm trước kia, nhàm chán cả khổ vui, lại nghiền ngẫm cái tâm xả chẳng gián đoạn, trọn thành đạo xả, thân tâm tiêu diệt, lắng tâm bặt tưởng, trải qua năm trăm kiếp. Nhưng vì người ấy đã lấy cái sanh diệt làm nhân, thì chẳng thể phát minh tánh chẳng sanh diệt, nên nửa kiếp đầu thì diệt, nửa kiếp sau lại sanh, hạng này gọi là Vô Tưởng Thiên.

Giảng: "Nếu nơi tâm trước kia, nhàm chán cả khổ vui, lại nghiền ngẫm cái tâm xả chẳng gián đoạn" sẽ mang lại con đường mới này. Nếu những vị trong cõi Phước Ái Thiên được mô tả trước đây có thể nhàm chán khổ vui, họ có thể từ bỏ cả hai. Họ nghiền ngẫm khổ vui, chẳng gián đoạn cho đến khi họ trọn thành đạo xả, thân tâm tiêu diệt, lắng tâm bặt tưởng. Lúc bây giờ, họ đã đạt được thiền định với tâm bặt tưởng. Họ trải qua năm trăm kiếp. Nhưng vì người ấy đã lấy cái sanh diệt làm nhân, thì chẳng thể phát minh tánh chẳng sanh diệt. Họ có mạng sống 500 đại kiếp, nhưng vì cái nhân họ tạo từ cái sanh diệt.

"Nên nửa kiếp đầu thì diệt." Đây là nói lên sự nhàm chán khổ lạc. Khi họ nhận biết chân lý của sự khổ vui, thì vọng tưởng không còn nảy sinh. Nhưng sau 250 đại kiếp, họ lại nảy sanh vọng tưởng. "Nửa kiếp sau lại sanh." Cái phước của tu hành thiền định vô tưởng đã hết. Khi phước báo hết, họ có những suy nghĩ sai với Tam Bảo. Khi vọng tưởng nảy sinh, đó là bước đầu cho số mạng đã hết, khi thiền định bị phá vợ họ chỉ trách tam bảo. Họ nói gì? "Đức Phật nói quả vị thứ tư thiền định là đã kết thúc sanh tử, và không bị luân hồi. Bây giờ, tôi đã đạt được tứ thiền, tại sao tôi phải bị trôi vào sáu cõi luân hồi."

Đó là cách họ chỉ trách tam bảo. Thật ra, tứ thiền mà họ đã đạt được không phải là tứ thiền của A La Hán. Nó không bằng quả vị đầu tiên của A La Hán. Họ đã lầm lẫn với suy nghĩ họ đã vào địa vị thứ tư A La Hán. Họ đạt được quả vị tứ thiền và nghĩ rằng đó là địa vị thứ tư của A La Hán. Người tu hành không có trí thức lầm lẫn. Những vị đi theo con đường này được trụ tại cõi Vô Tưởng

A-nan! Thử tứ thắng lưu, nhất thiết thế gian. Chư khổ lạc cảnh, sở bất năng động. Tuy phi vô vi, chân bất động địa. Hữu sở đắc tâm, công dụng thuần thục, danh vi tứ Thiền.

A Nan! Bốn bậc này tất cả cảnh khổ vui của thế gian chẳng thể lay động, dù chẳng phải là chỗ chơn bất động của đạo vô vi, nhưng nơi tâm có sở đắc, công dụng thuần thục, gọi là Tứ Thiền.

Giảng: "A Nan! Bốn bậc này tất cả cảnh khổ vui của thế gian chẳng thể lay động." Họ trải qua đau khổ hay phước lạc, tâm họ không thay đổi. Họ trải qua đau khổ hay phúc lạc, tâm trí họ không di chuyển.

"Dù chẳng phải là chỗ chơn bất động của đạo vô vi." Họ vẫn có thể tự chủ và không bị lay động. Nhưng đó là bị ép buộc, họ chưa đắc được quả vị cao hơn. Bởi vì "nơi tâm có sở đắc." Trong tứ thiền, họ vẫn còn có suy nghĩ về quả vị. Thí dụ như vị vô học nghĩ rằng họ đã đạt được quả vị thứ tư A La Hán. "Công dụng thuần thục." Họ đã đạt được địa vị cao nhất trong việc tu hành, đối với từng tu của họ. Họ được gọi là Tứ Thiền. Đây là cõi tứ thiền

NGŨ TỊNH CƯ THIÊN

A-nan! Thử trung phục hữu, ngũ bất hoàn thiên. Ư hạ giới trung, cửu phẩm tập khí, câu thời diệt tận. Khổ lạc song vong, hạ vô bốc cư. Cố ư xả tâm, chúng đồng phần trung, an lập cư xử.

Ở đây, còn có năm bậc Bất Hoàn Thiên, đã dứt sạch chín phẩm tập khí của cõi dưới, khổ vui đều hết, chẳng định cư ở cõi dưới, nên an lập chỗ ở nơi tâm xả của đồng phận chúng sanh.

Giảng: "Ở đây, còn có năm bậc Bất Hoàn Thiên." Năm tầng trên này đôi khi được coi là một trong số cõi trời của tứ thiền. Tuy nhiên, năm cõi này là nơi ở của các hiền nhân, và do đó khác với các cõi trời của nhất, nhì, tam hay tứ thiền. Những người đã được thọ ký quả vị A-hán cư ngụ trong năm cõi trời Bất Hoàn Thiên.

Họ "đã dứt sạch chín phẩm tập khí của cõi dưới, khổ vui đều hết, chẳng định cư ở cõi dưới." Chín loại thói quen đề cập đến chín loại đầu tiên của 81 loại ảo tưởng của ý. Chúng tôi sẽ không đi vào chi tiết ở đây. Những sinh mệnh này không phải quay trở lại bất cứ đâu tại điểm này. Họ sẽ không quay trở lại cõi thấp hơn.

Họ "an lập chỗ ở nơi tâm xả của đồng phận chúng sanh." Vô số chúng sinh đạt đến địa vị này, họ sống chung với nhau trong sự trống rỗng trên một đám mây che chở trái đất. Những người ở đó là những hiền nhân đã đạt đến địa vị Bất Hoàn Thiên

1. **A-nan! khổ lạc lưỡng diệt, đấu tâm bất giao. Như thị nhất loại, danh vô phiền Thiên.**

Vậy, khổ vui đã diệt, ưa ghét chẳng sanh, hạng này gọi là Vô Phiền Thiên.

Giảng: Họ không có những suy nghĩ về đau khổ và họ không có suy nghĩ của phúc lạc, và vì vậy không có sự tham gia vào cuộc đấu tranh giữa đau khổ và an lạc. Những người không trải nghiệm trận chiến giữa đau khổ và an lạc là những hạng người gọi là Vô Phiền Thiên. Các chúng sinh trên cõi thiên này không có bất kỳ phiền não nào cả.

2. **Kỳ quát độc hành, nghiên giao vô địa. Như thị nhất loại, danh vô nhiệt Thiên.**

Tự tại phóng xả, chẳng có năng sở, tâm chẳng đối đãi, hạng này gọi là Vô Nhiệt Thiên.

Giảng: "Tự tại phóng xả, chẳng có năng sở, tâm chẳng đối đãi." là chúng sinh từ cõi thiên đàng trước kia, những người đã có tiến bộ trong tu hành. Trong cõi đầu tiên của ngũ tịnh cư thiên, họ đã không tham gia vào tranh chấp giữa những suy nghĩ của đau khổ và phúc lạc. Điều này có nghĩa là về mặt cơ bản, họ không có những suy nghĩ như vậy. Mặc dù đôi khi có một chút suy nghĩ đó có thể nảy sinh. Họ đôi khi vẫn có đôi chút phân tâm. Nhưng ở cõi này, trong cõi Vô Nhiệt Thiên, họ nhìn sâu vào sự tham gia vô ý nghiã, cho đến khi họ đạt tới điểm mà họ không thể còn phát khởi những loại tư tưởng đó trong tâm. Đối với những vị chư thiên này, những ý nghĩ như vậy không bao giờ nảy sinh. Họ là một trong số những vị Vô Phiền Thiên. Họ không còn sân hận và rất bình tĩnh trong mọi hoàn cảnh

3. **Thập phương thế giới, diệu kiến viên trừng. Cánh vô trần tượng, nhất thiết trầm cấu. Như thị nhất loại, danh thiện kiến Thiên.**

Mười phương thế giới, diện kiến trong lặng, chẳng còn tất cả cấu nhiễm của cảnh trần, hạng này gọi là Thiện Kiến Thiên.

Giảng: "Mười phương thế giới, diện kiến trong lặng, chẳng còn tất cả cấu nhiễm của cảnh trần." Tầm nhìn của họ là tinh tế và hoàn hão cũng như hoàn toàn

sáng rõ – không đục hoặc bối rối. Quan điểm của họ là không chứa ý kiến bất bình. Tầm nhìn của họ được cho là hoàn hảo và rõ ràng bởi vì nó không còn ô nhiễm. Tất cả các Pháp phỉ báng được dập tắt. Vô minh và vọng tưởng nhiều như bụi cát đã bị loại bỏ. Những hạng cõi thiên này gọi là Thiện Kiến Thiên

4. **Tinh kiến hiện tiền, đào chú vô ngại. Như thị nhất loại, danh thiện hiện Thiên.**

Diệu kiến hiện tiền, biến tạo vô ngại, hạng này gọi là Thiện Hiện Thiên.

Giảng: Mọi sự trong cõi thiên ở phần trên mà các vị chư thiên đều thấy là tốt. Hiện nay, với biểu hiện của tầm nhìn thanh tịnh này, mọi thứ họ thấy vượt trội hơn bất cứ điều gì họ từng thấy trước đây. Cõi thiên này thanh tịnh hơn nhiều so với cõi trời đã được mô tả trước. Danh từ "biến tạo" đề cập đến quá trình nấu chảy, đúc, và thời trang. Nó giống như việc nung nóng thực hiện trong lò nung hoặc tạo hình trên đá sắc. Những gì biến tạo ở đây là tâm trí và bản chất của một hiền nhân để tâm trở thành kiên cố không bị cản trở và thoải mái theo mọi hoàn cảnh. Đây là những vị hiền nhân cư ngụ tại cõi Thiện Hiện Thiên.

5. **Cứu cánh quần kỷ, cùng sắc tánh tánh, nhập vô biên tế. Như thị nhất loại, danh Sắc cứu kính Thiên.**

Sắc trần từ tướng lăng xăng đến chỗ cứu cánh chẳng động, cùng tột tánh sắc chẳng có bờ bến, hạng này gọi là Sắc Cứu Cánh Thiên.

Giảng: "Sắc trần từ tướng lăng xăng đến chỗ cứu cánh chẳng động." Cứu cánh có ý nghĩa của tột đỉnh hoặc sự hoàn hảo. "Mức độ tinh tế" ám chỉ đến sự tách rời khỏi ham muốn. Họ đạt được cuối bản chất của tánh không và bản chất của hình thức họ bước vào cùng tột tánh sắc chẳng có bờ bến, hạng này gọi là Sắc Cứu Cánh Thiên. Họ đạt tới bước vị cuối cùng của sắc giới

A-nan! Thử Bất hoàn Thiên. Bỉ chư tứ Thiền, tứ vị Thiên Vương. Độc hữu khâm văn, bất năng tri kiến. Như kim thế gian, khoáng dã thâm sơn, Thánh đạo tràng địa. Giai A-la-hán, sở trụ trì cố. Thế gian thô nhân, sở bất năng kiến.

A Nan! Với các cõi Bất Hoàn Thiên này, chỉ riêng bốn vị Thiên Vương cõi Tứ Thiền mới được nghe biết, nhưng chẳng thể thấy biết. Như nay trong thế gian, nơi núi sâu rừng thẳm, những đạo tràng của bậc thánh, đều có các vị A La Hán trụ trì, mà người thế tục chẳng thể thấy.

Giảng: "A Nan! Với các cõi Bất Hoàn Thiên này, chỉ riêng bốn vị Thiên Vương cõi Tứ Thiền mới được nghe biết." Những vị thiên vương ở cõi tứ thiền chỉ biết tới những cõi Bất Hoàn Thiên qua nghe danh tiếng. Họ nghe nhưng chẳng thấy biết.

Cũng giống như nay trong thế gian, nơi núi sâu rừng thẳm, những đạo tràng của bậc thánh, đều có các vị A La Hán trụ trì, mà người thế tục chẳng thể thấy. Các hiền nhân có bồ đề tâm ở những nơi mà mọi người không thể tới. Những người sống ở những nơi như vậy là những vị đại A La Hán và Đại Bồ Tát. Sự hiện diện của họ là một ảnh hưởng hỗ trợ trên các lĩnh vực họ sống. Những người bình thường không bao giờ thấy những vị thánh nhân này. Mặc dầu tất cả đều sống trong cùng một thế giới, mọi người không thể thấy các hiền nhân. Nên trên kinh văn, ngũ tịnh cư thiên cư ngụ nơi cõi yên tịnh xa xôi. Những chư thiên ở tứ thiền không biết nơi cư ngụ của các hiền nhân cư trú

A-nan! Thị thập bát Thiên, độc hành vô giao, vị tận hình lụy. Tự thử dĩ hoàn, danh vi sắc giới.

A Nan! Mười tám cõi trời kể trên, dù thoát khỏi cảnh dục, nhưng chưa thoát khỏi sắc thân, gọi là Sắc Giới.

Giảng: "A Nan! Mười tám cõi trời kể trên, dù thoát khỏi cảnh dục, nhưng chưa thoát khỏi sắc thân." Mười tám cõi thiên là ba cõi trong nhất nhi tam thiền (3×3=9), 4 cõi trong tứ thiền, và 5 cõi ngũ tịnh cư thiên. Những cõi này tập trung lại thành cõi sắc giới.

Đối với việc tu hành trong sự không va chạm, những vị chư thiên điều có cách nhìn nhận nhân quả. Họ đã diệt trừ những tham vọng và vượt tới cõi đó, nhưng chưa thoát khỏi sắc thân. Cõi sắc giới bao gồm những vị Bất Hoàn Thiên. Tuy nhiên, vì những cõi này có những vị hiền nhân cư ngụ, họ thực sự nằm trong một chư cấp riêng biệt.Trong kinh, văn bản so sánh các vị hiền nhân sinh sống ở nơi hẽo lánh mà mọi người không biết đến. Đây được gọi là cõi Sắc Giới

KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH NHƯ LAI MẬT NHƠN
TU CHỨNG LIỄU NGHĨA

CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH
THỦ LĂNG NGHIÊM

QUYỂN 9 – PHẦN 2

— o0o —

TUYÊN HÓA THUỢNG NHÂN
giảng thuật

— o0o —

VÔ SẮC GIỚI

*** * ***

Phục thứ A-nan, tùng thị hữu đính, sắc biên tế trung. Kỳ gian phục hữu, nhị chủng kì lộ. Nhược ư xả tâm, phát minh trí tuệ. Tuệ quang viên thông, tiện xuất trần giới. Thành A-la-hán, nhập Bồ-tát thừa.

Lại nữa A Nan! Từ trên đảnh của Sắc Giới, lại tẽ ra hai đường: Nếu nơi tâm xả, phát minh trí huệ, sáng suốt viên thông, bèn ra cõi trần, thành A La Hán, vào Bồ Tát Thừa, hạng này gọi là Hồi Tâm Đại A La Hán.

Giảng: "Lại nữa A Nan! Từ trên đảnh của Sắc Giới, lại tẽ ra hai đường." Tại thời điểm này có một nẽo đường khác. "Nếu nơi tâm xả." Một khi họ thực hành từ bỏ các tướng sắc, họ có thể khai mở trí tuệ. "Phát minh trí huệ, sáng suốt viên thông." và họ không còn bị cản trở. Và họ thoát ra cõi trần gian. Họ có thể rời khỏi 3 cõi (cõi người, a-tu-la, trời) bằng cách đi con đường này và hoàn thành A La Hán. Họ đạt được quả vị A-La-Hán và đi vào dòng đại thừa Bồ Tát Đạo. Những vị tu hành này gọi là Hồi Tâm Đại A La Hán. Đó có nghiã là họ đã quay từ tiểu sang đại. Họ đã quay từ tiểu thừa, và xu hướng đến đại thừa.

1. **Như thị nhất loại, danh vi hồi tâm, đại A-la-hán. Nhược tại xả tâm, xả yếm thành tựu. Giác thân vi ngại, tiêu ngại nhập không. Như thị nhất loại, danh vi không xứ.**

Nếu nơi tâm xả được thành tựu, thấy thân chướng ngại, tiêu ngại vào không, hạng này gọi là Không Xứ.

Giảng: Chúng ta đã kết thúc cuộc thảo luận về tứ thiền và bây giờ bắt đầu giải thích về tứ không xứ. "Nếu nơi tâm xả được thành tựu, thấy thân chướng ngại." Những vị chư thiên đã buông xả phúc lạc và từ chối sự đau khổ. Họ biết rằng

thân là một trở ngại trong tu hành. Họ “tiêu ngại vào không, hạng này gọi là Không Xứ.” Họ không muốn bị cản trở bởi bất cứ điều gì, và như vậy họ hồi quang phản chiếu và thấy thân thể là huyễn như hư không. Theo cách này, họ quét sạch mọi trở ngại. Những vị này đi theo con đường khác và đi vào cõi Không Xứ.

2. **Chư ngại ký tiêu, vô ngại vô diệt. Kỳ trung duy lưu, A-lại-da thức. Toàn ư mạt na, bán phần vi tế. Như thị nhất loại, danh vi thức xứ.**

Chướng ngại đã tiêu, vô ngại vô diệt, trong đó chỉ còn A Lại Da Thức và nửa phần vi tế của Mạt Na Thức; hạng này gọi là Thức Xứ.

Giảng: “Chướng ngại đã tiêu, vô ngại vô diệt. ” Tại đỉnh của Tứ Thiền, những chư thiên muốn tiến lên phía trên, cảm thấy rằng thân thể là vật cản trở. Vì vậy, họ xóa bỏ các chướng ngại và bước vào tánh không. Bây giờ họ đã tiến tới cõi vô sắc giới, không có trở ngại nào khác về dạng vật chất. Không có vật chướng ngại, cho nên không có gì để dập tắt.

“Trong đó chỉ còn A Lại Da Thức và nửa phần vi tế của Mạt Na Thức.” Vào thời điểm này không có thân thể, chỉ còn thức. Thức đó là A Lại Da Thức , hay là thức thứ tám, được gọi là tạng thức. “Tạng” thực ra là Kho Tạng của Phật tánh. Nhưng vào thời điểm này, thức chưa hoàn toàn trở về bản tánh của Như Lai, và vì vậy nó vẫn được gọi là thức. Mỗi hành động, mỗi lời nói, một việc quý vị làm và giao tiếp trong hằng ngày được ghi lại trong thức thứ tám này. Cho các vị tu hành này, A Lại Da Thức và nửa phần vi tế của Mạt Na Thức. Mạc Na Thức là cái thức thứ bảy, được gọi là thức giao tiếp. Biến đổi diển ra trong thức này.

Nói đúng ra là vô minh nảy sinh trong thứ thứ tám, nhưng tại đây, nó rất gần để trở thành đại viên cảnh trí và được tự tại không ô uế. Chỉ khi nào các tin tức được lưu giữ trong thức thứ tám chạy đưa qua thức thứ bảy thì nó trở nên ô uế. Bây giờ, tuy nhiên, ngay cả Mạt Na Thức cũng chỉ hoạt động ở một nửa phần và do đó sự ô nhiễm vẫn còn cực kỳ tinh tế. “Những chúng sinh này là trong số những người ở Thức Xứ. Họ được tái sanh trong cõi Thức Xứ

3. **Không sắc ký vong, thức tâm đô diệt. Thập phương tịch nhiên, huýnh vô du vãng. Như thị nhất loại, danh vô sở hữu xứ.**

Sắc và Không đã tiêu, tâm thức đều diệt, mười phương tịch lặng, chẳng có chỗ đến; hạng này gọi là Vô Sở Hữu Xứ.

Giảng: Khi họ đạt đến địa vị này, mọi thứ đều là không. Đây thực sự là một trường hợp:
Ngôi nhà bị phá hủy,
Mọi người đã biến mất.
Không còn lời để nói

Mọi thứ đã biến mất. “Sắc và Không đã tiêu, tâm thức đều diệt.” Ngôi nhà bị phá hủy, mọi người đã biến mất. Nơi quả vị trước, vẫn còn nữa Mạc Na Thức, nhưng tại quả vị này, thức thứ bảy đã mất. Khó mà dùng chữ để diển tả. Nếu quý vị không còn dùng thức, vậy làm sao quý vị có thể nói chuyện? Vậy thì không còn gì để nói nữa.
“Mười phương tịch lặng, chẳng có chỗ đến.” Tất cả thế gian trong khắp mười phương pháp giới đều biến mất. Một bầu trời tĩnh lặng tràn ngập. Không có nơi nào để đi. Cũng không có bất cứ nơi nào để đến. Không đến cũng không đi.

“Hạng này gọi là Vô Sở Hữu Xứ.” Mặc dù không có gì. Dù sao bản chất của những chúng sinh này vẫn còn. Bản chất của họ cũng giống như tánh Không. Vì vậy, các vị Vô Sở Hữu Xứ vẫn có tuổi thọ. Nó dài bao lâu? 6000 đại kiếp. Tuổi thọ của các vị chư thiên và chiều cao của họ tăng lên rất lớn giữa sắc giới và vô sắc giới. Tôi chưa nhắc tới bề cao, họ rất là to lớn. Tôi sẽ đợi tới phần cuốn và và gây ấn tượng với bạn với một số khổng lồ. Nếu bạn muốn biết tất cả các con số ở giữa, bạn có thể tra cứu thêm.

Nơi đây là cõi thiên từng cao thứ hai đến cuối cùng, và tuổi thọ của chư thiên là sáu vạn đại kiếp. Chúng tôi gọi nó là tuổi thọ, nhưng thực ra những vị chư thiên này ở trong định lâu rồi. Vào cuối thời gian đó, thời gian định lực của họ bị phá hủy, và sau đó họ lại một lần nữa tái sanh vào cõi khác. Không chắc chắn họ sẽ tái sinh vào trong cõi nào. Đây là những chúng sinh cư ngụ trong cõi Vô Sở Hữu Xứ

4. **Thức tánh bất động, dĩ diệt cùng nghiên. Ư vô tận trung, phát tuyên tận tánh. Như tồn bất tồn, nhược tận phi tận. Như thị nhất loại, danh vi phi tưởng, phi phi tưởng xử.**

Dùng tánh thức chẳng động để diệt sự nghiền ngẫm, thành ra ở nơi vô tận lại tỏ bày tánh tận, như còn mà chẳng còn, tận mà chẳng tận, hạng này gọi là Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ.

Giảng: Đây là cõi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, cõi từng cao nhất. Tuổi thọ của các vị chư thiên là 80000 đại kiếp. Tuy nhiên, sau khi tận hưởng một thời gian phước lành trên trời, họ vẫn rơi vào sanh tử. Trong cõi Thức Xứ, ý thức thỉnh thoảng vẫn hoạt động, nhưng bây giờ nó không hề lay chuyển.

"Dùng tánh thức chẳng động để diệt sự nghiền ngẫm." Cuối cùng thậm chí nghiềm nghẫm và các phương tiện tu hành trí tuệ đều kết thúc. "Thành ra ở nơi vô tận lại tỏ bày tánh tận." Nơi "vô tận" đền cập đến sự vắng mặt của mọi thứ, như đã mô tả. Trong nơi vô tận, họ lại bày tỏ tánh tận. Và khi họ bày tỏ tánh tận, "như còn mà chẳng còn, tận mà chẳng tận". Mọi thứ tuy có mà chẳng có. "Hạng này gọi là Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ."

Ở những cõi trước, một chút suy nghĩ còn lại, nhưng tại quả vị này, suy tưởng không hoạt động. Họ ở trong định 8 vạn đại kiếp. Họ là những vị chư thiên có tuổi thọ dài nhất.
Những người tu hành tới quả vị này không còn nảy sinh những ý tưởng nữa. Nhưng khi ý tưởng nảy sinh, họ vẫn bị rơi vào nẽo luân hồi trong tương lai. Họ phải trải qua việc đó.

Ví dụ, có một người tu hành trong quá khứ đã tu luyện định lực Phi Tưởng Phi Phi Tưởng, và anh ta có thể bước vào cõi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Một ngày nọ, khi anh ta đang tu hành tại bờ biển và đang trên bờ vực sắp nhập định, một con cá trong nước quấy rầy anh ta. Trong chánh điện, những người chuyên nói chuyện được cho là một câu súng đại liên. Họ lúc nào cũng nghĩ ra cách làm phiền người khác qua những câu hỏi hay trò chuyện để quấy rộn chánh điện. Tạo ra những xáo trộn cũng giống như những con muỗi kiến gián gây phiền não.

Trong trường hợp này, đó là một con cá tạo ra sự xáo trộn. Nó lướt nhảy trên mặt nước với một tiếng "plunk", và những kỳ công nhào lộn làm phân tâm người tu nhập định. Không thể nhập định, vị tu hành này rất giận dữ và nghĩ rằng: "Thật là một con cá phiền phức. Tôi muốn nhập định, và nó lại đến và làm phiền tôi. Tôi chưa có thần thông, nhưng khi tôi có được thần thông. Tôi sẽ hoá thành một người đánh cá và bắt ăn mầy. Cho mầy biết tội phá phách tu hành của tao.

Dĩ nhiên khi anh ta giận dữ, con cá không còn nhảy lộn nữa. Nó sợ và lội đi mất. Vị tu hành được yên tĩnh và đạt được quả vị và tái sinh ở cõi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Tuy nhiên sau khi vị nầy hưởng được 8 vạn đại kiếp tại cõi trời, quý vị đoán thử chuyện gì sẽ xảy ra. Nhân quả chín mùi từ một vọng tưởng giận dữ anh ta đã có tại bờ biển hôm đó. Anh ta bị rớt xuống luân hồi tái sanh làm một con cá thu lớn. Suốt nhiều kiếp luân hồi ăn cá nhỏ. Luân hồi mãi

cho đến kiếp đức Phật Thích Ca bước vào thế giới và ghé tới bãi biển và thuyết Phật Pháp cho anh ta nghe. Và lúc đó anh ta mới thoát ra kiếp làm cá và tái sanh làm người. Và anh ta xuất gia và tu hành, và lần nầy anh ta đạt được quả vị A La Hán.

Dù bạn làm gì trong tu hành, đừng có bực bội. Cho dù mọi người có tốt với bạn hay không, bạn nên duy trì những suy nghĩ của lòng từ bi đối với họ, những suy nghĩ từ bi. Đừng có hận thù với bất cứ ai, đừng buồn bã vì họ. Sẽ không thành vấn đề nếu bạn đắc quả vị tu hành và vượt qua 6 nẽo luân hồi. Nhưng nếu quý vị vẫn còn trong sáu nẽo luân hồi, quý vị phải trải qua luận nhân quả cho sự hận thù của bạn. Có một câu nói xưa nói rằng:
Bạn có thể quậy nước của một nghìn con sông,
Nhưng bạn đừng não loạn thiền định của một vị tu hành.

Làm phiền một người tu hành và khiến anh ta tức giận là một vấn đề quan trọng, vì nhân quả chín mùi trong tương lai.

Thử đẳng cùng không, bất tận không lý. Tùng Bất hoàn Thiên, Thánh đạo cùng giả. Như thị nhất loại, danh bất hồi tâm, độn A-la-hán.

Hạng này xét cùng cái Không, nhưng chẳng tột lý Không; nếu từ thánh đạo Bất Hoàn Thiên mà xét cùng, hạng này gọi là Bất Hồi Tâm Độn A La Hán.

Giảng: “Hạng này xét cùng cái Không, nhưng chẳng tột lý Không; nếu từ thánh đạo Bất Hoàn Thiên mà xét cùng.” Quý vị còn nhớ tại cõi trời sắc giới, con đường tu hành chia ra 2 hướng. Một hướng tới quả vị A La Hán, có thể hồi quang phản chiếu. Bây giờ những vị tu hành đã đến con đường chót, không còn nẽo nào để đi nữa, những vị tu hành mà không hồi quang phản chiếu. Họ không thấu rõ pháp tánh không. Họ tuy có tu hành, nhưng họ không hiểu rõ. Họ không có chánh trí chánh huệ. “Hạng này gọi là Bất Hồi Tâm Độn A La Hán.” Họ không có trí huệ chân chánh. Họ không thể quay bánh xe tiểu thừa thành đại thừa. “Độn” có nghiã là ngu ngốc và ngu si đần độn.

Nhược tùng vô tưởng, chư ngoại đạo Thiên, cùng không bất quy. Mê lậu vô văn. Tiện nhập luân chuyển.

Nếu từ Vô Tưởng Thiên của ngoại đạo mà chấp thật Không, chẳng biết quày đầu, mê muội hữu lậu, chẳng nghe chánh pháp, bèn vào luân hồi.

Giảng: "Nếu từ Vô Tưởng Thiên của ngoại đạo mà chấp thật Không, chẳng biết quày đầu, mê muội hữu lậu." Những vị trong cõi này và những vị trong 4 cõi vô sắc giới sẽ đi vào cuối nẽo đường này và chấp vào cái không, và không biết cách để trở về với chân tâm bổn tánh. Họ đi tới và trở thành mê muội và ngu si đần độn. "Chẳng nghe chánh pháp, bèn vào luân hồi." Trong tu hành, quý vị phải giữ tâm ngay thẳng và đừng đi tới con đường sai lầm.

A-nan! Thị chư Thiên thượng, các các Thiên Nhân. Tức thị phàm phu, nghiệp quả thù đáp, đáp tận nhập luân. Bỉ chi Thiên Vương, tức thị Bồ Tát. Du tam ma đề, tiệm thứ tăng tiến. Hồi hướng Thánh luân, sở tu hành lộ.

A Nan! Những cõi trời kể trên, mỗi mỗi đều là phàm phu đền trả nghiệp quả, khi nghiệp quả trả hết bèn vào luân hồi. Thiên Vương các cõi ấy, đều là Bồ Tát tu Tam Ma Địa, lần lượt tiến lên, hướng về đường tu của Bậc Thánh.

Giảng: "A Nan! Những cõi trời kể trên, mỗi mỗi đều là phàm phu." Quý vị đừng nghĩ rằng họ đã thành công trong việc tu hành. Họ vần là phàm phu. Họ vẫn chưa đắt được quả vị. Họ vẫn phải "đền trả nghiệp quả." Tuy sống được lâu dài, họ vẫn phải trả những nợ khi nghiệp quả đi đến tới họ. "Khi nghiệp quả trả hết bèn vào luân hồi."

"Thiên Vương các cõi ấy, đều là Bồ Tát". Họ là các vị Bồ Tát hóa thân "tu Tam Ma Địa lần lượt tiến lên, hướng về đường tu của Bậc Thánh." Họ tiến lên đắc quả vị, giác ngộ. Học được thọ ký và hướng về đường tu hành của các vị bậc thánh. Con đường tu hành cũng như con đường tu hành của các vị tu hành khác.

A-nan! Thị tứ không thiên, thân tâm diệt tận. Định tánh hiện tiền, vô nghiệp quả sắc. Tòng thử đãi chung, danh vô sắc giới.

A Nan! Cõi Tứ Không này, thân tâm dứt sạch, tánh định hiện tiền, chẳng có sắc thân của nghiệp quả; từ đây đến cùng, gọi là Vô Sắc Giới.

Giảng: "A Nan! Cõi Tứ Không này." Đó là:
1. Không Xứ
2. Thức Xứ..
3. Vô sở hữu xứ
4. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ

Đây là ” thân tâm dứt sạch, tánh định hiện tiền, chẳng có sắc thân của nghiệp quả.” Họ không còn thân hình, và họ không còn dùng ý mà dùng thức bất động. Bản chất của định lực hiện tiền. Họ đã thoát ra khỏi cõi sắc giới. Họ không còn phải trải qua những cõi trời sắc giới. Họ là những vị trong cõi “Vô Sắc Giới.” Đây là cõi cuối cùng trong tam giới. Bốn cõi trên là cõi trời vô sắc giới. Đây là cõi trời cao nhất.

Thử giai bất liễu, diệu giác minh tâm. Tích vọng phát sanh, vọng hữu tam giới. Trung gian vọng tùy, thất thú trầm nịch. Bổ-đặc-già-la, các tùng kỳ loại.

Ấy đều do chẳng rõ diệu tâm sáng tỏ, tích chứa vọng tưởng, chấp thân trung ấm, tùy loại thọ sanh, vọng có tam giới, nên vọng theo bảy loài mà chìm đắm. Bổ-đặc-già-la, tùy nghiệp mà luân hồi

Giảng: Những chúng sinh trong tam giới “ấy đều do chẳng rõ diệu tâm sáng tỏ”. Họ không có đủ trí huệ để thấu hiểu và đi đến giác ngộ. Họ “tích chứa vọng tưởng, chấp thân trung ấm, tùy loại thọ sanh, vọng có tam giới.” Từ trong tâm chứa đầy vọng tưởng, sự sai lầm hiện tiền. Vô minh được sanh ra trong bản chất của chân lý. Cả tam giới được tạo ra bởi sự vô minh của chúng sanh. Khi “nên vọng theo bảy loài mà chìm đắm.” Chúng ta thường nhắc tới sáu cõi luân hồi, nhưng tại đây kinh nhắc tới bảy. Bởi vì con đường của vô sắc giới bao gồm trong đây. 7 loài đó là:
Cõi Thiên, A Tu La, Tiên, Người, Súc sanh, Ma Quỷ, Địa Ngục

Chúng đầu thai lên rồi xuống, đột nhiên tái sanh trên cõi trời và rớt xuống địa ngục. Họ đi từ cõi người qua cõi ngạ quỷ. Đó là “Chìm Đắm”. “Bổ-đặc-già-la, tùy nghiệp mà luân hồi” “Bổ-đặc-già-la” là tiếng Phạn có nghiã là chúng sanh. “tùy nghiệp mà luân hồi” có nghiã là chúng sanh luân hồi tuy theo nghiệp quả báo mà họ đã gây ra. Nếu họ là các vị tiên thần, họ sẽ theo người cùng loại. Nếu thiện quả thì vào cõi trời, và họ tập trung với các chư thiên khác. Nếu họ sanh làm A Tu La, họ tập trung với các vị A Tu La khác. Các chúng sanh khác cũng như vậy

A TU LA

* * *

Phục thứ A-nan, thị tam giới trung, phục hữu tứ chủng, A-tu-la loại.

Lại nữa A Nan! Trong tam giới còn có 4 loại A Tu La:

Giảng: "A Tu La" là tiếng Phạn. Đôi khi nó được dịch là "không phải thần". Đó bởi vì một số A Tu La có các phước lành của trời nhưng không phải là đức hạnh của các vị chư thiên. Một cách dịch khác là "Không thẳng đứng trong diện mạo"; tuy nhiên, chỉ có phái nam là như vậy. Những phái nữ thì vô cùng xinh đẹp. A Tu La được tìm thấy trong bốn cõi: sanh từ tử cung, từ trứng nở, sinh ra từ độ ẩm và hoá sanh. Mỗi loại bây giờ sẽ thảo luận.

1. **Nhược ư quỷ đạo, dĩ hộ pháp lực, thành thông nhập không. Thử A-tu-la, tùng noãn nhi sanh. Quỷ thú sở nhiếp.**

Nếu từ loài quỷ, dùng sức hộ pháp, nhờ thần thông vào trong hư không; loại A Tu La này là noãn sanh, thuộc về loài quỷ.

Giảng: Một số ma quỷ là quỷ tốt và hoạt động như những vị hộ pháp. Vị tướng Quan Công là một thí dụ như vậy. Ông ta là một con quỷ rất vĩ đại và uy mạnh. Những loại ma quỷ hộ trì tam bảo. Họ dùng thần thông để vào tánh không. Những vị A Tu La nầy là "loại noãn sanh, thuộc về loài quỷ.

2. **Nhược ư Thiên trung, hàng đức biếm trụy. Kỳ sở bốc cư, lân ư nhật nguyệt. Thử A-tu-la, tùng thai nhi xuất. Nhân thú sở nhiếp.**

Nếu từ cõi trời, thất đức bị đọa, chỗ ở gần với nhựt nguyệt; loại A Tu La này là thai sanh, thuộc về loài người.

Giảng: "Nếu từ cõi trời, thất đức bị đọa, chỗ ở gần với nhựt nguyệt." Họ bắt đầu ở trên cõi trời, nhưng họ không có đức hạnh để ở lại cõi đó. Họ ngã xuống và bị ném ra ngoài không gian trống rỗng. Họ cư trú ở những nơi gần mặt trời và mặt trăng. Những "loại A Tu La này là thai sanh, thuộc về loài người."

3. **Hữu tu la Vương, chấp trì thế giới, lực đỗng vô úy. Năng dữ Phạm Vương, cập Thiên đế thích, tứ thiên tranh quyền. Thử A-tu-la, nhân biến hóa hữu, thiên thú sở nhiếp.**

Có vua Tu La, thống lãnh tất cả A Tu La trên thế giới, sức mạnh vô úy, có thể tranh quyền với Phạn Vương Đế Thích và Tứ Thiên Vương, loại A Tu La này là hóa sanh, thuộc về loài trời.

Giảng: Có một loại khác là những vị "vua Tu La, thống lãnh tất cả A Tu La trên thế giới, sức mạnh vô úy." Sức mạnh của họ thật là to lớn. Họ có thể rung động cả thế giới. Nếu họ dùng bàn tay nắm đầu núi Tu Di và đẩy, họ có thể lập đổ núi. Đó là sức mạnh họ có. Với thần thông, họ nghĩ rằng họ "có thể tranh quyền với Phạn Vương Đế Thích và Tứ Thiên Vương". Họ dùng thần thông để tranh quyền.

A Tu La Vương có một người con gái trở thành lý do tại sao ông ta tranh đấu với Đế Thích. Cô ta là một tiên nữ đẹp giáng trần, và khi Đế Thích thoáng nhìn thấy cô ta. Đế Thích đi gặp A Tu La Vương để cưới hỏi. A Tu La Vương đồng ý. Hoá ra cô ta là một người ghen tuông và ích kỷ. Đế Thích là người thích lắng nghe Phật pháp và cũng thường xuyên tới nghe các vị pháp sư thuyết pháp. Cô ta để ý và thấy Đế Thích thường vắng mặt và cô ta bắt đầu ghen tuông. Cô ta nghĩ: "Ông ta đã cưới tôi rồi, nhưng ông ta không thương tôi nữa. Tôi chắc ông ta đi ra ngoài và ngoại tình." Với tấm lòng ghen tuông, cô ta âm thầm lén đi theo Đế Thích. Một hôm cô ta biết được chỗ Đế Thích thường tới. Khi Đế Thích vừa tới nơi chánh điện và ngồi vào chổ, cô ta nhìn thấy có rất nhiều tiên nữ trong chánh điện. Cảnh đó làm tâm ghen tuông càng bực cháy, và ngay lúc đó cô ta hiện hình. Khi Đế Thích thấy cô ta, ông ta hỏi: "Cô tới đây làm gì ?"

Cô ta trả lời với giọng nói ghen tuông: "Ông tới đây để quen với các phụ nữ khác và không muốn tôi tới phải không"

Đế Thích tát cô ta một bạt tay, và cô ta bắt đầu khóc than và chạy về nhà của A Tu La Vương để mét lại. "Ông Đế Thích đã phá vỡ luật vợ chồng và luôn đi kiếm phụ nữ khác." Cô ta mét lại : "Khi con theo ông ta, ông ta đánh con"

Dĩ nhiên khi A Tu La Vương nghe chuyện này, ông ta giận dữ. "Chúng ta sẽ chiến tranh. Chúng ta sẽ lật đổ hắn và chiếm lấy ngai vàng." Ông ta ra lệnh tất cả binh lính A Tu La và kiêu gọi các tướng sĩ tham gia ra trận đánh Đế Thích. Vậy đoán ra sao ?

Các thiên binh của Đế Thích, tứ đại thiên vương không thể chống lại quân của A Tu La. Cung thành bị bao vây và bế tắt. Cuối cùng, Đế Thích đến cầu cú với đức Phật. "Con phải làm sao? " ông ta hỏi "Con không thể đánh lại quân lính A Tu La"

Đức Phật trả lời: "Con hãy về và nói với các quân sĩ của con và kêu họ hãy niệm câu Bát Nhã "Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa". Ta bảo đảm mọi chuyện sẽ

trở nên ổn thỏa. Đế Thích trở về và làm theo lời dặn, và các A Tu La đầu hàng vô điều kiện. Đó là cách Đế Thích đã thắng trận. Nhưng các loại A Tu La vẫn luôn tranh đấu chức vị và thẩm quyền.

4. **A-nan! biệt hữu nhất phân, hạ liệt tu la. Sanh đại hải tâm, trầm thủy huyệt khẩu. Đán du hư không, mộ quy thủy tú. Thử A-tu-la, nhân thấp khí hữu, súc sanh thú nhiếp.**

A Nan, riêng có một số A Tu La thấp kém sanh ở đáy biển, lặn dưới hang nước, ban ngày dạo trên hư không, ban đêm về ngủ dưới nước; loại A Tu La này là thấp sanh, thuộc về loài súc.

Giảng: "A Nan, riêng có một số A Tu La thấp kém sanh ở đáy biển, lặn dưới hang nước." Những vị A Tu La này nằm trong loại súc sanh. Rồng và các loại như vậy là các loại này. Khi chúng suy nghĩ rất nhiều về nước về biển, họ cuối cùng tái sanh trong đó.

"Ban ngày dạo trên hư không, ban đêm về ngủ dưới nước." Họ quay lại hang động dưới nước vào ban đêm. "Loại A Tu La này là thấp sanh, thuộc về loài súc sanh."

A-nan! Như thị địa ngục, ngạ quỷ súc sanh, nhân cập thần tiên. Thiên kịp tu la, tinh nghiên thất thú. Giai thị hôn trầm, chư hữu vi tưởng. Vọng tưởng thọ sanh, vọng tưởng tùy nghiệp. Ư diệu Viên Minh, vô tác bản tâm. Giai như không hoa, nguyên vô sở hữu. Đãn nhất hư vọng, cánh vô căn tự.

A Nan! Bảy loài địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, cõi người, thần tiên, cõi trời và A Tu La kể trên, đều là những tướng hữu vi hôn trầm, vọng tưởng tùy nghiệp thọ sanh. Thật ra thảy đều như hoa đốm trên không, vọng hiện nơi bản tâm vô tác sáng tỏ, vốn vô sở đắc, chỉ một hư vọng, chẳng có cội gốc.

Giảng: "A Nan! Bảy loài địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, cõi người, thần tiên, cõi trời và A Tu La kể trên." Những vị này vẫn còn sắc thân. Họ "đều là những tướng hữu vi hôn trầm, vọng tưởng tùy nghiệp thọ sanh." và vọng tưởng sẽ đưa chúng và cõi sanh tử kế tiếp. "Thật ra thảy đều như hoa đốm trên không, vọng hiện nơi bản tâm vô tác sáng tỏ, vốn vô sở đắc." Bảy loài chúng sanh giống

như hoa đốm giữa hư không, không có nơi để nương tựa. Chúng “chỉ một hư vọng, chẳng có cội gốc.”

A-nan! Thử đẳng chúng sanh. Bất thức bản tâm, thọ thử Luân-hồi. Kinh vô lượng kiếp, bất đắc chân tịnh. Giai do tùy thuận, sát đạo dâm cố. Phản thử tam chủng, hựu tắc xuất sanh, vô sát đạo dâm. Hữu danh quỷ luân, vô danh thiên thú. Hữu vô tướng khuynh, khởi Luân-hồi tánh.

A Nan! Những chúng sanh này, chẳng nhận được bản tâm, bị luân hồi trải qua vô số kiếp, chẳng được chơn tánh trong sạch, ấy đều do tùy thuận ba nghiệp sát, đạo, dâm; hoặc ngược lại ba thứ đó, thành không sát, đạo, dâm; vọng thấy “Có” thì là loài quỷ, vọng thấy “Không” thì là loài trời; Có và Không thay phiên nhau, phát khởi tánh luân hồi.

Giảng: “A-nan, những chúng sanh trong bảy loài, không nhận ra bổn tâm phải trải qua luân hồi trong vô số kiếp. Họ không biết chơn tánh chân thật vốn có sẵn không cần làm gì, và họ cứ tiếp tục trải qua trong sáu nẽo luân hồi. Họ sanh và lại chết. Họ chết rồi lại tái sanh. Trong một kiếp, họ là trâu bò, và kiếp kế tiếp, họ làm ngựa. Và có thể trong một kiếp tiếp theo, họ có thể trở lại làm người. Đó là kiếp luân hồi. Cứ tiếp tục bao lâu? Không có cách để tính được bao nhiêu kiếp họ phải trải qua như vậy.

Họ “chẳng được chơn tánh trong sạch.” Họ không bao giờ khai mở chân tâm bổn tánh. Tại sao? “Ấy đều do tùy thuận ba nghiệp sát, đạo, dâm.” Họ bị đìm chắm trong đó và không thể dừng lại. Hay là bởi vì họ ngược lại ba thứ ác nghiệp đó. và họ sanh ra theo không sát, không cướp và không dâm vọng. Nếu họ có hành vi sát sanh, cướp giật và dâm vọng, họ đo vào cõi ma quỷ, nơi bạn bè và gia tộc của họ cũng là ma quỷ. Nếu họ thoát ra khỏi ác nghiệp, họ được tái sanh làm chư thiên. Những luân hồi lên xuống giữa hiện tại và sự vắng mặt của nghiệp pháp khởi tánh luân hồi. Sự liên tục tranh đấu giữa sự tạo nghiệp và không tạo nghiệp cứ tiếp tục diễn ra. Có khi họ tạo ra ác nghiệp, có khi lại không. Đó là tánh luân hồi.

Nhược đắc diệu phát, tam ma đề giả, tức diệu thường tịch. Hữu vô nhị vô, vô nhị diệc diệt. Thượng vô bất sát, bất thâu bất dâm. Vân hà cánh tùy, sát đạo dâm sự.

Nếu ngộ pháp Tam Ma Địa, thì diệu Tâm thường tịch, hữu vô bất nhị, bất nhị cũng diệt, những việc không sát, đạo, dâm còn chẳng có, huống là thuận theo sát, đạo, dâm

Giảng: Đối với những người đã ngộ pháp Tam Ma Địa, thì diệu Tâm thường tịch, hữu vô bất nhị. Có vài người trong bảy loài chúng sanh có thể ngộ được pháp Tam Ma Địa, Đó là Lăng Nghiêm Đại Định. Họ quay lại tánh nghe và hồi quang phản chiếu, và bản tánh đến được con đường chánh đạo. Họ tu hành theo nhĩ căn viên thông và đạt được định lực và trí tuệ chân chánh. Nếu cả 3 ác nghiệp hiện tiền, họ phải trả qua 3 cõi thấp của địa ngục, ma quỷ và súc sanh. Nếu 3 ác nghiệp vắng mặt, họ có thể đâu thai làm người, thánh, tiên hay A Tu La. Nhưng trong cõi này, những nghiệp không tồn tại hay biến mất. "bất nhị cũng diệt". Sự vắng mặt chia đôi ra 3 ác nghiệp và 4 nẽo đường cũng biến mắt luôn. "Những việc không sát, đạo, dâm còn chẳng có, huống là thuận theo sát, đạo, dâm." Nếu trên căn bản không có, thì làm sao có việc tham gia trong hành vi ác nghiệp? Làm sao các ác nghiệp tạo ra ? Nó không phải.

A-nan! bất đoạn tam nghiệp, các các hữu tư. Nhân các các tư, chúng tư đồng phần. Phi vô định xứ, tự vọng phát sanh. Sanh vọng vô nhân, vô khả tầm cứu.

A Nan, chẳng dứt ba nghiệp thì chúng sanh mỗi mỗi đều có nghiệp riêng, do nghiệp riêng ấy, trong đồng phận của chúng sanh, chẳng phải là không có chỗ nhất định. Đó là do tự tạo vọng nghiệp, vọng vốn chẳng nhân, chẳng thể truy cứu cội gốc.

Giảng: "A Nan, chẳng dứt ba nghiệp thì chúng sanh mỗi mỗi đều có nghiệp riêng." Những chúng sanh nào không dứt ba nghiệp, sác cướp dâm, sẽ mang cái nghiệp riêng. "Do nghiệp riêng ấy, trong đồng phận của chúng sanh, chẳng phải là không có chỗ nhất định." Khi chúng sanh tạo ra những nghiệp chướng riêng, họ phải trải qua quả báo chung. Đây gọi là cộng nghiệp. Không phải là trùng hợp ngẫu nhiên. Không phải một tình huống tùy ý. Tuy nhiên, mọi chuyện xảy ra có lẽ chính xác, cái chính xác đó là kết quả của cái vô minh. Nguồn gốc không có đầu, cho nên trong kinh nói rằng: Tuy chúng – nghiệp riêng và cộng nghiệp – là do tự tạo vọng nghiệp, vọng vốn chẳng nhân. Vọng không có sắc. Vọng không có nguồn. Gốc của nó là không là bất thực. Nó "chẳng thể truy cứu cội gốc." Quý vị có thể tìm nhưng quý vị không kiếm ra nguồn. Nó tạo ra từ vọng và tự nó diệt. Quý vị có thể cố gắng tìm kiếm nguồn gốc, nhưng nó không có hiện hữu. Nó như bónh hình, và quý vị sẽ không thành công tìm kiếm nguồn gốc của nó. Quý vị có thể nói rằng nguồn gốc của

nó là thân sắc, nhưng cái bóng hình vẫn không phải là sắc thân của nó. Bóng dạnh chỉ là ảo ảnh.

Nhữ húc tu hành, dục đắc bồ đề, yếu trừ tam hoặc. Bất tận tam hoặc, túng đắc thần thông. Giai thị thế gian, hữu vi công dụng. Tập khí bất diệt, lạc ư ma đạo. Tuy dục trừ vọng, bội gia hư ngụy. Như Lai thuyết vi, khả ai lân giả. Nhữ vọng tự tạo, phi Bồ-đề cữu. Tác thị thuyết giả, danh vi chánh thuyết. Nhược tha thuyết giả, tức Ma Vương thuyết.

Ngươi khuyên người tu hành, muốn đắc đạo Bồ Đề, phải trừ dứt ba nghiệp. Nếu ba nghiệp chẳng dứt, dẫu được thần thông, cũng đều là những công dụng hữu vi của thế gian, tập khí chẳng diệt thì lạc vào ma đạo, dù muốn trừ vọng, càng thêm giả dối. Như Lai nói là kẻ đáng thương xót. Vậy, vọng do người tự tạo, chẳng phải lỗi của Bồ Đề, thuyết như thế gọi là chánh thuyết, chẳng thuyết như thế tức là tà thuyết.

Giảng: Đức Phật nói với Anan, “Con nên khuyên các người tu hành, muốn đắc đạo Bồ Đề, phải trừ dứt ba nghiệp.” Ba cái ác nghiệp đó là sát sanh, cướp và dâm vọng. Chúng gọi là ảo vọng. Nơi đây bởi vì các nghiệp tạo ra từ vọng tưởng. Nếu chúng sanh không lầm lẫn và bị lừa dối, nghiệp chướng sẽ không được tạo ra. “Nếu ba nghiệp chẳng dứt.” Đó là, nếu còn một chúc nho nhỏ vọng tưởng về 3 ác nghiệp, chỉ nho nhỏ như một sợi lông mà không từ bỏ được – “dẫu được thần thông, cũng đều là những công dụng hữu vi của thế gian.”

Có thể họ được một chúc thần thông hay là một chúc trí tuệ, nhưng những thứ đó không thể tính rằng là thần thông vô điều kiện. Nó nằm trong sắc và hình dáng tùy theo phương tiện sử dụng. Nó chỉ là thần thông bám vào hình dáng. “Tập khí chẳng diệt thì lạc vào ma đạo.” Nếu các tập khí như sác cướp dâm không dừng lại, quý vị sẽ rơi vào ma đạo trong tương lai
Bây giờ quý vị thấy tại sao tôi nói rằng thế này thế nọ, người tu hành như vậy là ma vương. Chúng không tuân theo luật giới về cấm sát sanh, cướp và dâm vọng. Nến một người làm như vậy, làm sao người đó có thể có được trí tuệ chân chánh. Không thể được.

“Dù muốn trừ vọng, càng thêm giả dối.” Họ thêm sai trong sai, lầm trong lầm lẫn. Họ bắt đầu với nói dối, và nói sai lầm. Nhưng sau đó, họ nói họ không có nói dối, và đó lại thêm lừa dối. Nếu quý vị nói dối, vậy thì không có lý do gì để cải. Nhận tội và đó chỉ là một tội. Nhưng khi không nhận lời nói dối, họ đành mang 2 tội. Theo cách này, tội lỗi gấp đôi. “Như Lai nói là kẻ đáng thương xót.”

Những kẻ không bao giờ làm việc đúng là kẻ đáng thương xót. “Vậy, vọng do người tự tạo, chẳng phải lỗi của Bồ Đề.” Tất cả sự vọng tưởng mê lầm và nghiệp quả là thứ mà người tự tạo ra. Chẳng phải lỗi của Bồ Đề. Vì vậy, họ không thể nói rằng: “Nếu chúng con là Phật, tại sao lại có vọng tưởng. Họ đã lầm lẫn khi nói như vậy.

“Thuyết như thế gọi là chánh thuyết.” Nếy quý vị nói như vậy, quý vị nói theo chánh pháp. “Chẳng thuyết như thế tức là tà thuyết.” Nếu giải thích mà không theo con đường chân chánh, thì đó là tà ma ác quỷ nói. Quý vị nên nhìn phân rõ chánh tà. Pháp nói từ ma vương thì căn cứ theo vọng tưởng giả tạo. Thí dụ, ma vương biết một chuyện nhưng nói rằng không biết. Đó là nói dối. Người tu hành nên biết rằng trí tuệ thẳng thắn là Bồ Đề. Luôn luôn thẳng thắn trong mọi tình huống. Đừng lừa dối.

KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH NHƯ LAI MẬT NHƠN
TU CHỨNG LIỄU NGHĨA
CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH
THỦ LĂNG NGHIÊM

QUYỂN 9 – PHẦN 3

— o0o —

TUYÊN HÓA THƯỢNG NHÂN
giảng thuật

— 0O0 —

Năm Mươi Ấm

Kinh Văn: **Tức thời Như lai tương bãi pháp tòa. Ư sư tử sàng, lãm thất bảo kỷ, hồi tử kim sơn, tái lai bằng ỷ, phổ cáo đại chúng, cập A-nan ngôn:**

Nhữ đẳng hữu học Duyên giác Thanh văn , kim nhật hồi tâm thú đại bồ-đề vô thượng diệu giác. Ngô kim dĩ thuyết chân tu hành pháp.

Việt dịch: **Lúc bấy giờ Đức Như Lai sắp rời pháp tòa. Từ tòa sư tử, ngài vin chiếc ghế bảy báu, xoay thân hình như sắc núi vàng tía, rồi lại tựa lưng vào ghế, bảo đại chúng cùng A-nan rằng: Các ông là hàng Thanh văn , Duyên giác hữu học, ngày nay hồi tâm hướng về Vô thượng bồ-đề . Như Lai đã dạy pháp tu chơn chánh cho các ông rồi.**

Giảng: **Lúc bấy giờ Đức Như Lai sắp rời pháp tòa**: là khi Đức Phật giảng gần xong hội Kinh Thủ-lăng-nghiêm.

Từ tòa sư tử, ngài vin ghế bảy báu. Đức Phật đang ngồi trên pháp tòa, tức tòa sư tử. Pháp âm của Như Lai ví như tiếng gầm của sư tử. Khi sư tử gầm lên, tất cả các loài thú đều sợ hãi. Nên chỗ Như Lai ngồi giảng pháp được gọi là tòa sư tử. Chiếc ghế mà Như Lai ngồi được làm bằng bảy thứ báu để trang nghiêm.

Như Lai xoay thân hình như sắc núi vàng tía, rồi lại tựa lưng vào ghế. Thân của Đức Phật như núi bằng vàng tía, ánh sáng rực chiếu khắp mọi nơi, **bảo khắp đại chúng cùng A-nan rằng: các ông là hăng Thanh văn, Duyên giác hữu học**. Trước khi đạt được bốn quả vị dành cho hàng A-la-hán , họ vẫn được coi là hàng hữu học.

Thanh văn là những vị được giác ngộ do tu tập pháp "Tứ diệu đế." Duyên giác là những vị được giác ngộ do tu tập pháp "mười hai nhân duyên." **Nay hồi tâm hướng về Vô thượng bồ-đề**. A-nan và hàng Thanh văn bây giờ đã hồi tâm, từ quả vị Tiểu thừa hướng về Đại thừa. A-nan cùng hàng Nhị thừa đã phát tâm cầu Vô thượng bồ-đề, không có gì để sánh với sự giác ngộ nhiệm mầu này.

Như Lai đã chỉ dạy pháp tu chân chính cho các ông rồi. Đức Phật đã chỉ dạy rõ ràng phương pháp tu hành chơn chánh cho các vị rồi.

Kinh Văn: **Nhữ do vị thức tu xa-ma-tha , tì-bà-xá-na vi tế ma sự. Ma cảnh hiện tiền, nhữ bất năng thức. Tẩy tâm phi chính, lạc ư tà kiến.**

Việt dịch: Do các ông vẫn còn chưa biết những ma sự nhỏ nhiệm xảy ra lúc tu chỉ và quán . Nếu các ông không nhận ra ma cảnh khi nó hiện ra là do việc thanh tịnh tâm ý của ông không đúng với pháp chân thật, nên bị rơi vào tà kiến.

Giảng: **Nhưng các ông vẫn còn chưa biết những ma sự nhỏ nhiệm sẽ xảy ra khi tu tập chỉ quán .**

Trước đây A-nan đã thưa thỉnh xin Đức Phật chỉ dạy cách thức tu hành. Ngài đã vì chúng sanh trong đời vị lai mà thỉnh cầu giáo pháp.

Dù bây giờ Ngài A-nan đã hiểu được đạo lý tu hành rồi nhưng vẫn chưa có kinh nghiệm tu tập. Ngài đã hiểu được lý thuyết, nhưng do thiếu kinh nghiệm, nên Ngài không biết được những gì xảy ra trong khi hành trì nên Đức Phật mới chỉ dạy như vậy. Tu chỉ tức là tu tập Thủ-lăng-nghiêm đại định. Tu *quán* là một pháp quán chiếu rất vi mật. Các ma sự nhỏ nhiệm sẽ xuất hiện vào lúc này. Trong tiến trình tu tập, rất nhiều ma cảnh sẽ hiện ra. Không phải hiện tượng nào cũng hiển bày rõ ràng, nhưng chúng rất vi tế.

Nếu các ông không nhận ra ma cảnh khi nó hiện ra. Khi các ông công phu theo phương pháp *phản văn văn tự tánh* (hướng tánh nghe vào bên trong để nhận ra tự tánh vốn có của mình) thì ma cảnh sẽ xuất hiện. Nếu các ông không nhận ra ma và không biết ma là gì, **là do việc thanh tịnh tâm ý của ông không đúng với pháp chân thật**.

Vì ông đã tự thanh tịnh tâm ý mình, nhưng có hơi sai lệch, không phù hợp với chánh tri kiến. Do đó bị rơi vào tà kiến. Nếu chánh tri kiến của các ông không được chân chánh (không đúng với chánh pháp) thì các ông sẽ bị dính mắc vào các ma cảnh.

Kinh Văn: **Hoặc nhữ ấm ma, hoặc phục thiên ma. Hoặc trước quỷ thần, hoặc tao quỷ mị. Tâm trung bất minh, nhận tặc vi tử.**

Việt dịch: Ông sẽ bị quấy nhiễu bởi một loài ma từ ngũ ấm của ông. Hoặc là thiên ma, hoặc bị dính mắc bởi quỷ thần, hoặc gặp loài ly, my. Nếu tâm ông không sáng suốt, ông sẽ nhận lầm kẻ giặc làm con mình.

Giảng: **Ông sẽ bị quấy nhiễu bởi một loài ma từ ngũ ấm của ông.**

Đó là một loại ma phát sinh từ chính tâm thức của mình. Hay là một trong mười loại ma phát sinh từ sắc ấm, cũng là do từ tâm ông mà có.

Hoặc là thiên ma. Tại sao một loại ma từ trên trời lại đến quấy phá ông được? Là vì ông tu mà nhắm tới mục đích để đạt được định lực.

Đạt được chút định lực trong khi tu tập chẳng phải là điều quan trọng, nhưng có thể làm cho cung điện của Ma vương rúng động giống như qua một cơn động đất. Vì Ma vương có được thần thông, nên ngay khi cung điện của nó bị rúng

động, nó liền tìm hiểu “tại sao cung điện của ta bỗng nhiên rúng động.” Nó khám phá ra ai đó nơi thế gian sắp sửa thành tựu đạo nghiệp. Định lực của người ấy sẽ phá nát cung điện của nó, Thiên ma mới suy nghĩ: “Ông muốn phá hủy cung điện của tôi, thì tôi sẽ làm tiêu hủy định lực của ông trước.” Thế là nó đến phá hoại định lực của người đang tu hành.

Hoặc bị dính mắc bởi quỷ thần: Khi quỷ thần thấy ông sắp đạt được kết quả tu tập, nó ghen tức, nó nghĩ: “Ồ! vậy là ông sắp chứng đạo.” Nên trước hết nó đến phá hủy công phu tu tập của ông. Thế là nó nhập vào tâm thức ông hay chiếm đoạt thân xác ông, khiến cho định lực của ông không thể hoàn mãn.

Nó làm cho ông sẽ bị “tẩu hỏa nhập ma” và lệ thuộc vào nó. Từ trước tôi đã giảng về việc bị dính mắc vào quỉ thần rồi phải không? Điều đó rất quan trọng. Tại sao ông lại trở thành vật sở hữu của ma? Vì **Việc thanh tịnh tâm ý của ông không chân chánh, không đúng với chánh pháp** và bởi vì động cơ không chơn chính, dù chỉ một niệm tà ý nhỏ nhoi, ông cũng sẽ bị dính mắc với quỉ thần. Điều đó được gọi là “tẩu hỏa nhập ma” vậy.

Hoặc gặp loài ly mị. Hoặc là vọng lượng. Các loại ma này đều là những loại yêu quái**. Nếu tâm ông không sáng suốt. Ông sẽ nhận lầm kẻ giặc làm con.** Nếu ông gặp dạng ma này mà không nhận ra hoặc không hiểu gì về nó thì ông sẽ đi đến chỗ “nhận giặc làm con mình.” Hãy suy nghĩ kỹ về điều này. Để nó khỏi đánh cắp tài sản của mình. Nếu mình để cho kẻ trộm vào nhà, thì những thứ tài sản quý báu trong nhà đều bị nó lấy sạch.

Cái gì là tài sản quí báu nhất trong nhà mình?

Tôi sẽ nói một cách chân thành mộc mạc để cho các ông phải nhớ thật kỹ điều này, các ông phải tin lời tôi nói. Bất cứ ông làm điều gì, cũng đừng có quên lời tôi nói mà bỏ qua. Sao vậy? Vì đây là điều quan trọng đối với tương lai và sinh mệnh của chính ông.

Cái gì là kho tàng quý giá của chính mình? Đó là kho tàng Chân tánh Như Lai vốn sẵn có nơi ông. Tánh Như Lai tạng ấy, ông để mất được hay sao? Các ông không nhớ tôi đã từng nói đến bản chất, năng lực cùng tinh thần của Như Lai tạng ở trước rồi hay sao? Nếu ông muốn khôi phục lại Như Lai tạng của chính mình, trước hết ông phải bảo trì **tâm tánh, khí chất và tinh thần** (tinh, khí, thần) của mình. Nếu ông không chăm sóc bảo dưỡng chu đáo ba yếu tố này, thế là ông để cho tài sản của mình bị cướp đoạt. Hãy hết sức cẩn trọng.

Kinh Văn: Hựu phục ư trung đắc tiểu vi túc. Như đệ tứ thiền Vô Văn tỉ-khưu vọng ngôn chứng thánh. Thiên báo dĩ tất, suy tướng hiện tiền, báng A-la-hán , thân tao hậu hữu. Đọa a-tì ngục.

Việt dịch: Lại nữa, do trong khi tu tập, cảm thấy hài lòng, thỏa mãn khi có chút ít thành quả. Như tỷ-khưu Vô Văn , đã đạt được Tứ thiền, vọng ngôn cho rằng mình đã chứng Thánh. Khi phước báo ở cõi trời hết, tướng suy xuất hiện, nên phỉ báng rằng chứng quả a-la-hán còn phải chịu sanh tử. Ông liền đoạ vào địa ngục a-tỳ.

Giảng: Lại nữa do trong khi tu tập, **cảm thấy hài lòng thỏa mãn khi có chút ít thành quả**.

Trong khi tu tập, dù nếu ông không bị dính mắc với quỷ thần, ông cũng phải cần có trí tuệ chân chính và có con mắt *trạch pháp nhãn*. *Trạch* là sự tuyển chọn, *pháp* là Phật pháp, *nhãn* là con mắt của chính mình. Nếu ông nhận ra được Phật pháp, thì tự ông sẽ biết mình tu tập đến trình độ nào. Đừng tự thấy mình có chút ít hiểu biết đạo lý rồi cảm thấy thỏa mãn.

Như tỷ-khưu Vô Văn , đạt đến Tứ thiền , vọng ngôn cho rằng mình đã chứng thánh.

Gọi là tỷ-khưu Vô Văn vì ông ta không hiểu biết nhiều. Ông ta chỉ biết chút ít Phật pháp. Tại sao lại gọi ông ta là Vô Văn. Căn bản là khi chứng được bốn quả vị a-la-hán thì được sanh lên cõi trời Tứ thiền. Đức Phật dạy: vị nào chứng được tứ quả a-la-hán thì không còn chịu sanh tử luân hồi nữa. Khi chứng được quả vị thứ hai được gọi là Nhất lai, phải còn thọ sanh một lần trên cõi trời và một lần trở lại trong cõi người. Còn phải trải qua một lần sinh tử nữa. Vị Thánh đạt quả vị thứ nhất (trong bốn quả vị a-la-hán) còn phải chịu trải qua bảy lần sanh tử. Tất cả những cảnh giới này đều vượt hơn cõi trời Tứ thiền.

Vô Văn tỷ-khưu chỉ mới đạt đến cảnh giới Thiền thứ tư trong quá trình tu tập của ông thôi, nhưng ông ta tưởng rằng ông đã chứng được quả vị thứ tư của a-la-hán. Thực ra ở trình độ cảnh giới Thiền thứ tư, vẫn chưa chứng được quả vị gì, và vẫn còn là phàm phu (vì chỉ có định lực mà chưa phát huệ).

Nhưng tỷ-khưu Vô Văn tuyên bố rằng ông ta đã chứng được quả vị thứ tư của hàng a-la-hán. Thế mà hiện nay vẫn có người cho rằng quả vị thứ tư của hàng a-la-hán vẫn còn thấp so với họ. Họ trơ tráo tuyên bố rằng chính họ là Phật. Nhưng một Đức Phật thì có đủ tam thân, tứ trí, ngũ nhãn, lục thông. Quý vị có thể hỏi những người tự tuyên bố mình là Phật xem họ có được mấy món thần thông. Chắc chắn là thiếu *lậu tận thông*. Tôi tin chắc những người tự cho rằng mình là Phật thì chẳng có được dù chỉ là một món thần thông, chứ đừng nói

năm hoặc sáu. Chỉ có những người không có thần thông mới muốn khoe mình là Phật. Những người quả thật chỉ có dù một món thần thông, họ sẽ không bao giờ dám đưa ra lời đại vọng ngôn như thế.

Khi phước báo cõi trời hết. Khi đời sống của họ ở cõi trời kết thúc, và những tướng suy xuất hiện. Các ông có nhớ năm tướng suy xuất hiện không? Các ông có nhớ năm tướng suy tôi đã giảng phần trước không? Khi đời sống của một chúng sanh ở cõi trời kết thúc và sắp mạng chung, thì có năm dấu hiệu xuất hiện, gọi là năm tướng suy: một là vòng hoa trên đầu (vương miện) héo rũ, hai là áo quần trở nên dơ bẩn, ba là ở nách thoát ra mồ hôi, bốn là thân thể trở nên hôi thối dơ bẩn, năm là không thích ngồi lâu.

Ông ta **phỉ báng rằng chứng quả a-la-hán còn phải chịu sanh tử. Ông liền đoạ vào địa ngục a-tỳ.**

Khi phước báo ở cõi trời sắp hết, năm tướng suy sẽ xuất hiện, báo hiệu cuộc sống ở cõi trời đã đến lúc chấm dứt. Tỷ-khưu Vô Văn nổi giận. Ông ta tức giận điều gì? Ông ta nghĩ: “Ta đã bị Phật lừa dối, Đức Phật là một kẻ bịp bợm. Đức Phật nói rằng người nào chứng được tứ quả a-la-hán thì không còn phải kinh qua sinh tử luân hồi nữa. Tại sao cuộc sống của tôi lại sắp kết thúc? Tại sao tôi phải chịu tái sinh? Tại sao tôi phải chịu luân hồi? Tại sao tôi phải chịu sinh ra một lần nữa? Đức Phật là một kẻ nói dối.” Chúng ta biết ngay điều gì xảy ra khi ông phỉ báng Đức Phật như thế. Ông ta đọa ngay vào địa ngục A-tì.

Địa ngục A-tì còn gọi là địa ngục vô gián. Vốn là do không chứng được quả vị a-la-hán, mà tuyên bố đã chứng được, nên khi hưởng phước báo ở cõi trời xong, khi chấm dứt mạng sống ở đó, liền rơi vào cảnh giới thấp kém hơn. Ông ta không nhận ra lỗi lầm của mình mà còn cho rằng Đức Phật giảng pháp không đúng. Thực sự Đức Phật đã nói rằng: “Ông chưa chứng được quả vị thứ tư của hàng a-la-hán. Nếu ông đã chứng được, ông chẳng còn sinh tử luân hồi nữa.”

Tại sao lại có năm tướng suy hiện ra? Vì hủy báng Đức Phật. Do vậy, Vô Văn tỷ-khưu liền rơi vào địa ngục vô gián.

Các ông có thể tưởng tượng được những người tự tuyên bố mình là Phật sẽ đi về đâu. Tôi không biết rồi họ sẽ kết thúc sinh mạng ở nơi nào nữa?

Kinh Văn: Nhữ ưng đế thính, ngô kim vị nhữ, tử tế phân biệt.

Việt dịch: Các ông nên lắng nghe kỹ. Như Lai sẽ giảng giải chi tiết cho các ông.

Giảng: Các ông nên lắng nghe kỹ. A-nan, ông nên đặc biệt lưu ý, hãy lắng nghe cho kỹ. **Như Lai sẽ giảng giải chi tiết cho các ông,**giảng giải cho A-nan cùng đại chúng tường tận từng chi tiết. Vậy nên đừng có thất vọng, đừng sanh tâm cô phụ.

Kinh Văn: A-nan khởi lập, tịnh kì hội trung, đồng hữu học giả, hoan hỉ đảnh lễ, phục thính từ hối.

Việt dịch: A-nan đứng dậy, cùng hàng hữu học trong chúng hội vui mừng đảnh lễ, im lặng lắng nghe lời chỉ dạy từ bi của Đức Phật.

Giảng: A-nan đứng dậy, cùng hàng hữu học trong chúng hội. Đó là các vị Bồ-tát, các vị Đại a-la-hán, các vị Đại tỷ-khưu, các vị hữu học, những người đã chứng được sơ quả, đệ nhị, và đệ tam quả A-la-hán.

Vui mừng đảnh lễ. Vì Đức Phật sắp sửa giảng giải vấn đề rất chi tiết, nên mọi người đều hớn hở. Cùng nhau vui mừng đảnh lễ Đức Phật. Họ tự nhiếp phục tâm ý của mình, **im lặng lắng nghe lời chỉ dạy từ bi của Đức Phật.** Không để cho một niệm tưởng lăng xăng nào dấy khởi. Như vậy mới có thể lắng nghe với sự chú tâm trọn vẹn giáo pháp mà Đức Phật sắp chỉ dạy.

Kinh Văn: Phật cáo A-nan cập chư đại chúng: Nhữ đẳng đương tri, hữu lậu thế giới thập nhị loại sanh, bản giác diệu minh, giác viên tâm thể, dữ thập phương Phật, vô nhị vô biệt.

Việt dịch: Đức Phật bảo ngài A-nan và mọi người trong chúng hội: Các ông nên biết, mười hai loại chúng sanh trong thế giới hữu lậu đều vốn có bản tâm sáng suốt nhiệm mầu, là tâm thể giác ngộ trọn vẹn, không khác tâm thể mười phương chư Phật.

Giảng: **Đức Phật bảo ngài A-nan và mọi người trong chúng hội**. Tất cả **các ông nên biết mười hai loài chúng sinh trong thế giới hữu lậu đều vốn có bản tâm sáng suốt nhiệm mầu**, là tánh giác sẵn có xưa nay, là chân tâm vốn sáng suốt, nhiệm mầu **là tâm thể giác ngộ hoàn toàn**, **không khác tâm thể mười phương chư Phật**. Hoàn toàn giống nhau, chẳng khác chút nào. Chư Phật mười phương cũng có bản tâm sáng suốt nhiệm mầu ấy, và trong mười hai loại chúng sanh cũng thừa hưởng được tâm thể hoàn toàn giác ngộ sáng suốt nhiệm mầu (*bản giác diệu minh–giác viên tâm thể*) và còn được gọi là Tánh Như Lai tạng .

Kinh Văn: Do nhữ vọng tưởng, mê lí vi cữu, si ái phát sanh, sanh phát biến mê, cố hữu không tính. Hóa mê bất tức, hữu thế giới sanh. Tắc thử thập phương vi trần quốc độ phi vô lậu giả, giai thị mê ngoan vọng tưởng an lập.

Việt dịch: Do ông vọng tưởng, mê mờ chân lý nên phát sinh si ái, khiến gây ra mê lầm cùng khắp, nên có hư không. Cái mê biến hóa không dừng nên có thế giới. Do vậy, các cõi nước nhiều như vi trần trong mười phương chẳng phải là vô lậu, đều dựng lập nên từ mê muội, vọng tưởng.

Giảng: **Do ông vọng tưởng, mê mờ chân lý**. Này A-nan, tự tánh của ông và tự tánh của mười hai loại chúng sinh cùng với chư Phật chẳng khác. Là một, là như nhau. Tuy nhiên, nương nơi chân mà ông dấy khởi vọng tưởng sai lầm, trở nên mê muội chân lý. Mê lầm sai trái từ đó phát sinh.

Nên si ái phát sinh.

Lỗi lầm lớn nhất là gì? Là si và ái. Có thể nói si và ái là hai thứ, cũng có thể gom nó lại thành một thứ: si ái. Vô minh che lấp mọi hiểu biết, chỉ biết đến ái dục, chỉ nghĩ đến ái dục từ sáng đến tối. Chẳng thể buông bỏ được ái dục dù chỉ trong chốc lát. Nếu quý vị chú tâm nghiên cứu Phật pháp cũng như khi say mê ái dục vậy thì sẽ thành Phật rất chóng. Nhưng tiếc thay, quý vị không thể chuyển đổi ý thích dục lạc thành ý thích Phật pháp. Ông càng học Phật pháp, ông càng thấy chán. Ông cho rằng: “Tôi có quá nhiều lỗi lầm. Phật pháp vạch ra cho thấy hết thảy, tôi chẳng muốn học nữa. Phật pháp kêu gọi tôi thay đổi tập khí, làm sao mà tôi có thể thay đổi được điều ấy? Đó là một ví dụ về si ái. Ở trên, kinh văn đã nói: Do vọng tưởng nên mê lầm chân lý. Nay tôi có thể nói rằng mọi lỗi lầm đều phát khởi từ si ái.

Khiến gây ra mê lầm cùng khắp.

Si ái gây nên sự mê lầm cùng khắp. Ông trở nên mê mờ lầm lẫn về tất cả mọi việc. Khi ông trở nên si ái, ông không hiểu biết gì cả về mọi việc. Không có việc gì đáng để ông quan tâm cả. Ông còn ngoan cố cho rằng: “Nếu tôi có đọa địa ngục thì kệ tôi, việc gì phải bận tâm.” Ông chẳng còn bận tâm đến việc gì nữa cả.

Nên có hư không.

Từ si ái mà ông gây nên lỗi lầm. Vì người đàn ông cứ nhớ nghĩ đến người đàn bà suốt từ sáng đến tối, và người đàn bà lại nhớ tưởng tới người đàn ông suốt ngày. Nên phát sinh một thứ hư vọng.

Cái mê biến hóa không cùng nên có thế giới.

Cái mê muội được nhân lên nhiều lần, một cái mê trở thành hai, hai thành ba. Cái mê xoay chuyển không có chỗ dừng. Người thông minh nên thận trọng ở điểm này. Nên khắc ghi ý nghĩa sâu sắc vào trong xương cốt. Nó đã chỉ rõ cho ông toàn bộ sự mê lầm.

Do vậy, các cõi nước nhiều như vi trần trong mười phương đều được dựng lập từ mê muội và vọng tưởng.

Thế giới khắp mười phương không thể tiêu hủy được. Đó chẳng phải là thế giới vô lậu vì nó không có thể tánh riêng biệt của nó. Nó chỉ là sự dựng lập của vọng tưởng sai lầm. Mê lầm cùng với thiếu hiểu biết. Mê muội cùng với ngoan cố, không biết cách chuyển hóa, nên thế giới được dựng lập từ những vọng tưởng mê lầm này.

Kinh Văn: Đương tri hư không, sanh nhữ tâm nội, do như phiến vân điểm thái thanh lí. Huống chư thế giới tại hư không da?

Việt dịch: Nên biết hư không sanh trong tâm ông ví như phiến mây điểm trên nền trời xanh. Huống nữa là các cõi nước ở trong hư không thì nhỏ đến cỡ nào?

Giảng: A-nan, đừng mê ngủ. Ông phải biết khi tôi nói đừng ngủ, có nghĩa là đừng có mê mờ. Đừng có bị si ái một lần nữa, đừng có nhầm lẫn chân lý nữa.

Đức Phật bảo A-nan đừng mê ngủ, nay tôi bảo quý vị cũng hoàn toàn đừng mê ngủ.

Vấn đề chủ yếu ngay bây giờ là phải **nên biết: Hư không sanh trong tâm ông ví như đám mây điểm trên trời xanh.** Tất cả hư không đều sanh từ tâm ông. Đem phiến mây trên bầu trời để so sánh với tâm ông. Một phiến mây trên bầu trời thì nhỏ, nhưng bầu trời biểu hiện cho tâm ông thì lớn mênh mông. Trong đoạn kinh trước (quyển 6) đã nói:

Không sanh đại giác trung,

Như hải nhất âu phát.

Nghĩa là: Hư không sanh trong biển lớn giác ngộ, giống như hòn bọt nổi lên trong biển cả. Bây giờ lại nói: Hư không trong tâm ông giống như đám mây điểm trên nền trời xanh. **Huống nữa là các cõi nước ở trong hư không thì nhỏ đến cỡ nào?** Tất cả hư không hiện hữu đó đều nhỏ cả, thế thì tâm ông lớn

biết chừng nào? Tất cả thế giới so với cõi hư không ắt là nhỏ. Nếu hư không ở trong tâm ông thì thế giới ắt còn phải nhỏ hơn nữa. Điểm này mô tả tánh giác trùm khắp mọi nơi.

Kinh Văn: Nhữ đẳng nhất nhân, phát chân quy nguyên, thử thập phương không, giai tất tiêu vẫn. Vân hà không trung, sở hữu quốc độ, nhi bất chấn liệt?

Việt dịch: Nếu chỉ có một người trong các ông phát minh chân lý và quay về bổn tánh, thì mười phương hư không đều tiêu mất. Làm sao các cõi hư không kia lại không bị hủy diệt?

Giảng: Nếu chỉ có một người trong các ông phát minh chân lý và quay về bổn tánh. Phát minh chân lý và quay về bổn tánh có nghĩa là thành Phật. Chứng quả vị thứ tư của hàng A-la-hán , cũng có thể được gọi là nhận ra chân tánh, quay về bổn tâm. A-nan, nếu một người trong các ông thành Phật, **thì mười phương hư không đều tiêu mất. Làm sao mà các cõi hư không kia không bị hủy diệt**?

Hư không không còn nữa thì làm sao thế giới còn tồn tại được? Thế giới cũng đều tiêu trầm luôn vậy. (Hư không do si ái mà thành, khi phát minh bổn tánh thành Phật thì si ái cũng không còn, nên hư không tiêu mất).

Có người nói: "Nếu có nhiều người đã thành quả vị Phật rồi, thì lẽ ra hư không phải hoàn toàn tiêu diệt hết, thế tại sao hư không chưa biến hẳn đi?"

Từ cái nhìn của hàng phàm phu thì hư không còn tồn tại, nhưng chư Phật thì nhìn thấy chẳng còn có hư không. Đó là cái nhìn sai biệt. Thế nên các ông không nên luận bàn theo lối khái quát. Ví dụ như người đạt được ngũ nhãn thì có thể nhìn thấy được những gì đang xảy ra ở nước này và nước khác cách xa ngàn dặm. Ông là người chưa có được Phật nhãn, liệu có thể nhìn thấy được những việc này chăng? Do vậy ta không thể nói: Tôi thấy được nó nên nó phải hiện hữu. Quý vị có thể thấy như nó đang tồn tại, nhưng qua tầm nhìn của Đức Phật thì không có gì tồn tại cả. Ngay cả hư không cũng chẳng có.

Kinh Văn: Nhữ bối tu thiền, sức tam ma địa. Thập phương bồ-tát cập chư vô lậu đại A-la-hán , tâm tinh thông vẫn, đương xứ trạm nhiên.

Việt dịch: Các ông tu thiền, đạt được chánh định. Tâm ông thông suốt, hợp với tâm của chư vị Bồ-tát, và các vị vô lậu đại A-la-hán trong mười phương đã an trụ trong trạng thái vắng lặng.

Giảng: Khi **các ông** tập trung vào **tu thiền**, **đạt được chánh định**, chân **tâm ông thông suốt, hợp với chân tâm của chư vị bồ-tát và các vị vô lậu đại A-la-hán trong khắp mười phương đã an trụ trong trạng thái vắng lặng**.

Ông không còn phải tìm kiếm sự thanh tịnh vắng lặng ở đâu nữa, mà nó ngay ở nơi ông. Sự thanh tịnh vắng lặng ở ngay nơi thân tâm ông đó chính là Như Lai tạng tánh. Nó trùm khắp cả pháp giới.

Tại sao tâm của chư vị bồ-tát và các vị A-la-hán lại thông hợp với những người tu tập thiền định? Vì cùng tu tập đại định như nhau, họ đều dùng pháp "*phản văn văn tự tánh* ." Nghĩa là hướng tánh nghe vào bên trong để nhận ra tự tánh của mình cho đến khi thành Phật đạo.

Quý Ngài đều tu tập hành trì Thủ-lăng-nghiêm đại định. Vì vậy nên tâm thức họ hoàn toàn thông suốt, ngầm hợp. Như thể có dòng điện nối liền giữa họ với nhau.

Sự liên quan này không chỉ xảy ra ở cảnh giới của chư Phật, chư bồ-tát và các vị A-la-hán , mà nó cũng thường xảy ra đối với hàng phàm phu. Ví dụ khi quý vị nghĩ về một người nào đó, thì tư tưởng của quý vị sẽ liên lạc với người ấy, giống như đánh điện tín. Người kia có biết không? Quý vị thử hỏi bản tánh của người ấy thì biết rõ, dù tâm thức của họ có thể không hề biết. Trên bình diện bản thể thì hoàn toàn có thể biết được tâm thức của người khác.

"Như vậy nếu tôi nghĩ về một người nào đó thì người ấy cũng nghĩ về tôi như vậy hay sao?

Ông có thể suy nghĩ cho đến khi chết mà chẳng có ích gì cả. Giống như tánh si ái mà tôi giảng trước đây. Nếu một người si ái, anh ta sẽ nghĩ về những cảnh đam mê tình ái suốt ngày, không lúc nào dừng lại được những vọng tưởng ấy. Tự một mình anh ta suy nghĩ cho đến chết. Anh ta chết như thế nào? Anh ta nghĩ đến một người phụ nữ cho đến khi hai người cùng nhau kết hôn. Khi kết hôn rồi họ trở nên lộn xộn, rối loạn. Sau một thời gian sống trong hỗn độn rối loạn rồi họ chết. Kết hôn có nghĩa là sống trong hỗn độn rối loạn, không sáng suốt được chút nào cả.

Trong Hán văn, quý vị có thể suy luận về nghĩa của hai chữ *kết hôn* 結 婚 . *Hôn* 婚 có nghĩa là mờ tối.

Kinh Văn: Nhất thiết ma vương, cập dữ quỷ thần, chư phàm phu thiên, kiến kỳ cung điện vô cố băng liệt, đại địa chấn sách, thủy lục phi đằng, vô bất kinh nhiếp. Phàm phu hôn ám, bất giác thiên ngoa.

Việt dịch: Tất cả ma vương, cùng các loài quỷ thần, các cõi trời phàm phu đều thấy cung điện của mình vô cớ bị tiêu hủy, đất đai rung động, các loài thủy lục không hành thảy đều kinh sợ. Hàng phàm phu mê muội thì chẳng hay biết những biến động này.

Giảng: Khi một người đạt được đại định Thủ-lăng-nghiêm, là chân đại định, thì ma quân rúng động vì run sợ. **Tất cả ma vương, cùng các loài quỷ thần, các cõi trời phàm phu** của sáu cõi Dục và cõi trời Tứ thiền đều **thấy cung điện của mình vô cớ bị tiêu hủy**. Tình trạng này thực là không hiểu nổi. Không rõ nguyên nhân gì mà cung điện của chúng bỗng dưng hủy hoại dần.

Tôi đã từng kể cho quý vị nghe chuyện một chú đệ tử trẻ tuổi của tôi ở Mãn-châu (Manchuria). Chú ấy chỉ khoảng mười bốn tuổi, mặc dù chú nhỏ tuổi nhưng thần thông chẳng phải tầm thường. Chú có thể lên trời xuống đất tùy ý. Tuy đã được khai ngũ nhãn nhưng chưa chứng được lục thông. Chú đã được năm món thần thông, chỉ thiếu lậu tận không. Khi một người đạt được lậu tận thông thì được gọi là a-la-hán.

Một hôm, chú lên trời chơi. Khi lên trên đó, thiên ma rất vui mừng và dụ chú ta vào trong cung điện của chúng. Đó là một tòa lâu đài tuyệt đẹp làm bằng ngọc lưu ly trong suốt. Chú sa-di đã bị mắc vào bẫy.

Do chú có được ngũ nhãn, nên chú có thể thấy được pháp thân của mình đã bị cầm giữ bởi Tha hóa Tự tại vương. Tuy nhiên chú ta cũng tìm cách báo cho tôi biết: “Thưa thầy, con lên trời chơi, nay không thể về được nữa.”

“Thế là chú bị kẹt trên trời rồi! Hừ! thế trước kia ai đã chỉ cho chú lên đó?”

“Con nghĩ là ở đó sẽ rất vui nên con lên để xem cho biết. Bây giờ người ở đây không muốn cho con trở lại.”

Tôi bảo: “Nếu chú muốn tiêu khiển, thì đừng có lên đó tìm vui. Các thiên ma ở các tầng trời cõi Dục đều muốn tìm cơ hội để phá hủy định lực của người tu đạo.” Tôi giải thích: “Đừng sợ, Thầy sẽ đưa con về.”

Tôi cố gắng đưa chú về, nhưng ma vương không muốn cho chú đi. Đến lúc đó, chú thật sự hoảng sợ và nói: “Nó không cho con về. Làm sao bây giờ?” Tôi bảo: “Đừng lo, thầy sẽ có cách đưa con về ngay.”

Rồi tôi dùng chú Thủ-lăng-nghiêm, là năm bộ tâm chú để trừ ma chướng mà tôi đã giảng cho quý vị nghe trước đây. Cung điện của ma vương tức khắc tan rã, và chú sa-di trở về ngay lúc ấy. Đây là một câu chuyện có thực.

Bấy giờ cung điện của ma vương hủy hoại rồi sụp đổ. **Mặt đất chấn động**, nứt nẻ nhiều nơi. **Các sinh vật ở dưới nước, trên không thảy đều kinh sợ.**

Tất cả những loài sinh vật ở dưới nước, trên mặt đất, các loài bay nhảy, sợ hãi trở nên hoảng loạn không còn kiềm chế mình được nữa.

Hàng phàm phu mê muội thì chẳng hay biết những biến đổi này.

Hàng phàm phu chẳng có được tri giác bén nhạy, họ không nhận ra được quả đất đang kinh qua những sự biến đổi như thế. Họ không có đủ sự nhạy bén để nhận biết sáu tướng chấn động đang xảy ra trong trái đất.

Kinh Văn: Bỉ đẳng hàm đắc ngũ chủng thần thông, duy trừ lậu tận, luyến thử trần lao. Như hà linh nhữ tồi liệt kỳ xứ? Thị cố quỷ thần cập chư thiên ma, võng lượng yêu tinh, ư tam muội thời thiêm lai não nhữ.

Việt dịch: Các loài sinh vật ấy đều có năm thứ thần thông, trừ lậu tận thông, đương luyến tiếc cảnh trần lao. Làm sao nó chịu để cho các ông phá hoại chỗ ở của nó? Vậy nên các loài quỷ thần, thiên ma, ly mị, võng lượng, yêu tinh… trong khi ông tu pháp tam-muội, chúng đều muốn đến phá ông.

Giảng: Bây giờ các ông hiểu rồi chứ? Vì sao ma lại đến phá? Chỉ vì các **loài sinh vật ấy đều có năm thứ thần thông**: thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm không, túc mạng thông, thần túc thông, **trừ lậu tận thông** mà thôi. Nếu nó có lậu tận thông, nó sẽ không quấy rầy ông nữa đâu. Nhưng vì không có lậu tận thông, nên nó vẫn là kẻ ác, vẫn muốn đến phá hoại người tu đạo… Điều đó nghĩa là sao? Tôi sẽ giảng rất tường tận về điều này.

Gọi là *lậu* tức là những suy nghĩ lan man. Đàn ông nghĩ về đàn bà, đàn bà nghĩ đến đàn ông. Nếu quý vị không kết thúc những suy nghĩ lan man này, thì chẳng thể nào tự mình thoát khỏi lậu hoặc được.

Bây giờ tôi sẽ giảng điều này sâu hơn, và tôi sẽ nói rất chân thực. Nếu tôi nói không chân thực thì ông chẳng bao giờ biết được*lậu hoặc* thật sự liên quan đến mình như thế nào. Thoát khỏi mọi *lậu hoặc* có nghĩa là còn giữ được nguyên vẹn bản chất của mình. Nếu đánh mất bản chất của mình có nghĩa là bị lậu hoặc.

Bây giờ tôi sẽ nói rõ bí ẩn của trời đất. Nếu quý vị giữ được bản chất của mình thì sẽ không bị lậu hoặc. Hơn thế nữa, không những ngăn ngừa được bản tính của mình khỏi bị mất mát, mà còn có khả năng dứt được những ý tưởng dâm dục ngay trong tâm niệm rất vi tế. Được như thế thì thật sự quý vị đã thoát khỏi mọi lậu hoặc. Bây giờ quý vị hiểu rồi chứ? Tại sao thiên ma không được tự tại thoát khỏi mọi lậu hoặc? Vì chúng còn niệm tưởng dâm dục. Quỷ thần cũng còn niệm tưởng dâm dục ấy.

Vì nó đang còn **luyến tiếc cảnh trần lao**.

Trần lao, đơn giản là một dạng của dâm dục. Đó là những gì nó đang tham luyến.

Làm sao nó lại chịu để các ông phá hoại chỗ ở của nó?

Vì nó vẫn còn tham luyến dâm dục, nên nó không muốn nhìn thấy các ông đoạn tuyệt với chúng. Chúng nó muốn ông cũng tham đắm vào sắc dục. Nó sẽ nói:

"Hai chúng ta là bạn thân của nhau, ta sẽ không đoạn tuyệt với sắc dục đâu. Vậy, ông không nên từ khước nó."

Đó là lý do tại sao ma quỷ lại đến. Nó đều không muốn các ông vượt qua cảnh trần lao này.

Nên **các loài quỷ thần, thiên ma, ly mỵ, yêu tinh sẽ đến phá hoại khi ông tu tập pháp tam-ma-đề**.

Khi tôi đề cập đến chữ yêu tinh trước đây, các ông chưa được rõ nghĩa, bây giờ tôi sẽ giải thích. Ông có biết chữ *yêu* 妖 trong tiếng Hán được viết gồm bộ *nữ* 女 bên cạnh chữ *yểu* 夭 (sống ngắn ngủi). Có nghĩa là chết trước ba mươi tuổi. Các ông có thể hiểu rõ được nghĩa chữ *yêu*, từ đó không cần phải giảng nhiều. Tóm lại, người nào chết yểu, sẽ trở thành yêu tinh. (Chết yểu vì dục lạc).

Khi ông tu tập tam-muội (định), nó đều đem hết cả lũ đến quấy nhiễu ông. Mục đích của chúng như nó thường nói là: *ăn thịt Đường tăng*. Đường tăng tức là Đại Pháp sư Huyền Trang. Rất nhiều yêu tinh muốn ăn thịt ngài. Nghĩa là chúng nó muốn tiêu hủy định lực của ngài. Nếu ông tu tập đạt được định lực thì yêu ma quỷ quái đều muốn ăn thịt ông cho bằng được. Thực ra nó đâu chỉ muốn ăn thịt thôi đâu. Tôi sẽ hết sức chân thực trình bày cho quý vị được rõ mà chẳng giữ lại điều gì. Điều gì thực sự sẽ xảy ra khi tinh, khí, thần của ông sung mãn? Vì ông không nghĩ đến dâm dục, những loài ma quỷ này đều muốn cưỡng đoạt kho tàng của ông. Đó là lý do tại sao nó đến quấy rầy ông. Nếu các

ông có một người bạn gái và các bà có một người bạn trai, thì những người ấy cũng sẽ cướp đi kho báu của quý vị đi vậy. Quý vị thử nghĩ có điều gì khác nữa sẽ xảy ra?

Quý vị sẽ nói:

"Phật pháp dạy cho tôi biết bố thí, vậy nên tôi đem cả kho tàng của mình bố thí cho người khác."

Thế thì tốt lắm! Trong tương lai ông sẽ chuyển thân thành loài ngạ quỷ (quỷ đói). Khi điều đó xảy ra, người đã cướp mất kho tàng của quý vị sẽ không nói:

–Đây này, tôi trả lại cho ông một ít của báu, để ông có thể thoát ra khỏi cảnh giới ngạ quỷ này."

Lúc đó hoàn toàn chẳng có ai giúp quý vị cả. Hãy nghĩ kỹ lại đi.

Kinh Văn: Nhiên bỉ chư ma tuy hữu đại nộ, bỉ trần lao nội. Nhữ diệu giác trung, như phong xuy quang, như đao đoạn thủy, liễu bất tương xúc. Nhữ như phất thang, bỉ như kiên băng, noãn khí tiệm lân, bất nhật tiêu vẫn. Đồ thị thần lực, đãn vi kì khách.

Việt dịch: Các loài ma ấy tuy có oai lực lớn, nhưng vẫn còn ở trong trần lao. Trong khi ông ở trong tánh giác vi diệu, ma chẳng ảnh hưởng gì đến ông, như gió thổi chẳng làm lay động ánh sáng, hoặc như dao chẳng cắt được nước. Ông như nước sôi, trong khi ma vương giống như tảng băng, khi gần hơi nóng, băng sẽ tiêu tan. Chúng nó dựa vào ma lực, nhưng đó chỉ là khách thôi!

Giảng: Khi ông đạt được ít định lực trong công phu, ma vương sợ hãi nên đến phá hủy. Nó không muốn ông đạt được định lực.

Các loài ma ấy đến để quấy nhiễu ông và **tuy có oai lực lớn, nhưng nó vẫn còn ở trong trần lao**. Nó bị sai sử bởi tình thức ô nhiễm.

Trong khi ông ở trong tánh giác vi diệu. Ma chẳng ảnh hưởng gì đến ông, **như gió thổi chẳng làm lay động ánh sáng hoặc như dao chẳng cắt được nước**.

Nó chẳng làm gì được ông cả, chỉ như gió không đủ làm ánh sáng lay động, và chỉ như dao, dù bao nhiêu lần chém nước, nước chẳng hề hấn gì.

Ông như nước sôi, định lực phát sanh từ công phu tu tập của **ông được ví như nước sôi**. Trong khi **ma vương giống như tảng băng**, ma vương được

ví như tảng băng giá lạnh trong mùa đông. **Khi gần hơi nóng, băng sẽ tiêu tan**. Cứng như băng nhưng sức nóng của nước sôi cũng sẽ dần dần làm băng tan chảy, **chúng nó dựa vào ma lực, nhưng nó chỉ là khách thôi**.

Nó chỉ trông mong vào ma lực của chính nó nên nó chẳng bao giờ được gọi là chủ, nó chỉ là "khách" (chẳng ở được lâu). Nó không thể thành công trong nỗ lực quấy phá ông.

Kinh Văn: Thành tựu phá loạn, do nhữ tâm trung ngũ ấm chủ nhân. Chủ nhân nhược mê khách đắc kì tiện

Việt dịch: Nó có thể phá rối được, là do người chủ của ngũ ấm trong tâm ông. Nếu chủ nhân mê lầm thì khách mới được dịp quấy phá.

Giảng: Nó có thể phá rối được, là do người chủ của ngũ ấm trong tâm ông: Căn bản là nó chẳng thể phá rối được. Tuy nhiên, nếu chủ nhân mê lầm, nếu tâm ông là chủ nhân của ngũ ấm mà mê lầm, thì khách mới được dịp quấy phá.

Khách sẽ được dịp quấy phá. Còn nếu như ông, là chủ nhân mà không mê lầm thì nó không thể làm được điều gì hại ông cả. Ai là chủ? Đó là tự tánh của ông, nếu tự tánh của ông bị mê lầm, thì ma quỷ có cách để hại ông. Còn nếu tự tánh của ông không bị mê lầm, thì nó đành chịu bó tay, chẳng làm gì được ông.

Kinh Văn: Đương xứ thiền-na, giác ngộ vô hoặc, tắc bỉ ma sự vô nại nhữ hà? Ấm tiêu nhập minh, tắc bỉ quần tà hàm thụ u khí. Minh năng phá ám, cận tự tiêu vẫn. Như hà cảm lưu nhiễu loạn thiền định?

Việt dịch: Khi trong thiền định, sáng suốt không mê lầm, thì các ma sự kia không làm gì được ông. Khi năm ấm tiêu trừ, ông có thể nhập vào bản tánh sáng suốt, mà tà ma kia đều nương vào ám khí. Do sáng phá được tối, nên bọn chúng sẽ bị tiêu hủy khi đến gần ông. Sao còn dám đến gần ông để phá rối thiền định?

Giảng: **Khi trong thiền định**, ông làm cho tâm ý mình được thanh tịnh, đạt được chánh định, ông được **sáng suốt không mê lầm**, các ma sự kia chẳng làm gì ông được. Ma quỷ không thể nhiễu loạn ông bằng cách của nó được, **khi năm ấm tiêu trừ, ông có thể nhập vào bản tánh sáng suốt**. Ma quỷ thuộc về bóng tối (âm). Bóng tối có thể bị xua tan như băng bị tan trong

nước sôi. Trí huệ của ông rất sáng suốt nên ông hoàn toàn thể nhập vào với ánh sáng.

Bọn tà ma kia gồm ma quỷ, ngoại đạo, **đều nương vào ám khí**. Mọi chiến thuật (phá hoại) của nó đều nương vào bóng tối, **do ánh sáng phá được tối**. Nếu ông đạt được định lực và trí tuệ chân chánh thì năng lực của ánh sáng trí huệ sẽ chiếu sáng và xua tan mọi u ám. **Nên bọn chúng sẽ bị tiêu hủy khi đến gần ông, sao còn đám đến gần ông để phá rối thiền định**? Còn nếu nó muốn đến gần thì cứ việc, nhưng nó không dám quấy nhiễu ông.

Kinh Văn: ***Nhược bất minh ngộ, bị ấm sở mê, tắc nhữ A-nan tất vi ma tử, thành tựu ma nhân.***

Việt dịch: Nếu không tỏ ngộ, bị ngũ ấm làm mê lầm, thì chính A-nan ắt phải làm con của ma, sẽ thành loài ma.

Giảng: **Nếu không tỏ ngộ**. Nếu ông không hiểu biết và thức tỉnh mà lại **bị mê lầm bởi ma của ngũ ấm**, **thì chính ông, A-nan**, **ắt phải làm con của ma, sẽ thành loài ma**. Ông sẽ gia nhập vào đoàn tùy tùng của quân ma.

Kinh Văn: Như Ma-đăng-già thù vi miễu liệt. Bỉ tuy chú nhữ phá Phật luật nghi. Bát vạn hạnh trung, kì hủy nhất giới. Tâm thanh tịnh cố, thượng vị luân nịch.

Việt dịch: Như ông gặp nạn Ma-đăng-già, là việc nhỏ nhặt. Cô ta dùng chú thuật bắt ông phá hủy luật nghi của Phật. Nó mong trong số tám vạn bốn ngàn tế hạnh, ông chỉ hủy phạm một giới. Nhưng vì tâm ông thanh tịnh nên không bị chìm đắm.

Giảng: **Như ông gặp nạn** con gái của **Ma-đăng-già**, **là việc nhỏ nhặt**. Đó chỉ là một việc dính líu đến ma sự bình thường. **Cô ta dùng chú thuật bắt ông phá hủy luật nghi của Phật**, cô ta dùng chú thuật của Tiên Phạm thiên để mê hoặc ông và bắt ông phải hủy phạm luật nghi của Phật. **Nó mong trong số tám vạn bốn ngàn tế hạnh, ông chỉ hủy phạm một giới**. **Nhưng vì tâm ông thanh tịnh nên không bị chìm đắm**. Vì ông đã chứng được quả vị đầu tiên của hàng A-la-hán , ông hoàn toàn không bị nó quấy phá, nên ông không bị đọa lạc.

Kinh Văn: Thử nãi huy nhữ bảo giác toàn thân. Như tể thần gia hốt phùng tịch một, uyển chuyển linh lạc vô khả ai cứu

Việt dịch: Đây là nỗ lực muốn phá hoại hoàn toàn sự giác ngộ quý báu của ông. (Nếu nó thành công) ông sẽ như quan Tể tướng bỗng nhiên bị truất quyền, gia đình ông ta trở nên bơ vơ, tuyệt vọng không ai thương xót cứu giúp.

Giảng: **Đây là nỗ lực muốn phá hoại hoàn toàn sự giác ngộ quý báu của ông**. Đó là hành vi nỗ lực làm cho ông bị đọa lạc. (Nếu nó thành công) **ông sẽ như quan Tể tướng bỗng nhiên bị mất quyền**. Khi một quan chức cao cấp bị Vua tịch thu tài sản của gia đình, **gia đình ông ta trở nên bơ vơ không ai thương xót cứu giúp**. Ông hoàn toàn bị cô đơn, vô phương kêu cứu, không ai thương xót giúp đỡ.

KINH LĂNG NGHIÊM

NĂM MƯƠI LOẠI ẤM MA

Hòa Thượng Tuyên Hóa giảng tại

Phật Giáo Giảng Đường San Francisco

California _ USA _ 1968

SẮC ẤM

1. **TRẠNG THÁI TÂM LÝ THANH TỊNH TRƯỚC KHI VÀO CẢNH GIỚI SẮC ẤM**

Kinh Văn: A-nan đương tri, nhữ tọa đạo tràng, tiêu lạc chư niệm. Kì niệm nhược tận. Tắc chư li niệm nhất thiết tinh minh. Động tĩnh bất di, ức vong như nhất.

Việt dịch: A-nan nên biết, ông ngồi nơi đạo tràng, phải dứt sạch các vọng niệm. Khi vọng niệm đã dứt sạch, thì các ly niệm sáng tỏ rõ ràng. Động tịnh không đổi dời, nhớ quên đều như một.

Giảng: A-nan nên biết, **khi ông ngồi nơi đạo tràng, phải tiêu trừ các vọng niệm**. A-nan ông nên biết rằng: Ông chỉ là người đang tu pháp *phản văn văn tự tánh* (hướng tánh nghe vào bên trong để nhận ra tự tánh của mình).

Khi công phu như vậy thì ông đã làm tiêu trừ mọi vọng niệm. Khi các vọng niệm đã hết sạch, chẳng còn niệm phân biệt trong tâm ông. **Trạng thái thanh tịnh, sáng suốt**, đầy trí huệ và định lực này, **sẽ an trú trong ông**. Khi **động tịnh không đổi dời, nhớ quên đều như một**, tâm ông không thay đổi, dù ông nhớ hay quên trạng thái đó đều như nhau, không sai không khác.

PHẠM VI SẮC ẤM

Kinh Văn: Đương trụ thử xứ, nhập tam-ma-đề, như minh mục nhân xử đại u ám. Tinh tính diệu tịnh, tâm vị phát quang. Thử tắc danh vi sắc ấm khu vũ.

Việt dịch: Khi an trụ trong trạng thái đó mà vào được chánh định, như người sáng mắt ở nơi tối tăm. Dù chân tánh nhiệm mầu thanh tịnh, nhưng tâm chưa tỏa phát được trí huệ sáng suốt. Đây gọi là phạm vi của Sắc ấm.

Giảng: **Khi an trụ trong trạng thái đó mà vào được chánh định**.

A-nan nên biết, khi tu tập chánh định này, an trụ trong trạng thái thanh tịnh, động tịnh không thay đổi, nhớ quên đều như một.**Như người sáng mắt** nhận ra được chính mình **ở nơi tối tăm**. Như người có đôi mắt sáng tỏ, sống trong ngôi nhà tối tăm, dù bản tánh thanh tịnh sáng suốt nhiệm mầu, nhưng tâm chưa tỏa phát trí huệ sáng suốt. **Dù chân tánh thanh tịnh nhiệm mầu, nhưng tâm chưa phát** sanh được sự chiếu sáng của **trí huệ sáng suốt** chân thực. Thì **đây gọi là phạm vi của Sắc ấm .**

KHI VƯỢT QUA SẮC ẤM, THẤY ĐƯỢC CỘI GỐC CỦA SẮC ẤM

Kinh Văn: Nhược mục minh lãng, thập phương đỗng khai, vô phục u ám, danh sắc âm tận. Thị nhân tắc năng siêu việt kiếp trược. Quán kì sở do, kiên cố vọng tưởng dĩ vi kì bản.

Việt dịch: Như mắt sáng tỏ, rõ thấu mười phương, không còn tối tăm, gọi là dứt sạch sắc ấm. Người ấy có thể vượt ra khỏi kiếp trược. Xem kỹ nguyên do của sắc ấm, nhận ra vọng tưởng kiên cố chính là cội gốc.

Giảng: **Như mắt sáng tỏ, rõ thấu mười phương, không còn tối tăm.** Trạng thái này gọi là gì? **Gọi là dứt sạch sắc ấm**. Trong năm ấm: sắc, thọ, tưởng, hành, thức; sắc ấm đã tiêu trừ. **Người này có thể vượt ra khỏi kiếp trược**. **Xem kỹ nguyên do của sắc ấm, nhận ra vọng tưởng kiên cố chính là cội gốc**. Khi hành giả vượt qua kiếp trược, mới thấy mọi hành vi của mình đều phát xuất từ vọng tưởng kiên cố (3).

MƯỜI CẢNH GIỚI SAI BIỆT CỦA SẮC ẤM

(NẾU BỊ MÊ LẦM KHÔNG VƯỢT QUA ĐƯỢC SẮC ẤM)

1. TÂM THOÁT NGẠ

Kinh Văn: A-nan, đương tại thử trung, tinh nghiên diệu minh, tứ đại bất chức. Thiểu tuyển chi gian, thân năng xuất ngại. Thử danh tinh minh lưu dật tiền cảnh. Tư đản công dụng tạm đắc như thị, phi vi thánh chứng. Bất tác thánh tâm, danh thiện cảnh giới. Nhược tác thánh giải tức thọ quần tà.

Việt dịch: A-nan, ngay trong định ấy, quán xét thật kỹ bản tánh diệu minh, thấy tứ đại không còn đan dệt với nhau nữa. Trong chốc lát, thân thoát ra khỏi sự ngăn ngại. Trạng thái này gọi là tinh minh trôi vào tiền cảnh. Đó chỉ là trạng thái nhất thời do dụng công, không phải là biểu hiện sự chứng quả thánh. Nếu không khởi tâm chứng thánh thì đó là cảnh giới tốt. Nhưng nếu nghĩ mình chứng thánh, liền rơi vào tà kiến.

Giảng: Bây giờ chúng ta sẽ đề cập đến sự liên hệ của ma sự và ngũ uẩn (ấm): sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Có mười loại ma trong mỗi uẩn. Nên có tất cả là *Năm mươi hiện tượng ấm ma*. Hành giả phải có sự hiểu biết rõ ràng về *Năm mươi hiện tượng ấm ma* này. Nếu quý vị không biết rõ những hiện tượng này, quý vị sẽ dễ dàng kết thúc huệ mạng của mình trong quyến thuộc của ma

vương mà vẫn không hay biết tại sao mình lại rơi vào đó? Đó là lý do tại sao quý vị phải hết sức thận trọng khi tu tập.

A-nan, **ngay trong định ấy**, **quán xét thật kỹ bản tánh diệu minh**, khi sắc ấm sắp sửa tiêu dung, ông sẽ thấy mười phương rỗng rang, và cảm nhận được một loại ánh sáng. Do vì ông đã dụng công cứu xét trạng thái vi tế nhiệm mầu và sáng suốt.

Tứ đại không còn đan dệt với nhau nữa, **trong chốc lát thân có thể thoát ra khỏi mọi ngăn ngại**.

Tứ đại sẽ không còn kết hợp với nhau, không còn tác dụng ngăn ngại. Chẳng bao lâu thân thể trở nên không bị chướng ngại, như hư không rỗng rang. Đó được gọi là *ý sanh thân*, nghĩa là có một thân khác tách rời khỏi thân vật chất (sự hiện thân tùy ý, không bị vật chất làm chướng ngại).

Trước đây tôi đã kể chuyện về chú đệ tử của tôi đến các cung trời bằng pháp thân của chú ấy, thân ấy cũng được gọi là *ý sanh thân*. *Ý* đây liên quan đến thức, nó là một trong sáu thức: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Như sắc thân được tạo nên bằng tâm thức, thì cũng có khả năng vượt ra khỏi chướng ngại của sắc thân kết hợp bằng tứ đại.

Trạng thái này gọi là *tinh minh trôi vào tiền cảnh*. Tánh diệu minh cũng trôi vào cảnh giới bên ngoài (4).

Đó chỉ là trạng thái nhất thời, do dụng công

Cảnh giới này, bất quá chỉ do dụng công tu tập mà thôi, nó không thường, chỉ là sự ngẫu nhiên thôi. Quả thật, tùy mọi lúc có thể vào ra cảnh giới ấy, muốn đến nơi nào liền đến nơi ấy, muốn trở về lúc nào là trở về lúc ấy. Hoàn toàn được tự tại:

Phóng chi tắc di lục hợp

Quyển chi tắc thối tàng ư mật.

Nếu phóng thả ra, nó sẽ tràn ngập khắp cả trời đất. Và rồi người ta có thể thu lại bất kỳ lúc nào. Nếu ông không thể làm được việc này bất kỳ lúc nào ông muốn, thì việc của ông chỉ là sự dụng công nhất thời. Đó là một trạng thái mà ông sẽ đạt được khi mức độ tu tập của ông chín muồi. Tuy nhiên trạng thái này chỉ là tạm thời. Ông sẽ không thường xuyên có được một sắc thân vượt qua mọi sự chướng ngại, đây **không phải là sự biểu hiện chứng quả thánh.**

Ông chưa phải đã đạt được quả vị Thánh. Người chưa đạt được quả vị không phải có trạng thái như vậy.

Nếu không khởi tâm chứng thánh, thì đó là trạng thái tốt. Nghĩa là ông không nên nói: "Ồ tôi đã có chút ít công phu tu hành, tôi có thể thoát hồn ra khỏi thân từ một điểm trên đỉnh đầu." Nếu ông trở thành kẻ tự mãn như vậy thì điều gì sẽ xảy ra? Hoàn toàn do ở nơi ông cả. Tuy nhiên, nếu ông không xem cảnh giới này như một bằng chứng của sự chứng đạt quả Thánh, thì cảnh giới ấy không phải là một chướng ngại to lớn, và cũng chẳng có gì sai lầm nghiêm trọng.

Nhưng một khi nghĩ rằng mình đã chứng thánh thì liền rơi vào tà kiến.

Nếu như ông nghĩ: công phu tu tập của mình hiện nay quá siêu tuyệt rồi. Ta thật là kỳ diệu, ta là Thánh nhân xuất thế, ta là a-la-hán. Nếu ông nghĩ như thế, ma quỷ sẽ tấn công ông ngay. Một khi ma quỷ đến phá, thì ông là người đầu tiên bị đọa vào địa ngục.

2. NHẶT TRÙNG SÁN TRONG THÂN

Kinh Văn: A-nan, phục dĩ thử tâm tinh nghiên diệu minh, kì thân nội triệt. Thị nhân hốt nhiên ư kì thân nội thiệp xuất nhiêu hồi, thân tướng uyển nhiên, diệc vô thương hủy. Thử danh tinh minh lưu dật hình thể. Tư đãn tinh hành tạm đắc như thị, phi vi thánh chứng. Bất tác thánh tâm, danh thiện cảnh giới. Nhược tác thánh giải, tức thọ quần tà.

Việt dịch: Lại nữa, A-nan, nếu dùng tâm ấy cứu xét tánh diệu minh, thấy rõ suốt khắp thân. Bỗng nhiên có thể lượm ra những con trùng, con sán từ trong thân mình, mà thân thể vẫn nguyên vẹn, không bị tổn thương. Trạng thái này gọi là tinh minh tràn ra hình thể. Đây chỉ là trạng thái nhất thời do tinh tấn công phu, chẳng phải là chứng thánh. Nếu người ấy không nghĩ mình chứng thánh thì đó là trạng thái tốt. Nhưng nếu nghĩ mình chứng thánh thì liền rơi vào tà kiến.

Giảng: Đây gọi là cảnh giới thứ hai của hiện tượng *Ngũ ấm ma*. Ma cảnh này xuất hiện vì ông tinh tấn tu tập, nếu ông không tinh tấn trong việc hành trì, thì ông chẳng thể nào thu hút ma sự này. Dù ông muốn, ma cũng chẳng thèm để ý tới ông. Dưới mắt nó ông chỉ là một kẻ nghèo nàn, nó chẳng có cớ thuận tiện để quấy phá ông.

Nhưng nay vì ông đang lúc công phu. Ông vừa tích trữ được chút ít của cải quý báu. Đó là lý do ma theo ông để quấy rối.

Vậy ông phải làm gì khi nó đến? Ông cần phải an trụ trong trạng thái như như bất động và tỉnh giác, sáng suốt; không dính mắc, không phan duyên với những hình tướng hiện ra bên ngoài. Hoàn toàn không dính mắc vào mọi chuyện. Cũng đừng nên nghĩ: "Cảnh giới ấy quá tuyệt vời, ước gì nó lại hiện ra."

Đừng mong ngóng nó, cũng đừng ruồng rẫy xua đuổi nó, mà chỉ xử sự như không có chuyện gì xảy ra cả. Nếu quý vị không tự xem mình là bậc thánh, thì đó là tình trạng tốt. Còn nếu quý vị nghĩ rằng mình đã là Thánh nhân. Bỗng nhiên thốt lên:

"Ồ! Ta là người phi thường, ta có thể nhặt từng loài chúng sanh từ trong thân mình ra."

Nếu ông nghĩ rằng mình đã đạt được thần thông tự tại thì quý vị thực sự mê lầm. Chỉ với một niệm tự mãn ấy, ma quỷ liền len vào tâm và cai quản, nó điều khiển ông cho đến khi ông mất hết định lực.

Do đó, ông phải hiểu thật rõ những đạo lý của việc tu hành. Chỉ như thế mới có thể giữ cho ông khỏi bị rơi vào bẫy ma hay lạc vào đường tà. Nếu ông không hiểu Phật pháp thì rất dễ bị lạc đường. Ông có chút nào công phu không? Chuyện ấy chẳng thành vấn đề. Nhưng khi công phu có được chút ít định lực rồi thì ma vương liền luôn luôn để mắt tới ông, chỉ cần có được dịp thuận tiện thì nó liền đến quấy phá ông.

Lại nữa A-nan, nếu có người dùng tâm xét lại tánh diệu minh, sẽ thấy rõ suốt khắp thân.

Nếu ông siêng năng miệt mài trong việc tu tập, cuối cùng ông sẽ có khả năng thấy được mọi thứ bên trong thân ông. Đó là chuyện thường, nếu ông muốn thấy được như thế. Nhưng nếu ông chỉ có khả năng thấy được cảnh giới này trong phút chốc thôi, thì đó là trạng thái của sắc ấm.

Bỗng nhiên có thể lượm ra những con trùng, con sán từ trong thân mình, mà thân thể vẫn nguyên vẹn, không bị tổn thương.

Trong cảnh giới này, bỗng nhiên ông có thể lượm trùng sán từ trong bụng mình ra, đủ loại dài ngắn, lớn, nhỏ. Ông chỉ cần đặt tay vào là lôi nó ra được. Những loại trùng được lôi ra là có thực mà chẳng tổn thương đến khoang bụng. Ông nghĩ loài trùng được lấy ra như thế nào? Nếu ông đưa tay vào trong bụng để lấy được trùng sán ra thì khoang bụng sẽ bị tổn thương, nhưng khoang bụng hoàn toàn không bị rách bể, thân thể còn toàn vẹn. Trường hợp này có thể giải thích theo hai cách:

Một, có thể hiểu là: thân thể của nó vẫn còn toàn vẹn, nghĩa là: thân thể của loài trùng sán vẫn còn toàn vẹn chẳng bị tổn thương chút nào và vẫn sống khỏe mạnh. Còn hiểu theo cách thứ hai là: khoang bụng trong thân thể mình vẫn toàn vẹn không bị tổn thương.

Trạng thái này gọi là*: tinh minh tràn ra hình thể.*

Một loại ánh sáng rất trong suốt tràn ngập khắp thân thể của ông. Thực ra ông chẳng đưa tay vào khoang bụng mình để nhặt những con trùng sán ra, mà trùng sán tự thoát ra.

Đây chỉ là trạng thái nhất thời do tinh tấn công phu, chẳng phải là chứng thánh. Trạng thái này không phải như một việc gì đó thường xảy ra. Nếu đây là cảnh giới xảy ra thường xuyên thì tình huống khác hẳn. Đây không phải cảnh giới khi chứng quả thánh.

Nếu không nghĩ mình chứng thánh thì đó là trạng thái tốt.

Sẽ là tốt đẹp, không gây nên vấn đề gì nghiêm trọng. **Còn nếu nghĩ mình đã chứng thánh thì liền rơi vào tà kiến.**

Nếu quý vị cho rằng: “Ta vừa chứng quả vị thánh, ta có thể lấy những trùng sán này từ trong bao tử mình ra. Chẳng tuyệt diệu hay sao? Các người đâu được như thế!”

Nếu quý vị trở nên tự mãn, đắm chấp vào trạng thái vừa xảy ra thì quý vị sẽ bị ma vương quyến rũ thành quyến thuộc của nó.

3. NGHE TIẾNG THUYẾT PHÁP GIỮA HƯ KHÔNG

Kinh Văn: Hựu dĩ thử tâm, nội ngoại tinh nghiên. Kì thời hồn phách, ý chí tinh thần, trừ chấp thọ thân, dư giai thiệp nhập, hỗ vi tân chủ. Hốt ư không trung, văn thuyết pháp thanh, hoặc văn thập phương, đồng phu mật nghĩa. Thử danh tinh phách, đệ tương li hợp, thành tựu thiện chủng, tạm đắc như thị, phi vi thánh chứng. Bất tác thánh tâm, danh thiện cảnh giới. Nhược tác thánh giải, tức thọ quần tà.

Việt dịch: Lại nữa, nếu đem tâm ấy quán xét tinh tường cả trong lẫn ngoài. Khi ấy hồn phách, ý chí, tinh thần, trừ ra sắc thân, đều giao tiếp lẫn nhau thay phiên làm khách chủ. Rồi bỗng dưng nghe giữa hư không có tiếng thuyết pháp, hoặc nghe mười phương đồng diễn bày nghĩa lý thâm mật. Cảnh giới này gọi là: “Tinh thần hồn phách thay phiên nhau khi rời

xa, khi kết hợp để cùng nhau thành tựu những hạt giống tốt." Nhưng đó chỉ là trạng thái nhất thời, chẳng phải là chứng thánh. Nếu chẳng nghĩ mình đã chứng thánh thì đó là cảnh giới tốt. Nếu nghĩ mình đã chứng thánh thì liền rơi vào tà kiến.

Giảng: **Lại nữa nếu có người đem tâm ấy quán xét tinh tường cả trong lẫn ngoài**, cứu xét tinh sâu mãi không thôi, trong và ngoài nỗ lực đạt đến chỗ tuyệt đỉnh, không ngừng cố gắng tinh luyện tiến trình ấy. **Hồn, phách** trải qua một sự thay đổi. Có ba hồn và bảy phách (vía) ở trong thân thể con người. Tôi đã đề cập đến mười anh em này trước rồi. Một số trong mười hồn vía ấy, chỉ có tai hoặc mắt, có trường hợp chỉ có mũi nhưng không có môi, mắt, tai. Mỗi trường hợp chỉ làm chủ một giác quan, thiếu năm giác quan kia, thế nên nó không có tác dụng riêng lẻ, độc lập. Nó phải hợp tác hỗ tương với nhau như một đội bóng. Những ai có tai sẽ giúp cho người không có tai, ai có mắt giúp cho người không có mắt. Nó hỗ trợ giúp đỡ cho nhau. (5)

Mười thứ hồn phách ấy cùng với **ý chí, tinh thần** sẽ **xen vào nhau, thay phiên làm khách, làm chủ**. Nó thay đổi vai trò hỗ tương giúp đỡ lẫn nhau. Nó thay nhau đóng vai chủ và khách.

Rồi bỗng dưng nghe giữa hư không có tiếng thuyết pháp. Có người đang thuyết pháp giữa hư không. Ai vậy? Ông nghe được tiếng nhưng không thấy được hình. Thực ra đó chỉ là ý chí, tinh thần của chính ông. Nó thay phiên nhau đóng vai chủ và khách để giảng pháp. **Hoặc nghe mười phương đều diễn bày nghĩa lý thâm mật**. Ông có thể nghe tiếng giảng pháp từ giữa không trung. Sao vậy? Vì sự công phu tu tập của ông trong những đời trước. Ông đã từng nghe giảng rất nhiều kinh pháp, nên trong tinh thần, ý chí, tư tưởng của ông không thể nào phai mờ được. Thế nên trong đời này, khi ông dụng công tu tập đạt đến đỉnh cao nhất thì những kinh nghiệm trong quá khứ trào ra.

Cảnh giới này gọi là: Tinh thần thay phiên nhau khi rời xa, khi kết hợp để cùng nhau gieo trồng những hạt giống tốt.

Nó cùng hợp tác với nhau, cùng lập thành một dây, cùng nhau kết nhóm, cùng nhau tách rời ra. Chúng có thể giảng nói Phật pháp khiến cho ông có thể hiểu được những điều mà trước nay ông chưa hiểu. Vậy nên ông có thể gieo trồng những chủng tử tốt cho đời sau.

Đó chỉ là trạng thái nhất thời, không phải là thường xuyên, **không phải là chứng thánh**. Đừng khởi ý tưởng cho rằng trạng thái này rất vi diệu, rồi nói: "Hãy xem ta đây, ta chẳng cần đến nơi pháp hội, ta có thể nghe giảng pháp ở

trong không trung bất kỳ khi nào ta muốn.” Ông có thể được nghe giảng pháp nhưng cũng không có nghĩa là ông đã chứng thánh.

Nếu chẳng nghĩ mình đã chứng thánh thì đó là cảnh giới tốt, nếu ông không trở nên tự mãn, không tự cho rằng mình là kẻ phi thường, nếu không muốn dối gạt mọi người thì đó là trạng thái tốt. Giả sử như ông nói “Ồ ta có thể nghe pháp ngay cả khi chẳng ai giảng nói cả. Ai có được điều ấy chăng? Không! Thế mà chuyện ấy lại đến với ta.”

Nhưng nếu ông quảng cáo, khoe khoang trạng thái đó để mong có người tin ông, thì điều gì sẽ xảy ra?

Nếu ông nghĩ rằng mình đã chứng Thánh thì liền rơi vào tà kiến.

4. PHẬT HIỆN THÂN

Kinh Văn: Hựu dĩ thử tâm, trừng lộ hiệu triệt, nội quang phát minh. Thập phương biến tác, diêm-phù-đàn sắc. Nhất thiết chủng loại, hóa vi Như Lai. Ư thời hốt nhiên, kiến Tì-lô giá-na, cư thiên quang đài, thiên Phật vi nhiễu, bách ức quốc độ, cập dữ liên hoa câu thời xuất hiện. Thử danh tâm hồn, linh ngộ sở nhiễm, tâm quang nghiên minh, chiếu chư thế giới. Tạm đắc như thị, phi vi thánh chứng. Bất tác thánh tâm, danh thiện cảnh giới. Nhược tác thánh giải, tức thọ quần tà.

Việt dịch: Lại đem tâm ấy lóng sạch, thấu triệt, bên trong hào quang toả chiếu sáng ngời. Mười phương biến thành sắc diêm-phù-đàn. Tất cả loài hữu tình đều hóa làm Như Lai. Lúc ấy bỗng thấy Đức Phật Tỳ-lô-giá-nangồi trên đài thiên quang, có ngàn Đức Phật nhiễu quanh trăm ức cõi nước, cùng với hoa sen đồng thời hiện ra. Cảnh giới này gọi là tâm hồn được truyền dẫn bởi sự lĩnh ngộ, khi tập trung tham cứu đến tận nguồn tâm thì ánh sáng từ trong tâm chiếu khắp cõi nước. Đây chỉlà trạng thái tạm thời, không phải là chứng thánh. Nếu không nghĩ mình chứng thánh gọi là cảnh giới tốt, nếu tự cho mình đã chứng thánh thì liền rơi vào tà kiến.

Giảng: **Lại đem tâm ấy lóng sạch, thấu triệt, bên trong hào quang toả chiếu sáng ngời,** khi tâm lặng yên, thanh tịnh, hiển bày, tỏ lộ sáng suốt tột bậc. Ánh sáng từ trong tâm chiếu khắp cả, **mười phương biến thành sắc diêm-phù-đàn**. Ánh sáng rực rỡ tỏa chiếu từ trong tâm, khắp mười phương cõi nước đều phủ màu diêm-phù-đàn. **Tất cả các loài hữu tình** (thai sanh, thấp

sanh, hóa sanh, noãn sanh) và tất cả các loài chúng sanh khác **đều hóa làm Như Lai**.

Lúc ấy, bỗng thấy Đức Phật Tỳ-lô-giá-na. Tỳ-lô-giá-na nghĩa là "suốt khắp mọi nơi," là danh hiệu của Đức Phật. Ngài không hiện hữu riêng ở một nơi nào, vậy nên chẳng nơi nào mà ngài không có. Thân thể của ngài trùm khắp mọi nơi. Người này bỗng nhiên thấy được Đức Phật Tỳ-lô-giá-na. Vì Đức Phật có thân trùm khắp mọi nơi.

Ngồi trên đài thiên quang, làm bằng ánh sáng của cõi trời, hiển bày thân cao ngàn trượng. Đức Phật Tỳ-lô-giá-na được **ngàn Đức Phật vây quanh cùng trăm ức cõi nước cùng với hoa sen** xanh, vàng, đỏ, trắng **đồng thời hiện ra**.

Cảnh giới này gọi là: "***tâm hồn được truyền dẫn bởi sự lĩnh ngộ,*** ông đừng cho rằng cảnh giới này là thật. Tâm thức ông bị ảnh hưởng bởi một dạng linh cảm sự giác ngộ. Do vậy nó không thật. Do ***khi tập trung tham cứu đến tận nguồn tâm thì ánh sáng từ trong tâm chiếu khắp các cõi nước.***

Khi tâm ông được sáng suốt, nó sẽ chiếu khắp tất cả mọi thế giới.

Đây chỉ là trạng thái tạm thời, không phải là chứng thánh. Những gì đang diễn ra không phải là lâu đài vĩnh viễn. Ông chẳng phải là đã chứng Thánh quả. Nếu không nghĩ mình chứng thánh thì gọi là cảnh giới tốt. Còn nếu tự cho mình chứng thánh thì liền rơi vào tà kiến.

Nếu ông nói: "Thật tuyệt diệu! Ta vừa thấy Đức Phật Tỳ-lô-giá-na . Ông có thấy chăng? Công phu của ông chẳng sâu bằng tôi, tôi thật là đã đạt được điều ấy." Một khi ông khởi lên niệm như vậy thì ma vương liền đến lôi kéo ông vào địa ngục.

5. SẮC BÁU ĐẦY HƯ KHÔNG

Kinh Văn: Hựu dĩ thử tâm, tinh nghiên diệu minh, quán sát bất đình. Ức án, hàng phục, chế chỉ siêu việt. Ư thời hốt nhiên, thập phương hư không, thành thất bảo sắc, hoặc bách bảo sắc. Đồng thời biến mãn, bất tương lưu ngại. Thanh hoàng xích bạch, các các thuần hiện. Thử danh ức án, công lực du phận. Tạm đắc như thị, phi vi thánh chứng. Bất tác thánh tâm, danh thiện cảnh giới. Nhược tác thánh giải, tức thọ quần tà.

Việt dịch: Lại đem tâm ấy, cứu xét tinh ròng mầu nhiệm sáng tỏ. Quán sát không ngừng. Đè nén, hàng phục ngăn dứt quá phần. Bấy giờ bỗng dưng thấy hư không mười phương biến thành màu sắc bảy loại châu báu,

hoặc màu sắc của trăm loại châu báu. Xuất hiện đồng thời đầy khắp, không ngăn ngại lẫn nhau. Những mầu xanh, vàng đỏ, trắng hiện ra rõ ràng. Cảnh giới này gọi là "Sức công phu hàng phục vọng tâm quá phần." Mới được cảnh giới như vậy, chẳng phải chứng thánh. Không khởi thánh tâm là trạng thái tốt. Còn nếu nghĩ rằng mình đã chứng Thánh thì liền rơi vào tà kiến.

Giảng: **Lại đem tâm ấy, cứu xét tinh ròng mầu nhiệm sáng tỏ. Quán sát không ngừng. Đè nén, hàng phục ngăn dứt quá phần.** Cố gắng kiềm chế hàng phục vọng tâm của mình đến nỗi nó không đạt đến chỗ siêu việt.

Bỗng dưng hư không trong mười phương biến thành mầu sắc của bảy loại báu, hoặc mầu sắc của trăm loại châu báu, xuất hiện đồng thời khắp trong không gian mà không ngăn ngại lẫn nhau, mà nó không hề chướng ngại lẫn nhau.

Những loại màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng đều hiện ra rõ ràng. Mỗi thứ đều phô bày mầu sắc riêng biệt của nó. Cảnh giới này gọi là: "sức hàng phục vọng tâm quá mức."

Ông dụng công tu tập chế ngự vọng tâm, không để cho vọng tưởng xen vào, không để cho nó dấy khởi những tạp niệm. Sau khi sự kiềm chế ấy xảy ra một thời gian dài, trở nên căng thẳng quá mức. Đó là ông đã vượt quá mức độ bình thường lẽ ra nên có.

Mới được cảnh giới như vậy, chẳng phải chứng thánh. Ông chỉ tạm thời thấy được sắc mầu bảy báu trong không trung thôi. Vậy nên trạng thái này không có nghĩa là ông đã chứng được thánh quả.

Không khởi thánh tâm là trạng thái tốt. Còn nếu nghĩ rằng mình đã chứng thánh thì liền rơi vào tà kiến.

Sẽ là hoàn toàn tốt đẹp, không phải là tình trạng xấu. Còn nếu nghĩ rằng mình là bậc thánh, liền rơi vào tà kiến. Ông sẽ bị bao vây bởi bè lũ tà kiến và ông sẽ đọa lạc.

6. BAN ĐÊM NHƯ BAN NGÀY

Kinh Văn: Hựu dĩ thử tâm, nghiên cứu trừng triệt tinh quang bất loạn. Hốt ư dạ bán, tại ám thất nội, kiến chủng chủng vật, bất thù bạch trú, nhi ám thất vật, diệc bất trừ diệt. Thử danh tâm tế, mật trừng kỳ kiến, sở thân

đỗng u. Tạm đắc như thị, phi vi thánh chứng. Bất tác thánh tâm, danh thiện cảnh giới. Nhược tác thánh giải, tức thọ quần tà.

Việt dịch: Lại đem tâm ấy, cứu xét tinh ròng, sáng suốt không loạn. Bỗng nhiên giữa đêm có thể thấy các thứ hiện ra trong phòng tối không khác gì ban ngày, mà các thứ ở trong phòng tối cũng không biến mất. Đó gọi là: "Định tâm lặng đứng cái thấy, nên thấy suốt chỗ tối tăm." Tạm được như thế, không phải chứng thánh. Nếu không khởi tâm chứng thánh, đó là cảnh giới tốt. Nếu nghĩ là chứng thánh, liền rơi vào tà kiến.

Giảng: **Lại đem tâm ấy, cứu xét tinh ròng, sáng suốt không loạn.**

Lại nữa khi người ấy định tâm để quán sát mọi cảnh giới, cho đến khi linh quang từ bản tâm sáng suốt trở nên rất lắng đọng, và đạt được định lực.

Bỗng nhiên giữa đêm có thể thấy các thứ hiện ra trong phòng tối.

Trong ngôi nhà có ánh sáng, ban đêm **không khác gì ban ngày, mà các vật ở trong phòng tối cũng không biến mất.**

Không những ông chỉ có thể thấy các vật ở trong nhà mà ông còn có thể thấy được các vật ở bên ngoài ngôi nhà. Không những ông chỉ thấy được đồ vật đã có sẵn trong nhà, mà ông còn thấy được rất rõ ràng những vật đang từ bên ngoài đến hiện ra trong nhà.

Cảnh giới này gọi là: **"Định tâm lặng đứng cái thấy, nên thấy suốt chỗ tối tăm."**

Tâm ông được tinh lọc đến chỗ cực điểm và cái thấy của ông được thanh tịnh đến mức tột cùng. Với cái nhìn trong suốt ấy, ông có thể nhìn được mọi vật ngay trong bóng tối.

Tạm được như thế, không phải chứng thánh

Nhưng đó chỉ là trạng thái tạm thời, không phải là chứng thánh. Ông không nên nghĩ đó là quả vị của bậc thánh. Chắc chắn quả vị thánh không phải là như vậy.

Nếu không khởi tâm chứng thánh, đó là cảnh giới lành. Nếu nghĩ mình chứng thánh, liền mắc vào tà kiến.

Nếu ông khởi tâm tự cao tự mãn, nghĩ rằng mình đã đạt được công phu lớn lao trong khi tu hành, thì ông sẽ tự rước lấy ma chướng vào mình.

Một số người tu đạo khi đạt đến trạng thái cực điểm vô cùng thanh tịnh và trong suốt như thế, đột nhiên họ thấy được mọi vật. Đó là vì họ đã mở được

con mắt Phật (Phật nhãn). Tuy thế, không phải ai cũng có thể mở được Phật nhãn. Ngay cả nếu có người đạt được Phật nhãn, cũng không phải là có được mãi mãi. Cảnh giới được mô tả ở đây là hành giả chỉ được khai mở Phật nhãn trong nhất thời, khiến hành giả có thể nhìn thấy đồ vật trong nhà tối, y như ở đó có ánh sáng vậy.

Tôi lưu ý thêm là hành giả có thể thấy đồ vật từ bên ngoài đến hiện ra trong nhà. Sẽ thấy được cái gì? Ví dụ ông có thể thấy thần, ma quỷ, Bồ-tát hay Đức Phật từ bên ngoài đến hiện ra trong nhà tối, không nhất định là hình ảnh nào.

Không phải ai cũng trải qua cảnh giới này, nhưng có một số người sẽ có. Đây là cảnh giới sẽ hiện ra tại một thời điểm nào đó trong khi hành giả dụng công tu tập. Nhưng đừng nghĩ rằng tất cả mọi người tu đạo đều phải trải qua những cảnh giới giống nhau. Vì nó không phải là một dạng nhất định.

Có người được mở Phật nhãn thường xuyên. Điều đó được gọi là “thần thông có được như một phước báo.” Đó là những người trong đời trước đã tinh tấn tu tập pháp môn nghìn tay nghìn mắt (thiên thủ thiên nhãn), và kết quả dĩ nhiên là họ có thể mở được Phật nhãn đời này cho đến đời sau. Những người khác chỉ có thể mở được Phật nhãn nhất thời thôi, vì tâm họ không ở trong trạng thái hằng thanh tịnh. Nếu tâm họ thường thanh tịnh và họ đã tu tập pháp môn Đại bi trong những đời trước, họ cũng có thể mơr được Phật nhãn thường trực. Đó là những trường hợp khác biệt trong khi tu hành.

7. THÂN KHÔNG CÒN CẢM GIÁC, ĐỒNG NHƯ CÂY CỎ

Kinh Văn: Hựu dĩ thử tâm, viên nhập hư dung, tứ chi hốt nhiên đồng ư thảo mộc, hỏa thiêu đao chước, tằng vô sở giác. Hựu tắc hỏa quang, bất năng thiêu nhiệt, túng cát kì nhục, do như tước mộc. Thử danh trần tịnh, bài tứ đại tính, nhất hướng nhập thuần. Tạm đắc như thị, phi vi thánh chứng. Bất tác thánh tâm, danh thiện cảnh giới. Nhược tác thánh giải, tức thọ quần tà.

Việt dịch: Lại đem tâm ấy, hoàn toàn nhập vào tánh hư dung, tứ chi bỗng nhiên đồng như cây cỏ, lửa thiêu dao cắt cũng không hay biết. Lửa đốt không cháy thân, dù bị lóc thịt cũng như chẻ cây. Đó gọi là: trần cảnh và tính tứ đại đều sạch hết, chỉ một hướng thuần chơn. Tạm được như thế, không phải là chứng thánh. Nếu không nghĩ mình chứng thánh, là cảnh giới tốt. Nếu nghĩ mình chứng thánh, liền rơi vào tà kiến.

Giảng: **Lại đem tâm ấy, hoàn toàn nhập vào tánh hư dung.**

Lại nữa, khi tâm ấy hoàn toàn thể nhập vào tánh hư dung.

Tròn khắp đầy đủ mà lại hư dung. Tâm đó có rồi lại không đó. Quý vị có thể nói tâm đó không có, nhưng tôi biết là có.

Tứ chi bỗng nhiên đồng như cỏ cây, lửa thiêu dao cắt cũng không hay biết. Nếu ông lấy dao cắt hay lấy lửa đốt tay chân mình, sẽ không có một chút cảm giác nóng hay khó chịu nào cả. Lửa đốt không cháy thân. Khi ông có **đốt thân, thân vẫn không thấy nóng. Dù bị lóc thịt cũng giống như chẻ cây**. Nếu ông lóc thịt ra khỏi tay chân, thì cũng chỉ như bóc vỏ cây, chẳng thấy đau đớn hay kinh động gì cả.

Cảnh giới này gọi là: ***trần cảnh và tính tứ đại đều sạch hết, chỉ một hướng thuần chơn***.

Tướng tiền trần cùng nhau gom lại, và tánh đất, nước, gió, lửa hợp lại thành một thể. **Tạm được như thế, không phải là chứng thánh.** Tuy vậy, đó chỉ là cảnh giới tạm thời, một kinh nghiệm ngẫu nhiên, không phải là cảnh giới vĩnh viễn, không phải là chứng thánh. Đừng nghĩ rằng ông đã chứng được quả vị thánh.

Nếu không nghĩ mình chứng Thánh, gọi là cảnh giới tốt. Nếu nghĩ là mình chứng Thánh, trở nên tự mãn, đại ngã mạn, khởi tâm kiêu ngạo **liền rơi vào tà kiến**, sẽ bị tấn công và bao vây bởi bè lũ ác kiến.

8. BIẾN THÀNH CẢNH GIỚI CHƯ PHẬT

Kinh Văn: Hựu dĩ thử tâm, thành tựu thanh tịnh. Tịnh tâm công cực, hốt kiến đại địa, thập phương sơn hà, giai thành Phật quốc, cụ túc thất bảo, quang minh biến mãn. Hựu kiến hằng diệu chư Phật Như Lai, biến mãn không giới lâu điện hoa lệ. Hạ kiến địa ngục, thượng quán thiên cung, đắc vô chướng ngại. Thử danh hân yểm, ngưng tưởng nhật thâm, tưởng cửu hóa thành, phi vi thánh chứng. Bất tác thánh tâm, danh thiện cảnh giới. Nhược tác thánh giải, tức thọ quần tà.

Việt dịch: Lại đem tâm ấy, thành tựu tánh thanh tịnh, công phu tịnh tâm đến mức cùng tột. Bỗng thấy núi sông, đất liền khắp mười phương biến thành cõi Phật, đầy đủ bảy loại báu, ánh sáng chiếu khắp mọi nơi. Lại thấy chư Phật Như Lai nhiều như cát sông Hằng, khắp cõi hư không đầy lâu đài tráng lệ. Dưới thấy địa ngục, trên xem thấy thiên cung mà không ngăn

ngại. Đó gọi là: tư tưởng thích, chán ngưng lắng ngày càng sâu, tưởng lâu mà thành như vậy, không phải là chứng thánh. Không khởi tâm chứng thánh, gọi là cảnh giới tốt. Nếu nghĩ mình đã chứng thánh liền rơi vào tà kiến.

Giảng: **Lại đem tâm ấy, thành tựu tánh thanh tịnh**, **công phu tịnh tâm đến mức cùng tột**. Chuyên chú tâm mình vào công phu tu tập, thực hành pháp tu tam-muội (chánh định), đạt được trạng thái cực kỳ thanh tịnh.

Lúc đó bỗng thấy núi sông, đất liền, suốt khắp mười phương biến thành cõi Phật, có **đầy đủ bảy loại châu báu, ánh sáng chiếu khắp mọi nơi.**

Mỗi cung điện đều được trang hoàng bằng bảy loại châu báu: Vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, xích châu, mã não, san hô. Các loại châu báu này phát ra ánh sáng chiếu khắp mười phương.

Lại thấy chư Phật Như Lai nhiều như cát sông Hằng, khắp cõi hư không đầy lâu đài tráng lệ. Dưới thấy địa ngục.

Nhìn xuống dưới thấy được toàn cõi địa ngục. Nhìn lên phía **trên** có thể **xem thấy** được những gì xảy ra ở **thiên cung mà không ngăn ngại**. Có thể thấy bất kỳ cung điện, lâu đài nào mà mình thích thấy.

Cảnh giới này gọi là: ***tư tưởng thích, chán ngưng lắng ngày càng sâu***, ***tưởng lâu mà thành như vậy.***

Tại sao ông lại có thể thấy được những cảnh này? Là vì ông thường có tâm yêu và ghét. Ông muốn lên cõi trời, cõi Phật và ghét việc xuống địa ngục.

Ông tập trung tư tưởng vào những niệm yêu, ghét này. Chú tâm vào đó như gà mái ấp trứng, như mèo rình chuột, như rồng nuôi ngọc vậy. Chẳng nghĩ đến chuyện gì khác, mà chỉ nghĩ về những cảnh giới tốt đẹp ở cõi Phật và cảnh khổ đọa đày nơi địa ngục. Tâm ưa thích những nơi chốn an vui thánh thiện và ghét nơi đau khổ bất hạnh… Cuối cùng những tư tưởng ấy đã tạo nên loại cảnh giới này.

Đó không phải là chứng thánh. Không nên nghĩ rằng mình đã chứng được quả vị Thánh và đạt được nhiều năng lực lớn trong công phu.

Nếu không khởi tâm chứng thánh, gọi là cảnh giới tốt. Thế thì không phải là xấu. **Nếu nghĩ là chứng thánh**, và nói: “Cảnh giới này thật tuyệt, ta đang ở với chư Phật. Thực vậy, chính ta là Phật.”

Liền rơi vào tà kiến. Nếu nghĩ như vậy thiên ma và ngoại đạo liền đến lôi kéo ông làm bạn đồng hành với nó. Ông nói ông đang ở nơi chư Phật phải không? Tốt lắm, chúng ta cùng kết bạn và chúng tôi sẽ theo thân cận với ông.

9. BAN ĐÊM NHÌN THẤY XA

Kinh Văn: Hựu dĩ thử tâm, nghiên cứu thâm viễn, hốt ư trung dạ diêu kiến viễn phương. Thị, tỉnh, nhai hạng, thân tộc, quyến thuộc, hoặc văn kì ngữ. Thử danh bách tâm, bức cực phi xuất, cố đa cách kiến, phi vi thánh chứng. Bất tác thánh tâm, danh thiện cảnh giới. Nhược tác thánh giải tức thọ quần tà.

Việt dịch: Lại đem tâm ấy, cứu xét sâu xa, bỗng nhiên giữa khuya thấy được những nơi chốn xa xôi. Thấy chợ, giếng nước, đường phố, ngõ hẻm, bà con thân quyến, cùng nghe họ đang nói chuyện với nhau.

Cảnh giới này gọi là: "Do dồn ép tâm đến mức cùng tột, nên tâm phóng vọt ra thấy được nhiều thứ ở xa và cách ngại như vậy," chứ không phải là chứng thánh.

Nếu không nghĩ mình chứng thánh, là cảnh giới tốt. Còn nếu cho mình chứng thánh, liền rơi vào tà kiến.

Giảng: **Lại đem tâm ấy, cứu xét sâu xa.** Khi dụng tâm nghiên cứu sâu xa, **bỗng nhiên giữa khuya thấy được những nơi chốn xa xôi.** Bỗng dưng có thể thấy được những hiện tượng, những cảnh huống khác nhau ở những nơi chốn xa xôi vào lúc giữa đêm khuya.**Thấy chợ, giếng nước, đường phố, ngõ hẻm, bà con thân quyến, cùng nghe họ đang nói chuyện với nhau.** Có thể thấy được phố chợ, nơi hàng hóa được bán đầy trên phố, giếng nước công cộng, nơi mọi người lấy nước dùng đường phố lớn, ngõ hẻm nhỏ. Có thể thấy được luôn cả bà con, quyến thuộc họ hàng thân tộc, cùng nghe được những lời họ nói chuyện với nhau. Có thể nghe được họ bàn bạc nói chuyện với nhau.

Cảnh giới này gọi là: "Do dồn ép tâm đến mức cùng tột, nên tâm phóng vọt ra thấy được nhiều thứ ở xa và cách ngại như vậy."

Trong công phu ông đã chế ngự tâm phóng túng buông thả theo vọng tưởng, thúc ép tâm mình đến mức cùng tột. Rồi trải qua cảm giác tâm được phóng vọt ra và thấy hết mọi vật bất kể nó ở bao xa, những cảnh vật mà khi bình thường dù cố gắng nhìn cũng không thể thấy được. Nhưng bây giờ bỗng dưng tâm ông vỡ rời ra và ông có thể thấy được mọi vật.

Đó không phải là chứng thánh, không nên nghĩ rằng đây là cảnh giới tốt.

Nếu không nghĩ mình đã chứng thánh thì đó là cảnh giới tốt. Còn nếu tự xem mình là thánh, liền rơi vào tà kiến.

Nếu quý vị tuyên bố rằng mình đã chứng được thánh quả, trong khi mình chẳng hề chứng được, hoặc quý vị tuyên bố đã chứng được những gì mình không thể chứng được. Thì quý vị sẽ thấy mình bị bao vây bởi quân ma.

10. THẤY THIỆN TRI THỨC BIẾN DẠNG MÀ KHÔNG HIỂU NGUYÊN NHÂN

Kinh Văn: Hựu dĩ thử tâm, nghiên cứu tinh cực, kiến thiện tri thức, hình thể biến di. Thiểu tuyển vô đoan, chủng chủng thiên cải. Thử danh tà tâm, hàm thọ li mị, hoặc tao thiên ma, nhập kì tâm phúc, vô đoan thuyết pháp, thông đạt diệu nghĩa, phi vi thánh chứng. Bất tác thánh tâm, ma sự tiêu yết. Nhược tác thánh giải, tức thọ quần tà.

Việt dịch: Lại đem tâm ấy, cứu xét tinh ròng, thấy hình thể của các vị thiện tri thức bị biến dạng. Chỉ trong chốc lát, thân họ biến thành nhiều dạng khác nhau mà không biết vì cớ gì. Đó gọi là: "Tà tâm bị loài ly my hay bị thiên ma nhập vào, vô cớ thuyết pháp, rất thông suốt diệu lý," chứ không phải là chứng thánh. Nếu không nghĩ mình chứng thánh thì các ma sự liền tiêu mất. Còn nếu nghĩ mình đã chứng thánh, liền rơi vào tà kiến.

Giảng: Đây là trạng thái ma sự thứ mười của sắc ấm, gọi là "vọng kiến" và "vọng thuyết."

Lại đem tâm ấy, cứu xét tinh ròng, thấy hình thể của các vị thiện tri thức bị biến dạng. Người mà ông đã theo học giáo pháp trong quá khứ. **Chỉ trong chốc lát, thân họ biến thành nhiều dạng khác nhau mà không biết vì cớ gì.**

Vị thiện tri thức ấy biến đổi hình dạng ngay trước mặt ông, chợt biến thành một ông lão, lát sau vị ấy biến thành một người trung niên, lát sau nữa vị ấy biến thành một người thiếu niên. Còn nếu thiện tri thức vốn là người nam biến thành người nữ, ông sẽ nghĩ rằng: Ồ người thiện tri thức của ta đời trước là một người phụ nữ. Thực ra, những gì ông thấy đều không có thực. Những sự biến đổi này là kết quả từ vọng tưởng của ông. Chỉ trong chốc lát, nhiều sự biến chuyển xảy

ra mà không giải thích được. Mọi việc đều biến đổi và trở nên khác với bình thường.

Điều này tương tự với những gì mà người sử dụng ma túy đã trải qua. Đối với họ, mọi vật trở nên có màu sắc sáng chói, họ không thể nhìn rõ các vật thể ấy. Họ vẽ lên nhưng bức tranh kỳ quái không ai hiểu nỗi, vì họ chỉ làm văng tung tóe bừa bãi các mầu sắc trên khung vải. Sau khi họ vẽ xong, có người nói: "Ồ thật là một danh họa." Có người đã khen thật. Quý vị thấy đó! Đó là một loại.

Quý vị thắc mắc: "Nhưng đây có phải là trường hợp của người tu đạo đã dùng ma túy không?

Không. Cảnh giới này gây nên do ma vương. Khi ông dùng ma túy, ma vương cũng có việc làm. Nó cũng làm cho mọi cảm giác trong quý vị biến đổi theo (6).

Những cảnh giới trong sắc ấm có thể biến chuyển thành tốt hoặc trở nên xấu đi. Nếu hành giả có đầy đủ thiện căn, thì sự chuyển biến sẽ theo chiều hướng tốt đẹp. Nếu hành giả có ít thiện căn, sẽ hướng sang chiếu bất thiện. Đó là tất cả các dạng biến đổi.

Đó gọi là: "Tà tâm bị loài ly mỵ hay bị thiên ma nhập vào, vô cớ thuyết pháp, rất thông suốt diệu lý."

Khi loài ly mị hoặc thiên ma nhập vào, ông sẽ tự cho rằng: Mình biết giảng kinh, biết thuyết pháp. Tự cho mình đã được khai ngộ, tự cho mình là bậc Trưởng lão. Những người này bắt đầu giảng pháp mà không có nguyên nhân, và họ không biết mình nói điều gì nữa. Họ nói rằng họ đã thông đạt diệu nghĩa của Phật pháp, nhưng thật sự chẳng thông đạt được diệu nghĩa. Họ cũng chẳng phải đang diễn nói Phật pháp nữa. Họ đã lấy những điều sai, diễn nói thành đúng rồi tuyên bố rằng pháp của họ là vi diệu. Họ tự khen ngợi mình còn hủy báng người khác. Nó tự xưng là bậc Trưởng lão.

Chứ không phải là chứng thánh. Đây là một trạng thái không tốt.

Nếu không nghĩ mình chứng thánh, các ma sự liền tiêu tan. Bọn quân ma sẽ tự biến mất.

Còn nếu nghĩ mình đã chứng thánh, liền rơi vào tà kiến. Nếu ông nghĩ mình đã đạt được quả vị Thánh, ông sẽ nhận thấy mình đang ở địa ngục. Ông sẽ đạt được quả vị của mình ở nơi địa ngục.

LỜI KHUYÊN RĂN TỔNG KẾT CỦA ĐỨC THẾ TÔN VỀ SẮC ẤM

Kinh Văn: A-nan, như thị thập chủng, thiền-na hiện cảnh, giai thị sắc ấm, dụng tâm giao hỗ, cố hiện tư sự .

Việt dịch: A-nan, mười cảnh giới hiện ra trong thiền định như vậy, là do sắc ấm và tâm dụng công giao xen với nhau mà có.

Giảng: **A-nan, mười cảnh giới** đã được mô tả ở trên **hiện ra** khi tập trung quánchiếu **trong thiền định**. **Do sắc ấm** và tâm nôn nóng**dụng công giao xen nhau mà hiện ra**. Cảnh giới này có liên quan với sắc ấm, khi tâm dụng công hỗ tương với sự tham cứu về sắc ấm đến cùng cực. Người tu đạo ai cũng có thể trải qua cảnh giới này.

Kinh Văn: Chúng sanh ngoan mê, bất tự thổn lượng. Phùng thử nhân duyên, mê bất tự thức, vị ngôn đăng thánh, đại vọng ngữ thành, đọa vô gián ngục.

Việt dịch: Chúng sanh mê muội không tự xét kỹ. Gặp nhân duyên này, mê muội không tự biết, tự cho là chứng thánh, thành tội đại vọng ngữ, sẽ đọa vào địa ngục vô gián.

Giảng: **Chúng sanh mê muội không tự xét kỹ**. Chúng sanh ngoan cố khó chuyển hóa, ngu mê khó thức tỉnh. Họ không tự duyệt xét lại mình để kiểm chứng lại mức độ tu học của mình ngay từ đầu. **Gặp nhân duyên này**, gặp các cảnh giới ma sự, **mê muội không tự biết**mình, **tự cho là chứng thánh**.

Chúng tuyên bố: “Ồ! Ta là Phật. Ta giác ngộ rồi. Ta đã chứng được thánh quả rồi.”

Như vậy **thành tội đại vọng ngữ**, chúng thật sự đã nói những lời đại vọng ngữ, chắc chắn chúng **sẽ đọa vào địa ngục vô gián**.

Kinh Văn: Nhữ đẳng đương y, Như lai diệt hậu, ư mạt pháp trung, tuyên kì tư nghĩa. Vô linh thiên ma, đắc kì phương tiện. Bảo trì phúc hộ, thành vô thượng đạo.

Việt dịch: Các ông phải nương theo, sau khi Như Lai nhập diệt, trong đời mạt pháp, phải truyền bá giáo pháp này. Đừng để cho thiên ma có cơ hội quấy phá. Giữ gìn che chở cho mọi chúng sanh, khiến họ được thành đạo vô thượng.

Giảng: **Các ông phải nương theo, sau khi Như Lai nhập diệt, trong đời mạt pháp, phải truyền bá giáo pháp này.**

A-nan, ông nên hết lòng nương theo và thực hành giáo pháp mà tôi đã giảng dạy cho các ông. Trong đời mạt pháp, sau khi Như Lai diệt độ, các ông phải truyền bá giáo pháp này.

Đừng để cho thiên ma có cơ hội quấy phá. **Giữ gìn che chở cho mọi chúng sanh, khiến họ được thành đạo vô thượng**. Phải nên duy trì và bảo hộ Phật pháp chân chính, mới mong được thành tựu đạo quả vô thượng.

KINH LĂNG NGHIÊM

NĂM MƯƠI LOẠI ẤM MA

Hòa Thượng Tuyên Hóa giảng tại

Phật Giáo Giảng Đường San Francisco

California _ USA _ 1968

THỌ ẤM

TÂM LÝ TRƯỚC KHI VÀO CẢNH GIỚI THỌ ẤM

Kinh Văn: A-nan, bỉ thiện nam tử, tu tam-ma-đề, xa ma tha trung, sắc âm tận giả, kiến chư Phật tâm, như minh kính trung, hiển hiện kì tượng.

Việt dịch: A-nan, thiện nam tử ấy tu tập chánh định, trong khi tu xa-ma-tha (chỉ), sắc ấm dứt sạch, thấy tâm chư Phật như bóng hiện ra trong gương.

Giảng: **A-nan, thiện nam tử ấy tu tập chánh định.**

Tu tập công phu "*phản văn văn tự tánh* ," hướng tánh nghe vào bên trong để nhận ra bản tánh của mình – Tu *tam-ma-đề* tức tu tập chánh định, là tu *nhĩ*

căn viên thông, tức tu tập công phu "*phản văn văn tự tánh,*" hướng tánh nghe vào bên trong để nhận ra bản tánh của mình, là công phu để đạt được trí huệ viên mãn thông qua nhĩ căn. Khi **tu pháp xa-ma-tha** làm thanh tịnh tâm ý, chuyển hóa tất cả mọi vọng tưởng để tập trung vào việc quán chiếu. Khi trừ diệt các **sắc ấm hết sạch** rồi, có thể **thấy tâm của chư Phật như bóng hiện ra trong gươn**g.

Điều gì xảy ra thì ông tiêu trừ hết các sắc ấm? Ông có thể thấy được pháp môn tâm ấn của chư Phật như thể ông nhìn thấy được chính mình trong gương.

PHẠM VI CỦA THỌ ẤM

Kinh Văn: Nhược hữu sở đắc, nhi vị năng dụng. Do như yểm nhân, thủ túc uyển nhiên kiến văn bất hoặc, tâm xúc khách tà, nhi bất năng động. Thử tắc danh vi thọ ấm khu vũ.

Việt dịch: Như có chỗ sở đắc, nhưng chưa dùng được. Ví như người bị bóng mộc đè, tay chân còn y nguyên, thấy nghe không lầm, nhưng tâm bị khách tà, không cử động được. Đó gọi là phạm vi của thọ ấm .

Giảng: **Như có chỗ sở đắc, nhưng chưa dùng được**. **Ví như người bị bóng mộc đè.**

Trước tôi đã nói về loài quỷ Cưu-bàn-trà . Là một loài yểm mỵ quỷ thường dùng bùa chú để ếm cho người bệnh chết. Khi một người bị loài quỷ này ám, chân tay còn y nguyên, không bị mất đi, thấy nghe không lầm hay mê muội nhưng tâm bị chế ngự bởi quần tà, đến mức không cử động được. Đây gọi là phạm vi của *thọ ấm* .

CỘI GỐC CỦA THỌ ẤM

Kinh Văn: Nhược yểm cữu yết, kì tâm li thân, phản quán kì diện, khứ trụ tự do, vô phục lưu ngại. Danh thọ ấm tận. Thị nhân tắc năng siêu việt kiến trược. Quán kì sở do, hư minh vọng tưởng, dĩ vi kì bản.

Việt dịch: Khi mộc đè lắng dịu rồi thì tâm rời khỏi thân, trở lại thấy được mặt mày, đi ở tự do, không còn ngăn ngại. Đây gọi là hết thọ ấm . Người ấy có thể vượt qua kiến trược. Xét kỹ nguyên do, thì vọng tưởng hư minh là gốc của thọ ấm.

Giảng: **Khi** tình trạng tê liệt bởi bóng **mộc đè lắng dịu rồi thì tâm rời khỏi thân**, **trở lại thấy được mặt mày**.

Khi ông còn ở trong phạm vi thọ ấm , giống như bị loài quỷ Cưu-bàn-trà làm cho tê liệt, do đó ông không thể có được sự tự tại. Nếu tình trạng này biến mất và thọ ấm được trừ sạch rồi, thì tâm sẽ thoát khỏi thân và ông có thể nhìn thấy được mặt ông, và đ**i ở tự do**. Ông có thể đi hay không đi tùy ước muốn, hoàn toàn không bị trói buộc nữa, không bị ngăn ngại. **Đây gọi là hết thọ ấm**.

Khi thọ ấm đã tiêu dung, **người ấy có thể vượt qua kiến trược**. Đó là một trong năm món ngũ trược ác thế.

Xét lại nguyên do, thì vọng tưởng hư minh là cội gốc của thọ ấm . Khi thọ ấm được phá sạch rồi thì cái gốc của nó cũng tiêu tan luôn.

10 CẢNH GIỚI CỦA THỌ ẤM

* * *

1 – SỰ BI LỤY QUÁ ĐỘ (MA BI LỤY)

Kinh Văn: A-nan bỉ thiện nam tử, đương tại thử trung, đắc đại quang diệu, kỳ tâm phát minh, nội ức quá phần. Hốt ư kì xứ, phát vô cùng bi, như thị nãi chí, quán kiến văn manh, do như xích tử , tâm sinh lân mẫn, bất giác lưu lệ.

Việt dịch: A-nan, hành giả khi ở trong trạng thái này, tâm rất sáng suốt, do bên trong đè nén quá phần. Bỗng dưng phát sanh tâm thương cảm vô cùng, cho đến xem muỗi mòng như là con mới sinh, tâm thương xót bất giác rơi lệ.

Giảng: **A-nan, hành giả khi ở trong trạng thái này, tâm rất sáng suốt, do bên trong đè nén quá phần.** Một loại cảm xúc đột nhiên sanh khởi. Ông ta đã liên tục ức chế tư tưởng quá trớn. Khi sự dồn nén bên trong quá mức, **bỗng dưng phát sanh tâm thương cảm vô hạn** và lòng thương mến các loài chúng sanh, **đến nỗi xem muỗi mòng như là con mới sanh**. Tiếng Hán gọi con mới sanh là *xích tử* , do da của trẻ mới sanh có màu đỏ.

Tâm sinh thương xót, bất giác rơi lệ, không biết tại sao mà ông bật khóc.

Kinh Văn: Thử danh công dụng ức tồi quá việt. Ngộ tắc vô cữu, phi vi thánh chứng. Giác liễu bất mê, cửu tự tiêu yết. Nhược tác thánh giải, tắc

hữu bi ma nhập kì tâm phủ, kiến nhân tắc bi đề khấp vô hạn. Thất ư chánh thọ, đương tòng luân trụy.

Việt dịch: Đây gọi là đè nén tâm quá mức trong khi công phu. Nhận ra điều đó thì không có gì sai trái, chẳng phải là chứng thánh. Nếu biết rõ như vậy không còn mê lầm, trạng thái đó dần tự tiêu vong. Nếu nghĩ là mình chứng thánh thì bị loài ma bi lụy nhập vào trong tâm phủ, mỗi khi thấy người thì thương xót kêu khóc không thôi. Nếu mất chánh định sẽ bị chìm đắm.

Giảng: **Đây gọi là đè nén tâm quá mức trong khi công phu**.

Trạng thái này có thể sanh khởi trong khi dụng công tu tập. Nó xảy ra vì ông đã đè nén tâm thái quá, **nhận ra điều đó thì không có gì sai trái, chẳng phải là chứng thánh. Nếu biết rõ như vậy không còn mê lầm, trạng thái đó dần tự tiêu vong,** nếu ông hiểu ra mình đã sai lầm và tự nhủ thầm tại sao ta lại khóc lóc vô cớ như vậy, thì phải thay đổi ngay. Hiểu rõ như vậy rồi sẽ không còn trạng thái căng thẳng nữa.

Cảnh giới này không phải chứng thánh. Đó không có nghĩa là ông đã chứng được tâm *đồng thể đại bi* . Đừng nghĩ rằng thương xót các loài muỗi mòng và các loài côn trùng nhỏ nhít như là con mới đẻ của mình là tâm *đồng thể đại bi*.

Nếu biết rõ như vậy, không còn mê lầm nữa, trạng thái căng thẳng đó tự tiêu vong. **Nhưng nếu nghĩ là mình đã chứng thánh,**nếu ông nghĩ: "Ồ! Bây giờ ta đã có được tâm *đồng thể đại bi* , công phu tu tập của ta thực sự đã thành tựu" thế là **bị loài ma bi lụynhập vào trong tâm phủ,** nghĩa là gặp bất cứ người nào cũng đều vô cớ bật khóc. Loài ma này **mỗi khi gặp người thì thương xót kêu khóc không thôi**, khóc mà chẳng biết tại sao buồn thảm như thế.

Khi còn ở Mãn-châu (Manchuria), tôi biết một người phụ nữ tên là Lưu Kim Đồng đã gặp phải trạng thái như vậy. Bất kỳ khi gặp người nào, cô đều bật khóc và nói: "Trong tiền kiếp ngươi là con tôi. Bây giờ con đã trở lại. Con đã tìm gặp được mẹ rồi đó." Bằng nước mắt, bà ta hết sức làm cho người ta bối rối, để họ phải tin rằng mình thực sự đã gặp được mẹ. Thực ra người đó đã gặp ma. (8)

Nếu mất chánh định sẽ bị chìm đắm, nếu ông nghe theo ma vương, ông sẽ rơi vào địa ngục.

2 – SỰ TÁO BẠO QUÁ MỨC

Kinh Văn: A-nan, hựu bỉ định trung, chư thiện nam tử, kiến sắc ấm tiêu, thọ ấm minh bạch, thắng tướng hiện tiền, cảm kích quá phần. Hốt ư kì trung, sanh vô hạn dũng, kỳ tâm mãnh lợi, chí tề chư Phật. Vị tam tăng kì, nhất niệm năng việt.

Việt dịch: Lại nữa A-nan, khi hành giả ở trong trạng thái định này, thấy sắc ấm đã tiêu dung, thọ ấm tỏ rõ, cảnh giới thù thắng hiện ra, cảm kích quá phần. Bỗng dưng trong đó sinh tâm rất dõng mãnh, thông minh bén nhạy, sánh đồng như Phật, cho rằng có thể vượt qua ba a-tăng-kỳ kiếp chỉ trong một niệm.

Giảng: **Lại nữa A-nan, khi hành giả**, bao gồm tất cả những thiện nhân đang tu tập Phật pháp, **khi ở trong trạng thái định này, thấy sắc ấm đã tiêu dung, thọ ấm tỏ rõ**. Trong năm uẩn, biết rõ sắc ấm đã tiêu rồi và hoàn toàn biết rõ, sáng suốt về thọ ấm.

Lúc ấy **cảnh giới thù thắng hiện ra**. Một nhãn quan đặc biệt và hiếm có xuất hiện trong tâm.

Hành giả cảm thấy rất là khoan khoái dễ chịu. Tuy nhiên, thái quá như bất cập. Có một chút khác nhau giữa người đi quá xa và người đi khá xa mà chưa đến đích. Cả hai trường hợp đó đều không hợp với nghĩa *trung đạo* . Ví như khi đi du lịch, nếu ông đi vượt quá nơi ông muốn đến thì cũng đồng như chưa đến đích vậy. Vậy nên, trong cảnh giới thiền định này người ấy cảm kích quá phần, rồi**bỗng dưng, phát ra tâm chí dõng mãnh, thông minh bén nhạy, sánh đồng như Phật,**

Dõng mãnh tinh tấn một cách đáng sợ chưa từng có. Tự cho rằng mình đồng như chư Phật, nói rằng Đức Phật và mình như nhau. Cho rằng mình có thể vượt qua ba a-tăng-kỳ kiếp kiếp chỉ trong một niệm.

Cho rằng có thể vượt qua a-tăng-kỳ kiếp thứ nhất, thứ hai, thứ ba chỉ trong một niệm. Do đó anh ta nói mình là Phật. Không những nói mình là Phật, mà anh ta còn nói mọi người là Phật. Loại người như thế là đã rơi vào tà tri tà kiến.

Thực ra, mỗi người đều có một Đức Phật trong tâm, nhưng phải nhờ công phu tu tập mới nhận ra Phật tánh. Ngay cả khi quyết tâm tu hành, cũng không thể trở thành Phật chỉ trong một niệm, mà phải cần một thời gian rất lâu xa. Dù thời gian ấy có thể rút ngắn lại nhờ hiểu biết và thực hành đúng chánh pháp, vẫn khó có thể thành Phật chỉ trong một niệm. Người nếu có tu hành nhưng không được thiện tri thức hướng dẫn chỉ dạy cho, dù có tu tập cần khổ cách mấy đi nữa, anh ta cũng chỉ tăng trưởng tà kiến trong suốt thời gian tu mà thôi. Tự thấy rằng trải qua một thời gian tu tập lâu dài như vậy cũng không ngoài

việc thành Phật, nên anh ta tự xác định rằng mình là Phật. Đây là tự nâng mình lên ngang như chư Phật. Tình trạng này xảy ra khi thọ ấm tan rã. Anh ta nói rằng mình đồng như chư Phật. Thực vậy, chỉ một niệm sai lầm đó, anh ta liền dính mắc vào quyến thuộc của ma vương.

Kinh Văn: Thử danh công dụng, lăng suất quá việt. Ngộ tắc vô cữu, phi vi thánh chứng. Giác liễu bất mê, cửu tự tiêu yết. Nhược tác thánh giải, tắc hữu cuồng ma, nhập kì tâm phủ, kiến nhân tắc khoa, ngã mạn vô tỉ. Kỳ tâm nãi chí, thượng bất kiến Phật, hạ bất kiến nhân. Thất ư chánh thọ, đương tòng luân trụy.

Việt dịch: Đây gọi là dụng công lấn lướt quá mức. Nếu nhận biết thì không sai lầm, đó không phải là chứng thánh. Nếu biết rõ như vậy và duy trì sự sáng suốt, thì trạng thái ấy sẽ tiêu mất. Nhưng nếu nghĩ mình chứng thánh, liền có ma cuồng nhập vào tâm phủ, khi gặp người sẽ khoe khoang về mình, cực kỳ ngã mạn. Tâm họ đến mức trên không còn thấy chư Phật, dưới không thấy có ai. Nếu bỏ mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

Giảng: Nay quý vị đang nghe giảng *Kinh Thủ-lăng-nghiêm*. Bây giờ chúng ta đã đến chương rất quan trọng nói về năm mươi hiện tượng ma sự phát sinh từ ngũ ấm. Nếu những người tu hành mà không hiểu *Năm mươi hiện tượng ấm ma* này, họ sẽ dễ dàng lạc đường công phu. Nếu quý vị nhận ra được những hiện tượng ngũ ấm ma này, thì sẽ không bị mất tự chủ mà liều lĩnh khoác lác làm ra vẻ mình là nhân vật quan trọng. Do vậy tôi khuyên quý vị nên khuyến khích bà con bạn bè của mình đến để nghe giảng phần *Năm mươi hiện tượng ấm ma* này, sẽ giúp cho quý vị biết được từng loại cảnh giới khi tu hành.

Đây gọi là dụng công lấn lướt quá mức. Trạng thái này xảy ra như một kết quả nỗ lực của hành giả trong khi tu hành. Vì hậu quả từ công phu thái quá chuyển hóa bên trong tự tánh khiến ông trở nên dõng mãnh như vậy. Chẳng có gì lầm lỗi trong sự dõng mãnh, tinh tấn, nếu quý vị dùng nó trong việc nâng cao năng lực tu tập chánh pháp. Nhưng quý vị không nên tự phụ nói rằng: "Ồ! Ta chính là Phật!." Vậy ông là Phật? Đức Phật đã giảng Tam tạng và mười hai bộ kinh, còn ông đã nói được bao nhiêu bộ kinh, bao nhiêu tạng kinh? Ông còn chưa hiểu được kinh tạng, thì còn nói gì đến chuyện ông là Phật? Vậy có phi lý không? Đức Phật đã giảng nói toàn bộ kinh tạng, còn ông chưa từng nói được một kinh một tạng nào cả. Thế thì sao ông lại dám tuyên bố rằng Ông thành Phật được. Ngay cả khi ông có thể thông hiểu từng đạo lý và giảng giải rành mạch Tam tạng mười hai bộ kinh, thì cao nhất là ông có thể gọi mình là một đệ tử của Đức Phật chứ không phải là Phật. Nhưng người này cảm thấy

mọi người trên thế gian đều kính mến, quí trọng Đức Phật nên muốn mình cũng thành như Phật, để sau khi chết người ta sẽ cúng dường. Thật ra sau khi chết người ấy sẽ được vùi sâu trong lòng đất, sẽ thành tro bụi, sẽ chẳng còn gì ở lại với ông ta cả.

Nếu nhận biết thì không sai lầm, đó không phải là chứng thánh.

Hoàn toàn tốt đẹp nếu có được sự tinh tấn dõng mãnh như thế. Miễn ông hiểu rằng: Đó chỉ là một cảnh giới, và đó không có nghĩa là ông đã chứng quả Thánh. Trạng thái đó không phải là chứng Thánh. **Nếu ông nhận rõ như vậy và duy trì sự sáng suốt, lâu rồi trạng thái ấy sẽ tự tiêu mất.**

Nhưng nếu tự cho mình chứng thánh. Nói rằng: Ồ! Ta đã thành Phật. **Liền bị ma cuồng ngông nhập vào tâm phủ**.

Nên quý vị thấy đó, nếu khi vẫn chưa hiểu rõ *Năm mươi hiện tượng ấm ma*, thì làm sao mà thành Phật được. Loại ma này là một trong những loại ma ngông cuồng, cống cao, ngã mạn. Nó len vào tâm ông, chiếm ông làm sở hữu của nó, điều khiển tâm tánh người bị nó chiếm. Khi chiếm được rồi, ma vương sẽ kiểm soát và hành động như người ấy.

Khi gặp bất luận người nào, liền khoe khoang về mình, cho mình là đúng và mọi người khác đều sai. Nó dèm pha bôi nhọ người khác và tự tán dương mình. Mọi người đều sai trái hết thảy chỉ có riêng mình nó là đáng trọng thôi. Nó nghĩ nó đã thành Phật.

Người ấy trở nên cực kỳ ngã mạn đối với mọi người, Tâm họ đến mức trên không còn thấy chư Phật, dưới không thấy có ai. Vì sao? Vì tự nghĩ chính hắn ta là Phật. Và không còn thấy người nào dưới mình nữa.

Thế thì anh ta thấy cái gì? Anh ta nói mọi người đều là Phật. Chính anh ta cũng là Phật. Chẳng có vị Phật nào ở trên anh ta nữa. Trong tương lai cũng không có vị Phật nào hơn. Đó là cảnh giới mà anh ta không còn thấy ai ở dưới mình nữa.

Nếu bỏ mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

Nếu không duy trì chánh định, chắc chắn sẽ bị đọa lạc.

3 – SỰ CHÁN NẢN QUÁ MỨC (MA TRẦM ỨC)

Kinh Văn: Hựu bỉ định trung, chư thiện nam tử, kiến sắc ấm tiêu, thọ ấm minh bạch. Tiền vô tân chứng, quy thất cố cư. Trí lực suy vi, nhập

trung đọa địa, quýnh vô sở kiến. Tâm trung hốt nhiên, sanh đại khô kiệt. Ư nhất thiết thời, trầm ức bất tán. Tương thử dĩ vi cần tinh tiến tướng.

Việt dịch: Lại nữa khi hành giả ở trong trạng thái định này, thấy sắc ấm đã tiêu dung, thọ ấm tỏ rõ. Trước không không thấy có cảnh giới mới để chứng, lui về thì mất chỗ cũ. Trí lực suy yếu, rơi vào nơi cùng cực, không còn gì để trông mong. Bỗng dưng có cảm giác đơn điệu, khao khát trỗi dậy. Trong mọi lúc đều thầm nhớ không quên. Lầm cho như vậy là tướng tinh tấn.

Giảng: **Lại khi hành giả ở trong trạng thái định này, thấy sắc ấm đã tiêu dung, thọ ấm tỏ rõ. Trước không không thấy có cảnh giới mới để chứng, lui về thì mất chỗ cũ. Trí lực suy yếu.** Không thấy có cảnh giới để tu chứng ngay. Lui về thì mất trạng thái đã tự chứng được, vậy nên năng lực trí huệ yếu dần.

Tiến lên, chẳng có gì để chứng đắc. Sau lưng hành giả, cảnh giới xưa nay mình hằng an trụ đã biến mất. Trí huệ bây giờ trở nên yếu kém. Hành giả không còn dũng mãnh, sắc bén như lúc đầu nữa. Đây là trường hợp bỗng dưng đang tiến bộ rồi thình lình dừng lại.**Bị rơi vào nơi cùng cực**, là nơi mà hành giả gần như đọa lạc, thấy **không có gì để trông mong**. Hành giả không có cảm giác hoặc cảm nhận được điều gì nữa cả.

Bỗng dưng có cảm giác đơn điệu, khao khát trỗi dậy.

Cảm giác của hành giả lúc này là thấy quá đơn điệu, khô khan, khao khát. Thấy mọi việc đều vô nghĩa và chán ngán, thấy khao khát vì anh ta cần thấm nhuần nước của Phật pháp. Anh ta cảm thấy khô cằn, héo úa vì chẳng thấy còn điều gì hơn nữa. Trạng thái này tương tự như người sơ cơ không chịu tu tập, luôn luôn cảm thấy cô độc và chán nản. Sự cô độc và chán nản ấy chắc chắn sẽ dẫn đến phiền não. Cái phiền não cố hữu.

Tôi không có dự tính nêu điều này ra, nhưng vì tôi sợ có người không hiểu. Hơn thế nữa: nó giống như khi người nữ nhớ về người nam. Cô ta mơ tưởng cho đến khi cô ta thấy bồn chồn và bất an. Cũng như khi người nam mơ tưởng đến người nữ, họ cũng có cảm giác bất an tương tự. Họ đều cô đơn và buồn tẻ như thể bị mất một điều gì mà không bao giờ tìm lại được.

Trong mọi lúc hành giả **đều thầm nhớ không quên**.

Đó là cảnh người nam, người nữ tương tư lẫn nhau, mơ tưởng về nhau không bao giờ quên.

Lầm cho như vậy là tướng trạng tinh tấn.

Trạng thái này bám chắc trong tâm tưởng đến nỗi không tiêu tán, khiến anh ta lầm tưởng đó là một dạng tinh tấn trong công phu.

Kinh Văn: Thử danh tu tâm, vô huệ tự thất, ngộ tắc vô cữu, phi vi thánh chứng. Nhược tác thánh giải, tắc hữu ức ma, nhập kì tâm phủ. Đán tịch toát tâm, huyền tại nhất xứ. Thất ư chánh thọ đương tòng luân trụy.

Việt dịch: Đây gọi là tu tâm mà thiếu trí huệ, nên tự gây ra lầm lạc. Nếu nhận biết được thì không lầm lỗi, không phải là chứng thánh. Nếu tự cho mình chứng thánh, liền bị loài ma nhớ nhập vào tâm. Ngày đêm giữ tâm treo vào một chỗ. Bỏ mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

Giảng: **Đây gọi là tu tâm mà thiếu trí huệ, nên tự gây ra lầm lạc.** Trong phạm vi của thọ ấm , điều nầy được gọi là tu tập mà thiếu trí huệ, nên tự gây ra sai lạc.

Quý vị chưa được phát trí huệ, nhưng đừng bận tâm vì chưa phát trí huệ. **Nếu nhận biết được thì không lầm lỗi**. Nếu quý vị hiểu ra đó chỉ là một cảnh giới, thì không có chuyện gì. Nhưng nếu không hiểu được thì quý vị luôn luôn vướng vào "*chấp không*" và ngưng trệ trong sự tĩnh lặng. Nếu quý vị luôn luôn tán tâm trong sự mơ tưởng, thì quý vị sẽ bị tiêu trầm, và sẽ không thành tựu được đạo nghiệp.

Trạng thái này **không phải là chứng thánh**. Điều này không có nghĩa là anh vừa chứng đạt được một điều gì hay tự nhận mình là thánh. Đừng nhận giặc làm con.

Nếu tự cho mình đã chứng ngộ, thì sẽ bị loài ma nhớ nhập vào tâm.

Ông có nghe chăng? Điều này thật là nguy hiểm. Nếu ông xem đó là cảnh giới tốt lành, một loại ma nhớ sẽ đến và giúp cho ông nhớ kỹ mọi việc. Còn nếu ông không thể nhớ được điều gì hết thì sao? Nó sẽ giúp cho ông nhớ. Nó biết ông muốn nhớ nhiều việc đến chừng nào, nó liền nhập vào tâm ông để giúp cho ông nhớ. Đến chừng đó.

Ngày đêm như giữ tâm treo vào một chỗ.

Tâm ông sẽ bị thu hút và giữ vào một điểm.

Bỏ mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

Khi thiếu chánh định (không dễ đạt được chánh định) sẽ bị chìm đắm, trong tương lai sẽ đọa vào địa ngục.

4 – SỰ TỰ MÃN (ĐƯỢC ÍT CHO LÀ ĐỦ)

Kinh Văn: Hựu bỉ định trung, chư thiện nam tử, kiến sắc ấm tiêu, thọ ấm minh bạch. Huệ lực quá định, thất ư mãnh lợi. Dĩ chư thắng tánh, hoài ư tâm trung. Tự tâm dĩ nghi, thị Lô-giá-na, đắc thiểu vi túc.

Việt dịch: Lại nữa khi hành giả ở trong trạng thái định này, thấy sắc ấm đã tiêu dung, thọ ấm tỏ rõ. Sức huệ hơn định, mắc lỗi do trí mạnh mẽ sắc bén. Ôm giữ tánh siêu việt trong tâm. Ngỡ mình là Đức Phật Lô-xá-na , được chút ít sở đắc tự cho là đủ.

Giảng: **Lại nữa khi hành giả ở trong trạng thái định này, thấy sắc ấm đã tiêu dung, thọ ấm tỏ rõ.**

Sức huệ hơn định. Năng lực trí huệ vượt quá năng lực của định.

Mắc lỗi do trí mạnh mẽ sắc bén, lầm lẫn do trí có được sự sắc bén, mạnh mẽ, là trải qua cảm giác liều lĩnh, hấp tấp. Thích **ôm giữ tánh siêu việt** của mình **trong tâm**. **Ngỡ mình là Đức Phật Lô-xá-na ,** tưởng mình là Đức Phật Lô-xá-na.

Ở cảnh giới này hành giả xem bản tánh của mình siêu việt và thường luôn luôn nhớ nghĩ về nó. Ôm ấp mơ tưởng về thắng tánh, lầm cho chính mình là Đức Phật Lô-xá-na .

Lô-xá-na, gốc tiếng Phạn có nghĩa là "*Ánh sáng chiếu khắp mọi nơi.*" Hành giả đừng tưởng rằng mình đã là Phật Lô-xá-na.

Được chút ít sở đắc tự cho là đủ. Tự hài lòng với chút ít sở đắc của mình.

Hành giả có được chút ít tiến bộ trở nên hài lòng. Thật ra định lực ấy khác hẳn năng lực đại định của Đức Phật rất xa. Mà anh ta lại tuyên bố là mình đã thành Phật Lô-xá-na.

Kinh Văn: Thử danh dụng tâm, vong thất hằng thẩm, nịch ư tri kiến. Ngộ tắc vô cữu, phi vi thánh chứng. Nhược tác thánh giải, tắc hữu hạ liệt, di tri túc ma, nhập kì tâm phủ. Kiến nhân tự ngôn, ngã đắc vô thượng đệ nhất nghĩa đế. Thất ư chánh thọ, đương tòng luân trụy.

Việt dịch: Trạng thái này gọi là "dụng công mà quên mất tánh suy xét thường xuyên, ngưng trệ nơi tri kiến." Nếu biết thì không mắc sai lầm. Đó chẳng phải là chứng thánh. Nếu cho là chứng thánh thì loài ma hạ liệt

chuyển tính thấy đủ, nhập ngay vào tâm phủ, khi gặp người liền tự xưng Ta đã được Vô thượng dệ nhất nghĩa đế. Khi mất chánh định, chắc chắn bị chìm đắm.

Giảng: **Trạng thái này gọi là "*dụng công mà quên mất tánh suy xét thường xuyên, ngưng trệ nơi tri kiến.*"** Ông không thường công phu ngay việc thường thường thẩm sát lại chính mình, trở nên ngưng trệ nơi tri kiến, do không thể phân biệt những gì ông biết và suy nghĩ, nên ông bị ngưng trệ và kẹt vào những ý tưởng và quan niệm riêng tư của ông.

Nếu biết thì không mắc sai lầm, sẽ chẳng có vấn đề gì xảy ra.

Trạng thái **đó chẳng phải là chứng thánh**. Nhưng **nếu nghĩ là chứng thánh**. Nếu nghĩ rằng ông đã chứng được cảnh giới siêu việt nào đó, thì **loài ma hạ liệt**, là loại ma thấp kém, suy đồi ghê tởm nhất, **chuyển tính thấy đủ, nhập ngay vào tâm phủ,** sẽ thấy hài lòng, trong bất kỳ tình huống nào, **nhập ngay vào tâm phủ ông**, ma ấy sẽ bám vào tâm ông, chiếm tâm ông làm sở hữu của nó. Nó đuổi tinh thần của ông ra khỏi thân ông. Mọi thứ còn lại chỉ là cái xác thân mê lầm, nhưng ông vẫn không nhận thức được điều đó.

Mỗi **khi gặp người liền tự xưng**: ***Ta đã được Vô thượng dệ nhất nghĩa đế.*** Hiện nay có một người thường đứng trên đại lộ Grand Avenue, thuộc phố Hoa kiều (Chinatown) ngay tại khu trung tâm thương mại của San Francisco. Người ấy mặc y phục, đủ màu sắc lòe loẹt, thường nói với khách bộ hành:

"Tôi tu trong rừng núi đã năm năm, nay đã chứng ngộ. Giờ đây tôi đã có những thần thông như thế, như thế…"

Trước đây anh ta đã lạy tôi làm sư phụ, và trở thành đệ tử của tôi. Nhưng anh ta không tuân theo những gì tôi dạy. Trước khi tôi đến Hoa Kỳ, quý vị có thể đoán được ông ta đã làm những gì? Ông ta đeo một quả bầu có một vạch sơn trên vai, anh ta tuyên bố là đệ tử của tôi, và đã học được rất nhiều công phu nơi tôi. Lại nữa ông ta tuyên bố là có thể giải đáp bất kỳ vấn đề gì khi có ai đến hỏi. Anh ta đã dùng tên tôi để lừa đảo mọi người. Bây giờ tôi đã đến Hoa Kỳ, anh ta vẫn còn lừa đảo mọi người. Nhưng anh ta không sử dụng tên tôi để lừa bịp nữa. Đây chính là loại ma mà đoạn kinh này đang đề cập đến. Hắn ta tuyên bố đã đạt được Đệ nhất nghĩa đế.

Khi mất hết chánh định, chắc chắn sẽ bị chìm đắm.

Anh ta đã mất sạch chánh định, không còn tuân theo những gì tôi đã dạy nữa. Từ khi tôi đến đây, anh ta không bao giờ đến nghe giảng kinh hay nghe thuyết pháp mà chỉ tuyên bố là đã đạt đạo, đã được giác ngộ, đã có thần thông. Rốt

cục anh ta có được thần thông gì? Các bạn không bao giờ ngờ tới được! Đó là tiền, tiền, tiền. Cho nên anh ta chắc chắn sẽ bị đọa lạc.

5 – SỰ LO SỢ BUỒN BÃ (GIAN HIỂM MA)

Kinh Văn: Hựu bỉ định trung, chư thiện nam tử, kiến sắc ấm tiêu, thọ ấm minh bạch. Tân chứng vị hoạch, cố tâm dĩ vong. Lịch lãm nhị tế, tự sanh gian hiểm. Ư tâm hốt nhiên, sanh vô tận ưu, như tọa thiết sàng, như ẩm độc dược. Tâm bất dục hoạt, thường cầu ư nhân, linh hại kì mạng, tảo thú giải thoát.

Việt dịch: Lại nữa khi hành giả ở trong định ấy, thấy sắc ấm đã tiêu dung, thọ ấm tỏ rõ, chỗ chứng mới chưa được, còn tâm cũ đã mất. Xem xét kỹ hai bên, thấy mình như gặp hiểm nạn. Tâm bỗng nhiên thấy buồn vô hạn, như thể ngồi trên giường sắt, như uống thuốc độc. Không muốn sống nữa, thường mong người khác hủy hoại thân mình để chóng giải thoát.

Giảng: **Lại nữa, khi hành giả ở trong định ấy.**

Bây giờ hành giả đã có chút định lực sâu hơn. **Thấy sắc ấm đã tiêu dung, thọ ấm tỏ rõ, chỗ chứng mới chưa được, còn tâm cũ đã mất.** Hành giả thấy không có điều gì để chứng đạt nữa, cảnh giới tâm chứng từ trước đã biến mất. **Xem xét kỹ hai bên, thấy mình như gặp hiểm nạn.** Khi quán sát kỹ hai bờ mé quá khứ và tương lai, thấy cả hai đều biến mất, cảm thấy mình như đang gặp hiểm nạn lớn.

Anh ta nghĩ: “Ồ không! Đây thực là nguy hiểm! khủng khiếp quá!”

Tâm bỗng nhiên thấy buồn vô hạn. Anh ta thấy lòng tràn ngập ưu sầu, phiền não về mọi việc. Chính ưu phiền đã đưa đến phiền não. Phiền não như thế nào? **Như thể ngồi trên giường sắt**. Từ sáng đến tối anh ta tự nghĩ:

“Ồ ta như đang ngồi trên giường sắt trong địa ngục. Ta phải làm gì bây giờ? Có thân này thật là khổ”

Như uống thuốc độc và thấy như sắp chết. **Không muốn sống nữa.**

Suốt ngày anh ta tự nghĩ: Ta chết đi thì tốt hơn.

Ở Trung Hoa có ngạn ngữ: “Tốt hơn là nên chết đi, đỡ tốn quần áo.”

Người này có lẽ đã suy nghĩ như thế, nên anh ta nói: “Chết đi thì tốt hơn! Chết đi thì tốt hơn!”

Trong hầu hết những trường hợp tự tử, thường có sự can dự của ma. Ma hướng về nạn nhân khấu đầu đảnh lễ rồi đọc chú. Nhưng nạn nhân không nghe được ma đọc chú gì. Nghĩa của câu chú mà Ma thường đọc là: "Anh nên chết thì tốt hơn, anh nên chết thì hay hơn! Hãy nhanh lên, càng kết thúc sự sống càng sớm càng tốt!"

Vì nạn nhân quá chú tâm vào việc tự sát nên không thể nghe được bằng tai, nhưng qua tiềm thức, lời chú của ma đã chiếm trọn tâm hồn. Vì ma có tha tâm thông nên nó có thể khiến ma lực len vào tâm nạn nhân và xúi dục tự sát. Tâm nạn nhân nghe lời ma dụ dỗ và tin những gì ma nói: Thế là họ uống thuốc độc, tự treo cổ, hoặc trầm mình xuống biển, hay nhảy từ trên cầu Kim Môn (Golden Gate Bridge–Mỹ) xuống sông. Đó là cách mà nạn nhân tự sát. Có rất nhiều ma ở quanh cầu Kim Môn. Nó chẳng dám quấy rầy bạn nếu trong bạn tràn đầy dương khí. Nhưng nếu có ai đi qua chỗ ấy mà dương khí yếu kém, cả tinh, khí, thần của người ấy đều yếu thì ma liền nói: "Ông chết đi là hơn, tốt hơn là ông nên chết đi!…," và người ấy nhảy xuống sông. Hầu hết mọi trường hợp tự tử đều do ma kích động.

Thường mong người khác hủy hoại thân mạng mình để sớm được giải thoát.

Anh ta thường hay bảo người khác rằng: Xin hãy giết tôi đi! Nếu anh có cách nào giúp tôi kết liễu mạng sống, thì rất tốt. Tôi sẽ được giải thoát.

Kinh Văn: Thử danh tu hành, thất ư phương tiện. Ngộ tắc vô cữu, phi vi thánh chứng. Nhược tác thánh giải, tắc hữu nhất phần, thường ưu sầu ma, nhập kì tâm phủ. Thủ chấp đao kiếm tự cát kì nhục, hân kì xả thọ, hoặc thường ưu sầu, tẩu nhập sơn lâm, bất nại kiến nhân. Thất ư chánh thọ, đương tòng luân trụy.

Việt dịch: Đây gọi là tu hành sai mất phương tiện. Nếu biết được, thì không lầm lỗi, đó không phải là chứng thánh. Nếu nghĩ mình đã chứng thánh thì sẽ bị loài ma ưu sầu nhập vào tâm phủ. Tay dùng dao kiếm tự cắt thịt mình, thích được tự sát, hoặc thường ưu sầu, chạy vào rừng sâu, không thích thấy người. Khi thiếu chánh định, chắc chắn sẽ bị đọa lạc.

Giảng: **Đây gọi là tu hành sai mất phương tiện.**

Vì hành giả không hiểu rõ pháp môn phương tiện nên mới phát sinh sự chấp trước sai lầm này. Sau khi phát sanh sự dính mắc, nếu hành giả **biết được thì không lầm lỗi**, không có vấn đề gì, **không phải là chứng thánh**. Điều này

không có nghĩa là anh ta đã chứng thánh. Nay quý vị đã được nghe đạo lý từ Kinh này rồi, quý vị phải nên cực kỳ thận trọng, đừng buông thả tâm ý tha hồ trôi trong vọng tưởng. Đừng khởi lên suy nghĩ muốn chết. Hoặc khởi tâm ý là mình không thể đạt được những điều mình mong muốn. Nếu ông vẫn còn giữ suy nghĩ như vậy, ông sẽ thu hút loại ma này đến ngay. Trong thế giới này, chúng nó có mặt rất nhiều. Vì thế nên ông không nên buông thả tâm mình trong vọng tưởng, hoặc nói năng bất cẩn, tùy tiện. Nếu ông làm như thế, loại ma này sẽ xâm chiếm ông ngay. Khi điều ấy xảy ra, ông sẽ không thể nào chịu dựng nỗi. Ông sẽ mất tự do, ngay cả khi ông không muốn chết, cũng không có cách nào tránh được cái chết.

Nhưng **nếu nghĩ mình chứng Thánh, thì sẽ bị một loại ma ưu sầu**. Ông nghĩ rằng ông buồn rầu thất vọng. Sự lo thất vọng ấy cũng có liên quan đến một loại ma. Tại sao quý vị lại thất vọng hay giận dữ. Nếu quý vị mở được con mắt Phật (Phật nhãn) nơi chính mình, quý vị sẽ thấy rằng nếu người ta không nóng giận, thì không có loài ma nào cả, nhưng ngay khi người ta nóng giận, ma liền trêu tức: “Hãy nổi nóng lên đi, hãy cuồng nộ lên đi! Hãy làm loạn lên đi!”

Đằng sau cảnh tượng này, nó thúc giục quý vị nổi nóng. Cho dù quý vị không tin tôi, thì những gì tôi nói vẫn là sự thật, còn nếu quý vị không tin lời tôi nói, chỉ còn cách phí mất thì giờ. Hãy thử xem!

Nhập vào tâm phủ, xâm chiếm lấy thân ông, **tay dùng dao kiếm tự cắt thịt mình.**

Tôi đã từng nói về Vương Hiếu Tử (người con chí hiếu họ Vương) rồi phải không? Ngài chính là Thường Nhân Đại Sư , Ngài đã từng thực hành hạnh hiếu bên cạnh mộ của cha mẹ. Một hôm ngài đang trong định, thấy bọn cướp bắt đứa cháu của ngài đi và sắp bắn nó ở nơi cách ngài Thường Nhân chừng năm dặm, nhưng ngay khi tên cướp sắp bóp cò súng, thì từ trong định, ngài Thường Nhân dùng tay gạt khẩu súng làm viên đạn không trúng người cháu, nên nó chạy thoát được. Đằng sau sự kiện này, có một con ma muốn cướp mạng sống của người cháu. Chính nó đã khiến tên cướp đến bắt trói và tìm cách giết đứa cháu.

Đó là những liên hệ nhân quả. Ma tìm cách giết đứa cháu, nhưng ngài Thường Nhân cản trở nên ma chỉ biết đứng sau lưng ngài chứ không làm gì được ngài. Nó liền tìm đến người em trai ngài là Vương Nhị Gia , chiếm đoạt người này thế người anh. Vương Nhị Gia tay cầm dao, đến mộ tìm ngài Thường Nhân, nó định tự sát trước mặt ngài.

Ma muốn giết người em, nhưng lạ thay, khi nó cầm dao sẵn sàng đâm vào đầu, thì ma không thể hạ độc thủ xuống được. Trong khi đó, ngài Thường Nhân đang tụng kinh Kim Cang. Trong khi Ngài đang tụng niệm thì sư phụ tôi (Thường Trí Đại Sư), lúc ấy ngài chưa xuất gia, cảm thấy bồn chồn trong dạ như thể có điều gì khủng khiếp lắm. Ngài Thường Trí thấy lo lắng và bất an. Ngài tự hỏi có việc gì xảy ra với Vương Hiếu Tử ở ngoài mộ chăng. Ngài vội vã đi ngay ra nghĩa địa để xem sao. Quả nhiên Ngài thấy Vương Nhị Gia đang cầm dao sắp tự đâm mình.

Vương Hiếu Tử (Sư Thường Nhân) đã viết sẵn mấy chữ cho thầy tôi (Thường Trí Đại Sư): "Ngài đi mua cho một ít giấy vàng mã (theo phong tục của người Trung Hoa, người ta đốt giấy vàng mã cúng cho người chết). Tôi sẽ tụng Kinh Kim Cang cầu nguyện cho hồn ma này được siêu độ. Có một con ma liên quan đến chuyện này. Ước nguyện của tôi như vậy đó. Sau khi Vương Hiếu Tử trì kinh để cầu siêu cho hồn ma thì không có việc gì xảy ra nữa.

Tuy nhiên, đây chỉ là ví dụ về một loài ma mà ta đang bàn luận. Nhưng trong trường hợp này, ma đến vì nó muốn đoạt mạng người, không phải vì công phu tu tập. Vì Vương Hiếu Tử trong khi tu tập vẫn còn quan tâm đến duyên sự của người trong thân quyến. Ngài đã ngăn chặn được việc loài ma này muốn giết người em trai. Ma không thể giết được Vương Hiếu Tử vì ngài có định lực và không khởi vọng tưởng, nên ma không thể làm gì được ngài mà lại đến hại người em.

Thích được tự sát. Thích được chết đi.

Hoặc thường ưu sầu. Giờ đây quý vị đã được nghe giảng đoạn kinh này rồi, hãy cẩn trọng đừng âu sầu suốt ngày nữa. Đừng luôn miệng kêu than và cảm thấy phiền muộn nữa. Nếu quí vị cứ cảm thấy buồn nản, thất vọng thì loài ma này sẽ đến chiếm đoạt thân xác quí vị ngay. Điều này xảy ra là do một phần năng lực của loài ma và một phần do chính tâm quý vị. Ma lợi dụng tinh thần của quý vị mà hành động. Nếu tâm quý vị an trụ trong chánh kiến, thì sẽ không có vấn đề gì xảy ra, nhưng nếu tư duy của quý vị không được chân chính, thì sẽ bị ma sai sử. Nếu nó nói với quý vị hãy buồn rầu đi, quý vị trở nên buồn rầu, cho đến khi chạy trốn vào chốn thâm sâu, lẩn tránh hết mọi người.

Chạy vào rừng sâu, không thích gặp người. Khi thiếu chánh định sẽ bị đọa lạc.

Người như vậy chắc chắn trong tương lai sẽ bị rơi vào địa ngục.

6̉ – SỰ VUI MỪNG VÔ HẠN (MA HỶ DUYỆT)

Kinh Văn: Hựu bỉ định trung, chư thiện nam tử, kiến sắc ấm tiêu, thọ ấm minh bạch. Xử thanh tịnh trung, tâm an ổn hậu. Hốt nhiên tự hữu, vô hạn hỉ sanh. Tâm trung hoan duyệt, bất năng tự chỉ .

Việt dịch: Lại trong định ấy, hành giả thấy sắc ấm đã tiêu dung, thọ ấm tỏ rõ. Trong chỗ thanh tịnh, tâm được an ổn. Bỗng sanh niềm vui vô hạn. Trong tâm mừng rỡ, không thể kềm chế.

Giảng: **Lại trong định ấy, hành giả thấy sắc ấm đã tiêu dung, thọ ấm tỏ rõ.** Lại nữa hành giả khi ở trong định, thấy sắc ấm tiêu trừ, nhận rõ thọ ấm. Khi ở **trong chỗ thanh tịnh** của chánh định **tâm được an ổn**. Tâm tuyệt đối an tĩnh và ổn định, không còn chút tán loạn và vọng tưởng nào. Ngay tại điểm ấy, thọ ấm lại phát sanh tác dụng khác.

Bỗng dưng phát sanh niềm vui vô hạn trong tâm. Cảm thấy dâng tràn niềm vui và biết niềm vui ấy vô bờ bến, mức độ của nó không thể hạn lượng được.**Trong tâm mừng rỡ, không thể kềm chế.** Không thể tự ngăn được. Cho dù ông có muốn chấm dứt niềm hoan lạc ấy, cũng không thể được.

Kinh Văn: Thử danh khinh an, vô huệ tự cấm. Ngộ tắc vô cữu, phi vi thánh chứng.

Việt dịch: Đây gọi là tâm khinh an, nhưng thiếu trí tuệ để tự điều phục. Nếu hiểu rõ thì không lầm lỗi, không phải là chứng thánh.

Giảng: **Đây gọi là tâm khinh an nhưng thiếu trí tuệ để tự điều phục** trạng thái vui mừng ấy. Hành giả không có trí tuệ để điều khiển cảm giác vui mừng này.

Nếu hiểu rõ thì không lầm lỗi, không phải là chứng thánh.

Điều này không có nghĩa là ông đã trở thành một bậc thánh.

Kinh Văn: Nhược tác thánh giải, tắc hữu nhất phần, hảo hỉ lạc ma nhập kì tâm phủ, kiến nhân tắc tiếu, ư cù lộ bàng, tự ca tự vũ. Tự vị dĩ đắc, vô ngại giải thoát. Thất ư chánh thọ, đương tòng luân trụy.

Việt dịch: Nhưng nếu tự xem mình đã chứng thánh, thì có loài ma thích vui vẻ nhập vào tâm, gặp người liền cười, cùng ca hát nhảy múa trên

đường. Tự xưng đã được vô ngại giải thoát. Sai lạc chánh định, sẽ bị chìm đắm.

Giảng: **Nhưng nếu tự xem mình đã chứng thánh**.

Nếu ông nói: "Ồ! Bây giờ ta đã nhập vào nơi Hoan hỷ địa, ta là Bồ-tát Hoan hỷ địa đây!" thì có loài ma thích vui sẽ nhập vào tâm ông. Mỗi khi **gặp người liền cười, cùng ca hát nhảy múa trên đường**. Giống như một gã *hippie* đã hoàn toàn mất tự chủ. Vẫy hai tay, dậm hai chân, hát và nhảy múa cùng ca hát hết thảy các loại nhạc.

Tự xưng đã được vô ngại giải thoát. Thiếu chánh định chắc chắn sẽ bị chìm đắm.

Đánh mất hết thảy chánh định, chánh tri kiến và mất hết năng lực của lý trí. Cuối cùng rơi vào địa ngục.

7 – ĐẠI NGÃ MẠN (MA NGÃ MẠN)

Kinh Văn: Hựu bỉ định trung, chư thiện nam tử, kiến sắc ấm tiêu, thọ ấm minh bạch, tự vị dĩ túc. Hốt hữu vô đoan, đại ngã mạn khởi, như thị nãi chí, mạn dữ quá mạn, cập mạn quá mạn, hoặc tăng thượng mạn, hoặc ti liệt mạn, nhất thời câu phát. Tâm trung thượng khinh, thập phương Như Lai, hà huống hạ vị, Thanh văn Duyên giác.

Việt dịch: Lại trong định ấy, hành giả thấy sắc ấm đã tiêu dung, thọ ấm tỏ rõ, tự cho là đủ rồi. Bỗng không nguyên do, khởi tâm đại ngã mạn, như thế cho đến khởi tâm kiêu mạn, tâm mạn quá mạn, tâm tăng thượng mạn, hoặc ty liệt mạn, đều cùng phát ra một lúc. Tâm khinh thường cả mười phương Như Lai, huống gì các bậc thấp như Thanh văn , Duyên giác.

Giảng: **Lại trong định ấy, hành giả thấy sắc ấm đã tiêu dung, thọ ấm tỏ rõ, tự cho là đủ rồi.**

Thấy mình đã có đầy đủ mọi thứ, đã chứng được các quả vị, đã chứng ngộ, đã thành Phật.

Bỗng không nguyên do, khởi tâm đại ngã mạn. Ngã mạn là một hình thức của kiêu mạn. Nó chẳng kính trọng người nào, xem thường tất cả. Nghĩ rằng chẳng có ai được như hắn ta.

Như thế cho đến khởi tâm kiêu mạn, cống cao ngã mạn. Một loại ngã mạn rất cao. **Tâm mạn quá mạn**, cực kỳ ngã mạn.**Tâm tăng thượng mạn** không

còn lối ngạo mạn nào cao hơn loại này nữa – ngã mạn chồng lên tăng thượng mạn và **ty liệt mạn**. Cảm thấy mọi người đều thấp hèn hơn anh ta và khinh thường hết thảy mọi người. Đây là những tướng trạng khác nhau của ngã mạn, **đều cùng phát ra một lúc**.

Trong **tâm khinh thường cả mười phương các Đức Như Lai**.

Anh ta ngã mạn đến mức độ nào? Không chỉ ngã mạn đối với người mà còn ngã mạn đối với chư Phật. Thế nên anh ta xem thường các đức Như Lai, thấy các ngài không được như anh ta. Nghiêm trọng biết bao khi quý vị thốt ra lời này.

Huống gì nữa là những quả vị **thấp như là Thanh văn , Duyên giác**. Anh ta càng xem thường những vị này. Thái độ của anh ta là: "Các ông chẳng là gì cả, chỉ là một vị A-la-hán tu hạnh tiểu thừa, các ông có gì hay ho lắm đâu?"

Anh ta đã nghĩ mình cao hơn chư Phật, nhưng đáng tiếc là anh ta chẳng được tên gọi như vậy.

Kinh Văn: Thử danh kiến thắng, vô huệ tự cứu. Ngộ tắc vô cữu, phi vi thánh chứng.

Việt dịch: Đây gọi là kiến giải quá cao, nhưng thiếu trí huệ để tự cứu. Nếu nhận ra thì không sai lầm, đó không phải là chứng thánh.

Giảng: **Đây gọi là kiến giải quá cao, cứu**, một trạng thái xảy ra ngẫu nhiên trong thọ ấm , **nhưng thiếu trí huệ để tự cứu**." Người ấy không có trí huệ để tự cứu hộ lấy mình. **Nếu nhận ra thì không sai lầm**. Nếu nhận ra đây là do mê lầm của mình thì ma sẽ không có dịp phát huy tác dụng. Như người ta thường nói: Nếu anh hiểu biết tức không lầm lẫn, nếu anh lầm lẫn tức thiếu hiểu biết. Nếu anh hiểu biết, cũng giống như nắm thanh kiếm trí huệ chặt đứt mọi mê lầm.

Đó không phải là chứng thánh. Cảnh giới này không phải là chứng thánh. Trường hợp ấy không phải là ông đã chứng được quả vị thánh.

Kinh Văn: Nhược tác thánh giải, tắc hữu nhất phần, đại ngã mạn ma, nhập kì tâm phủ, bất lễ tháp miếu, tồi hủy kinh tượng. Vị đàn việt ngôn, thử thị toàn đồng, hoặc thị thổ mộc; kinh thị thụ diệp, hoặc thị chiên hoa; nhục thân chân thường, bất tự cung kính, khước sùng thổ mộc, thật vi

điên đảo. Kì thâm tín giả, tòng kì hủy toái, mai khí địa trung. Nghi ngộ chúng sanh, nhập vô gián ngục. Thất ư chánh thọ, đương tòng luân trụy.

Việt dịch: Nếu hành giả nhận là chứng thánh, thì có loại ma đại ngã mạn nhập vào tâm phủ. Không lễ chùa tháp, phá hủy kinh tượng. Nói với đàn việt rằng: tượng chỉ là đồng, hoặc là gỗ đất; kinh chỉ là lá hoặc là giấy lụa; thân xác thịt là chân thường mà không quí trọng, lại sùng bái gỗ đất, thật là điên đảo.

Những kẻ đã quá tin, theo lời đập phá kinh tượng hoặc chôn trong đất. Do gây nghi ngờ lầm lạc cho chúng sanh, nên sẽ đọa vào vô gián địa ngục. Thiếu mất chánh định sẽ bị đọa lạc.

Giảng: **Nếu hành giả nhận là chứng thánh**. Nếu như ông cho rằng: "Đây là cảnh giới tốt," **thì có loài ma đại ngã mạn sẽ nhập vào tâm phủ**, chiếm đoạt thân xác ông. **Không lễ chùa, tháp**. Nó không lạy Phật hay tháp, cũng chẳng lạy Phật khi vào trong chùa. **Phá hủy kinh, tượng**. Nó sẽ đốt kinh đập phá tượng Phật. Đốt kinh, hủy tượng là những chướng nạn dẫn đến địa ngục. Nhưng nó lại nói: "những thứ này đều là thứ giả."

Nói với đàn việt . Nó có những đệ tử thân tín và nó bảo với đệ tử như vậy. *Đàn* (s: *dāna*) nghĩa là bố thí, *việt* (越 s: *pati*) nghĩa là vượt qua. Nên trong Phật giáo, những người cúng dường Tam bảo được gọi là *đàn việt*. Ma cũng có những kẻ đàn việt và đệ tử riêng. Ma nói với những người này rằng:

Tượng này chỉ là vàng, đồng, đất, gỗ… Kinh chỉ là lá, giấy, lụa.

Tượng Phật thì được làm bằng vàng, đồng hoặc được nhồi bằng đất hoặc tạc bằng gỗ. Kinh thì được viết trên lá hay trên vải, lụa, có gì đáng giá để thờ phụng? Sao các ông lại lạy các vật đó? Đó chỉ là những vật không có ý thức.

Thân xác thịt này là chân thực. Cái thân thịt của tôi là có thực vĩnh cửu **mà không quí trọng**, ông không quý trọng thân tôi đây, **lại đi sùng bái gỗ đất**.

Ông thích lạy gỗ, đất hơn thì có được ích lợi gì? Có ích lợi gì khi lễ lạy những ngẫu tượng ấy. Tốt hơn là các ông nên lễ lạy tôi hơn là những vị ấy.

Thật là hoàn toàn **điên đảo**. Ông lạy những ngẫu tượng ấy, nhưng nó chỉ là những mảnh gỗ, nó đâu có tri giác, ông thật là điên rồ khi lạy chúng! **Những kẻ đã quá tin** vào ma. Những người đã tin sâu vào ma **sẽ theo lời nó, đập phá tượng Phật, đốt kinh và chôn sạch dưới đất**. Qua hành vi này. **Do gây nghi ngờ và lầm lạc cho chúng sanh**, khiến họ không tin vào Phật pháp, thay vào đó lại nghi ngờ hoang mang. Nó gây nghi ngờ cho chúng sanh như vậy nên nó nhất định **sẽ đọa vào Vô gián địa ngục. Khi thiếu chánh định sẽ bị đọa lạc.**

8 – SỰ NHẸ NHÀNG SẢNG KHOÁI (MA KHINH AN)

***Kinh Văn**: Hựu bỉ định trung, chư thiện nam tử, kiến sắc ấm tiêu, thọ ấm minh bạch. Ư tinh minh trung, viên ngộ tinh lí, đắc đại tùy thuận. Kì tâm hốt sanh vô lượng khinh an. Dĩ ngôn thành thánh, đắc đại tự tại. Thử danh nhân huệ, hoạch chư khinh thanh. Ngộ tắc vô cữu, phi vi thánh chứng.*

Việt Dịch: Lại trong định ấy, hành giả thấy sắc ấm đã tiêu dung, thọ ấm tỏ rõ. Từ trong chỗ sáng suốt tinh anh, giác ngộ được chân lý vi diệu, mọi thứ đều tùy thuận theo sở nguyện. Tâm bỗng nhiên được khinh an vô bờ bến. Tự cho mình đã thành thánh, được đại tự tại. Đây gọi là nhân trí tuệ mà đạt được khinh thanh (nhẹ nhàng thanh thoát). Nếu rõ biết thì không sai lầm, đó không phải là chứng thánh.

Giảng: **Lại trong định ấy, hành giả thấy sắc ấm đã tiêu dung, thọ ấm tỏ rõ. Từ trong chỗ sáng suốt tinh anh**.

Giác tri trở nên sáng suốt tinh anh hơn lúc nào hết. **Giác ngộ được** hoàn toàn **chân lý vi diệu**. Lúc này hành giả đạt được sự hiểu biết thông suốt những chân lý nhiệm mầu vi diệu. **Mọi thứ đều tùy thuận theo sở nguyện**. **Tâm bỗng nhiên đạt được sự khinh an không bờ bến, tự cho mình đã thành bậc thánh**, thành Phật, đạt **được đại tự tại**, đạt được niềm an lạc tối thượng hơn cả.

Đây gọi là: **Nhân trí huệ mà đạt được khinh thanh (nhẹ nhàng thanh thoát)**. Vừa khai mở được chút ít trí huệ, liền đạt đến trạng thái nhẹ nhàng, thanh thoát và đó là tất cả. Chắc chắn nó chẳng đáng kể so như cảnh giới rốt ráo.

Nếu rõ biết thì không sai lầm, không có vấn đề gì. **Không phải chứng quả vị thánh**. Ông không nên cho rằng trạng thái này là chứng quả vị thánh, vì nó vốn không phải như vậy.

Kinh Văn: Nhược tác thánh giải, tắc hữu nhất phần, hiếu thanh khinh ma, nhập kì tâm phủ. Tự vị mãn túc, cánh bất cầu tiến. Thửđẳng đa tác, Vô Văn tỷ-khưu, nghi ngộ hậu sanh, đọa a-tì ngục. Thất ư chánh thọ, đương tòng luân trụy.

Việt dịch: Nếu nhận là chứng thánh, thì có loại ma thích khinh thanh nhập vào tâm phủ, tự thấy đã thỏa mãn, không cần tiến bộ nữa. Phần nhiều

những người này làm như tỷ-khưu Vô Văn , gây nghi ngờ lầm lạc cho chúng sanh, đọa vào ngục a-tì. Thiếu mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

Giảng: Nhưng **nếu nhận là chứng thánh**, nếu như khi có được trạng thái khinh thanh này, nghĩ là mình đã được quả vị thánh **thì có loại ma thích khinh thanh nhập vào tâm phủ**. Loại ma này cũng đã trải qua trạng thái khinh thanh, sẽ chiếm đoạt người này. **Tự cho là đã thỏa mãn**, là nó đã hoàn thành mọi việc. **Không mong cầu tiến bộ nữa**. Trên nó không có quả vị Phật để đạt đến, vì nó đã thành Phật rồi. Cũng chẳng cần cứu độ chúng sanh, vì nó đã hoàn tất việc cứu độ rồi. Nó đã đạt được quả vị Phật như đã mong muốn, và cũng đã cứu độ chúng sanh trong ý nghĩa nó muốn cứu độ. Do vậy nó không mong cầu sự tiến bộ nào cả.

Phần nhiều những kẻ tu hành này, đều **làm giống như tỷ-khưu Vô Văn** đã được đề cập trước đây. Do thiếu trí huệ, ông ta tưởng cảnh giới tứ thiền là quả vị thứ tư của a-la-hán .

Gây nghi ngờ lầm lạc cho chúng sanh. Vì vậy nên họ không nhận ra được con đường chân chánh (chánh đạo) và không hiểu biết Phật pháp. Do làm mê lầm và chướng ngại cho chúng sanh nên sẽ **đọa vào địa ngục a-tì**. Trong tương lai loại người này sẽ rơi vào vô gián địa ngục. Sao vậy? Thiếu mất chánh định sẽ bị chìm đắm. Vì khi đã bị lạc mất chánh định, nhất định phải rơi vào địa ngục vô gián.

9 – CHẤP ĐOẠN DIỆT, BÀI BÁC NHÂN QUẢ

Kinh Văn: Hựu bỉ định trung, chư thiện nam tử, kiến sắc ấm tiêu, thọ ấm minh bạch. Ư minh ngộ trung, đắc hư minh tánh. Kì trung hốt nhiên, quy hướng vĩnh diệt, bát vô nhân quả, nhất hướng nhập không. Không tâm hiện tiền, nãi chí tâm sanh trưởng đoạn diệt giải. Thử danh định tâm trầm một, thất ư chiếu ứng. Ngộ tắc vô cữu, phi vi thánh chứng.

Việt dịch: Lại trong định ấy, hành giả thấy sắc ấm đã tiêu dung, thọ ấm tỏ rõ. Trong chỗ tỏ ngộ, đạt được tánh hư minh. Bỗng dưng trong ấy hành giả bỗng xoay lại theo hướng đoạn diệt, bài bác nhân quả, cho mọi việc đều là không. Tâm rỗng không hiện tiền, cho đến tăng trưởng nhận định đoạn diệt vĩnh viễn. Nếu biết thì không sai lầm, không phải là chứng thánh. Đây gọi là định tâm phân tán, mất đi sự chiếu diệu. Nếu rõ biết được thì không sai lầm, đó không phải là chứng thánh.

Giảng: **Lại trong định ấy, hành giả thấy sắc ấm đã tiêu dung, thọ ấm tỏ rõ.** Lúc đó **trong chỗ tỏ ngộ**, khi ông tưởng như rõ ràng rồi nhưng chưa chân thực giác ngộ, **đạt được tánh hư minh**. Trong chỗ minh ngộ ấy đạt được một loại ánh sáng suốt hư vọng mà không xác định được thực tại. **Bỗng dưng trong ấy hành giả bỗng xoay lại theo hướng đoạn diệt, bài bác nhân quả, cho mọi việc đều là không.** Trong ấy, trong chỗ hư minh ấy, bỗng dưng xảy ra một sự thay đổi. Đó là gì? Hành giả có khuynh hướng đoạn diệt, bài bác nhân quả, cho mọi pháp đều là không.

Nó nói: "Khi chết, người đó ra đi vĩnh viễn. Do vậy, nói về nhân quả là sai lầm. Chẳng có nhân quả, khi chết chẳng có gì tồn tại nên làm sao mà có nhân quả. Mọi pháp đều là không, tạo tội cũng là không, mà làm việc phước thiện cũng là không, tất cả đều là không."

Tâm rỗng không hiện tiền, cho đến tăng trưởng nhận định đoạn diệt vĩnh viễn.

Càng nghĩ nó càng cảm thấy nó đúng:

"Ồ! Đúng nó là không. Một khi ông chết là hết tất cả, mọi việc đều là không!" Lúc ấy nó trở nên tin tưởng rằng: Mọi người đều vĩnh viễn biến mất sau khi chết. Trong kinh văn nói: "Nếu rõ được thì không sai lầm, đó không phải là chứng Thánh quả." Một câu được trích ra từ một bộ kinh mỗi khi nó được in từ nguyên bản. Chúng ta nên in đính kèm theo câu này.

Đây gọi là: "Định tâm phân tán, mất đi sự chiếu diệu."

Lúc này định tâm không còn nữa, vậy nên phát sanh tư tưởng chấp không, mất đi khả năng nhận biết điều gì là đúng đắn. **Nếu rõ biết được thì không sai lầm. Đó không phải là chứng thánh.**

Đây không phải là cảnh giới khi chứng được quả vị thánh.

Kinh Văn: Nhược tác thánh giải, tắc hữu không ma, nhập kì tâm phủ. Nãi báng trì giới, danh vi tiểu thừa, bồ-tát ngộ không, hữu hà trì phạm. Kì nhân thường ư, tín tâm đàn việt , ẩm tửu đạm nhục, quảng hành dâm uế. Nhân ma lực cố, nhiếp kì tiền nhân, bất sanh nghi báng. Quỷ tâm cửu nhập, hoặc thực thỉ niệu, dự tửu nhục đẳng, nhất chủng câu không. Phá Phật luật nghi, ngộ nhập nhân tội. Thất ư chánh thọ, đương tòng luân trụy.

Việt dịch: Nếu nhận là chứng thánh, liền có loại ma không nhập vào tâm phủ. Nó liền phỉ báng người giữ giới, gọi họ là "tiểu thừa," cho rằng "bồ-tát đã ngộ tánh, không có gì là giữ, là phạm.". Người này ở nhà đàn việt uống rượu, ăn thịt, phóng đãng dâm ô. Do ma lực nên nó nhiếp phục được mọi người không khởi tâm nghi báng nó. Sau khi ma nhập vào tâm rồi nó khiến hành giả ăn phân uế, uống nước tiểu, ăn thịt, uống rượu, cho những thứ này đều là không. Nó phá hoại luật nghi của Phật, làm cho người khác mê lầm phạm tội. Lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

Giảng: **Nếu nhận là chứng thánh**. Nếu xem đây như là sự chứng đạt quả vị thánh, **liền có loại ma không nhập vào tâm phủ**. Ma nhập vào chiếm hữu xác thân hành giả. Ma **liền phỉ báng những người giữ giới coi họ là "tiểu thừa.**" Ma nói:

"Đừng giữ giới làm gì, đó là pháp tiểu thừa. Hàng Bồ-tát Đại thừa không nên bị phiền toái trong những câu thúc ấy. Các ông không nên quá quan tâm đến những giới ấy."

Hoặc ma nói: "Voi lớn không đi đường thỏ. Kẻ đại ngộ không nên câu chấp tiểu tiết. Một khi ông là người đại ngộ rồi chẳng còn việc gì quan hệ đến ông nữa hết. Mọi pháp đều là không. Ta chẳng nói điều này trước đây hay sao? Rượu thịt trôi qua bụng, còn Phật ở tại tâm. Mọi pháp đều do tâm, tâm chính là Phật, Phật chính là tâm."

Đó là những gì ma nói. Ma còn phỉ báng những người giữ giới:

"Chỉ có những người chấp dính vào Tiểu thừa mới giữ giới. Đệ tử của Đại thừa không bận tâm đến chuyện này."

Thực ra, Phật tử tu tập theo Đại thừa giữ giới rất tinh nghiêm, hiếm có người hủy phạm giới cấm. Ma chỉ lừa dối những người kém hiểu biết thôi. Thực ra những người ấy không bao giờ chịu học hỏi Phật pháp và không tìm hiểu kỹ những đạo lý mà Đức Phật đã giảng giải. Đó là lý do tại sao, bất luận những gì ma nói, nó đều xem như một mệnh lệnh buộc người khác phải tuân theo, buộc mọi người phải tin theo lời ma nói là đúng. Tại sao họ lại tin lời ma nói? Chỉ vì chưa bao giờ họ được nghe giảng dạy Phật pháp, và dù có nghe không hiểu được Phật pháp là gì?

Nói rằng: Hàng Bồ-tát Đại thừa đã ngộ tánh không của các pháp, có gì là giữ, là phạm? Sao lại cứ giữ mãi giới điều hay lo sợ việc hủy phạm giới điều. Chẳng có các việc như vậy. **Người này** đã bị ma xâm chiếm, **ở nơi nhà đàn việt** , những vị Phật tử thường hộ trì Phật pháp và tin tưởng nó **uống rượu ăn thịt, phóng đãng, dâm dục.**

Ý trong kinh văn, phóng đãng, dâm dục rất là quan trọng. Vì đạo Phật dạy người không nên có tâm dâm dục, mà tâm dâm dục của nó lại tăng trưởng. Má còn khuyến khích làm việc dâm ô, và người ta vẫn tin vì nó có ma lực. **Do ma lực nên nó vẫn nhiếp phục được mọi người không khởi tâm nghi ngờ hủy báng nó**. Họ tin tưởng nó một cách cuồng nhiệt.

Sau khi ma nhập vào tâm rồi, nó khiến người ấy ăn phân uế, uống nước tiểu, ăn thịt uống rượu. Cho những thứ này đều là không.

Vì hành giả đã bị ma nhập rồi nên không biết được phân là thứ bất tịnh, và nó thường uống nước tiểu. Nó nói rằng phân uế, nước tiểu là thứ bất cấu, bất tịnh." Nó dùng ý từ Kinh Bát-nhã để ngụy biện. Đó là chỗ hiểu sai ý nghĩa của kinh điển. Ma sẽ cư xử bằng cách biểu hiện sự bất cần mọi việc dù nó sạch sẽ hay dơ bẩn. Nó sẽ tuyên bố ăn thịt, uống rượu là không, ăn phân uế và uống nước tiểu là không. Nói tóm lại, nó cho tất cả đều là không.

Nó phá hoại luật nghi của Phật, làm cho người khác mê lầm, phạm tội. Thế rồi **lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.**

10 – THAM ÁI CUỒNG LOẠN (MA THAM ÁI)

<u>Kinh Văn</u>: Hựu bỉ định trung, chư thiện nam tử, kiến sắc ấm tiêu, thọ ấm minh bạch. Vị kì không minh, thâm nhập tâm cốt. Kì tâm hốt hữu vô hạn ái sanh. Ái cực phát cuồng, tiện vi tham dục. Thử danh định cảnh, an thuận nhập tâm, vô huệ tự trì, ngộ nhập chư dục. Ngộ tắc vô cữu, phi vi thánh chứng.

<u>Việt dịch</u>: **Lại nữa, khi hành giả ở trong định, thấy sắc ấm tiêu trừ, thọ ấm tỏ rõ. Thích nghiền ngẫm trạng thái hư minh, khắc sâu vào tâm cốt. Trong lòng bỗng phát sanh lòng yêu thương vô hạn. Thương quá phát cuồng, thích việc dâm dục. Đây gọi là cảnh định an thuận, thâm nhập vào tâm mà thiếu trí tuệ để tự điều phục mình, nên mê lầm, đắm nhiễm ngũ dục. Nếu hiểu rõ điều này thì không sai lầm. Đó không phải là chứng thánh.**

<u>Giảng</u>: **Lại nữa, khi hành giả ở trong định, thấy sắc ấm tiêu trừ.**

Khi hành giả đã đạt được định từ trong phạm vi thọ ấm . Thấy sắc ấm tiêu trừ, sắc ấm không còn nữa. **Thọ ấm tỏ rõ**, nhận thức rõ ràng về thọ ấm. **Thích nghiền ngẫm trạng thái hư minh,** cảnh giới mà hành giả đã chứng được, và nay **khắc sâu vào tâm cốt**. Có một sự chuyển biến tâm lý đột nhiên xảy ra. **Trong lòng bỗng phát sanh lòng yêu thương vô hạn**. Điều này giống

như một người nào đó nói rằng: “Mình yêu thương tất cả mọi người và tính mình thích bàn tán về loại chuyện ấy.”

Thương quá phát cuồng, thích việc dâm dục. Khi lòng yêu thương và ham muốn dâng lên đến cực điểm, hành giả phát cuồng, thích việc dâm dục. Hành giả không thể kềm chế được cảm xúc của mình. Khi trở nên điên cuồng, hành giả giống như người phụ nữ tên Lưu Kim Đồng mà tôi đã nói từ trước. Khi gặp đàn ông, cô ta ôm chầm lấy họ, khóc và thể hiện những cử chỉ quyến rũ. Cô ta là một ví dụ điển hình cho loại ma này. Làm sao mà một người đàn ông bình thường còn giữ được lòng mình không xúc động trước sự dụ dỗ này. Sau khi mê hoặc giới đàn ông. Cô ta bảo “Lấy món tiền này mua cho em món nữ trang ấy.” Anh ta liền đáp “Vâng, Vâng!” rồi cô ta bảo lấy món tiền này mua cho cô ta món khác và anh ta cũng vâng lời làm theo. Tại sao vậy? Đơn giản là vì cô ta thỏa mãn tình dục cho người đàn ông, và anh ta bị mê muội bởi ma lực. Khi tình yêu lên đến cực điểm, người đàn ông trở nên điên cuồng vì tham lam và dâm dục. Dâm dục phát sanh từ tâm tham lam.

Đây gọi là *cảnh định an thuận, thâm nhập vào tâm mà thiếu trí tuệ để tự điều phục mình*, nên mê lầm, đắm nhiễm ngũ dục.

Khi trong định, có trạng thái khinh an, hài lòng, nhập vào trong tâm, nhưng thiếu trí tuệ để tự kềm chế cảm xúc và ham muốn của mình. Kết thúc là buông thả vào trong các thứ ham muốn dâm dục.

Nếu hiểu rõ điều này thì không sai lầm.

Đây chỉ là trạng thái nhất thời và ngẫu nhiên. Hành giả nên nhận ra trạng thái này là một cảnh giới ma, và **không phải là chứng thánh**. Nếu ông hiểu ra thì rất tốt, chỉ đáng sợ là khi quý vị không nhận ra ma cảnh mà mình đang chìm đắm. Quý vị sẽ bị rơi vào mê hồn trận, không cách nào thoát khỏi được.

Kinh Văn: Nhược tác thánh giải, tắc hữu dục ma nhập kì tâm phủ. Nhất hướng thuyết dục, vi bồ-đề đạo. Hóa chư bạch y, bình đẳng hành dục, kì hành dâm giả, danh trì pháp tử. Thần quỷ lực cố, ư mạt thế trung, nhiếp kì phàm ngu, kì số chí bách, như thị nãi chí, nhất bách nhị bách, hoặc ngũ lục bách, đa mãn thiên vạn. Ma tâm sanh yểm, li kì thân thể. Oai đức kí vô, hãm ư vương nạn. Nghi ngộ chúng sanh, nhập vô gián ngục. Thất ư chánh thọ, đương tòng luân trụy.

Việt dịch: Nếu tự nhận mình là bậc thánh thì loại ma tham dục sẽ nhập vào tâm. Một mặt cho rằng dâm dục là đạo bồ-đề, dạy hàng bạch y bình

đẳng hành dâm dục, gọi những người hành dâm là trì pháp tử. Do ma lực trong thời mạt pháp, khiến nó thu hút giới phàm phu đến cả trăm, cho đến hai trăm, năm trăm, sáu trăm, nhiều đến mức có cả ngàn, vạn người. Khi ma chán rồi, nó sẽ bỏ rơi người ấy. Khi sức quyến rũ của ma hết, người ấy bị rơi vào vòng lao lý. Do gieo sự nghi lầm cho chúng sanh nên đọa vào ngục vô gián. Thiếu mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

Giảng: **Nếu tự nhận mình là bậc thánh**, **thì loại ma tham dục sẽ nhập vào tâm.** Nếu hành giả xem đây là sự chứng đạt quả thánh, vì quan niệm sai lầm nên loại ma dâm và tham dục sẽ nhập vào tâm và chiếm hữu thân ông. **Một mặt cho rằng dâm dục là đạo bồ-đề,** nó sẽ trở thành người hết mình ủng hộ cho việc dâm dục, gọi đó là đạo bồ-đề.

Nó sẽ nói rằng: "Ngoài dâm dục ra chẳng có gì cả."

Cũng giống như ở nước Mỹ, có một giáo phái chủ trương đa thê chủ nghĩa. Họ cho rằng "càng có nhiều vợ càng tốt." Giáo phái này hoàn toàn giống như loài ma kia vậy. Khuyến khích và quyến rũ sự ham muốn dâm dục bằng cách nói "Rất tốt khi có nhiều vợ, chẳng có gì nghiêm trọng cả. Đó là đạo bồ-đề, càng có nhiều vợ càng hay."

Nó **dạy hàng bạch y bình đẳng hành dâm dục, gọi những người hành dâm là *trì pháp tử*.** Nó dạy đệ tử bình đẳng hành dâm dục. Nó nói: "Đừng phân biệt giữa người này với người khác, hãy cùng nhau hưởng sự hoan lạc." Chẳng bận tâm vợ của mình hay vợ của kẻ khác, họ chỉ việc hành xử theo sở thích. Ở nước Mỹ, có một thứ sở thích đổi vợ thật là kỳ quặc (*wife swapping fad*). Có một nơi mọi người đến đổi vợ cho nhau. Việc này tương tự như việc làm của loài ma đang đề cập trong kinh.

Gọi những người hành dâm là *trì pháp tử*. Những người tham gia vào việc hành dâm với y được gọi là người giữ gìn pháp tử, là người nối pháp do ma trao truyền.

Do ma lực trong thời mạt pháp, khiến nó thu hút và mê hoặc đồ đệ từ giới phàm phu đến cả trăm, cho đến năm trăm, sáu trăm, đến cả ngàn vạn người. Cuối cùng **khi ma vương chán rồi** các bạn nghĩ điều gì sẽ xảy ra? **Nó bỏ rơi người ấy**. Điều gì sẽ xảy ra khi ma bỏ rơi? Người ấy sẽ không còn thần thông nữa.

Khi sức quyến rũ của ma đã hết, người ấy bị rơi vào vòng lao lý.

Sức quyến rũ của nó có được là nhờ vào thần thông. Ma vương có được thần thông. Nhưng bây giờ ma vương đã bỏ đi rồi, vì thế người ấy không còn thần

thông nữa. Bạn biết điều gì xảy ra không? Nó vi phạm luật pháp quốc gia. Trước đây, khi nó còn thần thông ma vương có thể giúp đỡ nó thoát khỏi luật pháp quốc gia và ngăn chặn không cho nhà chức trách biết sự việc ấy. Nhưng khi ma vương bỏ đi, kẻ phàm phu này trở lại như một người bình thường, thì anh ta là một kẻ phạm pháp. Người ta sẽ nhận ra anh ta là một ông thầy thuộc giới bàng môn tả đạo. Chuyên bịp bợm, lừa dối học trò bằng bùa ngải kỳ dị. Vì vi phạm luật pháp nên bị bắt và tống giam.

Do gieo sự nghi lầm cho chúng sanh, nên không gặp được chánh đạo, **sẽ đọa vào ngục vô gián**. Cũng sẽ nhất định rơi vào ngục a-tì. Sao vậy? **Vì lạc mất chánh định, nên sẽ bị chìm đắm.**

LỜI KHUYÊN RĂN TỔNG KẾT CỦA ĐỨC THẾ TÔN VỀ THỌ ẤM

***Kinh Văn*: A-nan, như thị thập chủng thiền-na hiện cảnh, giai thị thọ ấm , dụng tâm giao hỗ, cố hiện tư sự. Chúng sanh ngoan mê, bất tự thốn lượng, phùng thử nhân duyên, mê bất tự thức, vị ngôn đăng thánh, đại vọng ngữ thành đọa vô gián ngục.**

Việt dịch: A-nan, mười trạng thái trên hiện ra trong thiền định như thế, đều do thọ ấm và tâm dụng công giao xen nhau, nên hiện ra như vậy. Chúng sanh ngu mê lầm lẫn, không biết tự lượng xét, gặp nhân duyên này mê muội không tự biết, bảo là chứng thánh, thành tội đại vọng ngữ, sẽ đọa vào địa ngục vô gián.

Giảng: **A-nan, mười trạng thái trên hiện ra trong thiền định như thế, đều do thọ ấm và tâm dụng công giao xen nhau, nên hiện ra như vậy.**

A-nan! Những trạng thái biểu hiện trong khi tu tập thiền định như thế, đều ở trong phạm vi của thọ ấm giao xen với nỗ lực dụng công khi tu tập. Những sự kiện này là kết quả của những biến tướng khác nhau xảy ra trong khi hành giả nỗ lực công phu tu tập.

Chúng sanh ngu mê lầm lẫn không biết tự lượng xét.

Chúng sanh do mê lầm, không biết quay trở lại tự quán xét bên trong mình.

Gặp nhơn duyên này mê muội không tự biết.

Chúng sanh không nhận ra được mình là ai.

Bảo là mình đã **chứng được bậc thánh**.

Rồi họ bảo rằng họ đã đạt được những điều mà họ chưa từng đạt được và chứng được những gì chưa từng chứng được. Họ tuyên bố đã đạt đạo và chứng được thánh vị, trong khi họ chưa hề đạt được những điều ấy.

Thành ra mắc vào **tội đại vọng ngữ.** Chắc chắn **sẽ bị đọa vào vô gián địa ngục.**

Kinh Văn: Nhữ đẳng diệc đương, tương Như Lai ngữ, ư ngã diệt hậu, truyền thị mạt pháp, biến linh chúng sanh khai ngộ tư nghĩa. Vô linh thiên ma đắc kì phương tiện. Bảo trì phúc hộ, thành vô thượng đạo.

Việt dịch: Sau khi Như Lai nhập diệt độ, các ông nên lưu truyền lời dạy của Như Lai, để cho chúng sanh trong thời mạt pháp đều tỏ ngộ được ý chỉ này. Chớ để cho thiên ma có cơ hội quấy phá. Giữ gìn, hộ trì chúng sanh tu tập cho đến khi thành tựu quả vị vô thượng.

Giảng: **Sau khi Như Lai nhập diệt đô, các ông nên lưu truyền lời dạy của Như Lai, để cho chúng sanh trong thời mạt pháp đều tỏ ngộ được ý chỉ này.**

A-nan sau khi Như Lai nhập niết-bàn, các ông nên lưu truyền lời dạy của Như Lai. Hãy truyền đạt những lời Như Lai đã dạy.

Để cho chúng sanh trong thời mạt pháp đều tỏ ngộ được ý chỉ này. Khiến cho chúng sanh nghe được đạo lý, hiểu và giác ngộ được.

Chớ để cho thiên ma có cơ hội quấy phá. **Đừng để cho loài ma có dịp thuận tiện phá rối người tu hành.**

Giữ gìn hộ trì cho chúng sanh tu tập đến khi thành tựu đạo Vô thượng.

KINH LĂNG NGHIÊM

NĂM MƯƠI LOẠI ẤM MA

Hòa Thượng Tuyên Hóa giảng tại

Phật Giáo Giảng Đường San Francisco

California _ USA _ 1968

TƯỞNG ẤM

TRẠNG THÁI TÂM LÝ TRƯỚC KHI VÀO CẢNH GIỚI TƯỞNG ẤM

Kinh Văn: A-nan, bỉ thiện nam tử, tu tam-ma-đề, thọ ấm tận giả, tuy vị lậu tận, tâm li kì hình, như điểu xuất lung. Dĩ năng thành tựu, tùng thị phàm thân, thượng lịch bồ-tát lục thập thánh vị, đắc ý sanh thân, tùy vãng vô ngại.

Việt dịch: **A-nan, hành giả kia tu tập pháp tam-ma-địa, khi thọ ấm tiêu dung, tuy chưa hết mê lầm, nhưng tâm người ấy có thể rời thoát khỏi thân như chim ra khỏi lồng. Đã thành tựu điều ấy, từ thân phàm phu đã có khả năng vượt qua 60 thánh vị của hàng Bồ-tát, đạt được ý sanh thân, đến đi tự tại, không bị ngăn ngại.**

Giảng: **A-nan, hành giả kia tu tập pháp tam-ma-địa, khi thọ ấm tiêu dung**. Khi thọ ấm đã sạch. **Tuy chưa hết mê lầm, nhưng tâm người ấy có thể rời thoát khỏi thân như chim ra khỏi lồng.** Tuy chưa hết mê, nhưng đã có chút ít thần thông rồi, tâm có thể thoát khỏi thân như chim ra khỏi lồng.

Trước kia hành giả đạt chỉ mơi đến mức tiêu dung thọ ấm , họ như người bị nhốt kín trong xác thân của họ. Giống y như con chim bị nhốt trong lồng. Bây giờ, chim mới có thể thoát ra khỏi lồng.

Đã thành tựu điều ấy, từ thân phàm phu đã có khả năng vượt qua 60 thánh vị của hàng Bồ-tát,

Từ thân phàm phu đã thành tựu điều ấy, có nghĩa là có chút ít thần thông, đã có khả năng vượt qua sáu mươi thánh vị của hàng Bồ-tát. Ngay nơi thân phàm phu, hành giả có thể trở thành Bồ-tát, chứng được sáu mươi thánh vị của hàng Bồ-tát.

Đạt được ý sanh thân, đến đi tự tại, không bị ngăn ngại.

Hành giả phải xác lập rõ ràng sự tha thiết, miệt mài trong công phu tu tập trước khi có được năng lực thần thông của *ý sanh thân*. Đạt được thân này, hành giả có thể đi lại bất kỳ nơi đâu mình muốn.

Sáu mươi thánh vị của hàng Bồ-tát là gì? Đó là năm mươi lăm vị đã giảng nói ở phần trước; cọng ba vị *tiệm thứ*, thêm *Càn huệ địa* và *Diệu giác* . Thành tất cả là sáu mươi thánh vị.

PHẠM VI TƯỞNG ẤM

Kinh Văn: Thí như hữu nhân, thục mị nghệ ngôn. Thị nhân tuy tắc, vô biệt sở tri, kì ngôn dĩ thành, âm vận luân thứ, linh bất mị giả, hàm ngộ kì ngữ. Thử tắc danh vi, tưởng âm khu vũ.

Việt dịch: Như người ngủ say nói mớ. Tuy người ấy không biết mình nói gì, nhưng lời nói kia vẫn có âm vận mạch lạc rõ ràng, khiến những người thức đều biết rõ. Đó là phạm vi của tưởng ấm .

Giảng: **Như người ngủ say nói mớ**. Đây là một sự so sánh. Phạm vi của tưởng ấm tương tự như người nói mớ trong khi mê ngủ. Khi ngủ mê anh ta bắt đầu nói những gì anh ta muốn nói. Tuy người ấy không biết mình nói gì, **nhưng lời nói kia vẫn có âm vận và mạch lạc rõ ràng**, dù hành giả không biết mình nói gì trong khi ngủ mê nhưng những gì anh ta nói đều mạch lạc, trôi chảy theo một trình tự hợp lý, có ý nghĩa rõ ràng. Nhưng anh ta không hề biết mình đã nói những gì. Nhưng **những người thức điều biết rõ.**

Thí dụ như người ấy nói “Hôm nay tôi muốn ăn đậu phụ nên tôi đi ra tiệm mua mười tấm. Trở về nhà, tôi hấp bánh lên rồi ăn.”

Anh ta không hề biết mình đã nói những gì. Nhưng những người khác đang thức đều biết rất rõ: “Ồ hôm nay anh ta ăn đậu phụ.”

Tại sao anh ta lại nói những điều như thế? Vì anh ta chưa quên những gì anh ta đã ăn, anh ta vẫn còn nhớ chuyện ăn, nên anh ta còn nhắc nhở chuyện ấy ngay trong giấc mơ.

Đây là phạm vi của tưởng ấm .

Đó là điều tương tự như lãnh vực của tưởng ấm . Nhưng quý vị đừng tưởng điều này đơn giản như thế mà cho rằng: “Tưởng ấm chỉ là như nói sảng mớ trong khi ngủ mê” thật là sai lầm khi suy diễn như vậy. Đây chỉ là một sự so sánh tương tự.

CỘI GỐC CỦA TƯỞNG ẤM

Kinh Văn: Nhược động niệm tận, phù tưởng tiêu trừ. Ư giác minh tâm, như khử trần cấu. Nhất luân sanh tử, thủ vĩ viên chiếu, danh tưởng ấm tận. Thị nhân tắc năng, siêu phiền não trược. Quán kì sở do, dung thông vọng tưởng, dĩ vi kì bản.

Việt dịch: Nếu hết động niệm, tiêu trừ sạch vọng tưởng thô phù. Trong tâm giác ngộ sáng suốt, như rủ bỏ hạt bụi dơ. Một dòng sanh tử trước sau soi chiếu tròn khắp, gọi là tiêu dung tưởng ấm . Người ấy có thể vượt khỏi phiền não trược. Quán sát lại nguyên do của tưởng ấm , thấy nguồn gốc của nó là vọng tưởng dung thông.

Giảng: **Nếu hết động niệm**, **tiêu trừ sạch vọng tưởng thô phù.** Vọng tưởng cực kỳ vi tế là ở thức thứ sáu, và tiêu trừ hết vọng tưởng thô phù. Do vì các thứ tưởng vi tế này trong thức thứ sáu đã được tiêu trừ, nên các tưởng hư vọng thô phù này cũng được tiêu trừ theo.

Trong tâm giác ngộ sáng suốt, như rủ bỏ hạt bụi dơ. Tâm giác ngộ sáng suốt này là thức thứ tám. Giờ đây rõ ràng là thức thứ tám đã thanh tịnh hóa mọi dơ bẩn của vọng trần.

Một dòng sanh tử trước sau soi chiếu tròn khắp. Có mười hai loại chúng sanh; từ loài thai sanh, noãn sanh cho đến loài phi vô tưởng . Hành giả biết được rõ ràng nhân từ trước đã gây ra và kết quả sau này phải thọ nhận của tất cả mọi loài chúng sanh.

Đó **gọi là tiêu dung tưởng ấm** . Vào lúc hành giả đạt được túc mạng thông, **người ấy có thể vượt qua phiền não trược**.

Quán xét lại nguyên do của tưởng ấm . Quán xét lại nguyên do sâu xa mọi tạo tác của hành giả. **Nguồn gốc của nó là vọng tưởng dung thông.**

Đến lúc này, các vọng tưởng trở nên dung thông với nhau, mỗi vọng tưởng trở thành nguồn gốc của chính nó.

CẢNH GIỚI CỦA TƯỞNG ẤM

***

1 – THAM CẦU THIỆN XẢO

Kinh Văn: A-nan, bỉ thiện nam tử, thọ ấm hư diệu, bất tao tà lự, viên định phát minh, tam ma địa trung, tâm ái viên minh, nhuệ kì tinh tư, tham cầu thiện xảo.

Việt dịch: A-nan, khi thọ ấm đã hư diệu, không còn vướng mắc các tà lự, phát minh tính viên định, trong tam-ma-đề, tâm mong muốn có được sự sáng suốt viên mãn, thúc bách tư tưởng tham cầu thiện xảo.

Giảng: **A-nan, khi thọ ấm đã hư diệu, không còn vướng mắc các tà lự,** không còn một niệm tưởng xấu ác nào có thể khuấy động hành giả được nữa.

Phát minh được viên định, trong tam-ma-đề, **tâm mong muốn có được sự sáng suốt viên mãn nên thúc bách tư tưởng, tham cầu thiện xảo.**

Thúc bách có nghĩa là quá sức tinh ròng trong việc quán chiếu lại nội tâm, đó cũng là trạng thái viên minh. Hành giả mong cầu có được phương tiện thiện xảo để giáo hóa chúng sanh. Tâm tham cầu do vậy mà phát sinh.

Kinh Văn: Nhĩ thời thiên ma, hậu đắc kì tiện, phi tinh phụ nhân, khẩu thuyết kinh pháp.

Việt dịch: Khi ấy thiên ma chờ được cơ hội thuận tiện, cho tinh thần gá vào người khác, dùng miệng người đó giải thuyết kinh pháp.

Giảng: **Khi ấy thiên ma** (Lục dục thiên) **chờ được cơ hội thuận tiện**. Biết hành giả tu tập định lực gần hoàn chỉnh, nó đợi dịp thuận tiện để gá vào. Nó rình rập một vài cá tính của hành giả để mở đường thâm nhập. Khi định lực của hành giả thiếu kiên cố thì lối vào hiển bày. Một khi hành giả sanh khởi vọng niệm, thì định lực không còn kiên cố nữa và thiên ma liền có dịp may để gá vào. Vậy nên nói ma được cơ hội thuận tiện.

Cho tinh thần gá vào người khác, dùng miệng người ấy giảng thuyết kinh pháp.

Thiên ma ra lệnh cho đồ chúng của nó "Đến nơi đó phá hủy định lực của người tu hành kia." Trước khi sắc ấm và thọ ấm hết sạch, Thiên ma chiếm đoạt và quấy rối người tu hành. Nhưng sau khi sắc ấm và thọ ấm tiêu dung, hành giả đến phạm vi tưởng ấm , thì thiên ma không thể chiếm đoạt hành giả được nữa. Nó phải chiếm đoạt thân xác của người khác, rồi giảng pháp cho hành giả ấy nghe thông qua miệng người mà ma đoạt được thân xác. Người ấy giảng Kinh,

nhưng pháp người ấy giảng lại là tà pháp, nên các ông phải nhận thức cho được điều sai lạc ấy.

Kinh Văn: Kì nhân bất giác, thị kỳ ma trước, tự ngôn vị đắc vô thượng niết-bàn. Lai bỉ cầu xảo, thiện nam tử xứ, phu tòa thuyết pháp. Kỳ hình tư tu, hoặc tác tỷ-khưu, linh bỉ nhân kiến, hoặc vi Đế thích , hoặc vi phụ nữ, hoặc tỷ-khưu ni, hoặc tẩm ám thất, thân hữu quang minh.

Việt dịch: Người này không biết bị ma gá vào. Tự tuyên bố chứng được Vô thượng niết-bàn. Ma đến nơi hành giả đang móng tâm tham cầu thiện xảo, nó trải tòa rồi thuyết pháp. Trong chốc lát nó hiện thân tỷ-khưu, khiến cho hành giả được thấy, hoặc hóa làm Đế thích , làm phụ nữ, hoặc tỷ-khưu ni, hoặc hiện thân phát ra ánh sáng khi nằm trong phòng tối.

Giảng: Các ông có thể thấy được tệ hại ra sao khi gặp phải ma cảnh này.

Người này thật **không biết bị ma gá vào**. Thật là vô lý khi ma lại đến giúp đỡ anh ta. **Tự mình tuyên bố chứng được Vô thượng niết-bàn**. Anh ta tuyên bố đã được diệu quả niết-bàn

Khi **ma đến nơi hành giả đang tham cầu thiện xảo, nó trải tòa rồi thuyết pháp**, cho hành giả đang mong cầu thiện xảo nghe.

Trong chốc lát, rất nhanh chóng, nó có thể hóa **hiện làm tỷ-khưu**, **khiến cho hành giả được thấy**, **hóa làm Đế thích** (vua Trời), **làm phụ nữ, hoặc kỷ-khưu ni**. Khi hành giả tham cầu thiện xảo, thấy thế sự biến hóa như vậy bèn nghĩ: “Ông ta ắt hẳn là Quán Thế Âm Bồ-tát.” Mà không hề biết đó là thiên ma. Đó là lý do tại sao các ông không nên dính mắc với bất kỳ cảnh giới nào mà các ông chứng được, không bất luận đó là cảnh giới gì.

Hoặc hiện thân phát ra ánh sáng khi đang nằm trong phòng tối. Khi người không hiểu Phật pháp nhìn thấy vậy, liền thán phục: “Ồ thân thể ông ta phát ra ánh sáng. Nếu ông ta không là Phật, thì ít nhất phải là Bồ-tát hay A-la-hán .” Họ không nhận ra rằng người ấy đã bị ma vương gá vào, nó thi thố thần thông để đánh lừa người tu hành.

Do vậy khi hành giả chưa hiểu rõ ràng tường tận Phật pháp một cách chân chính thì không nên để mình bị xoay chuyển bởi cảnh giới mình đã thấy được, dù cảnh giới ấy là gì đi nữa. Đừng trở nên dao động bởi những cảnh giới ấy. Quý vị nên xử trí thế nào khi gặp cảnh giới như vậy? Hãy xem như không có gì tồn tại cả. Xem cảnh giới ấy như chưa từng thấy vậy. Nếu quý vị trở nên phấn chấn khi thấy ma, thì quý vị sẽ bị xoay chuyển bởi ma cảnh. Vậy quý vị nên

hành xử ra sao? Chỉ nên duy trì tinh thần trung đạo , không thích mà cũng không ghét, thấy như chưa từng thấy, nghe như chưa hề nghe. Quý vị không nên nghĩ rằng: “Thật là kỳ diệu, ước gì ta gặp lại lần nữa.” Nếu quý vị có tư tưởng ấy, là liền mắc vào sai lầm.

Kinh Văn: Thị nhân ngu mê, hoặc vi bồ-tát. Tín kì giáo hóa, diêu đãng kì tâm, phá Phật luật nghi, tiềm hành tham dục.

Việt dịch: Hành giả ngu mê, lầm cho đó là Bồ-tát, tin lời giáo hóa của ma, tâm bị dao động, nên phá luật nghi của Phật, lén lút làm chuyện tham dục.

Giảng: **Hành giả**. Người tu tập chánh định, **ngu mê**, lúc này, **lầm cho đó là Bồ-tát**. Khi thấy một người có thể hiện làm tỷ-khưu, Đế thích hoặc nữ cư sĩ, hoặc tỷ-khưu ni, hoặc bỗng chốc biến hóa từ người này sang người khác. Hành giả cho rằng người này ắt hẳn là một vị Bồ-tát. Rồi anh ta **tin lời giáo hóa của ma, khiến tâm bị dao động, nên phá hủy luật nghi của Phật chế**.

Ta nên quán sát điều gì nơi người tu hành? Hãy xem họ có giữ giới luật của Phật chế không? Nếu họ không trì giữ thì đó chắc chắn là ma. Nếu người ấy tinh nghiêm gìn giữ giới luật thì đó chân thực là một vị Bồ-tát. Thế mà có người tự xưng là Phật tử, tự gọi mình là Trưởng lão Hòa thượng, tự khoác thêm vào nhiều danh hiệu khác.

Và **lén lút làm chuyện tham dục**. Nó lén lút làm chuyện dâm dục mà cố gắng dấu giếm không cho mọi người biết.

Kinh Văn: Khẩu trung hảo ngôn tai tường biến dị, hoặc ngôn Như Lai, mỗ xứ xuất thế, hoặc ngôn kiếp hỏa, hoặc thuyết đao binh. Khủng bố ư nhân, linh kì gia tư, vô cố hao tán.

Việt dịch: Người ấy ưa nói những chuyện tai ương quái dị, hoặc nói Như Lai xuất hiện chỗ nọ chỗ kia. Hoặc nói có kiếp hỏa, hoặc nói có đao binh. Dọa cho người sợ hãi, khiến họ vô cớ tiêu tán của cải, tài sản.

Giảng: **Người ấy**, người bị ma gá **ưa nói những việc tai ương quái dị**, những biến chuyển lạ kỳ.

Người bị ma gá thường thích nói những điều gì? Họ thích nói về những tai họa, những biến cố thảm khốc. Họ có thể nói về mọi tai ương chắc chắn sẽ xảy ra

chính xác ở một nơi nào đó, hay một điềm lành sẽ xảy ra ở một nơi nào đó, hay một biến động bất thường sẽ xảy đến.

Hoặc nói Như Lai xuất hiện ở một nơi nào đó.

Anh ta nói: "Ông có biết gì không, Đức Phật đó, danh hiệu ấy đã xuất thế ở nơi kia rồi!"

Hoặc nói đến thảm khốc của **kiếp hỏa**, **hoặc nói** đến chiến tranh **đao binh**. Anh ta nói: "Tam tai: thủy, hỏa, phong và bát nạn đã đến với chúng ta rồi!"

Hoặc nói: "Kiếp này sắp hoại diệt rồi." Hoặc dọa chiến tranh sắp sửa xảy ra nơi đây. Hoặc nói Liên Xô sắp khai chiến với nước ấy, nước kia.

Dọa cho người sợ hãi khiến họ vô cớ tiêu tán của cải gia sản.

Anh ta luôn luôn nói những điều để thu hút sự chú ý của mọi người, rồi khiến họ bị dao động. Một khi mọi người nghe tin này, họ hốt hoảng lên" Ồ! Không! Chiến tranh sắp xảy ra, mạng sống ta nguy rồi!"

Hoặc ma nói: "Chiến tranh sắp xảy ra. Nếu các ông nộp tiền cho tôi ngay, tôi sẽ bảo đảm sinh mạng cho ông an toàn. Nếu ông không đưa tiền cho tôi, ông sẽ bị mất mạng." Nó luôn nói như thế để lừa đảo mọi người.

Nếu ông muốn xác định ai là người chân chính hay giả dối, dù người ấy là bồ-tát hay thiên ma, ông chỉ cần nhìn vào các điểm sau: Trước hết xem xét người đó có tâm tham dục không? Thứ hai xem người ấy có tham tiền không. Nếu người ấy lừa lọc mọi người để thỏa mãn lòng tham lam tài sản, lòng hiếu sắc, thì người ấy không phải là người chân chính. Thế nào là tham tài? Ví dụ. Người ấy có thể nói: "Có một tai họa lớn sắp xảy ra nơi chúng ta, thế giới sắp đến hồi tận diệt. Một quả bom nguyên tử sắp nổ ở nơi kia. Một quả bom H sắp thả vào chỗ kia."

Nó nói những chuyện như vậy, làm cho mọi người hoang mang, rồi đem tiền bạc đến dâng cho nó. Nếu các ông tỉnh giác với mẹo lừa của nó. Ngay cả khi nó phóng ra ánh sáng, nó làm cho đất chấn động, hay làm những việc kỳ đặc khác nữa, các ông cũng không nên tin nó, vì nó có tâm tham. Một người không có tâm tham, mới là người chân chánh. Một người tham lam là người giả dối. Phương pháp tôi dạy hiện nay là thực hành và khảo nghiệm thực tế.

Kinh Văn: Thử danh quái quỷ, niên lão thành ma, não loạn thị nhân. Yểm túc tâm sanh, khứ bỉ nhân thể. Đệ tử dữ sư, câu hãm vương nạn.

Việt dịch: Đây gọi là giống quỷ quái, tuổi già thành ma, quấy rối người tu hành. Sau khi quấy phá chán rồi, nó rời bỏ thân người vừa gá vào. Nên cả thầy trò đều rơi vào lưới pháp luật.

Giảng: **Đây gọi là giống quỷ quái**, sống một thời gian dài, **tuổi già thành ma**. Nó chuyên **quấy rối người tu hành**. **Sau khi quấy phá chán rồi, nó rời bỏ thân người vừa gá vào**. Cuối cùng, nó chán trò chơi này. Nó đã thấy đủ rồi nên nó thôi gá vào người khác. Khi điều này xảy ra. **Cả thầy trò đều rơi vào lưới pháp luật**. Nó bị chính quyền truy nã, bị tố cáo là kích động quần chúng, có thể bị tử hình hoặc những án tù tương đương như thế.

Kinh Văn: Nhữ đương tiên giác, bất nhập luân hồi. Mê hoặc bất tri, đọa vô gián ngục.

Việt dịch: Ông phải nên biết trước, để khỏi rơi vào luân hồi. Nếu mê lầm không biết, sẽ đọa vào địa ngục vô gián.

Giảng: **Ông phải nên biết trước, để khỏi rơi vào luân hồi**, các ông phải nên sớm tỉnh ngộ điều này, và đừng sa vào vòng sinh tử của ma vương.

Nếu mê lầm không biết, trong tương **lai sẽ đọa vào ngục vô gián.**

2 – THÍCH ĐI DU LỊCH

Kinh Văn: A-nan, hựu thiện nam tử, thọ ấm hư diệu, bất tao tà lự. Viên định phát minh, tam-ma-địa trung, tâm ái du đãng, phi kì tinh tư, tham cầu kinh lịch.

Việt dịch: A-nan, lại hành giả kia, thụ ấm đã hư diệu, không mắc các tà lự, tính viên định phát minh. Trong tam-ma-địa, tâm thích dạo chơi, cho tư tưởng bay ra, tham cầu đi nhiều nơi.

Giảng: **A-nan**, **lại hành giả kia, thụ ấm đã hư diệu, không mắc các tà lự.** **T**rong cảnh giới rỗng suốt vi diệu, có được sau khi thọ ấm đã tiêu dung. Hành giả đang tu tập tam-ma-địa không còn các tà lự nữa, phát minh, an trụ trong định sáng suốt tròn đầy. **Trong tam-ma-địa**, **tâm** đã có những vọng tưởng **thích dạo chơi**.

Đó là “Ra khỏi đỉnh đầu và lang thang theo linh hồn” có nghĩa là linh hồn đi lãng du khắp mọi nơi. Nên tư tưởng phóng vọt ra tham cầu lãng du. **Cho tinh thần phóng vọt ra ngoài và mong muốn đi khắp nơi** đâu đó để ngắm cảnh tiêu dao.

Kinh Văn: Nhĩ thời thiên ma, hầu đắc kì tiện, phi tinh phụ nhân, khẩu thuyết kinh pháp.

Việt dịch: Khi ấy, thiên ma chờ được cơ hội thuận tiện, đem tinh thần, gá vào người khác, dùng miệng người ấy giảng kinh pháp.

Giảng: **Khi ấy thiên ma chờ được cơ hội thuận tiện**. Ma vương ở cõi trời lại trở nên ghen tức và chờ đợi sơ hở để gá vào.

Đem tinh thần nó gá vào người khác. Nó lại cho tùy tùng thân tín gá vào người kia. **Dùng miệng người ấy giảng nói kinh pháp**. Nó đến để quấy nhiễu người tu. Vì sao người tu lại bị ma gã vào? Đơn giản là vì ông ta tham cầu lãng du, mong ước được đi du lịch, đi lang thang đây đó. Ngay khi ông ta vừa móng niệm mong cầu du lãng, tức liền cung cấp cho thiên ma cơ hội thuận tiện để não loạn mình ngay. Ma không thể gá vào đâu được nếu như người tu đạo không khởi vọng tưởng tham cầu như vậy.

Kinh Văn: Kì nhân diệc bất giác tri ma trước, diệc ngôn tự đắc, vô thượng niết-bàn. Lai bỉ cầu du, thiện nam tử xứ, phu tòa thuyết pháp, tự hình vô biến. Kì thính pháp giả, hốt tự kiến thân, tọa bảo liên hoa, toàn thể hóa thành, tử kim quang tụ. Nhất chúng thính nhân, các các như thị, đắc vị tằng hữu.

Việt dịch: Người ấy thật không biết bị ma gá vào, còn tự nói rằng mình đã được vô thượng bồ-đề. Ma đến nơi người mong cầu lãng du kia, trải tòa ngồi thuyết pháp. Hình người giảng pháp thì không biến đổi, nhưng những người nghe pháp bỗng dưng thấy mình đang ngồi trên những tòa sen báu, toàn thân hóa thành khối vàng tía chói sáng. Mỗi người đang nghe pháp đều cảm thấy như vậy, cho rằng mình đạt được chuyện chưa từng có.

Giảng: **Người ấy thật không biết bị ma gá vào, còn tự nói rằng mình đã được vô thượng bồ-đề, t**ự tuyên bố mình đã đạt đến quả vị nhiệm mầu của Vô thượng niết-bàn. Khi **ma đến nơi người mong cầu lãng du kia**, đó là hành giả đã khởi vọng niệm mong muốn thần thức mình thoát ra khỏi đỉnh đầu rồi đi rong chơi đây đó.

Ma **trải tòa ngồi giảng pháp**. Tự thân **hình người giảng pháp thì không biến đổi.**

Trong đoạn kinh văn tôi đã giảng trước, thì thân thể của người bị gá vào biến thành tỷ-khưu, tỷ-khưu ni, Đế thích , nữ cư sĩ hay vô số hình dạng khác. Nhưng trường hợp này thì thân người bị ma gá lại không biến đổi. Có nhiều loại ma khác nhau, và các ông không nên xem những sự tình tầm thường thành ra thiện pháp. Nếu chuyện đó xảy ra mà các ông không nhận thức chính xác, thì ma sẽ gá vào ông ngay.

Nhưng những người nghe pháp bỗng dưng thấy mình đang ngồi trên tòa sen báu, toàn thân hóa thành khối sắc vàng tía chói sáng.

Thình lình mọi người thấy như mình đang ngồi trên tòa sen báu, và toàn thân mình hóa thành khối sắc vàng tía chói ngời.

Mọi người đang nghe giảng pháp đều cảm thấy như vậy, cho rằng mình đạt được việc chưa từng có.

Kinh Văn: Thị nhân ngu mê, hoặc vi bồ-tát, dâm dật kì tâm, phá Phật luật nghi, tiềm hành tham dục.

Việt dịch: Hành giả ngu mê, lầm cho đó là bồ-tát, tâm hóa dâm dật, phá hủy luật nghi của Phật, lén làm chuyện tham dục.

Giảng: **Hành giả ngu mê, lầm cho người ấy là bồ-tát** .

Không những người này mà tất cả những người đang nghe giảng pháp đều rất u mê, tâm họ trở nên nghi hoặc và nghĩ rằng: “Ông ấy chắc hẳn là một vị bồ-tát, ông ta có thể làm cho mình ngồi trên tòa sen bằng bảy báu, và biến thân mình thành khối sắc vàng tía chói ngời.”

Quý vị nên tự hỏi lại mình rằng: “Mình thực sự có ngồi trên tòa sen và tỏa chiếu sắc vàng tía được chăng?” Làm sao mà quý vị với thân tướng phàm phu mà lại có trạng thái như thế? Phải chăng đây là thiên ma đến để mê hoặc? Tại sao một vị bồ-tát lại hiển bày cảnh giới như vậy? Vị bồ-tát ấy gá vào nơi quý vị để làm gì?

Tâm hóa dâm dật.

Tâm của những người nghe nó giảng kinh pháp trở nên dao động, bắt đầu sinh khởi tâm dâm dục.

Phá hủy giới luật Phật chế.

Họ không còn giữ gìn giới luật của Phật chế nữa. Quý vị đều phải nhớ, sau khi quý vị thọ nhận giới pháp rồi thì chớ nên bị lừa dối bởi những cảnh giới mê

hoặc này. Ngay cả khi vị Pháp sư thi triển đại thần thông đi nữa, thì quý vị cũng phải quán xét ông ta cẩn thận xem ông ta có tâm tham cầu hay không. Nếu ông ta tham tiền hoặc có tâm tham dục, thì ông ta chẳng phải là người có tâm chân chính. Ông ta là kẻ giả mạo. Còn nếu người ấy không còn tâm dâm dục, tham lam. Không có che dấu ý đồ bên trong thì ông ta là người chân chính. Nếu ông ta là người hủy phá giới luật Phật chế thì đó là kẻ dối gạt.

Lén lút làm chuyện dâm dục.

Nó phóng túng, dâm loạn một cách lén lút.

Kinh Văn: Khẩu trung hảo ngôn, chư Phật ứng thế. Mỗ xứ mỗ nhân, đương thị mỗ Phật, hóa thân lai thử. Mỗ nhân tức thị, mỗ bồ-tát đẳng lai hóa nhân gian. Kì nhân kiến cố, tâm sanh khát ngưỡng, tà kiến mật hưng, chủng trí tiêu diệt.

Việt dịch: Người ấy ưa nói chư Phật ứng hiện ra đời. Người đó, chỗ đó, chính là vị Phật ấy, hóa thân thị hiện. Hoặc nói người kia là bồ-tát hóa thân đến đây giáo hóa nhân gian. Hành giả nghe vậy, tâm sanh khát ngưỡng, tà kiến âm thầm lớn mạnh, chủng trí bị tiêu diệt.

Giảng: **Người ấy ưa nói chư Phật ứng hiện ra đời.** Miệng ma ưu nói chư Phật hiện thân nơi này, nơi kia.

Người bị ma gá ưa thích đi lang thang đây đó. Rồi lợi dụng vào việc lãng du ấy nói về những việc huyền hoặc kỳ bí, những chuyện nó nói quá ư là huyễn hoặc khiến người ta khó tin. Anh ta nói: “Nay chư Phật đang ứng hiện thân ở thế gian để cứu độ chúng sanh.”

Anh ta nói n**gười đó, chỗ đó, chính là vị Phật ấy, hóa thân thị hiện,** vị Phật ấy đã ứng hiện thân ra đời nơi người ấy, ở tại chỗ ấy.

Nó nói ông ấy chính là Đức Phật như vậy, như vậy… Đã hóa thân đến nơi ấy để cứu độ muôn loài. **Hoặc nói người kia chính là bồ-tát hóa thân đến đây để giáo hóa nhân gian**.

Thí như có người đệ tử của tôi tên Cát-lợi (Gary) kể lại rằng: Đệ tử Sa Ma Lâu Tát bảo rằng: Thầy mình (Sa Ma Lâu Tát) là một vị Bồ-tát. Thật là lố bịch. Đó là loại bồ-tát gì? Bồ-tát ma chăng? Họ chỉ được lừa dối người. Tôi sẽ nói cho quý vị rõ. Một Đức Phật hay một vị Bồ-tát không bao giờ nhận mình là Phật hay Bồ-tát, lại càng không bao giờ để đệ tử mình đi quảng cáo mình.

“Thầy tôi là Bồ-tát.” Quý vị đừng bao giờ nói về Thầy của quý vị như vậy cả. Tại sao quý vị lại đi nói rằng Thầy của mình là Phật? Quý vị không bao giờ được nói về tôi như vậy. Chẳng phải tôi đã từng nói với quý vị rằng tôi là con ma hay sao? Chỉ nên nói về thầy của quý vị là một con ma. Tôi không muốn được gọi là Phật hay Bồ-tát. Thật đáng thương xót cho những người này! Ở đây họ lại nói rằng: “Đây là một vị Bồ-tát hiện thân đến để giáo hóa chúng sanh trong thời mạt pháp.”

Người tu hành thấy vậy, tâm sanh khát ngưỡng.

Vì những người ấy có hiểu biết còn non nớt, không thực hiểu về Phật pháp. Họ nghĩ rằng:

“Ồ! Ông ta là một vị Bồ-tát, hay quá, hãy nhanh chóng đến nghe ông ta giảng pháp và xin làm đệ tử.”

Ví như ngày hôm qua có vài người đến nghe trộm pháp. Tôi hỏi ai là thầy của họ, họ trả lời người ấy, người ấy… Đó là một trường hợp liên quan đến điều đang nói. Tâm họ ngập tràn sự khát ngưỡng, hâm mộ.

“Ta nên lại xin vị bồ-tát ấy làm thầy, và xin thân cận học hỏi pháp bồ-tát nơi thầy.”

Vì ông ta là bồ-tát nên tất nhiên những đệ tử học pháp với ông ta cũng thành bồ-tát . Như một kết quả tất yếu.

Tà kiến âm thầm lớn mạnh. Dần dần tà kiến trở nên dầy cộm hơn và chủng trí bị tiêu hủy.

Chủng trí của Phật và các loại trí tuệ đều bị tiêu hủy. Hạt giống của trí tuệ **bị tiêu diệt** rồi, thật là nguy hiểm.

Kinh Văn: Thử danh bạt quỷ, niên lão thành ma, não loạn thị nhân, yểm túc tâm sanh, khứ bỉ nhân thể. Đệ tử dữ sư, câu hãm vương nạn.

Việt dịch: Đây là loại bạt quỷ, tuổi già thành ma, quấy rối người tu hành. Đến khi nó đã nhàm chán, liền rời khỏi thân người mà nó đã gá vào. Khi ấy cả thầy và trò đều sa vào lưới pháp luật.

Giảng: **Đây là loại *bạt quỷ*, tuổi già thành ma**.

Bất kỳ nơi đâu mà loại *bạt quỷ* này đến, nơi đó không có mưa, hạn hán kéo dài ít nhất sáu tháng và có khi kéo dài đến một, hai hoặc năm năm. Hễ loại ma này đến nơi nào nơi đó sẽ không có mưa. Khi còn trẻ nhỏ, nó được gọi là ma, khi

đã nhiều tuổi nó càng trở nên độc ác, đểu giả, nên nó biến thành quỷ. Có câu ngạn ngữ của cổ nhân như sau:

"*Lão nhi bất tử thị vi tặc*" nghĩa là: Già mà không chết là kẻ tinh quái. Lại càng tinh quái hơn đối với loài quỷ. Nếu ma già mà không chết nó trở thành quỷ.

Nó **quấy rối người tu hành. Đến khi đã nhàm chán**.

Sau khi nó chơi trò lừa bịp một thời gian dài, ma trở nên chán việc ấy, không có gì thú vị nữa. **Liền rời khỏi thân người mà nó đã gá vào. Khi ấy cả thầy và trò đều rơi vào lưới pháp luật.** Cả hai đều bị bắt và bị bỏ tù. Có thể bị xử tử hình hoặc án tù chung thân. Đời sống như thể đang ở địa ngục.

Kinh Văn: Nhữ đương tiên giác, bất nhập luân hồi. Mê hoặc bất tri, đọa vô gián ngục.

Việt dịch: Các ông nên biết trước, thì khỏi bị luân hồi. Nếu ông mê lầm không biết, sẽ rơi vào địa ngục vô gián.

Giảng: **Các ông nên biết trước, thì khỏi bị luân hồi**, trong vòng của ma vương, không bị làm quyến thuộc của ma vương. **Nếu ông mê lầm không biết**. Nếu ông không nhận ra những việc làm của ma vương, thì ông sẽ theo ma vương **rơi vào địa ngục vô gián.**

3 – THAM CẦU SỰ KHẾ HỢP

Kinh Văn: Hựu thiện nam tử, thọ ấm hư diệu, bất tao tà lự. Viên định phát minh, tam-ma-địa trung, tâm ái miên vẫn, trừng kì tinh tư, tham cầu khế hợp.

Việt dịch: Lại nữa thiện nam tử kia, thụ ấm đã hư diệu, không mắc các tà lự, tính viên định phát minh. Trong tam-ma-địa, tâm ưa sự thầm hợp, lóng lặng tư tưởng, tham cầu khế hợp.

Giảng: **Lại nữa thiện nam tử kia, thụ ấm đã hư diệu, không mắc các tà lự, tính viên định phát minh.**

Lại nữa trong cảnh giới rỗng suốt vi diệu, có được sau khi thọ ấm đã tiêu dung, hành giả không còn tà lự nữa, an trú trong định sáng suốt tròn đầy. **Trong tam-ma-địa, tâm ưa sự thầm hợp,** tâm thích sự hợp nhất tinh thần.

Tâm muốn thân cận với các bậc Hiền Thánh. **Lóng lặng tư tưởng, tham cầu sự khế hợp**. Hành giả nỗ lực lắng đọng tâm tư, đạt đến sự tinh thuần. Do vì ẩn

dấu một niệm tham cầu sự khế hợp, nên hành giả đã cho ma vương một cơ hội tốt để phá anh ta.

Kinh Văn: Nhĩ thời thiên ma, hậu đắc kì tiện, phi tinh phụ nhân, khẩu thuyết kinh pháp.

Việt dịch: Lúc ấy thiên ma được cơ hội thuận tiện, dùng tinh thần nó gá vào người khác, dùng miệng người ấy giảng thuyết kinh pháp.

Giảng: **Lúc ấy thiên ma được cơ hội thuận tiện. Dùng tinh thần nó gá vào người khác, dùng miệng người ấy giảng thuyết kinh pháp.**

Thiên ma thấy được cơ hội thuận tiện, vậy nên nó phóng tinh thần nhanh chóng chiếm đoạt người ấy và dùng miệng người ấy để giảng nói kinh pháp.

Kinh Văn: Kì nhân diệc bất giác tri ma trước, diệc ngôn tự đắc, vô thượng niết-bàn. Lai bỉ cầu hợp thiện nam tử xứ, phu tòa thuyết pháp. Kì hình cập bỉ, thính pháp chi nhân, ngoại vô thiên biến, linh kì thính giả, vị văn pháp tiền, tâm tự khai ngộ. Niệm niệm di dịch, hoặc đắc túc mệnh, hoặc hữu tha tâm, hoặc kiến địa ngục, hoặc tri nhân gian, hảo ác chư sự, hoặc khẩu thuyết kệ, hoặc tự tụng kinh. Các các hoan ngu, đắc vị tằng hữu.

Việt dịch: Người ấy thật không biết bị ma gá vào, lại tự cho rằng mình đã chứng được vô thượng niết-bàn. Khi nó đến nơi người mong cầu sự hợp nhất tinh thần ấy, liền trải tòa ngồi giảng pháp. Thân hình người đó và những người ngồi nghe pháp, bên ngoài không có gì thay đổi, nhưng lại khiến cho thính giả trước khi nghe pháp có cảm giác trở nên được "khai ngộ," nên họ thấy được từng niệm từng niệm đổi đời. Hoặc họ được túc mạng thông, hoặc có tha tâm thông, hoặc thấy địa ngục, hoặc biết được những việc tốt xấu trong cõi người, hoặc nói kệ, tụng kinh. Mọi người đều vui vẻ, như được việc chưa từng có.

Giảng: **Người** bị gá **ấy thật không biết bị ma gá vào**, **lại tự cho rằng mình đã chứng được** diệu quả vô thượng niết-bàn. **Khi nó đến nơi người mong cầu sự hợp nhất tinh thần ấy, liền trải** pháp **tòa** bước lên rồi **ngồi giảng pháp**. **Thân hình người đó và những người phe pháp bề ngoài thì không có gì thay đổi.**

Thân tướng của nó cùng với những người nghe pháp không có gì biến đổi. Không có gì xảy ra phía bên ngoài thân xác của họ. Ý nghĩa đoạn này khác

với đoạn kinh trước, là người nghe pháp bỗng thấy mình ngồi trên tòa sen báu, hoặc thấy thân mình phát ra ánh sáng mầu vàng tía rực rỡ. Cũng không như khi họ thấy người giảng pháp biến hóa thành Đế thích , tỷ-khưu, tỷ-khưu ni, phụ nữ. Trường hợp này không có sự biến hóa như thế.

Nhưng thay vào đó, **lại khiến cho thính giả trước khi nghe pháp có cảm giác trở nên được "khai ngộ."** Sau cảm giác khai ngộ ấy, họ thấy như vừa trải qua một cơn say rượu hay vừa trải qua một giấc mơ mà trong đó mình được giàu có. Cảm giác khai ngộ này không phải là khai ngộ chân thực, nó chỉ là một loại huyễn cảnh. Cũng giống như khi xem phim, hoặc uống thuốc *Hallucinogenic –huyễn giác hoàn* vậy thôi. Họ thấy mọi chuyện đều ở trong cơn biến hóa huyễn ảo, nên tâm **họ thấy được từng niệm từng niệm đổi dời.**

Hoặc họ có được túc mạng thông, nhưng thật ra túc mạng thông ấy cũng không thực. Những gì nó thấy đều là huyễn ảo. **Hoặc họ có tha tâm thông, hoặc thấy được tất cả cảnh giới ở địa ngục**, **hoặc biết được những việc tốt xấu ở cõi người**, hoặc có thể tùy việc nói kệ theo lối riêng của nó, hoặc tùy hứng tụng kinh. **Mọi người đều vui vẻ,** cảm thấy **như được việc chưa từng có.**

Họ đều nói: "Ông ấy thực là một vị Bồ-tát, ông ta chính là Phật, ông ta đã làm cho tôi khai ngộ, ông ta đã khiến cho tôi có túc mạng thông." Tuy nhiên cảm giác ấy chỉ có được khi họ đang nghe ma giảng pháp. Đó là điểm then chốt cho ta biết pháp ấy chẳng chật.

Kinh Văn: Thị nhân ngu mê, hoặc vi bồ-tát, miên ái kì tâm, phá Phật luật nghi, tiềm hành tham dục.

Việt dịch: Hành giả ngu mê, lầm cho người ấy là bồ-tát . Tâm trở nên vướng mắc chuyện yêu đương, nên hủy phạm luật nghi của Phật Lén lút làm chuyện tham dục.

Giảng: **Hành giả ngu mê, lầm cho người ấy là bồ-tát**. Hành giả ấy cực kỳ mê muội, nghĩ tưởng kẻ đang bị gá vào là bồ-tát. **Tâm trở nên vướng mắc chuyện yêu đương**. Anh ta giao tình với ma, **nên hủy phạm luật nghi của Phật**, không còn tuân giữ giới luật nữa.**Lén lút làm chuyện tham dục**. Âm thầm làm chuyện dâm dục.

Kinh Văn: Khẩu trung hiếu ngôn, Phật hữu đại tiểu;mỗ Phật tiên Phật, mỗ Phật hậu Phật. Kì trung diệc hữu chân Phật giả Phật, nam Phật nữ Phật; bồ-tát diệc nhiên. Kì nhân kiến cố, tẩy địch bản tâm, dị nhập tà ngộ.

Việt dịch: Nó ưa nói có Phật lớn, Phật nhỏ; vị Phật này trước, vị Phật này sau; trong đó còn có Phật thật, Phật giả, Phật nam, Phật nữ; bồ-tát cũng như thế. Người tu hành nghe vậy liền tin, tẩy sạch bản tâm, dễ rơi vào tà ngộ.

Giảng: **Nó ưa nói có Phật lớn, Phật nhỏ**.

Ma thích nói những chuyện gì? Nó nói: "Các ông đã học Phật pháp, vậy các ông có biết Phật là gì không? Có các Phật lớn và các Phật nhỏ, Phật già, Phật trẻ." Nó còn giải thích chi tiết hơn.

Vị Phật này là trước, vị Phật này là sau, vị Phật này là thật, vị Phật kia là giả. Ma tuyên bố rằng chính nó là Phật thật, trong khi các vị khác là Phật giả. Nó còn nói có **Phật nam, Phật nữ.** Nó khăng khăng "Quan hệ giữa các vị nam và nữ tạo ra các vị Phật. Đó là nguồn gốc các vị Phật, đó là bồ-đề tâm."

Dĩ nhiên điều này gây cho người ta mê lầm. Họ nghĩ rằng: "Ồ đó là cách mà người ta thành Phật." Thế rồi họ buông thả vào cuộc sống trác táng trụy lạc. Họ thà chết còn hơn là không được sống thác loạn trong dâm dục.

Nó phân biệt **các vị bồ-tát cũng như vậy.**

Ma vẫn nói rằng: "Có bồ-tát lớn, có bồ-tát nhỏ, bồ-tát nam, Bồ-tát nữ." Thực ra, trừ phi quý vị không muốn thành Phật thì thôi, còn nếu quý vị muốn thành Phật, thì quý vị phải có thân người nam. Thân nữ không thể thành Phật được. Quý vị muốn thành bồ-tát cũng phải là thân nam, thân nữ không thể thành bồ-tát được.

Người tu hành nghe vậy liền tin, tẩy sạch bản tâm, dễ rơi vào tà ngộ.

Khi nghe ma nói những điều ấy và nghĩ: "Ông ấy nói đúng thật. Tôi luôn thấy Bồ-tát Quán Thế Âm được mô tả như một phụ nữ. Đó là bằng chứng xác định vậy." Những người ấy không thấu hiểu Phật pháp. Bồ-tát Quán Thế Âm chẳng phải nam cũng chẳng phải nữ. Ngài tùy nguyện lực của các loại chúng sanh mà ứng hiện. Ngài tùy theo từng loại căn cơ của chúng sanh mà giáo hóa họ. Rất khó phân biệt được sơ ứng hiện của Bồ-tát, trừ thần lực của ma vương. Vì ma vương cũng có thần thông, nó có thể tự hóa hiện thành. Các ông làm sao mà biết được ai là ma? Hãy quán xét họ xem có tham dục hay không?

Niềm tin ban đầu bị biến mất hẳn. Tâm tu hành chân chính ban đầu nay đã bị xóa sạch hẳn…

Dễ bị rơi vào hiểu biết tà vạy.

Kinh Văn: Thử danh mị quỷ, niên lão thành ma, não loạn thị nhân. Yểm túc tâm sanh, khứ bỉ nhân thể. Đệ tử dĩ sư, câu hãm vương nạn.

Việt dịch: Đây là loại mỵ quỷ, tuổi già thành ma, nó khuấy rối người tu hành. Khi đã nhàm chán, nó rời khỏi thân người mà nó đã gá vào. Cả thầy và trò đều sa vào lưới pháp luật.

Giảng: **Đây gọi là mỵ quỷ**. Một loại ma trong các loại ly, mỵ, võng, lượng. **Tuổi già thành ma**. **Nó khuấy phá người tu hành,** tu tập chánh định. **Khi đã nhàm chán, nó rời khỏi thân người mà nó đã gá vào. Cả thầy và trò đều sa vào lưới pháp luật.**

Khi tâm ma đã nhàm chán việc đó rồi, cuối cùng không gá thân người nữa. Cả đệ tử và thầy đều rơi vào lưới pháp luật. Họ đều bị bắt và tống giam.

Kinh Văn: Nhữ đương tiên giác, bất nhập luân hồi. Mê hoặc bất tri, đọa vô gián ngục.

Việt dịch: Các ông nên giác ngộ sớm để khỏi bị luân hồi. Nếu mê lầm không biết, sẽ rơi vào địa ngục vô gián.

Giảng: **Các ông nên giác ngộ sớm để khỏi bị luân hồi**. Các ông nên thức tỉnh ngay lúc ban sơ để khỏi rơi vào vòng sanh tử của ma vương, **nếu** thiếu trí huệ và **mê lầm không biết** những gì đang xảy ra, **sẽ rơi vào địa ngục vô gián**.

4 – THAM CẦU SỰ HIỂU BIẾT

Kinh Văn: Hựu thiện nam tử, thọ ấm hư diệu, bất tao tà lự, viên định phát minh. Tam-ma-địa trung, tâm ái căn bản, cùng lãm vật hóa, tánh chi chung thủy. Tinh sảng kì tâm, tham cầu biện tích.

Việt dịch: Lại nữa thiện nam tử kia, thụ ấm đã hư diệu, không mắc các tà lự, tính viên định phát minh. Trong tam-ma-địa, tâm ưa thích được biết

nguồn gốc của các sự vật, nên cứu xét cùng tột bản chất của sự vật cùng sự biến hóa từ gốc đến ngọn. Niệm tưởng tinh ròng bén nhạy do vì tham cầu phân tích rõ sự vật.

Giảng: **Lại nữa thiện nam tử kia, thụ ấm đã hư diệu, không mắc các tà lự, tính viên định phát minh.**

Lại nữa, trong cảnh giới rỗng suốt vi diệu sau khi thọ ấm đã tiêu dung, hành giả người tu tập chánh định không còn tà lự nữa, an trú trong định sáng suốt tròn đầy. **Trong tam-ma-địa, tâm ưa thích biết được nguồn gốc của sự vật.** Anh ta quyết định: Mình sẽ nghiên cứu nguồn gốc vật lý của vụ trụ thế giới.

Nên hành giả cứu xét cùng tột bản chất của sự vật, cùng sự chuyển hóa từ gốc đến ngọn, để tìm xem rốt ráo chúng là gì? Làm cho **niệm tưởng tinh ròng bén nhọn do vì tham cầu phân tích rõ sự vật**.

Kinh Văn: Nhĩ thời thiên ma, hậu đắc kì tiện, phi tinh phụ nhân, khẩu thuyết kinh pháp.

Việt dịch: Lúc đó thiên ma có được cơ hội thuận tiện. Phóng tinh thần nó đến gá vào người khác, dùng miệng người bị gá giảng nói kinh pháp.

Giảng: **Lúc đó thiên ma có được cơ hội thuận tiện**

Lúc đó thiên ma biết được và nói: “A ha! Ông vừa khởi dậy tâm tham, quá tuyệt! Bây giờ ta có thể đưa đệ tử ta đến cám dỗ ông.” Như thế nó có được cơ hội thuận tiện. Lần nữa ma vương gởi một trong số đồ đệ của nó và **phóng tinh thần nó ra đến gá vào người khác và dùng miệng người bị gá vào giảng nói kinh phá**p của ma vương.

Kinh Văn: Kì nhân tiên bất giác tri ma trước, diệc ngôn tự đắc, vô thượng niết bàn. Lai bỉ cầu nguyên thiện nam tử xứ, phu tòa thuyết pháp. Thân hữu oai thần, tồi phục cầu giả, linh kì tòa hạ, tuy vị văn pháp, tự nhiên tâm phục. Thị chư nhân đẳng, tương Phật niết-bàn bồ-đề pháp thân, tức thị hiện tiền, ngã nhục thân thượng. Phụ phụ tử tử, đệ đại tương sanh, tức thị pháp thân thường trụ bất tuyệt. Đô chỉ hiện tại, tức vi Phật quốc, vô biệt tịnh cư, cập kim sắc tướng.

Việt dịch: Người này không biết mình bị ma gá vào, lại còn cho mình đã được vô thượng niết-bàn. Ma liền đến gặp người mong cầu biết

cội nguồn sự vật kia, nó trải tòa ngồi thuyết pháp. Thân nó có oai thần hàng phục được người cầu pháp, khiến cho thính chúng tự nhiên kính phục dù chưa nghe pháp. Nó nói bồ-đề, niết-bàn, pháp thân của Phật đều là thân xác thịt hiện tiền. Nó nói: "Cha con cùng sinh ra nhau từ đời này đến đời khác chính là pháp thân thường trụ không mất. Tất cả đều chỉ là hiện tại, đó chính là cõi Phật, chẳng có cõi Tịnh cư riêng biệt nào, và cũng chẳng có thân tướng sắc vàng nào cả.

Giảng: **Người này không biết mình bị ma gá vào, lại còn cho mình đã được vô thượng niết-bàn**

Đây là một trường hợp ma thường hay nói: "Mọi người là Phật." Đó chỉ là một chiêu bài mà thiên ma thường dùng. Người này thật không biết bị ma gá vào. Anh ta hoàn toàn không có một ý niệm nào là anh ta bị ma vương gá vào, bởi vì anh ta đã trở nên mê muội, mất hết tri giác khi bị ma nhập. Ma nắm toàn bộ sự kiểm soát và trở thành phát thanh viên của người bị gá.

Nó tự bảo đã đạt được diệu quả vô thượng niết-bàn. Khi **ma liền đến gặp người mong cầu biết được cội nguồn sự vật kia**, mong tìm biết được toàn bộ hiểu biết các hiện tượng vật lý về vũ trụ. Nó **trải tòa ngồi thuyết pháp**. **Thân nó (ma vương) có oai thần, nên hàng phục được người cầu pháp**, người tham cầu nguồn gốc vũ trụ vạn vật. **Khiến cho thính chúng tự nhiên kính phục dù chưa nghe pháp**. Tâm họ đã bị hàng phục rồi và rất kính trọng.

Nó nói bồ-đề, niết-bàn, pháp thân của Phật đều là thân xác thịt hiện tiền của ma. Nó nói: "Bồ-đề niết-bàn là gì? Nó ở ngay đây, nơi xác thân thịt của ta."

Nó nói cha con cùng sinh ra nhau từ đời này đến đời khác chính là pháp thân thường trụ không mất.

Cha sinh ra con, con lớn lên trở thành cha rồi trở lại sinh con. Sự tương tục của những thế hệ là thường hằng, là pháp thân thường trụ bất diệt. Những gì ông thấy được bây giờ chính là cõi Phật. Nơi đây bây giờ chính là cõi Phật. **Chẳng có cõi Tịnh cư riêng biệt nào khác và cũng chẳng có thân tướng sắc vàng nào cả.**

Chẳng có cõi tịnh độ nào để cư trú, hoặc thân sắc vàng nào khác, những thứ đó đều là giả dối. Từ lời nói, biết rõ đó là đặc trưng của ma, và đặc trưng của quỷ. Tôi thường dùng từ ma khí để nói về ma. Đây là những gì gọi là ma khí, là năng lực tiềm tàng của ma do ma gá vào nó, nên mọi người đều tiếp nhận những gì ma đã giảng nói.

Kinh Văn: Kì nhân tín thọ, vong thất tiên tâm, thân mạng quy y, đắc vị tằng hữu. Thị đẳng ngu mê hoặc vi bồ-tát. Suy cứu kì tâm, phá Phật luật nghi, tiềm hành tham dục.

Việt dịch: Người ấy tin vào những điều ma nói, bỏ mất tín tâm ban đầu, đem hết thân mạng mình quy y với ma, cảm thấy được việc chưa từng có. Ngu mê tự cho mình là bồ-tát. Theo đuổi ảo tưởng như vậy, nên phá hủy luật nghi của Phật chế, lén lút làm việc tham dục.

Giảng: **Người ấy tin vào những điều ma nói, bỏ mất tín tâm ban đầu.**

Khi nghe ma nói những điều như vậy, hành giả nghĩ rằng: "Nói quá đúng, cha sinh con, con lớn lên làm cha, trở lại sinh ra con, thế hệ này tiếp nối thế hệ khác. Đó là pháp thân thường trụ bất diệt, xưa nay vốn như vậy." Hành giả hoàn toàn tin điều ấy.

Bỏ mất tín tâm ban đầu, hành giả quên mất chánh tri kiến. Hành giả tin vào ma mạnh hơn tin vào chánh pháp. Khi thiên ma và ngoại đạo bảo anh ta phải làm những gì, anh ta không dám trái lời. Khi một vị đạo sư chân chính dạy anh ta làm việc tốt lành thì anh ta hoang mang giữa nghi ngờ và tin tưởng. Ma vương quấy nhiễu anh ta bằng năng lực tiềm tàng của ma, cho nên anh ta tin vào bất kỳ những gì ma nói.

Nếu các ông yêu cầu ma vương giảng kinh này (Kinh Thủ-lăng-nghiêm), nó sẽ không giảng được. Vì sao, vì ngay khi nó nói thì căn tướng của nó liền hiển lộ. Đó là lý do tại sao tôi nói ở Mỹ quốc, nếu các ông yêu cầu người nào tự tuyên bố mình tinh thông Phật học giảng nói bộ kinh này, thì họ sẽ không giám giảng. Họ sợ bị lộ hình tướng.

Đem hết thân mạng quy y với ma, cảm thấy như được việc chưa từng có. Hành giả **ngu mê, tự cho mình là bồ-tát**. Anh ta thật là đáng thương xót, anh ta nghĩ rằng ma chính là bồ-tát, **theo đuổi ảo tưởng như vậy**, nên anh ta thọ giáo với ma và học các pháp thuật. Anh ta không còn giữ giới luật nữa, thay vì vậy, anh ta **phá hủy luật nghi Phật chế, lén lút làm chuyện dâm dục**. Nó bí mật buông thả trong dục lạc mà không ai biết.

Kinh Văn: Khẩu trung hảo ngôn nhãn nhĩ tỉ thiệt, giai vi tịnh độ. Nam nữ nhị căn, tức thị bồ-đề niết-bàn chân xứ. Bỉ vô tri giả, tín thị uế ngôn.

Việt dịch: Ma thường ưa nói: mắt, tai, mũi, lưỡi đều là tịnh độ; nam căn, nữ căn, đích thật là bồ-đề, niết-bàn. Bọn người vô tri kia đều tin lời nói dơ bẩn ấy.

Giảng: Loại ma vương này thật là tệ hại! **Ma thường ưa nói: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý đều là tịnh độ**, các ông chẳng cần phải tìm pháp môn tịnh độ. Ở nơi nào khác. Nó bảo mọi người: "Pháp môn ấy ngay nơi sáu căn của mình." Nó cũng nói **nam căn, nữ căn, đích thật là** ***bồ-đề, niết-bàn,*** là hạt giống bồ-đề, là chốn *bồ-đề, niết-bàn* chân thật. Quý vị có tưởng tượng nổi những lời ấy chăng?

Bọn người vô tri kia đều tin lời nói dơ bẩn ấy. Những người thiếu tri thức, thiếu trí huệ nghe vậy nói rằng: "Ồ! Trước đây ta chưa từng nghe hoặc thấy chuyện gì giống như vậy, *bồ-đề, niết-bàn* chỉ là như thế."

Với sự coi thường toàn bộ cuộc đời của mình, họ xem việc phóng chạy trên con đường đưa đến cõi chết là việc đáng làm nhất trên đời, vì họ đã tin vào lời nói dơ bẩn ô uế ấy.

Kinh Văn: Thử danh cổ độc, yểm thắng ác quỷ, niên lão thành ma ,não loạn thị nhân. Yểm túc tâm sanh, khứ bỉ nhân thể. Đệ tử dữ sư, câu hãm vương nạn.

Việt dịch: Đây là giống quỷ cổ độc và quỷ ác thắng, tuổi già thành ma, quấy rối người tu hành. Đến khi nhàm chán, nó rời khỏi thân người đã gá vào. Khi ấy cả thầy và trò đều sa vào lưới pháp luật.

Giảng: **Đây là giống quỷ** ***cổ độc*** **và quỷ** ***ác thắng***, còn được gọi là quỷ cưu-bàn-trà, **tuổi già thành ma**. **Nó khuấy phá người tu hành**, người tu tập chánh định. Nhưng đến **khi nhàm chán** rồi, **nó rời khỏi thân người đã gá vào,** nó không gá vào thân người nữa. Nên **đệ tử và thầy đều rơi vào lưới pháp luật**. Họ bị chính quyền can thiệp, hạn chế sinh hoạt, cả thầy và trò bị bắt giữ và tống giam vào tù.

Kinh Văn: Nhữ đương tiên giác, bất nhập luân hồi. Mê hoặc bất tri, đọa vô gián ngục

Việt dịch: Các ông nên giác ngộ sớm để khỏi bị luân hồi. Nếu mê lầm không biết, sẽ rơi vào địa ngục vô gián.

Giảng: **Các ông nên giác ngộ sớm để khỏi bị luân hồi. Nếu mê lầm không biết, sẽ rơi vào địa ngục vô gián.**

Các ông nên sớm tỉnh giác, để khỏi rơi vào luân hồi. Đừng rơi vào cám dỗ của ma vương. Nếu ông mê lầm không biết chắc chắn sẽ rơi vào địa ngục Vô gián.

5 – THAM CẦU SỰ THẦM CẢM

Kinh Văn: Hựu thiện nam tử, thọ ấm hư diệu. bất tao tà lự, niên định phát minh, tam-ma-địa trung, tâm ái huyền ứng, chu lưu tinh nghiên, tham cầu minh cảm.

Việt dịch: Lại nữa thiện nam tử kia, thụ ấm đã hư diệu, không mắc các tà lự, tính viên định phát minh. Trong tam-ma-địa, tâm ưa thích biết việc trước sau, soi xét cùng khắp, tham cầu sự thầm cảm.

Giảng: **Lại nữa thiện nam tử kia, thụ ấm đã hư diệu, không mắc các tà lự, tính viên định phát minh.**

Lại nữa, trong cảnh giới rỗng suốt vi diệu sau khi thọ ấm tiêu dung, hành giả, người tu tập chánh định không còn tà lự nữa, an trú trong chánh định sáng suốt tròn đầy.

Lúc này hành giả không còn bị tà ma ngoại đạo nhiễu hại được nữa. **Trong tam-ma-địa**, **tâm** bỗng dưng **mong cầu được biết các việc trước sau**, những việc huyền bí, xảy ra ở những nơi rất xa. Ví dụ như quý vị đang ở San Francisco và muốn biết những gì đang xảy ra ở New York. Nếu quý vị có khả năng biết được việc ấy, là quý vị đã đạt được cái gọi là “*huyền ứng* ” (biết được các việc bí ẩn từ xa).

Nên **soi xét cùng khắp, tham cầu sự thầm cảm.** Dồn hết tâm lực tinh ròng nghiên cứu, tham cầu sự thầm cảm.

Anh ta dồn hết sức nghiên cứu vào vấn đề huyền bí này, mong cầu có được sự cảm ứng huyền bí. Ví dụ ngay khi anh ta ngồi thiền ở San Francisco, anh ta có thể thấy rõ ràng những người bà con họ hàng và bạn bè đang làm việc ở New York, và nghe rõ ràng những gì họ đang nói chuyện. Sau đó anh ta khám phá ra những gì mình nghe được đểu xảy ra rất chính xác vào thời gian ấy. Đó là loại *huyền ứng* mà anh ta muốn chứng đạt được.

Kinh Văn: Nhĩ thời thiên ma, hậu đắc kì tiện, phi tinh phụ nhân, khẩu thuyết kinh pháp.

Việt dịch: Vào lúc đó thiên ma có được cơ hội thuận tiện, phóng tinh thần gá vào người khác, dùng miệng người bị gá giảng nói kinh pháp.

Giảng: **Vào lúc đó thiên ma có được cơ hội thuận tiện.** Vào lúc ấy thiên ma để ý thấy được định lực của hành giả sắp được hoàn mãn, nó trở nên ganh tức. Có được cơ hội thuận tiện nó phái con cháu đến rình chờ sơ hở. Ngay khi nó thấy cơ hội, **phóng tinh thần gá vào người khác, dùng miệng người bị gá giảng nói kinh pháp.**

Kinh Văn: Kì nhân nguyên bất giác tri ma trước, diệc ngôn tự đắc vô thượng niết-bàn. Lai bỉ cầu ứng thiện nam tử xứ, phu tòa thuyết pháp. Năng linh thính chúng, tạm kiến kì thân, như bách thiên tuế. Tâm sanh ái nhiễm, bất năng xả li. Thân vi nô bộc, tứ sự cúng dường, bất giác bì lao. Các các linh kì, tòa hạ nhân tâm, tri thị tiên sư, bổn thiện tri thức, biệt sanh pháp ái, niêm như giao tất, đắc vị tằng hữu.

Việt dịch: Người ấy vốn không biết mình bị ma nhập, còn nói mình chứng vô thượng niết-bàn. Ma liền đến nơi người mong cầu huyền ứng kia, trải tòa thuyết pháp. Trong chốc lát, khiến cho thính chúng thấy mình hiện thân thành người già trăm ngàn tuổi. Họ sinh lòng ái nhiễm, không thể rời người ấy. Họ tự thân làm như nô bộc, đem cúng dường cho ma bốn thứ mà không hề mệt mỏi. Thính chúng ở dưới pháp tòa đều tin rằng người ấy là vị thầy trong đời trước của mình, phát khởi lòng riêng yêu mến pháp sư, dính chặt như keo sơn, như được điều chưa từng có.

Giảng: **Người ấy vốn không biết mình bị ma nhập, còn nói mình chứng vô thượng niết-bàn. Ma liền đến nơi người mong cầu huyền ứng kia, trải tòa thuyết pháp.**

Hành giả, người đã bị ma gá vào, t**rong chốc lát, khiến cho thính chúng thấy mình hiện thân thành người già trăm ngàn tuổi.**

Quý vị nên biết cái cảm quan ấy là nhất thời. Khi một người trong chúng hội thấy anh ta với đầu tóc bạc phơ của một ông lão trong thân xác một đứa trẻ con, họ sẽ nghĩ rằng đó là một người tu hành lão luyện, một lão tỷ-khưu.

Họ sinh lòng ái nhiễm, không thể rời người ấy. Lòng yêu mến không trong sáng này, sự vướng mắc và nhiễm ô, khi nó đã phát khởi thành tình yêu, liền có sự vẩn đục. Với sự nhiễm ô, liền đánh mất sự thanh tịnh.

Tất cả những người đến nghe ma giảng pháp đều muốn theo nó suốt đêm ngày. Vì sao vậy? Họ đã bị mê hoặc bởi sự thu hút của riêng chúng. **Họ tự thân làm như nô bộc, đem cúng dường cho nó bốn thứ không hề mệt mỏi**.

Bốn thứ cúng dường là: 1. Thức ăn uống, 2. Y phục, 3. Giường nằm và tọa cụ, 4. Thuốc men, y dược. Họ không bao giờ cảm thấy chán ngán, mệt mỏi khi cúng dường những vật này cho ma. Có người ngạc nhiên tự hỏi sao lại làm như vậy? Người chân chính tu hành, một đệ tử đích thực của Phật, sẽ không bao giờ thân cận và cúng dường như thế này. Đó chỉ là vì thiên ma có một sức thu hút, quyến rũ riêng khiến mọi người thích thân cận bên nó.

Thính chúng ở dưới pháp tòa **tin rằng người ấy (ma) là vị thầy trong đời trước của mình.** Nó gây nên tình trạng mập mờ đến nỗi mọi người tin rằng người bị ma nhập kia là thiện tri thức đời trước của họ. Họ nghĩ rằng: "Ông ấy là thầy tôi từ kiếp trước."

Họ phát khởi lòng riêng yêu mến vị pháp sư của mình, dính chặt với vị ấy như keo sơn. Cảm thấy **như được điều chưa từng có**. Họ nghĩ rằng: Từ trước đến nay chưa từng được như vậy.

Kinh Văn: Thị nhân ngu mê, hoặc vi bồ-tát. Thân cận kì tâm phá Phật luật nghi, tiềm hành tham dục.

Việt dịch: Hành giả mê lầm, cho rằng kẻ kia là bồ-tát. Bị cuốn hút vào tâm ma, phá hủy luật nghi của Phật chế, lén lút làm chuyện dâm dục.

Giảng: **Hành giả mê lầm**, đến mức cực điểm, **cho rằng kẻ kia là** người có thể tự biến hóa được, nên ắt hẳn là một vị Phật hoặc là bồ-tát. Hồ ly tinh và các loại yêu ma quỷ quái khác đều có thể biến hóa được. Nhưng anh ta không thể suy nghĩ thấu đáo được rằng người biến hóa tài tình thì không nhất thiết người ấy là bồ-tát hoặc Phật. Ông đã từng gieo trồng những thiện căn gì không? Mà bây giờ mong gặp được chư Phật, chư Bồ-tát .

Bị cuốn hút vào tâm ma. Người ấy thân cận với người bị ma gá vào. **Phá hủy luật nghi của Phật** chế. Đây là điểm rất quan trọng. Làm thế nào để ta biết được người ấy là ma? Ta có thể nêu ra ngay là nó đã phá hủy giới luật Phật chế và **lén lút làm chuyện dâm dục.**

Kinh Văn: Khẩu trung hảo ngôn, ngã ư tiền thế, ư mỗ sanh trung, tiên độ mỗ nhân, đương thời thị ngã, thê thiếp huynh đệ, kim lai tương độ, dữ nhữ tương tùy, quy mỗ thế giới, cúng dường mỗ Phật. Hoặc ngôn biệt hữu, đại quang minh thiên, Phật ư trung trụ,nhất thiết Như Lai, sở hưu cư địa. Bỉ vô tri giả, tín thị hư cuống, di thất bản tâm.

Việt dịch: Ma thích nói rằng: "Ta vào kiếp trước đã độ người kia, lúc đó là vợ, hoặc là huynh đệ của ta, nên nay lại đến để độ nhau, ta sẽ cùng các người theo nhau đến cảnh giới kia để cúng dường Đức Phật nọ." Hoặc nó nói: "Có cõi trời Đại Quang Minh , nơi đức Phật và các đức Như Lai đang nghỉ ngơi." Những người mê muội tin vào lời phỉnh gạt ấy, đánh mất bản tâm.

Giảng: Bất kỳ lúc nào nó gặp được người, m**a thích nói rằng: "Ta vào kiếp trước đã độ người kia, lúc đó là vợ, hoặc là huynh đệ của ta, nên nay lại đến để độ nhau**

Giống như chuyện của Lưu Kim Đồng mà tôi đã kể trước đây. Cô ta thường nói với nạn nhân của cô ta rằng: Họ đã từng là con của cô ta từ đời trước và là chồng của cô ta ở một kiếp khác trong quá khứ. Nay người ấy lại nói:

"Từ kiếp trước vào đời nọ: Đôi khi vào đời thứ một trăm lẻ một hay một trăm lẻ hai nào đó.

Ta đã độ người kia, lúc đó là vợ hoặc là huynh đệ của ta. Cứ nói như thế. Nay ta đến để độ nhau, ta sẽ cùng các người theo nhau không tách rời. **Ta sẽ cùng các người theo nhau đến cõi giới kia để cúng dường Đức Phật nọ.**

Hoặc nó nói: "**Có cõi trời Đại Quang Minh , chúng ta sẽ đến đó**." Thực ra cõi trời mà nó đề cập đến là nơi ma vương đang cư ngụ. Nó nói: **Đó là nơi nơi đức Phật và các đức Như Lai đang nghỉ ngơi.** Đó là nơi Đức Phật đời này, tất cả chư Phật hiện đời mà ông đang tin kính đều là giả, và các đức Như Lai đang nghỉ ngơi trong đó. Khi chư Phật đã mệt mỏi vì việc giáo hóa chúng sanh ở thế gian, thì họ trở về cõi trời Đại Quang Minh để nghỉ ngơi."

Khi **những người mê muội tin vào lời phỉnh gạt ấy**, kết quả là họ **đánh mất bản tâm**, tín tâm ban đầu của mình.

Kinh Văn: Thử danh lệ quỷ, niên lão thành ma, não loạn thị nhân. Yếm túc tâm sanh, khứ bỉ nhân thể. Đệ tử dữ sư câu hãm vương nạn.

Việt dịch: Đây là loại lệ quỷ, tuổi già thành ma, khuấy rối người tu hành. Đến khi nhàm chán, không gá thân vào người kia nữa. Cả thầy và trò đều sa vào lưới pháp luật.

Giảng: **Đây là một loại *lệ quỷ***, sau hơn ba ngàn đến năm ngàn năm, **tuổi già hóa thành ma**. Nó **khuấy rối, *nhiễu loạn* người tu hành**, nỗ lực phá hủy định lực của người tu. Nhưng sau một thời gian, **khi nó** đã giở hết tất cả các trò chơi lừa phỉnh rồi, và các món chơi không có gì mới nữa. Nó đã **nhàm chán, không gá thân vào người kia nữa. Khi ấy cả thầy trò đều rơi vào lưới pháp luật.**

Một khi thiên ma rời khỏi xác thân người ấy. Nó không còn ma lực thu hút hấp dẫn nữa, thế nên mọi người bắt đầu nghi ngờ về nó. Cuối cùng nó bị thưa kiện và tống giam.

Kinh Văn: Nhữ đương tiên giác, bất nhập luân hồi. Mê hoặc bất tri, đọa vô gián ngục.

Việt dịch: Các ông nên rõ biết trước, để khỏi rơi vào luân hồi. Nếu mê lầm không biết, sẽ đọa vào địa ngục vô gián.

Giảng: **Các ông nên biết rõ trước** những việc này, các ông nên sớm giác ngộ đạo lý này **để khỏi rơi vào** vòng **luân hồi**, đừng rơi vào lưới cám dỗ của ma. Đừng rơi vào vòng luân hồi sinh tử của ma vương. **Nếu mê lầm không biết** đạo lý này, **sẽ đọa vào địa ngục vô gián** chắc chắn.

6 – THAM CẦU TĨNH LẶNG

Kinh Văn: Hựu thiện nam tử, thọ ấm hư diệu, bất tao tà lự, viên định phát minh. Tam-ma-địa trung, tâm ái thâm nhập, khắc kỉ tân cần, nhạo xứ âm tịch, tham cầu tĩnh mật.

Việt dịch: Lại nữa thiện nam tử kia, thụ ấm đã hư diệu, không mắc các tà lự, tính viên định phát minh. Trong tam-ma-địa, tâm thích đi vào sự tinh cần khắc khổ, thích sống nơi vắng vẻ, tham cầu yên lặng.

Giảng: **Lại nữa thiện nam tử kia, thụ ấm đã hư diệu, không mắc các tà lự,**

Lại nữa, trong cảnh giới vi diệu rỗng suốt sau khi thọ ấm tiêu dung, hành giả người tu tập chánh định không còn tà lự nữa, **tính viên định phát minh,** an trụ

trong định sáng suốt tròn đầy. **Trong tam-ma-địa, tâm** phát khởi tham muốn ưa **thích đi sâu vào công phu tinh cần khắc khổ, thích sống nơi vắng vẻ**.

Hành giả tự kiềm chế mình rất chặt chẽ và đặt hết sức lực vào công phu tu tập. Thích sống nơi có nhiều âm khí, ít ánh sáng mặt trời, anh ta ưa thích những nơi ít người, như hang động hay núi sâu hoặc thung lũng hẻo lánh, anh ta chọn một nơi để sống ẩn dật. Do vì anh ta **quá ham sự tĩnh lặng**, nên ma vương liền đến.

Trong công phu tu tập, không nên quá tham cầu. Đừng nên mong cầu việc tốt, cũng đừng tham việc chẳng lành, *Bình thường tâm thị đạo*. Chủ yếu là giữ cho tâm được bình thường, đừng có móng khởi một tâm niệm nào cả. Bất luận quý vị tham cầu việc gì, đều là chẳng phải.

Kinh Văn: Nhĩ thời thiên ma, hậu đắc kì tiện. Phi tinh phụ nhân, khẩu thuyết kinh pháp.

Việt dịch: Khi ấy thiên ma có được cơ hội, phóng tinh thần gá vào người khác, dùng miệng người đó giảng nói kinh pháp.

Giảng: Trạng thái này cũng giống như trường hợp trước. **Khi ấy thiên ma có được cơ hội**, khi thời **cơ thuận tiện đến. Liền phóng tinh thần gá vào thân người** khác, và **dùng miệng người ấy giảng nói kinh pháp**. Ma sai khiến đồ đệ của nó gá vào một người khác, rồi khiến người đó đến nơi hành giả đang móng tâm tham cầu để giảng nói kinh pháp.

Kinh Văn: Kì nhân bổn bất giác tri ma trước, diệc ngôn tự đắc vô thượng niết-bàn. Lai bỉ cầu âm thiện nam tử xứ, phu tòa thuyết pháp. Linh kì thính nhân, các tri bản nghiệp. Hoặc ư kì xứ, ngữ nhất nhân ngôn. Nhữ kim vị tử, dĩ tác súc sanh. Sắc sử nhất nhân, ư hậu đạp vĩ, đốn linh kì nhân, khởi bất năng đắc. Ư thị nhất chúng, khuynh tâm khâm phục. Hữu nhân khởi tâm, dĩ tri kì triệu. Phật luật nghi ngoại, trùng gia tinh khổ. Phỉ báng tỷ-khưu, mạ lị đồ chúng, kiết lộ nhân sự, bất tị cơ hiềm. Khẩu trung hảo ngôn, vị nhiên họa phúc, cập chí kì thời, hào bị vô thất.

Việt dịch: Người này vốn không biết mình bị ma gá vào, còn tự tuyên bố mình đã chứng vô thượng niết-bàn. Nó đến bên hành giả tham cầu tịch tịnh, trải tòa ngồi thuyết pháp. Nó khiến mọi người nghe đều biết rõ nghiệp đời trước của mình. Hoặc nó bảo với một người ở đó rằng “Ông nay chưa chết mà đã làm súc sanh.” Rồi bảo người ở phía sau đạp

lên đuôi người phía trước, bỗng nhiên người kia không đứng dậy được. Lúc bấy giờ cả hội chúng đều hết lòng kính phục. Nếu có người móng khởi tâm niệm nghi ngờ, ma liền biết ý. Ngoài luật nghi của Phật, nó tinh chuyên khổ hạnh, phỉ báng tỷ-khưu, mắng chửi đồ chúng, rao lỗi người khác, không ngại chê bai tị hiềm. Miệng ưa nói họa phước chưa đến, khi việc xảy ra, quả nhiên chẳng sai mảy may.

Giảng: **Người này vốn không biết mình bị ma gá vào.** Anh ta tự tuyên bố như ma vương nói, là **mình đã chứng vô thượng niết-bàn.**

Lấy cái gì làm bằng chứng để xét đoán người nào là ma vương? Ở điểm hầu như phần nhiều là ma rất thích tự khen ngợi mình.

Nó nói "Các ông có biết chăng? Ta vừa chứng được niết-bàn.." Hay có thể nó nói: "Ta vừa chứng được quả vị đầu tiên của hàng A-la-hán ." Hay là: "Ta đã được quả vị thứ tư của hàng A-la-hán rồi." Hoặc ta nay đã thành một vị bồ-tát, các ông có nhận ra không?"

Ngay khi một người nào tự tuyên bố như vậy, các ông không cần phải hỏi cũng đã biết người ấy là ma rồi. Đức Phật không bao giờ nói:

"Ta là Phật, hãy nhanh chóng đến đảnh lễ ta. Nếu các ông không lạy ta, là các ông đã bỏ lỡ một dịp may, vì ta đã là Phật, nên các ông thật đần độn khi không lạy ta."

Bất kỳ kẻ nào tự tuyên bố mình là Phật, là Bồ-tát, là A-la-hán , thì người ấy là ma chứ chẳng phải là gì khác. Quý vị có thể nhận biết ngay, chẳng cần phải hỏi han gì cả. Đó là lời của ma. Một Đức Phật không bao giờ tự cho mình là Phật. Một vị bồ-tát hiện thân nơi thế gian không bao giờ tự xưng mình là bồ-tát. Ngay cả khi có người nào tôn xưng họ là bồ-tát, họ cũng không thừa nhận điều ấy.

Ngay cả khi nếu người ấy là Phật và có người bảo: "Tôi biết ngài là Phật." Họ cũng không công nhận điều ấy. Người đã thật sự giác ngộ không bao giờ thừa nhận với người khác việc mình đã giác ngộ. Nếu có người nói "Tôi là người giác ngộ" thì đừng có bận tâm với người ấy, người ấy không xứng đáng so sánh ngay cả một con vật. Đừng có nghe lời khoác lác và tự đề cao mình như thế.

Nghe giảng kinh là để tự trang bị cho mình một cái kính chiếu yêu. Nên một khi yêu, ma, quỷ quái hiện hình, các ông liền biết rõ ngay về nó. Còn nếu các ông không hiểu rõ Phật pháp, thì sẽ không biết được những gì nó nói, nên liền bị nó đánh lừa.

Nó đến bên hành giả tham cầu tịch tịnh, trải tòa ngồi thuyết pháp.

Khi anh ta (người đã bị ma gá) đến bên hành giả tham cầu tịch tĩnh, nó trải tòa thuyết pháp. (24), (25). **Nó khiến cho mọi người nghe đều biết rõ nghiệp đời trước của mình.**

Mọi người đều có cảm giác biết rõ được mình như trong giấc mơ, mình là gì, là ai trong đời trước. Có người nói: "Trong một kiếp xa xưa, tôi là con chó giữ nhà." Có người nói: "Tôi là con mèo." Có người khác nói: "Tôi là một con gà." Người khác nữa lại nói: "Đời trước tôi là một con bò." Chẳng có ai là người cả.

Hoặc nó (ma vương) **bảo với một người ở đó rằng**: "**Ông nay tuy chưa chết, mà đã làm súc sanh**." Nó muốn nói điều gì? Điều ấy là: "Ông đã là chó trong kiếp trước, nay dù ông chưa chết ông cũng hóa thành chó lại rồi. Ông không tin tôi sao?" **Rồi bảo một người khác ở phía sau đạp lên *đuôi* người phía trước**. Nó bảo với mọi người: "Ông ấy không tin những gì tôi nói. Hãy ra sau lưng nó và dẫm lên cái đuôi của nó xem thử nó đứng dậy được không?"

Rồi nó đạp mạnh chân lên mặt đất và nói nó đang đạp lên đuôi của người phía trước. **Bỗng nhiên người kia không đứng dậy được**. Chắc hẳn các ông sẽ cho rằng người ấy có thần thông thật rồi. Sau khi ma nói người kia có *đuôi*, rồi bảo người khác dẫm lên, người kia không đứng dậy được. Người ấy không còn cách nào khác hơn là phải tin vào nó. "Ông ta bảo tôi là súc vật, bây giờ thật sự tôi đã có một cái đuôi, nếu không tại sao có người dẫm lên sau đuôi thì tôi không thể nào đứng dậy được."

Lúc bấy giờ, cả chúng hội đều hết lòng kính phục.

"Thật là thần diệu!" Họ nói: "Ông ta biết trước người ấy sẽ hóa thành súc vật ngay khi còn sống. Ông ta chắc phải là một vị Phật hay bồ-tát sống." Thật ra họ đã bị ma lừa bịp mà không nhận ra điều ấy. Họ gặp quỷ hay ma vương mà nhận lầm là bồ-tát. Đó thật là các điên đảo của chúng sanh.

Nếu có người móng khởi tâm niệm nghi ngờ, ma liền biết ý.

Trong chúng hội nếu có người hoài nghi, nghĩ rằng: "Sao lại như thế được? Thật là không hợp lý." Ngay khi móng khởi tâm niệm nghi ngờ, ma liền biết và trả lời: "Thế là các ông không tin ta hay sao?" Những người này nhìn lại nó một lát rồi nói: "Ồ! Ông ta thật sự là một vị bồ-tát. Tôi không nói ra những gì tôi nghĩ trong tâm vậy mà ông ta biết rất rõ, ông ta đã bóc trần ra mọi nghi ngờ của tôi. Thật là kỳ lạ." Từ đó anh ta không dám tỏ ra bất tín nữa.

Ngoài luật nghi của Phật, nó tinh chuyên khổ hạnh,

Nó nói: “Luật nghi của Phật chưa đủ đối với tôi, tôi sẽ lập nên một giới luật mới cho các ông. Tôi muốn các ông trở thành những vị Phật mới, và ta sẽ sáng lập ra một đạo Phật mới. Đạo Phật hiện nay đã quá lỗi thời và không còn thích hợp nữa. Bây giờ là kỷ nguyên của khoa học, kỷ nguyên hạt nhân, mọi việc đều phải được hiện đại hóa và phải được cải thiện. Lối suy nghĩ xưa kia không còn ích lợi nữa. Phật giáo cổ xưa ấy không còn ứng dụng gì được nữa.”

Đó là cách nó biến đổi đạo Phật. Nó nói rằng mọi người đều có thể biến thành các bậc tôn túc hoặc là các vị tỷ-khưu, hay thành bất kỳ ai mà họ muốn.

Nó **phỉ báng tỷ-khưu**.

Nó nói rằng: Tỷ-khưu à! Tỷ-khưu là gì? Nó đùa bỡn danh xưng ấy. Nó nói: “Ông gọi người ấy là tỷ-khưu hả? Tôi gọi đó là con*cá trạnh* – tiếng Trung Hoa, chữ tỷ-khưu và *nê thu* 泥 鰍 (cá trạnh) có âm cuối đọc giống nhau.

Nó **mắng chửi đồ chúng, rao lỗi người khác,**

Nó mạ lỵ mắng nhiếc đồ chúng của nó bất kỳ lúc nào nó thích. Nó mắng họ rằng: “Các ông là chó, là mèo, các ông là heo, là thỏ…” Đồ chúng nghe nó mắng nhiếc, chấp nhận những lời sỉ vả ấy vì nghĩ rằng đó là bồ-tát. “Ông ấy bảo ta là heo, vậy thì ta là heo cũng được, ông ta bảo mình là chó, thì ta là chó cũng vậy.” Họ không dám cãi lại. Ma vương có một năng lực dữ dội làm mê hoặc mọi người, khiến mọi người đều tin vào những gì nó nói.

Nó rao lỗi người khác. Thí dụ một người nam và một người nữ có làm điều gì thiếu lịch sự chút ít, nó liền nói với người phụ nữ: “Cô đã làm việc ấy với người đàn ông ấy ở chỗ ấy.” Người phụ nữ liền tự nghĩ: “Làm sao ông ta lại biết được.” Hoặc là nó rao lỗi trước công chúng: “Ở đây có hai kẻ bất hảo, họ đã làm những việc thiếu đoan chính, những việc nói ra thật bất tiện, tại nơi đó nơi kia vậy. Hãy hỏi cô ta về việc ấy, cô ta sẽ không dám chối đâu!” Nó muốn đưa ra điều mà thực sự họ đã làm, nên họ không dám chối. Nó làm thế để chứng tỏ cho mọi người biết rằng: Nó có thần thông, nó biết cả mọi việc sắp sửa xảy ra. Nó phơi bày lỗi lầm riêng tư của người khác mà **chẳng ngại cách chê bai hay tỵ hiềm**. Nó tiết lộ từng bí mật của cá nhân mà không sợ bị họ khinh bỉ.

Miệng ưa nói họa phước chưa đến, khi việc xảy ra, quả nhiên chẳng sai mảy may.

Nó ưa tiên đoán việc họa phước. Nó thích nói những chuyện như: “Ông nên thận trọng, ngày mai là một ngày xấu cho ông, có người muốn đầu độc ông, ông phải xem kỹ thức ăn, nếu không sẽ bị chết vì thuốc độc.”

Nó ưa nói trước cả việc tốt và việc xấu. Khi việc ấy xảy ra, quả nhiên chẳng sai mảy may. Khi sự việc xảy ra, tỏ bày chính xác những gì nó đã tiên đoán. Đó là lý do vì sao mà mọi người đều tin vào nó. Loại ma vương như thế khiến người ta dễ tin hơn cả một vị bồ-tát.

Kinh Văn: Thử đại lực quỷ, niên lão thành ma, não loạn thị nhân. Yếm túc tâm sanh, khứ bỉ nhân thể. Đệ tử dữ sư, đa hãm vương nạn. Nhữ đương tiên giác, bất nhập luân hồi. Mê hoặc bất tri, đọa vô gián ngục.

Việt dịch: Đây là loại đại lực quỷ, loài ma sống lâu mà thành, quấy rối người tu hành. Khi nó đã nhàm chán, liền rời khỏi thân người nó đã gá vào. Khi ấy cả thầy và trò đều sa vào lưới pháp luật. Các ông nên rõ biết trước những việc này, để khỏi rơi vào vòng luân hồi. Nếu mê lầm không biết, sẽ đọa vào địa ngục vô gián.

Giảng: **Đây là loại *đại lực quỷ***, là **loài ma sống lâu mà thành**. Ma hóa thành quỷ khi về già. Cũng giống như những người không tu tập, gieo trồng nhân đức thì đến tuổi già sẽ trở thành tinh quái. Như tôi thường hay nói với quý vị. Người Trung Hoa có câu: “Già mà không chết thì thành giặc –*Lão nhi bất tử thị vi tặc...*”

Khi người sống lâu và trải qua nhiều kinh nghiệm, họ thường làm nhiều chuyện kỳ quái. Cũng thế làm ma lâu năm thì thành quỷ.

Nó khuấy rối người tu hành. Nó ghen tức với công phu tu tập của người tu hành, ma thích phá hủy định lực của người tu.

Khi nó đã nhàm chán, liền rời khỏi thân người mà nó đã gá vào. Khi ấy cả thầy và trò đều sa vào lưới pháp luật. Điều đó cũng tương tự như đọa vào địa ngục. Nên có lời nói:

Mông đổng truyền mông đổng
Nhất truyền lưỡng bất đổng
Sư phụ hạ địa ngục
Đồ đệ vãng lý củng.

Tạm dịch:
Kẻ ngu dạy người ngu
Học rồi càng mờ mịt
Thầy rơi vào địa ngục
Trò nối gót theo sau.

Lời ấy cũng giống như đạo lý trong kinh, do không gặp được bậc minh sư, đệ tử cũng thuộc hạng độn căn, nên khi thấy thầy vào địa ngục thì mình cũng theo thầy vào đó luôn. Thầy thấy thế quay lại hỏi: “Ông đến đây làm gì?”

Đệ tử trả lời: “Con thấy thầy vào đây, dĩ nhiên là con phải theo thầy.”

Thầy bảo: “Ồ! Không nên. Đây không phải là nơi an ổn. Đáng lẽ ra ông không nên đến đây!

Đệ tử đáp lại:

– Nhưng thầy đã vào trước rồi! Làm sao con lại không theo thầy. Con đã thọ giáo với thầy, Thầy đi đâu con theo đó.

Thầy nghĩ: “A! Chính ta là người bị đọa vào địa ngục, mang theo luôn cả đệ tử của ta vào đây. Ta thực là có lỗi với ông. Rất tiếc!”

Các ông nên rõ biết trước những việc này, để khỏi rơi vào vòng luân hồi. Nếu mê lầm không biết, sẽ đọa vào địa ngục vô gián.

7 – THAM CẦU HIỂU BIẾT TÚC MẠNG

Kinh Văn: Hựu thiện nam tử, thọ ấm hư diệu, bất tao tà lự, viên định phát minh. Tam-ma-địa trung, tâm ái tri kiến, cần khổ nghiên tầm, tham cầu túc mạng.

Việt dịch: Lại nữa thiện nam tử kia, thụ ấm đã hư diệu, không mắc các tà lự, tính viên định phát minh. Trong tam-ma-địa, tâm thích được thêm nhiều hiểu biết, siêng năng khổ nhọc truy tìm, mong biết được đời sống trong kiếp trước.

Giảng: **Lại nữa thiện nam tử kia, thụ ấm đã hư diệu, không mắc các tà lự, tính viên định phát minh.** Trong cảnh giới vi diệu rỗng suốt, sau khi thọ ấm tiêu dung, hành giả không còn tà lự nữa. An trụ trong định sáng suốt tròn đầy. **Trong tam-ma-địa, tâm ưa thích được thêm nhiều sự hiểu biết**.

Trong định, hành giả ham muốn hiểu biết thêm nhiều vấn đề, mong có được sự thông hiểu về đời sống trong những kiếp trước. Anh ta dùng hết nỗ lực để công phu, không sợ khó nhọc.

Nên siêng năng khổ nhọc truy tìm, mong biết được đời sống trong kiếp trước.

Kinh Văn: Nhĩ thời thiên ma, hậu đắc cầu tiện, phi tinh phụ nhân, khẩu thuyết kinh pháp. Kì nhân thù bất giác tri ma trước, diệc ngôn tự đắc vô thượng niết-bàn. Lai bỉ cầu tri thiện nam tử xứ, phu tòa thuyết pháp.

Việt dịch: Khi ấy thiên ma có được cơ hội thuận tiện, liền phóng tinh thần gá vào thân người ấy và dùng miệng người đó giảng nói kinh pháp. Người này không biết mình bị ma gá vào, còn tự tuyên bố mình đã chứng được vô thượng niết-bàn. Nó đến bên hành giả tham cầu hiểu biết, trải tòa ngồi thuyết pháp.

Giảng: **Khi ấy thiên ma có được cơ hội thuận tiện, liền phóng tinh thần gá vào thân người khác và dùng miệng người đó giảng nói kinh pháp**. **Người này không biết mình bị ma gá vào**. Hoàn toàn không biết rằng thân xác mình đã bị ma chiếm đoạt sai khiến.

Tự tuyên bố mình đã chứng được vô thượng niết-bàn. Nó đến bên hành giả tham cầu hiểu biết, trải tòa ngồi thuyết pháp.

Kinh Văn: Thị nhân vô đoan, ư thuyết pháp xứ, đắc đại bảo châu. Kì ma hoặc thời, hóa vi súc sanh, khẩu hàm kì châu, cập tạp trân bảo, giản sách phù độc, chư kì dị vật. Tiên thụ bỉ nhân, trước kỳ thể. Hoặc dụ thính nhân, tàng ư địa hạ. hữu minh nguyệt châu, chiếu diệu kỳ xứ. Thị chư thính giả, đắc vị tằng hữu. Đa thực dược thảo, bất xan gia thiện. Hoặc thời nhật xan, nhất ma nhất mạch, kỳ hình phì sung, quỷ lực trì cố. Phỉ báng tỳ-khưu, mạ lị đồ chúng, bất tị kị hiềm.

Việt dịch: Trong pháp hội, người ấy bỗng dưng như được viên ngọc to lớn. Có khi ma hóa thành súc vật, miệng ngậm châu báu, thẻ tre bùa chú và những vật quái dị khác. Trước trên, đến trao cho người ấy rồi sau rồi mới gá vào thân họ. Hoặc là ma mê hoặc người đến nghe pháp, bằng cách chôn một vật xuống đất rồi nói rằng: Có một hạt "minh châu" đang tỏa sáng ở nơi đó. Nên các người nghe đều cảm thấy mình được việc chưa từng có. Ma thường chỉ ăn các loại dược thảo chứ không dùng thực phẩm có sẵn. Hoặc nó chỉ dùng ngày một hạt mè, một hạt lúa mạch mà vẫn thấy khỏe mạnh, là nhờ sự duy trì của ma lực. Nó phỉ báng các tỷ-khưu, mắng chửi đồ chúng, không ngại dùng cả lời chê bai tị hiềm.

Giảng: **Trong pháp hội, người ấy bỗng dưng như được viên ngọc to lớn,** đó có thể là kim cương hay là viên ngọc như ý.

Có khi ma hóa thành súc vật, miệng ngậm châu báu, thẻ tre bùa chú và những vật quái dị khác, nói rằng các vị bồ-tát có thể biến hóa thân mình thành mọi thứ. Miệng con vật mà ma đã hóa thân thành ngậm châu báu, thẻ tre bùa chú.

Thẻ tre (giản sách) là những vật để dùng cho việc ghi chép vào thời cổ đại. Chữ được viết trên một mặt, rồi người ta tách đôi thẻ tre ra, nên chữ hiện rõ ở trên bề mặt của mỗi thẻ tre. Khi cần dùng các thẻ tre này đã làm chứng từ, người ta đem ghép hai thẻ lại với nhau Nếu trùng hợp thì thẻ tre ấy được xem như một chứng từ, nếu hai phần của thẻ tre đã được ghi chữ không trùng hợp, có nghĩa là không đáng tin.

Phù độc tức bùa chú, là thứ dùng để hàng phục, bắt giữ yêu ma quỷ quái và con vật mà ma hóa thân có thể mang những vật quái dị khác. Những thứ này đều kỳ dị, hiếm có và rất giá trị.

Trước trên, đến trao cho người ấy rồi sau rồi mới gá vào thân họ.

Hoặc là ma mê hoặc người đến nghe pháp, bằng cách chôn một vật xuống đất rồi nói rằng: Có một hạt "minh châu" đang tỏa sáng ở nơi đó.

Nó chôn hạt châu xuống đất rồi lừa bịp người đến nghe pháp. Nói rằng: "Ở dưới này có một viên minh châu, ánh sáng nó giống như mặt trăng phát ra ánh sáng nơi đây."

Nên các người nghe đều cảm thấy mình được việc chưa từng có.

Họ thán phục: "Ồ! Người này đúng là chân thực. Ông ta không thể nào là ma được!"

Đích thị kẻ ấy là ma, mà họ cứ khăng khăng cho là không phải. Thương thay cho những người đến nghe nó giảng pháp.

Ma thường chỉ ăn các loại dược thảo chứ không dùng thực phẩm có sẵn.

Nó thường chỉ ăn các loại dược thảo, không dùng những thực phẩm thông thường. Nó không dùng những thức ăn ngon. Nó dùng nhân sâm và một số thuốc bổ.

Khi tôi ở Hồng Kông, có gặp một người nói rằng không bao giờ dùng những thức ăn thông thường. Anh ta làm xác đồng trung gian (*medium*) cho những người cầu sống lâu, cầu con trai, cầu tài lộc và những thức khác. Bất kỳ lúc nào anh ta ở nhà người khác, anh đều thông báo là không ăn những thực phẩm thông thường. Thế anh ta ăn gì? Anh ta ăn trái óc chó (*walnut* – trái hạnh đào). Trong quả óc chó có nhân, chứa rất nhiều chất dầu, rất bổ cho não,

chỉ cần ăn chút ít cũng đủ cho cơ thể hoạt động rồi. Nếu thường ăn một bát cơm, thì chỉ ăn nửa bát quả óc chó là đủ rồi. Hoặc là nó cũng ăn nhân hạt thông. Nói tóm lại nó toàn ăn những thứ bổ dưỡng nhất.

Hoặc nó chỉ dùng ngày một hạt mè, một hạt lúa mạch mà vẫn thấy khỏe mạnh. Còn mập hơn heo nữa. **Đó là nhờ sự duy trì của ma lực.** (27)

Nó phỉ báng các tỷ-khưu và mắng chửi đồ chúng, không ngại dùng lời chê bai và tị hiềm.

Nó chuyên mạ lỵ những Hòa thượng, những người xuất gia. "Người xuất gia ư? Họ xuất gia để làm gì? Họ chẳng tu hành gì cả, người xuất gia không tham tiền hay sao? Với họ thì càng nhiều càng tốt!"

Hoặc nó nói: "Tại sao các ông lại tin vào các ông ấy? Họ cũng chỉ là người, rốt cục các ông thật là đồ khùng."

Khi có người tin vào các vị tỷ-khưu, nó gọi họ là "đồ khùng" nó mắng chửi đồ chúng của nó là súc vật. Và những thứ đại loại tệ hại như thế, nó hoàn toàn không ngại dùng những lời vu cáo.

Kinh Văn: Khẩu trung hảo ngôn, tha phương bảo tạng, thập phương thánh hiền, tiềm nặc chi xứ. Tùy kỳ hậu giả, vãng vãng kiến hữu, kì dị chi nhân.

Việt dịch: Nó ưa nói về kho báu ở nơi xa lạ, hoặc nơi ẩn cư của các bậc Thánh hiền. Những người đi theo nó thường thấy những nhân vật kỳ lạ.

Giảng: **Nó ưa nói về kho báu ở nơi xứ lạ**. Nó thích nói về những chuyện gì? Nó nói: "Ở nơi đó, nơi kia có vàng, bạc và những loại châu báu, ông có muốn lấy không?" Nó tung lời đồn đãi như vậy để mê hoặc mọi người, hoặc **nó thích nói nơi ẩn cư của mười phương các vị Thánh hiền**. Nó nói với mọi người: "Có chư Phật và Bồ-tát đang tu hành ở nơi ấy mà ông hoàn toàn không biết được."

Những người đi theo nó thường thấy những nhân vật kỳ lạ, nó có thể làm phát ra ánh sáng hoặc hiển bày những đặc điểm rất kỳ lạ.

Kinh Văn: Thử danh sơn lâm, thổ địa thành hoàng, xuyên nhạc quỷ thần, niên lão thành ma. Hoặc hữu tuyên dâm, phá Phật giới luật, dữ thừa sự giả, tiềm hành ngũ dục; hoặc hữu tinh tiến, thuần thực thảo mộc, vô định

hành sự, não loạn bỉ nhân. Yếm túc tâm sanh, khứ bỉ nhân thể. Đệ tử dữ sư, đa hãm vương nạn.

Việt dịch: Đây gọi là một loại ma, hoặc thần núi rừng, thổ địa, thành hoàng, sông núi, tuổi già thành quỷ. Người bị ma gá vào, tán thành việc dâm dục, phá hủy giới luật Phật chế. Nó lén lút hành dâm với đệ tử, hoặc nó lại tinh tấn ăn toàn thảo mộc, hành xử thất thường, quấy rối người tu hành. Đến khi chán rồi, không gá vào người nữa. Cả đệ tử và thầy đều rơi vào lưới pháp luật.

Giảng: Đây là loại sinh vật gì? **Đây là một loại ma, hoặc thần núi rừng, thổ địa, thành hoàng sông núi, tuổi già** sau một thời gian dài **thành quỷ**. **Người bị ma gá tán thành việc dâm dục, phá hủy giới luật Phật chế**. Niệm tưởng dâm dục khiến nó phá hủy giới luật. Nó **lén lút hành dâm với đệ tử**, những người cùng thích năm thứ dục lạc: tài, sắc, danh, thực, thùy.

Hoặc nó lại tinh tấn ăn toàn thảo mộc, hành xử thất thường. Nó không ngồi thiền hay công phu tu tập gì cả, nó chỉ theo lối tu khổ hạnh vô ích thôi.

Khuấy rối người tu hành, khiến cho họ không thể tu đạo được nữa.

Nhưng sau một thời gian **khi chán rồi, nó không gá vào người nữa, cả thầy và trò điều rơi vào lưới pháp luật.**

Kinh Văn: Nhữ đương tiên giác, bất nhập luân hồi. Mê hoặc bất tri, đọa vô gián ngục.

Việt dịch: Các ông nên biết rõ trước việc này, để khỏi rơi vào vòng luân hồi. Nếu các ông mê lầm không biết, sẽ đọa vào địa ngục vô gián.

Giảng: **Các ông nên biết rõ việc này, để khỏi rơi vào luân hồi.**

Tỉnh giác sớm trước tình trạng này để khỏi rơi vào bẩy của ma. Đừng rơi vào lưới luân hồi sinh tử của ma giăng ra.

Nếu các ông mê lầm không biết, sẽ đọa vào địa ngục vô gián.

8 – THAM CẦU CÓ THẦN LỰC

Kinh Văn: Hựu thiện nam tử, thọ ấm hư diệu, bất tao tà lự, viên định phát minh. Tam-ma-địa trung, tâm ái thần thông, chủng chủng biến hóa. Nghiên cứu hóa nguyên, tham thủ thần lực.

Việt dịch: Lại nữa thiện nam tử kia, thụ ấm đã hư diệu, không mắc các tà lự, tính viên định phát minh. Trong tam-ma-địa, tâm thích thần thông và các loại biến hóa, nên nghiên cứu căn nguyên các phép ấy, tham cầu có thần lực.

Giảng: **Lại nữa thiện nam tử kia, thụ ấm đã hư diệu,** trong cảnh giới vi diệu, rỗng suốt sau khi thọ ấm tiêu dung, **không mắc các tà lự, tính viên định phát minh. Trong tam-ma-địa, tâm thích thần thông.** Anh ta có một vọng tưởng khác. Nhất định muốn có được thần thông **và các** khả năng biến hóa, để có thể thi thố mười tám **loại biến hóa** trong không trung. Anh ta muốn trên thân bắn ra nước, dưới thân phóng ra lửa dưới thân phóng ra nước, trên thân phóng ra lửa. Anh ta nóng lòng được như các vị a-la-hán để có thể thi triển mười tám món thần thông này lơ lửng trên không.

Nên nghiên cứu căn nguyên các phép ấy, nghiên cứu nguồn gốc căn bản của các phép biến hóa, **tham cầu có thần lực.**

Kinh Văn: Nhĩ thời thiên ma, hậu đắc kì tiện, phi tinh phụ nhân, khẩu thuyết kinh pháp.

Việt dịch: Lúc ấy thiên ma có được cơ hội thuận tiện, phóng tinh thần đến gá vào người khác, dùng miệng người ấy giảng nói kinh pháp.

Giảng: **Lúc ấy thiên ma được cơ hội thuận tiện, phóng tinh thần đến gá vào người khác, dùng miệng người ấy giảng nói kinh pháp.**

Thiên ma đã từ lâu chờ cơ hội thuận tiện, liền phóng tinh thần của nó gá vào người khác, rồi sai sử người ấy giảng Kinh pháp.

Kinh Văn: Kì nhân thành bất giác tri ma trước. Diệc ngôn tự đắc vô thượng niết-bàn. Lai bỉ cầu thông thiện nam tử xứ, phu tòa thuyết pháp. Thị nhân hoặc phục, thủ chấp hỏa quang, thủ toát kì quang, phân ư sở thính, tứ chúng đầu thượng, thị chư thính nhân,đỉnh thượng hỏa quang, giai trưởng sổ xích, diệc vô nhiệt tánh, tằng bất phần thiêu. Hoặc thượng thủy hành, như lí bình địa, hoặc ư không trung, an tọa bất động, hoặc nhập bình nội, hoặc xử nang trung, việt dũ thấu viên, tằng vô chướng ngại. Duy ư đao binh, bất đắc tự tại. Tự ngôn thị Phật, thân trước bạch y, thọ tỉ khưu lễ, phỉ báng thiền luật, mạ lị đồ chúng, yết lộ nhân sự, bất tị cơ hiềm.

Việt dịch: Người ấy không biết bị ma gá vào, còn tự bảo mình đã được vô thượng niết-bàn. Nó đến nơi người tham cầu thần thông, trải tòa ngồi thuyết pháp. Người đó hoặc nắm lửa trên tay, gom lửa lại rồi trải ra trên đầu tứ chúng đang nghe pháp, lửa trên đầu họ tỏa cao vài thước, mà họ không thấy nóng hoặc bị đốt cháy. Hoặc nó có thể đi trên nước như đi trên mặt đất, hoặc có thể ngồi bất động trên không, hoặc có thể đi vào trong bình hay trong túi xách, hoặc vượt qua cửa sổ, đi qua tường vách mà không ngăn ngại. Duy chỉ đối với binh đao thì không được tự tại. Nó tự tuyên bố đã thành Phật, nhưng mặc y phục cư sĩ, để cho tỉ-khưu lễ lạy. Nó hủy báng thiền định và giới luật, mạ lỵ đệ tử và rao bày lỗi người khác, không ngại cả cách chê bai và hiềm tỵ.

Giảng: **Người ấy không biết bị ma gá vào, còn tự bảo mình đã chứng được quả vị vi diệu vô thượng niết-bàn. Nó đến nơi hành giả tham cầu thần thông, trải tòa ngồi thuyết pháp.**

Người đó hoặc nắm được lửa trên tay, nắm lửa trong một bàn tay, **gom lửa với tay kia lại rồi rải lửa ra trên đầu của tứ chúng đang nghe pháp**. Nó bỏ lửa trên đầu từng người một trong thính chúng đến nghe pháp. **Lửa trên đầu họ tỏa cao vài thước**. Khi bỏ lửa lên đầu, thì còn nhỏ rồi lửa cao dần dần cho đến vài *feet*. **Mà họ không thấy nóng hoặc bị đốt cháy**, dù họ không dùng bất kỳ vật gì cách ly với lửa.

Hoặc nó (người bị ma gá) có thể đi trên nước như đi trên mặt đất, hoặc có thể ngồi bất động trên không. Chẳng có gì giữ cho anh ta lơ lửng trong không nhưng anh ta có thể ngồi yên trên đó…

Hoặc có thể đi vào trong bình hay trong túi xách, hoặc vượt qua cửa sổ, đi qua tường vách mà không ngại. Cửa sổ cửa lớn dù bị đóng, nhưng nó có thể đi qua một cách dễ dàng mà không cần mở mà chẳng vướng chút chướng ngại nào.

Duy chỉ đối với binh đao (vũ khí) thì không được tự tại. Nó sợ bị đâm bằng dao hoặc thương kiếm. Đó là vì nó vẫn còn thân vật chất đang ngăn ngại. Cho dù đã có năm thứ thần thông, nó vẫn sợ bị thương tích do các loại binh đao gây nên.

Nó tự tuyên bố là đã thành Phật, **nhưng mặc y phục của hàng cư sĩ** chứ không mặc y phục của hàng xuất gia.

Để cho các tỉ-khưu lễ lạy. Mặc y phục cư sĩ nhưng lại nhận sự lễ lạy của các vị tỷ-khưu. **Nó hủy báng thiền định và giới luật**xem đây là loại vô ích và không hợp lý.

Nó mạ lỵ đệ tử và rao bày lỗi của người khác. Nó phơi trần lỗi lầm riêng tư của người khác. **Không ngại cả cách chê bai và hiềm tỵ**.

Kinh Văn: Khẩu trung thường thuyết, thần thông tự tại, hoặc phục linh nhân, bàng kiến Phật độ. Quỷ lực cảm nhân, phi hữu chân thực. Tán thán hành dâm, bất hủy thô hạnh. Tương chư ổi tá, dĩ vi truyền pháp.

Việt dịch: Nó thường nói đến thần thông và tự tại, hoặc khiến cho người khác thấy được cõi Phật. Cõi ấy không thật, chỉ hiện ra do ma lực để huyễn hoặc người ta. Nó tán thán tham dục, không từ bỏ những việc thô tục. Làm những hạnh bất tịnh,   cho đó là truyền pháp.

Giảng: **Nó thường nói đến các loại** khác nhau **của thần thông và tự tại, hoặc khiến cho người khác thấy được cõi Phật trong suốt khắp cả mười phương. Cõi ấy không thật chỉ hiện ra do ma lực để huyễn hoặc người ta**. Thực ra chính nó không có được năng lực công phu gì cả, điều mà **nó tán thán** nhất là **tham dục**. Nó nói: "Đó thật là điều kỳ diệu nhất, đó là nguồn cội của bồ-đề và niết-bàn." Nó **không từ bỏ những việc thô tục**. Nó nói: "Chẳng có gì sai trái với việc ấy cả, đừng bận tâm với việc giữ giới làm gì."

Làm những hạnh bất tịnh, cho đó là truyền pháp. Nó sử dụng tất cả những việc bất tịnh, cho đó như là phương tiện để truyền pháp.

Kinh Văn: Thử danh thiên địa, đại lực sơn tinh, hải tinh phong tinh, hà tinh thổ tinh, nhất thiết thảo mộc, tích kiếp tinh mị. Hoặc phục long mị, hoặc thọ chung tiên, tái hoạt vi mị. Hoặc tiên kì chung, kế niên ưng tử, kì hình bất hóa, tha quái sở phụ. Niên lão thành ma, não loạn thị nhân. Yếm túc tâm sanh, khứ bỉ nhân thể. Đệ tử dữ sư, đa hãm vương nạn.

Việt dịch: Đây gọi là những giống sơn tinh, hải tinh, phong tinh, hà tinh, thổ tinh, và những loài tinh mị của tất cả cỏ cây đã sống nhiều kiếp, có sức rất mạnh trong trời đất. Hoặc là loại long mỵ (yêu quái rồng), hoặc là các vị tiên tuổi thọ đã hết, tái sanh làm yêu quái. Hoặc là những vị Tiên quả báo đã hết, đáng ra phải chết, nhưng thân thể không bị hủy hoại, nên loài yêu quái khác đến gá vào. Các loài nầy sống lâu thành quỷ, quấy nhiễu người tu hành. Khi chán rồi không gá thân người nữa. Cả đệ tử và thầy đều rơi vào lưới pháp luật.

Giảng: **Đây gọi là những giống sơn tinh, hải tinh, phong tinh, hà tinh, thổ tinh, và những loài tinh mị của tất cả cỏ cây đã sống nhiều kiếp, có sức**

rất mạnh trong trời đất. Hoặc là loại long mỵ (yêu quái rồng), hoặc là các vị tiên tuổi thọ đã hết, tái sanh làm yêu quái, có khi cả ngàn, hai ngàn, ba ngàn hoặc đến năm ngàn năm tuổi thọ đã hết, tái sanh làm yêu quái. **Hoặc là những vị tiên quả báo đã hết, đáng ra phải chết**, **nhưng thân thể** của tiên sau khi chết **không bị hủy hoại**, hay biến đổi, **nên bị loài yêu quái khác đến gá vào**.

Các loài này sống lâu thành quỷ, quấy nhiễu định lực của **người tu hành**. Cuối cùng **khi chán rồi, nó không gá thân người nữa.**

Hễ ma còn gá vào thân, thì người bị gá có một định lực phi thường. Nhưng một khi nó không gá vào nữa thì **cả đệ tử và thầy đều rơi vào lưới pháp luật.**

Kinh Văn: Nhữ đương tiên giác bất nhập luân hồi. Mê hoặc bất tri đọa vô gián ngục

Việt dịch: Các ông nên biết rõ trước việc này, để khỏi rơi vào vòng luân hồi. Nếu các ông mê lầm không biết, sẽ đọa vào địa ngục vô gián.

Giảng: A-nan, **các ông nên biết rõ trước việc này, để khỏi rơi vào vòng luân hồi** của ma vương. Đừng để mình rơi vào sự cám dỗ của ma vương.

Nếu các ông mê lầm không biết, sẽ đọa vào địa ngục vô gián.

9 – THAM CẦU SỰ RỖNG KHÔNG SÂU LẮNG (MA TRẦM KHÔNG)

Kinh Văn: Hựu thiện nam tử, thọ ấm hư diệu, bất tao tà lự, viên định phát minh. Tam-ma-địa trung, tâm ái nhập diệt, nghiên cứu hóa tánh, tham cầu thâm không.

Việt dịch: Lại nữa thiện nam tử kia, thụ ấm đã hư diệu, không mắc các tà lự, tính viên định phát minh. Trong tam-ma-địa, tâm ưa vào nơi tịch diệt, nghiên cứu tánh biến hóa, mong cầu tánh rỗng không sâu lắng.

Giảng: **Lại nữa thiện nam tử kia, thụ ấm đã hư diệu, không mắc các tà lự, tính viên định phát minh.** Trong cảnh giới vi diệu, rỗng suốt sau khi thọ ấm tiêu dung, hành giả không còn tà lự nữa. An trụ trong định sáng suốt tròn đầy. **Trong tam-ma-địa, tâm ưa vào nơi tịch diệt, nghiên cứu tánh biến hóa, mong cầu tánh rỗng không sâu lắng.**

Hành giả nghiên cứu trạng thái chuyển biến của một vật thể từ khi hiện hữu đến khi trở thành không, và làm thế nào mà từ không lại chuyển biến thành có. Hành giả nghiên cứu cách biểu hiện của sự biến hóa này, mong cầu được trải qua một cảnh giới rỗng không nhiệm mầu.

Kinh Văn: Nhĩ thời thiên ma hậu đắc kì tiện, phi tinh phụ nhân, khẩu thuyết kinh pháp.

Việt dịch: Lúc ấy thiên ma có cơ hội thuận tiện, liền phóng tinh thần bay đến gá vào người khác, dùng miệng người ấy giảng nói kinh pháp.

Giảng: **Lúc ấy thiên ma có cơ hội thuận tiện**, thiên ma trông chờ khi nó thấy được cơ hội thuận tiện **liền phóng tinh thần bay đến gá vào người khác, dùng miệng người ấy giảng nói kinh pháp**.

Ma giảng pháp bằng miệng của người mà nó đã gá vào.

Kinh Văn: Kì nhân chung bất giác tri ma trước, diệc ngôn tự đắc vô thượng niết-bàn. Lai bỉ cầu không thiện nam tử xứ, phu tòa thuyết pháp. Ư đại chúng nội, kì hình hốt không, chúng vô sở kiến, hoàn tùng hư không, đột nhiên nhi xuất, tồn một tự tại. Hoặc hiện kì thân, đỗng như lưu li, hoặc thuỳ thủ túc, tác chiên đàn khí, hoặc đại tiểu tiện, như hậu thạch mật. Phỉ huỷ giới luật, khinh tiện xuất gia.

Việt dịch: Người ấy thật không biết bị ma gá vào, còn tự tuyên bố mình được vô thượng niết-bàn. Nó đến nơi người tham cầu không tịch, trải tòa ngồi thuyết pháp. Ở trong đại chúng, thân hình nó bỗng dưng biến thành không, chẳng ai thấy được, rồi từ hư không bỗng dưng nó lại hiện ra, khi còn, khi mất một cách tự tại. Hoặc hiện thân trong suốt như ngọc lưu ly, khi duỗi tay chân, thơm mùi hương chiên đàn. Hoặc đại tiểu tiện ra chất cứng như đường phèn. Nó phỉ báng, huỷ phạm giới luật, khinh thường các vị xuất gia.

Giảng: **Người ấy thật không biết bị ma gá vào, còn tự tuyên bố mình được vô thượng niết-bàn. Nó đến nơi người tham cầu không tịch,** đến nơi hành giả tham cầu thần thông, **trải tòa ngồi thuyết pháp.**

Ở trong đại chúng, thân hình nó bỗng dưng biến thành không, chẳng ai thấy được.

Ma lực làm cho thân thể người bị gá đột nhiên biến mất. Nó đang ngồi nói pháp ở đó bỗng dưng không còn ai thấy nó nữa. Đây là một dạng "*nhân không*, *pháp không.*" Người và pháp đều không. **Rồi từ hư không bỗng dưng nó lại hiện ra, khi còn, khi mất một cách tự tại.**

Rồi một vài phút sau, từ ma lực làm cho thân thể của người bị gá đột nhiên biến mất. Nó đang ngồi nói pháp ở đó, bỗng dưng nó lại hiện ra. Khi hiện ra, khi biến mất tùy ý muốn. Nếu nó muốn hiện ra thì nó hiện, nếu muốn biến mất thì nó biến. Nó đều tự điều khiển theo ý của nó.

Hoặc hiện thân trong suốt như ngọc lưu ly, pha lê đến nỗi các ông có thể nhìn suốt qua thân thể của nó. **Khi duỗi tay chân ra thơm mùi hương chiên đàn**. **Hoặc đại tiểu tiện ra chất cứng như đường phèn. Nó phỉ báng giới luật**. Nó nói: "Đừng bận tâm với việc giữ giới luật. Đó là việc của hàng tiểu thừa, các ông cần gì phải giữ nó. Giới luật chẳng có gì quan trọng cả."

Khinh thường các vị xuất gia. Nó nói: "Không cần phải xuất gia. Nếu muốn tu hành, thì cứ việc tu, cần gì phải xuất gia mới tu được? Có gì khác nhau giữa cư sĩ với người xuất gia nào?" Đó là cách nó khinh tiện giới xuất gia.

Kinh Văn: Khẩu trung thường thuyết vô nhân vô quả. Nhất tử vĩnh diệt, vô phục hậu thân, cập chư phàm thánh, tuy đắc không tịch, tiềm hành tham dục. Thọ kì dục giả, diệc đắc không tâm, bát vô nhân quả.

Việt dịch: Nó thường nói không có nhân quả. Khi chết là hoàn toàn mất hẳn. Chẳng có đời sau, chẳng có thánh phàm, dù các vị ấy đã được không tịch, nhưng vẫn lén lút làm chuyện dâm dục. Người cùng nó làm chuyện dâm dục cũng được tâm rỗng không và bài bác nhân quả.

Giảng: **Nó thường nói không có nhân quả** "Đừng tin vào luật nhân quả." Nó nói: "Chuyện ấy hoàn toàn sai lầm, chẳng bao giờ có việc ấy." Nó nói: **Khi chết là hoàn toàn mất hẳn.** Một khi đã chết đi là mình vĩnh viễn không trở lại, giống như ngọn đèn đã hoàn toàn tắt ngấm."

Nó nói: **Chẳng có đời sau, chẳng có người phàm kẻ thánh**. Bất quá chỉ là những lời nói mà thôi. Mặc **dù các vị ấy đã được không tịch, nhưng vẫn lén lút làm chuyện dâm dục** mặc dù đã chứng được vài nguyên lý về *không*, họ vẫn lén lút hành dâm. **Người cùng nó làm chuyện dâm dục cũng được tâm rỗng không và bài bác nhân quả**. Nó có cảm tưởng không cần phải tin vào luật nhân quả nữa.

Kinh Văn: Thử danh nhật nguyệt, bạc thực tinh khí, kim ngọc chi thảo, lân phượng quy hạc. Kinh thiên vạn niên, bất tử vi linh, xuất sanh quốc độ, niên lão thành ma, não loạn thị nhân. Yếm túc tâm sanh, khứ bỉ nhân thể. Đệ tử dữ sư, đa hãm vương nạn.

Việt dịch: Đây là tinh khí do nhật thực, nguyệt thực tụ vào các loại vàng ngọc, các loại nấm quý hiếm, kỳ lân, phụng hoàng, rùa hạc. Tinh khí ấy giúp cho các sinh vật đó sống hàng ngàn, hàng vạn năm không chết, rốt cuộc thành tinh linh, sinh ra nơi cõi nước này, tuổi già thành ma, phá rối người tu hành. Đến khi chán rồi, không gá vào người nữa, cả thầy trò đều rơi vào lưới pháp luật.

***Giảng*: Đây là tinh khí do nhật thực, nguyệt thực tụ vào các loại vàng ngọc, các loại nấm quý hiếm, kỳ lân, phụng hoàng, rùa hạc.**

Đây là loại quỷ gì? Đây là những giống quỷ được tạo nên từ tinh khí do nhật thực, nguyệt thực. Khi có sự giao hòa giữa mặt trăng, mặt trời, đó gọi là hiện tượng nhật thực, nguyệt thực. Có luồng tinh khí tỏa khắp mặt đất tụ vào các loại vàng ngọc, và một vài loại nấm quý hiếm, loại kỳ lân, phụng hoàng, rùa hạc. **Tinh khí ấy giúp cho các sinh vật đó sống hàng ngàn, hàng vạn năm không chết, rốt cuộc thành tinh linh, sinh ra nơi cõi nước này, tuổi già thành quỷ**. Nó **phá rối người tu hành**, người đang tu tập chánh định. Nhưng cuối cùng **đến khi chán rồi, không gá vào người nữa, nó chấm dứt không gá vào người nữa. Cả thầy trò đều rơi vào lưới pháp luật**. Nó sẽ bị pháp luật truy tố.

Kinh Văn: Nhữ đương tiên giác, bất nhập luân hồi. Mê hoặc bất tri, đọa vô gián ngục.

Việt dịch: Các ông nên biết rõ trước việc này, để khỏi rơi vào vòng luân hồi. Nếu các ông mê lầm không biết sẽ đọa vào địa ngục vô gián.

Giảng: **Các ông nên biết rõ trước việc này, để khỏi rơi vào vòng luân hồi** của ma vương. **Nếu các ông mê lầm không biết.** Nếu các ông không giác ngộ lẽ này, sẽ **bị đọa vào địa ngục vô gián.**

10 – THAM CẦU SỐNG LÂU

Kinh Văn: Hựu thiện nam tử, thọ ấm hư diệu, bất tao tà lự, viên định phát minh. Tam-ma-địa trung, tâm ái trường thọ, tân khổ nghiên cơ, tham cầu vĩnh diệt, khí phân đoạn sanh. Đốn hi biến dị, tế tướng thường trụ.

Việt dịch: Lại nữa thiện nam tử kia, thụ ấm đã hư diệu, không mắc các tà lự, tính viên định phát minh. Trong tam-ma-địa, tâm ưa sống lâu, khổ nhọc nghiên cứu tinh vi, mong cầu được bất tử, thoát khỏi sự sống chết nơi thân xác (phần đoạn sanh tử). Nôn nóng tham cầu tướng vi tế biến dịch sinh tử, mong được thường trụ lâu dài trong ấy.

Giảng: **Lại nữa thiện nam tử kia, thụ ấm đã hư diệu, không mắc các tà lự, tính viên định phát minh.** Trong cảnh giới vi diệu, rỗng suốt sau khi thọ ấm tiêu dung.

Bây giờ thọ ấm đã trở nên rỗng suốt và vi diệu, hành giả, người tu tập chánh định, không còn tà lự nữa. An trụ trong định sáng suốt tròn đầy. **Trong tam-ma-địa**, vi diệu viên mãn, có một sự đột biến chợt xảy ra. Việc gì vậy? **Tâm ưa sống lâu**. Đột nhiên hành giả suy nghĩ" Sẽ kỳ diệu làm sao nếu được sống mãi mãi không chết."

Nên **khổ nhọc nghiên cứu tinh vi, mong cầu được bất tử.** Nên hành giả khổ nhọc , tinh chuyên nghiên cứu tinh tế những phép bí mật và vi diệu nhất, để nong cầu được bất tử, anh ta muốn trẻ mãi không già.

Thoát khỏi và từ bỏ sự sống chết (phần đoạn sanh tử) nơi thân xác.

Nghĩa của từng chữ "*phần đoạn sanh tử* " có liên quan đến sự sống chết của riêng từng người. Mỗi người có một phần, và mỗi người có riêng một đoạn. Nghĩa của chữ *phần* là gì? Các ông có thân tôi cũng có thân. Các ông là người tôi cũng là người. Các ông có phần của các ông và tôi cũng có phần của riêng tôi. *Đoạn* là gì? Là thời gian sống, là khoảng cách thời gian từ khi sống đến khi chết.*Đoạn* cũng có nghĩa là tầm vóc của thân thể, từ đầu đến chân.

Nôn nóng tham cầu tướng vi tế biến dịch sinh tử.

Kẻ phàm phu phải trải qua phần đoạn sanh tử . Còn các vị đã chứng được bốn quả vị a-la-hán thì không còn trải qua trạng thái này nữa. Nhưng vẫn còn phải trải qua tình trạng "*biến dịch sanh tử .*" Nghĩa là từng niệm, từng niệm đổi dời, nghĩa là trải qua sự sống chết trong từng niệm. Thay đổi trong từng niệm nên gọi là biến dịch. Đó gọi là *biến dịch sanh tử* vậy. Điều này liên quan đến sự tương tục không ngừng của tâm niệm. Niệm niệm tương tục là niệm này vừa sanh khởi thì niệm kia liền tàn hoại như trong một dòng chảy vô tận. Khi hành

giả không còn bị *phần đoạn sanh tử* nữa, đột nhiên anh ta mong cầu đạt được *biến dịch sanh tử* .

Để **được thường trụ mãi trong tướng vi tế ấy**. Đó là một dạng rất tinh tế và vi diệu. Thường trú mãi mãi trong ấy có nghĩa là đạt được đời sống vĩnh cửu.

Kinh Văn: Nhĩ thời thiên ma, hậu đắc kì tiện. Phi tinh phụ nhân khẩu thuyết kinh pháp.

Việt dịch: Lúc ấy thiên ma có được cơ hội thuận tiện, phóng tinh thần bay đến gá vào người khác, dùng miệng người ấy giảng nói kinh pháp.

Giảng: Ngay khi hành giả ấp ủ ảo tưởng tham cầu đời sống vĩnh cửu.

Lúc ấy, thiên ma có được cơ hội thuận tiện, phóng tinh thần bay đến gá vào người khác. Thiên ma liền sai một số trong đồ đệ của chúng đến gá vào một người khác, **dùng miệng người ấy giảng nói kinh pháp** cho hành giả đang tu tập chánh định nghe.

Kinh Văn: Kì nhân cánh bất giác tri ma trước, diệc ngôn tự đắc vô thượng niết-bàn. Lai bỉ cầu sanh thiện nam tử xứ, phu tòa thuyết pháp. Hảo ngôn tha phương, vãng hoàn vô trệ, hoặc kinh vạn lí, thuấn tức tái lai. Giai ư bỉ phương, thủ đắc kì vật. Hoặc ư nhất xứ, tại nhất trạch trung, xúc bộ chi gian, linh kì tòng đông, nghệ chí tây bích, thị nhân cấp hành, luy niên bất đáo. Nhân thử tâm tín, nghi Phật hiện tiền.

Việt dịch: Người này thật không biết bị ma gá, còn tự tuyên bố đã chứng được vô thượng niết-bàn. Nó đến bên người tham cầu sống lâu, trải tòa ngồi thuyết pháp. Nó thích khoe việc có thể đi lại mọi nơi, rồi trở về mà không ngăn ngại, có thể dạo chơi ngàn dặm rồi trở về trong chớp mắt. Nó có thể lấy đem về những đồ vật từ những nơi nó đã đến. Hoặc nó có thể bảo một người đi từ phía đông sang phía tây của một căn phòng trong khoảng cách chỉ cần đi vài bước, thế mà người ấy có đi hết năm cũng không đến được. Do đó mọi người đều tin lời người bị ma gá, lầm cho đó là Phật.

Giảng: Do tâm của **người này** hoàn toàn bị chế ngự bởi thiên ma nên chính anh ta **thật không biết bị ma gá, còn tự tuyên bố đã chứng được quả vị vi diệu vô thượng niết-bàn. Nó đến bên hành giả tham cầu sống lâu, trải tòa ngồi thuyết pháp.**

Nó thích khoe việc có thể đi lại mọi nơi, rồi trở về mà không ngăn ngại. Ma thích nói những gì? Nó nói: “Trong khoảnh khắc rất ngắn, tôi có thể đến một nơi nào đó cách xa cả ngàn vạn dặm rồi trở về ngay lập tức. Tôi có thể qua Nhật Bản mà không cần đi máy bay, và mua hàng hóa về. Nếu ông không tin, tôi sẽ biểu diễn cho các ông xem.”

Nó luôn biểu diễn thần thông cho người xem. Nó thích được mọi người nhìn thấy những kỳ tích không thể nghĩ bàn mà nó biểu diễn. Nó nói: “Ta có thể đi lại tùy ý chỉ trong vòng chớp mắt.”

Nó có thể dạo chơi ngàn dặm rồi trở về trong chớp mắt. Nó nói: “Ta có thể đi về trong khoảng ông hít vào thở ra thôi.”

Nó có thể lấy đem về những đồ vật từ những nơi nó đã đến.

Không chỉ như thế, nó có thể lấy về những đồ vật từ những nơi nó đã đến. Nó có thể mua hàng hóa đem về rồi hỏi: “Các ông không tin tôi hay sao? Hãy nhìn những món hàng này, tôi đã mua nó từ công ty… Ở Nhật Bản, đó là loại hàng mẫu đặc biệt, chỉ dành riêng bán cho khách quen…” Rồi nó đưa ra cho mọi người cái máy cassette hoặc radio do Nhật chế tạo, không qua thuế hải quan hay thuế nhập khẩu, mà thực sự được chế tạo ở một công ty của Nhật Bản.

Hoặc nó có thể bảo một người đi từ phía Đông sang phía Tây của một căn phòng trong khoảng cách chỉ cần đi vài bước (có thể đi chừng bảy tám bước chân). **Thế mà dù người ấy có đi hết năm cũng không thể hết được**. Nó không thể dàn trải khoảng không gian của sàn nhà đến mức tối đa bằng thời gian một năm. Thấy nó biểu diễn như vậy. **Do đó mọi người đều tin lời người bị ma gá, lầm cho đó là Đức Phật**.

Họ nghĩ: “Ồ đó là một Đức Phật đến để giảng pháp cho chúng ta nghe.”

Kinh Văn: Khẩu trung thường thuyết, thập phương chúng sanh, giai thị ngô tử. Ngã sanh chư Phật, ngã xuất thế giới, ngã thị nguyên Phật, xuất sanh tự nhiên, bất nhân tu đắc.

Việt dịch: Nó thường nói: Chúng sanh trong mười phương đều là con của ta. Ta sinh ra chư Phật, ta tạo ra thế giới. Ta là Phật đầu tiên, ta tạo dựng thế giới này một cách ngẫu nhiên, không do tu mà thành.

Giảng: **Nó thường nói**: Các ông biết không? **Chúng sanh trong mười phương đều là con của ta, ta sinh ra chư Phật**. Nó huênh hoang không biết xấu hổ nói rằng nó sinh ra chư Phật.

Ta tạo ra thế giới, ta là Phật đầu tiên. Ta là Phật trước nhất không có Phật nào trước ta cả. Ta tạo ra thế giới này một cách ngẫu nhiên. Không do tu mà thành. **Ta tạo nên thế giới này một cách tự nhiên**, **không do tu mà thành,** và ta đã là Phật khi đến thế giới này. Ta chẳng cần phải tu tập mới trở thành Phật."

Kinh Văn: Thử danh trụ thế tự tại thiên ma, sử kì quyến thuộc, như giá-văn-trà cập Tứ thiên vương, Tì xá đồng tử, vị phát tâm giả, lợi kì hư minh, thực bỉ tinh khí. Hoặc bất nhân sư, kì tu hành nhân, thân tự quan kiến, xưng chấp kim cương, dữ nhữ trường mệnh. Hiện mĩ nữ thân, thạnh hành tham dục. Vị du niên tuế, can não khô kiệt, khẩu kiêm độc ngôn, thính nhược yêu mị. Tiền nhân vị tường, đa hãm vương nạn. Vị cập ngộ hình, tiên dĩ càn tử. Não loạn bỉ nhân, dĩ chí tồ vẫn.

Việt dịch: Đây gọi là Trụ thế tự tại thiên ma, khiến loại quyến thuộc chưa phát tâm như giá-văn-trà, hay Tỳ-xá đồng tử ở cõi Tứ thiên vương, thích hư minh, đến ăn tinh khí của người tu hành. Hoặc không nương nơi thầy (người bị ma gá vào) mà chính hành giả thấy, bọn đó tự xưng là thần Chấp kim cang đến cho sống lâu. Hoặc bọn đó biến thành phụ nữ xinh đẹp, cùng hành giả cuồng nhiệt làm việc dâm dục. Nên chưa đầy một năm, gan não hành giả khô kiệt, miệng lẩm nhẩm một mình, nghe như tiếng của loài yêu mỵ. Người ngoài chưa rõ nguyên nhân, nên phần nhiều người bị như thế đều rơi vào pháp luật. Chưa kịp chịu hình phạt, đã bị chết khô. Ma quấy phá người tu, cho đến phải chết.

Giảng: **Đây gọi là Trụ thế tự tại thiên ma, khiến loại quyến thuộc chưa phát tâm như giá-văn-trà**

Giá-văn-trà (s: chamunda), nghĩa là "*lệ quỷ* : *quỷ nô lệ*." Là loại ma quỷ làm việc như nô lệ. Nó cũng có nghĩa *Tật đố quỷ,* là loại quỷ luôn luôn ghen tức với mọi điều tốt lành mà mọi người khác đạt được. Nó luôn tìm cách ngáng trở mọi người muốn học Phật pháp. Nếu có người nào muốn trở thành người lương thiện thì nó lôi kéo họ trở về phía xấu ác. Đó là một loại ác ma. Thiên ma ở cõi trời Trụ thế tự tại sai loại ma này đến để quấy phá công phu tu tập chánh định của người tu hành. Hoặc là nó sai loài **Tỳ-xá đồng tử** từ **cõi trời Tứ thiên vương**.

Quỷ *Tỳ-xá-giá* đặc biệt rất thích ăn tinh khí. Nó ăn tinh khí của thảo mộc, thực vật và ăn của người được thì càng tốt. Khi nam nữ giao hợp làm chuyện dâm dục, có một loại tinh khí tiết ra, nó sẽ ăn thứ tinh khí này. Có rất nhiều loại quỷ chờ đợi bên cạnh để ăn thứ tinh khí này nên rất nguy hiểm.

Thích hư minh, đến ăn tinh khí của người tu hành.

Lợi dụng hư minh của người kia, đến ăn tinh khí của người tu hành. Những loài quỷ này chưa phát tâm (có nghĩa là bị Thiên ma sai khiến). Như loại quỷ *Tỳ-xá-giá* và những loại khác, thích lợi dụng hư minh của người tu hành. Nó thích ăn tinh khí của người tu hành, nhưng hành giả vẫn không biết điều ấy.

Hoặc không nương nơi thầy (người bị ma gá vào) mà chính hành giả thấy, bọn đó tự xưng là thần Chấp kim cang đến cho sống lâu.

Hoặc không nhờ nơi thầy (người bị ma gá vào), mà hành giả thấy có người tự xưng: “Ta là thần Chấp kim cang (thần Hộ pháp), đến ban cho ông được sống lâu.” Nào bây giờ ta đến để ban cho ông được sống trường thọ, ông sẽ được sống vĩnh viễn.

Hoặc bọn đó biến thành phụ nữ xinh đẹp, cùng hành giả cuồng nhiệt làm việc dâm dục.

Hoặc sau khi nói xong người ấy biến thành phụ nữ xinh đẹp, cùng hành giả cuồng nhiệt làm việc dâm dục. Có nghĩa là cả hai thường xuyên làm việc ấy không dừng nghỉ.

Nên chưa đầy một năm, gan não hành giả khô kiệt. miệng lẩm nhẩm một mình, nghe như tiếng của loài yêu mỵ.

Nên trong một năm sinh lực cạn kiệt bởi sự tham dâm vô độ ấy. Sinh lực, tinh khí thần chưa đầy một năm đã bị khô kiệt. Bởi vì thái quá. Chữ quan trọng nhất là “*mãnh hành*.” Từ này khó diễn tả bằng sự kiện thông thường. Có điều chắc chắn là người đàn bà nói rằng: “Ông càng say đắm trong tình dục thì ông càng được sống lâu, ông sẽ sớm đạt được cuộc sống vĩnh cửu.” Bằng sự tham cầu có được mạng sống vô tận, nó không nhận ra mạng sống của mình đang bị vắt kiệt, rút ngắn dần từng phút. Trải qua chưa đầy một năm là mạng sống kết thúc.

Miệng lẩm nhẩm một mình. Lúc ấy miệng nó lẩm nhẩm một mình. Thực ra không phải nó nói chuyện với chính nó mà nói chuyện với ma. **Nghe tiếng như của loài yêu mỵ**. Nó nói chuyện với ma nhưng người ở xung quanh không thấy ma.

Trước đây tôi cũng đã gặp loài ma này. Có lần tôi gặp một người đàn ông. Ông ta được người phụ nữ đến thăm vào mỗi đêm. Cô ta không bao giờ đến thăm lúc ban ngày. Nhưng nếu mỗi tối cô ta đến, mọi người trong căn hộ đều nghe tiếng lạch cạch từ đôi guốc của cô ta gõ xuống sàn gỗ. Họ nghe thấy tiếng nó đi, nhưng không thấy được hình. Bất kỳ khi nào người phụ nữ đến, thì anh ta cởi áo quần rồi bò lóp ngóp lên giường. Anh ta làm việc ấy chẳng cần biết có người xung quanh hay không. Đó là một ví dụ về loài ma này.

Sau đó một vị thần linh lâu năm ở vùng ấy nhập vào một xác đồng chữa bệnh đến đó để trừ yểm con ma nữ ấy. Đêm đó, khi ma nữ đến, nó được nói chuyện với vị thần ấy. Ma nói: "Tốt! Ông muốn chữa trị cho người đàn ông này? Được rồi, từ nay ông ấy sẽ khỏi. Nhưng từ đây, tôi sẽ đến chỗ ông. Ta sẽ thi đấu pháp thuật với nhau."

Sau đó quả là nó đến tìm vị thần, nó không đến với người đã cùng nó làm chuyện bất chính suốt từ sáng đến tối nữa.

Tôi đã nói với quý vị nhiều lần là loại ma quỷ này rất lợi hại.

Người ngoài chưa rõ nguyên nhân, nên phần nhiều người bị như thế đều rơi vào pháp luật. Chưa kịp chịu hình phạt, đã bị chết khô. Ma quấy phá người tu, cho đến phải chết.

Người ngoài không hiểu được những gì xảy ra. Họ hoàn toàn không biết được tình trạng này. Trong mọi trường hợp, những người như thế đều bị rơi vào pháp luật. Hành động ấy của ma sẽ bị pháp luật bắt giữ.

Nhưng trước khi nó chịu hình phạt. Trước khi nó bị đem ra xét xử, nó bị chết khô. Trong khi bị giam ở lao ngục nó chết vì toàn thể tinh khí thần của nó bị khô kiệt. Ma khuấy phá mê hoặc người tu cho đến khi chết. Nó đã phá hủy định lực của người tu hành cho đến khi người ấy chết khô.

Kinh Văn: Nhữ đương tiên giác, bất nhập luân hồi. Mê hoặc bất tri, đọa vô gián ngục.

Việt dịch: Các ông nên biết rõ tình trạng này, để khỏi rơi vào vòng luân hồi. Nếu các ông mê lầm không biết, sẽ đọa vào địa ngục vô gián.

Giảng: A-nan, **các ông nên biết rõ tình trạng này**, hiểu rõ tường tận tình trạng này **để khỏi rơi vào vòng luân hồi**. Nếu các ông nhận biết rõ trạng thái ma sự này, thì các ông sẽ tránh được bẫy của thiên ma. Các ông khỏi phải làm

quyến thuộc nhà ma nhưng **nếu các ông mê lầm không biết sẽ đọa vào địa ngục vô gián**. Dù có chút mảy may ân huệ được làm người cũng bị mất hẳn.

LỜI KHUYÊN RĂN CỦA ĐỨC THẾ TÔN TỔNG KẾT VỀ TƯỞNG ẤM

Kinh Văn: A-nan đương tri, thị thập chủng ma, ư mạt thế thời, tại ngã pháp trung, xuất gia tu đạo, hoặc phụ nhân thể, hoặc tự hiện hình. Giai ngôn dĩ thành chánh biến tri giác.

Việt dịch: A-nan nên biết, trong thời mạt pháp mười thứ ma ấy, hoặc xuất gia tu tập theo giáo pháp của Như Lai, hoặc chúng gá vào thân người, hoặc tự biến thành nhiều dạng khác nhau. Chúng đều tự xưng đã thành bậc chánh biến tri.

Giảng: **A-nan nên biết**, đặc biệt **trong thời mạt pháp mười thứ ma ấy.** Những thứ xuất hiện trong mười cảnh giới ma liên quan đến tưởng ấm , **hoặc xuất gia tu tập trong giáo pháp của Như Lai**, **hoặc chúng gá vào thân người**. Ma vương có thể gá vào thân người khác **hoặc tự biến thành nhiều dạng khác nhau**. Nó có thể biểu diễn thần thông như ma vương và hiện ra đủ loại hình dạng. Nó có thể hiện ra Phật, Bồ-tát, A-la-hán hoặc người ở cõi trời. Ma vương có thể hiện ra bất kỳ hình dạng nào.

Chúng đều tự xưng đã thành bậc chánh biến tri. Chánh biến tri là một trong mười danh hiệu của Đức Phật. Đức Phật là người có đầy đủ *chánh tri* và *biến tri*. *Chánh tri* nghĩa là biết rằng *tâm bao hàm vạn pháp* và *biến tri* nghĩa là biết rằng *vạn pháp đều chỉ là tâm*. Khi mọi người có được sự hiểu biết chân chánh đích thực như thế, thì người ấy sẽ được thành Phật, thành một bậc *Chánh biến tri*.

Thiên ma ngụy tạo cho mình là Phật, và giả tạo tuyên bố đã đạt được *Chánh biến tri* . Khi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni sắp nhập niết-bàn, Ngài triệu tập các ma vương lại và dạy: “Các ông từ ngay bây giờ phải an trú trong giới luật, chớ nên hủy phạm.”

Ma vương đáp lời: “Thế Ngài muốn chúng tôi thực hành theo giới luật ngài chế ra. Được thôi! Đến thời mạt pháp tôi sẽ đắp y của ngài, ăn thực phẩm của ngài rồi đại tiện vào trong bình bát của ngài.”

Lời nói đó có nghĩa là chúng nó sẽ hủy phạm giáo pháp từ ngay bên trong.

Khi Đức Phật nghe như thế, Đức Phật bảo: “Thế thì chẳng còn cách nào cứu giúp được cho các ông, phương cách hành xử của các ông quá độc ác và tàn hại.”

Nên nói rằng: “Trùng trong thân sư tử ăn thịt sư tử.” Có nghĩa là trong thời mạt pháp, ma thì mạnh và pháp thì yếu. Do vậy, người tu hành phải rất cẩn trọng. Ma vương giống như loại gì? Thông thường nó khác hẳn với mọi người. Nó có ma khí bên trong, có một số hiện tượng khác thường nó biểu hiện ở bên ngoài, để chứng tỏ nó là ma vương.

Kinh Văn: Tán thán dâm dục, phá Phật luật nghi. Tiên ác ma sư, dữ ma đệ tử, dâm dâm tương truyền. Như thị tà tinh, mị kì tâm phủ, cận tắc cửu sanh, đa du bách thế. Linh chân tu hành, tổng vi ma quyến.

Việt dịch: Chúng nó khen ngợi dâm dục, phá luật nghi của Phật chế. Thầy trò ma truyền dạy nhau về dâm dục. Tinh thần tà vạy như thế, mê hoặc tâm ý người tu hành, trải qua ít nhất chín đời, nhiều thì cả trăm thế hệ. Khiến kẻ chân tu đều rơi vào quyến thuộc của ma.

Giảng: **Chúng nó khen ngợi dâm dục**.

Bằng cách nào mà ta có thể kết luận người đó là ma? Đó là: ma thì không bao giờ tán thán phương pháp tu hành chân chánh. Nó tán dương dâm dục, và công khai tuyên truyền việc dâm dục.

Phá hủy luật nghi Phật chế.

Nó nói: “Giới luật của Phật thật là vô dụng, đừng giữ làm gì. Giới luật ấy chỉ để cho hàng đệ tử Tiểu thừa thực hành mà thôi. Còn chúng ta là hàng Bồ-tát Đại thừa nên chẳng cần giữ gìn làm gì!”

Thầy trò ma, đệ tử của ma vương, truyền dạy nhau việc dâm dục. Họ thực tập việc dâm dục với nhau và khen ngợi việc ấy. Nói rằng: “Đó là pháp môn vi diệu, tuyệt vời nhất. Lý chân không diệu hữu đều ở ngay trong đó.”

Tinh thần tà vạy như thế, đó là tán dương dâm dục. **Mê hoặc tâm ý người tu hành**. Do vì tâm ý của người tu hành đã bị tà ma gá vào mê hoặc rồi, họ đắm mình trong dâm dục và công khai tán dương. Họ làm tất cả chuyện ấy vì ma đã chiếm đoạt làm chủ toàn bộ tâm ý.

Trải qua ít nhất chín đời, nhiều thì cả trăm thế hệ. Khiến kẻ chân tu đều rơi vào quyến thuộc của ma.

Ít nhất là trải qua chín đời. Đời có nghĩa là sao? Có phải là khoảng thời gian sống của một người, từ khi sinh ra đến khi chết đi không? Không phải, mà còn hơn thế nữa. Đó là một thời gian khoảng một trăm năm. Do vậy chín đời là chín trăm năm, và nhiều nhất là trải qua một trăm thế hệ. Một thế hệ là ba mươi năm, một trăm thế hệ là ba ngàn năm. Người tu hành chân chính bị lạc vào quyến thuộc ma vương ít nhất là chín đời (chín trăm năm), lâu nhất là một trăm thế hệ (ba ngàn năm).

Kinh Văn: Mệnh chung chi hậu, tất vi ma dân. Thất chánh biến tri, đọa vô gián ngục.

Việt dịch: Sau khi chấm dứt mạng sống, ắt phải đọa làm dân của ma. Đánh mất chánh biến tri, và đọa vào địa ngục vô gián.

Giảng: **Sau khi chấm dứt mạng sống**. Khi đã mãn phần, bất kỳ khoảng thời gian nào đó trong chín đời đến một trăm thế hệ, người tu hành bị chết đi, **ắt phải đọa làm dân của ma.** Người ấy không thể làm ma vương, nó chỉ có thể làm một ma dân xoàng xĩnh, một công dân bình thường trong đám dân ma.

Đánh mất chánh biến tri. Nó bị mất chánh tri kiến, chỉ còn lại tà tri, tà kiến, nó sẽ chấp hành theo việc ma vương sai sử. Và cuối cùng nó sẽ bị **đọa vào địa ngục vô gián**. Sau khi nó hưởng hết phước làm ma, mạng sống của ma dân chấm dứt, nó sẽ bị đọa vào địa ngục vô gián.

Kinh Văn: Nhữ kim vị tu, tiên thủ tịch diệt, túng đắc vô học. Lưu nguyện nhập bỉ mạt pháp chi trung, khởi đại từ bi, cứu độ chánh tâm thâm tín chúng sanh. Linh bất trước ma, đắc chánh tri kiến. Ngã kim độ nhữ dĩ xuất sanh tử. Nhữ tuân Phật ngữ, danh báo Phật ân.

Việt dịch: A-nan, ông nay chưa nên vội vào niết-bàn, dù ông đã đạt được quả vị vô học. Hãy lưu giữ lời nguyện đi vào cõi đời mạt pháp kia, phát lòng đại bi cứu độ các chúng sanh có lòng tin chân chánh sâu xa, khiến cho họ không mắc vào tà ma, giúp cho họ có được chánh tri kiến. Nay Như Lai đã giúp ông thoát ra khỏi sinh tử. Nay ông vâng lời Phật dạy, đó gọi là báo ơn Phật.

Giảng: **A-nan, ông nay chưa nên vội vào niết-bàn**, chưa nên nhập niết-bàn sớm. Hãy thay Như Lai, ở lại cõi ta-bà này mà giáo hóa chúng sanh.

Mặc **dù ông đã đạt được quả vị *vô học*. Hãy lưu giữ lời nguyện đi vào cõi đời mạt pháp kia**. Dù nay ông đã đạt được quả vị *vô học* (Lúc ấy A-nan đã chứng được quả vị thứ nhì của hàng a-la-hán, chưa chính thức đạt được quả vị *vô học*. Tuy vậy, con đường công phu tu tập dẫn đến việc chứng ngộ của A-nan rất sáng sủa, thế nên ngài được xem như người đã đạt được quả vị ấy).

Đức Phật dạy: Ông nên nhớ lấy lời nguyện đại từ bi, khi thời kỳ *chánh pháp* đã qua, thời *tượng pháp* không còn nữa, thời *mạt pháp* sẽ đến. Lúc ấy **hãy phát lòng đại từ bi cứu độ các chúng sanh có lòng tin chân chánh sâu xa,** . A-nan, ông hãy phát tâm đại từ đại bi cứu độ tất cả chúng sanh có lòng tin chân chánh ở trong thời mạt pháp.

Khiến họ không mắc vào tà ma. Hãy cứu độ chúng sanh, khiến họ phát khởi niềm tin vào nơi ông, để họ khỏi bị mê hoặc bởi ma vương, khiến họ không theo ma vương, dùng phương tiện của ma nhiễu hại chúng sanh nữa.

Giúp họ, những chúng sanh trong thời mạt pháp **có được chánh tri kiến.** Có nghĩa là ông và tôi, và những chúng sanh ngay bây giờ chớ không ai khác. Quý vị nên nhắc nhở thức tỉnh lấy mình, tự mình phải có chánh tri kiến.

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni lại dạy:

Này A-nan, Như Lai đã giúp ông ra khỏi sanh tử. Ông đã chấm dứt được sanh tử luân hồi, ông đã chứng được quả vị thứ hai của hàng a-la-hán, và ông đã biết được con đường đi đến quả vị thứ tư. Vì thế qua kết quả công phu tu hành của ông, có thể nói rằng ông sẽ vượt qua sanh tử.

Nay ông vâng lời Phật dạy, đó gọi là báo ơn Phật.

Bây giờ quý vị hãy lắng nghe lời Phật dạy, hãy thực hành những gì Phật dạy và đừng quên. Bằng cách tôn trọng và vâng lời Phật dạy, thì quý vị mới có thể đền đáp ân sâu của chư Phật.

Báo đáp ân Phật nghĩa là gì? Nếu chúng ta tôn trọng thực hành lời Phật dạy, thì đó là báo ân Phật. Nếu chúng ta muốn đền đáp ân Phật, ta phải vâng lời đức Phật đã dạy. A-nan muốn báo ơn Phật ngài cũng phải theo lời dạy của Đức Phật. Chúng ta nên vâng làm theo lời Đức Phật Thích-ca Mâu-ni cũng như các vị pháp sư đã dạy ta học tập kinh điển và đạo lý. Đó là lý do từ đầu tôi yêu cầu quý vị phải tin thuận làm theo lời Phật dạy. Tôi không phải là Đức Phật, nên tôi cũng vâng lời Đức Phật dạy. Bất cứ việc gì chúng ta cũng không nên quên lời Đức Phật dạy.

Kinh Văn: A-nan như thị, thập chủng thiền na hiện cảnh, giai thị tưởng ấm, dụng tâm giao hỗ, cố hiện tư sự.

Việt dịch: A-nan, mười cảnh giới hiện ra trong thiền định như thế, đều do tưởng ấm và tâm dụng công giao xen.

Giảng: **A-nan, mười cảnh giới** được giải thích nó chỉ **hiện ra trong** khi hành giả tu tập **thiền định**. Khi nỗ lực hết sức, dụng công để đạt đến mục tiêu. Những cảnh giới này hiện ra từ đâu? Nó xảy ra **đều do tưởng ấm và tâm dụng công giao xen,** do dụng tâm tu quán phối hợp tạo nên.

Đó là những sự biến đổi xảy ra trong lúc tiêu trừ tưởng ấm , như là kết quả của sự nỗ lực dụng công đến cực điểm. Khi quý vị dụng công tu tập đến mức tối đa, trạng thái như thế này sẽ phát sinh. Nhưng khi nó phát khởi, thì đừng dại nhận giặc làm con, đừng bị mê lầm bởi những cảnh giới này. Khi các ông ngồi thiền, sự nỗ lực dụng công quán chiếu giao xen với tưởng ấm, tạo nên một bãi chiến trường, như trong một cuộc chiến tranh. Nếu định lực của ông mạnh hơn, thì tưởng ấm sẽ bị chinh phục. Nhưng nếu tưởng ấm thắng, công phu định lực của ông yếu hơn và thất tán, thì hành giả sẽ bị rơi vào cảnh giới của ma, và mười cảnh giới này sẽ xuất hiện.

Kinh Văn: Chúng sanh ngoan mê, bất tự thốn lượng, phùng thử nhân duyên, mê bất tự thức, vị ngôn đăng thánh, đại vọng ngữ thành, đọa vô gián ngục.

Việt dịch: Chúng sinh ngu mê, không biết lượng sức mình, gặp nhân duyên đó, mê không tự biết, còn nói đã chứng thánh, thành tội đại vọng ngữ, phải đọa vào địa ngục vô gián.

Giảng: **Chúng sinh ngu mê**, **không biết tự lượng sức mình**. Chúng sinh thường có tâm chấp trước. Họ rất ngoan cố, không biết uyển chuyển, nhu nhuyến mà lại ngu si, thiếu trí huệ, không tự mình suy tính được việc gì chân chánh cả.

Gặp nhân duyên đó,mê không tự biết. Khi gặp ma cảnh như thế, không đủ sức sáng suốt thẩm định. Điều quan trọng nhất là nếu các ông thẩm định được trạng thái đang xảy ra, thì các ông không bị ma chuyển. Nếu các ông sáng suốt nhận thức rõ ràng về nó, thì các ông sẽ không bị nhầm lẫn. Nếu các ông không nhận ra, thì sẽ bị mê lầm. Mê lầm là do không nhận thức minh bạch. Và điều gì sẽ xảy ra khi hành giả không hiểu rõ cảnh giới này.

Nói đã chứng thánh. Nó nói những lời như: “Các ông có biết tôi không? Tôi đã thành Phật rồi, và tôi sẽ kể cho các ông nghe. Đối với tôi thành Phật quá dễ, còn rẻ hơn cả một tấm đậu phụ.”

Thật là quá dễ phải không? Dễ nên những người như thế thường nói rằng họ đã thành Phật, họ đã chứng đạo, họ đã giác ngộ, họ đã tham được thoại đầu và hiểu được những thoại đầu ấy.

Chẳng hạn như có người Mỹ vừa đến đây vào hôm nay, anh ta là một loại như “Lục Tổ của nước Mỹ” đã đến cách đây vài hôm. Anh ta không lạy Phật, không nghe pháp. Chỉ ăn trưa rồi đi. Lý do anh ta đi là vì ma kéo đi. Trong người anh ta có quá nhiều ma khí đến nỗi anh ta cảm thấy bất tiện khi phải lưu lại đây dù chỉ thêm một phút sau khi ăn trưa. Quý vị nên có nhận định rõ ràng, tổng quát về người bị ma gá. Phong cách của nó biểu hiện qua suy nghĩ nó đã thành Phật, nên chẳng cần lạy Phật nữa.

Thành tội đại vọng ngữ, sẽ rơi vào địa ngục vô gián.

Trong tương lai, chắc chắn nó sẽ rơi vào địa ngục vô gián. Đừng có trông mong một khoảnh khắc tạm thời ngưng nghỉ. Ít nhất cũng là chín đời, dài nhất là một trăm thế. Không nghe theo phật Pháp là vì ma lực đã chiếm đoạt no rồi. Dù nó muốn nghe, thì thân tâm nó vẫn thấy rất khó chịu, khiến nó không thể ngồi yên.

Trước đây tôi đã kể cho quý vị nghe chuyện này, quý vị nên hết sức lưu tâm. Khi quý vị đến chùa hoặc Niệm Phật Đường nào, quý vị cũng phải tuân theo Thiền môn quy củ nơi đạo tràng ấy. Hãy làm theo những gì mọi người đang làm. Đừng đứng khi mọi người đang lạy Phật. Những người hành xử như thế sẽ không bao giờ học được Phật Pháp. Khi học Phật pháp, quý vị phải hết sức khiêm tốn, cung kính và chân thành.

Kinh Văn: Nhữ đẳng tất tu, tương Như Lai ngữ, ư ngã diệt hậu, truyền thị mạt pháp, biến linh chúng sanh, khai ngộ tư nghĩa. Vô linh thiên ma đắc kì phương tiện. Bảo trì phúc hộ, thành vô thượng đạo.

Việt dịch: Vào thời mạt pháp, sau khi Như Lai nhập niết-bàn, các ông cần phải đem lời dạy của Như Lai chỉ bày cho chúng sinh, khiến cho họ được tỏ ngộ nghĩa đó. Đừng để cho thiên ma có dịp quấy phá. Phải giữ gìn, che chở cho chúng sanh thành đạo vô thượng.

Giảng: **Vào thời mạt pháp, sau khi Như Lai nhập niết-bàn, các ông cần phải đem lời dạy của Như Lai chỉ bày cho chúng sanh.**

Các ông, là A-nan và các vị Đại bồ-tát, các vị Đại tỷ-khưu trong hội chúng cùng các vị Đại Trưởng lão. Đây là lời khuyến tấn của Đức Phật. "Các ông phải truyền dạy giáo pháp của Như Lai liên tục cho đến thời mạt pháp. **Khiến cho họ được tỏ ngộ nghĩa đó**. Dạy cho họ hiểu được Kinh Thủ-lăng-nghiêm. Dạy cho họ về *Năm mươi loại ấm ma*. Về từng tướng trạng ma trong *Sắc ấm , Thọ ấm, Tưởng ấm, Hành ấm, Thức ấm* mà tôi đã giảng giải cho ông. Hãy hết lòng truyền bá giáo lý này cho chúng sanh được hiểu.

Đừng để cho thiên ma có dịp quấy phá. Nếu các ông cứ để cho ma muốn làm gì tùy ý thì các ông sẽ bị phiền nhiễu.

Giữ gìn che chở, hộ trì Phật pháp, **giúp cho chúng sanh được thành đạo vô thượng**

HÒA THƯỢNG TUYÊN HÓA

PHƯƠNG PHÁP MỚI NGHIÊN CỨU

KINH LĂNG NGHIÊM

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

KINH LĂNG NGHIÊM

NĂM MƯƠI LOẠI ẤM MA

Hòa Thượng Tuyên Hóa giảng tại

Phật Giáo Giảng Đường San Francisco

California _ USA _ 1968

HÀNH ẤM

— o0o —

TRẠNG THÁI TÂM LÝ TRƯỚC KHI VÀO CẢNH GIỚI HÀNH ẤM

Kinh Văn: A-nan bỉ thiện nam tử, tu tam-ma-đề, tưởng ấm tận giả, thị nhân bình thường, mộng tưởng tiêu diệt, ngộ mị hằng nhất. Giác minh hư tĩnh, do như tình không, vô phục thô trọng, tiền trần ảnh sự. Quán chư thế gian, đại địa hà sơn, như cảnh giám minh, lai vô sở niêm, quá vô tung tích, hư thọ chiếu ứng, liễu võng trần tập, duy nhất tinh chân.

Việt dịch: **A-nan, thiện nam tử kia, tu pháp tam-ma-đề, tưởng ấm đã tiêu dung, mộng tưởng bình thường cũng hết hẳn, ngủ thức đồng một thể. Tính giác minh rỗng lặng như hư không, không còn những tướng tiền trần thô trọng. Xem mọi hiện tượng trong thế gian như sông núi đất liền, như lòng gương sáng, ảnh hiện không dính mắc, đi không lưu lại dấu vết, thong dong phản chiếu sự vật, sạch hết tập khí cũ, thuần nhất chân tánh tinh anh.**

Giảng: **A-nan, thiện nam tử kia, tu pháp tam-ma-đề**. Thiện nam tử nào đề cập ở đây? Chính là người đang nỗ lực trong công phu "hướng tánh nghe vào bên trong để nhận ra tự tánh của mình – phản văn văn tự tánh ," là người đang tu tập Thủ-lăng-nghiêm đại định, và chính xác ai là người này? Đơn giản là bất kỳ người nào đang tu tập chánh định. Thiện nam tử ở đây là không chỉ đề cập đến một cá nhân riêng biệt nào, cũng không phải là một danh xưng độc nhất. Nếu quý vị là người đang tu hành, thì tên gọi đó là dành cho quý vị. Nếu tôi là người đang tu hành thì danh hiệu đó dành cho tôi. Nếu cô ấy, ông ấy đang tu tập, thì nó dành cho cô ấy, bà ấy. Mọi người đều có thể nhận lấy tên gọi ấy. Đó là, các ông đều có tên gọi đó nếu tự xét mình là người có công phu tu tập. Còn nếu không tu tập thì ngược lại. Việc đó hoàn toàn hợp lý. Đó là người đang tu pháp tam-ma-đề.

Tu có nghĩa là siêng năng tọa thiền, không ăn nhiều bữa trong ngày, chủ yếu là tọa thiền, nghe giảng kinh, học Phật pháp. Tu tập điều gì? Đó là tu tập định lực. Tu tập định lực là sao? Chủ yếu là ở tọa thiền. Định lực phát sanh do việc trì giới, khi chúng ta đã thọ giới rồi, thì phải giữ giới cho tinh nghiêm, đừng bao giờ vướng vào việc dâm dục. Nam giới phải theo quy củ phép tắc của nam. Nữ phải giữ phép tắc quy củ của nữ. Như Quan Công, một danh tướng thời Tam Quốc. Ông ta trung thành với vợ mình suốt đời, ông ta không bao giờ đến gần người đàn bà khác. Các ông có thấy khuôn mặt đỏ của ông ta không? Nó chứng tỏ chất chính khí, hào hiệp nơi ông. Bây giờ quý vị đã thọ giới, tôi muốn nói với quý vị là phải giữ lòng trung thành với ý trung nhân của mình. Đừng có vướng mắc vào sự ham muốn nhiều vợ, nhiều chồng rồi tìm kiếm bạn tình khắp nơi. Đừng nên hủy phạm giới luật, nên tuân thủ mọi quy củ, hành xử một cách quang minh chính đại, chỉ có cách ấy mới đạt được định lực. Sau khi thọ giới quý vị mới nên tu định, tu định rồi sẽ đạt được định lực, có định lực thì có được năng lực trí huệ.

Tại sao người ta bị ma gá? Nếu định lực của quý vị yếu và năng lực trí huệ không sung mãn, thì quý vị sẽ gặp ma chướng. Nếu công phu thiền định của quý vị chín muồi, quý vị sẽ chinh phục được ma quỷ.

Tưởng ấm đã tiêu dung.

Trong số năm ấm: sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Tưởng ấm đã bị tiêu trừ. Hành giả dụng tâm muốn giao hỗ với tưởng ấm mà anh ta vừa chinh phục nó, khi đã vượt qua được tưởng ấm.

Mộng tưởng bình thường cũng hết hẳn.

Trong trạng thái này, hành giả vẫn ngủ, vẫn ăn nhưng không còn mơ nữa.

Khổng Tử có lần nói:

"Than ôi! Ta suy yếu rồi! Từ lâu ta không còn mộng thấy Chu Công ."

Chu Công là người bảo hộ cho Thành Vương vào đời nhà Chu. Tại sao Khổng Tử không còn mộng nữa? Có lẽ đến lúc ấy Khổng Tử đã một phần vượt qua tưởng ấm rồi, tuy nhiên, do ông ta không biết được điều này, nên ông ta ngạc nhiên.

"Này, sao ta không còn mộng nữa? Ồ, ta đã già rồi!"

Khổng Tử đã có chút ít trong công phu tu tập, có thể ông ta đã tiêu trừ được tưởng ấm , mà không hề biết gì về việc ấy. Ông ta không hiểu nên ông ta đoán

rằng do ông ta đã già yếu nên không còn mộng nữa. Một khi tưởng ấm tiêu dung thì ngủ không còn mộng nữa.

Ngủ thức đồng một thể.

Nếu quý vị có đọc văn học cổ điển Trung Hoa, quý vị có thể liên hệ đến câu chuyện nhan đề "Trịnh Bá Khắc đoạn ư Yên." Xưa Trịnh Vũ Công cưới vợ là Thần Vu Giáp , gọi là Vũ Khương. Sinh ra được hai người con: Trang Công và Cung Thúc Đoạn . Trang Công được sinh ra khi mẹ là bà Vũ Khương đang ngủ. Khi bà mẹ thức dậy, đã sinh Trang Công xong rồi. Trang Công được gọi là "Ngụ sinh."

Trạng thái thức ngủ như nhau có nghĩa là: Khi ngủ cũng như thể là thức. Hành giả lúc thức cũng tỉnh táo vì anh ta không điên đảo, và ngủ cũng không có mộng. Khi các ông vượt qua được tưởng ấm , các ông có thể xa rời được những điên đảo, xa rời mộng tưởng và đạt được cảnh giới niết-bàn. Nếu các ông chưa tiêu dung được tưởng ấm, thì cái điên đảo này khó mà tiêu trừ được. Các ông nên lưu tâm đến điều này.

Trong việc học Phật pháp của chúng ta, ngũ ấm được đề cập trong Kinh Thủ-lăng-nghiêm rất là quan trọng. Hơn thế nữa, các ông nên học cách mở sáu nút. Nếu các ông không biết những nút này, thì không bao giờ mở được và không bao giờ được tự tại. Nếu mở được sẽ có tự do.

Tính giác minh rỗng lặng như hư không, không còn những tướng tiền trần thô trọng.

Đến điểm này hành giả có thể ngủ hay thức tùy ý, nhưng theo anh ta, hai trạng thái ấy hoàn toàn giống nhau. Loại trạng thái ấy là gì? Hành giả thực sự ngủ rất ít, anh ta chỉ cần phục hồi sinh lực bằng cách chợp mắt một lát. Không như những người ngủ từ sáng đến tối và ngủ từ tối đến sáng. Lý do họ ngủ không bao giờ thấy đủ, là vì họ chưa vượt qua được tưởng ấm . Anh ta thường hay ngủ lơ mơ một chút, khi anh ta vượt qua tưởng ấm được rồi, anh ta trở nên rất lanh lợi và sáng suốt, thức và ngủ trở nên là một đối với anh ta. Điều này không có gì xa lạ, nếu quý vị nói chuyện khi anh ta đang ngủ, anh ta cũng nghe được hết. Đó là một trạng thái vi diệu, đừng cho rằng có thể mạ lỵ anh ta khi đang ngủ, vì anh ta biết được những gì các ông đang nói. Anh ta chỉ không để cho quý vị biết được những gì anh ta biết. Thật là cảnh giới kỳ diệu, một số chư thiên không ăn cũng không ngủ mà luôn thấy lanh lợi và tỉnh táo.

Tâm giác ngộ sáng suốt rỗng lặng như hư không. Như lời trong bài kệ:

"Vạn lý vô vân vạn lý thiên"

(Muôn dặm không mây, muôn dặm trời).

Trên bầu trời trong vắt, ánh sáng mặt trời tỏa lan đến cả ngàn dặm chung quanh. Trong trạng thái này tâm hành giả không còn những bóng dáng của tiền trần thô trọng. Tất cả bóng dáng bên ngoài của tiền trần đều bị tiêu mất.

Xem mọi hiện tượng trong thế gian như sông núi đất liền, như lòng gương sáng, ảnh hiện không dính mắc, đi không lưu lại dấu vết,

Cảm nhận về mọi hiện tượng trong thế gian này như là tấm gương sáng. Trong đó phản chiếu tất cả sự vật, gương trở lại tướng không khi ảnh không chiếu soi nữa, nó không để lại dấu vết gì cả. Bất luận cảnh giới gì hiện ra, hành giả cũng không dính mắc vào nó, khi cảnh giới ấy đi qua thì chẳng còn dấu vết gì lưu lại. Khi ra đi nó đi một cách đơn giản, nên trong Kinh Kim Cương nói:

“Quá khứ tâm bất khả đắc. Hiện tại tâm bất khả đắc. Vị lai tâm bất khả đắc.”

Tâm quá khứ không thể nắm bắt được. Tâm hiện tại không thể nắm bắt được. Tâm vị lai không thể nắm bắt được. Ba cảnh giới ấy đều không thể nắm bắt được. Đó là lý do tại sao khi cảnh đến chẳng có gì dính mắc, khi di chẳng lưu lại dấu vết gì.

Thong dong phản chiếu sự vật, sạch hết tập khí cũ. Hành giả sạch hết tập khí cũ như xấu xa, ác độc phá hoại. Hãy quan sát tập khí xấu của một số người. Có người chỉ thích nói về những chuyện xấu xa, điên rồ. Đó là tập khí hôi thối (xú tập khí). Có người chỉ thích nói những chuyện hèn hạ, bỉ ổi. Đó là tập khí phá hoại. Có người thường rất cống cao ngã mạn. Tóm lại, chúng ta có rất nhiều tập khí xấu, nhưng hành giả ấy đã từ bỏ tất cả những tập khí cũ ấy.

Thuần nhất chân tánh tinh anh.

Chỉ còn lại tánh chân thật tinh anh. Đó là thức thứ tám. Đến đây sáu thức trước và thức thứ bảy đã tiêu mất, bây giờ chỉ còn thức thứ tám, và nó sẽ chuyển thành Đại viên cảnh trí như chư Phật. Bây giờ hành giả đã đạt được mức độ này rồi (thức thứ tám) chớ chưa chuyển qua Đại viên cảnh trí được. Đó là ý nghĩa chỉ còn lại thuần nhất chân tánh tinh anh.

PHẠM VI HÀNH ẤM

Kinh Văn: Sanh diệt căn nguyên, tòng thử phi lộ, kiến chư thập phương, thập nhị chúng sanh, tất đàn kì loại. Tuy vị thông kì, các mệnh do tự, kiến đồng sanh cơ, do như dã mã , tập tập thanh nhiễu , vi phù căn trần, cứu cánh xu huyệt. Thử tắc danh vi, hành ấm khu vũ.

Việt dịch: **Căn nguyên của sinh diệt từ đó lộ ra, thấy được mười hai loại chúng sanh trong khắp mười phương, rõ hết các loài. Dù chưa thông suốt manh mối của mỗi loại, nhưng đã thấy chúng có chung một cơ sở sinh diệt, giống như sóng nắng chớp nhoáng bập bềnh, làm điểm then chốt để phát sinh các phù căn trần. Đây gọi là phạm vi của hành ấm**

Giảng: **Căn nguyên của sinh diệt từ đó lộ ra.** Từ đâylộ bày rõ ra nguồn gốc của sự sinh diệt.

Điều này liên quan đến nguồn gốc của sự sinh ra và chết đi. Nó nằm trong loại động tướng vi tế của thức thứ bảy và thức thứ sáu. Lúc này, tưởng ấm đã tiêu dung, hành giả đạt đến hành ấm . Do vậy, nguồn gốc của sự sanh diệt mới được hiển lộ.

Hành giả **thấy được toàn thể mười hai loại chúng sanh trong khắp mười phương.**

Hiểu được một cách tường tận mỗi thứ trong mười hai loại chúng sanh, bao gồm các loài sinh từ trứng (noãn sinh) cho đến loài phi vô tưởng .

Dù chưa thông suốt manh mối, nguồn gốc **riêng của mỗi loại, nhưng đã thấy chúng có chung một cơ sở sinh diệt, giống như sóng nắng chớp nhoáng bập bềnh.**

Hành giả chưa hoàn toàn biết rõ nguồn gốc riêng của từng loại chúng sanh, nhưng đã nhận rõ nguồn gốc của mười hai loại chúng sanh. Căn nguyên này giống như sóng nắng (dã mã). Đôi khi vào mùa xuân, quý vị có thể nhìn thấy có thứ gì đó giống như nước từ đằng xa, nhưng khi đến nơi thì chẳng có nước. Trang Tử gọi ảo giác này là dã mã. Đó là thị vi hóa về hình ảnh một đám mây bị cuộn lên theo sau đám ngựa phi nhanh. Trong Kinh Thủ-lăng-nghiêm, theo văn kinh gọi đó là "dương diệm – sóng nắng." Có nghĩa là hơi nước bốc lên từ mặt đất vào mùa xuân, tạo thành một cảnh tượng hư ảo. Người ta cho rằng ở nơi đâu có hiện tượng này thì nơi ấy phong thủy địa lý rất tốt. Do vậy dù trong kinh Phật gọi đó là dương diệm hay dã mã cũng đều có nghĩa là ảo tưởng.

"**Chớp nhoáng** – tập tập ." Có nghĩa là có chút ít ánh sáng, lúc có lúc không, không sáng rõ.

"**Bập bềnh** – thanh nhiễu " Nghĩa là: Trạng thái nhiễu loạn dao động nhẹ nhàng.

Làm điểm then chốt để phát sanh các phù căn trần.

Sáu phù căn trần là: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Tất cả các thứ ấy đều không thực, chỉ là huyễn tượng. Trong tiếng Trung Hoa, chữ then chốt được biểu tượng bằng cái chốt cửa mà người Trung Hoa dùng để đóng hay mở cửa. Ngày nay chúng ta dùng hai miếng bản lề bằng kim loại. Nhưng vào thời xưa, ở Trung Hoa cái cửa được quay nhanh một cái trục gọi là then và chốt vào lỗ để đóng lại.

Đây gọi là phạm vi của hành ấm .

CỘI GỐC CỦA HÀNH ẤM

Kinh Văn: Nhược thử thanh nhiễu, tập tập nguyên tánh, tánh tập nguyên trừng, nhất trừng nguyên tập. Như ba lan diệt, hóa vi trừng thủy. Danh hành ấm tận. Thị nhân tắc năng siêu chúng sanh trọc. Quán kì sở do, u ẩn vọng tưởng dĩ vi kì bản.

<u>Việt dịch: </u>**Nếu cội gốc của tánh bập bềnh chớp nhoáng ấy nhập vào bản chất trong lặng vốn sẵn có xưa nay, thì tập khí của hành giả sẽ lóng lặng, như sóng lặng nước yên. Đây gọi là hành ấm tiêu dung. Người ấy có thể vượt qua được chúng sanh trược. Quán xét nguyên do cội gốc của hành ấm, chính là u ẩn vọng tưởng.**

Giảng: **Nếu cội gốc của tánh bập bềnh chớp nhoáng ấy nhập vào bản chất trong lặng vốn sẵn có xưa nay, thì tập khí của hành giả sẽ lóng lặng. Như sóng lặng nước yên.**

Bản chất của ánh sáng chớp nhoáng bập bềnh này là như thế, sau một thời gian dài nó sẽ trở về với thể tánh rỗng lặng trong suốt vốn sẵn có xưa nay. Một khi nó đã lắng xuống và trở nên trong trẻo, thì bản tánh thanh tịnh hiển bày, khi bản tánh hiển lộ thì những tập khí sẽ tiêu tan như sóng lặng xuống.

Tưởng ấm, như một dòng nước chảy xiết (bạo lưu). Trong kinh văn ở đoạn trước đã có sự so sánh ấy rồi. Bây giờ dùng sóng để ví dụ. Giống như một dòng nước chảy xiết, rất nhanh và dữ dội.

Đây gọi là hành ấm tiêu dung.

Tưởng ấm như dòng nước phun vọt ra, còn hành ấm như sóng gợn lăn tăn trên mặt nước. Đến khi chỉ còn thức ấm , thì mới hết sóng, nước lắng yên và trong veo. Đây gọi là hành ấm tiêu dung.

Hành giả có thể vượt qua được chúng sanh trược, đó là sự hỗn độn, mờ đục của thế giới chúng sanh. **Quán xét nguyên do cội gốc của hành ấm , chính là u ẩn vọng tưởng.**

Khi quý vị tu tập đạt đến mức độ này rồi, quý vị vẫn còn có vọng tưởng, nhưng không quá lộ liễu, nó bị che khuất trong khoảng tối tăm mù mịt, không dễ dàng quán xét để biết rõ ràng tường tận thứ vọng tưởng ấy được. Loài vọng tưởng cực kỳ vi tế này là nguồn gốc của hành ấm .

10 CẢNH GIỚI CỦA HÀNH ẤM

* * *

1 – HAI LOẠI TÀ KIẾN VÔ NHÂN

Kinh Văn: A-nan đương tri, thị đắc chánh tri, xa ma tha trung, chư thiện nam tử, ngưng minh chánh tâm, thập loại thiên ma, bất đắc kì tiện. Phương đắc tinh nghiên, cùng sanh loại bản, ư bản loại trung, sanh nguyên lộ giả, quán bỉ u thanh, viên nhiễu động nguyên, ư viên nguyên trung khởi kế độ giả. Thị nhân đọa nhập nhị vô nhân luận.

Việt dịch: A-nan, nên biết, các thiện nam tử ấy đã được sự nhận biết chân chính trong khi tu xa-ma-tha , chánh tâm ngưng lặng, sáng suốt, không bị quấy phá bởi mười loại thiên ma. Trong lúc nghiên cứu tinh vi cùng tột gốc của các loại chúng sanh, khi thấy manh mối sinh diệt của các loại hiện ra, quán xét cội gốc thường chuyển động lăng xăng cùng khắp u ẩn kia, trong đó lại khởi tâm so đo chấp là tính viên nguyên, thì liền rơi vào hai thứ luận vô nhân.

Giảng: **A-nan, nên biết, các thiện nam tử ấy đã được sự nhận biết chân chính trong khi tu xa-ma-tha** (chỉ), còn gọi là tịch tĩnh.

Chánh tâm ngưng lặng, sáng suốt, không bị quấy phá bởi mười loại thiên ma.

Tâm đã được điều phục ngưng lặng, sáng suốt. Trong định, tâm hành giả trở nên sáng suốt ngưng lặng. Không bị quấy phá bởi mười loại thiên ma. Thiên ma không có cơ hội để quấy phá hành giả.

Trong lúc nghiên cứu tinh vi cùng tột gốc của các loại chúng sanh. Bây giờ hành giả có thể có được cơ hội nghiên cứu tinh vi cùng tột cội gốc sinh diệt của mười hai loại chúng sanh.

Khi thấy manh mối sinh diệt của các loài hiện ra.

Khi hành giả vạch ra được manh mối sinh diệt của mỗi loài chúng sanh. Hành giả có thể **quán sát cội gốc thường chuyển động lăng xăng trùm khắp uẩn kia**.

Hành giả quán sát trạng thái lăng xăng mờ mịt rất khó nhận ra ấy. Trạng thái bập bềnh tỏa khắp này là một sự dao động rất vi tế thuộc phạm vi thức thứ bảy.

Trong đó lại khởi tâm so đo chấp là tính viên nguyên, thì liền rơi vào hai thứ luận vô nhân.

Nhưng nếu hành giả đột nhiên bắt đầu có một sự thay đổi và bắt đầu khởi tâm so đo chấp trước vào cội nguồn trùm khắp ấy, là tự tánh xưa nay vốn tròn đầy thì liền rơi vào hai thứ luận vô nhân.

Kinh Văn: Nhất giả thị nhân kiến bản vô nhân. Hà dĩ cố? Thị nhân kí đắc, sanh cơ toàn phá. Thừa vu nhãn căn, bát bách công đức, kiến bát vạn kiếp, sở hữu chúng sanh, nghiệp lưu loan hoàn, tử thử sanh bỉ. Kì kiến chúng sanh luân hồi kì xứ. Bát vạn kiếp ngoại, minh vô sở quán.

Việt dịch: Một là, người ấy thấy cái gốc không có nhân. Vì sao? Vì người ấy đã hoàn toàn chuyển hóa cơ chế của sự sinh ra. Nhờ tám trăm công đức của nhãn căn, thấy được toàn bộ chúng sanh theo vòng nghiệp báo mà xoay vần trong tám vạn kiếp, chết nơi này sanh nơi kia. Thấy chúng sanh luân hồi trong đó, nhưng ngoài tám mươi ngàn kiếp thì không biết được gì.

Giảng: Luận điểm trước tiên của thuyết vô nhân là: Hành giả thấy được nguồn gốc của sự sống vốn không có nhân.

Một là, người ấy thấy cái gốc không có nhân.

Hành giả thấy rằng: Nơi nguồn gốc của toàn thể vạn vật chẳng có một nguyên nhân nào khiến một người thành người.

Vì sao? Vì người ấy đã hoàn toàn chuyển hóa cơ chế của sự sinh ra.

Nghĩa là: Anh ta đã cắt đứt được tưởng ấm , còn hành ấm thì như sóng gợn lăn tăn trên mặt nước. Sau khi hành giả tiêu dung được tưởng ấm rồi, là đã chuyển hóa được toàn bộ cơ chế của sinh diệt. Có nghĩa là: cơ chế sinh khởi vọng tưởng đã được chuyển hóa, và hành giả không còn vọng tưởng nữa. Trong đoạn kinh văn trước đã nhắc đến người sẽ không còn mộng nữa khi tiêu dung được tưởng ấm, vì đã chuyển hóa được cơ chế sinh khởi vọng tưởng.

Nhờ tám trăm công đức của nhãn căn, thấy được toàn bộ chúng sanh theo vòng nghiệp báo mà xoay vần trong tám vạn kiếp, chết nơi này sanh nơi kia.

Mặc dù mỗi căn có khả năng một ngàn hai trăm công đức, riêng cái dụng của nhãn căn không có năng lực toàn diện nên chỉ có tám trăm công đức. Một khi hành giả vượt qua được tưởng ấm , anh ta có thể nhìn thấy những sự kiện xảy ra trong phạm vi tám vạn kiếp. Anh ta có thể thấy chúng sinh, chết nơi này sanh ở nơi kia, thấy chúng sanh luân hồi trong đó.

Dòng nghiệp tạo nên bởi chúng sanh trong thế gian này có thể ví như dòng nước hoặc như mặt biển. Anh ta có thể thấy được toàn bộ chúng sinh xoay vần trong dòng chảy đó trong thời gian tám vạn đại kiếp, chết nơi này sinh nơi kia, đời này kế tiếp đời sau.

Thấy chúng sanh luân hồi trong đó, nhưng ngoài tám mươi ngàn kiếp thì không biết gì.

Nhưng ngoài tám vạn kiếp, những biến cố sự kiện xảy ra trong khoảng ấy thì không biết được gì.

Kinh Văn: Tiện tác thị giải, thử đẳng thế gian thập phương chúng sinh, bát vạn kiếp lai, vô nhân tự hữu.

Việt dịch: Do vậy hành giả có kiến giải rằng, những loại chúng sanh trong mười phương thế giới này từ tám vạn kiếp trở lại, hiện hữu mà không có nguyên nhân.

Giảng: Do vậy, vì hành giả không nhìn thấy được những sự kiện xảy ra trong hơn tám vạn đại kiếp trở lại, nên có kiến giải những loại chúng sanh trong mười phương thế giới này từ tám vạn kiếp trở lại, thành chúng sanh mà không có nguyên nhân.

Tự nó làm chúng sanh, không có nhân duyên nào cả, tất cả đều tình cờ ngẫu nhiên mà sanh ra.

Kinh Văn: Do thử kế độ, vong chánh biến tri, đoạ lạc ngoại đạo, hoặc bồ-đề tánh.

Việt dịch: Do sự suy đoán này, nên mất chánh biến tri, bị lạc vào ngoại đạo, trở nên mê lầm tánh bồ-đề.

Giảng: **Do sự suy đoán này**. Sự phỏng đoán ấy đã lạc đường, là hướng ra bên ngoài mà suy lường. Nên hành giả đánh **mất chánh biến tri**, **lạc vào hàng ngoại đạo**, theo hàng ngoại đạo tà giáo. **Trở nên mê lầm tánh bồ-đề**… là tánh giác ngộ sáng suốt từ bản tâm.

Kinh Văn: Nhị giả thị nhân kiến mạt vô nhân. Hà dĩ cố? Thị nhân ư sanh, kí kiến kì căn. Tri nhân sanh nhân, ngộ điểu sanh điểu. Ô tòng lai hắc, hộc tòng lai bạch. Nhân thiên bản thụ, súc sanh bản hoành. Bạch phi tẩy thành, hắc phi nhiễm tạo. Tòng bát vạn kiếp, vô phục cải di.

Việt dịch: Thứ hai là người ấy thấy cái ngọn là không có nguyên nhân. Tại sao? Vì đã nhận ra cội gốc sinh diệt. Biết loài người luôn luôn sanh ra người, chim luôn luôn sanh ra chim. Quạ vốn xưa nay là đen, chim hộc vốn xưa nay là trắng. Loài người, loài trời luôn luôn đứng thẳng, loài vật luôn luôn có thân nằm ngang. Sắc trắng không do rửa mà thành, mầu đen không do nhuộm mà có. Suốt tám vạn kiếp việc ấy không hề thay đổi.

Giảng: Thứ hai là người ấy thấy cái ngọn là không có nguyên nhân.

Luận điểm thứ hai là gì? Hành giả thấy chỗ tận cùng của sự sống là không có nguyên nhân.

Luận điểm thứ nhất là thấy sự sinh khởi không có nguyên nhân. Bây giờ là quan niệm về sự biến diệt, sự chấm dứt cuộc sống không có nguyên nhân.

Vì sao? Vì hành giả **đã nhận ra được cội gốc của sự sinh diệt** là sự khởi thủy của toàn bộ chúng sanh. **Biết người luôn luôn sinh ra người, chim luôn luôn sanh ra chim**. Hành giả nhận thấy rằng mình đã giác ngộ, đạt được trí huệ vĩ đại, anh ta nghĩ rằng mình biết được mọi điều. Anh ta cho rằng mình biết được điều gì? Anh ta nói: "Người rốt cục lại sanh ra người, chim rồi lại sanh làm chim." (33)

Chim **quạ vốn xưa nay là mầu đen**. Quạ có mầu đen từ khởi thủy, nó chẳng phải do nhuộm mà có mầu đen, và **chim hộc**(ngỗng trời) **vốn xưa nay là màu trắng**, nó mang mầu trắng từ khi mới sanh ra.

Loài người, loài trời luôn luôn đứng thẳng. Loài người và chư thiên thì đi thẳng, đi bằng hai chân.

Loài vật luôn có thân nằm ngang. Súc sinh đi ngang bằng bốn chân trên mặt đất. Điều này là chính xác từ xưa nay rồi.

Sắc trắng không phải do rửa mà thành, **mầu đen không phải do nhuộm mà có**. Chẳng hạn như quạ có màu đen, nhưng chẳng do nhuộm mà thành đen. Cũng thế ngỗng trời có màu trắng, chẳng phải do tẩy rửa mà thành trắng.

Suốt trong tám vạn kiếp, việc ấy không hề thay đổi.

Kinh Văn: Kim tận thử hình, diệc phục như thị. Nhi ngã bản lai, bất kiến bồ-đề, vân hà cánh hữu, thành bồ-đề sự? Đương tri kim nhật nhất thiết vật tượng, giai bản vô nhân.

Việt dịch: Cho đến hết đời này cũng như vậy. Mà ta từ xưa nay, chưa từng thấy có gì là bồ-đề, thì làm sao có chuyện thành tựu bồ-đề? Các ông ngày nay nên biết, các vật tượng hiện hữu đều không có nguyên nhân.

Giảng: Cho đến hết đời này cũng như vậy.

Người ấy có thể thấy được những hiện tượng xảy ra trong phạm vi tám vạn đại kiếp, nên nói: “Nay tôi xem xét đến cùng tận cõi đời này là cuộc sống của thân vật chất, cũng thấy như vậy, cũng giống như mọi loài chúng sanh mà nó thấy được trong tám vạn đại kiến ấy.

Mà ta từ xưa nay, chưa từng thấy có gì là bồ-đề, thì làm sao có chuyện thành tựu bồ-đề? Thân nó cũng không có nguồn gốc sanh khởi. Nó nói: “Thực vậy từ xưa đến nay, ta chưa từng thấy có gì là bồ-đề. Ta chưa từng thấy bồ-đề như thế nào? Làm sao lại có việc thành đạo bồ-đề?

Ta đã nhìn qua tám vạn đại kiếp, chưa từng thấy được bồ-đề, thế nên làm sao ta có thể tin là có người chứng được đạo bồ-đề.

Các ông ngày nay nên biết các vật tượng hiện hữu đều không có nguyên nhân.

Các hiện tượng ấy hiện hữu chẳng do bất kỳ nguyên nhân nào mà. Thực ra, anh ta chỉ có thể thấy được các hiện tượng trong phạm vi tám vạn đại kiếp. Còn những hiện tượng xảy ra ngoài thời gian đó, thì anh ta hoàn toàn không biết.

Khi Đức Phật còn tại thế, có một lão già đến tinh xá gặp Phật xin được xuất gia. Gặp khi Đức Phật đang trên đường du hóa, không có ở tinh xá. Các vị A-la-hán ở đó đều nhìn lão già. Đó là một người khoảng ngoài tám mươi tuổi, da nhăn, tóc bạc, dáng đi lụm cụm run rẩy. Bất kỳ lúc nào có người đến tinh xá xin xuất gia, các vị A-la-hán đều quán sát những nhân duyên người ấy đã gieo trồng từ nhiều kiếp trước và quả báo mà người ấy sẽ gặt và đời sau. Nay chư vị

A-la-hán quán sát những nghiệp nhân người già ấy đã gieo và thấy được trong tám vạn kiếp trước, lão già ấy không gieo trồng chút thiện căn nào cả.

Vị đại A-la-hán bảo: "Vì ông không trồng căn lành, nên không thể xuất gia được. Ông chớ nên nghĩ rằng xuất gia là dễ. Để được làm người xuất gia, các ông phải gieo trồng nhiều hạt giống bồ-đề trong đời này và những đời sau. Mặc dù ông muốn xuất gia ngay đời này, nhưng do vì ông đã không gieo nhân lành nên chúng tôi không thể nhận ông vào trong đoàn thể những người xuất gia. Tốt hơn là ông nên về nhà đi."

Lão già nghe vậy bèn bật khóc. Ông khóc khi nghĩ về số phận kém may mắn của mình. Cũng như trong một lần trước, ông đã từng ước nguyện được xuất gia và cũng bị từ chối bởi các vị A-la-hán đệ tử Phật. Ông lão vừa đi vừa khóc, suy nghĩ: "Tốt nhất là ta nên tự tử chết cho rồi, ta nên treo cổ hoặc trầm mình chết dưới sông. Ta chẳng muốn sống để làm gì nữa!"

Vậy mà một niệm chân thành của ông đã cảm ứng đến chư Phật. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni liền đến gặp ông và hỏi: "Tại sao ông khóc?"

Ông trả lời: "Con muốn sống đời xuất gia, nhưng Thế tôn không có ở tinh xá, các đệ tử của ngài không chấp nhận con vào Tăng đoàn. Họ nói con không gieo trồng căn lành và chẳng làm được việc gì tốt trong tám vạn kiếp vừa qua hết thảy. Nên con suy nghĩ thà chết còn hay hơn. Chẳng còn mục đích gì để sống cả."

Đức Phật nói:

– Đừng khóc nữa! Ta sẽ giúp ông. Ta sẽ đồng ý cho ông xuất gia. Hãy theo ta về tinh xá."

Lão già theo Đức Phật trở về tinh xá. Và được Đức Phật cho xuất gia. Tất cả những vị A-la-hán đều lấy làm khó hiểu. Họ suy nghĩ:

– Lạ thật! Đức Phật xưa nay chỉ nhận toàn những người đã gieo trồng nhiều căn lành. Tại sao ngày nay lại nhận lão già chẳng gieo trồng chút căn lành nào cả?

Đức Phật biết vậy mới bảo với họ rằng:

– Các ông là hàng A-la-hán , chỉ mới có thể biết được những việc xảy ra trong vòng tám vạn đại kiếp. Còn ngoài khoảng thời gian ấy, các ông hoàn toàn không biết được. Cách đây hơn tám vạn đại kiếp, lão già này là tiều phu đốn củi trong rừng. Một hôm ông ấy gặp phải cọp và leo lên cây để tránh. Con cọp bắt đầu gặm gốc cây, chực muốn ăn sống nuốt tươi người tiều phu. Người ấy

quá hoảng hốt kêu lên “Nam-mô Phật.” Con cọp liền bỏ đi, khi cọp đã đi xa rồi, ông tiều phu mới trở về nhà, thoát khỏi nạn cọp vồ.

Chỉ niệm một câu “Nam-mô Phật,” là ông ta đã gieo trồng một thiện căn trong hơn tám vạn đại kiếp trước. Đến bây giờ là lúc hạt giống ấy nẩy mầm và kết trái. Đó là lý do ông lão được nhận cho xuất gia.

Đức Phật giải thích sự sự thắc mắc của các đệ tử A-la-hán như vậy.

Người ấy cho rằng các sự vật hiện hữu đều không có nguyên nhân là vì anh ta không thể biết được những hiện tượng xảy ra trong khoảng thời gian ngoài tám vạn đại kiếp ấy.

Kinh Văn: Do thử kế độ, vong chánh biến tri, đọa lạc ngoại đạo, hoặc bồ-đề tánh.

Việt dịch: Do sự suy đoán như vậy, người ấy đánh mất chánh biến tri, lạc vào ngoại đạo trở nên mê mờ tánh bồ-đề.

Giảng: **Do sự suy đoán như vậy, người ấy đánh mất chánh biến tri, lạc vào ngoại đạo, trở nên mê mờ tánh bồ-đề.**

Anh ta chẳng hiểu được tánh bồ-đề.

Kinh Văn: Thị tắc danh vi, đệ nhất ngoại đạo, lập vô nhân luận.

Việt dịch: Đây gọi là ngoại đạo thứ nhất, lập nên luận thuyết vô nhân.

Giảng: Ma lập nên luận thuyết, cho rằng mọi hiện tượng đều không có nguồn gốc, hoặc không có nguyên nhân tạo ra.

2 – TÀ KIẾN CHẤP THƯỜNG

Kinh Văn: A-nan, thị tam ma trung, chư thiện nam tử, ngưng minh chánh tâm, ma bất đắc tiện. Cùng sanh loại bản, quán bỉ u thanh, thường nhiễu động nguyên. Ư viên thường trung, khởi kế độ giả, thị nhân trụy nhập tứ biến thường luận.

Việt dịch: A-nan, các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá. Trong khi quán xét

sâu xa nguồn gốc sự phát sinh của muôn loài, xét cội gốc thường nhiễu động lăng xăng vi tế kia. Trong đó, nếu khởi tâm chấp trước là tánh viên thường, thì sẽ rơi vào bốn luận thuyết biến thường.

Giảng: **A-nan, các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề chánh tâm đứng lặng sáng suốt.** Hành giả trong lúc thiền quán , chánh tâm đứng lặng, sáng trong. Chánh tâm của hành giả có được trí tuệ từ năng lực của thiền định. Nên t**hiên ma không có cơ hội quấy phá**. Bây giờ, thiên ma không còn có thể dùng ma thuật để nhiễu loạn hành giả được nữa. Nhưng thỉnh thoảng từ trong hành ấm lại hiện ra một loại biến hóa, khiến cho hành giả khởi vọng niệm, tà ý. Đây gọi là: "Ma sinh từ trong tâm." Là một loại ma sinh khởi từ trong tâm của chính hành giả.

Trong khi quán sát sâu xa nguồn gốc phát sinh của muôn loài, hành giả **xét cái cội gốc thường chuyển động lăng xăng u ẩn kia**.

Anh ta quán sát tánh chất của manh mối cực kỳ u ẩn của tất cả mọi loài chúng sanh. Nơi ấy anh ta thấy được một sự lăng xăng nhiều động thường xuyên rất vi tế.

Trong đó, nếu khởi tâm chấp đó là tánh viên thường, thì sẽ rơi vào bốn luận thuyết biến thường.

Anh ta có thể sẽ phát khởi một thứ tà kiến, một loại suy lường sai lạc. Nên rơi vào bốn quan niệm biến thường. Bốn thứ luận biến thường là gì?

Kinh Văn: Nhất giả thị nhân, cùng tâm cảnh tính, nhị xứ vô nhân. Tu tập năng tri, nhị vạn kiếp trung, thập phương chúng sanh, sở hữu sanh diệt, hàm giai tuần hoàn, bất tăng tán thất, kế dĩ vi thường.

Việt dịch: **Một là, người ấy nghiên cứu tột cùng tâm cảnh, cả hai đều không có nhân. Tu tập biết được trong hai muôn kiếp, chúng sanh trong mười phương trải qua xoay vần sanh diệt mà không mất hẳn, nên chấp là thường.**

Giảng: **Một là, người ấy nghiên cứu tột cùng tâm cảnh.** Hành giả nghiên cứu tột cùng bản tánh của tâm và cảnh. Anh ta phát khởi một suy nghĩ sai lạc và kết luận rằng **cả hai** tâm và cảnh **đều không có nhân**. Đều không có cội gốc, nơi mà chúng sinh khởi.

Tu tập biết được trong hai muôn kiếp, chúng sanh trong mười phương trải qua xoay vần sanh diệt mà không mất hẳn

Nhờ có công phu tu tập, anh ta có thể biết được trong hai muôn kiếp những chúng sanh trong mười phương trải qua vòng sanh diệt vô cùng vô tận mà không dứt hẳn.

Do tu tập mà có định lực nên biết được sự sinh ra và chết đi của toàn thể các loại chúng sanh ở mười phương trong vòng hai vạn kiếp. Thấy được chúng sanh trải qua những vòng luân hồi bất tận, sanh ra rồi chết đi liên tục mãi mãi mà không bao giờ tan mất hẳn.**Nên chấp là thường.** Do vậy hành giả chấp tâm cảnh ấy là thường. Không bao giờ cải biến thay đổi cả.

Kinh Văn: Nhị giả thị nhân, cùng tứ đại nguyên, tứ tánh thường trụ. Tu tập năng tri, tứ vạn kiếp trung, thập phương chúng sanh, sở hữu sanh diệt, hàm giai thể hằng, bất tăng tán thất, kế dĩ vi thường.

Việt dịch: **Hai là người ấy nghiên cứu tột cùng cội gốc của tứ đại, cho rằng tánh của nó là thường trụ. Tu tập biết được trong bốn muôn kiếp, chúng sanh trong mười phương tuy có trải qua sống chết, nhưng bản thể là thường hằng, không bao giờ tan mất, nên chấp đó là thường.**

Giảng: Luận điểm thứ hai là gì? **Là người ấy nghiên cứu tột cùng cội gốc của tứ đại, cho rằng tánh của nó là thường trụ.** Hành giả nghiên cứu tột cùng cội gốc của tứ đại đất nước, lửa gió, kết luận tánh của nó là thường trụ.

Anh ta tuyên bố rằng: “Bản thể của đất nước gió lửa là thường còn, không thể biến hoại.” Thực ra đất nước gió lửa có được là do vọng tưởng của chúng sanh và hoàn toàn không có thể tánh. Không có thể tánh làm sao nó lại thường được? Đây là một quan niệm sai lầm.

Qua công phu **tu tập, biết được trong bốn muôn kiếp, chúng sanh trong mười phương tuy có trải qua sống chết, nhưng bản thể** của chúng sanh lại **thường hằng, không bao giờ tan mất**. Do vậy, **nên** hành giả **chấp** trạng thái **ấy là thường**.

Anh ta cho rằng bản chất của sanh diệt là thường hằng không biến đổi, nó không bao giờ gián đoạn. Đó là luận điểm thứ hai.

Kinh Văn: Tam giả thị nhân, cùng tận lục căn, mạt-na chấp thọ, tâm ý thức trung, bản nguyên do xứ, tánh thường hằng cố. Tu tập năng tri bát vạn kiếp trung, nhất thiết chúng sanh tuần hoàn bất thất, bản lai thường trụ. Cùng bất thất tánh, kế dĩ vi thường.

Việt dịch: Ba là, người ấy nghiên cứu cùng tột nguyên do bản lai của lục căn, của sự chấp thụ ở thức mạt-na và của tâm ý thức, thấy bổn tánh của nó vốn thường hằng. Tu tập biết được trong tám vạn kiếp, tất cả chúng sanh xoay vần không mất, xưa nay vốn thường trụ. Nghiên cứu cùng tột tánh không mất ấy, chấp cho là thường.

Giảng: **Ba là, người ấy nghiên cứu cùng tột nguyên do bản lai của lục căn**

Người ấy nghiên cứu cùng tột nguyên do bản lai của thức thứ sáu. Thức thứ sáu còn gọi là ý thức. Mạt-na thức còn gọi là nhiễm ô thức.

Của sự chấp thủ ở thức Mạt-na, và của tâm ý thức, tức là của thức thứ sáu và thức thứ bảy.

Thấy bổn tánh của nó vốn thường hằng. **Qua công phu tu tập**. Dùng công phu: "phản văn văn tự tánh ." **Biết được trong tám vạn kiếp, tất cả chúng sanh trong mười phương xoay vần** luân chuyển trong luân hồi **không** hề tan **mất** và không hề thay đổi,**vốn xưa nay vốn thường trụ**. **Nghiên cứu cùng tột tánh không tan mất ấy chấp cho là thường**. Không bị chi phối bởi sự thay đổi.

Kinh Văn: Tứ giả thị nhân, kí tận tưởng nguyên. Sanh lí cánh vô, lưu chỉ vận chuyển, sanh diệt tưởng tâm, kim dĩ vĩnh diệt. Lí trung tự nhiên thành bất sanh diệt. Nhân tâm sở độ kế dĩ vi thường.

Việt dịch: Thứ tư là người ấy đã tiêu dung được căn nguyên tưởng ấm . Lý sanh khởi không còn nữa, trạng thái lưu chuyển đứng lặng xoay vần, tâm tưởng sanh diệt, nay vĩnh viễn không còn. Trong lý tự nhiên, thành không sanh diệt. Do tâm niệm suy lường như thế, mà chấp cho là thường.

Giảng: **Thứ tư là người ấy đã tiêu dung được căn nguyên tưởng ấm .**

Thứ tư là do hành giả đã tiêu dung được căn gốc của tưởng ấm ,.

Lý sanh khởi không còn nữa.

Một khi đã vượt qua được tưởng ấm , thì cội nguồn của sự sanh khởi vọng tưởng cũng không còn nữa. Hành giả có được định lực, hóa giải hết những vọng tưởng từ tâm thức. Với tâm ngưng lặng sáng suốt, hành giả không còn cơ hội nuôi dưỡng vọng tưởng nữa.

Trạng thái lưu chuyển đứng lặng xoay vần của hành ấm , **tâm tưởng**–vốn là nguyên nhân của **sanh diệt, nay vĩnh viễn không còn** nữa.

Hành giả không còn vọng tưởng nữa.

Trong lý tự nhiên, thành không sanh diệt.

Thế nên tự nhiên nghĩ rằng: Đây là trạng thái không sanh diệt. **Do tâm niệm suy lường như thế,** hành giả **chấp cho là thường**.

Kinh Văn: Do thử kế thường, vong chánh biến tri, đọa lạc ngoại đạo, hoặc bồ-đề tánh. Thị tắc danh vi, đệ nhị ngoại đạo, lập viên thường luận.

Việt dịch: Do suy luận chấp thường ấy, quên mất chánh biến tri, lạc vào ngoại đạo, mê mờ tánh bồ-đề. Đây là loại ngoại đạo thứ hai, lập ra thuyết viên thường.

Giảng: **Do suy luận chấp thường ấy.**

Do suy luận về bốn luận thuyết chấp viên thường ấy, **quên mất chánh biến tri,** hành giả bỏ mất trí huệ có được từ chánh biến tri, **lạc vào ngoại đạo, mê mờ tánh bồ-đề.**

Một khi đã rơi vào tà thuyết ngoại đạo, người ấy không thể nhận ra được tánh bồ-đề.

Đây là loại ngoại đạo thứ hai lập ra thuyết viên thường.

3 – TÀ KIẾN VỪA CHẤP THƯỜNG VỪA CHẤP ĐOẠN

Kinh Văn: Hựu tam ma trung, chư thiện nam tử, kiên ngưng chánh tâm, ma bất đắc tiện. Cùng sanh loại bản, quán bỉ u thanh, thường nhiễu động nguyên, ư tự tha trung, khởi kế độ giả. Thị nhân trụy nhập, tứ điên đảo kiến, nhất phần vô thường, nhất phần thường luận.

Việt dịch: A-nan, các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề chánh tâm đứng lặng sáng suốt. Thiên ma không có cơ hội quấy phá. Trong khi quán xét sâu xa nguồn gốc sự phát sinh của muôn loài, quán xét cội gốc thường nhiễu động lăng xăng kia, khởi tâm suy lường giữa mình và cái khác. Người ấy sẽ rơi vào bốn kiến chấp điên đảo của luận thuyết một phần vô thường, một phần thường.

Giảng: **A-nan, các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề chánh tâm đứng lặng sáng suốt. Thiên ma không có cơ hội quấy phá.**

Khi hành giả công phu đến mức đạt được định lực kiên cố có được chính tâm. Nên tà ma ngoại đạo không có cơ hội gây chướng ngại hành giả nữa. Tuy nhiên, một loại tà ma có thể sanh khởi ngay trong tự tâm của mình.

Trong khi quán xét sâu xa nguồn gốc sự phát sinh của muôn loài, **quán xét manh mối thường chuyển động lăng xăng u ẩn kia**. Xuất hiện trong hành ấm ngay tại giai đoạn công phu này.

Nếu móng **khởi tâm suy lường giữa mình và cái khác**, thì hành giả **sẽ rơi vào bốn kiến chấp điên đảo của luận thuyếtmột phần vô thường, một phần thường.**

Say mê thích thú trong sự suy lường về giữa mình và người khác. Hành giả tạo nên một thứ ma ngay trong tâm mình và rơi vào bốn thứ kiến chấp điên đảo. Nó nói rằng: "Các pháp là thường lẫn vô thường, là sinh lẫn diệt, là động lẫn tịnh, là ô nhiễm lẫn trong sạch, là sống lẫn chết." Nó bào chữa biện hộ cho cả hai phía. Không quyết đoán ở một phía nào cả. Nó nói: "Bên này đúng và bên kia cũng đúng." Nó nói vạn pháp là vô thường nhưng cũng nói vạn pháp là thường. Đó là điên đảo, thiếu tính nhất quán , làm rối loạn tâm người.

Kinh Văn: Nhất giả thị nhân, quán diệu minh tâm, biến thập phương giới. Trạm nhiên dĩ vi, cứu cánh thần ngã. Tòng thị tắc kế, ngã biến thập phương, ngưng minh bất động. Nhất thiết chúng sanh, ư ngã tâm trung, tự sanh tự tử. Tắc ngã tâm tánh, danh chi vi thường, bỉ sanh diệt giả, chân vô thường tánh.

Việt dịch: Một là, người ấy quán xét tâm tánh sáng suốt vi diệu khắp cùng mười phương. Cho trạng thái lặng lẽ sâu kín ấy làthần ngã rốt ráo. Nên hành giả chấp cái ngã của mình thì trong lặng sáng suốt, bất động, trùm khắp mười phương. Còn các loài chúng sanh đều lưu xuất từ tâm ta, chúng tự sinh tự diệt. Vậy nên tâm tánh của ta là thường, trong khi các loài kia phải trải qua sanh diệt, nên chúng thực sự là vô thường."

Giảng: Hành giả nói gì trong luận điểm thứ nhất này?

Một là, người ấy quán xét tâm tánh sáng suốt vi diệu khắp cùng mười phương.

Trước tiên hành giả, người đang tu đạo, quán sát tâm tánh sáng suốt, vi diệu khắp cùng mười phương. **Cho rằng trạng thái lặng lẽ sâu kín và thanh tịnh ấy là thần ngã rốt ráo**. **Nên hành giả chấp "cái ngã" của mình thì trong lặng sáng suốt, bất động trùm khắp mười phương.**

Tâm ta là một cảnh giới như như bất động, sung mãn định lực, đầy đủ trí huệ sáng suốt và bất động.

Nó nói: "Do vì tâm ta trùm khắp mười phương nên **tất cả các loài chúng sanh đều lưu xuất từ tâm ta, chúng nó tự sinh tự diệt** mãi không ngừng. Do **vậy tâm tánh của ta là thường**, không phải chịu sanh tử **trong khi các loài kia phải trải qua sanh diệt, nên chúng thực sự là vô thường**."

Chúng sanh lưu xuất từ tâm ra vẫn liên tục chịu sự sanh diệt. Do vậy bản chất chúng nó phải là vô thường. Còn tâm tánh ta trùm khắp mười phương, thường hằng không biến đổi. Nhưng các loài chúng sanh trong đó phải trải qua sanh diệt, nên chẳng phải là vô thường.

Kinh Văn: Nhị giả thị nhân, bất quán chân tâm, biến quán thập phương, hằng sa quốc độ. Kiến kiếp hoại xứ, danh vi cứu cánh, vô thường chủng tánh. Kiếp bất hoại xứ, danh cứu cánh thường.

Việt dịch: Thứ hai là, người ấy không quán xét tâm mình, lại quán xét mười phương cõi nước nhiều như cát sông Hằng. Thấy có nơi đang trong kiếp hoại, cho nơi đó có tính rốt ráo vô thường. Còn những nơi rốt ráo thường hằng là không ở trong kiếp hoại.

Giảng: **Thứ hai là, người ấy không quán xét tâm mình, lại quán xét mười phương cõi nước nhiều như cát sông Hằng.**

Hành giả không quán xét nơi tâm mình, mà trên hết lại thấy tâm mình trùm khắp mười phương. Hơn nữa, hành giả nhìn ra ngoài cõi nước mười phương nhiều như cát sông Hằng.

Thấy có nơi đang trong kiếp hoại, cho nơi đó có tính rốt ráo vô thường. **Còn những nơi tốt ráo thường hằng là không ở trong kiếp hoại.**

Anh ta thấy một thế giới nào đó đã đến kiếp hoại trong vòng biến chuyển thành, trụ, hoại, không. Anh ta tuyên bố rằng: "Nơi ấy có tánh vô thường một cách tuyệt đối." Còn thấy những nơi chưa đến kiếp hoại thì anh ta cho rằng nơi ấy rốt ráo thường hằng. Đó là cả hai thứ quan niệm thường và vô thường.

Kinh Văn: Tam giả thị nhân, biệt quán ngã tâm, tinh tế vi mật, do như vi trần, lưu chuyển thập phương, tánh vô di cải, năng linh thử thân tức sanh tức diệt. Kì bất hoại tánh, danh ngã tánh thường. Nhất thiết tử sanh, tòng ngã lưu xuất, danh vô thường tánh.

Việt dịch: Thứ ba, người ấy quán sát chỉ riêng tâm mình, thấy nó rất mầu nhiệm, vi tế, giống như vi trần lưu chuyển khắp mười phương mà tánh chất không dời đổi, khiến cho thân này sinh rồi lại diệt. Nến chấp tánh không biến diệt ấy là tánh thường của mình. Còn tất cả sự sanh diệt lưu xuất từ tâm mình là tánh vô thường.

Giảng: **Thứ ba, người ấy quán sát chỉ riêng tâm mình.** Trong luận thuyết điên đảo thứ ba, Hành giả quán sát chỉ riêng tâm mình,**thấy nó rất mầu nhiệm vi tế**. Hành giả nghiên cứu kỹ lưỡng tâm mình trong lãnh vực vi tế, tinh mật nhất. Nhưng lãnh vực này quá vi diệu đến nỗi rất khó nhận ra. Đó là tính chất của hành ấm . Trạng thái này giống như những loại sóng gợn lăn tăn trên mặt nước, hoặc là**giống như vi trần lưu chuyển khắp mười phương**. Liên tục trôi chảy không hề dừng nghỉ, **mà tánh chất không dời đổi**, trong khi thân này sinh rồi lại diệt. Điều ấy **khiến cho thân mạng phải trải qua vô số lần sanh tử.**

Nên chấp tánh không biến diệt trong dòng lưu chuyển liên tục ấy **là tánh thường của mình.**

Anh ta nói: “Đây là tánh thường hằng của tự tánh tôi.”

Còn tất cả các hiện tượng phải trải qua **sanh diệt, lưu xuất từ tâm mình là tánh vô thường.**

Anh ta nói: “Tất cả chúng sanh đều trôi trong vòng sống chết vô tận, đều lưu xuất từ bản tánh vô thường ở trong tâm ta. Nên hết thảy chúng sanh ấy đều được gọi là vô thường.

Kinh Văn: Tứ giả thị nhân, tri tưởng ấm tận, kiến hành ấm lưu. Hành ấm thường lưu, kế vi thường tánh. Sắc thọ tưởng đẳng, kim dĩ diệt tận, danh vi vô thường.

Việt dịch: Thứ tư, người ấy biết rằng tưởng ấm đã tiêu dung, thấy hành ấm đang lưu chuyển. Chấp sự lưu chuyển liên tục của hành ấm là thường. Còn sắc ấm, thọ ấm , tưởng ấm đã được tiêu dung rồi là vô thường.

Giảng: **Thứ tư, người ấy biết rằng tưởng ấm đã tiêu dung,** hành giả biết tưởng ấm đã không còn, **thấy hành ấm đang lưu chuyển**một cách vi tế như gợn sóng lăn tăn trên mặt nước. Trong công phu quán chiếu, hành giả **chấp sự lưu chuyển liên tục của hành ấm là thường**. Thấy sự lưu chuyển ấy liên tục không có gì thay đổi, nên kết luận: "Ồ! Tánh chất của nó chắc là thường hằng."

Còn sắc ấm, thọ ấm , tưởng ấm đã được tiêu dung rồi là vô thường.

Do vì thọ ấm , tưởng ấm không còn nữa nên anh ta nghĩ chúng phải là vô thường.

Kinh Văn: Do thử kế độ, nhất phần vô thường, nhất phần thường cố, đọa lạc ngoại đạo, hoặc bồ-đề tánh. Thị tắc danh vi, đệ tam ngoại đạo, nhất phần thường luận.

Việt dịch: Do những chấp trước về một phần thường và một phần vô thường này nên người ấy rơi vào ngoại đạo, mê mờ tánh bồ-đề. Đây là thuyết ngoại đạo thứ ba chủ trương luận thuyết một phần thường.

Giảng: **Do những luận thuyết sai lầm căn cứ vào chấp trước về một phần thường và một phần vô thường này nên** hành giả sẽ đánh mất chánh biến tri, **rơi vào ngoại đạo**, thành ra **mê mờ tánh Bồ-đề**.

Anh ta nói: "Hiện tượng này là thường, và hiện tượng kia là vô thường." Vì anh ta đã mang quan điểm điên đảo này rồi, và chẳng hiểu được những điều sâu kín trong lý luận ấy, nên anh ta bị lạc vào tà thuyết của ngoại đạo, và trở nên mê mờ tánh bồ-đề.

Đây là tà thuyết ngoại đạo thứ ba, chủ trương luận thuyết một phần thường, đó là luận thuyết điên đảo thứ ba mà hàng ngoại đạo chủ trương, xác quyết rằng mọi vật là một phần thường, một phần vô thường.

4 – TÀ KIẾN CHẤP CÓ

Kinh Văn: Hựu tam ma trung, chư thiện nam tử, kiên ngưng chánh tâm, ma bất đắc tiện. Cùng sanh loại bản, quán bỉ u thanh thường nhiễu động nguyên, ư phần vị trung, sanh kế độ giả. Thị nhân trụy nhập, tứ hữu biên luận.

Việt dịch: Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá. Trong khi quán xét sâu xa nguồn gốc phát sinh của muôn loài, quán xét cội gốc thường nhiễu động lăng xăng kia, khởi tâm suy lường về phận vị. Người ấy rơi vào bốn thứ luận hữu biên.

Giảng: Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề, chánh tâm ngưng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá.

Hành giả trong lúc thiền quán , chánh tâm ngưng lặng sáng suốt, thiên ma không khuấy phá được nữa.

Điều này liên quan đến những người tu tập pháp môn phản văn văn tự tánh , đã đạt được sự viên thông của nhĩ căn. Khi hành giả vượt qua được ba ấm: sắc ấm, thọ ấm , tưởng ấm ; là đã có được định lực kiên cố và chánh tâm. Do đó thiên ma ngoại đạo không thể nhiễu loạn tâm tánh hành giả được nữa. Trong khi sắc ấm, thọ ấm chưa tiêu dung. Thiên ma có thể nhiễu loạn hành giả một cách trực tiếp. Nhưng khi hành giả đang tiêu trừ tưởng ấm, thiên ma không thể nhiễu hại bằng cách trực tiếp nữa, mà phải thông qua tưởng ấm, việc gá vào một người khác mới có thể phá hủy được định lực của hành giả. Bây giờ, tại giai đoạn chuyển hóa hành ấm , Thiên ma không còn phá hủy định lực của hành giả, cho dù nó có gá vào người khác đi nữa. Đó là ý nghĩa của chánh tâm ngưng lặng sáng suốt. Thiên ma không có dịp thuận tiện khuấy phá được nữa.

Trong khi quán xét sâu xa nguồn gốc phát sinh của muôn loài, hành giả có thể nghiên cứu cùng tột cội nguồn của các mười hai loại chúng sanh, **thấy được manh mối thường chuyển động vi tế kia.**

Hành giả quán sát được tính chất tạm bợ thoáng chốc, và ẩn mật sâu kín của các loại chúng sinh ở trong sự chuyển động vi tế nhỏ nhiệm của hành ấm này.

Khởi tâm suy lường về phận vị. Người ấy rơi vào bốn thứ luận hữu biên.

Nhưng nếu hành giả khởi niệm suy lường, lập nên sự phân biệt… Trầm tư suy xét, lập nên bốn loại phân biệt mà ta sẽ thảo luận sau đây. Liền rơi vào bốn thứ luận hữu biên. Sự suy lường ấy làm sinh khởi trong tâm hành giả một thứ vọng chấp về hữu biên. Đó là vọng chấp về bốn loại luận hữu biên, đó một tà thuyết của ngoại đạo.

Kinh Văn: Nhất giả thị nhân, tam kế sanh nguyên, lưu dụng bất tức, kế quá vị giả, danh vi hữu biên, kế tương tục tâm, danh vi vô biên.

Việt dịch: Một là người ấy suy luận về cội gốc sanh diệt trôi chảy biến dịch không ngừng, xét đoán quá khứ tương lai là hữu biên, còn chấp sự tương tục của tâm là vô biên.

Giảng: Luận điểm đầu tiên về bốn thứ phân biệt có quan hệ đến thời gian: quá khứ, hiện tại, vị lai. Nên có câu:

"Tam tế cầu tâm, tâm bất hữu."

Nghĩa là, dù có bỏ hết cả ba thời: quá khứ, hiện tại, vị lai mà cầu thấy tâm, rốt ráo không thể được.

"Hiện tại tâm bất khả đắc, quá khứ tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc."

Tại sao vậy? Hãy nhìn vào quá khứ. Cái gì là quá khứ? Cái quá khứ đã đi mất rồi. Thế nên cái tâm quá khứ không thể nắm bắt được. Cũng như hiện tại nó không hề dừng. Ngay bây giờ, nếu quý vị nói đây là hiện tại, thì nó cũng đã đi trôi qua rồi! Hiện tại không bao giờ ở yên cố định cả. Vậy thì tâm hiện tại của quý vị nay ở nơi đâu? Còn tâm vị lai thì sao? Tương lai chưa đến. Vì nó chưa đến, nên nó không hiện hữu. Do vậy.

Tam tế cầu tâm, tâm bất hữu

Tâm bất hữu xứ, vọng nguyên vô.

Tâm đã rốt ráo không rồi, thì vọng tưởng do đâu mà có? Nếu quý vị hiểu được đạo lý này. Quý vị sẽ nhận ra vạn pháp xưa nay vốn là không, đều lưu xuất từ tánh Như Lai tạng .

Tuy nhiên hành giả đã móng khởi một niệm chấp trước, chấp trước điều gì? Đó là quan niệm hữu biên và vô biên. Anh ta nói rằng vạn vật vừa là hữu biên, vừa là vô biên. Lập nên cái gọi là "luận thuyết" về hữu biên và vô biên của vạn vật.

Một là người ấy suy luận về cội gốc sanh diệt trôi chảy biến dịch không ngừng,

Trong trạng thái chuyển hóa hành ấm , hành giả phỏng đoán rằng cội gốc của mười hai loại chúng sanh trôi nổi sống chết không cùng tận. Dòng biến dịch trôi chảy không ngừng ấy là một sự biểu thị cho hành ấm vậy.

Lúc ấy hành giả **xét đoán quá khứ tương lai là hữu biên.** Anh ta nói rằng "quá khứ và vị lai cả hai đều có giới hạn cả" thật là vô lý. Quá khứ, vị lai làm sao mà đặt giới hạn cho nó được? Căn cứ vào suy luận sai lạc, và suy chấp này. Anh ta cho rằng quá khứ vị lai là hữu biên. Nhưng thực ra quá khứ, vị lai thì vô biên.

Trong quá trình tu tập do vì thiếu trí huệ nên hành giả đã bị lạc đường, nên vừa tiêu dung được tưởng ấm , anh ta bị lạc mất chính lộ khi đang chuyển hóa hành ấm . Đó là lý do tại sao hành giả sanh khởi kiến chấp hữu biên vô biên.

còn chấp sự tương tục của tâm là vô biên.

Anh ta nói: "Sự tương tục không dừng nghĩ của tâm niệm trong hiện tại thì không có ngằn mé và giới hạn nên nói là vô biên."

Kinh Văn: Nhị giả thị nhân, quán bát vạn kiếp, tắc kiến chúng sanh. Bát vạn kiếp tiền, tịch vô văn kiến. Vô văn kiến xứ, danh vi vô biên, hữu chúng sanh xứ, danh vi hữu biên.

Việt dịch: Hai là người ấy quán sát trong tám vạn kiếp, thấy có chúng sanh. Còn ngoài tám vạn kiếp thì vắng bặt, không thấy không nghe được gì cả. Cho rằng nơi không thấy không nghe được gì là vô biên, còn nơi có chúng sanh là hữu biên.

Giảng: Loại phân biệt thứ hai là gì? Đó phân biệt về những gì anh ta nghe thấy được, và những gì anh ta không nghe thấy được. Anh ta sắp xếp những gì anh ta nghe thấy được về một phía và những gì không nghe thấy được về một phía khác. Vì thế anh ta lại rơi vào thế nhị biên một lần nữa. Chưa đạt được nghĩa trung đạo .

Hai là người ấy quán sát trong tám vạn kiếp, thấy có chúng sanh.

Khi hành giả ngồi thiền, năng lực của định giúp cho hành giả có thể thấy được những hiện tượng trong tám vạn đại kiếp, và có thể thấy được mười hai loại chúng sanh trong phạm vi ấy.

Còn ngoài tám vạn kiếp thì vắng bặt, không thấy không nghe được gì cả. Anh ta có thể thấy được rất rõ ràng những sự kiện trong khoảng tám vạn kiếp. Anh ta có thể thấy được các loại chúng sanh phải chịu trải qua vô số lần sinh tử. Nhưng anh ta không thể nghe hoặc thấy những hiện tượng xảy ra bên ngoài khoảng thời gian ấy.

Hành giả **cho rằng nơi không thấy không nghe được gì cả là vô biên**, không có giới hạn. **Và nơi có chúng sanh là hữu biên.** Hành giả lại rơi vào nhị biên lần nữa. Thành ra chấp có và chấp không. Có nghĩa dính chặt vào quan niệm mọi hiện tượng đều là ngoan không. Chấp có nghĩa là dính mắc với sắc. Cả hai đều chẳng khế hợp với trung đạo . Do vậy Đức Phật phê phán hạng người này là theo tà giáo ngoại đạo.

Kinh Văn: Tam giả thị nhân, kế ngã biến tri, đắc vô biên tánh, bỉ nhất thiết nhân, hiện ngã tri trung, ngã tằng bất tri, bỉ chi tri tánh. Danh bỉ bất đắc, vô biên chi tâm, đãn hữu biên tánh.

Việt dịch: Ba là người ấy chấp rằng mình biết cùng khắp, là được tánh vô biên, còn các người kia đều hiện ra trong cái biết của mình, mà mình chưa từng biết họ nhận ra được tánh biết. Cho rằng những người kia không đạt được tâm tánh vô biên mà chỉ đạt được tâm tánh hữu biên.

Giảng: **Ba là người ấy chấp rằng mình biết cùng khắp, là được tánh vô biên.** Hành giả chấp rằng cái biết cùng khắp của mình là tánh vô biên. Loại phân biệt thứ ba là phân biệt giữa cái ta của hành giả và cái khác. Cái khác ở đây liên quan đến tất cả chúng sanh, và ngã liên quan đến chính hành giả. Anh ta tạo nên một vọng chấp nữa và trở nên dính mắc với nó. Anh ta nói: “Tôi cảm thấy tôi có một loại trí tuệ biết trùm khắp tất cả.” Nghĩa là sao? Biết khắp tất cả có nghĩa là không có gì mà chẳng biết. Do vậy nó có khả năng đạt đến một loại tánh vô biên.

Còn các người kia, các loại chúng sanh **đều hiện ra trong cái biết của mình** tất cả đều được bao quát trong trí tuệ của hành giả. **Mà mình chưa từng biết họ nhận ra được tánh biết**. Hành giả **cho rằng những người kia không đạt được tâm tánh vô biên, mà chỉ đạt được tâm tánh hữu biên**.

Chúng sanh chưa đạt được tâm vô biên, nhưng chính hành giả lại có. Do vì anh ta không biết được tánh biết của họ nên cho rằng họ không đạt được tâm vô biên và không có trí tuệ hiểu biết vô biên, mà chỉ có một trí tuệ hạn cuộc. Đó là sự phân biệt giữa tự ngã và cái khác.

Kinh Văn: Tứ giả thị nhân, cùng hành ấm không. Dĩ kì sở kiến, tâm lộ trù độ, nhất thiết chúng sanh, nhất thân chi trung, kế kì hàm giai, bán sanh bán diệt. Minh kì thế giới, nhất thiết sở hữu. Nhất bán hữu biên, nhất bán vô biên.

Việt dịch Bốn là người ấy khi nghiên cứu tột cùng hành ấm đến chỗ rốt ráo không. Do những điều thấy được, suy luận rằng tất cả chúng sanh trong mỗi thân phần, gồm có nữa phần sanh, nửa phần diệt. Cho rằng rõ ràng mọi thứ trong đời một nửa là hữu biên, một nửa là vô biên.

Giảng: **Bốn là người ấy khi nghiên cứu tột cùng hành ấm đến chỗ rốt ráo không.** Hành giả nghiên cứu cùng tột hành ấm đến chỗ rốt ráo không. Loại

phân biệt thứ tư là gì? Đó là sự sanh và diệt. Hành giả nghiên cứu hành ấm đến mức tột cùng đến khi nó biến thànhkhông.

Do những điều thấy được. Căn cứ vào những điều thấy được, và hiểu được từ nghiên cứu, **suy luận rằng tất cả chúng sanh, trong mỗi thân phần, gồm có nửa phần sanh, nửa phần diệt**.

Đây là một vọng chấp khác. Hành giả thấy trong trọn phần thân thể của mỗi chúng sanh, đều có một phần sanh, một phần diệt. Vì tất cả chúng sanh đều như thế. Hành giả đi đến kết luận như thế và toàn thể pháp giới.

Từ đây, **kết luận rằng tất cả vạn vật trong đời đều có một nửa là hữu biên, một nửa là vô biên.**

Sự sanh ra là một mặt của hữu biên. Sự hoại diệt là mặt khác của vô biên. Đó là sự suy lường của hành giả. Mới thấy anh ta càng lúc càng đi xa mục tiêu.

Kinh Văn: Do thử kế độ, hữu biên vô biên, đọa lạc ngoại đạo, hoặc bồ-đề tánh. Thị tắc danh vi, đệ tứ ngoại đạo, lập hữu biên luận.

Việt dịch: Do những chấp trước hữu biên, vô biên như thế, nên người ấy rơi vào ngoại đạo, mê lầm tánh bồ-đề. Đây là luận hữu biên, thuyết thứ tư của hàng ngoại đạo.

Giảng: **Do những chấp trước hữu biên, vô biên như thế, nên người ấy rơi vào ngoại đạo, mê lầm tánh bồ-đề.** Theo bốn thứ suy luận về hữu biên và vô biên, anh ta phỏng đoán những gì? Nếu nó không hữu biên, thì nó vô biên. Nếu nó không vô biên thì nó hữu biên. Anh ta cứ lý luận lẩn quẩn như vậy. Nói tóm lại hành giả không thể đạt được lý trung đạo . Hoặc là anh ta đi đã quá xa, hoặc là anh ta đi chưa đủ xa. Hoặc là anh ta chạy đã quá đà, hoặc là chưa đi được. Dù chỉ một bước chân. Do vậy **nên hành giả** đánh mất chánh biến tri và **rơi vào ngoại đạo**.

Tà thuyết của ngoại đạo là: khi thì thái quá, khi thì bất cập. Không thái quá, chẳng bất cập mới được gọi là trung đạo . Chúng ta nên tu tập theo lý trung đạo. Đức Phật giảng dạy chân lý Tối thượng về trung đạo là chẳng chấp và không, cũng chẳng rơi vào có. Nếu chúng ta trệ vào phía hữu biên hoặc nghiêng vào phía vô biên, có nghĩa là đã rơi vào nhị biên, và như thế là **mê lầm tánh bồ-đề** chân thật, là không nhận thức rõ được chân tánh bồ-đề.

Đây là luận hữu biên, thuyết thứ tư của hàng ngoại đạo.

5 – TÀ KIẾN VỀ BỐN THỨ LUẬN THUYẾT ĐIÊN ĐẢO

Kinh Văn: Hựu tam ma trung, chư thiện nam tử, kiên ngưng chánh tâm, ma bất đắc tiện. Cùng sanh loại bản, quán bỉ u thanh, thường nhiễu động nguyên, ư tri kiến trung, tánh kế độ giả. Thị nhân trụy nhập, tứ chủng điên đảo, bất tử kiểu loạn, biến kế hư luận.

Việt dịch: Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá. Trong nguồn gốc sâu xa phát sinh của muôn loài, quán xét cội gốc thường nhiễu động lăng xăng kia, khởi tâm suy lường về những gì mình thấy và biết. Người ấy rơi vào bốn thứ luận điên đảo, hư vọng suy lường chấp trước, ngụy biện về bất tử.

Giảng: **Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá.**Hành giả trong khi thiền quán , chánh tâm ngưng lặng vững chắc. Thiên ma không khuấy phá được nữa.

Điều này liên quan đến hết thảy các vị đang công phu tu tập và an trú trong chánh định. Chánh định này ai tu cũng được, không dành riêng cho một người nào. Vì hành giả phải có tâm kiên cố, giữ cho định và huệ đều quân bình. Thì chẳng có một khe hở nào để ma lọt vào. Nhưng dù ngoại ma chẳng xâm nhập được vào hành giả để khuấy phá, thì nội ma lại xuất hiện. Nội ma là một loại ma sanh khởi từ sự chuyển biến tâm thức của hành giả.

Trong nguồn gốc sâu xa phát sinh của muôn loài, quán xét cội gốc thường nhiễu động lăng xăng kia. Hành giả có thể nghiên cứu cùng tột cội nguồn của các loài chúng sanh, thấy được manh mối thường chuyển động vi tế kia.

Hành giả xem xét kỹ nguồn gốc của mười hai loài chúng sanh, quán sát bản tánh thanh tịnh tối sơ của các loài, thấy sự nhiễu động thường hằng rất là vi tế ấy xuất hiện ở trong hành ấm .

Khởi tâm suy lường về những gì mình thấy và biết. Nhưng nếu hành giả khởi niệm suy lường về những gì mình thấy biết.

Khi chưa khởi niệm suy lường ấy, thì chẳng có vấn đề gì. Nhưng ngay khi những niệm này sanh khởi liền có rắc rối xảy ra. Cho nên nói:

“Khai khẩu tiện thố, cử niệm tức quai.”

Nghĩa là: Mở miệng liền sai lầm, khởi niệm là sai ngay. Ngay khi vừa khởi vọng niệm, vấn đề rắc rối liền nảy sanh. (34)

Người ấy rơi vào bốn thứ luận điên đảo, hư vọng suy lường chấp trước, ngụy biện về bất tử.

Chấp trước, suy lường là tánh biến kế chấp mà tôi đã giảng ở trước. Nó là một loại vọng chấp, hành giả trở nên chấp trước với những việc không chân chánh. Đó gọi là tánh biến kế chấp.

Kinh Văn: Nhất giả thị nhân, quán biến hóa nguyên, kiến thiên lưu xứ, danh chi vi biến, kiến tương tục xứ, danh chi vi hằng. Kiến sở kiến xứ, danh chi vi sanh. Bất kiến kiến xứ, danh chi vi diệt. Tương tục chi nhân, tánh bất đoạn xứ, danh chi vi tăng. Chánh tương tục trung, trung sở li xứ, danh chi vi giảm. Các các sanh xứ, danh chi vi hữu. Hỗ hỗ vong xứ, danh chi vi vô. Dĩ lí đô quán, dụng tâm biệt kiến. Hữu cầu pháp nhân, lai vấn kì nghĩa, đáp ngôn ngã kim, diệc sanh diệc diệt, diệc hữu diệc vô, diệc tăng diệc giảm. Ư nhất thiết thời, giai loạn kì ngữ, linh bỉ tiền nhân, di thất chương cú.

Việt dịch: Một là người ấy quán sát cội gốc của sự biến hóa, thấy chỗ đổi dời, nên gọi là biến. Thấy chỗ tương tục, gọi là thường hằng. Thấy chỗ thấy được, gọi đó là sanh. Chỗ không thấy được, thì gọi là diệt. Chỗ các nhân tương tục, tánh không dứt đoạn, thì gọi là tăng. Chính trong tương tục, không xa lìa nhau, thì gọi là giảm. Chỗ mỗi mỗi sinh ra, thì gọi là có. Chỗ nương nhau hư hoại, thì gọi là không. Dùng lý quán sát, thấy đều do dụng tâm mà dẫn đến những kiến chấp sai biệt. Nếu có người đến cầu pháp, hỏi về nghĩa ấy thì đáp rằng ta cũng sinh, cũng diệt, cũng có, cũng không, cũng tăng, cũng giảm. Luôn luôn giải thích một cách càn loạn, khiến người nghe không thể hiểu được.

Giảng: **Một là người ấy quán sát cội gốc của sự biến hóa, thấy chỗ đổi dời, nên gọi là biến.** Hành giả, người sắp sửa đi vào con đường mê loạn, quán sát cội gốc của sự biến hóa ở trong hành ấm thấy chỗ biến dịch trôi chảy nên gọi là biến. Anh ta quan sát sự trôi chảy của hành ấm và nói rằng nó đang trải qua sự biến đổi.

Thấy chỗ tương tục, gọi là thường hằng. Nhận thấy hành ấm tương tục, không hề dừng nghỉ, hành giả gọi là thường hằng.Thường nghĩa là không biến đổi. Biến đổi hàm ý vô thường. Trong khi không biến đổi hàm ý là thường.

Thấy chỗ thấy được, gọi đó là sanh. Thấy nơi có thể thấy được gọi đó là sanh. Khi quán sát hành ấm , hành giả có thể thấy được một số vùng. Thấy được sự nhiễu động vi tế và mô tả nơi ấy là sinh.

Chỗ không thấy được, gọi đó là diệt, hành giả không thể dò thấu những nhiễu động u ẩn của hành ấm , nên gọi đó là diệt.

Nói cách khác, hành giả có thể hiểu rõ được những hiện tượng trong phạm vi tám vạn đại kiếp rồi cho đó là sinh. Anh ta không thể thấy được những gì ngoài phạm vi tám vạn đại kiếp, nên gọi đó là diệt. Điều này tương tự như trường hợp trước.

Hành giả cho rằng, c**hỗ các nhân tương tục, tánh không dứt đoạn, thì gọi là tăng**.

Khi cái nhân tương tục, không bị gián đoạn. Anh ta gọi đó là thêm. Đó là một trạng thái khác của hành ấm mà anh ta cảm nhận được.

Chính trong tương tục, không xa lìa nhau, thì gọi là giảm

Trong phạm vi tương tục, mà có sự tạm dừng, hành giả gọi là bớt. Chẳng hạn như khi hai mươi lăm vị thánh trình bày về pháp tu viên thông của mình. Một trong các vị ấy trình bày về sự ngưng lại giữa hơi thở ra và hơi thở vào. Đó cũng là chỗ dừng. Các ngài gọi sự dừng nghỉ trong phạm vi tương tục là giảm. Nhưng quý vị đừng có theo lý thuyết này, vì đó chỉ là thuật ngữ, là những khái niệm do các ngài lập ra. Nên nó hoàn toàn không thực. Đừng có truy tìm những nguyên do trong các lý thuyết trên. Đó là lý do tại sao những lý thuyết này được ngoại đạo vận dụng để mê hoặc. Chẳng có nguyên do nào xác đáng ở trong những lý thuyết ấy cả.

Chỗ mỗi mỗi sinh ra, thì gọi là có.

Cho rằng sự sinh khởi của tất cả vạn pháp là có, hành giả quan sát vạn pháp sinh khởi trong phạm vi hành ấm , rồi gọi là nó có sự hiện hữu.

Chỗ nương nhau hư hoại, thì gọi là không.

Sự hư hoại của vạn vật là không. Anh ta gọi nơi mà vạn vật hoại diệt và không còn hiện hữu nữa là không. Đây là bốn thứ lý luận điên đảo.

Dùng lý quán sát, thấy đều do dụng tâm mà dẫn đến những kiến chấp sai biệt.

Do sự dụng tâm của hành giả mà đưa đến những mâu thuẫn. Nếu quý vị dùng lý để quán sát, quý vị sẽ thấy những lý luận trên hoàn sai. Hành giả đã dụng tâm hoàn toàn sai lầm.

Vào lúc ấy **nếu có người đến cầu pháp,** thỉnh cầu chỉ dạy về pháp yếu của đạo Phật, **hỏi về nghĩa ấy, đáp rằng ta cũng sinh, cũng diệt, cũng có, cũng không, cũng tăng, cũng giảm.**

Anh ta trả lời :“Nay ta cũng sinh cũng diệt, cũng có cũng không, cũng tăng cũng giảm.”

Luôn luôn giải thích một cách càn loạn.

Anh ta luôn luôn biện hộ bào chữa cho hai cực đoan này. Nếu anh ta không nói về có, thì anh ta kết luận nó là không. Nếu anh ta tránh bàn luận về không thì anh ta nói đến sắc, vì anh ta đề cập đến cả hai khía cạnh, nên không thể đạt đến lý trung đạo .

Khiến người nghe không thể nào hiểu được. Gây cho người tìm hiểu Phật pháp đối diện với lối giải thích càn loạn. Người hỏi hoàn toàn quên mất những vấn đề mình đang cần tìm hiểu và không thể nhớ là mình đến đây để xin chỉ dạy điều gì nữa. Các ông nên gọi đó là loại giáo dục gì? Khi người ta đến xin chỉ dạy, nhưng hành giả làm cho họ bị rối loạn đầu óc cho đến khi họ đánh mất toàn bộ nhận thức chân chính. Không những họ bị đánh mất những tri thức có được do học hỏi, mà còn bị mê mờ luôn cả trí tuệ thanh tịnh vốn hằng có xưa nay. Người này đã bị mê lầm và còn tiếp tục làm cho nhiều người khác bị mê lầm.

Kinh Văn: Nhị giả thị nhân, đế quán kì tâm, hỗ hỗ vô xứ. Nhân vô đắc chứng. Hữu nhân lai vấn, duy đáp nhất tự, đãn ngôn kì vô. Trừ vô chi dư, vô sở ngôn thuyết.

Việt dịch: Hai là người ấy quán sát chân xác tâm mình, thấy hết thảy mọi thứ đều là không. Nhân nơi cái không mà có chứng đắc. Nên khi có người đến hỏi chỉ đáp một chữ không. Ngoài chữ không ra, không nói điều gì.

Giảng: Hành giả chỉ biết về không, nên nói một cách điên loạn như vậy. Anh ta chối bỏ sự hiện hữu của mọi vật. Bất luận quý vị có hỏi anh ta điều gì. Anh ta đều đáp: không. Đó là lời đáp duy nhất của anh ta.

Hai là người ấy quán sát chân xác tâm mình, thấy hết thảy mọi thứ đều là không. Trong mười hai loại chúng sanh, hành giả thấy khi tâm mình đã tiêu dung được hành ấm , thì nó cùng với mình đều là không hiện hữu.

Nhân nơi cái không mà có chứng đắc. Hành giả thấy có sự chứng đắc nhân nơi nhận thức về cái không này. Anh ta cho rằng mình đã giác ngộ được nhận nơi nhận thức về không ấy rồi. Thực ra, anh ta chẳng hiểu gì cả. Anh ta đã đi quá xa với đạo lý chân chính. Nhận thức của anh ta hoàn toàn sai lạc. Anh ta phát khởi một kiến chấp vào không và cho đó là điều giác ngộ. Anh ta giác ngộ cái gì? Giác ngộ chữ không.

Vì thế, n**ên khi có người đến hỏi chỉ đáp một chữ không.** Anh ta chỉ đáp một chữ. Mọi người đều nghĩ rằng anh ta là người tu hành dày dặn. Vì anh ta luôn luôn nhắm mắt lại để dưỡng thần. Suốt ngày không nói một chữ nào. Anh ta chỉ ăn vài trái chuối trong ngày. Mọi người cho rằng anh là thánh, nên đến cầu xin giảng pháp. Khi họ hỏi, anh ta chỉ biết giả dạng mô phạm bằng cách chỉ đáp một chữ. Chiến thuật này được gọi là Thiền một chữ. Người ta gọi thế là vì họ không hiểu anh ta nói gì. Bất kỳ quý vị hỏi anh ta về điều gì.

Anh ta chỉ đáp không.

Nếu quý vị có hỏi:

– Tôi nên tu hành như thế nào?

Anh ta đáp: không.

– Tôi nên niệm Phật như thế nào? không.

– Thọ giới, giữ gìn luật nghi, việc ấy ông nghĩ tốt chăng?

– Không.

Anh ta liên tục đáp không khiến quý vị hoang mang và quên hết những gì định hỏi. Quý vị thắc mắc không hiểu ông ta nói khônglà không cái gì? Quý vị không thể tự giải đáp nổi. Cuối cùng nó đánh mạnh vào tâm thức quý vị “Ồ! Thực ra là chẳng có cái gì cả. Đúng là chẳng có cái gì hết.”

Ngoài chữ không ra, ngoài những chữ không**, không nói điều gì**, anh ta chẳng nói gì cả.

Quý vị có thể hỏi anh ta một đến 100, 1.000, vạn câu hỏi. Nhưng anh ta sẽ luôn luôn trả lời không. Thế là quý vị nghĩ rằng: “Lý thiền ông ta nói quá cao xa. Chúng ta không thể nào với tới được.”

Kinh Văn: Tam giả thị nhân, đế quán kì tâm, các các hữu xứ. Nhân hữu đắc chứng. Hữu nhân lai vấn, duy đáp nhất tự, đãn ngôn kì thị. Trừ thị chi dư, vô sở ngôn thuyết.

Việt dịch: Ba là người ấy quán sát chân xác tâm mình, thấy hết thảy mọi thứ đều hiện hữu (có). Nhân nơi cái có mà chứng đắc. Nên khi người đến hỏi chỉ đáp một chữ có. Ngoài chữ có ra, không nói gì khác.

Giảng: Trong loại lý luận điên đảo càn loạn thứ ba này.

Ba là người ấy quán sát chân xác tâm mình, thấy hết thảy mọi thứ đều hiện hữu (có).

Anh ta tự quán sát vào sâu trong tâm mình và thấy mười hai loại chúng sinh đều trải qua chỗ có sự sinh tử này. **Nhân nơi cái cómà chứng đắc.** Nghĩ rằng mình có sự chứng đắc từ nhận thức về có. Thực vậy, anh ta chẳng chứng được quả vị gì cả. Trong kinh chỉ nói để mô tả sự nhầm lẫn của anh ta mà thôi. Hành giả quán sát các loại chúng sanh rồi nói: "À! Toàn là có cả." Thấy được điều này anh ta nghĩ là mình đã giác ngộ và chứng được quả vị.

Nên khi có người đến hỏi. Chỉ đáp một chữ có.

Bất luận người ta hỏi về pháp gì? Anh ta cũng chỉ đáp một chữ có.

Quý vị hỏi:

Tôi muốn rời gia đình xuất gia làm một vị Tăng. Việc ấy nên chăng?

Anh ta sẽ đáp: Có.

– Tôi muốn thọ trì năm giới được chăng?

– Có!

Bây giờ, tốt nhất là tôi nên làm điều gì?

– Có!

Ngoài chữ có ra, anh ta **không nói gì khác**.

Anh ta không nói điều gì khác ngoài chữ có. Nên quý vị sẽ nghĩ rằng: "Ồ! Đây thực sự là thiền một chữ. Ông ta chắc là một vị cao Tăng. Pháp mà ông ta nói quá hay đến nỗi ta không thể nào hiểu được."

Nó hay chỉ vì quý vị hoàn toàn không hiểu được nó. Chẳng hạn như bấy giờ nếu quý vị hiểu được những gì trong Kinh mà tôi đang giảng cho quý vị nghe, thì điều đó chẳng hay tí nào cả! Quý vị có thể nói:

“Nói lui nói tới hoài mà tôi chẳng hiểu Pháp sư này giảng những gì nữa?” Trường hợp như vậy, thì thật đáng mừng cho quý vị. Đơn giản chỉ vì quý vị không hiểu. Đó là điều rất tốt. Một khi quí vị hiểu được, thì nó không còn hay ho gì nữa. Tại sao vậy. Vì đã hiểu được. Bất luận thứ gì khi mà chưa hiểu thì đều hay đều đẹp. Do vậy, nếu quý vị muốn được điều kỳ diệu, thì chẳng nên học Phật pháp (theo kiểu ấy).

Nếu quý vị không học, thì quý vị chẳng biết được đạo lý, nên thấy mọi việc đều lạ và hay cả.

Bất luận khi có người hỏi điều gì. Nó đều đáp: có. Sao vậy? Anh ta nghĩ rằng mình đã giác ngộ từ cái có, vì thế anh ta truyền phápcó ấy cho quý vị.

Kinh Văn: Tứ giả thị nhân, hữu vô câu kiến. Kì cảnh chi cố, kì tâm diệc loạn. Hữu nhân lai vấn, đáp ngôn diệc hữu, tức thị diệc vô; diệc vô chi trung, bất thị diệc hữu. Nhất thiết kiểu loạn, vô dung cùng cật.

Việt dịch: Bốn là người ấy chấp cả có và không. Do cảnh phân tán, tâm cũng tán loạn. Khi có người đến hỏi, thì đáp cũng có tức là cũng không; trong cái cũng không, chẳng phải là cũng có. Tất cả hoàn toàn càn loạn, khi suy xét kỹ lưỡng, thấy không thể nói hết được.

Giảng: Bốn lý luận càn loạn này là sự hỗn loạn của lý thuyết “hữu” hay “vô.” Lý thuyết này là gì? Hành giả đề cập cả hai vấn đề có vàkhông. Nhưng anh ta nói rằng những vật không hiện hữu thì không thể cũng có, và những vật hiện hữu thì không thể cũng không. Anh ta chẳng biết vạn vật hiện hữu như thế nào nữa. Nói một cách điên dại như người say rượu.

Bốn là người ấy chấp cả có và không.

Trong phạm vi hành ấm , anh ta nhận thấy hành ấm giống như sóng gợn lăn tăn trên mặt nước, không hề dừng nghỉ. Nên anh ta cho rằng có. Anh ta cho rằng sự tạm dừng trong khi sóng ngưng lặng là không.

Do cảnh phân tán, tâm cũng tán loạn.

Tâm hành giả sinh khởi một niệm phân tích chia chẻ. Giống như những cành nhánh trên một thân cây. Thế nên anh ta tuyên bố rằng vạn pháp vừa có vừa không. Tâm hành giả rối loạn vì không có trí huệ chân chánh, hay định lực. Do định lực và trí huệ không quân bình.

Lúc này, hành giả trở nên chấp trước và không thể nào tìm được lối thoát ra khỏi mớ hỗn độn. Anh ta gặp một con đường tà kiến và chẳng biết con đường nào là chánh đạo.

Khi có người đến hỏi, thì đáp cũng có tức là cũng không, trong cái cũng không, chẳng phải là cũng có.

Khi có người đến hỏi, thỉnh cầu chỉ dạy Phật pháp thì đáp rằng: cũng có tức là cũng không. Vật hiện hữu thì cũng giống như không hiện hữu. Nhưng trong cái cũng không, chẳng phải là cũng có." Nhưng những vật không hiện hữu rồi thì không thể nào trở thành có được."

Những vật nào đã hiện hữu rồi cũng tức là không hiện hữu. Nhưng những vật không hiện hữu thì không tồn tại. Rốt cục, lý luận này là loại gì?

Là thứ hoàn toàn càn loạn. Đó là một thứ lý luận lầm lạc. Anh ta chẳng biết mình nói gì nữa. Đó là lý do tại sao tôi cho rằng anh ta nói như người say rượu.

Khi suy xét kỹ lưỡng, thấy không thể dung hợp được. Không có cách nào để chấp nhận lý lẽ của anh ta. Thế lúc ấy, các ông nên làm gì? Chỉ nên áp dụng một phương pháp. Đó là vả vào mồm xem thử anh ta còn nói có, không được nữa chăng? Nếu quí vị vả vào mồm anh ta. Anh ta sẽ nói: "Tại sao lại đánh ta?."

Nhưng ông không hiện hữu, ông có nhớ không? Vậy nên tôi đánh ông cũng như không đánh!

Hoặc có một cách khác nữa, quý vị cầm một con dao và nói: "Nè! Tôi đến để giết ông," và xem hỏi anh ta có tồn tại hay không? Quý vị chẳng cần lý sự với anh ta làm gì. Những gì anh ta nói đều không thể nào chấp nhận được khi soi xét bằng đạo lý. Quý vị không nên hỏi đạo nơi những người như thế.

Kinh Văn: Do thử kế độ, kiểu loạn hư vô, đọa lạc ngoại đạo, hoặc bồ-đề tánh. Thị tắc danh vi đệ ngũ ngoại đạo, tứ điên đảo tánh, bất tử kiểu loạn, biến kế hư luận.

Việt dịch: Do chấp trước càn loạn rỗng không này, người ấy rơi vào ngoại đạo, mê mờ tánh bồ-đề. Đây là tà thuyết ngoại đạo thứ năm, lập bốn luận thuyết hư vọng, điên đảo biến kế, càn loạn bất tử.

Giảng: **Do chấp trước vào bốn lý thuyết càn loạn rỗng không này**. Lý thuyết của anh ta không thể nào tưởng tượng nổi. Những điều anh ta nói là

không thể nào có được. Đều là một thứ lý thuyết vô lý. Do đó, **người ấy rơi vào ngoại đạo.**

Tại sao lại gọi là tà thuyết ngoại đạo? Vì đạo lý không chân chính. Tri kiến của anh ta đều lầm lạc, nên những nguyên lý anh ta đưa ra không được chính xác, không đạt được chỗ rốt ráo của hiện tượng. **Mê mờ tánh bồ-đề**. Anh ta hoàn toàn không biết con đường dẫn đến giác ngộ. Anh ta không được ánh sáng giác ngộ chân chính soi sáng.

Đây là tà thuyết ngoại đạo thứ năm, lập bốn luận thuyết hư vọng, điên đảo biến kế, càn loạn bất tử.

Trong lý luận thứ nhất, anh ta nói mình vừa sống vừa chết, cả có cả không; cả tăng cả giảm.

Trong lý thuyết thứ hai, anh ta trả lời các câu hỏi chỉ bằng một chữ "không." Nói "không, không, không" suốt ngày và không nói một chữ nào khác. Bất luận người ta hỏi điều gì, anh ta chỉ đáp một chữ "không." Nếu quý vị có hỏi trăm ngàn câu, chỉ nhận được rất nhiều lời đáp "không."

Trong trường hợp thứ ba, anh ta chỉ đáp một tiếng "có." Nếu như quý vị hỏi "Tôi làm giặc được không." Anh ta liền đáp: "có."

Hỏi: "Tôi thọ giới được không?

Đáp: Có.

Hỏi: Ăn phân người được không?

Đáp: Có.

Hỏi: Uống nước tiểu được chăng?

Đáp: Có

Hỏi: Ông có chết không?

Đáp: Có

Hỏi: Ông có còn tiếp tục sống trên thế gian này không?

Đáp: Có.

Bất luận các ông hỏi điều gì, anh ta đều đáp "có," dù ngàn vạn lần hỏi, cũng chẳng có lời đáp nào khác ngoài chữ "có." Chữ "có" của anh ta biểu thị cho sự tồn tại. Mọi vật đều hiện hữu, đều là "có."

Trong trường hợp thứ tư, là trường hợp đang đề cập hôm nay. Anh ta nói rằng cái "có" bao hàm cái "không," nhưng cái "không" lại không bao hàm cái "có." Rốt cục đó là loại lý luận gì? Đó là loại lý thuyết mà anh ta đã giãi bày. Bốn loại lý luận căn cứ vào sự càn loạn bất tử. Đó là lý luận không mạch lạc và chẳng sáng suốt tý nào.

Đó hoàn toàn là những suy loạn hư vọng, không thực. Trước đây tôi đã giảng về tam tánh:

Tánh biến kế chấp .

Tánh y tha khởi .

Tánh viên thành thật .

Không biết quý vị đã hiểu rõ ý nghĩa của ba tánh này chưa?

Tánh biến kế chấp là gì? Giả sử như các ông thấy một sợi dây thừng nằm trên đường vào một đêm không có trăng, quý vị có thể nghĩ "Ồ! Có lẽ là rắn." Đó là biến kế chấp. Đó chỉ là một sợi dây thừng, mà quý vị khởi lên một nhận định sai lạc đó là con rắn. Giá như khi quý vị thấy bóng cây trong đêm trăng, quý vị sẽ nghĩ "Ồ! có lẽ là ma" rồi phát sợ.

Có khi trong đêm quý vị thấy một con chó và nghĩ: "Ồ! đó là chó sói hay cọp." Đó là sự sinh khởi của tánh biến kế chấp , khi quý vị nhìn kỹ, thấy nó chỉ là con chó, chẳng phải là sói, chẳng phải là cọp. Đây gọi là tánh "Y tha khởi."

Nương vào con chó. Tánh biến kế chấp của quý vị sinh khởi và hoạt động. Nó thực sự chỉ là con chó. Con chó là gì? Là một súc vật. Bởi vì quý vị có sẵn tánh biến kế chấp , nên lầm chó với chó sói, với cọp, hay lầm một sinh vật nào khác. Hoàn toàn tương tự như khi ban đêm quý vị nhìn một bóng cây dưới trăng. Quý vị tưởng rằng sợi dây thừng kia là con rắn. Nhưng khi quý vị nhìn kỹ, thì nó chỉ là sợi dây thừng. Sợi dây được gọi là tánh y tha khởi . Tánh y tha khởi là gì? Sợi dây thừng làm bằng gì? Nó làm bằng sợi gai. Sợi gai được gọi là tánh viên thành thật , sợi gai có thể làm thành dây thừng, đó là y tha khởi . Nương nơi tánh viên thành thật, mà tánh y tha khởi phát sinh. Nên khi quý vị không quán sát hiện tượng một cách kỹ lưỡng, thì tánh biến kế chấp sinh khởi. Tà thuyết ngoại đạo cũng tương tự như vậy.

Những gì họ nói không phải là những gì thực sự biểu hiện của vạn vật. Họ phát khởi những tà thuyết này là hoàn toàn dựa vàobiến kế chấp .

6 – TÀ KIẾN VỀ HỮU TƯỚNG

Kinh Văn: Hựu tam ma trung, chư thiện nam tử, kiên ngưng chánh tâm, ma bất đắc tiện. Cùng sanh loại bản, quán bỉ u thanh, thường nhiễu động nguyên, ư vô tận lưu sanh kế độ giả, thị nhân trụy nhập, tử hậu hữu tướng, phát tâm điên đảo.

Việt dịch: **Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá. Trong nguồn gốc sâu xa phát sinh của muôn loài, quán xét cội gốc thường nhiễu động lăng xăng kia, khởi tâm chấp đó là dòng sinh diệt vô tận, thì người ấy rơi vào tư tưởng điên đảo, cho rằng sau khi chết còn có tướng.**

Giảng: **Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá.**

Trong khi thiền quán , chánh tâm ngưng lặng, vững chắc thiên ma không khuấy phá được nữa.

Điều này liên quan đến những hành giả khi tu tập đã đạt được chánh định kiên cố, bởi vì anh ta có được định lực kiên cố và chánh tâm, nên thiên ma không có cách nào quấy nhiễu được. Ma thuật hoàn toàn hết hiệu nghiệm. Mặc dù ma lực không thể dụng được đến hành giả, nhưng thiên ma lại sinh khởi ngay trong tâm hành giả. Loại ma từ tự tâm sinh khởi rất khó hàng phục.

Trong nguồn gốc sâu xa phát sinh của muôn loài, quán xét cội gốc thường nhiễu động lăng xăng kia. Hành giả có thể nghiên cứu cùng tột cội gốc của các loài chúng sanh. Đó là manh mối, nguồn gốc của mọi loài chúng sanh.

Quán xét cội gốc thường nhiễu động lăng xăng kia. Thấy được manh mối thường chuyển động vi tế kia. Hành giả quán sát được nguồn cội bản chất của cái nhiễu động nhẹ nhàng, lăn tăn vi tế u ẩn của mười hai loài chúng sanh. Cội gốc của tánh chất ấy chính làhành ấm , được biểu hiện qua tướng nhiễu động rất vi tế kia.

Nhưng nếu hành giả **khởi tâm chấp đó là dòng sinh diệt vô tận, thì người ấy rơi vào tư tưởng điên đảo, cho rằng sau khi chết còn có tướng.**

Nhưng nếu hành giả khởi niệm suy lường chấp đó là dòng sanh diệt vô tận, **thì người ấy rơi vào tư tưởng điên đảo, cho rằng sau khi chết còn có tướng.**

Tướng nhiễu động vi tế kia giống như sự tương tục của sóng lăn tăn gợn trên mặt nước, nếu chấp như vậy, thì hành giả sẽ bị rơi vào tư tưởng mê lầm điên đảo, cho rằng sau khi chết vẫn còn sắc tướng. Do chấp rằng vẫn còn hiện hữu sau khi chết, nên tâm người ấy trở nên mê loạn.

Kinh Văn: Hoặc tự cố thân, vân sắc thị ngã. Hoặc kiến ngã viên, hàm biến quốc độ, vân ngã hữu sắc. Hoặc bỉ tiền duyên, tùy ngã hồi hậu, vân sắc thuộc ngã. Hoặc hậu ngã y, hành trung tương tục, vân ngã tại sắc.

Việt dịch: Hoặc tự củng cố thân mình, cho rằng sắc là ta. Hoặc thấy cái ta bao trùm khắp các cõi nước, cho rằng ta có sắc. Hoặc thấy các tiền trần kia, đều theo ta quay về, nên cho rằng sắc thuộc về ta. Hoặc cho rằng cái ta nương theo hành ấm mà tương tục, nên cho rằng ta ở trong sắc.

Giảng: **Hoặc tự củng cố thân mình, cho rằng sắc là ta.**

Hoặc hành giả tự chấp cứng lấy thân mình, cho rằng sắc chính là ngã.

Người phát khởi loại vọng chấp này, là mong muốn thân xác mình được lâu dài và kiên cố. Anh ta tuyên bố rằng sắc là một yếu tố trong tứ đại, đơn giản chính là ngã.

Hoặc thấy cái ta bao trùm khắp các cõi nước, cho rằng ta có sắc.

Hoặc thấy mình bao trùm khắp các cõi nước, cho rằng trong ngã có sắc, chấp rằng tự tánh của mình viên dung vô ngại, bao hàm khắp các cõi nước trong mười phương. Do đó, anh ta cho rằng Ngã chứa đựng cả sắc. Đó là loại sắc gì? Anh ta nói: "Ta có cái sắc vĩ đại vô cùng."

Hoặc thấy các tiền trần kia, đều theo ta quay về, nên cho rằng sắc thuộc về ta.

Hoặc thấy các tiền trần kia đều quay về bên cái Ta, nên cho rằng sắc thuộc về ngã. Hoặc anh ta cho rằng các tiền trần kia đều theo anh ta đi khắp mọi nơi và sắc trong tứ đại hoàn toàn thuộc về ngã.

Hoặc cho rằng cái ta nương theo hành ấm mà tương tục, nên cho rằng ta ở trong sắc. Cho rằng ngã nương nơi hành ấm mà tương tục, nên cho rằng ngã ở trong sắc.

Kinh Văn: Giai kế độ ngôn, tử hậu hữu tương. Như thị tuần hoàn, hữu thập lục tướng.

Việt dịch: Từ tất cả kiến chấp này, đều cho rằng sau khi chết còn có tướng. Xoay vần như thế có 16 tướng.

Giảng: **Từ tất cả kiến chấp này, đều cho rằng sau khi chết còn có tướng.** Từ tất cả kiến chấp này, hành giả cho rằng sắc còn tồn tại sau khi chết.

Trước đây khi giảng về sắc và triền trần, tôi có nói về bốn lý luận của hành giả:

1. Sắc trong tứ đại thuộc về ta.
2. Sắc trong tứ đại chính là ta.
3. Sắc ở trong ta, thế nên ta lớn và sắc thì nhỏ.
4. Tách rời khỏi ta, chẳng có sắc.

Tóm lại: lý luận của anh ta đều vô nghĩa. Chẳng có chút gì hợp lý. Qua bốn lý thuyết này, anh ta chấp rằng có sự hiện hữu sau khi chết.

Xoay vần như thế có 16 tướng.

Theo kiến chấp ấy, hành giả rơi vào mười sáu trường hợp hiện hữu của sắc tướng.

Anh ta lấy bốn lý thuyết trên và liên hệ chúng với bốn thứ: Sắc ấm , thọ ấm , tưởng ấm và hành ấm . Như vậy thành ra 16 trường hợp hiện hữu của sắc, thọ, tưởng hành và tứ đại: đất, nước, gió, lửa. Thật là vô ích khi hỏi tại sao lại đặt ra những lý luận này. Vì căn bản là bất hợp lý, trong đó chẳng có ý nghĩa gì cả. Tôi chẳng hiểu gì về bốn lý thuyết đó. Vì trước hết là chúng chẳng có gì rõ ràng minh bạch cả.

Kinh Văn: Tòng thử hoặc kế, tất cánh phiền não, tất cánh bồ-đề, lưỡng tánh tịnh khu, các bất tương xúc.

Việt dịch: Từ đó, chấp rằng rốt ráo phiền não, tột cùng bồ-đề, hai tánh ấy đều khu biệt, không mâu thuẫn nhau.

Giảng: Bốn lần bốn làm thành mười sáu cách mà sắc có thể hiện hữu. Hành giả thấy rằng bốn lý thuyết ấy có thể liên hệ với mỗi thứ trong bốn ấm: sắc ấm, thọ ấm , tưởng ấm , hành ấm ; hoặc với tứ đại: đất nước, gió, lửa.

Từ đó, chấp rằng rốt ráo phiền não, tột cùng bồ-đề, hai tánh ấy đều khu biệt.

Cho rằng phiền não luôn luôn là phiền não, bồ-đề luôn luôn là bồ-đề.

Anh ta cho rằng phiền não mãi mãi là phiền não, bồ-đề vĩnh viễn là bồ-đề. Như vậy nên câu: phiền não tức bồ-đề là sai.

Không mâu thuẫn nhau.

Hai tánh chất này cùng tồn tại song song, không mâu thuẫn nhau.

Anh ta tuyên bố hai chức năng này tồn tại song song nhau, không phá vỡ nhau. Nhưng chúng tương tác với nhau. Nhưng quan điểm này hoàn toàn sai lạc. Căn bản là điều ấy không thể có được. Tại sao anh ta nói như thế? Vì mê mờ tánh bồ-đề.

Kinh Văn: Do thử kế độ, tử hậu hữu cố, đọa lạc ngoại đạo, hoặc bồ-đề tánh. Thị tắc danh vi đệ lục ngoại đạo, lập ngũ ấm trung, tử hậu hữu tướng, tâm điên đảo luận.

Việt dịch: Do chấp sau khi chết vẫn còn hiện hữu, nên rơi vào ngoại đạo và trở nên mê mờ tánh bồ-đề. Đây là ngoại đạo thứ sáu, lập nên lý thuyết điên đảo, cho rằng trong ngũ ấm, sau khi chết có tướng.

Giảng: **Do chấp sau khi chết vẫn còn hiện hữu, nên rơi vào ngoại đạo và trở nên mê mờ tánh bồ-đề.**

Bốn loại sắc ấm, thọ ấm , tưởng ấm , hành ấm , nhân với bốn, làm thành mười sáu loại tồn tại của sắc. Hành giả nói rằng: Sắc tướng còn hiện hữu sau khi chết. Do vì chấp rằng sau khi chết vẫn còn hiện hữu. Hành giả rơi vào ngoại đạo và trở nên mê mờ tánh bồ-đề là chân tánh vốn có từ xưa của anh ta.

Đây là ngoại đạo thứ sáu, lập nên lý thuyết điên đảo, cho rằng trong ngũ ấm, sau khi chết có tướng.

Đây là tà thuyết ngoại đạo thứ 6, lập nên lý thuyết điên đảo về sự hiện hữu của sắc tướng sau khi chết trong phạm vi ngũ ấm.

Ngũ ấm ở đây chỉ liên quan đến bốn thứ, đó là: sắc ấm, thọ ấm , tưởng ấm , hành ấm . Không liên quan đến thức ấm . Anh ta nói rằng con người sau khi chết rồi, họ vẫn tiếp tục còn có hình tướng. Khi tâm ý anh ta bị rối loạn, mất phương hướng. Anh ta đưa ra loại lý thuyết này.

7 – TÀ KIẾN SAU KHI CHẾT KHÔNG CÒN SẮC TƯỚNG

Kinh Văn: Hựu tam ma trung, chư thiện nam tử, kiên ngưng chánh tâm, ma bất đắc tiện. Cùng sanh loại bản, quán bỉ u thanh, thường nhiễu động nguyên, ư tiên trừ diệt, sắc thọ tưởng trung, sanh kế độ giả. Thị nhân trụy nhập, tử hậu vô tướng, phát tâm điên đảo.

Việt dịch: Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá. Trong nguồn gốc

sâu xa phát sinh của muôn loài, quán xét cội gốc thường nhiễu động lăng xăng kia, khởi tâm suy lường về sắc ấm, thọ ấm , tưởng ấm đã được trừ diệt rồi, thì người ấy sẽ rơi vào tư tưởng điên đảo, cho rằng sau khi chết, không còn có tướng.

Giảng: **Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá.**

Trong khi thiền quán , chánh tâm ngưng lặng vững chắc. Đây nói đến người tu tập định lực. Người ấy đã đạt được định lực kiên cố và trí tuệ. Thiên ma không còn khuấy phá được nữa.

Dù trí tuệ chưa đạt đến mức cứu cánh và chân chánh trí tuệ, nhưng ma vương không làm gì được anh ta. Tuy nhiên, anh ta chưa hàng phục được ma ở trong tâm của anh ta.

Trong nguồn gốc sâu xa phát sinh của muôn loài, quán xét cội gốc thường nhiễu động lăng xăng kia. Hành giả có thể nghiên cứu cùng tột cội gốc của các loại chúng sanh, thấy được manh mối của cái thường nhiễu động vi tế kia.

Anh ta nhìn thấy được căn tánh khinh thanh, u ẩn của tất cả các loại chúng sanh, biểu hiện qua sự nhiễu động vi tế thường xuyên ấy.

Khởi tâm suy lường về sắc ấm, thọ ấm , tưởng ấm đã được trừ diệt rồi. Nhưng nếu hành giả khởi niệm suy lường về ba loại sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm đã trừ diệt xong rồi, thì hành giả **sẽ bị rơi vào ý tưởng mê lầm điên đảo; cho rằng sau khi chết, không còn sắc tướng.**

Anh ta nói rằng chẳng có gì tồn tại sau khi chết. Đó là loại lý luận điên đảo mà anh ta nghĩ ra.

Kinh Văn: Kiến kì sắc diệt, hình vô sở nhân. Quán kì tưởng diệt, tâm vô sở hệ. Tri kì thọ diệt, vô phục liên xuyết. Âm tánh tiêu tán, túng hữu sanh lí, nhi vô thọ tưởng, dữ thảo mộc đồng.

Việt dịch: Thấy sắc ấm đã diệt, thân không còn chỗ y cứ. Quán sát tưởng ấm đã tiêu dung, thấy tâm không ràng buộc. Biết thọ ấm đã tiêu trừ, chẳng còn dính dáng vào đâu. Các ấm này đã tiêu tán, dù còn có lý sinh khởi, nhưng thọ ấm, tưởng ấmkhông còn nữa, nên hành giả cho rằng mình như cây cỏ.

Giảng: **Thấy sắc ấm đã diệt, thân không còn chỗ y cứ.**

Sắc ấm đã diệt, không rõ nguyên nhân nào mà thân xác còn hiện hữu. Hình hài không còn nơi nương gá nữa. Như đã cho mất đi rồi.

Quán sát tưởng ấm đã tiêu dung, thấy tâm không ràng buộc.

Thấy tưởng ấm đã tiêu dung, thấy tâm như không bị ràng buộc. Hành giả đã vượt qua được tưởng ấm. Tưởng ấm đã tiêu dung rồi. Không còn nơi chốn cho tâm nương gá vào nữa, không còn nơi để sinh khởi vọng tưởng nữa.

Biết thọ ấm đã tiêu trừ, chẳng còn dính dáng vào đâu.

Biết thọ ấm đã tiêu trừ, chẳng còn liên hệ gì nữa. Thọ ấm của mình đã tiêu dung rồi, không còn liên hệ với ngoại duyên nữa. Các ấm này đã tiêu tán. Ba loại: Sắc ấm , thọ ấm, tưởng ấm đã tiêu dung.

Dù còn lý sinh khởi, dù những hiện tượng rất nhỏ, vết tích của hành ấm còn tồn tại.

Nhưng thọ ấm và tưởng ấm không còn nữa, khiến hành giả cho rằng mình giống như cây cỏ. Do đã hết sạch thọ ấm và sắc ấm. Anh ta xem mình đồng với cây cỏ.

Kinh Văn: Thử chất hiện tiền, do bất khả đắc, tử hậu vân hà, cánh hữu chư tướng? Nhân chi khám hiệu, tử hậu tướng vô. Như thị tuần hoàn, hữu bát vô tướng.

Việt dịch: Rồi nghĩ rằng, hiện tiền thể chất này còn không nắm bắt được, làm sao sau khi chết lại còn sắc tướng? Do nghiệm xét như thế, nên cho rằng sau khi chết không còn sắc tướng. Xoay vần như vậy, có tám thứ luận vô tướng.

Giảng: **Rồi nghĩ rằng, hiện tiền thể chất này còn không nắm bắt được.**

Thể chất này nay chẳng tồn tại, không chỉ là sắc tướng không tồn tại mà tâm cũng thế. Anh ta cho rằng phương diện vật chất của sắc và tâm bây giờ đã tiêu tán. Điều này liên quan đến bốn thứ: sắc ấm, thọ ấm , tưởng ấm , hành ấm . Nhớ rằng hành giả cho thân mình đồng như cây cỏ. Đó có nghĩa là anh ta không có tri giác. Dù anh ta còn sống, nhưng chẳng có được gì cả.

Làm sao sau khi chết lại còn sắc tướng? Nếu hành giả không thể tìm thấy được dấu tích nào của sự hiện hữu, bất kỳ cái gì thực sự là hình và tướng, ngay bây giờ trong lúc còn sống, thì làm sao mà có được chút sắc tướng tồn tại sau khi chết?

Do vì nghiệm xét như thế nên cho rằng sau khi chết không còn sắc tướng.

Anh ta nghiền ngẫm ý tưởng này, xem xét nó qua nhiều khía cạnh. “Nếu ngay đời này chẳng có sắc tướng, làm sao sau khi chết lại có được? Nên sau khi chết cũng chẳng có sắc tướng.”

Nếu không có bằng chứng cho sự hiện hữu của sắc ấm, thọ ấm , tưởng ấm , hành ấm trong khi sống, thì chắc chắn cũng chẳng có bằng cớ nào cho sự hiện hữu của chúng sau khi chết.

Xoay vần như vậy, có tám thứ luận vô tướng.

Phát triển ý tưởng như vậy, nên hành giả rơi vào tám thứ luận vô tướng.

Đó là bốn trường hợp không hiện hữu của sắc ấm, thọ ấm , tưởng ấm , hành ấm trong khi còn sống, và bốn trường hợp không hiện hữu của bốn thứ ấy sau khi chết. Tất cả đều biến mất.

Kinh Văn: Tòng thử hoặc kế, niết-bàn nhân quả, nhất thiết giai không. Đồ hữu danh tự, cứu cánh đoạn diệt.

Việt dịch: Do đây, cho rằng niết-bàn nhân quả tất cả đều là không, chỉ có tên gọi, rốt ráo đều là đoạn diệt.

Giảng: **Do đây**, vì lý luận của anh ta là bốn uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành) đều không tồn tại. Căn cứ vào tám thứ luận vô tướng. **Cho rằng niết-bàn nhân quả tất cả đều là không.** Hoặc hành giả chấp rằng niết-bàn, nhân quả đều là không. Hành giả cho rằng không có niết-bàn, và phủ nhận nhân quả. Nếu thực sự như vậy, thì chẳng có lý do gì để mọi người có thể tu tập thành Phật. Tại sao vậy? Theo lý luận của anh ta thì chẳng có gì tồn tại hết thảy.

Anh ta nghĩ: c**hỉ có tên gọi, rốt ráo đều là đoạn diệt**. Các pháp chẳng là gì cả, chỉ là danh tự. Thực sự chẳng có gì tồn tại. Đó là những gì anh ta quan niệm.

Kinh Văn: Do thử kế độ, tử hậu vô cố, đoạ lạc ngoại đạo, hoặc bồ-đề tánh. Thị tắc danh vi, đệ thất ngoại đạo, lập ngũ ấm trung, tử hậu vô tướng, tâm điên đảo luận.

Việt dịch: Do chấp sau khi chết không còn có tướng như vậy, nên rơi vào ngoại đạo, mê mờ tánh bồ-đề. Đây gọi là ngoại đạo thứ bảy, lập nên

những thứ luận điên đảo, chấp trong ngũ ấm, sau khi chết không còn có tướng.

Giảng: **Do chấp sau khi chết không còn có tướng như vậy.** Anh ta cho rằng sau khi chết chẳng còn gì cả. Mọi vật đều là không.

Do chấp rằng sau khi chết không còn sắc tướng. **Nên rơi vào ngoại đạo, mê mờ tánh bồ-đề.** Hành giả rơi vào một thứ ngoại đạo, mê mờ tánh bồ-đề. **Đây là tà thuyết ngoại đạo thứ bảy, lập nên những thứ luận điên đảo, chấp trong ngũ ấm, sau khi chết không còn có tướng.**

Anh ta cho rằng sau khi chết chẳng còn gì tồn tại trong phạm vi của ngũ ấm. Do đó thứ lý luận điên đảo từ tâm anh ta lập nên.

8 – TÀ KIẾN PHỦ NHẬN CẢ CÓ VÀ KHÔNG CÓ TƯỚNG SAU KHI CHẾT

Kinh Văn: Hựu tam ma trung chư thiện nam tử, kiên ngưng chánh tâm ma bất đắc tiện. Cùng sanh loại bản, quán bỉ u thanh, thường nhiễu động nguyên, ư hành tồn trung kiêm thọ tưởng diệt, song kế hữu vô, tự thể tương phá. Thị nhân trụy nhập, tử hậu câu phi, khởi điên đảo luận.

Việt dịch: Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá. Trong nguồn gốc sâu xa phát sinh của muôn loài, quán xét cội gốc thường nhiễu động lăng xăng kia, trong trạng thái hành ấm chưa tiêu dung, nhưng thọ ấm và tưởng ấm đã tiêu trừ, nếu khởi tâm chấp trước cả hai cái có và không, thì tự thể phá nhau. Người ấy rơi vào luận thuyết điên đảo, phủ nhận cả có, cả không còn gì tồn tại sau khi chết.

Giảng: **Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá.**

Hành giả trong khi thiền quán , chánh tâm ngưng lặng, vững chắc, thiên ma không khuấy phá được nữa.

Điều này đề cập đến người tu tập chánh định, có được định lực mạnh mẽ và kiên cố, mặc dù ngoại ma không thể đến khuấy rối anh ta được nữa, nhưng mà từ trong tâm thì rất khó hàng phục.

Trong nguồn gốc sâu xa phát sinh của muôn loài, quán xét cội gốc thường nhiễu động lăng xăng kia. Hành giả có thể nghiên cứu cùng tột cội gốc của mười hai loại chúng sanh, thấy được manh mối của trạng thái thường

nhiễu động vi tế kia. Anh ta quán sát được trạng thái khinh thanh u ẩn trong tâm. Vào lúc ấy, tình trạng đó là tướng thường nhiễu động vi tế của hành ấm .

Trong trạng thái hành ấm chưa được tiêu dung, nhưng thọ ấm , tưởng ấm đã được diệt trừ. **Nếu** hành giả **khởi tâm chấp cả có và không**, **thì tự thể phá nhau,** .

"Bản ngã" riêng của anh ta đã bị xóa sạch, nó không còn tồn tại nữa. Nên nó mâu thuẫn trong tâm. Nếu cho rằng mọi vật đều tồn tại, thì anh ta cũng tồn tại. Nếu nói rằng mọi vật không còn tồn tại, thì anh ta cũng không tồn tại. Khi anh ta tự mâu thuẫn với chính mình, thì anh ta cũng bị hủy hoại lấy mình, anh ta tự nhận lý thuyết của chính mình.

Người ấy rơi vào luận thuyết điên đảo, phủ nhận cả có, cả không còn gì tồn tại sau khi chết.

Anh ta cho rằng sau khi anh ta chết, chẳng có gì tồn tại lẫn không tồn tại. Thế thì đó là cái gì? Có phải cái "chẳng tồn tại cũng chẳng không tồn tại" là trung đạo chăng? – Không. Anh ta chẳng quan tâm đến trung đạo , cũng chẳng quan tâm đến việc mình có chứng được trung đạo hay không? Đây là điểm anh ta sai lầm và trở nên mê hoặc.

Kinh Văn: Sắc thọ tưởng trung, kiến hữu phi hữu. Hành thiên lưu nội, quán vô bất vô.

Việt dịch: Thấy sắc ấm, thọ ấm , tưởng ấm có mà chẳng phải có. Xét trong dòng chuyển biến của hành ấm , thấy cái khôngchẳng phải là không.

Giảng: **Thấy sắc ấm, thọ ấm , tưởng ấm có mà chẳng phải có.** Chú ý vào sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm, ba ấm mà hành giả đã tiêu trừ và vượt qua được, thấy sự hiện hữu đó không thực là hiện hữu. Hành giả nhận biết một trạng thái hiện hữu, nhưng nó không thực sự hiện hữu.

Xét trong dòng chuyển biến của hành ấm , hành giả thấy rằng cái không hiện hữu không thực sự là không, **thấy cái khôngchẳng phải là không.**.

Trong sự nhiễu động vi tế của hành ấm , hành giả thấy rằng những gì không hiện hữu, dường như cũng có sự hiện hữu. Do đó, chẳng có sự tồn tại và cũng chẳng có cái không tồn tại. Nên anh ta kiến lập lý thuyết này.

Kinh Văn: Như thị tuần hoàn, cùng tận âm giới, bát câu phi tướng. Tùy đắc nhất duyên, giai ngôn tử hậu, hữu tướng vô tướng.

Việt dịch: Xoay vần như thế, cùng tột các ấm , lập thành tám tướng "chẳng phải có, chẳng phải không." Gặp duyên gì cũng đều nói rằng sau khi chết là có tướng, không tướng.

Giảng: **Xoay vần như thế, cùng tột các ấm , lập thành tám tướng "chẳng phải có, chẳng phải không."**

Trước đây hành giả thấy một trạng thái, trong đó, sự hiện hữu từ trước kia của các sắc ấm, thọ ấm , tưởng ấm , hành ấm trở nên bị tiêu dung không còn nữa, và dòng chuyển động trôi chảy lăn tăn của hành ấm lẽ ra sau đó sẽ không còn hiện hữu nữa, mà nay vẫn còn tồn tại.

Quán xét cùng tột trước sau các ấm này. Hành giả khảo sát tuần tự từng món, cố gắng khám phá nguyên lý cơ bản. Anh ta nghiên cứu kỹ lưỡng bốn món sắc ấm, thọ ấm , tưởng ấm , hành ấm , quán xét chúng từ tất cả mọi khía cạnh. Lập thành tám tướng hoàn toàn phủ định sự hiện hữu. Có tám trường hợp, đều phủ nhận sự hiện hữu của sắc tướng.

Gặp duyên gì cũng đều nói rằng sau khi chết là có tướng, không tướng.

Bất luận khi đề cập đến ấm nào, anh ta chỉ có một câu trả lời. Hành giả đều nói rằng sau khi chết, chẳng có sự không hiện hữu (có), cũng chẳng có sự hiện hữu (vô) .

Kinh Văn: Hựu kế chư hành, tánh thiên ngoa cố, tâm phát thông ngộ, hữu vô câu phi, hư thực thất tán.

Việt dịch: Lại thấy hành ấm thay đổi liên tục, tâm phát thông ngộ, chấp tất cả đều chẳng phải có, chẳng phải không

Giảng: **Lại nữa, thấy các hành ấm thay đổi liên tục**, hành giả nghiên cứu kỹ lưỡng hơn về bản chất của hành ấm, vì hành ấm có sự thường nhiễu động lăng xăng rất nhỏ nhiệm, nó luôn luôn trôi chảy và biến dạng.

Tâm phát thông ngộ, tâm phát ra một sự hiểu biết sáng suốt, khiến phủ nhận cả có lẫn không hiện hữu.

Chấp tất cả đều chẳng phải có, chẳng phải không. Một sự hiểu biết sáng suốt nhầm lẫn (tà ngộ) xảy ra trong tâm ý hành giả, và anh ta quyết đoán rằng cả có lẫn không hiện hữu, cả hai đều không có căn cứ. Phải chăng đây là trung

đạo ? Không. Anh ta không hiểu được nghĩa rốt ráo của trung đạo . Đó là lý do tại sao anh ta chẳng quan tâm đến trung đạo . Anh ta chỉ quan tâm đến hiện hữu (có) và (không) hiện hữu.

Nên anh ta không thể quyết đoán được điều gì là thực, điều gì là hư.

Hư thực lộn lạo. Vạn vật chẳng hư chẳng thật. Quý vị nói vạn vật là thực, anh ta lại chối từ điều đó. Quý vị nói vạn vật là hư, anh ta cũng phủ nhận điều ấy. Vì anh ta chủ trương rằng chẳng thực cũng chẳng hư, nên anh ta đã bị tán loạn.

Kinh Văn: Do thử kế độ, tử hậu câu phi, hậu tế hôn mông, vô khả đạo cố. Đọa lạc ngoại đạo, hoặc bồ-đề tánh. Thị tắc danh vi đệ bát ngoại đạo, lập ngũ ấm trung, tử hậu câu phi, tâm điên đảo luận.

Việt dịch: Do những kiến chấp sau khi chết "chẳng phải có, chẳng phải không" như thế mà đường sau mờ mịt, không còn lối đi. Nên rơi vào ngoại đạo, mê mờ tánh bồ-đề. Đây là tà thuyết ngoại đạo thứ tám, lập luận điên đảo, chấp trong ngũ ấm, sau khi chết, chẳng phải có, chẳng phải không.

Giảng: **Do những kiến chấp sau khi chết "chẳng phải có, chẳng phải không" như thế mà đường sau mờ mịt, không còn lối đi.**

Do những thứ kiến chấp mà anh ta đã lập từ trước nầy, nên phủ nhận cả sự tồn tại lẫn không tồn tại sau khi chết. Đối với hành giả, tương lai mờ mịt, không thể nói được điều gì về điều ấy cả.

Anh ta nói rằng sau khi chết, còn có cả sự hiện hữu lẫn không hiện hữu. Hoàn toàn không biết được nơi sẽ kết thúc của hành ấm . Vì không thể biết gì về điều ấy cả, nên không có thể bàn luận, không có gì để nói về điều ấy cả.

Do vậy, n**ên rơi vào ngoại đạo, mê mờ tánh bồ-đề.** Hành giả rơi lạc vào ngoại đạo, vì lạc vào tà thuyết ngoại đạo, nên mê lầm tánh bồ-đề.

Đây là tà thuyết ngoại đạo thứ tám, lập nên lý luận điên đảo, **chấp trong ngũ ấm, sau khi chết, chẳng phải có, chẳng phải không.** Phủ nhận cả sự hiện hữu lẫn không hiện hữu, trong phạm vi ngũ ấm sau khi chết.

Anh ta nói rằng sau khi chết còn có sự hiện hữu, cũng như còn có sự không hiện hữu trong phạm vi của ngũ ấm. Vì tâm thức hành giả trở nên mê loạn, nên phát ra loại lý luận điên đảo này.

9 – TÀ KIẾN VỀ ĐOẠN DIỆT

Kinh Văn: Hựu tam ma trung, chư thiện nam tử, kiên ngưng chánh tâm, ma bất đắc tiện. Cùng sanh loại bản, quán bỉ u thanh, thường nhiễu động nguyên, ư hậu hậu vô, sanh kế độ giả. Thị nhân trụy nhập thất đoạn diệt luận.

Việt dịch: Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá. Trong nguồn gốc sâu xa phát sinh của muôn loài, quán xét cội gốc thường nhiễu động lăng xăng kia, sinh tâm kế chấp sau nầy là không, người ấy rơi vào mê lầm với bảy luận thuyết đoạn diệt.

Giảng: **Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá.**Hành giả trong khi thiền quán , chánh tâm ngưng lặng, vững chắc. Thiên ma không khuấy phá được nữa.

Hành giả, người tu thiền quán đã phát triển được định lực đến mức kiên cố và chánh tâm. Vậy nên thiên ma không còn cách nào quấy nhiễu được. Hành giả có thể nghiên cứu cùng tột cội gốc của mười hai loài chúng sinh, thấy được manh mối trạng thái thường nhiễu động vi tế kia. Hành giả quán sát bản chất bí ẩn, hư ảo trong sáng nhẹ nhàng. Đến lúc này trong hành ấm có sự nhiễu động rất vi tế. Nhưng nếu, anh ta không biết được trạng thái khi vượt qua hành ấm, sinh tâm kế chấp sau khi chết không còn sự hiện hữu, người ấy rơi vào mê lầm với bảy luận thuyết đoạn diệt. Người ấy sẽ tin vào bảy thứ luận đoạn diệt.

Kinh Văn: Hoặc kế thân diệt, hoặc dục tận diệt, hoặc khổ tận diệt, hoặc cực lạc diệt, hoặc cực xả diệt.

Việt dịch: Hoặc chấp hết thân này là diệt, hoặc chấp hết ngũ dục là diệt, hoặc chấp hết khổ là diệt, hoặc chấp tột vui là diệt, hoặc chấp cực điểm của xả bỏ là diệt.

Giảng: **Hoặc chấp hết thân này là diệt.**

Hành giả quán xét thấy rằng loài chúng sinh có thân xác ở khắp mọi nơi, thân xác ấy cuối cùng sẽ hủy hoại. Những nơi này là bốn châu lớn trong thiên hạ: Nam Diêm-phù-đề , Đông Thắng Thần Châu , Tây Ngưu Hóa Châu , Bắc Câu Lô Châu , và ngay cả nơi cõi trời Lục dục .

Hoặc chấp hết ngũ dục là diệt. Hoặc phỏng đoán khi tham muốn ngũ dục đã hết. Khi vượt qua được Dục giới ở cõi trời Sơ thiền còn gọi là Ly sinh hỷ lạc địa đó là đoạn diệt. Ở cõi trời Sơ thiền, quý vị thoát khỏi sự cấu nhiễm của chúng sinh và hưởng được nhiều niềm vui.

Hoặc chấp hết khổ là diệt. Hoặc chấp sau khi khổ chấm dứt, trong cõi trời thứ hai, gọi là Định sanh hỷ lạc địa đó là đoạn diệt. Đến đây, thấy vui vì đã đạt được định lực.

Hoặc chấp tột vui là diệt. Hoặc chấp niềm vui khi đạt đến tột đỉnh đó là đoạn diệt. Hành giả cho rằng trạng thái cực lạc ở cõi trời thứ ba (Ly hỷ diệu lạc địa) cũng sẽ chấm dứt. Vì khi đã trải qua được niềm vui tột cùng vi diệu, hành giả ước đoán rằng cõi Thiền thứ ba cũng sẽ đoạn diệt.

Hoặc chấp cực điểm của xả bỏ là diệt. Hoặc chấp sự xả bỏ khi đến cực điểm là đoạn diệt. Hành già phỏng đoán cõi trời thiền thứ tư (Xả niệm thanh tịnh địa) cũng sẽ đoạn diệt. Anh ta suy đoán cõi trời Tứ không, nơi không còn chướng ngại của sắc chất cũng sẽ đoạn diệt.

Thời gian trôi qua rất nhanh, chỉ trong nhấp nháy mắt mùa hạ đã trôi qua rồi. Ở Trung Hoa, Khổng Tử ví cuộc đời như dòng nước trôi qua không ngừng nghỉ. Thời gian trôi qua không bao giờ trở lại. Có câu ngạn ngữ:

“Nhất thốn quang âm nhất thốn kim

Thốn kim nan mại thốn quang âm.”

Nghĩa là: “Một khoảnh khắc thời gian đáng giá cả lượng vàng. Nhưng lượng vàng khó mua nổi một khoảnh khắc thời gian.” Một khoảnh khắc thời gian giá trị bằng cả lượng vàng. Nếu quý vị mất vàng, quý vị có thể sắm lại được. Nhưng một khi thời gian mất đi thì chẳng có cách nào lấy lại được. Do vậy thời gian còn quý hơn cả vàng. Nên trong đạo Phật nói rằng: “Một khoảnh khắc thời gian cũng như một cõi đời người.” Khi thời gian rút ngắn lại, đời sống con người lại càng ngắn hơn. Chúng ta phải nên quý trọng thời gian đừng để nó tùy tiện trôi qua trong sự vô ích.

Suốt mùa hạ này, chúng ta đã bắt đầu thời khóa tụng kinh, ngồi thiền vào lúc sáu giờ sáng mỗi ngày. Từ sáng sớm cho đến 9 giờ tối. Mọi người đã đem hết tâm lực để dụng công tu tập. Tôi tin rằng thời gian này chắc hẳn là quý hơn vàng, giá trị hơn kim cương. Nay mọi người hãy cùng nhau hết lòng lắng nghe, thấm nhuần những điều đã được học, phát tâm tu tập. Đây là khoảnh khắc thời gian quý giá nhất trong đời. Thật đáng tiếc khi thời gian trôi qua chỉ trong chớp mắt. Cho dù thời khắc gần như đã đi qua, Phật pháp mà chúng ta vừa học

được cũng như hạt giống kim cương trong tâm thức ta gieo vào mảnh đất là thức thứ tám (A-lại-da thức). Trong tương lai chắc chắn sẽ sinh ra quả kim cương bất hoại. Đó cũng là Phật quả, nghĩa là chúng ta sẽ được thành Phật.

Khi nào thì chúng ta sẽ thành Phật? Tùy thuộc vào cách chúng ta siêng năng canh tác, tưới tẩm các hạt giống một khi nó đã được gieo vào lòng đất rồi. Cũng như người nông dân, chúng ta phải tưới nước, nhổ cỏ dại, xới đất cho tơi xốp để hạt giống có thể nảy mầm. Thế nào gọi là nhổ cỏ dại? Cỏ dại có nghĩa là vào mọi lúc, ta phải đề phòng sự phát triển rất vi tế của tạp niệm và trừ bỏ những vọng tưởng ấy đi.

Hằng ngày ta phải nỗ lực công phu theo cách này như người nông dân chăm sóc và tưới tẩm ruộng vườn của họ. Tưới nước và nhổ cỏ dại hằng ngày, hạt giống kim cương mà quý vị đã gieo vào lòng đất sẽ nảy chồi bồ-đề, dần dần chồi non bồ-đề ấy sẽ lớn thành cây bồ-đề; rồi nó sẽ kết thành quả bồ-đề. Nhưng quý vị phải chăm sóc bảo vệ chồi non Bồ-đềấy, nếu quý vị xao lãng việc tưới nước và vun xới cho nó, thì nó sẽ tàn lụi đi.

Tước nước nghĩa là gì? Nếu quý vị học Phật pháp hằng ngày, có nghĩa là quý vị đang tưới cho mầm bồ-đề bằng nước của Pháp. Đúng lúc quả kim cang sẽ chín muồi. Nếu quý vị không tiếp tục chăm sóc hạt giống kim cang sau kỳ pháp hội này, thì không dễ gì hạt kim cang sẽ nảy chồi. Quý vị phải chăm sóc hạt giống thật chu đáo. Đừng nên theo thói quen thích làm những việc mình ưa thích. Hãy tuân thủ theo giới luật và cư xử cho hòa hợp, đừng bừa bãi, khinh suất trong khi hành xử. Nếu quý vị giữ đúng giới luật, nghĩa là quý vị hòa hợp với Phật pháp. Nếu không tuân thủ giới luật, thì chưa hiểu Phật pháp. Quý vị nhất định phải nên tuân thủ theo giới luật, đừng quá phóng túng và không tự kiềm chề mình được. Đây là điều tôi hy vọng ở quý vị.

Trong pháp hội giảng kinh Thủ-lăng-nghiêm vào mùa hạ này, nhất định sẽ giống như trong trường hợp:

“Nhất lịch nhĩ căn, vĩnh vi đạo tràng”

Nghĩa là: “Ngay khi nghe được ý chỉ của kinh này rồi, vĩnh viễn nơi tâm thức của quý vị đã là đạo tràng, là mảnh đất tâm đã được gieo hạt giống bồ-đề.”

Kinh Văn: Như thị tuần hoàn, cùng tận thất tế, hiện tiền tiêu diệt, diệt dĩ vô phục. Do thử kế độ, tử hậu đoạn diệt. Đọa lạc ngoại đạo hoặc bồ-đề tánh. Thị tắc danh vi đệ cửu ngoại đạo. Lập ngũ ấm trung tử hậu đoạn diệt. tâm điên đảo luận.

Việt dịch: Xoay vần như thế, cùng tột đến bảy quan niệm chấp trước hiện tiền là tiêu diệt, đã diệt rồi thì không hồi phục lại nữa. Do chấp sau khi chết là đoạn diệt như thế, nên rơi vào ngoại đạo, lầm mất tánh bồ-đề. Đây là ngoại đạo thứ 9, lập nên những thứ luận điên đảo, chấp trong ngũ ấm, sau khi chết là đoạn diệt hẳn.

Giảng: **Xoay vần như thế, cùng tột đến bảy quan niệm chấp trước hiện tiền là tiêu diệt, đã diệt rồi thì không hồi phục lại nữa.**

Vì những kế chấp đoạn diệt sau khi chết. Hành giả vẫn duy trì tư tưởng cho rằng sau khi chết, chẳng còn bất cứ thứ gì tồn tại. Mọi vật đều tiêu diệt. **Nên rơi vào ngoại đạo, lầm mất tánh bồ-đề.** Hành giả sẽ rơi vào ngoại đạo, mê mờ tánh bồ-đề, mê mờ về tánh giác ngộ chân chánh. **Đây là** tà thuyết **ngoại đạo thứ chín**, **lập nên những thứ luận điên đảo**. **Chấp trong ngũ ấm, sau khi chết là đoạn diệt hẳn.**

Cho rằng sau khi chết trong phạm vi ngũ ấm là đoạn diệt hẳn. Với tâm mê muội, hành giả nghĩ rằng sự đoạn diệt sau khi chết là ở trong phạm vi của sắc ấm, thọ ấm , tưởng ấm và hành ấm .

10 – TÀ KIẾN VỀ NIẾT BÀN

Kinh Văn: Hựu tam ma trung, chư thiện nam tử, kiên ngưng chánh tâm, ma bất đắc tiện. Cùng sanh loại bản, quán bỉ u thanh, thường nhiễu động nguyên, ư hậu hậu hữu, sanh kế độ giả. Thị nhân trụy nhập ngũ niết-bàn luận.

Việt dịch: Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá. Trong nguồn gốc sâu xa phát sinh của muôn loài, quán xét cội gốc thường nhiễu động lăng xăng kia, sinh tâm kế chấp sau nầy là có. Người ấy rơi vào năm thứ luận về niết-bàn.

Giảng: **Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá.**

Trong khi tu tập thiền quán , chánh tâm ngưng lặng vững chắc. Thiên ma không khuấy phá được nữa. Vì hành giả đã được định lực vững chắc và chính tâm thuần hòa, thanh tịnh. **Thiên ma không có cơ hội quấy phá, t**hiên ma chẳng có ảnh hưởng gì đến hành giả được nữa.

Trong nguồn gốc sâu xa phát sinh của muôn loài, quán xét cội gốc thường nhiễu động lăng xăng kia, sinh tâm kế chấp sau nầy là có.

Hành giả nghiên cứu cùng tột cội gốc của các loài chúng sinh, thấy được manh mối trạng thái thường nhiễu động vi tế kia. Khảo sát tâm thức của các loài chúng sinh kia, vốn u ẩn, khinh thanh trong dòng nhiễu động rất vi tế.

Người ấy rơi vào năm thứ luận về niết-bàn.

Nhưng nếu hành giả sinh tâm kế chấp về sự hiện hữu sau khi chết, sẽ rơi vào năm thứ luận sai lạc về niết-bàn .

Vượt qua hành ấm , hành giả lại nhận thấy có sự hiện hữu. Căn cứ vào sự thường hằng của từng niệm, từng niệm trôi chảy không ngừng trong phạm vi hành ấm. Anh ta có kiến chấp sai lầm về sự hiện hữu và tin vào năm thứ luận về Niết Bàn.

Kinh Văn: Hoặc dĩ dục giới, vi chánh chuyển y, quán kiến viên minh, sinh ái mộ cố. Hoặc dĩ sơ thiền tánh vô ưu cố. Hoặc dĩ nhị thiền, tâm vô khổ cố. Hoặc dĩ tam thiền, cực duyệt tuỳ cố. Hoặc dĩ tứ thiền, khổ lạc nhị vọng, bất thọ luân hồi, sanh diệt tánh cố.

Việt dịch: Hoặc xem Dục giới là chuyển y chân chánh, do thấy sáng suốt cùng khắp nên sanh tâm yêu thích. Hoặc nhận cõi Sơ thiền là nơi chuyển y chân chánh, do tâm không còn lo buồn. Hoặc nhận cõi Nhị thiền là chuyển y chân chánh, do tâm không khổ lụy nữa. Hoặc nhận Tam thiền, vì rất vui đẹp. Hoặc nhận Tứ thiền vì cả vui khổ thực sự tiêu vong, không còn chịu sinh diệt trong luân hồi nữa.

Giảng: **Hoặc xem Dục giới là chuyển y chân chánh**. Đó là nơi mà anh ta sẽ đi đến, anh ta thấy cõi trời Dục giới là nơi chuyển y chân chánh. Tại sao?

Do vì hành giả thấy sáng suốt cùng khắp và sanh tâm yêu thích nơi ấy. Cõi trời Dục giới hiện ra rất hoàn mãn và sáng rực, nên anh ta phát khởi tâm luyến mộ và ước ao sinh về nơi đó. Anh ta nhận nơi đó như một nơi chốn để quay về, như là một cảnh giới niết-bàn. Anh ta nghĩ rằng Dục giới là một cõi niết-bàn chân thực.

Hoặc nhận cõi Sơ thiền là nơi chuyển y chân chánh, do tâm không còn lo buồn. Anh ta nghĩ rằng chúng sinh trong cõi trời Sơ thiền (Ly sinh hỷ lạc) đã bỏ lại hết đằng sau những âu lo, phiền não rồi, đồng thời sinh khởi một cảm giác hoan hỷ. Do vậy nên hành giả ao ước được sanh về nơi đó.

Hoặc nhận cõi Nhị thiền là chuyển y chân chánh, do tâm không khổ lụy nữa. Trong khi thiền quá, hành giả có thể đạt đến cõi trời Nhị thiền, nơi tâm không còn khổ nữa, vì hành giả đã phát triển được định lực. Cõi trời này gọi là Định sanh hỷ lạc .

Hoặc nhận Tam thiền, vì rất vui đẹp, vì rất ham thích niềm vui tột bực ở đó. Anh ta nghĩ rằng mình sẽ đạt được bất kỳ điều gì mình muốn ở đó, vì thế anh ta cho rằng đây là cõi trời kia là cảnh giới niết-bàn.

Hoặc nhận Tứ thiền vì cả vui khổ thực sự tiêu vong, không còn chịu sinh diệt trong luân hồi nữa.

Hành giả cho rằng mình không còn trải qua sự luân hồi sanh tử nữa. Hành giả cho rằng trong cõi trời Tứ thiền , gọi là Xả niệm thanh tịnh địa , nơi khổ vui đều tiêu dung và không còn tái sinh trong tam giới nữa. Do vì cảnh giới này rất thanh tịnh, nên hành giả xem đó là cảnh giới niết-bàn, muốn quay về an trụ nơi đó.

Kinh Văn: Mê hữu lậu thiên, tác vô vi giải, ngũ xứ an ổn, vi thắng tịnh y. Như thị tuần hoàn, ngũ xứ cứu cánh.

Việt dịch: Mê chấp các cõi trời hữu lậu, phát khởi kiến giải vô vi, lầm sự an ổn năm chỗ ấy là nơi nương tựa thắng tịnh. Tuần hoàn rốt ráo trong năm chỗ như vậy .

Giảng: **Mê chấp các cõi trời hữu lậu, phát khởi kiến giải vô vi.**

Những cõi trời này còn trong vòng hữu lậu, nhưng hành giả mê lầm “Nhận giặc làm con” khởi nên kiến giải vô vi, và xem năm trạng thái này là nơi nương tựa thù thắng. **Lầm sự an ổn năm chỗ ấy là nơi nương tựa thắng tịnh.** Anh ta cảm thấy rằng năm trạng thái này là an ổn và bảo đảm, đó là nơi tuyệt đối thanh tịnh, thù thắng để quay về an trụ.

Tuần hoàn rốt ráo trong năm chỗ như vậy .

Cứu xét kỹ lưỡng theo cách ấy, nên quyết đoán có năm chỗ rốt ráo. Anh ta nghĩ các cảnh giới ấy là trạng thái tột cùng nơi anh ta có thể nhập niết-bàn. Anh ta không nhận ra những cõi trời này vẫn còn trong vòng hữu lậu.

Kinh Văn: Do thử kế độ, ngũ hiện niết-bàn, đọa lạc ngoại đạo hoặc bồ-đề tánh. Thị tắc danh vi, đệ thập ngoại đạo. Lập ngũ ấm trung, ngũ hiện niết-bàn, tâm điên đảo luận.

Việt dịch: Do kế chấp năm thứ niết-bàn hiện có như vậy, nên rơi vào ngoại đạo, mê mờ tánh bồ-đề. Đây là ngoại đạo thứ mười, lập nên những luận điên đảo, chấp trong ngũ ấm, có năm thứ niết-bàn hiện có.

Giảng: **Do kế chấp năm thứ niết-bàn hiện có như vậy, nên rơi vào ngoại đạo, mê mờ tánh bồ-đề.** Đánh mất trực giác về bản tánh giác ngộ sáng suốt. **Đây là ngoại đạo thứ mười, lập nên những luận điên đảo, chấp trong ngũ ấm, có năm thứ niết-bàn hiện có.**

Đây là tà thuyết ngoại đạo thứ mười, lập nên những luận thuyết sai lầm về năm loại niết-bàn hiện có, trong phạm vi của ngũ ấm. Những luận thuyết ấy là hoàn toàn sai lạc và điên đảo.

LỜI KHUYÊN TỔNG KẾT CỦA ĐỨC THẾ TÔN VỀ CÁC TÀ KIẾN

Kinh Văn: A-nan, như thị thập chủng, thiền-na cuồng giải, giai thị hành ấm, dụng tâm giao hỗ, cố hiện tư ngộ.

Việt dịch: A-nan, tất cả mười thứ tri giải cuồng loạn trong thiền-na như thế, đều do tâm dụng công giao xen với hành ấm nên phát ra ngộ giải này.

Giảng: **A-nan, tất cả mười thứ tri giải cuồng loạn trong thiền-na như thế,** tất cả mười thứ tri giải cuồng loạn sai lầm như thế được nói ở trên xảy ra trong thiền định. **đều do tâm dụng công giao xen với hành ấm nên phát ra ngộ giải này.** Chính là do tâm nỗ lực công phu thiền quán giao xen với hành ấm.

Vấn đề gì sẽ xảy ra ở đây? Vì hành giả vừa vượt qua hành ấm . Nếu chánh tri, chánh kiến của hành giả thắng lướt, thì anh ta có thể nhảy vượt qua rào cản này. Nếu hành ấm thắng thì anh ta sẽ bị ma gá vào. Nên phát ra ngộ giải này.

Kinh Văn: Chúng sanh ngoan mê bất tự thốn lượng. Phùng thử hiện tiền, dĩ mê vi giải, tự ngôn đăng thánh. Đại vọng ngữ thành, đọa vô gián ngục.

Việt dịch: Chúng sinh ngu mê, không tự suy xét được. Gặp phải cảnh ấy, nhận mê làm ngộ, nói rằng mình đã chứng thánh. Thành tội đại vọng ngữ, sẽ đọa vào ngục vô gián.

Giảng: **Chúng sinh ngu mê, không tự suy xét được.**

Chúng sinh thường bướng bỉnh, si mê và vô ý thức, không có một niệm phản tỉnh tự hỏi mình là ai và căn tánh của mình là gì?

Gặp phải cảnh ấy khi trạng thái này xảy ra, liền bị bối rối hoảng loạn, nhưng vì không gặp được vị thiện tri thức sáng mắt chỉ điểm cho.

Nhận mê làm ngộ, **nói rằng mình đã chứng thánh**. Anh ta tuyên bố đã giác ngộ và đã thành Phật. **Thành tội đại vọng ngữ** vì anh ta đã phạm tội đại vọng ngữ như vậy, nên sẽ **đọa vào ngục vô gián.**

Kinh Văn: Nhữ đẳng tất tu, tương Như Lai tâm, ư ngã diệt hậu, truyền thị mạt pháp, biến linh chúng sanh, giác liễu tư nghĩa. Vô linh tâm ma, tự khởi thâm nghiệt. Bảo trì phúc hộ, tiêu tức tà kiến.

Việt dịch: Sau khi Như Lai nhập diệt, các ông nên đem lời dạy của Như Lai truyền bá trong đời mạt pháp, khiến cho tất cả chúng sinh hiểu rõ nghĩa này. Đừng để cho tâm ma tự gây những tội chướng sâu nặng. Giữ gìn che chở cho chúng sanh tiêu trừ tà kiến.

Giảng: Sau khi Như Lai nhập diệt, các ông nên đem lời dạy của Như Lai truyền bá trong đời mạt pháp, khiến cho tất cả chúng sinh hiểu rõ nghĩa này.

Sau khi Như Lai nhập niết-bàn . Trong tương lai A-nan và quý vị trong Tăng đoàn nên truyền bá lời dạy này của Như Lai. Những lời Như Lai đã giảng nói. Chỉ bày và giáo hóa cho chúng sinh trong đời mạt pháp được hiểu rõ nghĩa chân thực này. Quý vị nên chỉ bày cho toàn thể chúng sinh hiểu được những đạo lý này.

Đừng để cho tâm ma tự gây những tội chướng sâu nặng. Giữ gìn che chở cho chúng sanh tiêu trừ tà kiến.

Đừng để cho tà ma sinh khởi trong tâm, gây nên những tội chướng sâu nặng. Đừng để cho mọi loài chúng sinh tạo nên nghiệp xấu. Bảo hộ che chở cho chúng sanh tiêu trừ tà kiến. Hộ trì Phật pháp, tiêu trừ tà kiến.

Kinh Văn: Giáo kì thân tâm, khai giác chân nghĩa. Ư vô thượng đạo, bất tao chi kì. Vật linh tâm kì, đắc thiểu vi túc. Tác đại giác vương, thanh tịnh tiêu chỉ.

Việt dịch: Dạy cho họ giác ngộ đạo nghĩa chân thật. Nơi đạo vô thượng, không lạc vào đường tẻ. Đừng để cho chúng sinh hài ỉòng với chút ít hiểu biết rồi tự cho là đủ. Phải làm mẫu mực thanh tịnh của bậc Đại giác vương.

Giảng: Dạy cho họ giác ngộ đạo nghĩa chân thật. Dạy cho chúng sinh giác ngộ nghĩa sâu rộng chân thật của đạo Vô Thượng, giúp cho thân và tâm chúng sinh trong đời mạt pháp hiểu được giáo lý chân thật tối thượng.

Nơi đạo vô thượng, không lạc vào đường tẻ. Giúp cho chúng sinh không lạc vào đường tẻ. Đừng để cho chúng sinh đuổi theo các giáo pháp nông cạn thô thiển, mà không ham thích giáo pháp căn bản. Đừng để cho chúng sinh khi gặp phải những con đường tẻ thì hoang mang không biết đi đường nào.

Đừng để cho chứng sinh hài lòng vói chút ít hiểu biết rồi tư cho là đủ. Đừng để cho chúng sinh khao khát đạo giác ngộ Vô thượng mà trở thành tự mãn, hài lòng với chút ít sở
đắc trong công phu.

Làm mẫu mực thanh tịnh của bậc Đại giác vương. Các ông nên tự biến mình thành bậc Đại giác vương, làm mẫu mực khuôn phép cho giáo nghĩa thanh tịnh. Tức thời biến mình thành bậc chúa tể trong đạo giải thoát, làm vị lãnh tụ mẫu mực, mô phạm thanh tịnh, không chấp nhận được chút ít sở đắc trong công phu tu tập là đủ. Một bề hướng thượng tinh tấn tu tập.

KINH LĂNG NGHIÊM

NĂM MƯƠI LOẠI ẤM MA

Hòa Thượng Tuyên Hóa giảng tại

Phật Giáo Giảng Đường San Francisco

California _ USA _ 1968

— o0o —

THỨC ẤM

TRẠNG THÁI TÂM LÝ TRƯỚC KHI VÀO THỨC ẤM

Kinh Văn: A-nan, bỉ thiện nam tử, tu tam-ma-đề, hành ấm tận giả, chư thế gian tánh, u thanh nhiễu động, đồng phận sanh cơ, thúc nhiên huy liệt. Trầm tế cương nữu, bổ-đặc-già-la, thù nghiệp thâm mạch cảm ứng huyền tuyệt.

Việt dịch: A-nan, thiện nam tử kia tu pháp tam-ma-đề, khi hành ấm hết rồi, cái then chốt nhiễu động u ẩn, nơi phát sinh chung các loài trong thế gian, bỗng nhiên được xóa sạch. Giềng mối vi tế, quan hệ sâu xa, gây nghiệp thọ báo của bổ-đặc-già-la nơi mỗi chúng sinh cũng được chấm dứt.

Giảng: **A-nan, thiện nam tử kia tu pháp tam-ma-đề, khi hành ấm hết rồi.** Khi hành giả, người đang tu tập trong phạm vi hành ấm, tu pháp tam-ma-đề đến mức tiêu dung được hành ấm. **Cái then chốt nhiễu động u ẩn, nơi phát sinh chung các loài trong thế gian, bỗng nhiên được xóa sạch.** Then chốt nhiễu động vi tế nơi chốn thâm u của nội tâm, là nơi phát sinh chung của các loài trên thế gian, bỗng nhiên được xóa sạch.

Sự nhiễu động vi tế, không thể nhận thấy, này biểu thị đặc điểm của tất cả mười hai loại chúng sinh trong thế gian, và đó cũng là nguồn gốc sinh khởi chung của các loài ấy; bỗng dưng được tiêu hủy sạch.

Ở Trung Hoa chữ cương nữu 綱紐 –giềng mối, có nghĩa: sợi dây thừng lớn giăng quanh mạng lưới gọi là "cương – giềng. Còn trên cổ áo có các nút để buộc áo lại gọi là nữu – mối. Cũng giống như trục chính của chiếc xe gọi là khu nữu 驅紐 vậy.

Bổ-đặc-già-la , tiếng Phạn là pudgala , dịch nghĩa là: "thường chấp giữ, duy trì sự tái sinh." Đó là cái sinh rồi lại sinh, tương tục mãi mãi. Nó cũng được gọi là "trung hữu thân" hay "hữu tình." Mọi chúng sinh trong loài hữu tình đều phải trải qua giai đoạn "trung hữu thân" này. Khi ta chết, chúng ta sẽ qua một giai đoạn gọi là "trung ấm thân."

Giềng mối vi tế, quan hệ sâu xa, gây nghiệp thọ báo của bổ-đặc-già-la nơi mỗi chúng sinh cũng được chấm dứt.

Giềng mối vi tế quan hệ sâu xa gây nên nghiệp báo của bổ-đặc-già-la, là thân trung hữu nơi mỗi chúng sinh cũng được chấm dứt.

Trong sự tương quan thù báo lẫn nhau. Sự giao lưu của nghiệp quả diễn biến rất sâu mầu, nhân quả nối tiếp nhau không bao giờ dứt. Vì hành ấm đã tiêu dung, dòng sinh tử cũng đã chấm dứt. Nhân quả cũng đã dừng hẳn. Đây là mô tả trạng thái tiêu dung của hành ấm và sự khởi đầu của thức ấm .

PHẠM VI THỨC ẤM

Kinh Văn: Ư niết-bàn thiên, tương đại minh ngộ, như kê hậu minh, chiêm cố đông phương, dĩ hữu tinh sắc. Lục căn hư tĩnh, vô phục trì dật. Nội ngoại trạm minh, nhập vô sở nhập. Thâm đạt thập phương, thập nhị chủng loại, thọ mệnh nguyên do. Quán do chấp nguyên, chư loại bất triệu. Ư thập phương giới dĩ hoạch kì đồng. Tinh sắc bất trầm, phát hiện u bí. Thử tắc danh vi thức ấm khu vũ.

Việt dịch: Bầu trời niết-bàn sắp tỏa sáng rực rỡ, như sau khi gà gáy sáng, có ánh bình minh ló dạng ở phương Đông. Sáu căn rỗng rang thanh tịnh, không còn giong ruỗi nữa.Trong ngoài đều phát ra ánh sáng sâu mầu, vào được tính vô sở nhập. Thấu suốt được nguyên do thọ mạng của mười hai loại chúng sinh trong suốt mười phương. Xét rõ nguồn gốc do chấp trước gây ra, nên các lòai không thu hút được. Nhận được tính đồng nhất với mười phương thế giới. Tinh minh không tiêu trầm, những gì ẩn mật từ trước nay đều hiển bày. Đây gọi là phạm vi của thức ấm.

Giảng: **Bầu trời niết-bàn sắp tỏa sáng rực rỡ.**

Bầu trời của niết-bàn sắp được tỏa sáng rực rỡ. Đó là bầu trời của tự tánh niết-bàn. Hành giả đã ở ngay bờ mé của sự khai ngộ. Hành giả sắp đạt được đại giải thoát, so sánh cảnh giới đó **như sau khi gà gáy sáng, có ánh bình minh ló dạng ở phương Đông**. Khi gà gáy lần thứ nhất, rồi lần thứ hai báo hiệu trời sáng, lúc ấy vẫn chưa có ánh sáng ở phương Đông, bầu trời vẫn còn tối đen. Nếu ta hướng về phương Đông nhìn lâu sẽ thấy ánh sáng bình minh le lói khi gà gáy xong lần thứ ba và cũng là lần cuối cùng.

Sáu căn rỗng rang thanh tịnh.

Thọ ấm đã tiêu dung rồi, nên sáu căn không còn có cảm giác nữa. Nó hoàn toàn rỗng lặng. Tưởng ấm đã tiêu dung rồi, nên không còn vọng tưởng nữa. Do vậy, nên tưởng ấm cũng hoàn toàn tịch lặng. Lúc này, không còn cảm thọ và vọng tưởng tác động khiến tâm thức lang thang dao động nữa.

Không còn giong ruỗi nữa.

Điều này có nghĩa là sự biến hóa, trôi chảy nhiễu động lăng xăng của hành ấm cũng đã chấm dứt. Sự nhiễu động lăng xăng, thiên lưu biến hóa của hành ấm tợ như những đợt sóng tương tục nhau mãi không dừng, nhưng nay nó đã chìm lắng xuống hẳn, không còn rong duỗi nữa.

Trong ngoài đều phát ra ánh sáng sâu mầu.

Đến lúc này, khi chỉ còn thức ấm chưa được tiêu trừ, hành giả thấy có một luồng ánh sáng rất sâu mầu phát ra từ bên trong lẫn bên ngoài.

Vào được tính vô sở nhập. Hành giả đã vào được nơi xưa nay vốn không thể vào được.

Do vì các căn, các trần đều đã tiêu dung. Sáu căn, sáu trần đã hòa nhập làm một. Căn trần không còn đi sóng đôi với nhau nữa. Đã thành bất nhị. Không còn sự phân biệt giữa sáu căn, sáu trần nữa. Do vậy, nên không còn chỗ gọi là "nhập" cho hành giả đi vào nữa.

Thấu suốt được nguyên do thọ mạng của mười loại chúng sinh trong suốt mười phương. **Xét rõ nguồn gốc do chấp trước gây ra, nên các lòai không thu hút được.**

Thấy rõ nguồn gốc ấy mà không bị thu hút.

Hành giả thâm nhập vào nơi nguồn gốc sinh mệnh tối sơ của các loại chúng sinh. Quán chiếu rõ ràng căn do của mười hai loại chúng sinh ấy, mà không bị thu hút hấp dẫn vào bất kỳ tánh chất của một loại nào. Không có loại nào tác động được hành giả, anh ta không còn một quan hệ nào nữa với mười hai loại chúng sanh ấy nữa cả.

Nhận được tính đồng nhất với mười phương thế giới. Tinh minh không tiêu trầm, những gì ẩn mật từ trước nay đều hiển bày. Đây gọi là phạm vi của thức ấm .

Hành giả trở nên đồng nhất với mười phương thế giới. Anh ta có cảm giác đồng nhất thể tánh với khắp pháp giới. Ánh sáng ấy không bị chìm mất, ánh sáng lưu xuất từ trí tuệ này không biến mất. Những gì ẩn mật trước nay được hiển bày. Những trạng thái bí ẩn nhất và khó hiểu, khó giải bày nhất từ trước đến nay được phơi bày một cách hiển nhiên, rõ ràng.

Trạng thái này gọi là phạm vi của thức ấm , hành giả đang đi vào trong phạm vi thức ấm.

CỘI GỐC CỦA THỨC ẤM

Kinh Văn: Nhược ư quần triệu, dĩ hoạch đồng trung, tiêu ma lục môn, hợp khai thành tựu. Kiến văn thông lân, hỗ dụng thanh tịnh. Thập phương thế giới cập dữ thân tâm, như phệ lưu li, nội ngoại minh triệt, danh thức ấm tận. Thị nhân tắc năng, siêu việt mệnh trọc. Quán kì sở do, võng tượng hư vô, điên đảo vọng tưởng, dĩ vi kì bản.

<u>Việt dịch:</u> **Như trong tính đồng của các loài đã chứng được, tiêu dung luôn sáu căn, Khiến việc khai hợp sáu căn đều thành tựu. Cái thấy, cái nghe dung thông với nhau một cách thanh tịnh. Mười phương thế giới và trong ngoài thân tâm trong suốt như lưu ly. Đây là sự chấm dứt của thức ấm . Người ấy có thể vượt qua mạng trược. Xét lại nguyên do của thức ấm, mới thấy cỗi gốc là vọng tưởng điên đảo, huyễn hoá rỗng không.**

Giảng: **Như trong tính đồng của các loài đã chứng được.**

Nếu hành giả trở nên đồng nhất với các loài, mà không bị các loài chiêu dẫn. Vì có sự tương quan mật thiết nhân quả với mười hai loại chúng sanh, hành giả trở nên đồng nhất với chúng. Tuy nhiên hành giả không bị ảnh hưởng bởi chúng. Vì hành giả đã đoạn trừ tất cả mối tương quan với chúng, không còn tái sinh trong đó nữa.

Tiêu dung luôn sáu căn.

Nên có thể tiêu dung luôn sự đồng nhất của sáu căn. Đến điểm này, lối vào của sáu căn không còn hoạt dụng được nữa. Nó hoàn toàn bị tiêu ma. Bằng cách nào mà nó không hoạt dụng được nữa? Đây không có nghĩa là mắt không còn thấy, tai không còn nghe, mũi không còn ngửi, lưỡi không nếm được mùi vị, mà còn hơn thế nữa. Điều gì xảy ra khi sáu căn hỗ dụng? Nếu khi quý vị vượt qua được thức ấm , thì quý vị sẽ trải qua trạng thái này. Nghĩa là, mắt có thể nhìn thấy và nó cũng có thể ăn và nói. Tai vốn xưa chỉ dùng để nghe, nay có thể thấy được. Quý vị có thể thấy bằng mũi và lưỡi. Mỗi căn (giác quan) có đủ sáu chức năng. Đó là ý nghĩa tiêu dung sự đồng nhất của sáu căn. Những tướng trạng của tiền trần nay đều đã biến mất.

Khiến việc khai hợp sáu căn đều thành tựu

Thành tựu việc dung hợp hay tách rời sáu căn ấy. “Khai” là khi sáu căn trở thành một, “hợp” là khi mỗi căn đảm nhiệm chức năng của cả sáu căn.

Cái thấy, cái nghe dung thông với nhau một cách thanh tịnh. Mười phương thế giới và trong ngoài thân tâm trong suốt như lưu ly.

Có một sự dung thông, hỗ tương giữa sáu căn ấy. Giống như bà con láng giềng quan tâm giúp đỡ lẫn nhau vậy. Chức năng của sáu căn đã liên kết với nhau. Thấy có kỳ diệu không? Trạng thái này thật là vi diệu.

Mười phương thế giới và trong ngoài thân tâm hành giả trong suốt như ngọc lưu ly. Giống như sắc xanh của ngọc lưu ly trong suốt. Đây là sự chấm dứt của thức ấm . Khi quý vị đạt đến trạng thái này. **Đây là sự chấm dứt của thức ấm**. Như thế cả năm ấm đều được chuyển hóa. Nhưng trước khi đến được, mức độ này thì thức ấm vẫn chưa được tiêu vong.

Người ấy có thể vượt qua mạng trược. Xét lại nguyên do của thức ấm , mới thấy cỗi gốc là vọng tưởng điên đảo, huyễn hoá rỗng không.

Xét lại nguyên do của thức ấm , mới thấy sự phủ nhận hiện hữu và cũng như phủ nhận cái không hiện hữu đều là hư vọng, và vọng tưởng điên đảo là nguồn gốc của nó.

Vấn đề hiện hữu hay không hiện hữu, đều là hư vọng và mơ hồ. Vọng tưởng điên đảo ấy là cội gốc của cảnh giới mà hành giả vừa trải qua.

Kinh Văn: A-nan đương tri, thị thiện nam tử, cùng chư hành không, ư thức hoàn nguyên, dĩ diệt sanh diệt, nhi ư tịch diệt, tinh diệu vị viên.

Việt dịch: A-nan nên biết, thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tính không của các hành, nên trở lại bản tính của thức, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Giảng: **A-nan nên biết, thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tính không của các hành.**

Hành giả, người tu tập thiền định đã quán sát tường tận hành ấm là không. Dù hành giả có gặp những ma cảnh, dù bị quấy nhiễu bởi thiên ma, hoặc ma khởi từ tâm mình, hoặc bất kỳ các loại ma nào khác, chúng nó vẫn không tác động đến định lực của hành giả được nữa. Hoặc ma có thể xuất hiện khi hành giả tu thiền định, nhưng hành giả không phải mắc cảnh giới của ma. Hoặc hành giả có thể gặp cảnh giới ma, nhưng nhận ra ngay, không bị chúng mê hoặc nhiễu loạn. Một khi hành giả phá trừ được sự mê lầm thì hành ấmlại bị trừ diệt.

Nay hành giả đang bắt đầu chuyển hóa thức ấm . Anh ta đã vượt qua hành ấm và thấy nó là "không."

Nên trở lại bản tính của thức. Bây giờ hành giả đang trong giai đoạn phá trừ thức ấm . Khi công phu tu tập đến giai đoạn này, hành giả phải quay trở về nguồn cội, đó là Như Lai tạng .

Đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Sự sinh diệt đã chấm dứt hẳn rồi, nhưng chưa viên mãn đạt đến sự tịch diệt tinh thần, vi diệu. Hành giả chưa đạt được tánh tịch diệt vi diệu viên mãn.

Kinh Văn: Năng linh kỉ thân, căn cách hợp khai, diệc dữ thập phương chư loại thông giác. Giác tri thông hốt, năng nhập viên nguyên. Nhược ư sở quy, lập chân thường nhân, sanh thắng giải giả, thị nhân tắc đọa, nhân sở nhân chấp. Sa-tì-ca-la, sở quy minh đế, thành kì bạn lữ, mê Phật bồ-đề, vong thất tri kiến.

Việt dịch: Người đó có thể khiến nơi thân mình, các căn khi hợp, khi chia lìa, còn thông suốt với sự hay biết các loài chúng sinh trong mười phương. Tánh hay biết đó thông suốt, nên có thể nhập vào tánh nguyên viên. Nếu xem chỗ quay về, lập nên nhân chân thường, cho là đúng đắn tuyệt đối, thì người ấy rơi vào cái chấp nhân sở nhân. Trở thành bè bạn với Sa-tì-ca-la, chấp vào minh đế, mê mờ tánh bồ-đề của Phật, bỏ mất chánh tri kiến.

Giảng: **Người đó có thể khiến nơi thân mình, các căn khi hợp, khi chia lìa.**

Có thể khiến các căn của mình, khi hợp, khi chia. Bây giờ nơi thức ấm , hành giả sinh khởi một vọng chấp. Đó là tưởng rằng mình đã ở nơi tuy chưa đạt được sự tịch diệt tinh thuần vi diệu, nhưng có thể khiến sáu căn hỗ dụng cho nhau. Mỗi căn có chức năng của sáu căn kia. Mắt có thể nói và nghe. Tai có thể ăn và ngửi. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý đều có thể sử dụng chức năng hỗ tương với nhau, để thấy, nghe, ngửi, nếm và xúc chạm.

Quý vị nghĩ rằng tai thì không thể dùng để ăn. Nhưng khi một người đã đạt được sáu căn hỗ dụng, thì có thể làm được điều ấy. Quý vị ngạc nhiên hỏi: "Thế thì răng của họ ở đâu?" Hỏi tai của quý vị. Họ không ăn theo cách mà chúng ta thường ăn. Khi họ muốn ăn, thì răng tự nhiên mọc ra. Răng ấy cũng sẽ không rụng đi. Có khi họ không cần dùng răng. Hoặc là có khi răng sẽ mọc khi họ cần ăn. Đây là loại năng lực chân thực của khoa học. Mỗi căn đều có đủ chức năng của mỗi căn khác.

“Hợp” là khi sáu căn kết hợp lại với nhau thành một căn. “Khai” là khi một căn trải ra để có đủ chức năng của cả sáu căn. Quý vị cho đây là thần thông hay khoa học? Bất luận bao nhiêu khám phá mà các nhà khoa học đã tìm được. Ngay dù họ có ghép được tim, gan, hoặc các bộ phận khác của cơ thể con người, họ vẫn không có khả năng làm cho mỗi căn có đủ chức năng của tất cả sáu căn. Đó là điều mà khoa học không thể nào với tới được. Bất luận khoa học có tiến bộ đến đâu, tôi nghĩ nó cũng không thể đạt được trình độ ấy. Nhưng nếu quý vị phát triển khoa học từ trong tự tánh của mình, thì quý vị có thể đạt được năng lực ấy.

Còn thông suốt với sự hay biết các loài chúng sinh trong mười phương. Biết khắp các loài chúng sinh trong mười phương. Không những hành giả người có khả năng “khai,” “hợp” sáu căn để có năng lực hỗ dụng, mà còn có thể biết được mười hai loại chúng sinh sẽ đi về đâu, trong khắp mười phương. Hành giả và các loài chúng sinh đều có cùng tánh giác tri dung thông với nhau.

Tánh hay biết đó thông suốt, nên có thể nhập vào tánh nguyên viên. Do tánh giác tri của hành giả thông suốt. Hành giả có thể biết được căn tánh của toàn thể chúng sinh khắp mười phương. Nên có thể nhập vào “tánh nguyên viên.” Đó là căn nguyên viên mãn của bổn tánh.

Nếu xem chỗ quay về, lập nên nhân chân thường, cho là đúng đắn tuyệt đối, thì người ấy rơi vào cái chấp nhân sở nhân.

Giả sử như hành giả vọng chấp nơi quay về của mình. Chấp điều gì? Cho rằng nơi ấy là chân thường và cho điều ấy là đúng đắn tuyệt đối. Vì anh ta tin nơi quay về ấy là chơn thường. Xem kiến giải này như một lý thuyết tuyệt đỉnh, một sự hiểu biết tối thượng, không có gì hơn thế nữa. Nếu như hành giả không rơi vào kiến chấp này thì không có gì sai trái, nhưng ngay khi khởi kiến chấp này thì hành giả sẽ mắc phải sai lầm, do chấp lầm cái nhân chân thường ấy. Hành giả cho tính chân thường là nhân, nhưng điều này hoàn toàn sai lầm. Anh ta nghĩ rằng chỗ ấy phải được mô tả như là tính chơn thường. Thực ra hành giả vẫn còn trong phạm vi thức ấm , chưa phải là chân thường. Anh ta trở nên chấp vào một nguyên nhân và chấp vào những gì nguyên nhân ấy có tác động tương quan. Thực ra, đây không phải là nhân, nhưng hành giả xem đó như là nhân. Do chấp vào điều ấy, nên hành giả rơi lạc vào ngoại đạo. Anh ta hùn hạp làm ăn với chúng, đầu tư vốn liếng vào và cùng chúng lập thành công ty. Tà thuyết ngoại đạo nào mà hành giả mắc vào? Là trở thành bè bạn với ngoại đạo Ta-tì-ca-la, chấp minh đế là nơi trở về.

Ta-tì-ca-la lập nên “phái ngoại đạo tóc vàng” mà trước đây tôi có giảng về sư phụ của Ma-đăng-già đã dùng chú thuật của ngoại đạo Ta-tì-ca-la. Đó là một loại thần chú của Phạm thiên.

Minh đế là thuyết chủ trương rằng không có gì hết thảy, đều là từ trong cảnh giới biến hóa hiện tại của A-lại-da thức (ālayavijñāna) mà xuất sinh ra. Ngoại đạo này xiển dương lý thuyết cho rằng vạn vật đều xuất sinh từ minh đế. Một khi hành giả trở nên chấp trước cái nhân này, anh ta trở thành quyến thuộc của “ngoại đạo tóc vàng.” Anh ta hợp tác với chúng, không biết khi nào công ty này mới kết liễu. Chẳng biết công ty ấy hữu hạn hay vô hạn nữa?

Mê lầm tánh bồ-đề của Phật, con đường giác ngộ, bỏ mất chánh tri kiến. Anh ta nhận cái chẳng phải là nhân làm nhân. Lẽ ra anh ta không nên điên đảo khi nhận cái nhân này, nhưng anh ta đã chấp lầm. Vì anh ta đã lập nên một cách phi lý các năng nhân và sở nhân ấy. Nên anh ta đã không còn trí tuệ chân chính nữa. Anh ta đã đánh mất trí tuệ đó rồi. Anh ta sẽ về đâu? Nếu quý vị muốn giúp anh ta tìm thấy nơi ấy, quý vị cũng sẽ đánh mất trí tuệ của mình luôn.

10 CẢNH GIỚI CỦA THỨC ẤM

— o0o —

1 – CHẤP CÓ NGUYÊN NHÂN CHÂN THƯỜNG

Kinh Văn: Thị danh đệ nhất, lập sở đắc tâm, thành sở quy quả, vi viễn viên thông, bối niết-bàn thành, sanh ngoại đạo chủng.

Việt dịch: Đây là dạng thứ nhất, lập nên tâm sở đắc, thành cái quả sở quy, nên trái xa tính viên thông, ngược hướng niết-bàn, sinh ra hạt giống ngoại đạo.

<u>Giảng</u>: **Đây là dạng thứ nhất, lập nên tâm sở đắc**

Đây là dạng thứ nhất, cho rằng có một nơi để trở về, do căn cứ trên ý tưởng có điều để chứng đắc.

Tông chỉ đó hoàn toàn sai lầm. Sai điểm nào? Là hành giả **nên trái xa tính viên thông,** vĩnh viễn xa rời tính viên thông. Những gì hành giả quan niệm đều hoàn toàn trái ngược với việc tu tập “nhĩ căn viên thông” qua công phu “phản văn văn tự tánh ” và “nhập lưu vong sở.” Tại sao? Vì anh ta đã phát khởi sự vọng chấp. **Ngược hướng niết-bàn.** Nên anh ta đi ngược hướng với thành

niết-bàn. Bốn thành phố lớn nhất của niết-bàn là gì? Đó là nơi có đầy đủ bốn đức của niết-bàn: thường-lạc-ngã-tịnh .

Sinh ra hạt giống ngoại đạo.

Do lập nên cái nhân chẳng phải là nhân, hành giả đã dính mắc với tà thuyết ngoại đạo. Do vì thuyết lập ra giống như thuyết Minh Đế của ngoại đạo Ta-tì-ca-la, nên anh ta thành quyến thuộc của chúng.

2 – TỰ CHẤP CÓ NĂNG LỰC NHƯNG THẬT SỰ KHÔNG PHẢI NĂNG LỰC

Kinh Văn: A-nan, hựu thiện nam tử, cùng chư hành không, dĩ diệt sanh diệt, nhi ư tịch diệt, tinh diệu vị viên.

Việt dịch: Lại nữa A-nan, thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tính không của các hành, nên trở lại bản tính của thức, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Giảng: **Lại nữa A-nan, thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tính không của các hành.**

Lại nữa A-nan, hành giả người đang tu tập chánh định quán xét cùng tột tánh không của hành ấm . Hành giả đã quán sát đến mức cùng tột và đạt đến tánh không của hành ấm. Hành ấm hoàn toàn là không đối với hành giả.

Nên trở lại bản tính của thức, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Đã diệt hẳn ý niệm cảnh giới sinh diệt, nhưng chưa được tính tinh diệu viên mãn của sự tịch diệt. Anh ta chưa đạt được niềm vui tịch diệt, do vì thức ấm chưa được tiêu dung.

“Thức” và “chân như” có khác nhau tí chút. “Thức” là chủ thể còn có sinh và diệt. Còn “chân như” thì không còn sinh diệt nữa. Ngay bây giờ thức thứ tám vẫn còn tướng sinh diệt nhỏ nhiệm, hòa hợp với chân như vốn không sinh diệt, trở thành “hòa hợp thức.” Là vì cái thức sinh diệt ấy cùng với chân như bất sinh diệt rất gần gũi nhau, cả hai cùng hòa hợp nương nhau mà sinh khởi. Gọi là “hòa hợp thức.” Vì nó chưa đạt được hoàn toàn tinh diệu.

Kinh Văn: Nhược ư sở quy, lãm vi tự thể, tận hư không giới, thập nhị loại nội, sở hữu chúng sanh, giai ngã thân trung, nhất loại lưu xuất, sanh

thắng giải giả, thị nhân tắc đọa, năng phi năng chấp. Ma-hê thủ-la hiện vô biên thân, thành kì bạn lữ. Mê Phật bồ-đề, vong thất tri kiến.

Việt dịch: Nếu xem nơi trở về chân thật là tự thể của riêng mình, xem mười hai loại chúng sinh cùng khắp cả pháp giới hư không đều từ trong thân mình sinh ra, quyết định cho kiến giải này là đúng, thì người ấy rơi vào cái chấp năng phi năng, thành bè đảng với Ma-hê-thủ-la, thường hiện ra vô biên thân. Do mê muội tánh bồ-đề của chư Phật, nên bỏ mất chánh tri kiến.

Giảng: **Hành giả xem nơi trở về chân thật là tự thể riêng của mình.**

Nơi thân mà hành giả quay hướng về cũng còn nằm trong vòng sanh diệt của thức thứ tám. Đó chưa phải là tự thể chân thật của mình. Nhưng hành giả cho là như vậy, nên rơi vào một vọng chấp khác đó là xem mười hai loại chúng sinh cùng khắp cả pháp giới hư không, từ loài noãn sinh cho đến loài phi vô tưởng cùng khắp cả pháp giới hư không đều từ trong thân mình sinh ra.

Xem mười hai loại chúng sinh cùng khắp cả pháp giới hư không đều từ trong thân mình sinh ra.

Các ông có biết chúng sinh từ đâu mà có không? Hành giả hỏi: Rồi tự trả lời: “Hoàn toàn từ thân tôi mà ra. Tôi sinh ra tất cả các loài chúng sinh ấy.”

Giống như trước đây có một hành giả đã nói: “Các loài chúng sinh đều là con đẻ của ta cả. Ngay cả chư Phật, chư Bồ-tát, các vị A-la-hán . Ta đều sinh ra những vị ấy, ta có thể sinh ra các vị Bồ-tát và A-la-hán.” Hãy xem kỹ cái thói ngã chấp điên đảo của người này.

Quyết định cho kiến giải này là đúng.

Nếu hành giả quyết định cho kiến giải này là đúng. Anh ta cho kiến giải ấy là thù thắng, nhưng thực ra chẳng phải như vậy. Kiến giải này hoàn toàn căn cứ vào tà kiến nên không thể gọi là thù thắng được. Nếu nó thực sự thù thắng, nó sẽ phù hợp với Phật pháp. Thế nên khi quí vị công phu và đọc kinh Phật, cốt yếu là phải hiểu thật rõ ràng ý kinh.

Thì người ấy rơi vào cái chấp năng phi năng, thành bè đảng với Ma-hê-thủ-la.

Rơi vào chấp trước sai lầm cho rằng mình đạt được một năng lực mà không thực có. Anh ta nói rằng có thể sinh ra tất cả mười hai loài chúng sinh, nhưng thực ra anh ta hoàn toàn không có khả năng như thế. Đó chỉ là sự ước đoán do anh ta tạo ra từ vọng thức của chính mình. Anh ta thực sự không có khả

năng ấy, nhưng anh ta trở nên chấp trước vào ý tưởng rằng mình có năng lực ấy. Quý vị ở đây ai có loại vọng chấp này không? **Thành bè đảng với Ma-hê-thủ-la**.

Ma-hê-thủ-la là vua cõi trời Đại tự tại , là cõi trời cao nhất thuộc Sắc giới, Ma-hê-thủ-la còn gọi là Đại tự tại, vị ấy sinh ra đã có ba con mắt.

Vị này có tám cánh tay, bốn bên phải và bốn bên trái. Những cánh tay phía trước rất thuận lợi để cầm nắm đồ vật. Những cánh tay đằng sau để cầm những vật lấy cắp được. Vì một tay chưa đủ, hai tay vẫn không đủ để lấy và cất giữ vật dụng lấy được, nên ông ta có đến tám tay. Ông ta có thể cầm nắm rất nhiều thứ. Nếu ông đi ra vào công ty bách hóa, tôi chắc là nhân viên bảo vệ canh chừng người ăn cắp hàng hóa sẽ rất khó khăn khi canh chừng vị này, vì ông ta có quá nhiều tay.

Vị này thường cỡi trên trâu trắng, tay cầm phất trần màu trắng. Ông ta dạo chơi khắp nơi rất tự tại. Ông ta nói: “Hãy nhìn xem ta hoàn toàn tự do. Các ông chẳng được như ta, ta đã có được tự tại tuyệt đối.” Đó là lý do tại sao gọi vị này là Đại tự tại .

Thường hiện ra vô biên thân.

Đại tự tại Thiên vương thường hiện ra vô số thân. Vị vua trời này chấp rằng ông ta có thể hiện ra vô số thân, nên ông ta tuyên bố rằng tất cả các loài chúng sinh đều sinh khởi từ ông ta. Nay hành giả cũng đang tu tập pháp môn này. Anh ta cũng có chấp trước như thế. Anh ta cho rằng tất cả mọi loài chúng sinh đều sinh ra từ anh ta. Quý vị hãy nghĩ xem! Làm sao người khi chưa thành Phật mà có khả năng xuất sinh các loại hữu tình? Đây là một loại vọng chấp, anh ta nghĩ là mình có khả năng ấy, trong khi không thực có. Anh ta đã kết quyến thuộc với Đại tự tại Thiên vương và rơi vào cõi trời Đại tự tại.

Do mê muội tánh bồ-đề của chư Phật, nên bỏ mất chánh tri kiến. Mê muội tánh bồ-đề của chư Phật, hành giả đánh mất chánh tri kiến.

Hành giả không nhận ra được sự giác ngộ chân chính, cũng không có trí tuệ chân chính. Thế nên anh ta đọa lạc vào thiên ma ngoại đạo.

Kinh Văn: Thị danh đệ nhị, lập năng vi tâm, thành năng sự quả, vi viễn viên thông, bối niết-bàn thành, sanh đại mạn thiên, ngã biến viên chủng.

Việt dịch: **Đây là dạng thứ hai, lập nên cái tâm năng vi, thành cái quả năng sự, trái xa với tính viên thông, ngược với đạo niết-bàn, sinh ra giống Đại mạn thiên, chấp cái ta trùm khắp.**

Giảng: **Đây là dạng thứ hai, lập nên cái tâm năng vi, thành cái quả năng sự.**

Đây là dạng thứ hai lập nên luận về quả vị có thể chứng đắc căn cứ vào ý tưởng mình có một năng lực. Dựa vào ý tưởng mình có năng lực khiến làm xuất sinh các loại chúng sinh, nên nghĩ rằng mình đạt được quả vị dường như trùm khắp viên mãn.

Nên **trái xa với tính viên thông**.

Những suy nghĩ và việc làm của hành giả đều trái nghịch với pháp môn nhĩ căn viên thông, hướng tánh nghe vào bên trong để nhận ra tự tánh của chính mình (phản văn văn tự tánh). Trái ngược với đạo niết-bàn. Hành giả cũng đi ngược với đạo lý bất sinh bất diệt.

Ngược với đạo niết-bàn, sinh ra giống Đại mạn thiên, chấp cái ta trùm khắp.

Sinh ra hạt giống Đại mạn thiên, chấp cái ta trùm khắp viên mãn. Rốt cùng, hành giả sẽ bị thọ sinh trong cõi trời Đại mạn. Đó là cõi của đại Tự tại thiên. Đại mạn có nghĩa là xem thường tất cả mọi người và mọi loài, vị này luôn luôn cỡi trâu trắng, có ba mắt, tám cánh tay. Nghĩ rằng mình rất là ưu việt. Cưỡi trâu trắng đi lại một cách tự do, rất tự mãn. Vì vị ấy nghĩ rằng cuộc sống của mình rất là phi thường, nên sinh ra ngã mạn cống cao. Vị ấy tuyên bố: “Ta hoàn toàn trùm khắp cả pháp giới, ta có khả năng thành tựu tất cả mọi việc.”

3 – TÀ KIẾN VỀ CÁI KHÔNG PHẢI THƯỜNG MÀ CHO LÀ THƯỜNG

Kinh Văn: Hựu thiện nam tử, cùng chư hành không, dĩ diệt sanh diệt, nhi ư tịch diệt, tinh diệu vị viên.

Việt dịch: Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tính không của các hành, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Giảng: **Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tính không của các hành, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.**

Lại nữa, hành giả người đang tu tập định lực, đã phá trừ được hành ấm .

Quán sát cùng tột tánh không của hành ấm . Đã chấm dứt hẳn ý niệm niệm tưởng sinh diệt. Nhưng chưa được tính tinh diệu, viên mãn của sự tịch diệt. Anh ta chưa hoàn toàn đạt được niềm vui tịch diệt.

Kinh Văn: Nhược ư sở quy, hữu sở quy y, tự nghi thân tâm, tòng bỉ lưu xuất, thập phương hư không, hàm kì sanh khởi. Tức ư đô khởi, sở tuyên lưu địa, tác chân thường thân vô sanh diệt giải, tại sanh diệt trung, tảo kế thường trụ. Kí hoặc bất sanh, diệc mê sanh diệt. An trụ trầm mê, sanh thắng giải giả, thị nhân tắc đọa thường phi thường chấp, kế Tự tại thiên, thành kỳ bạn lữ. Mê Phật bồ-đề, vong thất tri kiến.

Việt dịch: Nếu lúc quay về, thấy có chỗ sở quy, tự nghi thân tâm mình từ nơi ấy sinh ra, mười phương hư không cũng từ đó sinh khởi. Ngay nơi chỗ sinh ra tất cả đó, cho là cái thể chân thường không sinh diệt, ở trong sinh diệt, vội chấp là thường trụ. Chẳng những mê lầm tánh bất sinh, mà còn mê lầm tánh sinh diệt. Chìm đắm trong mê lầm, mà sanh kiến giải thù thắng, người ấy rơi vào kiến chấp thường phi thường, thành ra bè đảng với Tự tại thiên. Mê lầm tánh bồ-đề của chư Phật, lạc mất chánh tri kiến.

Giảng: **Nếu lúc quay về, thấy có chỗ sở quy, tự nghi thân tâm mình từ nơi ấy sinh ra.**

Nếu hành giả xem việc quay về của mình như là có một nơi chốn để nương tựa, có một mối nghi ngờ phát sinh trong tâm hành giả, thì hành giả sẽ nghi thân tâm mình từ nơi ấy mà sinh ra, vọng chấp ở trước là chính mình đã sinh ra tất cả các loài chúng sinh. Bây giờ, hành giả nghĩ rằng mình lưu xuất từ nơi mà mình quay về nương tựa.

Mười phương hư không cũng từ đó sinh khởi.

Mười phương hư không cũng từ đó mà sinh khởi. Hành giả có kiến giải rằng nơi sinh ra tất cả là cái thân chân thường, không sinh không diệt.

Nơi đó là nơi nương tựa mà hành giả quay về. Anh ta tuyên bố rằng chẳng còn có gì can dự trong sanh tử. Tại sao anh ta nói như thế? Vì anh ta đã bị nhầm lẫn trong kiến giải cố chấp sai lầm của anh ta.

Ngay nơi chỗ sinh ra tất cả đó, cho là cái thể chân thường không sinh diệt, ở trong sinh diệt, vội chấp là thường trụ.

Trong khi vẫn còn thức là đối tượng trong sinh diệt, mà vội chấp là thường trụ. Hành giả suy đoán rằng thức ấy là vĩnh cửu bất biến.

Chẳng những mê lầm tánh bất sinh, mà còn mê lầm tánh sinh diệt.

Chẳng những hành giả mê lầm tánh bất sinh, mà còn mê lầm cả tánh sinh diệt nữa. Vì hành giả không hiểu được đạo lý bất sinh, nên cũng không được thông suốt đạo lý sinh diệt.

Chìm đắm trong mê lầm. Trở nên chấp trước vào cảnh giới này không rời ra khỏi được. Dụng công tu tập ngay nơi điểm này nên thực sự chìm sâu vào trong mê lầm.

Chìm đắm trong mê lầm, mà sanh kiến giải thù thắng, người ấy rơi vào kiến chấp thường phi thường.

Nếu cho rằng đây là một loại kiến giải thù thắng là rơi vào kiến chấp "cái không thường hằng trở nên thường hằng." Nếu hành giả cho kiến chấp ấy là đúng đắn, có nghĩa là trên sự chấp trước còn gắn thêm một niệm chấp trước nữa. Trở nên chấp rằng tất cả đều là thường hằng, trong khi nó chẳng phải là chân thường.

Thành ra bè đảng với Tự tại thiên. Mê lầm tánh bồ-đề của chư Phật, lạc mất chánh tri kiến. Không còn trí tuệ chân chánh nữa.

Kinh Văn: Thị danh đệ tam lập nhân y tâm, thành vọng kế quả, vi viễn viên thông, bối niết-bàn thành, sanh đảo viên chủng.

Việt dịch: Đây là dạng thứ ba, lập nên cái tâm nhân y, thành cái quả vọng kế, trái xa với viên thông, ngược với đạo niết-bàn, sinh ra giống đảo viên .

<u>Giảng</u>: **Đây là dạng thứ ba, lập nên cái tâm nhân y.**

Dạng thứ ba của ngoại đạo lập nên suy luận sai lầm căn cứ vào ý tưởng cho rằng có nơi để nương tựa.

Thành cái quả vọng kế.

Hành giả lập nên quan niệm có một nơi để nương vào, nên lập thành một thứ vọng chấp về quả.

Trái xa với viên thông, ngược với đạo niết-bàn, sinh ra giống đảo viên .

Nên trái ngược hẳn với đạo niết-bàn, làm sinh khởi quan niệm điên đảo về sự viên mãn (đảo viên). Anh ta đi ngược với đạo lý viên thông rất xa, trở nên cố chấp vào một quan niệm sai lầm điên đảo về sự viên mãn.

4 – TÀ KIẾN VỀ VẬT CÓ TRI GIÁC VÀ KHÔNG CÓ TRI GIÁC

Kinh Văn: Hựu thiện nam tử, cùng chư hành không, dĩ diệt sanh diệt, nhi ư tịch diệt, tinh diệu vị viên.

Việt dịch: Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tính không của các hành, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Giảng: **Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tính không của các hành, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.**

Lại nữa, hành giả quán sát cùng tột tánh không của hành ấm . Đã chấm dứt hẳn ý niệm sinh diệt. Đã chuyển hóa được bản chất, nơi sinh khởi những niệm sinh diệt. Nhưng chưa đạt được tính vi diệu viên mãn của sự tịch diệt.

Kinh Văn: Nhược ư sở tri, tri biến viên cố, nhân tri lập giải, thập phương thảo mộc, giai xưng hữu tình, dữ nhân vô dị, thảo mộc vi nhân, nhân tử hoàn thành, thập phương thảo thụ. Vô trạch biến tri, sanh thắng giải giả, thị nhân tắc đọa, tri vô tri chấp. Bà-trá, Tiển-ni, chấp nhất thiết giác, thành kì bạn lữ. Mê Phật bồ-đề, vong thất tri kiến.

Việt dịch: Nếu nơi chỗ hay biết, nhân cái hay biết cùng khắp mà cho rằng tất cả thảo mộc trong khắp mười phương đều gọi là hữu tình, không khác gì người, cây cỏ làm người, người chết trở thành cây cỏ mười phương. Không quyết trạch rõ ràng cái biết cùng khắp này, cho là thắng giải, người ấy rơi vào kiến chấp tri vô tri. Trở thành bè đảng với Bà-tra , Tiển-ni, chấp tất cả đều có tánh biết. Do đó nên mê lầm tánh bồ-đề của chư Phật, lạc mất chánh tri kiến.

Giảng: **Nếu nơi chỗ hay biết, nhân cái hay biết cùng khắp mà cho rằng tất cả thảo mộc trong khắp mười phương đều gọi là hữu tình, không khác gì người, cây cỏ làm người, người chết trở thành cây cỏ mười phương.**

Căn cứ trên ý tưởng có các biết cùng khắp, hành giả lập nên luận thuyết. Hành giả suy luận từ những điều đã biết được, là có tánh biết cùng khắp, và lập nên kiến giải về điều này. Kiến giải gì? Quý vị cũng như tôi không thể nào tưởng tượng ra nỗi. Anh ta cho rằng tất cả thảo mộc trong khắp mười phương đều là loài hữu tình.

Người Trung Hoa có câu:

"Nhân phi thảo mộc, thục năng vô tình."

Nghĩa là: "Người chẳng phải là cây cỏ, ai lại vô tình." Câu này ý nói thảo mộc là loài vô tình. Nhưng ở đây hành giả quyết đoán rằng tất cả các loài thảo mộc đều là hữu tình.

Không khác gì người. Thảo mộc cũng giống như người, nên nó có sự sống.

Thảo mộc có thể trở thành người, khi người chết lại trở thành thảo mộc trong khắp mười phương. Sau khi chết, người trở lại thành thảo mộc.

Không quyết trạch rõ ràng cái biết cùng khắp này, cho là thắng giải, người ấy rơi vào kiến chấp tri vô tri.

Nếu hành giả không quyết trạch rõ ràng tri giải này, vẫn cho là đúng. Anh ta không có trí tuệ chân chính để tuyển trạch lý thuyết về tánh biết cùng khắp này. Anh ta đang tự nỗ lực làm cho kiến giải sai lầm của mình thành một pháp môn kỳ đặc, quái dị.

Thì sẽ rơi vào kiến chấp "tri vô tri." Anh ta tuyên bố là hiểu được đạo lý này, nhưng thực ra anh ta hoàn toàn vô minh. Anh ta chẳng hiểu biết gì hết, nhưng cứ khăng khăng cho mình hiểu. Anh ta giống như hai đệ tử của ngoại đạo.

Trở thành bè đảng với Bà-tra , Tiển-ni.

Bà-tra tên tiếng Phạn nghĩa là tránh đến gần. Tại sao ông ta có cái tên như thế. Vì ông ta nguyên làm mục đồng. Một hôm vị Hoàng tử con vị vua trị vì thành Tỳ-xá-ly đi dạo chơi ngoài thành, gặp cậu bé chăn cừu. Hoàng tử nằm trên mình cậu bé mục đồng, xem đó như một chiếc giường và ngủ một giấc ngon lành. Việc này làm cho cậu bé chăn cứu rất phấn khích. Trở về nhà báo với mẹ rằng: "Hoàng tử thành Tỳ-xá-ly đã nằm ngủ trên mình con như nằm trên một chiếc giường." Bà mẹ biết rằng vị Hoàng tử sẽ lên ngôi vua, sẽ có rất nhiều quyền lực. Nên bà mẹ bảo chú mục đồng: "Ngay từ bây giờ, con phải tránh xa Hoàng tử ấy, đừng đến gần ông ta nữa." Tên Bà Tra có nghĩa là như vậy.

Tiển Ni cũng là tên tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là "Hữu Quân " có nghĩa là người thích làm lính tráng và có khí phách của người lính.

Chấp tất cả đều có tánh biết. Hai người này họ tin tưởng rằng mình biết được rất nhiều điều, bây giờ trở thành bạn đồng hành với hành giả này.

Do đó nên mê lầm tánh bồ-đề của chư Phật, lạc mất chánh tri kiến.

Kinh Văn: Thị danh đệ tứ, kế viên tri tâm, thành hư mậu quả, vi viễn viên thông, bối niết-bàn thành, sanh đảo tri chủng.

Việt dịch: Đây là dạng thứ tư, chấp cái tâm viên tri, thành hư mậu quả, trái xa với tánh viên thông, ngược với đạo niết-bàn, làm sinh khởi hạt giống đảo tri.

Giảng: **Đây là dạng thứ tư, chấp cái tâm viên tri, thành hư mậu quả,**

Đây là dạng thứ tư có kế chấp sai lầm căn cứ vào ý tưởng có tánh biết cùng khắp. Trong loại kiến chấp thứ tư này hành giả tuyên bố rằng anh ta biết tất cả mọi thứ và nghĩ rằng không có thứ gì mà mình không biết. Tuy vậy đó chỉ là kiến chấp của hành giả. Thực sự anh ta chẳng biết cái gì cả. Anh ta nhận một kết quả sai lầm. Sai lầm có nghĩa là không có những sự việc như thế.

Trái xa với tánh viên thông, Nên hành giả hoàn toàn trái xa với tánh viên thông. Hành giả hoàn toàn đi ngược với pháp môn tu tập "nhĩ căn viên thông."

Ngược với đạo niết-bàn. Nghịch hướng với đạo Niết Bàn, với đạo lý bất sinh bất diệt.

Làm sinh khởi hạt giống đảo tri.

Làm sinh khởi hạt giống "cái biết điên đảo" là một loại tri kiến điên đảo, như thảo mộc. Chẳng có ai xem đó là loài hữu tình, nhưng hành giả lại cho như thế. Cho rằng con người cũng chỉ như cây cỏ; thế nên cây cỏ cũng có thể trở thành người.

Có người nói: "Nhưng có những cây cổ thụ có linh hồn, phải chăng nó cũng có tánh biết?" Không, trong trường hợp đó, có một loại tinh linh gá vào thân cây cổ thụ. Chớ chẳng phải tự nó có tánh biết như loài hữu tình.

5 – TÀ CHẤP VỀ CÁI KHÔNG SANH MÀ CHO LÀ SANH

Kinh Văn: Hựu thiện nam tử, cùng chư hành không, dĩ diệt sanh diệt, nhi ư tịch diệt, tinh diệu vị viên.

Việt dịch: Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tính không của các hành, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Giảng: **Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tính không của các hành, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.**

Lại nữa, hành giả. Người đang tu tập chánh định, tập trung nghiên cứu đến mức quán sát cùng tột tánh không của hành ấm . Đã chấm dứt hẳn ý niệm sanh diệt. Nhưng chưa được tính tinh diệu, viên mãn của sự tịch diệt. Hành giả vẫn còn mang trong tâm thức những hạt giống sinh diệt rất nhỏ nhiệm, vi tế.

Kinh Văn: Nhược ư viên dung, căn hỗ dụng trung, dĩ đắc tùy thuận. Tiện ư viên hóa, nhất thiết phát sanh, cầu hỏa quang minh, lạc thủy thanh tịnh, ái phong châu lưu, quán trần thành tựu, các các sùng sự. Dĩ thử quần trần, phát tác bản nhân, lập thường trụ giải. Thị nhân tắc đọa, sanh vô sanh chấp. Chư Ca-diếp-ba, tính bà-la-môn, cần tâm dịch thân, sự hỏa sùng thủy, cầu xuất sanh tử, thành kì bạn lữ. Mê Phật bồ-đề, vong thất tri kiến.

Việt dịch: Nếu trong lúc đã đạt được sự tuỳ thuận viên dung hỗ tương của các căn, lại nơi tính viên dung biến hoá hết thảy đều phát sinh, mong cầu ánh sáng của lửa, thích tính trong lặng của nước, ưa sự châu lưu của gió, nhìn ngắm xem xét sự thành tựu của đất, trân trọng mọi loài. Nhận tứ đại ấy làm bản nhân, nhận đó là tánh thường trụ. Người ấy rơi vào kiến chấp sanh vô sinh, trở thành bè đảng với ngoại đạo Ca-diếp-ba và bà-la-môn thờ lửa và nước để cầu vượt thoát sinh tử. Mê mờ tánh bồ-đề của chư Phật, đánh mất chánh tri kiến.

Giảng: **Nếu trong lúc đã đạt được sự tuỳ thuận viên dung hỗ tương của các căn, lại nơi tính viên dung biến hoá hết thảy đều phát sinh.**

Nếu hành giả đã đạt được sự linh hoạt trong trạng thái sự dung nhiếp trọn vẹn. Và sự dung thông chức năng của sáu căn với nhau. Nếu hành giả có thể tùy thuận theo ý nguyện của mình, làm được bất kỳ điều gì mình mong muốn.

Mong cầu ánh sáng của lửa, thích tính trong lặng của nước, ưa sự châu lưu của gió, nhìn ngắm xem xét sự thành tựu của đất.

Hành giả cho rằng tất cả mọi vật đều sinh khởi từ sự biến hóa viên mãn này. Hành giả trở nên chấp vào tính biến hóa viên mãn nơi mà từ đó các vật lưu

xuất ra. Nên hành giả mong cầu ánh sáng của lửa, và thờ lửa với lòng nhiệt thành cao độ. Cũng ưa thích tính trong lặng của nước sùng bái một cách phi thường tính chất trong lặng của nước, ưa sự châu lưu của gió, yêu mến tính chất chuyển động khắp nơi không dừng nghỉ của gió và xem xét sự thành tựu của đất. Hành giả đều trân trọng mỗi loại, từng yếu tố đất, nước, gió, lửa. Anh ta lạy lửa, cúi mình đảnh lễ nước, thờ phượng gió và khấu đầu trước đất.

Trân trọng mọi loài. Anh ta nói: "Thật là bất khả tư nghì" làm sao mà lửa lại phát ra ánh sáng. Nước lại rất thanh tịnh. Ta phải thờ phụng các thứ ấy." Từ sáng đến tối anh ta cứ lạy đất, nước, gió, lửa và thờ phụng bốn yếu tố này. Anh ta sùng bái và cúng dường tứ đại. Mỗi yếu tố có một vị thần. Anh ta đều cung kính thờ phụng các vị thần lửa, thần gió,thần nước, thần đất như tổ tiên ông bà của mình.

Nhận tứ đại ấy làm bản nhân, nhận đó là tánh thường trụ.

Ma-ha Ca-diếp là đệ tử của Đức Phật. Nguyên trước kia là thành viên của nhóm ngoại đạo thờ lửa, thường hướng về lửa mà lễ bái. Nhận những tứ đại đất, nước, lửa, gió làm nhân căn bản của chính hành giả và xem nó là tánh hiểu biết thường trụ. Anh ta cho rằng tứ đại này thường trụ mãi mãi. Đúng vậy. Đất, nước, gió, lửa chỉ là tánh Như Lai tạng . Tuy nhiên, anh phải nên cung kính tánh Như Lai tạng chớ không nên sùng bái đất, nước, gió, lửa. Nếu làm như thế có nghĩa là gắn thêm một cái đầu trên cái đầu của mình. Thay vì ngay nơi bản tâm mà dụng công phu tu tập, thay vì cung kính tánh Như Lai tạng và chư Phật, mà lại đi lại thờ phụng những thứ siêu hình.

Nên hành giả rơi vào kiến chấp sai lầm, nhận cái không sinh làm sinh. Anh ta muốn chấm dứt sinh tử, nhưng không có khả năng làm được việc ấy, nên lập ra kiến chấp như vậy.

Người ấy rơi vào kiến chấp sanh vô sinh, trở thành bè đảng với bọn ngoại đạo Ca-diếp-ba và Bà-la-môn thờ lửa và nước để cầu vượt thoát sinh tử. Mê mờ tánh bồ-đề của chư Phật, đánh mất chánh tri kiến

Ca-diếp-ba thuộc dòng họ Đại Quy, cùng với các Phạm chí, Bà-la-môn tu tập hạnh thanh tịnh. Họ bắt ép thân tâm mình tuân theo những việc khổ nhọc vô ích. Họ thờ phụng lửa và lễ bái nước. Cầu mong qua việc thờ phụng tứ đại mà có thể vượt thoát sinh tử. Hành giả thành bè bạn với loại ngoại đạo này.

Mê lầm tánh bồ-đề của chư Phật đánh mất chánh tri kiến. Đánh mất trí tuệ chân chính.

Kinh Văn: Thị danh đệ ngũ, kế trước sùng sự, mê tâm tùng vật, lập vọng cầu nhân, cầu vọng kí quả, vi viễn viên thông, bối niết-bàn thành, sanh điên hóa chủng.

Việt dịch: Đây là dạng thứ năm, chấp trước việc sùng bái sự vật, tâm mê theo vật, lập nhân hư vọng, để cầu quả hư vọng, nên xa rời tính viên thông, trái ngược đạo niết-bàn, làm sinh khởi hạt giống điên hóa.

Giảng: **Đây là dạng thứ năm, mê lầm chấp trước vào việc sùng bái sự vật**. Lập nên cái nhân hư vọng, khiến tâm chấp trước vào việc thờ phụng tứ đại.

Tâm mê theo vật, lập nhân hư vọng, để cầu quả hư vọng.

Đây là luận thuyết điên đảo thứ năm. Quan niệm điên đảo đã đưa hành giả đến việc thờ phụng, cúng dường tứ đại. Anh ta trở nên mê mờ chân tâm thường trụ, Như Lai Tạng tánh của chính mình. Lại đuổi theo sự vật bên ngoài. Anh ta dựng lên cho riêng mình một kiến giải sai lầm cho vấn đề giải thoát sanh tử. Đây chính là "cái nhân sai lầm." Với nhân mê lầm này anh ta hoàn toàn đánh mất hi vọng vượt thoát sanh tử.

Xa rời tính viên thông, trái ngược đạo niết-bàn, làm sinh khởi hạt giống điên hóa.

Hành giả trở nên xa hẳn với tính viên thông, trái ngược với đạo niết-bàn, làm sanh khởi hạt giống "biến hóa điên đảo."

6 – TÀ CHẤP CHỖ TRỞ VỀ, MÀ KỲ THẬT KHÔNG PHẢI LÀ CHỖ TRỞ VỀ

Kinh Văn: Hựu thiện nam tử, cùng chư hành không, dĩ diệt sanh diệt, nhi ư tịch diệtn tinh diệu vị viên .

Việt dịch: Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tính không của các hành, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Giảng: **Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tính không của các hành.**.

Hành giả người đang tu tập pháp môn "nhĩ căn viên thông" hướng tánh nghe vào bên trong để nhận ra tự tánh của mình.

Quán sát cùng tột tánh không của hành ấm . Anh ta đã nghiên cứu cùng tận hành ấm, thấy nó hoàn toàn không và đã vượt qua được hành ấm.

Đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Đã chấm dứt được hẳn ý niệm con đường sinh diệt. Nhưng chưa được tính tinh diệu, viên mãn của sử tịch diệt.

Kinh Văn: Nhược ư viên minh, kế minh trung hư, phi diệt quần hóa, dĩ vĩnh diệt y, vi sở quy y, sinh thắng giải giả, thị nhân tắc đọa quy vô quy chấp, vô tưởng thiên trung, chư thuấn-nhã-đa thành kì bạn lữ. Mê Phật bồ-đề, vong thất tri kiến.

Việt dịch: Nếu nơi cảnh viên minh, chấp cái rỗng không trong tánh viên minh, chối bỏ tiêu diệt mọi sự biến hóa, nhận sự tịch diệt hẳn làm nơi nương về, rồi xem đây là kiến giải đúng đắn, thì người ấy sẽ rơi vào cái chấp quy vô quy, thành bè bạn của nhóm thuấn-nhã-đa ở cõi trời Vô tưởng. Mê lầm tánh bồ-đề của chư Phật, đánh mất chánh tri kiến.

Giảng: **Nếu nơi cảnh viên minh, chấp cái rỗng không trong tánh viên minh, chối bỏ tiêu diệt mọi sự biến hóa, nhận sự tịch diệt hẳn làm nơi nương về.**

Hành giả chấp có cái rỗng không trong tánh viên minh. Do đó chối bỏ mọi sự biến hóa. Nhận sự tịch diệt làm nơi nương về.

Anh ta suy đoán có cái rỗng không ở trong tánh sáng suốt tròn đây. Nhưng đó không phải là thực tại. Đó phải chăng là chối bỏ sự hiện hữu của hết thảy chúng hữu tình hay sao? Do vậy đó không phải là chỗ tịch diệt để nương về. Thế mà hành giả vẫn quy hướng về nơi tịch diệt ấy.

Rồi xem đây là kiến giải đúng đắn. Nếu hành giả xem đây là kiến giải đúng đắn.

Nếu anh ta khởi lên sự hiểu biết điên đảo này thì sẽ rơi vào sai lầm, **thì người ấy sẽ rơi vào cái chấp quy vô quy,** Anh ta muốn có một nơi để quay về nương náu, nhưng chưa tìm thấy. Nơi ấy chẳng phải vĩnh viễn sinh hoặc vĩnh viễn diệt. Nên đó không thể là nơi nương nhờ được. Đó là nơi mà hành giả muốn quay về nương tựa. Nên đó chẳng phải là nơi chân thực để quay về.

Thành bè bạn của nhóm thuấn-nhã-đa ở cõi trời Vô tưởng. Kiến chấp của hành giả chẳng phải là ở cõi trời Vô tưởng trong cõi trời Tứ thiền , mà là ở cõi trời Phi tưởng phi phi tưởng . Thần Hư không (thuấn-nhã-đa) ở đây trở thành bạn bè với hành giả.

Mê lầm tánh bồ-đề của chư Phật, đánh mất chánh tri kiến.

Kinh Văn: Thị danh đệ lục, viên hư vô tâm, thành không vong quả, vi viễn viên thông, bối niết-bàn thành, sinh đoạn diệt chủng.

Việt dịch: Đây là loại thứ sáu, viên thành cái tâm hư vô, lập nên cái quả không mất, trái xa tính viên thông, nghịch với đạo niết-bàn, làm sanh khởi giống đoạn diệt.

Giảng: **Đây là loại thứ sáu, viên thành cái tâm hư vô, lập nên cái quả không mất.**

Đây là loại thứ sáu của kiến giải điên đảo, nhận cái ngoan không, và căn cứ vào ý tưởng về cái không ở trong tánh viên minh. Cảnh giới hành giả đạt được là không có thực.

Hành giả **trái xa đạo viên thông**. Công phu tu tập hoàn toàn trái xa với pháp môn "Nhĩ căn viên thông ." Nghịch hẳn với đạo niết-bàn. Những công hạnh anh ta tu tập đều ngược với hướng đến quả vị vi diệu của niết-bàn.

Làm sanh khởi giống đoạn diệt.

7 – TÀ CHẤP VỀ SỰ THAM ĐẮM CÁI KHÔNG THỂ THAM ĐẮM

Kinh Văn: Hựu thiện nam tử, cùng chư hành không, dĩ diệt sanh diệt, nhi ư tịch diệt, tinh diệu vị viên.

Việt dịch: Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tính không của các hành, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Giảng: **Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tính không của các hành, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.**

Hành giả người đang tu tập định lực quán sát cùng tột tánh không của hành ấm . Đối với hành giả đã đạt đến cái không của hành ấm rồi. Đã chấm dứt hẳn ý niệm sinh diệt, nhưng chưa được tính tinh diệu, viên mãn của sự tịch diệt. Chưa đạt được niềm vui vi diệu viên mãn của sự tịch diệt.

Kinh Văn: Nhược ư viên thường, cố thân thường trụ, đồng vu tinh viên, trường bất khuynh thệ, sinh thắng giải giả. Thị nhân tắc đọa tham phi tham chấp. Chư A-tư-đà, cầu trường mệnh giả, thành kì bạn lữ. Mê Phật bồ-đề, vong thất tri kiến.

Việt dịch: Nếu nơi tính viên thường, củng cố cái thân cho thường trụ như tính ấy, mãi mãi không suy mất, rồi cho đó là thù thắng, thì sẽ mắc vào cái chấp tham phi tham. Nên người ấy thành bè đảng với A-tư-đà, mong cầu trường sanh. Mê lầm tánh bồ-đề của chư Phật, đánh mất chánh tri kiến.

Giảng: **Nếu nơi tính viên thường, củng cố cái thân cho thường trụ như tính ấy, mãi mãi không suy mất.**

Trong trạng thái dường như thường trụ viên mãn, hành giả có thể bảo trì cái thân, cầu mong được sống lâu trong cảnh giới vi diệu viên mãn ấy, mà không chết.

Anh ta nỗ lực hết sức làm cho thân mình kiên cố bền chắc, ước mong được sống mãi mãi trên thế gian. Anh ta tìm cầu sự bất tử, một đời sống tinh thuần, trong sáng và viên mãn.

Rồi cho đó là thù thắng, nếu hành giả chấp đây là cảnh giới thù thắng. Nếu như anh ta có tri giải điên loạn này thì sẽ rơi vào sai lầm, vì anh ta tham cầu bất tử nhưng không thể nào đạt được điều ấy. Với chấp tham đắm điều không thể đạt được (tham phi tham).

Nên người ấy thành bè đảng với A-tư-đà, mong cầu trường sanh.

A-tư-đà là phiên âm từ tiếng Phạn, nghĩa là "không so sánh được." Có nghĩa là không có ai có thể sánh với ông ta. Ông và các đệ tử là một nhóm ngoại đạo sống ở cõi trời, tham cầu sự bất tử, hành giả đã kết thành quyến thuộc với nhóm ngoại đạo này.

Mê lầm tánh bồ-đề của chư Phật, đánh mất chánh tri kiến.

Kinh Văn: Thị danh đệ thất, chấp trước mệnh nguyên, lập cố vọng nhân, thú trường lao quả, vi viễn viên thông, bối niết-bàn thành, sinh vọng diên chủng.

Việt dịch: Đây là dạng thứ bảy, chấp trước cái mạng căn, lập cái nhân củng cố hư vọng, dẫn đến quả báo khổ nhọc lâu dài, trái xa tính viên thông, ngược với đạo niết-bàn, gieo giống sai lầm ưa kéo dài mạng sống.

Giảng: **Đây là dạng thứ bảy, chấp trước cái mạng căn.**

Đây là dạng thứ bảy, lập nên cái nhân sai lầm bảo trì và ưa thích thường trụ trên thế gian. Căn cứ vào kiến chấp về mạng nguyên.

Lập cái nhân củng cố hư vọng, dẫn đến quả báo khổ nhọc lâu dài

Chấp bám vào cội nguồn của mạng căn của mình, làm kiên cố cái nguyên nhân hư vọng ấy, mong cầu được trường sinh bất tử.

Hành giả **trái xa với tính viên thông**, ngược hẳn với công phu tu tập pháp môn "Nhĩ căn viên thông " hướng tánh nghe vào bên trong để nhận ra tự tánh của mình.

ngược với đạo niết-bàn, gieo giống sai lầm ưa kéo dài mạng sống

Ngược hướng với đạo niết-bàn, gieo trồng hạt giống sai lầm kéo dài mạng sống.

8 – TÀ CHẤP VỀ CÁI CHÂN THẬT MÀ THẬT SỰ KHÔNG PHẢI CHÂN THẬT

Kinh Văn: Hựu thiện nam tử, cùng chư hành không, dĩ diệt sanh diệt, nhi ư tịch diệt, tinh diệu vị viên.

Việt dịch:Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tính không của các hành, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Giảng: **Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tính không của các hành, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.**

Lại nữa, hành giả người đang tu tập chánh định quán sát cùng tột tánh không của hành ấm . Anh ta đã vượt qua được hành ấm.

Đã chấm dứt hẳn ý niệm sinh diệt. Nhưng chưa được tính tinh diệu, niềm vui vi diệu của sự tịch diệt.

Kinh Văn: Quán mệnh hỗ thông, khước lưu trần lao, khủng kì tiêu tận. Tiện ư thử tế, tọa liên hoa cung. quảng hóa thất trân, đa tăng bảo viện, túng tứ kì tâm, sinh thắng giải giả, thị nhân tắc đọa chân vô chân chấp, Tra-chỉ -ca-la thành kì bạn lữ. Mê Phật bồ-đề, vong thất tri kiến.

Việt dịch: Quán sát căn mệnh và trần cảnh dung thông nhau, nên muốn lưu giữ các trần lao, sợ nó bị tiêu mất. Liền ngay lúc ấy ngồi cung hoa sen, hóa ra rất nhiều bảy thứ trân báu, cùng nhiều gái đẹp, buông lung tâm ý mình, rồi cho đây là thù thắng, người ấy rơi vào cái chấp chân vô chân, thành bè bạn của ngoại đạo Tra-chỉ -ca-la. Mê mờ tánh bồ-đề của chư Phật, đánh mất chánh tri kiến.

Giảng: **Quán sát căn mệnh và trần cảnh dung thông nhau, nên muốn lưu giữ các trần lao, sợ nó bị tiêu mất.**

Khi hành giả quán sát sự quan hệ dung thông với nhau giữa các sinh mạng. Hành giả thấy mạng sống của mình có quan hệ tương giao với các loài chúng sanh khác. Nên muốn bám vào các trần lao, sợ nó bị tiêu mất. Anh ta sợ rằng các trần lao này tiêu tán mất, trong khi anh ta chẳng muốn như vậy.

Liền ngay lúc ấy ngồi cung hoa sen, hóa ra rất nhiều bảy thứ trân báu, cùng nhiều gái đẹp, buông lung tâm ý mình.

Chấp giữ ý tưởng này, do năng lực biến hóa, hành giả ngồi trên cung điện hoa sen, biến ra bảy thứ báu, cùng nhiều gái đẹp buông lung tâm ý mình. Ở trong cung điện hoa sen, anh ta biến hiện ra vô số trân bảo và rất nhiều gái đẹp và nàng hầu. Buông mình vào việc hưởng thụ dục lạc.

Rồi cho đây là thù thắng, người ấy rơi vào cái chấp chân vô chân.

Nếu hành giả chấp đây là cảnh giới thù thắng sẽ rơi vào sai lầm. Chấp cái chẳng phải chân thật, cho là chân thật.

Đến mức độ này, anh ta lại cho cảnh giới này là tuyệt diệu. Nghĩ rằng mình đã chứng đắc được chân lý rồi. Nhưng đó không phải là chân, đó chỉ là vọng chấp của anh ta mà thôi.

Thành bè bạn của ngoại đạo Tra-chỉ -ca-la.

Tra-chỉ -ca-la là phiên âm từ tiếng Phạn. "Tra-chỉ" dịch là "trói buộc." Có nghĩa là trói buộc chúng sanh bằng sợi dây thừng. "Ca-la" nghĩa là "những việc tôi làm." Có nghĩa là: "Kiếp sống của tất cả các loài chúng sanh đều bị trói buộc không được tự do." Đều là những việc do tôi làm mà ra cả. Vì tôi mà các loài chúng sanh ấy không được tự do. Đó là cách suy nghĩ của hai ngoại đạo này, hành giả kết thành quyến thuộc với chúng.

Mê mờ tánh bồ-đề của chư Phật, đánh mất chánh tri kiến.

Anh ta chỉ còn mang trong người một thứ tà tri, tà kiến.

Kinh Văn: Thị danh đệ bát, phát tà tư nhân, lập xí trần quả, vi viễn viên thông, bối niết-bàn thành, sinh thiên ma chủng.

Việt dịch: Đây là dạng thứ tám, lập cái nhân tà tư, thành cái quả trần lao xí thạnh, nghịch xa với tánh viên thông, quay lưng với đạo niết-bàn, làm nảy sinh giống thiên ma.

<u>Giảng</u>: **Đây là dạng thứ tám, lập cái nhân tà tư.**

Đây là dạng thứ tám, chủ định đắm mình trong dục lạc trần lao, do căn cứ vào cái nhân tà kiến.

Thành quả trần lao xí thạnh. Bởi cái nhân sai lầm, anh ta phát sinh một loại tham dục mạnh như lửa. **Nghịch xa với tánh viên thông, quay lưng với đạo niết-bàn, làm nảy sinh giống thiên ma.** Hành giả trái xa với tính viên thông. Tu tập ngược hướng với pháp môn nhĩ căn viên thông. Quay lưng với đạo niết-bàn, và những đạo lý mà biểu hiện đạo niết bàn, nên làm nảy sinh giống thiên ma. Anh ta sẽ tái sinh trong những cõi trời của loài thiên ma.

9 – ĐỊNH TÁNH THANH VĂN

Kinh Văn: Hựu thiện nam tử, cùng chư hành không, dĩ diệt sanh diệt, nhi ư tịch diệt, tinh diệu vị viên.

Việt dịch: Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tính không của các hành, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

<u>Giảng</u>: **Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tính không của các hành, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.**

Lại nữa, hành giả người đang tu tập quán chiếu đã quán sát cùng tột tánh không của hành ấm . Đã chấm dứt bản chất phát khởi ý niệm sinh diệt. Nhưng chưa hoàn toàn được tính tinh diệu, viên mãn của sự tịch diệt.

Kinh Văn: Ư mệnh minh trung, phân biệt tinh thô, sơ quyết chân vi, nhân quả tương thù, duy cầu cảm ứng, bội thanh tịnh đạo; sở vị kiến khổ, đoạn tập, chứng diệt, tu đạo, cư diệt dĩ hưu, cánh bất tiền tiến, sinh thắng giải

giả, thị nhân tắc đọa định tính thanh văn, chư Vô Văn tăng, tăng thượng mạn giả, thành kì bạn lữ. Mê Phật bồ-đề, vong thất tri kiến.

Việt dịch: Nơi căn mạng sáng tỏ, phân biệt cái tinh thô, quyết đoán cái chân ngụy, sự báo đáp lẫn nhau của nhân quả, chỉ cầu cảm ứng, ngược với đạo thanh tịnh; nghĩa là chỉ thấy khổ đế, dứt trừ tập đế, chứng được diệt đế, tu đạo đế, nơi diệt đế đã yên, không tiến thêm nữa, rồi cho đây là thù thắng, thì người ấy sẽ rơi vào hàng định tánh Thanh văn , thành bè bạn của hàng Vô Văn tăng thượng mạn. Mê mờ tánh bồ-đề của chư Phật, đánh mất chánh tri kiến.

<u>**Giảng**</u>: **Nơi căn mạng sáng tỏ, phân biệt cái tinh thô, quyết đoán cái chân ngụy, sự báo đáp lẫn nhau của nhân quả, chỉ cầu cảm ứng, ngược với đạo thanh tịnh.**

Trong sự hiểu biết hảo huyền về sinh mạng, hành giả phân biệt cái tinh thô, anh ta phân biệt rất kỹ giữa cái tinh anh và thô ráp, xác định cái chân ngụy. Anh ta quyết đoán cái gì chân xác, cái gì giả ngụy. Nhưng chỉ để tìm cầu sự cảm ứng báo đáp lẫn nhau giữa nhân và quả. Anh ta chỉ tìm cầu sự thù đáp lẫn nhau của nhân quả. Cầu mong sự cảm ứng sẽ có được từ nhân quả. Nên hành giả đi ngược với đạo thanh tịnh.

Nghĩa là chỉ thấy khổ đế, dứt trừ tập đế, chứng được diệt đế, tu đạo đế, nơi diệt đế đã yên, không tiến thêm nữa.

Thấy khổ đế, có nghĩa là hiểu rõ về cái khổ. Khổ đế gồm có ba thứ khổ, tám thứ khổ và vô lượng thứ khổ. Tập đế là nói đến tất cả mọi thứ phiền não. Diệt đế liên quan đến việc tu đạo. Chứng được diệt đế có nghĩa là đạt được quả vị diệu lạc của Niết bàn. Đạo đế là con đường, phương pháp tu tập. Đó là ý nghĩa của biết khổ, diệt tập, chứng diệt và tu đạo, thì hành giả dừng nghỉ hẳn nơi diệt đế, không tiến thêm nữa. Khi đã đạt đến diệt đế, anh ta dừng lại không chịu tiến tới nữa.

Rồi cho đây là thù thắng, thì người ấy sẽ rơi vào hàng định tánh Thanh văn , thành bè bạn của hàng Vô Văn tăng thượng mạn.

Nếu hành giả cho đây là nơi thù thắng. Nếu anh ta sinh khởi một loại kiến giải điên cuồng và duy lý và cho đó là thù thắng, thì sẽ rơi vào hàng định tánh Thanh văn.

Định tánh Thanh văn là gì? Chúng ta đã nghe giảng từ trước rồi. Đó là người không chịu hồi hướng quả vị nhỏ về quả vị lớn. Anh ta trở nên sớm hài lòng một cách vội vàng và không muốn tiến thêm nữa.

Thành bè bạn của hàng Vô Văn tăng thượng mạn. Anh ta cũng mê muội như tỷ-khưu Vô Văn, lầm tưởng Tứ thiền là quả vị thứ tư của hàng a-la-hán. Anh ta thành bè bạn với những người như thế.

Mê mờ tánh Bồ-đề của chư Phật, đánh mất chánh tri kiến.

Kinh Văn: Thị danh đệ cửu, viên tinh ứng tâm, thành thú tịch quả, vi viễn viên thông, bối niết-bàn thành, sinh triền không chủng.

Việt dịch: Đây là dạng thứ chín, viên mãn tâm tinh ứng, thành cái quả thú tịch, trái xa tánh viên thông, ngược với đạo niết-bàn, làm sinh khởi giống triền không.

Giảng: **Đây là dạng thứ chín, viên mãn tâm tinh ứng, thành cái quả thú tịch.**

Dạng thứ chín là tâm thích hướng về quả tịch diệt, do căn cứ vào cái tâm viên mãn, mong cầu cảm ứng.

Trái xa tánh viên thông. Nên hành giả trái xa với pháp môn "nhĩ căn viên thông" quay lưng với đạo Niết bàn, nên làm sinh khởi hạt giống triền không.

Ngược với đạo niết-bàn, làm sinh khởi giống triền không.

Anh ta mắc kẹt trong cái không, chìm đắm trong sự tịch lặng, không có mong muốn tiến vượt lên và cũng không mong muốn rút lui Cái không là nhu cầu tối quan trọng trong sinh hoạt của anh ta, anh ta trở nên bị vây bọc trong cái không. Thực ra cái "không" nghĩa là xưa nay vốn không có gì. Nhưng anh ta phát minh một cái không trên một cái không khác rồi trở nên chấp dính vào chúng.

10 – ĐỊNH TÁNH DUYÊN GIÁC

Kinh Văn: Hựu thiện nam tử cùng chư hành không dĩ diệt sinh diệt. Nhi ư tịch diệt tinh diệu vị viên.

Việt dịch: Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tính không của các hành, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.

Giảng: **Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tính không của các hành, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tính tịnh diệu của tịch diệt.**

Lại nữa, hành giả đã quán sát cùng tột tánh không của hành ấm . Anh ta đã nghiên cứu đến tận cùng các cảnh giới của hành ấm. Nó hoàn toàn là không đối với hành giả. Đã chấm dứt hẳn ý niệm cảnh giới sinh diệt. Nhưng chưa được tính tinh diệu, viên mãn của sự tịch diệt.

Kinh Văn: Nhược ư viên dung thanh tịnh giác minh, phát nghiên thâm diệu, tức lập niết-bàn, nhi bất tiền tiến, sinh thắng giải giả, thị nhân tắc đọa định tính tích chi. Chư duyên độc luân, bất hồi tâm giả, thành kì bạn lữ. Mê Phật bồ-đề, vong thất tri kiến.

Việt dịch: Nếu ở trong tánh giác minh thanh tịnh viên dung, phát minh tánh thâm diệu, liền nhận đó là niết-bàn mà không tiến lên, rồi cho đây là cảnh giới thù thắng, thì người ấy rơi vào hàng định tánh Bích chi. Thành bè bạn với các vị Duyên giác, Độc giác, không hồi tâm hướng về Đại thừa. Mê mờ tánh bồ-đề của chư Phật, đánh mất chánh tri kiến.

Giảng: **Nếu ở trong tánh giác minh thanh tịnh viên dung, phát minh tánh thâm diệu, liền nhận đó là niết-bàn mà không tiến lên.** Ở trong cảnh giới của tánh giác minh thanh tịnh viên dung, khi phát minh được tánh viên diệu, hành giả có thể nhận lầm đó là niết-bàn và không tiến lên nữa.

Rồi cho đây là cảnh giới thù thắng.

Trong công phu tu tập, ngay cả khi chưa vượt qua được thức ấm . Nếu hành giả cho kiến giải cuồng dại và sai lầm này là cảnh giới thù thắng, **thì người ấy rơi vào hàng định tánh Bích chi,** là những vị không muốn rời bỏ quả vị nhỏ để hướng đến công hạnh tu tập lớn hơn. **Thành bè bạn với những vị Duyên giác và Độc giác, không hồi tâm hướng về Đại thừa**. Hành giả trở thành quyến thuộc với những vị này**. Mê mờ tánh bồ-đề của chư Phật**, con đường dẫn đến giác ngộ, **đánh mất chánh tri kiến.**

Kinh Văn: Thị danh đệ thập, viên giác vẫn tâm, thành trạm minh quả, vi viễn viên thông, bối niết-bàn thành, sinh giác viên minh, bất hóa viên chủng.

Việt dịch: Đây là dạng thứ mười, viên thành giác tâm vắng lặng, lập thành cái quả trạm minh, trái xa tánh viên thông, ngược với đạo niết-bàn, làm sinh khởi giống giác ngộ viên minh, nhưng không không hóa giải được kiến chấp về tánh giác viên minh.

<u>Giảng</u>: **Đây là dạng thứ mười**, là cánh cửa sau cùng trong quá trình chuyển hóa thức ấm . Nếu quý vị qua được cửa này, thì chẳng còn gì phải bận tâm nữa cả. Chẳng có điều gì ngu hiểm nữa cả. Đáng tiếc là chặng cuối cùng lại không phải là việc dễ dàng. Tại điểm này, chỗ sai biệt nhau rất là vi tế. Nên có câu:

"Sai chi ty hào, mậu chi thiên lý."

Nghĩa là: lúc ban đầu, chỉ cần sai lạc bằng một mảy tơ, sẽ dẫn đến sự nhầm lẫn bằng vạn dặm về sau. Nếu quý vị chỉ cần sai lạc tí xíu lúc khởi đầu tu tập, quý vị sẽ đánh mất quả vị giác ngộ về sau. Trạng thái này là một cảnh giới mà hành giả đã:

Viên thành giác tâm vắng lặng, lập thành cái quả trạm minh.

Nhận lầm tánh trạm diệu, do mê chấp vào cái tâm giác minh viên mãn. Vào điểm này, giáo lý giác ngộ viên mãn gần như hòa trộn lẫn với chân tâm thường trụ, và anh ta đã đạt được sự thanh tịnh sáng suốt.

Trái xa tánh viên thông, ngược với đạo niết-bàn.

Tuy nhiên, anh ta chưa tương hợp với pháp môn "nhĩ căn viên thông" vì anh ta còn nhiều chấp trước.

Ngược với đạo niết-bàn, làm sinh khởi giống giác ngộ viên minh, nhưng không không hóa giải được kiến chấp về tánh giác viên minh.

Ngược với bảo thành niết-bàn, đi ngược với diệu quả niết-bàn. Nên làm sinh khởi hạt giống mê chấp, không hóa giải được kiến chấp về tánh giác viên minh. Anh ta không vượt qua được chấp trước về cảnh giới giác viên ấy. Vẫn còn chút ít mê mờ khi thức ấm chưa được phá trừ. Nếu vào lúc này, hành giả vượt qua được thức ấm mà không phải bị đầu hàng trước kiến giải điên đảo này, thì anh ta sẽ vượt qua được cả năm ấm. Khi năm ấm đã được chuyển hóa toàn triệt rồi, anh ta sẽ đạt đến quả vị Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng và Thập địa . Đến đây có thể bảo đảm chắc chắn hành giả sẽ thành tựu quả vị Phật.

Kinh Văn: A-nan, như thị thập chủng thiền-na, trung đồ thành cuồng, nhân y mê hoặc, ư vị túc trung, sinh mãn túc chứng. Giai thị thức ấm, dụng tâm giao hỗ, cố sinh tư vị.

Việt dịch: A-nan, mười loại thiền-na như thế, giữa chừng hoá điên, nhân nơi mê lầm, khi chưa đầy đủ, khởi tâm chứng đắc hoàn toàn. Tất cả đều do thức ấm và tâm dụng công giao xen.

Giảng: **A-nan, mười loại thiền-na như thế, giữa chừng hoá điên, nhân nơi mê lầm,**

A-nan, ông nên đặc biệt chú ý và hiểu thật rõ giai đoạn này. Ông nên nhận thức cho được ma cảnh hiện ra trong mười loại thiền định như thế. Mười loại cảnh giới trong lúc công phu tu tập thiền định. Mười cảnh giới này sẽ xuất hiện trong khi tu thiền, bởi do kiến giải mê cuồng trong khi tu tập, nương vào đó hành giả tuyên bố đã chứng đắc hoàn toàn khi chưa được như vậy.

Khi chưa đầy đủ, khởi tâm chứng đắc hoàn toàn.

Đến lúc này, mặc dù chưa chứng đạo và đạt được quả vị, mà hành giả đã tự tuyên bố. "Ta đã chứng quả." Chưa chứng được dù chỉ sơ quả, mà nói đã được. Chưa chứng được nhị quả, tam quả, tứ quả (a-la-hán) mà tuyên bố đã chứng được. Chưa thành Phật, mà nói đã thành. Nếu có ai hỏi tại sao anh ta được thành Phật, anh ta hoàn toàn không biết. Một vị Phật mà không biết bằng cách nào mình thành Phật thì thật là hồ đồ. Nhưng chư Phật đều có trí hiểu biết viên mãn, không có vị Phật nào hồ đồ cả. Còn nếu đó là người hồ đồ, thì đó chỉ là yêu, ma, quỷ, quái, những loại không hiểu được đạo lý chân chính là gì.

Tất cả đều do thức ấm và tâm dụng công giao xen.

Tất cả các trạng thái này đều do kết quả giao xen của thức ấm và nỗ lực khi dụng tâm tu tập.

Đây là trò tác quái của thức ấm . Khi quý vị nỗ lực công phu, thì thức ấm đấu tranh chống lại công phu của quý vị. Nếu quý vị có một tâm niệm tham dục, vọng tưởng dù rất vi tế, thì quý vị sẽ rơi vào ma cảnh, bị ma gá vào (35, 36, 37). Quý vị sẽ sinh khởi nhiều lý thuyết điên đảo. Một khi lý luận điên đảo ấy đã hình thành, thì rất khó mà phá trừ nó nổi. Cho dù có thiện tri thức đến chỉ bày sự điên đảo ấy, giúp cho họ phá trừ. Họ vẫn không tin, mà còn cãi lại: "Các ông biết gì nào? Dù sao, tôi cũng đã thành Phật rồi! Nhưng gì các ông nói đều sai lầm cả." Dù quý thiện tri thức đã chỉ bày, họ vẫn không chịu tin. Đó là lý do tại sao trạng thái này xuất hiện.

Kinh Văn: Chúng sinh ngoan mê, bất tự thốn lượng. Phùng thử hiện tiền, các dĩ sở ái, tiên tập mê tâm nhi tự hưu tức. Tương vi tất cánh, sở quy

ninh địa. Tự ngôn mãn túc vô thượng bồ-đề. Đại vọng ngữ thành, ngoại đạo tà ma, sở cảm nghiệp chung, đọa vô gián ngục. Thanh văn duyên giác, bất thành tăng tiến.

Việt dịch: Chúng sanh mê mờ, không biết tự xét. Gặp tình huống này, đều đem tâm mê lầm, ưa thích những tập quán cũ, mà tự dừng nghĩ, cho đó là chỗ quay về rốt ráo. Tự tuyên bố đã đạt được quả vị Vô thượng bồ-đề viên mãn. Thành tội đại vọng ngữ. Ngoại đạo tà ma sau khi chiêu cảm nghiệp báo chấm dứt, sẽ rơi vào địa ngục vô gián. Các hàng Thanh văn , Duyên giác không thể tiến lên hơn nữa.

Giảng: **Chúng sanh mê mờ, không biết tự xét.**

Chúng sanh ngoan cố, khó chuyển hóa được mê lầm của chính mình. Họ không chịu dừng lại những vọng tưởng dù chỉ để quán xét thử mình là ai. Họ chưa thoát khỏi lớp da heo, lốt chó mà tự tuyên bố mình là Phật. Họ đã tự đánh giá mình quá cao.

Gặp tình huống này, đều đem tâm mê lầm, ưa thích những tập quán cũ,

Gặp cảnh giới nầy hiện tiền, tâm bị mê mờ, ưa thích những tập quán cũ, ưa thích tham luyến những thứ ái dục, khiến tâm mình u mê đần độn, hết đời này sang đời khác.

Mà tự dừng nghĩ, cho đó là chỗ quay về rốt ráo.

Nên thích dừng nghỉ nơi tự cho là chỗ quay về rốt ráo. Anh ta cho rằng mình đã tới nơi bảo sở, nhưng thực ra anh ta chỉ mới đến được nơi hóa thành. Hóa thành ấy chưa phải là bảo sở. Người này rất mong muốn đến bảo sở, nhưng chỉ mới đi được nửa đường, họ đã thấy mệt mỏi và muốn dừng lại hẳn. Đến lúc này, người có thần thông sẽ hóa hiện ra một hóa thành và nói với họ: "Bảo sở ở ngay phía trước chúng ta, chúng ta nên đến đó để nhận lấy kho báu, chúng ta có thể mang về mọi thứ vàng bạc, trân bảo." Mục đích là để họ đến thành ấp đó để nghỉ ngơi, rồi tiếp tục lên đường. Nhưng tất cả mọi người khi đến hóa thành rồi, cứ cho rằng đây là bảo sở, họ dừng nghỉ ở đó và không muốn đi xa hơn nữa. Họ cho rằng đây là nơi quay về nương tựa rốt ráo. Nơi mà họ muốn đến từ lâu.

Tự tuyên bố đã đạt được quả vị viên mãn Vô thượng bồ-đề . Tự tuyên bố đã chứng được Vô thượng bồ-đề và đã thành Phật rồi. Thành tội đại vọng ngữ. Họ chưa chứng được Phật quả nhưng nói rằng đã chứng. Những người thông minh có nói những lời ngu muội như vậy không? Nói mình đã đạt được quả vị mà mình chưa đạt được, chỉ có những kẻ ngu si mới làm như thế. Trong quốc

gia dân chủ, ta có thể nói rằng mọi người đều có thể trở thành Tổng thống cả. Đúng vậy, mọi người đều có khả năng để trở nên một vị Tổng thống. Nhưng điều ấy không có nghĩa mọi người "là" Tổng thống. Phải qua cuộc tuyển cử mới thực sự trở thành Tổng thống. Không thể nói suông rằng mọi người đều là Tổng thống. Thế thì ai là Tổng thống, ai là Phó Tổng thống? Giống như điều đang nói ở đây. Nếu quý vị không bao giờ đi học, không biệt cả chữ ký của mình thì làm sao quý vị thành Tổng thống được? Cũng giống như việc thành Phật. Nếu quý vị không tu tập không trải qua sáu năm tu tập khổ hạnh ở núi Tuyết, hoặc bốn mươi chín ngày thiền định dưới cội cây bồ-đề. Nếu quý vị không có một ngày với nỗ lực công phu tu tập như thế, làm sao mà thành Phật được? Tưởng điều ấy quá dễ. Đó thật là một thứ vọng tưởng điên cuồng.

Thành tội đại vọng ngữ. Ngoại đạo tà ma sau khi chiêu cảm nghiệp báo chấm dứt, sẽ rơi vào địa ngục vô gián. Sau khi chiêu cảm nghiệp báo ngoại đạo, tà ma chấm dứt. Sau khi ma nghiệp do anh ta chiêu cảm lấy quả báu đã hết. Sẽ rơi vào địa ngục vô gián. Mạng sống của loài thiên ma cũng sẽ đến lúc kết thúc. Đến lúc ấy, anh ta sẽ đọa vào địa ngục vô gián.

Các hàng Thanh văn , Duyên giác không thể tiến lên được nữa. Khi hàng định tánh Thanh văn hay định tánh Duyên giác lầm chấp về tánh giác. Tuy họ sẽ không bị đọa vào địa ngục, nhưng họ sẽ không thể nào tiến xa được nữa trên đường tu đạo. Họ không thể tiến bộ hơn được nữa.

Kinh Văn: Nhữ đẳng tồn tâm, bỉnh Như Lai đạo, tương thử pháp môn, ư ngã diệt hậu, truyền thị mạt thế. Phổ linh chúng sinh giác liễu tư nghĩa. Vô linh kiến ma, tự tác trầm nghiệt. Bảo tuy ai cứu, tiêu tức tà duyên. Linh kì thân tâm nhập Phật tri kiến. Tòng thủy thành tựu, bất tao kì lộ.

Việt dịch: Các ông nên chú tâm giữ gìn đạo Như Lai, sau khi Như Lai nhập diệt, hãy đem pháp môn nầy truyền dạy trong đời mạt pháp, khiến cho tất cả chúng sanh hiểu rõ nghĩa ấy. Đừng để ma tà kiến tự gây ra chướng nạn. Giữ gìn và từ bi cứu giúp, tiêu trừ hết các tà duyên kiến. Khiến thân tâm được vào tri kiến Phật. Từ khi bắt đầu cho đến thành tựu, không bị lạc vào đường tẻ.

Giảng: Các ông nên chú tâm giữ gìn đạo Như Lai.

Các ông, A-nan, các vị Đại bồ-tát, Đại a-la-hán, Đại tỷ-khưu, các vị Đại trưởng lão và những vị khác trong hội chúng nên chú tâm giữ gìn đạo của Như Lai. Các ông nên trân trọng, thừa sự những lời Như Lai đã truyền dạy.

Sau khi Như Lai nhập diệt, hãy đem pháp môn nầy truyền dạy trong đời mạt pháp.

Hãy truyền dạy pháp môn trong kinh Thủ-lăng-nghiêm này, đó là pháp môn "nhĩ căn viên thông" hướng tánh nghe vào bên trong để nhận ra tự tánh của mình, cho đến khi tự tánh hòa nhập vô thượng đạo, truyền dạy pháp môn viên thông cho chúng sanh trong đời mạt pháp. Vào thời mạt pháp, các ông phải truyền dạy pháp môn này cho chúng sanh hằng ngày **khiến cho tất cả chúng sanh hiểu rõ nghĩa này**. Dạy cho chúng sinh hiểu được một cách rõ ràng pháp tu này. **Đừng để ma tà kiến tự gây ra chướng nạn.** Đừng để cho tự chính mình gây ra chướng nạn tà kiến của thiên ma ngoại đạo nơi mình.

Ma có hai loại: kiến ma và kiến ái ma.

Kiến ma, là khi hành giả gặp cảnh, liền bị xoay chuyển bởi cảnh giới. Còn khi hành giả gặp cảnh, sinh tâm yêu thích, ham muốn cảnh ấy. Đó gọi là kiến ái ma.

Quý vị đừng để cho chúng sanh bị rơi vào các chướng nạn bởi hai loại ma cảnh này.

Giữ gìn và từ bi cứu giúp, tiêu trừ hết các tà duyên kiến.

Giúp chúng sanh giữ gìn và từ bi cứu giúp, tiêu trừ hết các nhân duyên tà kiến ấy.

Hàng phục cho được tâm điên đảo và tâm cuồng si. Giúp họ đoạn trừ tà tri, tà kiến ấy. **Khiến cho thân tâm chúng sanh nhập vào tri kiến Phật**. **Từ khi bắt đầu tu tập ch đến khi thành tựu, không bị lạc vào đường tẻ**. Đừng để cho họ bị lạc vào những con đường tẻ khi đi trên con đường tu đạo chân chính.

Kinh Văn: Như thị pháp môn, tiên quá khứ thế, hằng sa kiếp trung, vi trần Như Lai, thừa thử tâm khai, đắc vô thượng đạo.

Việt dịch: Pháp môn như thế, các đức Như Lai nhiều như số vi trần trong hằng sa kiếp từ quá khứ, đều vận dụng mà khai ngộ bản tâm, chứng được đạo vô thượng.

<u>Giảng</u>: **Pháp môn như thế, các đức Như Lai nhiều như số vi trần trong hằng sa kiếp từ quá khứ, đều vận dụng mà khai ngộ bản tâm, chứng được đạo vô thượng**.

Nương vào pháp môn như thế trong kinh Thủ-lăng-nghiêm mà các đức Như Lai nhiều như số vi trần trong hằng sa kiếp từ quá khứ được khai ngộ bản tâm, chứng được đạo vô thượng.

Khi tu tập theo pháp môn này trong kinh Thủ-lăng-nghiêm, tâm được khai ngộ và chứng được đạo quả vô thượng. Đây là lộ trình người tu tập phải trải qua. Nay chúng ta cũng muốn nghiên cứu pháp môn này. Chỉ có cách tu tập pháp môn này một cách viên mãn mới mong thành Phật được. Chẳng dễ dàng thành tựu quả vị Phật nếu không thực hành ngay từ bước đầu tiên.

Không riêng gì quả vị Phật, mà ngay trong thế gian cũng thế, người ta cần phải gắng bao công sức để đạt được mảnh bằng Thạc sĩ, Bác sĩ, Tiến sĩ? Còn quý vị cần phải trải qua bao nhiêu thời gian công phu tích cực mới thành tựu Phật đạo? Nếu quý vị tuyên bố thành Phật mà không trải qua bước đầu tiên, thì chuyện đó khó tưởng tượng còn hơn cả giấc mơ. Ngay cả trong mơ, quý vị cũng không thể nói được chuyện kỳ quặc như vậy. Thành Phật không phải là một chuyện đơn giản.

Kinh Văn: Thức ấm nhược tận, tắc nhữ hiện tiền, chư căn hỗ dụng. Tòng hỗ dụng trung, năng nhập Bồ-tát Kim cương càn huệ. Viên minh tinh tâm, ư trung phát hóa.

Việt dịch: Khi thức ấm tiêu dung rồi, thì các căn hiện tiền của ông đều được dùng thay nhau. Từ chỗ hỗ dụng đó, ông có thể nhập vào bậc Kim cang càn huệ Bồ-tát. Tâm tinh diệu viên minh phát hóa trong ấy.

Giảng: **Khi thức ấm tiêu dung rồi**.

Khi hành ấm đã tiêu trừ, quý vị ở trong phạm vi thức ấm . Nếu quý vị thể nhập được vào thức thứ tám, quý vị có thể thấy được mười phương thế giới trong suốt như pha lê. Chẳng có gì ngăn ngại được cái nhìn của quý vị.

Tuy nhiên trước khi thức ấm hoàn toàn chuyển thành thức thứ tám, những niệm sinh diệt rất vi tế vẫn còn diễn biến ở trong thức thứ bảy. Một khi những niệm lăn tăn vi tế trong thức thứ bảy ấy đã tiêu tán và chỉ còn lại thức thứ tám, quý vị sẽ nhìn thấy vạn vật trong vũ trụ này trong suốt như thủy tinh.

Lúc này, thức thứ tám chuyển thành Đại viên cảnh trí như chư Phật. Trước khi quý vị tiêu trừ sạch thức thứ bảy thì trạng thái này vẫn chưa đạt được. Đó là ý nghĩ của việc chấm dứt được thức ấm . Khi những niệm lăng tăng vi tế của thức thứ bảy đã tiêu tan, **thì các căn hiện tiền của ông đều được dùng thay nhau,** các căn hiện tiền có khả năng dung thông với nhau.

Việc sử dụng hỗ tương nhau của các căn đã được giảng từ trước rồi, mỗi căn có được năng lực của cả sáu căn, như mắt vốn chỉ có thể thấy được vật phía trước nay có thể nghe được, nếm được, ngửi được, xúc chạm và suy nghĩ được. Hành giả có thể khai, hợp các căn nên có thể sử dụng hỗ tương với nhau.

Từ chỗ hỗ dụng đó, ông có thể nhập vào bậc Kim cang càn huệ Bồ-tát.

Kim cang có nghĩa là bất hoại, không có gì phá vỡ nó được, cũng có nghĩa là bất thối. Quý vị sẽ đạt được ba loại bất thối: Quả vị bất thối, niệm bất thối và hành bất thối.

Càn huệ nghĩa là Càn huệ địa.

Tâm tinh diệu viên minh phát hóa trong ấy. Từ trong bản tâm sáng suốt viên mãn phát khởi ra sự biến hóa.

Kinh Văn: Như tịnh lưu ly, nhập hàm bảo nguyệt. Như thị nãi siêu, thập tín thập trụ, thập hạnh thập hồi hướng, tứ gia hạnh tâm. Bồ-tát sở hành, kim cương thập địa.

Việt dịch: Như ngọc lưu ly trong suốt, hàm chứa mặt trăng báu ở trong. Như thế mà vượt lên giai vị Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Tứ gia hạnh tâm và sở hành của Bồ-tát Kim cang Thập địa .

Giảng: Sự biến hóa ấy giống như cái gì? **Như ngọc lưu ly trong suốt**, không dính một mảy bụi trần hàm **chứa mặt trăng báu bên trong**. **Như thế** theo đó **mà vượt lên giai vị Thập tín, Thập trụ, Thập tạnh, Thập hồi hướng, Tứ gia hạnh tâm** mà chúng ta đã được nghe giảng từ trước. Tứ gia hạnh tâm là: Noãn, Đảnh, Nhẫn và Thế đệ nhất. Quý vị cũng sẽ vượt qua trạng thái và trình độ công phu ở cảnh giới **sở hành của Bồ-tát Kim cang Thập địa .**

Kinh Văn: Đẳng giác viên minh, nhập ư Như Lai, diệu trang nghiêm hải. Viên mãn bồ-đề, quy vô sở đắc.

Việt dịch: Đẳng giác tròn sáng, vào biển Diệu trang nghiêm của Như Lai. Viên mãn đạo Bồ-đề, về nơi vô sở đắc.

Giảng: **Đẳng giác tròn sáng, vào biển Diệu trang nghiêm của Như Lai.**

Đến trạng thái này, các ông sẽ nhập vào biển diệu trang nghiêm của Như Lai**, viên mãn đạo bồ-đề, trở về nơi vô sở đắc**.

Rốt ráo là chẳng có gì để chứng đắc cả. Tại sao vậy? Vì tánh giác vốn tự có sẵn trong mỗi người, không phải do nhờ bên ngoài mới có. Tánh Như Lai tạng cũng chẳng phải là cái có được từ bên ngoài, mà nó vốn có sẵn trong quý vị. Nên nói "trở về lại nơi vô sở đắc" là vậy.

Kinh Văn: Thử thị quá khứ, tiên Phật Thế tôn, xa-ma-tha trung, tì-bà xá-na, giác minh phân tích vi tế ma sự.

Việt dịch: Đây là những ma sự vi tế, mà các Đức Phật Thế tôn từ đời quá khứ trước đã giác ngộ nghiệm xét và phân tích trong khi tu chỉ quán .

Giảng: **Đây là những ma sự vi tế.** Mười trạng thái nói trên, xảy ra trong quá trình tu tập để chuyển hóa thức ấm . **Mà các Đức Phật Thế tôn từ đời quá khứ trước đã giác ngộ nghiệm xét và phân tích trong khi tu chỉ quán** .

Chỉ (samatha) là một loại định, trong trường hợp này là Lăng Nghiêm diệu định. (36)

Quán (vipasyana) là công phu quán chiếu, đây là một dạng quán chiếu rất vi mật. Nhờ sự giác ngộ sáng suốt, mà hành giả có thể phân tích được các ma sự, vốn rất vi tế nhỏ nhiệm khó mà khám phá ra được.

Kinh Văn: Ma cảnh hiện tiền nhữ năng am thức, tâm cấu tẩy trừ, bất lạc tà kiến.

Việt dịch: Nếu ông nhận biết được ma cảnh hiện tiền, thì tẩy trừ được cấu nhiễm, không bị rơi vào tà kiến.

Giảng: **Nếu ông nhận biết được ma cảnh hiện tiền.** Nếu các ông nhận được ngay những ma cảnh khi nó hiện ra trước quý vị và biết được đó là hay Phật, **thì tẩy trừ được cấu nhiễm, không bị rơi vào tà kiến.** Tâm cấu nhiễm được rửa sạch ngay và khỏi bị rơi vào tà kiến.

Một vài cảnh giới của tà ma ngoại đạo từ bên ngoài đến với quý vị và một số cảnh xuất hiện do trong tâm niệm của quý vị. Ngoại ma thì rất dễ hàng phục, còn nội ma ở trong tâm thì rất khó trừ. Vì mỗi khi quý vị phát khởi tà tri, tà kiến thì rất khó giải trừ khỏi những thứ tà kiến ấy. Ngay sau khi quý vị nhận ra ngoại ma, quý vị phải tẩy trừ ngay những thứ cấu nhiễm ấy trong tâm mình. Điều gì là cấu nhiễm? Loại nhiễm ô quan trọng nhất trong tâm là tham. Chúng ta sẽ nói về vấn đề này rất thường xuyên. Tham sẽ trở nên rất nghiêm trọng khi kết hợp

với dục. Nếu quý vị không có một niệm dâm dục, thì quý vị đã rửa sạch tâm mình khỏi bị ô nhiễm, tâm quý vị sẽ không sinh khởi tà kiến được nữa.

Nếu quý vị không thanh tịnh hóa tâm mình thoát ra khỏi niệm tưởng dục, thì có rất nhiều chướng nạn sẽ đến với quý vị. Tất cả vấn đề ấy sinh khởi vì tâm tham. Các thứ phiền não vô minh từ đó đều sinh khởi. Quý vị bị vướng vào tà kiến ngay liền. Nếu quý vị có năng lực rửa sạch liền những vọng tưởng này, mới thoát khỏi được tà kiến.

Kinh Văn: Ấm ma tiêu diệt, thiên ma thôi toái, đại lực quỷ thần, chỉ phách đào thệ, li mị võng lượng, vô phục xuất sinh.

Việt dịch: Các ấm ma đều tiêu diệt, thiên ma bị phá tan, Đại lực quỷ thần hoảng hốt chạy trốn, các loài li mị võng lượng không hiện tướng ra nữa.

Giảng: **Các ấm ma đều tiêu diệt.** Các ấm ma, những thứ ma sinh khởi từ ngũ ấm mà chúng ta đã thảo luận đều bị tiêu diệt . **Thiên ma bị phá tan,** nếu quý vị có trí huệ chân chính và không bị dính mắc trong tà kiến thì thiên ma sẽ bị phá sạch. Quý vị sẽ khiến cho tâm chúng khiếp sợ. **Đại lực quỷ thần hoảng hốt chạy trốn**. Các loài này rất mạnh, chúng có thể nâng cả núi tu-di bằng một bàn tay. Nhưng nếu quý vị có trí huệ chân chính và có Đại định Thủ-lăng-nghiêm thì loài Đại lực quỷ này mỗi khi nhìn thấy quý vị liền chạy trốn vì hoảng sợ.

Các loài li mị võng lượng không hiện tướng ra nữa.

Li mị võng lượng là loại ma mà chúng ta đã nghe giảng trước đây. Nó cũng sẽ không dám xuất hiện nữa.

Kinh Văn: Trực chí bồ-đề, vô chư thiểu phạp. Hạ liệt tăng tiến, ư đại niết-bàn, tâm bất mê muộn.

Việt dịch Thẳng đến bồ-đề, không chút thiếu sót. Hàng căn cơ hạ liệt cũng được tăng tiến, đối với Đại niết-bàn, tâm không mê lầm.

Giảng: **Thẳng đến bồ-đề, không chút thiếu sót.** Các ông sẽ thẳng đến nơi giác ngộ. Đạt được cảnh giới của chư Phật, không chút thiếu sót. Quý vị sẽ không gặp những chướng nạn hoặc phiền não. **Hàng căn cơ hạ liệt cũng được tăng tiến, đối với Đại niết-bàn, tâm không mê lầm.** Ngay cả với những người có căn tánh thấp kém cũng sẽ được tiến bộ. Quý vị sẽ hướng thẳng đến diệu quả niết-bàn và tâm quý vị không còn kinh qua những dạng mê mờ, phiền não như trước nữa.

Kinh Văn: Nhược chư mạt thế, ngu độn chúng sinh, vị thức thiền-na, bất tri thuyết pháp, nhạo tu tam muội, nhữ khủng đồng tà, nhất tâm khuyến linh, trì ngã Phật đảnh đà-la-ni chú. Nhược vị năng tụng, tả ư thiền đường, hoặc đới thân thượng. Nhất thiết chư ma, sở bất năng động.

Việt dịch: Nếu có chúng sinh mê độn trong đời mạt pháp, chưa hiểu thiền-na, chưa nghe pháp yếu, ưa tu tam muội, nhưng căn tánh chậm lụt, sợ họ bị lạc vào tà kiến, thì các ông nhất tâm khuyên họ trì tụng chú Phật đảnh đà-la-ni . Nếu chưa tụng thuộc thì viết trên thiền đường hay mang trong thân. Thế nên các loài ma không thể nào quấy phá họ được.

Giảng: Nếu có chúng sinh mê độn trong đời mạt pháp, chưa hiểu thiền-na.

Nếu có các chúng sinh trong đời mạt pháp, ưa thích tu tập chánh định, nhưng căn tánh chậm lụt. Bất kể quý vị dạy cho họ bao nhiêu điều hay lẽ phải, họ vẫn khăng khăng đi vào con đường xấu ác. Dù các ông không dạy họ đi vào con đường hư hoại, mà họ vẫn tự đi vào con đường ấy. Học làm điều tốt lành cũng khó như lên trời. Học để làm điều xấu ác cũng dễ như trượt xuống dốc vậy. Tại sao? Tập khí của chúng sanh rất mạnh. Họ có quá nhiều tham dục. Những tập khí, chủng tử lâu đời, những nghiệp chướng và nợ nần từ đời trước quá nhiều đã kéo ngược lại, trong khi người tu muốn hướng thượng. Học làm điều thiện cũng khó như lên trời, nhưng học làm điều ác lại dễ như trượt xuống dốc. Tại sao? Vì chúng sanh không có được trí tuệ và đều là những người mê muội.

Họ là những người chưa nhận biết sự quan trọng của thiền-na. Họ không nhận ra được sự quan trọng cần thiết của việc tu đạo, chưa nhận ra được sự cần yếu của pháp tu tập thiền định.

Chưa nghe pháp yếu, ưa tu tam muội. Hoặc chưa từng được nghe pháp yếu. Họ không hiểu biết gì về chánh pháp. Dù họ chưa từng nghe giảng những điều cốt tuỷ của Phật pháp, hoặc chưa biết cách công phu tọa thiền, tập định. Nhưng họ rất ưa thích tu tập chánh định. Những người ưa thích tu tập chánh định thì phải hiểu biết về đạo và rõ ràng về pháp.

Sợ họ bị lạc vào tà kiến. Các ông nên quan tâm giúp họ khỏi bị lạc vào tà kiến. Nếu quý vị lo cho những người này rơi vào tà tri, tà kiến thì quý vị phải báo trước cho họ.

Thì các ông nhất tâm khuyên họ trì tụng chú Phật đảnh đà-la-ni . Các ông nên hết lòng khuyến khích họ trì tụng chú Phật đảnh đà-la-ni. Khuyến khích họ trì tụng thần chú Thủ-lăng-nghiêm.

Nếu chưa tụng thuộc thì viết trên thiền đường hay mang trong thân. Thế nên các loài ma không thể nào quấy phá họ được.

Nếu họ không thể tụng thuộc được thì họ có thể viết ra trên thiền đường. Nếu khi họ tụng chú mà không thuộc lòng, phải nhìn trong kinh, quý vị có thể bảo họ viết ra rồi lên vách tường nơi thiền đường. Đó là vì: "Nơi nào có kinh chú, nơi ấy có Phật." Huống gì thần chú Đại Phật đảnh này. Bất kỳ nơi đâu có thần chú này, thì nơi ấy có Kim cang tạng Bồ-tát và quyến thuộc cùng các vị Hộ pháp thiện thần.

Thế nên các loài ma không thể nào quấy phá họ được.

Hay quý vị bảo những người này mang trong thân, nhờ thế các loài ma không còn quấy phá họ được. Nếu quý vị mang thần chú trên người, ma không thể nào gá vào quý vị được.

Kinh Văn: Nhữ đương cung khâm, thập phương Như Lai, cứu cánh tu tiến, tối hậu thùy phạm.

Việt dịch Ông nên kính vâng lời dạy bảo cuối cùng về phép tu tiến rốt ráo của mười phương Như Lai.

Giảng: Đức Phật Thích-ca Mâu-ni với tâm từ bi chí thiết, Ngài có lời phó chúc sau cùng cho ngài A-nan:

Ông nên kính vâng lời dạy bảo cuối cùng về phép tu tiến rốt ráo của mười phương Như Lai.

Các ông nên kính trọng và trân quý Thủ-lăng-nghiêm diệu định, pháp môn "nhĩ căn viên thông– hướng tánh nghe trở vào bên trong để nhận ra tự tánh của mình," và cũng là pháp môn thần chú Thủ-lăng-nghiêm, thần chú Phật đảnh đà-la-ni . Là gom vào (tổng) hết thảy các pháp, và nắm giữ (trì) vô lượng nghĩa. Đây là tâm, là tánh của các Đức Phật Như Lai trong khắp mười phương. Đó là mẹ của các Đức Như Lai. Chú này là tột đỉnh cứu cánh, vô cùng rốt ráo, và là pháp môn tối thắng vi diệu để tu tập tiến bộ. Đó là khuôn mẫu tu chứng tối hậu của mười phương Như Lai, là pháp môn quan trọng nhất, được Đức Phật giảng dạy vào thời kỳ sau cùng. Đó là mô phạm tối yếu; là phương thức, là lời khai thị cho lộ trình mà quý vị phải theo sát để tu chứng tri kiến Phật.

Kinh Văn: A-nan tức tùng tòa khởi, văn Phật thị hối, đảnh lễ khâm phụng, ức trì vô thất. Ư đại chúng trung, trùng phục bạch Phật. Như Phật sở ngôn, ngũ ấm tướng trung, ngũ chủng hư vọng, vi bản tưởng tâm, ngã đẳng bình thường, vị mông Như Lai, vi tế khai thị.

Việt dịch: A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nghe lời dạy của Đức Phật, đảnh lễ kính vâng, ghi nhớ không sót. Ở trong đại chúng lại bạch Phật rằng: "Như Đức Phật dạy, trong tướng ngũ ấm có năm thứ hư vọng, vốn có cội gốc là tâm vọng tưởng. Chúng con bình thường chưa từng được được nghe lời khai thị vi diệu của Như Lai.

Giảng: **A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nghe lời dạy của Đức Phật, đảnh lễ kính vâng, ghi nhớ không sót.**

A-nan khi nghe lời chỉ dạy của Đức Phật, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cung kính đảnh lễ ghi nhớ từng lời dạy không sót chữ nào.

Nghe được lời khai thị của Đức Thế Tôn, Ngài A-nan liền đảnh lễ Đức Phật, nhưng lần này không khóc. Ngài đã từng khóc nhiều lần rồi, nhưng lần này không khóc là vì Ngài đã ăn no rồi. A-nan cũng giống như đứa bé khát sữa, khi uống no rồi, nên không còn khóc nữa. Lại nữa, ngài như đứa bé đòi kẹo, một khi nó đã xin được nhiều kẹo, nó không còn khóc nữa. Ngài A-nan cũng đã có được một ít kẹo để ăn, nên không còn khóc nữa.

Ngài đảnh lễ và phụng trì pháp môn Thủ-lăng-nghiêm đại định rất cung kính. Ngài đã tụng thuộc thần chú Thủ-lăng-nghiêm không sai sót một chữ nào, mỗi câu, mỗi chữ rất rõ ràng. Khi ngài tụng thần chú này bằng lời thì tâm ngài tập trung chuyên nhất không và không khởi ác nghiệp nơi thân. Nên ba nghiệp nơi thân, khẩu, ý hoàn toàn thanh tịnh khi tụng thần chú Lăng Nghiêm này.

Ở trong đại chúng lại bạch Phật rằng:

Một lần nữa ở trong đại chúng, A-nan lại bạch Đức Phật.

Quý vị không nên hiểu sai ý nghĩa này. Khi ngài A-nan từ trong đại chúng, lại thưa hỏi một lần nữa, đó chắc chắn không phải là một dạng khoe khoang, không phải là ngài A-nan muốn đại chúng chú ý đến mình. Thế A-nan làm vì mục đích gì? Ngài thay mặt cho toàn chúng sinh mà cầu thỉnh Đức Phật chỉ dạy giáo pháp. Ngài làm việc đó không chỉ riêng cho ngài, mà cho toàn thể quý vị và tôi, cho tất cả những người thiết tha tu đạo trong đời này. Ngài nghĩ rằng: "Ồ! Trong tương lai, sẽ có một pháp hội giảng kinh ở nước Mỹ. Có người sẽ giảng Kinh Thủ-lăng-nghiêm và có người sẽ không hiểu được toàn thể

ý chỉ của Kinh này, nên ta phải vì họ mà cầu thỉnh Thế tôn chỉ dạy rõ ràng điểm này." Chúng ta nên hết sức tri ân ngài A-nan.

Ngài A-nan nói: "**Như Đức Phật đã dạy, trong tướng của ngũ ấm**: sắc ấm, thọ ấm , tưởng ấm , hành ấm và thức ấm **có năm thứ hư vọng, vốn có cội gốc là tâm vọng tưởng** của chính mình. Mỗi một thứ trong năm ấm lại chia thành mười loại ma cảnh. Chúng con trước đây chưa từng được may mắn nghe lời khai thị vi diệu của Như Lai như vậy.

Tất cả những người trong đại chúng từ trước đến nay, trong cuộc sống bình thường hằng ngày, chưa từng nghe được Đức Phật giảng dạy những điều vi diệu như thế.

Chúng con bình thường chưa từng được được nghe lời khai thị vi diệu của Như Lai.

Chúng con thực sự đạt được những điều chưa từng có. Thân tâm chúng con vô cùng thư thái và an nhiên.

Kinh Văn: Hựu thử ngũ ấm, vi tính tiêu trừ, vi thứ đệ tận. Như thị ngũ trùng, nghệ hà vi giới?

Việt dịch: Lại nữa, năm thứ ấm này được tiêu trừ một lần hay lần lượt theo từng thứ lớp. Giới hạn của năm lớp ấy là gì?

Giảng: **Lại nữa, năm thứ ấm này**. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức ấm **được tiêu trừ một lần**. Liệu chúng ta có thể phá trừ năm thứ ấy cùng một lúc **hay lần lượt theo từng thứ lớp**. Nó chuyển hóa dần dần, theo một thứ tự nhất định từng lớp từng lớp một hay sao? **Giới hạn của năm lớp ấy là gì?** Cái gì là giới hạn của năm lớp ấy.

Kinh Văn: Duy nguyện Như-lai, phát tuyên đại từ, vi thử đại chúng, thanh minh tâm mục, dĩ vi mạt thế nhất thiết chúng sinh, tác tương lai nhãn.

Việt dịch: Xin nguyện Như Lai, mở lòng đại từ, làm cho tâm và mắt của đại chúng đây được trong sáng, để làm đạo nhãn tương lai cho hết thảy chúng sinh trong đời mạt pháp.

Giảng: **Xin nguyện Như Lai, mở lòng đại từ.** Cúi mong Như Lai, mở lòng đại từ giảng nói nghĩa này, ước nguyện duy nhất của chúng con là mong Như Lai mở rộng tâm đại từ, giảng nói nghĩa này cho chúng con. **Làm cho tâm và mắt**

của đại chúng đây được thanh tịnh và sáng suốt. Nếu tâm quý vị chưa có được sự hiểu biết chân chánh, thì rất khó tu tập. Nếu mắt quý vị bị ô nhiễm bởi trần cấu, thì khó thấy được sự vi diệu của vạn pháp.

Thế nên, A-nan thưa hỏi để được chỉ bày cho tâm và mắt của đại chúng được thanh tịnh, không những Ngài chỉ muốn cho tâm và mắt của đại chúng được thanh tịnh, mà còn muốn cho tâm và mắt của hết thảy chúng sanh cũng được thanh tịnh. Ngài cũng cầu thỉnh Đức Phật chỉ dạy. Để làm con mắt sáng của hết thảy chúng sinh trong đời vị lai. Nghĩa là làm con mắt đạo cho quý vị, cho tôi và cho tất cả chúng sanh trong hiện tại. Chúng ta đều được xác định trong số chúng sanh ấy. Dù quý vị có muốn loại trừ mình ra khỏi cũng không được. Nếu quý vị nói: "Đừng kể tôi vào đó, tôi không phải là thành viên trong số chúng sanh mà các ông đề cập đến." Thế tôi hỏi quý vị. Quý vị là ai? Nói nhanh! Cho dù quý vị không muốn như thế, quý vị cũng không thể nào tránh khỏi. Dù quý vị có mọc thêm cánh, cũng không thể bay thoát được. Dù có lên cung trăng, quý vị cũng vẫn là chúng sinh, mà chẳng là loại gì khác. Thế nên, tốt hơn là hãy chấp nhận mình là thành viên trong số chúng sanh này, đừng trốn chạy. Tốt nhất là quý vị không nên phát khởi tập khí sân hận, hành xử thô tháo. Quý vị đừng nên có cảm giác mình như là chiếc bánh rán nóng hổi trong chảo dầu. Điều đó trông rất chướng.

Để làm đạo nhãn tương lai cho hết thảy chúng sinh trong đời mạt pháp.

A-nan nói: "Làm con mắt cho chúng con và cho chúng sanh trong đời vị lai." Sứ mệnh chưa chấm dứt ở nơi đây: "Con mắt cho tương lai" có nghĩa là tiếp tục cho đến đời vị lai. Xác định đó là một thời gian chưa đến.

Khi quý vị nghe điều này, có nghĩ rằng nó kỳ diệu không? Nó có ý nghĩa gì không? Khi quý vị cười, mọi người không hiểu tiếng Trung Hoa đều cảm thấy lúng túng, không hiểu quý vị cười chuyện gì? Vậy nên, phải phiên dịch điều đó ngay!

Kinh Văn: Phật cáo A-nan, tinh chân diệu minh, bản giác viên tịnh. phi lưu tử sinh, cập chư trần cấu, nãi chí hư không, giai nhân vọng tưởng chi sở sinh khởi.

Việt dịch: Đức Phật bảo A-nan, tính tinh chân là diệu minh, tính bản giác là viên tịnh, không lưu lại sinh tử và các trần cấu, cho đến cả hư không, đều nhân vọng tưởng mà sinh khởi ra.

<u>Giảng</u>: **Đức Phật bảo A-nan, tính tinh chân là diệu minh, tính bản giác là viên tịnh, không lưu lại sinh tử và các trần cấu.**

Trạng thái này ra sao? Nó chính là cảnh giới của bản giác diệu minh, tinh thuần chân thật và thanh tịnh viên mãn. Sinh tử không tồn tại trong cảnh giới này và các cấu nhiễm cho đến cả hư không.

Đó chính là Như Lai tạng tánh. Là bản thể của chân như, là Phật tánh mà mỗi chúng ta đều có sẵn. Cái đó chẳng phải là quý vị có mà tôi không, chẳng phải mà quý vị không có mà tôi lại có. Tất cả chúng ta đều thừa hưởng được bản giác diệu minh tinh thuần, chân thật, thanh tịnh, viên mãn này. Trong đó không nhiễm một mảy bụi trần. Trong đó không một pháp có thể lập được. Chẳng có gì trong đó. Nếu quý vị trở về được nơi bản nguyên của mình, thì quý vị sẽ thoát khỏi vô minh, phiền não, tham dục, mê muội, vọng tưởng. Quý vị hoàn toàn tự tại đối với những thứ ấy. Đó là cảnh giới hoàn toàn tuyệt đối thanh tịnh. Đó là mục tiêu của người tu đạo, tất cả là để trở về tự tánh vốn có của chính mình. Nếu quả thực nơi này không tồn tại, thì người ta đâu cần tu hành làm gì?

Cho đến cả hư không, đều nhân vọng tưởng mà sinh khởi ra.

Chúng ta ai cũng đều thấy hư không. Nhưng quý vị có biết hư không từ đâu tới chăng? Các thứ ấy đều sinh khởi từ vọng tưởng. Hư không sinh khởi từ vọng tưởng của chúng ta. Do những vọng tưởng này mà có ngũ ấm, ngũ trược, lục kết. Vọng tưởng gây nên biết bao thứ phiền não. Điều này giống như người lăng xăng muốn làm một việc gì đó trong khi chẳng có gì cần phải làm cả. Tại sao như vậy? Vì quý vị chẳng có việc gì cần phải làm cả, nhưng lại muốn kiếm việc để làm. Nếu như quý vị nhận được phần thưởng khi làm việc thì còn có thể được. Nhưng đáng tiếc là quý vị càng làm bao nhiêu, càng mất bấy nhiêu. Nếu quý vị làm công cho người khác, quý vị càng làm, càng thấy thiếu tiền. Cũng như khi điều hành việc thương mại. Càng buôn bán lâu, lỗ vốn càng nhiều. Quý vị sẽ bị thua thiệt như thế mãi cho đến khi tánh Như Lai tạng bị đè bẹp dưới chân ngọn núi của ngũ uẩn. Khi điều này xảy ra, giặc cướp từ sáu căn, sáu trần chiếm giữ ngọn núi, năm uẩn làm nơi sào huyệt kẻ ẩn náu. Mà đi khắp nơi để cướp bóc. Hãy xem thử tại sao suốt từ hồi nào đến giờ, quý vị lại chiêu tập và cho kẻ cướp trú ngụ nơi mình?

Ban đầu quý vị buôn bán kinh doanh nhưng rồi vốn liếng mất dần và bây giờ nó làm tán thân mất mạng luôn. Kẻ cướp đi khắp nơi phá nhà cướp của, giết hại chúng sinh. Vậy mà tự tánh của quý vị lại bị nén ép dưới chân năm ngọn núi ngũ ấm. Sáu căn và sáu trần là những tên giặc cướp đi khắp nơi để phá nhà cướp của. Quý vị có biết chuyện ấy chăng? Nếu biết được nghĩa lý này, thì tôi khỏi phải phí công giảng kinh nữa. Nếu quý vị chưa hiểu, thì phải học thêm.

Kinh Văn: Tư nguyên bản giác, diệu minh chân tinh, vọng dĩ phát sinh chư khí thế gian, như Diễn-nhã-đạt-đa, mê đầu nhận ảnh.

Việt dịch: Tất cả cái ấy, gốc nơi bản giác diệu minh chân tính, do vọng tưởng mà phát sinh khí thế gian, như Diễn-nhã-đạt-đamê đầu mà nhận bóng.

Giảng: Tất cả cái ấy, gốc nơi bản giác diệu minh chân tính.

Cội gốc của bản giác trong ấy không một pháp nào được lập. Tính chất của bản giác vốn sáng suốt vi diệu, tinh thuần chơn thật.**Do vọng tưởng mà phát sinh khí thế gian.** Do vọng tưởng mà phát sinh các vật tượng thế gian.

Vọng nương nơi chân mà sinh khởi. Vọng sinh khởi ngay trong Như Lai Tạng tánh.

"Hữu tình thế gian" là hết thảy các loại sinh vật có tình thức và "khí thế gian" là các vật tượng trong đời đất như sông núi nhà cửa đất đai…

Như Diễn-nhã-đạt-đa mê đầu mà nhận bóng.

Như chàng Diễn-nhã-đạt-đa lầm tưởng mình mất đầu khi nhìn thấy bóng của mình trong gương. Diễn-nhã-đạt-đa một sáng thức dậy, soi mình trong gương, thấy người trong gương có đủ mắt, tai, miệng, mũi, và anh ta la lên: "Tại sao ta không có cái đầu như vậy? Người trong gương có đầu, tại sao ta lại không?" Thế là anh ta chạy đi khắp nơi để kiếm cái đầu. Quý vị có nghĩ rằng đầu anh ta có thật sự biến mất như thế không? Nếu không hãy tự mình suy nghĩ lại.

Loại người nào giống như Diễn-nhã-đạt-đa? Anh ta là người thông minh hay ngu si? Anh ta là người có đầu hay không có đầu? Nếu quý vị cho rằng anh ta không có đầu, liệu quý vị cho rằng anh ta là yêu quái khi thấy anh ta không? Hãy nghĩ kỹ về điều ấy.

Hôm nay là ngày bắt đầu một cuộc đời mới của mọi người đang có mặt tại đây. Vậy nên chúng ta cần nên rửa sạch thân tâm buôngbỏ hết tất cả những gì không thanh tịnh mà mình đã vướng vào trong quá khứ. Hãy dứt khoát rằng kể từ nay tất cả những việc mình làm đều là thanh tịnh. Nói "thanh tịnh" nghĩa là thoát khỏi ngũ độn sử: tham, sân, si, mạn, nghi.

Lễ truyền giới hôm nay là buổi lễ đầu tiên được tổ chức ở Mỹ. Quý vị là những người Phật tử đầu tiên ở Mỹ. Quý vị không nên nghĩ rằng sẽ có nhiều khó khăn, bất tiện trong việc tu tập đối với đối với hàng sơ tâm. Quý vị sẽ phải dấn thân

vào khổ nhọc. Vì không có một dạng thức nào để mô phỏng theo cả. Không có những tiền lệ, nên quý vị sẽ không biết tu như thế nào, và làm việc gì?

Có khi quý vị thấy mất phương hướng, quý vị sẽ gây ra lỗi lầm mà không biết đó là sai phạm. Tại sao vậy? Chỉ vì cơ bản là quý vị không biết mình đang làm gì và không biết học ở đâu.

Mặc dù Phật giáo Nhật Bản đã truyền đến Mỹ quốc trong thời gian khá lâu. Đó là một loại Phật Pháp như chất hóa học tổng hợp. Nói thế có nghĩa là nó có khuynh hướng trừu tượng, thiếu thực chất căn bản. Quý vị có thể gọi những gì họ làm là Phật pháp. Nhưng thật sự đó chẳng giống Phật pháp chân chính tí nào cả. Nhưng nếu quý vị cho đó là thế gian pháp. Thì họ sẽ bảo rằng: Đó là Phật pháp. Không dễ dàng để nói thật sự nó là gì. Vì không có một khuôn mẫu nhất định.

Do đâu mà không có? Vì nó không có một nền tảng chân thật. Chẳng hạn như có vị Hòa thượng người Cao Ly tuyên bố mình là người thuộc phái Thiền Tào Khê . Thật khó hiểu nỗi dòng Thiền Tào Khê đã truyền bá đến Cao Ly như thế nào. Đây thật là trường hợp “treo đầu dê bán thịt chó.” Nhưng những thứ ông ta bán là đất bùn của xứ Cao Ly. Trong khi ông ta treo lên bảng “giọt nước của Tào Khê,” nhưng thật ra chẳng có giọt nước nào ở đó cả thì làm sao có thể gọi là Tào Khê được?

Thực ra tôi chẳng thích nói như thế này, nhưng tôi thấy những dạng người này thật đáng thương. Đó là trường hợp của người đui dẫn đường cho kẻ mù. Ông ta tuyên bố là người thuộc dòng thiền Tào Khê , và một số trí thức người Mỹ theo ông ta rồi cũng trở thành môn đồ của Tào Khê luôn. Nhưng khi hỏi nguồn gốc chính xác của Thiền Tào Khê thì họ không thể trả lời được Tào Khê ở nơi nào? Nơi đó trông ra sao? Họ chẳng biết. Đây thật là sự giả mạo lố bịch.

Nay quý vị đã thọ nhận giới luật từ một tông phái Phật giáo chân chính. Đây là Phật pháp chân chính, hoàn toàn khác hẳn với các giáo phái là đạo, lấy danh nghĩ Đạo để lừa lọc tài sản của mọi người. Chẳng hạn có nơi đã rao: “Trả cho tôi sáu mươi lăm đô la tôi sẽ truyền pháp cho bạn.” Ở đây không phải như vậy. Nay quí vị đã nhận giới y. Tiền mà quí vị cúng dường không phải cho tôi, mà để may sắm giới y này. Từ nay bất kỳ lúc nào tham dự pháp hội, quí vị cũng đều nên mang giới y. Đó là biểu lộ lòng tôn kính Phật Pháp Tăng.

Pháp hội này sẽ kết thúc vào ngày mai. Từ đây trở đi khi ở trong pháp hội người mang pháp y sẽ đứng trước, người mang thường phục đứng sau. Cũng vậy người thọ giới trước thì đứng trước, những người thọ giới sau thì đứng sau. Đây là thứ tự trong đạo Phật.

Hôm nay tôi xin chúc mừng tất cả quí vị đã trải qua suốt ba tháng tập trung tâm ý để học Kinh. Dù việc học chấm dứt, nhưng việc thực hành công phu thì mới bắt đầu. Thực hành điều gì? Quí vị phải giúp toàn thể chúng sanh trên thế gian này chấm dứt được khổ đau. Nỗi khổ của chúng sanh ấy chỉ được chấm dứt nếu mọi người đều góp sức vào. Nỗi khổ của kiếp người không hạn cuộc ở một quốc gia nào, con người bị khổ đau trên khắp cả thế giới, cho nên mới cần sự có mặt của các vị đại trí huệ để thức tỉnh, nhắc nhở đến sự khổ đau của nhân loại. Nhờ thế con người mới biết cách tìm cầu sự an lạc chân thực.

Nỗi khổ lớn nhất là gì? Nguồn gốc lớn nhất của khổ đau là tâm tham, Tham lam là một trong những phiền não lớn nhất. Tâm sân hận cũng là một trong những phiền não lớn, và si mê cũng là một trong những phiền não lớn, nên ba thứ tham, sân, si được gọi là ba món độc. Thế nhưng loài người lại thấy ba thứ này là ba người bạn thân thiết nhất. Thế nên từ nay bạn phải miễn cưỡng khi chia tay với các người bạn ấy.

Do thiếu hiểu biết, con người không từ bỏ được ba thứ độc này, nếu họ hiểu biết được điều này, sự khổ đau của con người sẽ được chấm dứt ngay.

Pháp hội Thủ-lăng-nghiêm lần này, chúng ta bắt đầu từ ngày 16 tháng 7. Chúng ta đã liên tục nghiên cứu cùng với công phu tu tập suốt từ sáu giờ sáng đến chín giờ tối mỗi ngày. Thời gian ba tháng này thật là giá trị vô cùng, bây giờ thời gian quí báu này đã trôi qua, quí vị phải chiêm nghiệm về những kiến thức quí báu này và ứng dụng vào việc tu tập ngay nơi thân tâm mình. Quí vị phải truyền đạt lại cho toàn thể nhân loại trên thế gian này về Phật Pháp mà quí vị đã học được. Để cho mọi người biết cách chuyển hóa khổ đau, biết cách đạt được niềm vui, biết cách đạt được trí tuệ, đừng nên làm những việc xuẩn ngốc hoặc làm những việc chẳng đem lại lợi lạc cho chúng sinh.

Pháp hội này được xem là một hình thức truyền bá Phật học đầu tiên trên toàn thế giới. Trước đây hoàn toàn chưa có, mặc dù có rất nhiều nơi giảng kinh pháp, nhưng ở đó không học từ sáng đến tối mà chẳng nghỉ như chúng ta vừa học. Nay quý vị nên mang những điều mình đã được học ra cứu giúp cho toàn thể chúng sinh trên toàn thế giới đang phiêu dạt trong biển khổ, giúp họ thoát khổ, thấy được niềm an lạc và nhanh chóng đạt được đạo giác ngộ. Đó là hoài bão của tôi.

Kinh Văn: Vọng nguyên vô nhân, ư vọng tưởng trung lập nhân duyên tính, mê nhân duyên giả, xưng vi tự nhiên. Bỉ hư không tánh, do thực huyễn sinh, nhân duyên tự nhiên, giai thị chúng sinh vọng tâm kế độ.

Việt dịch: Vọng vốn không có nhân, ở trong vọng tưởng mà lập ra tánh nhân duyên, mê tánh nhân duyên thì gọi đó là tự nhiên. Cả tánh hư không kia cũng sinh ra từ huyễn hóa, nên nhân duyên, tự nhiên đều là suy lường từ vọng tâm chúng sanh.

<u>Giảng</u>: Đoạn kinh này, nói về nhân duyên của vọng niệm, "nhân duyên" nghĩa là sao? Khi người ta không hiểu về lý nhân duyên, từ trong sự mê lầm này họ sẽ cho đó là tự nhiên, nên bị lạc vào tà kiến của ngoại đạo. Nên kinh văn nói:

Vọng vốn không có nhân, ở trong vọng tưởng mà lập ra tánh nhân duyên.

Vọng tưởng vốn không có nhân, từ trong vọng tưởng mà lập ra tánh nhân duyên.

Trong vọng tưởng của quý vị, vốn không có thực thể, nhưng quí vị cho rằng trong ấy có nhân và duyên, nhưng những người mê tánh nhân duyên gọi đó là tự nhiên.

Mê tánh nhân duyên thì gọi đó là tự nhiên.

Nếu quí vị hiểu rỏ lý nhân duyên thì chẳng có vấn đề gì. Nhưng nếu có người mê mờ về lý nhân duyên thì chẳng hiểu rõ được chút nào lý này.

Quí vị có thể hỏi:

Bạch Hòa thượng: Rốt ráo nghĩa nhân duyên mà Ngài nói là gì?

Lí nhân duyên đã được giảng giải rất rõ trong phần trước. Đó là pháp để bài xích tà thuyết ngoại đạo, tà kiến của Tiểu thừa, nên pháp ấy chẳng phải là giáo lý thân diệu. Cơ bản giáo lý ấy cho rằng: Bất luân nhân như thế nào thì duyên sẽ như thế ấy. Những người không hiểu được lý nhân duyên sẽ gọi đó là tự nhiên.

Đó là trường hợp nuốt luôn cả trái chà là. Nghĩa câu đó là sao? Có thể quý vị chưa biết trái chà-là. Nhưng quý vị có thể hiểu như khi ăn trái táo mà không cần cắn từng miếng, mà nuốt luôn nguyên cả trái vậy. Mùi vị trái táo ra sao, cũng chẳng cần biết nữa. Đây   là ví như những người mê lầm lý nhân duyên mà chẳng hiểu gì về nó cả, nên gọi đó là tự nhiên, Đó là một tà thuyết của ngoại đạo.

Cả tánh hư không kia cũng sinh ra từ huyễn hóa, nên nhân duyên, tự nhiên đều là suy lường từ vọng tâm chúng sanh.

Nay chẳng nói đến nhân duyên, chẳng nói đến tự nhiên, mà đề cập đến hư không. Hư không là gì? Nó theo vọng tưởng của quý vị mà sanh khởi ra, như bài kệ của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đã nói trong đoạn trước:

Không sanh đại giác trung

Như hải nhất âu phát.

Nghĩa là: Hư không sanh trong biển đại giác, cũng như hòn bọt nhỏ trong lòng đại dương. Hư không ở trong bản tánh giác ngộ lớn chỉ như là bọt nước trong biển mênh mông, nên nói nó xuất sanh từ vọng tưởng.

Kinh Văn: A-nan, tri vọng sở khởi, thuyết vọng nhân duyên. Nhược vọng nguyên vô, thuyết vọng nhân duyên, nguyên vô sở hữu. Hà huống bất tri, suy tự nhiên giả?

Việt dịch: A-nan, đã biết do vọng sanh khởi ra, mà nói nhân duyên vọng. Nếu vọng vốn không thì nhân duyên vọng đó vốn là chẳng có. Huống gì những người không biết, cho đó là tự nhiên.

Giảng: **A-nan, đã biết do vọng sanh khởi ra, mà nói nhân duyên vọng.**

A-nan, nếu ông biết nơi sanh khởi của vọng tưởng thì ông có thể nói về nhân duyên của vọng tưởng ấy.

Quí vị có biết vọng tưởng hiện hữu như thế nào không? Nếu quí vị biết nơi vọng tưởng sanh khởi, thì quí vị có thể nói về nhân duyên.

Nếu vọng vốn không thì nhân duyên vọng đó vốn là chẳng có.

Nhưng nếu vọng tưởng không có nhân thì ông có thể nói rằng nhân duyên của vọng tưởng vốn là không vậy.

Vốn xưa nay chưa từng có vọng tưởng, vậy ông căn cứ vào đâu để nói về nhân duyên của vọng tưởng. Vì vọng tưởng vốn không thể tánh, nó chẳng có gốc. Vọng tưởng ấy chẳng phải có thực. Tất cả các pháp đều không có tướng nhất định.

Huống gì những người không biết, cho đó là tự nhiên

Những người không biết lại biện bác cho đó là tự nhiên.

Nếu quí vị còn không biết lý nhân duyên mà lai biện bác cho lý tự nhiên thì quí vị sẽ rơi vào hàng ngoại đạo. Điều ấy hoàn toàn không nên.

Kinh Văn: Thị cố Như Lai, dữ nhữ phát minh, ngũ ấm bản nhân, đồng thị vọng tưởng.

Việt dịch: Thế nên Như Lai giải bày cho các ông rõ bổn nhân của ngũ ấm đều là vọng tưởng.

Giảng: Thế nên Như Lai giải bày cho các ông rõ bổn nhân của ngũ ấm đều là vọng tưởng.

Do lý nhân duyên đã được giảng ở phần trước Như Lai giải bày cho các ông rõ bổn nhân của ngũ ấm đều là vọng tưởng.

Cái gì là bổn nhân của ngũ ấm? Đó là vọng tưởng. Nếu quí vị quán chiếu thật sâu vào vọng tưởng quí vị sẽ thấy nó không có thực thể riêng biệt. Thực ra mẹ của vọng tưởng là năm uẩn. Từ năm uẩn mà có vọng tưởng. Nương nơi chơn mà vọng sanh khởi.

Trước đây tôi chẳng nói rồi đó sao? Ngọn núi ngũ uẩn đang đè bẹp quí vị. Lại có sáu tên giặc cướp trên núi đang chiêu tập lực lượng, binh mã, lương thực rồi đi khắp nơi phá nhà cướp của, chúng nó không chừa một việc gì mà không làm. Năm ngọn núi ngũ uẩn ấy che phủ tánh Như Lai tạng , nên tánh Như Lai tạng không hiển lộ ra được. Chỉ với năm ngọn núi ngũ uẩn che mờ chân tánh đã quá khổ rồi mà lại còn thêm sáu tên giặc cướp kết bè đảng rồi mặc sức đi phá nhà cướp của nữa. Tánh Như Lai tạng hoàn toàn bị che khuất dưới lũ cướp này. Nếu quí vị có thể hàng phục được sáu tên giặc cướp và ngũ ấm thì tánh Như Lai tạng của quí vị sẽ tự nhiên hiển bày.

Kinh Văn: Nhữ thể tiên nhân, phụ mẫu tưởng sinh. Nhữ tâm phi tưởng, tắc bất năng lai, tưởng trung truyền mệnh.

Việt dịch: Thân thể của ông, trước là nhân cái tưởng của cha mẹ mà sanh ra. Tâm ông nếu không có một niệm tưởng nào, thì ông chẳng đến gá mạng vào nơi tưởng.

Giảng: Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nói với A-nan.

Thân thể của ông, trước là nhân cái tưởng của cha mẹ mà sanh ra.

Nguyên nhân ban đầu của thân thể ông là do cái tưởng của cha mẹ sanh ra. Bằng cánh nào mà ông có được cái thân hiện tiền? Cái thân ấy do đâu mà có? Có là do mọi thứ tưởng nơi cha mẹ ông. Trong kinh gọi là tưởng nhưng thực ra chính là tình. Nói rõ ràng hơn là một thứ xúc cảm. Vì loài noãn sanh do tưởng sanh ra, loài thai sanh do tình sanh ra. Ngài A-nan vốn được sanh từ bào thai,

chẳng phải noãn sanh. Nên trong trường hợp này cái tưởng làm nhân để Ngài sanh ra chính là tình. Nói tóm lại. Tất cả những cái ấy đều là vọng tưởng. Nói ở mức độ sâu hơn, cái nhân ấy là tưởng và chi tiết hơn nữa thì gọi cái ấy là tình. Cái nhân ban đầu là tình của cha mẹ, nên họ cùng nhau thỏa mãn tình dục. Kết quả là đứa trẻ con được sanh ra, thế nên chẳng phải trẻ em được sanh ra từ tình hay sao?

Tâm ông nếu không có một niệm tưởng nào, thì ông chẳng đến gá mạng vào nơi tưởng.

Vì cha mẹ đã khởi cả tình lẫn tưởng nên mới có chuyện nam nữ. Tuy nhiên khi ông đang ở trong dạng thân trung ấm, nếu ông không khởi nên cái tình yêu mến mẹ và ghét cha, hoặc ghét mẹ và yêu thương cha, thì thân ông không thể hiện hữu được. Chính ông cũng vậy, mới ngay trong giai đoạn thân trung ấm thôi, mà ông đã có niệm tưởng về tình rồi.

Vì niệm tưởng về tình ấy, nên thân trung ấm của ông nhập vào thai người mẹ. Nếu ông không có niệm tưởng về tình ấy, thì ông không thể nhập thai và ông không thể có thân này. Đây là sự thực quá hiển nhiên, ông chẳng thể nào phủ nhận được điều ấy. Kinh văn xác định rằng, nếu ông không có tình tưởng, thì thân tuyệt đối không thể nào hiện hữu. Làm sao mà có thể ra đời được.

Sinh mạng của ông có được là do nơi tưởng.

Niệm tình tưởng ấy đã truyền sự sống đến cho quí vị. Nguyên nhân để quý vị có mạng sống là do các tình tưởng tương giao với nhau mà thành. Sinh mạng của ông có được là do nơi tưởng. Nghĩa là cái tưởng của ông khiến cho sanh mạng của ông được tương tục. Nếu ông không có niệm tưởng nào thì sự sinh tử sẽ chấm dứt. Khi tưởng ấm tiêu dung thì quý vị sẽ rời xa tất cả điên đảo mộng tưởng. Khi mọi vọng tưởng đều tiêu trừ rồi thì việc sanh tử nơi quí vị cũng chấm dứt luôn. Tại sao quí vị phải chịu trải qua sanh tử? Đơn giản là chỉ vì quí vị có quá nhiều vọng tưởng. Khi một niệm vọng tưởng dừng, thì niệm khác lại dấy lên giống như sóng, vọng tưởng sinh khởi kế tiếp nhau vô cùng tận, và nó khiến cho sinh mạng tương tục.

Kinh Văn: Như ngã tiên ngôn, tâm tưởng thố vị, khẩu trung diên sinh, tâm tưởng đăng cao, túc tâm toan khởi, huyền nhai bất hữu, thố vật vị lai, nhữ thể tất phi, hư vọng thông luân. Khẩu thủy như hà, nhân đàm thố xuất?

Việt dịch: Như trước đây Như Lai đã nói, khi tâm tưởng đến vị chua, thì trong miệng tiết ra nước bọt, khi tâm tưởng đang leo cao thì lòng bàn

chân cảm thấy rờn rợn, mà dốc cao chẳng có, vị chua cũng không thấy, thân thể của ông chẳng phải cùng loại với hư vọng, tại sao khi nghe nói đến vị chua thì nước bọt trong miệng tiết ra?

<u>Giảng</u>: Triết lý được giảng giải trong kinh Thủ-lăng-nghiêm là vô cùng triệt để. Đó là điểm cao nhất của tất cả mọi thứ triết học, là chân lý tối thượng. Nhưng dĩ nhiên, chân lý tối thượng rốt ráo cũng chỉ là vọng tưởng. Kinh Thủ-lăng-nghiêm này chânthật khi mô tả mọi hiện tượng một cách thưch tế như vậy. Nhưng nguồn cội của hiện tượng ấy là đâu ? Là vọng tưởng. Nguyên lý về sự xuất phát của mọi hiện tượng lạ rốt ráo, nhưng nguồn gốc của những nguyên lý ấy cũng từ vọng tưởng. Nếu vọng tưởng sinh khởi thì nguyên lý ấy hiện hữu. Nếu không vọng tưởng thì nguyên lý ấy cũng không tốn tại.

A-Nan, như tôi đã nói trước. Ông có còn nhớ trước đây tôi đã nói với ông chuyện gì xẽ sảy ra khi tâm ông tưởng đến vị chua. Ông nghĩ: Ồ ! dấm ấy thật là chua ! Ồ ! Quả mận này thật là chua chỉ cần cắn một miếng là tê cả răng ! Ngay khi quý vị nghĩ về chuyện ấy, thì trong miệng tiết ra nước bọt. Miệng tiết ra nước bọt để tiêu hóa thức ăn. Lúc này không phải là đói mà quý vị nghĩ đến vị chua. Người Trung Hoa có thành ngữ "Uống dấm" là để cho những người hay ghen tức đố kỵ người khác làm tiết ra vị chua trong miệng quý vị.

Khi ông tưởng mình đang leo lên dốc cao, trong lònh bàn chân cảm thấy rờn rợn và trở lên yếu ớt. Quý vị có thể bị mất cân bằng và rơi từ bờ đá tới hẻm núi cả ngàn feet (1 foot = 0,3048 m). Quá nguy hiểm phải không.

Mà dốc cao cũng chẳng có, vị chua cũng không, núi cao thật ra không có ở đo, quý vị chỉ tưởng tượng đến nó mà thôi. Nhưng chỉ mới tưởng tượng thôi, mà bàn chân đã thấy rờ rợn lên rồi. Trên đã nói miệng tiết ra nước bọt khi nghĩ đến mận chua. Còn bây giờ chân cẳng đã có cảm giác rờn rợn khi nghĩ đến bờ dốc đá cao. Thế nào là lòng bàn chân quý vị có cảm giác rờn rợn ? Tôi sẽ kể cho quý vị nghe. Đến đây có người sẽ nói: Hòa Thượng tôi cần phải giải thích điều này, con đã hiểu được rồi, con đã ngộ được đạo lý này rồi. Trước đây Hòa Thượng đã giảng về sự hỗ dụng của các giác quan. Trường hợp này chắc chắn bàn chân cảm thấy chua vì nó có thể ăn được."

Phải chăng sự thực là như thế hay sao ? Tôi không tin vào sự ngộ giải của ông như trên. Chẳng có một đạo lý nào như thế. Tôi không chấp nhận đạo lý như vậy, vì nó chỉ là vọng tưởng. Bàn chân chẳng thể nào ăn được. Trong sáu căn hỗ dụng là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Hoàn toàn không có bàn chân. Đó là lý do tại sao tôi tuyệt đối không thừa nhận kiến giải của ông, mà ông gọi là khai ngộ ấy.

Không có bờ đá dốc cao nào, cũng chẳng có trái me chua nào, nước bọt và bàn chân rờn rợn và yếu đi chính là do vọng tưởng. Nếu thân thể của quí vị không ra đời từ vọng tưởng hư dối, nếu thân xác ấy không kết bạn, không đồng loại với vọng tưởng thì tại sao nước trong miệng lại tiết ra khi nói đến vị chua? Nếu thân thể ấy không phải ra đời do vọng tưởng tình tưởng, thế tại sao dịch vị lại tiết ra trong miệng khi tôi nói đến vị chua? Vị chua chỉ là sự kiện được đề cập đến chứ nó không có thực. Nó chỉ là giả thuyết, tại sao lại tạo nên vị chua trong miệng ông? Có lẽ nào ông vẫn biện hộ rằng vị chua trong miệng ông và cảm giác rờn rợn ấy chẳng do từ vọng tưởng mà có chăng? Không! Vì nó hoàn toàn do vọng tưởng mà có.

Kinh Văn: Thị cố đương tri, nhữ hiện sắc thân, danh vi kiên cố đệ nhất vọng tưởng.

Việt dịch: Vậy ông nên biết, sắc thân hiện nay của ông, được gọi là vọng tưởng kiên cố thứ nhất.

Giảng: Vậy do những đạo lý được giảng ở trên **ông nên biết, sắc thân hiện nay của ông, được gọi là vọng tưởng kiên cố thứ nhất.**

Gọi là kiên cố cũng chỉ là cái tên. Thực ra cái tên ấy được tạo ra nhờ vào loại vọng tưởng thứ nhất đó là sắc ấm.

Kinh Văn: Tức thử sở thuyết, lâm cao tưởng tâm, năng linh nhữ hình, chân thọ toan sáp.

Việt dịch: Như Lai đã nói trước đây, khi tâm ông tưởng đến một nơi cao là thân có cảm giác rờn rợn.

Giảng: **Như Lai đã nói trước đây, khi tâm ông tưởng đến một nơi cao là thân có cảm giác rờn rợn.**

Ở chương vừa rồi đã có nói, chỉ cần nghĩ về một nơi cao là chân có cảm giác rờn rợn và tê nhức.

Hãy tưởng tượng chính mình đang đứng trên bờ dốc cao dựng đứng; chỉ cần nói và nghĩ về điều ấy thôi cũng đủ làm cho lòng bàn chân quí vị thấy rờn rợn và tê nhức rồi. Quí vị cảm thấy rất khó chịu như thể cẳng chân không nâng đỡ nổi cái thân và có cảm giác muốn té. Nếu quí vị đi trên bờ đá cao và nhìn xuống dưới vực sâu không đáy, thì lòng bàn chân của mình sẽ có cảm giác như tê cứng lại. Mặc dù quí vị không có nguy cơ bị té mà quí vị cũng có cảm

giác như thể mình sắp bị rơi vậy. Cảm giác này sở dĩ xuất hiện trong mình là do vọng tưởng. Chẳng hạn như quí vị có thể đi bộ hàng vạn dặm trên đất bằng mà bàn chân không hề có cảm giác tê rần, rờn rợn do vọng tưởng. Nhưng nếu quí vị phải đi qua một cây cầu độc mộc bắt qua dòng sông nước chảy xiết ở phía dưới, thì quí vị sẽ bắt đầu suy nghĩ: "Ồ, nếu như ta bị rơi xuống đây thì coi như xong đời, ta sẽ chết đuối là chắc chắn."

Mọi việc đều tốt đẹp cho đến khi trong tâm quí vị khởi lên cái tưởng như thế. Bây giờ bất thình lình bàn chân quí vị trở nên tê cứng không nhấc nổi bù một bước, kết quả là bị rơi. Chuyện đó chắc chắn sẽ xảy ra, vì quí vị đã phát khởi tưởng như vậy. Nếu trong tâm quí vị không khởi dậy tưởng tượng mà chỉ đi với đôi mắt nhắm nghiền, không cần biết đến điều gì hết khi bước qua chiếc cầu độc mộc, thì chẳng có điều gì xảy ra cả. Nên hãy dứt khoát lần sau sẽ cố gắng đi qua cầu với đôi mắt nhắm. Nhưng rồi quí vị cũng sẽ bị té như lần trước, vì quí vị không thấy đường đi. Nếu quí vị đi qua cầu với đôi mắt mở, quí vị sẽ khởi vọng tưởng về dòng nước cuồn cuộn phía dưới khiến mình sợ hãi. Nếu quí vị nhắm mắt đi qua cầu, chắc chắn là bị trượt và rơi xuống sông.

Cho nên mở mắt mà không vọng tưởng và đừng nhắm mắt để cố giết chết vọng tưởng theo cách ấy là hoàn toàn không có hiệu quả. Đây thật là vấn đề tiến thoái lưỡng nan. Nếu quí vị khởi vọng tưởng thì lòng bàn chân sẽ trở nên tê rợn. Nếu nhắm mắt quí vị sẽ rơi xuống vực sâu. Nhắm mắt không giải quyết được vấn đề. Do vậy, điều tối quan trọng là ở nơi đây, tốt nhất là không khởi vọng tưởng thì chẳng có việc gì xảy ra cả.

Kinh Văn: Do nhân thọ sinh, năng động sắc thể. Nhữ kim hiện tiền, thuận ích vi tổn, nhị hiện khu trì. Danh vi hư minh đệ nhị vọng tưởng.

Việt dịch: Do các thứ cảm thọ sanh khởi, nó tác động đến sắc thân. Nên hiện nay, hai thứ cảm thuận ích và vi tổn đang thúc bách thân ông. Đó là là vọng tưởng hư minh thứ hai.

<u>**Giảng**</u>: **Do các thứ cảm thọ sanh khởi, nó tác động đến sắc thân.**

Do đó mà các thứ cảm thọ sanh khởi và tác động đến thân ông. Khi sinh ra quí vị bẩm thụ được sắc thân có hình và thể. Nên hiện tại ông theo đuổi những cảm thọ dễ chịu và khước từ những cảm giác khó chịu.

Nên hiện nay, hai thứ cảm thuận ích và vi tổn đang thúc bách thân ông.

Các ông thích những thứ thuận lợi cho mình (thuận ích) và không ưa những gì tổn hại cho mình (vi tổn).

Đó là là vọng tưởng hư minh thứ hai. Hai thứ cảm thọ, hai thứ vọng tưởng ấy thúc bách nơi thân ông, là lớp vọng tưởng thứ nhì. Đặc điểm của nó là hư minh.

Hư nghĩa là không có thực, nên loại ánh sáng này không có thực. Đây là loại vọng tưởng thứ nhì.

Kinh Văn: Do nhữ niệm lự, sử nhữ sắc thân, thân phi niệm luân, nhữ thân hà nhân, tùy niệm sở sử, chủng chủng thủ tượng, tâm sinh hình thủ, dữ niệm tương ưng?

Việt dịch: Do những ý nghĩ sai sử thân ông, nếu thân ông không cùng dạng với niệm tưởng, sao lại theo vọng tưởng nắm bắt mọi thứ hình tượng, sanh tâm chấp giữ, cùng niệm tưởng tương ưng?

Giảng: **Do những ý nghĩ sai sử thân ông.**

Khi niệm tưởng sinh khởi, nó có thể sai sử thân ông. Những vọng tưởng này có thể điều khiển thân ông, nhưng thân ông thì không phải là tưởng. **Nếu thân ông không cùng dạng với niệm tưởng**. Nếu thân và tâm là hai vật thể khác biệt, thì làm sao mà nó lại biết lẫn nhau được?

Tại sao thân ông lại theo vọng tưởng và nắm bắt mọi thứ hình tượng?

Tại sao quí vị vừa khởi niệm thân liền theo niệm tưởng ấy mà hành động một cách tương ứng ngay liền?

Sanh tâm chấp giữ, cùng niệm tưởng tương ưng?

Một niệm sanh khởi thân liền tương ứng với hình tượng mà tâm vừa tưởng ra.

Tại sao thân của quí vị lại theo sự sai khiến của niệm tưởng. Ngay khi vừa khởi niệm thân ông liền muốn tương ứng ngay với vật tượng mà ông vừa tưởng ra. Tại sao hành động của thân lại hợp nhất với niệm tưởng? Tưởng là gì? Quí vị có thể có một niệm tưởng, hai niệm tưởng cho đến mười niệm tưởng, nhưng ở đây ý Kinh đề cập đến một niệm tưởng.

Trong Kinh Nhân vương hộ quốc Bát-nhã nói có chín mươi sát-na chỉ trong một niệm. Một sát-na là một thời gian cực kỳ ngắn, thế mà trong sát-na có chín trăm lần sanh tử, hay là chín trăm lần sinh diệt. Nên nói:

"Nhất niệm bất sanh toàn thể hiện

Lục căn hốt động bị vân già."

Nghĩa là: Một niệm không sanh khởi, thể tánh toàn chân hiển bày. Sáu căn vừa động, chân tánh liền bị mây mờ che phủ. Nếu quí vị giữ cho mình được nhất tâm, thì thể tánh chân thật sẽ hiển bày. Cái dụng lớn vô biên của chân tánh là Như Lai tạng . Đó là của báu vốn có trong nhà của quí vị. Đó là quê hương xán lạn rộng khắp, là mặt mũi từ khi cha mẹ chưa sanh ra, khi sáu căn chỉ vừa dấy khởi một niệm rất vi tế, thì thân tâm liền bị vây phủ bởi mây mù.

Nếu hành giả tu tập đạt đến mức không còn một niệm tưởng nhỏ nhít nào nữa, thì quỷ thần không thể nào đến gần người ấy được nữa. Nếu như một niệm không sinh, thì chẳng có niệm diệt đi. Nếu quí vị không thể ngăn ngừa đừng cho niệm sanh khởi, thì quí vị không thể nào ngăn cản được niệm ấy diệt đi. Đây là điểm rất quan trọng. Nếu quí vị hiểu được quy luật này, thì trong tâm quí vị không còn vọng tưởng, thể tánh toàn chân hiển bày. Nhưng khi sáu căn vừa động, tâm quí vị liền bị vây phủ bởi mây mù ngay.

Kinh Văn: Ngộ tức tưởng tâm, mị vi chư mộng, tắc nhữ tưởng niệm, dao động vọng tình. Danh vi dung thông đệ tam vọng tưởng.

Việt dịch: Khi thức là tưởng tâm, khi ngủ là chiêm bao, nên niệm tưởng lay động vọng tình của ông. Đó gọi là dung thông vọng tưởng thứ ba.

Giảng: **Khi thức là tưởng tâm.**

Khi thức, thì tâm ông suy nghĩ.

Cách đây vài hôm, tôi đã giảng về Trang Công , người được sanh ra khi mẹ ông đang ngủ. Do đó mẹ ông không bằng lòng về ông và thương quí người con thứ hai là Cung Thúc Đoạn hơn, bà mẹ muốn người con thứ này lên ngôi kế vị vua cha. Nên bà ta nhiều lần xin vua Vũ truyền ngôi cho con thứ thay vì truyền cho con trưởng. Nhưng vua Vũ không chịu, nên Trang Công được kế vị cha. Khi Trang Công lên ngôi, bà mẹ xúi Cung Thúc Đoạn âm mưu một cuộc tạo phản, nhưng vẫn thất bại. Đó là chuyện Trang Công. Khi quí vị thức, thì tưởng ấm điều khiển.

Khi ngủ là chiêm bao. Khi quý vị ngủ thì chiêm bao. Tưởng ấm tạo nên chiêm bao. Trước đây chúng ta đã nghe nói đến cáchtưởng ấm tạo nên nhận thức về sự vật sai lệch trong chiêm bao. Chẳng hạn khi quí vị đang ngủ, có người đang giặt áo quần hay giã gạo bần bên, quí vị nghe như có tiếng chuông trống đang hòa nhau.

Nên vọng tưởng lay động vọng tình của ông. Khi ông chiêm bao, tưởng ấm đã khiến ông nhận lầm chuông trống đang hòa nhau.

Đó gọi là dung thông vọng tưởng thứ ba.

Đây là lớp vọng tưởng thứ ba, tính chất của nó là dung thông.

Dung thông có nghĩa là cùng tác động lẫn nhau. Tưởng ấm vẫn hoạt động dù quí vị ngủ hay thức nên gọi tưởng ấm là “dung thông.” Có nghĩa hợp tác hỗ tương với nhau. Đây là vọng tưởng thứ ba và nó có liên quan với tưởng ấm.

Kinh Văn: Hóa lí bất trụ, vận vận mật di. Giáp trường phát sinh, khí tiêu dung trứu. Nhật dạ tương đại, tằng vô giác ngộ.

Việt dịch: Chuyển hóa không ngừng, xoay vần âm thầm dời đổi. Móng tay và tóc dài ra, khí lực suy tàn, da mặt nhăn nheo. Thay đổi ngày đêm, thế mà ông không hề thức tỉnh.

<u>Giảng</u>: Tiến trình **chuyển hóa không ngừng**.

Ngày đêm tương tục với nhau. Đó là hành ấm , trôi chảy không ngừng như sóng gợn lăn tăn trên mặt nước. Khi niệm trước dừng, niệm sau liền sanh khởi. Khi niệm ấy qua đi, niệm kia liền đến. Nó sanh rồi diệt liên tục nhau.

Quá trình trao đổi và chuyển hóa này không bao giờ chấm dứt. Nó vận hành liên tục, không hề ngừng nghỉ.

Xoay vần âm thầm dời đổi. Âm thầm dời đổi rất vi tế.

Quí vị không thể nhận ra sự chuyển hóa ấy vì nó xảy ra rất là vi tế và rất âm thầm. Ngôi nhà đã được dọn đi mà quí vị không hề biết. Trông có vẻ khác lạ. Đó là sự chuyển hóa âm thầm.

Móng tay và tóc dài ra.

Trong hai ngày nếu quí vị không cắt móng tay. Sẽ thấy nó dài ra, một chút, sau ba ngày, nó dai hơn, sau bốn ngày dài hơn nữa. Mỗi ngày nó dài hơn ngày trước một chút. Nhưng quí vị có biết mỗi chút, mỗi giây nó dài ra bao nhiêu không?

Nếu trong một tháng quí vị không cắt tóc, nó sẽ dài ra chừng nữa inch.

Nhưng một ngày tóc dài ra bao nhiêu phân?

Quí vị chẳng biết. Quí vị nói “Được rồi, tôi sẽ đo.” Nhưng liệu có chính xác không? Quí vị có thể dùng computer để đo rồi xem thử computer có biết được chăng?

Khí lực suy tàn.

Khí lực suy giảm hàng ngày, con người ai cũng sung mãn chân khí tiên thiên. Tuy nhiên về khi già, sinh lực ấy giảm dần, dù nó không mất hẳn nhưng trên đà xuống dốc.

Da mặt nhăn nheo.

Da quý vị trở nên bị nếp gấp như da gà, tóc trắng như lông hạc. Nét mặt của quý vị trở nên già cỗi, không thể nào trở lại thời thanh xuân được nữa. Thẩm mỹ hoàn toàn bất lực để có thể chuyển một ông lão tám mươi thành người hai mươi tuổi.

Thay đổi liên tục ngày đêm.

Sự chuyển biến liên tục ngày đêm, móng tay dài ra, tóc bạc, khí lực suy giảm, da nhăn. Nó còn chính xác hơn cả đồng hồ. Nếu quí vị không lên giây đồng hồ thì đồng hồ nó sẽ đứng máy. Nhưng nếu quý vị không lên giây" tiến trình chuyển hóa vật chất" ấy nó vẫn hoạt động như thường, trừ phi quí vị chết đi. Khi quí vị chết, tiến trình ấy mới dừng hẳn.

Thế mà ông không hề thức tỉnh.

Nó theo đuổi quý vị suốt ngày đêm. Từ khi thiếu niên đến tráng niên, cho đến tuổi già cả đến lúc chết. Chết rồi lại tái sinh, rồi lại phải chết quí vị trải qua vô số lần sanh tử như vậy mà không hề biết rõ được nguyên lý này, vẫn cứ bước đi một cách rất hồ đồ đến suốt đời suốt kiếp. Mê mờ lúc sinh ra cho đến luôn cả lúc ra đi. Đó là những chi tiết về loại vọng tưởng từ hành ấm phát sanh.

Kinh Văn: A-nan, thử nhược phi nhữ, vân hà thể thiên. Như tất thị chân, nhữ hà vô giác?

Việt dịch: A-nan, nếu những thứ này chẳng phải là ông, tại sao thân ông lại biến đổi? Nếu chắc thật là ông, sao ông không biết?

Giảng: A-nan nếu những thứ này chẳng phải là ông, thì tại sao thân ông lại biến đổi?

Thân thể quí vị đều trải qua các dạng biến chuyển này. Tóc móng dài ra, khí lực tổn giảm, da mặt nhăn nheo. Quí vị nói rằng móng tay chẳng phải là của mình. Thế tại sao nó vẫn tiếp tục dài ra? Quí vị nói tóc không phải là của mình. Thì tại sao nó vẫn tiếp tục dài ra trên đầu mình? Quí vị nói khí lực không phải là của mình. Tạo sao đôi khi quí vụ thấy yếu khi khí lực không đầy đủ? Nếu khuôn mặt không phải là quí vị thì làm sao nó lại trở nên nhăn nheo? Nếu quí vị cho rằng sự nhăn nheo ấy chẳng liên quan gì đến mình cả, thì tại sao da mặt

của quí vị lại trở nên nhăn nheo? Tại sao những sự chuyển biến lại xảy ra trên người của quí vị? Nếu những sự chuyển biến này chẳng phải là nơi quí vị, thì làm sao thân thể của quí vị lại chịu sự thay đổi. Từ tuổi thành niên chuyển sang tuổi trung niên. Từ tuổi trung niên chuyển sang già lão. Từ già lão chuyển đến cái chết. Quí vị chẳng thể nào nói rằng những cái ấy chẳng phải là ta. Nếu nó không phải là mình thì quí vị chẳng có thực.

Nếu vọng tưởng **chắc thật là ông, sao ông không biết?**

Nếu cứ khăng khăng cho rằng vọng tưởng chắc thật là ông, sao ông không biết.

Tại sao quý vị không biết được nó? Tóc, móng mọc dài ra, nhưng quí vị không biết được điều đang xảy ra. Khí lực suy giảm, mà quí vị vẫn không nhận biết. Da mặt trở nên nhăn nheo, nhưng quí vị cũng không phát hiện được. Quí vị cũng chẳng biết được sự chuyển biến ấy diễn ra khi nào.

Đây là một phản luận hai đầu. Nếu quí vị nói rằng sự chuyển biến ấy thuộc về mình thì sai, nhưng nếu quí vị nói nó chẳng thuộc về mình cũng sai luôn. Thế thì nó là gì? Nó là vọng tưởng! Đó là căn gốc. Vọng tưởng đã tạo nên mọi sự chuyển biến.

Kinh Văn: Tắc nhữ chư hành, niệm niệm bất đình. Danh vi u ẩn đệ tứ vọng tưởng.

Việt dịch: Ắt là hành ấm của ông tương tục không dừng trong mỗi niệm. Đó là vọng tưởng thứ tư, tính chất là vi tế và ẩn mật.

Giảng: **Ắt là hành ấm của ông tương tục không dừng trong mỗi niệm. Đó là vọng tưởng thứ tư, tính chất là vi tế và ẩn mật.**

Hành ấm hoạt động liên tục, nhưng sự nhiễu động vi tế ấy không dễ gì nhận ra. Nó bí ẩn mà mờ mịt, quí vị khó nhận ra được. Đây là loại vọng tưởng thứ tư liên quan với hành ấm .

Kinh Văn: Hựu nhữ tinh minh, trạm bất dao xứ, danh hằng thường giả, ư thân bất xuất, kiến văn giác tri. Nhược thực tinh chân, bất dung tập vọng.

Việt dịch: Lại chỗ tinh minh lóng lặng, không dao động của ông, gọi là là thường còn, thì nơi thân ông, chẳng ra ngoài sự thấy nghe, hiểu biết. Nếu nó thật sự là tính chân, thì đã không dung chứa tập khí vọng tưởng.

Giảng: **Lại chỗ tinh minh lóng lặng, không dao động của ông, gọi là là thường còn, thì nơi thân ông, chẳng ra ngoài sự thấy nghe, hiểu biết.**

Cuối cùng nơi chỗ sáng suốt tinh thuần lặng yên không dao động ấy là thường, thì thân ông chẳng thoát ra khỏi sự thấy nghe, hiểu biết.

Lúc này, quí vị sẽ cảm thấy sáng suốt, tinh thuần, trong lặng, không diêu động. Nếu quí vị cho đây là trạng thái thường hằng, thì những việc thấy nghe hiểu biết lẽ ra có trong thân quí vị.

Nếu nó thật sự là tính chân, thì đã không dung chứa tập khí vọng tưởng.

Nếu nó thật sự tinh thuần, chân thật, thì nó đã không có các tập khí và vọng tưởng.

Tập khí và vọng tưởng lẽ ra đã không sanh khởi.

Kinh Văn: Hà nhân nhữ đẳng, tằng ư tích niên, đổ nhất kì vật, kinh lịch niên tuế, ức vọng câu vô; ư hậu hốt nhiên, phúc đổ tiền dị, kí ức uyển nhiên, tằng bất di thất? Tắc thử tinh liễu, trạm bất dao trung, niệm niệm thọ huân, hữu hà trù toán?

Việt dịch: Do đâu mà các ông, trong những năm trước đã từng thấy vật lạ, trải qua nhiều năm, chẳng để ý đến; rồi sau bỗng dưng, thấy lại vật lạ đó, liền nhớ rõ ràng, không hề thiếu sót? Vậy trong tính tinh minh đứng lặng, trọn không dao động ấy, đã chịu sự huân tập trong từng niệm, đâu có trù tính gì?

Giảng: **Do đâu mà các ông, trong những năm trước đã từng thấy vật lạ, trải qua nhiều năm, chẳng để ý đến;**

Nhân đâu mà nó xảy ra, do ông từ trong quá khứ đã từng thấy vật lạ. Lâu rồi bỗng quên đi. Chẳng quên chẳng nhớ đến vật đó nữa.

Nguyên nhân của việc này là gì? Quí vị có thể thấy một vật kỳ quái, nhưng sau nhiều năm, quí vị chẳng nhớ chẳng quên gì đến vật ấy nữa cả. Nếu quí vị nói rằng mình đã quên việc ấy, có nghĩa là quí vị vẫn còn một vài hồi ức về sự kiện đã xảy ra. Nhưng mà ở đây chẳng có việc nhớ quên gì về sự việc đó nữa cả.

Rồi sau bỗng dưng, thấy lại vật lạ đó, liền nhớ rõ ràng, không hề thiếu sót. Nhưng rồi sau đó bỗng nhiên thấy lại vật lạ ấy, ông liền nhớ lại vật ấy một cách rõ ràng không sót một chi tiết nào cả.

Nếu quý vị bỗng dưng thấy lại vật ấy lần nữa, thì quí vị sẽ hồi tưởng lại làm sao mình biết được vật ấy, mình đã gặp vật này trong quá khứ và làm sao nó xuất hiện. Quí vị sẽ chẳng quên một chi tiết nào cả.

Làm sao mà ông có thể theo dõi được sự huân tập của từng niệm từng niệm ở trong tánh chất tinh thuần, sáng suốt không diêu động ấy.

Vậy trong tính tinh minh đứng lặng, trọn không dao động ấy, đã chịu sự huân tập trong từng niệm, đâu có trù tính gì?

Ở trong trạng thái trong suốt không diêu động ấy, có sự huân tập tiếp diễn liên tục trong từng niệm từng niệm, làm sao theo dõi được việc ấy? Làm sao người ta có thể hồi tưởng lại được mọi sự kiện? Giải thích như thế nào khi đã gạt bỏ hoàn toàn mọi vật ra khỏi tâm trí lại còn nhớ khi thấy lại nó? Trước khi thấy lại vật ấy, quí vị không gợi lại nó, nhưng một khi quí vị đã gặp nó, quí vị tự động nhớ đến nó liền. Làm sao mà chuyện ấy được tính toán kỹ lưỡng như vậy? Ai có thể lưu trữ điều này một cách chính xác? Ai theo dõi việc này? Điều này chứng tỏ cho dù quí vị có tạm thời quên nó, nhưng thức thứ tám vẫn nhớ. Đó là lý do tại sao khi quí vị thấy vật ấy lại, quí vị liền nhớ ngay. Đó chẳng phải là có người đã theo dõi mọi sự việc hay sao? Nó đã được lưu giữ trong thức thứ tám một cách tự nhiên.

Kinh Văn: A-nan đương tri, thử trạm phi chân, như cấp lưu thủy, vọng như điềm tĩnh, lưu cấp bất kiến, phi thị vô lưu. Nhược phi tưởng nguyên, ninh thọ tưởng tập.

Việt dịch: A-nan nên biết trạng thái trong lặng ấy là không thực, như dòng nước chảy nhanh, xa trông như đứng lặng, do chảy nhanh mà không thấy được, chứ không phải là nước không chảy. Nếu đây không phải là cội gốc của vọng tưởng, cớ sao lại bị huân tập bởi tập khí hư vọng?

Giảng: **A-nan nên biết trạng thái trong lặng ấy không thực.**

Trạng thái yên tĩnh trong lặng, không diêu động đã được miêu tả ở trên không thực sự hoàn toàn tĩnh lặng. Tại sao không?

Như dòng nước chảy nhanh, xa trông như đứng lặng, do chảy nhanh mà không thấy được, chứ không phải là nước không chảy.

Như dòng nước chảy quá nhanh nên ở trên bề mặt thấy như yên lặng. Khi nhìn kỹ vào đó như thể không có sóng và nước chảy. Vì nước chảy quá nhanh nên không thấy được, chứ không phải là nước không chảy.

Vì không có sóng nên quí vị không thể thấy được nước đang trôi. Nhưng như thế không có nghĩa là không có sự trôi chảy. Nước vẫn chảy, nhưng quí vị không thấy vì không có sóng. Trước đây chúng ta đã học qua hành ấm . Nay chúng ta sẽ học về thức ấm .

Nếu đây không phải là cội gốc của vọng tưởng thì làm sao người ta bị huân tập bởi những tập khí hư vọng?

Nếu không có vọng tưởng trong thức ấm , thì sẽ chẳng có ai bị ảnh hưởng và huận tập bởi vọng tưởng và tập khí.

Kinh Văn: Phi nhữ lục căn, hỗ dụng hợp khai, thử chi vọng tưởng, vô thời đắc diệt.

Việt dịch: Nếu sáu căn của ông chưa được khai hợp, dùng thay lẫn nhau, thì cái vọng tưởng ấy không khi nào diệt trừ được.

<u>**Giảng**</u>: **Nếu sáu căn của ông chưa được khai hợp, dùng thay lẫn nhau.**

Nếu ông chưa chứng đạt được trình độ công phu đến khả năng lục căn hỗ dụng thì sáu căn của ông chưa được khai hợp, dùng thay lẫn nhau, **thì cái vọng tưởng ấy không khi nào diệt trừ được.**

Trừ phi quí vị đạt đến mức sáu căn có thể hỗ dụng lẫn nhau, thì các vọng tưởng này sẽ được tiêu diệt.

Kinh Văn: Cố nhữ hiện tại, kiến văn giác tri, trung quán tập cơ. Tắc trạm liễu nội, võng tượng hư vô, đệ ngũ điên đảo, vi tế tinh tưởng.

Việt dịch: Cho nên hiện nay, cái thấy nghe hiểu biết của ông đã xâu kết trong tập khí hư vọng. Ắt trong tính rỗng lặng trong suốt ấy, là cái vọng tưởng điên đảo vi tế, rỗng không huyễn hóa thứ năm

<u>**Giảng**</u>: **Cho nên hiện nay, cái thấy nghe hiểu biết của ông đã xâu kết trong tập khí hư vọng.** Cho nên những khả năng thấy nghe hiểu biết của ông hiện nay đã xâu kết biết bao nhiêu tập khí hư vọng

Ắt trong tính rỗng lặng trong suốt ấy, là cái vọng tưởng điên đảo vi tế, rỗng không huyễn hóa thứ năm.

Sự hoạt động của sáu loại tánh biết: thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc, giác đều kết lại với nhau qua những tập khí rất vi tế, như một xâu chuỗi hạt. Những tập khí này rất nhỏ nhiệm và khó phát hiện ra.

Kinh Văn: A-nan, thị ngũ thọ ấm, ngũ vọng tưởng thành.

Việt dịch: A-nan, năm loại ấm này là do năm vọng tưởng tạo thành.

Giảng: **A-nan, năm loại ấm này**: sắc ấm, thọ ấm , tưởng ấm , hành ấm , thức ấm **là do năm vọng tưởng tạo thành.** Do đó nên năm thứ vọng tưởng này cũng phát sanh.

Kinh Văn: Nhữ kim dục tri, nhân giới thiển thâm, duy sắc dữ không, thị sắc biên tế, duy xúc cập li thị thọ biên tế, duy kí dữ vong thị tưởng biên tế, duy diệt dĩ sinh thị hành biên tế, trạm nhập hiệp trạm quy thức biên tế.

Việt dịch: Nay ông muốn biết giới hạn sâu cạn, chỉ có sắc và không là biên giới của sắc ấm, xúc và ly là biên giới của thọ ấm , nhớ và quên là biên giới của tưởng ấm , diệt và sinh là biên giới của hành ấm , đứng lặng và hiệp với đứng lặng thuộc về biên giới của thức ấm .

Giảng: **Nay ông muốn biết giới hạn sâu cạn.**

Ông nay muốn biết tầm mức sâu cạn từng lĩnh vực của năm ấm.

Quí vị cần phải biết phạm vi của từng ấm sâu hay cạn, nó giống như cái gì? Ở đâu là giới hạn của chúng? Tôi sẽ nói cho quí vị nghe bây giờ.

Chỉ có sắc và không là biên giới của sắc ấm

Sắc và không có quan hệ với nhau, và nơi đây là giới hạn của sắc ấm.

Xúc và ly là biên giới của thọ ấm .

Xúc và ly với đối tượng của sự xúc chạm là giới hạn của thọ ấm .

Nhớ và quên là biên giới của tưởng ấm .

Diệt và sinh là biên giới của hành ấm , **đứng lặng và hiệp với đứng lặng (**với minh giác**) thuộc về biên giới của thức ấm**. Từ đó lập nên giới hạn của thức thứ tám.

Kinh Văn: Thử ngũ ấm nguyên, trùng điệp sinh khởi. Sinh, nhân thức hữu. Diệt, tòng sắc trừ.

Việt dịch: Năm ấm này vốn sinh khởi trùng điệp. Sinh, do thức ấm mà có. Diệt, từ sắc ấm mà trừ.

Giảng: Năm ấm này vốn sinh khởi trùng điệp.

Cội nguồn của năm ấm này sinh khởi trùng điệp. Ngũ ấm sanh khởi từng lớp hỗ tương tuần hoàn với nhau, cùng hỗ trợ cho nhau.

Sinh, do thức ấm mà có. Diệt, từ sắc ấm mà trừ.

Sự sinh khởi hoại diệt hoại diệt xảy ra như thế nào? Một khi sắc chất biến mất, thì ấm trở thành không, nó sinh khởi từ thức, và sự hoại diệt bắt nguồn từ khi hình sắc tiêu trừ.

Kinh Văn: Lí tắc đốn ngộ, thừa ngộ tính tiêu. Sự phi đốn trừ, nhân thứ đệ tận.

Việt dịch: Lý tức ngộ liền, nhân ngộ mà tiêu trừ sạch. Sự thì chẳng phải trừ được ngay, mà phải theo thứ lớp mới dứt được.

Giảng: Lý tức ngộ liền, nhân ngộ mà tiêu trừ sạch.

Ông có thể đốn ngộ ngay phần lý. Khi ấy tất cả đều tiêu trừ cùng một lúc.

Quí vị đã hiểu được quy luật này rõ ràng rồi. Khi quí vị đã ngộ đạo rồi thì phương pháp tu tập mà quí vị đã áp dụng xưa nay đều được ngưng lại. Cả ý niệm về ngộ cũng tiêu mất luôn. Nếu quý vị hiểu được nguyên lý này, thì ngay cả khái niệm liên quan đến Ngộ cũng tiêu dung.

Sự thì chẳng phải trừ được ngay, mà phải theo thứ lớp mới dứt được.

Còn phần sự tướng thì chẳng thể trừ được ngay, mà phải theo từng thứ lớp.

Về mặt lý tánh (phương diện bản thể) thì quí đã được giác ngộ. Nhưng về mặt sự tướng (phương diện hiện tượng), việc chuyển hóa phải được thực hành lần lượt theo thứ tự. Nó cũng như việc thay áo quần, quí vị phải thay từng thứ lớp. Lớp thứ nhất, lớp thứ hai lớp thứ ba lớp thứ tư, rồi lớp thứ năm (41).

Về mặt sự tướng, quý vị phải chuyển hóa chúng dần dần theo từng thứ lớp. Hiểu được nguyên tắc này, quí vị vẫn phải cần công phu tu tập như ở giai đoạn thực hành, chỉ có công phu tu tập thực sự quí vị mới có thể vượt qua năm ấm.

Kinh Văn: Ngã dĩ thị nhữ kiếp ba cân kết. Hà sở bất minh, tái thử tuân vấn?

Việt dịch: Như Lai đã chỉ cho ông về những gút nơi khăn kiếp-ba-la. Có điều gì chưa hiểu rõ khiến ông lại hỏi?

Giảng: **Như Lai đã chỉ cho ông về những gút nơi khăn kiếp-ba-la**, Như Lai đã buộc sáu nút nơi tấm khăn, **có điều gì chưa hiểu rõ khiến ông lại hỏi**? Tại sao ông vẫn chưa hiểu được điều ấy? Tại sao ông lại hỏi tôi chuyện ấy lần nữa?

Kinh Văn: Nhữ ưng tương thử, vọng tưởng căn nguyên, tâm đắc khai thông, truyền thị tương lai, mạt pháp chi trung, chư tu hành giả, linh thức hư vọng, thâm yếm tự sinh, tri hữu niết-bàn, bất luyến tam giới.

Việt dịch: Ông nên đem sự thông hiểu cội nguồn của vọng tưởng này, truyền dạy cho người tu hành đời sau trong thời mạt pháp, khiến cho họ nhận ra được hư vọng, tự thấy nhàm chán, biết có niết-bàn, để không luyến tiếc ba cõi.

Giảng: A-nan, **Ông nên đem sự thông hiểu cội nguồn của vọng tưởng này, truyền dạy cho người tu hành đời sau trong thời mạt pháp,**

Ông cần phải tìm cầu và đạt được sự thông hiểu về cội gốc của vọng tưởng này, Khiến cho toàn thể chúng sinh hiểu được tường tận nguyên lý này, giúp cho họ nhận ra được sự hư vọng mà tự thấy nhàm chán. **Khiến cho họ nhận ra được hư vọng, tự thấy nhàm chán,** làm cho tất cả người tu hành nhận rõ sự hư vọng đều tự sanh ra trong chính mình. Dạy cho họ căn nguyên cùng mô dạng của nó, khiến cho chúng sanh trở nên chán ghét sự hư vọng ấy.

Biết có niết-bàn, để không luyến tiếc ba cõi. Dạy cho họ biết rõ niết-bàn để không còn luyến tiếc ba cõi. Khi chúng sanh nhận thức được rằng: Mình có khả năng chứng được niết-bàn, thì họ sẽ không còn chần chừ trong ba cõi này nữa. Họ sẽ không thấy muốn nán lại nơi ngôi nhà lửa nơi Tam giới: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới nữa.

“Tam giới vô an, du như hỏa trạch.”

Nghĩa là: ba cõi không nơi đâu là yên ổn, giống như ở trong nhà lửa.

Liên Trì Đại Sư là một Pháp sư lỗi lạc của Trung Hoa đã nói như vậy. Sau khi ngài xuất gia rồi, Ngài luôn luôn mong mỏi được về nhà để thăm vợ, và Ngài đã trở về nhà để thăm người vợ của mình.

Vợ của ngài là người rất thông minh, thế nên bà ta đã nghĩ cách giúp chồng tu tập: “Chồng mình đã xuất gia, nhưng không chịu tu tập vẫn còn lưu luyến chuyện tình ái mà không thể buông bỏ được.”

Chẳng còn cách nào tốt hơn, bà ta đào một cái hầm thật lớn ngay trước cửa nhà, rồi phủ lên đó một tấm thảm, trong hầm bà ta đốt lửa lên. Lần đó Đại Sư Liên Trì về nhà, ngài bước lên tấm thảm và rơi xuống hầm lửa đang cháy. Ngài la lên: “Bà làm gì mà làm hầm lửa ngay trước nhà như vậy?”

Người vợ đáp: “Nếu ông biết đó là hầm lửa sao ông vẫn muốn quay về?”

Nghe xong lời đó, ngài trở nên thức tỉnh, không bao giờ về nhà nữa. Điều ấy minh họa cho câu “Tam giới vô an, du như hỏa trạch.” Dục giới, sắc giới và Vô sắc giới không phải là nơi an lạc, nó giống như ngôi nhà lửa.

Kinh Văn: A-nan, nhược phục hữu nhân, biến mãn thập phương, sở hữu hư không, doanh mãn thất bảo, trì dĩ phụng thượng, vi trần chư Phật, thừa sự cúng dường, tâm vô hư độ. Ư ý vân hà, thị nhân dĩ thử, thí Phật nhân duyên, đắc phước đa phủ?

Việt dịch: A-nan, ví như có người mang bảy thứ báu đầy trong hư không khắp cả mười phương, dâng lên chư Phật nhiều như số vi trần, với tâm cung kính cúng dường không hề xao lãng. Ý ông nghĩ sao, người này do nhân duyên cúng dường chư Phật như thế, được nhiều phước đức hay không?

Giảng: **A-nan, ví như có người mang bảy thứ báu đầy trong hư không khắp cả mười phương, dâng lên chư Phật nhiều như số vi trần, với tâm cung kính cúng dường không hề xao lãng.**

Bảy thứ báu là vàng bạc, kim ngân, lưu ly, xa cừ, xích châu mã não ở khắp mọi nơi. Rồi người ấy rất cung kính dâng lên vô lượng chư Phật khắp mười phương và lễ bái cúng dường không lúc nào xao lãng.

Ý ông nghĩ sao, người này do nhân duyên cúng dường chư Phật như thế, được nhiều phước đức hay không?

Ông nghĩ sao? Người này đã đem bảy thứ châu báu với một số lượng khổng lồ cúng dường chư Phật. Bởi nhân duyên này, người ấy có được phước báu rộng lớn chăng?

Kinh Văn: A-nan đáp ngôn hư không vô tận, trân bảo vô biên, tích hữu chúng sinh thí Phật thất tiền, xả thân do hoạch chuyển luân vương vị. Huống phục hiện tiền, hư không kí cùng, Phật độ sung biến, giai thí trân bảo. Cùng kiếp tư nghị, thượng bất năng cập. Thị phúc vân hà, cánh hữu biên tế?

Việt dịch: A-nan đáp rằng, hư không chẳng có giới hạn, trân bảo cũng vô hạn, xưa có người cúng dường Phật bảy đồng tiền, đến khi xả thân, còn được vị Chuyển luân Thánh vương. Huống gì hiện tiền, hư không cùng tận, cõi Phật đã đầy khắp bảy thứ trân bảo cúng dường. Dù có suy nghĩ cùng tận đến vô số kiếp còn không thể biết được. Phước đức ấy làm sao có ngằn mé?

Giảng: **A-nan thưa: Hư không chẳng có giới hạn, trân bảo cũng vô hạn**. **xưa có người cúng dường Phật bảy đồng tiền, đến khi xả thân, còn được vị Chuyển luân Thánh vương.**

Thuở xưa có người cúng dường Đức Phật bảy đồng tiền, nhờ vậy nên khi mạng chung, tái sanh được làm Chuyển Luân Thánh Vương .

Một vị Chuyển Luân Thánh Vương có một ngàn người con trai. Chẳng biết ông ta có bao nhiêu vợ. Chuyển Luân Thánh Vương có oai đức rất lớn. Ông ta có một cỗ xe có thể đưa ông ta đi khắp Bốn đại bộ châu chỉ trong vài giờ. Cỗ xe ấy có lẽ còn đi nhanh hơn cả tên lửa trong thời hiện đại. Đó là một thứ bảo vật của ông ta.

Còn người này hiện đem bảy thứ báu đầy cả hư không cúng dường khắp vô số cõi Phật. Dù có suy nghĩ cùng tận đến vô số kiếp còn không thể biết được. Phước đức ấy làm sao còn có ngằn mé.

Huống gì hiện tiền, hư không cùng tận, cõi Phật đã đầy khắp bảy thứ trân bảo cúng dường. Dù có suy nghĩ cùng tận đến vô số kiếp còn không thể biết được. Phước đức ấy làm sao có ngằn mé.

Người dâng cúng cho Đức Phật bảy đồng tiền được hưởng quả báo làm Chuyển Luân Thánh Vương . Nay người đem dâng cúng không chỉ bảy đồng tiền mà gồm bảy thứ trân báu đầy khắp hư không pháp giới. Ngay dù trải qua cùng tận bất tư nghì hư không kiếp số, cũng không bao giờ tính đếm được phước đức của người ấy. Làm sao có thể nói được ngằn mé của phước đức ấy. Nó không có giới hạn.

Kinh Văn: Phật cáo A-nan, chư Phật Như Lai, ngữ vô hư vọng. Nhược phục hữu nhân, thân cụ tứ chủng, thập ba-la-di , thuấn tức tức kinh, thử phương tha phương, a-tì địa ngục, nãi chí cùng tận, thập phương vô gián, mĩ bất kinh lịch.

Việt dịch: Đức Phật bảo A-nan, chư Phật Như Lai không nói lời hư vọng. Ví như có người phạm bốn tội lớn, mười tội ba-la-di , giây lát phải trải qua địa ngục A-tì ở phương này rồi phương khác, cho đến cùng tột vô số các địa ngục vô gián trong mười phương mà không nơi nào chẳng phải trải qua.

Giảng: **Đức Phật bảo A-nan, chư Phật Như Lai không nói lời hư vọng.**

Ví như có người phạm bốn tội lớn, mười tội ba-la-di .

Bốn tội nặng là: giết hại, trộm cắp, tà dâm, nói dối. Trong Kinh Thủ-lăng-nghiêm gọi là: "Tứ Chủng Thanh Tịnh Minh Hối " (Bốn điều chỉ dạy về pháp thanh tịnh sáng suốt) mà quí vị đã được nghe từ trước.

Mười tội ba-la-di là mười giới trọng của giới Bồ-tát. Tội ba-la-di nghĩa là "Khí – vứt bỏ" nghĩa là người phạm tội này xem như bị trôi ra khỏi biển Phật pháp. Mười tội này không thể chỉ sám hối mà thông được. Quí vị có thể nghiên cứu mười giới đầu tiên trong Bồ-tát giới.

Giây lát phải trải qua địa ngục A-tì ở phương này rồi phương khác, cho đến cùng tột vô số các địa ngục vô gián trong mười phương mà không nơi nào chẳng phải trải qua.

Thế nên chỉ trong nháy mắt lẽ ra phải trải qua địa ngục A-tì , ở phương này rồi phương khác. Trải qua cho hết cùng tột vô số các địa ngục vô gián trong suốt khắp thế giới, trong mười phương. Lẽ ra phải trải qua đau khổ vì tội chướng đã tạo trong mỗi địa ngục mà không sót một nơi nào cả.

Kinh Văn: Năng dĩ nhất niệm, tương thử pháp môn, ư mạt kiếp trung, khai thị vị học, thị nhân tội chướng, ưng niệm tiêu diệt. Biến kì sở thọ địa ngục khổ nhân, thành an lạc quốc.

Việt dịch: Nếu người này, dùng một niệm, đem pháp môn này khai thị cho người chưa học trong đời mạt pháp, thì những tội chướng của người ấy liền được tiêu diệt. Biến cái nhân phải chịu khổ địa ngục thành cõi nước an lạc.

Giảng: **Nếu người này, dùng một niệm, đem pháp môn này khai thị cho người chưa học trong đời mạt pháp.** Nhưng nếu người này có thể chỉ trong một niệm đem pháp môn này Đại định Thủ-lăng-nghiêm truyền dạy cho những người chưa học trong đời mạt pháp, thì những tội chướng của người ấy liền được tiêu diệt, nhờ cảm ứng với niệm trên.

Nếu trong đời mạt pháp chỉ đem một niệm, trong một khoảnh khắc ngắn ngủ, truyền dạy pháp môn Thủ-lăng-nghiêm Đại Định cho những người chưa được học hỏi Phật Pháp, **thì những tội chướng của người ấy liền được tiêu diệt** một cách nhanh chóng.

Biến cái nhân phải chịu khổ địa ngục thành cõi nước an lạc.

Tất cả địa ngục lẽ ra người ấy phải chịu khổ thì đều biến thành cõi nước an lạc.

Tất cả các khổ nạn đúng ra anh ta phải chịu trong đủ các loại địa ngục sẽ biến thành nơi bình an vui thích. Anh ta không còn chịu món khổ nào nữa cả.

Kinh Văn: Đắc phước siêu việt, tiền chi thí nhân, bá bội thiên bội, thiên vạn ức bội. Như thị nãi chí, toán số thí dụ, sở bất năng cập.

Việt dịch: Được phước đức vượt hơn người ấy thí cúng trước kia gấp trăm, ngàn, triệu, ức lần. Như thế cho đến toán số thí dụ cũng không thể diễn tả hết được.

Giảng: **Được phước đức vượt hơn người ấy thí cúng trước kia gấp trăm, ngàn, triệu, ức lần.** Phước đức người ấy được hưởng vượt trội hơn hẳn phước đức của người bố thí cúng dường trước kia.

Phước đức của người giảng nói Kinh Thủ-lăng-nghiêm vượt trội hơn phước đức có được do bố thí, cúng dường bảy thứ báu đầy cõi hư không, khắp cả pháp giới lên chư Phật Như Lai nhiều như vi trần. Nếu quí vị có thể giảng nói Kinh Thủ-lăng-nghiêm cho những người chưa hiểu được Phật Pháp, thì phước đức ấy vượt trội hơn hẳn phước đức của người bố thí cúng dường gấp trăm, ngàn, triệu, ức lần. Như thế cho đến dùng tính toán thí dụ cũng không thể nào diễn tả cho được. Quí vị sẽ hưởng được phước báu nhiều hơn người kia, không có cách nào để diễn tả được phước ấy lớn đến chừng nào.

Kinh Văn: A-nan nhược hữu chúng sinh, năng tụng thử kinh, năng trì thử chú, như ngã quảng thuyết, cùng kiếp bất tận. Y ngã giáo ngôn, như giáo hành đạo, trực thành bồ-đề, vô phục ma nghiệp.

Việt dịch: A-nan, nếu có chúng sanh biết tụng kinh, biết trì niệm thần chú này, dù Như Lai có nói đến cùng tận số kiếp cũng không hết được. Nếu theo lời chỉ dạy của Như Lai, y theo lời dạy mà tu hành, thì thẳng đến đạo bồ-đề, không bị các ma nghiệp.

Giảng: **A-nan, nếu có chúng sanh biết tụng kinh, biết trì niệm thần chú này.**

Nếu có chúng sanh trong đời tương lai biết tụng kinh, trì niệm thần chú này, **dù Như Lai có nói đến cùng tận số kiếp cũng không hết được** lợi lạc to lớn của người ấy.

Nếu tôi nói thật chi tiết về phước báu của người trì tụng Kinh Thủ-lăng-nghiêm và người trì chúThủ-lăng-nghiêm. Dù trải qua bao nhiêu đại kiếp vẫn không nói xong hết được phước báu ấy.

Nếu theo lời chỉ dạy của Như Lai, y theo lời dạy mà tu hành, thì thẳng đến đạo bồ-đề, không bị các ma nghiệp.

Y theo lời chỉ dạy của Như Lai, tùy thuận tu tập giáo lý ấy sẽ thành tựu sự giác ngộ, không còn bị các ma nghiệp.

Theo phương pháp này mà tu hành, quí vị sẽ thành tựu quả vị bồ-đề ngay, không còn vướng phải ma nghiệp nào nữa.

Kinh Văn: Phật thuyết thử kinh dĩ, tỉ-khưu, tỉ-khưu-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, nhất thiết thế gian, thiên nhân a-tu-la , cập chư tha phương bồ-tát nhị thừa, thánh tiên chủng tử, tính sơ phát tâm đại lực quỷ thần, giai đại hoan hỉ, tác lễ nhi khứ.

Việt dịch: Khi Đức Phật nói kinh này rồi, các vị tỷ-khưu, tỷ-khưu-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, các loài trời, người, a-tu-la   trong thế gian. Cùng các vị Bồ-tát, hàng Nhị thừa, Thánh, Tiên, Đồng tử ở các cõi khác, cùng với loại Đại lực quỷ thần mới phát tâm, tất cả đều hoan hỷ đảnh lễ rồi lui ra.

Giảng: **Khi Đức Phật nói kinh này rồi, các vị tỷ-khưu, tỷ-khưu-ni, ưu-bà-tắc.** Ưu-bà-tắc là tiếng Phạn, nghĩa tiếng Hán là “cận sự nam.” Có nghĩa là người cư sĩ thân cận với Đức Phật.

Ưu-bà-di, các loài trời, người, a-tu-la   trong thế gian.

Bây giờ quí vị đều đã hiểu được a-tu-la là gì rồi. Họ rất nóng tính và rất thích đánh nhau. Một vị đệ tử của tôi nói rằng: Con chó của ông ta là a-tu-la. Có thể

chính ngay ông ta là a-tu-la cũng nên? Nhưng tôi tin rằng sau khi quí vị đã nghe Kinh Thủ-lăng-nghiêm rồi, quí vị sẽ trở thành Bồ-tát, không còn tập khí nóng nảy của a-tu-la nữa.

Cùng các vị Bồ-tát, hàng Nhị thừa và Duyên giác, Thánh, Tiên, Đồng tử (Đồng tử là các vị đồng chơn nhập đạo) ở các cõi khác. Cùng với loại Đại lực quỷ thần mới phát tâm. Tất cả đều hoan hỷ đảnh lễ rồi lui ra.

== HẾT ==